

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tựa sách:	Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục	**Năm**
Soạn giả:	Quốc Sử Quán Triều Nguyễn	1856-1881
Dịch giả:	Viện Sử Học	1957-1960
Nhà xuất bản:	Giáo Dục - Hà Nội	1998
Chuyển sang ấn bản điện tử bởi:	Lê Bắc, Công Đệ, Ngọc Thủy, Tuyết Mai, Thanh Quyên	2001
Điều hợp:	Lê Bắc - bacle@hotmail.com	2001

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Tiền Biên

Quyển thứ I

Hùng Vương. Dựng nước gọi là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu

Hồng Bàng thị. Đầu là Kinh Dương Vương, tương truyền là vua trước tiên của nước Việt ta. Kinh Dương Vương sinh Lạc Long Quân. Hùng Vương là con Lạc Long Quân.

Nguyên xưa, Đế Minh, cháu ba đời Viêm đế Thần Nông thị[1], đi tuần sang Nam, đến Ngũ Lĩnh[2], lấy Vụ tiên nữ, sinh con là Lộc Tục có đức tính hoàn toàn. Đế Minh yêu Lộc Tục lắm, muốn truyền ngôi cho, nhưng Lộc Tục cố nhường cho anh là Nghi. Bấy giờ mới lập Đế Nghi làm vua nối ngôi, thống trị phương Bắc (Trung Quốc), phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương, thống trị phương Nam.

Kinh Dương Vương sinh con là Sùng Lãm, gọi là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, sinh trăm con trai. Ấy là tổ tiên của Bách Việt[3], suy tôn người trưởng lên làm Hùng Vương, nối ngôi vua, dựng nước gọi là nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu; truyền nối mười tám đời đều gọi là Hùng Vương.

Thời bấy giờ, cư dân khi xuống nước, hay bị loài giao long làm hại, Hùng Vương dạy dân lấy mực vẽ hình loài thủy quái xăm vào mình. Từ đó mới tránh khỏi nạn. Nước ta cái tục xăm mình có lẽ bắt đầu từ đấy.

Lời cẩn án - Phong Châu: Sử cũ chua "tức là Bạch Hạc". Đường thư Địa lý chí chép: "Phong Châu thống lĩnh năm huyện". Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử triều Tống chép: "Quận Thừa Hóa Phong Châu xưa là nước Văn Lang". Như thế thì Phong Châu tức là địa hạt phủ Vĩnh Tường[4] và phủ Lâm Thao[5] thuộc tỉnh Sơn Tây bây giờ. Vả lại, còn bằng cứ là huyện Sơn Vi có núi Hùng Vương[6] và đền Hùng Vương[7], vậy không thể riêng chỉ Bạch Hạc được. Còn Đế Minh chưa từng đi tuần sang Nam, việc bảo là lấy vợ tiên nữ thì thật là quái lạ lắm. Nhưng hẵng cứ chép lại để truyền nghi.

Lời chua - Sinh trăm con trai: Sử cũ chép Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, con gái Đế Lai, sinh được trăm con trai; tục truyền đẻ ra trăm trứng. Một hôm, Lạc Long Quân bảo Âu Cơ: "Ta là loài rồng, mình là giống tiên, một người mình thủy, một người mình hỏa, xung khắc nhau, khó ở chung mãi với nhau được". Hai người bèn từ biệt nhau, chia năm mươi con theo mẹ về miền núi, chia năm mươi con theo cha về miền Nam, suy tôn người con trưởng lên làm Hùng Vương nối ngôi vua.

Truyền mười tám đời: An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng chép. "Giao Chỉ khi chưa đặt làm quận huyện, bấy giờ có ruộng Lạc, theo nước triều lên xuống mà làm ruộng, khai khẩn ruộng ấy là Lạc dân, thống trị dân ấy là Lạc Vương, người giúp việc là

[1] Thần Nông thị, một vua đời thượng cổ Trung Quốc, lấy lửa tượng trưng cho đức tính mình, nên gọi là Viêm đế, bắt đầu chế cày bừa, dạy dân làm ruộng, nên gọi là Thần Nông thị.

[2] Xem Tb.1, 14-15.

[3] Xưa, đất vùng các tỉnh Giang, Chiết, Mân, Việt là chỗ Việt tộc ở, gọi là Bách Việt, như: Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Dương Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở Việt Nam.

[4] Vĩnh Tường nay thuộc Vĩnh Phúc.

[5] Lâm Thao nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

[6] Nay ở địa phận huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

[7] Nay ở địa phận huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

Lạc Tướng: đều dùng ấn đồng thao xanh. Nước gọi là Văn Lang. Phong tục thuần hận, mộc mạc, chưa có chữ nghĩa, còn dùng lối thắt nút dây làm dấu ghi nhớ; truyền được mười tám đời".

Lời phê - Kinh Thi có câu: "Tắc bách tư nam" (hàng trăm con trai). Đó là chúc tụng cho nhiều con trai đấy thôi, xét đến sự thực cũng chưa đến số ấy, huống chi lại nói là đẻ ra trăm trứng! Nếu quả vậy, thì khác gì chim muông, sao gọi là loài người được? Dẫu đến như chuyện nuốt trứng chim huyền điểu[1], giẫm vào dấu chân người lớn[2] cũng chưa quái lạ quá lắm như thế. Vậy thì chuyện này dường cũng hoang đường, lờ mờ, không kê cứu như chuyện "mình rắn đầu người, mình người đầu trâu đó chăng?".

Chia trong nước làm mười lăm bộ

Bắt đầu chia trong nước làm mười lăm bộ[3] là: bộ Giao Chỉ, bộ Chu Diên, bộ Vũ Ninh, bộ Phúc Lộc, bộ Việt Thường, bộ Ninh Hải, bộ Dương Tuyền, bộ Lục Hải, bộ Vũ Định, bộ Hoài Hoan, bộ Cửu Châu, bộ Bình Văn, bộ Tân Hưng, bộ Cửu Đức, còn bộ Văn Lang là chỗ nhà vua đóng đô. Địa giới nước Văn Lang bấy giờ phía đông giáp biển Nam, phía tây giáp Ba Thục, phía bắc giáp Động Đình Hồ, phía nam giáp Hồ Tôn.

Lời cẩn án - Địa giới nước ta từ Trần (1225-1399), Lê (1428-1527) về trước, phía đông giáp biển, phía tây giáp Vân Nam, phía nam giáp Chiêm Thành, phía bắc giáp Quảng Tây, phía đông bắc giáp Quảng Đông, phía tây nam giáp Lão Qua. So sánh với các sách dư địa quận quốc thiên hạ chép nước An Nam phía đông giáp biển, phía tây giáp tỉnh Vân Nam và nước Lão Qua, phía nam giáp nước Chiêm Thành, phía bắc giáp tỉnh Quảng Tây thì đại lược cũng giống nhau.

Đến Quốc triều[4] ta, liệt thánh[5] gây dựng cơ sở ở miền Nam, rồi Thế tổ Cao hoàng đế[6] ta đại định đất nước, thống nhất cả nước Việt: đông giáp biển cả, tây giáp Vân Nam, nam giáp Cao Miên, bắc giáp Quảng Đông và Quảng Tây: bờ cõi rộng rãi, chưa có đời nào được thế. Nhưng cách hồ Động Đình và đất Ba Thục còn xa lắm, thế mà Sử cũ chép nước Văn Lang phía tây giáp Ba Thục, phía bắc giáp Động Đình, chẳng cũng xa sự thực lắm dư! Này, Động Đình giáp hai tỉnh Hồ Nam và Hồ Bắc, thực ra ở về phía bắc Bách Việt; mà Ba Thục với Văn Lang còn cách Tuấn Điền (nay thuộc Vân Nam) không liền đất nhau. Chẳng qua Sử cũ chép quá khoa trương. Việc này với việc Thục Vương sau đây đều là hư truyền cả, mà chưa khảo cứu được. Vả lại, mười lăm bộ đã chia đó đều ở trong địa hạt Giao Chỉ và Chu Diên, chứ không có bộ nào ở về phương Bắc (Trung Quốc). Như thế đủ chứng tỏ là không đúng sự thực.

Lời phê - Theo sách Đại Thanh nhất thống chí ngày nay, Quảng Tây với Hồ Nam, Hồ Bắc, Vân Nam và Tứ Xuyên, tức là đất Sở và Thục xưa đó. Nào biết giáp giới những đâu! Đại để nhiều sự việc trong Việt sử thất truyền đã lâu, không còn dựa vào đâu mà khảo đính được nữa. Mọi việc khác cũng đại loại như thế đấy.

---

[1] Vợ thứ Đế Cốc là Giản Địch, cầu tự ở thần Cao Môi, bắt được quả trứng chim huyền điểu, nuốt rồi có mang, sinh ra ông Tiết, làm quan tư đồ đời Đường, Ngu, được phong ở đất Thương, tức là tiên tổ nhà Ân Thương. (Lịch sử cương mục bổ 1, 11).

[2] Mẹ Phục Hi ở bến Hoa Tư, giẫm vào vết chân của người to lớn, trong bụng thấy cảm động, rồi sinh ra Phục Hi. (Thông giám tập lãm 1, 1).

[3] Xem lời chua ở sau.

[4] Triều Nguyễn.

[5] Chỉ các chúa Nguyễn.

[6] Miếu hiệu của Gia Long Nguyễn Ánh.

Lời chua - Mười lăm bộ: Trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiên Túng có chua: Sơn Nam (bây giờ là Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên)[1] xưa là bộ Giao Chỉ;

Sơn Tây xưa là bộ Chu Diên, bộ Phúc Lộc;

Kinh Bắc (nay là Bắc Ninh)[2] xưa là bộ Vũ Ninh;

Thuận Hóa (bây giờ là từ Hải Lăng thuộc Quảng Trị đến Điện Bàn thuộc Quảng Nam)[3] xưa là bộ Việt Thường;

An Bang (bây giờ là Quảng Yên)[4] xưa là bộ Ninh Hải;

Hải Dương xưa là bộ Dương Tuyền;

Lạng Sơn xưa là bộ Lục Hải;

Thái Nguyên, Cao Bằng xưa là bộ Vũ định nội ngoại;

Nghệ An xưa là bộ Hoài Hoan;

Thanh Hóa xưa là bộ Cửu Chân;

Hưng Hóa và Tuyên Quang xưa là bộ Tân Hưng;

Còn hai bộ Bình Văn và Cửu Đức thì đều khuyết nghi. Nay khảo ở sách Tấn chí, quận Cửu Đức, do nhà Ngô đặt, nay là đất Hà Tĩnh.

Hồ tôn, Sử cũ chua tức là nước Chiêm Thành, bây giờ là đất Bình Định.

Đặt danh hiệu quan chức.

Bắt đầu đặt quan chức: tướng văn gọi là Lạc Hầu; tướng võ gọi là Lạc tướng; hữu tư[5] gọi là Bồ chính; con trai của vua gọi là Quan Lang, con gái của vua gọi là Mị Nương. Cứ đời nọ đến đời kia, cha truyền con nối, gọi là phụ đạo.

Đế Nghiêu nhà Đường[6] sai Hi Thúc[7] giữ việc suy trắc khí hậu ở Nam Giao, lý hội thời tiết mùa hè (lý nam ngoa)**.**

Kinh Thư, thiên "Nghiêu điển" chép: vua Nghiêu lại sai Hi Thúc giữ việc suy trắc khí hậu ở Nam Giao, điều hoà mọi việc theo thời tiết sớm muộn về mùa hè, kính cẩn ghi bóng mặt trời lúc đến giữa trưa, theo như thời tiết hạ chí[8], ban ngày thì ngày dài, ban đêm thì lúc chập tối sao trung tinh là đại hỏa, suy

---

[1] Sơn Nam nay gồm các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình (đến Lê Cảnh Hưng thứ hai (1741) đặt làm Thanh Hoa ngoại trấn) và các huyện Kim Động, Ân Thi, Châu Giang (phần huyện Khoái Châu cũ) thuộc tỉnh Hưng Yên; Thanh Trì (Hà Nội); Thường Tín, Ứng Hòa, Phú Xuyên (Hà Tây).

[2] Nay là Bắc Giang, Bắc Ninh;

[3] Gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

[4] Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[5] Quan chức nói chung, đời cổ đặt quan chức chia công việc, mỗi người chuyên giữ một nhiệm vụ riêng. Hữu tư đây có lẽ là viên chức hành chính cấp dưới.

[6] Một vua trong ngũ đế về thời thượng cổ Trung Quốc (2257-2258 tr.c.ng.), con Đế Khốc, họ là Y Kỳ, hiệu là Phóng Huân, lúc đầu được phong là Đường hầu, khi làm vua đóng đô ở đất Đào, nên gọi là Đào đường thị, trị vì 100 năm, truyền ngôi cho Ngu Thuấn.

[7] Một trong bốn viên quan (Hi Trọng, Hi Thúc, Hòa Trọng, Hòa Thúc) giữ việc làm lịch về đời Đế Nghiêu. Khi lịch đã làm xong, Đế Nghiêu sợ suy trắc hoặc có chỗ sai lầm, nên lại phân phối bốn viên quan ấy mỗi người giữ việc suy trắc kỹ lại khí hậu ở một phương, về phần Hi Thúc chịu trách nhiệm ở Nam Giao.

[8] Vào giữa tháng 5 âm lịch, ngày 21 hoặc 22 tháng 6 dương lịch, ngày hôm ấy ở Bắc bán cầu ngày rất dài, đêm rất ngắn, ở Nam bán cầu thì trái lại.

trắc lại cẩn thận, để cho tháng trọng hạ[1] được đúng với thời tiết; lại phải xem xét đến việc thay đổi của người và vật: lúc ấy dân ở phân tán, chim muông lông thưa thớt và thay đổi.

Lời chua - Theo tập truyện của họ Thái[2]:

Nam Giao: Đất Giao Chỉ ở phương Nam.

Nam Ngoa[3]: Mùa hè là mùa mọi vật sinh sản phồn thịnh, cần suy trắc kỹ để thay đổi những việc nên làm. - Theo sách Thông chí của Trịnh Tiều[4], Hi Thúc đóng ở Nam Giao, lý hội thời tiết về mùa hè, để cho đúng tiết hạ chí.

Lần đầu tiên sai sứ sang nhà Đường (2357-2258 tr.c.ng.) dâng con rùa thần.

Sách Cương mục Tiền biên của Kim Lý Tường chép rằng: Năm Mậu Thân thứ năm đời Đường Nghiêu, Việt Thường thị sang chầu, dâng con rùa thần.

Lời chua - Rùa thần: Theo Thông chí của Trịnh Tiều, về đời Đào Đường, phương Nam có Việt Thường thị qua hai lần sứ dịch sang chầu, dâng con rùa thần; có lẽ nó được đến nghìn năm, mình nó hơn ba thước[5], trên lưng có văn khoa đẩu[6] ghi việc từ khi trời đất mới mở mang trở về sau. Vua Nghiêu sai chép lấy, gọi là Quy lịch (lịch Rùa).

Sai sứ sang nhà Chu, dâng chim trĩ trắng.

Sử ký (Trung Quốc) chép: Năm Tân Mão thứ sáu (1110 tr.c.ng.) đời Thành Vương nhà Chu, phía Nam bộ Giao Chỉ có Việt Thường thị qua ba lần sứ dịch, sang dâng chim trĩ trắng. Chu công nói: "Đức trạch chưa thấm khắp đến phương xa, người quân tử không nhận đồ lễ ra mắt; chính lệnh chưa ban ra tới, người quân tử không bắt người ta thần phục". Theo lời thông dịch, sứ giả muốn nói: "Ông già trong nước chúng tôi có nói: "Trời mưa không dầm gió dữ và biển không nổi sóng đã ba năm nay, ý chừng Trung Quốc có thánh nhân chăng?". Vì thế, chúng tôi sang chầu". Chu Công đem dâng lễ vật lên nhà tôn miếu. Sứ giả không thuộc đường về, Chu Công cho năm cỗ xe biền[7] đều làm theo lối chỉ nam. Sứ giả đi xe ấy theo ven biển nước Phù Nam và nước Lâm Ấp, vừa một năm mới về đến nước.

Lời chua - Phù Nam: Theo Phương dư kỷ yếu, nước Phù Nam ở trong cù lao lớn về phía tây Nam Hải thuộc quận Nhật Nam và ở về phía Tây Nam nước Lâm Ấp, cách quận Nhật Nam bảy nghìn dặm về phía Bắc, cách nước Lâm Ấp hơn ba nghìn dặm về phía Tây, diện tích được hơn ba nghìn dặm.

Lâm Ấp: Tên nước. Xem năm Vĩnh Hòa thứ 9 khi thuộc Tấn, Mục đế (Tb 3, 20-21)

Thục vương Phán đem quân sang xâm. Hùng Vương nhảy xuống giếng chết. Nước Văn Lang mất.

Trước kia, Hùng Vương có con gái gọi là Mị Nương. Thục vương nghe tin, sai sứ đến cầu hôn. Hùng Vương muốn gả cho, nhưng Lạc Hầu can rằng: "Ý nó muốn toan tính ta đây, chẳng qua mượn tiếng cầu hôn đó thôi". Thành thử việc đó thôi hẳn. Thục vương căm giận lắm, dặn con cháu sau thế nào

---

[1] Âm lịch chia mỗi mùa 3 tháng, theo thứ tự mạnh, trọng, quý; trọng hạ là giữa mùa hè, tức tháng 5 âm lịch.

[2] Tên là Trừng, tự là Trọng Mặc, người huyện Kiến Dương, phủ Kiến Ninh, tức đạo Kiến An thuộc tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc bây giờ). Thái Trừng là người làm **Tập truyện kinh Thư**.

[3] Phần Cương trong nguyên văn có ba chữ "lý nam ngoa", nên trong Lời chua này mới nói đến.

[4] Tên tự là Nghi Trọng, người ở Phủ Điền, tức đạo Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến bây giờ, Trịnh Tiều làm quan Khu mật viện biên tu triều Tống, có làm sách Thông chí 200 quyển.

[5] Thước cổ, độ 32 công phân (0m32).

[6] Lối chữ cổ đời nhà Chu (1134-250 tr.c.ng.): đầu to, đuôi nhỏ, giống con nòng nọc, nên tục gọi là lối chữ "khoa đẩu" (nòng nọc).

[7] Thứ xe dùng cho phụ nữ, có vải che.

cũng phải diệt nước Văn Lang. Đến bấy giờ, cháu là Thục Phán có sức mạnh và mưu lược, nhiều lần đem quân đánh Hùng Vương. Hùng Vương quân giỏi, tướng mạnh, hễ ra đánh, quân Thục thua liền. Hùng Vương nói: "Ta đây có thần lực, Thục không sợ ư?". Rồi cứ lề mề chè chén để mua vui, không lo đến việc vũ bị. Quân Thục kéo đến, Hùng Vương hãy còn say mềm chưa tỉnh. Kịp khi giặc đến gần, bức bách gấp rồi, nhà vua thổ ra huyết, gieo mình xuống giếng; còn quân thì quay giáo đầu hàng. Nước Văn Lang mất.

Lời cẩn án - Sử cũ phần Ngoại kỷ chép Hồng Bàng thị bắt đầu từ Kinh Dương Vương thụ phong năm Nhâm Tuất (2879 tr.c.ng.?) cùng thời với Đế Nghi, truyền đến Hùng Vương đời cuối cùng là năm Quý Mão (258 tr.c.ng.?), tức năm thứ năm mươi bảy đời Noãn Vương nhà Chu thì mất nước, tất cả là hai nghìn sáu trăm hai mươi hai năm. Sự đó không biết Sử cũ khảo cứu ở đâu, bây giờ cũng hãy cứ chép lại để phòng khi tra xét.

Năm Giáp Thìn (267 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 1; Chu Noãn vương năm thứ 58).

Thục Vương đã lấy được nước Văn Lang, đổi tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Sử cũ chép: vua, họ Thục, húy Phán, người đất Ba Thục. Bấy giờ nhà vua đã lấy được Văn Lang, đổi quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Lời cẩn án - Nước Thục, từ năm thứ 5 đời Thận Tĩnh Vương nhà Chu (316 tr.c.ng.), đã bị nhà Tần diệt rồi, làm gì còn có vua nữa? Huống chi từ Thục đến Văn Lang, còn có đất Kiện Vi (nay thuộc Vân Nam), đất Dạ Lang, đất Cùng, đất Tác và đất Nhiễm Mang (những đất này xưa là đất rợ mọi ở về phía tây và nam, nay thuộc Vân Nam), cách nhau hàng hai ba ngàn dặm, có lẽ nào Thục vượt qua được các nước ấy mà sang đánh lấy nước Văn Lang? Sử cũ đã chép "cháu Thục Vương là Phán", lại chép "An Dương Vương họ Thục, húy Phán, người đất Ba Thục", hoặc giả ngoài cõi Tây Bắc giáp với nước Văn Lang, còn có họ Thục khác mà Sử cũ liền nhận là Thục Vương chăng? chứ nếu bảo Thục Vương đây lại là người ở Ba Thục thì không phải.

Lời chua - Phong Khê: Bây giờ là thành Cổ Loa, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh[1].

Âu Lạc: Theo Dư địa chí của Cổ Hi Phùng, Giao Chỉ về đời Chu gọi là Lạc Việt, về đời Tần gọi là Tây Âu, thế thì đất Tây Âu Lạc lại ở về phía tây Phiên Ngô. Theo Giao Quảng ký của Hoàng Sâm, Giao Chỉ có ruộng Lạc Điền, khai khẩn theo nước triều lên xuống. Người "ăn" hoa lợi ruộng ấy là Lạc Hầu. Các huyện[2] tự gọi là Lạc tướng. Sau này con Thục Vương đem quân đánh Lạc Hầu, tự xưng là An Dương Vương, lỵ sở ở đất Phong Khê.

Năm Bính Ngọ (255 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 3; Chu Đông - chu quân năm thứ 1).

Tháng ba, mùa xuân, đắp xong Loa thành.

Vua Thục đắp thành ở Phong Khê, rộng đến nghìn trượng, xoáy tròn như hình trôn ốc, nên gọi là Loa thành, lại gọi là thành Tư Long.

Lời chua - Loa thành: Theo An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, Loa thành, ở huyện Đông Ngàn, xoáy tròn chín vòng như hình trôn ốc, kiểu làm do An Dương Vương sáng tạo, lại gọi là thành Khả Lũ[3]. Trong thành còn nền cung vua An Dương ngày trước.

---

[1] Hiện nay, Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

[2] Huyện đây là một danh từ để gọi chung cho khu vực ở từng địa phương, chứ không phải như tên các quận huyện, châu huyện phủ huyện sau này.

[3] Trong An Nam chí nguyên còn thêm: "Chỗ đóng đô của An Dương Vương vốn là đất Việt, nên người sau gọi là Việt vương thành". (tr. 135)

Thành Tư Long: Người Đường[1] gọi là thành Côn Luân, ý nói thành ấy cao lắm.

Năm Đinh Hợi (214 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 44; Tần Thủy Hoàng năm thứ 33).

Nhà Tần sai Đồ Thư và Sử Lộc sang lấy đất Lĩnh Nam, đặt ra Tượng quận.

Bấy giờ nhà Tần hám đất Việt có nhiều ngọc trai và ngọc cơ[2], muốn chiếm lấy đặt làm quận huyện[3], mới bắt kẻ trốn tránh, người gửi rể và lái buôn ở các đạo đi làm lính, sai hiệu úy là Đồ Thư làm tướng, Sử Lộc thì khơi cừ lấy lối tải lương, đi sâu vào cõi Lĩnh Nam, cướp lấy đất Lục Lương, đặt ra Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận để đày những kẻ phải đi thú[4]. Người Việt bấy giờ đều rủ nhau núp vào trong rừng rậm, không ai chịu để cho người Tần dùng. Lại ngầm bầu những người tài giỏi lên làm tướng, đánh nhau với người Tần, giết được hiệu úy Đồ Thư.

Lời chua - Việc Sử Lộc khai cừ lấy lối tải lương: Theo Lĩnh Nam di thư của Âu Đại Nhâm, tiên tổ Sử Lộc là người nước Việt. Khi nhà Tần sang đánh Bách Việt, sai hiệu úy Đồ Thư chia binh sĩ làm năm quân, cắt Lộc tải lương, khai cừ để tiện lối chở lương thực. Lộc bèn khơi nguồn nước từ núi Dương Sơn (thuộc Phiên Ngung) xuôi xuống, thấy rằng theo sông Tương chảy về phía Bắc, đổ vào sông Sở Dung, là hạ lưu sông Tường Kha chảy về phía nam đổ ra biển mà vận tải lương thực thì thật vất vả. Lộc bấy giờ mới lượng tính làm ra cái đập để nước sói mạnh vào trong bãi cát sỏi, rồi xếp đá làm vũng, lái nước sông Tương đổ ra. Nước chảy xói đi hàng 60 dặm. Lại đặt ra 36 cửa đập, hễ thuyền qua một cửa đập thì đóng cửa đập ấy lại, khiến cho nước tụ lại, đầy lên dần dần. Vì thế thuyền có thể lần theo sườn núi mà lên, dễ dàng mà xuống. Không những thuyền bè đi lại được, mà lấy nước vào ruộng cày cấy cũng tiện. Người ta gọi cừ ấy là Linh Cừ. Theo Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống, nhà Tần có đào cái cừ ở về phía Nam huyện Hưng An (nay thuộc Quế Châu) hai mươi dặm. Gốc tận sông Ly, từ phía Bắc núi Thác Sơn, chảy về Tây Bắc, đến phía Tây Nam huyện Hưng An, hợp với Linh Cừ năm dặm mới chia ra hai dòng. Xưa, nhà Tần sai ngự sử giám, tên là Lộc, từ huyện Linh Lăng đào cừ đến Quế Lâm tức là đấy.

Lục lương: Như Thuấn có nói: "Ở miền Giang Nam, bài Chính nghĩa về Sử ký (Trung Quốc) cho rằng người Lĩnh Nam phần nhiều ở về đất núi, tính mạnh tợn, nên gọi là "Lục lương"[5].

Quế Lâm, Nam Hải, Tượng quận: Theo sách Lĩnh ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi nhà Tống, ba quận ấy là đất Bách Việt ngày trước, từ Tần Thủy Hoàng lấy được thiên hạ, mở núi dọn đường, cướp lấy đất Dương, Việt, đặt ra Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Quận. Bây giờ tỉnh Quảng Tây tức là Quế Lâm, tỉnh Quảng Đông tức là Nam Hải, đất Giao Chỉ tức là Tượng Quận đời Tần. Đến Hán Vũ đế bình định được Nam Hải mới tách Quế Lâm đời Tần làm hai là Uất Lâm và Thương Ngô; tách Tượng Quận làm ba là Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Lại xắn bớt đất Nam Hải và Tượng Quận đặt ra quận Hợp Phố. Rồi, từ huyện Từ Văn, vượt biển sang lấy hai quận Chu Nhai và Đam Nhĩ ở phía Nam biển, đặt thứ sử tại Giao Châu. Tiếng rằng nhà Hán chia ra chín quận, nhiều hơn nhà Tần, nhưng cầm quyền thống trị thì chỉ có một thứ sử ở Giao Châu thôi. Đến nhà Ngô chia ra

---

[1] Tức người Trung Quốc, nói chung. Thời đại nhà Đường lúc toàn thịnh, uy danh vang dội các nước ở phía Tây phía Nam Trung Quốc, lúc bấy giờ người Trung Quốc ra trú ngụ ở nước ngoài thường tự xưng là "người Đường ____________ ", nay các Hoa Kiều ở Nam Dương vẫn còn giữ tên gọi ấy. Ở Quảng Đông họ gọi người trong nước là người Đường, bữa cơm ăn gọi là bữa cơm Đường.

[2] Thứ ngọc trai không tròn gọi là "cơ".

[3] Giới hạn khu vực của từng địa phương, Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ, chia trong nước ra làm 36 quận, các huyện tùy theo địa thế thông thuộc ào quận, chính trị quận huyện bắt đầu từ đấy.

[4] Những người có nhiệm vụ phải giữ biên giới gọi là "lính thú"; người có tội phải đầy đi làm việc ngoài biên giới gọi là "đày đi thú".

[5] Đời Tần gọi Quảng Đông và Quảng Tây bây giờ là đất Lục Lương (Từ nguyên, tuất tập, tr. 126).

làm đôi, tên gọi Giao Châu, Quảng Châu mới có từ đó. Bây giờ Giao Châu thì lỵ sở ở Long Biên, Quảng Châu thì lỵ sở ở Phiên Ngung, quy mô cũng như nhà Hán trước, duy có tòa súy phủ khác chỗ thôi. Đường Cao Tông bắt đầu đặt An Nam đô hộ phụ ở Giao Châu. Giữa niên hiệu Hoàng Hựu (1049-1053) bản triều (triều Tống) đặt chức An Phủ và chức Kinh Lược ở Quế Lâm. Tòa súy phủ ở Tây Đạo lập lên là trước từ đấy. Đến bây giờ, Bát Quế[1], Phiên Ngung và Long Biên đứng đối nhau như ba chân vạc là theo kiểu cũ của Tần.

Phụ lục - Sử cũ chép: bấy giờ (đời Thục) Lý Ông Trọng, người huyện Từ Liêm2, Giao Chỉ nước ta, mình dài hai trượng ba thước3, sang làm quan nhà Tần, đến chức Ty Lệ hiệu úy, đem quân giữ huyện Lâm Thao4, danh tiếng lừng khắp Hung Nô. Khi tuổi già, thôi làm quan về, mất ở quê nhà. Tần Thủy Hoàng cho là một sự lạ, mới đúc tượng đồng để ở cửa Tư Mã cung Hàm Dương. Tượng ấy ruột rỗng, trong chứa được vài mươi người, có máy rung động được. Hung Nô tưởng là Hiệu Úy sống, không dám đến xâm phạm. Về sau, đến đời Đường, Triệu Xương sang làm đô hộ Giao Châu, thường có đêm nằm chiêm bao cùng ông Lý Ông Trọng giảng sách Xuân thu Tả truyện, nhân thế mới hỏi thăm đến chỗ nhà cũ Ông Trọng, lập đền để thờ. Kịp khi Cao Biền đi đánh Nam Chiếu, Ông Trọng thường hiển linh giúp cho thắng trận. Cao Biền lại tu sửa đền miếu, tạc tượng gỗ, gọi là đền Lý Hiệu Úy.

Lời chua - Lý Ông Trọng: theo sách An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, Lý Ông Trọng, mình dài hai trượng ba thước, khí lượng nghiêm trang, thể chất trọng hậu, khác hẳn người thường. Thủa trẻ, làm chức huyện lại, bị viên Đốc Bưu[5] đánh đòn, Ông Trọng than rằng: "Người ta ở đời mà phải chịu như thế dư!". Bấy giờ mới sang Trung Quốc, học sử sách, rồi làm quan với nhà Tần. Tần Thủy Hoàng sai Ông Trọng đem quân giữ Lâm Thao: danh tiếng ông rung động cả Hung Nô. Nhà Tần cho đó là việc tốt lành. Kịp khi ông mất, nhà Tần đúc đồng làm tượng, đem đặt ở ngoài cửa Tư Mã cung Hàm Dương. Trong ruột pho tượng ấy có thể chứa được vài mươi người. Hung Nô vào đất Tần, trông thấy pho tượng, tưởng Ông Trọng hãy còn sống. Sách Đại Thanh nhất thống chí và sách Quảng dư ký (của Lục Bá Sinh) đều chép là Nguyễn Ông Trọng.

Đền Lý Hiệu Úy: Ở xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, Hà Nội, nay hãy còn.

Lâm Thao: Tên huyện. Đời Tần thuộc quận Lũng Tây; đời Thanh là đất phủ Lâm Thao tỉnh Thiểm Tây[6] (Trung Quốc).

Nam Chiếu; Xem thuộc Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 6. (Tb. 4, 35-36).

Nhà Tần dùng Nhâm Hiêu[7] làm chức úy[8] quận Nam Hải và Triệu Đà làm chức lệnh[9] huyện Long Xuyên.

Nhà Tần sai Nhâm Hiêu và Triệu Đà đem năm mươi vạn dân bị tội đày sang thú ở đất Ngũ Lĩnh. Hiêu và Đà mới âm mưu làm việc cát cứ kiêm tính.

---

[1] Ở phía tây Phiện Ngung; nay là Quảng Tây (Trung Quốc).

[2] Làng Chèm, nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

[3] Thước cổ, ước chừng 32 công phân (0m32).

[4] Xem Lời chua ở sau.

[5] Một chức quan, đặt ra từ đời Hán, giúp viên thái thú trong quận, giữ việc xem xét sự lầm lỗi của những người dưới quyền mình.

[6] Nay thuộc tỉnh Cam Túc (Từ Hải, tr. 1107).

[7] Có âm nữa là Ngao.

[8] Chức quan thời nhà Tần, đứng đầu một quận.

[9] Chức quan đứng đầu một huyện.

Lời chua - Long Xuyên: Tên huyện, thuộc quận Nam Hải; nay là đất Tuần Châu (Trung Quốc).

Ngũ Lĩnh: theo sách Nam Khang ký của Đặng Đức Minh, Ngũ Lĩnh có năm quả núi: Đài Lĩnh là quả núi thứ nhất, ở đất Đại Dũ; Kỵ Điền là quả núi thứ hai, ở đất Quế Dương; Đô Bàng là quả núi thứ ba, ở đất Cửu Chân (nay là tỉnh Thanh Hóa); Manh Chử là quả núi thứ tư, ở đất Lâm Hạ; Việt Thành là quả núi thứ năm, ở đất Thủy An. Theo sách Quảng châu ký của Bùi Uyên, Ngũ lĩnh là Đại Dũ, Thủy An, Lâm Hạ, Quế Dương và Yết Dương, bây giờ trong địa phận tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây. Phương Dĩ Trí có nói: "Kể đến Cửu Chân thì xa quá, nên cho thuyết sau là phải hơn". Sách Lĩnh Ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi chép rằng: "Từ nhà Tần, có vấn đề Ngũ Lĩnh, mọi thuyết đều cho là chỉ vào núi mà gọi tên cả. Bây giờ xét ra, đó là năm đường đi vào Ngũ Lĩnh, chứ không cứ phải là núi đâu: Con đường từ tỉnh Phúc Kiến qua sông Thinh, vào tỉnh Quảng Đông, sang núi Tuần Mai, là một; con đường từ tỉnh Giang Tây đi Nam An, qua núi Đại Dũ, vào Nam Hùng, là hai; con đường từ tỉnh Hồ Nam đi sang đất Thâm rồi vào đất Liên, là ba; con đường từ Đạo Châu vào Quảng Tây rồi đi huyện Lâm Hạ, là bốn; con đường từ Toàn Châu vào Tĩnh Giang, là năm.

Năm Tân Mão (210 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 48; Tần Thủy Hoàng năm thứ 37).

Nhâm Hiêu và Triệu Đà nhà Tần đem quân sang xâm. Thục vương cùng Triệu Đà giảng hòa, rút quân về.

Khi Triệu Đà sang xâm lược, đóng quân ở núi Tiên Du thuộc Bắc Giang[1], Thục vương đem quân chống cự Triệu Đà. Bấy giờ Nhâm Hiêu đóng chu sư[2] ở tiểu giang, mắc bệnh, trở về, giao cả quân cho Triệu Đà. Triệu Đà dời quân doanh đến núi Vũ Ninh. Thục vương cắt đất cho Đà từ sông Bình Giang giở về Bắc để giảng hòa. Hai bên đình chiến, rút về.

Sử cũ chép: Triệu Đà sang xâm lược, đóng quân ở núi Tiên Du thuộc Bắc Giang, đánh nhau với vua Thục. Vua Thục đem nỏ thần ra bắn. Đà thua chạy. Khi ấy, Nhâm Hiêu đóng chu sư ở tiểu giang, vì mắc bệnh, phải trở về. Lúc về, Nhâm Hiêu có dặn Triệu Đà rằng: "Nhà Tần mất rồi. Nếu ông biết dùng mưu đánh lấy Thục thì có thể lập được nước đấy". Triệu Đà biết vua Thục có cái nỏ thần, không thể địch nổi, bèn lui giữ núi Vũ Ninh, sai sứ đi xin hòa. Vua Thục mừng, chia đất cho Đà từ sông Bình Giang trở về Bắc; còn từ Bình Giang trở về Nam thì vua Thục cai trị. Triệu Đà cho con là Trọng Thủy sang làm con tin, nhân tiện cầu hôn; vua Thục gả con gái là Mị Châu cho Trọng Thủy. Sau, Trọng Thủy dụ dỗ Mị Châu cho xem vụng cái nỏ thần, ngầm đổi mất lẫy nỏ, rồi nói thác là về Bắc thăm cha mẹ. Lúc Trọng Thủy từ biệt, dặn Mị Châu "Mai sau ta lại sang, muôn một mà hai nước bất hòa, thì có dấu tích gì để xét nghiệm, khiến chúng ta lại có thể gặp nhau không?". Mị Châu nói: "Thiếp có cái chăn gấm bằng lông ngỗng, đi đâu cũng thường mang theo, nếu đến những chỗ đường rẽ, thiếp sẽ nhổ lông ngỗng ấy mà rắc xuống để làm ghi, thì sẽ biết chỗ thiếp ở". Trọng Thủy trở về, báo với Triệu Đà. Triệu Đà quyết tâm sang xâm lược.

Lời chua - Núi Tiên Du: theo An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, núi Tiên Du còn một tên là núi Lạn Kha, ở huyện Tiên Du, trên núi ấy có hòn đá hình bàn cờ, tương truyền ngày xưa có một người đi kiếm củi, xem hai ông tiên đánh cờ, cán rìu nát ra lúc nào không biết.

Tiểu giang: Tức là con sông nhỏ ở phủ Đô Hộ, sau lầm là bến Đông Hồ. Bây giờ không biết sông này ở đâu.

Núi Vũ Ninh: Theo An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, núi Vũ Ninh ở châu Vũ Ninh, trên núi ấy có cái sống núi gọi là Tỉnh Thủy Cương, ở sống núi ấy có con rắn đá, tên gọi Ngọc Kinh. Vũ Ninh bây giờ là huyện Vũ Giàng.

---

[1] Tiên Du nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Toán quân điều khiển các thuyền chiến mà chiến đấu.

Sông Bình Giang: Tức sông Thiên Đức, là phân lưu về phía Đông của sông Lô[1], dưới thông với sông Bình Than, lại gọi là sông Đông Ngàn.

Nỏ thần: Sử cũ, phần Ngoại kỷ, chép: Ban đầu, vua Thục đắp Loa Thành, đắp rồi lại lở. Nhà vua mới trai giới cầu khấn. Khi sắp đắp lại, bỗng có thần nhân hiện ở cửa Nam, vua Thục hỏi, thần nhân đáp: "Xin đợi sứ Thanh Giang đến". Sớm hôm sau, thấy có con Kim Quy (Rùa vàng) nổi trên mặt sông, bơi đến, nói được tiếng người, tự xưng là sứ Thanh Giang. Vua Thục mừng rỡ, mời vào, hỏi duyên cớ sao thành đắp xong rồi lại đổ. Kim Quy bảo cho vua Thục cái thuật yểm trừ yêu quái. Do đó đắp vừa nửa tháng thì xong thành. Kim Quy từ giã đi. Vua Thục cảm tạ, lại hỏi Kim Quy có cách gì để chống được giặc. Kim Quy trút cái móng lại cho vua. Vua Thục mới sai bầy tôi là Cao Lỗ chế ra cái nỏ, lấy móng rùa làm lẫy, đặt tên nỏ ấy là "Linh quang kim trảo thần nỗ", hễ bắn thì giặc phải lui. Nhưng, xét ra, việc này là chuyện hoang đường, nên nay bỏ đi.

Theo sách Thái bình hoàn vũ ký, phần Nam Việt chí, của Nhạc Sử nhà Tống, An Dương Vương cai trị Giao Châu, Úy Đà đem quân sang đánh. An Dương Vương có thần nhân là Cao Thông giúp đỡ, chế ra cái nỏ, bắn một phát giết chết quân Việt hàng vạn người, bắn ba phát giết đến ba vạn. Triệu Đà biết rõ duyên cớ, liền lui về đóng ở Vũ Ninh, rồi cho con là Trọng Thủy sang làm tin, xin hòa hảo với nhau. Về sau, An Dương đối xử với Cao Thông không được hậu, Cao Thông bỏ đi. An Dương Vương có người con gái là Mị Châu, thấy Trọng Thủy đẹp trai, liền phải lòng. Về sau, Trọng Thủy dụ dỗ Mị Châu đòi xem nỏ thần, Mị Châu đem cho xem. Trọng Thủy nhân đấy bẻ hỏng cái lẫy nỏ, rồi lập tức sai người ruổi về báo tin cho Triệu Đà. Triệu Đà lại đem quân sang đánh úp. Khi quân Triệu kéo đến, An Dương Vương đem nỏ ra bắn như trước, nhưng nỏ hỏng rồi! Quân Thục chạy tan tác. Triệu Đà phá được Thục.

Năm Quý Tỵ (208 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 50; Tần Nhị thế năm thứ 2).

Triệu Đà nhà Tần lại sang xâm lược. Vua Thục thua, chạy, chết. Nhà Thục mất.

Trước kia, Nhâm Hiêu mắc bệnh, lúc gần mất, có dặn Triệu Đà: "Nhà Tần vô đạo, thiên hạ phải khổ sở, nghe đâu bọn Trần Thắng đã nổi loạn, lòng dân chưa biết theo về ai. Đất này hẻo lánh xa cách, tôi sợ những đám giặc khác sẽ xâm phạm đến đây. Ý tôi muốn dấy quân cắt đứt các đường sạn đạo[2] để tự phòng bị lấy mình, rồi chờ xem sự biến của các chư hầu. Vả lại, Phiên Ngung (nhà Hán gọi là Nam Thành) là chỗ núi sông hiểm trở, đông tây đều vài nghìn dặm, lại có người Trung Quốc giúp đỡ thì có thể lập thành một nước được đấy. Vì các trưởng lại trong quận không có ai đáng để bàn tính việc này, nên tôi đặc biệt mời ông đến để nói chuyện". Hiêu nói xong, lập tức viết thư cử Triệu Đà làm chức úy quận Nam Hải. Khi Hiêu chết rồi, Đà liền truyền hịch đi các cửa quan ải, như Hoàng Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê, rằng: "Quân giặc đến nơi rồi, mau mau cắt đứt đường sạn đạo, rồi họp quân lại, tự phòng thủ lấy". Hịch đi đến đâu, các châu các quận đều hưởng ứng cả. Nhân đấy, Triệu Đà dần dà đem pháp lệnh buộc tội để giết các trưởng lại do nhà Tần đã đặt, rồi đem những người họ hàng và bè đảng ra giữ hết chức thú lệnh để cai trị dân. Triệu Đà đem quân sang đánh vua Thục, vua Thục không ngờ lẫy nỏ đã hỏng, vẫn cứ nhơn nhơn đánh cờ, cười rằng: "Triệu Đà không sợ nỏ thần của ta ư?". Kịp khi quân Triệu Đà đã bức bách tận nơi, vua Thục mới giương nỏ, thì lẫy nỏ hỏng rồi, liền thua chạy, cho nàng Mị Châu cưỡi ngựa cùng chạy về phía Nam. Trọng Thủy cứ nhận dấu lông ngỗng mà đuổi theo. Vua Thục đến bãi biển, hết đường chạy, nhảy xuống biển chết. Nhà Thục mất.

Lời phê - Vua Thục trước đây vì hôn nhân mà được thắng lợi, rồi cũng vì hôn nhân mà bại vong, đạo trời báo phục không sai, kể cũng chóng quá!

[1] Tên gọi một khúc Nhị Hà xưa.

[2] Bắc cây làm đường, gọi là sạn đạo. Đời xưa, đường sá chưa thông đồng, những nơi rừng núi hiểm trở xa xôi, người ta phải dựa vào núi bắc cây làm đường để đi lại cho tiện. Những cây bắc đường nếu đã bị phá hủy thì ngoài không có lối vào được.

Lời chua - Đền Thục vương: Ở núi Mộ Dạ, xã Hương Ái, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

Nhà Thục, từ An Dương Vương khởi lên năm Giáp Thìn (257 tr.c.ng.) đến năm Quý Tị (208 tr.c.ng.) mất nước, cộng 50 năm.

Năm Giáp Ngọ (207 tr.c.ng.) (Triệu Dũ Vương năm thứ 1; Tần Nhị thế năm thứ 3).

Triệu Đà tự lập làm vua Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung.

Nhà vua họ Triệu, tên Đà, người huyện Chân Định nhà Hán. Bấy giờ nhà vua đã kiêm tính được đất Lâm Ấp và Tượng quận, tự lập làm Nam Việt vương.

Lời chua - Phiên Ngung: Xưa thuộc quận Nam Hải, tức đất phủ Quảng Châu tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) bây giờ.

Năm Quý Mão (198 tr.c.ng.) (Triệu Dũ Vương năm thứ 10; Hán Cao hoàng đế năm thứ 9).

Triệu Vương mới sai hai sứ thần coi giữ quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân.

Nam Việt vương Triệu Đà đã đánh và diệt được An Dương Vương rồi, sai hai sứ thần coi giữ quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân.

Lời chua - Giao Chỉ: Xưa là đất các bộ Giao Chỉ, Chu Diên, Phúc Lộc, Vũ Ninh, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định và Tân Hưng. Nhà Triệu đặt làm quận, thống trị 10 huyện; về sau noi theo hay thay đổi mỗi thời một khác. Bây giờ là đất các tỉnh Bắc Kỳ.

Cửu Chân: Xưa là ba bộ Cửu Chân, Hoài Hoan và Việt Thường. Nhà Tần đặt làm đất Tượng quận; nhà Triệu đặt làm quận, thống trị 12 huyện; đến nhà Hán khoảng năm Nguyên Đỉnh (116-111 tr.c.ng.), tách năm huyện Tị Ảnh, Lư Dung, Tây Quyển, Tượng Lâm và Chu Ngô đặt làm quận Nhật Nam; còn bảy huyện Tư Phố, Cư Phong, Đô Bàng, Dư Phát, Hàm Hoan, Vô Thiết và Vô Biên thì vẫn để làm quận Cửu Chân. Đến Ngô, Tấn, Tống, Tề cũng đều noi theo như trước. Nhà Lương đổi làm Ái Châu; về sau, noi theo hoặc thay đổi mỗi lúc một khác. Bây giờ là đất Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên.

Năm Ất Tị (196 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 12; Hán Cao hoàng đế năm thứ 11).

Nhà Hán sai sứ sang ban ấn và thao cho Triệu Vương.

Nhà Hán đã bình định được thiên hạ, nghe tin Triệu Đà cũng đã xưng vương ở đất Việt, bèn sai Lục Giả sang phong Đà làm Nam Việt Vương, trao ấn và thao, chia cho một nửa phù tín[1], hai bên sứ thần đi lại giao hảo với nhau, để Triệu Đà hòa thuận tập hợp cả Bách Việt, đừng gây ra tai hại cướp bóc.

Sứ nhà Hán đến, Đà ngồi xổm mà tiếp kiến. Lục Giả thấy thế, bảo Đà: "Vương vốn là người Hán, họ hàng phần mộ ở cả huyện Chân Định, bây giờ lại trái chứng, bỏ cả văn hóa lễ nghĩa, ý muốn nổi lên ở đất này, hòng làm một nước địch, chống đối với bên Hán, chẳng cũng lầm lắm dư! Vả lại, nhà Tần mất nước, những người hào kiệt đều nổi dậy, nhưng chỉ có Hán đế vào Quang Trung trước, giữ được Hàm Dương, nổi ở Ba Thục, cuối cùng diệt được Hạng Vũ, trong vòng 5 năm bình định được cả nước. Như thế cũng là lòng trời gây dựng chứ không phải sức người. Bây giờ thiên tử nhà Hán nghe tin vương xưng vương ở đây, mà không giúp Hán thiên tử trừ những kẻ bạo nghịch! Ý các tướng văn, tướng võ đều muốn đem quân sang Nam để đánh, nhưng Hán thiên tử nghĩ thương trăm họ mới qua vòng nhọc mệt,

[1] Một dấu hiệu làm bằng chứng để làm tin, chế bằng ngọc, hoặc loài kim, hoặc tre, gỗ, trên mặt có khắc chữ, cắt ra làm đôi, triều đình và viên quan ngoài biên trấn mỗi bên giữ một nửa. Triều đình có việc gì cần trao đổi với viên quan ngoài biên trấn nào thì sai sứ cầm một nửa phù tín của triều đình giữ đến biên trấn ấy, viên quan ngoài biên trấn đem một nửa phù tín của mình giữ kháp hợp với nhau, để phân biệt thật giả; khi viên quan biên trấn có việc sai người vào triều đình cũng dùng cách thức kháp hợp phù tín như trên.

nên mới bãi binh, mà sai sứ giả sang trao cho vương ấn và thao đây. Đáng lẽ vương nên ra ngoài thành nghinh tiếp, bái yết, hướng mặt về bắc mà xưng thần là phải, thế mà bây giờ vương lại muốn cậy có cái nước Việt mới dựng, chưa củng cố, mà dám khinh nhờn sứ giả của thiên tử nhà Hán! Nếu nhà Hán nghe biết chuyện này, sẽ đào mồ mả và tru di họ hàng của nhà vương rồi đem quân sang đánh, thì vương nghĩ sao?".

Triệu Đà vội đứng dậy, nói: "Tôi ở đây đã lâu ngày, quên mất cả lễ nghĩa!". Rồi nhân tiện hỏi Lục Giả: "Ta đây với Tiêu Hà và Tào Tham, ai giỏi hơn?". Lục Giả đáp: "Có lẽ vương giỏi hơn". Đà hỏi: "Ta đây với vua Hán, ai giỏi hơn?". Lục Giả đáp: "Vua Hán nối nghiệp Ngũ đế[1] và Tam Vương[2], cai trị Trung Quốc, người Trung Quốc kể có hàng ức vạn, đất Trung Quốc hàng muôn dặm, của nhiều, người đông, chính lệnh do một nhà mà ra. Từ khi khai thiên lập địa đến giờ chưa có đời nào được thế. Nay dân chúng của vương chẳng qua được mươi vạn ở lẫn vào nơi núi non và miền biển, tựa hồ như một quận bên Hán, vậy sao lại dám so sánh với Hán thiên tử được?". Triệu Đà cười, nói: "Ta chỉ phàn nàn không được nổi lên ở Trung Quốc, nên phải làm vua ở đây, chứ sao ta lại không bằng bên Hán?". Rồi giữ Lục Giả ở lại đến vài tháng trời. Đà bảo rằng: "Ở bên này không nói chuyện với ai được, bây giờ có ông sang đây làm cho tôi hằng ngày được nghe những điều chưa từng nghe". Đà cho Lục Giả một cái đẫy, trong chứa các đồ đáng giá nghìn vàng. Đến lúc Lục Giả về, Đà lại cho thêm nghìn vàng nữa.

Lời chua - Đồ đựng trong đẫy: Ý nói lấy những đồ châu báu trang trí vào trong đó.

Năm Mậu Ngọ (183 tr.c.ng.) (Triệu Dũ Vương năm thứ 25; Hán Cao hậu năm thứ 5).

Mùa xuân, Triệu vương Đà tự xưng là hoàng đế, đem quân đánh Trường Sa.

Bấy giờ Lữ Hậu nhà Hán cấm không cho bán đồ sắt ở cửa quan ải Nam Việt. Triệu Vương nghe tin, nói: "Hồi Cao đế làm vua, ta vẫn cho sứ giả thông hảo, hai nước cùng nhau trao đổi đồ vật. Bây giờ Lữ Hậu nghe bầy tôi gièm pha, chia rẽ Hán với Việt, làm ngăn cách việc trao đổi đồ vật. Mưu này chắc là do Trường Sa vương muốn cậy uy quyền nhà Hán, mưu lấy nước ta để chựa làm vua tất cả và lập lấy công lao cho mình đấy thôi". Triệu Đà bèn tự lập làm Nam Việt hoàng đế, đem quân sang đánh những nơi biên ấp của Trường Sa, chinh phục được vài quận rồi trở về.

Năm Canh Thân (181 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 27; Hán Cao Hậu năm thứ 7).

Nhà Hán sai Lâm Lư hầu Chu Táo sang đánh, nhưng không qua được núi, phải bãi binh.

Nhà Hán sai Chu Táo đi đánh Việt, để báo thù lại việc đánh Trường Sa. Bây giờ gặp mùa nắng nóng ẩm thấp, quân chết dịch nhiều, không thể vượt qua Ngũ Lĩnh được, nên phải bãi binh. Đà nhân dịp ấy, dùng binh lực và của cải chiêu dụ Mân Việt và bắt Tây Âu lệ thuộc, phục dịch mình, đất đai chu vi được hơn vạn dặm, đi xe hoàng ốc[3], dùng cờ tả đạo[4], nghi vệ cũng ngang với thiên tử nhà Hán.

Lời chua - Tây Âu lệ thuộc phục dịch: Theo lời chú giải của Nhan Sư Cổ, Tây Âu tức là Lạc Việt. Tây Âu là một bộ phận trong Lạc Việt. Ý nói lệ thuộc và phục dịch nước Nam Việt.

Năm Nhâm Tất (179 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 29; Hán Văn đế năm thứ 1).

Nhà Hán lại sai Lục Giả đến. Triệu Vương nhân đưa thư xin cho sứ giả đi lại như trước.

---

[1] Năm vị hoàng đế đời cổ Trung Quốc. Có ba thuyết khác nhau. Thuyết thứ nhất: Thái Hiệu, Thần Nông, Hoàng đế, Thiếu Hiệu, Chuyên Húc. Thuyết thứ hai: Hoàng đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn. Thuyết thứ ba: Thiếu Hiệu, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn.

[2] Các vương có hiền đức ở Tam Đại (Hạ, Thương, Chu).

[3] Theo chế độ xưa, xe của thiên tử trong lót lụa vàng gọi là "hoàng ốc xa".

[4] Lá cờ lớn làm bằng đuôi con Ly ngưu, vì lông đuôi nó nhỏ mà dài. Cờ này để cắm vào phía tả đầu trục bánh xe thiên tử, nên gọi là "cờ tả đạo".

Văn đế nhà Hán đã lên ngôi, liền đặt người thủ ấp trong coi những mồ mả của nhà Triệu ở Chân Định và, hằng năm, theo thời tiết, làm lễ thờ cúng; lại cho những anh em của nhà Triệu làm quan to, ban thưởng ưu hậu. Khi ấy, Hán Văn đế hỏi tể tướng Trần Bình có ai sang sứ bên nước Việt được. Trần Bình nói: "Lục Giả, về đời tiên đế[1], thường sang sứ bên ấy". Văn đế mới cho Lục Giả làm thái trung đại phu và một viên yết giả[2] làm phó sứ, đưa thư cho Triệu vương. Đại ý bức thư ấy thế này: "Kính thăm Nam Việt vương rất lao tâm khổ ý. Trẫm đây là con vợ thứ vua Cao hoàng, phải xa lánh ở ngoài, vâng mạng triều đình giữ phiên trấn miền Bắc ở đất Đại[3], đường sá xa xôi, kiến thức hẹp hòi quê kệch, chưa có dịp nào gửi thư thăm hỏi được. Kịp khi vua Cao Hoàng lìa bỏ quần thần, vua Huệ đế qua đời. Lữ Hậu tự ý lên cầm quyền chính, rồi chẳng may có bệnh, bọn họ Lữ chuyên quyền, làm loạn, không thể chế trị được, bèn đem người khác họ vào làm con thừa tự vua Huệ đế. May nhờ tông miếu khôn thiêng, công thần giúp sức, dẹp yên được loạn. Trẫm, vì cớ vương hầu và các quan trong nước không chịu buông tha, nên buộc phải lên nối ngôi báu. Mới đây, nghe nói vương có gửi thư cho tướng quân Lâm Lư hầu, xin nhờ bảo toàn cho anh em vương và xin bãi bỏ hai tướng quân ở Trường Sa. Theo thư của nhà vương, trẫm đã bãi bỏ tướng quân Bắc đương hầu. Còn anh em nhà vương ở Chân Định thì trẫm cũng đã sai người trông nom chăm hỏi. Lại sai tu sửa phần mộ tiền nhân của nhà vương. Trước kia, nghe nói vương cứ đem quân đi cướp phá ở ngoài biên giới, gieo tai họa mãi, làm cho dân Trường Sa đã đau khổ mà dân Nam quận lại càng khổ hơn. Như thế nước của nhà vương phỏng được lợi ích riêng à? Chắc phải chết nhiều quân lính, hại lắm tướng tài, làm cho vợ người ta phải góa, con người ta phải côi, cha mẹ người ta phải cô độc. Thế là lợi một hại mười: trẫm đây không nỡ làm thế. Trẫm đây chỉ muốn định lại những chỗ địa giới, lồi ra lõm vào, chen kẽ nhau như nanh chó. Đã đem việc này hỏi ý kiến các quan thì họ nói: vua Cao hoàng sở dĩ đặt phân giới ở Trường Sa, là đất của nhà vương đấy, nên trẫm không dám tự tiện thay đổi. Ngày nay, ví bằng lấy được đất đai của vương cũng chẳng rộng là mấy; tước được của cải của vương cũng chẳng giàu thêm vào. Vậy thì từ Hoang Phục và Ngũ Lĩnh[4] trở về Nam, cho vương được quyền tự trị. Dẫu vậy, vương tự xưng là hoàng đế, hai hoàng đế cùng đối lập mà lại không sai sứ giả đi lại để thông tình nghị với nhau, thế là có ý tranh nhau đấy. Tranh nhau mà không chịu nhường nhau, điều đó người nhân giả không làm. Bây giờ trẫm nguyện với vương xóa bỏ những hiềm oán cũ, từ nay trở về sau, lại cho trao đổi sứ giả như xưa. Vậy nên sai Lục Giả sang giãi bày bản ý của trẫm cho vương rõ. Vương cũng nên nghe theo, đừng có gây sự giặc cướp tai vạ nữa. Nay xin biếu vương: 50 áo thượng trữ (Sư Cổ giải nghĩa: áo có trang sức bằng bông gọi là "trữ"), 30 áo trung trữ, 20 áo hạ trữ. Vậy mong vương nghe âm nhạc, quên nỗi buồn, thăm hỏi đến nước láng giềng". Khi Lục Giả đến, Triệu Đà cảm tạ, nói: "Tôi kính vâng chiếu chỉ, xin làm phiên thần, giữ mãi lễ cống".

Bấy giờ Triệu Vương mới hạ lệnh cho người trong nước biết: "Trẫm nghe: hai hiền tài không thể cùng ở đời với nhau, hai anh hùng không thể cùng đứng với nhau. Hoàng đế nhà Hán là bậc hiền thiên tử, vậy từ nay ta bỏ đế chế, không dùng xe hoàng ốc, cờ tả đạo nữa". Rồi Triệu Vương viết thư gửi sang nhà Hán, xưng là "Người đại trưởng lão phu ở man di, tên là Đà, mạo muội đành cam tội chết, hai lạy dâng thư lên Hoàng đế bệ hạ: Lão phu là kẻ cố lại[5] ở đất Việt, may được vua Cao hoàng ban cho ấn và thao, phong làm Nam Việt vương. Kịp khi Huệ đế lên làm vua, giữ ân nghĩa không nỡ dứt tình, ban tặng lão phu rất hậu. Đến khi Cao Hậu chuyên quyền, chia rẽ Hán với Di, ra lệnh: không bán cho Nam Việt những đồ làm ruộng bằng loài kim, loài sắt. Nếu bán trâu, bò, dê, ngựa thì chỉ bán cho những con đực, chứ không bán cho những con cái - Lão phu ở nơi hẻo lánh, trâu, bò, dê, ngựa đã già cả rồi; tự nghĩ không lấy gì để cúng tế thì tội đáng chết, nên mới sai nội sử Phiên, trung úy Cao và ngự sử Bình, tất cả ba bọn sang dâng thư tạ lỗi, đều không thấy trở về cả. Lại mong manh nghe nói mồ mả cha mẹ của lão phu đều bị bạt phá, anh em họ hàng của lão phu đều bị khép tội chu di. Vì thế, các lại viên của lão phu mới bàn với nhau: Bây giờ, ở trong, ta bị nhà Hán chèn ép; ở ngoài, ta không có gì để đề cao mình cho đặc biệt, cho nên đổi hiệu là hoàng đế, nhưng chẳng qua chỉ xưng đế ở trong nước mình, chứ có dám

---

[1] Hán Cao tổ.

[2] Chức quan giữ việc giao thiệp ứng đối với các người nước ngoài do nhà Tần đặt ra, nhà Hán noi theo.

[3] Hán Văn đế, lúc trước, được phong làm tước vương ở đất Đại.

[4] Nguyên văn là "Phục lĩnh _______". Xem lời chua ở sau của Cương mục.

[5] Người làm quan lại ngày trước.

làm gì hại đến thiên hạ đâu. Hay tin ấy, Cao Hậu cả giận, xóa bỏ tên nước Nam Việt, làm cho sứ giả không được trao đổi đi lại. Lão phu trộm ngờ việc này là do Trường Sa vương gièm pha, nên có đem quân đi đánh biên giới Trường Sa. Vả lại, phương nam đất thấp, ẩm ướt, trong đám man di như Đông Mân và Tây Âu đều xưng vương cả; lão phu xưng đế, gọi là tạm để vui lòng, đâu dám để lọt đến tai thiên vương? Lão phu ở đất Việt đến nay được 49 năm, đã có cháu ẵm rồi, nhưng vẫn thức khuya, dậy sớm, ăn không ngon, ngủ không yên, mắt không dám nhìn sắc đẹp yểu điệu, tai không dám nghe tiếng vui trống chuông, đó chỉ vì chưa được thần phục nhà Hán. Nay may được bệ hạ rủ lòng thương yêu, cho theo hiệu cũ, lại được trao đổi sứ giả đi lại như trước, thì lão phu dẫu chết cũng không mục xương. Vậy, xin đổi hiệu, không dám xưng là đế nữa. Nhân tiện có sứ giả, xin kính dâng một đôi ngọc bích trắng, nghìn chiếc cánh trả, mười cặp tê giác, năm trăm chiếc tử bối[1], một hộp sâu quế[2], bốn mươi đôi chim trả sống, hai đôi công. Lão phu mạo muội liều chết, hai lạy, tâu lên Hoàng đế bệ hạ".

Lục Giả đem thư ấy về tâu, vua Hán hài lòng lắm. Từ đó hai bên Nam Bắc giao hảo, thôi việc binh đao, dân được yên nghĩ. Sau đó, Triệu vương hễ sai sứ sang Hán thì xưng là vương, gặp các lễ triều sảnh[3] thì sánh hàng với chư hầu; còn ở trong nước vẫn dùng hiệu đế.

Lời chua - Phục Lĩnh: Theo Nhan Sử Cổ, Phục, là ngoài cõi hoang; Lĩnh, là phía Nam Ngũ Lĩnh.

Không sai sứ giả đi lại (vô nhất thặng chi sứ): Ý nói không có một xe sứ giả nào được sai đến.

Sắc đẹp yểu điệu (mĩ man chi sắc): Theo Lâm Hi Dật, mĩ man tức là yểu điệu.

Năm Giáp Thìn (137 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 71; Hán Vũ đế năm Kiến nguyên thứ 4).

Triệu vương Đà mất, táng ở Ngung Sơn. Đích tôn là Hồ lên nối ngôi.

Hồ là con Trọng Thủy và là đích tôn Vũ Vương, nay lên làm vua, ấy là Văn Vương, truy đặt tên thụy cho Triệu Đà là Vũ đế.

Lời chua - Ngung Sơn: Theo Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống, Ngung Sơn cách huyện Nam Hải một dặm về phía Bắc. Theo sách Ngô Lục, Phiên huyện ở Ngung Sơn, là chỗ táng Úy Đà.

Năm Bính Ngọ (135 tr.c.ng.) (Triệu Văn Vương năm thứ 2; Hán, năm Kiến Nguyên thứ 6).

Mân Việt vương Sính sang xâm lấn. Triệu Vương sai sứ đi báo cáo với nhà Hán. Nhà Hán đem quân đi đánh và giết chết Mân Việt vương. Triệu Vương sai thế tử Anh Tề sang Hán làm con tin.

Mùa thu, Mân Việt vương Sính sang xâm lấn những nơi biên ấp nước Việt. Triệu vương giữ điều ước của Hán, không dám tự tiện dấy quân, mới sai người đem thư nói việc này với nhà Hán. Vua Hán khen là người biết giữ nghĩa, bèn vì Triệu vương mà rầm rộ ra quân: sai Vương Khôi đem quân ra huyện Dự Chương; Hàn An Quốc đem quân ra huyện Cối Kê để đánh Mân Việt. Bấy giờ quân Hán chưa vượt qua Ngũ Lĩnh, Sính xuất quân chống cự với nhà Hán. Em Sính, là Dư Thiện, cùng với họ hàng giết Sính, rồi đầu hàng. Vương Khôi đóng quân lại, sai người về báo với nhà Hán. Vua Hán sai Trang Trợ sang bày tỏ ý chỉ cho Triệu vương nghe. Triệu vương khấu đầu, nói: "Thiên tử đã vì quả nhân[4] mà dấy quân giết Mân Việt vương, quả nhân dầu phải chết cũng không đủ đền ơn báo đức", bèn cho con là Anh Tề sang làm con tin. Rồi Triệu vương bảo Trang Trợ: "Nước tôi mới bị giặc cướp; sứ thần cứ về trước đi, quả

[1] Một thứ vỏ ốc biển trắng như ngọc, có vân tia tỉa, bóng láng, sạch sẽ, đáng yêu. Cổ nhân dùng làm tiền tệ.

[2] Nguyên văn là "quế đố", tức sâu cây quế to bằng ngón tay trỏ, màu tía mà thơm, ngâm mật, dùng làm một món ăn rất quý.

[3] Theo luật lệ đời Hán, chư hầu đối với thiên tử, mùa xuân đi chầu gọi là "triều", mùa thu gọi là "sảnh".

[4] Lời khiêm tốn của vua thứ hầu đời cổ tự xưng mình, ý nói mình là người ít tài đức.

nhân đang ngày đêm lo sắm sửa đồ hành trang, sẽ vào yết kiến Thiên tử đây!". Trang Trợ về rồi, quần thần đều can Triệu vương: "Nhà Hán đem quân giết Sính, là có ý muốn để cho nước Việt ta phải kinh sợ nao núng. Vả lại, đức tiên đế[1] có dặn lại rằng: đối với nhà Hán cốt đừng thất lễ; nhưng rốt lại chớ có nghe lời ngon ngọt mà vào yết kiến vì hễ đã vào thì không về được đâu. Ấy là lâm vào tình thế mất nước". Triệu vương mới cáo bệnh, cuối cùng không vào chầu.

Năm Bính Thìn (125 tr.c.ng.) (Triệu Văn vương năm thứ 12; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 4).

Triệu vương Hồ chết, con là Anh Tề lên nối ngôi.

Văn vương đau nặng. Thái tử Anh Tề từ bên Hán về; đến đây, lên nối ngôi, ấy là Minh vương, truy đặt tên thụy cho Triệu vương Hồ là Văn vương.

Năm Đinh Tị (124 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 1; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 5).

Nhà Triệu dùng Lữ Gia làm thái phó. Năm Mậu Ngọ (123 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 2; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 6).

Triệu vương lập Cù Thị làm hoàng hậu, con thứ là Hưng làm thế tử.

Trước kia, Minh vương còn là thế tử, vào làm con tin bên Hán, ở đất Trường An, có lấy nàng Cù Thị, người huyện Hàm Đan, sinh con là Hưng. Kịp khi lên ngôi, vương dâng thư sang Hán, xin lập Cù Thị làm hoàng hậu. Hưng làm thế tử. Nhà Hán thường sai sứ sang khuyên bảo vương vào chầu. Vương sợ vào chầu, chắc mình sẽ phải theo phép nhà Hán, bị liệt vào hạng nội chư hầu. Vương cố ý cáo bệnh, không theo lời dụ của vua Hán, chỉ sai con là Thứ Công vào làm con tin.

Năm Mậu Thìn (113 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 12; Hán, năm Nguyên Đỉnh thứ 4).

Triệu vương Anh Tề chết. Con là Hưng lên nối ngôi.

Truy đặt tên thụy cho Triệu vương Anh Tề là Minh vương. Hưng là con thứ của Minh vương; mẹ là Cù Thị, người Hán. Hưng trị vì được một năm, bị bầy tôi là Lữ Gia giết chết, tên thụy là Ai vương.

Nhà Hán sai sứ sang dụ Triệu vương vào chầu.

Hưng lên làm vua, tôn mẹ là Cù Thị làm thái hậu. Trước kia, Cù Hậu khi chưa lấy Minh vương, đã từng tư thông với An Quốc Thiếu Quý (An Quốc là họ, Thiếu Quý là tên), người đất Bá Lăng. Đến năm này, nhà Hán sai Thiếu Quý sang dụ bảo vương và thái hậu vào cầu, lại sai bọn biện sĩ gián đại phu là Chung Quân giữ việc du thuyết, dũng sĩ là Ngụy Thần giúp việc quyết định, vệ úy là Lộ Bác Đức đem quân đóng ở Quế Dương để đợi tin sứ giả. Bấy giờ vương còn thơ dại; Cù Hậu lại tư thông với Thiếu Quý. Người nước đều biết rõ chuyện, nên nhiều người không theo về với Cù Hậu. Cù Hậu sợ trong nước nổi loạn, muốn dựa vào uy quyền nhà Hán, khuyên vương và các quan nên phụ thuộc vào Hán. Nhân có Hán sứ đấy, thái hậu liền dâng thư xin liệt vào hàng nội chư hầu: cứ ba năm một lần vào chầu, xóa bỏ cửa quan ải nơi biên giới. Vua Hán ưng thuận, ban ấn bạc cho thừa tướng Lữ Gia và các ấn cho nội sử, trung úy và thái phó; còn các quan chức khác đều được tự ý xếp đặt. Từ bỏ những hình phạt thích chữ vào mặt và xẻo mũi; dùng pháp luật nhà Hán. Về chính tị thì theo như các nội chư hầu; đặt sứ giả đóng ở trong nước để trấn thủ và vỗ về.

> **Lời phê -** Việc làm của Hán Vũ đế so với Hán Văn đế, đằng chính đáng (chỉ Văn đế), đằng quỷ quyệt (chỉ Vũ đế), đã khác hẳn nhau rồi, nhưng đọ với việc nghĩa mà Vũ đế đã làm trong khoảng năm Kiến Nguyên (140-135 tr.c.ng.)2 lại thật trái nhau quá! Thế mà Bắc sử khen Vũ đế là một vua có "tài lớn, mưu cao", vậy ra cho rằng như thế là đủ xứng đáng rồi sao?

---

[1] Chỉ Triệu Đà.

[2] Chỉ việc Hán Vũ đế giúp Triệu vương đánh Mân Việt vương.

Năm Kỷ Tị (112 tr.c.ng.) (Triệu Ai vương năm thứ nhất; Hán, năm Nguyên Đỉnh thứ 5).

Tháng 11, mùa đông. Thái phó nhà Triệu là Lữ Gia giết Triệu vương Hưng và thái hậu Cù Thị; lại giết cả sứ giả nhà Hán, rồi lập Thuật Dương hầu[1] Kiến Đức lên làm vua.

Triệu vương và thái hậu sắm sửa hành trang, đem nhiều lễ vật quý trọng để làm đồ lễ vào chầu vua Hán. Bấy giờ tể tướng Lữ Gia đã có tuổi, từng giúp ba triều vua, họ hàng làm quan to đến hơn bảy mươi người, các con trai đều lấy công chúa, các con gái thì gả cho con em họ nhà vua hoặc thông gia với Tần vương ở Thương Ngô. Lữ Gia ở trong nước rất được lòng người. Lữ Gia thường can ngăn Triệu vương chớ có phụ thuộc vào nhà Hán, nhưng vương không nghe. Vì thế, ông có lòng phản bạn, thường cáo bệnh, không hội kiến với sứ giả nhà Hán. Sứ giả vẫn định giết ông nhưng chưa có đủ thế lực làm được. Triệu vương và thái hậu sợ bọn Lữ Gia khởi sự trước, nên muốn dựa uy quyền sứ giả nhà Hán để mưu giết bọn Lữ Gia, bèn đặt tiệc, mời sứ giả đến uống rượu, các quan đại thần đều ngồi hầu. Em Lữ Gia làm tướng, đem quân đóng ở ngoài cung. Đến lúc ăn tiệc, thái hậu bảo Lữ Gia: "Nam Việt phụ thuộc vào Hán là lợi cho nước, vậy mà tướng quân cho là bất tiện là cớ làm sao?". Nói vậy cốt khích cho sứ giả tức giận, song sứ giả hồ nghi, giữ miếng; chẳng ai dám hành động. Lữ Gia liền đứng dậy, đi ra. Thái hậu nổi giận, toan rút ngọn mâu đâm theo, nhưng Triệu vương ngăn lại. Lữ Gia lui ra được, liền cáo bệnh, không vào chầu, ngầm bàn với các đại thần để khởi loạn. Triệu vương không có ý giết Lữ Gia. Lữ Gia biết thế, nên còn để chậm lại đến vài tháng không khởi sự. Thái hậu muốn độc lực giết Lữ Gia, lại không đủ sức. Vua Hán hay tin Lữ Gia không thuận, mới sai Tế Bắc tướng là Hàn Thiên Thu và em Cù hậu là Cù Lạc đem hai nghìn người lấn vào bờ cõi. Lữ Gia hạ lệnh bảo người trong nước: "Vương còn ít tuổi; thái hậu vốn là người Hán, lại tư thông với sứ giả nhà Hán, chăm chăm chỉ chực nội phụ, đem dâng hết cả đồ vật quý báu của tiên vương để bợ đỡ nhà Hán, hòng chuốc lấy cái lợi chốc lát, không đoái đến xã tắc nhà Triệu, chẳng có ý lo nghĩ đến mưu chước sâu xa muôn đời". Bấy giờ Lữ Gia mới cùng em đem quân sĩ đánh giết vương và thái hậu, lại giết hết cả các sứ giả nhà Hán. Rồi sai người đi báo cho Tần vương Thương Ngô và các quận ấp đều biết, lập con cả Minh vương là Thuật Dương hầu, tên gọi Kiến Đức, lên làm vua.

Lời chua - Kiến Đức: Con cả Minh vương, mẹ Kiến Đức là người Việt.

Đâm bằng ngọn mâu: Ý muốn dùng ngọn mâu chực đâm chết Lữ Gia.

Mùa thu. Nhà Hán sai bọn tướng quân Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem quân sang đánh.

Khi Lữ Gia lập Kiến Đức lên làm vua, thì quân của Hàn Thiên Thu đã sang đến bờ cõi Nam Việt, phá được vài ấp nhỏ rồi. Lữ Gia bèn mở ngay một con đường để tải lương cho quân, còn cách Phiên Ngung 40 dặm, đem binh đánh giết được bọn Hàn Thiên Thu, sai người gói cờ sứ tiết của nhà Hán để trả ở núi Tái thượng. Lại khéo làm những lời giả trá để tạ tội; đóng quân canh giữ những nơi xung yếu. Hay tin ấy, vua Hán sai Phục Ba tướng quân, Lộ Bác Đức, đem một toán quân ra huyện Quế Dương, đi xuống mạn sông Hoàng Thủy; Lâu Thuyền tướng quân, Dương Bộc, đem một toán quân ra huyện Dự Chương đi xuống mạn sông Hoành Phố; Qua Thuyền tướng quân, Nghiêm, đem một toán quân ra huyện Linh Lăng đi xuống mạn sông Ly Thủy; Hạ Lại tướng quân, Giáp, đi xuống quận Thương Ngô; Trì Nghĩa hầu nước Việt, Quý, đem quân của nước Dạ Lang đi xuống mạn sông Tường Kha. Rồi tất cả đều hội binh ở Phiên Ngung.

Lời chua - Tái thượng: Sách ẩn[2] có chép: theo sách Nam khang ký, núi Đại Dũ tên là Tái thượng.

Lâu thuyền: Theo Ưng Thiệu, bấy giờ muốn đánh nước Việt, không đi đường thủy thì không đến được, nên phải đóng thuyền lớn, trên thuyền có làm cái lầu, gọi là "lâu thuyền".

---

[1] Có sách chép là "Vệ dương".

[2] Tức là Sử ký sách ẩn, gọi tắt, một bộ sách chú giải Sử ký, gồm 30 quyển, do Tư Mã Trinh, đời Đường, soạn.

Qua thuyền: Theo Trương Yến, người Việt dùng thuyền lớn đi trong nước; lại vì có nạn giao long làm hại, nên phải cắm cây giáo ở dưới đáy thuyền; vì thế gọi là "qua thuyền". Toản (tên người) nói rằng: Trong thư của Ngũ Tử Tư có nói dùng qua thuyền để chở lá mộc và giáo mác. Do đó có tên gọi là "qua thuyền".

Hạ Lại: "Lại" là tên sông. Ở đất Việt, nước chảy qua trên bãi cát. Có thuyết cho rằng "Lại" là dòng nước chảy xiết.

Tướng quân Nghiêm, Giáp: Nghiêm và Giáp đều là tên người. Sử cũ đều không chép họ. Sách Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống chép là Triệu Nghiêm. Sách Bách Việt tiên hiền chỉ chép là Trịnh Nghiêm và Điền Giáp.

Trì nghĩa hầu Quý: Quý là người Việt, Sử cũ không chép họ. Sách Bách Việt tiên hiền chỉ chép là Hà Di.

Dạ Lang: Tên nước. Nay là đất Kiện Vi thuộc Bá Châu. Đời Hán, ở Tây Di, có đến hàng chục người làm quân trưởng. Dạ Lang là nước lớn nhất, ở ngoài cõi Thục quận: Phía Đông giáp Giao Chỉ, phía Tây giáp Điền Quốc. Đời Hán Vũ đế, Đường Mông dâng thư nói có thể tuyển được hơn mười vạn tinh binh ở Dạ Lang, bơi thuyền vượt sông Tường kha, xuất kỳ bất ý mà đánh, đó là một lối dùng kỳ binh để chế trị nước Việt...

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Tiền Biên

Quyển thứ II

Năm Canh Ngọ (111 tr.c.ng.) (Triệu vương Kiến Đức năm thứ 1; Hán, năm Nguyên Đỉnh thứ 6).

Mùa đông. Bọn Lộ Bác Đức tiến quân đánh phá Phiên Ngung, đuổi bắt được Triệu vương Kiến Đức và Lữ Gia.

Dương Bộc nhà Hán đem quân tinh nhuệ trước tiến đánh hãm Tầm Hiệp, phá Thạch Môn, bắt được thuyền chở lương của nước [Nam] Việt[1]. Nhân thế, tiến quân đánh tràn, làm nhụt được uy lực sắc bén của đất Việt[2], rồi dùng mấy vạn người Việt[3], chờ Bác Đức. Bác Đức vì đường xa, nên sau kỳ hạn mới đến. Khi gặp Dương Bộc, có hơn một nghìn người, rồi hai bên đều tiến. Quân Dương Bộc tiến thẳng đến thành Phiên Ngung. Vua Kiến Đức và thái phó Lữ Gia đóng giữ ở trong thành. Dương Bộc tự chọn lấy chỗ tiện lợi đóng ở mặt Đông Nam; Bác Đức đóng ở mặt Tây Bắc. Giời sẩm tối, Dương Bộc đánh bại quân địch, phóng lửa đốt thành. Trong thành vẫn nghe đồn uy danh Bác Đức, lại nhân trời tối, không biết Bác Đức có bao nhiêu quân. Bác Đức đóng doanh trại, rồi sai sứ chiêu dụ những người ra đầu hàng và đều cho họ ấn có thao. Sau lại cho về để họ chiêu dụ lẫn nhau. Một mặt Dương Bộc lại cứ cố sức đánh, đến tang tảng sáng, người trong thành đều ra hàng cả. Kiến Đức và Lữ Gia, nhân đêm tối, cùng với mấy trăm người trốn ra, đi về mạn biển. Bác Đức dò hỏi những người đã đầu hàng, biết được chỗ Lữ Gia ở, sai người đuổi theo. Quan hiệu tư mã Tô Hoằng bắt được vua Kiến Đức, chức lang nước [Nam] Việt, Đô Kê, bắt được Lữ Gia. Thương Ngô vương Triệu Quang, người cùng họ với vua [Nam] Việt, nghe tin quân Hán đến, ra đầu hàng. Quan giám quận Quế Lâm của Nam Việt là Cư Ông khuyên dụ Âu Việt và Lạc Việt đều đầu hàng cả[4]. Lúc bấy giờ quân của hai tướng Hạ Lại và Qua Thuền, với quân Dạ Lang do Trì Nghĩa hầu chỉ huy, chưa đến nơi, nước Việt đã bị Bác Đức và Dương Bộc dẹp yên rồi. Khi ấy hai quan sứ trong nước [Nam] Việt đem trâu một trăm con, rượu một nghìn chung và thân mang sổ hộ hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ đến đón hàng. Bác Đức phong cho hai quan sứ ấy làm thái phú quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân, vẫn được cai trị dân như trước. Từ đây Nam Việt thuộc Hán.

Lời cẩn án - Trước kia, nhà Triệu khi diệt được nhà Thục, sai hai quan sứ trông coi hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân, thế mà, về đoạn này, Sử cũ lại chép là "ba quan sứ đem sổ hộ tịch ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam ra hàng", thì thực trái ngược nhau. Nay tra sách Thủy kinh chú của Lịch Đạo Nguyên[5] có chép: "Năm Nguyên Đỉnh thứ 6 (111 tr.c.ng.), Vũ đế nhà Hán đặt lỵ sở chức đô úy. Sách Giao Chỉ thành ký[6] chép rằng:

---

[1] Chỉ nước Nam Việt nhà Triệu.

[2] Riêng chỉ địa bàn Quảng Đông lúc bấy giờ.

[3] Riêng chỉ địa bàn Quảng Đông lúc bấy giờ.

[4] Nguyên văn là "Âu, Lạc giai hàng".

[5] Lịch Đạo Nguyên, tên tự là Thiện Trưởng, người đất Phạm Dương đời Bắc Ngụy, làm ngự sử trung úy, có soạn Thủy kinh chú 40 quyển. Sách này rất được giới văn học quý trọng.

[6] Vì Sử Cương mục dẫn theo một bản Thủy kinh chú khác (Phường bản), nên có vài điểm dị đồng như: Giao Châu ngoại vực ký chép là Giao Chỉ thành ký. Câu "cập nhị quận dân hộ khẩu bạ nghệ Lộ tướng quân..." chép là "cập nhị quận dân hộ bạ hàng Lộ tướng quân..." và trên chỗ "chư Lạc tướng" không có chữ "chủ"... Vậy nay, để tiện tham khảo, xin theo một thiện bản khác mà dịch lại cả đoạn văn Thủy kinh chú ấy như thế này: "Năm Nguyên Đỉnh thứ 6 (111 tr.c.ng.) đời Hán Vũ đế, lập lỵ sở cho chức đô úy (ở huyện Mi Linh). Sách Giao Châu ngoại vực ký chép rằng: [Nam] Việt vương sai hai sứ giả coi quản nhân dân hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Về sau, nhà Hán sai phục ba tướng quân Lộ Bác Đức đánh [Nam] Việt vương Lộ Bác Đức đến Hợp Phố, [Nam] Việt vương sai hai sứ giả đưa đến Lộ tướng quân trăm con trâu, nghìn chung rượu và sổ hộ khẩu của dân hai

Vua Triệu [Đà] sai hai quan sứ trông coi dân hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân. Về sau, nhà Hán sai Lộ Bác Đức sang đánh vua [Nam] Việt, quân Lộ Bác Đức đến quận Hợp Phố, vua Việt sai hai quan sứ đem trâu một trăm con, rượu một nghìn chung và sổ hộ tịch hai quận ra hàng. Lộ Bác Đức phong cho hai quan sứ làm thái thú Giao Chỉ và Cửu Chân, làm chủ các quan Lạc tướng là những người cai trị nhân dân như trước[1]". Nay cải chính mấy điều sai ấy của Sử cũ.

Lời chua - Tầm Hiệp: Tên đất. Sách Sử ký chép là "Hiệp". Đất này ở phía Tây huyện Thủy Hưng (thuộc tỉnh Quảng Đông).

Thạch Môn: Cách huyện Phiên Ngung 20 dặm về phía Bắc. Xưa kia, Lữ Gia xếp đá ở sông để chống nhà Hán, vì thế gọi là Thạch môn.

Đóng doanh trại (Vi doanh): Theo Nhan Sư Cổ, nghĩa là đóng doanh trại để chờ đón người đến đầu hàng.

Hiệu Tư Mã: Theo Nhan Sư Cổ, chức Tư Mã trong một hiệu quân, cũng như chức Tổng Quản Tư Mã của một tướng quân đời Đường.

Lang Đô Kê: Theo Mạnh Khang, lang: tên chức quan, do nước Nam Việt tự đặt ra. Theo Bách Việt tiên hiền chỉ, Đô Kê là họ và tên người.

Giám Cư Ông: Quan giám quận Quế Lâm; Cư Ông: họ và tên người.

Nhà Hán diệt nhà Triệu rồi, chia đất đặt làm chín quận, liệt làm bộ Giao Chỉ.

Nhà Hán đã bình được nhà Triệu, mới lấy đất đặt làm chín quận: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đam Nhĩ. Mỗi quận đặt một thái thú để cai trị. Tên gọi "Giao Chỉ bộ" có từ đấy.

Lời phê - Xét chung từ trước đến sau, đất đai của nước Việt ta bị mất về Trung Quốc đã đến quá một nửa, tiếc rằng vua sáng tôi hiền các triều đại cũng nhiều người lỗi lạc hiếm có ở trên đời, mà vẫn không thể nào lấy lại được một tấc, đó là việc đáng ân hận lắm! Thế mới biết việc thu hồi đất đai đã mất, từ đời trước đã là việc khó, chứ không những ngày nay mà thôi. Thật đáng thương tiếc.

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ - Từ khi Vũ đế nhà Hán diệt nhà Triệu, lấy đất của nhà Triệu, đặt ra chín quận: Châu Nhai, Đam Nhĩ ở trong biển. Hai quận ấy hợp với các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm và Hợp Phố đều liệt làm bộ Giao Chỉ. (Theo Quận quốc chí trong Hậu Hán thư, kể từ Giao Chỉ trở xuống, 7 quận gồm 55 huyện đều thuộc bộ Giao Chỉ). Sau đó chưa từng chia sẻ, mãi đến nhà Ngô mới chia Giao Châu, đặt thêm Quảng Châu. Nhà Đường mới đặt An Nam đô hộ, lỵ sở ở quận Giao Chỉ, do đó ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam mới riêng hẳn là An Nam. Về đời Hán, chín quận này đều thuộc về Nam Việt, Triệu Đà chuyên giữ quyền hành trong các đất này; duy có ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (theo các sử sách đã trình bày, chỉ có hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân thôi, còn Nhật Nam mãi đến đời Hán mới tách ra. Đây chép làm 3 quận là lầm) thì dùng ba (đáng phải nói là hai) quan điển sứ quản lĩnh cai trị. Khi nhà Triệu bị nhà Hán diệt, ba (nên nói là hai) quan điển sứ đem sổ đinh ra đầu hàng. Nhân thế, nhà Hán đặt ra các chức thú và úy gọi cả đất Nam Việt là Giao Chỉ. Có lẽ trong chín quận ấy ba quận thuộc Giao Châu, còn sáu quận thuộc Quảng Châu.

Lời chua - Chín quận: Theo Địa lý chí trong Tiền Hán thư, chín quận ấy như sau:

---

quận. Lộ Bác Đức phong hai sứ giả làm thái thú Giao Chỉ và Cửu Chân. Các Lạc tướng lại làm chủ, cai trị nhân dân như cũ". (Thủy kinh chú, quyển 37, tr. 62).

[1] Xem chú thích 3, 4 trang trước.

Quận Nam Hải thống trị 6 huyện: Phiên Ngung, Bác La, Trung Túc, Long Xuyên, Tứ Hội, Yết Dương.

Quận Thương Ngô thống trị 10 huyện: Quảng Tín, Tạ Mộc, Cao Yếu, Phong Dương, Lâm Hạ, Đoan Khê, Phùng Thặng, Phú Xuyên, Lệ Phố, Mãnh Lăng.

Quận Uất Lâm thống trị 12 huyện: Bố Sơn, An Quảng, A Lâm, Quảng Uất, Trung Lưu, Quế Lâm, Đàm Trung, Lâm Trần, Định Chu, Tăng Thực, Lĩnh Phương, Ung Kê.

Quận Hợp Phố thống trị 5 huyện: Từ Văn, Cao Lương, Hợp Phố, Lâm Doãn, Chu Lư.

Quận Giao Chỉ thống trị 10 huyện: Liên Thụ1, An Định, Cẩu Lậu, Mi Linh, Khúc Dương, Bắc Đái, Kê Từ, Tây Vu, Long Biên, Chu Diên.

Quận Cửu Chân thống trị 7 huyện: Tư Phố, Cư Phong, Đô Bàng, Dư Phát, Hàm Hoan, Vô Thiết, Vô Biên.

Quận Nhật Nam thống trị 5 huyện: Chu Ngô, Tị Ảnh, Lư Dung, Tây Quyển, Tượng Lâm.

Nam Hải: Quận cũ của Tần. Xem thêm An Dương vương, năm thứ 44 (Tb.I, 11).

Thương Ngô: Đời Tần, thuộc đất quận Quế Lâm, nay là Ngô Châu.

Uất Lâm: Đời Tần, thuộc đất quận Quế Lâm nay thuộc đất Quảng Tây.

Hợp Phố: Đời Tần, thuộc đất Tượng quận, nay là đất Liêm Châu.

Giao Chỉ, Cửu Chân: Đều xem Triệu Vũ vương năm thứ 10 (Tb.I, 12).

Nhật Nam: Xưa kia là bộ Việt Thường. Đời Tần, là đất Tượng quận. Đời Triệu, thuộc quận Cửu Chân. Đầu đời Hán, tách ra đặt làm Nhật Nam. Các đời Ngô, Tấn, Tống vẫn để nguyên thế. Sau đó bị Lâm Ấp chiếm mất. Đời Tùy bình Lâm Ấp, lấy đất ấy đặt làm Đãng Châu, rồi đổi làm quận Tị Ảnh. Sau nữa mất vào đất Chiêm Thành, bây giờ là đất Quảng Bình và Quảng Trị. Theo Nhan Sư Cổ, Nhật Nam nghĩa là ở về phía Nam mặt trời, tức gọi là mở cửa về phương Bắc để hướng về chiều mặt trời. Như Thuần nói: Đương lúc giữa trưa, mặt trời tròn bóng, đúng giữa đầu mình, nên gọi là Tỵ Ảnh.

Châu Nhai: Ở trong biển lớn, gần bên bờ biển. Đời Đường đổi Châu Nhai làm Nhai Châu; bây giờ là đất Nhai Châu thuộc phủ Quỳnh Châu nhà Thanh.

Đam Nhĩ: Cũng là một bãi nổi ở trong biển lớn. Đời Đường đổi gọi Đam Châu; nay là đất Đam Châu thuộc phủ Quỳnh Châu nhà Thanh.

Nhà Triệu đến đây mất. Kể từ Triệu Vũ vương năm Giáp Ngọ lên làm vua, đến Thuật Dương vương năm Canh Ngọ mất nước, tất cả được chín mươi bảy năm (207 đến 111 tr.c.ng.).

Năm Tân Mùi (110 tr.c.ng.) (Hán, năm Nguyên Phong thứ 1).

Triều Hán dùng Thạch Đái làm thứ sử bộ[2] Giao Chỉ.

Theo chế độ nhà Hán, viên quan giữ chức ở châu có quyền thống lĩnh cả các quận thuộc châu mình. Chín quận của Giao Chỉ, trừ hai quận Châu Nhai và Đam Nhĩ ở trong biển không kể, còn 7 quận thuộc Giao Chỉ, do Thạch Đái làm thứ sử trong cả bộ. Về thời Tây Hán, trị sở của thứ sử ở Long Uyên; thời Đông Hán, trị sở ở Mi Linh.

---

[1] Đây theo Cương mục chua âm là "Liên thụ" (c.2, t.5). Nhưng ở Phương Đình địa chí quyển 1 tờ 11b có cho biết rằng: Nguyên ở Hán chí âm là La Lũ; đến đời Nam Tề vì viết lầm, nên người sau mới lầm là Liên và đọc là thụ.

[2] Ở đây chắc là có sự nhầm lẫn. Thứ sử là chức quan đứng đầu một châu (bộ). Nhà Hán bắt đầu đặt từ năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.). Năm Tân Mùi, Nguyên Phong thứ 1 (110 tr.c.ng.). Thạch Đái không thể làm thứ sử Giao Chỉ được.

Lời cẩn án - Chế độ nhà Hán, ở châu thì đặt thứ sử, ở quận thì đặt thái thú. Sử cũ chép: "Thạch Đái làm thái thú chín quận". Có lẽ nào một người mà làm việc cai trị cả chín quận? Nay theo bản sử của Ngô [Thì] Sĩ, cải chính lại. Lại còn việc: khi nhà Hán đặt bộ Giao Chỉ, lỵ sở ở Liên Thụ, năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.) dời trị sở sang huyện Quảng Tín ở quận Thương Ngô. Đến năm Kiến An thứ 15 (210), đóng lỵ sở ở huyện Phiên Ngung. Nhà Ngô lại dời lỵ sở sang Long Biên, còn ở lỵ sở cũ (chỉ Phiên Ngung) đặt làm Quảng Châu. Như thế thì về đời Tây Hán chưa hề đóng lỵ sở ở Long Uyên; đời Đông Hán chưa hề đóng lỵ sở ở Mi Linh. Việc này e rằng Sử cũ chép lầm, nhưng cũng hãy ghi lại để tra xét.

Lời chua - Liên Thụ: Tên huyện, thuộc quận Giao Chỉ; nay ở xã Lũng Khê, huyện Siêu Loại, Bắc Ninh, còn có vết cũ thành xưa.

Long Uyên: Tức là Long Biên, tên hiệu về đời Hán, thuộc quận Giao Chỉ, trị sở của quận về thời Đông Hán. Theo sách Thủy kinh chú, nhà Hán, năm Kiến An thứ 13 (208), khi mới đắp thành, có giống giao long lượn đi lượn lại ở hai bên bờ sông; nhân thế đổi gọi là Long Uyên. Nhà Lý đóng kinh đô ở đấy, đổi tên là Thăng Long; nhà Trần, nhà Lê cũng đóng kinh đô ở đấy cả. Bây giờ là tỉnh thành Hà Nội.

Mi Linh: Sử cũ chua là An Lãng thuộc Sơn Tây. Sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi chép rằng: Mi Linh tức là huyện Phúc Thọ (xưa là Phúc Lộc). Trong sách Vân đài loại ngữ, Lê Quý Đôn chép: Mi Linh tức là đất Phong Châu. Lại nói: Mi Linh tức là An Lãng. Theo Địa lý chí trong Đường thư, Mi Linh ở địa phận hai huyện Phúc Lộc và Đường Lâm. Sách Văn hiến thông khảo chua rằng: "Các đất Gia Ninh, Thừa Hóa và Tân Xương đều là đất huyện Mi Linh đời Hán. Lại còn Đường thư chép: Phong Châu thống trị năm huyện: Gia Ninh, Thừa Hóa, Tân Xương, Cao Thượng, Châu Lục. Vậy thì Mi Linh tức là Phong Châu mới phải.

Huyện Quảng Tín - Theo sách Phương dư kỷ yếu, Quảng Tín thuộc quận Thương Ngô; nay đổi làm huyện Thương Ngô thuộc phủ Ngô Châu.

Năm Kỷ Sửu (29 s.c.ng.) (Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 5).

Quan mục[1] Giao Chỉ là Đặng Nhượng sai sứ sang cống hiến triều Hán.

Cuối đời Vương Mãng, quan mục Giao Chỉ, Đặng Nhượng, cũng như các quận khác, đóng biên giới, giữ lấy đất quận của mình. Tướng nhà Hán, là Sầm Bành, vốn quan thân Đặng Nhượng, gửi thư cho Đặng Nhượng kể rõ uy đức nhà Hán, bấy giờ Đặng Nhượng mới bảo thái thú Giao Chỉ là Tích Quang và các thái thú các quận khác như là bọn Đỗ Mục, v.v... sai sứ sang cống hiến nhà Hán. Vua Hán phong cả cho mọi người ấy tước hầu.

Lời chua - Giao Chỉ: Xem Triệu Vũ vương năm thứ 10 (Tb.I, 20).

Nhà Hán dùng Nhâm Diên[2] làm thái thú[3] quận Cửu Chân.

Theo Hậu Hán thư, hồi đầu năm Kiến Vũ (25-39 s.c.ng.), Nhâm Diên được triệu ra làm thái thú quận Cửu Chân. Tục Cửu - dân làm nghề săn bắn, không biết dùng trâu cày ruộng, nên nhân dân phải đong ăn ở quận Giao Chỉ, thường bị khốn khổ thiếu thốn. Nhâm Diên mới sai rèn đúc đồ làm ruộng, dạy dân khai khẩn đất hoang, ruộng nương mỗi ngày mỗi mở rộng, nhân dân đều được no đủ.

---

[1] Mục là chăn dắt. Quan mục Giao Chỉ tức là người chăn dắt dân ở quận Giao Chỉ. Ở đây chỉ chức quan đứng đầu một quận, tức Thái thú.

[2] Chữ "Nhâm" họ của Nhâm Diên chép ở đây, cũng như họ của Nhâm Hiêu chép ở quyển I, âm là nhâm như ta thường đọc, nhưng về tự dạng, thì sử Trung Quốc và Đại Việt sử ký của ta đều chép nhân bên nhâm Đại Việt sử ký toàn thư thì bớt nét sổ chữ nhâm đi, còn sách Cương mục này thì bớt chữ nhâm đi mà chỉ chép nhâm ___, vì sử thần triều Nguyễn kiêng tên húy Tự Đức.

[3] Chức quan đứng đầu một quận do nhà Hán đặt ra từ năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.).

Lại nữa, dân Lạc Việt bấy giờ không có lễ pháp gì về việc lấy vợ gả chồng. Nhâm Diên mới gửi thư đi các thuộc huyện, những người con trai từ 20 đến 50 tuổi, con gái từ 15 đến 40 tuổi, cứ theo từng hạng tuổi, phải đôi lứa thì lấy nhau; người nào nghèo không lo được lễ cưới thì được trợ cấp. Khoản trợ cấp ấy do các viên chức từ trưởng lại trở xuống bớt một phần lương bổng để giúp cho. Ngay lúc bấy giờ có tới hơn hai nghìn người lấy nhau. Năm ấy mưa hòa gió thuận, thóc lúa phong đăng. Từ đấy, những người sinh ra con cái bấy giờ mới biết con cái là dòng dõi nhà nào. Họ đều nói rằng: "Ta được có đứa con này là nhờ có ông Nhâm". Nhiều người lấy chữ "Nhâm" đặt tên cho con.

Nhâm Diên làm quan được bốn năm, được vua Hán gọi về. Người quận Cửu Chân lập sinh từ thờ sống Nhâm Diên.

Trước kia, về đời Hán Bình đế (1-5 s.c.ng.), Tích Quang, người đất Hán Trung làm thái thú Giao Chỉ, đem lễ nghĩa dạy dân. Hồi đầu niên hiệu Kiến Vũ, Tích Quang được phong Diêm thủy hầu. Phong tục hoa hạ lan trên đất Lĩnh Nam là bắt đầu từ đời hai thái thú này.

Lời chua - Nhâm Diên: Người huyện Uyển, thuộc Nam Dương.

Lời phê - Triệu Đà vốn là người Trung Quốc, làm vua trên nước Nam Việt và truyền nối đã ngót trăm năm. Xem bức thư trả lời Văn đế nhà Hán thì Triệu Đà vốn là người có học thức; có lẽ nào lại chưa biết dạy dân phép cấy cày và lễ giá thú mà phải đợi bắt đầu từ hai thái thú ấy? Huống chi, lại bảo đồng thời có tới hơn hai nghìn người lấy nhau. Xem thế đủ thấy rõ rằng ghi chép thất thực, không đủ tin.

Năm Giáp Ngọ (34 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 10). Triều Hán dùng Tô Định làm thái thú Giao Chỉ.

Năm Canh Tí (40 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 16).

Tháng 2, mùa xuân. Người con gái quận Giao Chỉ là Trưng Trắc khởi binh đánh đuổi thái thú Tô Định; tự lập làm vua.

Vương vốn họ Lạc, lại có một tên họ nữa là Trưng. Là con gái quan lạc tướng huyện Mi Linh, quận Giao Chỉ, và là vợ Thi Sách[1] người huyện Chu Diên, bà là người rất hùng dũng. Lúc bấy giờ thái thú Tô Định cai trị tham lam và tàn bạo, giết mất chồng bà. Bà bèn cùng với em gái là Trưng Nhị dấy quân, đánh hãm chỗ châu lỵ. Tô Định phải chạy về Nam Hải. Quân Bà đi đến đâu, như gió lướt đến đấy. Các dân tộc man, lý ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng theo. Lấy lại và dẹp yên được 65 thành ở đất Lĩnh Nam. Bà tự lập làm vua, đóng đô ở Mi Linh. Các thứ sử, thái thú ở quận Giao Chỉ đều chỉ bảo toàn được mình thôi.

Lời chua - Huyện Chu Diên: Đặt từ đời Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Đường đổi làm Diên Châu; nhà Lê đổi làm phủ Tam Đái. Bây giờ là đất phủ Vĩnh Tường tỉnh Sơn Tây[2].

Năm Tân Sửu (41 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 17).

Tháng 12, mùa đông. Nhà Hán phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Lưu Long làm Phó tướng, đốc xuất bọn Lâu Thuyền Tướng quân là Đoàn Chí, sang đánh Trưng Vương.

Nhà Hán cho rằng Trưng thị tự xưng làm vua, đem quân đánh các thành ấp, làm cho các nơi biên giới bị khổ sở, bèn bắt các đất Trường Sa, Hợp Phố và Giao Chỉ sắm sửa đủ xe, thuyền, sửa sang cầu đường, khơi thông các khe suối, chứa sẵn lương thóc; phong Mã Viện làm Phục ba Tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm Phó tướng, đốc xuất bọn Lâu thuyền Tướng quân là Đoàn Chí sang đánh Trưng Vương.

Năm Nhâm Dần (42 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 18).

---

[1] Trong Thủy kinh chú quyển 37, tờ 62 chép chồng bà Trưng tên là Thi: "... Chu Diên lạc tướng tử danh Thi, sách Mi Linh lạc tướng nữ danh Trưng Trắc vi thê...": Con Lạc tướng ở Chu Diên, tên là Thi, hỏi lấy (sách) con gái lạc tướng ở Mi Linh, tên là Trưng Trắc, làm vợ.

[2] Nay là tỉnh Vĩnh Phúc.

Tháng 3 mùa xuân. Quân Mã Viện đến Lãng Bạc, cùng quân Trưng Trắc đánh nhau và phá tan được. Trưng Trắc lui giữ đất Cấm Khê.

Mã Viện ven theo đường biển tiến quân, qua núi đốn cây, đi hơn nghìn dặm đến Lãng Bạc, đánh nhau với quân Trưng vương. Trưng vương thấy thế quân bên Hán mạnh nhiều, tự nghĩ quân mình ô hợp, sợ không thể chống lại được. Quân của bà cũng cho rằng bà là đàn bà, không địch nổi với Hán; vì thế quân bà tự tan vỡ.

Lời chua - Lãng bạc: Còn có tên là Dâm Đàm, ở về phía Tây con đường mặt Tây thành Đại La. Về đời Lê, đổi gọi là Tây Hồ tức là Hồ Tây tỉnh Hà Nội ngày nay.

Cấm Khê: Sách Thủy kinh chú của Lịch Đạo Nguyên chua rằng: Theo sách Việt chí, Cấm Khê là Kim Khê, ở phía Tây Nam huyện Mi Linh. Theo sách Nam Việt chí của Thẩm Hoài Viễn, Trưng Trắc chạy vào trong hang Kim Khê, hai năm mới bắt được. Theo sách Phù Nam Ký của Trúc Chi, trên chỗ khe núi nước chảy xói vào gọi là hang. Chương hoài thái tử Lý Hiền chua rằng tức là đất huyện Tân Xương, thuộc Phong Châu bây giờ. Theo thế, thì Cấm Khê phải ở vào địa hạt Vĩnh Tường tỉnh Sơn Tây, nhưng chưa rõ đích là nơi nào. Sử cũ cho là ở huyện Chân Lộc thuộc Nghệ An là nhầm.

Năm Quý Mão (43 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 19). Tháng Giêng, mùa xuân. Trưng Trắc cùng em gái là Nhị cự chiến với quân án. Hai bà bị thua và mất.

Trưng vương cùng em gái là Nhị cự chiến với quân Hán, quân vỡ, thế cô, đều bị thất trận chết. Mã Viện đuổi đánh tàn quân của hai bà là bọn Đô Dương (chữ "Dương" trong Hán thư chép chữ là dê), đến huyện Cư Phong thì hàng phục được họ. Mã Viện lập cột đồng để ghi địa giới tận cùng của nhà Hán. Khi Mã Viện về rồi, người trong nước thương nhớ Trưng vương, lập đền thờ bà.

Lời phê - Hai bà Trưng thuộc phái quần thoa, thế mà hăng hái quyết tâm khởi nghĩa, làm chấn động cả triều đình Hán. Dẫu rằng thế lực cô đơn, không gặp thời thế, nhưng cũng đủ làm phấn khởi lòng người, lưu danh sử sách. Kìa những bọn nam tử râu mày mà chịu khép nép làm tôi tớ người khác, chẳng cũng mặt dày thẹn chết lắm dư!

Lời chua - Cư Phong ______: Còn có tự dạng là Cư Phong _____. Tên đất, do Hán đặt ra, thuộc quận Cửu Chân. Đời Tam Quốc, nước Ngô 222-280 đổi làm huyện Di Phong. Từ sau đời Tống (420-479), đời Tề (479-502), đây là lỵ sở của quận Cửu Chân. Nhà Tùy (581-619), bình được triều Trần[1], bỏ quận Cửu Chân, lấy huyện ấy cho thuộc Ai Châu. Đầu đời Đường (618-907), đất ấy lệ thuộc Nam Lục Châu. Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742-755) bỏ tên đất ấy, cho vào huyện Nhật Nam. Theo sách Giao Châu ký của Tăng Cổn, ở huyện Cư Phong có núi, cứ đến đêm thường thấy trâu vàng hiện ra. Lại nói trên núi ấy có hang gió, cửa hang thường có gió thổi. Bây giờ ở về địa hạt tỉnh Thanh Hóa. Sử cũ chép là ở địa giới châu Vũ Ninh thuộc Bắc Giang là lầm.

Cột đồng: Sách Thủy Kinh chú của Lịch Đạo Nguyên chép rằng: Mã Văn Uyên (Mã Viện, tên tự là Văn Uyên), dựng cái mốc đồng để làm giới hạn cuối cùng của đất phía nam Trung Quốc. Mốc đồng ấy tức là cột đồng. Theo Tùy sử, Lưu Phương khi đi đánh Lâm Ấp, qua cột đồng của Mã Viện, đi về phía naam tám ngày thì đến quốc đô Lâm Ấp. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-820) đời Đường, An Nam đô hộ là Mã Tổng lại lập hai cột đồng ở chỗ Mã Viện dựng cột đồng trước, để tỏ ra mình là dòng dõi con cháu Phục Ba[2]. Theo sách Thông điển của Đỗ Hữu, từ nước Lâm Ấp đi về phía nam, đi thủy, đi bộ hơn hai nghìn dặm đến đấy có nước Tây Đồ Di là chỗ Mã Viện dựng hai cột đồng để nêu địa giới đấy. Theo Tân Đường thư, ở châu Bôn Đà Lãng của Lâm Ấp, phía Nam là năm bãi lớn, có núi "cột đồng" (đồng trụ sơn), hình núi như cái lọng dựng nghiêng, về phía Tây có nhiều núi đá, phía Đông là biển lớn. Cột đồng đó là do Mã Viện

[1] Trần (557-589) là một triều đại thuộc Nam triều (Trung Quốc) bị Tùy diệt năm 589.

[2] Chỉ Mã Viện, vì khi sống, Viện được phong làm Phục Ba tướng quân.

dựng lên[1]. Theo sách Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống, Mã Viện đi đánh Lâm Ấp, đi từ Nhật Nam hơn 400 dặm đến Lâm Ấp, lại đi hơn 20 dặm nữa có nước Tây Đồ Di. Viện đến nước ấy rồi lập hai cái cột đồng ở nơi phân giới giữa Tượng Lâm và Tây Đồ Di. Về đường thủy, đi từ Nam Hải hơn 3000 dặm đến Lâm Ấp, rồi đến cột đồng ở Giao Châu phải 5000 dặm nữa. Sách Nhất Thống chí nhà Đại Thanh có chép: Tương truyền (cột đồng) ở về động Cổ Sâm châu Khâm, Mã Viện có thề rằng: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt", nghĩa là "Cột đồng ấy gãy thì Giao Chỉ bị diệt", nên người Việt đi qua dưới chân cột đồng ấy cứ lấy đá bồi đắp lên mãi thành gò đống cao. Đó vì sợ cột đồng ấy bị đổ gẫy.

Nay xét dã sử thấy có chép tỉnh Phú Yên có sông Đà Diễn. Phía Nam sông ấy có bãi lớn. Phía Tây Nam bãi ấy có núi Thạch Bi. Núi này chu vi tới mười dặm; phía Tây tiếp Đại Lĩnh, nhiều rặng trùng điệp, phía đông ra mãi bờ biển. Trên đỉnh núi ấy có một phiến đá trơ trọi cao hình như bị chẻ dọc. Thao lời ghi chép trong các sách Thông điển, Đường thư, ngờ rằng cột đồng có thể ở chỗ ấy. Chỉ có một điều, một phiến đá trơ trọi ở trên đỉnh núi ấy, cao chừng 10 trượng, rộng tới 6,7 trượng. Nhân dân ở quanh núi ấy nói rằng phiến đá ở trên đỉnh núi là một chỏm đá tự nhiên, không phải của ai lập thành cả. Vậy e rằng ta không thể bảo đấy là cột đồng. Sách Thủy kinh chú có nói: núi sông biến đổi, cột đồng bị lở mất vào trong biển. Lẽ ấy có lẽ đúng.

Đền Trưng vương: Ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ[2] ngày nay.

Mã Viện nhà Hán đắp thành Kiển Giang.

Vì thấy huyện Tây Vu có đến ba vạn ba nghìn hộ, Mã Viện xin chia ra làm hai huyện Phong Khê và Vọng Hải. Vua Hán y cho Mã Viện lại lập thành quách, đặt tỉnh ấp (xóm làng), đắp thành Kiển Giang ở Phong Khê. Thành này hình tròn như cái tổ kén, nên gọi là thành Kiển Giang. Ba năm sau, Mã Viện về nước. Từ đấy về sau, trải qua các đời Minh đế (58-75 s.c.ng.), Chương đế (76-88), Hoa đế (89-105), Thương đế (106), An đế (107-125) gồm 5 đời vua, cộng tám mươi hai năm, mà chỉ thấy về đời Minh đế có Lý Thiện, người huyện Nam Dương, làm thái thú Nhật Nam có lòng yêu dân, làm chính sự có ơn huệ với dân, hấp dẫn được người phương xa. Về sau, Lý Thiện đổi đi làm thái thú Cửu Giang. Các quan lại có tài giỏi của mấy đời vua Hán chỉ thấy nói có một Lý Thiện. Đó có lẽ là những thiếu sót của việc ghi chép sử sách vậy.

Lời chua - Thành Kiển Giang: Theo Đại Thanh Nhất thống chí, thành Kiển Giang, thành Vọng Hải đều ở huyện An Lãng. Khoảng năm Kiến Vũ (25-56), trong khi Mã Viện nhà Hán sang bình Giao Chỉ, đắp hai thành ấy ở huyện Phong Khê và huyện Vọng Hải.

Huyện Tây Vu: Do nhà Hán đặt, thuộc quận Giao Chỉ.

Lý Thiện: Theo Độc hạnh truyện (truyện những người có đức tính đặc biệt) trong Hậu Hán thư, Lý Thiện là người có hạnh có nghĩa. Về thời Quang Vũ (25-57), Lý Thiện được triệu làm chức thái tử Xá Nhân. Về thời Minh đế (58-75), Thiện được cử làm quan ở Công phủ; vì có tài giải quyết việc phiền kịch, được thăng làm thái thú Nhật Nam. Vì làm chính sự theo đường ân huệ, yêu mến nhân dân, hấp dẫn được người phương xa, Thiện được thăng làm thái thú Cửu Giang, nhưng chưa đến nơi thì bị bệnh mất.

Năm Nhâm Dần (102). (Hán, Hòa đế, năm Vĩnh Nguyên thứ 14).

Nhà Hán bắt đầu đặt ra quan tướng binh trưởng sử ở Tượng Lâm.

Theo Hậu Hán thư, trước kia, huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam đem hơn ba nghìn người cướp bóc nhân dân, đốt cả các dinh thự công; các quận huyện đem quân ra đánh, chém được người

[1] Xem thêm Phương đình địa chí loại, quyển 2, tờ 34-36, chỗ khảo về "thuyết đồng trụ".

[2] Thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

đứng đầu, còn dư đảng ra hàng cả. Bấy giờ mới đặt ra quan tướng binh trưởng sử ở Tượng Lâm, để đề phòng mối lo biến loạn.

Lời chua - Tượng Lâm: Tên huyện, nguyên thuộc quận Nhật Nam; cuối đời Hán, là đất nước Lâm Ấp.

Tướng binh Trưởng sử: Tên chức quan đóng ở quận Nhật Nam (theo sách Thập tam châu chí của Hám Nhân).

Năm Giáp Dần (114). (Hán, An đế, năm Nguyên Sơ thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Quận Nhật Nam đất nứt xé ra.

Sách Cương mục (Trung Quốc) chép rằng: Ở quận Nhật Nam đất nứt xé ra dài hơn trăm dặm.

Năm Bính Tí (136). (Hán, Thuận đế, năm Vĩnh Hòa thứ 1).

Nhà Hán dùng Chu Xưởng làm thứ sử Giao Chỉ.

Trước kia, thái thú Chu Xưởng cho rằng quận Giao Chỉ ở ngoài phạm vi chín châu[1], và ở xa mãi về ngoài Bách Việt[2], nên dâng biểu xin đặt chức phương bá[3]; đến bấy giờ vua Hán mới dùng Chu Xưởng làm thứ sử quận Giao Chỉ, trông coi cả công việc các quận huyện.

Lời cẩn án - Thiên Bách quan chí trong Hậu Hán thư chép rằng: 12 châu ở ngoài (ngoài chín châu, Trung Quốc), mỗi châu đặt một thứ sử, phẩm trật lương bổng là sáu trăm thạch4. Bởi vì bắt đầu từ Vũ đế đặt ra 13 thứ sử, dùng 6 điều trong chiếu thư để xét công việc thứ sử các châu, vạch ra việc làm trái phép. Thứ sử tức cũng như giám quận ngự sử đời Tần vậy. Đến đời Thành đế, năm Tuy Hòa thứ nhất (8 tr.c.ng.), triều đình cho rằng chức thứ sử ở dưới hàng đại phu mà lại trông coi việc các quan ăn lương tới hai nghìn thạch, thì không hợp với chức vị khinh, trọng; vì thế mới thay đổi đặt ra chức châu mục. Chức này vào bậc lương hai nghìn thạch, địa vị liền dưới hàng cửu khanh. Đời Ai đế, năm Kiến Bình thứ 2 (5 tr.c.ng.) bỏ chức châu mục, lại đặt thứ sử. Năm Nguyên Thọ thứ 2 (I tr.c.ng.), lại đặt châu mục. Đời Quang Vũ năm Kiến vũ thứ 18 (42 s.c.ng.), lại đặt mười hai thứ sử, mỗi thứ sử đứng đầu coi giữ một châu. Một châu trong đó thuộc về quan (binh là) tư lệ hiệu úy. Đến đời Linh đế, khoảng năm Trung Bình (184-189), bốn phương đều có giặc nổi lên, là vì uy quyền của thứ sử quá nhẹ. Vì vậy, lại đổi đặt làm chức mục bá, chọn các quan thượng thư vào hàng khanh bổ đi làm châu mục. Không bao lâu, Hiến đế lại bỏ Giao Châu để thuộc về Kinh Châu, nhưng châu mục là Lưu Biểu lại tự đặt ra chức thứ sử. Việc vừa có châu mục vừa có thứ sử là bắt đầu từ đấy. Như thế thì các chức quan cai trị đặt ra (ở Giao Châu) có khi gọi là thứ sử, có khi gọi là châu mục, dẫu trước sau hoặc theo cũ hoặc thay đổi, tên gọi khác nhau, nhưng cũng vẫn là một chức quan đứng đầu coi các hàng quận huyện.

Đến như cái tên gọi là Giao Châu, xét theo sách Cương mục (Trung Quốc) thì từ năm Kiến An thứ 8 (203) trở về sau, mới gọi là Giao Châu, còn trước đấy chỉ gọi là quan mục Giao Chỉ, quan thứ sử Giao Chỉ. Khảo thêm sách Tấn Chí, thấy chép: khoảng đời Hán Thuận đế (126-144), thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập đất Giao Chỉ làm một châu; triều đình bàn định không nghe, lại phong Chu Xưởng làm thứ sử Giao Chỉ. Đến đời Hiến đế, năm Kiến An thứ 8 (203), thứ sử Trương Tân và thái thú Sĩ Nhiếp cùng nhau dâng biểu xin lập làm châu. Lúc đó triều đình Hán mới đặt Giao Chỉ làm Giao Châu,

---

[1] Đời cổ, Trung Quốc chia thiên hạ làm chín châu, tên các châu mỗi đời có hơi khác nhau, như: Ký, Duyện, Thanh, Từ, Úng, Dự, Lương, Kinh, Dương, là chế độ nhà Hạ; Ký, Duyện, U, Tứ, Ủng, Dự, Dinh, Kinh, Dương, là chế độ nhà Ân; Ký, Duyện, Thanh, U, Úng, Dự, Tinh, Kinh, Dương, là chế độ nhà Chu. Tóm lại, chín châu là khu vực trung nguyên của Trung Quốc.

[2] Đời cổ những đất Giang, Chiết, Mân, Việt là chủng tộc người Việt ở, nên gọi chung là Bách Việt. Như U Việt ở Chiết Giang; Mân Việt ở Phúc Kiến; Dương Việt ở Giang Tây; Nam Việt ở Quảng Đông; Lạc Việt ở Việt Nam; v.v...

[3] Tên một chức quan to đời cổ, đứng đầu các chư hầu trong một phương.

[4] Đơn vị đong lường xưa của Trung Quốc. Mỗi thạch ăn 10 354 688 công thăng (lít).

phong Trương Tân làm quan mục Giao Châu. Tên gọi là Giao Châu thực bắt đầu từ đấy. Thế mà Sử cũ, vào năm Kiến Vũ thứ 5 (29), đã chép rằng quan mục Giao Châu là Đặng Nhượng sai sứ sang cống hiến nhà Hán; vào năm Vĩnh Hòa thứ 2 (137), đã chép rằng Trương Kiều làm thứ sử Giao Châu. Chép như thế, là chưa chịu tra xét kỹ. Nay xin cải chính lại.

Lời chua - Sáu điều: Điều thứ nhất: Những nhà cường hào chiếm ruộng vườn trái phép, cậy mạnh đè nén người yếu, lấy nhiều người bắt nạt ít người. Điều thứ hai: các quan bậc lương hai nghìn thạch không vâng theo chiếu thư mà tuân giữ phép tắc, trái phép công, thoả ý riêng mình, vơ vét của dân làm sự gian phi. Điều thứ ba: Các quan bậc lương hai nghìn thạch không lo nghĩ xét các án nghi ngờ, chỉ nghe tin phao đã buộc người ta vào tội chết, ghét ai thì phạt, yêu ai thì thưởng, phiền nhiễu tàn bạo, giết hại dân đen, làm cho nhân dân oán ghét. Nhân dịp núi lở đá nứt, phao đồn các tin sai ngoa. Điều thứ tư: Các quan bậc lương hai nghìn thạch tuyển bổ không công bằng, a dua với người mình yêu, ghét bỏ những người tài giỏi, tin yêu kẻ gian ngoan. Điều thứ năm: Các quan bậc lương hai nghìn thạch, những con em cậy mình quyền thế, thỉnh thác quan trên. Điều thứ sáu: Các quan bậc lương hai nghìn thạch làm trái phép công, bè đảng với người dưới, về hùa với kẻ cường hào, thông nhau ăn tiền lấy của, hại đến chính lệnh.

Đô giám quận, huyện: Trương Cửu Thiều nói rằng: "Nhà Hán đặt thứ sử Giao Chỉ cai trị An Nam, trông coi cả việc hành chính bảy quận: Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố.

Năm Đinh Sửu (137). (Hán, năm Vĩnh Hòa thứ 2).

Tháng tư, mùa hạ. Người Man ở Tượng Lâm quận Nhật Nam, là Khu Liên, làm phản.

Theo sách Hậu Hán thư, người Man ngoài cõi xa thuộc Tượng Lâm quận Nhật Nam, là bọn Khu Liên, đem vài nghìn người đánh huyện Tượng Lâm, đốt thành quách công sở, giết người trưởng lại. Thứ sử quận Giao Chỉ là Phàn Diễn đem hơn một vạn quân ở hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân đến đấy cứu viện. Quân sĩ sợ đi xa, quay lại đánh nơi phủ lỵ. Phàn Diễn dẫu có đánh phá được bọn quân sĩ làm phản, nhưng thế lực quân Man mỗi ngày một mạnh.

Lời chua - Khu Liên _____: Họ tên người Man Sách Tấn thư và Cương mục tập lãm đều chép là chữ _____ (Khu Liên): Có lẽ vì chữ Liên ___ đồng âm với chữ ___ ... nên mới lầm chữ nọ ra chữ kia đấy thôi.

Năm Mậu Dần (138). (Hán, năm Vĩnh Hòa thứ 3).

Tháng tư nhuận, mùa hạ. Nhà Hán dùng Trương Kiều làm thứ sử Giao Chỉ, Chúc Lương làm thái thú Cửu Chân, để chiêu hàng những đám giặc người Man. Đất ở Lĩnh Nam đều yên cả.

Sách Hậu Hán thư chép rằng: Lúc bấy giờ thị ngự sử[1] Giả Xương sang có việc ở quận Nhật Nam, liền cùng với các châu quận hợp sức lại đánh bọn Khu Liên. Đánh không được, lại bị bọn Khu Liên đánh lại và bao vây. Hơn một năm, quân Hán thiếu lương ăn. Vua Hán lấy làm lo, triệu tập các công khanh, trăm quan và tơ tào bốn phủ, hỏi về phương kế đối phó. Mọi người đều bàn nên sai tướng đem bốn vạn người các châu Kinh, Dương, Duyện, Dự đi ứng phó việc này. Trong đó có đại tướng quân sung chức trung lang là Lý Cố bác đi mà rằng: "Hiện nay châu Kinh, châu Dương giặc cướp vẫn lẩn quất tụ họp; đất Trường Sa, đất Quế Dương thường phải đóng góp binh lương. Nếu nay lại làm cho dân Kinh, Dương bị náo động, thì tất sinh loạn. Còn người các châu Duyện, Dự cũng bị bắt ra lính và nộp quân nhu, đi xa hàng muôn dặm, nay trát đòi, mai giấy bắt, tất gây ra phản loạn. Vả lại, ở phương nam, khí hậu nắng nóng ẩm thấp, lại thêm có lam chướng, số quân lính đến đấy có thể chết đến bốn năm phần mười. Lặn lội hàng muôn dặm, quân sĩ nhọc mệt, kịp lúc đi đến Lĩnh Nam, không còn hơi sức đâu chiến đấu nữa.

[1] Chức quan đứng đầu Ngự sử đài.

Quân đi mỗi ngày được ba mươi dặm, mà các châu Duyện, Dự cách Nhật Nam hơn chín nghìn dặm, như thế phải đi ba tăm ngày mới đến nơi. Tính đến lương ăn, mỗi người năm thưng, thì phải dùng đến sáu mươi vạn hộc gạo; đó là chưa kể lương ăn của tướng lại và lừa ngựa, chỉ tính số lương của quân sĩ có mang khí giới mà đã tốn đến thế. Nói hẳn ngay quân đã đến nơi rồi, số tử vong hao tổn tất nhiều, đã không đủ chống lại với địch, lẽ tất nhiên rồi lại bắt lính gửi thêm. Như thế có khác gì cắt ruột gan mà vá vào chân tay. Quận Cửu Chân cách Nhật Nam có độ nghìn dặm, đem quan và dân Cửu Chân đi đánh Nhật Nam còn không kham nổi, huống chi lại làm khổ quân sĩ bốn châu[1] để đi chịu cái nạn ở nơi muôn dặm hay sao? Trước đây, Trung lang tướng Doãn Tựu sang đánh quân rợ Khương làm phản ở Ích Châu, nhân dân Ích Châu có lời ngạn rằng: "Giặc đến còn khá, nếu Doãn Tựu đến, thì nó giết chúng ta!". Sau đó, Doãn Tựu bị gọi về, đem quân sĩ giao cho thứ sử (Sử cũ chép "châu phán" là lầm) là Trương Kiều. Trương Kiều dựa vào những tướng lại sẵn có ấy, chỉ trong khoảng hàng tuần (10 ngày), hàng tháng, dẹp yên giặc cướp. Đó là một kinh nghiệm về việc sai tướng đi đánh giặc xa không có ích gì, mà có thể dùng ngay quân ở châu quận ấy. Nay nên chọn lọc những người có dũng lược, nhân huệ, có thể dùng làm tướng được, để cho làm thứ sử thái thú, rồi sai cùng đi sang Giao Chỉ. Hiện nay ở quận Nhật Nam, quân ít, lương không có, giữ thế thủ đã không xong, thế chiến cũng chẳng được; vậy nên đem tất cả lại dân dời ra mặt bắc nương nhờ vào quận Giao Chỉ. Sau khi yên tĩnh rồi, lại cho họ trở về nơi cũ. Một mặt khác chiêu dụ người Man di để cho chúng đánh lẫn nhau; lấy được vàng lụa làm của tiêu dùng; nếu đứa nào biết phản gián chặt được đầu tướng giặc đem nộp thì sẽ được thưởng bằng cách cắt đất và phong cho tước hầu. Thứ sử Tinh châu ngày trước là Chúc Lương có tính dũng cảm quả quyết; Trương Kiều, người quận Nam Dương, trước kia, đã ở Ích Châu, có công đánh được giặc. Cả hai người này đều nên dùng. Vậy nay nên cho ngay bọn Chúc Lương tiện đường phó nhậm làm quan". Các quan trong bốn phủ đều theo như lời bàn của Lý Cố. Vua nhà Hán lập tức bổ Chúc Lương làm thái thú quận Cửu Chân, Trương Kiều làm thứ sử quận Giao Chỉ. Khi Trương Kiều đến nơi, hếu điều vỗ về dẫn dụ. Quân giặc đều ra hàng và giải tán cả. Chúc Lương đến Cửu Chân, một mình đi xe vào trong đám quân giặc, xếp đặt mưu mẹo, lấy uy tín chiêu dụ dân; số người ra hàng có đến mấy vạn. Vì thế những đất ngoài Ngũ Lĩnh lại được yên.

Lời chua - Trương Kiều: Người quận Nam Dương. Chúc Lương người đất Lâm Tương thuộc Trường Sa.

Năm Giáp Tân (144). (Hán, năm Kiến Khang thứ 1).

Tháng 10, mùa đông. Người quận Nhật Nam làm phản. Thứ sử quận Giao Chỉ là Hạ Phương hàng phục được họ.

Sách Hậu Hán thư chép rằng: Hơn một nghìn người ở quận Nhật Nam lại nổi dậy, đánh đốt các huyện ấp, họ cổ động và liên kết với cả người quận Cửu Chân. Thứ sử Giao Chỉ, Hạ Phương, dùng ân nghĩa chiêu dụ; quân giặc đều hàng phục. Lúc đó thái hậu họ Lương nắm quyền triều đình, khen Hạ Phương là người có công, thăng cho làm thái thú Quế Dương; cử Lưu Tảo sang thay.

Lời chua - Hạ Phương: Người quận Cửu Giang nhà Hán.

Năm Canh Tí (160). (Hán, Hoàn đế, năm Duyên Hi thứ 3).

Tháng 11, mùa đông. Nhà Hán lại dùng Hạ Phương làm thứ sử Giao Chỉ. Dư đảng đánh giặc ở Nhật Nam đến doanh trại Hạ Phương xin hàng.

Sách Hậu Hán thư chép rằng: Trước kia, huyện lệnh huyện Cư Phong là người tham lam, tàn bạo, không biết tế nào là chán. Người trong huyện là bọn Chu Đạt họp nhau với quân Man đánh giết huyện lệnh. Họ có đến bốn năm nghìn quân, tấn công vào quận Cửu Chân. Thái thú Cửu Chân, Nghê Thức, ra đánh, bị tử trận. Nhà Hán sai đô úy quận Cửu Chân là Ngụy Lãng đi đánh, phá tan được. Nhưng tướng giặc vẫn còn đóng chiếm Nhật Nam, thế lực ngày càng cường thịnh. Đến đây, triều Hán lại cho Hạ Phương làm thứ sử. Hạ Phương vốn là người có uy tín, khi đến quận, có hơn hai vạn quân giặc kéo nhau đến đầu hàng.

[1] Chỉ bốn châu Kinh, Dương, Duyện, Dự nói trên.

Lời chua - Ngụy Lãng: Người đất Thượng Ngu quận Cối Kê, có tính công bằng, trung thực và trí sáng suốt, sau thăng làm thượng thư, rồi vì đình nghị khép vào vụ bè đảng, phải bãi chức về.

Cư Phong: Tức là huyện Cư Phong. Xem lời chua ở năm Kiến Vũ thứ 19 đời Hán. (Tb.2, 12).

Năm Mậu Ngọ (178). (Hán, Linh đế, năm Quang Hòa thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Quận Giao Chỉ, quận Hợp Phố và Mán Ô Hử nổi dậy làm phản. Nhân thế người Giao Châu là Lương Long khởi lên làm loạn, đánh phá, vây hãm các thành ấp.

Năm Tân Dậu (181). (Hán, năm Quang Hòa thứ 4).

Mùa hạ. Nhà Hán dùng Chu Tuấn làm thứ sử, đánh tan được bọn giặc nói trên.

Thời bấy giờ, quận Giao Chỉ, quận Hợp Phố và Mán Ô Hử làm loạn mãi, mục thú là Chu Ngung không chống nổi. Nhân đó bọn Lương Long là người Giao Châu cũng khởi quân đánh phá các quận huyện. Họ có đến mấy vạn quân. Đến nay, nhà Hán sai huyện lệnh huyện Lan Lăng là Chu Tuấn sang cứu Chu Ngung, nhân tiện đường đi qua quận nhà (Cối Kê), Chu Tuấn mộ thêm gia binh, hợp với quân của mình mang đi tất cả được năm nghìn người, chia ra hai đạo kéo vào Giao Châu. Khi đến địa giới Giao Châu, đóng quân lại, không tiến, trước hết sai người đi dò xem hư thực, và tỏ bầy uy đức để làm nao núng quân địch; rồi hợp cùng quân bảy quận kéo sát đến đánh, giết được Lương Long; số người ra hàng có tới mấy vạn. Trong khoảng hàng tuần, hàng tháng, bình định xong cả.

Lời chua - Chu Tuấn: Người quận Cối Kê.

Ô Hử: Theo truyện Tây Mai di trong sách Hậu Hán thư và theo sách Nam châu dị vật chí của Vạn Chấn, Ô Hử, là tên đất, ở về phía nam Quảng Châu, phía bắc Giao Châu, thường hay đón đường rình những hành khách qua lại, ập ra đánh, cốt bắt lấy người ăn thịt, không thiết đến của cải; có khi lấy thịt người ướp làm món ăn. Cho nên lại gọi là Hám nhân quốc (nước ăn thịt người).

Năm Giáp Tí (184). (Hán, năm Trung Bình thứ 1).

Tháng 5, mùa hạ. Binh sĩ quận Giao Chỉ nổi loạn. Nhà Hán dùng Giả Mạnh Kiên (Sử cũ chép là Giả Tông) làm thứ sử.

Quân đóng ở quận Giao Chỉ bắt giết thứ sử Chu Ngung, rồi sai người sang triều Hán kể tội trạng của Chu Ngung. Vua Hán thấy thế, hạ chiếu kén người tài giỏi sang làm thứ sử. Trong các quan có người tiến cử ngự sử Giả Mạnh Kiên, vua Hán bổ Mạnh Kiên sang làm thứ sử. Trước kia, ai sang làm thứ sử, thấy đất Giao Chỉ có nhiều hạt châu, cánh trả, ngà voi, tê giác, đồi mồi, hương lạ, gỗ quý, đều không giữ được thanh liêm; khi của đầy túi rồi, lại xin đổi đi nơi khác. Cho nên lại và dân đều hay làm phản. Kíp khi Mạnh Kiên đến nơi, dò hỏi tình trạng gây ra phản bội, thì mọi người đều nói: "Chính lệnh trước kia bắt đóng thuế khóa rất hà khắc, nhân dân khốn khó, đường sang kinh đô thì xa, không biết kêu đâu được. Nhân dân không sao sống nổi, cho nên họp nhau để kháng cự lại chính sách ấy, chứ không thực là làm phản". Giả Mạnh Kiên mới sai người chia đi các nơi phủ dụ để cho dân chúng yên nghiệp làm ăn. Lại chiêu tập vỗ về những người lưu vong, tha cả thuế khóa. Rồi giết những quan lại đầu sỏ về tội tham ngược, chọn lấy người quan lại lương thiện cho đi cai trị các quận huyện. Do đấy nhân dân mới được yên ổn. Nơi đường sá họ có làm câu hát, đại ý nói: "Người cha chúng ta là họ Giả đến muộn, khiến ta trước kia làm phản, nay được thanh bình, ai dám còn lòng phản bội?" (Sử Cương mục [của Trung Quốc] chép câu cuối là "... kẻ nha lại không dám hạch sách cơm rượu của dân nữa"). Giả Mạnh Kiên làm việc được ba năm thì triều Hán gọi về, phong làm nghị lang, cho người bản châu (Giao Châu) là Lý Tiến lên thay làm thứ sử.

Lời phê - Xem đây, ta thấy rõ triều Hán có nhiều nhân tài, đời sau không thể sánh kịp được. Thời đó chưa có khoa cử mà được nhiều nhân tài như thế, lại càng thấy rõ khoa mục chỉ vụ cái danh về việc học, chứ có bổ ích gì cho chính trị lắm đâu?

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Xét sách Hán thư có chép đến tên Mạnh Thường là người ở Thượng Ngu quận Cối Kê, cuối đời Hán làm thái thú quận Hợp Phố. Quận này không sản xuất thóc gạo, mà hải phận thì sản châu báu. Quận này giáp giới Giao Chỉ, người trong quận thường sang buôn bán và đong thóc gạo ăn. Trước kia, bọn thú tể ở đấy nhiều người tham tàn, bắt ép nhân dân Hợp Phố đi tìm kiếm hạt châu, không có mức độ nào! Hạt châu do đấy dần dần chuyển sang địa giới Giao Chỉ. Khi Mạnh Thường đến nhậm chức, sửa bỏ những tệ hại trước; hơn một năm, hạt châu đã đi mấy ấy lại trở về chốn cũ. Nhân dân đều yên nghiệp làm ăn, gọi Thường là bậc "thần minh". Than ôi! nếu các thú mục trong mấy quận này, ai cũng được như Mạnh Thường cả, thì dân ta việc gì phải khổ sở làm phản nữa.

Lời chua - Mạnh Kiên: Người Liêu thành thuộc Đông quận, đậu Hiếu Liêm, rồi thăng làm Kinh Triệu Doãn, có thành tích chính trị; đến đây, các quan cử sang làm thứ sử quận Giao Chỉ.

Năm Đinh Mão (187). (Hán, năm Trung Bình thứ 4).

Triều Hán dùng Lý Tiến làm thứ sử Giao Chỉ.

Sử cũ chép: Lý Tiến dâng thư nói với vua Hán: "Khắp cả thiên hạ, đâu chẳng là bầy tôi của nhà vua, thế mà bây giờ làm quan ở trong triều đều là người Trung Châu[1], chưa thấy nhà vua khen thưởng, khuyến khích những người phương xa". Lời lẽ thiết tha cảm động, có viện dẫn nhiều lý do. Vua Hán hạ chiếu cho người Giao Châu ta ai đỗ Hiếu Liêm hay Mậu Tài được bổ làm chức trưởng lại thuộc Giao Châu, chứ không được làm quan ở Trung Châu. Lý Tiến lại dâng sớ "xin cho những người đã đỗ Hiếu Liêm được như các bác sĩ 12 châu: chỉ căn cứ vào nhân tài để nhận xét"[2]. Nhưng các quan trong triều sợ rằng người phương xa hay nói suông, chê bai bắt bẻ triều đình Trung Quốc, nên không ưng cho. Khi bấy giờ, người Giao Châu ta có Lý Cầm làm túc vệ ở điện đài, mới rủ người đồng hương là bọn Bốc Long năm sáu người, giữa mồng một Tết là ngày các nơi đến triều hội, bọn Lý Cầm phục ở sân điện kêu rằng: "Ơn vua thấm ra chưa khắp". Các quan trong triều hỏi cớ sao. Lý Cầm đáp: "Nước Nam Việt ở lánh về một phương xa, không được trời che đất chở, nên không được hưởng gió mát mưa lành!". Lời lẽ rất là đau khổ, thiết tha. Vua Hán hạ chiếu yên ủi rồi cho nước ta một người đỗ Mậu Tài làm quan lệnh huyện Hạ Dương, một người đỗ Hiếu Liêm làm quan lệnh huyện Lục Hợp. Về sau, Lý Cầm làm đến chức Tư Lệ hiệu úy; Trương Vọng làm đến thái thú Kim Thành. Như thế thì nhân tài nước Việt ta được cùng thăng tiến như người bên Hán là do từ Lý Tiến, Lý Cầm mở đường lối trước.

Lời cẩn án - Theo sách Lĩnh Nam di thư, Trương Trọng người quận Hợp Phố, chăm học, nói giỏi, là một người có danh vọng ở đất Lĩnh Biểu, được thứ sử kén chọn cất lên làm việc cối kế ở quận Nhật Nam, đem dâng sổ sách vào Lạc Kinh. Vua Minh đế (8-75) thấy vóc người nhỏ bé, lấy làm kỳ dị, hỏi rằng: "Tiểu lại quận nào?". Trương Vọng, với giọng thẳng thắn cứng cáp, thưa rằng: "Tôi là kẻ lại giữ chức cối kế ở quận Nhật Nam, không phải là tiểu lại. Nhà vua muốn được có nhân tài, hay chỉ cân xương đọ thịt thôi?". Vua Hán khen câu trả lời của Trương Trọng là phải. Buổi đại hội ngày mồng một Tết, vua Hán hỏi: "Có phải rằng ở quận Nhật Nam người ta hướng về phía bắc để chầu mặt trời không?". Trương Trọng thưa: "Tên các quận có quận Vân Trung là trong mây, có quận Kim Thành là thành vàng, vị tất phải có sự thức. Như thế ở quận Nhật Nam mặt trời cũng mọc ở phương đông; còn như khí hậu ấm áp, mặt trời đi ngang đỉnh đầu vẫn đứng bóng. Nhà ở của quan dân tùy theo ý muốn đông tây nam bắc muốn hướng chiều nào thì hướng, không có nhất định, vì thế gọi là lĩnh vực mặt trời ở về Nam". Vua Hán thấy Trương Trọng nói thế, lại càng thêm trọng, ban thưởng vàng lụa. Nếu ta xét kỹ lời chép trong Lĩnh Nam di thư, và xét về đời Hoàn đế (147-167), người đất Lệ Phố là Từ Trưng lúc thường vẫn hay so sánh với Trương Trọng, thì biết Trương Trọng là người về đời Minh đế nhà Hán, quyết không còn nghi ngờ gì nữa. Còn như việc Lý Tiến sang làm

---

[1] Chỉ Trung Quốc.

[2] Ý nói xét tài năng mà bổ dụng, chứ không phân biệt người Bắc người Nam.

thứ sử thì lại ở về sau Trương Trọng, cách nhau đến hơn mấy chục năm. Về đoạn này, Sử cũ lại chép "về sau, Lý Cầm làm đến chức Tư Lệ hiệu úy, Trương Trọng làm Thái thú Kim Thành, là do từ Lý Tiến đã mở đường lối trước". Như thế là vì Sử cũ nhận Minh đế nhà Hán lẫn với Minh đế nhà Tấn (323-325), nên đoạn này mới chép lầm; nay xét kỹ, cải chính lại.

Lời chua - Lý Tiến: Theo sách Bách Việt tiên hiền chí, Tiến, người đất Cao Hưng, quận Giao Chỉ, là người thông minh, hiểu khắp Kinh Truyện, được bổ làm chức công tào ở quận, sau thăng dần đến chức kỵ đô úy. Năm Vĩnh Hòa thứ 2 (137 s.c.ng.), quân Man ở Kinh Châu làm phản, Lý Tiến được sai làm thái thú quận Linh Lăng, đánh tan được giặc ấy. Khoảng năm Trung Bình (184-189), Lý Tiến được thay Giả Mạnh Kiên làm thứ sử quận Giao Chỉ, tâu xin theo đúng lệ cống sĩ bên Trung Châu. Về sau, có Nguyễn Cầm do đỗ mậu tài làm đến chức tư lệ hiệu úy. Nhân tài quận Giao Chỉ được tuyển bổ cùng với người Trung Châu thực là bắt đầu từ Lý Tiến.

Lý Cầm: Sách Bách Việt tiên hiền chí chép là Nguyễn Cầm, người Giao Châu. Sách An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng chép Lý Cầm, Trương Trọng đều là người do khoa mục xuất thân.

Nhà Hán dùng Sĩ Nhiếp làm thái thú quận Giao Chỉ.

Truyện Sĩ Nhiếp trong sách Ngô chí chép rằng: Nhiếp tên tự là Nghiện Uy, người đất Quảng Tín quận Thương Ngô. Tiên tổ Sĩ Nhiếp gốc người đất Vấn Dương nước Lỗ, đến hồi loạn Vương Mãng, lánh nạn sang ở Giao Châu. Sau đó sáu đời đến cha Sĩ Nhiếp, tên là Tứ, làm thái thú quận Nhật Nam ở thời Hán Hoàn đế. Sĩ Nhiếp, lúc còn nhỏ, du học ở kinh sư, tôn thờ Lưu Tử Kỳ, người đất Dĩnh Xuyên, làm thày, chuyên học sách Tả thị Xuân thu, đỗ Hiếu Liêm, được bổ làm thượng thư lang, vì việc công, phải bãi chức. Khi mãn tang cha là Tứ rồi, lại đậu Mậu tài, được bổ làm huyện lệnh huyện Vu Dương, rồi thăng làm thái thú quận Giao Chỉ.

Xét ra, Sĩ Nhiếp chỉ là một thái thú nhà Hán, chưa hề xưng vương. Sử cũ chép riêng làm một kỷ, đem so với nghĩa lệ chép Cương mục của Chu Tử thì không hợp, nay tước bỏ đi.

Năm Tân Tị (201). (Hán, Hiến đế, năm Kiến An thứ 6).

Nhà Hán dùng Trương Tân làm thứ sử quận Giao Chỉ.

Trước kia, thứ sử Chu Phù dùng nhiều người đồng hương chia cho làm trưởng lại, hà hiếp nhân dân, thuế khóa nặng nề.

Mọi người đều ta oán, khởi lên làm phản, đem quân đánh phá châu quận. Chu Phù phải chạy về mạn biển, bị dân giết chết. Vua Hán mới sai Trương Tân sang làm thứ sử Giao Chỉ.

Năm Quý Mùi (203). (Hán năm Kiến An thứ 8).

Nhà Hán đặt Giao Chỉ làm Giao Châu.

Trước kia, về đời Hán Thuận đế (126-144), Thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập Giao Chỉ làm châu, triều đình nhà Hán bàn định không nghe. Đến đây, thứ sử Trương Tân và thái thú Sĩ Nhiếp cùng nhau dâng biểu xin lập Giao Chỉ làm châu, nhà Hán mới đặt Giao Chỉ làm Giao Châu; Giao Châu được ngang hàng với các châu khác ở Trung Quốc, và phong Trương Tân làm quan mục ở Giao Châu. Bắt đầu từ đấy có tên Giao Châu.

Năm Đinh Hợi (207). (Hán, năm Kiến An thứ 12).

Nhà Hán bổ Sĩ Nhiếp làm tuy nam trung lang tướng, quản đốc cả bảy quận, lĩnh chức thái thú quận Giao Chỉ; kế đó lại cho làm An Viễn tướng quân, phong tước Long Độ đình hầu.

Theo truyện Sĩ Nhiếp trong sách Ngô Chí, trước kia, thứ sử Giao Châu Chu Phù bị giặc Man di giết chết, các quận trong châu đều rối loạn. Vì thế Sĩ Nhiếp dâng biểu xin cho em là Nhất lĩnh chức thái thú quận Hợp Phố, em thứ hai trước làm huyện lệnh huyện Từ Văn, tên là Vĩ (___ ... Sử cũ chép ___ ..., là lầm), lĩnh chức thái thú quận Cửu Chân, em Vĩ là Vũ lĩnh chức thái thú quận Nam Hải. Sĩ Nhiếp, tính

nết khoan hậu, khiêm tốn, nhã nhặn, trọng đãi nhân sĩ, nên những nhân sĩ từ Trung Quốc sang, phần nhiều tới đó nương nhờ. Sĩ Nhiếp ham đọc sách Xuân thu, có làm lời chú giải. Viên Huy, người nước Trần, (lúc bấy giờ ở ngụ tại Giao Châu), viết thư cho thượng thư lệnh là Tuấn Úc, có nói: "Ông Sĩ Nhiếp ở quận Giao Chỉ đã là người học giỏi, biết rộng, lại trội về chính trị. Đang lúc loạn lạc, bảo toàn được một quận hơn 20 năm, giữ cho bờ cõi được vô sự, nhân dân được làm ăn yên ổn. Những người lữ khách đều được đội ơn. Dẫu họ Đậu (Sử cũ chép là Đậu Dung) xưa kia giữ đất Hà Tây, cũng không hơn được thế. Khi rảnh việc quan một chút, lại chăm xem sách vở, nhất là Xuân thu Tả thị truyện lại càng suốt hết mọi nghĩa tinh vi. Tôi thường hỏi những nghi ngờ trong Tả truyện, thì Sĩ Nhiếp đều có lời dẫn giải riêng đáng làm khuôn mẫu, ý tứ rất sát. Lại như sách Thượng thư thì Sĩ Nhiếp kiêm thông cả đại nghĩa đời xưa lẫn đời nay. Nghe nói ở kinh sử đang có cuộc tranh luận phải trái về nghĩa cổ văn kim văn, Sĩ Nhiếp có ý muốn điều trần những nghĩa phải trong các sách Tả thị và kinh Thượng thư để dâng vua". Ấy, Sĩ Nhiếp được người ta khen ngợi là thế.

Anh em Sĩ Nhiếp đều là bậc hùng trưởng ở các quận. Sĩ Nhiếp giữ một châu ở ngoài muôn dặm, uy tôn, quyền trọng, không còn ai hơn: khi đi ra đi vào đều có chuông, có khánh, rất oai nghi. Thời bấygiờ ai cũng quý trọng, đám Man di cũng phải sợ phục, dầu Triệu Úy Đà khi xưa cũng không hơn thế.

Sau khi Chu Phù chết, nhà Hán sai Trương Tân sang làm thứ sử Giao Châu được ít lâu, Trương Tân lại bị bộ tướng là Khu Cảnh giết chết. Quan mục Kinh Châu, Lưu Biểu, sai huyện lệnh huyện Linh Lăng là Lại Cung sang thay Trương Tân. Bấy giờ thái thứ quận Thương Ngô là Sử Hoàng chết, Lưu Biểu lại sai Ngô Cự sang thay, cùng với Lại Cung cùng đến một lúc. Nhà Hán nghe tin Trương Tân mất, ban cho Sĩ Nhiếp bức tỉ thư[1] trong có nói: "Đất Giao Châu bờ cõi xa xăm, phía nam gần sông giáp biển, ơn bề trên chưa được thấp khắp, tình dân khó giãi tỏ. Ta vẫn biết nghịch tặc Lưu Biểu đã cho Lại Cung sang rình lấy đất miền Nam. Bây giờ cho nhà ngươi làm Tuy Nam trung lang tướng, quản đốc bảy quận, lĩnh chức thái thú quận Giao Chỉ như trước". Sau đó Sĩ Nhiếp sai kẻ lại là Trương Mân đem lễ vật sang cống tận kinh đô Hán. Hồi ấy, thiên hạ loạn lạc, đường đi đứt nghẽn, thế mà Sĩ Nhiếp vẫn không bỏ cống hiến, vì thế Hán lại hạ chiếu cho làm An Viễn tướng quân, phong tước Long Độ đình hầu. Về sau Ngô Cử với Lại Cung ghét nhau, Ngô Cự đem quân đánh đuổi Lại Cung chạy về huyện Linh Lăng.

Lời chua - Từ Văn: Theo Quận quốc chí trong Hậu Hán thư, huyện Từ Văn thuộc quận Hợp Phố.

[1] Bức công văn có đóng ấn để làm tin.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Tiền Biên

Quyển thứ III

Năm Canh Dần (210). (Hán, năm Kiến An thứ 15).

Tháng 12, mùa đông. Chúa Ngô, Tôn Quyền, dùng Bộ Chất làm thứ sử Giao Châu.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), trước kia, Sĩ Nhếp làm thái thú Giao Chỉ, có dâng biểu xin cho ba em làm thái thú các quận Hợp Phố, Cửu Chân, Nam Hải, hùng trưởng một phương. Còn thứ sử Giao Châu là Trương Tân mê mải việc quỷ thần, thường đầu đội khăn mầu đỏ sẫm, đọc sách đạo Lão, bị bộ tướng giết chết. Đến đây, Tôn Quyền dùng Bộ Chất làm thứ sử, Sĩ Nhiếp đem anh em ra vâng theo mệnh lệnh nhà Ngô; do đấy đất Lĩnh Nam mới phụ thuộc Tôn Quyền.

Lời chua - Bộ Chất: Người đất Hoài Âm thuộc Lâm Hoài.

Giao Châu, Cửu Chân: Xem Triệu Vũ Vương năm thứ 10 (Tb.I, 20).

Thái thú quận Giao Chỉ nhà Hán, là Sĩ Nhiếp, sai con vào làm tin ở nước Ngô. Nước Ngô phong Sĩ Nhiếp làm Long Biên hầu.

Theo truyện Sĩ Nhiếp trong Ngô chí, lúc bấy giờ Sĩ Nhiếp sai con là Hâm vào làm con tin, Tôn Quyền cho Hâm làm thái thú Vũ Xương; còn các con của Sĩ Nhiếp và của Sĩ Nhất ở bên Nam đều được phong làm trung lang tướng. Sĩ Nhiếp lại dụ cường hào Ích Châu, là bọn Ung Khải, đem nhân dân trong quận xin với danh nghĩa ở xa mà phụ thuộc Đông Ngô. Tôn Quyền lại càng ngợi khen Nhiếp, thăng cho làm vệ tướng quân, phong tước Long Biên hầu, cho em Sĩ Nhiếp là Nhất làm thiên tướng quân, tước Đô Hương hầu. Mỗi lần Sĩ Nhiếp sai sứ giả sang Ngô Tôn Quyền, không năm nào là không đem cống các thứ hương thơm, vảo nhỏ kể có hàng nghìn, hạt trai sáng, vỏ xà cừ, ngọc lưu ly, chim trả, đồi mồi, ngà voi, tê giác và các thứ quả lạ như chuối tiêu, dừa, nhãn. Lại còn cống cả hàng mấy trăm ngựa. Mỗi khi như thế, Tôn Quyền lại viết thư khen ngợi, ban cho rất hậu để yên ủi lại.

Lời cẩn án - Con Sĩ Nhiếp là Hâm, Sử cũ chép sai là Ngẩm.

Lời phê - Sĩ Nhiếp chẳng qua là một thái thú nhà Hán, tùy thời nịnh hót, cầu sao cho mình được an toàn, chứ không có mưu lược tài cán gì giỏi cả, đến nỗi truyền được hai đời đã mất, có gì đáng khen! Thế mà Sử cũ cho rằng Úy Đà cũng không hơn được, chẳng cũng là lời khen quá đáng dư!

Năm Bính Ngọ (226). (Ngô, Tôn Quyền, năm Hoàng Vũ thứ 5; Hán, năm Kiến Hưng thứ 4; Ngụy, năm Hoàng Sơ thứ 7).

Sĩ Nhiếp mất, con là Huy tự động quyền làm thái thú Giao Chỉ.

Theo truyện Sĩ Nhiếp trong Ngô chí, Sĩ Nhiếp làm quan ở quận Giao Chỉ hơn 40 năm, thọ 90 tuổi mới mất.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Người nước ta thông Thi Thư hiểu lễ nhạc, trở thành một nước văn hiến[1] là bắt đầu từ Sĩ Nhiếp. Tục truyền: sau khi Sĩ Nhiếp mất, đến cuối đời nhà Tấn cách xa hơn 600 năm, người Lâm Ấp vào cướp, đào mả Sĩ Nhiếp lên, thấy thân thể diện mạo vẫn nguyên như lúc sống, liền đắp trả lại. Nhân dân vùng ấy cho thế là thần, dựng miếu để thờ, gọi là Sĩ Vương tiên.

[1] Danh từ văn hiến ở đây theo nghĩa cũ: văn là sách vở học hành; hiến là nhiều người hiền tài, tức là một nước có một nền văn minh cổ.

Mùa đông. Nước Ngô chia tách đất Giao Châu đặt ra Quảng Châu, dùng Lữ Đại và Đái Lương làm thứ sử. Lữ Đại dụ Sĩ Huy ra hàng rồi giết đi. Ít lâu sau, nước Ngô bỏ Quảng Châu, lại cứ để làm Giao Châu như cũ.

Chúa Đông Ngô nghe tin Sĩ Nhiếp đã chết, cho rằng quận Giao Chỉ cách xa, mới chia từ Hợp Phố trở về phía bắc thuộc Quảng Châu, cho Lữ Đại làm thứ sử; từ Hợp Phố trở về phía nam thuộc Giao Châu, cho Đái Lương làm thứ sử. Tôn Quyền lại sai Trần Thì[1] sang thay Sĩ Nhiếp làm thái thú. Lữ Đại lưu lại Nam Hải, còn Đái Lương và Trần Thì đều đi trước đến Hợp Phố. Lúc ấy con Sĩ Nhiếp là Sĩ Huy đã tự động quyền làm thái thú, đem quân ra chống lại. Đái Lương ở lại Hợp Phố. Người quan lại cũ của Sĩ Nhiếp là Hoàn Lân khấu đầu can Sĩ Huy, khuyên nên ra đón Đái Lương. Sĩ Huy nổi giận, lấy roi đánh chết Hoàn Lân. Anh Hoàn Lân là Trị, con Hoàn Lân là Phát (Sử cũ chép lầm là các con nhà anh của Lân là Trị và Phát), họp quân trong họ lại đánh Sĩ Huy. Sĩ Huy đóng cửa thành cố thủ. Bọn Hoàn Trị đánh mãi mấy tháng, không hạ được thành, mới giao ước hòa hảo với nhau; hai bên cùng rút quân. Về phần LữĐại nhận được tờ chiếu chúa Ngô bảo giết Sĩ Huy, Đại mới từ Quảng Châu đi gấp vào Hợp Phố, cùng với Đái Lương cùng tiến thẳng đến nơi, dụ dỗ con Sĩ Nhất là trung lang tướng Sĩ Khuông, để Sĩ Khuông bảo Sĩ Huy ra thú tội, thì dẫu mất chức quận thú, nhưng không có sự gì khác đáng lo. Lữ Đại cũng đi theo luôn Sĩ Khuông đến, thì bọn anh Sĩ Huy là Chi, em là Cán và Tụng sáu người cởi trần[2] ra đón Lữ Đại. Lữ Đại từ chối[3], bảo mặc áo lại (Sử cũ chép sai là mặc áo thường), rồi Lữ Đại tiến thẳng đến trước quận. Sớm ngày hôm sau, xếp đặt màn trướng, cho mời anh em Sĩ Huy theo thứ tự tiến vào. Trong khi quan khách ngồi đầy cả, Lữ Đại đứng lên, cầm phù tiết[4], tuyên đọc chiếu thư, kể tội Sĩ Huy, rồi sai trói lại đem chém, đưa thủ cấp về Vũ Xương. Còn Sĩ Nhất, Sĩ Vĩ và Sĩ Khuông ra hàng sau, vua nước Ngô tha tội cho; bọn này cùng với con Sĩ Nhiếp là Hâm đang làm con tin bên Ngô, đều bị cách chức làm dân thường. Mấy năm sau, Nhất và Vĩ phạm pháp, đều bị giết; chỉ có Sĩ Khuông bị bệnh chết trước. Khi Sĩ Hâm mất, bộ tướng của Sĩ Huy là Cam Lễ cùng với Hoàn Trị đem các quan lại và nhân dân đánh Lữ Đại. Lữ Đại ra sức đánh phá được, nên được thăng phong lên làm Phiên Ngung hầu. Bấy giờ mới bỏ Quảng Châu, lại để làm Giao Châu như cũ.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Khi cha mất rồi, Sĩ Huy đã không xin mệnh trên, tự lập làm thái thú, lại đem quân ra cự lại! Như thế, đối với lẽ phải, cố nhiên là nên đánh Sĩ Huy rồi; nhưng Lữ Đại dụ người ra đầu hàng để mà giết đi thì là trái lẽ. Giữ tin thực, là việc quý của một nước. Sĩ Huy đã ra hàng, nên trói đưa về Vũ Xương, để quyền sinh sát cho người trên định. Như vậy, mình có uy tín đối với kẻ dưới, chẳng cũng hay lắm dư! Tôn Thịnh có nói: "Hòa người phương xa, được lòng người gần, không gì hay bằng điều tín". Lữ Đại kết thân với Sĩ Khuông như thày, như bạn để thông tin tức và thề ước với Sĩ Huy, khi anh em Sĩ Huy cởi trần chịu tội, dốc lòng gửi mạng, thế mà Lữ Đại lại nhân đấy diệt đi, để cầu lấy công lợi. Do việc này, người quân tử biết rằng Tôn Quyền là người không biết cách kinh lý nơi xa và họ Lữ không được lâu dài.

Lời chua - Lữ Đại: Tên tự là Đinh Công, người đất Hải Lăng thuộc Quảng Lăng, trước được bổ làm trưởng đất Dư Diêu, đến khi Cối Kê có giặc, Tôn Quyền cho Lữ Đại làm đốc quân hiệu úy, đem quân dẹp yên, được thăng làm thái thú Lư Lăng; đến đây, sang thay Bộ Chất, làm thứ sử Giao Châu.

Nước Ngô thăng chức cho Lữ Đại làm trấn nam tướng quân, rồi lại cho làm Giao Châu mục[5].

---

[1] Bản in Cm. tránh tên húy Tự Đức, chép đổi là Thời, theo sách Toàn thư và Sử ký đều in là "Thì", nay cải chính cho đúng âm.

[2] Nguyên văn chép là "nhục đản", nghĩa là không mặc áo, để mình trần, xin chịu tội chết.

[3] Lữ Đại từ chối không nhận việc anh em Sĩ Huy cởi trần chịu tội, mà bảo mặc áo lại.

[4] Mỗi khi triều đình đặc mệnh viên quan nào đi ra nước ngoài được giữ toàn quyền hành động mọi việc, thì giao cho phù tiết để làm tin.

[5] Làm chúa một phương, uy quyền cũng như vua các chư hầu. Chữ "mục" nghĩa đen là chăn dắt, người giữ chức châu mục có nhiệm vụ chăn dắt dân trong địa phương mình.

Lữ Đại đã dẹp yên loạn Sĩ Huy ở Giao Châu, lại tiến quân đánh quận Cửu Chân, vừa giết vừa bắt được kể có hàng vạn người, rồi lại sai người làm việc tuyên dương giáo hóa Trung Quốc vào miền nam cho cả vùng ngoài biên thùy. Các vua nước Phù Nam, nước Lâm Ấp và nước Đường Minh đều sai sứ dâng cống. Chúa nước Ngô, Tôn Quyền, ngợi khen công của Lữ Đại, phong lên làm trấn nam tướng quân. Năm Hoàng Long thứ 3 (231) dân Mán Ngũ Khê quận Vũ Lăng (nước Ngô) làm phản. Chúa Ngô cho rằng đất đai về mặt nam đã yên rồi, cho triệu Lữ Đại về. Thái thú Hợp Phố là Tiết Kính Văn (Sử cũ chép là Tông) sợ rằng người sang thay Lữ Đại không được tốt chăng, bèn dâng sớ sau đây lên vua Ngô: "Xưa kia, vua Thuấn đi tuần phía Nam, mất ở quận Thương Ngô. Nhà Tần đặt ra các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận, thì bốn quận ấy thuộc vào đất Trung Quốc cũng đã lâu lắm. Triệu Đà khởi lên ở Phiên Ngung, vỗ về thuần phục được vua Bách Việt. Đấy là những nước về phía nam quận Châu Quan[1]. Vũ đế nhà Hán giết Lữ Gia, mở rộng ra làm chín quận, đặt quan thứ sử để trấn thủ và cai quản, rồi đưa người Trung Quốc sang ở lẫn với dân bản thổ, cho dân bản thổ học viết qua loa và võ vẽ biết được ngôn ngữ Trung Quốc; lại có sứ thần thời thường đi lại, (họ) trông thấy lễ nghi mà tự thay đổi theo. Đến khi Tích Quang làm thái thú Giao Chỉ, Nhâm Diên làm thái thú Cửu Chân, dựng ra trường học, dìu dắt nhân dân theo đường lễ nghĩa. Nhưng mà, (ở đấy) là nơi đất rộng, người nhiều, rừng hiểm, nước độc, dân dễ khởi loạn. Vả lại, đất này ở ngoài hẳn chín cõi[2], cách lựa chọn chức quan cầm đầu việc cai trị phần nhiều không được kỹ mấy. Như tôi được biết có các việc sau đây: Nam hải Hoàng Cái sang làm thái thú Nhật Nam, khi mới xuống xe, thấy cách đón tiếp không được long trọng, đánh chết người chủ bạ, rồi Hoàng Cái cũng bị dân đuổi đi. Thái Thú Cửu Chân, Đam Manh, làm chủ tiệc rượu của bố vợ là Chu Kinh, mời cả các quan to đến dự. Lúc rượu đã say, nổi khúc nhạc vui, Công Tào[3] Phiên Hâm đứng lên múa, mời Chu Kinh múa. Chu Kinh không chịu đứng dậy, Phiên Hâm còn cứ ép Kinh mãi. Đam Manh tức giận cầm trượng đánh Phiên Hâm. Em Hâm là Miêu đem dân chúng đến đánh phủ lỵ. Đam Manh đến nỗi phải chết. Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp (thấy thế), sai quân đến đánh, cuối cùng vẫn không dẹp được. Lại như việc thứ sử trước đây là Chu Phù, người quận Cối Kê, phần nhiều đem người làng, như bọn Ngu Bao, Lưu Nghiệm ra làm trưởng lại, chiếm đoạt những nhiễu nhân dân, cưỡng bức dân phải nộp phú thuế: cứ mỗi một con cá vàng, thu một hộc lúa. Nhân dân ta oán, kéo nhau đánh châu này, phá quận kia. Chu Phù phải bỏ chạy về đường biển, rồi trôi giạt đâu mất. Sau đó đến Trương Tân, người quận Nam Dương, không có uy lực mấy, bị người ta khinh nhờn, rồi bị giết chết. Sau nữa, Lưu Biểu sai Lại Cung là bậc cao tuổi sang làm quan, Lại Cung là người cẩn thận, nhưng hiền lành, không hiểu việc đời. Kế đó lại sai Ngô Cự làm thái thú quận Thương Ngô, Ngô Cự là người vũ phu nóng nảy. Lại Cung không phục tòng, rồi hằn học lẫn nhau, Ngô Cự đuổi Lại Cung ra khỏi Giao Châu. Khi Bộ Chất đến nơi rồi, thì lúc đó bộ tướng cũ của Trương Tân trước, như bọn Di Liêu, Tiền Bác, vẫn còn khá nhiều. Bộ Chất tiễu trừ được dần, xếp đặt vừa mới tạm ổn, thì lại bị gọi về. Lữ Đại bình xong đám loạn Sĩ Huy, đổi đặt trưởng lại, làm sáng tỏ cương kỷ, uy thanh ra các muôn dặm, đâu đấy đều vâng theo cả. Xem như thế thì việc yên ủi dân ngoài biên cương, vỗ về người cõi xa xôi, cần phải có người giỏi. Chức mục[4] bá[5], nên lựa lấy người thanh liêm. Ngoài nơi hoang phục[6], thì việc họa hay phúc lại càng quan hệ ở quan lại. Ngày nay Giao Châu tuy rằng tạm yên, nhưng còn có bọn giặc cũ ở Cao Lương. Còn biên giới bốn quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm và Châu Quan chưa yên, giặc cướp vẫn thường tụ họp quấy nhiễu. Nếu Lữ Đại không trở lại phương Nam nữa, thì nên chọn người có thao lược, mưu kế, cho làm thứ sử để phủ dụ dân chúng. Đối với người ấy, nên cho họ có uy quyền, được tùy tình thế à tìm cách đối phó, cốt phải làm được có hiệu quả tốt, như thế thì may ra mới có thể hàn gắn được. Còn những hạng người thường, chỉ biết giữ lề lối cũ, không

[1] Nhà Ngô đổi tên quận Hợp Phố làm Châu Quan. Thành cũ quận Châu Quan ở phía nam huyện Hợp Phố thuộc tỉnh Quảng Đông bây giờ. Xem thêm Lời chua của Cm. ở sau.

[2] Ý nói nơi xa xôi ngoài Trung Quốc.

[3] Một chức quan huyện ghi chép công lao mọi người.

[4] Xem chú thích chữ "mục" ở trang 137.

[5] Xem chú thích chữ "phương bá" ở trên (Tb.2, 16).

[6] Vương kỷ là đô thành thiên tử, ngoài vương kỳ cứ năm trăm dặm chia ra một khu vực gọi là phục, có hầu phục, điện phục, tuy phục, yêu phục và hoang phục. Như thế là hoang phục ở xa vương kỷ 2500 dặm, vì những khu vực này đầu ở xa vẫn phải thần phục thiên tử, nên gọi là "phục".

có mưu hay chước lạ gì, thì lũ ác nghịch ngày thêm nảy nở, lâu ngày thành hại. Vì thế, sự an nguy trong nước quan hệ ở việc dùng người. Vậy việc này không thể không xét kỹ được". Chúa nước Ngô nghe theo lời sớ này, lại cho Lữ Đại làm Giao Châu mục.

Lời chua - Tiết Kính Văn: Người ấp Trúc, quận Bái, khi còn nhỏ, theo người trong họ, lánh loạn sang ở Giao Châu, theo học Lưu Hi. Khi Sĩ Nhiếp đã quy phụ Tôn Quyền, Kính Văn được vời làm ngũ quan trung lang tướng, thăng lên làm thái thú Hợp Phố. Khi Lữ Đại đem quân sang đánh Giao Châu, Kính Văn với Lữ Đại cùng đi, vượt biển sang đánh phương Nam.

Châu Quan: Nguyên là quận Hợp Phố nhà Hán, đến Ngô đổi làm Châu quan.

Phù Nam: Tên nước. Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 7).

Lâm Ấp: Tên nước. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20).

Đường Minh: Tên nước. Ở trong vụng biển, cách quận Nhật Nam bảy nghìn dặm về phía Bắc, tức là nước Đạo Minh.

Cao Lương: Tên huyện, thuộc quận Hợp Phố.

Năm Mậu Thìn (248). (Ngô, năm Xích Ô thứ 11; Hán, năm Diên Hi thứ 11; Ngụy, năm Chính Thủy thứ 9).

Bà Triệu Ẩu[1], người quận Cửu Chân, họp dân chúng đánh phá các quận huyện. Thứ sử Lục Dận đi đánh, dẹp yên.

Người quận Cửu Chân lại đánh phá thành ấp. Các châu quận đâu đấy đều náo động, chúa nhà Ngô cho đốc quân đô úy châu Hành Dương là Lục Dận làm thứ sử kiêm chức hiệu úy. Lục Dận đến nơi, dùng ấn tín hiểu dụ, hơn ba vạn nhà ra đầu hàng; đất Giao Châu lại yên. Bây giờ có người con gái quận Cửu Chân là Triệu Ẩu tụ họp dân chúng, giành cướp các quận huyện; Lục Dận đi đánh, dẹp yên.

Lời chua - Lục Dận: người đất Ngô quận, cháu họ Lục Tốn, người nước Ngô. Lục Dận trước làm tuyển tào lang, sau làm đốc quân đô úy Hành Dương. Đến khi giặc Man Di quận Cửu Chân đánh và hạ được các thành ấp, Giao Châu náo động, chúa nước Ngô dùng Lục Dận làm thứ sử Giao Châu.

Bà Triệu Ẩu: Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống, trong miền núi quận Cửu Chân có người con gái họ Triệu, vú dài ba thước, không lấy chồng, tụ họp đồ đảng đánh cướp các quận huyện thường mặc áo vải mộc màu vàng, đi guốc, cưỡi đầu voi, xông ra trận đánh. Sau khi chết, thành thần. Nay có đền thờ ở xã Phú Điền, huyện Mỹ Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Lời phê - Con gái nước ta, nhiều người hùng dũng khác thường. Bà Triệu Ẩu cũng là người sánh vai được với Hai Bà Trưng2. Xem như vậy thì Bắc sử chép chuyện thành Phu Nhân[3] quân nương tử[1], há có phải chỉ Trung Quốc là có đàn bà nổi danh tiếng đâu? Nhưng nói là vú dài ba thước thì cũng quái gở, đáng cười!

---

[1] Theo Hán văn, chữ "Ẩu" có hai nghĩa: a) tiếng gọi chung các bà già, có ý tôn kính, thí dụ: bà mẹ đại thần nhà Hán được tôn gọi là Vạn Thạch Ẩu; b) nghĩa cũng như Ẩu chiếu, là bảo vệ nhi đồng. Theo Thanh Hóa kỷ thắng (t.65) của Vương Duy Trinh, bà Triệu tức là Lệ Hải Bà vương, họ Triệu, húy Trinh, tiểu tư là Nữ Ẩu, là em gái Triệu Quốc Đạt.

[2] Trưng Trắc và Trưng Nhị (x. Tb.II, 9-14).

[3] Theo sách Trung Quốc, có nhiều nơi gọi là "Phu nhân thành", nhưng thành Phu nhân nói đây là ngôi thành ở Tây bắc huyện Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, do chuyện sau đây trong Tấn thư: "Khi Chu Tự đóng quân ở Tương Dương, có Phù Phi đem quân đến đánh. Lúc đó bà mẹ Tự là Hàn Thị lên mặt thành, đi bộ xem xét. Bà bảo rằng góc Tây bắc là nơi sẽ bị đánh trước. Bà đem các tì thiếp và phụ nữ ở trong thành ra đắp thêm một cái thành ở dốc thành cũ, để chống cự với giặc. Khi giặc đánh Tây bắc, thành cũ quả nhiên bị vỡ, quân đội cố giữ ở nơi thành mới, quân Phù Phi đánh không được, phải rút đi. Vì thế người Tương Dương gọi thành ấy là "Phu nhân thành" (Từ Hải, trang 367).

Năm Quý Mùi (263). (Ngô, năm Vĩnh An thứ 6; Hán, năm Viêm Hưng thứ 1. - Năm này nhà Hán mất. Ngụy, năm Canh Nguyên thứ 4).

Tháng 5, mùa hạ. Kẻ lại quận Giao Chỉ là Lữ Hưng giết Thái thú quận ấy là Tôn Tư, đem quận Giao Chỉ đầu hàng nhà Ngụy (Sử cũ chép lầm là hàng nhà Tấn).

Trước kia, nhà Ngô dùng Tôn Tư làm Thái thú Giao Chỉ. Tôn Tư là người tham lam bạo ngược, thường chọn bắt hàng hơn nghìn người thợ thủ công khéo ở trong quận đưa sang Kiến Nghiệp[2]; nhân dân khổ sở về việc đó. Đến đây, chúa nước Ngô sai Đặng Tuân đến quận, Đặng Tuân lại tự tiện bắt dân phải nộp ba mươi con công đưa sang Mạt Lăng[3]. Nhân dân sợ phải làm lực dịch ở nơi xa, do đấy định mưu làm loạn. Kẻ quận lại là Lữ Hưng giết cả Tôn Tư và Đặng Tuân, rồi xin với nhà Ngụy đặt Thái thú khác và cho quân sang đóng. Quận Cửu Chân và Nhật Nam đều hưởng ứng việc này.

Năm Giáp Thân (264). (Ngô, Tôn Hạo, năm Nguyên Hưng thứ 1; Ngụy, năm Hàm Hi thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Nhà Ngô lại chia đất Giao Câu, đặt ra Quảng Châu.

Năm ấy, nhà Ngô cắt ba quận Nam Hải, Thương Ngô và Uất Lâm đặt làm Quảng Châu, châu lỵ ở Phiên Ngung; Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố làm Giao Châu, châu lỵ ở Long Biên. Việc chia ra Giao Châu và Quảng Châu bắt đầu từ đấy.

Lời chua - Nam Hải: Xem An Dương Vương, năm 44 (Tb.1, 11).

Thương Ngô, Uất Lâm, Nhật Nam, Hợp Phố: Xem Triệu Vương, Kiến Đức, năm thứ 1. (Tb.2, 4...).

Nhà Ngụy dùng Lữ Hưng làm An Nam tướng quân, đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu; dùng Hoắc Giặc ở xa lĩnh chức Thứ sử Giao Châu.

Nhà Ngụy phong Lữ Hưng làm An Nam tướng quân, đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu; dùng nam trung giám quân là Hoặc Giặc, ở xa lĩnh chức Thứ sử Giao Châu, được quyền tùy tiện kén bổ các trưởng lại. Hoặc Giặc đề cử Thoán Cốc (có chỗ chép là Phàn Cốc) làm Thái thú GiaoChỉ, thống suất thuộc lại trong nha môn mình là lũ Đổng Nguyên và Vương Tố đem quân đến giúp đỡ Lữ Hưng. Quân chưa đến nơi, Lữ Hưng đã bị công tào Lý Thống giết chết; Thoán Cốc cũng chết.

Năm Ất Dậu (265). (Ngô, năm Cam Lộ thứ 1; Tấn, Vũ đế, năm Thái Thủy thứ 1).

Nhà Tấn dùng Mã Dung làm Thái thú Giao Chỉ. Mã Dung bị bệnh mất. Hoắc Giặc đề cử Dương Tắc sang thay.

Lời chua - Mã Dung: người Ba Tây.

Dương Tắc: người Kiện Vi.

Năm Mậu Tí (268). (Ngô, năm Bảo Đinh thứ 3; Tấn, năm Thái Thủy thứ 4).

Nhà Ngô dùng Lưu Tuấn làm thứ sử Giao Châu, đánh lại Dương Tắc nhà Tấn. Dương Tắc đánh phá được quân Lưu Tuấn ở Cổ Thành.

Nhà Ngô dùng Lưu Tuấn làm thứ sử, cùng với bộ đốc trước là Tu Tắc (Sử cũ chép lầm là đại đô đốc Tu Tắc), tướng quân là Cố Dung, trước sau ba lần đánh vào Giao Châu, nhưng Dương Tắc đều đem quân chống cự lại và đánh phá được cả. Quận Uất Lâm, quận Cửu Chân đều phụ theo với Dương Tắc.

---

[1] Theo Đường thư, Bình Dương công chúa là con gái Đường Cao Tổ. Chồng công chúa là Sài Thiệu cũng là một tay võ tướng. Khi Cao Tổ bình định thiên hạ, Bình Dương công chúa đứng ra chiêu mộ dân chúng, lập một đội quân có tới bảy vạn, thanh thế ngang với quân họ Sài. Cả hai đội quân cùng kéo vào kinh đô cùng giúp Cao Tổ, cho nên thời đó người ta gọi đội quân của Bình Dương công chúa là Nương tử quân. (Từ Hải, trang 386).

[2] Kinh đô của nhà Ngô.

[3] Tên cũ của Kiến Nghiệp, do nhà Tấn đặt.

Dương Tắc sai tướng quân là Mao Quế (Sử cũ chép lầm là Linh), Đổng Nguyên, nha môn tướng là bọn Mạnh Cán, Mạnh Thông, Lý Tùng, Vương Tố, Thoán Năng, đi từ đất Thục sang Giao Chỉ, đánh phá quân Ngô ở Cổ Thành, giết được Tu Tắc và Lưu Tuấn quân còn sót lại đều tan rã cả. Nhân thế, Dương Tắc đề cử Mao Quế làm thái thú Uất Lâm, Đổng Nguyên làm thái thú Cửu Chân.

Lời chua - Cổ Thành: Tức là thành Hợp Phố.

Năm Kỷ Sửu (269). (Ngô, năm Kiến Hành thứ 1; Tấn, năm Thái Thủy thứ 5).

Tháng 11, mùa Đông. Nhà Ngô đem quân sang đánh Dương Tắc nhà Tấn.

Nhà Ngô sai giám quân là Ngu Phiếm, úy nam tướng quân là Tiết Hủ và thái thú Thương Ngô là Đào Hoàng đi đường Kinh Châu; giám quân là Lý Húc (Sử cũ chép sai là Đỉnh) và đốc quân là Từ Tồn đi đường biển Kiến An. Cả hai đạo gặp nhau ở Hợp Phố để sang đánh Dương Tắc. Lý Húc, vì thấy đi đường biển không được tiện lợi, bèn giết tướng đưa đường là Phùng Phỉ, rồi đem quân về. Chúa nhà Ngô cho rằng Lý Húc đã giết uổng Phùng Phỉ và tự tiện rút quân về, nên bắt cùng với Từ Tồn đều phải tội chết.

Năm Tân Mão (271). (Ngô, năm Kiến Hành thứ 3; Tấn, năm Thái Thủy thứ 7). Đào Hoàng nhà Ngô đánh và bắt được bọn Dương Tắc nhà Tấn. Nhà Ngô lại lấy được đất Giao Chỉ, chia đất ấy ra làm quận Tân Xương.

Trước kia, Đào Hoàng và bọn Ngu Phiếm, Tiết Hủ chống nhau với Dương Tắc ở trên sông Phần. Đào Hoàng thua, lui giữ quận Hợp Phố, chết mất hai tướng. Tiết Hủ tức giận, bảo Đào Hoàng: "Ngươi tự dâng biểu xin đi đánh giặc mà để mất hai tướng, trách nhiệm ấy tại ai?". Đào Hoàng thưa: "Tôi là quan cấp dưới, không được làm theo ý muốn của mình, quân sĩ không hòa thuận nhau, nên đến nỗi bị thua đó thôi". Tiết Hủ chưa nguôi giận, muốn đem quân về. Đêm hôm ấy Đào Hoàng đem vài trăm quân đánh úp Đổng Nguyên, bắt được của báu đưa xuống thuyền chở về. Tiết Hủ thấy thế mới xin lỗi Hoàng, dùng Hoàng lĩnh chức đô đốc quân tiền bộ ở Giao Châu, Đào Hoàng lại đi đường biển, nhân lúc không ngờ, đi tắt đến Giao Châu. Đổng Nguyên đem quân ra chống cự. Các tướng của Hoàng đều muốn ra đánh, nhưng Hoàng ngờ trong chỗ cầu đổ có lẽ có quân mai phục, mới để toán quân sử dụng trường kích[1] dàn riêng hàng ngũ ở phía sau. Khi quân hai bên mới giáp trận, Đổng Nguyên giả cách rút lui; Đào Hoàng đuổi theo, quả nhiên quân mai phục đổ ra. Quân trường kích của Hoàng đón đánh, phá tan được quân địch và giết Đổng Nguyên tại trận. Lúc đó Đào Hoàng lấy tất cả những thuyền chở của báu và mấy nghìn tấm thổ cẩm[2] mà trước kia cướp được, đem gửi cho tướng giặc Phù Nghiêm là Lương Kỳ (Sử cũ chép sai là Lương Tề). Lương Kỳ đem hơn một vạn người đến giúp Đào Hoàng. Bấy giờ Dương Tắc dùng bộ tướng là Vương Tố thay Đổng Nguyên. Dũng tướng của Đổng Nguyên là Giải Hệ cùng ở trong thành. Đào Hoàng sai em Hệ là Tượng viết thư cho Hệ; lại sai Tượng đi xe độc mã, có người thổi sáo, đánh trống, hộ vệ diễu đi. Bọn Vương Tố thấy thế, bảo nhau: "Tên Tượng là em Giải Hệ còn được như thế, chắc hẳn Giải Hệ cũng có ý muốn đi theo". Họ bèn giết Hệ. Đào Hoàng nghe tin ấy, lập tức đem quân đánh gấp, phá được châu lỵ, bắt được bọn Dương Tắc và Mao Quế. Mao Quế ngầm lập mưu đánh úp Đào Hoàng. Việc ấy tiết lộ, Đào Hoàng bắt giết Mao Quế, rồi cho đưa bọn Dương Tắc về nước Ngô. Đi đến Hợp Phố, Tắc bị bệnh chết. Còn bọn Mệnh Cán, Lý Tùng, Thoán Năng khi về đến Kiến Nghiệp, thì Mạnh Cán trốn về với nhà Tấn; nhà Tấn dùng làm thái thú Nhật Nam. Lý Tùng và Thoán Năng đều bị nhà Ngô giết cả. Nhà Tấn truy tặng cho Dương Tắc chức thứ sử Giao Châu, các con của Mao Quế, Lý Tùng và Thoán Năng đều được phong tước quan Nội hầu. Viên Công Tào[3] quận Cửu Chân là Lý Tộ giữ toàn được quận, đem quận ấy phụ thuộc về nhà Tấn. Đào Hoàng sai tướng đến đánh không được. Cậu Lý Tộ là Lê Hoảng (có chỗ chép là Lê Minh) đi theo quân thứ nhà Ngô, khuyên Lý Tộ ra hàng. Lý Tộ đáp: "Cậu cứ việc làm tướng bên Ngô, tôi cứ việc thần phục bên Tấn, người nào cũng chỉ nhìn vào sức mạnh mà mình cho là có thể trông cậy được". Lý Tộ giữ thành không hàng. Quân của Đào Hoàng đánh mãi mới hạ được thành.

Lời chua - Đào Hoàng: Con Đào Cơ, người Mạt Lăng thuộc Đan Dương.

---

[1] Cây kích dài, một thứ binh khí xưa.

[2] Gấm bản thổ.

[3] Xem chú thích ở trang 140.

Tân Xương: Theo chú thích của Hồ Tam Tỉnh, Tân Xương tức là Phong Châu, nay là đất tỉnh Sơn Tây.

Nhà Ngô dùng Đào Hoàng làm thứ sử, giữ phù tiết[1] tiền tướng quân, Giao Châu mục[2], đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu.

Sau khi Đào Hoàng phá được bọn Dương Tắc, bình được Giao Châu, nhà Ngô dùng luôn làm chức Châu mục. Đào Hoàng là người có mưu chước, biết thương kẻ khó, sẵn lòng bố thí, được lòng dân. Người ta ai cũng thích giúp việc, nên Hoàng đi đến đâu cũng được thành công. Bấy giờ tại các quận Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương, vì thế đất hiểm trở, dân Di, Lạo hung hăng mạnh tợn, đã từ lâu vẫn không chịu thần phục. Đào Hoàng đem quân đi đánh, dẹp yên, mở thêm đất, đặt làm ba quận và hơn 30 huyệnở các nước phụ thuộc với quận Cửu Chân. Sau đó, nhà Ngô gọi Đào Hoàng về làm đô đốc quận Vũ Xương, và dùng Tu Doãn là thái thú quận Hợp Phố, sang thay. Có đến hàng nghìn người dân bản thổ (Giao Châu) xin giữ Đào Hoàng ở lại. Chúa nhà Ngô lại cho Hoàng trở về châu lỵ cũ.

Lời chua - Vũ Bình: Vốn là đất huyện Phong Khê, đặt ra từ nhà Ngô, Vũ Bình thống trị 7 huyện: đời Tùy bỏ quận, đổi làm huyện Long Bình; đời Đường đổi làm huyện Vũ Bình rồi lại đặt làm Đằng Châu. Triều Đinh, Lê đổi làm phủ Thái Bình; triều Trần đổi gọi Khoái Lộ; triều Lê đổi đặt làm hai phủ Tiên Hưng và Khoái Châu. Nay là địa hạt Hưng Yên[3].

Cửu Đức: Đất của Việt Thường thị xưa, nhà Ngô lấy đặt làm quận Cửu Đức, thống trị 8 huyện. Đời Tấn, Tống, Tề vẫn cứ theo cũ; nhà Lương bỏ quận, đổi làm huyện Cửu Đức thuộc quận Nhật Nam; nhà Đường đổi cho thuộc Hoan Châu. Nay là đất Hà Tĩnh.

Năm Canh Tí (280). (Tấn, năm Thái Khang thứ 1).

Quan mục ở Giao Châu của nhà Ngô là Đào Hoàng đầu hàng nhà Tấn. Tấn hạ chiếu cho Hoàng làm chức cũ.

Chúa Ngô là Tôn Hạo, khi đã đầu hàng nhà Tấn, tự tay viết thư khuyên Hoàng nên về với Tấn. Nhận thư ấy, Hoàng sụt sùi ứa nước mắt đến mấy ngày, rồi sai đưa nộp ấn và thao về Lạc Dương. Vua Tấn hạ chiếu cho Hoàng giữ chức cũ, phong tước Uyển Lăng hầu, đổi làm quán quân tướng quân.

Khi nhà Tấn đã đánh được nhà Ngô, giảm bớt số quân ở các châu quận (Sử cũ chép sai là bắt lính Giao Châu). Đào Hoàng dâng thư trình bày: "Giao Châu ở trơ trọi một nơi, liền sát núi, biển, cách nước Lâm Ấp ở ngoài chỉ độ 700 dặm (Sử cũ chép sai là mấy nghìn dặm). Tướng người Di ở Lâm Ấp là Phạm Hùng, suốt đời làm kẻ cướp lẩn lút, thường đánh cướp nhân dân. Hắn lại còn liên kết với Phù Nam, thường làm giặc cướp đánh phá các quận huyện, giết hại quan và dân. Tôi trước làm quan nước Ngô, được cử đem quân đóng ở bên Nam có đến hơn mười năm. Trước sau nhiều phen đi đánh dẹp, tuy có giết được tướng lĩnh họ, nhưng vì ở chỗ núi sâu hang cùng, nên còn có kẻ ẩn núp được. Vả lại, quân lính thuộc dưới quyền tôi tất cả có hơn tám nghìn người. Thủy thổ phương Nam nóng nực, ẩm thấp, (Sử cũ chép lầm là ôn nhuận), có nhiều khí độc; thêm vào đó nhiều năm phải đi đánh giặc, quân lính ngày một hao mòn, hiện còn có hai nghìn bốn trăm hai mươi người. Ngày nay bốn biển hợp nhất, đâu cũng thần phục cả, đáng lẽ nên cuốn áo giáp, hủy bỏ gươm, chăm lo về đường lễ nghĩa. Nhưng mà, người châu này lại không thích yên vui, ưa làm những sự khởi loạn. Vả lại, về phía nam Quảng Châu, cả vùng có đến hơn sáu nghìn dặm, trong đó có đến hơn năm vạn hộ không phục theo và không phụ thuộc. Những bọn ngang tàng ở Quế Lâm cũng có đến một vạn hộ nữa. Nói đến những người chịu phục dịch việc quan chỉ có hơn năm nghìn nhà. Hai châu Giao và Quảng, hình thế như môi với răng, phải có quân đóng mới giữ được. Lại còn đất Hưng Cổ thuộc Ninh Châu ở mạn thượng lưu, cách quận Giao Chỉ một nghìn sáu trăm dặm, đường thủy, đường lục đều tiện, hộ vệ lẫn nhau. Vậy thì số quân đóng ở châu chưa nên giảm bớt,

[1] Xem chú thích chữ "phù tiết" ở trang 136.

[2] Xem chú thích chữ "mục" ở trang 139.

[3] Nay Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên, Tiên Hưng thuộc tỉnh Thái Bình.

để có vẻ yếu đuối cô đơn". Vua nhà Tấn theo lời Đào Hoàng. Đào Hoàng ở Giao Châu 30 năm, tỏ ra người có ân, có uy, được dân Giao Châu yêu mến. Khi Hoàng mất, vua Tấn dùng viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Ngô Nghiện (Sử cũ chép chữ "Ngô" là họ "Ngô") làm chức nam trung đô đốc, thứ sử Giao Châu. Hồi Đào Hoàng mới mất, lính thú ở quận Cửu Chân nổi loạn, đánh đuổi thái thú Cửu Chân. Tướng giặc là Triệu Chỉ bao vây quận. Ngô Nghiện dẹp yên được cả. Ngô Nghiện làm quan được 25 năm, dân Giao Châu được yên ổn. Ngô Nghiện tự dâng biểu xin đổi người khác thay mình. Vua nhà Tấn cho Cố Bí sang thay. Cố Bí cũng là một quan tốt, cả châu ai cũng yêu mến. Kịp khi Cố Bí chết, người Giao Châu ép con Bí là Tham quản lĩnh công việc Giao Châu. Khi Cố Tham chết, em là Thọ cố ý cầu xin lên thay. Thọ giết người trưởng lại là Hồ Triệu, lại toan giết cả đốc quân thuộc dưới quyền mình là Lương Thạc. Lương Thạc chạy thoát, cất quân đánh giết được Cổ Thọ. Sau đó, Lương Thạc chuyên quyền, nhưng sợ dân tình không thuận, mới đón con Đào Hoàng là Uy, đương làm thái thú Thương Ngô, về lĩnh chức thứ sử Giao Châu. Đào Uy làm quan, rất được lòng dân, giữ chức được ba mươi năm thì chết. Em Uy là Thục, con Uy là Tuy, kế tiếp nhau làm thứ sử. Từ Đào Cơ đến Đào Tuy tất cả bốn đời, đều làm thứ sử. Đào Cơ là cha Đào Hoàng (Sử cũ chép sai là ông nội Đào Hoàng).

Lời chua - Phù Nam: Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 7).

Năm Mậu Dần (318). (Đông Tấn, Nguyên đế, năm Đại Hưng thứ 1).

Tháng 10, mùa Đông. Nhà Tấn hạ chiếu gia phong cho thứ sử Quảng Châu là Đào Khản đô đốc các việc quân ở Giao Châu.

Theo Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, thời bấy giờ người Trường Sa là Vương Cơ cùng với giặc đất Thục là Đỗ Hoằng, và tú tài ở Giao Châu là Lưu Trầm cùng nhau làm phản. Đào Khản sai đốc hộ đánh phá, bắt được Lưu Trầm, chém được Vương Cơ. Vì có công ấy, Khản được phong chức nói trên.

Lời chua - Đào Khản: Người Phiên Dương.

Vương Cơ: Theo Tấn thư, trước kia có người ở Trường Sa tên là Vương Cơ, cha Vương Cơ tên là Nghị làm thứ sử Quảng Châu, rất được lòng dân chúng. Sau người Quảng Châu đón Vương Cơ làm thứ sử. Khi ấy gặp dư đảng giặc đất Thục là Đỗ Hoằng đem vàng cho Vương Cơ, xin đi đánh giặc Quế Lâm để tự lập công. Vương Cơ đem việc ấy bầy tỏ lên triều đình. Vương Đôn cho Vương Cơ là người khó chế ngự, vì có công hàng được Đỗ Hoằng, cũng muốn nhân đó sai đi đánh Lương Thạc. Vì vậy đổi Vương Cơ sang làm thứ sử Giao Châu. Lương Thạc nghe tin ấy, sai con đón Vương Cơ ở Uất Lâm. Vương Cơ giận việc đến đón chậm, trách rằng: "Đợi khi đến châu, sẽ hỏi tội cho!". Con Lương Thạc vội sai người về báo cho cha biết. Lương Thạc nói: "Chàng Vương[1] đã làm hại Quảng Châu rồi, lại còn đến đây phá Giao Châu nữa sao!". Nói rồi liền cấm người trong châu không ai được ra đón. Quan Tư Mã[2] ở phủ là Đỗ Tán thấy Lương Thạc không cho đón Vương Cơ, liền đem quân đánh Lương Thạc, bị Thạc đánh thua. Lương Thạc lại sợ những người kiều ngụ bênh vực Vương Cơ, bấy giờ đem bao nhiêu người khá giết đi hết, rồi tự lĩnh chức thứ sử Giao Châu. Vương Cơ đã bị Lương Thạc chống cự lại, liền đi sang Uất Lâm. Khi ấy Đỗ Hoằng đi đánh được giặc Quế Lâm về, gặp Vương Cơ ở giữa đường. Vương Cơ khuyên Đỗ Hoằng đánh lấy Giao Châu. Đỗ Hoằng vẫn có ý lấy Giao Châu đã lâu, mới cầm lấy phù tiết của Vương Cơ, bảo rằng: "Ta nên thay đổi nhau cầm, sao nên một người cầm!". Vương Cơ mới đưa phù tiết cho Đỗ Hoằng. Bấy giờ Vương Cơ với Hoằng và bọn Ôn Thiệu, Lưu Trầm đều làm phản. Liền đó, Đào Khản đến Quảng Châu, đánh giết được Ôn Thiệu, Lưu Trầm trước; rồi sai đốc hộ đánh Vương Cơ. Vương Cơ chạy, bị chết. Đào Khản sai quật thây lên đem chém.

Năm Quý Mùi (323). (Tấn, Minh đế, năm Thái Bình thứ 1).

---

[1] Chỉ Vương Cơ.

[2] Quan chuyên coi về việc binh.

Lương Thạc đánh giết thứ sử là Vương Lượng. Đào Khản sai quân đánh chém được Lương Thạc. Nhà Tấn dùng Đào Khản lĩnh chức thứ sử Giao Châu.

Trước kia, Vương Đôn dùng Vương Lượng làm thứ sử Giao Châu để đánh Lương Thạc. Lương Thạc đem quân vây Vương Lượng ở Long Biên, hạ được thành, cướp lấy phù tiết của Vương Lượng; Vương Lượng không cho, Lương Thạc chặt mất cánh tay trái của Lượng. Vương Lượng nói: "Chết, ta còn không sợ, chặt mất tay thì có làm gì!". Được hơn 10 ngày, Lượng chết. Lương Thạc giữ Giao Châu, vì hung bạo, nên mất lòng dân chúng. Đào Khản sai tham quân là Cao Bảo ánh chém được Lương Thạc. Vua Tấn cho Đào Khản lĩnh chức thứ sử Giao Châu, tiến phong cho hiệu là Chinh nam đại tướng quân khai phủ nghi đồng tam ti.

Lời chua - Long Biên: Còn tên gọi là Long Uyên. Xem thuộc Hán, Vũ đế, năm Nguyên Phong thứ nhất. (Tb.2, 7).

Năm Quý Sửu (353). (Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Phu đánh phá được nước Lâm Ấp.

Vua nước Lâm Ấp là Phạm Phật thường sang xâm lấn quấy nhiễu. Nguyễn Phu đem quân đi đánh, phá được hơn năm mươi lũy.

Lời chua - Lâm Ấp: Quốc giới của Việt Thường thị xưa; đời Tần là huyện Lâm Ấp, thuộc Tượng Quận; đời Hán đổi làm huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam. Cuối đời Hán, con viên Công tào ở huyện ấy là Khu Liên, giết huyện lệnh, tự lập làm vua nước Lâm Ấp. Sau vì Khu Liên không có con kế tự, cháu ngoại là Phạm Hùng lên thay làm vua, truyền ngôi đến con là Phạm Dật. Người gia nô Phạm Dật là Phạm Văn dạy Phạm Dật xây đắp thành trì, nhà cửa, đặt bày binh trận, chế tạo khí giới. Phạm Văn được Phạm Dật tin yêu. Kịp khi Phạm Dật chết, Phạm Văn cướp ngôi làm vua. Phạm Văn chết, con là Phạm Phật nối ngôi. Phạm Phật chết, cháu là Hồ Đạt lên làm vua. Đến Văn Địch, cháu năm đời của Phạm Phật, bị con vua Phù Nam là Đương Côn Thẳng (có chỗ chép là Thuần) giết chết. Đại thần là Phạm Chư Nông bình được loạn ấy, tự lập làm vua. Chư Nông chết, con là Dương Mại lên kế vị. Dương Mại chết, con là Đốt lên làm vua, vẫn lại lấy tên là Dương Mại, thường sang lấn cướp quận Nhật Nam. Nhà Tấn sai Đàn Hòa Chi đi đánh. Dương Mại sợ, sai sứ sang triều cống; về sau, không triều cống nữa. Nhà Tùy sai Lưu Phương sang đánh. Chúa Lâm Ấp là Phạm Chí sai sứ sang tạ lỗi. Khoảng giữa niên hiệu Trinh Quán (627-649) nhà Đường, vua Lâm Ấp là Đầu Lê chết, con là Trấn Long bị giết, người trong nước lập con nhà cô của Đầu Lê là Gia Cát Địa lên làm vua, đổi quốc hiệu là Hoàn Vương, thường sang xâm lấn An Nam. Bị đô hộ nhà Đường là Trương Chu đánh phá, nước ấy mới bỏ Lâm Ấp, dời đến Chiêm, gọi là nước Chiêm Thành.

Liệt Thánh[1] bản triều[2], trước mở cơ nghiệp ở đất này, sau thống nhất được toàn quốc; việc đóng đô ở đây đã xem xét kỹ càng, không khác gì các vua đời Tam đại dùng ngọc thổ khuê để đo bóng mặt trời ở Lạc Thủy[3], đem con linh quy để bói chỗ đóng đô ở Hoàng Hà[4]. Kinh đô đóng ở đây, có cửa ải Hải Vân[1], có đèo Ngang[2], có cửa Thuận[3], có

---

[1] Chỉ các chúa Nguyễn từ Nguyễn Hoàng đến Duệ Tông, Nguyễn Phúc Thuần.

[2] Triều Nguyễn.

[3] Ba triều đại Hạ, Thương, Chu (Tam Đại) đều đóng đô ở khoảng đất giữa Lạc Thủy và Hoàng Hà, khi bắt đầu dự định đóng đô ở nơi nào thì dùng ngọc thổ khuê để suy trắc, dùng rùa thần để bói. Chu công Đán khi bói về địa thế ở Lạc Thủy có nói: "Ta đã bói phía Đông Giản Thủy, cũng chỉ có Lạc Thủy là cắn mực. Vì thế ta mới sai người vẽ địa đồ Lạc Thủy và dâng lời bói lên vua". Kinh thư, (thiên Lạc cáo).

[4] Ba triều đại Hạ, Thương, Chu (Tam Đại) đều đóng đô ở khoảng đất giữa Lạc Thủy và Hoàng Hà, khi bắt đầu dự định đóng đô ở nơi nào thì dùng ngọc thổ khuê để suy trắc, dùng rùa thần để bói. Chu công Đán khi bói về địa thế ở Lạc Thủy có nói: "Ta đã bói phía Đông Giản Thủy, cũng chỉ có Lạc Thủy là cắn mực. Vì thế ta mới sai người vẽ địa đồ Lạc Thủy và dâng lời bói lên vua". Kinh thư, (thiên Lạc cáo).

núi Thương Sơn[4]. Thật là nơi kín đáo hiểm trở cũng như một cái kho của nhà Trời. Do đấy, thanh danh văn vật ngày thêm phồn thịnh, không triều đại nào trước đây có thể sánh kịp. Bây giờ, thành Phật thệ ở Phủ Thừa Thiên, thành Chà Bàn ở tỉnh Bình Định đều là di tích cố đô của Chiêm Thành đó.

Năm Canh Thìn (380). (Tấn, Hiến Vũ đế, năm Thái Nguyên thứ 5).

Tháng 10, mùa đông. Thái thú quận Cửu Chân là Lý Tốn chiếm giữ châu, làm phản.

Năm Tân Tị (381). (Tấn, năm Thái Nguyên thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Thái thú quận Giao Chỉ là Đỗ Viện đi đánh, dẹp yên được loạn Lý Tốn.

Theo Liệt truyện trong Tống thư, trước kia, Thái thú quận Cửu Chân là Lý Tốn, cha con khỏe mạnh, và có quyền thế, uy danh khống chế được đất Giao Châu. Nghe tin thứ sử Đằng Độn Chỉ sắp đến, Tốn sai hai con chia đi chẹn những chỗ hiểm yếu về đường thủy và đường bộ. Đỗ Viện thu thập quân sĩ đánh chém được Lý Tốn. Đất Giao Châu được yên. Nhà Tấn phong Đỗ Viện làm Long nhương tướng quân.

Lời chua - Đỗ Viện: Người huyện Chu Diên quận Giao Chỉ, gốc tích là người đất Kinh Triệu. Ông nội là Nguyên làm thái thú quận Ninh Phố, di cư sang ở quận Giao Chỉ.

Năm Kỷ Hợi (399). (Tấn, An đế, năm Long An thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt (có chỗ chép là Tu Đạt) vào lấn cướp. Đỗ Viện đánh phá được. Nhà Tấn thăng Đỗ Viện làm thứ sử Giao Châu.

Theo Lương thư, năm ấy, vua nước Lâm Ấp, là Phạm Hồ Đạt, lấn cướp quận Nhật Nam, bắt thái thú là Quế Nguyên; lại tiến sang cướp quận Cửu Đức, bắt thái thú là Tào Bính. Thái thú Giao Chỉ, Đỗ Viện, sai đốc hộ là bọn Đặng Dật đi đánh, phá tan được. Nhà Tấn liền thăng cho Đỗ Viện làm thứ sử.

Lời cẩn án - Tống thư và Lương thư đều chép năm Long An thứ 3 (399), thăng Đỗ Viện làm thứ sử Giao Châu, dính liền với năm có việc đánh phá Lâm Ấp. Sử cũ lại chép việc thăng Đỗ Viện làm thứ sử vào năm Thái Nguyên thứ 6 (381)[5]. Như thế là sai, nay theo sự thực đổi lại.

Năm Tân Hợi (411). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 7).

---

[1] Cửa ải Hải Vân ở trên đỉnh núi Hải Vân, thuộc địa phận huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên, lập ra từ năm Minh Mạng thứ 7 (1826), đằng trước cửa ải có khắc ba chữ "Hải Vân quan", đằng sau cửa ải khắc 6 chữ "Thiên hạ đệ nhất hùng quan", có quân lính canh giữ, có kính thiên lý để chiếu trông ra ngoài biển. Tàu thuyền muốn vào cửa biển Đà Nẵng, trước hết phải báo ở cửa ải này. Năm 1836, Minh Mạng đúc chín cái đỉnh, lấy hình cửa ải này đúc vào "dụ đỉnh" (tên một trong chín cái đỉnh). Đèo Hải Vân rất hiểm, người đi phải như vượn leo, chim chuyền, mới có thể vượt qua được. Chân đèo liền với bãi biển, ở đây có hang dơi. Tương truyền: ngày trước, chỗ hang dơi, có sóng thần, làm thuyền bè bị đắm, nên ngạn ngữ có câu: "Đi bộ thì sợ Hải Vân, đi thủy thì sợ sóng thần hang dơi". (Đại nam nhất thống chí, mục Sơn xuyên và Quan tấn phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 25 và 48).

[2] Ở giữa địa phận huyện Bình Chính tỉnh Quảng Bình và huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh, núi non chồng chập, kéo dài từ đất liền đến bãi biển, trông như một bức tường thành. Đèo Ngang là nơi hiểm yếu giữa hai miền Nam và Bắc. Giữa thế kỷ thứ XVI, Nguyễn Bỉnh Khiêm (Trạng Trình) bảo Nguyễn Hoàng: "Hoành sơn thất đái, khả dĩ vạn đại dung thân" (một dải Hoành Sơn, có thể dung thân được muôn đời), tức là chỗ này. Năm 1836, Minh Mạng đúc chín cái đỉnh, lấy hình núi này đúc vào "huyền đỉnh". (Sách dẫn trên, mục Sơn xuyên tỉnh Quảng Bình, quyển 8 tờ 20).

[3] Ở địa phận huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, hình thế khúc khuỷu quanh co, thác ghềnh phục ngầm ở dưới nước, rất là hiểm trở. Gia Long có đặt tấn thủ để phòng ngự, có 3 đội quân đi tuần ngoài biển và hộ vệ thuyền quan khi ra khi vào. Năm Minh Mạng thứ 15 (1834) dựng vọng lâu ở trấn sở, có kính thiên lý để dò xét tàu thuyền ngoài khơi. Khi đúc chín cái đỉnh, Minh Mạng cho vẽ hình thế cửa Thuận này đúc vào "nghị đỉnh". (Sách dẫn trên, mục Quan tấn phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 50).

[4] Ở địa phận huyện Hương Trà, thế núi gồ ghề hùng vĩ, trông như hình kho lúc, nên gọi là Thương Sơn. Trên chót có giếng nước rất trong. Thương Sơn là một núi vừa đẹp vừa lạ. Khi đúc chín cái đỉnh, Minh Mạng lấy hình núi này đúc vào "chương đỉnh" (Sách dẫn trên, mục Sơn xuyên phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 21).

[5] Xem Toàn thư, Ngoại kỷ, 4, 8b.

Tháng 4, mùa hạ. Giặc bên Tấn là Lư Tuần chạy sang Giao Châu. Thứ sử Giao Châu là Đỗ Tuệ Độ đánh và giết, đưa thủ cấp về Kiến Khang.

Trước đây, cháu họ Lư Tuần là Ân làm giặc. Ân chết, Lư Tuần đầu hàng nhà Tấn, được làm thứ sử Quảng Châu; đến đây, Tuần lại làm phản, bị bộ tướng của Lưu Dụ là Lưu Phiên đánh bại, phải chạy sang Giao Châu. Khi bấy giờ thứ sử trước là Đỗ Viện đã mất, vua Tấn cho con Viện là Tuệ Độ lên thay làm thứ sử. Khi tờ chiếu chưa đến nơi, Lư Tuần đã đánh úp và phá được Hợp Phố, đi tắt sang Giao Châu. Tuệ Độ đem các quan văn võ ở các châu phủ chống nhau với Lư Tuần ở trấn Thạch Kỳ, phá tan quân Lư Tuần. Tàn quân của Lư Tuần còn tới ba nghìn người, lại có dư đảng của Lý Tốn là bọn Lý Thoát, liên kết với dân Lý, Lạo tới hơn năm nghìn người để hưởng ứng với Lư Tuần. Lư Tuần đến bến sông bên Nam thành Long Biên. Tuệ Độ đem hết của nhà thưởng cho quân sĩ. Em Tuệ Độ là Tuệ Kỳ, thái thú Giao Chỉ, cùng với Chương Dân, Thái thú Cửu Chân, cùng đốc suất quân thủy, quân bộ. Tuệ Độ tự trèo lên chiếc thuyền cao cùng với Lư Tuần đánh giáp lá cà, dùng mồi tẩm dầu châm lửa ném đốt thuyền giặc, rồi cho quân bộ đứng hai bên bờ bắn xuống. Quân Lư Tuần bị vỡ. Lư Tuần trúng tên lăn xuống nước chết. Tuệ Độ vớt xác Lư Tuần, đem chém, sai đóng hòm đựng thủ cấp Lư Tuần, thủ cấp vợ con hắn và thủ cấp bọn Lý Thoát, đưa về Kiến Giang[1].

Lời chua - Tuệ Độ: Con thứ năm Đỗ Viện.

Thạch Kỳ: Tên trấn, ở phía Tây Nam phủ trị Giao Châu. Họ Hồ cắt nghĩa rằng: bờ cong queo gọi là Kỳ.

Năm Quý Sửu (413). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 9).

Tháng 3, mùa xân. Nước Lâm Ấp lại sang cướp Cửu Chân. Đỗ Tuệ Độ đánh tan được.

Theo Lương thư, vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt lại sang cướp Cửu Chân. Tuệ Độ đi đánh phá được, chém con nó là Giao Long vương Chân Tri và tướng nó là bọn Phạm Kiện, bắt sống được hơn trăm người trong có con nó là Na Năng.

Năm Ất Mão (415). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 11).

Nước Lâm Ấp xâm phạm Giao Châu. Tướng ở Giao Châu đánh bại quân Lâm Ấp.

Năm Canh Thân (420). (Tấn, Cung đế, năm Nguyên Hi thứ 2; Tống, Vũ đế, năm Vĩnh Sơ thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Đỗ Tuệ Độ đánh Lâm Ấp, phá tan được, bắt Lâm Ấp phải hàng.

Theo Lương thư, khi bấy giờ Tuệ Độ đi đánh, cả phá được nước Lâm Ấp, số người bị giết có tới quá nửa; nước Lâm Ấp phải xin hàng, dâng nộp voi lớn, vàng, bạc, vải hoa, mới được tha. Những người Lâm Ấp trước sau bị bắt đều được cho về. Sau đó, Tuệ Độ sai trưởng sử là Giang Du dâng biểu sang Tống báo tin thắng trận.

Tuệ Độ ở Giao Châu, ăn cơm rau, mặc áo vải, cấm những đền thờ thần nhảm nhí, dựng trường dạy học. Gặp phải năm đói thì lấy lương bổng riêng của mình phát chẩn cho dân. Tuệ Độ làm việc tinh tế chu đáo, coi việc công như việc nhà. Các quan lại và nhân dân ai cũng kính nể và yêu mến. Cửa thành đêm bỏ ngỏ, ngoài đường không ai nhặt của bỏ rơi. Khi Tuệ Độ mất, vua nhà Tống tặng chức Tả tướng quân và cho con là Hoằng Văn làm thứ sử. Hoằng Văn cũng là người khoan hòa, được lòng mọi người, nối tước phong là Long Biên hầu.

Lời chua - Hoằng Văn: Con trưởng Tuệ Độ. Trước kia, Vũ đế nhà Tống đi đánh miền bắc, Tuệ Độ dâng "phủ bản"[2] xin cho Hoằng Vân làm thái thú Cửu Chân; đến đây, lại được kế chân Tuệ Độ làm thứ sử.

---

[1] Kinh đô nhà Tấn.

[2] Công văn của cơ quan để ở trong hai mảnh ván gỗ. Xem thêm lời chua của Cương mục ở dưới.

Bản: Tức là phủ bản. Theo Tống chí, được nhà vua bổ dụng thì làm chức tham quân, do quan tiến cử bằng "phủ bản" thì làm chức hành tham quân.

Năm Đinh Mão (427). (Tống, Văn đế, năm Nguyên Gia thứ 4).

Tháng 4, mùa hạ. Thứ sử Giao Châu là Đỗ Hoằng Văn chết. Nhà Tống dùng Vương Huy là thứ sử.

Nhà Tống với Hoằng Văn về làm đình úy. Bấy giờ Hoằng Văn đang bị bệnh, cũng tự mình cố gắng đi kiệu lên đường. Có người khuyên Hoằng Văn nên đợi khi bệnh khỏi sẽ đi. Hoằng Văn trả lời: "Nhà tôi ba đời giữ phù tiết, tôi vẫn muốn đem thân cống hiến đế đình, huống chi bây giờ lại có lệnh triệu". Nói rồi, nhất quyết đi, đến Quảng Châu thì mất.

Năm Tân Mùi (431). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 8). Nước Lâm Ấp cướp Cửu Chân. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Di Chi đánh không được, kéo quân về.

Theo Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, bấy giờ vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai hơn một trăm thuyền lầu sang cướp Cửu Chân, vào cửa sông Tứ Hội. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Di Chi sai đội chủ là Tướng Đạo Sinh đem quân đi đánh. Đánh thành Khu Lật không được, kéo quân về.

Lâm Ấp, từ sau khi thứ sử Giao Châu là Đỗ Viện mất, không năm nào không vào cướp các quận Nhật Nam và Cửu Chân, giết hại nhiều lắm, đến nỗi Giao Châu bị hư nhược. Đầu năm Nguyên Gia (424-453), Dương Mại lại càng xâm lấn dữ lắm. Hoằng Văn định đi đánh, nhưng nghe tin có người sang thay mình, nên lại thôi. Đến đây (Nguyên Gia thứ 8), Lâm Ấp lại đem lực lượng toàn quốc sang cướp. Hai biên giới Nhật Nam và Cửu Chân từ đấy mới sinh ra nhiều sự rối loạn.

Lời chua - Thành Khu Lật: Ở phía Bắc nước Chiêm Thành. Theo sách Thủy Kinh chú, sông Lư Dung phát nguyên từ núi cao ở phía Nam thành Khu Lật thuộc huyện Lư Dung, quận Nhật Nam, về mặt đông chảy qua phía Bắc thành Khu Lật[1]. Binh khí chiến cụ của nước Lâm Ấp để ở cả trong thành ấy. Sau này Đàn Hòa Chi từ đồn Chu Ngô, tiến quân vây Phạm Phù Long ở thành Khu Lật, tức là thành Khu Lật này.

Năm Quý Dậu (433). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 10).

Tháng 5, mùa hạ. Vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang nhà Tống xin quản lĩnh Giao Châu. Vua Tống không cho.

Vua nước Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nhà Tống, xin quản lĩnh Giao Châu. Vua Tống xuống chiếu trả lời vì cớ ở xa, không cho. Ngay năm ấy, nhà Tống dùng Hữu quân tham quân là Lý Tú Chi làm thứ sử Giao Châu.

Năm Bính Tuất (466). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 23).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà Tống sai thứ sử Giao Châu là Đàn Hòa Chi đánh Lâm Ấp, thu được toàn thắng. Hòa Chi kéo quân vào kinh thành Lâm Ấp.

Trước kia, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại tuy sai sứ sang cống hiến nhà Tống, nhưng vẫn cướp bóc Giao Châu luôn luôn. Vua Tống mới sai Đàn Hòa Chi đi đánh. Bấy giờ có người quận Nam Dương là Tông Xác, vốn là dòng dõi nhà Nho, nhưng riêng về phần Tông Xác lại thích võ nghệ, thường nói: "Muốn giong ruổi theo luồng gió, phá tan làn sóng muôn dặm". Đến khi Hòa Chi đi đánh Lâm Ấp, Tông Xác hăng hái quyết xin tòng quân: vua Tống cho Tông Xác làm chấn vũ tướng quân. Hòa Chi sai Tông Xác làm tiền phong. Phạm Dương Mại nghe tin quân Tống đã xuất phát, sai sứ dâng biểu xin trả lại những dân quận Nhật Nam trước kia đã cướp về và xin nộp một vạn cân vàng, mười vạn cân bạc. Vua Tống hạ

---

[1] Đây là dịch đúng nguyên văn dẫn trong Cương mục, không biết **Cương mục** dùng bản Thủy kinh chú nào. Nay theo bản Thủy kinh chú hiệu đính đời Kiền Long thì thấy như sau "Ở huyện Lư Dung thuộc quận Nhật Nam. Sông Lư Dung phát nguyên ở phía tây nam, miền núi cao ở phía nam thành Khu Túc. Phía nam các núi dài liên tiếp, ở phía Tây Thiên chướng lĩnh, có sông Lư Dung chảy ra, đi lẩn vào khe núi, vòng ra phía Bắc Tây vệ, rồi đi sang Đông qua phía Bắc thành Khu Túc rồi lại sang Đông" (c.33, trang 50).

chiếu cho Hòa Chi: "Dương Mại nếu quả thực lòng hàng phục cũng nên ưng cho quy thuận". Sau Dương Mại bị mê muội về lời can ngăn của đại thần là Đốc Tăng Đạt, nên không cho quy thuận nữa. Khi Đàn Hòa Chi đến đồn Chu Ngô, sai bọn hộ tào tham quân ở phủ thứ sử Giao Châu là Khương Trọng Cơ đi thẳng đến chỗ Dương Mại. Trọng Cơ bị Dương Mại bắt giữ lại. Đàn Hòa Chi giận lắm, tiến quân vây tướng Lâm Ấp là Phạm Phù Long ở thành Khu Lật. Dương Mại sai tướng là Phạm Côn Sa Đạt đến cứu, bị Tông Xác bí mật đem quân đón đánh, phá tan. Tháng 5, bọn Hòa Chi hạ thành Khu Lật, chém được Phù Long, nhân thắng thế, đánh vào Tượng Phố. Dương Mại đem cả quân trong nước ra đánh, và trang bị đầy đủ cho các thớt voi, trước sau không chỗ nào sơ hở. Tông Xác nói: "Nghe nói nước ngoài có giống sư tử, oai phục được trăm loài thú". Nói rồi, liền chế ra hình sư tử, để chống lại voi: quả nhiên voi sợ, chạy. Quân nước Lâm Ấp bị thua to. Vì thế, Đàn Hòa Chi đánh được nước Lâm Ấp. Dương Mại cùng với con đều chỉ chạy thoát thân. Hòa Chi lấy được của báu lạ không biết bao nhiêu mà kể, lại phá hủy những tượng đúc bằng vàng được mấy mươi vạn cân vàng. Tông Xác không lấy một thứ gì, khi về đến nhà khăn áo có vẻ tiêu điều.

Lời chua - Đàn Hòa Chi: Người đất Kim Hương thuộc Cao Bình. Đến năm Hiếu Kiến thứ 3 (456), đổi đi làm thứ sử Duyện Châu, can tội say rượu và nhũng loạn của công, bị bãi chức. Lúc bị bệnh, Hòa Chi thấy ma quỷ rợ Hồ hiện hình hành hạ, rồi chết.

Chu Ngô thú: Chu Ngô: tên huyện, từ nhà Hán về sau, thuộc quận Nhật Nam; bấy giờ ở đấy có đặt ra đồn lính thú ở phía bắc nước Chiêm Thành.

Tượng Phố: Tên huyện, ở phía tây bắc nước Chiêm Thành, vốn là huyện Tượng Lâm, về đời án, thuộc quận Nhật Nam. Đến đời Tùy, năm Đại Nghiệp (605-616) đổi thuộc về quận Lâm Ấp.

Tượng người vàng: Theo Tống thư, tục Lâm Ấp theo đạo Ni Kiền[1], đúc tượng người vàng người bạc, to đến mười vòng[2].

Năm Mậu Thân (468). (Tống, Minh đế, năm Thái Thủy thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Người Giao Châu là Lý Trường Nhân chiếm giữ châu trị, tự xưng là Thứ sử.

Trước đây, nhà Tống dùng Lưu Mục làm Thứ sử Giao Châu. Lưu Mục bị bệnh chết. Người trong châu là Lý Trường Nhân giết những bộ thuộc của Lưu Mục đem từ Trung Quốc sang, rồi chiếm giữ đất Giao Châu làm phản, tự xưng làm Thứ sử. Nhà Tống lại dùng Nam Khang tướng là Lưu Bột làm Thứ sử Giao Châu. Khi Lưu Bột đến nơi, bị Trường Nhân chống cự lại; chưa được bao lâu, Lưu Bột mất. Nhân thế Trường Nhân sai sứ xin hàng, tự giáng chức mình xuống làm người chấp hành công việc Giao Châu. Vua Tống y cho.

Năm Kỷ Mùi (479). (Tống, Thuận đế, năm Thăng Minh thứ 3; Tề, Cao đế, năm Kiến Nguyên thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Nhà Tề dùng Lý Thúc Hiến là Thứ sử Giao Châu.

Thúc Hiến là em họ Trường Nhân. Trước kia, Trường Nhân mất, Thúc Hiến, do chân quyền Thái thú Vũ Bình, lên thay Trường Nhân, lĩnh việc Giao Châu. Vì hiệu lệnh của mình chưa được thi hành, nên sai sứ sang nhà Tống xin làm thứ sử. Nhà Tống dùng Thái thú Nam Hải là Thẩm Hoán làm Thứ sử Giao Châu và cho Thúc Hiến làm Ninh viễn quân tư mã, giữ chức thái thú hai quận Tân Xương và Vũ Bình. Khi Thúc Hiến đã nhận được lệnh triều Tống, dân chúng vui lòng phục tùng. Thúc Hiến liền đem quân giữ nơi

---

[1] Ni Kiền hay Ni Kiện, một tên riêng của Ấn Độ dùng để gọi phái đạo gia tu luyện khổ hạnh, nghĩa là thoát ly sự bó buộc của tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới). Phái này tu luyện bằng cách ở trần truồng, lấy tro than trát vào thân thể. Vì thân thể trần truồng không biết hổ thẹn, nên Kinh Phật gọi phái này là "vô tâm ngoại đạo". Môn đồ ngoại đạo ấy gọi là "Ni Kiện tử". (Từ Hải trang 446).

[2] Dịch nghĩa nguyên văn là chữ "thập vi". Chữ "vi" là danh từ hình học, tính vòng tròn. Có nhiều thuyết: một thuyết nói 5 tấc là một vi; một thuyết nói 3 tấc; lại một thuyết nữa nói một ôm là một vi. (Từ Hải trang 306).

hiểm yếu, không nhận Thẩm Hoán sang nhậm chức; Thẩm Hoán phải lưu lại Uất Lâm rồi chết ở đấy. Nhà Tề cho ngay Thúc Hiến làm thứ sử, để vỗ về đất miền Nam cho được yên ổn.

Lời chua - Tân Xương, Vũ Bình: Đều xem thuộc Ngô, năm Kiến Hành thứ ba. (Tb.3, 15).

Năm Ất Sửu (485). (Tề, Vũ đế, năm Vĩnh Minh thứ 3).

Lý Thúc Hiến đi đường tắt sang chầu nước Tề.

Bấy giờ Thúc Hiến đã phụng mạng nhà Tề làm thứ sử, nhưng không cống hiến gì cả. Tháng giêng mùa xuân năm ấy, nhà Tề dùng đại tư nông là Lưu Khải làm thứ sử, điều động quân các quận Nam Khang, Lư Lăng và Thủy Hưng sang đánh. Thúc Hiến sai sứ xin bãi binh, dâng mũ đâu mâu bằng bạc nguyên cất, đủ dùng cho hai mươi đội, và lông công để trang sức. Vua nước Tề không nghe. Thúc Hiến sợ bị Lưu Khải đánh úp, mới đi đường tắt từ Tương Châu sang châu nước Tề[1]. Còn Lưu Khải thì vào trấn giữ Giao Châu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Do việc này ta nhận thấy hình pháp nước Tề thực là sai hỏng. Thúc Hiến là họ với kẻ bạn thần, lân la xin làm chức châu mục. Khi uy lệnh chưa thi hành được thì xin với Tề cho làm thứ sử; khi đã nhận được mệnh triều đình, thì lại chống cự thứ sử Thẩm Hoán ở Uất Lâm. Thế mà, Tề đối với Thúc Hiến khi chống cự lại, thì lại thực thụ cho làm thứ sử. Khi đã được nhà Tề trao cho cờ lệnh và ấn phù, Thúc Hiến lại thôi không cống hiến nữa. Đến khi Lưu Khải lĩnh mệnh sang đánh, nhà Tề lại để cho Thúc Hiến đi tắt vào chầu. Sau đó cũng không nghe nói nhà Tề tuyên bố tội trạng Thúc Hiến. Việc Đăng Chi xảy ra sau này cũng thế. Thưởng, phạt như vậy thì làm thế nào cho lòng người phục tùng và tỏ rõ được thể thống một nước?

Lời chua - Nam Khang, Lư Lăng, Thủy Hưng: Nam Khang và Lư Lăng, hai quận này thuộc Giang Châu. Quận Thủy Hưng thuộc Tương Châu.

Tương Châu: Là Kinh Châu xưa, nhà Tấn chia đất 8 quận làm Tương Châu; nay thuộc đạo Hồ Nam.

Năm Mậu Thìn (488). (Tề, năm Vĩnh Minh thứ 6).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Tề dùng Thái thú Thủy Hưng là Phòng Pháp Thừa làm thứ sử Giao Châu.

Năm Canh Ngọ (490). (Tề, năm Vĩnh Minh thứ 8). Tháng 10, mùa đông. Trưởng sử[2] Giao Châu là Phục Đăng Chi bắt giam thứ sử Phòng Pháp Thừa. Nhà Tề cho Đăng Chi làm thứ sử.

Trước kia, nhà Tề cho Pháp Thừa sang thay Lưu Khải. Pháp Thừa đến trấn, mượn cớ ốm đau, không trông nom đến việc quan, chỉ thích đọc sách. Vì thế, trưởng sử Phục Đăng Chi chuyên quyền, tự tiện thay đổi tướng và quan lại, không cho Pháp Thừa biết. Lục sự Phòng Quý Văn đem việc ấy nói với Pháp Thừa. Pháp Thừa giận lắm, bắt giam Đăng Chi vào ngục đến hơn mười ngày. Đăng Chi đút lót cho em rể Pháp Thừa là Thôi Cảnh Thúc, nên được thả. Sau khi ở ngục ra, Đăng Chi đem quân thuộc dưới quyền mình đánh úp châu lỵ, bắt Pháp Thừa, bảo Pháp Thừa rằng: "Sứ quân[3] đã là người có bệnh hay yếu đau, không nên làm việc nhọc mệt". Hắn giam lỏng Pháp Thừa ở một nhà riêng. Pháp Thừa không có việc gì, lại đến nói với Đăng Chi cho sách để đọc. Đăng Chi trả lời: "Sứ quân nghỉ ngơi yên tĩnh, còn sợ bệnh lên cơn, lại còn xem sách thế nào được?". Rồi không cho sách. Đăng Chi liền tâu với triều Tề rằng Pháp Thừa bị bệnh tim, không thể trông nom việc quan được. Nhà Tề lại dùng Đăng Chi làm thứ sử Giao Châu. Pháp Thừa về đến Ngũ Lĩnh thì chết.

---

[1] Nhà Tề lúc đó đóng đô ở Kiến Nghiệp, tức là Nam Kinh hiện nay.

[2] Một chức có từ đời Hán, liền dưới thừa tướng. Về đời Lục triều, trưởng sử là chức quan đứng đầu các quan giúp việc một thứ sử. Chức ấy cũng tương tự chức trưởng phòng hiện nay. (Từ Hải, trang 1399).

[3] Chỉ Phòng Pháp Thừa.

Năm Ất Dậu (505). (Lương, Vũ đế, năm Thiên Giám thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Thứ sử Giao Châu nhà Tề là Lý Khải chiếm giữ Giao Châu, chống lại nhà Lương, bị trưởng sử Lý Tắc giết chết.

Lý Khải thay Đăng Chi làm thứ sử. Khải thấy nhà Lương mới được nhà Tề truyền ngôi vua cho, bèn giữ Giao Châu, chống lại nhà Lương. Đến đây, Lý Tắc đem quân giết Lý Khải. Nhà Lương dùng Lý Tắc làm thứ sử Giao Châu.

Lời cẩn án - Lý Khải, Sử cũ chép lầm là Lý Nguyên Khải.

Năm Bính Thân (516). (Lương, năm Thiên Giám thứ 15).

Tháng 11, mùa đông. Thứ sử Giao Châu nhà Lương là Lý Tắc đánh dư đảng của Lý Khải là bọn Nguyễn Tôn Hiếu, chém được Tôn Hiếu, dẹp yên được đất Giao Châu. Nhà Lương tha hết tội cho tất cả người theo đảng làm loạn ở Giao Châu.

Lời chua - Tôn Hiếu: Sử cũ chép lầm là Tôn Lão.

Năm Quý Mão (523). (Lương, năm Phổ Thông thứ 4).

Nhà Lương chia đất Giao Châu, đặt ra Ái Châu.

Theo Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, từ đời Hán trở về sau, cho đơn vị châu kiêm quản các quận. Suốt đời Lục triều[1] vẫn theo như thế, hễ gọi là Giao Châu tức là lỵ sở của thứ sử, thống lĩnh cả Thái thú bảy quận; các quận thú không được gọi là châu.

Lời chua - Ái Châu: Tức là đất quận Cửu Chân.

Từ đây trở lên, nước ta bị thuộc về Tây Hán, Đông Hán, Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương. Kể từ Tân Mùi, thuộc Hán, Vũ đế, Nguyên Phong thứ 1 (110 tr.c.ng.) đến năm Canh Thân, thuộc Lương, Vũ đế, Đại Đồng thứ 6 (540), cộng sáu trăm bốn mươi chín năm (110 tr.c.ng. - 540 tr.c.ng.).

[1] Theo Tống Sử, truyện Trương Thủ, Lục triều là danh từ gọi gộp cả mấy triều đại của Trung Quốc: Ngô (222-280), Đông Tấn (317-420), Tề (479-502), Lương (502-556), Trần (557-589). Sáu triều đại này kế tiếp nhau đóng đô ở Kiến Khang, tức Nam Kinh bây giờ.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Tiền Biên

Quyển thứ IV

Năm Tân Dậu (541). (Lương, năm Đại Đồng thứ 7).

Tháng 12, mùa đông. Người Giao Chỉ là Lý Bôn khởi binh, đánh đuổi thứ sử triều Lương là Tiêu Dư, rồi đóng giữ thành Long Biên.

Tổ tiên Lý Bôn gốc ở phương Bắc (Trung Quốc), cuối đời Tây Hán, tránh loạn sang ở phương Nam, đến Lý Bôn là đời thứ bảy đã thành người phương Nam. Lý Bôn tài kiêm văn võ làm quan triều Lương, coi đạo quân Cửu Đức. Vì bất đắc chí, nên về Thái Bình khởi binh. Tù trưởng huyện Chu Diên là Triệu Túc cũng đem quân theo Lý Bôn. Tiêu Tư biết rõ việc ấy, đem tiền của đút lót cho Lý Bôn rồi chạy về Quảng Châu. Lý Bôn liền giữ thành Long Biên.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Lý Bôn là dòng dõi nhà hào trưởng. Lúc ấy có Tinh Thiều là người học giỏi, văn hay, đã sang triều Lương ứng tuyển để ra làm quan, nhưng Thượng thư[1] bộ Lại triều Lương là Thái Tốn cho rằng tiên tổ họ Tinh không có người hiển đạt, nên bổ cho làm Quảng Dương môn lang[2]. Tinh Thiều lấy làm xấu hổ, trở về; mưu bàn việc khởi binh với Lý Bôn. Giữa lúc đó thứ sử Giao Châu là Tiêu Tư vì tàn bạo khắc nghiệt mất lòng dân. Hai người, Lý Bôn và Tinh Thiều, nhân đấy liên kết với mấy châu, các tay hào kiệt đều hưởng ứng, theo cả.

Lời chua - Giao Chỉ: Xem Triệu Vũ vương, năm thứ 10 (Tb.I, 20). Sử cũ chép Lý Bôn người Thái Bình thuộc Long Hưng. Nay xét: tên Thái Bình đặt từ năm Vũ Đức thứ tư (621) triều Đường, tên Long Hưng đặt từ đời Trần (1225-1400). Đời Lương không có tên đất này. Sử cũ chỉ theo đó mà truy gọi thôi. Bây giờ ở xã Từ Đường, huyện Thụy Anh, phủ Thái Bình, tỉnh Nam Định[3] còn có đền thờ Lý Bôn.

Long Biên: Tức là Long Uyên. Xem thuộc Hán, năm Nguyên Phong thứ nhất (Tb.2, 7).

Chu Diên: Xem thuộc Hán năm Kiến Vũ thứ 16 (Tb.2, 10).

Quảng Châu: Tên mới đặt từ triều Ngô (222-280), đất Giao Châu bị chia lấy một số thuộc về Quảng Châu.

Thái Tốn: Người Khảo Thành, quận Tế Dương.

Tiêu Tư: Tước Vũ Lâm hầu, người cùng họ vua Lương.

Năm Quý Hợi (543). (Lương, năm Đại Đồng thứ 9).

Quân nước Lâm Ấp xâm lấn quận Nhật Nam, Lý Bôn sai tướng Phạm Tu đi đánh và phá được ở Cửu Đức.

Lời chua - Lâm Ấp: Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20-21).

Nhật Nam: Xem Triệu Thuật Dương vương, năm đầu (Tb.2, 5-6).

---

[1] Chức quan đứng đầu một bộ được đặt ra từ thời Hán. Thời kỳ đầu Thượng thư còn gọi là Tào.

[2] Một chức quan trông coi cổng thành ở thời nhà Lương. Quảng Dương môn lang là canh gác cổng thành thứ nhất ở phía tây nam thành Kiến Khang.

[3] Nay là thôn Từ Các thuộc xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Cửu Đức: Xem thuộc Ngô, Kiến Hành năm thứ 3 (Tb.3, 15).

Năm Giáp Tí (544). (Lý, Nam Việt đế Bôn, năm Thiên Đức thứ 1; Lương, năm Đại Đồng thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Lý Bôn tự xưng là Nam Việt đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, tên nước là Vạn Xuân.

Lý Bôn nhân thắng quân địch, tự xưng đế, đặt niên hiệu gọi tên nước là Vạn Xuân, có ý mong xã tắc lâu dài đến muôn đời; dựng điện Vạn Xuân để làm chỗ triều hội.

Lời chua - Vạn Xuân: Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử triều Tống, huyện Long Biên có đài Vạn Xuân[1]. Đài này của Lý Bôn ở Giao Chỉ làm năm Đại Đồng triều Lương. Nay ở xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, có hồ Vạn Xuân, còn gọi là đầm Vạn Phúc. Vậy điện Vạn Xuân có lẽ ở đấy.

Đặt ra trăm quan.

Dùng Triệu Túc làm thái phó[2], Tinh Thiều làm tướng văn, Phạm Tu làm tướng võ.

Năm Ất Sửu (545). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 2; Lương, năm Đại Đồng thứ 11).

Tháng 6, mùa hạ. Triều Lương sai Dương Phiếu, Trần Bá Tiên sang đánh. Nam Việt đế Lý Bôn chạy sang Gia Ninh.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), trước kia, Lý Bôn giữ thành Giao Châu, nhà Lương sai thứ sử Cao Châu là Tôn Quýnh và thứ sử Tân Châu là Lư Tử Hùng đem quân sang đánh. Bấy giờ là mùa xuân, đương có khí lam chướng, bọn Quýnh xin đợi đến mùa thu; nhưng tước Vũ Lâm hầu là Tư cứ giục tiến quân. Đến quận Hợp Phố, thì quân bị vỡ, chúng lại quay về. Đến năm này, nhà Lương sai thứ sử Giao Châu là Dương Phiếu sang đánh Lý Bôn, cử Trần Bá Tiên làm tư mã; thứ sử Định Châu là Tiêu Bột cùng họp với Dương Phiến ở Tây Giang. Tiêu Bột biết ý các tướng sĩ sợ phải đi đánh xa, nên nói dối để Dương Phiếu ở lại. Dương Phiếu tập họp các tướng lại để hỏi mưu kế. Bá Tiên nói: "Quan thứ sử Định Châu muốn tạm an nhàn trước mắt, không nghĩ đến mưu kế lớn, Tiết hạ[3] vâng mạng vua đi đánh kẻ có tội, dù sống chết thế nào cũng không quản ngại, lẽ nào dùng dằng không tiến quân để nuôi cho thế giặc thêm mạnh mà làm cho quân mình nản chí hay sao?". Bá Tiên liền thúc quân mình đi trước. Dương Phiếu cử Bá Tiên làm tiên phong; đến Giao Châu, Lý Bôn bị thua to, chạy sang thành Gia Ninh. Quân Lương tiến vây thành.

Lời chua - Gia Ninh: Theo Đường Nguyên Hòa (806-820) Quận huyện chí, Gia Ninh vốn là đất huyện Mi Linh do Hán đặt; nhà Ngô chia lập thành huyện Gia Ninh; sau để theo như thế.

Hợp Phố: Xem Thiệu Thuật Dương vương năm thứ 1 (b.2, 5).

Tây Giang: ở cách nửa dặm về phía Tây huyện Vĩnh Phúc thuộc phủ Quế Lâm (Trung Quốc).

Dương Phiếu: Người Tây Huyện thuộc Thiên Thủy.

Bá Tiên: Người Trường Tành thuộc Ngô Hưng, tức là Trần Cao Tổ sau này.

Tiêu Bột: Tôn thất nhà Lương.

Định Châu: Chỉ Tiêu Bột.

Tiết hạ: Nghĩa cũng như các hạ, chỉ Dương Phiến.

---

[1] Nguyên văn là Vạn Xuân đài. "Đài" là một kiến trúc vật xây cao, có thể nhìn ngó xuống dưới thấp.

[2] Chức quan đứng đầu triều, như Tể tướng.

[3] Chỉ Dương Phiếu.

Năm Bính Dần (546). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 3; Lương, năm Trung Đại Đồng thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Dương Phiến đánh được thành Gia Ninh, Nam Việt đế Lý Bôn chạy đi Tân Xương.

Lời chua - Tân Xương: Tức là Phong Châu. Xem thuộc Ngô, năm Kiến Thành thứ 3 (Tb.3, 14).

Mùa thu, tháng tám. Nam Việt đế Lý Bôn đóng đồn ở hồ Điển Triệt. Quân Lương đến đánh, quân Lý Bôn bị vỡ, rút vào giữ động Khuất Lạo.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Lý Bôn lại đem quân từ trong xứ người Lạo ra, đóng đồn ở hồ Điển Triệt. Quân Lương sợ, cứ đóng ở cửa hồ, không dám tiến. Bá Tiên bảo các tướng: "Quân ta ở đây đã lâu, mà lại không có quân tiếp viện. Bây giờ đã đi sâu vào trong nước người ta, nếu một trận đánh nào bất lợi, còn mong gì sống mà về được nữa? Chi bằng bây giờ nhân dịp quân địch đang thua luôn mấy trận, lòng người chưa cố kết, ta nên liều chết gắng sức quyết đánh bằng được. Nếu vô cớ cứ đóng ở đây thì việc hỏng mất!". Các tướng không ai trả lời. Đêm hôm ấy, nước sông bỗng lên to đến bảy thước, chảy rót vào trong hồ. Bá Tiên đốc thúc quân bản bộ mình theo dòng nước tiến đi trước. Quân Lương đánh trống, reo hò, kéo tràn vào. Quân Lý Bôn bị vỡ, lại trốn vào trong vùng người Lạo.

Sử cũ chép: Nam Việt đế Lý Bôn lại rút lui, giữ trong động Khuất Lạo, điều chỉnh binh lính, mưu tính chiến đấu về sau; giao cho tả tướng quân Triệu Quang Phục giữ nước, cầm quân chống nhau với Bá Tiên.

Lời chua - Hồ Điển Triệt: Theo lời chua của Hồ Tam Tỉnh trong sách Thanh Tông giám tập lãm, hồ này ở Tân Xương, tức là Phong Châu. Theo sách Phương dư kỷ yếu, của Cố Tổ Vũ[1] đời Minh thì hồ Điển Triệt ở về phía Tây phủ Thái Nguyên, nay đã bị lấp. Trong hai thuyết ấy, chưa biết rõ ai phải, nay hãy ghi cả hai để cùng tham khảo.

Động Khuất Lạo: Không rõ ở đâu.

Năm Đinh Mão (547). (Nhà [Tiền] Lý, Năm Thiên Đức thứ 4; Lương, năm Thái Thanh thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Triệu Quang Phục đóng giữ Dạ Trạch.

Quang Phục cầm cự với Bá Tiên, chưa phân thua được. Quân Bá Tiên nhiều và mạnh lắm. Quang Phục liệu mình không chống nổi, bèn lui giữ Dạ Trạch. Dạ Trạch là cái chằm, chu vi không biết bao dặm mà kể, cỏ cây rậm rạp, giữa chằm có bãi ở được, bốn mặt thì bùn lầy. Người ở đấy thuộc đường, dùng sào đẩy thuyền độc mộc để đi lại. Quang Phục đem hơn một vạn người vào giữ trong chằm ấy: ban ngày thì bặt hẳn khói bếp thổi nấu, đến đêm thì đem quân ra đánh úp trại quân Lương giết chết và bắt được địch rất nhiều; trông vào những lương thực bắt được để làm kế duy trì lâu dài. Bá Tiên cứ theo dõi để đánh nhưng rút cục vẫn không thắng được. Người trong nước bấy giờ gọi Quang Phục là Dạ Trạch vương.

Lời chua - Dạ Trạch: Bây giờ thuộc huyện Đông An, phủ Khoái Châu. Theo sách Thanh Nhất thống chí, Dạ Trạch thuộc huyện Đông Kết, phủ Kiến Xương. Thời Lương Vũ đế, Trần Bá Tiên đánh Lý Bôn, Lý Bôn trốn vào trong chằm này, đêm đến đem quân ra đánh; nhân thế gọi là Dạ Trạch. Huyện Đông An trước kia gọi là Đông Kết.

Sử cũ chua: Tục truyền: con gái Hùng Vương là Tiên Dung mị nương[2] ra chơi ngoài cửa biển, khi thuyền trở về đến bãi Chử Gia, gặp Chử Đồng Tử, hai người kết làm

---

[1] Tức là tên gọi của Độc sử phương dư kỷ yếu. Cố Tổ Vũ (1624-1680), tên tự là Phục Sơ, lại có tự nữa là Cảnh Phạm, quê ở Vô Tích thuộc Giang Tô, người cuối đời Minh đầu đời Thanh. Sách này gồm 130 quyển, trong có 9 quyển chép về hình thế cương vực châu quận các triều đại, 114 quyển chép về Nam Bắc trực lệ 13 tỉnh, 6 quyển chép về nguyên ủy núi sông, 1 quyển chép về phân dã thiên văn. (theo Trung Quốc văn học gia đại từ điển, trang 1354-1355, Từ nguyên tập dậu, trang 59).

[2] Tiếng "mị nương" ở đời Hùng Vương cũng như tiếng công chúa ở đời sau, chứ không phải tên riêng.

vợ chồng, ở ngay trên bãi ấy, rồi bãi ấy trở thành một nơi đô hội. Bỗng một hôm, đương nửa đêm, tự nhiên mưa to gió lớn lôi cuốn cửa nhà đang ở, dân cư và gà chó bay mất cả, nên người thời đó gọi bãi ấy là bãi Tự Nhiên, chằm ấy là chằm Dạ Trạch. Việc này xuất xứ ở sách Lĩnh Nam trích quái, là một việc hoang đường, nay phụ chép để tham khảo.

Năm Mậu Thìn (548). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 5; Lương, năm Thái Thanh thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nam Việt đế Lý Bôn mất ở động Khuất Lạo.

Nam Việt đế Lý Bôn ở động Khuất Lạo, bị cảm mạo khí lam chướng đến năm này mất.

Lời phê - Nam đế nhà [Tiền] Lý dẫu sức không địch nổi giặc Lương đến nỗi công cuộc không thành, nhưng đã biết nhân thời cơ vùng dậy, tự làm chủ lấy nước mình, đủ làm thanh tế mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này. Vậy việc làm của Lý Nam đế há chẳng hay lắm sao?

Lời cẩn án - Sử cũ chép năm Giáp Tí, niên hiệu Đại Đồng thứ 10 (544) nhà Lương, Lý Bôn tự xưng đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, đến tháng 3, năm Mậu Thìn (548) thì mất. Như vậy năm Mậu Thìn còn là năm Thiên Đức thứ 5, Quang Phục vẫn chưa xưng vương. Sử cũ vội đem năm ấy chép làm năm đầu của Triệu Việt vương thì không hợp nghĩa và lệ, nay xin chép năm Mậu Thìn vẫn là năm Thiên Đức thứ 5, đến hẳn năm Kỷ Tị (549) mới chép làm năm thứ nhất của Triệu Quang Phục, để cho đúng khỏi ngang trái nghĩa và lệ (như phàm lệ ở đầu sách đã nêu ra) và không sai sự thực.

Nhà [Tiền] Lý khởi từ năm Giáp Tí (544), mất năm Mậu Thìn (548), cộng được 5 năm.

Năm Kỷ Tỵ (549). (Triệu, Việt Vương Quang Phục năm thứ 1, Lương, năm Thái Thanh thứ 3).

Triệu Quang Phục tự xưng là Việt vương.

Quang Phục là con Triệu Túc, người huyện Chu Diên, là người có oai và hùng dũng, theo Nam Việt đế Lý Bôn đi đánh dẹp, có công, được phong làm tả tướng quân. Khi Lý Bôn mất, Quang Phục tự xưng làm vua. Lúc bấy giờ Quang Phục đóng quân ở Dạ Trạch, thấy quân Lương không rút lui, bèn đốt hương khấn trời thì có điềm tốt là được móng rồng để đính lên mũ đâu mâu, dùng để uy hiếp quân giặc. Từ đó thanh thế quân đội lừng lẫy, đánh đâu được đấy.

Lời chua - Chu Diên: Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 16 (Tb.2, 10).

Móng rồng: Sử cũ chua rằng: tục truyền trong chằm Dạ Trạch có người tiên là Chử Đồng Tử cưỡi rồng vàng từ trên trời bay xuống trút cái móng rồng trao cho Quang Phục bảo đem đính lên trên mũ đâu mâu để đi đánh giặc.

Đâu Mâu: Theo sách Thuyết Văn, đâu mâu là mũ trận. Thiên Duyệt mệnh trong kinh Thư chép: "Áo giáp mũ trụ là thứ gây ra việc binh nhung". Sách đó chua rằng mũ trụ tức là mũ đâu mâu.

Năm Canh Ngọ (550). (Triệu, Việt vương, năm thứ 2; Lương, Giản Văn đế, năm Đại Bảo thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Triệu Việt vương đánh bại được tướng nhà Lương là Dương Sàn; vào đóng ở trong thành Long Biên.

Khi ấy nhà Lương cho Bá Tiên làm Uy Minh tướng quân, thứ sử Giao Châu. Triệu Việt vương vẫn còn đóng giữ Dạ Trạch, Bá Tiên định làm kế cầm cự lâu, cắt đứt đường tiếp viện lương thực để làm mòn mỏi quân đội Triệu Việt vương. Bấy giờ nhà Lương có loạn Hầu Cảnh, gọi Bá Tiên về, để tỳ tướng của Bá Tiên là Dương Sàn ở lại đánh Triệu Việt vương. Triệu vương đem quân ra đánh: Dương Sàn bị thua và chết, quân Lương tan vỡ, kéo nhau về Bắc (Trung Quốc). Trong nước được yên, Triệu Việt vương vào đóng ở thành Long Biên.

Lời chua - Hầu Cảnh: Người trấn Hoài Sóc nước Nguỵ, phản bội nhà Nguỵ, đầu hàng nhà Lương, được Lương Vũ đế thu nạp. Hầu Cảnh lại làm phản nhà Lương, đánh vây đài thành[1]. Bá Tiên hội quân đánh Hầu Cảnh.

Lý Thiên Bảo giữ động Dã Năng, tự xưng là Đào Lang vương.

Trước kia, Lý Bôn lánh vào ở động Khuất Lạo, anh ruột Lý Bôn là Thiên Bảo cùng với một viên tướng người cùng họ là Lý Phật Tử rút vào Cửu Cân. Bá Tiên đuổi đánh, quân Thiên Bảo bị thua, mới thu thập quân còn lại chạy sang vùng người Di, Lạo ở biên giới Ai Lao. Thiên Bảo thấy động Dã Năng ở đầu nguồn sông Đào Giang là chỗ đất bằng phẳng và màu mỡ, bèn đắp thành ở đấy; nhân tên đất đặt hiệu nước, được dân chúng tôn làm chúa, xưng là Đào Lang vương.

Lời chua - Ai Lao[2]: Tên nước. Theo sách Hậu Hán thư, người Di Ai Lao gốc tính trước ở Lao Sơn[3], sau dần sinh nở mãi, mới chia đặt ra các tiểu vương, thường hay ở rải rác những nơi khe núi. Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký, của Nhạc Sử nhà Tống: "Nước Ai Lao, khoảng giữa niên hiệu Hán Vĩnh Bình (58-75), thuộc trong khu vực nhà Hán. Nhà Hán lấy đất của họ đặt ra hai huyện Ai Lao và Bác Nam, hợp lại làm quận Vĩnh Xương. Sách ấy chua tức là quận Vân Nam bây giờ. Nước Lào phía tây thông với Đại Tần[4], phía nam thông với Giao Chỉ. Theo sách Điền tái ký của Dương Thận[5] nhà Minh, đất Điền[6] trước kia ở về miền rừng núi Ai Lao thuộc Vĩnh Xương, tộc loại mỗi ngày một sinh nở nhiều, dòng giống tràn lan, cắt giữ từng vùng chia làm 99 bộ. Họ có sáu người tù trưởng, đều gọi là Chiếu. Đến đời Đường, họ Mông mới xưng là nước Nam Chiếu. Theo sách Quảng dư ký của Thái Phương Bính nhà Minh, Vĩnh Xương quân dân phủ thuộc Vân Nam trước là nước Ai Lao. Sau năm Khai Nguyên (713-741) đời Đường, mới bị nước Nam Chiếu chiếm giữ. Đến đời Tống, bị họ Đoàn, họ Cao chiếm giữ. Nhà Nguyên khai thác Vân Nam, lập ra Kim Xỉ tuyên phủ ti. Nhà Minh đổi đặt Vĩnh Xương quân dân chỉ huy sứ. Trong sách Dư địa chí, của Nguyễn Trãi nhà Lê, có chua rằng: "Bộ lạc Ai Lao nhiều lắm, đâu đâu cũng có, đều gọi là Lào".

Hợp các sách lại mà khảo cứu, thì Ai Lao này thuộc Vân Nam. Chỉ vì loài giống họ nhiều lắm, họ ở rải rác các nơi khe núi, nên các dân tộc ở ven biên giới nước ta, như là Lão Qua, Vạn Tượng cho đến cả các man ở Trấn Ninh, Trấn Man và Lạc Biên, tục đều gọi là Lao cả.

Về đoạn sử này, Sử cũ phần trên thì chép là chạy vào Cửu Chân, phần dưới thì chép là chạy sang vùng Di, Lạo ở biên khu Ai Lao. Vậy có lẽ là Trấn Man hay Nam Chưởng bấy giờ chăng?

Dã Năng động: Không biết ở đâu.

Năm Ất Hợi (555). (Triệu, Việt vương, năm thứ 7; Lương, Kính đế, năm Thiệu Thái thứ 1).

Lý Thiên Bảo mất, mọi người suy tôn Lý Phật Tử lên làm chủ soái.

Thiên Bảo mất ở động Dã Năng, không có con thừa tự, mọi người mới suy tôn Lý Phật Tử lên nối ngôi thay để thống suất quân và dân.

---

[1] Tức là cấm thành, nơi vua ở.

[2] Tức là Lào.

[3] Miền núi nước Lào.

[4] Tức là Đại Tần Bà La Môn gọi tắt, ở biên giới Ấn Độ (theo Tập san bác tổ, tập IV, năm 1904, trang 371).

[5] Dương Thận (1488-1559), tự Dụng Tu, hiệu Thăng An, người Tân Đô đời Minh. Ngài cuốn Điền tái ký này, Thận còn có cuốn Điền trình ký và nhiều tác phẩm nữa (theo Trung quốc văn học gia đại từ điển trang 1083-1084).

[6] Một tên riêng tỉnh Vân Nam.

Năm Đinh Sửu (557). (Triệu, Việt vương, năm thứ 9; Trần, Vũ đế, năm Vĩnh Định thứ 1).

Lý Phật Tử đánh nhau với Triệu Việt vương, không thắng được, xin giảng hoà.

Phật Tử kéo quân xuống phía đông, đánh nhau với Triệu Việt vương ở Thái Bình, năm lần giáp chiến chưa phân được thua. Quân Phật Tử phải lùi một ít rồi xin hòa. Việt vương nghĩ Phật Tử là người cùng họ với Lý Bôn trước, không nỡ tuyệt tình, mới lấy châu Quân Thần làm địa giới chia cho Lý Phật Tử ở về phía Tây nước mình. Lý Phật Tử mới dời sang ở thành Ô Diên.

Lời chua - Thái Bình: Tên đất. Thời bấy giờ Lý Phật Tử từ trong vùng Di Lạo kéo quân xuống phía đông, đánh nhau với Triệu Việt vương ở đấy; sau cắt chia địa giới ở châu Quân thần thuộc huyện Từ Liêm, thì Thái Bình phải thuộc về Phong Châu xưa, tức là Sơn Tây bây giờ. Có thể khảo thêm ở Địa lý chí trong Đường thư mà lấy làm bằng chứng: "Huyện Thái Bình bị cắt ra đặt làm Phong Khê". Lại nói: "Phong Khê thuộc Phong Châu". Nhưng các sách chép không rõ, nên chưa biết đích xác ở đâu. Hai thôn Đường, Nguyễn thuộc Thái Bình sẽ thấy sau này, có lẽ cũng là ở đây. Có nếu bảo đấy là Thái Bình thuộc Sơn Nam thì không phải.

Quân Thần châu: Nay là hai làng Thượng Cát, Hạ Cát thuộc huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Nội. Có thuyết cho rằng hai làng ấy xưa kia gọi là Thượng Cát Giới và Hạ Cát Giới, về sau đổi lại[1].

Ô Diên: Đất Giao Chỉ xưa, năm Vũ Đức thứ tư (621) nhà Đường đặt ra huyện Ô Diên, cùng với Từ Liêm và Vũ Lập là ba huyện đều thuộc Giao Chỉ. Sử cũ chua Ô Diên là xã Hạ Mỗ ở Từ Liêm. Xã ấy có đền thờ Bát Lang thần, có lẽ là Nhã Lang (con Lý Phật Tử) chăng.

Năm Tân Mão (571). (Lý, Hậu đế Phật Tử, năm thứ 1; Trần Tuyên đế, năm Đại Kiến thứ 3).

Lý Phật Tử đánh úp, lấy được nhà Triệu.

Sử cũ chép: Trước kia, Phật Tử giảng hòa với nhà Triệu, rồi cầu hôn cho con trai là Nhã Lang. Việt vương gả con gái là Cảo Nương cho Nhã Lang, và cho ở gửi rể. Nhã Lang nhân lấy trộm được cái móng rồng, trở về nước mưu với Phật Tử đánh úp nhà Triệu. Khi Phật Tử kéo quân đến đánh, Việt vương vội ra đối địch, thì cái móng rồng đã mất rồi, mới cùng với con gái là Cảo Nương chạy về phía nam. Bị quân Lý Phật Tử đuổi sát, Việt vương chạy đến cửa biển Đại Nha, hết đường chạy, gieo mình xuống biển chết.

Lời cẩn án - Sử cũ chép việc Triệu Việt vương được cái móng rồng của Chử Đồng Tử cho; việc Nhã Lang sang gửi rể rồi lấy trộm móng rồng; việc Triệu Việt vương vì mất cái móng rồng mà bị thua. Đem những việc ấy kháp với chuyện Thục An Dương vương và Triệu Trọng Thủy trước kia giống nhau như hệt, kỳ quái trái thường không cần phải biện bạch cho lắm. Nhưng Sử cũ chép phần nhiều trùng điệp nhau, sai hẳn sự thực, đại loại như thế đấy. Nay muốn tìm ở Sử cũ lấy chuyện có thể tin ở đời này và truyền lại đời sau, thật cũng khó lắm.

Lời chua - Cửa biển Đại Nha[2]: Xưa gọi là Đại Nha[3], lại gọi là Đại Ác; nhà Lý đổi là Đại An. Nay ở cửa Liêu thuộc xã Quần Liêu[4] huyện Đại An có đền thờ Triệu Việt vương[5].

---

[1] Hai chữ "cát" khác nhau: chữ cát ở tên cũ ___ nghĩa là cắt; chữ cát ___ ở tên sau nghĩa là dây sắn.

[2] Hai chữ "nha" theo tiếng Việt thì âm như nhau, nhưng theo chữ Hán, mặt chữ khác nhau.

[3] Hai chữ "nha" theo tiếng Việt thì âm như nhau, nhưng theo chữ Hán, mặt chữ khác nhau.

[4] Tên nôm là Cồn Liêu, nay thuộc Nam Định.

[5] Cửa biển Đại Nha nay là cửa Tam Tòa lục bộ, đấy cũng có đền thờ Triệu Việt vương, lại có bia chép chuyện rõ lắm.

Nhà Triệu mất. Nhà Triệu khởi năm Kỷ Tị, mất năm Canh Dần, cộng hai mươi hai năm (549-570).

Lý Phật Tử tự xưng đế, đóng đô ở Phong Châu.

Phật Tử đã diệt nhà Triệu, bèn theo hiệu Nam đế trước xưng là Hậu Nam đế, dời từ thành Ô Diên đến đóng ở Phong Châu.

Năm Nhâm Tuất (602). (Lý, Hậu đế, năm thứ 32; Tùy, Văn đế, năm Nhân Thọ thứ 2).

Đế Phật Tử sai Lý Đại Quyền giữ thành Long Biên, Lý Phổ Đỉnh giữ thành Ô Diên.

Lời chua - Lý Đại Quyền: Con người anh Lý Hậu đế. Sử cũ chép chữ Đại Quyền (___: quyền lớn) là Đại Quyền (___: thay quyền). Nay căn cứ vào Tùy thư, đính chính lại.

Phổ Đỉnh: Một tướng họ Lý khác.

Nhà Tùy sai Lưu Phương sang xâm lấn. Đế Phật Tử ra hàng.

Theo Tùy thư, Phật Tử giữ châu, tự xưng đế. Dương Tố tiến cử thứ sử Qua Châu là Lưu Phương có tài lược làm tướng. Vua Tùy dùng Lưu Phương làm hành quân tổng quản đạo Giao Châu, thống lĩnh quân sĩ 27 dinh sang đánh. Quân tiến đến núi Đô Long, gặp hơn hai nghìn quân Phật Tử, Lưu Phương đánh phá được ngay. Khi kéo quân đến Phong Châu, Lưu Phương sai người hiểu dụ về họa phúc, Phật Tử sợ, xin hàng. Lưu Phương bắt Phật Tử đem về Bắc (Trung Quốc), còn những tướng cũ bắt được người nào kiệt liệt đều giết chết cả.

Lời chua - Dương Tố: Người Hoa Âm thuộc Hoằng Nông.

Lưu Phương: Người đất Trường An thuộc Kinh Triệu.

Qua Châu: Đời Đường, thuộc đạo Sơn Nam.

Núi Đô Long: Theo Thanh Nhất thống chí, ở phủ Khánh Viễn đời Đường, thuộc An Nam quản, có núi Đô Long.

Nhà Hậu Lý mất. Nhà Hậu Lý khởi lên năm Tân Mão[1], mất năm Nhâm Tuất, cộng ba mươi hai năm (571-602).

Năm Ất Sửu (605). (Tùy, Dượng đế, năm Đại Nghiệp thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Tùy cho Lưu Phương làm chức hành quân tổng quản[2] đạo Hoan Châu, đi đánh Lâm Ấp, phá tan được nước ấy.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), các quan nhà Tùy bảo nước Lâm Ấp có nhiều của báu lạ. Khi đó, thiên hạ (đất nước Trung Quốc) đâu đấy không có giặc giã gì cả, Lưu Pương mới bình được Giao Châu. Dượng đế cho Lưu Phương làm chức hành quân tổng quản đạo Hoan Châu, đi kinh lược nước Lâm Ấp. Quân Lưu Phương tiến đến cửa biển, vua Lâm Ấp là Phạn Chí sai quân đóng giữ các nơi hiểm yếu. Lưu Phương đánh đuổi được bọn này. Quân Lưu Phương vượt qua sông Chà[3] Lê, gặp quân Lâm Ấp cưỡi voi từ bốn mặt kéo ra đánh: quân Phương thua. Phương sai đào nhiều hố nhỏ, phủ cỏ lên trên, rồi đem quân ra đánh, giả cách thua: quân Lâm Ấp đuổi theo, voi sa xuống hố, nhiều con ngã què. Quân Phương lấy nỏ bắn voi, voi lùi chạy, chà đạp cả vào trận địa Lâm Ấp. Nhân đó Phương tung quân tinh nhuệ ra đánh kịch liệt: quân Lâm Ấp bị thua. Phương thúc quân đuổi theo, vượt qua phía nam cột đồng của Mã Viện, tám ngày thì đến kinh đô nước Lâm Ấp. Tháng tư, Phạn Chí bỏ thành, chạy ra phía biển. Lưu Phương vào thành, tước lấy 18 cái thần chủ thờ ở miếu. Những thần chủ ấy đều đúc bằng vàng. Sau đó

[1] Sách Cương mục in gọi sai là Kỷ Mão, thật ra phải là Tân Mão mới đúng: Kỷ Mão là năm 559 (Triệu Việt vương năm thứ 11), tính đến Nhâm Tuất là năm 602 thì sẽ là 44 năm, chứ không phải là 32 năm. Vậy xin chữa là Tân Mão.

[2] Một chức quan mang tính thi hành nhiệm vụ, không đặt thường xuyên.

[3] Còn có âm nữa là "đồ", nên cũng đọc là "đồ", nhưng theo âm "chà" mới đúng với tên đất mà ta còn biết được.

Lưu Phương đục bia ghi công rồi kéo về. Trong trận này quân Tùy bị chân phù thũng, chết đến bốn năm phần mười; Lưu Phương cũng bị bệnh, chết ở dọc đường.

Lời phê - Binh đao là hung khí, thánh nhân bất đắc dĩ mới phải dùng để ngăn bọn gian bạo, giữ cho dân được yên ổn, đâu lại hám của, tham lợi, cầu làm thỏa thích lòng ham muốn của mình, để cho dân tàn nước hại, không hề tơ hào đoái hoài thương xót, sao lại nhẫn tâm đến thế được? Cổ nhân nói: "Một tướng thành công, hàng vạn xương cốt người khác phải khô héo", điều ấy không cần nói đến, huống chi tướng Tùy cũng không khỏi chết đường, nước Tùy rồi cũng mất theo. Việc này thực đáng là bài học sâu cay cho những kẻ sính dùng võ lực!

Lời chua - Hoan Châu: Đời Hùng Vương xưa là bộ Hoài Hoan; đời Tần, thuộc Tượng quận; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam; nhà Lương đổi là Đức Châu; nhà Tùy năm Khai Hoàng (581-600) đổi là Hoan Châu đến năm Đại Nghiệp (605-616), đổi là Nhật Nam. Nhà Đường, năm Trinh Quán (627-649) lại đặt làm Hoan Châu. Triều Đinh, Lê cũng theo tên này. Đến nhà Lý đổi là châu Nghệ An; nhà Trần đổi là trấn Lâm Giang; thuộc Minh đổi làm các phủ Nghệ An và Diễn Châu; nhà Lê, năm Quang Thuận (1460-1469) đặt làm Nghệ An thừa tuyên. Nay là tỉnh Nghệ An.

Lâm Ấp: Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20-21).

Chà Lê: Sách Thông giám tập lãm chua là ở phía bắc nước Chiêm Thành, nay chưa rõ chỗ nào.

Kinh Đô nước Lâm Ấp: Nay xét các xã sau đây đều có di tích thành cũ vua Chiêm, còn kinh đô nước Chiêm thì không rõ ở đâu: xã Trung Ái ở huyện Bình Chính và xã Uẩn Áo ở huyện Lệ Thủy thuộc tỉnh Quảng Bình; xã Nguyệt Biều ở huyện Hương Thủy và xã Thành Trung ở huyện Quảng Điền thuộc tỉnh Thừa Thiên; xã Thăng Bình ở huyện Diên Phúc thuộc tỉnh Quảng Nam; hai thôn Nam An, Bắc Thuận ở huyện Tuy Viễn thuộc tỉnh Bình Định.

Đồng Trị (cột đồng): Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb.2, 12-14).

Năm Tân Tị (621). (Đường, Cao tổ, năm Vũ Đức thứ 4).

Nhà Đường cử Khâu Hòa làm đại tổng quản[1] Giao Châu.

Theo Đường thư, cuối năm Đại Nghiệp (605-616), trong nước (Trung Quốc dưới triều Tùy) khổ sở vì nạn quan lại tham nhũng, xâm hại, thường thường nổi dậy làm phản. Dượng đế thấy Khâu Hòa nhận chức ở đâu cũng tỏ ra là người tốt, bèn bổ làm thái thú Giao Chỉ. Khâu Hòa gần gụi nhân dân, hết lòng vỗ về chúng; những miền biên viễn đều được yên ổn. Các nước ở về phía tây nước Lâm Ấp thường đưa biếu Khâu Hòa hạt trai sáng, văn tê vàng bạc, của báu. Vì thế, Khâu Hòa giàu ngang với bọn vua chúa. Vua nhà Lương là Tiêu Tiển nghe thấy vậy, sai Nịnh Trường Chân đem quân Man, Lý sang đánh Khâu Hòa, Khâu Hòa sợ, muốn ra đón tiếp xin hàng, trưởng sử Cao Sĩ Liêm bảo Khâu Hòa rằng: "Quân của Trường Chân dẫu nhiều thực, nhưng từ xa đến đây, chắc cũng không thể ở lâu được. Quân sĩ trong thành còn có thể đánh nổi, việc gì mà phải chịu người ta áp chế!". Khâu Hòa theo lời Sĩ Liêm, cho Liêm làm hành quân tư mã, đón đánh đuổi được quân Trường Chân. Người quận Giao Chỉ thấy thế dựng bia ghi công Khâu Hòa. Khi nhà Tùy mất, Khâu Hòa xin thần phục nhà Đường, nhà Đường cho Khâu Hòa làm đại tổng quản Giao Châu, phong tước Đàm quốc công.

Lời chua - Khâu Hòa: Theo truyện Khâu Hòa trong Đường thư, Khâu Hòa, người đất Lạc Dương, trước làm quan nhà Chu đến chức khai phủ nghi đồng tam ti; sau theo nhà Tùy, làm quan ở ba châu Tư, Lương, Bồ, đều có tiếng là người khoan hòa.

Tiêu Tiển: Cháu bốn đời Tuyên đế nhà Lương. Theo Cương mục (Trung Quốc), năm Đại Nghiệp thứ 13 (617) đời Dượng đế nhà Tùy, Tiêu Tiển khởi binh tự xưng là

[1] Chức quan đứng đầu Giao Châu, trông coi quân dân, như chức Thứ sử các đời trước.

Lương vương; đến đời Cung đế năm Nghĩa Ninh thứ hai (618), tự xưng là đế, chiếm địa vực phía đông từ Cửu Giang, phía tây đến Tam Hiệp, phía nam đến tận Giao Chỉ, phía bắc tới Hán Xuyên. Về sau, Tiêu Tiển đầu hàng nhà Đường.

Ninh Trường Chân: Theo Khâm Châu chí của Chu Xuân Niên, Trường Chân là con Ninh Mãnh Lực, thứ sử Khâm Châu. Khi Mãnh Lực chết, Trường Chân thay cha làm thứ sử. Trường Chân có quân đội mạnh, gồm có cả mấy quận Uất Châu. Sau Trường Chân hàng nhà Đường, từ đó mấy châu Giao (châu), Ái (châu) mới giao thông được với nhau.

Cao Sĩ Liêm: Người đất Tu thuộc Bột Hải. Khoảng năm Nhân Thọ (601-604), đậu văn tài giáp khoa, được bổ làm trị lễ lang, sau vì can cữu, bị giáng chức làm chủ bạ Chu Diên, Khâu Hòa cử lên làm tư pháp thư tá; về sau, cùng với Khâu Hòa cùng ra hàng nhà Đường, làm quan đến chức hữu bộc xạ.

Năm Kỷ Mão (679). (Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1).

Tháng 8, mùa thu. Nhà Đường bắt đầu đặt ra An Nam đô hộ phủ, phủ lỵ ở Giao Châu.

Theo Đường thư, An Nam đô hộ phủ vốn là quận Giao Chỉ, phủ lỵ ở Giao Chỉ, thống trị 12 châu, là: Giao Châu, Lục Châu, Phong Châu, Ái Châu, Hoan Châu, Trường Châu, Phúc Lộc châu, Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga châu, Diễn Châu, Vũ An châu.

Lời cẩn án - Theo Sử của Ngô [Thì] Sĩ, nhà Đường đổi quận Giao Chỉ làm An Nam đô hộ phủ gồm có An Nam (nên chép là Giao Châu), Ái Châu, Phúc Lộc châu, Hoan Châu, Phong Châu, Lục Châu, Diễn Châu, Trường Châu. Các châu trên đây đều ở trong địa giới nước ta. Còn như Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga châu, Vũ An châu, chưa chắc đã phải là đất An Nam cả. Vì tại cương giới các châu ấy giáp với Nam Giao nên cũng để thuộc về đô hộ phủ đó thôi. Nay xét: Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống, đất Trường Châu cùng với Cửu Chân là một, thì Trường Châu phải ở gần đất Thanh Hóa bây giờ, nhưng chưa biết đích xác là chỗ nào. Theo sách Thanh Nhất thống chí, ở Khâm Châu có ba huyện Ô Lôi, Hoa Thanh và Ninh Hả, hiện còn có thành cũ bỏ hoang. Vậy thì Lục Châu thuộc về Khâm Châu nhà Thanh, nếu bảo là ở địa giới nước ta cả thì e lầm chăng. Lại như Địa dư chí trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú bảo Hưng Hóa là Chi Châu đời Đường, Tuyên Quang là Thang Châu đời Đường; Thái Nguyên là Vũ Nga châu đời Đường; An Bang tức bây giờ là Quảng Yên, đời Đường gọi là Vũ An châu. Không biết Phan Huy Chú căn cứ vào đâu mà chép thế, nhưng cũng ghi lại để tham khảo.

Lời chua - Theo **Địa lý chí** trong Đường thư:

Giao Châu thống lĩnh 8 huyện là Tống Bình, Nam Định, Thái Bình, Giao Chỉ, Chu Diên, Long Biên, Bình Đạo và Vũ Bình.

Lục Châu thống lĩnh 3 huyện, là: Ô Lôi, Hoa Thanh và Ninh Hải.

Phong Châu thống lĩnh 5 huyện, là: Gia Ninh, Thừa Hóa, Tân Xương, Cao Sơn và Châu Lục.

Ái Châu thống lĩnh 6 huyện, là: Cửu Chân, An Thuận, Sùng Bình, Quân Ninh, Nhật Nam và Trường Lâm.

Hoan Châu thống lĩnh 4 huyện, là: Cửu Đức, Phố Dương, Việt Thường và Hoài Hoan.

Trường Châu thống lĩnh 4 huyện, là: Văn Dương, Đồng Thái, Trường Sơn và Kỳ Thường.

Phúc Lộc châu thống lĩnh 3 huyện, là: Nhu Viễn, Đường Lâm và Phúc Lộc.

Thang Châu thống lĩnh 3 huyện, là: Dương Tuyền, Lục Thủy và La Thiều.

Chi Châu thống lĩnh 7 huyện, là: Hân Thành, Phú Xuyên, Bình Tây, Lạc Quang, Lạc Diễm, Đa Vân và Ân Long.

Vũ Nga thống lĩnh 7 huyện, là: Vũ Nga, Như Mã, Vũ Nghĩa, Vũ Di, Vũ Duyên, Vũ Lao và Lương Sơn.

Diễn Châu thống lĩnh 7 huyện, là: Trung Nghĩa, Hoài Hoan, Long Trì, Tư Nông, Vũ Lang, Vũ Dung và Vũ Kim.

Vũ An châu thống lĩnh 2 huyện, là: Vũ An và Lâm Giang.

Năm Điều Lộ thứ nhất: Sử cũ chép lầm là năm Vũ Đức thứ năm; nay theo Đường thư, đổi lại.

Giao Châu: Đặt từ đời Hán, lấy 7 quận ở Giao Chỉ lệ thuộc Giao Châu.

Phong Châu: Xem Hùng vương (Tb, 1, 2, ...)

Ái Châu: Xem thuộc Lương, Vũ đế, năm Phổ Thông thứ 4 (Tb.3, 33)[1].

Chi Châu: Bộ Tân Hưng xưa, nay là tỉnh Hưng Hóa.

Diễn Châu: Bộ Việt Thường xưa, nay là phủ Diễn Châu thuộc tỉnh Nghệ An.

Phúc Lộc châu: Nay ở địa giới tỉnh Thanh Hóa, nhưng chưa rõ chỗ nào.

Trường Châu, Thang Châu: Bộ Vũ Định xưa, nay là Tuyên Quang.

Vũ Nga châu: Bộ Vũ Định xưa, nay là Thái Nguyên. (Hoài Hoan nguyên thuộc Hoan Châu, đầu năm Trinh Quán (627-650) đổi tên là Diễn Châu, rồi lại bỏ. Năm Quảng Đức thứ hai (764) lại tách đất ở Hoan Châu đặt ra Hoài Hoan).

Năm Đinh Hợi (687). (Đường, Trung Tông, năm Tự Thánh thứ 4).

Tháng 7, mùa thu. Đám người Lý[2] làm loạn, giết đô hộ Lưu Diên Hựu. Tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tĩnh đi đánh, bình được.

Theo Đường thư, trước kia, đám người Lý hằng năm nộp tô có một nửa số đã quy định. Diên Hựu bắt phải nộp cả số ấy. Mọi người đều oán, mưu định cùng nhau dấy loạn. Diên Hựu giết chết người cầm đầu là Lý Tự Tiên. Dư đảng của Tự Tiên là bọn Đinh Kiến nổi lên làm phản, họp nhau lại vây phủ thành. Trong thành quân ít, không thể chống lại được, bèn đóng cửa thành, đợi quân cứu viện. Phùng Tử Du là một đại tộc ở Quảng Châu, nhân dịp đó, mong để lập công, đóng quân lại không đi cứu. Diên Hựu bị giết. Về sau, tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tĩnh đem quân sang đánh, chém được Đinh Kiến.

Lời chua - Diên Hựu: Theo truyện Lưu Diên Hựu trong Đường thư, Hựu là người đất Bành Thành thuộc Từ Châu, đậu tiến sĩ có sở năng về nghề làm quan lại, trước đã làm thứ sử Cơ Châu, sau đổi sang làm đô hộ An Nam.

Huyền Tĩnh: Sử cũ chép là Trực Tĩnh.

Tự Tiên: Sử cũ chép là "Tiên".

Tử Du: Sử cũ chép là Do đều lầm; nay theo Đường thư, đổi lại.

Năm Nhâm Tuất (722). (Đường, Huyền tông, năm Khai Nguyên thứ 10).

Tháng 7, mùa thu. Ở Hoan Châu Mai Thúc Loan giữ lấy châu, tự xưng đế. Nhà Đường, sai bọn nội thị Dương Tự Húc sang đánh, phá được.

---

[1] Sách Cương mục in sai là năm Phổ Thông thứ 6, thực ra là năm Phổ Thông thứ 4 (523) (Tb.3, 33). Vậy xin đính chính lại.

[2] Tên một dân tộc thiểu số xưa.

Theo Đường thư, khoảng năm Khai Nguyên (713-741), An Nam có Mai Thúc Loan làm phản, tự xưng là Hắc đế, chiêu tập quân 32 châu, ngoài liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp và Kim Lân, giữ vùng biển nam, quân số có đến 40 vạn. Tư Húc xin đi đánh, chiêu mộ 10 vạn quân, cùng với Quang Sở Khách tiến quân theo đường cũ của Mã Viện, nhân lúc bất ý, sập đến đánh. Thúc Loan hoang mang nao núng, không kịp mưu tính cách đối phó, bị thua to. Tư Húc mới chôn những xác chết chung vào một nơi, đắp thành cái gò cao (Kình quán), để ghi chiến công của mình, rồi rút quân về.

Lời cẩn án - Khoảng năm Khai Nguyên (713-741) nhà Đường, An Nam đô hộ phủ vẫn còn ở Giao Châu, thống trị 12 châu, 59 huyện, đều đặt các quan thú, tể để quản trị; Việc đánh thuế tô1, thuế điệu2 và bắt lính đều tuân theo lệnh nhà Đường; lúc Mai Thúc Loan khởi lên, thì phủ đô hộ với các châu Phong, Ái, Lục, Diễn chưa nghe thấy có đâu là thuộc về Mai Thúc Loan đóng giữ, như vậy Mai Thúc Loan làm thế nào mà chiêu tập được người 32 châu, có số quân đến 40 vạn? Trộm nghĩ Thúc Loan chẳng qua giữ được một châu, thế lực cũng nhỏ. Bấy giờ Đường Huyền Tông thích lập công ở biên giới, bọn Tư Húc và Sở Khách thì lợi dụng xứ này ở nơi hiểm trở xa xôi, nên mới thổi phồng thanh thế bên địch để cầu lấy công cán và phong thưởng đó thôi. Nếu không phải thế thì sau giáp binh và đất đai như thế, mà quân nhà Đường mới thoạt kéo đến đã vội kinh hãi tan rã ngay? Sử cũ cũng chép Thúc Loan ngoài liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp, số quân có 30 vạn có lẽ cũng cứ dựa qua vào Đường thư, chứ chưa xét đến sự thực.

Lời chua - Dương Tư Húc: Theo truyện Dương Tư Húc trong Đường thư, Tư Húc là hoạn quan người Thạch Thành thuộc La Châu, gốc tích là họ Tô.

Quang Sở Khách (Sử cũ chép Nguyên Sở Khách là lầm): Người Giang Lăng, hồi đầu niên hiệu Khai Nguyên, sang làm An Nam đô hộ.

Chân Lạp: Tên nước. Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb.4, 39).

Kim Lân: Tên nước. Theo sách Thái Bình ngự lãm đời Tống nước Kim Lân còn có tên gọi là Kim Trần. Ngoại quốc truyện chép: từ phía tây Phù Nam đi hơn 2.000 dặm thì đến Kim Lân.

Đường cũ của Mã Viện: Theo sách Khâm Châu chí của Chu Xuân Niên, núi Ô Lội liên tiếp chạy ra biển lớn, (đứng đó) nhìn về phía tây thấy Hải Đông phủ thuộc Giao Chỉ. Mã Phục Ba khi vào An Nam đi theo đường này. Ở đấy có miếu thờ Mã Phục Ba. Theo sách Quận quốc lợi bệnh thư của Cố Viêm Vũ, triều Minh: từ Mã Phục Ba về sau, thủy quân (Trung Quốc) đều đi từ phía nam Khâm Châu ra biển lớn, giương buồm đi một ngày tới trấn Triều Dương thuộc Giao Châu. Nơi đường cũ Mã Viện, tức là đường này.

Mai Thúc Loan: Người Mai Phụ, huyện Thiên Lộc huyện Hoan Châu, bây giờ thuộc huyện Can Lộc, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Thúc Loan người đen lắm, nên người Hoan Châu gọi là Hắc đế. Nay còn có vết thành cũ ở núi Vệ thuộc huyện Nam Đường và có đền thờ ở xã Hương Lãm thuộc huyện ấy. Đền này được liệt vào hàng đền thờ đế vương các triều đại.

Năm Đinh Dậu (757). (Đường, Túc Tông, năm Chí Đức thứ 2).

Nhà Đường đổi An Nam đô hộ phủ làm Trấn Nam đô hộ phủ.

---

[1] Chế độ tô, điệu nhà Đường mỗi suất đinh được một khoảnh ruộng, hàng năm, phải nộp hai hộc thóc, gọi là tô; mỗi năm lại phải nộp hai tấm lụa, ba lạng bông (nếu không nộp lụa mà nộp vải thì phải tăng thêm một phần năm), ba cân gai, hoặc nộp bạc thì phải mười bốn lạng, gọi là điệu.

[2] Chế độ tô, điệu nhà Đường mỗi suất đinh được một khoảnh ruộng, hàng năm, phải nộp hai hộc thóc, gọi là tô; mỗi năm lại phải nộp hai tấm lụa, ba lạng bông (nếu không nộp lụa mà nộp vải thì phải tăng thêm một phần năm), ba cân gai, hoặc nộp bạc thì phải mười bốn lạng, gọi là điệu.

Lời chú - Trấn Nam đô hộ: trị sở và các châu thống trị, xem: thuộc Đường, Cao Tông Điều lộ năm đầu (Tb.4, 18).

Năm Đinh Mùi (767). (Đường, Đại Tông, năm Đại Lịch thứ 2).

Nước Côn Luân, nước Chà Bà[1] vào lấn cướp. Kinh lược sứ[2] là Trương Bá Nghi đánh phá được; đắp La Thành.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Côn Luân và Chà Bà đánh hãm châu thành. Trương Bá Nghi cầu viện với đô úy quận Vũ Định là Cao Chính Bình. Viện binh đến đánh phá được quân giặc ở Chu Diên. Bá Nghi lại đắp La Thành.

Lời chua - Chà Bà: Theo Nam Man truyện trong Đường thư, nước Chà Bà, phía đông giáp Lục Chân Lạp, phía tây giáp Đông Thiên Trúc, phía nam liền với biển, phía bắc giáp Nam Chiếu. Chà Bà có 18 nước phụ thuộc; lại có bộ Tiểu Côn Luân và nước Đại Côn Luân.

Côn Luân: Theo Quận quốc lợi bệnh thư của Cố Viêm Vũ, Côn Luân ở về phía nam nước Lâm Ấp. Căn cứ vào tài liệu đó thì đất đai của nước Chà Bà bao gồm cả các nước Tiêm La, Diến Điện; chỉ vì nước Chà Bà không có thống thuộc, xứ sở nào hùng trưởng ấy, đều sống về nghề đi cướp bóc; nay bị các nước Tiêm La, Diến Điện kiêm tính mất rồi. Những xứ Tất Lực, Hạ Liêu, Giang Lưu Ba và Ma Lục Giáp cũng đều bị người Tây Dương chiếm cứ cả. Người ta hãy còn gọi người bản thổ là Chà Bà. Côn Luân lại là thuộc quốc của nó. Nay về hải phận Vĩnh Long, còn có cù lao Đại Côn Luân, Tiểu Côn Luân, dân Hán[3] đến ở làm ăn tại đó cũng đã lâu đời.

Vũ Định: Theo Địa lý chí trong Đường thư, là tên một cơ mi châu[4].

Bá Nghi: Theo Truyện Lý Quang Bật trong Đường thư, Bá Nghi người Nguỵ Châu, lúc trước vì có chiến công, nên lệ thuộc vào quân Lý Quang Bật.

Chu Diên: Xem Hùng Vương (Tb.I, 3...)

La Thành: Xem thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb.5, 10...).

Vua nhà Đường hạ chiếu nêu khen người đàn bà tiết nghĩa ở Giao Châu là Kim thị.

Theo truyện Liệt Nữ trong Đường thư, tiết phụ Kim thị là mẹ tướng giặc Đào Tề Lượng. Kim thị thường lấy điều trung nghĩa khuyên bảo Tề Lượng, nhưng Tề Lượng ngoan ngạnh, không chịu vâng lời, Kim thị liền từ con, tự làm ruộng lấy thóc ăn, tự dệt vải may áo mặc, xóm làng đều cho là một người gương mẫu. Vua Đường hạ chiếu cho hai người đến hầu hạ nuôi nấng, và quan sở tại phải thường lui tới thăm hỏi suốt đời Kim thị.

Lời chua - Đào Tề Lượng: Người Giao Châu.

Năm Mậu Thân (768). (Đường, năm Đại Lịch thứ 3).

Nhà Đường lại đổi Trấn Nam làm An Nam đô hộ phủ.

Năm Tân Mùi (791). (Đường, Đức Tông, năm Trinh Nguyên thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Người Đường Lâm thuộc Phong Châu là Phùng Hưng khởi binh, đánh phủ đô hộ và chiếm giữ phủ lỵ.

---

[1] Cũng đọc là Bồ Đà hoặc Xà Bà.

[2] Một chức quan ở thời nhà Đường, đứng đầu miền đất nước ta, như chức Thứ sử thời trước.

[3] Tức là nhân dân theo văn hóa Hán tộc (Trung Hoa).

[4] Theo nghĩa đen, cơ là cái dây giàng đầu con ngựa; mi là cái giàn hai má trâu bò. Cơ mi là giàng buộc lỏng lẻo, có đặt ra châu nhưng không bắt theo đúng kỷ luật chế độ.

Trước kia Phùng Hưng người Đường Lâm thuộc Phong Châu, vốn là nhà hào phú, lại có sức khỏe, có thể vật nổi trâu, đánh được hổ. Khoảng năm Đại Lịch (766-779) nhà Đường, nhân thời buổi loạn lạc, Phùng Hưng cùng với em là Phùng Hải đem quân uy phục được các ấp láng giềng, tự xưng là đô quân; Phùng Hải xưng là đô bảo. Khi bấy giờ chính sách của đô hộ[1] là Cao Chính Bình, đánh thuế nặng lắm. Phùng Hưng đánh Chính Bình mãi không được, mới dùng kế của người làng là Đỗ Anh Hàn, đem quân đến vây phủ: Chính Bình vì lo sợ mà chết. Phùng Hưng vào ở trong phủ lạy, được ít lâu thì mất. Dân chúng lập con là An lên làm đô phủ quân, tôn Hưng làm Bố Cái đại vương.

Lời chua - Cao Chính Bình: Theo sách An nam kỷ yếu, Cao Chính Bình người thời Đại Tông nhà Đường, trước làm đô úy Vũ Định, vì có công đem quân cứu viện Trương Bá Nghi, được phong làm đô hộ.

Đường Lâm: Tên xã xưa. Sử cũ chua ở huyện Phúc Lộc. Phúc Lộc nay đổi tên là Phúc Thọ thộc tỉnh Sơn Tây. Xét theo Sơn Tây tỉnh sách[2], xã Cam Lâm thuộc huyện Phúc Thọ, xưa gọi là Đường Lâm[3]. Phùng Hưng và Ngô Quyền đều là người xã này cả. Bây giờ vẫn còn đền thờ.

Phong Châu: Sử cũ chép lầm là Giao Châu, nay sửa lại. Xét Đường thư, bản kỷ, đời Đức Tông, năm Tring Nguyên thứ 7 (791), chỉ chép rằng tù trưởng An Nam là Đỗ Anh Hàn làm phản, chứ không chép việc Phùng Hưng, có lẽ vì ở cách xa nước ta, nên không rõ có việc Phùng Hưng.

Bố Cái: Sử cũ chua tục cổ nước ta gọi cha là bố gọi mẹ là cái, nên đặt Bố Cái làm tôn hiệu.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường dùng Triệu Xương làm đô hộ.

Theo sách An Nam kỷ yếu, bấy giờ Giao Châu chưa yên, Triệu Xương đến nơi, vỗ về phủ dụ, lòng dân mới yên. Triệu Xương sai sứ đến dụ Phùng An, Phùng An đem quân ra hàng, Triệu Xương được gia phong làm kinh lược chiêu thảo xử trí sứ, Triệu Xương đắp thêm La Thành, đi thăm khắp nơi núi sông danh thắng, cổ tích, đền miếu ở các đô quận, chép làm sách Phủ chí. Triệu Xương ở phủ được mười năm, vì đau chân, dâng biểu xin người khác sang thay.

Lời chua - Triệu Xương: Theo Đường thư, Triệu Xương tên tự là Hồng Tô, người Thiên Thủy, được thăng dần đến chức thứ sử Kiền Châu. Khi Đỗ Anh Hàn ở An Nam làm phản, nhà Đường dùng Xương làm đô hộ, dân Giao Châu hưởng ứng giáo hóa, không dám ngang ngược, Xương làm được mười năm, vì đau chân, xin về.

Năm Tân Tị (801). (Đường, năm Trinh Nguyên thứ 17).

Nhà Đường dùng Bùi Thái làm đô hộ.

Triệu Xương xin người sang thay, nhà Đường sai lang trung bộ Binh là Bùi Thái sang thay. Bùi Thái đến nơi, bắt quân sĩ lấp bỏ những hào rãnh ở trong thành, hợp làm một thành, lại đắp thành ở các châu Hoan và Ái. Sau đó Bùi Thái bị bộ tướng trong châu là Vương Quý Nguyên đuổi đi.

Năm Quý Mùi (803). (Đường, năm Trinh Nguyên thứ 19).

Tháng 12, nhà Đường lại cử Triệu Xương sang làm đô hộ.

Theo Đường thư, bấy giờ Triệu Xương về triều làm tế tửu chưa được bao lâu, bộ tướng Giao Châu đánh đuổi Bùi Thái. Đức Tông vời Triệu Xương tới để hỏi tình hình. Triệu Xương bấy giờ đã ngoài 70 tuổi, tâu bày rõ ràng không lẫn; Đức Tông lấy làm lạ, lại cử sang làm đô hộ. Khi tờ chiếu đến nơi, người Giao Châu cùng nhau mừng rỡ; quân làm phản liền yên ngay. Triệu Xương sau thăng làm tiết độ

---

[1] Một chức quan được đặt ra từ thời nhà Đường. Đứng đầu phủ An Nam đô hộ, tức cai quản toàn bộ quân dân miền đất nước ta.

[2] Tập khai về địa chí của tỉnh Sơn Tây.

[3] Nay thuộc thị xã Sơn Tây (ngoại thị).

sứ[1] đất Lĩnh Nam, dẹp yên và hàng phục được những nơi biên viễn. Vì có công, Xương được thăng thượng thư bộ Công, tước thái tử thiếu bảo, năm chết đã tám mươi nhăm tuổi, vua Đường truy tặng cho Xương chức Dương Châu đại đô đốc.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Diên Hựu ngược đãi dân Lý, gây ra cuộc khởi loạn của Đinh Kiến. Chính Bình đánh thuế dân Giao Châu quá nặng[2], đã thúc đẩy Đỗ Anh Hàn khởi binh. Triệu Xương đến lần trước, yên ngay được dân; đến lần sau, dẹp xong được loạn. Quan lại ở biên cảnh tốt hay xấu, quan hệ đến như thế. Chẳng qua hồi đó người Bắc (Trung Quốc) cho Giao Châu ta là nơi hẻo lánh xa xôi, coi nhẹ việc kén chọn người giỏi, nên dân thời bấy giờ phải cảnh lầm than, không kêu đâu được. Đọc sử đến đây, đáng vì dân thời ấy mà ngậm ngùi than thở!

Năm Mậu Tí (808). (Đường, Hiến Tông, năm Nguyên Hòa thứ 3).

Nhà Đường dùng Trương Chu làm đô hộ. Trương Chu sửa đắp lại thành Đại La.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Trương Chu làm kinh lược phán quan, khi thăng lên làm đô hộ, hắn sửa đắp lại thành Đại La, đóng chiến thuyền "mông đồng" ba trăm chiếc mỗi chiếc có 25 quân chiến, 23 tay chèo. Khi thuyền đang chèo, xuôi ngược như bay. Hai thành Hoan Châu và Ái Châu trước kia bị Hoàn vương[3] đánh phá, bấy giờ đều sửa đắp lại.

Lời chua - Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống, năm Nguyên Hòa thứ 4 (809) đô hộ An Nam là Trương Chu đánh viên Hoan - Ái đô thống giặc của Hoàn vương quốc, giết được hơn ba vạn người.

Mông đồng: Thứ thuyền hẹp mà dài, dùng để xông đánh thuyền giặc.

Hai thành Hoan, Ái: Trước kia do Bùi Thái đắp.

Hoàn vương: Tên gọi vua nước Lâm Ấp.

Năm Kỷ Hợi (819). (Đường, năm Nguyên Hòa thứ 14).

Thứ sử Hoan Châu là Dương Thanh làm phản, đánh úp phủ thành, giết đô hộ Lý Tượng Cổ.

Theo Cương mục (Trung Quốc), Tượng Cổ là người tham lam khắc nghiệt, mất lòng mọi người. Dương Thanh là nhà nhiều đời làm tù trưởng dân Man. Tượng Cổ cho làm nha tướng[4] sai đi đánh Man Hoàng Động, Dương Thanh nhận thấy lòng người ai cũng oán giận Tượng Cổ, đang đêm, quay về đánh úp lấy phủ thành, giết Lý Tượng Cổ.

Theo Đường thư, Dương Thanh là Man Tù[5], vẫn uất ức muốn khởi loạn. Nhân dịp đi đánh giặc Hoàng Động, được Lý Tượng Cổ giúp cho binh sĩ, Dương Thanh liền đem quân quay lại đánh úp lấy châu thành, giết Lý Tượng Cổ. Nhà Đường hạ chiếu tha tội Dương Thanh và cho làm Thứ sử Quỳnh Châu, dùng Quế Trọng Vũ làm Đô hộ. Dương Thanh chống cự lại, không tuân lệnh. Quế Trọng Vũ đi dụ riêng từng người đầu sỏ trong đám dân Man, rồi đánh chém được Dương Thanh, tru di cả họ.

Lời chua - Tượng Cổ: Theo Đường thư truyện Tào Vương Minh, Tượng Cổ là con Lý Cao, tông thất nhà Đường, năm Nguyên Hòa thứ 14 (819), làm đô hộ An Nam.

Quế Trọng Vũ: Sử cũ chép sai là Quế Trọng; nay chữa lại.

---

[1] Một chức quan ở thời Đường, đứng đầu cai quản toàn bộ miền đất nước ta.

[2] Bắt dân hằng năm đóng thuế vào cả một kỳ.

[3] Tức vua nước Chiêm Thành.

[4] Một chức võ quan cấp bậc thấp.

[5] Tù tức là Tù trưởng, người đứng đầu các người Man.

Hoàng Động: Theo Đường thư, Nam man truyện, các người Man ở Tây Nguyên có họ Hoàng ở động Hoàng Chanh, đất giáp với Nam Chiếu, gọi là Man Hoàng Động, đánh mười tám châu Quế Quản, đi đến đâu đốt cướp đến đấy; người Đường gọi là Hoàng tặc. Khi quân phủ đô hộ nổi loạn, Hoàng tặc giúp Dương Thanh giết Lý Tượng Cổ.

Quỳnh Châu: Theo Thanh Nhất thống chí, là đất Châu Nhai đời Hán, nhà Đờng chia đặt ra Quỳnh Châu, thuộc Lĩnh Nam đạo.

Nhà Đường dùng Mã Tổng làm đô hộ.

Theo Đường thư, Mã Tổng, do chức thứ sử Kiền Châu thăng lên làm đô hộ An Nam, là người thanh liêm, không quấy nhiễu dân, đem học thuật nho gia rèn luyện phong tục, chính sự tốt đẹp, người Lý người Lạo đều yên cả. Mã Tổng dựng hai cột đồng, ghi chép công đức nhà Đường và tỏ ra mình là con cháu Phục Ba (Mã Viện).

Lời cẩn án - Mã Tổng làm Đô hộ, chính sự tốt đẹp, Sử cũ bỏ sót không chép. Nay khảo trong Đường thư, xin bổ sung vào; Nhưng chính truyện Mã Tổng chỉ cho biết là vào khoảng năm Nguyên Hòa (806-802) chứ không chép rõ năm, tháng, cho nên nay chép luôn vào cuối năm Nguyên Hòa để giữ lấy sự thực.

Lời chua - Mã Tổng: Theo truyện Mã Tổng, Tổng tên tự là Nguyên Hội, người Phù Phong.

Kiến Châu: Theo địa lý chí trong Đường thư, Kiến Châu thuộc đạo Giang Nam.

Đồng trụ: Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb.II, 12).

Năm Giáp Thìn (824). (Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4).

Tháng 11, mùa đông. Đô hộ là Lý Nguyên Gia dời phủ thành ra ngoài cửa Đông Quan.

Theo sách **An Nam kỷ yếu**, Lý Nguyên Gia cho rằng trước cửa thành là dòng nước chảy ngược, sợ người Giao Châu hay làm phản. Vì thế dời phủ trị (tới trên bờ) sông Tô Lịch. Khi đang đắp cái thành nhỏ, có người đến xem bảo rằng: "Nhà ngươi không đủ sức đắp cái thành lớn, 50 năm nữa có người họ Cao sẽ đóng đô dựng phủ ở đây". Đến giữa niên hiệu Hàm Thông (860-873), Cao Biền đắp La Thành, đúng như lời người ấy.

Lời chua - Tô Lịch: Một nhánh của sông Nhị Hà. Theo Thanh nhất thống chí, sông Tô Lịch đi từ phía đông thành phủ Giao Châu, chuyển sang phía bắc rồi đi sang phía tây, thẳng đến sông Nhuệ. Xưa kia có người tên là Tô Lịch ở đấty, cho nên gọi sông ấy là sông Tô Lịch. Hồi đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) nhà Minh, Hoàng Phúc lại đào thêm, nhân đổi tên gọi là sông Lai Tô. Nay ở phía đông tỉnh Hà Nội, đất huyện Thọ Xương có cái cửa sông, đấy là chỗ phân lưu từ sông Nhị Hà.

Năm Ất Tỵ (825). (Đường, Kính Tông, năm Bảo Lịch thứ 1).

Nhà Đường dời phủ lỵ đô hộ sang Tống Bình.

Lời chua - Tống Bình: Theo sách Phương dư kỷ yếu[1] của Cố Tổ Vũ, Tống Bình ở phía nam phủ lỵ. Nó là đất huyện Long Biên đời Hán; đầu đời Lưu Tống tách ra đặt làm huyện Tống Bình, đời Tùy thuộc về Giao Châu. Vậy thì Tống Bình phải ở miền ngoại ô phủ Đô hộ cũ. Theo Thanh nhất thống chí, huyện Tống Bình thuộc Giao Châu xưa, ở đây còn có thành cũ Liên Thụ ở phía tây huyện 75 dặm. Nay xét thành Liên Thụ là trị sở quận Giao Chỉ hồi đầu đời Hán, ở vào xã Lũng Khê huyện Siêu Loại tỉnh Bắc Ninh hiện nay, cách tỉnh thành Hà Nội hơn 30 dặm.

Năm Mậu Thân (828). (Đường, Văn Tông, năm Thái Hòa thứ 2).

[1] Xem chú giải ở trên, năm 546.

Thứ sử Phong Châu là Vương Thăng Triều làm phản. Đô hộ là Hàn Ước đánh giết được.

Theo Đường thư, Hàn Ước là người có chí dũng quyết, lõm bõm sử sách, có tài hành chính; trước đã làm thứ sử Kiền Châu. Đến khi Thăng Triều làm phản, Hàn Ước lĩnh chức An Nam đô hộ, đánh dẹp yên, Thăng Triều bị giết. Sau, quân phủ đô hộ nổi loạn, Hàn Ước bị đuổi, chạy về Quảng Châu.

Lời chua - Hàn Ước: Theo truyện Vương Phan trong Đường thư, Hàn Ước người Vũ Lăng thuộc Lãng Châu, tiến thân bằng tiền và thóc[1].

Năm Bính Thìn (836). (Đường, năm Khai Thành thứ 1).

Nhà Đường dùng Mã Thực làm đô hộ.

Theo Đường thư, hồi đầu năm Khai Thành (836-840), Mã Thực làm An Nam đô hộ, là người giỏi việc hành chính, cách ăn ở văn nã, làm việc quan thanh liêm trong sạch, không phiền nhiễu, dân các động đều được yên ổn. Thủ lĩnh các châu cơ mi[2] đầu thần phục, xin chịu theo khuôn phép về việc thuế má. Năm Khai Thành thứ ba (838), Mã Thực tâu xin đổi huyện Vũ Lục, làm châu Vũ Lục, kén người thủ lĩnh ở đấy cho làm thứ sử. Vua Đường y theo lời xin ấy. Nhưng rồi ra lại bỏ, không đặt làm châu nữa. Lúc ấy có điềm: một cái ao trước vẫn sản ngọc châu, rồi một dạo tự nhiên mất đi, nay trong cái ao ấy lại sinh sản ngọc châu như cũ. Vì Mã Thực là viên quan có chính tích trội nhất nên được thăng làm quan sát sứ ở Kiềm Trung.

Lời cẩn án - Theo Liệt truyện trong Đường thư, Mã Thực làm đô hộ, chính sự trong sạch, dân các động được yên. Hạt châu ở ao lại sinh sản như xưa: đó là tiết thanh bạch cảm đến cả loài vật. Sách Thanh nhất thống chí liệt tên Mã Thực vào hàng các quan có tiếng ở An Nam, cùng với Triệu Xương, Vương Thức đều xứng đáng là những người trội nhất trong đám thú lệnh. Lại theo Địa lý chí trong Đường thư, năm Khai Thành thứ ba (838), Mã Thực dâng biểu xin đặt châu Vũ Lục. Việc ấy có chứng cứ rõ àng, thế mà Sử cũ bỏ sót không chép, chỉ chép "Thuộc Đường, năm Hội Xương thứ nhất (841), Vũ Hồn thay Hàn Ước làm kinh lược sứ". Nay xét Đường thư Bản kỷ, đời Văn Tông, năm Thái Hòa thứ ba (829), Ước bị quân nổi loạn đuổi. Kể từ năm Thái Hòa thứ hai (828) đến năm Hội Xương thứ nhất (841), trong khoảng đó còn có niên hiệu Khai Thành (836-840) gồm 5 năm phải còn có Mã Thực làm đô hộ. Vậy thì Vũ Hồn kế chân Mã Thực, chứ không phải thay chân Hàn Ước. Nay theo Đường thư, xin bổ chính để nêu rõ người thú mục tốt và chữa chỗ sai lầm.

Lời chua - Mã Thực: Theo truyện Mã Thực, Thực là người Phù Phong, đậu tiến sĩ, lại đậu khoa chế sách.

Cơ mi: Theo Địa lý chí trong Đường thư, Thái Tông nhà Đường, sau khi bình định các Phiên Quốc[3] thì Man Di các nơi dần dần nội thuộc, lúc ấy nhà Đường lấy ngay các bộ lạc của họ đặt thành châu, huyện, dùng người thủ lĩnh bộ lạc làm đô đốc, làm thứ sử, họ đều được cha truyền con nối, gọi là "cơ mi". Theo sách Cương mục tập lãm dẫn thiên Hán quan nghi nói rằng: (đồ vật làm đầu) ngựa gọi là cơ, (đồ vật dàm hai má) trâu gọi là mi. Ý nói kiềm chế các rợ mọi (tứ di) phải lỏng lẻo như đem buộc "cơ", "mi" cho loài trâu ngựa.

Vũ Lục châu: Tên một châu cơ mi, nay không biết ở đâu.

Trì châu: Theo Hán Thư, khi Mạnh Thường làm Thái thú Hợp Phố, hạt châu (ngọc trai) đã mất đi ở Hợp Phố, lại thấy trở lại. Trong Thanh Nhất thống chí có chép

[1] Quyên tiền và thóc để được làm quan.

[2] Xem chú giải ở trên, năm 757.

[3] Các nước ở ngoài Trung Quốc mà thần phục Trung Quốc như: Cao Ly, Bách Lế, Thổ Phồn, Đột Quyết, v.v...

"Châu trì" (hồ sản hạt trai) ở phía đông nam huyện Hợp Phố, là nơi người trong quận đến mò hạt châu.

Năm Tân Dậu (841). (Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 1).

Nhà Đường dùng Vũ Hồn làm Kinh lược sứ.

Vũ Hồn đến nơi, bắt tướng sĩ sửa phủ thành; quân lính ở phủ Đô Hộ lại khởi loạn, đốt lầu thành, cướp kho đạn. Vũ Hồn phải chạy về Quảng Châu. Viên giám quân là Đoàn Sĩ Tắc dẹp yên đám quân lính làm loạn, Giao Châu mới được yên.

Năm Bính Dần (846). (Đường, năm Hội Xương thứ 6).

Tháng 9, mùa thu. Quân Man Nam Chiếu vào lấn cướp. Kinh lược sứ Bùi Nguyên Dụ đem quân các đạo đánh bại được địch.

Lời chua - Đường thư Bản kỷ chép là "tháng 9 năm Hội Xương thứ 6", Sử cũ chép sai là tháng 7, mùa thu.

Nam Chiếu, theo Lời chua của sách Cương mục (Trung Quốc), gốc tích người Nam Chiếu vốn là giống Man Di ở Ai Lao. Vị trí ở phía tây Diêu Châu. Theo Địa lý chí trong Đường thư, Nam Chiếu ở quận Vân Nam thuộc Diêu Châu, phía đông nam giáp Giao Chỉ, phía tây bắc giáp Thổ Phồn. Tiếng Man gọi vua là Chiếu. Trước kia có 6 Chiếu, Tức là: Mông Tuấn, Việt Tích, Lãng Khung, Đăng Đạm, Thi Lãng và Mông Xá. Mông Xá ở mãi về phía nam, nên gọi là Nam Chiếu. Đến năm Khai Nguyên (713-741) nhà Đường Nam Chiếu dưới đời Bì La Cáp, mỗi ngày một mạnh lớn thêm lên, còn năm Chiếu kia thì suy yếu đi. Lúc đó, Bì La Cáp mới lấy tiền của đút lót cho tiết độ sứ Kiếm Nam là Vương Dục, xin hợp 6 đất Chiếu làm một. Triều đình ưng theo và đặt tên cho là Quy Nghĩa. Từ bấy giờ chúng mới lấy vũ lực phục được các Man khác, phá được Thổ Phồn, dời sang ở thành Thái Hòa, thành ra sau này Nam Chiếu làm mối lo cho miền biên giới. Theo Đường thư, truyện Nam Chiếu, Nam Chiếu từ năm Khai Nguyên (713-741), Bì La Cáp hợp 6 Chiếu làm một, truyền mãi đến con Phong Hựu là Từ Long, năm Hàm Thông thứ I (860), tiếm xưng đế, đặt niên hiệu là Kiến Cực, gọi tên nước là Đại Lễ, thường sang lấn cướp Giao Châu, bị Cao Biền đánh, thua chạy về nước.

Năm Đinh Sụu (857). (Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 11).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Đường dùng Chu Nhai làm kinh lược sứ.

Khi bấy giờ ở Giao Châu thường hay có giặc cướp ở nơi biên giới, Chu Nhai đang làm hữu can ngưu vệ đại tướng quân, đổi sang làm kinh lược sứ, không bao lâu lại về Quảng Châu.

Năm Mậu Dần (858). (Đường, năm Đại Trung thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Đường dùng Vương Thức làm kinh lược đô hộ sứ.

Theo Đường thư, Vương Thức đang làm thứ sử Tấn Câu, vì có tiếng giỏi, được thăng làm An Nam đô hộ: Người làm đô hộ trước, gặp lúc đang đại hạn, ruộng bị khô, lại làm lũy gỗ[1] (để ngăn ngừa giặc cướp), bắt dân hàng năm nộp tiền. Đã không làm hoàn thành cho kịp thời, lại hạch sách và bắt dân đóng góp rất gắt gao! Đến khi Vương Thức sang làm đô hộ, Thức trích lấy tiền thuế một năm mua cây táo gai (cức mộc)[2], ken làm lũy suốt 12 dặm, bãi bỏ thuế ngoại phụ hàng năm để nhẹ cho thường dân; lại đào hào, rào lũy, ngoài trồng tre gai, giặc cướp không thể vào được. Sau, quân Man cướp Cẩm Điền bộ, Vương Thức sai người dịch lời mình hiểu dụ họ, một đêm kia quân Man kéo đi, sai người đến tạ rằng: "Chúng tôi tự đến bắt quân Lạo làm phản, chứ không phải làm giặc đâu".

---

[1] Nguyên văn là "một sách".

[2] Xem Lời chua ở dưới.

Theo Cương mục (Trung Quốc), Vương Thức là người có tài năng và mưu lược, khi mới đến phủ, thấy đô hiệu là La Hành Cung đã từ lâu vẫn chuyên giữ chính quyền, số quân tinh nhuệ dưới cờ chỉ huy của hắn có tới hai nghìn người, còn quân của phủ đô hộ chỉ có mấy trăm người gầy yếu. Vương Thức đến nơi đem Hành Cung ra phạt trượng và cách thức.

Lời chua - Vương Thức: theo truyện Vương Bá trong Đường thư, Vương Thức người đất Thái Nguyên, đậu khoa hiền lương phương chính[1] khoảng giữa niên hiệu Đại Trung (847-859), làm thứ sử Tấn Châu, cứu sống được mấy nghìn dân xiêu giạt, vì thế nổi tiếng được thăng làm đô hộ An Nam.

Cức mộc: Tên một thứ cây, dùng làm lũy, bền được vài mươi năm. Theo lời chua trong Cương mục[2], khoảng giữa niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) đời Minh, thượng thư Trần Hiệp, khi ở Giao Chỉ tìm được sách An Nam chí (có chép) Vương Thức đời Đường trồng cây táo gai làm chiến hào chìm[3], xung quanh hào trồng tre gai, giặc cướp không xâm phạm được. Nay ở Giao Chỉ có cây táo gai.

Cầm Điền: Chưa biết rõ ở đâu.

Bộ: Tức là bến đò; Cẩm điền bộ tức là bến đò Cẩm Điền. Theo sách Thanh Xương tạp ký, ở Lĩnh Nam gọi Tân (bến sông) là Bộ.

Tháng 5, mùa hạ. Quân Thổ man đến lấn cướp. Vương Thức đánh lùi được địch.

Theo truyện Nam Chiếu trong Đường thư, trước kia Lý Trác làm kinh lược sứ, khắc nghiệt tham ô, tự tư tự lợi, cứ mỗi đấu muối đổi lấy một con trâu, người Man Di không chịu nổi. Họ liên kết với tướng Nam Chiếu là Đoàn Tù Thiên cướp phủ đô hộ. Họ tự xưng là Bạch Y một mệnh quân (Quân Áo trắng liều mạng). Lý Trác lại giết tù trưởng người Man là Đỗ Tồn Thành; dân chúng Thổ Man đều oán giận, dắt người Nam Chiếu vào cướp vùng biên giới. Vì thế Giao Châu mới xảy ra mối lo ở biên cương; đến đây người Man lại vào cướp. Vương Thức đánh lui được quân Man.

Tháng 7, mùa thu. Dân Giao Châu nổi loạn, vây phủ thành Vương Thức bắt giết dân nổi loạn.

Theo sách An Nam kỷ yếu, khi bấy giờ có gian dân[4] họp nhau làm loạn. Nhân ban đêm, họ đánh trống reo hò, kéo đến vây thành, phao đồn là quan kinh lược sứ Chu Nhai sai đạo binh dưới cờ là Hoàng đầu quân[5] vượt biển sang đánh úp, xin đưa quan đô hộ[6] về Bắc (Trung Quốc). Nay ta đến đóng ở thành này để chống lại với Hoàng đầu quân từ Bắc phương kéo sang. Vương Thức đang ăn cơm; có người khuyên nên lánh đi. Vương Thức trả lời: "Ta nếu dời chân một chút thì thành này vỡ ngay". Vương Thức cứ ngồi ăn thong thả đến xong bữa. Đoạn, Vương Thức đóng áo giáp, đem những kẻ tả hữu lên thành,

---

[1] Tên một khoa thi để kén nhân tài có từ đời Hán. Khoa thi này chuyên tuyển lấy những người có tài văn học để bổ làm quan. Đời Đường, Tống vẫn còn noi theo.

[2] Cương mục là một bộ sử Trung Quốc mà sách Cương mục ta theo dùng làm mẫu (xem phàm lệ). Sách Cương mục (Trung Quốc), tác giả là Chu Hi đời Tống (thế kỷ XI): thế mà lời chua ở đây lại nói: "Theo lời chua trong Cương mục thì khoảng năm Vĩnh Lạc (1403-1424) đời Minh v.v...". Mới xem, có thể ngờ là không đúng. Nhưng xét kỹ về lại lịch sách Cương mục, ta cũng có thể tin là không sai. Khoảng thế kỷ XI, Chu Hi nhân sách Tự Trị thông giám của Tư Mã Quang làm thành sách Thông giám Cương mục (gọi tắt: Cương mục), phỏng theo lối Xuân thu, chia ra phần cương và phần mục. Sau giao cho học trò là Triệu Sư Uyên làm trọn bộ gồm 59 quyển. Sau nữa Kim Lý Tường làm thêm Tiền Biên. Đến đời Minh, Thương Lạc làm tục Hậu biên. Đến hồi Kiền Long (thế kỷ XVII). Tất Nguyên lại theo lối Tự Trị thông giám làm tiếp từ Tống đến Nguyên, gồm 320 quyển. Sách này tuy không tinh tường bằng sách của Tư Mã Quang, nhưng rất thông dụng.

[3] Nguyên văn là "Đường Vương Thức thụ cúc mộc vi một hào, chu thực chính trúc".

[4] Theo nghĩa đen, gian dân là người dân không làm ăn chính đáng theo đúng pháp luật.

[5] Vì ai nấy bịt đầu bằng khăn màu vàng, nên gọi là "Hoàng đầu quân" (theo chú thích của Đại việt sử ký, quyển 6, tờ 14b) xem thêm Lời chua của Cương mục ở dưới.

[6] Chỉ Vương Thức.

kéo cờ đại tướng, ngồi đấy quở trách dân nổi loạn, thì chúng trở tan chạy. Ngay hôm sau Vương Thức cho bắt và giết hết.

Giao Châu bấy giờ luôn luôn đói kém và loạn lạc, đến nỗi hàng 6 năm không có thuế nộp lên trên, trong quân lính không có khi nào khao thưởng. Vương Thức mới sửa lễ cống, khao các quân sĩ. Từ đấy các nước Chiêm Thành, Chân Lạp đều sai sứ đi lại và trả lại những dân đã cướp đi từ trước.

Lời chua - Hoàng đầu quân: Theo Đường thư, lính thú đóng ở Trung Vũ mặc áo cánh rộng vạt ngắn đầu đội khăn vàng, nên phương nam gọi là Hoàng đầu quân, đó là tứ lính tinh nhuệ trong nước. Lúc đó kinh lược sứ là Chu Nhai đã về Quảng Châu, nên đám dân nổi loạn phao đồn như vậy.

Chiêm Thành: Tức là Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20).

Chân Lạp: Tên nước, ở về phía nam Lâm Ấp. Theo Đường thư, Chân Lạp còn có tên là Cát Miệt (Khơ Me). Chân Lạp vốn xưa là thuộc quốc của Phù Nam, sau năm Thần Long (705-706) đời Đường, chia làm hai: nửa về phía bắc có nhiều gò núi, gọi là Lục Chân Lạp, tức nay là Cao Miên; nửa ở về phía nam liền biển, nhiều hồ, nhiều chằm, nên gọi là Thủy Chân Lạp, nay là sáu tỉnh Nam Kỳ[1].

Năm Canh Thìn (860). (Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 1). Tháng 3, mùa xuân. Nhà Đường cho Lý Hộ sang làm đô hộ.

Theo Cương mục (Trung Quốc), giặc ở Chiết Đông là Cừu Phủ làm loạn, vua Đường bàn với các quan kén tướng đi đánh, Hạ Hầu Ti nói: "Vương Thức, con nhà nho, trước làm quan ở An Nam, đã có công, có thể dùng được". Vì thế mới vời Vương Thức cho làm Quan sát sứ Chiết Đông, dùng Lý Hộ sang thay Vương Thức làm Đô hộ.

Tháng 12, mùa đông. Nam Chiếu đánh phá phủ thành, Đô hộ Lý Hộ bỏ châu lỵ chạy.

Theo sách Thông giám, khi Lý Hộ mới đến Đô hộ phủ, giết người tù trưởng dân Man là Đỗ Thủ Trừng. Đồng đảng của Thủ Trừng mới xui người Nam Chiếu đánh phá phủ thành, Lý Hộ chạy về Vũ Châu.

Năm Tân Tị (861). (Đường, năm Hàm Thông thứ 2).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Đường dùng Vương Khoan làm Kinh lược sứ.

Lý Hộ bị thua, nhà Đường đem quân Ung quản và quân các đạo lân cận sang cứu.

Theo sách Thông giám, Lý Hộ từ Vũ Châu tập hợp lính thổ, kéo về đánh các quân Man, lấy lại được châu thành. Vua Đường trách Lý Hộ về tội bỏ thành trì, giáng chức cho làm tư hộ Đam Châu. Sau đó vua Đường cho rằng họ Đỗ của Thủ Trừng hãy còn mạnh lắm, cốt sao nhuế nhóa để mong thu dùng được họ, bèn cho Tồn Thành, cha Thủ Trừng, làm Kim ngô tướng qân. Vua Đường lại quở trách Lý Hộ về tội giết Thủ Trừng, liền đày đi Nhai Châu một thời hạn, lâu dùng phòng ngự sứ Diêm Châu là Vương Khoan sang thay Lý Hộ.

Lời chua - Ung Quản: Tức là Ung Châu một khu vực hành chính do nhà Đường đặt. Theo sách Cương mục tập lãm, quản cũng như phủ.

Đam Châu: Tức là Đam Nhĩ, đời Đường thuộc về đạo Lĩnh Nam. Xem: Triệu Thuật Dương vương, năm Kiến Đức thứ nhất (Tb.2, 4-6).

Đây trở lên, từ năm Tân Dậu, thuộc nhà Lương, niên hiệu Đại Đồng thứ 7, đến năm Tân Tỵ thuộc nhà Đường, niên hiệu Hàm Thông thứ 2, cộng ba trăm hai mươi mốt năm (541-861).

---

[1] Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Tiền Biên

Quyển thứ V

Năm Nhâm Ngọ (826). (Đường, năm Hàm Thông thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Nam Chiếu lại vào lấn cướp. Nhà Đường cho Thái Tập sang làm kinh lược sứ, đem quân chống nhau với quân Nam Chiếu.

Theo Cương mục (Trung Quốc), nước Nam Chiếu vào lấn cướp, Vương Khoan nhiều lần cáo cấp với nhà Đường. Vua Đường dùng Thái Tập, nguyên quan sát sứ Hồ Nam, sang thay Vương Khoan, vẫn điều động quân các đạo Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc, tất cả là ba vạn người, giao cho Thái Tập để chống nhau với Nam Chiếu. Thế lực quân Đường đã mạnh, người Man phải rút lui.

Lời chua - Hựa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc: Tên tám châu (Trung Quốc).

Tháng 5, mùa hạ. Nhà Đường chia đất Lĩnh Nam làm hai đạo; Đông và Tây. Dùng Vi Trụ và Thái Kinh sang làm tiết độ sứ.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), tả thứ tử[1] Thái Kinh có tính tham tàn, hay dối trá. Tể tướng bấy giờ tưởng hắn là người có tài cai trị, tâu xin cho Kinh đi khu xử các việc ở Lĩnh Nam. Đất Lĩnh Nam trước kia chia làm năm quản[2] là Quảng, Quế, Ung, Dung và An Nam, đều lệ thuộc Lĩnh Nam. Theo lời tâu xin của Thái Kinh, nhà Đường chia Quảng Châu làm Đông Đạo, Ung Châu làm Tây Đạo, giao cho Vi Trụ và Thái Kinh mỗi người coi một đạo. Thái Tập bấy giờ cầm quân các đạo đóng ở An Nam. Thái Kinh ghen ghét, sợ Thái Tập lập công, bèn tâu với vua Đờng rằng quân Man đã lánh xa, nơi biên viễn không có gì đáng lo ngại, xin bãi bỏ lính thú. Vua Đường nghe theo lời Thái Kinh. Thái Tập nhiều lần tâu rằng quân Man vẫn rình chỗ sơ hở của ta, không thể không có quân đóng để phòng bị; vậy xin lưu lại năm nghìn quân. Vua Đường không nghe. Thái Tập có làm bài trạng nói mười điều tất chết gửi lên tòa Trung thư. Tể tướng lúc đó cả nghe lời Thái Kinh, không xét gì lời trạng cả. Thái Kinh cai trị làm nhiều điều hà khắc thảm hại. Nhân dân khắp nơi ai cũng ta oán. Rồi bị quân sĩ đuổi đi, Kinh phải giáng chức làm tư hộ Nhai Châu, nhưng hắn không chịu đến Nhai Châu nhận chức, khi hắn về đến Linh Lăng, vua Đường hạ lệnh bắt phải tự tử.

Lời chua - Quảng, Quế: Sử cũ chép sai là Liêm, Quế. - Vi Trụ: Người Vạn Niên thuộc Kinh Triệu. Theo truyện Vi Đan trong Đường thư, con Đan là Trụ được thăng làm tiết độ sứ Lĩnh Nam.

Năm Quý Mùi (863). (Đường, năm Hán Thông thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Nam Chiếu đánh phá phủ đô hộ. Kinh lược sứ Thái Tập và ngu hậu Nguyên Duy Đức đều bị chết.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), nước Nam Chếu thống suất quân các Man gồm năm vạn người đến lấn cướp. Thái Tập cáo cấp với nhà Đường. Vua Đường hạ sắc điều động hai nghìn quân ở Kinh, Hồ và ba nghìn quân ở Quế Quản sang cứu viện. Các quân ấy chưa đến nơi, Nam Chiếu đã vây thành phủ; quân cứu viện không tới được, thành liền bị phá. Thái Tập quanh mình không còn ai, đi bộ gắng sức cố đánh, khắp mình bị mười mũi tên. Tập muốn chạy xuống thuyền giám quân, thì thuyền đã lìa khỏi bờ, liền nhảy xuống sông chết. Các tướng sĩ Kinh Nam hơn 400 người, chạy đến bến nước ở phía

---

[1] Một chức quan đời Đường.

[2] Năm khu vực hành chính, giống như năm phủ.

đông thành; ngu hậu là Nguyên Duy Đức bảo mọi người: "Bọn ta không có thuyền, xuống nước thế nào cũng chết, chi bằng quay lại cùng đánh nhau với quân Man, cứ một mạng đổi lấy hai quân Man, cũng vẫn có lợi". Nói xong, liền kéo về phía thành, tung quân ra giết được hơn hai nghìn người Man. Đêm đến, tướng Man là Dương Tư Tấn kéo ra tiếp cứu, bọn Duy Đức bị thua trận bị chết. Nước Nam Chiếu hai lần đánh phá phủ đô hộ, vừa giết vừa bắt làm tù binh tổng số đến mười lăm vạn người. Chúng lưu lại hai vạn quân Man, sai tướng là Dương Tư Tấn ở lại giữ thành phủ. Các Di, Lạo ở miền Khê động đều đầu hàng chúng.

Lời chua - Theo sách Điền tá ký của Dương Thận, năm Hàm Thông thứ 4 (863) đời Đường, người Nam Chiếu là Mông Thế Long cướp Giao Chỉ, vừa giết vừa bắt làm tù binh gần mười lăm vạn người, lưu lại hai vạn quân Man, sai tướng của chúng là Dương Tư Tấn ở lại chiếm đóng. Các Di, Lạo ở miền Khê động đều ra hàng cả. Đến năm Hàm Thông thứ 5 (864), chúng lại sang cướp Ung Châu, bị thua, rút về. Năm Hàm Thông thứ 7 (866), tiết độ sứ Cao Biền đánh phá tan hẳn, Giao Chỉ lại yên. Xem thế thì Nam Chiếu lúc bấy giờ là Nam Chiếu dưới thời Mông Thế Long.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Đường bãi bỏ phủ đô hộ, đặt ra Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn; dùng Tống Nhung làm thứ sử, Khang Thừa Huấn giữ chức kiêm Lĩnh Nam chư quân hành doanh.

Theo sách An Nam kỷ yếu, bấy giờ Nam Chiếu đánh phá phủ thành, nhà Đường gọi quân các đạo về giữ Lĩnh Nam Tây Đạo, bãi bỏ phủ đô hộ, đặt Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn, dùng hữu giám môn vệ tướng quân Tống Nhung làm chức Hành Giao Châu thứ sử, Vũ Nghĩa tiết độ sứ Khang Thừa Huấn kiêm tiết độ sứ Lĩnh Nam và chư quân hành doanh.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Khang Thừa Huấn đến Ung Châu, không đặt quân xích hậu[1]. Khi Nam Chiếu đem sáu vạn người sắp tiến vào địa giới, Thừa Huấn sai quân ra chống cự, thì cả tám nghìn người trong năm đạo quân đều bị chết, duy có quân Thiên Bình đến sau được thoát. Thừa Huấn không biết xoay xở ra sao. Phó sứ Lý Hành Tố đem quân sửa hào lũy vừa mới xong; quân Man bổ vây đến bốn ngày. Lúc khí giới chuẩn bị gần đủ, các tướng xin: đêm đến, chia từng đạo quân đánh phá đánh phá vào doanh trại quân Man. Khang Thừa Huấn không nghe. Có viên tiểu hiệu trong quân Thiên Bình, hai ba lần cố tranh cãi, Thừa Huấn mới chịu nghe. Viên tiểu hiệu này đem ba trăm dũng sĩ đang đêm dòng dây từng người một ra khỏi thành, phóng lửa đốt các dinh trại quân Man, chém được hơn năm trăm thủ cấp. Quân Man phải cởi vòng vây, rút đi. Khang Thừa Huấn mạo nhận lấy công ấy, tâu tin thắng trận lên triều đình. Nhà Đường thăng Thừa Huấn lên chức kiểm hiệu hữu bộc xạ, các con em thân cận của hắn đều được tâu là có công và đều được thưởng. Còn viên tiểu hiệu có công đốt dinh trại địch không được thăng một cấp bậc nào cả. Vì thế, trong quân ai cũng oán giận.

Lời chua - Khang Thừa Huấn: Theo truyện Khang Nhật Tri trong Đường thư, Thừa Huấn là người Linh Châu, con Khang Nhật Tri. Vì ông cha có công, Thừa Huấn được bổ làm quan, dần lên đến chức hữu thần vũ tướng quân, thăng làm Vũ Nghĩa tiết độ sứ, rồi đổi sang Lĩnh Nam Tây Đạo.

Hải Môn: Theo Thanh nhất thống chí, trấn Hải Môn ở cách 15 dặm về phía tây huyện Bác Bạch thuộc châu Uất Lâm bây giờ, xưa kia là đường đi vào đất An Nam. Cao Biền luyện tập quân lính ở đó, và từ đấy tiến quân lấy lại An Nam. Có người bảo Hải Môn trấn ở Hải Dương, đó là nhận lầm chữ Hải Môn là nơi cửa biển (hải môn) mà Ngô Quyền trồng cọc để đánh Hoằng Tháo.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường lại đặt phủ đô hộ ở Hành Giao Châu; dùng Tống Nhung làm kinh lược sứ, đem quân Sơn Đông sang đóng giữ.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), quân các đạo nhà Đường sang cứu viện An Nam thường tụ tập đóng đồn ở Lĩnh Nam, việc vận tải lương thực vừa nhọc vừa tốn. Trần Bàn Thạch, người Nhuận

---

[1] Quân do thám binh tình bên địch, tức là tình báo.

Châu, dâng sớ xin đóng thứ thuyền lớn trọng tải được nghìn hộc, để trở gạo từ Phúc Kiến đi đường biển không đầy một tháng đến Quảng Châu. Vua Đường nghe theo, nên lương ăn của quân lính mới đầy đủ. Nhưng các quan cứ mượn tiếng "hòa cô"[1], chiếm đoạt thuyền buôn, khi đi ra biển, có chiếc bị sóng gió làm chìm đắm thì viên chức có trách nhiệm lại giam giữ viên cương lại[2] và bắt người chủ thuyền phải đền số gạo bị mất. Người ta phải khổ về việc này.

Lời chua - Cương Lại: Cũng như Cương Điền, theo lời chua của Cương mục tập lãm, là Lại Viên giữ giấy má sổ sách về việc chở lương thực.

Năm Giáp Thân (864). (Đường, năm Hàm Thông thứ 5).

Nhà Đường dùng tổng quản kinh lược sứ Trương Nhân kiêm giữ cả các công việc Giao Châu.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), bấy giờ Nam Chiếu lấn cướp Ung Châu, quan quân nhà Đường thua thiệt nặng. Thừa Huấn mạo nhận có công, được thăng chức Kiểm hiệu Lĩnh Nam tiết độ. Vi Trụ biết rõ việc làm của Thừa Huấn, viết thư trình bày lên tể tướng. Nhà Đường bèn bãi chức Thừa Huấn, dùng Trương Nhân sang thay, và thêm ba vạn năm nghìn quân cho trấn Hải Môn, sai Trương Nhân tiến lấy thành phủ đô hộ.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường dùng Cao Biền làm đô hộ tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Trương Nhân dùng dằng không chịu tiến quân Hạ Hầu Ti tiến cử Kiêu Vệ tướng quân Cao Biền sang thay; Trương Nhân giao lại cho Cao Biền tất cả những quân mà Nhân đã coi quản.

Lời chua - Cao Biền: Theo truyện Cao Biền trong Đường thư, Biền, tiểu tự là Thiên Lý, người U Châu, là cháu Sùng Văn, một nhà truyền đời làm quân Cấm Vệ. Cao Biền, từ khi còn nhỏ, rất chịu khó trau giồi về văn học. Giao du với các nho sĩ, Biền bàn luận đường lối chính trị một cách rắn rỏi. Những người trong hai quân Cấm, Vệ[3] lại càng khen ngợi Biền. Biền theo hầu Chu Thúc Minh, làm tư mã[4]. Bấy giờ có hai con chim điêu (thuộc loại chim cắt) đang song song bay với nhau, Cao Biền giương cung định bắn và khấn: "Nếu ta sau này làm nên sang cả, thì bắn trúng nhé!". Khấn rồi bắn một phát trúng cả đôi. Mọi người đều quá đỗi kinh ngạc, nhân thế gọi Biền là Lạc Điêu thị ngự (quan thị ngự bắn rơi chim điêu). Biền làm quan, được thăng dần đến hữu thần sách đô ngu hậu, vì có công, lại được thăng làm phòng ngự sứ Tấn Châu. Hồi Nam Chiếu đánh phá Giao Châu, Biền được cử sang thay Trương Nhân đánh Nam Chiếu.

Hạ Hầu Ti: Theo truyện Lưu Triện, Hạ Hầu Ti tên tự là Hiếu Học, người đất Tiêu thuộc Bạc Châu.

Năm Ất Dậu (865). (Đường, năm Hàm Thông thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Cao Biền tiến quân sang Phong Châu, đánh và phá tan được quân Man.

---

[1] Thuê mướn bằng điều kiện hai bên cùng thỏa thuận.

[2] Xem Lời chua ở dưới của Cương mục.

[3] Nguyên văn theo Đường thư chép là "lưỡng quân trung nhân" (người trong hai quân). Đến chỗ Lời chua lại dẫn Cương mục (Trung Quốc), nêu dị đồng: "Lưỡng kinh hoạn quan" (quan thị ở hai kinh đô Trường An và Lạc Dương). Chúng tôi tham khảo các bản sử khác, thấy sử Toàn thư ngoại kỷ, 5, 12b chép là "quân trung chi nhân" (người trong quân đội) và Đại Việt sử ký, Ngoại kỷ 6, 18a cũng chép là "lưỡng quân trung nhân". Cho nên chúng tôi dịch là người trong hai quân Cấm, Vệ (tức Vệ binh và Cấm quân). Vì đời Đường bấy giờ chia quân Cấm Vệ làm hai: Nam Nha và Bắc Nha. Nam Nha gọi là Vệ binh, Bắc Nha gọi là Cấm quân.

[4] Quan chế đời Đường, các tiết độ sứ đều có hành quân tư mã, và ở mỗi châu lại có đặt một tư mã, cấp bậc bằng chức đồng tri phủ đời sau. Vậy chức tư mã Cao Biền làm đây chỉ là hành quân tư mã, chứ không phải là tư mã trong tam công.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Cao Biền đang rèn luyện quân lính ở trấn Hải Môn, chưa tiến quân; giám quân là Lý Duy Chu ghét Biền, muốn hại Biền, nên nhiều lần cứ thúc Biền tiến quân. Biền đem hơn năm nghìn người vượt biển đi trước, hẹn Duy Chu cho quân tiếp ứng viện trợ cho. Khi Biền đem quân đi rồi, Duy Chu giữ chặt quân còn lại, không chịu điều động xuất phát. Tháng chín, quân Cao Biền đến Nam Định[1], thấy dân Man Phong Châu ngót năm vạn người đang gặt lúa ở đồng ruộng, Biền ập lại đánh tan được, chém được Man tướng là bọn Trương Thuyên, thu lấy lúa của dân đã gặt để làm lương ăn cho quân.

Lời chua - Nam Định: Theo Địa lý chí trong Đường thư, Nam Định đặt năm Vũ Đức thứ 4 (621), thuộc Giao Châu. Theo Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống, ở huyện Nam Định có núi Đông Cứu. Theo Thanh nhất thống chí, núi Đông Cựu ở châu Gia Lâm. Nay xét núi Đông Cứu ở huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, vậy huyện Nam Định phải ở địa giới Gia Lâm và Gia Bình.

Phong Châu: Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 2).

Năm Bính Tuất (866). (Đường, năm Hàm Thông thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Cao Biền đánh lấy lại được thành Giao Châu. Nhà Đường thăng cho Biền lên chức kiểm hiệu Công bộ Thượng thư.

Theo Đường thư, bấy giờ thủ lĩnh man Nam Chiếu tên là Tù Long, bổ Đoàn Tù Thiên làm tiết độ sứ ở Thiện Xiển, sai Dương Tập Tư giúp Tù Thiên sang lấn cướp, cho Phạm Ni Ta làm phủ đô thống, Triệu Nặc Mi làm đô thống ở Phù Da.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Cao Biền tiến quân thường đánh phá được quân Nam Chiếu. Những tin thắng trận ấy gửi đến trấn Hải Môn đều bị Duy Chu dìm đi cả. Chu lại tâu với vua Đường rằng Biền có ý nuông giặc, không chịu tiến quân. Vua Đường nổi giận, muốn giáng chức Cao Biền, dùng hữu vũ vệ tướng quân Vương Án Quyền sang thay và gọi Biền về triều. Ngày tháng ấy, Biền lại đánh thắng quân Nam Chiếu được một trận lớn, vừa giết vừa bắt được nhiều lắm, rồi bao vây thành Giao Châu đến hơn mười ngày; quân Man bị khốn quẫn lắm. Khi thành sắp sửa bị hạ thì Biền nhận được công văn của Vương Án Quyền cho biết rằng Án Quyền đã cùng với Duy Chu đem đại quân do cửa biển xuất phát rồi. Biền lập tức giao việc quân cho Vi Trọng Tể, rồi cùng với hơn trăm người thủ hạ trở về Bắc. Trước đây, tiểu sứ Vương Tuệ Tán do Trọng Tể sai phái và tiểu hiệu Tăng Cổn do Cao Biền cắt cử, cùng nhau đem thư báo tin thắng trận về tâu với vua Đường. Khi đi trên biển, hai người trông thấy bóng cờ từ phía đông sang, hỏi những thuyền đi biển, họ cho biết đấy là quan kinh lược mới[2] và quan giám quân[3] sang đấy. Hai người bàn nhau: Duy Chu thế nào cũng cướp lấy tờ biểu này của ta. Họ liền cùng nhau trốn vào trong hải đảo, đợi Duy Chu đi khỏi, lập tức lên đường đi gấp về kinh đô. Vua Đường nhận được sớ biểu, mừng lắm, thăng chức cho Cao Biền lên kiểm hiệu Công bộ thượng thư, lại cho trở lại trấn. Bấy giờ, Cao Biền mới đến trấn Hải Môn, lại trở lại. Án Quyền là người mờ tối biếng nhác, Duy Chu là người tàn ác, tham lam, các tướng không ai chịu cộng sự với họ, nên đã bỏ lỏng vòng vây, quân Man trốn thoát mất quá nửa. Cao Biền khi đến nơi, lại đốc thúc tướng sĩ đánh và hạ được thành, chém hơn ba vạn thủ cấp, giết được Tù Thiên và thổ man là Chu Cổ Đạo đã làm người dẫn đường cho quân Nam Chiếu. Quân Nam Chiếu phải chạy trốn. Cao Biền lại phá được hai động thổ mán hùa theo Nam Chiếu và giết những tù trưởng của họ. Các thổ mán khác đem dân chúng đến quy phụ với Cao Bền có tới một vạn bảy nghìn người.

Lời chua - Thiên Xiển: Theo Nam Man truyện trong Đường thư, Thiện Xiển là một kinh đô của nước Nam Chiếu, ở về phía tây bắc Giao Châu.

---

[1] Có bản chép không có chữ Nam Định.

[2] Chỉ Vương Án Quyền.

[3] Chỉ Lý Duy Chu.

Phù Da: Theo Thanh nhất thống chí, phủ An Nam đô hộ có huyện Phù Da thuộc châu Vũ Định. Lại theo Vân Nam cổ tích, Vân Nam có thành Phủ Da ở huyện La Thứ[1].

Tháng 11, mùa đông. Giặc Man đã dẹp yên. Nhà Đường đặt Tĩnh hải quân, dùng Cao Biền làm tiết độ sứ.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), kể từ khi Lý Trác sách nhiễu nhân dân, dân các Man nổi lên gần 10 năm; đến nay mới bình định xong, nhà Đường đặt Tĩnh Hải quân ở An Nam, dùng Cao Biền làm tiết độ sứ. Bắt đầu từ đấy, An Nam đổi tên là Tĩnh Hải quân tiết trấn.

Cao Biền vào ở phủ ly, đắp Đại La thành.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Cao Biền đắp Đại La thành, và làm ra sổ sách chép rõ bờ cõi, số lính thú trong trấn và các thuế má cống nạp. Người Giao Châu kính sợ Cao Biền, gọi Biền là Cao vương.

Sử cũ chép: La Thành của Cao Biền đắp chu vi một nghìn chín trăm tám mươi hai trượng linh trăm thước (1982 trượng, 5 thước)[2]; thân thành cao hai trượng, sáu thước (2 trượng, 6 thước); chân thành rộng hai trượng, năm thước (2 trượng, 5 thước); nữ tường[3] bốn mặt cao năm thước, năm tấc (5 thước 5 tấc); năm mươi nhăm lầu vọng địch; sáu nơi úng môn[4], ba cái hào nước, ba mươi tư đường đi. Lại còn đắp con đê vòng quanh ngoài thành dài hai nghìn một trăm hai mươi nhăm trượng, tám thước (2125 trượng, 8 thước), đê cao một trượng, năm thước, chân đê rộng hai trượng, và làm hơn bốn mươi vạn gian nhà.

Cao Biền đi tuần xem xét đến hai châu Ung, Quảng thấy trên đường biển có nhiều đá mọc ngầm, làm cho việc vận tải lương thực không được thông đồng. Biền sai trưởng sử là Lâm Phúng và Hồ Nam tướng quân là Dư Tồn Cổ đem quân bản bộ và thủy thủ hơn một nghìn người đi khai đào. Lúc đi, Biền có dụ bảo họ rằng: "Đạo trời thường giúp lẽ phải, thần linh hay phò người ngay. Bây giờ đi khai đường biển để giúp đời sống cho nhân dân, nếu ta không vụ lợi riêng thì việc làm có gì là khó?". Lâm Phúng ra đi, khởi công làm việc khơi đục, giữa vời vấp phải có hai hòn đá lớn đằng dăng dài đến mấy trượng, rìu búa đục mãi cũng không ăn thua gì, tự nhiên có sấm sét đánh luôn mấy trăm tiếng: tảng đá lớn đều bị vỡ tan. Về phía tây lại có hai hòn đá lớn mọc sừng sững đối nhau, các thợ đều phải bó tay. Thế rồi lại có sấm sét đánh như trước, làm tan cả ra. Đường biển do đấy mới được thông đồng. Nhân thế gọi tên nơi ấy là Thiên Uy cảng (cảng oai trời).

Lời phê - Nay xét: trong Đường thư, Cao Biền bị liệt vào truyện Bạn thần[5]; do vì Biền ăn ở hai lòng, nên mắc phải tai vạ, chứ có gì đáng khen! Còn như việc dẹp yên Nam Chiếu chẳng qua chuyên nhờ oai võ mà thắng được chúng đó thôi. Con sông mà Biền đứng đào nay ở vào đâu cũng không biết rõ. Nếu bảo ở tỉnh Nghệ An bây giờ thì vẫn còn nghẽn tắc, nào đã thông suốt được đâu? Lời Sử cũ chép đây so với lời truyện Cao Biền trong Đường thư khen là thần tiên cũng chỉ là một lối hoang đường tầm bậy giống nhau mà thôi. Vậy mà Sử cũ khen việc Biền đào cảng là được trời giúp, tưởng cũng là chuyện nghe theo truyền văn mà vội tin đấy.

Lời cẩn án - Đại La ở Long Biên là cái thành do Trương Bá Nghi nhà Đường đã đắp trước, Triệu Xương, Lý Nguyên Gia tiếp tục sửa đắp lại, chứ không phải bắt đầu từ Cao Biền. Sử cũ chép rằng Cao Biền đắp La Thành, làm nhà cửa có tới hơn bốn mươi vạn gian, tưởng cũng là lời truyền văn không đúng sự thực e khó tin được hết cả. Sử cũ lại chép: "Cao Biền đi tuần xem xét Ung Châu và Quảng Châu, khơi thông đường biển, gọi là Thiên Uy cảng". Nay xét Địa lý chí trong Đường thư, ở huyện Bác Bạch có cái ghềnh Bắc thú (Bắc thú than). Khoảng giữa niên hiệu Hàm Thông (860-873) nhà Đường, Cao

---

[1] Huyện La Thứ nay thuộc đạo Điền Trung tỉnh Vân Nam (Từ Nguyên, Tập mùi, trang 106).

[2] Một trượng là 10 thước, mỗi thước Trung Quốc bằng 0 m 3333; vậy một trượng bằng: 0,3333 x 10 = 3 m 33.

[3] Bức tường nhỏ đắp trên tường thành lớn: đê con chạch đắp trên mặt đê tức là một thứ nữ tường.

[4] Thứ thành đắp vòng ngoài cửa thành. Nghĩa đen chữ "úng môn" là nơi cửa có thành đắp đê để bảo vệ.

[5] Phần tiểu sử những bầy tôi phản nghịch.

Biền mộ người đục phẳng những đá mọc ngầm để cho thuyền bè được thông đồng qua lại. Theo Thanh nhất thống chí, huyện Bác Bạch nay thuộc châu Uất Lâm. Vậy thì nơi mà Cao Biền khơi đục không phải ở địa giới nước ta. Có người bảo đó là Thiết Cảng ở Nghệ An, vì nó có tên nữa là Thiên Uy cảng; nhưng không phải. Việc Sử cũ chép đó e cũng không đúng. Nay xin lược bớt, ghi phụ sơ qua ở đây để tiện tham khảo.

Lời chua - Đại La Thành: Thành này do Trương Bá Nghi đắp từ năm Đại Lịch thứ 2 (767) đời Đường; năm Trinh Nguyên thứ 7 (791), Triệu Xương đắp thêm; năm Nguyên Hòa thứ 3 (808), Trương Chu lại sửa đắp lại; năm Trường Khánh thứ 4 (824), Lý Nguyên Gia dời phủ trị tới bên sông Tô Lịch, đắp một cái thành nhỏ, gọi là La Thành; năm Hàm Thông thứ 7 (866), Cao Biền đắp ngoại thành bao quanh "kim thành"[1], cũng gọi tên là La Thành. Theo Thanh nhất thống chí thành Đại La ở ngoài phủ thành Giao Châu, quận trị Giao Chỉ đời Hán, phủ trị đô hộ đời Đường đều ở đấy. Lâu ngày đổ nát, vết cũ khó xét thấy. Đó tức là những lũy đất ở bốn mặt ngoài tỉnh thành Hà Nội ngày nay. Những thành đất mà các đời Lý, Trần về sau đã sửa đắp nhiều lần, tục cũng gọi là La Thành. Nếu bảo đấy là vết thành cũ của Cao Biền thì thật không đúng.

Năm Ất Mùi (875). (Đường, Hi Tông, năm Kiền Phù thứ 2).

Nhà Đường đổi Cao Biền đi làm tiết độ sứ Tây Xuyên, dùng Cao Tầm sang thay.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Cao Tầm là cháu họ Cao Biền, đã từng làm tiên phong, xông pha tên đạn, nêu gương mẫu cho các quân sĩ. Cao Biền tiến cử Cao Tầm sang thay cho mình. Vua Đường nghe theo. Cao Biền ở phủ đô hộ tất cả được chín năm.

Năm Canh Tí (880). (Đường, năm Quảng Minh thứ 1). Tháng 3, mùa xuân. Quân phủ đô hộ nổi loạn. Tiết độ sứ Tăng Cổn phủ dụ được yên.

Theo sách An Nam kỷ yếu, trước kia, Tăng Cổn làm chức tiểu hiệu dưới quyền Cao Biền, Tăng Cổn là người giỏi về chính trị. Khoảng giữa niên hiệu Kiền Phù (874-879), nhà Đường dùng Tăng Cổn thay Cao Tầm làm tiết độ sứ. Năm này (880) quân trong phủ nổi loạn, các thuộc hạ xin Tăng Cổn rút ra ngoài thành để lánh nạn. Cổn không nghe, đem điều uy đức ra phủ dụ: quân nổi loạn yên ngay, đến quy phụ với Cổn. Cổn không nhắc hỏi đến lỗi của họ nữa. Vì thế, trong số quân các đạo đi thú ở Ung Quản hễ ai theo về với Cổn thì đều được dung nạp cả. Tăng Cổn là người có tiếng khéo vỗ về cai trị nhân dân, được người Giao Châu gọi là "ông thượng Tăng" (Tăng thượng thư). Cổn có soạn sách Giao Châu ký lưu hành ở đời. Cổn làm việc ở trấn 14 năm. Đến đời Đường Chiêu Tông, năm Cảnh Phúc thứ 1 (892), Chu Toàn Dục mới sang thay Cổn làm tiết độ sứ.

Lời cẩn án - Sử cũ chép quân trong phủ nổi loạn, tiết độ sứ Tăng Cổn trốn ra ngoài thành. Nay xét Tăng Cổn là người có tiếng về chính trị, e Sử cũ chép lầm chăng, nên nay căn cứ vào sách An Nam kỷ yếu của Cao Hùng Trưng mà cải chính lại.

Năm Bính Dần (906). (Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Đường gia phong chức đồng bình chương sự[2] cho quan Tĩnh Hải quân tiết độ sứ là Khúc Thừa Dụ.

Họ Khúc là một họ lớn lâu đời ở Hồng Châu. Thừa Dụ, tính khoan hòa, hay thương người, được dân chúng suy tôn.

Gặp thời buổi loạn lạc, nhân danh là hào trưởng một xứ, Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ và xin mệnh lệnh với nhà Đường; nhân thế vua Đường cho làm chức ấy.

Lời chua - Theo sách Thông giám, tháng giêng năm Thiên Hựu thứ 3 (906), nhà Đường gia phong cho Thừa Dụ chức đồng bình chương sự. Sách Vân Đài loại ngữ, Lê

---

[1] Ý nói thành lũy kiên cố như đúc bằng loài kim vậy.

[2] Chức quan đứng vào hàng đầu triều, tương đương với Tể tướng. Ở đây là gia thêm.

Quý Đôn chép: Thừa Dụ tức là Khúc Tiên chúa. Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ đều là con cháu.

Hồng Châu: Tên đất xưa, đời Lê là hai phủ Thượng Hồng và Hạ Hồng, nay là hai phủ Bình Giang và Ninh Giang, đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Năm Đinh Mão (907). (Đường, năm Thiên Hựu thứ 4; Lương, Thái Tổ, năm Khai Bình thứ 1).

Khúc Thừa Dụ mất, con là Hạo giữ Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ.

Khúc Hạo nhờ vào cơ nghiệp cũ, giữ lấy La Thành, tự xưng là tiết độ sứ, chia đặt các lộ, phủ, châu, và xã ở các xứ; đặt ra chánh lệnh trưởng và tá lệnh trưởng[1], bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch; lập sổ khai hộ khẩu, kê rõ họ tên quê quán, giao cho giáp trưởng trông coi. Chính sự cốt chuộng khoan dung giản dị. Nhân dân đều được yên vui. Khi đó, nhà Lương dùng tiết độ sứ Quảng Châu là Lưu Ẩn kiêm lĩnh chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ và phong cho tước Nam Bình vương. Lưu Ẩn giữ thành Phiên Ngung. Khúc Hạo giữ Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ, hai bên chực thôn tính lẫn nhau.

Lời chua - Khúc Hạo: Theo sách An Nam kỷ yếu, Khúc Hạo người Giao Chỉ. Cuối đời Đường, Khúc Hạo làm tiết độ sứ thay cho Độc Cô Tổn: đổi các hương ở các huyện làm giáp, đặt mỗi giáp một quản giáp và một phó tri giáp để giữ việc đánh thuế. Khúc Hạo giữ chức tiết độ sứ được bốn năm thì mất. Nay xét việc chép trong An Nam kỷ yếu có hơi khác với lời Sử cũ, xin ghi cả hai để tham khảo.

Quảng Châu: Tên đất, đặt từ đời Ngô. Xem Lương, Đại Đồng năm 7 (Tb.4, 2).

Phiên Ngung: Xem Triệu Vũ vương, năm thứ nhất (Tb.I, 19).

Năm Đinh Sửu (917). (Lương, Mạt đế, năm Trinh Minh thứ 3).

Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ sang thông hảo với nhà Nam Hán.

Khi bấy giờ Lưu Ẩn đã chết, em là Lưu Nham nối ngôi đặt quốc hiệu là Hán, niên hiệu là Kiền Hanh. Đó là nhà Nam Hán. Khúc Hạo sai Thừa Mỹ sang Nam Hán kết mối hòa hảo. Thực ra, đó là mượn tiếng hòa hảo để dò xét tình hình hư thực.

Khúc Hạo mất, con là Thừa Mỹ lên thay.

Năm Kỷ Mão (919). (Lương, năm Trinh Minh thứ 5).

Nhà Lương trao chức tiết độ sứ cho Khúc Thừa Mỹ.

Theo sách An Nam kỷ yếu, trước kia, Thừa Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin lĩnh "tiết việt"[2]; nhân thế, nhà Lương cho làm tiết độ sứ, coi quản Giao Châu.

Năm Quý Mùi (923). (Lương, năm Long Đức thứ 3; Đường, Trang Tông, năm Đồng Quang thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Chúa Nam Hán là Lưu Cung sai Lý Khắc Chính sang xâm lấn. Khúc Thừa Mỹ đánh chống lại, không được, bị bắt.

Theo sách An Nam kỷ yếu, trước kia, Lưu Cung nghe nói Thừa Mỹ đã nhận "tiết việt" của nhà Lương, giận lắm, sai tướng giỏi là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh, bắt được Thừa Mỹ đưa về.

Lời chua - Chúa Nam Hán trước tên là Nham, sau đổi là Cung là vì có điềm "rồng trắng" hiện hình. Về sau cho tên Cung không lợi, lại đổi là Yêm, nghĩa là có vẻ cao sáng vì lấy nghĩa "rồng bay trên trời".

---

[1] Tá tức như phó, có nhiệm vụ giúp việc cho viên chánh lệnh trưởng.

[2] "Tiết" nghĩa là cờ tiết mao; "việt" nghĩa là lưỡi búa lớn có cán dài. Khi xưa, một ông vua phong ai làm đại tướng thì giao cho hai thứ ấy để làm tượng trưng cho sự thay quyền mình. Do đó, chữ "tiết việt" đã trở nên danh từ và các đồ vật ban cho ai khi cho người ấy làm một chức quan to, đầu một xứ.

Nha tướng[1] của Khúc Hạo là Dương Diên Nghệ nổi quân đánh đuổi Lý Khắc Chính.

Theo sách An Nam kỷ yếu, chúa Nam Hán sau khi bắt được Thừa Mỹ, sai tướng là Lý Tiến sang làm thứ sử, cùng với Khắc Chính đóng giữ Giao Châu. Dương Diên Nghệ lấy tư cách là tướng cũ của Khúc Hạo, tập hợp quân sĩ, đánh bại Khắc Chính. Khắc Chính phải chạy về Nam Hán. Chúa Nam Hán ý muốn chiêu dụ, tạm phong tước vị cho Diên Nghệ. Chúa Nam Hán bảo những kẻ tả hữu mình rằng: "Dân Giao Châu thích nổi loạn, ta chỉ có thể cơ mi[2] được thôi".

Lời chua - Dương Diên Nghệ: Người Ái Châu. Sách An Nam kỷ yếu chép là Đình Nghệ. Nay theo sách Cương mục (Trung Quốc) đổi lại là Diên Nghệ.

Năm Tân Mão (931). (Hậu Đường, Minh Tông, năm Trường Hưng thứ 2).

Tháng 12, mùa đông. Dương Diên Nghệ đánh đuổi Lý Tiến, giết Trần Bảo, lấy lại Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ.

Trước kia, Diên Nghệ vẫn có chí định khôi phục Giao Châu có nuôi ba nghìn tráng sĩ làm nha binh[3]. Lý Tiến biết việc đó, cho người gấp về báo với chúa Nam Hán. Diên Nghệ liền kéo quân vây đánh Lý Tiến. Chúa Nam Hán sai thừa chỉ là Trần Bảo đem quân sang cứu. Quân Trần Bảo chưa đến nơi thì thành đã bị đánh phá, Lý Tiến phải trốn về. Trần Bảo đến nơi, cho quân vây thành; Diên Nghệ ra đánh, Trần Bảo bị thua và chết. Diên Nghệ tự xưng là tiết độ sứ, quản lĩnh công việc Giao Châu.

Năm Đinh Dậu (937). (Tấn, Cao tổ, năm Thiên Phúc thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nha tướng của Dương Diên Nghệ là Kiểu Công Tiện giết Diên Nghệ và lên thay Diên Nghệ.

Lời chua - Kiểu Công Tiện: Theo sách An Nam kỷ yếu, Tiện là người Phong Châu.

Năm Mậu Tuất (938). (Tấn năm Thiên Phúc thứ 3).

Tháng 9, mùa thu. Một nha tướng khác của Diên Nghệ là Ngô Quyền khởi binh, đánh giết Kiểu Công Tiện. Chúa Nam Hán, Lưu Cung sai con là Hoằng Tháo sang cứu viện. Ngô Quyền đón đánh ở sông Bạch Đằng: quân Nam Hán bị thua, Hoằng Tháo bị chết đuối.

Ngô Quyền, người xã Đường Lâm, thuộc dòng quý tộc đã lâu đời, cha là Mân trước làm quan mục ngay châu nhà. Khi Ngô Quyền mới sinh, có điềm sáng rực cả nhà, trạng mạo đặc biệt khác thường, trên lưng có ba nốt ruồi đen. Người xem tướng lấy làm lạ, bảo rằng sau này có thể làm chúa một phương. Vì thế mới gọi tên là Quyền. Khi Quyền lớn lên, mặt mũi khôi ngô, mắt sáng như chớp, chân bước khoan thai như dáng con hổ, có trí dũng, sức khoẻ cất nổi cái vạc, làm nha tướng của Diên Nghệ. Diên Nghệ gả con gái cho. Ngô Quyền coi giữ Ái Châu. Khi Công Tiện giết Diên Nghệ, Ngô Quyền đem quân từ Ái Châu ra đánh, giết được Công Tiện.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Công Tiện sai sứ đem của đút lót cho chúa Nam Hán để xin cứu viện. Chúa Nam Hán là Lưu Cung định nhân dịp rối loạn ấy sang lấy Giao Châu, mới cho con là Vạn vương Hoằng Tháo làm Giao vương, đem quân sang cứu Công Tiện. Lưu Cung có hỏi Sùng Văn sứ là Tiêu Ích về sách lược; Tiêu Ích trả lời: "Hiện này mưa dầm đã suốt mấy tuần, đường biển hiểm trở xa khơi; Ngô Quyền lại là người giỏi lắm, chớ nên coi thường. Đại quân phải nên giữ gìn thận trọng, dùng nhiều người đưa đường rồi sau hãy tiến". Lưu Cung không nghe, sai Hoằng Tháo đem thuyền chiến kéo thẳng sang đánh Giao Châu. Khi ấy, Ngô Quyền đã giết được Công Tiện, đem quân đón đánh. Trước hết lấy các cọc gỗ đầu đẽo nhọn và bịt sắt trồng ngầm ở cửa biển, nhân lúc nước triều lên cho các thuyền nhẹ ra khiêu chiến, rồi giả cách thua chạy. Hoằng Tháo đuổi đánh, thình lình nước triều rút cạn, thuyền chiến mắc phải cọc bịt sắt, không trở về được: quân Nam Hán bị thua to, Hoằng Tháo bị chết đuối.

---

[1] Xem chú giải ở trên, năm 819.

[2] Giữ lỏng lẻo. Xem thêm chú giải chữ "cơ mi châu" ở trên.

[3] Chữ "nha" này cũng như chữ "nha" trong nha tướng, tức là tướng và quân tinh nhuệ như nanh vuốt sắc bén hùng mạnh.

Theo Ngũ đại sử, tướng cũ của Diên Nghệ là Ngô Quyền đánh Giao Châu, Công Tiện cho người sang Nam Hán xin quân cứu viện. Lưu Cung phong Hoằng Tháo làm Giao Vương, xuất quân tới sông Bạch Đằng để đánh Ngô Quyền. Lưu Cung thì đem quân đóng ở trấn Hải Môn. Ngô Quyền ra đón đánh, Hoằng Tháo bị thua và chết, Lưu Cung thu quân kéo về.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Trận thắng lợi trên sông Bạch Đằng là cơ sở sau này cho việc phục lại quốc thống. Những chiến công các đời Đinh, Lê, Lý, Trần vẫn còn nhờ vào uy thanh lẫm liệt để lại ấy. Trận Bạch Đằng này là vũ công cao cả, vang dội đến nghìn thu, há phải chỉ lừng lẫy ở một thời bấy giờ mà thôi đâu?

Lời phê - Ngô Quyền gặp được ngụy triều Nam Hán là một nước nhỏ, Hoằng Tháo là thằng hèn kém, nên mới có được trận thắng trên sông Bạch Đằng. Đó là một việc may, có gì đáng khen. Nếu gặp phải tay Trần Bá Tiên, mà bảo rằng Ngô Quyền không phải theo gót Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, thì ít có lắm!

Lời chua - Đường Lâm: Tên xã xưa. Xem thuộc Đường, năm Trinh Nguyên thứ 7 (Tb.4, 26). Theo sách An Nam kỷ yếu, Ngô Quyền, người Ái Châu. Vậy rõ sách nào chép đúng.

Sông Bạch Đằng: Bắt đầu từ sông Lục Đầu thuộc địa hạt tỉnh Bắc Ninh phân lưu chạy vào địa hạt tỉnh Hải Dương: Một chi theo Mỹ Giang, một chi theo Châu Cốc Sơn, hai chi hợp lại ở xã Đoan Lễ. Khúc sông hợp lại này gọi là sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng phía nam giáp giới huyện Thủy Đường, tỉnh Hải Dương; phía bắc giáp giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên; chuyển về phía nam 29 dặm, đổ ra cửa biển Nam Triệu. Theo sách Địa lý chí[1] của Nguyễn Trãi, sông Bạch Đằng có tên gọi nữa là sông Vân Cừ, rộng hơn 2 dặm, ở đó có nhiều núi cao ngất, nhiều ngành sông đổ lại, sóng cồn man mác giáp tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bến, thực là một nơi hiểm yếu về đường biển. Ngô vương Quyền đời Tiền Ngô đánh bại Hoằng Tháo, Hưng Đạo vương đời Trần chiến thắng quân Nguyên đều ở trên sông Bạch Đằng này.

Năm Kỷ Hợi (939). (Ngô vương Quyền, năm thứ 1; Tấn, năm Thiên Phúc thứ 4).

Mùa xuân. Ngô Quyền tự xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa.

Lời tán tụng của Ngô [Thì] Sĩ - Vua Ngô Quyền giết giặc nội phản để trả thù cho chúa, đuổi quân ngoại xâm để cứu nạn cho nước, xây dựng quốc gia, đem lại chính thống, công nghiệp thực là vĩ đại.

Lời chua - Cổ Loa: Xem An Dương vương năm thứ 3 (Tb.I, 9).

Lập Dương thị làm hoàng hậu.

Dương Hậu là con gái Diên Nghệ. Trước kia, Ngô Quyền làm nha tướng của Diên Nghệ, Diên Nghệ gả con gái cho; đến đây lập Dương thị làm hoàng hậu.

Đặt trăm quan, dựng nghi lễ trong triều, định màu sắc các đồ mặc.

Năm Giáp Thìn (944). (Ngô vương năm thứ 6; Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 1).

Ngô vương Quyền mất.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Nhà Tiền Ngô khởi lên, không những có công đánh giặc thắng lợi, lại còn đặt ra trăm quan, dựng ra nghi lễ trong triều, định màu sắc các đồ mặc, ta cũng đã thấy sơ qua về quy mô đế vương; thế mà hưởng ngôi vua không được lâu dài, chưa thấy có kết quả gì về chính trị, thật là đáng tiếc!

Năm Ất Tị (945). (Tấn, năm Khai Vận thứ 2).

Tam Kha, em Dương hậu, tự xưng là Bình Vương.

---

[1] Thực ra tên sách này là Dư địa chí.

Lời chua - Dương Tam Kha: Theo lời chua trong Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, Tam Kha người làng Dương Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Con cả Ngô vương Quyền là Xương Ngập chạy đến Nam Sách, nương nhờ Phạm Lệnh Công.

Trước kia, Ngô vương Quyền, khi bệnh kịch, có trối trăng dặn Tam Kha giúp con mình là Xương Ngập. Tam Kha liền cướp lấy ngôi, tiếm xưng là Bình vương. Xương Ngập sợ, chạy đến Nam Sách Giang, ẩn náu tại nhà Phạm Lệnh Công ở Trà Hương. Tam Kha nuôi con thứ hai của Ngô vương Quyền là Xương Văn làm con mình. Các con vợ thứ của Ngô vương là Nam Hưng, Kiền Hưng còn nhỏ, đều theo Dương hậu. Tam Kha sai Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạch đem quân đi lùng Xương Ngập: trước sau đến ba lần đều không bắt được. Phạm Lệnh Công đem Xương Ngập giấu vào trong động núi. Tam Kha biết tin, lại cho sục sạo, cuối cùng vẫn không tìm thấy.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Việc làm của Phạm Lệnh Công thật là trung nghĩa. Tam Kha là kẻ bầy tôi, đuổi con cả của vua đi mà cướp lấy ngôi, thế mà Phạm Lệnh Công dám giấu Xương Ngập một chỗ, là có ý muốn bảo toàn lấy dòng dõi họ Ngô. Tại đây ta thấy việc Chử Cữu và Trình Anh[1] lại tái diễn. Ai dám bảo trong cả một nước to lớn mà không có trung thần nghĩa sĩ hay sao?

Lời chua - Nam Sách Giang: Nay là phủ Nam Sách thuộc tỉnh Hải Dương.

Trà Hương: Tức là huyện Kim Thành, xưa gọi là Trà Hương, đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Đỗ Cảnh Thạc: Người huyện Thuận Đức thuộc Quảng Đông.

Trình Anh, Chử Cữu: Theo Sử ký của Tư Mã Thiên, về đời Cảnh Công nước Tấn năm thứ 3, Đồ Ngạn Giả (quan tư khấu nước Tấn) giết con Triệu Thuẫn là Triệu Sóc và diệt cả họ Triệu, Trình Anh và Chử Cữu, là bạn của Triệu Sóc, cùng nhau liều chết đem giấu con Triệu Sóc là Triệu Vũ để bảo tồn lấy dòng dõi họ Triệu.

Năm Canh Tuất (950). (Hán, Ân đế, năm Kiền Hựu thứ 3).

Ngô Xương Văn đánh Tam Kha truất bỏ đi.

Tam Kha sai Xương Văn cùng hai quan sứ là Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc đem quân đi đánh hai thôn ở Thái Bình. Khi đi đến huyện Từ Liêm, Xương Văn bảo hai quan sứ rằng: "Đức trạch của Tiên vương[2] ta thấm khắp lòng dân, tất cả các chính lệnh thi hành không ai là không vui lòng theo cả. Chẳng may Tiên vương ta mất đi. Bây giờ Bình vương là kẻ bất nghĩa, tự cướp lấy ngôi, còn tội gì hơn nữa! Nay lại sai chúng ta đi đánh các ấp vô tội kia, may mà được đã vậy, nếu họ không phục thì làm thế nào?". Hai quan sứ trả lời: "Tướng quân bảo sao chúng tôi cũng xin vâng mệnh". Xương Văn bảo: "Ý tôi muốn đem quân quay về đánh úp Bình Vương để phục lại cơ nghiệp của tiền nhân, có nên không?". Hai quan sứ đều lấy làm phải. Bấy giờ mới trở về đánh úp Tam Kha. Mọi người muốn giết đi, nhưng Xương Văn bảo rằng: "Bình vương đối với ta cũng có ơn, nỡ nào đem giết?". Rồi giáng Tam Kha xuống làm Trương Dương công, nhân chỗ ở ấy cho làm thực ấp[3]. Tam Kha tiếm ngôi được 6 năm.

Lời chua - Hai thôn Thái Bình: Sử cũ chép là hai thôn Đường, Nguyễn thuộc Thái Bình.

Thái Bình: Xem Triệu Việt vương năm thứ 9 (Tb.4, II).

Trương Dương: Sử cũ chua: tức là bến đò Chương Dương, bây giờ ở huyện Thượng Phúc.

---

[1] Xem Lời chua ở dưới của Cương mục.

[2] Chỉ Ngô Quyền.

[3] Cũng như thái ấp, đất được phong, có đặc quyền thu thuế và hưởng hoa lợi về thuế ruộng đất.

Năm Tân Hợi (951). (Ngô, Nam Tấn vương Xương Văn, năm thứ 1; Chu, Thái tổ, năm Quảng Thuận thứ 1).

Ngô Xương Văn lên ngôi xưng là Nam Tấn vương.

Xương Văn, là con thứ Ngô Vương Quyền, sau khi truất bỏ Tam Kha, lên ngôi vua. Ấy là nhà Hậu Ngô.

Sai sứ giả đón anh là Xương Ngập về. Xương Ngập xưng là Thiên Sách vương.

Đón Xương Ngập ở Trà Hương về kinh đô, cùng nhau trông coi việc nước.

Đinh Bộ Lĩnh khởi binh ở Hoa Lư. Vua Nam Tấn đánh không được.

Bộ Lĩnh, người Hoa Lư, từ bé đã có chí khí lớn. Bấy giờ trong nước rối loạn, Bộ Lĩnh cùng với con là Đinh Liễn đi theo sứ quân Trần Minh Công. Minh Công thấy Bộ Lĩnh là người khôi ngô, khác thường, và có độ lượng, nên giao cho binh quyền. Sau khi Minh Công mất, Bộ Lĩnh thống lĩnh cả các quân, về giữ Hoa Lư. Nam Tấn vương cùng với Thiên Sách vương đem quân đến đánh, Bộ Lĩnh sợ, sai con là Liễn vào làm con tin để hoãn binh. Khi Đinh Liễn đến, hai vương liền bắt cả Đinh Liễn đem đi đánh, hơn một tháng cũng chưa đánh được, mới treo Liễn lên đầu ngọn sào, sai người bảo Bộ Lĩnh: "Nếu không hàng thì sẽ giết Liễn!". Bộ Lĩnh giận, nói: "Tài trai đã quyết chí công danh, khi nào lại chịu bắt chước như đàn bà con trẻ!". Rồi sai hơn mười tay nỏ cùng nhằm chực bắn vào Liễn. Hai vương thấy thế, kinh hãi bảo nhau: "Ta treo con hắn là cốt muốn cho hắn đầu hàng ngay, nay hắn tàn nhẫn như vậy, thì dẫu giết con hắn đi cũng chẳng ích gì". Hai vương bèn không giết Đinh Liễn nữa, rút quân về. Sau, Đinh Liễn lại trở về Hoa Lư.

Lời cẩn án - Hoa Lư ở về sơn phận hai xã Uy Viễn và Uy Tế thuộc Ninh Bình. Nơi đây bốn mặt đều có núi đá đứng thẳng như bức vách, trong có một chỗ hơi bằng phẳng rộng rãi, người xứ ấy gọi là động Hoa Lư. Theo sách An Nam kỷ yếu, Hoa Lư ở về huyện Lê Bình. Lê Bình bây giờ là Gia Viễn, trong lòng động rộng hàng hai trượng có một cái lạch nước quanh co khuất khúc chảy đến phía nam thành Hoa Lư. Thành Hoa Lư cũng ở huyện Lê Bình. Họ Đinh nhân thế núi đắp thành ấy chu vi năm trăm trượng. Vết thành cũ vẫn còn. Như thế thì động Hoa Lư là chỗ Đinh Tiên Hoàng khởi binh; Thành Hoa Lư ở Trường Yên là nơi đóng đô của họ Đinh. Có thuyết cho rằng hai phủ Yên Khánh và Thiên Quan xưa kia đều gọi là Hoa Lư cả; nếu bảo động Hoa Lư ở trong núi Trường Yên thì lầm.

Năm Giáp Dần (954). (Ngô, Nam Tấn vương năm thứ 4; Chu, Thế tông, năm Hiển Đức thứ 1).

Xương Ngập mất. Nam Tấn vương sai sứ sang Nam Hán.

Trước kia, Thiên Sách vương Xương Ngập chuyên quyền, Nam Tấn vương không tham dự chính sự nữa. Hai bên do đấy có sự xích mích. Đến nay, Xương Ngập mất, Nam Tấn vương mới chính mình cầm chính quyền, sai sứ sang xin mệnh lệnh chúa Nam Hán là Lưu Thạnh. Nam Hán phong cho Nam Tấn vương chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ kiêm đô hộ.

Theo Ngũ đại sử (Nam Hán thế gia) có chép về Ngô Xương Tấn, người Giao Châu: Xương Tấn là con Ngô Quyền. Ngô Quyền giữ Giao Châu, khi mất rồi, Xương Ngập lên thay. Xương Ngập mất, em là Xương Tấn lên thay, sai sứ đến Lưu Thạnh xin "tiết việt"[1] Lưu Thạnh sai cấp sự trung là Lý Dư đem cờ "tinh" sang để chiêu dụ. Lý Dư đi đến Bạch Châu, Xương Tấn sai người đến ngăn lại, bảo rằng: "Giặc biển làm loạn, đường sá khó đi", thành thử Lý Dư không sang được tới nơi.

Lời cẩn án - Sử cũ chép Nam Tấn vương Xương Văn xin mệnh lệnh chúa Nam Hán; còn Ngũ đại sử chép tên là Xương Tấn: sự việc hơi giống nhau, nhưng tên gọi mỗi đằng một khác. Có lẽ bấy giờ Xương Văn đổi tên là Xương Tấn để giao thiệp với nhà Nam Hán, mà người chép Ngũ đại sử ở đương thời không biết được rành mạch tường

[1] Xem chú giải ở Tb.V, 16.

tận nên mới trái ngược nhau như thế. Việc này thuộc về nước ta, nên theo Sử cũ là phải. Đến như Sử cũ chép chúa Nam Hán bấy giờ là Lưu Xưởng, có lẽ vì chưa khảo kỹ chăng. Vì xét: Lưu Xưởng nối ngôi nhằm đời Chu Thế Tông năm Hiển Đức thứ 5 (958), thì năm Hiển Đức thứ 1 (954) Lưu Thạnh vẫn còn làm chúa Nam Hán.

Năm Ất Sửu (965). (Ngô, Nam Tấn vương năm thứ 15; Tống, Thái tổ; năm Kiền Đức thứ 3).

Nam Tấn vương Xương Văn đi đánh Thái Bình, mất tại trận.

Nam Tấn vương đem quân đi đánh hai thôn ở Thái Bình. Quân đến nơi, cắm thuyền, lên bộ đánh nhau. Nam Tấn vương bị trúng tên nỏ mai phục bắn chết! Trị vì được 15 năm.

Theo Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, khi bấy giờ có người quận Thao Giang là Chu Thái quật cường không thần phục. Nam Tấn vương thân đi đánh, chém được Chu Thái. Do trận thắng ấy, Nam Tấn vương quen mui sinh kiêu, nên mới mắc nạn về việc đi đánh hai thôn này.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Nam Tấn nhà Ngô dùng chính nghĩa trừ kẻ tàn bạo, lấy lại được cơ nghiệp cũ. Công việc ấy cũng đã yên ủi vong linh tiên tổ mình, làm nguôi lòng bực tức của quỷ thần, của nhân dân. Thế mà, chỉ vì hiền lành nhu nhờ, đã không trừng trị Tam Kha về tội cướp nước, lại còn gây ra chiến tranh bẩn thỉu ở Thái Bình, cuối cùng tự rước lấy tai nạn, thật đáng tiếc!

Nhà Ngô mất. Ngô vương Quyền khởi lên năm Kỷ Hợi, mất năm Giáp Thìn, được 6 năm (939-944); Nam Tấn Xương Văn từ năm Tân Hợi đến năm Ất Sửu, được 15 năm (951-965). Cộng tất cả là 21 năm

Năm Bính Dần (966). (Tống, năm Kiền Đức thứ 4).

Ngô Xương Xí giữ Bình Kiều, Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động, cùng với thổ hào các huyện ấp tụ tập quân đánh lẫn nhau.

Từ khi Tam Kha cướp ngôi nhà Ngô, thổ hào các nơi đua nhau nổi dậy. Xương Văn tuy lấy lại được nước, nhưng chính sự cẩu thả, không thể thống nhất được; đến khi đi đánh Thái Bình, không được, bị chết trận, từ đó trong nước rối loạn. Một viên tướng người họ Ngô là Ngô Xương Xí tụ tập quân giữ Bình Kiều. Nha tướng nhà Ngô là Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động Giang. Thổ hào các nơi khác cũng nổi lên mỗi người giữ một nơi, ai cũng xưng hùng trưởng. Sau Tiên Hoàng nhà Đinh nổi lên, dẹp yên được cả, từ đấy giang sơn mới thống nhất.

Trước kia, thổ hào các nơi nổi lên như sau:

- Trần Lãm, tự xưng là Trần Minh Công, giữ Bố Hải khẩu;
- Kiểu Công Hãn tự xưng là Kiểu Tam Chế, giữ Phong Châu;
- Nguyễn Khoan tự xưng là Nguyễn Thái Bình, giữ Nguyễn Gia Loan ở Tam Đái;
- Ngô Nhật Khánh tự xưng là Ngô Lãm Công, giữ Đường Lâm (có chỗ chép là Giao Thủy).
- Lý Khuê tự xưng là Lý Lãng Công, giữ Siêu Loại;
- Nguyễn Thủ Tiệp tự xưng là Nguyễn Lệnh công, giữ Tiên Du;
- Lữ Đường tự xưng là Lữ Tá Công, giữ Tế Giang;
- Nguyễn Siêu tự xưng là Nguyễn Hữu Công, giữ Tây Phù Liệt;
- Kiểu Thuận tự xưng là Kiểu Lệnh Công, giữ Hồi Hồ;
- Phạm Bạch Hổ tự xưng là Phạm Phòng Át, giữ Đằng Châu.

Các thổ hào ấy thôn tính lẫn nhau. Đến đây, bọn Ngô Xương Xí và Đỗ Cảnh Thạc lại chiếm giữ Bình Kiều và Đỗ Động, trước sau tất cả 12 sứ quân.

Lời cẩn án - Sử cũ chép "Ngô sứ quân1 gồm 2 năm", để kế tiếp vào thế thứ Nam Tấn vương, vì Sử cũ nhận rằng sứ quân Ngô Xương Xí là con Ngô Xương Ngập. Nhưng nay xét: sau khi Nam Tấn vương mất, Xương Xí chiếm giữ Bình Kiều, thế lực rất yếu ớt, không khác gì các sứ quân ở các nơi khác; cho nên đem liệt cả vào một hàng sứ quân. Lại xét: Sử cũ chép Nam Tấn mất rồi, mười hai sứ quân đua nhau nổi lên, bắt đầu chép Ngô Xương Xí, cuối cùng chép Trần Minh Công; dưới đoạn ấy chép tiếp Đinh Bộ Lĩnh tự xưng Vạn Thắng vương rồi kể lại chuyện Bộ Lĩnh đi theo Trần Minh Công, khi Minh Công mất mới đứng quản lĩnh quân đội thay. Xét kỹ ra, thì ngay từ năm thứ nhất đời Nam Tấn, đã thấy có chép "Bộ Lĩnh giữ Hoa Lư, Nam Tấn vương và Thiên Sách vương đến đánh không được". Vậy thì Trần Minh Công khởi binh phải ở vào trước khi Xương Văn chưa lấy lại được nước. Cứ thế mà suy ra, mười hai sứ quân chiếm giữ các huyện ấy phải có kẻ trước kẻ sau, không giống nhau, chứ không phải đến khi Nam Tấn vương mất rồi, mười hai sứ quân mới đồng thời nổi dậy. Nhưng Sử cũ vì không biết rõ năm tháng của từng sứ quân, nên mới nói tổng hợp ở cả một chỗ ấy đấy thôi. Nay không có văn kiện chép rõ có thể chứng thực được, nên hãy xin ghi để xét sau.

Lời chua - Ngô Xương Xí: Con Thiên Sách vương Ngô Xương Ngập.

Bình Kiều: Chưa rõ ở đâu.

Đỗ Động Giang: Sông Đỗ Động, phát nguyên từ các đầm lớn ở xã Đàn Viên thuộc huyện Thanh Oai, chảy qua các xã Sinh Quả, Ức Lý, đi khuất khúc đến xã Thượng Cung, huyện Thượng Phúc, thì hợp với sông Nhuệ. Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ chua: "Bây giờ ở làng Bảo Đà huyện Thanh Oai còn có vết cũ thành của sứ quân"[2]. Có thuyết cho rằng Đỗ Động Giang là một tên khác của Nhuệ Giang, thế là lầm.

Bố Hải Khẩu: Tên đất. Năm Thiên Thành thứ 3, đời Lý Thái Tông, nhà vua đi Bố Hải Khẩu, cày ruộng tịch điền. Theo Nam Định tỉnh sách[3], xã Kỳ Bố, thuộc huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương, là nơi trước kia sứ quân Trần Lãm tụ tập quân đóng giữ. Bấy giờ chỗ ấy còn là cửa biển, nên gọi là Bố Hải Khẩu.

Phong Châu: Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 1-2). Sơn Tây tỉnh sách[4] có chép ở xã Phù Lập, huyện Bạch Hạc, phủ Vĩnh Tường, có vết thành sứ quân, tức là thành của Kiểu Tam Chế đã đắp.

Tam Đái: Tên Châu. Bây giờ là phủ Vĩnh Tường, xưa thuộc Phong Châu.

Nguyễn Gia Loan: Tên núi. Theo Sổ địa danh tỉnh Sơn Tây[5], núi ấy còn có tên gọi là núi Độc Nhĩ và tên gọi nữa là Biện Sơn, ở xã Vĩnh Mỗ huyện Yên Lạc là nơi trị sở của sứ quân Nguyễn Khoan khi giữ Tam Đái vì thế gọi là Nguyễn Gia Loan.

Đường Lâm: Tên xã. Xem thuộc Đường, năm Trinh Nguyên thứ 7 (Tb.IV, 26).

Nhật Khánh: Người họ Ngô Quyền, bị Đinh Tiên Hoàng dẹp yên được. Việc này xem năm Thái Bình thứ 10, đời Đinh Tiên Hoàng (Chb.I, 11).

Thủ Tiệp: Còn một tên hiệu nữa là Ba An quân, mình dài tiếng to, ai nghe thấy tiếng nói cũng phải giật mình, người ta gọi là ông Sấm (Lôi Công). Đến khi khởi binh, Thủ Tiệp tự xưng là Nguyễn Lệnh công, đóng giữ huyện Tiên Du, sau lấy cả Vũ Ninh, tự xưng là Vũ Ninh vương, không rõ là người ở xứ nào.

---

[1] Chỉ Ngô Xương Xí.

[2] Đại việt sử ký, Ngô kỷ, quyển 7, tờ 13a.

[3] Xem chú giải chữ "tỉnh sách" ở Tb.4, 26.

[4] Xem chú giải chữ "tỉnh sách" ở Tb.4, 26.

[5] Xem chú giải chữ "tỉnh sách" ở Tb.4, 26.

Tiên Du: Tên huyện. Bây giờ thuộc phủ Từ Sơn[1], tỉnh Bắc Ninh.

Siêu Loại: Tên huyện.

Tế Giang: Tên huyện xưa, bây giờ là Văn Giang[2], đều thuộc phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh.

Tây Phù Liệt: Tên đất. Bây giờ là xã Tây Phù Liệt thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Hồi Hồ: Thuộc huyện Cẩm Khê, tỉnh Sơn Tây. Cẩm Khê xưa là Hoa Khê. Theo Sổ địa danh tỉnh Sơn Tây, ở xã Trương Xá thuộc Cẩm Khê, có vết cũ thành của sứ quân Kiểu Công.

Đằng Châu: Tên đất. Nhà Trần gọi là Khoái Lộ, nhà Lê gọi là Khoái Châu, đều là đất này cả. Bây giờ ở xã Đằng Châu, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, còn có đền thờ Phạm sứ quân.

Trần Lãm, Kiểu Công Hãn, Nguyễn Khoan, Lý Khuê, Lữ Đường, Nguyễn Siêu, Kiểu Thuận, Phạm Bạch Hổ: Đều không rõ người ở đâu.

Năm Đinh Mão (967). (Tống, năm Kiền Đức thứ 5).

Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư đánh và dẹp yên được sứ quân các bộ, tự xưng là Vạn Thắng vương.

Thế lực quân đội của Bộ Lĩnh mỗi ngày một mạnh, đánh đâu được đấy. Lại phá được đám giặc ở Đỗ Động Giang. Các bộ đều dẹp yên được cả. Quan lại và nhân dân các châu các phủ không ai không quy phục.

Theo Ngũ đại sử, năm Đại Bảo thứ 8 đời Lưu Xưởng[3], Xương Văn ở Giao Châu mất (965), người giúp việc là Lữ Xử Bình cùng với thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu tranh nhau lên làm vua. Đinh Liễn đem quân đánh phá được. Lưu Xưởng cho Đinh Liễn làm tiết độ sứ Giao Châu.

Theo sách Thập quốc Xuân thu của Ngô Nhậm Thần nhà Thanh, thì năm Đại Bảo thứ 3 đời Hậu Chúa Nam Hán Lưu Xưởng, Đinh Bộ Lĩnh giữ công việc Giao Chỉ, hiệu là Đại Thắng vương. Trước kia, Ngô Xương Văn mất, tướng tá của Xương Văn là Lã Xử Bình cùng với thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu gây loạn, Bộ Lĩnh cùng với con là Đinh Liễn đánh bại Xử Bình, được dân chúng suy tôn làm vua.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Theo khí vận (tuần hoàn) của trời đất, bĩ tắc mãi tất có lúc hanh thông. Xem như ở Trung Quốc, sau những loạn lạc về thời Ngũ Đại (907-959) thì có Thái tổ nhà Tống nổi lên; ở nước Nam ta, sau những cuộc tranh giành của Mười hai sứ quân thì có Đinh Tiên Hoàng trỗi dậy. Những việc đó không phải là ngẫu nhiên, mà chính là khí vận do trời định đoạt.

Lời cẩn án - Nay xét: Đem việc chép về nhà Đinh trong Ngũ đại sử và Thập quốc Xuân thu so với Sử cũ của ta thì thấy hơi khác: năm Đại Bảo thứ 8 đời Lưu Xưởng (965) tức là năm Kiền Đức thứ 3 nhà Tống (965), những cũng xin chép cả, để giúp việc tra cứu.

Đây trở lên, từ năm Nhâm Ngọ, thuộc Đường, năm Hàm Thông thứ 3 (862) đến năm Đinh Mão, ngang với nà Tống năm Kiền Đức thứ 5 (967), cộng một trăm linh sáu năm.

---

[1] Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

[3] Chúa Nam Hán.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ I

Từ Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 đến hết Đinh Mùi (1007), Lê Long Đĩnh năm Ứng Thiên thứ 14, gồm 40 năm (968-1007).

❈

❈ ❈

Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (Tống, Thái tổ, năm Khai Bảo thứ 1).

Vạn Thắng vương lên ngôi Hoàng đế, quốc hiệu là Đại Cồ Việt (không rõ tháng nào).

Ngài, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, cha là Công Trứ, mẹ là Đàm thị. Công Trứ, trước kia, làm nha tướng[1] của Dương Diên Nghệ, quyền tạm chức Thứ sử Hoan Châu[2], sau theo Ngô Vương, vẫn làm chức cũ. Khi Công Trứ mất rồi, ngài hãy còn nhỏ, Đàm thị đưa về ở động núi. Chăn trâu ngoài nội, chơi với đám trẻ con, ngài được chúng chịu phục cả. Hễ ngài đi đâu, chúng cứ phải tréo tay làm kiệu rước đi, giống như kiệu thật; lại lấy bông lau làm cờ rước kèm hai bên làm như nghi vệ thiên tử. Kéo nhau đi đánh trẻ con thôn khác: đi đến đâu, ở đấy cũng phải phục tùng. Đám thì kiếm củi, thổi cơm; đám thì nộp lương, giúp việc. Mẹ thấy thế, mừng lắm, giết lợn nhà để khao chúng. Khi đã hơi lớn, ngài sai bảo được những người ở ấp lân cận. Phụ lão trong các sách[3] đều bảo nhau rằng: "Chú bé này có độ lượng khác thường, chắc rồi làm nên sự nghiệp kia khác". Họ liền đem con em theo ngài, lập ngài làm trùm, đóng ở sách[4] Đào Úc, ngày ngày đi đánh những sách[5] khác chưa chịu phục.

Bấy giờ có Thúc Dự[6] giữ sách Bông, chống nhau với ngài. Ngài vì quân ít, không địch nổi, thua chạy, qua cầu Đàm Gia. Cầu gẫy, ngài sa lầy. Dự đuổi theo, toan đâm. Bỗng thấy rồng vàng che phủ hai bên, Dự sợ, rút lui. Ngài thu lượm quân gia còn sót, lại đánh: Dự phải hàng.

Hồi ấy phương Nam, phương Bắc đương rối ren. Sứ quân các bộ thay nhau nổi lên, mỗi người xưng hùng một nơi, chia cắt đất nước. Nghe biết Trần Minh Công là người có đức, ngài đến nương tựa, Minh Công sai giữ binh quyền. Khi Minh Công mất, ngài sẵn có quân ấy, giữ luôn Hoa Lư, chiêu mộ thu dùng hào kiệt, thủ hiểm một nơi. Hai vua Nam Tấn và Thiên Sách nhà Ngô đánh mãi không được. Kịp khi nhà Ngô mất, ngài hàng phục được Phạm Phòng Át, phá được Đỗ Động, hạ thành, đánh ấp, đến đâu thắng đấy, được tôn gọi là Vạn Thắng Vương. Dẹp tan mười hai Sứ quân, tự lập làm hoàng đế.

---

[1] Xem Tb.IV, 29.

[2] Nghệ An.

[3] Một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi, cũng như các bản, các trại, v.v...

[4] Một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi, cũng như các bản, các trại, v.v...

[5] Một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi, cũng như các bản, các trại, v.v...

[6] Toàn thư và Sử ký đều chép Dự là chú của Đinh Bộ Lĩnh và, về đời thơ ấu của Đinh Bộ Lĩnh, có một vài chi tiết hơi khác, như: Đàm thị đem con đến cư trú ở bên đền thờ thần nơi động núi, và chiếc cầu mà Bộ Lĩnh chạy qua đó là cầu "Nương Loan" thôn Đàm Gia (Tth, 1, 1-2). Lại như: "Đinh Tiên Hoàng, khi còn bé, chơi đùa với các mục đồng, được chúng tôn làm vua. Tiên Hoàng lấy làm sung sướng, rình lúc mẹ đi vắng, cầm đầu các trẻ chăn trâu, về nhà bắt trộm lợn của mẹ, đem làm thịt để khao chúng. Mẹ về, sợ rằng "con dại cái mang", mới nói chuyện với người chú (của Bộ Lĩnh) là Đinh Dự. Dự nổi giận, vác dao ra đồng lùng tìm cháu. Bấy giờ Tiên Hoàng và các nhi đồng, hàng nào toán ấy, đang ăn uống. Bọn Điền và Bặc xông ra chống chọi với Dự để cho Tiên Hoàng thừa cơ chạy trốn. Dự đuổi đến bên sông, thấy con rồng vàng vươn mình ngang sông làm như cầu phao để cho Tiên Hoàng vượt qua. Dự đâm sợ; ném bỏ dao, đi về. Tiên Hoàng liền chạy sang Giao Thủy (nay thuộc Nam Định), theo phường chài làm nghề chài lưới. Việc bắt được ngọc khuê là ở lúc đi chài lưới này...". (Sk.1, 2).

Lời chua - Đại Hoàng: Tên châu, bây giờ là huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình.

Đàm Gia: Tên thôn, bây giờ là xã Điềm Xá, huyện Gia Viễn.

Động Hoa Lư: Xem Nam Tấn Ngô Xương Văn năm thứ 1 (Tb.V, 24-25).

Mười hai Sứ quân: Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb.V, 27-28).

Đỗ Động Giang: Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb.V, 29).

Đóng đô ở Hoa Lư.

Nhà vua muốn đóng kinh đô ở thôn Đàm, nhưng vì ở đấy, đất đã chật hẹp, lại không có thế hiểm trở, nên mới dựng kinh đô mới ở Hoa Lư: đắp thành, đào hào, làm cung điện, đặt nghi lễ trong triều.

Bầy tôi dâng tôn hiệu[1].

Tôn hiệu nhà vua là Đại Thắng Minh hoàng đế.

Đặt vạc, nuôi cọp để ra oai với người có tội.

Nhà vua muốn dùng oai lực để chế trị thiên hạ, mới đặt vạc lớn ở sân, nuôi hổ dữ ở cũi, hạ lệnh rằng: "Hễ kẻ nào vi phạm thì bắt bỏ vào nấu trong vạc, hay cho hổ ăn thịt". Ai nấy sợ hãi, không dám phạm pháp.

Lời phê - Đạo trời ưa kẻ khiêm nhường, đạo người răn người tự mãn. Tiên Hoàng nhà Đinh là người vô học, không có mưu mô gì, chỉ quan dữ tợn, kiêu căng, đến nỗi cuối cùng cả hai cha con đều bất đắc kỳ tử, mới được hai đời đã mất! Nhân đức và tàn bạo thật khác nhau hẳn: đáng làm gương chung. Đinh kêu là Vạn Thắng, Tần mong được vạn thế, xe trước xe sau cùng đi một vết, thương thay!

Kỷ Tị, năm thứ 2 (969). (Tống, năm Khai Bảo thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Lập con là Liễn làm Nam Việt vương.

Canh Ngọ, năm Thái Bình thứ 1 (970). (Tống, năm Khai Bảo thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặt niên hiệu[2] sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ chúa Nam Hán là Sưởng chống lại nhà Tống. Tống sai đại tướng Phan Mỹ đi đánh. Nhà vua nghe tin, sợ, mới sai sứ sang giao hảo với Tống.

Lập năm Hoàng hậu.

Năm Hoàng hậu: 1) Đan Gia; 2) Trinh Minh; 3) Kiểu Quốc; 4) Cồ Quốc; 5) Ca Ông.

Lời bàn của Lê Văn Hưu - Đinh Tiên Hoàng đã không kê cứu cổ học, bầy tôi lại không ai biết sửa chữa cho, đến nỗi say đắm tình riêng, lập nên một loạt cả năm Hoàng hậu! Sau này, Lê, Lý, nhiều vua cũng bắt chước, làm theo, là do Đinh Tiên Hoàng đầu têu ra đó.

Tân Mùi, năm thứ 2 (971). (Tống, năm Khai Bảo thứ 4).

Đặt phẩm cấp cho quan văn, quan võ: Nguyễn Bặc làm Định quốc công; Lưu Cơ làm Đô hộ phủ sĩ sư[3]; Lê Hoàn làm Thập Đạo[4] tướng quân.

Lời chua - Đô hộ phủ: Theo Địa lý chí trong Đường thư, nhà Đường đặt Đô hộ phủ, trị sở ở Long Biên; nhà Đinh vẫn để tên cũ ấy đặt quan cai trị.

---

[1] Tên hiệu đáng tôn kính để gọi nhà vua khi còn sống, phân biệt với miếu hiệu là tên hiệu đặt cho nhà vua khi đã chết, thờ cúng ở nhà thái miếu (xem thêm chú giải ở Tiền biên Tng6).

[2] Đặt niên hiệu là Thái Bình (970-979).

[3] Chức quan coi việc hình ngục.

[4] Bấy giờ trong nước chia làm mười đạo. Thập đạo tướng quân tương tự như Tổng tư lệnh quân đội bây giờ.

Sĩ sư: Tên chức quan. Có lẽ phỏng theo tên chức quan coi việc hình phạt của đời Đường, Ngu xưa.

Nguyễn Bặc, Lưu Cơ: Đều là người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng.

Lê Hoàn: Người xã Bảo Thái huyện Thanh Liêm[1].

Ban hiệu Khuông Việt thái sư cho Tăng thống Ngô Chân Lưu.

Nhà vua tôn sùng đạo Phật, mới đặt phẩm cấp cho tăng nhân và đạo sĩ: ban hiệu Thái sư[2] cho Chân Lưu, lại cho Trương Ma Ni làm Tăng lục đạo sĩ[3], Đặng Huyền Quang làm Sùng chân uy nghi[4].

Nhâm Thân, năm thứ 3 (972). (Tống, năm Khai Bảo thứ 5).

Sai Nam Việt vương Liễn sang nhà Tống.

Đem biếu sản vật địa phương.

Quý Dậu, năm thứ 4, (973). (Tống, năm Khai Bảo thứ 6).

Sứ nhà Tống sang.

Bấy giờ Nam Việt vương Liễn đi sứ về, nhà Tống sai sứ sang phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương, Đinh Liễn làm Kiểm hiệu Thái sư Tĩnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ. Bài chế văn đại lược nói: "Họ Đinh vốn dòng họ đàn anh, giữ được đất xa, có lòng hâm mộ phong thói văn minh, thường tỏ ý muốn phụ thuộc với Trung Quốc. Nay gặp buổi chín châu[5] đã về một mối, Ngũ Lĩnh[6] đã phẳng lặng thanh bình, họ Đinh sai sứ trèo non vượt bể tới nơi, dâng đồ tiến cống. Đáng khen con[7] biết giữ lễ phiên thần, nên ban cho cha[8] theo lối cắt đất phong tước. Theo cấp bậc, cho được cầm binh quyền, tự chủ trong việc đánh dẹp ở phương xa[9]. Còn về công phú thì sắp xếp vào ngạch "tỉnh phú"[10]. Thế là để khen thưởng người già cả mà có đức hạnh, chứ há có hạn chế trong điển chương pháp độ thường đâu?".

Giáp Tuất, năm thứ 5 (974). (Tống, năm Khai Bảo thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Tổ chức quân đội trong mười đạo.

Chia trong nước làm mười đạo. Tổ chức quân đội: mỗi đạo mười quân, mỗi quân mười lữ, mỗi lữ mười tốt, mỗi tốt mười ngũ, mỗi ngũ mười người, đều đội mũ "tứ phương bình đính".

Lời chua - Mũ "Bình đính": Làm bằng da, bốn bề khâu giáp lại với nha: trên hẹp, dưới rộng, chóp phẳng.

---

[1] Nay thuộc tỉnh Hà Nam. - Toàn thư Bản kỷ 1, 13a chép Lê Hoàn người Ái Châu. Đại Việt sử ký Bản kỷ 1, 18b cũng nêu theo như thế, nhưng đến tờ 19b có đưa ra lời nhận xét thế này: "Đại Hành là người Bảo Thái huyện Thanh Liêm, chứ không phải là người Ái Châu. Sử cũ (cựu biên) chép lầm".

[2] Quan đứng đầu triều.

[3] Các quan chức phong riêng cho các nhà sư, đạo sĩ.

[4] Các quan chức phong riêng cho các nhà sư, đạo sĩ.

[5] Xem chú giải ở Tb.II, 16.

[6] Xem chú giải ở Tb.I, 14-15.

[7] Chỉ Đinh Liễn.

[8] Chỉ Đinh Tiên Hoàng.

[9] Nguyên văn là "trật dĩ duy sư". Đây dịch theo nghĩa ở hào "Cửu nhị", quẻ "Sư" trong kinh Dịch.

[10] Nghĩa là hằng năm phải nộp một phần năm (1/5) trong số binh mã hiện có để đóng góp vào việc chinh phạt. Theo Tống sử Thực hóa chí, mỗi tỉ suất cứ hai binh thì một mã, như binh có 6.800 người thì ngựa phải 3.400 con. Hằng năm, phải lấy ra một phần năm (1/5) đặt làm ngạch "thượng phiên" để cung cấp về chinh dịch. - Nguyên văn là "trù chi tỉnh phú". Cũng có thể theo nghĩa trong sách Chu Lễ mà dịch là: được kinh lý đất đai trong nước mình mà bắt nộp thuế những số ruộng đất phì nhiêu.

Mười đạo: Chia đặt thế nào không rõ.

Ất Hợi, năm thứ 6 (975). (Tống, năm Khai Bảo thứ 8).

Mùa xuân. Quy định mũ áo quan văn, quan võ.

Mùa thu. Sứ Tống lại sang.

Bấy giờ nhà vua sai Trịnh Tú đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống. Tống sai hồng lô tự khanh Cao Bảo Tự cùng với Vương Ngạn Phù đem chế văn sang gia phong cho Nam Việt vương Liễn làm Khai phủ nghi đồng tam ti Kiểm hiệu Thái sư, Giao Chỉ quận vương. Từ đây, hễ sai sứ sang Tống đều cử Đinh Liễn đứng đầu.

Lời phê[1] - Sự thực bấy giờ thế nào thật không rõ được, hoặc giả có điều gì giấu giếm mà như thế chăng?

Lời cẩn án - Sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép rằng: Bộ Lĩnh đề cử con là Liễm làm Tiết độ sứ, rồi lại nhường ngôi cho con. Khi Nam Hán mất, Đinh Liễn vào cống. Sách Đông Đô sự lược[2] chép: Đinh Liễn nối ngôi cha. Lúc nhà Tống bình được đất Lĩnh Nam, Liễn sai sứ xin nội phụ. Có lẽ bấy giờ Tiên Hoàng cầm quyền trị vì trong nước, còn việc bang giao trọng đại thì giao cả cho Đinh Liễn, nhà Tống phong vương cho Đinh Liễn, chừng có ý để Liễn nối ngôi cha; về phần Tiên Hoàng, vì đã xưng Hoàng đế ở trong nước rồi, nên cũng không thắc mắc về chuyện đó chăng?

Lời chua - Trịnh Tú: Người châu Đại Hoàng.

Bính Tí, năm thứ 7 (976). (Tống, Thái Tông năm Thái Bình hưng quốc thứ 1).

Mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Trần Nguyên Thái đem biếu sản vật địa phương.

Đinh Sửu, năm thứ 8 (977). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 2).

Sai sứ sang Tống.

Mừng việc Tống Thái Tông (976-997) lên ngôi.

Mậu Dần, năm thứ 9 (978). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Lập con nhỏ là Hạng Lang làm Thái tử, phong con thứ là Toàn làm Vệ vương.

Tháng hai. Mưa đá.

Lời chua - Mưa đá: Mưa thành băng; bởi vì khí dương bị khí âm lấn lướt, không dung nạp được nhau, nên tan ra thành mưa đá.

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm, người làng Tiên Điền: Về việc Tiên Hoàng lập Hạng Lang, trước đó thì có động đất, sau đó thì có mưa đá, có hạn hán. Trời kia răn bảo trờ trờ ra đấy; thế mà cứ coi làm thường, không sớm tỉnh ngộ! Vậy, muốn không mất, phỏng được chăng?

Kỷ Mão, năm thứ 10 (979). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 4).

Mùa xuân. Nam Việt vương Liễn giết Thái tử Hạng Lang.

---

[1] Chỉ việc Tống phong Đinh Liễn làm Giao Chỉ quận vương.

[2] Một bộ sách có giá trị, tác giả là Vương Xứng đời Tống, toàn bộ 130 quyển, trình bày công việc chín triều vua nhà Bắc Tống (960-1126).

Liễn là con trưởng, khó nhọc mà có công to; khi nhà vua đã được nước, Liễn được phong là Nam Việt vương lại từng nhận tước phong của Tống. Khi có Hạng Lang, nhà vua tư vị cưng chiều, lập làm thái tử. Vì thế, Liễn bất bình, sai người ngầm giết Hạng Lang.

Tháng 10 mùa đông. Chi hậu nội nhân[1] Đỗ Thích giết nhà vua và Nam Việt vương Liễn. Bọn Định quốc công Nguyễn Bặc bắt được Đỗ Thích giết đi, rước Vệ vương Toàn lên ngôi.

Trước kia, Đỗ Thích làm chức lại[2] ở Đồng Quan, đêm nằm ở trên cầu, bỗng thấy sao sa vào miệng, tự phụ là điềm lạ, manh tâm làm điều vượt phận mình. Đến đây, nhân dịp nhà vua đêm ăn yến, say rượu, nằm ở trong sân cung cấm, bèn giết nhà vua luôn với Nam Việt vương Liễn. Bấy giờ sự lùng bắt giặc gắt gao quá. Đỗ Thích nằm núp ở lòng máng trong cung, đã hơn ba ngày, khát lắm, gặp trời mưa, thò tay ra hứng nước uống. Cung nữ trông thấy, chạy báo Nguyễn Bặc. Nguyễn Bặc bắt lấy Thích, chém chết. Rồi cùng bọn Đinh Điền, Lê Hoàn rước Vệ vương Toàn lên ngôi; truy tôn nhà vua là Tiên Hoàng đế.

Đinh Tiên Hoàng ở ngôi 12 năm, thọ 56 tuổi.

Lời chua - Đỗ Thích: Người Đại Đê thuộc Thiên Bản[3].

Đồng (mộc bên chữ "đồng" là cùng) Quan: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép là Đồng (chấm thủy bên chữ "đồng" là trẻ con) Quan. Bây giờ không biết ở đâu.

Táng ở sơn lăng Hoa Lư.

Lời cẩn án - Về việc an táng Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành. Sử cũ đều chép táng ở sơn lăng Trường Yên. Nay theo Ninh Bình sách4 lăng Tiên Hoàng ở núi Mã Yên thuộc xã Trường Yên Thượng, lăng Đại Hành ở núi Phẩm Sơn thuộc xã Trường Yên Hạ. Thế thì hai xã Trường Yên tức là đất Hoa Lư, cố đô nhà Đinh, nhà Lê; đến niên hiệu Thuận Thiên thứ 1 (1010), nhà Lý mới đổi Hoa Lư làm phủ Trường Yên. Vậy tên gọi "Trường Yên" ở thời Đinh, Lê chưa có. Sử cũ chép thế thì lầm, nay xin đính chính.

Tôn mẹ là Dương thị làm Hoàng thái hậu.

Thập đạo tướng quân Lê Hoàn tự xưng là Phó vương. Bọn Định quốc công Nguyễn Bặc, Ngoại giáp[5] Đinh Điền và Phạm Hạp dấy quân đánh Lê Hoàn, không được, đều tử tiết.

Nhà vua nối ngôi, mới lên sáu tuổi. Bọn Nguyễn Bặc đều là đại thần phụ chính; còn Lê Hoàn trong tay giữ cả binh quyền, tự do ra vào nơi cung cấm. Thái hậu phải lòng Hoàn, rồi cùng nhau tư thông, cho Hoàn quyền tạm làm công việc thay vua như Chu Công[6] khi trước. Lê Hoàn cậy có Thái hậu cưng yêu, không kiêng sợ chi cả. Bọn Nguyễn Bặc bàn với nhau: "Lê Hoàn sẽ bất lợi cho "nhụ tử"[7]; chúng ta chịu ơn dày của nước, nếu không tính tước đi, giữ cho xã tắc được yên thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên đế[8] ở suối vàng nữa?". Họ liền cùng nhau khởi binh, chia hai đường thủy bộ cùng tiến,

---

[1] Một chức quan phục vụ ở trong cung dùng để sai bảo, truyền lệnh.

[2] Chức quan trông coi về giấy tờ, thường gọi là thư lại.

[3] Nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

[4] Chữ "sách" đây là sách văn, không phải là quyển sách. Thời Tự Đức (1848-1883), trong bộ có tư cho các tỉnh làm một bản sách văn ghi rõ lịch sử trong tỉnh; khi làm xong sách văn ấy, đệ trình vào bộ, tỉnh nào cũng phải đều rõ sách văn của tỉnh ấy. Thí dụ: Ninh Bình tỉnh sư Hàn Lâm viện sách, hoặc Hà Nội tỉnh sư Hàn lâm viện sách, v.v... Cương mục viết tắt là Ninh Bình sách hoặc Hà Nội sách...

[5] Chức quan đời Đinh, trông coi quân đội ở bên ngoài.

[6] Tên là Đánh, em Chu Vũ vương. Khi Vũ vương mất rồi, con là Thành Vương còn thơ ấu, Chu công phải tạm cầm chính quền, sắp xếp mọi việc, cho đến khi Thành Vương khôn lớn thì trao trả.

[7] Con nít, đây chỉ Đinh Toàn.

[8] Chỉ Đinh Tiên Hoàng.

định kéo thẳng đến kinh đô để giết Lê Hoàn. Thái hậu nghe tin, bảo Lê Hoàn: "Bọn Bặc nổi loạn, quan gia[1] hãy còn thơ ấu, cáng đáng sao nổi giữa lúc quốc gia lắm nạn này! Ông nên tính đi". Lê Hoàn thưa: "Tôi đây làm phó vương, quyền giữ việc nước, dù sống chết cũng xin gánh lấy trách nhiệm". Hoàn liền sắp xếp quân đội, đánh nhau với Nguyễn Bặc, Đinh Điền ở Ái Châu. Bặc, Điền thua rồi, lại đem quân thủy ra đánh. Lê Hoàn theo chiều gió, phóng lửa đốt cả thuyền chiến: Đinh Điền bị chết tại trận; Hoàn bắt được Nguyễn Bặc, đưa về kinh đô. Trước mặt Nguyễn Bặc, Hoàn kể tội: "Đấng Tiên đế mắc nạn, thần và người đều căm giận, ngươi lại nhân lúc tang tóc rối ren, đứng đầu làm giặc! Đạo tôi con đâu có như thế?". Rồi Hoàn giết hại Bặc. Nguyễn Bặc, Đinh Điền đã chết rồi, quân của Phạm Hạp mất tinh thần, chạy lên Bắc Giang; Lê Hoàn đem quân đuổi theo, bắt đưa về kinh đô, giết chết.

Lời cẩn án - Sử cũ chép Nguyễn Bặc, Đinh Điền cùng nhau dấy quân, định kéo đến thẳng kinh đô để giết Lê Hoàn, nhưng địa điểm dấy quân ở đâu thì bỏ qua không chép. Nay xét: Lê Hoàn với Bặc, Điền đánh nhau ở Tây Đô, Tây Đô tức là Ái Châu2. Hoặc giả khi đã bàn định về việc giết Hoàn, họ liền đến Ái Châu khởi binh, mà Sử cũ bỏ sót chăng? Vậy hãy để lại, đợi khảo sau.

Lời chua - Ngoại giáp: Tên chức quan.

Đinh Điền: Người động Hoa Lư[3], châu Đại Hoàng.

Phạm Hạp: Người Nam Sách[4]: bây giờ là phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Bắc Giang[5]: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 28-29).

Ngô Nhật Khánh đem người Chiêm Thành vào cướp.

Nhật Khánh là dòng dõi Tiên chúa Ngô Quyền, trước kia xưng là An Vương, cùng với mười hai Sứ quân giữ đất, tranh hùng. Đinh Tiên Hàng đánh dẹp được Nhật Khánh rồi, lập mẹ y làm hoàng hậu, lấy em gái y cho Nam Việt vương Liễn, lại gả công chúa cho y. Nhưng Nhật Khánh vẫn không hết oán giận, bèn đem vợ trốn đi. Khi đến cửa biển Nam Giới, Khánh rút dao đeo bên mình ra rạch vào mặt vợ mà kể: "Cha mày lừa gạt hiếp tróc mẹ con ta. Ta đây há vì cớ mày mà quên được tội ác cha mày sao? Thôi, mày trở về, một mình ta đi, ta cầu người nào cứu được ta đây!". Đoạn, Nhật Khánh chạy sang Chiêm Thành. Đến đây, nghe tin Tiên Hoàng mất rồi, Nhật Khánh dẫn người Chiêm đi đường biển vào cướp. Khi qua cửa Đại Nha và cửa Tiểu Khang, gặp cơn phong ba, thuyền chìm đắm mất cả. Nhật Khánh chết đuối. Chúa Chàm (Chiêm Thành) may được thoát nạn, bèn thu thập những quân còn lại, rút về.

Lời chua - Nhật Khánh: Người xã Đường Lâm[6]; bây giờ là xã Cam Lâm thuộc huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây.

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.III, 20-21).

Cửa biển Nam Giới: Ở chổ giáp giới hai huyện Thiên Lộc[7] và Thạch Hà.

Cửa Đại Nha: (á bên chữ điểu): Tức cửa Đại Nha (nha bên chữ điểu). Xem Lý Hậu đế năm thứ 1 (Tb.IV, 13).

---

[1] Chỉ Đinh Toàn.

[2] Thanh Hoá.

[3] Nay thuộc tỉnh Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

[4] Nay là huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

[5] Nay là hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Dương.

[6] Nay là xã Đường Lâm thuộc thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây.

[7] Nay là huyện Can Lộc. Can Lộc và Thạch Hà đều thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Cửa Tiểu Khang: Ở địa phận huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; bây giờ là cửa Kiền (cũng gọi cửa Cờn hoặc cửa Quèn).

Canh Thìn năm thứ 11 (980). (Đế Toàn, vẫn theo niên hiệu Thái Bình. Từ tháng 7 năm Thái Bình thứ 11 trở về sau là triều Lê, Đại Hành hoàng đế, năm Thiên Phúc thứ 1. - Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Dương thị sai Lê Hoàn đem quân ra chống quân Tống. Lê Hoàn liền tự xưng là Hoàng đế, truất bỏ Đế Toàn lại làm Vệ vương. Nhà Đinh (968-980) mất.

Trước đây, viên quan giữ Ung Châu nhà Tống là Hầu Nhân Bảo dâng thư nói bên Giao Châu đương có nội loạn, ta có thể đem một ít quân sang cũng đủ lấy được, xin cho mình về triều đình để trình bày về tình hình này. Vua Tống mừng lắm, toan cho chạy ngựa trạm triệu Nhân Bảo về ngay. Lư Đa Tốn nói: "Nước kia bên trong rối loạn, đó là cơ trời làm mất. Ta nên xuất kỳ bất ý mà đánh úp. Thế gọi là "tiếng sét đánh mau, che tai không kịp". Nếu vời Nhân Bảo về trước, mưu sẽ tất lộ; kẻ kia biết trước, chuẩn bị đề phòng, thì ta chưa dễ đã lấy được. Chi bằng mật sai Nhân Bảo lo liệu việc ấy, rồi sẽ xuất quân đánh tràn sang, thế tất ăn chắc mười mươi". Vua Tống cho là phải, liền cho Nhân Bảo làm chức Giao Châu thủy lục chuyển vận sứ, bọn Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trừng, Giả Thực đều cho làm chức Binh mã đô bộ thự, hẹn ngày cùng kéo quân sang xâm.

Viên quan giữ Lạng Châu đem sự đó tâu lên, Dương hậu sai Lê Hoàn lựa tuyển dũng sĩ để kháng chiến: cho Phạm Cự Lạng[1] làm Đại tướng quân, bày mưu kế đem quân ra đánh. Cự Lạng và các tướng đều mặc quân phục, vào thẳng điện đình, bảo mọi người rằng: "Nay, thưởng người có công mà phạt kẻ không vâng mạng, đó là phép hành binh. Bây giờ chúa thượng hãy còn thơ ấu, bọn ta dẫu hết sức liều chết, may mà có chút công lao, thì ta biết cho? Chi bằng trước hãy tôn ngay Thập đạo tướng quân lên làm thiên tử, sau sẽ ra quân?". Quân sĩ đều tung hô "vạn tuế". Dương hậu thấy ai cũng một lòng hả hê mến phục, liền sai lấy áo long cổn khoác lên mình Lê Hoàn rồi chính Dương hậu khuyên mời Lê Hoàn làm vua. Hoàn bấy giờ mới lên ngôi, đổi niên hiệu, giáng chức Đế Toàn xuống làm Vệ vương như cũ.

Lời phê[2] - Bờ cõi Bắc Nam tuy có khác, nhưng vận hội3 vẫn như nhau: nhà Lê thì có chuyện khoác áo long cổn, nhà Lý thì lời sấm truyền ghi trên thân cây, sao mà giống chuyện với bên Tống4 thế! Hay là người làm sử thấy thế, gò ép gán gẩm vào với nhau để cho thần dị câu chuyện, chứ trời kia có ý làm ra như thế đâu?

Lời cẩn án - Sử Cương mục (Trung Quốc) nêu lệ chép năm tháng: Khi thiên tử nối đời nhau, thì cứ ở dưới dòng5 viết tên thụy và tên hiệu bằng chữ đỏ. Chỗ "lời chua" trong Sử ấy nói rằng: "Về sau, nếu vua nào bị phế, không có thụy hiệu, thì chỉ chép là "Đế mỗ", chứ không dùng đến cái tước do người sau đã biếm truất mà đặt cho. Thí dụ như Hải Tây Công nhà Tấn bị Hoàn Ôn6 phế truất Cương mục chép chữ lớn là "Đế Dịch".

---

[1] Phạm Cự Lạng người Chí Linh (Hải Dương); ông nội là Chiêm, làm đồng giáp tướng quân đời Ngô Vương Quyền; cha là Man, làm tham chính đô đốc đời Ngô Nam Tấn; anh là Hạp, làm vệ úy đời Đinh Tiên Hoàng, cùng với Đinh Điền và Nguyễn Bặc dấy quân đánh Lê Hoàn, nhưng thất bại (theo Nguyễn Nghiễm trong Đại Việt sử ký, Bản kỷ, 1, 14).

[2] Chỉ việc khuyên mời Lê Hoàn lên ngôi vua.

[3] Quy luật xoay vần, hết trị đến loạn, hết dở đến hay, theo tư tưởng xưa.

[4] Đời Ngũ Đại (907-959), Triệu Khuông Dận (tên Tống Thái Tổ) khi đem quân đóng ở Trần Kiều, say rượu, nằm ngủ, qua sáng hôm sau, được các tướng suy tôn làm thiên tử. Khuông Dận chưa kịp đáp ứng, thì họ khoác luôn cho chiếc hoàng bào, tung hô vạn tuế. Việc này giống việc Dương hậu đem áo long cổn khoác vào mình Lê Hoàn. Còn chuyện sau đây của Triệu Khuông Dận thì giống chuyện Lý Công Uẩn khi sắp lên thay nhà Lê có bài sấm ở thân cây gạo (x. Chb.II, 4-5). Bấy giờ Khuông Dận còn làm quan với nhà Chu (951-959). Một hôm, Chu Thế Tông tìm trong hòm đựng văn thư, bắt được một mảnh gỗ dài 3 thước, trên có chữ "Kiểm điểm tác thiên tử" (quan kiểm điểm sẽ làm vua). Lúc ấy, Trương Vĩnh Đức đương giữ chức Kiểm điểm, Thế Tông lấy làm ngờ, bãi chức Trương Vĩnh Đức mà cho Triệu Khuông Dận làm Kiểm điểm. Được ít lâu quân sĩ lập Khuông Dận làm vua.

[5] Dòng đây là theo lối viết sách nho xưa: từ bên phải sang bên trái, và từ trên xuống dưới. Viết ở "dưới dòng" tức là chua thành hai dòng chữ nhỏ dưới dòng chính, tục gọi là chua "lưỡng cước".

[6] Người đời Tấn (265-420), tên tự là Nguyên Tử. Khi Bắc phạt, thua trận, quay về Kiến Khang (nay ở phía nam Nam Kinh), phế bỏ Đế Dịch, lập Giản Văn đế, định làm việc thoán đoạt, nhưng rồi bị bệnh chết.

Phép chép thẳng tên húy như thế là vì thấy không có tên thụy. Đó là lệ ngoại của Cương mục. Thế mà Sử cũ (của ta), đối với Đinh Toàn chép là "Phế đế", nay xin sửa lại, chép là Đế Toàn, cho hợp ý nghĩa và thể lệ trong sử Cương mục trên.

Lời chua - Ung Châu: Theo Thanh Nhất thống chí, Ung Châu thuộc về Quảng Tây thống bộ.

Hầu Nhân Bảo: Sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép Nhân Bảo là chồng em gái Triệu Phổ. Lư Đa Tốn có hiềm khích với Triệu Phổ, bèn bẩy Nhân Bảo ra làm Tri châu Ung Châu, chín năm không được đổi đi nơi khác. Nhân Bảo sợ rằng nay lần mai lữa sẽ chết già ở đất Lĩnh Ngoại, bấy giờ mới dâng thư nói việc Giao Châu, xin về tận triều đình tỏ bày sự trạng.

Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb.IV, 19).

Lạng Châu: Nhà Lê, nhà Lý đặt làm lộ; nhà Trần gọi là Lạng Giang lộ; bây giờ là tỉnh Lạng Sơn.

Phạm Cự Lạng: Em Phạm Hạp.

Đây trở lên, nhà Đinh từ Tiên Hoàng, Mậu Thìn, năm thứ một (đến năm thứ ba mới đặt niên hiệu là Thái Bình) đến Đế Toàn, Canh Thìn, vẫn gọi là niên hiệu Thái Bình năm thứ 11, cộng hai đời vua, 13 năm (968-980).

Truy tôn cha là Mịch là Trưởng Hưng vương, mẹ là Đặng thị làm Hoàng thái hậu.

Trước kia, mẹ ngài là Đặng thị đang có thai, chiêm bao thấy bụng nở ra hoa sen, rồi kết thành nhân sen ngay. Đặng thị đem chia cho mọi người, riêng mình lại không ăn. Lúc tỉnh dậy, lấy làm lạ lắm. Kịp khi sinh con, thấy con mặt mũi hình dáng khác thường, Đặng thị nói với người ta rằng: "Thằng cháu này mai sau chắc sẽ làm nên sang cả, chỉ hiềm tôi không kịp hưởng lộc thôi!". Được vài năm, mẹ mất, rồi cha cũng chết. Viên quan sát họ Lê (không rõ tên) ở Ái Châu thấy ngài, cho là khác thường, nuôi làm con. Gặp tiết trời đông rét mướt, ngài nằm phục như hình cối úp: đang đêm, sáng rực cả nhà, có con rồng vàng ấp ở trên. Viên quan sát họ Lê, tỏ ra lấy làm lạ. Lớn lên, ngài giúp việc Nam Việt vương Liễn, càng tỏ ra lỗi lạc, có chí lớn. Tiên Hoàng khen là người có mưu trí và sức mạnh, giao cho cai quản hai nghìn quân, dần thăng đến chức Thập đạo tướng quân, Điện tiền chỉ huy sứ. Đến bấy giờ cướp ngôi nhà Đinh, truy tôn cha mẹ.

Lời cẩn án - Chu Vũ vương dấy nghiệp vương thì truy tôn Thái vương, Vương Quý và Văn vương làm bậc vương. Tống Thái Tổ xưng hoàng đế thì tôn Hi Tổ và Dực Tổ làm bậc đế. Lê Đại Hành đã xưng đế, thế mà chỉ tôn cha làm vương, còn từ ông tổ giở lên đều không được dự: thực trái thường quá lắm! Huống chi tôn cha làm vương mà mẹ lại làm Hoàng thái hậu: đảo ngược đến như thế! Về sau, Lý Thái Tổ tôn cha làm Hiển Khánh vương, mẹ là Minh Đức thái hậu, cũng là do Lê Đại Hành nêu ra trước.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 20-21).

Tháng 10, mùa đông, sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ vua Tống hạ chiếu xuất quân sai Lư Đa Tốn đưa thư sang ta khuyên dụ, đại lược nói: "Rừng rực xứ nóng, khói tỏa, mù hun, ta hóa ra áng mây của vua Nghiêu, tưới cơn mưa ngọt. Sùng sục chướng khí, mây đốt, đá nung, ta gảy khúc đàn của vua Thuấn, nổi cơn gió mát"[1]. Lại nói: "Hiện nay ta

[1] Ý nói: Phương Nam khí nóng nung nấu, như lửa thiêu cáy, như hơi nước sôi; biển Nam khí độc bao bọc, trên thì mây mù phủ kín, dưới thì hơi đá bốc ra. Ta sẽ đem ơn đức của Nghiêu Thuấn là hai vị thánh quân thời xưa của Trung Quốc mà giúp đỡ cho. Vì Đế Nghiêu có đức độ thánh nhân, dân chúng nương nhờ không khác gì cây cối nhờ vào mưa móc; Đế Thuấn thay Đế Nghiêu trị vì, gẩy đàn năm dây, hát bài Nam phong: "Gió nam mát mẻ, có thể cởi mở được lòng buồn nản của dân ta, gió nam hợp thời, có thể làm cho dân ta được giàu của cải". Bức thư của vua Tống về đoạn này, bằng giọng đạo đức giả, nói sẽ đem văn minh Trung Quốc sang khai hóa cho dân Giao Chỉ.

đã sửa sang binh xa và bộ tốt, hiệu lệnh chiêng trống rất nghiêm minh; nếu vâng theo giáo hóa thì được tha; nếu chống lại mệnh lệnh thì sẽ bị trị tội".

Nhà vua tiếp được thư ấy, sai nha hiệu Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ đem thư sang nhà Tống, nói trá là tờ biểu của Đinh Toàn cầu nối ngôi cha, xin ban cho mệnh lệnh chính thức. Làm vậy, cốt để hòa hoãn tình thế.

Bấy giờ Tống đã dấy quân, nên không ưng thuận. Tống sai Trương Tôn Quyền đem thư sang dụ rằng: "Họ Đinh truyền nối đã được ba đời, trẫm muốn cho Đinh Toàn làm thống súy, khanh[1] thì làm phó. Nếu Đinh Toàn không đáng tướng tài, hãy còn tính khí trẻ con thì nên cho ngay mẹ con và thân thuộc y sang đây. Đợi khi vào chầu, tất sẽ được ban điển lễ ưu hậu. Khanh[2] sẽ được trao cờ tiết và cây việt. Có hai đường đấy, khanh nên xét kỹ mà chọn lấy một". Nhà vua đều ỉm đi, không trả lời.

Tân Tị (981). Lê Đại Hành hoàng đế năm Thiên Phúc thứ 2 (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Quân Tống sang xâm lược. Nhà vua tự làm tướng, đánh bại quân địch.

Bấy giờ quân Tống chia đường sang xâm lấn: Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng kéo đến Lạng Sơn; Trần Khâm Tộ kéo đến Tây Kết, Lưu Trừng kéo đến sông Bạch Đằng. Nhà vua tự làm tướng, ra kháng chiến: sai quân sĩ đóng cọc ở sông Bạch Đằng để ngăn cản địch. Quan quân Tống đông lắm. Quan quân ta đánh bất lợi: hai trăm thuyền chiến đều bị địch lấy mất cả. Hầu Nhân Bảo đem tiền quân tiến lên trước. Tôn Toàn Hưng đóng quân lại, không đi; Nhân Bảo thường phải thúc giục. Khi quân Tống kéo đến sông Chi Lăng, nhà vua sai người trá hàng, dụ bắt được Nhân Bảo, đem chém. Bọn Lưu Trừng rút lui. Khâm Tộ nghe tin, trút quân quay về. Nhà vua lại đem các tướng truy kích: quân Khâm Tộ thua to, chết mất quá nửa. Bên ta bắt được bộ tướng của địch là bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân, điệu về kinh đô. Chuyển vận sứ nhà Tống là Hứa Trọng Tuyên đem tình hình thua trận tâu bày về triều, vua Tống xuống chiếu rút quân về.

Lời chua - Lạng Sơn: Xưa là bộ Lục Hải; đời Hán thuộc về Giao Chỉ; đời Đường thuộc về Giao Châu; Đinh chia làm Lạng Sơn đạo, lại gọi là Lạng Châu; Lê, Lý đặt làm lộ; Trần gọi là Lạng Giang lộ; Lê gọi là Lạng Sơn thừa tuyên. Bây giờ là tỉnh Lạng Sơn.

Sông Bạch Đằng: X. thuộc Tấn, Cao Tổ, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb.5, 19).

Chi Lăng: Tên xã, thuộc châu Ôn, phủ Trường Khánh, ở đầu địa giới Lạng Sơn.

Sông Chi Lăng: Con sông ở xã Chi Lăng.

Tây Kết: Không rõ ở đâu.

Bầy tôi dâng tôn hiệu[3].

Nhà vua đã thắng được quân Tống, trong nước đâu đấy yên ổn. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Minh Kiền ứng vận thần vũ thăng bình chí nhân quảng hiếu hoàng đế.

Nhâm Ngọ, năm thứ 3 (982). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 7).

Lập Đinh thái hậu là Dương thị làm Đại thắng minh hoàng hậu.

Dương thị, trước kia lấy Đinh Tiên Hoàng, sinh ra Vệ vương Toàn. Toàn nối ngôi, hãy còn nhỏ tuổi. Thái hậu tư thông với nhà vua, mưu việc chuyển dời ngôi nhà Đinh. Đến đây lập Dương thị làm Đại thắng minh hoàng hậu. Lại lập Phụng Kiền chí lý hoàng hậu, Thuận Thánh minh đạo hoàng hậu, Trịnh quốc hoàng hậu và Phạm hoàng hậu, cộng năm Hoàng hậu.

---

[1] Chỉ Lê Hoàn.

[2] Chỉ Lê Hoàn.

[3] Xem chú giải ở Chb.I, 3.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Đại thắng minh là tên hiệu của Đinh Tiên Hoàng. Đại Hành lấy hiệu vua cũ đặt cho vợ mình: Thật là không còn kiêng nể chút gì cả! Sử sách ghi chép, để cười nghìn thu!

Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua sai sứ đi cống, nói thác là sứ giả của Đinh Toàn, vì sợ quân Tống lại sang.

Nhà vua tự mình cầm quân đi đánh nước Chiêm Thành: cả phá được quân địch.

Trước đây, nhà vua sai Từ Mục và Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm Thành giam giữ. Nhà vua nổi giận; bèn sửa sang thuyền chiến và đồ giáp binh, tự làm tướng, đi đánh, chém được tướng nước ấy là Bề Mi Thuế tại trận và bắt được tù binh rất nhiều. Chúa Chàm bỏ thành chạy. Ta bắt được trăm người cung nữ và vàng bạc châu báu kể có háng vạn, san phẳng cả thành trì[1], phá hủy cả tông miếu[2]; vừa đầy một năm mới về kinh đô.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức nước Lâm Ấp. Xem Tiền biên, thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb III, 20-21).

Đói to.

Quý Mùi, năm thứ 4 (983). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 8).

Mùa xuân. Sai sứ sang Tống.

Sai sứ sang giao hảo với nhà Tống, báo cáo về tin đánh thắng Chiêm Thành.

Sông mới đã đào xong.

Khi nhà vua đi đánh Chiêm Thành, từ núi Đồng Cổ đến sông Bà Hòa: đường núi hiểm trở, khó đi, người ngựa đều nhọc mệt, bèn sai đào con sông mới; đến bấy giờ hoàn thành, công và tư đều được tiện lợi.

Lời chua - Núi Đồng Cổ: Ở xã Đan Nê, huyện An Định, tỉnh Thanh Hóa.

Sông Bà Hòa: Ở huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bây giờ là sông xã Đồng Hòa.

Giáp Thân, năm thứ 5 (984). (Tống, năm Ung Hi thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Đúc tiền Thiên Phúc.

Xây điện Bách bảo thiên tuế.

Làm điện ở núi Đại Vân, trang sức bằng vàng bạc, dùng làm nơi vua coi chầu. Phía đông là điện Phong Lưu; phía tây là điện Tử Hoa; bên tả là điện Bồng Lai; bên hữu là điện Cực Lạc. Lại làm lầu Đại Vân và điện Trường Xuân làm chổ ngự tẩm[3]. Bên điện Trường Xuân dựng điện Long Lộc, lợp bằng ngói bạc.

Lời chua - Núi Đại Vân: Ở thành Hoa Lư; bây giờ là núi xã Trường Yên.

Ất Dậu, năm thứ 6 (985). (Tống, năm Ung Hi thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Ngày sinh nhật hoàng đế, đua thuyền.

Lấy tre làm thành núi giả ở trong thuyền gọi là núi "nam sơn", tổ chức cuộc bơi thuyền thi. Từ đấy, năm nào cũng giữ làm lệ thường.

Sai sứ sang Tống.

---

[1] Thành và hào để phòng thủ của một nước.

[2] Nhà thờ tổ tiên các vua chúa của một nước.

[3] Nơi nhà vua nghỉ và ngủ.

Bấy giờ nhân dịp có sứ nhà Tống đến nhà vua sai sứ ta đem vàng và ngà voi sang biếu nhà Tống để thỉnh cầu lãnh chức Tiết trấn.

Bính Tuất, năm thứ 7 (986). (Tống, năm Ung Hi thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lính thân quân.

Tuyển những người khoẻ mạnh, nhanh nhẹn bổ làm túc vệ gọi là thân quân: đều thích vào trán ba chữ "Thiên tử quân".

Tháng 10, mùa đông. Sứ nhà Tống sang.

Nhà Tống sai tả bổ khuyết là Lý Nhược Chuyết và quốc tử giám bác sĩ là Lý Giác đem bài chế văn sang phong nhà vua làm kim tử quang lộc đại phu, kiểm hiệu thái uý, An nam đô hộ Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, Kinh Triệu quận khai quốc hầu. Bài chế văn ấy đại lược nói: "...Trước kia Sĩ Nhiếp là người cứng cáp sáng suốt, biến đổi thói tục đất Việt khiến hết thảy đều vào khuôn phép. Úy Đà[1] hết lòng cung kính mềm dẻo, vâng theo chiếu chỉ nhà Hán, không dám trái nghịch. Bây giờ khanh phải vỗ yên bộ lạc man di, để tuyên dương ơn đức của thiên tử". Nhà vua tiếp nhận chế văn ấy với vẻ rất cung kính, thiết đãi sứ giả với lễ rất hậu. Rồi giao trả Tống bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân trước đây ta đã bắt được. Nhà vua lại bảo Nhược Chuyết và Lý Giác: "Chỗ chúng tôi là một nước nhỏ mọn, núi sông khơi diễn, hẻo lánh một nơi, cách thiên triều hàng muôn dặm. Sứ giả đi lại, trèo non vượt suối, chẳng cũng nhọc mệt lắm ru?". Lý Giác thưa: "Bản triều[2] phân phong chư hầu, đất hàng muôn dặm, quận hàng bốn trăm, có chỗ bằng phẳng, cũng có nơi hiểm trở, chứ như một phương này, đã lấy gì làm xa?".

Dùng Từ Mục là Tổng quản giữ việc quân và dân, ban cho tước hầu; Phạm Cự Lạng làm Thái úy.

> **Lời chua -** Tổng quản: Tên chức quan nhà Đường, chuyên giữ quân sự. Nhà Lê phỏng theo phép nhà Đường, đặt chức quan này, lại cho kiêm giữ cả dân sự.

Sai sứ sang Tống.

Sai Ngô Quốc Ân đem sản vật địa phương sang biếu và nói về việc người Chàm là Bồ La Át đem hơn trăm người trong họ sang xin quy phụ nhà Tống.

> **Lời cẩn án -** Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép: "Bấy giờ nhà vua mới bình được Chiêm Thành, người Chiêm Thành sợ bị lấn lướt bức bách, nên đem hơn trăm người trong họ cầu xin quy phụ nhà Tống. Nhà đương cục ở Đam Châu đem việc ấy tâu lên triều Tống. Việc này nhà làm sử nhận lầm là do sứ thần nước ta sang Tống tâu bày". Xét chỗ sử của Ngô [Thì] Sĩ này không giống với Sử cũ, nay xin chép cả để làm tài liệu tham khảo.
>
> **Lời chua -** Đam Châu: Tức Đam Nhĩ. Xem Triệu Vương, năm Kiến Đức thứ 1 (Tb.II, 6).

Đinh Hợi, năm thứ 8 (987). (Tống, năm Ung Hi thứ 4).

Mùa xuân. Nhà vua cày ruộng tịch điền[3].

Ban đầu, nhà vua cày ruộng ở Đội Sơn[4], được một lọ vàng; sau lại cày ở núi Bàn Hải, được một lọ bạc; do đó đặt tên là "ruộng Vàng, ruộng Bạc".

> **Lời chua -** Đội Sơn: Tên khác gọi là núi Long Đội, ở xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nội[5].

---

[1] Triệu Đà làm chức uý.

[2] Triều Tống, Lý Giác là người Tống, nên gọi Tống là bản triều.

[3] Thửa ruộng chính thiên tử tự cày lấy, hoa lợi sẽ dùng vào việc cúng tế.

[4] Tục gọi núi Đọi.

[5] Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Núi Bàn Hải: Không rõ ở đâu.

Đâu đấy được mùa cả.

Mậu Tí, năm thứ 9 (988). (Tống, năm Đoan Củng thứ 1).

Sứ nhà Tống sang.

Năm ấy, vua Tống đổi niên hiệu, sai viên ngoại lang bộ Hộ là Nguỵ Tường, trực sử quán là Lý Độ đem bài chế văn sang tiến phong nhà vua tước Khai quốc công. Nhà vua sai sứ sang Tống biếu sản vật địa phương để đáp lễ.

Lời cẩn án - Theo sách An Nam chí của Cao Hùng Trưng và sách Giao Chỉ di biên, năm Ung Hi thứ 3 (986), Tống phong nhà vua làm kiểm hiệu thái uý Kinh Triệu quận Khai Quốc hầu; đến năm Đoan Củng thứ 1 (988), tiến phong làm Khai Quốc công. Thế là có theo thứ tự từ thấp lên cao. Sử cũ trước thì chép phong Kinh Triệu Quận hầu, ở đây thì chép phong Kiểm hiệu thái uý: Như vậy là lầm. Nay đính chính lại.

Kỷ Sửu, năm Hưng Thống thứ 1 (989). (Tống, năm Đoan Củng thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Đại xá.

Ban ơn đại xá vì cớ đổi niên hiệu là Hưng Thống.

Lập con là Long Việt làm Nam Phong vương.

Phong con trưởng là Long Thâu làm Kình Thiên đại vương con thứ hai là Ngân Tích làm Đông Thành vương; lập con thứ ba là Long Việt làm Nam Phong vương[1].

Dương Tiến Lộc đem dân châu Hoan và châu Ái nổi lên làm phản, bị bắt và bị giết chết.

Tiến Lộc, làm chức Quản giáp, vâng mệnh đi thu thuế ở châu Hoan và châu Ái. Nhân đó, Lộc cầm đầu hai châu ấy nổi lên làm phản, rồi xin theo về với nước Chiêm Thành; nhưng người Chiêm Thành không nhận. Nhà vua đem quân đi đánh bắt giết được Tiến Lộc và giết người hai châu ấy không biết bao nhiêu mà kể.

Lời chua - Hoan Châu: Tức Nghệ An.

Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Quản giáp: Tên chức quan.

Canh Dần, năm thứ 2 (990). (Tống, năm Thuần Hóa thứ 1).

Sứ nhà Tống sang.

Nhà Tống sai Tả chính ngôn là Tống Cảo và Hữu chính ngôn là Vương Thế Tấc đem bài chế văn sang gia phong nhà vua lên chức vị "đặc tiến"[2]. Nhà vua sai chỉ huy sứ Đinh Thừa Chinh đem chu sư[3] sang Thái Bình quân đón sứ nhà Tống, ròng rã nửa tháng trời đến sông Bạch Đằng, cứ theo nước thuỷ

---

[1] Long Việt, Long Thâu và Ngân Tích đều là con Lê Hoàn. Sách Cương mục này, ở phần Cương, chép "Lập Long Việt làm Nam Phong vương", ở phần Mục lại chép thêm cả việc phong cho con trưởng và con thứ mà đều chép là phong. Vì, theo thể lệ chép sử đời phong kiến, đối với người nào sau này có nhiều phần quan hệ, thì chép một cách đặc biệt hơn người khác để có phân biệt. Long Việt sau này được lập làm thái tử và nối ngôi vua, nên ở đây, Cương mục mới riêng nêu lên ở phần Cương và chép là "lập".

[2] Một chức quan to, dưới hàng tam công. Chỉ vua chư hầu nào có công đức được triều đình kính trọng, mới được phong chức này.

[3] Quân thủy với các thuyền chiến.

triều mà đi. Khi đến Trường Châu[1] nhà vua ra đón sứ giả ở phía ngoài đô thành, cùng nhau giong cương ngựa đi song song. Đến cửa Minh Đức, nhà vua đón lấy bài chế văn nhưng không lạy, nói vì năm mới rồi, đi đánh giặc Mán, ngã ngựa đau chân. Bọn Tống Cảo tin là thực. Ngày hôm sau, đặt tiệc đãi sứ, nhà vua bảo Tống Cảo rằng: "Đường sá xa khơi, núi sông hiểm trở, sau này nếu có quốc thư, xin cứ giao nhận ở đầu biên giới, khỏi phiền sứ giả đến đây". Tống Cảo đem việc này về tâu, vua Tống ưng thuận.

Theo lời chú giải trong sách Đông tây dương khảo của Trương Nhiếp nhà Minh, Tống Cảo đi sứ về, nói với vua Tống rằng: năm ngoái, đến Giao Châu, Lê Hoàn đem quân và dân bơi thuyền, gióng trống, hò reo; những núi ở gần đô thành thì hư trương thanh thế: cắm rặt cờ trắng, làm như dáng vẻ bày binh bố trận. Kịp khi đến cửa kinh đô, Lê Hoàn nhận lấy tờ chiếu, nhưng không lạy. Có đưa đến sứ quán con rắn lớn và nói: nếu sứ giả ăn được thì sẽ làm thịt để thết. Lại trói hai con hổ đem đến sứ quán. Sứ giả đều từ chối, không nhận. Ba nghìn quân sĩ của Lê Hoàn đều có thích ở trán ba chữ "Thiên tử quân".

Lời chua - Thái Bình quân: Theo sách Thanh Nhất thống chí, Thái Bình quận, đời Tần, là đất Tượng Quận; đời Hán là huyện Hợp phố; nhà Đường đổi là Liêm Châu; đến Tống, khoảng niên hiệu Thái bình hưng quốc[2] đặt làm Thái Bình quân, qua niên hiệu Hàm Bình[3] lại đặt là Liêm Châu. Bây giờ nhà Thanh vẫn theo tên cũ, cho thuộc Quảng Đông thống bộ.

Bạch Đằng Giang: Xem thuộc Tấn, Cao tổ, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb. V, 19-20).

Trường Châu: Xem thuộc Đường, Cao tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 19).

Tân Mão, năm thứ 3 (991). (Tống, năm Thuần Hóa thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Đào Cần đem biểu sản vật địa phương.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 (992). (Tống, năm Thuần Hóa thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ngự điện Kiền Nguyên xem đèn.

Lập con là Long Đĩnh làm Khai Minh vương.

Bấy giờ các con nhà vua đều theo thứ tự thụ phong, chia ở các châu quận: Khai Minh vương Long Đĩnh ở Đằng Châu; Ngự Man vương Long Đinh ở Phong Châu; Ngự Bắc vương Long Ngận ở Phù Lan; Định Phiên vương Long Tung ở Ngũ huyện giang, Tư Doanh Thành phó vương Long Tương ở Đỗ Động; Trung Quốc vương Long Kính ở Mạt Liên; Nam Quốc vương Long Mang ở Vũ Lũng; Hành quân vương Long Đề[4] ở Cổ Lãm; Phù Đới vuơong (không rõ tên), con nuôi nhà vua, ở Phù Đái.

Lời chua - Long Đĩnh: Con thứ 5.

Long Đinh: Con thứ 4.

Long Ngận: Con thứ 6.

Long Tung: Con thứ 7.

Long Tương: Con thứ 8.

Long Kính: Con thứ 9.

Long Mang: Con thứ 10.

Long Đề: Con thứ 11.

---

[1] Tức châu Trường Yên.

[2] Một niên hiệu của Tống Thái Tông, từ 976 đến 983.

[3] Một niên hiệu của Tống Chân Tông, từ 998 đến 1003.

[4] Còn có tên nữa là Minh Đề.

Đằng Châu: Xem thuộc Tống, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 31).

Phong Châu: Xem Hùng vương (Tb. I, 1).

Phù Lan: Tên trại; nay là xã Phù Vệ thuộc huyện Đường Hào[1] tỉnh Hải Dương.

Ngũ huyện giang: Ở phía nam huyện Yên Lãng[2], tỉnh Sơn Tây, sông Ngũ huyện chảy qua huyện Kim Anh[3] và huyện Đông Ngàn[4], vòng quanh đến huyện Yên Phong[5] và huyện Tiên Du[6], rồi đổ vào sông Nguyệt Đức[7].

Tư Doanh Thành: Không khảo được.

Đỗ Động: Xem ngang với nhà Tống năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Mạt Liên: Tên huyện, bây giờ là huyện Tiên Lữ[8] thuộc phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Vũ Lũng: Tên châu, thuộc tỉnh Thanh Hóa; nhiều lần phân chia ra sao và lệ thuộc vào đâu, bây giờ không khảo được.

Cổ Lãm: Tên châu; bây giờ là huyện Đông Ngàn thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Phù Đái: Tên làng; bây giờ là xã Phù Tải thuộc huyện Vĩnh Lại[9], tỉnh Hải Dương.

Tháng 6, mùa hạ. Thả những người Chiêm Thành bị bắt từ trước về nước.

Thả những người Chiêm ở thành cũ châu Địa Lý cho về châu Ô Lý, tất cả hơn ba trăm sáu mươi người.

Lời chua - Địa Lý: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Ô Lý: Xưa là đất Việt Thường; đời Tần, thuộc Tượng quận; đời Hán, thuộc Nhật nam; đời Đường, là Cảnh Châu; thời Tống, phía bắc Chiêm Thành gọi là châu Ô Lý. Nhà Trần, khoảng niên hiệu Hưng Long (1293-1313) được chúa Chàm dâng đất này, đổi là Thuận Châu và Hóa Châu. Hồi thuộc Minh, đặt là phủ Thuận Hóa, cho Thuận Châu và Hóa Châu lệ thuộc vào. Nhà Lê đặt làm Thuận Hóa thừa tuyên. Bây giờ huyện Đăng Xương, huyện Hải Lăng thuộc tỉnh Quảng Trị, và huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền, huyện Hương Trà thuộc tỉnh Thừa Thiên, ấy là đất Thuận Châu xưa. Huyện Phú Lộc, huyện Phú Vinh thuộc tỉnh Thừa Thiên và huyện Diên Phước (phúc), huyện Hòa Vinh thuộc tỉnh Quảng Nam, ấy là đất Hóa Châu xưa.

Tháng 8, mùa thu. Sai mở đường bộ thông đến châu Địa Lý.

Sai phụ quốc Ngô Tử An đem ba vạn người mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới đến châu Địa Lý nước Chiêm Thành.

Lời chua - Phụ quốc: Tên chức quan.

---

[1] Nay Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[2] Nay là huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

[3] Nay là huyện Sóc Sơn (Hà Nội) và một phần của huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc).

[4] Nay gồm huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và huyện Gia Lâm, Đông Anh (Hà Nội).

[5] Nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

[6] Nay hợp nhất với huyện Từ Sơn thành huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh).

[7] Sông Cà Lồ.

[8] Nay huyện Tiên Lữ thuộc tỉnh Hưng Yên.

[9] Nay gồm huyện Ninh Giang (Hải Dương) và huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng).

Cửa biển Nam Giới: Xem nhà Đinh, năm Thái Bình thứ 10 (Chb. 1, 12).

Quý Tị, năm thứ 5 (993). (Tống, năm Thuần Hóa thứ 4).

Mồng 1 tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Sứ nhà Tống sang.

Bấy giờ nhà vua sai sứ sang cống và dâng tờ biển Đinh Toàn nhường ngôi. Vì sờn về nỗi Tôn Toàn Hưng đã bại trận, vua Tống cũng ưng thuận, mới sai Vương Thế Tắc và Lý Cư Giản đem bài chế văn sang phong nhà vua làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, Giao Chỉ quận vương.

Sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép: Năm Thuần Hóa thứ 4 (993), Lê Hoàn đưa lễ sang cống, phong cho Lê Hoàn làm Giao Chỉ quận vương. Bài "Phát minh" trong sử trên bàn rằng: Thiên tử sở dĩ được quý, là chỉ vì vâng mệnh trời, đánh giết kẻ phản nghịch. Giao Châu là đất đã do họ Đinh giữ trước. Năm Khai Bảo thứ 6 (973), Đinh Liễn vào cống, vâng mạng chịu phong vương. Vậy thì con cháu nối nghiệp, là theo đúng lễ. Đinh Liễn mất rồi, em là Đinh Toàn nối ngôi. Bộ tướng là Lê Hoàn lừa gạt kiềm chế chủ mình, giành nắm quyền chính. Đó thực là kẻ loạn thần, tặc tử. Đối với pháp luật của vương giả, tất phải tru diệt. Nay vua Tống thấy Lê Hoàn cho sang tiến cống, cũng gia phong cho tước vương. Thế là tước vương ở Giao Chỉ có thể cứ dùng thế lực mà chiếm được, chứ có phải nhận lấy bằng lễ nghĩa đâu! Nếu sau này bầy tôi của Lê Hoàn cũng bắt chước làm theo thói xấu ấy, thì vua Tống lấy gì mà chế trị được? Than ôi! Làm vua mà không nắm được quyền đánh dẹp, thì kẻ loạn thần lấy gì để làm răn chừa! Sử Cương mục (tục biên), ở trên, chép Lê Hoàn đưa lễ vào cống, đến dưới, chép ban chiếu phong cho tước vương. Thì ra hai bên đều trọng về lợi, chứ không trọng về nghĩa nữa. Công đạo bởi đâu mà giãi tỏ được ru?

Giáp Ngọ, năm Ứng Thiên thứ 1 (994). (Tống, năm Thuần Hóa thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai nha hiệu Phí Sùng Đức đem biếu sản vật địa phương.

Chế Cai nước Chiêm Thành vào chầu.

Trước đây, chúa Chàm[1] sai Chế Đông đến dâng sản vật địa phương. Nhà vua trách là vô lễ, gạt đi không nhận, chúa Chàm[2] sợ, sai cháu là Chế Cai vào chầu.

Ất Mùi, năm thứ 2 (995). (Tống, năm Chí Đạo thứ 1).

Bính Thân, năm thứ 3 (996). (Tống, năm Chí Đạo thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ nhà vua dong túng dân nơi biên giới lấn cướp bờ cõi nhà Tống. Chuyển vận sứ Quảng Tây lộ là Trương Quan, và binh mã giám áp ở trấn Như Hồng là Vệ Chiêu Mỹ đem việc đó tâu về triều, vua Tống ý muốn vỗ về cho yên, nên cũng bỏ qua không hỏi đến. Trương Quan lại dâng thư nói rằng nhà vua[3] bị họ Đinh xua đuổi, thu nhặt đám quân còn sót, ra ở nơi hải đảo, cướp bóc để độ thân, nay đã mất rồi. Vua Tống sai thái thường thừa là Trần Sĩ Long làm Thái phóng sứ, sang dò hư thực, mới biết những lời Trương Quan đều dối trá cả, bèn xuống chiếu nghị tội bọn Trương Quang. Lại bổ Trần Nghiêu Tẩu làm Quảng Tây Chuyển vận sứ, và sai Hải khang úy là Lý Kiến Trung đem chiếu thư sang ta.

Trước đây, bọn Văn Dũng, dân trấn Triều Dương, phạm tội[4], trốn sang trấn Như Tích thuộc Khâm Châu bên Tống, được trấn tướng nhà Tống là Hoàng Lệnh Đức chứa chấp. Nha vua sai trấn tướng ta ở Triều Dương là Hoàng Thành Nhã đuổi bắt không được. Đến đây, Nghiêu Tẩu (người Tống) đến trấn

---

[1] Tức Chiêm Thành.

[2] Chỉ Chiêm Thành.

[3] Chỉ Lê Đại Hành.

[4] Tội làm loạn, giết người.

Như Tích, hỏi biết rõ đầu đuôi về việc chứa giấu phạm nhân, mới đem giao trả ta tất cả trai, gái, già trẻ hơn trăm người mà trước đây Hoàng Lệnh Đức đã chứa chấp. Nhà vua lại bắt hai mươi bảy người Đãn không biết tiếng Trung Quốc đưa sang Quảng Tây giao cho Tống. Nhân tiện sai sứ sang tạ ơn Tống và nói đến việc đã bắt được giặc biển đưa sang rồi. Lại hứa hẹn sẽ răn cấm dân các miền khê động không được khuấy rối nữa.

Lời chua - Như Hồng và Như Tích: Sách Thanh Nhất thống chí chép: trấn Như Hồng và trấn Như Tích đều ở về phía tây Khâm Châu, thuộc phủ Liêm Châu, tỉnh Quảng Đông.

Triều Dương: Tên trấn. Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb. II, 23).

Người Đãn (Hồ di Đãn Man): Theo sách Lĩnh Ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi, người Đãn là giống người lấy thuyền làm nhà, coi ở nước như ở trên cạn, lênh đênh sống trên sông biển.

Sứ nhà Tống sang ban sắc mệnh.

Nhà Tống lại sai Lý Nhược Chuyết đem tờ chiếu và đai ngọc sang ban cho. Khi sứ thần đã đến nơi, nhà vua ra đón ở ngoài đô thành, có ý ngạo mạn coi thường, không thi lễ, bảo Nhược Chuyết rằng: "Trước đây xảy việc cướp trấn Như Hồng là do giặc ở ngoài biên giới, chẳng hay hoàng đế có biết cho không? Giả sử Giao Châu chúng tôi nổi lên chống lại, thì trước hết kéo sang Quảng Châu, rồi vào mọi quận ở Mân Châu, chứ có khi nào chỉ nhằm một trấn Như Hồng mà thôi?". Nhược Chuyết ung dung nói: "Túc hạ xuất thân từ một nha tướng, được hoàng đế trao cho tiết việt, hết lòng cung thuận, hợp với lễ nghĩa, tất không có ý gì khác. Các đại thần bên tôi đều cho rằng giặc biển khuấy rối, một mình Giao Châu không thể trị nổi, xin đem quân ra hội tiễu, để dứt hẳng mối lo về sau. Nhưng hoàng đế lại lo Giao Châu không biết rõ được ý chí triều đình, lỡ sinh ra sợ hãi chăng, cho nên không đem quân sang hội tiễu nữa". Nhà vua ngạc nhiên nói: "Giặc biển xâm phạm biên giới, đó là lỗi tại người bầy tôi có trách nhiệm giữ biên cương. Từ nay xin kính theo giáo hóa triều đình, quét sạch chướng khí ngoài biển"[1]. Nói đoạn, cúi đầu tạ lỗi.

Lời chua - Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 18).

Quảng Châu: Xem Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV, 2).

Mân Châu: Bây giờ thuộc Phúc Kiến thống bộ.

Đinh Dậu, năm thứ 4 (997). (Tống, năm Chí Đạo thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Tống gia phong nhà vua tước Nam Bình vương.

Tống Chân tông lên ngôi, gia phong nhà vua tước Nam Bình vương. Trước đây, sứ Tống đến, thường nói về việc cống muối rồi dây dưa đến cả việc thuế khóa. Chân Tông nghe biết chuyện ấy, nên đến đây, chỉ sai viên quan ở biên cương triệu người sang để trao cho sắc chỉ, chứ không chuyên sai sứ thần mang sang như trước nữa.

Sai sứ sang nhà Tống.

Năm ấy (Đinh Dậu, 997), nước Chiêm Thành cướp nơi biên giới. Nhà vua đi đánh, quân Chiêm thua chạy, mới đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống, nhân tiện dâng biểu đại lược nói: "Giao Châu chúng tôi giáp giới với Chiêm Thành, trong một hai năm nay, Chiêm Thành thường khuấy rối miền lân cận, cướp nhà thuế hộ, xâm lấn lương dân; nước tôi thường phải dùng đến binh khí để ngăn cản chúng, nên mới đến nỗi trễ việc triều cống, thật là trái phép tắc của triều đình". Nhà Tống đáp lại một cách ưu hậu, ban cho đai ngọc, áo giáp và ngựa.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi đánh giặc ở Đỗ Động, bắt được đồ dđảng nó đem về.

[1] Chỉ bóng về giặc giã.

Có thủy tai lớn.

Mậu Tuất, năm thứ 5 (998). (Tống, Chân Tông, năm Hàm Bình thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

Mồng 1, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực. Suốt từ tháng này đến tháng 6, không mưa.

Mồng 1, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.

Kỷ Hợi, năm thứ 6 (999). (Tống, năm Hàm Bình thứ 2).

Nhà vua thân đi đánh và dẹp yên được Hà Động.

Bốn mươi chín động vùng Hà Động đều dẹp yên cả. Từ đấy các châu, các động đâu đấy đều quy phục.

Lời chua - Hà Động: tức động Hà Man; bây giờ là đất huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Canh Tí, năm thứ 7 (1000). (Tống, năm Hàm Bình thứ 3).

Bọn Trịnh Hàng ở Phong Châu làm loạn. Nhà vua xuống chiếu sai đi đánh.

Bọn Trịnh Hàng làm loạn, nhà vua điều khiển quân sĩ đi đánh. Trịnh Hàng chạy sang núi Tản Viên.

Lời chua - Phong Châu: X. Hùng Vương (Tb. I, 1).

Tản Viên: Tên núi. Ở huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây. Hình thế núi cao vọi như cái tán, nên gọi là Tản Viên.

Sai tướng chia nhau đi tuần các nơi biên thùy.

Sai Từ Mục đi tuần cõi Hà Tây, Ngô Tử An đi tuần cõi phía bắc, để dò xét tình hình biên giới.

Tân Sửu, năm thứ 8 (1001). (Tống, năm Hàm Bình thứ 4). Vua nhà Đinh trước là Toàn mất ở Cử Long.

Nhà vua đi đánh Cử Long: Vệ vương Toàn theo đi. Bấy giờ quân giặc thấy nhà vua, chúng giương cung, chĩa tên, toan bắn, chiếc tên rơi xuống; chúng lại giương cung, dây cung đứt. Chúng sợ, rút lui. Nhà vua đi thuyền ven sông đuổi theo. Quân giặc ở hai bên bờ đánh khép lại. Quan quân bị hãm ở sông. Vệ vương Toàn trúng phải mũi tên bay, mất tại trận. Nhà vua kêu trời ba tiếng, rồi thân ra đốc chiến: quân giặc thua.

Lời phê - Lê Hoàn lợi dụng cơ hội, đã cướp lấy nước người ta, lại không khéo đối đãi chúa cũ, đẩy vào chỗ chết, thế nào mà Toàn chẳng đến tử vong? Còn việc cất tiếng kêu trời, gieo mình xuống đất, chỉ là một ngón giả trá. Thật khó che đậy được công luận nghìn thu.

Lời chua - Cử Long: Tên dân tộc Mán. Nhà Đinh, nhà Tiền Lê gọi là mán Cử Long, đến nhà Lý diệt được. Năm Thuận Thiên (1428-1433), nhà Lê đặt là huyện Lạc Thủy; năm Quang Thuận (1460-1469), đổi lại Cẩm Thủy. Bây giờ vẫn theo tên cũ, thuộc phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nhâm Dần, năm thứ 9 (1002). (Tống, năm Hàm Bình thứ 5).

Tháng 3, mùa xuân. Đặt luật lệ pháp lệnh.

Lựa tuyển chư quân.

Lựa tuyển trong dân đinh lấy những người khỏe mạnh sung bổ vào các đội ngũ. Chia tướng hiệu làm hai ban. Chế mấy nghìn chiếc mũ đâu mâu, ban phát cho sáu quận.

Lời chua - Lộ, phủ, châu: Thay đổi và xếp đặt thế nào không rõ.

Quý Mão, năm thứ 10 (1003). (Tống, năm Hàm Bình thứ 6).

Nhà vua đi Hoan Châu, đào sông Đa Cái[1].

Bấy giờ đào sông Đa Cái, có kẻ ta oán nổi lên làm phản, nhà vua sai bắt chém đem rao đi khắp nơi để mọi người biết. Đầu mục dân thành Nhật Hiệu là bọn Hoàng Khánh Tập đem gia quyến của chúng hơn bốn trăm năm mươi người trốn sang Khâm Châu bên Tống. Người Tống yên ủi và bảo trở về. Bọn Khánh Tập sợ tội, không dám về, cứ trú ở nơi bờ biển.

Lời chua - Hoan Châu: Tức Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21).

Đa Cái: Tên xã. Bây giờ là xã Hương Cái, huyện Hưng Nguyên. Theo sách Nghệ An chí, Hương Cái cảng ở phía tây nam huyện Hưng Nguyên.

Thành Nhật Hiệu: Sách An nam chí chép là trường[2] Hiệu Thành. Nay không khảo được.

Khâm Châu: Bây giờ thuộc phủ Liêm Châu, tỉnh Quảng Đông nhà Thanh. Theo sách Giao Chỉ di biên, Hoàng Khánh Tập vào ở tại thôn Ô Thổ bên sông Dũng bộ thuộc địa phận Khâm Châu.

Giáp Thìn, năm thứ 11 (1004). (Tống, năm Cảnh Đức thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập Nam Phong vương Long Việt làm Thái tử.

Trước đây, con trưởng là Kình Thiên đại vương Long Thâu mất, Ngân Tích, theo thứ tự, đáng được lập. Bấy giờ Long Đĩnh cầu xin làm Thái tử, ý nhà vua muốn cho; đình thần bàn rằng không lập con trưởng mà lập con thứ thì không hợp lễ; thành thử lại thôi. Đến đây, lập Long Việt làm Thái tử, gia phong Đông Thành vương Ngân Tích và Khai Minh vương Long Đĩnh làm đại vương.

Sai Hành quân vương Minh Đề sang bên Tống.

Nhà vua sai Minh Đề, lấy tư cách là quyền chức Thứ sử Hoan Châu đi thăm hỏi nhà Tống. Minh Đề đến Biện Kinh[3], khẩn cầu ban cho ân điển. Vua Tống y cho, vời vào tiện điện[4] vỗ về hỏi han, ban thưởng rất hậu, và phong làm Kim tử vinh lộc đại phu Kiểm hiệu Thái úy Hoan Châu thứ sử.

Lời chua - Minh Đề: Tức là Long Đề, con thứ hai Lê Đại Hành.

Xem đánh cá ở sông Đại Hoàng.

Lời chua - Sông Đại Hoàng: Bây giờ là con sông xã Đại Hữu huyện Gia Viễn (Ninh Bình).

Ất Tị, năm thứ 12 (1005). (Tống, năm Cảnh Đức thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua mất.

Nhà vua khi mới mất, gọi là Đại Hành[5] hoàng đế, rồi cứ để làm miếu hiệu, không đổi lại; ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi.

---

[1] Nguyên văn là "Đa Cái cảng".

[2] Trường sở.

[3] Kinh đô của nhà Bắc Tống (960-1126).

[4] Nhà riêng để nghỉ ngơi của vua chúa xưa.

[5] Theo chế độ phong kiến xưa, trong thời gian quá độ "vua trước mới chết chưa có tên thuỵ, vua sau đã lên ngôi", quần thần thường dùng danh từ chung chung mà gọi vua mới chết ấy là Đại Hành hoàng đế để cho phân biệt với vua mới. Về danh từ "Đại Hành", có hai nghĩa: 1- Vua đã đi dài, không trở về nữa; 2- Vua có đức hạnh to, tất phải được danh lớn. Về trường hợp Lê Hoàn này đáng lẽ, theo công thức phong kiến, chỉ gọi tạm là Đại Hành trong một thời gian như trên đã nói, nhưng vì không có tên thuỵ và tên miếu hiệu, nên cứ phải gọi là "Đại Hành" mãi mãi như trăm nghìn vua khác khi mới chết cũng gọi là "Đại Hành" (xem thêm "Lời chua" của Cương mục).

Lời chua - Hán thư chép: Cao đế (nhà Hán) mới mất, triều thần gọi là Đại Hành hoàng đế. Tôn Dục nhà Nguỵ nói: "Phép đặt tên thuỵ, lúc sinh thời làm được sự nghiệp to tát hay là nhỏ mọn thì lúc mất tên thuỵ cũng theo như vậy. Khi tiên quân chưa có tên thuỵ, mà tự quân (vua nối ngôi) đã lên ngôi, kẻ thần hạ xưng hô nên có phân biệt; vì vậy gọi là Đại Hành". Hiệu gọi: "Đại Hành" có lẽ gốc từ đấy.

Táng ở Sơn Lăng Hoa Lư.

Tháng 10, mùa đông. Thái tử Long Việt lên ngôi.

Trước đó, Đông Thành vương Ngân Tích, Trung Quốc vương Long Kính và Khai Minh vương Long Đĩnh đều làm loạn; Thái tử không lên ngôi được, cầm cự nhau đến 8 tháng, trong nước không ai làm chủ. Đến đây, Long Việt mới lên ngôi; Ngân Tích phải chạy, bị người châu Thạch Hà giết chết.

Lời chua - Thạch Hà: Tên Châu. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là châu Thạch Hà; nhà Lý đổi làm huyện Thạch Hà; nhà Trần đổi gọi châu Nhật Nam; hồi thuộc Minh gọi là châu Nam Tỉnh. Về sau, Lê lại gọi là huyện Thạch Hà. Bây giờ là huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Khai Minh vương Long Đĩnh giết vua Long Việt mà tự lập.

Vua Long Việt lên ngôi được 3 ngày; Long Đĩnh sai kẻ trộm trèo tường vào trong cung, giết chết, rồi cướp ngôi, tự lập làm vua; truy đặt tên thuỵ vua Long Việt là Trung Tông hoàng đế.

Dùng Lý Công Uẩn làm Tứ Sương quân phó chỉ huy sứ.

Khi vua Long Việt bị giết, bầy tôi đều chạy trốn cả, chỉ có điện tiền quân là Lý Công Uẩn ôm thây nhà vua mà khóc. Long Đĩnh cho là trung nghĩa, cất lên làm chức này.

Truy tôn mẹ làm Hưng Quốc quảng thánh Hoàng thái hậu.

Nhà vua đã cướp được ngôi, xưng tôn hiệu là Khai Thiên ứng vận thánh văn thần vũ tắc thiên sùng đạo đại thắng minh quang hiếu hoàng đế: truy tôn mẹ làm Hoàng thái hậu.

Lời chua - Thái Hậu: Con gái quan Chi hậu tên là Diệu, không rõ họ là gì.

Lập bốn Hoàng hậu.

Nhà vua tự cầm quân đi đánh Ngự bắc vương Long Ngận và Trung Quốc vương Long Kính, dẹp yên được cả.

Bấy giờ nhà vua đã lên ngôi, Long Ngận và Long Kính giữ xã Phù Lan để chống lại. Nhà vua thân đi đánh: hai vương ấy đóng chặt thành cố thủ. Vây đến vài tháng, trong thành cạn lương; Long Ngận bắt Long Kính đem dâng nộp. Nhà vua sai chém Long Kính và tha tội cho Long Ngận. Nhân tiện, đem quân đi đánh Ngự Man vương Long Đinh ở Phong Châu; Long Đinh phải đầu hàng. Từ đó các vương đều chịu phục cả.

Lời chua - Phù Lan: Xem năm Hưng thống thứ 4 (Chb. I, 27).

Phong Châu: Xem Hùng Vương (Tb. I, 1).

Đặt Đằng Châu lên làm phủ Thái Bình.

Nhân dịp đem quân về đến Đằng Châu, nhà vua sai đặt Đằng Châu lên làm phủ.

Lời chua - Đằng Châu: Xem ngang với Tống, Thái tổ, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 28).

Thân đi đánh mán Cử Long.

Trước đây, nhà vua đóng ở xã Phù Lan, có tin chạy trạm đến tâu rằng mán Cử Long vào cướp, đã kéo đến cửa biển Thần Đầu. Khi đã dẹp yên Phong Châu, rút quân về đến sông Tham, nhà vua liền vào Ái Châu để đánh giặc mán Cử Long.

Lời chua - Cử Long: Tên một dân tộc Mán. Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb. I, 34).

Cửa Thần Đầu: Ở địa giới huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Nhà Lê đổi là Thần Phù; bây giờ là cửa Chính Đại.

Tham: Tên sông, chưa rõ ở đâu.

Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Bính Ngọ, năm thứ 13 (1006). (Đế Long Đĩnh vẫn theo niên hiệu cũ: năm Ứng Thiên thứ 13. - Tống, năm Cảnh Đức thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Lập con là Sạ làm Khai phong vương; con nuôi là Thiệu Lý làm Sở vương, Thiệu Hưng làm Hán vương.

Lời cẩn án - Long Đĩnh giết anh mà tự lập, hoang dâm thành bệnh, nằm mà coi chầu, nhân gọi là Ngọa Triều. Sử cũ chép là "Ngọa Triều hoàng đế", có lẽ là theo tên gọi thời bấy giờ, chứ không phải là tên thuỵ. Chép vậy thật là trái thường quá lắm! Này, đã không có tên thuỵ, thì cứ chép thẳng tên thực, đó là biến lệ của sử Cương mục (Trung Quốc). Nay đổi lại, chép là "Đế Long Đĩnh" để cho hợp với ý nghĩa và thể lệ của Cương mục dẫn trên.

Đặt lại quan chế và triều phục.

Đặt lại quan chế văn vũ và triều phục, đều theo như kiểu mẫu của nhà Tống.

Lời chua - Triều phục nhà Tống thế này: có ba hạng mũ: 1) Mũ tiến hiền, là phẩm phục hàng nhất phẩm và nhị phẩm; 2) Mũ điêu thiền là phẩm phục hàng tam phẩm các ti, hàng tam phẩm ngự sử đài, và hàng ngũ phẩm hai sảnh; 3) Mũ giải trãi, là phẩm phục từ tứ phẩm đến lục phẩm. Công khanh trở lên mặc màu tía; ngũ phẩm trở lên mặc màu đỏ; thất phẩm trở lên mặc màu lục[1]; cửu phẩm trở lên mặc màu xanh.

Tháng 6, mùa hạ. Sứ nhà Tống sang.

Trước đây, các vương tranh nhau nối ngôi, trong nước rối loạn. Vua Tống nghe tin, sai Tri châu ở Quảng Châu là Lăng Sách cùng với An phủ sứ nơi duyên biên là Thiệu Việp tùy tiện liệu tính công việc rồi tâu bày. Bọn Lăng Sách dâng thư nói rằng: cứ như lời bọn Hoàng Khánh Tập, người Giao Chỉ, do nhà đương cục Liêm Châu đưa đến, thì các con Nam Bình vương[2] đến phân tán đóng giữ các trại, các sách, quan lại rời rạc chia lìa, nhân dân lo sợ. Vậy xin đem quân sang đánh dẹp; Khánh Tập xin làm tiên phong hẹn ngày lấy được. Nếu triều đình y theo lời thỉnh cầu đó, xin dùng đồn binh ở các châu Quảng Nam[3] rồi thêm vào đấy 5.000 quân tinh nhuệ ở Kinh[4] Hồ[5], thủy bộ cùng tiến sang thì có thể lập tức bình định được. Song, vua Tống cho rằng họ Lê bấy lâu vẫn giữ lễ cống, nên không nỡ đem quân sang đánh, xuống chiếu bảo bọn Lăng Sách phải chiêu an vỗ về như cũ, cốt khiến cho yên. Rồi sai Thiệu Việp đem thư sang hiểu dụ. Nhà vua[6] sợ, xin sai em sang cống.

Lời chua - Quảng Nam: Theo sách Thanh Nhất thống chí, tỉnh Quảng Đông về đời Ngũ Đại (907-959), là nước Nam Hán; nhà Tống đặt làm Quảng Nam đông lộ và

---

[1] Màu xanh lá cây.

[2] Chỉ Lê Đại Hành.

[3] Xem "Lời chua" ở sau của Cương mục.

[4] Giang Lăng phủ đời Tống, thuộc tỉnh Hồ Bắc.

[5] Hồ Châu đời Tống, thuộc tỉnh Chiết Giang.

[6] Chỉ Lê Ngọa Triều.

Quảng Nam tây lộ; nhà Nguyên gộp lại đặt ra đạo Quảng Đông; nhà Minh đổi làm tỉnh Quảng Đông; nhà Thanh cũng để tên như thế.

Quảng Châu: Xem Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV, 2).

Minh Đề từ Tống trở về.

Từ cuối niên hiệu Ứng Thiên (1004), Minh Đề vâng mạng sang Tống, vì trong nước rối loạn, không về được, phải đóng lại Quảng Châu. Đến đây, vua Tống xuống chiếu bảo An phủ sứ là Thiệu Việp cấp người và thuyền để cho về. Thiệu Việp nhân dịp này, tính chiếm lấy nước ta, bèn dâng bức địa đồ thuỷ lục từ Ung Châu đến Giao Châu. Vua Tống đưa bức địa đồ ấy cho các cận thần xem và bảo: Giao Châu là nơi lam sơn chướng khí, nếu đem quân sang đánh, chắc sẽ tổn hại nhiều. Vậy ta chỉ nên cẩn thận giữ lấy đất đai của ông cha". Sự toan tính ấy vì thế mới thôi.

Lời chua - Ung Châu: Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chbi. I, 14).

Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Đinh Mùi, năm thứ 14 (1007). (Tống, năm Cảnh Đức thứ 4).

Mùa xuân. Sai em là Minh Sưởng sang nhà Tống.

Nhà vua sai Minh Sưởng và chưởng thư ký là Hoàng Thành Nhã đem con tê trắng sang biếu nhà Tống, dâng biểu xin cửu kinh[1] và kinh sách đại tạng. Nhà Tống ưng thuận cho cả. Nhà vua lại sai sứ đem biếu con tê đã nuôi quen. Vua Tống cho rằng con tê từ xa đến không quen thủy thổ, nên đợi khi sứ giả ta về, đem thả ra ngoài bãi biển. Nhà vua (Long Đĩnh) lại dâng biểu xin áo giáp và mũ trụ trang sức bằng vàng, đều được vua Tống ưng cho. Lại xin cho ta sang "hỗ thị" ở Ung Châu, mua bán đổi chác với người Tống; nhưng vua Tống không nghe, chỉ cho mua bán đổi chác ở Liêm Châu và trấn Như Hồng thôi.

Lời chua - Đại Tạng: Kinh nhà Phật.

Hỗ thị: Đem chỗ có đến chỗ không đổi chác lẫn nhau ở chợ.

Liêm Châu: Tức Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 25-26).

Trấn Như Hồng: Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 3 (Chb. I, 31).

Tháng 8, mùa thu. Sứ nhà Tống sang.

Vua Tống phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, cho tên là Chí Trung. Theo như phép cũ, khi mới trao quyền ở Giao Châu thì chỉ ban tiết việt, chứ chưa phong tước vương. Đến Tống Chân Tông (998-1022) cho rằng Giao Châu ở xa, phải có ân điển triều đình mới có thể trấn phục được, nên đặc cách sai đúc ấn "Giao Chỉ quận vương" đem sang cho; lại truy phong Đại Hành hoàng đế làm Nam Việt vương, và sửa lễ tế viếng.

[1] Chín kinh sách nhà nho. Có hai thuyết. Thuyết thứ nhất, Cửu kinh gồm có: 1) Chu lễ; 2) Nghi lễ; 3) Lễ ký; 4) Tả truyện; 5) Công dương; 6) Cốc lương; 7) Dịch; 8) Thi; 9) Thư; Thuyết thứ hai: 1) Dịch; 2) Thi; 3) Thư; 4) Lễ; 5) Xuân thu; 6) Hiếu kinh; 7) Luân ngữ; 8) Mạnh tử; 9) Chu lễ;

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ II

Từ Mậu Thân (1008). Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thuỵ thứ 1 đến hết Kỷ Mão (1039), Lý Thái Tông, năm Kiền Phù hữu đạo thứ 1, gồm 32 năm (1008-1039).

❈

❈ ❈

Mậu Thân (1008), Lê đế Long Đĩnh năm Cảnh Thuỵ thứ 1 (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 1).

Lập con nuôi của Hoàng hậu là Lê Ốc Thuyên làm Tam Nguyên vương.

Lời chua - Hoàng hậu: Cảm thánh hoàng hậu.

Tam Nguyên: Sử cũ chua "có chỗ chép là Nhị Nguyên".

Kỷ Dậu, năm thứ 2 (1009). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 2. Năm này nhà Lê mất).

Đào sông ở Ái Châu.

Đô đốc Kiểu Hành Hiến xin đào sông, đắp đường và lập đồn dựng mốc ở Ái Châu. Nhà vua nghe theo, xuống chiếu cho quân và dân châu ấy đào sông từ cửa ải Chi Long qua núi Đính Sơn đến sông Vũ Lũng.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Cửa ải Chi Long: Theo Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư, cửa ải Chi Long ở huyện Chi Nga, Chi Nga bây giờ là huyện Nga Sơn.

Vũ Lũng: Tên châu. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I, 27).

Nhà vua đi Ái Châu, đến sông Vũ Lũng.

Tục truyền: Ai bơi lội qua sông Vũ Lũng thường hay bị hại, nhà vua sai đóng thuyền để chở người qua lại.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua thân đi đánh châu Hoan Đường và châu Thạch Hà.

Nhà vua đến sông Hoàn Giang, sai phòng át sứ Hồ Thủ Ích đem hơn năm nghìn quân sửa sang mở mang đường sá, từ sông Châu Giáp đến cửa Nam Giới. Nhà vua đi thuyền ra ngoài biển bỗng dưng sóng gió sôi nổi, mây mưa mờ mịt, bèn sai quay thuyền trở lại, đi đường bộ về kinh đô.

Lời chua - Hoan Đường: Thuộc đất Hoan Châu. Nhà Đinh, nhà Lê (Lê Đại Hành) gọi là châu Hoan Đường; khi thuộc Minh đổi là Thạch Đường; về sau, nhà Lê đổi là huyện Nam Đường. Nay vẫn theo như tên cũ, thuộc phủ Anh Sơn tỉnh Nghệ An.

Thạch Hà: Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 38).

Cửa biển Nam Giới: Xem Đinh Tiên Hàng, năm Thái Bình thứ 10 (Chb. I, 12).

Sông Hoàn Giang: Không khảo được.

Tháng 10, mùa đông. Lê đế Long Đĩnh mất.

Nhà vua có tính hiếu sát: Những súc vật dùng làm món ăn, tất phải chính tay mình đâm chết trước. Dùng nhiều hình phạt tàn ngược để giết người: hoặc quấn cỏ vào thân người rồi lấy lửa đốt; hoặc sai Liêu Thủ Tâm, tên phường chèo người Tống, cầm con dao cùn lóc thịt người để cho không chết ngay được, thấy người bị hành hình ấy đau đớn kêu gào, Thủ Tâm nói khôi hài rằng nó không quen chịu chết, thì nhà vua ha hả cười. Đi đánh dẹp, bắt được tù binh, đều tống vào cái "thủy lao" để cho nước triều dâng lên thì sặc nước, há mồm mà chết; có khi bắt họ trèo lên ngọn cây rồi ở dưới chặt cây, cây đổ, người ngã chết, thì khanh khách cười, lấy làm vui thích. Hồi đi đánh Án Động, bắt được tù binh người Mán, nhà vua sai đánh bằng gậy; người Mán đau đớn gào, nhiều lần xúc phạm đến tên húy vua Đại Hành, thì lấy làm hả hê lắm. Lại tự làm tướng đi đánh Hoan Châu, bắt được người Mán, đem nhốt vào cái vựa mà đốt.

Mỗi khi coi chầu, thể nào nhà vua cũng sai những kẻ khôi hài đứng hầu ở hai bên, nếu có ai nói gì thì chúng liến láu nói theo mà cười ồ, để làm át và đánh lạc những tiếng tâu bày việc nước của các quan.

Minh Sưởng từ bên Tống về, dụ được này Tiêu thị, người Tống, đem dâng, nhà vua cho vào cung làm cung nhân.

Nhà vua hoang dâm tửu sắc, dần mắc bệnh trĩ, nằm mà coi chầu, nên người ta gọi là "Ngoạ Triều". Ở ngôi 4 năm, thọ 24 tuổi.

Lời cẩn án - Thể lệ chép sử Cương mục (Trung Quốc): đối với những vua chính thống, lúc mất, lúc táng đều có chép cả. Sử cũ (của ta) không chép táng Lê đế Long Đĩnh; nay không khảo được.

Lời chua - Hoan Châu: Tức là Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21).

Đây trở lên, nhà Lê từ Đại Hành niên hiệu Thiên Phúc thứ 2, năm Tân Tị (981), đến Long Đĩnh niên hiệu Cảnh Thuỵ thứ 2, năm Kỷ Dậu (1009), cộng 3 vua, 29 năm (981-1009).

Tả thân Điện tiền chỉ huy sứ[1] Lý Công Uẩn tự lập làm vua.

Công Uẩn, người làng Cổ Pháp, thuộc Bắc Giang, tư chất thông sáng, hình dạng tuấn tú khác đời. Khi còn nhỏ, thường học nhà sư Vạn Hạnh. Sư Vạn Hạnh lấy làm lạ, nói rằng: "Người này không phải tầm thường, mai sau tất làm chúa cả nước". Kịp khi lớn lên, Công Uẩn khảng khái có chí lớn. Khoảng giữa niên hiệu Ứng Thiên nhà Lê, làm cấm quân dưới triều Trung Tông. Ngoạ Triều khi đã cướp ngôi làm vua, thăng Công Uẩn lên điện tiền chỉ huy sứ. Trước đó, sét đánh vào cây gạo làng Diên Uẩn, vết hằn có bài thế này.

"Thụ căn diểu diểu,
Mộc biểu thanh thanh
Hòa đao mộc lạc
Thập bát tử thành,
Đông A nhập địa,
Dị mộc tái sinh,
Chấn cung hiện nhật,
Đoài cung ẩn tinh,
Lục, thất niên gian,
Thiên hạ thái bình"[2].

---

[1] Chức quan trông coi binh lính trực ban ở trước điện nhà vua.

[2] Nghĩa đen từng chữ:

Rễ cây thăm thăm,

Ngọn cây xanh xanh,

"Hòa đao" (hòa = lúa; đao = đao) tàn rụng.

Sư Vạn Hạnh tán riêng rằng: "Hòa đao mộc" là chữ Lê. "Thập bát tử" là chữ Lý. "Đông A" là họ Trần. "Nhập địa" là giặc Bắc phương vào lấn cướp. "Dị mộc tái sinh" là họ Lê lại nổi lên. Ý nói họ Lê đổ, họ Lý lên, trong khoảng sáu bảy năm, thiên hạ thái bình". Rồi Vạn Hạnh bảo Công Uẩn: "Gần đây suy đoán lời sấm, thì họ Lý chắc khởi nghiệp lớn". Sợ lời đó lộ liễu, Công Uẩn sai người giấu sư Vạn Hạnh đi; nhưng cũng lấy thế làm tự phụ. Ngoại Triều thường ăn quả khế, thấy có hạt mận[1], lại ngẫm nghĩ đến lời sấm nên ngầm tìm dòng dõi họ Lý mà giết đi: nhưng Công Uẩn ở ngay bên mình, thế mà không biết. Kịp khi Ngoại Triều mất, vua kế tự còn thơ ấu; Công Uẩn vào túc trực ở trong cung, chi hậu[2] Đào Cam Mộc nhân dịp, nói: "Mới đây, chúa thượng là người mờ tối, tàn bạo, lòng trời ghét bỏ. Con kế tự hãy còn trẻ thơ, không cáng đáng nổi lúc nước nhà lắm nỗi hoạn nạn. Dân tình đâu đấy nhao nhao, cũng muốn kiếm được một vị chân chúa. Quan thân vệ[3] sao không nhân lúc này, nghĩ ra mưu cao, quyết đoán sáng suốt, trông gương Thang, Vũ ngày xưa, theo lối Đinh, Lê gần đó, trên thuận lòng trời, dưới theo nguyện vọng của dân, còn khư khư giữ tiểu tiết làm chi nữa?". Công Uẩn thấy nói, trong bụng bằng lòng, nhưng bề ngoài vẫn cứ giả vờ trách móc Cam Mộc. Hôm sau, Cam Mộc lại nói: "Người trong nước bây giờ đều biết họ Lý chắc khởi nghiệp, lời sấm đã rõ rệt rồi, không còn che giấu được nữa. Đổi vạ ra phúc, chỉ ở chốc lát bây giờ. Quan thân vệ[4] lại còn ngờ gì nữa?". Công Uẩn nói: Tôi biết ý ông không khác ý thày Vạn Hạnh. Nếu quả như lời, thì mưu tính sao?". Cam Mộc nói: "Quan thân vệ[5] là người công bằng, rộng lượng và nhân đức, được lòng mọi người. Hiện nay trăm họ kiệt quệ, mệt mỏi không chịu đựng nổi chính lệnh triều đình. Quan thân vệ[6] nhân dịp này, đem ân đức vỗ về họ, chắc họ sẽ đổ xô theo về như nước chảy chỗ trũng, còn ai ngăn cản được?". Cam Mộc sợ việc chậm lại, sẽ sinh biến chăng, mới đem việc đó nói với khanh sĩ và các quan, thì không ai dám có ý gì khác cả. Ngay hôm ấy, mọi người hội họp ở nhà triều đường, cùng nhau bàn rằng: Ngày nay, đối với nhà Lê, ức triệu người đều khác lòng, quan và dân đều lìa bỏ. Nếu không nhân dịp này, tôn quan thân vệ[7] lên làm thiên tử, lỡ có biến cố gì xảy ra, thì bọn ta liệu có giữ được khỏi mất đầu không?

Bấy giờ các quan mới cùng nhau phò Công Uẩn đến nhà chính điện lên ngôi hoàng đế. Trăm quan thụp lạy, đâu đấy tung hô "vạn tuế". Công Uẩn đại xá cho cả nước, lấy sang năm làm năm đầu một niên hiệu mới. Đốt hết lò lưới[8], xóa bỏ việc tù ngục và kiện tụng; xuống chiếu cho phép từ nay hễ ai có việc tranh giành thưa kiện, được đến tận triều đình mà tâu bày, nhà vua sẽ thân ra phân xử.

Bầy tôi dâng tôn hiệu.

Bầy tôi dâng tôn hiệu đặt cho nhà vua là Phụng Thiên chí lý ứng vận tự tại thánh minh long hiện duệ văn anh vũ sùng nhân quảng hiếu thiên hạ thái bình khâm minh quang trạch chương minh vạn bang hiểu ứng phù cảm uy chấn phiên man duệ mưu thần trợ thánh trị tắc thiên đạo chính hoàng đế.

"Thập bát" (thập = mười; bát = tám) mọc thành cây.

Họ "Đông A" (Trần: một nửa là chữ "đông", một nửa là chữ "A") vào đất.

Cây khác lại mọc lên.

Cung đằng đông (Chấn, một quẻ trong bát quái (kinh Dịch), thuộc về phương đông) có mặt trời mọc.

Cung đằng tây (Đoài: như trên, phương tây) có sao lờ mờ.

Sáu bảy năm đây

Cả nước thái bình.

[1] Chữ "lý" có nghĩa là cây mận.

[2] Chức quan hầu cận bên vua, có nhiệm vụ truyền lệnh và dẫn người vào ra.

[3] Chỉ Lý Công Uẩn.

[4] Chỉ Lý Công Uẩn.

[5] Chức quan hầu cận bên vua, có nhiệm vụ truyền lệnh và dẫn người vào ra.

[6] Chức quan hầu cận bên vua, có nhiệm vụ truyền lệnh và dẫn người vào ra.

[7] Chỉ Lý Công Uẩn.

[8] Ý nói ơn đức vua mới nhuần thấm đến cả chim muông.

Lời phê[1] - Nhà Lý được nước, cũng không phải chính nghĩa cho lắm, nhưng đương buổi Lê Ngoạ triều, lòng người lìa tan, sinh dân vô củ, không về với Công Uẩn còn biết theo ai? Cho nên, nhà Lý thì dường như được trời tựa, người theo; nhà Lê thì rõ là thoán đoạt. Còn việc làm của hai nhà ấy, đằng nhân nghĩa, đằng bạo ngược, rõ rệt khác nhau; mà các vua kế tự, bên hiền tài, bên hư hỏng, cũng sai biệt hẳn. Vì thế, một nhà thì ngắn ngủi, một nhà thì lâu dài: phải lắm!

Lời phê[2] - Tôn hiệu phiền phức dài dòng quá lắm! Rất trái với lẽ thường, cũng rất tỏ rõ cái thói bợ đỡ.

Lời chua - Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, Quang Thuận năm thứ 100 (Chb. XXI, 28).

Cổ Pháp: Tên châu. Từ Đinh về trước gọi là châu Cổ Lãm; nhà Lê đổi là Cổ Pháp; nhà Lý đặt lên làm phủ Thiên Đức; nhà Trần đổi là huyện Đông Ngàn. Về sau, nhà Lê vẫn theo tên cũ. Bây giờ là huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Diên Uẩn: Tên làng, thuộc châu Cổ Pháp.

Truy tôn cha làm Hiển Khánh vương, mẹ là Phạm thị làm Minh Đức hoàng thái hậu.

Mẹ ngài là Phạm thị, đi chùa Tiêu Sơn, gặp thần nhân giao cấu, do đấy có thai, sinh ngài năm Giáp Tuất, Thái Bình thứ 5 (974) đời Đinh. Khi ngài lên ba tuổi, sư chùa Cổ Pháp là Lý Khánh Văn nuôi làm con, nhân đấy lấy theo họ Lý.

Lời cẩn án - Lý Thái Tổ làm con nuôi sư Lý Khánh Văn, còn bố đẻ không biết là ai. Sử cũ ở đây chép truy tôn cha mà không chép tên, lại không nói rõ là bố đẻ hay là bố nuôi, về sau chép phong cho anh, phong cho chú, lại không thấy nói họ tên. Vậy hãy tạm để lại, sẽ khảo sau.

Lời chua - Chùa Tiêu Sơn: Tức chùa Trường Liêu, ở xã Tiêu Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Chùa Cổ Pháp: Ở xã Đình Bảng, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Lập sáu Hoàng hậu.

Riêng người vợ cả gọi là Lập Giáo hoàng hậu. Những đồ ăn mặc và xe đi đều khác với các bà hậu kia.

Lập con là Phật Mã làm thái tử.

Phật Mã là con trưởng, thiên tư đĩnh ngộ, tinh thông Lục nghệ[3] và Lược thao[4]. Khi còn nhỏ, chơi với trẻ con, Phật Mã hay tập làm nghi vệ bách quan rước xách. Nhà vua nói bỡn rằng: "Con nhà tướng[5] nên tập quân sự, chứ chơi trò rước xách làm gì?". Phật Mã thưa: "Họ Lê lên thay họ Đinh, chẳng phải là nhà tướng đấy dư? Chẳng qua là tự trời cho đó mà thôi!". Nhà vua lấy làm lạ. Đến đây lập làm thái tử.

Bấy giờ, các con đều phong tước hầu, 13 người con gái đều phong công chúa. Và phong anh làm Vũ Uy vương, phong chú làm Vũ Đạo vương. Lại phong Trưng Hiển, con Vũ Uy vương làm thái uý, và phong Phó, con Dực Thánh vương, làm tổng quản.

---

[1] Chỉ việc Lý thay Lê.

[2] Chỉ việc đặt tên hiệu cho Lý Thái Tổ.

[3] Về lục nghệ có hai thuyết: 1. Lễ, nhạc, xạ (bắn), ngự (cầm cương ngựa), thư (viết), số (tính); 2. Cũng gọi là Lục kinh: Dịch, Lễ, Nhạc, Thi, Thư và Xuân thu.

[4] Tức là binh thư Tam Lược và Lục thao, Tam lược có sách, theo như cũ đã đề, do Hoàng Thạch Công soạn - Lục thao là sách của Thái Công, gồm có Văn thao, Vũ thao, Long thao, Hổ thao, Báo thao, Khuyển thao.

[5] Lúc ấy Lý Công Uẩn giữ chức điện tiền chỉ huy sứ triều Lê.

Lời chua - Vũ Uy vương, Vũ Đạo vương, Dực Thánh vương: đều không rõ tên là gì. Theo sách Thiên Nam trung nghĩa lục của Phạm Phi Hiển, Dực Thánh vương là con thứ hai Lý Thái Tổ.

Phong Đào Cam Mộc làm Nghĩa tín hầu.

Cam Mộc có công phò giúp lên ngôi, nhà vua phong cho tước hầu và gả cho công chúa An Quốc.

Ban áo mặc cho hàng tăng đạo.

Năm Canh Tuất (1010), Lý Thái Tổ hoàng đế năm Thuận Thiên thứ 1. (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân, sang chơi châu Cổ Pháp, ban tiền và lụa cho các kỳ lão có thứ bậc khác nhau.

Xa giá nhà vua đến châu Cổ Pháp, yết lăng Thái hậu, sai các quan đo đất vài mươi dặm đặt làm cấm địa thuộc sơn lăng; nhân dịp ấy ban tiền và lụa cho các kỳ lão.

Lời chua - Cổ Pháp: Tên châu. Xem Lê Long Đĩnh năm Cảnh Thuỵ thứ 2 (Chb. II, 7).

Sai sứ sang nhà Tống.

Sai viên ngoại lang là Lương [Nhậm] Văn và Lê Tái Nghiêm đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống. Các quan nhà Tống muốn từ chối, nhưng vua Tống nói: "Họ Lê thay nhà Đinh, họ Lý cũng bắt chước làm theo. Ta đối với Lê hay Lý, nào có khác gì!". Bèn nhận lễ sính.

Tháng 7, mùa thu, dời kinh đô đến thành Thăng Long.

Nhà vua cho rằng thành Hoa Lư trũng thấp, chật hẹp, nên muốn dời kinh đô đi chỗ khác, dụ bầy tôi rằng: "Xưa kia, nhà Thương năm lần thiên kinh đô, nhà Chu ba lần thiên kinh đô, thảy đều trên kính vâng mạng trời, dưới thuận theo lòng dân, để làm chước lâu dài hàng muôn đời. Gần đây, nhà Đinh, nhà Lê theo ý riêng mình, ở đâu yên đấy, không biết lo xa, nên hưởng nước không được lâu dài; trẫm lấy làm đau lòng lắm! Trẫm nay mở xem địa đồ, Đại La thành, kinh đô cũ của Cao Biền, ở trung tâm đất nước, có hình thế hiểm yếu như rồng bò hổ phục, bốn phương sum họp, người và vật đông nhiều, thực là chỗ kinh đô quý nhất của đế vương. Trẫm muốn nhân chỗ địa lợi ấy đóng làm kinh đô. Ý các khanh nghĩ thế nào?". Bầy tôi đều thưa: "Bệ hạ nói đến việc ấy thực là lợi cho thiên hạ muôn đời".

Nhà vua bằng lòng lắm, mới từ Hoa Lư dời kinh đô đến Đại La thành. Thuyền ngự đến bên thành, có con rồng hiện ra. Nhà vua sai đổi tên là thành Thăng Long[1].

Ở trong thành, khởi công xây dựng cung điện: phía trước là điện Kiền Nguyên, dùng làm chỗ coi chầu, hai bên tả, hữu làm điện Tập Hiền và điện Giảng Vũ, đều có thềm rồng. Lại mở ba cửa: cửa Phi Long thông với cung Nghinh Xuân; cửa Đan Phụng thông với cửa Uy Viễn. Đằng sau điện Kiền Nguyên có điện Long An và điện Long Thuỵ, làm chỗ nhà vua nghỉ ngơi. Hai cung Thúy Hoa và Long Thuỵ để cho các phi tần ở. Lại lập kho đụn, xây thành, đào hào. Mở bốn cửa thành: phía Đông là cửa Tường Phù, phía Tây là cửa Quảng Phúc, phía Nam là cửa Đại Hưng, phía Bắc là cửa Diệu Đức.

Lời chua - Hoa Lư thành: Xem Nam tấn, Ngô Xương Văn, năm thứ 1 (Tb. V, 24).

Đại La thành: Xem thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb. V, 10).

Thăng Long thành: Theo Hà Nội sách, nhà Lý gọi là thành Thăng Long; nhà Trần đổi làm Đông Đô, khi thuộc Minh gọi là Đông Quan thành; nhà Lê gọi là Đông Kinh, năm Gia Long thứ 4, đổi là Thăng Long. Bây giờ là tỉnh thành Hà Nội.

Đổi thành Hoa Lư làm phủ Trường Yên. Đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ Thiên Đức.

---

[1] Chữ "Thăng Long" đời Lý là "Rồng lên" khác với nghĩa chức "Thăng Long" thời Giao Long là "Thịnh vượng".

Đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ Thiên Đức, lại đổi sông Bắc Giang làm sông Thiên Đức.

Lời chua - Phủ Trường Yên: Nhà Lý đặt làm phủ, nhà Trần, nhà Lê đều để theo tên cũ. Bây giờ là phủ Yên Khánh tỉnh Ninh Bình.

Châu Cổ Pháp: Xem Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thuỵ thứ 2 (Chb. II, 6).

Sông Thiên Đức: Có tên nữa là sông Diên Uẩn hoặc sông Đông Ngàn. Đó là dòng sông do sông Nhị Hà tách ra, chảy qua huyện Đông Ngàn và huyện Quế Dương đổ vào sông Lục Đầu. Bây giờ là sông Chiêm Đức, tỉnh Bắc Ninh.

Dựng chùa ở phủ Thiên Đức.

Phát hai vạn quan tiền, dựng tám cảnh chùa, đều lập bia ghi công đức. Lại ở trong thành Thăng Long, dựng chùa Hưng Thiên ngự tự, cung Thái Thanh và chùa Vạn Tuế; ở ngoài thành dựng chùa Thắng Nghiêm, chùa Thiên Vương, chùa Cẩm Y, chùa Long Hưng, chùa Thái Thọ, chùa Thiên Quang và chùa Thiên Đức, những đền chùa ở các làng mạc, có ngôi nào đổ nát, đều sai sửa chữa lại cả.

Lời phê - Nịnh Phật quá chừng, gây nên mối tệ về sau, hay là Lý Thái Tổ mê hoặc là mình xuất thân từ cửa Phật chăng? Dầu sao cũng không phải là chính đạo.

Tháng 12, mùa đông. Cung Thúy Hoa làm xong. Đại xá.

Xá thuế ba năm cho cả nước. Phàm những thuế các năm trước còn thiếu đều xóa bỏ cho cả. Những người Mán bị bắt làm tù binh từ năm Cảnh Thuỵ[1] nhà Lê, đều phát quần áo, tha cho về.

Sứ nhà Tống sang.

Từ Đinh, Lê đến nay, sứ Tống sang sách phong, trước phong chức Kiểm hiệu Thái uý, rồi đến chức Tiết độ, đô hộ, sau mới phong là Quận vương. Đến đây, bắt đầu phong ngay là Giao Chỉ quận vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ. Việc này về sau trở thành lệ thường.

Đổi mười đạo làm hai mươi bốn lộ; Ái Châu và Hoan Châu làm trại.

Lại lập trại Định Phiên ở Hoan Châu nam giới, dùng Lý Thai Giai làm chủ trại.

Lời cẩn án - Nhà Đinh đặt thập đạo quân; nhà Lê chia mười đạo làm lộ, phủ, châu; đến nay nhà Lý lại chia mười đạo làm hai mươi bốn lộ. Tên đạo và tên lộ ra sao, Sử cũ đều không chép rõ. Vả, ở đây chép đổi mười đạo làm hai mươi bốn lộ, đặt Hoan Châu và Ái Châu làm trại, thì bấy giờ các châu đều gọi là châu, hoặc giả đặt châu làm lộ, còn Hoan Châu và Ái Châu là đất biên viễn, nên lại gọi là trại để phân biệt đó chăng?

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa.

Hoan Châu: Tức Nghệ An. Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Hoan Châu nam giới: Theo Nghệ An phong thổ ký của Bùi Dương Lịch, Hoan Châu nam giới là ở đất huyện Kỳ Hoa. Bây giờ Kỳ Hoa là huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Tân Hợi, năm thứ 2 (1011). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh và diệt được mán Cử Long.

Mán Cử Long giữ nơi hiểm yếu, cậy sức kiên cố, từ Đinh, Lê đến nay vẫn không chinh phục được. Đến Lý bây giờ, Cử Long ngày càng quá rông rỡ, nhà vua thống suất sáu quân đi đánh: bắt được tên đầu sỏ của chúng, rồi rút về. Từ đó Cử Long mới bị diệt hẳn.

Lời chua - Cử Long: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb. I, 34-35).

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống.

---

[1] Niên hiệu Lê Ngọa Triều (1008-1009).

Sai Viên ngoại lang là Lý Nhân Nghĩa và Đào Khánh Văn sang Tống biếu sản vật địa phương. Khánh Văn lẩn trốn ở lại bên Tống; người Tống bắt, giao trả lại. Nhà vua sai đánh bằng trượng giết chết.

Dựng điện Hàm Quang ở bến sông Phú Lương.

Làm điện ở bên sông Phú Lương là để dùng trong những lúc đi chơi, vãn cảnh.

> **Lời chua -** Sông Phú Lương: Sông này trên liền với sông Bạch Hạc tỉnh Sơn Tây, dưới thông với sông Đại Hoàng tỉnh Nam Định chảy suốt ra biển. Bây giờ là sông Nhị Hà thuộc Hà Nội.

Nhâm Tí, năm thứ 3 (1012). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 5).

Tháng 4, mùa hạ. Sụa lại hai điện Long An và Long Thuỵ.

Hai điện này làm từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010); đến đây sửa lại.

Lập thái tử Phật Mã làm Khai Thiên vương.

Nhà vua thấy thái tử sinh trưởng ở nơi cung cấm, chưa am hiểu việc dân, nay phong cho tước vương và làm cung Long Đức ở ngoài thành để cho ở.

> **Lời cẩn án -** Thái tử là vị hoàng tử trong nước. Lý Thái Tổ lập Phật Mã làm thái tử thế là người trù bị nối ngôi đã định rõ rồi. Nếu muốn cho Thái tử biết khắp mọi việc dân gian thì nên chọn lấy những bậc sư phó có hiền đức mà dạy bảo chỉ dẫn cho thì hơn. Nay lại phong tước vương, cho ở ngoài thành, không khác gì các vương khác, như thế không phải đạo tôn trọng người nối dõi tông đường và thống nhất lòng dân. Về sau, Lý Thái Tông lập Thái tử Nhật Tôn làm Khai Hoàng vương, cũng bắt chước làm như thế, thực là trái thường lắm.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi xem bơi trải.

Bơi thuyền thi ở sông Phú Lương, nhà vua ngự điện Hàm Quang để xem. Suốt đời nhà Lý, việc xem bơi trải trở thành lệ thường.

Tháng 12, mùa đông. Nước Chân Lạp sang cống.

Nước Chân Lạp ở phía nam nước Chiêm Thành, khoảng niên hiệu Thuận Thiên (1010-1026), tất cả bốn lần sang triều cống nước ta.

> **Lời chua -** Nước Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Nhà vua thân đi đánh và dẹp được Diễn Châu.

Người Diễn Châu chống lại mệnh lệnh triều đình, nhà vua tự cầm quân đi đánh. Khi quân về đến cửa Biện, gặp cơn gió mưa mờ mịt, sấm chớp ầm ầm, mọi người đều sợ có sự bất trắc. Nhà vua đốt hương, khấn trời rằng: "Tôi là người ít đức, đứng đầu quan và dân, vẫn nơm nớp sợ hãi, như lo lỡ sa xuống vực sâu. Chỉ vì người Diễn Châu ngang ngạnh, không theo giáo hóa, nên bất đắc dĩ phải đi đánh dẹp. Trong vòng gươm giáo, chắc không khỏi có sự oan uổng tới dân lành, đến nỗi làm cho hoàng thiên nổi giận; một mình tôi đây dù phải chịu nạn cũng không dám ân hận gì, nhưng còn sáu quân vô tội thì sao? Kính xin lòng trời soi xét cho". Khấn vừa dứt lời, sấm gió yên ngay.

> **Lời phê -** Lời Lý Thái Tổ khấn trời, tỏ ra rất có đức độ đế vương; thật chẳng khác Thành Thang nhà Thương đem sáu việc[1], trách mình trong khi gặp nạn bảy năm hạn hán: thảo nào giữa người và trời có sự cảm ứng không sai.

---

[1] Sáu việc mà Thành Thang nêu ra để xét mình khi trong nước bị đại hạn luôn bảy năm: 1) Chính sự không có chừng mực chăng? 2) Dân chúng không có nghề nghiệp làm ăn chăng? 3) Cung thất đồ sộ chăng? 4) Nữ sắc quá nhiều chăng? 5) Có tệ hối lộ và dân bị oan uổng nhiều chăng? 6) Hay nghe lời nịnh hót, làm mất lẽ công bằng chăng? (Tăng bình lịch sử cương giám bổ, quyển 1, tờ 12a).

Lời chua - Diễn Châu: Tên phủ. Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Cửa Biện: Ở địa phận huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bây giờ vẫn là cửa Biện.

Quý Sửu, năm thứ 4 (1013). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 6).

Tháng 2 mùa xuân. Đặt thể lệ thuế khóa.

1) Thuế đầm, ao, ruộng đất; 2) Thuế tiền bãi dâu; 3) Thuế sản vật ở núi rừng; 4) Thuế mắm muối dưới sự kiểm soát của các nơi quan ải; 5) Thuế sừng tê, ngà voi và hương liệu ở nơi thổ mán; 6) Thuế gỗ lạt, hoa quả ở miền núi. Thảy đều đặt rõ lệ ngạch để đánh thuế. Cho các vương, hầu và công chúa được quản lĩnh các thuế có từng thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, mùa hạ. Lập con là Bồ làm Khai Quốc vương.

Tháng 10, mùa đông. Châu mục Vị Long là Hà Trắc Tuấn làm phản. Nhà vua tự cầm quân đi đánh, Trắc Tuấn chạy trốn.

Trước đó, người Mán đến châu Vị Long đổi chác, mua bán; nhà vua sai người đến bắt, tước được hơn một vạn con ngựa. Đến đây, Trắc Tuấn làm phản, lại ngả theo người Mán. Nhà vua thân đi đánh: Trắc Tuấn sợ, chạy trốn.

Bấy giờ tàu ngựa của vua có một con ngựa, hễ ngự giá sắp đi đâu thì nó thế nào cũng hí lên. Nhà vua đặt tên cho là Bạch Long thần mã.

Lời chua - Vị Long: Tên châu. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Vị Long; nhà Lý, nhà Trần vẫn theo tên như thế. Khi thuộc Minh đổi là Đại Man. Về sau, nhà Lê vẫn để tên ấy. Bây giờ là đất châu Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Người Mán: Tức là mán Hạc Thác. Xem năm Thuận Thiên, thứ 5 (Chb. II, 17). Theo Ngu Hành chí của Phạm Thành Đại nhà Tống, đất Nam Chiếu liền với rợ Tây Nhung, có sản nhiều ngựa; ngựa ở đây là giống tốt nhất của tây nam phiên. Sách Vân đài loại ngữ của Lê Quý Đôn cũng chép: Về miền Nam Chiếu sản nhiều ngựa tốt, nhân dân mua bán trao đổi với nhau lan tràn cả sang xứ lân cận.

Giáp Dần, năm thứ 5 (1014). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Quân Mán vào cướp. Nhà vua sai Dực Thánh vương đi đánh, phá được giặc.

Tướng mán Hạc Thác là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí đem 20 vạn người vào cướp, đóng ở bến Kim Hoa, cắm dinh dàn đồn, gọi là trại Ngũ Hoa. Châu mục Bình Lâm là Hoàng Ân Vinh tâu việc ấy về triều. Nhà vua sai Dực Thánh vương (không rõ tên) đi đánh, phá được giặc, chém hàng vạn thủ cấp, bắt được quân và ngựa của địch, rồi rút về. Nhà vua sai bọn viên ngoại lang Phùng Chân đem một trăm con trong số ngựa đã bắt được ấy đưa biếu nhà Tống. Vua Tống hậu đãi họ, ban cho họ mũ, đai, đồ dùng và lụa có từng thứ bậc khác nhau.

Lời cẩn án - Sử cũ ở đây chỉ chép là "người Mán" chứ không nói rõ là Mán nào. Nay theo sách An Nam chí của Cao Hùng Trưng, chép là mán Hạc Thác.

Lời chua - Hạc Thác: Theo Minh sử, Nam Chiếu cũng có tên gọi nữa là Hạc Thác.

Bình Lâm: Theo Độc sử phương dư kỷ yếu của Cố Tổ Vũ, nhà Đường đặt châu Bình Lâm, rồi lại chia ra cho lệ thuộc vào các châu khác. Bây giờ là đất các huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng.

Tháng 10, mùa đông. Đắp thành đất ở Thăng Long.

Bốn bề xung quanh ngoài kinh thành đều sai đắp thành đất cả.

Đổi phủ Ứng Thiên làm Nam Kinh.

Lời chua - Phủ Ứng Thiên: Thuộc tỉnh Hà Nội. Nhà Lý gọi là Ứng Thiên; khi thuộc Minh gọi là Ứng Bình; nhà Lê lại gọi là Ứng Thiên. Bây giờ là phủ Ứng Hòa[1].

Ất Mão, năm thứ 6 (1015). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào Cam Mộc mất.

Cam Mộc có công giúp Thái tổ lên ngôi, được phong tước hầu, đến đây mất, tặng phong thái sư.

Tháng 2. Hà Trắc Tuấn lại làm phản. Nhà vua sai đi đánh giết được Trắc Tuấn.

Trắc Tuấn lại nổi lên làm phản ở các châu Vị Long, Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên. Nhà vua sai Dực thánh vương và Vũ Đức vương đi đánh, bắt được Trắc Tuấn điệu về kinh đô, chém đầu, bêu ở chợ Cửa Đông.

Lời chua - Đô Kim: theo Đường thư Địa lý chí, nhà Đường đặt châu Đô Kim, rồi lại chia ra, cho lệ thuộc vào các châu khác. Bây giờ là đất tổng Đô Kim, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Bình Nguyên: Từ khi thuộc Minh trở về trước gọi là châu Bình Nguyên. Nhà Lê ban đầu vẫn để tên cũ, rồi đổi là Vị Xuyên. Bây giờ là châu Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang.

Châu Thường Tân: Không khảo được.

Bính Thìn, năm thứ 7 (1016). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 9). Tháng 3, mùa xuân. Lại lập ba hoàng hậu.

Ba hoàng hậu là: Tá quốc, Lập nguyên và Lập giáo.

Lời cẩn án - Sử cũ chép Lý Thái Tổ trước đây đã lập sáu hoàng hậu. Lập Giáo hoàng hậu đứng đầu: đồ mặc và xe đi đều khác với các hoàng hậu kia. Đến đây lại chép lập ba hoàng hậu, mà Lập Giáo thì ở sau cùng. Điều này Sử cũ chắc có lầm lẫn; nhưng hãy cứ chép lại đó, sẽ khảo sau.

Động đất.

Sứ nhà Tống sang.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

Đâu đấy được mùa cả.

Tha tô thuế 3 năm cho cả nước.

Đinh Tị, năm thứ 8 (1017). (Tống, năm Thiên Hi thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Điện Kiền Nguyên bị sét đánh.

Vì điện Kiền Nguyên bị sét đánh, nhà vua coi chầu ở điện phía đông.

Lời chua - Điện phía đông: Tức điện Tập Hiền.

Mậu Ngọ, năm thứ 9 (1018). (Tống, năm Thiên Hi thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Mới truy tôn và đặt tên thuỵ cho bà của nhà vua.

Lời phê - Gốc tích họ Lý lờ mờ không khảo được, còn làm thế nào được việc truy tôn? Nhưng ý trời chung đúc cho thì có khi người thường không thể lường biết được.

Lời cẩn án - Những đời trước của vua Lý Thái Tổ, thế thứ ra sao, tên và hiệu là gì đều không rõ cả. Ở đây chép truy tôn bà mà không nói đến ông. Ngô [Thì] Sĩ bảo "bà"

---

[1] Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

đây là mẹ của thái hậu. Đối với những điều không lấy gì làm bằng cứ được, xin hãy chép lại để sẽ khảo sau.

Tháng 6, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống xin kinh Tam tạng.

Sai viên ngoại lang Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc Như sang nhà Tống dâng biểu xin kinh Tam tạng; vua Tống ưng cho. Kịp khi sứ bộ quay về, nhà vua xuống chiếu cho Phí Trí sang tỉnh Quảng Tây đón kinh về để kho ở Đại Hưng.

Lời chua - Kinh Tam Tạng: Kinh Phật. Tam tạng của nhà chùa gồm có Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.

Tháng 10, mùa đông. Lập con là Lực làm Đông Chinh vương.

Tha một nửa tô ruộng cho cả nước.

Kỷ Mùi, năm thứ 10 (1019). (Tống, năm Thiên Hi thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Dựng nhà thái miếu ở lăng Thiên Đức.

Lời cẩn án - Cổ giả lập kinh đô phía trước là triều đình, phía sau là đô thị1, bên tả là miếu thờ tổ, bên hữu là nền tế xã. Tổ miếu sở dĩ ở bên tả quốc đô, là cốt để hết lòng tôn kính về việc tế lễ thờ cúng. Đời sau, như Hán, Đường, Tống, nhà thái miếu đều dựng ở kinh đô, chứ chưa có đời nào lập thái miếu ở chỗ lăng tẩm. Lý Thái Tổ được nước ta mười năm rồi mà không thấy sử chép xây dựng nhà thái miếu ở kinh thành; đến đây, mới thấy chép lập nhà thái miếu ở lăng Thiên Đức. Có lẽ vì bấy giờ những người bàn định lễ nghi chưa khảo kỹ được pháp chế đời xưa, hay là Sử cũ bỏ sót không chép việc dựng thái miếu ở kinh đô, mà lại nhận lầm tẩm miếu ở lăng Thiên Đức là thái miếu chăng? Nay hãy chép lại đó để sẽ khảo sau.

Lời chua - Thiên Đức: Tên phủ, Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ; bây giờ là huyện Đông Ngàn[2]. Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng các vua triều Lý đưa về táng ở phủ Thiên Đức đều gọi là Thọ Lăng.

Độ dân trong nước làm thày chùa.

Trước đó, độ dân ở kinh đô; đến đây, lại độ dân trong cả nước, lập đàn giới ở chùa Vạn Thọ, sai các tăng đồ đến thụ giới. Phát vàng đúc chuông lớn để ở các chùa Hưng Thiên, Đại Giáo và Thắng Nghiêm.

Canh Thân, năm thứ 11 (1020). (Tống, năm Thiên Hi thứ 4).

Tháng 12 mùa đông. Sai Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh và phá được nước Chiêm Thành.

Nhà vua sai Khai Thiên vương và Đào Thạc Phụ đem quân đi đánh Chiêm Thành ở trại Bố Chính, tiến thẳng đến núi Long Tị, chém được tướng Chiêm là Bố Lệnh tại trận; người Chiêm chết mất quá nửa.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức nước Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Bố Chính: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Long Tị: Ở địa phận xã Thuần Chất, huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình. Hình thế núi này nhô lên như vòi rồng, nên gọi là "Long Tị".

Điện phía đông bị sét đánh.

---

[1] Phố sá, chợ búa.

[2] Huyện Đông Ngàn nay không còn. Đất huyện Đông Ngàn cũ nay thuộc các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Đông Anh, Sóc Sơn, Gia Lâm (Hà Nội).

Vì điện phía đông bị sét đánh, nhà vua coi chầu ở điện phía tây. Lại dựng lên ba ngôi điện: điện ở đằng trước dùng làm nơi để coi chầu, hai điện ở đằng sau dùng để làm việc chính trị.

Lời chua - Điện phía tây: Tức là điện Giảng Vũ.

Điện phía đông: Xem năm Thuận Thiên thứ 8 (Chb. II, 19).

Tân Dậu, năm thứ 12 (1021). (Tống, năm Thiên Hi thứ 5).

Tháng 2, mùa xân. Ngày tiết Thiên Thành, thết yến tiệc các bầy tôi.

Đặt ngày sinh nhật nhà vua làm tiết Thiên Thành. Ngoài cửa Quảng Phúc kết trúc làm núi, gọi là Vạn Thọ nam sơn; trên núi làm nhiều hình trạng chim bay, thú chạy, lắm vẻ ly kỳ. Nhân đó ban yến cho bầy tôi để mua vui.

Lời chua - Cửa Quảng Phúc: Cửa Tây kinh thành Thăng Long.

Nhâm Tuất, năm thứ 13 (1022). (Tống, năm Kiền Hưng thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Bỏ việc kết trúc làm núi giả.

Nhà vua thấy việc kết trúc làm núi, nhọc sức nhân dân nên bãi bỏ. Ngày tiết Thiên Thành chỉ đặt tiệc thôi.

Sai Dực Thánh vương đi đánh và phá được mán Đại Nguyên Lịch.

Mán Đại Nguyên Lịch khuấy nhiễu nơi biên giới, nhà vua sai Dực Thánh vương đi đánh, phá được giặc. Quan quân ta vượt bờ cõi, tràn sang đất Tống, đến trại Như Hồng, thiêu đốt kho đụn ở đấy rồi rút về.

Lời chua - Đại Nguyên Lịch: Sử cũ chua là tên một dân tộc Mán, ở khoảng giữa trại Như Hồng và trấn Triều Dương. Theo sách Khâm Châu chí nhà Thanh, trại Như Hồng ở về phía tây Khâm Châu, giáp giới với trấn Như Tích, cách châu Vĩnh An thuộc Giao Chỉ 20 dặm.

Quý Hợi, năm thứ 14 (1023). (Tống, Nhân Tông, năm Thiên Thánh thứ 1).

Tháng 9, mùa thu. Đổi trấn Triều Dương làm châu Vĩnh An.

Lời chua - Triều Dương: Xưa là bộ Ninh Hải; nhà Đinh, nhà Lê gọi là trấn Triều Dương; nhà Lý đổi làm châu Vĩnh An; nhà Trần đổi làm lộ Hải Đông; khi thuộc Minh gọi là châu Tĩnh An; nhà Lê cho lệ thuộc vào An Bang. Bây giờ là đất các châu Tiên Yên và Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên.

Giáp Tý, năm thứ 15 (1024). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 2).

Mùa xuân. Xuống chiếu sai Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh Phong Châu. Khai Quốc vương đi đánh châu Đô Kim.

Lời chua - Phong Châu: Xem Hùng Vương (Tb. I, 1-2).

Đô Kim: Xem năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. II, 18).

Sửa sang kinh thành Thăng Long.

Thành Thăng Long khởi đắp từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) đến đây sửa lại.

Tháng 9, mùa thu. Dựng chùa Chân Giáo.

Làm chùa Chân Giáo ở trong thành, sai thày chùa tụng kinh, nhà vua ngự đến vãn cảnh.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Lý Thái Tổ xây dựng chùa này và sai tụng kinh ở đây; Lý Huệ Tông xuất gia đi tu cũng ở chùa này. Sách Tả truyện có câu rằng: "Quân dĩ

thử thủy, diệc dĩ thử chung"1, nghĩa là lúc bắt đầu xuất phát từ việc gì, thì lúc cuối cùng lại kết quả bằng việc ấy. Câu này thật đáng tin lắm.

Ất Sửu, năm thứ 16 (1025). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Định danh hiệu binh làm giáp, đổi chức hỏa đầu làm chánh thủ.

Mỗi giáp 15 người, dùng một người làm quản giáp. Lại đặt các sắc mục quản giáp. Con hát cũng gọi là quản giáp.

Lời chua - Hỏa Đầu: Sách Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép rằng: Hỏa đầu cũng như đội trưởng đời Lê. Không rõ đặt ra từ đời nào.

Bính Dần, năm thứ 17 (1026). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Sửa Ngọc Điệp[2].

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu cho Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh Diễn Châu.

Đinh Mão, năm thứ 18 (1027). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 5).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Tháng 8, mùa thu. Xuống chiếu cho Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh châu Thất Nguyên, Đông Chinh vương Lực đi đánh Văn Châu.

Lời chua - Châu Thất Nguyên: Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Nhà Lý gọi là Thất Nguyên; nhà Lê gọi là Thất Tuyền. Nay là huyện Thất Khê.

Văn Châu: Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Nhà Lý gọi là Văn Châu; khi thuộc Minh gọi là châu Thượng Văn và châu Hạ Văn; nhà Lê gọi là châu Văn Uyên. Nay vẫn là châu Văn Uyên.

Mậu Thìn, năm thứ 19 (1028): (Từ tháng 3 trở đi là niên hiệu của Lý Thái Tông hoàng đế năm Thiên Thành thứ 1). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 6).

Mồng 1, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Lý Thái Tổ mất.

Nhà vua ở ngôi 19 năm, thọ 55 tuổi.

Đông Chinh vương Lực cùng Dực Thánh vương và Vũ Đức vương làm loạn. Bọn nội thị Viên ngoại lang[3] là Lý Nhân Nghĩa và Vũ vệ tướng quân[4] là Lê Phụng Hiểu đánh dẹp được yên: Vũ Đức vương phải chịu giết chết.

Khi Lý Thái Tổ mới mất, bầy tôi đều đến cung Long Đức đón Thái tử Phật Mã, vâng theo lời di chiếu, lên ngôi. Hay tin ấy, Đông Chinh vương Lực cùng Dực Thánh vương và Vũ Đức vương đều kéo quân của phủ mình vào Cấm Thành. Đông Chinh vương Lực phục quân ở phía trong Long Thành, Dực Thánh vương và Vũ Đức vương phục quân ở phía trong cửa Quảng Phúc, đợi Thái tử đến thì đổ ra tập kích. Một lát, Thái tử từ cửa Tường Phù vào, đến điện Kiền Nguyên, thấy động, cho đóng các cửa điện lại, sai các vệ sĩ bố trí phòng bị. Thái tử bảo những người ở bên mình rằng: "Ta đây ở với anh em không phụ ai một tí nào, thế mà bây giờ các vương ấy làm sự bất nghĩa để nguy hại đến xã tắc! Vậy ý các khanh nghĩ sao?". Lý Nhân Nghĩa thưa: "Tình nghĩa anh em là ở chỗ trong có thể hiệp mưu với nhau,

---

[1] Lời của Khuất Đăng nói với Tấn Cảnh Tông (Xuân thu đại toàn, quyển 4). Ở đây ý nói vua sáng nghiệp nhà Lý dựng chùa Chân Giáo, đến vua cuối cùng nhà Lý lại kết quả bằng việc thắt cổ ở chùa này (xem thêm Chb. VI, 3 chép việc Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông).

[2] Gia phả của họ nhà vua.

[3] Chức quan được đặt từ thời Lý. Thường dùng để đi sứ, ngoại giao.

[4] Chức quan chỉ huy quân đội đứng đầu một vệ ở thời Lý, khoảng 2000 người.

ngoài có thể cùng nhau chống kẻ khinh thường nhà mình. Nay các vương ấy như thế thì còn gọi là anh em được nữa không? Tôi xin được phép ra đánh một trận để quyết định sự được thua". Thái tử nói: "Tiên đế mới nằm xuống, chưa kịp táng; mà bây giờ anh em ruột thịt hại lẫn nhau, để thiên hạ và đời sau chê cười thì sao?". Nhân Nghĩa thưa lại rằng: "Tôi nghe nói, người lo việc xa thì phải bỏ sự gần, kẻ giữ đạo công thì phải cắt đứt tình riêng. Xưa kia Chu Công[1] giết Quản[2], Thái[3] để yên nhà Chu; Đường Thái Tông[4] giết Kiến Thành[5] và Nguyên Cát[6] để giữ vững nhà Đường. Nay điện hạ[7] nếu làm được như Chu Công và Đường Thái Tông ngày trước để yên xã tắc, thì người ta khen ngợi còn không ngớt, chứ còn chê cười nỗi gì?". Thái tử hãy còn chần chừ chưa quyết định, Nhân Nghĩa lại nói thêm: "Tiên đế thấy điện hạ[8] là người hiền có thể nối được chí, tài có thể làm nên được việc lớn, cho nên phó thác thiên hạ cho điện hạ, nay giặc đã đến sát cửa cung, mà điện hạ còn trùng trình lặng thinh hồi lâu rồi nói: "Ta đây không phải không nghĩ đến thế đâu, nhưng chỉ muốn cho các vương ấy tự ý rút lui, khỏi lộ tội lỗi, để cho vẹn toàn ân tình máu mủ anh em đó thôi".

Bấy giờ quân ba phủ các vương hành động đã gấp rút. Thái tử liệu thế không thể kìm lại được nữa, mới bảo bọn Nhân Nghĩa: "Bây giờ sự thể đã đến thế này, ta đây chỉ biết thờ phụng Tiên đế, còn ngoài ra phó mặc các khanh, ta không biết đến". Bọn Nhân Nghĩa lạy hai lạy, nói: "Chết vì hoạn nạn của vua, là phận sự của chúng tôi; ngày nay nếu được chết cũng là chết đúng chỗ".

Nói đoạn, liền mở cửa thành, kéo ra đánh, ai nấy hăng hái sẵn sàng hy sinh: một người có thể địch được trăm người. Lê Phụng Hiểu tuốt gươm thẳng xông đến cửa Quảng Phúc, hô to lên rằng: "Bọn Vũ Đức vương trong bụng ngấm ngầm làm điều phản trắc, trên quên ơn Tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con; Phụng Hiểu đây xin dâng lưỡi gươm này". Đoạn, xông thẳng đến bên ngựa Vũ Đức vương: ngựa bị đánh quỵ, bắt sống được Vũ Đức vương, giết chết tại trận. Quân của ba vương phủ thua chạy. Quan quân đuổi chém hầu không còn sót một mống nào. Riêng Đông Chinh vương và Dực Thánh vương chạy được thoát thân thôi.

Phụng Hiểu quay về báo tin với Thái tử. Thái tử yên ủi rằng: "Ta sở dĩ gánh vác được cơ nghiệp của Tiên đế, là nhờ sức của các khanh đấy. Ta xem sử nhà Đường thấy có Uất Trì Kính Đức[9] giúp vua qua cơn hoạn nạn, vẫn nghĩ bụng rằng người làm tôi đời sau không còn ai sánh bằng. Thế mà Phụng Hiểu ngày nay lại còn trung dũng hơn Uất Trì Kính Đức". Phụng Hiểu lạy hai lạy, nói: "Đức độ điện hạ cảm động được đến trời đất, hễ kẻ nào dám manh tâm toan tính gì khác thì các vị thần linh trong thiên hạ đều làm hết chức phận mà tru diệt đi, chứ như lũ tôi nào có công gì!".

Lời phê - Lúc nối ngôi vua mà gặp chỗ phải đối xử với anh em ruột thịt khó khăn như thế này, thật rất rầy rà! Bấy giờ danh vị của thái tử đã được ổn định từ lâu, mà công đức thái tử trước đây vốn đã rõ rệt, vậy mà còn xảy ra biến loạn đến như thế; huống chi những đám khác ư? Lời bình luận của Sử cũ[10] chỉ là câu nệ ở việc phong vương mà không xét kỹ.

---

[1] Tên là Đán, em Chu Vũ vương, giúp Chu Thành vương, giết Vũ Canh, con chúa Trụ, là kẻ đã cùng Quản Thúc và Thái Thúc nổi dậy làm phản nhà Chu.

[2] Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ đều là em Chu Vũ vương, nhưng dựa vào thế Vũ Canh, con chúa Trụ, phản lại nhà Chu. Chu Công Đán phải đi đánh dẹp, diệt Vũ Canh, giết Quản Thúc, bỏ tù Thái Thúc; loạn mới yên.

[3] -nt-

[4] Tên gọi Thế Dân, là con thứ Đường Cao Tổ và là em Kiến Thành và Nguyên Cát; trị vì từ năm 627 đến năm 649.

[5] Kiến Thành và Nguyên Cát đều là anh Thế Dân (Đường Thái Tông). Cả hai đều mưu giết em vì lòng ghen ghét; nhưng lại bị Trưởng Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kinh Đức là bộ hạ của Thế Dân giết chết (Tăng bình lịch sử cương giám bổ, quyển 19, tờ 6).

[6] -nt-

[7] Chỉ Lý Thái Tông.

[8] -nt-

[9] Uất Trì Kính Đức giết được Nguyên Cát để cứu cho chủ là Thế Dân (Đường Thái Tông)

[10] Chỉ lời bình luận của sử thần Lê Văn Hưu, đại ý thế này: chế độ nhà Lý, con vợ cả phong tước vương, con vợ thứ đều phong là Hoàng Tử, mà không định rõ danh vị của hoàng thái tử, đến lúc vua cha ốm nặng, mới chọn một người trong hàng các con đứng

Lời chua - Phụng Hiểu: Người làng Băng Sơn, thuộc Ái Châu, có sức khỏe; Lý Thái Tổ nghe tiếng vời ra làm tướng, thăng đến Vũ Vệ tướng quân: đến đây vì có công dẹp loạn, được phong Đô thống thượng tướng quân, tước hầu. Làng Băng Sơn bây giờ là xã Dương Sơn thuộc huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Cung Long Đức: Ở ngoài kinh thành Thăng Long, dựng lên từ năm Thuận Thiên thứ 3 (1012).

Cửa Quảng Phúc1: Xem năm Thuận Thiên thứ 12 (Chb. II, 23).

Cửa Tường Phù: Cửa Đông Kinh thành Thăng Long.

Thái tử Phật Mã lên ngôi. Đổi niên hiệu. Đại xá.

Ngày Mậu Tuất, Lý Thái Tổ mất; ngày Kỷ Hợi, Thái tử Phật Mã lên ngôi, bầy tôi dâng tôn hiệu: Khai Thiên thống vận tôn đạo quý đức thánh văn quảng vũ sùng nhân thượng thiện chính lý dân an thần phù long hiện thể nguyên ngự cực ức tải công cao ứng chân bảo lịch thông huyền chí ảo hưng long đại định thông minh từ hiếu hoàng đế (tức là Lý Thái Tông).

Tôn mẹ là Lê thị là Linh Hiển hoàng thái hậu.

Tha tội cho Đông Chinh vương và Dực Thánh vương, lại cho khai phục vương tước.

Hai vương đến cửa cung khuyết xin chịu tội. Nhà vua xuống chiếu tha cho.

Ban tiền và lụa cho thiên hạ.

Nhà vua vì mới lên ngôi, muốn ra ơn cho thiên hạ, nên xuống chiếu ban phát tiền và lụa trong kho Nội phủ cho trong nước.

Hội họp bầy tôi tuyên thệ ở miếu thần Đồng Cổ.

Trước đây, các vương âm mưu làm loạn, triều đình không ai biết cả, nhà vua đêm chiêm bao thấy thần núi Đồng Cổ báo mộng rằng: Các vương Vũ Đức Đông Chinh và Dực Thánh nổi loạn đã, nên kíp điều khiển quân lính để đánh dẹp! Lúc tỉnh dậy, nhà vua sai người bố trí phòng bị; quả đúng như thế. Đến đây, xuống chiếu lập miếu thờ Đồng Cổ ở bên hữu thành Thăng Long, xây đàn ở giữa miếu, hội họp bầy tôi, giết con sinh vật, cùng nhau uống máu ăn thề, tuyên thệ rằng: "Làm con mà bất hiếu, làm tôi mà bất trung, thì Thần linh chu diệt". Từ đấy về sau, năm nào cũng đặt làm lệ thường. Người nào lẩn tránh không đến dự lễ tuyên thệ thì phải phạt 50 trượng.

Lời phê - Đế vương đã có mạng trời xếp đặt, bách thần cũng phải đem hết anh linh ra giúp đỡ. Việc biến loạn ở triều Lý, nếu bảo rằng Thái tử nhân chiêm bao mà biết trước, thì sao khi đã vào đến cung điện mới nghe biết tin biến động. Vậy việc lập miếu thờ đã là bậy rồi, đến việc hội họp thề nguyền lại càng hỏng nữa!

Lời chua - Núi Đồng Cổ: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb. I, 20).

Miếu thần Đồng Cổ: Ở thôn Đông, phường Yên Thái[2], huyện Vĩnh Thuận, bây giờ vẫn còn.

Khai Quốc vương Bồ làm phản. Tháng 4, mùa hạ nhà vua thân đi đánh: Khai Quốc vương ra hàng.

Trước đây, Bồ ở phủ Trường Yên, cậy đó là nơi hiểm trở kiên cố, chiêu nạp những kẻ vong mạng, đi cướp bóc dân; người xung quanh không ai dám nói gì cả. Kịp khi Vũ Đức vương đã bị giết. Bồ có ý bất bình, mới đem quân trong phủ mình nổi dậy làm phản. Nhà vua giao Lý Nhân Nghĩa giữ kinh đô,

---

ra nối ngôi. Chế độ như thế không rõ dụng ý thế nào, nhưng danh vị của ngôi hoàng tử không định rõ từ trước, đến lúc vội vàng mới chọn người nối ngôi, thì khó có thể giữ cho khỏi xảy biến loạn (Toàn thư quyển 3, tờ 13).

[1] Cửa Tây kinh thành Thăng Long.

[2] Tức làng Đông, vùng các làng Bưởi, nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội.

tự cầm quân đi đánh. Khi quân kéo đến phủ Trường Yên, Bồ xin hàng, nhà vua ưng thuận, ra lệnh: "Hễ kẻ nào cướp bóc của nả của dân thì chém!". Quân sĩ răm rắp nghiêm giữ kỷ luật, không dám tơ hào của dân. Khi vào trong thành, dân chúng ganh nhau dâng bò, biếu rượu; nhà vua vỗ về yên ủi, dân rất hả hê. Rồi rút quân về, xuống chiếu đổi bọn Bồ và liêu thuộc của hắn về kinh thành Thăng Long.

Nhà vua từ Trường Yên về triều, tha tội cho Khai Quốc vương Bồ và cho khai phục lại vương tước.

Tháng 5. Lập con là Nhật Tôn làm Thái tử.

Bầy tôi xin với nhà vua rằng: Thái tử là căn bản của nước, nên sớm lập người con có thánh đức chính vị đông cung để yên lòng mong muốn của thiên hạ. Nhà vua theo lời, lập Nhật Tôn làm Thái tử.

Lập bảy hoàng hậu.

Cho những thân phụ các Hoàng hậu là bọn Mai Hựu, Vương Đỗ, Đinh Ngô Thượng làm Thượng tướng[1].

Thân phụ bà Mai hậu là Hựu làm An quốc thượng tướng; thân phụ bà Vương hậu là Đỗ làm Phụ quốc thượng tướng, thân phụ bà Đinh hậu là Ngô Thượng làm Khuông quốc thượng tướng.

Lời chua - Mai Hựu, Vương Đỗ, Đinh Ngô Thượng: Đều không rõ lý lịch ra sao.

Dùng Đàm Toái Trạng làm Đô thống, Nguyễn Khánh làm Định thắng đại tướng.

Đặt mười vệ cấm quân[2].

Một là vệ Quảng Thánh, hai là vệ Quảng Vũ, ba là vệ Ngự Long, bốn là vệ Phủng Nhật, năm là vệ Trừng Hải: mỗi vệ đều chia ra tả và hữu, để bảo vệ cấm thành.

Tháng 6. Gặp tiết Thiên Thánh, ban yến cho bầy tôi.

Đặt ngày sinh nhật nhà vua làm tiết Thiên Thánh. Kết trúc làm núi Vạn Thọ nam sơn, núi có 5 ngọn: ngọn giữa gọi là núi Trường Thọ, còn 4 ngọn bên gọi là núi Bạch Hạc, làm nhiều hình trạng chim bay muông chạy. Sườn núi cắm đầy cờ xí, treo xen vàng ngọc; cho phường chèo đến trong núi, thổi kèn, thổi sáo, múa hát để mua vui. Ban yến cho bầy tôi. Lối chơi núi 5 ngọn bắt đầu từ đấy.

Lời phê - Chưa an táng cha, còn đang có trở đã vội yến tiệc vui chơi như thế, thật thất lễ quá!

Tháng 10, mùa đông. An táng Lý Thái Tổ ở Thọ lăng, phủ Thiên Đức.

Đặt tên Thụy là Thần Vũ hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tổ (1010-1028).

Năm Kỷ Tị (1029). Lý Thánh Tông hoàng đế năm Thiên Thánh thứ 2. (Tống, năm Thiên Thánh thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Làm xong miếu thờ Lý Thái Tổ.

Tháng 3. Gả công chúa Bình Dương cho Châu mục Lạng châu là Thân Thiệu Thái.

Thời bấy giờ không đặt tiết trấn; các việc quân sự và dân sự ở các châu đều do châu mục coi quản. Các châu miền thượng du lại giao cho bọn tù trưởng địa phương quản lĩnh. Nhà vua sợ khó khống chế được họ, nên mới kết mốt giao hảo bằng cuộc hôn nhân để ràng buộc họ. Lại gả công chúa Kim Thành cho châu mục Phong Châu là Lê Tông Thuận, và gả công chúa Trường Ninh cho châu mục Thượng Oai là Hà Thiện Lãm. Từ đó việc gả công chúa cho châu mục trở thành lệ thường của nhà Lý.

Lời chua - Lạng Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Phong Châu: Xem Hùng Vương (Tb. I, 1-2).

---

[1] Chức quan chỉ huy quân đội ở các đạo, vệ thời Đinh, Lý, Trần. Từ thời Lê trở đi chỉ còn là danh hiệu, phẩm hàm.

[2] Quân bảo vệ thành nội ở kinh đô. Được đặt từ thời Lý. Mỗi quân có 30 đô, mỗi đô 80 người.

Châu Thượng Oai: Không khảo được.

Giáp Đãn Nãi thuộc Ái Châu nổi loạn. Tháng 4, mùa hạ, nhà vua thân đi đánh, dẹp yên được.

Nhà vua sai Thái tử coi việc nước, tự cầm quân đi đánh, phá tan được giáp Đãn Nãi. Rồi sai Trung sứ đôn đốc nhân dân trong giáp ấy đào sông, gọi là sông Đãn Nãi, nhà vua kéo quân về.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Đãn Nãi: Tên một giáp, không rõ nay ở đâu.

Tháng 6. Dựng điện Thiên An.

Bấy giờ điện Kiền Nguyên đã bỏ, bỗng có con rồng hiện ở nền điện; nhà vua bảo những người ở xung quanh rằng: "Nền điện đã bỏ mà nay có rồng hiện, ý chừng đất ấy là nơi quý địa dựng lên cơ nghiệp đế vương[1] chăng?". Rồi sai ở chổ đó dựng điện Thiên An, hai bên tả hữu làm điện Tuyên Đức và điện Diên Phúc. Sân đằng trước gọi là sân rồng; phía đông và phía tây sân rồng làm điện Văn Minh và điện Quảng Vũ; hai bên tả hữu sân rồng dựng gác chuông; bốn xung quanh sân rồng đều làm hành lang và giải vũ. Phía trước làm điện Phụng Tiên, trên điện có lầu Chính Dương, người giữ thẻ đồng hồ[2] và báo canh, báo khắc ở tại đó. Phía sau làm điện Trường Xuân, trên điện có gác Long Đồ. Ngoài đó đắp một lần thành bao xung quanh gọi là Long Thành.

Lời phê - Bậy[3].

Mồng 1, tháng 10, mùa đông. Trời mưa ra gạo.

Trước chùa Vạn Tuế, mưa xuống thành đống gạo trắng.

Lời chua - Chùa Vạn Tuế: Ở trong thành Thăng Long.

Sứ nhà Tống sang.

Sứ Tống là Chương Dĩnh sang làm lễ tế viếng Lý Thái Tổ, sách phong nhà vua (Lý Thái Tông) làm Giao Chỉ quận vương.

Canh Ngọ, năm thứ 3 (1030). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 8).

Tháng 2, mùa xuân. Dựng điện Thiên Khánh.

Dựng điện Thiên Khánh ở phía trước điện Trường Xuân làm nơi làm việc chính trị. Điện này làm kiểu bát giác; phía trước và phía sau điện đều bắc cầu, gọi là cầu Phượng Hoàng.

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua sai đại liêu ban là Lê Ốc Thuyên và Viên ngoại lang là Nguyễn Viết Thân đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống.

Lời chua - Đại liêu ban: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua là tên một tước phong.

Đặt ra các kiểu áo mũ tước công, tước hầu, quan văn, quan võ.

Tháng 10, mùa đông. Đâu đấy được mùa cả.

Nhà vua đi thăm đồng Ô Lộ, xem xét việc gặt, nhân đó đổi tên xứ đồng ấy là Vĩnh Hưng.

Lời chua - Ô Lộ, Vĩnh Hưng: Chưa rõ đích xác ở đâu, nhưng xét huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên, có tổng Vĩnh Hưng, có lẽ là đấy chăng.

---

[1] Do chữ "long hưng" (rồng lên) trong bài phú của Ban Cố: chỉ bóng về việc khởi nghiệp của đế vương xưa.

[2] Dụng cụ cổ dùng để ghi thì giờ.

[3] Chỉ việc rồng hiện ở nền điện Kiền Nguyên.

Tân Mùi, năm thứ 4 (1031). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Người Hoan Châu làm phản. Tháng 2, nhà vua thân đi đánh và hàng phục được họ.

Giao cho Thái tử trông coi việc nước, nhà vua tự làm tướng đi đánh. Quân kéo đến Hoan Châu: người Hoan Châu xin hàng. Ban chiếu tha tội cho các viên thú mục ở châu ấy, sai sứ đi vỗ về hiểu dụ nhân dân, rồi trở về.

Lời chua - Hoan Châu: Tức Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Tháng 8, mùa thu. Các đền, chùa làm xong. Đại xá.

Trước đó, nhà vua từ Hoan Châu về, sai làm chín trăm năm mươi cảnh chùa và đền. Đến đây làm xong, mở hội chùa. Đại xá cho cả nước.

Tháng 10, mùa đông. Cho các đạo sĩ nhận ký lục[1] ở cung Thái Thanh.

Đó là theo lời đạo sĩ Trịnh Trí Không.

Lời chua - Cung Thái Thanh: Ở trong thành Thăng Long.

Nhâm Thân, năm thứ 5 (1032). (Tống, năm Minh Đạo thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua chính mình đi cày ruộng tịch điền.

Nhà vua đi Đỗ Động Giang, cày ruộng tịch điền[2]. Có người nông dân dâng lúa có điềm lạ: một rò được chín bông. Nhà vua hạ chiếu đổi gọi ruộng ấy là Ứng Thiên.

Lời chú - Đỗ Động Giang: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Tháng 9, mùa thu. Nhà vua đi Lạng châu xem bắt voi.

Lời chua - Lạng Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Tháng 11, mùa đông. Ban yến cho bầy tôi ở điện Thiên An.

Quý Dậu, năm thứ 6 (1033). (Tống, năm Minh Đạo thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ đến triều cống.

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên tông, năm Thái Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Châu Định Nguyên làm phản. Tháng 2, nhà vua thân đi đánh dẹp yên.

Nhà vua giao cho thái tử trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được châu Định Nguyên, rồi kéo quân về. Lúc mới ra quân từ kinh đô, đóng ở châu Chân Đăng, có Đào thị đem con gái mình dâng tiến, nhà vua nhận lấy làm cung phi.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Đem quân đi, đem gái về, binh uy vũ lực như thế thành ra nhảm nhí!

Lời chua - Châu Chân Đăng: Thuộc tỉnh Sơn Tây, tức là phủ Lâm Thao[3] bây giờ.

Châu Định Nguyên: không khảo được.

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ đi tìm ngọc trai.

---

[1] Một bức viết và vẽ bằng nét trắng, có phù chú, chứng nhận một đạo sĩ đã được vào giới tu đạo.

[2] Xem chú giải ở Chb. I, 22-23.

[3] Nay gồm đất các huyện Sông Thao, Thanh Hòa, Phong Châu, Tam Thanh tỉnh Phú Thọ.

Châu mục châu Vĩnh An là Sư Dụng Hòa nói ở châu ấy có vực sản ngọc trai; nhà vua sai sứ giả kiếm và lấy được.

Lời chua - Vĩnh Yên: Tức là trấn Triều Dương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb. II, 23-24).

Vực sản ngọc trai: Theo Minh Nhất thống chí, trong biển thuộc châu Vĩnh An ở An Nam sản ngọc trai. Những người lái buôn ngoài biển nói rằng hễ năm nào trăng rằm tháng tám mà sáng tỏ thì năm ấy nhiều ngọc trai.

Tháng 8. Lập thái tử Nhật Tôn làm Khai Hoàng vương.

Tháng 9. Châu Trệ Nguyên làm phản. Tháng 10, mùa đông nhà vua thân đi đánh, dẹp yên.

Nhà vua giao cho Khai Hoàng vương trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được châu Trệ Nguyên rồi kéo quân về.

Lời chua - Châu Trệ Nguyên: Bây giờ ở đâu, không khảo được.

Giáp Tuất, năm Thông Thụy thứ 1 (1034). (Tống, năm Cảnh Hựu thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu cho bầy tôi tâu việc phải gọi vua là "Triều đình".

Phàm ai tâu việc gì ở trước vua thì phải gọi vua là "Triều đình".

Lời bàn của Lê Văn Hưu - Bầy tôi gọi vua là "Bệ hạ"[1] lấy nghĩa rằng do người thấp để đạt lên người cao. Lý Thái Tông bắt bày tôi gọi là "Triều đình", sau này, Lý Thánh Tông tự xưng là "Vạn thặng"[2], Lý Cao Tông bắt người ta gọi mình là "Phật", đều không có phép tắc ở Kinh điển nào cả, thực lầm lẫn quá!

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua sai Viên ngoại lang là bọn Hà Thụ và Đỗ Khoan đem biếu nhà Tống con voi đã thuần thục. Nhà Tống tặng bộ kinh Đại tạng để đáp lễ lại.

Bấy giờ có sư Nghiêm Bảo Tính và sư Phạm Minh Tâm đều làm lễ thiêu mình: xá lị[3] thành thất bảo[4]. Nhà vua cho thế là điềm tốt lành, sai đem thất bảo ấy để thờ ở chùa Trường Thánh; nhân đó đổi niên hiệu là Thông Thụy.

Lời phê - Lầm lỗi quá lắm!

Lời chua - Kinh Đại tạng: Xem Lê Long Đĩnh, năm Ứng Thiên thứ 14 (Chb. I, 43).

Ất Hợi, năm thứ 2 (1035). (Tống, năm Cảnh Hựu thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Làm lễ sách lập[5] bà Thiên Cảm hoàng hậu.

Hoàng hậu này là người vợ lẽ yêu của nhà vua, không rõ họ gì. Bấy giờ phong 13 người làm hậu phi, 18 người làm ngự nữ, hơn 100 người làm ca nữ.

---

[1] Chữ "bệ", nghĩa đen là cái thềm. Thiên tử bao giờ cũng có thân thần cầm binh khí đứng dưới thềm, để phòng sự bất trắc. Bầy tôi tâu bày sự việc lên thiên tử, không dám nói thẳng, nên dùng danh từ "bệ hạ" ý nói do người thấp để đạt lên người cao. Nguyên văn sử Cương mục chép là "do tôn đạt ti" thì không đúng, nên ở đây chúng tôi theo trong Từ Hải chép là "do ti đạt tôn" mà dịch nghĩa là do người thấp để đạt lên người cao cho đúng nghĩa chữ "bệ hạ".

[2] Chữ "thặng", nghĩa đen là binh xa. Dùng chữ "vạn thặng" để xưng hô vua, ý nói vua có hàng vạn cổ binh xa.

[3] Chất còn lại của xương cốt người ta ở trong tro tàn sau khi thiêu xác.

[4] Bảy thứ quý giá. Theo sách nhà Phật, "thất bảo" có đến bốn thuyết hơi khác nhau, nhưng thuyết nào cũng trình bày đủ bảy thứ và đều là những thứ sáng sủa, cứng rắn, như vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, hổ phách, san hô hoặc pha lê, trân châu,...

[5] Lễ lập một người vợ vua lên làm hoàng hậu.

Lập con là Nhật Trung làm Phụng Kiền vương.

Nhật Trung được phong tước vương, còn các con khác đều phong tước hầu.

Tháng 9. Ái Châu làm phản. Tháng 10, mùa đông, nhà vua thân đi đánh, dẹp yên.

Cho Phụng Kiền vương Nhật Trung làm kinh sư lưu thủ, nhà vua tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được Ái Châu; trị tội các mục trưởng châu ấy, sai sứ phủ dụ nhân dân rồi về.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XI, 20-21).

Tháng 11. Nhà vua từ Ái Châu về, đặt tiệc linh đình khao các tướng sĩ.

Bọn tướng quân Nguyễn Khánh mưu làm phản, đều bị giết.

Trước đó, Khánh cùng với em nuôi là Đô thống Đàm Toái Trạng, nhà sư là họ Hồ và em vua là bọn Thắng Kiền, Thái Phúc mưu làm phản. Kịp khi nhà vua đi đánh Ái Châu, Khánh bấy giờ là Định thắng đại tướng cũng theo đi. Việc mưu phản bị phát giác. Phụng Kiền vương Nhật Trung đem tình trạng việc ấy tâu lên, nhà vua xuống chiếu bắt bọn Nguyễn Khánh, đóng cũi đưa về kinh đô. Đến đây, nhà vua ngự ở điện Thiên Khánh, tra xét, bọn Nguyễn Khánh, Toái Trạng và nhà sư họ Hồ đều bị giết, còn thì xử phạt có khác nhau thùy theo tội nặng hay nhẹ. Trước đây, nhà vua đi đến hành doanh ở Ái Châu, mở tiệc khao tướng sĩ, Nguyễn Khánh có dự. Nhà vua ngầm trỏ Nguyễn Khánh mà bảo các phi tần: "Nguyễn Khánh, trong lòng xao xuyến, trông thấy trẫm, y có vẻ thẹn, cử động thất thố, thế nào y cũng làm phản đấy". Kịp khi có tin báo đế, các phi tần đều lạy hai lạy mà tâu: "Thiếp nghe danh ngôn xưa có câu: "Bậc thánh nhân ngầm thấy được việc từ lúc chưa bộc lộ, đoán trước được việc từ lúc chưa nảy ra". Ngày nay chính mắt bọn thiếp được thấy rõ nghĩa câu nói ấy".

Bính Tí, năm thứ 3 (1036). (Tống, năm Cảnh Hựu thứ 3). Tháng giêng, mùa xuân. Tượng Phật làm xong. Đại xá.

Pho tượng Phật Đại nguyện đã tô xong, mở hội ăn mừng ở sân rồng; đại xá cho cả nước.

Tháng 4, mùa hạ. Đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu trại.

Nhà Tùy đặt là Hoan Châu; nhà Đinh, nhà Lê vẫn theo như trước. Đến đây, vì đặt hành doanh, nên đổi tên như vậy. Lại đặt ra những kho như Tư Thành, Lợi Nhân và Vĩnh Phong tất cả 50 sở.

Lời chua - Hoan Châu: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Đinh Sửu, năm thứ 4 (1037). (Tống, năm Cảnh Hựu thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi đánh Lâm Tây, dẹp yên được. Tháng 3, trở về cung.

Trước đây, đạo Lâm Tây cùng với các châu Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên làm phản, xâm lấn châu Tư Lăng nhà Tống, cướp lấy trâu ngựa của dân sở tại đem về. Đến đây, nhà vua sai Phụng Kiền vương Nhật Trung coi giữ kinh đô, cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn làm đại nguyên soái, đi đánh các châu Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên, nhà vua thì tự đem quân đến đạo Lâm Tây đánh phá được địch rồi kéo quân về.

Lời chua - Lâm Tây: Thuộc tỉnh Hưng Hóa, nhà Lý gọi là đạo Lâm Tây, nhà Trần gọi là đạo Đà Giang, khi thuộc Minh gọi là châu Gia Hưng; nhà Lê đổi là phủ Gia Hưng, tức là phủ Gia Hưng bây giờ.

Hai châu Đô Kim, Bình Nguyên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. II, 18).

Tư Lăng: Theo Thanh Nhất thống chí, châu Tư Lăng thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây.

Tháng 7, mùa thu. Xem bơi trải.

Nhà vua ngự điện Hàm Quang, xem bơi thuyền thi. Từ đó năm nào cũng đặt làm lệ thường.

Có nạn thủy tai lớn.

Mậu Dần, năm thứ 5 (1038). (Tống, năm Bảo Nguyên thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi cày ruộng tịch điền.

Nhà vua đi ra cửa Bố Hải, sai quan tư đắp đàn tế Thần nông, chính mình tự tay cầm cày, làm lễ cung canh[1]. Những người ở tả hữu ngăn rằng: "Đó là việc của nông phu, bệ hạ cần chi phải làm?". Nhà vua nói: "Trẫm mà không chính mình cày ruộng thì lấy đâu có gạo làm tế phẩm để thờ cúng nhà tông miếu và lấy gì để nêu gương cho thiên hạ?". Bấy giờ nhà vua mới cày ba luống rồi thôi.

Lời chua - Cửa Bố Hạ: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Tháng 11, mùa đông. Làm kho ngự khố.

Tháng 12. Thủ lĩnh châu Thảng Do là Nùng Tồn Phúc làm phản.

Trước đây, Tồn Phúc làm thủ lĩnh châu Thảng Do, cùng với em là Tồn Lộc, thủ lĩnh châu Vạn Nhai, và em vợ là Đương Đạo, thủ lĩnh châu Vũ Lặc, đều thuộc châu Quảng Nguyên, hằng năm vẫn nộp đồ tiến cống bằng sản vật địa phương. Sau, Tồn Phúc giết Tồn Lộc và Đương Đạo, chiếm lấy cả đất của họ, tiếm xưng hoàng đế, lập vợ làm hoàng hậu, phong tước vương cho con, đổi châu Thảng Do làm nước Trường Sinh, sửa đồ giáp binh, xây đắp thành trì, làm kế tự thủ; từ bấy giờ không tiến cống nữa.

Lời chua - Tồn Phúc: Người làng Tượng Cần, châu Thạch An.

Châu Vạn Nhai: Thuộc tỉnh Thái Nguyên. Xưa gọi là châu Vạn Nhai (nhai là sườn núi); nhà Lý gọi là Vạn Nhai (nhai là bến nước); khi thuộc Minh gọi là Vũ Lễ; nhà Lê gọi là Vũ Nhai, tức là châu Vũ Nhai ngày nay.

Quảng Nguyên: Thuộc tỉnh Cao Bằng. Nhà Lý gọi là Quảng Nguyên; khi thuộc Minh gọi là Uyên huyện; nhà Lê gọi là Lộng Nguyên, tức là châu Quảng Uyên bây giờ.

Thảng Do: Theo sách Độc sử phương dư kỷ yếu của Cố Tổ Vũ, châu Thảng Do giáp giới với châu Quảng Nguyên.

Vũ Lặc: Theo Đường thư Địa lý chí nhà Đường đặt ra Lung Châu, quản lĩnh huyện Vũ Lặc. Thế thì Thảng Do và Vũ Lặc có lẽ ở vào địa hạt tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn; các triều đại phân chia ra sao và cho lệ thuộc thế nào, không khảo được.

Sứ nhà Tống sang.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

Kỷ Mão, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (1039). (Tống, năm Bảo Nguyên thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi đánh dẹp và giết chết Tồn Phúc.

Hà Văn Trinh, thủ lĩnh châu Tây Nông, đem tình trạng làm phản của Tồn Phúc tâu lên. Nhà vua giao cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn trông coi việc nước, chính mình tự làm tướng, đi đánh dẹp. Khi quân kéo đến châu Quảng Nguyên, Tồn Phúc đem cả bộ lạc trốn, nhà vua tung quân ra đuổi, bắt được Tồn Phúc và con hắn là bọn Trí Thông 5 người. Còn vợ Tồn Phúc là Á Nùng và con hắn là Trí Cao đều chạy thoát được. Nhà vua sai san phẳng cả thành trì của Tồn Phúc, chiêu an vỗ về nhân dân; đóng cũi bọn Tồn Phúc điệu về kinh đô, xuống chiếu rằng: "Trẫm có thiên hạ, khắp trên đất, đâu đấy đều là tôi con, các phiên thần đều dâng lễ cống. Thế mà Tồn Phúc ở châu Thảng Do dám tự tôn tự đại, dựng nước riêng, tiếm xưng tôn hiệu, khuấy rối dân lành ở nơi biên giới. Trẫm nay kính vâng mạng Trời, phải đi

[1] Chính mình cày ruộng.

đánh dẹp. Khi kéo quân đến Quảng Nguyên, bắt được bọn Tồn Phúc 5 người, dẹp yên đất ấy". Rồi đem chém cả ở chợ trong kinh đô.

Lời chua - Tây Nông: Thuộc tỉnh Thái Nguyên, tức là huyện Tư Nông bây giờ.

Tháng 6, mùa hạ. Bầy tôi dâng tôn hiệu.

Bấy giờ giặc Nùng đã yên, 5 người nước Chiêm Thành lại quy phụ; động Vũ Kiến dâng một khối vàng sống nặng 112 lạng; châu Lộng Thạch và châu Đinh Biên đều nói ở hai châu ấy có hiện ra khí sắc trắng như bạc. Bầy tôi đặt tôn hiệu gồm 8 chữ dâng lên nhà vua: "Kim dũng, ngân sinh, Nùng bình, Phiên phục"[1]. Nhân đó xin đổi lại niên hiệu. Nhà vua nói: "Về đời Đường[2] Ngu[3] chỉ vẽ ra hình tượng mà người không dám trái[4], không cần đánh dẹp mà binh lính người ngoài phải khuất phục; đời bấy giờ nhà nào cũng lương thiện đáng khen, nhân dân tận nơi góc biển đâu cũng vui theo. Có hiện tượng mây lành, sao đẹp; có chim phượng hoàng đến múa chầu. Người làm vua chỉ rũ áo chắp tay, không cần bày vẽ gì mà thiên hạ cũng rất bình trị. Nếu không phải là bậc có đạo đức cao lắm thì sao được như thế? Trẫm là người ít đức, đứng đầu thần dân, vẫn nơm nớp lo sợ, chỉ e không gánh nổi việc nước, đâu dám mong như Nghiêu Thuấn xưa? Ngày nay, giặc Mán đã yên, vàng bạc nảy ra, đó là trời đất tựa cho chăng? Hay là răn dạy đấy chăng? Trẫm lấy làm sợ hãi lắm, chứ đâu dám đương nổi danh hiệu đẹp đẽ ấy?". Bầy tôi cố nài mãi, nhà vua mới nghe theo.

Lời phê - Đối với những đám giặc cỏ ở trong nước, có gì đáng khoe là "bình" thế mà vội tự tôn, tự đại xằng! Bầy tôi thì dâng lời bợ đỡ, nhà vua thì giả đò khiêm nhường, trên dưới đều trái cả!

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Động Vũ Kiến: Thuộc châu Quảng Nguyên, bây giờ đổi lại là gì, không rõ.

Lộng Thạch: Theo sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư, châu Lộng Thạch thuộc tỉnh Lạng Sơn. Bây giờ phân chia và lệ thuộc ra sao, không khảo được.

Định Biên: Theo Đại Thanh nhất thống chí, An Nam cổ tích, châu Định Biên có tên nữa là Minh Tế. Theo Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Định Biên thuộc tỉnh Cao Bằng. Bây giờ đổi lại là gì, chưa rõ.

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai đại liêu ban là Sư Dụng Hòa và thân vương ban là Đỗ Hưng đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống.

Lời chua - Đại liêu ban: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 3 (Chb. II, 35).

Thân vương ban: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua là tên một tước phong.

Sư Dụng Hòa: Châu mục châu Vĩnh An, vừa mới được phong tước này.

Tháng 10, mùa đông, sửa lại miếu Lý Thái Tổ.

Miếu này làm từ năm Thiên Thành thứ 1 (1028), đến đây sửa lại.

Tháng 12. Nước Chân Lạp sai sứ đến triều cống.

---

[1] Vàng phun lên, bạc nảy ra, giặc Nùng yên, người Phiên phục.

[2] Khoảng năm 2357 đến năm 2256 trước công nguyên.

[3] Khoảng năm 2255 đến năm 2206 trước công nguyên.

[4] Câu này trích trong tờ chiếu của Vũ đế nhà Tây Hán cầu người hiền lương. Nguyên văn: "Đường Ngu hoạch tượng nhi dân bất phạm". Có hai thuyết giải nghĩa: 1. Nghiêu, Thuấn chỉ vẽ màu sắc và kích thước của áo mũ, mà không ai dám chế áo trái với hình dáng đã vẽ (Ung Thiệu); 2. Đồ mặc có vẽ hình dạng năm thứ hình phạt (Nhan Sư Cổ).

Năm Thiên Thành thứ 6 (1033), Chân Lạp đã sai cống đến đây lại sang cống nữa.

Người Chiêm Thành giữ trại Bố Chính là bọn Bố Lệnh, Bố Kha, Lan Đà Tinh đem bộ thuộc hơn trăm người sang theo ta.

Lời chua - Nước Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Bố Chính: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ III

Từ Canh Thìn (1040), Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 2 đến Tân Mùi (1091), Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 7, gồm 52 năm (1040-1091).

Canh Thìn, năm thứ 2 (1040). (Tống, năm Khang Định thứ 1).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2, phát gấm vóc, hàng của nhà Tống, cho bầy tôi.

Trước đó, nhà vua sai cung nữ dệt gấm vóc, họ đã dệt được thành những tấm hàng rồi; đến đây, sai đem những gấm vóc, hàng của nhà Tống, vẫn chứa trong kho, ban phát cho bầy tôi: từ ngũ phẩm trở lên thì áo gấm, từ cửu phẩm trở lên thì áo vóc, tỏ ý không dụng gấm vóc của Tống nữa.

Lời phê - Được!

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu: phàm các việc kiện tụng đều giao cả cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn xét xử, định đoạt rồi tâu lên.

Dùng điện Quảng Vũ làm nơi xử kiện. Phàm các việc kiện tụng trong nước đều do nơi đó xử đoán rồi tâu lên vua.

Lời chua - Điện Quảng Vũ: Ở phía tây sân rồng điện Thiên An.

Tháng 10, mùa đông. Tượng Phật đã tô xong. Đại xá.

Trước đây, nhà vua sai tạc hơn một nghìn pho tượng Phật và vẽ hơn một nghìn bức tranh Phật; lại làm hơn một vạn chiếc bảo phan[1]; đến đây, làm xong, mở hội, đại xá, tha cho những người phạm tội đồ lưu; xá một nửa tiền thuế cho cả nước.

Tân Tị, năm thứ 3 (1041). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 1).

Tháng 6, mùa hạ. Điện Tiền chỉ huy sứ là bọn Đinh Lộc và Phùng Luật mưu làm phản, đều bị giết.

Lộc và Luật âm mưu làm phản, việc phát giác.

Nhà vua hạ chiếu bắt Đinh Lộc, Phùng Luật và đồ đảng chúng giao cho quan lại trị tội. Bọn Lộc, Luật đều bị giết cả.

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu cho Uy Minh hầu Nhật Quang làm Tri châu Nghệ An.

Nhật Quang là con thứ 8 Lý Thái Tổ; khi nhậm chức ở Nghệ An, làm chính sự có ân huệ với dân. Đến lúc mất, người trong châu ấy lập đền thờ.

Lời chua - Đền Nhật Quang: Ở xã Bạch Đường và xã Hội Thống thuộc tỉnh Nghệ An; bây giờ vẫn còn.

---

[1] Ta gọi đây là phướn, làm bằng vải hoặc bằng tơ, thân phướn hình chữ nhật đứng, nhỏ bản mà dài, lòng phướn có những chữ như "Nam vô A di đà phật", đuôi phướn có mấy dải dài lê thê trông như đuôi diều. Có hai hạng: hạng lớn, treo ở gian giữa chùa thẳng từ dưới cái nóc rủ xuống; hạng nhỏ, mắc vào cán tre để các bà vãi cầm trong những khi đi rước Phật hoặc đi đưa đám tang, niệm Phật.

Nùng Trí Cao làm phản. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được Trí Cao, lại cho làm châu mục châu Quảng Nguyên.

Trí Cao trốn ở động núi, đến đây cùng với mẹ là Ả Nùng từ động Lôi Hỏa, lại ra giữ châu Thảng Do, đổi châu ấy là nước Đại Lịch. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được Trí Cao điệu về kinh đô. Nhà vua thương tình vì cha và anh đều đã bị giết, nên tha tội và cho hắn làm chức châu mục Quảng Nguyên; lại lấy các động Lôi Hỏa và châu Tư Lang cho phụ thêm vào địa hạt Trí Cao cai trị.

Lời chua - Hai châu Quảng Nguyên, Thảng Do: Xem năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

Động Lôi Hỏa: Theo sách Độc sử phương dư kỷ yếu của Cố Tổ Vũ, động Lôi Hỏa ở phía tây bắc phủ Lạng Sơn, khoảng giữa châu Quảng Nguyên và châu Thảng Do. Bây giờ đổi lại ra sao, chưa rõ.

Tư Lang: Trước thuộc tỉnh Thái Nguyên, bây giờ thuộc tỉnh Cao Bằng. Nhà Lý gọi là Tư Lang; nhà Trần vẫn theo như trước; khi thuộc Minh chia làm Thượng Tư Lãng và Hạ Tư Lãng; nhà Lê đổi làm Thượng Lang và Hạ Lang, tức là huyện Thượng Lang và huyện Hạ Lang bây giờ.

Nhâm Ngọ năm Minh Đạo thứ 1 (1042). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua đi Kha Lãm chính mình cày ruộng tịch điền.

Lời phê[1] - Trước đó, nhà Tống đã có niên hiệu là Minh Đạo[2], có lẽ nào vua Lý không biết mà lại đặt trùng? Thật đáng khinh bỉ!

Lời chua - Kha Lãm: Tên đất, bây giờ không khảo được.

Tháng 9, mùa thu. Động đất.

Tháng 9 nhuận. Cấm quan lại thu thuế phù lạm.

Khi dân đóng thuế, ngoài mười phần phải nộp vào kho công rồi, quan lại được phép lấy một phần mười nữa, gọi là "hoành đầu". Nếu kẻ nào thu quá số ấy, thì bị xử theo tội ăn trộm. Quản giáp, chủ đô và người thu thuế nếu thu quá lệ đều bị xử tội giống thế cả. Nhà dân nào cáo tỏ sự thu thuế phù lạm thì nhà ấy được miễn dao dịch ba năm; người nào ở kinh thành mà cáo giác ra thì có thưởng.

Khố ti[3] thu thuế lụa, nếu ăn lễ lấy lụa của người ta thì cứ mỗi thước lụa phạt 100 trượng; mỗi tấm lụa phạt phối dịch một năm. Còn trên số ấy trở lên thì cứ chiếu theo số tấm lụa đã lấy mà tăng thêm số năm phối dịch.

Lời chua - Quản giáp: Tên quan. Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 16 (1025), định ra các sắc mục quản giáp.

Chủ đô: Không rõ.

Hoành đầu: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, quản giáp, chủ đô và người thu thuế, ngoài mười phần thu thuế, được lấy một phần mười để làm bổng lộc, gọi là "hoành đầu". Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: "Hoành đầu cũng như thể lệ thu thuế ở triều Lê, ngoài tiền thuế, có tiền giấy bút".

Văn Châu làm phản. Tháng 10, mùa đông. Nhà vua sai Khai Hoàng vương Nhật Tôn đi đánh.

Phong Khai Hoàng vương làm đô thống đại nguyên súy đem quân đi đánh.

---

[1] Chỉ niên hiệu Minh Đạo.

[2] Một niên hiệu của Tống Nhân Tông, từ 1032 đến 1033.

[3] Người coi kho.

Ban Hình thư.

Bấy giờ, việc kiện tụng bề bộn. Quan lại giữ pháp luật cứ câu nệ theo thành văn trong luật lệ, haylàm những điều quá khắc nghiệt; vì ậy có nhiều người bị oan uổng quá đáng. Nhà vua thấy thế, động lòng thương, mới sai viên Trung thư sửa định lại luật lệnh. Việc sửa định này phải tham bác châm chước cho thích hợp với thời thế, đặt ra từng môn, từng loại, phân ra từng điều, từng khoản, làm hẳn thành bộ Hình thư của một triều đại. Khi sách làm xong, nhà vua xuống chiếu cho ban hành: ai cũng khen là tiện lợi. Nhân đó đổi niên hiệu là Minh Đạo.

Bấy giờ lại định rõ điều mục về các lệnh cấm:

Phàm ai bán kẻ hoàng nam ở dân gian làm nô bộc tư gia, nếu đã bán rồi thì phạt 100 trượng và thích 20 chữ vào mặt; chưa bán mà đã phục dịch người ta thì phạt 100 trượng và thích 10 chữ vào mặt. Kẻ tri tình mà cứ mua, cũng phạm tội, nhưng giảm xuống một bậc.

Phàm ăn trộm trâu của công phải phạt 100 trượng; ăn trộm một con bắt phạt thành hai.

Đương đêm vào nhà người gian dâm vợ cả hay vợ lẽ người ta nếu chủ nhân giết chết ngay lúc bấy giờ thì không bị luận tội.

Kẻ trộm dùng sức mạnh để lấy được của người ta, phạt 100 trượng; nếu chưa lấy được của mà làm người ta bị thương thì phải tội lưu.

Lời chua - Hình thư: Theo Lịch triều hiến chương, Văn tịch chí, của Phan Huy Chú, sách Hình thư đời Lý Thái Tông, 3 quyển, bây giờ thất truyền.

Hoàng nam: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: Triều Lý, dân đinh đến 18 tuổi, ghi tên vào hoàng sách[1], gọi là "hoàng nam"; đến 20 tuổi trở lên gọi là "đại hoàng nam". Ai nuôi nô bộc riêng, chỉ được nuôi người nào chưa đến tuổi hoàng nam[2].

Tháng 11. Định rõ thể lệ cho chuộc tội.

Phàm nhân dân, người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, người có nhược tật[3] và người có họ thân với nhà vua phải để tang nhau từ chín tháng trở lên, nếu phạm tội thì đều được cho chuộc tội, chỉ trừ người nào phạm vào tội thập ác[4] thì không tha.

Đói lớn.

Quý Mùi, năm thứ 2 (1043). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Sai Khai Hoàng vương Nhật Tôn đi đánh Ái Châu, Phụng Kiền vương Nhật Trung đi đánh Văn Châu.

Bấy giờ Ái Châu và Văn Châu đều làm phản; nhà vua cho Khai Hoàng vương làm đô thống sứ đại nguyên súy, đi đánh Ái Châu, Phụng Kiền vương làm đô thống nguyên súy đi đánh Văn Châu. Khi Văn Châu đã dẹp yên, Phụng Kiền vương đem dâng bốn con ngựa ấy là: Tái Thiên, Quảng Thắng, Truy Phong và Nhật Ngự.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Văn Châu: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

---

[1] Sổ bìa vàng.

[2] Tức dưới 18 tuổi.

[3] Người bị bệnh hao mòn, thân thể gầy yếu, đi đứng không vững.

[4] Hình luật cũ có mười tội ác sau đây hễ ai phạm vào thì không được tha: 1) âm mưu phản quốc; 2) âm mưu làm việc đại nghịch (giết vua, giết cha); 3) âm mưu phản bội; 4) hung ác bạo nghịch; 5) bất đạo đức; 6) đại bất kính; 7) bất hiếu với cha mẹ; 8) không hòa thuận với anh em; 9) bất nghĩa; 10) loạn luân.

Tháng 9, mùa thu. Gia phong Nùng Trí Cao làm Thái bảo[1].

Trí Cao đã được làm Châu mục, đến đây, lại gia phong làm Thái bảo và ban cho quả ấn.

Đóng thuyền chiến.

Bấy giờ Chiêm Thành chống lại mệnh lệnh, nhà vua muốn đi đánh có bảo những người ở tả hữu rằng: "Chiêm Thành mười sáu năm, không giữ lễ cống, ý chừng uy đức của trẫm không tràn thấm đến chúng?". Mọi người đều nói: "Bệ hạ từ khi lên ngôi đến nay, nước kia chống lại mệnh lệnh, không đến triều cống mà triều đình chỉ ban ân đức để vỗ về thôi, chứ chưa hề dương uy diệu vũ, làm như thế, không phải cách để cho người phương xa phải sợ được. Chúng tôi chỉ e trong nước lại có chư hầu khác họ nào đó cũng như Chiêm Thành thì Bệ hạ sẽ dùng cách gì mà chế trị được?". Bấy giờ nhà vua bèn quyết chí đi đánh. Đến đây, xuống chiếu cho đóng các thuyền chiến hơn vài trăm chiếc mang các tên như Rồng, Phượng, Cá, Rắn, Hổ, Báo và Anh Vũ để chuẩn bị dùng vào việc điều bát đi trận.

Lời phê[2] - Khơi gợi cái tính ưa nịnh thật quá lắm! Về việc dưới đây[3] cũng thế.

Tháng 12, mùa đông. Ban chiếu cho chư quân sửa binh khí và áo giáp.

Bấy giờ, ở điện Trường Xuân, cái mộc của vua tự nhiên rung động (vô cớ, tự nó động đậy). Nhà vua đem việc đó ra hỏi. Bầy tôi đều nói: "Trước khi có gió, chim loan bay liệng, trước khi có mưa, đá đổ mồ hôi, là cơ màu cảm thông đáp ứng lẫn nhau. Nay sắp dấy quân, binh khí tự nhiên rung động, thì còn có gì đáng nghi ngờ?". Nhà vua cho là phải, xuống chiếu cho chư quân sửa áo giáp và binh khí, hẹn đến mùa xuân sang năm, đi đánh Chiêm Thành.

Ban tiền Minh Đạo cho các quan.

Giáp Thân, năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 1 (1044). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh và thắng được nước Chiêm Thành, chém chúa Chiêm là Sạ Đẩu. Vợ chúa Chiêm là Mị Ê giao mình xuống sông tự tử.

Giao cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn trông coi việc nước, nhà vua thân đốc chư quân, hàng vạn chiếc thuyền cùng xuất phát. Khi thuyền đến cửa biển Đại Ác, gió êm sóng lặng, nhà vua sai đổi tên Đại Ác là Đại An. Khi đến núi Ma Cô, có đám mây tía đỡ lấy mặt trời. Khi qua vũng Hà Não, có một đám mây che trên thuyền vua, hễ thuyền đi thì đám mây cũng đi, thuyền đứng lại thì đám mây cũng đứng lại. Một ngày thuận gió, vượt qua bãi Đại Trường Sa và Tiểu Trường Sa, thẳng đến cửa biển Ô Long. Chúa Chiêm đem cả quân và voi bày trận ở bờ bên nam sông Ngũ Bồ để chống cự quan quân ta. Nhà vua ở bên bờ bắc sông ấy chia tướng sĩ ra từng bộ phận, mở cờ, gióng trống, đi tắt sang sông, đánh địch. Chưa giao chiến, quân Chiêm đã tự vỡ ngay. Quan quân đuổi đánh, chém được ba vạn thủ cấp. Quách Gia Di chém đầu chúa Chiêm Sạ Đẩu, tại trận, đem dâng; bắt sống tướng sĩ địch hơn năm nghìn người, và tước được hơn ba mươi thớt voi đã luyện tập thuần thuộc. Người Chiêm bị quan quân ta giết chết xác chất đầy nội. Nhà vua động lòng thương, ra lệnh cấm giết càn. Đoạn, kéo quân vào thành Phật Thệ, bắt được vợ cả, vợ lẽ của chúa Chiêm và những cung nữ giỏi ca múa khúc điệu Tây Thiên. Nhà vua sai sứ đi khắc các làng xóm, phủ dụ nhân dân.

Tháng 8, kéo quân về, đến hàng doanh Nghệ An, vời Uy minh hầu Nhật Quang ra yên uỷ, trao cho quyền tiết việt ở châu Nghệ An, lại gia phong tước vương. Trước đấy, nhà vua giao việc vận tải quân lương cho Nhật Quang; Nhật Quang đặt ra trại Bà Hòa, lại tùy từng nơi đặt ra những đồn bằng đất, thu tô thuế ở Nghệ An chứa đầy vào đó, nên khi nhà vua hành quân, việc tiếp tế lương ăn được đầy đủ, không thiếu; nhà vua khen lắm, nên có việc phong thưởng này.

---

[1] Theo quan chế nhà Chu, Thái bảo thuộc hàng tam công. Thời Lý đặt ra để làm danh hiệu gia thêm cho các trọng thần, không phải là những chức làm việc.

[2] Chỉ việc trình bày ý kiến đi đánh Chiêm Thành.

[3] Xem đoạn sử sau đây chép việc quân thần tâu bày về cái mộc của Lý Thái Tông tự nhiên rung động.

Tháng 9, đến hành điện Lỵ Nhân, nhà vua cho vời vợ Sa Đẩu, chúa Chiêm Thành, là Mị Ê, lên hầu thuyền ngự. Mị Ê khôn xiết uất ức căm hờn, lẳng lặng quấn cái chiên vào người rồi gieo mình xuống sông tự tử. Nhà vua khen là trinh tiết, phong làm Hiệp Chính hựu thiện phu nhân.

Lời phê[1] - Bây giờ không nghe nói có việc người Chiêm vào lấn cướp thì không phải là bất đắc dĩ mà dùng binh, thế mà muốn phô sức mình, thích lập công nghiệp, buông thả lòng dục, giết hại mạng người! Thậm chí cướp bắt phụ nữ để chứa đầy vào hậu cung: việc này lại càng thất đức! So với Mị Ê, thật đáng thẹn chết! Huống chi khúc điệu Tây Thiên là thanh âm mất nước, gây nên sự mê muội cho con cháu đời sau[2]! Thế thì trong sự thất đức lại càng thất đức hơn nữa! Thái Tông là bậc vua hiền mà làm như thế, thực đáng tiếc! Về phần bầy tôi bấy giờ cũng không sao tránh khỏi cái tội nống ác của vua!

Lời chua - Đại Ác: Tức là Đại Nha. Xem Lý Hậu đế, năm thứ 1 (Tb. IV, 13).

Núi Ma Cô: Có tên nữa là Lễ Đễ, ở ngoài biển thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Cửa biển Ô Long: Ở phía đông nam huyện Phú Vinh, thuộc Thừa Thiên. Nhà Lý gọi là Ô Long; nhà Trần gọi là Tư Dung; nhà Mạc đổi là Tư Khách; nhà Lê gọi là Tư Dung, tức là cửa biển Tư Hiền bây giờ.

Thành Phật Thệ: Theo sách Thanh Nhất thống chí, mục An Nam cổ tích, thành Phật Thệ là kinh đô cũ của vua Chiêm, bây giờ ở về địa phận xã Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên.

Lỵ Nhân: Tức là Lợi[3] Nhân. Xem Lý Nhân Tông, năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 6 (Chb. IV, 14).

Đại tiểu Trường Sa: Sách Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn chép rằng: Theo ven biển, từ phía nam cửa Nhật Lệ đến cửa Minh Linh gọi là Đại Trường Sa; từ phía nam cửa Việt Hải đến cửa Tư Dung gọi là Tiểu Trường Sa.

Sông Ngũ Bồ, vùng Hà Não: Đều không khảo được.

Trại Bà Hòa: Ở sông Bà Hòa. Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb. I, 20).

Tháng 9, mùa thu. Nhà vua đi đánh Chiêm Thành về, làm lễ cáo nhà thái miếu về việc thắng trận.

Đem việc chiến thắng Chiêm Thành cáo nhà thái miếu, nhà vua ngự ở điện Thiên An, làm lễ "ẩm chí"[4]. Bầy tôi dâng hơn năm nghìn người Chiêm bị bắt làm tù binh. Nhà vua xuống chiếu lấy trấn Vĩnh Khang và Đăng Châu đặt ra làng xóm phỏng theo như tên gọi cũ của Chiêm Thành, để họ cứ chiếu theo bộ thuộc, nhận lấy mà ở. Lại làm ra cung riêng để cho cung nữ Chiêm Thành ở.

Tuyên dương công lao bình Chiêm: Từ lục phẩm trở lên ban cho áo gấm, từ thất phẩm trở xuống ban cho áo the.

Bấy giờ các nước ở xa đến chầu, đặt ra trạm Hoài Viễn để cho họ tạm nghỉ. Lại đặt trấn Vọng Quốc và bảy trạm là Tuyên Hóa, Vĩnh Thông, Thanh Bình, Quy Đức, Bảo Ninh, Cảm Hóa và An Dân, mỗi trạm đều lập mốc tiêu đề để làm chỗ hành khách nghỉ ngơi.

[1] Chỉ việc đi đánh Chiêm Thành, giết người, bắt phụ nữ.

[2] Chỉ Lý Cao Tông. Xem thêm Chb. V, 28.

[3] Chữ "lợi", theo Hán văn, cũng âm là "lỵ", nhưng vì kiêng húy lâu ngày, đọc quen là "lợi", nên nay cũng phiên âm là "lợi", cho dễ hiểu.

[4] Mỗi lễ thời xưa: sau khi thắng trận, về uống rượu ăn mừng ở nhà thờ tổ tiên.

Lời chua - Vĩnh Khang: Thuộc Nghệ An. Bây giờ là huyện Vĩnh Hòa, phủ Tương Dương.

Đăng Châu: Thuộc tỉnh Hưng Hóa. Nhà Lý gọi là Đăng Châu; nhà Trần gọi là trấn Thiên Hưng; khi thuộc Minh gọi là châu Quy Hóa; nhà Lê đổi làm phủ, tức là phủ Quy Hóa bây giờ.

Trấn Vọng Quốc: Không khảo được.

Tháng 11, mùa đông. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu.

Dâng tôn hiệu nhà vua là Thánh Đức Thiên Cảm Tuyên Hóa Thánh Vũ. Nhân đó xin đổi niên hiệu. Nhà vua nghe theo.

Xuống chiếu xá cho dân một nửa tiền thuế năm nay.

Tờ chiếu rằng: "Mới rồi, vì có việc hành quân, trở ngại đến công việc canh nông; ngờ đâu vụ đông năm nay mùa màng lại được phong đăng. Trăm họ no đủ thì trẫm còn thiếu thốn với ai? Vậy xá cho dân một nửa tiền thuế".

Tháng 12. Định rõ lại pháp luật về tội đào ngũ.

Theo luật lệ định trước: phàm các quan chức hễ ai bỏ trốn, phạt 100 trượng, thích 50 chữ vào mặt, và phải tội đồ. Quân lính đào ngũ mà cướp của cải đồ vật của người khác, phạt 100 trượng, thích 30 chữ vào mặt. Người giữ trấn hay trại mà bỏ trốn, cũng bắt tội như vậy. Quân lính bỏ trốn hơn một năm, phạt 100 trượng, thích 50 chữ vào mặt. Người nào bỏ trốn không theo xa giá khi vua đi chơi, phạt 100 trượng, thích 10 chữ vào mặt.

Nay định rõ lại điều lệ về lệnh cấm: Quân lính bỏ trốn thì phải khép vào một tội trong ba hạng tội lưu[1]. Kẻ coi ngục không được sai khiến tù nhân làm việc riêng của mình, nếu kẻ nào vi phạm, phạt 80 trượng và bắt đi phối dịch.

Ất Dậu, năm thứ 2 (1045). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 5). Chế xe Thái Bình.

Dùng voi kéo xe; bộ bành voi kiểu Chiêm Thành (gọi là bồng la nga) thì trang sức bằng vàng. Lại đặt ra toán long quân theo hầu xe, dùng kiêu kỵ tướng quân Trần Nẫm quản lĩnh toán quân ấy.

Lời chua - Bồng la nga: Sử cũ chua "bồng la nga là cái yên voi (tượng yên) kiểu Chiêm Thành". Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: "La nga là cái bành có mui đặt trên mình voi, chứ không phải yên voi".

Bính Tuất, năm thứ 3 (1046). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 6).

Đinh Hợi, năm thứ 4 (1047). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 7).

Mậu Tí, năm thứ 5 (1048). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 8).

Tháng 9, mùa thu. Sai tướng quân Phùng Trí Năng đi đánh Ai Lao và thắng được.

Trí Năng bắt được người và súc vật Ai Lao đưa về.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9).

Nùng Trí Cao lại làm phản. Sai Quách Thịnh Dật đi đánh không được. Trí Cao tấn công sang đất Tống, đánh phá được Ung Châu.

Trí Cao giữ động Vật Ác, làm phản, tiếm xưng là nước Đại Nam, đổi niên hiệu là Cảnh Thuỵ. Nhà vua sai thái uý Quách Thịnh Dật đi đánh, không được, phải rút về. Nhân dịp đó, Trí Cao xin phụ theo nhà Tống; vua Tống không cho. Trí Cao bèn cùng đồ đảng định mưu lấn cướp bờ cõi nhà Tống. Một hôm, hắn đốt ngay chỗ ở, nói gạt mọi người rằng: "Của nả của chúng ta chứa chất từ bao lâu này đều bị lửa

[1] Ba hạng tội lưu: 1) Đày đi cận châu (như Nghệ An, Thanh Hóa, ...); 2) Đày đi ngoại châu (như châu Bố Chính); 3) Đày đi viễn châu (như châu Tân Bình, ...).

trời đốt cháy mất cả, sinh kế cùng quẫn rồi! Bây giờ chỉ có cách là chi bằng sang đánh lấy Ung Châu và Quảng Châu của Tống, tự lập làm vua". Mọi người đều vâng theo. Trí Cao liền đem năm nghìn quân, theo ven sông, đổ xuống miền đông, đánh hãm được Ung Châu nhà Tống.

Lời cẩn án - Ở đây, Sử cũ chép rằng Trí Cao xin hàng nhà Lý. Nhưng nay xét Trí Cao bấy giờ đặt quốc hiệu, đổi niên hiệu, khí thế đang quá rông rỡ, một cánh quân của Thịnh Dật không thể hạ nổi. Nếu quả phải đầu hàng, Trí Cao sao lại xin theo về với nhà Tống để chống lại triều đình. Sử của Ngô [Thì] Sĩ sửa lại, chép là "đánh không được" nay cũng theo như vậy.

Lập đàn Xã và đàn Tắc[1].

Lập đàn ở ngoài cửa Trường Quảng, bốn mùa cầu đảo cho được mùa.

Tháng 12, mùa đông. Mới làm lễ nghinh xuân.

Ngày lập xuân. Nhà vua sai các quan làm lễ nghinh xuân.

Kỷ Sửu, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 1 (1049). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 1).

Tháng 10, mùa đông. Dựng chùa Diên Hựu.

Trước đây, nhà vua chiêm bao thấy phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dắt ngài cùng lên. Kịp lúc tỉnh dậy, vời bầy tôi đến nói chuyện mộng ấy và cho là không lành. Bấy giờ có nhà sư khuyên vua làm chùa. Ngài nghe theo, sai lập một cái cột đá, trên đó làm tòa sen thờ phật Quan Âm, rồi họp các sư tụng kinh để cầu cho nhà vua được sống lâu, gọi là chùa Diên Hựu.

Lời chua - Chùa Diên Hựu: Ở thôn Thanh Bảo, huyện Vĩnh Thuận, tức chùa Một Cột bây giờ.

Canh Dần, năm thứ 2 (1050). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Chiêm Thành cống voi trắng.

Tháng 6, mùa hạ có nạn thủy tai lớn.

Tân Mão, năm thứ 3 (1051). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Định phép khảo hạch các quan lại.

Các quan văn vũ, người nào làm việc lâu năm, không có lỗi gì, thì được thăng trật có thứ bậc khác nhau.

Tháng 8, mùa thu. Cử hành lễ cho toàn dân được uống rượu mừng.

Cho dân được uống rượu nhân dịp trong nước có việc vui mừng. Lại ban cho vải lụa tiền bạc nhiều ít khác nhau.

Tháng 11, mùa đông. Khai sông Lẫm.

Lời chua - Lẫm Cảng: Ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 (1052). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Đặt quả chuông lớn ở sân rồng.

Đúc chuông lớn để ở sân rồng điện Thiên An, cho dân hễ ai có điều gì oan ức không thông đạt được lên trên thì đánh chuông để thấu đến nhà vua.

Quý Tị, năm thứ 5 (1053). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

---

[1] Xã là thần Đất hay nền tế thần Đất. Tắc là thần Ngũ Cốc hay nền tế thần Ngũ Cốc. Xưa, người ta thường gọi quốc gia là xã tắc. Cho nên, xã tắc, ngoài việc dùng để thờ cúng, còn có tác dụng làm tượng trưng cho một nước.

Rồng vàng hiện ra.

Rồng hiện ở gác Đoan Minh. Bầy tôi đều mừng. Riêng có sư Pháp Ngữ nói: "Rồng bay ở trên trời, bây giờ lại hiện ra ở dưới, đó là điều chẳng lành".

Tháng 7, mùa thu. Nạn thủy tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Trí Cao sai người đến xin giúp quân.

Nhà vua xuống chiếu cho Chỉ huy sứ[1] Vũ Nhị đem quân đi cứu viện.

Trước đó, Trí Cao lấn cướp bờ cõi nhà Tống, quân Tống họp lại đánh. Nhà vua dâng biểu xin đem quân sang đánh giúp. Vua Tống ưng thuận. Nhà vua bèn sai tướng đem hai vạn quân theo đường thủy tiến sang. Khi quân ta sắp kéo vào cửa ải thì Địch Thanh nói với vua Tống: "Mượn quân nước ngoài để trừ giặc bên trong, không phải là điều lợi cho ta đâu. Đối với một Trí Cao, sức quân hai tỉnh Quảng[2] còn không đủ chế trị? Thế mà phải mượn đến quân nước ngoài! Nếu nhân dịp đó nó nổi loạn, thì ta lấy gì ngăn cản được?". Theo lời Địch Thanh bàn, vua Tống xuống chiếu bảo quân ta thôi đừng sang nữa. Đến đây, Trí Cao xin giúp quân. Nhà vua y theo như lời Trí Cao cầu xin.

Theo Cương mục tục biên (Trung Quốc), Trí Cao đánh hãm Ung Châu, tới chốn châu lỵ, tự xưng là Nhân Huệ hoàng đế, đổi niên hiệu là Khải Lịch, rồi tung quân ra cướp bóc. Chúng kéo đến châu huyện nào thì châu huyện ấy bỏ thành, chạy cả. Chúng phá luôn được tám châu là Hoành, Quý, Đăng, Ngô, Khang, Đoan, Cung và Tầm; tiến vây Quảng Châu, đến sát chân thành, đánh mãi không hạ được, lại kéo vào Ung Châu. Vua Tống nghe biết việc ấy, bèn dùng bọn Dư Tĩnh, Dương Điền, Tôn Miện trù tính việc chống lại Trí Cao. Bây giờ Trí Cao ngày càng cướp bóc nhiễu loạn, mà bọn Dương Điền mãi không làm được công trạng gì, vua Tống lấy làm lo lắng. Trí Cao đưa thư xin làm Tiết độ sứ ở Ung Châu và Quế Châu. Vua Tống đã toan nhận cho Trí Cao đầu hàng, thì bấy giờ Xu mật phó sứ Địch Thanh dâng biểu xin đi đánh, vua Tống bèn cho Địch Thanh làm Tuyên phủ sứ, quản đốc các quân đi đánh dẹp. Địch Thanh đến Quảng Nam[3], hợp lại với quân Tôn Miện và Dư Tĩnh, tiến đóng Tân Châu, dặn các tướng tá không được liều lĩnh đánh nhau với địch. Bấy giờ, Trần Thự, kiềm hạt tỉnh Quảng Tây, tự tiện đem tám nghìn bộ binh ra đánh, bị tan vỡ ở cửa ải Côn Luân. Địch Thanh hội họp các tướng, xử tội Thự, đem chém. Rồi đóng binh, giữ vững dinh trại, cho quân nghỉ 10 ngày. Mọi người không ai lường biết ra sao. Quân do thám của địch về báo rằng quân Tống hãy còn chưa tiến ngay. Đến ngày hôm sau, Địch Thanh lập tức sắp quân qua cửa Côn Luân; Trí Cao dốc hết quân ra chống đánh. Địch Thanh phất cờ, thúc hai cánh tả hữu của đội kỵ binh xông ra đánh: Trí Cao thua chạy. Quân Tống đuổi theo năm mươi dặm, chém vài nghìn thủ cấp. Đồ đảng của Trí Cao là bọn Hoàng Sư Mật hơn một trăm năm mươi người đều tử trận cả. Trí Cao đốt thành, đang đêm lẩn trốn, chạy sang Đại Lý[4]. Hai năm sau, Dư Tĩnh sai Đô giám Tiêu Chú vào đạo Đặc Ma, bắt sống được mẹ Trí Cao và em y là Trí Quang, con y là Kế Phong, v.v... Lại mộ những kẻ cảm tử cho vào Đại Lý để lùng tìm Trí Cao, nhưng bấy giờ Trí Cao đã chết rồi. Người Tống lấy đầu Trí Cao, đóng vào hòm đem về kinh đô, rồi giết mẹ y luôn với em và con y. Họ Nùng bị diệt từ đấy.

Lời phê[5] - Ngang trái quá!

Lời cẩn án - Sử cũ chỉ chép: "Tháng 10, mùa đông, Quý Tị, năm thứ 5 (1053), Lương Châu6 lại xin quân đi cứu. Nhà vua xuống chiếu cho Vũ Nhị đem quân đi cứu viện", nhưng không chép rõ là có hay không đánh nhau với quân Tống, hoặc vì cớ gì mà bãi binh. Nay xét sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép rằng: "Tháng giêng, mùa xuân, năm Quý Tị (1053), Địch Thanh đánh cho Trí Cao đại bại, Trí Cao phải chạy vào

---

[1] Một chức quan chỉ huy trong quân đội, đứng ở hàng tam phẩm.

[2] Quảng Đông và Quảng Tây.

[3] Xem chú thích ở Chb. I, 42.

[4] Nay là Vân Nam.

[5] Chỉ việc cho quân đi cứu viện Trí Cao.

[6] Người của Nùng Trí Cao.

Đại Lý. Sau đó hai năm, Trí Cao chết". Còn từ tháng 10, mùa đông, năm Quý Tị (1053) trở về sau, không hề thấy chép việc Trí Cao xin quân cứu và quân nhà Lý đi cứu. Như thế, hoặc giả Trí Cao sau khi chạy đến Đại Lý, muốn nhờ quân Lý giúp mình, còn quân Lý sở dĩ đi cứu Trí Cao, chừng vì là giận người Tống, trước đó, từ chối không nhận cho quân mình đánh giúp, nên muốn nhân dịp để cầu lợi; kịp khi nghe biết Trí Cao không đủ sức chống được quân nhà Tống, nên quân cứu mới nửa vời ngừng lại mà không quả quyết cho đi nữa. Chứ nếu quả nhà Lý đã đem quân ra ngoài biên giới đánh nhau với Tống thì việc biên cương là trọng đại, người Tống há lại dìm đi được sao? Đoạn này Sử cũ ghi chép không rõ, vậy hãy để đó, sẽ khảo sau.

Lời chua - Ung Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Quảng Châu: Xem thuộc Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV, 2).

Ngô Châu: Tức Thương Ngô. Xem Triệu Vương[1], năm Kiến Đức thứ 1 (Tb. II, 4).

Đằng Châu[2]: Xem ngang với Tống Thái Tổ, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. III, 30).

Tầm Châu, Quý Châu, Cung Châu, Hoành Châu: Theo sách Thanh Nhất thống chí, mấy châu này đều thuộc tỉnh Quảng Tây: Quý Châu và Cung Châu thuộc phủ Tầm Châu; Quý Châu tức là Quý huyện bây giờ; Cung Châu tức là huyện Bình Nam bây giờ; Hoành Châu thuộc phủ Nam Ninh.

Quế Châu: Nay thuộc phủ Quế Lâm.

Đoan Châu, Khang Châu: Đều thuộc tỉnh Quảng Đông: Đoan Châu tức là phủ Triệu Khánh bây giờ; Khang Châu thuộc phủ Triệu Khánh bây giờ là lộ Đức Khánh.

Tầm Châu: Thuộc phủ Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây.

Cửa ải Côn Luân: Ở phía đông bắc huyện Tuyên Hóa, phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây. Xưa có cửa ải ở núi Côn Luân, nên gọi tên như vậy.

Đạo Đặc Ma: Thuộc tỉnh Vân Nam, tức là phủ Quảng Nam bây giờ.

Đại Lý: Tên nước. Theo Minh sử, Vân Nam thổ ti truyện, nước Đại Lý là đất huyện Diệp Du nhà Đường. Cuối niên hiệu Khai Nguyên (713-741), Bì La Các, người Mông Chiếu, đóng đô ở đấy, là Nam Chiếu, đặt quốc hiệu là Đại Mông, rồi lại đổi là Đại Lễ. Đến triều Tấn (936-946) đời Ngũ đại (907-959), Đoàn Tư Bình lên cầm quyền chính trong nước, đổi gọi là nước Đại Lý. Khoảng niên hiệu Hồng Vũ (1368-1398) nhà Minh, Đoàn Thế bị bắt, nhà Minh đổi nước của y làm phủ Đại Lý, đặt Vệ quân và Chỉ huy sứ ti, cho thuộc vào tỉnh Vân Nam.

Giáp Ngọ, năm thứ 6 (1054). (Tháng 10 trở về sau, là triều Lý Thánh Tông hoàng đế, niên hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ 1. Tống, năm Chí Hòa năm thứ 1).

Tháng 7, mùa thu.

Xuống chiếu cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn thay vua ra ngự triều, nghe quần thần tâu bày chính sự.

Bấy giờ nhà vua se mình nên có mệnh lệnh này.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua mất.

Nhà vua mất ở điện Trường Xuân, miếu hiệu là Thái Tông, ở ngôi 27 năm, thọ 55 tuổi.

---

[1] Cương mục in là "Triệu Việt vương" (thừa chữ Việt).

[2] Đằng Châu đây là đất Trung Quốc, nay là Đằng huyện thuộc Quảng Tây chứ không phải là Hưng Yên ở Việt Nam như sử Cương mục đã chua lầm.

Lời cẩn án - Theo lệ trong sử Cương mục (Trung Quốc) thì đối với một ông vua, lúc chết, lúc táng đều có chép cả, Sử cũ về các vua triều Lý, chỉ có Thái Tổ và Nhân Tông là có chép an táng, còn thì không thấy chép. Sử của Ngô [Thì] Sĩ nói rằng các vua Lý khi mất, đem về táng ở phủ Thiên Đức, đều gọi là Thọ Lăng, nhưng không nói táng vào tháng nào, năm nào. Nay không khảo được.

Thái tử Nhật Tôn lên ngôi, đổi lại niên hiệu (tức Lý Thánh Tông).

Đổi quốc hiệu là Đại Việt.

Trước kia, Đinh Tiên Hoàng thống nhất đất nước, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Các triều đại sau vẫn theo như thế; đến đây mới đổi lại.

Tôn mẹ là Mai thị làm Kim Thiên hoàng thái hậu.

Ban quan tước cho các cựu thần ở đông cung[1] có thứ bậc khác nhau.

Năm Ất Mùi (1055). Lý Thánh Tông hoàng đế niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 2. (Tống, năm Chí Hòa thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sai sứ sang cống.

Tháng 10, mùa đông. Ban ơn chẩn tế cho những tù bị giam trong ngục.

Bấy giờ rét dữ, nhà vua bảo những người ở tả hữu rằng: "Trẫm ở chốn cung sâu, sưởi thứ than chế bằng xương loài thú, mặc áo hồ cừu, mà còn rét thế này. Trẫm rất thương xót những người tù bị giam trong ngục kia: cơm không đủ no lòng, áo không đủ che cật, thì bị gió rét dằn vặt đến đâu! Vậy hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm phát chăn, chiếu cho họ và mỗi ngày cho ăn hai bữa.

Lời phê - Còn dân lành thì sao?

Sứ nhà Tống sang.

Trước đó nhà vua sai sứ sang cáo phó với nhà Tống. Đến đây, sứ Tống sang làm lễ tế viếng Lý Thái Tông và sách phong Lý Thánh Tông làm Giao Chỉ quận vương.

Bính Thân, năm thứ 3 (1056). (Tống, năm Gia Hựu thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ sang cống.

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu khuyến nông.

Dựng chùa Sùng Khánh.

Làm chùa ở phường Báo Thiên, xây tháp 12 tầng, cao vài mươi trượng, trích trong kho lấy một vạn hai nghìn cân đồng, đúc quả chuông lớn. Chính nhà vua làm bài minh khắc vào chuông.

Lời chua - Phường Báo Thiên: Ở thôn Tiên Thị, huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội, dấu vết chùa vẫn còn.

Đinh Dậu, năm thứ 4 (1057). (Tống, năm Gia Hựu thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Đem con thú lạ sang tặng nhà Tống, nói gạt là con lân. Xu Mật sứ nhà Tống là Điền Huống nói rằng: "Đó chỉ à con thú lạ, chứ không phải con lân". Tư Mã Quang nói: "Nếu quả là con lân thực, mà xuất hiện không đúng lúc, cũng không phải là điềm lành; nếu lại là con lân giả thì chỉ tổ cho người phương xa cười thôi". Thế rồi nhà Tống tặng tiễn ưu hậu, bảo sứ giả về.

---

[1] Chổ ở của một người con vua được lập làm thái tử, sau sẽ lên ngôi vua. Theo Thần dị kinh, ngoài Biển Đông, có núi Đông Minh, trên núi có cung điện xây bằng đá xanh, có biển đề sáu chữ "Thiên địa trưởng nam chi cung", (cung điện con trai trưởng của trời đất), vì thế mới gọi thái tử là "đông cung".

Mậu Tuất, năm thứ 5 (1058). (Tống, năm Gia Hựu thứ 3).

Mùa xuân. Sửa lại cửa Tường Phù.

Cửa Tường Phù là cửa Đông kinh thành, dựng lên từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010); đến đây sửa lại.

Kỷ Hợi, năm Chương thánh gia khánh thứ 1 (1059). (Tống, năm Gia Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Sang đánh Tống, quân ta kéo đến Khâm Châu lại trở về.

Quân ta kéo đến Tư Lẫm doanh thuộc Khâm Châu, diễu võ dương uy rồi trở về. Việc hành quân này vì ghét nhà Tống tráo trở.

> **Lời cẩn án -** Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép: "Bấy giờ sứ Tống sang sách phong, sứ ta sang đáp lễ, chưa nghe có việc gì tráo trở, hoặc giả việc xuất quân sang Khâm Châu là ý của Lý Thái Tông định làm từ trước, mà Lý Thánh Tông nối theo ý cha, muốn thử giở võ với Tống, nhưng chưa làm được đấy thôi". Nay xét: Sử họ Ngô chép thế, không giống với Sử cũ, nhưng cũng chép cả để tham khảo.
>
> **Lời phê[1] -** Vô lý!
>
> **Lời chua -** Khâm Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 10 (Chb. I, 36).

Tháng 8, mùa thu. Đặt ra kiểu mẫu triều phục.

Nhà vua ngự ở điện Thủy Tinh, sai các quan đội mũ phốc đầu[2] đi giày và bí tất vào chầu. Tục đội mũ phốc đầu là trước từ đấy.

Sách Giao Chỉ di biên (không rõ họ tên người làm sách) chép: An Nam lúc mới dựng nước, mọi việc hãy còn đơn giản sơ sài; đến nhà Lý mới làm ra cung thất. Cung điện thì có điện Thủy Tinh, điện Thiên Quang. Quan trong và quan ngoài thì có những chức như phụ quốc thái uý, gián nghị đại phu, tả hữu ti lang trung, viên ngoại lang, xu mật sứ, kim ngô, lĩnh binh sứ. Lễ nhạc văn vật xem ra cũng đã đầy đủ.

Quy định quân hiệu.

Quân hiệu có: Ngự Long, Vũ Thắng, Long Dực, Thần Điện, Phủng Thánh, Bảo Thắng, Hùng Lược, Vạn Tiệp, đều chia ra tả và hữu, trên trán đều thích chữ "Thiên tử quân".

Sách Vân đài loạn ngữ của Lê Quý Đôn có trích dẫn truyện Thái Diên Khánh nhà Tống: "Diên Khánh từng phỏng theo phép hành quân của An Nam: bộ đội chia ra chín tướng, gồm có các binh chủng như chính binh[3], tay cung tên[4], đoàn người ngựa[5]. Mỗi tướng, từ quân bộ đến quân kỵ và khí giới, đều như nhau. Lại chia ra bốn bộ là Tả, Hữu, Tiền, Hậu, gộp lại là 100 đội. Mỗi đội đều có quân trú chiến[6] và quân thác chiến[7]. Còn người và ngựa của quân Phiên thì chia riêng làm đội khác, không cho lẫn lộn với quân khác để phòng sự biến loạn, gần đâu thì cho họ lệ thuộc vào đó. Hạng quân già yếu thì cho đóng ở thành trại. Diên Khánh đem binh pháp ấy trình bày tường tận trong bức thư dâng lên vua Tống. Tống Thần Tông (1068-1085) khen là hay". Binh pháp triều Lý được Trung Quốc phỏng theo là thế đấy. Nhà

---

[1] Phê phán câu trong sử Ngô Thì Sĩ nói việc này là do Lý Thánh Tông làm theo chí trước của cha.

[2] Thứ mũ có từ đời Đường: Ban đầu làm bằng the lượt, sau vì thấy nó mềm nát, nên làm cốt bằng nan gỗ. Kiểu mũ phốc đầu, người ta cho là Ngư Triều Ân (hoạn quan đời Đường Đại Tông, 763-779) chế ra trước: ban đầu bốn góc mũ có tai, hai tai vểnh về phía trước và hai tai vểnh về phía sau. Về sau, làm hai tai ngang ra, có dây thép đỡ cho cứng (tức là kiểu mũ cánh chuồn).

[3] Quân chính quy.

[4] Quân chuyên bắn cung.

[5] Đoàn quân kỵ.

[6] Chiến đấu trong khi đóng giữ.

[7] Chiến đấu trong khi tấn công.

Lý, phía bắc, phá được châu Ung, châu Liêm, phía nam, bình được Chiêm Thành, Chân Lạp, đánh đâu được đấy, thật là có cớ thế chứ!

Nay xét: quân hiệu triều Lý chỉ thấy tản mát trong sách, còn binh chế ra sao, không khảo được.

Lời phê[1] **-** Gần như khoác lác!

Canh Tí, năm thứ 2 (1060). (Tống, năm Gia Hựu thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ sang Ung Châu nhà Tống.

Trước đó, châu mục Lạng Châu, Thân Thiệu Thái, đuổi bắt những kẻ trốn tránh, vượt sang đất Tống, bắt chỉ huy sứ Tống là Dương Bảo Tài đem về. Quân Tống tràn sang xâm lấn bên ta, nhưng thất bại. Đến đây, Tống sai Lại bộ thị lang Dư Tĩnh đến Ung Châu để hội nghị. Nhà vua sai Phí Gia Hựu sang dự hội. Dư Tĩnh lại đưa hậu lễ tặng biếu Gia Hựu, nhân tiện đưa thư xin ta trả lại Bảo Tài cho Tống, nhưng nhà vua không nghe.

Lời phê[2] **-** Không tin được!

Lời chua - Lạng Châu, Ung Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 14).

Tháng 8. Làm hành cung ở bên hồ Dâm Đàm.

Làm hành cung ở bên hồ Dâm Đàm, để dùng khi ngự xem đánh cá.

Lời chua - Dâm Đàm: Còn tên nữa là hồ Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, Quảng Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 2).

Tân Sửu, năm thứ 3 (1061). (Tống, năm Gia Hựu thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển con gái dân gian đưa vào cung.

Tuyển 12 người con gái sung vào hậu cung.

Nhâm Dần, năm thứ 4 (1062). (Tống, năm Gia Hựu thứ 7).

Quý Mão, năm thứ 5 (1063). (Tống, năm Gia Hựu thứ 8).

Giáp Thìn, năm thứ 6 (1064). (Tống, Anh Tông, năm Trị Bình thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sang mừng Tống Anh Tông lên ngôi.

Tháng 4, mùa hạ. Dụ bảo các viên quan coi việc hình ngục nên rộng tha cho những tội phạm lầm lẫn.

Nhà vua ngự điện Thiên Khánh, xử kiện. Công chúa Động Thiên hầu bên cạnh. Nhà vua trỏ vào công chúa mà bảo ngục lại: "Ta đem lòng làm cha mẹ đối với dân, cũng như lòng thương con ta đấy. Dân không biết gì, tự mình làm mình mắc phải tội lỗi, ta xót xa lắm. Từ nay, không cứ tội nặng hay nhẹ, cốt phải xét một cách rộng rãi, tha cho tội phạm lầm lẫn".

Lời phê - Thế cũng không phải.

Ất Tị, năm thứ 7 (1065). (Tống, năm Trị Bình thứ 2).

Bính Ngọ, năm Long Chương Thiên Tự thứ 1 (1066). (Tống, năm Trị Bình thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Kiền Đức làm thái tử. Đại xá.

Nhà vua 40 tuổi, chưa có con trai, thường đi các đền chùa để cầu tự; ngự giá đến đâu, người xem chật đường. Khi đến làng Thổ Lỗi, có người con gái hái dâu đứng tựa vào khóm cỏ lan, nhà vua lấy

---

[1] Chỉ việc nhà Tống phỏng theo binh pháp nhà Lý.

[2] Chỉ việc nhà Lý bắt chỉ huy sứ của Tống mà không thả về.

làm lạ, cho vời vào cung, lập làm _ Lan phu nhân. Đến khi có mang, sinh hoàng tử Kiền Đức, nhà vua mừng lắm. Ngày hôm sau lập làm thái tử, đổi niên hiệu, đại xá, phong _ Lan phu nhân làm thần phi[1], lại gọi là nguyên phi[2], đổi làng Thổ Lỗi làm làng Siêu Loại, vì là sinh quán của nguyên phi.

Lời chua - Làng Siêu Loại: Ở huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh, tức là xã Thuận Quang bây giờ.

Đinh Mùi, năm thứ 2 (1067). (Tống, năm Trị Bình thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Ngưu Hống và Ai Lao đều tiến cống.

Lễ cống gồm có vàng, bạc, trầm hương, sừng tê, ngà voi.

Lời chua - Ngưu Hống: Tên một dân tộc Mán. Theo Hưng Hóa phong thổ ký của Hoàng Trọng Chính[3], ngôn ngữ và văn tự của Ngưu Hống cũng giống của Ai Lao, Ngưu Hống bây giờ thuộc vào bản đồ nước ta, tức là Yên Châu, tỉnh Hưng Hóa.

Ai Lao: Xem Triệu Việt vương, năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Sứ nhà Tống sang.

Trước đó, Tống gia phong nhà vua làm khai phủ nghi đồng tam ti; đến đây, phong làm Nam Bình vương.

Cấp lương bổng cho những quan lại giữ việc hình ngục.

Dùng Ngụy Trọng Hòa và Đặng Thế Tư làm quan Đô hộ phủ sĩ sư, đổi mười người thư gia[4] làm án ngục lại[5]. Cho Trọng Hòa và Thế Tư mỗi năm mỗi người là năm mươi quan tiền, trăm bó lúa, cá và muối đủ dùng. Các ngục lại, mỗi người hai mươi quan tiền và trăm bó lúa. Việc cấp lương bổng này cốt để gây nuôi lòng thanh liêm của họ.

Theo Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, dưới triều Lý, các quan trong triều và ngoài các lộ đều không có lương bổng: quan trong, thỉnh thoảng được vua ban thưởng; quan ngoài, được giao phó cho dân một làng để thu thuế ruộng đất, đầm, ao mà tự cung cấp cho mình. Đến đây, các quan lại giữ việc ngục tụng mới có lương bổng thường.

Lời chua - Đô hộ phủ sĩ tư: Theo phép nhà Đinh trước. Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 4).

Mậu Thân, năm Thiên Huống Bảo Tượng thứ 1 (1068). (Tống, Thần Tông, năm Hi Ninh thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Châu Chân Đăng dâng con voi trắng.

Nhà vua thấy dâng hai con voi trắng, tự cho là điềm lành, do đó đổi lại niên hiệu.

Lời chua - Châu Chân Đăng: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 6 (Chb. II, 37).

Kỷ Dậu, năm Thần Vũ thứ 1 (1069). (Tống, năm Hi Ninh thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành, bắt được chúa Chiêm là Chế Củ đem về.

---

[1] Thần phi là quý phi của vua; Nguyên phi là một người phi đứng đầu các hàng phu nhân. Theo chế độ phong kiến, trong các vợ của vua có nhiều cấp bậc: vợ cả gọi là hoàng hậu, dưới hoàng hậu có ba người vợ nữa gọi là "phi" hoặc "phu nhân", v.v...

[2] -nt-

[3] Hoàng Trọng Chính, người đời Hậu Lê, làm đến Đốc đồng (theo lời Tựa của Phạm Thận Duật trong quyển Hưng Hóa ký lược).

[4] Người giữ việc biên chép giấy tờ sổ sách công.

[5] Người giúp việc xét hỏi về các ngục tụng.

Bây giờ Chiêm Thành khuấy rối ở nơi biên giới, nhà vua giao cho Nguyên phi trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, lâu mãi không hạ được, mới rút quân về. Khi đến châu Cư Liên, hay tin Nguyên phi giúp việc nội trị, lòng dân vui vẻ, trong nước được yên, nhà vua khảng khái nói: "Kìa, một người đàn bà còn làm được như thế, ta là tài trai mà không hạ được nước Chiêm Thành nhỏ xíu, chả hóa ra xoàng lắm ru?". Nhà vua bèn quay lại đánh nữa, kết quả thắng trận, bắt chúa Chiêm là Chế Củ đem về.

Lời phê[1] - Bấy giờ há lại không có đại thần để cho ở lại giữ nước hay sao? Mà phải đến đàn bà can dự chính sự, để chuốc lấy tiếng khen! Sử nói không đúng sự thực, đại loại như thế đấy!

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi đánh Chiêm Thành về, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu, đổi lại niên hiệu.

Chúa Chiêm Thành là Chế Củ dâng đất ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để xin về nước: nhà vua ưng thuận.

Lời chua - Địa Lý: Xưa là đất Việt Thường; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam; đời Tống, là châu Địa Lý thuộc Chiêm Thành; nhà Lý đổi là Lâm Bình, nhà Trần đổi là Tân Bình; khi thuộc Minh vẫn để tên như thế; nhà Lê đổi là Tiên Bình. Bấy giờ là đất phủ Quảng Ninh thuộc tỉnh Quảng Bình.

Ma Linh: Xưa là đất Việt Thường; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam; đời Tống, là châu Ma Linh thuộc Chiêm Thành; nhà Lý đổi là Minh Linh; nhà Trần vẫn để tên như thế; thuộc Minh, đổi là châu Nam Linh; nhà Lê đặt làm huyện. Bây giờ là đất đai huyện Minh Linh và Do Linh thuộc tỉnh Quảng Trị.

Bố Chính: Xưa là châu Bố Chính; đời Hán là đất huyện Thọ Lãnh thuộc quận Nhật Nam; đời Tống là châu Bố Chính thuộc Chiêm Thành; nhà Lý vẫn để tên như thế; thuộc Minh đổi là châu Trấn Bình; nhà Lê chia làm hai châu Nội Bố Chính và Ngoại Bố Chính. Bây giờ là đất ba huyện Bình Chính, Minh Chính và Bố Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình.

Canh Tuất, năm thứ 2 (1070). (Tống, năm Hi Ninh thứ 3).

Mùa xuân. Dựng điện Tử Thần.

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Đem tiền và thóc phát chẩn cho dân nghèo.

Tháng 8, mùa thu. Mới lập nhà Văn Miếu.

Tạc tượng Chu Công, Khổng Tử và Tứ Phối[2] vẽ hình tượng Thất thập nhì hiền[3] bày ở Văn Miếu, bốn mùa tế lễ. Sai Hoàng thái tử tới đó học tập.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Họ Lý làm vua đến đây đã năm mươi nhăm năm, thế mà bây giờ mới thấy tôn thờ thánh hiền, thế chẳng phải là trước trọng đạo Phật rồi sau mới đến đạo Nho đó dư?

Lời chua - Văn Miếu: Ở phía nam thành Thăng Long, tức là Văn Miếu Hà Nội bây giờ.

Tân Hợi, năm thứ 3 (1071). (Tống, năm Hi Ninh thứ 4).

Từ mùa xuân đến mùa hạ, không mưa.

Nước Chiêm Thành đến dâng lễ cống.

Quy định lễ nộp tiền chuộc tội nhiều ít khác nhau.

---

[1] Chỉ việc Nguyên phi trông coi việc nước.

[2] Bốn vị được phối hưởng trong khi cúng tế: Nhan tử, Tăng tử, Tử tư, Mạnh tử, đều là bậc hiền triết xưa của Trung Quốc, nối tiếp truyền tống đạo nho.

[3] Bảy mươi hai người học trò của Khổng Tử đều có tiếng hiền tài.

Trước đó, Lý Thái Tông đặt ra pháp lệnh: phàm kẻ phạm tội, nếu là dân mà là người già hay trẻ con, nếu là người họ thân nhà vua mà còn phải để tang nhau từ 9 tháng trở lên, đều được nộp tiền chuộc cả[1]. Đến đây, định lệ lại: phàm người được nộp tiền chuộc tội phải tùy theo tội nặng hay nhẹ mà bắt nộp tiền nhiều hay ít khác nhau.

Nhâm Tí, năm thứ 4 (1072). (Tháng giêng trở về sau, là triều Lý Nhân Tông hoàng đế, niên hiệu Thái Ninh năm thứ 1. (Tống, năm Hi Ninh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Lý Thánh Tông mất.

Nhà vua mất ở điện Hội Tiên; đặt tên thụy là Ứng Thiên sùng nhân chí đạo uy Khánh long tường minh văn duệ vũ hiếu đức thánh thần hoàng đế, miếu hiệu là Thánh Tông, ở ngôi 17 năm, thọ 50 tuổi.

Thái tử Kiền Đức lên ngôi, đổi niên hiệu mới (tức là Lý Nhân Tông).

Tôn mẹ già (đích mẫu) là Thượng Dương thái hậu Dương thị làm hoàng thái hậu, mẹ đẻ là _ Lan nguyên phi (không rõ họ là gì) làm hoàng thái phi. Thái hậu buông mành[2], ngồi bên trong, nghe bầy tôi tâu bày và quyết đoán mọi việc chính sự.

Nhà vua mới bảy tuổi, thái hậu buông mành cùng tham dự chính sự. Thái sư Lý Đạo Thành làm phụ chính.

Lời chua - Đạo Thành: Người huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 4, mùa hạ. Tha cho tù phạm còn bị giam cứu.

Nhà vua bắt đầu ra coi chầu, hạ lệnh thả cả những tù binh còn giam ở Đô hộ phủ.

Lời chua - Đô hộ phủ: Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 4).

Năm Quý Sửu (1073). Lý Nhân Tông hoàng đế, năm Thái Ninh thứ 2. (Tống, năm Hi Ninh thứ 6). Mưa dầm mãi không tạnh (không rõ tháng nào).

Nhà vua sai làm lễ ở chùa Pháp Vân và đền thờ núi Tản Viên để cầu được tạnh nắng.

Lời chua - Chùa Pháp Vân: Ở thôn Văn Giáp, huyện Thượng Phúc thuộc Hà Nội[3]. Tương truyền một hôm, mưa gió sấm sét ầm ầm, cây đa bị đổ; người thôn ấy lấy gỗ đa tạc tượng[4] rồi dựng chùa thờ, nên gọi là chùa Pháp Vân.

Núi Tản Viên: Ở huyện Bất Bạt tỉnh Sơn Tây. Đền thờ thầnTản Viên ở trên đỉnh núi. Tương truyền: Thần núi ấy là Hương Lang, tức là một trong năm mươi con Lạc Long Quân theo mẹ về miền núi.

Giam cầm rồi giết chết hoàng thái hậu Dương thị; tôn hoàng thái phi làm Linh nhân hoàng thái hậu.

Thái phi thấy một mình Dương thái hậu được tham dự chính sự, đem lòng bất bình, nói với vua rằng: "Mẹ đây khó nhọc mới có ngày nay, bây giờ để cho người khác ngồi hưởng phú quý, thì đặt mẹ ở địa vị nào?". Nhà vua còn nhỏ tuổi, không biết phân biệt thế nào là phải, bèn giam cầm Dương thị ở cung Thượng Dương, bắt ép phải chết để chôn theo ở lăng vua Thánh Tông, rồi tôn Thái phi làm hoàng thái hậu.

---

[1] Xem thêm Chb. III, 5.

[2] Nguyên văn là "thủy liêm". Chế độ phong kiến, lúc vua nối ngôi còn bé, thì ở triều đường có buông bức mành, thái hậu ngồi trong mành, nghe quần thần tâu bày và quyết đoán chính sự trong nước. Vì theo lễ giáo phong kiến đàn bà không được ra triều đường, hội kiến quần thần, nên phải ngồi che khuất bằng tấm mành mành.

[3] Chùa Pháp Vân (còn gọi là chùa Dâu) ở xã Khương Tự, huyện Siêu Loại, naylà xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Còn chùa Pháp Vũ (còn gọi là chùa Đậu) ở thôn Gia Phúc, huyện Thượng Phúc, nay là thôn Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[4] Tục gọi là "tượng Tứ pháp": Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

Lời phê - Xem thế thì biết trước đây nói Nguyên phi giúp được việc nội trị, rõ không phải là _ Lan. Còn Dương thị, dưới thời Thánh Tông, cũng không thấy được lập làm hoàng hậu; hoặc giả là do sử chép thiếu sót? Danh phận vợ cả với vợ thứ không được phân minh: thực đáng giận!

Sứ nhà Tống sang.

Nhà Tống sách phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương.

Giáng truất Thái sư Lý Đạo Thành xuống làm Tả gián nghị đại phu[1], cho ra làm Tri châu Nghệ An.

Đạo Thành đến châu Nghệ An, lập viện Địa Tạng, đặt thần vị Lý Thánh Tông, sớm hôm thờ cúng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Giam cầm giết chết Dương hậu là một tội lớn. Đạo Thành bị giáng ra trấn thủ ở ngoại châu, biết đâu không phải vì cớ đã nói đến việc đó!

Lời phê[2] - Lời nói đoán chừng!

Giáp Dần, năm thứ 3 (1074). (Tống, năm Hi Ninh thứ 7).

Mùa xuân. Chim sẻ trắng đậu sân cung cấm.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm ở Tiên Điền - Chim sẻ trắng là vật nhỏ mọn, thế mà sử thần cũng chép. Đó chứng bấy giờ có ý khoe khoang về sự này. Về sau, nào rồng vàng, nào hươu đen, nào phượng đẹp, nào rùa lạ, nảy ra nhan nhản đều mở đầu từ đây[3].

Lại dùng Lý Đạo Thành làm Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự[4].

Đạo Thành là người thẳng thắn, mỗi khi dâng tấu sớ thì thể nào cũng nói đến sự lợi hay hại ở dân gian. Đối với quan lại nào là người hiền tài, ông đều cất dùng. Đời bấy giờ rất kính trọng ông.

Xuống chiếu cho các công thần từ tám mươi tuổi trở lên khi vào chầu, được chống gậy và ngồi ghế.

Ất Mão, năm thứ 4 (1075). (Tống, năm Hi Ninh thứ 8).

Bắt đầu khảo thi học trò bằng ba kỳ thi[5].

Tuyển lấy những người minh kinh bác học và thi nho học bằng ba kỳ thi[6]. Lê Văn Thịnh đỗ đầu, được lựa vào hầu vua học tập. Khoa cử nước ta bắt đầu từ đấy.

Theo sách Danh tiết lục của Trần Ký Đằng, Văn Thịnh người làng Đông Cứu, huyện Gia Định, tính ham học. Bấy giờ chưa có khoa cử, đầu ai thông minh lanh sáng đến đâu cũng phải do đường Phật giáo mà được lựa chọn đề bạt; riêng có Văn Thịnh chăm đọc các sách. Đến đây, mở khoa thi, hơn 10 người trúng tuyển, Văn Thịnh đỗ đầu. Đời truyền rằng họ Lê (Văn Thịnh) là người khai khoa đầu tiên.

Lời chua - Gia Định: Bây giờ là huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Ba kỳ thi (tam trường): Thể thức văn thi thế nào, không khảo được.

Mồng 1, tháng 8, mùa thu. Nhật thực.

---

[1] Chức quan ở chính sảnh, có nhiệm vụ can gián, nói thẳng với nhà vua.

[2] Chỉ lời bàn của Ngô Sĩ Liên về việc Lý Đạo Thành.

[3] Trên chỗ lời bàn của Nguyễn Nghiễm, Cương mục có nêu hai chữ "ngự điểm", nghĩa là Tự Đức điểm những chấm son bên bài bàn của Nguyễn Nghiễm để tỏ ý tán thưởng.

[4] Tức Tể tướng, nhưng được trọng hơn.

[5] Nguyên văn là "tam trường".

[6] Câu này nguyên văn Cương mục, không được sáng nghĩa, chúng tôi phải dựa theo Sử ký, Bản ký 3, 13 mà dịch cho lọn.

Sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành, không được, kéo quân về.

Chiêm Thành khuấy rối ở nơi biên giới. Nhà vua sai Thường Kiệt đi đánh, không được. Thường Kiệt vẽ bản đồ hình thế núi sông ở ba châu Bố Chính, Ma Linh, và Địa Lý, rồi kéo quân về.

Lời chua - Thường Kiệt: Người phường Thái Hòa, thành Thăng Long.

Bố Chính, Ma Linh, Địa Lý: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Lời phê - Thì ra bây giờ Chiêm Thành tuy đã dâng đất ba châu, nhưng triều Lý chưa đặt quan cai trị hay sao?

Đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Ma Linh làm châu Minh Linh, mộ dân đến ở.

Địa Lý và Ma Linh là đất mà Chế Củ đã hiến.

Dùng Lý Thường Kiệt làm Thái úy.

Tháng 11, mùa đông. Sai bọn Lý Thường Kiệt đem đại binh sang đánh nhà Tống, phá được Khâm Châu và Liêm Châu.

Nhà Tống từ khi Vương An Thạch lên cầm quyền, thường muốn lập công ở ngoài biên giới. Tiêu Chú, tri châu Ung Châu, đón biết ý An Thạch, dâng thư nói Giao Châu dầu giữ lễ triều cống, nhưng thực vẫn hai lòng, nếu nay bỏ lỡ không đánh lấy đi, chắc sẽ để lo về sau. Vua Tống tin lời, liền xuống chiếu cho Tiêu Chú lo việc ấy. Tiêu Chú lấy làm khó. Gặp bấy giờ có độ chi phán quan là Trầm Khởi dâng thư nói không có lý gì không thể lấy được Giao Châu. Nhà Tống mới cho Trầm Khởi làm tri châu Quế Châu. Trầm Khởi nhận lĩnh ý chỉ do An Thạch dặn bảo, chuyên để ý tấn công khuấy rối nước ta. Khi Trầm Khởi bị bãi, Lưu Di lên thay, biên xét hộ tịch các dân ở khê đôộng, sửa qua thuyền[1], để mưu sang lấn cướp. Nhà Tống lại nghiêm cấm các châu, các huyện không được trao đổi mua bán với ta. Nhà vua đưa thư sang Tống, thì Lưu Di lại dìm đi. Ngài giận lắm, sai bọn Lý Thường Kiệt, Tôn Đản thống lĩnh hơn 10 vạn quân, chia đường sang đánh Tống.

Quân Thường Kiệt đến Khâm Châu, Liêm Châu: tấn công và phá được. Quân Tống chết mất tám nghìn (8.000) người.

Bấy giờ Tôn Đản sang đánh Ung Châu, đô giám tỉnh Quảng Tây là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu, Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn Luân, phá tan được địch, chép Thủ Tiết tại trận.

Lời cẩn án - Sử cũ chép tháng 2 năm ấy (Ất Mão, 1075), Thường Kiệt sang đánh nhà Tống, phá được Khâm Liêm. Tôn Đản vây Ung Châu hơn 40 ngày, phá được thành, nay theo sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) thì tháng 11 mùa đông năm Ất Mão (1075), Giao Chỉ đem đại binh vào lấn cướp, phá Khâm Châu và Liêm Châu. Tháng giêng, mùa xuân, năm Bính Thìn (1076), phá Ung Châu. Như vậy thì việc sang đánh Tống là bắt đầu từ mùa đông, năm Ất Mão (1075); việc phá được Khâm, Liêm là vào tháng 11, việc phá được Ung Châu là vào tháng giêng năm Bính Thìn (1076). Sử cũ chép lầm, nay xin đính chính. Lại xét: theo sử Cương mục tục biên và sách Giao Chỉ di biên thì tháng 11 mùa đông, năm Ất Mão (1075), đi đánh Tống, kể tội nhà Tống. Thế thì việc kể tội nhà Tống là việc năm Ất Mão ấy, chứ không phải việc năm Đinh Tị (1077). Sử cũ, ở chỗ tháng 2, mùa xuân, năm Đinh Tị, chép: lại đem đại binh sang đánh Tống và kể tội của Tống. Thế là một việc mà chép làm hai, việc ở năm này chép lẫn sang năm sau. Nay xin đính chính.

Lời chua - Ung Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 19).

Quế Châu: Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

---

[1] Có hai thuyết: 1) Thứ thuyền dưới đáy có đặt đồ binh khí để chống loài giao long làm hại; 2) Thứ thuyền để chở đồ can qua, như giáo, mác, lá mộc,...

Khâm Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 10 (Chb. III, 36).

Liêm Châu: Tức Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 43).

Cửa Côn Luân: Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

Bính Thìn, năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 1 (1076). (Tống, năm Hi Ninh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Tôn Đản phá được thành Ung Châu nhà Tống, giết sạch cả dân trong thành.

Tôn Đản vây Ung Châu hơn bốn mươi ngày; Tri châu Tô Giam đóng cửa thành cố giữ. Đến đây, quan quân xếp bao đất sát vào thành làm bậc thang mà leo lên: thành bị hạ. Tô Giam bắt ba mươi sáu người trong nhà hắn phải chết trước, hắn đem xác vùi cả xuống hố, rồi tự mình chết. Người trong thành cảm phục cao nghĩa của Tô Giam, không một ai chịu đầu hàng. Quan quân giết sạch số dân trong thành đến hơn năm vạn tám nghìn người cộng với số người bị chết ở Khâm, Liêm, tất cả tới mười vạn. Bọn Thường Kiệt bắt lấy người ba châu làm tù binh rồi kéo quân về. Việc này lên đến vua Tống, vua Tống truy tặng Tô Giam là Phụng quốc Tiết độ sứ.

Tháng 4, mùa hạ. Có ân xá.

Vì cớ đổi niên hiệu là Anh Vũ Chiêu Thắng.

Hạ chiếu trưng cầu lời nói thẳng.

Lập nhà Quốc Tử Giám; tuyển trong các văn thần lấy những người có văn học, bổ vào đó.

Lựa chọn nhân sĩ trong nước lấy những người có tài văn, võ, phân phối đi cai quản quân và dân.

Tháng 12, mùa đông. Quân nhà Tống sang xâm lược, chiếm lấy các châu ở Quảng Nguyên rồi rút về.

Trước đó, bọn Thường Kiệt đem quân sang đánh nhà Tống, có làm bài lộ bố[1], đại ý nói: Nhà Tống thi hành phép thanh miêu[2] và trợ dịch[3] làm cho dân Tống phải ngậm đắng nuốt cay! Ta nay dấy quân là cốt để sang cứu vớt dân chúng". Phàm những thành ấp nào mà quân của Thường Kiệt đi qua, đều được niêm yết bài lộ bố ấy ở bên đường. Kịp khi Ung Châu và Liêm Châu bị phá, An Thạch hay tin, giận lắm, bèn dùng Quách Quỳ làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm Phó sứ, cầm đầu chín tướng quân, ước hẹn các nước Chiêm Thành và Chân Lạp cùng sang lấn cướp.

Nhà vua sai Thường Kiệt đem quân đón đánh, đến sông Như Nguyệt, đánh nhau kịch liệt, Thường Kiệt cả phá được địch: quân Tống chết đến hơn nghìn người, phải rút lui. Đến đây, bọn Quách Quỳ lại đem quân tiến về phía tây, kéo thẳng đến sông Phú Lương. Quan quân ta bơi thuyền đón đánh: quân Tống không sang được, mới chặt gỗ làm chiến cụ, đặt máy bật đá, liệng xuống như mưa. Thuyền bên ta đều bị hư nát, quan quân ta lại bị quân Tống đánh úp, chết đến vài nghìn người. Do đấy nhà vua phải sai sứ đến doanh trại quân Tống xin hòa để cầu nhà Tống hoãn lại việc binh. Lúc ấy người Tống đi sâu vào nơi lam chướng, tám vạn quân sĩ chết mất quá nửa, lại thêm nỗi đóng quân mãi ở bờ sông, không vượt sang sông được, bèn ưng theo lời xin, rút lui, chiếm lấy các châu Quảng Nguyên, Tư Lang, Tô Châu, Mậu Châu và huyện Quang Lang rồi kéo quân về.

---

[1] Bài hịch kể rõ tội ác của bên địch và nêu nghĩa vụ mình phải đi đánh dẹp để cứu dân.

[2] Phép "Thanh miêu" do Vương An Thạch đặt: nhà nước bỏ tiền cho nông dân vay trong khi lúa hãy còn xanh, đến lúc được gặt thì phải trả và chịu lãi hai phân. Hàng năm, cứ tháng giêng cho vay thì mùa hạ phải trả, tháng năm cho vay thì mùa thu phải nộp.

[3] Phép "trợ dịch" cũng do Vương An Thạch đặt: những nhà có con vị thành niên, hoặc con một, hoặc nhà đàn bà không có con, hoặc người ở chùa, hoặc người có quan chức, v.v... những người này trước kia không phải đóng góp làm tạm dịch, nay cũng đóng tiền "miễn dịch" theo với các người khác.

Lời cẩn án - Theo sử Cương mục tục biên (Trung Quốc), tháng 2 năm ấy[1], nhà Tống dùng Quách Quỳ làm chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm phó sứ. Tháng 12, mùa đông, quân Tống kéo đến sông Phú Lương, chiếm lấy các châu ở Quảng Nguyên. Thế thì Triệu Tiết là phó tướng của Quách Quỳ. Còn việc kéo quân đến sông Phú Lương, chiếm lấy châu Quảng Nguyên là việc ở tháng 12, năm Bính Thìn (1076). Sử cũ lại chép vào tháng 3; đến tháng 12, năm Đinh Tị (1077) lại chép Triệu Tiết nhà Tống sang xâm lấn, không đánh được, rút về. Thế là Sử cũ cho việc tháng 12 năm Bính Thìn (1076) làm việc tháng 12 năm Đinh Tị (1077), lại cho việc tháng 12 làm việc tháng 3: trước sau lầm lẫn như vậy đó. Nay xin đính chính.

Lời chua - Quảng Nguyên: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-22).

Chân Lạp: Xem thuộc Đường Tuyên Tông, Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Sông Như Nguyệt: Ở phía đông bắc huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Gần đấy có xã Như Nguyệt nên gọi tên như vậy.

Sông Phú Lương: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. III, 13).

Tư Lang: Xem Lý Thái Tông, năm Kiền Phù hữu đạo thứ 3 (Chb. II, 3).

Tô Châu, Mậu Châu: Chừng ở địa phận hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng ngày nay, nhưng thay đổi ra sao, không khảo được.

Quang Lang: Tên huyện. Nhà Lý gọi là huyện Quang Lang; nhà Trần gọi là châu Khưu Ôn; khi thuộc Minh gọi là Ôn Huyện; nhà Lê gọi là Ôn Châu, tức là Ôn Châu tỉnh Lạng Sơn bây giờ.

Đinh Tị, năm thứ 2 (1077). (Tống, năm Hi Ninh thứ 10).

Tháng 2, mùa xuân. Thi lại viên.

Thi bằng phép viết, phép tính và hình luật. Ai trúng tuyển thì được bổ.

Mậu Ngọ, năm thứ 3 (1078). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 1).

Thành này đắp từ năm Thuận Thiên thứ 5 (1014), đến đây sửa lại.

Lời cẩn án - Đại La là tên thành cũ từ thời Cao Biền, Lý Thái Tổ đã đổi gọi là Thăng Long. Sử cũ cứ theo tên cũ chép là "thành Đại La" thì nhầm, nay xin đính chính.

Lời chua - Thành Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 10).

Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Đào Nguyên đem năm thớt voi thuần thuộc sang tặng nhà Tống; lại dâng biểu xin những châu huyện bị mất và những dân bị bắt ngày trước, vua Tống không cho. Nhà vua hẹn sẽ trả lại nhà Tống số người ba châu mà trước đây đã bị ta bắt, vua Tống bấy giờ mới y theo lời thỉnh cầu.

Lời chua - Ba Châu: Khâm, Liêm và Ung, đều thuộc tỉnh Quảng Đông.

Kỷ Mùi, năm thứ 4 (1079). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 2).

Mùa xuân. Thả cho về nước những người Tống đã bị bắt làm tù binh.

[1] Bính Thìn (1076).

Trước đó, nhà Tống đòi ta giao trả một nghìn người bị bắt; đến đây, ta thả cho về hai trăm hai mươi mốt người mà thôi. Đàn ông từ 15 tuổi trở lên thì thích vào trán là: "Thiên tử binh"[1] 20 tuổi trở lên thì thích là "Đầu Nam Triều"[2]; phụ nữ thì thích vào tay trái là "Quan khách". Dùng thuyền chở đi, nhưng trát bùn kín cả cửa và cửa sổ, trong thuyền thắp đèn đuốc, mỗi ngày chỉ đi độ một hai dặm thôi; vài tháng trời mới đến nơi. Có ý tỏ rằng đường biển xa khơi là thế.

Lời cẩn án - Sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép rằng: Tháng 9, mùa thu, năm Nguyên Phong thứ 1 (Mậu Ngọ, 1078) triều Tống; Giao Chỉ dâng biểu xin lại những đất đã mất, nhà Tống không ưng thuận. Chưa được bao lâu, Kiền Đức3 trả lại những dân bị bắt ngày trước. Tống bèn ban cho Thuận Châu4. Sách An Nam chí của Cao Hùng Trưng chép rằng: năm Nguyên Phong thứ 1 (1078), Giao Chỉ vào cống, thỉnh cầu trả lại các châu Quảng Nguyên; nhà Tống hẹn rằng hễ trả lại số dân bị bắt trước đó thì sẽ làm theo lời xin. Qua năm sau, nhà Lý đem trả lại những người ba châu5; nhà Tống mới trả lại Thuận Châu. Như thế thì việc giao trả những người ba châu bị bắt là việc đáng phải ở vào năm này (Kỷ Mùi 1079), mà việc nhà Tống trả châu Quảng Nguyên lại ở vào sau việc ta giao trả tù binh của Tống. Nhà Tống bấy giờ dẫu suy yếu, nhưng đâu có chịu trước trả đất cho ta để cầu xin ta trả lại tù binh? Sử cũ chép năm ấy (Kỷ Mùi 1079), nhà Tống trả lại Thuận Châu: đến Tân Dậu, năm thứ 66, chép rằng trao trả nhà Tống quân và dân ba châu đã bị ta bắt, vì cớ Tống đã trả lại cho ta châu Quảng Nguyên rồi. Thế thì ghi chép thất thực, nay xin đính chính.

Mưa đá.

Được mùa.

Nhà Tống trả lại châu Quảng Nguyên.

Trước đây, bọn Quách Quỳ sang xâm lấn các châu Quảng Nguyên đều mất về tay nhà Tống, Tống đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu, sai quan sang cai trị, hằng năm, trong số ba nghìn lính thú, chết đến năm sáu phần mười. Kịp khi ta trả lại tù binh ba châu cho Tống thì vua Tống nói: "Thuận Châu là nơi lam chướng, dẫu được cũng không lợi gì, há lại nên dồn quân lính vào chỗ chết ư?". Bèn trả lại cho ta.

Châu Quảng Nguyên sản nhiều vàng. Người Tống có câu thơ rằng: "Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên kim[7]!".

Canh Thân, năm thứ 5 (1080). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua xem bơi trải.

Tân Dậu, năm thứ 6 (1081). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 4).

Tháng 10, mùa đông. Thái phó Lý Đạo Thành mất.

Đạo Thành lấy tư cách là đại thần cùng họ với nhà vua, giúp chúa thơ ấu, từ chính sự trong triều đình đến kế hoạch nơi biên giới, ông có nhiều điều xây dựng sáng suốt; đến đây, ông mất, ai cũng thương tiếc.

Nhâm Tuất, năm thứ 7 (1082). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 5).

---

[1] Quân lính của thiên tử.

[2] Theo về với Nam triều.

[3] Tên Lý Nhân Tông.

[4] Tức là Quảng Nguyên. Thuận Châu là tên người Tống đổi gọi trong khi tạm chiếm Quảng Nguyên.

[5] Khâm, Liêm, Ung.

[6] Lý Nhân Tông năm Anh Vũ chiêu thắng thứ 6 (1081).

[7] "Tham voi Giao Chỉ, mất vàng Quảng Nguyên" (Đại Nam quốc sử diễn ca).

Mùa xuân. Gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục châu Vị Long là Hà Di Khánh.

Lời chua - Châu Vị Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 4 (Chb. II, 16).

Quý Hợi, năm thứ 8 (1083). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 6).

Mùa xuân. Tuyển lính.

Tuyển trong hạng hoàng nam lấy những người khỏe mạnh, can đảm, đặt làm ba bậc.

Lời chua - Hoàng nam: Xem Lý Thái Tông, năm Minh Đạo thứ 1 (Chb. III, 5).

Giáp Tí, năm thứ 9 (1084). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 7).

Tháng 6, mùa hạ. Sai Lê Văn Thịnh sang bên Tống, bàn định việc cương giới.

Bấy giờ, bờ cõi giữa nước ta và nhà Tống chưa được ngã ngũ. Nhà vua sai Binh Bộ thị lang[1] Lê Văn Thịnh sang Tống để hội nghị, nhà Tống trả lại ta 6 huyện và 3 động.

Theo Danh tiết lục của Trần Ký Đằng, Lê Văn Thịnh sang Quảng Tây, hội nghị với tuần kiểm ti nhà Tống, là Thành Trác. Văn Thịnh thường giữ thái độ mền dẻo, từ từ lấy lý lẽ mà giải thích, và nói "kẻ bồi thần[2] này không dám tranh giành". Vua Tống khen là biết cung kính, biết lẽ phải, bèn hạ chiếu trả lại cho ta 6 huyện Bảo Lạc và 6 động Túc Tang.

Lời cẩn án - Theo sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) và sách Giao Chỉ di biên, quân Tống sang xâm lược, chiếm lấy các châu Quảng Nguyên, Tư Lang, Tô Châu, Mậu Châu và huyện Quang Lang, rồi đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu. Kịp khi nhà Lý trả lại những dân bị bắt thì mới trao trả Thuận Châu. Về sau, khi định lại cương giới, Tống trả lại ta 6 huyện, 3 động. So với Sử cũ trên chép nhà Tống trả Thuận Châu, đến đây chép nhà Tống trả 6 huyện 3 động, mà không nói rõ huyện nào động nào, thì hai chỗ chép cũng hơi giống nhau. Nay xét: Về châu Tư Lang và huyện Quang Lang không thấy các sách nói đến việc trả lại, mà từ đời Tống Thần Tông (1069-1085) trở về sau, hai châu ấy đã thuộc về đất nhà Lý rồi, hay là sau khi nhà Tống đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu, thì gộp cả Tư Lang và Quang Lang mà chia đặt làm huyện, làm động, vậy 6 huyện và 3 động nói đó đều là đất ấy chăng? Ban đầu, Tống chỉ trả Thuận Châu, đến đây, định rõ cương giới, bấy giờ mới trả lại hết, thế còn có lý, chứ nếu cứ trỏ vào 6 huyện Bảo Lạc và 6 động Túc Tang, thì người Tống chưa hề xâm chiếm, việc gì mà phải trả lại ta? Huống chi trả lại chỉ có 3 động, mà Trần Kỳ Đằng lại cho là 6 động, không biết bằng cứ vào đâu! Vậy hãy cứ chép lại đây để sẽ khảo sau.

Lời chua - Bảo Lạc: Thuộc tỉnh Tuyên Quang; tức là huyện Vĩnh Điện và huyện Để Định bây giờ.

Sáu động Túc Tang: Không khảo được.

Ất Sửu, năm Quảng Hựu thứ 1 (1085). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 8).

Gia phong Lê Văn Thịnh làm Thái sư.

Bính Dần, năm thứ 2 (1086). (Tống Triết Tông, năm Nguyên Hựu thứ 1).

Mùa xuân. Nguyễn Viễn dâng con rùa sáu chân.

Trên lưng con rùa này có hình đồ thư. Sau việc này, có nhiều người hay đem rùa lạ đến dâng.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lấy những người có văn học, sung vào Hàn lâm viện.

Thi những học trò có văn học trong cả nước. Ai đậu thì được bổ dùng. Mạc Hiển Tích đỗ đầu, được bổ làm Hàn lâm học sĩ.

---

[1] Như Thứ trưởng Bộ Quốc phòng bây giờ.

[2] Tiếng bầy tôi của chư hầu tự xưng đối với thiên tử.

Lời chua - Hiển Tích: Người làng Long Động, huyện Chí Linh[1].

Đinh Mão, năm thứ 3 (1087). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Bắt đầu làm Bí thư các.

Sứ nhà Tống sang.

Tống Triết Tông mới lên ngôi, gia phong nhà vua làm Nam bình vương.

Tháng 10, mùa đông. Mở yến tiệc thết các bầy tôi tại chùa Lãm Sơn.

Năm Quảng Hựu thứ 2 (1086), làm chùa này; đến đây ngự giá đến chơi, đêm mở yến tiệc thết quần thần. Nhà vua có làm thơ "Lãm sơn dạ yến".

Bấy giờ lại chia đặt ra các chùa trong nước làm ba hạng: đại danh lam, trung danh lam, tiểu danh lam. Chùa thì có điền nô[2] kho chứa đồ vật. Dùng quan văn cấp cao kiêm làm chức Đề cử[3].

Lời chua - Chùa Lãm Sơn: Ở xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Mậu Thìn, năm thứ 4 (1088). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 3).

Ban hiệu quốc sư cho thày chùa là Khô Đầu.

Nhà vua sùng đạo Phật, tôn thày chùa làm quốc sư, thường bàn hỏi về việc nước. Ấy cũng như Lê Đại Hành đối với Ngô Khuông Việt.

Lời chua - Khô Đầu: Không rõ là tên hay hiệu của nhà sư.

Kỷ Tị, năm thứ 5 (1089). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Quy định các chức của bách quan.

Đặt rõ tên gọi các chức của quan văn, quan võ, quan phụ thuộc và các tạp lưu.

Lời cẩn án - Sách Lịch triều hiến chương, Chức quan chí, của Phan Huy Chú, chép rằng: Xét quan chế triều Lý, đại lược thế này: Phẩm trật các hàng quan văn quan võ đều có chín bậc. Tam thái4, tam thiếu5 Thái úy, nội ngoại hành điện đô trị sự, Kiểm hiệu Bình chương sự, đều là trọng chức về văn võ đại thần cả. Hàng quan văn thì có: bộ thượng thư, tả hữu tham tri, tả hữu gián nghị, trung thư, thị lang, bộ thị lang, tả hữu Ti lang trung, Thượng thư sảnh viên ngoại lang, đông tây cáp môn sứ, tả hữu phúc tâm, Nội thường thị, Phủ sĩ sư, Điện học sĩ, Hàn lâm học sĩ, vệ đại phu, chư hỏa thư gia6, Thừa trực lang, Thừa tín lang, đều là các chức quan trong. Lại có Tri phủ, Phán phủ, Tri châu đều là các chức quan ngoài. Hàng võ thì có: Đô thống, Nguyên súy, Tổng quản, Xu mật sứ, Xu mật tả hữu sứ, Tả hữu kim ngô, Thượng tướng, Đại tướng, Đô tướng, tướng quân các vệ7, chỉ huy sứ, vũ vệ, hỏa đầu, các binh tào Vũ Tiệp và Vũ Lâm, đều là những chức quan trọng. Lại có quan binh và Trấn thủ các lộ, các trấn, các trại; đó đều là những chức quan ngoài. Còn như phẩm trật và cấp bậc ra sao không thể khảo tường tận được.

Lời chua - Chư hỏa thư gia: Tên chức quan, như là Nội hỏa thư gia, Chi hậu thư gia, Nội thư gia, Lệnh thư gia, vân vân... Còn "Chư hỏa" thì chưa rõ.

---

[1] Nay là xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

[2] Nô bộc làm ruộng.

[3] Chức quan coi quản về việc đền chùa.

[4] Thái sư, Thái bảo, Thái phó.

[5] Thiếu sư, thiếu bảo, thiếu phó.

[6] Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

[7] Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

Các vệ: Uy vệ, Kiêu vệ, Định Thắng vệ.

Đào sông Lãnh Kinh.

Lời chua - Lãnh Kinh: Theo Dư địa chí của Nguyễn Trãi, sông Lãnh Kinh thuộc tỉnh Thái Nguyên nay chưa biết đích ở chỗ nào.

Canh Ngọ, năm thứ 6 (1090). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 5). Làm cung Hợp Hoan.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Lý Nhân Tông xây dựng cung điện lâu đài đến năm lần[1], cung Hợp Hoan này là một, chắc không khỏi làm nhọc sức dân.

Tân Mùi năm thứ 7 (1091). (Tống, Nguyên Hựu thứ 6). Mùa xuân. Nhà vua lên Lạng Sơn, xem săn voi.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Lý Nhân Tông xem bắt voi đến ba lần: Năm này[2] đi Lạng Sơn; năm Hội Tường thứ 10[3] đi Khoái Trường; năm Thiên Phù duệ vũ thứ 4[4] đi Long Thủy Hiệp: đều là đi du ngoạn cả.

Lời chua - Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Núi Long Thủy Hiệp: Ở châu Đà Bắc thuộc Hưng Hóa, tức là núi Long Môn bây giờ.

---

[1] Năm lần xây dựng cung điện:

- Cung Hợp Hoan dựng năm Quang Hựu thứ 6 (1090).

- Đài Động Linh dựng năm Long Phù thứ 9 (1109).

- Đài Chúng Tiên dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ 1 (1120).

- Đài Tử Tiêu dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ 4 (1123).

- Đài Uất La dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ 5 (1124).

[2] Năm Tân Mùi, 1091.

[3] Tức là Hội Tường đại khánh thứ 10 (Kỷ Hợi, 1119).

[4] Năm Quý Mão, 1123.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ IV

Từ Nhâm Thân (1092), Lý Nhân Tông năm Hội Phong thứ nhất đến Kỷ Tỵ (1149), Lý Anh Tông năm Đại Định thứ 10, gồm 58 năm.

❈

Nhâm Thân, năm Hội Phong thứ 1 (1092). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 7). Quy định phép thu tô.

Năm ấy, khắp trong nước được mùa; định rõ thể lệ thu tô: mỗi mẫu ruộng thu 3 thưng lúa để cung cấp lương thực cho quân đội.

Quý Dậu, năm thứ 2 (1093). (Tống, năm Nguyên Hựu thứ 8).

Giáp Tuất, năm thứ 3 (1094). (Tống, năm Thiệu Thánh thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nước Chiêm Thành.

Chiêm Thành không tiến cống. Nhà vua sai Hàn lâm học sĩ Mạc Hiển Tích đi trách hỏi.

Ất Hợi năm thứ 4 (1095). (Tống, năm Thiệu Thánh thứ 2).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán. Thả tù phạm bị giam cứu; tha tô thuế, trời mưa.

Bính Tý, năm thứ 5 (1096). (Tống, năm Thiệu Thánh thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Thái sư Lê Văn Thịnh mưu phản nghịch, bị bắt đi an trí ở Thao Giang.

Trước kia, Văn Thịnh có một tên gia nô người nước Đại Lý. Tên này có phép thuật lạ. Nhân thế, Văn Thịnh manh lòng toan sự kia khác. Bấy giờ vua chơi hồ Dâm Đàm, đi chiếc thuyền con xem đánh cá. Bỗng nhiên nổi đám sương mù, có chiếc thuyền từ đám sương mù ấy vụt tới, sát đến thuyền ngự. Nhà vua cầm giáo lao theo, thì đám sương mù ta đi, trong thuyền hiện ra một con hổ. Mọi người sợ hãi. Ông chài Mục Thận quăng lưới chụp lấy, té ra là thái sư Lê Văn Thịnh. Nhà vua cho rằng Văn Thịnh là bậc đại thần có công lao, nên không nỡ giết, bắt đi an trí ở trại Thao Giang, thưởng quan tước cho Mục Thận và ban cho đất Dâm Đàm để làm thái ấp.

> **Lời phê -** Văn Thịnh do văn học được đỗ đầu, làm quan đến cực phẩm, mà hành vi còn thế, thì lòng người còn lường biết thế nào được!
>
> **Lời chua -** Sông Thao: Ở phía Bắc huyện Tam Nông, tỉnh Hưng Hóa.
>
> Đại Lý: Xem Lý Thái Tông năm Sùng Hưng Đại Bảo thứ 5 (Chb. III, 19).
>
> Dâm Đàm: Có tên nữa là Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Đinh Sửu, năm thứ 6 (1097). (Tống, năm Thiệu Thánh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Xuống chiếu định ra hội điển[1].

Nhà vua hạ chiếu cho các quan kiểm điểm hiệu đính các điều lệ về điển chương cũ, biên tập và quy định lại rồi cho thi hành.

---

[1] Một loại sách chép thể lệ công việc về điển chương chính sự của một đời.

Tháng 8, mùa thu. Sao mọc ban ngày.

Mậu Dần, năm thứ 7 (1089). (Tống, năm Nguyên Phù thứ 1).

Tháng 8, mùa thu. Động đất.

Có sao chổi mọc.

> **Lời chua -** Sao chổi: Theo sách Tinh kinh, sao chổi là do yêu khí sao Thái Bạch sinh ra, hình dáng giống như cái chổi, nên gọi là "sao chổi".

Kỷ Mão, năm thứ 8 (1099). (Tống, năm Nguyên Phù thứ 2).

Canh Thìn, năm thứ 9 (1100). (Tống, năm Nguyên Phù thứ 3).

Tháng 12, mùa đông. Phát sinh bệnh dịch dữ dội.

Tân Tỵ, năm Long Phù thứ 1 (1101). (Tống, Huy Tông, năm Kiến Turng tĩnh quốc thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Dùng Lý Thường Kiệt kiêm chức Nội thị phán thủ đô áp nha, Hành điện nội ngoại đô tri sự.

> **Lời chua -** Theo sách Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, Hành điện nội ngoại đô tri sự là trong chức của bậc đại thần. Còn Phán thủ đô áp nha thì chức chế ra sao chưa rõ.

Sửa lại chùa Diên Hựu.

Chùa này do Lý Thái Tông làm ra để cầu trường thọ; đến đây tu sửa lại. Lại đúc quả chuông lớn. Đúc xong, đánh thử, chuông không kêu, đem bỏ ở ngoài ruộng. Ruộng ấy sản nhiều rùa, nên người ta gọi là "chuông Quy điền"[1].

> **Lời chua -** Chùa Diên Hựu: Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng Đại Bảo thứ 1 (Chb. III, 14).

Nhâm Ngọ, năm thứ 2 (1102). (Tống, năm Sùng Ninh thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Có nạn nước lớn.

Quý Mùi, năm thứ 3 (1103). (Tống, năm Sùng Ninh thứ 2).

Tháng 10, mùa đông. Lý Giác ở Diễn Châu làm phản. Nhà vua sai Lý Thường Kiệt đi đánh. Giác thua, chạy sang Chiêm Thành.

Lý Giác vì học được phép thuật kỳ lạ, kết cỏ buộc cây làm thành hình người, có thể sai khiến chúng nó bay nhảy đâm đánh được, gọi là quân tướng nhà trời. Nhiều người Diễn Châu theo về với hắn. Giác bèn giữ Diễn Châu, làm phản. Việc ấy lên đến triều đình. Nhà vua hỏi ai có thể làm tướng đi dẹp được. Bầy tôi cử Lý Thường Kiệt. Nhà vua nói: "Giác là tay giặc kiệt hiệt, ta cần phải chọn lấy người khỏe mạnh để đối địch. Thường Kiệt giữ việc binh đã lâu, nay già rồi; nếu lại giao cho việc quân, thì không phải cách mà trẫm dùng để đối xử với bậc lão thần". Thường Kiệt khấu đầu, nói: "Tôi, trước kia chưa thông thạo mưu lược làm tướng, bình Chiêm, đánh Tống, may mà thành công, đó là điều nhờ oai linh của bệ hạ và sức lực của các tướng thần. Ngày nay nhờ ơn nước, tôi được hưởng ngôi cao lộc hậu đến thế này, nếu tôi ngồi nhìn để cho đứa giặc là Giác kiêu rông thì chết không nhắm mắt được". Thường Kiệt xin đi đánh. Nhà vua khen và ưng cho. Quân kéo đến Diễn Châu, đánh kịch liệt, cả phá được giặc. Lý Giác chạy sang Chiêm Thành, còn dư đảng thì quan quân dẹp yên được cả.

> **Lời chua -** Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1(Tb. IV, 20).

---

[1] Được kể là An Nam tứ khí (bốn thứ đồ của Việt Nam): 1. Chuông Quy Điền; 2. Tháp Báo Thiên; 3. Vạc Phổ Minh; 4. Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm.

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-22).

Nước Chiêm Thành xâm lược châu Lâm Bình, châu Bố Chính và châu Minh Linh, rồi chiếm giữ ba châu ấy.

Lý Giác trốn sang Chiêm Thành, nói hết cả tình hình nước ta hư thực ra sao; chúa Chiêm là Chế Ma Na tin lời, bèn cất quân vào lấn cướp, chiếm lấy ba châu Bố Chính... là những đất mà Chế Củ đã dâng trước.

Lời chua - Việc Chế Củ dâng đất ba châu: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29). Đến năm Thái Ninh thứ 4 (1075), đổi châu Địa Lý làm Lâm Bình, châu Ma Linh làm Minh Linh.

Giáp Thân, năm thứ 4 (1104). (Tống, năm Sùng Ninh thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành. Chiêm Thành thua, chúa Chiêm phải trả lại đất ba châu mà hắn đã xâm chiếm.

Thường Kiệt đánh bại được quân Chiêm; Chế Ma Na sợ, phải trả lại đất ba châu đã chiếm.

Ất Dậu, năm thứ 5 (1105). (Tống, năm Sùng Ninh thứ 4).

Mùa xuân, tế thần Cao Môi[1].

Tháng 6, mùa hạ. Thái úy Lý Thường Kiệt mất.

Thường Kiệt có tướng tài, tinh thông thao lược, ban đầu sung làm Hoàng môn chi hậu[2], rồi thăng đến Thái úy, trải làm quan vớ ba triều, đánh Tống, bình Chiêm, công danh ngày càng cao, được nhà vua cưng yêu không ai sánh bằng. Đến đây, ông mất, được tặng phong Kiểm hiệu Thái úy Bình chương quân quốc trọng sự Việt quốc công; cho em là Thường Hiến nối phong tước hầu.

Tháng 9, mùa thu. Lại sửa chùa Diên Hựu.

Phía trước chùa xây ngọn bảo tháp, đào ao bích trì, trồng hoa sen; xung quanh có hành lang chạy dài, bắc cầu lượn vào. Hằng tháng, cứ mồng một và ngày rằm, ngự giá đến vãn cảnh.

Bính Tuất, năm thứ 6 (1106). (Tống, năm Sùng Ninh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao chổi hiện ra ở phương tây, chuôi sao dài suốt một góc trời. Sao Thái Bạch mọc ban ngày. Nhà vua hạ chiếu ân xá.

Duy những người bè đảng với kẻ phản nghịch thì không được tha.

Đinh Hợi, năm thứ bảy (1107). (Tống, năm Đại Quan thứ nhất).

Mùa hạ. Động đất.

Mậu Tý, năm thứ 8 (1108). (Tống, năm Đại Quan thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Đắp đê ngăn nước sông ở phường Cơ Xá.

Lời chua - Phường Cơ Xá: Bây giờ thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội.

Mùa hạ. Không mưa.

Kỷ Sửu, năm thứ 9 (1109). (Tống, năm Đại Quan thứ 3).

Mùa xuân, dựng đài Động Linh.

Dựng đài Động Linh để cầu đảo.

---

[1] Vị thần chuyên chủ về việc để người cầu con.

[2] Hầu cận nhà vua ở cửa Hoàng cung.

Canh Dần, năm Hội tường đại khánh thứ 1 (1110). (Tống, năm Đại Quan thứ 4).

Tháng 8, mùa thu. Nước Chiêm Thành đến tiến cống.

Tân Mão, năm thứ 2 (1111). (Tống, năm Chính Hòa thứ 1).

Mùa thu. Đâu đấy được mùa cả.

Nhâm Thìn, năm thứ 3 (1112). (Tống, năm Chính Hòa thứ 2).

Quý Tỵ, năm thứ 4 (1113). (Tống, năm Chính Hòa thứ 3).

Giáp Ngọ, năm thứ 5 (1114). (Tống, năm Chính Hòa thứ 4).

Ất Mùi, năm thứ 6 (1115). (Tống, năm Chính Hòa thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập ba Hoàng hậu.

Lập ba hoàng hậu là Lan Anh, Khâm Thiên và Chấn Bảo; lại lập 36 cung nhân. Bấy giờ nhà vua nóng lòng cầu tự, thường lập đàn tràng cầu đảo. Thái hậu thì làm hơn một trăm cảnh chùa; lại phát tiền kho nội phủ chuộc những gái nghèo đã bị cầm đợ mà gả cho người không có vợ.

Bính Thân, năm thứ 7 (1116). (Tống, năm Chính Hòa thứ 6).

Đinh Dậu, năm thứ 8 (1117). (Tống, năm Chính Hòa thứ 7).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua đi Ứng Phong xem xét việc cày ruộng.

Mùa xuân, dân cày ruộng công. Nhà vua đến hành cung Ứng Phong để xem xét. Từ đấy, xem cày, thăm gặt là việc thường hàng năm.

Thái hậu nói với nhà vua rằng: "Luật lệnh về việc trộm trâu thi hành đã lâu. Gần đây, những người trốn tránh ở kinh thành, hương ấp, phần nhiều làm nghề trộm trâu; mà sự giết thịt trâu lại càng quá lắm. Hiện nay, vài nhà nông dân mới có một con trâu, thì nhờ vào đâu mà đủ sinh sống?". Nhà vua cho là phải; xuống chiếu, phàm những kẻ trộm trâu hay là giết trâu thì cả vợ lẫn chồng đều phải phạt 80 trượng, bị tội đồ và bồi thường trâu; người láng giềng không cáo tỏ phải phạt 80 trượng.

> **Lời chua -** Ứng Phong: Thuộc tỉnh Nam Định. Xưa là huyện Hiển Khánh, nhà Lý đổi làm Ứng Phong; nhà Trần đổi làm Kiến Hưng; khi thuộc Minh đổi làm phủ Kiến Bình; nhà Lê gọi là phủ Nghĩa Hưng, tức là phủ Nghĩa Hưng bây giờ.

Tháng 6, mùa hạ. Không mưa. Làm lễ đảo vũ ở hành cung Ứng Phong.

Bấy giờ ngự giá đến Ứng Phong xem xét việc cày ruộng; nhân tiện, làm lễ đảo vũ.

Tháng 7, mùa thu. Linh Nhân hoàng thái hậu mất.

Tháng 8. Làm lễ an táng Phù Thánh Linh Nhân hoàng thái hậu.

Làm lễ hỏa táng. Lấy ba người hầu gái đem tuận táng[1]. Đặt tên thụy cho hoàng thái hậu là Phù Thánh.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Khải Thụy xem xét việc gặt lúa.

> **Lời chua -** Khải Thụy: Tên đất. Bấy giờ đặt hành cung ở đấy. Nay không biết đích là chỗ nào.

Lập Dương Hoán làm Thái tử.

Dương Hoán là con của Hoàng đệ Sùng Hiền hầu (không rõ tên). Bấy giờ nhà vua đã nhiều tuổi, chưa có kế tự mới xuống chiếu chọn lấy những con cái trong họ tôn thất để nuôi làm con. Kịp khi Dương

---

[1] Lối xưa có tục đem đồ vật hoặc người thật mà chôn theo kẻ chết gọi là "tuận táng".

Hoán sinh, nhà vua cho nuôi ở trong cung; năm này lên hai tuổi, nhà vua yêu là người thông minh lanh lẹn, lập làm Thái tử.

Mậu Tuất, năm thứ 9 (1118). (Tống, năm Tuyên Hòa[1] thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ đến tiến cống.

Bấy giờ khánh thành ngọn Bảo tháp, nhà vua sai bày đồ nghi trượng ở trước điện Linh Quang, cho dẫn sứ giả Chân Lạp đến xem.

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Tháng 3. Tuyển lính cấm quân.

Trước đó, tuyển những hoàng nam[2] khỏe mạnh làm binh lính, đến đây quy định hiệu quân cấm vệ, bèn tuyển 350 người đại hoàng nam[3] sung vào các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Vũ Đô và Ngự Long. Lại cấm những nô bộc tư gia không được xăm mực vào ngực, vào chân làm mạo theo hình dạng của cấm quân.

Lời chua - Xăm mực vào ngực và chân: Thích hình dạng văn hoa vào ngực và chân rồi đồ mực.

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán. Hạ chiếu đảo vũ. Trời mưa.

Tháng 7, mùa thu. Chiêm Thành đến tiến cống.

Bấy giờ nước Chiêm Thành sai sứ đến dâng lễ cống. Gặp dịp khánh thành chùa Thắng Nghiêm thánh thọ, bèn mở hội thiên phật để cho sứ Chiêm Thành xem.

Kỷ Hợi, năm thứ 10 (1119). (Tống, năm Tuyên Hòa thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Chức Đô tào là Phan Điền dâng con hươu trắng, được nhà vua chấp nhận.

Lời cẩn án - Sử của Ngô Thì Sĩ chua rằng: Xét: đoạn sử về đời Lý Nhân Tông. Sử cũ chép rằng hươu trắng 6 lần, chương trắng[4] 2 lần; chim sẻ trắng và rùa lạ mỗi thứ 4 lần; hươu đen, phượng non, ngựa trắng mọc cựa và ngựa hồng mọc cựa mỗi thứ 1 lần; đều được nhận cả.

Lời chua - Đô tào: Tên một chức quan.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua xem bơi trải, thết yến các bầy tôi.

Nhà vua ngự ở điện Linh Quang, để xem bơi thuyền thi; thết bầy tôi ăn yến. Tự đấy, hằng năm đặt làm lệ thường.

Lời chua - Điện Linh Quang: Ở đầu bến sông Phú Lương[5].

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua tự làm tướng đi đánh động Ma Sa, bắt được động trưởng động ấy là Nguỵ Bàng. Tháng 12, hoàn cung, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu.

Bấy giờ động Ma Sa không giữ lễ cống, nhà vua sửa soạn đi đánh, sai đóng hai chiếc thuyền Cảnh Hưng và Thanh Lan; lại hạ chiếu cho chư quân đóng thuyền chiến, sửa võ khí. Đến đây, trước khi

---

[1] Chính thực là "Trọng Hòa" mới đúng. Đến năm sau, tức năm Kỷ Hợi (1119), Tống Huy Tông mới đổi niên hiệu làm Tuyên Hòa thứ 1. Đây chắc là sử Cương mục in lầm.

[2] Xem thêm Chính biên quyển III tờ 5.

[3] Xem thêm Chính biên quyển III tờ 5.

[4] Một loại thú giống con hươu, mà nhỏ hơn, không có sừng.

[5] Tức sông Nhị Hà.

xuất quân, duyệt lấy những người khỏe mạnh trong các quân Vũ Tiệp, Vũ Lâm bổ vào các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Phù Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô và Ngự Long: hạng giỏi cho làm hỏa đầu, hạng kém cho làm binh lính. Rồi hội họp chư quân ăn thề ở sân rồng, hiểu dụ cho biết ý nghĩa xuất quân. Đoạn, ban phát khí giới cho tướng sĩ. Nhà vua ngự thuyền Cảnh Hưng, thân đốc sáu quân, ra đi từ bến Thiên thu; đánh trống hò reo thẳng tiến. Tinh thần quân sĩ hăng hái gấp trăm lần. Quân kéo đến động Ma Sa, đánh kịch liệt, phá tan được địch, bắt được động trưởng là Ngụy Bàng và vài trăm đồ đảng, rồi sai người đi chiêu dụ nhân dân động ấy khiến cho lại trở về yên nghiệp làm ăn. Nhà vua rút quân về, làm lễ dâng tù binh ở nhà Thái miếu, khao thưởng tướng sĩ linh đình, ban cho tiền và lụa, kẻ nhiều người ít khác nhau.

Lời phê[1] - Tóm lại, đời Lý, những sự gọi là đánh dẹp, ngay như Chiêm Thành tuy là một "nước" cũng chẳng qua cùng hạng với Tiêm La, Cao Miên vậy thôi, còn thì đều là những đám mán mọi phụ thuộc ở trong nước cũng như là mán Thạch Bích[2] ngày nay, chứ không phải là hạng nước kình địch hay nước lân cận hùng cường đáng lo ngại gì đâu, thế mà thường cứ khoe khoang rối rít: nào đặt tôn hiệu, nào đổi năm đầu; vua tôi đương thời kể đã hiếu danh và khéo nịnh nhau lắm nhỉ!

Lời chua - Ma Sa: Tên một động. Nay là đất châu Đà Bắc tỉnh Hưng Hóa.

Sân rồng: Sân rồng trước điện Thiên An.

Bến Thiên thu: Không khảo được.

Canh Tý, năm Thiên Phù duệ vũ thứ 1 (1120). (Tống, năm Tuyên Hòa thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu lên nhà vua.

Dâng tôn hiệu là Thiên Phù duệ vũ; nhân dịp đó xin đổi niên hiệu. Nhà vua y theo.

Đâu đấy được mùa cả.

Tân Sửu, năm thứ 2 (1121). (Tống, năm Tuyên Hòa thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Có người dâng cây cau một gốc đẻ bảy mầm; nhà vua từ chối không nhận.

Nhà sư Vương Ái dâng cau một gốc đẻ bảy mầm. Thái sử Trần Độ nói: "Thứ này không đáng kể là điều lành". Do đó, nhà vua không nhận.

Lời phê - Đáng khinh bỉ![3]

Lời chua - Cây cau: Theo sách Bản thảo, cây cau thẳng gióng, không cành, lá mọc ở ngọn cây, buồng ra từ nơi bẹ lá, mỗi một buồng cau hàng vài trăm quả, hình dạng như quả trứng gà.

Tháng 5, mùa hạ. Có nạn nước lớn.

Nước tràn đến ngoài cửa Đại Hưng.

Lời chua - Cửa Đại Hưng: Cửa Nam kinh thành.

Tháng 7, mùa thu. Phát sinh nhiều hoàng trùng[4].

Nhâm Dần, năm thứ 3 (1122). (Tống, năm Tuyên Hòa thứ 4).

Quý Mão, năm thứ 4 (1123). (Tống, năm Tuyên Hòa thứ 5).

---

[1] Về việc dâng tù binh và khảo thưởng quân lính.

[2] Thạch Bích: một dân tộc mán ở miền núi Thạch Bích tỉnh Quảng Ngãi (Trung Bộ). Dưới triều Gia Long (1802-1819). Lê Văn Duyệt có đi đánh dẹp mán này.

[3] Chỉ việc dâng cây cau. Ý nói nhà sư ấy đáng khinh bỉ.

[4] Sâu cắn lúa.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Ứng Phong, xem xét việc gặt lúa. Tháng 11, về cung.

Năm ấy, được mùa. Nhà vua đi xem gặt về; các nhà thuộc ngành đạo Nho, đạo Lão và đạo Phật đều dâng thơ mừng.

Nhà vua cho rằng trâu bò là loài giúp ích cho việc cày cấy, có lợi cho người ta không phải là ít, bèn xuống chiếu: Dân gian cứ 10 nhà là một bảo, phải giữ lẫn cho nhau, không được giết trâu, nếu ai vi phạm sẽ bị xử theo pháp luật.

Giáp Thìn, năm thứ 5 (1124). (Tống, năm Tuyên Hòa thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi Ứng Phong xem dân cày ruộng. Tháng 2, về cung.

Tháng 7, mùa thu. Hạn hán.

Tháng 10, mùa đông. Xây đài Uất La.

Trước đây, xây đài Chúng Tiên và đài Tử Tiêu; đến đây, xây đài Uất La, đều làm vào tháng mạnh đông[1] cả.

Tháng 12. Lại dùng Lê Bá Ngọc làm Lễ bộ thị lang.

Bá Ngọc, ban đầu, do chân nho học được vào hầu vua, dần thăng đến Lễ bộ thị lang. Năm Hội tường[2] thứ 9 (1118), bị bãi chức và giáng làm Nội nhân thư gia; năm Thiên Phù[3] thứ 2 (1121), thăng Nội thường thị; đến đây, lại làm Thị lang.

Lời chua - Thư gia: Xem Lý Nhân Tông năm Quảng Hựu thứ 5 (Chb. III, 47).

Ất Tỵ, năm thứ 6 (1125). (Tống, năm Tuyên Hòa thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Thủ lĩnh châu Quảng Nguyên là Mạc Hiển phạm tội, bị phát lưu đi châu Nghệ An.

Mạc Hiển đem cả gia quyến trốn sang Cống Động thuộc Ung Châu nhà Tống; người Tống bắt lấy, đưa đến Giang Nam giao trả nước ta. Nhà vua sai Trung thư Lý Hiến sang nhận, giải về, phạt Mạc Hiển tội lưu, đày đi châu Nghệ An, vợ và con phải sung công.

Lời chua - Quảng Nguyên: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Ung Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Điện Sùng Dương làm xong; mở tiệc lớn để khánh thành.

Trước đó làm điện Sùng Dương, đến đây mới làm xong, mở yến tiệc ba ngày đêm.

Tháng 6, mùa hạ. Rồng vàng hiện ra ở hành cung Lợi Nhân.

Nhà vua đi Ứng Phong, ngự giá đến Lợi Nhân, có con rồng vàng hiện ở nơi bí các nhà hành cung; cung nữ và hoạn quan đều trông thấy cả. Có chiếu chỉ tuyên bảo cho bầy tôi biết.

Nhà vua có tính thích những điềm tốt lành. Bấy giờ những hạt sương móc trên không sa xuống có vị ngọt[4], chính tay ngự viết tám chữ "Thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế" (Cả nước yên ổn, nhà vua muôn năm) rồi cho tạc vào bia.

---

[1] Tháng đầu mùa đông, tức là tháng 10 âm lịch.

[2] Tức Hội tường đại khánh.

[3] Tức Thiên Phù duệ vũ.

[4] Nguyên văn là "cam lộ" (móc ngọt).

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ - Đoạn sử về đời Lý Nhân Tông, Sử cũ chép rồng vàng hiện ra đến 10 lần, nhưng đến rồng vàng hiện ra ở hành cung Lợi Nhân năm nay, là việc tự dối mình một cách quá đáng.

Lời phê - Những điềm tốt lành, ngòi bút Sử cũ ghi chép không ngớt, nhưng đồng thời những việc dữ điềm dở nào có ít đâu, như thế phỏng có ích gì!

Lời chua - Lợi Nhân: Tên một châu. Bây giờ là phủ Lý Nhân thuộc Hà Nội[1]. Theo Hà Nội sách[2] thì từ khi thuộc Minh trở về trước, gọi là châu Lợi Nhân; đến nhà Lê, niên hiệu Quang Thuận (1460-1469), đổi là phủ Lỵ Nhân; khoảng năm Minh Mạng (1820-1840), đổi là Lý Nhân. Như thế thì gọi là Lỵ Nhân đến Lê mới đổi. Sử cũ ở đây chép lầm là Lỵ Nhân; nay xin đính chính.

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu quy định: phàm kẻ nào đánh người đến chết bị phạt 100 trượng và phải tội đồ.

Trước kia, có chiếu chỉ định rõ: dân không được đánh nhau bằng tre gỗ và những đồ sắc bén; đến đây nhắc lại điều lệ nghiêm cấm đã định: phàm kẻ nào đánh giết người thì bị phạt 100 trượng, thích 50 chữ và phải tội đồ.

Dùng bọn Lý Phụng 20 người làm quan lại coi việc hình ngục để xét xử những kiện tụng dân gian. Triều đình lại nhận thấy những giặc cướp trốn tránh phần nhiều được nhà quyền thế giấu giếm che chở, mà những lại viên đi truy nã cũng không tố giác ra, nên xuống chiếu: phàm ai mà ẩn giấu những kẻ trốn tránh cũng phải tội như người trốn tránh; lại viên nào không đem việc ấy cáo tỏ với quan trên thì phạt 80 trượng.

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ - Giết người thì phải tử hình, đó là pháp luật từ xưa, chứ đâu chỉ có đánh người đến chết mà chỉ xử vào tội phạt trượng và tội đồ? Chính sự và hình phạt quá hỏng đến thế!

Bính Ngọ, năm thứ 7 (1126). (Tống, Khâm Tông, năm Tĩnh Khang thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Tha tù phạm bị giam cứu.

Bấy giờ mở hội quảng chiếu đăng[3] 7 ngày đêm. Những tù giam ở đô hộ phủ đều được tha cả. Lại xuống chiếu: đương mùa xuân không được đẵn cây.

Lời chua - Đô hộ phủ: Xem Lý Thánh Tông (Chb. III, 28), năm Long chương thiên tự thứ 2.

Tháng 2. Nhà vua ngự điện Thiên An, xem đá cầu.

Cho các vương, hầu đánh cầu, nhà vua ngự xem ở điện Thiên An.

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán mãi đến tháng 7, mùa thu.

Tháng 11 nhuận, mùa đông. Sai sứ sang nhà Tống, sứ bộ đi đến Quế Châu, lại trở về.

Trước đó, người Tống trao trả Mạc Hiền, nhà vua cho là một việc có nghĩa; đến đây, sai bọn Lệnh thư gia Nghiêm Thường và Ngự khố thư gia Từ Diên đem vàng, bạc, sừng tê, ngà voi sang tặng nhà Tống. Bọn Nghiêm Thường đi đến Quế Châu thì ty Kinh lược nhà Tống bảo rằng: "Năm nay, ở Đông Kinh và các xứ Hồ Nam, Đỉnh, Phong đều có việc điều động binh mã để đánh người Kim, cho nên dọc đường những ngựa tải và phu trạm đâu đâu cũng hiếm. Vậy sứ giả hãy đi về". Bấy giờ bọn Nghiêm Thường mới trở về nước. (Năm ấy, người Kim vào vây Biện Kinh[4], bắt hai vua Tống[1] đem về đất Bắc. Nhà Tống loạn to).

---

[1] Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

[2] Xem chú giải ở Chb. I, 9.

[3] Hội chơi đèn.

[4] Kinh đô nhà Tống.

Lời chua - Quế Châu: Xem Lý Thái Tông năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

Đinh Mùi, năm Thiên Phù khánh thọ thứ 1 (1127). (Tống, Cao Tông, năm Kiến Viêm thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu.

Dâng 4 chữ Khoan Từ Thánh Thọ làm tôn hiệu.

Mưa dầm từ tháng giêng mãi đến tháng này (tháng 2).

Tháng tư, mùa hạ. Trời mưa ra thóc.

Bấy giờ ngự giá đến Ứng Phong xem xét việc gặt lúa. Trời mưa.

Tháng 10, mùa đông. Sao Thiên Cẩu ở trên không sa xuống: tiếng vang như sấm sét.

Lời chua - Thiên cẩu: Theo sách Tinh kinh, bảy vì sao Thiên cẩu ở về phía tây nam sao Quỷ, nằm ngang giữa sông Ngân Hà. Sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép rằng: Thiên cẩu là một vì ác tinh. "Sa"[2], là từ trời rơi xuống lưng chừng khoảng không mà không xuống đến tận đất.

Nhà vua mất. Di chiếu trối trăng rằng ba ngày thì trừ phục[3], không xây dựng lăng tẩm.

Nhà vua se mình, cho vời bọn Thái uý Lưu Khánh Đàm và Thị lang Lê Bá Ngọc đến nhận di chiếu. Ngày Đinh Mão, nhà vua mất ở điện Vĩnh Quang, tên thụy là Hiếu từ thánh thần văn vũ hoàng đế, miếu hiệu là Nhân Tông; ở ngôi 56 năm, thọ 63 tuổi.

Tờ di chiếu đại lược nói: "Trẫm xót xa trong lúc tuổi thơ, lên nối ngôi báu, đứng trên các vương hầu, năm mươi sáu năm nay lúc nào cũng kính cẩn sợ hãi. Nhờ tổ tông khôn thiêng, hoàng thiên phù hộ, trong nước được yên hàn, biên giới không có giặc giã, khi chết, bài vị được bày dưới bài vị đấng tiên quân, thế là may rồi. Thái tử Dương Hoán có thể noi theo điển lệ cũ, lên ngôi hoàng đế. Bọn các ngươi là Khánh Đàm và Bá Ngọc phải cùng nhau ở bên cạnh vua, hết lòng giúp đỡ, để cho vua các ngươi trở nên có hiền đức. Lại phải sửa sang giáo mác, đề phòng sự không ngờ. Đó là mệnh lệnh của trẫm, không được bỏ qua. Lễ tang thì xong ba ngày cho bỏ tang phục, thôi hẳn khóc thương. Lễ an táng thì theo lối tiết kiện của Hán Văn đế, không xây lăng tẩm riêng mà chỉ nên chôn cất ở bên cạnh lăng đức Tiên đế để trẫm được hầu hạ Tiên đế".

Thái tử Dương Hoán lên ngôi (tức là Lý Thần Tông).

Ngày hôm ấy, truyền bảo các vương hầu và bách quan đều ở cả ngoài cửa Đại Hưng để đợi mệnh lệnh. Còn các cửa thành thì đóng lại, cấm người đi lại ra vào. Sai các vệ sĩ bày khí giới và nghi trượng ở dưới điện Thiên An. Một lát, mở cửa nách bên hữu. Thái tử cho vời bầy tôi vào, hiểu dụ rằng: "Ngôi trời không thể để trống mãi được; ta còn thơ ấy lên nối ngôi, chỉ sợ không làm nổi. Các người phải hết tâm lực, giúp đỡ nhà vua, ngõ hầu không phụ tấm lòng Tiên đế đã phó thác, mà con cháu các người cũng được đời hưởng lộc trời". Bầy tôi đều khấu đầu lễ tạ.

Xuống chiếu cho bầy tôi bỏ đồ tang phục.

Lời phê[4] - Trái rồi!

---

[1] Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông.

[2] Nguyên văn là "vẫn", ta thường gọi là "sao sa" hay "đổi ngôi".

[3] Bỏ đồ trở.

[4] Về việc sớm bỏ tang phục.

Ngày Quý Mùi, quần thần chịu tang phục ở ngoài các Vĩnh Bình; ngày Giáp Thân, bầy tôi dâng biểu xin nhà vua ngự ở chính điện; ngày Ất Dậu, nhà vua ngự ở điện Thiên An, coi chầu, xuống chiếu cho bầy tôi bỏ đồ trở. Ngày hôm ấy, ngự giá đi Na Ngạn xem cung nữ lên đàn thiêu tuận táng.

Lời chua - Na Ngạn: Bây giờ là huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh[1].

Mậu Thân (1128), Lý Thần Tông hoàng đế, năm Thiên Thuận thứ 1 (Tống, năm Kiến Viêm thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Đại xá.

Phàm ruộng đất của dân bị sung công đều được trả lại hết; những tội phối dịch thuộc hạng điền nhi và lộ ông đều được tha cả.

Lời chua - Điền nhi, lộ ông: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: Điền nhi và lộ ông đều là những tội đồ dịch. Còn phép phối dịch ra sao, bây giờ không thể khảo được.

Tôn Thần anh phu nhân làm Hoàng thái hậu.

Lời chua - Thần anh phu nhân: Sử cũ chép là mẹ nuôi, nhưng ghi chép không được kỹ càng, vậy chưa biết có phải không.

Xuống chiếu cho sáu quân thay phiên nhau về làm ruộng.

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ - Phép phủ vệ[2] nhà Đường là ngụ binh ư nông[3]. Nhà Lý, ban đầu đã làm theo phép ấy, về sau thay đổi thất thường; đến đây mới trở lại làm theo phép cũ. Đó là một chính sự tốt của Lý Thần Tông khi mới cầm quyền.

Bắt đầu ra ngự ở tòa Kinh Diên[4].

Xét những người có công giúp đỡ khi vua lên ngôi; gia phong quan tước cho bọn Lê Bá Ngọc.

Dùng Lê Bá Ngọc làm Thái uý, gia phong tước hầu; Nội nhân hỏa đầu Dương Anh Nhị và Lưu Ba làm Thái phó, tước Đại liêu ban; Lý Khánh, Nguyễn Phúc và Cao Y làm Thái bảo, tước nội thượng chế; Trung thừa Mâu Du Đô làm Gián nghị đại phu; Ngự khố thư gia Từ Diên làm ngoại lang; chi hậu quản giáp Lý Sơn làm điện tiền chỉ huy sứ, tước đại liêu ban; Linh nhân[5] Ngô Toái được phong tước thượng chế. Lại ban tiền lụa cho bọn Lưu Khánh Đàm, Lê Bá Ngọc, Lưu Ba, Mâu Du Đô, và thưởng vàng, lụa cho trăm quan có từng đẳng hạng khác nhau.

Lời chua - Hỏa đầu: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chb. II, 25).

Đại liêu ban: Xem Lý Thái Tông, Thiên Thành thứ 3 (Chb. II, 35).

Thượng chế: Một tước cao ở thời bấy giờ, để phong cho những người có công.

Quản giáp: Đặt từ Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chb. II, 24-25).

Thư gia: Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 5 (Chb. III, 47).

Chân Lạp vào cướp. Tháng 2, sai Lý Công Bình đi đánh bại được quân địch.

Nước Chân Lạp đem hơn hai vạn người vào cướp Nghệ An. Việc lên đến triều đình. Nhà vua sai Công Bình đi đánh, đánh bại quân địch, bắt được tướng và quân của địch gồm một trăm sáu mươi chín

---

[1] Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

[2] Nhà Đường, chia trong nước làm 10 đạo, đặt các phủ lệ thuộc vào các vệ. Mỗi phủ, đặt một người làm chức chiết xung đô úy. Từ việc đi trận đến việc túc vệ, phủ binh tùy theo đường xa hay gần mà chia phiên nhau.

[3] Đặt quân đội ở ngay trong đám nông dân: khi vô sự thì làm ruộng, khi có việc thì ra chiến đấu.

[4] Nơi nhà vua học tập.

[5] Chức quan coi về việc nhạc.

người. Tin thắng trận báo về đến kinh đô, nhà vua cho là nhờ công đức Phật phù hộ, thân đến lễ tạ ở cung Thái Thanh, cung Cảnh Linh và các đền chùa trong thành.

Lời chua - Thái Thanh, Cảnh Linh: Tên riêng hai cung. Cung Thái Thanh. Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 4 (Chb. II, 36). Cung Cảnh Linh, ở trong kinh thành.

Ân xá.

Những tội nhân ở Đô hộ phủ đều được tha; lại xá tội cho 130 người bị biếm truất.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Lý Nhân Tông thường nhân dịp mở hội mà tha tội nhân, đã là không phải, song còn mượn tiếng là vì gặp dịp hội chùa, còn ở đây thì không nhân có việc gì mà tự nhiên xá tội. Nói chung ra, tội nhân phạm pháp, có nặng, có nhẹ khác nhau, nếu nhất khái tha cả thì may mắn cho bọn tiểu nhân, nhưng không phải phúc cho người lương thiện.

Bầy tôi kính dâng tôn hiệu.

Đặt tôn hiệu là Thuận Thiên quảng vận Khâm minh nhân hiếu hoàng đế.

Nhà vua bảo bầy tôi rằng: "Trẫm tuổi trẻ nối ngôi, may được thiên hạ vô sự, nước ngoài sợ oai, đó là công đức của các khanh. Vậy các khanh nên cẩn thận chăm lo chức phận, chớ có biếng nhác để giúp những điều trẫm còn thiếu sót". Gián nghị đại phu Mâu Du Đô tiến lên nói: "Bệ hạ nói đến điều ấy là phúc cho xã tắc đấy, nếu giữ được trước sao sau vậy thì bọn tôi còn ai dám không hết lòng hết sức để đáp lại ý chí của thánh thượng?". Nhà vua ngợi khen câu trả lời ấy lắm.

Lập Lý thị làm Lệ Thiên Hoàng hậu.

Lập con gái của Chỉ huy sứ Lý Sơn làm Hoàng hậu; lại lập con gái của Lê Xương, và là cháu của Lê Bá Ngọc, làm Minh Bảo phu nhân. Thăng thưởng cho Lý Sơn lên tước hầu, giữ việc quân dân ở Lạng Sơn; ban cho Lê Xương tước đại liêu ban.

Lời chua - Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Đại liêu ban: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 3 (Chb. II, 35).

Mưa dầm mãi không tạnh.

Hội họp các bầy tôi tuyên thệ ở điện Thiên An.

Hội thề ở sân rồng; nhà vua ngự xem ở điện Thiên An; ban xiêm, áo, tiền, lụa cho quần thần từng bậc từng hạng khác nhau.

Lời chua - Hồi Lý Thái Tông mới lên ngôi, có cuộc hội thề ở Thần miếu[1], đọc lời tuyên thệ rằng: "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, thì thần minh chu diệt". Vậy cuộc hội thề ở điện Thiên An dưới triều Lý Thần Tông này và hai triều Lý Anh Tông, Lý Cao Tông sau đây có lẽ cũng là phỏng theo cái ý hội minh từ đời Lý Thái Tông còn sót lại.

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Nhà vua thân đi đảo vũ. Trời mưa.

Tháng 6, hội họp các bầy tôi, tuyên thệ ở cửa Đại Hưng.

Vì cớ sắp làm lễ an táng Lý Nhân Tông hoàng đế.

Lời chua - Cửa Đại Hưng: Xem Lý Nhân Tông[2] năm Thiên phù duệ vũ thứ 2 (Chb. IV, 11).

Táng ở lăng Thiên Đức.

[1] Miếu thần núi Đồng Cổ.

[2] Cương mục Chb. IV, 23 in lầm là Thánh Tông.

Trước đây, sai Mâu Du Đô xem đất để xây lăng; đến đây, làm lễ an táng.

Lời chua - Lăng Thiên Đức: Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 10 (Chb. II, 20-21).

Tháng 8, mùa thu. Nước Chân Lạp vào cướp. Nhà vua sai bọn Nguyễn Hà Viêm và Dương Ổ đi đánh bại được quân địch.

Giặc kéo hơn bảy trăm chiếc thuyền đến Nghệ An. Nhà vua sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở phủ Thanh Hóa và Dương Ổ ở châu Nghệ An đem quân đi đánh, đánh bại được địch. Chân Lạp lại đưa thư xin triều đình sai người sang sứ nước Chân Lạp, nhưng nhà vua không trả lời.

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Nghệ An, Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-23).

Tháng 11, mùa đông. Gia phong Trương Bá Ngọc làm Thái sư.

Bá Ngọc họ Lê, đến đây đổi làm họ Trương.

Kỷ Dậu, năm thứ 2 (1129). (Tống, năm Kiến Viêm thứ 3). Tháng giêng, mùa xuân. Lý An Dậu dâng con hươu trắng, nhà vua ban cho tước đại liêu ban.

An Dậu dâng con hươu trắng, nhà vua ban cho tước đại liêu ban. Về sau lại có Lý Lộc dâng thư nói núi Tản Viên có hươu trắng; Lý Tử Khắc nói huyện Để Giang có hươu trắng; nhà vua sai người đến săn, bắt được. Ban cho Lý Lộc tước đại liêu ban, dùng Tử Khắc làm Xu mật sứ. Từ đó những kẻ bon chen danh lợi hay đem vật lạ đến dâng.

Lời chua - Tản Viên: Tên núi. Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 7.

Để Giang: Tên huyện; thuộc tỉnh Sơn Tây. Từ Trần trở về trước gọi là Để Giang; nhà Lê đổi là Sơn Dương, tức là huyện Sơn Dương bây giờ.

Tôn cha là Sùng hiền hầu làm Thái thượng hoàng, mẹ là Đỗ thị làm Hoàng thái hậu.

Lời bàn của sử thần Lê Văn Hưu - Lý Thần Tông là con họ Tôn Thất, được Lý Nhân Tông nuôi làm con để nối ngôi báu, đáng lẽ phải nhận Lý Nhân Tông là cha, mà gọi chính cha sinh Sùng hiền hầu là hoàng thúc, phong sinh mẫu Đỗ Thị làm vương phu nhân, như lối Tống Hiếu Tông với Tú An Hy Vương và với phu nhân Trương Thị, để căn bản được thống nhất mới phải; thế mà, nay lại đi tôn Sùng hiền hầu làm Thái thượng hoàng, Đỗ Thị làm Hoàng thái hậu, chả hóa chia ra "hai gốc" đấy dư? Có lẽ vì cớ bấy giờ Lý Thần Tông hãy còn thơ ấu mà các công khanh ở triều đình như Lê Bá Ngọc, Mâu Du Đô lại là người không biết lễ, nên mới như thế?

Tháng 2. Không mưa. Ân xá.

Nhà vua trai giới để cầu đảo; hạ chiếu tha những người có tội trong nước.

Danh tiết lục của Trần Ký Đằng chép rằng: từ tháng 2 năm ấy đến mãi tháng 3 không mưa, nhà vua thân đi đảo vũ, không linh ứng, nhân bảo các quan hầu: "Trẫm là người ít đức, can phạm đến Trời, làm mất hòa khí: mùa xuân năm ngoái mưa dầm, mùa xuân năm nay đại hạn; Trẫm thấy lo quá! Các khanh nên nghĩ xem trẫm có điều gì lầm lỗi thì bổ cứu lại cho". Viên ngoại lang Trần Ngọc Khánh tiến lên nói rằng: "Ba tháng xuân là mùa xuân sinh nở muôn vật, trời không mưa xuống thì sự sinh sống của các loài sao cho được thỏa thuê? Hoặc giả hình ngục có sự oan uổng không đúng, hại đến khí hòa? Kinh thư có câu: "Tiếm hằng dương nhược"[1], nghĩa là chính lệnh của nhà vua mà sai lệch vì quá nghiêm khắc, thì

[1] Một trong năm cữu trưng chép trong thiên Hồng phạm. Lời Cơ Tử trình bày với Chu Vũ vương.

điềm dữ sẽ phản ứng lại là nắng nhiều. Vậy xin bệ hạ nghĩ lại". Nhà vua cho là phải, xuống chiếu tha các tội nhân trong nước. Tháng 4, mưa. Người ta gọi Trần Ngọc Khánh là "Thần Thiện Gián"[1].

Tháng 8, mùa thu. Mới chế thần chủ Lý Nhân Tông; đến tháng 8 nhuận, làm lễ phụ[2] rước thần chủ tế ở nhà Thái thất.

Canh Tuất, năm thứ 3 (1130). (Tống, năm Kiến Viêm thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển con gái nhà các quan sung vào hậu cung.

Con gái nhà các quan không được gả chồng vội, đợi sau cuộc tuyển, khi không được lựa vào hậu cung mới được đi lấy chồng.

Xuống chiếu bảo con gái dân gian không được bắt chước lối trang sức trong cung; tư nô nhà các quan không được lấy ép con gái nhà dân ở kinh đô; nô tỳ nhà vương hầu và bách quan không được cậy thế hiếp đáp đánh đập quân và dân, nếu ai phạm cấm thì chủ nhà phải tội đồ, còn nô bộc thì bị sung công.

Lời phê[3] - Trái lẽ!

Tháng 5, mùa hạ. Thái thượng hoàng mất[4].

Đặt tên thụy là Cung hoàng.

Tháng 6. Hạn hán.

Tháng 9. Mùa thu. Mưa dầm mãi không tạnh. Tha các tù phạm bị giam cứu.

Nhà vua sai làm lễ kỳ tình[5]. Tha hết tù ở Đô hộ phủ.

Nhà vua xem bơi trải.

Nhà vua ở điện Linh Quang xem bơi thuyền thi. Từ đó năm nào cũng giữ làm lệ thường.

Tháng 10, mùa đông. Có cuộc duyệt binh lớn.

Khi mới lên ngôi, nhà vua sai Mâu Du Đô tuyển trong quân Long Dực lấy những người khỏe mạnh bổ vào các quân Tả Ngọc Giai, Hữu Ngọc Giai, Tả Hưng thánh, Hữu Hưng thánh, Tả Quảng thành, Hữu Quảng thành, Tả Vũ đô, Hữu Vũ đô. Đến đây, ra ngự ở điện Thiên Linh, duyệt sáu quân, chia định cấp bậc.

Sứ nhà Tống sang.

Bấy giờ nhà Tống tránh nạn người Kim uy hiếp, phải qua sông Trường Giang, đóng kinh đô ở Lâm An. Nhà vua sai sứ sang nhà Tống báo cáo về việc lên kế vị. Nhà Tống sách phong làm Giao Chỉ quận vương. Nhà vua sai Viên ngoại lang Lý Phụng Ân và Lệnh thư gia Doãn Anh Khái sang nhà Tống đáp lễ.

Lời chua - Lâm An: Tên phủ. Theo sách Thanh Nhất thống chí, phân phủ Lâm An thuộc tỉnh Chiết Giang; đầu đời Tống gọi là Hàng Châu; đến năm Kiến Viêm thứ 3 (1129), đặt sở hành tại[6] ở đấy, đổi lên làm phủ Lâm An, tức là phủ Hàng Châu bây giờ.

Tháng 12. Nhà vua đánh cầu ở điện Thiên An.

---

[1] Ông họ Trần khéo can gián.

[2] Sau ngày chết một trăm ngày, rước thần chủ đến tế ở thái miếu gọi là "lễ phụ".

[3] Chỉ việc bắt con gái nhà các quan đợi sau cuộc tuyển, không được vào cung, mới cho đi lấy chồng.

[4] Sùng hiền hầu.

[5] Cầu hửng tạnh.

[6] Chổ để thiên tử ở khi đi tuần du.

Bấy giờ nước Chiêm Thành sang cống, nhà vua đánh cầu ở sân rồng điện ThiênAn, cho sứ Chiêm Thành dự xem.

Tân Hợi, năm thứ 4 (1131). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 1).

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán. Xuống chiếu cầu đảo. Trời mưa.

Tháng 7, mùa thu. Bầy tôi dâng biểu mừng năm được mùa.

Lời phê - Trước sau vừa đây, nào hạn hán, nào mưa dầm, thế mà ở đây chép mừng năm được mùa, như vậy có đáng tin được không hay chỉ là dua nịnh?

Tháng 9. Mưa dầm mãi không tạnh.

Tháng 12, mùa đông. Có người dâng cá xương[1], cá công[2]. Nhà vua xuống chiếu cho bầy tôi chúc mừng.

Nhà vua rất thích những vật kỳ lạ. Phàm có hươu trắng, hươu đen, chim sẻ trắng, rùa trắng, đều đem dâng cả. Lúc ấy Đỗ Khánh, Tả Vũ tiệp binh, dâng cá xương và cá công sắc vàng; nhà vua lấy là điềm lành, xuống chiếu cho bầy tôi chúc mừng. Cáp môn sứ Lý Phụng Ân nói rằng: "Cá này là vật nhỏ mọn, mà bệ hạ lấy làm điềm lành. Vậy nếu có người đem con lân, con phượng đến dâng, thì nên như thế nào?". Do đấy, việc này mới thôi. Bấy giờ Vương Cửu, Tả Hưng vũ binh, dâng con rùa, trên mai rùa có những vết thành nét chữ, bèn xuống chiếu cho các học sĩ, các thày chùa, các đạo sĩ theo hình vết ấy mà suy đoán, thì tán ra tám chữ "Thiên thư hạ thị, Thánh nhân vạn tuế"[3].

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Vằn vết con rùa đen trắng xen lẫn, bấy giờ nhân đấy mà tán ra hình chữ để làm đẹp lòng nhà vua đấy thôi, chứ có văn tự thực đâu.

Lời chua - Xương: Cá hầu. Theo sách Chính tự thông, nó sinh ở biển nam, phần trên đầu gồ lên liền với sống lưng, mình tròn, thịt dày, chỉ có một xương sống, thịt mềm, ăn được.

Công: Con cá chiết. Theo sách Loại thiên, giống cá này sinh ở trong biển, giống như con cua, ăn được.

Nhâm Tý, năm thứ 5 (1132). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Rồng vàng hiện ra ở cung Lệ Quang.

Tháng 5. Có nạn gió to.

Tháng 8, mùa thu. Chân Lạp và Chiêm Thành cùng vào cướp. Nhà vua sai Dương Anh Nhị đi đánh bại được quân địch.

Giặc đến Nghệ An. Nhà vua sai Thái úy Anh Nhị hội quân với nhân dân Thanh Hóa và Nghệ An đánh kịch liệt phá tan quân địch.

Tháng 12, mùa đông. Nhà vua làm lễ nghênh xuân ở đình Quảng Văn.

Khánh thành điện Cảm Linh, ban yến cho bầy tôi.

Giết Thượng thư Lý Nguyên.

Thứ phi Chương Anh là con gái Lý Nguyên có lỗi, do đấy Nguyên bị tội, chết ở trong ngục.

Sứ nhà Tống lại sang.

---

[1] Nguyên văn là "xương". Theo Từ Nguyên tập "hợi" trang 58, "xương" là thứ cá biển dài hàng một thước (thước Trung Quốc), mình dẹp mà tròn, đầu nhỏ, cổ rụt, đầu, lưng và vây đều màu xanh da trời, bụng màu nhàn nhạt, vảy rất nhỏ, thịt trắng, xương mềm, nhiều mỡ. Xem thêm Lời chua ở dưới Cương mục.

[2] Nguyên văn là "công". Theo Khang Hy tự điển, "công" là tên một thứ cá. Xem thêm Lời chua ở dưới của Cương mục.

[3] Sách nhà trời bảo cho hạ giới biết: thánh nhân (chỉ nhà vua) muôn năm.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

> **Lời cẩn án -** Từ đầu đời Lý đến đây, sứ nhà Tống sang sách phong, trước phong là Quận vương, rồi gia phong là Nam Bình vương. Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 3 (1130), nhà Tống mới phong làm Giao Chỉ quận vương1 như thế thì ở đây đáng phải gia phong là Nam Bình vương mới đúng. Về việc này, Sử cũ chép phong là Giao Chỉ quận vương thì lầm; nay xin đính chính.

Năm Quý Sửu, niên hiệu Thiên chương bảo tự thứ 1 (1133). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 3).

Giáp Dần, năm thứ 2 (1134). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Mưa dầm mãi không tạnh.

Tháng 12, mùa đông. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu lên nhà vua. Đại xá.

Đặt tôn hiệu là Thuận thiên duệ vũ tường linh cảm ứng khoan nhân quảng hiếu hoàng đế.

Ất Mão, năm thứ 3 (1135). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Chân Lạp và Chiêm Thành đều đến tiến cống.

Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa.

Tháng 4, mùa hạ, xuống chiếu cho Lý Công Tín được vào trong cung cấm tâu bày các công việc.

Công Tín vốn họ Phí, trước kia, do chức Phụng ngự thư gia thăng lên đến Tả ty lang trung, rồi được cho đổi là họ Lý; đến đây nhà vua tin dùng, cho phép được vào thẳng trong cung cấm tâu bày mọi việc, không bị ngăn cấm khi lui tới.

Tháng 7, mùa thu. Thái sư Trương Bá Ngọc mất.

Bá Ngọc, trước đây, do chân nho học, vào hầu, dần thăng đến Lễ bộ thị lang. Từ chính sự trong triều đến kế hoạch ngoài biên, phần nhiều đều do ông xếp đặt quy định.

Khi Lý Nhân Tông mất, chính ông nhận lĩnh mệnh lệnh của nhà vua dặn lại. Ông làm đến ngôi sư phó, công lao to, danh vọng lớn, công đức hơn cả mọi người trong triều. Ông là bậc đại thần có đức tính hiền lương ở đời bấy giờ.

Tháng 12, mùa đông. Điện Diên Sinh làm xong.

Khởi công làm từ mùa đông năm trước, đến đây mới xong, nhân thế mở đàn tiếu[2] linh đình.

Bính Thìn, năm thứ 4 (1136). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Thái uý Lưu Khánh Đàm mất.

Khánh Đàm là bậc cố mệnh[3] đại thần, có công giúp đỡ nhà vua, đến đây Khánh Đàm mất.

Nhà vua đã khỏi tật; ban hiệu quốc sư cho Minh Không.

Nhà vua có tật, thầy thuốc chữa không công hiệu; Minh Không chữa khỏi; được ban hiệu quốc sư. Lại miễn tô dịch cho vài trăm hộ để cho Minh Không được quyền sử dụng[4].

---

[1] Xem Cương mục Chb. IV, 27.

[2] Đàn cúng do đạo sĩ cúng để cầu chúc cho nhà vua sống lâu.

[3] Người vâng nhận mệnh lệnh của nhà vua dặn lại khi sắp chết.

[4] Nghĩa là cho Minh Không một số làng xã gồm có vài trăm gia đình để Minh Không được lấy tô thuế mà ăn lộc và được có người phục vụ công việc ở chùa mình tu; vài trăm họ ấy không phải đóng tô thuế và cùng sưu dịch cho nhà nước nữa.

Lời chua - Minh Không: Người huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, làm sư chùa Giao Thủy[1].

Tháng 10, mùa đông. Thái úy Dương Anh Nhị mất.

Anh Nhị là bậc đại thần có công giúp đỡ nhà vua, nhiều lần đã đánh bại được Chiêm Thành và Chân Lạp, công danh ngày một lẫy lừng. Đến đây, ông mất.

Tháng 12. Nhà vua đi Thanh Hóa, xem bắt voi.

Đinh Tỵ, năm thứ 5 (1137). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Chân Lạp vào cướp. Nhà vua sai Lý Công Bình đi đánh bại được quân địch.

Được tin nước Chân Lạp đến cướp Nghệ An do trạm tâu về, nhà vua xuống chiếu cho Thái úy Công Bình đem quân đi đánh; quân Chân Lạp bị thua.

Tháng 2. Nghệ An động đất. Nước sông đỏ như máu.

Tháng 3. Không mưa. Nhà vua cầu đảo chùa Báo Thiên. Tối hôm ấy mưa.

Lời chua - Chùa Báo Thiên: Tức chùa Sùng Khánh, ở phường Báo Thiên. Chùa này mới làm từ đời Lý Thánh Tông, năm Long Thụy thứ 3 (1056).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Tháng 9, mùa thu. Chùa Linh Cảm làm xong. Ân xá.

Trước đây, chùa Quảng Nghiêm tư thánh làm xong, mở hội phật pháp, tha người phạm tội; đến đây chùa Linh Cảm làm xong, lại tha tội nhân trong nước.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Lợi Nhân, xem xét gặt lúa. Tháng 12 về cung.

Mậu Ngọ, năm thứ 6 (1138). (Từ tháng 10 trở về sau, là triều Lý Anh Tông hoàng đế, năm Thiệu Minh thứ 1. Tống, năm Thiệu Hưng thứ 8).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán. Nhà vua xuống chiếu cho bầy tôi hội nghị.

Sai tả ty lang trung Ngụy Quốc Bảo triệu tập các bầy tôi đến họp bàn về việc đại hạn. Phạm Tín xin đến đảo vũ ở đàn vu[2]. Nhà vua y theo lời, bèn sai quan lại làm lễ đảo vũ ở đàn vu và chùa Báo Thiên.

Tháng 9, mùa thu. Lập con là Thiên Tộ làm Thái tử, đổi phong Thái tử cũ là Thiên Lộc làm Minh Đạo vương.

Trước đây, nhà vua đã lập Thiên Lộc làm con kế tự, kịp lúc nhà vua bị đau, ba phu nhân là Cảm Thánh, Nhật Phụng và Phụng Thánh mưu với nhau muốn đổi lập người khác; họ ngầm đưa lễ đút lót viên Tham tri chính sự Từ Văn Thông. Đến đây, bệnh kịch quá, nhà vua sai Văn Thông thảo tờ di chiếu; Văn Thông không dám xin thay đổi, cứ cầm bút chần chừ không viết. Giây lát, ba phu nhân đến, cùng khóc lóc, nói: "Chúng tôi nghe: cổ giả lập con kế tự bao giờ cũng dùng con vợ cả, chứ không dùng con vợ thứ. Thiên Lộc là con của người thiếp được vua yêu, nếu cho nối ngôi, chắc rồi mẹ hắn kiêu rông, bọn chúng tôi thoát sao khỏi nạn?". Nhà vua bèn xuống chiếu rằng: "Thiên Tộ dầu còn nhỏ, nhưng là con vợ đích, thiên hạ ai cũng biết cả rồi. Vậy cho Thiên Tộ nối ngôi của Trẫm". Do đấy, mới đổi lập lại Thái tử.

Lời phê[3] - Thế là gây loạn từ gốc!

---

[1] Tức chùa Keo thuộc huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

[2] Đàn tế chuyên dùng khi có hạn hán thì làm lễ cầu mưa. Theo truyện Công dương trong kinh Xuân thu, vua thân hành đến đàn Nam Giao cầu đảo, cho đồng nam, đồng nữ mỗi bên tám người vừa múa vừa hô to "vu! vu!...". Vì thế gọi là đàn vu.

[3] Chỉ việc trước đó bỏ đích lập thứ, sau lại bỏ con lớn lập con bé.

Lời cẩn án - Sử cũ chép "Trước kia đã lập Thiên Lộc làm con kế tự". Rồi dưới lại chép rằng "phong Thái tử Thiên Lộc làm Minh Đạo vương". Thế là Thiên Lộc đã chính thức ở ngôi đông cung từ lâu rồi, duy được lập từ năm nào. Sử cũ bỏ sót không chép. Thiên Tộ là con phu nhân họ Lê, mà trong tờ chiếu ở đây lại bảo là con vợ đích, thế là sử chép không rõ; xin hãy để lại, sẽ khảo sau.

Lời chua - Thiên Tộ: Bấy giờ mới lên ba tuổi.

Vua Lý Thần Tông mất.

Đặt tên thụy là: Quảng nhân sùng hiếu văn vũ hoàng đế, miếu hiệu là Thần tông, ở ngôi 11 năm, thọ 23 tuổi.

Tháng 10, mùa đông. Thái tử Thiên Tộ lên ngôi (tức Lý Anh Tông), đổi niên hiệu mới. Đại xá.

Tôn mẹ là Cảm thánh phu nhân Lê Thị làm hoàng thái hậu.

Hội họp bầy tôi tuyên thệ ở điện Thiên An.

Năm Kỷ Mùi, Lý Anh Tông hoàng đế, niên hiệu Thiệu Minh thứ 2 (1139). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 9). Sứ nhà Tống sang.

Sách phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương.

Năm Canh Thân, niên hiệu Đại Định thứ 1 (1140). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 10).

Tháng 3, mùa xuân. Dùng Đỗ Anh Vũ làm cung điện lệnh quản lĩnh cả công việc trong và ngoài.

Anh Vũ là em Đỗ thái hậu, được Lê thái hậu tin yêu nên bổ dụng cho chức này.

Lời chua - Đỗ thái hậu: Mẹ Lý Thần Tông.

Lê thái hậu: Mẹ Lý Anh Tông. Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: Anh Vũ, trạng mạo đẫy đà, đẹp đẽ, múa khéo, hát hay, lên 8 tuổi, được tuyển làm thượng lâm tử đệ; 16 tuổi, Lý Thần Tông cho vào trong nội, hầu nơi màn trướng. Gặp Anh Vũ, Lê Hậu phải lòng.

Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa.

Tháng 10, mùa đông. Đâu đấy được mùa cả.

Người thầy bói là Thân Lợi nổi loạn[1].

Tân Dậu, năm thứ 2 (1141). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 11).

Tháng 2, mùa xuân. Sai bọn Lưu Vũ Xứng đi đánh Thân Lợi ở Bồ dinh, bị thua trận.

Trước đây, Thân Lợi tự xưng là con Lý Nhân Tông, đem đồ đảng đến châu Thái Nguyên, từ Tây Nông kéo ra, qua đất Lục Lệnh, vào giữ châu Thượng Nguyên và châu Hạ Nông, tụ tập những kẻ vong mạng, chiêu mộ thổ binh, định mưu nổi loạn; đến đây, tự xưng là Bình vương, lập hậu phi, phong vương hầu, ban quan tước cho bè đảng. Bấy giờ đồ đảng Thân Lợi chỉ chừng độ hơn một nghìn người, đi đến đâu cũng nói phao lên rằng Thân Lợi giỏi thuật dụng binh, để truật những dân ở các khê động nơi biên giới. Đâu đấy đều sợ hãi, không ai dám chống cự lại. Khi tin từ biên giới cáo cấp về, nhà vua sai Gián nghị đại phu Lưu Vũ Xứng đi đường bộ, Thái phó Hựa Viêm đi đường thủy, đem quân đến đánh. Bộ tướng của Vũ Xứng là bọn Tô Tiệm và Trần Thiềm kéo quân đi trước; gặp thủy quân của Thân Lợi, hai bên giao chiến, Tô Tiệm thua, bị giết tại trận. Thân Lợi đắp ải Bác Nhự để chống lại quan quân. Vũ Xứng hết sức đánh mới hạ được. Khi Vũ Xứng kéo quân về đất Bồ Đinh, Thân Lợi tung cả thủy quân ra đánh. Vũ Xứng thua, tướng sĩ chết đến quá nửa, phải rút về.

---

[1] VSL III 3a viết là Ông Thân Lợi.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Nay xét: Năm Thiệu Hưng thứ 9 (1139) nhà Tống, Quảng Tây súy ty nói rằng: "Thời Lý Nhân Tông có người cung thiếp[1] sinh được con trai, vua Nhân Tông không nhận. Khi Lý Thần Tông lên ngôi, người con ấy chạy sang nước Đại Lý, đổi họ là Triệu, lấy tên là Trí Chi, tự xưng là Nam Bình vương. Kịp khi Thần Tông mất rồi, hắn quay về nước, muốn tranh ngôi với Lý Anh Tông. Anh Tông đem quân chống lại, Trí Chi cầu xin nhà Tống xuất quân cứu giúp. Suý ty đem sự đó tâu lên, nhưng vua Tống xuống chiếu từ chối". Vậy có lẽ Trí Chi với Thân Lợi cùng là một người: Khi tự giới thiệu ở Quảng Tây để xin Tống cứu viện thì lấy tên là Trí Chi, và nói dối là con vợ lẽ của Lý Nhân Tông để lừa gạt nhà Tống đấy thôi. Còn như xưng hiệu Nam Bình vương cũng là chứng cớ hợp với sử chép Thân Lợi tiếm hiệu là Bình vương; nhưng không biết rõ được gốc ngọn của Thân Lợi ra sao.

Lời chua - Thái Nguyên: Tức là Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Tây Nông: Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (Chb. II, 44).

Hạ Nông: Thuộc tỉnh Thái Nguyên, tức là tổng Thượng Nông và tổng Hạ Nông thuộc châu Bạch Thông bây giờ.

Lục Lệnh, Thượng Nguyên, Bồ Đình, Bác Nhự: Đều không khảo được.

Tháng 4, mùa hạ. Thân Lợi phá phủ Phú Lương. Nhà vua sai Đỗ Anh Vũ đi đánh: Thân Lợi thua chạy, Tô Hiến Thành đuổi bắt được Lợi.

Thân Lợi ra giữ Tây Nông, đem người các xứ Thượng Nguyên, Tuyên Hóa, Cảm Hóa, Vĩnh Thông, ... đánh phá được phủ Phú Lương, chiếm đóng phủ lỵ, rồi cùng với đồ đảng mưu cướp kinh đô. Nhà vua sai Anh Vũ đem quân đi đánh. Bấy giờ quân Thân Lợi tiến đóng ở Quản Dịch, gặp quân Anh Vũ đánh kịch liệt, quân Lợi bị thua, chết không biết bao nhiêu mà kể. Đảng nó là Dương Mục thủ lĩnh châu Vạn Nhai, và Chu Ái, thủ lĩnh động Kim Kê, đều bị bắt. Thân Lợi trốn thoát, chạy sang châu Lục Lệnh. Nhà vua lại sai Anh Vũ đi đánh, bắt được đảng Thân Lợi hơn hai nghìn người làm tù binh. Thân Lợi chạy sang Lạng Châu. Nhà vua xuống chiếu cho Tô Hiến Thành đem quân đuổi đánh, bắt được Thân Lợi đưa sang đến quân doanh Anh Vũ, đóng cũi đem về kinh đô; giao cho quan lại trị tội: chém Thân Lợi và những kẻ đồng mưu 20 người, còn thì cứ theo nặng nhẹ mà luận tội.

Lời chua - Phú Lương, Tuyên Hóa, Cảm Hóa, Vĩnh Thông: Đều thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Phú Lương: Nhà Lý gọi là phủ, nhà Trần cũng theo như vậy; nhà Lê đổi làm huyện, tức là huyện Phú Lương bây giờ.

Tuyên Hóa: Nhà Lý gọi là huyện, nhà Trần cũng theo như vậy; nhà Lê đổi là châu Định Hóa, tức là Định Châu bây giờ.

Cảm Hóa, Vĩnh Thông: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên cảm thánh vũ thứ 1 (Chb. III, 11).

Tây Nông: Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (Chb. II, 44).

Vạn Nhai: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 42-43).

Quảng Dịch, động Kim Kê: Không khảo được.

Lạng Châu: Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1142). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 12).

Tháng 10, mùa đông. Sai Dương Tự Minh đi Quảng Nguyên, chiêu tập người trong châu trước kia xiêu giạt tan tác.

---

[1] Vợ lẽ ở trong cung nhà vua.

Quảng Nguyên là đất thượng du, năm Anh Vũ chiêu thắng thứ 1 (1076), bị nhà Tống xâm lấn, đổi tên là Thuận Châu, đến năm thứ 4 (1079) trả về ta; đến đây, nhà vua sai Tự Minh đến châu lỵ chiêu tập những người trong châu đã bị xiêu giạt hay đi trốn tránh.

Tháng 12, quy định thể lệ cầm bán ruộng đất.

Phàm ai cầm cố những ruộng thực điền thì trong hạn 20 năm được phép chuộc lại; phàm những ruộng hoang bị người khác cày cấy rồi thì trong hạn một năm được phép thưa kiện mà nhận lại, quá hạn ấy đều cấm chỉ. Những ruộng đất đã bán đứt rồi hiện có văn khế và khoán ước thì không được chuộc nữa. Kẻ nào vi phạm sẽ bị phạt 80 trượng. Tranh nhau ruộng ao, mà đem đồ binh khí[1] đánh nhau đến tử thương thì phạt 80 trượng, và phải tội đồ; còn ruộng, ao thì trả cho phía người bị tử thương.

Nhà vua lại xuống chiếu: phàm tranh nhau ruộng, ao, tài vật, không được chạy vạy nhờ cậy nhà quyền thế, kẻ nào vi phạm thì phạt 80 trượng và bị tội đồ. Lại hạ chiếu: các vụ xử việc ngục tụng là theo luật lệ đã đặt, nếu ai tranh giành một cách cưỡng ép thì phạt 60 trượng.

Tha tội cho đảng Thân Lợi.

Trước đây, quan quân bắt được đảng Thân Lợi hơn hai nghìn người, đưa về kinh đô. Nhà vua ngự điện Thiên Khánh, tra hỏi, đã đem chém 20 kẻ đồng mưu và tha cho những người bị ức hiếp mà phải theo, còn hơn 400 người thì bắt đi lưu đày. Đến đây, Tô Hiến Thành nói với nhà vua rằng: "Đảng Thân Lợi nổi loạn, giết nhiều quan quân, bệ hạ chỉ hành hình có 20 người, thực là có lòng nhân đức. Nhưng, xưa kia, vua Nghiêu, vua Thuấn truyền nối trong vòng hơn trăm năm, thế mà số người bị tội chết và bị tội lưu chỉ có bốn tên đầu sỏ gian ác[2]; ngày nay phát lưu đến hàng hơn trăm[3] người, có phải là bản tâm bệ hạ đâu? Tôi xin tha tội cho chúng, để mọi người được nhuần thấm ơn vua, thì lòng nhân đức của bệ hạ không khác gì Nghiêu Thuấn". Nhà vua y theo lời, xuống chiếu tha tội phóng trụ và lưu đày cho đồ đảng Thân Lợi.

Quý Hợi, năm thứ 4 (1143). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 13). Từ mùa xuân đến mùa hạ hạn hán. Nhà vua thân làm lễ đảo vũ. Tháng 6, mưa.

Giáp Tý, năm thứ 5 (1144). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 14).

Tháng 2, mùa xuân. Gả công chúa Thiều Dung cho Dương Tự Minh.

Tự Minh là thủ lĩnh phủ Phú Lương, vâng mạng đi chiêu an những người trong châu Quảng Nguyên, rồi được cai quản các khê động ở nơi biên giới; đến đây, lấy công chúa, được phong phò mã lang.

Tháng 5, mùa hạ. Mâu Du Đô dâng chim sẻ trắng, được phong làm Thái sư.

Trước đây Du Đô là Gián nghị đại phu, bị bãi chức; đến đây được phong Thái sư, được đóng ở nơi xa[4] mà quản lĩnh các công việc khê động ở miền biên giới.

Lời phê - Hạng người gọi là có tài năng[5] mà còn như vậy[6], đủ biết thói đời bấy giờ là thế nào, mà tước lộc cũng chẳng có gì đáng quý.

Ất Sửu, năm thứ 6 (1145). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 15).

Tháng 4, mùa hạ. Mưa dầm mãi không tạnh.

---

[1] Như gươm, dao, v.v...

[2] Cung Công bị tội lưu, Hoan Đâu bị đem đi an trí, Tam Miêu bị phóng trục, Cổn bị giam cầm đến chết.

[3] Ý nói một số nhiều, chứ không cứ phải đúng một trăm.

[4] Nguyên văn là "dao lĩnh" nghĩa là chịu trách nhiệm giữ chức cai trị ở một nơi nào đó, nhưng bản thân lại đóng ở một nơi xa, chứ không đến làm việc tại chỗ.

[5] Chỉ Mâu Du Đô.

[6] Chỉ việc dâng chim sẻ trắng.

Tháng 8, mùa thu. Người Thổ nhà Tống là Đàm Hữu Lượng vào cướp châu Quảng Nguyên. Nhà vua sai bọn Dương Tự Minh đi đánh bại được giặc.

Hữu Lượng trốn sang châu Tư Lang nước ta, nói dối là vâng sứ mạng nhà Tống đi chiêu dụ dân chúng ở biên thùy. Dân các khê động ở duyên biên theo về với hắn nhiều lắm. Hắn bèn chiếm giữ đất Thông Nông, đem đồ đảng cướp bóc Quảng Nguyên. Gặp lúc ấy kinh lược súy ty tỉnh Quảng Tây nhà Tống đưa thư sang bảo ta đánh giúp để bắt Hữu Lượng. Nhà vua xuống chiếu cho bọn Dương Tự Minh, Nguyễn ữ Mai và Lý Nghĩa Vinh đi đánh. Lại sai Thái sư Mâu Du Đô đem quân kế tiếp tiến lên. Tự Minh đánh phá được Thông Nông, Hữu Lượng thua chạy. Ta bắt được đồ đảng nó là lũ Bá Đại 21 người, trao trả cho nhà Tống. Nhà cầm quyền ở Ung Châu (Tống) làm ra cáo sắc giả để đón Hữu Lượng về. Hữu Lượng liền cùng với đồ đảng hơn 20 người, đem dâng ấn đồng và địa đồ. Khi đến trại Dương Sơn, viên tri châu Ung Châu là Triệu Nguyên bắt lấy đưa đến suý ty chém chết.

Lời chua - Quảng Nguyên: Tên châu. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

Tư Lang: Tên châu. Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 3 (Chb. III, 3).

Thông Nông: Bây giờ là tổng Thông Nông, châu Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Ung Châu: Xem Đinh Đế Toàn năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Cáo sắc: Sử của Ngô (Thì) Sĩ chép là "quan cao thân". Ý nói lấy quan tước để chiêu dụ Hữu Lượng.

Dựng chùa Vĩnh Long phúc thánh.

Bính Dần, năm thứ 7 (1146). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 16).

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán, xuống chiếu đảo vũ; trời mưa.

Sao chổi mọc.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lính cấm quân.

Xuống chiếu cho quản giáp và chủ đô: tuyển lính cấm quân, nên lựa lấy ở những nhà đông con chứ không được bắt con nhà cô độc.

Đinh Mão, năm thứ 8 (1147). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 17).

Tháng 10, mùa đông khảo sát ngạch quan lại ở phủ Phú Lương và làm lại hộ tịch[1].

Phủ Phú Lương, trước kia, bị Thân Lợi chiếm đóng; đến đây, sai Đỗ Anh Vũ khảo sát ngạch quan lại và làm sổ hộ tịch để tâu lên.

Tháng 11. Hoàng thái hậu Đỗ Thị mất.

Đặt tên thụy là Chiêu Hiếu.

Mậu Thìn, năm thứ 9 (1148). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 18).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi cày ruộng tịch điền.

Nhà vua đi Lợi Nhân, làm lễ cày tịch điền, sau đến Ứng Phong, xem xét dân cày ruộng rồi về cung.

Tháng 10, mùa đông. Cung Quảng Từ làm xong.

Cung này là chỗ ở của Lê Thái hậu, làm từ năm Đại Định thứ 5 (1144); đến đây mới xong.

Kỷ Ty, năm thứ 10 (1149). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 19).

---

[1] Sổ kê khai từng hộ.

Tháng 2, mùa xuân. Thiết lập Vân Đồn trang[1].

Bấy giờ các nước Qua Oa[2] và Tiêm La có nhiều thuyền buôn đóng ở Hải Đông. Ta bèn lập trang ở trên cù lao để cho họ ở, gọi là Vân đồn trang.

Lời chua - Hải Đông: Tức là An Bang. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19).

Vân Đồn: Thuộc Hải Đông. Nhà Lê đổi làm châu Vân Đồn, bây giờ là tổng Vân Hải, huyện Nghiêu Phong, tỉnh Quảng Yên.

Qua Oa: Theo Minh sử, nước Qua Oa ở về phía tây nam nước Chiêm Thành có tên khác là Hạ cảng hoặc Thuận Tháp, tính người hung tợn, kẻ bé người lớn đều đeo dao, hễ trái ý nhau một chút thì liền đánh giết nhau ngay. Sách Việt chí chép rằng: trong kinh Phật gọi là "Quỷ khốc" tức là nước này.

Tiêm La: Theo sách Thanh Nhất thống chí, Tiêm La, về đời Tùy Đường gọi là nước Xích Thổ, ở về phía Tây Nam nước Chiêm Thành là một tộc loại của nước Phù nam; sau chia làm hai: nước Tiêm và nước La Hộc. Hồi đầu niên hiệu Nguyên Trinh (1295-1296) đời Nguyên, vào cống nhà Nguyên. Về sau, nước La Hộc mạnh hơn, thôn tính cả đất Tiêm, mới đặt tên nước là Tiêm La Hộc. Dưới triều Hồng Vũ (1368-1398) nhà Minh, Tiêm La Hộc vào chầu, vua Minh ban cho ấn "Tiêm La quốc vương". Tự đó mới gọi là nước Tiêm La.

Tháng 4, mùa hạ. Đại xá.

Mở hội phật pháp ở trước sân rồng. Đại xá các tội nhân.

[1] Trang cũng như bây giờ gọi là phố xá, nơi tập trung nhiều hàng hóa để tiêu thụ đi các nơi.

[2] Sách ta cũng như một số sách Trung Quốc phần nhiều viết Qua Oa nhưng theo Từ Nguyên (trang 954), thì là Trảo Oa (Java).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ V

Từ năm Canh Ngọ (1150) Lý Anh Tông, niên hiệu Đại Định thứ 11 đến năm Ất Dậu (1225), Lý Chiêu Hoàng, niên hiệu Thiên Chương hữu đạo thứ 2, gồm 76 năm.

❈

Canh Ngọ, năm thứ 11 (1150). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 20).

Tháng 3, mùa xuân. Hạn hán.

Tháng 7, mùa thu. Hạn hán.

Tháng 9, Chân Lạp vào cướp Nghệ An.

Quân Chân Lạp vào cướp, đến núi Vụ Thấp tỉnh Nghệ An gặp nắng, mưa bất thường, nhiều người bị chết vì chướng khí; chúng tự tan vỡ.

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Núi Vụ Thấp: Theo Đường thư Địa lý chí, từ Hoan Châu đi về phía tây ba ngày, đến núi Vụ Thấp. Sách Nghệ An chí chép: Núi Vụ Thấp còn tên nữa là Vụ Ôn. Sách Thoái thực ký văn của Trương Quốc Dụng chép rằng: "Núi Vụ Ôn ở về đại phận huyện Hương Sơn, Nghệ An, tức là một nhánh núi Vũ Môn.

Đỗ Anh Vũ có tội, giao xuống cho quan lại xét xử trị tội. Viên Hỏa đầu[1] trong hiệu quân Tả Hưng Thánh là Nguyễn Dương cầm giáo chực đâm Anh Vũ không được. Nguyễn Dương tự sát.

Khi nhà vua mới lên ngôi, không cứ việc lớn hay nhỏ, đều do Anh Vũ quyết định cả. Hắn ra vào nơi cung cấm, tư thông với Lê Hậu[2]. Nhân thế, Anh Vũ lại càng kiêu rông: Ở triều đình hắn vén tay, quát tháo, chỉ huy người bằng cách hất hàm, sai bảo người bằng khí sắc. Mọi người đều hé mắt sợ sệt, không ai dám nói gì. Bọn Điện tiền chỉ huy sứ Vũ Đái cùng với bọn Trí Minh vương (không rõ tên), Bảo Ninh hầu (không rõ tên) và Phò mã lang Dương Tự Minh mưu bắt giam Anh Vũ. Mưu kế đã định rồi, bọn Vũ Đái đem quân thẳng đến cửa thành, hô lớn: "Anh Vũ ra vào cung cấm, tiếng xấu ầm cả ra ngoài, còn tội gì lớn hơn nữa! Chúng tôi xin trừ khử ngay nó đi!". Lúc ấy liền có chiếu chỉ cho lính cấm quân bắt Anh Vũ trói ở hành lang Tả Hưng thánh, giao xuống cho đình úy xét xử việc này. Thái hậu sai người đem rượu cơm đến cho Anh Vũ và giấu vàng ở trong đồ đựng món ăn, để Anh Vũ dùng đút lót cho bọn Vũ Đái và người canh giữ. Viên hoả đầu ở hiệu quân Tả Hưng thánh là Nguyễn Dương nói rằng: "Các anh tham của đút lót, rồi đây tôi với các anh chắc không thoát khỏi tay thằng Anh Vũ đâu, chi bằng giết nó trước đi, để khỏi lo về sau". Dương liền phăm phăm cầm giáo chực đến đâm chết Anh Vũ. Tả Hưng đô là Đàm Dĩ Mông giật lấy cây giáo, ngăn lại, rằng: "Quan Điện tiền[3] cho tội Anh Vũ là đáng chết thật đấy, nhưng phải đợi mệnh lệnh của vua chứ không được tự tiện giết chết". Nguyễn Dương nổi giận, mắng: "Vũ Đái

---

[1] Một chức quan loại vừa trong quân đội, tương đương với đội trưởng sau này. Ở đây đáng ra phải gọi là Chánh thủ mới phải, vì từ năm Thuận Thiên 16 (1025) đã đổi chức Hỏa đầu thành Chánh thủ.

[2] Mẹ của Lý Anh Tông (Xem Chb. IV, 35).

[3] Quan chức của Vũ Đái.

kia! Sao lại tham của lót của người ta mà không tiếc đến mạng mình?". Nói xong, liệu mình không thoát được, liền nhảy xuống giếng tự tử.

Lời chua - Hưng Thánh: Hiệu lính cấm quân. Xem Lý Nhân Tông, năm Hội Tường đại khánh thứ 9 (Chb. IV, 8-9).

Hỏa đầu: Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chb. II, 24-25).

Tả Hưng đô: Chưa rõ chức quan này.

Tha tội Đỗ Anh Vũ và cho phục lại quan chức.

Trước đây, nhà vua xét án Anh Vũ, bắt chịu tội đồ làm điền nhi. Thái hậu lo buồn, nghĩ cách làm cho Anh Vũ được trở lại như cũ, nên thường mở hội to, tha tội nhân, mong Anh Vũ cũng được dự ân xá. Anh Vũ vì nhiều lần được ân xá thành ra khỏi tội, cuối cùng lại được làm thái uý, phụ chính như trước. Từ đó, càng được cưng yêu, hắn nắm hết quyền họa phúc sinh sát trong tay, ngày càng chăm làm những việc báo oán.

Lời chua - Điền nhi: Xem Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chb. IV, 18-19).

Giết bọn điện tiền chỉ huy sứ Vũ Đái và Ngọc gia hỏa đầu Đồng Lợi 28 người; phát lưu bọn phò mã Dương Tự Minh 30 người.

Anh Vũ chực lật đổ bọn Vũ Đái, bèn tự ý tiến cử hơn một trăm thủ hạ làm quân phụng quốc vệ đô, giao cho giữ việc đi bắt phạm nhân. Anh Vũ nói kín với nhà vua rằng: "Trước đây, bọn Vũ Đái tự tiện đem lính cấm quân, xông vào nơi khuyết đình, còn tội nào lớn hơn nữa. Nếu không sớm trừ đi, e mai kia sinh biến, thì không thể trị được!". Nhà vua không xét kỹ, vội y theo lời hắn tâu, liền sai quân phụng quốc vệ đô đi lùng bắt bọn Vũ Đái, giao xuống cho quan lại trị tội: Giáng Trí Minh vương xuống tước hầu, Bảo Ninh hầu xuống tước Minh tự, Bảo Thắng hầu làm phụng chức; bọn Vũ Đái 20 người bị chém, bêu thủ cấp ở đầu sông; bọn Đồng Lợi 8 người bị chém ở chợ cửa tây; bọn Tự Minh 30 người bị phát lưu đi các nơi nước độc ở viễn châu; còn những người dự mưu đều bắt tội đồ.

Lời chua - Ngọc Giai: Hiệu lính cấm quân. Xem Lý Nhân Tông năm Hội Tường đại khánh thứ 9 (Chb. IV, 9).

Minh Tự: Theo Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Minh Tự là một tước để phong cho những người có công.

Nghiêm định những điều cấm ở trong cung phủ.

Cấm bọn hoạn quan không được tự tiện vào nơi cung cấm; ai vi phạm cấm thì bị tội chết; kẻ nào canh giữ không cẩn, để cho người khác vào cung cũng sẽ bị tội như vậy. Các quan triều không được đi lại các nhà vương hầu; ở trong cung cấm không được hội họp, bàn bạc, chê bai. Không được qua lại ngoài địa đầu hành lang là chỗ để khí giới của quân phụng quốc vệ đô; ai can phạm sẽ phải phạt 80 trượng và bắt tội đồ; người nào vào trong hành lang ấy, thì bắt tử hình. Người giữ việc phòng vệ ở hành lang nếu không có chiếu chỉ mà tự tiện cầm khí giới qua địa đầu hành lang thì cũng đồng tội.

Tân Mùi, năm thứ 12 (1151). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 21).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi Long Thủy hiệp xem bắt voi.

Bắt được con voi trắng, bầy tôi dâng biểu mừng.

Lời chua - Long Thủy hiệp: Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 7 (Chb. III, 48).

Tháng 8, mùa thu. Xem bơi trải.

Nhà vua ra chơi cung Quảng Từ để xem bơi thuyền thi.

Nhâm Thân, năm thứ 13 (1152). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 22).

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Tháng 5. Mưa ra những viên sỏi nhỏ, sắc vàng.

Tháng 8, mùa thu. Mưa ra những viên sỏi nhỏ, sắc vàng.

Tháng 10, mùa đông. Mở kỳ điện thi.

Lời chua - Sử của Ngô (Thì) Sĩ chua rằng: Bấy giờ phép khoa cử chưa có thể thức nhất định. Hoặc giả đương thời có chiếu cử những kẻ sĩ trong nước vào thi ở trong sân điện mà Sử cũ không chép kỹ chăng. Nay không thể khảo được.

Sai Thượng chế là Lý Mông đem quân đưa Ung Minh Ta Điệp về để lập làm vua nước Chiêm Thành, công việc không làm xong, hai người đều bị giết.

Người Chiêm Thành, Ung Minh Ta Điệp, đến cửa cung quyết xin cho được làm vua. Nhà vua xuống chiếu cho thượng chế là Lý Mông đem quân Thanh Hóa, Nghệ An hơn năm nghìn người, đưa về nước để lập làm vua. Bọn Lý Mông đến Chiêm Thành, bị chúa Chiêm là Chế Bì La Bút chống lại. Lý Mông và Ung Minh Ta Điệp đều bị chết cả.

Lời chua - Thượng chế: Tên một tước phong. Xem Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chb. IV, 20).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-22).

Thanh Hóa, Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-23).

Ung Minh Ta Điệp: Sử cũ chép là người nước Chiêm Thành, không rõ lai lịch.

Quý Dậu, năm thứ 14 (1153). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 23).

Giáp Tuất, năm thứ 15 (1154). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 24).

Tháng 9, mùa thu. Đắp đàn Viên Khưu[1]. Nhà vua ra xem làm việc.

Tháng 10, mùa đông. Chúa Chiêm Thành Chế Bì La Bút, đem dâng con gái, được nhà vua thu nạp.

Tháng 11. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh đám Sơn Lạo[2] ở châu Đại Hoàng, dẹp yên được.

Trước đó, Sơn Lạo châu Đại Hoàng là Nông Khả Lai làm phản. Đến đây, nhà vua thân đi đánh. Ngày Canh Tuất, xuất quân; ngày Giáp Dần đánh được, ngày Kỷ Mùi, về kinh đô.

Lời chua - Đại Hoàng: Tên một châu. Xem Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (Chb. I, 2).

Ất Hợi, năm thứ 16 (1155). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 25).

Tháng 8, mùa thu. Có nạn nước lớn.

Động đất.

Tháng 10, mùa đông. Sao Mộc tinh phạm vào sao Kim tinh.

Lời chua - Mộc tinh: Sao Thái tuế.

---

[1] Đàn để tế trời trong tiết đông chí.

[2] Một dân tộc miền núi. Tục gọi là "Lao".

Kim tinh: Sao Thái bạch. Theo sách Thiên nguyên lịch lý của Từ Phát nhà Thanh, phàm các vì sao cách nhau độ vừa một tấc, gọi là "phạm", đóng ở lại đấy mà không dời đi, gọi là "thủ".

Tháng 12. Động đất.

Làm cung Lệ Thiên.

Dựng cung Lệ Thiên và hành lang để triều cận ở điện Long Khánh.

Bính Tí, năm thứ 17 (1156). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 26).

Tháng 2, mùa xuân. Mưa ra sỏi nhỏ, sắc vàng.

Tháng 12, mùa đông. Kho tàng của vua bị cháy.

Làm hành cung ở Ngự Thiên.

Dựng hành cung ở Ngự Thiên: làm điện Thụy Quang, gác Chiếu vân, cửa Thanh hòa, thềm Nghi phượng, gác Diên phú, đình Thưởng hoa, thềm Ngọc hoa; lại đào ao Kim Liên, bắc cầu Minh nguyệt, để dùng trong những lúc nhà vua đi du ngoạn.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Xét đời Lý Anh Tông. Sử cũ chép hai lần dựng miếu, ba lần làm đền thờ, sáu lần đóng thuyền, còn làm chùa, chữa chùa, đắp đàn tế, xây cổng thành, làm kho, bắc cầu mỗi thứ một lần, còn công việc làm cung điện, dinh thự thì đến mười lần; mà đài các nguy nga, hồ đình rộng rãi, không có lần nào phiền phí bằng lần này. Ơn trạch họ Lý đối với dân đến đây tiêu ma hết cả.

Lời chua - Ngự Thiên: Tên huyện. Nhà Lý gọi là Ngự Thiên, khi thuộc Minh gọi là Tân Hóa, nhà Lê lại gọi là Ngự Thiên, tức là huyện Hưng Nhân tỉnh Hưng Yên bây giờ[1].

Lập miếu thờ Khổng Tử.

Hồi đầu đời Lý, Văn Miếu thờ chung cả Chu Công và Khổng Tử; đến đây, Tô Hiến Thành xin lập miếu riêng để thờ Khổng Tử, nhà vua y nghe theo lời: lập miếu Khổng Tử ở phía Nam thành Thăng Long.

Đói to.

Năm này đói to: mỗi một thưng gạo trị giá 70 đồng tiền.

Đinh Sửu, năm thứ 18 (1157). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 27). Xuống chiếu quy định luật lệnh.

Mậu Dần, năm thứ 19 (1158). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 28).

Tháng 2, mùa xuân. Đỗ Anh Vũ giết Nguyễn Quốc.

Trước kia, Nguyễn Quốc đi sứ Tống về, nói nhà Tống đặt cái hòm đồng ở sân điện để nhận những tờ sớ tâu của bốn phương. Vậy ở ta, để thông đạt tình hình kẻ dưới, cũng xin phỏng theo mà làm như thế. Nhà vua y theo lời, cho đặt cái hòm ở sân rồng, để những ai có bàn nói việc gì thì bỏ thư vào trong ấy. Bấy giờ có bức thư nặc danh nói Anh Vũ làm loạn. Tìm bắt người viết thư ấy không được, Anh Vũ nghi cho Nguyễn Quốc, bèn vu cáo cho Nguyễn Quốc làm việc này, rồi buộc vào tội, phát lưu đi trại Thanh Hóa. Chưa được bao lâu, nhà vua cho Nguyễn Quốc về. Anh Vũ lại lấy rượu chế thuốc độc đưa cho Nguyễn Quốc. Nguyễn Quốc biết mình không thoát, liền uống thuốc độc chết.

Lời chua - Nguyễn Quốc: Không rõ lý lịch.

Duyệt số dân binh.

Nhà vua sai Lý Công Tín tuyển lựa dân đinh, quy định các sắc mục, và lấy người sung vào nhà Thái miếu hầu việc thờ tự.

[1] Nay là huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Tháng 8, mùa thu. Đỗ Anh Vũ chết.

Kỷ Mão, năm thứ 20 (1159). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 29).

Mùa xuân. Cột chùa Thiên Phù chảy ra huyết.

Tháng 5, mùa hạ. Ngưu Hống và Ai Lao vào cướp. Nhà vua sai Tô Hiến Thành đi đánh bại được quân địch.

Hiến Thành đem quân đi đánh, bắt được người, súc vật và của báu của địch, rồi kéo về.

Lời chua - Ngưu Hống: Xem Lý Thánh Tông, năm Long chương thiên tự thứ 2 (Chb. III, 27).

Ai Lao: Xem Triệu Việt vương, năm thứ 2 (Tb. IV, 9).

Dùng Tô Hiến Thành làm Thái úy.

Hiến Thành, trước kia, làm Thái phó, tham dự việc giữ binh quyền; đến đây, vì có công được làm Thái úy.

Canh Thìn, năm thứ 21 (1160). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 30).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển lính.

Sai Tô Hiến Thành và Lý Công Tín tuyển lấy những dân đinh khỏe mạnh sung vào quân đội, chọn lấy những tướng hiệu thông binh pháp, biết vũ nghệ, chia ra cai quản.

Tân Tị, năm thứ 22 (1161). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 31).

Mùa xuân, sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ lễ cống sính đều dùng voi đã tập thuần thuộc, nay đến kỳ đưa lễ cống hàng năm, vua Tống thấy đem thú vật đi đường xa, làm người phải nhọc nhằn, mới sai súy thần bảo rõ là được bãi bỏ lễ ấy. Từ đó không đem voi sang cống nữa.

Tháng 10, mùa đông. Thái phó Hoàng Nghĩa Hiền mất.

Nghĩa Hiền có công giúp vua; đến đây, ông mất; nhà vua nghỉ thiết triều năm ngày.

Tháng 11. Sai bọn Thái úy Tô Hiến Thành đi tuần vùng biên giới.

Dùng Hiến Thành làm Đô tướng, Đỗ An Di làm phó tướng, đem hai vạn quân, đi tuần hành, phòng bị mọi xứ ở biên giới Tây Nam và miền ven biển. Nhà vua thân đi tiễn quân đến cửa biển Thần Đầu mới về.

Bấy giờ những lính đào ngũ cùng nhau quần tụ, cướp bóc cư dân. Nhà vua sai Lý Công Tín đi đánh, dẹp yên được.

Lời chua - Cửa biển Thần Đầu: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Nhâm Ngọ, năm thứ 23 (1162). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 32).

Tháng 3, mùa xuân. Cấm không ai được tự thiến mình.

Ai tự thiến mình thì phạt 80 trượng và thích vào cánh tay bên tả 23 chữ.

Động đất.

Tháng 2. Định rõ lại phép xét công trạng các quan.

Chín năm một lần xét công. Các quan văn vũ ai đủ niên lệ mà không có lỗi gì thì được thăng trật.

Quý Mùi, năm Chính Long bảo ứng thứ 1 (1163). (Tống, Hiếu Tông, năm Long Hưng thứ 1).

Giáp Thân, năm thứ 2 (1164). (Tống, năm Long Hưng thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Chiêm Thành đến tiến cống.

Tháng 7, mùa thu. Có nạn nước to.

Tống phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

Nhà Tống sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương, đổi Giao Chỉ làm An Nam quốc.

Theo Nguyên sử loại biên, An Nam, trước đây, gọi là Giao Chỉ; Đường Cao Tông đặt làm An Nam Đô hộ phủ. Tên gọi là An Nam bắt đầu từ đấy. Tống Hiếu Tông phong Thiên Tộ[1] là An Nam quốc vương, An Nam gọi là "nước" bắt đầu từ đó.

Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép rằng: "Nhà Tống từ khi rút sang phía nam, mỗi khi sứ ta sang cống, vẫn giao nhận cống phẩm ở tỉnh Quảng Tây, chứ chưa từng đến kinh đô của Nam Tống bao giờ; năm này là kỳ đưa lễ cống, nhà vua đưa thư sang Tống, xin cho sứ giả đến tận cung khuyết; vua Tống ưng thuận. Lệ cũ: việc cống sính chưa lần nào đi đủ ba sứ thần; kỳ này, nhà vua dùng Trung vệ đại phu Doãn Tử Tư làm đại sứ, lại cho Thừa nghị lang Lý Bang Chính là chánh sứ, Trung dực lang Nguyễn Văn Hiến làm phó sứ. Từ người dẫn đầu đến người tùy hành đều đủ số. Khi đến nơi, vua Tống khen là có lòng thành khẩn, lại thấy nhân vật của ta ôn hòa, văn phép, áo mũ chững chạc đàng hoàng, rất lấy làm ưng ý. Vua Tống hạ chiếu cho đình thần bàn định về việc ban cho tên nước, bèn cho tên là "An Nam quốc" và gia phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

Ất Dậu, năm thứ 3 (1165). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 1).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán. Nhiều nơi phát sinh bệnh dịch. Dân bị đói.

Nhân dân mắc bệnh dịch dữ dội. Trâu bò chết nhiều. Giá gạo cao vọt.

Tháng 8, mùa thu. Thi học sinh.

Bính Tuất, năm thứ 4 (1166). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 2).

Đinh Hợi, năm thứ 5 (1167). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 3).

Tháng 7, mùa thu. Sai Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành.

Trước đây, sứ giả Chiêm Thành đem lễ cống sang nước ta, khi đi đến châu Ô Lý, thì sứ Chiêm Thành đem phong thủy quân vượt biển cướp bóc những cư dân ở miền ven biển rồi trở về; đến đây, nhà vua sai Hiến Thành đi đánh. Hiến Thành đem quân đến nước Chiêm, đưa thư cho chúa Chiêm, quở trách về việc không giữ lễ phiên thần, lại tỏ bày sự lợi hại để chiêu dụ. Chúa Chiêm sợ, sai sứ sang dâng châu báu và những sản vật địa phương để xin hòa. Nhà vua y cho, hạ chiếu bảo Hiến Thành đem quân về.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-22).

Ô Lý: Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I, 27-28).

Phong thủy quân: Sử cũ chua là "Tăng ma". Bây giờ không thể khảo được.

Mậu Tí, năm thứ 6 (1168). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 4).

Tháng 8, mùa thu. Sứ nhà Tống và sứ nước Kim cùng sang ta.

Sứ thần hai nước đồng thời cùng đế, ta đều lấy lễ mà tiếp đãi cả, nhưng không cho họ gặp nhau.

Lời cẩn án - Sử cũ, ở đây, chép rằng "sứ Thát đát cũng đến". Thát đát tức là nhà Nguyên. Nhưng xét bấy giờ nước Kim còn mạnh, mà nhà Nguyên mới nổi lên ở Mạc bắc2, người Kim vào Biện Kinh1, nhà Tống phải thiên đô sang Lâm An, lẽ nào người

---

[1] Tên Lý Anh Tông.

[2] Tức Ngoại Mông Cổ.

Nguyên vượt qua địa bàn của người Kim mà đến nước ta được? Sử của Ngô (Thì) Sĩ cải chính mà chép là sứ thần nước Kim. Nay theo như vậy.

Kỷ Sửu, năm thứ 7 (1169). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 5).

Ngày rằm, tháng 3, mùa xuân. Nguyệt thực. Cá biển chết nhiều.

Nhà vua sai thày chùa và đạo sĩ ở các đền chùa tụng kinh cầu đảo.

Tháng 4, mùa hạ. Làm điện Thanh Hòa.

Đặt thần vị Tiên đế[2] ở điện này, bốn mùa cúng tế.

Sửa lại chùa Chân Giáo.

Chùa này từ đời Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 15 (1024); đến đây sửa lại.

Canh Dần, năm thứ 8 (1170). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 6). Nhà vua tập cưỡi ngựa và bắn cung ở phía nam thành.

Nhà vua xem xét và tập dượt ở phía Nam Kinh thành, đặt tên chỗ ấy là sân bắn sai các quan võ ngày ngày rèn tập những phép đánh trận và phá trận.

Tân Mão, năm thứ 9 (1171). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Sửa lại miếu thờ Khổng Tử.

Miếu làm từ năm Đại Định thứ 17 (1156); đến đây, sửa lại.

Nhà vua đi tuần đường biển.

Muốn biết dân tình đau khổ ra sao, đường sá xa gần thế nào, nhà vua đi tuần đường biển, xem khắp hình thế núi sông rồi về.

Nhâm Thìn, năm thứ 10 (1172). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 8).

Tháng 2, mùa xuân. Lại đi tuần đường biển và biên giới phía Nam, phía Bắc.

Nhà vua đi tuần đường biển và biên giới phía nam, phía bắc, vẽ và ghi phong cảnh, sản vật, rồi chở về.

Lời chua - Nam Bắc phiên giới đồ: Theo Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, sách Nam Bắc phiên giới địa đồ, một quyển, của Lý Anh Tông, nay không truyền.

Quý Tị, năm thứ 11 (1173). (Tống, năm Kiền Đạo thứ 9).

Mùa thu. Đóng thuyền Ngoạn thủy.

Trước đó, đóng thuyền Vĩnh Long, thuyền Thanh Lan, thuyền Tường Quyết, thuyền Phụng Tiên, thuyền Vĩnh Diệu, thuyền Vĩnh Thanh, thuyền Nhật Long, đến đây, đóng thuyền Ngoạn Thuỷ, để chuẩn bị đi chơi.

Giáp Ngọ, năm Thiên cảm chí bảo thứ 1 (1174). (Tống, năm Thuần Hi thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Tháng 9, mùa thu. Thái tử Long Sưởng có tội, truất bỏ làm kẻ dân thường.

Long Sưởng tư thông với cung phi, nhà vua không nỡ bắt tội chết, truất bỏ làm kẻ thường dân và cầm tù.

Lời cẩn án - Sử cũ chép "Thái tử Long Sưởng", thế thì Long Sưởng đã được ở ngôi đông cung rồi; duy sự được lập vào năm nào Sử cũ bỏ sót không chép.

---

[1] Kinh đô của Bắc Tống, tức huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam bây giờ.

[2] Lý Thần Tông.

Tháng 11, mùa đông. Động đất.

Tháng 12. Sao chổi mọc ở phương nam.

Ất Mùi, năm thứ 2 (1175). (Tống, năm Thuần Hi thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Long Cán làm thái tử.

Trước đây, nhà vua cho vời tể thần[1], bảo rằng: "Thái tử là cội gốc của nước. Long Sưởng đã làm điều trái đạo, trẫm muốn cho Long Cán được nối ngôi báu, nhưng hắn còn nhỏ tuổi, e chưa gánh vác nổi; nếu đợi lúc lớn lên thì trẫm đã già rồi, biết làm thế nào?". Bỗng lúc ấy người trong nội bế Long Cán ra, Long Cán khóc, đòi lấy cái khăn của nhà vua đang đội. Ngài chưa kịp cho, hắn càng khóc già; trật khăn đưa cho, hắn cười ngặt nghẽo. Ngài lấy làm lạ, bấy giờ cái ý sách lập Long Cán mới thật quyết định. Đến đây, lập làm Thái tử, Long Cán mới lên ba tuổi.

Dùng Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiểm hiệu Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự[2], gia phong tước vương.

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu cho Tô Hiến Thành giúp Thái tử tạm quyền coi giữ chính sự.

Bấy giờ nhà vua bị bệnh, nên mới có mệnh lệnh này.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua mất, để tờ di chiếu cho Tô Hiến Thành làm Phụ chính.

Nhà vua mất ở điện Thụy Quang, miếu hiệu là Anh Tông, ở ngôi 37 năm, thọ 40 tuổi. Trước đây, nhà vua bệnh kịch, Hoàng hậu xin lập lại Long Sưởng. Ngài nói: "Long Sưởng làm con đã bất hiếu còn cai trị dân thế nào được!". Rồi ngài di chúc cho Hiến Thành giúp đỡ dẫn đạo Thái tử, còn mọi việc nhà nước thì cứ theo như hiến chương cũ. "Kịp khi Anh Tông mất, Thái hậu lại mưu tính bỏ con nọ, lập con kia: sợ Hiến Thành không theo, bèn đem vàng đút lót cho vợ Hiến Thành là Lữ Thị. Hiến Thành nói: "Ta là đại thần, nhận mệnh lệnh để lại của tiên đế, phò giúp ấu chúa, nếu nay nhận của lót mà làm việc phế lập thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới suối vàng?". Thái hậu lại vời Hiến Thành đến khuyên dỗ trăm chiều. Hiến Thành thưa lại rằng: "Làm điều bất nghĩa mà được giàu sang, có lẽ nào hạng trung thần, nghĩa sĩ lại vui lòng mà làm được, huống chi lời tiên đế hãy còn văng vẳng bên tai! Thái hậu chẳng nghe nói về chuyện Y Doãn[3] và Hoắc Quang[4] đấy ư? Tôi đây không dám vâng lời". Do đấy việc này mới thôi.

> **Lời cẩn án -** Về việc này Sử cũ trên chép là "hoàng hậu" dưới chép là "thái hậu", cùng với "Chiêu linh thái hậu" đã chép ở năm Trinh Phù thứ 3 (1178) đều không có họ, có lẽ cùng là một người mà Sử cũ không chép được kỹ đó thôi.

Thái tử Long Cán lên ngôi (tức là Lý Cao Tông).

Tôn mẹ là Đỗ Thị làm Chiêu thiên chí lý hoàng thái hậu.

Dùng cậu là Đỗ An Di làm Thái sư đồng Bình chương sự[5], Tô Hiến Thành làm Thái úy[6].

> **Lời cẩn án -** Năm Đại Định thứ 20 (1159), Sử cũ chép dùng Tô Hiến Thành làm Thái úy, ở đây lại chép như thế, nghi rằng có lầm.
>
> **Lời chua -** An Di: Em của Đỗ thái hậu.

---

[1] Bầy tôi làm tể tướng, đứng đầu cả triều đình.

[2] Tức Tể tướng, quan đứng đầu triều.

[3] Bầy tôi nhà Ân, sau khi Thành Thang nhà Ân mất, cháu là Thái Giáp lên nối ngôi vua, vì Thái Giáp thất đức, nên Y Doãn truất bỏ đi, cho ra ở Đông Cung, sau Thái Giáp biết bỏ điều tà theo điều chính. Y Doãn lại rước về lập làm vua.

[4] Bầy tôi nhà Hán, sau khi Hán Chiêu đế mất. Xương Ấp vương lên nối ngôi, vì Xương Ấp vương là người hoang dâm vô đạo. Hoắc Quang truất bỏ đi mà lập người cháu Hán Vũ đế tên là Tuân tức là Hán Tuyên đế. Sau Quang bị Tuyên đế buộc vào tội phản nghịch, phải tội giết cả họ.

[5] Chức quan tương đương với Tể tướng và làm nhiệm vụ của Tể tướng.

[6] Chức quan võ đứng đầu quân đội.

Hội họp quần thần, tuyên thệ ở điện Thiên An.

Bính Thân, Lý Cao Tông hoàng đế, năm Trinh phù thứ 1 (1176). (Tống, năm Thuần Hi thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Đổi niên hiệu mới. Đại xá.

> **Lời bàn của Ngô Sĩ Liên -** Cao Tông lên ngôi từ tháng 7 năm trước, đến đây mới đổi niên hiệu, đó chính là vì có Tô Hiến Thành làm phụ chính, nên mới giữ được lễ xưa.

Đinh Dậu, năm thứ 2 (1177). (Tống Thuần Hi thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Chiêm Thành cướp châu Nghệ An.

Mậu Tuất, năm thứ 3 (1178). (Tống, năm Thuần Hi thứ 5). Chiêu Linh thái hậu ban yến cho bầy tôi ở điện riêng của mình.

Bấy giờ quốc tang[1] đã mãn. Chiêu Linh thái hậu thết yến các bầy tôi, nhân bảo họ rằng: "Bấy giờ Chiêm Thành đang vào lấn cướp, người Mán quấy rối ở nơi biên thùy. Tự Vương[2] hãy còn thơ ấu, chưa cáng đáng nổi trong lúc nước nhà lắm việc. Các khanh đội ơn dày của nước, nên lo toan việc nước. Tính chước bây giờ chi bằng lại lập Long Sưởng để yên định xã tắc, mà thống nhất lòng dân. Các khanh nghĩ thế nào?". Bầy tôi đều khấu đầu nói: "Quan Thái phó[3] là bậc cố mệnh đại thần[4], bệ hạ[5] đã nhiều lần khuyên dụ rồi đấy. Bọn tôi không ai dám trái ý". Nói xong, họ đều lạy tạ rồi lui gót. Bấy giờ Hiến Thành coi quản cấm binh, hiệu lệnh nghiêm túc, thưởng phạt phân minh, không ai dám có ý nghĩ gì khác. Long Sưởng vì không được lập lên làm vua, rồi cầm đầu đám gia nhân thân thuộc, cho đi trộm cướp nhiều nơi, có ý chực nổi loạn.

Kỷ Hợi, năm thứ 4 (1179). (Tống, năm Thuần Hi thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển lính.

Tuyển trong đinh nam lấy những người khỏe mạnh sung vào quân đội.

Tháng 2. Động đất.

Tháng 3. Xét công trạng các quan lại.

Văn học tài cán, là một hạng; không thông chữ nghĩa mà làm việc cần mẫn, là một hạng; nhiều tuổi mà thuần cán, thông hiểu việc xưa nay, là một hạng. Các hạng người kể trên cứ theo thứ bậc trao cho quan chức để cai trị dân, cai quản quân đội. Từ đó, trăm quan tài năng xứng đáng với chức vụ, không có người thừa hoặc người vô dụng.

> **Lời phê[6] -** Có lẽ nào đã là người nhiều tuổi, thuần cẩn, thông hiểu việc xưa việc nay, mà lại không thông chữ nghĩa bao giờ, mà hạng gọi là văn học tài cán là hạng thế nào? Chia bậc phân hạng như vậy, nghĩ cũng tức cười! Thế mà bảo rằng trăm quan xứng chức, không có người thừa hoặc người vô dụng, cũng là lời quá đáng.

Tháng 6, mùa hạ. Hai mặt trời cùng xuất hiện một lúc.

Thái úy Tô Hiến Thành mất.

---

[1] Tang Lý Anh Tông. Theo lễ giáo phong kiến, khi vua mất, thần dân cả nước đều phải để tang, nên gọi là "quốc tang".

[2] Vua nối ngôi, chỉ Lý Cao Tông.

[3] Chỉ Tô Hiến Thành.

[4] Bậc đại thần vâng mệnh lệnh nhận lãnh tờ chiếu của vua để lại khi vua sắp mất.

[5] Chỉ Chiêu Linh thái hậu.

[6] Về việc xét công trạng các quan lại.

Hiến Thành là bậc đại thần gánh vác việc nước, trong nước bấy giờ chỉ trông cậy vào ông mới được vững vàng. Đến đây, ông mất, nhà vua bớt thức ăn ba ngày, nghỉ lễ thiết triều sáu ngày. Trước đây, Hiến Thành bị bệnh, Tham tri chính sự[1] Vũ Tán Đường ngày đêm săn sóc ở bên, còn Gián nghị đại phu[2] Trần Trung Tá thì không có mặt ở đấy vì bấy giờ bận việc khác. Kịp lúc ông đau nặng, thái hậu đến thăm, hỏi ai có thể lên thay làm tướng quốc. Hiến Thành đáp: "Trần Trung Tá có thể làm được". Thái hậu nói: "Tán Đường ngày hầu thuốc thang, sao ông không nói đến?". Hiến Thành thưa: "Bệ hạ hỏi người có thể thay tôi, nên tôi mới cử Trần Trung Tá; nếu hỏi người săn sóc nuôi dưỡng tôi thì không phải Tán Đường thì còn ai nữa?". Thái hậu khen Hiến Thành là trung, nhưng cuối cùng vẫn không làm theo lời của Hiến Thành.

Lời phê[3] - Sau Gia cát Vũ hầu, chỉ có một người ấy thôi.

Dùng cậu là Đỗ An Di làm Phụ chính.

Quy định thể lệ cấm việc mua bán muối và sắt.

Muối, mắm và đồ sắt không được đem lên trao đổi ở miền ngọn nguồn.

Canh Tí, năm thứ 5 (1180). (Tống, năm Thuần Hi thứ 7).

Tháng 8, mùa thu. Có nạn nước lớn.

Động đất ở hai điện Vĩnh Nguyên và Hội Tiên.

Tân Sửu, năm thứ 6 (1181). (Tống, năm Thuần Hi thứ 8).

Tháng 4, mùa hạ. Sao Huỳnh hoặc[4] phạm vào phận sao Nam đẩu.

Lời chua - Nam đẩu: Theo Tinh kinh, chòm Nam đẩu có 6 vì sao, hình trạng như sao Bắc đẩu, ở về phía đông nam sao Thiên thị. Phần "khảo yếu" sách ấy chép rằng: vì sao này cứ đến khoảng mùa hạ và mùa thu, mọc ở phương nam, nên gọi là Nam đẩu.

Đói to.

Nhâm Dần, năm thứ 7 (1182). (Tống, năm Thuần Hi thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Xuống chiếu cầu người hiền lương.

Cho Lý Kính Tu hiệu là đế sư[5].

Kính Tu trong thì hầu vua ở nơi màn trướng, ngoài thì dạy dân theo đạo trung hiếu. Từ đó, Chiêu Linh thái hậu không dám manh tâm tính chuyện phế lập nữa.

Lời chua - Kính Tu: Người làng Vân Canh, huyện Từ Liêm[6], nguyên họ Đỗ, được ban quốc tính[7], cuối đời Lý Anh Tông, từng giữ chức Binh tào, cùng với Hiến Thành cùng làm Phụ chính, đến đây được hiệu là đế sư.

Nước Tiêm đến tiến cống.

Lời chua - Nước Tiêm (Tiêm quốc): Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 33-34).

---

[1] Chức quan đứng hàng thứ hai ở trong triều, dưới Tể tướng.

[2] Chức quan đứng hàng thứ hai ở đài Ngự sử, có nhiệm vụ bàn bạc, can gián nhà vua.

[3] Về Tô Hiến Thành.

[4] Một tên khác của Hỏa tinh.

[5] Thày của vua.

[6] Nay thuộc xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

[7] Họ được đặt theo họ của nhà vua, tùy từng triều đại, như đời Lý thì Lý là quốc tính. Đó vì theo chế độ quân chủ chuyên chế, "vua tức là nước", nên gọi họ của vua là "quốc tính".

Quý Mão, năm thứ 8 (1183). (Tống, năm Thuần Hi thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Ngô Lý Tín đi đánh Ai Lao.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9).

Mồng 1, tháng 11, mùa đông. Nhật thực.

Giáp Thìn, năm thứ 9 (1184). (Tống, năm Thuần Hi thứ 11).

Ất Tị, năm thứ 10 (1185). (Tống, năm Thuần Hi thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Thi các sĩ tử để sung vào hầu vua học tập.

Thi các học trò, trạc 15 tuổi, người nào thông hiểu Thi, Thư, sung vào tòa Kinh diên, hầu vua học tập. Bọn Bùi Quốc Khái và Đặng Nghiêm 30 người trúng tuyển.

Lời chua - Quốc Khái: Người làng Bình Lãng, huyện Cẩm Giàng[1].

Đặng Nghiêm: Người làng An Để, huyện Thư Trì[2].

Bính Ngọ, năm Thiên tư gia thụy thứ 1 (1186). (Tống, năm Thuần Hi thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Sứ nhà Tống sang.

Hồi đầu triều Lý Anh Tông, nhà Tống sai sứ sang sách phong, còn theo lối cũ: trước phong là Quận vương, rồi phong là Nam Bình vương, mãi sau mới có sắc mệnh phong là Quốc vương. Đến đây, sứ Tống sang sách phong ngay làm An Nam quốc vương. Bài chế văn đại lược nói: "Ngay lúc bắt đầu phong cho thống trị một nước yên vui, đã được theo thể lệ cha truyền con nối; bây giờ ban sắc mệnh thực thụ ngay tước vương có cần gì phải đợi theo dần từng bậc mà thăng lên?". Lễ này có lẽ do nhà Tống đối đãi với nhà Lý một cách đặc biệt.

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Lê Hòe Khanh đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống.

Bấy giờ bắt được con voi trắng, nhà vua cho là điềm tốt, đặt tên cho nó là Thiên tư; nhân thế đổi niên hiệu mới.

Lời phê[3] - Noi theo cái thói lừa dối: đáng khinh bỉ cả!

Đinh Mùi, năm thứ 2 (1187). (Tống, năm Thuần Hi thứ 14).

Tháng 4, mùa hạ. Sét đánh nhà Thái miếu.

Mậu Thân, năm thứ 3 (1188). (Tống, năm Thuần Hi thứ 15).

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán.

Nhà vua đến chùa Pháp Vân, chính mình làm lễ đảo vũ. Lại rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân về chùa Báo Thiên để cầu đảo.

Nhà vua đi chơi khắp các núi sông, ngự giá đến đâu đều ban phong hiệu cho thần linh ở đó, và cho dân lập miếu thờ.

Lời chua - Chùa Pháp Vân: Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chb. III, 32).

Chùa Báo Thiên: Xem Lý Thánh Tông, năm Long Thụy thái bình thứ 3 (Chb. III, 22).

---

[1] Nay là thôn Thu Lãng, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

[2] Nay là xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[3] Về việc điềm lành và đổi niên hiệu.

Tháng 6. Động đất.

Gió bão to.

Mồng một, tháng 7, mùa thu. Nhật thực.

Đỗ An Di mất, dùng Thái phó Ngô Lý Tín làm Phụ chính.

Kỷ Dậu, năm thứ 4 (1189). (Tống, năm Thuần Hi thứ 16).

Mồng một, tháng 2, mùa xuân. Nhật thực. Mặt trời, mặt trăng sắc đỏ như tiết.

Động đất.

Canh Tuất, năm thứ 5 (1190). (Tống Quang Tông, năm Thiệu Hi thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Hoàng thái hậu Đỗ Thị mất.

Tân Hợi, năm thứ 6 (1191). (Tống, năm Thiệu Hi thứ 2).

Tháng 11, mùa đông. Sao Huỳnh hoặc[1] phạm vào phận sao Thái bạch.

Nhâm Tí, năm thứ 7 (1192). (Tống, năm Thiệu Hi thứ 3).

Tháng 6, mùa hạ. Động đất.

Tháng 7, mùa thu. Sét đánh điện Vĩnh Ninh.

Người giáp Cổ Hoằng, Thanh Hóa làm loạn. Dẹp yên được.

Trước đây, người giáp Cổ Hoằng thấy vết chân trâu ở trên cây muỗm (amla). Lê Văn, người trong giáp, xem bói đoán rằng: "Con trâu là vật ở dưới, bây giờ lại ở trên cây, đó là cái điềm người dưới lên ở trên". Do đó, họ cùng nhau mưu làm loạn; đến đây, dẹp yên được.

Lời chua - Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Cổ Hoằng: Tên một giáp. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Cổ Hoằng; nhà Lý đổi là Cổ Đằng; nhà Trần đặt làm huyện; nhà Lê đổi làm huyện Hoằng Hóa, tức là huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa bây giờ.

Amla: Theo Thanh Nhất thống chí, đất An Nam có sản cây am la, tục gọi là cây "bương cái" (ta gọi cây muỗm), quả nó như quả lê tàu (bắc lê), chín vào mùa tháng 4, tháng 5.

Khơi sâu sông Tô Lịch.

Lời chua - Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31-32).

Quý Sửu, năm thứ 8 (1193). (Tống, năm Thiệu Hi thứ 4).

Giáp Dần, năm thứ 9 (1194). (Tống, năm Thiệu Hi thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Sách lập nguyên phi Đàm Thị làm An toàn hoàng hậu. Đại xá.

Sinh con trai là Sảm, nguyên phi được sách lập làm hoàng hậu. Đại xá cả nước; ban cho kỳ lão, hạng 70 tuổi trở lên, mỗi người một tấm lục; ban tiệc ăn uống ba ngày.

Lời chua - Đàm Thị: Con gái tướng quân Đàm Phụng, năm Trinh Phù thứ 11 được sách lập làm Nguyên phi.

Tháng 10, mùa đông. Mưa đá, có tảng lớn bằng đầu ngựa.

[1] Xem chú giải ở Chb. V, 21.

Đóng thuyền Thiên Long.

Trước kia, đã đóng thuyền Ngoạn Dao, đến đây đóng thuyền Thiên Long dùng để đi chơi.

Ất Mão, năm thứ 10 (1195). (Tống, Ninh Tông, năm Khánh Nguyên thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Động đất.

Sét đánh các Ly Minh.

Bắt đầu thi tam giáo.

Đem Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo để thi kẻ sĩ. Ai đỗ thì cho xuất thân[1].

Bính Thìn, năm thứ 11 (1196). (Tống, năm Khánh Nguyên thứ 2).

Đinh Tị, năm thứ 12 (1197). (Tống, năm Khánh Nguyên thứ 3).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Làm cung Nghênh Thiềm.

Mậu Ngọ, năm thứ 13 (1198). (Tống, năm Khánh Nguyên thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Xuống chiếu sa thải các thày chùa.

Theo lời tâu của Đàm Dĩ Mông.

Tháng 7, mùa thu. Có nạn nước to.

Bọn Ngô Công Lý ở Diễn Châu và Đinh Khải, Bùi Đô ở Đại Hoàng nổi loạn. Nhà vua xuống chiếu sai người đi đánh dẹp.

Ngô Công Lý, người làng Cao Xá thuộc Diễn Châu, chiêu tập những kẻ vô lại, cùng với bọn Đinh Khả và Bùi Đô, người châu Đại Hoàng, đồng thời nổi loạn. Khả tự xưng là con cháu Đinh Tiên Hoàng, trương thanh thế để dụ tiểu dân, nhiều người nghe theo. Nhà vua xuống chiếu cho xuất quân đi đánh.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Cao Xá: Bây giờ là xã Cao Xá, huyện Đông Thành[2].

Đại Hoàng: Xem Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (Chb. I, 2).

Kỷ Mùi, năm thứ 4 (1199). (Tống, năm Khánh Nguyên thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Có nạn nước to.

Đói to.

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang phong vương cho vua nước Chiêm Thành.

Trước đó, sứ Chiêm Thành sang cầu phong; đến đây, nhà vua đi Thanh Hóa, nhân tiện sai sứ sang tận nơi phong vương cho Chiêm Thành.

Canh Thân, năm thứ 5 (1200). (Tống, năm Khánh Nguyên thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Đem thóc phát chẩn cho dân nghèo.

Tháng 7, mùa thu. Chiêu Linh thái hậu mất.

Tân Dậu, năm thứ 6 (1201). (Tống, năm Gia Thái thứ 1).

Nhâm Tuất, năm Thiên gia bảo hựu thứ 1 (1202). (Tống, năm Gia Thái thứ 2).

---

[1] Ra làm quan.

[2] Thuộc Nghệ An.

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

Tháng 8, mùa thu. Đặt ra nhạc khúc Chiêm Thành.

Sai nhạc công đặt ra nhạc khúc gọi là "Chiêm Thành âm". Nhạc khúc này giọng sầu oán não nùng, ai nghe cũng rỏ nước mắt. Nhà sư Nguyễn Thường nói rằng: "Tôi nghe nói: thanh âm của nước loạn thì ai oán giận hờn. Nay chúa thượng rong chơi vô độ, kỷ cương triều đình rối ren, lòng dân ngày một ly tán. Tiếng nhạc ai oán làm não lòng người! Đó là triệu chứng bại vong".

Lời phê - Dùng người không xứng đáng, chính sự ngày một quấy; muốn không bại vong, còn đợi nỗi gì? Chứ không phải tại việc đặt ra Chiêm Thaành nhạc khúc.

Quý Hợi, năm thứ 2 (1203). (Tống, năm Gia Thái thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Kiến thiết rất nhiều cung điện.

Bấy giờ đem công sức của dân ném hết vào việc thổ mộc: cung điện này chưa xong đã làm luôn cung điện khác. Gác Kính Thiên sắp làm xong, thì có con chim bồ các đến làm tổ. Các bầy tôi đều nói: "Xưa Ngụy Minh đế[1] làm gác Lăng tiêu, có chim bồ các đến làm tổ; Cao Đường Long có nói về việc "Bồ các làm tổ, tu hú đến ở". Bây giờ trên gác có chim bồ các đến làm tổ, chúng tôi sợ một ngày kia, chắc sẽ có người họ khác đến ở đấy. Vậy xin bệ hạ nên nghĩ đến lời nói của Cao Đường Long. Trước hết cần phải tu đức, thì may cho thiên hạ lắm". Nhưng nhà vua riêng nghe lời nói của hoạn quan Phạm Bỉnh Di, đốc giục thợ làm càng gấp rút. Trăm họ bị khổ sở vì việc này.

Lời chua - Bồ các: Hán văn là "thước". Sách Bản thảo chép rằng: Chim bồ các làm tổ, quay lưng về phương có sao Thái tuế mà hướng mặt về phương có sao Thái Ất. Khi nó biết rằng năm sau có nhiều gió bão thì tất làm tổ thấp xuống.

Tháng 7, mùa thu. Tri châu Nghệ An là Đỗ Thanh và Châu mục là Phạm Diên định mưu đánh úp Bố Trì, người Chiêm Thành, nhưng bị nó giết chết.

Bố Trì, người Chiêm Thành, đỗ thuyền ở biển Cơ La, nói dối rằng bị người chú là Bố Điền đuổi, nên đem cả vợ con đến đây cầu xin cứu giúp. Bọn Thanh, Diên tưởng thực, đem việc ấy tâu lên triều đình. Nhà vua sai Đàm Dĩ Mông và Đỗ An đi liệu lý việc ấy. Khi hai người sắp đến cửa Cơ La, Đỗ An nói: "Nó đem quân đến đây, bình tình thế nào, biết đâu mà tin được. Ngạn ngữ có câu: "Tổ kiến làm vỡ đê, tàn lửa đốt cháy nhà", ngày nay Bố Trì có phải chỉ là tổ kiến và tàn lửa thôi đâu!". Dĩ Mông đem lời đó nói với Thanh, Diên và bảo phải phòng bị trước. Bọn Đỗ Thanh nói: "Nó bị nạn, đến đây cầu cứu, lại còn nghi gì?". Dĩ Mông giận lắm, rút quân về. Thanh, Diên bấy giờ mới đem lòng ngờ vực Bố Trì và ăn năn về việc không nghe Đỗ An. Họ bèn định mưu đánh úp Bố Trì để gỡ lấy mình; mưu tiết lộ, bị địch giết chết. Dân Nghệ An kinh sợ, tan vỡ, chết mất không biết bao nhiêu mà kể. Bố Trì tha hồ cướp bóc rồi rút về.

Lời chua - Cửa biển Cơ La: Tức là cửa Nhượng thuộc huyện Kỳ Anh bây giờ[2].

Tháng 9. Người châu Đại Hoàng là Phí Lang và Bảo Lương nổi loạn. Nhà vua sai Chi hậu[3] Trần Lệnh Hinh và Thượng thư[4] Từ Anh Nhị đi đánh, không thắng được, đều bị chết.

Trước kia, Phí Lang và Bảo Lương đến cửa cung khuyết, dâng thư nói về việc Đàm Dĩ Mông mọt nước, hại dân. Dĩ Mông nổi giận, đem bọn ấy phạt đánh bằng roi. Vì thế bọn Phí Lang đem lòng căm phẫn, bèn nổi loạn. Nhà vua dùng Lệnh Hinh làm nguyên soái, đem quân đi đánh, lại sai Từ Anh Nhị đem người Thanh Hóa kế tiếp ra trận, đánh nhau với Phí Lang ở lộ Bố Giang: Quan quân thua trận, Lệnh Hinh và Anh Nhị đều bị chết cả.

---

[1] Tào Duệ, con Tào Phi, làm vua từ năm 226 đến 240.

[2] Theo Đại Nam nhất thống chí, quyển 13, tờ 27, cửa Nhượng ở xã Nhượng bạn về phía nam huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Quan phụ trách việc truyền lệnh và dẫn người ra vào trong cung.

[4] Chức quan đứng đầu một bộ trong sáu bộ thời xưa, tương đương với Bộ trưởng bây giờ.

Lời chua - Lộ Bố Giang: Theo sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư, Lộ Bố Giang thuộc về địa phận huyện Ý Yên[1], bây giờ chưa tường đích xác ở chỗ nào.

Giáp Tí, năm thứ 3 (1204). (Tống, năm Gia Thái thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Lý Kính Tu đi đánh châu Đại Hoàng, không hạ được.

Ất Sửu, năm Trị bình long ứng thứ 1 (1205). (Tống, năm Khai Hi thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Quân Thổ mán nhà Tống sang cướp ở vùng biên giới.

Thổ mán sang cướp ở vùng biên giới; quan quân lên đánh, nhân dân nhọc mệt vì phục dịch. Bấy giờ nhà vua vẫn cứ tiến hành mọi việc thổ mộc không ngừng, nghe nói ngoài thành có giặc cướp, cũng giả vờ làm ngơ để bưng bít đi, chỉ ham thích của cải. Các bầy tôi đều bắt chước, tranh nhau bán quan buôn ngục, ngoài ra không còn nghĩ đến việc gì.

Nhà vua có tính sợ sấm sét, động nghe có tiếng sấm sét thì kinh hãi. Kẻ tôi cưng là Nguyễn Dư nói mình có phép ngăn cấm sấm sét. Gặp khi có sấm ù ù, nhà vua sai hắn làm phép ngăn cấm; Nguyễn Dư ngửa cổ lên trời đọc thần chú, sấm sét lại càng dữ thêm. Nhà vua trách hỏi; Nguyễn Dư đáp: "Tôi răn cấm lâu rồi, trời đã cao mà sấm sét còn dữ dội đến thế". Bấy giờ nhà vua trong thì yêu vợ cưng, ngoài thì tin tôi nịnh, hàng ngày chăm sự vui chơi, không nghĩ gì đến việc nước. Do đó, giặc cướp nổi lên như ong, không sao còn trị nổi, rồi đến mất nước.

Bính Dần, năm thứ 2 (1206). (Tống, năm Khai Hi thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Dùng Đàm Dĩ Mông làm Thái bảo.

Dĩ Mông đã làm đến Thái phó, đến đây, lại thăng lên Thái bảo, đội mũ củng thần.

Lời chua - Mũ củng thần: Kiểu mũ thế nào chưa rõ.

Đinh Mão, năm thứ 3 (1207). (Tống, năm Khai Hi thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển lính.

Bấy giờ cướp nổi lên như ong. Nhà vua xuống chiếu tuyển trong nam đinh lấy những người khoẻ mạnh sung vào quân đội, đặt dưới quyền cai quản của quan các lộ để đi dẹp giặc.

Mậu Thìn, năm thứ 4 (1208). (Tống, năm Gia Định thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Sảm làm Thái tử.

Đói to.

Phạm Du, tri Nghệ An quân, làm phản. Nhà vua sai hoạn quan Phụng ngự[2] Phạm Bỉnh Di đi đánh.

Phạm Du ở Nghệ An, chiêu nạp những kẻ vong mạng, chia nhau đi cướp bóc các nơi; vì thế đường sá đi lại không được thông đồng. Nhà vua sai Bỉnh Di đem quân người Đằng Châu và Khoái Châu đi đánh.

Lời chua - Phụng ngự: Tên chức quan.

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Đằng Châu: Xem thuộc Tống, Thái Tổ, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 30).

Khoái Châu: Nguyên là đất Đằng Châu; nhà Lý chia làm Khoái Châu; nhà Trần gọi là Khoái Lộ, nhà Lê gọi là Khoái Châu, tức là phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên bây giờ.

---

[1] Ý Yên nay thuộc tỉnh Nam Định.

[2] Một chức quan ở điện Trung sảnh, có ba phẩm là thượng, trung, hạ. Có nhiệm vụ giữ chính lệnh và các điển chương nghi thức của triều đình và Thiên tử.

Kỷ Tị, năm thứ 5 (1209). (Tống, năm Gia Định thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Giết Thượng phẩm Phụng ngự Phạm Bỉnh Di. Quách Bốc, bộ tướng của Bỉnh Di, nổi loạn. Nhà vua lánh đi Quy Hóa giang.

Bấy giờ Bỉnh Di tiến quân đánh Phạm Du. Du thua, chạy sang Hồng Châu. Bỉnh Di tịch thu nhà của Du rồi đốt hết cả. Phạm Du mới ngầm sai người đến kinh đô đem vàng đút lót cho người trong nội, nói rõ Bỉnh Di tàn khốc, giết hại những người vô tội. Du lại kể lể nỗi oan của mình, xin về kinh đô để đợi chịu tội. Nhà vua tin lời, cho đòi Du và vời Bỉnh Di đem quân về. Bỉnh Di về tới kinh, toan vào tâu bày, thì có người ngăn lại, bảo: "Lời của Phạm Du đã lọt vào trước, nhà vua còn chưa nguôi giận!". Bỉnh Di nói: "Ta đây thờ vua hết lòng trung thành, lại bị tên giặc gian ác nó gièm pha ư? Huống chi, lại có mạng lệnh vua vời, ta còn trốn tránh đi đâu?". Thế rồi Bỉnh Di cứ vào chầu. Nhà vua sai bắt luôn, rồi giam cả với con là Phụ tại nhà Thủy viện, toan đem giết chết.

Bộ tướng của Bỉnh Di là bọn Quách Bốc hay tin ấy, đem quân reo hò kéo vào, xông đến cửa thành, bị kẻ canh cổng cản lại. Chúng phá cửa mà vào. Nhà vua thấy động, kíp sai đem cha con Bỉnh Di đến thềm Kinh tinh đâm chết, rồi cùng Thái tử chạy trốn. Bọn Quách Bốc xông vào, lấy chiếc chiếu của vua bó xác Bỉnh Di và lấy xe của vua chở xác Bỉnh Di, vượt qua cửa thành, rút ra bến Đông bộ đầu; rồi lại quay vào cung Vạn Diên, lập con thứ vua là Thầm lên làm hoàng đế. Bọn Đàm Dĩ Mông và Nguyễn Chính Lại đều nhận chức ngụy quan cả.

Lời chua - Quy Hóa giang: Còn một tên khác là Thao Giang, ở về phía bắc huyện Tam Nông, tỉnh Hưng Hóa.

Hồng Châu: Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Đông bộ đầu: Tức là bến Đông tân sông Nhị Hà bây giờ.

Bỉnh Di: Hoạn quan mà có con. Sử cũ ghi chép không tường tận.

Thái tử Sảm lấy con gái Trần Lý; tự phong tước Minh tự cho Trần Lý và bổ Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Thái tử đi đến thôn Lưu Gia ở Hải ấp, gặp con gái Trần Lý, lấy làm vợ. Nhà Trần Lý làm nghề đánh cá, trở nên giàu có, được nhiều người theo; do đấy có quân gia, lúc ấy cũng nổi lên làm giặc. Khi đã lấy con gái Trần Lý, Thái tử phong cho Trần Lý tước Minh tự, bổ cậu vợ là Tô Trung Từ làm Chỉ huy sứ. Anh em họ Trần mới chiêu tập quân hương dũng dẹp yên đảng loạn, rước nhà vua ở Quy Hóa về cung.

Lời chua - Minh tự: Tên tước phong. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 11 (Chb. V, 4).

Thôn Lưu Gia: Bây giờ là xã Lưu Xá, huyện Hưng Nhân[1].

Trần Lý: Người làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường. Xem Trần Thái Tông năm Kiến Trung thứ 2 (Chb. VI, 4).

Tô Trung Từ: Người thôn Lưu Gia.

Nhà vua trở về cung.

Ngự giá hoàn cung. Nhà vua dẹp yên loạn Quách Bốc, xét tội tùy theo nặng nhẹ có sai biệt. Rồi sai Phụng ngự Đỗ Quảng đi thôn Lưu Gia, đón Thái tử về kinh đô.

Bấy giờ Đàm Dĩ Mông vẫn tại chức như cũ. Đỗ Anh Triệt kể tội hắn rằng: "Ngươi làm đại thần, đem lòng vô quân[1], nhận quan tước của giặc, nay lại ngang hàng với ta! Ta đây dẫu bất tài, nhưng còn mặt mũi nào đối nhìn nhau nữa!". Dĩ Mông thẹn và sợ, phải lui ra.

---

[1] Nay thuộc xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Lời chua - Đỗ Anh Triệt: Làm chức gì không rõ.

Canh Ngọ, năm thứ 6 (1210). (Tống, năm Gia Định thứ 3).

Tháng 7, mùa thu. Sao chổi mọc.

Tháng 10, mùa đông. Lý Cao Tông mất.

Trước đó, nhà vua bị bệnh, vời Lý Kính Tu vào giao cho mệnh lệnh lãnh di chiếu; đến đây, mất ở cung Thánh thọ, miếu hiệu là Cao tông, ở ngôi 35 năm thọ 38 tuổi.

Lời phê - Sự nghiệp của Lý Kính Tu như thế, vậy mà gọi là "thầy vua"2, chẳng qua chỉ có danh hão đấy thôi[3].

Thái tử Sảm lên ngôi (tức Lý Huệ Tông).

Tôn mẹ là An Toàn hoàng hậu làm Thái hậu.

Bấy giờ nhà vua mới 16 tuổi. Hoàng thái hậu cùng giúp xét xử chính sự.

Tân Mùi (1211) Lý Huệ Tông hoàng đế, năm Kiến Gia thứ 1 (Tống, năm Gia Định thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Sách lập Trần Thị là Nguyên phi; dùng cậu nguyên phi là Tô Trung Từ làm Thái úy Phụ chính; phong anh Nguyên phi là Trần Tự Khánh làm Chương Tín hầu.

Trước đây, lúc thái tử Sảm ở thôn Lưu Gia trở về kinh đô, thì Trần Thị về ở nhà bố đẻ. Khi lên ngôi rồi, cho thuyền đi đón, nhưng Trần Thị chưa đi ngay; đến đây, sai Trung Từ và Phụng ngự Phạm Bố đón về cung, sách lập làm nguyên phi. Bấy giờ Trần Lý bị giặc giết chết, con thứ 2 là Tự Khánh lên thay, cai quản quân gia. Nhà vua phong tước hầu cho Tự Khánh và dùng Tô Trung Từ làm Thái uý, phong Thuận Lưu bá.

Nhâm Thân, năm thứ 2 (1212). (Tống, năm Gia Định thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Đoàn Thượng giữ Hồng Châu để làm phản.

Nhà vua mới lên ngôi, đem việc nước giao cho Đàm Dĩ Mông. Dĩ Mông là người vô học, không có mưu thuật. Chính sự ngày một đổ nát, đói kém xảy ra luôn luôn! Nhân dân cùng quẫn khốn khổ, giặc cướp nổi lên lung tung. Nhà vua sai Đoàn Thượng chiêu mộ dân vùng Hồng Châu để đi tuần tiễu bắt bớ. Đoàn Thượng nhân dịp ấy, tự tiện làm uy làm phúc, không ai dám nói gì. Đến khi tội ác của Thượng dần dần rõ rệt, bị các quan đàn hặc và tống ngục để xét hỏi, Đoàn Thượng tuốt gươm, khỏa thân chạy về Hồng Châu, tụ họp đồ đảng, đắp thành lũy, xưng vương, nghiễm nhiên thành một nước đối địch.

Lời chua - Đoàn Thượng: Người làng Thung Độ, huyện Gia Lộc[4].

Quý Dậu, năm thứ 3 (1213). (Tống, năm Gia Định thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Trần Tự Khánh đem quân phạm vào cửa cung khuyết.

Giáp Tuất, năm thứ 4 (1214). (Tống, năm Gia Định thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua lánh đi Lạng Châu.

Bấy giờ Tự Khánh thấy nguyên phi Trần Thị bị Thái hậu hành hạ khổ sở, bèn đem quân phạm cửa cung khuyết, xin đón ngự giá. Nhà vua đem lòng nghi ngờ, xuống chiếu lấy quân các đạo để đuổi

---

[1] Không biết có vua.

[2] Xem thêm Cương mục Chính biên quyển V tờ 22 về việc Lý Cao Tông phong hiệu cho Kính Tu là đế sư.

[3] Lời phê này có ý chê Lý Kính Tu nhận di chiếu của Cao Tông giúp Huệ Tông, mà không giúp đỡ được việc gì đáng khen để cho Huệ Tông làm nhiều điều không chính đáng, rồi cơ nghiệp nhà Lý phải tan, thì Lý Kính Tu không xứng đáng với cái danh hiệu "đế sư"; nhưng câu văn viết không được rõ.

[4] Thuộc Hải Dương.

bắt Tự Khánh, truất Trần Thị xuống làm ngự nữ. Hay tin đó, Tự Khánh thân đến cửa quân tạ tội, xin đón ngự giá. Nhà vua lại càng ngờ vực, vội rước thái hậu đi Lạng Châu. Tự Khánh lại đem quân đến, xin đón như trước. Nhà vua cũng vẫn chưa tin, lại rước Thái hậu đi huyện Binh Hợp.

Lời chua - Lạng Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb. I, 17).

Huyện Binh Hợp: Không khảo được.

Ất Hợi, năm thứ 5 (1215). (Tống, năm Gia Định thứ 8).

Bính Tí, năm thứ 6 (1216). (Tống, năm Gia Định thứ 9).

Tháng 12, mùa đông. Lập Trần Thị làm hoàng hậu. Dùng anh hoàng hậu là Tự Khánh làm Thái úy và Trần Thừa làm Nội thị phán thủ[1].

Trước đây, nhà vua sách lập Trần Thị làm Thuận Trinh phu nhân. Thấy Tự Khánh là người phản trắc, Thái hậu nhiều lần chỉ vạch phu nhân là bè đảng của giặc, khuyên nhà vua ruồng bỏ, nhưng nhà vua không nghe. Thái hậu bắt phu nhân phải tự sát, nhưng nhà vua ngăn cản lại. Thái hậu lại bỏ thuốc độc vào các món ăn, thức uống của phu nhân. Cứ mỗi bữa ăn, nhà vua lại chia sẻ cho phu nhân một nửa và cho cùng ở chung, chứ không để rời khỏi bên mình. Rồi đang đêm, nhà vua cùng với phu nhân vi hành lén đi; đến sáng, vào trú tại nhà tướng quân Lê Mịch ở huyện An Duyên. Nhân bấy giờ Tự Khánh sai bộ tướng Vương Lê đem chu sư[2] đến đón, nhà vua mới đóng ở Cứu Liên châu[3], vời Tự Khánh đến chầu. Đến đây, lập Trần Thị làm hoàng hậu, dùng Tự Khánh làm Phụ chính, lại bổ Trần Thừa, là anh của Trần Tự Khánh, làm Nội thị phán thủ. Bấy giờ Tự Khánh và Thượng tướng quân Phan Lân điều động bổ sung quân đội, chế tạo chiến cụ, rèn tập võ nghệ; thanh thế quân đội mới hơi phấn chấn.

Lời chua - An Duyên và Cứu Liên châu: nay không khảo được.

Nhà vua có chứng điên.

Nhà vua bị trúng gió, thuốc chữa không công hiệu, từ đó dần dần sinh chứng cuồng dịch: khi thì xưng là thiên tướng giáng hạ, tay cầm giáo và mộc, trên búi tóc cắm lá cờ nhỏ, đùa giỡn múa may suốt ngày; khi thì toát mồ hôi, trong người ráo khát, uống rượu say, ngủ li bì đến mãi hôm sau mới tỉnh, không làm việc được; phải giao hết cả chính sự cho Trần Tự Khánh. Quyền bính trong nước về cả tay họ Trần.

Lời chua - Cuồng dịch: Sách Thông giám cương mục (Trung Quốc) chép rằng: Hán Ai đế năm Kiến Bình thứ 1, Trung Sơn vương, tên là Cơ, vốn có chứng cuồng dịch, khi bệnh phát ra. Cơ về miền Tây nghỉ. Cuồng dịch là bệnh cuồng, đổi khác cả tính tình.

Đinh Sửu, năm thứ 7 (1217). (Tống, năm Gia Định thứ 10).

Mậu Dần, năm thứ 8 (1218). (Tống, năm Gia Định thứ 11).

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

Sao chổi mọc ở phía tây nam.

Tháng 10, mùa đông. Người Mán ở châu Quảng Oai làm phản. Trần Tự Khánh đi đánh, không dẹp được.

Lời chua - Quảng Oai: Xưa là đất quận Giao Chỉ; nhà Lý gọi là châu Quảng Oai, nhà Trần đặt làm trấn, khi thuộc Minh đổi làm châu; nhà Lê đặt làm phủ, tức là phủ Quảng Oai tỉnh Sơn Tây bây giờ.

---

[1] Một chức quan ở Nội thị sảnh, giữ chức hầu hạ trong cung, vâng tuyên chế lệnh.

[2] Quân thủy, sử dụng thuyền chiến.

[3] Về địa điểm Cứu Liên này, sử Cương mục chép là "Cứu Liên châu" và in chữ "châu" là châu quận: nhưng Toàn thư quyển 4, tờ 29b và Đại Việt sử ký quyển 4 tờ 41b đều in chữ "châu" có chấm thủy bên, nghĩa là "bãi sông". Vậy có thể nói Cứu Liên chỉ là tên một cái bãi ở bên sông.

Chiêm Thành và Chân Lạp vào cướp châu Nghệ An. Lý Bất Nhiễm đánh bại được quân địch.

Bất Nhiễm giữ chức bá trưởng châu Nghệ An. Năm Kiến Gia thứ 6 (1216), Chiêm Thành và Chân Lạp vào cướp, Bất Nhiễm đã đánh bại rồi; đến đây lại đánh được lần nữa. Vì có công như thế, Bất Nhiễm được phong tước hầu, ban thái ấp, được hưởng lộc đúng với thực số 1500 hộ.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-22).

Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Kỷ Mão, năm thứ 9 (1219). (Tống, năm Gia Định thứ 12).

Canh Thìn, năm thứ 10 (1220). (Tống, năm Gia Định thứ 13).

Tháng 3, mùa xuân. Nguyễn Nộn giữ làng Phù Đổng[1], tự xưng là Hoài Đạo vương.

Nộn là cư sĩ chùa Phù Đổng, vì bắt được vàng và ngọc, không đem dâng triều đình, nên nhà vua hạ chiếu cho bắt. Tự Khánh xin cho Nguyễn Nộn tòng quân đánh giặc để chuộc tội; nhà vua ưng thuận, sai Nguyễn Nộn đem quân đi đánh Mán Quảng Oai. Đến đây, Nguyễn Nộn tự xương vương, dâng biểu xưng thần, xin đi dẹp giặc để chuộc tội; nhà vua sai người đem sắc đến dụ bảo Nộn.

Lời chua - Phù Đổng: Tên làng. Nay là xã Phù Đổng, huyện Tiên Du[2].

Nguyễn Nộn: Người làng Phù Minh, huyện Tiên Du[3].

Tân Tị, năm thứ 11 (1221). (Tống, năm Gia Định thứ 14).

Nhâm Ngọ, năm thứ 12 (1222). (Tống, năm Gia Định thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Chế tạo binh khí và thuyền chiến.

Quý Mùi, năm thứ 13 (1223). (Tống, năm Gia Định thứ 16).

Tháng 10, mùa đông. Hạn hán. Hoàng trùng.

Tháng 12, Trần Tự Khánh mất. Dùng anh Hoàng hậu là Trần Thừa làm Phụ quốc Thái úy.

Lời chua - Phụ quốc Thái uý: Theo sách Lĩnh ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi, viên quan đứng đầu hàng các quan của An Nam gọi là Phụ quốc thái uý, cũng như Tể tướng vậy.

Giáp Thân, năm thứ 14 (1224). Tháng 10 trở về sau, là triều Lý Chiêu Hoàng, niên hiệu Thiên Chương hữu đạo thứ 1. (Tống, năm Gia Định thứ 17). Dùng em họ của Hoàng hậu là Trần Thủ Độ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Chứng bệnh nhà vua ngày càng nặng, thuốc chữa mãi cũng không công hiệu. Thủ độ quản lĩnh điện tiền chư quân hộ vệ cấm đình, xét xử tất cả mọi việc. Bấy giờ hoàng hậu Trần Thị sinh được hai công chúa. Công chúa thứ hai là Phật Kim, nhà vua yêu lắm, định lập làm con kế tự, bèn ban cho nàng 24 lộ trong nước để làm ấp thang mộc[4].

---

[1] Tục gọi làng Gióng.

[2] Nay là thôn Phù Đổng thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[3] Nay là thôn Phù Dực, thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[4] Chữ "thang mộc" nghĩa đen làm gội tắm, nghĩa bóng là trai giới cho được thanh khiết. Cổ giả, thiên tử đem một khu đất ở gần kinh kỳ phong cho vua chư hầu, gọi là "thang mộc ấp". Mỗi khi vua chư hầu vào chầu thiên tử thì dùng khu đất ấy làm khu nghỉ ngơi và lấy hoa lợi đất ấy để dùng vào việc trai giới thanh khiết. Từ đời Hán về sau, thiên tử lấy cả đất xa ngoài kinh kỳ phong

Tháng 10, mùa đông. Lập con gái là Phật Kim làm Thái tử.

Nhà vua không khỏi bệnh, lại chưa có con trai thừa tự, trong cung duy có hai nàng công chúa: Con lớn là Thuận Thiên, con bé là Chiêu Thánh, đều do Trần Thị sinh ra. Hiện nay, Thuận Thiên đã lấy Trần Liễu, nên nhà vua lập Chiêu Thánh làm Thái tử.

Lời chua - Trần Liễu: Con cả của Trần Thừa.

Truyền ngôi cho con gái là Phật Kim, nhà vua ra ở chùa Chân Giáo.

Phật Kim bấy giờ mới 7 tuổi, lên nối ngôi, đổi niên hiệu. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Chiêu Hoàng.

Nhà vua ở ngôi 14 năm, rồi truyền cho Chiêu Hoàng, về sau, bị Trần Thủ Độ giết, thọ 33 tuổi.

Lời chua - Chùa Chân Giáo: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 15 (Chb. II, 24).

Ất Dậu (1225). (Lý Chiêu Hoàng, năm Thiên chương hữu đạo thứ 2 - Từ tháng 12 trở về sau là triều Trần Thái Tông hoàng đế, năm Kiến Trung thứ 1 - Tống, Lý Tông, năm Bảo Khánh thứ 1 - năm này nhà Lý mất).

Tháng 10, mùa đông. Dùng Trần Cảnh làm Nội thị chính thủ[1].

Chiêu Hoàng mới lên ngôi, Thái hậu Trần Thị cùng với em họ là Trần Thủ Độ ngày đêm bàn bạc mưu tính, xuống chiếu tuyển lựa con em các quan trong ngoài, sung làm nội sắc dịch[2] thay phiên lên hầu. Thủ Độ thì tự nắm giữ các việc quân sự trong triều và ngoài lộ; dùng cháu họ là Trần Bất Cập làm Cận thị thự lục cục[3] Chi hậu; Trần Thiêm làm Chi hậu cục[4]; Trần Cảnh làm Chính thủ[5].

Lời chua - Trần Cảnh: Con thứ Trần Thừa và là cháu họ Thủ Độ.

Chính thủ: Tên chức quan. Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 16, đổi Hỏa đầu làm Chính thủ.

Tháng 12. Nội thị chính thủ Trần Cảnh tự xưng Hoàng đế (tức là Trần Thái Tông).

Trần Cảnh lên 8 tuổi, đến phiên vào hầu, Chiêu Hoàng thấy Cảnh, đem lòng ưa thích, đêm đến, thường vời vào hầu, nô nghịch cười đùa. Trần Cảnh đem việc đó mách bảo Thủ Độ. Thủ Độ nói: "Nếu quả vậy, thì họ ta sẽ là họ nhà vua hay là cả họ sẽ bị giết sạch?". Một hôm, Chiêu Hoàng lại lấy cái khăn trầu[6] ném cho Trần Cảnh. Trần Cảnh lạy, nhận lấy, rồi mách với Thủ Độ. Thủ Độ liền đem gia thuộc và họ hàng vào trong cung cấm, sai đóng các cửa thành lại. Trăm quan tiến triều không vào được. Thủ Độ nhân thế, loan báo cho mọi người: "Bệ hạ đã có chồng rồi!". Các quan đều vâng lời và xin chọn ngày vào hầu để làm lễ yết kiến. Ngày 21 tháng 12, bầy tôi tiến triều, lạy mừng. Nhà vua xuống chiếu, truyền ngôi cho Trần Cảnh.

Tờ chiếu ấy đại lược thế này:

"Họ Lý ta vâng mệnh cao sáng từ trời, có cả bốn biển. Liệt thánh[7] kế tiếp làm vua hơn hai trăm năm, chẳng may gặp vận gian truân, giặc cướp nổi lên như ong, nhân dân không được yên ổn. Thượng

---

cho công thần, hoàng hậu và công chúa. Ai được phong thang mộc ấp ở nơi nào, thì có quyền sử dụng số thu nhập của ấp ấy chi phí vào mọi việc để bồi dưỡng lòng liêm khiết của mình.

[1] Tức Nội thị chánh thủ. Do chức Hỏa đầu ở đời Thuận Thiên đổi sang. Ở đây là một chức quan ở Nội thị sảnh phụ trách một đội có nhiệm vụ hầu hạ nhà vua.

[2] Người hầu cận trong nội để làm những việc vặt như lấy nước rửa mặt, cầm khăn trầu, v.v...

[3] Đều là các chức quan trong Nội thị sảnh, có nhiệm vụ hầu hạ nhà vua.

[4] Đều là các chức quan trong Nội thị sảnh, có nhiệm vụ hầu hạ nhà vua.

[5] Đều là các chức quan trong Nội thị sảnh, có nhiệm vụ hầu hạ nhà vua.

[6] Ngày trước, ta thường dùng một mảnh vải vuông làm khăn đựng các đồ ăn trầu, cau, vỏ, ống vôi gọi là "khăn trầu".

[7] Các vua Lý.

hoàng mắc bệnh, không người nối dõi, trẫm phải vâng theo thánh chỉ, gượng gạo nối ngôi. Trẫm xét thấy ngôi báu rất là trọng đại mà trẫm là vua đàn bà, phải gánh vác lịch số do trời giao cho, riêng những nơm nớp lo sợ, như sắp sa xuống vực sâu. Nghĩ sao tìm được hiền nhân quân tử, để giúp đỡ về chính trị. Duy có Trần Cảnh là người văn chất đủ vẻ, uy nghi đường hoàng, thực có phong độ bậc quân tử, có thể nhường cho ngôi báu để chống đỡ trong buổi gian nguy. Vậy rất mong Trần Cảnh đồng lòng hợp sức, dẹp yên loạn lạc, cứu vớt sinh dân, để cùng hưởng phúc thái bình".

Trần Cảnh lên ngôi ở điện Thiên An, đổi niên hiệu; đại xá. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu là Khải thiên lập cực chí nhân chương hiếu hoàng đế. Dùng Thủ Độ làm Quốc thượng phụ, xếp đặt mọi việc cai trị trong nước. Thủ Độ nói: "Bây giờ giặc cướp đang đồng thời nổi dậy, tai họa và biến loạn ngày càng thêm nhiều: Đoàn Thượng còn giữ mặt Đông, Nguyễn Nộn đang chiếm mặt Bắc; giặc Quảng Oai và giặc Đại Hoàng cũng chưa dẹp yên. Bệ hạ tuổi còn trẻ, chính sự chưa quan. Vả, đương buổi vận nước mới mở mang, lòng dân chưa thống nhất, tai vạ không phải nhỏ đâu. Tôi dẫu là chú, nhưng không biết chữ, mà lại còn phải đánh đông dẹp bắc để trị giặc cướp. Chi bằng mời Thánh phụ[1] quyền tạm coi giữ quốc chính, đợi một vài năm nữa nước nhà thống nhất, sẽ lại giao trả quyền chính cho vua, cùng hưởng phúc thăng bình". Bầy tôi đều khen là phải. Bấy giờ Trần Thừa mới xưng là Thượng hoàng, tạm cầm chính quyền.

Lời phê - Thực là việc lạ, suốt nghìn xưa chưa hề có. Các triều đại Bắc phương chưa từng có chuyện được nước như vậy bao giờ. Kìa như họ Sài nối nhà Chu[2] đã là chuyện lạ, nhưng cũng chưa lạ đến như thế. Xem ra cũng chẳng qua như bọn Vương Mãng[3] và Dương Kiên[4] đó thôi. Dầu chẳng mượn danh nghĩa là "bệ hạ có chồng", thiên hạ thế nào chắc cũng về tay họ Trần. Họ Trần lấy được nước, đều là nhờ công sức Thủ Độ, cũng như vua Thuận Trị nhà Thanh với Đa Nhĩ Cổn[5], chứ Trần Thái Tông có gì đáng khen đâu? Cho nên nhà Trần không có miếu hiệu là Thái tổ. Cái cớ làm cho nhà Trần được hưởng nước lâu dài là nhờ công đức Thánh Tông và Nhân Tông đấy chăng.

Đây trở lên, nhà Lý từ Thái Tổ năm Canh Tuất (1010) đến Huệ Tông năm Giáp Thân (1224) gồm tám đời vua, cộng với Chiêu Hoàng một năm, tất cả là 216 năm[6].

[1] Cha của vua. Đây chỉ Trần Thừa.

[2] Người Long Cương, Sài Vinh là con người anh của Sài Thị, vợ Chu Thái Tổ, đời Ngũ đại (923-959); được làm con nuôi nhà vua, sau Sài Vinh lên nối ngôi Chu Thái Tổ, Vinh làu thông kinh sử, có tài chính trị; khi cầm quyền rồi, lấy được Trần Lũng, dẹp yên Hoài Hữu, oai danh lừng lẫy khắp nơi. Vinh lại sửa lễ nhạc, đặt chế độ, có nhiều chính sách khả quan. Khi mất, miếu hiệu là Chu Thế Tông.

[3] Vương Mãng là cháu Hiếu Nguyên hoàng hậu nhà Hán, sau giết Hán Bình đế, đưa Nhụ Tử Anh lên ngôi được hai năm, rồi cướp ngôi nhà Hán.

[4] Dương Kiên thời Nam Bắc triều. Con gái Dương Kiên là hoàng hậu của Tuyên Đế nhà Haậu Chu (951-959). Sau khi Tuyên đế mất, Dương Kiên bỏ con Tuyên đế là Tĩnh đế, tự lập làm vua, tức là Tùy Văn đế.

[5] Đa Nhĩ Cổn là chú ruột Thanh Thế tổ (Thuận Trị, 1644-1661), phá Lý Tự Thành, dẹp yên kinh đô, đón Thế tổ vào trong quan ải. Khi Thế tổ còn nhỏ, Đa Nhĩ Cổn phải tạm cầm chính quyền, xưng là nhiếp chính vương.

[6] Nguyên văn sử Cương mục in là "tam bách thập lục niên" (316 năm). Thế là in lầm chữ "nhị" làm chữ "tam".

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ VI

Từ Bính Tuất (1226), Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2, đến Mậu Ngọ (1258), Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 8, gồm 33 năm.

❈

Bính Tuất (1226), Trần Thái Tông hoàng đế năm Kiến Trung thứ 2 (Tống, năm Bảo Khánh thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Sách phong Lý Chiêu Hoàng làm Chiêu thánh hoàng hậu.

Phong Trần Thủ Độ làm Thái sư, giữ tất cả việc hành quân đánh dẹp trong nước.

Thủ Độ là chú họ nhà vua. Nhà Trần lấy được thiên hạ đều do mưu mô của Thủ Độ; khi nhà vua mới được Chiêu Hoàng truyền ngôi cho, đã phong Thủ Độ làm Quốc thượng phụ, giữ việc cai trị thiên hạ, đến đây, lại hạ lệnh phong làm thái sư.

Giáng truất Thượng hoàng nhà Lý[1] làm Huệ Quang Đại sư.

Thượng hoàng nhà Lý đã truyền ngôi cho Chiêu Hoàng, ra ở chùa Chân Giáo, do đấy Thủ Độ và vợ vua Huệ Tông mới tự tiện chuyên quyền, để ngầm chuyển dời ngôi vua nhà Lý. Đến đây, truất bỏ danh hiệu Thượng hoàng đi, cho làm thầy chùa.

Lời cẩn án - Lý Huệ Tông đã truyền ngôi cho con gái, liền ra ở chùa Chân Giáo. Về việc này, Sử cũ chép rằng truất ngôi, cho ra ở chùa Chân Giáo, sau lại chép dời đến ở chùa Chân Giáo, như thế có phần sai lầm, nay cải chính lại.

Tháng 2. Định ra luật lệnh.

Sai Trần Thủ Độ đi đánh Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng, nhưng không thắng được.

Bấy giờ nhân triều Lý suy yếu, trộm giặc quần tụ, những người Mán trong núi thuộc Quảng Oai liên kết với nhau quấy nhiễu. Thủ Độ điều khiển quân đi dẹp yên được; duy còn Nguyễn Nộn giữ ở Bắc Giang, Đoàn Thượng giữ ở Hồng Châu, thế lực còn mạnh, đánh mãi chưa được. Thủ Độ mới xin phong cho Nguyễn Nộn làm Hoài Đạo vương và chia cho đất ở Bắc Giang; Thủ Độ cũng hẹn phong tước cho Đoàn Thượng, định ngày hội họp, làm lễ minh thệ, nhưng Đoàn Thượng không đến họp.

Lời chua - Quảng Oai: Xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chb. V, 38).

Bắc Giang: Tức Kinh Bắc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18).

Hồng Châu: Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Tháng 5, mùa hạ. Phong cho em là Nhật Hiệu tước Quận vương.

Nhật Hiệu bấy giờ mới 2 tuổi, vì là em cùng mẹ với nhà vua, nên được phong tước Quận vương.

Xét công trạng những người giúp sức trong khi nhà vua lên ngôi; gia phong phẩm trật cho các quan văn võ tùy tùng, có từng đẳng hạng khác nhau.

Tháng 8, mùa thu. Trần Thủ Độ giết Thượng hoàng nhà Lý ở chùa Chân Giáo.

---

[1] Tức vua Huệ Tông nhà Lý.

Thượng hoàng nhà Lý ở chùa Chân Giáo, thường ngồi xổm nhổ cỏ ở trước cửa chùa. Thủ Độ đi qua trông thấy, nói: "Nhổ cỏ phải nhổ hết rễ sâu". Thượng hoàng đứng dậy, xoa tay, nói: "Lời của anh nói, ta đây biết rồi". Sau Thượng hoàng ra chơi chợ cửa Đông, nhân dân ganh nhau chạy ra xem, có người động lòng thương khóc. Thủ Độ sợ lòng người tưởng nhớ đến vua cũ, sẽ sinh ra sự biến loạn chăng, nên lại càng canh giữ dò xét nghiêm mật hơn trước. Đến nay, Thủ Độ sai người đem hương hoa đến dâng và nói rằng: " Quan Thượng phụ[1] có lời trần thỉnh". Lý Thượng hoàng giận lắm, nói rằng: "Ta tụng kinh xong sẽ tự tử". Rồi vào buồng ngủ, khấn rằng: "Thiên hạ nhà ta đã bị mày cướp mất, nay lại còn hãm hại ta, mai sau con cháu nhà mày cũng phải chịu như thế". Nói rồi liền thắt cổ ở vườn sau chùa. Thủ Độ bắt các quan đến khóc viếng, đào tường phía nam thành để làm cửa, di chuyển cữu ra phường An Hoa[2], dùng phép hỏa hóa, còn hài cốt thì đem chôn cất ở tháp chùa Bảo Quang.

Truất ngôi Thái hậu nhà Lý là Trần Thị[3] xuống làm Thiên Cực công chúa, rồi đem gả cho Trần Thủ Độ.

Thái hậu là con gái Trần Lý, khi Lý Huệ Tông làm Thái tử, vì tránh quốc nạn, phải chạy ra miền Hải Ấp, Thái tử trông thấy Trần Thị, tỏ ý hài lòng, rồi lấy làm vợ, sau sách phong làm Hoàng hậu. Gặp lúc ấy trong nước loạn lạc, Hoàng hậu mới cùng với Thủ Độ tư thông, rồi bàn mưu ở trong cung làm tờ chiếu để vua nhà Lý truyền ngôi cho nhà Trần, vì thế mà nhà Lý mất ngôi vua.

> **Lời phê -** Thủ Độ là công thần nhà Trần, tức là tội nhân nhà Lý. Huống chi làm những nết xấu như chó lợn, dạ độc như hùm beo, dựng nước mà như thế thì làm thế nào mà lâu dài được? Nhưng chẳng qua cũng bởi nhà Lý tự rước lấy tai vạ, lại còn trách gì nữa!

Đem bọn cung nhân và con gái tôn thất nhà Lý gả cho các tù trưởng người Mán.

Tháng 10, mùa đông. Suy tôn bố đẻ là Thừa làm Thượng hoàng; mẹ là Lê thị làm Quốc Thánh hoàng thái hậu.

Tổ phụ Trần Thừa tên là Kinh, người làng Tức Mặc, sinh con là Hấp, Hấp sinh con là Lý, Lý sinh ra Thừa, đời nào cũng chuyên nghề đánh cá; Thừa lấy vợ là Lê Thị sinh ra nhà vua. Vì Thừa là anh vợ Lý Huệ Tông, nên Huệ Tông cho làm chức Nội thị phán thủ, rồi gia phong làm Phụ quốc thái uý. Khi nhà vua được Chiêu Hoàng truyền ngôi cho, thì Trần Thừa xưng là Thượng hoàng, thay nhà vua giữ chính quyền trong nước.

Đến nay, suy tôn làm Thượng hoàng, ở cung Phụ Thiên, nếu trong nước có việc gì to lớn thì Thượng hoàng ở trong cung nghe lời tâu bày để quyết đoán.

> **Lời chua -** Tức Mặc: Tên làng, bây giờ đổi làm xã, thuộc huyện Mỹ Lộc, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.
>
> Cung Phụ Thiên: Ở phường Hạc Kiều, thành Thăng Long.

Định thể lệ tiền tệ.

Dân gian nộp tiền thượng cung, thì cứ mỗi một tiền là 70 đồng, còn như tiền ở dân gian tiêu dùng, thì mỗi một tiền chỉ có 69 đồng, gọi là tiền "tỉnh mạch" (mỗi tiền bớt đi một đồng).

> **Lời chua -** Thượng cung: Dân cung nộp lên trên.

Tuyển con gái dân gian sung vào hậu cung.

Dùng Phùng Tá Chi Tri phủ Nghệ An.

---

[1] Chỉ Trần Thủ Độ.

[2] Nay là Yên Phụ, thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội (Xem theêm Chb. VIII, 39).

[3] Vợ Lý Huệ Tông, mẹ Chiêu Hoàng và là chị họ Trần Thủ Độ.

Tá Chu trước làm quan triều Lý, vào bè đảng với họ Trần, thường được vua nhà Trần tin dùng. Đến đây, cho làm Tri phủ Nghệ An, được quyền tự ban tước cho người khác: những phẩm trật từ tá chức Xá nhân[1] trở xuống, được phép trước ban cho rồi sau sẽ tâu lên cho vua biết.

Đinh Hợi, năm thứ 3 (1227). (Tống, năm Bảo Khánh thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Họp các quan làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng Cổ.

Ngày hôm ấy, nhà vua ngự ở điện Đại Minh, viên Tể tướng và trăm quan tiến triều xong rồi, đều phải sửa soạn đủ đội ngũ, nghi trượng, người cưỡi ngựa đi hộ vệ, kéo ra cửa phía Tây kinh thành, đến đền thờ thần Đồng Cổ, để uống máu ăn thề; viên Trung thư kiểm chính tuyên đọc thệ thư rằng: "Người làm tôi phải hết lòng trung với vua, người làm quan phải giữ phẩm hạnh trong trắng, nếu ai trái lời thề này, xin thần linh làm hại người ấy". Tuyên đọc xong, viên Tể tướng đóng cửa đền lại, kiểm điểm trăm quan, người nào vắng mặt phạt 5 quan tiền. Việc này theo thể lệ cũ của triều Lý. Từ năm nay trở đi, năm nào cũng cử hành lễ này. Ngày hôm ấy, con trai con gái kéo nhau ra xem kín cả hai bên đường, họ nhận đấy là việc tốt.

Lời phê - Nhà Lý, nhà Trần lấy được nước, đều không theo chính nghĩa, nên sợ lòng người không ủng hộ, mới phải dùng đến thề nguyền. Không khác gì Mạnh Tử nói: "Không đo từ dưới gốc, mà chỉ đo trên ngọn để lấy cho bằng". Việc làm như thế, cũng đã là thấp kém!

Lời chua - Đền Đồng Cổ: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 19 (Chb. II, 30).

Mậu Tí, năm thứ 4 (1228). (Tống, năm Thiệu Định thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Nhật Hiệu làm Khâm Thiên đại vương.

Tháng 2. Thi lại viên.

Thể lệ thi bằng cách thảo thiện giấy tờ về việc quan, gọi là bạ đầu; ai trúng tuyển, được sung bổ làm thuộc viên ở sảnh, ở viện.

Lời chua - Sảnh, viện: Quan chế nhà Trần có Trung thư sảnh, Môn hạ sảnh, Hàn lâm viện, Thẩm hình viện và Thái y viện, Thái chúc viện.

Tháng 8, mùa thu. Phong cho anh là Liễu làm Thái uý.

Liễu, đối với nhà vua, là hàng anh cả. Triều nhà Lý trước, Liễu lấy công chúa, được phong là Phụng Kiền vương, nay phong là Thái uý.

Lời chua - Quan chế nhà Trần: Chức Thái uý đứng trên hàng thân vương họ tôn thất. Người giữ chức này kiêm cả Tể tướng giúp vua làm chính trị.

Xét trướng tịch ở Thanh Hóa.

Theo chế độ nhà Lý, hằng năm sai xã quan[2] khai báo số người, gọi là đơn số, căn cứ vào trướng tịch làm chuẩn định, khai đủ các hạng sau này: cấp bậc quan văn, quan võ, quan tùy tùng, quân nhân, tạp lưu, hoàng nam, lung lão, người tàn tật bất cụ, người biên tên trong sổ phụ, người phiêu tán, v.v... Ai có quan tước mà con cháu tập ấm mới được ra làm quan; còn nếu người nào nhà giàu, khoẻ mạnh mà không có quan tước, thì cũng chỉ đời đời làm lính. Việc này, triều nhà Trần cũng thi hành theo như phép triều Lý trước.

Lời chua - Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16).

---

[1] Chức quan giúp việc như thư ký ngày nay, có nhiệm vụ thảo công văn giấy tờ theo mệnh lệnh cấp trên.

[2] Tức là Lý trưởng sau này.

Trướng tịch: Sổ trình bày việc kế toán. Sách Hán thư, về niên kỷ đời Vũ đế có chép rằng: "Nhận sổ kế toán của các quận quốc". Sách ấy lại chua thêm: "kế" cũng như sổ mục kế toán ở các châu bây giờ.

Xã quan: Xem năm Thiên Ứng chính bình thứ 11 (Chb. VI, 22).

Tháng 10, mùa đông. Nước Chiêm Thành sai người đến cống hiến.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Nguyễn Nộn đánh giết được Đoàn Thượng. Nhà vua đem Ngoạn Thiềm công chúa gả cho Nộn.

Đoàn Thượng chiếm cứ huyện Đường Hào thuộc Hồng Châu, đắp lũy ở xã Yên Nhân, biên tên những quân dân ở các làng ấp bên cạnh sung vào việc phòng thủ. Nộn đem quân đến đánh, Đoàn Thượng thua, bị chết; nhân đấy, Nộn thống lĩnh cả quân của Đoàn Thượng, rồi cướp bóc con trai, con gái và của cải ở Hồng Châu. Con Đoàn Thượng tên là Văn, cũng đem gia thuộc ra hàng Nguyễn Nộn. Bấy giờ uy thanh Nguyễn Nộn lừng lẫy, Thủ Độ lấy làm lo lắm, chia quân phòng giữ các nơi, và xin nhà vua sai người đem thư đến mừng, gia phong tước là Hoài Đạo hiếu vũ vương, lại đưa Ngoạn Thiềm công chúa gả cho Nộn để ngầm thám thính sự động tĩnh của Nộn, nhưng Nộn cũng để công chúa ở riêng phòng tại doanh trại, phàm các việc của Nộn không cho công chúa được biết gì cả.

Lời chua - Đường Hào: Tên huyện[1].

Yên (An) Nhân: Tên xã, thuộc tỉnh Hải Dương bây giờ[2].

Kỷ Sửu, năm thứ 5 (1229). (Tống, năm Thiệu Định thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Nguyễn Nộn chết.

Nộn đã thống lĩnh cả quân của Đoàn Thượng, tự xưng là Đại Thắng vương, ăn chơi quá độ, tự biết mình không thể đối lập với nhà Trần được, nên dự định tháng 10 sẽ đến chầu, nhưng liền bị bệnh, nhà vua sai viên chức trong nội điện đến yên uỷ thăm hỏi, Nộn cố gắng ăn cơm và nhảy lên mình ngựa, để tỏ ra mình vẫn còn khỏe, nhưng chưa được bao lâu thì chết. Tự bấy giờ trong nước mới ổn định được cuộc thống nhất.

Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua đã được nhà Lý truyền ngôi cho, nên mới sai sứ sang báo cáo với nhà Tống và xin phong tước.

Canh Dần, năm thứ 6 (1230). (Tống, năm Thiệu Định thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Định thể lệ làm ra sách Thông chế và các sách chép về việc hình, việc lễ.

Khảo cứu các lệ luật đời trước, định thể lệ làm ra sách Thông chế, và sửa đổi quy định các sách hình luật, lễ nghi, tất cả 20 quyển.

Định thể lệ làm việc cho những người phải tội đồ.

Những người can tội thường phạm: ai phải đày đi làm người "hoành" ở Tảo xã, thì thích sáu chữ vào mặt, mỗi người phải cày cấy 3 mẫu ruộng công, mỗi năm nộp 300 thăng lúa. Ai phải đày làm lính

[1] Đường Hào bây giờ là huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên.

[2] Nay là thị trấn Bần Yên Nhân thuộc Mỹ Văn, Hưng Yên, vùng này làm tương khéo nên có tiếng là "tương bần". Vùng này có đến 70 làng đều có đền thờ Đoàn Thượng, gọi là Đông Hải đại vương.

Lao thành, thì thích bốn chữ vào trán, làm việc phát bỏ cỏ rậm; hạng người này phụ thuộc vào bốn đội tương quân.

Lời chua - Tảo xã: Xã Nhật Tảo, huyện Từ Liêm bây giờ.

Hoành: Danh từ gọi người nô lệ.

Tương quân: Những người dùng để canh giữ cửa thành, hạng quân này không ví được như quân Cấm vệ.

Lao thành: Tức La Thành.

Đắp thành Thăng Long cho được kiên cố thêm.

Nhân nền thành cũ của nhà Lý mà đắp thêm cho được kiên cố. Trong thành dựng cung điện lâu các, phía đông, phía tây làm hành lang, giải vũ; bên tả là cung Thánh Từ, bên hữu là cung Quan Triều. Ngoài thành, bốn cửa có bốn đội Tương quân thay phiên nhau canh giữ; bên tả và bên hữu thành chia làm sáu mươi mốt phường, có đặt ti Bình Bạc.

Lời chua - Thành Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 9-10).

Thánh Từ, Quan Triều: Tên hai cung. Cung Thánh Từ, chỗ Thượng hoàng ở; cung Quan Triều, chỗ Hoàng đế ở.

Ti Bình Bạc: Tức chức quan đứng đầu địa phương trong kinh thành; vì giữ việc xét đoán hình ngục, kiện tụng, nên gọi là Bình Bạc. Mục Chức quan chí trong Tấn thư chép rằng: Quan Đình úy giữ việc hình ngục, kiện tụng, viên chức phụ thuộc có chức Chánh Giám bình.

Đặt chức An phủ sứ[1] ở các lộ.

Mỗi lộ đặt hai viên, Chánh và Phó, phàm việc hộ khẩu, tiền thóc, ngục tụng đều giữ hết quyền bính ở trong tay. Chức này là chức chịu mệnh lệnh vua phó thác cho trấn trị nơi biên khổn.

Tháng 9, mùa thu. Quốc Thánh Hoàng Thái hậu là Lê Thị mất, truy tôn là Thuận Từ Hoàng Thái hậu.

Tân Mão, năm thứ 7 (1231). (Tống, năm Thiệu Định thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào các con sông ở Thanh Hóa và Diễn Châu.

Lúc ấy, các đường sông bị úng tắc, nên nhà vua sai hoạn quan là Nguyễn Bang Cốc đem quân bản phủ đào sông Trầm, sông Hào, từ phủ Thanh Hóa đến địa giới phía nam Diễn Châu. Khi công việc đã làm xong, Bang Cốc được thăng tước Phụ quốc Thượng hầu.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Trầm và Hào: Tên hai con sông thuộc huyện Ngọc Sơn, Thanh Hóa.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua về thăm làng Tức Mặc, ban yến và thưởng cho những người phụ lão, tùy theo đẳng cấp khác nhau.

Hạ lệnh cho các nơi dịch đình đều đắp tượng phật để thờ.

Tục nước ta khi trước, nhiều chỗ làm đình để cho người đi đường ngồi nghỉ, trát bằng vôi trắng, gọi là "dịch đình". Thượng hoàng lúc còn hàn vi, thường ngồi nghỉ ở dịch đình; một hôm, gặp một nhà sư bảo rằng: "Người thiếu niên này, mai sau có thể quý hiển to". Nói đoạn, nhà sư ấy biến mất, không thấy đâu nữa. Vì thế nên nay nhà vua hạ chiếu: phàm ở đâu có dịch đình đều đắp tượng phật để thờ.

---

[1] Chức quan đứng đầu một lộ ở thời Trần, có toàn quyền quyết định mọi việc về quân dân ở lộ ấy.

Nhâm Thìn, năm Thiên Ứng chính bình thứ 1 (1232). (Tống, năm Thiệu Định thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Mới sắp xếp nghi lễ trong triều.

Phong cho em là Bà Liệt tước Hoài Đức vương.

Thượng hoàng lúc còn hàn vi, có lấy một người con gái ở thôn Bà Liệt, huyện Tây Chân, khi đã có thai thì bỏ, sau sinh con trai, Thượng hoàng không nhìn nhận gì đến. Người con trai ấy lúc lớn lên, mặt mũi khôi ngô, giỏi nghề võ, sung vào đội đánh vật. Một hôm, cùng với người trong đội đánh cầu, rồi lại cùng nhau đánh vật, người kia vật người con trai ấy ngã, chẹn lấy cổ, gần tắt thở. Thượng hoàng tự nhiên quát to lên rằng: "Nó là con ta đấy!". Anh kia sợ, buông ra, nhân thế gọi tên là Bà Liệt. Nay có lệnh phong tước cho.

Lời chua - Tây Chân: Từ đời Trần trở về trước là tên huyện; đến nhà Lê đổi là Nam Chân[1]; nay vẫn giữ tên ấy, thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Bà Liệt: Tên thôn.

Tháng 2. Thi khoa Thái học sinh.

Trước kia, nhà Lý kén chọn học trò, chưa phân ra cấp bậc. Nay mới định người đỗ cao đỗ thấp theo cấp bậc tam giáp. Khoa ấy lấy Trương Hanh, Lưu Diễm đỗ đệ nhất giáp; Đặng Diễn, Trịnh Phẫu đỗ đệ nhị giáp; Trần Chu Phổ đỗ đệ tam giáp. Nhưng phép tuyển cử cũng chưa được tường tận.

Lời chua - Thái học sinh: Tức khoa Tiến sữ, nhưng lúc bấy giờ ai đỗ chỉ gọi là Thái học sinh, đến khoa Giáp Dần, Trần Duệ Tông năm Long Khánh thứ 2 (1374) mới gọi là Tiến sĩ.

Trương Hanh: Người ở Trường Tân thuộc Hồng Châu.

Chu Phổ: Người ở Tế Giang thuộc Bắc Giang. Còn các người khác không rõ ở đâu.

Tháng 4, mùa hạ. Ban chữ huý về tiên tổ nhà vua thờ ở các miếu cho trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết.

Ông tổ nhà vua tên huý là Lý, vì thế đổi họ Lý làm họ Nguyễn, lại có ý dập tắt hằng lòng dân còn tưởng nhớ đến họ Lý.

Tháng 8, mùa thu. Gió bão to. Dân gian phát sinh bệnh dịch.

Mùa đông. Giết hết tôn thất nhà Lý.

Thủ Độ đã giết vua Huệ Tông, bọn tôn thất nhà Lý nhiều người ấm ức thất vọng. Nay nhân lúc họ làm lễ tế tiên tổ ở thôn Thái Đường xã Hoa Lâm, Thủ Độ cho người ngầm đào cái hố sâu, dựng nhà lên trên, rồi giật máy cho nhà đổ, chôn sống hết tôn thất nhà Lý.

Lời phê - Thảm quá! Nhưng giết hết thế nào được? Nơi đồng ruộng cũng có anh hùng, cứ gì họ Lý?

Lời chua - Hoa Lâm: Tên xã.

Thái Đường: Tên thôn, thuộc huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh; chỗ này là hành cung nhà Lý trước.

Quý Tị, năm thứ 2 (1233). (Tống, năm Thiệu Định thứ 6).

Sai Phùng Tá Chu xét định các hạng danh sắc ở Nghệ An.

Lời chua - Danh sắc: Các hạng người sắc mục.

Có thủy tai lớn.

---

[1] Nam Chân sau đổi là huyện Nam Trực. Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

Giáp Ngọ, năm thứ 3 (1234). (Tống, năm Đoan Bình thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Thượng hoàng mất.

Tháng 8, mùa thu. An táng ở Thọ Lăng.

Tôn thuỵ hiệu là Khai Vận lập cực hoằng nhân ứng đạo thuần chân chí đức thần vũ thánh văn thùy dụ chí hiếu Hoàng đế, miếu hiệu là Huy Tông, hưởng thọ 51 tuổi.

Lời chua - Thọ Lăng: Ở làng Tinh Cương, phủ Long Hưng.

Sách phong Thái uý là Liễu làm Hiển hoàng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Trần Thái Tông đối với anh là Liễu, có ý muốn tôn kính hơn người, nên làm sự quá đáng như vậy, sách phong làm Hiển hoàng, danh nghĩa không được chính đáng; sau này Trần Liễu manh tâm làm loạn, chả phải là do việc này gây ra đấy dư?

Phong cho Phùng Tá Chu tước Hưng Nhân vương và bổ dụng Phạm Kính Ân làm Thái phó, phong tước là Bảo Trung hầu.

Triều nhà Lý, Tá Chu làm Thái phó, Kính Ân tước Quan nội hầu. Khi nhà vua được Chiêu hoàng truyền ngôi cho, hai người này có công suy tôn giúp đỡ, nên nay mới được phong tước. Sau này lại gia phong Tá Chu làm Đại vương, Kính Ân làm Thái uý và ban cho mũ áo Đại vương.

Ất Mùi, năm thứ 4 (1235). (Tống, năm Đoan Bình thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sét đánh 30 chỗ ở trong kinh thành. Nhà vua hạ chiếu đại xá.

Bính Thân, năm thứ 5 (1236). (Tống, năm Đoan Bình thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Định quan hàm các bậc đại thần.

Phàm những người tôn thất vào làm quan trong chính phủ, hoặc là Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Thái uý hoặc là Tư đồ, tả hữu Tướng quốc, đều được kiêm lĩnh hàm Kiểm hiệu Đặc tiến nghi đồng Tam ti Bình chương sự.

Lời cẩn án - Sách Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Quan chế nhà Trần, đại yếu lấy tam công[1], tam thiếu[2] Thái uý, Tư mã Tư đồ và Tư không làm văn võ Đại thần; còn như Tể tướng thì gia phong tả hữu Tướng quốc Bình chương sự; Thứ tướng thì gia phong Tham tri chính sự nhập nội hành khiển, hoặc gia phong Tả phụ hữu bật tham dự triều chính.

Về hàng quan văn ở kinh thì có: các viên chức sáu bộ, như: Thượng thư, Thị lang, Lang trung, Viên ngoại lang, Trung thư thị lang, Trung thư lệnh Thượng thư, Tả hữu bộc xạ hành khiển, Tả hữu ti lang trung, Tả hữu chính ngôn tham nghị, Ngự sử đài Thị ngự sử, Giám sát ngự sử, Chủ thư thị ngự sử, Ngự sử trung tán, Ngự sử trung tướng, Ngự sử đại phu, Thị kinh diên đại học sĩ, Thiên chương học sĩ, Nhập thị học sĩ, Trung thị đại phu, Trung lượng đại phu, Trừ cung giáo thụ, Thái sử lệnh, Đại tông chính, Đình uý, Tự khanh, Thiếu khanh, Kinh sư Đại doãn.

Về quan chức ở ngoài thì có: An phủ sứ, Tri phủ, Thông phán, Thiêm phán, Tào vận, Lệnh uý, Chủ bạ, Tư xã và Chánh phó sứ Hà đê, Chánh phó sứ đồn điền ở các lộ.

Hàng quan võ ở trong kinh thì có: Phiêu kỵ Thượng tướng quân, Cấm vệ Thượng tướng quân, Kim ngô vệ Đại tướng quân, Vũ vệ Đại tướng quân, Phó Đô tướng quân, Điện suý, Đô áp nha Quản quân tiết độ sứ, Đô thống chế.

Chức quan võ ở ngoài các lộ thì có: Kinh lược sứ, Phòng ngự sứ, Thủ ngự sứ, Quan sát sứ và quan ở Phủ đô hộ, phủ Đô Thống, phủ Tổng Quản.

---

[1] Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

[2] Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo.

Nay xét: tên các quan chức triều Trần, so với triều Lý đều có phần nhã nhặn hơn, nhưng chức việc nào theo cũ, chức việc nào đổi mới, phần nhiều không thể hiểu rõ. Nói chung, quan chức triều Trần, phức tạp không phân minh, chưa thể gọi là quan chế hoàn bị của một triều đại được.

Tháng 6, mùa hạ. Nước to, chảy tràn vào cung Lệ Thiên. Hiểu hoàng Liễu bị giáng tước là Hoài vương.

Trần Liễu giữ công việc cung Thánh Từ, nhân nước to, đi thuyền vào chầu, khi thuyền qua cung Lệ Thiên, Liễu trông thấy cung phi triều Lý trước, ghé thuyền vào hãm hiếp. Triều thần hặc tấu, vì thế nên bị giáng truất.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển nho sinh đã thi đỗ vào hầu vua.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Phạm Ứng Thần làm Thượng thư, kiêm giữ chức Đề điệu viện Quốc tử, cho con em các quan văn vào viện học.

Sứ nhà Tống sang phong vương.

Lời cẩn án - Sách Cương mục tục biên [Trung Quốc] chép: Năm ấy vua Tống sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương, thế mà Sử cũ lại chép lầm việc này vào năm Kiến Trung thứ 5. Nay cải chính lại.

Đinh Dậu, năm thứ 6 (1237). (Tống, năm Gia Hy thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập vợ Hoài vương là Lý thị làm Hoàng hậu, phế Chiêu Thánh hoàng hậu làm công chúa.

Lúc ấy Chiêu Thánh chưa có con, mà Lý thị đã có mang được 3 tháng. Thủ Độ cùng Thiên Cực công chúa bày mưu riêng với nhà vua nên nhận liều lấy để có lợi về sau, vì thế mới đem Lý thị vào ở cung. Trần Liễu tức giận, tụ tập nhiều người ở sông Cái, nổi loạn. Nhà vua lấy làm áy náy không yên lòng, đêm lẻn sang núi Yên Tử, vào ở nhà thờ Phật của Phù Vân Quốc sư. Ngày hôm sau, Thủ Độ đem bầy tôi đến đón xa giá về kinh. Nhà vua nói: "Trẫm hãy còn thơ ấu, chưa đảm đang được việc trọng đại, vua cha[1] lại vội từ trần, thành ra trẫm sớm mất người nương tựa, không dám để nhơ nhuốc đến xã tắc[2]". Thủ Độ cố mời, nhưng vua vẫn chưa nhận lời. Thủ Độ ra bảo với mọi người rằng: "Xa giá vua ở đâu, tức là triều đình ở đấy". Nói rồi, liền cắm mốc chăng dây chia thành hàng ngũ ở trong núi, phỏng theo kích thước cung điện ở kinh thành, bắt thợ xây dựng. Quốc sư thấy thế, xin với nhà vua rằng: "Bệ hạ nên sớm quay loan giá về kinh thành, không nên để họ làm hại đến núi rừng của đệ tử này". Bấy giờ nhà vua mới trở về kinh thành. Trần Liễu ở ngoài biển được hai tuần[3], tự biết việc mình làm không thể thành công được, nhân khi nhà vua ra chơi thuyền ở ngoài sông, Liễu giả dạng làm người đánh cá, lẻn đi thuyền độc mộc đến thuyền nhà vua xin hàng, nhà vua cùng Liễu đối diện nhau mà khóc. Thủ Độ nghe tin, đến thẳng thuyền nhà vua, tuốt gươm quát lên rằng: "Giết thằng giặc là Liễu". Nhà vua thấy thế, vội vàng đẩy Trần Liễu ẩn vào trong thuyền rồi bảo Thủ Độ rằng: "Phụng Kiền vương[4] đến xin đầu hàng đấy". Miệng nói, nhưng lấy mình che đỡ cho Trần Liễu. Thủ Độ giận lắm, vất gươm xuống sông, nói rằng: "Tao thật là con chó săn, biết đâu anh em mày hòa thuận với nhau hay trái ý nhau". Nhà vua đứng ra hòa giải, dụ dỗ Trần Liễu phải bãi binh, rồi lấy đất An Phụ, An Dưỡng, An Sinh và An Bang ban cho Liễu để thu lấy tô thuế làm bổng lộc, lại nhân tên đất đã phong ấy cho Trần Liễu hiệu là An Sinh vương, còn những người theo Trần Liễu khởi loạn ở sông Cái đều bị giết.

Lời phê - Phong hóa nhà Trần không nghiêm chỉnh, lại tệ hơn phong hóa nhà Đường5 ở Trung Quốc. Nhưng bấy giờ Thái Tông hãy còn thơ ấu, mà Thủ Độ là người

---

[1] Bố đẻ của ông vua, chỉ vào Trần Thừa.

[2] Một danh từ để gọi thay cho quốc gia.

[3] Mười ngày là một tuần.

[4] Một tước phong của Trần Liễu (xem thêm Chính biên quyển VI tờ 6).

[5] Đường Thái Tông Thế Dân sau khi đã giết em ruột là Nguyên Cát, thì lấy luôn vợ Nguyên Cát là Dương Thị làm vợ mình, sau đẻ con tên là Minh cho thừa tự Nguyên Cát.

rất ngoan cố, phàm việc gì cũng do hắn chỉ sử, Thái Tông không theo cũng không được. Thế mà sử thần cứ chỉ trích riêng Thái Tông, như thế chưa phải là lời phê công bằng. Vả lại, lúc mới khai quốc, vua còn thơ ấu, lòng người còn nghi ngờ, Thủ Độ lại vốn là người không biết chữ, thế mà một mình kinh doanh, dựng lên được nghiệp lớn, thì thực là cương quyết, hiểm giảo, xưa nay ít có mấy người. Có lẽ vì lòng trời giúp ngầm nhà Trần mà được như thế chăng?

Lời bàn của Phan Phu Tiên - Tam cương1 ngũ thường2, đó là luân lý trọng đại của loài người. Thái Tông là vua sáng nghiệp, đáng nên lập ra phép tốt để cho đời sau theo, thế mà lại nghe mưu gian tà của Thủ Độ, cướp vợ anh làm vợ mình, như thế chả phải tự mình làm trái luân thường để mở đầu cái mối dâm loạn đấy ư? Trần Liễu khởi loạn, chính là do Thái Tông gây nên. Có người nói: "Thái Tông không giết anh, thế là người có nhân". Thử hỏi cướp lấy chị dâu mà không giết anh, như thế có thể bảo là nhân được không? Suốt đời nhà Trần, quen thói dâm loạn chung chạ lẫn nhau, không phải là không do Thái Tông đã làm đầu têu từ trước.

Lời chua - Núi Yên Tử: Ở huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương; trên núi có ngọn Tử Tiêu và am Ngoạ Vân, tương truyền vì trước kia ông Yên Kỳ tu luyện ở đâu, nên gọi là Yên Tử.

An Phụ, An Dưỡng, An Sinh: Ba xã này đều thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương.

An Bang: Tên trại xưa, bây giờ thuộc huyện An Hưng, tỉnh Quảng Yên.

Phù Vân Quốc sư: Bạn cũ của Thái Tông, họ tên không rõ.

Bầy tôi dâng tôn hiệu lên nhà vua.

Bầy tôi xin dâng tôn hiệu là: Thống thiên ngự cực long công hậu đức hiển hòa hựu thuận thánh văn thần vũ Hiếu nguyên hoàng đế. Lời xin ấy được vua chuẩn y.

Mậu Tuất, năm thứ 7 (1238). (Tống, năm Gia Hy thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Trần Thủ Độ lại xét định trướng tịch ở Thanh Hóa.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Năm Kiến Trung thứ 4 (1228) đã xét định trướng tịch Thanh Hóa, đến nay lại giao việc ấy cho Thủ Độ đứng làm, ngoài ra chỉ có một lần sai Tá Chu duyệt các danh sắc ở Nghệ An, còn sổ dân đinh các lộ khác đến năm [Thiên Ứng Chính bình] thứ 12 (1243) mới làm. Việc làm trướng tịch, duy có Thanh Hóa là làm trước và tường tận hơn, lại giao việc ấy cho viên quan thân tín trông coi. Như thế, có lẽ vì cuối triều Lý, việc sắp xếp trướng tịch ở Thanh, Nghệ hãy còn sơ lược, đến nay mới một phen sắp xếp lại, nên không thể không làm cẩn thận như thế chăng?

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Tháng 8. Định quy chế dùng thuyền và xe cho vương hầu tôn thất và các hàng quan văn quan võ.

Kỷ Hợi, năm thứ 8 (1239). (Tống, năm Gia Hy thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Dựng cung điện ở làng Tức Mặc.

Đường Thái Tông mất, con là Trị lên nối ngôi, tức Đường Cao Tông, lại lấy Tài Nhân của Thái Tông là Vũ Chiếu, rồi lập làm Hoàng hậu, tức là Vũ Tắc Thiên.

Dương Thái Chân là vợ Thọ vương, con trai Đường Huyền Tông, Huyền Tông đem vào trong cung rồi lập làm quý phi.

[1] Tam cương: Vua tôi, cha con, chồng vợ.

[2] Ngũ thường: Có nhiều thuyết, nhưng có hai thuyết phổ biến hơn. Một thuyết nói: nhân, nghĩ, lễ, trí, tín; một thuyết nói: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em và bè bạn.

Nhà vua nghĩ Tức Mặc là nơi làng cũ của mình, nên hạ lệnh cho Phùng Tá Chu làm quan Nhập nội thái phó, dựng hành cung ở đấy để thời thường đến chơi thăm.

Tháng 3. Tuyển lính.

Tuyển dân đinh người nào khoẻ mạnh làm lính, định làm ba hạng: thượng, trung và hạ.

Canh Tý, năm thứ 9 (1240). (Tống, năm Gia Hy thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Dựng hành cung[1] ở Thanh Hóa.

Việc này giao cho Phùng Tá Chu đứng làm. Xây dựng tất cả năm sở.

Tháng 7, mùa thu. Mưa to, gió lớn; nước tràn lên cao; đất động.

Tháng 9. Lập con là Hoảng lên làm Thái tử. Đại xá.

Lúc Lý thị[2] có thai, nhà vua đem vào cung nhận làm vợ, sinh con là Quốc Khang, phong cho tước vương. Đến nay, lại sinh con là Hoảng, mới lập làm Hoàng thái tử.

Tháng 10, mùa đông. Sai thị thần là Bùi Khâm chỉnh lý công việc biên thùy ở mặt bắc.

Viên thủ thần ở Lạng Giang chạy trạm về triều tâu rằng: bản bộ của viên ấy bị người Thổ Mán nhà Tống sang cướp bóc của cải ở dân gian. Vì thế, nhà vua sai Bùi Khâm đi trù liệu sắp xếp việc này.

Lời chua - Lạng Giang: Tức Lạng Sơn bây giờ. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Tân Sửu, năm thứ 10 (1241). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Tuyển người có sức khỏe, am hiểu võ nghệ, bổ sung vào quân túc vệ[3].

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn; núi sụt; đất nứt ra. Tháng 8, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Núi ở các lộ sụt xuống; đất liền ở phường Thịnh Quang ngoài kinh thành bị rạn tách ra.

Tháng 10, mùa đông. Người Thổ, Mán nhà Tống sang cướp ở biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho viên Đốc tướng là Phạm Kính Ân đem quân đi đánh tan được.

Nhà vua đi tuần ngoài biên thùy, nhân tiện đi luôn vào đất nhà Tống.

Nhà vua thân đem quân chèo thuyền từ trại Vĩnh Bình qua châu Khâm, châu Liêm, tự xưng là Trai Lang, rồi cắm thuyền lại ở trong cõi đất ấy, chỉ đi bằng mấy chiếc thuyền Kim Phụng, Nhật Quang và Nguyệt Quang. Ban đầu, người ở châu ấy không biết tình hình thế nào, đều sợ chạy cả; lúc biết ra, họ mới giăng xích sắt ở giữa sông để ngăn cản đường thuỷ. Nhà vua sai nhổ lấy vài mươi chiếc neo bằng sắt đem về.

Lời phê - Việc này là việc làm nguy hiểm cầu may, không theo đạo điển thường như cổ nhân đã nói "thánh chúa bất thừa nguy[4]".

Lời chua - Vĩnh Bình: Tên trại, thuộc châu Liêm.

Khâm: Tên châu, xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 10 (Chb. I, 36).

---

[1] Theo chế độ phong kiến, những địa phương ở ngoài kinh sư, có dựng cung điện, để mỗi khi vua đi kinh lý đến địa phương nào, đã sẵn có cung điện để ở, gọi là hành cung.

[2] Lý thị nguyên là vợ Trần Liễu (anh ruột Thái Tông).

[3] Người lính ngày đêm túc trực trong cung điện nhà vua.

[4] Viên Áng, Trung lang tướng nhà Hán, can Hán Văn Đế rằng: "Thánh chúa bất thừa nguy", nghĩa là ông vua thánh triết không đi vào nơi nguy hiểm.

Liêm: Tên châu, tức là Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 25).

Nhâm Dần, năm thứ 11 (1242). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Chia trong nước làm mười hai lộ.

Các lộ đều đặt hai viên An phủ sứ, chánh và phó, để giữ việc cai trị. Ở xã và sách, thì đặt chức đại tiểu tư xã: ngũ phẩm trở lên làm quan đại tư xã, lục phẩm trở xuống làm quan tiểu tư xã, hoặc có người kiêm hai ba bốn xã. Lại đặt chức Xã chính, Sử giám gọi là xã quan. Làm sổ kê hết số hộ khẩu: con trai, người lớn tuổi là đại hoàng nam; người nhỏ tuổi là tiểu hoàng nam, người 60 tuổi là hạng lão; già hơn nữa là long lão[1].

Về thuế: nhân đinh, ai có ruộng đất thì phải nộp tiền, thóc: một mẫu hoặc hai mẫu nộp một quan tiền, ba mẫu hay bốn mẫu nộp 2 quan, năm mẫu trở lên nộp 3 quan. Thuế ruộng: cứ mỗi mẫu nộp 100 thăng lúa, ai không có ruộng đất thì được miễn cả.

Lời cẩn án - Sách An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng nhà Minh chép: Ruộng công điền nhà Trần có hai hạng; mỗi hạng chia ra làm ba đẳng:

1) Ruộng quốc khố: nhất đẳng, mỗi mẫu thu sáu thạch và tám mươi thăng thóc; nhị đẳng, mỗi mẫu thu bốn thạch thóc; tam đẳng, thu mỗi mẫu ba thạch thóc.

2) Ruộng thác đao: nhất đẳng, mỗi mẫu thu một thạch thóc; nhị đẳng, ba mẫu thu một thạch thóc; tam đẳng, bốn mẫu thu một thạch thóc. Còn như ruộng, ao của dân thì cứ mỗi mẫu thu ba thăng thóc. Ruộng muối thu bằng tiền.

Lại tham khảo lời chua tập thơ An Nam tức sự của Trần Cương Trung nhà Nguyên: Chế độ nhà Trần, các thứ cây như cây cau và gỗ an tức chịu thuế rất nặng; vàng bạc ở dân gian dầu có từng phân, từng lạng cũng phải đem nộp vào quan, nếu người nào sử dụng riêng sẽ phải tội tử hình; đến như các loài cá, tôm, rau, quả, ... cũng phải nộp thuế. Cứ theo như lời chép trong hai sách đã dẫn ở trên, thì phép đánh thuế của nhà Trần thực là quá nặng. Nhưng đây cũng chỉ biết đại lược mà thôi, còn chi tiết rõ ràng thế nào, thì không thể khảo cứu được.

Lời chua - Mười hai lộ: Sử cũ không chép rõ, nhưng căn cứ những tài liệu ghi chép từ trước, thì thấy các lộ sau này: Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng, Khoái, Thanh Hóa, Hoàng Giang, Diễn Châu. Lại có phủ, châu, trấn như Tân Bình, Nghệ An, Thái Nguyên, Lạng Giang. Có lẽ quy chế nhà Trần, những phủ, châu, trấn thì thống thuộc cả vào lộ.

Hoàng nam: 18 tuổi là tiểu hoàng nam, 20 tuổi là đại hoàng nam.

Ruộng thác đao: Đời Lý, Thái Tông đi đánh Chiêm Thành, Lê Phụng Hiểu làm tiên phong, phá tan được quân giặc, tiếng vang cả phiên quốc[2]. Khi khải hoàn, nhà vua xét thưởng cho người có công đánh giặc. Phụng Hiểu nói: Không muốn thưởng quan tước, chỉ xin đứng trên núi Băng Sơn ném thanh kiếm đeo trong mình, rồi xét xem hễ thanh kiếm ấy rơi xuống địa phận nào, thì xin cho địa phận ấy để làm biệt nghiệp[3]. Lý Thái Tông nhận lời. Phụng Hiểu lên núi, ném một cái, thanh kiếm đi được hơn mười dặm, rơi xuống địa phận làng Đa My. Lý Thái Tông liền đem đất làng Đa My ban cho Phụng Hiểu, tha thuế thóc ruộng thác đao. Vì thế, nên ở Ái Châu, ruộng thưởng công có tên là "thác đao".

Xã, sách: Cũng như xã, thôn.

---

[1] Long lão là hạng già yếu mỏi mệt, có nhiều bệnh tật.

[2] Chữ "phiên" nghĩa đen là cái phên hay cái giậu. Thời đại phong kiến, nước lớn phong đất cho nước nhỏ làm chư hầu, coi như cái phên, cái giậu ở ngoài để bảo vệ cho nước lớn ở trong, nên gọi chư hầu của mình là phiên quốc.

[3] Xây dựng nhà cửa và có quyền sở hữu ruộng đất làm cơ nghiệp riêng của mình.

Lời phê[1] **-** Nói rất mơ hồ.

Tháng 4, mùa hạ. Sai Thân vệ Tướng quân Trần Khuê Kính đem quân trấn giữ biên giới phía bắc.

Khi ấy, nước Mông Cổ lấy được Vân Nam, quân của Mông Cổ đi tuần hành đến châu Ung, châu Quảng nhà Tống, thành ra nơi quan ải bị nghẽn đường. Sứ bộ nhà Trần phái sang bên Tống, được đi độ bốn người, chỉ được đem giấy tờ đi theo, còn lễ cống thì niêm phong lại đưa đến biên giới, do quan địa phương chuyển đệ về triều, nhưng cũng không lần nào đệ về được đầy đủ. Vì thế, nhà vua sai Khuê Kình đem quân đi trấn ngự, đánh chiếm đất Bằng Tường, để lấy đường thông sang nhà Tống.

Lời chua - Ung Châu: Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 14).

Quảng Châu: Xem thuộc Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. VI, 2).

Châu Bằng Tường: Thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây nhà Thanh.

Đại hạn từ tháng 5 đến tháng 6. Nhà vua hạ lệnh xét lại tội trạng những tù nhân đương bị giam, và đại xá cho thiên hạ. Tháng 7. Mưa. Hạ chiếu xá cho trong nước một nửa thuế ruộng.

Ngày mồng một, tháng 9. Nhật thực.

Quý Mão, năm thứ 12 (1243). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho các lộ làm sổ dân đinh.

Tháng 2. Xây thành Long Phụng; sửa lại Quốc Tử Giám.

Lời chua - Thành Long Phụng: Ở trong thành Thăng Long.

Quốc Tử Giám: Dựng đời Lý Nhân Tông.

Tháng 6, mùa hạ. Sai Viên ngoại lang là Trương Thất xét xử phán đoán các việc hình ngục ở phủ Đô Vệ.

Tháng 8, mùa thu. Nước to, chảy tràn vào kinh thành.

Giáp Thìn, năm thứ 13 (1244). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ quan văn đi cai trị các lộ và phủ.

Nhà vua hạ lệnh cho quan văn chia nhau đi cai trị 12 lộ. Ở lộ có chức Thông phán, ở phủ có chức Tri phủ; ở châu có chức Tào vận sứ, giữ việc vận tải.

Định hình luật.

> **Lời cẩn án -** Sách Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Hình pháp nhà Trần, điều mục danh lệ thế nào nay không thể biết rõ được. Theo Trần Cương Trung nhà Nguyên, hình pháp nhà Trần rất thảm khốc, kẻ trộm và người trốn tránh đều phải chặt ngón chân hay là cho voi giày chết. Xét ra nhà Trần được nước là do cướp ngôi vua nhà Lý, về hình pháp không lập ra kỷ cương phép tắc gì, chỉ tùy ý mình mà buộc tội nặng nhẹ; hình phạt thảm khốc đến thế là cùng!

Tháng 3. Ban cho Phùng Tá Thang chức Tả giai[2] **Đạo lục**[3]**, được tước là Tản lang**[4]**.**

---

[1] Chỉ việc Phụng Hiểu đứng trên núi, ném thanh kiếm đi được mười dặm.

[2] Viên quan giữ về đạo giáo - Văn Tông nhà Đường đặt ra tả giai và hữu giai tăng lục. Theo sách Hội diển sử lệ nhà Thanh thì, ở kinh sư, gọi là đạo lục ti; ở phủ gọi là đạo kỷ ti; ở châu gọi là đạo chính ti; ở huyện, gọi là đạo hội ti. Những người sung vào chức này chuyên giữ việc cai quản tăng đạo trong nước, bắt phải giữ kỷ luật thanh giới.

[3] -nt-

[4] Chức quan giữ nhiệm vụ nhàn tản, không như những chức giữ về hành chính, quân sự, hình ngục phải hoạt động một cách ráo riết.

Phàm các vương hầu được vua ban cho quan hàm về tăng đạo đều gọi là Tả giai. Chức này tuy không được liệt vào hàng quan trong triều, nhưng đối với tăng đạo thì là phẩm trật cao nhất. Nếu không phải là người thông thuộc đạo giáo của tông phái mình thì không được dự. Nay nhà vua đem chức ấy ban cho Tá Thang, là đãi ngộ một cách đặc biệt.

Lời chua - Tá Thang: Là thân phụ Tá Chu.

Tháng 10, mùa đông. Định lương bổng cho các quan.

Trước đây đã định thể lệ lương bổng cho các quan văn quan võ trong kinh sư, ngoài phiên trấn và các quan coi cung điện, lăng miếu. Lương bổng ấy lấy vào tiền thuế và theo thứ tự cấp phát. Đến nay, định lại ngạch lương bổng có người hơn người kém khác nhau.

Ất Tị, năm thứ 14 (1245). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 5). Tháng 7, mùa thu. Nước lên to, vỡ đê Long Đàm.

Lời chua - Long Đàm: Tên huyện về đời nhà Trần; thuộc Minh đổi là Thanh Đàm; đời Lê đổi là Thanh Trì; rồi lại đổi chữ "thanh" (trong) làm chữ "thanh" (xanh); bây giờ cũng theo như trước, thuộc tỉnh Hà Nội[1].

Tháng 12, mùa đông. Mưa to, gió lớn luôn ba ngày; nước sông lên to.

Bính Ngọ, năm thứ 15 (1246). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Định danh hiệu quân đội.

Tuyển lấy những người khoẻ mạnh sung vào quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần. Lộ Thiên Trường và lộ Long Hưng, hiệu quân là Thiên Thuộc, Thiên Cương, Chương Thánh và Củng Thần; Hồng Lộ và Khoái Lộ, hiệu quân là Tả Thánh Dực và Hữu Thánh Dực; lộ Trường An và lộ Kiến Xương, hiệu quân là Thánh Dực và Thần Sách. Còn các quân lính khác thì sung vào cấm quân ở trong cấm vệ. Hạng thứ ba là đoàn đội chèo thuyền.

Lời cẩn án - Sách Lịch triều Hiến chương của Phan Huy Chú chép: Số quân triều nhà Trần lúc trước, mỗi đội quân hai ngàn bốn trăm người, quân ở trong Cấm vệ và quân ở đơn vị thuộc các lộ không đầy mười vạn người. Nay xét: về khoảng niên hiệu Thiệu Bảo đời Trần Nhân Tông (1279-1284), lúc quân nhà Nguyên sang xâm lấn, các vương đem quân hội họp đến hai mươi vạn. Có lẽ vì chế độ nhà Trần, các tước vương cũng được chiêu mộ dân tráng làm lính. Nhưng số quân điều động lúc ấy cũng chỉ mới có mấy lộ về mặt đông nam, còn từ Thanh Hóa trở vào nam chưa hề trưng triệu xuất phát. Đến năm Long Khánh thứ 2 (1374) đời Trần Duệ Tông mới biên định danh hiệu cho quân ngũ2. Như vậy thì lúc bấy giờ thế quân cường thịnh cũng có thể biết được đại khái. Đại để khi trong nước không có việc, thì cho quân lính về làm ruộng; khi có việc chinh chiến, thì hết thảy mọi người dân đều là quân lính. Danh hiệu quân lính nhà Trần sau này cũng thường có thay đổ, nhưng số quân nhiều hay ít, chế độ quân đội theo cũ hay đổi mới, không thể khảo cứu cho tường tận được.

Lời chua - Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần: Đều là tên quân túc vệ, tức là hiệu quân Thiên thuộc, Thánh dực và Thần sách. Nhà Trần khởi lên từ lộ Thiên Trường, cho nên lấy quân ở bản lộ của mình và những lộ phụ cận đấy làm quân cấm vệ. Chữ "tứ" (bốn) có lẽ là do sự chia mỗi hiệu quân ra làm bốn vệ, nhưng Sử cũ chép không rõ.

Thiên Trường: Nguyên là địa phận làng Tức Mặc, vì chỗ đất ấy là cố hương của nhà Trần, nên đổi làm phủ Thiên Trường, rồi lại dùng hai chữ "Thiên Trường" đứng đầu

[1] Nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Xem thêm Chính biên quyển X tờ 6.

lộ ấy gọi là Thiên Trường lộ; đến nhà Lê gọi là phủ; nay theo tên gọi của nhà Lê, thuộc tỉnh Nam Định[1].

Long Hưng: Trước là địa phận làng Đa Cương, mộ tổ nhà Trần táng ở đấy, vì thế mới đổi là phủ Long Hưng; đời nhuận Hồ[2] đổi là Tân Hưng; nhà Lê đổi là Tiên Hưng; bây giờ cũng theo gọi như trước, thuộc tỉnh Hưng Yên[3].

Hồng Lộ: Tức Hồng Châu. Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Trường An: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 11).

Kiến Xương: Chưa rõ đặt ra từ đời nào. Nhà Trần gọi là lộ; đời nhuận Hồ đổi làm phủ Kiến Ninh; nhà Lê lại gọi là phủ Kiến Xương; bây giờ cũng theo tên gọi trước; thuộc tỉnh Nam Định[4].

Khoái Lộ[5]: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long ứng thứ 4 (Chb. V, 32). Tên Khoái Lộ[6] mới đặt ra từ năm Trùng Hưng thứ 5 đời Trần Nhân Tông (xem Chb. VIII, 12-13), tên Thiên Trường mới đặt từ năm Thiệu Long thứ 5 đời Trần Thánh Tông (xem Chb. VII, 4), thế mà ở đây Sử cũ đã chép theo tên mới đặt sau, như thế là lầm.

Tháng 3. Xét lý lịch quan văn, quan võ trong triều và ngoài các lộ.

Bấy giờ trong nước thái bình vô sự, nhân dân yên vui. Người làm quan chức nào cứ giữ mãi chức ấy. Theo thể lệ, cứ mười lăm năm mới xét lý lịch một lần: ai làm việc mười năm sẽ được thăng tước một cấp; làm việc mười lăm năm sẽ được thăng chức một bậc. Chức quan nào khuyết, thì đem người chánh kiêm làm công việc người phó; nếu chánh phó đều khuyết, thì đem viên quan ở ngạch khác kiêm quản sang, đợi khi nào xét thấy đủ niên hạn mới thực bổ đúng với chức vụ của mình. Ai làm quan ở quán, ở các thì mười năm sẽ được thăng hoặc thuyên chuyển; ai làm quan ở sảnh, ở cục thì mười lăm năm sẽ được thăng hoặc thuyên chuyển. Còn về chức tể tướng thì chọn những người trong họ tôn thất lấy người nào hiền tài, có đức hạnh, biết lục nghệ[7] và thông hiểu kinh Thi, kinh Thư để bổ dụng.

Lời phê - Nói quá đáng, không đủ tin[8]. Vả lại, định niên hạn quá lâu[9], như thế không khỏi làm cho người ta phàn nàn về việc phải chìm đắm mãi ở chức dưới.

Lời chua - Quán, các: Lịch Triều hiến chương của Phan Huy Chú chua rằng "như sáu bộ và phủ tôn chính". Nhưng lời chua ấy chưa lấy gì làm chính xác.

Sảnh: Như Thượng thư môn hạ sảnh.

Cục: Như Nội thư Hỏa cục và Chi hậu cục.

Tháng 7, mùa thu. Mới định niên hạn thi đại tị[1].

---

[1] Phủ Thiên Trường nay gồm một phần các huyện Xuân Thủy, Nam Trực, Trực Ninh và T.P. Nam Định, tỉnh Nam Định. Làng Tức Mặc bây giờ thuộc T.P. Nam Định.

[2] Chữ "nhuận" nghĩa là thừa, ta thường gọi là tháng nhuận, tức là tháng thừa, không phải tháng chính. Hồ Quý Ly cướp ngôi vua nhà Trần, sử phong kiến không liệt vào chính thống, nên gọi triều nhà Hồ là "nhuận Hồ".

[3] Bây giờ thuộc tỉnh Thái Bình.

[4] Bây giờ thuộc tỉnh Thái Bình.

[5] Hai chữ "khoái" theo âm Việt thì giống nhau, nhưng theo chữ Hán thì tự dạng và nghĩa khác hẳn. Chữ "khoái" số 2 là khoái lạc; chữ "khoái" số 3 là cỏ khoái.

[6] -nt-

[7] Lễ nghi, âm nhạc, cỡi ngựa, bắn cung, viết chữ và tính toán.

[8] Chỉ vào câu nói trong nước thái bình vô sự, nhân dân yên vui.

[9] Chỉ vào việc mười năm, mười lăm năm mới cho thăng chức và thuyên chuyển.

Bấy giờ thi đại tị chưa định niên hạn, nay chuẩn định 7 năm một lần thi. Việc định niên hạn về khoa thi bắt đầu từ đấy.

Đinh Mùi, năm thứ 16 (1247). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Thi Thái học sinh.

Trước đây, thi lấy học trò đỗ, chỉ chia ra hạng giáp, hạng ất để phân biệt người đỗ cao, đỗ thấp. Nay mới đặt ra tam khôi[2], lấy Nguyễn Hiền đỗ Trạng nguyên, Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhỡn, Đặng Ma La đỗ Thám hoa. Còn 48 người đỗ Thái học sinh đều được xuất thân[3] theo thứ tự trên dưới khác nhau.

Lời chua - Nguyễn Hiền: Người ở Thượng Hiền, lộ Thiên Trường.

Lê Văn Hưu[4]: Người Đông Sơn, Thanh Hóa.

Đặng Ma La: Người ở Chương Đức[5] thuộc Sơn Nam.

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Tháng 8, mùa thu. Thi tam giáo.

Trước đây, những nhà theo Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo mà có con nối được nghiệp nhà đều cho vào thi. Nay lại thi những người thông hiểu cả các khoa về ba tôn giáo. Khoa thi này cũng định ra bậc "giáp" và bậc "ất" để phân biệt người đỗ cao, đỗ thấp. Năm ấy, lấy Ngô Tần đỗ giáp khoa; Đào Diễn, Hoàng Hoan, Vũ Vị Phủ đỗ ất khoa.

Lời chua - Ngô Tần: Người ở Trà Lộ.

Đào Diễn, Hoàng Hoan: Người ở Thanh Hóa.

Vũ Vị Phủ: Người ở Hồng Châu.

Mậu Thân, năm thứ 17 (1248). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn miếu hiệu[6] Huy Tông[7] làm Thái tổ, đổi Thọ Lăng làm Huy Lăng.

Lời phê - Truy tôn không xứng đáng, dầu có cũng như không.

Tháng 3. Bắt đầu đắp đê Đỉnh Nhĩ[8].

Nhà vua hạ lệnh cho các lộ đắp đê tự đầu nguồn đến bãi biển, để đề phòng nước sông lên to, gọi là đê Đỉnh Nhĩ; đặt chức Hà đê chánh sứ và phó sứ để trông coi đốc thúc việc đắp đê. Nếu có chỗ nào đắp vào ruộng đất của dân, sẽ tính trả tiền lại. Việc đắp đê Đỉnh Nhĩ bắt đầu từ đây.

Lời phê - Một lần thất sách, để tai hại về sau không biết chừng nào!

Tháng 4, mùa hạ. Dựng cầu Lâm Ba.

---

[1] Theo sách Chu Lễ, những người giữ chức khanh, đại phu, cứ 3 năm một lần đại ti, để xét về đức hạnh, đạo nghệ, người nào hiền tài thì được cất nhắc. Đời sau gọi khoa thi hương ở các tỉnh là "đại tị".

[2] Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa.

[3] Xuất thân nghĩa là con đường để ra làm quan. Sách Tống sử chép: Tống Chân Tông định điều lệ thi tiến sĩ, chia người đỗ làm 5 bậc: Bậc nhất, bậc nhì là cập đệ; bậc ba là xuất thân; bậc bốn, bậc năm là đồng xuất thân.

[4] Tác giả bộ Đại Việt sử ký, cộng 30 quyển.

[5] Nay là huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Tây.

[6] Vị hiệu thờ ở nhà Thái miếu.

[7] Huy Tông là miếu hiệu Trần Thừa, thân phụ Trần Cảnh. Xem thêm Chính biên quyển VI tờ 13.

[8] Tục gọi đê tai vạc.

Dựng cầu ở chùa Chân Giáo. Cầu bắc qua ao Ngoạn Thiềm đến cung Cảnh Linh và quán Thái Thanh, gọi là cầu Lâm Ba.

Tháng 6. Hoàng hậu Lý thị mất, truy tôn là Hiển Từ Hoàng Thái hậu.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm - Hoàng hậu Lý Thị nguyên là vợ An Sinh vương Liễu, Thái Tông nhân khi Lý thị đã có thai, cướp lấy làm vợ mình, như thế đã thương luân bội lý lắm rồi, lúc mất lại tôn là Thái hậu, thì còn có nghĩa lý gì? Có lẽ sau này Thái Tông lên nối ngôi vua, mới truy tôn Lý Thị là mẹ đẻ của mình[1], mà nhà làm sử đem chép lầm ở đây, cũng chưa biết chừng. Nếu không thế thì cướp chị dâu làm vợ, tôn vợ lên như mẹ, lại còn có nhân đạo gì nữa dư?

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Cả một đời nhà Trần vẫn gọi là đời không có nghi lễ. Việc truy tôn Lý hậu làm Hoàng Thái hậu dễ thường cũng có; hành động sai lầm như vậy, thật đáng chê cười!

Sai thuật sĩ[2] đi trấn yểm các núi sông.

Thủ Độ sai những người tinh nghề phong thủy[3] xem xét núi sông khắp trong nước, hễ thấy chỗ nào có vượng khí[4], như núi Chiêu Bạc, sông Bà và sông Lễ ở Thanh Hóa đều bị đục phá, lại lấp các khê cừ, mở ra đường ngang, đường dọc không biết bao nhiêu mà kể.

Lời phê - Trần Thái Tông làm việc này, cũng một lối như Thủy Hoàng nhà Tần[5] đã làm ở Trung Quốc, đều do từ chỗ không có học vấn, nên hành động không có trí thuật gì cả.

Lời chua - Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Núi Chiêu Bạc: Không rõ ở đâu, có lẽ là núi Chiếu Bạch ở huyện Nga Sơn.

Sông Bà Mã[6]: Ở huyện Đông Sơn.

Sông Lễ[7]: Tên riêng của sông Mã, phát nguyên từ nước Lão Qua[8], hạ lưu hợp với sông Lương, rồi chảy ra biển.

Kỷ Dậu, năm thứ 18 (1249). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Sửa lại chùa Diên Hựu; nhà vua hạ chiếu đại xá.

Chùa này làm từ đời Lý Thái Tông cốt để cầu phúc, nên gọi là Diên Hựu[1], nay sửa chữa lại.

---

[1] Lý Thị (không có tên), nguyên là công chúa triều nhà Lý, trước lấy Trần Liễu, khi đã có mang, bị Trần Cảnh (Thái Tông) cướp lấy làm vợ, đẻ ra Trần Quốc Khang; sau mới có mang với Trần Cảnh, sinh ra Trần Hoàng, tức Trần Thánh Tông. Xem thêm Chính biên quyển VI tờ 16 và 20.

[2] Người theo về Đạo giáo, họ tự nhận tông phái của họ có nhiều pháp thuật, như cầu thần tiên, nguyền rủa, cầu cúng, giải hạn và làm bùa trấn yểm ma quỷ, v.v...

[3] Người làm nghề địa lý, tìm đất tốt để mồ mả, cắm hướng nhà.

[4] Chỗ đất đẹp, có khí thế hưng vượng, có thể khởi được nghiệp đế vương.

[5] Tần Thủy Hoàng ngờ ở phương Đông Nam có khí sắc linh tú, có thể phát sinh ra Thiên tử; vì thế Thủy Hoàng thường đi tuần du về mặt đông để trấn áp.

[6] Nguyên văn về phần mục chép "Bà Lễ Giang", về lời chua lại chua "Bà mã Giang" và "Lễ Giang". Chúng tôi đã tham khảo sách Đại Nam nhất thống chí, về phần sông ngòi tỉnh Thanh Hóa, thấy chép Mã Bà Giang thuộc huyện Sơn Đông. Vậy không rõ con sông này tên là Bà Mã hay Mã Bà, sẽ khảo cứu sau. Còn sông Lễ là một tên riêng của sông Mã thuộc huyện Vĩnh Lộc.

[7] Nguyên văn về phần mục chép "Bà Lễ Giang", về lời chua lại chua "Bà mã Giang" và "Lễ Giang". Chúng tôi đã tham khảo sách Đại Nam nhất thống chí, về phần sông ngòi tỉnh Thanh Hóa, thấy chép Mã Bà Giang thuộc huyện Sơn Đông. Vậy không rõ con sông này tên là Bà Mã hay Mã Bà, sẽ khảo cứu sau. Còn sông Lễ là một tên riêng của sông Mã thuộc huyện Vĩnh Lộc.

[8] Tức nước Ai Lao.

Ngày mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Mưa đá dữ dội.

Canh Tuất, năm thứ 19 (1250). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 10).

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

Vì có nạn động đất, nên hạ chiếu cho thiên hạ gọi vua là "quốc gia"; đổi phủ Đô Vệ làm ba ty viện Phụng Tuyên, Thanh Túc và Hiến Chính, cho Lê Phụ Trần giữ việc trong các viện ấy. Lại hạ chiếu phàm những việc kiện tụng đã thành án rồi, thì cùng với quan trong viện Thẩm hình hội đồng với nhau để định tội.

Lời chua - Phủ Đô Vệ: Tức phủ Độ hộ triều nhà Lý, phủ này giữ việc xét đoán kiện tụng, trước đây đã uỷ cho Trương Thất giữ việc này[2].

Lê Phụ Trần: Tên cũ là Lê Tần, người ở Ái Châu.

Tân Hợi, năm Nguyên Phong thứ 1 (1251). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 11).

Tháng 2, mùa xuân. Ban bố bài minh[3] cho các Hoàng tử.

Nhà vua tự tay viết bài minh ban cho các Hoàng tử, dạy những điều trung, hiếu, hòa, tốn, ôn, lương, cung, kiệm[4].

Đem Thiên Thành công chúa gả cho Trung Thành vương. Sau công chúa lại về với Quốc Tuấn.

Đã hứa gả công chúa cho Trung Thành vương, định đến ngày rằm tháng này (tức tháng 2) làm lễ "hợp kết", nhà vua nhân việc này mở hội bảy ngày đêm, bày các đồ quý báu và nhiều trò chơi vui để cho trong triều đình, ngoài dân gian được chơi xem. Trước ngày cưới, nhà vua cho công chúa sang ở nhà của Nhân Đạo vương; đương đêm, Quốc Tuấn lẻn vào tư thông với công chúa. Thụy Bà biết tin, liền gọi cửa cáo cấp; nhà vua hỏi, Thụy Bà nói rằng: "Không ngờ Quốc Tuấn là người càn dỡ, đương đêm lẻn vào chỗ ở của Thiên Thành công chúa, nên Nhân Đạo vương đã bắt được giữ lại rồi". Nhà vua sai ngay người hầu cận đến nhà tư Nhân Đạo vương, thì không nghe được tin tức gì cả; họ liền vào chỗ công chúa ở, thì thấy Quốc Tuấn ở đấy. Lúc bấy giờ Nhân Đạo vương mới biết chuyện ấy. Đến ngày hôm sau, Thụy Bà dâng mười mâm vàng sống và nói rằng: "Vội vàng không kịp sửa lễ". Nhà vua bất đắc dĩ đem Thiên Thành công chúa gả cho Quốc Tuấn, rồi cho Trung Thành vương hai ngàn khoảnh (?) ruộng.

Lời phê - Trần Quốc Tuấn là người văn võ toàn tài, đủ cả trung lẫn hiếu, duy phải một vết xấu này, nên không được là người hoàn toàn. Có lẽ cái thói chung chạ của nhà Trần đã ăn sâu vào đầu óc người ta, đến nỗi họ cho việc ấy là tự nhiên không có gì là quái lạ.

Lời chua - Thiên Thành[5]: Con gái Thượng hoàng[6].

Quốc Tuấn[7]: Con An Sinh vương Liễu[1].

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển III tờ 4.

[2] Xem thêm Chính biên quyển VI tờ 25.

[3] Chữ "minh" nghĩa đen là ghi. Dùng văn tự ghi chép những điều hay lẽ phải vào một vật gì để tự răn mình, hoặc khuyên răn người khác, dầu lâu ngày cũng không thể quên được.

[4] Trung hiếu: Trung với vua, hiếu với cha mẹ. Hòa tốn: Hoà nhã và khiêm tốn đối với mọi người. Ôn lương: Ngôn ngữ, cử động lúc nào cũng dịu dàng mềm mỏng mà không nghiêm khắc, bình thường giản dị mà không nham hiểm. Cung kiệm: Giữ mình nghiêm trang kính cẩn, tiêu dùng sẻn nhặt mà có tiết độ.

[5] Thượng hoàng tức Trần Thừa. Thiên Thành công chúa, An Sinh vương Liễu, Thụy Bà và Trần Thái Tông đều là con Trần Thừa.

[6] -nt-

[7] Quốc Tuấn là con An Sinh vương Liễu, Quốc Tuấn đối với Thiên Thành công chúa là cô cháu ruột.

Thụy Bà[2]: Chị Thiên Thành và là mẹ nuôi Quốc Tuấn.

Trung Thành: Con của Nhân Đạo là thân vương nhà Trần, nhưng không rõ danh hiệu và thế thứ như thế nào.

Hợp kết: Búi tóc. Theo sách Đông Kinh mộng hoa lục, phàm làm lễ cưới, sau khi vợ chồng đã giao bái rồi, để xoã riêng một ít tóc không búi lại, lúc ấy hai họ đều đưa ra những đồ vóc, lụa, trâm cài tóc và lược chải đầu, gọi là "hợp kết".

Ban yến cho bầy tôi ở trong nội điện.

Bầy tôi vào hầu vua ăn yến, khi uống rượu say rồi, đều đứng dậy dắt tay nhau mà hát, Ngự sử trung tướng là Trần Chu Phổ cũng theo người ta dắt tay để hát, nhưng chỉ nói câu "sử quán hát" thế thôi. Về việc yến tiệc, sau lại bày trò có người đội mo nang, cầm dùi đục, đứng chỉ huy hiệu lệnh uống rượu nữa.

Tháng 4, mùa hạ. An Sinh vương Liễu mất.

Nhâm Tí, năm thứ 2 (1252). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành. Tháng 12, mùa đông. Chấn chỉnh đội ngũ trở về nước.

Từ khi họ Lý suy yếu, nước Chiêm Thành thường dùng những chiếc thuyền nhỏ sang cướp bóc dân ở ven biển. Khi nhà vua lên ngôi, sai sứ sang dụ, Chiêm Thành dẫu thường vào cống, nhưng vẫn đòi lại đất cũ[3], lại có ý dòm dỏ nước ta. Nhà vua giận lắm, hạ lệnh cho Khâm Thiên vương là Nhật Hiệu giữ Kinh thành, rồi thân đem quân đi đánh, bắt được vợ vua nước ấy là Bố Gia La và những thần thiếp nhân dân đem về.

Quý Sửu, năm thứ 3 (1253). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Khâm Thiên đại vương Nhật Hiệu làm Thái uý.

Tháng 6. Lập viện Quốc học.

Khi viện Quốc học làm xong, nhà vua bắt đắp tượng Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử và vẽ tượng bảy mươi hai người hiền[4] để thờ.

Tháng 8, mùa thu. Lập nhà giảng vũ.

Tháng 9. Hạ chiếu cho học trò trong nước vào viện Quốc Tử để giảng luận nghĩa lý Ngũ Kinh[5] và Tứ thư[6].

Giáp Dần, năm thứ 4 (1254). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Định quy chế dùng kiệu, dùng ngựa và quân hầu cho họ tôn thất và các quan văn, quan võ.

Phép nhà Trần, từ họ tôn thất đến quan ngũ phẩm đều được dùng kiệu, ngựa và võng (chỉ nha): Họ tôn thất thì kiệu hình đầu chim phượng, sơn son; quan tướng quốc thì kiệu hình chim anh vũ, sơn then, lọng dùng sắc tía hoặc sắc xanh, quân hầu nhiều nhất là ngàn người, ít nhất là trăm người.

---

[1] Thượng hoàng tức Trần Thừa. Thiên Thành công chúa, An Sinh vương Liễu, Thụy Bà và Trần Thái Tông đều là con Trần Thừa.

[2] -nt-

[3] Tức đất ba châu Địa Lý, Ma linh và Bố Chính do chúa Chiêm Thành là Chế Củ đã dâng cho Lý Thánh Tông năm Thần Vũ thứ nhất (1069) (xem thêm Chính biên quyển III tờ 29).

[4] Những học trò vào bậc cao đệ của Khổng Tử.

[5] Kinh Dịch, kinh Lễ, kinh Thi, kinh Thư và kinh Xuân thu.

[6] Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học và Trung dung.

Lời chua - Chỉ nha: Sách An nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng nhà Minh chép là "để nha" (cái võng). Cách thức chế cái võng này như sau: dùng một bức vải dài treo lên hai đầu cái đòn gỗ cong, nhưng treo cho bức vải và đòn gỗ hơi gần với nhau, trên đòn che một cái chiếu lớn; người sang trọng ngồi bên trong, hai người khiêng hai đầu võng mà đi. Cái cáng bây giờ là hình dáng cái võng ngày trước còn sót lại.

Tháng 6. Bán ruộng công cho dân.

Cứ mỗi diện ruộng, cho phép dân được bỏ ra 5 quan tiền, mua làm ruộng tư.

Lời chua - Diện: Thời sau này gọi là mẫu.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua bắt Phạm Ứng Mộng tự thiến mình để vào hầu trong cung cấm.

Nhà vua chiêm bao thấy mình đi chơi, gặp thần nhân trỏ vào một người mà bảo vua rằng: "Người này có thể làm hành khiển được". Lúc tỉnh dậy, nhà vua ghi lấy việc ấy. Một hôm, sau khi tan chầu rồi, vua ra chơi ngoài thành, thấy một người con trai đi từ phía nam lại, trông hệt như người mà mình đã thấy trong lúc chiêm bao. Gọi lại hỏi, người ấy đối đáp cũng như những lời đã nói trong lúc chiêm bao. Ý nhà vua muốn cho làm Hành khiển, nhưng nghĩ khó khăn không biết làm thế nào cho hợp lệ, liền ban cho bốn trăm quan tiền để tự thiến mình, đặt tên cho là Ứng Mộng, sau thăng dần lên đến chức hành khiển. Việc này có lẽ bắt chước như việc dùng Lý Thường Kiệt, Lý Thường Hiến ở triều nhà Lý.

Lời phê - Huyền hoặc! Ví thế nào được như việc Thượng đế cho người hiền thần giúp việc ở đời nhà Ân[1]!

Lời chua - Hành khiển: Chức Tể tướng thứ hai. Theo chế độ cũ, chỉ có trung quan[2] mới được sung vào chức này.

Phạm Ứng Mộng: Người huyện Thanh Miện, thuộc Hồng châu[3].

Ất Mão, năm thứ 5 (1255). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Lưu Miễn đi bồi đắp đê ở sông thuộc lộ Thanh Hóa.

Tháng 4, mùa hạ. Đặt chức Hà đê sứ.

Các lộ có đê điều đều đặt hai chức chánh sứ và phó sứ, lấy các quan giữ chức nhàn tản sung bổ; hằng năm cứ khi nào làm ruộng xong, các viên ấy đốc quân đắp sườn đê và khơi các khe cừ, để đề phòng khi thủy tai hoặc đại hạn.

Tháng 8, mùa thu. Nước to, nhà vua ra chơi Hồ Tây.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm - Nước với đất bản chất đều thuộc về phần âm, nước lớn, đất động, đều là khí âm không điều hòa. Suốt đời Thái Tông, 6 lần nước to4, 3 lần động đất5, một lần đất nứt ra6, đó là bởi cái lỗi trên dưới loạn dâm làm cho khí dương mất tiết độ mà khí âm tự phóng túng, thế mà bấy giờ không hề thấy có làm việc gì tỏ ra sợ hãi, tự sửa lấy mình. Tai biến hiện ra luôn mà vẫn coi là việc thường, vua thì

---

[1] Cao tông nhà Ân là một vị vua hiền, muốn tìm được người hiền tài để giúp việc trị nước. Một hôm, chiêm bao thấy Thượng đế cho một hiền nhân, mới vẽ hình dạng người đã trông thấy trong lúc chiêm bao, rồi sai người đi tìm, sau tìm được Phó Duyệt đương đắp tường đất ở Phó nham, mời về giúp việc, quả nhiên Phó Duyệt là bậc hiền tài giúp Cao tông trị nước, làm cho nhà Ân được thịnh trị.

[2] Trung quan tức hoạn quan.

[3] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[4] Sáu lần nước lớn: Năm Thiên Ứng chính bình thứ 2, thứ 5, thứ 7, 12, 14 và năm Nguyên Phong thứ 5.

[5] Ba lần động đất: Năm Thiên Ứng Chính bình thứ 9, 16, 19.

[6] Một lần đất nứt: Năm Thiên Ứng chính bình thứ 10.

nhân khi nước to mà ra chơi Hồ Tây, bầy tôi thì nhân khi nước to mà hiếp cung nữ1. Lấy tai biến làm vui, chỉ dâm dục cho thoả thích, chưa có bao giờ quá độ đến như thế!

Lời chua - Hồ Tây: Một tên nữa là hồ Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Bính Thìn, năm thứ 6 (1256). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Thi Thái học sinh.

Trước kia, thi lấy sĩ tử, chỉ lấy đỗ có một Trạng nguyên, nay mới chia ra kinh và trại: Từ Thanh Hóa trở vào trong gọi là trại; từ Thanh Hóa trở ra ngoài gọi là kinh. Khoa thi này, lấy Trần Quốc Lặc đỗ kinh Trạng nguyên; Trương Xán đỗ trại Trạng nguyên, Chu Hinh đỗ bảng nhãn, Trần Uyên đỗ thám hoa; còn 43 người đỗ thái học sinh, đều được xuất thân[2] tùy theo cấp bậc cao thấp khác nhau.

Lời chua - Quốc Lặc: Người huyện Thanh Lâm thuộc Hồng Châu[3].

Trương Xán: Người ở Hoành Sơn thuộc Bố Chính.

Chu Hinh: Người ở Tế Giang thuộc Bắc Giang[4].

Trần Uyên: Người ở Đường Hào thuộc Hồng Châu[5].

Tháng 3 nhuận. Đúc 330 quả chuông bằng đồng.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Đúc một lúc 330 quả chuông, lãng phí đồng để ném vào việc vô dụng, xét ra nhà Trần sùng đạo Phật lại có phần hơn nhà Lý nhiều.

Tháng 5, mùa hạ. Sét đánh điện Thiên An và cung Thái Thanh, tượng Thiên Tôn đổ nằm phục xuống đất.

Lời chua - Điện Thiên An: Tức điện Kiền Nguyên, là nơi để vua ra coi triều, điện này dựng lên thời nhà Lý[6], nhà Trần cũng giữ như cũ.

Cung Thái Thanh: Ở bên tả điện Thiên An, trong cung thờ tượng Thiên Tôn.

Đào sông Tô Lịch.

Lời chua - Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31).

Tháng 7, mùa thu. Vũ Thành vương tên là Doãn chạy sang đất nhà Tống, bị viên quan bản thổ ở Tư Minh là Hoàng Bính bắt được đưa trả lại.

Doãn là con An Sinh vương Liễu, do Lý Thị sinh ra, từ khi nhà vua chiếm lấy Lý Thị lập làm Hoàng hậu, An Sinh vương đối với quốc gia có sự hiềm khích, đến khi Lý hậu mất, tên Doãn bị thất thế, nên đem cả gia quyến chạy sang đất nhà Tống, bị viên quan bản thổ ở Tư Minh là Hoàng Bính bắt được đưa trả lại, nhà vua ban vàng lụa thưởng cho Hoàng Bính. Từ bấy giờ việc xét hỏi quan ải ngày thêm nghiêm mật.

Lời chua - Tư Minh: Tên phủ (?), thuộc phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây, giáp với tỉnh Lạng Sơn nước ta.

---

[1] Chỉ việc Trần Liễu nhân nước to, đi thuyền vào chầu, rồi ghé thuyền vào cung Lệ Thiên hiếp dâm phi tần cũ nhà Lý. (Xem thêm Chính biên quyển VI, tờ 16).

[2] Xem Thái học sinh và xuất thân chua ở Chính biên quyển VI tờ 30.

[3] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[4] Tế Giang: sau là Văn Giang thuộc phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh. Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

[5] Nay là huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên.

[6] Xem thêm Chính biên quyển II tờ 19.

Đinh Tị, năm thứ 7 (1257). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Lấy con gái viên Thổ quan nhà Tống là Hoàng Bính sung vào hậu cung sách phong làm Huệ Túc phu nhân.

Lúc ấy nước Mông Cổ ngày càng mạnh, Hoàng Bính biết nhà Tống sắp mất, nên đem cả gia quyến đến khuyết đình và tiến con gái lên cho vua, vua cho sung vào hậu cung. Sau Hoàng Bính lại đem dâng phẩm vật ở địa phương và đem một ngày hai trăm người bộ thuộc đến nước ta xin quy phụ.

Tháng 9. Hạ mệnh lệnh cho Quốc Tuấn đem quân trấn ngự biên thùy phía bắc.

Chủ trại Quy Hóa là Hà Khuất chạy trạm về triều tâu việc quân Mông Cổ sang xâm lấn, nhà vua hạ lệnh cho Quốc Tuấn đốc suất tả hữu tướng quân đem quân đi trấn giữ.

Lời chua - Quy Hóa: Xưa thuộc bộ Tân Hưng, nhà Lý gọi là Đăng Châu; nhà Trần gọi là trại Quy Hóa; nhà Lê đổi làm phủ; bây giờ cũng theo như cũ, thuộc tỉnh Hưng Hóa[1].

Tháng 12. Quân của Mông Cổ xâm phạm đến địa phận sông Thao, nhà vua tự làm tướng đem quân đi chống cự, bị thua.

Tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai đã chiếm lấy được nước Đại Lý[2], liền kéo quân xâm phạm đến địa phận sông Thao nước ta. Nhà vua làm tướng ra đốc chiến, tự đi dẫn đầu xông vào mũi tên hòn đạn; quan quân cứ dần dần rút lui. Nhà vua ngoảnh trông 2 bên, chỉ thấy có Lê Phụ Trần một mình cưỡi ngựa ra vào trong trận giặc, nhan sắc bình tĩnh như thường. Bấy giờ có người khuyên nhà vua đóng quân ở đấy để chỉ huy việc đánh giặc. Lê Phụ Trần can rằng: "Nếu bây giờ bệ hạ làm như thế, thì chỉ như người dốc hết túi tiền để đánh nốt tiếng bạc mà thôi. Tôi tưởng hãy nên lánh đi, không nên khinh thường mà nghe người ta được". Nhà vua nghe lời, lui quân đóng ở sông Phú Lương, Phụ Trần đi sau cùng để vén quân. Lúc ấy quân Mông Cổ đuổi gấp, bắn tứ tung, Phụ Trần lấy cái sạp thuyền che đỡ cho nhà vua được thoát nạn.

Bấy giờ thế giặc mạnh lắm, kéo quân sát thẳng đến Đông Bộ Đầu mới đóng lại, nhà vua lại phải lui xuống giữ sông Thiên Mạc. Có lúc nhà vua ngự chiếc thuyền nhỏ, tới thuyền của Thái uý Nhật Hiệu để hỏi kế hoạch. Nhật Hiệu đương ngồi tựa vào thuyền, không thể đứng dậy được, chỉ lấy nước viết ở bên mạn thuyền hai chữ "nhập Tống"[3]. Nhà vua hỏi đội quân Tinh Cương ở đâu. Nhật Hiệu thưa rằng: "Đã cho triệu tập, nhưng không thấy đến". Nhà vua lập tức dời thuyền đến hỏi Thái sư là Thủ Độ, Thủ Độ thưa rằng: "Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo nghĩ đến chuyện khác cho phiền lòng".

Lời chua - Sông Thao: Xem Lý Nhân Tông, năm Hội Phong thứ 5 (Chb. IV, 2).

Sông Phú Lương: Tức sông Nhị Hà bây giờ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Sông Thiên Mạc: Tức hạ lưu sông Phú Lương, ở Mạn Trù Châu, huyện Đông Yên, thuộc địa giới tỉnh Hưng Yên.

Quân Tinh Cương: Tức quân tuyển trong những người ở làng Tinh Cương do Nhật Hiệu thống lĩnh.

Nhà vua đánh tan được quân Mông Cổ ở Đông Bộ Đầu. Quân Mông Cổ phải rút lui.

Nhà vua cùng Thái tử lại tiến quân đến Đông Bộ Đầu đánh quân Mông Cổ, thu được toàn thắng. Quân Mông Cổ rút lui, khi rút đến trại Quy Hóa, chủ trại là Hà Bổng chiêu tập người Mán đánh úp, lại thắng được một trận lớn. Lúc ấy quân Mông Cổ mới lấy được Vân Nam, quân tuần tiễu mới đến, không

---

[1] Theo Hưng hóa chí lược của Phạm Thận Duật thì: Phủ Quy Hóa thống lĩnh 3 huyện là Yên Lập, Văn Chấn, Trấn Yên và 2 châu là Văn Bàn, Thủy Vĩ. Nay huyện Yên Lập thuộc tỉnh Phú Thọ, còn 2 huyện và 2 châu kia thuộc tỉnh Yên Bái.

[2] Nước Đại Lý bị Hốt Tất Liệt nhà Nguyên diệt từ năm 1252, đặt là Đại Lý lộ bây giờ thuộc địa phận tỉnh Vân Nam.

[3] Nhật Hiệu viết hai chữ "nhập Tống" ý nói nên chạy sang Trung Quốc nương nhờ vào nhà Tống.

có ý đánh để chiếm lấy, nên lúc ấy người ta gọi toán quân ấylà "giặc bụt". Sau khi giặc đã lui rồi, nhà vua thưởng cho Hà Bổng tước hầu.

Lời cẩn án - Trận này thế giặc rất mạnh, thế mà Sử cũ chỉ chép rằng nhà vua tiến quân đánh được giặc, không chép rõ cái cớ sở dĩ đánh được như thế nào cả. Tham khảo sách Nguyên sử loại biên và sách Cương mục tục biên (Trung Quốc) đều chép rằng: Ngột Lương Hợp Thai đã bình được nước Đại Lý, kéo quân sang nước ta, ba lần sai sứ đến dụ nhà vua đầu hàng, đều không thấy sứ thần trở về, bấy giờ mới chia đường tiến quân, nhân thế thắng, kéo vào đô thành nước ta, khi vào, thấy ba người sứ sai sang trước còn bị giam ở trong ngục, người nào cũng bị những thanh tre bó chặt vào mình sát hằn đến da, khi cởi trói ra, thì một người đã bị chết, họ liền giết hết cả dân trong thành. Đóng quân ở đây được 9 ngày, vì không chịu được nóng nực, phải rút về. Lại sai sứ giả đến chiêu an, vua Thái Tông giận họ tàn phá, nên lại sai trói hai sứ giả đưa trả lại. Việc chép ở hai sách này so với việc chép ở Sử cũ không hợp với nhau, nhưng cũng ghi cả để tiện tham khảo.

Lời chua - Đông Bộ Đầu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 5 (Chb. V, 33).

Ngột Lương Hợp Thai: Sách Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép là Ô Lan Cáp Đạt; sách Thông giám tập lãm (Trung Quốc) chép là Ô Đặc Cáp Lý Đạt.

Tha tội cho người tiểu hiệu là Hoàng Cự Đà.

Trước kia, nhà vua ban quả muỗm cho những người hầu cận, mà không cho Cự Đà. Khi quân Mông Cổ kéo đến Đông Bộ Đầu, Cự Đà chèo thuyền đi trốn, thuyền đến sông Hoàng Giang, gặp thuyền của Thái tử đương từ hạ lưu đi ngược lên. Cự Đà trông thấy, tránh thuyền sang bờ sông bên kia, thuyền đi rất nhanh. Quan quân ở bờ bên này sông hô to lên hỏi: "Quân Mông Cổ bây giờ ở đâu?". Cự Đà trả lời: "Tôi không biết, các anh nên hỏi những người nào được ăn muỗm ấy". Đến nay, Thái tử xin luận tội Cự Đà thật nặng để răn bảo người làm tôi bất trung. Nhà vua nói: "Kể tội Cự Đà đáng lẽ phải giết cả họ, nhưng đời trước cũng có việc tên Dương Châm, vì không được ăn thịt dê, làm cho quân nhà Tống đến nỗi bị thua[1]; thế thì cái tội Cự Đà tức là lỗi ở quả nhân, nghĩ nên tha tội chết cho nó, và cho đi đánh giặc để chuộc tội".

Lời phê[2] - Đây cũng chỉ là hiếu danh mà thôi, không được chính đáng bằng ý kiến của thái tử.

Lời chua - Hoàng Giang: Ở địa giới huyện Nam Xang, phủ Lý Nhân bây giờ, phía trên tiếp giáp sông Thiên Mạc, phía dưới thông với sông Giao Thủy.

Mậu Ngọ, năm thứ 8 (1258). (Từ tháng 3 trở về sau thuộc niên hiệu Thiệu Long thứ 1 đời Thánh Tông - Tống, năm Bảo Hựu thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Đem Hoàng hậu cũ là Lý Thị[3] gả cho Ngự sử Đại phu Lê Phụ Trần.

Quân Mông Cổ đã rút lui, trăm họ lại yên nghiệp làm ăn như trước, sáng ngày mồng một tết, nhà vua ngự triều ở chính điện, định công đánh giặc để ban thưởng, phong cho Lê Phụ Trần chức Ngự sử đại phu, lại gả Chiêu Thánh công chúa cho. Nhà vua bảo Lê Phụ Trần rằng: "Nếu trẫm không có nhà ngươi giúp sức, thì làm gì được có ngày nay, nhà ngươi nên cố gắng để cùng làm tròn sự nghiệp sau này".

---

[1] Thời Xuân Thu, nước Tống đánh nhau với nước Trịnh, khi sắp đánh nhau, tướng nước Tống là Hoa Nguyên giết dê cho quân sĩ ăn, người cầm cương xe ngựa tên là Dương Châm không được ăn. Lúc đánh nhau, Dương Châm bảo Hoa Nguyên rằng "việc chia thịt dê hôm trước quyền ở ông, còn việc ngày nay là quyền ở tôi", rồi hắn đánh xe xông thẳng vào hàng ngũ quân Trịnh, thành ra Hoa Nguyên bị quân Trịnh bắt, quân Tống bị thua. (Xuân thu đại toàn quyển XIX tờ 13).

[2] Chỉ việc Trần Thái Tông nhận lỗi về mình để tha tội cho Cự Đà.

[3] Tức Chiêu Hoàng nhà Lý, lấy Trần Thái Tông, sách phong là Chiêu Thánh Hoàng hậu, sau Thái Tông lấy vợ Trần Liễu, truất Chiêu Thánh Hoàng hậu làm công chúa. (Xem thêm Chính biên quyển VI, tờ 16).

Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua đã thu phục được kinh thành, toan truyền ngôi cho Thái tử, nên sai sứ sang báo cáo với nhà Tống và đưa dâng hai con voi.

Bấy giờ Mông Cổ cũng sai sứ sang nước ta, đòi hằng năm phải cống nạp, vì thế nhà vua mới sai Lê Phụ Trần sang sứ Mông Cổ, và cho Chu Bác Lãm làm Phó sứ, định cứ 3 năm một lần sang cống.

Tháng 2. Nhà vua truyền ngôi cho Hoàng Thái tử là Hoảng. Sau khi Thái tử lên ngôi, tôn nhà vua làm Hiển Nghiêu Thánh thọ Thái thượng hoàng đế.

Thái tử đã lên ngôi, xưng hiệu là Nhân Hoàng; bầy tôi dâng tôn hiệu là Kiến Thiên thể đạo Đại Minh, Quang Hiếu Hoàng đế (tức là Thánh Tông).

> **Lời bàn của Ngô Sĩ Liên -** Gia pháp họ Trần, khi Thái tử đã khôn lớn thì cho nối ngôi chính thống ngay, mà vua cha thì lui về ở cung Thánh Từ, xưng là Thượng hoàng, cha con vẫn cùng nhau giữ chính quyền trong nước. Thực ra, chỉ truyền ngôi vua để phòng nếu khi vội vàng thì ngôi vua sau này đã được ổn định đó thôi, còn các công việc đều do Thượng hoàng quyết đoán. Khi Thượng hoàng còn thì ông vua nối ngôi sau này cũng không khác gì Thái tử. Việc này có lẽ theo nghĩa trong kinh Dịch là quẻ Kiền lui về tây bắc mà quẻ Chấn tiến lên phương đông vậy[1].
>
> **Lời phê -** Phép truyền ngôi vua này của nhà Trần cũng hay, có thể bắt chước được.

Tháng 8, mùa thu. Gió dữ tợn quá, ngọn tháp Báo Thiên bị đổ.

> **Lời chua -** Tháp Báo Thiên: Dựng từ năm Long thụy thái bình thứ 4 đời Lý Thánh Tông (1057). Ngọn tháp cao vài mươi trượng, xây thành 12 tầng.

Lập Trần Thị làm Hoàng hậu.

Trần Thị là con gái An Sinh vương Liễu, nhà vua lấy làm vợ, phong là Thiên cảm phu nhân, rồi lại sách lập làm Hoàng hậu.

Tháng 11, mùa đông. Phong cho em là Quang Khải làm Chiêu Minh đại vương.

Quang Khải là con thứ 3 của Thượng hoàng[2], em cùng mẹ với nhà vua.

> **Lời chua -** Theo quy chế nhà Trần, phong các Hoàng tử, người trưởng được tước Đại vương, người thứ được tước vương, người thứ nữa được phong là Thượng vị hầu; về phần con các tước vương thì người trưởng được phong tước vương, người thứ phong Thượng vị hầu.

---

[1] Quẻ Kiền tượng trưng người cha: nói về vị trí thì ở về Tây Bắc; nói về thời tiết là lúc mùa thu mùa đông giao tiếp nhau, lúc ấy muôn vật tiềm tàng khô héo.

Quẻ Chấn tượng trưng người con trai trưởng: nói về vị trí thì ở về phương đông; nói về thời tiết là mùa xuân, lúc ấy muôn vật đều sinh trưởng.

[2] Thượng hoàng đây là Trần Cảnh, tức Trần Thái Tông.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ VII

Từ năm Kỷ Mùi, Trần Thánh Tông, niên hiệu Thiệu Long thứ 2 (1259) đến năm Bính Tuất, Trần Nhân Tông, niên hiệu Trùng Hưng thứ 2 (1294), gồm 28 năm.

❈

Kỷ Mùi, Thánh Tông hoàng đế năm Thiệu Long thứ 2 (1259) (Tống, năm Khai Khánh thứ 1).

Tháng 6, mùa hạ. Phong cho Nguyễn Giới Huân làm Đại hành khiển thượng thư Tả Phụ; Lê Phụ Trần làm Thủy quân đại tướng quân.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi bái yết sơn lăng.

Đặt quan để coi giữ sơn lăng.

Canh Thân, năm thứ 3 (1260). (Tống, năm Cảnh Định thứ 1; Mông Cổ, Thế tổ Hốt Tất Liệt năm Trung Thống thứ 1).

Ngày Mậu Thìn, mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực. Ngày Nhâm Thìn, xung quanh mặt trời có hai vòng sắc sáng.

Tân Dậu, năm thứ 4 (1261). (Tống, năm Cảnh Định thứ 2; Mông Cổ, năm Trung Thống thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển lính.

Tuyển dân đinh các lộ, người nào khỏe mạnh sung làm lính; ngoài ra sung làm người sắc dịch ở sảnh, ở viện, ở cục và sung vào đội tuyển phong ở lộ, phủ, huyện.

Thi lại viên.

Thi bằng phép viết và phép tính, người nào trúng tuyển được bổ làm duyện lại[1] ở nội lệnh sử[2]. Còn ti Thái Y[3], ti Thái Chúc[4] thì thi những người tinh thông nghề nghiệp chuyên môn, người nào trúng tuyển về môn gì, sẽ được sung bổ vào chức việc ti ấy.

Tháng 6, mùa hạ. Sứ thần nước Mông Cổ sang.

Trước đây Hiến Tông nước Mông Cổ sai Nạp Thích Đinh sang dụ nhà vua rằng: "Ngày trước nước Mông Cổ sai sứ sang thông hiếu, thì sứ thần bị bắt không được trở về, vì thế mới có cuộc hành quân năm trước; đến khi sai hai sứ thần sang chiêu an, lại bị trói đưa trả lại, nay đặc phái sứ thần sang hiểu dụ một lần nữa, nếu quyết lòng xin phụ thuộc vào Trung Quốc thì vua phải thân hành sang chầu". Nhà vua tiếp được thư, trả lời rằng: "Đợi khi nào có chiếu chỉ của Thiên tử, lúc ấy sẽ cho ngay con sang làm con tin". Đến đây, Thế Tổ nước Mông Cổ mới lên ngôi, lại sai Lễ bộ lang trung là Mạnh Giáp, Viên ngoại lang là Lý Văn Tuấn sang dụ rằng: "Quan lại, sĩ thứ nước An Nam, phàm áo mũ lễ nghi đều được theo chế độ cũ

---

[1] Một chức trong hàng lại điển, giữ việc từ hàn ở trong cơ quan.

[2] Cơ quan hành chính.

[3] Giữ việc thuốc thang điều trị cho vua chúa.

[4] Giữ nghi lễ tế tự.

nước mình. Trung Triều[1] đã hạ lệnh răn bảo quan lại ở ngoài biên giới không được thiện tiện đem quân xâm nhiễu, vậy hai bên đều nên giữ việc trị an như cũ". Khi bọn Mạnh Giáp đã đến nơi, nhà vua ban yến ở cung Thánh Từ. Sau nhà vua sai viên Thông thị đại phu là Trần Phụng Công, viên ký ban các vệ là Nguyễn Thám và Viên ngoại lang là Nguyễn Diễn sang Mông Cổ đáp lễ, vua Mông Cổ ban sách phong và cho ba súc gấm tây cẩm, sáu súc gấm vàng. Lại định lệ ba năm một lần sang cống kể bắt đầu từ năm Trung Thống thứ 4 (1263) và bắt phải tuyển những học trò, thầy thuốc, thầy số, thầy bói và các thợ, mỗi hạng ba người, cùng với trầm hương, tê giác, đồi mồi, trân châu, ngà voi, chén, các hạng kể trên, phải đưa sang cùng một lúc.

Vua Mông Cổ cho Nạp Thích Đinh sung làm quan Đạt lỗ hoa xích, đi lại giám sát việc cai trị, nhà vua sai Dương An Dưỡng sang tạ ơn, vua Mông Cổ đáp lại bằng đai ngọc, the lục, thuốc bắc và yên ngựa, cương ngựa.

Lời chua - Đạt lỗ hoa xích: Tên chức quan của Mông Cổ, dịch ra nghĩa là quan trưởng ấn, chức quan này giám sát việc cai trị quận huyện.

Bổ dụng Chiêu Minh đại vương là Quang Khải làm Thái uý.

Người anh nhà vua là Quốc Khang nhiều tuổi, nhưng vì tài trí tầm thường không dùng được, nên dùng Quang Khải làm tướng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Chế độ nhà Trần, tước vương, tước hầu đều ở dinh thự riêng tại các làng. Khi triều yết thì về kinh, khi xong việc lại trở về dinh thự riêng của mình. Đến lúc vào làm Tể tướng trong triều mới thống lĩnh hết cả công việc trong nước, nhưng cũng chỉ giữ đại cương mà thôi, còn quyền xếp đặt thì thuộc chức Hành khiển, như thế thì người chức nhỏ làm giữ việc nặng, người chức lớn lại giữ việc nhẹ. Bởi vì muốn bảo toàn cho Tể tướng, nên không muốn để Tể tướng phải phiền lòng về nhiều việc. Vả lại, xem như năm Nguyên Phong[2], giặc Nguyên sang cướp, các vương hầu đều đem hương binh và thổ hào sung vào đội quân cầu vương; việc chính biến năm Đại Định[3], vương hầu lại đem dân các thôn trang sắm sửa nghi trượng (tử tú long đại) để đón vua mới. Như thế thì chế độ nhà Trần cũng làm tăng được sức mạnh của khí thế "duy thành"[4].

Lời chua - Đại Định: Niên hiệu tiếm thiết của Dương Nhật Lễ.

Long Đại: Tức là nghi trượng khi thiên tử đi ra ngoài cung điện. Theo mục "Nghi vệ chí" trong Tống thư, tử tú long đại là nghi trượng của thiên tử.

Nhâm Tuất, năm thứ 5 (1262). (Tống, năm Cảnh Định thứ 3; Mông Cổ, năm Trung Thống thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Đem làng Tức Mặc thăng lên làm phủ Thiên Trường, dựng cung Trùng Quang, Trùng Hoa và chùa Phổ Minh ở phủ ấy.

Thượng hoàng đến chơi hành cung ở Tức Mặc, ban yến tiệc cho dân. Các ông già trong làng người 60 tuổi trở lên, cho quan tước hai tư[5], đàn bà thì cho hai tấm lụa. Nhân đấy đổi làng Tức Mặc làm

---

[1] Triều đình Trung Quốc.

[2] Niên hiệu đời Trần Thái Tông.

[3] Dương Nhật Lễ cướp ngôi vua nhà Trần (1369), tôn thất nhà Trần đem quân đón Trần Húc (con Trần Minh Tông) ở Đà Giang về giết được Nhật Lễ, khôi phục ngôi vua nhà Trần, tức Trần Nghệ Tông.

[4] Thơ Bản trong thiên Tiểu nhã kinh Thi có câu "tông tử duy thành", người tôn thất như cái thành bảo vệ triều đình. Người làm vua nên lấy đạo nghĩa đối đãi tôn thất, thì cái thành mới vững.

[5] Tư: Tư cách. Có những điển như sau: mục "Bách quan chí" trong Đường thư chép: Xét công trạng các quan chia ra nhiều tư: thượng tư, thứ tư và hạ tư, người bạch đinh và vệ sĩ không có tư (Từ Hải trang 26). Mục "Tuyển cử chí" trong Đường thư chép: Lại bộ thượng thư Bùi Quang Đình mới đặt thể lệ theo tư cách, các viên chức không kể người hiền người ngu, tất phải hợp tư cách mới được bổ dụng, nghĩa là theo địa vị để tuyển dụng có một cách thức nhất định. (Từ Hải, tờ 1274 và Từ Nguyên, Dậu tập, tờ 97).

phủ Thiên Trường; dựng cung gọi là Trùng Quang để cho các vua đã nhường ngôi rồi về ở, phía tây cung dựng chùa Phổ Minh; lại dựng một cung riêng để cho tự quân[1] khi đến chầu Thượng hoàng thì ngự ở đó, gọi là cung Trùng Hoa; đặt người chức dịch ở hai cung ấy để phòng khi sai khiến hầu hạ, và đặt chức Lưu thủ để trông coi.

Lời chua - Tức Mặc: Xem Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2 (Chb. VI, 4).

Tháng 3. Hạ chiếu cho các quân đội tập trận.

Quân thủy và quân bộ đều phải sửa soạn chiến khí, chiến thuyền, diễn tập chiến trận ở bãi phù sa sông Bạch Hạc.

Lời chua - Sông Bạch Hạc: Ở địa phận huyện Bạch Hạc tỉnh Sơn Tây[2]. Sông này phía trên giáp với sông Thao, sông Đà, phía dưới thông với sông Phú Lương.

Tháng 6, mùa hạ. Sứ thần nhà Tống sang.

Nhà Tống thấy nhà vua đã được Thượng hoàng truyền ngôi cho rồi, nên hạ chiếu cho tập phong làm An Nam quốc vương và gia phong vua Thái Tông làm Đại vương.

Tháng 9, mùa thu. Xét tình trạng những người bị tội.

Người bị tội dầu nặng dầu nhẹ đều được tha bổng, duy lúc quân Mông Cổ sang xâm lược mà ai hàng giặc thì không được tha.

Quý Hợi, năm thứ 6 (1263). (Tống, năm Cảnh Định thứ 4; Mông Cổ, năm Trung Thống thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Mưa đá.

Tháng 3. Sét đánh điện Thiên An.

Lời chua - Điện Thiên An: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 2 (Chb. II, 33).

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh bệnh dịch.

Tháng 12, mùa đông. Mưa to, gió lớn.

Giáp Tí, năm thứ 7 (1264). (Tống, năm Cảnh Định thứ 5; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Trần Thủ Độ mất.

Thủ Độ dầu không có học vấn gì, nhưng có tài lược. Thái Tông được thiên hạ là do mưu sức của Thủ Độ cả, cho nên Thủ Độ là một chỗ dựa vững chắc của nhà Trần, quyền bính lấn át cả vua. Bây giờ có người đã hặc[3] Thủ Độ, khi người ấy trông thấy Thái Tông, liền chảy nước mắt mà tâu rằng: "Bệ hạ còn thơ ấu, mà quyền bính của Thủ Độ to quá, thế thì xã tắc sẽ ra thế nào?". Thái Tông lập tức đi xe đến chơi nhà riêng Thủ Độ và đem cả người ấy đi theo, rồi theo lời hặc ấy bảo cho Thủ Độ biết. Thủ Độ thưa rằng: "Câu nói ấy đúng sự thực", nói xong liền đem tiền lụa thưởng cho người ấy.

Thái Tông thường có ý muốn cho anh ruột Thủ Độ là An Quốc làm Tể tướng, Thủ Độ từ chối, nói rằng: "An Quốc là anh tôi, nếu bệ hạ nhận thấy là người hiền tài thì tôi xin từ chức để nhường cho anh tôi, nếu bệ hạ nhận thấy không phải hiền tài thì không nên dùng, chứ nếu cả hai anh em đều làm tướng, thì đối với thiên hạ còn ra thế nào?". Do đấy Thái Tông mới bỏ ý nghĩ ấy.

Nước ta về triều Lê, các quan chức có 24 thông tư, bậc thấp nhất là từng cửu phẩm, một tư, bậc cao nhất là quốc công đủ 24 tư (Cương mục thông giám Chính biên quyển XXII tờ 25).

[1] Hoàng tử nào được vua cha truyền ngôi cho lên làm vua gọi là tự quân.

[2] Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

[3] Vạch trần tội lỗi của người khác cho mọi người biết.

Thủ Độ dầu làm quan đến Tể tướng, mà không việc gì là không để ý đến, vì thế mới giúp nhà Trần dựng nên cơ nghiệp đế vương, mà cũng giữ trọn vẹn được thân mình. Thái Tông có làm văn bia ở sinh từ Thủ Độ để tỏ ý quý mến hơn người khác.

Nhưng xét ra, những việc giết vua triều trước[1] và thông dâm với vợ vua[2], việc gì Thủ Độ cũng nhẫn tâm làm cả. Như thế Thủ Độ là bầy tôi có công với triều Trần, mà là người có tội với triều Lý.

Tháng 3. Bổ dụng Khâm Thiên đại vương là Nhật Hiệu làm Tướng quốc Thái uý.

Nhà vua muốn dùng Nhật Hiệu làm Thái sư, nhưng Nhật Hiệu cố ý từ chối không nhận, có lẽ hắn thẹn về việc viết chữ vào mạn thuyền khi trước; vì thế quan chức của hắn mới thêm hai chữ "tướng quốc", và phong hắn làm Tướng quốc Thái uý thống lĩnh mọi công việc trong nước.

Lời chua - Việc viết chữ vào mạn thuyền: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 41).

Tháng 7, mùa thu. Sao chổi mọc ở phương Đông Bắc.

Thượng hoàng ban yến cho bầy tôi ở điện Diên Hiền, chợt thấy sao chổi mọc về phương Đông Bắc, dài suốt một phương trời, Thượng hoàng ra coi, rồi bảo rằng: "Ta xem ngôi sao này tia sáng rất lớn, đuôi mọc rất dài, chắc không phải sự tai biến ứng về nước ta", rồi lại cho ăn yến đến xong tiệc. Tháng 10 năm ấy, vua nhà Tống mất.

Lời phê - Câu nói này cũng may mà trúng, vì chính Thái Tông thấy rõ được công việc nhà Tống lúc bấy giờ, nên nói khiên cưỡng mà thôi, chứ biết thế nào được đạo trời.

Ất Sửu, năm thứ 8 (1265). (Tống, Độ Tông, năm Hàm Thuần thứ 1; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sai sứ thần sang cống.

Nước Chiêm Thành từ khi bị Thái Tông sang đánh đến nay, sợ oai, phải một lòng thần phục, nên trong một đời nhà vua sáu lần sang cốngNước Chiêm Thành từ khi bị Thái Tông sang đánh đến nay, sợ oai, phải một lòng thần phục, nên trong một đời nhà vua sáu lần sang cống[3].

Tháng 3. Đổi ti Bình Bạc[4] ở kinh sư làm Đại an phủ sứ.

Viên quan nào giữ chức An phủ ở các lộ, sau khi mãn lệ khảo công, thì được cất nhắc lên giữ chức An phủ ở Thiên Trường, lại qua một lần khảo công nữa, được cất nhắc lên Thẩm hình viện, rồi mới được thực thụ chức Đại an phủ ở kinh sư. Cách đề bạt như thế, là có ý coi trọng chức quan đứng đầu địa phương trong kinh thành.

Tháng 7, mùa thu. Nước to, nhà vua hạ chiếu ân xá.

Nước lên to, tràn vào phường Cơ Xá, người và súc vật phần nhiều bị chết đuối, vì thế mới hạ chiếu ân xá.

Lời chua - Cơ Xá: Xem Lý Nhân Tông, năm Long Phù thứ 8 (Chb. VI, 6).

Bính Dần, năm thứ 9 (1266). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 2; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Sai sứ sang Mông Cổ.

---

[1] Chỉ việc Thủ Độ giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo.

[2] Chỉ việc Thủ Độ thông dâm với Thiên Cực công chúa là vợ Lý Huệ Tông, sau lại lấy làm vợ mình.

[3] Năm Thiên Long thứ 8, 9, 10, 12, 13 và năm Thiệu Bảo thứ nhất. Trong sáu lần cống, có hai lần cống voi trắng.

[4] Chức quan đứng đầu địa phương ở kinh sư: Chức quan này giữ việc xét xử quyết đoán các việc kiện tụng, nên gọi là bình bạc (Xem thêm Chb. VI, 10).

Sứ thần Mông Cổ sang nước ta ban hành tờ chiếu đổi niên hiệu mới và trao cho niên lịch năm Bính Dần, vì thế nhà vua sai Dương An Dưỡng đem thư sang Mông Cổ: 1) Xin định lại những phẩm vật địa phương phải cống nạp; 2) Xin miễn việc phải nộp học trò, thầy thuốc và thợ thuyền; 3) Xin cho Nạp Thích Đinh làm Đạt lỗ hoa xích dài hạn. Mông Cổ đầu nhận lời, nhưng không được bao lâu lại đòi nước ta phải nhận 6 việc: 1) vua phải thân sang chầu; 2) cho con em sang làm con tin; 3) phải kê nộp số dân trong nước; 4) phải nộp một số quân; 5) phải nộp tô thuế; 6) vẫn đặt quan để giám sát việc cai trị.

Tháng 10, mùa đông. Hạ chiếu cho vương hầu được phép đặt điền trang.

Tước vương, tước hầu, công chúa, phò mã và cung tần đều được phép chiêu mộ những người phiêu tán nghèo đói làm nô tỳ để khai khẩn ruộng bỏ hoang, lập thành trang hộ. Vương, hầu có điền trang bắt đầu từ đây trước.

Đinh Mão, năm thứ 10 (1267). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 3; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Định thể lệ phong ấm cho những người trong tôn thất.

Con các vương, hầu, công chúa trong hoàng tông thuộc về dòng chính được phong ấm, gọi là "kim chi ngọc điệp" (cành vàng lá ngọc); cháu ba đời những người ấy phong là quận vương, cháu bốn đời ban cho tước minh tự, cháu năm đời ban cho tước thượng phẩm, theo với thế thứ ở "ngũ phục đồ"[1].

> **Lời cẩn án -** Thể lệ phong ấm triều nhà Trần, theo Sử cũ chép lại, phần nhiều không hiểu rõ được, như con thứ của vua phong là thượng vị hầu, mà con trưởng của các tước vương thì phong vương, con thứ cũng phong là thượng vị hầu, như thế đã không theo thế thứ. Đến như việc tập ấm, mà cháu ba đời của vương, hầu, công chúa cũng phong đến quận vương, thì thật là lộn xộn. Việc này sẽ khảo cứu sau.

Tháng 4, mùa hạ. Kén chọn học trò lấy người nào có tài năng văn học sung bổ vào giữ việc ở quán, các, sảnh và viện.

Theo quy chế cũ, chức Hành khiển chưa bao giờ dùng người văn học,chỉ có người hầu cận trong nội[2] mới được làm. Lúc ấy Đặng Kế giữ chức Hàn lâm viện học sĩ[3], Đỗ Quốc Tá giữ chức Trung thư sảnh trung thư lệnh[4]. Người có văn học được giữ quyền bính bắt đầu từ đây trước.

Tháng 5. Phong cho em là Ích Tắc tước Chiêu Quốc vương.

Ích Tắc là con thứ của Thượng hoàng, thông minh, chăm học, am hiểu kinh truyện và lục nghệ, lại có tài làm văn chương; những nghệ thuật nhỏ như đá cầu, đánh cờ, không việc gì là không tinh hiểu. Thường mở trường học ở bên hữu chỗ nhà riêng, họp tập những người văn sĩ bốn phương, cấp cho cơm áo để cùng nhau giảng tập, như các ông Mạc Đĩnh Chi, Bùi Phóng, đến 20 người, đều là những người sau này có giúp ích cho đời cả.

> **Lời chua -** Đĩnh Chi: Người ở Chí Linh thuộc Hải Dương.

---

[1] Ngũ phục là những người cùng một tông tộc, theo thế thứ trong họ, mặc tang phục để tang nhau, chia ra 5 hạng:

1- Trảm thôi: mặc áo xổ gấu để tang 3 năm;

2- Tư thôi hay là cơ niên: mặc áo vén gấu để tang 1 năm;

3- Đại công: để tang 9 tháng;

4- Tiểu công: để tang 5 tháng;

5- Ti ma: để tang 3 táng;

Năm thứ tang phục này, có hình vẽ ở trong luật, nên gọi là "ngũ phục đồ".

[2] Tức bọn hoạn quan.

[3] Chức quan đứng đầu Viện Hàn lâm có nhiệm vụ trông coi việc soạn thảo những chế, cáo, chiếu, chỉ của vua.

[4] Chức quan có nhiệm vụ giúp vua ý kiến lời khuyên về các việc trọng đại trong triều.

Bùi Phóng: Người ở Hải Dương, không rõ về huyện nào.

Tháng 8, mùa thu. Định đội ngũ trong quân lính.

Mỗi quân chia ra 30 đô, mỗi đô 80 người, chọn những người trong tôn thất hiểu vũ nghệ, thông binh pháp, đứng ra cai quản.

Lời chua - Sách Ngũ đại sử chép: Quân lính nhà Hậu Đường có "Phủng thánh đô". Sách ấy chua rằng: "Đô, là tên quân ngũ".

Phong cho em là Nhật Duật tước Chiêu Văn Vương.

Nhật Duật là con thứ sáu của Thượng hoàng, lúc sinh ra, ở hai bắp cánh tay có viết chữ "chiêu văn", vì thế lấy chữ ấy làm hiệu phong vương.

Mậu Thìn, năm thứ 11 (1268). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 4; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ chiếu cho tước vương, tước hầu thuộc họ tôn thất vào chầu trong nội điện.

Nhà vua thường bảo các người trong tôn thất rằng: "Thiên hạ này là thiên hạ của tổ tông, người nối cơ nghiệp tổ tông nên cùng anh em trong tôn thất cùng hưởng phú quý. Dầu rằng cả thiên hạ cùng phụng thờ một người[1], đó là sự tôn kính điển thường theo về danh phận, nhưng anh em là xương thịt rất thân, gặp lúc lo thì cùng lo, gặp lúc vui thì cùng vui. Trẫm với các khanh, nói về tình thân cũng như thân thể một người không thể chia cắt được. Các khanh nên đem lời nói này của trẫm truyền bá cho con cháu, để ghi nhớ không bao giờ quên, thế là phúc trạch muôn đời của tông miếu, xã tắc nhà ta đấy". Đến nay nhà vua hạ chiếu cho tước vương, tước hầu trong họ nội thất, sau khi bãi trào thì vào chầu trong Nội Điện và Lan Đình, cùng nhau ăn uống; có khi trời tối không về được, thì trải gối dài, chăn rộng, kê giường liền sát vào nhau để cùng nằm chung, yêu kính nhau về đủ mọi mặt. Nhưng đến khi có lễ lớn, như thiết triều, khánh hạ, ban yến, tế tự, thì thứ vị người tôn người ti rất nghiêm chỉnh rõ ràng. Vì thế lúc bấy giờ vương hầu ai cũng hòa mục, kính sợ, không người nào có thái độ khinh nhờn kiêu căng.

Lời phê - Nhà Trần thu được nhiều hiệu lực của tôn thất là do ở việc này, cũng do việc này mà thân mật với nhau quá, rồi đi đến chỗ chung chạ loạn luân. Thế mới biết "thiên hạ không có việc gì toàn lợi, cũng không có việc gì toàn hại", câu cổ nhân nói thật là đúng lắm. Còn như câu vua Trần nói "nên cùng anh em trong tôn thất cùng hưởng phú quý", thì trái với cái ý "nuôi người hiền tài, cầu người tuấn kiệt" của đế vương đời xưa.

Tháng 6, mùa hạ. Đại hạn.

Tháng 7, mùa thu. Nước to.

Tướng quốc Thái uý là Nhật Hiệu mất.

Dân bị nạn đói lớn.

Tháng 12, mùa đông. Sứ thần Mông Cổ sang.

Mông Cổ sai Hốt Lung Hải Nha sang thay Nạp Thích Đinh làm Đạt lỗ hoa xích, Trương Đình Trân làm chức phó. Khi hai người đến nơi, nhà vua nhận tờ chiếu, không lạy, bảo bọn Đình Trân rằng: "Các ông làm quan một triều, tôi đây là vua một nước, có lẽ nào các ông làm lễ ngang hàng với tôi được?". Đình Trân nói: "Sứ thần của thiên vương dầu nhỏ, nhưng theo thứ tự, được đứng trên hàng các vua chư hầu". Sau việc này, vua Mông Cổ sai trung thư gửi công điệp sang nói về việc nhà vua nhận tờ chiếu không lạy, không dùng lễ "vương nhân"[2] đối đãi với sứ thần, trong công điệp lại viện dẫn nghĩa trong

---

[1] Trỏ vào ông vua đương thời.

[2] Người của thiên tử sai đem mệnh lệnh đến ban bố cho vua chư hầu.

kinh Xuân thu[1] để trách móc. Nhà vua sai phúc đáp lại rằng: "Sứ thần không nên làm lễ ngang hàng với vua một nước. Vả lại, trước đây thiên triều đã có dụ cho mọi việc trong nước tôi cứ được theo tục cũ của bản quốc. Thế thì việc nhận chiếu chỉ của thiên triều đem kính để tại chính điện, còn vua thì lui xuống ở nhà riêng, đấy là điển lệ cũ của nước tôi đấy". Trung thư nước Mông Cổ lại gửi công điệp sang, lấy cớ rằng sứ thần của triều đình dầu chức nhỏ, nhưng phải coi mệnh lệnh của thiên tử là trọng hơn cả. Trước kia vì triều đình nhận thấy nước nào cũng đều có tập tục riêng, không bắt phải thay đổi vội, nên hạ chiếu cho được theo tục nước ấy, chứ có lẽ nào lấy việc không lạy chiếu chỉ của triều đình mà bảo là theo tục cũ được hay sao?". Nhà vua không thuận theo những lời trong công điệp ấy, rồi sai Lê Đà và Đinh Củng Viên sang Mông Cổ biện bạch về việc này.

Kỷ Tị, năm thứ 12 (1269). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 5; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 6).

Tháng 5, mùa hạ. Đất nứt ra. Sao đổi ngôi.

Tháng 6. Đại hạn. Xét những tù phạm tội. Mưa.

Tháng 8. Nước to.

Tháng 9. Cho Tĩnh quốc vương là Quốc Khang làm Phiêu kỵ đô thượng tướng quân[2], giữ việc cai trị Diễn Châu.

Nhà vua với Quốc Khang thường đùa bỡn ở trước mặt Thượng hoàng. Quốc Khang múa điện múa của người rợ mọi, Thượng hoàng cởi áo bông trắng đương mặc ban cho. Nhà vua thấy thế, cũng múa điệu múa người rợ mọi để đòi thưởng áo bông. Quốc Khang nói: "Quý nhất là ngôi hoàng đế, tôi đã không tranh với chú hai rồi, nay vua cha cho tôi vật nhỏ mọn này mà chú hai lại muốn cướp lấy hay sao?". Thượng hoàng cười ầm lên, vẫn để cho Quốc Khang cái áo ấy, rồi cùng nhau vui đùa chán mới thôi. Quốc Khang đi nhận chức Tri Diễn Châu mới được 6 tháng, liền lập nhà riêng ở Diễn Châu, xung quanh làm hành lang giải vũ rất là lộng lẫy. Nhà vua nghe tin, cho người đi dò xét, Quốc Khang sợ, mới dùng nhà riêng ấy làm nơi thờ phật.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tb. IV, 20).

Canh Ngọ, năm thứ 13 (1270). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 6; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 7).

Tháng 7, mùa thu. Nước ngập đầy kinh thành.

Tháng 9. Nhà vua đi du lịch, đến hành cung phủ Thiên Trường.

Tân Mùi, năm thứ 14 (1271). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 7; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Xét các tù phạm tội.

Ngày mồng một, tháng 2. Đất động.

Tháng 3. Bổ dụng Chiêu Minh đại vương là Quang Khải làm Tướng quốc Thái uý[3], thống lĩnh mọi việc trong nước.

Tháng 10, mùa đông. Sứ thần nước Mông Cổ sang.

---

[1] Thời Xuân thu, thiên tử nhà Chu suy yếu, không còn uy quyền gì đối với chư hầu, nhưng nếu có khi nào thiên tử nhà Chu sai người đến hội họp với các chư hầu, thì người sai đi ấy quan chức dầu nhỏ, trong kinh Xuân thu, Khổng Tử vẫn chép chữ "vương nhân" đứng trên các chư hầu, dầu chư hầu ấy là nước lớn như nước Tề, nước Tấn, nước Tống, v.v... vẫn phải ở dưới; đấy là một lệ trong mười lệ chép kinh Xuân thu.

[2] Chức quan võ, chỉ phong cho hoàng tử. Thống lĩnh quân đội toàn quốc. Tuy nhiên không thực quyền. Thời Trần khi có ngoại xâm, chức chỉ huy quân đội toàn quốc thường giao cho người có tài năng trong hoàng tộc như trường hợp của Trần Quốc Tuấn.

[3] Quan đứng đầu triều, như Tể tướng nhưng được coi trọng hơn.

Năm ấy, Mông Cổ đổi quốc hiệu là Đại Nguyên, sai sứ thần sang dụ nhà vua vào chầu; nhà vua từ chối là có bệnh.

Nhâm Thân, năm thứ 15 (1272). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 8; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Sách Đại việt sử ký đã biên soạn xong.

Trước đây, Hàn lâm học sĩ kiêm Quốc tử viện giám tu là Lê Văn Hưu vâng mệnh biênchép sách Quốc sử từ đời Triệu Vũ đế đến đời Lý Chiêu Hoàng, nay sách ấy đã biên soạn xong, tất cả 30 quyển, đem dâng; nhà vua hạ chiếu ban khen.

Tháng 4, mùa hạ. Sai viên ngoại lang là Lê Kính Phu sang hội với người nhà Nguyên, biện luận việc cương giới.

Nhà Nguyên sai Ngột Lương sang hỏi giới mốc đồng trụ ngày trước, nhà vua phái Lê Kính Phu đi hội đồng khám xét. Kính Phu nói với người nhà Nguyên rằng: "Chỗ cột đồng do Mã Viện dựng lên lâu ngày bị chìm lấp, nay không thể biết ở chỗ nào được". Việc đó sau cũng thôi. Khi bấy giờ nhà Tống giữ được một xó đất ở Lâm An, thường bị người nhà Nguyên sang đánh; người nhà Tống có kẻ dùng 30 chiếc thuyền đem gia quyến vượt biển sang xin phụ thuộc với nước ta; nhà vua cho những người ấy ở phường Giai Tuân ngoài kinh thành.

Lời chua - Dưới chữ "Ngột Lương" có lẽ còn có chữ bị mất. Trong Nguyên sử không chép rõ.

Đồng trụ: Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ 19 (Tb. II, 13-14).

Tháng 6. Mặt trời dao động.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua hạ chiếu trưng cầu người hiền lương[1] minh kinh[2].

Những người này được vào hầu vua ở Kinh Diên[3] và bổ sung chức Tư nghiệp ở Quốc Tử Giám.

Quý Dậu, năm Bảo Phù thứ 1 (1273). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 9; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 10).

Tháng 3, mùa xuân. Sét đánh 7 chỗ ở ngoài cửa Đại Hưng.

Lời chua - Cửa Đại Hưng: Xem Lý Nhân Tông, năm Duệ Vũ thứ nhất (Chb. IV, 11).

Tháng 11, mùa đông. Bổ Nhân Túc vương là Toàn làm Nhập nội phán Đại tôn chính phủ đại tôn chính[4].

Giáp Tuất, năm thứ 2 (1274). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 10; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 11).

Tháng 7, mùa thu. Nước to.

Tháng 12, mùa đông. Lập con trưởng là Khâm làm Hoàng thái tử.

Tuyển học trò người có đức hạnh vào hầu đông cung[5], cử Lê Phụ Trần làm Thiếu sư kiêm chức Trừ cung giáo thụ; Nguyễn Thánh Huấn, Nguyễn Sĩ Cố sung chức Nội thị học sĩ. Nhà vua thân thủ viết thơ để dạy Thái tử, lại làm hai quyển Di hậu lục ban cho.

---

[1] Người có văn học tài trí.

[2] Người thông hiểu nghĩa Ngũ Kinh, Tứ thư.

[3] Nơi vua chúa đến ngự để đọc sách.

[4] Chức quan đứng đầu Tôn chính phủ, có nhiệm vụ soạn gia phả, giữ sổ sách ghi chép về họ hàng của nhà vua và hoàng tộc.

[5] Xem chua đông cung ở Chb. V, 16.

Lời chua - Di hậu lục: Nay thất truyền.

Ất Hợi, năm thứ 3 (1275). (Tống, Cung đế, năm Đức Hựu thứ 1; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 12e).

Mùa xuân, tháng giêng. Thi Thái học sinh.

Trước đây, thi lấy học trò, chia ra kinh trạng nguyên và trại trạng nguyên[1]; đến nay, lại hợp lại một. Khoa thi này Đào Tiêu đỗ trạng nguyên, Quách Nhẫn đỗ thám hoa và 27 người đỗ Thái học sinh[2] xuất thân[3] có đẳng đệ khác nhau.

Lời chua - Khoa này khuyết tên người đỗ bảng nhãn.

Đào Tiêu: Người huyện Đông Sơn, Thanh Hóa.

Quách Nhẫn: Người huyện Yên Dũng, Bắc Giang.

Ngày mồng một, tháng 6, mùa hạ. Nhật thực đến hết.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Trước đây, nhà Nguyên lại sai Diệp Thức Nghễ sang thay làm Đạt lỗ hoa xích. Nhà vua sai đáp thư cho nhà Nguyên rằng: "Chức Đạt lỗ hoa xích chỉ có thể đặt ở các nước man di ngoài biên giới, còn nước tôi như cái phên cái giậu che chở cho một phương, mà lại đặt chức quan ấy để kiểm soát công việc, thì chả bị nước khác chê cười hay sao? Xin đổi quan chức ấy làm dẫn tiến sứ". Vua Nguyên không nghe, lại đem sáu việc yêu sách trước ra trách vấn, có ý muốn kiếm cớ để gây mối binh đao. Không những thế, thỉnh thoảng lại sai quân đi tuần ngoài biên giới để xem xét địa thế nữa. Viên thủ thần ở biên giới phía Bắc cho chạy trạm về tâu, vì thế nhà vua mới sai bọn Lê Khắc Phục và Lê Túy Kim sang công cán bên nhà Nguyên, là có ý muốn dập tắt mối binh lửa.

Lời chua - Túy Kim: Trong Nguyên sử chép là Văn Túy.

Bính Tí, năm thứ 4 (1276). (Tống, năm Đức Hựu thứ 2; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 13).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Đào Thế Quang sang Long Châu.

Khi ấy nhà Nguyên muốn gây sự khiêu khích ở ngoài biên giới, cho nên nhà vua sai Thế Quang sang Long Châu, mượn tiếng là đi mua thuốc để dò xem hư thực thế nào.

Lời chua - Long Châu: Thuộc tỉnh Quảng Tây, giáp giới với tỉnh Lạng Sơn nước ta.

Tháng 3. Mặt trời dao động, hai vì sao va chạm nhau.

Trong mặt trời có vết đen lớn bằng quả trứng gà, xô đi xô lại một hồi lâu; lại có hai vì sao va chạm nhau ở giữa trời, một vì sao sa xuống.

Đinh Sửu, năm thứ 5 (1277). (Tống, năm Cảnh Viên thứ 2; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 14).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Nhẫm Bà la, bắt được bộ đảng của bọn ấy hơn ngàn người rồi trở về.

Lời chua - Nhẫm Bà la: Động của người Mán. Sách Thanh Nhất thống chí chép là Ổn Bà la, thuộc một lộ trong phủ Bố Chính, nay chưa biết rõ chỗ nào.

Tháng 4, mùa hạ. Thượng hoàng mất.

---

[1] Xem thêm kinh, trại trạng nguyên ở Chb. VI, 38.

[2] Xem chua ở Chb. VI, 30.

[3] -nt-

Truy tôn tên thụy là Thống thiên ngự cực long công mậu đức hiển hòa hựu thuận thần văn thánh vũ nguyên hiếu hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tông. Thượng hoàng làm vua 33 năm, nhường ngôi 19 năm, hưởng thọ 60 tuổi.

Trước đây, Thượng hoàng sang nhà ngự đường, bỗng thấy con rết leo vào áo mặc, sợ hắt đi, nó rơi xuống đất, có tiếng lạch cạch, trông ra thì là cái đinh sắt. Thượng hoàng bói một quẻ và đoán rằng: "Điềm này ứng với năm đinh". Đến nay đúng như quẻ đã bói[1]. Ngày hôm ấy Thiều Dương công chúa vừa ở cữ chợt nghe tiếng chuông liên thanh ở điện đình, công chúa nói: "Đó chả phải là báo hiệu không lành đó sao?". Những người bên cạnh nói dối thế nào cũng không nghe, òa lên khóc thảm thiết, rồi chết. Người trong nước lấy làm thương tiếc.

Lời chua - Thiều Dương công chúa: Con gái thứ của Thượng hoàng.

Tiếng chuông: Theo thể lệ nhà Lý, nhà Trần, gặp lúc vua mất, thì chuông ở triều đình khua vang lên để báo hiệu.

Tháng 5. Nước to. Đất rạn nứt ra.

Tháng 10, mùa đông. Yên táng Thượng hoàng ở Chiêu Lăng.

Lời chua - Chiêu Lăng: Ở phủ Long Hưng.

Mậu Dần, năm thứ 6 (1278). (Tống, Đế Bính, năm Tường Hưng thứ 1; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Phát sinh chứng tật dịch; kinh thành bị hỏa tai.

Đương đêm, nhà dân ở ngoài kinh thành bị hỏa tai; nhà vua ra ngoài thành, sai Nội thư gia[2] là Đoàn Khung kiểm điểm những người đến cứu chữa. Khung kiểm điểm xong, tâu bày người đến trước đến sau để vua nghe. Nhà vua hỏi: "Sao nhà ngươi biết?". Khung thưa rằng: "Người nào đầu tóc ướt mà bám đầy tro bụi, đó là người đến trước mà cố sức cứu chữa; người nào không có mồ hôi mà tro bụi phất phơ, đó là người đến sau mà không kịp cứu chữa". Nhà vua khen là phải.

Phong cho con là Đức Việp tước Tá Thiên đại vương.

Tháng 6. Có vì sao lớn sa xuống.

Vì sao lớn đổi ngôi sang phương Nam, sa xuống giữa biển, hơn ngàn vì sao nhỏ theo sau, tiếng ầm ầm như sấm, đến vài khắc mới thôi. Đó là cái điềm nhà Tống mất nước.

Tháng 8, mùa thu. Đất động.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua truyền ngôi cho Thái tử là Khâm.

Thái tử lên ngôi, xưng là Hiếu Hoàng. Bầy tôi dâng tên hiệu là: Pháp thiên ngự cực anh liệt vũ thánh minh nhân hoàng đế (tức là Nhân Tông). Tôn vua cha làm Quang Nghiêu từ hiếu thái thượng hoàng đế, và tôn Thiên Cảm hoàng hậu làm Nguyên thánh thiên cảm hoàng thái hậu.

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Nhà Nguyên nghe tin Thái Tông mất, muốn nhân trong nước có tang, đem quân sang đánh, mới sai Lễ bộ thượng thư là Sài Xuân từ Giang Lăng đi thẳng đến Ung Châu để sang địa giới nước ta. Khi Sài Xuân đã đến nơi, viện lẽ là nhà vua không xin mệnh lệnh Trung Quốc mà tự lập để chất vấn và dụ phải vào chầu. Nhà vua theo lệ cũ, đặt tiệc thết đãi ở hành lang, Sài Xuân không đến dự tiệc. Ngày hôm sau, đổi lại thết tiệc ở điện Tập Hiền. Nhân khi ấy, nhà vua nói với Sài Xuân là vì mình sinh trưởng ở nơi cung cấm thâm nghiêm, chưa quan phong thổ, không thể vào chầu được. Sài Xuân trở về. Nhà vua sai Trịnh Đình Toản và Đỗ Quốc Kế đem thư sang nhà Nguyên. Các quan nhà Nguyên cho là trang sức lời lẽ để

---

[1] Vì năm nay là Đinh Sửu.

[2] Tên quan, xem thêm Chb. III, 47.

che tội lỗi, họ bàn nhau muốn tiến quân sang biên giới nước ta, nhưng vua nhà Nguyên chưa quyết định, rồi giữ bọn Đình Toản lại, không cho về.

Lời cẩn án - Theo Nguyên sử loại biên, trước đây đường đi của sứ thần chỉ do cửa quan Lê Hóa, phủ Thiện Xiển (thuộc Vân Nam). Đến nay sai Sài Xuân đi từ Giang Lăng đến Ung Châu, lại theo đường khác, yêu sách nhiều thứ, đòi hỏi nhiều khoản, có ý muốn gây hấn. Thế mà Sử cũ lại chép sứ thần nước ta là Lê Khắc Phục trở về nước, gặp quân Nguyên dẹp yên được nhà Tống, nên đổi đi theo đường Hồ Quảng, Sài Xuân cùng đi với Khắc Phục sang nước ta. Chép như thế có phần sai lầm, nay theo Nguyên sử cải chính lại.

Kỷ Mão, Nhân Tông hoàng đế, năm Thiệu Bảo thứ 1 (1279). (Tống, năm Tường Hưng thứ 2; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sang cống.

Nhà vua mới lên ngôi, nước Chiêm Thành cho bầy tôi là Chế Năng và Cha Diệp sang cống. Bọn Chế Năng xin ở lại làm nội thần, nhà vua không nhận.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Lập Trần thị làm hoàng hậu.

Hậu là con gái lớn Hưng Đạo vương Quốc Tuấn, trước nạp vào cung làm hậu phi, nay sách lập làm hoàng hậu.

Canh Thìn, năm thứ 2 (1280). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 17).

Tháng giêng, mùa xuân. Ban hành thước công.

Thước đo gỗ, thước đo vải cùng một kích thước.

Tháng 2. Duyệt sổ dân đinh.

Tháng 10, mùa đông. Được mùa to.

Năm ấy được mùa, ruộng lúa ở làng Trà Kiều một rò lúa nở hai bông.

Lời chua - Trà Kiều: Tên làng, thuộc Khoái Lộ, nay thay đổi không rõ chỗ nào.

Sai hoạn quan là Trần Hùng Thao kiêm giữ chức quan Kiểm pháp[1].

Em Chi hậu cục thủ Đỗ Khắc Chung là Thiên Thữ kiện nhau với người ta. Nói về tình và lý, thì Thiên Thữ đều đuối cả. Nhưng viên quan xử kiện có ý bênh vực, cố làm thiên lệch đi; gặp lúc nhà vua ra chơi ngoài thành, người kia đón xe vua, tâu bày. Nhà vua nói "đó là họ sợ nể Khắc Chung đấy thôi", liền sai Nội thư hỏa chính chưởng là Trần Hùng Thao kiêm giữ chức quan kiểm pháp, để xét hỏi lại việc này, quả nhiên Thiên Thữ trái lý. Bọn "thanh sam" được giữ chức Kiểm pháp bắt đầu từ đây.

Lời phê - Được đằng này, hỏng đằng khác, chỉ gây ra mầm họa loạn.

Lời chua - Khắc Chung: Người ở Giáp Sơn thuộc Hải Dương sau được ban cho quốc tính.

Thanh sam: Đồ mặc của hoạn quan, nên mới dùng để chỉ hoạn quan.

Trịnh Giốc Mật ở Đà Giang làm phản, Chiêu Văn vương Nhật Duật đi dụ, Giốc Mật ra đầu hàng.

Thổ tù ở Đà Giang là Trịnh Giốc Mật tụ họp dân chúng cướp bóc. Nhà vua sai Nhật Duật đi đánh. Nhật Duật dẫn quân đến Đà Giang, Giốc Mật sai người đến doanh trại quân nộp thệ từ và nói: "Giốc Mật không dám trái mệnh lệnh triều đình, nếu ân chủ đi một người một ngựa đến, thì Giốc Mật xin ra hàng

[1] Chức quan coi về việc xử kiện như Chánh án, Thẩm phán ngày nay.

ngay". Nhật Duật nhận lời, rồi đem năm sáu tiểu đồng cùng đi. Các tướng tá đều can ngăn; Nhật Duật nói: "Nếu y phản trắc với ta, thì triều đình đã có người khác đến, không cần phải lo". Kịp khi Nhật Duật đến nơi, người Mán đứng vây bọc hai ba lần, đều cầm gươm giáo quay đầu vào trong doanh trại. Nhật Duật cứ vào thẳng. Giốc Mật mời ngồi. Nhật Duật thông hiểu tiếng Mán, lại am hiểu cả phong tục của họ, cùng họ ăn bằng tay, uống bằng mũi. Người Mán thích lắm. Giốc Mật liền đem cả gia thuộc đến trại Nhật Duật xin hàng. Mọi người thấy thế, đều vui vẻ kính phục. Khi Nhật Duật về kinh, dẫn Giốc Mật và vợ con hắn vào yết kiến, nhà vua khen ngợi. Sau cho Giốc Mật về, để con hắn ở lại kinh sư, Nhật Duật hết lòng yêu thương giáo dục, lại xin phong tước cho, triều đình ban cho con hắn tước thượng phẩm, sau cũng cho về.

Lời chua - Đà Giang: Tức Hưng Hóa, xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Tân Tị, năm thứ 3 (1281). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập nhà học ở phủ Thiên Trường.

Chế độ nhà Trần khi trước, không cho hiệu quân Thiên Thuộc được học tập văn nghệ, là cốt chú trọng về sức khỏe. Đến đây, lập nhà học ở phủ Thiên Trường, nhưng vẫn cấm người làng Thiên Thuộc không được vào học.

Lời chua - Thiên Trường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Quân Thiên Thuộc: Nhà Trần đem làng Tức Mặc là làng cũ của mình đặt tên là làng Thiên Thuộc, những binh sĩ do làng ấy ứng tuyển gọi là quân Thiên Thuộc.

Nhâm Ngọ, năm thứ 4 (1282). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 19).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sai sứ sang cống.

Chúa Chiêm Thành sai bầy tôi là Bố Bà Ma đem cống con voi trắng.

Tháng 6, mùa hạ. Bọn Trần Di Ái phạm tội, xử vào tội đồ.

Trước đây, nhà Nguyên nhiều lần sai sứ sang dụ nhà vua vào chầu, nhà vua đều không theo. Sau nhà Nguyên lại sai Thượng thư là Lương Tăng sang dụ rằng: Nếu thật vua không thân sang chầu được thì phải đem đủ vàng ngọc sang để thay mình. Thêm vào đấy phải nộp người hiền tài, người làm thợ và người phương kỹ[1], mỗi hạng hai người. Vì thế nhà vua mới cho chú họ là Di Ái và bọn Lê Tuân, Lê Mục đi thay mình. Lúc ấy nhà Nguyên lại lập ti tuyên phủ ở nước ta, cho Bốc Nhan Thiếp Mộc Nhi giữ sứ mạng, đặt liêu thuộc riêng; nhà vua cũng không nhận. Nhà Nguyên lấy làm căm giận, bèn lập Di Ái làm vua, phong Lê Mục làm Hàn lâm học sĩ, Lê Tuân làm Trung thư lệnh, rồi sai Sài Xuân đem một nghìn quân hộ tống về nước. Nhà vua sai người đón đường giết chết. Bọn Di Ái trốn về nước; nhà vua hạ chiếu trị tội, bắt chịu tội đồ làm lính.

Lời cẩn án - Sử cũ chép: "Sài Xuân đem quân đưa Di Ái về nước ta, thái độ ngạo mạn không giữ lễ phép, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh, lính canh cửa ngăn lại, Sài Xuân cầm roi ngựa đánh vào đầu người lính ấy bị thương; khi đi đến điện Tập Hiền, thấy màn trướng trần thiết, hắn mới xuống ngựa. Nhà vua sai Quang Khải đến quán sứ tiếp kiến, hắn nằm yên không ra tiếp, Quang Khải đi thẳng vào chỗ nằm, cũng không chịu dậy. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn được tin ấy, liền cắt tóc, mặc áo vải, hóa trang làm hình dạng người sư Trung Quốc, rồi tâu với vua xin đến quán sứ để xem xét hành động của Sài Xuân. Khi đến nơi, Sài Xuân đứng dậy, vái chào và mời ngồi, pha trà cùng uống, khi ra về, Sài Xuân tiễn ra tận cửa; mọi người đều lấy làm kinh dị".

Nay tham khảo sách Nguyên sử loại biên và sách Thiên nam hành kỷ (của Từ Minh Thiện nhà Nguyên) chép về phần dụ, chiếu, cũng nói rằng: "[Vua An nam] tiếng nói

[1] Những người làm nghề thầy thuốc, thầy bói, xem tướng, xem số... đều gọi là hạng phương kỹ.

là khâm mộ phong hóa Trung Quốc, mà thực ra chưa đến triều yết lần nào. Đến khi cho chú về tạm giữ giới nước ấy, thì lại ngang nhiên kháng cự, làm việc chém giết một cách càn giỡ".

Cứ như thế thì khi Sài Xuân đem quân sang nước ta, đã bị quân ta đón đánh giết chết ở trên biên giới rồi, có lẽ nào lại đến cửa Dương Minh mà kiêu ngạo càn giỡ được nữa? Hay là việc này xảy ra lúc Sài Xuân sang dụ Thánh Tông vào năm Bảo Phù thứ 6, mà Sử cũ chép lầm vào đoạn sách này, nay theo Nguyên sử cải chính lại.

Lời chua - Di Ái: Còn một tên nữa là Trần Ái.

Tháng 8, mùa thu. Có cá sấu đến sông Phú lương.

Nhà vua sai quan Hình bộ thượng thư là Nguyễn Thuyên làm bài văn thả xuống sông, cá sấu tự nhiên bỏ đi; nhà vua thấy việc đó giống như việc Hàn Dũ[1], cho Nguyễn Thuyên được đổi họ là họ Hàn.

Lời phê[2] - Việc này quyết nhiên không có, chẳng qua do tính hiếu kỳ mà phụ hội xằng xiên.

Lời chua - Sông Phú Lương: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Nguyễn Thuyên: Người Thanh Lâm, thuộc Hải Dơng, có tài làm thơ phú bằng Quốc ngữ, nhiều người bắt chước. Vì thế sau này làm thơ Quốc âm gọi là Hàn luật[3].

Tháng 10, mùa đông. Có tin ở ngoài biên báo về kinh rằng: nhà Nguyên đem quân sang nước ta. Nhà vua ra bến đò Bình Than. Khởi phục[4] Trần Khánh Dư cho giữ chức Phó đô tướng quân.

Nhà Nguyên sai bọn Toa Đô, Đường Ngột Ngại đem quân sang đánh Chiêm Thành. Một mặt khác lại bàn định cho thái tử Thoát Hoan làm Trấn Nam vương, cùng với Tả thừa là Lý Hằng đem năm mươi vạn quân, nói mượn đường nước ta để hội họp quân đi đánh Chiêm Thành và trưng thu lương thực nước ta để tiếp tế cho quân ăn. Mặt ngoài nói thế, nhưng kỳ thực là sang xâm lấn. Viên quan trấn thủ ở Lạng Giang là Lương Uất được tin, cho ngay người đem việc ấy về triều tâu bày. Nhà vua sai sắp xe đi ra bến Bình Than, hội họp vương hầu trăm quan lại để bàn kế đánh giữ.

Nói về Trần Khánh Dư. Lúc đầu năm Nguyên Phong[5], Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư từng có công đánh giặc, được phong chức Phiêu kỵ đại tướng quân rồi thăng đến tử phục[6] thượng vị hầu; sau vì tư thông với Thiên Thụy công chúa, phải tội cách hết quan tước và tịch thu tài sản. Khánh Dư phải lui về ở Chí Linh, làm nghề bán than, cùng chung sức với bọn tôi đòi, làm việc nặng nhọc. Lúc ấy Khánh Dư chở thuyền qua bến Bình Than, người chân sào đều đội nón cói, mặc áo cánh bằng vải gai. Nhà vua trông thấy, trỏ vào thuyền Khánh Dư bảo với các quan hầu cận rằng: "Người kia chả phải Nhân Huệ vương đấy ư?". Nói xong liền cho quân sĩ bơi chiếc thuyền nhỏ đuổi theo. Khi quân sĩ theo kịp, hô lên rằng: "Có mệnh lệnh vua cho triệu ông đấy!". Khánh Dư nói: "Lão già này là người bán than, có việc chi mà vua triệu?". Quân sĩ đem câu nói ấy về tâu. Nhà vua nói: "Đúng là Nhân Huệ vương rồi, người thường chắc không dám nói thế". Lại sai nội thị đến triệu. Khi Khánh Dư đến, mặc áo cánh bằng vải gai và đội nón cói vào yết kiến. Nhà vua nói: "Không ngờ người nam nhi như thế mà lưu lạc đến như thế?", liền hạ chiếu tha tội cho. Khánh Dư tiến lên thuyền vua vái tạ. Vua ban cho áo của vua thường mặc và cho ngồi

[1] Hàn Dũ, một văn hào đời Đường. Năm Nguyên Hòa thứ 14 đời Đường Hiến tông (819), Hàn Dũ làm thứ sử Triều Châu, biết được sông ở Triều Châu có cá sấu làm hại dân. Hàn liền đem dê lợn và làm bài văn tế cá sấu vứt xuống sông, tự nhiên sấm gió nổi lên, cách mấy hôm sau không thấy bóng cá sấu nữa.

[2] Chỉ việc cá sấu.

[3] Luật thơ do họ Hàn (Hàn Thuyên) đặt ra.

[4] Được trả lại chức cũ mà trước đã bị cách.

[5] Niên hiệu Trần Thái Tông (1251-1258).

[6] Chức quan mặc áo màu tía. Quan chế nhà Trần, phẩm phục màu tía là quan chức bậc cao. Xem thêm Chính biên quyển IX, tờ 14.

ở dưới hàng các tước vương. Những lời nghị luận của Khánh Dư đều hợp ý vua. Nhà vua cho phục chức và phong làm Phó đô tướng quân.

Nói về Trần Quốc Toản. Lúc ấy có Hoài Văn hầu là Quốc Toản, cũng theo xa giá. Vì còn ít tuổi, không được dự bàn việc quân, Quốc Toản lấy làm hổ giận lắm, trong tay cầm quả cam, không biết bóp nát ra lúc nào; khi đã lui về, cùng với hơn ngàn người gia đồng và thân thuộc sắm sửa binh khí, chiến thuyền, kéo cờ đề sáu chữ "Phá cường tặc báo hoàng ân"[1]. Kịp lúc quan quân đánh nhau với quân Nguyên, Quốc Toản thường xông pha đi trước quân lính, quân giặc trông thấy là phải tránh lui, không ai dám đối địch.

Lời chua - Bình Than: Tên bến đò, ở địa phận xã Trần Xá, huyện Chí Linh.

Chí Linh: Đất Bàng Châu xưa, một tên nữa là Bàng Hà; thuộc Minh đổi là huyện Chí Linh; nhà Lê cũng theo tên ấy; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Thoát Hoan: Sách Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép là Thác Hoan.

Thiên Thụy công chúa: Vợ Quốc Nghiện, con trai Hưng Đạo vương.

Khánh Dư, Quốc Toản: Đều là tôn thất nhà Trần.

Bổ dụng Chiêu Minh vương Quang Khải làm Thượng tướng Thái sư[2], Đinh Củng Viên làm Hàn lâm học sĩ phụng chỉ[3].

Quý Mùi, năm thứ 5 (1283). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Trần Lão có tội, phải luận vào tội đồ.

Trần Lão là họ tôn thất, được phong thượng vị hầu, vì làm thư nặc danh nói xấu chính sự trong nước, nhà vua hạ chiếu luận tội, nhưng cho phép nộp một ngàn quan tiền để chuộc tội và bắt đi đày làm binh lính.

Mưa đá to.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Hưng Đạo vương Quốc Tuấn làm Quốc công, tiết chế[4] thống lĩnh tất cả các quân.

Lúc ấy, Trung phẩm làm Hoàng Ư Lệnh và Nội thư gia là Nguyễn Chương sang sứ bên nhà Nguyên trở về, nói: Nhà Nguyên sai Thái tử là A Thai và Bình chương là A Thích hội họp 50 vạn quân ở Hồ Quảng, định đến sang năm kéo sang cướp nước ta. Bấy giờ nhà vua thân hành đem các vương hầu điều động tất cả quân thủy quân bộ, thao diễn chiến trận, hạ lệnh cho Quốc Tuấn làm Quốc công, tiết chế thống lĩnh tất cả các sắc quân; chọn trong hàng tướng tá nếu người nào có tướng tài thì phân phối cho thống lĩnh đội ngũ của từng bộ phận.

Lời cẩn án - Khi quân Nguyên kéo sang nước ta, thống tướng là thái tử Thoát Hoan, thế mà sứ thần nước ta về lại nói thái tử là A Thai, và nói quân Nguyên nhiều đến 50 vạn. Có lẽ sứ thần cũng chỉ nghe lời đồn đại ở ngoài, cho nên không thể nào khỏi sai lầm được.

Lời chua - Chế độ nhà Trần, người nào lấy tư cách là thân vương vào triều làm tướng văn thì xưng là "công". Quốc Tuấn lấy tư cách thân vương làm tướng võ, nên cũng xưng là "quốc công".

Giáp Thân, năm thứ 6 (1284). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào sông Tô Lịch.

---

[1] Phá tan giặc mạnh, báo đáp ơn vua.

[2] Quan đứng đầu triều, cai quản cả hai ban văn võ.

[3] Quan đứng đầu Viện Hàn lâm trông coi việc soạn thảo những chế, cáo, chiếu, chỉ của nhà vua.

[4] Như chức Tổng tư lệnh quân đội ngày nay.

Lời chua - Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31).

Tháng 2. Đất ở đàn tế thần xã[1] bị nứt ra.

Chỗ đất nứt dài bảy thước, rộng bốn tấc, sâu không biết chừng nào.

Tháng 8, mùa thu. Duyệt binh một cách to lớn.

Nhà vua hạ lệnh cho Hưng Đạo vương Quốc Tuấn điều khiển các sắc quân của vương, hầu, mở cuộc duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu, rồi chia quân ra đóng giữ bến Bình Than và các nơi xung yếu.

Lời chua - Đông Bộ Đầu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị bình long ứng thứ 5 (Chb. V, 33).

Ngày mồng 4, tháng 9. Mặt trăng và sao Kim tinh xuất hiện lúc ban ngày.

Xuất hiện về phương Tây - Nam, cách nhau hơn một thước.

Lời chua - Kim Tinh: Sao Thái Bạch.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Nhà Nguyên họp quân sĩ ở Hồ Quảng[2], hẹn ngày sang xâm lấn nước ta. Nhà vua sai trung đại phu là Trần Phủ sang hành tỉnh[3] Kinh Hồ bên Nguyên xin hoãn quân, nhà Nguyên không bằng lòng, sai Thái tử Thoát Hoan thống lĩnh các quân, nói thác là sang đánh Chiêm Thành, mà thực là chia đường sang cướp nước ta. Nhà vua cho triệu những kỳ lão trong nước vào thềm điện Diên Hồng mời ăn uống, hỏi mưu kế, các kỳ lão đều nói rằng: "Phải đánh!". Không có một người nào nói khác cả.

Tháng 12. Quân Nguyên xâm phạm và cửa ải nước ta. Quân quan của ta đánh với quân Nguyên, bị thất bại, nhà vua chạy sang Hải Đông.

Thoát Hoan nhà Nguyên kéo quân đến cửa ải nước ta, đưa thư sang mượn đường; nhà vua đưa thư trả lời rằng: "Từ nước tôi đến Chiêm Thành, đường thủy, đường bộ đều không tiện cả". Rồi liền hạ lệnh cho Hưng Đạo vương Quốc Tuấn chia quân ra chống cự phòng thủ. Quân Nguyên kéo đến Lộc Châu, lại sai Bả tổng[4] là A Lý sang nói rõ về lý do cất quân là cốt sang đánh Chiêm Thành, chứ không có ý gì khác. Quan quân ta ngăn cản ở núi Kheo Cấp, quân Nguyên không tiến sang được. Chúng liền tiến theo cửa ải Khả Ly, quan quân ta chống cự lại không được; chúng bèn vào cửa Chi Lăng, quan quân ta lui về giữ bến Vạn Kiếp. Nhà vua ngự chiếc thuyền nhỏ sang Hải Đông, lúc ấy trời đã chiều mà chưa ăn cơm sáng, có tiểu tốt là Trần Lai đem cơm gạo hẩm dâng lên, nhà vua khen là người trung nghĩa, cho tước Thượng phẩm.

Lời chua - Vạn Lại: Tên xã, nay đổi là Vạn An thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh.

Hải Đông: Tức Yên Bang. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19).

Lộc Châu: Nguyên trước thuộc lộ Tư Minh (Trung Quốc), đến năm Tuyên Đức thứ nhất (1426) triều Minh, mới thuộc vào nước ta. Triều nhà Lê nhân đấy hợp với đất châu Bình Tây đổi tên là châu Lộc Bình, nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Núi Kheo Cấp: Nay là phố Kỳ Lừa, châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn.

---

[1] Đàn thờ thần thổ địa.

[2] Triều nhà Nguyên đặt hành trung thư tỉnh ở Hồ Quảng, thống lĩnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Đông, Quảng Tây (Từ Nguyên, tị tập tờ 126).

[3] Triều nhà Nguyên đặt hành trung thư tỉnh ở các lộ, gọi là hành tỉnh, đời sau mới dùng danh từ "hành tỉnh" làm tên gọi khu vực hành chính, cũng gọi tắt là tỉnh (Từ Hải, trang 1204).

[4] Một chức về hàng quan võ của Mông Cổ.

Cửa ải Khả Ly: Nay không biết ở đâu.

Cửa Chi Lăng: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb. I, 17).

Hưng Đạo vương Quốc Tuấn hội họp quân các lộ ở Vạn Kiếp.

Nhà vua sang Hải Đông, hạ lệnh cho Quốc Tuấn điều khiển quân dân các lộ Vân Trà, Ba Điểm, chọn người nào khỏe mạnh cho làm tiền phong, vượt biển kéo vào mặt nam, thế quân dần dần phấn chấn; quân các đạo khác được tin đều đem nhau đến hội họp. Hưng Vũ vương Nghiện, Hưng Nhượng vương Tảng, Hưng Trí vương Nghiễn, thân đốc suất các đạo quân ở Bàng Hà, Na Ngạn, Vân Trà, Long Nhỡn, số quân tất cả có hai mươi vạn. Các tướng đến hội họp ở Vạn Kiếp, đều chịu dưới quyền tiết chế của Hưng Đạo vương.

Trước đây, Quốc Tuấn có gia nô là Dã Tượng và Yết Kiêu. Quốc Tuấn đối đãi với hai người này rất hậu. Khi quân Nguyên kéo đến nơi, Yết Kiêu chịu trách nhiệm giữ thuyền ở bến Bãi, còn Dã Tượng thì đi theo Hưng Đạo vương. Lúc quan quân bị thua, chu sư[1] đều tan vỡ, ý Hưng Đạo vương muốn theo đường núi rút lui, Dã Tượng nói: "Yết Kiêu chưa gặp chúa công, tất không dời thuyền đi nơi khác". Hưng Đạo vương vội vàng đi đến bến Bãi, quả nhiên thấy một mình thuyền Yết Kiêu còn đỗ ở đấy, ông mừng nói: "Chim hồng hộc sở dĩ bay cao được, tất phải nhờ có sáu cái xương trụ ở cánh, nếu không có sáu cái xương trụ cứng rắn, thì chim hồng hộc cũng như loài chim thường thôi!". Bấy giờ, nhân chiều gió, thuyền chèo đi như bay, quân Nguyên đuổi theo không kịp. Khi đến Vạn Kiếp, mới hội quân các lộ lại, rồi chia ra đóng ở Bắc Giang để chống cự.

Lời chua - Vân Trà, Bà Điểm: Đều tên xã, thuộc lộ Hải Đông.

Na Ngạn: Tên huyện. Xem Lý Nhân Tông, năm Thiên phù khánh thọ thứ nhất (Chb. IV, 18).

Long Nhỡn: Tên huyện, nhà Lê đổi là Phượng Nhỡn; nay theo tên ấy, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Bến Bãi: Nay không rõ chỗ nào.

Bổ dụng Đinh Củng Viên quyền giữ việc Nội mật ở cung Thánh Từ.

Ất Dậu, năm Trùng Hưng thứ 1 (1285). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Chi hậu cục thủ[2] là Đỗ Khắc Chung sang doanh trại quân Nguyên.

Quân Nguyên đã lấy được các cửa ải ở Lạng Sơn, tiến đến sông Vạn Kiếp, Quốc Tuấn đem thuyền chiến bày trận cách sông Vạn Kiếp mười dặm, gọi là trận "dực thủy"; Thoát Hoan tung quân ra đánh, quân ta phải rút lui, thuyền chiến của ta bị quân Nguyên bắt. Chúng bèn ra sức cướp bóc ở Gia Lâm, Vũ Ninh và Đông Ngàn. Bắt được quan quân, thấy người nào cánh tay cũng có hai chữ "sát Thát"[3] thích bằng mực đen, chúng giận lắm, đem giết hết cả; rồi tiến đến bến Đông Bộ Đầu, kéo lên một lá cờ lớn.

Nhà vua muốn sai người đi dò xem tình hình quân giặc hư thực thế nào, mà khó tìm được người đương nổi việc ấy. Lúc ấy, Chi hậu cục thủ là Đỗ Khắc Chung tình nguyện đi; nhà vua ngợi khen, nói: "Ai ngờ trong đám ngựa kéo xe muối, lại có ngựa kỳ, ngựa ký[4] như thế", bèn sai Khắc Chung sang doanh trại quân Nguyên xin hòa.

---

[1] Quân thủy, chiến đấu ở dưới sông.

[2] Quan hầu cận ở bên cạnh vua.

[3] Nước Mông Cổ có tên riêng là Thát Đát. "Sát Thát" là giết quân Thát Đát, tức quân Mông Cổ xâm lược.

[4] Tên hai thứ ngựa khỏe nhất, hay nhất, bền bỉ nhất trong các loại ngựa, một ngày có thể chạy được ngàn dặm. Câu này ý nói người ở hàng quan nhỏ mà có lòng trung nghĩa, có can đảm, có tài năng lỗi lạc.

Khi Khắc Chung đến nơi, Ô Mã Nhi trách móc về hai chữ "sát Thát" và nói: "Nước anh dám khinh lờn đại binh của thiên triều, cái lỗi ấy to lắm đấy!". Khắc Chung trả lời: "Con chó trong nhà cắn người lạ, là vì không phải chủ của nó. Việc thích chữ vào cánh tay là do lòng trung phẫn của người nước tôi, tự ý thích vào đấy". Ô Mã Nhi nói: "Đại binh từ phương xa đến đây, sao không theo lễ nghi nghênh tiếp, mà lại dám kháng cự lại mệnh lệnh?". Khắc Chung nói: "Hiền tướng không bắt chước sách lược bình định nước Yên[1] ngày trước, đóng quân ở địa đầu quan ải, trước hết đưa thư báo tin; hiền tướng không đem lòng tốt đến với nước tôi, đấy là lỗi của hiền tướng; nay tự đem quân đến ức hiếp nhau thì, dầu con thú đến lúc cùng tất phải đánh lại, con chim đến lúc cùng tất phải mổ lại, huống chi là người?". Ô Mã Nhi nói: "Đại binh chỉ mượn đường sang đánh Chiêm Thành, nếu vua nước anh thân đến đây cùng nhau hội kiến, thì trong nước được yên, không xâm phạm tơ hào gì cả. Nếu trái lại, thì chỉ trong khoảng giây phút, non sông đều bị san phẳng, đến lúc ấy, dầu có muốn hối lại cũng không được nữa".

Khắc Chung cáo từ ra về. Mã Nhi bảo với tướng tá rằng: "Người này trong lúc bị uy hiếp mà lời lẽ và khí sắc vẫn bình tĩnh như thường, không hạ thấp vua mình là chú Chích[2], không tâng bốc ta là vua Nghiêu[3], chỉ nói "chó trong nhà cắn người lạ", ứng đối thật là khéo léo, người này có thể nói là "không làm nhục mệnh lệnh của vua phó thác cho"[4]. Trong nước họ có người như thế, chưa dễ đã làm gì họ được".

Khắc Chung về đến hành doanh bên ta, thì quân Nguyên cũng theo chân kéo đến đánh nhau với quân ta.

Lời chua - Gia Lâm: Tên huyện.

Vũ Ninh: Tên châu, nhà Lê đổi là huyện Vũ Giàng; nay vẫn theo tên ấy. Hai huyện này đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đông Ngàn: Tức châu Cổ Pháp. Xem Lê Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 6).

Quân Nguyên xâm phạm vào kinh thành.

Thoát Hoan đã lấy được Bắc Giang, quân ta lập đồn trại theo bờ sông phía nam để phòng ngự. Quân Nguyên bắn súng, hô to thách đánh. Nhà vua sai Nguyễn Hiệu Nhuệ sang doanh trại quân Nguyên xin tướng nhà Nguyên rút quân; Thoát Hoan không nghe, bèn bắc cầu phao qua sông, đóng doanh lũy sát chân thành. Ngày hôm sau, kéo quân vào tành, thì lúc bấy giờ nhà vua đã chạy ra ngoài rồi, Thoát Hoan cho quân đuổi theo.

Lời chua - Bắc Giang: Tức Kinh Bắc, xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 28).

Nhà vua sai Thượng tướng Quang Khải đem quân đóng giữ Nghệ An.

Tướng nhà Nguyên là Toa Đô trước kia đem thuyền chiến ra Quảng Châu, vượt biển sang đánh Chiêm Thành, nhưng đánh không được. Vua nhà Nguyên hạ chiếu cho Toa Đô do đường bộ đem quân về phối hợp với quân của Thoát Hoan. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn nghe được tin ấy, xin nhà vua sai Quang Khải đem quân vào đóng ở Nghệ An. Việc này cốt để chẹn lối đường xung yếu mà Toa Đô sẽ đi qua.

---

[1] Thời đại Hán Sở, nước Yên, nước Triệu là hai nước vừa lớn vừa mạnh ở gần nhau. Đại tướng nhà Hán là Hàn Tín sau khi đã phá được nước Triệu, thế quân lừng lẫy. Hàn Tín đem quân đóng ở địa đầu nước Yên, đưa thư hiểu dụ; vua Yên sợ, xin hàng.

[2] Chích: có nhiều thuyết khác nhau: Sử ký chính nghĩa nói: Chích là một người đại bợm ở thời Hoàng đế; Trang tử nói: em Liễu Hạ Huệ (thời Xuân Thu) tên là Đạo Chích; Lý Kỳ chua sách Hán thư nói: Chích là một đại đạo thời nhà Trần.

[3] Nghiêu, một ông vua thời đại thượng cổ Trung Quốc, tương truyền là một thánh quân. Chiến quốc sách chép: con chó của Chích cắn ông Nghiêu, không phải con chó ấy quý Chích mà ghét Nghiêu đâu, nó chỉ cắn cái người không phải chủ của nó.

[4] Câu của Khổng Tử trả lời học trò là Tử Công chép trong thiên "Tử lộ" sách Luận ngữ.

Lời cẩn án - Đạo quân của Toa Đô: Sử cũ chép là từ Vân Nam sang Lão Qua đến Chiêm Thành. Nhưng xét con đường ấy vừa xa vừa hiểm trở, không phải lối đường đem quân đi được. Tra trong truyện Toa Đô ở Nguyên sử thì chép là "Toa Đô do đường biển tiến quân". Nay theo Nguyên sử.

Lời chua - Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21).

Tháng 2. Trần Kiện đầu hàng nhà Nguyên, bị Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Địa Lô đón đường bắn giết đi.

Quân của Toa Đô kéo về đến Nghệ An, đi đến đâu đánh tan đến đấy, quân của Quang Khải không thể chống lại được. Trần Kiện cùng với thuộc hạ là Lê Trắc đem gia quyến đón đường đầu hàng; Toa Đô sai người đưa bọn Trần Kiện về Yên Kinh. Khi đến Lạng Giang, thổ hào ở đấy là Nguyễn Thế Lộc và Nguyễn Lĩnh đánh bọn Trần Kiện ở trại Ma Lục. Người gia nô của Hưng Đạo vương là Nguyễn Địa Lô bắn chết Trần Kiện. Lê Trắc, phải cõng xác Trần Kiện, ở trên mình ngựa, đương đêm chạy trốn, chạy được vài mươi dặm, đến Kheo Ôn, Trắc mới chôn xác Trần Kiện ở đấy.

Lời chua - Lạng Giang: Tức Lạng Sơn. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Trại Ma Lục: Thuộc Lạng Giang, nay không rõ đích xác chỗ nào.

Kheo Ôn: Tên huyện, nhà Lê đổi là châu Ôn; nay vẫn theo tên ấy, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Kiện: Con vợ lẽ của Tĩnh Quốc vương Quốc Khang, trước kia Quốc Khang cai trị Nghệ An, nên con cháu đều ở đấy.

Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng đánh nhau với quân nhà Nguyên ở bãi Tha Mạc, bị bại trận. Bình Trọng bị giết chết.

Quân nhà Nguyên đóng ở bãi Tha Mạc, Bình Trọng kéo quân đến đánh với quân giặc, bị thua to và bị bắt, Bình Trọng không chịu ăn uống gì. Tướng Nguyên tra hỏi về việc nước, Bình Trọng không trả lời. Tướng Nguyên hỏi: "Có muốn nhận tước vương đất Bắc không?". Bình Trọng quát to, nói: "Ta thà làm con ma ở đất Nam, không thèm nhận tước vương đất Bắc". Vì thế, Bình Trọng bị giết chết. Nhà vua được tin này, vật vã thương khóc.

Lời chua - Trần Bình Trọng: Con cháu Lê Đại Hành, ông cha Bình Trọng làm quan triều Trần Thái Tông, được ban cho quốc tính (họ của nhà vua).

Tha Mạc: Tức sông Thiên Mạc, xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 42).

Tháng 3. Nhà vua rước Thượng hoàng chạy vào Thanh Hóa.

Lúc ấy quân Nguyên đuổi theo riết, nhà vua phải mời Thượng hoàng cùng ngự vào một chiếc thuyền con, chạy ra nguồn Tam Trĩ; một mặt khác, sai người kéo chiếc thuyền của vua vẫn ngự đi ra ngả núi Ngọc Sơn để đánh lừa quân Nguyên. Tướng Nguyên do thám biết được mưu ấy, mới sai Hữu thừa là Khoan Triệt, Tả thừa là Lý Hằng chia đường đuổi theo. Nhà vua phải đổi đi đường bộ đến xã Thủy Chú, rồi lại đi thuyền đến sông Nam Triệu, qua cửa biển Đại Bàng vào Thanh Hóa.

Khi bấy giờ nhà vua phải chạy loạn long đong, mà Hưng Đạo vương Quốc Tuấn vốn có danh vọng và tài trí lỗi lạc khác thường, lại còn hiềm khích về việc An Sinh vương ngày trước[1], vì thế nên nhiều người có lòng nghi ngờ; hơn nữa, khi Quốc Tuấn đi theo vua thường cầm cái trượng bằng gỗ, đầu trượng có cắm mũi sắt nhọn, nên ai cũng liếc mắt trông. Quốc Tuấn liền rút bỏ cái đầu sắt nhọn ấy, chỉ cầm cái trượng trơ những gỗ mà đi, bấy giờ người ta mới yên tâm.

---

[1] Quốc Tuấn là con An Sinh vương Trần Liễu, Trần Cảnh (Thái Tông) cướp vợ của Trần Liễu, Trần Liễu vẫn căm giận, đã một lần khởi binh phản lại Thái Tông. Khi Trần Liễu mất, có dặn lại Quốc Tuấn cướp lấy thiên hạ để báo thù.

Lời chua - Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Nguồn Tam Trĩ: Nay ở xã Tam Trĩ, châu Tiên Yên, tỉnh Quảng Yên.

Cửa biên Ngọc Sơn: Nay ở châu Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên, về phía đông biển thông với đường đi Khâm Châu (Trung Quốc).

Thủy Chú: Tên xã.

Sông Nam Triệu: Tức sông Bạch Đằng. Xem thuộc Tấn, năm Thiên phúc thứ 3 (Tb. V, 20).

Cửa biển Đại Bàng: Nay ở xã Đại Bàng, huyện Nghi Dương, tỉnh Hải Dương[1].

Trần Ích Tắc đầu hàng nhà Nguyên.

Lời phê - Người ta có tài văn học mà như thế, thì văn học làm gì[2]!

Ích Tắc tự phụ là người thông minh mà không được thỏa mãn nguyện vọng, thường đem thư riêng gửi khách buôn ở Vân Đồn xin nhà Nguyên đem quân sang nước Nam. Nay quân Nguyên sang xâm lấn, Tắc đầu hàng ngay, cốt mong cho mình được làm vua trong nước. Muốn cơ mi Ích Tắc, nhà Nguyên phong cho hắn tước An Nam quốc vương. Lúc ấy Văn Chiêu hầu là Văn Lộng, Văn Nghĩa hầu là Tú Hoãn và bọn Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Trịnh Long cũng đều đem cả gia quyến đầu hàng nhà Nguyên.

Lời chua - Vân Đồn: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

Văn Lộng, Tú Hoãn: Đều là tôn thất nhà Trần.

Tháng 4, mùa hạ. Chiêu Văn vương Nhật Duật đánh thắng được quân Nguyên ở cửa Hàm Tử.

Quân Toa Đô từ Chiêm Thành kéo về, cướp bóc ở dọc đường, trèo non xuống dốc ở khoảng châu Ô, châu Lý, châu Hoan, châu Ái, nay tiến về đóng ở Tây Kết. Nhà vua bàn với quần thần rằng: "Quân giặc đi muôn dặm đường để đánh úp nước người ta, vì không đánh được mà phải bỏ đi, bây giờ nhân lúc chúng mỏi mệt, mà đem quân đã được nghỉ ngơi dưỡng sức của ta để đối địch với quân mỏi mệt của chúng, đánh ngay một trận phủ đầu cho chúng mất hết nhuệ khí, thì tất nhiên phá tan được". Bàn luận xong rồi, nhà vua liền hạ lệnh cho Chiêu Văn vương Nhật Duật, Chiêu Thành vương (không rõ tên), Hoài Văn hầu Quốc Toản và tướng quân Nguyễn Khoái đem quân tinh nhuệ đón đánh. Khi quân ta đến cửa Hàm Tử, hai bên đánh nhau kịch liệt. Trong toán quân của Nhật Duật có người nhà Tống mặc áo bên Tống, cầm cung tên theo quân ta đi đánh. Thượng hoàng tự nghĩ quần áo và tiếng nói người Tống với người Thát[3] giống nhau, sợ quân ta không phân biệt được, mới sai người đi thông báo rằng: "Đấy là quân Thát của Chiêu Văn vương đấy, nên nhận cho kỹ". Quân Toa Đô ở phương xa đến, thấy trong toán quân có mặc quân phục nhà Tống, đều sợ, chúng ngờ là có quân Tống sang giúp quân ta, vì thế mà quân Nguyên bị tan vỡ lớn. Toa Đô phải lui quân đóng ở cửa biển Thiên Trường để tìm lương ăn.

Nguyên trước đây, lúc nhà Tống bị mất, nhiều người bên Tống chạy sang nước ta, Nhật Duật đều thu dụng được, có một người tên là Triệu Trung, rất khỏe mạnh, Nhật Duật dùng làm gia tướng, vì thế, kể công đánh thắng được quân Nguyên, Nhật Duật đóng góp rất nhiều.

Lời chua - Cửa Hàm Tử: Ở bãi Hàm Tử, huyện Đông Yên, tỉnh Hưng Yên.

Ô, Lý: Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I, 27).

Châu Hoan, Châu Ái: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-22).

---

[1] Nay thuộc huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng.

[2] Xem thêm tiểu sử Ích Tắc chép ở Chính biên quyển VII, tờ 9.

[3] Thát, tức Thát Đát, tên riêng của Mông Cổ. Xem thêm lời chua "sát thát" ở Chính biên quyển VII, tờ 33.

Tây Kết: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb. I, 18).

Tháng 5. Nhà vua mời Thượng hoàng tự làm tướng đánh quân Nguyên, phá tan quân Toa Đô ở Tây Kết, chém được Toa Đô.

Trước đây, Thượng tướng Quang Khải, Hoài Văn hầu Quốc Toản đem quân dân các lộ đánh bại được quân Nguyên ở Chương Dương, thu phục được kinh thành; bọn Thoát Hoan, A Thích nhà Nguyên phải vượt qua sông Phú Lương để chạy. Khi ấy, nhà vua mời Thượng hoàng từ Thanh Hóa tiến quân ra, lại thắng được quân Nguyên ở phủ Trường Yên. Về phần quân Nguyên: quân của Toa Đô và quân của Thoát Hoan đóng cách nhau đến hai trăm dặm, lúc Thoát Hoan phải rút quân lui, Toa Đô vẫn chưa biết, nên Toa Đô và Ô Mã Nhi đem quân từ đường biển ra đánh ở sông Thiên Mạc, định phối hợp với cánh quân Thoát Hoan để nương tựa lẫn nhau.

Quân tuần tiễu nhà Nguyên đi đến huyện Phù Ninh, gặp viên Phụ đạo tử là Hà Đặc đặt mưu kế để lừa, rồi đem toàn lực ra đánh, đuổi quân giặc chạy đến đất A Lạp. Vì đánh hăng quá, nên Hà Đặc bị tử trận, quân chúng của Hà Đặc đều mất về tay giặc. Em Hà Đặc là Chương[1] nhân khi giặc sơ hở, lấy trộm được áo giáp và cờ hiệu của giặc, chạy về dâng nộp quân ta. Quân ta liền dùng quân trang ấy đánh vào dinh trại giặc, quân Nguyên không phòng bị, tan vỡ.

Quân ta[2] tiến đến bến đò Đại Mang, Tổng quản nhà Nguyên là Trương Hiển đầu hàng, lại đánh cho quân Nguyên bị thua to ở Tây Kết, chém được nguyên soái là Toa Đô. Ô Mã Nhi nhân đêm trốn chạy vào Thanh Hóa; quan quân đuổi theo, bắt sống được hơn năm vạn người. Mã Nhi dùng một chiếc thuyền vượt ra biển chạy thoát đươợc. Lúc nhà vua trông thấy thủ cấp của Toa Đô, có lòng thương, nói: "Đạo làm tôi nên như thế", liền cởi cái áo đương mặc, sai quan gói thủ cấp đem chôn.

Lời cẩn án - Trận đánh thắng được giặc ở Chương Dương, thu phục được kinh thành, là chiến công to nhất lúc bấy giờ. Sử cũ chép việc này không được rõ ràng.

Lại xét: Sử cũ chép: "Quân tuần tiễu của nhà Nguyên đến Phù Ninh, Hà Đặc đan tre làm hình người, cắm tên vào cây để lừa giặc"[3]. Nhưng huyện Phù Ninh thuộc thượng du tỉnh Sơn Tây[4] ngày nay, Toa Đô từ đường biển tiến quân ra đánh vào sông Thiên Mạc, thế mà quân tuần tiễu lại đến huyện Phù Ninh, xa cách nhau hàng ba bốn ngày đường, tất nhiên không có lẽ như thế. Việc này ngờ là Sử cũ chép lầm, sẽ nghiên cứu sau.

Lời chua - Chương Dương: Tên bến đò, ở xã Chương Dương, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội ngày nay[5].

A Lạp: Tên đất. Nay không rõ chỗ nào.

Đại Mang: Tên bến đò. Nay không rõ chỗ nào.

Phụ đạo tử: Chức tù trưởng ở phiên trấn, cũng như thổ Tri châu thổ Tri huyện bây giờ.

Hưng Đạo vương Quốc Tuấn đánh cho quân Nguyên phải thua to ở Vạn Kiếp, Thoát Hoan trốn về nước.

Lời phê - Một mình nguyên soái rút lui sau cùng!

---

[1] Em Hà Đặc là Chương bị quân Nguyên bắt (Đại Việt sử ký quyển V tờ 65).

[2] Đạo quân này do Thánh Tông và Nhân Tông chỉ huy, từ Thanh Hóa tiến đến bến đò Đại Mang (sử dẫn trên).

[3] Hà Đặc dùng tre đan thành hình người to lớn, ngoài mặc áo, đêm đến, cho đem ra đem vào. Lại dùi những cây to thành lỗ, rồi lấy những mũi tên lớn cắm vào lỗ ấy, để giặc trông thấy tưởng là sức bắn suốt được cây (Đại Việt sử ký toàn thư quyển V, tờ 49 và Đại Việt sử ký quyển V, tờ 65).

[4] Nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

[5] Nay thuộc xã Chương Dương, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Quân Nguyên nhiều lần bị thua, lại gặp mùa hè mưa nắng thất thường, quân sĩ chết hại rất nhiều, mới quyết kế rút lui về nước. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn dự bị đặt quân mai phục để đón đường ra đánh. Khi quân Nguyên đến sông Vạn Kiếp, chưa kịp sang đò, quân mai phục liền nổi lên đánh, quân sĩ nhà Nguyên chết mất quá một nửa, tướng sĩ phải liều chết chống cự, mới hộ vệ Thoát Hoan được khỏi chết.

Lời phê - Lúc bấy giờ nhà Nguyên mới nổi lên, khí thế rất ngang ngược; nhà Trần cũng may gặp lúc mới nổi lên, được các vua Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông và tướng văn tướng võ phần nhiều người tài, mới có thể đánh bại được giặc, giữ được nước, chứ nếu gặp người khác thì chưa biết thế nào[1].

Lời chua - Tư Minh: Tên phủ, xem Trần Thái Tông năm Nguyên Phong thứ 6 (Chb. VI, 40).

Tháng 6. Nhà vua rước Thượng hoàng trở về hoàng cung.

Có thủy tai lớn.

Đưa trả tù binh Chiêm Thành trở về nước họ.

Tướng nước Chiêm Thành là bọn Ba Lậu Kê, Na Liên, vì đi theo Toa Đô, bị quân ta bắt được. Nay nhà vua sai viên trung phẩm phụng ngự là Đặng Du Chi đưa trả họ về nước.

Tháng 8, mùa thu. Phong quan tước cho những bầy tôi có công, tùy theo công trạng mà phong cấp bậc cao thấp khác nhau. Lại trị tội những kẻ đã đầu hàng giặc.

Tháng 9. Đổi lại niên hiệu; Đại xá cho trong nước; Gia tôn huy hiệu cho tiên đế và tiên hậu.

Tháng 10, mùa đông. Hạ chiếu xét duyệt sổ hộ khẩu[2] trong nước.

Bầy tôi trong triều can ngăn, lấy cớ rằng nhân dân vừa bị khó nhọc khổ sở, việc xét định số hộ khẩu không phải là việc cần kíp lúc này. Nhà vua nói: "Chỉ có thể nhân lúc này xét định hộ khẩu, không nên để nước ngoài có ý dòm dỏ cho là dân ta điêu tàn". Bầy tôi đều xưng tụng và kính phục.

Lời phê[3] - Nói khiên cưỡng, vô lý.

Bính Tuất, năm thứ 2 (1286). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 23).

Tháng giêng, mùa xuân. Tha cho tù binh nhà Nguyên được trở về nước.

Tháng 6, mùa hạ. Hạ chiếu cho các vương hầu trong tôn thất chiêu mộ binh lính.

Thoát Hoan bị thua chạy về nước, vua nhà Nguyên giận lắm, hạ chiếu bãi đạo quân sang đánh Nhật Bản, rồi sai đóng ba trăm chiếc thuyền, định đến tháng 8, kéo ra Khâm, Liêm hội với quân 3 tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây, mượn tiếng là đưa Trần Ích Tắc về nước Nam để đem đại binh sang xâm lấn. Thượng thư là Lưu Tuyên can rằng: "Mới rồi dụng binh không thành công, hiện nay những người đau thương chưa khỏi, nay lại đem đại binh sang đánh, sự đó không nên". Tỉnh thần Hồ Nam là Tuyến Ca cũng dâng sớ nói: "Dụng binh luôn mấy năm, quân sĩ chết mất nhiều, bốn hạng dân[4] bỏ cả nghề nghiệp, nay lại động dụng đến số quân hàng trăm vạn, như thế không phải là đạo thương yêu sĩ dân". Vua nhà Nguyên y theo lời tâu, hạ chiếu cho năm nay hãy tạm nghỉ và cho Ích Tắc ở tại Ngạc Châu. Nhà vua được tin, đem việc ấy hỏi Hưng Đạo vương. Quốc Tuấn thưa rằng: "Nước ta lâu nay thái bình, dân không biết việc binh bị, vì thế năm mới rồi quân Nguyên sang ăn cướp, hoặc cũng có kẻ hàng

---

[1] Lời phê kết thúc bằng tám chữ "nhược ngộ kỳ tha, vị khả chi dã". Tám chữ này nghĩa không được rõ cho lắm, vì chữ "tha" có thể là người khác hoặc lúc khác. Vậy tám chữ này ý nói nếu gặp vua tôi khác không anh dũng được như vua tôi nhà Trần, hoặc lúc khác không được hưng thịnh như lúc nhà Trần mới nổi lên, thì chưa biết tình thế sẽ biến chuyển ra sao.

[2] Hộ là tính theo từng bếp; khẩu là tính theo đầu người.

[3] Chỉ vào câu nói của Trần Nhân Tông.

[4] Sĩ, nông, công, thương.

giặc, hay trốn tránh; nhờ được oai linh của tổ tông, thần vũ của bệ hạ, nên đánh đâu được đấy, trong nước mới được thái bình. Nếu bây giờ giặc lại kéo sang thì ta đã luyện tập về việc chiến đấu, quân địch đi xa mỏi mệt, vả lại chúng vẫn sợ về việc Toa Đô, Lý Hằng, Lý Quán bị thua, không sẵn lòng chiến đấu. Theo ý tôi nhận xét, tất thế nào cũng phá tan được". Nhà vua khen là phải, bèn hạ lệnh cho Quốc Tuấn đốc suất các vương hầu, chiêu mộ binh lính, sắm sửa binh khí, để phòng khi chiến đấu hoặc phòng thủ.

Ban cho Đinh Củng Viên tước Nội minh tự.

Củng Viên xin thôi không nhận tạm giữ công việc trong cung Thánh Từ nữa, nhà vua y cho, nên có lệnh ban tước này.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ VIII

Từ Đinh Hợi (1287) Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 3 đến Đinh Tỵ (1307) Trần An Tông năm Hưng Long thứ 15 gồm 21 năm.

Đinh Hợi, năm thứ 3 (1287). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 24).

Tháng 2, mùa xuân. Nguyên Thánh Thiên cảm Hoàng Thái hậu Trần Thị mất.

Nhà Nguyên lại sai Thoát Hoan, A Bát Xích[1] đem quân sang xâm lược.

Nhà Nguyên lấy quân ở ba tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây tất cả bảy vạn người, và năm trăm chiếc thuyền; quân ở tỉnh Vân Nam sáu nghìn người, và quân giống người Lê ở bốn châu hải ngoại một vạn năm ngàn người; sai viên vạn hộ hải đạo là Trương Văn Hổ tải mười bảy vạn hộc lương (Sử cũ chép là bảy mươi vạn) để tiếp tế cho quân ăn; phong cho A Bác Xích giữ chức Hành tỉnh tả thừa; Áo Lỗ Xích làm Bình chương chính sự, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp làm Tham tri chính sự, đều ở dưới quyền chỉ huy của Thoát Hoan (Nguyên sử chép là Thác Hoan). Các tướng Nguyên chia đường đem quân sang xâm lấn. Tin ấy từ nơi biên giới báo về triều. Các quan trong triều xin tuyển người khỏe mạnh bổ sung làm quân, để cho quân số được nhiều. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn nói: "Quân lính cốt phải tinh nhuệ, không cần phải nhiều, cứ xem như Bồ Kiên ở Trung Quốc có quân hàng trăm vạn[2] cũng có làm gì được đâu". Vì thế nên không tuyển thêm quân nữa.

> **Lời chua -** Quân người Lê ở bốn châu: Tức là các châu Nhai, Quỳnh, Đam và Vạn, nay thuộc tỉnh Quảng Đông nhà Thanh. Địa điểm này có động Mán chủng tộc người Lê. Nhà Nguyên đặt mười hai cánh Lê Binh, có phủ Thiên Hộ quản lĩnh những cánh quân ấy.

Tháng 3. Hạ chiếu ân xá.

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Tá Thiên đại vương là Đức Việp quyền giữ việc tướng quốc.

Ngày mồng một, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.

Tháng 11. Mặt trời xô động.

Mặt trời xô động thành ra bốn góc.

Thoát Hoan nhà Nguyên đem quân xâm phạm vào cửa ải, nhà vua hạ chiếu cho các tướng đem quân chống cự lại.

Quân Thoát Hoan kéo đến Tư Minh, để lại đấy hai nghìn người, giao cho vạn hộ là Hạ Chỉ và Trương Ngọc thống lĩnh để coi giữ các xe thuốc đạn, lương thực và quần áo của binh sĩ, rồi sai Trình Bằng Phi, A ó Lỗ Xích mỗi người đem một vạn quân đi đường bộ, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đem quân đi thuyền theo đường biển, hai đường đều tiến sang biên giới nước ta. Viên quan giữ ngoài biên giới đem việc đó tâu về triều. Nhà vua hỏi Hưng Đạo vương rằng: "Bây giờ giặc đến thì mưu tính thế nào?". Hưng Đạo vương thưa rằng: "Năm nay đánh thắng giặc có phần dễ hơn trước". Nhà vua liền hạ lệnh cho các tướng chia nhau đem quân chống cự.

---

[1] Có người đọc là A Nhập Xích.

[2] Thời đại Đông Tấn, Tam Tần vương là Bồ Kiên có số quân đến trăm vạn (quân chiến đấu bằng cung tên dáo mác hơn 60 vạn, quân cưỡi ngựa gần 30 vạn). Năm 383, Bồ Kiên đem quân đóng ở dọc sông Phì Thủy để đánh nhà Tấn, tướng nhà Tấn là Tạ Thạch đánh cho quân Bồ Kiên chết đến 7, 8 phần mười. Bồ Kiên trúng tên, phải bỏ chạy.

Quân nhà Nguyên xâm phạm vào kinh thành. Nhà vua rước thượng hoàng chạy đến đồn Hám Nam.

Quân nhà Nguyên do hai đường thủy và bộ kéo sang, quân ta không chống giữ được. Thoát Hoan sai Trình Bằng Phi đem hai vạn quân đánh vào Vạn Kiếp, lập doanh trại ở núi Phả Lại và núi Chí Linh, chia quân ra đóng giữ; dân ở Bàng Hà và Ba Điểm đều ra hàng. Lại sai bọn Ô Mã Nhi, A Bát Xích hội họp quân tiến thẳng qua sông Phú Lương, xâm phạm vào kinh thành. Nhà vua liền rước thượng hoàng chạy đến đồn Hám Nam, rồi lại dùng chu sư[1] đi theo đường ra biển để tránh nạn. Quân nhà Nguyên đuổi theo không kịp.

Lời cẩn án - Việc này Sử cũ không chép, chỉ chép: "Thái tử nhà Nguyên là A Thai dùng 30 vạn quân xâm phạm vào Vạn Kiếp". Chép như thế thì tên người (A Thai) và số quân (30 vạn) đều không đúng sự thực. Nay căn cứ vào sách Nguyên sử loại biên, chép thêm vào và cải chính lại.

Lời chua - Hám Nam: Tên một đồn, chưa rõ đích xác ở chỗ nào.

Núi Phả Lại: Nay ở xã Phả Lại, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Núi Chí Linh: Nay ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Mậu Tí, năm thứ 4 (1288). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 25).

Tháng giêng, mùa xuân. Ô Mã Nhi nhà Nguyên xâm phạm đến phủ Long Hưng.

Lời chua - Long Hưng: Tên phủ. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Nhân Huệ vương Khánh Dư đón đánh tướng nhà Nguyên là Trương Văn Hổ ở Vân Đồn, được thắng trận lớn.

Khánh Dư làm phó tướng ở Vân Đồn, Hưng Đạo vương giao phó cho giữ hết công việc ngoài biên giới. Gặp lúc Ô Mã Nhi đem chu sư[2] ra cửa biển Đại Bàng đón thuyền tải lương của Văn Hổ, Khánh Dư đánh nhau với quân Ô Mã Nhi bị thua, Thượng hoàng nghe tin ấy, sai trung sứ[3] đến bắt Khánh Dư, đóng xiềng giải về hành tại[4]. Khánh Dư nói với trung sứ rằng: "Kỷ luật quân ngũ, tôi xin cam chịu, nhưng xin thư thả cho vài hôm nữa, để tôi tìm kế lập công sau này, rồi sẽ về chịu tội búa rìu, tưởng cũng chưa muộn". Viên trung sứ nhận lời. Khánh Dư đoán chắc thuyền của giặc đã đi qua rồi, thì thuyền tải lương tất đi theo sau, liền thu thập tàn quân, sẵn sàng chờ đợi. Một lát sau, quả nhiên thuyền tải lương của Văn Hổ đến, Khánh Dư đón đánh, quân Nguyên bị thua to. Khi đi đến biển Lục Thủy, thuyền của quân Nguyên bị mắc cạn, sa lầy, không chở đi được, lương thực chìm cả xuống biển. Khánh Dư bắt được quân nhu, khí giới rất nhiều. Văn Hổ chỉ thoát được một mình, vội vàng chạy về Quỳnh Câu. Khánh Dư cho người phi báo tin về hành tại, thượng hoàng tha cho tội trước không hỏi nữa và nói: "Quân Nguyên chỉ nhờ lương thảo, khí giới, nay đã bị ta bắt được, nếu chúng chưa biết rõ việc ấy, hoặc còn hung hăng quấy nhiễu chăng?". Nói rồi bèn thả những người mà ta đã bắt được đến thẳng dinh quân Nguyên để nói rõ sự thể cho chúng biết. Quân Nguyên từ đấy thiếu lương ăn; mỗi ngày một quẫn bách thêm, quân sĩ ai cũng muốn về, không ai có lòng chiến đấu, cho nên năm bấy giờ quân Nguyên lại kéo sang mà dân ta bị hại không đến nỗi thảm khốc như năm trước, Khánh Dư thực đã dự một phần công lao.

Trước kia Khánh Dư trấn thủ Vân Đồn, tục ở đây chỉ có nghề buôn bán sinh nhai; đồ ăn thức mặc đều mua của khách buôn Trung Quốc, cho nên đồ dùng và ăn vận rập theo như phong tục Trung Quốc. Khánh Dư đi kiểm duyệt quân các trang hộ, rồi hạ lệnh rằng: Quân sĩ trấn thủ Vân Đồn là cốt để ngăn ngừa giặc phương bắc tràn sang, quân ta không nên đội nón của phương bắc, vì sợ khi vội vàng, khó lòng mà phân biệt được, cần phải đội nón "ma lôi" (Ma Lôi là tên một làng ở Hồng Lộ, làng này có tài

[1] Tên một binh chủng, tức là quân thủy, dùng thuyền để chiến đấu ở dưới nước.

[2] Tên một binh chủng, tức là quân thủy, dùng thuyền để chiến đấu ở dưới nước.

[3] Người hầu cận ở bên cạnh vua chúa.

[4] Khi nào vua ra ngoài hoàng thành đóng ở chỗ nào, chỗ ấy gọi là hành tại.

khéo chế nón bằng trúc thanh bì, nên lấy tên làng để gọi tên nón), ai trái lệnh sẽ bị phạt. Thế rồi, Khánh Dư trước hết cho người nhà đi mua nói ma lôi chứa đầy vào một thuyền đậu ở trong cửa sông. Sau khi đã hạ lệnh rồi, Khánh Dư sai người lẻn đi bảo nhỏ với các người ở trang hộ rằng: "Mới đây, thấy có thuyền chứa nón ma lôi đậu ở vùng biển đằng trước mặt này". Do đấy người trong các trang tranh nhau ra mua; lúc mới mỗi chiếc trị giá bằng một tấm vải, thành ra thu được số vải kể hàng nghìn tấm. Bài thơ của người phương bắc mừng Khánh Dư có câu rằng: "Vân Đồn kê khuyển diệc giai kinh" (gà, chó ở Vân Đồn cũng đều sợ). Câu thơ này thác ra giọng sợ phục uy danh Khánh Dư, mà kỳ thực mỉa mai ngấm ngầm. Khánh Dư có tính tham lam, phàm giữ chức trấn thủ ở nơi nào, người trong hạt đều oán ghét. Chỉ vì nhà vua tiếc ông ta là tướng tài, nên không nỡ bỏ mà thôi.

Lời chua - Biển Lục Thủy: Nay ở phía đông nam huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Yên, cách huyện 17 dặm.

Tháng 2. Quân Nguyên xâm phạm đến trại An Hưng.

Ô Mã Nhi đợi mãi không thấy thuyền tải lương của Văn Hổ đến, bèn đánh phá trại An Hưng, rồi lại đem quân về Vạn Kiếp, chia ra đóng giữ các núi Chí Linh và Phả Lại, để làm kế cố thủ.

Lời chua - An Hưng: Tên trại, nhà Lê đổi làm huyện; nay cũng theo tên ấy, thuộc tỉnh Quảng Yên.

Tháng 3. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn đánh phá tan được thủy quân nhà Nguyên ở sông Bạch Đằng, bắt được tướng Nguyên là bọn Ô Mã Nhi. Thoát Hoan phải theo đường bộ chạy trốn về nước.

Lời phê - Nhà Nguyên hai lần đem quân xâm lấn, những tướng sai sang đều không phải là tướng giỏi, đấy cũng là may cho nhà Trần.

Quân Nguyên thiếu lương ăn, chia ra từng toán để đi tìm lương, các tướng đều nói: "Ở đây không có thành trì để giữ, không có kho tàng để ăn. Vả lại, đương lúc cuối xuân đầu hè, khí trời nồng nực; những chỗ hiểm trở xung yếu đã chiếm được nay đều bị mất, chi bằng đem quân về". Thoát Hoan y theo, hạ lệnh cho bọn Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp đem chu sư theo đường thủy đi trước. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn biết quân Nguyên sắp rút lui, bèn trước hết cho người đóng cọc gỗ ở sông Bạch Đằng, lấy cỏ phủ lên đầu cọc, sẵn sàng chờ đợi. Khi bọn Ô Mã Nhi về đến Bạch Đằng, Quốc Tuấn nhân lúc nước thủy trào lên, cho quân ra khiêu chiến, giả vờ thua chạy, bên Nguyên đem cả quân đuổi theo. Lúc ấy nước thủy trào xuống rất mau. Tướng Nguyễn Khoái thống lĩnh vệ quân Thánh Dực tung quân ra đánh quật lại, phá tan được quân Nguyên. Gặp lúc ấy đại quân của nhà vua kế tiếp tiến đến. Ô Mã Nhi phải thu thập những thuyền còn sót lại để chạy, không ngờ thuyền mắc trên cọc gỗ đều bị đổ nhào xuống nước, quân Nguyên chết không biết chừng nào mà kể, quân ta bắt được hơn bốn trăm chiếc thuyền. Tước nội minh tự là Đỗ Hành bắt được Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc đem dâng nộp thượng hoàng. Viên hữu thừa nhà Nguyên là Trình Bằng Phi chọn lấy những quân khỏe mạnh, theo đường bộ, bảo vệ cho Thoát Hoan trốn về nước. Khi về đến cửa ải Nội Bàng, bị quân ta hội hợp chặn đánh, chức vạn hộ nhà Nguyên là Trương Quân phải dùng ba nghìn quân liều chết để đánh, mới thoát ra được khỏi cửa ải. Lại có gián điệp nói: Quân ta phân ra giữ cửa ải Nữ Nhi và núi Kheo Cấp, rải rác hơn trăm dặm để chặn đường, quân Nguyên lại càng sợ, vừa đánh vừa chạy. Quân ta nhân ở trên cao bắn tên thuốc độc xuống, bọn Trương Ngọc, A Bát Xích đều bị chết, tướng sĩ nhà Nguyên phải buộc vết thương để chống cự, thây chết nằm chồng chất lên nhau. Thoát Hoan phải do đường huyện Đan Dĩ chạy sang Lộc Châu, rồi đi đường tắt về Tư Minh, sai Áo Lỗ Xích thu thập tàn quân trở về nước.

Lời cẩn án - Sử cũ chép: "Quân nhà Nguyên hội họp ở sông Bạch Đằng, đón thuyền lương của Văn Hổ, nhưng không gặp, bị Quốc Tuấn đánh cho bị thua. Lúc thuyền của Văn Hổ đến, lại bị thua, thuyền lương mắc trên đầu cọc gỗ, đổ nhào xuống nước gần hết. Nguyễn Khoái đánh nhau với quân Nguyên, bắt được bình chương là Áo Lỗ Xích. Còn Thoát Hoan và A Thai đem quân chạy trốn về nước, viên thổ quan ở Tư Minh là Hoàng Nghệ bắt được đem dâng nộp". Nay tra cứu sách Nguyên sử loại biên thì, sau khi thuyền lương của Trương Văn Hổ đã bị quân ta phá mất rồi, Thoát Hoan vì cớ thiếu lương ăn, nên mới nghĩ kế đem quân về nước. Thế thì Văn Hổ bị thua là trận đánh ở Vân Đồn, còn trận này (trận Bạch Đằng) là đón đánh quân Nguyên lúc rút lui về nước. Đến

như Áo Lỗ Xích là bộ tướng[1] nhà Nguyên cùng với Thoát Hoan đem quân đi đường bộ trở về nước, chứ có đến sông Bạch Đằng đâu mà bị Nguyễn Khoái bắt được. Sau khi Thoát Hoan đã trở về, vua nhà Nguyên lấy cớ là Thoát Hoan không lập được công trạng gì, cho ra trấn thủ Dương Châu, không cho vào triều kiến. Thế thì viên thổ quan ở Tư Minh bắt thế nào được Thoát Hoan? Vả lại, ngày làm lễ "hiến phu"[2], chỉ thấy nói đến bọn Ô Mã Nhi mà không nói đến Thoát Hoan. Vậy thì có lẽ nào bắt được nguyên soái của giặc mà lại không đem "hiến phu" hay sao? Lại một việc nữa, là năm ấy tướng nhà Nguyên được sai sang nước ta không có người nào tên là A Thai cả. Những việc tương tự như thế Sử cũ chép đều sai sự thực, nay căn cứ vào Nguyên sử và tham khảo sách Cương mục tục biên (Trung Quốc) cải chính lại.

Lời chua - Sông Bạch Đằng: Xem thuộc Tấn, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb. V, 19-20).

Cửa ải Nội Bàng, cửa ải Nữ Nhi: Đều thuộc Lạng Sơn.

Đan Dĩ: Tên huyện. Có chỗ chép là Đan Ba, thuộc Lạng Sơn; nay không rõ chỗ nào.

Nhà vua rước Thượng hoàng về Long Hưng, làm lễ hiến phu ở Chiêu Lăng.

Trước đây, quân Nguyên xâm phạm đến Long Hưng, đào bới ở Chiêu Lăng mà không động chạm đến tử cung[3]. Nay nhà vua rước thượng hoàng về Long Hưng, đem tù binh nhà Nguyên là bọn Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc đến hiến tiệp[4]. Nhà vua trông thấy ngựa đá ở trước lăng, chân đều dính bùn, có làm hai câu thơ: "Xã tắc[5] lưỡng hồi lao thạch mã, san hà thiên cổ điện kim âu"[6]. (Xã tắc hai lần bị xâm phạm làm cho ngựa đá cũng phải khó nhọc; từ nay giang san sẽ được ngàn đời vững bền như chiếc kim âu). Hai câu thơ này là có ý chỉ vào việc chân ngựa đá dính bùn.

Lời phê - Đã là bọn tàn bạo, thì không có lý nào như thế[7], hoặc giả kiêng kỵ mà không nói rõ ra đấy thôi.

Lời chua - Long Hưng: Tên phủ. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Chiêu Lăng: Lăng tẩm Trần Thái Tông.

Nhà vua rước Thượng hoàng về cung điện.

Tháng 4, mùa hạ. Đại xá.

Lúc ấy, cung điện bị giặc đốt phá, nhà vua ngự ở hành lang thị vệ, hạ chiếu đại xá cho thiên hạ: phàm chỗ nào bị quân Nguyên tàn phá cướp bóc nhiều lần, thì được tha hết tô thuế và dao dịch, còn những chỗ khách thì tha cho hoặc nhiều hoặc ít tùy theo sự thiệt hại của từng nơi.

Theo chế độ cũ, mỗi khi có chiếu ân xá, thì viên trung quan [hoạn quan] giữ chức Hành khiển tuyên đọc chiếu thư, còn việc nghĩ soạn chiếu thư thì do viện Hàn Lâm phụ trách. Sau khi viện Hàn Lâm

---

[1] Tướng cầm quân đánh ở trên đường bộ.

[2] Phu: danh từ gọi những binh lính của giặc bắt được trong khi đánh nhau, tức là tù binh bấy giờ. Thời đại phong kiến, sau khi thắng trận trở về, đem tù binh báo cáo lên nhà thái miếu, gọi là lễ hiến phu.

[3] Tử: gỗ tử. Cung: cung điện. Tử cung: chỉ cái quan tài của bọn vua chúa, vì vua chúa lúc sống ở cung điện, nên khi chết, cái quan tài để xác đóng bằng gỗ tử, gọi là tử cung.

[4] Dâng tâu chiến công đã đánh được giặc, cũng nghĩ như hiến phu.

[5] Xã: nơi thờ thần thổ địa. Tắc: nơi thờ thần bách cốc. Nhân dân trong một nước, cần thiết nhất là ruộng đất và thóc lúa, nên đời xưa dùng chữ "xã tắc" để tượng trưng quốc gia.

[6] Âu: cái chậu, cái ang hay cái bình. Kim âu: Cái âu đúc bằng loài kim, tượng trưng cho sự kiên cố không bao giờ sứt mẻ được.

[7] Ý nói quân Nguyên là bọn tàn bạo thì không có lý gì chúng không xâm phạm đến quan tài ở Chiêu Lăng.

nghĩ soạn xong rồi, đưa bản thảo cho viên trung thư học tập trước, để chuẩn bị đến lúc tuyên đọc cho đúng. Lúc bấy giờ, Lê Tòng Giáo giữ chức Hành khiển, cùng với Hàn Lâm phụng chỉ là Đinh Củng Viên vốn không hòa hợp với nhau. Gặp khi ấy có chiếu đại xá, Củng Viên cố ý không đưa bản thảo trước, đến ngày tuyên chiếu mới đưa cho; vì thế Tòng Giáo tuyên đọc không thông. Nhà vua phải bảo Củng Viên đứng bên nhắc. Tiếng nhắc của Củng Viên to, mà tiếng tuyên đọc của Tòng Giáo lại nhỏ, Tòng Giáo tỏ nét mặt hổ thẹn. Sau khi lễ tuyên chiếu xong rồi, nhà vua cho triệu Tòng Giáo đến bảo rằng: "Củng Viên là văn quan, nhà ngươi là trung quan, có việc gì mà không hòa hợp với nhau đến thế! Nhà ngươi làm lưu thủ ở Thiên Trường, rươi có, quít có, đi lại tặng biếu cho nhau thì có hại gì?". Từ bấy giờ Tòng Giáo với Củng Viên tình giao kết với nhau trở nên thân mật.

Lời phê - Ông vua này có thể gọi là "thiên tử hòa giải".

Lời chua - Thiên Trường: Tên phủ. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb. VI, 28). Thổ sản ở Thiên Trường có rươi và quít. Bài thơ "Thiên trường ký sự" của Phạm Sư Mạnh có câu: "Lưỡng ngạn tân sương kim quất quốc, mãn thành tế vũ thổ hà thiên": Tiết trời mới có sương, trông hai bên bãi tưởng là một nước toàn quít vàng; gặp lúc mưa nhỏ, thì khắp nơi trong thành chỉ thấy trên là trời, dưới có rươi[1].

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Quân Nguyên đã rút lui, nhà vua sai Đỗ Thiên Thữ sang nhà Nguyên trần tạ. Thiên Thữ là em Khắc Chung, Khắc Chung trước đây đã sang sứ bên dinh trại quân Nguyên, có công[2], nay tiến cử người em, nên nhà vua mới cho sang sứ.

Lời cẩn án - Sách Thiên nam hành ký của Từ Minh Thiện nhà Nguyên nói: "Đại quân mới về nước, thiên sứ chưa sang, nhà Trần đã sai bọn trung đại phu Trần Khắc Dụng và tòng nghĩa lang Nguyễn Mạnh Thông dâng lễ vật trần tạ". Đoạn văn chép ở Thiên nam hành ký kể trên có lẽ chỉ vào việc đi sứ này của Đỗ Thiên Thữ, nhưng họ tên hơi khác, vậy chép ra đây để tiện tham khảo.

Kỷ Sửu, năm thứ 5 (1289). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 26). Tháng 2, mùa xuân. Đưa trả tù binh nhà Nguyên là Ô Mã Nhi về nước, rồi ngầm lập mưu giết đi.

Trận chiến thắng ở Bạch Đằng, quân ta bắt được tướng nhà Nguyên là Ô Mã Nhi và bọn Tích Lệ Cơ Ngọc và Phàn Tiếp, sau nhà vua sai tòng nghĩa lang là Nguyên Thịnh đưa Cơ Ngọc về trước, còn Phàn Tiếp bị bệnh chết, dùng phép hỏa táng rồi cấp cho một đôi ngựa sai vợ con hắn chở hài cốt mang về; những đầu mục quân sĩ cũng cho về cả. Duy có Ô Mã Nhi chém giết cướp bóc dân ta một cách tàn khốc, nhà vua căm giận lắm, nên theo kế của Quốc Tuấn, sai Nội thư gia Hoàng Tá Thốn đưa trả về nước, dùng người tài lội nước sung làm phu chèo thuyền, nhân đêm dùi thủng thuyền cho đắm, Ô Mã Nhi bị chết đuối. Nhân đấy, nhà vua phúc thư với nhà Nguyên rằng: "Vì thuyền rỉ nước bị đắm, quan tham chính[3] sức vóc to lớn, không sao cứu vớt được, thành ra chết đuối". Nhà Nguyên cũng không tra cứu gì đến việc này.

Lời phê[4] - Bất nhân phi nghĩa!

Lời cẩn án - Đoạn văn này Sử cũ chép là bọn Ô Mã Nhi đều bị chết đuối; còn về việc Cơ Ngọc và Phàn Tiếp thì không trình bày rõ ràng. Như thế có phần sai sự thực. Nay tham khảo sách Thiên nam hành ký của Từ Minh Thiện nhà Nguyên, cải chính lại.

Ngày mồng một, tháng 3. Nhật thực. Tháng 4, mùa hạ. Xét định công trạng những người đã đánh được quân Nguyên.

Tiến phong Hưng Đạo vương Quốc Tuấn làm Đại vương; Hưng Vũ vương Nghiện làm Khai quốc công; Hưng Nhượng vương Tảng làm tiết độ sứ. Ngoài ra người nào có công lớn đều được tứ quốc tính[1],

---

[1] Ý nói về tiết tháng 9, ở Thiên Trường có nhiều quít và rươi.

[2] Xem thêm việc Khắc Chung sang sứ bên dinh trại quân Nguyên (Chb. VII, 33-34).

[3] Chỉ Ô Mã Nhi.

[4] Chỉ việc dùi thuyền làm cho Ô Mã Nhi chết đuối.

Khắc Chung cũng được dự ân tứ này và vẫn giữ chức Đại hành khiển; Nguyễn Khoái làm liệt hầu và được ban cho một "hương" (làng) gọi tên là Khoái lộ. Người Man trưởng ở Lạng Giang là bọn Lương Uất, Hà Tất Năng vì biết đốc suất dân đánh giặc, nên Lương Uất được phong làm chủ trại Quy Hóa; Tất Năng được phong tước quan phục hầu; Đỗ Hành vì khi bắt được Ô Mã Nhi, không đem nộp nhà vua[2], nên chỉ được phong tước quan nội hầu; Hưng Trí vương Nghiễn vì trái tướng lệnh, ngăn cản đường quân Nguyên rút về nước, nên không được thăng trật.

Sau khi tước thưởng đã ban hành rồi, còn có người thắc mắc, thượng hoàng phủ dụ rằng: "Nếu các ngươi biết chắc rằng giặc Nguyên không sang nữa, thì dầu phong đến cực phẩm, trẫm cũng không tiếc gì, nhưng nếu một mai giặc lại kéo sang, mà lúc ấy các ngươi lại có chiến công, thì trẫm biết hậu đãi các ngươi thế nào để khuyến khích thiên hạ được?". Mọi người đều bằng lòng.

Lại định những bầy tôi đã có công đánh giặc hai lần, người nào đã xung phong trước phá được trận tuyến của giặc, lập được chiến công đặc biệt, nay được chép vào tập Trùng hưng thực lục và sai thợ vẽ hình dạng vào tập sách ấy.

Mỗi khi nhà vua ra chơi đâu, trông thấy gia đồng các vương hầu ở ngoài đường tất gọi rõ tên và hỏi: "Chủ mi làm gì?". Nhà vua thường răn bảo vệ sĩ không được quát mắng gia đồng; lại bảo với các hầu cận rằng: "Ngày thường thì bao nhiêu người hầu hạ xung quanh, đến khi nước nhà gặp hoạn nạn, thì chỉ thấy có bọn ấy thôi". Câu nói ấy có ý cảm động công lao gia đồng đã theo hầu khó nhọc trong khi mình đi lánh nạn.

Lời phê[3] - Như thế cũng không đúng.

Lời chua - Lạng Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Quy Hóa: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 41).

Khoái Lộ: Xem Lý Cao Tông, năm Trị bình long ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Tháng 5. Dùng Phùng Sĩ Chu làm Hành khiển.

Lúc quân Nguyên sang xâm lược, nhà vua sai Sĩ Chu bói, Sĩ Chu gieo quẻ rồi đoán rằng: "Chắc chắn đại thắng". Nhà vua nói: "Nếu quả như lời, sẽ có trọng thưởng". Nay quân Nguyên đã rút lui, nhà vua nói: "Thiên tử không nói bỡn", vì thế nên có lệnh này.

Lời chua - Sĩ Chu: Người Cổ Liễu, thuộc Trà Hương.

Xét xử tội những người đầu hàng quân Nguyên.

Trước đây, quân Nguyên sang xâm lấn, bọn vương, hầu và các quan có nhiều người đưa giấy tờ sang dinh quân giặc; khi quân Nguyên rút lui, quân ta bắt được một tráp đựng các biểu xin hàng, thượng hoàng sai đốt đi, để cho những kẻ phản bội được yên tâm.

Nay chỉ xét tội người nào trước đã đầu hàng giặc, thì bây giờ dầu ở đất của giặc, cũng vẫn kết án vắng mặt về tội lưu hoặc tội xử tử, tịch thu điền sản sung công. Bọn Trần Kiện và Trần Văn Lộng bắt phải đổi họ là Mai, duy Ích Tắc[4] là họ thân với nhà vua, không nỡ bắt đổi họ, mà chỉ gọi là "Ả Trần", có ý mỉa mai là nhu nhược như đàn bà. Vì thế nên việc ghi chép lúc bấy giờ có tên gọi là "Ả Trần", "Mai Kiện". Đặng Long là bầy tôi hầu cận, trước nhà vua muốn cho làm Hàn lâm học sĩ, nhưng Thượng hoàng ngăn cản đi, Long oán giận, đầu hàng giặc; khi bắt được, đem xử tử. Về phần quân dân thì được miễn tội chết, duy hai làng Bàng Hà và Bà Điểm, khi giặc mới đến đã đầu hàng ngay, nay bắt dân hai làng ấy phải tội đồ làm "sai sử hoành" không được dùng làm quan.

---

[1] Ban ân cho được mang họ cùng một họ với vua lúc đương thời.

[2] Đỗ Hành, khi bắt được Ô Mã Nhi không dâng nộp Trần Nhân Tông mà đem nộp thẳng lên thượng hoàng (Thánh Tông) nên chỉ được phong tước quan nội hầu. (Đại Việt sử ký toàn thư quyển V tờ 57), xem thêm Chính biên quyển VIII tờ 7.

[3] Chỉ việc Trần Nhân Tông đối với gia đồng.

[4] Ích Tắc là con Trần Thái Tông, chú ruột Trần Nhân Tông.

Lời chua - Hoành: Tên riêng gọi những người nô lệ. Xem Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 6 (Chb. VI, 9).

Thượng hoàng về chơi cung điện ở phủ Thiên Trường.

Quân Nguyên đã rút lui, thượng hoàng về phủ Thiên Trường, nhân làm bài thơ cảm hoài[1] để ghi sự thực.

Đại hạn từ tháng 6 đến mãi tháng 10 mùa đông.

Canh Dần, năm thứ 6 (1290). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 27).

Tháng 2, mùa xuân. Cử các quan văn chia nhau đi cai trị các lộ.

Nhà vua tự làm tướng đi đánh Ai Lao.

Bầy tôi can rằng: Giặc Nguyên mới rút lui, vết thương chưa hàn gắn được, không nên gây việc binh đao. Nhà vua nói: "Chỉ có thể nhân lúc này mà khởi binh thôi, vì sau khi giặc rút lui, các nước bên cạnh tất bảo là quân mã nước ta mỏi mệt, có ý coi thường, cho nên cần phải khởi đại binh để ra oai với nước khác". Bầy tôi đều nói: "Thánh nhân lo xa như thế, bọn chúng tôi không thể nào nghĩ thấu được".

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Bấy giờ triều thần can ngăn về việc thân chinh, không phải là trái lẽ, thế mà khi nghe lời nói của Nhân Tông đã vội tán dương là "thánh nhân lo xa" thì lời tán dương ấy hầu như bợ đỡ.

Lời chua - Ai Lao: Tên nước. Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Tháng 3. Gia phong Tá Thiên đại vương là Đức Việp chức Nhập nội kiểm hiệu Thái úy.

Tháng 5, mùa hạ. Thượng hoàng mất.

Đặt tên thụy là: Huyền công thịnh đức nhân minh văn vũ tuyên hiếu hoàng đế. Miếu hiệu là Thánh Tông, làm vua 21 năm, nhường ngôi 13 năm, hưởng thọ 51 tuổi.

Bổ dụng Phạm Ngũ Lão quản lĩnh quân Thánh Dực.

Ngũ Lão là gia thần Quốc Tuấn. Quốc Tuấn nhận thấy Ngũ Lão tài năng khí độ vượt hơn mọi người, gả con gái nuôi cho, nhân đó tiến cử lên triều đình. Ngũ Lão theo Quốc Tuấn đi đánh giặc Nguyên, có công, nên có lệnh bổ dụng này.

Lời chua - Phạm Ngũ Lão: Người Đường Hào thuộc Hồng Châu[2].

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Sai Ngô Đình Giới sang nhà Nguyên báo tin Thượng hoàng mất và xin phong tước.

Lời chua - Đình Giới: Chưa rõ giữ quan chức gì. Sách Nguyên sử chép là Nghiêm Trọng La và Trần Tử Lương, chưa rõ sách nào chép đúng.

Dân bị đói to, nhà vua hạ chiếu xá thuế và phát chẩn.

Năm ấy dân bị đói to, một thăng gạo trị giá một quan tiền, nhiều người dân phải bán ruộng đất và con trai, con gái, để lấy lương ăn. Nhà vua hạ chiếu cho miễn thuế nhân đinh, lại phát thóc công chẩn cấp cho dân nghèo.

Tháng 12, mùa đông. An táng Thượng hoàng ở Dụ Lăng.

Lời chua - Dụ Lăng: Ở phủ Long Hưng.

Tân Mão, năm thứ 7 (1291). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 28). Dân lại bị đói to.

Tháng 10, mùa đông. Sứ thần nhà Nguyên sang.

---

[1] Bài thơ này có chép trong Đại Việt sử ký toàn thư và Hoàng việt thi tuyển, được nhiều thi gia thưởng thức.

[2] Người xã Phủ Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên bây giờ.

Bọn Thoát Hoan rút về rồi, vua nhà Nguyên vẫn còn căm giận, muốn lại khởi binh sang đánh; Bác Quả Mật[1] tâu với vua nhà Nguyên nên sai sứ sang dụ, thì thế nào họ cũng phải theo. Vì thế vua Nguyên mới sai thượng thư Trương Lập Đạo sang dụ nhà vua vào chầu.

Nhâm Thìn, năm thứ 8 (1292). (Nguyên, Chí Nguyên thứ 29).

Ngày mồng một, tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Bổ dụng Phí Mãnh làm An phủ sứ Diễn Châu.

Phí Mãnh ở quận lỵ chưa được bao lâu, có tai tiếng là người tham ô; nhà vua triệu về bắt phạt trượng để răn bảo, rồi lại cho đi nhận chức cũ. Từ đấy, Phí Mãnh trở thành người có tiếng là công bằng thanh liêm. Vì thế người Diễn Châu có câu "Diễn Châu an phủ thanh như thủy", (quan An phủ Diễn Châu trong sạch như nước).

Lời phê - Đem so sánh với việc phong thưởng đại phu đất Mặc, mổ bụng đại phu đất A[2], thì Trần Nhân Tông xử trí việc này có phần hơn nhiều.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tb. IV, 20).

Bổ dụng Trần Kiến làm An phủ sứ lộ Yên Khang.

Trần Kiến là môn khách của Hưng Đạo vương, nên Hưng Đạo vương tiến cử, khi quân Nguyên mới sang xâm lấn, nhà vua sai Trần Kiến bói Dịch, bói được quẻ "Dự" biến ra quẻ "Chấn". Trần Kiến đoán: "Mùa hạ sang năm, quân Nguyên tất phải thua". Đến lúc quân Nguyên kéo sang lần thứ hai, nhà vua lại sai Trần Kiến bói, được quẻ "Quan" biến ra quẻ "Hoán", liền đoán rằng: "Đó là triệu chứng ly tán, quân Nguyên tất phải thua". Lời đoán của Trần Kiến trước sau đều đúng cả. Nhà vua khen là có tài, nên đặc cách bổ dùng.

Lời chua - Trần Kiến: Người ở Đông Triều, tỉnh Hải Dương.

Yên Khang: Tên lộ. Xưa là Yên Ninh; nhà Lê đổi là phủ Yên Khang; nay đổi là Yên Khánh thuộc tỉnh Ninh Bình.

Tháng 2. Lập con là Thuyên làm hoàng thái tử.

Bổ dụng Đinh Củng Viên làm Thái tử thiếu bảo, phong tước quan nội hầu.

Sai Nguyễn Đại Phạp sang sứ nhà Nguyên.

Vua Nguyên sai Trương Lập Đạo sang nói với nhà vua rằng: "Trước đây, Thoát Hoan không dùng người đưa đường, mà đem quân đi sâu mãi vào nước Nam, thành ra không đánh nhau mà tự nhiên bị tan vỡ; đấy là vì nước Nam nhờ có địa thế hiểm trở. Nay người Vân Nam và Lĩnh Nam phong tục giống nhau, mà tài nghệ sức khỏe cũng ngang nhau, nếu đem những người ấy dùng vào chiến đấu, rồi quân tinh nhuệ ở phương Bắc lại tiếp tục gửi sang, thì nước Nam có thể nào chống cự lại được không? Vả lại, việc xuất chinh năm mới rồi, không phải tự ý thiên tử, mà là do bầy tôi ở biên cương gièm pha đấy thôi.

---

[1] Đại Việt sử ký chép tên là Bất Hốt Truật.

[2] Lời phê, nguyên văn chép "thẳng ư phanh Mặc, phong A đa hỉ". Chép thế là lầm, đáng lẽ là "phong Mặc, phanh A" mới đúng. Vì thế chúng tôi dịch đúng với điển cũ như thế này:

Thời đại Chiến quốc, nước Tề có hai quan đại phu, một là Tống Thượng Hiền, đại phu ở đất Tức Mặc (nay thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc), và một là Mao Thức, đại phu ở đất A (tức huyện Chúc A, ở phía đông bắc tỉnh Sơn Đông). Thượng Hiền thường bị những người hầu cận vua Uy vương nước Tề gièm pha, Uy vuơong cho dò xét thì đất Tức Mặc ruộng đất được mở mang, nhân dân đưoợc no ấm. Uy vương xét thấy như thế là Thượng Hiền không chịu mua chuộc những người hầu cận nên bị gièm pha, liền phong cho một vạn nhà để ăn lộc. Mao Thức thường được những người hầu cận vua khen ngợi, Uy vương cũng cho dò xét, thì thấy đất Chúc A ruộng đất bỏ hoang, nhân dân nghèo đói. Uy vương xét thấy như thế là vì Mao Thức đút lót người hầu cận để mua lấy tiếng khen, liền bắt mổ bụng Mao Thức và người nào trước kia đã tán dương Mao Thức (Tăng bình lịch sử cương mục bổ, III, 3-4).

Vậy ngài nên sang chầu thiên tử ngay". Nhà vua từ tạ vì đương có tang, rồi sai Đại Phạp cùng Hà Duy Nham sang sứ nhà Nguyên.

Đại Phạp đến Ngạc Châu, người bên Nguyên gọi là "lão lệnh công" [ông quan già]. Khi Đại Phạp vào yết kiến các viên bình chương hành tỉnh[1], thấy Ích Tắc cũng ngồi đấy, Đại Phạp không chào hỏi. Ích Tắc hỏi rằng: "Có lẽ anh là thư nhi[2] nhà Chiêu Đạo vương thì phải?". Đại Phạp trả lời: "Cuộc đời thay đổi, Đại Phạp này, trước là thư nhi của Chiêu Đạo vương, nhưng nay là sư thần một nước, cũng như bình chương trước là con vua một nước, mà bây giờ lại là người đi đầu hàng địch!". Ích Tắc nghe Đại Phạp nói, tỏ nét mặt hổ thẹn. Tự đấy hễ khi nào có sứ thần nước ta đến, Ích Tắc không ngồi ở sảnh đường nữa.

Lời chua - Chiêu Đạo vương: Tên là Quang Sưởng, con vợ thứ của Trần Thái Tông, anh cùng mẹ với Ích Tắc.

Bình chương: Quan chức bên Nguyên phong cho Ích Tắc. Trước kia nhà Nguyên cho quân đưa Ích Tắc về nước ta, nhưng không được, sau cho ở Ngạc Châu, ban cho chức bình chương chính sự tỉnh Hồ Quảng, cấp cho ruộng ở Hán Dương để tự nuôi thân.

Tháng 3. Hạ chiếu: phàm những người nào đã mua dân lương thiện làm nô tì, nay cho người bán được chuộc lại.

Khi bấy giờ mấy năm đói kém luôn, nhân dân phần nhiều đem bán rẻ con giai, con gái để tự sinh sống, nên nay hạ lệnh này, duy ruộng đất đã bán rồi thì không cho chuộc lại.

Quý Tị, năm thứ 9 (1293). (Từ tháng 3 trở về sau, thuộc về Anh Tông năm Hưng Long thứ I. - Nguyeên năm Chí Nguyên thứ 30).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua truyền ngôi cho Thái tử là Thuyên.

Thái tử đã lên ngôi, xưng là Anh Hoàng, bầy tôi dâng tôn hiệu là Ứng Thiên quảng vận nhân minh thánh hiếu hoàng đế (tức là Anh Tông), tôn vua cha làm Hiếu nghiêu quang thánh thái thượng hoàng đế và tôn Bảo Thánh hoàng hậu làm Khâm Từ bảo thánh hoàng thái hậu.

Tháng 9, mùa thu. Khâm Từ bảo thánh hoàng thái hậu là Trần thị mất.

Thái hậu hiền hòa, thông sáng, đối với người dưới, có lòng nhân từ. Thượng hoàng thường khi ngự ở vọng lâu để xem quân sĩ bắt hổ, thái hậu cùng các phi tần theo hầu. Bất thình lình con hổ xổng ra ngoài chuồng, chực nhảy lên lầu, mọi người đều sợ chạy; duy thái hậu vẫn ngồi tại chỗ, thượng hoàng lấy làm khen ngợi.

Sao chổi xuất hiện.

Sao chổi xuất hiện ở vị trí sao Tử vi, sang đến đẩu khôi[3], ánh sáng tỏa ra hơn một thước, một trăm ngày mới lặn.

Nhà Nguyên lại sai sứ thần sang.

Trước đây, Đại Phạp sang nhà Nguyên đính ước đến năm sau nhà vua sẽ sang chầu, nhưng nhà vua không quả quyết đi, nên nay nhà Nguyên lại sai Lại Bộ thượng thư Lương Tăng, Lễ bộ thượng thư Trần Phu sang nước ta. Khi đến nơi, nhà vua muốn cho sứ bộ đi theo cửa bên cạnh vào triều, Lương Tăng không nghe, trở đi trở lại đến ba lần, sau mới cho đi cửa giữa. Lương Tăng trách nhà vua chỉ có giấy tờ suông trang sức những lời xảo trá, và khuyên vào chầu, nhưng nhà vua không theo, rồi sai Đào Tử Kỳ đem phẩm vật địa phương sang cống. Bầy tôi nhà Nguyên lấy cớ rằng nhà vua nhất định không

---

[1] Xem chữ "hành tỉnh" chua ở Chính biên quyển VII tờ 30.

[2] Thư nhi, có lẽ là một tiểu đồng chép sách hoặc giữ sách.

[3] Bảy vì sao tụ họp thành sao Bắc đẩu, từ vì sao thứ nhất đến thứ tư là "đẩu khôi", từ vì sao thứ năm đến thứ bảy là "đẩu bính" (Từ Hải tờ 203).

chịu sang chầu, nên người nào cũng bàn đem quân sang đánh, họ bắt giam giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng[1] rồi hạ lệnh cho Lưu Quốc Kiệt cùng các tước vương là bọn Y Lặc, Cát Đại chỉnh bị binh lương, chia đường cùng tiến, lại sai Ích Tắc đi theo. Khi quân đến Trường Sa, thì gặp lúc Thế Tổ nhà Nguyên mất, Thành Tông lên làm vua, bèn bãi binh mà cho Tử Kỳ về nước.

Phong cho em là Quốc Trấn[2] tước Huệ Vũ vương.

Giáp Ngọ, Anh Tông hoàng đế năm Hưng Long thứ 2 (1294). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 31).

Tháng 7, mùa thu. Tước Chiêu Minh đại vương Quang Khải mất.

Quang Khải có học thức, thông hiểu tiếng nói các dân tộc người Phiên[3], mỗi khi có sứ thần Trung Quốc đến, được sung vào công việc giao tiếp. Trước kia, Thánh Tông thân đem quân đi đánh Mán Bà La, Quang Khải đi theo. Gặp khi ấy sứ thần Trung Quốc đến, Thái tông triệu Hưng Đạo vương Quốc Tuấn đến bảo rằng: "Thượng tướng[4] theo quan gia[5] đi đánh giặc, trẫm muốn phong cho nhà ngươi làm Tư đồ, sung vào việc ứng tiếp". Quốc Tuấn thưa rằng: "Việc ứng tiếp sứ thần Trung Quốc, tôi xin đảm nhận, còn việc phong chức tư đồ, tôi không dám nhận. Nay quan gia[6] đi đánh giặc xa, Quang Khải theo hầu, mà bệ hạ tự ý tư phong chức tước, tôi e rằng đối với tình nghĩa trên dưới chưa được ổn thoả". Việc ấy mới thôi.

Quang Khải với Quốc Tuấn trước vốn không hòa hiệp với nhau, sau đó một hôm, Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp về, Quang Khải cùng Quốc Tuấn đánh cờ chơi đùa suốt ngày. Quang Khải tính không hay gội tắm, Quốc Tuấn cởi áo và lau rửa giúp Quang Khải, rồi nói: "Hôm nay được tắm cho thượng tướng". Quang Khải cũng nói: "Hôm nay được quốc công tắm rửa cho". Tự bấy giờ hai người chơi với nhau thân mật lắm.

Quang Khải lúc làm tướng võ, lúc làm tướng văn, giúp vương nghiệp nhà Trần, uy danh ngang với Quốc Tuấn. Khi mất, hưởng thọ 54 tuổi, có sáng tác tập thơ Lạc đạo lưu hành ở đời. Con cháu Văn Túc vương Đạo Tái cũng có tiếng là người văn hay, cháu là Uy Túc hầu Văn Bích từng làm quan đến thái bảo; chắt là Chương Túc hầu Nguyên Đán danh vọng cũng lừng lẫy. Xem như thế thì phúc đức của gia đình Trần Quang Khải sâu rộng bền bỉ, từ trước đến sau lúc nào cũng gắn liền với cơ nghiệp nhà Trần.

Lời phê - Tiếp tân mà tất phải dùng đến tướng văn tướng võ, thì không phải là tôn trọng quốc thể, xem việc này cũng có thể biết được lúc bấy giờ hiếm nhân tài.

Thượng hoàng tự làm tướng đi đánh nước Ai Lao.

Trung Thành vương (không rõ tên) đem quân đi tiên phong bị giặc vây hãm, gặp khi ấy Phạm Ngũ Lão chợt đem quân đến, hai bên giáp lại đánh, giải được vòng vây, liền tung quân ra đón đánh tan được quân giặc, bắt được người và súc vật rất nhiều. Khi đem quân về, nhà vua ban cho Ngũ Lão được kim phù[7].

Tháng 9. Thiếu bảo Đinh Củng Viên mất.

Củng Viên học rộng văn hay, nhà vua rất kính trọng, không bao giờ gọi thẳng tên; lúc mất, truy tặng thiếu phó.

---

[1] Tên huyện, bây giờ thuộc tỉnh Hồ Bắc.

[2] Có âm nữa là "điền".

[3] Trước kia ở Trung Quốc, những dân tộc ở biên giới các tỉnh Tứ Xuyên, Cam Túc, Vân Nam, Quý Châu, ... đều gọi chung là người Phiên. Ở nước ta thì có lẽ trước kia gọi những dân tộc miền núi là người Phiên; vì họ nói một thứ thổ âm riêng, nên gọi là "Phiên ngữ".

[4] Chỉ Trần Quang Khải.

[5] Tiếng đời Trần dùng chỉ nhà vua. Đây chỉ Trần Thánh Tông.

[6] Chỉ Trần Quang Khải.

[7] Binh phù bằng loài kim. Riêng chữ "phù" còn có nghĩa là điềm lành phản chiếu. Ban cho kim phù là có ý mong cho được bền bỉ cứng rắn như loài kim.

Ất Mùi, năm thứ 3 (1295). (Nguyên, Thành tông, năm Nguyên Trinh thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Sứ thần nhà Nguyên sang.

Thành Tông nhà Nguyên mới lên làm vua, sai thị lang Lý Khản và Tiêu Thái Đăng đem thư sang nước ta, đại lược nói: "Thiên tử mới lên ngôi, ra ơn đại xá, đã hạ lệnh cho các quan có trách nhiệm phải bãi binh. Vậy tự nay về sau nên nhớ kỹ đến cái đạo sợ uy trời, thờ nước lớn"[1]. Nhà vua sai Viên ngoại lang là Trần Khắc Dụng và Phạm Thảo sang bên Nguyên đáp lễ.

Tháng 6, mùa hạ. Thượng hoàng từ Ai Lao về nước.

Thượng hoàng từ Ai Lao trở về, rồi xuất gia ở hành cung Vũ Lâm, sau lại trở về kinh sư. Khi bấy giờ Khâm Từ thái hậu đã mất rồi, Tuyên Từ thái hậu tính nóng nảy, ráo riết dạy bảo có phần nghiêm ngặt, nhà vua chỉ một mực kính cẩn tuân theo. Thượng hoàng khen là người có hiếu, nói rằng: "Trẫm không xứng đáng xưng là "Hiếu hoàng"[2] nên đem danh hiệu ấy xưng hô quan gia mới phải".

Lời chua - Tuyên từ: Em gái Khâm từ, tức là dì ruột nhà vua.

Vũ Lâm: Ở xã Vũ Lâm, huyện An Khánh, tỉnh Ninh Bình, ở đây núi non trùng điệp, trong ruột núi có hang, chu vi núi non rộng đến vài mươi mẫu, bên ngoài có con sông nhỏ quanh co khuất khúc, thông vào trong hang núi, thuyền nhỏ có thể chở vào được.

Nhà vua biểu dương người đàn bà có tiết nghĩa là Lê Thị.

Chồng Lê Thị Ta là Phạm Mưu, sang sứ bên Nguyên, bị bệnh mất, Thị Ta nghe tin, thương khóc ba ngày không ăn uống gì rồi chết. Sự đó tâu về triều, nhà vua ban cho bạc và lụa để biểu dương tiết nghĩa.

Lời chua - Lê Thị người ở phường Tây Nhai trong kinh thành.

Tháng 8, mùa thu. Mở kỳ thi con các quan văn.

Quan văn từ hàng "miện, sam" trở xuống, các con trai đều được vào thi, ai trúng tuyển được sung bổ vào nha thuộc An Hoa.

Lời chua - Miện: Quyền miện (?), phẩm phục của người giữ chức Hiệu thư. Sam: Mạo sam (?), phẩm phục của người giữ chức Bạ thư. Những người được dùng phẩm phục này, đều vào hàng quan văn, danh vị hơi cao một chút.

Bính Thân, năm thứ 4 (1296). (Nguyên, năm Nguyên Trinh thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nguyễn Hưng, tước thượng phẩm, có tội, phạt đánh bằng trượng cho chết.

Chế độ cũ nhà Trần, các quan viên đánh bạc phải xử vào tội nặng. Nguyễn Hưng cố ý phạm pháp, nên nhà vua bắt đánh bằng trượng cho đến chết.

Lời bàn của Phan Phu Tiên - Pháp luật nhà Trần nghiêm cấm sự đánh bạc như vậy, thế mà đến đời Dụ Tông[3] lại còn đánh bạc công khai, thậm chí chiêu tập người nhà giàu vào trong cung đánh bạc, rồi người trong nước cũng bắt chước, thành ra vì tệ hại đánh bạc mà đến nỗi bại vong!

Tháng 10, mùa đông. Năm ấy được mùa.

---

[1] Nguyên văn là "úy thiên, sự đại". Bốn chữ này dùng điển trong sách Mạnh tử, nghĩa là: Giữ bổn phận mình là nước nhỏ mà phụng thờ nước lớn, là sợ uy trời.

[2] Xem thêm chữ "hiếu hoàng" chép ở Chính biên quyển VII tờ 20.

[3] Xem thêm Chính biên quyển X tờ 15 việc Trần Dụ Tông gá bạc.

Đinh Dậu, năm thứ 5 (1297). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 1). Tháng 2, mùa xuân. Định rõ lại quy chế binh lính.

Tuyển dân đinh người nào khỏe mạnh phải suốt đời làm lính, không được làm quan, theo như phép cũ. Các châu chỗ nào trước gọi là giáp, nay đổi làm hương.

Nước Ai Lao đem quân xâm phạm đến sông Chàng Long, nhà vua sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, phá tan được.

Nước Ai Lao đem quân xâm phạm, chiếm giữ sông Chàng Long, nhà vua sai Phạm Ngũ Lão kéo quân đến đánh úp, quân Ai Lao bị thua chạy. Tin thắng trận báo về triều, nhà vua ban cho Ngũ Lão được vân phù[1].

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Trần Kiến làm Đại an phủ sứ ở kinh sư, kiêm chức quan Kiểm pháp.

Trần Kiến là người cương trực, trước làm quan An phủ ở Thiên Trường, có người đưa biếu món ăn, Trần Kiến hỏi: "Có việc gì mà biếu?". Người ấy nói: "Vì ở gần lỵ sở". Mấy hôm sau, người ấy đem việc đến thỉnh thác. Trần Kiến giận lắm, móc cổ họng cho thổ ra. Đến nay được cất nhắc lên làm quan kiểm pháp, xét xử kiện tụng một cách công bằng thỏa đáng, người ta đều nói Trần Kiến có thể quyết đoán hình ngục được.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho phủ tông chính khảo xét đính chính thế hệ trong gia phả họ tôn thất.

Mậu Tuất, năm thứ 6 (1298). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 2).

Tháng 9, mùa thu. Mưa gió to.

Tháng 10, mùa đông. Đặt thêm quân hiệu.

Đặt thêm các quân hiệu: Thượng chân đô, Thủy dạ thoa đô và Chân kim đô; quân sĩ đều thích chữ ở trán. Nhà vua hạ lệnh cho Phạm Ngũ Lão làm Kim ngô hữu vệ đại tướng quân để thống lĩnh.

Tháng 12. Sao chổi xuất hiện ở phương đông. Nhà vua không dám ngự ở chính điện và giảm bớt sự ăn uống[2].

Bổ dụng Trần Kiến là Nhập nội Hành khiển hữu gián nghị đại phu, Trần Khắc Chung làm Đại an phủ sứ ở kinh sư.

Nhà vua thấy Trần Kiến là người cương trực, ban cho cái hốt[3] và làm bài minh vào cái hốt rằng: "Thái sơn trinh cao, tượng hốt trinh liệt, linh trĩ trãi[4] giốc, vì hốt nan chiết". Núi Thái Sơn vừa kiên trinh vừa cao, hốt ngà voi vừa kiên trinh vừa sáng, ngà voi có linh tính như ngà giải trãi, dùng làm hốt, khó sức mạnh nào chiết phục được.

Kỷ Hợi, năm thứ 7 (1299). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Phạm Ngũ Lão làm Thân vệ tướng quân, kiêm quản lĩnh quân Thiên Thuộc.

---

[1] Xem chữ "phù" chua ở Chính biên quyển VIII tờ 22. Vân phù: binh phù có hình sắc mây.

[2] Theo quan điểm phong kiến, vua là con của trời (thiên tử), vua thất đức, thì trời hiển hiện ra điềm tai dị để răn bảo, nếu trời đã răn bảo mà vua còn không tu tỉnh, thì trong nước sẽ xẩy ra tai họa. Vì thế, mỗi khi gặp nhật thực, nguyệt thực, hoặc sao sa, sao chổi, ... thì vua sợ oai trời, lánh mình đến ở một cung bé nhỏ, không dám nghênh ngang ngự ở chính điện, và giảm bớt sự ăn uống, không dám xa xỉ. Làm như thế là để được trai khiết mà hối tội của mình, mong được lòng trời thương hại.

[3] Cái hốt có tên riêng là "thủ bản", vua quan cầm trong lúc triều yết, có việc gì thì ghi chép vào hốt để khỏi quên. Đời cổ, hốt của thiên tử bằng ngọc, của vua chư hầu bằng ngà voi, từ đại phu đến sĩ làm bằng tre hoặc gỗ; về sau, đại phu và sĩ đều có thể được dùng hốt bằng ngà voi cả. Chiều dài chiều rộng cái hốt của từng cấp bậc đã có kích thước nhất định.

[4] Trãi: Tên riêng một giống thú rừng, có sách giải nghĩa là thần dương, giống thú này có một cái sừng thẳng ở giữa trán. Đời cổ dùng nó để húc đánh những người gian tà nham hiểm, vì nó có linh tính phân biệt được người ngay, người gian.

Tháng 5. Bổ dụng Đoàn Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán[1].

Khi bấy giờ thượng hoàng từ phủ Thiên Trường về kinh, các quan trong triều đều không ai biết cả. Nhà vua uống rượu xương bồ, say, nằm ngủ, đánh thức mãi không dậy. Thượng hoàng đi thong thả, xem khắp các cung điện một hồi lâu. Lúc người hầu nội dâng cơm, Thượng hoàng không thấy nhà vua, lấy làm lạ, liền hỏi, sau khi biết chuyện, Thượng hoàng giận lắm, lập tức trở về Thiên Trường, hạ chiếu cho trăm quan đến ngày mai phải tề tập để nghe chỉ dụ. Đến quá trưa, nhà vua mới tỉnh dậy. Cung nhân đem việc đó tâu bày, nhà vua sợ quá, đi bộ ra ngoài cửa cung. Khi đi qua chùa Tư Phúc, gặp người học trò là Đoàn Nhữ Hài, nhà vua ban hỏi. Nhữ Hài vội vàng cúi rạp xuống đất thưa là "học trò đi học". Nhà vua cho theo vào cung, bảo rằng: "Mới đây trẫm say rượu, bị Thượng hoàng hỏi tội, nay muốn dâng biểu tạ tội, nhà ngươi nên thảo giúp ta tờ biểu ấy". Nhữ Hài vâng lời, thảo xong ngay. Nhà vua liền dùng chiếc thuyền nhỏ, cho Nhữ Hài đi theo, đêm đi đến Thiên Trường. Sớm hôm sau, sai Nhữ Hài đội tờ biểu dâng lên, Thượng hoàng hỏi: "Người dâng biểu là người nào?". Người hầu cận thưa rằng: "Đấy là người của quan gia[2] sai dâng biểu tạ tội". Thượng hoàng không nói gì cả. Trời gần tối, gió mưa kéo đến ầm ầm, Nhữ Hài vẫn quỳ yên không di chuyển. Thượng hoàng bèn cho người lấy tờ biểu vào xem, thấy lời lẽ ý tứ trong tờ biểu thành khẩn thiết tha, mới cho triệu nhà vua vào dạy rằng: "Trẫm không còn có người con nào nữa để nối ngôi vua hay sao? Nay trẫm còn sống mà còn như thế, nếu sau này sẽ ra thế nào?". Nhà vua cúi đầu tạ tội. Thượng hoàng hỏi: "Ai soạn tờ biểu này?". Nhà vua tâu: "Tên học trò là Đoàn Nhữ Hài".

Thượng hoàng lại cho triệu Nhữ Hài vào, dụ bảo rằng: "Tờ biểu của nhà ngươi soạn, thực hợp ý trẫm". Sau đó, Thượng hoàng cho nhà vua lại được làm vua và trăm quan trở về triều như trước. Nhà vua ở phủ Thiên Trường về, cho Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán. Khi bấy giờ Nhữ Hài mới 20 tuổi, có kẻ ghen ghét cho là ít tuổi đã làm quan, họ có câu thơ mỉa mai rằng: "Phong hiến luận đàm truyền cổ ngữ, khẩu tồn nhũ xú Đoàn trung tán". (Trong ngự sử đài người ta truyền tụng câu cổ ngữ "khẩu tồn nhũ xú"[3] để đàm luận quan trung tán họ Đoàn).

Lời phê[4] - Xem việc này có thể biết thời đại ấy hãy còn giữ được thói giản dị sơ lược, nên vua tôi tin tưởng với nhau một cách dễ dàng.

Lời chua - Đoàn Nhữ Hài: Người ở Trường Tân, thuộc Hồng Châu.

Nhà vua đi bái yết sơn lăng.

Tháng 6. Sai các quan đi tế khắp cả thần kỳ ở núi sông.

Tháng 7, mùa thu. Thượng hoàng lên núi Yên Tử, xả thân[5] ở am Ngọa Vân.

Trước kia, thượng hoàng ở Vũ Lâm, thời thường đi lại kinh sư và phủ Thiên Trường; đến nay, lại xuất gia, đến núi Yên Tử, ở am Ngọa Vân. Cung tần, thị nữ, người nào không muốn về thì cấp ruộng và nhà cho ở dưới chân núi. Thượng hoàng thỉnh thoảng có về phủ Thiên Trường, ngự ở cung Trùng Quang. Lúc nhà vua đến chầu, Thượng hoàng bảo: "Nhà ta khởi nghiệp từ bãi biển, cho nên thích hình con rồng vào vế đùi, là có ý tỏ ra rằng không bao giờ vong bản". Lúc ấy người thợ thích hình rồng đã chực ở ngoài cửa cung, nhà vua rình khi Thượng hoàng quay mặt đi chỗ khác, liền lánh sang cung Trùng Hoa. Thượng hoàng biết ý, không bắt ép nữa. Cái tục thích hình dáng loài vật vào vế đùi của nhà Trần từ đây mới bỏ đi được.

---

[1] Tức Ngự sử Trung thừa, chức quan đứng hàng thứ 2 ở đài Ngự sử có nhiệm vụ can gián, đàn hạc nhà vua.

[2] Chỉ Trần Anh Tông.

[3] Lời Hán Cao tổ bình luận đại tướng nước Nguỵ là Bá Trực "miệng còn hơi sữa" không thể địch được với Hàn Tín (đại tướng nhà Hán).

[4] Chỉ việc Trần Anh Tông đi bộ ra ngoài cửa cung thành nói chuyện với một người học trò.

[5] Tự nguyện đem thân mình quy y cửa Phật một cách khổ hạnh gọi là "xả thân". Phong tục này thịnh hành ở thời đại Lục Triều (Trung Quốc), Lương Vũ đế, Trần Vũ đế đều xả thân làm nô bộc cho nhà chùa. Lại cũng có người tự thiêu thân để cúng giàng vào chùa nữa (Từ nguyên, tập mão, tờ 117).

Lời chua - Yên Tử, Ngọa Vân: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Thích hình dáng loài vật vào vế đùi: Tục nhà Trần khi xưa, quân dân đều thích vẽ rồng ở trước bụng, sau lưng và hai bên vế đùi, người Trung Quốc gọi là "thái long" (rồng vẽ). Sở dĩ thích hình con rồng như thế, là có ý nghĩ rằng giống thuồng luồng sợ rồng, lưng có vằn rồng, thì khi lội xuống nước, thuồng luồng không dám xâm phạm đến.

Nhà vua đi chơi ngoài thành một cách vi hành[1].

Tính nhà vua thích vi hành, đêm đến, thường ngồi trên chiếc kiệu do người khiêng, cùng đi với vài chục người, dạo chơi khắp kinh thành, đến gà gáy mới trở về cung. Lại thường ra chơi chỗ quân phường (?). Một hôm, có đứa vô lại[2] ném gạch phạm phải; người theo hầu quát lên rằng: "Xa giá nhà vua đấy!". Mọi người mới sợ chạy. Sau, Thượng hoàng thấy vết thương, hỏi vì cớ gì. Nhà vua cứ thực tâu bày, Thượng hoàng chép miệng "chạch chạch" một hồi lâu.

Lời phê - Cái lỗi này lại nặng hơn cái lỗi uống rượu say nằm ngủ[3], mà sao không thấy Nhân Tông quở trách gì?

Ban phát khoa giáo nhà Phật cho trong kinh thành và ngoài các lộ.

Trước đây, Trần Khắc Dụng sang sứ bên nhà Nguyên, xin được kinh Đại Tạng[4]. Khi đem về, bản chính để ở phủ Thiên Trường và viết ra bản khác giao khắc để lưu hành. Đến đây, nhà vua lại sai in quyển Phật giáo, pháp sự đạo tràng công văn cách thức, ban bố khắp nước.

Bổ dụng hoạn giả Trần Hùng Thao làm Tham tri chính sự, kiêm giữ việc tả ti ở cung Thánh Từ.

Hùng Thao giữ chức chưa được bao lâu, vì phê phó vào sổ tha tội người này, buộc tội người kia, nên bị bãi.

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Trước đây, nhà vua sai Đặng Nhữ Lâm sang giao hảo với nhà Nguyên, khi Nhữ Lâm đến kinh đô nhà Nguyên, bí mật làm những việc sau này:

- Vẽ đồ bản cung điện và vườn tược.
- Đem riêng trong mình bản đồ địa dư và sách đã bị cấm.
- Ghi chép vào sổ riêng những núi rừng và tình hình quân sự ở Bắc phương.

Thừa tướng nhà Nguyên là Hoàn Trạch đem việc ấy tâu bày, vua Nguyên sai Thượng thư Mã Hợp, Thị lang Kiều Tôn Lượng sang nước ta dụ bảo nhà vua về việc Nhữ Lâm làm trái pháp, đáng lẽ tra xét kỹ để trị tội, nhưng thiên tử lấy độ lượng bao dong, nên đã hạ lệnh tha cho về nước. Vậy từ nay cử sứ thần cần phải lựa chọn cẩn thận, nếu có tâu bày thỉnh thác việc gì, phải hết lòng thành thực, chứ nếu chỉ trang sức văn từ khéo léo bề ngoài, thì không ích gì cả.

Canh Tí, năm thứ 8 (1300). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Động đất ba chỗ, từ giờ tí đến giờ thân[1] mới yên.

---

[1] Vua chúa đi ra ngoài cung điện, không muốn cho người ngoài biết, nên không có nghi trượng đón rước, chỉ đi với một số ít người dạo chơi nơi này nơi khác, gọi là "vi hành".

[2] Vô lại có nhiều nghĩa, nhưng ở đây là chỉ hạng người chơi bời lêu lổng hoặc láu lỉnh giảo quyệt.

[3] Xem thêm Chính biên quyển VIII tờ 27, việc Trần Anh Tông say rượu.

[4] Tên gọi chung các kinh điển về Phật giáo do Hán nho dịch chữ Phạn ra chữ Hán hoặc những sách do các cao tăng ở phương đông trứ tác ra (Từ Hải, trang 353).

Tháng 4, mùa hạ. Mặt trời dao động.

Người đàn bà ở Hồng Lộ sinh con trai hai đầu.

Tháng 6. Sao sa.

Tháng 8, mùa thu. Tiết chế thống lĩnh chư quân, Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, mất.

Trước đây, Quốc Tuấn bị bệnh, nhà vua đến nhà riêng thăm và hỏi rằng: "Nếu có sự không lành xảy ra[2], mà quân nhà Nguyên lại sang xâm lấn, thì chống cự lại bằng cách gì?". Quốc Tuấn thưa: "Ngày trước Triệu Võ (Triệu Đà) dựng nước, vua nhà Hán sai quân sang đánh, lúc ấy, về phần tiểu dân thì phá hết hoa mầu ở đồng nội; về phần quân lính thì đại binh kéo sang châu Khâm, châu Liêm, đánh quận Trường Sa, dùng đoản binh[3] đánh tập hậu, đấy là một thời kỳ. Đến đời nhà Đinh, nhà Lê dùng được người hiền tài, lúc ấy phương Nam đương mạnh, phương Bắc đương suy, trên dưới một lòng, dân không có lòng ly tán, đắp thành Bình Lỗ mà phá được quân nhà Tống, đấy lại là một thời kỳ. Nhà Lý dựng cơ nghiệp, người nhà Tống sang xâm lấn; lúc ấy dùng Lý Thường Kiệt đánh châu Khâm, châu Liêm, nhiều lần tiến quân đến Mai Lĩnh[4], đấy là có thế lực mạnh. Mới rồi, Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt đánh phá bao vây; lúc ấy vua tôi cùng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức chiến đấu, nên giặc phải bó tay, đấy là lòng giời xui khiến.

Đại khái quân giặc cậy vào trường trận[5], quân ta cậy vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận, là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét: nếu thấy quân giặc tràn sang như gió, như lửa, thì thế giặc có thể dễ chống cự được; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dần, như tằm ăn dâu, không vơ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì mình phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ, tùy theo thời cơ mà chế biến cho đúng, làm thế nào thu hút được binh lính như cha con một nhà, mới có thể dùng để chiến thắng được. Vả lại, phải bớt dùng sức dân để làm cái kế thâm căn cố đế, đó là thượng sách giữ nước không còn gì hơn". Nhà vua rất phục lời trình bày của Quốc Tuấn là đúng.

Khi Quốc Tuấn mới sinh ra, có người xem tướng trông thấy, nói: "Mai sau có thể kinh bang tế thế được". Lúc lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh khác thường, xem rộng các sách, có tài văn vũ. Thân phụ Quốc Tuấn là An Sinh vương, trước đây, có hiềm riêng với Thái Tông[6], đem lòng oán giận, đi tìm khắp những người có tài nghệ giỏi để dạy bảo Quốc Tuấn. Lúc sắp mất, cầm tay Quốc Tuấn trối trăng lại rằng: "Con không vì cha mà lấy được thiên hạ, thì cha dầu chết cũng không nhắm mắt được!". Trong bụng Quốc Tuấn vẫn không cho câu nói ấy là đúng. Khi quân Nguyên sang xâm lấn, một mình nắm hết quyền bính trong nước trong quân, có lần Quốc Tuấn đem câu trối trăng của cha hỏi hai người gia nô là Dã Tượng và Yết Kiêu. Hai người can ngăn, nói: "Nếu thi hành kế ấy, dầu có giàu sang được một lúc, mà tiếng xấu để mãi đến ngàn đời. Đại vương bây giờ chả phải đã giàu sang rồi ư? Chúng tôi tình nguyện chết già làm người nô bộc, chứ không muốn làm sự bất trung bất hiếu để cầu may mà được một chức quan, chúng tôi mong học được như người mổ dê tên là Duyệt ở thời Xuân Thu ngày trước". Quốc Tuấn nghe hai người gia nô nói, vừa cảm động ứa nước mắt vừa khen ngợi.

Có lần Quốc Tuấn giả vờ hỏi dò ý con là Hưng Vũ vương Quốc Nghiện rằng: "Cổ nhân giàu có cả thiên hạ, để truyền cho con cháu về sau, việc ấy con nghĩ thế nào?". Quốc Nghiện thưa rằng: "Việc ấy đối với người khác họ cũng không nên làm, huống chi là người cùng một họ". Quốc Tuấn rất lấy làm

---

[1] Phỏng từ một giờ đến mười bảy giờ.

[2] Ý nói Quốc Tuấn mất.

[3] Một binh chủng chuyên dùng giáo mác đánh giặc, khác với trường binh là hạng binh lính đánh giặc bằng cung tên.

[4] Ở địa phận tỉnh Giang Tây, tức là núi Đại Dũ, nơi xung yếu giữa hai tỉnh Giang Tây và Quảng Đông, trên núi trồng nhiều cây mai, nên gọi tên là Mai Lĩnh (Từ Nguyên, Thìn tập, tờ 138 và Sửu tập, tờ 203).

[5] Trường trận cũng như trường binh, xem chú thích trường binh, đoản binh ở trên.

[6] Xem thêm Chính biên quyển VI tờ 16, 18.

phải; sau lại đem câu ấy hỏi con thứ là Hưng Nhượng vương Quốc Tảng, Quốc Tảng tiến thẳng đến, nói: "Tống Thái Tổ là một người làm ruộng, chỉ nhờ gặp thời vận mà lấy được thiên hạ". Quốc Tuấn liền tuốt gươm ra kể tội rằng: "Những người bầy tôi phản loạn chính là do những đứa con bất hiếu mà ra". Nói rồi có ý muốn giết đi. Quốc Nghiện vội chạy ra kêu khóc xin nhận tội thay, mãi sau mới được Quốc Tuấn tha cho. Khi Quốc Tuấn sắp mất, bảo Quốc Nghiện rằng: "Sau khi ta chết, đậy nắp áo quan đâu đấy xong rồi, sẽ cho Quốc Tảng vào viếng khóc".

Vào khoảng đầu niên hiệu Thiệu Bảo, quân Nguyên rầm rộ kéo sang, khí thế rất hung hãn. Vua Thái tông bảo rằng: "Lực lượng của giặc mạnh như thế, có lẽ ta hãy tạm xin hàng". Quốc Tuấn nói: "Trước hết hãy chặt đầu tôi đã, rồi sẽ hàng".

Xem những việc trên, thì Quốc Tuấn hết lòng với nhà Trần, trung nghĩa bộc lộ ra như thế, cho nên dẹp tan được giặc Nguyên, dựng nên công nghiệp phi thường, tiếng vang đến Trung Quốc. Người nhà Nguyên thường gọi là An Nam Hưng Đạo vương mà không dám gọi rõ tên. Thánh Tông có làm bài văn bia ở sinh từ, sánh Quốc Tuấn với Thượng Phủ[1]. Vì có công lao to, nên gia phong là Thượng Quốc Công, được quyền tự ban thưởng phẩm tước cho người khác, nhưng Quốc Tuấn chưa hề tự ban thưởng cho một ai cả, ấy cẩn trọng giữ gìn như vậy. Lại còn một việc nữa là thường tiến cử người hiền tài để giúp nước, như các ông Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu đều là môn khách của Quốc Tuấn cả.

Đương lúc quân Nguyên sang xâm lấn, Quốc Tuấn thân hành soạn ra sách Binh gia diệu lý yếu lược[2] và làm bài hịch[3] trao cho các tì tướng. Bài hịch đại lược[4] như sau:

"Kỷ Tín liều mình chết thay để giải vây cho Cao đế[5], Do Vu lấy lưng đỡ giáo để che chở cho Chiêu vương[6], Dự Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ[7], Thân Khoái[8] chặt tay để chết theo nạn nước, Kính Đức[9] là một viên tướng nhỏ mà giúp đỡ Thái Tông thoát khỏi vòng vây của Thế Sung, Nhan Khanh[10]

[1] Thượng phủ là một danh hiệu tôn xưng Thái Công Vọng. Thái Công Vọng họ Khương tên Thượng, là một hiền thần nhà Chu. Vũ Vương nhà Chu tôn làm sư - thượng phủ. Vũ vương diệt chúa Trụ nhà Thương, lấy được thiên hạ phần nhiều là nhờ ở mưu lược của Khương Thượng, sách Binh thư có 6 quyển nói về lục thao, tương truyền do Khương Thượng soạn.

[2] Cuốn sách nói về phương lược cốt yếu, lý lẽ màu nhiệm của nhà binh.

[3] Đem lý lẽ phải trái viết thành văn để hiệu triệu, để khuyên nhủ, để cổ động lòng trung nghĩa của người ta, gọi là bài hịch.

[4] Bài hịch còn dài, nhưng Cương mục rút bớt đi.

[5] Kỷ Tín: Bầy tôi Hán Cao tổ (Lưu Bang), khi Lưu Bang bị Hạng Vũ vây hãm ở Huỳnh Dương rất nguy cấp, Kỷ Tín phải ăn mặc giả làm Lưu Bang xông ra mặt trận, sau khi Hạng Vũ bắt được Kỷ Tín (Lưu Bang giả) rồi, mới giải vây thành Huỳnh Dương, nên Lưu Bang được thoát nạn, còn Kỷ Tín bị Hạng Vũ thiêu chết. (Thông giám tập lãm, quyển XII tờ 5).

[6] Do Vu tức Vương tôn Do Vu, người thời Xuân thu, bầy tôi nước Sở. Khi nước Sở bị chúa nước Ngô là Hạp Lư đánh, Chiêu vương nước Sở phải chạy đến Vân Mộng, trong lúc Chiêu vương nằm ngủ, có thích khách cầm giáo vào đâm, lúc ấy Do Vu ở bên cạnh, phải lấy thân mình chịu giáo thay thế. Do Vu bị ngọn giáo đâm trúng vai, mà Chiêu vương được thoát nạn. (Xuân thu ngũ truyện, quyển XVI tờ 22).

[7] Dự Nhượng người thời Chiến quốc, bầy tôi Trí Bá, Trí Bá bị Triệu Tương tử giết, Dự Nhượng lập mưu giết Tương Tử để báo thù cho Trí Bá: Hành thích lần đầu bị bắt, sau được tha. Dự Nhượng lấy sơn trát vào mình làm người hủi, nuốt than cho tiếng nói khác đi. Hành thích lần sau lại bị bắt, Dự Nhượng xin Tương tử cho đánh vào cái áo để trả thù. Khi người nhà đem cái áo của Tương Tử ra, Dự Nhượng nhảy lên kêu trời ba lần, vừa kêu vừa đánh vào cái áo, rồi tự sát. (Bổ chính thiếu vị, quyển 111 tờ 5).

[8] Thân Khoái người thời Xuân thu, một viên quan coi giữ ao cá của Tề Trang Công. Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái tự chết theo. (Xuân thu ngũ truyện, quyển XI, tờ 64)

[9] Kính Đức tức Uất Trì Kính Đức, người đời Tùy Đường, một tướng mạnh của Đường Thái Tông (Thế Dân). Kính Đức có biệt tài tránh gươm giáo, thường một mình một ngựa xông vào trận địa của giặc, giặc tập trung giáo lại đâm, Kính Đức đã không bị thương, lại còn cướp giáo giặc để đâm giặc. Khi Đường Thế Dân đem năm trăm quân ra trận địa, bị Vương Thế Sung đem hơn vạn quân ập đến bao vây, Đơn Hùng Tín cầm giáo đuổi đâm Thế Dân, Kính Đức phóng ngựa lại đâm Hùng Tín ngã ngựa, làm cho quân của Thế Sung bị tan vỡ và Đường Thế Dân thoát khỏi vòng vây. (Lịch sử cương mục bổ, quyển XIX, tờ 3).

[10] Nhan Cảo Khanh, bầy tôi nhà Đường. Thời đại Đường Minh hoàng, An Lộc Sơn làm phản, lúc ấy Cảo Khanh làm thái thú ở Thường Sơn khởi binh đánh Lộc Sơn, quân thua bị bắt, Lộc Sơn có ý muốn dụ Cảo Khanh đầu hàng, Cảo Khanh mắng lại rằng: "Ta là bầy tôi nhà Đường, vì nước đánh bọn phản nghịch, ta giận rằng không chém được đầu mày". Lộc Sơn sai đem hành hình, đến lúc gần tắt thở, Cảo Khanh vẫn còn mắng chửi Lộc Sơn. (Thông giám tập lãm, quyển 55 tờ 37).

là một bầy tôi ở biên viễn mà mắng chửi Lộc Sơn không chịu theo bọn nghịch tặc; xem như thế thì xưa kia những người trung thần, nghĩa sĩ, vì nước liều mình, đời nào chả có; nếu những người ấy chỉ bo bo giữ thói thường tình, thì làm gì có danh thơm ghi trong sử sách, cùng với trời đất không bao giờ mai một được?

"Các ngươi! Xuất thân là dòng dõi nhà tướng, không hiểu rõ nghĩa lý trong sách, nay đã được nghe chuyện cổ, trong bụng nửa tin nửa ngờ. Nay ta đem ngay việc nhà Tống, nhà Nguyên mới đây nói cho mà nghe: Vương Công Kiên[1] là người thế nào? Tỳ tướng của ông ta là Nguyễn Văn Lập[2] lại là người thế nào? Giữ thành Điếu ngư nhỏ mọn và đương đầu với trăm vạn quân oanh liệt của Mông Kha, làm cho nhân dân nhà Tống đến nay vẫn còn đội ơn. Cốt Ngại Ngột Lang[3] là người thế nào? Tỳ tướng của ông ta là Cân Tu Tư[4] lại là người thế nào? Xông vào nơi đường xa nước độc, mà trong khoảng vài tuần đánh bại được quân Nam Chiếu, làm cho vua quan Thát Đát, tiếng thơm mãi đến bây giờ. Huống chi, ta với các người, sinh ra trong buổi nhiễu nhương, trưởng thành trong lúc đau khổ, nay trông thấy sứ thần của giặc đi rộn rịp ở ngoài đường, uốn giọng lưỡi cú vọ mà sỉ nhục triều đình[5], đem cái thân chó dê mà khinh nhờn tể phụ[6]; dựa vào mệnh lệnh Hốt Tất Liệt[7] để đòi hỏi ngọc lụa[8], sách nhiễu không biết thế nào là cùng; mượn uy quyền Vân Nam vương để bắt nộp bạc vàng, làm khánh kiệt kho tàng hữu hạn; không khác gì ném thịt cho hổ đói, làm thế nào mà thoát được tai nạn về sau!

"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm quên ngủ, nước mắt chứa chan, ruột đau như cắt, lúc nào cũng tức bực rằng chưa sao sả thịt, lột da, ăn gan, uống máu chúng được.

"Nay ta soạn những binh pháp các nhà, làm ra một bộ sách đặt tên là Binh pháp yếu lược. Các ngươi! Nếu người nào biết chuyên tâm học tập sách này, nghe lời ta dạy bảo, thế là tình nghĩa thầy trò muôn đời; nếu người nào vứt bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo, tức là kẻ thù muôn đời. Tại sao vậy? Bởi vì giặc Mông Thát với nước ta là cái thù không thể đội trời chung được, nếu các ngươi cứ lơ là không nghĩ đến việc rửa nhục cho nước, lại không luyện tập quân lính, như thế là quay giáo xin hàng, tay không chịu chết, để sau khi bình lỗ, xấu xa để đến muôn đời, thì còn mặt mũi nào mà đứng ở trong vòng trời che đất chở này được"

Quốc Tuấn lại tập hợp binh pháp các nhà làm ra trận đồ bát quái cửu cung[9], gọi là sách Vạn Kiếp tông bí truyền, sách ấy Nhân Huệ vương Khánh Dư có đề tựa.

Đến nay Quốc Tuấn mất, được tặng tước Thái sư thượng phụ thượng quốc công Nhân vũ Hưng Đạo đại vương. Nhân dân ở châu Lạng Giang lập đền thờ.

Lời chua - Đền thờ Hưng Đạo vương: Nay ở xã Vạn An, huyện Lục Ngạn, phủ Lạng Giang[10].

---

[1] Xem "lời chua" của Cương mục.

[2] -nt-

[3] -nt-

[4] -nt-

[5] Bài hịch nhắc lại việc sứ nhà Nguyên là Sài Xuân, khi vào đến cửa Dương Minh vẫn ngạo nghễ không xuống ngựa; khi thượng tướng Trần Quang Khải đến sứ quán tiếp, Sài Xuân vẫn nằm dài không dậy.

[6] Tể phụ là những viên quan quyền cao chức trọng, giúp vua điều khiển công việc trong cả nước.

[7] Thế tổ nhà Nguyên tên là Hốt Tất Liệt.

[8] Bài hịch nhắc lại việc Mông Cổ sai sứ sang bắt nước ta phải hàng năm cống nộp tiền tệ; sau lại sai sứ thần là Lương Tăng sang dụ vua Nhân Tông sang chầu, nếu không sang phải nộp vàng ngọc thay thế và cống nộp người hiền tài, người thợ, v.v...

[9] Bát quái: tám quẻ trong kinh Dịch: Càn, khôn, tốn, khảm, chấn, đoài, ly, cấn. Các danh tướng đời cổ như Khương Thượng, Tôn Tẫn, Hàn Tín, Khổng Minh, Lý Tĩnh dựa vào tám quẻ bày ra trận đồ, mỗi quẻ là một cung theo hướng tám phương, còn trung ương là cung của thần Thái Ất đóng, hợp lại thành cửu cung.

[10] Tức đền Kiếp Bạc, nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Thành Bình Lỗ: Không thấy chép trong Sử cũ, duy sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi chua rằng: "Triều nhà Lý đào sông Bình Lỗ, để tiện đường đi lại Thái Nguyên". Như thế thành Bình Lỗ có lẽ thuộc địa phận Thái Nguyên.

Người mổ dê tên là Duyệt: Thiên "Nhượng vương" trong sách Trang tử chép: Chiêu vương nước Sở phải tránh nạn, người mổ dê tên là Duyệt đi theo. Khi Chiêu vương trở về nước, định thưởng công cho những người theo mình, trong ấy có kể cả đến người mổ dê tên là Duyệt. Duyệt nói: "Trước kia đại vương mất nước, Duyệt này mất nghề nghiệp mổ dê, như thế là tước lộc của tôi đã được khôi phục lại rồi, còn việc gì lại ban thưởng nữa".

Thành Điếu ngư: Tức thành Hợp Châu, vì thành này ở núi Điếu ngư, nên nhân tên núi mà gọi tên thành, nay thuộc phủ Trùng Khánh tỉnh Tứ Xuyên nhà Thanh. Khi Mông Kha nhà Nguyên đánh nhà Tống, đem quân vây hãm thành này, viên Tri châu là Vương Kiên cố sức chống giữ trong năm tháng trời, quân nhà Nguyên không sao phá được thành, phải giải vây kéo về.

Vương Công Kiên: Trong Nguyên sử chép là Vương Kiên.

Nguyễn Văn Lập: Có bản khác chép là Nguyễn Sơn Lập.

Nam Chiếu: Xem thuộc Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 6 (Tb. IV, 35).

Cốt Ngại Ngột Lang: Nguyên sử chép là Ngột Lương Hợp Thai; sách Thông giám tập lãm chép là Ô Đặc Lý Cáp Đạt.

Vân Nam vương: Sau khi nhà Nguyên bình định được đất Đại Lý, chia đất ấy làm quận huyện, Thế tổ nhà Nguyên phong cho con là Hốt Kha Xích làm Vân Nam vương để trấn trị.

Tháng 10, mùa đông. Định thể lệ áo mũ quan văn, quan võ.

Theo thể lệ trước, quan văn đội khăn màu thâm, kiểu chữ "đinh"; tụng quan[1] đội khăn "thanh toàn hoa"[2]. Đến nay, nhà vua hạ lệnh chế thứ khăn kiểu mới cho quan võ đội để có phân biệt. Về áo mặc, kích thước tay áo của quan văn quan võ từ một thước đến chín tấc. Quan văn quan võ không được mặc thứ "áo phủ phía trước"; tụng quan không được mặc xiêm. Về khăn đội, sau lại cho phép các quan đều đội khăn chữ "đinh", đội thêm cái hộ cân mầu tía pha màu biếc; tước vương, tước hầu người nào tóc dài đội khăn "triều thiên"[3], người nào tóc ngắn đội "bao cân"[4].

Lời chua - Khăn chữ đinh: Kiểu khăn này rất quê, sở dĩ gọi tên như thế, vì hình dáng khăn này giống như chữ "đinh". Cuối đời nhà Lê phần nhiều còn dùng kiểu khăn này.

Thanh toàn cân: Khăn này có hai vòng vàng đính vào hai bên khăn.

Áo phủ phía trước: Nguyên văn: (thiếm): thứ áo che ở đằng trước; lại có nghĩa là dưới nách áo.

Cái hộ cân màu tía pha màu biếc (nguyên văn: tử tu gián bích): Chữ "tu" nghĩa là cái dải bằng lụa, dùng để buộc ở chân tóc, bỏ rủ cái giọt thừa ra đằng sau. Còn các khăn khác, kiểu chế như thế nào, không rõ.

Tân Sửu, năm thứ 9 (1301). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 5).

---

[1] Các viên quan chầu chực trong cung điện, các viên quan có văn học ở liền gần với vua.

[2] Ba thứ khăn này không rõ kiểu chế thế nào, chúng tôi đã tra trong các từ thư đều không thấy có, nên cứ dịch theo nguyên âm của nguyên văn: Thanh toàn hoa cân, triều thiên cân, - bao cân.

[3] -nt-

[4] -nt-

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Trần Kiến làm Tham tri chính sự.

Trước đây, Trần Kiến làm Gián nghị, can tội ẩn lậu dân đinh, bị bãi chức; nhà vua nghĩ việc ấy không phải cố ý phạm tội, nên đến nay lại bổ dụng.

Tháng 3. Thượng hoàng sang chơi Chiêm Thành.

Thượng hoàng xuất gia ở núi Yên Tử, thường muốn đi chơi xem khắp núi sông trong nước, nhân du lịch đến một địa phương, tiện đường sang chơi Chiêm Thành.

Nước Ai Lao đem quân sang cướp ở Đà Giang, nhà vua sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, phá tan được.

Ngũ Lão đem quân đánh nhau với giặc ở động Mường Mai, bắt được rất nhiều tù binh. Khi Ngũ Lão đem quân về, nhà vua phong làm Thân vệ đại tướng quân và ban cho quy phù[1].

Lời chua - Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Mường Mai: Tên một động của người Mán xưa, nay đổi là châu Mai thuộc tỉnh Hưng Hóa[2].

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn. Xét tội các tù phạm. Mưa.

Tháng 11, mùa đông. Thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về.

Dân bị nạn đói to.

Nhâm Dần, năm thứ 10 (1302). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Chiêu Văn vương Nhật Duật là Thái úy quốc công.

Theo chế độ cũ, người nào là thân vương mà vào triều làm tướng quốc, lại xưng là quốc công; người nào là thượng vị hầu mà vào làm quan trong nội đình, được gia phong tước quan nội hầu. Nhật Duật lấy danh nghĩa là Thái úy vào làm tướng quốc trong triều, nên được phong là Quốc công.

Nhà vua cho phép người đạo sĩ[3] Trung Quốc là Hứa Tôn [Tông] Đạo đến ở phường An Hoa.

Tôn (Tông) Đạo từ Trung Quốc theo thuyền buôn đến nước ta; nhà vua cho phép cư trú ở phường An Hoa. Các khoa cúng về phù thủy[4] và làm chay làm tiếu[5] thịnh hành ở nước ta bắt đầu từ đây.

Lời chua - Phường An Hoa: Bây giờ là phường Yên Phụ thuộc huyện Vĩnh Xương, tỉnh Hà Nội[6].

Quý Mão, năm thứ 11 (1303). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Thượng hoàng đến cung Trùng Quang, làm tiếu ở chùa Phổ Minh.

---

[1] Binh phù hình con rùa. Có ý mong cho được phù thụy sống lâu.

[2] Nay là huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

[3] Những người tôn sùng đạo giáo Lão Đam gọi là đạo sĩ.

[4] Những đạo sĩ tự xưng là có pháp thuật sai sứ được quỷ thần, họ dùng mực và son viết thứ chữ riêng của đạo Lão theo lối chữ triện, chữ trựu, tục gọi là phù. Khi chữa bệnh thì họ cầm nén hương đã châm lửa viết thứ chữ ấy lên trên miệng cái bát có đựng nước, gọi là thư phù, rồi cho bệnh nhân uống nước ấy, gọi là phù thủy.

[5] Trai: Chai khiết. Tiếu: Cúng bái. Trước khi cúng bái để cầu đảo việc gì, người chủ sự phải ăn chay, ở riêng một nhà tĩnh mịch, răn chừa những việc dâm tà, ... đến ngày cúng, người đạo sĩ đặt dàn tràng cúng bái cầu đảo, gọi là trai tiếu.

[6] Nay thuộc quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Thượng hoàng từ Chiêm Thành về đến phủ Thiên Trường, nhân mở hội vô lượng phật pháp; phát vàng, bạc, tiền, lụa chẩn cấp cho dân nghèo các nơi và trao cho kinh Giới thí.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Trần Khắc Chung làm Nhập nội Hành khiển[1].

Chức Nhập nội Hành khiển chỉ bổ dụng hoạn quan, là theo chế độ nhà Lý. Thời đại Trần Thánh Tông, Quang Khải lấy danh nghĩa là thân vương được kiêm giữ chức ấy. Quang Khải tâu rằng: tôi là quan ở ngoài vào triều làm tướng, nên thêm hai chữ "nhập nội", còn như trung quan[2] giữ chức ấy thì xin bỏ chữ "nhập" đi, để có phân biệt. Thánh Tông y theo. Tự đấy chỉ gọi là nội Hành khiển, nhưng cũng chỉ có trung quan được bổ dụng. Đến nay Thượng hoàng bổ Khắc Chung làm Hành khiển, lại thêm chữ "nhập" như cũ. Từ nay chức Hành khiển mới bổ xen cả những người trong hàng sĩ phu.

Bổ Đoàn Nhữ Hài làm Tham tri chính sự.

Nhữ Hài vâng mệnh lệnh vua sang sứ Chiêm Thành. Đến yết kiến thượng hoàng ở chùa Yên Tử, thượng hoàng cùng Nhữ Hài nói chuyện, rất lấy làm hài lòng, bảo với tả hữu rằng: "Nhữ Hài là người có phẩm hạnh, nên được quan gia tin dùng là phải". Trước đây sứ thần nước ta sang sứ, đều lạy chúa Chiêm Thành trước, rồi mới mở đọc chiếu thư; lần này khi Nhữ Hài sang đến nơi, vào thẳng trước án để tờ chiếu yên ổn xong, nhân bảo chúa Chiêm Thành rằng: "Từ khi tôi vâng mệnh triều đình đem thiên chiếu[3] sang đây, đã lâu không được chiêm vọng thanh quang[4] nay mở chiếu thư ra, không khác gì đứng trước thiên nhan"[5]. Nói xong, liền lạy thẳng vào tờ chiếu thư, dầu chúa Chiêm Thành có đứng ở bên cạnh, nhưng lấy danh nghĩa là lạy chiếu thư, để tỏ rõ ý không chịu khuất. Sau này, các sứ thần sang sứ Chiêm Thành mà không phải lạy chúa Chiêm, là từ Nhữ Hài trước. Khi Nhữ Hài trở về nước, nhà vua rất khen ngợi, nên cho giữ chức này.

Giáp Thìn, năm thứ 12 (1304). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Người đàn bà ở kinh thành sinh con gái hai đầu.

Tháng 3. Bổ dụng Bùi Mộc Đạc làm Chi hậu bạ thư chính chưởng.

Mộc Đạc nguyên là họ Phí, tên là Mộc Lạc, Thượng hoàng thấy họ Phí không phải là họ có danh vọng, và tên gọi có điềm không hay[6], nhân đổi lại, để sớm hôm chầu chực; đến nay nhà vua bổ sung chức này, để hầu hạ ở cung Thánh Từ[7].

Tháng 3. Mở khoa thi Thái học sinh[8].

Phép thi: Trước hết cho ám tả truyện Mục thiên tử[9] và thiên Y quốc[10] để rũ bớt những kẻ học kém; thứ hai thi kinh nghi[11], kinh nghĩa[12] và thơ phú[1]; thứ ba thi chiếu[2], chế[3], biểu[4]; sau cùng thi một bài

---

[1] Tức là Tể tướng.

[2] Tức hoạn quan.

[3] Theo chế độ đẳng cấp thời phong kiến, vua nước lớn đối với vua nước nhỏ tự xưng là thiên tử (con trời), nên tờ chiếu của nước lớn đưa đến nước nhỏ cũng xưng là thiên chiếu (tờ chiếu của trời).

[4] Bóng sáng trong trẻo mát mẻ, ví như nghi dung đức độ của vua mình.

[5] Mặt trời, tượng trưng dung nhan thiên tử.

[6] "Mộc lạc" nghĩa đen là cây rụng, cây đổ, nên cho là tên có điềm không hay.

[7] Cung điện thượng hoàng ở. Xem thêm Chính biên, quyển VI, tờ 9.

[8] Tức khoa tiến sĩ, xem thêm Chính biên, quyển VI, tờ 12.

[9] Xem "lời chua" của Cương mục.

[10] -nt-

[11] -nt-

[12] Quan trường lấy một câu trong ngũ kinh hoặc tứ thư ra đầu đề, thí sinh theo đầu đề ấy mà phô bầy rộng ra cho rõ nghĩa, sau cũng gọi là bát cổ hoặc chế nghệ.

bài văn sách[5], để định thứ tự đỗ cao, đỗ thấp. Khoa này lấy đỗ thái học sinh 44 người; ba người đỗ đầu được từ cửa Phượng Thành ra đi du lịch phố xá ba ngày. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi ban cho Thái học sinh hỏa dũng thủ, sung chức Nội thư gia; bảng nhỡn Bùi Mộ ban cho mạo sam Chi hậu bạ thư và được sung chức Nội lệnh thư gia; thám hoa Trương Phóng ban cho mũ quyền miện hiệu thư và được sung chức Nhị tư. Còn từ hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn trở xuống đều được bổ quan chức, tùy theo thứ tự đỗ cao hay thấp.

Lời chua - Truyện Mục thiên tử: Sách đào được ở một ngôi mộ thuộc huyện Cấp, sách này do Tuân Húc nhà Tấn hiệu đính và Quách Phác chú thích.

Y quốc thiên: Chưa rõ lai lịch và nội dung thế nào.

Kinh nghi: Hỏi những nghĩa có nghi ngờ trong năm kinh, cách thức hành văn theo như cổ văn.

Thơ: Theo thể thơ ngũ ngôn trường thiên.

Phú: Dùng thể phú tám vần.

Mạc Đĩnh Chi: Người ở Chí Linh thuộc Sách Giang[6].

Bùi Mộ: Người ở Thanh Oai thuộc Sơn Nam[7].

Trương Phóng: Người Thanh Hóa.

Nguyễn Trung Ngạn: Người Thiên Thi thuộc Khoái Châu[8].

Tháng 11, mùa đông. Hạ chiếu dùng bảy khoa để thi học trò.

Lời chua - Bảy khoa: Không rõ cách thức thi thế nào.

Tháng 12. Sao chổi xuất hiện.

Bổ Đoàn Nhữ Hài giữ việc viện Xu Mật.

Từ năm Kiến Trung[9] đến nay, người đại thần cầm quyền trong chính phủ đều dùng họ tôn thất. Nay Nhữ Hài xuất thân là học trò, được cất lên một chức quan trọng trong chính phủ, do đấy con đường dùng người không phân biệt kẻ thân, người sơ nữa.

Ất Tị, năm thứ 13 (1305). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Mạnh làm Đông cung[10] thái tử.

---

[1] Xem "lời chua" của Cương mục.

[2] Chiếu chỉ: như tờ chiếu cầu hiền, tờ chiếu ân xá, v.v... thí sinh phải làm thay lời của vua ban chiếu chỉ cho cả nước.

[3] Chế sách: như chế sách hỏi về việc binh (khoa quý sửu đời Lê Hồng Đức); chế sách hỏi về mệnh lệnh, chính sự (khoa mậu thìn đời Lê Cảnh Hưng). Đầu đề chế sách tất phải có chữ "Hoàng đế chế sách viết" đứng ở trên đầu.

[4] Bài biểu của bầy tôi dâng lên vua: như biểu tạ ân vua đã ban ân cho mình, biểu dâng sách đã biên soạn xong hoặc dâng phẩm vật địa phương, v.v... Thí sinh phải theo đầu bài làm thay lời người đứng tên dâng biểu.

[5] Quan trường dùng một đề mục nào đó trong thư tịch, rồi viện dẫn những sự việc cổ đại, cận đại và hiện đại đặt ra nhiều nghi vấn để thí sinh trả lời. Đầu bài nào cũng hỏi cả cổ văn, kim văn, sự việc nước ngoài và sự việc bản quốc.

[6] Nay là thôn Lũng Động, xã Nam Tân, huyện Nam Sách, Hải Dương.

[7] Nay là thôn Hưng Giáo, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Tây.

[8] Nay là xã Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

[9] Niên hiệu Trần Thái Tông (1225-1232).

[10] Xem thêm chữ "đông cung" chua ở Chính biên quyển V tờ 16.

Trước đây, những người con do phi tần hậu cung sinh ra, phần nhiều không nuôi được. Đến khi sinh con thứ tư tên là Mạnh, nhà vua nhờ Thụy Bảo công chúa nuôi giúp, Thụy Bảo lại ký thác Nhật Duật nuôi, Nhật Duật hết lòng nuôi nấng. Nay lập làm Đông cung thái tử, nhà vua thân làm bài "Dược thạch châm"[1] ban cho.

Lời chua - Thụy Bảo: Là con gái Thái Tông, và là em gái Nhật Duật.

Bính Ngọ, năm thứ 14 (1306). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Tá Thiên đại vương là Trần Đức Việp mất.

Tháng 6, mùa hạ. Gả Huyền Trân công chúa cho chúa Chiêm Thành là Chế Mân, Chế Mân đem dâng đất châu Ô và châu Lý.

Trước đây, Thượng hoàng đi du lịch đến một địa phương, nhân tiện sang chơi Chiêm Thành, hẹn gả con gái cho chúa Chiêm. Sau Chế Mân sai bầy tôi là bọn Chế Bồ Đài đệ tờ biểu dâng vàng, bạc, kỳ hương và các phẩm vật lạ để xin cưới. Quần thần trong triều đều nói là không nên gả, chỉ có Văn Túc vương Đạo Tái chủ trương nên gả, và Trần Khắc Chung tán thành. Chế Mân lại xin đem châu Ô, châu Lý để làm lễ cưới, lúc ấy ý vua mới quả quyết cho Huyền Trân công chúa về với vua Chiêm. Về việc này, có nhiều văn nhân mượn chuyện nhà Hán gả con gái cho Hung Nô và Ô Tôn[2], làm thơ để chế giễu.

Hạ lệnh cho Thiên chương học sĩ là Nguyễn Sĩ Cố giảng dạy năm kinh[3].

Sĩ Cố khéo khôi hài, người ta thường ví với Đông Phương Sóc[4]. Sĩ Cố lại tài làm thơ phú bằng quốc âm; nhiều người bắt chước.

Đinh Mùi, năm thứ 15 (1307). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Đổi tên châu Ô, châu Lý là Thuận châu, Hóa châu. Sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đi phủ dụ dân hai châu ấy.

Chế Mân đã dâng đất hai châu, người các thôn La Thủy, Tác Hồng và Đà Bồng không chịu thần phục. Nhà vua sai Nhữ Hài đi tuyên dương uy đức ý chí của nhà vua, kén chọn lấy người của họ bổ cho làm quan, cấp ruộng đất cho dân như cũ và xá tô thuế cho ba năm.

Tháng 3. Mặt trời có hai ánh sáng chập chồng với nhau.

Hình dáng như hai cầu vồng giao lại với nhau.

Tháng 9, mùa thu. Nước to.

Sứ thần Chiêm Thành sang nước ta.

Chúa Chiêm là Chế Mân mất, thế tử là Chế Đa Gia sai bầy tôi là Bảo Lộc Kê sang dâng voi trắng và báo cáo tin buồn.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho Hành khiển Trần Khắc Chung sang Chiêm Thành, đưa Huyền Trân công chúa về nước.

Theo tục Chiêm Thành, mỗi khi chúa trong nước mất, thì vợ chúa phải lên đàn thiêu để chết theo. Nhà vua được tin đó, sai Trần Khắc Chung mượn cớ sang thăm, và nói rằng: "Công chúa hỏa táng,

---

[1] Nguyên văn là "được thạch châm". Dược: Vị thuốc bằng loại thảo mộc. - Thạch: Vị thuốc bằng chất kim thạch. - Châm: Tên một thể văn. Nội dung bài châm trình bày lời hay lẽ phải để khuyên răn, cũng như vị thuốc để chữa bệnh nên gọi là "Dược thạch châm".

[2] Tế quân là con gái Giang Đô vương, Hán Vũ đế đem vào trong cung trang sức làm công chúa, để gả cho chúa Ô Tôn là Côn Mạc. Vương Tường tên tự là Chiêu quân, cung nữ của Hán Nguyên đế. Nguyên đế đem gả cho chúa Hung Nô. Hai việc này đều cốt cầu hòa thân với hai nước kia để khỏi quấy nhiễu. Theo quan điểm thời phong kiến, con gái Trung Quốc mà gả cho Hung Nô, Ô Tôn là những nước mọi rợ, vì thế nên bị học giả phong kiến mỉa mai là kết hôn với bọn không phải loài giống mình là nhục nhã.

[3] Kinh Dịch, kinh Lễ, kinh Xuân thu, kinh Thư và kinh Thi.

[4] Người thời Hán Vũ đế, có tài biện luận, nói khôi hài, làm nhiều người thích nghe.

thì không có ai làm chủ đàn chay, chi bằng công chúa ra ngoài bãi biển chiêu hồn chúa công cùng về, lúc ấy sẽ lên đàn thiêu là tiện hơn cả". Người Chiêm Thành nhận lời. Khi đã ra ngoài biển rồi, Khắc Chung dùng chiếc thuyền nhỏ cướp lấy công chúa đưa về. Sau hai người tư thông với nhau, trùng trình ở trên mặt biển, lâu lắm mới về đến kinh sư. Hưng Nhượng vương Quốc Tảng lấy làm ghét lắm, hễ thấy Khắc Chung liềm mắng rằng: "Họ tên người này là "Trần Khắc Chung", đối với nước nhà có điều không tốt, có lẽ nhà Trần sẽ mất về người này chăng?". Khắc Chung thường phải sợ mà lánh mặt.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ IX

Từ Mậu Thân, Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 16 (1308), đến Kỷ Sửu, Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 9 (1349), gồm 42 năm.

❈

Mậu Thân, năm thứ 16 (1308). (Nguyên, Vũ Tông, năm Chí Đại thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Trương Hán Siêu làm Hàn Lâm Học Sĩ.

Hán Siêu trước kia là môn khách[1] Hưng Đạo vương, được Hưng Đạo vương tiến cử. Nhà vua vẫn nhận thấy là người có văn học, nên bổ dụng vào chức này.

Lời chua - Hán Siêu: Người làng Phúc Am, huyện An Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tháng 11, mùa đông. Mặt trời có hai quầng.

Thượng hoàng mất ở chùa núi Yên Tử.

Thượng hoàng sau khi xuất gia, lên ở trong am Ngọa Vân trên ngọn Tử Tiêu núi Yên Tử, tự hiệu là Trúc Lâm đại sĩ[2]. Lúc Thiên Thụy công chúa bị bệnh nặng, Thượng hoàng xuống dưới núi để thăm, khi trở về núi, đem công việc sau khi mất dặn lại người thị giả[3] là Pháp Loa, dặn xong thì mất. Pháp Loa dùng phép hỏa hóa. Tôn thụy hiệu là Pháp Thiên Sùng Đạo Ứng Thế Hoa Dân Long Từ Hiển Huệ Thánh Văn Thần Vũ Nguyên Minh Duệ Hiếu Hoàng đế. Thượng hoàng ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 13 năm, hưởng thọ 51 tuổi.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Nhân Tông mất ở Sơn Am[4], là một việc trọng đại trong nước, thế mà chỉ có một nhà sư đảm nhận, còn bấy giờ người làm con, người làm tôi cũng đều điềm nhiên như không! Xem thế thì việc Anh Tông thờ cha và việc nhà Trần sùng bái đạo Phật, chả phải là một sự đáng lấy làm kỳ dị lắm sao?

Lời chua - Yên Tử: Tên núi. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 (Chb. VI, 18).

Thiên Thụy công chúa: Chị ruột của Thượng hoàng.

Pháp Loa: Tên thày chùa, người ở Chí Linh thuộc Hải Dương.

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Vũ Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Thượng thư là An Lỗ Uy sang báo cáo. Nhà vua sai Mạc Đĩnh Chi sang chúc mừng.

---

[1] Người tân khách nuôi ở trong nhà để bàn hỏi về mưu kế. Còn có một nghĩa nữa: nuôi người văn học để dạy bảo con cháu trong nhà cũng gọi là môn khách.

[2] Sau này truyền đến Pháp Loa và Huyền Quang gây thành thiền tông Trúc Lâm, đời gọi là Trúc Lâm tam tổi:

- Đệ nhất tổ: Trần Thái Tông là Tái Thế Thích Ca;

- Đệ nhị tổ: Pháp Loa là Ca Diếp;

- Đệ tam tổ: Huyền Quang là Át Nan.

[3] Theo tục nhà chùa, vị tăng nào ở liền với sư trưởng, để sư trưởng sai phái, gọi là thị giả.

[4] Cái nhà nhỏ trên núi. Nhà nhỏ thờ Phật thông thường đều gọi là "am".

Lời chua - An Lỗ Uy: Nguyên sử chép là A Lý Hôi.

Kỷ Dậu, năm thứ 17 (1309). (Nguyên, năm Chí Đại thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Lập con là Mạnh là Hoàng thái tử. Lập hoàng hậu là Trần Thị. Hạ chiếu đại xá.

Hậu là con gái Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng, khi mới lấy gọi là Thánh Tư phu nhân; đến đây lập làm Thuận Thánh hoàng hậu.

Truy tôn Khâm Tử Bảo Thánh thái hậu làm thái hoàng thái hậu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - "Thái hoàng thái hậu" là danh hiệu để tôn xưng bà nội khi còn sống. Khâm Từ là hoàng hậu của Nhân Tông, thế mà Anh Tông lại truy tôn là thái hoàng thái hậu, danh vị không chính đáng đến như thế dư! Huống hồ linh cữu Nhân Tông còn quàn chưa chôn, mà nào là lập thái tử, lập hoàng hậu, cử hành một cách tự nhiên, thật là không biết lễ nghĩa gì cả.

Canh Tuất, năm thứ 18 (1310). (Nguyên, năm Chí Đại thứ 3).

Tháng 9, mùa thu. An táng linh cữu Nhân Tông ở Đức Lăng.

Lời chua - Đức Lăng: Ở phủ Long Hưng.

Có nạn thủy tai. Dân bị đói.

Tân Hợi, năm thứ 19 (1311). (Nguyên, năm Chí Đại thứ 4).

Đặt thêm quân hiệu.

Đặt thêm quân hiệu gọi là đô Toàn Kim Cương, thích ba chữ ấy vào trán, theo như thể lệ đô Chân Thượng; lại chia quân Thiên Thuộc ra làm hai đô: Thượng Phù Đồ và Hạ Phù Đồ.

Lấy con gái người Hồ tăng là Du Chi Bà Lam sung vào hậu cung.

Về triều đại Nhân Tông, người thày chùa này đã thường đến nước ta, dung mạo cổ kính. Ông ta tự nói đã sống ba trăm tuổi, có thể xếp chân vòng tròn ngồi nổi trên mặt nước; lại có thể co rút ngũ tạng[1] vào khoảng chỗ dưới ngực và trên hoành cách mô[2] làm cho bụng trống rỗng; chỉ ăn lưu hoàng, rau cải, rau hẹ. Ông ta ở nước ta được vài năm rồi trở về, đến nay lại sang, nhà vua cho đem người con gái của ông ta là Đa La Thanh sung vào hậu cung. Sau người thày chùa ấy chết ở kinh sư nước ta.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Nhà Trần sùng Phật kính sư để cầu được phúc, sự mê hoặc không cần phải nói. Nay Anh Tông lấy con gái thày chùa sung làm phi tần thì nhảm nhí quá!

Lời chua - Hồ Tăng: Người thày chùa này ở Trung Quốc, vì nhà Trần gọi nhà Nguyên là Hồ, nên gọi người thày chùa là Hồ tăng.

Tháng 12, mùa đông. Nhà vua tự làm tướng sang đánh Chiêm Thành.

Nước Chiêm Thành từ khi Chế Mân mất, Chế Chí lên thay, thường hay phản trắc, nên nhà vua mới đem quân sang đánh.

Nhâm Tí, năm thứ 20 (1312). (Nguyên, Nhân Tông, năm Hoàng Khánh thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Mặt trời dao động.

Tháng 5, mùa hạ. Sai người dụ bắt được chúa Chiêm Thành là Chế Chí đưa về nước ta và phong cho em Chế Chí là Chế Đà A Bà Niêm làm Á Hầu trấn thủ đất Chiêm, rồi đem quân về.

---

[1] Tim, gan, lá lách, phổi và trái cật.

[2] Vị trí hoành cách mô: phía trên giáp với phổi, phía dưới liền với buồng gan.

Trước đây, Chế Chí sai chủ trại (không có tên) Câu Chiêm sang dâng lễ cống, nhà vua bảo Nhữ Hài bí mật hẹn với chủ trại dụ chúa Chiêm đầu hàng. Đến nay nhà vua thân làm tướng sang đánh. Khi quân tiến đến Lâm Bình, nhà vua sai chia quân làm ba đạo: Huệ Vũ vương Quốc Trấn đi theo đường núi; Nhân Huệ vương Khánh Dư đi theo đường biển, còn nhà vua đem quân đi theo đường bộ, ba đạo quân cùng tiến. Đoàn Nhữ Hài được sung chức Chiêu Dụ sứ đem quân đi trước. Khi đến trại Câu Chiêm, nhà vua đóng dinh ở đó. Nhữ Hài sai người đến nhắc lại với chủ trại những điều đã đính ước ngày trước. Chủ trại dụ bảo Chế Chí; Chế Chí nhận lời, rồi đem theo gia thuộc đi theo đường biển để ra hàng. Khánh Dư liền đuổi theo. Nhữ Hài thấy thế, lập tức phi tấu với nhà vua rằng: "Khánh Dư có ý chực cướp thiên công"[1]. Nhà vua giận lắm, sai bắt người giữ chức giám quân của Khánh Dư là Nguyễn Ngỗi phải chịu tội chặt chân. Khánh Dư sợ, thân đến ngự dinh[2] tạ tội và tâu rằng: "Tôi sợ ở biển, chúa Chiêm lại có ý nghĩ gì thay đổi chăng, nên phải theo sát đằng sau". Nhà vua nguôi giận, tha tội cho Khánh Dư, rồi hạ chiếu chia quân đi tuần các bộ lạc. Người Chiêm bảo nhau tụ họp, có ý chực xâm phạm thẳng ngự dinh. Lúc nghe tiếng voi hí đến gần, quân sĩ có nét mặt lo sợ; trong khi ấy thì quân của Quốc Tuấn chợt kéo đến, người Chiêm liền chạy tan tác. Nhà vua sai bắt Chế Chí đem về nước, phong cho em hắn là Chế Đà A Bà Niêm là Á Hầu để trấn giữ lấy đất ấy, rồi đem quân về.

Lời phê[3] - Việc này xuất phát từ lòng dụ dỗ đánh lừa, không thể làm phép cho người sau bắt trước được.

Lời chua - Lâm Bình: Tức Địa lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Nhân Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Hoàng Khánh, sai Mã Hợp Ngạt sang báo cáo với nước ta, và ban cho lịch mới, nên nhà vua sai sứ sang chúc mừng.

Nhà vua về đến Long Hưng, làm lễ hiến tiệp[4] ở các lăng miếu rồi trở về cung.

Thuyền nhà vua đi đến sông Sâm Thị, bỗng gặp mưa, gió, sấm, sét, đương ban ngày trời tối mù mịt, dầu cách gang tấc mà trông cũng không rõ. Quai chèo, dây kéo đều bị đứt, thuyền của nhà vua bị đắm giữa dòng sông. Nhà vua leo lên mũi thuyền, ngồi trên trốc mui, sai quân sĩ sửa lại thuyền và nghi trượng để đi. Khi trở về đến kinh, áo giáp và khí giới đều bị ướt. Quần thần vào bái yết đều mặc áo ngắn đến đầu gối (bình tất phục). Khi bấy giờ Thái tử trông coi việc nước, vì tuổi còn nhỏ, nên nhà vua cho Chiêu Văn vương Nhật Duật và Tuyên Vũ hầu Quốc Tú ở lại kinh sư giúp Thái tử giữ nước. Lúc xét công, nhà vua hạ chiếu cho người ở kinh giữ nước công trạng cũng ngang với người đi theo xa giá đánh giặc. Tuy thế, nhưng sau này việc ban tước hoặc thưởng công chung quy đều không thi hành cả.

Lời phê[5] - Quan quân đi theo hầu, làm thế nào mà đến nỗi như thế, người làm thần tử có yên lòng được không?

Lời chua - Sông Sâm Thị: Ở xã Sâm Thị, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội[6].

Bình tất phục: Áo ngắn.

Tháng 6, phong cho Chế Chí tước hiệu Trung vương, sau lại đổi là Hiệu Thuận vương.

Chưa được bao lâu, Chế Chí chết ở Gia Lâm, dùng phép hỏa táng.

Tôn thêm thụy hiệu cho các vua và các hoàng hậu đời trước.

---

[1] Công của nhà vua.

[2] Doanh trại vua đóng quân.

[3] Chỉ việc Anh Tông dụ dỗ chúa Chiêm Thành đầu hàng rồi bắt đem về nước.

[4] Báo tin chiến thắng và dâng tù binh đã bắt được.

[5] Chỉ việc thuyền bị đắm, Anh Tông phải trèo lên ngồi ở trốc mui thuyền.

[6] Nay thuộc Thành phố Hà Nội.

Truy tôn đế hiệu cho các tiên tổ.

Truy tôn Chiêu Vương Lý làm Nguyên Tổ hoàng đế, Cung Vương Hấp làm Ninh Tổ hoàng đế, Ý Vương Kinh là Mục Tổ hoàng đế.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Vũ Vương nhà Chu khi đã làm vua, truy tôn hai ông tổ[1]; Thái Tổ nhà Tống khi đã lập quốc, truy tôn đế hiệu từ ông tổ bốn đời[2]. Vì nghĩ đến công tu nhân tích đức của tổ tông, thì việc truy tôn huy hiệu là việc cần phải làm. Nhà Trần lấy được thiên hạ, lên ngôi hoàng đế, mà dùng tước vương để truy phong ba ông tổ, đã là sự không thỏa mãn được bụng của người làm con cháu; đến đây mới truy tôn đế hiệu, thì lại lỗi đạo ở chỗ truy tôn quá muộn.

Lời chua - Việc truy tôn tước vương cho tiên tổ, không thấy Sử cũ chép ở năm nào, chỉ thấy chép ở đây.

Quý Sửu, năm thứ 21 (1313). (Nguyên, năm Hoàng Khánh thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn hiệu hoàng hậu cho các phu nhân của tổ tiên.

Truy tôn phu nhân của Ninh Tổ làm Ninh Từ hoàng hậu, phu nhân của Mục Tổ làm Mục Từ hoàng hậu.

Lời cẩn án - Vợ ông Nguyên Tổ không thấy chép tôn hiệu ở đâu, là do Sử cũ bỏ sót.

Tháng 3. Sao chổi xuất hiện ở phương tây.

Tháng 6, mùa hạ. Sét đánh vào viện Tam ti bị cháy.

Theo phép cũ, phàm cung điện, miếu đường hoặc lang vũ bị cháy, có lễ cầu đảo và lễ tạ. Lúc ấy sét đánh vào viện Tam ti bị cháy, người viện lại là Lương Lang bị chết, nhà vua sai quan sửa lễ cúng tế để khu trừ tai nạn.

Lời chua - Viện tam ti: Tức các viện Phụng Tuyên, Thanh Túc và Hiến Chính. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 19 (Chb. VI, 33).

Tháng 10, mùa đông. Thay đổi quân hiệu.

Đổi tên quân Vũ Tiệp làm quân Thiết Ngạch. Bổ tước Đại liên ban là Trần Thanh Ly làm Vũ vệ đại tướng quân để quản lĩnh.

Bổ Đỗ Thiên Thữ làm kinh lược sứ[3] Nghệ An và Lâm Bình.

Lúc ấy, Chiêm Thành thường bị người nước Tiêm sang cướp, nhà vua hạ lệnh cho An phủ sứ là Đỗ Thiên Thữ đi kinh lược hai lộ Nghệ An và Lâm Bình để cứu viện.

Lời chua - Tiêm: Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IX, 43).

Cùng với nhà Nguyên định lại bờ cõi về phía bắc cho được rõ ràng.

Lúc ấy, viên Tri châu Trấn An nhà Nguyên là Triệu Giác bắt người châu Tư Lang nước ta, lấy mất một lọ vàng, và lấn hơn một nghìn khoảng ruộng. Nhà vua bèn sai quân sang đánh châu Quy Thuận và châu Dưỡng Lợi nhà Nguyên, nói rõ là cốt sang đánh để báo thù. Nhà Nguyên sai viên thiên hộ Lưu Nguyên Hanh sang dò xét. Nguyên Hanh đến Du Thôn xem xét địa thế, rồi đưa công điệp sang ta nói: "Trước kia, nhà Hán đặt ra chín quận[4], nhà Đường lập ra năm quản[1], thì An Nam thực là nơi mà thanh

---

[1] Chu Vũ Vương Phát lên ngôi thiên tử, truy tôn tằng tổ là Cổ Công Đản Phủ làm Thái Vương ông nội là Quý Lịch làm Vương Quý.

[2] Tống Thái Tổ là Khuông Dận lên làm vua, truy tôn cao tổ là Thiên làm Hi Tổ Văn Hiến hoàng đế, tằng tổ là Đĩnh làm Thuận Tổ Huệ Nguyên hoàng đế, ông nội là Kính làm Dực tổ Giản Cung hoàng đế, cha là Hoằng Ân làm Tuyên Tổ Chiêu Vũ hoàng đế.

[3] Chức quan không đặt thường xuyên. Nhà Trần chỉ đặt chức Kinh lược sứ khi có việc.

[4] Xem cửu quận ở Tiền Biên, quyển II, tờ 3.

danh giáo hóa của Trung Quốc đã tràn lan tới. Huống chi, An Nam đối với Trung Quốc, nào là dâng địa đồ, nào là nộp lệ cống, danh phận trên dưới đã phân minh, Trung Quốc đối với An Nam, thì ban cho một cách đầy đặn không kể đến việc đáp lại đơn sơ, cái ơn huệ yên ủy người phương xa thật là hết sức. Như thế thánh triều có phụ bạc gì quý quốc đâu! Thế mà bây giờ sao lại tự nhiên gây ra sự không yên lành, dùng sức ngông cuồng để mở rộng bờ cõi. Tuy nói riêng về đất ở Du Thôn, thì việc quan hệ rất nhỏ, nhưng nói chung về dư đồ nhà nước, thì quan hệ rất to. Hơn nữa, những người bị giết, bị cướp đều là những dân, những hộ đã ghi vào sổ của triều đình. Vậy người chủ trương làm việc ấy không rõ là ai?". Nhà vua trả lời: "Đấy là những người nhỏ mọn ở ngoài biên giới tự làm việc không yên lành, nước tôi biết thế nào được việc ấy". Nhân thế, Nguyên Hanh dâng thư lên nói với vua Nguyên: "Trước kia An Nam đã từng xâm phạm vào đất Vĩnh Bình, nay lại quen thói cũ; nghĩ nên sai quan đến tuyên truyền dụ bảo, định lại bờ cõi và nghiêm sức quan lại ở biên giới không được xâm phạm lẫn nhau như thế mới giữ được sự yên ổn lâu dài ở ngoài biên giới". Vua Nguyên y theo lời tâu, sai người đem sắc thư đến dụ bảo. Do đấy, nhà vua mới cho bãi binh.

Lời cẩn án - Việc này có quan hệ đến việc lớn biên giới của hai nước, mà Sử cũ bỏ sót không chép; nay theo sách Nguyên sử loại biên bổ thêm vào.

Lời chua - Tư Lang: Tên châu, xem Lý Thái Tông, năm Kiền Phù Hữu Đạo thứ 3 (Chb. III, 3).

Du Thôn: Ở xã Bảo Lâm, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay có cửa ải Du Thôn.

Vĩnh Bình: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 10 (Chb. VI, 21).

Giáp Dần, năm thứ 22 (1314). Từ tháng 3 trở về sau, thuộc Trần Minh Tông, năm Đại Khánh thứ 1. (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Hạ chiếu truyền ngôi cho Thái tử là Mạnh.

Thái tử đã lên ngôi vua, xưng là Ninh Hoàng; bầy tôi dâng tôn hiệu là Thể Thiên Sùng Hóa Khâm Minh Duệ Hiếu Hoàng đế (tức là Minh Tông). Suy tôn vua cha là Quang Nghiêu Duệ Vũ thái thượng hoàng đế, và tôn Thuận Thánh hoàng hậu làm Thuận Thánh Bảo Từ thái thượng hoàng hậu.

Gặp khi ấy có sứ thần nhà Nguyên đến, nhà vua mặc áo giao lĩnh[2] bằng sa vàng, đội thứ muũ có thao rủ để hội kiến. Sứ giả trông thấy, khen rằng: "Hình dáng nhẹ nhàng không khác gì một vị thần tiên". Khi sứ thần trở về nước, mô tả hết thần thái thanh lịch đẹp đẽ của nhà vua cho mọi người biết. Ít lâu sau, người sứ thần khác đến, có nhắc hỏi lại, sứ thần nước ta trả lời: "Đúng như lời khen ấy. Nhưng đấy cũng là tiêu biểu cho nghi dung một nước".

Tháng 10, mùa đông. Thi Thái học sinh.

Ai trúng tuyển bắt đầu được bổ chức Bạ Thư Lệnh; cử viên cục chính là Nguyễn Bính dạy bảo luyện tập, để sau này sẽ dùng đến.

Đặt đô Phù Liễn.

Tuyển lấy con những người Cấm Quân và trong hàng quân Thiết Ngạch người nào có thích chữ "Kim cương", sung làm đô Phù Liễn, gọi là Long Vệ tướng, sau đổi tên là Khấu Mã quân.

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Sau khi đã được vua cha truyền ngôi, nhà vua sai bọn Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Ngộ sang báo cáo với nhà Nguyên.

---

[1] Xem ngũ quản ở Tiền biên, quyển V, tờ 1.

[2] Tục gọi là áo tràng vạt hoặc áo cổ tràng, vì cổ áo dài, khi mặc thì cổ áo hai bên khép vào với nhau. Áo này chỉ dùng trong lúc nghi lễ.

Lời chua - Phạm Ngộ: Trước là người họ Chúc, người ở Kinh Chủ thuộc Giáp Sơn, cùng với em là Mõi, đều đậu Thái học sinh.

Ất Mão (1315), Minh Tông hoàng đế, năm Đại Khánh thứ 2. (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Hạ chiếu cấm trong một nhà cha con, vợ chồng và nô tì tố cáo lẫn nhau.

Tháng 6. Đại hạn.

Bấy giờ Khắc Chung giữ chức Hành khiển, Ngự sử đài[1] dâng sớ nói: "Nhiệm vụ của người giữ chức Tể phụ[2], việc cần nhất là điều hòa âm dương; nay Khắc Chung giữ chức Thủ tướng, không có kế gì giúp đỡ việc nuôi dưỡng muôn vật để đón rước lấy hòa khí, đến nỗi mưa nắng trái thời, như thế là làm quan không có công trạng gì cả". Khắc Chung nói: "Khắc Chung này lạm dự vào hàng cận phụ[3] chỉ biết làm hết chức trách của mình phải làm, còn như năm bị đại hạn thì phải hỏi Long Vương[4], chứ Khắc Chung này có làm gì nên tội?".

Ít lâu sau, nước sông lên to, nhà vua thân đi xem sửa chữa đê, Ngự sử đài tâu: "Bệ hạ cần sửa sang đức chính, còn như việc đắp đê là việc nhỏ mọn, cần gì phải tự mình trông nom đến". Khắc Chung nói: "Lúc dân gặp nước lụt hoặc đại hạn, người làm vua cần phải cứu giúp ngay. Đấy, việc sửa sang đức chính không còn gì trọng đại hơn việc ấy cả, chứ có phải đâu cứ ngồi chĩnh chện một chỗ, cố giữ tinh thần thật vững mới gọi là sửa sang đức chính?".

Về việc này, dư luận thời bấy giờ nói: Khắc Chung đổ việc đại hạn cho Long Vương, Ngự sử đài bảo việc sửa đê là việc nhỏ, lập luận của hai bên đều không đúng.

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh nạn hoàng trùng, kéo dài mãi đến tháng 10, mùa đông.

Bính Thìn, năm thứ 3 (1316). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Xét định cấp bậc các quan văn, quan võ, cấp cho số hộ và nhân khẩu nhiều ít khác nhau.

Trước kia, về thời Nguyên Phong[5], quân Nguyên sang xâm lấn, Thái Tông giục xa giá chạy ra ngoài kinh thành lánh nạn; viên quan giữ ấn vội vàng đem bảo tỉ[6] cất giấu vào trên cái xà nhà trong điện Đại Minh chỉ đem theo được quả ấn nội mật; dọc đường lại đánh mất, phải sai khắc ấn bằng gỗ để dùng trong quân thứ. Đến đầu đời Anh Tông, xét công các quan văn võ, nếu viên quan nào không có giấy tờ đóng dấu bằng ấn gỗ sẽ phải giảm một tư[7]. Có lẽ cho rằng người đến tham dự tòng quân trong khi vua lánh nạn là có công hơn. Đến nay xét định cấp bậc, có người xuất trình giấy tờ đóng bằng ấn gỗ, viên quan giữ việc xét định ngờ là giả mạo; Thượng hoàng nghe tin, nói: "Đó là giấy tờ việc quan thời Nguyên Phong đấy". Nhân thế, Thượng hoàng hiểu bảo các viên quan giữ chính quyền rằng: "Phàm người giữ một địa vị trong chính phủ, mà không am hiểu điển chương cũ, thì công việc phần nhiều sai lầm".

---

[1] Viên quan chuyên giữ việc đàn hặc các quan trong triều và ngoài quận, dầu chức lớn hay chức nhỏ, nếu phạm lỗi, thì Ngự sử đài có quyền đem việc ấy ra đàn hặc.

[2] Xem chữ "tể phụ" chua ở Chính biên, quyển VIII, tờ 35.

[3] Cũng như tể phụ

[4] Ông vua trong loài rồng. Theo kinh Hoa nghiêm: có rất nhiều Long Vương, Long Vương vào cũng có thần lực làm mây, làm mưa. Cho nên đời sau cần mưa, thường phải cầu đảo đến Long Vương.

[5] Niên hiệu Trần Thái Tông (1251-1258).

[6] Quả ấn của vua gọi là tỉ. Bảo tỉ: quả ấn quý báu (lời tôn kính).

[7] Xem chua ở Chính biên, quyển VII, tờ 4.

Tháng 11, mùa đông. Hạ lệnh cho vương, hầu, trăm quan gặt lúa ruộng tịch điền[1].

Lời cẩn án - Việc cày hoặc gặt lúa ruộng tịch điền là một lễ lớn trước không thấy chép cày, đây lại chép gặt, là do Sử cũ bỏ sót.

Đinh Tị, năm thứ 4 (1317). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Bổ dụng Phí Trực làm An Phủ Sứ phủ Thiên Trường.

Thượng hoàng về chơi Thiên Trường. Trực lấy danh nghĩa là Hình bộ lang trung theo hầu xa giá, vì thế mới bổ dụng chức này.

Gặp lúc ấy có toán trộm nổi lên, có người tự nói bắt được người cầm đầu kẻ trộm là Văn Khánh, giải nộp. Khi quan hỏi người bị bắt thú nhận hết. Người ngoài ai cũng bảo là đúng, chỉ có Trực lấy làm ngờ, thành ra vụ án này mãi không kết liễu. Thượng hoàng hỏi, Phí Trực thưa rằng: "Kẻ kia (trỏ người bị bắt) không bị roi vọt tra tấn mà tự thú nhận, tôi trộm thấy làm ngờ, không dám quyết đoán càn bậy". Sau quả nhiên bắt được một người khác đúng là Văn Khánh thực. Thượng hoàng khen Phí Trực là người có tài.

Lời chua - Thiên Trường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Mậu Ngọ, năm thứ 5 (1318). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 5).

Tháng 8, mùa thu. Tuyên Từ thái hoàng thái hậu[2] mất.

Trước đây, Nhân Tông thường dặn bảo Thượng hoàng[3] rằng: "Mai sau, khi dì[4] chết, nên đem phụ táng với mộ của ta". Nhân tiện, vẽ địa đồ vẽ cả huyệt táng thành hình thước thợ giao cho. Đến nay thái hậu mất, Thượng hoàng theo đúng như lời di chúc. Các quan tâu rằng: "Lăng tẩm của tiên đế không nên động chạm đến". Thượng hoàng nói: "Ta không dám trái lời di chúc của tiên đế, nếu có xảy ra sự không hay thì ta tự đảm đương lấy". Sau cùng phụ táng Tuyên Từ ở Đức Lăng[5].

Sai Huệ Vũ Vương Quốc Trấn đem quân đi đánh Chiêm Thành.

Chiêm Thành từ khi Chế Chí mất đi rồi, thường hay giáo giở, nên nhà vua sai đi đánh. Hiếu Túc hầu Lý Tất Kiến đánh nhau với quân Chiêm, bị thua, chết. Phạm Ngũ Lão, quản lĩnh hiệu quân Thiên Thuộc, tung quân ra đánh tập hậu; quân Chiêm bị thau, chúa Chiêm là Chế Năng chạy sang nước Qua Oa cầu viện. Quốc Trấn xin lập người tù trưởng nước Chiêm là A Nan làm Hiệu Thành Á Vương, rồi đem quân về. Khi về triều, nhà vua cho Phạm Ngũ Lão tước quan nội hầu, ban cho binh phù phi ngư[6] và bổ dụng người con làm quan.

Lời chua - Tất Kiến: Người họ nhà Lý trước còn sót lại.

---

[1] Đời cổ, vua chúa đều có ruộng tịch điền, thiên tử một ngàn mẫu, vua chư hầu một trăm mẫu, lấy hoa lợi ruộng ấy cúng tế nhà tôn miếu. Vua chúa thường nhân mùa xuân ra cày mấy luống ở ruộng ấy làm mẫu mực, còn toàn nhờ vào sức dân, vì thế chữ "tịch" nhiều sách viết chữ "tạ" nghĩa là nhờ.

[2] Thượng hoàng đây là Trần Anh Tông, con Trần Nhân Tông và Khâm Từ thái hậu. Tuyên Từ thái hậu là em ruột Khâm Từ, tức dì ruột Anh Tông, hai chị em cùng là hoàng hậu của Nhân Tông. Sau khi mẹ đẻ của Anh Tông là Khâm Từ mất, Anh Tông đối với dì ruột là Tuyên Từ rất có hiếu thảo (xem thêm Chính biên, quyển VIII, tờ 23).

[3] Thượng hoàng đây là Trần Anh Tông, con Trần Nhân Tông và Khâm Từ thái hậu. Tuyên Từ thái hậu là em ruột Khâm Từ, tức dì ruột Anh Tông, hai chị em cùng là hoàng hậu của Nhân Tông. Sau khi mẹ đẻ của Anh Tông là Khâm Từ mất, Anh Tông đối với dì ruột là Tuyên Từ rất có hiếu thảo (xem thêm Chính biên, quyển VIII, tờ 23).

[4] Thượng hoàng đây là Trần Anh Tông, con Trần Nhân Tông và Khâm Từ thái hậu. Tuyên Từ thái hậu là em ruột Khâm Từ, tức dì ruột Anh Tông, hai chị em cùng là hoàng hậu của Nhân Tông. Sau khi mẹ đẻ của Anh Tông là Khâm Từ mất, Anh Tông đối với dì ruột là Tuyên Từ rất có hiếu thảo (xem thêm Chính biên, quyển VIII, tờ 23).

[5] Lăng của Trần Nhân Tông.

[6] Binh phù hình con phi ngư. Phi ngư có tên riêng là cá vằn dao, ta thường gọi là cá chuồn. Giống cá ở biển, vây ở bụng rất dài, dùng làm "mái chèo" bay trên mặt nước.

Qua Oa: Tên nước. Xem Lý Thánh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

Kỷ Mùi, năm thứ 6 (1319). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 6).

Tháng 4, mùa hạ. Có thủy tai lớn.

Canh Thân, năm thứ 7 (1320). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 7).

Tháng 3, mùa xuân. Thượng hoàng mất.

Thượng hoàng là người tính khí khiêm tốn, đối với người cùng họ rất hòa thuận, thờ vua cha là Nhân Tông rất kính cẩn. Lúc trước, Thượng hoàng thường hay uống rượu[1], Nhân Tông răn bảo về việc ấy, liền chừa hẳn không uống nữa. Trước kia, Thượng hoàng phong thưởng quan tước triều ban có phần hơi nhiều. Nhân Tông xem sổ, phê vào đầu quyển sổ rằng: "Một nước to bằng bàn tay, mà sao lại có triều ban nhiều đến thế này!". Từ đấy, Thượng hoàng quý trọng tước thưởng, ban cho một cách dè dặt, không bao giờ dám coi thường.

Bọn Nguyễn Sĩ Cố và Chu Bộ là bầy tôi cũ ở nơi tiềm để[2] vì không có hạnh kiểm, nên chỉ dùng vào chức nhàn tản mà thôi.

Phép tắc về cấp bậc trong cung giữ rất cẩn thận: Bảo Từ hoàng hậu thường đem xe của mình được dùng theo với cấp bậc ban cho Huy Tư hoàng phi, Thượng hoàng nhận thấy rằng hoàng phi mà đi xe của hoàng hậu là tiếm lạm, nên không cho.

Khi tuổi già, lại càng cẩn thận về hình phạt: Có một lần, người quan nô[3] là Hoàng Hộc kiện nhau với người khác, Hoàng Hộc dùng cách xảo trá được thoát tội. Thượng hoàng biết chuyện, bảo viên quan xử kiện rằng: "Tên Hộc là đứa gian ngoan kiệt hiệt như thế, mà không biết tra xét cho ra tình ra lý là không làm hết chức phận".

Sau khi đã nhường ngôi rồi, vẫn tự mình quyết đoán các công việc, đối với điển chương cũ, vẫn kính cẩn noi theo, không dám khinh thường thay đổi. Lúc nào rảnh việc, lại lưu tâm đến văn mặc; rất có tài về viết chữ và vẽ.

Lúc ốm nặng, Bảo Từ hoàng hậu cho tìm thày chùa là Phổ Tuệ bày đàn cúng lễ, thày chùa xin vào yết kiến để tâu bày việc sống chết. Thượng hoàng từ chối, nói: "Thày chùa chưa chết, làm gì biết việc chết mà bảo người ta?". Bao nhiêu những bức viết, bức họa ngày thường và tập sách đã trứ tác là tập Thủy vân tùy bút, Thượng hoàng đều bắt đốt đi cả. Rồi mất ở cung Trung Quang. Tên thụy là Hiển Văn Duệ Vũ Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng đế, miếu hiệu là Anh Tông, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, hưởng thọ 54 tuổi.

Tháng 6, mùa hạ. Có thủy tai lớn.

Tháng 8, mùa thu. Gió bão to.

Tháng 11, mùa đông. Điện soái thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão mất.

Ngũ Lão xuất thân trong hàng ngũ quân lính, khảng khái, có chí khí lớn, rất chăm đọc sách và hay ngâm thơ. Đối với việc vũ tựa hồ không để ý đến, nhưng chỉ huy quân rất có kỷ luật. Đối đãi với tướng tá như người nhà, đồng cam cộng khổ với sĩ tốt; đội quân của Ngũ Lão thống lĩnh đều thân yêu nhau như cha con một nhà, nên đánh đâu được đấy. Những thứ tước được trong khi đánh giặc đều sung vào kho tàng trong quân, coi tiền của thoảng như không. Thực là bậc danh tướng lúc bấy giờ. Khi mất thọ 66 tuổi. Nhà vua thương tiếc lắm, không thiết triều luôn năm ngày. Nhân dân làng ông lập đền thờ ngay tại chỗ nhà ông vẫn ở.

---

[1] Xem Chính biên, quyển VIII, tờ 27-28.

[2] Chỗ ở khi còn làm thái tử, chưa lên ngôi vua.

[3] Người nô bộc nhà quan.

Lời phê[1] **-** Đây là chỗ đắc lực của những người làm tướng nghìn xưa.
Lời chua - Đền thờ Ngũ Lão: Nay là xã Phù Ủng, huyện Đường Hào[2].

Tháng 12, an táng Anh Tông ở Thái Lăng.

Lời chua - Thái Lăng: Ở núi Yên Sinh, huyện Đông Triều.

Phụ lục - Sử cũ chép: Lúc Thượng hoàng bị bệnh, Thái học sinh Đặng Tảo thường chầu chực ở bên giường ngự, viết tờ di chiếu: kịp khi Thượng hoàng mất, nhà vua thân thủ liệm vào quan tài, lúc ấy chỉ có Quốc Trấn, Đặng Tảo và người gia nhi chủ đô là Lê Chung tham dự vào việc ấy. Khi an táng ở Thái Lăng rồi, Đặng Tảo và Lê Chung đều chầu chực ở lăng tẩm. Khi nhà vua về lăng tẩm bái yết, Đặng Tảo thường lánh mặt, trong bụng chỉ để chí vào việc chầu chực lăng tẩm mà thôi, không yêu cầu gì cả. Nhà vua thương là nghèo, ban cho hai mươi mẫu ruộng. Sai Trần Thế Hiền đem tờ "thiếp"[3] đến ban cho. Nguyên ruộng này trước nhà vua đã cho người thứ phi là Thiên Xuân, Thiên Xuân cứ giữ "thiếp" cũ mà cày cấy. Đặng Tảo cũng không hề tranh. Nhà vua biết chuyện, lập tức hủy bỏ tờ "thiếp" cho Thiên Xuân trước đi, mà lấy ruộng ấy cho Đặng Tảo; Tảo cũng không lấy thế làm mừng. Còn về phần Lê Chung thì dời cả mồ mả tiên tổ, bán cả ruộng và nhà, đem gia quyến đến ở Yên Sinh, cùng với Đặng Tảo đều chết già ở đó. Sau, Nghệ Tông nghĩ thương hai người này, sai sửa lại chùa cũ, cấp ruộng để cúng tế, ban cho tên chùa gọi là Trung Tiết.

Lời phê[4] **-** Nguyễn Trung Ngạn từ chối nhận bài thơ "Chiêu ẩn"[5], có phải là người để chí công danh không?

Dân bị nạn đói.

Tân Dậu, năm thứ 8 (1321). (Nguyên, Anh Tông, năm Chí Trị thứ 1).

Mùa xuân. Tôn Thuận Thánh Bảo Từ thái thượng hoàng hậu làm hoàng thái hậu, Huy Tư hoàng phi làm hoàng thái phi.

Bảo Từ là mẹ cả của nhà vua, Huy Tư là mẹ đẻ ra nhà vua. Trước đây, rước quan tài Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường đi đường thủy về để ở cung Thánh Từ. Theo thể lệ thì thuyền của Bảo Từ được một đoàn tám chiếc kéo dây, thuyền của Huy Tư được một đoàn hai chiếc kéo dây; lính cấm quân có ý tâng công, đem dây kéo buộc thêm vào thuyền Huy Tư. Tướng quân là Trần Hựu nói: "Thuyền của thái hậu được một đoàn tám chiếc kéo dây, là chế độ nhà Trần, cốt để phân biệt kẻ trên người dưới". Nói rồi, liền lấy gươm chặt ngay dây kéo không hợp lệ đi. Nhà vua khen Trần Hựu là người trung thực.

Tháng 12. Dân bị nạn đói.

Mỗi thăng gạo trị giá một quan tiền.

Tháng 5, mùa hạ. Được mùa.

Tháng 10, mùa đông. Thi các thày chùa.

Thi các nhà sư bằng kinh Kim cương.

---

[1] Chỉ việc Phạm Ngũ Lão đối xử với binh sĩ.

[2] Nay là xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

[3] Tờ chứng thực về sở hữu ruộng đất.

[4] Chỉ về việc Đặng Tảo chuyên chí chầu chực lăng tẩm, không yêu cầu gì. Ý nói chí Đặng Tảo và chí Nguyễn Trung Ngạn trái ngược nhau.

[5] Lúc Anh Tông định xuất gia, có làm bài thơ "Chiêu ẩn" (rủ nhau đi ẩn) đưa cho Nguyễn Trung Ngạn. Trung Ngạn từ chối không phụng mệnh.

Lời chua - Kim cương: Kinh nhà Phật, chương "Kinh tịch chí" trong Tùy thư chép: Kinh này là thuyết pháp của Thích Ca Mâu Mi, do đệ tử là Đại Ca Diếp soạn thuật ra.

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Anh Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Thượng thư là Giáo Hóa sang báo cáo, nên nhà vua sai sứ thần sang chúc mừng.

Nhâm Tuất, năm thứ 9 (1322). (Nguyên, năm Chí Trị thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Sét đánh cây tháp ở chùa Báo Thiên.

Hồi đầu niên hiệu Thiệu Long[1], tháp này bị gió đánh đổ mất ngọn, đến nay sét đánh sạt mất hai tầng về góc phía đông.

Lời chua - Chùa Báo Thiên: Tức chùa Sùng Khánh. Xem Lý Thánh Tông, năm Long Thụy Thái Bình thứ 3 (Chb. III, 22).

Mùa hạ. Sai Doãn Bang Hiến sang bên Nguyên biện luận về việc cương giới.

Bấy giờ, người nhà Nguyên tranh lấn bờ cõi nơi biên giới, nên nhà vua sai Hình Bộ thượng thư là Doãn Bang Hiến sang nhà Nguyên để cùng nhau biện luận về biên giới. Bang Hiến sau bị mất ở dọc đường, nhà vua rất lấy làm thương tiếc.

Lời cẩn án - Nguyên sử chép việc ở Du Thôn[2], vào niên hiệu Hoàng Khánh thứ 2 đời Nguyên Nhân Tông ngang với niên hiệu Hưng Long thứ 21 (1313) đời Trần Anh Tông, nhưng Sử cũ không chép, chỉ chép có việc tranh địa giới ở đây, mà cũng không chép rõ là tranh chỗ đất nào. Có lẽ việc tranh địa giới chỉ có một, mà chép trước sau khác nhau. Vì thế cũng chép cả lại để phòng khi tham khảo.

Quý Hợi, năm thứ 10 (1323). (Nguyên, năm Chí Trị thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua đến nhà Thái học thi Thái học sinh.

Bấy giờ có người trong quân Thiên Thuộc[3] tên là Mặc ứng thí, được trúng cách; nhà vua hạ chiếu trả về quân tịch và cho sung vào làm chức lại điển trong quân Thiên Đinh.

Lời phê - Thiên lệch!

Kén quân ngũ.

Theo tục trước, quân sĩ đều xăm hình rồng ở lưng và hai vế đùi; nhưng kỳ tuyển duyệt này lấy người nào béo trắng là hơn, nên từ đây quân sĩ không xăm hình rồng như trước nữa.

Tháng 11, mùa đông. Đúc tiền kẽm, rồi lại bãi bỏ ngay.

Tháng 12. Lập hoàng hậu là Trần Thị.

Hậu là con gái Huệ Vũ đại vương Quốc Trấn, được sách phong là Lệ Thánh hoàng hậu.

Bổ dụng Uy Giản hầu giữ chức Tham Thị Triều Chính[4], quản trị việc quân việc nước (Uy Giản hầu không rõ tên).

Uy Giản hầu trước kia lấy Huy Chân công chúa. Mẹ công chúa là Trần Thị, cung tần của Anh Tông, thường chiếm ruộng của dân. Có người tố cáo, nhà vua triệu Uy Giản hầu đến bảo rằng: "Trẫm

---

[1] Niên hiệu Trần Thánh Tông (1258-1272).

[2] Xem thêm Chính biên, quyển IX, tờ 9.

[3] Xem thêm Chính biên, quyển VII, tờ 23.

[4] Cũng như chức Tham tri chính sự. Người nào được phong chức Tham tri chính sự mà là Thân vương thì gọi là Tham thị triều chính.

không giao việc chiếm ruộng này cho quan lại trừng trị, là sợ điếm nhục đến phi tần của tiên đế, nhà ngươi nên thể theo đức ý ấy của trẫm". Uy Giản về, phàm những ruộng nào mà Trần Thị đã chiếm đoạt đều trả hết lại cho dân; nhà vua tỏ lòng khen. Đến nay bổ dụng vào chức này. Thân thuộc của Uy Giản hầu có người phàn nàn rằng được phong chức ấy vẫn còn là thấp. Uy Giản hầu nói: "Phàm những người bầy tôi đã được vua để ý quyến luyến đến, thì việc lựa chọn bổ dụng là tự lòng vua, chứ sức người không thể ước mong được, khi nào lại dám nảy ra bụng nghĩ càn. Tôi may được ơn vua ban cho, rất sợ là quá nguyện vọng, có đâu dám kể đến chức cao hay thấp?". Nhà vua nghe thấy lời nói ấy, cho Uy Giản là người biết điều.

Giáp Tí, năm Khai Thái thứ 1 (1324). (Nguyên, Thái Định đế, năm Thái Định thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Phong Huệ vũ vương Quốc Trấn chức Quốc Phụ Thượng Tể.

Lời phê - Danh vị không chính đáng thì nói không thuận lý, đã nói không thuận lý thì mọi việc không xong[1].

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Thái Định đế nhà Nguyên mới lên ngôi, sai Mã Hợp Mưu và Dương Tôn Thụy sang báo cáo và ban lịch mới; lại dụ nhà vua không nên cho quan lại ở biên giới sang xâm nhiễu Chiêm Thành. Hợp Mưu cưỡi ngựa đến cái cầu ở ao Tây Thấu vẫn không xuống ngựa. Những người hiểu tiếng Trung Quốc vâng chỉ dụ nhà vua ra bảo sứ thần xuống ngựa, tranh luận mãi vẫn không thể giải quyết được. Nhà vua sai Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra đón tiếp, Trung Ngạn dùng lý lẽ bẻ bác, Hợp Mưu không cãi lại được, mới chịu xuống ngựa; nhà vua rất hài lòng. Khi Hợp Mưu về, nhà vua sai Mạc Đĩnh Chi sang chúc mừng.

Lời chua - Đĩnh Chi: Nguyên sử chép là Tiết Phu. Tiết Phu là biểu tự của Đĩnh Chi.

Tháng 12, mùa đông. Đại hạn; hoàng trùng; trâu bò gia súc phần nhiều bị toi.

Ất Sửu, năm thứ 2 (1325). (Nguyên, năm Thái Định thứ 2).

Mùa xuân. Đặt chức Liêm Phỏng Sứ ở các lộ.

Tháng 8, mùa thu. Đổi Hành Khiển Ti làm Môn Hạ Sảnh[2].

Theo chế độ cũ, Hành Khiển ti ở hai cung Quan Triều và Thánh Từ, cùng với Nội thư hỏa cục, đều gọi là Nội Mật viện. Đến đây đổi Hành khiển ti làm Môn Hạ Sảnh, còn Nội thứ hỏa cục vẫn gọi là Nội Mật viện.

Bính Dần, năm thứ 3 (1326). (Nguyên, năm Thái Định thứ 3).

Từ tháng 2, mùa xuân. Đến tháng 6, mùa hạ, không mưa.

Tháng 3. Trung Thư Thị Lang[3] cai quản Thẩm Hình viện là Bùi Mộc Đạc mất.

Trước đây, lúc Thượng hoàng sắp mất, bảo nhà vua rằng: "Mộc Đạc từng trải thờ ba triều vua, là người khiêm tốn kính cẩn, có cả văn lẫn chất, nên đối đãi đặc biệt, đừng để bị người ta chèn ép". Nhân đấy, nhà vua sai vẽ tượng Mộc Đạc để ở thư phủ, có ý dùng vào chức trọng đại, nhưng chưa kịp thăng chức thì Mộc Đạc đã mất.

---

[1] Quốc Trấn là bố đẻ Lệ Thánh hoàng hậu (vợ Minh Tông). Lời phê này ý nói bố hoàng hậu mà phong Quốc Phụ Thượng Tể là không chính đáng, vì thế nên sau này Quốc Trấn nói về việc lập hoàng tử, không được Minh Tông nghe theo, và cũng nhân nói về việc lập hoàng tử, mà gây ra tai nạn đến nỗi Quốc Trấn phải chịu tử hình. (Xem thêm Chính biên quyển IX, tờ 26). Câu phê này dùng nguyên câu của Khổng Tử bảo học trò là Tử Lộ: "Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành". (Luận ngữ đại toàn, quyển XIII, tờ 5).

[2] Cơ quan giữ ấn của nhà vua. Có nhiệm vụ chuyển lệnh của vua tới các quan, tấu trình lên vua sự thi hành về việc chuyển lệnh của sảnh này, cùng điều khiển những công việc liên quan tới lễ nghi trong cung.

[3] Chức phó của Trung thư sảnh. Có nhiệm vụ giúp vua ý kiến, lời khuyên những việc trọng đại, tuyên phụng mệnh lệnh.

Bổ dụng Trần Khắc Chung làm Thiếu Bảo, gia hàm Đồng Trung Thư môn hạ Bình Chương Sự[1].

Trước đây, theo phép nhà Lý, chức quan Hành khiển gia hàm Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự. Đến khi Thượng tướng Quang Khải giữ ngôi Tể tướng, thường băn khoăn về việc Hành khiển cùng Tể tướng ngang hàm nhau, nên tâu xin đổi hàm của Hành khiển làm "Trung Thu môn hạ cộng sự" để cho phân biệt. Đến nay, nhà vua cho Khắc Chung thăng chức Thiếu bảo, nhưng vẫn làm công việc Hành khiển, được đặc biệt ưu đãi, nên vẫn theo như cũ, gia phong hàm Trung thư môn hạ bình chương sự.

Giáng chức Nguyễn Trung Ngạn làm An Phủ Sứ ở Thanh Hóa.

Trước đây, Trung Ngạn làm Ngự sử, bàn việc trái ý vua, phải ra tri châu Viêm Laãng; khi tri châu, Trung Ngạn có tiếng giỏi về chính trị, vì thế nên lại được cất lên làm Thiêm tri giữ công việc cung Thánh Từ. Khi bấy giờ, có Bảo Vũ vương (không rõ tên) tước Thượng vị hầu, về hàng được ban cho áo đen, Trung Ngạn sơ suất biên vào trong sổ thuyên tuyển, lại liệt tên Bảo Vũ vương vào hàng áo tía. Nhà vua yêu Trung Ngạn là người có tài, vả lại việc ấy là do lầm lỡ, cho nên chỉ bắt giáng chức.

Lời chua - Quan chế nhà Trần, các màu sắc về đồ mặc, lấy màu tía là hơn cả. Còn sự cất nhắc bổ dụng phần nhiều do ở Thượng hoàng. Trung Ngạn vì giữ công việc ở cung Thánh Từ, nên chịu trách nhiệm về việc ghi sổ thuyên tuyển.

Châu Viêm Lãng: Chưa rõ ở đâu.

Bổ dụng Phạm Ngộ làm Tham tri Chính Sự đồng tri Thượng Thư Tả Ti sự.

Trương Hán Siêu giữ chức Hành khiển, tâu về việc hình quan là Phạm Ngộ và Lê Duy ăn của đút lót; nhà vua liền sai người xét hỏi, Hán Siêu nói riêng với người khác rằng: "Hán Siêu này đãi tội[2] trong chính phủ, thấy "chúa thượng tin yêu, nên mới nói, biết đâu lại có xét hỏi như thế?". Nhà vua nghe được câu ấy, nói rằng: "Hành khiển là quan ở sảnh[3], Thẩm hình là quan ở viện[4], đều là những người mà ta tin dùng, có lẽ nào ta tin sảnh quan mà nghi viện quan bao giờ?". Kịp khi xét hỏi, Hán Siêu đuối lý, phải phạt tiền 300 quan. Còn Phạm Ngộ, sau đó được bổ lên chức vị này, chức vị ngang với Hán Siêu.

Lời chua - Lê Duy: Người huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Sai Huệ Túc vương là Đại Niên đem quân sang đánh Chiêm Thành, nhưng đánh không được.

Huệ Túc vương đi đánh Chiêm Thành không thành công, khi trở về, nhà vua nói: "Trước kia, tiên đế[5] gội gió tắm mưa, mới bắt được chúa Chiêm Thành, sau Quốc Phụ[6] là bậc trọng thần, vâng mệnh đi đánh, cũng làm cho chúa nước ấy phải chạy trốn. Nay Huệ Túc vương danh vọng không bằng Quốc Phụ, mà ta cứ yên nhiên ở chỗ thâm cung, ủy thác cho y chuyên trách về việc đánh dẹp, như thế mà muốn bắt chúa Chiêm, thì làm thế nào mà thành công được?". Câu nói ấy là nhà vua có ý tự trách mình.

Đinh Mão, năm thứ 4 (1327). (Nguyên, năm Thái Định thứ 4).

Tháng 5, mùa hạ. Sét đánh vào lăng tẩm (không rõ lăng nào).

---

[1] Tức Tể tướng, quan đầu triều.

[2] Lời nói khiêm tốn của những người làm quan đời xưa. Ý nói tài đức kém, nên dễ mắc sai lầm tội lỗi, cũng như nói chỉ chờ một ngày nào đó sẽ vướng vào tội lỗi.

[3] Quan chế nhà Trần có Trung thư sảnh, Môn hạ sảnh. Chức Hành khiển trước gia hàm Trung thư môn hạ Bình chương sự, sau lại đổi Hành khiển ti làm Trung thư sảnh, nên Hành khiển gọi là sảnh quan.

[4] Viên chức ở Thẩm hình viện giữ việc xét xử kiện tụng hình ngục.

[5] Chỉ vào Trần Anh Tông, xem thêm việc bắt chúa Chiêm Thành ở Chính biên, quyển IX, tờ 5.

[6] Chỉ Quốc Trấn. Xem thêm việc đánh Chiêm Thành ở Chính biên, quyển IX, tờ 15.

Sau ngày sét đánh, nhà vua hạ chiếu cho bầy tôi họp bàn về việc này. Trần Khắc Chung nói pha trò đùa, mọi người đều cười, trừ có Đoàn Nhữ Hài đứng phắt dậy đi ra chỗ khác. Ngự sử đài hặc tâu, nhà vua hạ lệnh xét hỏi về việc đó. Nhữ Hài nói: "Khi mọi người cười cợt, tôi đã đi chỗ khác rồi". Nhà vua nói: "Nhữ Hài nghe người ta cười cợt, không biết can ngăn, lại bỏ đi chỗ khác, thế là có ý làm cho người ta mắc vào sự lỗi, chỉ tìm kế giữ lấy thân mình". Bèn phạt Khắc Chung và Nhữ Hài theo với tội nặng nhẹ của hai người.

Mậu Thân, năm thứ 5 (1328). (Nguyên, năm Trí Hòa thứ 1. Từ tháng 9 trở về sau, thuộc năm Thiên Lịch thứ 1 đời Nguyên Văn Tông).

Tháng 3, mùa xuân. Giết Quốc Phụ thượng tể Huệ Vũ vương là Quốc Trấn.

Trước đây, Thượng hoàng vẫn trông mong nhiều vào Quốc Trấn, muốn phó thác nhà vua cho ông ta; đến lúc thượng hoàng bị bệnh, mỗi khi nhà vua đến thăm, Thượng hoàng bắt phải đi cùng với Quốc Trấn, để khỏi sinh lòng hiềm nghi gián khích. Đến nay nhà vua tuổi đã nhiều mà chưa quyết định ngôi trừ phó[1]. Quốc Trấn tự nhận mình là cố mệnh đại thần, vả lại là bố đẻ ra hoàng hậu, nên cố chấp là: "Đợi khi nào hoàng hậu sinh con trai trưởng sẽ lập làm thái tử". Văn Hiến hầu (không rõ tên) muốn đánh đổ hoàng hậu mà lập hoàng tử tên là Vượng, bèn lấy một trăm lạng vàng đút lót cho gia thần của Quốc Trấn tên là Trần Phẫu, để Trần Phẫu vu cáo Quốc Trấn âm mưu làm phản. Nhà vua tin lời Trần Phẫu, bắt Quốc Trấn giam ở chùa Tư Phúc, rồi đem việc ấy hỏi Thiếu bảo Trần Khắc Chung. Khắc Chung về bè đảng với Văn Hiến, lại là người cùng làng với mẹ đẻ của Vượng, hơn nữa, Khắc Chung từng giữ chức sư phó để dạy Vượng, vì thế Khắc Chung liền tâu ngay bằng câu thành ngữ: "Tróc hổ dị, phóng hổ nan" (bắt hổ thì dễ, thả hổ ra thì nguy). Nhà vua bèn cấm tuyệt không cho Quốc Trấn ăn uống, để bắt phải tự tử. Hoàng hậu phải thấm nước vào áo đưa vào cho uống. Quốc Trấn uống xong thì mất. Những người bị bắt lây đến hơn trăm người, mỗi khi tra hỏi thì đều kêu gào là oan.

Về sau, vợ cả, vợ lẽ Trần Phẫu ghen nhau, đem việc Văn Hiến hầu đút lót vàng ra tố cáo. Nhà vua giao việc này cho quan giữ việc hình ngục là Lê Duy xét hỏi, Lê Duy là người cương trực, lập tức tra xét và phán đoán. Trần Phẫu phải tội lăng trì[2], nhưng chưa kịp hành hình, thì người gia nô nhà Thiệu Vũ (không rõ tên) đã xẻo thịt Trần Phẫu ăn sống gần hết. Còn Văn Hiến hầu được tha tội chết, giáng xuống làm thứ dân, tước bỏ danh tịch.

Lời chua - Văn Hiến: Con Nhật Duật.

Thiệu Vũ: Con Quốc Trấn.

Mẹ đẻ của tên Vượng: Minh Từ thái phi Lê Thị, cùng với Khắc Chung đều là người ở Giáp Sơn.

Kỷ Tị, năm thứ 6 (1329). (Từ tháng 3 trở về sau thuộc Trần Hiến Tông, năm Khai Hựu thứ nhất. - Nguyên, năm Thiên Lịch thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Lập con là Vượng làm Hoàng thái tử và hạ chiếu truyền ngôi; thái tử lên ngôi vua.

Thái tử đã lên ngôi vua, xưng là Triết Hoàng, bầy tôi dâng tôn hiệu là Thể Thiên Ngự Cực Duệ Thánh Chí Hiếu hoàng đế (tức là Hiến Tông). Tôn vua cha làm Chương Nghiêu Văn Triết thái thượng hoàng đế và tôn Lệ Thánh hoàng hậu làm Huệ Từ thái thượng hoàng hậu.

Thượng hoàng về ở hành cung phủ Thiên Trường.

Sau khi đã nhường ngôi, Thượng hoàng lui về ở hành cung phủ Thiên Trường, mỗi khi các hoàng tử vào chầu, Thượng hoàng thường bình luận đến nhân vật bản triều. Uy Túc vương Văn Bích nói: "Phàm bàn luận nhân vật để dạy hoàng tử, chỉ nên nói đến việc của người hay, còn việc người dở hãy gạt bỏ đi,

---

[1] Người trù bị để sau này sẽ nối ngôi vua.

[2] Một thứ hình phạt nặng nhất: Trước hết chặt hai chân, hai tay, con trai thì xẻo ngoại thận đi, con gái thì đóng cọc vào âm hộ rồi mổ bụng, moi hết ruột gan ra, làm cho thân thể không mảnh nào dính vào nhau - có khi lại còn đem ngâm thành mắm. Ta gọi tội này là "tùng xẻo".

không nên nói để người nghe bắt chước". Thượng hoàng nói: "Việc làm của kẻ hay, người dở đều nên bàn đến cả, không thể gác bỏ thiên lệch được; nếu con ta quả là người hiền, thì nghe việc hay tất theo mà bắt chước, nghe việc dở tất ghét mà tránh đi, thế thì kẻ hay người dở đều có thể làm gương cả; nếu con ta quả không hiền, thì cứ gì phải thấy việc dở rồi sau mới bắt chước. Cứ xem như Thái Khang[1] là người thất đức, thì có phải vì ông vua đời trước chơi bời buông tuồng mà Thái Khang bắt chước đâu? Dượng Đế nhà Tùy[2] miệng nói việc của Nghiêu Thuấn[3], mà việc làm thì bạo ngược hơn Kiệt, Trụ[4]; thế có phải là người hay mà bắt chước đâu?". Uy Túc nghe lời Thượng hoàng nói, cúi đầu xin tạ tội.

Một hôm, Thượng hoàng cho mời Huệ Túc vương là Đại Niên vào nhà ngủ bảo ngồi chơi. Thượng hoàng ăn cơm chay, Huệ Túc vương vốn hay bài bác đạo Phật, đạo Lão, nhân nói: "Tôi không biết ăn chay có ích lợi gì?". Thượng hoàng dụ rằng: "Ông cha ngày trước ăn chay, nên cũng bắt chước, còn như bảo rằng ăn có ích lợi hay không, thì trẫm không biết". Huệ Túc vương yên lặng đi ra.

Có một lần, người tôi tên là Hiệu Khả khen Thượng hoàng giỏi hơn vua Anh Tông. Thượng hoàng thay đổi ngay nét mặt, gạt đi mà nói rằng: "Phàm người nào khen ngợi người khác, mà bảo người ta giỏi hơn cha, thì người ấy thường bất hiếu đối với cha mẹ". Thượng hoàng nói câu này là vì Hiệu Khả không biết làm cho cha mẹ vui lòng, nên nhân việc ấy mà răn bảo.

Gia phong Nhật Duật tước Chiêu Văn đại vương.

Mùa đông. Mán Ngưu Hống làm phản, Thượng hoàng tự làm tướng đi đánh.

Thời đại Nhân Tông, Mán Ngưu Hống thường vào chầu, đến nay làm phản, rông rỡ cướp bóc ở miền Đà Giang. Thượng hoàng bàn định thân hành đi đánh. Trần Khắc Chung can rằng: "Đà Giang là nơi lam chướng, vả lại nước thác chảy xiết quá không thể đem quân đi được. Đất Chiêm Thành không phải nơi lam chướng, các triều trước đi đánh, phần nhiều bắt được chúa nước ấy, bây giờ không bằng đem quân sang đánh Chiêm Thành là hơn". Thượng hoàng nói: "Trẫm làm cha mẹ dân, thấy dân bị lầm than, cần phải cứu ngay, chứ có suy bì gì nơi hiểm trở, nơi bình dị, việc thuận lợi, việc khó khăn". Khắc Chung lạy tạ, nói: "Độ lương thánh nhân bao dung rộng rãi; ngu dại như tôi không thể nào nghĩ tới được". Thượng hoàng bèn hạ chiếu xuất quân; sai Thiêm tri là Nguyễn Trung Ngạn chuyên việc giữ sổ nhật lịch[5].

Trong bọn Mán Ngưu Hống, có người ở trại Chiêm Chiêu đến cung khuyết dâng thư, đính ước xin đem cả trại đầu hàng, thì khắc phù tín giao cho để làm tin. Thượng hoàng muốn phỏng theo việc "Hán Vũ đăng đài"[6] ngày trước, dùng uy lực chế trị phương xa, bèn sai Chiêu Nghĩa hầu là Phụ Minh đem quân theo đường Thanh Hóa xuất phát trước, để làm thanh thế tiếp ứng cho quan quân. Thượng hoàng nhân dụ bảo Phụ Minh rằng: "Trại Chiêm Chiêu đã có đính ước xin hàng, khi đến nơi, phải đợi quan quân đến sẽ hay, không được hành động càn rỡ".

Thượng hoàng đem quân đến động Mang Việt, đóng ngự doanh ở đấy, và đặt tên chỗ đóng ngự doanh ấy là phủ Thái Bình, chỗ ấy có suối Bác Tử, đặt tên cho là suối Thanh Thủy.

Phụ Minh đem quân đi tắt đến trại Chiêm Chiêu, tự đem một bộ quân của mình ra đánh, bị thua. Tuyên Uy tướng quân là Vũ Tư Hoành cố sức đánh, bị chết trận. Thượng hoàng nghe tin nói: "Thôi lầm

---

[1] Tên một ông vua đời nhà Hạ. Thái Khang là cháu Hạ Vũ, con Hạ Khải. Vũ và Khải đều là vua hiền, đến Thái Khang là người thất đức, chơi bời vô độ, bị Hậu Nghệ đánh đuổi đi.

[2] Tên là Quảng, giết anh, giết bố để cướp ngôi vua, khi làm vua làm nhiều điều tàn ác, sau bị Vũ Văn Hóa Cập giết.

[3] Hai ông vua đời thượng cổ Trung Quốc, tương truyền là hai vị thánh quân đời Đường và Ngu.

[4] Kiệt: vua cuối cùng đời nhà Hạ; Trụ: vua cuối cùng đời nhà Thương, là hai ông vua tàn bạo nổi tiếng.

[5] Quyển lịch chuyên chép các công việc hằng ngày.

[6] Hán Vũ Đế (140 - 88 tr.c.ng.), một ông vua có tài cao mưu giỏi về thời Tây Hán. Năm Nguyên Phong thứ 1 (110 tr.c.ng.), Vũ Đế kéo quân ra Trường Thành, lên lâu đài của Thuyền Vu (lâu đài này do chúa Thuyền Vu là Mạc Lặc dựng lên), rồi kéo quân đến Sóc Phương, tới Bắc Hà, số quân mười tám vạn, cờ quạt cắm suốt hơn ngàn dặm, sai sứ bảo chúa Thuyền Vu rằng: "Nếu dám chống cự lại, thì Thiên tử đã tự làm tướng, sẵn sàng đợi ở biên giới, nếu không thì phải đến thần phục ngay, sao lại cứ ẩn núp ở nơi Mạc Bắc cho rét mướt khổ sở làm gì?".

rồi!". Trận này do Thượng hoàng tự làm tướng, hiệu lệnh nghiêm minh, uy thanh vang động, mán Ngưu Hống nghe tiếng phải chạy trốn, bèn đem quân về.

Lời chua - Ngưu Hống: Tên dân tộc mán. Xem Lý Thánh Tông, năm Long Chương Thiên Tự thứ 2 (Chb. III, 27).

Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Chiêm Chiêu: Tên trại, chưa rõ ở đâu.

Mang Việt: Động mán xưa, nhà Lê đổi làm Việt Châu; bây giờ đổi là Yên Châu, thuộc tỉnh Hưng Hóa[1].

Phụ Minh và Tư Hoành: Đều không rõ người ở đâu.

Bổ dụng Vũ Nghiêu Tá làm Nhập Nội Hành Khiển môn hạ Hữu Ti Lang Trung.

Nghiêu Tá với em là Nông đều thi đậu, nổi tiếng về văn học. Trước đây, Thượng hoàng bổ Nghiêu Tá làm Hành khiển đồng tri Nội Mật Viện sự, nay nhà vua trao cho chức này.

Lời chua - Nghiêu Tá: Người làng Mộ Trạch, huyện Đường An[2], tỉnh Hải Dương.

Canh Ngọ, Hiến Tông hoàng đế, năm Khai Hựu thứ 2 (1330). (Nguyên, năm Chí Thuận thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu là Trần Thị mất.

Thái hậu tính nhân từ, yêu các con vợ thứ cũng như con mình đẻ ra, đối với các phi tần, rất có ân huệ, đối với họ hàng riêng của mình, có ý dè dặt giữ gìn, không ban ơn lạm. Người bấy giờ xung tụng Thái hậu là bậc đứng đầu những người mẹ có đức tốt.

Sau khi Anh Tông mất, thái hậu tự giữ mình chay khiết, duy không nhận pháp giới nhà Phật và nói: "Người vị vong[3] này không thể trông mặt thày chùa, nói chuyện với thày chùa được, chỉ cốt chay sạch đợi đến ngày chết, còn dùng y bát[4] làm chi?". Thái hậu ở chùa được 10 năm thì mất.

Lời phê - Rất phải đạo đàn bà, nghìn xưa ít có.

Lời cẩn án - Thuận Thánh Bảo Từ thái hậu là đích mẫu của Minh Tông, đến đời Hiến Tông, theo điều lệ, đáng lẽ nên chép là thái hoàng thái hậu, thế mà Sử cũ vẫn chép là hoàng thái hậu có lẽ là vì Hiến Tông mới lên ngôi vua, chưa kịp truy tôn; hay là vì Sử cũ bỏ sót. Nay tạm theo Sử cũ, sẽ khảo sau.

Lời chua - Yêu con vợ thứ: Huệ Chân công chúa là con gái vợ thứ, thế mà thái hậu yêu quý, phàm có ban cho thức gì, cũng được ngang phần với Thiên Chân công chúa.

Đối đãi với phi tần: Cung tần là Vương Thị được vua yêu, có thai, thái hậu cho nhà Song hương để làm chỗ sinh nở.

Đối với họ hàng riêng của mình: Bảo Huệ quốc mẫu là mẹ đẻ thái hậu, muốn dâng cháu gái là Nguyên Huy vào cung, thái hậu không bằng lòng.

Thái sư Chiêu Văn đại vương Nhật Duật mất.

---

[1] Nay là huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

[3] Nguyên văn chép: "Vị vong nhân", nghĩa đen là "người chưa chết". Theo quan niệm ngày xưa, người đàn bà góa chồng tự xưng là vị vong nhân (Tả truyện), ý nói chưa chết theo chồng được.

[4] Áo cà sa để mặc và cái bát để đựng thức ăn, hai bảo vật quan trọng nhất của nhà chùa. Đời sau dùng chữ "y bát " để tượng trưng thày chùa truyền kinh pháp cho đệ tử.

Nhật Duật học qua Ngũ kinh và Chư sử, tinh thông lời huyền diệu của Đạo gia, hiểu biết âm nhạc, đời bấy giờ khen là người học thức rộng rãi, lại hiểu tiếng các nước. Nhân Tông thường nói: "Chú Chiêu Văn[1] có lẽ là hậu thân của người bộ lạc Phiên". Mỗi khi nói chuyện giao thiệp với sứ thần nhà Nguyên, không cần dùng người thông ngôn, thường tay cầm tay, uống rượu với nhau, vui vẻ như bạn quen biết. Sứ nhà Nguyên nói: "Ông hẳn là người ở Chân Định sang làm quan bên này?". Nhật Duật cố chối không nhận, họ vẫn không tin, vì họ thấy hình dáng và tiếng nói của Nhật Duật đều giống hệt người Chân Định.

Nhật Duật là người có độ lượng, hòa nhã, dù mừng hay giận không bao giờ lộ ra nét mặt; lại còn không ưa những sự thỉnh thác; lúc gặp việc thì tùy cơ ứng biến, rất mạnh dạn về việc đánh giặc. Cuối niên hiệu Thiệu Bảo[2], Nhật Duật trấn thủ Tuyên Quang, quân Nguyên đến xâm phạm, Nhật Duật đem quân theo dòng sông trở xuôi. Thấy quân đuổi theo ở hai bên bờ sông đi thong thả, biết chắc hẳn mặt trước lại có toán quân nữa, vội vàng sai người dò xem, thì quân giặc đã đến đón chặn ngang ở khúc sông bên dưới rồi, Nhật Duật bèn dẫn quân lên đi bộ, mới thoát được nạn. Chiến dịch Hàm Tử Quan đánh cho quân Toa Đô bị thua to; trận thắng này là một chiến công đứng đầu đời Trùng hưng. Nhật Duật, nói về quyền quý, là bậc thân vương, từng thờ bốn triều vua, ba lần lĩnh chức trấn thủ ở trấn lớn, trong nhà không ngày nào là không chèo hát, yến ẩm, mà không ai chê cười. Có người thường ví Nhật Duật với Quách Tử Nghi nhà Đường[3]. Khi mất, hưởng thọ 77 tuổi.

Lời phê - Phúc đức.
Lời chua - Chân Định: Tên phủ, bây giờ thuộc tỉnh Trực Lệ nhà Thanh.

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Hàm Tử: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 39).

Tân Mùi, năm thứ 3 (1331). (Nguyên, năm Chí Thuận thứ 2).

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Văn Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Lại bộ Thượng thư là Tán Chỉ Ngõa sang báo cáo. Nhà vua sai Đoàn Tử Trinh sang chúc mừng.

Nhâm Thân, năm thứ 4 (1332). (Nguyên, năm Chí Thuận thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Đưa quan tài Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu táng chung ở Thái Lăng[4].

Trước đây, nhà vua sai các quan chọn ngày lành sẽ an táng; lúc ấy có người bác đi, lấy cớ rằng năm nay an táng sẽ không lợi cho tế chủ. Thượng hoàng sai người hỏi lại người ấy rằng: "Ta tất nhiên không chết à?". Người ấy thưa rằng: "Điều ấy tôi không dám biết". Thượng hoàng nói: "Nếu ta không tránh khỏi chết, thì lo việc tang mẫu hậu cho xong xuôi, chả còn hơn để khỏi chết uổng hay sao? Này, việc vui mừng, việc buồn rầu, theo điển lễ phải chọn ngày, là để cho việc được trịnh trọng đấy thôi, chứ có phải như thuyết nhà âm dương[5] câu nệ về việc họa phúc đâu?". Bèn cử hành lễ hợp táng.

Lời phê - Có kiến thức.
Tháng 7, mùa thu. Bổ dụng Nguyễn Trung Ngạn giữ việc ở viện Thẩm Hình[6].

---

[1] Nhật Duật là con Trần Thái Tông, bằng vai với Thánh Tông, nên Nhân Tông gọi là chú.

[2] Niên hiệu Trần Nhân Tông (1279-1284).

[3] Một danh tướng nhà Đường trong thời Đại Tông và Túc Tông. Chiến công của Tử Nghi đứng đầu các hàng tướng tá, giữ việc Tiết Độ Sứ ở Sóc Phương, được phong tước là Phần Dương vương; trong nhà lúc nào cũng đàn hát. Khi mất hưởng thọ 88 tuổi.

[4] Lăng tẩm Trần Anh Tông, Thuận Thánh là vợ Anh Tông.

[5] Những người chuyên môn về việc suy tính tướng số, nhâm, cầm, độn, toán, xem ngày, xem thiên văn, v.v... Theo thuyết nhà âm dương thì việc chọn ngày là quan hệ, vì cùng một việc, nếu chọn được ngày tốt thì công việc sẽ thuận lợi mà người chủ sự cũng gặp nhiều điều hay, nếu chọn phải ngày xấu thì sẽ trái lại.

[6] Cơ quan coi về việc hình án như Toà án ngày nay.

Trung Ngạn lập nhà Bình Doãn để xét xử ngục tụng. Những người bị can, không ai bị oan uổng hoặc bị xử quá đáng. Nhà vua tỏ ý khen ngợi.

Quý Dậu, năm thứ 5 (1333). (Nguyên, Thuận Đế, năm Nguyên Thống thứ nhất).

Tháng 7, mùa thu. Có nạn thủy tai; dân bị đói.

Giáp Tuất, năm thứ 6 (1334). (Nguyên, năm Nguyên Thống thứ 2).

Mùa xuân. Đặt thêm chức tả hữu Chính Ngôn Tham Nghị.

Thượng hoàng tự làm tướng sang đánh Ai Lao. Ai Lao trốn chạy đi nơi xa, Thượng hoàng bèn đem quân trở về.

Thượng hoàng hạ lệnh cho Nguyễn Trung Ngạn sung chức Phát vận xứ Thanh Hóa, tải lương đi trước, rồi đem đại quân kéo đi sau. Khi quân đến Kiềm Châu, thanh thế vang động, Ai Lao nghe tiếng, chạy trốn. Thượng hoàng sai Trung Ngạn đục núi ghi công rồi đem quân trở về.

Lời phê - Chỉ làm nhọc quân lính thôi, chứ có công trạng gì đáng ghi chép. Nguyễn Trung Ngạn sao lại a dua thế?

Lời cẩn án - Chỗ đục núi ghi công bây giờ ở quả núi thôn Trầm Hương, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, nét chữ viết to bằng bàn tay, nét tạc vào đá sâu đến hơn một tấc. Lời văn như sau[1]:

"Hoàng Việt[2], triều nhà Trần, vua trị vì thứ 6, là Chương Nghiêu Văn Triết thái thượng hoàng đế, được trời thương yêu cho thống trị đất đai rộng lớn, các nơi xa gần, đâu đâu cũng thần phục; thế mà Ai Lao là một nước nhỏ mọn, dám ngang ngạnh giáo hóa triều đình. Năm Ất Hợi (1335), tháng quý thu (tháng 9 âm lịch), hoàng đế thân đem lục quân[3] đi tuần thú[4] đến biên thùy mặt tây, thì thế tử Chiêm Thành và nước Chân Lạp, nước Tiêm, đạo thần tù trưởng Mán là Quỳ Cầm, Xa Lặc, những bộ lạc mới phụ thuộc thì tù đạo mán Bôi Bồn và mán Thanh Xa, đều tranh nhau đến triều yết, dâng nộp phẩm vật địa phương; chỉ có một nghịch tặc tên là Bổng cố giữ thói u mê, sợ bị tội lỗi, không đến triều yết ngay. Tháng quý đông (tháng 12 âm lịch), hoàng đế đóng ngự doanh ở cánh đồng Cự Đồn thuộc Mật Châu, hạ lệnh cho các tướng cùng binh lính man di kéo vào nước ấy, tên nghịch tặc Bổng nghe tiếng chạy trốn, bèn hạ chiếu đem quân về".

Ngày tháng 12 nhuận, mùa đông, năm Ất Hợi (1335), niên hiệu Khai Hựu thứ 7".

Năm tháng chép ở bài văn này, so với năm chép trong Sử cũ, không phù hợp với nhau[5], nhưng cứ chép cả để đề phòng khi khảo cứu.

Lời chua - Ai Lao: Tên nước. Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Bổng: Tên tù trưởng Ai Lao. Việc tên Bổng ngang ngạnh như thế nào, Sử cũ không chép rõ.

Kiềm Châu: Tức đất Mật Châu, bây giờ là huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Ất Hợi, năm thứ 7 (1335). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 1).

Sứ thần nhà Nguyên sang.

---

[1] Nguyên văn bằng chữ Hán, đây là bản dịch ra tiếng Việt.

[2] Hoàng là lớn, là đẹp. Hoàng Việt là nước Việt to lớn, tươi đẹp.

[3] Binh chế thời cổ, mỗi quân 12.500 người, thiên tử mới có sáu quân, còn vua các chư hầu, nước lớn được ba quân, nước vừa được hai quân, nước nhỏ có một quân.

[4] Tuần: tuần hành; thú; trấn thủ. Vua các chư hầu trấn thủ đất đai do thiên tử phong cho. Thiên tử đi tuần hành đến đất đai đã phong cho vua chư hầu trấn thủ để quan sát, gọi là "tuần thú". Khi thiên tử đi tuần đến địa phương nào, thì vua các nước chư hầu ở địa phương ấy phải đến hành tại triều yết và dâng phẩm vật địa phương mình.

[5] Sử Toàn thư VII, 6 chép việc đi đánh Ai Lao vào năm Giáp Tuất (1334); còn bài Bia ghi là năm Ất Hợi (1335).

Thuận đế nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Lại bộ Thượng thư là Thiết Trụ (Nguyên Sử cũ chép là Thiếp Trụ) sang báo cáo, và ban cho lịch mới.

Tháng 9, mùa thu. Thượng hoàng lại tự làm tướng sang đánh Ai Lao, bị thua. Đốc tướng Đoàn Nhữ Hài bị chết đuối.

Lời phê - Sính dùng binh là sự không hay, tự kiêu căng tất bị thất bại. Thế thì việc đục đá ghi công lần trước tỏ ra là việc hảo huyền!

Từ khi ở Kiềm Châu đem quân về, Thượng hoàng định thân đi đánh Ai Lao lần nữa, nhưng chưa quả quyết. Nay nghe tin Ai Lao kéo xuống xâm lấn ấp Nam Nhung thuộc Nghệ An, nên lại bàn thân chinh, trong lúc ấy Thượng hoàng bị đau mắt, có người xin hoãn lại. Thượng hoàng nói: "Việc này năm trước đã bàn rồi lại thôi, bây giờ nếu vì đau mà hoãn lại, thiên hạ sẽ cho ta là người rút rát; vạn nhất giặc phương Bắc kéo sang xâm lấn bao vây, thì ta sẽ trông cậy vào đâu?". Bèn quyết ý thân chinh. Hạ lệnh cho viên quan quản lĩnh hai hiệu quân Thần Vũ và Thần Sách kiêm giữ chức kinh lược Đại sứ Nghệ An là Đoàn Nhữ Hài sung làm đốc tướng, các quân đều phải nghe theo hiệu lệnh.

Nhữ Hài tự nghĩ rằng: Ai Lao đóng giữ ở ấp Nam Nhung, quân của chúng vừa ít vừa yếu, quân ta đánh thế nào cũng được. Vả lại, đồn trại của chúng đóng liền con sông lớn Tiết La, sau khi ta đã đánh thắng rồi, sẽ đem tù binh bắt được và chiến lợi phẩm tước được đi theo dòng sông mà kéo tràn xuống, đi đến đâu sẽ diễu võ dương uy, nhân đó chiêu dụ các nước Chiêm Thành, Chân Lạp vào chầu, như thế có thể lập được công lao phi thường. Vì thế, Nhữ Hài liền đem quân Nghệ An và hiệu quân Thần Vũ tiến lên trước. Khi đến ấp Nam Nhung, gặp quân giặc, hai bên giao chiến. Lúc ấy sương mù mờ mịt, quân giặc đã mai phục sẵn voi ngựa từ trước, hai cánh quân giặc đánh khép lại. Quan quân bị ngã xuống sông, chết mất quá nửa, trong số đó có cả Đoàn Nhữ Hài.

Thượng hoàng được tin, nói: "Nhữ Hài nhân tình thế tất thắng, dùng mưu kế tất thắng, đã gần được công to mà lại bị mắc vào mồi của giặc, không phải vì y không liệu biết thế giặc, chỉ vì y dùng quá cái sức của mình đấy thôi! Thế mới biết sự mong muốn của người ta không thể quá hạn định được".

Lời phê[1] - Sụt sùi khóc lóc, cũng chả kịp nào!

Lời cẩn án - Trận đánh này, Thượng hoàng tự làm tướng, mà địa điểm đóng quân, Sử cũ không chép rõ. Đến khi Nhữ Hài bị thua chết, Sử cũ lại không chép lúc ấy mưu tính thế nào. Đến tháng 2 năm sau, mới chép: "Thượng hoàng từ chỗ đánh Ai Lao về nước". Chép như thế, không thể hiểu được, nay không rõ việc ấy thế nào, sẽ phải khảo cứu sau.

Lời chua - Nam Nhung: Tên ấp, thuộc huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Sông Tiết La: Ở ấp Nam Nhung.

Viên tướng quản lĩnh hiệu quân Khoái Hộ là Đỗ Thiên Thữ mất ở nơi quân thứ.

Khi Thượng hoàng đi thân chinh, Thiên Thữ quản lĩnh hiệu quân Khoái Hộ, đương bị bệnh nặng, Thượng hoàng cho ở lại. Thiên Thữ bắt người nhà khiêng mình đến ngoài cửa cung Vĩnh An, cố xin đi theo xe vua và nói rằng: "Tôi thà chết ở ngoài cửa doanh trại, chứ không chịu chết ở trong giường nằm". Thượng hoàng khen là trung nghĩa, cho theo đi, khi đến đất giặc thì mất. Thượng hoàng thương tiếc, đặc cách cho khi tế được dùng nhạc Thái Thường.

Lời chua - Quân Khoái Hộ: Tức quân Thần Sách. Chế độ nhà Trần, chỉ có chức Hành khiển khi tế mới được dùng nhạc Thái Thường, nay cho Thiên Thữ được dùng, đấy là đặc biệt gia ơn.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Bính Tý, năm thứ 8 (1336). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng từ chỗ đánh Ai Lao trở về nước.

---

[1] Chỉ việc Minh Tông tỏ ý thương tiếc Đoàn Nhữ Hài.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Đinh Sửu, năm thứ 9 (1337). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 3).

Tháng 6, mùa hạ. Sao chổi xuất hiện ở phương đông bắc.

Xét duyệt quan văn, quan võ, đặt các thuộc viên ở sảnh, ở viện.

Tháng 9, mùa thu. Hạ chiếu cho các quan trong triều và ngoài khảo hạch các ti thuộc.

Các quan trong triều và ngoài các lộ, hàng năm, xét những thuộc viên do mình quản đốc, người nào siêng năng, cẩn thận, có chứng cớ rõ ràng thì lưu lại, người nào không làm việc thì truất bãi đi.

Hạ chiếu cho các lộ lập kho tào thương.

Nguyễn Trung Ngạn làm tào vận sứ ở Khoái Lộ, đề nghị xin lập kho tào thương, chứa thóc thuế để chẩn cấp cho dân đói. Nhà vua y theo và hạ chiếu cho các lộ khác phỏng theo thể thức ấy mà thi hành.

Lời chua - Khoái Lộ: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Hạ lệnh cho Hưng Hiếu vương đi đánh Ngưu Hống, dẹp yên được. (Hưng Hiếu vương không rõ tên).

Hưng Hiếu vương đem quân vào trại Trịnh Kỳ, phá tan quân Mán, chém tù trưởng là Xa Phần. Khi đem quân về, quân sĩ đều được ban thưởng. Hưng Hiếu vương viện dẫn việc Nhân Huệ vương[1] bình định đất Nam Nhung ngày trước, xin thưởng cả cho người giữ thuyền nữa. Thượng hoàng nói: "Trước kia, Khánh Dư đi đánh Nam Nhung[2], xuất phát từ Nghệ An, phải đi mấy ngày mới đến Nam Nhung, thế mà người giữ thuyền ở trong đất giặc, chứ không phải là người giữ thuyền ở đất Nghệ An; còn như người giữ thuyền lần này thì lại khác hẳn lần trước. Vả lại, sự thưởng phạt cốt phải chính đáng mà thôi; bây giờ người giữ thuyền dựa vào người đánh thắng giặc để nhận phần thưởng, nếu người đi chiến trận bị chết, thì người giữ thuyền cũng bị chết hay sao?". Hưng Hiếu vương thưa: "Nếu không có người giữ thuyền mà thuyền bị giặc bắt mất, thì quân sĩ liệu có kiên tâm mà chiến đấu được không?". Thượng hoàng nói: "Nếu vậy thì trước hết phải thưởng cho các quan ở lại giữ triều đình mới phải, vì rằng nếu kinh sư mà không yên tĩnh thì quân sĩ có thể hăng hái đánh giặc được không?". Bèn không thưởng cho người giữ thuyền.

Lúc ấy người gia đồng của Hưng Hiếu vương là Phạm Ngải cũng dự có công đánh giặc. Thượng hoàng nói: "Gia nô dầu có chiến công, cũng không được dự vào quan tước triều đình". Vì thế mới hạ chiếu cấp ruộng cho Phạm Ngải.

Lời phê[3] - Biện luận một cách khiên cưỡng, hai bên đều không phải cả.
Lời phê[4] - Việc này thì hợp thể.
Lời chua - Việc Nhân Huệ vương đi đánh Nam Nhung, Sử cũ không chép, chỉ ghi phụ việc ấy ở đây thôi.

Ngưu Hống: Tên Mán. Xem Lý Thánh Tông, năm Long Chương Thiên Tự thứ 2 (Chb. III, 27).

Trại Trịnh Kỳ: Chưa rõ ở đâu.

Mậu Dần, năm thứ 10 (1338). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 4).

---

[1] Tước phong của Trần Khánh Dư.

[2] Theo Toàn thư chép: "Thượng hoàng nói: Khánh Dư đi đánh Nam Nhung, đi đường bộ từ Nghệ An, mấy ngày mới đến sông Nam Nhung, bèn phạt gỗ đóng thuyền, thế là người giữ thuyền ở trong đất giặc, chứ không phải ...". Như thế có lẽ Hưng Hiếu vương xin thưởng cho quân sĩ giữ thuyền ở Nghệ An, vì thế Minh Tông mới nói người giữ thuyền lần này khác hẳn lần trước.

[3] Chỉ việc Trần Minh Tông và Hưng Hiếu vương tranh luận về việc có hay không thưởng cho người giữ thuyền.

[4] Chỉ việc không thưởng quan tước cho gia nô.

Tháng 8, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Gió bão to.

Phần nhiều nhà cửa, cây cối ở dân gian bị đổ.

Bổ dụng Cung Tĩnh vương là Nguyên Trác tham dự triều chính, Cung Định vương là Phủ làm Phiêu Kỵ thượng tướng quân, quản lĩnh trấn Tuyên Quang.

Lời chua - Nguyên Trác và Phủ: Đều là con vợ thứ Minh Tông.

Kỷ Mão, năm thứ 11 (1339). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 5).

Mùa xuân. Đổi lịch "Thụ thì" làm lịch "Hiệp Kỷ".

Viên Hậu Nghi lang Thái sử cục lệnh là Đặng Lộ thấy tên lịch từ trước đến nay đều gọi là lịch "Thụ thì", tâu xin đổi gọi là lịch "Hiệp Kỷ"; nhà vua y cho. Đặng Lộ chế ra thứ đồ xem thiên văn gọi là "lung linh nghi" khảo nghiệm khí tượng trên trời không việc gì là không đúng.

Lời chua - Đặng Lộ: Người huyện Sơn Minh thuộc Sơn Nam.

Sao Huỳnh Hoặc mọc chen vào sao Nam Đẩu.

Vừa một tháng, sao Huỳnh Hoặc mới lui ra.

Canh Thìn, năm thứ 12 (1340). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 6).

Tân Tị, năm thứ 13 (1341). (Tháng trở về sau, thuộc Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 1). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 1).

Mùa xuân, bổ dụng Nguyễn Trung Ngạn làm Đại Doãn[1] ở kinh sư.

Ở kinh sư, trước kia đặt chức Đại An phủ sứ, đến đây, đổi thành Đại Doãn.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà vua mất.

Miếu hiệu là Hiến Tông, ở ngôi 13 năm, hưởng thọ 23 tuổi.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Hiến Tông là người thiên tư tốt, nhưng vì ít tuổi lên nối ngôi[2], nên quyền chính trong nước đều ở trong tay Thượng hoàng. Trong sách[3] có câu: "Cha còn, thì con không được tự chuyên", thế thì còn chê trách vào đâu nữa?

Tháng 8, mùa thu. Hoàng đế là Hạo lên ngôi vua.

Trước đây, nhà vua (Hiến Tông) là con cả của người vợ thứ, lên nối ngôi; đến sau bà đích mẫu là Huệ Từ hoàng thái hậu mới sinh con trai: con trưởng, Cung Túc vương tên là Dục; con thứ, tên là Hạo. Nay nhà vua mất, không có con trai. Thượng hoàng (Minh Tông) thấy Dục có tính ngông cuồng, không thể gánh vác được công việc trọng đại; lúc ấy Hạo[4] mới 6 tuổi, bèn cho nối ngôi. Khi đã lên ngôi, xưng là Dụ Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Thống Thiên Thể Đạo Nhân Minh Quang Hiếu hoàng đế (tức là Dụ Tông).

Sai Nguyễn Trung Ngạn và Trương Hán Siêu biên soạn Triều điển và Hình thư.

Nhâm Ngọ, Dụ Tông hoàng đế năm Thiệu Phong thứ 2 (1342). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Cung Tĩnh vương là Nguyên Trác làm Thái Uý.

---

[1] Chức quan đứng đầu cấp địa phương ở kinh sư thời xưa. Trước gọi là An phủ sứ.

[2] Lúc lên ngôi vua mới mười tuổi.

[3] Bài bàn ở tập chú trong thiên "Học Nhi" sách Luận ngữ.

[4] Hạo là con thứ mười của Minh Tông.

Tháng 5. Sứ Chiêm Thành sang.

Chúa Chiêm Thành là Chế A Nam mất, con rể là Trà Hoà Bố Để tự lập làm chúa, sai sứ sang cáo phó[1].

Tháng 7, mùa thu. Tôn Huệ Từ thái thượng hoàng hậu làm hoàng thái hậu.

Lời cẩn án - Huệ Từ là vợ Minh Tông, mẹ Dụ Tông. Bấy giờ Minh Tông hãy còn, mà vội tôn phong Huệ Từ làm hoàng thái hậu, như thế thì đạo thờ cha và nghĩa vợ theo chồng đều lỗi cả.

Bổ dụng Nguyễn Trung Ngạn làm Hành khiển, quản trị công việc viện Xu Mật.

Theo chế độ cũ, cấm quân thuộc vào Thượng thư sảnh; đến đây, cho viện Xu Mật quản lĩnh. Trung Ngạn tuyển đinh tráng các lộ sung vào ngạch cấm quân hiện khuyết, đặt ra sổ sách để ghi chép. Viện Xu Mật quản lĩnh cấm quân bắt đầu từ đấy.

Lời chua - Trước đây chế độ nhà Trần: Xu Mật viện là chức cơ yếu, cùng với Thượng thư sảnh, và Trung thư sảnh đều được tham dự triều chính.

Giám Sát Ngự sử là Doãn Định và Nguyễn Nhữ Vi bị bãi chức.

Thượng hoàng sáng sớm đến Ngự sử đài, Giám sát Ngự sử là Doãn Định và Nguyễn Nhữ Vi chưa đế, chỉ có Ngự sử Trung Tán là Lê Duy theo hầu. Khi Thượng hoàng về cung rồi, bọn Doãn Định mới đến, bèn dâng sớ đối kháng, nói: Thượng hoàng không nên vào Ngự sử đài. Lại hặc Lê Duy về lỗi không biết can ngăn. Lời lẽ trong sớ rất là khích thiết. Thượng hoàng hiểu dụ trước mặt bọn ấy rằng: "Ngự sử đài là một trong những cung điện, có lẽ nào thiên tử lại không được vào? Vả, trong đài ấy trước kia có chỗ để thiên tử giảng luận học tập, ở đấy lại có chức Chi hậu bạ thư hầu hạ bút nghiên. Đấy là việc cũ "Thiên tử nhập đài" đấy. Ngày trước, vua Thái Tông nhà Đường từng xem cả sách Thực lục kia, huống chi là việc nhập đài". Bọn Doãn Định còn cố sức can mãi, Thượng hoàng dụ bảo đến hai ba lần cũng không thôi, bèn bị bãi chức.

Quý Mùi, năm thứ 3 (1343). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 3).

Ngày mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực.

Đại hạn từ tháng 5 đến mãi tháng 6. Xuống chiếu tha cho một nửa thuế nhân đinh năm nay.

Tháng 11, mùa đông. Dân bị nạn đói.

Năm ấy mất mùa, đói kém. Dân gian phần nhiều người nổi lên làm trộm cướp, nhất là gia nô các nhà vương hầu.

Giáp Thân, năm thứ 4 (1344). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Giặc cướp khởi lên ở huyện Trà Hương.

Người huyện Trà Hương là bọn Ngô Bệ họp tập nhiều người ở núi Yên Phụ khởi lên làm giặc cướp. Nhà vua sai quân đi bắt. Bọn Ngô Bệ liền trốn tránh tan rã.

Lời chua - Trà Hương: Tên huyện. Xem Tiền biên, ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Núi Yên Phụ: Ở xã Yên Phụ, huyện Giáp Sơn.

Đổi đặt lại danh hiệu các quan chức.

Hành Khiển ti ở cung Thánh Từ nay đổi làm Thượng Thư sảnh; Hành Khiển ti ở cung Quan Triều vẫn để nguyên là Môn Hạ sảnh[1] như cũ.

---

[1] Báo cáo tin buồn: Chúa Chiêm Thành mất.

Viện Tuyên Huy đặt chức đại sứ và phó sứ;

Kiểm Pháp quan ở viện Đăng Văn[2] nay đổi là Đình Úy, Tự Khanh và Thiếu Khanh;

Ti Khuyến nông đặt chức Đồn điền sứ và phó sứ;

Tổng lộ đặt An phủ sứ và phó sứ;

Thuộc châu đặt chức Thông Phán;

Lộ nhỏ đặt ti Đề Hình và ti Tào Vận;

Phủ Thiên Trường đặt chức Thái phủ và Thiếu phủ.

Lời chua - Trung thư, Thượng thư, môn hạ: Đều là tên quan ba sảnh, để tham dự bàn luận chính sự trong triều. Đó là chức Tể tướng thứ hai.

Tuyên Huy sứ: Chức này đặt từ đời nhà Đường, có nam viện và bắc viện, các viện đều có chánh sứ và phó sứ, quản lĩnh hết những việc tế trời đất, việc triều hội và yến hưởng; chức này rất trọng đại. Đến nhà Tống, thường dùng quan xu mật kiêm lĩnh, chỉ để đãi những bậc huân cựu đại thần mà đã thôi làm việc chính phủ; do đó, nhiệm vụ chức này đã có phần hơi nhẹ. Nhà Trần đặt chức này, không biết phỏng theo đời nào.

Truy khai quan tước cho Quốc Phụ Thượng Tể Huệ Vũ vương Quốc Trấn.

Trước kia, Quốc Trấn vì việc Trần Phẫu vu cáo, bị giết, đoạt mất cả quan tước[3]; đến nay, mới cho truy phục lại.

Tháng 8, mùa thu. Đặt hai mươi đô Phong đoàn ở các lộ.

Bấy giờ dân gian bị đói, phần nhiều nổi lên làm giặc cướp, nên đặt quân đoàn để đi bắt.

An táng Hiến Tông ở An Lăng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Sau khi thiên tử mất, bảy tháng thì làm lễ an táng. Hiến Tông mất đã bốn năm, đến nay mới táng, mà trong triều không nghe thấy ai đem tang lễ ra tranh luận cả!

Lời chua - An Lăng: Ở phủ Kiến Xương.

Dân bị nạn đói.

Bấy giờ, mấy năm mất mùa, đói kém luôn, nhân dân phần nhiều đi làm thày chùa và làm gia nô cho các thế gia.

Ất Dậu, năm thứ 5 (1345). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 5).

Tháng 3, mùa xuân. Thi thái học sinh.

Phép thi: viết ám tả cổ văn và làm bài kinh nghĩa, thơ phú.

Lời cẩn án - Phép thi nhà Trần có bốn kỳ[4], đây không nói đến kỳ thi văn sách, hoặc bấy giờ đổi lại hay là Sử cũ bỏ sót, sẽ đợi khảo sau.

Tháng 5, mùa hạ. Đại hạn.

---

[1] Xem thêm Chính biên, quyển IX, tờ 22.

[2] Trong sách Cương mục này chỉ chép "Đăng viên kiểm pháp quan" nhưng theo Toàn thư và mục "Quan chức chí" trong Lịch triều hiến chương đều chép "Đăng văn viện kiểm pháp quan", nên chúng tôi theo hai bộ sách dưới mà dịch là "Viện Đăng Văn".

[3] Xem Chính biên, quyển IX, tờ 25-26.

[4] Nguyên văn là "tứ trường".

Đại hạn từ tháng 4 đến mãi tháng 5. Nhà vua xuống chiếu xét lại tội các tù phạm, giảm nhẹ tội cho những người can phạm tội thường.

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Nhà Nguyên sai Vương Sĩ Hành sang hỏi địa giới cột đồng ngày trước. Nhà vua sai Phạm Sư Mạnh sang Nguyên biện bạch việc này.

Lời chua - Cột đồng: Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb. II, 12-14).

Phạm Sư Mạnh: Người huyện Giáp Sơn, tỉnh Hải Dương.

Bính Tuất, năm thứ 6 (1346). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 6).

Ngày mồng một, tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Sai sứ sang Chiêm Thành.

Chiêm Thành từ khi Bố Để tự lập làm chúa, không sang triều cống. Nhà vua sai Phạm Nguyên Hằng sang hỏi, bấy giờ Chiêm Thành lại sang cống, lễ vật rất là đơn bạc.

Tháng 5, mùa hạ. Nước Ai Lao cướp ngoài biên giới. Nhà vua sai Bảo Uy vương là Hoàn đi đánh, phá tan được quân ấy.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng Phạm Sư Mạnh giữ Bạ thư kiêm chức Xu mật tham chính.

Đinh Hợi, năm thứ 7 (1347). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 7).

Ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 6, mùa hạ. Bảo Uy vương là Hoàn có tội; truất ra làm Phiêu Kỵ tướng quân ở Diễn Châu, rồi sai người giết đi.

Trước đây, thuyền buôn người nhà Tống sang, dâng một tấm vải "hỏa cán"[1], nhưng vẫn để dành làm của quý: sau đem may áo cho vua, nhưng vì hơi ngắn, nên xếp để ở kho nội phủ. Hoàn tư túi với cung nhân lấy trộm. Một hôm, Hoàn vào chầu, tâu việc ở trước mặt vua, cửa tay áo bị hở ra; Thượng hoàng trông thấy, lấy làm nghi, sai kiểm lại xem, quả nhiên cái áo cất khi trước đã mất rồi. Cung nhân lẻn ra đem áo ấy về dâng nộp. Thượng hoàng giận lắm, truất Hoàn ra ngoài biên trấn. Khi Hoàn đi đến sông Trinh Nữ, Thượng hoàng sai vũ sĩ chở chiếc thuyền nhỏ đuổi theo, giết đi.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tb. IV, 20).

Sông Trinh Nữ: Tức sông Vạn Nữ xưa, bây giờ ở địa giới huyện An Mô, tỉnh Ninh Bình.

Mậu Tý, năm thứ 8 (1348). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Đỗ Tử Bình làm thị giảng[2].

Tử Bình trước giữ chức ngự tiền học sinh, nay được bổ dụng chức này.

---

[1] Thứ vải chịu được lửa. Có nhiều thuyết:

- Vải hỏa cán lúc giặt phải dùng bằng lửa, khi ở trong lửa đem ra giũ đi, trông óng ánh như tuyết (Liệt Tử);
- Một thứ lá cây hoặc vỏ cây bị "lửa thiên nhiên" thiêu, nhưng không nát, người ta lấy lá ấy hoặc bóc lấy vỏ ấy ngâm đi dệt thành vải cũng có thể giặt bằng lửa được (Bão Phác Tử);
- Dệt bằng lông con Hoả thử (Chuột lửa) (Thập Châu Ký).
- Dệt bằng một thứ nhung đá ở núi Biệt Khiết Xích (Thú vật đi danh sớ).

[2] Một chức quan làm việc trong Viện Hàn lâm, có nhiệm vụ soạn thảo những chiếu, chế, cáo, chỉ của nhà vua.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Nước đến khi sắp mất, tất nhiên trời sinh ra một người để mà phá hoại. Việc Tử Bình được tiến cử, là lúc mối hấn khích ở biên giới Nhật Nam đã chớm nảy nở, cái nguy cơ tai họa của Duệ Tông đã ngấm ngầm phục sẵn1, mà từ đó, dần dần gây ra mối suy sụp cho cơ nghiệp nhà Trần.

Lời chua - Tử Bình: Chưa rõ người ở đâu. Sách An Nam chí của Cao Hùng Trưng nhà Minh chép: "Ở huyện Cổ Lan có vườn Tử Bình, trong vườn có mai, trúc, khe suối và hồ ao, là một chỗ thắng cảnh trong huyện để du thưởng". Như thế có lẽ Tử Bình là người huyện Cổ Lan? Huyện Cổ Lan tức là Đông Quan, nay thuộc tỉnh Nam Định[2].

Tháng 5, mùa hạ. Đại hạn.

Tháng 7, mùa thu. Nước to.

Kỷ Sửu năm thứ 9 (1349). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 9).

Tháng 5, mùa hạ. Nước Qua Oa sang cống.

Nước Qua Oa đem vật phẩm địa phương sang cống và dâng chim anh vũ biết nói.

Lời chua - Qua Oa: Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

Tháng 10, mùa đông. Lập Trần Thị làm hoàng hậu.

Hậu là con gái Huệ Túc vương Đại Niên, nay lập thành Nghi Thánh hoàng hậu.

Ngày mồng một, tháng 11. Nhật thực.

Bắt đâu đặt chức Sát Hải sứ và Bình Hải quân ở Vân Đồn.

Trước kia, về thời nhà Lý, thuyền buôn của các nước ngoài đến nước ta, đều đi từ các cửa biển Diễn Châu đi vào; đến nay, lòng sông cạn, thuyền buôn dời đến tụ tập ở hải trang[3] Vân Đồn. Lúc ấy có nhiều người mò trộm ngọc trai bán cho thuyền buôn, vì thế đặt quan quân để trấn thủ địa phương này.

Lời chua - Vân Đồn: Tên trang, một địa điểm sản sinh ngọc trai. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

[1] Xem thêm Chính biên quyển X, tờ 39-41, việc chúa Chiêm Thành dâng 10 mâm vàng, Đỗ Tử Bình ăn chặn, trẩm đi, lại tâu với Trần Duệ Tông là chúa Chiêm Thành ngạo mạn. Duệ Tông tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành bị tử trận.

[2] Nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[3] Tên gọi những nơi có phố xá buôn bán. Phẩm vật tập trung ở trang rồi mới tiêu thụ đi nơi khác.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ X

Từ Canh Dần, Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 10 (1350) đến Quý Hợi, Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 7 (1383), gồm 34 năm.

⎈

Canh Dần, năm [Thiệu Phong] thứ 10 (1350). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Người nhà Nguyên là Đinh Bàng Đức sang quy phụ nước ta.

Khi bấy giờ, nước Nguyên loạn, bốn phương giặc cướp như ong, các quan lại không thể chế trị được. Có người phường trò, tên là Đinh Bàng Đức, đem cả gia quyến sang quy phụ ta, được nhà vua dung nạp. Nước ta có trò leo dây bắt đầu từ đấy.

Tân Mão, năm thứ 11 (1351). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Châu Thái Nguyên và lộ Lạng Giang giặc cướp nổi dậy. Dẹp yên ngay.

Lời chua - Châu Thái Nguyên: Bây giờ là tỉnh Thái Nguyên.

Lộ Lạng Giang: Bây giờ là tỉnh Lạng Sơn. Cả hai, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19-20, 31-32).

Ngày mồng một, tháng năm, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Dùng Trương Hán Siêu làm Tham tri chính sự.

Làng Thiên Cương có người con gái hóa ra con trai.

Lời chua - Thiên Cương: Tên làng (hương), thuộc Nghệ An.

Tên Trâu Canh có tội, được tha, không trừng trị.

Trâu Canh, là con trai Trâu Tôn, người nhà Nguyên. Khoảng năm Nguyên Phong (1251-1257), quân Nguyên vào lấn cướp, Trâu Tôn đi tòng quân sang nước ta. Khi giặc Nguyên thua, Tôn bị bắt. Vì biết nghề làm thuốc, Tôn được tha. Trâu Canh nối nghiệp cha, cũng do nghề làm thuốc mà nổi tiếng. Khi nhà vua mới lên bốn tuổi, đêm tết Trung thu, đi thuyền chơi Hồ Tây, bị ngã xuống nước, người ta vớt được ở chỗ bờ đập chắn nước để đơm cá thì đã gần tắt hơi. Thượng hoàng sai Trâu Canh chữa thuốc. Trâu Canh nói rằng dùng lối châm cứu thì sống lại được, nhưng chỉ sợ liệt dương thôi. Châm cứu rồi, quả nhiên như thế. Từ đó người ta khen Trâu Canh là tay thày thuốc thần diệu. Canh được thăng dần lên tước quan phục hầu, kiêm Thái y sứ. Đến khi nhà vua đã lớn, Canh lại dâng bài thuốc thì chứng liệt dương liền khỏi. Canh càng được nhà vua cưng chiều đặc biệt, cho ngày đêm được hầu thuốc thang ở trong cung. Canh, do đó, tư thông với cung nữ. Việc bị phát giác. Thượng hoàng muốn khép Canh vào tội tử hình, nhưng nhà vua cho Canh là người có công, nên tha tội cho.

Dùng Nguyễn Trung Ngạn làm Nhập Nội Hành Khiển, vẫn cứ giữ việc Xu mật viện.

Tháng 11, mùa đông. Điểm duyệt cấm quân ở điện Thiên An.

Nhà vua ngự ở điện Thiên An để duyệt cấm quân, cho Nguyễn Trung Ngạn mặc áo chiến bào, đội khăn quan võ, đeo cái nghiên thành gỗ vuông bốn cạnh và thếp vàng (lăng kim nghiễn), đi duyệt binh, nhặt xét kẻ hơn, người kém.

Lời chua - Cái nghiên...: Làm bằng mảnh gỗ vuông bốn cạnh và thếp vàng, nên gọi là "lăng kim nghiễn"; đeo vào đai lưng, để tiện việc ghi chép.

Nhâm Thìn, năm thứ mười hai (1352). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 12).

Tháng 3, mùa xuân. Người Chiêm Thành là Chế Mỗ chạy sang ta.

Trước kia, vua Chiêm Thành là Chế A Nan khi còn sống, con là Chế Mỗ làm bố điền[1], con rễ là Trà Hoà Bố Để làm bố đề[2], hễ Bố Để nói câu gì hoặc bàn kế gì, chúa Chiêm cũng đều nghe theo. Khi nào Chế Mỗ phải quở trách, Bố Để lại liệu bài gỡ cho. Bề ngoài Bố Để làm ra thân thiết với Chế Mỗ, nhưng bề trong thì ngầm gây bè đảng, mua chuộc người trong nước, thế mà Chế Mỗ vẫn không biết. Kịp lúc A Nam mất rồi, người trong nước không theo Chế Mỗ. Bố Để mới đuổi Chế Mỗ mà tự lập làm vua. Đến đây Chế Mỗ chạy sang ta, dâng một con ngựa bạch, một con voi trắng, một con kiến càng khổng lồ, dài một thước chín tấc[3] và các đồ sản vật địa phương, cầu xin dung nạp.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức là Lâm ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Bố Điền: Nghĩa là Đại vương.

Bố Đề: Nghĩa là tể tướng.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Nước lên to, vỡ đê Bát, Khối, lúa má bị ngập; Khoái Châu, Hồng Châu và phủ Thuận An bị thiệt hại hơn cả.

Lời chua - Bát: Bát Tràng; Khối: Thổ Khối, tên hai xã, bây giờ thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Khoái Châu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Hồng Châu: Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 32).

Thuận An: Tên phủ, bây giờ là Thuận Thành, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Quý Tị, năm thứ 13 (1353). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ chiếu cho các vương hầu chế tạo chiến cụ, rèn luyện quân sĩ.

Dùng Cung Định vương Phủ làm Hữu Tướng quốc.

Tháng 6, mùa hạ. Dùng quân đội đưa Chế Mỗ về nước Chiêm Thành, không được, phải rút về.

Trước kia, Hưng Hiếu vương vào trấn giữ Hóa Châu, Chế Mỗ mất ngôi vua, chạy sang nước ta, lâu mãi chưa xin được đưa về để lấy lại quyền vị, nhân đó mới kể cho Tước Tê nghe một câu chuyện cổ tích Chiêm Thành: "Xưa có một vua, nuôi một con khỉ lớn, rất yêu thích nó, muốn dạy cho nó học nói, bèn tìm khắp lấy người khéo nuôi dạy nó thì cho muôn nén vàng. Có một người tình nguyện xin nuôi dạy con khỉ ấy. Nhà vua lấy làm mừng. Người kia nói: Mỗi tháng phí tổn tiền thuốc đến trăm nén vàng, trong ba năm mới có công hiệu. Vua theo như lời. Người này có lẽ có ý cho rằng ông vua với mình và con khỉ kia, trong vòng ba năm chắc có một sẽ chết, nhưng hắn hãy được hưởng số vàng của vua mà chẳng lo công việc có thành hay không nữa. Chế Mỗ tới nay theo về với chúa thượng là thực bởi Hưng Hiếu vương chủ trương đấy; vậy mà tháng lại ngày qua, nay lần mai lữa, chưa biết bao giờ được về! Ấy, việc này

---

[1] Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

[2] -nt-

[3] Thước cổ.

cũng chẳng khác gì câu truyện cổ tích kia". Bấy giờ nhà vua mới sai đưa Chế Mỗ về nước. Bộ binh đến Cổ Lũy, thủy quân tải lương không kịp, bèn trở về. Chế Mỗ ở lại nước ta, chưa được bao lâu thì chết.

Lời chua - Tước Tê: Họ và tên người. Tước Tê là một bầy tôi hạ cấp của Trần Minh Tông, vẫn hay đi lại với Chế Mỗ.

Cổ Lũy: Xưa là địa phận quận Nhật Nam; từ đời Đường trở về sau là đất Chiêm Thành; nhà nhuận Hồ[1] lấy đất ấy đặt làm châu Tư và châu Nghĩa; nhà Lê hợp lại làm một, gọi là phủ Tư Nghĩa; bây giờ là tỉnh Quảng Ngãi.

Hóa Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I, 28).

Dùng Cung Tĩnh Vương Nguyên Trác làm tả tướng quốc.

Tháng 9, mùa thu. Nước Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu. Quan quân đi đánh, bất lợi. Nhà vua sai Trương Hán Siêu quản lĩnh quân đội, trấn giữ Hóa Châu.

Vua nước Chiêm là Bố Để thấy việc đưa Chế Mỗ về không thành, lại càng kiêu rông ngang ngạnh, liền vào lấn cướp đất Hóa Châu. Quan quân đi đánh, bất lợi. Nhà vua vời Hán Siêu để bàn mưu. Hán Siêu thưa rằng: "Vì không nghe lời tôi nói, nên đến nỗi thế". Bấy giờ vua mới sai Hán Siêu quản lĩnh các quân Thần Sách, đi trấn thủ Hóa Châu.

Lời cẩn án - Về việc đối với Chiêm Thành, Hán Siêu mưu tính thế nào, Sử bỏ không chép, nay không thể khảo được.

Giáp Ngọ, năm thứ 14 (1354). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 14).

Ngày mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Ở Lạng Châu và Nam Sách, giặc cướp nổi dậy.

Năm bấy giờ đói kém. Dân gian khổ về giặc cướp. Có kẻ tên là Tề, tự xưng là cháu ngoại Hưng Đạo đại vương, tụ họp những kẻ đi trốn trong số các gia nô của các nhà vương hầu, nổi lên làm giặc cướp, cướp bóc các vùng Lạng Giang và Nam Sách

Lời chua - Lạng Châu: Bây giờ là tỉnh Lạng Sơn. Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Nam Sách tức là Nam Sách. Xem ngang đời nhà Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Tháng 9, mùa thu. Có nạn sâu cắn lúa. Xuống chiếu xá một nửa thuế ruộng.

Tháng 11, mùa đông. Có con hổ đen xuất hiện ở trong thành.

Tham tri chính sự Trương Hán Siêu mất.

Hán Siêu là người chính trực, hay bài bác dị đoan, có tài làm văn. Nhà vua chỉ gọi ông là thày, chứ không gọi tên. Nhưng ông hay khinh bỉ các bạn đồng liệt[2], không chịu giao du, chỉ chơi với bọn trung quan[3] và y quan[4], đều là những kẻ không phải đồng điệu với mình. Tông chính Thái Khanh Lê Cư Nhân thường gọi ông là "thôn cầu cước"[5], ý nói người thôn quê đá cầu không trúng mấy, để ví với Hán Siêu liệu tính công việc có nhiều điều không thích đáng. Do chức tham tri chính sự, ông vào trấn ở Hóa Châu:

---

[1] Cũng như nguỵ Hồ hoặc nghịch Hồ (chỉ cha con Hồ Quý Ly). Nhà Hồ không được kể là chính thống, theo quan điểm sử gia phong kiến.

[2] Những người làm quan cùng hàng với mình.

[3] Chỉ các hoạn quan.

[4] Những thày thuốc làm việc ở tòa Thái y.

[5] Chân đá cầu "nhà quê" (dịch theo giọng của Lê Cư Nhân).

nơi biên giới lại được yên ổn. Đến đây, ông xin về, nhà vua y cho. Chưa đến kinh đô, ông mất, được tặng phong Thái Bảo.

Ất Mùi, năm thứ 15 (1355). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Núi Kính Chủ lở.

Lời chua - Kính Chủ: Xưa gọi là Thánh Chúa, ở xã Kính Chủ, huyện Giáp Sơn, tỉnh Hải Dương.

Động đất.

Tháng 3. Hạn hán đến mãi tháng 6, mùa hạ.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Tháng 9. Sét đánh cổng Triều Nguyên và cửa nách hai bên tả, hữu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Tháng 8 đã là mùa không có sấm, thế mà ở đây tháng 9 hãy còn sét đánh, và sét đánh có phải một chỗ đâu, thực là một sự lạ lắm! Trần Dụ Tông lên ngôi đến đây mới 15 năm, đã sáu lần nhật thực, ba lần thủy tai, ba lần hạn hán, một lần sâu cắn lúa, lại luôn năm mất mùa đói kém. Đến đây, từ mùa xuân đến mùa thu, nào là núi lở, nào đất động, không tháng nào không có tai biến! Ý chừng lòng trời phạt tội đại ác đại dâm, răn mầm biếng nhác chính sự. Thế mà trong đám cha con vua tôi vẫn cứ nhơn nhơn không hề lo âu: kẻ trên thì không chịu thật lòng xét mình, kẻ dưới thì không có mưu chước gì để cứu đời giúp nước; coi thường điềm trời mà không biết sợ, khinh bỏ việc người mà không lo toan! Qua năm sau, Trần Minh Tông mất, Dụ Tông rông rỡ chơi bời; giặc cướp từng đàn nổi lên, xui nên vận hội không thịnh đạt nữa, rồi ngôi báu nhà Trần suýt mất vào tay phường trò họ Dương! Đạo trời nào có xa đâu?

Lời chua - Cổng Triều Nguyên: Tức là cổng chòi ở trước điện Thiên An.

Dùng Nguyễn Trung Ngạn làm nhập nội hành khiển thượng thư hữu bật, kiêm tri Xu Mật viện sự, sung Kinh Diên đại học sĩ trụ quốc khai huyện bá.

Trung Ngạn giữ chức trọng yếu, bảo toàn được tiếng tốt, nhưng tính hay khoe khoang, có làm bài thơ đại ý nói: Giới Hiên[1] tiên sinh là bậc có tài tể phụ, tuổi trẻ đã có chí khí hăng hái như con cọp non nhăm nhăm chực nuốt tươi trâu. Mười hai tuổi đỗ thái học sinh; mười sáu tuổi vào thi đình; hai mươi bốn tuổi làm quan đài gián giữ việc can ngăn vua, hai mươi sáu tuổi đi sứ Yên Kinh[2]. Đến đây, Trung Ngạn được cất lên giữ chức trong chính phủ; khi mất, 82 tuổi, có Giới Hiên thi tập lưu hành ở đời.

Lời cẩn án - Trung Ngạn là bậc đại thần, theo thể lệ của Cương mục (Trung Quốc), thì lúc mất, được chép vào sử, nhưng Sử cũ bỏ sót không chép, mà nay không biết rõ Trung Ngạn chết vào bao giờ, vậy xin chép phụ vào đây.

Bính Thân, năm thứ 16 (1356). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 16).

Tháng 3, mùa xuân. Hai mặt trời rập rờn nhau.

Nhà vua rước Thượng hoàng đi tuần nơi biên giới, đến Nghệ An. Tháng 5, mùa hạ, trở về cung.

Tháng 8, mùa thu. Thượng hoàng se mình.

Thượng hoàng đến chơi đền Huệ Vũ Vương Quốc Trấn; lúc trở về, có con ong vàng đốt phải má bên tả, do đó nằm bệnh.

Lời chua - Đền Quốc Trấn: Ở núi Kiệt Đặc, huyện Chí Linh[3] bây giờ vẫn còn.

---

[1] Tên tự của Nguyễn Trung Ngạn.

[2] Tức Bắc Kinh Trung Quốc ngày nay.

[3] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Đinh Dậu, năm thứ 17 (1357). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 17).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng mất.

Trước kia, Thượng hoàng là con vợ thứ lên nối ngôi, rồi người đích mẫu là Bảo Từ thái hậu sinh được người con trai, Thượng hoàng hớn hở, có ý muốn trả lại ngôi vua cho con của đích mẫu. Khi bấy giờ Anh Tông vắng mặt vì đang đi tuần ở nơi biên giới, gặp ngày đầy tuổi tôi của người con đích mẫu ấy, Thượng hoàng sai làm theo lễ đầy năm của thái tử, các quan lấy làm khó nghĩ. Thượng hoàng nói rằng: "Cứ phải lẽ mà làm, việc gì mà khó nghĩ?". Được một năm nữa, người con đích mẫu ấy chết, Thượng hoàng thương tiếc một cách quá đặc biệt.

Thượng hoàng thường dạy các hoàng tử rằng: "Ai mà trì khu làm giàu, co cỏm bỏn sẻn, thì không phải là con ta. Thà rằng hào phóng mà phải nghèo, dẫu không khỏi túng thiếu đấy thật, nhưng vẫn không phi tiếng là con nhà sang".

Thượng hoàng lại thường nói: "Ông vua dùng người, không phải có thiên vị với ai đâu. Nếu ta thực là người hiền, thì những người mình dùng được cũng hiền; ấy như Nghêu, Thuấn với Tắc, Tiết, Quỳ, Long đấy. Nếu như không phải là người hiền, thì những người mình dùng cũng không phải là hiền; ấy như Kiệt, Trụ với Phi Liêm, Ác Lai đấy. Đó là cái lẽ thanh ứng khí cầu, loài nào đi thứ ấy, chứ có tây vị ai được đâu?".

Khi ngài se mình, có người xin dâng thuốc và cầu cúng, Thượng hoàng đều từ chối cả. Nhân bấy giờ các hoàng tử đang ngồi hầu ở bên, ngài phán bảo: "Cứ xem việc làm của cổ nhân, điều hay thì bắt chước, điều dở thì tránh xa, chứ cần gì phải phiền cha phải dạy bảo?". Khi bệnh kịch, ngài sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem bản thảo những thơ ngự chế đốt đi. Dân Vọng còn chần chừ. Ngài dụ bảo rằng: "Các vật đáng tiếc còn không tiếc được thay, huống chi những thơ ấy còn tiếc làm gì!".

Thượng hoàng mất ở cung Bảo Nguyên. Tên thụy là Chương Nghêu Văn Triết hoàng đế, miếu hiệu là Minh Tông, ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, thọ 58 tuổi.

> **Lời phê -** Thiên lệch một chiều[1].
>
> **Lời bàn của Phan Phu Tiên -** Minh Tông có tư chất nhân hậu, nối nghiệp thái bình, không thay đổi phép tắc của ông cha đã định. Khi bấy giờ có người học trò dâng sớ nói rằng: "Dân gian nhiều kẻ du thủ du thực, đến tuổi già vẫn không có tên trong sổ hộ, mà lại không đóng góp phú thuế và sưu dịch". Ngài bảo: "Nếu không như thế thì sao gọi là cảnh đời thái bình? Nhà ngươi lại muốn ta bắt chúng nó làm nên trò trống gì nữa!". Triều thần là Lê Bá Quát và Phạm Sư Mạnh đều muốn thay đổi chế độ. Ngài nói: "Nước nhà đã có nền nếp sẵn rồi, nếu nghe mưu kế muốn cho lời mình được đắt của bạch diện thư sinh2 kia thì sẽ sinh rối ren đấy!". Có điều đáng tiếc là ngài nghe lời gian nịnh của Trần Khắc Chung mà giết Quốc Trấn: đó là một điều làm vấp cho trí thông minh của ngài.

Tháng 4, mùa hạ. Phong anh là Thiên Trạch làm Cung Tín vương.

Đào sông ở Nghệ An và Thanh Hóa.

> **Lời chua -** Nghệ An, Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-23).

Tháng 9, mùa thu. Tôn Huệ Từ thái hậu làm thái hoàng thái hậu.

> **Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ -** Huệ Từ là mẹ Dụ Tông. Tôn mẹ làm thái hoàng thái hậu, ấy là điển lễ ở đâu? Không biết kê cứu lễ xưa đến thế là cùng! Vậy mà các nho thần ở triều đình bấy giờ không có một ai nói đến, là cớ sao?

Tháng 11, mùa đông. Táng [Minh Tông] ở Mục lăng.

---

[1] Chỉ việc Trần Minh Tông khuyên các con không nên trì khu làm giàu.

[2] Chỉ Lê Bá Quát và Phạm Sư Mạnh. Vì không những Trần Minh Tông đã gọi họ là "bạch diện thư sinh", mà đến sau đây, Trần Nghệ Tông cũng gọi bọn làm quan ở khoảng niên hiệu Đại Trị (1358-1369) là "bạch diện thư sinh" (Toàn thư VII, 33).

Lời chua - Mục lăng: Ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều[1].

Đói lớn.

Liền mấy năm nay, luôn bị mất mùa, đói kém, một thưng gạo trị giá một tiền.

Mậu Tuất, năm Đại Trị thứ 1 (1358). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tặng Huệ Vũ vương Quốc Trấn làm đại vương.

Tháng 3. Hạn hán đến mãi tháng 7, mùa thu.

Tháng 8. Hạ chiếu cho nhà giàu các lộ bỏ thóc ra phát chẩn cho dân nghèo.

Luôn năm đói kém, lắm người nghèo túng. Nhà vua hạ chiếu cho các quan sở tại khuyên những nhà giàu phát thóc ra để chẩn cấp cho dân, nhưng vẫn trị giá mà trả tiền.

Dùng Phạm Sư Mạnh làm nhập nội Hành khiển, giữ việc viện Xu Mật.

Ngô Bệ lại tụ họp quân gia làm phản.

Ngô Bệ, sau khi tan tác trốn tránh, lại thu lượm những quân còn sót lại, tụ tập ở núi Yên Phụ, kéo lá cờ lớn ở trên núi, tiếm xưng ngụy hiệu, yết bảng rằng để "cứu tế dân nghèo"[2]. Từ xã Thiên Liêu đến huyện Chí Linh, Bệ đều chiếm giữ được cả.

Lời chua - Núi Yên Phụ: Xem Thiệu Phong năm thứ 4 (Chb. IX, 43).

Thiên Liêu: Tên xã.

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Tháng 11, mùa đông. Hạ chiếu cho An Phủ sứ các lộ đem Phong Đoàn quân đi càn bắt giặc cướp.

Kỷ Hợi, năm thứ 2 (1359). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Khi bấy giờ, nhà Nguyên đang loạn. Thái Tổ nhà Minh khởi binh ở Trừ Châu, rồi chiếm giữ cả đất Kim Lăng, bọn Trần Hữu Lượng và Trương Sĩ Thành cũng đều dấy binh nổi loạn, đánh phá tranh giành lẫn nhau, được thua chưa ngã ngũ. Nhà vua sai Lê Kính Phu sang bên Nguyên, chừng có ý để thăm dò hư thực.

Tháng 4, mùa hạ. Huy Tư hoàng thái phi mất. Truy tôn là Chiêu Từ hoàng thái hậu.

Lời cẩn án - Bà Huy Tư là mẹ đẻ vua Minh Tông; đến đây, vẫn còn gọi là thái phi, đến lúc mất chỉ được tôn làm hoàng thái hậu! Nhà Trần làm việc phần nhiều trái lễ đại loại như thế, hay là Sử cũ sơ sót chăng, đợi sẽ khảo sau.

Tháng 7, mùa thu. Cho Đỗ Tử Bình giữ việc viện Xu Mật.

Tháng 8. Mưa to, nước ngập.

Luôn nhiều ngày mưa to, nước đầy, tràn ngập, làm trôi cả cửa nhà của cư dân, lúa má đều ngập mất.

Canh Tí, năm thứ 3 (1360). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Đúc tiền "Đại Trị thông bảo".

Tháng 3, Ngô Bệ bị giết.

---

[1] Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[2] Nguyên văn là: Yết bảng viết "chẩn cứu bần dân".

Quan quân lùng bắt Ngô Bệ ở núi Yên Phụ. Ngô Bệ trốn chạy, muốn về kinh đô để ra thú, nhưng bị quan quân bắt được luôn với đồ đảng Bệ 30 người, đều bị đóng cũi giải về kinh, chém chết cả.

Ngày mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Tháng 12, mùa đông. Sai cấm quân đi tuần, lùng bắt những giặc cướp ở các lộ.

Nhà vua hạ chiếu: phàm gia nô các nhà vương, hầu và công chúa đều phải có thích chữ ở trán theo "phẩm hàm" của mình[1] và phải kê khai vào sổ hộ tịch. Nếu ai không thích chữ và khai sổ thì là hạng trộm cướp. Hễ bắt được, kẻ lớn thì trị tội; người bé thì sung công. Đó là vì cớ gia nô các nhà vương, hầu và công chúa bấy giờ phần nhiều trốn đi làm giặc cướp.

Lời chua - Theo chế độ nhà Trần, phàm hạng gia nô sau đây đều có chữ thích vào trán: Thích chữ "Quan trung khách", ấy là gia nô các nhà quan; thích chữ "Toạ thượng nô", ấy là người hầu cận của nhà vua; còn thì không thích chữ gì cả.

Tân Sửu, năm thứ 4 (1361). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao chổi mọc ở phương đông bắc.

Nhà vua lánh, không ngự ở toà Chính Điện[2].

Tháng 3. Chiêm Thành vào cướp phủ Lâm Bình. Quan quân đánh bại được địch.

Chiêm Thành vượt biển đến lấn cướp cửa Dĩ Lý phủ Lâm Bình. Quan quân đi đánh, địch thua chạy. Triều đình dùng Phạm A Song làm tri phủ Lâm Bình để trấn giữ đất ấy.

Lời chua - Lâm Bình: Tức là Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Cửa biển Di Lý: Bây giờ là xã Lý Hoà, huyện Bố Trạch[3].

Nhâm Dần, năm thứ 5 (1362). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Ra lệnh bảo các nhà vương, hầu và công chúa cho diễn các trò tạp hí để dâng vua coi.

Hồi đầu niên hiệu Thiệu Bảo (1279-1284), quan quân đánh phá quân Nguyên, bắt được vai kép Lý Nguyên Cát là người ca hay, hát giỏi. Rồi những nữ tì ít tuổi ở các nhà quyền quý đua nhau học hát theo lối Bắc (Trung Quốc). Nguyên Cát làm trò cổ tích, có những tích như "Tây vương mẫu dâng bàn đào", v.v... Khi diễn có đến 12 người đóng các vai. Ai nấy đều mặc bào gấm, áo thêu, kẻ đánh trống, người thổi kèn, thay đổi nhau mà tấu khúc. Người xem, lúc vui mừng, lúc thương buồn, cảm động tùy theo từng quãng trong truyện cổ tích. Nước ta có lối trò cổ tích bắt đầu từ đấy. Đến đây, nhà vua bảo các vương hầu cho làm trò để dâng vua xem, rồi nhà vua nhận định đám nào biểu diễn trội hơn thì ban thưởng.

Nhà vua lại chiêu tập những nhà giàu trong nước, như người làng Đình Bảng ở Bắc Giang[4], người Nga Đình ở Quốc Oai[5], vào cung đánh bạc, mỗi tiếng bạc ăn thua đến 300 quan tiền.

Lại sai các tư nô ra khai khẩn ở bờ bên bắc sông Tô Lịch, để trồng hành, tỏi và các thứ rau; gọi chỗ phường ấy là "Toán viên" (vườn Tỏi)[1].

---

[1] Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

[2] Tỏ ý khiêm tốn khi gặp điềm gở là có sao chổi.

[3] Thuộc tỉnh Quảng Bình.

[4] Nay là xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.

[5] Xem Lời chua của Cương mục.

Nhà vua còn sai làm quạt để bán cho dân nữa.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Trần Minh Tông đã từng răn con về sự bủn xỉn làm giàu, thế mà Trần Dụ Tông công nhiên gá bạc để vét tiền, bán rau để kiếm lợi, một mai cơ đồ về tay con người phường trò họ Dương thì số tiền Đình Bảng, Nga Đình thua bạc và món lời vườn rau, quạt giấy bán đắt kia phỏng có làm gì!

Lời chua - Bắc Giang: Tức là Kinh Bắc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18-19, 28-29).

Quốc Oai: Tên phủ, bây giờ thuộc tỉnh Sơn Tây.

Đình Bảng, Nga Đình: Tên hai làng (hương); ở đấy nhiều nhà giàu.

Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31, 32).

Tháng 2, sao Chổi mọc ở phương bắc.

Tháng 5, mùa hạ. Sai Đỗ Tử Bình điểm duyệt quân đội ở Lâm Bình và Thuận Hóa, sửa đắp thành Hoá Châu.

Vì cớ người Chiêm Thành nhiều lần thường vào lấn cướp.

Tháng 5. Sét đánh điện Thiên An.

Tháng này (tháng 5) hạn hán đến mãi tháng 7, mùa thu. Lục xét các tù phạm. Mưa to. Xuống chiếu miễn một nửa thuế đinh, thuế điền năm nay.

Tháng 8. Dùng Phạm Sư Mạnh giữ việc viện Xu Mật.

Đói lớn. Nhà vua xuống chiếu cho các nhà giàu quyên thóc, phát chẩn cho dân nghèo, rồi ban cho phẩm tước có tầng bậc khác nhau.

Tháng 9. Phủ Thiên Trường có bệnh dịch. Nhà vua xuống chiếu bảo đem thuốc, tiền và gạo của nhà nước chẩn cấp cho dân nghèo.

Nhà vua về chơi phủ Thiên Trường, gặp khi dân gian có bệnh dịch, bèn xuống chiếu phát cho nhà nghèo mỗi người: thuốc hai viên, tiền hai tiền[2] và gạo hai thưng.

Tháng 10, mùa đông. Núi Thiên Kiện lở.

Lời chua - Núi Thiên Kiện: Có tên nữa là núi Địa Cận, ở xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nội bây giờ[3].

Tháng 12. Dùng Đỗ Tử Bình làm đồng tri Môn Hạ Bình Chương Sự.

Quý Mão, năm thứ 6 (1363). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 23).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển lựa dân đinh bổ sung vào quân đội các lộ.

Tháng 3. Thi nho sĩ và lại viên.

Thi nho sĩ lựa lấy những người giỏi văn nghệ để bổ vào nơi quán, các[4]. Thi lại viên kén lấy những người viết tốt và giỏi toán để sung vào làm thuộc lại ở các sảnh[1], các viện[2].

---

[1] Nay là phường Láng Thượng và phường Láng Hạ thuộc quận Đống Đa, Hà Nội, chuyên nghề trồng rau, trong đó có thứ húng Láng là nổi tiếng nhất.

[2] Đơn vị trong một quan tiền, mỗi quan gồm có mười tiền.

[3] Nay thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

[4] Theo "Quan chức chí" trong Lịch triều hiến chương, thì quán, các là những cơ quan trọng yếu của nhà nước phong kieến, như Lục Bộ (bộ Lại, bộ Binh, bộ Lễ, bộ Hình, bộ Công, bộ Hộ) và Tông Chính Phủ (tức là Tông Nhân phủ, trông coi công việc thuộc về hoàng tộc).

Tháng 10, mùa đông. Sửa sang vườn Hậu Uyển.

Đào hồ lớn ở vườn ngự nơi hậu cung, trong hồ chất đá làm núi, bên bờ hồ trồng thông, trúc và nhiều thứ cây khác, thêm vào đấy nào là cỏ lạ, nào hoa thơm, nào muông kỳ, nào chim quý. Bốn mặt khai sông cho nước thông vào, gọi hồ ấy là Lạc Thanh Trì. Về phía Tây hồ này trồng hai cây quế, dựng một tòa điện gọi là điện Lạc Thanh. Lại đào một cái hồ nhỏ khác, bắt người ở Hải Đông chở nước mặn chứa vào hồ ấy, để nuôi các hải sản như đồi mồi, cá biển và loại ba ba. Rồi bắt người Hoá Châu chở cá sấu thả vào đấy. Lại có hồ Thanh Ngư để nuôi cá thanh phụ[3]. Mọi thứ trên đây đều do chức khách đô được nhà vua đặt ra để coi giữ.

Lại làm dãy khách lang ở Tây Điện thẳng đến cửa Hoàng Phúc, dựng một dãy trường lang từ gác Nguyên Huyền thẳng đến cửa Đại Triều phía Tây. Nay xây cất, mai tu tạo, không lúc nào ngớt việc.

Lời chua - Thanh phụ: Cá giếc, đuôi đỏ, vảy biếc.

Giáp Thìn, năm thứ 7 (1364). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 24).

Tháng 5, mùa hạ. Nhà vua bị bệnh.

Nhà vua buông tuồng chơi bời vô độ. Tính nghiện rượu, thường với quan chính chưởng phụng ngự ở cung Vĩnh An là Bùi Khoan đến cùng uống rượu. Bùi Khoan dùng kế giả vờ uống hết trăm thưng rượu, được thưởng tước hai tư[4]. Nha vua nhân lúc quá say, ra sông tắm, do đấy bị bệnh; sai bọn Trâu Canh ngày đêm hầu hạ thuốc thang, dần lại lành mạnh.

Lời phê - Nghiện rượu, mê đàn hát, xa xỉ làm cung điện nguy nga và tường vách chạm trổ, lãng phí tiền của, hoang dâm chơi bời: món gì Dụ Tông cũng mắc! Cơ nghiệp nhà Trần sao khỏi suy được?

Tháng 8, mùa thu. Sắp xếp quân đội.

Tuyển lựa dân đinh lấy những người khoẻ mạnh, đặt làm ba hạng quân, sai sửa chiến cụ và chiến thuyền, để phòng ngừa hoạn nạn do ngoài biên giới gây ra.

Tháng 10, mùa đông. Cung Túc vương Nguyên Dục mất.

Ất Tị, năm thứ 8 (1365). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 25).

Tháng giêng, mùa xuân. Chiêm Thành cướp bắt dân Hoá Châu.

Tục ở Hóa Châu, hàng năm, cứ đến đầu xuân, mở hội nam nữ đánh đu ở đất Bà Dương. Người nước Chiêm Thành, từ tháng chạp năm trước, đã ngầm mai phục ở nơi đầu nguồn, rình lúc không ngờ, ập ra cướp bắt lấy người.

Tháng 11, mùa đông. Sai phòng ngự sứ ở Lạng Giang là Thiều Thốn quản lĩnh quân đội trấn thủ biên giới miền Bắc.

Khi bấy giờ, nhà Nguyên đang loạn, dân nơi biên giới náo động hoang mang, cho nên nhà vua sai Thiều Thốn đem các quân Sơn Lạo[5] ở Lạng Giang đi phòng giữ một cách nghiêm ngặt. Thiều Thốn khéo phủ dụ quân sĩ. Trong đám quân sĩ ai cũng vui lòng. Sau, vì có người em kiêu ngạo, kiệt hiệt, Thiều Thốn phải tội lây, bị cách chức. Trong đám quân sĩ vì Thiều Thốn mà đặt câu này: "Trời không thấu oan,

---

[1] Như Thượng thư sảnh, Môn Hạ sảnh (theo Lịch triều hiến chương).

[2] Như Nội Xu Mật viện, Hàn Lâm viện, Thẩm Hình viện, Quốc Sử viện, Quốc Tử giám, Thái Y viện và Thái Chúc viện (theo Lịch triều hiến chương).

[3] Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

[4] Cũng như một thứ điểm mà các triều đại phong kiến xưa dùng để ghi thưởng hay ghi phạt các quan lại. Khi thưởng thì ban cho một hay nhiều tư; khi phạt thì giáng xuống một hay nhiều tư. Rồi đến cuối khoá một hạn là ba hay sáu năm, bấy giờ mới tính cộng số tư thưởng hoặc trừ số tư phạt, còn lại bao nhiêu, sẽ căn cứ vào đó mà thăng hay giáng.

[5] Người Lạo ở miền núi.

ông Thiều mất quan!". Kịp khi Thiều Thốn sắm sửa hành trang để về, họ lại đặt ra câu này: "Ông Thiều ra về, lòng tôi tái tê!". Triều đình nghe biết việc ấy, lại cho Thiều Thốn khai phục quan chức. Họ lại có câu rằng: "Trời đã thấu oan, ông Thiều lại được làm quan". Không bao lâu, Thiều Thốn chết.

Lời chua - Thiều Thốn: Người làng Triệu Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bính Ngọ, năm thứ 9 (1366). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 26).

Tháng 3, mùa xuân. Chiêm Thành lại lấn cướp phủ Lâm Bình. Tri phủ là Phạm A Song đánh phá được địch. A Song được lên chức Đại Tri phủ Hành Quân Thủ Ngự sứ ở Lâm Bình.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà vua đến chơi làng (hương) Mễ Sở.

Nhà vua đi chiếc thuyền nhỏ, đêm đến chơi nhà riêng của thiếu uý Trần Ngô Lang, nửa đêm đi về, khi đến bãi Chử Gia, bị kẻ trộm lấy mất cả ấn báu và gươm báu. Tự biết là điềm chẳng lành, nhà vua lại càng buông thả ăn chơi dâm dật.

Lời chua - Làng Mễ Sở: Bây giờ thuộc huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên.

Bãi Chử Gia: Bây giờ là bãi Chử Xá, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh.

Đinh Mùi, năm thứ 10 (1367). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 27).

Tháng 12, mùa đông. Sai Trần Thế Hưng và Đỗ Tử bình đi đánh Chiêm Thành, bị thua.

Thế Hưng làm thống quân, Tử Bình làm phó, kéo quân đến Chiêm Động. Người Chiêm đặt quân mai phục, ập ra đánh: quan quân tan vỡ nặng nề. Thế Hưng bị giặc bắt; Tử Bình rút về.

Lời chua - Chiêm Động: Xưa là đất quận Nhật Nam; từ nhà Đường trở về sau là đất Chiêm Thành. Hồ Hán Thương lấy đất này, đặt làm châu Thăng và châu Hoa; nhà Lê hợp lại làm một, gọi là phủ Thăng Hoa, tức là phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam bây giờ.

Dùng Cung Định vương Phủ làm tả tướng quốc, gia phong đại vương.

Mậu Thân, năm thứ 11 (1368). (Minh, Thái tổ, năm Hồng Vũ thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao Chổi mọc ở phận sao Mão.

Tháng 2. Sứ Chiêm Thành đến.

Vua nước Chiêm Thành sai bầy tôi là Mục Bà Ma sang đòi đất cũ Hóa Châu.

Tháng 4, mùa hạ. Sứ nhà Minh sang ta. Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Minh.

Minh Thái Tổ đã đại định thiên hạ, lên ngôi vua ở Kim Lăng, sai tri phủ Hán Dương là Dịch Thế Dân đem tờ chiếu thư sang ta. Đại lược nói: "Chính sự nhà Nguyên không còn kỷ cương gì nữa. Thiên hạ nổi lên tranh giành đến 15 năm. Các nơi xa gần, do đấy, tin tức không thông. Bản triều[1] gây dựng cơ nghiệp đế vương ở Giang Tả[2], quét sạch các hùng trưởng, dẹp yên chốn hoa hạ, được quần thần và nhân dân suy tôn, đã lên làm chủ Trung Quốc. Vậy đâu đấy đều nên ở yên, đừng sinh sự gì để chung hưởng hạnh phúc thái bình". Nhà vua liền sai Lễ Bộ thị lang, Đào Văn Đích, sang Minh đáp lễ.

Tháng 11, mùa đông. Vời đạo sĩ Huyền Vân ở Chí Linh đến Kinh Đô.

Huyền Vân tu ở núi Yên Tử, huyện Chí Linh. Nhà vua cho vời đến triều đình, để hỏi về phép tu luyện, đặt tên cho chỗ đạo sĩ ở là động Huyền Thiên.

Lời chua - Chí Linh: Tên huyện. Xem Trần Nhân Tông năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

---

[1] Chỉ nhà Minh (1368-1662).

[2] Miền đấy từ Trường Giang trở về phía đông, tức là các xứ Giang Tô (Trung Quốc) ngày nay.

Núi Yên Tử: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Kỷ Dậu, năm thứ 12 (1369). (Tháng 6 trở về sau thuộc Dương Nhật Lễ, năm Đại Định thứ 1. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 2).

Ngày mồng một, tháng 5. Nhật thực.

Nhà vua mất. Tháng 6. Huệ Từ thái hậu lập Dương Nhật Lễ làm vua.

Trước kia, người phường trò, tên là Dương Khương, diễn tích Tây vương mẫu dâng quả bàn đào, vợ hắn đóng vai Tây vương mẫu. Cung Túc vương Nguyên Dục cảm nàng đẹp, lấy làm vợ. Khi ấy nàng đang có mang; rồi sinh ra Nhật Lễ. Nguyên Dục nhận làm con mình. Kịp khi Dụ Tông mất, không có con kế tự, có để di chiếu cho Nhật Lễ nối ngôi. Quần thần bàn rằng: "Cung Định vương Phủ là người rất hiền, nhưng anh không lẽ lại kế tự em". Thái hậu bảo quần thần: "Nguyên Dục là con trưởng ngành đích, không được làm vua, mà lại mất sớm[1]; vậy Nhật Lễ chẳng phải là con của Nguyên Dục dư?". Bèn đón lập Nhật Lễ. Nhật Lễ đã lên ngôi, truy tôn Nguyên Dục làm hoàng thái bá.

Tháng 8, mùa thu. Dương Nhật Lễ tôn bà Huệ Từ hoàng thái hậu làm Huệ Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu, bà Nghi Thánh hoàng hậu làm Huy Từ Tá Thánh hoàng thái hậu; lập con gái Cung Định vương Phủ làm hoàng hậu.

Tháng 11, mùa đông. Táng (Trần Dụ Tông) ở Phụ Lăng.

Trước đây, ta sai sứ sang thăm hỏi nhà Minh; nhà Minh sai bọn Hàn Lâm thị độc học sĩ Trương Dĩ Ninh và điển bạ Ngưu Lượng đem sắc phong sang với một quả ấn, nũm ấn đúc hình con lạc đà mạ vàng. Khi đến nơi, thì Trần Dụ Tông đã mất, Ngưu Lượng có làm thơ viếng rồi về.

Lời chua - Phụ Lăng: Ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều.

Dùng Cung Tĩnh vương Nguyên Trác làm Thượng Tướng quốc Thái Tể, Cung Định vương Phủ làm Thái sư tả tướng quốc và Cung Tuyên vương Cảnh làm Hữu Tướng quốc.

Tháng 12. Dương Nhật Lễ giết bà Huệ Từ Tuyên Thánh Thái hoàng thái hậu.

Khi Nhật Lễ đã lên ngôi rồi, bà Huệ Từ hoàng hậu thường hối hận rằng nó không phải là con Cung Túc vương. Nhật Lễ bèn ngầm đầu độc giết chết bà.

Bà Huệ Từ có tính nhân từ. Cung Tĩnh vương Nguyên Trác là con vợ thứ. Có kẻ thêu dệt cho rằng Nguyên Trác yểm bùa và nguyền rủa Dụ Tông. Nguyên Trác suýt bị hãm hại. Nhờ có bà cố sức cứu giúp, nên mới được khỏi tội. Đương thời khen bà là người hiền đức. Song phải nỗi là bà chực tây vị cho con Cung Túc vương mà lập Nhật Lễ, đến nỗi ngôi báu nhà Trần suýt bị chuyển dời. Thế mới biết đàn bà chủ trương việc lớn thì gây tai hại cũng ghê gớm đấy!

Canh Tuất, Trần Nghệ Tông hoàng đế, năm Thiệu Khánh thứ 1 (1370). (Từ tháng 10 trở về trước, thuộc Dương Nhật Lễ, năm Đại Định thứ 2. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Minh sai sứ sang ta, tế các thần núi sông.

Trước kia, bầy tôi thuộc Lễ Bộ nhà Minh xin đem các thần núi sông ở nước ta phụ tế vào đàn Nhạc Độc[2], vua Minh y theo. Đến đây, vua Minh sai đạo sĩ ở cung Triều Thiên là Diêm Nguyên Phục kính đem bài văn ngự chế sang tế các thần núi, sông. Lại sai rập những bài ở bia đá vuông và bia đá tròn, chép lấy các đồ thư điển tịch đem về, rồi lại tạc bia ghi việc làm này.

Tháng 9, mùa thu. Cung Tĩnh vương là Nguyên Trác, mưu giết Nhật Lễ, không được, bị chết.

---

[1] Nguyên Dục mất năm Giáp Thìn (1364), xem Chính biên, quyển X, 19.

[2] Đàn thờ thần núi lấy nũi Ngũ Nhạc (năm ngọn núi lớn ở Trung Quốc, tùy theo vị trí kinh đô của từng triều đại mà định: Tung sơn ở giữa, Thái sơn ở phía đông, Họa sơn ở phía tây, Hành sơn ở phía nam và Hằng sơn ở phía bắc) làm đại biểu và thần sông lấy Tứ Độc (bốn con sông ở Trung Quốc xưa chảy thẳng ra biển: Giang, Hà, Hoài và Tế) làm đại biểu.

Nhật Lễ, khi đã được làm vua, ngày ngày rượu chè, dâm dật, chăm sự chơi bời, hay bày ra các trò tạp kỹ, thân cận suồng sã với lũ tiểu nhân. Nhật Lễ có ý muốn đổi lại lấy theo họ Dương và ngấm mưu trừ bỏ hết những người họ Trần có danh vọng. Tôn thất nhà Trần và trăm quan ai cũng thất vọng. Nguyên Trác với con là Nguyên Tiết và hai người con (không rõ tên) của Thiên Ninh công chúa, đêm đến, đem mọi người trong họ tôn thất vào thành để giết Nhật Lễ. Nhưng Nhật Lễ trèo tường ra ngoài, nằm núi dưới cầu mới. Mọi người sục sạo không bắt được; giải tán về cả. Trời gần sáng, Nhật Lễ trở vào cung, cho quân đi lùng bắt tất cả 18 người đã dự mưu vào việc này. Bọn Nguyên Trác đều bị hại cả.

Lời chua - Thiên Ninh: Con gái vua Minh Tông, do bà Huệ Từ sinh ra.

Tháng 10, mùa đông. Cung Định vương Phủ chạy lên Đà Giang.

Trước đây, Nhật Lễ tiếm ngôi, lấy con gái Cung Định vương lập làm hoàng hậu. Cung Định vương thường sợ vạ lây đến mình. Kịp khi công cuộc của Nguyên Trác đã thất bại, Chi hậu nội nhân phó chưởng là Nguyễn Nhiên biết Nhật Lễ muốn giết Cung Định vương, mới khuyên vương sao không liệu cơ mà sớm lánh đi. Vương vốn không có chí làm vua; đến đây tình thế bức bách quá, mới bàn mưu với thiếu uý Trần Ngô Lang. Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha cũng bảo vương rằng: "Thiên hạ này là của ông cha chúng ta, lẽ nào lại vất bỏ cho người khác? Anh hãy cứ đi đi! Em sẽ đem gia nô dẹp nó cho!"[1]. Cung Định vương bấy giờ mới chạy lên Đà Giang bí mật cùng Cung Tuyên vương Cảnh, Chương Túc hầu Nguyên Đán và Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha hẹn nhau hội ở Đại Lại giang để khởi binh. Khi ấy, Nhật Lễ dùng Trần Ngô Lang làm việc, nhưng không biết Ngô Lang vẫn đồng mưu với Cung Định vương: mỗi khi sai quân đi lùng bắt Cung Định vương thì Ngô Lang lại mật bảo quân được sai đi ấy ở lại theo vương, đừng về. Nhiều lần sai Nam Bắc quân đi, cũng không thấy một ai quay về cả, Ngô Lang cũng giả vờ xin đi, Nhật Lễ không cho.

Lời chua - Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 27, 30).

Đại Lại giang: Một chi lưu sông Lương Giang thuộc địa phận Thanh Hóa, sông Đại Lại chảy qua huyện Vĩnh Lộc và huyện Hậu Lộc rồi đổ ra biển.

Tháng 11. Cung Định vương lên ngôi hoàng đế ở phủ Kiến Hưng, tiến lấy kinh thành, bắt Dương Nhật Lễ, giết chết.

Cung Định vương đến động mán ở Đà Giang, lưu lại đấy được mươi hôm; các người họ tôn thất và trăm quan cùng nhau kéo đến, khuyên Cung Định vương nên sớm về để dẹp yên nội nạn. Vương cứ nghẹn ngào từ tạ. Mọi người hai ba lần cố mời vương lên kiệu, ra khỏi núi. Khi vương về đến phủ Kiến Hưng, xa gần kéo đến như mây dày đặc, tiếng vui mừng vang trời. Mọi người xin ra lệnh phế Nhật Lễ làm Hôn Đức công. Vương lên ngôi, đổi niên hiệu, đại xá, xưng là Nghĩa Hoàng; bầy tôi dâng tôn hiệu là Thể Thiên Kiến Cực Thuần Hiếu hoàng đế (ấy là Trần Nghệ Tông). Ngự giá ra đi, tiến đóng ở bến Đông Bộ Đầu. Trần Ngô Lang khuyên Nhật Lễ viết bức thủ thư nhận tội, lánh ngôi, ra đón tận ngoài thành. Nhật Lễ phủ phục xuống đất, tạ tội. Nhà vua cũng ôm lấy Nhật Lễ, khóc lóc mà rằng: "Không ngờ sự thể ngày nay đến thế này!". Cung Tuyên vương Cảnh tuốt gươm quát lên rằng: "Nay vâng mạng trời, đánh kẻ có tội. Tên tội nhân kia sao còn được nói lôi thôi! Bệ hạ há nên vì lòng nhân từ bịn rịn mà bỏ mất nghĩa lớn sao!". Rồi thét những kẻ ở tả hữu lôi Nhật Lễ ra, giam ở phường Giang Khẩu. Nhật Lễ lừa Ngô Lang vào màn nói chuyện, bóp cổ giết chết. Việc đó đến tai vua. Nhà vua sai đánh chết ngay Nhật Lễ và con nó là Liễu; truy tặng Ngô Lang làm tư maã, ban cho tên thụy là Trung Mẫn á vương. Vào thành, bái yết nhà Thái miếu, nhà vua nói: "Việc ngày nay thật vượt ngoài ý tôi định liệu. Chỉ vì cớ nghĩ đến xã tắc, nên không thể từ chối được. Xét mình lỗi đạo hiếu trung, lòng những hãi hùng hổ thẹn. Vậy xin giảm bỏ sự cao sang đêể gọi là đáp lại sơ tâm đôi chút". Nhà vua bèn ra lệnh: phàm các xe kiệu và đồ dùng đều sơn đen, không được trang sức bằng vàng son, châu báu và màu đỏ. Nhà vua lại dụ bảo quần thần rằng: "Bản triều dựng nước có chế độ riêng. Khoảng niên hiệu Đại Trị (1358-1369) thay đổi lung tung đến nỗi

[1] Cung Định là con vợ cả, Thiên Ninh là con vợ thứ của Trần Minh Tông.

rối ren phiền nhiễu! Nay nên trừ bỏ những chính sự tệ hại. Mọi việc đều tuân theo điều lệ Khai Thái" (1324-1328)[1].

Lời cẩn án - Về việc khoảng năm Đại Trị (1358-1369) thay đổi chế độ, Sử cũ chỉ nói chẳng hạn như áo mặc và nhạc chương; vân vân, nhưng ở đoạn sử chép về Trần Dụ Tông, không thấy nói rõ, nay hãy để đó, đợi sẽ khảo sau.

Lời chua - Kiến Hưng: Xưa là phủ Hiến Khánh: nhà Trần gọi là Kiến Hưng; nhà Lê đổi làm Nghĩa Hưng; nay cũng để theo tên cũ, thuộc tỉnh Nam Định.

Trần Nhật Hạch có tội, bị giết.

Nhật Hạch là người họ tôn thất nhà Trần, trước đây tùng đảng với Nhật Lễ, định mưu lật đổ xã tắc. Nhà vua sai bắt giết chết.

Chu An, Quốc Tử giám tư nghiệp[2], trí sĩ, mất.

Chu An tính cương trực, thanh cảnh, giữ tiết khắc khổ thanh tu, không cầu danh lợi hiển đạt. Ở nhà, đọc sách, học nghiệp tinh thâm thuần túy. Gần xa nghe tiếng, đến học rất đông. Học trò nhiều người thi đậu cao, làm quan to, như Phạm Sư Mạnh và Lê Bá Quát đã làm đến Hành Khiển, thời thường lui tới thăm hỏi, vẫn cứ thụp lạy ở bên giường thày, hễ được thày nói chuyện một chút thì họ lấy làm mừng lắm. Hễ kẻ nào làm gì lầm lỗi trái ý thì thày quở trách ráo riết, có khi đến quát mắng đuổi ra. Ấy tính Chu An nghiêm nghị là như vậy. Dưới triều Trần Minh Tông, ông được vời làm Quốc Tử Tư nghiệp, dạy thái tử học. Đến Trần Dụ Tông ham mê chơi bời, xao lãng chính sự, bọn quyền thần làm nhiều sự trái phép. Chu An can không nghe, bèn dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, đều là những kẻ có thế lực và được cưng chiều cả. Bấy giờ gọi là "Thất trảm sớ"[3]. Sớ dâng lên, không được trả lời, Chu An liền treo trả mũ áo, trở về điền viên. Yêu phong cảnh núi Chí Linh, ông đến ở ẩn tại đấy. Những ngày đại triều hội thì vào kinh triều cận. Dụ Tông muốn ủy thác công việc chính trị cho ông, nhưng ông từ chối không nhận. Bà Huệ Từ thái hậu nói rằng: "Đối với kẻ sĩ thanh tu, thiên tử còn không bắt làm bày tôi được, nữa là chực đem chính sự ép người ta làm?". Mỗi khi nhà vua có ban thưởng gì, ông lạy tạ xong rồi, lại đưa cho người khác. Thiên hạ đều khen là người có khí tiết cao. Kịp khi Trần Dụ Tông mất, quốc thống[4] hầu đứt. Được tin Trần Nghệ Tông lên làm vua, Chu An mừng lắm, chống gậy đến bái yết, xong lại xin về, rồi mất ở nhà. Nhà vua sai quan đến tế viếng. Đặt cho tên thụy là Văn Trinh, được thờ phụ ở Văn Miếu.

Lời chua - Chu An: Người làng Quang Liệt[5], huyện Thanh Đàm[6].

Núi Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 3 (Chb. VIII, 3).

Tân Hợi, năm thứ 2 (1371). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn mẹ đẻ là Lê Thị làm Minh Từ hoàng thái phi.

Tháng 2. Thết yến quần thần ở điện Thiên An; ban thưởng cho họ có hơn kém khác nhau.

Phong Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha làm Lạng Quốc thái trưởng công chúa.

Phong Sư Hiền, người họ tôn thất, làm Cung Chính vương. Dùng Nguyên Đán làm tư đồ, Nguyên Uyên làm phủ quân tướng quân.

Trừ bỏ phép "sa châu tiệt cước"[1] và lệnh điểm kiểm tài sản.

---

[1] Niên hiệu Trần Minh Tông, cha Trần Nghệ Tông.

[2] Như chức phó hiệu trưởng trường Đại học bây giờ.

[3] Tờ sớ xin chém bảy tên

[4] Đây chỉ dòng vua họ Trần.

[5] Tục gọi làng Quang.

[6] Nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Trước đây, bà Chiêu Từ thái hậu đặt ra phép "sa châu tiệt cước", để cắt lấy những bãi phù sa mới bồi ở ven sông, chiếm làm của mình. Trần Dụ Tông lại ra lệnh điểm kiểm tài sản: các nhà quyền quý có đồ quý báu, khi chết đi rồi, phải điểm kiểm đem nộp nhà nước, không được chia cho con cháu. Phàm những chính sự tệ hại ấy đều bởi bọn bầy tôi "tụ liễm"[2] bày ra cả. Đến đây, bãi bỏ hết.

Tháng 3 nhuận. Chiêm Thành vào cướp kinh đô. Nhà vua chạy sang huyện Đông Ngàn.

Dương Nhật Lễ đã bị giết rồi, mẹ nó trốn sang nước Chiêm Thành, xui Chiêm Thành vào lấn cướp. Bấy giờ, từ khi Trần Dụ Tông rông rỡ chơi bời, việc võ không sửa sang, biên giới chẳng phòng bị, quân Chiêm Thành do cửa biển Đại An thẳng tiến, xâm phạm kinh đô. Cánh du binh của địch đến bến Thái Tổ, không ai chống cự được. Nhà vua phải chạy sang huyện Đông Ngàn để lánh giặc. Người Chiêm bắt lấy con trai, con gái, cướp bóc ngọc lụa, của cải, thiêu đốt cung điện, đồ thư và sổ sách. Kinh thành, vì thế, hết sạch sành sanh. Từ đấy, năm nào, Chiêm Thành cũng thường vào xâm lấn khuấy nhiễu; do đó biên giới mới xảy ra lắm việc.

Lời chua - Đông Ngàn: Tức là đất Cổ Pháp. Xem Lê Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 6).

Cửa biển Đại An: Tức là cửa biện Đại Nha: Xem Lý Hậu đế năm thứ 1 (Tb. IV, 13).

Bến Thái Tổ: Bây giờ là phường Phục Cổ, thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội.

Nhà vua từ huyện Đông Ngàn trở về kinh đô.

Tháng 4, mùa hạ. Lập em là Cung Tuyên vương Cảnh làm hoàng thái tử; ban cho 14 chương Hoàng Huấn[3].

Cảnh, là con vợ thứ vua Minh Tông.

Lời cẩn án - Nghệ Hoàng[4] lên ngôi đến đây đã 2 năm, chính các con vua như Húc và Ngạc, tuổi cũng đã lớn, thế mà vội lập ngay em, là nghĩa gì? Chẳng qua chỉ vì phần nhiều nhờ sức người em chiêu tập quân lính nổi dậy mà lấy lại được nước, nên mới nghĩ đến công ấy, muốn cùng nhau được hưởng giàu sang đó thôi, chứ không phải cốt để trọng việc nối dõi thờ cúng và sáng nghĩa thế thứ trao quyền. Huống chi, lấy em làm con, sự đó lại càng sai trái.

Tháng 5. Dùng người họ ngoại là Lê Quý Ly làm Xu mật đại sứ.

Ông tổ nhà Quý Ly là Hồ Hưng Dật, người tỉnh Chiết Giang, về đời Ngũ Quý (907-959), sang bên ta, lập ấp ở tại làng (hương) Bào Đột thuộc Diễn Châu. Về sau, Hồ Liêm di cư sang Thanh Hóa, làm con nuôi Lê Huấn, do đấy, đổi theo họ Lê. Quý Ly là cháu bốn đời. Quý Ly có hai người cô đều được Trần Minh Tông lấy vào hậu cung: Một người, là bà Sinh Từ, sinh được nhà vua đây; một người, là bà Đôn Từ, sinh được Duệ Tông. Cho nên nhà vua tin dùng Quý Ly, cho Quý Ly do Chi hậu chánh chưởng thăng lên chức này; lại gả cho Quý Ly người em gái mới góa là Huy Ninh công chúa.

Lời chua - Làng Bào Đột: Bây giờ là xã Bào Đột, huyện Quỳnh Lưu[5].

Huy Ninh: Vợ Nhân Vinh, người họ tôn thất. Nhân Vinh bị Nhật Lễ giết.

Nhà vua xuống chiếu: phàm việc xây dựng cung thất đừng có phiền nhiễu đến dân.

---

[1] Xẻn lấy chân bãi bên sông có phù sa mới bồi.

[2] Ráo riết bắt dân đóng góp để làm giàu cho người trên.

[3] Lời dạy của vua cha.

[4] Tức Trần Nghệ Tông.

[5] Nay thuộc Nghệ An.

Bấy giờ cung thất đều bị Chiêm Thành đốt phá. Nhà vua hạ chiếu cho xây dựng và sửa sang lại, nhưng việc doanh tạo chỉ cốt mộc mạc, đơn giản, do những chức tản quan[1] trong họ tôn thất đứng làm, chứ không dùng đến sức dân.

Tháng 9, mùa thu. Gia phong cho Lê Quý Ly tước Trung Tuyên quốc thượng hầu.

Trước đây, sai Quý Ly đi vào Nghệ An, vỗ về nhân dân, chiêu an nơi biên giới, nên có mệnh lệnh gia phong này.

Tháng 10, mùa đông. Sai Phan Nghĩa, lang trung bộ Lễ, đặt ra thông chế và các lễ nghi[2].

Nhâm Tí, năm thứ 3 (1372). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Xét thành tích các quan.

Tháng 4, mùa hạ. Dùng Đỗ Tử Bình làm Hành khiển, tham mưu quân sự.

Tháng 5. Dùng Nguyễn Nhiên kiêm chức Xu Mật viện.

Nhà vua khi mới lên ngôi, vì thấy Nguyễn Nhiên có công[3], nên cho làm hành khiển rồi thăng tả tham tri chính sự. Nhưng Nguyễn Nhiên ít chữ, lúc phê sổ sách, nhà vua thường phải dạy cho viết chữ. Đến đây, lại có mệnh lệnh cho kiêm giữ chức Xu Mật viện này.

Lời chua - Nguyễn Nhiên: Người huyện Tiên Du[4], lộ Bắc Giang.

Tháng 8, mùa thu. Hạ chiếu cho các lộ làm sổ hộ tịch.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Thiên Trường, sửa tẩm miếu ở các lăng.

Tháng 11. Nhà vua truyền ngôi cho thái tử Cảnh.

Thái tử lên ngôi, xưng là Khâm Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Kế Thiên Ứng Vận Nhân Minh Khâm Ninh hoàng đế (ấy là Trần Duệ Tông). Vua Nghệ Tông làm bài châm, gồm 150 chữ, ban cho.

Truy tôn mẹ là Lê Thị làm Đôn Từ Hoàng Thái phi.

Cho Trương Hán Siêu được thờ phụ vào Văn Miếu.

Quý Sửu, Trần Duệ Tông hoàng đế, năm Long Khánh thứ 1 (1373). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Tôn thượng hoàng làm Quang Hoa Anh Triết thái thượng hoàng đế; truy tôn Thục đức hoàng hậu làm Thuận từ hoàng thái hậu.

Thượng hoàng khi thoạt mới về nước, bà nguyên phi là Huệ Ý phu nhân mất ở phủ Kiến Xương, sau truy phong làm Thục Đức hoàng hậu; đến đây, nhà vua được nhường ngôi, lại truy tôn làm hoàng thái hậu.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Vợ vua Thái Tổ nhà Trần[5] tên thụy là Thuận Từ; vợ vua Nghệ Tông cũng gọi là Thuận Từ. Bấy giờ bàn đặt tên thụy không cho thế là trái,

---

[1] Xem chú thích chữ "tản lang" ở Chb. VI, 26.

[2] Quy định các tiết mục về pháp chế và lễ nghi dùng chung cho cả nước ở đương thời. Đời Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 6 (1230), đã có việc khảo cứu các thể lệ đời trước, rồi quy định làm Quốc triều thông chế và hình luật lễ nghi gồm 20 quyển (Toàn thư V, 6a).

[3] Nguyễn Nhiên biết tin bí mật về việc Nhật Lễ định giết Cung Định vương Phủ (Trần Nghệ Tông), đã bảo cho Cung Định biết trước mà trốn thoát (Chb. X, 25).

[4] Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[5] Tức Trần Thừa, cha của Trần Thái Tông.

hay là đời đã xa rồi, không cần kiêng nữa? Nhưng mà cháu dâu với bà cụ tổ trùng tên thụy nhau: thật trái lẽ lắm!

Tháng 2. Đặt ra sổ sách các quan văn, quan võ.

Lập bà phi họ Lê làm hoàng hậu.

Hoàng hậu là em con nhà chú (tụng muội) của Quý Ly, trước kia đã phong làm Hiển Trinh thần phi, đến đây lập làm Gia Từ hoàng hậu.

Tháng 8, mùa thu. Bổ sung quân đội, tu tạo thuyền chiến.

Nhà vua thấy người Chiêm Thành hay vào xâm lấn, nên sai sửa sang việc võ, ý muốn chính mình cầm quân đi đánh.

Ra lệnh cho quân và dân quyên thóc, rồi ban cho phẩm tước có đẳng hạng khác nhau.

Thi lại viên, bổ làm duyện lại ở Nội Lệnh sử.

Giáp Dần, năm thứ 2 (1374). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Bắt đầu đặt khoa thi tiến sĩ.

Trước đây, khoa thái học sinh, cứ 7 năm một lần thi, số đậu chỉ lấy 30 người thôi. Đình thí[1], số lấy đỗ không có lệ đặt nhất định. Phàm tam quán thuộc quan học sinh[2], thị thần học sinh, tướng phủ học sinh và những người có tước phong đều được vào thi cả. Đến đây mới bắt đầu gọi là khoa tiến sĩ; ban cho Đào Sư Tích đậu trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đậu bảng nhỡn, Trần Đình Thâm đậu thám hoa, La Tu đậu hoàng giáp, cập đệ và các đồng cập đệ[3] gồm 50 người, đều cho ăn yến và ban áo mũ, xuất thân có đẳng hạng khác nhau.

Lời chua - Đào Sư Tích: Người huyện Tây Chân[4], phủ Thiên Trường[5].

Lê Hiến Phủ: Người huyện Đông Kết, phủ Khoái Châu[6].

Trần Đình Thâm: Người huyện Đông Triều, phủ Sách Giang[7].

La Tu: Người huyện Thuần Hựu, thuộc Thanh Hóa.

Tháng 3, đào các sông ở Thanh, Nghệ.

Ra lệnh cho dân ở Thanh, Nghệ đào các sông, đến cửa biển Hà Hoa thì thôi.

Lời chua - Cửa biển Hà Hoa: Bây giờ ở xã Kỳ La, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán đến mãi tháng 6.

Tháng 8, mùa thu. Đặt thêm quân hiệu.

---

[1] Tức là thi lấy trạng nguyên (theo Toàn thư VII, 41a)

[2] Toàn thư VII, 41a và Sử ký VIII, 12b đều chép là "thái học sinh" (Cương mục không có chữ "thái").

[3] Về chế độ thi giáp đình ở đời Trần bấy giờ, tam khôi (trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa) và hoàng giáp là hạng "cập đệ", còn các Tiến sĩ thì là hạng "đồng cập đệ". Đến đời sau, như triều Tự Đức (1848-1884) chẳng hạn, chia Tiến sĩ làm tam giáp; Trạng nguyên là đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh, Bảng nhãn là đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh, Thám hoa là đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ tam danh; Hoàng giáp là đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; các ông nghè dưới Hoàng giáp đều là đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân cả. Ấy là không kể các phó bảng là những người chỉ đỗ thi hội, không được vào thi đình, tên được xếp vào Ất bảng, kém tiến sĩ ở giáp bảng. Như vậy thấy rằng lối chia "cập đệ" và "đồng cập đệ" của đời Trần có hơi khác với đời sau.

[4] Sau đổi là Nam Trực, nay thuộc tỉnh Nam Định.

[5] Nay gồm một phần đất các huyện Xuân Thủy, Nam Trực, Trực Ninh, Thành phố Nam Định thuộc tỉnh Nam Định.

[6] Phủ Khoái Châu nay gồm các huyện Ân Thi, Kim Động, Phù Tiên, Châu Giang thuộc tỉnh Hưng Yên.

[7] Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Trước kia. Túc vệ chỉ có các quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần. Đến đây, đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dực, Thần Dực, Điến Hậu. Tuyển những dân đinh khoẻ mạnh, phân ra ba hạng, sung vào các quân hiệu ấy. Ai cũng phải xăm trán để làm dấu ghi, như: quân Túc vệ thì trán xăm hoa; quân mới đặt thêm thì xăm trán đồ đen. Còn Thiên Trường, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Lâm Bình, và Thuận Hóa đều có quân hiệu, đặt đại đội trưởng và đại đội phó để cai quản.

Ất Mão, năm thứ 3 (1375). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Dùng Lê Quý Ly làm tham mưu quân sự.

Sai Quý Ly tuyển trong họ tôn thất và trong các quan viên lấy những người am tường võ nghệ, tinh thông thao lược, bổ làm quân tướng[1].

Đặt lại các lộ, các phủ ở Hoan Châu, Diễn Châu và Lâm Bình.

Đổi Hoan Châu làm lộ Nhật Nam và các lộ Nghệ An Nam, Bắc, Trung; đổi Diễn Châu làm lộ Diễn Châu, phủ Lâm Bình làm phủ Tân Bình. Sai Đào Lực Đinh và Hà Tử Công đem dân sở tại sửa sang đường sá, từ lộ Cửu Chân đến huyện Hà Hoa, ba tháng làm xong.

> **Lời chua -** Hoan Châu: Tức là Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 23).
>
> Diễn Châu: Xem thuộc Đường. Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).
>
> Lâm Bình: Tức là đất Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).
>
> Lộ Nhật Nam và các lộ Nghệ An Nam, Bắc, Trung: Địa giới ra sao, không rõ.
>
> Cửu Chân: Xưa là bộ Cửu Chân đời Hùng Vương; nhà Đinh, nhà Lê gọi là Ái Châu; niên hiệu Thiệu Phong (1341-1357) nhà Trần đổi làm lộ, chia đặt ba phủ Thanh Hóa, Cửu Chân và Ái Châu.
>
> Hà Hoa: Tên huyện được đặt ra từ nhà Trần trở về trước; nhà Lê gọi là Kỳ Hoa; bây giờ đổi là Kỳ Anh, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Tháng 6, mùa hạ. Sao thái bạch mọc ban ngày.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lính.

Binh lính, người nào già yếu thì thải ra; chọn lấy những dân đinh khỏe mạnh để bổ sung. Phàm những người ngụ cư làm thuê (hộ xá, tá công) ở Thanh Hoá và Nghệ An đều lấy vào quân đội.

> **Lời chua -** Hộ xá, tá công: Những người các nơi không có tên trong sổ hộ tích, quần tụ ở làm một phường, đi làm thuê ở mướn để lấy tiền công, tức là đám dân siêu giạt tha phương cầu thực.

Hạ chiếu cho những nhà giàu ở các lộ nộp thóc vào nhà nước, rồi ban cho phẩm tước có đẳng hạng khác nhau

Bính Thìn, năm thứ 4 (1376). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 9).

Tháng 4, mùa hạ. Quy định chế độ về thuyền, xe, kiệu, tàn, áo, mũ và đồ nghi trượng.

Vì cớ sắp làm lễ hội thề ở đền Đồng Cổ.

Tháng 5. Chiêm Thành vào cướp Hoá Châu.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua duyệt binh ở Bạch Hạc giang.

---

[1] Ông tướng cầm quân.

Thấy người Chiêm Thành hay vào lấn cướp, nhà vua bàn định chính mình cầm quân đi đánh. Ngự sử trung tán là Lê Tích dâng sớ can rằng: "Binh đao là thứ hung dữ, không nên tự chính nhà vua dấy quân đi đánh, huống chi bây giờ nội nạn vừa mới được yên, Chiêm Thành dẫu không giữ lễ làm tôi, nhưng cũng chỉ nên sai tướng đi hỏi tội, chứ nếu xa giá thân chinh, thì theo ngu kiến, thần tưởng không nên". Ngự sử đại phu là Trương Đỗ cũng can rằng: "Chiêm Thành chống lại mệnh lệnh nhà vua, tội nó đáng phải giết, không dong thứ được; nhưng nước nó ở tít cõi tây, có núi sông hiểm trở. Ngày nay, bệ hạ mới lên ngôi, chính lệnh và giáo hóa chưa thấm khắp đến phương xa, tưởng nên trau sửa văn đức để cho nó theo về với mình. Nếu nó không theo, bấy giờ sẽ sai tướng đi đánh cũng chưa muộn nào". Trương Đỗ ba lần dâng sớ lên can, nhưng cuối cùng nhà vua vẫn không nghe. Liền đó nhà vua sai quân và dân ở Thanh Hoá và Nghệ An tải năm vạn thạch[1] lương thực đến tích trữ ở Hoá Châu. Lại rước Thượng hoàng đi điểm duyệt quân đội ở Bạch Hạc giang. Mọi việc này đều là chuẩn bị để đánh Chiêm Thành.

Lời chua - Bạch Hạc giang: Xem Trần Thánh Tông, năm Thiệu Long thứ 5 (Chb. VII, 4-5).

Tháng 12. Nhà vua tự làm tướng, đi đánh Chiêm Thành.

Trước đây, Đỗ Tử Bình vào trấn giữ Hóa Châu; chúa Chiêm là Chế Bồng Nga đưa 10 mâm vàng để dâng triều đình. Tử Bình ăn chặn, trẩm đi, lại nói dối rằng: Bồng Nga kiêu ngạo, khinh nhờn, vô lễ, nên đem quân đi đánh. Bấy giờ nhà vua mới quyết tâm thân chinh. Thống lĩnh 12 vạn quân từ kinh đô xuất phát, nhà vua sai Lê Quý Ly đốc sức dân ở Nghệ An, Tân Bình, Thuận Châu và Hóa Châu vận tải lương thực để cung cấp cho quân sĩ. Khi đến cửa biển Di Luân, nhà vua sai các quân sĩ vượt biển mà đi, còn mình thì đem bộ binh tiến theo ven bờ biển. Khi đến cửa biển Nhật Lệ, đóng doanh trại ở đấy hơn một tháng để luyện tập quân sĩ.

Lời chua - Cửa biển Di Luân: Ở xã Di Luân, huyện Bình Chánh, tỉnh Quảng Bình bây giờ.

Cửa biển Nhật Lệ: Ở xã Động Hải, huyện Phong Lộc bây giờ. Động Hải là nơi sở tại tỉnh lỵ Quảng Bình.

Đinh Tị, năm thứ 5 (1377). (Từ tháng 5 trở về sau, là triều Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 1. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua kéo quân vào đánh Chà Bàn[2], bị thua, mất ở vòng trận. Bọn đại tướng là Đỗ Lễ và Nguyễn Nạp Hòa, hành khiển là Phạm Huyền Linh đều chết trận cả. Ngự câu vương Húc đầu hàng Chiêm Thành.

Quan quân đến Thị Nại cảng, tiến lên Cầu Đá (Thạch Kiều), đóng lại ở động Ỷ Mang. Bồng Nga dựng lũy bằng tre gỗ ở ngoài thành Chà Bàn, sai bầy tôi là Mục Bà Ma ra trá hàng, nói rằng Bồng Nga đã chạy trốn, chỉ để thành bỏ ngỏ đó thôi, nên mau tiến quân kẻo lại lỡ cơ hội. Nhà vua tin lời, sai gấp tiến quân. Đại tướng Đỗ Lễ can rằng: "Theo Binh pháp, đánh lấy thành là sự bất đắc dĩ. Kẻ kia đã nói xin hàng, thì ta nên lấy việc cho nước nó được an toàn là hơn cả. Vậy ta hãy cho một tay thuyết khách cầm thư đi hỏi tội để dò hư thực, theo như mưu chước Hàn Tín đánh phá nước Yên[3] ngày trước, chẳng phải khó nhọc mà được nên công. Vả, tình ý của kẻ địch khó suy lường được. Vậy tôi xin bệ hạ hãy xét kỹ". Nhà vua nói rằng: "Ta mặc áo giáp bền, cầm võ khí sắc, gội gió, tắm mưa, trèo non, lội suối, len lỏi đi sâu vào đất giặc, không ai dám đương đầu với ta. Thế là cái cơ trời giúp ta đó. Huống chi bây giờ vua nước nó sợ bóng sợ gió, chạy trốn xa, không có tinh thần chiến đấu. Việc binh quý hồ lanh chóng, nếu để chậm trễ không tiến quân thì là trời cho mà mình không nhận; rồi ra nếu nó tráo trở, dù có ăn năn thì sự đã rồi! Nhà ngươi thực là kiến thức đàn bà!". Nhà vua liền sai lấy áo đàn bà mặc cho Đỗ Lễ[4]. Rồi đoàn

[1] Đơn vị đong lường xưa.

[2] Cũng đọc là "Đồ Bàn".

[3] Xem chú giải ở Chb. VII, 34.

[4] Có ý chê cười Đỗ Lễ nhút nhát.

quân cứ nối đuôi nhau như xâu cá mà tiến lên. Giặc nhân cái đà thuận tiện, thình lình đổ ra tập kích, cắt ra từng tốp: Quan quân tan vỡ nặng nề. Nhà vua bị vây hãm, chết tại trận. Bọn đại tướng Đỗ Lễ và Nguyễn Nạp Hoà cùng hành khiển Phạm Huyền Linh đều bị chết cả. Ngự câu vương, tên là Húc, đầu hàng giặc, được giặc gả cho con gái. Đỗ Tử Bình cầm hậu quân, không đến cứu viện. Lê Quý Ly nghe tin bại trận, vội trốn về. Ngày hôm ấy, ở kinh đô đương ban ngày, trời tối sầm lại; chợ búa, hàng quán phải đốt đèn đuốc mà mua bán. Thượng hoàng sai đem chiếc xe tù đi bắt Tử Bình. Khi Tử Bình về qua phủ Thiên Trường, người ta đua nhau chưởi mắng, lấy gạch ngói ném vào xe tù Tử Bình. Thượng hoàng xuống chiếu trị tội hắn, miễn cho tử hình, nhưng phạm tội đồ, bắt đi làm lính.

Lời phê - Tội hai người này[1] đáng giết, không dong tha được; thế mà lại còn vẫn dùng[2]! Chính sự nhà Trần không có kỷ cương gì cả, trách nào chẳng bại vong.

Lời chua - Thành Chà Bàn: Tức là đô thành của nước Chiêm. Ở huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định bây giờ vẫn còn vết thành cũ.

Thi Nại cảng: Ở địa giới hai thôn Hương Mai và Chánh Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định bây giờ.

Động Ỷ Mang: Bây giờ đổi lại ra sao, không rõ, duy còn Cầu Đá. Ở trên núi về thôn Phú Hoà có một cái đồn xưa, có lẽ đấy là động Ỷ Mang.

Tháng năm, mùa hạ. Hoàng tử Hiện lên ngôi.

Thượng hoàng thấy nhà vua (Duệ Tông) chết vì việc nước, bèn cho con trưởng nhà vua là Kiến Đức đại vương Hiện lên nối ngôi, xưng là Giản Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Khâm Minh nhân hiếu hoàng đế (ấy là Đế Hiện).

Tháng 6. Chiêm Thành vào cướp kinh đô.

Hay tin giặc đến, Thượng hoàng sai Cung Chính vương Sư Hiền giữ cửa biển Đại An. Giặc biết ở đó có phòng bị, bèn từ cửa biển Thần Phù tiến vào, xâm phạm thẳng kinh đô, mặc sức cướp bóc vơ vét. Chúng ở lại một ngày rồi mới rút lui. Khi ra đến cửa biển Đại An, gặp cơn phong ba, chúng chết đuối nhiều lắm.

Lời chua - Cửa biển Đại An: Tên cũ là Đại Nha. Xem Lý Hậu Đế năm thứ 1 (Tb. IV, 13).

Thần Phù: Tên cũ là Thần Đầu. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Tháng 9, mùa thu. Lập con gái Thượng hoàng là Thiên Huy công chúa làm hoàng hậu.

Sai thị lang tòa Trung Thư là Trần Đình Thâm sang nhà Minh.

Sau khi lên nối ngôi, nhà vua sai Đình Thâm sang cáo phó với nhà Minh, và nói vua Duệ Tông đi tuần nơi biên giới, bị chết đuối ở biển. Người Minh từ chối không sang viếng, lấy cớ rằng theo Lễ, có ba điều không nên thăm là: vì phạm tội mà chết ở trong ngục (úy), hoặc vì bị đè chẹt mà chết bẹp (áp), hoặc vì ngã xuống nước mà chết đuối (nịch). Đình Thâm tranh luận, cãi rằng: "Người Chiêm chống nghịch, quấy nhiễu nơi biên giới, vua Duệ Tông có công chống ngoại hoạn, cứu nhân dân: vậy sao không nên viếng?". Nhà Minh mới sai sứ sang điếu tang. Bấy giờ nhà Minh đương muốn nhân kẽ hở, tính chuyện xâm nhiễu nước ta. Thái sư Lý Thiện Trường nói rằng: "Thấy em chết vì việc nước, anh lại lập con của em lên ngôi; xem nhân sự [xử tốt với nhau] như thế, thì đủ biết lòng trời [hãy còn tựa nớc người ta]". Do đấy, việc định xâm nhiễu ấy mới thôi.

Mậu Ngọ Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 2 (1378). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 11).

---

[1] Chỉ Đỗ Tử Bình và Lê Quý Ly.

[2] Đỗ Tử Bình tuy sau khi Trần Duệ Tông chết trận ở Chiêm Thành, có bị tội đồ, nhưng rồi lại được phục chức, cho nên đến năm Mậu Ngọ, Xương Phù thứ 2 (1378) đã thấy chép Tử Bình là hành khiển rồi (Chb. X, 43-44). Còn Lê Quý Ly chẳng những không bị quở phạt gì, mà lại ngày càng lên to mãi.

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển các vệ sĩ cai quản các quân.

Trần Ngoạn quản lĩnh quân Thiên Đinh, Bùi Hấp quản lĩnh quân Thiên Uy, Hoàng Phụng Thế quản lĩnh quân Thánh Dực, Trần Thế Đăng quản lĩnh quân Thần Dực, Bùi Bá Ngang quản lĩnh quân Thần Sách, Nguyễn Kim Ngao quản lĩnh quân Thần Vũ, Trần Trung Hiếu quản lĩnh quân Bảo Tiệp, Trần Bang quản lĩnh quân Long Tiệp. Lê Mật Ôn quản lĩnh quân Hoa Ngạch[1], Đỗ Dã Kha quản lĩnh quân Thị Vệ, Nguyễn Tiểu Luật quản lĩnh quân Thiên Trường. Lại tuyển trong các quân lấy những người khoẻ mạnh, biết võ nghệ, cho vào làm vệ sĩ [ở hoàng thành].

Dùng Nguyễn Bát Sách quản lĩnh quân Thiết Sang, Nguyễn Vân Nhi quản lĩnh quân Thiết Giáp, Nguyễn Hô và Lê Lặc quản lĩnh quân Thiết Liêm, Nguyễn Thánh Du quản lĩnh quân Thiết Hổ, Trần Quốc Hưng quản lĩnh quân Ô Đồ[2].

Tháng 5, mùa hạ. Chiêm Thành lại vào cướp kinh đô. Đại Doãn là Lê Giốc (Giác) chết vì việc nước.

Trước đây, Ngự câu vương Húc đầu hàng Chiêm Thành. Đến đây, người Chiêm đưa Húc về cướp Nghệ An, tiếm xưng tôn hiệu để chiêu dụ nhân dân. Có nhiều kẻ ra nhận ngụy chức. Liền sau đó quân giặc xâm phạm đến Đại Hoàng giang. Nhà vua sai hành khiển Đỗ Tử Bình đi chống giữ, nhưng chống không nổi! Quân giặc bèn xâm phạm kinh đô: cướp của, bắt người, rồi rút về. Kinh Doãn[3] Lê Giốc bị giặc bắt, giặc ép phải thụp lạy, nhưng Lê Giốc nói: "Ta đây là một ông quan ở nước lớn, đâu phải lạy mày!". Rồi mắng nó mãi. Giặc giận lắm, giết chết. Nhà vua nghe biết việc này, truy tặng Lê Giốc là Mạ tặc Trung Vũ hầu[4], cho con Giốc là Nhuế làm cận thị chi hậu chánh chưởng.

> **Lời chua -** Lê Giốc: Người làng Phủ Lý, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Giốc là con Lê Quát.
>
> Tử Bình: Trước bị tội đồ, đến đây đã làm hành khiển. Sử cũ không chép rõ Tử Bình được khai phục quan chức từ ngày nào, đợi sẽ khảo sau.
>
> Đại Hoàng giang: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 11 (Chb. I, 37).

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Bắt đầu đánh thuế đinh.

Theo phép cũ, dân đinh khi đã vào sổ thành số ngạch hẳn hoi rồi, thì sinh thêm không kể, chết đi không trừ. Hạng binh lính thì đời này qua đời khác phải làm lính mãi, không được ra làm quan. Nhân đinh nào có ruộng đất, mới phải nộp tiền, không có ruộng đất thì được miễn. Gặp lúc có việc dấy quân cũng chỉ những người có ruộng bãi dâu, đầm cá thì phải tùy có nhiều hay ít mà nộp tiền, thóc, bạc, lụa để cung cấp cho việc quân. Đến đây việc quân đương tới tấp, kho tàng trống rỗng, Đỗ Tử Bình kiến nghị xin làm theo phép đánh thuế "dung" đời Đường: bắt đinh nam mỗi năm phải nộp ba quan tiền. Từ đó, thuế đinh mới thêm nặng.

> **Lời chua -** Hồi đầu đời Trần, dẫu có thuế đinh, nhưng thực ra chỉ hạng người có ruộng mới phải đóng. Đến đây, không cứ có ruộng hay không, thảy đều phải chịu thuế cả, chỉ binh lính được miễn.

Kỷ Mùi, năm thứ 3 (1379). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Dùng Lê Quý Ly làm Tư không kiêm chức Xu mật đại sứ.

Quý Ly, khi còn nhỏ, học võ nghệ ở Nguyễn Sư Tề. Nhân thế, Quý Ly tiến cử con Sư Tề là Nguyễn Đa Phương làm tướng quân. Chủ thư thị ngự sử Phạm Cự Luận thường hay vẽ mưu bày kế cho

---

[1] Quân hiệu có xăm trán thành hoa. Xem Chb. X, 36.

[2] Một tên khác trong Hán văn để gọi con hổ. Đây có ý ví quân hiệu này khoẻ như hùm.

[3] Tức là chức Đại Doãn ở kinh sư, như Nguyễn Trung Ngạn đã làm ở đời Trần Dụ Tông (Chb. IX, 40).

[4] Hầu tước Trung Vũ mắng giặc.

Quý Ly, cũng được Quý Ly tiến cử làm quyền đô sự. Bấy giờ người ta thường bảo Quý Ly có "Phương viên tá lự"[1].

Lời chua - Phương viên: Chỉ Đa Phương và Cự Luận.

Quyền đô sự: Chưa rõ là chức gì. Có lẽ còn sót chữ chăng.

Mùa hạ. Hạn hán. Đói to.

Tháng 8, mùa thu. Nguyễn Bổ ở Bắc Giang nổi loạn, bị giết chết.

Nguyễn Bổ tự xưng là Đường Lang tử y, mê hoặc người ta bằng phép thuật, rồi tự tiếm hiệu xưng vương. Quan quân bắt được giết chết.

Tháng 8. Đem giấu tiền của ở núi Thiên Kiện và ở tầng dưới tháp Khả Lãng. (Khả Lãng khám).

Sai quân sĩ vậy tải tiền đồng đem giấu ở núi Thiên Kiện và chứa ở tầng dưới cái tháp ở xã Khả Lãng. Đó vì sợ người Chiêm Thành thường vào cướp bóc.

Lời chua - Núi Thiên Kiện: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb. X, 17).

Khả Lãng: Tên xã, thuộc phủ Lạng Giang; bây giờ đổi lại ra sao, không rõ.

Khám: Chỗ để chứa đựng. Đây nghĩa là tầng dưới trên nền cái tháp nhà chùa.

Canh Thân, năm thứ 4 (1380). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 13).

Tháng 2, mùa xuân. Chiêm Thành lấn cướp Nghệ An, Thanh Hóa. Tháng 5, mùa hạ. Lê Quý Ly kéo quân đến đánh ở sông Ngu Giang: đánh bại được quân Chiêm.

Người Chiêm dụ dỗ dân ở Tân Bình và Thuận Hoá đến lấn cướp Nghệ An: bắt người đem đi. Rồi lại lấn cướp Thanh Hóa. Thượng hoàng sai Lê Quý Ly quản lĩnh thủy quân, Đỗ Tử Bình quản lĩnh bộ quân đi đánh. Khi đến Ngu Giang, đóng cọc trong sông, cầm cự với quân Chiêm. Quý Ly sai Nguyễn Kim Ngao, tướng Thần Vũ quân, và Đỗ Dã Kha, tướng Thị Vệ quân, ra đánh. Kim Ngao quay thuyền lại để tránh giặc. Quý Ly liền chém Kim Ngao, cho lấy đầu đem rao trong quân. Các quân đánh trống hò reo, tiến lên trước. Chúa Chiêm là Chế Bồng Nga thua trận, trốn về.

Tử Bình từ đó cáo ốm, xin thôi, không giữ binh quyền; duy còn Quý Ly chuyên giữ chức nguyên nhung, làm Hải Tây đô thống chế.

Lời chua - Ngu Giang: Một nhánh sông Mã ở về địa phận huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

Đạo Hải Tây: Từ thời Trần trở về trước, chưa có tên này. Đến Lê, năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) mới đặt Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa làm đạo Hải Tây. E rằng Sử cũ lầm chăng[2].

Tháng 11, mùa đông. Dùng Đỗ Tử Bình làm nhập nội Hành khiển, tả tham tri chính sự, lĩnh chức kinh lược sứ ở Lạng Giang.

Tử Bình là người không học theo chính đạo, chỉ a dua với đời, lại hay bày đặt thuế khóa bắt dân đóng góp nặng để nịnh hót người trên; cho nên được nhà vua tin dùng. Từ khi Tử bình đi đánh Chiêm Thành không nên công trạng gì, xin thôi không giữ binh quyền, đến đây lại có mệnh lệnh cho lên chức này. Chưa bao lâu, Tử Bình mất, được thờ phụ vào văn miếu.

---

[1] Có người phò tá nghĩ giúp mưu kế cả mặt vuông (chỉ tên Phương là vuông) lẫn mặt tròn (chỉ chữ Luận có chữ "luân" ở bên nghĩa là tròn).

[2] Vì, đến năm 1428, tên gọi "Hải Tây Đạo" mới xuất hiện, thế mà đây mới là năm 1380 đã chép "làm Hải Tây đô thống chế". Dẫu vậy, ta hãy thử đặt lại vấn đề: Hải Tây dưới triều Trần đây cũng có thể là tên chỉ miền đất thời bấy giờ (vì địa điểm ở về ven biển Đông, nếu kể từ Đông Hải vào thì là phía tây, nên gọi Hải Tây) nhưng không phải là một đạo (đạo Hải Tây) như thời Lê Thái Tổ đã đặt.

Tân Dậu, năm thứ 5 (1381). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 14). Tháng 3, mùa xuân. Sai thiền sư Đại Than đem các nhà sư đi đánh Chiêm Thành.

Chiêm Thành thường sang xâm lấn quấy nhiễu, binh lực của nhà Trần bấy giờ đã mỏi mệt, kiệt quệ. Nhà vua bèn sai thiền sư Đại Than lựa lấy những người khoẻ mạnh trong các nhà sư trong nước và những nhà sư ở rừng núi không có độ điệp[1], tạm làm binh lính để đi đánh giặc.

Lời phê[2] - Không sợ làm nhục quốc thể!
Lời chua - Đại Than: Tên xã, thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh bây giờ.

Thiền sư: Không rõ tên.

Tháng 5. Dùng Đào Sư Tích làm nhập nội Hành khiển tả ti lang trung, Đào Toàn Bân làm tri Thẩm hình viện sự[3].

Lời chua - Toàn Bân: Cha của Sư Tích.

Tháng 6. Rước thần tượng các lăng về An Sinh.

Rước thần tượng các lăng ở Quắc Hương, ở Thái Đường, ở Long Hưng, và ở Kiến Xương đưa về An Sinh, cốt để tránh nạn người Chiêm thường sang xâm lấn quấy nhiễu.

Lời chua - Quắc Hương: Bây giờ đổi là xã Thành Thị thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Thái Đường: Tên xã, bây giờ thuộc huyện Hưng Nhân, tỉnh Hưng Yên[4].

An Sinh: Tên xã. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Long Hưng, Kiến Xương: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Tháng 10, mùa đông. Bà Gia Từ hoàng hậu Lê Thị mất.

Duệ Tông đi Nam chinh, không trở về; hoàng hậu cắt tóc làm sư ni. Thấy Nghệ Tông lập Đế Hiện lên nối ngôi, hoàng hậu từ chối cho con không được, bèn khóc lóc nói với những người thân tín rằng: "Con tôi kém phúc đức, không cáng đáng được cái ngôi rất quý trọng ấy đâu, chẳng qua chỉ tổ do đấy mà chuốc lấy vạ vào mình! Tiên quân[5] đã tạ thế, người vị vong[6] này chỉ muốn thác đi cho rồi, chứ chẳng muốn ngó đến việc đời nữa, huống chi lại nỡ nhìn thấy con mình sắp bị nguy hại ư!". Hoàng hậu mất rồi, Đế Hiện rồi cũng bị phế. Người nào nghe biết chuyện này cũng phục bà là người biết trước.

Lời chua - Gia Từ: Là mẹ Đế Hiện. Đế Hiện lên ngôi tới đây đã là 5 năm thế mà vẫn còn xưng mẹ vua là hoàng hậu. Lý do vì sao, không thể biết được, đợi sẽ khảo sau.

Giết Quan Phục Hầu đại vương tên là Húc.

Húc là con của Thượng hoàng.

Lời cẩn án - Sử cũ chép nhà vua dụ Quan Phục Hầu đại vương Húc mà giết chết, và chép liền với sự việc trên (việc Gia Từ mất); nhưng lý do vì sao mà dụ sát thì bỏ qua không chép. Nay xin chép riêng ra một việc, đợi sẽ khảo sau.

---

[1] Tờ điệp chứng thực đã được độ, tức là cái bằng mà nhà nước cấp cho các tăng ni, sau khi xuất gia, có đủ tiêu chuẩn được cấp. Theo chế độ đối với nhà chùa xưa, hễ nhà sư nào có độ điệp rồi thì được miễn thuế má và dao dịch.

[2] Chỉ việc bắt sư đi đánh giặc.

[3] Giữ việc viện Thẩm Hình.

[4] Nay thuộc xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[5] Chỉ Trần Duệ Tông.

[6] Xem chú giải số 1 ở Chb. IX, 30.

Nhâm Tuất, năm thứ 6 (1382). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Chiêm Thành lại vào cướp Thanh Hóa. Quan quân đánh bại được giặc.

Quý Ly đóng ở núi Long Đại, tướng Thần Khôi quân là Nguyễn Đa Phương đem quân thuyền (chu sư) đi giữ những hàng cọc cắm cừ ở cửa biển Thần Đầầu, quân Chiêm thủy bộ đều kéo đến: Bộ binh địch lên chiếm trên núi trước, lấy đá ném xuống, thuyền quân ta bị tổn hại nhiều mà không còn nấp tránh vào đâu. Thủy quân của địch lại đương tiến đến sát gần. Đa Phương không đợi mệnh lệnh của Quý Ly, tự ý cho mở hàng cọc cắm cừ, kéo ra thẳng xông vào quân thủy Chiêm Thành. Thủy quân của địch giở tay không kịp. Các quân của ta nhân đà thắng lợi, đổ xô ra đánh, ném đồ hoả khí vào thuyền giặc, thiêu đốt gần hết. Còn bộ quân của địch thì chạy tản mát vào rừng núi. Quan quân lùng bắt giặc trong núi đến ba ngày. Quân giặc nhiều đứa bị chết đói. Những kẻ còn sót lại thì chạy trốn. Quan quân đuổi đến Nghệ An rồi về. Được tin thắng trận, nhà vua cho Nguyễn Đa Phương làm Kim ngô vệ Đại tướng quân.

Lời chua - Núi Long Đại: Ở địa phận huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa bây giờ.

Thần Đầu: Tên cửa biển. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Tháng 7, mùa thu. Có nạn thủy tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Đào mấy con sông ở Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa.

Quý Hợi, năm thứ 7 (1383). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Lê Quý Ly quản lĩnh chu sư đi đánh Chiêm Thành, chưa đến nơi đã quay về.

Quý Ly quản lĩnh các thuyền chiến lớn mới đóng, gồm những hiệu như Diễm Trị[1], Ngọc Đột, Nha Tiệp, kéo đến vũng biển Lại Bộ Nương và eo biển Ô Tôn, bị sóng gió làm thuyền gãy vỡ hư hỏng, bèn rút quân về.

Lời chua - Vũng biển Lại Bộ Nương: Tức là cửa biển Nương Loan bây giờ, ở địa phận huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Eo biển Ô Tôn: Bây giờ là eo Vĩnh Sơn, ở huyện Bình Chánh thuộc tỉnh Quảng Bình giáp với huyện Kỳ Anh (thuộc tỉnh Hà Tĩnh).

Tháng 6, mùa hạ. Chiêm Thành vào cướp phủ Quảng Oai. Nhà vua sai tướng Hoa Ngạch quân là Lê Mật Ôn đi chống giữ, nhưng bị thua. Thượng hoàng phải tránh sang Đông Ngàn.

Chiêm Thành từ đời nhà Lê, nhà Lý trở về trước, quân chúng của họ rất là nhút nhát. Hễ quan quân ta kéo đến thì họ đem cả nhà đi trốn, có khi xúm lại khóc lóc, xin đầu hàng. Kịp khi Chế Bồng Nga lên làm vua, phần thì sinh sôi đông đúc, phần thì được dạy dỗ tôi rèn, dần dần sửa bỏ được những thói dở cũ, quân và dân họ trở thành những người mạnh tợn, chịu đựng gian khổ. Cho nên họ thường sang quấy nhiễu nước ta. Bấy giờ Bồng Nga cùng với tướng nó là La Ngai đem quân đi tắt đường xuyên sơn, đổ ra đóng đồn ở sách Khổng Mục thuộc Quảng Oai. Kinh đô xao xuyến kinh hãi. Thượng hoàng sai Mật Ôn đem quân đi chống giữ. Mật Ôn đến Tam Kỳ châu[2], còn đương bày trận để chống cự, bỗng đâu quân phục của địch nổi dậy, voi trận của địch lồng lên: quan quân ta xô bồ giày đạp lên nhau, thua thiệt nặng nề. Mật Ôn bị giặc bắt. Thượng hoàng nghe tin, sai Nguyễn Đa Phương đem quân dựng hàng rào lũy bằng tre gỗ ở kinh thành, ngày đêm canh giữ. Rồi sai sửa soạn xa giá để sang Đông Ngàn lánh giặc.

---

[1] Đại Việt sử ký VIII, 24 chép là Diễm Dã.

[2] Toàn thư và Đại Việt sử ký đều in chữ "châu" là bãi (Tam Kỳ châu: bãi Tam Cờ); riêng Cương mục này in chữ "châu" là châu quận.

Nguyễn Mộng Hoa, là một kẻ sĩ, thấy vậy, mũ áo chỉnh tề, tới bến sông, tay níu thuyền ngự, khấu đầu xin Thượng hoàng ở lại đánh giặc, nhưng Thượng hoàng không nghe.

Lời chua - Quảng Oai: Xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chb. V, 38-39).

Đông Ngàn: Tức châu Cổ Pháp xưa. Xem Tiền Lê Đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 6).

Khổng Mục sách, Tam Kỳ châu: Đều thuộc Quảng Oai. Bây giờ đổi lại ra sao, không rõ.

Tháng 12, mùa đông. Thượng hoàng sang chơi cung Bảo Hòa.

Quân Chiêm Thành đã rút lui. Thượng hoàng sang chơi cung Bảo Hòa, sai bọn Thiêm tri Nội Mật viện sự là Nguyễn Mậu Tiên và Lễ Bộ lang trung là Phan Nghĩa thay đổi phiên nhau túc trực, tới bữa, ban cho ăn, để hỏi han những chuyện cũ, hằng ngày giữ việc ghi chép, biên thành 8 quyển, đặt nhan sách là Bảo Hòa dư bút, bảo Đào Sư Tích đề tựa.

Lời chua - Cung Bảo Hòa: Ở núi Lạn Kha (nay đổi là Phật Tích), huyện Tiên Du[1]. Theo sách An Nam chí của Cao Hùng Trưng đời Minh, nhà Trần có dựng ra Lạn Kha thư viện, dùng danh nho Trần Tôn làm viện trưởng, dạy các sinh đồ. Nhà vua thời thường đến chơi. Vậy cung Bảo Hòa tức là ở đó.

---

[1] Nay thuộc huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XI

Từ Giáp Tí, Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 8 (1384) đến Nhâm Ngọ, Hồ Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ 2 (1402), gồm 19 năm.

⎈

Giáp Tí, năm [Xương Phù] thứ 8 (1384). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 17).

Tháng 9, mùa thu. Sứ thần nhà Minh sang ta.

Nhà Minh, trước kia đi đánh Vân Nam, sai bọn Dương Bàn và Hứa Nguyên sang trưng cầu lương thực để cung cấp cho lính trấn giữ ở Lâm An. Nhà vua sai Hành khiển là Trần Nghiêu Du vận tải năm nghìn thạch lương đưa đến đầu địa phận châu Thủy Vĩ[1]. Quan quân ta bị chết vì lam sơn chướng khí trong việc tải lương này rất nhiều.

Lời chua - Thủy Vĩ[2]: Tên châu. Bây giờ thuộc phủ Quy Hóa, tỉnh Hưng Hóa, giáp với tỉnh Vân Nam.

Ất Sửu, năm thứ 9 (1385). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 18).

Tháng 3, mùa xuân. Sứ thần nhà Minh sang yêu cầu ta dâng nộp các nhà sư.

Trước đây, ta đưa sang nhà Minh những hoạn quan là bọn Nguyễn [Tông] Đạo và Nguyễn Toán. Nhà Minh dùng họ làm chức nội quan, đối xử rất hậu. Nguyễn [Tông] Đạo nhân nói với vua Minh rằng: Phép thuật sư Nam giỏi hơn sư Bắc (Trung Quốc). Đến đây, Minh sai sứ sang yêu cầu. Nhà vua sai tuyển lấy 20 vị sư, đưa sang Kim Lăng.

Tháng 7, mùa thu. Tư đồ Chương Túc hầu là Nguyên Đán xin trí sĩ, được nhà vua y cho.

Nguyên Đán là bậc đại thần, người họ tôn thất, thấy quyền chính trong nước ngày một rơi vào tay kẻ quyền thần, nên không để ý đến việc kinh bang tế thế nữa, bèn xin cáo lão, về núi Côn Sơn, để vui cùng khóm trúc và đá núi; đặt tên hiệu là Băng Hồ. Thượng hoàng đã từng đến chơi nhà, hỏi han việc mai sau. Nguyên Đán đều không nói, chỉ dặn: "Xin Bệ hạ kính trong nước Minh như cha, yêu thương Chiêm Thành như con, thì nước nhà sẽ được vô sự. Tôi dù có chết cũng được bất hủ". Nguyên Đán biết Quý Ly thế nào rồi cũng cướp ngôi, nên tìm cách để tránh khỏi vạ, đem con là Mộng Dữ gửi gắm Quý Ly, và xin kết làm thông gia. Quý Ly đem con gái của Nhân Vinh[3], người họ tôn thất nhà Trần, gả cho Mộng Dữ; rồi cất làm đông cung phán thủ. Em Mộng Dữ là Thúc Dao và Thúc Quỳnh cũng đều được làm tướng quân. Về sau, Quý Ly cướp ngôi, giết hại gần hết các tôn thất nhà Trần, chỉ riêng con cháu Nguyên Đán là được toàn hoạt. Nguyên Đán có Băng Hồ thi tập, có nhiều bài mượn sự vật để tỏ ý cảm khái thời thế. Nhưng đó cũng chỉ là nói suông, lo hão, mà đối với nước của dòng dõi nhà mình còn hay mất, cứ bỏ mặc, không nói qua. Thế thực là người bất trung lắm đấy.

Lời phê - Nghiêm thay, ngòi bút sử! Trội hơn Sử cũ nhiều lắm.

---

[1] Nay, Thủy Vĩ thuộc tỉnh Lào Cai.

[2] Nay, Thủy Vĩ thuộc tỉnh Lào Cai.

[3] Nhân Vinh, vợ là Huy Ninh công chúa, sau khi Nhân Vinh mất, Nghệ Tông đem Huy Ninh gả cho Quý Ly. Người con gái này gọi Quý Ly bằng bố dượng.

Lời chua - Côn Sơn: Ở xã Chi Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương bây giờ, trên có động Thanh Hư, dưới có núi cầu Thấu Ngọc.

Bính Dần, năm thứ 10 (1386). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 19).

Tháng 2, mùa xuân. Sứ giả nhà Minh lại sang.

Nguyễn [Tông] Đạo[1] lại nói nước ta có nhiều thứ cây quý. Nhà Minh sai Lâm Bột sang yêu cầu. Nhà vua bèn sai viên ngoại lang là Phạm Đình đưa sang các cây: cau, vải, nhãn và mít[2], nhưng các thứ cây ấy không quen chịu lạnh, dọc đường, đều chết héo cả. Nhà Minh lại sai Lý Anh sang hỏi nhờ đường nước ta để đi đánh Chiêm Thành và đòi lấy 50 thớt voi nữa. Ta bèn sắp xếp từ Nghệ An đổ ra, cứ theo dọc đường, dựng các cung trạm, chứa sẵn lương thảo, luân chuyển đưa đến Vân Nam.

Lời phê - Minh Thái Tổ, còn làm như vậy[3], huống chi người khác?

Dùng Hồ Tôn [Tông] Thốc[4] làm quan Hàn lâm viện Học sĩ phụng chỉ.

Thốc, tuổi trẻ đỗ sớm, nổi tiếng về văn học. Khi làm An phủ sứ, Thốc ăn lễ của dân. Sự phát giác, Nghệ Tông lấy làm lạ, có đòi hỏi, Thốc lạy tạ mà rằng: "Một người được ơn vua thì cả nhà hưởng lộc nước"[5]. Nghệ Tông tha tội cho. Đến đây, được trao cho chức này, lại kiêm cả chức Thẩm hình viện sứ. Thốc có làm Thảo nhàn hiệu tần[6] thi[7], ngụ ý cảm khái về việc Quý Ly chuyên chính. Tuổi ngoài 80, Thốc mất.

Lời chua - Hồ Tôn [Tông] Thốc: Người huyện Đông Thành, thuộc Diễn Châu.

Đinh Mão, năm thứ 11 (1387). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng từ cung Bảo Hòa trở về triều đường.

Tháng 3. Dùng Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự[8].

Thượng hoàng ban cho Quý Ly lá cờ và thanh kiếm có đề những chữ: "Văn vũ toàn tài, quân thần đồng đức"[9]. Quý Ly làm thơ bằng quốc âm để tạ ơn Thượng hoàng.

Nhâm Thìn, năm thứ 12 (1388). (Từ tháng 11 trở về sau, là triều Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 1. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 21).

Tháng 5, mùa hạ. Dùng Trần Đỗ làm chức cung lệnh[10].

Trần Đỗ là con Thượng vì hầu Tung, mẹ Đỗ cải giá lấy Quý Ly, nên có mệnh lệnh dùng Đỗ làm chức này. Về sau, Đỗ đổi theo họ Hồ.

Tháng 6. Dùng Lê Quý Tì làm chức Phán thủ, Tri tả Hữu ban sự[1].

---

[1] Một hoạn quan do ta tiến sang nhà Minh.

[2] Nguyên văn là "ba la mật". Đây theo Nhật dụng thường đàm (tờ 30), Hoàng Việt địa dư chí (quyển I, tờ 3a), Từ nguyên và Từ Hải mà dịch là mít. Còn Mô phạm pháp hoa từ điển, trang 27, thì cho là "dứa".

[3] Chỉ việc Minh Thái Tổ cho sứ sang ta đòi các thứ cây như trên đã chép.

[4] Theo Toàn thư VIII, 9, chính tên là Hồ Tông Thốc; còn Cương mục vì kiêng húy triều Nguyễn, nên đổi là Hồ Tôn Thốc.

[5] Giống ý câu tục ngữ: "Một người làm quan, cả họ được nhờ".

[6] Thảo nhàn: Tự tìm lấy cảnh nhàn rỗi. Hiệu tần: theo sách Trang Tử, Tây Thi đau bụng, nhăn nhó; một chị người làng, mặt mũi xấu xí, thấy Tây Thi nhăn nhó, cho là đẹp, về cũng ôm bụng bắt chước nhăn nhó. Do điển này, người ta dùng danh từ "hiệu tần" để chỉ sự "học đòi một cách vụng về".

[7] Sử ký VIII, 27 chép là ... thi tập.

[8] Tức Tể tướng.

[9] Văn võ gồm tài, vua tôi một dạ.

[10] Đứng đầu một cung. Là một chức hầu cận vua.

Quý Tì là em Quý Ly.

Bố Đề: Nghĩa là tể tướng.

Tháng 8, mùa thu. Sao chổi xuất hiện ở phương tây.

Tháng 12, mùa đông. Trung tuyên Quốc thượng hầu là Quý Ly gièm pha với Thượng hoàng truất ngôi nhà vua, giáng làm Linh đức đại vương rồi giết chết ở chùa Tư Phúc. Lại giết cả bọn Ngự sử đại phu là Lê Á Phu, các Tướng quân là Nguyễn Khoái, Nguyễn Vân Nhi, Nguyễn Ha, Nguyễn Bát Sách, Lê Lặc và học sinh là Lưu Thường.

Trước đây, thấy có điềm sao chổi, nhà vua bàn với bọn Thái úy Ngạc và Lê Á Phu rằng: "Thượng hoàng yêu nuông họ ngoại, Quý Ly càn rỡ, việc gì cũng làm theo ý muốn của hắn, nếu chúng ta không lo tính trước, sau này khó mà khống chế được". Vương Nhữ Mai hầu vua đọc sách, làm tiết lộ mưu ấy. Quý Ly biết chuyện. Nguyễn Đa Phương khuyên Quý Ly nên lánh ra núi Đại Lại, để nghe ngóng tình thế biến chuyển ra sao, Phạm Cự Luận nói: "Không nên. Một khi bước chân ra ngoài, thì khó mà toan tính vẹn toàn được". Quý Ly nói: "Nếu không có mưu kế gì, thì tôi phải tự tử, chứ không để lọt vào tay người khác". Cự Luận nói: "Mới rồi nhà vua dụ giết Quan phục hầu Đại vương Húc[2], việc ấy Thượng hoàng vẫn còn căm giận lắm. Hiện nay chỉ có một mình đại nhân[3] vào yết kiến Thượng hoàng, bày tỏ lợi hại: Thượng hoàng trước kia bỏ con mà lập cháu[4], thì nên đem câu ngạn ngữ này làm rung động lòng Thượng hoàng: "Chỉ thấy người ta bán cháu nuôi con, chứ chưa thấy ai lại bán con nuôi cháu!". Nói như thế, chắn chắc Thượng hoàng nghe theo. Lúc bấy giờ đổi lập Chiêu Định[5] lên làm vua thì xoay họa ra phúc dễ dàng như trở bàn tay". Quý Ly nghe theo kế ấy, liền theo lời Cự Luận đã nói, vào tâu kín với Thượng hoàng. Thượng hoàng rất lấy làm phải lẽ.

Đến đây, Thượng hoàng giả vờ đi chơi đất An Sinh[6], cho bầy tôi trong nội điện triệu nhà vua. Khi nhà vua đã đến, Thượng hoàng nói: "Đại vương[7] đã đến", liền sai người dẫn ra nhà giam ở chùa Tư Phúc. Rồi ban tờ nội chiếu nói: "Trước đây Duệ Tông vào đánh trong Nam, không trở về[8], cho nên dùng người cháu trưởng nối ngôi vua là theo đạo đời cổ. Nhưng từ ngày quan gia[9] lên ngôi đến nay, chưa bỏ hết tính nết trẻ con, chưa giữ được đức độ vững chắc, thân cận với bọn tiểu nhân như bọn Lê Á Phu, Lê Dũ Nghị, lập tâm hãm hại người bầy tôi có công[10], làm dao động cả xã tắc[11]. Vậy cho giáng làm Linh Đức đại vương".

"Lại xét: nhà nước không thể không có người chủ trương, ngôi vua không thể để trống mãi được, chuẩn y cho rước Chiêu Định vương là Ngung vào triều, nối giữ đại thống. Vậy ban bố chiếu thư cho trong kinh thành, ngoài các lộ ai nấy đều biết".

Lúc ấy, viên tướng đội quân Thiết Liêm là Nguyễn Khoái và Nguyễn Vân Nhi, viên tướng đội quân Thiết Giáp là Nguyễn Ha và Lê Lặc, viên tướng đội quân Thiết Sang là Nguyễn Bát Sách toan đem quân

---

[1] Cũng là một chức hầu cận, ở gần nhà vua.

[2] Xem thêm Chính biên, quyển X, tờ 49.

[3] Một danh từ người dưới xưng hô một viên quan nào đó. Chữ "đại nhân" ở đây chỉ Hồ Quý Ly.

[4] Đế Hiện, con trưởng Trần Duệ Tông, cháu Trần Nghệ Tông, xem thêm Chính biên, quyển X, tờ 41.

[5] Con út Trần Nghệ Tông, tên là Ngung, được phong làm Chiêu Định vương.

[6] Tên một xã thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

[7] Theo tục lệ nhà Trần, đáng lẽ Trần Nghệ Tông phải gọi Đế Hiện là "quan gia" mới đúng, đây gọi thẳng bằng "đại vương" là có ý gay gắt, không nhận cho được nối ngôi vua nữa.

[8] Chỉ việc Trần Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành bị chết tại trận. Xem Chính biên quyển X, tờ 40.

[9] Chỉ Đế Hiện.

[10] Chỉ Hồ Quý Ly.

[11] Tức là nhà nước.

phá nhà tù để cướp lấy nhà vua ra ngoài. Nhà vua viết hai chữ "giải giáp"[1] đưa cho các tướng ấy và dặn rằng: "Không được trái ý vua cha". Các tướng bấy giờ mới thôi. Một lúc sau, Thượng hoàng sai người phù nhà vua xuống phủ Thái Dương, thắt cổ cho chết. Bọn Lê Á Phu, Nguyễn Khoái, Nguyễn Vân Nhi và Lưu Thường đều bị giết, còn Lê Dữ Nghị bị đày đi trại đầu (?).

Lời chua - Dữ Nghị: Anh họ của Á Phu.

Núi Đại Lại: Nay ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, sau Quý Ly đổi là Kim Âu.

Phong cho Thái úy Trang Định vương là Ngạc làm đại vương.

Ngạc là con Thượng hoàng. Sau khi Đế Hiện đã bị truất ngôi, Quý Ly nói phao lên rằng sẽ lập Ngạc lên nối ngôi vua. Ngạc từ chối không nhận, nhân đấy Quý Ly nói với Thượng hàng rằng: "Quan Thái uý biết chối từ không nhận ngôi vua, là người có đức độ lớn". Thượng hoàng lấy làm phải. Vì thế, nên mới có mệnh lệnh phong tước này.

Lập Chiêu Định vương Ngung lên làm vua.

Chiêu Định vương là con út Thượng hoàng. Khi đã lên ngôi vua, xưng là Nguyên Hoàng (tức là Thuận Tông).

Kỷ Tị (1389), Thuận Tông hoàng đế, năm Quang Thái thứ 2 (Minh, năm Hồng Vũ thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con gái Quý Ly làm Hoàng hậu.

Hoàng hậu, con gái lớn Quý Ly, sau khi đã sách lập, đặt tên chỗ ở là điện Hoàng Nguyên.

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Phạm Cự Luận làm Thiêm Thư Xu mật viện sự[2].

Quý Ly hỏi Cự Luận: "Liêu thuộc trong viện Xu Mật, những người nào có thể dùng được?". Cự Luận tiến cử người em hắn là Phạm Phiếm và bọn Đỗ Tử Mẫn, Vương Khả Tuân, Dương Chương, Hàn Tử Tây, Nguyễn Sùng, Nguyễn Thư, Nguyễn Cảnh Chân, đều có danh vọng, đức độ có thể dùng được, nhưng có Đỗ Tử Mẫn là hơn cả. Quý Ly bèn dùng Khả Tuân quản lĩnh đội quân Thần Dực, Chương Dương quản lĩnh đội quân Thần Dũng. Quý Ly bổ dụng như thế, là cốt để cho thêm vây cánh của mình.

Tháng 8, mùa thu. Giặc cướp ở Thanh Hóa nổi lên.

Nguyễn Thanh, người Thanh Hóa, tự xưng là Linh Đức vương, trốn tránh tai nạn, tụ họp nhiều người ở sông Lương, dân chúng đều hưởng ứng. Lúc ấy lại có Nguyễn Kỵ, người Nông Cống, tự xưng là Lỗ Vương, tụ họp binh lính đi cướp bóc.

Lời chua - Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16).

Sông Lương: Phát nguồn từ huyện Lang Chánh, hạ lưu hợp với sông Mã.

Nông Cống: Huyện Tư Nông xưa. Khi thuộc Minh đổi tên này; từ đời Lê đến nay vẫn theo tên ấy, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 10, mùa đông. Chiêm Thành vào cướp Thanh Hóa. Sai Quý Ly đem quân đi chống cự. Bị thua, Quý Ly trốn về.

Quân Chiêm Thành xâm phạm vào làng Cổ Vô. Quan quân đóng cọc gỗ ở sông, đem thuyền vây xung quanh. Hai bên cầm cự nhau hơn hai mươi ngày. Quân giặc đắp đập chắn nước ở thượng lưu sông Lương, để mai phục quân và voi, rồi giả vờ dọn dẹp doanh trại để kéo quân về. Quý Ly chọn quân tinh nhuệ dũng cảm đuổi theo, đại quân mở cọc gỗ đã đóng, rồi quân thủy quân bộ nhất tề xông ra. Bên giặc bèn phá bờ đập, lùa voi xông ra trận. Quân tinh nhuệ dũng cảm của Quý Ly không thể quay lại ứng cứu

---

[1] Giải tán giáp binh.

[2] Một chức quan ở viện Xu mật, được tham gia bàn bạc những việc cơ mật của triều đình.

được, thuyền chở quân chiến đấu ở dưới sông thì bị nước chảy xiết dồn vào một chỗ, bao nhiêu quân bộ bị giết hết, nên bị thua to. Viên tướng quản lĩnh đội quân Thánh Dực là Nguyễn Chí bị giặc bắt, ngoài ra bảy mươi viên tướng cầm quân đều bị chết. Quý Ly bỏ trốn về, để tì tướng là Phạm Khả Vĩnh và viên tướng quyền quản lĩnh đội quân Thánh Dực là Nguyễn Đa Phương ở lại cầm cự với giặc ở Ngu Giang. Đêm hôm ấy, Đa Phương bàn với Khả Vĩnh rằng: "Thế giặc mạnh như thế, mà quân chúng ta ít ỏi, khó có thể cầm cự lâu dài được, nếu bây giờ muốn kéo quân về, tất nhiên giặc thừa cơ đuổi theo". Họ bèn hạ lệnh cho các quân lính phong ra rất nhiều cờ, buộc thuyền lớn vào cột gỗ ở sông, canh phòng nghiêm mật, đến đêm dùng thuyền nhỏ trốn về. Giặc thừa thế, tung quân ra cướp bóc. Khi Quý Ly trốn về đến khuyết đình, xin cho xuất phát thuyền chiến để thêm sức mạnh. Thượng hoàng không chuẩn y. Nhân đấy Quý Ly xin thôi không giữ binh quyền, không đem quân ra đánh Chiêm Thành nữa.

Lời phê - Việc làm của Quý Ly trước sau đều như thế[1], thế mà Nghệ Tông tin dùng, có lẽ cũng như câu ngạn ngữ nói "hoạ lai thần ám" chăng?

Lời chua - Nguyễn Chí: Có một thuyết nói là Trần Đình Quý.

Cổ Võ: Tên làng.

Ngu Giang: Tức Lương Giang. Xem Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 4 (Chính biên X, 47).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên 20-21)

Tháng 11. Quân Chiêm Thành xâm phạm đến Hoàng Giang. Nhà vua sai đô tướng[2] là Trần Khát Chân đem quân ra chống cự.

Được phụng mạng đem quân đánh giặc, Khát Chân khảng khái, khóc lạy Thượng hoàng để từ biệt. Thượng hoàng cũng khóc, mắt vẫn nhìn theo để tiễn đưa Khát Chân. Khi kéo quân đến Hoàng giang, gặp quân giặc, Khát Chân xem xét địa thế, thấy không có chỗ bố trận, liền lui quân đóng giữ ở sông Hải Triều. Lúc ấy tôn thất Nguyên Diệu, là em Đế Hiện, muốn báo thù, bèn đem quân đầu hàng Chiêm Thành.

Lời chua - Hoàng Giang: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 44).

Sông Hải Triều: Nay là khúc sông giáp với hai huyện Tiên Lữ và Hưng Nhân thuộc tỉnh Hưng Yên[3].

Trần Khát Chân: Người ở Vĩnh Ninh thuộc Thanh Hóa. Khác Chân là dòng dõi Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng.

Quý Ly gièm pha giết Nguyễn Đa Phương là người bè đảng với hắn.

Lời phê - "Chỉ có người quân tử mới có bằng đảng"[4], câu nói ấy thật đúng.

Từ khi ở Ngu Giang trốn về, Đa Phương tự cho mình là có công giữ được quân trọn vẹn, thường chê bai Quý Ly là bất tài.

Vì thế, Quý Ly gièm pha với Thượng hoàng rằng việc đánh Chiêm Thành thất bại là do ở Đa Phương, bèn thu lấy binh quyền do Đa Phương giữ. Đa Phương vẫn có nét mặt kiêu ngạo. Thượng hoàng nói: "Cần phải bắt chịu tội nhẹ để răn bảo hắn". Quý Ly nói: "Đa Phương là người mạnh khoẻ, tôi sợ hắn sẽ chạy sang phương Bắc với nhà Minh hay là chạy vào phương Nam với Chiêm Thành, thả cọp ra sẽ để họa về sau, chi bằng giết đi là xong". Bèn hạ lệnh bắt Đa Phương phải tự tử. Đa Phương phàn nàn rằng:

---

[1] Chỉ việc Quý Ly trước bị thua bỏ trốn về, sau xin giải tán binh quyền, không đem quân ra đánh nữa.

[2] Một chức quan chỉ huy quân đội thời cuối Trần.

[3] Nay huyện Tiên Lữ vẫn thuộc tỉnh Hưng Yên, huyện Hưng Nhân thuộc tỉnh Thái Bình.

[4] Câu này trích trong bài "Bằng đảng luận" của Âu Dương Tu: "Tiên nhân vô bằng, duy quân tử tắc hữu bằng".

"Tôi vì có tài mà được sang, cũng vì có tài mà phải chết, chỉ ân hận là không được chết ở nơi chiến trận mà thôi".

Tháng 12. Người thày chùa có yêu thuật là Phạm Sư Ôn nổi lên làm loạn. Nhà vua sai viên tướng quản lĩnh đội quân Tả Thánh Dực là Hoàng Phụng Thế đi đánh, dẹp tan được.

Sư Ôn hô hào dân chúng tụ họp ở lộ Quốc Oai, lạm xưng danh hiệu lớn. Dùng Nguyễn Mại, Nguyễn Khả Hành giữ chức Hành khiển, chiêu tập những kẻ vô lại[1] đặt làm các hiệu quân Thần Kỳ, Dũng Đấu và Vô Hạn. Sư Ôn đem quân xâm phạm thẳng vào kinh sư, nhà vua và Thượng hoàng phải lánh sang Bắc Giang. Sư Ôn ở kinh thành ba ngày, rồi kéo ra đóng ở Nộn Châu. Nhà vua sai Hoàng Phụng Thế đem quân đi đánh. Lúc ấy, Phụng thế đương cùng La Ngai, tướng Chiêm Thành, cầm cự nhau ở Hoàng Giang. Khi đã nhận được lệnh, Phụng Thế từ Miệt Giang tiến quân. Bấy giờ gặp mùa đông, nước sông cạn, Phùng Thế vội mở đường thủy, thuyền chiến tiến xông vào. Quân giặc bị đánh bất thình lình, liền bị vỡ. Quân nhà Trần bắt được Sư Ôn cùng lũ Nguyễn Mại và Khả Hành đem giết đi.

Lời chua - Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 18-19).

Miệt Giang: Từ phân lưu sông Hát, qua các huyện Chương Đức, Hoài An, thông với Hoàng Giang.

Nộn Châu: Thuộc lộ Quốc Oai, nay thay đổi không rõ ở chỗ nào.

Phụng Thế: Người Cổ Đằng, thuộc Thanh Hóa.

Canh Ngọ, năm thứ 3 (1390). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 23).

Tháng giêng, mùa xuân. Đô tướng Trần Khát Chân đánh cho quân Chiêm Thành bị thua to ở Hải Triều, giết được chúa nước ấy là Chế Bồng Nga.

Bồng Nga cùng với hàng tướng Nguyên Diệu, quản lĩnh hơn trăm thuyền chiến, đến xem xét tình hình quan quân. Lúc các thuyền chưa kịp họp tập thì một tiểu thần của Bồng Nga là Ba Lậu Kê bị Bồng Nga quở trách, hắn sợ phải tội, mới chạy sang bên quan quân, chỉ chiếc thuyền sơn màu lục bảo với quan quân rằng: "Đấy là thuyền chúa Chiêm Thành". Khát Chân lền sai hỏa pháo[2] cùng bắn một loạt, đạn bay trúng giữa thân Bồng Nga suốt vào ván thuyền, Bồng Nga bị chết ngay. Quân giặc sợ hãi tan vỡ. Nguyên Diệu nhân lúc ấy cắt lấy thủ cấp Bồng Nga, chạy về với quan quân. Viên đại đội phó trong đội quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc và người đầu ngũ là Dương Ngang giết Nguyên Diệu, cướp lấy thủ cấp Bồng Nga đem dâng nộp. Khát Chân sai bỏ vào hòm, cho phi ngựa đem đến hành tại[3] ở Bình Than, tâu việc đánh được giặc. Lúc ấy giọt nước đồng hồ đã xuống đến trống canh ba, Thượng hoàng giật mình thức dậy, tưởng là giặc kéo đến, khi nghe biết tin thắng trận, mới cả mừng, liền triệu trăm quan đến xem cho kỹ, trăm quan đều chúc mừng. Thượng hoàng nói: "Ta với Bồng Nga cầm cự nhau đã lâu, ngày nay mới được thấy mặt nhau, không khác gì Hán Cao Tổ trông thấy đầu Hạng Vũ. Từ nay trong nước sẽ bình định".

La Ngai, tướng Chiêm Thành, thu thập tàn quân, hỏa táng hài cốt Bồng Nga, ngày đêm đi lần chân núi, bắc ngang cây làm giàn để nấu cơm, vừa đi vừa ăn, chỗ nào gặp quan quân đuổi đánh thì dừng voi lại, tung của ra, để làm kế ngăn cản, nên đem quân về nước được trọn vẹn.

---

[1] Vô lại: có nhiều nghĩa, nhưng có hai nghĩa này thông dụng: Người không có nghề nghiệp, không làm gì lợi cho gia đình; người hung hãn giết người.

[2] Một chiến cụ thời cổ, có máy để bắn đạn bằng đá. Người chế ra súng này là Phạm Lãi, người thời Xuân Thu, qua đời Hán đến đời Tống đều dùng chiến cụ này, đến đời nhà Nguyên mới chế bằng sắt, nặng 5, 6 trăm cân, dài 5, 6 thước, trang bị bằng thuốc có chất nảy lửa và đạn bằng đá, để bắn quân địch.

[3] Nơi vua đặt ngự doanh ở ngoài kinh thành, gọi là hành tại.

Lúc ấy, dân ở Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa, nhiều người làm phản, đi theo Chiêm Thành, duy thổ hào Phạn Mãnh và Phạm Thế Căng đem dân chúng thuận theo về triều đình. Thượng hoàng khen ngợi, lại thấy Mãnh là người có tài lược, cho thăng ngay lên chức Minh uy tướng quân, quản lĩnh quân Tân Bình và Thuận Hóa để chống cự với giặc Chiêm Thành.

Lời phê[1] **-** Cũng may đấy thôi, không có gì là tài giỏi.

Lời chua - Nghệ An: Đất Hoan Châu xưa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 21-24).

Tân Bình: Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Thuận Hóa: Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chính biên I, 28).

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du đến Long Hưng, Kiến Xương và An Sinh, bái yết các lăng tẩm.

Bọn Trần Nguyên Đĩnh và Trần Tôn phạm tội, phải chịu tội chết.

Trước đây, Chiêm Thành vào lấn cướp, tư đồ Nguyên Đĩnh và thiếu bảo Trần Tôn ngấm ngầm giao thông với Chiêm Thành, đến lúc quân Chiêm Thành rút lui, nhà vua hạ chiếu bắt để trị tội, bọn Nguyên Đĩnh và Trần Tôn nhảy xuống nước chết, bè đảng của chúng là Trần Khang chạy sang Lão Qua.

Lời chua - Nguyên Đĩnh: Con Cung Tĩnh vương Nguyên Trác.

Lão Qua: Tên dân tộc Mán, tục gọi là Qua Gia. Đất này phía đông nam giáp với địa giới nước ta; phía tây giáp địa giới nước Bát bá tức phụ; phía bắc giáp địa giới Xa Lý. Nhà Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 3 (1405) mới đặt Tuyên Úy ty. Nay là nước Nam Chưởng.

Hạ chiếu định công trạng những người đánh được Chiêm Thành, ban tước có từng cấp bậc khác nhau.

Trần Khát Chân làm Long tiệp phụng thần nội vệ thượng tướng quân, phong tước Vũ Tiết quan nội hầu; Phạm Khả Vĩnh làm Xa kỵ thượng tướng quân, phong tước quan phục hầu; Phạm Lặc và Dương Ngang được ban tước năm tư, lại gia phong cho Lặc quản lĩnh Cấm vệ đô, ban cho Ngang 30 mẫu ruộng; còn những người khác đều được ban tước cao thấp khác nhau.

Tháng 4, mùa hạ. Gia tôn huy hiệu cho tiên đế và tiên hậu.

Tháng 6. Gió dữ, mưa to, nước lớn.

Bổ dụng Chương Tĩnh vương Nguyên Hi làm Nhập nội kiểm hiệu hữu tướng quốc bình chương sự[2]**.**

Nguyên Hi là em Nguyên Diệu. Nguyên Diệu đã chết[3], Nguyên Hi trong bụng không được yên, vì thế mới có lệnh bổ dụng này để cho yên tâm.

Chế Ma Nô Đã Nan, người Chiêm Thành, cùng em hắn là Chế Sơn Na chạy sang nước ta.

Tướng Chiêm Thành là La Ngai dẫn quân về, bèn chiếm giữ lấy nước, tự lập làm chúa. Hai con của Bồng Nga sợ bị giết, nên chạy sang nước ta. Nhà vua phong cho Ma Nô Đã Nan làm hiệu chính hầu, Sơn Na làm á hầu.

Tháng 10, mùa đông. Khơi sâu sông Thiên Đức.

---

[1] Chỉ việc may được Ba Lậu Kê chỉ bảo, nên mới giết được chúa Chiêm Thành.

[2] Chức tương đương với Tể tướng.

[3] Diệu bị bọn Phạm Nhữ Lặc và Dương Ngang giết năm Canh Ngọ, 1390 (Chính biên XI, 11-12).

Lời chua - Sông Thiên Đức: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên II, 11).

Tân Mùi, năm thứ 4 (1391). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 24).

Tháng 2, mùa xuân. Quý Ly đi tuần đến Hóa Châu, bị Chiêm Thành đánh, phải thua, bèn trở về.

Quý Ly nhận thấy đất Hóa Châu tiếp giáp với Chiêm Thành, nên đem quân đi tuần đất ấy, xét định hàng ngũ quân lính, sửa sang xây dựng thành hào, rồi sai viên tướng quản lĩnh đội quân Thánh Dực là Hoàng Phụng Thế đem quân đi tuần tiễu đến địa giới Chiêm Thành. Người Chiêm Thành đặt quân mai phục để chờ đợi: quân Phụng Thế tự tan vỡ. Phụng Thế bị giặc bắt, sau tìm kế thoát ra được; khi đem quân về, lại được giữ chức như cũ. Còn 30 người đại đội phó trong bộ thuộc Phụng Thế thì bị Quý Ly đem chém hết.

Tháng 5, mùa hạ. Quý Ly giết Thái uý là Trang Định đại vương Ngạc.

Trước đây, Đế Hiện bị truất, Thượng hoàng muốn lập Ngạc nối ngôi, Quý Ly dùng kế làm cho Thượng hoàng mê hoặc[1], do đấy Ngạc và Quý Ly sinh ra hiềm khích, nhiều lần Ngạc bị Quý Ly gièm pha, sinh lòng nghi ngờ lo sợ, bèn trốn ra Vạn Ninh. Thượng hoàng sai viên tướng quản lĩnh đội quân Ninh Vệ là Nguyễn Nhân Liệt đuổi theo bảo trở về. Quý Ly ngầm sai Nhân Liệt đánh chết Ngạc. Khi trở về kinh đô, Nhân Liệt nói dối là vì Ngạc đối với người Vạn Ninh một cách bạo ngược, nên bị họ giết. Thượng hoàng giận, truất Ngạc làm Mẫn vương, sau tỉnh ngộ ăn năn, mới hỏi người nào đuổi bắt Mẫn vương. Nhân Liệt sợ, thắt cổ tự tử.

Lời chua - Vạn Ninh: Từ đời Trần trở về trước là tên châu; lúc thuộc Minh đổi làm huyện; nhà Lê lại đặt làm châu; nay là phủ Hải Ninh thuộc tỉnh Quảng Yên.

Tháng 8, mùa thu. Quý Ly giết hai tướng quản lĩnh quân Hóa Châu là Phan Mãnh và Chu Bỉnh Khuê; dùng Đặng Tất làm châu phán, Hoàng Hối Khanh làm Chánh hình viện đại phu.

Uy quyền Quý Ly ngày một to lớn, các tướng ở Hoá Châu cùng nhau bàn luận. Phan Mãnh nói: "Trời không bao giờ có hai mặt trời, dân không bao giờ có hai vua". Chu Bỉnh Khuê nói: "Dương Liễu lắm điều, mọi người đều khoá miệng"[2]. Tất và Hối Khanh ngầm viết thư mách Quý Ly. Quý Ly cho là Mãnh và Bỉnh Khuê ngấm ngầm làm điều trái phép, bèn giết hai người ấy, mà bổ dụng bọn Đặng Tất giữ chức quan này. Viên ngự sử Đỗ Tử Trừng không nói gì đến việc này, Quý Ly đưa bài thơ để quở trách.

Lời phê[3] - Con đường xuất thân của Đặng Tất như thế, so với việc làm sau này, có phải là một người mà hai nhân cách khác nhau hay không?[4]

Lời chua - Phan Mãnh, Bỉnh Khuê: Người Hóa Châu.

Đặng Tất: Người ở Thiên Lộc, thuộc Nghệ An, có thuyết nói Đặng Tất là người Hóa Châu.

Hoàng Hối Khanh: Người ở An Định, thuộc Thanh Hóa.

Dương liễu lắm điều: Sử cũ chua là "không rõ nghĩa". Đại ý nói Quý Ly nói nhiều để khóa miệng mọi người.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 6.

[2] Nguyên văn là: "Dương Liễu đa ngôn, chúng giai bế khẩu". Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

[3] Chỉ việc Đặng Tất đưa thư tố cáo với Quý Ly về lời đàm luận của Phan Mãnh và Bỉnh Khuê.

[4] Câu phê này có 10 chữ: "Đặng Tất xuất thân như thử, thị nhị nhân da?". Ý nói: Đặng Tất viết thư mách Quý Ly về lời đàm luận của Phan Mãnh và Chu Bỉnh Khuê, làm cho hai người này bị giết, mà mình được xuất thân làm quan, đấy là nhân cách kém. Thế mà sau nàylại biết phò Đế Ngỗi, đánh quân Minh xâm lược, thì lại là nhân cách tốt. (Xem thêm Chính biên quyển XII, tờ 22, 28).

Nhâm Thân, năm thứ 5 (1392). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 25).

Tháng 2, mùa xuân. Giết tôn thất Trần Nhật Chương.

Nhật Chương lập mưu giết Quý Ly, Thượng hoàng cho là người mang lòng phản bội, nên giết đi.

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn. Nhà vua hạ chiếu trưng cầu lời nói trung thực.

Bùi Mộng Hoa dâng sớ, đại lược nói: "Tôi nghe được câu đồng dao rằng "thâm tai Lê sư"[1], xem như thế thì tất nhiên Quý Ly có ý dòm ngó đến ngôi báu". Thượng hoàng xem lời tâu, rồi lại bảo cho Quý Ly biết. Sau này Quý Ly chuyên giữ chính quyền trong nước, Mộng Hoa trốn đi ở ẩn, không ra làm quan.

> **Lời bàn của Ngô Sĩ Liên -** Kinh Dịch nói: "Vua mà không cẩn mật thì làm hại đến bầy tôi"[2]. Nay đã trưng cầu lời nói trung thực, rồi lại vội đem lời nói trung thực ấy bảo với người bị chỉ trích, thì có đời nào lại hành động như thế bao giờ? Nghệ Tông già nua lẫn lộn đến thế là cùng. Mộng Hoa không gặp được vua sáng suốt, là tự lòng trời, mà cũng là việc không may cho nhà Trần.

Tháng 10, mùa đông. Đặt đồn ở các cửa sông cửa ải và đi tuần để canh giữ.

Bấy giờ, Chiêm Thành thường vào xâm lấn, nhiều nơi trộm giặc hàng đàn khởi lên, cướp bóc giữa ban ngày, pháp luật không sao ngăn cấm được. Nay Quý Ly giữ chính quyền, mới đặt đồn ở các cửa sông, cửa ải để đi tuần và canh giữ, dò bắt trộm cướp, tùy theo địa thế xung yếu mà đặt hoặc 3 đô, hoặc 4 đô, hoặc 5 đô[3].

Tháng 12. Định tội những quân và dân trốn tránh sai dịch.

Phàm quân và dân trốn tránh sai dịch đều phải phạt 10 quan tiền, thích 4 chữ vào gáy. Nếu người trốn tránh ấy là hạng đầu mục trong quân và dân, sẽ bị tội chết chém, ruộng đất và tài sản bị sung công.

Đày viên Quốc tử trợ giáo là Đoàn Xuân Lôi đi cận châu[4], giáng chức viên Hành khiển Đào Sư Tích làm Trung thư thị lang đồng tri Thẩm hình viện sự.

Quý Ly làm 14 thiên Minh Đạo dâng lên vua. Đại lược nhận định Chu Công[5] là tiên thánh, Khổng Tử[6] là tiên sư; sắp xếp ngôi thứ thờ ở Văn Miếu[7]: đặt bài vị Chu Công ngồi giữa, mặt hướng nam[8]; bài vị Khổng Tử ngồi bên, mặt hướng tây.

Trong sách Luận ngữ có 4 chỗ, Quý Ly lấy làm ngờ, như: Khổng Tử đến yết kiến nàng Nam Tử[9]; Khổng Tử bị hết lương ăn ở nước Trần[10]; Công Sơn triệu, Phật Hất triệu, Khổng Tử đều muốn đến giúp[1]

---

[1] Thâm hiểm thay quan thái sư họ Lê! - Lê Quý Ly sau này xưng là Phụ quốc thái sư, nên chúng tôi cho "Lê sư" là quan thái sư họ Lê. Nhưng theo Đại Việt sử ký bản kỷ, thì có chỗ (quyển 9 tờ 23) tác giả (có thuyết nói là Ngô Thì Sĩ) lại chua là lời sấm Lê Thái Tổ khởi binh, thì chữ "Lê sư" lại có nghĩa là binh lính của Lê Lợi. Câu đồng dao thời đại phong kiến phần nhiều có tính chất huyền bí, khó hiểu thế nào cho thật đúng được.

[2] Nguyên văn là "Quân bất mật tắc thất thần", một câu trong "Hệ tử thượng" kinh Dịch, dùng để giải nghĩa hào "sơ cửu" quẻ Tiết.

[3] Mỗi đô 80 người. Xem thêm Chính biên quyển VII tờ 10 về việc định quân ngũ.

[4] Những châu ở gần.

[5] Tên là Đán, con Văn vương, định quan chế, dựng lễ pháp; đời sau nói đến lễ nhạc, phần nhiều nhắc đến Chu Công.

[6] Tên là Khâu, tự là Trọng Ni, người đời Xuân thu, sửa lại 6 kinh, để tuyên dương phép tắc của đế vương đời trước, là một ông tổ về nho giáo.

[7] Nước ta có Văn Miếu bắt đầu từ đời Lý Thánh Tông (1070), trong Văn Miếu thờ Chu Công, Khổng Tử và bốn vị phối hưởng, bảy mươi hai vị hiền (Xem thêm Chính biên quyển III tờ 30).

[8] Tượng trưng vị chính của thiên tử.

[9] Con gái nước Tống, vợ Linh công nước Vệ, là người tà dâm, việc chép trong thiên Ung Dã.

[10] Khổng Tử ở nước Vệ sang nước Tần, bị hết lương ăn, người đi theo bị đói, không đứng dậy được, việc chép ở thiên Vệ Linh công.

... Về Hàn Dũ[2], Quý Ly cho là "đạo nho"[3]; còn các người hiền như Chu Mậu Thúc[4], hai họ Trình[5], Dương Quy Sơn[6], La Trọng Tố[7], Lý Diên Bình[8] và Chu Tử[9], thì Quý Ly cho là học rộng mà ý nghĩ viễn vông, không sát với tình hình sự việc, chỉ chăm bề cắp nhặt. Mười bốn thiên Minh Đạo dâng lên, Thượng hoàng ban tờ chiếu khen ngợi và phủ dụ. Đoàn Xuân Lôi dâng thư nói: "Không nên như thế". Vì thế, phải phát vãng đi cận châu. Án từ việc này liên can đến Sư Tích, vì Sư Tích đã thường xem đến bức thư ấy, do đấy, Sư Tích cũng bị giáng truất.

Lời phê[10] - Chưa phải đã hoàn toàn sai.

Lời chua - Đoàn Xuân Lôi: Người ở Tân Phúc, thuộc Bắc Giang, thi đỗ thái học sinh năm Xương Phù thứ 8 (1384), niên hiệu Trần Đế Hiện.

Quý Dậu, năm thứ 6 (1393). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 26).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Hồ Cương quản lĩnh quân Tả Thánh Dực.

Quý Ly tự nhận gốc tích họ mình là Hồ, có ý muốn lại theo họ cũ, nên đem Hồ Cương là người thân thích ruột thịt nhà mình giữ chức quan này.

Lời chua - Hồ Cương: Người Diễn Châu.

Tháng 6, mùa hạ. Đại hạn.

Tháng 8, mùa thu. Động đất, thủy tai.

Tháng 9. Hoàng trùng.

Tháng 10, mùa đông. Đem vợ Đế Hiện là Trần thị gả cho thái bảo Trần Nguyên Hàng.

Hậu, tức là Thiên huy công chúa, con gái Thượng hoàng. Sau khi Đế Hiện đã bị giết, Thượng hoàng thường muốn cho hậu cải giá. Nhân một hôm đi chơi hồ Tây, hậu tư bôn với phủ quân ti là Nguyên Uyên; Thượng hoàng giận, đem gả lại cho Nguyên Hàng là em Nguyên Uyên, để cho nhục nhã.

Lời chua - Uyên, Hàng: Đều là con Cung Tín vương Nguyên Trạch.

Giáp Tuất, năm thứ 7 (1394). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 27).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng ban cho Quý Ly bức tranh "tứ phụ"[1].

---

[1] Họ Công Sơn Phất Nhiễu là quan thái tể của họ Quý nước Lỗ, giữ ấp Phí để chống lại họ Quý: Phật Hất là quan thái tể ấp Trung Mâu. Hai việc này đều chép ở thiên Dương Hóa.

[2] Hàn Dũ người ở Nam Dương, tự Thoái Chi, cũng gọi là Hàn Xương Lê, vì tiên tổ Hàn Dũ người ở Xương Lê. Hàn là một danh nho đời Đường.

[3] Theo bài tán ở truyện Lý Phùng Cát trong Đường thư thì người nào ngoài miệng nói đạo nghĩa thánh hiền mà việc làm như kẻ cắp chợ, gọi là "đạo nho". Có lẽ vì Hàn Dũ làm bài "Phật cốt biểu" cực lực bài bác đạo Phật, sau bị giáng chức ra Triều châu, lại giao du thân mật với nhà sư Đại Điên, lời nói và hành động trái ngược nhau, nên Quý Ly cho là "đạo nho".

[4] Chính tên là Chu Đôn Di, tự Mậu Thúc, cũng gọi là Liêm Khê tiên sinh, có làm thuyết Thái Cực đồ và sách Thông thư, Chu là ông tổ trong phái lý học đời Tống.

[5] Trình Hiệu và Trình Di, hai anh em đều là học trò Chu Mậu Thúc. Trình Hiệu, đời gọi là Minh Đạo tiên sinh, Hiệu có sửa định lại sách Tính Lý và thuyết Thái Cực đồ. Trình Di, em Trình Hiệu, tên tự là Chính Thúc, đời gọi là Y Xuyên tiên sinh. Di có làm truyện kinh Dịch và truyện kinh Xuân Thu.

[6] Tên là Thê, tự là Trung Lập, đời gọi là Quy Sơn tiên sinh, Dương là học trò Trình Di, chuyên tâm về việc trứ tác và giảng dạy.

[7] Tên là Tùng Ngạn, tự là Trọng Tố, cũng gọi là Dự Chương tiên sinh, La là học trò Dương Quy Sơn, ở ẩn để đọc sách, không có chí về công danh. La thường nói: "Sĩ phu ra làm quan, căn bản là phải chính trực, trung hậu".

[8] Tên là Đồng, tự Nguyên Trung, cũng gọi là Diên Bình tiên sinh, tinh thông về lý học. Diên Bình là học trò La Trọng Tố và là thày học Chu Hi.

[9] Xem chú thích số 2 ở Cương mục, quyển đầu, tờ 13.

[10] Chỉ việc Hồ Quý Ly phê bình các tiên nho như bọn Hàn Dũ, Chu Tử,...

Thượng hoàng sai vẽ tranh Chu Công giúp Thành vương[2], Hoắc Quang giúp Chiêu Đế[3], Gia Cát Lượng giúp Hậu Chúa[4], Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông[5] gọi là "tứ phụ đồ", ban cho Quý Ly và dặn bảo rằng: "Khanh giúp quan gia[6] cũng nên theo như những người ấy".

Có một đêm, Thượng hoàng nằm mộng thấy Duệ Tông[7] đọc bài thơ rằng: "Trung gian duy hữu xích chủy hầu, ân cần tiềm thướng bạch kê lâu, khẩu vương dĩ định hưng vong sự, bất tại tiền đầu tại hậu đầu"[8]. (Đại ý nói: trung gian có một người xích chủy, lăm le lấn bước lên cái lầu bạch kê, việc nước còn hay mất cũng đã định sẵn rồi, sau này sẽ biết rõ). Khi tỉnh dậy, thượng hoàng dùng lối "triết tự"[9] để phân tích, biết chắc chắn là Quý Ly thế nào cũng cướp mất ngôi vua, lấy làm lo lắm, nhưng tình thế lúc bấy giờ khó có thể chống gỡ lại được nữa.

Tháng tư, sau khi hội họp tuyên thệ xong[10], Thượng hoàng triệu Quý Ly vào cung bảo rằng: "Bình chương là họ thân thích nhà vua[11], hết thảy công việc nhà nước đều ủy thác cho khanh cả, nay thế nước suy yếu, mà trẫm đã đến tuổi già lẫn, sau khi trẫm qua đời, nếu quan gia có thể giúp được thì giúp, nếu là người hèn kém ngu tối, thì khanh tự nhận lấy ngôi vua". Quý Ly tháo bỏ mũ[12], lạy sát đầu xuống đất vừa khóc vừa tạ tội, rồi chỉ lên trời thề rằng: "Nếu tôi không làm thế nào hết trung hết sức để phò tá quan gia, thì dòng dõi nhà tôi sau này sẽ bị trời chán ghét". Quý Ly lại nói: "Lúc Linh Đức vương[13] làm điều bất đức, nếu không nhờ oai linh bệ hạ thì tôi đã ngậm cười dưới đất rồi, còn đâu được đến ngày nay nữa? Tôi dầu nát thịt nát xương cũng chưa thể báo đáp ơn bệ hạ lấy một phần trong muôn phần, còn đâu dám mưu đồ sự khác, xin bệ hạ soi xét tấm lòng ấy cho hạ thần, không nên lo nghĩ quá".

Lời phê[14] - Chỉ có kẻ tiểu nhân thì không sợ trời, không nghĩ gì đến lời nói. Bọn giặc cướp lúc bấy giờ đều thế cả, còn người quân tử thì không như thế.

Lời chua - Xích chủy: Chỉ Quý Ly[15].

---

[1] Bức tranh vẽ bốn quan to ở bốn triều đại đã từng giúp vua khi mới lên ngôi.

[2] Chu Công tên là Đán, giữ chức chủng tể nhà Chu. Khi Chu Vũ vương Phát mất, con là Tụng nối ngôi (tức là Thành vương) mới 13 tuổi, Chu Công thay Thành vương trông coi mọi việc, nhờ có Chu Công mà xã tắc nhà Chu mới yên.

[3] Hoắc Quang giữ chức đại tư mã đại tướng quân dưới triều Hán Vũ đế. Khi Hán Vũ đế mất, con là Phất Lăng mới 9 tuổi lên nối ngôi (tức là Hán Chiêu đế), Hoắc Quang một tay nắm hết quyền bính trong nước để giúp Chiêu đế.

[4] Gia Cát Lượng, tức Khổng Minh, giữ chức thừa tướng dưới triều Chiêu Liệt đế, nhà Hậu Hán (tức Lưu Bị). Khi Lưu Bị mất, con là Lưu Thiện tuy đã trưởng thành, nhưng rất ngu hèn. Gia Cát Lượng phải giúp Lưu Thiện về mọi việc mới chống chọi được với nước Ngụy và nước Ngô.

[5] Tô Hiến Thành giữ chức thái úy dưới triều Lý Cao Tông. Khi Cao Tông mất, con là Long Cán mới 3 tuổi lên nối ngôi. Hiến Thành thay Long Cán điều khiển công việc trong nước. Nhiều lần vợ Lý Cao Tông muốn thay đổi người khác làm vua, Hiến Thành nhất định không nghe.

Bức tranh tứ phụ này, về ba người trên theo điển ở sử Trung Quốc, về Tô Hiến Thành theo điển ở triều Lý nước ta.

[6] Chỉ Trần Thuận Tông.

[7] Em Nghệ Tông, bị tử trận khi đi đánh Chiêm Thành.

[8] Bốn câu thơ chữ Hán này, sách Cương mục đã chua ở dưới.

[9] Một phương pháp riêng của nhà thuật số dùng để tản tự, họ đem những danh từ huyền bí tách ra từng nét, hoặc hợp nét nọ vào với nét kia, chữ nọ vào với chữ kia, hoặc gán ghép vào các giống vật, các câu thành ngữ để đoán mọi sự việc.

[10] Theo tục nhà Trần, hằng năm, vua hội họp bầy tôi làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng Cổ (xem thêm Chính biên quyển VI, tờ 5).

[11] Quý Ly có hai người cô đều lấy Trần Minh Tông, một người sinh ra Nghệ Tông, một người sinh ra Duệ Tông. Vợ Quý Ly lại là Huy Ninh công chúa, một tôn nữ nhà Trần.

[12] Thời đại phong kiến, mỗi khi bầy tôi biết mình có lỗi thì tháo bỏ mũ đương đội trên đầu để tạ tội.

[13] Một tước phong cho Đế Hiện khi bị giáng truất. Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 5-6.

[14] Chỉ việc Quý Ly chỉ tay lên trời thề nguyền.

[15] Sách Cương mục chua chữ "xích chủy" chỉ Quý Ly. Chua như thế có phần đúng, nhưng chưa được rõ. Theo sự nghiên cứu của chúng tôi, thì chữ "chủy" nghĩa đen là mỏ loài chim, mõm loài thú, hay cũng có thể là miệng của người. Nghĩa chữ "chủy" cũng như nghĩa chữ "khẩu". Trong Từ thư không có danh từ "xích chủy", chúng tôi tưởng nghĩa "xích chủy" cũng như nghĩa "xích

Bạch Kê: Chỉ Nghệ Tông, vì Nghệ Tông sinh năm Tân Dậu, cho nên gọi là "bạch kê"[1].

Khẩu vương: Chữ "quốc" ___[2]

Tại hậu đầu: Về việc nước còn hay mất, sau này sẽ thấy rõ.

Tháng 7, mùa thu. Bổ Phùng Cụ làm quan doãn ở Trung Đô.

Trước gọi là quan doãn Kinh Sư[3], đến nay đổi là quan doãn Trung Đô.

Tháng 11, mùa đông. Bổ Nguyên Trừng, con cả Quý Ly, xét đoán công việc ở Thượng lâm tự[4].

Trước kia, đặt viện Đăng Văn kiểm pháp[5] để xét hỏi việc ngục tụng trong nước, đến nay đổi viện làm tự, bổ Nguyên Trừng giữ việc xét xử công việc trong tự ấy.

Tháng 12. Thượng hoàng mất, mai táng ở Nguyên Lăng.

Đặt tên thụy là Quang Nghiêu anh triết hoàng đế, miếu hiệu là Nghệ Tông, ở ngôi vua ba năm, nhường ngôi hai mươi bảy năm, hưởng thọ 74 tuổi.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Nghệ Tông tính tình hòa nhã, giữ lòng kính cẩn lo sợ, nhưng thiếu uy vũ để đánh lui giặc ngoài[6], không đủ sáng suốt để phân biệt lời gièm pha[7], ủy thác chính quyền cho ngoại thích[8], khiến xã tắc nhà Trần đi đến chỗ suy vong! Ấy chính như lời xưa đã nói: "Đằng trước có kẻ sàm nịnh mà không thấy, đằng sau có giặc mà không hay"[9].

Lời cẩn án - Ngày mất và ngày táng cùng trong một tháng là trái lễ, hoặc Sử cũ chép lầm, hoặc là Quý Ly chuyên giữ chính quyền, công việc không theo đúng lễ? Việc này sẽ xét sau.

Lời chua - Nguyên Lăng: Ở xã An Sinh, huyện Đông Triều[10].

Ất Hợi, năm thứ 8 (1395). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 28).

---

khẩu". "Xích khẩu độc thiệt" là nói những người miệng lưỡi thâm độc. Quý Ly là người lắm điều (Dương liễu đa ngôn) gièm pha giết hết người này người khác, nên câu thơ này dùng chữ bí ẩn để ám chỉ Quý Ly, còn chữ "hầu" ở cuối câu này, có thể cắt nghĩa là người nào đó, như quân hầu chẳng hạn, vì thế, chúng tôi dịch chữ "hầu" là "người".

[1] Bạch kê: nghĩa đen là gà trắng. Theo về thuật số học, 12 hàng chi từ tí đến hợi, mỗi chi đều cầm tinh một giống vật, như tuổi tí cầm tinh con chuột, tuổi hợi cầm tinh con lợn, ... Nghệ Tông tuổi Tân Dậu, "tân" thuộc hành kim, loàn kim sắc trắng, "dậu" cầm tinh con gà, vì thế mới dùng chữ "bạch kê" để ám chỉ tuổi Tân Dậu.

[2] Chữ "vương" ở trong lòng chữ "khẩu" thành chữ ___ "quốc" (lối viết đơn giản của ta xưa). Theo quan điểm phong kiến, nước là của vua, nên mới đặt chữ "vương" trong một ô vuông, để tượng trưng ông vua là chủ trong một chu vi rộng lớn ấy. Nhưng theo lối viết đơn giản bây giờ, đặt chữ "ngọc" ___ ở trong một ô vuông, chỉ thêm một nét chấm, mà nghĩa chữ "quốc" bây giờ khác hẳn với chữ "quốc" thời phong kiến.

[3] Tức là chức Kinh Sư đại doãn, như Nguyễn Trung Ngạn đã được làm năm Tân Tị (1341) dưới triều Trần Dụ Tông (Chính biên IX, 40).

[4] Tự đây là nơi quan thự ở thời phong kiến, như Thái thường tự, Hồng lô tự... tuy cùng mặt chữ nhưng khác nghĩa với "tự" là chùa.

[5] Xem thêm Chính biên quyển IX, tờ 44.

[6] Chỉ Chiêm Thành.

[7] Chỉ lời gièm pha của Quý Ly.

[8] Chỉ Quý Ly. Xem thêm chú thích số 6 ở Chính biên quyển XI, tờ 20.

[9] Nguyên văn là "tiền hữu sàm nhi bất kiến, hậu hữu nhi bất tri". Lời Đổng Trọng Thư trong Hán Thư.

[10] Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Tháng 2, mùa xuân. Quý Ly sai giết tôn thất là Nguyên Uyên, Nguyên Dận và sĩ nhân là Nguyễn Phù.

Quý Ly nhận thấy Nguyên Uyên và Nguyên Dận, đương khi để tang Nghệ Tông, thường cùng với Nguyên Phú bàn tán về việc Nhật Chương[1], nên tước họ tôn thất của Uyên và Dận mà đổi là họ Mai, rồi giết đi.

Lời chua - Nguyên Dận: Con Cung Chính vương Sư Hiền. Chế độ cũ nhà Trần, người trong họ tôn thất mà có tội nặng, thì phải tước họ tôn thất mà gọi là họ Mai[2].

Bổ dụng Quý Ly giữ chức Nhập nội phụ chính thái sư bình chương quân quốc trọng sự, Tuyên Trung Vệ quốc đại vương.

Lời phê - Hình tích hành động của Quý Ly gần giống Vương Mãng[3].

Cho Quý Ly đeo phù hiệu kim lân[4], lại được ở tại phía hữu sảnh và đài, đặt tên chỗ ở là "Hoạch Lư"[5]. Nhân đấy, Quý Ly biên dịch thiên "Vô dật"[6] ra quốc ngữ[7] để dạy quan gia[8]. Mệnh lệnh ban ra thì xưng là phụ chính cai giáo hoàng đế[9].

Lời chua - Sảnh: Trung thư sảnh.

Đài: Ngự sử đài.

Sứ thần nhà Minh sang.

Nhà Minh đem quân đánh người Mán bội bạn ở Long châu, sai Nhâm Hanh Thái sang nước ta xin giúp cho 5 vạn người, 50 thớt voi, và 50 vạn thạch lương thực để tiếp tế cho quân. Thâm tâm nhà Minh muốn giả thác việc này để chộp bắt người nước ta. Lúc Hanh Thái đến, đem thâm tâm ấy nói kín cho triều đình biết. Vì thế nước ta không giúp cho lính và voi, chỉ sai quan đưa số gạo, lương đến Đồng Đăng giao nhận xong rồi trở về. Số gạo ấy cũng không được bao nhiêu.

Lời chua - Đồng Đăng: Tên xã, nay thuộc châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn.

Bính Tuất, năm thứ 9 (1396). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 29).

Tháng giêng, mùa xuân. Sa thải một số tăng đạo.

Những sư chưa đến 50 tuổi trở lên đều phải hoàn tục. Lại thi người nào thông hiểu đạo Phật, trao cho chức Tăng đường đầu mục[10] và tri cung, tri quán, tri tự, ngoài ra gọi là tu nhân[11], hoặc thị giả[1].

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 16-17 việc Quý Ly giết Nhật Chương (việc năm Nhâm Thân, 1392).

[2] Xem thêm Chính biên quyển VIII, tờ 14: việc Trần Kiện, Trần Văn Lộng.

[3] Giữ chức đại tư mã dưới triều Bình Đế nhà Tây Hán, sau giết Bình Đế. Lập nhụ tử Anh, Vương Mãng nắm hết chính quyền trong nước, tự xưng là Hoàng đế giả, cuối cùng cướp ngôi vua nhà Hán, đặt tên nước là Tân.

[4] Phù hiệu có chạm hình con lân bằng vàng.

[5] Nguyên văn chữ Hán là ___ ___. Riêng chữ ___ có hai âm: "Hoạch" và "họa" nên hai chữ này có thể đọc là "hoạch lư" cũng có thể đọc là "họa lư". Theo chú thích trong Từ nguyên thì danh từ này có nhiều nghĩa: a) nhà ở của người bầy tôi thân cận với nhà vua để định kế hoạch trong nước; b) nhà có chạm trổ; c) nhà có vẽ hình các vua hiền đời trước; d) nhà của một chức quan về triều nhà Hán.

[6] Một thiên trong sách Thượng thư, do Chu Công Đán làm ra để khuyên răn Thành vương nhà Chu. Trong sách phần nhiều nhấn mạnh về việc làm vua phải biết việc cày cấy của dân khó nhọc, không nên đánh thuế nặng, ... Hai chữ "vô dật" nghĩa là chớ có ở dưng, chớ có chơi bời làm lãng phí thì giờ.

[7] Tức là quốc âm.

[8] Chỉ Trần Thuận Tông.

[9] Sáu chữ này nghĩa là giúp vua giữ chính quyền trong nước kiêm cả việc dạy bảo vua.

[10] Có lẽ một chức đứng đầu nhà sư.

[11] Người tu luyện pháp môn cửa phật.

Tháng 3. Duyệt binh.

Tháng 4, mùa hạ. Bắt đầu ban hành tiền "thông bảo hội sao".

Thiếu bảo Vương Nhữ Chu đề nghị đổi lại chế độ. Quý Ly nghe theo, mới định chế độ tiền giấy như sau: loại 10 đồng vẽ rau rong; loại 30 đồng vẽ thủy ba; loại một tiền vẽ đám mây, loại hai tiền vẽ con rùa; loại ba tiền vẽ con lân; loại 5 tiền vẽ con phượng; loại một quan vẽ con rồng. Người nào làm giả phải tội tử hình, tịch thu điền sản sung công. Khi tiền giấy đã in xong, hạ lệnh cho dân được đem tiền thực đổi lấy tiền giấy: cứ một quan tiền thực chất đổi lấy tiền giấy một quan hai tiền. Cấm chỉ dân gian không được dùng tiền đồng, bao nhiêu tiền đồng đều nộp vào quan, nếu như người nào tàng trữ riêng hoặc tiêu dùng riêng cũng phải tội như người làm giả tiền giấy.

Định thể lệ thi cử.

Hồi đầu đời Trần thi học trò, thể văn không được nhất định, đến nay mới định ra thể văn bốn kỳ thi, bỏ lối ám tả cổ văn, năm trước thi hương, năm sau thi hội, người nào trúng tuyển thì thi một bài văn sách để định thứ tự đỗ cao, đỗ thấp.

> **Lời chua -** Thể văn bốn kỳ (tứ trường văn thể): Kỳ đệ nhất: thi một bài kinh nghĩa, có đoạn phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, nguyên đề, đại giảng, chước kết, bài làm hạn trên năm trăm chữ. Kỳ đệ nhị: thi một bài thơ và một bài phú. Thể thơ dùng luật Đường; phú dùng cổ thể, hoặc thể Ly Tao, thể Văn tuyển, riêng bài phú cũng hạn trên năm trăm chữ. Kỳ đệ tam: thi chiếu, chế và biểu mỗi thể một bài, bài chiếu dùng văn thể đời Hán, bài chế và bài biểu dùng văn thể tứ lục đời Đường. Kỳ đệ tứ: thi một bài văn sách, quan trường dùng điển tích ở sách kinh, sách sử và thời sự để ra đầu bài, hạn trên một ngàn chữ.

Tháng 6. Quy định thể lệ mũ và áo.

Về áo mặc: viên quan nhất phẩm mặc áo màu tía, nhị phẩm màu đại hồng, tam phẩm màu hồng điều, tứ phẩm màu lục, ngũ phẩm và thất phẩm màu biếc, bát và cửu phẩm màu xanh. Người không có phẩm cấp và hạng hoành nô[2] đều dùng màu trắng. Về khăn hoặc mũ: hàng quan văn từ lục phẩm trở lên đội khăn cao sơn, hàng quan võ từ lục phẩm trở lên khăn chiết xung; họ tôn thất đội khăn phương thắng màu đen, người nào chức cao mà không có tước đội khăn giác đính; viên quan thất phẩm đội khăn thái cổ, tùng thất phẩm đội khăn toàn hoa, vương hầu đội khăn viễn du, ngự sử đài đội khăn khước phi. Thể lệ mũ áo này là theo lời kiến nghị của thiếu bảo Vương Nhữ Chu.

> **Lời chua -** Mũ viễn du: Theo "Du phục chí" trong Hậu Hán thư, thì kiểu mũ này cũng chế như mũ thông thiên, cao 9 tấc, thân mũ đứng thẳng lên, đỉnh mũ hơi lõm vào, thẳng chỗ lõm xuống ấy làm một vòng sắt (cầu mũ), nằm ngang ở trước vòng sắt có cái ống suốt ngang để có thể tháo vòng sắt ra hoặc tra vào được.
>
> Mũ cao sơn: Cũng chế như kiểu mũ viễn du, nhưng không lõm xuống, đứng thẳng, không có ống suốt tháo ra lắp vào.
>
> Mũ khước phi: Chế như kiểu mũ trường quan, cao 7 tấc, rộng 5 tấc, làm bằng cật tre, nhưng bên dưới co lại.
>
> Mũ thái cổ: Theo Lễ ký, thì mũ thái cổ là mũ của người mới gia quan, mũ vải thâm.
>
> Còn các mũ khác kiểu chế như thế nào không rõ.

Đinh Sửu, năm thứ 10 (1397). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 30).

---

[1] Xem Chính biên, quyển XI, tờ 1, chú thích số 1 về chữ "thị giả".

[2] Xem lời chua ở Chính biên quyển VI, tờ 9.

Tháng giêng, mùa xuân. Quý Ly sai Lại bộ thượng thư[1] Đỗ Tỉnh (có chỗ chép là Mẫn) đi Thanh Hoá dựng kinh đô mới.

Trước đây, Quý Ly kiến nghị muốn dời kinh đô đến Yên Tôn, Hành khiển Phạm Cự Luận can ngăn. Quý Ly nói: "Chí ta đã quyết định từ trước, nhà ngươi còn nói làm gì nữa?". Đến nay, Quý Ly sai Đỗ Tỉnh đến Yên Tôn xem xét đo đạc, đắp thành, đào hào, lập nhà tôn miếu, đàn thờ thần xã[2], mở phố sá, đường ngõ, có ý muốn dời kinh đô đến đấy. Viên xu mật chủ sự thị sử là Nguyễn Nhữ Thuyết lại dâng thư can, đại lược nói: "Ngày trước nhà Chu, nhà Ngụy thiên đô, sau đều không sao ngóc lên được. Nay đất Long Đỗ[3], có núi Tản Viên, có sông Nhị Hà, cao sâu phẳng rộng, từ trước, các đời đế vương mở cơ nghiệp dựng nước, không đời nào không lấy đất này làm nơi căn bản, vì thế mà mặt bắc chống giặc Nguyên thì quân Nguyên bị giết, mặt nam đánh Chiêm Thành thì giặc Chiêm nộp đầu, những việc ấy chả phải nhờ ở địa thế tiện lợi mới được như thế là gì? Dám xin nghĩ lại một chút, để làm kế vững vàng cho nước nhà. Còn như Yên Tôn địa thế nhỏ hẹp hẻo lánh, chỗ này là nơi sơn cùng thủy tận, không thể định cư được, trông cậy vào nơi hiểm trở, thì có ích gì? Cổ ngữ có câu: "Cần ở đức, không cần nơi hiểm trở". Quý Ly không nghe. Sau, đến kỳ xét công trạng các quan, khi trông thấy tên Nhữ Thuyết, Quý Ly nói anh này là người nói "cần ở đức, không cần ở nơi hiểm trở" đây, rồi truất bỏ, không dùng nữa.

Lời chua - Động Yên Tôn: Nay ở xã Yên Tôn, huyện Vĩnh Lộc, nền cũ của thành vẫn còn, bên tả bên hữu thành đều sát với núi đá, hai con sông Lương và sông Mã hợp lưu ở đằng trước, vì thế nên Nguyễn Nhữ Thuyết nói là địa thế nhỏ hẹp, hẻo lánh, thủy tận sơn cùng.

Long Đỗ: Tức thành Đại La. Lúc Cao Biền nhà Đường mới đắp thành này, thấy thần nhân hiện lên tự xưng là thần Long Đỗ, vì thế mới thành tên[4].

Tản Viên: Tên núi. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chính biên I, 34).

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên II, 13).

Tháng 4, mùa hạ. Đổi gọi các lộ, các phủ là trấn.

Quý Ly muốn dời kinh đô vào Thanh Hóa, mới đổi Thanh Hóa làm Thanh Đô trấn, lại đổi Quốc Oai lộ làm Quảng Oai trấn, Đà Giang lộ làm Thiên Hưng trấn, Nghệ An lộ làm Lâm An trấn, Trường Yên lộ làm Thiên Quan trấn, Diễn Châu lộ làm Vọng Giang trấn, Lạng Sơn phủ làm Lạng Sơn trấn, Tân Bình phủ làm Tân Bình trấn. Bãi bỏ chức đại tiểu ti xã[5], duy chức quản giáp[6] vẫn đặt như cũ.

Lời cẩn án - Về việc này, tên đất theo cũ hay đổi mới, chia ra hay hợp lại, không thể hiểu rõ được, hoặc giả chỉ đổi có bấy nhiêu nơi gọi là trấn, còn các nơi khác vẫn gọi là lộ, hoặc đổi tất cả làm trấn mà tên đất vẫn theo như cũ, Sử cũ không trình bày rõ rang, tất cả đều không có chứng cớ đích xác, sẽ khảo cứu sau.

Lời chua - Thanh Hóa, Đà Giang, Nghệ An, Lạng Sơn: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 20-23, 30, 31).

Quốc Oai: Xem Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Trường Yên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chính biên II, 11).

---

[1] Bộ quan trọng nhất trong sáu bộ, phụ trách công việc tuyển bổ cất nhắc, bãi miễn các quan.

[2] Đàn thờ thần thổ địa. Theo tục xưa, từ vua đến dân đều lập đàn thờ thần thổ địa để cầu phúc.

[3] Tức Thăng Long, nay là Hà Nội. Xem thêm "Lời chua" ở sau của Cương mục.

[4] Xem thêm Tiền biên quyển V, tờ 10-11.

[5] Xem thêm Chính biên quyển VI, tờ 21-22.

[6] Xem thêm Chính biên quyển II, tờ 24-25.

Diễn Châu[1]: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điền Lộ thứ nhất (Tiền biên IV, 20).

Tân Bình: Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ nguyên niên (Chính biên III, 29).

Quy định chức quan giữ việc ở lộ, phủ, châu và huyện.

Ở lộ đặt An phủ sứ và chức phó, ở phủ đặt trấn phủ sứ và chức phó, ở châu đặt thông phán và thiêm phán, ở huyện đặt lệnh úy và chủ bạ. Quan chức ở lộ thống trị phủ, phủ thống trị châu, châu thống trị huyện. Phàm những sổ hộ, tiền, thóc, ngục tụng ở phủ, châu, huyện đều tổng hợp lại làm sổ trong một lộ, cứ đến cuối năm báo cáo lên sảnh[2], để tiện tra khảo. Lại đặt các chức đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản, thái thú để quản trị công việc. Bổ dụng phó tướng Lê Hán Thương quản lĩnh Đô hộ phủ ở lộ Đông Đô, Thái bảo Trần Nguyên Hàng quản lĩnh thống phủ ở lộ Bắc Giang, Trần Nguyên Trữ quản lĩnh đô thống phủ ở lộ Tam Giang, Thiếu bảo Vương Nhữ Chu coi giữ công việc quân dân ở lộ Thiên Trường phủ, Hành khiển Hà Đức Lân làm thái thú ở lộ Tân An phủ.

Lời cẩn án - Ở lộ đã có chức an phủ, mà lại còn đặt đô hộ và đô thống, ở phủ đã có chức trấn phủ, mà lại còn đặt tri phủ và thái thú, có lẽ cốt để cho công việc được thống nhất mà các viên quan đứng đầu phải kiêm việc trông coi, vì thế, nên đều dùng các viên đại thần giữ những chức ấy. Chẳng qua lúc bấy giờ Quý Ly sắp cướp ngôi vua nhà Trần, cho nên đặt ra các chức quan trọng đại, để phân phối công việc cho các người trong đảng mình.

Lời chua - Đông Đô: Tức thành Thăng Long. Lúc ấy gọi Thanh Hóa là Tây đô, Thăng Long là Đông đô.

Tam giang: Từ đời Lý trở về trước, là những đất ở châu Phong và châu Chân Đăng; đến đời Trần mới đặt làm lộ Tam Giang, vì địa thế ở đấy có ba con sông: Lô, Thao và Đà, cho nên nhân đất mà đặt tên; nhà Lê chia ra làm các phủ Thao Giang, Đà Giang và Đoan Hùng; nay là địa phận các phủ Lâm Thao[3], Đoan Hùng[4] và Quảng Oai thuộc các tỉnh Tuyên Quang, Hưng Hóa và Sơn Tây.

Sảnh: Tức Thượng thư. Trung thư môn hạ sảnh.

Tháng 5. Đặt chức học quan ở các lộ, cấp cho ruộng hoặc nhiều hoặc ít có khác nhau.

Tờ chiếu nói: "Đời cổ[5] ở trong nước có nhà quốc học[6], ở đảng[7] có nhà tự[8], ở toại[9] có nhà tường[10], chủ ý cốt làm cho giáo hóa được sáng tỏ, phong tục được thuần hậu, chính sách ấy trẫm rất hâm mộ. Nay thể lệ về nhà học của nước đã đầy đủ, nhưng ở châu ở huyện hãy còn thiếu sót, thì làm thế nào mà mở rộng được đạo dạy dân? Vậy hạ lệnh cho phủ và châu thuộc các lộ Sơn Nam, Kinh Bắc và Hải Đông đều đặt một viên quan giáo thụ giữ về việc học, cấp cho ruộng theo đẳng cấp sau này: phủ và

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXI, 21-22: chỗ chú thích về Nghệ An.

[2] Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

[3] Hai phủ này bây giờ đều thuộc tỉnh Phú Thọ.

[4] Hai phủ này bây giờ đều thuộc tỉnh Phú Thọ.

[5] Chỉ đời tam đại: Hạ, Thương và Chu ở Trung Quốc.

[6] Nhà học của cả nước, từ đời nhà Tùy trở về sau gọi là Quốc Tử giám.

[7] Đời cổ cứ 500 nhà ở chung một nơi gọi là "đảng".

[8] Tên trường hương học, nhà Hạ gọi là "hiệu", nhà Thương gọi là "tự" nhà Chu gọi là "tường". Về sau, trường huyện học cũng gọi là "tường", như trường ở một ấp, gọi là ấp tường; trường một huyện gọi là huyện tường...

[9] Những địa phận ở nơi biên viễn xa kinh kỳ ngày xưa gọi là "toại".

[10] Tên trường hương học, nhà Hạ gọi là "hiệu", nhà Thương gọi là "tự", nhà Chu gọi là "tường", như trường ở một ấp, gọi là ấp tường; trường một huyện gọi là huyện tường...

châu hạng lớn 15 mẫu, hạng trung bình 12 mẫu, hạng nhỏ 10 mẫu, để lấy hoa lợi ruộng ấy mà chi dùng vào việc học trong phủ hoặc châu. Viên quan cai trị ở lộ đôn đốc viên quan giữ việc học phải dạy bảo học trò, cho thành người tài năng văn nghệ. Hằng năm, cứ đến cuối năm, lựa chọn người nào ưu tú tiến cống vào triều, trẫm sẽ thân hành thi lại rồi cất nhắc bổ dụng".

Lời chua - Hải Đông: Tức An Bang[1].

Sơn Nam, Kinh Bắc: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 26-28).

Tháng 6. Lập phép hạn điền.

Trước đây, các nhà tôn thất thường sai nô tì đắp đê ngăn nước mặn ở địa phận những nơi ven biển, hai ba năm khai khẩn thành ruộng, lập làm trang trại riêng. Đến nay lập phép hạn điền, chỉ có đại vương và trưởng công chúa[2] thì ruộng không bị hạn định, còn thứ nhân không được quá 10 mẫu ruộng. Người nào ruộng quá hạn định thì phải nộp vào quan, người nào phạm tội được phép đem ruộng chuộc tội.

Tháng 10, mùa đông. Quý Ly bắt em nhà vua rời kinh đô vào Thanh Hóa và giết hai người cung nữ.

Nhà vua đi An Sinh để bái yết lăng tẩm, Quý Ly bắt ép xa giá cùng đi đến sông Đại Lại; lúc ấy cung nhân là Trần Ngọc Ky và Trần Ngọc Kiểm nói kín với nhà vua là nếu thiên đô, tất nhiên có việc cướp ngôi. Quý Ly nghe biết chuyện cho rằng viên miếu lệnh là Lê Hợp và viên phụ đạo ở Cổ Lũng là Lương Ông đều đồng mưu, nên giết cả mấy người này. Rồi sai Hành khiển Lương Nguyên Bưu dỡ các điện Thụy Chương và Thiên An bắt dân các châu Từ Liêm và Nam Sách chở gạch ngói và gỗ đến kinh đô mới: khi đi đường thủy, gặp gió bão, bị chìm đắm mất quá nửa.

Lời chua - Cổ Lũng: Tên huyện. Nhà Lê đổi là Hữu Lũng; nay theo như cũ, thuộc tỉnh Bắc Ninh[3].

Phụ đạo: Tên quan thổ tù.

Từ Liêm: Tên huyện, đặt từ thời nhà Đường; nhà Trần gọi là châu; nhà Lê lại đặt làm huyện; nay theo như cũ, thuộc tỉnh Hà Nội[4].

Nam Sách[5]: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 14 (Chính biên X, 6).

Sông Đại Lại: Xem Trần Nghệ Tông, năm Đại Khánh thứ nhất (Chính biên X, 26).

Mậu Dần, năm thứ 11 (1398). (Từ tháng 3 trở về sau, thuộc Thiếu Đế năm Kiến Tân thứ nhất. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 31).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua truyền ngôi cho Hoàng thái tử An[6]. Thái tử lên ngôi, tôn Khâm thánh hoàng hậu làm hoàng thái hậu. Quý Ly tự xưng là đại vương, thay vua giữ chính quyền trong nước.

Quý Ly có chí cướp ngôi vua đã lâu, nhưng trót thề với Nghệ Tông[7], nay trái lời thề cũng có ý ngại, bèn ngầm sai đạo sĩ[1] Nguyễn Khánh ra vào trong cung, khuyên nhà vua rằng: "Cảnh tiên thanh

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXI, tờ 29.

[2] Chị hoặc em ruột vua.

[3] Nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

[4] Nay là đất huyện Từ Liêm (Hà Nội) và Hoài Đức (Hà Tây).

[5] Xem thêm Tiền biên quyển V, tờ 22.

[6] Nguyên văn trong Cương mục chép là ___ và chua ở dưới rằng "đã khảo cứu trong Tự điển, và Bị khảo Bổ di đều không có chữ này, không rõ âm là gì". Ở đây chúng tôi chỉ căn cứ vào tự dạng có chữ "an" ở trên, nên phiên là An cho đủ âm mà thôi.

[7] Xem thêm Chính biên quyển XI tờ 20.

thú, khác hẳn trần gian, các thánh đế triều ta chỉ ham chuộng về Phật giáo, chưa có vị nào giao du với người tiên đắc đạo. Nay bệ hạ ở nơi cửu ngũ[2] tôn nghiêm, nhọc lòng với muôn việc, chi bằng truyền ngôi cho đông cung theo tiên tu đạo để cho cái đức khiêm cung thuần hoà ngày thêm sáng sủa". Nhà vua nhận lời, bèn tâu lục văn[3] phụng lĩnh đạo giáo ghi tên vào sổ tu tiên. Quý Ly dựng cung Bảo Thanh ở phía tây nam núi Đại Lại, rước vua ra ở. Nhà vua bèn hạ chiếu truyền ngôi, đại lược tờ chiếu nói: "Trẫm lúc trước vẫn mến tưởng phong vị thanh tao, không có bụng muốn ngự xe hoàng ốc[4]. Vả lại, trẫm là người không có đức, làm nhục đến ngôi vua, thực không sao đương nổi công việc. Nay truyền ngôi để nghiệp lớn được lâu dài. Hoàng thái tử An cần được lên ngôi vua (tức là Thiếu Đế), phụ chính thái sư Lê Quý Ly lấy danh nghĩa là quốc tổ[5] thay giữ chính quyền, trẫm tự xưng là Thái thượng nguyên quân hoàng đế, bồi dưỡng lòng trai khiết ở cung Bảo Thanh, để thoả được ý muốn trước kia của trẫm".

Lúc ấy Thái tử mới 3 tuổi, khi nhận tờ chiếu truyền ngôi, không biết lạy. Quý Ly sai Thái hậu lạy đằng trước để Thái tử theo sau. Quý Ly tự xưng là Khâm đức Hưng liệt đại vương. Bảng văn[6] nói "Trung thư, Thượng thư sảnh phụng Nhiếp chính cai giáo hoàng đế thánh chỉ"[7]. Ngày hôm ấy lên ngự điện ở kinh đô mới, làm lễ khánh thành, ban yến cho các quan từ hàng ngũ phẩm trở lên, cho phép con trai con gái được ngày đêm dạo chơi ngắm cảnh ở cửa nam kinh thành.

Lời chua - Núi Đại Lại: Xem Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 12 (Chính biên XI, 6).

Đo đạc ruộng cho dân. Giáng chức Hành khiển Hà Đức Lân làm Thượng thư bộ Hộ.

Hạ lệnh cho dân, người nào có ruộng phải cung khai báo cáo số mẫu ruộng, trên mặt ruộng phải cắm thẻ tiêu đề họ tên của mình, các quan ở lộ, phủ, châu và huyện phải hội đồng kiểm xét đo đạc, làm thành sổ sách 5 năm mới xong. Ruộng nào không có người cung khai đoan nhận, thì nhà nước lấy làm ruộng công. Lúc ấy, Đức Lân nói kín với người nhà rằng: "Đặt ra phép này chỉ để ăn cướp ruộng của dân đấy thôi". Quý Ly nghe biết, liền giáng chức Đức Lân.

Kỷ Mão, Thiếu Đế năm Kiến Tân thứ 2 (1399). (Minh, năm Kiến Văn thứ 1).

Quý Ly giết Thượng hoàng ở quán Ngọc Thanh.

Sau khi đã truyền ngôi vua, Thuận Tông dời ra ở quán Ngọc Thanh. Quý Ly ngầm sai nội tẩm học sinh Nguyễn Cẩn đi theo để trông nom coi sóc. Thuận Tông hỏi Cẩn: "Anh đi theo ta, ý muốn làm gì?". Cẩn không nỡ nói rõ. Quý Ly làm thơ bảo Cẩn rằng: "Nếu nguyên quân[8] không chết, thì nhà ngươi phải chết". Cẩn dâng thuốc độc, Thuận Tông không chết, lại dâng nước dừa và không cho ăn, cũng không chết. Quý Ly bèn sai Xa kỵ thượng tướng quân Phạm Khả Vĩnh đem thắt cổ cho chết.

Lời chua - Quán Ngọc Thanh: Nay ở thôn Đạm Thủy, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương.

---

[1] Người tôn sùng đại giáo của Lão tử. Xem thêm chú thích số 4 ở Chính biên quyển VIII, tờ 39.

[2] Tượng trưng ngôi vua, do hào Cửu Ngũ trong quẻ Kiền là một quẻ thuần dương, ở kinh Dịch: "Long phi tại thiên, lợi kiến đại nhân". Ý nói rồng bay trên trời, thì thiên hạ thấy có ông vua đức độ to lớn.

[3] Nguyên văn chép là "tấu lục". Những bí quyết của nhà đạo giáo đều gọi là "lục". Người thụ đạo, lúc bắt đầu được nhận năm ngàn lục văn, sau được nhận tam động lục. Lục văn đều viết chữ trắng, ghi tên các thiên tào, quan thuộc và tá lại.

[4] Đời xưa xe của vua, ngoài bọc lụa sắc vàng, nên gọi là hoàng ốc, sau người ta dùng chữ hoàng ốc để tượng trưng ngôi vua.

[5] Vợ Thuận Tông là con gái trưởng Quý Ly, Thái tử An gọi Quý Ly bằng ông ngoại.

[6] Tờ yết thị dán vào cái bảng treo ở cửa kinh thành cho mọi người biết.

[7] Năm chữ "Trung thư, Thượng thư sảnh" là nêu rõ chức quan có trách nhiệm làm tờ yết thị dán trên bảng. Cả 14 chữ này nghĩa là: quan chức trong sảnh Trung thư, Thượng thư vâng theo thánh chỉ của vị nhiếp chính cai giáo hoàng đế (tức Quý Ly). - Riêng hai chữ "Thánh chỉ" nghĩa là chỉ dụ của thánh ban ra, theo chế độ phong kiến chỉ có vua mới được dùng hai chữ này.

[8] Theo Đạo đức kinh thì những người tu hành thành tiên, con trai gọi là chân nhân, con gái là nguyên quân. Chữ "nguyên quân" ở đây chỉ Trần Thuận Tông vì Thuận Tông sau khi truyền ngôi cho con, tự xưng là Thái Thượng Nguyên quân hoàng đế.

Bọn Thái bảo Trần Nguyên Hàng và thượng tướng quân Trần Khát Chân mưu giết Quý Ly không xong, lại bị Quý Ly giết.

Bọn Thái bảo Trần Nguyên Hàng và thượng tướng quân Trần Khát Chân bàn định đến ngày hội họp tuyên thệ[1] sẽ giết Quý Ly. Đến ngày ấy, hội thề ở Đốn Sơn, Quý Ly lên trên lầu nhà Khát Chân để xem, nghi vệ y như thiên tử đi tuần du. Lúc ấy Phạm Tổ Thu và thích khách là Phạm Ngưu Tất cầm vững tay kiếm muốn xông lên, Khát Chân trừng mắt nhìn, hai người bèn không quả quyết tiến lên nữa. Quý Ly thấy chột dạ, liền đứng dậy, vệ sĩ hộ vệ để xuống. Ngưu Tất quăng thanh kiếm xuống đất, nói: "Cả lũ chỉ chết uổng mất thôi!". Việc ấy bị tiết lộ, Thái bảo Nguyên Hàng, trụ quốc Nhật Đôn, tướng quân Trần Khát Chân, Phạm Khả Vĩnh, thượng thư Hà Đức Lân, Hành khiển Lương Nguyên Bưu và bọn Phạm Ông Thiện, Phạm Tổ Thu, Phạm Ngưu Tất cùng người thân thích liêu thuộc hơn ba trăm bảy mươi người đều bị hại, gia sản bị tịch thu. Những người liên can bị bắt, hết năm này sang năm khác chưa xong. Ở ngoài đường sá, người ta chỉ lấy mắt nhìn nhau, dầu hai người cũng không dám nói chuyện. Lễ hội thệ từ đây bãi bỏ.

Lời chua - Đốn Sơn: Nay ở xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, còn có miếu thờ Khát Chân[2].

Tháng 6. Quý Ly tự xưng là Quốc Tổ chương hoàng.

Quý Ly ở cung Nhân Thọ, bảng văn đề là "phụng nhiếp chính quốc tổ chương hoàng", mặc áo sắc bồ hoàng (sắc vàng), khi đi ra đi vào dùng 12 cây lọng vàng, y như nghi trượng thiên tử, nhưng còn xưng là "dư"[3] chưa dám xưng là "trẫm"[4]. Còn con Hán Thương xưng quyền chức Thái phó, ở bên hữu điện Hoàng Nguyên; Nguyên Trừng làm Tư đồ.

Tháng 7, mùa thu. Quý Ly bắt giam Nguyễn Dụng Phủ, rồi lại tha.

Dụng Phủ dâng thư lên Quý Ly đại lược nói: "Chương hoàng là hiệu gì? Bồ hoàng là sắc gì? Đối với việc tiên đế[5] phó thác thì sao?". Quý Ly nổi giận, bắt giam mấy ngày, sau lại tha ra.

Lời chua - Dụng Phủ: Người ở Hoằng Hóa thuộc Thanh Hóa.

Tháng 8. Quân ở Đà Giang nổi dậy. Tháng 12, mùa đông. An phủ sứ ở lộ Đông Đô là Nguyễn Bằng Cử dẹp yên được.

Trước đây, Nguyễn Nhữ Cái ở Đà Giang, trốn đến Thiết Sơn làm bảo sao (tiền giấy) giả, gặp lúc Thuận Tông bị hại, Khát Chân bị chết, Nhữ Cái liền chiêu dụ dân lành, được hơn một vạn người, đi lại quấy rối cướp bóc ở quãng sông Đáy, sông Đà, núi Tản, núi Lịch; châu, huyện không thể chống cự nổi. Quý Ly sai Bằng Cử điều binh đi đánh, dẹp yên được.

Lời chua - Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 30).

Đông Đô: Xem Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Sông Đáy: Phát nguyên từ núi Tam Đảo, chảy qua địa phận các huyện Tam Dương và Lập Thạch thuộc tỉnh Sơn Tây[6], đổ vào sông Bạch Hạc.

Núi Tản: Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chính biên III, 32).

---

[1] Xem thêm chú thích số 4 ở Chính biên quyển XI, tờ 20.

[2] Theo Đại Nam nhất thống chí thì Đốn Sơn là gia hương Trần Khát Chân. Khi bị hành hình, Khát Chân đứng trên Đốn Sơn kêu ba tiếng thật to rồi chết, ở địa phương này có 29 đền thờ Khát Chân.

[3] Chữ "dư" ___ và chữ "trẫm" ___ theo Việt Nam đều nghĩ là ta, nhưng theo chế độ phân biệt đẳng cấp đời phong kiến thì chữ "dư" dùng chung cho người trên đối với người dưới, chữ "trẫm" để riêng cho vua xưng với thần dân.

[4] Chữ "dư" ___ và chữ "trẫm" ___ theo Việt Nam đều nghĩ là ta, nhưng theo chế độ phân biệt đẳng cấp đời phong kiến thì chữ "dư" dùng chung cho người trên đối với người dưới, chữ "trẫm" để riêng cho vua xưng với thần dân.

[5] Chỉ Trần Nghệ Tông.

[6] Hai huyện này nay đều thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Núi Lịch: Ở địa phận huyện Sơn Dương, tỉnh Sơn Tây[1].

Thiết Sơn: Nay không rõ ở đâu.

Canh Thìn, năm thứ 3 (1400). (Từ tháng 3 trở về sau thuộc Hồ Quý Ly, năm Thánh Nguyên thứ 1. - Minh, năm Kiến Văn thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Quý Ly truất nhà vua làm Bảo Ninh đại vương, Quý Ly tự xưng hoàng đế.

Quý Ly nói thác ra rằng nhà vua truyền ngôi cho. Bầy tôi khuyên mời lên ngôi vua. Quý Ly giả vờ thoái thác nói: "Ta sắp đến ngày xuống lỗ rồi[2], nếu làm như thế, thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế[3] ở dưới đất được?". Bầy tôi ba lần dâng tờ biểu, mới nhận lời, xưng là hoàng đế, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, đổi quốc hiệu là Đại Ngu và đổi họ mình là họ Hồ, truất Thiếu Đế làm Bảo Ninh đại vương, vì Thiếu Đế là cháu ngoại[4], nên không giết chết.

Lời chua - Quý Ly[5] gốc tích họ Hồ, họ Hồ là con cháu Ngu Thuấn[6]. (Con Ngu Yên là Vĩ Mãn, được Chu Vũ vương phong cho ở đất Trần, gọi là Hồ Công, sau dùng chữ Hồ làm họ), cho nên đổi họ là Hồ, đổi quốc hiệu là Đại Ngu.

Quý Ly đặt chức liêm phóng sứ[7] ở các lộ.

Quý Ly sai liêm phóng sứ chia nhau đến các lộ, bí mật dò hỏi kẻ hay người dở về quan lại, việc lợi hại ở dân gian, để thi hành việc giáng truất hay cất nhắc bọn quan lại. Điều lệ này định làm thể thức lâu dài. Từ đấy, chức thú[8] chức lệnh[9] mới luôn luôn thay đổi.

Tháng 8, mùa thu. Thi thái học sinh[10].

Lưu Thúc Kiệm, Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Hoàng Hiến, Nguyễn Thành, Bùi Ứng Đẩu, tất cả 20 người đều dự trúng tuyển.

Lời chua - Thúc Kiệm: Người huyện Gia Định thuộc Bắc Giang[11].

Nguyễn Trãi: Người huyện Thường Phúc thuộc Sơn Nam[12].

Vũ Mộng Nguyên: Người huyện Đông Sơn, thuộc Thanh Hóa.

Hoàng Hiến: Người huyện Tiên Du, thuộc Bắc Giang[13].

Nguyễn Thành: Người huyện Thần Khê[1].

---

[1] Nay thuộc tỉnh Tuyên Quang. Lúc toàn quốc kháng chiến gọi là Châu Tự do.

[2] Năm ấy Quý Ly đã 65 tuổi.

[3] Chỉ Trần Nghệ Tông.

[4] Xem chú thích số 2 ở Chính biên quyển XI, tờ 32.

[5] Xem thêm tiểu sử Hồ Quý Ly: Chính biên quyển X, tờ 31-32.

[6] Một vua đời thượng cổ Trung Quốc, Ngu Thuấn được Đường Nghiêu truyền ngôi cho. Sau thường gọi đời ấylà đời Đường - Ngu, hay đời Nghiêu - Thuấn.

[7] Như chức thanh tra bây giờ.

[8] Thú: thái thú; lệnh: lệnh doãn. Những chức quan đứng đầu ở phủ, ở châu hoặc ở huyện.

[9] Thú: thái thú; lệnh: lệnh doãn. Những chức quan đứng đầu ở phủ, ở châu hoặc ở huyện.

[10] Tức khoa thi tiến sĩ.

[11] Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[12] Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[13] Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ứng Đẩu: Người huyện Sơn Vi[2].

Quý Ly sai tướng là bọn Trần Tùng, Đỗ Mẫn đem quân đánh Chiêm Thành, nhưng không thắng, rút quân về.

Chúa Chiêm Thành là La Ngại mất, con là Ba Đích Lại mới lập làm chúa, Quý Ly muốn nhân cơ hội ấy để cầu lợi, mới dùng Đỗ Mãn làm đô tướng thủy quân Trần Vấn làm chức phó, Trần Tùng làm Đô tướng bộ quân, Đỗ Nguyên Thác làm chức phó, quản lĩnh mười lăm vạn quân, tiến đến biên cảnh Chiêm Thành. Tùng nghe lời Đinh Đại Trung, dẫn đạo quân bộ đi ven theo chân núi, cách xa với đạo quân thủy, lúc ấy nước lũ đã xô đến, ba ngày tướng sĩ không có lương, phải nướng mai rùa, da thú để ăn[3], bèn kéo quân về. Quý Ly cho rằng Tùng đi con đường hiểm trở, làm trái mất quân cơ, đáng phải tội chết chém, nhưng vì có công trong lúc ở nơi tiềm để[4], nên đem công chuẩn tội, miễn cho tội chết, phải đày làm lính.

Lời chua - Tùng, Vấn: Sau đều được cho đổi họ là họ Hồ (họ Quý Ly).

Quý Ly truyền ngụy vị[5] cho con là Hán Thương, tự xưng là thái thượng hoàng, cùng giữ chính quyền trong nước. Hán Thương lập vợ là Trần Thị làm hoàng hậu.

Hán Thương là con thứ của Quý Ly và là em Nguyên Trừng. Mẹ Hán Thương, Huy Ninh công chúa, là con gái Trần Minh Tông. Trước kia Quý Ly vẫn có ý muốn lập Hán Thương nối ngôi, nhưng chưa quả quyết, bèn ngụ ý vào cái nghiên đá, ra một câu đối cho Nguyên Trừng đối lại, để dò xét khí khái Nguyên Trừng: "Thử nhất quyền kỳ thạch, hữu thời vi vân, vi vũ, dĩ nhuận sinh dân"[6]. (Viên đá nhỏ bằng nắm tay, có lúc làm mây, làm mưa, để thấm nhuần cho nhân dân). Nguyên Trừng đối lại: "Giá tam thốn tiểu tùng, tha nhật tác đống, tác lương, dĩ phù xã tắc"[7]. (Cây thông nhỏ chừng ba tấc, sau này làm cột, làm xà, để phù trì xã tắc). Quý Ly bèn lập Hán Thương nối ngôi.

Hán Thương sai sứ sang nhà Minh.

Hán Thương sai sứ sang nhà Minh nói dối là dòng dõi họ Trần đã tuyệt tự, xin lấy danh nghĩa là cháu ngoại tạm quản lý công việc trong nước.

Đánh thuế thuyền buôn.

Chia các thuyền buôn làm ba hạng: thượng đẳng, trung đẳng và hạ đẳng. Thượng đẳng mỗi chân chèo nộp thuế 5 quan, trung đẳng 4 quan, hạ đẳng 3 quan.

Tân Tị (1401). Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ nhất. (Minh, năm Kiến Văn thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương đổi tên lịch Hiệp kỷ[8] nhà Trần làm lịch Thuận thiên.

Tháng 3. Sét đánh vào đông cung của Hán Thương.

---

[1] Nay là xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[2] Nay thuộc huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

[3] Nguyên văn câu này: "Chính giáp, bì dĩ vi thực". Chữ "giáp" nghĩa đen là con rùa, con ba ba; chữ "bì" nghĩa đen là loài thú đã chết mà da còn cả lông. Có lẽ lúc ấy đạo quân của Trần Tùng phải vào núi tìm kiếm thức ăn, nhưng chỉ tìm được mai rùa và da loài thú chưa thối nát đem nướng ăn.

[4] Tiềm: Náu hình, ẩn nấp. Để: Một danh từ để gọi dinh thự các vương hầu. Thời đại phong kiến, nhà ở của tước vương khi chưa lên ngôi vua gọi là "tiềm để", lấy nghĩa chữ "long tiềm tại uyên" (rồng nương mình dưới vực) trong kinh Dịch.

[5] Ngụy vị nghĩa đen là ngôi vua giả dối. Theo quan điểm của nho gia phong kiến, thì bầy tôi cướp ngôi vua, không được liệt vào chính thống, vì thế, nên chép ngôi vua của Quý Ly là "ngụy vị".

[6] Theo truyện Công dương thì hơi đá bốc lên trên không thành mây, mây tụ lại thành mưa.

[7] Xã tắc là một danh từ tượng trưng cho quốc gia.

Theo Ngô Thì Sĩ, thì Nguyên Trừng biết chắc mình không được nối ngôi, nên ngụ ý vào cây gỗ thông để nói tài mình chỉ đáng giúp nước, không đáng làm vua. Ngô lại phê phán thêm: Bố con Quý Ly đều là dùng trí thuật lừa dối lẫn nhau.

[8] Xem thêm Chính biên quyển IX, tờ 39-40.

Lúc ấy sét đánh chết 3 người.

Tháng 4, mùa hạ. Làm sổ hộ.

Trước đây, Quý Ly bàn mưu với bầy tôi rằng: "Làm thế nào có được trăm vạn quân để đối địch với giặc phương bắc?". Đồng tri xu mật sứ Hoàng Hối Khanh nhân xin họp nhân số lại làm thành sổ hộ: từ 2 tuổi trở lên đều ghi vào sổ; người ở kinh kỳ đến trú ngụ các nơi phiên trấn bắt phải về nguyên quán, kê tên vào sổ, không được ẩn lậu. Khi sổ hộ làm xong, kiểm điểm người từ 15 đến 60 tuổi, được gấp bội hơn số trước. Từ đấy, tuyển quân lính được thêm nhiều hơn.

Lập phép hạn chế dùng gia nô.

Lúc ấy, bọn Hoàng Hối Khanh, Nguyễn Hi Chu và Đồng Thức lựa theo ý họ Hồ, nên thường khuyên Hán Thương giết con cháu nhà Trần, giảm bớt số điền nô, để đè nén thế lực họ Trần. Hán Thương mới lập ra phép hạn chế gia nô. Những người được phép dùng gia nô, cứ theo cấp bậc của mình mà dùng nhiều dùng ít khác nhau; số gia nô thừa phải đem sung công. Gia nô đều ghi dấu hiệu vào trán.

> **Lời chua -** Ghi dấu hiệu vào trán: Quan nô làm hình dáng "hỏa châu"[1]; gia nô của công chúa ghi hình dáng "dương đường" (chưa rõ hình thế nào); gia nô của đại vương ghi "khoanh đỏ", của quan nhất hay nhị phẩm đều ghi "một khoanh đen", của quan tam phẩm trở xuống ghi "hai khoanh đen".

Sửa đắp thành Tây Đô.

Trước đây, bên ngoài thành tại kinh đô mới, Quý Ly bắt dân Thanh Hóa trồng tre gai làm như cái thành bao la ở ngoài và bắc cầu cống, đặt hàng quán, đào khe cừ, để tiện đi lại. Còn thành Tây Đô thì thân thành đều xây bằng đá, sau lại bị đổ. Nay Hán Thương hạ lệnh cho các lộ nung gạch để sửa đắp lại.

Quy định quan chế và hình luật.

Tháng 10, mùa đông. Hán Thương bổ dụng Nguyễn Phi Khanh làm Hàn lâm viện học sĩ.

Phi Khanh trước tên là Ứng Long, đỗ thái học sinh triều nhà Trần, lấy con gái Nguyên Đán, Trần Nghệ Tông lấy cớ là dòng dõi hàn vi mà lại lấy con gái tông thống nhà vua[2], nên bỏ không dùng. Đến nay Hán Thương mới cất nhắc bổ dụng và cho đổi tên là Phi Khanh.

> **Lời chua -** Phi Khanh: Thân phụ Nguyễn Trãi.

Nhâm Ngọ (1402). Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ 2. (Minh, năm Kiến Văn thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương duyệt quân đội.

Tháng 6, mùa hạ. Bổ dụng Đồng Thức làm Ngự sử trung tán.

Đồng Thức cũng đỗ thái học sinh triều nhà Trần. Hán Thương ví Đồng Thức như Ngụy Trưng nhà Đường[3], nên ban cho họ là họ Ngụy.

> **Lời chua -** Thức: Người ở Chí Linh, Nam Sách[4].

Tháng 7, mùa thu. Hán Thương sai tướng là Đỗ Mãn đánh Chiêm Thành. Chiêm Thành dâng đất xin hàng, Đỗ Mãn đem quân về.

---

[1] Theo Tùy Đường gia hoại và truyện Nam Man trong Đường thư thì hoả châu là một viên ngọc có sắc óng ánh, sản ở Lâm Ấp, viên lớn bằng quả trứng gà. Có lẽ lúc bấy giờ theo hình dáng viên ngọc này ghi vào trán những người quan nô.

[2] Trần Nguyên Đán là tằng tôn (chắt) Trần Quang Khải, tôn thất nhà Trần.

[3] Ngụy Trưng, một tể tướng nhà Đường. Ngụy hình dáng thấp bé, nhưng can ngăn vua một cách mạnh bạo. Thời Đường Thái Tông, Ngụy dâng hơn hai trăm tờ sớ can ngăn, đều là đích đáng, Thái Tông phải kính sợ.

[4] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Hán Thương thấy bọn Trần Tùng đi đánh Chiêm Thành không thành công, phải rút về[1], lại dùng Đỗ Mãn làm đô tướng, Nguyễn Vị và Nguyễn Bằng Cử làm chiêu thảo sứ, đem đại quân sang đánh. Khi đại binh kéo đến biên giới Chiêm Thành, Đinh Đại Trung làm tiên phong, gặp tướng Chiêm Thành là Chế Thất Nan[2], hai bên giao chiến đều bị chết. Chúa Chiêm Thành là Ba Đích Lại hoảng sợ, sai người cậu là Bố Điền đem dâng các sản vật địa phương và dâng đất Chiêm động; để xin cho rút quân. Khi Bố Điền đến nơi, Quý Ly bắt ép thay làm tờ biểu khác dâng cả đất Cổ Lũy nữa. Rồi đem hai đất ấy chia làm 4 châu là: Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa, đặt chức An phủ sứ lộ Thăng Hoa để trấn trị, còn ở đầu nguồn thì đặt làm trấn Tân Ninh.

Lời chua - Chiêm Động: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 10 (Chính biên X, 20).

Cổ Lũy: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chính biên X, 5).

Tân Ninh: Nay là các đất Chiên Đàn, Ô Da và Thu Bồn tỉnh Quảng Nam.

Bổ dụng Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa.

Cảnh Chân dâng thư xin theo việc cũ nhà Hán, nhà Đường, hiệu triệu nhân dân nộp thóc để việc phòng bị biên giới được đầy đủ; những người đã nộp thóc thì hoặc ban tước cho, hoặc tha tội cho, tùy theo số thóc nộp nhiều hay ít. Quý Ly phê vào thư ấy rằng: "Biết được mấy chữ mà dám nói những việc đời Hán, đời Đường, thật đúng như lời cổ ngữ: "Người ngọng hay nói chỉ tổ làm trò cười mà thôi".

Bổ dụng Chế Ma Nô Đã Nan, người Chiêm Thành, làm Cổ Lũy thượng hầu.

Lúc còn triều nhà Trần, Ma Nô Đã Nan chạy sang nước ta, trao cho làm hiệu chính hầu; đến nay đổi phong chức này, sai trấn trị hai châu Tư và Nghĩa, để chiêu tập khuyên bảo những người thuộc về dòng giống Chiêm Thành. Việc này là có ý mưu đồ tiến lấy đất Chiêm.

Lời chua - Ma Nô Đã Nan: Con chúa Chiêm Thành Chế Bồng Nga.

Tháng 8, mùa thu. Hán Thương cử hành lễ tế giao, chưa đến lúc lễ thành đã thôi.

Theo phép cũ[3], nghi vệ lễ tế giao[4] rất long trọng, chia ra 3 hạng lễ là: lễ lớn, lễ trung bình và lễ nhỏ.

Lễ lớn: 3 năm một lần cử hành, thiên tử ngồi xe thái bình[5], khắc gỗ làm hình 40 người tiên mặc áo gấm năm màu, cầm cờ tinh dẫn đường đi trước, hoặc thiên tử đi thuyền ở hồ Chu Tước[6] dùng gấm làm dây kéo thuyền.

Lễ trung bình: 2 năm một lần cử hành, thiên tử ngồi cỗ ỷ bách cầm.

Lễ nhỏ: hằng năm cử hành một lần, thiên tử ngồi cỗ ỷ nhỏ.

Lễ tế giao này suốt đời nhà Trần chưa cử hành lần nào, đến nay Hán Thương mới đắp đàn giao ở Đốn Sơn, chọn ngày lành, đi xe vân long, ra cửa nam thành, trăm quan và cung tần, mạng phụ[7] theo

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 37-38.

[2] Sách Toàn thư và Đại Việt sử ký bản kỷ đều chép là Chế Cha Nan.

[3] Phép cũ ở đây không nói rõ là phép của triều nào, có lẽ đặt từ triều nhà Lý, không phải của nhà Trần. Vì phần dưới đoạn văn này chép rằng: "Suốt đời triều Trần, chưa cử hành lễ tế này".

[4] Giao là một nơi xa kinh thành phỏng trăm dặm. Đời cổ, gặp tiết đông chí, vua tế trời ở Nam Giao, gặp tiết hạ chí, tế đất ở Bắc Giao, nên tế trời đất gọi là lễ tế giao.

[5] Xe thái bình chế từ triều Lý, xem Chính biên quyển III, tờ 12.

[6] Hồ Chu tước thuộc phường Bích Câu, xem Chính biên quyển XXVI, tờ 29.

[7] Đàn bà được vua phong hiệu cho gọi là mạng phụ. Có 2 hạng mạng phụ là: nội mạng phụ và ngoại mạng phu. Nội mạng phụ là những người được phong hiệu ở trong cung, như bọn phi tần, ngoại mạng phụ là công chúa, vợ tước vương và đàn bà nhờ chồng mà được phong, như quận quân, hiệu quân, phu nhân, nhụ nhân, ...

thứ tự đi sau. Mũ áo đàn bà, kém mũ áo của chồng một bậc, người đàn bà nào chính bản thân làm nên sang hiển, thì mũ áo không phải kém mũ áo của chồng. Lúc làm lễ, Hán Thương vì dâng chén rượu, run tay, rượu đổ xuống đất, nên thôi không làm trọn lễ.

Quy định lại phép đánh thuế tô[1] và thuế dung[2].

Trước kia, về triều nhà Trần, tư điền của dân cứ mỗi mẫu thu thóc 3 thăng; đất bãi trồng dâu, mỗi mẫu thu tiền 9 quan hoặc 7 quan. Đinh nam mỗi năm nộp tiền 3 quan[3]. Đến nay Hán Thương thay đổi lại cho thi hành: mỗi mẫu ruộng thu thóc 5 thăng; đất bãi trồng dâu chia ra 3 bậc: bậc cao nhất mẫu mẫu thu 5 quan, bậc trung bình mỗi mẫu 4 quan, bậc thấp nhất mỗi mẫu 3 quan. Thuế đinh nam thì căn cứ vào số ruộng để đánh thuế: người nào có ruộng từ 2 mẫu 6 sào trở lên thu tiền 3 quan; người nào ruộng kém số ấy sẽ được giảm bớt dần; người không có ruộng cùng trẻ bồ côi và đàn bà góa mà có ruộng đều được miễn thuế dung.

[1] Thuế ruộng đất.

[2] Thuế lực dịch.

[3] Xem thêm Chính biên quyển V, tờ 22-23 về phép thuế khóa triều nhà Trần.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XII

Từ Quý Mùi (1403), Hồ Hán Thương năm Khai Đại thứ nhất, đến hết Đinh Dậu (1417), thuộc Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 15, gồm 15 năm.

⎈

Quý Mùi (1403). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ nhất; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ nhất).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương dời dân đi Thăng Hoa.

Trước đây, Chiêm Thành dâng đất Chiêm Động và Cổ Lũy, họ dời hết dân đi nơi khác mà bỏ đất không; Quý Ly chia đất ấy làm lộ Thăng Hoa[1]. Đến nay mới đem dân các lộ, người nào không có ruộng mà có của đến đấy để ở. Người mới đến cùng với người cũ của lộ ấy còn sót lại đều biên tên vào quân ngũ, nhưng thích hai chữ tên châu hiện ở[2] vào cánh tay. Năm sau, lại cho vợ con những người đã di đến khi trước đi theo. Những người này, lúc đi đường biển gặp gió bão, bị chết đuối nhiều. Lòng dân rất là náo động.

Đặt tứ phụ[3] ở kinh kỳ.

Cơ sở ở Tây Đô đã xây dựng xong, Hán Thương lại đổi phủ Thanh Đô làm phủ Thiên Xương, phủ Diễn Châu làm phủ Linh Nguyên, hợp với Cửu Chân, Ái Châu gọi là "tứ phụ", đổi tên núi Đại Lại làm núi Kim Âu.

Lại đặt chức Thị giám[4] ở kinh kỳ, ban phát cân, thước, thưng, đấu, định giá trị tiền giấy để buôn bán được lưu thông. Lúc ấy những người buôn bán phần nhiều chê tiền giấy nát, nên lập điều luật để bắt tội người nào chê bai tiền giấy, làm cao giá hàng hoặc đóng cửa hàng và người nào giúp đỡ bênh vực những việc ấy.

> **Lời chua -** Cửu Chân: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 3 (Chính biên XI, 37).
>
> Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 20-21).
>
> Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tiền biên IV, 20).

Hán Thương lập nhà Thái Miếu và các Tẩm Miếu[5].

Hán Thương hạ lệnh ở kinh thành đặt Đông thái miếu để thờ phụng tiên tổ nhà mình, Tây thái miếu để thờ phụng thân thích bên ngoại là Minh Tông, Nghệ Tông nhà Trần; mồ mả các tiên tổ ở phủ Thiên Xương và Linh Nguyên đều gọi là lăng, thiết lập tẩm miếu.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 42, việc đặt lộ Thăng Hoa.

[2] Lộ Thăng Hoa thống hạt bốn châu là Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, nay dân ở châu nào thích hai chữ tên châu vào cánh tay, như chữ "Thăng Châu, Nghĩa Châu", ...

[3] Đời cổ, những địa điểm ở gần kinh kỳ gọi là "phụ", ý nói những địa điểm ấy có trách nhiệm giúp đỡ kinh kỳ.

[4] Một chức giữ việc trông coi các nơi buôn bán.

[5] Quy chế về tôn miếu đời cổ, ngôi nhà dựng đằng trước gọi là miếu, đằng sau gọi là tẩm.

Sứ thần nhà Minh sang.

Thành tổ nhà Minh mới lên ngôi vua, Hán Thương sai sứ sang mừng việc đăng quang và xin phong tước. Nhà Minh sai hành nhân[1] là Dương Bột đem sắc thư sang dụ bồi thần[2] và phụ lão trong nước phải xét xem dòng dõi nhà Trần có còn hay không, lời tâu của Hán Thương[3] thực hay giả, đều phải tâu bày sự thực. Hán Thương lại sai sứ theo sang triều đình nhà Minh đệ nộp tờ trạng cam đoan của bồi thần và phụ lão nhận là đúng như lời tâu trước của Hán Thương. Vua nhà Minh tin là thực, phong Hán Thương làm An Nam quốc vương. Từ đấy, sứ thần nhà Minh đi lại nước ta như mắc cửi, nào yêu cầu, nào hạch sách, Hán Thương phải khổ sở về sự ứng tiếp.

Sai Phạm Nguyên Côi và Đỗ Mẫn sang đánh Chiêm Thành, không được thắng lợi, rút quân về.

Hán Thương đã lấy được đất Chiêm Động và Cổ Lũy, có ý muốn lấy hết cả đất của người Chiêm Thành, dự định chia các đất ở phía nam châu Tư, châu Nghĩa là Bản Đạt Lang, Hắc Bạch và Sa Li Nha làm châu huyện. Mới bổ dụng Phạm Nguyên Côi làm đô tướng quân thủy, Hồ Vấn làm phó; Đỗ Mẫn làm đô tướng quân bộ, Đỗ Nguyên Thác làm phó. Quân thủy, quân bộ tất cả 20 vạn, đều phải chịu dưới quyền điều khiển của Nguyên Côi; người nào ra trận mà nhút nhát sẽ xử trảm, điền sản và vợ con sung công. Khi quân đã đến Chiêm Thành, sắm sửa nhiều khí giới chiến đấu, bao vây thành Chà Bàn[4], vì quân đi đã chín tháng, bị hết lương ăn, lại không hạ được thành, nên phải kéo về.

Trước đây, người Chiêm Thành cầu cứu với nhà Minh, nhà Minh dùng 9 chiếc binh thuyền vượt biển sang cứu, gặp đạo quân của bọn Nguyên Côi, người nhà Minh bảo Nguyên Côi rằng: "Nên rút quân về ngay, không nên ở lại nữa". Khi bọn Nguyên Côi về đến kinh thành, Quý Ly quở trách về tội không sao giết hết được quân nhà Minh, còn Nguyên Trác vì trái tướng lệnh, nên phải tội đày làm lính.

Lời chua - Thành Chà Bàn: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chính biên X, 41).

Bản Đạt Lang, Hắc Bạch, Sa Li Nha: Vì sự thay đổi, nay không rõ ở đâu.

Bắt đâu đặt quan chức và liêu thuộc trong bộ thự[5] Quảng Tế.

Người phương sĩ[6] là Nguyễn Đại Năng biết dùng lối châm cứu để chữa bệnh. Hán Thương bổ dụng Đại Năng giữ chức tá nhị ở bộ thự Quảng Tế. Bộ thự Quảng Tế có đặt quan chức và liêu thuộc bắt đầu từ đây.

Lời chua - Bộ thự Quảng Tế: Tức tơ tào[7] thuộc về ngành y tế.

Đại Năng: Người ở Giáp Sơn[8], thuộc Hải Dương.

Giáp Thân (1404). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ 2; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương sai sứ sang nhà Minh.

---

[1] Tên quan, giữ việc lễ nghi, triều yết và giao thiệp với nước ngoài.

[2] Đời cổ, bầy tôi của vua nước chư hầu đối với thiên tử Trung Quốc tự xưng là "bồi thần".

[3] Hán Thương sai sứ sang nhà Minh tâu là dòng dõi họ Trần bị tuyệt tự, Hán Thương tự lấy tư cách là cháu ngoại tạm giữ công việc trong nước. Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 39.

[4] Cũng gọi là Đồ Bàn.

[5] Nguyên văn chép chữ "thự", nghĩa là một đơn vị hành chính.

[6] Người dùng phương thuật chữa bệnh theo phương pháp ngoại khoa.

[7] Nguyên văn chép chữ "ti", chữ này đến triều nhà Nguyễn gọi là "tơ", đơn vị hành chính của tỉnh, như tơ phiên, tức bộ phận của bố chính; tơ niết, tức bộ phận của án sát.

[8] Cũng đọc là Hiệp Sơn.

Trước đây, Chiêm Thành dâng nước ta hai thớt voi để xin hoãn binh, sau dùng lời trí trá tâu với nhà Minh rằng: "Bị nhà Hồ lấn đất và đòi lấy voi của nước ấy định làm lễ cống nhà Minh". Đến nay, nhà Minh sai sứ sang hỏi, Hán Thương sai Phan Hòa Phủ đem con voi mà Chiêm Thành đã dâng khi trước đưa sang cho nhà Minh.

Định lại phép thi.

Hán Thương phỏng theo phép ba kỳ thi ở thời nhà Nguyên, chia làm bốn kỳ, lại thêm một kỳ thi viết chữ và tiính, cộng thành năm kỳ thi. Cứ ba năm một lần mở khoa thi, năm nay thi hương, người nào trúng tuyển được miễn dao đài tạp dịch, đến năm sau thi ở bộ Lễ, người nào trúng tuyển được lựa chọn bổ dụng, lại năm sau nữa thi hội, người nào trúng tuyển được sung vào Thái học sinh. Lúc ấy sĩ tử mới do bộ Lễ thi, gồm 170 người được trúng tuyển, chưa kịp thi hội, sau vì việc quân nhà Minh sang xâm lấn, nên thôi không thi nữa.

Lời chua - Theo Thông giám tập lãm thì năm Hoàng Khánh thứ 3 (1314) đời Nhân Tông nhà Nguyên mới định phép thi, cứ tháng 8 năm trước, các quan quận huyện trong nước đề cử những người hiền tài trong quận huyện mình lên triều đình, đến tháng 2 năm sau, thi hội ở kinh sư, người nào trúng tuyển sẽ được vua thân hành ra bài thi: kỳ đệ nhất, thi hai bài minh kinh và kinh nghi; kỳ đệ nhị, thi các bài phú, chiếu, cáo, chương và biểu theo cổ thể; kỳ đệ tam, thi một bài văn sách, hỏi về kinh sử và thời sự.

Định lại hiệu quân.

Trước đây, xét định quân ngũ, chọn người nào mạnh khoẻ mà nhà nghèo sung vào quân trợ dịch, sau đổi làm quân bồi vệ. Đến nay chia quân ra tả và hữu, dùng tên loài lân, loài phượng để đặt tên hiệu quân, chọn các quan văn võ người cùng họ với họ Hồ để quản lĩnh.

Đào Liên Cảng, không thành công.

Quý Ly sai đào Liên Cảng từ Tân Bình đến giáp giới Thuận Hóa, để việc chuyên chở được tiện lợi, nhưng vì bùn cát cứ nổi bềnh lên, nên không thành công, phải bỏ.

Lời chua - Liên Cảng: Nay ở xã Thủy Liên, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Đóng thuyền chiến.

Lúc ấy, nhà Minh muốn gây việc binh đao. Hán Thương hạ lệnh đóng thuyền đinh sắt, đặt hiệu thuyền là "tải lương cổ lâu". Thuyền ấy ở bên trên bắc tre làm đường đi lại, bên dưới hai người chèo một mái chèo, có thể tiện lợi cho việc chiến đấu; tuy mượn tiếng vận tải để đặt tên thuyền, nhưng thực ra là để phòng bị quân nhà Minh.

Sứ thần nhà Minh sang.

Trước đây, Trần Khang[1], gia nô nhà Trần Nguyên Huy, vì là bè đảng của Trần Tôn[2], nên trốn sang Lão Qua. Nay Trần Khang theo đường Vân Nam đến Yên Kinh, đổi tên là Thiêm Bình và nói dối là con Trần Nghệ Tông, tố cáo công việc lấn cướp, bạo nghịch và lừa dối của Quý Ly. Vua nhà Minh sai ngự sử là Lý Kỳ sang nước ta tra hỏi. Khi Lý Kỳ đã sang qua quan ải, đánh đập những người hộ tống, bắt phải đi thật nhanh cho được đường, không kể gì nhật trình đã định; khi đến quán sứ, lại đi xem xét tình thế khắp nơi rồi trở về. Quý Ly sợ lộ việc sai người đuổi theo để giết đi; lúc theo đến Lạng Sơn, thì Kỳ đã sang qua quan ải bên kia rồi. Kỳ về triều, đem hết cả tình trạng gian dối của Hán Thương tâu bày cho vua nhà Minh biết.

---

[1] Trần Tôn nguyên trước giữ chức thiếu bảo triều nhà Trần, lúc quân Chiêm Thành sang lấn cướp, Tôn ngầm thông mưu với giặc, khi giặc rút lui, Trần Thuận Tông hạ chiếu bắt để trị tội, Tôn nhảy xuống nước tự tử, còn bè đảng là Trần Khang chạy sang Lão Qua. Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 13.

[2] Trần Tôn nguyên trước giữ chức thiếu bảo triều nhà Trần, lúc quân Chiêm Thành sang lấn cướp, Tôn ngầm thông mưu với giặc, khi giặc rút lui, Trần Thuận Tông hạ chiếu bắt để trị tội, Tôn nhảy xuống nước tự tử, còn bè đảng là Trần Khang chạy sang Lão Qua. Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 13.

Lời chua - Thiêm Bình: Sử nhà Minh chép là Thiên Bình.

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chính biên XI, 13).

Ất Dậu, (1405). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ 3; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương sai Hoàng Hối Khanh cắt đất nhường cho nhà Minh.

Trước đây, Hoàng Quảng Thành, thổ quan châu Tư Minh, tâu với vua Minh rằng Lộc Châu nguyên là đất cũ của châu Tư Minh. Vua nhà Minh sai người sang nước ta dụ bảo trả lại đất ấy cho châu Tư Minh, nhưng Quý Ly không nghe. Nay lại sai sứ thần sang đòi, Quý Ly cho Hối Khanh sung làm cát địa sứ[1]. Hối Khanh đem đất 59 thôn ở Cổ Lâu trả cho nhà Minh; sau Quý Ly quở trách Hối Khanh về tội trả đất quá nhiều. Những thổ quan do nhà Minh đặt ra để giữ đất mới nhượng ấy, Quý Ly ngầm sai người bản thổ đánh thuốc độc cho chết.

Lời chua - Tư Minh: Nay thuộc tỉnh Quảng Tây nhà Thanh. Sách Việt thuật nói: "Lộc châu thuộc về Tư Minh, sau bị mất về Giao Chỉ, gần đây lại khám xét rõ ràng, lấy lại như cũ, nay lệ thuộc vào châu Tây Long[2] và huyện Tây Lâm[3] là nơi mới đặt". Thế thì đất Cổ Lâu mà Quý Ly cắt ra để nhường cho nhà Minh có lẽ là chỗ này.

Có nạn đói. Hạ lệnh cho dân các lộ phải bán thóc.

Các quan ở lộ, phủ, châu và huyện kiểm tra số thóc của nhà giàu, bảo họ bán cho dân theo giá hai bên cùng thỏa thuận. Bán nhiều hay ít tùy theo số thóc hiện có.

Tháng 6, mùa hạ. Sét đánh vào đông cung của Hán Thương. Hạ chiếu trưng cầu lời nói thẳng; Ân xá.

Đặt bốn kho quân khí.

Dân đinh người nào có tài nghệ khéo, đều sung vào làm việc công, sửa chữa chế tạo khí giới để đồ quân dụng được đầy đủ.

Tháng 7, mùa thu. Hán Thương đi tuần du xem xét núi sông ở kinh lộ và các cửa biển; tháng 8, trở về kinh đô.

Trước đây, Hán Thương sai đóng cọn gỗ ở nơi xung yếu tại các cửa biển và sông cái để phòng bị chống cự quân giặc; đến nay lại thân đi xem xét việc này, là có ý muốn biết được nơi nào hiểm trở, nơi nào bình thường.

Nhà Minh sai bọn hoạn quan Nguyễn Toán sang nước ta.

Trước kia, Thái tổ nhà Minh sai người sang nước ta bắt phải nộp người thày chùa, người hỏa giả[4] và gái đẹp đấm bóp[5], Đế Hiện nhà Trần sai tìm những hạng người ấy đem nộp. Trong số đó có hoả giả là bọn Nguyễn Toán, Nguyễn [Tông] Đạo, Từ Cá và Ngô Tín. Sau nhà Minh cho bọn thầy chùa và tú nữ trở về, chỉ để lại bọn hỏa giả sung vào chức nội quan. Nay nhà Minh cho rằng bọn Nguyễn Toán am hiểu núi sông nước ta, nên sai sang để dòm dỏ tình thế trong nước.

Tháng 9. Hán Thương định lại quy chế quân ngũ.

Quân ngũ: nam và bắc chia làm 12 vệ, đông và tây chia làm 8 vệ, mỗi vệ 18 đội, mỗi đội 18 người, đại quân 30 đội, trung quân 20 đội, doanh 15 đội, đoàn 10 đội, cấm vệ đô 5 đội; có đại tướng quân thống lĩnh.

---

[1] Sứ thần nhận trách nhiệm cắt đất nhường cho nhà Minh.

[2] Nay đều là huyện và đều thuộc đạo Điền Nam, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).

[3] Nay đều là huyện và đều thuộc đạo Điền Nam, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).

[4] Người bị thiến mất bộ phận sinh dục.

[5] Nguyên văn chép là "án ma tú nữ".

Sai sứ sang nhà Minh.

Hán Thương thường bị nhà Minh tra hỏi, nên sai tả ti lang trung Phạm Canh, thông phán Lưu Quang Đình sang nhà Minh dâng lễ cống và tạ lỗi. Việc này là có ý muốn dập tắt việc binh hỏa. Nhà Minh giữ Canh ở lại mà cho Quang Đình về.

Ban tước cho phụ lão các lộ và cho hội họp uống rượu.

Quý Ly thấy mình tuổi đã 70, nên ban ơn cho phụ lão các lộ, những người từ 70 tuổi trở lên, đàn ông được ban tước một tư[1], đàn bà được ban cho tiền giấy; phụ lão ở kinh thành được ban tước và được hội họp uống rượu.

Đắp thành Đa Bang.

Hán Thương nhận thấy nếu quân nhà Minh kéo sang, thì Đa Bang chính là địa điểm xung yếu nhất, nên sai Hoàng Hối Khanh đắp thành để hãn ngữ; lại phân phối các vệ quân ở Đông Đô[2] đi đóng cọc ở sông Bạch Hạc để hãn ngữ cánh quân nhà Minh từ mặt Tuyên Quang tiến sang.

Lời chua - Thành Đa Bang: Nay ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây.

Sông Bạch Hạc: Xem Trần Thánh Tông, năm Thiệu Long thứ 5 (Chính biên VII, 4-5).

Hội họp các quan văn võ trong kinh thành và ngoài các lộ bàn về kế hoạch nên đánh hay nên hòa.

Hán Thương hạ lệnh các viên An phủ sứ ở các lộ về triều để cùng với các quan trong kinh bàn về kế hoạch nên đánh hay nên hòa. Lúc ấy có người khuyên nên đánh, nói: "Không nên để quân Minh kéo vào nước sẽ làm mối lo sau này". Nguyễn Quân, trấn thủ Bắc Giang, cho rằng hãy nên tạm hòa, chiều theo ý muốn bên địch, để hoãn binh, thì hơn. Tả Tướng quốc là Trừng nói: "Tôi không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân có theo hay không theo mà thôi". Quý Ly đem cái hộp bằng vàng ban cho Trừng.

Bính Tuất (1406). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 4).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Minh sai đốc tướng là bọn Hàn Quan và Hoàng Trung đem quân hộ tống Trần Thiêm Bình về nước ta; Hán Thương sai người đón đường giết đi.

Trước đây, Thiêm Bình nói dối vua nhà Minh rằng: "Dòng dõi họ Trần chỉ còn một mình tôi, tôi cùng giặc nhà Hồ không đội trời chung được, dám xin nhà vua xuất phát ngay sáu quân[3] đánh kẻ có tội để tỏ rõ oai trời".

Sau khi Lý Kỳ trở về Trung Quốc[4], Hán Thương liền sai Nguyễn Cảnh Chân dâng tờ biểu tạ tội và xin đón Thiêm Bình về tôn lên làm chúa. Vua nhà Minh sai hành nhân[5] là Niếp Thông đem tờ sắc sang dụ Hán Thương: "Nếu quả đón Thiêm Bình về tôn làm chúa, thì sẽ ban cho khanh tước thượng công và phong cho một quận lớn". Hán Thương lại sai Cảnh Chân theo Niếp Thông sang báo cáo về việc đón Thiêm Bình.

Đến nay, vua nhà Minh sai bọn Hàn Quan đem 5000 quân hộ tống Thiêm Bình về nước. Hàn Quan đóng ở lại địa đầu biên giới không tiến quân, chỉ một mình Hoàng Trung đem quân đánh vào cửa ải Linh Kênh. Quân nhà Hồ bị thua, đại tướng Phạm Nguyên Côi và tướng quân Chu Bỉnh Trung đều tử trận. Gặp lúc ấy viên tướng quản lĩnh quân Thánh Dực là Hồ Vấn từ Vũ Cao bất thình lình dẫn quân đến,

---

[1] Xem chú thích số 2 ở Chính biên quyển VII, tờ 4.

[2] Tức Thăng Long.

[3] Xem chú thích số 3 ở Chính biên quyển IX, tờ 34.

[4] Xem thêm Chính biên quyển XII, tờ 6.

[5] Xem chú thích số 3 ở Chính biên quyển XII, tờ 2.

thành ra quân nhà Minh bị thua to, nửa đêm bỏ trốn. Trước đấy viên tướng trong quân Thánh Dực là Hồ Xạ và Trần Đĩnh đã đem quân chặn cửa ải Chi Lăng, quân nhà Minh không sao tiến lên được. Hoàng Trung sai người thầy thuốc trong quân ngũ là Cao Cảnh Chiếu đưa thư và giải Thiêm Bình sang bên quân nhà Hồ. Trong thư nói: "Theo lời Thiêm Bình, hắn chính là con vua An Nam, nếu đưa hắn về nước, thì đi đến đâu không ai là không hưởng ứng. Thế mà từ khi đưa hắn về nước đến nay, trong nước không một người nào theo cả, như thế tỏ ra là gian dối. Nay đưa Thiêm Bình trả lại, xin để cho quân lính được ra khỏi quan ải". Hồ Xạ nhận lời, bèn giải nộp Thiêm Bình để tâu công chiến thắng. Hán Thương sai chém Thiêm Bình, thưởng cho người có công đều được tước ba tư[1]. Hồ Xạ vì cớ không bắt được Hoàng Trung nên chỉ được thưởng tước 2 tư. Các quan văn võ dâng biểu mừng, Hán Thương từ chối không nhận.

Lời chua - Chi Lăng: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chính biên I, 17, 18).

Linh Kênh[2]: Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 5 (Chính biên III, 47).

Vũ Cao: Không rõ ở đâu.

Hán Thương sai sứ thần sang nhà Minh.

Sau khi Hán Thương đã giết Thiêm Bình, liền dùng An phủ sứ ở Tam Giang là Trần Cung Túc làm chánh sứ và thông phán ở Ái Châu là Mai Tú Phu làm phó sứ, Thiêm phán là Tưởng Tư làm tòng sự, cùng đi sang nhà Minh biện bạch việc gian trá giả mạo của Thiêm Bình và xin được đi lại cống nạp như cũ. Nhà Minh giữ cả sứ giả lại, không cho về.

Mộ thêm quân lính.

Hán Thương cho rằng quân nhà Minh bị thua một trận, tất nhiên sẽ lại kéo sang, nên hạ lệnh cho người có phẩm tước chiêu mộ những người trốn tránh phiêu lưu làm quân dũng hãn, đặt chức thiên hộ, bá hộ để cai quản. Lại sai đóng cọc gỗ ở bờ phía nam sông Nhị Hà nối tiếp nhau suốt hơn bảy trăm dặm; ở các sông và cửa biển đều hạ cây xuống để ngăn cản. Lại hạ lệnh cho dân Bắc Giang và Tam Đái dựng nhà cửa ở nơi đất hoang rậm rạp về bờ phía nam sông Cái, dự bị làm chỗ di cư trong khi phải rút lui.

Lời chua - Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 1 (Chính biên XXI, 28-29).

Tam Đái: Xem ngang với Tống Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tiền biên V, 29-30).

Tháng 9, mùa thu. Nhà Minh sai đại tướng quân Chu Năng, phó tướng quân là bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh đem quân sang đánh Hồ Hán Thương.

Trước kia, bọn hoạn giả Nguyễn Toán nói nước ta giàu có phồn thịnh; người nhà Minh đã có ý muốn chiếm lấy. Đến lúc Hán Thương lấn cướp ngôi vua nhà Trần, làm việc thí nghịch, nhà Minh thường sai người tra hỏi, muốn mược cớ để gây việc binh đao. Nay Hán Thương lại giết Thiêm Bình, nên vua nhà Minh quyết kế cho quân sang đánh, bèn dùng Thành Quốc công Chu Năng làm đại tướng, Tân Thành hầu Trương Phụ, Tây Bình hầu Mộc Thạnh làm tả hữu phó tướng, Phong Thành hầu Lý Bân, Vân Dương bá Trần Húc làm tả hữu tham tướng, chia quân làm hai đạo, hẹn ngày cùng xuất phát. Khi tiến quân đến Long châu, Chu Năng chết, Trương Phụ được bổ lên thay. Phụ bèn theo đường Bằng Tường thuộc Quảng Tây tiến quân đến quan ải Pha Lũy, kéo thẳng đến sông Phú Lương; tả phó tướng Thạnh cũng từ đường Mông Tự thuộc Vân Nam tiến quân đánh quan ải Phú Lệnh, kéo thẳng đến sông Thao. Hai đạo quân cùng hội họp ở sông Bạch Hạc, đóng từng hàng đồn ở bờ phía bắc sông. Hán Thương hạ lệnh cho tả tướng quốc Nguyên Trừng[3], đại tướng Hồ Đỗ đem quân thủy, quân bộ ra chống cự.

---

[1] Xem chú thích số 2 ở Chính biên quyển VII, tờ 4.

[2] Chính biên quyển III, tờ 47 chép là Lãnh Kênh.

[3] Tả tướng quốc Nguyên Trừng ở đây với tả tướng quốc Trừng ở tờ 10 ở trên là một người, tức là con trưởng của Quý Ly. Ở đây, Cương mục in lầm là Nguyễn Trừng.

Trước đây, quân nhà Minh tiến vào biên giới nước ta, đã dự bị treo bảng văn kể tội nhà Hồ, lại nói phao lên là sẽ lập con cháu họ Trần để nối lại tông thống đời đã mất mà cứu vớt lấy dân. Đến nay bọn Phụ và Thạnh chia ra viết những lời lẽ ở bảng văn ấy vào nhiều miếng ván gỗ, rồi thả xuống sông cho nước thuận dòng trôi xuống. Vì thế quân lính của Hán Thương trông thấy, không ai có chí khí chiến đấu. Bọn Mạc Địch, Mạc Thúy, Mạc Viễn và Nguyễn Huân đều là những người bất mãn với nhà Hồ, đón quân Minh để đầu hàng; người nhà Minh đều trao cho quan tước.

Lời phê[1] - Minh Yên Lệ[2] với Hồ Quý Ly cũng chẳng khác gì nhau. Tự thân mình đã không chính trực, dầu có mệnh lệnh cũng không thi hành được. Sao không tự xét mình xem sao đã? Hai người này đều là bọn tham tàn mà thôi.

Lời chua - Long châu, Bằng Tường: Thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây nhà Thanh, đều tiếp giáp với biên giới tỉnh Lạng Sơn nước ta.

Mộng Tự: Tên huyện, thuộc phủ Lâm An, tỉnh Vân Nam, tiếp giáp với tỉnh Hưng Hóa[3] nước ta.

Pha Lũy quan: Ở xã Đồng Đăng, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn, nay là Nam Quan[4].

Phú Lệnh quan: Thuộc tỉnh Tuyên Quang.

Mạc Địch, Nguyễn Huân: Đều người ở Chí Linh thuộc Nam Sách.

Tháng 12, mùa đông. Quân nhà Minh đánh phá được thành Đa Bang[5], liền chiếm lấy Đông Đô[6].

Quân của Hán Thương cầm cự với quân nhà Minh, muốn cố thủ nơi hiểm trở, không ra đánh, để làm cho quân nhà Minh mòn mỏi. Mộc Thạnh bàn với Trương Phụ rằng: "Những hàng rào gỗ mà bên địch[7] dựng lên đều sát liền sông, quân ta không thể tiến lên được; chỉ có Đa Bang là nơi đất cát bằng phẳng có thể đóng quân, chỗ ấy tuy thành đất khá cao, bên dưới có mấy tầng hào, nhưng khí giới đánh thành của ta đều đầy đủ, đánh mà chiếm lấy cũng có phần dễ". Phụ bèn hạ lệnh rằng: "Quân giặc[8] chỉ cậy có thành này, mà chúng ta lập công cũng ở một trận này; tướng sĩ nào trèo lên thành được trước, sẽ đặc cách hậu thưởng không câu nệ theo thứ bậc thông thường". Hạ lệnh xong, sai quân nhân đêm tối đánh úp thành, dùng cách đốt lửa sáng và thổi tù và để báo hiệu với nhau. Trương Phụ chỉ huy đô đốc Hoàng Trung đánh mặt tây bắc, Mộc Thạnh chỉ huy đô đốc Trần Tuấn đánh mặt đông nam, dùng vân thê[9] để sát vào thành mà trèo lên. Quân nhà Hồ chống cự không được, rút lui vào thành. Sáng hôm sau, quân nhà Hồ khoét thành lùa voi ra đánh. Quân nhà Minh dùng những bức vẽ có hình sư tử trùm cho ngựa để xông vào, lại có súng thần cơ hỏa khí yểm hộ: voi phải co vòi lùi về, quân nhà Minh theo voi tiến

---

[1] Chỉ việc vua nhà Minh tra hỏi việc Quý Ly lấn cướp thí nghịch.

[2] Con thứ tư Minh Thái Tổ, được phong là Yên vương ở Bắc Bình, nên gọi là Yên Lệ. Sau khi Minh Thái Tổ mất, Kiến Văn đế lên nối ngôi, Lệ đem quân vào kinh sư, đuổi Kiến Văn đế, cướp ngôi vua, tức là Minh Thành Tổ, một tên vua đã sai binh tướng sang đánh chiếm nước ta.

[3] Bây giờ là biên giới Lào Cai.

[4] Bây giờ là Mục Nam quan.

[5] Xem thêm Chính biên quyển XII, tờ 9, về địa điểm thành Đa Bang.

[6] Tức Thăng Long.

[7] Chỉ quân nhà Hồ.

[8] Chỉ quân nhà Hồ.

[9] Vân thê nghĩa đen là thang mây, một quân khí đời cổ dùng để đánh thành, sở dĩ gọi tên là vân thê, ý nói cái thang cao lắm, có thể trèo lên đến mây được. Theo sách Vũ bị chí, cách chế tạo vân thê như thế này: Dùng phiến gỗ lớn làm cái bàn, dưới cái bàn có sáu bánh xe, trên cái bàn đặt hai cái thang, mỗi cái dài hơn hai trượng, hai cái thang đều có trục chuyển động, có thể dựng cao lên hoặc hạ thấp xuống được. Khi đã đem vân thê đến thành bên địch, thì kéo trục cho hai cái thang đứng ngược lên, rồi quân sĩ trèo lên thang ấy để dòm ngó vào trong thành.

vào. Thành bị vỡ, các đạo quân khác của nhà Hồ ở ven sông đều tan rã, lui về giữ sông Hoàng Giang. Quân nhà Minh nhân thế thắng, cứ theo dọc sông Phú Lương kéo xuống. Đi đến đâu, chúng đốt những hàng rào bằng gỗ, tiến thẳng đến Đông Đô, bắt cướp con gái, vàng, lụa, tính toán lương thực tích trữ, phân phối chức quan giữ việc, chiêu tập dân phiêu lưu, làm kế đóng giữ lâu dài.

Lời chua - Hoàng Giang: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 44).

Đinh Hợi (1407). (Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1. Từ tháng 10 trở về trước thuộc về Hán Thương, năm Khải Đại thứ 5. - Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Mộc Thạnh nhà Minh đánh cho quân nhà Hồ bị thua to ở sông Mộc Hoàn; quân nhà Hồ rút lui, giữ cửa biển Đại An.

Mộc Thạnh, tả phó tướng nhà Minh, nghe biết Hồ Nguyên Trừng đóng quân ở Hoàng Giang, bèn đem quân thủy, quân bộ đều tiến, đến sông Mộc Hoàn, đóng dinh trại đối ngạn với sông Hoàng Giang. Nguyên Trừng dùng ba trăm chiếc thuyền lớn tung quân ra đánh, quân của Thạnh ở hai bên bờ sông đánh khép lại: quân của Nguyên Trừng bị thua to, lui về giữ cửa Muộn Hải. Hồ Đỗ và Hồ Xạ bỏ bến Bình Than, cũng chạy đến cửa Muộn, hết sức đắp đồn lũy, để tính kế cầm cự lâu dài, gặp lúc quân nhà Minh đuổi đến nơi, lại phải lui giữ cửa biển Đại An. Thị trung Trần Nguyên Chỉ, Trung thư lệnh Trần Sư Hiền và người ở Kiến Hưng[1] là Nguyễn Nhật Kiên cũng tụ tập dân chúng, bắt giết viên trấn phủ[2] rồi đều đầu hàng quân nhà Minh.

Quân hai bên đối lũy, ngày đêm đánh nhau, gặp lúc ấy mưa nắng thất thường, sinh ra tật dịch. Quân nhà Minh thấy rằng cửa Muộn Hải đất ẩm thấp, không thể đóng quân lâu được, giả vờ đem quân rút lui, đến cửa Hàm Tử, đóng dinh trại kiên cố để đợi quân địch. Hồ Nguyên Trừng cũng đón Quý Ly và Hán Thương từ Tây Đô đến, lại tiến quân đóng ở Hoàng Giang, để cầm cự với quân nhà Minh.

Lời chua - Sông Mộc Hoàn: Ở xã Mộc Hoàn[3], huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Nội[4]. Sông này tiếp giáp với Hoàng Giang.

Cửa Muộn Hải: Ở địa phận huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, nay bị bồi lấp.

Bình Than: Tên bến đò. Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Cửa Hàm Tử: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chính biên VII, 39).

Cửa biển Đại An: Tức cửa biển Đại Nha. Xem Lý Hậu Đế năm thứ nhất (Tiền biên IV, 13).

Tây Đô: Ở địa phận Xuân (trước là Hoa) Giai, Phương Giai và Tây Giai thuộc huyện Vĩnh Lộc (trước là Phúc), tỉnh (trước là trấn) Thanh Hóa, có một tên nữa là Thành nhà Hồ, do Quý Ly đắp, nay vẫn còn.

Tháng 3. Hồ Nguyên Trừng tiến quân đến cửa Hàm Tử, quân nhà Minh đón đánh, quân của Nguyên Trừng bị thua to.

---

[1] Kiến Hưng: Nay gồm các huyện Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản tỉnh Nam Định. Lúc ấy Phan Hòa Phủ làm trấn phủ sứ ở Kiến Hưng. Theo Toàn thư thì chỉ có Nguyễn Nhật Kiên đem dân chúng giết trấn phủ sứ Phan Hòa Phủ, còn Trần Nguyên Chỉ và Trần Sư Hiền đã đầu hàng quân Minh từ trước.

[2] Kiến Hưng: Nay gồm các huyện Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản tỉnh Nam Định. Lúc ấy Phan Hòa Phủ làm trấn phủ sứ ở Kiến Hưng. Theo Toàn thư thì chỉ có Nguyễn Nhật Kiên đem dân chúng giết trấn phủ sứ Phan Hòa Phủ, còn Trần Nguyên Chỉ và Trần Sư Hiền đã đầu hàng quân Minh từ trước.

[3] Xã Mộc Hoàn nay thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Huyện Phú Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[4] Xã Mộc Hoàn nay thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Huyện Phú Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Tây.

Nguyên Trừng, Hồ Đỗ và Đỗ Mãn lại đem quân thủy, quân bộ nhất tề từ Hoàng Giang tiến lên. Hồ Xạ, Trần Đĩnh quản lĩnh đạo quân đóng ở bờ phía nam; Đỗ Nhân Giám, Trần Khắc Trang quản lĩnh đạo quân đóng ở bờ phía bắc; Đỗ Mẫn và Hồ Vấn quản lĩnh đạo thủy quân, tất cả bảy vạn người, nói phao là hai mươi mốt vạn, cùng nhau tiến đến cửa Hàm Tử. Thuyền chiến nối liền nhau hơn mười dặm, chắn ngang giữa sông. Nhà Minh đặt quân mai phục, rình khi quân nhà Hồ trễ nải, đem hai cánh quân thủy và bộ xông ra. Quân bộ của nhà Hồ không thể đối địch được, cùng nhau trốn chạy, gặp phục binh nhà Minh, đều quay dáo, nhảy xuống sông chết, chỉ có cánh quân thủy được thoát thân. Thuyền tải lương chìm đắm hầu hết. Lúc ấy đạo quân của Hồ Xạ còn ở lại sau, biết mặt trước có quân mai phục, không chịu tiến lên, Hồ Đỗ sai người trách móc, Hồ Xạ mới tiến quân, cũng đều bị thua. An phủ sứ Bắc Giang là Nguyễn Hi Chu bị bắt, Hi Chu mắng nhiếc Trương Phụ là giặc tàn bạo, Phụ sai giết đi.

Tháng 4, mùa hạ. Quân nhà Minh tiến đánh Lỗi Giang, quân của Hán Thương tự tan vỡ.

Bị thua trận ở Hàm Tử, Quý Ly và Hán Thương đem liêu thuộc do đường biển chạy lui vào Thanh Hóa. Quân nhà Minh đuổi theo, đến Lỗi Giang, quân nhà Hồ không đánh nhau mà tự tan vỡ. Ngụy Thức[1] xin hai bố con nhà Hồ tự thiêu mình cho chết và nói: "Nước mất rồi, người vua chúa không nên chết ở tay người khác". Quý Ly giận, chém chết Ngụy Thức, rồi chạy vào Nghệ An.

Lời chua - Lỗi Giang: Tức phân lưu của sông Mã, ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, hạ lưu con sông này thông với sông Đại Lại.

Tháng 5. Quân nhà Minh kéo đến cửa biển Kỳ La, bắt được Quý Ly, Hán Thương cùng con cháu, liêu thuộc của hắn.

Trương Phụ biết Hán Thương trốn chạy vào Nghệ An, bèn cùng tả phó tướng Thạnh theo đường bộ tiến quân, lại phân phái Liễu Thăng đem chu sư[2] do đường thủy đuổi theo, khi đuổi đến cửa biển Kỳ La, đánh cho quân nhà Hồ phải thua to, bắt được Quý Ly, hôm sau lại bắt được Hán Thương cùng con hắn là Nhuế ở núi Cao Vọng. Những tướng tá sau này đều bị bắt: Hữu tướng quốc Quý Tì và con hắn là Phán trung đô Vô Cữu, Tả tướng quốc Nguyên Trừng, tướng quân Hồ Đỗ, Phạm Lục Tài, Nguyễn Nghiện Quang và Đoàn Bồng. Còn những người khác như Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cẩn và Đỗ Mãn thì đã đầu hàng quân Minh từ trước rồi. Duy viên Hành khiển hữu tham tri chính sự Ngô Miễn và viên trực trưởng Kiều Biểu nhảy xuống sông tự tử, vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị cũng chết theo.

Lúc hai cha con nhà Hồ chạy đến Kỳ La, có phụ lão ra bái yết, nói: "Chỗ này tên là "Ky Lê"[3], ở trên kia có núi "Thiên Cầm"[4], đấy đều là điềm không tốt, xin đừng lưu ở đây". Hai họ Hồ nổi giận, chém chết người phụ lão ấy; đến nay, quả nhiên Hán Thương bị bắt ở đây.

Trước kia, Hán Thương bổ Hối Khanh giữ chức tuyên úy sứ lộ Thăng Hoa, Hối Khanh dùng viên quan bản thổ là đại tri châu Đặng Tất và Phạm Thế Căng làm chân tay. Tất cùng viên châu phán Nguyễn Lỗ ghen ghét nhau về công trạng. Khi nhà Hồ bị thua chạy, sắc phong cho Chế Ma Nô Đã Nan làm Thăng Hoa quận vương để phủ dụ người Chiêm Thành, lại sai Hối Khanh đem số dân đã dời đến ở khi trước và dân bản thổ giao cho Lỗ quản lĩnh để đem đi viện trợ[5]. Hối Khanh đều ẩn giấu việc ấy đi, không tuyên bố ra. Gặp lúc quân của Chiêm Thành đến tranh lại đất cũ, bọn dân đã dời đến khi trước sợ hãi tan rã. Hối

---

[1] Ngụy Thức giữ chức ngự sử trung tán triều Hồ Hán Thương. Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 41.

[2] Quân lính đi thuyền, dùng vào trận thủy chiến.

[3] Chữ "Ky Lê" theo Hán văn viết Ky: trói, buộc, giàm đầu ngựa. Lê: có nhiều nghĩa, có danh từ riêng là tên của một họ (Tiên tổ Quý Ly làm con nuôi Lê Huấn mới đổi là Lê).

[4] Thiên cầm nghĩa đen là trời bắt. Vì tên chỗ đất này một chỗ có nghĩa bóng là trói họ Lê (Ky Lê), một chỗ có nghĩa là trời bắt (Thiên cầm), nên mới nói là điềm không tốt.

[5] Đoạn văn này sử Cương mục chép không rõ ràng, như hai chữ cuối câu chép là phó viện, nghĩa là đem đến viện trợ. Không rõ đem đến đâu và viện trợ đạo quân nào? Theo Toàn thư và Sử Ký bản kỷ đều chép Hán Thương viết thư bảo Hối Khanh lấy một phần ba số dân mới dời đến và quân lính ở bản thổ giao cho Lỗ quản lĩnh làm quân "cần vương".

Khanh trốn về Hóa châu, Tất và Lỗ cũng đem quân thủy, quân bộ kế tiếp đến đó. Chỉ có một mình Đã Nan chống nhau với quân Chiêm Thành, thế lực trơ trọi yếu đuối, bị quân Chiêm Thành giết chết.

Lỗ và Tất đánh nhau hơn một tháng, Lỗ bị thua, chạy sang Chiêm Thành. Đến khi nhà Hồ mất, Chiêm Thành lại chiếm cứ Thăng Hoa, cướp Hóa Châu; nhà Minh trao quan chức cho Tất để chống cự. Quân Chiêm Thành phải rút về. Tất sai người đưa Hối Khanh về, đến cửa biển Đan Thai, thì Hối Khanh tự vẫn, Trương Phụ đem thủ cấp bêu tại chợ Đông Đô.

Lời phê[1] - Mấy lần lật lọng lời thề nguyền, tính toán lấn cướp ngôi vua một cách xảo quyệt! Đến bây giờ có thể xảo trá để thoát thân được không? Đạo trời báo ứng, rõ ràng không sai, chả đáng sợ lắm sao?

Lời chua - Trực trưởng: Tên quan.

Núi Cao Vọng, cửa biển Kỳ La: Nay ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ky Lê: Tức cửa biển Kỳ La.

Thiên Cầm[2]: Nguyên tên là Thiên Cầm[3]. Tương truyền ngày trước Lạc Hùng vương đi chơi đến chỗ này, nghe thấy có tiếng sáo trời, nên đặt tên là Thiên Cầm[4]. Người phụ lão không muốn cho Hán Thương lưu lại ở đấy, nên nhân thanh âm gần với nhau mà nói trệch đi để truật Hán Thương: "Kỳ La" gọi trệch là "Ky Lê", chữ "cầm" là đàn đổi ra chữ "cầm" là bắt.

Cửa biển Đan Thai: Ở chỗ giáp giới hai huyện Nghi Xuân và Chân Lộc thuộc tỉnh Nghệ An, nay là cửa biển Hội Thống.

Tháng 6. Nhà Minh đổi An Nam làm Giao Chỉ, lập phủ, huyện, đặt quan lại, miễn tô thuế ba năm.

Bố con Hồ Quý Ly đã bị bắt, nhà Minh hạ chiếu tìm con cháu nhà Trần lập làm vua. Quan lại và kỳ lão[5] đều nói: "Họ Trần không còn người nào có thể thừa kế được. An Nam nguyên trước là Giao Châu, xin khôi phục lại chế độ quận huyện, cho dân được đổi mới". Bấy giờ nhà Minh bèn đổi An Nam làm Giao Chỉ. Cách sắp đặt như thế này:

- Đặt 17 phủ, là: Giao Châu, Bắc Giang, Lạng Giang, Lạng Sơn, Tân An, Kiến Xương, Phụng Hóa, Kiến Bình, Trấn Man, Tam Giang, Tuyên Hóa, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa và Thăng Hoa. Mười bảy phủ này lệ thuộc thẳng vào ti Bố Chính.

- Đặt năm châu, là: Quảng Oai, Tuyên Hóa, Quy Hóa, Gia Bình và Diễn Châu.

- Còn những nơi xung yếu khác thì đặt 12 vệ để khống chế.

- Về phần quan chức thì đặt ba ti[6], bổ dụng thượng thư Hoàng Phúc kiêm giữ công việc hai ti Bố Chính và Án Sát, Lữ Nghị giữ công việc Đô Ti[7], Hoàng Trung làm chức phó trong Đô Ti.

- Công việc cai trị cấm việc sai dịch và miễn thu các thứ thuế trong ba năm.

---

[1] Chỉ việc Quý Ly bị quân nhà Minh bắt ở cửa biển Kỳ La.

[2] Trời bắt.

[3] Đàn trời.

[4] Tham khảo sách Đại Việt sử ký bản kỷ, tác giả (có thuyết nói là Ngô Thì Sĩ) chua: Lúc hai họ Hồ bị bắt, núi này chưa có tên là "Thiên Cầm". Đến triều nhà Lê, viên tư mã Lê Khôi lên chơi núi này, nghe thấy trên không có tiếng như tiếng đàn, cho nên đặt tên núi là "Thiên Cầm.

[5] Có lẽ chỉ một số quan lại đã đầu hàng quân Minh và một số kỳ lão bị quân Minh dụ dỗ hoặc doạ nạt, chứ không phải quan lại và kỳ lão cả nước.

[6] Xem chú thích số 3, Chính biên quyển XII, tờ 4.

[7] Tức Đô chỉ huy sứ ti.

Trương Phụ nhà Minh bắt giải Quý Ly, Hán Thương và họ hàng đồ đảng đưa về Kim Lăng.

Trương Phụ sai bọn hoành hải tướng quân Lỗ Lân, đô đốc thiêm sự Liễu Thăng bắt giải Quý Ly và con là Hán Thương, Nguyên Trừng, Triệt, Uông, cháu là Nhuế, Mỗ, Phạm, em là Quý Tì, con Quý Tì là Vô Cữu, ngụy[1] tướng quân Hồ Đỗ, Đoàn Bồng, ngụy[2] Hành khiển Nguyễn Nghiện Quang, Lê Cảnh Kỳ đến Kim Lăng hiến tiệp. Vua nhà Minh ngự điện nhận tù binh và hỏi Quý Ly rằng: "Giết vua, cướp nước, như thế có phải là đạo người bầy tôi không?". Quý Ly không trả lời được, bèn giao cả xuống giam vào ngục tù, chỉ tha cho con là Trừng, cháu là Nhuế. Sau, Quý Ly ở trong ngục được tha ra, bắt đi thú thủ ở Quảng Tây; Trừng vì lành nghề chế binh khí, dâng phép chế súng lên vua Minh, nên được tha ra để dùng.

> **Lời phê[3] -** Rất đáng tiếc Quý Ly không được như Khánh Phong[4] nước Tề, đối đáp với Công tử Vi[5], để làm sướng tai mắt ngàn đời.
>
> **Lời cẩn án -** Sử cũ chép: "Khi Quý Ly đến Kim Lăng, vua nhà Minh giả vờ trao cho chức tham chính, sai người hộ tống đến nơi làm việc, rồi giết chết ở dọc đường". Có lẽ nào đánh bắt được người đầu sỏ của giặc, không đem làm tội một cách đường hoàng mà lại phải dùng kế giả dối để giết bao giờ? Thật là vô lý! Nay theo sách Minh sử kỷ sự cải chính lại.

Nhà Minh hạ chiếu trưng cầu những nhân sĩ có tài đức văn học ẩn dật ở núi rừng cùng những người am hiểu thông thạo tạp nghệ.

Vua nhà Minh sai bọn Trương Phụ tìm tòi dò hỏi những người ẩn dật ở núi rừng, có tài, có đức, thông suốt năm kinh, văn hay, học rộng, thạo việc, am hiểu thư toán, nói năng hoạt bát, hiếu để, chăm làm ruộng, tướng mạo khôi ngô, gân sức cứng rắn, cùng những người hiểu biết nghề cầu cúng, làm thuốc, xem bói, đều đưa sang Kim Lăng, sẽ trao cho quan chức, rồi cho về trấn trị các phủ, châu, huyện. Lệnh ấy ban ra, những bọn bon chen đua nhau hưởng ứng, chỉ có Bùi Ứng Đẩu cáo từ là bị bệnh đau mắt và mấy người nữa như bọn Hạ Trai học sinh là Lý Tử Cấu trốn ẩn không ra mà thôi. Lúc ấy người ta có câu ngạn ngữ rằng: "Dục hoạt, nhập ẩn lâm san; dục tử, Minh triều tố quan" (muốn sống, ẩn ở núi rừng; muốn chết, hãy làm quan với nhà Minh). Sau đến lúc nhà Lê khởi nghĩa, những người làm quan với nhà Minh mà có tiếng tàn ác đều bị giết. Câu ngạn ngữ trên thành ra câu sấm.

> **Lời chua -** Hạ Trai: Triều đình nhà Trần trước, học sinh chia ra 3 bậc, là: thượng trai, trung trai và hạ trai.

Đô chỉ huy sứ của Minh là Nguyễn Đại phạm tội, Trương Phụ bắt giết đi.

---

[1] Sứ thần nhà Nguyễn cho rằng nhà Hồ cướp ngôi vua nhà Trần, không phải là triều chính thống, nên những quan tước của bầy tôi triều ấy họ đều ghép chữ "ngụy" lên trên, là có ý để phân biệt với bầy tôi triều chính thống.

[2] Sứ thần nhà Nguyễn cho rằng nhà Hồ cướp ngôi vua nhà Trần, không phải là triều chính thống, nên những quan tước của bầy tôi triều ấy họ đều ghép chữ "ngụy" lên trên, là có ý để phân biệt với bầy tôi triều chính thống.

[3] Chỉ việc vua nhà Minh hỏi tội, Quý Ly không trả lời được.

[4] Khánh Phong, người thời Xuân Thu, một quyền thần nước Tề, giết Tề Trang Công để chuyên quyền. Khi Tề Cảnh Tông lên ngôi, toan giết Khánh Phong; Phong chạy sang nước Ngô. Công tử Vi, con thứ hai Sở Cung Vương, khi Cung Vương mất. Công tử Vi đuổi con người anh cả của mình mà cướp ngôi, tức là Sở Linh vương. Linh vương muốn làm ơn với nước Tề, đem quân đánh nước Ngô, bắt Khánh Phong. Linh vương ra lệnh cho Khánh Phong thân đeo xiềng xích đứng trước mặt các quân tướng mà rao to lên rằng: "Từ rầy đừng ai bắt chước như Khánh Phong này giết vua mà chuyên quyền bính". Khánh Phong liền đứng trước mặt tướng sĩ, rao to lên rằng: "Đừng có ai bắt chước Công tử Vi kia đuổi con nhà anh để cướp ngôi vua". Khánh Phong rao dứt lời, tướng sĩ đều cười ồ. - Lời phê này ý nói tiếc rằng Quý Ly không biết đem việc "đuổi Kiến Văn đế, cướp lấy ngôi vua" hỏi vặn lại Minh Thành tổ. Xem thêm chú thích số 2, Chính biên quyển XII, tờ 14.

[5] Khánh Phong, người thời Xuân Thu, một quyền thần nước Tề, giết Tề Trang Công để chuyên quyền. Khi Tề Cảnh Tông lên ngôi, toan giết Khánh Phong; Phong chạy sang nước Ngô. Công tử Vi, con thứ hai Sở Cung Vương, khi Cung Vương mất. Công tử Vi đuổi con người anh cả của mình mà cướp ngôi, tức là Sở Linh vương. Linh vương muốn làm ơn với nước Tề, đem quân đánh nước Ngô, bắt Khánh Phong. Linh vương ra lệnh cho Khánh Phong thân đeo xiềng xích đứng trước mặt các quân tướng mà rao to lên rằng: "Từ rầy đừng ai bắt chước như Khánh Phong này giết vua mà chuyên quyền bính". Khánh Phong liền đứng trước mặt tướng sĩ, rao to lên rằng: "Đừng có ai bắt chước Công tử Vi kia đuổi con nhà anh để cướp ngôi vua". Khánh Phong rao dứt lời, tướng sĩ đều cười ồ. - Lời phê này ý nói tiếc rằng Quý Ly không biết đem việc "đuổi Kiến Văn đế, cướp lấy ngôi vua" hỏi vặn lại Minh Thành tổ. Xem thêm chú thích số 2, Chính biên quyển XII, tờ 14.

Đại, trước là bầy tôi nhà Hồ, sau đầu hàng nhà Minh, vì có công dẫn dắt cha con nhà Hồ, Trương Phụ làm trát văn trao cho chức Đô chỉ huy sứ. Từ đấy, Đại kiêu căng, làm nhiều điều phi pháp, hoang dâm, nghiện rượu, lại có chí ngấm ngầm phản lại. Trương Phụ bèn giết đi.

Quân nhà Minh rút về nước.

Trương Phụ và Mộc Thạnh dẫn quân về nước, để viên giữ ti Đô chỉ huy sứ là Lữ Nghị và viên giữ hai ti Bố chính và Án sát là Hoàng Phúc ở lại trấn thủ nước ta. Phụ dâng lên vua Minh địa đồ bờ cõi đã mở rộng được, mặt đông và mặt tây cách nhau 1760 dặm, mặt nam và mặt bắc cách nhau 2700 dặm, đặt nha môn[1] vừa lớn vừa nhỏ 472 sở. Vua nhà Minh ban khen, thưởng cho tướng sĩ tùy theo công trạng của từng người.

Tháng 10, mùa đông. Giản Định vương nhà Trần là Ngỗi khởi binh ở Tràng An, tự lập làm vua.

Ngỗi, con thứ của Trần Nghệ Tông, trước phong là Giản Định vương, nhà Hồ đổi phong Nhật Nam quận vương. Khi nhà Hồ bị bại, Trương Phụ yết bảng tìm bắt con cháu họ Trần, Ngỗi phải trốn tránh lẫn lút đến bến Yên Mô ở Tràng An. Người ở Thiên Trường là Trần Triệu Cơ đem dân chúng theo, Ngỗi bèn xưng làm Giản Định hoàng đế, đặt niên hiệu là Hưng Khánh. Người nhà Minh đem quân đến đánh, vì quân mới họp tập, nên chưa đánh nhau mà tự tan vỡ, Ngỗi phải chạy vào Nghệ An. Viên đại tri châu ở Hóa Châu là Đặng Tất nghe tin, liền giết quan nhà Minh, đem quân đến họp. Tất dâng con gái cho Giản Định, Giản Định phong cho Tất làm quốc công, cùng nhau mưu tính việc khôi phục.

Lời chua - Bến Yên Mô: Nay ở xã Yên Mô, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Trần Nguyệt Hồ xương vương ở Bình Than; quân nhà Minh đánh, bắt được.

Phạm Chấn, thổ hào Đông Triều, khởi binh ở Bình Than, lập Trần Nguyên Hồ làm chúa, tự gọi là quân Trung nghĩa. Nhà Minh sai quân đến đánh, Nguyệt Hồ bị bắt, Phạm Chấn chạy trốn.

Trước đây, Bùi Bá Kỳ, tì tướng Trần Khát Chân, tự xưng là "Nam triều trung nghĩa thần" (người tôi trung nghĩa nước Nam) chạy trốn sang nhà Minh, báo cáo nạn nước. Bá Kỳ nói: "Tổ phụ tôi trước đều là đại thần giữ chính quyền triều nhà Trần, mẹ tôi là người họ thân với họ Trần, lúc bé tôi được vào chầu quốc vương, làm quan đến ngũ phẩm; vì cha con Quý Ly giết vua, cướp nước, nên tôi phải bỏ quan đi trốn, nương náu trong hang núi, trong bụng vẫn nghĩa phải đến khuyết đình[2], phơi bày gan dạ, giằn giọc lo lắng hàng mấy năm, nay mới được trông thấy mặt trời[3]. Tôi trộm nghĩ: cha con Quý Ly làm việc cướp nước bạo nghịch, không kính trọng mệnh lệnh triều đình, xin hoàng đế cử đạo quân thương dân đánh kẻ có tội, trừ khử bọn hung bạo gian tà, lập con cháu nhà Trần, để tôn nghiêm cái nghĩa làm cho đời đã mất được kế tục lại. Được như thế, thì tôi dẫu chết cũng không nát xương. Nay tôi xin học theo lòng trung nghĩa của Bao Tư[4], thương khóc kêu gào dưới cửa khuyết, xin hoàng đế rủ lòng thương soi xét cho". Vua nhà Minh nhận được lời tâu, lấy làm cảm động, sai viên quan có trách nhiệm cấp cho cơm áo. Gặp lúc ấy Trần Thiêm Bình từ Lão Qua sang, người nhà Minh hỏi Bá Kỳ có biết người này không. Bá Kỳ trả lời không biết. Đến lúc nhà Minh đưa Thiêm Bình về nước ta, hỏi nên dùng bao nhiêu người hộ tống. Thiêm Bình nói: "Chỉ độ vài ngàn người là đủ, hễ về đến nơi tự khắc người ta phục tùng". Bá Kỳ nói: "Không nên". Vua nhà Minh giận, bèn đem an trí Bá Kỳ ở Cam Túc. Đến lúc Thiêm Bình bị bại, vua nhà Minh cho triệu Bá Kỳ về, dụ dỗ là sẽ lập con cháu họ Trần, mà Bá Kỳ sẽ được làm bầy tôi phụ tá. Khi Trương Phụ đem quân sang nước ta, cho Bá Kỳ đi theo trong quân ngũ, do đấy trao cho chức tham nghị. Bá Kỳ nhận chức, nhưng không cùng bạn đồng liêu bàn tính công việc, chỉ ở nhà riêng, lại thu nạp những viên quan cũ triều Trần hiện bị sa cơ lỡ bước. Nay Nguyệt Hồ khởi binh, người nhà Minh ngờ là Bá Kỳ đem lòng phản lại, liền bắt Bá Kỳ đưa sang Kim Lăng.

---

[1] Một sở công, đơn vị hành chính, nơi các viên chức làm việc.

[2] Cung khuyết của triều đình nhà Minh.

[3] Tượng trưng dung nghi một vị thiên tử. Ở đây chỉ vua nhà Minh.

[4] Người thời Xuân Thu, làm quan đại phu nước Sở, khi nước Ngô diệt nước Sở, Bao Tư sang cầu cứu với nước Tần, đứng dựa vào tường khóc suốt 7 ngày không ngớt tiếng; vua nước Tần cảm động, mới cho quân sang cứu, đánh lui được quân nước Ngô.

Lời chua - Đông Triều: Tên huyện, nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Bá Kỳ: Người ở Phù Nội thuộc Thanh Miện, Hồng Châu[1].

Bình Than: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ tư (Chính biên VII, 28).

Tháng 12. Đế Ngỗi sai bọn Trần Nguyên Tôn thu thập quân lính ở Bình Than. Quân nhà Minh đến đánh úp, quân của bọn Nguyên Tôn bị tan vỡ, chạy vào Nghệ An.

Toán quân của Nguyệt Hồ tan rã, Giản Định đế sai bọn Trần Nguyên Tôn, Trần Dương Đình, Trần Nghiện Chiêu lại cùng Phạm Chấn thu thập số quân còn lại, hội họp ở Bình Than. Quân nhà Minh đến đánh, lại tan vỡ, bèn cùng nhau chạy vào Nghệ An.

Đế Ngỗi bắt giết những người đầu hàng nhà Minh là bọn Trần Thúc Dao, Trần Nhật Chiêu cùng đồ đảng của chúng hơn sáu trăm người.

Thúc Dao và Nhật Chiêu đều là tôn thất nhà Trần, trước kia đầu hàng nhà Minh, Trương Phụ cho Thúc Dao giữ Diễn Châu, Nhật Chiêu giữ Nghệ An. Nay quân của Giản Định kéo đến, lấy cớ rằng bọn này không ra đón rước trước, nên bắt giết đi.

Dân bị đói to, phát sinh chứng dịch.

Mậu Tí (1408). (Trần, năm Hưng Khánh thứ 2; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Minh hạ chiếu đại xá.

Quân của Giản Định nổi dậy, nhiều người hưởng ứng đi theo, nhà Minh cho rằng người trong nước vẫn nhớ vua cũ, nên giả vờ dùng chính sách khoan hồng để thu phục lòng dân, bèn hạ tờ chiếu, đại lược nói: "Trẫm nghĩ những dư dân[2] vì lòng vẫn ngu muội, hoặc nhân nghèo đói bức bách, hoặc bị bọn cường bạo xua đuổi, hoặc bị bọn gian trá dỗ dành, bất đắc dĩ mà phải làm liều, tình cũng đáng thương, nếu nhất luật bắt tội, lòng trẫm thực không nỡ. Vậy ngày nào tờ chiếu này đến nơi, thì những người có tội đều tha bổng. Các quan lại nên thể theo lòng nhân của trẫm, đối với dân không được nghiêm khắc, không được vơ vét của dân, tất cả mọi việc không cần cấp đều tạm đình bãi".

Tháng 6, mùa hạ. Đặng Tất nhà Trần đánh tan được quân Phạm Thế Căng ở cửa biển Nhật Lệ, chém được Phạm Thế Căng.

Trước đây, quân của Trương Phụ kéo đến cửa biển Bố Chính, Thế Căng đón đường xin hàng, Phụ cấp trát văn trao cho giữ chức tri phủ ở Tân Bình. Thế Căng tự tiện tác oai tác phúc, tự xưng là Duệ Vũ đại vương, tụ họp nhiều người chiếm giữ đất Tân Bình. Đặng Tất đem quân đến đánh, phá tan được ở cửa biển Nhật Lệ, bắt chém được Thế Căng.

Lời chua - Cửa biển Nhật Lệ: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chính biên X, 39).

Cửa biển Bố Chính: Nay ở địa giới 2 huyện Bình Chính và Bố Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình, tức là cửa sông Gianh.

Tháng 12. Đế Ngỗi phá tan được quân nhà Minh ở bến Bô Cô.

Đế Ngỗi sai Tất điều động quân ở các lộ Thuận Hóa, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu và Thanh Hóa, tiến ra đánh thành Đông Đô. Khi quân kéo đến Tràng An, quan thuộc cũ cùng hào kiệt các nơi rủ nhau hưởng ứng vui theo, Tất đều tùy theo tài năng từng người trao cho quan chức. Lòng người phấn khởi, thế quân mạnh thêm.

Trước đây, lúc Đế Ngỗi khởi binh, viên thủ tướng nhà Minh đã đem việc ấy tâu cho triều đình nhà Minh biết. Vua nhà Minh lại sai Kiềm Quốc công Mộc Thạnh đem bốn vạn quân, theo đường Vân Nam tiến sang nước ta. Đến đây, Mộc Thạnh cùng quân của đô chỉ huy Lữ Nghị hội họp ở Bô Cô, gặp lúc ấy

[1] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[2] Những dân không chịu phục tùng với triều mới.

Đế Ngỗi cũng đem quân từ Tràng An đế. Quân hai bên gặp nhau, bên nào cũng chia quân thủy, quân bộ để cầm cự với nhau. Đế Ngỗi cầm dùi thúc trống, bắt quân sĩ nhân cơ hội đánh tung ra, đánh nhau từ giờ tị đến giờ thân[1], quân nhà Minh thua chạy, quân ta chém được Lữ Nghị và thượng thư Lưu Tuấn[2], chỉ có một Mộc Thạnh thoát thân chạy đến thành Cổ Lộng, Đế Ngỗi hạ lệnh cho các quân sĩ rằng: "Bây giờ nhân thế chẻ tre[3], đánh quét một trận ruổi dài, làm cho chúng không kịp bịt tai khi gặp sét đánh mạnh, rồi ta tiến lên lấy thành Đông Đô, thì thế nào cũng phá được". Đặng Tất nói: "Hãy bắt hết bọn giặc còn sống sót, không nên để mối lo về sau". Vua tôi mưu tính dùng dằng mãi không quả quyết. Gặp lúc ấy viện binh nhà Minh kéo đến đón tiếp Mộc Thạnh về thành Đông Quan. Tất bèn chia quân bao vây các thành ở các châu, phủ, đưa tờ hịch đi các lộ hội họp binh sĩ, rồi sẽ tiến đánh.

Lời phê[4] - Đặng Tất để nhỡ cơ hội, rước lấy tai họa, chả đáng tiếc lắm sao?

Lời chua - Thành Đông Quan: Tức thành Đông Đô, nhà Minh đem Đông Đô làm phủ lỵ Giao Châu, gọi là thành Đông Quan.

Bô Cô: Tên bến đò, ở địa phận huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định, đối diện với tỉnh thành Ninh Bình, trước gọi là Bồ Cô, nay đổi là xã Hiếu Cổ.

Thành Cổ Lộng: Nhà Minh đắp, nay ở xã Bình Cách, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, nền cũ hãy còn, tục gọi là thành Cách.

Kỷ Sửu (1409). (Trần, năm Hưng Khánh thứ 3. Từ tháng 3 trở về sau, thuộc về Đế Quý Khoáng, năm Trùng Quang thứ 1. - Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Ngỗi giết quốc công Đặng Tất và tham mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân.

Người hoạn giả Nguyễn Quỹ và học sinh Nguyễn Mộng Trang nói kín với Đế Ngỗi rằng: "Tất và Cảnh Chân chuyên quyền bổ dụng người này, cất chức người khác, nếu không liệu tính sớm đi, sau này khó lòng mà chế phục được". Đế Ngỗi tin lời. Chu sư của Đế Ngỗi tiến đến đóng ở Hoàng Giang, cho triệu hai người ấy đến, Đế Ngỗi sai người đánh chết Đặng Tất, Cảnh Chân chạy lên bờ, lực sĩ đuổi theo chém chết.

Lời phê - Đương lúc điên bái lưu ly, vua tôi cùng lòng cùng sức với nhau, còn e rằng không làm nổi công việc, thế mà tự tàn hại lẫn nhau, làm mất cả tay chân, như thế, tránh sao khỏi bại vong được?

Lời chua - Hoàng Giang: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 44).

Tháng 3. Bọn Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Nhu rước Trần Quý Khoáng đến Nghệ An, lập làm vua.

Quý Khoáng là con Mẫn vương Ngạc và là cháu Nghệ Tông, trước kia Quý Khoáng làm quan nhập nội thị trung.

Cảnh Dị, con Nguyễn Cảnh Chân; Đặng Dung, con Đặng Tất. Hai người này bực tức về việc cha họ không có tội gì mà bị giết, nên đem binh lính Thuận Hóa về Thanh Hóa, rước Quý Khoáng đến Nghệ An lập làm vua. Quý Khoáng lên ngôi vua ở Chi La, đổi niên hiệu là Trùng Quang, dùng Nguyễn Súy làm Thái phó, Cảnh Dị làm Thái bảo, Dung làm Đồng bình chương sự, Nguyễn Chương làm Tư mã.

---

[1] Phỏng từ 11 giờ đến 16 giờ.

[2] Theo Toàn thư thì Lưu Tuấn làm thượng thư bộ binh nhà Minh. Nhưng Cương mục in lầm chữ "thượng thư" thành "thượng tận", nên có người hiểu "thượng tận" là tên người, rồi nhận lầm là "Thượng Tận" bị quân ta giết cùng một lúc cùng với Lữ Nghị và Lưu Tuấn.

[3] Chẻ tre chỉ khó khăn ở mấy gióng gốc, đã bửa đôi được mấy gióng gốc, thì những gióng kia có thể bỏ dao ra mà dùng tay để róc đôi ra được. Nhà binh dùng thế chẻ tre để ví với việc đánh giặc, đã thắng được một đầu, thừa thế thắng mà đánh, thì trận sau cũng có thể giải quyết một cách dễ dàng như người chẻ tre.

[4] Chỉ việc Đặng Tất dùng dằng không quả quyết tiến quân.

Bấy giờ Đế Ngỗi ở thành Ngự Thiên, chống cự với quân nhà Minh; bọn Nguyễn Súy ngầm họp quân đến đánh úp, bắt được Đế Ngỗi. Mẹ Đế Ngỗi và bầy tôi là bọn Lê Tiệt, Lê Nguyên Đỉnh bàn nhau khởi binh đánh úp lại Đế Quý Khoáng. Việc bị tiết lộ. Đế Quý Khoáng bắt giết bọn Tiệt và Nguyên Đỉnh, còn thì tha cả. Gặp khi ấy Nguyễn Súy đưa Đế Ngỗi đến Nghệ An, Đế Quý Khoáng thay mặc mũ áo thường ra đón tiếp. Lúc ấy trời u ám đã lâu, bỗng quang đãng, ở trên không bốn mặt đầy sắc mây vàng, mọi người đều kinh ngạc. Đế Quý Khoáng bèn tôn Đế Ngỗi làm thượng hoàng, cùng nhau mưu tính việc khôi phục.

Lời chua - Ngự Thiên: Tên huyện, tức làng Đa Cương xưa, mộ tổ nhà Trần ở đấy, cho nên gọi là Ngự Thiên; nhà Lê theo gọi tên ấy; nay đổi là Hưng Nhân thuộc tỉnh Hưng Yên[1].

Chi La: Tên huyện, nay là La Sơn, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Tháng 7, mùa thu. Quân nhà Minh đến Mỹ Lương, bắt được Đế Ngỗi nhà Trần, đưa về Kim Lăng.

Quân của Mộc Thạnh bị thua[2], vua nhà Minh lại sai Trương Phụ làm tổng binh, Thanh Viễn hầu Vương Hữu làm phó tướng, đem quân sang cứu. Lúc ấy Đế Ngỗi cùng Đế Quý Khoáng tiến quân, đánh chiếm các châu huyện. Quân của Đế Ngỗi đóng ở Hạ Hồng, quân của Đế Quý Khoáng đóng ở Bình Than, hào kiệt các lộ đều hưởng ứng. Người nhà Minh đóng chặt cửa thành, cố giữ. Lúc quân Trương Phụ đã kéo đến, thế quân nhà Minh lại mạnh. Đế Ngỗi đi thuyền chạy đến trấn Thiên Quan; Phụ chia quân đuổi theo, khi đuổi đến Mỹ Lương, bắt được Đế Ngỗi và Thái bảo Trần Hi Cát, đưa về Kim Lăng.

Lời chua - Mỹ Lương: Tên huyện, nay thuộc tỉnh Sơn Tây[3], giáp giới với Nho Quan.

Tháng 8. Quân nhà Minh tiến đánh cửa Hàm Tử, Đế Quý Khoáng nhà Trần rút quân giữ Nghệ An.

Trước đây, Đế Ngỗi chạy đến Thiên Quan, Đế Quý Khoáng ngờ Đế Ngỗi có bụng gì khác, sai người đuổi theo không kịp, bèn sai Đặng Dung giữ cửa Hàm Tử để chống với quân nhà Minh. Quân của Dung thiếu lương ăn, chia nhau đi gặt lúa sớm để làm lương ăn. Người nhà Minh dò biết, đem quân thủy tiến đánh, quân của Dung bị vỡ. Đế Quý Khoáng nghe tin Dung bị thất thủ, tự liệu sức mình không thể chống được, bèn bỏ Bình Than, dẫn quân lui về Nghệ An. Trương Phụ thắng trận, đi đến đâu chém giết thả cửa, hoặc xếp thây người làm quả núi, hoặc bồn ruột người quấn vào cây, hoặc rán thịt người lấy mỡ, hoặc làm nhục hình bào lạc[4] để mua vui, thậm chí có người theo lệnh giặc, mổ bụng người chửa, cắt lấy hai tai[5] của mẹ và con để dâng cho giặc. Những phủ huyện từ Thanh Hóa trở ra Bắc, trước kia Đế Quý Khoáng đã đánh phá, nay lại đặt quan chức để trấn trị. Trong nước ai có chiêu dụ được nhân dân yên phận phục tùng và ai cướp của giết người đắc lực đều được Trương Phụ làm trát văn trao cho quan chức để yên ủi lòng những người ấy. Trương Phụ lại tâu với vua Minh xin thăng hai châu Thái Nguyên và Tuyên Hóa lên làm phủ.

Lời phê[6] - Trương Phụ học được thủ đoạn tàn khốc "một người có tội dây dưa đến mười họ" của Minh Thành Tổ[1], nên dám bạo ngược làm tuyệt diệt dân của trời; bất

---

[1] Nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XII, tờ 27-28.

[3] Nay là một phần huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hoà Bình).

[4] Nhục hình bào lạc do chúa Trụ nhà Thương đặt ra. Hình phạt ấy như thế này: Dùng cái cột đồng có bôi mỡ sẵn, hơ vào lửa cho nóng, xung quanh cột đồng đều có đốt lửa. Bọn hung ác bắt người ta phải đi lên trên cột đồng, nếu rơi xuống thì rơi vào đống lửa, chúng thấy thế cùng nhau vui cười.

[5] Đời cổ, binh sĩ đi đánh trận khi giết được địch thì xẻo lấy cái tai bên trái của địch, dâng lên chủ súy để tính công, cứ mỗi cái tai tính là một mạng người. Ở đây, quân của Trương Phụ mổ bụng người chửa, rồi xẻo lấy tai mẹ và tai con (đều tai bên trái) dâng lên cho Phụ; dâng cả tai mẹ và tai con như thế, vừa tỏ ra là tay giết người táo bạo, vừa được tính là hai mạng người.

[6] Chỉ việc Trương Phụ tàn sát nhân dân.

nghĩa như thế, tất nhiên cuối cùng sẽ rước lấy cái chết, chứ dùng sức mạnh để lấy nước người ta thế nào được?

Lời chua - Cửa Hàm Tử: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chính biên VII, 39).

Tuyên Hóa: Tức Tuyên Quang.

Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 31-32).

Canh Dần (1410). (Trần, năm Trùng Quang thứ 2; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Trương Phụ nhà Minh đặt đồn điền.

Trương Phụ cho rằng việc quân nhu tổn phí rất nhiều, bèn ra lệnh cho thuộc hạ đặt đồn điền ở nơi gần thành; lại thu thóc lúa ở các phủ Tuyên Hóa, Thái Nguyên và Tam Giang để làm lương trù bị cho quân lính.

Lời chua - Tam Giang: Tên phủ. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Tháng 5, mùa hạ. Đế Quý Khoáng đánh nhau với quân nhà Minh ở Hồng Châu, bị thua.

Đế Quý Khoáng đem bọn Nguyễn Cảnh Dị lại tiến quân đến Hồng Châu, phá vỡ được đạo quân của Giang Hạo, đô đốc nhà Minh; nhân thế thắng, tiến thẳng đến Bình Than. Hào kiệt nghe tiếng, nhiều người hưởng ứng. Đồng Mặc, người Thanh Hóa, hiệu là Lỗ Lược tướng quân, tung quân ra đánh quân nhà Minh, bắt được chỉ huy Tả Địch. Đế Quý Khoáng trao cho Mặc quản trị phủ Thanh Hóa. Lại có bọn Nguyễn Ngân Hà, Lê Nhị, Lê Khang, Đỗ Cối và Nguyễn Hiêu cũng đều đem dân chúng đánh giết quân nhà Minh. Nhưng vì quân không có người thống lãnh, hiệu lệnh không thống nhất, nên quân nhà Minh đi đến đâu, thì quân sĩ ở nơi ấy liền bị tan vỡ. Đế Quý Khoáng lại dẫn quân về Nghệ An.

Tân Mão (1411). (Trần, năm Trùng Quang thứ 3; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà Minh lại hạ chiếu đại xá.

Đại lược tờ chiếu nói: "Nay Giao Chỉ đã thuộc về quan chức - phương[2], mà trăm họ chưa được yên nghỉ, nghĩ thương dân ấy sau khi khổ sở, nên đặc cách ban bố ơn huệ khoan nhân, ngõ hầu làm cho nhân dân được thấm nhuần đức trạch". Vua nhà Minh lại dụ bọn quan lại, quân và dân rằng: "Người Giao Chỉ đều là dân của trời, nay đã cai trị chúng, thì chúng đều là con đỏ của trẫm. Những người ấy một lúc đi theo giặc, trẫm nghe tin chúng phải chịu tội chết, thực lấy làm đau đớn trong lòng, có lẽ nào lại nỡ để cho chúng như thế? Gây ra tội ác chỉ có mấy người mà thôi, còn trăm họ thì có tội gì đâu? Dân ở ven biển, ở hang núi, vì sự ức hiếp, hoặc giúp lương thực, hoặc bị đem đi theo, đến đâu làm giặc cướp ở đấy, đều do sự bất đắc dĩ, bị người khác làm cho lầm lẫn, chứ không phải bản tâm chúng định làm càn. Vậy nếu biết đổi lỗi ngay thì đều được cùng hưởng phúc mới. Trong những người biết đổi lỗi ấy, người nào có dũng cảm, có kiến thức, biết bắt nộp được vài ba người gây ra tội ác, thì tất nhiên ban cho chức trọng quan cao. Còn những người bị bắt nộp, nếu biết rửa bỏ hết ý nghĩ cũ, tự nguyện đi theo con đường mới, thì không những được tha tội, mà lại còn được quan tước hiển vinh là khác nữa".

Tháng 9, mùa thu. Đế Quý Khoáng sai sứ sang nhà Minh xin phong tước.

Trước đây, Đế Quý Khoáng sai Hành khiển Nguyễn Nhật Ti và Thẩm hình Lê Ngân sang nhà Minh xin phong tước; vua nhà Minh giận, bắt giam hai người ấy rồi giết đi. Đến nay lại sai Hành khiển Hồ

---

[1] Minh Thành Tổ đem quân vào Nam Kinh, Kiến Văn đế tự nhảy vào đống lửa, Thành Tổ lên ngôi vua, sai Phương Hiếu Nhụ thảo tờ chiếu, Hiếu Nhụ vừa khóc vừa mắng lại, Thành Tổ nói: "Nhà ngươi không nghĩ đến chín họ à?". Hiếu Nhụ nói: "Đến mười họ cũng chả làm gì?". Hiếu Nhụ bị Thành Tổ giết, họ hàng bạn bè của Hiếu Nhụ dây dưa chết đến vài trăm người. Hình pháp thảm khốc nhất đời xưa, một người phải tội, chỉ dây dưa đến chín họ là cùng, Thành Tổ giết đến cả học trò của Hiếu Nhụ, nên gọi là mười họ.

[2] Quan chức - phương giữ sổ sách, ghi đất đai thuộc phạm vi cai trị của một nước. Ở đây ý nói đất Giao Chỉ đã thuộc về nhà Minh, đã ghi vào sổ sách nhà Minh, do quan chức - phương nhà Minh giữ.

Nghiện Thần sung chức chánh sứ cầu phong, Thẩm hình Bùi Nột Ngôn làm phó, sang nhà Minh, đem dâng tờ biểu và phẩm vật địa phương cùng người vàng, người bạc thế mạng, mỗi thứ một người. Khi bọn Nghiện Thần đến Yên Kinh, vua Minh sai Hồ Nguyên Trừng mượn cớ là tình nghĩa cố cựu, hỏi về tình hình trong nước mạnh yếu hư thực thế nào, Nghiện Thần nói hết cho Nguyên Trừng biết. Nột Ngôn không chịu khuất phục. Vua nhà Minh giả vờ phong cho Đế Quý Khoáng làm Bố chánh sứ ở Giao Chỉ, Nghiện Thần làm tri phủ Nghệ An. Khi về đến nước, Nột Ngôn đem việc Nghiện Thần tiết lộ tình hình trong nước và nhận quan chức do nhà Minh phong trình bày hết cho Đế Quý Khoáng biết, Đế Quý Khoáng bèn bắt giam Nghiện Thần rồi giết đi.

Lời phê[1] - Sự thể đã đến như thế, mà còn thỉnh cầu càn dỡ mãi, thật là mù quáng về thời cơ, không còn hiểu gì cả!

Lời chua - Nghiện Thần: Năm Khai Đại thứ 3 (1405) đời Hồ Hán Thương, Nghiện Thần được dự trúng khoa thi cử nhân do bộ Lễ mở, sung vào Thái học sinh lý hành[2]. Nhà Hồ mất, Đế Quý Khoáng khởi binh, Nghiện Thần lại ứng nghĩa đi theo.

Người nhà Minh bắt giáo thụ Lê Cảnh Tuân đưa sang Kim Lăng.

Trước kia, Lê Cảnh Tuân là hạ trai học sinh[3] nhà Hồ. Đầu niên hiệu Hưng Khánh[4], Cảnh Tuân dâng cho tham nghị Bùi Bá Kỳ một bức "thư vạn ngôn" có ba phương sách: thượng sách, trung sách và hạ sách. Đại lược ba kế sách nói: "Nhà Minh đã ra sắc lệnh cho Các hạ[5] theo quân nhà Minh đi đánh dẹp, đợi khi bắt được nhà Hồ, sẽ chọn con cháu họ Trần lập làm vua. Nay nhà Minh đặt ti Bố chính, trao chức tước cao cả cho Các hạ, mà chỉ cấp người quét dọn ở nhà tôn miếu họ Trần. Nay nếu Các hạ biết tâu bày rõ với nhà Minh là con cháu họ Trần hãy còn, để nhà Minh tuyên bố tờ chiếu khác, lại phong họ Trần làm vua, đấy là thượng sách. Nếu không được như thế, thì từ bỏ quan chức, xin làm người giữ từ đường nhà họ Trần, đấy là trung sách. Còn như cứ quyến luyến quan cao lộc hậu thì là hạ sách.

"Nếu Các hạ làm được thượng sách, thì tôi đây cũng như nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì chứa đầy trong bồ thuốc, mặc sức cho Các hạ sử dụng. Nếu làm trung sách, thì tôi xin giữ đồ tế khí, lui tới ở trong từ đường họ Trần, mặc sức cho Các hạ sai bảo. Nếu làm hạ sách, thì tôi đi câu ở chỗ vắng, đi cày ở nội rậm, cho trọn hết cái tuổi già mà thôi".

Đến khi nhà Minh tịch thu nhà Bá Kỳ[6], bắt được bức thư này, sai người đi bắt Cảnh Tuân để xét hỏi, nhưng gặp lúc loạn lạc, không rõ đi đâu. Đến nay, nhân mới đặt trường học ở Giao Châu, mới tìm được Cảnh Tuân, bèn bắt đưa sang Kim Lăng, giam vào ngục cùng với con là Thái Điên, sau hai cha con đều bị bệnh chết.

Nhâm Thìn (1412), (Trần, năm Trùng Quang thứ 4; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 10).

Tháng 6, mùa hạ. Đặng Dung và Nguyễn Súy nhà Trần đánh nhau với quân nhà Minh ở bến Yên Mô, bị thua, chạy.

Trương Phụ và Mộc Thạnh dẫn quân tiến đánh Nghệ An, gặp quân của Súy và Dung ở bến Yên Mô, hai bên đều liều chết đánh nhau. Súy và Cảnh Dị chạy trước ra biển, quân của Dung bị cô lập, không có cứu viện, cũng phải dùng thuyền nhỏ vượt ra biển để trốn.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Minh sai Hàn Quan sang trấn thủ.

Vua nhà Minh sai Hữu quân đô đốc đồng tri là Hàn Quan vận tải một vạn hộc lương ở Quảng Đông sang tiếp tế cho quân ăn, rồi để luôn Hàn Quan ở lại trấn thủ Giao Châu.

---

[1] Chỉ việc Quý Khoáng cầu phong.

[2] Mới được dự vào hàng tiến sĩ, chưa phải đã đỗ thật.

[3] Xem lời chua ở Chính biên quyển XII, tờ 22.

[4] Niên hiệu Trần Đế Ngỗi.

[5] Ngày trước, người dưới nói với người trên không dám nói rõ tên, nên xưng là "các hạ", tỏ sự tôn kính.

[6] Xem thêm Chính biên quyển XII tờ 25, việc Bá Kỳ bị bắt.

Nhà Minh hạ chiếu huấn dụ quan lại.

Đại lược tờ chiếu nói: "Trẫm vâng mệnh trời, thống trị thiên hạ, chỉ cốt làm cho dân trong thiên hạ đều được yên ổn làm ăn. Giao Chỉ ở xa ngoài bãi biển, đất ấy trước kia thuộc về Trung Quốc, nay đã khôi phục lại được, quân và dân quy phục đức hóa, đến nay kể hàng mấy năm rồi, hiện triều đình đã đặt chức mục, bá, thú, lệnh cùng ti quân vệ, kén chọn người trung lương hiền tài để vỗ về cai trị dân. Thế mà trẫm vẫn ngày đêm canh cánh trong lòng, nghĩ đến nơi ấy đất thì xa, dân thì nhiều, sợ giáo hóa không thấm khắp, còn có người không được thấm nhuần ơn trạch yêu nuôi giáo dưỡng của quốc gia. Nay các ngươi đều là bầy tôi trung lương, cần phải thể theo lòng vâng mệnh trời, yên nhân dân của trẫm, hưng lợi trừ hại cho dân, thuận theo lòng yêu ghét của dân, mà bỏ hết lòng gian tham tệ hại, khuyên dân cày cấy, trồng dâu, để khỏi trái thời làm ruộng, thì dân sẽ có áo mặc cơm ăn; đem hiếu để, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ để dạy dỗ dân, thì phong tục sĩ được thuần hậu; khuyên dân gặp lúc tang ma hoạn nạn, điên bái lưu ly thì thương xót lẫn nhau, giúp đỡ cho nhau, người già dạy bảo người trẻ, người dưới phục tòng người trên, đều theo tính trời, không trái với lễ, chớ làm việc trộm cướp, chớ làm điều gian tà. Các ngươi chớ có điên đảo giấy tờ làm sai lệch phép tắc, chớ có theo lòng riêng làm mất lẽ công, cần làm thế nào cho dân được yên nghiệp làm ăn, để cùng hưởng hạnh phúc đời thái bình. Như thế là các ngươi làm đầy đủ chức trách của mình, biết vâng theo đức ý thay trời nuôi dân của trẫm, sự nghiệp các ngươi sánh với người quan lại hiền tài đời cổ, tên tuổi các ngươi ghi mãi ở sử xanh, như thế chẳng cũng đẹp đẽ lắm sao?".

Quý Tị (1413). (Trần, năm Trùng Quang thứ 5; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 11). (Năm này nhà Trần mất).

Tháng 4, mùa hạ. Trương Phụ nhà Minh đánh Nghệ An; Đế Quý Khoáng chạy đến Hóa Châu.

Trước đây, Đế Quý Khoáng thấy rằng quân mình bị thua luôn, lương thực lại không được kế tiếp, mới đem bọn Nguyễn Súy, Đặng Dung theo đường biển ra tuần tiễu ở Hải Đông, Vân Đồn cùng các bãi biển để lấy lương ăn, và đánh bọn lính thú nhà Minh, rồi lại kéo về Nghệ An, số quân chỉ còn độ ba, bốn phần mười. Đến nay Trương Phụ lại đem quân đến đánh, bèn chạy đến Hóa Châu, sai bầy tôi là Nguyễn Biểu sung làm sứ cầu phong. Khi đem phẩm vật đến Nghệ An, Biểu bị Phụ giữ lại. Biểu giận, mắng Phụ rằng: "Trong bụng toan tính việc đánh chiếm nước người ta, ngoài mặt lại phô trương là quân nhân nghĩa, trước nói lập con cháu họ Trần, bây giờ lại đặt quận huyện, không những cướp bóc của cải, lại còn giết hại nhân dân, mày thật là thằng giặc bạo ngược". Phụ giận, sai giết đi.

Lời chua - Nguyễn Biểu: Người ở Bình Hồ, La Sơn, Nghệ An.

Tháng 6. Trương Phụ nhà Minh đánh Hóa Châu.

Trước đây, quân của Trương Phụ kéo đến Nghệ An, Thái bảo nhà Trần là Phan Quý Hựu xin hàng, Phụ mừng lắm, trong độ một tuần, Quý Hựu bị bệnh chết, Phụ trao cho con của Hựu là Liêu làm tri phủ Nghệ An, lại thưởng cho gia đình Liêu rất hậu. Liêu đem tình hình tướng tá nhà Trần kẻ hay người dở, núi sông trong nước chỗ hiểm chỗ bằng và số quân nhiều ít nói hết cho Phụ biết, bấy giờ Phụ mới quyết chí đánh lấy Hóa Châu. Phụ họp các tướng bàn kế đánh chiếm. Mộc Thạnh nói: "Hóa Châu núi cao, biển rộng, chưa dễ mà lấy được đâu". Phụ nói: "Tôi có sống được là ở Hóa Châu, tôi có chết cũng là ở Hóa Châu, Hóa Châu mà chưa bình định xong, thì tôi còn mặt mắt nào trông thấy chúa thượng nữa?". Phụ bèn đem chu sư tiến đánh Hóa Châu.

Lời chua - Phan Quý Hựu: Người ở Thạch Hà thuộc Nghệ An.

Tháng 9, mùa thu. Đặng Dung, quan Bình Chương nhà Trần, đánh nhau với Trương Phụ nhà Minh ở Thái (Sái Già) cảng, quân của Đặng Dung bị tan vỡ, phải chạy.

Quân của Phụ kéo đến Thuận Châu. Nguyễn Súy, Đặng Dung cùng giữ sông Thái Gia, đặt phục binh, nhân đêm đánh úp dinh Trương Phụ, Đặng Dung nhảy lên thuyền Trương Phụ toan bắt sống,

nhưng không rõ hình dáng người thế nào. Phụ vội vàng nhảy xuống chiếc thuyền nhỏ[1], chạy thoát thân. Quân nhà Minh một lần nữa bị tan vỡ, thuyền bè, quân khí phần nhiều bị đốt cháy và phá hủy. Lúc ấy quân của Nguyễn Súy không đến tiếp ứng ngay. Phụ thấy quân của Dung có ít, quay quân đánh quật lại. Dung bị thua, phải chạy.

Lời phê[2] - Trời nuông Trương Phụ!

Lời chua - Thuận Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chính biên I, 27-28).

Sông Thái Gia: Không rõ ở đâu. Theo Minh sử và Minh sử kỷ sự của Cốc Ứng Thái chép về việc này đều nói đánh ở sông Ái Tử, thì có lẽ Thái Gia tức là chỗ này.

Tháng 12, mùa đông. Đế Quý Khoáng cùng các tướng Đặng Dung, Nguyễn Súy, Nguyễn Cảnh Dị bị Trương Phụ nhà Minh bắt.

Từ khi quân của Đế Quý Khoáng bị thua, phải ẩn núp trong núi rừng, tàn quân không sao tập hợp lại được, Cảnh Dị và Đặng Dung muốn chạy sang Tiêm La, Phụ đuổi theo bắt được. Cảnh Dị mắng chửi Phụ rằng: "Chính ta muốn giết mày, bây giờ lại bị mày bắt!". Mắng chửi mãi không ngớt mồm, Phụ đem giết đi, lấy gan ăn. Đế Quý Khoáng chạy sang Lão Qua, Nguyễn Súy chạy sang Minh Linh cũng đều bị quân nhà Minh bắt.

Lời chua - Tiêm La: Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chính biên IV, 43-44).

Lão Qua: Tên nước. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chính biên XI, 13).

Minh Linh: Tức Ma Linh xưa. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Đây trở lên, nhà Trần từ Bính Tuất (1226), Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2, đến Kỷ Mão (1399), Thiếu Đế, năm Kiến Tân thứ 2, gồm 12 vua, 174 năm. Phụ thêm: Hồ Quý Ly một năm, Hán Thương 6 năm (1400-1406). Hậu Trần Đế Ngỗi 3 năm (1407-1409), Đế Quý Khoáng 4 năm (1410-1413), gồm 2 vua, 7 năm, hợp cộng 188 năm.

Giáp Ngọ (1414). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Minh làm sổ dân đinh ở Tân Bình và Thuận Hóa.

Trượng Phụ đã lấy được Tân Bình và Thuận Hóa, bèn đặt quan chia ra đóng giữ, để chiêu tập yên ủy nhân dân, khám xét từng người, hợp lại làm thành sổ hộ. Rồi lại cho rằng đất ấy giáp giới Chiêm Thành, đất đai vừa rộng vừa xa, cần phải khống chế, nên xin nói với vua nhà Minh đặt vệ, sở[3], ghi tên lính bản thổ để phòng ngự đất ấy.

Tháng 4, mùa hạ. Trương Phụ đưa Đế Quý Khoáng sang Yên Kinh, chưa đến nơi thì Quý Khoáng mất, bình chương Đặng Dung, thái phó Nguyễn Súy đều chết theo.

Trương Phụ đã bắt được Đế Quý Khoáng và Dung, Súy, bèn dẫn quân về thành Đông Quan, sai người đưa vua tôi Quý Khoáng sang Yên Kinh. Khi đi đến giữa đường, Đế Quý Khoáng nhảy xuống sông chết; Dung nhảy theo. Duy còn Súy bị người lính canh bắt giữ lại, Sùy bèn ngày ngày cùng người lính canh đánh cờ, dần dà làm thân, sau lấy bàn cờ đánh chết người canh, rồi cũng nhảy xuống sông chết.

---

[1] Chữ này nguyên văn trong sách Cương mục chép là "thủy thuyền". Tham khảo sách Đại Việt sử ký bản kỷ chép là "tiểu thuyền" thì đúng nghĩa hơn, nên dịch là thuyền nhỏ theo sách Đại Việt sử ký bản kỷ.

[2] Chỉ việc Trương Phụ không bị Đặng Dung bắt sống.

[3] Vệ: quân vệ, như Nghệ An vệ, Thuận Hóa vệ, ... Sở: thủ ngữ thiên hộ sở, như Diễn Châu thủ ngữ thiên hộ sở, Tân Bình thủ ngữ thiên hộ sở, ...

Lời phê - Lúc đầu nhà Trần may mà gặp Thoát Hoan nhà Nguyên, lúc cuối đời Trần không may mà gặp Trương Phụ nhà Minh. Sự được hay thua, hưng thịnh hay suy vong là do ở trời mà cũng do ở người. Nhưng vua tôi biết chết theo xã tắc[1], làm sáng tỏ đến ngàn đời.

Tháng 8, mùa thu. Trương Phụ nhà Minh về nước.

Phụ chia quân đóng giữ các nơi hiểm yếu, rồi cùng bọn Mộc Thạnh, Trần Hiệp về nước. Trước đây, Phụ làm trát sức cho các quân nhân ai đã bắt được phụ nữ làm việc hầu hạ, thì đưa nộp ở cửa quân; lúc ấy, các quan châu, phủ theo ý Phụ, bắt nhiều những dân nghèo phải phiêu lưu đem nộp. Nay Phụ về, đem cả những người ấy đi theo.

Tháng 9. Nhà Minh lập Văn Miếu và đàn thờ bạch thần.

Hoàng Phúc xin với vua nhà Minh cho lập Văn Miếu và các đàn thờ thần xã tắc, núi sông, gió mưa, ở các phủ, châu và huyện, theo thời tiết cúng tế.

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh đặt trường học ở các phủ, châu và huyện.

Tham nghị Bành Đạo Tường xin với vua nhà Minh đặt trường học ở các phủ, châu và huyện, tìm hỏi những người học về nghề thầy cúng, thầy thuốc, thầy chùa và đạo sĩ, trao cho quan chức để giữ việc dạy học ở các trường. Lại cấm con trai con gái không được cắt tóc[2]; phụ nữ mặc áo ngắn, quần dài, theo y như thói ăn mặc phương Bắc.

Nhà Minh định phép đánh thuế.

Từ lúc nhà Minh chia đặt châu, huyện, việc thu thuế nhân đinh, điền sản chưa có ngạch nhất định, vì cớ rằng số dân còn lộn xộn, lúc tăng lúc giảm bất thường. Đến nay mới định thành ngạch thuế, cứ mỗi mẫu[3] ruộng thu 5 thăng thóc, mỗi mẫu đất bãi thu một lạng tơ, mỗi một cân tơ thu một tấm lụa.

Ất Mùi (1415). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 13).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Minh sai quan chia nhau đến đóng ở bốn châu Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa.

Trước kia, nhà Hồ đặt bốn châu Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa[4], dùng Đặng Tất, Nguyễn Súy trấn giữ. Đến lúc Giản Định đế và Đế Quý Khoáng khởi binh, Tất và Súy đi theo, thì người Chiêm Thành lại chiếm cứ đất ấy. Đến nay, Trương Phụ lại viết thư đưa dụ người Chiêm Thành, rồi lại đặt chức tri châu, đồng tri châu, phân phối quan lại đến đóng giữ. Nhưng chỗ đất ấy Chiêm Thành vẫn có người trưởng quản, nhà Minh chỉ chép tên suông vào sổ sách mà thôi, việc thuế khóa, sai dịch và việc đóng góp khác chưa thi hành ở đây được.

Lời chua - Thăng, Hoa: Tên 2 châu, trước là đất Chiêm Động. Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 10 (Chính biên XI, 20-21).

Tư, Nghĩa: Tên 2 châu, trước là đất Cổ Lũy. Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chính biên XI, 5).

Tháng 8, mùa thu. Nhà Minh mở trường thu vàng bạc.

---

[1] Xã: đàn thờ thần thổ địa. Tắc: đàn thờ thần bách cốc, vì trong một nước phải nhờ đất để ở, nhờ thóc để ăn, nên ngày xưa thiên tử và vua chư hầu đều tế thần xã tắc. Danh từ xã tắc tượng trưng cho quốc gia, xã tắc còn thì nước còn, xã tắc mất thì nước mất, cho nên ngày xưa nước nọ diệt nước kia thì phá hủy đàn xã tắc của nước bị bại đi, để đánh dấu là nước ấy đã mất.

[2] Theo lời chua trong Đại Việt sử ký bản kỷ thì, từ đời nhà Trần trở về trước, nước ta vẫn có tục cắt tóc, vẽ mình. Đến đời nhà Trần, nhân dân ở mạn hạ lưu thích mạnh mẽ, nên vẫn cắt tóc xăm trán, nhất là những đô vật ở huyện Giao Thủy không thay đổi tục cũ, vì họ thấy như thế là mạnh mẽ.

[3] Theo Đại Việt sử ký toàn thư và Đại Việt sử ký bản kỷ, lúc ấy nhà Minh bắt mỗi hộ phải khai 10 mẫu, mà diện tích mỗi mẫu chỉ có 3 sào, tiếng là 10 mẫu, mà thực chỉ có 3 mẫu.

[4] Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 42.

Phàm chỗ đất nào sản ra vàng bạc, đều lập trường cục, đặt quan cai quản, mỗi năm sai nội quan[1] và quan giữ trường cục đốc thúc dân đinh khai đào để lấy vàng bạc. Khi dân làm xong công việc, các viên quan hội đồng kiểm điểm niêm phong để nộp. Lại bắt dân ở trên rừng dưới biển đi bắt tê, voi, mò ngọc trai. Lúc ấy thuế khóa cao, đóng góp nặng, sức lực và của cải của dân đều bị kiệt quệ.

Lời phê - Cái tệ khai mỏ, có phải đến mạt thế mới có đâu? Gây ra tai hại đã bắt đầu từ đây rồi.

Đặt quy chế về việc nấu muối và bán muối.

Các trường muối ở ven biển cũng đều đặt quan để cai quản, bắt những người nấu muối, mỗi tháng số muối nấu được bao nhiêu đem nộp ti Đề Cử thu trữ, rồi chiêu mộ lái buôn lấy giấy khám hợp[2] ở ti Bố Chính, mới được lĩnh muối đem bán[3]. Người nào nấu lậu hoặc bán lậu đều phải tội như nhau. Các phủ, huyện và châu đều đặt quan giữ công việc ti Thuế khóa và sở Hà bạc[4].

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh lại sai Trương Phụ sang.

Đặt trạm giao thông.

Trương Phụ nói từ châu Khâm thuộc Quảng Đông rồi theo đường châu Vạn Ninh nước ta để đến thành Đông Quan, phần nhiều đi theo đường thủy, về phần đường bộ chỉ có 291 dặm; con đường này so với con đường cũ Khâu Ôn gần hơn được 7 trạm, nên đặt từng trạm để đi lại cho tiện. Vua nhà Minh theo lời. Vì thế, từ Vạn Ninh, Đông Triều, Chí Linh đều đặt trạm đường thủy; còn ở Từ Sơn, Gia Lâm đều đặt trạm đi bằng ngựa.

Lời chua - Vạn Ninh: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4 (Chính biên XI, 16).

Khâu Ôn: Tên huyện. Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chính biên VII, 36).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 36).

Từ Sơn: Đất châu Cổ Pháp xưa; thuộc Minh gọi là huyện Từ Sơn; triều nhà Lê thăng làm phủ, nay theo như cũ, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 25).

Bính Thân (1416). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 14).

Tháng giêng. Mùa xuân. Nhà Minh bổ Nguyễn Huân làm bố chính sứ[5]; Lương Nhữ Hốt, Đỗ Duy Trung làm tham chính[6].

Trước đây, bọn tên Huân đầu hàng nhà Minh, Trương Phụ làm trát văn trao cho Huân làm tham nghị, Nhữ Hốt làm tri châu Thanh Hóa, Duy Trung làm tri phủ Tam Giang. Đến nay, bọn này đem vàng bạc cùng phẩm vật địa phương sang Yên Kinh vào chầu bái yết; vua nhà Minh khen ngợi. Những trát văn bổ dụng trước nay đổi dùng giấy vàng của bộ Lại viết sắc phong cho, bọn này đều được thăng chức. Nhân đấy vua Minh dụ bảo chúng rằng: "Trước kia, lúc bình định được Giao Chỉ, chúng bay đã hết lòng thành theo việc nghĩa, quy thuận với triều đình, nay lại đến cửa khuyết triều yết, trẫm nghĩ đến lòng thành ấy, nên đặc ân ban khen. Chúng bay càng phải cố gắng trung cần hơn nữa, kính giữ tiết tháo làm

---

[1] Theo quan chế các triều đại xưa ở Trung Quốc thì nội quan mỗi triều một khác, riêng triều nhà Minh gọi hoạn quan là nội quan.

[2] Giấy tờ chứng nhận có đóng dấu, khi cần phải xuất trình để khám xem dấu đóng trong giấy tờ có hợp với dấu công không.

[3] Theo Toàn thư thì lái buôn phải nộp vàng mới được lĩnh giấy khám hợp. Ai có giấy khám hợp hạng lớn được lĩnh 10 cân, hạng nhỏ được lĩnh một cân.

[4] Sở Hà bạc đặt ở ven sông ven biển để đánh thuế buôn bán.

[5] Tức chức quan Tham tri chính sự thời Trần, có trách nhiệm tham dự bàn bạc việc triều chính.

[6] Một chức quan nằm trong Ty Bố chính.

tôi; đối với dân thì yên ủy yêu đương, để cho dân một phương đều an nghiệp làm ăn, cùng hưởng phúc thái bình. Như thế thì trời sẽ phù hộ cho chúng bay hưởng nhiều tước lộc, để mãi mãi đến con cháu không bao giờ hết". Sau đó bọn tên Huân lại sai người sang Yên Kinh xây dựng cung điện, vua nhà Minh thấy rằng người ở phương xa phải khó nhọc khổ sở, nên hậu thưởng rồi cho về.

Lời phê[1] - Mất hết lương tâm, nay một lũ người Nam Kỳ cũng giống như thế[2]!
Lời chua - Nguyễn Huân: Người ở Biến Khả, thuộc Chí Linh, Hải Dương.

Lương Nhữ Hốt: Người ở Trạo Vịnh, thuộc Hoằng Hóa, Thanh Hóa.

Đỗ Duy Trung: Người ở Ký Chế[3] thuộc Cẩm Khê, Sơn Tây[4].

Tháng 2. Nhà Minh tuyển lính.

Các hộ ở dân gian cứ ba người lấy một người, mỗi hộ tính theo tiêu chuẩn là 3 suất đinh, duy từ Thanh Hóa trở vào nam, số nhân đinh ít, mỗi hộ tính theo tiêu chuẩn là 2 suất. Số lính này đem chia ra cho phụ thuộc vào vệ, sở. Chổ nào dù không phải vệ, sở, nhưng là chỗ xung yếu cũng lập thành đồn lũy, lấy lính ở dân sung vào việc canh giữ.

Lời chua - Nhà Minh đặt quân ngũ, có sở thủ ngữ thiên hộ, như các sở ở Tân Bình.

Đinh Dậu (1417). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà Minh triệu trấn thủ Trương Phụ về nước, dùng Phong Thành hầu Lý Bân sang thay.

Nội quan là Mã Kỳ nói Trương Phụ tuyển lấy những người khoẻ mạnh hùng dũng ở bản thổ làm "tay vi tử"[5]. Vua nhà Minh sinh lòng nghi ngờ, triệu Phụ về nước, dùng Bân sang trấn thủ thay và dùng Kỳ giữ chức giám quân[6]. Từ đấy nhà Minh mới sai giám sát ngự sử chia ra từng ti đi tuần phòng xem xét.

Lúc ấy quan lại nhà Minh tham lam sách nhiễu không biết thế nào là cùng, tên Mã Kỳ lại càng làm nhiều việc phi pháp, bắt dân nộp châu báu quá nhiều, dân không sao kham được sự khổ sở. Vì thế lòng người náo động, binh lính bốn phương nổi lên, mà người nhà Minh không thể nào chống lại được.

Nhà Minh định thể lệ hằng năm cống nộp sinh viên.

Trước đây, các trường học ở châu và huyện, học sinh vào học không cứ năm tháng nhiều hay ít, chỉ cần chọn người nào có học vấn và hạnh kiểm, thì sung vào việc cống nạp hằng năm, để bổ vào Quốc Tử Giám. Trường học ở phủ mỗi năm cống nạp 2 người; ở châu cứ hai năm cống nạp 3 người; ở huyện mỗi năm cống nạp 1 người. Sau định lại: Trường ở phủ mỗi năm cống 1 người; trường ở châu ba năm cống 2 người, trường ở huyện hai năm cống 1 người.

Nhà Minh xét quan lại bằng cách sát hạch công việc đã làm.

Ngự sử Hoàng Tái nói nước ta mới sáp nhập bản đồ Trung Quốc, việc yên ủi giúp đỡ dân cần phải ở người quan lại tốt, nên hạ lệnh cho ngự sử phải xét thực một cách nghiêm ngặt rồi tâu về triều để định việc thăng giáng. Vua nhà Minh theo lời, bèn hạ lệnh cho những người đã làm chức việc lâu năm ở

---

[1] Chỉ bọn Nguyễn Huân.

[2] Lời phê này chúng tôi dịch thật sát với nguyên văn. "Người Nam Kỳ" đây là chỉ một số người đã đầu hàng giặc Pháp hồi Tự Đức.

[3] Ký chế là dịch theo âm Hán - Việt, thực ra dân ở địa phương này gọi là Cấy Chấy.

[4] Nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

[5] Nguyên văn chép là "vi tử thủ". Theo chú thích trong Cương mục Chính biên XXXV, 14, vi tử là những người sung vào làm công việc ở nơi quan phủ. Ở đây, có lẽ Trương Phụ chọn những người khoẻ mạnh hùng dũng đem vào dinh thự cho ở xung quanh mình để đề phòng sự bất trắc.

[6] Chức quan coi về quân lính.

hai ti Bố Chính, Án Sát và phủ, châu, huyện đều đến Yên Kinh triều yết, chiểu theo các hạng hộ, khẩu, điền, lương trong 3 năm, làm thành "sách tu tri"[1] dâng nộp để tiện tra xét.

Nhà Minh chiếm cứ nước ta từ Giáp Ngọ (1414), Thành Tổ, năm Vĩnh Lạc thứ 12, đến Đinh Dậu (1417), Thành Tổ, năm Vĩnh Lạc thứ 15, cộng 4 năm.

[1] Quyển sổ cần để khảo cứu cho biết tình hình số hộ số khẩu, ruộng đất và thuế lương.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XIII

Từ Mậu Tuất (1418), Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 1 đến Bính Ngọ (1426), Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 9, gồm 9 năm.

⁂

Mậu Tuất (1418). (Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 1. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Lê Lợi, người Thanh Hóa, dấy quân ở Lam Sơn, tự lập làm Bình Định vương.

Vương, người làng Lam Sơn, huyện Lương Giang thuộc Thanh Hóa, sinh ngày tháng 8[1] năm Ất Sửu, niên hiệu Xương Phù thứ 9 (1385) đời Trần, tại làng Chủ Sơn, huyện Lôi Dương. Sinh ra đời rồi, Vương là người tuấn tú, tiếng nói như tiếng chuông lớn, đi như rồng đi, bước như hổ bước. Trước mắt những người có kiến thức, Vương được coi là bậc phi thường.

Sau cuộc thất bại của nghịch Hồ[2], người Minh xâm lược chiếm cứ: pháp luật dữ dội, hình phạt hà khắc, thuế nặng, sưu cao. Nghe biết Vương có tài trí và kiến thức, người Minh muốn dụ dỗ Vương bằng chức nọ quan kia; nhưng Vương không chịu khuất, khảng khái có chí dẹp loạn và nói: "Trượng phu ở đời phải nên cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm hàng nghìn thuở, chứ đâu lại xun xoe đi phục dịch kẻ khác!". Rồi Vương ẩn náu ở nơi rừng núi, mời đón những bậc có mưu trí, có sức mạnh, chiêu tập vỗ về những kẻ xiêu dạt lưu ly. Cùng với các tướng tá là bọn Lê Thạch, Lê Liễu mưu tính nhằm mùa xuân năm Mậu Tuất (1418), dấy quân. Vương chia đặt các quan chức và liêu thuộc, truyền hịch đi các nơi xa gần: hẹn ngày trừ diệt giặc Minh.

> **Lời phê[3] -** Như thế mới đáng là anh hùng. Lê Lợi mở được nền chính thống cho nghìn năm: thật đáng là bậc nối gót Hán Cao Tổ[4].
>
> **Lời cẩn án -** Bình Định vương ban đầu dấy lên ở Lam Sơn, tức cũng như Bái Công[5], với một thanh kiếm, nổi lên ở Bái Trung. Vậy, nên theo thể lệ của Cương Mục [Trung Quốc] chép về liệt quốc mà chua ở dòng chữ nhỏ[6]; thế mà Sử cũ liệt vào chính thống, chép "nguyên niên" (năm thứ nhất) [của Bình Định vương] bằng chữ lớn. Nay kháp với thể lệ của Cương Mục [Trung Quốc] chép về "Lưu Bang, người nước Sở, dấy quân ở đất Bái, tự lập làm Bái công" thì thấy chưa hợp, vậy xin chép lại để tỏ nghĩa chính thống[7].

---

[1] Toàn thư Bản kỷ chép rõ là ngày mồng 6, tháng 8, năm Ất Sửu (1385) (quyển X, tờ 1b).

[2] Chỉ cha con nhà Hồ Quý Ly. Theo quan điểm sử học xưa, phàm những triều đại nào làm chuyện cướp ngôi, đều bị liệt vào hàng tiếm nghịch, nên Cương mục thường gọi nhà Hồ là "nghịch Hồ" hoặc "ngụy Hồ" hoặc "nhuận Hồ".

[3] Chỉ Lê Lơi không chịu khuất phục người Minh, nói những lời khẳng khái và cuối cùng khởi nghĩa, đánh dẹp quân xâm lược.

[4] Tên là Lưu Bang, tự là Quý, người đất Bái, cuối đời Tần, do chân đình trưởng nổi lên làm Bái Công, rồi được lập làm Hán vương. Sau dẹp yên Tam Tần, lật đổ Hạng Vũ, thống nhất được đất nước, sáng lập triều Hán; khi mất, miếu hiệu là Hán Cao Tổ.

[5] Tên là Lưu Bang, tự là Quý, người đất Bái, cuối đời Tần, do chân đình trưởng nổi lên làm Bái Công, rồi được lập làm Hán vương. Sau dẹp yên Tam Tần, lật đổ Hạng Vũ, thống nhất được đất nước, sáng lập triều Hán; khi mất, miếu hiệu là Hán Cao Tổ.

[6] Xem điều thứ 5 và thứ 19 trong "Phàm lệ" của Cương mục (Tiền biên, tập 1, trang 23, 25-26).

[7] Xem điều thứ 5 và thứ 19 trong "Phàm lệ" của Cương mục (Tiền biên, tập 1, trang 23, 25-26).

Lời chua - Thanh Hóa: Tức Ái Châu xưa. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16).

Lam Sơn: Tên làng (hương), nay là huyện Thụy Nguyên thuộc phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Lương Giang: Tên huyện, nay là huyện Thụy Nguyên thuộc phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Lôi Dương: Tên huyện, nay thuộc phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chủ Sơn: Tên xã, nay là Thủy Chú, thuộc huyện Lôi Dương.

Vương đánh và thắng được Mã Kỳ nhà Minh.

Mã Kỳ, nội quan Minh, được tin Bình Định vương dấy quân ở Lam Sơn, bèn kéo quân đến bức bách. Vương lui đóng ở Lạc Thủy, đặt quân phục sẵn để đợi giặc. Khi Mã Kỳ đến, quân phục đổ ra đánh. Các tướng Lê Thạch, Lê Ngân và Lê Lý đua nhau xung phong, phá trận địch: chém hơn nghìn thủ cấp, bắt được quân nhu và khí giới kể đến hàng nghìn.

Cách vài ngày sau, tên Ái (không rõ họ) phụ đạo ở sách[1] Nguyệt Ấn, dắt quân Minh đi đường tắt đến đánh úp: quân của Vương bị vỡ, chạy tan tác; vợ và con gái của Vương bị địch bắt. Vương thu thập số quân tan vỡ còn sót lại, rồi cùng với các tướng Đinh Lễ, Đỗ Bí và Lê Xí lặng lẽ rút vào ẩn náu ở núi Chí Linh.

Lời chua - Tây Đô: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 16).

Lạc Thủy: Tức Cử Long. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 8 (Chính biên I, 34-35).

Sách[2] Nguyệt Ấn: Nay thuộc tổng Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên.

Núi Chí Linh: Ở địa phận mường Giao Lão, nay thuộc đất phủ Trấn Định, Nghệ An.

Tháng 7, mùa thu. Người Minh thiết lập trường sở thu hột trai.

Hải phận Tĩnh An và Vân Đồn sản nhiều ngọc trai. Người Minh lập nên trường sở để coi giữ việc lặt lượm ngọc trai. Hằng ngày, chúng bắt đến hàng nghìn người dân làm việc lực dịch ấy. Bấy giờ người Minh yêu sách đòi hỏi không biết thế nào là chán. Phàm những địa phương có hồ tiêu, hương liệu, hươu trắng, voi trắng, rùa chín đuôi, chim vẹt[3], vượn bạc má và con trăn, vân vân, chúng đều buộc dân phải đi kiếm, đi bắt đem nộp để đưa về Yên Kinh. Dân tình, do đấy, nháo nhác nôn nao!

Lời phê - Than ôi! Dân ta lại mắc phải một ách vận này!
Lời chua - Tĩnh An: Châu Vĩnh An xưa. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 14 (Chính biên II, 23-24).

Vân Đồn: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chính biên IV, 43).

Kỷ Hợi (1419). (Bình Định vương năm thứ 2. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 17).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà Minh ban phát sách vở để dùng cho các trường học hàng phủ, hàng châu và hàng huyện. Lại sai thày chùa truyền bá kinh Phật.

---

[1] Khu vực hành chính của dân tộc thiểu số xưa, giống như đơn vị thôn, xã của người Kinh.

[2] Khu vực hành chính của dân tộc thiểu số xưa, giống như đơn vị thôn, xã của người Kinh.

[3] Nguyên văn là "Đảo quái điểu".

Trước kia, vua Minh, dưới sự định đoạt của mình, cho in ra các sách Ngũ Kinh[1], Tứ thư[2] và Tính lý đại toàn[3]. Khi sách xong, hạ chiếu cho ban phát khắp trong và ngoài nước. Vua Minh dụ bảo Bộ Lễ rằng: "Nghĩa lý tinh túy của thánh hiền ở cả trong sách này. Đó thật là căn bản cho người theo học. Các người khá thể theo ý chỉ của trẫm, hiểu dụ những người theo học hết lòng giảng luận nghiên cứu, chứ đừng nên coi chỉ là lời suông mà thôi". Đến đây, vua Minh sai giám sinh Đường Nghĩa sang Nam, ban phát sách vở nói trên cho những người nho học ở các phủ, các châu, các huyện. Lại sai các thày chùa truyền bá kinh Phật ở các Tăng, Đạo ti. Còn các sự tích và sử sách của nước ta từ đời Trần trở về trước đều tịch thu đưa về Kim Lăng[4].

Lời chua - Tăng, Đạo ti: Theo Minh sử, khoảng giữa niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424), nhà Minh đặt ra ti Tăng Cương và ti Đạo Kỷ.

Sử sách: Theo phần "Văn tịch chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì từ đời Trần trở về trước, các đời thường có điển chương và sử sách:

Hình thư	3 quyển	Lý Thái Tông[5]
Quốc triều thông lễ	10 quyển	Trần Thái Tông
Hình luật	1 quyển	Trần Thái Tông
Kiến trung thường lễ	10 quyển	Trần Thái Tông
Khoá hư tập[6]	1 quyển	Trần Thái Tông
Ngự thi[7]	1 quyển	Trần Thái Tông
Di hậu lục	2 quyển	Trần Thánh Tông
Cơ cừu lục	1 quyển	Trần Thánh Tông
Thi tập[8]	1 quyển	Trần Thánh Tông
Trần triều đại điển	2 quyển	Trần Dụ Tông[9]
Trùng hưng thực lục[10]	2 quyển	Trần Nhân Tông
Thi tập[1]	1 quyển	Trần Nhân Tông

[1] Năm kinh của nhà nho: Dịch, Thi, Thư, Lễ và Xuân Thu.

[2] Bốn sách của nhà nho: Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử.

[3] Bộ sách do bọn Hồ Quảng, vâng lệnh vua Minh, soạn ra. Nội dung dựa vào học thuyết của các Tống nho, chia làm 13 mục, gồm 70 cuốn.

[4] Nay là địa phận thành phố Nam Kinh và huyện Giang Kinh Trung Quốc.

[5] Trong bảng thống kê này có những sách về loại điển chương hoặc pháp luật như Hình thư, Quốc triều thông lễ, v.v..., tuy đứng tên một vua nào đó, nhưng thực tế không phải vua ấy là tác giả, chẳng qua Lịch triều hiến chương chỉ nêu ra để đánh dấu thời đại mà thôi.

[6] Một kinh nói về đạo lý nhà Phật. Hiện nay hãy còn.

[7] Toàn tập không còn; hiện nay có sót lại một bài thơ có chép trong Lịch triều hiến chương và Hoàng Việt thi tuyển, ...

[8] Nay còn độ dăm bài như có chép trong Toàn thư Bản kỷ (quyểnV, tờ 58: bài chơi Hành cung Thiên Trường), Lịch triều hiến chương và Hoàng Việt thi tuyển, ...

[9] Cương mục không sắp xếp theo đúng thứ tự niên đại, nên đã đặt Trần Dụ Tông lên trước Trần Nhân Tông, cũng như đặt Trần Minh Tông lên trên Trần Anh Tông, và đặt Chu Văn Trinh lên trên Trần Quốc Tụy, Trần Quang Khải, ... nhưng nay chúng tôi buộc phải dịch theo thứ tự xếp đặt của nguyên thư, chứ không xếp lại.

[10] Nội dung chép việc đánh dẹp giặc Nguyên (theo Lịch triều hiến chương) và ghi rõ thành tích những người đã lập được kỳ công xung phong phá trận trong khi kháng chiến Mông Cổ xâm lược (theo Toàn thư Bản kỷ V, 57b).

Thi tập[2]	1 quyển	Trần Minh Tông
Thủy vân tùy bút[3]	2 quyển	Trần Anh Tông
Bảo Hòa điện dư bút[4]	8 quyển	Trần Nghệ Tông
Thi tập[5]	1 quyển	Trần Nghệ Tông
Binh gia yếu lược	1 bộ	Trần Hưng Đạo đại vương Quốc Tuấn
Vạn kiếp bí truyền	1 bộ	Trần Hưng Đạo đại vương Quốc Tuấn
Tứ thư thuyết ước	1 bộ	Chu Văn Trinh[6]
Tiều ẩn[7] thi	1 tập	Chu Văn Trinh
Sầm lâu[8] tập	1 quyển	Uy Văn vương Trần Quốc Tụy
Lạc đạo tập[9]	1 quyển	Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải
Băng Hồ[10] ngọc hức tập	1 quyển	Tư đồ Trần Nguyên Đán
Giới Hiên[11] thi tập	1 quyển	Nguyễn Trung Ngạn
Hiệp Thạch[12] tập	1 quyển	Phạm Sư Mạnh
Cúc Đường di thảo	2 quyển	Trần Nguyên Đào
Thảo nhàn hiệu tần	1 quyển	Hồ Tôn [Tông] Thốc[13]

---

[1] Thơ của Trần Nhân Tông, theo Lịch triều hiến chương, nay còn hơn 20 bài.

[2] Thơ của Trần Minh Tông, theo Lịch triều hiến chương, nay còn hơn 10 bài. Cương mục Chính biên X, 10 chép Trần Minh Tông, khi sắp mất, sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem đốt bản thảo những thơ mà minh đã làm (ngự chế thi thảo).

[3] Sử chép Trần Anh Tông, khi sắp mất, sai đem đốt những tác phẩm của mình: những chữ đã viết, những bức tranh đã vẽ và tập Thủy vân tùy bút (Cm. Chính biên IX, 16). Theo Lịch triều hiến chương, thì toàn tập Thủy vân tùy bút nay không còn, chỉ sót lại 8, 9 bài thơ.

[4] Bảo Hòa, tên một cung điện làm ở núi Lạn Kha, huyện Tiên Du (nay thuộc Bắc Ninh) mà Trần Nghệ Tông (1370-1372) thường lui tới, nên mới dùng chỗ ở để đặt tên cho sách. Cương mục Chính biên quyển X, 52 chép là Bảo Hòa cung (không phải điện) và tên sách là Bảo Hòa dư bút (không có chữ điện).

[5] Nay còn một vài bài như thấy trong Lịch triều hiến chương và Hoàng Việt thi tuyển.

[6] Tên thụy của Chu An (mất năm 1370, nay thường gọi là Chu Văn An). Theo Lịch triều hiến chương, ông còn có Quốc ngữ thi tập 1 quyển.

[7] Khi về ẩn ở núi Chí Linh (thuộc Hải Dương), Chu An lấy hiệu là Linh Sơn tiều ẩn. Xem thêm Chính biên X, 28-29.

[8] Sầm Lâu, tên hiệu của Trần Quốc Tụy, là chồng Thụy Bảo công chúa, và là con rể Trần Thái Tông. Tụy học giỏi, thơ hay, khi chết mới 24 tuổi (Toàn thư Bản kỷ V, 36b-37a)

[9] Khi về ẩn ở núi Chí Linh (thuộc Hải Dương), Chu An lấy hiệu là Linh Sơn tiều ẩn. Xem thêm Chính biên X, 28-29.

[10] Băng Hồ, tên hiệu của Trần Nguyên Đán (1320-1390), ông ngoại Nguyễn Trãi (xem thêm Chính biên XI, 2).

[11] Giới Hiên, tên hiệu của Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370). Xem thêm Chính biên X, 8.

[12] Chữ "Hiệp" nhiều người quen đọc là Giáp. Hiệp Thạch, biệt hiệu của Phạm Sư Mạnh, học trò Chu An, có đi sứ Trung Quốc năm 1345. Xem thêm Chính biên IX, 46; X, 28.

[13] Xem thêm Chính biên XI, 3.

Việt Nam thế chí	1 bộ	Hồ Tôn Thốc
Việt sử cương mục	1 bộ	Hồ Tôn Thốc
Đại Việt sử ký	30 quyển	Lê Văn Hưu
Nhị Khê thi tập	1 quyển	Nguyễn Phi Khanh
Phi sa tập[1]	1 quyển	Hàn Thuyên
Việt điện u linh tập	1 quyển	Lý Tế Xuyên

Những sách kê trên mà người Minh tịch thu mất, nay không biết nội dung ra sao.

Lời phê - Phần nhiều những sách này bây giờ không thấy có nữa: đáng tiếc!

Nhà Minh cấp phát "hộ thiếp" cho các châu, các huyện.

Lý Bân nhà Minh tâu với vua Minh xin Hộ Bộ ban phát hộ thiếp cho Giao châu, ra lệnh cho các châu, các huyện làm sổ "hoàng sách" quy định về việc phú thuế sưu dịch, lập thành những "bản đồ chu niên" về việc cắt đặt lý trưởng và giáp thủ. Đại khái thế này: cứ mỗi 110 hộ là một lý, mỗi năm một người làm lý trưởng, mười người làm giáp thủ, đứng lên cáng đáng việc công, cứ luân chuyển hết lượt thì lại trở lại lượt khác. Những người ra làm lý trưởng hoặc giáp thủ ấy thường bị đòn vọt không sao kể xiết nỗi khổ!

Lời chua - Hộ thiếp: Theo Đại Minh hội điển, Hộ Bộ làm sổ hộ khẩu khắp trong thiên hạ và đặt ra các hộ thiếp. Mỗi tấm hộ thiếp có viết rõ quê quán, tên tuổi và số đinh trong một hộ. Mỗi hộ thiếp có đánh số chữ ký hiệu và đóng một nửa phần dấu kiềm để phòng những khi khám nghiệm: sổ hộ khẩu thì để ở Hộ Bộ, còn hộ thiếp thì cấp phát cho nhân dân. Khi quan lại được lệnh kiểm soát so sánh, hễ thấy hộ thiếp nào không phù hợp thì người hộ ấy phải phát vãng làm lính.

Hoàng sách: Theo sách Thông giám tập lãm[2] thì năm Hồng Vũ thứ 14 (1381), vua nhà Minh hạ chiếu bắt suốt trong nước làm sổ "hoàng sách" kê khai về việc phú thuế sưu dịch: phàm mỗi "hương"[3] cứ 110 hộ là một "lý", mỗi lý có người lý trưởng; 10 hộ là một giáp, mỗi giáp có một người giáp thủ. Hằng năm, dùng một người lý trưởng để gánh công việc trong một lý, hạn làm việc là một năm. Hết một năm là một lượt gọi là "bài niên". Thứ tự trước sau là tùy theo số đinh và số lương của từng lý nhiều hay ít. Các khu vực hành chính khác như ở đô thành gọi là "phường", ở gần thành đô gọi là "sương"[4]. Về chức dịch và việc công, phường và sương cũng như lý. Mỗi lý phải làm một quyển sổ gọi là "sách"; trong "sách" có kê số đinh và số điền, lấy từng hộ làm chủ chốt. Đầu "sách" có vẽ bản đồ. Hạng quan[5], quả[6], cô[7], độc[8] không phải làm chức dịch thì cho phụ thuộc ở sau các giáp, gọi là loại "lẻ loi". Sổ "sách" đóng làm bốn bản: một bản đưa lên Hộ Bộ (bìa đóng bằng giấy vàng, nên gọi là "hoàng sách"); còn ba bản (bìa đóng giấy xanh) thì

---

[1] Hàn Thuyên, người đầu đời Trần (thế kỷ thứ XIII), quê ở huyện Thanh Lâm thuộc Hải Dương. Theo Lịch triều hiến chương, thì trong tập Phi sa của Hàn Thuyên có nhiều thơ nôm. Xem thêm Chính biên VII, 26.

[2] Cũng gọi là Ngự phê lịch đại thông giám tập lãm, sách làm năm Thanh Kiền Long thứ 32 (1767), căn bản dựa theo bộ Lịch đại thông giám toản yếu của nhà Minh soạn hồi niên hiệu Chính Đức (1506-1521), rồi có sửa đổi và bổ sung mà làm thành sách này: bắt đầu từ thời Phục Hi đến đời Minh, gồm 116 quyển.

[3] Khu vực ở ngoài đô thành hoặc thị trấn đều gọi là "hương". Mỗi "hương" xưa gồm có 12500 nhà.

[4] Cũng đọc là "tương", tức như ta gọi "ngoại ô" hoặc "ngoại châu thành".

[5] Đàn ông không vợ.

[6] Đàn bà góa chồng.

[7] Con mồ côi cha.

[8] Người già không có con.

lưu lại ở ti Bố Chính Sứ, ở phủ và ở huyện mỗi nơi một bản. Cứ mỗi 10 năm, quan trên lại soát lại các "sách": nhắc lên bậc trên hay hạ xuống bậc thấp là tùy theo số đinh lương ghi trong "sách" ấy có tăng thêm hay là sút kém.

Lại theo sách Hội điển nhà Minh, vua Minh hạ chiếu cho khắp nước: các phủ, các châu và các huyện phải làm "hoàng sách" kê khai về phú thuế sưu dịch. Cứ 110 hộ là một "lý" (làng nhỏ). "Lý" nào nhiều đinh thì cho 10 người làm lý trưởng; còn thì cứ mỗi 100 hộ đặt làm 10 giáp, có 10 người làm giáp thủ. Hằng năm, do một người lý trưởng cai quản công việc trong một lý, phải chịu trách nhiệm về việc công. Khu vực trong thành gọi là "phường"; khu vực gần thành gọi là "sương"; khu vực "hương", "đô"[1] gọi là "lý". Cứ mười năm là một lượt. Khi luân lưu hết một lượt, chỗ nào nên trước hay nên sau là tùy theo số đinh nhiều hay ít mà sắp xếp thứ tự. Mỗi "lý" làm thành một "sách". Đầu "sách" nào cũng có một bản đồ. Những hạng quan, quả, cô, độc không gánh vác nổi việc công thì cho phụ thuộc ở ngoài số 110 hộ mà liệt kê ở sau bản đồ gọi là loại "lẻ loi". Khi các "sách" làm xong, phải đưa một bản lên Hộ Bộ và lưu lại ở ti Bố Chính, ở phủ, ở châu, ở huyện mỗi chỗ một bản.

Lại theo Toàn tạo hoàng sách cách thức, thì quan trên trước hết làm hẳn một hộ để ra mẫu nhất định, bấy giờ mới cho viết chân phương tinh tường, sai khắc in, rồi phát cho phường trưởng, sương trưởng, lý trưởng và các giáp thủ khiến người chủ hộ cứ theo mẫu sẵn mà khai số đinh và nghề nghiệp từng người trong hộ của mình, rồi giao cho người giáp thủ thuộc giáp mình. Người giáp thủ bèn đem hộ trong giáp mình gộp với mười hộ nữa làm thành bản "văn sách" rồi chuyển lên các phường trưởng, sương trưởng và lý trưởng. Những người này lại sẽ đem các bản "văn sách" do các giáp thủ đã làm kia họp lại một chỗ, đưa lên trên huyện mình. Quan lại ở huyện sẽ đem các sách nhận được ấy so sánh đối chiếu, rồi theo thể thức mà chia loại và điền vào bản đồ.

Tháng 4, mùa hạ. Bình Định vương đánh đồn Nga Lạc, bắt được chỉ huy Minh, Nguyễn Sao. Rồi Vương lại lui giữ núi Chí Linh. Quân Minh kéo đến bức bách. Đô tổng quản[2] Lê Lai chịu chết thay Vương.

Vương tấn công đồn Nga Lạc, bắt được chỉ huy Minh, Nguyễn Sao, đem chém. Nhưng bấy giờ thế lực của giặc còn đang mạnh; về phía Vương, tướng còn hiếm, quân còn ít, lại đánh nữa, không thắng được địch. Vương chạy vào Trịnh Cao, rồi lui giữ núi Chí Linh[3]. Quân Minh thường đến đánh úp: tình hình phía Vương khốn quẫn quá! Vương phải nhóm họp các tướng, dụ bảo họ rằng: "Bây giờ ai có thể làm như Kỷ Tín[4] xưa, để ta ẩn náu trong rừng núi, mưu tính cử sự về sau?". Trong các tướng chẳng ai dám đáp ứng cả. Riêng có Lê Lai khảng khái xin vâng, tình nguyện trao đổi đồ mặc với Vương để đi chết thay.

Lê Lai liền cho sắp xếp nghi trượng chỉnh tề, chính mình đem quân và voi, hướng ra phía địch, chỉ huy các tướng chia đường khiêu chiến. Tướng Minh lấy thêm quân bao vây Lê Lai. Lai chiến đấu kiệt sức, bị người Minh bắt và giết chết. Địch bèn rút quân về Tây Đô.

Lời phê[5] - Vua nhà Lê đã có tài như vua nhà Hán là Cao Tổ, tôi nhà Lê lại cũng trung liệt như tôi nhà Hán là Kỷ Tín: nghìn năm bất hủ!

Lời chua - Nga Lạc: Tên huyện. Nay là huyện Nga Sơn, thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Theo sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư của nhà Minh, thì cửa ải Nga Lạc thuộc huyện Nga Lạc.

---

[1] Đô có nhiều nghĩa. Đây có nghĩa là đơn vị một khu vực lớn hơn ấp.

[2] Một chức coi giữ quân lính ở bên trong (nội quân) ở dưới chức Đại Tổng quản là chức đứng đầu quân đội.

[3] Đừng lẫn núi Chí Linh ở Thanh Hóa này với núi Chí Linh ở Hải Dương. Xem thêm "Lời chua" ở sau của Cương mục.

[4] Trung thần của Hán Cao Tổ. Khi Cao Tổ bị Hạng Vũ vây ở núi Huỳnh Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc), tình hình nguy ngập quá, Tín phải ăn mặc giả làm Cao Tổ, thay Cao Tổ ra đầu hàng: bị Hạng Vũ đốt chết. Còn Cao Tổ nhờ đó trốn thoát.

[5] Chỉ việc Lê Lai chịu chết thay cho Lê Lợi.

Trịnh Cao: Tên châu xưa, lệ thuộc vào phủ Ngọc Ma; nay là đất phủ Trấn Định thuộc tỉnh Nghệ An.

Núi Chí Linh: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chính biên XIII, 3).

Tháng 5. Vương đóng quân ở Lô (Lư) sơn. Ai Lao đem quân sang giúp Vương.

Trước kia, Vương sai bọn Trịnh Đồ và Trịnh Khả liên kết với Ai Lao, nhờ Ai Lao giúp cho quân lính và lương thực. Đến đây, Vương tiến quân đóng ở Lô Sơn, được Ai Lao đem quân sang giúp.

Lời chua - Lô Sơn: Cách châu Quan Hóa 97 dặm về phía tây.

Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tiền biên IV, 9-10).

Trịnh Đồ: Người làng Kim Bôi[1], sau được nhà vua cho lấy theo họ Lê.

Tháng 7, mùa thu. Phan Liêu, tri phủ Nghệ An, phản lại người Minh, chạy sang Ai Lao.

Nhà Minh dùng nội quan Mã Kỳ làm chức thái biện sứ. Mã Kỳ sang yêu sách những đồ báu, của quý. Liêu không chịu nổi được sự hà nhược của Mã Kỳ, bèn thống suất mọi người, đánh giết quan lại nhà Minh. Bấy giờ quân chủ lực của Minh đóng ở thành Nghĩa Liệt thuộc Nghệ An, bị Phan Liêu đánh úp: thành suýt bị phá vỡ. Lý Bân từ Đông Quan[2] kéo đến: Phan Liêu phải chạy sang Ai Lao. Bân đuổi đến Ngọc Ma, không kịp, quay về.

Khi Bân vào đánh Phan Liêu, có sai chỉ huy Lộ Văn Luật làm tiền phong. Văn Luật hoang mang: vừa ngờ vực, vừa lo sợ, bèn lẩn trốn. Rồi tụ họp mọi người, chiếm giữ Thạch Thất, phản lại người Minh. Bân đến đánh, phá được Văn Luật. Luật cũng chạy sang Lào: làm người đứng chủ bày mưu lập kế cho Ai Lao. Vì thấy Bình Định vương là bậc có uy quyền và danh vọng, Văn Luật đem lòng đố kỵ, nên tìm nhiều cách ly gián giữa Vương và Ai Lao. Từ đó, Ai Lao tuyệt giao với ta.

Lời chua - Nghệ An: Tức Hoan Châu xưa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 21-23).

Phan Liêu: Người làng Tôn Lỗ thuộc huyện Thạch Hà[3]. Theo An Nam truyện trong Minh sử, Phan Liêu là con của Phan Quý Hựu, tri phủ Nghệ An trước. Khi kế chân cha làm tri phủ, Phan Liêu không chịu nổi sự bạo ngược của Mã Kỳ, nên phản lại người Minh.

Nghĩa Liệt thành: Còn tên nữa là Lam Thành, do người Minh xây đắp, ở xã Nghĩa Liệt, huyện Hưng Nguyên.

Đông Quan: Tức Đông Đô. Xem Trần Nhuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Ngọc Ma: Tên một châu xưa, nhà Lê đặt làm phủ; nay là phủ Trấn Định thuộc tỉnh Nghệ An.

Lộ Văn Luật: Người huyện Thạch Thất, thuộc Sơn Tây.

Tháng 11, mùa đông. Các vùng Hạ Hồng, Tân Minh, Khoái Châu và Hoàng Giang dấy quân khởi nghĩa, bị Lý Bân nhà Minh đánh bại.

Trịnh Công Chứng và Lê Hành ở Hạ Hồng, Phạm Thiện ở Tân Minh, Nguyễn Đặc ở Khoái Châu, Nguyễn Đa Cấu và Trần Nhuế ở Hoàng Giang thấy thành Đông Quan suy yếu trống rỗng, nên kéo nhau cùng nổi dậy, xông thẳng đến Nhị Hà, đánh vào phía cầu phao, nhưng bị Lý Bân nhà Minh đánh bại.

---

[1] Thuộc huyện Vĩnh Lộc (xưa là Vĩnh Ninh), tỉnh Thanh Hóa.

[2] Nay là Hà Nội.

[3] Thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Lại có Lê Ngạ, người huyện Thủy Đường[1], trạng mạo khôi ngô, tầm vóc đẫy đà, là gia nô của Trần Thiên Lại ngày trước. Bấy giờ Lê Ngạ đổi tên là Dương Cung, giả làm người hầu của Mã Kỳ, hống hách nộ nạt các châu, các huyện. Khi thấy bọn Công Chứng, Phạm Ngọc và Phạm Thiện đua nhau nổi dậy, Lê Ngạ bảo những người quen biết mình rằng: "Chúng bay có muốn giàu sang không? Đứa nào muốn thì đi theo ta đây!". Ngạ bèn đi lên Đan Ba thuộc Lạng Sơn, mạo xưng là chút[2] của Trần Duệ Tông, từ nước Lão Qua[3], trở về nước. Thổ tù Lạng Sơn, Bế Thuấn, gả con gái cho Ngạ, lập Ngạ làm minh chủ. Khoảng độ một tuần, một tháng, tụ họp được đến vài vạn quân. Sau khi bọn Công Chứng và Phạm Thiện đã thất bại, những đồ đảng còn sót lại đều theo về với Lê Ngạ, do đấy, quân gia của Ngạ ngày một đông thêm. Ngạ tự xưng là Thiên Thượng hoàng đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên, sắp xếp quan lại, đúc tiền tệ, kéo quân đi thiêu đốt vùng Xương Giang và cướp bóc miền Bình Than.

Có người biết "vua Vĩnh Thiên" này chính là Lê Ngạ, nhưng cũng không dám nói. Trần Thiên Lại đến thăm Lê Ngạ, khi ra rồi, nói: "Đó là gia nô của ta ngày trước!". Rồi Thiên Lại dời thuyền đi nơi khác. Ngạ sai người đuổi theo, nhưng không kịp.

Trần Thiên Lại truyền hịch đi các quận huyện, tự xưng là Hưng Vận quốc thượng hầu, dấy quân đánh nhau với Ngạ, bị Ngạ giết chết.

Lý Bân nhà Minh nói: "Thiên Lại và Lê Ngạ chỉ như hai con thú thôi!". Nhân khi họ đã nhược rồi, Lý Bân bấy giờ mới đánh: Lê Ngạ và Bế Thuấn đều thua, đang đêm phải chạy trốn.

Việc này lên đến triều đình nhà Minh, vua Minh ra hạn nghiêm ngặt cho đi lùng bắt. Bọn Bân ức hiếp bắt Phạm Luận, sinh viên ở Giáp Sơn[4], mạo khai là Dương Cung[5]. Viên tri huyện là Dặc Khiêm cho là không phải Dương Cung, nhưng bọn Bân không nghe, cứ cho giải sang Yên Kinh.

Lời chua - Hạ Hồng: Xưa thuộc Hồng Châu. Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tiền biên V, 14).

Tân Minh: Nay là huyện Tiên Minh[6].

Khoái Châu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chính biên V, 32).

Hoàng Giang: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Long thứ 7 (Chính biên VI, 44).

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên II, 13).

Cầu Phao: Theo Đại Thanh Nhất thống chí, đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424), bọn Trương Phụ làm cầu phao ở bến Đông Tân sông Nhị.

Phạm Ngọc: Người An Lão[7], xuất gia đi tu làm sư, rồi tụ họp dân chúng nổi loạn.

Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19).

Đan Ba: Tức Đan Dĩ. Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 4 (Chính biên VIII, 8-9).

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chính biên XI, 13).

---

[1] Trước thuộc Hải Dương, về sau đổi thuộc Kiến An. Nay là huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên văn là "huyền tôn", tức là cháu năm đời.

[3] Xem "Lời chua" ở sau của Cương mục.

[4] Ta quen đọc là "Giáp". Còn Từ Nguyên thì âm là "Hiệp".

[5] Tức Lê Ngạ.

[6] Tục gọi là Tiên Miêng, nay là huyện Tiên Lãng thuộc thành phố Hải Phòng.

[7] Nay thuộc thành phố Hải Phòng.

Xương Giang: Theo Bắc Ninh tỉnh sách[1], thành Xương Giang, do người Minh đắp, ở xã Thọ Xương, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh[2].

Bình Than: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Giáp Sơn: Tên huyện. Nay do phủ Kinh Môn kiêm lỵ thuộc tỉnh Hải Dương.

Phạm Luận: Người làng Ngư Uyên, huyện Giáp Sơn.

Canh Tí (1420). (Bình Định vương năm thứ 3. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 18).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Minh sai Trần Trí đến trấn thủ Phụng Hóa.

Lời chua - Phụng Hóa: Tức Thiên Trường. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chính biên V, 28).

Tháng 10, mùa đông. Bình Định vương đóng quân ở Ba Lẫm, đánh úp và phá được quân Minh ở trại Quan Du.

Vương tiến quân đóng ở thôn Thôi. Lý Bân nghe tin ấy, kéo quân từ Tây Đô vào chực đánh úp. Vương đặt quân mai phục ở Thi Lang, đánh bại được địch. Vương tiến đóng ở sách[3] Ba Lẫm thuộc Lỗi Giang. Bọn tướng Minh, Tạ Phượng và Hoàng Thành, chia quân đóng đồn ở Nga Lạc và Quan Du để phòng thủ cho Tây Đô. Vương ngày đêm đánh gấp: bọn Phượng đóng chặt đồn lũy, cố thủ, không dám ra. Sau đó, chúng bỏ Nga Lạc, lui giữ Quan Du. Vương sai các tướng Lê Sát và Lê Hào đánh úp quân Minh ở trại Quan Du: cả phá được địch, chém hơn nghìn thủ cấp, tước được chiến cụ và nghi trượng của địch không biết bao nhiêu mà kể. Người Minh, do đó, tinh thần sút kém quá đỗi!

Lời chua - Ba Lẫm: Thay đổi ra sao, không rõ. Theo sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư của nhà Minh, thì cửa ải Ba Lẫm thuộc huyện Lỗi Giang.

Quan Du: Tên trại xưa. Bây giờ là châu Quan Hóa thuộc Thanh Hóa.

Thôi: Tên thôn xưa. Bây giờ là huyện Man Xuy, thuộc phủ Trấn Man[4].

Thi Lang: Thay đổi ra sao, không rõ.

Lỗi Giang: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 17-18).

Tân Sửu (1421). (Bình Định vương năm thứ 4. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 19).

Tháng 6, mùa hạ. Vùng Tam Giang có nạn nước to.

Lời chua - Tam Giang: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Tháng 9, mùa thu. Nước sông Đáy[5] tràn ngập.

Lời chua - Sông Đáy: Xem Trần Thiếu Đế, năm Kiến Tân thứ 2 (Chính biên XI, 36).

Tháng 11, mùa đông. Bình Định vương đánh bại được Trần Trí nhà Minh ở Ủng Ải. Lại đánh và phá được quân Ai Lao.

Bấy giờ Vương đóng doanh trại ở Ba Lẫm. Trần Trí, tham tướng Minh, đem hơn mười vạn quân đến đánh. Trời đã về chiều, địch đóng lại cách Ba Lẫm 50 dặm. Hội họp các tướng, Vương bàn rằng:

---

[1] Xem chú giải ở Cương mục Chính biên I, 9.

[2] Nay thuộc thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[3] Đơn vị một khu vực hành chính của miền núi xưa. Xem thêm chú giải số 3 ở Chính biên I, 1.

[4] Phủ này ở về phía tây bắc tỉnh Thanh Hóa.

[5] Nguyên văn chép là "Để Giang".

"Quân của địch dẫu đông, nhưng chúng phải lặn lội từ xa đến. Chúng ta đem cái thế thong thả chờ đợi để đối phó với địch đang nhọc nhằn, bấy giờ thình lình đổ ra mà đánh thì tất thế nào cũng phá được địch". Đêm đến, bèn đánh úp trại giặc: chém hơn nghìn thủ cấp. Trần Trí tức giận lắm, hôm sau, mở đường tiến quân. Vương sẵn sàng đặt trước quân phục ở Úng Ải. Trưa đến, quân Trần Trí vượt hiểm trở, kéo đến cửa ải. Chúng leo trèo, bám như đàn kiến mà lên: quân phục thình lình nổi dậy xung kích, đánh bại được địch. Trần Trí rút lui.

Bấy giờ Mãn Sát, tù trưởng Ai Lao, đem ba vạn quân và một trăm thớt voi thình lình ập đến, nói phao lên rằng sang cứu viện ta. Vương không ngờ nó nói dối, đương đêm bị nó đánh úp. Vương, với vẻ bình tĩnh, không động binh vội, mới chia cắt tướng sĩ lẻn ra phía sau địch: trong và ngoài đánh khép lại, cả phá được quân giặc, chém hơn một vạn thủ cấp, tước được mười bốn thớt voi. Nhân đà thắng lợi, ruổi dài đuổi theo. Mãn Sát cùng quẫn, sợ dúm lại, xin hòa, nhưng Vương không ưng thuận. Bình chương Lê Thạch xung phong, dẫn đầu quân sĩ, gấp đánh địch, bị chết vì giẫm phải chông.

Lời phê - Về việc Ai Lao đánh úp này, Sử cũ chép không rõ. Khi làm Cương mục, tuy đã sửa lại rồi, nhưng cũng vẫn chưa thấy hợp tình hợp lý. Vì rằng quân Ai Lao đông đến ba vạn thì bên ít địch lại làm sao được với bên nhiều! Chắc là do sự ghi chép thất thực.

Lời chua - Úng Ải: Thay đổi ra sao, không rõ. Bây giờ tổng Cổ Lũng, huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa[1] có Úng Quan, có lẽ là Úng Ải này.

Mãn Sát: Tên của tù trưởng Ai Lao.

Nhâm Dần (1422). (Bình Định vương năm thứ 5. Minh, Vĩnh Lạc năm thứ 20).

Ngày mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Tổng binh Minh, Lý Bân, chết. Nhà Minh dùng Trần Trí lên thay, cai quản quân đội.

Tháng 12, mùa đông. Bình Định vương đại thắng quân Minh ở sách Khối. Vương chuyển quân về núi Chí Linh[2].

Vương từ Ba Lẫm tiến đến Quan Da. Mã Kỳ nhà Minh lại ước hẹn với Ai Lao, hợp sức với nhau, hai mặt trước sau đánh khép lại. Quân của Vương không lợi, phải lui đóng ở sách Khối. Địch tập hợp cả quân lại để bao vây. Vương khóc lóc bảo các tướng sĩ: "Giặc đang bao vây và bức bách cả bốn mặt. Chúng ta cố đánh nhanh thì sống; nếu không đánh nhanh thì tất phải bại vong". Mọi người đều cảm kích, đua nhau liều chết cố đánh. Các tướng Lê Lĩnh, Phạm Vấn, Lê Hào và Lý Triện chính mình xông pha lên trước, đánh phá trận địch; chém tham tướng Minh, Phùng Quý, và hơn nghìn thủ cấp quân lính địch. Mã Kỳ và Trần Trí đều phải chạy; quân Ai Lao cũng lẩn trốn.

Vương chuyển quân về núi Chí Linh. Bấy giờ quân ta tuy thắng trận, nhưng chưa có cơ thuận tiện để tiến thủ, phải đóng ở trong trại miền núi: sự tiếp tế không được liền nối, phải cạn lương đến hơn hai tháng, chỉ ăn rau dưa mà thôi, đến nỗi Vương phải giết cả voi và ngựa để thết quân đội. Tướng sĩ đều mỏi mệt nhọc nhằn, muốn tạm nghỉ ngơi, ai nấy đều khuyên Vương nên hòa với người Minh. Vương bất đắc dĩ sai bọn Lê Trăn đến chỗ quân Minh, xin hòa.

Lời chua - Sách Khối: Thay đổi ra sao, không rõ.

Quan Da: Tức trại Quan Du. Xem Bình Định vương năm thứ 3 (Chính biên XIII, 13).

Quý Mão (1423). (Bình Định vương năm thứ 6. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 21).

Tháng 4, mùa hạ. Bình Định vương quay về Lam Sơn.

---

[1] Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[2] Ở địa phận châu Lang Chánh thuộc Thanh Hóa.

Bấy giờ bọn Trần Trí và Sơn Thọ nhà Minh thường hay đưa biếu Vương: trâu, ngựa, cá, muối, nông cụ và thóc lúa... Vương sai lũ Lê Trăn đem vàng bạc đáp lại. Bọn Trí, sau đó, ngờ rằng Vương bề ngoài giả cách giảng hòa thân thiện, nhưng bề trong vẫn ấp ủ cái chí đánh úp, nên chúng bắt giam lũ Trăn lại, không cho về[1]. Vương nổi giận, liền tuyệt giao với bọn Trí.

Giáp Thìn (1424). (Bình Định vương năm thứ 7. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 22).

Tháng 9, mùa thu. Bình Định vương đánh và hạ được đồn Đa Căng.

Vương đóng quân ở Lô (Lư) sơn, nhóm họp các tướng hỏi về sách lược tiến thủ, nên đánh thành nào trước. Thiếu úy[2] Lê Chích thưa: "Nghệ An là nơi hiểm yếu: đất rộng, người đông, tôi đã từng qua lại Nghệ An, nên rất thông thuộc đường đất. Nay ta nên trước hãy nên đánh lấy Trà Long, chiếm giữ bình định cho được Nghệ An để làm chổ đất đứng chân, rồi dựa vào đấy mà lấy tiền tài sức lực, sau sẽ quay cờ trẩy ra Đông Đô thì có thể tính xong được việc dẹp yên thiên hạ". Vương khen là phải. Liền đó kéo quân ra phía nam, đánh úp đồn Đa Căng: Lương Như Hốt, tham chính bên Minh, thua chạy. Ta chém chết địch và bắt được của địch vô kể.

Lời chua - Đa Căng: Thay đổi ra sao, chưa rõ. Theo sách Sĩ hoạn tu tri lục của Nguyễn Công Tiệp, thì huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa có động Bất Căng, có lẽ tức là Đa Căng này.

Trà Long: Tức Trà Lân, nay là phủ Tương Dương thuộc Nghệ An.

Nhà Minh vời Hoàng Phúc về nước, dùng Trần Hiệp sang thay.

Trước kia, do chân Công Bộ thượng thư kiêm giữ công việc hai ti Bố, Án tại Giao châu, Hoàng Phúc ở Giao Châu mười tám năm, coi dân như con đẻ. Từ chính sự đến mệnh lệnh đều sắp xếp có đầu mối, có kế hoạch, công việc không cứ lớn hay nhỏ, Phúc đều hết lòng cả. Vua Minh vì thấy Phúc đã lâu năm khó nhọc ở ngoài, nên triệu Phúc về nước, dùng Binh Bộ thượng thư Trần Hiệp sang thay.

Vương đi tuần hành ở Nghệ An, gặp quân Minh và đánh bại được địch. Tháng 11, mùa đông, quân ta vây Trà Long. Tháng 12, tri phủ Cầm Bành đầu hàng và dâng cả châu Trà Long.

Bình Định vương, sau khi đã hạ được đồn Đa Căng, cho ghi vào sổ lấy những trai tráng, rồi sắp xếp hàng ngũ bộ thuộc một cách nghiêm chỉnh, thẳng rảo đến Nghệ An. Dọc đường, khi qua Bồ Liệp thuộc Quỳ châu, gặp bọn chỉ huy Sư Hựu, tham tướng Trần Trí và Phương Chính nhà Minh đón đường chẹn cả mặt trước lẫn mặt sau. Chiều đến, Vương đặt quân mai phục ở khoảng rừng rú, nhử địch đến, đánh bại được giặc: chém đô ti Minh, Trần Trung, và hơn hai nghìn thủ cấp quân địch, tước được hơn một trăm ngựa. Quân Minh phải lùi chạy. Ngày hôm sau, Vương tiến quân đến châu Trà Long, gặp địch lần nữa, lại cả phá được giặc. Bọn Trần Trí chạy về Nghệ An.

Vương sai dụ hàng tên Cầm Bành, tri phủ, quyền giữ công việc châu Trà Long, nhưng Bành không theo, cứ cố thủ, đợi quân cứu viện. Vương đốc thúc các tướng bao vây Trà Long. Bọn Trần Trí và Phương Chính sợ hãi, không dám tiến quân. Bấy giờ Sơn Thọ lấy cớ là đến để chiêu an, bèn thả trả sứ bộ Lê Trăn[3] về với Bình Định vương để xin hòa[4]. Còn Cầm Bình, quân gia ngày một phản lại và ly tán, tự biết thế cô, lại không có quân cứu, đành phải đầu hàng. Vương tha tội cho Bành. Quân sĩ ta không tơ hào gì đến của dân ở Trà Long. Sau đó Cầm Bành lại mưu làm phản, bị giết chết. Vương vỗ về yên ủi các bộ lạc, ai nấy đều vui vẻ làm công việc do Vương sử dụng. Vương sai tuyển lấy hơn năm nghìn người ưu tú và khoẻ mạnh cho lệ thuộc vào sổ quân nhân. Thế lực quân đội của ta bấy giờ rất là lừng lẫy.

---

[1] Qua năm sau (Giáp Thìn, 1424) bọn Sơn Thọ nhà Minh phải trả lại Lê Trăn về với nghĩa quân.

[2] Một chức quan võ cao cấp hồi đầu Lê.

[3] Lê Trăn bị bọn Trần Trí giam giữ từ năm Quý Mão (1423). Xem Cương mục Chính biên XIII, 16.

[4] Điều đình với Bình Định vương, xin giải vây cho Trà Long.

Hay tin Trà Long đã mất, thượng thư Minh, Trần Hiệp, liền đem tình hình tâu lên triều đình. Vua Minh hạ sắc chỉ nghiêm trách bọn Trần Trí và Phương Chính, ra lệnh cho chúng phải mau dẹp cho yên. Bọn chúng sợ hãi, vội kéo quân thủy và quân bộ đi tấn công.

Được tin báo về việc quân này, Vương sai các tướng Đinh Liệt đem hơn nghìn quân, đi đường tắt đến đóng giữ huyện Đỗ Gia để chiếm trước lấy ưu thế. Còn Vương thì tự đốc suất các tướng sĩ, kế tiếp tiến lên mạn thượng du cửa ải Khả Lưu, chiếm giữ nơi hiểm yếu để chờ đợi địch. Sau đó vài hôm, người Minh quả nhiên kéo đến, đóng đồn ở mạn hạ lưu cửa ải Khả Lưu. Vương làm kế nghi binh: ban ngày cho quân mở cờ khua trống, ban đêm cho đốt lửa làm như thổi nấu, nhưng ngầm sai quân và voi lặng lẽ qua sông, mai phục. Mờ sớm hôm sau, địch tiến quân để bức bách ta, gặp quân mai phục nổi dậy, chúng thua thiệt nặng nề, phải lui giữ mạn hạ lưu. Rồi chúng lựa theo thế núi, đắp đồn, lập lũy, cậy có nhiều lương thực, chực đóng cửa đồn, cố thủ kéo dài. Vương đặt quân phục khắp cả bốn bề ở mặt thượng lưu, rồi đốt doanh trại, giả vờ làm như lẩn trốn. Địch kéo đến chiếm cứ: phục binh của ta thình lình nổi dậy, xung kích. Các tướng Lê Sát và Đinh Lễ đua nhau xung phong, đi đầu sĩ tốt, đánh phá trận địch: bắt sống được đô ti Minh, Chu Kiệt, chém tướng tiền phong Minh, Hoàng Thành. Ngoài ra, giết chết và bắt được vô kể. Khí giới của địch quân quăng bỏ bừa bãi ở núi và ở hang. Bọn Trần Trí thu lượm những quân còn sót, kéo về Nghệ An.

Lời cẩn án - Theo Minh sử, khi Vương đánh phá châu Trà Long, thổ tri phủ[1] là Cầm Bành bị chết. Sử cũ chép Cầm Bành đầu hàng. Nay xét Lam sơn thực lục chép Cầm Bành tự biết mưu chước đã cùng, quân cứu viện lại không có, nên Bành mở cửa đầu hàng. Thông sử của Lê Quý Đôn chép Bành thấy viện binh không đến, bèn đầu hàng. Bài "Chí Linh sơn phú" của Nguyễn Trãi cũng viết[2]: "Cầm Bành sụp lạy mà dâng đất". Như vậy, Minh sử chép như thế là không đúng sự thực. Nay xin cải chính.

Lời chua - Cầm Bành: Theo mục "An Nam nhân vật" trong Đại Thanh Nhất thống chí, Cầm Bành là người Giao Châu, hồi giữa niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424), do tri phủ Nghệ An, quyền giữ công việc châu Trà Long. "An Nam truyện" trong Minh sử chép: "Lê Lợi cướp châu Trà Long, đánh bại quân của Phương Chính, giết chỉ huy Ngũ Vân; Lợi cướp bóc mãi không thôi. Chinh Di phó tướng quân Trần trí vốn không có tài làm tướng, lại sợ giặc, bèn mượn tiếng chiêu an để đánh lừa triều đình [nhà Minh]. Vả, Trần Trí lại hục hặc với Phương Chính, nên mới đóng lại, không chịu tiến quân. Giặc càng không kiêng nể gì, lại vây châu Trà Long. Bọn Trí ngồi nhìn, không cứu. Trải qua bảy tháng, trong thành cạn lương, châu Trà Long bèn bị hạ; tri châu Cầm Bành chết theo thành. Thượng thư Trần Hiệp dâng thư lên triều đình [nhà Minh] nói Lê Lợi vẫn hai lòng, thế lực ngày càng lan rộng, xin triều đình sai quan tổng binh mau sang đánh dẹp trừ diệt. Nhà vua[3] xuống chiếu nghiêm trách, hẹn đến mùa xuân năm tới phải dẹp yên. Trần Trí phát sợ, vội cùng Phương Chính kéo quân đi vây cửa ải Khả Lưu, bị thua, rút quân quay về".

Quỳ Châu: Tên phủ nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Bồ Liệp: Tên núi, cũng gọi là Bồ Cứ hoặc Bồ Đằng, thuộc Quỳ Châu.

Đỗ Gia: Tên huyện xưa. Bây giờ là huyện Hương Sơn, thuộc Nghệ An.

Khả Lưu: Tên cửa ải xưa, ở bờ phía bắc sông Lam thuộc huyện Lương Sơn, phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Ất Tị (1425). (Bình Định vương năm thứ 8. Minh, Nhân Tông, năm Hồng Hi thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Bình Định vương đến huyện Thổ Du. Cầm Quý đem quân bản bộ quy thuận. Vương bèn vây Nghệ An.

[1] Người Nam mà làm tri phủ với nhà Minh.

[2] Nguyên văn bằng chữ Hán.

[3] Chỉ vua Minh.

Vương kéo quân đến Đa Lôi thuộc huyện Thổ Du. Trẻ già đua nhau đem rượu và trâu bò đến đón tiếp khao quân. Họ nói: "Không ngờ ngày nay lại được trông thấy oai nghi cố quốc". Cầm Quý, tri phủ Ngọc Ma, đem quân và voi đến quy thuận, được Vương phong làm thái úy.

Vương ra lệnh rằng: "Bấy lâu dân bị đau khổ vì chính sự bạo ngược. Bây giờ hễ trẩy đến đâu, quân sĩ không được động chạm tơ hào của dân chúng. Trâu bò thóc lúa nếu không phải là của tàng trữ của người Minh thì không được lấy". Bấy giờ Vương mới chia quân đi lấy các đất đai. Quân trẩy đến đâu, có nhiều châu, nhiều huyện đầu hàng, người ta đều tình nguyện xin góp sức đánh thành Nghệ An. Vương lựa lấy số quân tinh nhuệ thẳng kéo đến chân thành này. Người Minh đóng chặt cửa thành cố giữ, không dám thò ra. Vương dạy bảo các tướng sĩ sửa sang khí giới, chuẩn bị để đánh thành. Vừa đầy hai tuần[1], chiến cụ xong xuôi đầy đủ. Bấy giờ tham tướng Minh, Lý An, từ Đông Quan vượt biển vào cứu; bọn Trần Trí hợp quân lại, xông ra chiến đấu. Vương đặt quân phục ở cửa sông Đỗ Gia, cả phá được địch: Trần Trí chạy về Đông Quan; bọn Lý An rút vào thành, liều chết cố giữ.

Lời chua - Thổ Du: Tên huyện xưa. Bây giờ là huyện Thanh Chương thuộc tỉnh Nghệ An.

Cầm Quý: Nối đời làm thổ tù[2] huyện Ngọc Ma.

Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 10).

Đa Lôi: Theo Nghệ An Cổ tích chí, thì thôn Trung Hội, xã Nam Kim, huyện Thanh Chương, có giáp Xuân Lôi, có lẽ tức là Đa Lôi này.

Tháng 5, mùa hạ. Tư không Đinh Lễ đánh bại được tướng Minh, Trương Hùng, ở Diễn châu. Hùng chạy về Tây Đô. Vương cho thêm quân đi đánh.

Vương sai Đinh Lễ đi tuần Diễn Châu. Khi kéo quân đến gần thành, Lễ đặt quân mai phục. Bấy giờ đô ti Minh, Trương Hùng đem ba trăm thuyền lương thực từ Đông Quan đến. Trong thành Diễn Châu kéo ra đón lương thực: gặp phục binh nổi dậy, chúng đều thua chạy. Đinh Lễ cướp được thuyền lương, rồi đuổi Hùng đến tận Tây Đô.

Vương được tin thắng trận, liền tuyển quân và voi, sai Lê Sát và Lưu Nhân Chú kế theo, đi tiếp ứng cho Đinh Lễ. Cánh nghĩa quân này đi đến đâu cũng không có sức gì ngăn cản được cả. Họ tiến sát đến Tây Đô. Người Minh đóng chặt cửa thành, liều chết cố giữ. Đối với cư dân ở ngoài thành, các tướng Đinh Lễ đến chiêu an vỗ về. Bấy giờ những người Thanh Hóa tranh nhau đến cửa trại quân, xin đầu hàng. Bọn Lễ bèn bao vây lấy thành.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tiền biên VI, 20).

Lưu Nhân Chú: Người Yên Thượng, huyện Đại Từ[3]; sau được cho lấy theo họ Lê.

Tháng 7, mùa thu. Vương sai tư đồ Trần Hãn và thượng tướng Lê Nỗ đi tuần các xứ Tân Bình và Thuận Hóa: đều hạ được cả mấy xứ này.

Vương liệu trước rằng Tân Bình, Thuận Hóa bị đứt liên lạc với Nghệ An và Đông Đô đã từ lâu, bèn dụ bảo các tướng: "Người giỏi chiến trận thường bỏ chỗ kiên cố, đánh chỗ sơ hở, tránh chỗ vững chắc, đánh vào chỗ trống rỗng; như thế thì chỉ dùng sức một phần mà thành công gấp bội". Vương bèn sai tư đồ Trần Hãn và thượng tướng Lê Nỗ đem hơn nghìn quân đi đánh giặc và vỗ về nhân dân. Khi đến Bố Chính, gặp tướng Minh, Nhâm [Nhậm] Năng, bọn Hãn giữ chỗ hiểm yếu, đặt quân phục, rồi tìm kế nhử địch. Tên Năng lùa hết quân tiến lên. Phục binh nổi dậy, đánh khép lại: quân Minh thua vỡ tan tành, bị chém và bị bắt rất nhiều.

---

[1] Mỗi tuần mười ngày.

[2] Tù trưởng một địa phương.

[3] Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Trước đó, Vương sai bọn Lê Ngân đem bảy mươi chiếc chiến thuyền từ Nghệ An vượt biển vào hội quân với các tướng Trần Hãn để tiễu giặc. Đến đây, các đạo quân ấy tề tựu đông đủ, quân thủy và quân bộ cùng tiếp ứng nhau, tấn công hai thành Tân Bình và Thuận Hóa, đều hạ được cả. Quân ta trẩy đến đâu, quân và dân ở đó đều ra hàng. Trần Hãn lựa lấy vài vạn người tinh nhuệ để bổ sung quân đội, rồi đặt quan trấn thủ, còn mình thì kéo quân về.

Các tướng tôn Bình Định vương lên làm "Đại Thiên hành hóa"[1]. Từ đó về sau, phàm có bảng văn niêm yết những lời cáo dụ đều nêu trên đầu là "Đại Thiên hành hóa".

Lời phê[2] - Về sau, những đồ bất lương thường thường mượn danh từ "Đại Thiên hành hóa" này để làm mê hoặc mọi người, vậy thì việc Bình Định vương làm đây chẳng phải đúng như người xưa nói rằng "do lòng tham mà đặt ra pháp độ"[3] đó sao?

Lời chua - Tân Bình: Tức Lâm Bình. Xem Lý Thái Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chính biên III, 34)[4].

Thuận Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 23).

Trần Hãn: Có chỗ chép là Trần Nguyên Hãn, người làng Sơn Đông huyện Lập Thạch[5], là dòng dõi Trần Nguyên Đán, sau được lấy theo họ Lê.

Bố Chính: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Bính Ngọ (1426). (Bình Định vương năm thứ 9. Minh, Tuyên Tông, năm Tuyên Đức thứ 1).

Tháng 8, mùa thu. Bình Định vương sai các tướng chia nhau đi tuần các lộ ở Đông Đô.

Vương cho rằng quân tinh nhuệ của nhà Minh ở cả Nghệ An, Đông Đô trở thành yếu ớt trống rỗng bèn sai:

Bọn Thái úy Lý Triện, Xu mật Phạm Văn Xảo, thái giám Trịnh Khả và Đỗ Bí ra từ Thiên Quan, đi tuần vùng Quốc Oai, Quảng Oai, Gia Hưng, Quy Hóa, Đà Giang, Tam Đái và Tuyên Quang để diệt đạo viện binh nhà Minh từ Vân Nam kéo xuống;

Bọn Thiếu úy Lưu Nhân Chú và Bùi Bị ra từ Thiên Quan, đi tuần vùng Thiên Trường, Kiến Xương, Tân Hưng, Thượng Hồng, Hạ Hồng, Bắc Giang và Lạng Sơn để diệt đạo viện binh từ Lưỡng Quảng[6] kéo xuống;

Bọn Tư đồ Đinh Lễ và Lê Xí thống suất toán quân tinh nhuệ kế tiếp xuất phát, thọc ngay vào Đông Quan để phô trương thanh thế, rồi sau mới thừa cơ mà tiến thủ.

Các tướng trẩy đến đâu cũng giữ quân luật nghiêm túc, không tơ hào xâm phạm đến của nhân dân. Bấy giờ các lộ ở Đông Đô và các thổ tù ở ven biên giới chẳng ai là không vui vẻ hả hê.

Cánh quân của các tướng Lý Triện từ mạn Quốc Oai và Tam Đái đe dọa bức bách thành Đông Quan. Tham tướng Minh, Trần Trí dốc hết quân ra mạn Ninh Kiều và Ứng Thiên để chống cự. Triện cùng bọn Xảo, Khả và Bí hợp sức đánh hăng, quân của Trí phải thua chạy. Bọn Triện tiến đóng ở bờ phía tây sông Ninh Giang.

---

[1] Thay Trời làm việc giáo hóa nhân dân.

[2] Chỉ việc Lê Lợi dùng hiệu là "Đại Thiên hành hóa" trong các bản công văn, khi đánh dẹp giặc Minh.

[3] Lời Hồn Hãn đời Xuân Thu chê Tử Sản nước Trịnh (Xuân thu ngũ truyện XIII, 51).

[4] Xem thêm Chính biên III, 29.

[5] Nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

[6] Quảng Đông và Quảng Tây.

Chợt được tin hơn vạn quân cứu viện của nhà Minh sang từ Vân Nam, sắp đến thành Tam Giang, mà đạo quân do Lễ và Xí chỉ huy chưa kịp đến, bọn Triện e rằng hai đạo quân của địch[1] nếu phối hợp được với nhau thì mình khó chế trị được. Triện bèn chia cho Xảo và Khả hơn nghìn quân, đi thẳng lên trước và đón đường chặn đánh địch; còn mình và bọn Xí đem vài nghìn quân tinh nhuệ, thừa thắng đuổi theo cánh quân của Trí. Khi đến Nhân Mục, bắt sống được đô ti Minh, Vi Lượng, và chém được hơn nghìn thủ cấp địch, rồi lại quay về Ninh Giang, làm thanh thế tiếp ứng cho bọn Xảo.

Còn cánh quân của bọn Xảo, khi đến cầu Xa Lộc, gặp đạo quân của Vương An Lão, đô ti Vân Nam của Minh: quân ta đón đánh, cả phá được địch, chém và bắt được không biết bao nhiêu mà kể. Số quân còn sót lại của địch phải rút vào giữ thành Tam Giang.

Lời chua - Phạm Văn Xảo: Người Kinh Lộ, sau được cho lấy theo họ Lê.

Thiên Quan: Tên trấn, nay là phủ, thuộc tỉnh Ninh Bình.

Quảng Oai: Xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chính biên V, 38-39).

Gia Hưng: Tức Lâm Tây. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chính biên II, 41).

Quy Hóa: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 41).

Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 30).

Tam Đái: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tiền biên V, 29).

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 30).

Bùi Bị: Người làng Hào Kiệt, huyện Thiên Bản[2], sau được cho lấy theo họ Lê.

Kiến Xương: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chính biên VI, 28).

Tân Hưng: Tên một lộ, nay là phủ Tiên Hưng[3].

Thượng Hồng: Xưa thuộc Hồng Châu. Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tiền biên V, 14).

Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 28).

Lạng Giang: Tức Lạng Sơn. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XX, 31).

Ninh Kiều: Ở phía tây phủ Giao Châu.

Ứng Thiên: Nay là phủ Ứng Hòa[4].

Ninh Giang: Phía trên liền với cửa sông Hát, phía dưới đổ vào sông Xá[5] rồi thông với Châu Giang. Hạ lưu sông Ninh Giang này hợp làm một với sông Hoàng Giang.

Nhân Mục: Tên xã. Nay thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội[6].

---

[1] Quân thành Đông Quan và viện binh ở Vân Nam mới sang.

[2] Nay là huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định.

[3] Nay thuộc tỉnh Thái Bình.

[4] Thuộc tỉnh Hà Tây.

[5] Tục gọi là "Thá", tức là chỗ Ngã ba Thá.

[6] Tức làng Mọc, nay là phường Nhân Chính quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Cầu Xa Lộc: Thanh đổi ra sao, không rõ.

Tháng 9. Vương để các tướng Lê Ngân và Lê Văn An ở lại vây thành Nghệ An, còn mình tự đem quân đi tuần Tây Đô[1].

Trần Trí nhà Minh thấy thành Đông Quan bị cô lập và nguy khốn, vội sai người gấp rút đem thư vào Nghệ An cáo cấp với bọn Phương Chính, để bọn này quay về cứu lấy chỗ căn bản.

Bọn Trí bèn để Thái Phúc ở lại giữ Nghệ An, còn chúng thì vượt biển trở ra Đông Quan. Vương liền cho các tướng Lê Ngân, Lê Văn An, Lê Bôi, Lê Thận và Lê Văn Linh lưu lại, góp sức với nhau vây thành Nghệ An, còn Vương chính mình thống suất đại quân, cả thủy lẫn bộ cùng tiến, đuổi theo Phương Chính. Đến Thanh Hóa, Phương Chính phóng thuyền ra khơi, lẩn trốn tận ra xa. Vương bèn đi tuần Tây Đô. Tri châu La Thông đóng chặt cửa thành, không chịu đầu hàng.

Vương đóng quân ở Lỗi Giang, úy lạo các tướng sĩ, ban thưởng cho các bà con và những người cố cựu ở quê nhà[2]. Nhân sĩ và dân chúng ở Thanh Hóa đều tình nguyện tòng quân.

Tháng 10, mùa đông. Các tướng Đinh Lễ, Lê Xí và Lý Triện cả phá quân của Vương Thông nhà Minh ở Tốt Động. Bình Định vương bèn tiến quân đến Thanh Đàm, đánh thành Đông Quan.

Bấy giờ nhà Minh sai Thành Sơn hầu Vương Thông làm chinh di tướng quân, và đô đốc Mã Anh làm tham tướng, đem năm vạn quân sang cứu Đông Quan, bóc hết chức tước của bọn Trần Trí và Phương Chính, cho sung làm sự quan[3], lệ thuộc trong quân để lập công chuộc tội; còn Trần Hiệp thì vẫn cho làm tham tán quân vụ. Tất cả đều ở dưới quyền chỉ huy của Thông.

Thông mới đến, tinh thần rất hăng, điều động tất cả mười vạn quân, cùng bọn Hiệp chia làm ba đường, đồng thời xuất phát. Thông đóng ở bến Cổ Sở; Phương Chính đóng ở Sa Đôi; Mã Kỳ đóng ở Thanh Oai. Doanh trại của chúng đằng đẵng đến vài mươi dặm, cờ xí rợp cả đồng nội. Chúng tự cho rằng chỉ một chuyến này có thể dẹp yên được.

Các tướng Triện và Bí từ Ninh Kiều tiến đến Sốm[4], chia quân và voi cho mai phục sẵn để đợi giặc. Họ cho toán du binh[5] xông xáo đến sát trại Mã Kỳ, khiêu chiến, giả cách thua chạy. Mã Kỳ lùa hết quân đuổi theo. Khi chúng đến cầu Ba La[6]: quân phục của ta nổi dậy, đánh cắt ngang trận địch. Quân Minh tan vỡ, chạy bừa, sa lầy, bị chém hơn nghìn thủ cấp. Quân ta ruổi dài đến cống Mọc[7], bắt được hơn năm trăm địch. Thây giặc rải rác đến vài mươi dặm. Mã Kỳ chỉ kịp một người một ngựa trốn về.

Các tướng Lý Triện thừa thắng, muốn chẹn phía sau Phương Chính, nhưng Phương Chính đã rút quân lui rồi. Bấy giờ trời đã chiều hôm, các tướng bên ta phải đem quân quay về. Bọn Kỳ và Chính nhân lúc ban đêm, lén đem quân đến hội với Vương Thông.

Ngày hôm sau, các tướng Lý Triện đến bến Cổ Sở, bổ vây quân Thông. Trước đó, Thông đã đặt quân mai phục, và đã đan tre làm cái khiên, phía trong khiên có cài chông sắt. Khi thoạt giao chiến, quân của Thông đã quăng bỏ khiên, giả vờ chạy. Bọn Triện đuổi theo: voi giẫm phải chông, không lợi. Bọn Triện bèn thu quân vào giữ Cao Bộ.

---

[1] Tức Thanh Hóa.

[2] Tức làng Lam Sơn, quê của Lê Lợi.

[3] Xem "Lời chua" ở sau của Cương mục.

[4] Hán văn là Cổ Lãm.

[5] Quân lưu động.

[6] Nguyên văn là "Tam La kiều". Cái cầu chỗ giáp giới ba làng La, tức là La Khê, La Cả và La Nội, nay thuộc xã Văn Khê, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây.

[7] Nguyên văn là "Nhân Mục kiều". Nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Nghe nói các tướng Đinh Lễ và Lê Xí đang đóng quân ở Thanh Đàm, Triện liền sai báo gấp cho họ đến tiếp ứng. Bọn Lễ và Xí lựa lấy ba nghìn quân tinh nhuệ và hai thớt voi, tức tốc ngay ban đêm, đến hội quân ở Cao Bộ. Họ chia quân đặt phục ở Tốt Động và Chúc Động.

Bắt được gián điệp của địch, ta biết rằng Thông đã tiến đóng ở Ninh Kiều, ngầm cho kỳ binh[1] đi rảo đến phía sau quân Triện, còn chính binh[2] của Thông thì sẽ qua sông tiến lên phía trước. Chúng hẹn nhau rằng hễ nghe nổ pháo[3] thì các đạo quân địch đồng thời đánh khép lại. Hồi trống canh năm đêm ấy, bọn Lễ sai quân nổ pháo ở nơi yếu hại để đánh lừa địch. Địch nghe tiếng pháo, mọi đứa đều đổ xô đi chiếm lấy thuận lợi. Chúng lùa quân đi tắt vào. Bấy giờ trời mưa, đường lầy lội. Chúng kéo đến Tốt Động, bị quân phục của ta bốn bề nổi dậy. Quân ta hợp sức lại, hăng hái chiến đấu, cả phá được địch: chém thượng thư Trần Hiệp và nội quan Lý Lượng. Ta lại đuổi kẻ chạy, dượt kẻ thua, hoặc giết chết, hoặc bắt sống. Quân Minh cùng giày đạp chồng chất lên nhau, chết đến hơn năm vạn. Số quân địch chết đuối cũng rất nhiều, làm nghẽn cả khúc sông Ninh Giang. Ta bắt sống được hơn một vạn địch, tước được quân nhu và khí giới vô kể.

Bọn Chính và Kỳ chạy trốn. Thông bị thương, chạy về Đông Quan, đóng chặt cửa thành, cố giữ. Thông sai phá hủy chuông Quy Điền[4] và vạc Phổ Minh[5] để làm chiến xa và vũ khí.

Các tướng Đinh Lễ thừa thắng, tiến vây Đông Quan.

Tin thắng trận báo đến hàng doanh Lỗi Giang. Bình Định vương sai gióng trống trẩy ra. Khi Vương đến Thanh Đàm, các tướng đều ra đón mừng. Vương sai:

Các tướng Trần Hãn điều động thủy quân và hơn một trăm chiếc thuyền theo Lung Giang ra cửa sông Hát, thuận dòng xuôi đến bến Đông Bộ Đầu sông Nhị Hà;

Các tướng Bùi Bị đem hơn một vạn bộ binh, ngầm tiến đến cầu Tây Dương.

Vương tự làm tướng, chỉ huy đạo quân chủ lực, tiến vây thành Đông Quan, bắt được rất nhiều chiến thuyền của địch.

Người Minh làm thêm rào lũy, liều chết cố giữ.

Bấy giờ Vương đến Đông Đô, các hào kiệt ở Kinh Lộ và các tù trưởng ở biên trấn đều xút xít đến cửa quân doanh, tình nguyện xin trổ sức, dù chết cũng không quản. Vương vỗ về yên ủi, hiểu dụ cho họ biết rõ cái nghĩa nên lui nên tới[6]; phàm nhân sĩ và thứ dân hễ ai đến yết kiến cũng đều được Vương tiếp đãi bằng lời nhũn nhặn và lễ ưu hậu, rồi tùy tài cao thấp của từng người mà cất đặt vào mọi chức sự. Dùng tước lộc khen thưởng để người ta được khuyến khích, lại dùng hình phạt nghiêm minh để người ta biết răn chừa. Vì thế mọi người đều cảm kích. Vương trẩy đến đâu cũng thu được công hiệu đến đó.

Lời cẩn án - Chiến dịch Tốt Động, bọn Vương Thông thống suất hàng mười vạn quân, tinh thần sắc bén gấp hàng trăm lần. Các tướng Lý Triện chỉ có vài nghìn người. Một đám cô quân vào sâu trong trận địch, thế mà nhiều lần thừa thắng, đánh được giặc một cách độc nhất. Như vậy không khỏi có điều đáng ngờ. Bọn Lưu Nhân Chú và Bùi Bị được phân phối đi tuần đường khác, không kịp tiếp ứng: nói thế cũng còn xuôi xuôi. Đến như Đinh Lễ, Lê Xí vâng lệnh cầm quân, thực tế là phải đương đầu với cả phía chính diện của thành Đông Quan. Bấy lâu đang đóng ở Thanh Đàm, vốn không có sự cách trở vì thành lũy cao hay mặt trận vững của địch, thế mà lần đầu thì thắng ở Ninh Kiều và Xa Lộc, lần thứ hai lại thắng ở Ba La, trước sau không hề được một tên quân nào đến tiếp

[1] Toán quân xuất kỳ bất ý, ập đánh đối phương khi không phòng bị hoặc không lường tính được trước.

[2] Toán quân đường đường chính chính ra trận đánh nhau với đối phương.

[3] Một thứ súng ở đương thời.

[4] Hai thứ của quý trong bốn đồ cổ của Việt Nam (An Nam tứ khí). Xem thêm "Lời chua" ở sau của Cương mục.

[5] Hai thứ của quý trong bốn đồ cổ của Việt Nam (An Nam tứ khí). Xem thêm "Lời chua" ở sau của Cương mục.

[6] Ý nói nên bỏ đường phi chính nghĩa, theo đường chính nghĩa.

ứng cả. Kịp khi bọn Triện đánh giặc không lợi, sai người cấp báo, bấy giờ mới có cuộc hội quân ở Cao Bộ. Tình hình đương thời ra sao, thực có điều không thể hiểu được. Chỉ vì sử sách thiếu sót, không thể chất chính vào đâu cả. Nay xin kính cẩn chép theo Sử cũ, còn thì xin để khuyết nghi[1].

Lời phê - Điều không thể hiểu được còn nhiều, chứ chẳng những việc này. Có lẽ vì tập sử Lê Kỷ là do các bầy tôi nhà Lê biên soạn, cho nên tuy gọi là "thực lục", nhưng có nhiều lời lẽ quá khoe khoang, không đủ tin là chứng cớ xác thực được.

Lời chua - Tốt Động: Tên xã. Nay thuộc huyện Mỹ Lương[2].

Thanh Đàm: Tức Long Đàm. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chính biên VI, 26).

Sự quan: Theo sách Hội Điển nhà Minh, phàm người phạm luật, bị bóc chức, phải đái tội đi tòng chinh thì gọi là sự quan.

Cổ Sở: Tên xã. Có bến đò Phùng, nay thuộc huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

Sa Đôi: Theo Bản kỷ thực lục của Ngô Sĩ Liên, huyện Từ Liêm có Bãi Sa Đôi, có lẽ tứclà Sa Đôi này.

Thanh Oai: Tên huyện. Nay thuộc tỉnh Hà Nội[3].

Cổ Lãm: Tên xã. Nay là xã Thắng Lãm[4], thuộc huyện Thanh Oai.

Tam La: Tức là chỗ có quán Ba La ở giáp giới giữa huyện Từ Liêm và huyện Thanh Oai thuộc Hà Nội[5].

Cao Bộ: Tên xã. Nay đổi là Cao Bộ thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Nội[6].

Chúc Động: Tên xã. Nay là xã Chúc Sơn, thuộc huyện Chương Đức[7].

Chuông Quy Điền: Thôn Thanh Bảo, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội có chùa Một Cột. Tục truyền rằng đời Lý đúc quả chuông lớn, để ở trong chùa, đánh không kêu, bèn đem bỏ chuông ấy ở ruộng Quy Điền. Ruộng này trũng thấp ẩm ướt, có sản nhiều rùa, nên gọi tên như vậy.

Phổ Minh: Tên chùa. Năm Thiệu Long thứ 5 (1262) đời Trần Thánh Tông làm chùa này, có đúc cái vạc và khắc bài minh vào vạc.

Cửa sông Hát: Ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây.

Đông Bộ Đầu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng[8] thứ 5 (Chính biên V, 33).

Cầu Tây Dương và Lung Giang: Không rõ bây giờ là đâu.

Vương bắt đầu chia Đông Đô làm bốn đạo, cất đặt các chức quan văn võ ở trong kinh và ngoài các lộ, các trấn.

---

[1] Nguyên văn Cương mục in lầm là "quan nghi".

[2] Nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

[3] Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[4] Sau đổi Phú Lãm. Tục gọi là Sồm. Nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[5] Bây giờ thuộc tỉnh Hà Tây.

[6] Bây giờ thuộc tỉnh Hà Tây.

[7] Nay thuộc huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Tây.

[8] Cương mục in lầm là "Chính Bình Long Ứng".

Vương bắt đầu chia các lộ Đông Đô làm bốn đạo, đặt quan chức và liêu thuộc văn võ ở trong kinh và ngoài các lộ, các trấn. Còn ở các cửa biển thì đặt chức tuần kiểm, ra lệnh kiểm soát những người qua lại và những kẻ đem thư sang Trung Quốc.

Lời chua - Bốn đạo: Theo "Địa dư chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì:

Các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Gia Hưng thuộc Tây Đạo;

Các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách Thượng, Nam Sách Hạ và trấn An Bang đều thuộc Đông Đạo;

Các lộ, các trấn Bắc Giang, Thái Nguyên đều thuộc Bắc Đạo;

Các lộ Khoái Châu, Lỵ Nhân[1], Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường đều thuộc Nam Đạo.

Chức quan: Theo Kiến văn lục[2] của Lê Quý Đông, Thái Tổ khi mới ra Đông Đô, có chia các lộ và các trấn làm bốn đạo, đặt các quan liêu văn võ trong kinh và ngoài các đạo, đồng thời cũng đặt các thị vệ tướng quân. Lại đặt chức tuần kiểm ở các cửa biển. Còn vệ quân ở các lộ, các phủ thì đặt dưới sự cai quản của những đại thần được bổ làm kiêm tri, tổng tri, đồng tri. Các viên chấp lệnh và giám quân cũng đều thuộc dưới quyền những đại thần này. Các nơi trấn thủ thì có chức quan sát và chức phòng ngự; các khê động[3] thì có chức thủ ngự, chức đoàn luyện; các lộ thì có chức an phủ.

Lại theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ tiến quân ra Đông Đô, cất đặt các chức quan, chia các lộ Đông Đô làm bốn đạo, sắp xếp các chức văn võ ở trong kinh và ngoài các đạo, mới có những chức như bộc xạ, thị trung, thiếu bảo, hành khiển, thượng thư và hàn lâm, v.v...

Có các quan ở bốn đạo (viên chánh, hàm tổng tri, coi quản các sự vụ về quân và dân; viên phó, kiêm việc trông coi các sổ sách quân và dân. Thí dụ như nhập nội thiếu bảo Lê Lựu làm Tổng tri coi quản công việc quân và dân ở Lạng Sơn và An Bang; thiếu bảo Lê Văn An làm Tổng tri coi quản công việc quân và dân ở Quốc Oai, Tam Đái và Quảng Oai; Bùi Ư Đài làm Kiêm tri coi quản sổ sách và công việc quân, dân ở Đông Đạo).

Có các quan mật viện (viên chánh giữ chức đại sứ, viên phó kiêm làm công việc của viện; dưới đó có các chức thiêm tri, thiêm sự, v.v...).

Có các quan các bộ (thí dụ như Lại Bộ thượng thư Nguyễn Trãi, Lễ Bộ thượng thư môn hạ Bùi Ư Đài; dưới đó có các chức lang trung, viên ngoại,..).

Có các quan các sảnh (thí dụ như thượng thư môn hạ sảnh tả hỏa và hữu hỏa... Bấy giờ nhà Lê vẫn theo quan hiệu cũ của nhà Trần, chia gọi môn hạ sảnh làm tả hoả và hữu hoả; sau mới đổi làm tả ti và hữu ti).

Có các quan viện Hàn Lâm (như thừa chỉ học sĩ, đãi chế, chủ thư thị sử, chủ thư sứ, nội lệnh sử, quốc tử bác sĩ, v.v...).

Có các quan ở hình viện (như Thẩm hình viện sứ, Thẩm hình viện phó sứ, phán đại lý chánh, v.v...).

---

[1] Khoái Châu nay thuộc Hưng Yên, Lý Nhân nay thuộc Hà Nam, Tân Hưng và Kiến Xương nay thuộc Thái Bình.

[2] Cũng gọi là Kiến văn tiểu lục.

[3] Miền núi.

Có các quan ở quân vệ (như Thiết đột trung quân, Thiết đột tiền quân, Thiết đột hậu quân, Thiết đột tả quân, Thiết đột hữu quân, mỗi quân đều có chức tổng lĩnh đứng đầu. Lại đặt ra mười bốn vệ Thiết đột).

Có các quan cầm quân[1] (có những chức như đốc quản, chánh đốc, chấp lệnh, giám quân, v.v...).

Danh sách các quan chức đại khái là thế.

Còn các quan chức ở ngoài các đạo thì có: quan sát sứ, phòng ngự sứ, tuyên úy sứ, an phủ sứ, v.v... đều là các chức to ở các trấn các huyện và các châu. (Lại đặt các chức tuần kiểm ở các cửa biển. Và trao cho các tù trưởng ở các nơi phiên thuộc những chức như thủ ngự, đoàn luyện, v.v... Thỉnh thoảng có những tù trưởng ở phiên thuộc nào theo về với triều đình mà lập được công to thì cũng ban cho chức trọng, như: nhập nội tư không bình chương sự, thượng tướng quân, đại tướng quân, v.v... Nếu ai dâng sách lược mà hợp với ý chỉ của nhà vua thì đặc biệt được phong là quân sư, chẳng hạn như Nguyễn Tử Hoan ở huyện Bố Chính đã được). Còn đối với các đại thần văn võ thân tín thì, trên cái chức quan đã được, còn ban thêm hai chữ "nhập nội" nữa (như: nhập nội tư mã, nhập nội hành khiển, v.v... Về quan chế thêm chữ "nhập nội" này, đời sau vẫn còn theo dùng).

Tháng 11. Bình Định vương lập Hồ Ông làm chúa nhà Trần, đổi tên là Trần Cao (Sử cũ chép chữ "Cao": "nhật" trên, "cao" dưới)[2].

Bấy giờ Vương Thông nhà Minh nhiều lần bị giập gẫy, biết rằng không thể nào chiếm được thắng lợi cuối cùng. Muốn bãi chiến, rút quân về, nhưng ngại rằng không dựa vào danh nghĩa nào được, hắn bè vin vào lời chiếu của vua Minh ở đầu niên hiệu Vĩnh Lạc[3] bảo tìm lập con cháu họ Trần, nên mới ngầm khuyên Bình Định vương vin vào danh nghĩa lập con cháu họ Trần ấy để xin bãi binh. Bình Định vương cũng cho rằng trong nước bấy lâu phải đau khổ vì nạn binh đao, cũng mong cất gánh nặng để dân được nghỉ ngơi, nên cũng ưng thuận.

Trước kia, có một người là Hồ Ông, ẩn náu ở nơi Cầm Quý, thổ quan châu Ngọc Ma, mạo xưng là cháu ba đời của Trần Nghệ Tông (1370-1372). Để đáp ứng ý muốn của người Minh, Vương bàn tính cho đón Hồ Ông về, đổi tên là Trần Cao, lập làm chúa nhà Trần, đặt niên hiệu là Thiên Khánh. Vương xưng là Vệ quốc công, thay Cao làm bài biểu đưa sang nhà Minh cầu xin phong tước.

Trần Cao, sau khi được lập làm chúa nhà Trần, đóng ở núi Không Lộ. Vương sai Lê Quốc Hưng đến làm người giúp việc để giám sát Trần Cao.

Lời phê[4] - Lê Lợi đã tự nhận là trượng phu[5], cần gì phải làm việc giả dối lập Trần Cao này!

Lời chua - Núi Không Lộ: Ở huyện Thạch Nhất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, trên núi có chùa Lạc Lâm, xưa là chỗ hoá thân của thiền sư Không Lộ, nên gọi tên như vậy.

Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 10).

Vương điều động phân phái các tướng súy đi đánh phá và tập kích các thành.

---

[1] Nguyên văn là "điển binh".

[2] Tức là chữ "Cao" ____ (Toàn thư bản kỷ, X, 24b, 44b, 45a-b). Cương mục vì kiêng tên húy triều Nguyễn, nên không dám viết rõ mặt chữ.

[3] Niên hiệu Minh Thành Tổ (1403-1424). Xem thêm Chính biên XII, 20.

[4] Chỉ việc lập Trần Cao.

[5] Có ý nhắc lại lời Lê Lợi nói trước khi khởi nghĩa: "Trượng phu ở đời nên cứu nạn lớn, lập công to, v.v..." (Xem Chính biên XIII, 1).

Trước kia, Vương cho người đánh gấp thành Đông Quan. Bọn Vương Thông và Sơn Thọ đánh nhau với quân ta, nhiều lần bị thua trận, tình thế của chúng ngày một cùng quẫn. Chúng sai người đem thư đến xin hòa, mong được toàn quân để rút về nước. Bình Định vương nói: "Không đợi phải đánh mà khuất phục được quân của người ta: chước hay, là ở đấy". Rồi Vương ưng thuận, hẹn ngày cho Thông phải mau điều động tất cả người và ngựa ở các thành phải đến họp tập ở Đông Đô, sẽ cho về nước hết cả.

Thông, do đấy, sai gấp đưa thư đến các thành Nghệ An, Diễn Châu và Thanh Hóa, hạ lệnh đình chiến rút quân.

Bấy giờ bọn thổ quan[1] Trần Phong[2] và Lương Nhữ Hốt[3] vốn làm tay sai cho người Minh, sợ rằng, sau khi quân Minh rút lui, sẽ bị chu diệt, mới trả lời rằng: "Xưa, Ô Mã Nhi nhà Nguyên thua trận, đầu hàng nhà Trần, bị Hưng Đạo vương Quốc Tuấn lập mưu giết chết, không còn một mống nào sống sót mà về". Tin lời của bọn Lương Nhữ Hốt, Thông bề ngoài tuy nói xin hòa, nhưng vẫn đào hào, thả chông, ngầm sai người đem thư bọc kín trong sáp chực đưa về nước để xin quân cứu viện. Bình Định vương bắt được mật thư của Thông, ghét hắn tráo trở, bèn tuyệt giao với Thông. Vương chia sai các tướng lại khởi thế công:

Lê Quốc Hưng đánh Điêu Diêu và Thị Cầu;

Trịnh Khả và Lê Khuyển đánh Tam Giang;

Lê Sát và Lê Thụ đánh Xương Giang;

Trần Lựu và Lê Bôi đánh Khưu Ôn[4].

Lời chua - Trần Phong: Người làng Ma Lộng, huyện Chí Linh[5].

Ô Mã Nhi: Việc này xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 5 (Chính biên VIII, 11).

Điêu Diêu: Tên thành, ở huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh.

Thị Cầu: Tên thành, ở huyện Vũ Giàng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Khưu Ôn: Tên thành. Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chính biên VII, 36).

Trần Lựu: Người Lam Sơn, thuộc Thụy Nguyên[6], sau được cho lấy theo họ Lê.

Vương dùng bọn Đào Công Soạn và Nguyễn Vĩ, là những kẻ sĩ mới trúng tuyển, làm An phủ sứ và Viên ngoại lang[7].

Bấy giờ Vương đóng ở hành doanh Bồ Đề, thi những kẻ sĩ văn học bằng đầu đề là làm bài văn yết bảng "hiểu dụ thành Đông Quan". Bọn Đào Công Soạn và Nguyễn Vĩ 36 người được trúng tuyển. Bấy

---

[1] Người bản quốc làm quan với người Minh.

[2] Trần Phong, theo giặc Minh, làm đến đô ti. Xem thêm "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

[3] Lương Nhữ Hốt theo giặc Minh, làm đến tham chính. Sau khi giặc Minh đã bị quét sạch, Nhữ Hốt cùng với các tên Trần Phong, An Vinh, Trung, Tồn, Sĩ Văn, Xác và Sùng Lễ đầu hàng nghĩa quân, được Bình Định vương tha tội; nhưng sau chúng lại mưu phản, định câu kết với Minh để làm nội ứng, nên ngày 24, tháng 11, năm Mậu Thân (1428), đều bị giết cả (theo Toàn thư Bản kỷ X, 25a, 62a-b).

[4] Cũng đọc: Kheo Ôn.

[5] Thuộc tỉnh Hải Dương.

[6] Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[7] Một chức quan ở hàm tòng lục phẩm không có chức năng cố định, được quyền tham dự bàn chính sự.

giờ những người được bổ dùng làm An phủ sứ ở các lộ và Viên ngoại lang ở lục bộ[1] đều là lớp người mới trúng tuyển này.

Lời chua - Đào Công Soạn: Người làng Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ[2].

Nguyễn Vĩ: Người làng Vĩnh Khang thuộc Nghệ An.

Dinh Bồ Đề: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 4).

[1] Tức là Lại Bộ, Binh Bộ, Lễ Bộ, Công Bộ, Hộ Bộ và Hình Bộ.

[2] Nay là xã Thiện Phiến, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XIV

Từ tháng giêng đến tháng 12, Đinh Mùi (1427), Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 10, gồm một năm.

⎈

Năm Đinh Mùi (1427). (Bình Định vương năm thứ 10. Minh, năm Tuyên Đức thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Bình Định vương đóng quân ở bên sông Nhị Hà, phân phái các tướng tiến sát đến thành Đông Quan để đánh thành này.

Vương tiến quân đóng ở bờ bên bắc sông Nhị Hà: đồn lũy đối ngang với thành Đông Quan. Vương sai bọn Trịnh Khả đóng quân ở phía cửa Đông, Đinh Lễ đóng quân ở phía cửa Nam, bọn Lê Cực đóng quân ở phía cửa Tây, Lý Triện đóng quân ở phía cửa Bắc: tất cả đều bao vây nhằm đánh thành Đông Quan. Vương lại sai đóng chiến thuyền, tập thủy chiến, điểm duyệt võ khí, bổ sung quân đội, chế thứ xe đánh thành.

> **Lời chua -** Nhị Hà: Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên II, 13).
>
> Đông Quan: Tức Đông Đô. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Vương sai tu bổ đền thờ Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn.

Quốc Tuấn là danh tướng đời Trần. Khoảng niên hiệu Trùng Hưng (1285-1292), ông có công to nhất trong việc đánh đuổi quân Nguyên. Khi ông mất, người ta lập đền thờ ở núi Vạn Kiếp[1]. Đền này vẫn có tiếng là thiêng lạ. Bình Định vương sai Dương Thái Nhất sửa lại đền, cấm không được đẵn phạt cây cối ở đền. Rồi Vương lại hạ lệnh cho các lộ theo đúng lễ nghi thờ cúng đền từ các công thần các đời trước.

> **Lời chua -** Núi Vạn Kiếp: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chính biên VII, 31).

Vương hạ lệnh cho dò hỏi tìm kiếm những người có tài trí, mưu lược và dũng cảm có thể làm được tư mã, thượng tướng.

Bây giờ thành Đông Quan chưa hạ được, đang cần dùng nhân tài giúp việc bày mưu lập keế, nên Vương ra lệnh cho các tướng hiệu và quan các lộ ai nấy đều được tiến cử một người.

Vương ra lệnh cho dân nộp thóc vào nhà nước, rồi ban cho tước phong có thứ bậc khác nhau.

Vương cho nhân dân các lộ được nộp thóc để cung cấp lương thực cho quân đội, rồi được phong tước có thứ bậc khác nhau.

Bọn Thái Phúc và Tiết Tụ, thủ tướng[2] Minh ở thành Nghệ An và thành Diễn Châu, đều đầu hàng.

---

[1] Tục gọi đền Kiếp hoặc đền Kiếp Bạc.

[2] Viên tướng trấn giữ một địa điểm quân sự. Các chỗ khác trong Chính biên quyển thứ 14 này hễ chép là "thủ tướng" đều là cùng một nghĩa này cả.

Sau khi hai thành Nghệ An và Diễn Châu đã bị hạ, tình thế người Minh ngày càng cô lập.

Lời chua - Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 21-23).

Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tiền biên IV, 20).

Vương sai Hà Vượng, bá hộ Minh, đi dụ hàng Vương Thông.

Thông đóng chặt cửa thành, liều chết cố giữ. Bấy giờ nhân Hà Vượng đầu hàng quân ta, Bình Định vương sai Vượng đem thư vào thành Đông Quan chiêu dụ Thông.

Vương dùng Nguyễn Trãi làm Lại Bộ thượng thư nhập nội hành khiển kiêm giữ công việc viện Xu Mật.

Trước kia, Vương đóng ở Lỗi Giang, Nguyễn Trãi, "tay cầm roi ngựa"[1], đến yết kiến Vương, dâng sách lược dẹp giặc Ngô, được Vương khen và tiếp nhận, phong làm Tuyên phụng đại phu hàn lâm thừa chỉ, tham dự bàn mưu ở nơi màn trướng. Phàm những lời Trãi bàn nói đều được Vương nghe theo. Đến đây, Vương dùng Trãi làm thượng thư nhập tướng[2].

Trãi có tài kinh bang tế thế. Bấy giờ Vương làm cái chòi trong doanh trại Bồ Đề ở bên sông Nhị Hà, ngày ngày lên chòi ngó xem động tĩnh của địch ở trong thành Đông Quan. Vương cho Trãi ngồi hầu ở tầng chòi thứ hai, vâng lĩnh ý chỉ, thảo các thư trát qua lại giao thiệp với người Minh.

Bức thư gửi cho Vương Thông[3], đại lược nói: "Tôi nghe: Kẻ lấy thành thực mà làm cảm phục người ta thì người ta tất cũng lấy thành thực mà cảm phục lại. Cái đạo thành thực rất mực còn có thể làm cảm động được trời đất và quỷ thần, huống chi là người ta! Nay đại nhân[4] vâng theo chiếu chỉ, cầm binh quyền ở ngoài cửa ải[5], đáng lý nên đối đãi người ta bằng thành thực mới phải; vậy mà lại đi ôm ấp dối trá, lừa gạt người ta, rồi tự cho mình là cao, thì đức tin thực ở đâu nhỉ?...

"Nếu đại nhân nói lời mà giữ lấy lời, cho rút quân để làm trọn tình giao hảo trước đây, thì tôi cũng sẽ trả đủ tất cả số người ở các thành đã đầu hàng và các binh sĩ đã bị bắt làm tù binh. Nếu không thế thì xin đại nhân cứ đem những binh sĩ ở các thành đang ngậm hờn nuốt giận [vì bị đánh lừa không được cho về] kia mà quần nhau với ba mươi vạn quân thân tín của tôi ở dưới thành Đông Quan, bấy giờ sẽ xem đại nhân truyền bảo đối xử ra sao nhỉ!".

Bức thư dụ các thổ quan[6] ở thành Điêu Diêu, đại lược nói: "Các khanh là người Giao Việt, cùng nòi cùng giống nhà ta. Mới đây, vì họ Hồ[7] thất đức, người Minh lăng loàn, cho nên các khanh hoặc sa chân vào triều đình giặc, hoặc mắc danh vào chức ngụy quan: đó là bất đắc dĩ, chứ có phải là bản tâm đâu. Nếu biết bỏ tà quy chính thì chẳng những ta để cho các khanh rửa được điều hổ thẹn trước, mà các khanh lại còn được đội ơn ưu đãi lục dụng là khác nữa"[8].

---

[1] Nguyên văn là "trượng sách", lấy điển trong Hậu Hán thư, Đặng Vũ nghe biết Hán Quang Vũ đã thu phục được Hà Bắc, bèn cầm roi ngựa đến cửa trại quân, khuyên Quang Vũ nên mời đón các bậc anh hùng ra giúp việc. Đây chỉ có ý nói Nguyễn Trãi từ xa tìm đến Lỗi Giang, bày kế cứu nước, chứ thực tế chưa chắc bấy giờ Nguyễn Trãi có đi ngựa và cầm roi ngựa hay không.

[2] Vào làm tể tướng, tức là nhập nội hành khiển.

[3] Bức thư này cũng như hai bức thư sau, nguyên văn đều bằng chữ Hán, chúng tôi cứ theo bản Cương mục đã trích lược mà dịch ra; nếu muốn biết toàn văn thì xem Ức Trai dị tập quyển IV (phần Quân Trung từ mệnh).

[4] Chỉ Vương Thông.

[5] Nguyên văn là "xuất khổn". Ý nói được cử làm tướng ở ngoài, cầm nắm toàn quyền về quân sự.

[6] Người bản quốc theo giặc Minh để làm quan.

[7] Chỉ cha con Hồ Quý Ly.

[8] Toàn văn bằng chữ Hán có in trong Ức Trai dị tập quyển IV, tờ 24.

Bức thư dụ các tướng hiệu ở Giang Bắc thế này: "Nước An Nam ta tuy xa ở ngoài Ngũ lĩnh, nhưng vẫn có tiếng là một nước Thi, Thư[1]. Những bậc có tài trí, có kiến thức, có mưu mô, đời nào cũng chẳng thiếu gì người.

"Trước đây, quan tổng binh Thành Sơn hầu[2], từ sau trận thua cay ở Ninh Kiều, có sai người đưa thư ước hẹn xin hòa. Nay lại đắp thêm rào lũy, sửa sang khí giới, tự cho thế là chước giỏi mưu tài! Bội ước thất tín đến thế là cùng! Vậy tính chước cho các người bây giờ: chi bằng kéo ra khỏi thành, nhất quyết cùng toán quân của Thái đô đốc (Thái Phúc) rút lui về nước để cứu cho vài nghìn người trong thành được toàn hoạt tính mạng. Bằng chẳng thì trong khoảng nay mai, các người sẽ biết nhau thôi. Các người nên nghĩ kỹ, đừng để sau phải ăn năn"[3].

Từ lệnh của Nguyễn Trãi đại loại là như vậy.

Lời chua - Lỗi Giang: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 17-18).

Dinh Bồ Đề: Theo Bắc Ninh tỉnh chí, dinh cũ Bồ Đề ở thôn Phú Hựu, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, trong thôn ấy có hai cây bồ đề, nên gọi tên như vậy.

Điêu Diêu[4]: Tên thành. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 35).

Nhập nội thiếu bảo Trần Lựu đánh thành Khưu Ôn. Tôn Tụ thủ tướng nhà Minh, lẩn trốn.

Bọn Lựu ngày đêm đánh gấp thành Khưu Ôn. Người Minh liệu không thể chống nổi, bỏ thành, đương đêm, lẩn trốn.

Lời chua - Khưu Ôn: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chính biên VII, 36). Minh sử thông giám ký sự chép: "Lê Lợi đánh Khưu Ôn, đô chỉ huy Tôn Tụ chống giữ".

Vương sai tư mã Cao Ngự đánh thành Cổ Lộng.

Người Minh đóng chặt cửa thành, liều chết cố giữ Cổ Lộng; quân ta bao vây, đánh mãi không hạ được.

Lời chua - Thành Cổ Lộng: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 2 (Chính biên XII, 28).

Bọn Trương Lân, thủ tướng Minh ở thành Điêu Diêu, đầu hàng.

Trước kia, Lê Quốc Hưng đánh thành Điêu Diêu, đến đây thành này phải đầu hàng.

Vương hạ lệnh trao quan tước cho các thổ tù ở miền ven biên giới.

Trước kia, Vương đến Đông Đô, các thổ tù ở miền ven biên giới đều xúm xít theo đến cửa quân; đến đây, Vương sai trao cho họ các chức đoàn luyện, thủ ngự và ban cho tước phong.

Lời chua - Đoàn luyện, thủ ngự: Đều là chức quan. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 33).

Tháng 2. Phương Chính nhà Minh đánh úp huyện Từ Liêm: thái úy Lý Triện tử trận.

---

[1] Ý nói là một nước có văn hóa tốt đẹp, đã từng thông hiểu kinh Thi, kinh Thư của nhà Nho.

[2] Chỉ Vương Thông.

[3] Toàn văn bằng chữ Hán có in trong Ức Trai di tập quyển IV, tờ 24b-26a.

[4] Cương mục in là "Đao doanh".

Các tướng Lý Triện, Đỗ Bí đóng quân ở huyện Từ Liêm, bị Phương Chính bí mật ra quân đánh úp. Triện cố sức chiến đấu, chết tại trận; Bí bị bắt, kịp khi việc giảng hòa đã xong, được người Minh lấy lễ độ mời về.

Lời chua - Từ Liêm: Tên huyện. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 31).

Chiêm Thành đến tiến cống.

Chiêm Thành sai sứ đến cống các sản vật địa phương. Bình Định vương thết yến sứ giả, lại ban cho ngựa và lụa rồi cho về. Để đáp lễ lại, Vương sai Hà Lật, Thiêm tri Xu mật viện, sang thăm Chiêm Thành.

Lời chua - Chiêm Thành: Nước Lâm Ấp xưa. Xem thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

Đường Bảo Trinh, thủ tướng Minh ở thành Thị Cầu, đầu hàng.

Trước kia, Vương vời Lê Chích ở Nghệ An ra, cho làm tổng tri Hồng Châu và Tân Hưng lộ, dồn lực lượng đánh Thị Cầu; đến đây, thành này đầu hàng.

Bấy giờ tướng tá nhà Minh đầu hàng ngày một đông. Vương sai phân tán chúng ra, cho ở tại Lam Sơn, Thanh Hóa, Tân Bình và Nghệ An.

Lời chua - Thành Thị Cầu: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 35).

Hồng Châu: Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tiền biên V, 14).

Thanh Hóa: Châu Ái xưa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 20-21).

Lam Sơn: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chính biên XIII, 2).

Tân Bình: Tức là Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Vương sai tu bổ lăng miếu đế vương các triều đại trước.

Trong số lăng miếu đế vương các triều đại trước, cái nào bị phá hủy vì nạn binh lửa thì Vương sai tu sửa lại, tùy từng lăng miếu mà cấp cho số phu phục dịch về việc thờ cúng có khác nhau.

Tháng 3. Vương duyệt binh ở huyện Vĩnh Động; chém Nguyễn Liên để rao trong quân.

Khí giới và hàng ngũ của toán quân do chánh đốc Nguyễn Liên cai quản phần nhiều không chỉnh tề, Vương sai chém Liên đem rao trong quân để làm gương răn kẻ khác.

Lời chua - Vĩnh Động: Tên huyện, nay là Kim Động thuộc tỉnh Hưng Yên.

Chánh đốc: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, quan võ đời Lê có chức chánh đốc, phẩm trật ở dưới chức đốc quản.

Dùng Bùi Ư Đài làm Lễ Bộ thượng thư[1] kiêm trông coi sổ sách quân và dân ở Đông Đạo.

Lưu Thanh, thủ tướng Minh ở thành Tam Giang, đầu hàng.

Vương chia sai các tướng Trịnh Khả đi đánh các thành. Người Minh ban đầu còn đóng chặt cửa thành, đợi quân cứu viện; về sau, bị quân ta bao vây đánh phá, lâu dần chúng càng cùng quẫn kiệt quệ. Các thành Nghệ An, Diễn Châu, Thị Cầu và Điêu Diêu đều lần lượt đầu hàng.

---

[1] Bộ Lễ trông coi việc thi cử, lễ nghi, điển chương, tiệc yến, ấn phủ. Thượng thư là quan đứng đầu một bộ, hàm tòng nhị phẩm.

Vương sai Nguyễn Trãi đem theo viên chỉ huy họ Tăng, là người Minh đã đầu hàng ta, đến dụ thành Tam Giang: thành này đầu hàng.

Trước kia, khi Vương còn ở Thanh Hóa, người bản thổ thành Tam Giang theo quân Minh, bị điều động đi trận, khi thua rút về, có kẻ nói ra những lời láo xược phạm thượng, Lưu Thanh bèn mắng ngay rằng: "Quân mán xá này vô lễ! Người[1] là vua của các nị đấy!". Đến đây, Lưu Thanh đầu hàng. Sau đó ít lâu, nhiều người ở các thành khác đã hàng vì âm mưu làm phản đều bị giết cả, riêng có thành Tam Giang này không dính líu gì đến việc làm phản ấy.

Lời chua - Tam Giang: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Tăng: Sử cũ không chép tên.

Các nị: Chúng mày.

Tư không Đinh Lễ và thượng tướng quân Lê Xí đánh nhau với người Minh ở Mi Động: bị thua, Lễ tử tiết.

Vương Thông đem quân tinh nhuệ trong thành lén đánh Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt. Bình Định vương sai các tướng Lễ và Xí đi cứu. Khi đến Mi Động, Thông thấy bọn Lễ ít quân, bèn chia binh đánh kẹp lại. Bọn Lễ thống lĩnh hơn năm trăm quân Thiết Đột, cố sức chiến đấu: voi bị sa lầy, Lễ và Xí đều bị bắt về thành Đông Quan. Đinh Lễ không chịu khuất phục, bị giặc giết chết. Còn Xí, nhân một đêm mưa gió, dùng mẹo trốn thoát được.

Vương cho rằng các tướng Đinh Lễ và Lý Triện[2] đều có công lớn, chết vì việc nước, bèn phong em Lễ là Đinh Liệt làm nhập nội thiếu úy, phong cha của Triện là Lý Ba Lao làm quan sát sứ và cấp cho hơn một trăm mẫu ruộng, con của Triện là Lăng làm phòng ngự sứ.

Lời chua - Mi Động: Tên xã. Nay là Hoàng Mai thuộc huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội[3].

Tây Phù Liệt: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tiền biên V, 30).

Lý Ba Lao, Lý Lăng: Đều là người làng Bái Đô, huyện Lôi Dương[4], sau được cho lấy theo họ Lê.

Nhà Minh sai các tướng chia đường sang cứu thành Đông Quan.

Trước kia, chiến dịch Tốt Động, Trần Hiệp thua trận, bị chết; Vương Thông xin với nhà Minh cho thêm quân. Vua Minh được tin, vô cùng sợ hãi, bèn sai:

Tổng binh chinh lỗ phó tướng quân thái tử thái phó An Viễn hầu là Liễu Thăng, tham tướng Bảo Định bá là Lương Minh, đô đốc là Thôi Tụ, Binh bộ thượng thư là Lý Khánh, Công bộ thượng thư là Hoàng Phúc và hữu bố chính sứ là Nguyễn Đức Huân[5] thống lĩnh mười vạn quân, hai vạn ngựa, do đường Quảng Tây tiến đánh cửa ải Pha Lũy[6];

---

[1] Chỉ Bình Định vương Lê Lợi.

[2] Lý Triện hy sinh ở trận Từ Liêm (Chính biên XIV, 6).

[3] Hoàng Mai nay thuộc phường Hoàng Văn Thụ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

[4] Huyện Lôi Dương nay không còn: Đất huyện Lôi Dương cũ, nay thuộc huyện Thọ Xuân và huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

[5] Sử ký chép Nguyễn Đức Huân là thổ quan hữu bố chính sứ (quyển X, tờ 48a); như vậy tên Huân này là người bản quốc, làm quan với nhà Minh, lên đến chức hữu bố chính sứ.

[6] Xem "Lời chua" ở sau của Cương mục.

Chinh nam tướng quân thái phó Kiềm quốc công là Mộc Thạnh, tham tướng Hưng An bá là Từ Hanh và Tân Ninh bá là Đàm Trung, do đường Vân Nam, tiến đánh cửa ải Lê Hoa[1].

Lời chua - Quảng Tây, Vân Nam: Đều là tên hai tỉnh ở đời Minh[2]. Theo sách Ngự phê lịch đại thông giám tập lãm của nhà Thanh, thì vua Minh khi được tin Vương Thông thất bại, sợ hãi quá chừng, bèn sai Liễu Thăng làm Tổng binh quan, Bảo Định bá Lương Minh làm chức phó, đô đốc Thôi Tụ làm tham tướng, thượng thư Lý Khánh làm tham tán quân vụ. Tất cả đều do đường Quảng Tây kéo quân sang đánh. Vua Minh lại sai Mộc Thạnh, Hưng An bá Từ Hanh và Tân Minh bá Đàm Trung do đường Vân Nam tiến quân sang. Lại sắc sai Vương Thông phải cố giữ lấy thành để đợi quân cứu viện. Vua Minh lại cho Hoàng Phúc vẫn cứ kiêm giữ công việc hai ty Bố chính và Án sát ở Giao Chỉ, cùng với bọn Thăng cùng đi sang.

Cửa ải Pha Lũy: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chính biên XII, 14).

Cửa ải Lê Hoa: Theo Tuyên Quang tỉnh chí, tương truyền rằng, xưa kia, Lê Hoa thuộc tỉnh Tuyên Quang, về sau bị lấn mất vào Mông Tự thuộc Vân Nam. Vậy chưa biết có đúng không[3].

Vương sai các lộ tiến cử những người hiền lương, chân chính, trí dũng và hào kiệt, vời đến xét hỏi mà liệu cất nhắc bổ dùng. Quan ở lộ nào hễ che dấu người hiền thì sẽ bị luận vào tội mà giáng chức truất quyền. Vương ra lời dụ về việc này rằng: "Ta không có tài trí gì khác đâu, vậy mà phải gánh vác trách nhiệm nặng nề này e không kham nổi, cho nên sẵn sàng khiêm tốn cầu hiền cùng lo mưu toan việc lớn để cứu vớt nhân dân. Vậy hễ thấy có những người hiền lương, chân chính, trí dũng siêu quần thì cho phép mọi người được làm việc tiến cử hoặc chính người hiền ấy được tự tiến lấy[4], ta tất sẽ ban cho quan to và tước lớn".

Vương lại dụ bảo các hào kiệt trong nước rằng: "Các thành đã thu phục được rồi, riêng còn thành Đông Quan vẫn chưa hạ được; ngày đêm ta những sốt ruột nóng lòng, vì rằng chưa tìm được người giúp ở tả hữu, chưa đặt được Tướng quốc, Thái phó và Thái bảo, mà Thái uý và đô nguyên súy thì cũng còn khuyết. Vậy nên ta vẫn hạ mình khiêm tốn, mở rộng lòng thành thực, rắp mong các bậc hào kiệt đồng lòng hợp sức cứu giúp nhân dân, chứ đừng giấu tài ẩn tích, khiến cho thiên hạ phải sa mãi vào cảnh lầm than cực khổ. Có ai nếu cao thượng như Tứ hạo[5] và ở ẩn hợp với chính đạo như Nghiêm Tử Lăng[6], hãy cứ cố gắng trỗi dậy, trừ hại cho dân; sau khi thành công, muốn về ở ẩn trong rừng núi cho thỏa chí vẫn ôm ấp thì ta cũng không ngăn cấm nào".

Lời phê - Làm được nên việc, là vì thế đó[7].

Vương dụ bảo các quản quân quan[8] chớ có tự tiện giết người.

Vương dụ bảo các thiếu úy và chấp lệnh: đối với quân nhân can phạm luật trong lúc thường, không được tự tiện chuyên quyền mà giết chết, chỉ trừ khi kẻ nào ra trận mà trái lệnh, thì được phép xử trí bằng quân pháp[1].

---

[1] Xem "Lời chua" của Cương mục và chú giải của dịch giả ở sau.

[2] Ngày nay Trung Quốc vẫn để tên hai tỉnh này như trước.

[3] Theo Sử ký X, 48a, thì cửa ải Lê Hoa thuộc Tuyên Quang. Như vậy tức là thuộc tỉnh Lào Cai ngày nay, vì hồi bấy giờ địa bàn Tuyên Quang gồm cả Lào Cai.

[4] Cũng như ngày nay nói "tự giới thiệu" hoặc "xung phong".

[5] Cũng gọi Thương Sơn Tứ hạo, bốn nhà ẩn sĩ hồi đầu đời Hán: Đông viên công, Ỷ lý quý, Hạ hoàng công và Lộc lý tiên sinh.

[6] Tên tự của Nghiêm Quang, người Dư Diêu đời Đông Hán, thuở nhỏ cùng học với Hán Quang Vũ (25-57). Khi Quang Vũ lên làm vua, Tử Lăng đổi họ, thay tên, di ẩn, không chịu gặp mặt nhà vua. Sau bị Quang Vũ lùng tìm được bổ làm quan, nhưng Tử Lăng nhất định không chịu nhận, cứ cày ruộng ở núi Phú Xuân.

[7] Ý nói Bình Định vương sở dĩ thành công trong việc bình Ngô là vì biết khiêm tốn cầu hiền.

[8] Các tướng cai quản quân đội như Thiếu úy và Chấp lệnh, ... ở đương thời.

Lời chua - Thiếu úy, chấp lệnh: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì trong các chức quan cầm quân của đương thời có thiếu úy, phẩm trật ở dưới đại tư mã, và có chấp lệnh, phẩm trật ở dưới chánh đốc.

Vương ra chỉ dụ cấm tà đạo.

Cấm những kẻ vu cổ[2], tà đạo[3] mượn tiếng tà thần, tung ra những lời nhảm nhí để làm dao động mê hoặc người ta.

Vương ra chỉ dụ cho những người xiêu dạt lưu ly ai nấy lại về quê cũ.

Bấy giờ nhân dân gặp loạn, xiêu dạt tan tác. Vương hạ lệnh cho tất cả đều về quê cũ làm ăn cho khỏi thất nghiệp.

Tháng 4, mùa hạ. Vương ra chỉ dụ cho tu sửa cửa ải Lê Hoa.

Sai phòng ngự sứ Trần Ban tu sửa cửa ải này, là vì cớ đề phòng viện binh nhà Minh kéo sang.

Vương ban bố mười điều hiến chương trong quân cho các tướng sĩ.

Vương nhóm học tất cả các tướng sĩ, ban bố cho biết mười điều hiến chương:

1- Ở trong quân, làm huyên náo, không nghiêm túc;

2- Kinh sợ một cách hão huyền, làm hoang mang mọi người;

3- Khi ra trận, nghe trống hiệu thúc, thấy cờ hiệu phất, còn chần chờ không chịu tiến;

4- Thấy phất cờ ngừng quân, không chịu ngừng;

5- Nghe tiếng chiêng thu quân, không chịu lui;

6- Phòng thủ không cẩn mật, lạc lõng hàng ngũ, thoát ly ngôi vị;

7- Chỉ riêng bịn rịn vợ con, không làm quân dịch;

8- Bán đi hoặc buông thả quân lính, mập mờ che giấu sổ tên quân nhân;

9- Theo ý riêng yêu ghét của mình, làm mờ công lao hay tội lỗi của người khác;

10- Gian lậu, trộm cắp;

Mười điều trên đây, kẻ nào vi phạm thì phải chết chém.

Vương dụ các tướng hiệu trong đội quân Thiết đột rằng "Đồng lòng liều mạng để phá giặc: đó là công sức của các ngươi. Còn như sắp xếp quy mô kế hoạch, lo liệu áo mặc, lương ăn, ban thưởng, ban tước thì ở cả một mình ta đây. Các ngươi nên một lòng một dạ đánh giặc, đừng ngại nhọc nhằn".

Lại dụ quân và dân rằng: "Giặc mạnh chưa trừ diệt hết, dân sinh chưa được thỏa thuê, các ngươi có yên tâm không? Xưa kia, họ Hồ[4] lỗi đạo, người Minh thừa cơ kéo sang xâm lược, bắt dân ta phải chịu thuế nặng, sưu cao, hình phạt hà khắc. Các ngươi đều mắc vào vòng bạo ngược của chúng, nên mới cùng nhau đứng dậy, chống kẻ thù địch. Bây giờ công việc đã gần thành tựu, các ngươi nên cố gắng đắp tròn quả núi, đừng để thiếu một sọt đất mà núi phải dở dang! Vả, chỉ phải dùng sức khó nhọc một năm mà được hưởng vui sướng thái bình muôn thuở. Các ngươi hãy cố gắng lên!".

Vương răn dạy các quan gồm có ba điều.

---

[1] Pháp luật nhà binh. Ý nói khi hành quân, kẻ nào không tuân theo mệnh lệnh cấp chỉ huy thì tất phải chết.

[2] Hạng bà đồng, bà cốt làm tà thuật để nguyền rủa người ta. Đây nói chung những kẻ đồng cốt phao tin nhảm hoặc tung ra những lời mê tín có nguy hại đến công cuộc kháng chiến và kiến quốc ở đương thời.

[3] Đây chỉ những kẻ theo tà thuật dị đoan có những ngôn ngữ, hành động làm cho dân chúng hoang mang.

[4] Chỉ cha con Hồ Quý Ly.

Lời chua - Ba điều: 1- Chớ vô tình[1]; 2- Chớ khinh nhờn; 3- Chớ gian tham.

Tháng 5. Vương đặt luật lệnh trong quân.

Ra lệnh cho các tướng hiệu: hễ nghe một tiếng pháo[2] nổ mà không có tiếng chiêng thì phải đến ngay để nghe mệnh lệnh. Khi nào có hai, ba tiếng pháo và hai ba tiếng chiêng nổi lên thì là có động gấp rút, bấy giờ chấp lệnh thì mau mau sắp xếp hàng ngũ cho chỉnh tề, thiếu úy thì tới quân doanh để nghe mệnh lệnh. Các quân khi đi trận, mà lùi chạy, hoặc bỏ không cứu quân đoạn hậu thì phải chém. Nhưng khi biết góp sức khiêng ra được bạn đồng ngũ không may chết trận thì được miễn tội chạy trốn ấy.

Vương hạ lệnh tuyển lấy những người tinh nhuệ và cường tráng để bổ sung vào hạng thân quân.

Bấy giờ sổ thị vệ thân quân chưa được bổ sung, Vương sai quan thiếu úy tuyển trong dân gian lấy những người thân thể tráng kiện, tinh thông võ nghệ, mỗi thiếu úy tuyển lấy hai trăm người để bổ sung vào.

Vương sắc sai miền Nam đạo thu nuôi những người đã đầu hàng.

Bấy giờ những người đã đầu hàng ở các thành cả nam lẫn nữ gồm hơn 6000 người. Vương sai các lộ Thiên Trường, Kiến Xương, Lỵ Nhân và Tân Hưng thu lấy mà nuôi dưỡng, đừng để cho họ long đong, không yên chỗ.

Đặt rõ thể lệ chuộc tội bằng tiền cho vợ con và gia quyến của ngụy quan. Các người trong gia quyến và các nô tì của các ngụy quan từ bố chính sứ ti xuống đến sinh viên đều được chuộc tiền có tầng bậc khác nhau.

Lời chua - Nam Đạo: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 32).

Thiên Trường, Kiến Xương: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chính biên VI, 28).

Lý Nhân: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 1 (Chính biên III, 3).

Tân Hưng: Xem Bình Định vương, năm thứ 9 (Chính biên XIII, 26).

Thể lệ chuộc tội bằng tiền: Vợ con của gia quyến của bố chính sứ ti: 70 quan; vợ con gia quyến của sinh viên hoặc thổ quan: 10 quan; còn các nô tì cả trai lẫn gái: 5 quan.

Thổ tù ở Mộc Châu là Xa Khả Sâm[3] đem quân lính ở bản châu đến quy phụ, được phong làm nhập nội tư không và cho lấy theo họ Lê.

Xa Khả Sâm, thổ tù Mộc Châu thuộc Gia Hưng, đem quân lính trong châu đến quy phụ. Vương hạ chiếu phong làm nhập nội tư không tri Đà Giang trấn thượng bạn, cho các con của Sâm là bọn Lộc, Khát, Bàn, Điểm đều làm đại tướng quân, cho được đổi theo họ Lê.

Lời chua - Xa Khả Sâm: Theo Hưng Hóa lục của Hoàng Trọng Chính[4], thì tiên tổ Xa Khả Sâm là con thứ vua Mang Chân nước Ai Lao. Vua Mang Chân yêu người con ấy, ban cho Mộc Châu làm thái ấp. Từ đó, đời này qua đời khác, họ Xa làm chức phụ đạo ở Mộc Châu[5].

---

[1] Ý nói làm việc nhẫn tâm, không hợp tình hợp lý.

[2] Pháo, theo nghĩa cổ, là một thứ chiến cụ của người xưa: cái "máy" bắn đá. Đây có thể là một thứ pháo ở đời Bình Định vương dùng để ra hiệu lệnh hoặc báo động...

[3] Cũng có âm là Tham.

[4] Xem chú giải số 3 ở Chính biên III, 27.

[5] Nay là huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Mộc Châu: Nay thuộc tỉnh Hưng Hóa.

Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 27).

Tháng 6. Trấn Viễn hầu nhà Minh là Cố Hưng Tổ xâm phạm cửa ải Pha Lũy. Tướng trấn giữ của ta là Trần Lựu đón đánh: địch phải chạy.

Nhà Minh sai Trấn Viễn hầu Cố Hưng Tổ, tổng binh Quảng Tây, đem năm vạn quân, năm nghìn ngựa, sang cứu Đông Đô. Khi đến cửa ải Pha Lũy, bị các thủ tướng của ta là Trần Lựu và Lê Bôi đón đánh: giặc phải bỏ chạy.

Tháng 7, mùa thu. Vương ra chỉ dụ cho làm hộ tịch.

Vương sai các lộ cứ chiếu theo số người "kiến tại"[1], làm sổ hộ tịch. Từ đó về sau, ba năm lại một lần làm sổ hộ tịch. Đó là vẫn theo chế độ nhà Trần.

Lời chua - Hộ tịch: Theo Lữ trung tạp thuyết[2] của Bùi Bích[3], thì đầu đời Lê[4] vẫn theo lối cũ của nhà Trần, cứ ba năm lại một lần làm sổ hộ tịch; xuống đến hồi Trung Hưng (1593-1789), phép làm hộ tịch này cũng không thay đổi, gọi là "kế tu"[5].

Tháng 9. Các tướng Trần Hãn và Lê Sát đánh thành Xương Giang: hạ được.

Xương Giang là đường lối quân Minh tất phải qua lại. Bọn chỉ huy Minh là Kim Dận và Lý Nhâm (Nhậm) bị vây hàng hơn sáu tháng, liều chết cố giữ để đợi viện binh; quan quân không hạ được. Đến đây, các tướng Trần Hãn khoét đất thành đường hầm đi xuyên vào thành, đánh kẹp lại, mới phá được thành này. Bọn Kim Dận đều bị chết.

Lời chua - Thành Xương Giang: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 12).

Vương sai Chủ thư thị sử Trần Hổ đi tuyên dụ vỗ về châu Ninh Viễn: hạ được châu này. Thổ tù ở Ninh Viễn là Đèo Cát Hãn đem quân lính trong châu đến quy phụ.

Trước kia, Cát Hãn đi với Minh, lâu mãi không quy thuận. Vương sai Trần Hổ đi chiêu dụ: Cát Hãn bèn đem quân và voi đến theo Vương. Vương cho hắn lại cứ cai quản công việc trong châu.

Lời chua - Ninh Viễn: Tên châu xưa, sau đổi làm Phục Lễ, nay là Lai Châu thuộc tỉnh Hưng Hóa[6].

Đèo Cát Hãn: Theo Hưng Hóa lục của Hoàng Trọng Chính, họ Đèo đời này qua đời khác làm phụ đạo ở Lai Châu.

Vương sai các tướng Lê Sát và Trần Lựu đón đánh viện binh của Minh ở Chi Lăng, cả phá được quân địch, chém tổng binh Liễu Thăng, bắt sống đô đốc Thôi Tụ và thượng thư

---

[1] Theo sự cư trú ở đâu thì kẻ là người ở đó, chứ không căn cứ vào nguyên quán.

[2] Sách gồm hai quyển, tựa của tác giả viết năm 1789.

[3] Tức Bùi Huy Bích (1744-1818), tự Hi Chương, hiệu Tồn Am hoặc Tồn Ông, người xã Định Công, huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay, cư trú tại xã Thịnh Liệt (Sét) thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội, đỗ nhị giáp tiến sĩ (1769), làm quan với Lê đến chức đốc đồng, tức Kế liệt hầu. Tác phẩm có Lữ trung tạp thuyết, Tồn Am văn tập, Nghệ An thi tập. Ngoài ra Tồn Am còn sưu tập được các thơ văn chữ Hán của thi nhân và văn gia Việt Nam qua các thời đại mà soạn thành hai tập là Hoàng Việt thi tuyển và Hoàng Việt văn tuyển.

[4] Nguyên văn là "quốc sơ", vì Bùi Huy Bích nhận mình là bầy tôi nhà Lê, nên gọi triều Lê là "quốc" (nước).

[5] Nối tiếp mà tu sửa lại.

[6] Ngày nay là tỉnh Lai Châu.

Hoàng Phúc. Đại tướng Minh, Mộc Thạnh, phải chạy trốn. Vương Thông bèn phải xin hòa. Tháng 11, mùa đông, Bình Định vương và Thông hội thề ở phía nam thành Đông Quan[1].

Trước kia, các tướng sĩ ta được tin quân cứu viện của Minh sắp kéo sang, phần đông đều khuyên Vương nên đánh gấp Đông Đô để diệt địch ở trong làm nội ứng. Vương bảo rằng: "Đánh thành, là mưu thấp; chi bằng nuôi sức quân, tích lũy lấy tinh thần sắc bén, đợi giặc đến, ta đánh phá ngay. Một khi viện binh đã bị tuyệt diệt thì thành Đông Đô tất phải đầu hàng. Đó là mưu chước vạn toàn: làm một việc mà được lợi cả hai".

Vương bèn sắp xếp việc phòng thủ một cách nghiêm mật, ra lệnh cho các lộ Lạng Giang, Bắc Giang, Tam Đái, Tuyên Quang và Quy Hóa làm cho đồng ruộng sạch quang[2] để tránh mũi dùng sắc bén của địch. Đến đây, hay tin bọn Thăng đã kéo nhau đến đầu biên giới. Vương nhóm họp các tướng, bàn rằng: "Quân địch cậy mạnh lấn yếu, ỷ đông hiếp phía ít người. Ý chúng chỉ cốt chạy theo mối lợi chứ không đoái nghĩ gì đến chuyện gì khác. Chúng đi gấp suốt ngày đêm từ hàng nghìn dặm sang đây để cứu viện. Thế là đúng như Binh pháp đã nói: "Quân đi hàng năm trăm dặm mà chỉ vội nhằm lấy lợi thì viên thượng tướng tất phải kiệt quệ!". Bây giờ thừa cơ chúng nó mới đến, người mệt, ngựa mỏi, chúng ta với cái thế lấy sức thong thả chờ đợi quân giặc đang nhọc nhằn, đánh ngay cho đòn phủ đầu để làm bạt tinh thần của chúng thì không còn chệch đâu mà không thắng nữa".

Vương liền sai các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Linh[3], Đinh Liệt và Lê Thụ đem hơn một vạn quân và năm thớt voi trước đặt phục binh ở cửa ải Chi Lăng để đợi giặc. Lại sai Lê Lý và Lê Văn An lĩnh ba vạn quân, lục tục tiến lên.

Bấy giờ Trần Lựu phòng thủ cửa Pha Lũy, thấy giặc đến, lui giữ cửa Ải Lưu. Giặc tràn đến, giành lấy Ải Lưu, Trần Lựu lại lui giữ cửa ải Chi Lăng. Phía trước cửa ải này cứ cách từng quãng lại có rào lũy để chống giữ. Liễu Thăng thừa thắng đánh gấp, phá luôn được: tiến đến đâu cũng không còn ai dám chống cự nữa. Thăng rất đắc ý.

Vương sai người đem thư đến cửa quân của Thăng, cầu xin nhà Minh làm theo cái ý "tiếp nối cho dòng vua một họ đã bị tuyệt diệt" do Minh Thành Tổ (1403-1424) đề xướng trước và cho lập Trần Cao làm chủ trong nước, bãi việc binh đao, khiến dân được yên nghỉ. Thăng nhận thư, không mở xem, liền cho chạy trạm đem về tâu với vua Minh, còn mình thì cứ kéo quân ruổi dài thẳng tiến. Khi Thăng đến chỗ còn cách Chi Lăng vài dặm, các tướng Lê Sát sai Trần Lựu ra đánh, giả cách thua chạy. Thăng hí hửng mừng, chính hắn cầm đầu hơn trăm quân kỵ[4] xông xáo lên trước, xa lìa toán quân hậu đội, rồi hắn, vì lầm lỡ, sa xuống lầy. Phục binh của ta thình lình nổi dậy: đánh cho quân địch phải thua xiểng liểng, chém Thăng ở sườn núi Đảo Mã và hơn vạn thủ cấp quân Minh.

Đạo quân của các tướng Lê Lý vừa vặn kéo đến, hội với đạo quân của các tướng Lê Sát. Bấy giờ quân phục lại trổ sức đánh khép lại: chém Lương Minh ở vòng trận và làm cho Lý Khánh phải tự vẫn chết. Thôi Tụ và Hoàng Phúc sắp xếp lại quân đội, rảo thẳng xuống Xương Giang. Các tướng Lê Sát đón đánh: phá được địch. Bọn Tụ thu lượm số quân còn sót, gượng gạo tiến lên. Kịp khi biết tin Xương Giang đã bị phá, chúng cả sợ, phải đắp lũy đất ở ngoài đồng để tự vệ. Vương sai quân thủy và quân bộ bao vây chúng. Rồi ra lệnh cho Trần Hãn cắt đứt đường vận tải lương thực của địch, các tướng Phạm Vấn, Lê Khôi và Lê Xí thống lĩnh ba nghìn quân Thiết đột đi tiếp ứng. Mặt trận quân Minh rối loạn. Quan quân

---

[1] Cuộc hội minh này là một chiến thắng lịch sử vô cùng vẻ vang của Việt Nam, mà cũng là một lối "đầu hàng không điều kiện" vô cùng nhục nhã của quân Minh xâm lược. Vì rằng, theo lối chiến tranh thời xưa, khi giao chiến, một bên cố giữ thành, một bên hạ được thành, buộc chủ tướng đối phương phải ra hội thề ngay ở bên thành mà mình đã cố thủ, đó là một điều rất sĩ nhục theo quan niệm của các danh tướng xưa, nhất là những tướng ở thời Xuân Thu, Chiến Quốc. Cho nên đối với những cuộc hội minh ngay ở bên thành sau khi hai bên đã giao chiến, thời Xuân Thu cho là một việc rất đáng hổ thẹn.

[2] Nguyên văn là "thanh dã", có ý dọn sạch cả đồng nội, không để lại một tí thóc lúa hoa màu gì để giặc có thể lợi dụng làm lương thực được. Đó tức như lối "tiêu thổ kháng chiến, vườn không nhà trống" ở đời sau.

[3] Đây theo Cương mục viết "chấm thủy bên chữ lệnh" nên phiên âm là "Linh" còn Sử ký X, 49 in "chấm băng" bên chữ lệnh thì lại là "Lãnh".

[4] Quân cưỡi ngựa, vì đi nhanh hơn, nên đội quân sau (hậu đội) không theo kịp để liên lạc cứu ứng cho nhau.

chém hơn năm vạn thủ cấp địch, bắt sống bọn Tụ, Phúc và ba vạn quân Minh. Thôi Tụ không chịu khuất phục, Vương sai giết chết.

Bấy giờ Mộc Thạnh đang cầm cự với các tướng Phạm Văn Xảo và Trịnh Khả ở cửa ải Lê Hoa. Vương liệu trước rằng Mộc Thạnh là tay lão luyện, tất còn phải nghe ngóng cánh quân Liễu Thăng được thua ra sao đã, chứ không chịu vội vã tiến quân một cách khinh thường. Vương bèn sai mật dặn các tướng Văn Xảo và Trịnh Khả đừng giao chiến với địch vội. Kịp khi Liễu Thăng thua trận, Vương sai đem những tì tướng nhà Minh đã bị bắt làm tù binh và những sắc thư, phù tín, ấn chương đã bắt được đưa đến chỗ quân Mộc Thạnh cho Thạnh biết. Thạnh quá kinh hãi. Quân Thạnh tự tan vỡ, lẩn chạy. Các tướng Trịnh Khả nhân đà đang sắc bén, tung quân ra đánh phá; chém hơn vạn thủ cấp, bắt được hơn một nghìn quân địch và hơn một nghìn ngựa. Mộc Thạnh chỉ kịp một người một ngựa chạy thoát.

Vương lại sai giải Hoàng Phúc đến thành Đông Quan và kèm theo chiếc song hổ phù[1] của Chinh lỗ phó tướng quân[2] với hai quả ấn bạc của chức Thượng thư[3]. Bọn Thông cả sợ, liền sai người đem thư đến xin hòa. Vương ưng thuận, bèn hội thề ở phía nam thành Đông Quan, hẹn đến tháng chạp[4] thì Thông rút hết quân về nước. Vương sai chạy thư đi các thành Tây Đô, Cổ Lộng[5] và Chí Linh truyền cho các tướng cởi vòng vây, kéo quân về.

Lời phê[6] - Bình Định vương là bậc tài trí sáng suốt, lại giỏi dụng binh, các tướng chẳng ai sánh kịp. Vì thế cho nên chiến thắng được quân địch mạnh lớn, khai sáng được cơ nghiệp, dõi truyền được quốc thống: đáng lắm thay!

Lời chua - Cửa ải Chi Lăng: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chính biên I, 17).

Lạng Giang: Tức Lạng Sơn. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 31).

Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 28).

Tam Đái: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tiền biên V, 29-30).

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 30).

Quy Hóa: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 41).

Cửa ải Ải Lưu: Ở phía bắc tỉnh Lạng Sơn. Thông giám tập lãm chép: "Liễu Thăng vâng mạng vua Minh, chờ đợi đã lâu để các quân tập hợp lại. Đến đây, Thăng mới trẩy đến cửa Ải Lưu. Lê Lợi đã có lời ước hẹn với Vương Thông từ trước, bấy giờ mới giả mạo làm bức thư của người trong nước nói họ Trần còn có con cháu, rồi sai bộ hạ đưa thư đến cửa quân của Thăng xin bãi binh, lập dòng dõi họ Trần. Thăng không mở thư xem, sai ngay sứ giả đem việc ấy tâu lên vua Minh, rồi vội vã tiến quân, phá luôn được vài mươi chặng quan ải, thẳng tiến đến cửa ải Trấn Di. Thăng tỏ ý rất khinh địch. Lang

---

[1] Binh phù để làm tin trong quân.

[2] Chức của Liễu Thăng.

[3] Vì trong toán viện binh bị bại vong của Minh có Lý Khánh là Binh Bộ thượng thư và Hoàng Phúc là Công Bộ thượng thư, sau khi Khánh chết và Phúc bị bắt, hai quả ấn bạc của chúng mới lọt vào tay quân ta.

[4] Sử ký X, 51 chép ngày 12, tháng 12 năm Đinh Mùi (1427) là ngày Thông rút quân về nước.

[5] Nay ở địa phận huyện Ý Yên, Nam Định (Xem Chính biên XII, 28).

[6] Chỉ việc Bình Định vương chủ trương trước hãy tiêu diệt quân cứu viện thì tự khắc thành Đông Quan phải đầu hàng, chứ không nghe theo mưu kế của số đông tướng hiệu bàn đánh thành trước.

Trung Sử An và chủ sự Trần Dong e rằng phía địch[1] bề ngoài làm ra yếu kém để nhử quan quân[2], vội nói với Lý Khánh khuyên Thăng nên thận trọng, đừng có khinh suất tiến quân. Bây giờ Lý Khánh và Lương Minh đang ốm nặng, gượng bệnh trở dậy, đi khuyên bảo Thăng; còn đô sự Phan Nhân thì nhắc lại trận thua ở Ninh Kiều[3] để răn bảo Thăng. Thăng không để ý đến những lời can ngăn ấy, xông xáo ngay đến sườn núi Đảo Mã, cùng với hơn một trăm quân kỵ giong ruổi lên trước, định vượt qua cầu: cầu hỏng! Cánh quân hậu đội không tiến lên được. Thăng sa lầy. Quân phục nổi dậy: Thăng bị trúng lao[4] chết. Những kẻ tùy tùng đều bị chết sạch. Buổi tối hôm ấy Lương Minh chết. Qua hôm sau Khánh cũng chết. Thôi Tụ sắp quân tề chỉnh, kéo xuống Xương Giang. Gặp địch, bọn Tụ liều chết cố chiến đấu. Địch lùa voi trận ùa ạt đến: mặt trận [của quân Minh] rối loạn, Tụ bị bắt. Địch dụ hàng, Tụ không chịu khuất phục, bèn bị giết"[5].

An Nam truyện trong Minh sử chép: "Mộc Thạnh kéo quân đến Thủy Vĩ[6], làm thuyền bè, sửa soạn để chực tiến quân. Được tin Thông đã nghị hòa, Thạnh cũng rút lui. Địch thừa thắng đổ ra đánh: Thạnh thua to".

Minh sử thông giám kỷ sự chép: "Thôi Tụ thống suất quan quân tiến đánh Xương Giang, gặp địch, bọn Tụ hăng hái liều chết cố đánh. Tụ là viên tướng kỳ cựu, nhưng vì trong lúc bối rối, nguyên súy[7] mới bị tử trận, quan lại và quân sĩ nao núng, nhộn nhạo, nên khi bị địch lùa voi ra đánh thì quan quân đổ vỡ tan tành: Tụ bị bắt. Công bộ thượng thư Hoàng Phúc bị địch bắt làm tù binh".

Sườn núi Đảo Mã: Có tên nữa là núi Mã Yên, ở xã Mai Sao[8], châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn.

Tây Đô: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 16).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Lời phê[9] - Sử Tập lãm thì thiên vị nước mình, sử đời Lê thì thiên vị vua mình, cho nên trong sự ghi chép, đằng thì kiêng nể giấu giếm, đằng thì văn sức khoe khoang, cả hai đều không đủ tin.

Vương sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, Vương lập Trần Cao làm chúa, có sai người đem tờ biểu, do Cao đứng tên, sang Minh cầu phong, nhưng nhà Minh không trả lời. Đến đây đã giảng hòa với nhà Minh, Vương mới dùng bọn Hàn lâm đãi chế Lê Thiếu Dĩnh và chủ thư sứ Lê Cảnh Quang đều làm Thẩm hình viện sứ, và bọn Quốc tử bác sĩ Lê Đức Huy làm Thẩm hình viện phó sứ, đem tờ biểu và sản vật địa phương cùng với một số văn quan, võ chức do Vương Thông sai đi cùng sang Yên Kinh. Đồng thời lại đưa trả nhà Minh chiếc song hổ phù

---

[1] Đây là lời của sử Thông giám tập lãm (1767, dưới triều Mãn Thanh), cũng như Minh sử và Minh sử thông giám kỷ sự dưới đây, đứng trên lập trường của phong kiến Minh và phong kiến Thanh mà chép về Việt Nam, nên gọi phía nghĩa quân Lam Sơn là "địch", kêu tướng và quân của tập đoàn phong kiến Minh là "quan quân".

[2] Đây là lời của sử Thông giám tập lãm (1767, dưới triều Mãn Thanh), cũng như Minh sử và Minh sử thông giám kỷ sự dưới đây, đứng trên lập trường của phong kiến Minh và phong kiến Thanh mà chép về Việt Nam, nên gọi phía nghĩa quân Lam Sơn là "địch", kêu tướng và quân của tập đoàn phong kiến Minh là "quan quân".

[3] Xem Chính biên XIII, 24-25.

[4] Nguyên văn là "phiêu", một thứ binh khí xưa, hình giống đầu cái mâu, có cán dài bằng tre hoặc gỗ, cuối cán có vòng và dây để người cầm lao khi phóng xong thì giật lại. Người sử dụng lao có thể từ xa mà phóng để giết chết địch.

[5] Xem "Lời phê" của Tự Đức ở dưới.

[6] Nay thuộc tỉnh Lào Cai.

[7] Chỉ Liễu Thăng.

[8] Sao, cũng có âm là "tiêu".

[9] Chỉ việc chép về Liễu Thăng trong sử Thông giám tập lãm (Xem "Lời chua" về cửa ải Ải Lưu ở trên).

của chinh lỗ phó tướng quân, hai quả ấn bạc của chức thượng thư và số quan, quân, người, ngựa nhà Minh đã bị bắt, bị tước, làm thành văn bản danh sách đưa sang tâu trình. Bài biểu ấy[1] đại lược nói:

"Thái tổ Cao hoàng đế[2] khi mới lên ngôi, tổ tiên của thần là Nhật Khuê[3] trước tiên dâng lễ triều cống, được ơn đặc biệt khen thưởng và ban cho tước vương[4]. Từ đó, đời đời giữ gìn bờ cõi, không hề thiếu sót lễ nghi triều cống. Mới đây, nhân họ Hồ[5] soán nghịch, Thái tông Văn hoàng đế[6] dấy quân hỏi tội. Sau khi dẹp yên, nhà vua hạ chiếu tìm kiếm con cháu họ Trần để cho giữ việc thờ cúng. Bấy giờ tổng binh quan Trương Phụ chưa kịp tìm kiếm rộng khắp, đã vội xin đặt nước tôi làm quận huyện.

"Thần, trước đây, vì nước rối loạn, phải chạy trốn sang Lão Qua[7], chỉ muốn cho chút hơi tàn được tạm kéo dài ra thôi. Dè đâu người nước quan thói tục man di, xa nghĩ đến ơn trạch của tổ tiên nhà thần, ép thần phải về nước. Bất đắc dĩ thần phải gượng theo. Dẫu rằng việc làm hấp tấp này là do người nước ép buộc, nhưng cũng là cái tội bởi thần không biết đắn đo suy lường.

"Vừa đây, đã đến cửa quân tạ tội, nhưng không được đâu để ý lắng nghe. Người nước bấy giờ sợ bị giết chết, mới phải đem nhau đi giữ những nơi quan ải để làm cái chước tự vệ lấy mình; nào ngờ quan quân từ xa đến, thấy voi, hoảng sợ, tự cùng nhau lánh chạy, tan vỡ. Việc đã đến thế, tuy là do sự bất đắc dĩ của người nước, mà cũng là tội lỗi của thần. Nhưng, số quan quân và ngựa bị bắt đều đã thu lượm nuôi dưỡng, không dám tơ hào xâm phạm.

"Nép mong hoàng thượng[8] dựa theo lời chiếu của Thái Tông Văn hoàng đế cho tìm kiếm con cháu họ Trần, nghĩ đến lòng thành thực của ông cha nhà thần đã dâng lễ triều cống trước tiên, tha cho thần cái tội to như đống gò, miễn cho thần khỏi bị giết chết bằng rìu búa, khiến thần được nối dõi ở cõi Nam, triều cống cửa trời.

"Ngoài sự riêng sai bồi thần[9] thân tín đem dâng tạ biểu và đưa đến kinh đô nộp trả ấn tín và người ngựa, nay xin đem danh sách và số mục kính cẩn tâu lên để nhà vua soi xét".

Vua Minh xem biểu, trong lòng vẫn biết là giả dối, nhưng muốn mượn cớ đó để nghỉ việc binh đao, nên mới đem tờ biểu ấy bảo cho quần thần biết. Bọn Dương Sĩ Kỳ và Dương Vinh hết sức tán thành.

Vua Minh bèn sai bọn Lễ Bộ thị lang Lý Kỳ đem tờ chiếu sang phong cho Trần Cao làm An Nam quốc vương, dụ bảo vỗ về người nước và tha tội cho. Lại ra lệnh cho ngươời trong nước phải khai bảo đầy đủ về sự thực con cháu họ Trần để tâu trình lên vua Minh. Đồng thời lại bãi bỏ ti Bố Chính sứ ở Giao Châu, sai rút quân về nước.

Lời phê - Lê Thái Tổ làm việc tòng quyền, Minh Tuyên Tông cũng theo quyền nghi mà xử sự. Đó đều vì tình hình lúc bấy giờ có chỗ không thể không xong, việc này không thể theo luận điệu khắc nghiệt của tục nho mà chê trách được. Còn như việc Thanh Cao Tông[10] bao dung ngụy Huệ[11] mới là việc xảo trá, kiêu căng, đáng khinh bỉ!

---

[1] Nguyên văn bằng chữ Hán và nội dung làm lời Trần Cao. Đây là bản trích lược.

[2] Vua đầu triều Minh, niên hiệu là Hồng Vũ (1368-1398).

[3] Một tên khác của Trần Dụ Tông (1341-1369), dùng để ngoại giao với Minh.

[4] Chỉ việc sai Lễ bộ thị lang Đào Văn Đích sang sứ nhà Minh năm Mậu Thân, 1368 (Chính biên X, 21).

[5] Cha con Hồ Quý Ly.

[6] Tức Minh Thành Tổ, niên hiệu là Vĩnh Lạc (1403-1424).

[7] Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

[8] Chỉ Minh Tuyên Tông, niên hiệu Tuyên Đức (1426-1435).

[9] Xem chú giải về "bồi thần" ở Chính biên XII, 2.

[10] Niên hiệu là Kiền Long (1736-1795).

[11] Tức là Quang Trung (1788-1792) Nguyễn Huệ. Vì Tự Đức coi Nguyễn Huệ là kẻ thù và triều Tây Sơn không phải là chính thống, nên mới kêu là "ngụy".

Lời chua - Lê Thiếu Dĩnh: Người làng Mộ Trạch[1] thuộc huyện Đường An.

Sản vật địa phương:

Người vàng thế mạng	2 pho
Lư hương bằng bạc	1 chiếc
Bình hoa bằng bạc	1 đôi
Lụa ta (thổ quyến)	30 tấm
Ngà voi	14 đôi
Hương xông (huân hương)	12 bình
Hương vòng (tuyến hương)	20000 vòng
Trầm hương và tốc hương[2]	24 cân

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chính biên XI, 13).

Tháng 12. Vương Thông nhà Minh tự rút quân về Bắc.

Bấy giờ vua Minh cho phép rút quân về Bắc, chiếu thư chưa sang đến nơi thì Thông đã tự ý kéo bộ binh qua Nhị Hà rút về trước, quân thủy theo sau.

Người nước ta vốn căm giận quân Minh tàn ngược, nên khuyên Vương giết chết chúng đi. Nhưng Vương dụ bảo mọi người rằng: "Trả thù, báo oán, là thường tình người ta; nhưng không muốn giết người, ấy là bản tâm của bậc nhân đức. Vả, người ta đã hàng mà mình giết đi thì chẳng còn gì ghê gớm hơn việc làm không lành ấy. Nếu cốt để hả nỗi lòng căm giận trong chốc lát mà mang tiếng với muôn đời là giết kẻ đã hàng, chi bằng hãy cho hàng ức hàng vạn người được toàn tính mạng để dập tắt mối chiến tranh về sau, sử xanh ghi chép, nghìn thủa còn thơm, há chẳng tốt đẹp sao?".

Vương bèn sai: về mặt thủy, cấp cho 500 trăm chiếc thuyền, giao cho bọn Phương Chính và Mã Kỳ quản lĩnh: về mặt bộ, cấp cho lương thực và cỏ ngựa, cho bọn Sơn Thọ và Hoàng Phúc quản lĩnh. Số bị bắt và đầu hàng gồm hơn 2 vạn người, số ngựa bị tước gồm 2 vạn đều giao cho Mã Anh quản lĩnh. Tất cả bọn người Minh được thả dây đều tới quân doanh Bồ Đề lạy tạ Bình Định vương. Bọn Phương Chính vừa cảm động vừa hổ thẹn đến ứa nước mắt. Thông quản lĩnh bộ binh, làm đốc hậu, ở lại suốt cả buổi tối nói chuyện từ biệt với Vương rồi mới lên đường. Vương tiễn tặng Thông một cách ưu hậu. Người Minh trong ba thành Tây Đô, Cổ Lộng và Chí Linh lục tục rút theo.

Bọn Thông về đến Yên Kinh, bị quần thần nhà Minh đàn hặc: Thông bị tống giam vào ngục Cẩm Y, được tha tội chết, nhưng phải tước tên trong sổ làm quan và tịch thu gia sản.

Lời chua - Về Bắc: Sử Thông giám tập lãm có ba đoạn chép về việc này:

Đoạn trước chép: "Được tin Liễu Thăng thua và chết trận, Thông sợ, lại nhử cho Lê Lợi giảng hòa và bảo Lê Lợi tìm lập con cháu họ Trần. Thông bèn lập đàn, với quân, dân và quan lại dưới quyền mình, làm lễ minh thệ với Lê Lợi về việc rút quân. Nhân đó, Thông vì Lê Lợi mà đạo đạt tờ biểu[3] dâng lên vua Minh. Rồi Thông bèn rút quân về nước".

Đoạn thứ hai chép: "Vua Minh sắc sai Vương Thông, Mã Anh luôn với quan lại ba ti[4], các vệ, các sở và các phủ, châu, huyện phải rút hết quân và dân về Bắc. Chiếu thư

[1] Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương.

[2] Thứ gỗ thơm lấy ở cây trầm tươi hoặc cây trầm mục để đốt cho thơm. Trầm hương khác với tốc hương ở chỗ: bỏ xuống nước mà chìm, gọi là "trầm"; không chìm, gọi là "tốc".

[3] Tức tờ biểu do Trần Cao đứng tên như trên đã chép.

[4] Ti đô chỉ huy sứ giữ về quân sự, ti bố chính giữ về phú thuế và tài chính, ti án sát giữ về pháp luật hình ngục.

chưa sang đến nơi, Thông đã do đường bộ kéo về Quảng Tây; bọn Trần Trí, Mã Kỳ và Sơn Thọ do đường thủy về Khâm Châu. Số quan lại, quân, dân nhà Minh được về nước là hơn 86000 người; còn số bị Lê Lợi bắt sống và giam giữ không biết bao nhiêu mà kể"[1].

Đoạn sau chép: "Đình thần nhà Minh bàn luận cho rằng Vương Thông thì bỏ mất đất, tự tiện giảng hòa; Mã Kỳ thì rông rỡ bạo ngược, gây nên biến cố: cả hai đều nặng tội nhất. Nhà vua đều không quở trách, chỉ tống giam dài hạn để đợi ngày xử tử mà thôi".

Minh sử thông giám kỷ sự chép: "Thông đến kinh đô[2] rồi, quần thần nhà Minh tới tấp dâng tấu sớ lên đàn hặc Thông và bọn Mã Anh, Mã Kỳ, Sơn Thọ. Hình quan trong triều làm việc xét hỏi, bọn Thông đều thú nhận cả. Định nghị cho rằng Thông thì phạm tội không giữ quân luật, làm thiệt quân và bỏ mất đất; Sơn Thọ thì phạm tội che chở bênh vực cho bọn phản nghịch[3], Mã Kỳ thì làm kích động gây biến ở nơi phiên thuộc. Tất cả đều đáng luận vào tội xử tử. Vua Minh xuống chiếu: tống giam Thông vào ngục và tịch thu gia sản; còn bọn Mã Anh cũng đều phạt tội có nặng nhẹ khác nhau. Sau đó Lê Lợi sai đưa trả 157 quan lại, 15170 lính thú, và 1200 ngựa; còn số người bị giữ không cho về nước không biết bao nhiêu mà kể".

Vương bá cáo cho mọi người trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết về việc cả nước đã được yên hẳn.

Làm bài Đại cáo bảo cho mọi người trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết về việc người Minh đã giảng hòa, rút về nước, Nam Bắc đã thôi việc binh đao, trong thiên hạ đã được đại định. Bài ấy[4] đại lược thế này[5]:

Việc làm nhân nghĩa, cốt ở yên dân. Quân thương dân, đánh kẻ có tội, nước phải trừ lũ bạo tàn.

Nay nghĩ: Đại Việt ta thực là một nước văn hiến[6]. Từ Triệu (207-11 tr.c.ng.), Đinh (968-979), Lý (1010-1224), Trần (1225-1399) gây dựng nước ta, cùng với Hán[7], Đường (618-907), Tống (960-1279), Nguyên (1260-1368) mỗi đằng làm vua một nước.

Mới đây, vì chính sự họ Hồ (1400-1407) phiền nhiễu hà khắc đến nỗi làm cho lòng dân oán giận chia lìa, người Minh dòm được kẻ hỡ, nhân đó mới sang rắc độc khắp dân ta. Đảng ác ôm lòng gian tà, rút cục cũng chỉ để bán nước. Chúng gạt trời, lừa dân, bày mưu quỷ quyệt hàng muôn hình nghìn trạng; luôn luôn gây hấn, dấy binh đao, hàng hai mươi năm đầy tội ác! Làm bại hoại thương tổn nhân nghĩa, khiến cho khí sống trong trời đất hầu như muốn ngừng! Sưu cao, thuế nặng, vét vơ của nả chằm núi không bỏ sót tí gì! Thần và người đều căm giận, trời đất không thể dung tha.

Ta đây, nổi lên từ Lam Sơn, náu thân nơi đồng hoang cỏ rậm. Lòng đau, đầu nhức [vì thương dân lo nước] hàng hơn mười năm; nằm gai, nếm mật [để mưu diệt thù, phục quốc] không phải chỉ có

---

[1] Trong Minh sử (của Phó Duy Lân, in năm 1936), truyện Vương Thông (tr. 3098-3099) có ghi rõ con số đầy đủ là: các quan lại văn võ và quân sĩ nhà Minh được về cộng 86 640 người; còn đến vài vạn người nữa thì bị giữ lại không được về.

[2] Yên Kinh.

[3] Minh sử thông giám kỷ sự chỉ phía Bình Định vương.

[4] Tức là bài "Bình Ngô đại cáo".

[5] Nguyên văn bằng chữ Hán, viết theo thểể biền ngẫu đối nhau. Cương mục chỉ chép sơ lược. Muốn biết toàn văn, xin xem Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt thông sử (của Lê Quý Đôn) và Hoàng Việt văn tuyển, ...

[6] Văn: sử sách điển chương; hiến: người hiền.

[7] Tiền Hán: 204-8 tr.c.ng., Hậu Hán: 25-220 s.c.ng.

một ngày. Khi cờ nghĩa kéo lên, chính là thế giặc đang mở rộng. Hồi ở Linh Sơn[1], lương cạn hàng mấy tuần[2]. Khi đóng tại Côi Huyện[3], quân không còn một lữ[4]!

Giơ sào lên làm cờ[5] quân lính là do nhân dân từ bốn phương họp lại. Coi quân sĩ như tình cha con, một lòng khăng khít, dù có một vò rượu cũng cho hòa với nước sông để mọi người cùng hưởng[6].

Cho nên, cuối cùng có thể dùng nghĩa cả mà thắng hung tàn, đem chí nhân mà thay cường bạo. Quân Minh kia, trí thuật đã cùng, sức lực lại kiệt, bó tay đợi bại vong. Chúng ta mưu tính đánh giặc cốt là chinh phục lòng người, nên không cần đánh mà chúng phải tự khuất phục. Những tên đầu sỏ của giặc đã bị bắt sống, chúng đã trở thành đám tàn quân, ngoe nguẩy đuôi, xin thương xót. Là bậc thần võ không muốn giết người, ta cũng làm theo lòng hiếu sinh của Thượng đế[7].

Tham tướng Phương Chính, nội quan Mã Kỳ trước được cấp hơn 500 chiếc thuyền, đã qua sông mà còn hồn xiêu phách lạc! Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh lại được cấp hơn vài nghìn ngựa, đã về đến nước mà còn chột dạ, sởn gai! Giặc đã tham sống sợ chết, thành thực xin hòa; ta cốt giữ quân vẹn toàn, muốn cùng nhân dân yên nghỉ.

Than ôi! Với chiếc nhung y[8], dẹp yên cả nước, công lao lập được, không gì sánh tày! Bốn biển êm mãi từ đây, nay tuyên bố bài Đại cáo đổi mới.

Lời chua - Côi huyện: Theo Sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư của nhà Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 12 (1414), đặt ti tuần kiểm ở Côi huyện thuộc châu Ninh Hóa; năm Vĩnh Lạc thứ 17 (1419) lại cho Côi huyện sáp nhập châu Ninh Hóa; năm Vĩnh Lạc thứ 20 (1422) sai Sơn Thọ đem sắc thư sang dụ Bình Định vương; nhưng Vương không theo, trốn sang Lão Qua, rồi lại quay về châu Ninh Hóa.

Nay xét Lê sử và Lam Sơn thực lục: Năm ấy[9], Vương từ Ba Lẫm[10] và Quan Da[11] dời đi Khối Sách. Vậy châu Ninh Hóa có lẽ thuộc Thanh Hóa, mà Côi huyện thì do châu Ninh Hóa này kiêm lý chăng? Thay đổi hay theo cũ, sự thực ra sao, không rõ. Có người ngờ rằng Côi huyện có lẽ tức là Khối Sách, nhưng chưa biết có đúng không.

---

[1] Cũng gọi Chí Linh Sơn, một núi ở địa phận châu Lang Chánh thuộc Thanh Hóa.

[2] Mười ngày là một tuần. Khi đóng ở Chí Linh Sơn, nghĩa quân hết lương ăn đến hơn hai tháng (xem Chính biên XII, 16).

[3] Xem "Lời chua" ở sau của Cương mục.

[4] Theo binh chế xưa, một lữ gồm 500 quân.

[5] Nguyên văn là "yết can vi kỳ", ý nói trong lúc vội vàng cử sự, chỉ kịp giơ cây sào lên để hiệu triệu mọi người.

[6] Nguyên văn là "đầu giao hưởng sĩ", do điền ngày xưa có một tướng giỏi, khi cầm quân đi trận, có người đem biếu một bầu rượu, tướng ấy sai trút cả xuống sông để cho quân sĩ múc lấy dòng nước sông mà cùng uống. Ý nói người làm tướng có đức công bằng và tình thân mật, từ một miếng ăn miếng uống cũng chia sẻ cho quân đội dưới quyền mình.

[7] Ý nói: Bình Định vương thể theo tấm lòng rộng rãi bao la của Trời muốn cho muôn vật đều được sinh sống, nên để cho người Minh được toàn hoạt về nước sau khi chúng đã đầu hàng.

[8] Thứ quân phục mặc khi đi trận.

[9] Tức năm Nhâm Dần (1422).

[10] Xem "Lời chua" của Cương mục ở Chính biên XIII, 13.

[11] Tức là Quan Du. Xem Chính biên XIII, 13, 16-18.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XV

Từ Mậu Thân, Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) đến Quý Sửu, Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (1433), gồm 6 năm.

✵

Mậu Thân, Lê Thái Tổ Cao hoàng đế, năm Thuận Thiên thứ 1 (1428). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Trần chúa, tên là cao, lén đi Ngọc Ma. Quan quân đuổi kịp. Cao uống thuốc độc, chết.

Cao, khi đã được lập làm chúa, đóng dinh ở núi Không Lộ, sau dời đi Ninh Giang, rồi lại thiên đi thành Cổ Lộng. Quần thần đều nói với Bình Định vương rằng: "Cao không có công cán gì, sao lại để cho ăn trên ngồi trốc người ta! Xin trừ khử hắn đi". Nhà vua không nỡ, đãi ngộ lại càng hậu hơn. Cao tự biết người nước không theo mình, bèn cất lẻn vượt biên, trốn đi Ngọc Ma. Quan quân đuổi theo, bắt được. Khi về đến thành Đông Quan, Cao uống thuốc độc, chết.

Sử cũ chua về việc Trần Cao: "Có thuyết cho rằng Cao tự biết người nước không phục, bèn dùng bọn Văn Nhuệ lén vượt biển, trốn đến ải Cổ Lộng. Nhà vua sai người đuổi theo, giết chết".[1]

Lời chua - Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 10).

Núi Không Lộ: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 34).

Ninh Giang: Theo sách của nhà Minh, thì năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407) đặt ti Tuần kiểm ở cửa sông Ninh Giang thuộc Mỹ Lộc; nay thuộc huyện Vụ Bản, Thượng Nguyên và Mỹ Lộc.

Cổ Lộng: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 2 (Chính biên XII, 28).

Đông Quan: Tức Đông Đô. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Lập trường học.

Nhà vua khi mới lập quốc, để ý ngay đến việc gây dựng nhân tài: trong kinh thì lập Quốc Tử Giám, lựa con cháu nhà các quan và những người tuấn tú trong nhân dân sung làm giám sinh; ngoài các lộ thì lập trường học ở từng lộ, lựa các con em những nhà lương thiện trong dân gian sung làm lộ hiệu sinh[2]; cử những nhà nho đáng làm thày đứng ra dạy dỗ.

Lời cẩn án - Sự việc này, Sử cũ không chép. Nay theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) đời Lê Thái Tổ có lập trường học, lại theo bài "Tiến sĩ đề danh bi" của Thân Nhân Trung, thì Thái Tổ khi đã dẹp yên cả nước, võ công đã hoàn thành, có hạ chiếu thiết lập trường học, gây dựng nhân tài. Và theo bài "Tiến sĩ đề danh bi" của Đỗ Nhuận, thì khi đặt niên hiệu Thuận Thiên (1428-1433), bắt tay ngay vào công việc học chính. Vậy (nay căn cứ vào những tài liệu trên đây) xin bổ sung thêm.

---

[1] Trên phần "mục" này, Cương mục có đặt một đoạn cuối của "Lời phê" nhưng thiếu sót một đoạn đầu, nên chúng tôi bỏ hẳng đi, không dịch vì nó dở dang không thành văn.

[2] Học sinh trường lộ.

Tháng 2. Ghi chép công trạng những công thần đã theo khởi nghĩa từ đất Lũng Nhai. Cho họ được phong tước có thứ bậc hơn kém khác nhau và được lấy theo họ Lê.

Nhà vua ra sắc lệnh rằng các tướng sĩ trong quân Thiết Đột là những người vất vả theo đòi từ lúc mới khởi nghĩa ở Lũng Nhai, nay được ghi chép công lao, sắp xếp thành thứ bậc gồm 221 người[1]:

Thứ nhất bọn Lê Vấn, Lê Quy, Lê Dịch, Lê Ồ 52 người được phong Vinh lộc đại phu, Tả Kim Ngô vệ đại tướng quân, tước thượng trí tự.

Thứ hai, bọn Lê Bồ, Lê Liệt, Lê Khả 72 người được phong Trung lượng đại phu, Phụng thần vệ tướng quân, tước đại trí tự.

Thứ ba, bọn Lê Trễ, Lê Nghiễn 94 người được phong Trung vũ đại phu, Câu kiềm vệ tướng quân, tước trí tự.

Tất cả những người trên đây đều được ban cho quốc tính[2] và thưởng tấm biển đề chữ "công thần".

Lời phê - Bầy tôi có công được ban quốc tính là Hán Cao tổ ban cho Lâu Kính trước tiên. Việc làm ấy tuy cốt để tỏ ý thân mật trung hậu đối với công thần, nhưng đã mang tiếng là làm rối cả họ hàng nhà vua, không đủ để làm gương mẫu cho đời sau; huống chi nhà Lê lại cho quốc tính nhiều quá thế này thì nhàm lắm!

Lời cẩn án - Sử cũ chép "Hành khiển Lê Cảnh Phụng trích"[3], nay tra tự điển thì âm là trích[4], nghĩa là hẹp. Lại như Tấn ngữ (trong sách Quốc ngữ) có chép: "Tội nhẹ hơn thì dùng phép toàn trích"[5]. Rồi tài liệu của Tấn ngữ này chú thích rằng "tức là thứ tội bị thích chữ". Như thế là ý nghĩa không ăn hợp gì với việc phong thưởng công thần ở đây. Có người nói triều Thuận Thiên (1428-1433) tưởng lục công thần, ban cho mỗi người một tấm biển. Sử cũ cũng chép đời Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (1437), tước hết những chữ "công thần" của bọn Lê Văn Linh[6]. Như vậy có thể lấy đó làm chứng cớ. Lại xét: Năm Quang Thuận thứ 2 (1461), khắc chữ vào tấm biển để biểu dương Nguyễn Dương là người "hiếu để". Vậy thì việc khắc chữ vào biển, đương thời chép chữ Hán là "tạc".

Lời chua - Lũng Nhai: Nay đổi là thôn Lũng Mi, thuộc xã Lam Sơn, chỗ Lê Thái Tổ khởi nghĩa.

---

[1] Con số này của Cương mục cũng giống Toàn thư (quyển X, tờ 56b), trong cả hai đều không ăn khớp với những con số đã nêu ở dưới, vì 52+72+94=218, e có sự kể sót hay chém lầm chăng.

[2] Được lấy theo họ Lê cùng họ với Lê Lợi. Xem thêm chú giải số 3 ở Chính biên V, 22.

[3] Nghĩa là quan hành khiển Lê Cảnh vâng mạng nhà vua, khắc biển ban cho các công thần (xem Toàn thư X, 56b-57a).

Về chữ này có âm là "trích", nghĩa là "hẹp", nhưng lại có âm là "tạc", nghĩa là dục hay khắc. Chỉ vì Cương mục không tra cứu kỹ, chưa nắm hết toàn diện đã vội hạ "Lời cẩn án" ngay, nên cả một đoạn văn này mới có sự ngô nghê ngớ ngẩn như vậy. Nếu Cương mục chọn lấy âm "tạc" mà cắt nghĩa là đục hay khắc thì đúng ngay với nghĩa khắc chữ vào biểu ban cho các công thần, đâu còn có nạn dài dòng, khó hiểu nữa.

[4] Nghĩa là quan hành khiển Lê Cảnh vâng mạng nhà vua, khắc biển ban cho các công thần (xem Toàn thư X, 56b-57a).

Về chữ này có âm là "trích", nghĩa là "hẹp", nhưng lại có âm là "tạc", nghĩa là dục hay khắc. Chỉ vì Cương mục không tra cứu kỹ, chưa nắm hết toàn diện đã vội hạ "Lời cẩn án" ngay, nên cả một đoạn văn này mới có sự ngô nghê ngớ ngẩn như vậy. Nếu Cương mục chọn lấy âm "tạc" mà cắt nghĩa là đục hay khắc thì đúng ngay với nghĩa khắc chữ vào biểu ban cho các công thần, đâu còn có nạn dài dòng, khó hiểu nữa.

[5] Ở trường hợp này, đáng phải học là toàn tạc mới đúng, nhưng vì đây theo Cương mục. Thực ra, "toàn tạc" nghĩa là "xăm" hay "thích chữ".

[6] Xem Toàn thư XI, 42b.

Thiết Đột: Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì Lê Thái Tổ có tổ chức 14 vệ Thiết Đột, trong có vệ Kim Ngô, vệ Phụng Thần, vệ Châu Kiềm,...

Thượng trí tự: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú; thì năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) phong tước có thượng trí tự, đại trí tự và trí tự khác nhau.

Tháng 3. Sai sứ sang nhà Minh.

Trước đây, nhà vua sai bọn Lê Thiếu Dĩnh sang Minh xin lập con cháu họ Trần lên làm vua. Nhà Minh sai bọn Lễ Bộ tả thị lang Lý Kỳ, Công bộ hữu thị lang La Nhữ Kính, Hữu thông chính Hoàng Ký và Hồng lô tự khanh Từ Vĩnh Đạt đem tờ dụ và bài văn ân xá sang ta. Khi họ đến nơi thì Trần Cao đã chết rồi, bọn Lý Kỳ bèn cáo từ về nước. Nhà vua sai bọn Hộ bộ lang trung Lê Quốc Khí và Phạm Thành sang Minh đáp tạ, còn bọn Xu mật thiêm sự Hà Phủ và Hà Liễn đi cáo phó về việc Trần Cao chết.

Lời chua - Lê Quốc Khí: Người làng Chủ Sơn, huyện Lôi Dương[1].

Phong tước cho con là Nguyên Long làm Lương quận công.

Sắp xếp ngôi thứ các công thần: Gia phong Nguyễn Trãi tước Quan phục hầu, Trần Hãn[2] làm Tả tướng quốc, Phạm Văn Xảo làm Thái úy. Mấy người này đều được cho lấy theo họ Lê.

Nhà vua nhóm họp tất cả các bầy tôi và quan liêu, sắp xếp thứ bậc cao thấp tùy theo công nhiều hay ít. Gia phong Nhập nội đại hành khiển Nguyễn Trãi tước quan phục hầu, tư đồ Trần Hãn làm Tả tướng quốc, xu mật đại sứ Phạm Văn Xảo làm Thái úy.

Chia trong nước làm 5 đạo. Thiết lập các vệ quân, đặt Tổng quản và Hành khiển chia giữ sổ sách về quân và dân.

Trước kia, nhà vua ra Đông Đô, chia trong nước làm bốn đạo. Đến đây, trong nước đã yên hẳn rồi, lại đặt thêm đạo Hải Tây, cho Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa đều lệ thuộc vào đó. Ở đạo thì đặt vệ quân, ở vệ thì đặt Tổng quản. Đơn vị to và nhỏ cùng gìn giữ cho nhau, cấp bậc trên và dưới cùng ràng buộc lẫn nhau. Lại đặt Hành khiển[3] ở các đạo, chia giữ sổ sách quân và dân.

Lời chua - Năm đạo: Theo Địa dư chí trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì:

Các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Gia Hưng đều thuộc Tây Đạo;

Các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách thượng, Nam Sách hạ và trấn An Bang đều thuộc Đông Đạo;

Các trấn và các lộ Bắc Giang, Lạng Giang và Thái Nguyên đều thuộc Bắc Đạo;

Các lộ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường đều thuộc Nam Đạo;

Các lộ Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa đều thuộc Tây Đạo;

Vệ quân: Các vệ Hồng Châu, Nam Sách và An Bang đều thuộc Đông Đạo;

Các vệ Tam Giang, Hưng Hóa, Tuyên Quang và Gia Hưng đều thuộc Tây Đạo;

Các vệ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường đều thuộc Nam Đạo;

---

[1] Thuộc Thanh Hóa.

[2] Tức Trần Nguyên Hãn.

[3] Chức Hành khiển này phẩm hàm thấp hơn chức Hành khiển ở trong triều.

Các vệ Bắc Giang, Lạng Giang và Thái Nguyên đều thuộc Bắc Đạo;

Các vệ Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa đều thuộc Hải Tây đạo.

Tổng quản: "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: "Ở vệ, đặt chức Tổng quản". Và chua: "Có các chức tổng quản, đô tổng quản, đồng tổng quản,...".

Hành khiển: "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: "Hành khiển ở năm đạo chia giữ các việc về sổ sách, đơn từ và kiện tụng quân sự, dân sự. Chức vị hành khiển (ở đạo) này ở vào hàng nhập nội đại hành khiển (trong triều), kém dưới tể tướng. Các quan chức ở đạo: đầu là hành khiển, thứ đến tham tri, đồng tri, chủ bạ và đạo thuộc,...

Tân Bình: Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thuần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 20, 21, 23, 24).

Nhà vua sai các quan chia nhau đi làm lễ cúng tế lăng tẩm các triều đại trước, thần linh các đền miếu và các núi sông.

Sai các quan chia đi cúng tế để khấn cáo với thần linh về việc cả nước đã được bình định.

Truy tôn các tổ khảo nhà vua.

Truy tôn ông là Thinh làm Hiển Tổ Chiêu đức Trạch hoàng đế, cha là Khoáng làm Tuyên tổ Hiến Văn Phúc hoàng đế, bà là Nguyễn Thị và mẹ là Trịnh Thị đều làm Hoàng hậu.

Trước kia, đời người cụ (tằng tổ), tên là Hối, nhà ở thôn Như Áng, giỏi về thuật phong thủy. Từng đi chơi Lam Sơn, thấy bầy chim bay lượn bên dưới núi này, Hối nói: "Đây là chỗ cảnh đẹp". Rồi dời nhà ở tại đó. Chính mình siêng năng làm việc cày cấy, Hối giàu có mà hào phóng, trở thành đàn anh ở ấp này. Hối lấy vợ họ Nguyễn, sinh ra Thinh, tức là Hiển Tổ. Thinh nối được nghiệp nhà, trong tay có đến nghìn gia nhân. Lấy vợ họ Nguyễn, Thinh có hai trai: Con trưởng là Tòng, con thứ là Khoáng, tức là Tuyên Tổ. Khoáng lấy vợ họ Trịnh, sinh ba trai: Trưởng là Học, thứ hai là Trừ, rốt là nhà vua.

Lời chua - Lam Sơn: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chính biên XIII, 2).

Như Áng: Tên thôn, nay thuộc xã Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa[1].

Tháng tư, mùa hạ. Lê Lợi lên ngôi ở Đông Đô. Quốc hiệu là Đại Việt.

Nhà vua từ dinh Bồ Đề tiến vào thành Đông Quan, đóng đô tại đó. Bầy tôi dâng biểu khuyên mời lên ngôi Hoàng đế cho vị hiệu được chính thức. Nhà vua ban sắc dụ rằng: "Các vua Vũ, Thang, Văn, Vũ ngày xưa công đức lớn là thế, vậy mà chỉ xưng là vương thôi, huống chi trẫm nay, công đức nhỏ mọn mong manh, dám đâu nói đến Hoàng đế làm một tôn hiệu to tát?". Rồi, đúng ngày rằm tháng 4 ấy, nhà vua lên ngôi ở điện Kính Thiên, xưng là Thuận Thiên thừa vận duệ văn anh vũ đại vương, đặt niên hiệu là Thuận Thiên, quốc hiệu là Đại Việt.

Ra sắc dụ rằng: Phàm ai dâng thư bàn nói việc gì và các giấy tờ khế khoán đều phải tuân theo phép nước, viết đúng niên hiệu và quốc hiệu. Kẻ nào vi phạm, sẽ bị phạt trượng và biếm truất.

Lời chua - Bồ Đề: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 4).

Đại xá.

Ban chiếu cho trong nước:

---

[1] Nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Tha hẳn hai năm điền tô và các thứ thuế vàng, bạc, đầm nước, đồi nương và bãi dâu. Nhân dân từ 70 tuổi trở lên được miễn sai dịch. Hạng con hiếu thảo, hạng vợ trinh tiết do quan hàng lộ tâu lên vua biết sẽ được biểu dương khen thưởng. Những nhà nào có người đi lính thì một suất trong nhà ấy được miễn sưu dịch.

- Phàm lăng tẩm các đế vương và đền thờ, phần mộ công thần các triều đại trước đều được tùy số cần mà cắt người làm việc quét tước.

- Trong các lộ hễ lộ nào bị thiệt hại vì binh hỏa thì do quan lộ sở tại đến khám xét điều tra cho rõ ràng, sẽ tùy liệu mà miễn tô thuế, tha sưu dịch thêm.

Sông Nhị có sản ra vàng.

Bầy tôi dâng biểu chúc mừng.

Lời phê - Tầm bậy! Dù có sản vàng đi nữa cũng chẳng quan hệ gì đến cuộc thống trị của đế vương.

Lời chua - Sông Nhị: Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên II, 13).

Tặng phong Bình chương Lê Thạch là Trung Vũ vương, cho phụ thờ ở miếu đình nhà vua.

Thạch, là con người anh nhà vua, tính hiền hậu, ham đọc sách, có sức khoẻ tuyệt vời, khi ra trận, thường làm tiên phong, đánh đâu được đấy, lập được công to nhất trong trận chém Nguyễn Sao, đánh bật Trần Trí. Về sau khi chiến đấu với Ai Lao, Thạch giẫm phải chông, bị tử trận[1]. Nhà vua vô cùng thương tiếc. Khi trong nước đã yên hẳn, tưởng lục công thần ở Lũng Nhai, Thạch được tặng phong Nhập nội kiểm hiệu Thái úy bình chương quân quốc trọng sự, rồi lại truy phong tước vương, cho phụ thờ ở miếu đình. Bấy giờ nghĩ đến những tướng đã chết vì việc nước, truy phong Lê Lễ làm Nhập nội tư đồ, Lê Triện làm Nhập nội tư mã.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tiền biên IV, 9-10).

Hạ chiếu cho các đại thần cử những người có thể làm nổi chức chuyển vận và chức trấn thủ nơi xung yếu, khai tên dâng lên cho vua biết.

Sắc sai các đại thần phải hết lòng xem xét, tiến cử và kê tên cho nhà vua biết để tuyển lấy chức huyện lệnh ở các lộ và trấn thủ những nơi xung yếu ở đầu nguồn và các cửa biển. Những chức quan này phải dùng hạng người tinh thục, tài năng, thanh liêm, chính trực.

Đúc ấn "Thuận Thiên".

Sát hạch các viên thuộc ở trong Kinh đô và ngoài các lộ, chia làm ba bậc.

Sai đại thần sát hạch các viên thuộc ở trong kinh đô và ngoài các lộ: Bậc nhất là những người có tài cả văn lẫn võ; bậc nhì là người có học thức, minh mẫn; bậc ba là những người tinh thông phép viết và phép toán.

Quy định luật lệ.

Hạ lệnh cho quần thần bàn về chức vụ của các quan ở các lộ và các trấn. Lại quy định luật lệ về kiện tụng, điển lệ về tước phong và phẩm trật.

Lời chua - Chức quan ở các lộ, các trấn: Theo Lê sử lược đàm, thì Thái Tổ cắt đặt quan chức phần nhiều noi theo phép cũ của nhà Trần và nhà Hồ, lại dùng xen cả điển lệ nhà Minh. Các quan ở trấn và lộ, văn có chức An phủ, võ có chức Trâấn phủ, coi quản công việc thuộc về quân và dân. Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến

[1] Xem Chính biên XIII, 15.

chương của Phan Huy Chú, thì các quan nhận chức ở ngoài, hàng lộ có An phủ sứ và An phủ phó sứ, hàng trấn có Tuyên phủ đại sứ và Tuyên phủ sứ.

Luật lệ về kiện tụng: Theo "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì hồi đầu đời Lê xen dùng cả luật pháp nhà Đường, đặt làm quy tắc và thể lệ hình danh: tội đánh bằng roi có 5 hạng; tội đồ có 3 hạng; tội lưu có 3 hạng, phân biệt ở chỗ là lưu đi cận châu (Nghệ An), viễn châu (Bố Chính) và ngoại châu (Tân Bình); tội xử tử có ba hạng.

Gặp trường hợp phạm nhân được vin vào một tiêu chuẩn trong bát nghị[1] thì trước hết phải tâu lên vua để xin cho bàn xét luận tội, bàn xét luận tội xong rồi, lại tâu lên vua để xin ý kiến định đoạt.

Hạng bầy tôi kỳ cựu có công lao (như đã theo khởi nghĩa, đã chịu gian khổ ở núi Chí Linh, chưa từng lẩn trốn lần nào) mắc tội đồ hoặc lưu, mà từ ngũ phẩm trở lên thì được miễn giam giữ và miễn bắt làm việc. Còn mọi người khác đều không được hưởng lệ miễn này. Con cháu những nhà được liệt vào hạng "nghị công"[2] mà phạm tội thì được vin vào công lao của ông cha, sẽ cho giảm nhẹ.

Quan viên, quân, dân nếu phạm tội mà là sơ hở lầm lỡ, thì từ tội lưu trở xuống được phép chuộc tội.

Phàm kẻ phạm tội đồ tội lưu, khi đang phát vãng ở dọc đường mà gặp dịp ân xá thì cũng được tha đúng như pháp luật.

Phàm người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống hoặc là phế tật[3] mà phạm tội lưu trở xuống thì được phép chuộc tội. Người từ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống hoặc là hạng đốc tật[4] thì được giảm nhẹ dần dần.

Phàm kẻ can phạm mà tội chưa phát lộ, đã tự thú trước thì được tha tội.

Phàm kẻ lấy trộm tiền tài hoặc đồ vật của người ta mà biết thú tội và trả lại cho tài chủ[5] cũng được tha tội như đã lên quan mà tự thú.

Phàm kẻ lầm lỡ làm hỏng việc công mà biết tự kể ra, cũng được tha tội.

Phàm tố cáo được vua âm mưu làm phản, âm mưu làm những việc đại nghịch bất đạo và tố cáo kẻ nào đã tiết lộ việc trọng đại của nhà nước thì được thưởng tước ba tư[6].

Phàm cáo tỏ được những vụ ẩn lậu ruộng đất và bãi phù sa thì được thưởng một phần ba mươi trong số ruộng đất và bãi đã phát giác ấy.

Phàm con cháu mà chịu đánh roi thay cho ông bà cha mẹ thì được giảm xuống một bậc.

---

[1] Tám điều đáng bàn xét lại để ân xá hoặc ân giảm cho phạm nhân: 1- Nghị thân, đáng bàn xét vì có họ thân với nhà vua; 2- Nghị cổ, đáng bàn xét vì là chỗ cố cựu với nhà vua; 3- Nghị hiền, đáng bàn xét vì là bậc hiền đức; 4- Nghị năng, đáng bàn xét vì là bậc tài năng; 5- Nghị công, đáng bàn xét vì là người có công lao; 6- Nghị quý, đáng bàn xét vì là quan cao chức trọng từ nhị tam phẩm trở lên; 7- Nghị cần, đáng bàn xét vì là người siêng năng; 8- Nghị tân, đáng bàn xét vì là tân khách của nhà vua, chẳng hạn như người giữ hương hỏa thờ cúng các vua triều trước.

[2] Xem chỗ chú giải về "bát nghị" ở trên.

[3] Tức là "bất cụ", như mù, què, câm, điếc,...

[4] Những người tàn tật như đui, què, câm, điếc, hoặc mất trí khôn,...

[5] Tức là chủ sở hữu.

[6] Xem chú giải ở Chính biên VII, 4; X, 18.

Lại đặt thể lệ chuộc tội trượng[1], đồ, lưu bằng tiền có tầng bậc khác nhau. Lại quy định 32 điều luật trong chương "Điền sản".

Điều lệ tước phong và phẩm trật: Tức là chức quan văn võ. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 32-33).

Hạ lệnh cho các đại thần ai nấy tiến cử những người hiền lương, chân phương, chính trực.

Nhà vua dụ bảo hễ ai tiến cử được người xứng đáng thì cho thăng chức và ban thưởng; nếu vì chuyện tây vị chạy vạy, tiến cử người dở, sẽ bị khép tội theo luật lệ.

Nhà vua ra sắc chỉ hỏi các văn võ đại thần: "Trẫm có tài đức gì mà được Trời tựa? Tại sao làm nên được sự nghiệp lớn này? Vả lại, sự vụ trong triều bây giờ, việc nào nên trước, việc nào nên sau? Trong các bầy tôi ở triều đình, ai có thể gánh nổi trách nhiệm nặng nề, giao phó cho sứ mạng trọng đại ở ngoài nghìn dặm? Và ai có thể làm người phụ đạo Thái tử?".

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ nhà Minh sai bọn La Nhữ Kính và Từ Vĩnh Đạt lại đem sắc thư sang dụ bảo bên ta phải tìm lập con cháu họ Trần và đòi ta phải trả lại nhà Minh đủ cả số quan lại quân lính đã bị bắt và số võ khí đã bị giữ lại. Khi bọn La Nhữ Kính trở về, nhà vua lại sai bọn Thiêm sự Hà Lật và Lang trung Đỗ Như Hùng đem biếu nhà Minh sản vật địa phương và người vàng thế mạng, tâu lại cho nhà Minh biết rằng con cháu họ Trần thực không còn ai nữa; đến như số quan quân nhà Minh bị bắt và số khí giới nghi trượng bị tước sẽ xin tiếp tục nộp trả.

Nhà vua, khi mới khởi binh, bị người Minh đánh úp, lạc mất một người con gái nhỏ, mới 9 tuổi. Nội quan Minh, Mã Kỳ, bắt được và nuôi người con gái ấy, rồi đem về Yên Kinh, tiến làm nữ tì nhà quan. Đến đây, nhà vua đưa biểu trần tình xin cho con về. Nhà Minh trả lời rằng người con gái ấy đã chết vì bệnh đậu mùa.

Tháng 11. Bọn Trần Phong và Lương Nhữ Hốt âm mưu làm phản, bị giết chết.

Bọn Trần Phong và Lương Nhữ Hốt đã đầu hàng với tư cách là người bản thổ, làm quan với Minh. Chúng đều được tha tội cả. Đến đây, chúng lại ngầm sai đồ đảng lén đi đường tắt, đem thư bí mật ước hẹn người Minh lại sang xâm lược để chúng làm nội ứng. Việc lộ liễu. Nhà vua cho bá cáo việc này với trong Kinh đô và ngoài các lộ rồi giết chết chúng.

Hạ chiếu cho làm sổ điền và sổ hộ; đặt chức xã quan[2].

Trước đây, nhà vua cho kiểm tra các thứ thổ sản như đồng, sắt, dâu, gai, tơ, lụa, keo, sơn, trám, sáp ong, dầu, muối, tiêu[3], dây mây và những hạng điền sản đáng nên sung công như của các nhà ngụy quan[4], của những hộ tuyệt tự, và của hạng lính đào ngũ, hết thảy đều phải ghi rõ số mục kê trình đầy đủ để nhà vua biết. Đến đây, lại phê chuẩn cho quan lại các châu, các huyện, các trấn và các lộ khám xét từng hạng sản vật và thuế khóa về chằm, bãi, ruộng đất và vàng bạc luôn với các điền sản bị sung công, mỗi hạng số lượng bao nhiêu phải làm thành sổ: kể từ trung tuần tháng 2 năm tới là năm Kỷ Dậu (1429) phải đệ trình lên. Sổ hộ thì gia hạn cho đến tháng 4 năm Quý Sửu (1433). Khi sổ sách làm xong, sẽ bắt đầu đánh thuế.

Lại đặt xã quan: Xã lớn từ 100 người trở lên, có 3 xã quan; xã bậc trung từ 50 người trở lên, có 2 xã quan; xã nhỏ từ 10 người trở lên, có 1 xã quan.

---

[1] Đánh bằng gậy, to gấp đôi roi. "Trượng" là một hình phạt nặng hơn hình phạt đánh bằng roi.

[2] Chức quan đứng đầu một xã.

[3] Một loại khoáng vật, kết tinh và thấu sáng như pha lê dùng làm thuốc súng và chế pha lê.

[4] Chỉ những người bản quốc làm quan với Minh.

Tháng 12. Sửa điện Kính Thiên; làm điện Vạn Thọ, điện Cần Chính, điện Tả và điện Hữu.

Lời chua - Điện Kính Thiên: Theo Cố Lê dã lục thì điện này ở trên đỉnh núi Nùng. Núi Nùng ở trong tỉnh thành Hà Nội ngày nay.

Đặt quy chế về các khí giới và nghi trượng trong quân.

Bấy giờ trong quân thủy và quân bộ chưa có quy chế hẳn hoi về cờ xí, khí giới, nghi trượng và thuyền bè.

Nhà vua bèn bàn luận rồi quy định:

Trung đội:	Cờ vàng
Thượng đội:	Cờ đỏ
Hạ đội:	Cờ trắng
Vệ quân mỗi đạo:	
Cờ lớn chủ tướng:	1 lá
Cờ vừa:	1 lá
Cờ đội:	10 lá
Cờ nhỏ:	40 lá
Chiến thuyền dùng vào việc hỏa công (hỏa chiến thuyền):	10 chiếc
Thuyền tuần liễn:	2 chiếc

Còn ống hỏa đồng, nỏ cứng, sào dài, áo giáp, lá chắn (cái mộc), thủ tiễn[1], câu liêm, thanh đao thì tùy theo quân số nhiều ít khác nhau.

Lại đổi hỏa đầu làm chánh ngũ trưởng và phó ngũ trưởng.

Lời chua - Hỏa đầu: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chính biên II, 25).

Đúc tiền "Thuận Thiên thông bảo".

Trước kia, khoảng niên hiệu Kiến Trung (1225-1231), nhà Trần quy định thể lệ: mỗi một tiền gồm có 69 đồng, là tiền "gián dụng"[2]; 70 đồng, là tiền "chính dụng"[3]. Đến đây, quy định cứ 50 đồng là một tiền.

Bấy giờ có nạn khan tiền[1], có người dâng thư kiến nghị xin dùng tiền giấy thay tiền đồng. Nhà vua bèn hạ chiếu cho các đại thần và trăm quan hội họp bàn luận để tìm cách thi hành. Bài chiếu đại lược thế này:

---

[1] Tên bắn bằng tay. Theo Bội văn vận phủ, quyển 76, thượng, tờ 15b, thì bề dài của tên không đầy một vồ tay, thường để trong áo giáp, khi gặp quân địch, bấy giờ người ta mới tung ra hàng trăm chiếc tên rồi vung roi cho bắn đi, có khi lấy ngón tay kẹp luôn mấy chiếc tên mà phóng ra.

[2] Cương mục chính biên VI, 4 chép là tiền "tĩnh mạch" (mỗi tiền bớt một đồng) và tiền "thượng cung" (cung ứng cho bề trên tiêu dùng). Đến đây Cương mục lại chép là tiền "gián dụng" và tiền "chính dụng". Sở dĩ có sự không thống nhất như vậy, là vì Cương mục đã nhận lầm về lời chiếu này của Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2 (1226): "Dân gian dùng" (dân gian dụng) với nhau thì một tiền là 69 đồng: "dùng chính thức về việc công" (chính dụng) thì 70 đồng. (Xem Toàn thư X, 63b).

[3] Cương mục chính biên VI, 4 chép là tiền "tĩnh mạch" (mỗi tiền bớt một đồng) và tiền "thượng cung" (cung ứng cho bề trên tiêu dùng). Đến đây Cương mục lại chép là tiền "gián dụng" và tiền "chính dụng". Sở dĩ có sự không thống nhất như vậy, là vì Cương mục đã nhận lầm về lời chiếu này của Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2 (1226): "Dân gian dùng" (dân gian dụng) với nhau thì một tiền là 69 đồng: "dùng chính thức về việc công" (chính dụng) thì 70 đồng. (Xem Toàn thư X, 63b).

"Thứ tiền đồng cổ đã bị người Hồ[2] tiêu hủy chỉ còn một phần trăm; đến nay trong mọi việc quân, việc nước, luôn luôn tỏ ra thiếu thốn eo hẹp. Bấy giờ muốn tìm cách làm cho tiền tệ được lưu thông để cho nhân dân được tiện tiêu dùng, há chẳng khó khăn sao? Mới đây có người dâng thư xin dùng tiền giấy để thay tiền đồng. Trẫm từng sớm hôm suy nghĩ, vẫn chưa tìm được mấu chốt để làm việc này. Vì rằng tiền giấy là vật vô dụng mà đem lưu hành giữa nhân dân là những người hữu dụng thì thật không phải là lòng yêu dân và biết dùng tiền. Vậy hạ lệnh cho các khanh họp bàn kỹ càng tế nhị để cho việc làm được ổn thỏa".

Lời chua - Tiền giấy: Tống sử chép: "Nữ Chân[3] vì khan đồng, nên theo phép "giao tử"[4] của nhà Tống, làm ra tiền giấy gọi là "sao dẫn". Loại gọi là "đại sao" (tiền giấy lớn) có 5 hạng: 1 quan, 2 quan, 3 quan, 5 quan và 10 quan[5]; loại gọi là "tiểu sao" (tiền giấy nhỏ) cũng có 5 hạng: 100, 200, 300, 500 và 700[6]. Những tiền giấy này đồng thời cũng được lưu hành với các tiền đồng, cứ 7 năm là một hạn (lại đem nộp tiền giấy cũ đổi lấy tiền giấy mới)[7].

Kỷ Dậu, năm thứ 2 (1429). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Cấm rượu và cờ bạc.

Bấy giờ nhiều người du thủ du thực thường hay uống rượu, đánh bạc nên nhà vua chỉ dụ nghiêm cấm: đánh bạc, bị chặt 3 đốt ngón tay, đánh cờ vây[8], bị chặt một đốt, không có việc gì mà quần tụ uống rượu thì được giảm tội xuống một bậc.

Lập con là Tư Tề làm Quốc vương, Nguyên Long làm Hoàng thái tử.

Nhà vua sai Lê Vấn, Lê Ngân và Lê Văn Linh đem ban kim sách[9] lập con trưởng là Tư Tề làm Quốc vương, tạm quyền coi quản việc nước; sai Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Lý và Lê Quốc Hưng đem ban kim sách[10] lập con thứ là Nguyên Long làm Hoàng thái tử.

Lại sắc sai các bầy tôi và liêu thuộc ở trong kinh đô và ngoài các lộ: hễ có công việc gì trình bày với Tư Tề thì tôn xưng là Quốc vương điện hạ. Còn Quốc vương và Thái tử có văn thư gì truyền ra thì gọi là "chỉ huy"[1].

---

[1] Nguyên văn là "tiền hoang", tức như ngày nay gọi là "khủng hoảng tiền tệ".

[2] Chỉ triều nhà Hồ.

[3] Nữ Chân là tên một chủng tộc, cư trú ở một dải Tùng hoa giang về phía đông bắc Trung Quốc. Hồi cuối Bắc Tống (960-1126), Nữ Chân lập thành nước Kim, rồi diệt Liêu (916-1201), đánh Tống, thế lực rất cường thịnh; về sau bị diệt trước sức mạnh của nhà Nguyên.

[4] Khoảng giữa niên hiệu Khánh Lịch (1041-1048) nhà Tống, người đất Thục vì thấy tiền sắt nặng quá, không tiện trong việc lưu thông, nên tự làm riêng một thứ khoản phiếu để tiêu với nhau, gọi là "giao tử". Khấu Hàm nhân đó mới sáng lập ra Giao Tử vụ ở Ích Châu, đó là bước đầu tiên của Trung Quốc phát hành và tiêu dùng tiền giấy (theo Từ Nguyên).

[5] Tống sử dẫn trong Từ Nguyên trang 1519, thì loại "đại sao" chia làm 5 hạng: Từ 1 quan đến 5 quan, chứ không có hạng 10 quan.

[6] Con số 5 hạng "tiểu sao" này, Cương mục, cũng như Lịch triều hiến chương và nhiều từ thư khác, chỉ chép trống là "nhất bách, nhị bách, tam bách, tứ bách, ngũ bách, thất bách", chứ không nói rõ đơn vị của từng hạng ấy là gì. Nhưng nay xét: Đó có lẽ là số đồng tiền, chứ không phải quan tiền, vì nó là "tiểu sao", tất phải nhỏ hơn "đại sao". Vậy có thể là 100 đồng, 200 đồng, 300 đồng, 500 đồng, 700 đồng.

[7] Đây là "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, nên mới thêm mấy chữ trong hai ngoặc đơn để cho sáng nghĩa, chứ như Cương mục thì chỉ chép là "dĩ thất niên vi hạn" (cứ 7 năm là một hạn).

[8] Cờ mỗi bên có 100 quân; khi đánh, đặt từng quân một để bao vây lẫn nhau.

[9] Sách: Bài văn của vua dùng để biểu dương tư cách và bày tỏ lý do người được phong tước Kim sách: có nghĩa bài sách viết chữ vàng hoặc quý hơn vàng.

[10] Sách: Bài văn của vua dùng để biểu dương tư cách và bày tỏ lý do người được phong tước Kim sách: có nghĩa bài sách viết chữ vàng hoặc quý hơn vàng.

Sau đó nhà vua ban chiếu đại lược nói: "Cha gây dựng, con làm theo: đạo nhà càng thêm thịnh vượng; anh kế thừa em tiếp tục: gốc nước càng được vững vàng. Những vua hiền triết xưa lo tính công việc thật là sâu sắc và trông xa.

"Trẫm đây chính mình đã mặc áo giáp, đội mũ trụ, tắm gió gội sương hàng mười ba năm, cũng đã nhọc lắm. Nay tuổi tác ngày cao, sức lực muốn kém, hàng ngày muôn việc bộn bề thật khó một mình làm xuể.

"Trẫm đã nghĩ kỹ: Người xưa chấp kinh mà có lúc tòng quyền, cũng hợp đường lối của thánh hiền, lập anh trước rồi truyền em sau, vẫn kéo dài được ngôi bảo tộ, cốt sao châm chước cho hợp thời, rồi đặt làm phép nhất định.

"Tư Tề, tuổi ngoài hai mươi[2], đã đủ tư cách thành nhân, dẫu suy nghĩ chưa được sáng suốt chu đáo, nhưng đối với sự vụ và cơ nghi, cũng rất biết học tập rạch ròi. Như vậy chính là đáng nên tạm quyền coi quản việc nước để giúp đỡ trẫm.

"Nguyên Long tính chất tuy thông sáng, nhưng tuổi còn non trẻ, hãy nên để cho gây nuôi ở chốn thanh cung, đợi ngày thành tài".

"Vậy nếu Tư Tề vào coi triều để xét xử chính sự, thì Nguyên Long làm việc coi giữ nhà nước, vỗ về quân đội, noi theo như chuyện Triệu Tống[3] xưa".

Nhà vua lại còn làm bài Huấn phạm để răn bảo Tư Tề và Nguyên Long.

> **Lời phê -** Việc Tống Thái Tổ (968-975) nghe theo lời tư vị[4], gây nên tai vạ về sau[5], có gì đáng làm gương mẫu!
>
> **Lời chua -** Chuyện Triệu Tống xưa: Theo Tống sử thì Tống Thái Tổ (968-975) vâng theo lời Đỗ Thái Hậu[6] dặn lại khi sắp chết, anh em theo thứ tự truyền ngôi cho nhau.

Hạ chiếu lựa con các quan văn võ vào hầu Thái tử học tập và đến nhà Quốc học để theo học.

Các con từ 9 đến 15 tuổi của quan võ từ chức Quản lãnh và quan văn từ chức Hành khiển trở lên đều được vào hầu Hoàng thái tử học tập. Các con từ 9 đến 17 tuổi của quan võ từ Đồng tri xuống đến Đại đội trưởng, và của quan văn từ Thượng thư xuống đến Thất phẩm đều được vào nhà Quốc học theo đuổi việc học.

> **Lời chua -** Thượng thư: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì đầu thời Lê, sự xếp đặt quan chức, mới chỉ có một bộ Lại và bộ Lễ[7], ngôi vị chức Thượng thư của hai bộ này ở dưới Hành khiển.

---

[1] Trong Việt sử thực lục của nhà lê, mỗi khi nói đến lời sắc hay lời dụ của vua Thuận Thiên bấy giờ, thường chép là "chỉ huy" có nghĩa là "ban bố mệnh lệnh". Đồ chừng là vua Lê ban đầu khiêm tốn, chỉ xưng "đại vương" chứ không xưng "hoàng đế", nên mới dùng hai chữ "chỉ huy" để thay cho "sắc" hay "dụ". Có lẽ vì thói quen của đương thời, nên đây cũng dùng danh từ "chỉ huy" để dành cho quốc vương và hoàng tử.

[2] Nguyên văn là "nhược quán". Theo lễ xưa, con trai đến 20 tuổi, làm lễ đội mũ (quán), tỏ ra là có tư cách thành nhân, nhưng vì thể chất hãy còn chưa cường tráng, nên mới gọi "nhược".

[3] Vua đầu nhà Tống là Triệu Khuông Dận, nên mới gọi là Triệu Tống (nhà Tống họ Triệu).

[4] Chỉ lời thiên vị của Chiêu Hiến thái hậu dặn lại: Tống Thái Tổ truyền ngôi cho Thái Tông, Thái Tông truyền ngôi cho Đình Mỹ rồi đến Đức Chiêu bất đắc kỳ tử, Đức Phương chết non; còn Tần Vương Đình Mỹ thì bị Tống Thái Tông nghi kỵ, biếm truất ra Phòng Châu rồi lo buồn mà chết, diễn thành một tấm thảm kịch trong hoàng gia triều Tống!

[5] Chỉ lời thiên vị của Chiêu Hiến thái hậu dặn lại: Tống Thái Tổ truyền ngôi cho Thái Tông, Thái Tông truyền ngôi cho Đình Mỹ rồi đến Đức Chiêu bất đắc kỳ tử, Đức Phương chết non; còn Tần Vương Đình Mỹ thì bị Tống Thái Tông nghi kỵ, biếm truất ra Phòng Châu rồi lo buồn mà chết, diễn thành một tấm thảm kịch trong hoàng gia triều Tống!

[6] Tức Chiêu Hiến thái hậu.

[7] Xem thêm Chính biên XIX, 1.

Quản lãnh, Đại đội trưởng: Theo Chức quan chí trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì hạng võ từ Quản lãnh, Đồng tri đến Đại đội trưởng đều là chức cao.

Quy định phép chia ruộng.

Nhà vua cho rằng những kẻ dong chơi lười biếng phần nhiều chiếm hữu ruộng đất; còn những người chiến đấu thì không có một tấc đất nào. Thế là giàu nghèo chênh lệch không đều, lấy gì để khuyến khích hạng người siêng năng làm việc được. Nhà vua bèn ra lệnh cho các đại thần bàn định về việc cấp ruộng: từ đại thần xuống đến hạng người già yếu, mồ côi, góa bụa đều phân ra từng hạng mà chia ruộng, rồi tâu vua biết.

Lời phê - Công cuộc sáng nghiệp (của vua Lê) có quy mô hẳn hoi, tuy chưa đến được bậc có văn hiến[1] rõ ràng, nhưng đã làm được nhiều việc khả quan, dần dần đã biến đổi được những thói quê kệch của nhà Lý, Trần. Nhà Lê được hưởng ngôi báu lâu dài, chính vì thế đó.

Lời cẩn án - Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì, đầu đời Lê chế độ ruộng đất chia theo cấp bậc ra sao, không thể biết tường tận được. Nhưng đại khái thế này: những ruộng đem chia cấp ấy đều là số ruộng công cả, còn những ruộng tư ở dân gian có lẽ chưa từng thu lấy mà chia cấp.

Lại theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn thì, hồi đầu Lê, chế độ cấp ruộng lộc điền thế nào, không thể khảo cứu được, nhưng thấy người cháu xa đời của Chiêu Huân công[2] Nguyễn Công Duẩn[3] xuất trình gia phả họ Nguyễn trong có chép một bài chiếu về việc cấp ruộng lộc điền cho khai quốc công thần đề năm Thuận Thiên thứ 2 (1429), trong bài chiếu này nói cho phép thu lấy các trang trại và ruộng tuyệt tự của nhà thế gia triều đại trước cùng với số ruộng đất bỏ hoang ở các xã thuộc huyện Tống Sơn[4] để ban cho Công Duẩn làm tư sản cộng 470 mẫu. Đó là chứng cớ ít khi thu lấy những ruộng công đang cày cấy đã đóng thuế mà chia cấp.

Nay kết hợp cả hai thuyết trên mà xem xét, thì có thể biết đại khái rằng sự cấp ruộng cho dân đầu đời Lê là chỉ lấy ruộng đất công, còn lộc điền của công thần cũng lấy ở di sản những nhà thế gia tuyệt tự hay là những ruộng lậu ngoài sổ điền và những ruộng bỏ hoang mà thôi.

Tháng 2. Thao diễn quân đội một cách vĩ đại. Chia quân cho về làm ruộng.

Trước kia, khi ra Đông Đô, nhà vua có dụ bảo tướng sĩ rằng: "Số quân hiện tại của ta nay có 35 vạn, đợi khi nào khôi phục được Đông Đô, bấy giờ sẽ cho 25 vạn về làm ruộng, chỉ để lại 10 vạn quân ở lại làm việc phòng thủ và bảo vệ đất nước. Đến đây, sắc sai các vệ quân ở 5 đạo[5] đều diễn tập thủy chiến và lục chiến. Việc xong rồi, chia quân làm năm phiên: một phiên lưu lại tại ngũ, còn bốn phiên cho về làm ruộng.

Sắc sai Đại thần và Hành khiển: hễ thấy điều lệ và mệnh lệnh có gì bất tiện, nên đem tâu ngay.

Ra sắc dụ các Đại thần và chức Hành khiển: "Hễ thấy có điều lệ và mệnh lệnh của trẫm có gì bất tiện cho quân đội và nước nhà hoặc bắt làm những việc sai dịch không cần thiết, hoặc đánh thuế nặng sưu cao thì nên tâu dộng[6] ngay để sửa chữa lại".

---

[1] Đây là nghĩa cổ: văn, chỉ sách vở, kinh điển; hiến, chỉ những người hiền tài.

[2] Tước của Nguyễn Công Duẩn.

[3] Về chữ "Duẩn" này, Hán văn viết "ngọc bên chữ Duẩn là măng". Cương mục cước cho rằng: "Xét trong Tự điển và cả phần Bị khảo lẫn phần Bổ di đều không thấy có chữ này, vậy không rõ âm gì". Nay dịch giả xin tạm phiên là Duẩn cho tiện đọc.

[4] Nay là huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa.

[5] Năm Bính Ngọ (1426) Bình Định vương Lê Lợi chia Đông Đô làm bốn đạo, tức là Tây đạo, Đông đạo, Bắc đạo, Nam đạo (xem Chính biên XIII, 32); đến năm Mậu Thân (1428) lại đặt thêm Hải Tây đạo, gồm thành năm đạo (xem Chính biên XV, 5).

[6] Tâu dộng: Tiếng cổ, có nghĩa như tâu trình.

Đặt chức quan Ngự sử đài[1].

Đây là noi theo chế độ nhà Trần: chức Trung thừa, Phó trung thừa thì dùng An phủ ở lộ sung vào; chức Điện trung thị ngự sử thì dùng chuyển vận ở huyện và giáo thụ ở lộ sung vào; chức Giám sát ngự sử[2] thì dùng thuộc quan ở tòa Trung thư sung vào.

Nhà vua dụ rằng: "Hễ thấy trẫm có chính sự hà khắc làm hại dân, thưởng phạt không đúng phép và quan lại lớn bé không giữ phép công thì nên kíp dâng giấy tờ lên đàn hặc. Nếu ai tư vị nể nang, buông thả dong túng hoặc chỉ chăm nhằm những việc nhỏ nhặt hay là bắt bóng nói càn thì đều phải tội".

Ra lệnh bắt Hữu tướng quốc Lê Hãn để giao quan lại xét hỏi. Lê Hãn tự sát.

Là dòng dõi tư đồ Trần Nguyên Đán, Hãn có học thức, giỏi binh pháp, giúp Lê Thái Tổ khởi nghĩa, ngày càng được yêu thương hậu đãi, thường được dự bàn những việc bí mật; theo đi trận mạc, đến đâu cũng lập được chiến công đấy.

Năm Mậu Thân, Thuận Thiên thứ 1 (1428), tưởng lục công thần, Hãn được gia phong Hữu tướng quốc, cho lấy theo họ Lê. Công lao và danh vọng của Hãn thật cao tột. Hãn có nói riêng với người thân tín rằng: "Nhà vua có tướng như Việt vương Câu Tiễn: không thể cùng hưởng yên vui sung sướng được!".

Hãn xin về hưu, được nhà vua ưng thuận; nhưng vì là dòng dõi nhà Trần nên bị nghi kỵ. Khi đã về ấp Sơn Đông, sống trong cảnh quê hương, Hãn xây dựng phủ đệ, đóng thuyền không giữ gìn hình tích. Những kẻ tâng công gièm pha với nhà vua rằng Hãn mưu toan làm phản. Nhà vua tin lời, ra lệnh cho lực sĩ đến bắt. Khi thuyền đi đến bến Sơn Đông, Hãn tự trầm chết.

Lời chua - Sơn Đông: Tên ấp, nay thuộc huyện Lập Thạch, tỉnh Sơn Tây[3].

Tháng 5, mùa hạ. Phong mọi tước hầu (liệt hầu) cho các công thần.

Bấy giờ có 93 người được phong tước:

Huyện Thượng hầu, 3 người: Lê Vấn, Lê Sát, Lê Văn Xảo.

Á Thượng hầu, 1 người: Lê Ngân.

Hương Thượng hầu, 3 người: Lê Lý, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng.

Đình Thượng hầu, 14 người: Lê Chích, Lê Văn An, Lê Liệt, Lê Miễn, Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Khôi, Lê Đính, Lê Chuyết, Lê Lỗi, Lê Như Lãm, Lê Sao, Lê Kiệm, Lê Bật.

Huyện hầu, 14 người: Lê Bị, Lê Bì, Lê Phủ, Lê Náo[4], Lê Thụ, Lê Lôi, Lê Khả, Lê Bồi, Lê Lang[5], Lê Xí, Lê Khuyển, Lê Bí, Lê Quốc Trinh, Lê Bật;

Á hầu, 26 người: Lê Lạn, Lê Trãi, v.v...;

Quan nội hầu, 16 người: Lê Thiệt, Lê Chương,...

Quan phục hầu, 12 người: Lê Cuống, Lê Dao (Diêu)...

Thượng trí tự trước phục hầu, 4 người: Lê Khắc Phục, Lê Hài, v.v...

---

[1] Có quan có nhiệm vụ can gián nhà vua và đàn hạc các quan. Trung thừa, Phó trung thừa, Thị ngự sử đều là các chức quan trực thuộc Ngự sử đài.

[2] Nhà Lê đặt mỗi đạo một giám sát ngự sử, như vậy có 13 giám sát ngự sử.

[3] Bây giờ là huyện Lập Thạch thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

[4] Toàn thư X, 67 chép là Nào (chữ Nôm).

[5] Toàn thư X, 67 chép là Lê Khả Lang.

Quy định rõ về phẩm trật quan giai văn võ: hàng văn từ quan nội hầu, đại hành khiển, và quan phục hầu trở lên, hàng võ từ thượng tướng, tước trí tự, và trước phục hầu trở lên đều được phép mặc phẩm pục màu lụa pha đỏ[1].

Nhà vua ra tờ dụ: "Trẫm, khi mới dấy nghĩa binh, phải lặn suối trèo non, trải bao hiểm trở; bấy giờ ai đã đem gia quyến đi theo trẫm từ Mường Thôi[2], Bồ Đằng, Chí Linh và Khả Lam thì tên họ được ghi trong Ký công sách[3], con cháu trừ số đã làm quan, còn nếu không can án phạm pháp, đều được miễm sai dịch".

Lời cẩn án - Về việc này, Sử cũ chép là "Khắc biển công thần 93 người". Theo Thông sử của Lê Quý Đôn thì, năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) tưởng lục các công thần, theo thứ bậc cao thấp khác nhau là: huyện Thượng hầu, á Thượng hầu, hương Thượng hầu, đình Thượng hầu, quan nội hầu, quan phục hầu, ... Vậy nay xin đính chính theo Thông sử (của Lê Quý Đôn).

Lời chua - Liệt hầu: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì, khi Thái Tổ đã dẹp yên đất nước, phong mọi tước hầu (liệt hầu) cho các công thần, gồm có 9 bậc:

Thứ nhất: Huyện thượng hầu.

Thứ hai: Á thượng hầu.

Thứ ba: Hương thượng hầu.

Thứ tư: Đình thượng hầu.

Thứ năm: Huyện hầu.

Thứ sáu: Á hầu.

Thứ bảy: Quan nội hầu.

Thứ tám: Quan phục hầu.

Thứ chín: Trước phục hầu.

Lại theo Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn thì, đầu đời Lê, sự ban chức tước có nhiều cấp bậc, gồm 12 hạng:

1. Trí tự
2. Đại trí tự
3. Thượng trí tự
4. Trước phục hầu
5. Quan phục hầu
6. Quan nội hầu
7. Á hầu
8. Huyện hầu
9. Hương hầu
10. Đình thượng hầu

---

[1] Nguyên văn là "phi". Đây dịch theo định nghĩa của Cương mục. Còn theo Từ Hải (trang 1052) thì "phi" là mầu đỏ; theo từ điển tứ giác (trang 109), là màu đỏ tươi.

[2] Hán văn in là "Mang Thôi" (chữ mang: bộ tâm bên chữ vàng).

[3] Bản ghi công lao.

11. Hương thượng hầu

12. Á thượng hầu

Nay xin trình bày cả hai để tham khảo.

Phi: Màu lục pha đỏ. Theo phần "Xa phục chí" trong Đường thư thì chế độ lễ phục[1] quy định là: từ ngũ phẩm trở lên đều được dùng màu lục pha đỏ (phi).

Mường Thôi: Xem Bình Định vương năm thứ 3 (Chính biên XIII, 13-14).

Bồ Đằng: Có tên là Bồ Liệp. Xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chính biên XIII, 20-21).

Chí Linh: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chính biên XIII, 3).

Khả Lam: Không rõ ở đâu.

Hạ chiếu cho tiến cử những người hiền năng còn bị bỏ sót.

Nhà vua hạ chiếu: "Những bậc hào kiệt trong thiên hạ vì sót lọt chìm lịm không ai tiến cử, hoặc có kẻ thù hằn chèn ép mà bị che đậy dập vùi, không bởi đâu ló mình ra được. Vậy ai nấy đều được phép đến chỗ Thiếu phó Lê Văn Linh để xét rõ sự thực rồi tâu lên để bổ dụng, chứ không câu nệ là ngụy quan, là nhân sĩ hay thứ dân, miễn chỉ chuộng lấy người có tài có đức.

Thi minh kinh.

Trước kia, sắc sai các quan văn võ trong kinh đô và ngoài các lộ từ tứ phẩm trở xuống, văn thì thông kinh sử, võ thì thông Vũ kinh: đến tháng 5, năm sau, tất cả đều họp tập đông đủ ở Đông Kinh để dự kỳ khảo thí theo môn học của mình. Đến đây, nhà vua mở khoa minh kinh, lại sắc sai quân nhân các lộ và những người ẩn dật ở rừng núi hễ có ai thông kinh sử và giỏi văn nghệ thì đều đến đô sảnh đường, chờ đợi quan trên cùng sát hạch một thể.

Lời chua - Đô sảnh đường: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì đầu đời Lê có đặt ra ba sảnh là Trung thư, Môn hạ và Hoàng môn. Đây chép "đô sảnh đường" có lẽ tức là chỗ nha môn của ba sảnh này.

Lại theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, đầu đời Lê, noi theo chế độ đời Trần, đặt ra ba sảnh: Thượng thư sảnh thì giữ về vụ quan chức; Trung thư sảnh thì thương lượng bàn bạc mọi việc rồi mới ban bố thi hành.

Vậy nay xin trình bày ra cả đây để tham khảo.

Tháng 6. Thi các tăng đạo.

Sắc sai các tăng đạo: hễ ai thông kinh điển, cẩn thận giữ được giới hạnh thì đến sảnh đường[2] để sát hạch: nếu trúng tuyển thì sẽ được cấp cho tờ thiếp[3] chứng nhận làm sư; còn thì phải hoàn tục.

Hạ chiếu cho các quan từ tam phẩm trở lên được phép tiến cử người hiền tài.

Tờ chiếu đại lược nói: "Trẫm nghĩ: làm được thịnh trị cốt ở kiếm được người hiền; muốn được người hiền, phải do mọi người tiến cử. Vì thế, người cầm quyền trong thiên hạ tất phải cho việc này là cần kíp trước nhất.

"Trẫm nay phải gánh trọng trách, sớm hôm kính cẩn lo sợ như người đứng bên vực sâu! Đó chính vì cớ chưa tìm được người hiền tài để giúp việc trị nước.

---

[1] Nguyên văn là "khóa tập", có nghĩa là áo mặc của kỵ sĩ (kỵ phục) hoặc áo mặc đi trận (nhung y). Nhưng theo Từ Nguyên trang 1.346 thì thứ áo này, đời Nam triều (420-589) dùng làm lễ phục, nên dịch là "lễ phục" cho dễ hiểu.

[2] Xem Lời chua về "đô sảnh đường" của Cương mục ở Chính biên XV, 23.

[3] Tức như cái thẻ.

"Vậy ra lệnh cho các đại thần văn võ, các công hầu và các đại phu từ tam phẩm trở lên: ai nấy được đề cử một người. Còn ai hoặc có tài kinh tế[1] mà phải chèn ép ở cấp dưới, hoặc là hào kiệt tài giỏi mà bị vùi dập ở nơi đồng nội thì cũng cho phép tự tiến cử lấy mình.

"Xưa, Mao Toại xuất đầu lộ diện, tự tiến mình để theo giúp Bình Nguyên quân[2]. Ninh Thích gõ sừng trâu, mượn bài hát để tỏ khí mà cảm được Tề Hoàn công phải trọng dụng. Như thế người xưa có từng câu nệ ở tiểu tiết đâu? Vậy các bậc hiền giả chớ ngại mang tiếng đem ngọc bán rao để trẫm khỏi phải than phiền về việc thiếu nhân tài!".

Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ nhà Minh lại sai bọn Lý Kỳ và Từ Vĩnh Đạt đến Đông Đô dụ bảo nhà vua cho lục tìm con cháu họ Trần. Kịp khi sứ nhà Minh trở về, nhà vua ra lệnh cho các đầu mục và các kỳ lão họp nhau làm tờ trạng nói rõ đầu đuôi sự việc, rồi sai bọn Hoàng môn thị lang Đào Công Soạn và Thẩm hình viện sứ Lê Đức Huy đem đồ vàng bạc, theo sứ nhà Minh sang Yên Kinh đệ trình bản trạng văn. Đại lược nói: "Người trong nước chúng tôi đã tìm khắp mọi nơi, nhưng con cháu họ Trần không còn ai cả. Lê Lợi, đại đầu mục của bản quốc, là người khiêm tốn, cung kính, cẩn thận, trung hậu, biết đường lối vỗ về yên ủi nhân dân, rất được lòng dân yêu mến, có thể cáng đáng coi quản công việc đất nước".

Vua Minh bảo các thị thần: "Lời lẽ trong bản trạng này chưa vội tin được; phải lại nên cho tìm kiếm con cháu họ Trần". Rồi vua Minh lại sai bọn Công Soạn đem tờ sắc về dụ bảo nhà vua và các đầu mục cùng các kỳ lão lại cứ lùng kiếm con cháu họ Trần, nếu hiện nay quả không còn ai, bấy giờ sẽ lại làm bản tâu trình, mọi người liên danh ký tên để đợi xử trí.

Lời phê[3] - Minh Tuyên Tông (1426-1435) xử trí việc này rất đắc thể. Phải lựa chiều đối xử với Minh như thế, Lê Thái Tổ (1428-1433) thật cũng khổ tâm!

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua vào Tây Đô.

Nhà vua đi vào Tây Đô, bái yết các lăng tẩm. Thưởng cho các tướng hiệu đi hộ giá: mỗi người, về phong tước được thêm một tư[4].

Lời chua - Tây Đô: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 16).

Tháng 12. Tặng phong Thiếu úy Lê Lai làm Thái úy.

Trước kia, nhà vua bị quân Minh bao vây bức bách, phải long đong lao đao ở nơi hang núi. Nhà vua có hội họp các tướng, bàn việc thay đổi áo bào như chuyện Kỷ Tín ngày xưa[5]. Riêng có Lê Lai hăng hái nói: "Nay bị quân địch bức bách nguy khốn như thế này, ta cứ ngồi yên ở chỗ hiểm nghèo, e chẳng ích gì; nếu làm chước này may ra có thể hòa hoãn tình thế được đôi chút thì, vì lòng yêu vua, người trung thần còn có tiếc gì!". Nhà vua ngước lên trời, nguyền rằng: "Lê Lai đổi áo bào, chịu chết thay để lo tròn báo đáp. Mai sau nếu ta không nhớ nghĩ đến công ấy thì nguyền nơi hành điện sẽ hóa rừng núi, quả ấn báu sẽ hóa thành cục đồng, thanh thần kiếm sẽ hóa đao binh".

Lê Lai liền quản lãnh quân và voi, xông pha hướng về phía địch, bị giặc bắt và bị giết.

---

[1] Danh từ "kinh tế" đây theo nghĩa cổ: Có tài trị nước giúp đời (kinh bang tế thế).

[2] Mao Toại, người thời Chiến Quốc, là khách ăn ở tại nhà Bình Nguyên quân nước Triệu. Khi Triệu bị Tần đánh, Mao Toại tự tiến cử mình để cùng đi với Bình Nguyên quân sang Sở cầu cứu. Kết quả là nhờ có Mao Toại uy hiếp thuyết phục được vua Sở nên lời giao ước "hợp tung" để chống Tần được thực hiện, cứu nước Triệu thoát khỏi hiểm nguy.

[3] Về việc vua Minh dụ bảo tìm lập con cháu họ Trần và việc Lê Thái Tổ ngoại giao với Minh.

[4] Xem chú giải ở Chính biên VII, 4 và X, 18.

[5] Xem chú giải ở Chính biên XIII, 8.

Kịp khi trong nước đã yên, nhà vua tặng phong Lê Lai là Thiếu úy Lũng Nhai công thần. Đến đây, lại tặng phong thêm chức Thái úy, sai Lê Trãi[1] chép lời thề nguyền của nhà vua cất vào trong hòm bằng vàng để tỏ ý ghi nhớ không quên.

Canh Tuất, năm thứ 3 (1430). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 5).

Tháng 6, mùa hạ. Đặt lệ ngạch về thuế khóa. Ban hành luật lệ.

Sai Tổng quản Lê Khôi vào trấn giữ Hóa Châu.

Hóa Châu gần kề Chiêm Thành, nên phải sai người bầy tôi có họ thân[2] đi trấn thủ vỗ về để phòng giữ đất ấy.

> **Lời chua -** Hóa Châu: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chính biên VIII, 44).
>
> Chiêm Thành: Xưa là Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên VIII, 20-21).

Đổi Đông Đô làm Đông Kinh, Tây Đô làm Tây Kinh.

Tháng 11, mùa đông. Thổ tù Thái Nguyên là Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái làm phản. Nhà vua hạ chiếu chính mình cầm quân đi đánh.

Bọn Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái, thổ tù châu Thạch Lâm thuộc Thái Nguyên, mưu định làm phản. Nhà vua hạ chiếu chính mình cầm quân đi đánh, tuyển bộ binh ở hành doanh[3] Bồ Đề.

> **Lời chua -** Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19).
>
> Thạch Lâm: Tức Thông Nông. Xem Lý Anh Tông năm Đại Định thứ 6 (Chính biên IV, 41).

Giết Thái úy Lê Văn Xảo, tịch thu cả nhà.

Văn Xảo là người trội cả về tài lẫn trí, rất được nhà vua tin dùng. Đã từng làm tướng cầm quân đi đánh dẹp: làm cho An Lão[4] và Mộc Thạnh[5] đều phải thua chạy, Văn Xảo lập được nhiều chiến công vẻ vang. Năm Mậu Thân, Thuận Thiên thứ 1 (1428), nhận định công lao để ban thưởng: gia phong Văn Xảo làm Thái bảo, ban cho lấy theo họ Lê, rồi lại gia phong làm Thái úy.

Bấy giờ nhà vua đã hơi cao tuổi, lại nhiều tật bệnh. Quốc vương Tư Tề thì ngông cuồng càn bậy, Thái tử Nguyên Long thì còn thơ ấu. Thấy Văn Xảo là người Kinh lộ, có danh vọng đối với mọi người, nhà vua sợ rằng, một ngày kia, có lẽ khó kiềm chế được, cho nên đem lòng nghi kỵ. Bọn Trình Hoành Bá và Lê Quốc Khí đón biết ý ấy, muốn tâng công, nên dâng mật sớ cáo tỏ rằng Văn Xảo âm mưu làm việc trái phép. Nhà vua tin lời, bắt Văn Xảo phải chết và tịch thu cả nhà.

Tân Hợi, năm thứ 4 (1431). (Minh, Tuyên Đức năm thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tiến quân đến châu Thạch Lâm, thắng trận: Khắc Thiệu phải chạy rồi chết; bắt được Đắc Thái. Kéo quân về.

Châu Thạch Lâm đã dẹp yên. Đem tội trạng của Khắc Thiệu và Đắc Thái báo cáo cho trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết.

---

[1] Tức Nguyễn Trãi, vì đây theo "Quốc tính", nên chép là Lê Trãi.

[2] Lê Khôi, họ đồng tông với Lê Lợi.

[3] Quân Doanh đóng ở dọc đường khi vua đi trận.

[4] Hai tướng nhà Minh.

[5] Hai tướng nhà Minh.

Tháng 3. Nhà vua về cung.

Mở khoa thi hoành từ.

Nhà vua ngự ở hành cung Bồ Đề, thi các sĩ tử. Bọn Nguyễn Thiên Tích trúng tuyển, được bổ làm ngự tiền học sinh.

Lời cẩn án - Về khoa thi hoành từ, Sử cũ không chép; còn Đăng khoa lục và Lịch triều hiến chương Khoa mục chí đều chép cả, nhưng không ghi tháng. Nay xét: thi cử có quan hệ đến điển lễ trọng đại về việc lựa chọn nhân tài, không nên bỏ sót và chép sơ lược, nên nay xin chép vào tháng 3 năm này (Tân Hợi, 1431).

Lời chua - Khoa thi hoành từ: Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 8 (Chính biên XXI, 8-9).

Bồ Đề: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 4).

Nguyễn Thiên Tích: Người làng Nội Duệ thuộc huyện Tiên Du[1].

Tháng 11, mùa đông. Sứ nhà Minh sang.

Trước đây, nhà vua sai bọn Lê Hữu Lãm đem sang Minh tờ biểu của các kỳ mục[2] và xin phong tước. Vua Minh ưng thuận việc này, sai bọn Hữu thị lang Chương Xưởng và Hữu thông chính Từ Kỳ đem sắc sang phong nhà vua tạm quyền coi quản việc nước An Nam. Khi bọn Xưởng về, nhà vua sai bọn Thẩm hình viện phó sứ Nguyễn Văn Huyến sang Minh đáp lễ và tạ ơn, giải nộp lễ cống hàng năm là 5 vạn lạng vàng, rồi xin theo thể lệ thuế cống đã đặt từ năm Hồng Vũ thứ 3 (1370). Từ đó, sứ giả về việc bang giao đi lại không ngớt.

Lời phê - Bấy giờ vì phải lựa xử với nhà Minh cho được việc, nên lễ cống mới phí tổn quá nặng, chứ không được nhẹ như ngày nay[3].

Lời chua - Lệ cống đặt từ năm Hồng Vũ thứ 3: Theo sách Hội điển nhà Minh thì lệ cống gồm có: Các đồ dùng bằng vàng bạc, sừng tê, ngà voi, lụa bạch, hương xông, hương giáng chân[4], trầm hương, tốc hương[5], mộc hương, hương vòng đen và quạt giấy.

Tháng 12. Sách Lam Sơn thực lục làm xong.

Trước kia, nhà vua sai cho thần soạn cuốn Lam Sơn thực lục, trình bày công đức chứa chất của ông cha và những nỗi gian nan gây dựng cơ nghiệp đế vương. Đến đây, sách làm xong, nhà vua đề tựa đặt ở đầu sách, tự hiệu là Lam Sơn động chủ.

Đèo (Điêu) Cát Hãn, thổ tù châu Ninh Viễn, làm phản. Nhà vua sai Quốc vương Tư Tề và Tư khấu[6] Lê Sát đi đánh.

Liên kết với Kha Lại, bầy tôi phản nghịch của Ai Lao, Đèo Cát Hãn lấn lướt khuấy nhiễu nhân dân ở nơi biên giới. Việc này lên đến triều đình, nhà vua sai tướng đi đánh; kế đó lại định chính mình cầm quân đi dẹp.

Lời chua - Ninh Viễn: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 17).

Nhâm Tí, năm thứ 5 (1432). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 7).

---

[1] Nay là xã Nội Duệ thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Tờ biểu do các kỳ mục nước ta đứng khai về việc con cháu họ Trần không còn, Lê Lợi được người nước yêu mến, xứng đáng coi quản việc nước (Chính biên XV, 25).

[3] Tác giả lời phê này có ý so sánh cống phẩm đời Lê Thái Tổ với đời Tự Đức (1848-1883).

[4] Cũng gọi "giáng hương", một thứ gỗ thơm, gốc rắn chắc, sắc tía mà nhuần mỡ: khi đốt làm hương, ban đầu không thơm lắm, nhưng được hòa với các mùi hương khác thì nó mới ngào ngạt thơm. Sở dĩ gọi là hương "giáng chân", là vì người xưa theo duy tâm đốt hương này có thể cầu thần linh giáng lâm.

[5] Xem chú giải ở Chính biên XIV, 24.

[6] Chức quan trông coi về việc đánh bắt giặc.

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh châu Ninh Viễn, thắng trận: Kha Lại chạy rồi chết, Đèo Cát Hãn lẩn trốn. Nhà vua đặt đất Ninh Viễn là châu Phục Lễ. Tháng 3, trở về cung, dâng tù binh ở nhà Thái miếu.

Quan quân chia hai đường thủy bộ cùng tiến, thẳng tới châu Ninh Viễn: cả phá được địch. Kha Lại phải chạy về Lự Động thuộc Ai Lao. Nhà vua ra lệnh cho Lê Sát tiến quân đến đầu địa giới Ai Lao. Người Lào sợ, bèn giết Kha Lại, rồi đến xin hàng tại cửa trại quân ta. Cát Hãn trốn xa. Nhà vua sai bắt hết làm tù binh các bè đảng của hắn. Đặt đất Ninh Viễn làm châu Phục Lễ; rồi hạ chiếu rút quân về, dâng tù binh ở nhà Thái miếu.

Lời phê[1] **-** Với oai quyền và danh tiếng của Lê Thái Tổ, cần gì phải diễu võ dương uy với đám giặc cỏ, tép nhẹp khoe khoang như vậy?

Lời chua - Phục Lễ: Nay là Lai Châu thuộc tỉnh Hưng Hóa[2].

Lự Động: Thay đổi ra sao, không rõ.

Tháng 11, mùa đông. Đèo Cát Hãn và con là Mạnh Vượng xin hàng. Nhà vua tha tội cho Cát Hãn và phong làm Tư mã.

Quý Sửu, năm thứ 6 (1433). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 8).

Tháng 4, mùa hạ. Sổ hộ tịch đã hoàn thành.

Trước kia, nhà vua sai làm hộ tịch; đến đây, sổ sách đã xong, dâng lên triều đình.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua đi vào Tây Kinh. Cùng tháng ấy, trở về cung.

Nhà vua đi Tây Kinh, thăm các lăng tẩm.

Quôc vương Tư Tề có tội bị giáng xuống làm Quận vương.

Tư Tề làm nhiều điều cuồng dại, trái nghịch. Nhà vua lấy làm lo lắng, bèn ban dụ rằng:

"Làm tôi phải trung, làm con phải hiếu. Thế mà Tư Tề ngang ngược với thần, khinh lờn cả trời, không hiếu thảo với cha mẹ, không noi theo đường lối của các hiền triết xưa. Vậy nay giáng Tư Tề xuống làm Quận vương".

Nhà vua sai Thái tử Nguyên Long coi quản việc nước.

Tờ chiếu đại lược nói: "Trẫm đây tài mọn, đức mỏng, kính vâng mạng trời, ở ngôi đến nay đã được sáu năm. Bây giờ đã đến lúc mệt mỏi, không siêng chăm được chính sự.

"Hoàng thái tử, tuổi tuy thơ ấu, nhưng tính nhân từ hiếu thảo bấy lâu đã thấy tỏ lộ ra ngoài, được mọi người hòa thuận tin theo, đáng hưởng ngôi báu. Vậy có tể trao cho kiếm và ấn để thay trẫm coi quản việc nước".

Phong Lê Sát làm Đại tư đồ[3]**.**

Bấy giờ nhà vua đau nặng. Thái tử còn nhỏ tuổi, coi quản việc nước. Lê Sát là bậc công thần, được nhà vua tin cậy, định giao cho công việc nhận lãnh di chiếu làm phụ chính để giúp chúa nhỏ, cho nên nay có mệnh lệnh phong cho chức này.

Tháng 8 nhuận. Sao chổi mọc ở phương tây.

Nhà vua mất.

Nhà vua ở ngôi 6 năm, thọ 49 tuổi. Trước kia, nhà vua trỗi dậy, khởi nghĩa, dẹp yên giặc Minh, trải mười năm trong nước được bình định. Kịp khi lên ngôi, quy định thuế khóa, chia ruộng đất, ban hành

---

[1] Chỉ việc Lê Thái Tổ đi đánh Đèo Cát Hãn.

[2] Nay thuộc tỉnh Lai Châu.

[3] Đây là chức hàm gia thêm để phong cho đại thần.

luật lệnh, mở khoa thi, tổ chức quân cấm vệ, cất đặt quan chức, tưởng lục công thần, dựng trường học... Quy mô sáng nghiệp có thể gọi là rộng lớn; nhưng hay nghi kỵ, đa sát: đó là chỗ kém của nhà vua.

Lời cẩn án - Theo Thông sử của Lê Quý Đôn, nhà vua thọ 49 tuổi: còn Sử cũ và mục "Nhân vật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú đều chép nhà vua thọ 51 tuổi. Thế là hai thuyết khác nhau. Nay xét: Nhà vua sinh năm Ất Sửu (1385), mất năm Quý Sửu (1433), vậy thì Thông sử là đúng. Nay theo Thông sử.

Tháng 9. Thái tử Nguyên Long lên ngôi (tức là Thái Tông).

Nguyên Long mới 11 tuổi.

Đại xá cho cả nước.

Ban chiếu đại xá. Kể từ sang năm (Giáp Dần, 1434) là niên hiệu Thiệu Bình thứ 1.

Tháng 11, mùa đông. Táng (Lê Thái Tổ) ở Vĩnh Lăng.

Đưa về táng ở Vĩnh Lăng trong Lam Sơn, miếu hiệu là Thái Tổ. Bầy tôi dâng thụy hiệu là: Thống niên, khải vận thánh đức thần công duệ văn anh vũ khoan minh dũng trí hoằng nghĩa chí minh đại hiếu Cao hoàng đế. Sai sứ sang cáo phó với nhà Minh.

Xây điện Lam Kinh.

Lời chua - Điện Lam Kinh: Theo Hoàng Việt địa dư chí thì điện này ở xã Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, phía sau dựa vào núi làm gối, phía trước hướng mặt ra sông.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XVI

Từ Giáp Dần, Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 1 (1434) đến Bính Thìn, năm Thiệu Bình thứ 3 (1436). Gồm 3 năm.

❈

Giáp Dần, Thái Tông Văn hoàng đế, năm Thiệu Bình thứ 1 (1434). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 9).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi bái yết thái miếu.

Tết Nguyên đán, nhà vua dẫn đầu trăm quan đi bái yết thái miếu.

Sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, nhà Minh sai bọn Từ Kỳ đem sắc văn sang hỏi về số người Minh còn bị giam giữ và số vàng trong lệ tuế cống[1]. Đến đây, nhà vua sai bọn Môn hạ thị lang Nguyễn Phú (sau đổi là Nguyễn Truyền) và Lang trung Phạm (Thì) Trung đem sang đưa cho nhà Minh[2].

Sắc sai trăm quan tiến cử người hiền.

Nhà vua dụ rằng: "Các ngươi là quan liêu đã được trẫm tin dùng. Trước đây, vì lòng cầu hiền để lo trị nước, đã ra lệnh cho ai nấy được tiến cử một người; đến nay vẫn chưa thấy đáp ứng mệnh lệnh, là cớ làm sao?".

Lại dụ: "Những người được tiến cử mới đây đều là hạng tầm thường cả. Từ nay về sau, các ngươi nên lưu tâm xem xét dò tìm: Hoặc giả còn có những người ẩn tích ở nơi đồng nội rừng rú nếu quả thực là bậc tài đức đều trội thì các ngươi nên cùng nhau đứng lên đề cử chung để làm thỏa ý thiết tha cầu hiền của trẫm".

Điểm duyệt quân đội và chiếu dụ.

Sắc sai các quân Ngự tiền và vệ quân năm đạo đúng ngày 20 tháng này[3] phải nhất tề tập hợp ở Đông Kinh để thao diễn. Chỉ có các quân ở Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa được phép tới bản trấn[4] ở địa phương mình để điểm duyệt. Ai trái lệnh, phải trị tội.

> **Lời chua -** Các quân Ngự tiền: Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì Lê Thái Tổ có đặt ra sáu quân Ngự tiền, như:
>
> 1. Ngự tiền võ sĩ;
> 2. Ngự tiền trung quân;
> 3. Tả, Hữu, Tiền, Hậu, Dực thánh quân[5];

---

[1] Lễ tiến cống hàng năm. Xem thêm Chính biên XV, 29.

[2] Về việc này, Cương mục cũng như Toàn thư (quyển XI, tờ 1b-2a) không chép rõ là đưa trả nhà Minh số người còn bị giữ lại hay là số vàng tuế cống.

[3] Tức tháng giêng năm Giáp Dần (1434).

[4] Chỗ trấn mình ở. Thí dụ như quân ở Thanh thì gọi Thanh Hóa là bản trấn, quân ở Nghệ thì gọi Nghệ An là bản trấn.

[5] Quân hiệu này nếu chia tách ra thì là Tả Dực thánh quân, Hữu Dực thánh quân, Tiền Dực thánh quân và Hậu Dực thánh quân.

4. Phủng thánh quân;

5. Thời lôi quân;

6. Bảo ứng quân.

Vệ quân năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5-6).

Đông Kinh: Tức Thăng Long. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên II, 10).

Tân Bình: Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16-17).

Hạ lệnh cho con cháu về ngành đích của các quan văn võ từ lục phẩm trở lên được vào học ở Quốc Tử Giám.

Nhà vua ra lệnh cho con cháu về ngành đích của trăm quan từ lục phẩm trở lên, ngoài những công việc đê điều và báo tin có động ở biên giới không được vin lệ xin miễn ra, còn tiền thuế thân và tạp dịch khác đều được tha cả. Hạng con cháu này đều được khai tên vào học trong Quốc Tử Giám để đợi bổ dụng.

Nhà vua đến trường đua[1], xem quần thần hội thề.

Hồi đầu thời Lý, hằng năm, cứ đến tháng trọng xuân[2], hội họp quần thần ăn thề ở đền thờ thần Đồng Cổ. Nhà Trần vẫn làm theo. Đến đời Hồ Quý Ly, vì có vụ Trần Khát Chân[3], nên lễ minh thệ này mới phế bỏ. Đầu đời Lê, lễ này cũng bỏ qua, không nói tới. Đến đây, bọn Lê Sát mới xin với nhà vua, lập đàn thờ ở trường đua, khấn cáo với thần linh trên trời dưới đất, tập hợp trăm quan văn võ trong kinh đô và ngoài các đạo, cắt tiết ngựa bạch làm lễ ăn thề. Nhà vua tới xem.

Lời phê[4] - Lê Thái Tổ là bậc hiền triết sáng suốt, cẩn thận trong việc lựa chọn tôi hiền để giúp vua nhỏ, thế mà lại dùng bọn Lê Sát là những kẻ vô học, chẳng biết chính luật là gì, nên mới noi theo quy chế hội thề là thói hủ lậu của Lý, Trần. Sau này Lê Thái Tông buông tuồng rông rỡ đến nỗi chuốc lấy tai vạ[5], chưa chắc đã không phải vì có giúp rập không có người tốt. Vậy đức tốt của Lê Thái Tổ so với Hán Cao Tổ (206-195 tr.c.ng.)[6] và Hán Văn Đế (179-157 tr.c.ng.)[7] còn kém xa.

Lời chua - Trường đua: Có thuyết nói phía tây thành Đông Kinh; thuyết khác lại cho là ở Trung Hà thuộc huyện Vĩnh Thuận.

Đền Đồng Cổ[8]: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 19 (Chính biên II, 29-30).

Tháng 2. Bọn Hoàng Nguyên Ý, thổ tù Lạng Sơn, định làm phản, dẹp yên được.

---

[1] Có thể là trường đua ngựa hoặc bãi tập bắn ở đương thời.

[2] Tháng 2 âm lịch.

[3] Trần Khát Chân cùng các đồng đảng mưu giết Hồ Quý Ly nhưng thất bại. Xem Chính biên XI, 34.

[4] Về việc Lê Thái Tổ tin dùng Lê Sát.

[5] Chỉ việc Lê Thái Tông chết ở Lệ Chi Viên.

[6] Chỉ việc Hán Cao Tổ, khi sắp mất biết rõ trong các bầy tôi có người hiền như Tào Tham, Vương Lăng, Trần Bình và nhất là Chu Bột, người có thể giữ cho họ Lưu (họ Hán Cao Tổ) được vững vàng yên ổn, nên đặt lại cho Chu Bột làm Thái úy.

[7] Chỉ việc Hán Văn Đế biết Chu Á Phu là một tướng tài giỏi, nên phong làm Trung uý, và dặn lại Cảnh Đế nên dùng Chu Á Phu khi có việc nguy cấp.

[8] Hiện nay đền này vẫn còn ở Hà Nội.

Trước kia, Nguyên Ý cùng bọn Hoàng Văn Ngạc, Nguyễn Thế Ninh và Nguyễn Công Đình lấy tư cách là thổ tù quy thuận triều đình. Vì có công, họ đều được phong chức quản lãnh, vẫn cứ coi quản dân chúng ở bản thổ. Bọn Tuyên úy Lê Đồ không biết cách vỗ về chế ngự, nên bọn Ý đều oán, chực làm loạn. Nhân bấy giờ có tên Phi Báo, gia nô của Nguyên Ý phạm tội với chủ, bèn cáo tỏ với bọn Lê Bồ về tình trạng Nguyên Ý mưu phản. Bọn Lê Bồ tâu việc này lên triều đình. Nhà vua sai Lê Văn An, tư mã Bắc đạo, đem quân Thiết Đột và quân bản đạo[1] đi đánh. Kịp khi Văn An đến nơi, Văn Ngạc đã bị thổ binh giết chết. Bọn Nguyên Ý đều bỏ vợ con, trốn sang nhà Minh. Văn An bèn bắt bớ thân thuộc bọn Nguyên Ý và hơn nghìn thổ dân đem về. Nhà vua tha cho thổ dân được về làm ăn như cũ, còn thân thuộc của bọn Nguyên Ý thì bắt làm nô, chia cấp cho các nhà công thần.

Lời chua - Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 31).

Nguyễn Thế Ninh, Nguyễn Công Đình: Theo phần Liệt truyện trong Minh sử thì Thế Ninh và Công Đình đều đem bộ thuộc sang quy phụ nhà Minh, xin cư trú tại đất Đống Châu thượng và hạ thuộc Long Châu.

Bắc đạo, Thiết Đột: Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 3-5).

Khảo hạch học sinh các lộ.

Trước kia, Lê Thái Tổ có hạ chiếu cho trong nước về việc dựng nhà học, gây nhân tài, lựa lấy con em các nhà lương thiện ở dân gian sung làm hiệu sinh các lộ, rồi cất đặt các nhà nho học làm thầy để dạy dỗ. Đến đây, nhà vua ra lệnh cho tập hợp ở dinh quan bản đạo để quan trên sát hạch xem sự tiến tới ra sao, lấy trúng tuyển hơn một nghìn người, chia làm ba bậc: bậc nhất và bậc nhì được bổ vào Quốc Tử Giám, bậc ba cho về trường hàng lộ để đọc sách. Cả ba bậc này đều được miễn sai dịch.

Giết Tư khấu Lê Nhân Chú. Biếm truất Nam đạo hành khiển Lê Khắc Phục xuống làm đại tông chánh. Đày Nguyễn Đức Minh đi châu xa[2].

Lê Sát làm thủ tướng, mọi việc đều quyết định theo ý mình. Sát thấy Nhân Chú không ăn cánh, nên gièm pha rồi giết chết. Lại biếm truất em Nhân Chú là Khắc Phục. Sau đó có bức thư nặc danh dán ở vách tường một ngôi đền bên đường rằng:

"Đại tư đồ Sát đồng mưu với đô đốc Vấn giết chết Ông Sĩ". Ông Sĩ là tên tự của Nhân Chú. Giám sinh Nguyễn Đức Minh gọi mọi người đến xem rồi bóc ném ngay xuống nước. Bọn Sát ngờ rằng thư nặc danh ấy do Đức Minh làm ra. Trải qua nhiều lần tra hỏi, Đức Minh vẫn không nhận. Toan đem chém, nhưng tòa pháp ti cho là một án còn đáng ngờ, nên đày Đức Minh đi châu xa, tịch thu cả nhà.

Sai sứ đi tuyển thêm binh lính.

Bấy giờ sổ quân không được đầy đủ. Nhà vua sai bọn Đại Tư đồ Lê Sát, Tư khấu Lê Ngân, Tư mã Lê Liệt và Lê Bôi tuyển lựa đinh tráng các đạo làm binh lính. Các danh sắc[3] như viên tử là con các quan võ từ lục phẩm trở lên và như giám sinh ở Quốc Tử Giám, lại như các công nô và tư nô do vua ban cho ở các nhà quan đều được miễn quân dịch. Trong quân và dân nhà nào có ba con trai thì một con được miễn. Còn ngoài ra đều phải tuyển mộ cả.

Xóa tên Trình Hoành Bá trong sổ làm quan bắt sung làm lính.

Trước kia, vua Thái Tổ thường hay đau yếu, Quận vương Tư Tề ngông cuồng rông rỡ, nhà vua hãy còn trẻ thơ. Còn Trần Hãn là dòng dõi họ Trần, Phạm Văn Xảo là người Kinh lộ, họ đều có công giúp rập khai quốc, được dân chúng để ý trông cậy. Vua Thái Tổ đem lòng nghi kỵ vì sợ họ có ý gì khác. Trình Hoành Bá cùng bọn Đinh Bang Bản, Lê Quốc Khí, Nguyễn (Tông) Chí và Lê Đức Dư đón biết ý muốn bề

---

[1] Tức là quân ở Bắc đạo thuộc quyền Lê Văn An.

[2] Châu Bố Chính (Xem Chính biên XV, 10).

[3] Những người có chức vị ở trong xã hội phong kiến, cũng như đời sau gọi là "chức sắc" hoặc "cước sắc".

trên như thế, bèn đua nhau dâng mật sớ tâu xin trừ diệt họ. Hễ có người nào không vừa ý chúng thì chúng lại buộc là bè đảng của hai nhà Trần, Phạm; do đấy số người bị liên lụy rất nhiều. Về sau, Lê Thái Tổ xét rõ biết rằng bọn Hoành Bá đều là tiểu nhân xảo trá đảo điên, đã ruồng rẫy chúng rồi; nhưng vẫn lo chúng sẽ lại ngóc lên được, nên đã răn dạy là đừng dùng chúng nữa. Đến đây, Lê Sát cho rằng Hoành Bá có tài, đáng tiếc, nên lại muốn dùng Hoành Bá. Các quan giữ việc can ngăn là Nguyễn Thiên Tích và Bùi Cầm Hổ tâu rằng: "Tiên đế[1] đã có chỉ dụ dặn không nên dùng bọn Hoành Bá nữa mặc dầu chúng có tài; thế mà nay lại cất dùng, đó là trái ý Tiên đế". Vì vậy, nay mới xóa tên Hoành Bá và bắt sung làm lính.

Lời chua - Nguyễn Thiên Tích: Người Nội Duệ thuộc huyện Tiên Du[2], đỗ khoa hoành từ năm Tân Hợi, Thuận Thiên thứ 4 (1431) đời Lê Thái Tổ.

Bùi Cầm Hổ: Người Độ Liêu thuộc huyện Can Lộc[3].

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân đến Đông Kinh[4] để đảo vũ.

Bấy giờ trời mãi không mưa. Nhà vua sai rước tượng Phật đến Đông Kinh, để làm lễ cầu đảo. Quan giữ việc can ngăn là Nguyễn Thiên Hựu tâu rằng: "Xin Bệ hạ tu đức, xét tù oan ức, thải bớt cung nữ, nếu mà trời còn không mưa thì chém tôi để tạ tội với thiên hạ". Tờ sớ của Thiên Hựu dâng lên, Lê Sát ghét rằng nói thẳng. Gặp bấy giờ có mưa nhỏ, Lê Sát bèn gọi Thiên Hựu đến hỏi: "Tối hôm qua chẳng mưa nhỏ đấy ư?". Lại có tin báo có mưa từ các lộ Thanh Hóa, Tuyên Quang gửi đến tâu trình, Lê Sát liền đem cả mọi tin này bảo cho Thiên Hựu biết, Thiên Hựu không đối đáp ra sao được.

Lời chua - Chùa Pháp Vân: Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chính biên III, 31-32).

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 30).

Ân xá.

Vì cớ hạn hán, nhà vua ân xá cho vài mươi người tù phạm tội nhẹ.

Giáng chức Nhập nội thiếu bảo Lê Khả xuống làm Tuyên úy đại sứ ở Lạng Sơn[5].

Lê Khả không ưa nhau với thủ tướng Lê Sát, xin rút lui, bèn bị giáng xuống làm chức Tuyên úy đại sứ ở Lạng Sơn. Sau đó lại bổ làm Đồng quản lãnh[6] ở quân vệ Nam Sách hạ[7].

Lời chua - Nam Sách (chữ Sách là sách lược): Tức Nam Sách (chữ sách là sổ sách). Xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tiền biên V, 22).

Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu.

---

[1] Chỉ Lê Thái Tổ.

[2] Thuộc tỉnh Bắc Ninh.

[3] Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Tức Đông Đô được đổi làm Đông Kinh từ năm Canh Tuấtn, 1430 (xem Chính biên XV, 26).

[5] Cũng như Cương mục, toàn thư XI, 7b chép việc Lê Khả làm Tuyên úy đại sứ ở trấn Lạng Sơn này vào tháng 4 năm Giáp Dần (1434), nhưng đến việc Lê Khả nhậm chức quân vệ ở Nam Sách hạ thì chép là đồng tổng quản, chứ không phải là đồng quản lãnh, và đặt vào chỗ tháng 6 năm Đinh Tị, 1437 (Toàn thư XI, 40a)

[6] Cũng như Cương mục, toàn thư XI, 7b chép việc Lê Khả làm Tuyên úy đại sứ ở trấn Lạng Sơn này vào tháng 4 năm Giáp Dần (1434), nhưng đến việc Lê Khả nhậm chức quân vệ ở Nam Sách hạ thì chép là đồng tổng quản, chứ không phải là đồng quản lãnh, và đặt vào chỗ tháng 6 năm Đinh Tị, 1437 (Toàn thư XI, 40a)

[7] Cũng như Cương mục, toàn thư XI, 7b chép việc Lê Khả làm Tuyên úy đại sứ ở trấn Lạng Sơn này vào tháng 4 năm Giáp Dần (1434), nhưng đến việc Lê Khả nhậm chức quân vệ ở Nam Sách hạ thì chép là đồng tổng quản, chứ không phải là đồng quản lãnh, và đặt vào chỗ tháng 6 năm Đinh Tị, 1437 (Toàn thư XI, 40a)

Bố Đề, chúa Chiêm Thành, hay tin vua Lý Thái Tổ mới mất, nhà vua nhỏ tuổi, lên nối ngôi, bèn chính mình đem quân ra gần ngoại thành rồi sai thuyền chiến lén vào cửa Việt thuộc Hóa Châu, cướp bắt vài người sở tại để dò hỏi tình hình hư thực trong nước ta. Nhân dân Hóa Châu đuổi đánh, bắt được hai tên lính Chiêm, giải ra Kinh đô. Nhà vua sai diễu võ dương uy ở trường đua, cho dẫn tù binh Chiêm Thành đến xem rồi tha cho về.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

Hóa Châu: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chính biên VIII, 44).

Cửa Việt: Ở huyện Đăng Xương 26 dặm về phía đông bắc, thuộc đạo Quảng Trị ngày nay. Nguyên trước tên là cửa biển An Việt, năm Minh Mạng thứ 1 (1820) đổi gọi là Việt An.

Lập đàn cúng ở điện Cần Chính.

Bấy giờ vì hạn hán lâu ngày có tổn hại đến nghề nông, lại vì chiếc thuyền ngự do Nghệ An dâng tiến bị sét đánh, nên làm đàn cúng để trừ tai.

Thái sử Bùi Hanh mật tâu rằng ngày mồng 1 tháng 5 có tinh con vượn đen hút khí mặt trời, nên có nhật thực thì trong nước có tai biến. Nếu giết con vượn thật để yểm trừ thì tai biến có thể qua khỏi. Lê Sát tin lời, bèn tâu xin ra lệnh cho dân ở miền núi thuộc Tuyên Quang và Thái Nguyên săn bắt vượn, đưa đến Kinh đô. Tới ngày đã được vượn, nhà vua nghỉ thiết trào, làm phép yểm trừ ở trong cấm cung, trăm quan không dự biết việc này.

Lời phê[1] - Càn bậy quá lắm!

Lời chua - Tuyên Quang, Thái Nguyên (tức Ninh Sóc): Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19, 30, 31, 32).

Tháng 5. Quy định rõ ngạch thuế bãi dâu.

Đầu niên hiệu Thuận Thiên (1428-1433), đã quy định các ngạch thuế khóa, nhưng chỉ mới làm kỹ về thuế dân đinh, thuế đầm và thuế ao, còn thuế bãi dâu hãy còn sơ lược. Đến đây, quy định rõ ràng lại để làm luật lệ lâu dài.

Sai bọn Tư mã Lê Liệt đi kinh lược Tân Bình và Thuận Hóa.

Vì Chiêm Thành vào lấn cướp, nên nhà vua sai Lê Liệt thống suất các quân Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa đi kinh lược nơi biên giới. Nhà vua ra mệnh lệnh rằng: "Khi ra trận đánh giặc, từ tướng hiệu trở xuống hễ ai dám trái lệnh và thụt lùi thì cho Lê Liệt được phép chém trước tâu sau". Nhà vua lại sai bọn Nhập nội thiếu úy Lê Khôi và Tổng quản Lê Truất liền đó xuất quân đi tiếp ứng.

Khi họ kéo quân đến Hóa Châu thì Bố Đề[2] đã rút lui từ trước rồi. Họ định kéo quân về, bỗng gặp việc tên Thành (không rõ họ), phụ đạo người Mán Hóa Châu, bị xâm lấn bởi tên Luận (không rõ họ), cũng là phụ đạo, đến xin cứu viện, bọn Lê Liệt liền kéo quân đến giúp. Tên đầu sỏ dân Mán được tin đại quân đã đến, tức thì đang đêm trốn mất. Bọn Liệt bắt được hơn nghìn người và đem vài mươi thớt voi đem về.

Lời chua - Thành, Luận: Đều là tên người, làm chức phụ đạo.

Sai sứ sang nhà Minh.

Nhà vua sai bọn Tuyên phủ sứ Nguyễn Trụ và Hoàng môn thị lang Thái (Sái) Quân Thực đem biểu văn và sản vật địa phương sang Minh cầu xin phong vương.

---

[1] Chỉ việc Bùi Hanh nói tinh vượn đen hút khí mặt trời và xin yểm bằng con vượn thật.

[2] Chúc Chiêm Thành (xem Chính biên XVI, 8).

Bài biểu tấu về việc này do Đại hành khiển Lê Trãi soạn; Nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ và Học sĩ Lê Cảnh Xước muốn sửa đổi vài chữ. Trãi nổi giận, nói: "Bọn các ngươi là hạng bày tôi tụ liễm[1]. Nạn hạn hán ngày nay đều do các ngươi gây ra cả!". Thúc Huệ đem chuyện này mách Lê Sát và Lê Vấn. Lê Vấn nổi giận, trách Lê Trãi rằng: "Những cớ gây nên tai nạn và hạn hán là do nhà vua và thủ tướng đó thôi, chứ không phải lỗi tại bọn này[2]. Sao ông trách nhau quá lắm thế!". Lê Trãi xin lỗi, nói: "Thúc Huệ là hạng tài mọn, chỉ chăm đục khoét vơ vét, thế mà hắn giữ chức then chốt trong nước, hễ có tâu bày điều gì, hắn chỉ muốn làm thiệt dân, đem lợi về nhà quan để dua nịnh bề trên; cho nên tôi mới nhân việc này mà nói ra đó thôi, chứ không phải có ý phúng thứ và dị nghị nhà vua và thủ tướng gì đâu". Lê Sát vẫn không nguôi giận. Cuối cùng bài tấu vẫn không sửa đổi.

Có bảy tên trộm đều là tái phạm, đáng bị tử hình. Bọn Lê Sát và Lê Ngân lấy làm khó nghĩ, vì e phải giết nhiều quá! Nhà vua đem việc này hỏi Thừa chỉ Lê Trãi. Trãi thưa: "Hình phạt không bằng nhân nghĩa, thì rõ ràng rồi, bây giờ một chốc giết bảy mạng người thì e không phải là việc làm có đức cao cả. Kinh thư có nói: "An nhữ chỉ"[3], nghĩa là phải làm cho được đúng chỗ. Thí dụ như trong cung là đúng chỗ của bệ hạ, thỉnh thoảng có đi tuần du chỗ khác, thì không thể thường được thoải mái; đến khi trở về cung, mới thật được đúng chỗ. Ông vua đối với nhân nghĩa cũng vậy". Bọn Sát bèn bảo Lê Trãi: "Ông là người nhân nghĩa, có thể cảm hóa người ác trở nên người thiện, thì đây, xin giao cho ông bọn trộm này". Rồi bọn Sát đem bảy tên tù phạm này giao cho Trãi đứng bảo quản[4]. Trãi nói: "Bọn chúng là đồ hung ác gian giảo. Pháp luật và chế độ của triều đình cũng không răn chừa được chúng, nữa là Trãi này có đức độ gì mà cảm hóa nổi!". Do đấy, chỉ chém hai tên cầm đầu còn thì khép vào tội lưu.

Lời phê[5] - Trãi là bậc có tài, vậy mà vẫn không khỏi có tính kiêu căng, cho nên sau này mới chuốc lấy tai vạ[6]. Thế mới biết Trương Tử Phòng là bậc cao kiến[7], đời sau ít ai sánh kịp.

Có khí sắc xanh đỏ như cầu vồng xuất hiện ở phía đông bắc.

Sương sa.

Sửa chữa chùa Báo Thiên, giết người thợ tên là Cao Sư Đãng.

Bấy giờ điều động thợ sơn làm ở chùa Báo Thiên. Sư Đãng phải nhọc nhằn làm việc, có nói vụng rằng: "Thiên tử thì kém đức để đến nỗi có nạn hạn hán; đại thần thì ăn hối lộ, cất dùng kẻ nọ người kia chẳng làm được công trạng gì cả! Có hay gì mà còn nịnh Phật?". Có người đem chuyện này cáo tỏ với Lê Sát. Sát nổi giận, sai bắt Sư Đãng giao cho quan coi hình ngục xét xử. Thẩm hình là Nguyễn Đình Lịch khép Sư Đãng vào tội thả lời yêu quái càn bậy, đáng phải chết chém. Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cẩm Hổ tâu xin giảm tội tử hình cho Sư Đãng. Nhà vua toan nghe theo. Lê Sát nói: "Trước kia, Nguyễn Đức Minh làm thư nặc danh, đáng phải tội giết chết để rao cho mọi người biết[8], trở đi nghe lời Thiên Hựu, giảm nhẹ tội cho Đức Minh. Nay nếu lại tha Cao Sư Đãng thì răn kẻ khác thế nào được?". Bèn sai chém Sư Đãng.

Lời chua - Chùa Báo Thiên: Xem Lý Thánh Tông, năm Long Thụy thái bình thứ 3 (Chính biên III, 22).

Tháng 6. Ai Lao sai sứ đến triều cống.

---

[1] Đánh thuế nặng để làm giàu cho bề trên.

[2] Chỉ bọn Nguyễn Thúc Huệ và Lê Cảnh Xước.

[3] Chữ trong thiên Ích tắc, kinh Thư, lời Hạ Vũ khuyên vua Thuấn, ý nói thuận theo chính đạo mà đứng chính chỗ chỉ thiện.

[4] Chịu trách nhiệm nhận lĩnh và bảo đảm.

[5] Chỉ việc Trãi giận mắng bọn Nguyễn Thúc Huệ góp ý kiến xin sửa lại vài chữ trong bài tấu.

[6] Chỉ việc sau này Trãi bị tru di tam tộc vì vụ án trại Vải (Lệ Chi Viên).

[7] Trương Lương, tên tự là Tử Phòng, giúp mưu bày kế cho Hán Cao Tổ thống nhất thiên hạ. Khi Hán Cao Tổ làm vua, vì có công, Trương Lương được phong Lưu hầu; về sau, đi tu tiên, thoát ra ngoài vòng danh lợi.

[8] Xem Chính biên XVI, 5.

Ai Lao và Bồn Man sai sứ giả đến cống sản vật địa phương. Nhà vua ban cho lụa bạch và áo dệt kim tuyến, rồi cho về.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tiền biên IV, 10).

Bồn Man: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chính biên XVIII, 8).

Mù sa dày đặc cả khoảng không.

Nước biển tràn ngập.

Mưa.

Sắc sai trăm quan làm lễ lạy tạ.

Đày Bùi Ư Đài, Đồng tri Bắc đạo, đi châu xa[1].

Bùi Ư Đài thấy tai biến và điềm gở dồn dập xảy đến, bèn dâng tờ sớ gồm bốn điều, trong đó:

"1- Ở trong, nên lựa lấy những chỗ hoàng huynh, quốc cữu mà là bậc lão thành am tường thông thuộc các điển lệ và việc cũ, khiến cho ở bên tả hữu để dạy nhà vua. Ở ngoài, nên cất đặt người hiền giữ chức sư phó để làm cột trụ cho nhà nước, gương mẫu cho trăm quan.

"2- Đầu quốc triều ta[2], những quan văn võ can phạm tội lỗi đều phải phạt tội đồ, tội lưu, thế là tiên đế[3] có ý răn dạy những kẻ gian tà. Nay lại cho họ được khai phục, làm việc cai quản quân và dân. Như vậy là làm trái với ý tiên đế[4], không hợp với đạo trời đất".

Thấy tờ sớ này, Lê Sát giận lắm, sai chép ra hai điều trên đây để dâng lên vua và tâu: "Tiên đế[5] cho rằng bọn thần đều là chỗ tôi con lâu đời theo hầu trận mạc, vạn tử nhất sinh để lập được triều đình, lại xét rõ rằng bọn thần là người mộc mạc và lành, cho nên khi sắp băng hà, mới phó thác bệ hạ cho bọn thần. Nay những lời Ư Đài nói đó có ý ngờ vực bọn thần lừa dối che dấu bệ hạ điều gì, nên mới khuyên bệ hạ tìm chỗ họ hàng mà có công lao để phòng ngừa bọn thần. Vậy xin giao Ư Đài xuống cho pháp ti[6] xét xử. Nếu Ư Đài quả có ý ly gián vua và tôi thì nên theo pháp luật nhà nước mà trị tội, không nên tha".

Nhà vua ngẫm nghĩ hồi lâu, nói: "Những lời Ư Đài nói đấy đâu đến như vậy!". Lê Sát vẫn cứ cố chấp tâu mãi đến vài bốn lần, nhưng nhà vua không nghe.

Bọn Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ tâu rằng: "Ư Đài khuyên bệ hạ không nên ủy nhiệm đại thần, thế là trái với lời chiếu để lại của tiên đế[7]. Việc này không thể không xét hỏi được". Nhà vua bèn đày ải Ư Đài đi châu xa.

Lời phê[8] - Bầy tôi trung thực có lẽ lại nên như thế sao? (Bọn Nguyễn Thiên Hựu) cầm roi ngựa hầu Cấp Trường nhụ[9] cũng chưa xứng đáng.

---

[1] Xem Chính biên XV, 10 và XVI, 5.

[2] Tức đầu triều Lê.

[3] Chỉ Lê Thái Tổ.

[4] Chỉ Lê Thái Tổ.

[5] Chỉ Lê Thái Tổ.

[6] Tức tòa tư pháp giữ việc xét xử hình ngục.

[7] Chỉ Lê Thái Tổ.

[8] Chỉ việc Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ về hùa với Lê Sát, buộc tội Bùi Ư Đài.

[9] Tên tự của Cấp Ảm, người Bộc Dương đời Hán. Dưới triều Hán Vũ đế (140-87 tr.c.ng.). Cấp Ảm được vời làm cửu khanh, rất cương trực trong những việc can ngăn và đàn hặc ở triều đình, khiến cho vua cũng phải e dè kiêng nể. Hán Vũ đế thường nói: "Đời xưa có hạng bầy tôi làm trụ cột cho xã tắc, xem như Cấp Ảm bây giờ có thể gần bằng đấy".

Lời chua - Đồng tri: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì Lê Thái Tổ đặt chức Hành khiển ở năm đạo[1] chia giữ công việc sổ sách quân và dân, đứng đầu là Hành khiển, thứ đến Tham tri và Đồng tri.

Truy tôn mẹ là Phạm Thị làm Cung từ quốc thái mẫu.

Trước kia, Lê Thái Tổ không lập hoàng hậu, chỉ đặt mấy người làm phi như Trịnh Thần phi, Phạm Huệ phi... mà thôi. Thái mẫu[2] đây cũng là vợ lẽ Thái Tổ, đã mất từ trước; đến đây, mới truy tôn và lập miếu riêng để thờ ở Lam Kinh.

Lời chua - Lam Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên XV, 33).

Tháng 7, mùa thu. Cấm dân không được vượt bậc mà khiếu nại kiện cáo.

Nhà vua hạ chiếu: "Đường lối trị dân cốt làm cho không phải dùng đến hình phạt. Gần đây, thấy quân dân thường hay vượt bậc kêu thưa kiện cáo, làm phải bắt bớ liên lụy đến nhiều người, trẫm chán lắm.

"Vậy, từ nay, phàm vụ kiện tụng nào là việc trọng đại thì mới cho phép tâu thẳng lên triều đình, còn những việc kiện nhỏ trước phải thưa ở xã quan xét xử rồi mới lên huyện; huyện không xử xong, bấy giờ mới lên lộ, lên phủ, lên đạo, cứ theo bậc mà làm. Việc ruộng đất cũng vậy".

Mở hội Vu Lan. Tha tù phạm.

Tha cho 50 người tù vào hạng tội nhẹ. Ban 220 quan tiền cho các sư.

Lời chua - Hội Vu Lan: Kinh Phật chép rằng: Mục Liên có mẹ phải sống trong ngục Ngạ Quỉ. Phật bảo Mục Liên làm hội Vu Lan bồn vào ngày rằm tháng bảy, dùng bách vị ngũ quả đựng trong bồn để cúng giàng chư Phật mười phương, rồi sau mẹ của Mục Liên mới ăn uống được[3]. Thích thị yếu lãm chép rằng: "Vu Lan, là tiếng Phạn, cũng như Hoa văn nói là cứu đảo huyền"[4].

Tháng 8. Bàn mở khoa thi tiến sĩ.

Nhà vua hạ chiếu rằng: "Muốn có công hiệu về việc tìm người hiền, trước phải kén lấy kẻ sĩ; đường lối kén lấy kẻ sĩ, đầu tiên phải mở khoa thi. Khi đức Thái Tổ mới lập quốc, bắt tay ngay vào mở trường học, thờ Khổng Tử bằng lễ thái lao[5], tỏ ra rất mực sùng nho trọng đạo; nhưng đến khoa thi tiến sĩ vẫn chưa kịp mở.

"Trẫm nay nối trí tiên đế, mong tìm được những người hiền tài cho thoả ý trẫm bấy lâu vẫn chờ đợi bằng cách để trống chỗ ngồi bên tả[6].

"Điều lệ về khoa cử và trường thi đặt như thế này: Bắt đầu từ năm Thiệu Bình thứ 5 (1438), ở các đạo, mở khoa thi hương; đến năm thứ 6 (1439) thi hội ở đô sảnh đường[7]. Từ đó về sau, cứ ba năm một lần thi, đặt làm thành lệ lâu dài. Ai trúng tuyển, đều được cho là tiến sĩ xuất thân.

"Phép thi:

---

[1] Xem việc năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5).

[2] Tức Phạm Thị, tên là Trần, mẹ đẻ Lê Thái Tông.

[3] Theo kinh nhà Phật, khi mẹ của Mục Liên ở nơi địa ngục, hễ đồ ăn vừa vào đến miệng liền hóa thành lửa bỏng, nên không ăn được gì cả.

[4] Nghĩa là cứu người bị treo ngược, ý nói cấp cứu người đang ở trong cảnh vô cùng đau khổ.

[5] Lễ tế tam sinh gồm có bò, dê và lợn.

[6] Một nghi thức xưa để tỏ ý trọng đãi người hiền.

[7] Xem "Lời chua" của Cương mục ở Chính biên XV, 23.

"Kỳ thứ nhất, kinh nghĩa một bài, Tứ thư nghĩa[1] mỗi sách một bài, tất cả đều phải 300 chữ trở lên;

"Kỳ thứ hai, bài chiếu, bài chế và bài biểu;

"Kỳ thứ ba, thơ và phú;

"Kỳ thứ tư, văn sách một bài, hạn từ 1000 chữ trở lên".

Đặt phép khảo hạch công trạng các quan văn võ.

Sắc sai các quan văn võ đều phải do trưởng quan mà mình tùy thuộc đứng ra sát hạch;

Quan văn ở huyện, ở lộ, ở trấn thì do Hành khiển bản đạo sát hạch;

Tướng hiệu và võ biền ở các trấn thì do Tổng quản bản đạo sát hạch;

Các viên thuộc ở sảnh, ở viện và ở các cục thì do Thiếu bảo và Hữu bật sát hạch;

Các viên thuộc ở Tả, Hữu ban thì do Áp nha và Nội Mật viện sát hạch.

Tất cả đều phải kê khai thành bản sự trạng về nết tốt và về lầm lỗi, chia làm ba bậc, cần được rõ ràng, thỏa đáng, không được thiên lệch, tư vị.

Lời chua - Hành khiển, Tổng quản: Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 6).

Sảnh viện cục, Nội mật viện, Tả, Hữu ban, Áp nha: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì, đầu đời Lê Thái Tổ cất đặt quan chức, văn ban có Trung thư sảnh, Hoàng môn sảnh, Hạ môn sảnh, Nội thị sảnh, Hàn lâm viện, Ngũ hình viện, Quốc sử viện, Thái sử viện và Ngự tiền tam cục; võ ban có Tả, Hữu ban, Điện tiền đô Áp nha. Tất cả các chức trên đây đều là quan ở kinh đô.

Thiếu bảo, Hữu bật: Trong Đại Việt bản kỷ thực lục của Ngô Sĩ Liên cũng có chép đến mấy chức này, như: Nhập nội thiếu bảo Trần Lựu làm tổng tri coi quản công việc quân và dân ở Lạng Sơn và An Bang; Nhập nội hữu bật Lê Văn Linh sung làm tham đốc. Còn Thiếu bảo và Hữu bật giữ chức vụ gì, không khảo cứu được.

Ngự sử phó trung thừa Nguyễn Thiên Hựu xin trí sự[2]. Nhà vua ưng cho.

Thiên Hựu làm chức gián quan, bàn nói tấu bày thường thường trái ý vua, nên xin về hưu; sau đó, được khai phục làm An phủ sứ ở Thanh Hóa.

Xuất quân đi cứu Ai Lao, rồi lại bãi binh.

Trước kia, bàn gia (vua) Ai Lao là Côn Cô bị Nữu Tại, là bầy tôi, đánh và bức bách. Côn Cô sai sứ giả đến cầu cứu. Nhà vua sai quản hạt[3] Lê Bạn đến hiệu dụ và dàn xếp. Đến đây, Ai Lao lại sai bầy tôi đến dâng sản vật địa phương và xin quân cứu. Nhà vua sắc sai Thiếu uý Xa Miên ở Mộc Châu đem quân Mán Nam mã đến cứu viện. Khi đến nơi thì Nữu Tại đã giết Côn Cô mà lập Dụ Quần, người trong họ của Côn Cô, làm bàn gia (vua) rồi. Ai Lao lại đem dâng ba thớt voi và vàng bạc để xin hàng. Triều đình bỏ qua việc Ai Lao, không xét hỏi đến nữa, hạ lệnh cho Xa Miên kéo quân về.

Lời chua - Bàn gia: Tiếng gọi vua nước Ai Lao.

Côn Cô: Tên chúa nước Ai Lao.

Nữu Tại: Có lẽ là tên quan Ai Lao.

---

[1] Tứ thư, tức là bốn sách của nhà nho: Đại học, Trung dung, Luận ngữ và Mạnh tử.

[2] Như hưu trí.

[3] Một chức quan ở đương thời.

Mộc Châu: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 15).

Xa Miên: Theo Hưng Hóa lục của Hoàng Trọng Chính thì họ Xa nối đời làm thổ tù ở Mộc Châu.

Nam mã: Tên châu, cũng gọi là Mã Nam. Theo Hưng Hóa lục của Hoàng Trọng Chính thì đầu đời Lê chia từ phía nam sông Mã vào đến động Trình Hằng là Mã Châu; nay gộp cả vào với huyện Trình Cố[1].

Chiêm Thành sai sứ đến xin hòa.

Sứ giả Chiêm Thành đem dâng sản vật địa phương, xin hòa và thân thiện. Lê Sát hỏi sứ Chiêm rằng: "Nước ngươi lén vào biên giới, cướp bóc và bắt người ở Hóa Châu, là cớ làm sao?". Sứ Chiêm thưa: "Quốc vương tôi được tin tiên hoàng đế[2] băng hà và hoàng đế ngày nay lên ngôi, nhưng vì giữa hai nước không có sứ giả thông tin, nên quốc vương tôi mới sai tướng quân đem quân đi thăm dò tin tức. Chẳng dè viên tướng này lại làm trái ý chỉ đã dặn bảo, dám lén bắt sáu người Hóa Châu đem về. Quốc vương tôi nổi giận, xử phạt từ đại tướng trở xuống phải tội chặt chân, còn số người bị bắt kia đều hộ tống về trả Hóa Châu, không dám xâm phạm gì cả".

Triều đình tuy biết sứ Chiêm chống chế dối trá nhưng thấy rằng Chiêm Thành biết tự ý cho sứ đến xin hòa trước, nên cũng dằn lòng dung thứ.

Sai sứ đi Chiêm Thành.

Bấy giờ Chiêm Thành lại xin hòa thân thiện; nhà vua sai bọn Chuyển vận sứ Lê Thọ Lão và Khởi cư xá nhân Thái Huệ Trù đi đáp lễ.

Tháng 10, mùa đông. Sâu cắn lúa.

Hoàng trùng cắn hại lúa má. Nhà vua sai các quan chia đường đi khám xét tại chỗ.

Tháng 11. Sứ nhà Minh sang.

Sứ nhà Minh là bọn Quách Tế và Chu Bật cùng sang với bọn Lê Vĩ là sứ bộ ta đi cáo phó[3] quay về. Sứ Minh sang làm lễ tế điếu (vua Thái Tổ).

Nhà vua sai bọn Ngự tiền học sĩ Nguyễn Thiên Tích sang Minh đáp lễ và tạ ơn.

Bấy giờ các sứ Minh, là bọn Từ Vĩnh Đạt[4], Chương Xưởng[5] và Quách Tế, nối tiếp nhau, vâng mạng vua Minh, sang sứ ta. Triều đình (nhà Lê) tặng tiễn thức gì, thảy đều không chịu nhận cả. Chỉ có những người tùy tùng sứ bộ mang theo nhiều thứ hàng tàu, yêu cầu ta mua với một giá đắt.

Điện Lam Kinh[6] bị hỏa tai.

Có băng.

Rét quá, mặt đất đóng băng, cây cối trên núi héo chết.

Lời phê - Lạ!

Truy phong ông và cha của Đại tư đồ Lê Sát.

Nhân tiết vạn thọ, tha tô thuế.

---

[1] Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[2] Chỉ Lê Thái Tổ.

[3] Lê Vĩ sang Minh cáo phó (tin Lê Thái Tổ mất), tháng 11, năm Giáp Dần, 1434 (theo Toàn thư XI, 17b-19a).

[4] Từ Vĩnh Đạt sang sứ ta năm Kỷ Dậu, 1429 (Chính biên XV, 25).

[5] Chương Xưởng sang ta năm Tân Hợi, 1431 (Chính biên XV, 29).

[6] Điện này làm từ cuối năm Quý Sửu, 1433 (Chính biên XV, 33).

Nhân gặp ngày lễ sinh nhật nhà vua, tha tô ruộng và thuế đinh.

Tháng 12. Lê Thụ, Tổng quản Tiền quân, có tội. Nhà vua giao cho pháp ti[1] bàn xét. Sau đó, tha cho Lê Thụ.

Lê Thụ, trong khi đang có quốc tang[2], lấy vợ lẽ và bắt binh lính làm việc riêng cho mình: xây cất nhà cửa đồ sộ. Thụ lại giao thông với người nước ngoài về việc mậu dịch. Quan giữ việc can ngăn là Phan Thiên Tước đàn hặc Thụ về những việc ấy.

Bấy giờ các đại thần phần nhiều cũng sai binh lính làm việc tư: xây dựng nhà cửa cho mình. Nhà vua sai Thiên Tước đi khắp nơi để xem xét cho đúng sự thật. Khi Thiên Tước trở về, nhà vua vặn hỏi: "Các đại thần khác không làm những việc ấy ư? Sao khanh lại chỉ đàn hặc một mình Lê Thụ?". Thiên Tước thưa: "Lê Thụ là đại thần nhận lãnh mạng lệnh tiên đế đã phó thác, đáng lẽ phải nên giữ mình cho thẳng thắn để làm gương cho trăm quan. Xem mấy việc mà Thụ đã làm tỏ ra khinh miệt phép nước quá lắm! Vậy thần đâu dám nín tiếng im hơi? Nay thần vâng theo sắc sai đi xem xét khắp cả các nhà đại thần, thần đâu dám không làm hết chức trách?". Thiên Tước lại dâng sớ nói cả những ai có làm nhà mới, chẳng hạn như bọn Tham tri Đông đạo là Lê Định xuống đến Quản lãnh gồm hơn 20 người. Nhà vua đều không xét hỏi, chỉ giao Lê Thụ xuống cho pháp ti bàn xét. Bọn Lê Vấn và Lê Ngân đều tìm cách bào chữa cho Thụ.

Nhà vua tha tội cho Thụ, chỉ sắc sai Thụ phải bỏ người vợ lẽ mới cưới và phải truy nộp 15 lạng vàng và 100 lạng bạc là số tiền đã buôn bán riêng.

> **Lời phê[3] -** Người có trách nhiệm can ngăn và chính lệnh đương thời đều sai trái cả!
>
> **Lời chua -** Vàng bạc do buôn bán riêng: Bản kỷ thực lục của Ngô Sĩ Liên chép: "Bản triều[4] cấm bầy tôi và nhân dân không được lén lút buôn bán với ngoại quốc". Theo "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, phàm kẻ nào lén lút bán muối cho người ngoại quốc thì phải phạt lưu đi châu xa.

Phong Đèo Mạnh Vượng, thổ tù châu Phục Lễ, làm Nhập nội tư mã, coi quản công việc quân và dân ở bản châu như cũ.

Mạnh Vượng là con Cát Hãn. Trước kia, Cát Hãn làm phản, Lê Thái Tổ đi đánh, Cát Hãn cùng Mạnh Vượng đều trốn xa; sau đó xin hàng, được tha tội, phong Tư mã, coi quản công việc trong châu. Đến đây, Cát Hãn chết, Mạnh Vượng lên thay cha, nối chức cũ, có vào chầu. Nhà vua sắc phong cho Mạnh Vượng làm Nhập nội tư mã, vẫn coi quản công việc quân và dân ở trong châu, tước quan phục hầu.

> **Lời chua -** Phục Lễ: Tức châu Ninh Viễn, xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chính biên XV, 30).

Rước thần chủ Thái Tổ và thần chủ quốc thái mẫu[5] lên nhà thái miếu làm lễ tế "phụ"[6].

Nhà vua sai Nhập nội thái bảo Lê Quốc Hưng và Nhập nội hữu bật Lê Văn Linh làm lễ cáo nhà thái miếu, rước thần chủ Thái Tổ lên làm lễ "phụ", lại rước thần chủ bà Cung từ quốc thái mẫu lên cùng thờ cúng tại đó.

---

[1] Xem chú giải ở Chính biên XVI, 13.

[2] Tang vua Lê Thái Tổ. Xem thêm chú giải ở Chính biên V, 19.

[3] Chỉ việc Thiên Tước đàn hặc Lê Thụ và việc Lê Thái Tông đối xử với một số đại thần phạm lỗi.

[4] Ngô Sĩ Liên là người triều Lê, nên gọi Lê là bản triều.

[5] Tức bà Cung Từ, mẹ đẻ Lê Thái Tông.

[6] Xem chú giải số 3 ở Chính biên IV, 25.

Nhà vua sai các văn võ hội họp ở đô sảnh đường, bàn việc bỏ đồ tang. Bọn Hành khiển Lê Trãi cùng bàn rằng nên mặc đồ trắng trong 27 ngày nữa rồi sẽ bỏ đồ trở.

Trước đó, thần chủ Thái Tổ còn để ở điện Kiền Đức, nhà vua mỗi khi coi chầu, vẫn đứng ở cột trụ về phía đông của điện Hội Anh để xét xử chính sự. Đến đây, khi ra, khi vào, có tiền hô hậu hét, coi triều thì ngồi cỗ ỷ sơn son, tuy có đặt nhã nhạc nhưng không tấu nhạc. Bầy tôi dâng biểu yên ủi nhà vua.

Lời cẩn án - Theo lễ, để trở cha, xô gai ba năm, không cứ kẻ sang người hèn đều như nhau cả. Từ Hán Văn đế[1] có đặt ra lối để tang ngắn hạn, do đấy người đời mới sau nối gót làm theo. Ở đây, tang Lê Thái Tổ vừa mới được giỗ đầu, đã vội bàn bỏ đồ trở, có lẽ cho rằng để tang một năm là đã đủ báo hiếu rồi chăng?

Nguyễn Trãi là bậc tôi hiền làm việc giúp rập ở thời bấy giờ, không biết giảng rõ điển lễ sửa đổi điều sai trái của nhà vua, lại đi khuyên bảo hãy mặc áo trắng 27 ngày rồi sẽ bỏ đồ tang. Thế là lễ gì? Thật là vô căn cứ quá!

Lời chua - Điện Kiền Đức, điện Hội Anh: Đều ở trong thành Đông Kinh.

Châu Nam Mã cầu xin phụ thuộc nước ta. Nhà vua ưng thuận.

Châu Nam Mã trước kia thuộc nước Ai Lao; đến đầu đời Lê, thổ tù là Đạo Miện hâm mộ chính nghĩa, theo về với nước ta. Đến đây, Đạo Miện sai con vào chầu, cầu xin phụ thuộc bản quốc. Nhà vua ban khen, trao cho chức Đại tri châu và ban mũ áo. Sau đó, nhà vua cho rằng Nam Mã là dân Mán, mới quy phụ, tráo trở bất thường, nên bàn đặt chức lưu quan[2], dùng Lê Thiêm làm Phòng ngự sứ để coi quản châu Nam Mã.

Ất Mão, năm thứ 2 (1435). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 10).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua coi triều. Cử nhạc.

Tết Nguyên đán. Nhà vua dẫn đầu trăm quan đi bái yết thái miếu. Lúc trở về cung, nhà vua mặc đồ trắng[3], ra coi chầu, tiền hô hậu hét. Cử nhạc. Bầy tôi đều mặc áo phục[4], dâng biểu yên ủi nhà vua.

Lời phê[5] - Đều trái lễ cả! Làm vậy không phải là cách để phòng ngừa gìn giữ cho vua trẻ.

Dụ Quần, vua Ai Lao, sai sứ đến triều cống.

Bàn gia (vua) Ai Lao là Dụ Quần sai bầy tôi là bọn San Mạc, Nại Mẫu đến dâng lễ cống: đồ uống rượu bằng vàng bạc[6] và voi.

Mở yến tiệc linh đình.

Cho trăm quan văn võ ở kinh đô và ngoài các lộ ăn yến 5 ngày.

---

[1] Hán Văn đế (179-157 tr.c.ng.), trước khi mất, còn để tờ chiếu lại, đại ý nói: Phàm những chỗ họ thân phải trở 9 tháng thì rút xuống chỉ để 15 ngày, phải trở 5 tháng thì để 14 ngày, sau khi chôn cất. Còn quan lại và nhân dân trong nước thì kể từ sau khi ban bố mệnh lệnh theo lời di chiếu, chỉ để tang ba ngày. Mãn tang rồi, phàm những việc lấy vợ, gả chồng, cúng tế, uống rượu, ăn thịt đều không cấm (Theo Tư trị thông giám, của Tư Mã Quang) quyển XV, trang 508-509.

[2] Về việc này, Toàn thư XI, 25b chép rõ hơn: "Dùng Lê Thiêm làm Phòng ngự sử, coi quản công việc quân và dân ở châu Nam Mã, châu Tàm thượng, châu Tàm hạ và huyện Lan Hòa". Và: "Nhân bấy giờ các Mường Ai Lao bề ngoài tuy quy thuận, nhưng vẫn tráo trở bất thường, nên triều đình phải đặt quan để cai quản". Như vậy hai chữ "lưu quan" đây là do Cương mục đặt thêm sau, chứ Toàn thư không có. Lưu quan, Từ nguyên (trang 871), nghĩa là quan lại do chính phủ trung ương ủy nhiệm ở những địa phương thông thường, đối lại với thổ quan là người bản thổ trong các dân tộc như Miêu, Dao, nối đời giữ chức. Theo Hưng Hóa ký lược của Phạm Thận Duật thì lưu quan là chức quan được luân lưu thay đổi.

[3] Vì theo đề nghị của Nguyễn Trãi, trước khi bỏ tang, còn mặc đồ trắng trong 27 ngày (Chính biên XVI, 22).

[4] Đồ mặc của người không có tang.

[5] Về việc Lê Thái Tông mặc đồ trắng ra coi triều v.v...

[6] Nguyên văn là "Kim ngân tửu khí", chép như vậy không được sáng nghĩa, nên mấy chữ này cũng có thể dịch là "vàng, bạc, đồ dùng uống rượu...".

Giảng tập võ nghệ ở sân rồng nơi cung điện.

Ra lệnh cho vệ quân các đạo đều đến điểm duyệt tại bản trấn; các quân Ngự tiền thì giảng tập võ nghệ ở sân rồng nơi cung điện.

Nhà vua đến đất Bạo Động, duyệt quân đội tập phép chiến trận.

Nhà vua đi Bạo Động, xem vệ quân năm đạo tập trận lục chiến. Khi trở về, lại duyệt thủy binh tập thủy chiến ở Nhị Hà.

Lời chua - Bạo Động[1]: Nay không rõ ở đâu.

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên II, 13).

Tháng 2. Sứ nhà Minh sang.

Nhà Minh sai Lễ Bộ Hữu thị lang Chương Xưởng đem sắc sang, cho nhà vua tạm quyền coi giữ việc nước An Nam. Nhà vua sai bọn Quản lãnh Phan Tử Viết và đại phu Trình Nguyên Hi sang nhà Minh đáp lễ và tạ ơn.

Sai quan làm lễ thích điện[2] cúng tiên sư là Khổng Tử.

Chọn lấy ngày đinh[3], sai Lê Quốc Hưng làm lễ thích điện ở Văn Miếu. Hằng năm đặt làm lệ thường.

Thái Quân Thực và Nguyễn Trụ[4] có tội, bị đày.

Trước kia, khi sai sứ sang nhà Minh, các quan theo thứ tự trước sau, xin để Trụ sung vào sứ bộ, còn Quân Thực làm kỳ nhân[5]. Quân Thực có ý bất bình. Khi đến Yên Kinh, nhà Minh theo cấp bậc, ban áo: Quân Thực được thứ áo không có hoa dệt kim tuyến, trong lòng lại càng hậm hực tức tối, mắng chửi bừa lên. Trụ cũng nổi xung, cãi nhau, đánh lộn: Trụ bị thương ở mặt. Rồi hai bên thưa nhau ở Hồng lô tự nhà Minh. Trụ lại đi riêng đến Long Châu, nhận đồ tặng tiễn của nội quan nhà Minh. Trụ còn nói vụng với quan bạn Tống là Lữ Hồi nhà Minh về chuyện tiên đế nghe lời gièm pha, dùng hình phạt không đúng mức[6]. Những việc này bị phát giác. Nhà vua giao Quân Thực và Trụ xuống cho pháp ti bàn xét. Đình thần đều cho rằng hai người vâng mạng đi sứ làm việc ngoại giao, vì tức giận đánh nhau, làm nhục quốc thể: Tội đáng chết; nhưng nghĩ vì họ trước kia đã có công lao, nên cho giảm nhẹ. Nhà vua bèn đày Quân Thực đi châu xa[7], đày Trụ đi châu gần[8].

Lời chua - Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chính biên VII, 17).

Tháng 3. Sáu quả bảo ấn đã đúc xong.

Trước kia, dùng vàng bạc đúc sáu quả bảo ấn:

1- Thuận Thiên thừa vận chi bảo, để dùng vào việc truyền ngôi;

---

[1] Tên đất.

[2] Làm lễ đặt chén rượu ở trước thần vị để tế tiên sư.

[3] Ngày "thượng đinh" gọi tắt, tức nhảy đứng vào ngôi thứ tư trong mười thiên can (như giáp, ất, bính, đinh, ...) thuộc thượng tuần (từ mồng 1 đến mồng 10) tháng 2 hay tháng 8 âm lịch.

[4] Toàn thư XI, 24a chép là Nguyễn Tông Trụ.

[5] Kỳ nhân, nghĩa đen, là người già, trạc 60 tuổi. Còn cương vị và nhiệm vụ của kỳ nhân trong sứ bộ đương thời thế nào, chưa rõ.

[6] Chỉ việc Lê Thái Tổ giết Lê Hãn (tức Trần Nguyên Hãn) và Lê Văn Xảo (tức Phạm Văn Xảo). Xem Chính biên XV, 20, 27.

[7] Châu Bố chính. Xem Chính biên XV, 10 và XVI, 5.

[8] Châu Nghệ An. Xem Chính biên XV, 10.

2- Đại thiên hành hóa chi bảo, để dùng vào việc đánh dẹp;

3- Chế cáo chi bảo, để dùng đóng vào bài chiếu hoặc bài chế;

4- Sắc mệnh chi bảo, để dùng vào việc ra hiệu lệnh, thưởng hay phạt;

5- Ngự tiền chi bảo, để dùng đóng vào sổ sách;

6- Ngự tiền tiểu bảo, để dùng vào việc cơ mật;

Đến nay, sáu ấn báu này đã đúc xong, nhà vua sai Hữu bật Lê Văn Linh làm lễ cáo nhà thái miếu.

Lộ Lạng Sơn và lộ Nam Sách có bệnh dịch.

Xứ La La Tư sai sứ sang triều cống.

Xứ La La Tư giáp với Vân Nam, ăn mặc cũng như Vân Nam.

Lời chua - La La Tư: Theo Nguyên sử loại biên thì La La Tư tuyên úy ti do nhà Nguyên thiết lập, thuộc lộ Vân Nam, đến đời Minh, thuộc vệ Vĩnh Xương.

Tháng 4, mùa hạ. Sâu cắn lúa.

Ra lệnh cho xã quan các lộ làm lễ cúng trừ tai.

Hạ lệnh cho các quan không được coi thường việc dùng sức dân chúng.

Vì bấy giờ việc canh nông đang cần kíp, nhà vua ra sắc bảo các tướng và các quan ở lộ, huyện, trấn thuộc các đạo không được động dụng sức dân một cách khinh thường.

Bọn đại tư đồ Lê Sát xin nhà vua kén lựa những bậc nho thần vào hầu đọc sách ở tòa Kinh Diên. Sự tâu xin này không được trả lời.

Nhà vua ở trong cung, chơi đùa với bọn hầu cận sã suồng. Các đại thần tâu xin dùng bọn Lê Trãi và Trình Thuấn Du để cùng với vài ba đại thần, thay đổi phiên nhau, vào hầu nhà vua ở tòa Kinh Diên. Nhà vua trả lại tờ tâu, không nhận.

Nguyễn Cung, một tên tiểu thụ[1] lại càng được nhà vua cưng chiều. Bọn Lê Sát xin giết Nguyễn Cung, nhà vua không nghe. Bọn Sát bèn cáo bệnh, không vào chầu. Quan giữ việc can ngăn là Phan Thiên Tước tâu rằng: "Bậc thánh, chẳng ai bằng Nghiêu, Thuấn, thế mà còn phải lấy Quân Trù và Thành Chiêu làm thầy. Từ xưa, các bậc đế vương sở dĩ tăng tiến được thánh đức, chưa từng có ai không nhờ ở học vấn, huống chi bệ hạ ngày nay, đương lúc tuổi sức còn mạnh, đối với đường lối trị nước xưa nay, nào đã có thể biết khắp được đâu? Bọn đại tư đồ Lê Sát xin lựa các nho thần ở bên tả hữu, chừng có ý muốn cho bệ hạ trở nên như Nghiêu, Thuấn đó thôi. Vậy sao bệ hạ lại coi thường mưu chước quan trọng làm vì lợi ích xã tắc ấy mà nỡ trái ý trung thành của bọn Lê Sát khiến họ đâm ra đau buồn, không vào chầu được? Nguyện xin bệ hạ nghĩ lại, coi trọng mệnh lệnh gửi gắm của tiên đế thì bốn biển được nhờ phúc của bệ hạ đấy".

Nhà vua lại cưỡi voi, cho lồng chạy ở trong sân hậu cung. Nhân bấy giờ có người tiến con dê rừng. Nhà vua cho voi chọi nhau với dê rừng. Con dê vùng lên, xông vào húc: voi sợ, lùi về phía sau, sa xuống giếng. Bọn Thiên Tước và Lê Sát lại dâng lời can ngăn. Nhà vua lặng im.

Thiên Tước lại cùng bọn Lương Thiên Phúc và Nguyễn Chiêu Phủ dâng sớ, nói: "Đức tiên đế gội gió, chính mình mặc áo giáp, đội mũ trụ, nhọc tinh thần, mệt thể chất hàng hơn 10 năm, mới dẹp yên được thiên hạ. Bệ hạ được nối cơ nghiệp sẵn sàng, đáng nên lưu tâm vào học thuật, chăm cầu người hiền để lo toan cho nước được thêm thịnh trị. Thế mà nay đại thần xin lựa văn thần vào hầu học tập ở Kinh Diên, bệ hạ lại bỏ qua, không xét! Đó là một điều không nên.

---

[1] Hạng bầy tôi bé nhỏ ở trong cung.

"Tiên đế chọn người làm mẫu sư[1] để khuyên dạy ở trong cung, thế mà bệ hạ lại khinh nhường quở mắng, không nghe! Đó là hai điều không nên.

"Thần phi và Huệ phi[2] vào cung để khuyên răn dạy bảo thì bệ hạ vội trước sai đóng cửa, không cho vào. Đó là ba điều không nên.

"Trong đám bệ vệ quản lãnh[3] thấy bệ hạ không đọc sách, lại cầm cung đi bắn chim, có người đứng ra can ngăn, nhưng bệ hạ không nghe, lại giơ cung để bắn người ta! Đó là bốn điều không nên.

"Tiên đế lựa lấy con em các công thần để hầu bệ hạ học tập, nhưng bệ hạ đều nhạt nhẽo, xa lánh; chỉ chơi đùa với những kẻ hầu cận sã suồng. Đó là năm điều không nên.

"Phàm người làm vua tất phải tìm kiếm bậc hiền tài, thưởng cho những người biết nói thẳng, cố can ngăn và có công lao; thế mà nay bệ hạ lại chơi đùa và ban thưởng cho hoạn quan. Đó là sáu điều không nên.

"Thần đang giữ chức can ngăn, sợ hãi đợi tội, dám chẳng hết lòng tâu bày. Nguyện xin bệ hạ những khi ra coi triều, hoặc tiếp các đại thần, hoặc nghe bầy tôi tâu bày chính sự, phải nên giữ vẻ tôn nghiêm, bình tĩnh, ngay thẳng. Bằng dung nghi hòa nhã của thiên tử, bệ hạ kính trọng bậc đại thần, yên ủi người có công, dung nạp những người can ngăn thẳng thắn để mở rộng đường ngôn luận, thấu suốt tình hình kẻ dưới, như vậy chính nhà vua cũng sẽ trở nên được bậc đại hiếu, biết nối chí và noi theo việc làm của vua cha, chứ chẳng riêng vì Thành Vương nhà Chu và Thái Giáp nhà Thương được độc chiếm tiếng khen ấy đâu".

Thấy tờ sớ này, nhà vua giận lắm, sắc sai bọn tả hữu bọn Lê Cảnh Xước và hoạn quan Đinh Hối đến khắp nhà bọn Thiên Tước vặn hỏi xem tên họ những ai đã mách bảo Thiên Tước những chuyện trên đây. Thiên Tước thưa rằng: "Đó là Lê Lãnh, Đồng tổng quản ở vệ quân Bắc Giang hạ, đã bảo cho biết. Chúng tôi chỉ cốt hết lòng yêu vua, làm tròn chức vụ, dù chết cũng chẳng lo gì!". Bọn Cảnh Xước bèn trở về.

Ngày hôm sau, Thiên Tước vào chầu tâu: "Ngu Thuấn[4] là bậc thánh nhân, thế mà Bá Ích còn khuyên răn đừng có buông tuồng biếng nhác. Đường Thái Tông[5] là bậc vua hiền, thế mà Ngụy Trưng[6] còn khuyên phải đề phòng mười điều sai lầm có thể đi dần đến chỗ xấu[7]. Chúng tôi lạm giữ chức can ngăn, sợ nhà vua mắc lỗi, nên mới trổ sức, giãi lòng ngu dại điên rồ. Nếu bệ hạ tiếp nhận những lời can ngăn này thì hạng người cắt cỏ, kiếm củi hoặc làm thợ thuyền sẽ đều cởi mở mà trình bày được hết điều ấp ủ và đức thánh minh của bệ hạ sẽ càng thêm sáng tỏ lớn lao". Nhà vua có ý nghe ra.

---

[1] Người nữ sư vừa săn sóc vừa dạy dỗ hạng vua trẻ tuổi.

[2] Tức là Trần Thị và Phạm Huệ Phi, hai người vợ lẽ Lê Thái Tổ, đều là dì ghẻ của Lê Thái Tông.

[3] Chức quan võ gần vua ở đương thời.

[4] Cương mục in là Nghiêu, Thuấn. Đây theo Toàn thư XI, 22b chép là "Ngu Thuấn" đúng hơn, vì bấy giờ Bá Ích khuyên răn Ngu Thuấn đừng biếng nhác, đừng buông tuồng (vô đại, vô hoang) thì Nghiêu đã chết rồi (xem Thiên đại vũ mô trong Kinh thư).

[5] Tên là Thế Dân, con Đường Cao Tổ, trị vì từ năm 627 đến năm 649.

[6] Ngụy Trưng, tên tự là Huyền Thành, người Khúc Thành đời Đường, khi làm quan dưới triều Đường Thái Tông, Trưng có dâng đến hơn hai trăm bản tấu để can ngăn, lời lẽ thiết tha thành khẩn, được nhà vua kính sợ.

[7] Nguyên văn là "Thập tiệm", tức là mười điều Đường Thái Tông tỏ ra dần dần không được tốt bằng khi mới lên ngôi: 1- Sai sứ đi xa hàng muôn dặm để lùng tuấn mã và kiếm đồ báu lạ; 2- Do lòng xa xỉ kiêu rông, định dùng nhân lực vào việc doanh tạo; 3- Buông thả lòng ham muốn, làm nhọc người ta; 4- Suồng sã với tiểu nhân, xa lánh quân tử; 5- Thích nhận những của hiếm có, ham làm những sự để chơi; 6- Yêu hay ghét ai chỉ tùy theo ý riêng của mình; 7- Ham thú săn bắn; 8- Nét mặt không có thái độ để tiếp người dưới và hay vặn hỏi lỗi nhỏ của người ta; 9- Gây to kiêu ngạo, dùng nhằm việc võ; 10- Làm cho dân khổ vì diêu dịch đến nhọc mệt, xơ xác, oán thán, chia lìa.

Lời chua - Trình Thuấn Du: Người Tân Hưng thuộc huyện Duy Tiên[1], đỗ khoa minh kinh năm Kỷ Dậu, Thuận Thiên thứ 2 (1429).

Sắc sai trăm quan phải tu tỉnh, chăm lo làm tròn chức vụ.

Nhà vua ra sắc dụ bảo các quan văn võ trong kinh và ngoài các lộ: "Gần nay ít kẻ biết giữ phép công, tuân theo pháp luật: Người giữ tiền bạc, để bê trễ đọng lại, cố ý làm khó khăn; kẻ coi quân đội, không thương xót binh lính. Còn cai trị dân, thì không lo chăn dắt nuôi dậy, chỉ buông tha cho bọn giàu có, riêng trút sai dịch vào hạng bần cùng; xử kiện thì không giữ công bằng, chỉ nghĩ đến bè đảng và ăn hối lộ; làm việc thì không cần mẫn, chỉ chè chén và tiệc tùng. Những kẻ canh giữ quan ải, không nghĩ đến việc kiểm tra xét hỏi, chỉ mưu tính buôn bán để làm giàu.

"Các người cùng hưởng lộc trời, chăn dân của trời, thế mà làm việc như vậy há chẳng trái nghịch với trời sao? Từ nay các ngươi nếu biết sửa đổi lỗi trước, noi theo đường thiện, hết lòng trung ái, thương yêu quân và dân, hòa thuận giữa bạn đồng liêu, công bằng xét xử việc hình ngục và kiện tụng, khuyến khích canh nông và tằm tang, dẹp yên trộm cướp, trao dồi đức hiền vinh, con cháu sẽ được hưởng phúc. Nếu không thế thì nhà nước đã có pháp luật đây".

Bắt đầu đặt ra thể lệ cấp phát giấy tờ "lộ dẫn". Phàm quân và dân ở các lộ vào kinh đô vì có việc công hoặc vì buôn bán, hay là các nha thuộc kinh đô có việc đi ra các lộ đều phải do quan trên, mà mình thuộc quyền, cấp phát cho giấy tờ chứng nhận. Các nơi quan ải và bến sông phải kỹ càng kiểm tra xét hỏi giấy tờ rồi mới cho phép đi lại thông đồng.

Lời phê[2] - Bầy tôi vừa mới can ngăn, vua đã tức thì ban ra sắc lệnh: cả hai đều không phải có ý thành thực tu tỉnh khuyên răn lẫn nhau. May mà trong nước được vô sự, là vì nhờ công đức của Lê Thái Tổ còn để lại đó thôi.

Thăm dò xét hỏi về thực trạng của các quan lại ở trong kinh đô và ngoài các lộ, rồi cho thăng chức hoặc biếm truất có khác nhau.

Trước kia, nhà vua bí mật sai đi dò hỏi về thực trạng thanh liêm hay tham nhũng của các quan lại ở trong kinh đô và ngoài các lộ để tâu vua biết. Đến đây, ban thưởng cho những người làm việc lâu năm mà siêng năng chịu khó, chia làm hai bậc:

Bậc nhất, thưởng tước 1 tư[3] tiền 5 quan;

Bậc nhì, thưởng tước 1 tư[4].

Còn những kẻ tham ô, làm trái phép nước, từ Tuyên uý, tướng hiệu đến Tuyên phủ, Chuyển vận và Tuần sát gồm 53 người đều bắt giao cho quan pháp ti xét hỏi.

Ban cho sư Huệ Hồng áo phẩm phục màu lục pha đỏ (phi).

Lời chua - Huệ Hồng: Sư chùa Báo Thiên.

Áo màu lục pha đỏ (phi): Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên XV, 22).

Tháng 8. Sâu cắn lúa.

Đúc tượng Thái Tổ và tượng Quốc thái mẫu[5] bằng vàng.

Đúc tượng xong, sai nhà sư làm phép điểm nhỡn, rồi sau mới rước lên nhà thái miếu để thờ.

---

[1] Thuộc tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc ra sắc lệnh khuyên bảo trăm quan tu tỉnh, chăm lo làm tròn chức vụ.

[3] Xem chú giải số 2 ở Chính biên VII, 4.

[4] Xem chú giải số 2 ở Chính biên VII, 4.

[5] Tức bà Cung Từ, mẹ Lê Thái Tông.

Lời phê - Tầm bậy[1]!

Mở kỳ thi tại Tập Đường để sát hạch những giáo chức và những người quân và dân có học.

Bấy giờ các giáo quan phần nhiều không xứng đáng với chức vụ, lại hay chê bai nói xấu lẫn nhau. Việc này lên đến triều đình. Nhà vua sai các giáo chức ở Quốc Tử Giám và ở các lộ cùng với những người quân và dân có học vấn đều tập hợp để thi ở Vân Tập Đường, rồi căn cứ vào đấy sẽ xét kỹ để bổ dụng hoặc sa thải. Chân giáo chức nào khuyết sẽ lấy những người quân và dân đã thi đỗ mà bổ dụng vào.

Giảm thuế.

Bấy giờ bàn việc giảm nhẹ ngạch thuế khóa. Sắc sai: phàm đất bãi công ở sở tại đều chia cấp cho quân và dân làm sản nghiệp đời đời: quân thì 5 sào, dân thì 4 sào, đều được miễn thuế. Còn riêng hạng quan, quả[2] đều không được miễn. Phan Thiên Tước nói: "Chính sự của vương giả, đối với những người quan, quả, phải thương xót trước, nay ơn huệ chỉ nhuần thấm đến quân và dân, còn hạng quan, quả phải riêng chịu khô héo! Thể thống chính sự há nên như vậy ư?". Do đấy, hạn người quan, quả cũng được miễn tô 3 sào.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi đến Đông Tân, xem thi bơi[3].

Lời chua - Đông Tân: Ở bờ sông Nhị, phía đông thành Đông Kinh.

Điểm duyệt quân đội và chiến cụ.

Sắc sai các quân: Hạn đến ngày 15 tháng 11[4] đều tới điểm duyệt tại chỗ đã xác định.

Mồng 1, tháng 11. Nhật thực, nhưng không cứu chữa[5].

Theo lời mật tấu của Bùi (Thì) Hanh, không cứu chữa khi có nhật thực.

Có sấm sét. Cầu vồng mọc.

Trời có tiếng kêu như sấm sét. Kinh đô động đất.

Bồn Man đến triều cống.

Bồn Man giáp với châu Ngọc Ma, thấy Cầm Quý ở Ngọc Ma không giữ lễ cống (nhà Lê), sợ vạ lây đến mình, nên phải quy phục trước, và đem dâng cống các sản vật địa phương, ngà voi, sừng tê. Nhà vua ban khen, thưởng cho áo dệt kim tuyến.

Lời chua - Bồn Man: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chính biên XVIII, 8).

Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 10).

Nhà vua sai bọn Tổng quản Lê Bôi và Tham đốc[6] Lê Văn Linh đi đánh châu Ngọc Ma, bắt được Cầm Quý, giải về Kinh đô, giết chết.

Cầm Quý có hơn vạn quân. Khi Thái Tổ mới khởi nghĩa Quý đem quân đi theo, được trao chức Thái úy; sau đó, Quý ngờ vực và hối hận, tự ý rút lui. Nhưng cậy chỗ ở là nơi hiểm trở xa khơi, Quý

---

[1] Chỉ việc sai sư điểm nhỡn cho hai pho tượng vàng.

[2] Quan: đàn ông không vợ. Quả: đàn bà góa chồng.

[3] Toàn thư XI, 31b chép rõ là "xem năm quân (ngũ quân) thi bơi". Như vậy cuộc thi bơi này chỉ riêng có quân đội được dự thôi.

[4] Năm Ất Mão, 1435.

[5] Theo mê tín xưa, nhật thực là một tai biến, nên gặp khi nhật thực, người ta thường cứu chữa bằng mọi hình thức như gõ mâm, nồi, đập nong, mẹt, v.v...

[6] Chức quan nằm trong một vệ ở đầu thời Lê. Đứng đầu mỗi vệ là Đề đốc, Tham đốc đứng thứ hai.

không dâng nộp cống phú. Hắn là người tham lam tàn bạo, thê thiếp có đến hàng trăm, cung thất làm rất đồ sộ, cột nhà bằng đồng. Hắn bắt dân dưới quyền mình đóng góp nặng nề. Lê Thái Tổ đã định đi đánh, nhưng vì bận nhiều việc khác, nên chưa rảnh làm đến việc này. Đến đây, nhà vua sai bọn Lê Bôi đem các quân và binh lính ở trấn Nghệ An chia các đường tiến đánh: đến đâu thắng đấy, bắt được Quý, đóng cũi giải về kinh đô, giết chết.

Vét sông Đông Ngàn.

Điều động các quân vét sông Đông Ngàn để sự chuyển chở binh lương được thông đồng.

Lời chua - Đông Ngàn: Tức Cổ Pháp. Xem Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chính biên II, 6).

Bính Thìn, năm thứ 3 (1436). (Minh, Anh Tông, năm Chính Thống thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Minh.

Nhà vua sai Lễ bộ thượng thư Đào Công Soạn và Nội mật viện phó sứ Nguyễn Thúc Huệ sang nhà Minh, cầu xin phong vương.

Tháng 5, mùa hạ. Ân xá.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XVII

Từ Đinh Tị, Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (1437) đến Đinh Mão, Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 5 (1447), gồm mười một năm.

⎈

Đinh Tỵ, năm Thiệu Bình thứ 4 (1437). (Minh, năm Chính Thống thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Quỵ và Thang, thổ tù ở Gia Hưng, làm phản. Dẹp yên được.

Bọn Đạo Quỵ và Đạo Thang (không rõ họ hai người này) thổ tù mỗi châu thuộc trấn Gia Hưng, nổi lên làm phản, bắt giết Đại tri châu Đạo Lễ (cũng không rõ họ), rồi chiếm giữ bản châu. Chiêu thảo sứ Hà An Lược đem lính thổ đi đánh, bắt được bọn Quỵ và hơn trăm đồ đảng, giải về kinh đô, giết chết.

Nhà vua dùng An Lược làm Chiêu thảo đại sứ. Lại dùng Đạo Xa (không rõ họ), con của Quỵ, làm Hoài viễn tướng quân, coi quản công việc trong châu, ban cho mũ áo và đai.

Lời chua - Gia Hưng: Tức Lâm Tây. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chính biên II, 41).

Mỗi châu: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì Thuận Châu[1] thổ âm gọi là Mường Muỗi. Lại theo Gia phả họ Bạc trong Hưng Hóa tỉnh sách thì Đạo Chưởng chiêu tập vỗ về những người Mường Muỗi cư trú tại đó. Mường Muỗi nay là Thuận Châu. Sử cũ cho chữ "Muỗi" là tiếng nôm[2], nên gọi là Mỗi Châu hoặc châu Thuận Mỗi[3].

Đạo: Tức là chức Phụ đạo[4].

Quỵ, Thang, Lễ, Xa: Có người nói bốn tên này đều là dòng dõi họ Xa.

Hà An Lược: Người Mai Hạ thuộc Mai Châu. Theo Gia phả[5], thì An Lược đem lính thổ đến Mộc Châu, bắt được bọn Quỵ, Thang và đồ đảng của chúng, giải về kinh đô, giết chết. Triều đình phong An Lược làm Chiêu thảo đại sứ.

Sứ nhà Minh sang.

Trước kia, nhà vua sai bọn Lễ bộ Thượng thư Đào Công Soạn và Nội mật viện phó sứ Nguyễn Thúc Huệ sang Minh cầu xin phong vương[6]. Đến đây, nhà Minh sai bọn Binh Bộ Thượng thư là Lý Úc và Thông Chính sứ ti hữu thông chính sứ là Lý Hanh đem chiếu sắc và ấn vàng sang phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

---

[1] Thuận Châu (nay là huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La) này khác với Thuận Châu là tên đất cùng với Hóa Châu do nhà Trần đặt cho Ô Lý của Chiêm Thành cũ, khoảng năm 1293-1331 (Xem Chính biên I, 28).

[2] Nguyên văn chép là "tục tự".

[3] Xem Chính biên XVII, 20 và XXIII, 28.

[4] Thổ quan ở miền dân tộc thiểu số.

[5] Cương mục không chép rõ Gia phả này là của nhà họ Bạc trên đây hay là của nhà Hà An Lược.

[6] Việc năm Bính Thìn, 1436 (xem Chính biên XVI, 33).

Nhà vua sai bọn Hùng Tiệp hữu quân quản lãnh là Thái Sĩ Minh, Thẩm hình viện sự là Hà Phủ và Hữu hình viện Đại phu là Nguyễn Nhật Thăng sang Minh đáp tạ.

Sai Nhập nội hành khiển Lê Trãi và hoạn quan Lương Đăng cùng trông coi việc làm xe loan và thẩm định nhã nhạc.

Trãi dâng bản đồ vẽ khánh đá[1] và nhân đó tâu rằng: "Dẹp loạn, dùng võ, thái bình dùng văn. Ngày nay chế định lễ nhạc, chính là đúng lúc. Nhưng cội gốc nếu không vững thì lễ nhạc không dựa vào đâu mà đứng được; văn hiến nếu không có lễ nhạc không bởi đâu mà thực hành được. Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Tôi, vâng theo chiếu chỉ, thẩm định nhã nhạc, không dám không hết lòng; ngặt vì học thức kém cỏi, khó lòng điều hòa được luật điệu âm nhạc là món thần diệu tinh vi. Nguyện xin bệ hạ yêu thương nuôi dưỡng dân đen để nơi làng xóm quê thôn không còn có tiếng sầu than oán giận. Thế mới không lỗi mất căn bản của nhã nhạc". Nhà vua ban khen và tiếp nhận lời tâu của Trãi.

Lời phê - Lời tâu bày tuy nói đúng được căn bản của nhạc, nhưng khi thi hành ra chính sự thì khó đấy.

Truy tôn thêm thụy hiệu đế hậu cho các tổ khảo.

Vì có việc nhà Minh ban sắc phong vương, nên sửa lễ cáo nhà thái miếu, truy tôn thêm các tôn hiệu.

Hiển tổ Chiêu Đức Trạch hoàng đế làm Hiển tổ Chiêu đức Chí nhân Trạch hoàng đế[2].

Hiển từ Gia thục hoàng thái hậu làm Hiển từ Gia thục Khâm thuận hoàng thái hậu[3].

Tuyên tổ Hiến văn Phúc hoàng đế làm Tuyên tổ Hiến văn Duệ triết Phúc hoàng đế[4].

Trinh từ Ý văn hoàng thái hậu làm Trinh từ Ý văn Trang hiến hoàng thái hậu[5].

Thái tổ Thống thiên Khải vận Thánh đức Thần công Duệ văn Anh vũ hoàng đế làm Thái tổ Thống thiên Khải vận Thánh đức Thần công Duệ văn Anh vũ Đại hiếu hoàng đế[6].

Cung Từ Quốc Thái mẫu làm Cung Từ Quang Mục Hoàng Thái hậu[7].

Thăng trật cho bách thần.

Gia phong cho các thần linh trong nước, sai các quan đến làm lễ tế, khấn cáo về việc nhà vua được sắc phong vương.

Khảo thí võ nghệ.

Khảo thí và điểm duyệt võ nghệ của các tướng hiệu trong các quân vệ. Phép thi thế này: trước thi cung tên, thứ đến tiễn thủ[1], thứ nữa đến sử dụng áo giáp và lá chắn. Ba món thi trên đây, nếu đều

---

[1] Nguyên văn chép Cương mục là "Thạch khánh đồ" (Chính biên XVII, 2). Nhưng đến Chính biên XX, 14, Cương mục lại chép là "Thạch bản đồ". Và nhiều sách khác cũng chép là "Thạch bản đồ". Đó có lẽ là vì chữ "khánh" và chữ "bản" tự dạng chữ Hán hơi giống nhau, nên dễ gây ra lầm lẫn. Nay theo sự khảo cứu của chúng tôi, thì chữ "khánh" có lẽ đúng hơn: một là vì Nguyễn Trãi khi dâng "Thạch khánh đồ" (bản đồ vẽ khánh đá) gắn liền với việc tâu bày về nguyên lý âm nhạc, sau khi Nguyễn Trãi vâng chiếu chỉ soạn nhã nhạc; hai là vì chính Việt sử thực lục (nằm trong bộ Toàn thư) là bản sử tương đối xưa hơn, chép rõ là "Thạch khánh đồ" (quyển XI, tờ 35b). Vậy có thể tạm khẳng định rằng những chỗ chép là "Thạch bản đồ" đều không đúng.

[2] Tên là Thinh, cụ (tằng tổ) của Lê Thái Tông.

[3] Tức Nguyễn Thị, là vợ của Thinh và là cụ bà của Lê Thái Tông. Xem thêm Chính biên XV, 6-7.

[4] Tên là Khoáng, ông nội của Lê Thái Tông.

[5] Tức là Trịnh Thị, là vợ của Khoáng và là bà nội của Lê Thái Tông. Xem thêm Chính biên XV, 6-7.

[6] Tức Thái Tổ Lê Lợi, cha của Lê Thái Tông.

[7] Tức Phạm Thị Trần, người làng Quần Lai thuộc huyện Lôi Dương, Thanh Hóa, là vợ lẽ của Lê Lợi và là mẹ đẻ của Lê Thái Tông. Xem thêm Chính biên XVI, 14; Toàn thư XI, 1.

trúng cách thì được cấp cả toàn bổng; nếu không trúng thì lương bổng phải giảm dần xuống. Phép thi này đặt làm thành lệ mãi mãi.

Tháng 3. Biểu dương người tiết phụ họ Lê ở Quốc Oai.

Lê Thị Liễn, người Phúc Lâm thuộc Quốc Oai[2], là vợ Lương Thiên Tích, Túc vệ nhà nhuận Hồ[3], có nhan sắc. Goá bụa sớm, không có con, bà vẫn ở lại nhà chồng, giữ việc thờ cúng đến trọn đời. Thiếu bảo Lê Quốc Hưng đem việc này tâu lên triều đình, nên nhà vua ban cho bà tấm biển treo ở nhà để biểu dương.

Lời chua - Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Phúc Lâm: Thay đổi ra sao, không rõ.

Hạn hán.

Nhà vua ra lệnh cho các lộ làm lễ đảo vũ.

Nhà vua đi xem đánh cá ở Hồ Tây.

Lời chua - Hồ Tây: Tức Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tiền biên II, 11).

Tháng 4, mùa hạ[4]. Từ tháng 3 đến tháng này không mưa.

Làm lễ đảo vũ ở cung Cảnh Linh.

Lời chua - Cung Cảnh Linh: Xem Lê Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chính biên IV, 21).

Tháng 5. Nhà vua đi bái yết thái miếu. Bãi bỏ trò chèo hát[5].

Trước kia, nhà vua sai Lê Trãi là Lương Đăng cùng làm việc hiệu đính và quy định nhã nhạc. Những điều bàn luận của Trãi phần nhiều không hợp với Đăng, nên Trãi dâng sớ cố xin từ việc, được nhà vua ưng thuận. Đăng nhân đó dâng kiến nghị, nói: "Trong lễ, có lễ đại trào và lễ chầu thường. Các lễ tế giao, các nhà thái miếu, ngày sinh nhật nhà vua và tết nguyên đán đều là lễ đại trào, hoàng đế mặc áo cổn, đội mũ miện, lên ngự bảo tọa; trăm quan đều đội mũ và mặc áo đại trào. Ngày mồng một và ngày rằm, hoàng đế mặc áo hoàng bào, đội mũ xung thiên, lên ngự bảo tọa; trăm quan đều mặc công phục, đội mũ phốc đầu[6]. Gặp lễ chầu thường, hoàng đế mặc hoàng bào, đội mũ xung thiên, lên ngự kim đài; trăm quan mặc thường phục cổ tròn, đội mũ lượt thâm (ô sa mạo).

"Nhã nhạc thì có: nhạc tế giao, nhạc tế thái miếu, nhạc ngũ tự[7], nhạc cứu nhật thực và nguyệt thực, nhạc dùng trong lễ đại trào, nhạc dùng trong lễ chầu thường, nhạc chín lần tấu trong bữa đại yến, nhạc dùng trong cung. Tất cả không thể dùng chung như nhau được".

---

[1] Hai chữ "tiễn thủ" đây có lẽ là "thủ tiễn" mà Cương mục in lầm. Vì tham khảo các sách chỉ thấy có "thủ tiễn" nghĩa là tên bắn bằng tay. Xem chú giải ở Chính biên XV, 14.

[2] Thuộc tỉnh Hà Tây.

[3] Theo quan niệm sử thuần phong kiến, nhà Hồ (1400-1406) không được kể là chính thống nên bị chép là nhuận Hồ hoặc ngụy Hồ. Xem thêm chú giải số 2 ở Chính biên XIII, 1.

[4] Trong tháng 4 mùa hạ này có việc rất quan trọng mà Cương mục lược bỏ là: "nhà vua muốn xem thủ chiếu và thơ văn của họ Hồ (tức Hồ Quý Ly). Nguyễn Trãi lặt lượm sao lục được vài mươi bài thơ văn bằng nôm của họ Hồ, đem dâng vua" (Toàn thư XI, 38).

[5] Nguyên văn là "bãi ưu hí".

[6] Xem chú giải số 2 ở Chính biên III, 23.

[7] Thờ năm thần. Về ngũ tự, có nhiều thuyết, đây chỉ nêu hai thuyết cần hơn: thuyết thứ nhất, ngũ tự là: câu mang (thần cây cối), nhục du (thần loài kim), huyền minh (thần nước), chức dung (thần lửa), và hậu thổ (thần đất). Thuyết thứ hai, ngũ tự là: thần cổng, thần giếng, thần cửa, thần bếp và thần nhà giữa.

Nhà vua ưng theo kiến nghị của Lương Đăng. Rồi cuối cùng ra lệnh cho thi hành.

Tháng 6. Hạn hán và hoàng trùng[1].

Nhà vua ra lệnh cho các lộ và các trấn làm lễ đảo vũ.

Ở kinh đô có mưa.

Bầy tôi vào chúc mừng. Nhà vua sai họ đi các lộ xem có mưa không.

Hạ chiếu giảm bớt hình phạt, đánh nhẹ thuế khóa.

Tờ chiếu có nói: "Gần nay, hạn hán, hoàng trùng, lệ khí và tai nạn dồn dập xảy đến! Vậy nay nên giảm bớt hình ngục, nới nhẹ thuế khóa để yên ủi lòng dân".

Dùng Lê Khả làm Hành quân tổng quản[2], coi giữ cấm quân, Bóc chức tước của Đại tư đồ Lê Sát. Tha Bùi Ư Đài và cho khai phục quan chức. Biếm truất Tây đạo tham tri[3] Đặng Đắc xuống làm An phủ sứ ở Lạng Sơn; rồi tống giam vào ngục, giết chết.

Bấy giờ nhà vua đã khôn lớn, xét xử và quyết định công việc ngày càng sáng suốt. Lê Sát còn cứ tham quyền cố vị. Nhà vua chán ghét Lê Sát, bèn mưu tính với những người ở bên tả hữu, cho rằng Lê Sát và Lê Hươu là bà con của Sát, Lê Khả vốn có hiềm khích với Sát. Nhà vua bèn đuổi bọn Ê ra ngoài, dùng Khả giữ quân cấm vệ. Sát còn cố chấp, cho là không nên. Nhà vua nổi giận, đứng dậy, đi vào trong cung, mật sai báo việc này cho mấy viên quan giữ việc can ngăn là bọn Đinh Cảnh An và Nguyễn Vĩnh Tích biết. Bọn Cảnh An liền cùng nhau dâng thư hặc Sát về tội chuyên quyền.

Nhà vua giao xuống cho tòa pháp ti xét hỏi vụ Lê Sát. Bọn Lê Văn Linh và Lê Ngân đều bào chữa cho Sát, nhưng nhà vua không nghe, bèn bóc hết chức tước của Sát. Hạ chiếu rằng: "Lê Sát ghen ghét người tài năng, tự tiện cầm quyền oai phúc, kể đã lâu ngày. Hắn giết Nhân Chú[4], truất giáng Lê Khả[5], đày Tư Đày[6], ruồng bỏ Cầm Hổ[7]. Xét những việc hắn làm đó đều là trái đạo làm tôi. Nay muốn khép hắn vào tội để giãi tỏ phép nước, lại nghĩ Sát là đại thần nhận lãnh mạng lệnh tiên đế dặn lại, nên rộng ban ơn, đặc cách tha cho tội chết, nhưng phải cách chức".

Tha Bùi Ư Đài, cho khai phục quan chức, cất làm Tham tri coi giữ sổ sách quân và dân ở Tây đạo.

Biếm truất Tây đạo tham tri quân dân bạ tịch và Đặng Đắc xuống làm An phủ sứ ở Lạng Sơn, sau đó tống giam vào ngục, ra lệnh chém để rao cho mọi người biết. Đó vì Đặng Đắc là kẻ bày mưu lập kế cho Lê Sát.

Lời phê[8] - Lê Thái Tông cũng không phải là ông vua sáng suốt.

Đại Tư mã, tham dự triều chính, Đình thượng hầu, Lê Văn An, chết.

Văn An là người hòa nhã, dễ dãi, tiếp đón các nho sĩ và đại phu bao giờ cũng giữ lễ độ. Đến đây, Văn An chết, đặt tên thụy là Trung Hiến.

Sét đánh cửa Đông Thành (Đông Kinh).

---

[1] Sâu cắn lúa.

[2] Một chức quan đặt không thường xuyên.

[3] Một chức quan coi giữ sổ sách quân dân ở một đạo.

[4] Xem Chính biên XVI, 5, 7, 13 và Chính biên XVII, 8.

[5] Xem Chính biên XVI, 5, 7, 13 và Chính biên XVII, 8.

[6] Xem Chính biên XVI, 5, 7, 13 và Chính biên XVII, 8.

[7] Xem Chính biên XVI, 5, 7, 13 và Chính biên XVII, 8.

[8] Về việc Lê Thái Tông nổi giận với Lê Sát, rồi vào cung, sai mật báo cho chọn Đinh Cảnh An biết việc Lê Sát cố chấp, không theo ý vua.

Giáng Tham đốc Lê Văn Linh xuống làm Tả bộc xạ[1], giáng Điện tiền đô kiểm điểm Lê Ê xuống làm Đồng tổng quản lộ Quy Hóa.

Vì bọn Văn Linh và Lê Ê là chỗ thân tình của Lê Sát, nên đều phải biếm truất và truy đoạt tấm biển "công thần" được ban cho từ triều Thuận Thiên[2].

Lời chua - Quy Hóa: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 41).

Dùng Lê Ngân làm Nhập nội đại đô đốc, đặc tiến khai phủ nghi đồng tam ti.

Lại dùng Bùi Cầm Hổ làm Trung thừa.

Trước kia, Cầm Hổ làm Trung thừa vì hặc Lê Sát, nên bị đày ra làm An phủ sứ lộ Lạng Sơn; đến đây, Lê Sát bị đổ, Cầm Hổ được nhà vua khen là cương trực, nên có mạng lệnh cho làm chức này.

Tháng 7, mùa thu. Lê Sát có tội, cho phép được tự tử. Gia sản bị tịch thu. Nguyên phi Lê Thị, con gái của Sát, bị phế làm thứ nhân[3].

Bấy giờ có người cáo tỏ rằng Lê Sát nuôi bọn võ sĩ Lê Thảo, Lê Khản và Lê Khắc Hài làm thích khách, mưu toan làm hại Lê Ngân. Nhà vua nổi giận, hạ chiếu rằng: "Sát nay lại nuôi dưỡng những tay liều chết để mưu hại người trung lương, dấu tích gian ác của hắn ngày một lộ liễu. Vậy đáng nên chém để rao cho mọi người biết".

Bọn Lê Ngân và Bùi Cầm Hổ tâu rằng: "Tội Sát đáng chết đấy thật, nhưng Sát đã từng làm đến đại thần, nên phanh thây làm nhục, e để đời sau chê cười!".

Nhà vua bèn cho phép Sát được tự tử. Tịch thu các đồ vật của Sát, chia ban cho quần thần. Vợ con và tài sản của Sát đều bị sung công. Nguyên phi Ngọc Dao, con gái của Sát, sau khi Sát phải tội, cũng bị phế.

Sách phong chiêu nghi[4] Lê thị lên làm Huệ phi.

Phi, là con gái Lê Ngân, sau khi Ngọc Dao bị phế, được lên bậc này.

Phía tây nam có tiếng như sấm. Gió to, mưa lớn.

Tháng 8. Dùng Lê Khả làm Thiếu úy.

Nguyễn Văn Lôi xin cho mò ngọc trai. Nhà vua không cho phép.

Văn Lôi tâu xin cho mò hạt trân châu ở Đông Hải để sung vào việc tiêu dùng trong nước. Nhà vua không nghe.

Lời chua - Đông Hải: Trấn An Bang thuộc Đông đạo, có hải phận Vân Đồn, trong hải phận này có sản ngọc trai.

Hạ chiếu răn bảo pháp ti đoán hình ngục phải theo đúng luật pháp.

Nhà vua dụ rằng: "Phàm người giữ việc xét đoán ngục tụng phải nên căn cứ vào điều chính trong minh văn của luật pháp. Khi tội danh đã phù hợp với luật rồi thì trước phải tường trình với các đại thần,

---

[1] Chức Tả bộc xạ được đặt từ thời Trần hàm nhị phẩm, tương đương với Hành khiển thượng thư tức là chỉ dưới Tể tướng. Đầu thời Lê gọi là Thị trung bộc xạ chỉ dành cho Đại thần giữ then chốt rất quan trọng. Cương mục chép Lê Văn Linh đang làm Tham đốc bị giáng xuống làm Tả bộc xạ có lẽ chép nhầm. Bởi vì Tham đốc là chức quan võ nằm trong một vệ dưới chức Đề đốc hàm nhị phẩm.

[2] Niên hiệu Lê Thái Tổ, 1428-1433. Xem thêm Chính biên XV, 20-22.

[3] Người dân thường, không có chức tước phẩm trật gì.

[4] Chiêu Nghi là một cấp bậc vợ lẽ của vua, ở trong hàng tam chiêu (chiêu nghi, chiêu dung và chiêu viên) thuộc bậc cửu tần (chín cung tần), dưới hậu và hoàng phi (xem Chính biên XVIII, 16-17).

thái giám và đài quan[1] cùng nhau công đồng xem xét, rồi sau mới kết án tâu lên vua, chứ không được thiên vị vì tình riêng, cứ theo ý mình mà tăng nặng hay giảm nhẹ như kiểu Lê Sát đã làm ngày trước".

Lời chua - Thái giám: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, Lê Thái Tổ cất đặt quan lại, có chức thái giám, dùng những người họ thân có công lao đứng làm, chức vị ở dưới Nhập nội hành khiển và Xu mật đại sứ.

Dùng Lê Đổ làm Chính sự viện đồng tham nghị.

Trung thừa Bùi Cầm Hổ can rằng: "Tham nghị là chức giúp rập chính sự, nếu không phải là bậc lão thành thì không nên dùng. Nay Lê Đổ có nhiều lầm lỗi, thế mà cho lên làm chức này, e không thể khuyến khích người khác được". Nhà vua không nghe.

Lời chua - Chính sự viện đồng tham nghị: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ mới lập ra chính sự viện, có những chức tham tri chính sự, tham nghị và đồng tham nghị để nắm giữ công việc then chốt.

Tháng 9. Hoạn quan Lương Đảng dâng nhã nhạc mới.

Nhạc mới này, mô phỏng nhạc khí của nhà Minh mà làm ra. Nhạc tấu ở trên nhà, có: trống cái, bộ khánh[2], bộ chuông[3], đàn cầm[4], đàn sắt[5], sinh[6], tiêu[7], quản[8], thược[9], chúc[10], ngữ[11], huân[12], trì[13]. Nhạc tấu ở dưới thềm, có: phương hưởng[14], không hầu[1], đàn tì bà[2] và quản dịch[3] dùng.

---

[1] Chức quan ở Ngự sử đài, giữ việc can ngăn.

[2] Nguyên văn "biên khánh", thứ nhạc khí gồm 16 chiếc khánh cùng treo vào một giá bề dài và bề ngang đều giống nhau, chỉ khác là có cái mỏng, cái dày để hợp với 12 chính luật và 4 bội luật (theo Từ Nguyên, trang 1175).

[3] Nguyên văn "biên chung". Thứ nhạc khí gồm 16 cái chuông cùng treo vào một giá, chia làm hai đợt, ăn khớp với 12 chính luật và 4 bội luật. Chuông lớn và chuông nhỏ đều hình chầy, phía dưới phẳng miệng. Cứ theo dày hay mỏng mà xếp thứ tự, cao độ 7 tấc 5 phân thời xưa (theo Từ Nguyên, trang 1175).

[4] Đàn cầm xưa có 5 dây, sau dùng 7 dây: dài 3 thước, 6 tấc cổ. Dùng ngón tay mà gảy theo 13 ký hiệu, phát ra 13 âm thanh (theo Từ Nguyên, trang 997).

[5] Đàn sắt, xưa có 50 dây, sau đổi làm 25 dây; mỗi dây có một trụ. Khi đánh đàn thì làm di động ở trên hay dưới để cho âm thanh phát ra trong, đục, bổng, trầm khác nhau (theo Từ Nguyên).

[6] Thứ nhạc khí xưa làm bằng vỏ quả bầu, trong xếp 13 chiếc ống nhỏ, thành hàng quây tròn, thổi ở một cái vòi có cựa (theo Từ Nguyên, trang 1127).

[7] Cái tiêu xưa làm bằng trúc, hạng lớn: 23 ống, hạng nhỏ: 16 ống, khác với cái tiêu ngày nay chỉ có một ống (theo Từ Nguyên, trang 1141).

[8] Nhạc khí xưa, thất truyền đã lâu. Mỗi thuyết một khác: người nói có 6 lỗ, người nói có 8 lỗ, người nói có đáy, người nói không đáy, người nói có một ống, người nói có cả hai ống để thổi... (theo Từ Nguyên).

[9] Nhạc khí xưa, giống cái đoản địch (sáo ngắn) có ba lỗ (theo Từ Nguyên).

[10] "Chúc" làm bằng gỗ, đóng như cái đấu vuông, trên thách, dưới thu sâu 1 thước 5 tấc cổ, ba mặt đều bưng ván gỗ, đáy ván giữa làm lồi lên như mặt trống để đập gõ. Khi đánh, dùng cái ván có cán dài, gọi là cái "chỉ" mà rập thành tiết tấu. Nhạc khí này dùng để giáo đầu trước khi tấu nhạc (theo Từ Nguyên, trang 759).

[11] Thứ nhạc khí, làm giống hình con hổ đang phục, trên lưng có 27 cạnh khía khấp khểnh để gõ bằng dùi gỗ, điểm xen khi ngừng khúc nhạc (theo Từ Nguyên, trang 664).

[12] Cái huân, nặn bằng đất, to bằng quả trứng ngỗng, trên thót dưới phình, trong rỗng miệng có một lỗ để thổi, thành phía trước có 4 lỗ, thành phía sau có 2 lỗ (theo Từ Nguyên, trang 353).

[13] Trì, một nhạc khí xưa, thổi ra tiếng để hòa hợp nhịp nhàng với cái "huân" (theo Từ Nguyên).

[14] Nhạc khí xưa, chế bằng kim loại, gồm có 16 tấm hình chữ nhật, xếp nghiêng thành hai hàng cùng treo chung vào một giá. Khi dùng chiếc dùi đồng nhỏ mà gõ thì tùy theo từng tấm dày mỏng phát ra âm thanh trong, đục khác nhau (Từ Nguyên, trang 681).

Xe loan làm xong. Nhà vua phong hoạn quan Lương Đăng làm Đô giám.

Trước kia, Lương Đăng tâu xin quy định nghi trượng lỗ bộ[4]: Khi vua trẩy một cách trọng thể, xe loan thì có xe lớn (đại lộ), xe voi, xe ngựa, kiệu cửu long[5], kiệu thất long[6], bộ liễn[7], phi liễn[8]. Nhà vua nghe theo. Đến đây làm xong, Đăng được phong làm Đô giám trung thừa.

Bùi Cầm Hổ tâu rằng: "Bệ hạ từ khi lên ngôi đến giờ, thay đổi nhiều việc của tiên đế đã làm. Kìa như Lễ Bộ ti đồng giám là Lương Đăng, tiên đế thấy hắn biết chút chữ nghĩa, cho làm nội nhân phó chưởng, nhưng rồi thấy hắn chỉ khúm núm bề ngoài, không thẳng thắn, không thể gần gũi được, nên mới cho hắn ra làm văn đội. Thế mà nay lại cho lên làm chức quan to. Vậy xin bệ hạ nghĩ lại".

Người thợ là Cao Liệt dâng hai chiếc mũ cỏ, và xin mộ dân sung vào làm việc ở Quan tác cục[9]. Thị ngự sử Nguyễn Vĩnh Tích can rằng: "Người làm vua xưa không quý những đồ kỳ lạ khéo léo, nên vua Thuấn chỉ mới dùng thứ đồ sơn, thế mà có đến hơn mười người can ngăn. Vậy xin bệ hạ nghĩ đến tiên đế đã từng tắm gió gội mưa, cũng chưa hề dùng đến thứ mũ ấy".

Khi đã bãi trào, nhà vua giơ cái mũ cỏ lên cho các đại thần và đài quan[10] xem và nói: "Của này có gì đáng gọi là kỳ lạ, thế mà đài quan đã phải can ngăn". Vĩnh Tích thưa rằng: "Tôi muốn làm để nhà vua trở nên hiền hơn Nghiêu, Thuấn, nên mới can ngăn từ lúc chưa chớm nảy điều quấy đó thôi". Nhà vua làm thinh.

Lời chua - Văn đội: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ có đặt ra Ngự Tiền Văn đội, trong đội có ti Thính hậu chuyên giữ việc sai phái điều bát.

Nguyễn Vĩnh Tích: Người La Phù, thuộc huyện Thượng Phúc[11].

Lê Cảnh Xước, Nội mật viện sứ, phạm tội ăn hối lộ, bị bãi chức; sau đó lại được khai phục.

Cảnh Xước ăn hối lộ 20 lạng bạc. Theo luật đáng phải tội chết. Nhà vua cho rằng Cảnh Xước hầu ở tòa Kinh Diên đã lâu, nên ruồng bỏ, bắt làm thứ dân. Được hơn một tháng, nhà vua lại dùng làm Hàn Lâm viện thị giảng, Ngự tiền học sinh cục phó.

Lời chua - Ngự tiền học sinh cục phó: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ mới đặt ra Ngự tiền học sinh cục, trong cục có cục trưởng và cục phó.

Tháng 11, mùa đông. Thi hành lễ mới.

---

[1] Thứ đàn cổ, thất truyền đã lâu. Thuyết cũ cho rằng nó giống cây đàn sắt nhưng nhỏ hơn, gảy bằng phím gỗ (theo Từ Nguyên, trang 1135).

[2] Đàn tì bà có 4 dây, đầu cong, cổ dài, mặt phẳng, lưng tròn, bụng trên thót dưới phình như hình lá đề. Mặt đàn có bốn "tượng" và 13 "phẩm" để theo đó mà điều tiết thanh âm trong hay đục (theo Từ Nguyên, trang 998).

[3] Ống sáo xưa, làm bằng trúc, dài 1 thước 8 tấc cổ (theo Từ Nguyên, trang 1127).

[4] Về nghĩa "lỗ bộ", có nhiều thuyết khác nhau nhưng có thể nói tóm là những nghi trượng khi vua trẩy như áo giáp và lá chắn để quân lính dùng đi dàn trước mặt mà hộ vệ, hay là nước muối dùng rảy đường cho khỏi bụi. Những thứ này đều được ghi chép vào sổ, nên gọi lỗ bộ. Ở Việt Nam, những đồ như dùi đồng, phủ việt và bát bửu đều gọi là lỗ bộ.

[5] Kiệu chạm chín con rồng.

[6] Kiệu chạm bảy con rồng.

[7] Xe người kéo.

[8] Xe đi nhanh.

[9] Sở làm mũ.

[10] Chức quan ở Ngự sử đài, giữ việc can ngăn.

[11] Làng La Phù nay thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Lương Đăng dâng kiến nghị mới về các tiết mục nghi thức của các lễ coi chầu hoặc yến tiệc trong những ngày sinh nhật nhà vua, tết nguyên đán, mồng một, ngày rằm. Lễ mới này khi đặt xong, nhà vua sai viết ra treo ở cửa Thừa Thiên. Đến đây, nhà vua đi bái yết thái miếu, bắt đầu mặc áo cổn, đội mũ miện; trăm quan mặc triều phục, làm lễ. Khi nhà vua coi chầu, lúc ra lúc vào đều có tiền hô hậu hét.

Bọn Lê Trãi, Nguyễn Truyền, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyến, và Nguyễn Liễu tâu rằng: "Lễ nhạc là cốt ở người, mới đặt ra được. Phải là bậc tài đức như Chu Công[1] rồi sau mới không thể chê trách về việc đặt lễ, chế nhạc. Nay nhà vua để cho hạng bầy tôi nhỏ mọn ở trong cung chuyên việc sắp đặt lễ nhạc, như vậy chẳng tủi nhục cho nước nhà lắm sao? Vả lại, việc làm của Đăng đều là dối vua, lừa dưới không căn cứ vào đâu cả. Thí dụ như xưa kia, khi trống đánh thì người ta truyền báo lễ chầu buổi sớm; nay vua đã ngự triều ban, yên chỗ rồi, bấy giờ mới đánh trống! Xưa kia, khi vua đi ra, thì bên tả đánh chuông hoàng chung[2], bên hữu có 5 chuông[3] cùng rền lên để hưởng ứng lại. Khi vua đi vào thì người ta đánh chuông di tân[4] và cũng họa lại bằng năm chuông khác. Ngày nay, khi vua ra coi chầu, đánh 108 tiếng chuông. Số 108 đó là số đếm khi lần tràng hạt[5] của các hòa thượng.

"Nếu theo chế độ nhà Minh, khi vua ngồi, ở cửa Phụng Thiên thì có kim đài[6], ở điện Phụng Thiên thì có bảo tọa. Bây giờ chỉ có một điện Hội Anh, lại có kim đài thường di chuyển không để yên một chỗ; nếu đặt hai kim đài ở cả hai chỗ thì lại không nên. Đó là những lễ nghi gì?

"Còn về xe vua dùng, phía trước có mái vẩy, phía sau có cửa, thế mà bây giờ mở cửa phía trước! Lối xưa có như vậy không?

"Vua, khi ra, khi vào có tiền hô hậu hét, đó là lệ thường. Bấy giờ, khi cáp môn sứ đã xướng đến tiết mục "tâu việc xong rồi", trăm quan đã lui gót, thế mà vua còn ngồi lại, người coi nghĩ lễ mới bắt đầu hô: "nhập tất"[7]. Thế là nghĩa gì?

"Lương Đăng là tên bầy tôi nhỏ mọn, ra vào nơi cung cấm, hầu hạ ở bên vua. Như vậy chúng tôi trộm lấy làm ngờ lắm!".

Lương Đăng tâu: "Thần là kẻ vô học, không biết chế độ thời xưa ra sao. Những việc bây giờ làm đó chỉ là biết thế nào, làm thế ấy thôi".

Nguyễn Liễu tâu: "Từ xưa đến nay, chưa có bao giờ hoạn quan lại được tự chuyên, làm nát thiên hạ như vậy!".

Đinh Thắng từ trong nội đi ra, mắng rằng: "Hoạn quan làm gì mà nát thiên hạ? Nếu nát thiên hạ thì phải nát đầu mày".

Nhà vua bèn giao Nguyễn Liễu cho hình quan xét hỏi. Khi án đã kết, Liễu bị tội đáng chết chém. Nhưng nhà vua ra chiếu chỉ cho đặc cách giảm xuống tội thích chữ vào mặt, đày đi châu xa.

Lời chua - Phía trước có mái vẩy, phía sau có cửa: Ở phần Xa dư loại trong Uyên giám loại hàm, Trần Tượng Đạo có nói: "Về chế độ xe, theo hình tượng trời để làm mui, theo hình tượng đất để làm thùng xe, theo sao đẩu để làm trụ cắm gọng mui và ổ bánh xe, theo chòm sao nhị thập bát tú để làm gọng mui xe, theo mặt trời và mặt trăng

---

[1] Xem chú giải ở Chính biên I, 9.

[2] Một trong mười hai luật mà người xưa dựa vào thời tiết để đánh dấu mười hai tháng. Hoàng chung thuộc tháng trọng đông (tháng 11 âm lịch).

[3] Tức là thanh chung (chuông xanh), xích chung (chuông đỏ), hoàng chung (chuông vàng), cảnh chung (chuông ghi công) và hắc chung (chuông đen). Theo Từ Nguyên trang 76.

[4] Một trong mười hai luật tính theo thời tiết mười hai tháng âm lịch. Di tân thuộc tháng trọng hạ (tháng 5 âm lịch).

[5] Theo nhà Phật số 108 là số lượng phiền não. Khi lần tràng hạt, mỗi lượt gần hết 108, tức là qua được 108 cái phiền não.

[6] Chỗ ngồi cao, có trang sức bằng vàng, hoặc thiếp vàng.

[7] Cấm mọi người qua lại, dành đường để vua trẩy vào cung.

để làm bánh xe và tay hoa xe. Phía trước có thanh gỗ chắn ngang, phía sau cửa lên xuống; gờ ngang ở đằng trước; gờ ngang ở đằng sau.

Nước Tiêm La sai sứ sang cống.

Tiêm La sai bọn Trai Cương Thích đến triều cống. Nhà vua ban cho sắc thư để sứ giả đem về. Lại gửi tặng quốc vương và vương phi Tiêm La các thức như lụa mùa[1], đĩa, bát.

Lời chua - Tiêm La: Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chính biên IV, 43, 44).

Tháng 12. Giết Nhập nội đại đô đốc Lê Ngân, tịch thu cả nhà. Giáng truất Huệ phi Lê Thị, con gái Lê Ngân, xuống làm tu dung[2].

Có người cáo tỏ rằng nhà Lê Ngân thờ phật Quan Âm để cầu khẩn cho con gái là Huệ phi được vua yêu chiều. Bấy giờ nhà vua đang ngự ở cửa Đông trong thành, bèn sai thái giám Đỗ Đại đem 50 võ sĩ đến khám nhà Lê Ngân, soát thấy có pho tượng Phật để thờ, vàng, bạc và lụa màu[3]. Nhà vua sai bắt nô tì của Lê Ngân để xét hỏi.

Hôm sau, Lê Ngân vào chầu, bỏ mũ ra, tạ tội rằng: "Tôi từ trẻ, theo đi khởi nghĩa Lam Sơn, may được trông thấy cảnh thanh bình; về già, vì dồn chứa nhọc nhằn vất vả đã lâu, nên sinh lắm bệnh. Thầy bói đoán rằng chỗ đất nhà tôi ở là ngôi chùa cổ đã hoang phế, nay sinh yêu ma làm cho động trệ, không yên, nên sùng mộ đạo Phật để cầu âm phúc. Chẳng ngờ nay bị người vợ lẽ mà tôi đã bỏ, cùng với Trần Thị, là vợ lẽ của Lê Sát ngày trước mà nhà vua ban cho nhà tôi[4] xui xiểm, kết hợp với tên đầy tớ gian ngoan, nhân dịp thêu dệt cho thành tội lỗi. Nếu được nhà vua soi xét định đoạt thì buông tha cho tôi về điền viên để được trót đời tàn rạc này".

Nhà vua chưa nguôi giận, giao Lê Ngân cho tòa pháp ti luận tội. Khi án đã thành, nhà vua cho phép Lê Ngân được chết, tịch thu cả nhà, phế Huệ phi Nhật Lệ, con gái Lê Ngân xuống làm tu dung. Bà đồng[5] cũng bị đày đi châu xa.

Lời phê - Lê Ngân: Trước đây, đã bào chữa cho Lê Sát, dường cùng bè đảng với kẻ ác, sao không ngay lúc bấy giờ trị tội luôn cả đi, mà lại cho vượt bậc thăng chức? Đến đây, chỉ vì cớ nhỏ nhặt6, lại giết Lê Ngân: hình phạt sao quá lạm thế!

Mậu Ngọ, năm thứ 5 (1438), (Minh, năm Chính Thống thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Tập trận thủy chiến.

Trước kia, sai sắc bọn Đô tổng quản ở năm đạo[7] chỉnh lý các thuyền chiến và cờ xí; đến đây diễn tập thủy chiến.

Vét các sông ở Trường Yên, Thanh Hóa và Nghệ An.

---

[1] Nguyên văn "sắc quyến". Riêng chữ "quyến" theo Từ Nguyên trang 1166, tả lại đồ dệt bằng tơ sống, dày, thô và rão; còn theo Việt Nam tự điển, trang 460, thì là lụa mỏng mà trắng.

[2] Một chức vị của vợ lẽ vua. Theo chế độ đời Tùy Văn Đế, thì tu dung được xếp vào hàng chín cung tần. Ở Việt Nam, dưới triều Lê Thánh Tông (1460-1497), tu dung là một trong tam tu (tu nghi, tu dung, tu viện) chức vị ở dưới tam chiêu (chiêu nghi, chiêu dung, chiêu viện) và trên tam sung (sung nghi, sung dung, sung viện). Cả ba cấp tam chiêu, tam tu và tam sung này để kể là cửu tần (xem thêm Chính biên XXIII, 16, 17).

[3] Nguyên văn là "sắc quyến". Xem chú giải ở trên (Chính biên XVII, 14).

[4] Trần thị cùng gia quyến Lê Sát đều bị sung công làm nô tì khi Lê Ngân phải tội, do đó nàng bị nhà vua chia phát cho nhà Lê Ngân.

[5] Nguyên văn là "nữ vu", tức là bà đồng trông nom về việc thờ phật Quan âm ở nhà Lê Ngân mà Cương mục ở đoạn trên (chỗ khám nhà Lê Sát) bỏ sót, không chép.

[6] Ý Tự Đức muốn chỉ về việc nhà Lê Ngân thờ Phật để cầu phúc cho con gái là Huệ phi Nhật Lệ.

[7] Xem Chính biên XV, 5.

Bấy giờ đường thủy ở các lộ dần dần cạn nghẽn; nhà vua ra lệnh cho dân khu ở bốn đạo[1] làm việc khơi vét.

Lời chua - Trường Yên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên II, 11).

Thanh Hóa, Nghệ An: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16, 117, 20, 23).

Phế quận vương Tư Tề xuống làm thứ dân.

Trước kia, Tư Tề hay nói những lời quái gở càn bậy, bị kẻ hầu cận cáo tỏ, nhà vua đã sắc sai trăm quan không được đi lại với Tư Tề; đến nay phế hẳn làm thứ dân.

Đại xá. Hạ chiếu cho trăm quan điều trần việc nước.

Vì cớ thường xảy ra tai biến và điềm gở, nhà vua hạ chiếu tự trách mình. Bài chiếu thế này:

"Luôn năm lại đây, nào hạn hán, nào hoàng trùng, tai nạn và điềm gỡ dồn dập xảy đến. Mấy cây trước cửa nhà thái miếu ở Lam Kinh[2] nhiều lần cũng bị sét đánh. Xét xem tại sao xảy ra điềm xấu như vậy, tất là phải có lý do. Có lẽ vì những cớ này:

"Trẫm không tu sửa đức tính, bỏ bể trễ mọi chính sự chăng?

"Những bậc tể phụ không phải là người hiền tài, sự quản lý nhà nước có điều sai trái không đúng mức chăng?

"Bổ dụng không được người tốt, vàng thau lẫn lộn chăng?

"Có nạn hối lộ công khai, việc hình ngục kiện tụng có điều oan uổng, quá lạm chăng?

"Nhiều phen dấy việc thổ mộc doanh tạo làm cho sức dân mỏi mệt khốn đốn chăng?

"Sưu cao, thuế nặng, nhân dân phải thiếu thốn về tiền tài chăng?

"Vậy nay đại xá cho thiên hạ. Trăm quan văn võ các ngươi ai nấy đều nên điều trần bày tỏ những điều thiếu sót lầm lỗi trong mọi chính sự, cứ nói thẳng, đừng giấu giếm. Nếu có điều gì đáng lượm dùng, thì trẫm thế nào cũng cất nhắc thêm lên chức cao; dẫu rằng có vấp phải những điều ngu ngốc viễn vông đi nữa, cũng chẳng bắt tội gì đâu. Như vậy ngõ hầu mới có thể cảm lại được lòng Trời, ngừng được tai biến khiến cho nước nhà dài hưởng phúc lành vô cùng".

Lời phê[3] - Cũng là văn bản nói suông nói đó thôi.

Tháng 12, mùa đông. Sứ nhà Minh sang ta.

Triệu Nhân Chính, Tri châu châu An Bình thuộc phủ Thái Bình nhà Minh và Nông Kính, Tri châu châu Hạ Tư Lang thuộc trấn Thái Nguyên bên ta, đều vượt bờ cõi, xâm lấn đất đai của nhau.

Ti Bố chính sứ Quảng Tây tâu vua Minh rằng quan sở tại ở Hạ Tư Lang tranh chiếm hai động An Bang và Hóa Long thuộc châu An Bình. Nhưng đến việc quan sở tại ở châu An Bình ấy thôn tính bờ cõi, xâm chiếm các động Vũ Đức của ta thì Bố Chính sứ Quảng Tây lại ỉm đi, không tâu vua Minh biết. Vua Minh sai bọn Cấp sự trung là Thang Nãi sang dụ bảo ta trả lại những đất ta đã xâm chiếm. Nhà vua sai bọn Lê Bá Kỳ, Đồng tri Trung Quân, và Bùi Cầm Hổ, Trung thừa sang Minh, phúc tấu về việc này. Lại xin vua Minh ra sắc dụ bảo bầy tôi trấn thủ Quảng Tây phải nghiêm sức cho quan lại nhà Minh ở nơi biên giới không được gây hấn sinh sự.

Lời chua - Thái Bình: Tên phủ. Xưa là đất nước Nam Việt[1]; đời Hán gọi là Lệ Giang thuộc quận Giao Chỉ; đời Đường đặt làm một châu chỉ có tính cách ràng buộc lỏng

---

[1] Xem Chính biên XIII, 32.

[2] Nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Về việc Lê Thái Tông hạ chiếu tự trách mình, cho trăm quan điều trần việc nước.

lẻo[2]. Đời Tống, Thái Bình là một trong năm trại lập ở Lĩnh Nam sau khi đã bình định được. Đời Nguyên đặt làm lộ Thái Bình thuộc đạo Tả Giang. Đời Minh, là phủ Thái Bình thuộc ti Bố Chính sứ tỉnh Quảng Tây. Đời Thanh để theo như cũ.

An Bình: Tên châu, thuộc phủ Thái Bình.

Hạ Tư Lang: Tên châu. Xưa là đất châu Tư Lang. Xem Lý Thái Tông, năm Kiền Phù hữu đạo thứ 3 (Chính biên III, 3).

An Bang, Hóa Long, Vũ Đức: Đều là tên động. Thay đổi ra sao không rõ.

Kỷ Mùi, năm thứ 6 (1439). (Minh, năm Chính Thống thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Cầm Man đem người Ai Lao vào cướp nơi biên giới. Nhà vua tự làm tướng đi đánh dẹp.

Cương Nương ở Cầm Man làm phản, khuấy nhiễu cướp bóc dân chúng ở nơi biên giới. Việc lên đến triều đình. Nhà vua sai tuyên bố tội trạng và cho quân đến đánh. Cương Nương sợ, cầu cứu với nước Ai Lao. Ai Lao sai bầy tôi là Nữu Hoa đem quân và voi đến xâm lấn khuấy nhiễu caác châu Phục Lễ. Nhà vua chính mình đem sáu quân[3] đi đánh: Nữu Hoa phải rút lui.

Lời chua - Cầm Man: Theo Hưng Hóa lục của Hoàng Trọng Chính[4], thì các châu Phù Yên[5], Sơn La[6], Tuần Giáo[7] và Mai Sơn[8], hồi đầu Lê, đều là các động, giáp giới với Ai Lao và liền với châu Phục Lễ. Họ Cầm nối đời làm phục đạo. Có lẽ Cầm Man tức là ở đó.

Cương Nương: Tên người của Cầm Man[9].

Tháng 3. Đặt mọi quy thức về tiền đồng và đồ hàng tấm.

Nhà vua hạ chiếu quy định:

Tiền đồng: Một tiền là 60 đồng.

Lụa: Một tấm vải dài 30 thước[10], ngang 1 thước 5 tấc trở lên.

Vải gai nhỏ[11]: một tấm dài 24 thước, ngang 1 thước 3 tấc.

Vải gai tiêu ma[12]: một tấm dài 24 thước.

Vải bông: một tấm dài 22 thước.

Giấy: một trăm là 100 tờ.

---

[1] Quốc hiệu của Triệu Đà.

[2] Nguyên văn là "cơ mi". Xem chú giải số 3 ở Tiền biên IV, 24.

[3] Nguyên văn là "lục sự". Xem chú giải số 3 ở Chính biên IX, 34.

[4] Xem chú giải số 3 ở Chính biên III, 27.

[5] Nay đều thuộc tỉnh Sơn La.

[6] Nay đều thuộc tỉnh Sơn La.

[7] Nay đều thuộc tỉnh Sơn La.

[8] Nay đều thuộc tỉnh Sơn La.

[9] Đây dịch theo nghĩa của nguyên văn Cương mục. Còn Toàn thư XI, 51b chép là "... Cầm Man, Cương Nương đẳng...". Như vậy, Cương Nương cũng như Cầm Man, là một dân thiểu số ở đương thời.

[10] Thước cổ Việt Nam. Hiện nay, 1 thước ta độ 40 công phân (0m40); còn thước đời Lê thế nào, không rõ.

[11] Nguyên văn là "tế ma bố". Theo Cương mục, chỉ là một thứ vải gai nhỏ. Nhưng theo Toàn thư XI, 52a thì là vải nhỏ và vải gai vì chép: "Tế ma bố tịnh trường nhị thập tứ xích".

[12] Nguyên văn là "tiêu bố". Theo Từ Nguyên, tiêu ma là một thứ gai, có thể dệt làm vải.

Tháng 4, mùa hạ. Sao chổi xuất hiện ở phương tây.

Tháng 10, mùa đông. Sinh hoàng tử Nghi Dân.

Tháng 11. Đại xá. Ban tiệc rượu mừng.

Đại xá cho cả nước. Đổi lại niên hiệu. Người dân từ 70 tuổi trở lên được thưởng tước một tư[1] và uống rượu mừng.

Canh Thân, năm Đại Bảo thứ 1 (1440). (Minh, năm Chính Thống thứ 5).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Hạ chiếu cho quần thần cứ thẳng thắn bàn nói về những chính sự còn thiếu sót.

Chiếu rằng: "Đại thần và bách quan văn võ ăn lộc của vua, nên lo điều lo của vua. Phàm những chính sự và mệnh lệnh nếu có hại cho quân và dân, những việc làm của trẫm lỡ có điều gì không được thích đáng, thì ai nấy đều nên tranh luận cho rõ ràng, can ngăn cho vỡ vạc, giúp đỡ cho những điều trẫm không nghĩ tới. Như thế thì, từ trước đến sau, vua và tôi mới giữ toàn vẹn được công danh sự nghiệp, cùng nhau chung hưởng vinh hiển. Há chẳng tốt lắm sao?".

Hà Lai, thổ tù châu Thu Vật, làm phản. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh, bắt được và giết chết Hà Lai. Trở về cung, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu.

Thổ tù châu Thu Vật thuộc Tuyên Quang là Hà Lai làm phản. Nhà vua tự làm tướng, thân đi đánh bắt được con của Lai là Mậu; ngày hôm sau, lại bắt được Lai, chém chết. Rút quân về, làm lễ ở nhà thái miếu, dâng tù binh.

Lời phê - Đối với những đồ nhãi nhép, làm gì mà phải khoe khoang như thế[2]? Vô vị quá lắm!

Lời chua - Thu Vật: Tên châu. Nay là Thu Châu thuộc phủ Yên Bình[3].

Lập con là Nghi Dân làm thái tử.

Tháng 3. Tên Nghiễm, thổ tù châu Thuận Mỗi thuộc trấn Gia Hưng, đem người Ai Lao vào cướp nơi biên giới. Nhà vua tự làm tướng đi đánh. Tháng 5, mùa hạ. Nghiễm xin hàng. Nhà vua rút quân về.

Thổ tù châu Thuận Mỗi thuộc trấn Gia Hưng, tên là Nghiễm (không rõ họ), làm phản, dắt người Ai Lao đến xâm lấn biên giới. Nhà vua hạ chiếu chính mình cầm quân đi đánh. Khi đại quân tiến đến trấn Gia Hưng, gặp lúc bấy giờ thời tiết đang nắng dữ và năng mưa, nhà vua thấy Nghiễm dâng tiến trâu và voi, xin hàng, thì ưng thuận, rút quân về.

Lộ Thanh Hóa có thủy tai lớn.

Tân Dậu, năm thứ 2 (1441). (Minh, năm Chính Thống thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Nghiễm lại làm phản. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh, bắt được Nghiễm, trở về cung, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu.

Tên Nghiễm lại dắt người Ai Lao vào cướp nơi biên giới. Nhà vua nổi giận, tự làm tướng, cầm quân đi đánh, thẳng tiến đến biên giới Thuận Châu. Tướng Ai Lao là Đạo Mông lui giữ La Động. Nhà vua sai đuổi kỳ cùng, bắt sống được Đạo Mông, lại bắt được con của Nghiễm là Sinh Tượng, Chàng Đồng. Nghiễm cùng quẫn, phải xin hàng. Nhà vua sai bắt đem về, làm lễ dâng tù ở nhà thái miếu.

Lời chua - La Động: Thay đổi ra sao, không rõ.

---

[1] Xem chú giải số 2 ở Chính biên X, 18.

[2] Ý nói ở đời Lê, trước kia, đã chép Lê Thái Tông chính mình đi đánh Cầm Man (Kỷ Mùi, 1439, xem Chính biên XVII, 18); đến đây lại chép đi đánh và giết được Hà Lai.

[3] Hồi kháng chiến (1946-1954), thuộc tỉnh Tuyên Quang. Nay là huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Tháng 5, mùa hạ. Tuyển lấy các tú nữ đem vào cung.

Tháng 11, mùa đông. Giáng truất thái tử Nghi Dân xuống làm Lạng Sơn vương, đổi lập Bang Cơ làm thái tử.

Thần phi Dương Thị, mẹ Nghi Dân, tính cả ghen, sau khi thấy con được lập làm thái tử, lại càng kiêu rông. Nhà vua nổi giận, giáng xuống làm chiêu nghi[1]. Dương Thị, do đấy, ngày càng ấm ức oan trách; nhà vua giáng xuống làm "thứ phụ"[2].

Vì thấy người mẹ không có hiền đức thì chắc con cũng chẳng ra gì, nhà vua bèn hạ chiếu giáng Nghi Dân xuống làm Lạng Sơn vương, đổi lập Bang Cơ làm thái tử.

Lập hoàng tử Khắc Xương làm Tân Bình vương.

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1442). (Minh, năm Chính Thống thứ 7).

Tháng 3, mùa xuân. Thi đối sách để tuyển lấy tiến sĩ.

Trước kia, đã bàn đặt khoa tiến sĩ, đến đây, cho vào điện đình để thi đối sách, ban cho từ Nguyễn Trực trở xuống 33 người đỗ tiến sĩ cập đệ[3], xuất thân[4], đồng xuất thân[5] có khác nhau. Lại sai dựng bia khắc bài văn nói về việc mở khoa thi tiến sĩ và đề tên những người đã đỗ. Bia tiến sĩ bắt đầu có từ đây.

Lời chua - Nguyễn Trực: Người làng Bối Khê thuộc Thanh Oai[6].

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi tuần phía đông, vào chơi chùa núi Côn Sơn[7], nơi Nguyễn Trãi ở.

Nhà vua tuần hành phía đông, duyệt võ ở Chí Linh, Lê Trãi đón mời, nhà vua đến chơi chùa núi Côn Sơn, nơi ở của Lê Trãi.

Trước kia, Nguyên Đán, Tư đồ đời Trần, về hưu ở núi Côn Sơn. Núi này có chùa gọi là Tư Quốc, phong cảnh rất đẹp, và u tĩnh. Trãi là cháu ngoại Nguyên Đán[8]. Năm 60 tuổi, Trãi nghỉ việc, về ở tại Côn Sơn.

Lời chua - Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Côn Sơn: Thuộc xã Chi Ngại, huyện Chí Linh[9].

Tư Quốc: Tên chùa, ở phía nam Côn Sơn, tương truyền chùa này do sư Pháp Loa[10] làm.

Tháng 8. Nhà vua về đến huyện Gia Định, mất.

---

[1] Xem chú giải ở Chính biên XVI, 9.

[2] Theo các từ thư, "thứ phụ" chỉ có nghĩa là vợ của hàng con thứ. Đây có thể có nghĩa là người đàn bà thường dân, không còn chức tước phẩm trật thuộc hàng vợ vua ở hàng cung nữa.

[3] Xem chú giải số 5 ở Chính biên VI, 30.

[4] Xem chú giải số 5 ở Chính biên VI, 30.

[5] Xem chú giải số 5 ở Chính biên VI, 30.

[6] Nay là thôn Bối Khê, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[7] Tục gọi núi Hun.

[8] Thân mẫu Nguyễn Trãi tên là Thái, con gái của Trần Nguyên Đán.

[9] Nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

[10] Tổ thứ hai trong Trúc lâm tam tổ, dưới Điều ngự giác hoàng, trên sư Huyền Quang. Xem thêm chú giải số 2 ở Chính biên IX, 1.

Nhà vua ở ngôi 9 năm thọ 20 tuổi. Trước kia, Nguyễn Thị Lộ, vợ lẽ Lê Trãi, người đẹp mà lại hay chữ. Nhà vua nghe tiếng, vời đến, phong làm Lễ nghi học sĩ, ngày đêm cho hầu ở bên, nhân đó, sàm sỡ với Thị Lộ. Đến đây, đi tuần phía đông, xa giá quay về đến trại Vải[1], làng Đại Lại, huyện Gia Định, thì mắc chứng sốt rét. Thị Lộ vào hầu suốt đêm, nhà vua mất. Trăm quan giấu kín việc này, lặng lẽ rước ngự giá về kinh đô. Nửa đêm vào đến trong cung, mới phát tang. Người ta đều nói Thị Lộ giết vua, bèn bắt giết Thị Lộ.

Lời chua - Gia Định: Tên huyện. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chính biên III, 34).

Nguyễn Thị Lộ: Người Hải Triều thuộc huyện Ngự Thiên[2].

Đại Lại: Tên xã, thuộc huyện Gia Bình[3].

Trại Vải (Lệ Chi Viên): Theo Bắc Kỳ tạp biên của Ngô Cao Lãng, trại Vải ở xã Đại Lại. Bắt đầu có từ bao giờ, không rõ.

Thái tử Bang Cơ lên ngôi.

Nhà vua mới hai tuổi, do các đại thần là Lê Khả và Lê Xí... cùng lập lên (tức là Lê Nhân Tông).

Đại xá.

Đại xá cho cả nước. Kể từ năm sau, đổi niên hiệu làm Thái Hòa năm thứ 1 (1443).

Giết Thừa chỉ nhập nội đại hành khiển, trí sĩ Lê Trãi tru di cả họ[4].

Trãi phải tội liên lụy vì người vợ lẽ Thị Lộ. Người ta đều cho là oan.

Lời phê - Đời Lê Thái Tông, vua thì buông tuồng, bầy tôi thì chuyên quyền. Trãi nếu là người hiền, thì nên sớm liệu rút lui, ẩn náu tung tích để cho danh tiếng được toàn vẹn. Thế mà lại đi đón trước ngự giá, thả lỏng cho vợ làm việc hoang dâm, vô liêm sỉ. Vậy thì cái vạ tru di cũng là tự Trãi chuốc lấy. Như thế sao được gọi là người hiền?

Sai sứ sang nhà Minh.

Bây giờ, Triệu Nhân Chính, tri châu Long Châu, ủy thác cho bọn đầu mục là Lữ Thông quản lĩnh hơn nghìn quân, vượt qua biên giới, xâm lấn châu Hạ Tư Lang, cướp bóc lung tung người và súc vật. Bầy tôi trấn thủ Thái Nguyên tâu việc này lên triều đình. Các đại thần xin sai Thị ngự sử Triệu Thái sang nhà Minh tâu bày về việc này. Lại dùng bọn Hải Tây đạo Đồng tri Nguyễn Thúc Huệ, Tham tri Nguyễn Đình Lịch và Lê Phó sung vào sứ bộ cáo phó[5] và sứ bộ cầu phong[6].

Lời cẩn án - Sử cũ chép Triệu Thái tâu về sự việc địa phương Khâm Châu[7]. Nay xét Bang Giao bị lãm của Giáp Trưng và "Bang Giao chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Đại Bảo thứ 3 (Nhâm Tuất, 1442) tức năm Chính Thống thứ 7 nhà Minh, nước ta có đưa công văn sang Bố Chính sứ Quảng Tây nói, vừa đây, chiếu theo lời khải[8] của Phan Giam Dực, bầy tôi trấn thủ Thái Nguyên, trình rằng Thái Nguyên bị thổ quan Long châu là Triệu Nhân Chính sai bọn đầu mục Lê Thông đem hơn nghìn

---

[1] Hán văn là Lệ Chi Viên.

[2] Hải Triều: tên làng. Nay là xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[4] Nguyễn Trãi (Cương mục theo quốc tính chép là Lê Trãi), mất ngày 16 tháng 8 năm Nhâm Tuất, Đại Bảo thứ 3, tức ngày 19 tháng 9 năm 1442.

[5] Báo tin buồn về việc Lê Thái Tông chết.

[6] Xin phong vương cho Lê Nhân Tông.

[7] Xem Toàn thư XI, 56.

[8] Lời tỏ bày sự việc bằng giấy tờ.

quân đánh thôn Nhung thuộc châu Hạ Tư Lang, cướp bắt người và trâu bò đem đi. Nay xét Minh sử cũng chép nước ta sai bầy tôi sang tố cáo về việc thổ quan ở An Bình xâm lấn và cướp bóc; còn sự việc Khâm Châu ra sao, không hề nói đến. Về sau, đến năm Diên Ninh thứ 3 (1456), nhà Minh cũng vì cớ xảy việc Long Châu, sắc sai hai bên hội họp với nhau để khám xét. Như vậy Sử cũ chép là Khâm Châu, e có lẽ lầm. Nay xin cải chính. Đến như trước chép Triệu Nhân Chính là thổ quan An Bình, sau lại chép là thổ quan Long Châu, có lẽ vì An Bình kiêm lỵ cả Long Châu hoặc vì Triệu Nhân Chính sau đổi đi Long Châu: điều đó chưa rõ. Vậy xin trình bày cả ra đây để tham khảo.

Lời chua - Triệu Thái: Người Hoàng Chung thuộc Lập Thạch[1].

Táng (Lê Thái Tông) ở Hựu Lăng.

Ngày 16 tháng ấy[2] làm lễ táng Đại hành hoàng đế[3] ở phía tả Vĩnh Lăng tại Lam Sơn, gọi là Hựu Lăng, đặt tên thụy là Văn hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tông.

Quý Hợi, Nhân Tông Tuyên hoàng đế, năm Thái Hòa thứ 1 (1443). (Minh, năm Chính Thống thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao sa.

Quần thần mời Hoàng thái hậu[4] cùng tham dự xét xử chính sự.

Tháng 2. Động đất.

Tháng 5, mùa hạ. Động đất.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua và quần thần đều bỏ đồ trở.

Bấy giờ tai biến và điềm gở luôn luôn xảy ra. Thái sử Bùi Hanh nêu thuyết âm dương xung khắc làm hại lẫn nhau, xin mặc đồ cát phục[5] để cúng trừ tai giải ách. Quần thần xin làm theo như lời Hanh đã tâu. Nhà vua bèn bỏ đồ trở, mặc áo hoàng bào, ngự nơi chính điện. Bầy tôi mặc áo, đội mũ theo lễ chầu thường, đứng hầu theo ban thứ.

Lời phê - Lời nói của thái sử[6] đã là vô căn cứ lắm rồi, đến cả quần thần cũng lại không biết nốt, thì còn giúp vua thế nào được? Huống chi bấy giờ vua mới lên hai, thế mà nói nào mặc hoàng bào, nào ngự chính điện: đều là những lời hão huyền cả.

Tháng 11. Sứ nhà Minh sang.

Nhà Minh sai Hành nhân ti hành nhân là Trình Cảnh sang làm lễ tế điếu, và sai Quang lộc tự thiếu khanh là Tống Kiệt và Binh khoa cấp sự trung là Tiết Kiêm sang phong nhà vua là An Nam quốc vương.

Khi sứ Minh về nước, nhà vua dùng bọn Ngự sử trung thừa là Hà Phủ, Hàn lâm việc tri chế cáo là Nguyễn Như Đổ và Ngự tiền học sinh là Lương Như Hộc sung vào sứ bộ sang Minh đáp tạ về việc tế điếu; bọn tham tri bạ tịch là Trình Dục, Nội mật viện chánh chưởng là Trình Thanh và Hàn lâm viện trực học sĩ là Nguyễn Khắc Hiếu sung vào sứ bộ đi đáp tạ về việc phong vương.

Lời chua - Nguyễn Như Đổ: Người làng Đại Lan thuộc huyện Thanh Trì[1], khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đời Lê Thái Tông đỗ hội nguyên[2], khi thi đình đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ.

---

[1] Làng Hoàng Chung nay thuộc xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Tháng 8, năm Nhâm Tuất (1442).

[3] Xem chú giải ở Chính biên I, 37.

[4] Tức là Tuyên từ hoàng thái hậu, tên là Nguyễn Thị Anh, người Bố Vệ, huyện Sơn Đông thuộc Thanh Hóa, là vợ lẽ của Lê Thái Tông được phong Thần phi, và là mẹ của Lê Nhân Tông (xem thêm Chính biên XIX, 7).

[5] Đồ mặc tốt lành, trái với tang phục.

[6] Chức quan của Bùi Hanh.

Lương Như Hộc: Người làng Hồng Lục thuộc huyện Gia Lộc[3], đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đời Lê Thái Tông.

Trình Thanh: Người làng Lương Xá thuộc huyện Chương Đức[4], đỗ khoa hoành từ, năm Tân Hợi, Thuận Thiên thứ 4 (1431) đời Lê Thái Tổ.

Nguyễn Khắc Hiếu: Người huyện Bình Lục[5].

Giáp Tí, năm thứ hai (1444). (Minh, năm Chính Thống thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển lính.

Tháng 5, mùa hạ. Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu. Triều đình sai Thái bảo Lê Bôi và Tổng quản Lê Khả đi đánh.

Bí Cai, chúa của Chiêm Thành, lấn cướp Hóa Châu. Triều đình sai bọn Lê Khả đem 10 vạn quân đi đánh.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

Hóa Châu: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chính biên VIII, 44).

Tháng 7, mùa thu. Bắt giam Thái phó Lê Liệt vào ngục.

Bấy giờ những kẻ quyền gian kiểu hạnh[6] được dùng làm việc. Có người gièm pha Lê Liệt với thái hậu, nên mới có lệnh bắt bỏ tù Lê Liệt và vợ con gia quyến ông.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Ất Sửu, năm thứ 3 (1445). (Minh, năm Chính Thống thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào sông ở Thanh Hóa.

Triều đình sai văn thần đôn đốc quân các lộ khơi vét sông ở Thanh Hóa.

Lời chua - Thanh Hóa: Xưa là Ái Châu. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 20-21).

Tháng 4, mùa hạ. Chiêm Thành lấn cướp Hóa Châu. Triều đình sai Tư đồ Lê Thận và Đô đốc Lê Xí đi đánh.

Tháng 6. Phong hoàng đệ là Tư Thành làm Bình Nguyên vương.

Lời chua - Bình Nguyên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên II, 18).

Tháng 10, mùa đông. Hạ chiếu giảm phú thuế và nhẹ hình phạt.

Bài chiếu đại lược nói: "Trẫm, thơ ấu nối ngôi, chưa am tường việc đời. Gần đây, tai biến dồn dập, sấm sét luôn xảy, mưa không thuận, đê vỡ, nước lụt, sâu cắn hại lúa. Có lẽ vì chính sự có điều thiếu sót sai lầm, việc ngục tụng hình luật không được đúng mức mà xui nên thế chăng? Vậy nên giảm thuế khóa, nhẹ hình phạt để cầu phúc trời?

---

[1] Nay là thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Đỗ đầu thi hội.

[3] Nay là thôn Thanh Liễu, xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

[4] Lương Xá nay là xã Chi Lăng, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

[5] Nay là huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

[6] Hú họa ưa may, không có thực tài.

Nhập nội Đô đốc Lê Xí bị miễn chức.

Nhà vua còn nhỏ tuổi, hoàng thái hậu coi giữ triều chính, cất nhắc những người thân thích họ hàng lên làm việc. Vì thấy Lê Xí không ăn cánh với mình, nên ghét bỏ ông.

Bấy giờ có việc đi đánh Chiêm Thành, Xí đã vâng lĩnh mạng lệnh nhưng chưa đi, bị kẻ quyền thần tố cáo, buộc vào tội chết. Triều đình cho rằng Xí là bậc kỳ cựu, có công lao, đáng nên chiếu cố theo bát nghị[1] trong luật, vì vậy mới cho Xí được miễn chức, về nhà.

Có thủy tai lớn.

Nước sông lên to, tràn ngập. Kinh thành ngập nước sau đến 3 thước[2]. Lúa má bị hư hại.

Bính Dần, năm thứ 4 (1446). (Minh, năm Chính Thống thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Triều đình sai bọn Nhập nội đô đốc Lê Thụ, Lê Khả và Thiếu phó Lê Khắc Phục đi đánh Chiêm Thành.

Vì Bí Cai, chúa Chiêm Thành, thường hay xâm phạm biên giới, nên triều đình bàn đem đại binh đi đánh, tập hợp đông đảo các quân chuyển lương thực tích trữ ở Hà Hoa.

> **Lời chua -** Hà Hoa: Tên phủ. Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 3 (Chính biên X, 37).

Tháng 2. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ thổ ti ở Long Châu (nhà Minh) là Triệu Nhân Chính nhiều lần xâm lấn cướp bóc thổ dân Thái Nguyên, và chúa Chiêm Thành là Bí Cai thường hay lấn cướp Hóa Châu. Triều đình bèn sai bọn Hải Tây đạo tham tri bạ tịch[3] là Nguyễn Thúc Huệ và Đồng tri thẩm hình viện sự là Trình Thanh sang nhà Minh để tâu bày về những việc này.

> **Lời chua -** Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chính biên VII, 17).

Tháng 4, mùa hạ. Bọn Lê Thụ và Lê Khả đánh thành Chà Bàn: hạ được thành này, bắt được vua Chiêm Thành là Bí Cai đem về, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu. Lập Ma Ha Quý Lai làm vua nước Chiêm Thành.

Bọn Thụ và Khả kéo quân từ Ly Giang, Đa Lang và Cổ Lũy để tiến lên, giao chiến với quân Chiêm: Địch đại bại. Nhân đà thắng lợi, bọn Khả thẳng tiến đến cửa biển Thi Nại. Quân Chiêm lui giữ thành Chà Bàn. Khả dẫn đầu quân tinh nhuệ, làm tiên phong.

Dụ dỗ Ma Ha Quý Lai, cháu của Bố Đề là vua Chiêm Thành cũ, đến minh thệ với ta, Khả xui hắn làm nội ứng. Kế đó, đạo quân của Thụ cũng đến. Hai đạo quân hợp sức lại, vây đánh thành Chà Bàn. Thành này bị phá; quan quân bắt được vua Chiêm là Bí Cai với cung phi, cung tần và người trong bộ lạc Chiêm Thành. Lại còn tước được voi, ngựa, khí giới, nghi trượng vô kể. Các tướng Lê Thụ và Lê Khả bèn rút quân về.

Nhà vua sai làm lễ dâng tù binh là Bí Cai ở nhà thái miếu. Ban chiếu đại xá cho cả nước.

Quý Lai sai bầy tôi là bọn Chế Cữu Ma Nô Bà Bị dâng biểu xưng thần, xin làm vua nước Chiêm Thành. Nhà vua cho lập Quý Lai làm chúa, để Bí Cai và phi tần của Bí Cai ở lại kinh đô, còn những người Chiêm khác đã đầu hàng đều cho đưa về nước.

Sau đó có tên Phan Mỗ đem hơn ba trăm người nước Chiêm, cả nam lẫn nữ, đến đầu hàng. Nhà vua hạ chiếu chi họ ở tản ra các đạo.

---

[1] Xem chú giải ở Chính biên XV, 10.

[2] Xem chú giải số 7 ở Chính biên XVII, 19.

[3] Chức Tham tri coi giữ sổ sách công việc quân và dân ở đạo Hải Tây.

Lời chua - Ly Giang: Tên đất. Nhà Lê đổi gọi Lê Giang; nay là huyện Lễ Dương thuộc phủ Thăng Bình tỉnh Quảng Nam.

Đa Lang: Thay đổi ra sao, không rõ.

Thành Chà Bàn, cửa Thi Nại: Đều xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chính biên X, 41).

Cổ Lũy: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chính biên X, 5).

Minh sử chép: "Tuấn[1] sai tướng đi xâm lấn Chiêm Thành, cướp lấy Tân Châu cảng, bắt sống vua Chiêm là Ma Ha Bí Cai đem về. Vua Minh[2] bèn vì Chiêm Thành mà lập vua mới là Ma Ha Quý Lai, sắc sai sứ giả An Nam dụ bảo Tuấn thả cho vua cũ Chiêm Thành trở về, nhưng Tuấn không vâng theo chiếu chỉ". Những lời chép trong Minh sử như vậy có khác với đây. Nay xin trình bày ra cả để tham khảo[3].

Tháng 9, mùa thu. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ, đã đánh được Chiêm Thành, quân ta bắt Bí Cai, vua Chiêm, làm tù binh, đem về. Người Chiêm bèn sang tố cáo với nhà Minh.

Vua Minh sắc sai nhà vua thả cho vua cũ Chiêm Thành về nước. Nhà vua sai bọn Hải Tây đạo Tham tri bạ tịch Nguyễn Nhân và Chính sự viện Đồng tham nghị Trình Hoằng Nghị sang Minh tâu bày về việc Chiêm Thành thường hay xâm phạm biên giới.

Đinh Mão, năm thứ 5 (1447). (Minh, năm Chính Thống thứ 12).

Tháng 7, mùa thu. Ban chiếu thủ các cung nữ và sai quan các đạo dò hỏi xem xét những ẩn tình đau khổ của dân để tâu lên triều đình.

Bài chiếu rằng: "Nhận lỗi, trách mình, phải rất mực thành thực thì mới cảm cách được trời đất. Chính sự nhân đức, trước nhất phải cứu giúp tai nạn cho dân. Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ, thiên tai dồn dập, trăm họ khó kiếm ăn. Gần đây, đã ra lệnh cho các quan điều trần những điều tiện lợi cho quân và dân để trẫm thu lượm lựa chọn thi hành. Nay lại hạ lệnh buông thả các cung nữ và sai quan các đạo xem xét những điều đau khổ của dân sở tại để tâu lên trẫm biết".

---

[1] Một tên khác của Lê Nhân Tông dùng để ngoại giao với Minh.

[2] Minh Anh Tông (1436-1449).

[3] Đoạn này đáng lẽ đặt riêng vào "Lời cẩn án" mới phải, nhưng Cương mục lại đặt liền ngay dưới chỗ "Lời chua" về Cổ Lũy.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XVIII

Từ Mậu Thìn, Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (1448) đến Kỷ Mão, Lê Nhân Tông, năm Diên Ninh thứ 6 (1459), gồm mười hai năm.

❈

Mậu Thìn, năm (Thái Hòa) thứ 6 (1448). (Minh, năm Chính Thống thứ 13).

Tháng 2, mùa xuân. Đèo Mạnh Vượng, tri châu Phục Lễ, có tội. Triều đình cho phép Mạnh Vượng được chết, rồi trao chức Chiêu thảo sứ cho em hắn là Dao.

Mạnh Vượng là người tham lam, tàn bạo, ngầm dùng thuốc độc giết chết người trong bộ lạc của hắn. Nhiều người oán giận. Việc đến triều đình. Triều đình cho phép Mạnh Vượng được chết, rồi tịch thu cả nhà, phong cho em hắn là Dao làm chức Chiêu thảo sứ[1], vẫn cứ coi quản công việc Phục Lễ.

Lời chua - Phục Lễ: Tức châu Ninh Viễn. Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 17).

Miền Đông đạo[2] đồn ngoa rằng có sứ nhà Minh sang ta. Triều đình sai bọn Lê Khắc Phục đi lên biên giới.

Bấy giờ Đông đạo đồn ngoa rằng sứ nhà Minh đến nơi biên giới để hội đồng với ta làm việc khám nghiệm. Triều đình sai Trình Dục, Đông đạo tham tri, đến tận nơi để thăm dò. Dục vừa mới đến biên giới, đã vội quay về tâu rằng quan khâm sai nhà Minh kết hợp với các quan trấn thủ Quảng Đông đem nhiều binh mã đến. Triều đình liền sai bọn Tư khấu Lê Khắc Phục, tả hữu nạp ngôn Nguyễn Mộng Tuân và Nguyễn Văn Phú, Hữu thị lang Đào Công Soạn, Trung thừa Hà Lật cùng với Tây Đạo[3] Đồng tri Nguyễn Thúc Huệ đi lên biên giới, chờ đợi để hội khám. Lại sai Nam Sách lộ[4] Đồng tri Lê Thiệt đem hơn vạn quân kết hợp với quân sĩ ở trấn An Bang làm việc tuần phòng biên giới. Mọi người đều được ban cho tiền nhiều ít có khác nhau. Lại sắc sai miền Đông đạo chuẩn bị làm việc khao quân. Vì thế, trăm họ nôn nao nhộn nhạo.

Khi đến biên giới, mọi người ở lại hàng tuần[5], hàng tháng, chẳng hề thấy có tin tức gì cả. Ai nấy mua các hàng hóa Trung Quốc rồi về, nói thác ra rằng quan khâm sai nhà Minh vì cớ riêng, không đến được. Quan Ngự sử đài là Hà Lật, vì bè đảng, không chịu nói. Triều đình cũng bỏ qua, không xét hỏi đến việc này nữa.

Lời phê - Còn ra thể thống gì nữa!
Lời chua - Nguyễn Mộng Tuân: Người làng Viên Khê, huyện Đông Sơn[6].

Đông đạo, Tây đạo: Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5).

---

[1] Một chức quan ở trong ty Quân dân chiêu thảo do nhà Lê đặt trông coi việc đánh bắt trộm cướp.

[2] Gồm các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách thượng, Nam Sách hạ và trấn An Bang (Xem Chính biên XV, 5).

[3] Nay gồm các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hòa Bình, Hà Tây, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La.

[4] Nay thuộc Hải Dương.

[5] Mười ngày là một tuần.

[6] Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

An Bang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19, 29).

Mưa đá.

Nhà vua hầu Hoàng Thái hậu đi vào Lam Kinh.

Sai bọn Lê Thận và Lê Bí ở lại trấn giữ Đông Kinh, còn các vương đều cho đi hộ giá, nhà vua hầu Hoàng Thái hậu vào Thanh Hóa, bái yết các lăng tẩm, ban cho các quan tùy tùng ăn yến ở hành điện[1] và thưởng cho họ tiền bạc nhiều ít có khác nhau.

Lời phê - Bấy giờ nhà vua còn thơ ấu, đi xa sao được! Về việc này, chính Lê thái hậu và các đại thần khó chối trách nhiệm.

Lời chua - Lam Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên XV, 33).

Bồn Man[2] đến dâng lễ cống.

Bồn Man đến cống: sừng tê, vàng bạc và một con voi có ba ngà. Nhà vua hạ chiếu ban cho sứ giả Bồn Man: đoạn hồng, lụa, đồ sứ, rồi cho về.

Gác Thừa Thiên đã hoàn thành.

Trước kia, sai sửa chữa gác Thừa Thiên; đến đây làm xong. Quy chế lần này lại càng rộng rãi tráng lệ hơn trước.

Tháng 4, mùa hạ. Ra lệnh cấm chiếm ruộng đất công làm của riêng.

Cấm quan, quân và dân không được chiếm ruộng đất công để làm vườn, ao.

Cho Lê Xí được khai phục quan chức, làm Thiếu bảo tri quân dân sự.

Thái phó Lê Văn Linh chết.

Văn Linh là bậc khai quốc công thần, là vị nguyên lão đã giúp ba triều đại[3], có mưu trí, có tài cán, biết sự việc một cách đại thể. Khi ở triều đường, có nhiều kiến nghị sáng suốt. Vụ án Lê Sát, Văn Linh vẫn cứ thẳng thắn can ngăn, không a dua, được dư luận đồng tình. Nhưng phải cái là tham của, ăn hối lộ, tin sùng các thầy chùa. Cũng vì những điều đó, người ta đánh giá ông kém đi một chút. Thọ 72 tuổi.

Lời phê - Lê Văn Linh là kẻ về bè với Lê Sát. Nay sử lại chép như thế này, còn biết đâu là tà với chính nữa?

Bắt đầu ra lệnh cho thân quân thay đổi phiên nhau, vào làm túc vệ.

Lê Thái Tổ khi mới dẹp yên cả nước, có đặt ra Ngự tiền võ đội, từ chức Quản lãnh trở xuống đều phải túc trực thường xuyên, không được thay đổi. Đến đây, triều đình bàn rằng gần nay luôn năm có nạn hạn hán và sâu cắn lúa, từ nhà nước đến tư gia đều túng thiếu, thế mà vệ sĩ ngày một tăng thêm, làm phí phạm lương bổng cung cấp; do đó mới chia làm ba phiên, lần lượt thay nhau vào làm túc vệ.

Lời chua - Võ đội: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, tướng hiệu ở các vệ quân hễ ai có phạm lầm lỗi gì thì sung làm võ đội túc vệ, trong đội có chức Quản lãnh.

Giảm bớt số tướng hiệu ở các vệ quân.

---

[1] Cung điện để nhà vua nghỉ ngơi ở dọc đường.

[2] Xem "Lời chua" của Cương mục (Chính biên XVIII, 8).

[3] Tức là triều Lê Thái Tổ (1428-1433), triều Lê Thái Tông (1434-1442) và triều Lê Nhân Tông (1443-1459).

Theo thể chế cũ, thì trong các quân Ngự tiền, mỗi quân có tám tướng hiệu; trong năm quân Thiết đột, mỗi quân có bốn tướng hiệu. Đến đây, các đại thần bàn rằng số võ biền có nhiều, chỉ tổ làm thêm gánh nặng cho dân, vậy xin giảm bớt, mỗi quân chỉ đặt hai tướng hiệu thôi. Nhà vua nghe theo.

Lời chua - Các quân Ngự tiền: Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 1 (Chính biên XVI, 2).

Thiết đột: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 3).

Răn dạy các quan lại.

Lời dụ răn bảo văn võ trăm quan: "Nhà nước đã cấp bổng lộc theo thường lệ để gây nuôi đức tính thanh lêm, lại có pháp luật chung để cho mọi người tuân giữ. Thế mà ngày nay còn có những kẻ không giữ phép nước, ăn hối lộ, làm việc riêng tây. Những khách qua đường chẳng ai là không than oán. Đó không phải chuyện nhỏ đâu. Từ nay mà đi, ai nấy phải nên giữ mình cho trong sạch, chấp hành phép công. Kẻ nào còn cứ mê man không chừa, nếu việc lộ ra thì sẽ khép vào tội nặng hơn mức bình thường. Cấp trên không biết răn dạy cấp dưới, bạn đồng liêu không biết khuyên bảo lẫn nhau, sẽ đều bị tội đúng như pháp luật đã định".

Hạn hán. Nhà vua chính mình đi lễ cầu đảo. Tha những tù phạm bị tình nghi.

Trước kia, quan Ngự sử đài là bọn Hà Lật và Đồng Hanh Phát đàn hặc các Thẩm hình đại phu là bọn Trình Mân, Nguyễn Văn Kiệt và Lê Bá Viễn về việc để đọng hình ngục. Nhà vua sai bọn Lật đến viện Ngũ hình để kiểm soát, thấy còn đọng lại đến 125 bản án chưa xét xử dứt khoát. Bấy giờ các đại thần mới tâu xin nhà vua sai các quan ở Ngự sử đài năm đạo[1] kết hợp với ti Tường hình duyệt hết các bản án, đừng để cho việc hình ngục phải ứ đọng, gây đau khổ cho dân. Biếm truất bọn Trình Mân và Văn Kiệt mỗi người xuống một tư[2].

Đến đây, hạn hán. Nhà vua đem trăm quan đến cung Cảnh Linh và chùa Báo Ân, làm lễ đảo vũ. Rồi rước tượng phật Pháp Vân đến chùa Báo Thiên, hạ lệnh cho sư tụng kinh cầu đảo. Nhà vua hầu hoàng thái hậu đến dự lễ. Ngày ấy, tha cho 24 người tù bị tình nghi.

Lời phê - E rằng chưa nắm được sự thực[3].
Lời chua - Cung Cảnh Linh: Xem Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chính biên IV, 21).

Pháp Vân: Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chính biên III, 32).

Chùa Báo Thiên: Xem Lý Thần Tông, năm Thiên chương bảo tự thứ 5 (Chính biên IV, 32).

Hạ chiếu cho bầy tôi và dân chúng tiến cử người hiền lương, chân phương, ngay thẳng và dám nói.

Nhà vua hạ chiếu cho các quan ở Kinh Diên, ở Ngự sử đài, ở Trung thư sảnh và ở Hàn lâm viện ai nấy điều trần về những lý do gây nên hạn hán. Các đại thần là bọn Lê Thụ đều dâng biểu chương tự đàn hặc mình và cầu xin miễn chức. Nhà vua ban sắc dụ không ưng thuận. Nhân đó có lời chiếu rằng:

"Mấy năm vừa đây, nào lụt, nào hạn, nào hoàng trùng, tai biến dồn dập xảy đến! Có lẽ vì chính sự và mệnh lệnh của trẫm trên không thuận theo lòng trời, dưới không ăn hợp với ý dân, hay là những đại thần phụ chính làm việc giúp rập điều lý có sai trái để gây nên nông nỗi thế chăng?

---

[1] Tức Ngự sử đài của từng đạo, như Tây đạo Ngự sử đài, Đông đạo Ngự sử đài, Bắc đạo Ngự sử đài, Nam đạo Ngự sử đài và Hải tây đạo Ngự sử đài. Các viên quan ngự sử này đều tập trung ở kinh đô, mỗi người có nhiệm vụ phải giám sát các quan ở hàng đạo của mình, hễ thấy họ có gì sai trái lầm lỗi thì đàn hặc ngay tại triều đình để trung ương xét xử: đồng thời cũng bàn nói những việc hưng lợi trừ hại cho dân bản đạo.

[2] Xem chú giải số 2 ở Chính biên X, 18.

[3] Chỉ việc bọn Ngự sử Hà Lật đàn hặc bọn Thẩm hình Trình Mân, ...

"Vậy, thần dân các ngươi ai nấy đều nên trình bày cho trẫm biết rõ những điều sai trái thiếu sót. Hễ thấy có người hiền lương, chân phương, thẳng thắn và dám nói thì cho phép tiến cử ngay. Các người phải căn cứ vào sự thực mà điều trần, chứ đừng vin dẫn những lời văn suông của người xưa làm gì".

Lời phê[1] - Nhà vua bấy giờ nào đã biết gì[2], chẳng qua chỉ là lời văn suông thôi.

Tháng 6. Tha thái phó Lê Liệt ra khỏi ngục[3].

Bấy giờ vụ án Lê Liệt để kéo dài đến bốn năm, không xử dứt khoát. Đến đây, tông chánh Lê Khắc Phục và công chúa Ngọc Lan xin lựa uốn phép nước, mở rộng ơn trên, bèn tha cho Lê Liệt, rồi lại tha cả vợ con của Liệt.

Tháng 7, mùa thu. Miền Tây Đạo[4] đói kém lớn. Triều đình xuất thóc trong kho nhà nước ra cho dân vay.

Tri Tây đạo là Nguyễn Phú tâu trình rằng địa phận ba trấn Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng và các lộ Đà Giang thuộc miền rừng núi, ruộng đất cứng rắn xấu kém, luôn năm hạn hán và hoàng trùng, nhân dân phải nheo nhóc đói kém. Vậy xin xuất thóc gạo trong kho nhà nước ở sở tại để phát chẩn và cho dân vay. Nhà vua hạ chiếu y theo.

Lời chua - Tuyên Quang, Đà Giang: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 27, 30).

Quy Hóa: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 41).

Gia Hưng: Tức Lâm Tây. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chính biên II, 41).

Sao Huỳnh Hoặc đóng ở phận sao Tâm.

Hai sao lấp ló vào giới phận của nhau, lẩn quẩn (câu dĩ) đến hơn một tuần[5].

Lời chua - Huỳnh hoặc: Phần "Thiên quan thư" trong Sử ký (Trung Quốc) chép: Sao Huỳnh Hoặc, ở phương nam, thuộc hành hỏa, chủ về mùa hạ. Ngày bính đinh (tức ngày hỏa), người làm vua mà thiếu sót về lễ phép và không sáng suốt về sự nhìn nhận thì bị trời phạt bằng cách có sao Huỳnh hoặc xuất hiện. Sao Huỳnh hoặc mọc thì có binh lửa, lặn thì tan binh đao. Huỳnh hoặc là điềm rối loạn, tàn phá, tật bệnh, tang tóc, đói kém, binh đao.

Sao Tâm: Chòm sao Tâm là nơi minh đường[6]: ngôi sao lớn ở giữa là chính vị thiên vương, ngôi sao ở phía trước là chỉ thái tử, ngôi sao ở phía sau là chỉ con thứ của vua. Mục "Chính nghĩa" trong phần "Thiên quan thư" của Sử ký trên đây chép rằng: "Khi đóng ở phận sao khác, gọi là thù". Đây có nghĩa là sao Huỳnh hoặc xuất hiện mà đóng ở phận sao Tâm.

Câu dĩ (lẩn quẩn): Theo phần "Thiên văn chí" trong sách Quân khuy tập yếu, thì "câu" có nghĩa là quanh về tả, lại vòng về hữu, như hình chữ "câu"; "dĩ" có nghĩa là đi rồi lại lại, lại rồi lại đi, quanh co như hình chữ "dĩ".

---

[1] Về lời chiếu của Lê Nhân Tông.

[2] Bấy giờ Lê Nhân Tông mới lên bảy.

[3] Năm Giáp Tý (1444), Liệt đang làm thái phó, vì có người gièm pha, nên bị Lê thái hậu bắt giam vào ngục, đến đây (1448) mới được tha: cách hai năm sau, vợ con của Liệt mới được phóng thích (theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn và Chính biên XVII, 27).

[4] Gồm các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Gia Hưng (xem Chính biên XV, 5).

[5] Một tuần là mười ngày.

[6] Tượng trưng nơi cung ở của thiên vương để ban bố chính sự và mệnh lệnh.

Tồn Bồn Man cầu xin phụ thuộc về ta. Triều đình đem đất của Tồn Bồn Man đặt làm châu Quy Hợp.

Lời chua - Tồn Bồn Man: Đất này ở về phía tây tỉnh Nghệ An, đông nam giáp miền thượng du Nghệ An và phần rừng rú thuộc Quảng Bình, tây bắc giáp châu Ninh Biên thuộc Hưng Hóa và miền thượng du thuộc Thanh Hóa, phía dưới tiếp giáp với Quỳ Châu và Tương Dương thuộc Nghệ An.

Tồn Bồn Man còn tên nữa là Bồn Man, Cầm Lư thị nối đời làm thổ tù. Khi Lê Thái Tổ đã khai quốc, Bồn Man mới bắt đầu đến triều cống. Dưới triều Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 5 (1447), Bồn Man đến tiến cống voi và xin phụ thuộc về ta. Nhà vua xuống chiếu cho đổi Bồn Man làm châu Quy Hợp lệ thuộc vào phủ Lâm An.

Theo Nhất thống chí của Lê Định[1] thì châu Quy Hợp có 12 sách và động, đều là dân người Mán cả. Có quan quân đóng ở đó để phòng thủ. Từ đồn Quy Hợp này đi lên phía tây thì đến phủ Trấn Ninh, đường dài 1.929 tầm[2]. Đó là con đường mà nước Vạn Tượng sang ta triều cống tất phải đi qua.

Các đại phu ty Tường hình là bọn Lê Bá Viễn và Phạm Phúc đều bị bãi chức.

Trước kia, Bá Viễn khám xét việc kiện tụng, lời lẽ trong án văn có liên quan đến Ngự sử trung thừa là Hà Lật. Hà Lật căm giận, bèn chắp nhặt những lời phao đồn mà hặc bọn Bá Viễn sử dụng pháp luật quá nghiêm khắc, không đáng cho giữ pháp ty.

Nhà vua sai quan [Ngự sử đài] năm đạo[3] tra xét việc đó. Bọn Bá Viễn cũng dâng biểu hặc lại Hà Lật rằng, trước kia, Hà Lật phạm tội, bây giờ lại giữ chức Ngự sử. Vậy xin đối chất với Lật.

Hà Lật lại tâu: "Từ Tam đại[4] trở đi, chưa từng nghe nói bao giờ có chuyện người bị hặc trở kiện lại người đàn hặc. Nay bọn Bá Viễn tranh kiện với thần, thế là họ coi khinh người làm tai mắt của bệ hạ. Vậy thần nếu nhân đó mà phải bãi chức thì cố nhiên là không có gì đáng tiếc cả, nhưng chỉ sợ, sau đây, hễ ai giữ chức Ngự sử này, sẽ phải im hơi nín tiếng, không dám nói".

Bấy giờ bọn Lê Khả và Lê Khắc Phục tâu: "Bọn Bá Viễn dám hặc lại quan Ngự sử đài! Vậy xin nên bãi chức họ đi". Nhà vua nghe theo.

Cấm dân gian không được mặc quần áo và dùng đồ đạc trái với quy chế đã định.

Bấy giờ thói tục đua chuộng xa xỉ và tiếm lấn. Nhà vua bèn ra lệnh cho Lễ bộ định rõ điều cấm: dân gian không được mặc áo màu vàng, đi hài, mang giày và dùng đồ đạc chạm rồng, vẽ phượng.

Tháng 8. Bãi miễn chức quan Giám sát ngự sử của Cao Mô.

Cao Mô, trước kia, khi mới vào Ngự sử đài giữ chức can ngăn, có dâng sớ nói không thể để cho quốc cữu Nguyễn Phụ Lỗ tham dự chính sự được. Việc này làm trái ý hoàng thái hậu. Cao Mô bèn cáo bệnh, xin bãi chức. Nhà vua ưng thuận.

Lời chua - Nguyễn Phụ Lỗ: Người Bố Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

---

[1] Tức là Nhất thống dư địa chí của Lê Quang Định (1760-1813). Quang Định, tự là Tri Chỉ, hiệu là Tấn Trai, nguyên quán ở huyện Phú Vinh, thuộc Thừa Thiên, vào ngụ tại Gia Định (thuộc Nam Bộ), đỗ năm 1788, làm đến thượng thư triều Gia Long. Ông viết tốt, vẽ khéo. Năm 1802, sang sứ Trung Quốc, đi đến đâu ông cũng thường làm thơ và vẽ cảnh đến đó. Bộ Nhất thống dư địa chí này soạn xong năm 1806, gồm có 10 quyển và 1 quyển đầu. Nội dung nói về cương giới, phong tục, thổ sản và đặc biệt là đường sá giao thông.

[2] Đơn vị đo lường xưa, 8 thước cổ là một tầm (theo Từ Nguyên, trang 467).

[3] Xem chú giải ở Chính biên XVIII, 5.

[4] Ba triều đại Trung Quốc xưa: Hạ, Thương, Chu.

Môn hạ sảnh Hữu ti lang trung thiêm tri Tây đạo[1] là Bùi Hanh có tội, bị miễn chức.

Bùi Hanh tâu rằng ngày 16 tháng 8 ấy có nguyệt thực, nhưng không đúng. Ngự sử Đồng Hanh Phát hặc tội Bùi Hanh. Bùi Hanh cứ thản nhiên, không có vẻ lo sợ, khi lên điện tâu việc, vẫn cứ nhơn nhơn như không. Đồng Hanh Phát tâu rằng: "Tôi, thẹn mình giữ chức can ngăn, đối với chính sự và việc dùng người, hễ thấy nên hay chăng, được hay hỏng, đều phải tranh luận. Cổ ngữ có nói: "Lời gì có động đến nhà vua thì thiên tử thay đổi nét mặt, việc gì có quan hệ đến triều đình thì tể tướng phải chờ đợi nhận tội. Nay Bùi Hanh không biết hối lỗi, vẫn cứ nhơn nhơn tự đắc. Như vậy há những chỉ khinh nhờn hạng bầy tôi can ngăn thôi đâu, rất đỗi lại còn khinh miệt cả phép nước nữa. Vả, Bùi Hanh vốn là kẻ tiểu nhân gian tà dối trá. Thời vua Thái Tổ, Bùi Hanh đã bị phế bỏ vì nói càn bậy. Đến triều vua Thái Tông, Bùi Hanh lại dùng tà thuật để phô ngón lừa gạt. Bệ hạ[2] lúc mới cư tang, tình cờ gặp phải tai biến, dịch lệ. Bùi Hanh bèn mượn chuyện âm dương xung khắc để giải thích, rồi tâu xin để tang ngắn hạn cho khỏi thiên tai. Truy nguyên những việc Bùi Hanh đã làm phần nhiều đều là lừa dối phỉnh gạt. Tôi sợ đời sau cho rằng dùng nhà âm dương[3] làm chức Tham tri và kẻ bói toán làm chức An phủ là bắt đầu từ bệ hạ trước. Vậy không thể không xét kỹ được". Nhà vua bèn bãi chức Bùi Hanh, cho xuống làm Thái sử lệnh.

Bạch Khuê, An phủ sứ lộ Quốc Oai, nghe biết việc này, phát sợ, vội xin từ chức. Trước kia, Bùi Hanh và Thái chúc Bạch Khuê đều nhờ có ngón thuật số, dần dà quen biết và làm thân với các nhà đại thần. Bùi Hanh thì xin làm Môn hạ Hữu ti lang trung thiêm tri Tây Đạo; Bạch Khuê thì xin làm An phủ sứ. Các đại thần đều đứng bảo cử[4] cho hai người này. Hạng sĩ phu thấy vậy, lấy làm hổ thẹn vì phải đứng cùng hàng quan với họ. Có kẻ đề chữ vào bên cầu cửa Đông rằng: "Thiên địa bĩ, lộ an phủ; nhật nguyệt khuy, đạo tham tri". Nghĩa là trời đất gặp vận bĩ, hàng lộ có quan an phủ; mặt trời mặt trăng khuyết; hàng đạo có quan tham tri[5]. Đến đây, cùng một ngày, Bùi Hanh và Bạch Khuê đều bị truất. Dư luận lấy làm hả.

Lời chua - Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Thổ tinh xâm phạm vào Thái âm[6].

Lời chua - Thổ tinh: Phần "Thiên văn chí" trong Quản khuy tập yếu chép rằng: Sao Trấn Tinh[7] ở trung ương, thuộc hành thổ, lấn vào giới phận của Thái âm, quanh quẩn không đi khỏi. Xâm nhập từ 7 tấc trở vào, gọi là "phạm", tia sáng bắn vào nhau, cũng gọi là "phạm".

Tháng 9. Tu sửa đền miếu ở Lam Kinh.

Ra lệnh cho Lê Khả đôn đốc phu và thợ tu sửa đền miếu ở Lam Kinh.

Lục dụng con của Lê Ngân, Đại đô đốc cũ.

Lê Ngân là công thần khai quốc, bị chết một cách vô tội; con là Nho Tôn bấy lâu phải chìm đắm nơi hàng ngũ quân lính. Triều đình thương xót, bèn trao cho Nho Tôn chức Đại đội trưởng trong Bảo ứng quân.

Lời chua - Lê Ngân: Người Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên thuộc Thanh Hóa.

---

[1] Xem Chính biên XV, 5 và chú giải ở Chính biên XVIII, 1.

[2] Chỉ Lê Nhân Tông.

[3] Tức là ông đồng ông bóng.

[4] Cũng như ngày nay gọi là "bảo đảm".

[5] Ám chỉ bấy giờ gặp thời vận đen tối, không ra sao, nên mới có chuyện Bạch Khuê làm an phủ sứ ở lộ và Bùi Hanh làm tham tri ở đạo.

[6] Tức mặt trăng.

[7] Một tên khác của Thổ tinh.

Bảo ứng quân: Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì Bảo ứng quân thuộc trong sáu quân Ngự tiền.

Tháng 11, mùa đông. Gả Vệ quốc trưởng công chúa cho Lê Quát.

Quát là con Thái úy Lê Thụ. Công chúa mới lên mười. Nhà vua hạ chiếu cho Tư khấu Lê Khắc Phục đứng chủ trương về việc hôn nhân.

Bấy giờ Lê Thụ lo liệu việc sắm sính lễ. Những kẻ bon chen xu phụ đua nhau đem lễ đến dâng. Lê Thụ lại nhờ các trấn, các lộ lo kiếm trâu dê để dùng vào việc cưới. Các trấn, các lộ nhân đó bắt dân đóng góp cung ứng để mua lòng Lê Thụ. Ngự sử Đồng Hanh Phát có đàn hặc về việc này. Lê Thụ bỏ mũ, tạ tội với nhà vua; nhưng, những đồ người ta đưa biếu, Thụ vẫn đều nhận cả, không từ chối. Hanh Phát không đề cập đến việc đó nữa, rồi lại đem đồ lễ đến nhà Lê Thụ và nói xin lỗi. Những người thức giả đều chê cười Hanh Phát.

Các thổ tù ở Tuyên Quang là bọn Nông Thế Ôn, Dương Thắng Kim và Nguyễn Châu Quốc làm phản. Dẹp yên và giết chết cả.

Trước kia, bọn Thế Ôn ở Bảo Lạc, Thắng Kim ở Thám Già và Châu Quốc ở An Phú đều cậy có địa thế hiểm trở xa khơi, không chịu cung nộp phú thuế và sưu dịch. Đến đây, chúng định mưu cùng nhau liên hợp quân lại, giữ lấy bản châu, nổi lên làm phản. Việc lên đến triều đình. Nhà vua sai Lê Luân, Tổng quản Tuyên Quang, đem quân bản trấn đi đánh dẹp, bắt được bọn Thế Ôn và Thắng Kim, giải về kinh đô, giết chết.

Lời chua - Bảo Lạc: Xem Lý Nhân Tông, năm Anh Vũ chiêu thắng thứ 9 (Chính biên III, 44, 45).

Thám Già: Tên sách[1] xưa.

An Phú: Tên đất xưa, thay đổi ra sao, không rõ.

Tháng 12. Nhập nội Đô đốc đình thượng hầu là Lê Chích chết.

Hồi mới khởi nghĩa, Lê Chích dâng sách lược bàn đánh lấy Trà Long trước. Lê Thái Tổ nghe theo[2]. Do đó, hạ được Trà Long, hàng được Ngọc Ma, vây được thành Nghệ An, lược định được Tân Bình và Thuận Hóa, thu nạp được vài vạn quân, quay cờ trẩy ra Tây Đô, chia quân đi lấy các đất đai khác. Người ta đều phục Lê Chích là người nhìn xa được sự việc và bày mưu được đúng sát.

Khoảng niên hiệu Thiệu Bình (1434-1439), Lê Chích, vào trấn thủ Hóa Châu, Chiêm Thành hai lần vào lấn cướp, ông đánh phá được. Oai danh của ông lừng lẫy cả cõi nam. Về sau, vì có công đi đánh Chiêm Thành, ông được thăng Nhập nội đô đốc. Đến đây, ông mất, tặng phong là Nhập nội tư không Bình chương sự, đặt tên thụy là Trinh Vũ.

Lời chua - Trà Long: Xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chính biên XIII, 17).

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16, 17, 21-23).

Tân Bình: Tức Lâm Bình. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 3 (Chính biên III, 34).

Thuận Châu, Hóa Châu: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 23-24).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp xưa. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

---

[1] Xem chú giải ở Chính biên I, 1.

[2] Xem Chính biên XIII, 17.

Kỷ Tỵ, năm thứ 7 (1449). (Minh, năm Chính Thống thứ 14). Tháng giêng, mùa xuân. Mở yến tiệc. Biểu diễn nhã nhạc "Bình Ngô phá trận".

Trước kia, Lê Thái Tổ dùng việc võ dẹp yên thiên hạ, Lê Thái Tông nhớ nghĩ đến công đức đời trước, có đặt ra nhã nhạc "bình Ngô phá trận". Đến đấy, nhân dịp yến tiệc, triều đình sai tấu nhạc này: trong đám công thần có người cảm động đến phát khóc.

Đặt lại phép thi lại điển.

Theo lối cũ, thi lại điển bằng ám tả, viết chữ, làm toán và kinh nghĩa. Ai trúng cách thì được sung vào làm việc ở các cục. Đến đây, triều đình bàn bỏ bớt ám tả và kinh nghĩa, chỉ chuyên thi có môn viết và môn toán thôi. Phép thi lại điển bỏ ám tả và kinh nghĩa là bắt đầu từ đây.

Định rõ thể lệ cho những người có chân ấm được miễn đi lính.

Theo thể lệ cũ, về việc tuyển lính, chỉ có con quan lục phẩm mới được miễn, còn từ thất phẩm trở xuống đều không được. Đến đây, nghị định lại: từ lục phẩm trở lên, đời cháu cũng cho hưởng ấm, được miễn; con các quan thất phẩm và bát phẩm cũng được dự miễn. Còn các hoạn quan ai nấy đều được miễn cho một người thân thích của mình.

Đào sông Bình Lỗ.

Sai Tư khấu Lê Khắc Phục đôn đốc các cục Bách Tác, vệ quân Tứ Xương, Thiên Khai và quân dân Thái Nguyên đào sông Bình Lỗ từ Lãnh Canh tới cầu Phù Lỗ, thông suốt đến Bình Than để sự đi lại ở Thái Nguyên được tiện lợi.

Lời chua - Sông Bình Lỗ: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 8 (Chính biên VIII, 36).

Vệ quân Tứ Xương, Thiên Khai: Không khảo được.

Thái Nguyên: Tức là Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19, 32).

Lãnh Canh: Tức Lãnh kinh. Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 5 (Chính biên III, 47).

Phù Lỗ: Tên đất xưa. Nay đổi là xã Phù Lỗ, thuộc huyện Kim Anh, tỉnh Bắc Ninh[1].

Bình Than: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Quý Do, em vua nước Chiêm Thành, giết vua Chiêm là Ma Ha Quý Lai, tự lập làm vua, sai sứ sang ta dâng lễ cống, nhưng triều đình khước từ, không nhận.

Quý Do, sau khi tự lập làm vua, sai bầy tôi là bọn Giáo Nễ Mỗ Bàn Thoa dâng tiến sản vật địa phương. Nhà vua nói: Là tôi mà giết vua, là em mà giết anh, Quý Do thật là tên đại ác từ xưa đến giờ. Vậy nên khước từ mọi đồ dâng cống, không nhận. Nhân đó nhà vua sai bọn Nguyễn Hữu Quang, Đồng tri Hữu ti sự và Trình Ngự, Điện trung thị ngự sử, đem tờ dụ sang Chiêm Thành vặn hỏi về việc này.

Trước kia, Hữu Quang đi sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm giữ lại; đến khi Quý Lai lên làm vua, Hữu Quang được về. Vì vậy, nay mới có mệnh lệnh cho Hữu Quang đi Chiêm Thành.

Tháng 4, mùa hạ. Nhập nội thị trung[2] đình thượng hầu Lê Lễ chết.

Lê Lễ, sức vóc khoẻ hơn người, nối đời làm thần bộc nhà Lê Thái Tổ. Khi mới khởi nghĩa, Lễ có nhiều công trong việc giúp Bình Định vương thoát khỏi vòng vây, vượt qua nguy hiểm. Ông làm đến Nhập nội thị trung, tước Đình thượng hầu. Lê Thái Tổ, khi sắp mất, có khóc bảo ông rằng: "Trẫm nếu không còn sống, thì ai người biết khanh nữa!". Về sau, ông bị Nguyễn Thị Lộ gièm pha, phải giáng xuống

[1] Nay là xã Phù Lỗ thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

[2] Tức là chức Hành khiển ở cung quan, hay ở Trung thư sảnh được dự bàn những việc lớn của triều đình.

làm Thái tử thiếu bảo. Đến đây, 82 tuổi, khi bệnh nặng, ông được khai phục quan chức. Liền đó ông chết, được đặt tên thụy là Trung tiết.

Hạn hán. Nhà vua hạ chiếu tự xét mình. Buổi tối hôm ấy, mưa.

Đại hạn. Nhà vua đảo vũ ở cung Cảnh Linh; lại sai Bùi Cầm Hổ đến núi Tản Viên và núi Tam Đảo làm lễ cầu mưa, nhưng đều không ứng nghiệm. Nhà vua bèn hạ chiếu xét mình.

Bài chiếu đại lược nói: "Luôn mấy năm nay hạn hán, thóc lúa hỏng, không thu hoạch được; dân tình sầu oán!

"Có lẽ vì trẫm không hết sức thành thực để cảm cách lòng trời, không tròn đạo hiếu để kính thờ tông miếu? Lại không biết sử dụng người hiền năng, còn những người mình dùng đó đều là hạng người mờ tối nhỏ nhen mà nên nỗi chăng?

"Hay là nạn hối lộ thịnh hành và việc nữ sắc quá nhiều chăng?

"Hay là không cẩn thận tiết độ trong việc tiêu dùng, làm hao hại tiền tài của dân chăng?

"Hay là đại thần giúp rập chưa làm hết phận sự điều hòa xoay chuyển trời đất chăng?

"Tướng súy và bầy tôi nơi phiên trấn chưa biết yêu thương quân dân, làm nhiều việc xà xẻo bóc lột chăng?

"Các chức thú lệnh không biết vỗ về chăn nuôi dân, chỉ chăm bề xâm phạm đục khoét của dân mà đến nỗi thế chăng?

"Hay là quan coi hình ngục không biết giữ sự công bằng, chỉ rông rỡ tham lam khắc nghiệt, khiến cho oán khí bốc xông lên trên đến nỗi thế chăng?

"Hay là các quan thừa hành chỉ chuyên ưa chuộng giấy tờ hư văn, làm cho ơn trách không nhuần thấm xuống dưới, tình hình kẻ dưới không đề đạt được lên trên chăng?

"Những nhà quyền quý cậy thế ra oai làm cho người dân nhỏ mọn phải chịu oan uổng chăng?

"Người làm chủ súy đạo lộn công lao của quân nhân, làm hại đến phép công chăng?

"Chằm đã khô cạn không có cá, thế mà ngạch thuế vẫn chưa giảm bớt, dân còn phải nộp thuế khống[1] chăng?

"Con cháu các nhà công thần kỳ cựu chưa lục dụng được hết chăng?

"Những lỗi lầm dồn dập chứa chất ấy làm thương tổn đến khí hòa thuận của trời đất. Vậy nay nếu không kê cứu lời xưa dạy bảo sửa lỗi và tìm hết đường lối xét mình thì làm thế nào để trên có thể xoay lại lòng trời, dưới có thể cứu chữa đau khổ cho dân được?".

Tờ chiếu vừa ban xuống, thì buổi tối hôm ấy, trời mưa.

Lê Thụ và Lê Khả dâng sớ, đại lược nói: "Cô giả, những đời thịnh trị hễ gặp có tai biến tất biết răn sợ: vua thì xét mình, đại thần thì nhận tội, trên dưới đồng lòng kính cẩn sợ hãi để làm cho thiên tai qua khỏi. Quốc triều ta, từ niên hiệu Thuận Thiên (1428-1433) đến khoảng Thiệu Bình (1434-1439) và Đại Bảo (1440-1442), thóc lúa luôn được phong đăng, phúc trời nhuần thấm. Ngày nay, từ khi bệ hạ nối ngôi đến giờ, việc làm chưa có gì là lỗi lầm, thế mà nước lụt và hạn hán vẫn tiếp diễn, tai biến luôn xảy ra. Đó đều vì bọn thần không biết tuyên dương đức ý của nhà vua, và làm lầm lỡ về việc điều hòa khí âm khí dương. Thật đúng như lời trong tờ chiếu sáng suốt đã vạch ra đó.

"Vậy, cúi mong nhà vua cho vời bọn thần đến Chính sự đường để xét hỏi về việc quân, việc nước: điều gì nên làm, điều gì nên bỏ, chỉ cốt sát với sự thực, chứ không làm chuyện giấy tờ hư văn".

---

[1] Nguyên văn Cương mục là "bồi nạp", có nghĩa là phải nộp thuế để bồi thường hoặc đền bù. Còn Toàn thư XI, 79, chép là "bội nạp" thì có nghĩa là nộp gấp đôi, đóng thuế gấp hai lần.

Thái hậu hạ chiếu đáp rằng: "Những chính sự tệ hại ngày nay có lẽ là sự tiến cử không công bằng, hoặc là cậy công mà gửi gắm nhau, hoặc là buông rộng thả dài cho bọn nô tỳ làm bậy, khuấy nhiễu làm hại dân lành. Những tệ hại đó đều nên sửa đổi".

Lê Khả, một hôm, nhân lúc bãi trào, lui gót, thấy phía trước nhà Vân tập đường có tấm lưới săn, liền sai cất đi và nói: "Đừng để hoàng thượng trông thấy kẻo gợi cho mai sau say đắm về việc đi săn".

Lời chua - Núi Tản Viên: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chính biên I, 34).

Tam Đảo: Tên núi, ở huyện Tam Dương, phủ Đoan Hùng, tỉnh Sơn Tây[1].

Bắt đầu xây dựng các đàn thờ cúng ở kinh đô.

Ra lệnh cho xem đất ở kinh đô, chọn chỗ để lập các đàn thờ Thành hoàng kinh đô, thần Gió, thần Mây, thần Sét, thần Mưa và bách linh cô hồn để theo mùa mà thờ cúng.

Giảm nhẹ thuế đầm.

Bọn Ngự sử trung thừa Hà Phủ dâng thư nói rằng: "Biết lỗi, không phải khó; sửa lỗi, mới là khó; nói đến điều thiện, không phải khó; làm được điều thiện, mới là khó. Nay trời làm hạn hán, bệ hạ đã ban chiếu trong có nói: "Chằm khô cạn, không có cá, dân phải nộp thuế khống. Vậy xin giảm thuế đầm để tỏ ơn huệ thực sự". Triều đình nghe theo.

Tháng 5. Cấp phu quét tước cho Văn Miếu và các trường học ở các lộ.

Nguyễn Hữu Phu, An phủ sứ lộ Khoái Châu, xin cấp cho Văn Miếu và các trường học ở các lộ mỗi nơi 20 người phu quét tước và cho các giáo thụ mỗi viên hai người phu, để làm bổng thường. Triều đình nghe theo.

Lời chua - Khoái Châu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình long ứng thứ 4 (Chính biên V, 32).

Nguyễn Hữu Phu: Người làng Sơn Đồng, huyện Đan Phượng[2], đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo[3].

Sao Kim Tinh xuyên qua giới phận mặt trăng.

Lời chua - Sao Kim Tinh xuyên qua giới phận mặt trăng: Theo phần "Thiên văn chí" trong Quản khuy tập yếu[4] thì Kim tinh Thái bạch là sao đóng ở phương tây. Khi ông vua đối với ngũ thường[5] có thiếu sót về nghĩa và đối với ngũ sự[6] có lầm lỗi về lời nói, làm trái nghịch với tiết lệnh mùa thu và thương tổn đến khí hành kim[7] thì sự trừng phạt của trời sẽ tỏ ra ở điểm có sao Thái Bạch xuất hiện. Khi mặt trăng chuyển vần, hễ sao Thái Bạch đi vào giới phận mặt trăng mà suốt qua thì gọi là "quán".

Mưa. Đại xá cho cả nước.

---

[1] Nay Tam Đảo thuộc tỉnh Vĩnh Phúc - Theo Đại Nam nhất thống chí, thì huyện Tam Dương trước thuộc phủ Đoan Hùng, tỉnh Sơn Tây, nhưng đến năm Minh Mạng thứ 11 (1830) đã đổi thuộc phủ Vĩnh Tường (trước kia thuộc tỉnh Vĩnh Yên, hiện nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc).

[2] Nay là thôn Sơn Đồng, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

[3] Tức năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đời Lê Thái Tông.

[4] Đây dịch theo Cương mục. Còn theo Vận phủ thập di quyển IV, tờ 15b thì là phần "Thiên văn chí" trong Hán thư (Hán thư Thiên văn chí).

[5] Năm đạo thường phải tuân giữ theo quan niệm luân lý của nhà nho: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

[6] Tức là mạo (nét mặt), ngôn (lời nói), thị (sự trông), thính (sự nghe), tư (sự suy nghĩ).

[7] "Kim", là một trong năm hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), thuộc về mùa thu.

Giáng Thị ngự sử[1] Lưu Thúc Khiêm xuống làm Yên Lãng Chuyển vận phó sứ và giáng Giám sát ngự sử[2] Nguyễn Cư Đạo xuống làm Quốc tử giám trực giảng[3].

Trước kia, bọn Thúc Khiêm và Cư Đạo đàn hặc bọn Chính sự viện đồng tham nghị là Cao Doãn Cung, Trình Hoằng Nghi, Nguyễn Bá Thanh và Mai Tử Kiệt rằng họ làm đại thần ở Chính sự viện mà chỉ ngồi không, ăn hại, chẳng hề làm được việc gì, tuổi đã bảy mươi hãy còn tham lam bổng lộc và ngôi vị. Vậy nên bắt họ phải về hưu để kích lệ lòng liêm sỉ. Bọn Doãn Cung bèn xin thôi việc cả. Nhà vua ưng thuận.

Bấy giờ Tả hữu nạp ngôn là bọn Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Phó và Nguyễn Viết vào hầu vua học tập ở tòa Kinh Diên. Bọn Đào Công Soạn và Nguyễn Tử Tấn, theo lệ, cũng đến tuổi cáo lão, thế mà vẫn cứ luyến tiếc địa vị, không có ý về hưu, e rằng không được dư luận dung thứ. Họ, vì thế, đều xin hưu trí. Nhà vua cố giữ lại. Họ bèn đem nhau đến lạy tạ, rồi lại giữ chức như cũ. Nhưng vì bọn Thúc Khiêm hay bới việc mà đàn hặc, nên trong lòng bọn Đào Công Soạn vẫn căm.

Đến đây, bọn Thúc Khiêm đều bị biếm truất.

Lời chua - Yên Lãng: Tên huyện, nay thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây[4].

Nguyễn Cư Đạo: Người Đông Khối thuộc huyện Gia Định[5], đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo.

Dùng Nguyễn Thúc Huệ làm Môn hạ hữu nạp ngôn và Bùi Hanh làm Tham nghị chính sự.

Quan giữ việc can ngăn là Đồng Hanh Phát dâng sớ nói rằng: "Chức quan cao trọng ở bản triều[6] chỉ là Tể tướng và Hành khiển thôi. Thúc Huệ xuất thân từ một tiểu lại, trước kia làm Tham tri Bắc đạo[7], lấy nê việc này việc khác, bòn rút vơ vét của dân làm cho một lộ xác xơ, hết cả tiền của! Khi vâng mạng đi sứ ngoại quốc, Thúc Huệ bày chước quỷ quyệt, kinh doanh việc tư, đến nỗi người ngoài phải coi là một tên "đầu quỷ", làm nhục đến cả quốc thể là thế đó. Vậy còn dùng hắn làm gì! Bùi Hanh thì dùng tà thuật làm mê hoặc bề trên[8] khiến cho chúa thượng giẫm theo con đường lầm lỗi là để tang ngắn hạn[9] đã từng vì tội phỉnh gạt mà bị bãi chức. Thế mà nay lại cho Bùi Hanh thăng lên Chính sự viện tham nghị! Vả lại, "chính" là ngay thẳng. Bản thân người làm chính sự nếu không ngay thẳng thì làm việc ngay thẳng thế nào được? Hào "Lục tam" trong quẻ Giải[10] nói rằng: "Phụ thả thừa, trí khấu chí"[11], có lẽ đúng như Thúc Huệ và Bùi Hanh đó chăng?".

Hoàng thái hậu bèn đem việc này hỏi ý kiến Tể tướng. Bọn Lê Khả thưa rằng: "Dùng người, không nên cầu toàn trách bị quá. Bọn thần thăm dò, chưa kiếm được người nào khác, chỉ thấy bọn Thúc

---

[1] Chức quan đứng đầu Ngự sử đài, hàm tam phẩm.

[2] Chức quan trong Ngự sử đài hàm thất phẩm.

[3] Một chức quan trong Quốc tử giám đứng dưới Tư nghiệp.

[4] Đất huyện Yên Lãng cũ nay thuộc huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và Sóc Sơn (Hà Nội).

[5] Sau đổi là Gia Bình, nay là Gia Lương thuộc tỉnh Bắc Ninh.

[6] Chỉ triều Lê.

[7] Nay gồm các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên.

[8] Chỉ việc Bùi Hanh nói tinh vượn đen ăn mặt trời và bày việc giết vượn thật để làm bùa ếm ở trong cung (xem Chính biên XVI, 8-9).

[9] Chỉ việc Bùi Hanh đưa ra cái thuyết âm dương khắc hại nhau để xin bỏ đồ trở và cúng trừ tai biến (xem Chính biên XVII, 25-26).

[10] Dịch kinh đại toàn, quyển X, tờ 29.

[11] Ý nói hào "Lục tam" (quẻ Giải trong kinh Dịch) thuộc về âm, bản chất mềm yếu, đáng phải ở dưới, lại nhoi lên trên, ở không đúng chỗ; cũng như kẻ tiểu nhân đáng phải ở dưới để gánh vác, vậy mà lại đi xe, thế nào rồi cũng gây nên cái nạn tranh giành cướp giật (theo lời Truyện trong kinh Dịch). Đây dùng để chỉ bọn Thúc Huệ và Bùi Hanh là hạng người xấu, không xứng đáng làm chức to.

Huệ đang tại chức đều làm chạy việc. Còn đối với hạng tân tiến, bọn thần chưa biết rằng họ có là người hiền năng hay không, nên không dám đề cử một cách khinh suất". Do đó hoàng thái hậu quyết ý cứ dùng.

Lời chua - Bắc đạo: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 32).

Tháng 7, mùa thu. Đặt lại quân hiệu.

Đổi quân hiệu Hỏa đồng[1] làm Thần lôi, Thần điện; quân hiệu Thiện trạo[2] làm Hải hồng, Hải mã, Hải kình, Hải thu; quân hiệu Bát nhiêu[3] làm Hải hoạt.

Lời chua - Hỏa đồng, Thiện trạo, Bát nhiêu: Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì Lê Thái Tổ, khi đã lấy được thiên hạ, đặt các quân hiệu, có những danh hiệu như: Hỏa đồng, Thiện trạo, Bát nhiêu, v.v...

Sai sứ đi Chiêm Thành.

Trước kia, triều đình sai Nguyễn Hữu Quang đem tờ dụ đi vặn hỏi Chiêm Thành (về việc giết vua cũ là Ma Ha Quý Lai). Chúa Chiêm sai bầy tôi là bọn Bô Sa Phá Tham Tốt theo Hữu Quang đến nước ta. Nhà vua vặn hỏi về tội thí nghịch[4]. Sứ Chiêm không trả lời được. Đến đây, triều đình sai bọn Thượng thư Trình Dục vâng mạng đem thư sang dụ bảo Chiêm Thành và đòi lại những người nước ta còn ở lại Chiêm Thành. Người Chiêm vâng theo, tiễn đưa bọn Trình Nguyên Đĩnh 70 người trở về nước.

Tháng 10, mùa đông. Một người ở kinh đô đẻ ra đứa con có hai đầu.

Tháng 11. Dùng bọn giám sinh Lỗ Thuần làm Duyên lại.

Trước kia, dùng bọn giám sinh Nguyễn Cương Trung và Nguyễn Tự Đắc làm Chuyển vận phó sứ ở các lộ. Đến đây, dùng bọn Lỗ Thuần và Phạm Công Niêm 30 người làm Duyên lại ở các đạo. Giám sinh bổ làm thuộc lại là bắt đầu từ đây.

Lê Quán Chi có tội, nhưng được tha, không trừng trị.

Quán Chi là con Lê Khuyển, đang đêm, tụ họp đám đông đánh chết người. Việc phát giác, Quán Chi bị bắt bỏ ngục. Khi cung khai, Quán Chi tiêu xưng đến các con em của một số nội quan và nhà quyền quý hàng hơn mười đứa. Án đã kết. Hoàng thái hậu cho rằng Lê Khuyển là bậc đại thần, cầm quân cấm vệ, nên bà mới buông lỏng pháp luật mà tha Quán Chi. Bà ra lệnh chỉ thu lấy tiền đền mạng. Các quan trong Ngự sử đài là bọn Lê Lâm không dám nói... Trong đám con trẻ ở kinh đô đến nỗi có kẻ phải nắm tay một cách tức bực mà rằng: "Tôi chỉ giận mình không được làm ngự sử!".

Lời phê - Nhân chuyện này, có thể biết được thời sự bấy giờ ra sao.
Lời chua - Lê Lâm: Người làng Hạ Bì, huyện Bất Bạt[5].

Quy định rõ ràng về luật hộ.

Trước kia, Lê Thái Tổ muốn làm việc chia ruộng, nên về chế độ công điền công thổ, có đặt ra điều lệ và cấm lệnh một cách đặc biệt tường tận, còn đối với điền sản tư gia, chương trình hãy còn sơ lược. Đến đây, quy định rõ ràng thành mười bốn điều về điền sản, đặt thành luật lệnh hẳn hoi.

Lời chua - Mười bốn điều: Theo "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì khoảng năm Thái Hòa (1443-1453) có bổ sung thêm chương "Điền sản" gồm mười bốn điều.

---

[1] Binh chủng sử dụng những ống hỏa hổ (ống chứa thuốc nổ) để đánh trận.

[2] Binh chủng giỏi bơi thuyền.

[3] Binh chủng phụ trách việc bơi chèo thuyền chiến.

[4] Xem Chính biên III, 15.

[5] Nay là xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Điều thứ 1 - Khi chồng chết, mà vợ trước có con, vợ sau không con thì điền sản của nhà chồng chia làm ba phần: con người vợ trước được hai phâần; bản thân người vợ sau được một phần để ăn gầy[1]. Người vợ sau nếu chết đi hay cải giá thì điền sản lại phải truy hoàn. Kẻ nào vi phạm sẽ phải phạt 50 roi.

Điều thứ 2 - Người con có vợ rồi, khi chết mà vô tự[2] tì điền sản của người con đó trừ khi cha mẹ hãy còn, sẽ để cha mẹ quản lý, bằng không sẽ chia đều làm hai phần: một phần để lại ở bản tông[3] dùng vào việc hương hỏa thờ cúng; một phần chia cho người vợ để ăn gầy đến trọn đời. Nếu người vợ đi cải giá thì phải truy hoàn. Kẻ nào vi phạm, sẽ phải phạt 50 roi.

Điều thứ 3 - Người vợ chết đi mà không có con, thì điền sản của bản thân người vợ ấy chia làm ba phần: một phần trả về gia đình nhà người vợ ấy nhận lấy mà quản lý; hai phần để cho người chồng ăn gầy đến trọn đời. Khi người chồng chết đi thì hai phần điền sản ấy lại phải truy hoàn cho bà con bên họ người vợ. Kẻ nào vi phạm sẽ bị phạt 50 roi.

Điều thứ 4 - Chồng đã chết, con còn bé, người mẹ đi cải giá mà lén lút bán điền sản của con thì phạt 50 roi; truy lại số tiền đã bán ấy trả lại cho chủ mua, còn ruộng trả về cho người con. Nếu người chồng sau đứng tên con của người chồng trước mà lén lút bán tài sản ấy thì phạt 60 trượng. Kẻ tri tình[4] mà còn cứ mua thì phạt 80 trượng, và mất cả số tiền đã mua.

Điều thứ 5 - Khi cha mẹ hãy còn, mà con trai con gái bán vụng trộm điền sản thì con trai phải phạt 60 trượng, con gái 50 roi. Truy số tiền đã bán trả lại chủ mua, còn điền sản hoàn lại cha mẹ.

Điều thứ 6 - Ông bà, cha mẹ đều chết cả, con cháu hãy còn nhỏ bé, thế mà người họ đồng tông tự tiện đem bán điền sản của các người con cháu ấy thì phải phạt 60 trượng.

Điều thứ 7 - Dưỡng tử có đủ giấy tờ làm con nuôi hẳn hoi và trong giấy tờ nói rõ là sẽ chia cho điền sản, thì khi chia điền sản, được phép chiếu theo đầu con mà quân phân, nhưng phải kém một phần để tỏ ra có khác với con đẻ. Kẻ nào vi phạm sẽ phạt 50 roi.

Điều thứ 8 - Kẻ đã làm con nuôi họ khác, khi thấy có số ruộng tuyệt tự của người họ mình mà lại cầu xin chia cho suất mình thì phải chịu kém người họ đồng tông một nửa phần. Kẻ nào vi phạm sẽ phạt 60 trượng.

Điều thứ 9 - Bán vụng trộm điền thổ của người khác, từ 10 mẫu trở lên phải khép vào tội đồ. Kẻ tri tình mà vẫn cứ mua thì phải phạt 80 trượng.

Điều thứ 10 - Ruộng đất đã cầm đợ rồi, sau không xin chuộc lại theo số tiền đã đợ ấy mà lại đem bán đợ hay bán đứt cho người khác thì phạt 50 roi, truy lấy số tiền trả lại cho chủ mua đợ.

Điều thứ 11 - Bán đợ ruộng đất, muốn chuộc mà không cho chuộc mà ngược lại, không muốn chuộc mà cưỡng ép bắt chuộc, đều phạt 80 trượng. Nếu để quá kỳ hạn rồi, chủ bán mới cưỡng ép đòi chuộc thì cũng phải tội như thế (kỳ hạn, nghĩa là ruộng mùa, lấy tháng 3 làm kỳ hạn; ruộng chiêm, lấy tháng 9 làm kỳ hạn).

[1] Hưởng phần giữ lại để dưỡng lão.

[2] Không người nối dõi, tức là không con.

[3] Họ đồng tông nhà mình.

[4] Người biết rõ sự tình.

Điều thứ 12 - Kẻ nào tranh chiếm ruộng đất của người ta rồi bán chạy cho người khác thì phạt 50 roi.

Điều thứ 13 - Nô tì bán vụng trộm ruộng đất của người gia trưởng thì phạt 90 trượng, thích chữ vào mặt, đày đi châu gần[1]. Ruộng đất, hoàn lại người chủ. Kẻ tri tình mà cứ mua thì phạt 50 roi, truy lại số tiền đã mua bán ấy nộp vào quan.

Điều thứ 14 - Con trai đã từ 16 tuổi và con gái đã từ 20 tuổi trở lên, ruộng đất của phần mình bị người trong họ hay người ngoài cày cấy hoặc cư trú đã quá kỳ hạn rồi mới tranh nhận (kỳ hạn nghĩa là người trong họ thì 30 năm, người ngoài thì 20 năm) thì phạt 80 trượng và mất hẳn ruộng đất ấy. Nếu vì cớ gặp cơn binh lửa hoặc phiêu bạt rồi sau mới về thì không câu nệ theo lệ luật này.

Canh Ngọ, năm thứ 8 (1450). (Minh, Cảnh Đế, năm Cảnh Thái thứ 1).

Tân Mùi, năm thứ 9 (1451). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Vì có nhiều tai biến, nhà vua hạ chiếu rộng ban ơn điển vỗ về thương xót.

Tờ chiếu nói rằng: "Luôn mấy năm nay, nào tai biến, nào hạn hán dồn dập xảy đến! Nếu không ban ơn huệ một cách thực sự để yên ủi lòng dân thì lấy gì đáp ứng được trời cao mà làm ngừng được tai biến? Vậy nay tha thuế; quân và dân người nào bấy lâu phải đi trốn tránh thì cho phép ra thú, sẽ được miễn tội; những vụ án ngục kiện tụng nào còn để đọng thì cho phép những quan coi giữ về các vụ ấy tâu lên cho đầy đủ để nhà vua xét".

Tháng 7, mùa thu. Giết Thái úy Lê Khả và con là Quát luôn với Tư khấu Lê Khắc Phục và con là Bá Nhai.

Lê Khả, khi làm tể tướng, đảm nhiệm lấy việc giúp vua sửa đổi điều lỗi và tiếp nhận những lời khuyên can, nhưng Khả sử dụng pháp lệnh một cách quá nghiêm khắc, không hề nể nang hay khoan gượm gì cả. Do đấy, triều đình ai cũng len lét sợ Khả. Có kẻ gièm pha với thái hậu rằng Lê Khả cùng với cha con Khắc Phục ngầm kết vây cánh bè đảng. Thái hậu tin lời, bèn giết luôn cha con Lê Khả và cả cha con Khắc Phục.

Tháng 10, mùa đông. Sứ nhà Minh sang ta.

Trước kia, Minh Anh Tông (1436-1449)[2] đi tuần phía bắc[3], em là Thành vương Kỳ Ngọc trông coi việc nước, nhân đó tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Cảnh Thái[4] và sai bọn hành nhân trong ti Hành nhân là Biên Vĩnh và Tiến sĩ là Trình Huệ sang ta báo cáo về việc Cảnh Thái mới lên ngôi. Nhà vua sai bọn Đồng tri Đông Đạo[5] là Trình Chân và Trung thư thị lang là Nguyễn Đình Mỹ sang Minh chúc mừng.

Lời chua - Nguyễn Đình Mỹ: Người Chi Long thuộc huyện Kim Hoa.

Nhâm Thân, năm thứ 10 (1452). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Giam Thái úy Lê Thụ vào ngục.

Lê Thụ phải tội vì không biết dạy con là Lê Thị để hắn làm việc phù chú bùa ếm.

Tháng 7, mùa thu. Vì có tai biến, nhà vua lại hạ chiếu răn mình và đôn đốc bách quan.

---

[1] Châu Nghệ An (xem Chính biên XV, 10).

[2] Đây dịch theo nguyên văn là "bắc thú", nhưng thực tế thì Minh Anh Tông bị Dã Tiên, một tù trưởng ở phương Bắc Trung Quốc bắt giữ, khi đi đánh viên tù trưởng này. Về sau, được thả về, Minh Anh Tông lại làm vua lần thứ hai (1457-1464) nữa.

[3] Đây dịch theo nguyên văn là "bắc thú", nhưng thực tế thì Minh Anh Tông bị Dã Tiên, một tù trưởng ở phương Bắc Trung Quốc bắt giữ, khi đi đánh viên tù trưởng này. Về sau, được thả về, Minh Anh Tông lại làm vua lần thứ hai (1457-1464) nữa.

[4] Tức là Minh Cảnh Đế (1450-1456).

[5] Xem Chính biên XV, 5.

Bài chiếu nói rằng: "Luôn mấy năm đây, tai biến dồn dập xảy đến, dân chúng ít được sinh sống thỏa thuê, trẫm lấy làm lo sợ lắm. Bây giờ muốn nghĩ cách làm để qua khỏi tai biến, gây được vui hòa, thì há chẳng nên tuân theo hiến chương đã lập thành và sửa bỏ những chính sự có tệ hại hay sao? Vậy nên cất dùng những người thanh liêm, tài năng, sa thải những kẻ đần độn, đớn kém, thi hành việc thăng chức và giáng chức cho xứng đáng, tha thuế khóa, xét xử án ngục oan uổng, chẩn tế cứu giúp những người quan, quả, cô, độc[1]".

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ Minh Cảnh đế (1450-1456) lập Hoàng thái tử, có sai Hình bộ lang trung là Trần Kim và Hành nhân ti hành nhân là Quách Trọng Nam sang ta báo cáo và ban cho các cây hàng tấm màu sắc và có hoa. Nhà vua sai bọn Thẩm hình viện là Phạm Du, Hàn lâm viện trực học sĩ là Nguyễn Bá Ký, chỉ huy là Lê Thượng và Thị ngự sử là Lê Chuyên sang Minh để đáp tạ và đưa đồ mừng.

> **Lời chua -** Nguyễn Bá Ký: Người làng Vân Nội thuộc huyện Chương Đức[2], đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) năm Thái Hòa[3].

Quý Dậu, năm thứ 11 (1453). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Ân xá.

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua bắt đầu chính mình cầm chính quyền. Đại xá cho cả nước. Đổi lại niên hiệu.

Kể từ năm sau (1454) là niên hiệu Diên Ninh thứ 1. Ban bố những điều đại xá cho cả nước. Truy tặng các công thần Lê Lễ, Lê Bị và Lê Triện mỗi người thêm tước một tư[4]. Cấp cho bọn Lê Sát, Lê Ngân, Lê Khả và Lê Khắc Phục mỗi người 100 mẫu ruộng quan. Thường thời vỗ về thăm hỏi những người quan, quả, cô độc[5]. Biểu dương những nghĩa phu[6], tiết phụ[7] do các quan địa phương đã tâu trình.

> **Lời phê[8] -** Thì ra những việc trước đây đều là vẽ vời hão cả. Cứ xem trong Quang Thuận trung hưng ký[9] mà Sử cũ đã chép phụ đó[10] thì đủ biết. Rồi đây, Lê Nhân Tông mắc phải nạn lớn[11], thì ra trong đám tôi con đầy rẫy ở triều đình bấy giờ đều không có người nào là hiền đức cả. Đáng trách biết bao!

Giáp Tuất, năm Diên Ninh thứ 1 (1454). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Đúc tiền Diên Ninh.

---

[1] Xem chú giải các số 1, 2, 3, 4 ở Chính biên XIII, 6.

[2] Nay thuộc xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

[3] Tức là năm Thái Hòa thứ 6 đời Lê Nhân Tông.

[4] Xem chú giải số 2 ở Chính biên X, 18.

[5] Xem chú giải các số 1, 2, 3, 4 ở Chính biên XIII, 6.

[6] Người chồng giữ tình chung thủy đối với vợ.

[7] Người đàn bà trinh tiết.

[8] Về việc Lê Nhân Tông từ nay chính mình cầm quyền, chứ không như trước đây phàm các chiếu chỉ và chính lệnh đều do bọn quyền thần bày đặt ra toàn là chuyện hão huyền cả.

[9] Nội dung tập Quang Thuận trung hưng ký này đại ý nói: Lê Nhân Tông bấy giờ còn bé, thái hậu Nguyễn Thị cầm quyền, triều thần hầu hết là vô học, bất tài, tham ô, thối nát, hối lộ công khai, văn giáo mịt mờ bế tắc, làm cho dân tình xao xuyến, đường sá nôn nao, trình bày một cảnh tượng đầy suy đốn!

[10] Xem Toàn thư bản kỷ XI, 96-97.

[11] Chỉ việc Lê Nhân Tông bị Nghi Dân giết hồi tháng 10 năm Kỷ Mão, 1459 (Xem Chính biên XVIII, 34).

Ất Hợi, năm thứ 2 (1455). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 6). Sai Quốc tử bác sĩ Phan Phu Tiên sửa lại[1] bộ Việt sử (Sử cũ không chép tháng).

Bộ Việt sử này chép từ đời Trần Thái Tông (1225-1257) đến lúc người Minh rút về nước (1427), gồm 10 quyển.

> **Lời chua -** Phan Phu Tiên: Người làng Đông Ngạc[2], huyện Từ Liêm, đỗ khoa minh kinh năm Kỷ Dậu (1429), niên hiệu Thuận Thiên[3].

Tháng 10, mùa đông. Châu Ngọc Ma có con chuột lớn bằng con lợn.

> **Lời chua -** Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 10).

Bính Tý, năm thứ 3 (1456). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 7). Tháng giêng, mùa xuân. Mở yến tiệc linh đình. Tháng 2. Phong Cầm Công, thổ tù châu Quy Hợp, làm Trấn viễn tướng quân.

Nhà vua sai viên ngoại lang Trịnh Dao đem sắc thư đến yên ủi dụ bảo Cầm Công và ban cho áo dệt kim tuyến, mũ cao sơn, yên ngựa và bàn ghế.

> **Lời cẩn án -** Sử cũ chép là Hợp Châu. Nay xét Nghệ An chí thì châu Quy Hợp là đất Bồn Man xưa[4], Cầm thị nối đời làm thổ tù. Vậy xin cải chính.

Nhà vua đi Lam Kinh.

Nhà vua đi Tây Kinh[5] bái yết lăng tẩm, dùng bọn Lê Hiên và Lê Lựu sung chức Lưu thủ Đông Kinh[6].

> **Lời chua -** Lam Kinh: Tức Tây Kinh. Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chính biên XV, 26)[7].

Mưa đá.

Nhà vua đến Lam Kinh. Đêm hôm ấy, mưa đá.

Nhằm ngày rằm, nhà vua đem các quan đi bái yết sơn lăng, sắm đủ lễ vật để cáo miếu, đánh trống đồng, tấu đại nhạc: hàng võ thì biểu diễn điệu múa "bình Ngô phá trận", hàng văn thì biểu diễn múa "chư hầu đến chầu". Cách đó vài ngày, nhà vua ban yến và tặng phẩm cho các quan đi hộ giá[8] có hơn kém khác nhau. Rồi bàn đặt tên cho các cung điện ở Lam Kinh; chính điện gọi là Quang Đức, điện phía trước gọi là Sùng Hiếu, điện phía sau gọi là Diễn Khánh.

Nhà vua từ Lam Kinh về đến kinh đô.

Mặt trời có quầng.

Có cái quầng, màu xanh, vàng, đỏ, trắng, như hình cầu vồng, bao quanh mặt trời.

---

[1] Nguyên văn là "tu".

[2] Tục gọi là làng Vẽ. Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

[3] Xem thêm chú giải số 3, "Lời tổ Biên dịch", ở Cương mục tập I, trang 6.

[4] Xem lời chua của Cương mục ở Chính biên XVIII, 8.

[5] Tức Thanh Hóa (xem thêm Lời chua ở dưới của Cương mục).

[6] Tức Thăng Long, nay là Hà Nội.

[7] Xem thêm Thuận Thiên năm thứ 6 (Chính biên XV, 33).

[8] Đi theo hầu xa giá nhà vua.

Tháng 3. Nhà vua sai bọn Nhập nội đô đốc Lê Ê và Nhập nội hành khiển Đào Công Soạn đi lên địa giới Thái Nguyên để hội đồng với người Minh làm việc khám xét về biên giới, nhưng tam ti[1] nhà Minh không đến. Bọn Lê Ê bèn trở về.

Trước kia, bọn Triệu Nhân Chính, Tri châu châu An Bình nhà Minh, và Nông Hồng Nguyên[2], Tri châu châu Hạ Tư Lang thuộc trấn Thái Nguyên bên ta, cùng xâm lấn bờ cõi của nhau[3]. Việc nầy bên ta đã tâu lên vua Minh để tranh biện cho rõ rệt. Vua Minh sắc sai bọn tổng binh quan An Viễn hầu là Liễu Truyền kết hợp với ba ti Đô[4], Bố[5], Án[6] ở Quảng Tây đến tận nơi biên giới để hội đồng với các kỳ mục nước ta, đem bọn Nhân Chính và Hồng Nguyên ra đối chất, rồi tâu các lý do một cách đầy đủ và minh bạch để vua Minh nghe.

Nhà vua bèn sai bọn Lê Ê đi lên đầu địa giới Thái Nguyên để chờ đợi, nhưng ba ti nhà Minh không đến, bọn Lê Ê quay về.

Lời chua - An Bình: ên châu, xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 5 (Chính biên XVII, 17).

Hạ Tư Lang: Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 3 (Chính biên III, 3).

Tháng 5, mùa hạ. Ban chiếu răn dạy trăm quan phải cẩn thận làm tròn chức vụ.

Tờ chiếu nói rằng: "Người làm tôi phải nên giữ trọn chức vụ.

"Đại thần thì giúp vua, điều hòa xoay chuyển trời đất, tiến cử người hiền, gạt bỏ những kẻ không tốt để mưu tính cho việc chính trị được hay.

"Người cai quản quân đội thì vỗ về thương yêu binh sĩ, luyện tập võ nghệ, không nên bắt quân lính làm việc riêng cho mình và xâm phạm xà xẻo của công.

"Các Hành khiển ở năm đạo[7] phải nên trình bày điều lợi và điều hại, phân biệt cái tốt và cái xấu; cần phải làm cho xong xuôi ổn thoả tất cả những việc nên làm ở địa phương.

"Các quan ở Ngự sử đài thì nên giúp vua sửa điều lỗi, chữa điều lầm, trừ bỏ điều ác, biểu dương điều thiện.

"Nội mật viện thì nên tuân giữ điển chương pháp độ, giãi bày tâu trình một cách tường tận rõ ràng.

"Quan giữ hình ngục thì nên xét xử công bằng, cởi gỡ oan uổng, cốt sao cho thấu được dân tình.

"Các chức ở phủ, ở lộ, ở châu, ở huyện thì nên biểu dương ý tốt của nhà vua, vỗ về dân chúng.

"Các học quan thì nên cẩn thận gìn giữ quy luật việc học, dạy dỗ lớp người hậu tiến khiến cho ai nấy đều được thành tài.

"Cho đến những người coi kho tàng hay là làm việc ở các cục, các thự cũng đều phải nên kính cẩn gìn giữ phận sự mình, chớ để thiếu sót chức vụ".

Nước đầm ở Lam Kinh ngầu đỏ.

---

[1] Tức là Đô chỉ huy, Bố Chính ty và Án sát ty.

[2] Cương mục Chính biên XVII, 17 chép là Nông Kính.

[3] Xem Chính bên XVII, 17.

[4] Đô chỉ huy ty coi về quân sự.

[5] Bố chính ty coi về tài chính và thuế khóa.

[6] Án sát ty coi về tư pháp.

[7] Xem Chính biên XIII, 32 và XV, 5, 6.

Lời chua - Đầm: Theo "Địa dư chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì phía sau Lam Kinh có cái hồ cực rộng lớn, hứng nhiều dòng nước dồn vào. Đầm đây, có lẽ là cái đầm này.

Cấp phát tiền bổng hàng năm cho trăm quan.

Trước kia, các vương, các công chúa và các đại thần văn võ bách quan đều chiếu theo phẩm trật cao hay thấp mà được hưởng số hộ để ăn lộc nhiều hay ít. Đến đây, lại cấp thêm cho tiền bổng hằng năm có hơn kém khác nhau.

Lê Lựu, Đô đốc Tây đạo, tâu rằng: "Tôi không có công trạng gì, được ăn lộc đến năm mươi hộ đã là quá phận mong ước rồi, thế mà nay lại được cấp cho tiền bổng hàng năm nhiều gấp đôi! Vậy xin từ, không dám nhận".

Lời chua - Hộ ăn lộc, tiền bổng: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn thì đầu đời Lê, chế độ bổng lộc để nuôi dưỡng thế này: hoặc ban cho năm mươi hộ hay một trăm hộ để người được hưởng cứ lấy thuế ở các hộ ấy mà ăn. Cũng có khi ban thêm lộc điền nữa. Lại quy định: phàm các vương, các công chúa và các đại thần văn võ bách quan, hàng năm, được cấp tiền bổng có hơn kém khác nhau. Ngoài ra, không khảo được hơn nữa.

Biểu dương người tiết phụ họ Nguyễn ở Nam Sách.

Nguyễn Thị (không rõ tên), người làng Đào Cốc, huyện Chí Linh, phủ Nam Sách[1], là vợ xã quan Nguyễn Văn Điều. Từ khi chồng chết, bà ở góa, không có điều tiếng gì. Việc lên đến triều đình. Nhà vua hạ chiếu ban cho tấm biển màu vàng biểu dương ở chỗ cổng nhà bà. Con cháu được miễn sai dịch để ở nhà hầu hạ phụng dưỡng bà.

Lời chua - Nam Sách: Tức Nam Sách: Xem thuộc Tần[2], Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tiền biên V, 22).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Tháng 6. Tha Thái úy Lê Thụ ra khỏi ngục[3].

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ sứ nhà Minh sang ban cho áo cổn và mũ miện. Nhà vua sai bọn Trung thư thị lang Nguyễn Đình Mỹ sang nhà Minh dâng lễ tuế cống và tạ ơn về việc ban mũ áo.

Tháng 11. Có con hổ lọt vào trong thành.

Hổ vào chùa Diên Hựu ở trong thành. Nhà vua sai võ sĩ đâm chết.

Lời chua - Chùa Diên Hựu: Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 1 (Chính biên III, 14).

Đinh Sửu, năm thứ 4 (1457). (Minh, Anh Tông, năm Thiên Thuận thứ 1).

Tháng 9, mùa thu. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ Minh Anh Tông lại làm vua, lập con là Kiến Thâm làm Hoàng thái tử. Vua Minh sai bọn Thượng bảo khanh[4] Hoàng Gián sang ta báo cáo về việc đó và ban cho các cây hàng tấm màu sắc và có hoa. Nhà vua sai bọn Tả nạp ngôn Lê Hy Cát, Hàn lâm viện thị giảng Trịnh Thiết Trường và khởi cư xá nhân Nguyễn Thiên Tích sang Minh đáp tạ và dâng đồ mừng.

---

[1] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[2] Đây dịch theo nguyên văn, Đảng phải chép là "đương Tấn" (ngang với Tấn) mới đúng.

[3] Về việc Lê Thụ bị tội, xem thêm Chính biên XVIII, 27.

[4] Chức quan do nhà Minh đặt, có nhiệm vụ gữ các bảo tỉ, ấn tín, v.v...

Lời chua - Lê Hy Cát: Người Lam Sơn, huyện Lương Giang[1].

Trịnh Thiết Trường: Người làng Đông Lý, huyện An Định[2] đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442), năm Đại Bảo.

Gió to từ tháng 8 đến tháng 9 này.

Mậu Dần, năm thứ 5 (1458). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 2).

Kỷ Mão, năm thứ 6 (1459). (Từ tháng 10 trở đi là Nghi Dân năm Thiên Hưng thứ 1 - Minh, năm Thiên Thuận thứ 3).

Tháng 10, mùa đông. Lạng Sơn vương Nghi Dân giết nhà vua và Hoàng thái hậu mà tự lập làm vua. Thị hậu phó chưởng[3] Đào Biểu tử tiết.

Nhà vua ở ngôi được 17 năm thì bị giết, thọ 19 tuổi.

Trước kia, Dương Thị, mẹ Nghi Dân, phạm tội với vua Thái Tông, nên bị phế. Vì mẹ như vậy, Nghi Dân không được lập, ngầm có ý khác, ngấp nghé nom dòm ngôi báu. Cùng với chỉ huy Lê Đắc Ninh mưu cuộc nổi loạn, Nghi Dân, đang đêm, đem đồ đảng là bọn Phạm Đồn, Phan Ban và Trần Lăng hơn trăm tên vô lại bắc thang trèo vào thành. Đắc Ninh, đêm ấy, đúng phiên túc trực, đem Cấm quân làm nội ứng. Nghi Dân bèn giết nhà vua ở trong cung cấm. Ngày hôm sau, Hoàng thái hậu cũng bị hại. Thị hậu phó chưởng Đào Biểu tử tiết.

Nghi Dân liền tiếm ngôi, xưng đế, đổi niên hiệu là Thiên Hưng, đại xá cho cả nước, ban cho văn võ bách quan mỗi người được tước một tư[4], sai bọn Thị chế Trần Phong, Lương Như Hộc và Trần Bá Linh sang Minh cầu xin phong vương.

Lời chua - Phạm Đồn, Phạm Ban: Đều là người huyện Thanh Lâm[5].

Trần Phong: Người huyện Tiên Lữ[6], đỗ khoa hoành từ năm Tân Hợi (1431) niên hiệu Thuận Thiên.

Trần Bá Linh: Người Thị Cầu, huyện Võ Giàng[7], đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442), niên hiệu Đại Bảo.

---

[1] Thuộc Thanh Hóa.

[2] Thuộc Thanh Hóa.

[3] Một chức quan ở trong nội cung, hầu cận nhà vua.

[4] Xem chú giải số 2 ở Chính biên X, 18.

[5] Nay thuộc huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

[6] Nay thuộc huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên.

[7] Nay là phường Thị Cầu, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XIX

Từ Canh Thìn, Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ nhất (1460) đến Ất Dậu, Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 6 (1465), gồm sáu năm.

⁂

Canh Thìn, Thánh Tông Thuần hoàng đế, năm Quang Thuận thứ nhất (1460). (Nghi Dân, năm Thiên Hưng thứ 2. - Minh, Anh Tông, năm Thiên Thuận thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Có sao Bột xuất hiện ở vị trí sao Dực.

Lời chua - Bột: Theo Hán thư âm nghĩa[1] ngôi sao khác thường, gọi là sao Bột; tia sáng của sao tỏa ra bốn mặt gọi là bột, cũng gọi là sao Sàm Sang.

Dực: Theo Đại thanh nhất thống chí, sao Dực và sao Chẩn đứng về vị trí thuần vĩ, thuộc dã phận nước An Nam.

Nghi Dân chia đặt quan chức làm sáu bộ, sáu khoa, lại bàn đặt chức ở phủ, huyện và châu.

Quan chức hồi đầu triều Lê: ở trong kinh chỉ đặt hai bộ: Lại bộ và Lễ bộ, còn các bộ Hộ, Binh, Hình, Công và sáu khoa chưa sắp đặt được đầy đủ. Năm đạo[2] ở ngoài kinh sư đều đặt chức Hành khiển giữ việc quân và dân; lại chia đặt quan chức ở phủ, lộ, trấn, huyện, châu, để lệ thuộc vào quan Hành khiển. Đến nay Nghi Dân mới đặt thêm bốn bộ: Hộ, Binh, Hình, Công cùng với hai bộ Lại và Lễ làm thành sáu bộ. Lại đặt sáu khoa là: Trung thư khoa, Hải khoa, Đông khoa, Tây khoa, Nam khoa và Bắc khoa. Về chức quan ở ngoài thì Nghi Dân bàn đặt lại quan chức ở phủ, huyện và châu.

Lời chua - Hành khiển năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5-6).

Chức quan ở lộ, phủ, trấn, châu và huyện hồi đầu triều Lê: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 7[3] (Chính biên XX, 7).

Sáu bộ, sáu khoa: Quan chức và nhiệm vụ, xem Lê Thánh Tông năm Hồng Đức thứ 2 (Chính biên XXII, 12-26)[4].

Nghi Dân đổi đặt lại chức quan ở phủ huyện châu: Sự sắp xếp thế nào nay không khảo cứu được.

Tháng 5, mùa hạ. Sao Xuy Vưu kỳ[5] xuất hiện, chiều dài chạy suốt trên không.

---

[1] Theo phần Kinh tịch chí trong Tùng thư thì sách Hán thư âm nghĩa có hai bộ: một bộ 7 quyển, tác giả Vi Chiêu, một bộ 12 quyển, tác giả Tiêu Cai. Ở đây Cương mục không nói rõ tên tác giả, nên không rõ câu này đã dẫn ở sách Hán Thư âm nghĩa nào.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XV, tờ 5.

[3] Nguyên văn trong Cương mục in lầm chữ "thất" ra chữ "lục".

[4] Xem thêm Chính biên quyển VII tờ 30-31.

[5] Xuy Vưu: tên người. Theo truyền thuyết thì đời thượng cổ Trung Quốc, Xuy Vưu pháp thuật cao cường, đánh nhau với Hoàng đế ở đất Trác Lộc, Xuy Vưu kỳ nghĩa đen là cờ của Xuy Vưu nhưng ở đây là tên một ngôi sao khác thường.

Sao Xuy Vưu bạch kỳ[1] chiếu dài từ đông sang tây tỏa ánh sáng ngang trời.

Lời chua - Xuy Vưu kỳ: Theo phần "Thiên quan thư" trong Sử ký thì cờ xí Xuy Vưu[2] giống cái chổi mà đằng sau cong, hình dáng giống lá cờ thường. Nếu sao Xuy Vưu kỳ xuất hiện thì vua chúa sẽ phải đi đánh dẹp bốn phương.

Tháng 6. Đại thần, bọn Lê Xí, giết đảng phản nghịch là tên Đồn[3], tên Ban, truất Nghi Dân làm Lệ Đức hầu, rồi giết đi.

Cướp ngôi vua được 8 tháng, Nghi Dân tin nuông bọn gian tà, giết hại đại thần, thay đổi hết phép tắc của tiên tổ. Người trong nước ai cũng oán giận. Ngày 6 tháng 6, các đại thần là:

- Thái bảo Lê Xí và Lê Liệt.

- Nhập nội Điểm kiểm Bình chương quân quốc trọng sự Lê Lăng.

- Nhập nội Đại hành khiển Lê Vĩnh Trường.

- Xa kỵ vệ đồng tổng tri Lê Niệm.

- Ngự tiền hậu quân tổng tri Lê Nhân Thuận.

- Ngự tiền trung quân tổng tri Lê Nhân Khoái.

- Ngự tiền thủy quân tổng tri Trịnh Văn Sái.

- Bắc đạo thiêm tri Trịnh Đạc.

- Điện tiền đô chỉ huy Nguyễn Đức Trung.

- Thiết đột tả quân đại đội trưởng Nguyễn Yên.

- Điện tiền ti chỉ huy Lê Yên và Lê Giải bàn định với nhau rằng: "Lạng Sơn vương[4] câu kết với tên Đồn, tên Ban, dám làm việc giết vua cướp ngôi tức là hạng ác nghịch nhất nước; chúng ta mang danh nghĩa là những bầy tôi công lao với nước, cố cựu trong triều, thế mà đứng ở triều đình với kẻ giết vua cướp ngôi, thì còn mặt mắt nào trông thấy tiên đế[5] ở dưới đất được nữa!".

Sau khi ở trong triều lui ra, các đại thần đều ngồi cả tại nhà nghị sự, bọn Lê Xí đứng đầu xướng suất việc nghĩa, trước hết giết tên Đồn, tên Ban ở ngay trước nhà nghị sự, sau đóng các cửa thành lại, rồi sai bọn Nhân Thuận thống lĩnh cấm binh bắt đảng phản nghịch là lũ Trần Lăng hơn một trăm người đều giết hết. Các đại thần định nghị: truất Nghi Dân làm Lệ Đức hầu, bắt phải thắt cổ tự tử.

Lời phê - Việc làm của bọn Lê Xí, so với việc Chu Bột giết bọn họ Lữ mà lập Hán Văn đế[6] cũng không hổ thẹn gì cả. Trong nước có người trọng thần, chính cần ở lúc này.

Lời cẩn án - Sử cũ chép quan, tước của bọn Lê Xí, Lê Liệt và Lê Niệm như thế này: "Bình chương quân quốc trọng sự á quận hầu Lê Xí và Lê Liệt; Tư mã tham dự triều chính Đình thượng hầu Lê Niệm". Nhưng tra trong Thông sử[7]: Lúc giết Nghi Dân thì Lê Xí và Lê Liệt cùng giữ chức Thái bảo; Lê Niệm giữ chức Xa kỵ đồng tổng tri, còn tước Á

---

[1] Xuy Vưu: tên người. Theo truyền thuyết thì đời thượng cổ Trung Quốc, Xuy Vưu pháp thuật cao cường, đánh nhau với Hoàng đế ở đất Trác Lộc, Xuy Vưu kỳ nghĩa đen là cờ của Xuy Vưu nhưng ở đây là tên một ngôi sao khác thường.

[2] Xuy Vưu: tên người. Theo truyền thuyết thì đời thượng cổ Trung Quốc, Xuy Vưu pháp thuật cao cường, đánh nhau với Hoàng đế ở đất Trác Lộc, Xuy Vưu kỳ nghĩa đen là cờ của Xuy Vưu nhưng ở đây là tên một ngôi sao khác thường.

[3] Có một âm nữa là Truân.

[4] Tước cũ của Nghi Dân. Xem Chính biên quyển XVII, tờ 21.

[5] Chỉ Lê Thái Tổ.

[6] Sau khi Hán Cao Tổ mất, vợ là Lữ hậu chuyên quyền, Lữ Lộc và Lữ Sản toan cướp ngôi vua nhà Hán. Thái úy nhà Hán là Chu Bột đem quân giết Lữ Lộc, Lữ Sản cùng đồ đảng họ Lữ, lập con Hán Cao Tổ làm vua, tức Hán Văn đế.

[7] Tức Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn biên soạn ngày tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749).

quận hầu của Xí và Liệt, tước Đình thượng hầu của Niệm là sau khi nhà vua [Thánh Tông] lên ngôi rồi mới phong cho. Vì thế nay cải chính lại.

Lời chua - Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn;

Lê Lăng: Con của Lê Triện. Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 9).

Nguyễn Đức Trung: Người làng Gia Miêu ngoại, huyện Tống Sơn[1].

Lê Niệm: Người làng Đức Giang, huyện Lương Giang[2].

Theo mục "Quan chức chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép về quan chế hồi đầu triều Lê:

Thái bảo: Một chức trọng yếu trong hàng đại thần.

Điểm kiểm bình chương quân quốc trọng sự: Chức tể tướng.

Đại hành khiển: Chức tể tướng thứ hai.

Những đại thần nào vào hạng thân cận với vua hoặc được vua tin dùng đều được thêm chữ "nhập nội"[3].

Xa kỵ vệ: Một vệ trong 14 vệ của Thiết đột quân.

Ngự tiền quân: Có các danh hiệu: Trung quân, Tiến quân, Tả quân, Hữu quân và Hậu quân.

Ngự tiền thủy quân: Gọi là quân Thiện trạo (quân lành nghề bơi thuyền).

Các quân kể trên đều có đặt chức quan đứng đầu là Tổng tri, Đồng tổng tri.

Lịch triều hiến chương lại chép: Hồi đầu triều Lê chia trong nước làm năm đạo, các lộ Bắc Giang, Lạng Sơn và Thái Nguyên thuộc về Bắc đạo. Ở đạo có chức Hành khiển đứng đầu, thứ nhì đến chức thiêm tri. Hai chức quan này chia nhau giữ sổ sách quân và dân.

Điện tiền ti: Có chức đô chỉ huy sứ và chức chỉ huy sứ, những chức quan này đều là tướng hiệu chầu chực ở trong nội điện.

Thiết đột: Chia ra năm hiệu quân là: trung, tiền, hậu và tả, hữu, mỗi quân có đặt chức Tổng quản đứng quản lĩnh, mỗi đội đều có đặt một Đại đội trưởng.

Các đại thần rước Bình Nguyên vương[4] Tư Thành vào cung điện lên ngôi vua. Đại xá cho cả nước.

Các đại thần cùng nhau bàn rằng: "Ngôi vua rất trọng đại, người giữ ngôi vua là rất khó khăn, nếu không phải người có đức độ lớn không thể nào đương nổi. Nay Gia vương[5] là người sáng suốt, có tài trí, có đạo đức, các vương khác không thể so bì kịp, lòng người ai cũng trông mong, như thế có thể biết được ý trời đã định". Rồi các đại thần liền dùng xa giá rước vương ở Gia đế[6], vương vào trong cung, lên ngôi vua ở điện Tường Quang, đổi niên hiệu là Quang Thuận, đại xá cho cả nước.

---

[1] Nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Huyện Lương Giang cũ nay là các huyện Đông Sơn, Lang Chánh, Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Trên phần hiện hàm được đề thêm hai chữ "nhập nội". Ví dụ nhập nội tư mã, nhập nội hành khiển, nhập nội thiếu bảo, v.v...

[4] Xem Lời cẩn án và Lời chua của Cương mục ở dưới.

[5] Xem Lời cẩn án và Lời chua của Cương mục ở dưới.

[6] Phủ đệ của Gia vương.

Lời cẩn án - Sử cũ chép: "Đại thần bàn định rước Gia vương lập làm vua". Nay xét: Vua Thánh Tông trước được phong là Bình Nguyên vương, đến lúc Nghi Dân cướp ngôi, đổi phong là Gia vương. Vì thế, ở đây đổi đi mà chép tước cũ của nhà vua là "Bình Nguyên vương". Chép như thế là có ý không tán thành việc Nghi Dân phong tước cho nhà vua.

Lời chua - Vương: Tên húy là Tư Thành, lại một tên húy nữa là Hạo, con thứ tư của Lê Thái Tông, sinh ngày 20 tháng 7 năm Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ 2 (1441). Năm Thái Hòa[1] thứ 3 (1445), được phong Bình Nguyên vương; năm Diên Ninh thứ 6 (1459), Nghi Dân cướp ngôi vua, đổi phong là Gia vương.

Gia vương: Theo quan chế triều Lê, hoàng tử được phong vương thì dùng tên một phủ làm hiệu để phong, chữ "gia" ở đây tức là phủ Gia Hưng.

Bình Nguyên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên II, 18).

Gia để: Sử cũ chua: "Có một thuyết nói là Tây để". Về việc này Sử cũ chua thế này: "Sau khi đã giết Nghi Dân, đại thần đi rước Cung vương Khắc Xương, Cung vương cố ý từ chối, mới đến rước nhà vua ở Tây để".

Truy tặng tước cho nội quan Thị hậu phó chưởng là Đào Biểu và giết tên Lê Đắc Ninh.

Trước kia, Nghi Dân mưu tính việc khởi loạn, bí mật câu kết với Điện tiền đô chỉ huy Lê Đắc Ninh làm tay ứng viện ở trong nội thành. Lúc Nghi Dân cất lẻn vào trong cung thành, gặp Đắc Ninh đương phiên chầu chực, Ninh đem cấm binh giúp Nghi Dân làm việc bạo nghịch, nên Nhân Tông và Thái hậu đều bị hại. Lúc ấy nội quan Thị hậu phó chưởng là Đào biểu tử tiết theo vua[2] sau gia sản của Biểu bị tịch thu sung công. Khi nhà vua đã lên ngôi, truy tặng Đào Biểu tước một tư[3] và ban cho 5 mẫu tự điền[4], trả lại điền sản bị tịch thu từ trước cho vợ con, để nêu gương trung nghĩa của Đào Biểu. Một mặt địn tội giúp việc bạn nghịch của Đắc Ninh rồi đem giết đi.

Lời chua - Một tư: Cũng như một bậc. Theo quan chế trong nội điện triều nhà Lê, thì người nào giữ chức Thị hậu chánh chưởng ở cung Thiên Hòa được hàm tùng lục phẩm, trong tờ cáo thụ được phong là mậu lâm tá lang; người nào giữ chức Thị hậu phó chưởng, được hàm chánh thất phẩm, trong tờ cáo thụ được phong là cẩn sự lang. Nay truy tặng cho Đào Biểu tước một tư, tức là chức thị hậu chánh trưởng, hàm tùng lục phẩm, cáo thụ mậu lâm tá lang.

Từ tháng 2 đến tháng 6 không mưa. Ngày Quý Dậu. Truy tôn miếu hiệu Nhân Tông và tôn thụy Hoàng thái hậu. Chiều hôm ấy có mưa.

Từ mùa xuân đến mùa hè không mưa. Sau khi nhà vua đã lên ngôi, cáo phó việc tang Nhân Tông và Thái hậu cho mọi người biết, lại làm lễ phụ tế[5] Nhân Tông ở nhà thái miếu, dâng tôn hiệu là Khâm văn nhân hiếu tuyên minh hoàng đế, miếu hiệu là Nhân Tông; truy dâng tôn thụy Thái hậu họ Nguyễn là Tuyên từ nhân ý chiêu túc hoàng thái hậu. Chiều hôm ấy mới mưa.

Lời chua - Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn thì: Tuyên từ hoàng thái hậu: họ Nguyễn, tên húy là Anh, người làng Bố Vệ, huyện Đông Sơn, thuộc Thanh Hóa,

---

[1] Niên hiệu Lê Nhân Tông.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XVIII, tờ 34-35.

[3] Xem Lời chua của Cương mục ở dưới.

[4] Hoa lợi ruộng này dùng vào việc cúng tế giỗ chạp.

[5] Người chết dẫu là con cháu, nhưng cứ sau ngày chết một trăm ngày rước bài vị người ấy lên nhà Thái miếu để được phụ thờ với tiên tổ gọi là lễ phụ.

được tuyển vào chầu Thái Tông phong là thần phi[1], sinh ra Nhân Tông, sau khi Thái Tông mất, Nhân Tông tôn làm Hoàng thái hậu, hậu bị hại trong lúc Nghi Dân khởi loạn.

Tôn mẹ là Tiệp Dư[2] họ Ngô làm Hoàng thái hậu.

Thái hậu, họ Ngô, người làng Động Bàng huyện An Định, bố là Ngô Từ, thờ Lê Thái Tổ, vì có công được phong hàm Thái bảo. Trước kia, Thái hậu được tuyển vào hầu Thái Tông, phong làm Tiệp Dư[3], sinh nhà vua ở cung Khánh Phương. Sau khi nhà vua đã lên ngôi, tôn làm Hoàng thái hậu.

Lời chua - An Định: Tên huyện, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua ra sắc lệnh: Từ nay, những việc trong cung cấm không ai được tiết lộ ra bên ngoài.

Nhà vua răn sợ về việc khởi loạn đời Diên Ninh[4], bèn ra sắc lệnh cho bọn quan chức trong Nội mật và người trong cung: phàm có chiếu chỉ của vua và các việc trong cung không được tiết lộ trước cho những thân thích hoặc người ngoài biết.

Nhà vua lại ra sắc lệnh cho những người bói rùa, bói cỏ thi, người theo đạo Lão, đạo Thích không được giao thiệp với người trong cung cấm.

Ra sắc lệnh cho các quân hiệu giảng tập về quân sự.

Nhà vua ra sắc dụ cho các viên Tổng quản ở các vệ quân 5 đạo và ở phủ, ở trấn: Phàm đã có quốc gia, tất phải có quân sự để phòng bị. Vậy từ nay các viên Tổng quản phải dựa theo trận đồ, nghiêm ngặt đốc sức các đội ngũ luyện tập, để quân sĩ học tập được thành thuộc, không được quên phòng bị về mặt quân sự.

Lời chua - Vệ quân năm đạo: Ở vệ đặt chức Tổng quản. Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5).

Tháng 8. Hạ chiếu: Đổi tên những họ nào đã phạm vào chữ húy của Cung từ hoàng thái hậu.

Nhà vua lấy cớ rằng: Cung từ hoàng thái hậu họ Phạm, tên húy là Ngọc Trần, nên yết thị cho trong kinh thành, ngoài các đạo, phàm nơi nào có họ "Trần" đổi chép làm chữ "Trình".

Lời chua - Cung từ hoàng thái hậu: Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, hậu, tên húy là Ngọc Trần, người làng Quần Lai[5] huyện Lôi Dương là vợ Lê Thái Tổ và là mẹ đẻ của Lê Thái Tông. Lúc Thái Tổ khởi nghĩa, hậu bị mất trước. Đến lúc Thái Tổ mất, Thái Tông nối ngôi vua, truy tôn hậu làm Cung từ quang hoàng thái hậu.

Hạ chiếu cho quân và dân nộp thóc, sẽ trao cho quan tước.

Phàm quân và dân, người nào tình nguyện nộp thóc, sẽ tùy theo số thóc nộp nhiều hay ít trao cho quan tước: người nộp 200 hộc thóc sẽ ban cho hàm chánh thất phẩm, chức tản quan[6]; nộp 150 hộc sẽ ban cho hàm tòng thất phẩm, chức tản quan; nộp 100 hộc sẽ ban cho hàm tòng bát phẩm, chức tản quan; con trai các viên tản quan này đều được miễn tuyển làm lính; người nào nộp 70 hộc sẽ ban cho hàm tòng cửu phẩm, chức tản quan, viên quan này chỉ có bản thân mình được miễn dao đài tạp dịch.

---

[1] Cũng như quý phi, một danh hiệu của phi tần, vợ vua chúa đời phong kiến.

[2] Danh hiệu một nữ quan ở trong cung, cũng là vợ vua, nhưng cấp bậc thấp hơn các hàng phi tần.

[3] Niên hiệu Lê Nhân Tông (1454-1459).

[4] Niên hiệu Lê Nhân Tông (1454-1459).

[5] Nay thuộc xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.

[6] Viên quan giữ chức nhàn tản, hoặc viên quan không có nhiệm vụ nhất định, khi nào có việc gì cần sẽ dùng đến, khác với viên quan giữ việc phiền kịch như hành chính, việc hình ngục, việc quân sự, v.v...

Tháng 10, mùa đông. Định thứ tự trên dưới những bầy tôi có công: tiến phong[1] Á quận hầu Lê Xí tước Quỳ quận công, Lê Liệt tước Lân quận công, Đình thượng hầu Lê Niệm tước Kỳ quận công, còn bọn Lê Lăng đều tùy theo công trạng lớn nhỏ được phong tước cao thấp khác nhau.

Nhà vua mới lên ngôi; bổ dụng Lê Xí, Lê Liệt làm Nhập nội Thái phó bình chương quân quốc trọng sự, phong tước Á quận hầu; Lê Niệm làm Nhập nội Tư mã, phong tước Đình thượng hầu. Đến nay lại sai bọi Lê Xí, Lê Liệt xét những bầy tôi có công đánh giết đảng phản nghịch kê riêng từng loại công lao theo thứ tự trên dưới tâu lên nhà vua.

Theo thứ tự thì, Lê Thân Nhuận là người đầu tiên cùng các đại thần xướng suất việc nghĩa, lại chém ngay tên phản nghịch Trần Lăng trước tiên, nên công được đứng hàng thứ nhất, rồi đến Trịnh Đạc, Nguyễn Đức Trung, Nguyễn Yên, Lê Vĩnh Trường, Lê Bô và Lê Giải đứng hàng thứ nhì; bọn Lê Bảo, Lê Quyết Trung, Lê Nhân Quý và Lê Lật 49 người đều có tham dự bàn định mưu kế đứng hàng thứ ba. Ngoài ra, còn bọn Nguyễn Trợ, Nguyễn Ngôn, Lê Sư Lộ 6 người đều được sắp xếp thứ tự theo công lao của từng người.

Tiến phong Lê Xí tước Quỳ quận công, Lê Liệt tước Lân quận công, Lê Niệm làm Thái phó, tước Kỳ quận công, Lê Lăng làm Thái bảo, Lê Thọ Vực làm Tả đô đốc và Lê Khang làm Văn Chấn hầu.

Lời chua - Lê Thọ Vực: Theo tập Vĩnh Lộc huyện chí của Lưu Công Đạo, thì Lê Thọ Vực người làng Thái đường, huyện Vĩnh Lộc[2] là con của Thái bảo Lê Sao.

Lê Lỗi: Theo lời chua của Sử cũ, thì Lê Lỗi là con của Lê Nhữ Lãm.

Quan chế triều Lê, bầy tôi có công được liệt vào hạng phong tước là quốc công hoặc quận công, thì dùng chữ tên của một phủ hoặc một huyện để làm hiệu phong tước: Quỳ quận công tức phủ Quỳ Châu; Lân quận công tức phủ Trà Lân; Kỳ quận công tức huyện Kỳ Sơn.

Hạ lệnh: viên quan nào không có con, chuẩn y cho một người con thừa kế được thừa ấm.

Phàm quan viên trong kinh sư, ngoài các đạo, theo thể lệ con được ấm sung, mà viên quan ấy không có con trai, thì được phép nuôi một người con của thân thích trong họ mình làm thừa kế để tập ấm.

Lời chua - Ấm sung: Theo Thiên nam dư hạ tập của Lê Hồng Đức[3] thì thể lệ ấm tử của các quan viên như thế này:

- Con trưởng và các con thứ của quan văn quan võ hàm nhất nhị phẩm;

- Con trưởng của viên quan hàm tam phẩm: nếu người con trưởng ấy, là người không biết chữ thì sung vào ngạch tuấn sĩ vệ cẩm y, nếu là người thông hiểu nghĩa sách, thì khảo haạch, rồi cho sung vào ngạch nho sinh quán Sùng văn:

- Các con thứ của viên quan hàm tam phẩm và con trưởng của các viên quan hàm tứ, ngũ, lục, thất và bát phẩm: những người này, nếu người nào không thông hiểu nghĩa sách, thì lựa chọn để bổ sung vào vệ Vũ Lâm; nếu người nào thông hiểu nghĩa sách thì cho sung vào ngạch nho sinh cục Tú Lâm; người nào có tài làm lại, thì khảo hạch, rồi cho sung vào ngạch lại điển[4] ở các nha môn trong kinh đô hoặc ngoài các đạo.

Biểu dương người có đức hiếu và đễ là Nguyễn Liêm.

---

[1] Được phong chức tước cao hơn chức tước cũ.

[2] Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[3] Niên hiệu Lê Thánh Tông (1470-1497).

[4] Những chức có nhiệm vụ thảo thiện giấy tờ như trát về công văn, như bọn thơ lại, thông lại, đề lại hoặc thừa phái, lục sự sau này.

Nguyễn Liêm, người làng Mỗ Xá, phủ Ứng Thiên, nổi tiếng là người hiếu hạnh với cha mẹ, hòa thuận với anh em. Nhà vua ban cho biển ngạch[1] hạ lệnh cho sở tại dựng một cái lầu cao ở ngoài cổng[2] để biểu dương cho mọi người biết và tha dao đài tạp dịch cho bản thân Nguyễn Liêm.

Lời chua - Ứng Thiên: Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chính biên II, 18).

Ra sắc lệnh: những người ở ven biên giới không được giao thông với người nước ngoài.

Nhà vua chú ý về việc phòng bị ngoài biên giới, nên ra sắc lệnh cho các lộ, phàm người nào ở biên giới, phải canh giữ cửa ải cẩn thận, không được đi lại giao thiệp với người nước ngoài.

Đem ruộng ban cho cấp bầy tôi có công.

Ban cấp ruộng thế nghiệp cho 30 người bầy tôi có công: Lê Xí và Lê Liệt mỗi người đều được 350 mẫu; Lê Lăng 300 mẫu; Lê Niệm 200 mẫu; Lê Nhân Thuận 150 mẫu; bọn Lê Thọ Vực, Nguyễn Sư Hồi và Lê Nhân Khoái mỗi người đều 130 mẫu. Còn từ Trịnh Văn Sái trở xuống 22 người đều được cấp ruộng nhiều ít khác nhau.

Lời chua - Nguyễn Sư Hồi: Con của Lê Xí, Sư Hồi cũng được dự vào hạng có công trong lúc trung hưng[3], được phong chức Tả đô đốc, nhưng chưa được ban cho quốc tính[4].

Hạ lệnh cho bọn Lê Xí kê khai chi tiết những bầy tôi có công, người nào đáng được hoặc không đáng được ban cho quốc tính cùng con những người ấy có người nào chưa được cất nhắc, rồi tâu bày.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các tể thần[5] là bọn Lê Xí kê khai chi tiết những bầy tôi có công cả người hãy còn sống lẫn người đã mất, người nào đáng được hoặc không đáng được ban cho quốc tính, cùng con những người ấy có ai chưa được cất nhắc, tâu bày lên để vua hiểu rõ. Nhân đấy Lê Xí xin cho bọn Lê Ê, Lê Thụ, Đỗ Bí và Lê Ngang được đối xử theo như thể lệ bầy tôi có công đã bị mất. Nhà vua nói: "Khoảng niên hiệu Diên Ninh[6], Đỗ Bí và Lê Ê giữ chức vụ quan trọng, cầm cân trong nước; Lê Ngang và Lê Thụ trong tay thống lĩnh quân cấm lữ, đáng lẽ ngay lúc Nghi Dân khởi loạn, các viên ấy phải tiễu trừ bọn loạn tặc, biến nguy cơ thành trị an, mới là phải. Thế mà các viên ấy chỉ tráo mắt ngồi nhìn, không có mưu kế gì cả, để cho con cá dữ được lọt khỏi lưới; đến khi mưu tính việc khởi nghĩa lại không cẩn mật rồi bị giết chết, như thế là trong tội lỗi lại thêm một tầng tội lỗi nữa. Các viên ấy so bì thế nào được với người bầy tôi có công?".

Lời chua - Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, thì lúc Nghi Dân cướp ngôi vua, các tể phụ đại thần[7] là bọn Đỗ Bí, Lê Ê, Lê Ngang và Lê Thụ bàn mưu giết Nghi Dân, vì việc tiết lộ, nên bọn này đều bị hại.

Định thể lệ xét đoán kiện tụng.

---

[1] Dùng một phiến gỗ hình chữ nhật, trên mặt phiến gỗ ấy khắc những chữ mà vua chúa đã ban ân cho một người nào đó. Thông thường thì xung quanh phiến gỗ ấy có trạm chỗ và sơn son thếp vàng, những chữ khắc vào phiến gỗ ấy thì sơn then.

[2] Nhà nào được vua chúa biểu dương, thì ngoài cổng nhà ấy dựng một cái chòi cao, mặt ngoài cái chòi quay ra đường treo cái khung hình vuông có đề chữ, để người qua lại trông thấy. Ví dụ: những chữ "Tiết nghĩa môn" hoặc "Hiếu đễ môn", v.v...

[3] Chỉ vào lúc quân thần giết được Nghi Dân, rước Thánh Tông lên ngôi vua.

[4] Theo quan niệm đời phong kiến, cho họ của vua chúa đương thời là họ quý (hoàng gia quý phái), nên người bầy tôi nào có công được vua chúa tin yêu, thì vua ban ân cho được mang theo họ của vua, nhưng chỉ ban ân cho bản thân người ấy thôi, còn con cháu vẫn mang theo họ cũ của mình.

[5] Một danh từ để gọi các viên quan quyền cao chức trọng thứ nhất, thứ nhì trong triều.

[6] Niên hiệu Lê Nhân Tông (1444-1459).

[7] Cũng như tể thần đã chua ở trên.

Các quan giữ việc hình ngục xét hỏi kiện tụng: việc kiện nào đã quyết đoán xong thì phải tâu trình, mỗi tháng ba lần. Thể lệ này sẽ thi hành vĩnh viễn.

Nhà vua lại ra sắc lệnh từ nay những việc sau này nhất thiết nghiêm cấm: một là việc nào quan trên đã quyết đoán xong mà người đương sự lại còn khiếu tố một cách khiên cưỡng; hai là hai bên kiện nhau tranh ruộng đất, mà một bên thấy mình đuối lý rồi tự tiện đem ruộng đất tương tranh ấy bán chạy cho người thế gia.

Tháng 12. Hạ lệnh cho bọn Lê Liệt đi đánh Bồn Man.

Thị tộc Lư Cầm[1] làm tù trưởng ở Bồn Man, chiếm cứ núi rừng khe động, không dâng lễ cống theo chức phận. Nhà vua hạ lệnh cho Thái phó Lê Liệt làm đốc tướng, Thái phó Lê Lựu và Thái bảo Lê Lăng làm phó đốc tướng, thống lĩnh các đạo quân chia đường đi đánh Bồn Man.

Lời chua - Bồn Man: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chính biên XVIII, 8).

Tuyển lính.

Theo chế độ cũ, về việc lựa chọn quân ngũ, thì: con của các quan văn, quan võ từ hàm lục phẩm trở lên cùng giám sinh ở Quốc tử giám đều được miễn, ngoài ra, con các viên quan từ hàm thất phẩm trở xuống, cùng các sắc[2] quân và dân, người nào có từ 3 con trai trở lên, chỉ miễn cho một người, còn đều tuyển lấy sung vào quân ngũ. Đến nay nhà vua hạ lệnh việc tuyển đinh tráng để bổ sung quân ngũ vẫn theo như chế độ cũ.

Lời chua - Chế độ cũ: Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ nhất (Chính biên XVI, 5).

Làm sổ hộ.

Lê định cứ 6 năm một kỳ làm sổ hộ, các quan phủ, huyện và châu phái người dẫn xã quan vào kinh sư, xã quan đều đem tên và số về hộ khẩu của xã mình đăng ký vào sổ mới theo đúng sự thực.

Bổ dụng Nguyễn Như Đổ làm Lại bộ thượng thư.

Nguyễn Như Đổ thấy Đỗ Bất Một tuổi đã già, xin cho được thôi việc quan. Nhà vua nói: "Trước kia, nhà ngươi nhận lời thỉnh thác, xin bổ Bất Một làm Tổng tri vệ Bắc Bình, lúc ấy trong triều đã xôn xao bàn tán; bây giờ nhà ngươi lại xin cho Bất Một được lấy chức Tổng binh để thôi việc. Nhà ngươi thật là người gian dối quá độ từ nay phải cẩn thận răn chừa mới được".

Nhà vua lại bảo Nguyễn Như Đổ rằng: "Trong triều đình, nếu quân tử được tiến dụng, là gốc rễ tiến lên đời thịnh trị, nếu tiểu nhân tiến dụng, là đường ngõ bước vào đời loạn lạc, trẫm cùng các khanh phải khuyến miễn nhau luôn luôn, để mong đưa nước nhà đến đời thịnh trị".

Nhà vua dụ bảo quần thần rằng: "Bọn Lê Cảnh Huy, Nguyễn Như Đổ và Phạm Du đều là phường a dua nịnh hót, cốt sao làm đẹp lòng người ta, đến khi bàn luận công việc triều đình thì chúng khóa miệng thin thít chẳng nói câu gì; chỉ có bọn Nguyễn Mậu, Trần Thốc và Nguyễn Thiện là những người trung thành với vua và yêu nước, gặp việc gì họ cũng nói hết lời. Hôm trước đây, Nguyễn Mậu nói việc không được đúng sự thật, mà trẫm không buộc vào pháp luật, là có ý để báo đáp lại Nguyễn Mậu hay tâu bày những lời phải trái".

---

[1] Thị tộc này, nguyên văn trong sách Cương mục chép hai chỗ có đôi chút khác nhau. Ở đây chép Lư Cầm, ở quyển XVIII tờ 8 chép Cầm Lư. Chúng tôi tham khảo những sách hiện có, thì Phương đình địa chí (quyển 4 tờ 27) của Nguyễn Văn Siêu chép Lư Cầm; Đại Nam nhất thống chí (quyển 14 tờ 10) của Cao Xuân Dục chép Cầm Lư. Đại Việt sử ký toàn thư (quyển 12 tờ 6) chỉ chép có một chữ Cầm. Vì thế, không rõ tên thị tộc này thế nào là đúng, sẽ khảo cứu sau.

[2] Vì quân và dân có nhiều hạng người: quân thì có quân thủy, quân bộ, quân điều khiển ngựa voi, ...; dân thì có người làm thợ, người làm ruộng, người đi buôn... nên gọi chung là các sắc.

Nhà vua lại dụ bảo Nguyễn Mậu rằng: "Nhà ngươi luôn luôn hết lòng với nước, việc gì tốt thì nói là công của vua, tuy nhà ngươi không theo kịp được họ Phòng, họ Đỗ[1], nhưng xử trí việc khó khăn, trấn trị nơi bận rộn như Đái Trụ[2], tâu bày tường tận như Nghiện Bác[3], thì nhà ngươi so với hai người kia cũng không hổ thẹn gì. Vậy ban cho bạc lạng để khen thưởng khuyến miễn. Nhà ngươi càng phải mài giũa đức tính hơn nữa, làm thế nào kỳ vọng cho ta tiến lên đời thịnh trị. Đối với trẫm nếu có điều gì lầm lỗi, nhà ngươi cứ nói thẳng, không nên giấu giếm".

Lời chua - Nguyễn Như Đổ: Người làng Đại Lan, huyện Thanh Đàm[4], đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh[5] khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo[6].

Nguyễn Mậu: Người làng Bích Du, huyện Thụy Anh[7] đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1447) niên hiệu Thái Hòa[8].

Tân Tỵ, năm thứ 2 (1461). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du đến Tây Kinh bái yết sơn lăng.

Lời chua - Tây Kinh: Tức Lam Kinh. Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên XV, 31, 33).

Tháng 3. Sét đánh vào cửa Thừa Thiên.

Vì có tai dị sét đánh, nhà vua mặc đồ thường phục thân dẫn bầy tôi đến điện Thừa Thiên, lạy tạ trời đã ra oai quở trách.

Lời chua - Cửa Thừa Thiên: Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (Chính biên XVII, 12).

Hạ lệnh cho các quan phủ huyện khuyên bảo đốc giục nhân dân làm ruộng và trồng dâu.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan ở phủ, huyện và ở xã khuyên bảo đốc giục quân và dân đều phải siêng năng về nghề nghiệp mưu sinh, để đủ ăn đủ mặc, không được bỏ việc gốc[9] theo việc ngọn[10], không được mượn cớ là làm công nghệ để chây lười. Những người có nghề nghiệp làm ruộng, nếu không siêng năng cày cấy trồng trọt sẽ phải tội.

Tháng 7, mùa thu. Động đất.

Cấm dựng chùa quán mới.

Lúc ấy, dân gian tôn sùng đạo Phật, phần nhiều dựng chùa quán để cầu mong công đức một cách càn dỡ. Nhà vua ra sắc lệnh phàm các chùa quán, chỗ nào không có ngạch cũ, thì không thiện tiện dựng mới.

Tháng 11, mùa đông. Đại xá cho trong nước.

---

[1] Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối, hai người danh nhân dưới triều Thái Tông nhà Đường.

[2] Một viên quan giữ chức Dân bộ thượng thư dưới triều Đường Thái Tông, Đái Trụ là một người minh mẫn, quả quyết.

[3] Một hiền thần đời Tống, thờ bốn triều vua, ở triều đình giữ chức tướng văn, ra ngoài biên cương giữ chức tướng võ, danh tiếng lừng lẫy cả lân bang.

[4] Nay là thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[5] Tức bảng nhãn.

[6] Niên hiệu Lê Thái Tông.

[7] Nay là thôn Bích Du, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, Thái Bình.

[8] Niên hiệu Lê Nhân Tông.

[9] Chỉ việc làm ruộng.

[10] Chỉ việc buôn bán và công nghệ.

Vì cớ mới sinh được Hoàng trưởng tử Tranh.

Tháng 12. Ban phát "Huấn dân đại cáo"[1].

Ban phát "Huấn dân đại cáo" cho cả nước, từ phủ đến châu, huyện, mỗi nơi một bản.

Lời chua - Huấn dân đại cáo: Nay không thể khảo cứu được.

Bổ dụng Lê Lộng làm Đô đốc Bình chương quân quốc trọng sự.

Lời cẩn án - Quan chế hồi đầu triều Lê: Chức Đô đốc đứng đầu về võ ban; Bình chương quốc quân trọng sự là chức của tể tướng. Hai chức này đều bổ dụng hàng đại thần văn võ sung vào. Nay Lê Lộng làm Đô đốc Bình chương quân quốc trọng sự, có lẽ là lấy danh nghĩa đứng đầu võ ban mà kiêm giữ chức tể tướng.

Nhâm Ngọ, năm thứ 3 (1462). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 6). Tháng giêng, mùa xuân. Tế Giao.

Từ năm nay trở đi, cứ đến đầu mùa xuân làm lễ tế Giao. Việc này hàng năm sẽ cử hành theo lệ thường.

Nhà vua dụ bảo Ngự sử Ngô Sĩ Liên và Khiên Nhân Thọ rằng: Trẫm mới lên ngôi vua giữ chính quyền, đầu mùa xuân tế Giao là noi theo điển lễ cũ của tiên tổ, mà các khanh lại cho là không phải, thế là các khanh coi nước ta cũng như các nước phiên thần đời cổ. Vả lại, trong lúc Lệ Đức hầu[2] cướp ngôi, Sĩ Liên có nhiệm vụ chấn chỉnh phong hóa và phép tắc trong nước, Nhân Thọ có nhiệm vụ tham tán mưu kế ở nơi màn trướng của vua, nói về phần tín nhiệm và đãi ngộ kể cũng đã hậu. Nay Lệ Đức hầu mất nước, các ngươi không biết chết theo với người đã cho mình ăn lộc ngày trước. Các ngươi thật là bầy tôi gian tà bán nước".

Lời chua - Theo Lê triều hội điển thì lễ tế Giao hồi đầu triều Lê như thế này:

Đắp đàn ở phía nam kinh thành: đàn chính giữa chiều dài 15 thước, chiều cao 5 tấc, đàn này tế chung cả trời đất; hai đàn bên tả và bên hữu, mỗi đàn chiều dài 16 thước, chiều cao 3 tấc, hai đàn này chia ra tế các vì sao và thần núi, sông. Bốn xung quanh đàn trồng cây, mặt trước đàn mở ba cửa.

Ngô Sĩ Liên: Người làng Chúc Sơn, huyện Chương Đức[3], đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo[4].

Tháng 2. Cho phép trong nước được hội họp uống rượu.

Tháng 3. Nguyễn Sư Hồi có tội, được nhà vua tha cho, không bắt trừng trị.

Sư Hồi cùng bọn Lê Niệm, Trịnh Văn Sái, Lê Thọ Vực và Nguyễn Lỗi không hòa hợp với nhau. Muốn hãm hại bọn Lê Niệm, Sư Hồi tự làm bài thơ nặc danh vu khống cho bọn này chực làm nghiêng đổ nguy hại đến xã tắc. Bài thơ ấy chưa kịp truyền bá ra ngoài thì bị phát giác, mọi người đều xin bắt tội Sư Hồi. Nhà vua bảo bầy tôi trong triều rằng: "Sư Hồi có công trong lúc trung hưng[5], cha hắn là Xí lại có công lao lớn đối với nước[6], nên tha tội chết cho hắn". Nhà vua lại dụ bảo bọn Lê Thọ Vực rằng: "Bài thơ yêu quái ấy chưa chắc đã phải Sư Hồi soạn ra, các khanh không nên vin vào việc ấy mà hằn thù lẫn nhau". Bọn Thọ Vực đều dập đầu lạy tạ.

---

[1] Lời cáo giới trọng đại của vua chúa để dạy bảo dân.

[2] Chỉ Nghi Dân.

[3] Nay là thôn Chúc Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

[4] Niên hiệu Lê Thái Tông.

[5] Sư Hồi cùng các đại thần bắt giết Nghi Dân, rước Thánh Tông, lập làm vua.

[6] Nguyễn Xí theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, lập được nhiều chiến công, sau khi trong nước đã bình định, xét công đánh giặc, chiến công của Xí đứng vào hàng thứ năm, được ban cho quốc tính. Xí lại giúp Thái Tông, Nhân Tông và sau lại cùng các thần bắt giết Nghi Dân lập Thánh Tông làm vua.

Dương Quốc Minh tâu với nhà vua rằng: "Sư Hồi cùng cha hắn là Xí nhận của đút lót của người ta 80 lạng bạc". Nhà vua sai viên Tư lễ giám Nguyễn Áng đem tờ sắc đến quở trách Sư Hồi để lấy lại số bạc đã ăn đút lót ngày trước và răn bảo rằng: "Nhà người có lỗi chớ ngại đổi, may ra sẽ không có sự ăn năn sau này". Ngay lúc ấy lại nhận được lá thư nặc danh nói Sư Hồi sắp làm việc phản quốc. Nhà vua dụ bảo Sư Hồi rằng: "Trẫm ngự ngôi báu đến nay đã bốn năm, cha con ngươi trong một nhà được ban ân thụy khuê[1], ấn thụ[2] hết lần này đến lần khác, vinh hiển sung sướng như thế, không một người bầy tôi nào sánh kịp. Nay trẫm đang đặt tín nhiệm vào nhà ngươi, dầu có lá thư này, lòng tín nhiệm của trẫm cũng không kém trước; nhưng sau khi nhận được lá thư này, về phần nhà ngươi, chẳng lại cần phải giữ cái đạo phòng thân một cách sâu sắc hơn nữa hay sao?".

Tháng 4, mùa hạ. Định phép thi hương.

Học trò trong nước, không kể các hạng quân hoặc dân, người nào xin thi, đều cho phép viên quan bản quản và xã trưởng làm giấy cam đoan người ấy thực có đạo đức, hạnh kiểm, mới cho ứng thi. Còn những hạng người bất hiếu, bất mục, loạn luân và xui nguyên giục bị đều không được dự thi; người làm nghề chèo hát và người đã từng can tội vào bè đảng và bọn phản nghịch làm quan ở triều đình cướp nước, mà có tai tiếng là người gian ác, thì bản thân những người ấy và con cháu đều không được dự thi.

Những người được dự thi, thì trên mặt quyển thi phải đề đủ họ, tên, căn cước, niên canh, quán chỉ của bản thân và của cha mẹ mình, lại phải kê rõ mình chuyên trị về kinh sách nào[3].

Phép thi: Trước hết có một kỳ ám tả, để loại bỏ bớt những người học kém. Còn những người không bị loại thì phải thi bốn kỳ: kỳ đệ nhất, thi năm bài kinh nghĩa và truyện nghĩa; kỳ đệ nhị, thi bài chiếu, bài chế và bài biểu; kỳ đệ tam, thi thơ, phú; bài thơ dùng luật Đường, bài thơ dùng cổ thể, hoặc thể ly tao, thể văn tuyển; kỳ đệ tứ, thi một bài văn sách, đầu bài hỏi về sách Kinh, sách Sử và thời sự.

Thời gian thi: Tháng tám năm nay học trò vào thi, người nào được trúng tuyển sẽ được kê vào danh sách trình lên bộ Lễ, đến trung tuần tháng giêng năm sau những người ấy sẽ được vào thi hội.

Hạ chiếu trưng cầu lời nói trung thực.

Lúc ấy nhân có mưa đá và gió sấm, nhà vua hạ chiếu trưng cầu lời nói thẳng. Môn hạ sảnh hữu ty lang trung là Hoàng Thanh dâng thư tâu bày bảy việc:

1. Thuận theo lẽ âm dương để đón lấy khí hòa của trời đất.
2. Thân ra giảng sách ở Kinh Diên để tôn sùng đạo học chính thống.
3. Chú trọng việc lập ngôi trừ tự[4] để gốc rễ của nước được vững bền.
4. Tiết kiệm dùng tiền tài để việc kinh phí được đầy đủ.
5. Thận trọng chọn người làm thú tể[5] để trao cho trách nhiệm chăn nuôi nhân dân.
6. Thời thường luyện tập quân ngũ, để việc võ bị được nghiêm chỉnh.
7. Đặt sở đồn điền, để thức ăn tích trữ ở biên giới được dồi dào.

Trong bảy điều này, được nhà vua nhận lời sẽ lựa chọn lấy những điều cần thiết.

Lời chua - Hoàng Thanh: Người làng Lương Xá, huyện Chương Đức[1], đỗ khoa hoành từ năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) đời Lê Thái Tổ.

---

[1] Một thứ ngọc quý.

[2] Một thứ dây thao dùng để buộc quả ấn. Hai thứ này chỉ người bầy tôi nào có công to, giữ chức trọng, mới được vua chúa ban cho. Kích thước ngọc khuê và màu sắc dây thao, đã có thể lệ định sẵn.

[3] Trong Tứ thư và Ngũ kinh, học trò đã chuyên môn nghiên cứu về kinh nào phải khai rõ trên mặt quyển thi.

[4] Tức hoàng thái tử để sẽ nối ngôi vua sau này.

[5] Danh từ để gọi chung các viên quan gần gụi với nhân dân như những viên đứng đầu ở lộ, phủ, châu hoặc huyện.

Môn hạ hữu ty lang trung: Xem quan chế chép ở năm Quang Thuận thứ 6 (Chính biên XIX, 32).

Tháng 8, mùa thu. Giết Thái úy là Lê Lăng.

Sau khi cùng các đại thần giết được bè đảng bọn nghịch, Lăng bàn nên lập Cung vương Khắc Xương, nhưng vì Lê Xí không đồng ý mới đón lập nhà vua. Nhà vua nghe biết việc này, có ý không bằng lòng. Đến khi lên ngôi, Lăng lấy tư cách là công thần giúp việc chính trị, nhưng Lăng cương cường bộc trực làm cho nhà vua phải nể ngại, thường sai Nguyễn Lỗi đem bạc lạng đến cho và dụ bảo rằng: "Nhà ngươi phải cẩn thận, trước thế nào sau thế ấy, một mực thanh khiết công bằng, tính khí nhà người cương trực quá, bên ngoài làm ra nghiêm nghị mà trong bụng thì nhu ác, người nào có điều không vừa ý mình, thì đẩy xuống tận đất đen, người nào không trái ý mình thì âu yếm ẵm lên trên đùi, chả phải vì thế mà nghị luận bên ngoài lấy làm chưa thỏa mãn đó sao? Nhà ngươi nên răn chừa mới được".

Lê Lăng được tiến dần lên đến chức Thái úy. Nay có người tố cáo là Lăng ngấm ngầm mưu toan làm việc trái phép; nhà vua giận, sai giết đi, tịch thu nhà cửa và đem tội trạng của Lăng bá cáo cho trong kinh thành, ngoài các đạo được biết. Người ta đều cho là Lăng bị giết oan.

Lời phê - Vua Thánh Tông còn như thế, có lẽ vì đạo đức chưa được tinh thuần chăng? Thế mà cứ sính văn chương, thích biện bác, thì có làm gì?

Lời cẩn án - Lê Lăng không đáng tội phải chết. Sử cũ chép lầm là "Lê Lăng ngấm ngầm mưu toan làm việc trái phép". Nay tham khảo tiểu truyện Lê Lăng chép ở Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, cải chính lại.

Định thể lệ về tuổi trí sĩ[2] cho các quan văn quan võ.

Các quan văn quan võ, người nào 65 tuổi muốn xin trí sĩ[3]; những giám sinh, nho sinh, sinh đồ được bổ sung làm lại điển ở các nha môn, nay đã quá 60 tuổi muốn về hưu dưỡng, đều phải do bộ Lại tâu bày rõ ràng đầy đủ.

Lời chua - Giám sinh: Người nào thi hương bốn kỳ, đều trúng tuyển, được sung vào học tại Quốc tử giám, gọi là giám sinh.

Nho sinh: Con cháu quan viên được sung vào học ở Chiêu văn quán hoặc Tú lâm cục, gọi là nho sinh.

Sinh đồ: Người nào thi hương trúng được ba kỳ gọi là sinh đồ. Hồi đầu triều Lê, lại điển ở các nha môn, phần nhiều bổ dụng giám sinh, nho sinh hoặc sinh đồ.

Định thể lệ về việc các quan dâng tờ đề bản và tấu bản.

Phàm tờ đề bản hoặc tấu bản của các quan trong kinh đô, ngoài các đạo, thì chính viên quan phải thân thủ tự mình ký tên, không được mượn lại điển viết thay.

Nhà vua ra sắc lệnh định thể lệ về đề bản và tấu bản:

1) Phàm các nha tâu việc, những bản giấy tâu về việc tuân theo chỉ dụ thi hành, gọi là đề bản;

2) Tất cả các việc công và tư do quan lại hoặc bách tính tâu bày, gọi là tấu bản.

Trung thư sảnh bí thư giám học sĩ Lương Như Hộc tâu rằng: "Các bản chương tấu của các nha môn, nếu gặp lúc viên quan chính thức hiện khuyết hoặc công xuất, thì viên quan tá nhị thừa lệnh giữ ấn tín được phép ký tên ở dưới chỗ đề năm tháng". Nhà vua theo lời tâu này.

---

[1] Nay là xã Chi Lăng, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

[2] Thôi làm quan, về ở nhà riêng. Danh từ "trí sĩ" trước kia dùng riêng cho các quan, sau này quan hoặc lại điển thôi làm việc về, đều gọi chung là hưu trí.

[3] Thôi làm quan, về ở nhà riêng. Danh từ "trí sĩ" trước kia dùng riêng cho các quan, sau này quan hoặc lại điển thôi làm việc về, đều gọi chung là hưu trí.

Lời chua - Trung thư sảnh: Theo mục "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, quan chế hồi đầu triều Lê, ở Trung thư sảnh có chức Bí thư giám học sĩ.

Tháng 12, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, nhà vua sai bọn Đinh Lan, Nguyễn Phục và Nguyễn Đức Do sang nhà Minh báo cáo về việc Nhân Tông mất; bọn Nguyễn Nhật Thăng, Phan Duy Trinh và Nguyễn Tự sang xin phong tước. Nhà Minh sai Lưu Trật, hành nhân trong ty Hành nhân, sang dụ bảo việc tế Nhân Tông; bọn Tiền Phổ, Hàn lâm viện thị độc học sĩ, và Vương Dự, Lễ khoa cấp sự trung, đem sách mệnh tuyên phong nhà vua làm An Nam quốc vương. Đến nay, nhà vua sai các sứ thần sang Minh: Lê Công Lộ tạ ơn về việc dụ tế; Trần Bàn tâu bày công việc, Bùi Hựu tạ ơn việc sách phong; lại sai bọn Lê Văn Hiển, Hoàng Văn Ngọ và Tạ Tử Điên sung vào việc cống nạp hàng năm và xin nhà Minh ban cho mũ áo.

Lời chua - Nguyễn Phục: Người làng Đoàn Lâm, huyện Trường Tân.

Lê Công Lộ: Người làng Kim Bôi, huyện Vĩnh Ninh[1]. Lộ là con thái úy Lê Khả, nguyên gốc là họ Trịnh, được ban cho quốc tính là họ Lê.

Trần Bàn: Người làng Từ Sơn, huyện Quế Dương[2], đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Bùi Hựu: Người làng Lam Điền, huyện Chương Đức[3], đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Tạ Tử Điên: Người làng Ỷ La, huyện Từ Liêm[4], đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) năm Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Lập con là Tranh làm Thái tử, hạ chiếu đại xá.

Bổ dụng Lê Xí làm Nhập nội Hữu tướng quốc.

Lời chua - Hữu tướng quốc: Theo mục "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, quan chế hồi đầu triều nhà Lê, Tả Hữu tướng quốc là chức Tể tướng, bổ dụng các quan văn võ đại thần.

Quý Mùi, năm thứ 4 (1463). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Miễn việc hội họp điểm duyệt cho các quân.

Theo quy chế cũ, hằng năm cứ đầu mùa xuân, các quân ở năm đạo đều hội họp ở kinh sư để kiểm điểm tập dượt. Đến nay được miễn, vì năm trước có chiếu chỉ đại xá.

Lời chua - Năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5).

Tháng 2. Bắt đầu định ba năm thi đại tị một lần.

Theo quy chế cũ, cứ 5 năm hoặc 6 năm một lần thi hội, chưa có thời gian nhất định; đến nay nghị định dùng những năm sửu, thìn và tuất, cứ ba năm thi đại tị một lần.

Biểu dương nhà người đàn bà trinh tiết là Nguyễn Thị[5].

---

[1] Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Nay là xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

[3] Nay thuộc xã Lan Điền, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

[4] Nay thuộc xã Dương Nội, huyện Hoài Đức, Hà Tây.

[5] Toàn thư chép là Nguyễn Thị Bồ.

Nguyễn Thị người làng Đại hữu lệ, huyện Thanh Đàm, có tiếng là trinh tiết; nhà vua ban cho biển ngạch treo ở nhà để biểu dương trinh tiết của Nguyễn Thị, lại miễn dao dịch cho một người con hoặc cháu để hầu hạ phụng dưỡng.

Lời chua - Thanh Đàm: Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông năm Thiên ứng chính bình thứ 14 (Chính biên VI, 26).

Tháng 3. Môn hạ hữu ty lang trung Hoàng Thanh mất.

Thanh, tên tự là Trực Khanh, đỗ khoa hoành từ năm Thuận Thiên đời Lê Thái Tổ. Lúc bắt đầu Thanh được sung vào Ngự tiền học sinh, sau thờ Lê Thái Tông, được thăng dần đến Hàn lâm viện thị độc; năm Quang Thuận thứ 3 (1462), được cất nhắc lên chức Môn hạ hữu ty lang trung, dâng tờ sớ tâu bày bảy việc[1], nhà vua ngợi khen và thu nhận. Đến nay mất, hưởng thọ 53 tuổi.

Hoàng Thanh là người quang minh, tiết tháo, tinh thuần, ngay thẳng. Sĩ phu đều suy tôn. Lương Như Hộc có làm bài tán đề di tượng[2] Hoàng Thanh rằng: "Nói về đạo lý, thì uẩn súc bên trong được đầy đủ, thi thố ra ngoài được chu đáo; nói về bổn phận, thì làm con giữ hết đạo hiếu, làm tôi giữ hết đạo trung, từng trải thờ bốn triều vua, tiết tháo một lòng, trước sau không bao giờ thay đổi".

Lời chua - Môn hạ sảnh: Xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chính biên XIX, 32).

Tháng 4, mùa hạ. Định cấm lệnh ở trong hoàng thành.

Phàm người nào giả mạo quân sắc mang kiếm đội mũ để vào trong hoàng thành đều phải luận vào tử hình.

Tháng 7, mùa thu. Đại hạn, nhà vua lánh đến ở cung điện nhỏ, bớt thức ăn, triệt bỏ âm nhạc.

Động đất.

Nhà vua dụ bảo bầy tôi trong triều rằng: "Trước đây, trời làm hạn hán lâu ngày, Nguyễn Phục khuyên trẫm nên tĩnh tâm để xem xét tai biến, sau giữ gìn được, không xảy ra sự gì. Tuy thế, những bậc thánh nhân xem hiện tượng trên không để suy xét sự biến thiên của thời tiết; xem văn hóa của dân gian để thay đổi phong tục cho thiên hạ, chứ có thể nào nhân lúc trong nước không có việc gì đáng lo ngại mà nhãng quên việc răn sợ được hay sao?".

Giáp Thân, năm thứ 5 (1464). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 8). Tháng giêng, mùa xuân. Định lễ phẩm tế thần cô hồn.

Phàm quỷ thần nào không có chủ cúng tế, đều được tế cả, chia ra ba bậc là thượng, trung, hạ, lễ phẩm đều dựa theo lễ phẩm tế bách thần. Hàng năm, nhà vua sai quan phủ đến kính tế. Lễ này ghi làm điều lệ nhất định.

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du đến Tây Kinh.

Tháng 7, mùa thu. Truy tặng Lê Trãi tước Tán trù bá và bổ dụng người con của Nguyễn Trãi.

Trước kia, Nguyễn Trãi bị tru di cả họ, lúc ấy người vợ thiếp của ông là Phạm Thị đương có mang, trốn đi Bồn Man, sinh con là Anh Vũ. Lớn lên, Anh Vũ thi đỗ hương cống. Đến nay, nhà vua thương Nguyễn Trãi phải tội oan, truy tặng tước Tán trù bá, cấp trả lại một trăm mẫu tự điền, hạ chiếu lục dụng người con, bổ Anh Vũ chức Đồng tri châu.

Lời chua - Bồn Man: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chính biên XVIII, 8).

---

[1] Xem thêm Chính biên XIX, 20 ở trên.

[2] Tượng truyền thần, để di truyền lại cho con cháu.

Nguyễn Đình Mỹ, Thượng thư bộ Binh[1], vì phạm tội, biếm chức làm Tả thị lang bộ Binh[2].

Lúc bấy giờ Đình Mỹ làm Thượng thư bộ Binh, Thiêm đô ngự sử Nguyễn Thiện hặc tâu: "Đình Mỹ là người siểm nịnh không thể giao phó cho giữ công việc xu mật được". Nhà vua dụ bảo Đình Mỹ rằng: "Dùng đồ thì cần đồ mới, dùng người thì nên tìm người cũ. Nho thần kỳ cựu như bọn nhà ngươi bây giờ không có mấy người. Nay nhà ngươi phạm tội đáng phải bãi chức, nhưng trẫm yêu tài nhà người nên chỉ biếm chức thôi. Này, pháp lệnh là của chung của nhà nước, trẫm cùng các khanh đều phải theo cả. Nhà người phải nghĩ cho kỹ mới được!

Nhà vua lại dụ bảo Nguyễn Thiện rằng: "Khoảng năm Thái Hòa (1443-1453) và Diên Ninh (1454-1459)[3] trên từ tể tướng, dưới thì trăm quan, thi nhau tranh giành tư lợi, ăn của đút và đưa đón một cách công khai. Nhà ngươi thấy thế, bảo Nguyễn Đình Mỹ là tiểu nhân không thể tin dùng được, nhưng từ khi trẫm lên ngôi báu đến nay đã 5 năm, Đình Mỹ đem hết tâm lực lui tới nhanh nhẹn, phục dịch siêng năng, xét ra Đình Mỹ trước thì siểm nịnh, sau thì tốt lành, như thế thì có hại gì đâu? Trước kia Lệ Đức hầu[4] yêu chuộng những thứ kỳ dị, lúc ấy Nguyễn Như Đổ và Trần Phong nhân có việc sang Trung Quốc, mua chuộc ngàn kế, khép mở trăm chiều, thì có ai tin được không?".

Lời chua - Nguyễn Thiện: Người Hương Quất, huyện Tứ Kỳ[5], đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) niên hiệu Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Trước đây, nhà Minh sai Thượng bảo tự khanh là Tô Lăng Tín sung chức chánh sứ và viên hành nhân trong Hành nhân ti là Thiệu Chấn sang nước ta báo cáo việc Hiến Tông (nhà Minh) lên ngôi vua và ban cho sắc dụ cùng mũ, áo, lụa hoa. Đến nay nhà vua sai sứ thần sang nhà Minh:

- Phạm Bá Khuê giữ việc dâng hương;
- Lê Hữu Trực, Dương Hải và Phạm Khánh Dung giữ việc mừng Hiến Tông lên ngôi vua;
- Lê Vinh, Phạm Cư và Trần Văn Chân giữ việc tạ ơn vua Minh ban cho lụa hoa.

Lời chua - Phạm Bá Khuê: Người làng Nhân Lý, huyện Thanh Lâm[6].

Dương Hải: Người làng My Sơn, huyện Thủy Đường[7]. Phạm Bá Khuê và Dương Hải đều đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) niên hiệu Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Phạm Cư: Người làng La Phù, huyện Thượng Phúc[8] đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Tháng 12. Hạ chiếu cho các quan giữ việc hình ngục: phàm người nào phạm tội mà tình lý còn đáng ngờ, thì xét tội giảm xuống một bậc.

Hạ chiếu: Những người công thần nào đã được ban cho quốc tính, đến đời con cháu lại giữ nguyên họ cũ của mình.

---

[1] Tương đượng với Bộ trưởng Bộ quốc phòng bây giờ, hàm nhị phẩm.

[2] Tương đương Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, hàm tam phẩm.

[3] Đều là niên hiệu Lê Nhân Tông.

[4] Một tước mà Nghi Dân bị phế truất.

[5] Nay là thôn Phương Quất, xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ, Hải Dương.

[6] Nay là thôn Nhân Lý, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Thanh, Hải Dương.

[7] Nay là thôn My Sơn, xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

[8] Nay thuộc xã La Phù, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

Nhà vua hạ dụ bảo bầy tôi rằng: "Đức Thái Tổ ta, gội gió tắm mưa để bình định thiên hạ, lúc ấy bầy tôi có công giúp việc sáng nghiệp, cùng chịu sự khó nhọc khổ sở, nghĩa là vua tôi, ân như cha con, hai bề đều đủ; vì cớ ấy nên đặc ân ban cho quốc tính để tỏ lòng quyến ái khác thường. Nhưng nếu con cháu các người, đời nọ truyền đời kia cứ theo quốc tính, e rằng sẽ bỏ mất dòng họ của tổ tiên gốc rễ nhà mình, thì có phần trái với đạo dùng chữ hiếu để dạy thiên hạ. Vậy từ nay người công thần nào đã được ban cho quốc tính, chỉ dùng cho bản thân mình, đến đời con cháu lại đều theo về họ cũ".

Lời phê - Phải lắm[1].

Ất Dậu, năm thứ sáu (1465). (Minh, Hiếu Tông, năm Thành Hóa thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Định thể lệ thăng giáng các viên quan xét hỏi việc hình ngục.

Nhà vua hạ lệnh cho các quan giữ việc kiện tụng bàn định liệt kê các viên đạiphu trong năm viện hình: người nào xét xử kiện tụng, không oan uổng, không quá đáng, thì liệt vào một hạng; người nào bình thường, liệt vào một hạng; người kém cỏi, liệt vào một hạng. Người xét kiện không oan uổng, không quá đáng, sẽ được khen thưởng; người bình thường, được giữ chức như cũ; người kém cỏi, sẽ bổ đi giữ chức Chuyển vận.

Lời chua - Ngũ hình viện: Theo mục "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Thẩm hình, Tường hình, Tả hình, Hữu hình và Tư hình gồm 5 viện, đều đặt chức đại phu.

Định ngày tế Văn miếu ở các lộ.

Văn miếu ở các lộ tế vào hai ngày đinh[2] về mùa xuân, mùa thu chỉ được tế Thập triết[3]. Việc này là theo lời tâu của Nguyễn Đình Mỹ.

Tháng 2. Hạ lệnh cho Tả đô đốc Lê Thọ Vực tuyển duyệt dân đinh.

Nhà vua dụ bảo Thọ Vực rằng: "Nhà ngươi là người bầy tôi hiền có công dẹp loạn, nay trẫm đặc mệnh giữ việc tuyển duyệt dân đinh, nhà ngươi nên hết lòng thành, nén lòng tham, để không phụ lòng trẫm ký thác, đây là trẫm rất trông mong ở nhà ngươi đấy".

Lời cẩn án - Theo mục "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì phép tuyển duyệt dân đinh, cứ ba năm làm sổ hộ một lần, gọi là tiêu điển; 6 năm một lần, gọi là đại điển. Nơi sở tại đều đặt trường tuyển duyệt, nhà vua hạ lệnh cho các quan văn võ đại thần mỗi ban một người chịu trách nhiệm đôn đốc về việc này; các viên quan ấy sức bắt các tổng xã chia loại để kê khai chính hộ, khách hộ4. Khi tuyển duyệt, trước hết tra xét hạng chức sắc, bỏ bớt những người mạo nhận cầu may; sau duyệt đến nhân đinh, chia ra 6 hạng là: hạng tráng, hạng quân, hạng dân, hạng lão, hạng cố và hạng cùng.

Nhà nào có 3 suất đinh: 1 người sung vào hạng tráng, 1 người sung vào hạng quân và 1 người sung vào hạng dân; nhà có 4 suất đinh: 1 người sung vào hạng tráng, 1 người sung vào hạng quân và 2 người sung vào hạng dân; nhà có 5 suất trở lên: 2 người sung vào hạng tráng, 1 người sung vào hạng quân, còn thì sung vào hạng dân. Lão

---

[1] Chỉ việc Lê Thánh Tông không để cho con cháu quần thần bị mất gốc rễ của tổ tông.

[2] Chữ "đinh" thuộc về một hàng trong mười hàng can, can chi phối hợp với nhau, thành những ngày đinh sửu, đinh mão, đinh tỵ, đinh mùi, đinh dậu và đinh hợi. Mỗi mùa 90 ngày thì 9 ngày có chữ "đinh", vì thế nên mỗi năm cứ đến mùa xuân và mùa thu, thì mỗi mùa chọn lấy một ngày có chữ "đinh" để làm lễ tế Văn miếu. Sở dĩ dùng ngày "đinh" là lấy ý rằng "đinh" thuộc hàng hỏa, hỏa là tượng trưng cho văn chương.

[3] Mười người lỗi lạc trong môn đồ Khổng Tử, tức là Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung, Tể Ngã, Tử Cống, Nhiễm Hữu, Quý Lộ, Tử Du, Tử Hạ và Tử Trương.

Theo lễ giáo thời phong kiến, ở kinh sư và các lộ đều có Văn miếu thờ Khổng Tử, Tứ phối và Thập triết, nhưng có lẽ về thời Lê sơ, các lộ chỉ được thờ Thập triết, còn Khổng Tử là bậc thánh sư, Tứ phối là bậc đại hiền, thì do kinh sư thờ tế.

[4] Những hộ khẩu nào bỏ quê quán cũ của mình, mà đến trú ngụ ở một xã khác gọi là khách hộ.

nhiêu, đốc tật[1], phế tật[2] và hạng cố, hạng cùng thì kê thành một loại riêng. Người phiêu lưu và người bỏ làng trốn tránh không rõ tông tích thì để ngoài không kê vào sổ. Dân đinh trưởng thành đến 18 tuổi, kê tên vào sổ, trong số người này trước hết chọn lấy người mạnh khoẻ làm lính, còn thì loại ra làm hạng dân. Người nào lậu tên trong sổ sẽ phải tội sung quân[3].

Lời chua - Tráng hạng: Người sung vào quân ngũ để làm việc gọi là tráng hạng.

Quân hạng: Người ở nhà làm ruộng, khi nào khuyết ngạch lính, thì theo thứ tự để bổ sung, gọi là quân hạng.

Cố hạng: Người nghèo đói túng thiếu, phải đi làm thuê cho người khác, gọi là cố hạng.

Tháng 3. Bắt đầu đặt sáu viện, sắp xếp lại tên quan.

Hồi đầu triều Lê, sắp xếp quan chức, phần nhiều theo như triều Trần khi trước, trên có Tả Hữu tướng quốc Bình chương quân quốc trọng sự, thứ đến bộ Lễ, bộ Lại, viện Nội mật và ba sảnh là Trung thư, Hoàng môn và Môn hạ. Viên chức trong bộ, viện, sảnh chia nhau nắm chính quyền trong nước. Lại đặt chức Hành khiển ở năm đạo, kiêm giữ sổ sách quân và dân ở các đạo ngoài kinh sư. Còn tên quan ở sáu bộ và sáu khoa vẫn chưa đặt đủ. Đến lúc Nghi Dân cướp ngôi vua, mới sắp xếp riêng sáu bộ là: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Công, Hình; lại đặt thêm sáu khoa là: Trung thư khoa, Hải khoa, Đông khoa, Tây khoa, Nam khoa và Bắc khoa. Đến nay, đổi sáu bộ làm sáu viện, mỗi viện đều đặt chức Thượng thư và Tả Hữu thị lang, đổi Trung thư khoa làm Lại khoa, Hải khoa là Hộ khoa, Đông khoa làm Lễ khoa, Nam khoa làm Binh khoa, Tây khoa làm Hình khoa, Bắc khoa làm Công khoa, đặt chức Đô cấp sự trung; bãi bỏ chước Hành khiển ở các đạo, đặt ty Tuyên chính sứ, mỗi ty đều đặt chức Tuyên chính sứ.

Lời chua - Sáu viện: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, năm Quang Thuận mới đặt sáu viện. Sách ấy lại chua rằng: Như viện Nghi lễ, viện Ty bình và viện Khâm hình, còn ba viện nữa đều chưa khảo cứu được".

Quan chế hồi đầu triều Lê, đại lược lấy chức Tả Hữu tướng quốc Điểm kiểm Bình chương quân quốc trọng sự làm chức trọng yếu của văn vũ đại thần, thứ nhì đến chức Thượng thư hai bộ Lại và Lễ, liêu thuộc trong hai bộ có chức Lang trung, Viên ngoại lang và Chủ sự.

Viện Nội mật: Đứng đầu là viên Tri viện sự, thứ nhì đến viên Thiêm tri viện sự, Đồng tri viện sự.

Trung thư sảnh: Đứng đầu là viên Trung thư lệnh, thứ nhì đến Thị lang.

Hoàng môn sảnh: Đứng đầu là chức Thị lang.

Liêu thuộc ở Trung thư sảnh và Hoàng môn sảnh đều có các chức Trước tác và Xá nhân.

Môn hạ sảnh: Chia ra tả ty và hữu ty. Đứng đầu là chức Tri ty sự, thứ nhì đến Thị lang, dưới nữa có chức Lang trung và Khởi cư xá nhân.

Hành khiển ở năm đạo: Đều dùng chức quan trong kinh kiêm giữ.

Lê Thánh Tông mới đặt sáu viện: đứng đầu trong một viện là chức Thượng thư, thứ nhì đến Tả Hữu thị lang, dưới nữa có các chức lang trung, viên ngoại lang và tư vụ.

Sáu khoa: Đứng đầu trong một khoa là chức Đô cấp sự trung, thứ nhì đến Cấp sự trung.

---

[1] Hai mắt bị mù, hai chi thể bị hỏng.

[2] Một mắt bị mù, một chi thể bị hỏng.

[3] Một tội đày đi nơi cực xa hoặc chung thân hoặc một kỳ hạn lâu dài.

Ty Tuyên chính sứ ở năm đạo: Đứng đầu là chức Tuyên chính sứ, thứ nhì đến Tham chính và Tham nghị, dưới nữa có viên Chủ sự. Sở xét hỏi ngục tụng thì viên suy quan là chức thủ lĩnh.

Năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5).

Sửa điện Kính Thiên.

Lời chua - Điện Kính Thiên: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 13).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua đi tuần du đến Xương Giang, khi trở về cung, ban thưởng cho người theo hầu xa giá mỗi người một tư.

Lời chua - Xương Giang: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 12).

Hạ sắc lệnh: phàm quan chức ở ngoài các đạo, nếu viên quan nào can tội cần cứu xét, thì quan trên không được phép thiện tiện bắt hỏi.

Lê Cảnh Huy, Thượng thư viện Ty Binh, tâu: "Phàm các kiện về quan chức ở ngoài các đạo can phạm mà cần phải cứu xét: nếu là việc thường thì quan trên làm giấy tư đi cho viên quan can phạm biết, để viên quan ấy cung khai rõ ràng, rồi xét nghĩ; nếu là việc trọng đại, thì tâu bày lên cho vua biết, rồi mới được đòi hỏi cứu xét". Lời tâu của Cảnh Huy được nhà vua chuẩn y.

Hạ lệnh cho quan chức bộ Lễ đôn đốc sửa đổi phong tục ở dân gian.

Lúc ấy phong tục ở dân gian khinh bạc: nhà có việc tang, mê hoặc về đạo Phật, thường nhân đến tiết trung nguyên[1], đặt đàn làm chay, phần nhiều đủ cả rượu nhắm để mời tân khách, thêm vào đấy bày ra hát xướng, chơi đùa và các trò tạp kỹ khác; mượn tiếng là báo hiếu, mà thực ra là một chỗ để mua vui. Vậy hạ lệnh từ nay ở dân gian, những nhà có tang đều phải tuân theo lễ phép, không được theo lệ tục cũ, để phong hóa được thuần hậu; nếu ai trái lệnh sẽ bị tội nặng.

Hoàng thái tử bắt đầu đi học.

Lúc ấy thái tử mới lên 5 tuổi.

Dựng điện Cẩn Đức.

Lời chua - Điện Cẩn Đức: Nay không rõ ở đâu.

Tháng 9, mùa thu. Trần Phong, Thượng thư viện Khâm hình, có tội, phải giáng chức làm Tuyên chính sứ Tây Đạo[2].

Lúc ấy, Phong làm Thượng thư viện Khâm hình. Nhà vua dụ bảo bầy tôi trong triều rằng: "Trần Cẩn là em của Phong, Cẩn phạm tội, trẫm thường đem việc ấy hỏi Phong, thì Phong nhân tiện đấy mà thêu dệt thêm cái sở đoản của Cẩn, không có gì là tình nghĩa anh em cả. Nay hãy giáng chức, nếu Phong biết nghĩ mà gột rửa được lỗi trước, một niềm giữ được điều trung điều hiếu, thì trẫm cũng mong đợi hiệu quả của Phong sau này".

Lời chua - Việc Trần Cẩn can tội, nay không khảo cứu được.

Tháng 10, mùa đông. Hữu tướng quốc Quỳ quận công Lê Xí mất.

Xí là bậc công thần khai quốc, trải thờ bốn triều vua, công nghiệp đức vọng làm chỗ dựa chắc chắn của triều đình. Sau khi nhà vua đã lên ngôi, Xí là người có công, được phong lên chức Thái phó, tước Á quận hầu, giúp vua giữ việc chính trị trong nước, rồi lại được gia phong lên tước Quỳ quận công, càng ngày càng được nhà vua tin dùng.

---

[1] Ngày rằm tháng 7 âm lịch. Theo truyền thuyết hôm ấy là ngày "vong nhân xá tội".

[2] Các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Gia Hưng thuộc về Tây đạo. Nay gồm các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hà Tây, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La.

Xí thường tâu cất nhắc người làm Trấn phủ sứ, nhà vua không chuẩn y và dụ bảo rằng: "Nhà ngươi muốn đem người vũ bền làm trấn phủ, nghĩa chữ "trấn phủ", người vũ biền có thể hiểu được à? Này, Tang Văn Trọng còn mang tiếng chê là người thiết vị[1] đấy, huống hồ bây giờ lại lấp mất đường tiến thân của người hiền tài, mà khơi cái nguồn cho những kẻ kiêu hãnh cầu may hay sao?".

Lê Xí sau lại được gia chức Nhập nội Hữu tướng quốc, nhà vua dụ bảo rằng: "Xã tắc[2] an hay nguy là ở mấy người các ngươi. Vậy phàm các ngươi có tâu bày chính sự, thì trẫm ở trong triều quyết đoán, bọn các ngươi ở ngoài thừa hành, phải hết lòng hết sức, mong cho ta tiến đến đời thịnh trị". Sau đó, Xí được tiến đến chức Thái uý.

Đến nay Xí bị bệnh, nhà vua ban cho sắc dụ nói: "Trước kia, trẫm ở nơi phiên để[3], không có bụng gì đi xe hoàng ốc[4], các ngươi trừ diệt được đồ đảng nghịch tặc, cùng lòng suy tôn ủng hộ trẫm lên ngôi vua[5]. Trẫm ngự ngôi vua đến nay đã 5 năm, chưa kịp báo đền công giúp rập của nhà ngươi, vậy nhà ngươi nên nghĩ đến việc nước mà cố gắng ăn cơm cháo, uống thuốc thang, để bảo dưỡng lấy tính mệnh trọng đại của mình, đấy là điều mà trẫm mong muốn". Nhà vua lại bảo Sư Hồi rằng: "Người ngày trước cầu trời đất, tế quỷ thần, cũng có thể trừ được đại họa. Vậy ngươi phải hết lòng thành vì cha cầu phúc". Ấy Lê Xí được vua tin yêu quyến luyến đến như thế. Khi mất, hưởng thọ 69 tuổi, nhà vua thương xót mãi, truy tặng chức Thái sư, đặt tên thụy là Nghĩa Võ, sau được gia phong tước Cương quốc công.

Tháng 11. Hạ chiếu đại xá.

Lấy cớ là khánh thành hai điện Kính Thiên và Cẩn Đức.

Lời phê - Phiếm lạm, không thiết thực.

Quốc tử giám tế tửu kiêm Văn minh điện đại học sĩ[6] Nguyễn Bá Ký mất.

Bá Ký đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) đời Lê Nhân Tông, ban đầu được bổ chức Hàn lâm tri chế cáo, sau thăng lên Trực học sĩ, vâng mạng triều đình sang sứ bên nhà Minh, khi trở về nước, được gia chức Tả ty lang trung ở Trung thư sảnh, vào chầu Kinh diên[7]. Lúc nhà vua đã lên ngôi, càng ngày Bá Ký càng được vua thân yêu tin dùng, sau được gia phong chức Quốc tử giám tế tửu kiêm Văn minh điện đại học sĩ.

Nhà vua làm văn, có phần sơ lược bỏ mất nghĩa trong kinh, sử, Bá Ký ngỏ lời can, nhà vua khen là người trung. Đến nay Bá Ký mất, nhà vua sai Phạm Hổ, Ty lễ giám, đem sắc văn đến dụ cáo rằng: "Nhà ngươi thờ vua thì trung thành, giữ mình thì chính trực, sớm hôm giúp rập đã sáu năm nay, lòng trung thành yêu nước của nhà ngươi giữ mãi được đến lúc chết". Ấy Bá Ký được vua quyến luyến thương nhớ như thế đấy.

Ban bố phép tập trận đồ của quân thủy, quân bộ đã được nhà vua xét duyệt[8].

---

[1] Tang Văn Trọng: Một viên đại phu giỏi giang ở nước Lỗ về thời Xuân Thu, Tang Văn Trọng biết Liễu Hạ Huê là người hiền, mà không cất nhắc để dùng, nên Khổng Tử chê là "thiết vị". Ý nói không xứng đáng với ngôi mình hiện giữ, không khác gì người đi ăn trộm được của mà giữ một cách thầm vụng.

[2] Tượng trưng cho quốc gia.

[3] Chế độ đời phong kiến, phủ đệ của các tước vương tước hầu ở bên ngoài kinh thành gọi chung là "phiên để". Chữ "phiên" nghĩa đen là cái phên, cái giậu, ý nói nhà của vương hầu như cái phên, cái giậu ở ngoài để bảo vệ kinh thành của vua ở trong. Lê Thánh Tông lúc chưa lên ngôi vua, được phong làm Bình Nguyên vương, rồi lại đổi phong là Gia vương. Chỗ ở của Gia vương lúc ấy gọi là Tây để.

[4] Xe của thiên tử đi, ngoài bọc lục màu vàng, nên sau dùng chữ "hoàng ốc" để tượng trưng xe của thiên tử.

[5] Xem thêm Chính biên quyển XIX tờ 2-6, việc Lê Xí giết Nghi Dân, phò lập Thánh Tông.

[6] Một chức quan có nhiệm vụ và chức năng gần giống như Hàn lâm viện và Đông các học sĩ.

[7] Nơi vua chúa đọc sách, ở đây ý nói Bá Ký được vào Kinh Diên cùng vua giảng bàn nghĩa sách.

[8] Câu này, nguyên văn trong Cương mục chép không rõ nghĩa. Ở đây chúng tôi dịch theo Toàn thư cho dễ hiểu hơn.

Thủy trận có các phép: trung hư, thường sơn, xà mãn, thiên tinh, nhạn hàng, liên châu, ngư đội, tam tài, thất môn, và yển nguyệt; bộ trận có các phép: trương cơ, tương kích và kỳ binh... Nhà vua lại ban bố 31 điều quân lệnh về thủy trận[1], 32 điều quân lệnh về tượng trận[2], 27 điều quân lệnh về mã trận[3], 42 điều về bộ trận của quân túc vệ kinh sư[4].

Nhà vua lại dụ bảo các vệ quân ở năm đạo và bọn Tổng quản, Tổng tri rằng: "Phàm đã có quốc gia, tất phải có vũ bị, vậy thì nên nhân lúc nhà nông nhàn rỗi, tạm hoãn những việc không cần, mỗi tháng cứ đến ngày rằm là ngày binh lính đến phiên thay đổi, thì lượng lưu lại một số để canh giữ, còn bao nhiêu người thì một hai ngày đầu, Tổng quản, Tổng tri được phép dựa vào trận đồ, điều chỉnh dốc sức chia thành từng đội, từng ngũ, dạy chúng biết phép ngồi đứng tiến lui, nghe rõ tiếng hiệu lệnh về chiêng trống, làm cho quân sĩ tập quen việc bắn cung tên, không quên việc vũ bị, đến ngày thứ tư trở đi mới được sai phái. Nếu người nào không biết dụng tâm dạy bảo luyện tập, dám làm điều phiền tạp những nhiễu, sẽ luận vào tội giáng chức hoặc bãi chức".

Lời chua - Vệ quân năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5-6).

[1] Quân chiến đấu ở dưới nước.

[2] Quân chiến đấu bằng voi. Lê Thánh Tông có đặt 4 vệ Tuần tượng.

[3] Quân chiến đấu bằng ngựa. Lê Thánh Tông có đặt 4 vệ Mã nhân.

[4] Lê Thánh Tông có đặt 2 vệ Kim Ngô và Cẩm Y, 4 vệ Hiệu lực, 4 vệ Thần võ, là quân túc vệ trong kinh thành.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XX

Từ Bính Tuất, Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đến tháng 9 mùa thu, năm Đinh Hợi, Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (1467), gồm một năm lẻ.

⎈

Bính Tuất, năm [Quang Thuận] thứ 7 (1466). (Minh, năm Thành Hòa thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy thu tô thuế.

Trước đây nhà vua hạ chiếu ân xá: Phàm tô thuế về đinh và điền đều được miễn cả. Đến nay vì có việc tiêu dùng cần kíp, nên lại truy thu.

Lời phê - Chính lệ đổ nát, mất tín nhiệm với dân.

Lời chua - Tô thuế đinh điền: Theo mục "Quốc Dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Lê Thánh Tông định thuế lệ nhân đinh, đồng niên mỗi người nộp 8 tiền; thuế lệ ruộng đất và bãi trồng dâu thì liệu lượng số mẫu chia làm ba hạng: hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, mỗi hạng nộp tiền nhiều ít khác nhau.

Tháng 3. Nhà vua thân hành thi cống sĩ, cho bọn Dương Như Châu được xuất thân cao thấp khác nhau.

Trước đây nghị định về việc thi tiến sĩ, định kỳ hạn vào những năm Sửu, Thìn, Mùi và Tuất. Đến nay thi hội, lấy 27 người trúng cách. Nhà vua ra ngự ở cửa Kính Thiên, thân hành ra bài sách, cho bọn Dương Như Châu 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Nhân Thiếp 19 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Họ tên và thứ tự những người mới đỗ được đem truyền lộ và yết bảng ở ngoài cửa Đông Hoa. Nhà vua ban cho những người ấy được ân mạng và được vinh quy. Lệ định 3 năm một lần thi bắt đầu từ đây.

Lời chua - Dương Như Châu: Người làng lạc thổ, huyện Siêu Loại[1].

Nguyễn Nhân Thiếp: Người làng Kim Đô, huyện Vũ Ninh[2].

Tháng 4, mùa hạ. Thay đổi xếp đặt lại quân ở 5 phủ và định quân hiệu.

Hồi đầu triều Lê, đặt vệ quân năm đạo, ở vệ đặt các chức Tổng quản, Đô tổng quản và Chánh phó đội trưởng, Chánh phó ngũ trưởng. Đến nay thay đổi xếp đặt lại quân năm phủ.

- Thanh Hóa và Nghệ An thuộc phủ Trung quân;
- Nam Sách và An Bang thuộc phủ Đông quân;
- Thiên Tường và Thuận Hóa thuộc phủ Nam quân;
- Quốc Oai và Hưng Hóa thuộc phủ Tây quân;
- Bắc Giang và Lạng Sơn thuộc phủ Bắc quân.

Còn hai đạo Thái Nguyên và Tuyên Quang thuộc quân Phụng Trực.

Mỗi phủ sáu vệ, mỗi vệ năm sở hoặc sáu sở, định lệ quân mỗi sở đều 400 người.

---

[1] Nay thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

[2] Nay thuộc xã Kim Chân, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

Phủ đặt các chức Tả Hữu đô đốc, Đô đốc đồng tri và Đô đốc thiêm sự; ở vệ đặt các chức Tổng tri, Đồng tổng tri và Thiêm tổng tri; ở sở đặt các chức Quản lãnh, Phó quản lãnh, Chánh võ úy và Phó võ úy, mỗi ngũ đặt một chức Tổng kỳ.

Đem cục Thân Tùy thăng làm tả hữu Vũ Lâm quân. Theo chế độ cũ, Nội thị sảnh có cục Thân Tùy, bổ dụng con quan viên từ lục phẩm trở lên đến tam phẩm; đến nay thăng cục ấy làm Điện Tiền tả hữu Vũ Lâm quân.

Lời chua - Vệ quân năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5-6).

Thanh Hóa, Nghệ An, An Bang, Thuận Hóa, Hưng Hóa, Bắc Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang: Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16-35).

Nam Sách[1]: Tức Nam Sách[2]. Xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tiền biên V, 22).

Thiên Trường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 15 (Chính biên VI, 28).

Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Theo Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập, thì quân 5 phủ như sau:

Phủ Trung quân 6 vệ:

- Vệ Phủng Thánh có 5 sở là: Thiên Định, Thiên Oai, Thiên Hùng, Thiên Khôi và Thiên Tiết.
- Vệ Phụng Thần có 5 sở là: Hám Hổ, Oai Hổ, Thần Hổ, Mãnh Hổ và Hùng Hổ.
- Vệ Can Ngưu có 5 sở là: Minh Nghĩa, Hiệu Nghĩa, Oai Nghĩa, Tín Nghĩa và Kính Nghĩa.
- Vệ Hổ Bôn có 5 sở là: Lục Đinh, Thần Đinh, Tráng Đinh, Nghĩa Đinh và Hỏa Đinh.
- Vệ Xạ Ky có 5 sở là: Cường Vũ, Thần Vũ, Hưng Vũ, Kiêu Vũ và Tín Vũ.
- Vệ Chấn Oai có 6 sở là: Lôi Hỏa, Điện Hỏa, Oai Hỏa, Tiệp Hỏa, Nhuệ Hỏa và Xuyên Vân.

Phủ Đông quân 6 vệ:

- Vệ Minh Nghị có 5 sở là: Kiêu Ky, Huyền Ngạch, Khai Sơn, Trung Oai và Định Oai.
- Vệ Quảng Vũ có 5 sở là: Tam Phụ, Giải Phân, Oai Dũng, Vân Ky và Hiệu Thắng.
- Vệ Ngọc Kiềm có 5 sở là: Chương Vũ, Khống Quyền, Tráng Dũng, Kiện Vũ và Phê Cang.
- Vệ Anh Đức có 5 sở là: Vũ Oai, Thiết Hổ, Đầu Đổng, Huyền Quan và Chấn Viễn.
- Vệ Lâm Khang có 5 sở là: Trực Đãng, Ứng Bình, Loan Hồ, Bác Trạo và Kiểu Hùng.
- Vệ Phấn Oai có 6 sở là: Chu Điện, Oai Điện, Mãnh Điện, Liệt Điện, Phấn Điện và Lăng Tiêu.

[1] Nam Sách theo âm Việt thì một âm, nhưng theo tự dạng trong Hán văn thì hai chữ sách khác nhau.

[2] Nam Sách theo âm Việt thì một âm, nhưng theo tự dạng trong Hán văn thì hai chữ sách khác nhau.

Phủ Nam quan 6 vệ:

- Vệ Bảo Trung có 5 sở là: Thần Loan, Vân Đề, Thần Dực, Dũng Tiệp và Định Vũ.

- Vệ Kiến Huân có 5 sở là: Tráng Phong, Vũ Kỵ, Thần Lực, Mao Đẩu và Loan Liễn.

- Vệ Chế Thắng có 5 sở là: Chiêu Vũ, Chế Kỳ, Thiên Trường, Tráng Tạo và Sâm Kỳ.

- Vệ Tráng Tiết có 5 sở là: Phi Ưng, Quả Cảm, Hoành Dã, Trần Lỗ và Khắc Địch.

- Vệ Lạc Xương có 5 sở là: Siêu Quan, Trinh Kiện, Hiệp Luân, Tì Túc và Đầu Tì.

- Vệ Hùng Oai có 6 sở là: Trấn Địch, Chế Địch, Hùng Lực, Trấn Biên, Tĩnh Tái và Ấm Vũ.

Phủ Tây quân 6 vệ:

- Vệ Kiêu Tiếp có 5 sở là: Oai Viễn, Nhân Oai, Tín Oai, Quy Nghĩa và Quyết Kỳ.

- Vệ Nghiêm Dũng có 5 sở là: Thuận Quốc, Bách Ngạch, Hùng Thắng, Chấp Kích và Hoành Hải.

- Vệ Ưng Dương có 5 sở là: Ninh Sóc, Lăng Vân, Đột Kỵ, Thiết Sơn và Vạn Tiệp.

- Vệ Báo Thao có 5 sở là: Chấn Vũ, Kiêu Thắng, Tinh Việt, Thiết Ngạch và Tồi Kiên.

- Vệ Chiêu Công có 5 sở là: Chấp Di, Phù Tấn, Kiển Kỳ, Át Khấu và Thích Xà.

- Vệ Lôi Oai có 5 sở là: Xiết Điện, Oanh Thiên, Lôi Oanh, Đình Khu và Xung Chấn.

Phủ Bắc quân 6 vệ:

- Vệ Ninh Quốc có 5 sở là: Đại Thắng, Tỉnh Kỵ, Ngữ Địch, Bình Khấu và Hùng Dũng.

- Vệ Dực Thuận có 5 sở là: Nghĩa Dũng, Lăng Giang, Bạt Sơn, Tồi Phong và Quyết Thắng.

- Vệ Khai Sơn có 5 sở là: Diệu Võ, Nghĩa Thắng, Trứ Dũng, Vạn Thắng và Tĩnh Biên.

- Vệ Thanh Sóc có 5 sở là: Quyết Bài trung sở, Chiêu Thắng tiền sở, Vạn Thắng hữu sở, Tĩnh Biên hậu sở, còn một sở nữa không rõ tên.

- Vệ Hoằng Tĩnh có 5 sở là: Lạc Hoan, Thước Kích, Tiễn Hùng, Đề Khu và Phục Hùng.

- Vệ Tuyên Oai có 6 sở là: Mãnh Đột, Khước Địch, Vô Địch, Quán Giáp, Chấn Hổ và Quán Cách.

Thân Tùy cục: Theo mục "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì quan thuộc trong cục Thân Tùy có các chức Đô tri, Chánh giám và Phó giám, còn số viên chức này không thể khảo cứu được.

Vũ Lâm quân: Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chính biên XX, 33).

Phụng Trực quân: Nay không khảo cứu được.

Bãi bỏ sáu viện, đặt sáu bộ và sáu tự.

Trước đây đặt sáu viện, quan chức trong sáu viện chia nhau giữ mọi việc chính trị trong nước, đến nay bãi bỏ đi, đổi đặt làm sáu bộ là bộ Lại, bộ Hộ, bộ Binh, bộ Hình và bộ Công mỗi bộ đặt chức

Thượng thư và Tả Hữu thị lang, quan thuộc có các chức Lang trung, Viên ngoại lang và Tư vụ. Lại đặt sáu tự là Đại lý tự, Thái thường tự, Quang lộc tự, Thái bộc tự, Hồng lô tự và Thượng bảo tự, mỗi tự đặt chức Tự khanh, Thiếu khanh và Tự thừa.

Lời phê - Do cái bệnh sính thay đổi.
Lời chua - Sáu viện: Xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chính biên XIX, 30-31).

Tháng 5. Phân phối cho các quân sĩ về nhà làm ruộng.

Thái bộc tự Thiếu khanh Lê Đình Tuấn tâu nói: Việc làm ruộng là gốc rễ trong nước, không nên để lỗi thời, xin để các quân sĩ một nửa ở lại làm việc, còn thì cho về làm ruộng. Nhà vua chuẩn theo lời tâu ấy.

Lời chua - Lê Đình Tuấn: Người làng Thanh Lãng, huyện Tế Giang[1], đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

Tháng 6. Định màu sắc áo mặc của các quan văn quan võ.

Các quan văn võ từ nhất phẩm đến tam phẩm khi vào chầu mặc màu hồng, tứ ngũ phẩm mặc màu lục, từ lục phẩm đến cửu phẩm mặc màu xanh.

Nhà vua ban bức vẽ về hình dáng cái bổ tử[2]. Phàm bổ tử được dùng hình dáng chim muông để làm tượng trưng: bổ tử của tước công, tước hầu, tước bá và phò mã[3] cùng quan văn võ về hàng chánh phẩm vẽ một con, hàng tùng phẩm vẽ hai con; về Phong Hiến đường thì[4] thượng ti vẽ một con, phân ti vẽ hai con. Còn hình dáng mây, sông, núi, nước, hoa, cây vẽ nhiều hay ít đều không câu nệ. Màu sắc cái bổ tử cần dùng năm vẻ để làm nổi bật năm sắc áo; sợi chỉ dùng để thêu hình dáng chim muông núi sông v.v... vào bổ tử thì dùng tơ màu hoặc kim tuyến đều được tùy ý.

Nhà vua hạ lệnh cho các quan văn võ trong kinh thành, ngoài các đạo mỗi khi thường tham[5] hoặc bệ từ[6] được mặc áo cổ tròn.

Định chế độ áo mặc khi tiến triều: mặc áo dài cách mặt đất hai tấc, tay áo rộng một thước ba tấc.

Chia trong nước làm 12 đạo.

Hồi đầu triều Lê chia trong nước làm năm đạo, đem phủ, lộ, trấn, châu, huyện và xã chia thành khu vực để lệ thuộc vào đạo. Ở các đạo, chia từng trách nhiệm mà đặt chức hành khiển cùng Chánh Tuyên phủ sứ; Phó tuyên phủ sứ; ở phủ đặt chức Tri phủ; ở lộ và trấn đặt các chứa An phủ sứ và Trấn phủ sứ. Đặt chức quan ở phủ, ở lộ, ở trấn như vậy là có ý để họ liên lạc với nhau mà thông hiểu tình hình trong từng khu vực. Ở châu đặt chức Phòng ngự sử; ở huyện đặt các chức Chuyển vận sứ và Tuần sát sứ; ở xã đặt chức Xã quan.

Khi nhà vua lên ngôi, đổi chức Hành khiển làm Tuyên chính sứ, liêu thuộc của Tuyên chính sứ có các chức Tham chính, Tham nghị, Chủ sự và Suy quan. Đến nay chia trong nước làm 12 đạo thừa tuyên là: 1) Thanh Hóa, 2) Nghệ An, 3) Thuận Hóa, 4) Thiên Trường, 5) Nam Sách, 6) Quốc Oai, 7) Bắc Giang,

---

[1] Nay là thôn Hương Lãng, xã Minh Hải, huyện Mỹ Văn, Hưng Yên.

[2] Theo Nghi lễ đời phong kiến, mỗi khi bầy tôi vào chầu vua thì mặc triều phục, triều phục có nhiều màu: như màu tía, màu hồng, màu lục, màu lam, màu xanh... tùy theo phẩm trật cao thấp. Triều phục nào ở đằng trước ngực và sau lưng cũng đều có một bức lụa hoặc dạ hoặc nỉ hình vuông đính thêm vào gọi là bổ tử. Trên bổ tử có thêu các hình chim muông để làm tượng trưng. Thí dụ về hàng quan văn thì bổ tử thêu chim công, chim hạc; về hàng quan võ thì bổ tử thêu con hổ, con sư tử...

[3] Một tên gọi để dành riêng cho những người lấy công chúa.

[4] Một danh từ riêng để chỉ Ngự sử đài, vì các quan trong Ngự sử đài có nhiệm vụ giữ về phong hóa hiến chương trong nước, nếu ai làm điều gì trái với phong hóa hiến chương thì ngự sử có quyền đàn hạch, nên gọi Ngự sử đài là Phong Hiến đường.

[5] Bầy tôi vào triều yết vua theo một thời kỳ nhất định để quy định từ trước, gọi là thường tham.

[6] Bầy tôi được phái đi sứ ở nước ngoài, hoặc được cử đi công cán đặc biệt, trước khi đi làm nhiệm vụ vào sân rồng bái mạng để ra đi, gọi là bệ từ.

8) An Bang, 9) Hưng Hóa, 10) Tuyên Quang, 11) Thái Nguyên, 12) Lạng Sơn. Mỗi đạo đều đặt hai ti: Đô ti và Thừa ti. Quan chức ở Đô ti đặt chức Tổng binh và phó Tổng binh. Đổi Tuyên chính sứ ti làm Thừa chính sứ ti. Đặt chức Thừa chính sứ và Thừa chính phó sứ. Bãi bỏ chức Tuyên phủ chánh sứ và Tuyên phủ phó sứ ở các đạo. Lại đem hai huyện ở kinh kỳ[1] đặt làm phủ Trung Đô, quan chức trong phủ này có các chức Phủ doãn, Thiếu doãn và Trị Trung. Bãi bỏ tên các lộ, các trấn, và đều đặt tên là phủ, đổi tên An phủ sứ làm Tri phủ; Trấn phủ sứ làm Đồng tri phủ; Phòng ngự sứ làm Tri châu; Chuyển vận sứ làm Tri huyện; Tuần sát sứ làm Huyện thừa; Xã quan làm Xã trưởng.

Lời chua - Năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chính biên XV, 5-6).

Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn và Trung đô phủ: Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16-35).

Thiên Trường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chính biên VI, 28).

Nam Sách: Tức Nam Sách[2]: Xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tiền biên V, 22).

Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Tháng 7, mùa thu. Bổ nhiệm Nguyễn Thiện làm Thừa chính phó sứ ở Thanh Hóa.

Nguyễn Thiện, trước đây, giữ chức Ngự sử, gặp việc trái phép thì nói một cách quả cảm, nhà vua hạ sắc lệnh dụ bảo rằng: "Nhà ngươi làm bầy tôi, hết lòng thành lo việc nước, thường dâng lời nói phải, có lúc trẫm dùng uy quyền để trấn áp cũng chưa thấy nhà ngươi nao núng. Thật là đáng khen. Vậy đặc cách sai viên Ti lễ giám đem sắc dụ đến ban khen và thưởng cho lạng bạc".

Đến nay Nguyễn Thiện được bổ ra giữ chức Thừa chính, nhà vua lại dụ bảo rằng: "Trước kia nhà ngươi giữ nhiệm vụ can ngăn, những lời nghị luận thiết thực thẳng thắn; nay bổ ra ngoài để vỗ về yên ủi trăm họ, bảo vệ che chở cho dân một phương, nhà ngươi nên giữ phép công, lo việc dân, răn chừa lòng tức giận, bỏ hết lòng tham muốn, để khỏi hổ thẹn với chức trách mà trẫm đã ủy thác cho".

Nhà vua dụ bảo Thiêm đô ngự sử Đào Tuyến rằng: "Khoảng niên hiệu Thái Hòa - Diên Ninh[3], chức Ngự sử không lọt vào tay bọn ngoại thích[4], thì lọt vào tay bọn quyền thần; vì thế mà làm rối loạn cả lời nghị luận công bằng, không phân biệt được con ngựa hay con hươu[5], chính trị trong nước không có lúc nào tệ hại quá như lúc ấy. Nay nhà ngươi giữ việc phong hiến, tự ý làm càn lại sơ suất cả về lời nói, thật là một người quan lại giảo hoạt".

Lời chua - Đào Tuyến: Người làng Sùng Sơn, huyện Chương Đức[6], đỗ đồng tiến sĩ Mậu Thìn (1448) niên hiệu Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Tháng 10, mùa đông. Thay đổi xếp đặt ti thuộc bộ Hình.

Theo chế độ cũ, viện Ngũ hình có: Tả hình, Hữu hình, Thẩm hình, Tường hình và Ti hình, mỗi viện đều đặt chức Đại phu. Đến nay sắp xếp lại bộ Hình, đổi viện Tả hình làm ti Thanh hình, viện Hữu

---

[1] Theo Phương đình địa chí loại của Nguyễn Văn Siêu thì triều Lê đặt hai huyện phụ thuộc vào kinh kỳ là Quảng Đức và Thọ Xương.

[2] Xem chú thích số 3, 4 Chính biên quyển XX tờ 3.

[3] Đầu niên hiệu Lê Nhân Tông (1443-1459).

[4] Anh em, con cháu về họ vợ của vua lúc đương thời.

[5] Ý nói không phân biệt được trái phải. Câu này dùng điển trong Sử ký đời Tần. Thừa tướng Triệu Cao dâng con hươu lên Tần Nhị Thế, lại nói đấy là con ngựa. Nhị Thế hỏi những người bên cạnh, thì người nói là hươu, người nói là ngựa, sau Triệu Cao dùng kế làm hại người nào đã nói là hươu.

[6] Nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

hình làm ti Thận hình, ba viện Thẩm hình, Tường hình và Ti hình chia làm hai ti Minh hình, Tường hình. Mỗi ti đều đặt chức Lang trung, còn chức Đại phu ở viện Ngũ hình đều bãi bỏ.

Nhà vua lấy cớ rằng khoảng niên hiệu Thái Hòa (1443-1453), ở Hình ti chỉ đặt hai viên Đại phu, xét đoán việc hình ngục phần nhiều chậm trễ; đến nay hạ sắc lệnh cho bộ Lại đặt thêm ở Hình ti 3 người giữ chức Viên ngoại lang. Chức này chọn các quan trong kinh sư và ngoài các đạo người nào có đức độ vừa cương vừa nhu dung hòa với nhau và có tài sở trường về việc hỏi kiện để sung bổ.

Không mưa.

Đinh Hợi, năm thứ 8 (1467). (Minh, năm Thành Hóa thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Ân xá.

Đại lược trong tờ dụ ân xá nói: "Năm ngoái từ mùa thu đến mùa đông, trời nắng mãi không mưa, nhân dân phải khổ sở về gạo ăn, trẫm là cha mẹ dân, trong bụng thực đau xót như dao cắt. Vậy gia ân khoan xá để tỏ chí ý thương yêu nhân dân của trẫm".

Lời phê - Thể lệ ân xá thế nào không rõ, lấy gì để chứng thực?

Bắt đầu cử hành lễ mừng thọ ở điện Cần Chính.

Trước đây, mỗi năm cứ đến đầu mùa xuân, xa giá nhà vua đến nhà thái miếu làm lễ bảo thần, người ấy cúng đọc chúc từ để cầu thần ban phúc lành. Khi lễ đã hoàn thành, nhà vua tạm nghỉ ở hành điện, trăm quan vào làm lễ mừng thọ. Đến nay nhà vua hạ nghị định cứ hàng năm, đầu mùa xuân, làm lễ bảo thần xong, nhà vua trở về cung, các quan mới vào làm lễ mừng thọ ở điện Cần Chính. Thể lệ này từ sau theo làm lệ thường.

Lời chua - Điện Cần Chính: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 13).

Lễ bảo thần: Theo mục "Lễ nghi chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, lễ bảo thần cử hành ở nhà tông miếu để cầu thần ban phước lành.

Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh.

Nhà vua hạ sắc lệnh từ nay phàm có đi tuần du, thì quan triều tham[1] đeo thẻ bài theo đi hộ giá, trên mặt thẻ bài chua rõ những chữ "hỗ tụng", để tiện nhận ghi dấu. Việc này làm theo lời tâu của Trần Phong.

Ngày mồng một tháng 2. Nhật thực.

Nhà vua đến Văn Miếu làm lễ tế Tiên Sư.

Không mưa.

Nhà vua thấy trời mãi không mưa, sai thái bảo Nguyễn Lỗi đến cầu đảo ở đền Chí Linh và Hoằng Hựu.

Lời chua - Đền Chí Linh: Ở châu Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa[2].

Đền Hoằng Hựu: Ở huyện Lương Giang[3].

Hạ lệnh khám xét đất công ở Lam Sơn, ban cấp cho bầy tôi có công, người được nhiều được ít khác nhau.

Lúc ấy đất công ở Lam Kinh phần nhiều bị nhà quyền thế chiếm làm của riêng. Nhà vua hạ lệnh cho Trần Phong, Thượng thư bộ Hộ, cùng với Phan Sư Tôn, Thừa chính sứ Thanh Hóa, khám xét đất

---

[1] Một danh từ để chỉ một viên quan vào chầu yết kiến vua, chứ không phải tên một chức quan.

[2] Nay là huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Huyện Lương Giang cũ, nay thuộc hai huyện Đông Sơn và Ngọc Lặc.

công ở làng Lam Sơn, ban cấp cho bầy tôi có công từ nhất phẩm đến thất phẩm mỗi người được số đất nhiều ít khác nhau. Nhân đấy, nhà vua dụ bảo trăm quan và kỳ lão rằng: "Lam Kinh là làng của vua, không thể ví như chỗ khác được; gần đây nhà quyền thế trái lễ giáo, khinh pháp độ, chiếm riêng đất công để làm sở hữu của mình, trẫm nghĩ nếu buộc ngay những người ấy vào pháp luật, không bằng trước dạy bảo họ biết lễ giáo. Vậy từ nay lập giới hạn nhất định, người nào còn dám trái lễ, phạm phép sẽ bị trị tội".

Lời chua - Lam Sơn: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chính biên XIII, 2).

Quốc Oai và Tam Đái phát sinh chứng dịch, nhà vua cấp thuốc để điều trị cho dân.

Lúc ấy nhân dân ở Quốc Oai và Tam Đái phần nhiều bị tật dịch, nhà vua hạ lệnh cho Lưu thủ Lê Niệm cấp phát tiền trong kho, sai Tế Sinh đường sứ mua thuốc để điều trị cho dân. Từ nay về sau, phàm dân ở phủ nào có phát sinh chứng ôn dịch đều sai quan đến điều trị.

Lời chua - Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5[1] (Chính biên X, 16).

Tam Đái: Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tiền biên V, 29).

Lưu thủ: Lúc ấy nhà vua đi tuần du ở Tây Kinh, sai Lê Niệm ở lại giữ Đông Kinh.

Tế Sinh đường sứ: Thuộc viện Thái y, xem năm Hồng Đức thứ 2 (Chính biên XXII, 18, 22).

Nhà vua về đến Thiên Trường, hạ lệnh cho các quân sĩ diễn tập phép đánh trận.

Nhà vua từ Lam Kinh về đến Thiên Trường, ban phép trận đồ, hạ lệnh cho quân sĩ tập trận trung hư ở Lỗ Giang, tập trận tam tài và thất môn ở Vi Giang. Lúc ấy bọn Lê Thiệt, Tây quân đô đốc, vì trái lệnh trong khi duyệt tập, phải trói chặt hai tay lại đằng sau, điệu đến cửa dinh chịu tội, sau lại được tha.

Trước đây, bọn Chuyển vận sứ Hán Đình và Thái chúc thừa Nguyễn Đức dâng trận đồ: một là trận trung hư, hai là trận mãn thiên tinh, ba là trận thường sơn xà, nhà vua ban khen và thu nạp, phong cho hai người này là Trấn điện phó tướng quân, rồi sai họ dạy quân năm phủ diễn tập, nhưng tập mãi không thành thuộc, nhà vua phạt tội trượng và bãi chức hai người này.

Lời phê - Xem thế[2] có thể biết được những việc tập trận đều là trang sức danh tiếng hão.

Lời chua - Lô Giang: Ở huyện Nam Xang, nay thuộc tỉnh Hà Nội[3].

Vi Giang: Tức sông Ông Vi, ở huyện Vũ Tiên (Chính biên XX, 14) nay thuộc tỉnh Nam Định[4].

Nhà vua trở về cung.

Tháng 3. Khảo hạch học sinh, giám sinh và nho lại, người nào trúng tuyển được trao quan chức.

Theo chế độ cũ, con cháu quan viên được lựa chọn để bổ sung vào làm học sinh ở Ngự Tiền cận thị cục; sinh đồ, tức là những người thi hương trúng được bốn kỳ, đều được sung bổ làm giám sinh ở Quốc Tử Giám; giám sinh, người nào có tài làm lại, được bổ sung làm lại điển ở các nha môn. Đến nay, nhà vua sai bộ Lại khảo xét kỹ lại. Những người trúng tuyển: nếu là Cận thị cục học sinh, sẽ được cất nhắc làm Huyện thừa ở các huyện; nếu làm giám sinh ở Quốc Tử Giám và là lại điển ở các nha môn, sẽ được bổ giữ giáo chức ở các phủ.

---

[1] Sử Cương mục chép lầm là năm thứ nhất.

[2] Chỉ việc hai viên tướng dạy quân sĩ diễn tập trận đồ mãi không thành thuộc.

[3] Nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

[4] Nay ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Nhà vua hạ lệnh tìm di tập thơ và văn của Lê Trãi[1].

Ông Trãi, giúp Lê Thái Tổ khai quốc, rồi lại giúp Lê Thái Tông, tài trí, phép tắc, mưu mô, đạo đức, đều vượt hơn hết mọi người lúc bấy giờ; ngoài ra, ông lại có những tác phẩm như Quân trung từ mệnh[2], Dư địa chí[3], Ngọc đường di tập, Giao tự đại lễ, Thạch bàn đồ[4] và văn thơ[5]. Đến khi bị giết, di thảo của ông phần nhiều bị mất mát, chỉ còn sót lại được chút ít, nhà vua xem đến, đặc biệt ngợi khen, cho nên hạ lệnh sưu tầm.

Chiêm Thành sai sứ sang cống.

Trước đây, nhà vua đi tuần Tây Kinh, xa giá đến hành điện[6], sứ thần Chiêm Thành là Trầm Phác Sa đến cống nạp, nhà vua cho phép sứ thần vào triều yết ở hành tại[7]. Đến nay sứ thần được ban yến ở Bắc Sứ quán, nhà vua lại sai viên nội quan hỏi sứ thần về lễ thờ nước lớn. Sứ thần thưa rằng: "Nước Chiêm Thành đối với thánh triều cũng như con thờ cha mẹ, một mực nghe theo mệnh lệnh; như mệnh lệnh thiên tử ban ra, ngoài lễ vật cống nạp thường hằng năm, lại trách đến khoản tích cống[8], đấy là thể lệ mới, tôi không dám thiện tiện ứng đối".

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

Bổ Trần Phong làm Thượng thư bộ Hình, Nguyễn Cư Đạo làm Đô ngự sử[9] trong Ngự sử đài, quyền Thượng thư bộ Hộ, giữ công việc ở Kinh Diên[10].

Nhà vua dụ bảo Trần Phong rằng: "Trẫm nghe cổ nhân nói: "Trị nước mà không dùng thưởng phạt, thì dầu đời Đường đời Ngu cũng không thể nào trị được thiên hạ"[11]. Nay trẫm trịnh trọng ký thác ở nhà ngươi, nhà ngươi chỉ làm thế nào giữ được 4 chữ "cần, thành, đôn, xác"[12] thôi. Như thế thì nhà ngươi có lẽ nào lại không cố gắng dùi mài đọc sách để hiểu rõ được đạo lý sáng khôn giữ mình hay sao?". Nhà vua dụ bảo Nguyễn Cư Đạo rằng: "Trẫm từ thuở bé cùng nhà ngươi giao du, kịp khi trẫm lên ngự ngôi báu, nhà ngươi chầu chực ở Kinh Diên, nói về nghĩa là vua với tôi, nói về tình như cá với nước, nhà ngươi phải hết lòng hết sức, cố mong báo đền ơn nước, chí công vô tư, ngăn ngừa hết sự đút lót; như thế trẫm sẽ là một ông vua biết người, mà nhà ngươi được là một bầy tôi tận trung với nước, bản thân được hiển vinh, danh tiếng được vang dội, sáng tỏ mãi trong sử sách, chẳng cũng tốt đẹp lắm sao? Nếu không thế, thì trẫm là một ông vua không biết người, mà nhà ngươi là một người bầy tôi chỉ có danh

---

[1] Ông Trãi chính là họ Nguyễn, vì có công giúp Lê Thái Tổ diệt quân Minh xâm lược khôi phục lại đất nước, nên được theo họ vua là họ Lê. Ở đây, Cương mục chép theo họ mà Lê Thái Tổ ban cho ông.

[2] Tham khảo Ức trai dị tập, Quân trung từ mệnh của Nguyễn Trãi có 42 bức thư, phần nhiều là thư từ trao đổi với nhà Minh và một số thư chiêu dụ các thành ra hàng.

[3] Cũng gọi là An Nam vũ cống, vì sách Dư địa chí này trình bày theo thể văn thiên Vũ Cống trong kinh Thượng thư.

[4] Ức trai dị tập chép là "Thạch khánh đồ", trong sách Cương mục này Chính biên quyển XVII tờ 2 cũng chép "Thạch khánh đồ". Xem thêm chú giải số 4 ở Chính biên quyển XVII tờ 3 (tập IX, trang 60).

[5] Theo Ức trai dị tập thì văn thơ của Nguyễn Trãi hiện nay còn sót lại một tập thơ, phú và ca bằng chữ Hán và một tập thơ bằng chữ Nôm.

[6] Vua chúa khi ra ngoài kinh thành đóng ở nơi nào, thì nơi ấy gọi là hành điện hoặc hành tại.

[7] Vua chúa khi ra ngoài kinh thành đóng ở nơi nào, thì nơi ấy gọi là hành điện hoặc hành tại.

[8] Phẩm vật gì không phải là thứ thường dùng, cho nên không liệt vào số cống phẩm hàng năm, chỉ khi nào vua cho lệnh đem cống mới được cống nạp, gọi là tích cống.

[9] Tức quan đứng đầu Ngự sử đài, hàm tam phẩm, giống như Thị ngự sử thời Trần.

[10] Xem chú thích số 4, Chính biên quyển XIX, tờ 36.

[11] Trích một câu trong tờ phong sự của Ngụy Nguyên Trung dâng lên Đường Cao Tông (Tư trị thông giám quyển 202, tờ 6387).

[12] Bốn chữ này nghĩa đen là: siêng năng, thành thật, đôn hậu, cẩn thận.

vị hão huyền mà không làm được việc gì cả. Ấy hai đường ấy, muốn theo đường nào cốt ở nhà ngươi lựa chọn".

Lời chua - Nguyễn Cư Đạo: Người làng Đông Khối, huyện Gia Định, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Cầm Đồng, thổ tù ở châu Thuận, đem người Ai Lao sang cướp Hưng Hóa; nhà vua hạ lệnh cho Tổng binh Khuất Đả đem quân đi đánh, dẹp yên được.

Người Ai Lao chiếm ở Lộng Động, viên phụ đạo châu Thuận là Cầm Đồng cùng họ giao thông viện trợ lẫn nhau, xâm chiếm cướp bóc dân biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho Tổng binh Khuất Đả làm Đốc tướng, Đồng tổng binh Nguyễn Động làm phó tướng, Khiên Nhân Thọ giữ chức Tán lý quân vụ, thống lãnh hơn năm ngàn quân, hội họp với quân trấn thủ phủ Gia Hưng để đi đánh. Khi quân sĩ tiến đến châu Mộc thuộc phủ Gia Hưng, hợp sức với ba trăm lính thổ kéo thẳng đến sách Câu Lộng vùng sông Mã. Khuất Đả phân phối cho viên Tổng tri vệ Gia Hưng là Lê Miễn đem quân của vệ mình đến Khâu Chúc, hợp lực với lính thổ châu Việt và châu Mỗi đón chặn các đường hiểm yếu, nói phao lên là đem quân đánh giặc. Giặc nghe tiếng, bỏ chạy tan vỡ. Khuất Đả sai người dụ dỗ về đường lợi hại, bọn phụ đạo Cầm Đồng đến cửa dinh xin hàng. Khuất Đả bèn sai Xa Man, Kinh lược sứ châu Mộc, sửa sang nơi hiểm yếu cũ cho được trọn vẹn, rồi cho Xa Man cùng quan bản thổ là Cầm La đem lính thổ đóng giữ phòng bị; Khuất Đả dẫn quân về.

Trận này, vừa đi lẫn về chỉ có 18 ngày, những nơi binh sĩ đi qua, không làm kinh động đến con gà, con chó. Đến ngày làm lễ hiến phù[1], nhà vua muốn đem tù binh hành hình ở địa phương mà chúng đã xâm phạm để làm gương răn người khác. Bọn Thái bảo Lê Liệt tâu rằng: "Nếu Cầm Đồng quả thực lòng phục tội, xin đến đầu hàng, thì nên cho hắn được khỏi tội chết, để khuyến khích người sau này; nếu vì bức bách mà sau mới xin quy phục để mong khỏi chết, thì giết đi cũng là phải". Nhà vua ra lệnh đem giam Cầm Đồng vào ngục.

Trận này, viên Hiệu úy Hoàng Liễu đem lính thổ phủ An Tây đánh nhau với bộ lạc Ai Lao ở Khâu Lao chém giết được rất nhiều người, châu Thuận liền bắt giải vợ con Cầm Đồng cùng tù binh và những tai đã xẻo được[2] của quân Ai Lao nộp về kinh sư.

Lời cẩn án - Sử cũ chép: "Khuất Đả chiêu hàng được giặc Ai Lao là bọn Đạo Đồng". Nay tham khảo các sách sau này thì thấy:

- Sách Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống chép: "Tiên tổ nước Ai Lao ở núi Lao Sơn, phía tây thông với Đại Tần[3], phía nam thông với Giao Chỉ, từ đời này kế tiếp đời khác, mới chia đặt các tiểu vương, thường ở rải rác tại các nơi khe núi".
- Sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi chép: "Bộ lạc Ai Lao rất nhiều, ở rải rác ra nhiều nơi, đều gọi là Lào".
- Sách Hưng hóa phong thổ lục của Hoàng Trọng Chính chép: "Hưng Hóa phía trên tiếp giáp với các đất Mán của Ai Lao"... Sách ấy lại chép: "Ba châu Sơn La, Tuần Giáo và Mai Sơn, hồi đầu triều Lê gọi là ba động, đều thuộc về châu Thuận; họ Cầm, đời này qua đời khác, giữ chức phụ đạo".

Theo các sử liệu đã dẫn ở trên, thì Ai Lao tự vượt qua biên cảnh chiếm ở Lộng Động, viên phụ đạo châu Thuận là Cầm Đồng cùng họ giao thông viện trợ, xâm phạm cướp bóc dân ở biên giới, đến khi quan quân tiến đánh, Ai Lao bị tan vỡ, Cầm Đồng mới ra hàng, bị giam ở ngục. Người châu Thuận đem vợ con Cầm Đồng cùng tù binh và tai giặc xẻo được đưa nộp về kinh sư. Như thế đủ biết Cầm Đồng không phải là bộ lạc Ai Lao: chữ "đạo" tức là "phụ đạo", chữ "đồng" tức là "Cầm Đồng". Sử cũ chép lầm "Đạo Đồng" là giặc Ai Lao, nay cải chính lại.

---

[1] Xem chú thích số 2, Chính biên quyển VIII, tờ 8.

[2] Nguyên văn chép chữ "quắc", xin xem chú thích số 4 ở Chính biên quyển XII, tờ 31.

[3] Xem chú thích số 4 ở Tiền biên quyển IV, tờ 9.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tiền biên IV, 9-10).

Phụ Đạo: Xem năm Hồng Đức thứ 2 (Chính biên XXII, 6).

Phủ Gia Hưng: Đất Lâm Tây xưa, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chính biên II, 41).

Mộc Châu: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 15).

Mã Giang: Thượng lưu sông này ở địa phận châu Quan Hóa thuộc Thanh Hóa, bên tả giáp với phía nam tỉnh Hưng Hóa, hạ lưu hợp dòng với sông Lương.

Việt Châu: Xưa gọi tên là Mường Việt; nhà Lê đổi làm Việt Châu; năm Minh Mạng thứ 3 (1822) đổi làm An Châu.

Thuận Châu: Nay thuộc phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hóa[1].

Mỗi Châu: Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (Chính biên XVII, 1).

Phủ An Tây: Xem năm Hồng Đức thứ 10 (Chính biên XXIII, 28).

Kinh lược sứ, Hiệu úy: Đều là tên quan, đều xem năm Hồng Đức thứ 2 (Chính biên XXII, 19, 20).

Họ Cầm, họ Xa: Đều là họ của dân tộc Thổ Mán.

Câu Lộng: Tên một sách.

Lộng Động, Khâu Chúc, Khâu Lao: Đều tên động, nay thay đổi thế nào không thể tra cứu được.

Bắt đầu đặt chức Bác sĩ dạy năm kinh.

Lúc ấy, giám sinh nhiều người chuyên trị kinh Thi, kinh Thư, ít người học tập sách Lễ Ký, Chu Dịch và Xuân Thu, cho nên nhà vua đặt chức Bác sĩ năm kinh, mỗi viên Bác sĩ chuyên nghiên cứu một kinh để dạy các học trò.

Giảm bớt thuộc viên ở hai phủ Bắc Bình và Thông Hóa.

Trước đây hai phủ Bắc Bình và Thông Hóa, mỗi phủ đặt chức Tri phủ và Đồng tri phủ; ở châu đặt chức Tri châu và Đồng Tri châu; ở huyện đặt chức Tri huyện và Huyện thừa, mỗi chức đều đặt một người đến nay giảm bớt đi, chỉ đặt Tri phủ, Tri châu, Tri huyện mỗi chức một người mà thôi.

Lời chua - Bắc Bình: Theo Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập: Bắc Bình là tên phủ, nguyên trước thuộc Thừa tuyên Thái Nguyên, sau đổi là Cao Bằng; khoảng niên hiệu Vĩnh Trị[2] đổi làm trấn; nay là tỉnh.

Thông Hóa: Tên phủ, nay vẫn thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Sầm Tổ Đức, người thổ mán nhà Minh, xâm phạm vào phủ Bắc Bình. Viên Phó tổng tri Lê Lục và viên Đồng tổng tri Nguyễn Lượng vì phạm tội phải đày đi một châu ở nơi biên viễn[3].

Sầm Tổ Đức, người thổ ở phủ Trấn An nhà Minh, đem quân của hắn hơn ngàn người óng ở Âm Động, nói phao lên là để bắt giặc trốn là Sầm Vọng, nhân đây cướp trâu và súc vật của biên dân châu Thông Nông phủ Bắc Bình mang đi. Sau Tổ Đức lại chiếm cứ châu Bảo Lạc, rồi xin với triều đình đuổi người phạm tội là Sầm Vọng ra khỏi biên cảnh. Triều đình bàn luận, cho rằng lời nói của Tổ Đức đều là man trá. Nhà vua hạ lệnh cho viên Trung thư làm tờ tư di cho ti Bố chính sứ tỉnh Quảng Tây, xin sức cho Tổ Đức phải trả lại người và súc vật mà y đã cướp bóc của nhân dân. Một mặt khác nhà vua sai Phan

---

[1] Nay là huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Niên hiệu Lê Hi Tông (1676-1680).

[3] Nguyên văn chép là viễn châu: Theo hình luật đời Lê Thái Tổ, viễn châu tức châu Bố Chính.

Tiến, Giám sát ngự sử Bắc Đạo, đến Bắc Bình xét hỏi việc này, bắt Lê Lục và Nguyễn Lượng giao xuống cho pháp ti nghị trị tội. Hai người đều phải đày đi viễn châu, vì tội đóng giữ phòng bị không cẩn thận, để đến nỗi biên giới bị cướp bóc.

Nhà vua hạ sắc dụ bảo các viên Tổng binh và thổ quan ở Lạng Sơn, An Bang và Bắc Bình rằng: "Người bầy tôi giữ đất đai của triều đình, chức phận là phải bảo toàn cảnh thổ, yên ủy nhân dân, bẻ gãy những mũi nhọn tiến công, chống cự những kẻ khinh rẻ nước mình. Thế mà mới đây, người nước ngoài xâm phạm cướp bóc, trẫm không nghe thấy các ngươi có công hiệu gì về việc đánh giặc giữ đất cả! Nếu nay cứ mỗi một việc lại buộc vào pháp luật, thì lòng trẫm có điều không nỡ. Vậy bọn các ngươi phải cố gắng hết lòng hết sức, nghĩ làm thế nào để gột rửa tội lỗi trước kia". Nhân đấy, nhà vua ban bố 11 điều khoa lệnh.

Lời chua - Phủ Trấn An: Theo Đại Thanh nhất thống chí, phủ Trấn An thuộc tỉnh Quảng Tây.

Âm Động: Ở châu Tiểu Trấn An thuộc phủ Trấn An.

Thông Nông: Tên châu, xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 6 (Chính biên IV, 41).

Bảo Lạc: Tên châu, xem Lý Nhân Tông, năm Anh vũ chiêu thắng thứ 9 (Chính biên III, 45).

Quảng Tây: Mặt Tây Nam tỉnh này giáp giới với địa phận hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn nước ta.

Lạng Sơn, An Bang: Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19, 29, 31).

Tháng 4, mùa hạ. Ban phát bản in ngũ kinh cho Quốc Tử Giám.

Việc này là theo lời tâu của viên Bí thư giám học sĩ Vũ Vĩnh Trinh.

Lời chua - Vũ Vĩnh Trinh: Người làng Thiết Khoán, huyện Thiên Bản[1], Vĩnh Trinh đỗ minh kinh khoa Kỷ Dậu (1429) năm Thuận Thiên thứ 2 đời Lê Thái Tổ.

Hạ lệnh cho các quân sĩ đọc sách.

Nhà vua hạ lệnh cho Dương Hải, quyền Thượng bảo tự khanh và Khiên Nhân Thọ, Thông chính tả thừa, dạy bảo luyện tập về việc đọc sách cho các hàng quân bộ binh, kỵ binh có tiếng mạnh khoẻ dũng cảm.

Lúc bấy giờ nhà vua hạ lệnh cho quân ở ngũ phủ chế tạo binh khí theo hình dạng mới, được ít lâu lại bắt đổi theo hình dạng khác. Trong bọn quân nhân có người phàn nàn than thở. Văn Lư, một quân nhân trong vệ Oai Lôi[2] dâng thư nói: "Tháng giêng năm nay, bệ hạ đã ban ra hình dạng mới về binh khí, bắt quân chế tạo, nay lại thay đổi hình dạng khác, như thế là chính lệnh bất thường". Nhà vua sai bộ Lại dụ bảo Văn Lư rằng: "Binh khí cùng một hình dạng ấy cả, lời nhà ngươi nói chỉ là nói càn mà thôi". Viên Thị lang Lương Như Hộc nói riêng với Văn Lư rằng: "Nhà ngươi không phải là người giữ chức ngôn luận, sao lại dám nói càn đến việc nước?". Văn Lư trả lời: "Nước lấy dân làm gốc rễ, mà lính là để bảo vệ dân; nay hiệu lệnh trước sau bất nhất, quân và dân đều sầu oán, thế mà ông là người bầy tôi thân cận của nhà vua, lại ngậm miệng, không nói gì, nay Lư này nói ra là yêu vua đấy". Bọn Như Hộc nghe lời của Văn Lư, yên lặng không nói gì cả.

[1] Nay là huyện Vụ Bản, thuộc tỉnh Nam Định.

[2] Một vệ trong 6 vệ của Tây quân phủ. Theo Chính biên XX tờ 5 ở trên chép là "Lôi Oai vệ" mà ở đây chép là "Oai Lôi vệ" không rõ bên nào là đúng.

Lời phê[1] **-** Xem việc này có thể rõ được: vua thì mắc bệnh hay thay đổi; bầy tôi chỉ quen thói bợ đỡ đón trước cái ý của nhà vua.

Lời chua - Dương Hải: Nguyên tên là Mỗi, sau đổi là Hải người làng Mi Sơn, huyện Thủy Dường[2], đỗ tiến sĩ khoa Quý Dậu (1453) năm Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Ngũ phủ quân, Oai Lôi vệ: Đều xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chính biên XX, 2, 5).

Đỗ (Tông) Nam và Nguyễn Như Đổ phạm tội, giao xuống cho hình phạt quan xét nghĩ.

Đô cấp sự trung là bọn Trịnh Thiết Trường hặc tâu: "Đỗ (Tông) Nam, Thượng thư bộ Hình, làm quan mà ăn của đút; Nguyễn Như Đổ, Thượng lại bộ Lại giữ việc tuyển cử mà làm mất sự chính đáng. Xin đều giao xuống pháp ti xét xử trị tội theo luật định". Nhà vua chuẩn y.

Lời chua - Trịnh Thiết Trường: Người làng Đông Lý, huyện An Định[3], đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh khoa Mậu Thìn (1448) năm Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Bổ Nguyễn Phục làm Tham chính[4] **trong ti Thừa chính sứ**[5] **ở Thanh Hóa.**

Nguyễn Phục, trước đi sứ Trung Quốc về, từng làm quan đến chức Tham nghị ở Chính sự viện, đến nay đổi làm Tham chính ở Thanh Hóa. Nhà vua dụ bảo rằng: "Nhà ngươi trước kia sung vào sứ bộ sang Trung Quốc, đã phải khó nhọc về việc công, kịp khi về triều làm quan lại thường tiến dâng lời nói chính đáng, thật là đáng khen! Vậy đặc mệnh Giám thừa là Nguyễn Lỗi đem ban cho bạc lạng, để biểu dương lòng trung thành của nhà ngươi".

Lời chua - Thanh Hóa: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16-17, 20-21).

Chính sự viện: Theo mục "Quan chức chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, quan chế hồi đầu triều Lê có Chính sự viện để giữ then chốt chính trị trong nước. Quan chức trong viện có các chức Thượng thư, Tham tri, Tham nghị và Đồng tham nghị.

Tháng 5. Tống Thiệu, thổ tù nhà Minh, xâm phạm cửa ải Tỏa Thoát.

Tống Thiệu, thổ quan phủ Trấn An nhà Minh, xâm phạm cửa ải Toả Thoát, cướp ruộng của dân, thiện tiện bắt lấy trâu và súc vật. Viên Tri phủ Bắc Bình và Đào Phục Lễ đem việc này tâu về triều, nhà vua hạ chiếu cho triều thần thảo luận về kế phòng bị. Thái sư là bọn Lê Liệt đều cho rằng rợ mọi ở nơi biên viễn tự đánh cướp lẫn nhau là tập tục của họ; bây giờ ta chỉ nên giữ vững lấy cương giới, không gây hấn khích ở ngoài biên cương, hễ chúng kéo đến thì mình chống cự lại mà thôi.

Lời chua - Cửa ải Tỏa Thoát: Ở huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng, nay là cửa ải quả Thoát.

Hạ chiếu cho bầy tôi: Người nào trước đã được "tứ quốc tính"[6]**, nay lại theo về họ cũ của mình.**

---

[1] Chỉ việc Lê Thánh Tông sai bộ Lại dụ bảo và lời Lương Như Hộc nói riêng với Văn Lư.

[2] Dương Hải, vốn tên là Mỗi, khi vào thi đình vua Nhân Tông đổi cho là Hải, người làng Mi Sơn, nay thuộc xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

[3] Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[4] Tham chính là chức quan đứng hàng thứ 2 ở Ty Thừa chính, thuộc hàm tứ phẩm. Ty Thừa chính là cơ quan kiểm sát của Trung ương đặt tại địa phương.

[5] Tham chính là chức quan đứng hàng thứ 2 ở Ty Thừa chính, thuộc hàm tứ phẩm. Ty Thừa chính là cơ quan kiểm sát của Trung ương đặt tại địa phương.

[6] Xem chú thích số 3, Chính biên quyển V, tờ 22.

Phạm Công Nghị, Thượng thư bộ Lễ, dâng sớ nói: "Đời xưa một nước mới thành lập, thì thiên tử nhân nơi sinh mà cho một chữ gì đó để đặt làm họ: Ông Tiết lúc mới phong ở đất Thương, vua Nghiêu cho đặt họ là Tử; Ông Tắc lúc mới phong ở đất Thanh, vua Nghiêu cho đặt họ là Cơ, thế là dùng đất được phong để đặt làm họ, nhân họ để lập thành tông tộc riêng. Phàm đã làm người, ai cũng có họ riêng của mình; ngày trước như cửu quan, tam công, ngũ thần, thập loạn, đều là những người có công lao lớn với nước, mà chưa từng thấy người nào được tứ quốc tính cả. Đến Hán Cao tổ cho phép Lâu Kính đổi là họ Lưu, Đường Cao tổ cho phép Thế Tích được đổi là họ Lý, đấy chẳng qua chỉ là cái thuật dùng để chếp ngự trong nhất thời mà thôi[1]. Những người ấy không biết rõ rằng họ nào có dòng dõi của họ ấy, không thể nào lẫn lộn được. Vả lại, lấy thân phận người bầy tôi mà làm hỗn loạn quốc tính là bất kính, lấy bổn phận người làm con mà quên mất họ gốc rễ của ông cha là bất hiếu, việc ấy không thể dùng để dạy đời được, cần phải sửa đổi lại cho được chính đáng. Phàm người bầy tôi nào đã được tứ quốc tính, nay đều đổi theo về họ cũ của mình, để cho chi phái của thiên hoàng[2] được trong sạch, cỗi gốc của tộc tính được phân minh". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Tháng 6. Làm bản đồ địa dư.

Nhà vua hạ lệnh cho 12 quan Thừa tuyên thân hành đi khám xét núi sông hiểm trở, nơi bình thản và sự tích đời xưa, đời nay trong địa hạt mình cai quản, vẽ thành đồ bản, ghi chú rõ ràng, đệ nộp bộ Hộ để sáng tác bản đồ địa dư.

Đặng Thiệm, Tham nghị trong ti Thừa chính sứ ở Hóa Châu dâng sớ nói 5 điều tiện lợi nên làm: 1. Lập đồn trấn thủ cửa biển Tư Dong; 2. Lấp cửa biển Nhuyễn Hải; 3. Khơi vét Liên Cừ; 4. Bãi bỏ chức thuế sứ ở đầu nguồn; 5. Chiêu mộ dân lưu vong khai khẩn ruộng hoang ở châu Bố Chính.

Lời phê - Năm điều này không rõ triều đình có theo hay không?

Lời chua - Hóa Châu: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chính biên VIII, 44).

Đặng Thiệm: Người làng Mạo Bồ, huyện Sơn Vi[3], đỗ tiến sĩ khoa Quý Dậu (1553) niên hiệu Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Tư Dong: Tên cửa biển, ở phía Đông Nam huyện Phú Vinh, phủ Thừa Thiên, nhà Lý gọi là Ô Long, nhà Trần đổi là Tư Dong; Ngụy Mạc[4] đổi là Tư Khách; nay là Tư Hiền.

Cửa biển Nhuyễn Hải: Ở huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, nay là cửa biển Thuận An.

Liên Cừ: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 2 (Chính biên XII, 5).

Đông cung Thị Giảng[5] là Vũ Nguyên Tiềm và Tạ Bưu phạm tội, bị bãi chức.

Nhà vua ra chơi Đông cung, hỏi Thái tử về nghĩa sách, Thái tử đem nghĩa sách mà Nguyên Tiềm đã dẫn giải cho từ trước để thưa lại. Nhà vua triệu bọn Nguyên Tiềm và Bưu đến phượng nghi đường bắt làm ba bài thi thể văn chiếu, chế và biểu, ba bài của Tiềm và Bưu đều bất thành văn lý. Nhà vua bèn quở trách bọn Nguyễn Như Đổ, Trần Phong và Trần Thốc về tội bảo cử không phải người xứng đáng và bãi chức bọn Nguyễn Tiềm và Bưu.

---

[1] Câu này nguyên văn trong Cương mục có nêu hai chữ "Ngự điểm". Xem thêm chú thích số 2, Chính biên quyển III, tờ 34, về chữ "ngự điểm".

[2] Cũng như Thiên Trì, nghĩa đen là cái ao của trời, nghĩa bóng là dòng dõi họ nhà vua. Theo quan niệm đời phong kiến, họ nhà vua chia ra nhiều chi nhiều phái, đều bắt nguồn từ ao trời.

[3] Nay là huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

[4] Nhà Mạc cướp ngôi vua nhà Lê, sử phong kiến cho là không phải triều chính thống, nên họ chép là Ngụy Mạc. Vua đầu tiên của triều Mạc là Mạc Đăng Dong, vì kiêng chữ "Dong", nên đổi "Tư Dong" làm "Tư Khách".

[5] Theo chế độ phong kiến, khi Thái tử khôn lớn, vua cha cho ra ở riêng một cung điện gọi là đông cung, cho nên mới dùng danh từ "đông cung" để tượng trưng cho Thái tử. Ở đông cung có các văn thần chầu chực để dẫn giải nghĩa sách cho Thái tử, chức quan của bọn văn thần gọi là đông cung thị giảng.

Lê Thiệt, Tây quân đô đốc, phạm tội, bị bãi chức.

Thiệt, giữ chức Tây quân đô đốc, cho binh sĩ dưới quyền chỉ huy của mình đi tuần ngoài biên giới, doạ nạt người châu Thoát để lấy bạc, việc này phát giác, cho nên bị bãi chức.

Lời chua - Châu Thoát: Ở phủ Trương Định, tỉnh Lạng Sơn. Từ Minh thuộc trở về trước là Châu Thoát; hồi đầu triều Lê đổi làm Châu Thoát Lãng; nay vẫn theo tên ấy.

Hạ lệnh cho quan trong kinh sư chọn những lại điển để đi xét hỏi cặn kẽ về sự đau khổ của quân, dân và chính sự ở địa phương tốt hay xấu.

Nhà vua hạ lệnh cho các quan trong lục bộ, lục tự, lục khoa[1] chọn những nha lại biết chữ và có hạnh kiểm, mỗi bộ, mỗi tự, mỗi khoa đều phải chọn lấy hai người để phân phái đi xét hỏi cặn kẽ về sự đau khổ ở dân gian và chính sự ở địa phương tốt hay xấu.

Lời phê - Công việc xét hỏi cặn kẽ mà dùng bọn này[2], thật là không hợp thể.

Hạ lệnh cho sử quan[3] Lê Nghĩa dâng Nhật lịch[4].

Nhà vua muốn xem Quốc sử, sai trung quan đến viện Hàn Lâm dụ bảo sử quan[5] Lê Nghĩa rằng: "Ngày xưa Phòng Huyền Linh giữ chức sử quan, Đường Thái Tông[6] muốn xem Thực lục[7], Huyền Linh không cho xem. Nay nhà ngươi so sánh với Huyền Linh xem ai giỏi hơn?". Lê Nghĩa trả lời: "Sự biến xảy ra ở cửa Huyền Vũ[8], Huyền Linh không chép thẳng, vì có lệnh của Đường Thái Tông rồi sau mới chép, như thế, e rằng chưa chắc đã giỏi". Trung quan nói: "Ý nhà vua muốn xem Nhật lịch từ năm Quang Thuận thứ nhất đến nay". Nghĩa nói: "Làm ông vua mà xem Quốc sử như việc Đường Thái Tông và Huyền Linh đã làm ngày trước, đời sau thường chê cười đấy". Trung quan nói: "Nhà vua cho rằng xem Nhật lịch để biết trước kia có làm việc gì lầm lỗi, thì nay có thể nhận xét được để mà sửa đổi". Nghĩa nói: "Bệ hạ cứ cố gắng làm điều thiện mà thôi, hà tất phải xem Quốc sử?". Nhà vua sai trung quan dụ bảo hai ba lần nữa. Nghĩa nói: "Nếu thánh thượng thực lòng biết đổi lỗi, là hạnh phúc vô cùng cho xã tắc[9], thì việc dâng Nhật lịch này dù không can ngăn mà chính là can ngăn đấy". Bèn dâng Nhật lịch.

Lời phê[10] - Lòng hiếu danh của Lê Thánh Tông cũng giống với Đường Thái Tông, nên mới muốn xem Quốc sử.

Lời phê[11] - Lê Nghĩa giữ đạo lý không vững vàng.

Lời chua - Lê Nghĩa: Người làng Đại Điền, huyện Bình Hà, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XIX, tờ 31 và quyển XX, tờ 6.

[2] Chỉ bọn nha lại.

[3] Tên một chức quan giữ việc ghi chép về chính trị trong nước, về lời nói việc làm của vua chúa đương thời, dầu hay, dầu dở, đều ghi chép đầy đủ để sau chép vào sách sử.

[4] Tức quyển Nhật ký, hàng ngày vua cùng bầy tôi bàn luận hoặc thi hành công việc trong nước hoặc lời nói việc làm của vua, thì viên Khởi cư lang ghi chép tường tận, hết ngày, niêm phong sổ lại giao cho sử quan giữ.

[5] Tên một chức quan giữ việc ghi chép về chính trị trong nước, về lời nói việc làm của vua chúa đương thời, dầu hay, dầu dở, đều ghi chép đầy đủ để sau chép vào sách sử.

[6] Tên là Thế Dân làm vua 23 năm (627-649).

[7] Một tên gọi riêng của sách sử. Theo nghĩa của nó, thì Thực lục là phải chép sự thực không bịa đặt, không giấu giếm. Thời đại phong kiến, triều vua nào cũng đều có một Thực lục riêng của triều vua ấy.

[8] Thế Dân và Kiến Thành, Nguyên Cát, ba anh em tranh giành ngôi vua. Thế Dân đem quân phục ở cửa Huyền Vũ giết chết Kiến Thành và Nguyên Cát.

[9] Xem chú thích số 3, Chính biên quyển VIII, tờ 9.

[10] Chỉ việc Lê Thái Tông viện dẫn điển tích Đường Thái Tông để xem Nhật lịch.

[11] Chỉ việc Lê Nghĩa cuối cùng đem Nhật lịch dâng Lê Thánh Tông.

Giặc cỏ xâm phạm vào An Bang, bọn Đốc tướng Khuất Đả và Tổng binh Lê Hối đánh nhau với giặc, bị bại trận. Nhà vua sai bắt hai viên này giao cho Hình quan trị tội.

Trước đây, giặc cỏ xâm phạm vào đồn Khả Lặc ở An Bang, nhà vua hạ lệnh cho Đô đốc thiêm sự Khuất Đả thống lĩnh năm trăm quân trong ngũ phủ đi đánh. Vì không đuổi kịp giặc, nên rút quân về. Nhà vua bèn hạ lệnh cho quyền Lại khoa Cấp sự trung Khiên Nhân Thọ và Đông đạo quan sát ngự sử Thiều Duy Tinh đến An Bang xét hỏi việc về việc người tướng súy nào đã làm chậm trễ trong khi hành quân [để đến nỗi quân quan không đuổi kịp giặc]. Nhà vua lại cho rằng: An Bang là đất xa xăm, mỗi khi nơi biên cảnh có báo động, quan quân tiếp ứng không sao kịp được, nghĩ đặt vệ quân ở trấn An Bang.

Đến nay, giặc cỏ lại xâm phạm vào đồn Khả Lặc ở An Bang. Nhà vua lại sai Khuất Đả thống lĩnh một ngàn quân trong ngũ phủ hội họp với Lê Hối, Tổng binh trấn An Bang, đi đánh; một mặt nhà vua cho triệu bọn Đinh Liệt, Nguyễn Lỗi, Lê Niệm và Trịnh Văn Sái để cùng bàn định kế hoạch đánh dẹp; một mặt khác, hạ lệnh cho bọn Nguyễn Đức Trung, Đô đốc đồng tri trong phủ Nam quân, đi giữ chức Giám quân và ban phát ba vạn thăng gạo để cung cấp cho quân ăn. Bọn Khuất Đả đánh nhau với giặc, bị bại trận.

Khiên Nhân Thọ hặc Lê Hối không biết liệu tình thế giặc; Khuất Đả đuổi đánh giặc để nhỡ mất cơ hội, để đến nỗi thua đau. Nhà vua hạ sắc lệnh cho Nhân Thọ đến nơi khám xét, nhân đấy bắt bọn Khuất Đả và Lê Hối giải về kinh giao cho Hình quan trị tội.

Một hôm, sau khi bãi triều, nhà vua hỏi các đại thần rằng: "Khuất Đả trước kia tuy trái quân luật, việc này bộ Hình còn đương xét hỏi. Nay trẫm muốn dùng hắn giữ việc binh, để trấn thủ Bắc Bình, thì thế nào?". Nguyễn Lỗi nói: "Để ai sống, giết ai chết, phong chức cho người nọ, cất chức của người kia, đấy là quyền bính vua chúa, không phải việc thần hạ muốn luận bàn. Nhưng Khuất Đả đánh giặc vô công, bị quan chức trong lục khoa đàn hặc, hiện nay bộ Hình đương xét hỏi, tưởng hãy đợi việc hình ngục kết liễu, nếu quả Khuất Đả không có tội, bấy giờ sẽ dùng, cũng không lấy gì làm muộn". Nhà vua y theo lời tâu ấy.

Bọn Trần Phong, Thượng thư bộ Hình, đã tra hỏi xong việc hình ngục của Lê Hối, muốn luận vào tội tương đương với quân pháp. Đô ngự sử Trần Thốc nói: "Lê Hối, trước kia có công, nay vì trái quân luật mà phải tội, thì nên theo điều lệ "bát nghị"[1]. Nhà vua nói; "Phép nước[2] chỉ có một lẽ mà không có hai lẽ, lời nói của Trần Thốc đem tách ra làm hai, không phải là quân pháp. Lời nói ấy chỉ là du thuyết[3] mà thôi, nên buộc Trần Thốc vào tội du thuyết". Chưa được bao lâu, nhà vua lại dụ bảo Trần Thốc rằng: "Trước đây trẫm quở trách nhà ngươi là du thuyết, điều ấy có phần quá đáng; từ nay, những mưu hay chước lạ nhà ngươi nên vào trong cung điện tâu bày cho trẫm biết, ngõ hầu lời nói của nhà ngươi có thể ví như năm đại hạn mà gặp được mưa ngọt, như người qua sông mà có thuyền có chèo[4], để báo đáp lại đức sáng".

Lời chua - Giặc cỏ: Ẩn nấp ở nơi đồng nội, không có danh hiệu gì để gọi tên, cho nên gọi là giặc cỏ.

Thành Khả Lặc: Tức sở Kim Lặc, thuộc sở Thủ ngữ kinh lược sứ ở đô ti An Bang.

Kinh sư bị nạn đói, nhà vua hạ chiếu giảm tô thuế và cho đong thóc ở Nghệ An.

---

[1] Theo danh lệ trong hình luật đời phong kiến, có điều lệ bát nghi, người phạm tội mà được dự vào một điều trong "bát nghị" thì khi luận tội, hình quan được dựa vào tiêu chuẩn ấy mà luận tội nhẹ cho người can phạm. Ở đây, Trần Thốc muốn dựa vào tiêu chuyển nghị công để luận tội nhẹ cho Lê Hối.

[2] Đoạn văn này từ chữ "Phép nước" đến chữ "du thuyết", nguyên văn trong sử Cương mục chép không rõ ràng. Ở đây, chúng tôi dịch theo trong sách Toàn thư cho được rõ nghĩa hơn.

[3] Dùng miệng lưỡi hoạt bát để biện luận, làm rung động cả người nghe gọi là du thuyết.

[4] Hai câu này lấy điển ở thiên Duyệt Mạnh trong kinh Thượng Thư lời Cao Tông nhà Ân bảo Phó Duyệt.

Năm bấy giờ, trời nắng mãi không mưa, lúa ở đồng ruộng bị tổn hại, giá gạo ở kinh sư bỗng cao vọt lên. Nhà vua hạ chiếu giảm cho tô ruộng và thuế nhân đinh có từng bậc khác nhau; một mặt, hạ lệnh cho viên Thừa chính sứ ở Nghệ An trích tiền trong kho mua thóc ở Nghệ An nộp về kinh sư.

Lời chua - Nghệ An: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 21-23).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua cho triệu Trịnh Công Lộ, quyền Đô đốc phủ Đông quân, về kinh, và hạ lệnh cho Nguyễn Đức Trung quyền Trấn thủ An Bang.

Công Lộ, quyền Đô đốc phủ Đông quân, nay vì đánh giặc không thành công, nhà vua cho triệu về và hạ lệnh cho Nguyễn Đức Trung quyền Trấn thủ An Bang chỉ huy các quân sĩ. Trịnh Công Lộ từ An Bang trở về triều, dâng bốn điều tiện lợi: 1. Lập dinh trại ở châu Vạn Ninh và châu Tân Yên để chống cự người nước ngoài xâm lấn; 2. Kén chọn xếp đặt hương trưởng làm người giáp thủ để thống thuộc và giúp đỡ lẫn nhau; 3. Chọn người có tài cán văn võ để làm trấn thủ; 4. Lấp các đường ở nơi quan ải, không để cho ai chém cây cối, mở đường sá, đến nỗi làm mất cả chỗ hiểm trở.

Lời chua - Phủ Đông quân: Nam Sách và An Bang đều thuộc phủ Đông quân.

Vạn Ninh: Tên châu, xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4 (Chính biên XI, 16).

Tân Yên: Tên châu, nay là châu Tiên Yên thuộc tỉnh Quảng Yên.

Xét định chế độ quân ngũ.

Trước đây đặt quân năm phủ, đến nay đặt thêm quân ở trong kinh và ngoài các đạo, xét định chế độ quân ngũ: quân trong kinh có 66 ti, 51 vệ; quân ngoài các đạo có 26 vệ. Lệ định số quân: mỗi ti 100 người, mỗi vệ 5 sở hoặc 6 sở không nhất định, mỗi sở 20 đội, mỗi đội 20 người.

Nhà vua ra lệnh cho Đô đốc ngũ phủ là bọn Trịnh Văn Sái, Lê Hi Cát hội đồng với Nguyễn Vĩnh Tích, Thượng thư bộ Binh lựa chọn đại tổng kỳ, tiểu tổng kỳ ở các vệ trong ngũ phủ để bổ sung vào quân điện tiền ngũ vệ.

Lời chua - Các quân trong kinh và ngoài các đạo: Theo Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập thì:

Về phần quân trong kinh sư có các ti, các sở sau này:

- Lực sĩ các ti túc trực ở điện Kim Quang gồm 10 ti: Kim Đao, Bảo Đao, Hải Thanh, Hà Thanh, Kỵ Xạ, Súng Xạ, Minh Uy, Loan Giá, Hiệu Lệnh và Phụng Lệnh.

- Dũng sĩ các ti ở Cẩm Y vệ gồm 20 ti: Ngân Đao, Tróc Sinh, Nghi Vệ, Tài Quan, Hiệu Lệnh, Địch Vạn, Thiên Mã, Kỳ Thủ, Đình Úy, Thủ Ngữ, Phục Ba, Ngân Thương, Hãn Vệ, Du Nỗ, Thần Uy, Phi Kỵ, Thần Xạ, Thanh Lộ, Xá Nhân và Kỳ Bài.

- Tráng sĩ các ti thuộc Cẩm Y gồm 18 ti: Địch Vạn, Phục Ba, Xá Nhân, Tuấn Sĩ, Thần Uy, Phi Kỵ, Ngoại Trực, Hiệu Lệnh, Đình Úy, Nghi Vệ, Minh Tiên, Kỳ Bài, Du Nỗ, Xuy Kim, Tráng Nỗ, Ngũ Thành bình mã, Tượng Cứu và Mã Cứu.

Các vệ sở thuộc Cẩm Y có bốn vệ tuần tượng:

- Tiền vệ gồm 5 sở: Chiết Xung, Hùng Lực, Oai Phong, Tráng Nghị và Phấn Mãnh.

- Tả vệ gồm 5 sở: Đại Tráng, Hoả Mãnh, Kính Uy, Thần Thắng và Phấn Nhuệ.

- Hữu vệ gồm 5 sở: Uy Nhuệ, Uy Dũng, Chấn Địch, Đô Lỗ và Khắc Tiệp.

- Hậu vệ gồm 5 sở: Tựu Lãng, Cầm Chí, Thành Nhạc, Cảng Hà và Quy Lâm.

- Mã Nhàn có một vệ gồm 5 sở: Du Cảnh, Tống Hậu, Du Mĩ, Lăng Tiêu và Đạp Hà.

Vũ sĩ các ti ở Kim Ngô vệ gồm 14 ti: Trấn Điện, Lực Sĩ, Kỳ Thủ, Tài Lực, Trường Thương, Lăng Ba, Kính Nỗ, Hoàn Vệ, Đoản Sáo, Định Lệnh, Hộ Vệ, Thần Tí, Định Uy và Thanh Đạo.

Tráng sĩ các ti thuộc Kim Ngô vệ có 4 ti: Tráng Sĩ, Lăng ba, Thần Tí và Chiêu Dũng.

Các vệ sở thuộc Kim Ngô có bốn vệ Thần Vũ:

- Tiền vệ gồm 5 sở: Phụng Thiên, Tiền Hưng, Dũng Hãn, Chu Lư và Hổ Viên.

- Tả vệ gồm 5 sở: Hiệu Trung, Uy Trảo, Hoàn Hổ, Toàn Hầu và Sâm Tài.

- Hữu vệ gồm 5 sở: Vũ Công, Thần Cực, Túc Quan, Chấp Sầm và Hiệp Lặc.

- Hậu vệ gồm 5 sở: Kính Tiết, Tráng Do, Bảo Tín, Hiệp Chính và Sư Can.

Bốn vệ Hiệu Lực là Tiền vệ, Tả vệ, Hữu vệ và Hậu vệ, không có quân hiệu riêng, mỗi vệ đều đặt 5 sở: Trung, Tiền, Tả, Hữu và Hậu.

Vũ Lâm vệ gồm 5 sở: Đề Kỵ, Tĩnh Nạn, Trường Kỹ, Trực Quang và Hắc Sáo.

Tuyên Trung vệ gồm 5 sở: Tồi Sơn, Phi Thạch, Kiều Quan, Quệ Trương và Dực vệ.

Thiên Oai vệ gồm 6 sở: Thần Điện, Thần Tiến, Kính Nỗ, Thần Nỗ, Tấn Thạch và Tấn Phi.

Thủy Quân vệ gồm 6 sở: Hải Kình, Hải Mã, Hải Côn, Hải Thu, Hải Hồng và Hải Bằng.

Thần Sách vệ gồm 5 sở: Tồi Kích, Phục Tàng, Vân Dực, Duẩn Kích và Thứ Phi.

Ứng Thiên vệ gồm 5 sở: Củng Thần, Dực Võ, Khống Hạc, Trực Quan và Phi Sơn.

Ba mươi vệ trong ngũ phủ: Xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chính biên XX, 3-5).

Về phần quân ngoài các đạo có các ti vệ sau này:

Đô ti Thanh Hóa có 5 vệ:

- Thanh Hóa vệ gồm 6 sở: Kiến Nghĩa, Hùng Nghĩa, Bảo Nghĩa, Vũ Nghĩa, Chương Nghĩa và Súng Nỗ.

- Thanh Hóa Tuần Tượng vệ gồm 6 sở: Hãn Đột, Tồi Nhai, Khống Vân, Chế Hà, Chấn Uy và Súng Nỗ.

- Lưu Thủ vệ gồm 6 sở: Phấn Trung, Thần Dũng, Báo Quốc, Sùng Uy, Bảo Thuận và Súng Nỗ.

- Lưu Thủ Tuần Tượng vệ gồm 6 sở: Lược Hà, Hoa Xa, Xung Kiên, Hàm Tê, Mãnh Đột và Súng Nỗ.

- Quy Đức vệ gồm 6 sở: Huệ Địch, Bảo Cực, Mại Nghĩa, Nghi Hóa, Khâm Mại và Súng Nỗ.

Đô ti Nghệ An có 3 vệ:

- Nghệ An vệ gồm 6 sở: Thần Khôi, Thần Hùng, Thần Cương, Thần Lược, Thần Lực và Súng Nỗ.

- Nghệ An Tuần Tượng vệ gồm 6 sở: Đội Thắng, Khóa Sơn, Tiễn Địch, Trường Hồ, Lao Kiên và Súng Nỗ.

- Kiến An vệ gồm 6 sở: Thần Phong, Thần Kính, Thần Dũng, Thần Tích, Thần Hoạch và Súng Nỗ.

Đô ti Thuận Hóa có 4 vệ:

- Thuận Hóa vệ gồm 6 sở: Thần Qua, Thần Thắng, Thần Súng, Thần Kích, Thần Tráng và Súng Nỗ.

- Trấn Bình vệ có 5 sở: Trực Kiêu, Du Phục, Vũ Tiêu, Thần Cán và Hãn Khương.

- Hải Khanh vệ gồm 5 sở: Khai Cương, Cố Ngữ, Tuy Hà, Át Phương và Trúc Kình.

- Giới Phiên vệ gồm 5 sở: Khoát Hải, Đoạn Ngạc, Thù Lai, Sưu Thanh và Tiệt Bác.

Đô ti An Bang có một vệ:

- An Bang vệ gồm 6 sở: Trấn Hải, Trấn Viễn, Tĩnh Hải, Hùng Viễn, Tuy Viễn và Súng Nỗ.

Đô ti Tuyên Quang có 4 vệ:

- Tuyên Quang vệ gồm 6 sở: Thủ Biên, Lăng Sơn, Thanh Tái, Khai Viễn, Diệu Vũ và Súng Nỗ.

- Định Tây vệ gồm 6 sở: Tĩnh Man, Ninh Viễn, Hãn Biên, Chế Biên, Phục Viễn và Súng Nỗ.

- Bình Sơn vệ gồm 6 sở: Bình Khương, Tĩnh Khương, Dương Võ, Tảo Phân, Khôi Viễn và Súng Nỗ.

- Tĩnh Tây vệ gồm 6 sở: An Biên, Thần Phong, Hùng Tiệp, Lược Tây, Hoài Di và Súng Nỗ.

Đô ti Hưng Hóa có hai vệ:

- Gia Hưng vệ gồm 6 sở: Hiệu Vũ, Xạ Sinh, Tráng Tiệp, Tĩnh Nhung, Trấn Tây và Súng Nỗ.

- Quy Hóa vệ gồm 6 sở: Bình Man, Uy Man, Định Uy, Quyết Thắng, Tồi Man và Súng Nỗ.

Đô ti Thái Nguyên có 5 vệ:

- Thái Nguyên vệ gồm 6 sở: Ninh Tái, Định Tái, Sung Tráng, Bình Lỗ, Tồi Địch và Súng Nỗ.

- Thái Nguyên Tuần Tượng vệ gồm 5 sở: Địch Phát, Cố Quan, Xúc Phong, Công Kiên và Dụng Mãnh.

- Bình Địch vệ gồm 6 sở: Bình Nhung, Thanh Hoài, Phá Lỗ, Tĩnh Sóc, Vũ Địch và Súng Nỗ.

- Bắc Bình vệ gồm 6 sở: Trấn Di, Hiệu Lỗ, Trù Biên, Khắc Địch, Tráng Uy và Súng Nỗ.

- Ninh Sóc vệ gồm 6 sở: Tồi Phong, Tĩnh Viễn, Trấn Viễn, Thủ Tiến, Phi Dương và Súng Nỗ.

Đô ti Lạng Sơn có 2 vệ:

- Lạng Sơn vệ gồm 6 sở: Bình Viễn, Trấn Nhung, Ngữ Lỗ, Chỉ Nỗ, Chấn Dũng và Súng Nỗ.

- Khánh Dương vệ gồm 6 sở: Hoành Hải, Khống Viễn, Chế Sóc, Thảm Tiêu, Hãn Dịch và Súng Nỗ.

Còn các đạo Thiên Trường, Bắc Giang, Nam Sách và Quốc Oai đều thuộc phủ quân Đông, Tây, Nam, Bắc, không có quân Đô ti.

Vệ Bắc Bình sau đổi làm vệ Cao Bằng.

Nhận xét: Quân hiệu trong kinh và ngoài các đạo thỉnh thoảng có tên hiệu trùng điệp với nhau và không có ý nghĩa gì cả, lúc bấy giờ nghị định thế nào, nay đều không thể rõ được, ở đây chỉ tham khảo trong Hồng Đức thiên Nam dư hạ tập và điển lệ quan chế triều Lê, chú thích bổ sung vào, để phòng khi khảo cứu.

Nguyễn Vĩnh Tích: Người huyện Thượng Phúc[1], đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448), năm Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Tháng 9. Phát sinh tai nạn hoàng trùng.

Lúc ấy, hoàng trùng phá hại, nhà vua hạ lệnh cho đạo sĩ[2] lập đàn cầu đảo; lại hạ lệnh cho bọn Nguyễn Như Đổ đến tế lễ ở đền thờ Bách thần để tống tiễn hoàng trùng.

Người nước Tiêm La đến dâng phẩm vật địa phương, nhà vua từ chối.

Thuyền đi biển của nước Tiêm La đến Vân Đồn trang, tiến tờ biểu Kim diệp[3] và dâng phẩm vật địa phương, nhà vua từ chối không nhận.

Lời chua - Tiêm La: Tên nước.

Vân Đồn: Tên trang. Cả hai đều xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chính biên IV, 43).

Gió bão (nguyên Hán văn chép "cụ phong"). Nước biển đầy dẫy lên quá với mực thường.

Lúc ấy, gió bão rất to, các phủ Nam Sách, Giáp Sơn, Thái Bình và Kiến Xương nước ở biển đầy dẫy lên to lắm, đê điều bị vỡ lở, lúa thóc bị ngập lụt, nhiều người chết đói. Các huyện ở đầu nguồn và bãi biển thuộc Nghệ An phần nhiều bị nước phá hoại. Nhà vua hạ lệnh cho Ngự sử là bọn Đinh Nhân Phủ và Thiều Duy Tinh chia nhau đến ba đạo mặt đông, mặt tây và mặt nam ở ven biển thân hành đi khám xét bờ đê, đốc sức ty Thừa chính sở tại bồi đắp. Một mặt miễn cho quân sĩ ở ven biển đầu xuân sang năm tới không phải về kinh sư tập họp điểm duyệt nữa[4].

Lời chua - Cụ phong: Theo Vân Đài loại ngữ của Lê Quý Đôn thì "cụ" nghĩa là đủ bốn thứ gió: đông, tây, nam, bắc. Lúc bấy giờ nổi gió, nếu gió nổi từ đông bắc thổi đến, thì tất nhiên từ gió bắc rồi chuyển sang gió tây; nếu gió nổi từ tây bắc thổi đến, thì tất nhiên từ gió bắc rồi chuyển sang gió đông, dầu bắt đầu từ gió đông bắc hay tây bắc, cũng đều đến khi nào chuyển sang gió nam thì bão mới tắt.

Giáp Sơn: Tên huyện, nay thuộc phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nghệ An: Châu Hoan xưa. Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16-17, 21-22).

Thái Bình[5]: Tên phủ, nay thuộc tỉnh Nam Định.

---

[1] Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[2] Xem chú thích số 3, Chính biên quyển XI, tờ 32.

[3] Dùng một thứ loại kim dát cho mỏng ra làm thành hình lá cây, trong cái lá bằng vàng ấy có khắc những chữ thuộc về biểu văn, đựng vào một cái hộp bằng vàng, gọi là "kim diệp biểu". Nghi lễ này đến triều nhà Thanh, nước Miến Điện vẫn còn dùng để dâng lễ cống.

[4] Xem thêm Chính biên quyển XIX, tờ 24, việc quân sĩ hằng năm phải hội duyệt.

[5] Nay gồm các huyện Quỳnh Phụ, Đông Quan cũ (nay thuộc Đông Hưng). Thụy Anh cũ (nay thuộc Thái Thụy), tỉnh Thái Bình.

Kiến Xương: Tên phủ, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 15 (Chính biên VI, 28).

Bờ đê ven biển: Nay đều không rõ ở đâu. Duy ở huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình, có con đê đắp bằng đá từ phía bắc cửa Thần Phù đến bờ phía nam cửa Cờn, và con đê đắp bằng đất từ xã Côi Trì huyện Yên Mô đến bờ phía nam xã Bồng Hải huyện Yên Khánh. Tương truyền: Lê Thánh Tông cho đắp để chống nước mặn, vì thế nên gọi là "đê Hồng Đức". Nay đê ấy đã bỏ, vậy hãy phụ lục ở đây sẽ khảo cứu sau.

Bãi bỏ việc Tổng binh các đạo được kiêm giữ công việc Thừa chính sứ.

Trước kia 12 đạo đều có đặt hai ti: Đô ti và Thừa ti. Về phần Đô ti, đặt chức đồ Tổng binh sứ, Tổng binh đồng tri và Tổng binh thiêm sự, mỗi chức một người; về phần Thừa ti, đặt chức Thừa chính sứ, Tham chính và Tham nghị, mỗi chức một người, nhưng Thừa chính sứ phần nhiều cho Tổng binh kiêm giữ. Đến nay Trấn điện tướng quân Lê Văn nói: "Tổng binh chỉ có người xuất thân từ hàng võ, không hiểu chữ nghĩa, thế mà kiêm giữ hai chức, e rằng sẽ trở ngại đến việc quân ngũ và việc chính trị. Vậy từ nay, Tổng binh chỉ nên chuyên giữ về việc binh, mà đình bãi việc kiêm giữ công việc trong ti Thừa chính; còn chức Thừa chính sứ thì chọn người có văn học để sung bổ; chức Tham chính và Tham nghị thì liệu lượng bớt đi một; để có chuyên trách, nếu khi ở nơi biên cương có xảy ra việc gì thì hai ti được phép hội bàn với nhau, khỏi đến nỗi có sự ngăn trở và lầm lẫn". Nhà vua chuẩn theo lời nói ấy.

Nhà vua hạ dụ cho Thừa tuyên Tổng binh ở các đạo rằng: "Người tướng súy giữ nơi biên khổn, chức trách rất là quan trọng, triều đình trông cậy không khác gì cái phên cái giậu để bảo vệ trong nước. Vậy triều đình đối với tổng binh, nếu có những việc trọng đại, như: tuyên triệu, tra hỏi, bắt nộp thu phen, hoặc thu nộp phẩm vật... tất nhiên triều đình ban hạ chỉ thư[1], nội phù[2], các viên tổng binh cần phải khám xét tường tận, nếu thấy không có gì sai suyển, mới nên tuân theo mệnh lệnh. Nếu có sắc chỉ mà không có nội phù, hoặc có nội phù mà không có sắc chỉ, cùng các văn thư của tước công, tước hầu trở xuống đến các nha môn về việc bắt nộp lính, bắt nộp lương, v.v... nếu thấy có điều gì gian trá, thì phải lập tức cho chạy trạm về kinh hặc tâu. Người nào tự tiện lìa bỏ chức phận của mình sẽ bị luận tội; nếu tình trạng nặng sẽ luận vào tội chết, tình trạng nhẹ luận vào tội lưu.

---

[1] Thời đại quân chủ, mệnh lệnh của vua chúa ban bố cho thần dân tuân hành, gọi là chỉ thư hoặc sắc chỉ.

[2] Một thứ dùng làm phù hiệu để làm tin, chế bằng tr, gỗ hoặc loại kim, trên mặt khắc chữ, cắt ra làm đô, triều đình và viên quan ngoài phiên trấn mỗi bên giữ một nửa. Mỗi khi triều đình có hạ mệnh lệnh cho viên quan phiên trấn nào, thì sai trung sứ cầm một nửa phù hiệu đi để làm ghi dấu. Khi tới nơi, viên quan phiên trấn đem một nửa phù hiệu mình giữ kháp với một nửa phù hiệu mà trung sứ mang đi, để phân biệt sự thật hay giả. Ngược lại, khi viên quan triều trấn sai người về tâu việc ở triều đình cũng theo thể thức ấy.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XXI

Từ tháng 10 mùa đông năm Đinh Hợi, Quang Thuận thứ 8 (1467) đến năm Canh Dần, Hồng Đức nguyên niên (1470) đời Lê Thánh Tông, gồm 3 năm lẻ.

⎈

Tháng 10, mùa đông. Người nước Ai Lao xin phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua không nhận.

Ai Lao từ khi thua trận ở Khâu Lao[1], bộ lạc tan vỡ, đến nay, tên Hô Lung, một đảng trong bộ lạc, mới xin phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua cho rằng bọn ấy là người mê muội, bụng dạ không nhất định, nên từ chối không nhận.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 3 (Tiền biên VI, 9-10).

Thi khảo các quân sĩ về võ nghệ, định lệnh thưởng phạt khác nhau.

Nhà vua chuẩn định ba năm một kỳ thi khảo các quân sĩ về võ nghệ. Cứ đến mùa đông từng kỳ, hạ lệnh cho quan khảo xét sự giảng tập của quân thủy, quân bộ, quân thị hậu và quân ngoài các đạo, nhân đấy định cách thức thưởng phạt: binh sĩ nào thắng luôn 4 tao được thưởng một chiếc áo và một quan năm tiền sử tiền; 3 tao thắng 1 tao bình, được thưởng một chiếc áo; 2 tao thắng 2 tao bình, được thưởng 6 tiền sử tiền; 1 tao thắng, 3 tao bình, được thưởng 3 tiền sử tiền; 4 tao đều bình được cấp cho tiền cơm là 20 đồng sử tiền. Ngược lại, binh sĩ nào thua cũng phải phạt như thế.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các vệ các ti Thần võ, Du nỗ, Thần tí, Vũ Lâm và Ngũ Oai; mỗi khi binh sĩ đến phen túc trực, đều thay đổi từng ban chuyên tập võ nghệ; binh sĩ ở vệ Ngũ Oai và các sở Súng Nỗ thuộc các vệ ở các đạo ngoài kinh thành đều được nghỉ việc sai phái về tạp dịch, liệu lượng định số người canh giữ, còn bao nhiêu người đều phải chuyên tập võ nghệ, ban nào tập xong, quan sẽ xét duyệt lại và thưởng phạt theo như lệ định.

Lời chua - Sử tiền, cổ tiền: Sách Vân Đài loại ngữ của Lê Quý Đôn chép: "Người Trung quốc tính một trăm đồng là một tiền, nước ta tính mỗi tiền 36 đồng, gọi là sử tiền, mỗi tiền 60 đồng, gọi là cổ tiền. Như vậy, 10 tiền của sử tiền, hay là cũng gọi một quan sử tiền, tức là 6 tiền của cổ tiền; còn 10 tiền của cổ tiền tức là 1 quan 6 tiền 40 đồng[2] của sử tiền. Sử tiền còn có tên riêng là tiền gián; cổ tiền tên riêng là tiền quý.

Vệ Ngũ Oai: Các vệ Phấn Oai, Chấn Oai, Hùng Oai, Lôi Oai và Tuyên Oai gọi là vệ Ngũ Oai, đều thuộc ngũ phủ quân. Xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chính biên XX, 3-5).

Dời quân doanh trấn thủ An Bang đến Bài Lẫm.

Lời chua - Bài Lẫm: Nay không khảo cứu được.

Thừa chính sứ Thanh Hóa dâng một sọt tơ ươm bằng cái kén của thứ sâu ở đồng nội, nhà vua không nhận.

Lời chua - Thừa chính sứ Thanh Hóa: Không rõ tên.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XX tờ 17 việc hiệu úy Hoàng Liễn đánh bộ lạc Ai Lao ở Khâu Lao.

[2] Con số này sử Cương mục chép sai, chính ra phải là một quan 6 tiền 24 đồng mới đúng.

Bột Lân, thổ tù nhà Minh, xâm phạm châu Hạ Lang.

Bột Lân, thổ quan châu An Bình nhà Minh, đem tám ngàn quân, ba trăm ngựa xâm phạm châu Hạ Lang, bị quân ta đánh bại, bọn Bột Lân phải chạy về, chia nhau giữ cửa biên giới, Trấn thủ Thái Nguyên là bọn Đào Viện và Lê Bá Đạt xin đưa thư cho Lân hỏi về duyên cớ khởi binh. Nhà vua y cho.

Lê Luyện, tổng binh Lạng Sơn, cho người chạy ngựa về kinh báo cáo về việc tổng binh tỉnh Quảng Tây nhà Minh điều động tập họp mười ba vạn binh mã đóng châu Ngô, châu Tầm nói phao lên là sửa sang khe cừ cầu đường ở các nơi ven biển để đem quân đánh giặc Mán ở Liêm Châu. Nhà vua hạ lệnh cho các quan trong triều hội bàn, Thái bảo là bọn Nguyễn Lỗi đều nói: "Nước ta chỉ nên giữ cửa ải cho kiên cố, việc bọn kia làm, không có gì đáng lo ngại".

Lời chua - Châu Hạ Lang: Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 3 (Chính biên III, 3).

Châu An Bình: Theo Đại Thanh nhất thống chí: Châu An Bình thuộc phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây.

Châu Ngô, châu Tầm: Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chính biên III, 18-19).

Liêm Châu: Tức Thái Bình quân, xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 2 (Chính biên I, 25-26).

Lạng Sơn: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19, 31).

Trăm quan dâng tờ biểu xin nhà vua xưng đúng tôn hiệu; nhà vua không nhận lời.

Trước kia, khi Thái Tổ lên ngôi vua, bầy tôi làm tờ biểu dâng đế[1] hiệu, Thái Tổ nhún nhường không chịu nhận, phàm cho ban hành tờ chiếu tờ cáo đều xưng là vương[2]; đến đời Thái Tông, Nhân Tông vẫn theo vương hiệu. Kịp khi nhà vua vào triều đường nối ngôi vua, Lễ bộ thị lang Lương Như Hộc và Nguyễn Đình Mỹ thường lấy cớ là thời tiết hòa thuận, hòa cốc phong đăng, muôn dân yên lành, mọi vật sinh nở, xin dâng tôn hiệu; nhà vua không nhận lời. Đến nay, đại thần và trăm quan dâng biểu cố xin. Nhà vua nói: "Tôn hiệu hoàng đế, trẫm chưa dám nói đến. Nay trẫm xưng với quần thần là hoàng thượng, xưng ở nhà thái miếu là tự hoàng, như thế cũng đã đủ phân biệt với hiệu "vương"[3] của các vương khác rồi, các ngươi nên thể tất ý của trẫm.

Đợi mấy năm sau nữa, nếu thấy trên được trời giúp, dưới được dân yên, mưa thuận, gió hòa, nước nhỏ mến đức, nước lớn sợ oai, lúc bấy giờ bàn đến tôn hiệu". Trăm quan lại dâng biểu xin rằng: "Bệ hạ đã xứng ở ngôi chí tôn, cần phải xưng tôn hiệu một cách chính xác". Nhà vua không theo.

Lời cẩn án - Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, Lê Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) bầy tôi làm tờ biểu dâng đế hiệu, vua Thái Tổ nhún nhường không nhận, phàm tờ chiếu, tờ cáo đều xưng "đại vương". Như thế, đủ tỏ ra rằng đời Lê Thái Tổ chưa xưng đế hiệu; đến như việc xưng hiệu của Thái Tông và Nhân Tông tuy không có văn kiện rõ rệt, nhưng cứ xem như Thánh Tông lên ngôi vua đến nay đã 8 năm, bầy tôi mới xin dâng đế hiệu, thì có thể biết rằng nhà Lê từ Thái Tông, Nhân Tông trở về trước đều xưng vương hiệu. Tuy thế, Thánh Tông đối với bầy tôi xưng là hoàng

---

[1] Chữ "đế" chữ "vương" đều nghĩa là vua, nhưng theo đẳng cấp thời phong kiến thì "đế" là hoàng đế (vua một nước lớn) dùng vũ lực bắt nước nhỏ phải phụ thuộc vào nước mình và hằng năm phải cống nạp. "Vương" là quốc vương (vua một nước nhỏ), phải chịu vua nước lớn phong cho. Nhưng đối với nước lớn tuy xưng là "vương" mà đối với thần dân nước mình thì lại xưng là hoàng đế. Có khi cũng dùng vũ lực bắt nước nhỏ khác phải lệ thuộc vào nước mình và phong vương cho nước nhỏ ấy.

[2] Chữ "đế" chữ "vương" đều nghĩa là vua, nhưng theo đẳng cấp thời phong kiến thì "đế" là hoàng đế (vua một nước lớn) dùng vũ lực bắt nước nhỏ phải phụ thuộc vào nước mình và hằng năm phải cống nạp. "Vương" là quốc vương (vua một nước nhỏ), phải chịu vua nước lớn phong cho. Nhưng đối với nước lớn tuy xưng là "vương" mà đối với thần dân nước mình thì lại xưng là hoàng đế. Có khi cũng dùng vũ lực bắt nước nhỏ khác phải lệ thuộc vào nước mình và phong vương cho nước nhỏ ấy.

[3] Chữ "vương" này chỉ có nghĩa là một nước, về phần vinhự thì hơn cả tước công tước hầu, nhưng không phải là vua một nước. Ví dụ: như Hưng đạo vương Quốc Tuấn triều Trần, Cung vương Khắc Xương triều Lê.

thượng, đấy là nghĩa thông thường, còn đối với nhà thái miếu mà xưng là tự hoàng, thì thấy nghĩa ở kinh điển nào? Sau này đối với nhà thái miếu lại còn xưng là quốc hoàng[1] nữa. Đến như tờ chế, tờ cáo ban cho bầy tôi cũng xưng là hoàng thượng[2], thì thật không có kinh điển nào cả. Vì thế nên người làm vua lúc bắt đầu xây dựng công việc, cần nhất là phải kê cứu vào điển lễ đời cổ.

Tháng 11. Xét tội những tù phạm hiện giam trong ngục.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho tể thần[3] lúc xét tội những tù phạm hiện giam, phải có quan chức của Đại lý tự, nếu người có tội kêu là xét oan, thì cho quan chức của Đại lý tự cùng người có tội biện bạch bẻ bác với nhau.

Nguyễn Phục, đô chỉ huy, giữ việc vâng tờ chiếu của vua xét hỏi hình ngục mà không khám xét được mau chóng, để việc hình ngục phần nhiều đình trệ. Nhà vua hạ lệnh cho gián quan[4] là bọn Trần Thốc xét hỏi về tội chậm trễ của Nguyễn Phục.

Thi nho thần[5] ở Phượng Nghi đường.

Nhà vua cho triệu những người trước đã đỗ tiến sĩ hện làm việc ở các nha môn là bọn Lê Đình Tuấn cùng với bí thư giám là bọn Lương Thế Vinh, cộng 30 người, đến Phượng Nghi đường. Nhà vua ra đầu bài để khảo thí bọn này. Trong số ấy có thị chế Dương Như Châu vì học nghiệp không tiến, phải xuất ra làm Hồng lô tự thừa.

Lời chua - Phượng Nghi đường: Nay không khảo cứu được.

Khôi phục quan chức cho Nguyễn Như Đổ.

Nguyễn Như Đổ trước kia làm thượng thư bộ Lại, vì lựa chọn ghi chú việc bổ dụng người không được minh bạch, nên bị cất chức, đến đây nhà vua lại triệu vào triều cho khôi phục lại chức cũ.

Nguyễn Như Đổ thường xin cho giáo thụ[6] được cất nhắc lên chức tri huyện[7]. Nhà vua nói: "Giáo thụ cần phải để giữ chức vụ lâu dài, mới có thể mong họ giáo dục học trò thành người tài giỏi được. Nhà ngươi giữ chức vụ lựa chọn cân nhắc để bổ sung các chức, nếu dám có điều gì thay đổi, tội ấy không phải nhỏ đâu!".

Nguyễn Như Đổ thường xin cho Quản lãnh[8] Lê Bốc được giữ chức Tổng tri[9], nhà vua nói: "Lê Bốc có bệnh tê, yếu đuối không thể làm gì được; thế mà nhà ngươi hai ba lần xin cất nhắc hắn lên, nhà ngươi thật là một viên quan gian giảo".

Lời phê - Đã biết là người gian giảo, sao lại còn dùng?

Xét duyệt số hộ người Chiêm Thành.

Khoảng niên hiệu Thái Hòa (1443-1453), người Chiêm Thành sang quy phụ nước ta, tất cả trai gái hơn 200 người, lúc ấy đã phân phối họ đến ở các đạo. Nay nhà vua hạ lệnh xét duyệt số hộ khẩu của

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXI tờ 7 ở dưới.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XXI tờ 7 ở dưới.

[3] Xem chú thích ở Chính biên quyển VIII, tờ 35.

[4] Viên quan giữ việc can ngăn vua.

[5] Bầy tôi có văn học.

[6] Viên quan chuyên giữ việc dạy học trò.

[7] Viên quan cai trị trong một huyện, giữ công việc hành chính.

[8] Theo binh chế đời Lê Thánh Tông, đặt ngũ phủ quân, mỗi phủ 6 vệ. Tổng tri là chức đứng đầu một vệ; mỗi vệ có 5 sở hoặc 6 sở, Quản lãnh là chức đứng đầu một sở.

[9] Theo binh chế đời Lê Thánh Tông, đặt ngũ phủ quân, mỗi phủ 6 vệ. Tổng tri là chức đứng đầu một vệ; mỗi vệ có 5 sở hoặc 6 sở, Quản lãnh là chức đứng đầu một sở.

họ có bao nhiêu người, định cách kiềm chế để họ được theo một phạm vi nhất định; cấm nhà quan, nhà tư không được dùng họ làm nô tì.

Hoàng trùng phát sinh ở Bắc Đạo.

Ở Bắc Đạo nhiều nơi phát sinh hoàng trùng. Thừa chính sứ là bọn Lê Văn Khác không biết đem việc ấy tâu bày, chỉ ngồi nhìn sự tai hại của dân, nên mỗi người đều bị giáng chức một cấp.

Nhà vua nhận thấy cái thành ở hoàng cung vừa thấp vừa nhỏ, hạ lệnh cho bọn Trịnh Công Lộ, hữu đô đốc phủ Đông quân, đốc thúc quân ngũ phủ đắp thành ấy; sau đó vì năm ấy dân bị đói, giá gạo cao, bèn thôi không đắp nữa.

Lời chua - Bắc Đạo: Xem Lê Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên XV, 5).

Tháng 12. Làm lễ tế hưởng về mùa đông, bắt đâu từ lễ này trong chúc từ xưng là "Hiếu tôn quốc hoàng".

Trước đây, tế ở thái miếu, trong chúc từ xưng là tự hoàng[1], đến nay tế về tiết mùa đông, xưng là hiếu tôn quốc hoàng[2]. Danh hiệu "quốc hoàng" bắt đầu từ đây. Còn những tờ chế, tờ cáo ban cấp bầy tôi đều xưng là "hoàng thượng chế cáo". Tờ chế, tờ cáo xưng là hoàng thượng cũng bắt đầu từ đấy.

Lời phê - Hai chữ "quốc hoàng" rất trái nghĩa và quê mùa. Như thế, sao lại gọi là người sùng thượng văn học được?

Khôi phục quan chức cho Lê Thiệt.

Trước đây, Thiệt giữ chức Tây quân tả đô đốc, can tội tham tang, bị bãi[3]. Đến nay, nhà vua xét thấy tài của Thiệt có thể dùng được, hạ lệnh cho trả lại chế mệnh phong cho Thiệt mà bị thu hồi từ trước.

Hạ chiếu cho các quan đề cử những viên huyện lệnh cương trực.

Nhà vua hạ lệnh cho các quan trong triều xét những viên huyện lệnh nào là người cương trực dám đấu chọi với kẻ gian tà, thì mỗi viên quan trong triều đều được đề cử một người. Lúc ấy, Nguyễn Như Đổ, thượng thư bộ Lại, đề cử bọn Nguyễn Thế Mỹ tám người để ứng tuyển. Nhà vua xét thấy những người ấy đều mới ra làm quan, tài cán tầm thường, nên lại hạ lệnh cho cử lấy mười người hiện làm quan trong kinh từ hàng ngũ phẩm trở xuống. Lúc ấy Thái bảo Lê Niệm cử Công khoa cấp sự trung Lương Thế Vinh; Đô đốc Trịnh Văn Sái cử Hội khoa cấp sự trung Đặng Thục Giáo; Thượng thư Trần Phong cử Thượng bảo tự khanh Dương [Tông] Hải[4]. Nhà vua xem tờ tâu của bọn Lê Niệm, thấy những người được đề cử nhiều người làm quan không xứng với chức vụ, bèn lựa bỏ họ tên bọn Lương Thế Vinh, chỉ để lại tên hai người ở trong hàng tuyển cử, là: giáo thụ Nguyễn Nhân Tùy và Tri huyện Đinh Bô Cương. Nhân đấy, nhà vua phê rằng: "Lục bộ, lục khoa và Ngự sử đài nếu ai đề cử không phải người tốt, sẽ luận vào tội giáng chức hoặc bãi chức, nếu cử được người xứng đáng, quyết nhiên sẽ được trọng thưởng". Rồi sai trung quan đem lời phê ấy bảo cho quần thần biết, thì không ai là không phục tài xét đoán sáng suốt của nhà vua.

Lời phê - Tình trạng lúc bấy giờ thế nào khó biết rõ được, mà chỉ thấy làm như thế, thì việc ấy ta cũng chưa thể tin được[5].

Lời chua - Đinh Bô Cương: Người làng Cao Môn, huyện Thanh Chương[1].

---

[1] Ông vua thừa kế cơ nghiệp của tổ tiên.

[2] Người cháu hiếu thảo làm vua một nước.

[3] Việc Lê Thiệt bị bãi, xem thêm Chính biên quyển XX, tờ 26.

[4] Toàn thư chép: Dương Tông Hải, sách Cương mục tránh tên húy của nhà Nguyễn, nên chép là Dương Hải.

[5] Nguyên văn lời phê bằng chữ Hán như thế này: "Đương thời tình trạng như hà, nan tri, nhi độ vân vân, ngô tư chi vị năng tín". Chúng tôi nhận thấy 10 chữ ở hai câu cuối, nghĩa rất lờ mờ, khó hiểu. Sách Cương mục nêu lời phê nàyở đầu dòng chỗ xóa bỏ tên Lương Thế Vinh, chỉ đề tên Nguyễn Nhân Tùy và Đinh Bô Cương. Như thế có thể hiểu hai câu này nghĩa là: "mà chỉ xóa tên người này đề tên người khác vân vân... thì ta chưa dám tin việc làm ấy đã là chính đáng", hay "chưa dám tin đã là sáng suốt".

Mở khoa thi hoành từ.

Quan viên từ tứ phẩm trở xuống đều được dự thi, số ứng thi gồm 30 người họp ở Phượng Nghi đường, nhà vua tự mình thân ra đầu bài thi. Khoa thi này, bọn Lang trung Nguyễn Tường và Lê Đình Tuấn, Tri huyện Nguyễn Nhân Thiếp và Đào Thuấn Cử, Viên ngoại lang Phạm Như Lam và Trần Quý Huyền đều dự trúng tuyển. Tất cả những người này đều được vào học tại Bí thư giám.

Lời chua - Phép thi khoa hoành từ: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì thí sinh dự khoa hoành từ phải làm các bài thơ, phú, tán, tụng, ca, châm, không có thể thức nhất định.

Nguyễn Tường: Người làng Cao Cương, huyện Tân Phong, đỗ Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

Đào Thuấn Cử: Người làng Thuần Khang, huyện Siêu Loại, đỗ đồng Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466) năm Quang Thuận.

Hạ chiếu chọn các quan trong kinh thành ngoài các đạo lấy người nào có đức nhân từ, khoan hậu, sáng suốt, thành thực để bổ vào làm việc ở ty hình ngục.

Lúc ấy, Lang trung và Viên ngoại lang ở Bộ Hình là bọn Phạm Cấm và Đàm Văn Thông xét việc hình ngục phần nhiều oan uổng và quá đáng. Những người bị xử oan, thường thường kêu nài, cáo tố ở nơi triều đường. Nhà vua lấy làm chán ghét, nên hạ lệnh cho Nguyễn Như Đổ chọn các viên chức trong kinh thành, ngoài các đạo người nào có đức nhân từ, khoan hậu, sáng suốt, thành thực thì cất nhắc lên để thay thế bọn kia.

Lời chua - Phạm Cấm: Người làng Vân Nội, huyện Chương Đức, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

Bảo Tỉ[2] truyền quốc đã khắc xong.

Trước đây, bàn về việc khắc bảo tỉ truyền quốc, nhà vua bảo bọn tể thần nên dùng những chữ "Thiên nam hoàng đế chi bảo". Nguyễn Cư Đạo, quyền Thượng thư bộ hộ, cho rằng hai chữ "Thiên nam" hầu như chữ mới sáng tác, không bằng chữ "Thuận thiên thừa vận chi bảo" đối với nghĩa được xác đáng hơn. Nhà vua sai bầy tôi hội bàn. Bí thư giám học sĩ là bọn Lương Như Học tâu nói: "Tham khảo trong sách Văn hiến thông khảo (Trung Quốc) thì nên dùng những chữ "Hoàng đế thụ mệnh chi bảo". Việc khắc chữ vào bảo tỉ lúc ấy mới quyết định. Nhà vua mới làm lễ cáo nhà thái miếu để khắc chữ. Đến nay bảo tỉ đã khắc xong, lại ra lệnh cho thái sư Đinh Liệt đem lòng kính cẩn của nhà vua làm lễ cáo nhà thái miếu.

Lê Bá Tu, giám sát ngự sử Nam Đạo, phải giáng chức làm tri châu.

Lê Bá tu làm ngự sử dâng sớ cực lực nói về việc sai lầm về chính sự lúc bấy giờ, lời sớ trái ngược với ý nhà vua, nên Bá Tu bị xuất ra làm tri châu Lộng Nguyên, phủ Bắc Bình.

Lời chua - Châu Lộng Nguyên: Từ đời nhà Lý trở về trước gọi là châu Quảng Nguyên; nhà Lê, năm Quang Thuận đổi là châu Lộng Nguyên, năm Hồng Đức đổi làm châu Quảng Uyên; nay đổi làm huyện, thuộc tỉnh Cao Bằng[3].

Khơi vét Liên Cảng ở Thuận Hóa cùng các cảng ở Thanh Hóa và Nghệ An.

Lời chua - Liên cảng: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 2 (Chính biên XII, 5).

---

[1] Nay thuộc huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

[2] Cái ấn (con dấu) của vua gọi là bảo tỉ.

[3] Nay huyện Quảng Uyên hợp nhất với huyện Phú Hòa thành huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Các cảng ở Thanh Hóa: Ngọc Giáp cảng ở huyện Quảng Xương; Lẫm Cảng và Chiếu Bạch cảng đều ở huyện Tống Sơn; Vi cảng ở huyện Hoằng Hóa; Linh Trường cảng ở huyện Hậu Lộc; Thần Phù cảng ở huyện Nga Sơn; Hải Yến cảng ở huyện Đông Sơn; Đồng Hòa cảng và Trầm Mông cảng đều ở huyện Ngọc Sơn.

Các cảng ở Nghệ An: Xước cảng và Tang cảng đều ở huyện Quỳnh Lưu; My cảng ở huyện An Thành; Thiết cảng, Hương Cái cảng và Đích cảng đều ở huyện Hưng Nguyên; Na cảng ở huyện Cẩm Xuyên; Lạc cảng ở huyện Kỳ Anh.

Mậu Tí, năm thứ 9 (1468). (Minh, năm Thành Hóa thứ 4). Tháng giêng, mùa xuân. Định thể lệ thuyên chuyển cất nhắc những viên quan giữ chức nơi biên viễn.

Trước đây, có sắc lệnh cho viên quan nào giữ chức ở nơi biên viễn đủ 9 năm thì được điều động giữ chức ở nơi kinh huyện[1]. Đến nay nhà vua ra sắc lệnh: phàm quan viên giữ việc ở nơi biên viễn lam chướng, người nào biết hết lòng vỗ về thương yêu nhân dân, không những nhiễu về việc thúc giục tô thuế mà thuế khóa vẫn được đủ số, thì khi mãn hạn 6 năm chuẩn cho được đổi về chỗ thủy thổ lành; nếu người nào thác thốn, thì lại đổi đi nơi biên viễn, đợi đủ 6 năm sẽ lượng xét để cho thuyên chuyển.

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn. Định thể thức về thư khế.

Hồi đầu triều Lê, thư khế ở dân gian chưa có thể thức nhất định. Đến nay nhà vua hạ lệnh cho bộ Lễ bàn định thể thức văn khế[2] để ban hành ở dân gian.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh.

Nhà vua cùng Hoàng thái tử, Kỳ quận công Lê Niệm và bầy tôi tùy tùng là bọn Lê Hoằng Dục, Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo, vua tôi thay đổi nhau liên tục làm bài ca, sáng tác tập thơ Anh khoa hiếu trị.

Lời chua - Lê Hoằng Dục: Người làng Hải Lịch, huyện Lôi Dương, con một công thần khai quốc là Lê Văn Linh.

Đỗ Nhuận: Người Kim Hoa, đỗ đồng tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466) năm Quang Thuận.

Tháng 10, mùa đông. Trần Phong phạm tội, giao xuống cho Hình quan xét nghĩ.

Lúc ấy, Lê Bô phạm tội tham tang, phải luận vào tội kình[3]. Trần Phong xin cho Lê Bô được nộp tiền chuộc tội. Nhà vua bảo bầy tôi trong triều rằng: "Trần Phong xin cho người can tội tham tang được nộp tiền chuộc, như thế thì người giàu có nhiều của đút lót mà khỏi tai vạ, người nghèo vì không có tiền mà chịu tội lỗi, thế là Trần Phong dám làm trái cả phép tắc của tổ tông, thiện tiện tác uy tác phúc, để làm hại cả nước. Vậy hạ lệnh cho pháp ti xét xử trị tội theo những luật định".

Trần Phong là người hay ton hót. Lúc ấy bố người vợ cả của vua là Nguyễn Đức Trung và cậu vua là Nguyễn Yên vừa có quyền thế vừa được vua yêu không ai sánh bằng. Phong dùng mánh khoé siểm nịnh để phụng sự hai người này. Một hôm, vì dư luận áp bức, Phong phải đàn hặc sự trái phép của Đức Trung; chiều hôm ấy, Phong đến nhà Đức Trung để xin lỗi. Phong lại thường xin dâu gia với Nguyễn Yên, suốt ngày đứng lạy ở sân nhà Nguyễn Yên, Yên mới nhận lời. Nhà vua bảo với Nguyễn Như Đổ rằng: "Trần Phong là người ngoài mặt làm ra nghiêm nghị, mà trong bụng thì nhu ác, phát ngôn một

---

[1] Chữ "kinh huyện" triều Hậu Lê, không thấy tài liệu nào giải nghĩa rõ. Chúng tôi tham khảo Hội Điển triều Nguyễn (quyển XI tờ 5, phần Lại bộ quan chế) thì thấy những huyện Hương Trà, Quảng Điền và Hương Thủy thuộc phủ Thừa Thiên gọi là "Kinh huyện" nghĩa là huyện ở liền kinh kỳ. Viên quan Tri huyện ở kinh huyện phẩm trật cao hơn các viên huyện khác một bậc. Như vậy, ta có thể hiểu "kinh huyện" triều Hậu Lê tức là huyện Thọ Xương và Quảng Đức ở liền kinh thành Thăng Long.

[2] Lời giao ước viết thành văn, như sau này người bán ruộng đất hoặc vay nợ phải viết văn khế giao cho chủ mua, chủ nợ giữ.

[3] Một tội trong ngũ hình (kình, tị, phi, cung và đại tích) đời cổ. Người bị luận vào tội này, phải chịu thích chữ vào trán rồi đổ mực lên trên.

cách sơ suất. Đến như hắn ton hót phụng sự bọn quyền quý: liếm mụn cho Đức Trung, mút ung thư cho Nguyễn Yên[1] đấy là mánh khoé sở trường của hắn dùng để tiến lên chức quan cao cả".

Bổ dụng Phạm Phổ, thái tử thị giảng[2], làm quan chỉ huy.

Phổ, trước đây đỗ tiến sĩ, từng giữ chức quan thái tử thị giảng. Đến nay 3 lần dâng tờ tâu xin bổ sung chức quan võ, nhà vua khen là người có chí, cho nên được đặt cách bạt bổ. Tiến sĩ được cất nhắc sang chức quan võ bắt đầu từ đây.

Phổ muốn cho quyền vị của mình được vững vàng, mới nịnh hót nương nhờ mụ Đồng Đào là huy nhân trong bọn nữ quan, cầu xin với mụ ấy đem con gái mình tiến nạp vào trong cung. Nhà vua dụ bảo bầy tôi trong triều rằng: "Phổ chỉ là một người bầy tôi hại nước mà thôi". Sau nhà vua bãi chức quan chỉ huy của Phổ.

Lời chua - Phạm Phổ: Người làng An Bài, huyện Bình Lục.

Huy nhân: Theo quan chế đời Hồng Đức, Huy nhân là quan hàm của nội mạng phụ[3], phẩm trật vào hàng tùng tam phẩm.

Tháng 11. Người hoạn giả là Phan [Tông] Trinh[4] phạm tội, giao xuống quan giữ hình ngục xét, luận vào tội chết.

Lúc ấy, hoạn giả là bọn Nguyễn Thư, Chu Đức Đại, Dương Minh Phong, Ngô Át và Phan Trinh can tội ăn của đút. Pháp ti luận Phan Trinh vào tội tử hình, còn bọn Nguyễn Thư đều được theo sự khoan hồng giảm nhẹ tội. Ngự sử là bọn Trần Thốc và Nguyễn Văn Chất nói: "Bọn Nguyễn Thư, Phan Trinh đều là thân phận là người gần vua mà ăn của đút, quan giữ việc pháp luật cầm cán cân công bằng, đáng phải luận bọn này vào tử hình, nay nghị bọn Nguyễn Thư được theo sự khoan hồng giảm nhẹ tội, mà một mình Phan Trinh bị tử hình, như thế thì pháp luật không làm cho thiên hạ tin là công bằng được". Nhà vua nói: "Bọn Nguyễn Thư ăn của đút, tội của chúng đáng phải chết, nay ta không giết, là còn mong một ngày kia chúng đổi lỗi, để phòng có khi sai khiến đến. Còn như Phan (Tông) trinh làm con nuôi của hoạn quan tên là Hiền, sau khi tên Hiền chết, Trinh lấy cướp vợ của Hiền; năm trước Trinh lại giao hợp đùa bỡn với một cung nữ, hai tội ấy đều nặng cả, nay luận vào tội chết là đáng lắm".

Kỷ Sửu, năm thứ 10 (1469). (Minh, năm Thành Hóa thứ 5). Tháng 2 nhuận, mùa xuân. Cấm tiềm tàng đồ binh khí.

Nhà vua dụ bảo các quan văn, võ: "Trẫm nối ngôi vua, giữ cơ nghiệp lớn đến nay đã được lâu năm, trong nước bình yên, không phải dùng đến binh cách. Vậy hạ lệnh cho trong nước không ai được cất giấu đồ binh khí ở trong nhà".

Nhà vua ra sắc lệnh dụ bảo quân dân trong nước: "Những thứ áo giáp, mũ trụ, để làm cho dung nghi quân sĩ được hùng mạnh: như nón thủy ma, nón sơn đỏ, là thứ nón của thân quân được đội để túc trực bảo vệ kinh thành. Thế mà nay ở hàng chợ, ở dân gian phần nhiều mua bán thứ nón ấy, thì không lấy gì mà phân biệt được hình sắc quân sĩ, cần phải cấm chỉ việc mua bán ấy".

---

[1] Hai câu này do thành ngữ "doãn ung thị trĩ" (mút ung thư, liếm mủ máu), đời xưa dùng để chửi độc địa những hạng tìm mọi cách đê hèn bẩn thỉu, nịnh hót người quyền quý để cầu giàu sang.

[2] Chức quan có nhiệm vụ giảng giải mọi điều cho Thái tử hiểu. Thường lấy những người có văn học. Cũng gọi là Đông cung Thị giảng.

[3] Xem chú thích số 3 Chính biên quyển XI, tờ 44 về chữ nội mạng phụ.

[4] Nguyên văn chép "hoạn giả Phan Trinh", dưới đoạn văn này lại chép việc: "Phan Trinh lấy cướp vợ hoạn quan tên là Hiền". Đã là "hoạn giả" hoặc "hoạn quan", sao lại có vợ? Tham khảo Toàn thư chép thì Phan Tông Trinh là "nội thần", Hiền là "nội quan". Chữ "nội thần" hoặc "nội quan" theo nghĩa trong Từ thư: bầy tôi thân cận ở nơi cung cấm của vua chúa, nhưng cũng có triều gọi hoạn quan là nội thần hoặc nội quan. Vậy chữ hoạn giả và hoạn quan chép ở đoạn văn này tưởng nên hiểu nghĩa như chữ nội thần và nội quan mà Toàn thư đã chép.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các vệ, các ti, các sở: "Nếu khí giới có hao mòn, khuyết mẻ, đều đem đến kho khố để tu tạo lại theo như quy thức, không ai được thiện tiện đem đến các nơi nhà công, nhà lính ở ngoài thành để sửa chữa hoặc làm mới. Người nào trái lệnh sẽ bị luận vào tội lưu".

Định thể lệ về việc ban cấp chế, cáo và sắc.

Theo thể lệ cũ, những sắc chỉ, ân mệnh do triều đình ban cấp cho các quan: ban cấp cho quan văn hàng nhất phẩm, dùng chế; ban cấp cho quan võ hàng nhất, nhị phẩm, quan văn hàng nhị tam pẩm, dùng cáo; ban cấp cho quan võ hàng tam phẩm, quan văn hàng tứ, ngũ phẩm, dùng sắc. Ngoài ra đều ban cấp khám hợp. Đến nay, nhà vua ra sắc lệnh nghị định: Phàm tước công, tước hầu, tước bá cấp bằng chế mệnh; văn, võ trăm quan từ nhị phẩm trở lên cấp bằng cáo mệnh; tam, tứ và ngũ phẩm cấp bằng sắc mệnh giấy rồng (long tiên); lục và thất phẩm cấp bằng sắc mệnh hắc lạn; bát và cửu phẩm cấp khám hợp.

Lời chua - Long tiên: Giấy vàng, điểm vết bạc lưa thưa và vẽ hình con rồng.

Hắc lạn: Giấy vàng, chung quanh bôi đen.

Khám hợp: Giấy trắng viết chữ đen. Cũng như bằng cấp sau này.

Tháng 3. Nhà vua tuần du Bình Than, bèn đi đánh Bồn Man.

Lời chua - Bình Than: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Bồn Man: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chính biên XVIII, 8).

Người Chiêm Thành sang lấn cướp Hóa Châu.

Định bản đồ trong nước.

Nhà vua định bản đồ 12 thừa tuyên như sau này:

I[1]- Thanh Hóa quản lĩnh 4 phủ, 16 huyện, 4 châu;

II- Nghệ An quản lĩnh 8 phủ, 18 huyện, 2 châu;

III- Thuận Hóa quản lĩnh 2 phủ, 7 huyện, 4 châu;

IV- Nam Sách nay đổi làm Hải Dương, quản lĩnh 4 phủ, 18 huyện;

V- Thiên Trường nay đổi làm Sơn Nam, quản lĩnh 11 phủ, 42 huyện;

VI- Quốc Oai nay đổi làm Sơn Tây, quản lĩnh 6 phủ, 24 huyện;

VII- Bắc Giang nay đổi làm Kinh Bắc, quản lĩnh 4 phủ, 19 huyện;

VIII- An Bang quản lĩnh 1 phủ, 3 huyện, 4 châu;

IX- Tuyên Quang quản lĩnh 1 phủ, 2 huyện, 5 châu;

X- Hưng Hóa quản lĩnh 3 phủ, 4 huyện, 17 châu;

XI- Lạng Sơn quản lĩnh 1 phủ, 7 châu;

XII- Thái Nguyên nay đổi làm Ninh Sóc, quản lĩnh 3 phủ, 8 huyện, 7 châu;

Lại đổi Trung đô phủ làm Phụng Thiên, quản lĩnh 2 huyện.

Lời chua -

I- Thanh Hóa bốn phủ:

[1] Những chữ số La Mã chua ở trang này cũng như các trang sau, từ I đến XII nguyên văn không có, ở đây chúng tôi đánh số thêm vào để tiện việc khảo cứu, còn phủ Phụng Thiên, vì không liệt vào 12 thừa tuyên nên để riêng không đánh số.

- Phủ Thiệu Thiên quản lĩnh 8 huyện: Thụy Nguyên, Vĩnh Phúc, Đông Sơn, Lôi Dương, An Định, Cẩm Thủy, Thạch Thành và Quảng Bình;

- Phủ Hà Trung quản lĩnh 4 huyện: Hoằng Hóa, Thuần Khang, Nga Sơn và Tống Sơn;

- Phủ Tĩnh Gia quản lĩnh 3 huyện: Nông Cống, Ngọc Sơn và Quảng Xương;

- Phủ Thanh Đô quản lĩnh 1 huyện: Thọ Xuân, và 4 châu: Quan Da, Lang Chánh, Tàm Châu và Sầm Châu.

II- Nghệ An tám phủ:

- Phủ Đức Quang quản lĩnh 6 huyện: Thiên Lộc, La Sơn, Chân Phúc, Thanh Chương, Hương Sơn và Nghi Xuân;

- Phủ Diễn Châu quản lĩnh 2 huyện: Đông Thành và Quỳnh Lưu;

- Phủ Anh Đô quản lĩnh 2 huyện: Hưng Nguyên và Nam Đường;

- Phủ Hà Hoa quản lĩnh 2 huyện: Thạch Hà và Kỳ Hoa;

- Phủ Trà Lân quản lĩnh 4 huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Vĩnh Khang và Hội Ninh;

- Phủ Quỳ Châu quản lĩnh 2 huyện: Trung Sơn và Thúy Vân;

- Phủ Ngọc Ma quản lĩnh 1 châu: Trịnh Cao;

- Phủ Lâm An quản lĩnh 1 châu: Quy Hợp.

III- Thuận Hóa hai phủ:

- Phủ Triệu Phong quản lĩnh 6 huyện: Đan Điền, Kim Trà, Tư Vinh, Hải Lăng, Vũ Xương, Điện Bàn và 2 châu: Thuận Bình, Sa Bôi;

- Phủ Tân Bình quản lĩnh 2 huyện: Khang Lộc, Lệ Thủy và 2 châu: Minh Linh, Bố Chính.

IV- Hải Dương bốn phủ:

- Phủ Thượng Hồng quản lĩnh 3 huyện: Đường Hào, Đường An và Cẩm Giàng;

- Phủ Hạ Hồng quản lĩnh 4 huyện: Gia Phúc, Tứ Kỳ, Thanh Miện và Vĩnh Lại;

- Phủ Nam Sách quản lĩnh 4 huyện: Thanh Hà, Thanh Lâm, Tiên Ninh và Chí Linh;

- Phủ Kinh Môn quản lĩnh 7 huyện: Giáp Sơn, Đông Triều, An Lão, Nghi Dương, Kim Thành, Thủy Đường và An Dương.

V- Sơn Nam mười một phủ:

- Phủ Thường Tín quản lĩnh 3 huyện: Thanh Đàm, Thượng Phúc và Phú Xuyên;

- Phủ Ứng Thiên quản lĩnh 4 huyện: Thanh Oai, Chương Đức, Sơn Minh và Hoài An;

- Phủ Lỵ Nhân quản lĩnh 5 huyện: Nam Xang, Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm và Bình Lục;

- Phủ Khoái Châu quản lĩnh 5 huyện: Đông An, Kim Động, Tiên Lữ, Thiên Thi và Phù Dung;

- Phủ Thiên Trường quản lĩnh 4 huyện: Nam Chân, Giao Thủy, Mỹ Lộc và Thượng Nguyên;

- Phủ Nghĩa Hưng quản lĩnh 4 huyện: Đại An, Vọng Doanh, Thiên Bản và Ý Yên;

- Phủ Thái Bình quản lĩnh 4 huyện: Thụy Anh, Phụ Dực, Quỳnh Côi và Đông Quan;

- Phủ Tân Hưng quản lĩnh 4 huyện: Ngự Thiên, Duyên Hà, Thần Khê và Thanh Lan;

- Phủ Kiến Xương quản lĩnh 3 huyện: Thư Trì, Vũ Tiên và Chân Định;

- Phủ Trường An quản lĩnh 3 huyện: Gia Viễn, Yên Mô và Yên Khang;

- Phủ Thiên Quan quản lĩnh 3 huyện: Phụng Hóa, An Hóa và Lạc Thổ.

VI- Sơn Tây sáu phủ:

- Phủ Quốc Oai quản lĩnh 5 huyện: Từ Liêm, Phúc Lộc, Yên Sơn, Thạch Thất và Đan Phượng;

- Phủ Tam Đái quản lĩnh 6 huyện: An Lãng, An Lạc, Bạch Hạc, Tiên Phong, Lập Thạch và Phù Khang;

- Phủ Lâm Thao quản lĩnh 4 huyện: Sơn Vi, Thanh Ba, Hoa Khê và Hạ Hoa;

- Phủ Đoan Hùng quản lĩnh 5 huyện: Đông Lan, Tây Lan, Sơn Dương, Đương Đạo và Tam Dương;

- Phủ Đà Dương quản lĩnh 2 huyện: Tam Nông và Bất Bạt;

- Phủ Quảng Oai quản lĩnh 2 huyện: Mỹ Lương và Minh Nghĩa.

VII- Kinh Bắc bốn phủ:

- Phủ Từ Sơn quản lĩnh 5 huyện: Đông Ngàn, Yên Phong, Tiên Du, Võ Giàng và Quế Dương;

- Phủ Thuận An quản lĩnh 5 huyện: Gia Lâm, Siêu Loại, Văn Giang, Gia Định và Lang Tài;

- Phủ Bắc Hà quản lĩnh 3 huyện: Kim Hoa, Hiệp Hòa và Yên Việt;

- Phủ Lạng Giang quản lĩnh 6 huyện: Phượng Nhỡn, Hữu Lũng, Yên Dũng, Bảo Lộc, Yên Thế và Lục Ngạn.

VIII- An Bang một phủ:

- Phủ Hải Đông quản lĩnh 3 huyện: Hoa Phong, Yên Hưng, Hoành Bồ và 4 châu: Tân Yên, Vạn Ninh, Vân Đồn, Vĩnh An.

IX- Tuyên Quang một phủ:

- Phủ Yên Bình quản lĩnh 1 huyện: Yên Phúc và 5 châu: Thu Vật, Lục Yên, Vị Xuyên, Đại Man và Bảo Lạc.

X- Hưng Hóa ba phủ:

- Phủ Quy Hóa quản lĩnh 3 huyện: Trấn Yên, Yên Lập, Văn Chấn và 2 châu: Văn Bàn, Thủy Vĩ;

- Phủ Gia Hưng quản lĩnh 1 huyện: Thanh Xuyên và 5 châu: Phù Hoa, Mộc Châu, Việt Châu, Mai Châu, Thuận Châu;

- Phủ Yên Tây quản lĩnh 10 châu: Lai Châu, Luân Châu, Quỳnh Nhai, Chiêu Tấn, Hợp Phì, Kiêm Châu, Tuy Phụ, Hoàng Nham, Lễ Toàn và Tung Lăng.

XI- Lạng Sơn một phủ:

- Phủ Trường Khánh quản lĩnh 7 châu: Lộc Bình, Văn Uyên, Thoát Lãng, Thất Tuyền, Văn Lan, Yên Bác và Ôn Châu.

XII- Ninh Sóc ba phủ:

- Phủ Phú Bình quản lĩnh 7 huyện: Bình Tuyền, Phổ Yên, Đồng Hỉ, Tư Nông, Đại Từ, Phú Lương, Văn Lãng và 2 châu: Vũ Nhai, Định Hóa;

- Phủ Thông Hóa quản lĩnh 1 huyện: Cảm Hóa và 1 châu: Bạch Thông;

- Phủ Cao Bằng quản lĩnh 4 châu: Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm và Quảng Uyên.

Phụng Thiên một phủ:

- Quản lĩnh 2 huyện: Thọ Xương và Quảng Đức.

Xét[1]:

I. Thanh Hóa: Đời Hùng Vương xưa Thanh Hóa thuộc bộ Cửu Chân; nhà Tần, thuộc Tượng Quận; nhà Hán, là quận Cửu Chân; Ngô, Tấn, và Tống cũng theo tên cũ của Hán; Lương Võ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu; nhà Tùy lại gọi là Cửu Chân quận; nhà Đường chia đặt làm 2 quận: Ái Châu và Cửu Chân.

Nhà Đinh và nhà Lê gọi Thanh Hóa là Ái Châu; nhà Lý đổi làm trại, năm Thiên Thành thứ hai đổi làm Thanh Hoa phủ; Nhà Trần năm Nguyên Phong thứ 6 gọi là Trại; khoảng năm Thiệu Phong lại đổi làm lộ, chia đặt 3 phủ là: Thanh Hoa, Cửu Chân và Ái Châu; năm Quang Thái thứ 10 đặt trấn Thanh Đô, đem 3 phủ này lệ-thuộc vào trấn ấy; nhuận Hồ đổi phủ Thanh Hóa làm phủ Thiên Xương, hợp với Cửu Chân, Ái Châu làm tam phụ, gọi là Tây Đô; thuộc Minh lại hợp lại làm phủ Thanh Hóa; nhà Lê năm Thuận Thiên nguyên niên đổi thuộc đạo Hải Tây; năm Thiệu Bình thứ 2, Thanh Hóa có 6 phủ lệ thuộc là: Thiệu Thiên, Hà Trung, Tĩnh Gia, Thanh Đô, Trường Yên và Thiên Quan; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Thanh Hóa thừa tuyên; đến đây trích 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan cho lệ thuộc vào Sơn Nam; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; khoảng giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn; sau khi Lê Trung Hưng đặt làm Thanh Hoa nội trấn, rồi lại trích lấy 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan ở Sơn Nam cho lệ thuộc vào, gọi là Thanh Hoa ngoại trấn; nhà Ngụy Tây đem Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc vào Bắc Thành; bản triều năm Gia Long

---

[1] Đoạn văn dưới đây, sử gia chép sự duyên cách của 12 thừa tuyên và phủ Phụng Thiên từ đời Hùng Vương đến đời Tự Đức, tức là đến thời gian biên soạn bộ Cương mục này. Về các triều nhà Hồ, nhà Mạc và nhà Tây Sơn, họ chép là nhuận Hồ, ngụy Mạc và ngụy Tây vì quan điểm của sử gia thời phong kiến họ cho các triều ấy là tiếm ngụy không phải chính thống. Ở đây chúng tôi cũng phải buộc lòng dịch theo nguyên văn, không hề thay đổi.

Những năm có sự thay đổi của từng địa phương từ đời Đinh đến đời Tự Đức, chúng tôi theo thứ tự từng triều đại trước sau mà chua thêm năm dương lịch chung cả ở đây để tiện khảo cứu.

Đinh (968-980). Tiền Lê (980-1009).

Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên 14 (1023); năm Thiên Thành thứ 2 (1029); Lý Thái Tông (1028-1054); Lý Nhân Tông (1072-1127); Lý Anh Tông năm Đại Định thứ 10 (1149). Trần Thái Tông năm Thiên Ứng chính bình thứ 11 (1242), năm Nguyên Phong thứ 6 (1256); năm Thiên Bảo (1279-1284); năm Hưng Long thứ 15 (1307); khoảng năm Thiệu Phong (1341-1357); năm Long Khánh thứ 3 (1375); năm Quang Thái thứ 10 (1397).

Nhà Hồ (1400-1407); Thuộc Minh (1407-1427).

Nhà Lê, năm Thuận Thiên nguyên niên (1428); năm Thiệu Bình thứ 2 (1435); khoảng năm Diên Ninh (1454-1459); năm Quang Thuận thứ 7 (1466), năm Hồng Đức thứ 21 (1490); khoảng năm Hồng Thuận (1509-1516).

Nhà Mạc (1527-1593).

Lê Trung Hưng, năm Quang Hưng thứ 16 (1593); năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677); năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741), năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786).

Nhà Tây Sơn (1790-1802).

Nhà Nguyễn Thái Tổ Gia Dụ (1558-1613) Hi Tông Hiếu văn (1614-1635); Gia Long nguyên niên (1802); Minh Mệnh năm thứ 2 (1821); Thiệu Trị năm thứ 3 (1843); Tự Đức năm thứ 6 (1853).

nguyên niên vẫn gọi là trấn và đem Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc vào; năm thứ 5 đổi ngoại trấn làm Thanh Bình đạo; năm Minh Mệnh thứ 2 đổi làm Ninh Bình đạo; năm thứ 10 đứng riêng làm Ninh Bình trấn; năm thứ 12 chia thành hai quản hạt: nội trấn làm Thanh Hoa tỉnh; ngoại trấn là Ninh Bình tỉnh; năm Thiệu Trị thứ 3 đổi nội trấn làm Thanh Hóa tỉnh.

II. Nghệ An: Đời Hùng Vương xưa, Nghệ An thuộc đất Việt Thường; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, là huyện Hàm Hoan thuộc quận Cửu Chân; nhà Ngô chia Cửu Chân đặt làm quận Cửu Đức; nhà Tấn, nhà Tống vẫn theo như nhà Ngô; nhà Lương chia đặt làm Đức Châu, Lỵ Châu và Minh Châu; nhà Tùy năm Khai Hoàng thứ 8 đổi Đức Châu làm Hoan Châu, Lỵ Châu làm Trí Châu; năm Đại Nghiệp thứ 3 hợp cả Minh Châu, Trí Châu và Hoan Châu, đổi lệ thuộc quận Nhật Nam; nhà Đường, niên hiệu Vũ Đức chia quận Nhật Nam đặt làm Nam Đức châu, Lạo châu, Minh Châu và Hoan Châu, năm Trinnh Quán nguyên niên đổi Đức Châu lại làm Hoan Châu, còn Hoan Châu cũ thì đổi làm Diễn Châu; năm thứ 16 bỏ Diễn Châu hợp vào Hoan Châu; hồi đầu năm Thiên Bảo lại đổi là Hoan Châu, lệ thuộc vào quận Nhật Nam; từ năm Kiền Nguyên trở về sau gọi là Hoan Châu, rồi bỏ Tri Châu mà cho lệ thuộc vào Hoan Châu; năm Quảng Đức thứ hai chia Hoan Châu đặt quận Long Trì thuộc Diễn Châu, lại gọi là quận Diễn Thủy.

Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Hoan Châu; nhà Lý đổi làm trại; năm Thiên Thành thứ 2 đổi tên là Nghệ An[1], mà Diễn Châu thì đứng riêng làm châu; nhà Trần, năm Nguyên Phong thứ 6 lại gọi là trại, năm Long Khánh thứ 3 đổi Diễn Châu làm Diễn Châu lộ, chia Hoan Châu làm 4 lộ: Nhật Nam và Nghệ An nam, Nghệ An bắc, Nghệ An trung, cũng gọi là Nghệ An phủ; năm Quang Thái thứ 10 đổi Nghệ An làm Lâm An trấn, Diễn Châu làm Vọng An trấn; đời nhuận Hồ đổi Diễn Châu làm Linh Nguyên phủ, cùng với Thanh Hóa, Cửu Chân, Ái Châu gọi là tứ phụ; thuộc Minh lại đổi làm 2 phủ Diễn Châu và Nghệ An; nhà Lê, năm Thuận Thiên nguyên niên thuộc đạo Hải Tây; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Nghệ An thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; khoảng giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn; ngụy Tây đổi làm Trung Đô, lại gọi là Nghĩa An trấn; bản triều năm Gia Long nguyên niên lại đặt làm Nghệ An trấn; năm Minh Mệnh thứ 12 chia đặt 2 tỉnh: Nghệ An và Hà Tĩnh; năm Tự Đức thứ 6 đổi tỉnh Hà Tĩnh làm đạo, hợp vào Nghệ An; năm thứ 29 lại đặt tỉnh Hà Tĩnh như cũ.

III. Thuận Hóa: Đời Hùng Vương xưa, Thuận Hóa là nước Việt Thường; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, là quận Nhật Nam; nhà Tấn, là nước Lâm Ấp; nhà Tùy năm Đại Nghiệp nguyên niên đổi đặt là quận Tị Ảnh; cuối đời nhà tùy lại mất về Lâm Ấp; nhà Đường, khoảng niên hiệu Trinh Quán vỗ yên được Lâm Ấp, lại đặt làm Nam Ảnh châu; nhà Tống là Chiêm Thành, những đất Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính, Ô Châu và Lý Châu đều thuộc vào địa bàn này.

Lý Thái Tông thân đi đánh Chiêm Thành, chúa Chiêm Thành dâng 3 châu; Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính; Lý Nhân Tông đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Ma Linh làm châu Minh Linh, Bố Chính làm châu Bố chính; Trần Anh Tông năm Hưng Long thứ 15 đem 2 châu Ô và Lý đặt làm Thuận Châu và Hóa Châu; Duệ Tông năm Long Khánh thứ đổi Lâm Bình làm Tân Bình; thuộc Minh chia đặt làm 2 phủ: Tân Bình và Thuận Hóa; hồi đầu triều Lê đổi làm 2 lộ: Tân Bình và Thuận Hóa, thuộc đạo Hải Tây; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Thuận Hóa thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ quản lĩnh 2 phủ: Tân Bình và Thiệu Phong; khoảng giữa niên hiệu Hồng Thuận gọi là trấn; bản triều, Thái tổ Gia dụ hoàng đế trấn trị phương nam, dựng đô thành ở Thuận Châu, Hi Tông hiếu văn hoàng đế đem đất Nam Bố Chính đặt Bố Chính doanh, lấy sông Gianh làm giới mốc, còn Bắc Bố Chính thuộc về Nghệ An; năm Cảnh Hưng thứ 47 quân nhà Trịnh vào xâm lấn, đặt làm xứ Thuận Hóa; năm Gia Long nguyên niên chia đặt 3 doanh "trực lệ"[2] là: Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Đức; năm Minh Mệnh thứ 2 đổi doanh Quảng Đức làm phủ Thừa Thiên; năm thứ 8 đổi doanh Quảng Trị làm trấn Quảng Trị, doanh Quảng Bình làm trấn Quảng Bình, đều bớt bỏ 2 chữ "trực lệ", năm thứ 12 đổi trấn Quảng Trị làm tỉnh Quảng Trị, trấn Quảng Bình làm

---

[1] Đại Nam nhất thống chí chép: Năm Thông Thụy thứ 3 (1036), đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu và chua rằng: Tên "Nghệ An" bắt đầu từ đấy, Tham khảo Lý Nhân Tông kỷ trong sách Cương mục này cũng chép việc đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu trại nhằm năm Thông Thụy thứ 3 (Xem thêm Chính biên quyển II tờ 40). Cùng một bộ sách Cương mục chép về sự duyên cách của một địa phương, mà mỗi nơi chép một khác, xa cách nhau hàng 6 năm, không rõ thế nào là đúng, sẽ khảo cứu sau.

[2] Trực thuộc thẳng vào với kinh sư.

tỉnh Quảng Bình; năm Tự Đức thứ 6 đổi tỉnh Quảng Bình làm đạo, hợp vào phủ Thừa Thiên; năm thứ 29 lại đặt tỉnh Quảng Trị như cũ.

IV. Hải Dương: Đời Hùng Vương xưa, Hải Dương là bộ Dương Tuyền; nhà Tần, thuộc quận Nam Hải; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Đường đặt Hải Môn trấn, lại gọi là Hồng Châu.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý cũng theo như nhà Đinh; nhà Trần đổi làm các lộ: Hồng Châu thượng, Hồng Châu hạ và Nam Sách thượng, Nam Sách hạ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm Hải Đông trấn; thuộc Minh, đổi thuộc 2 phủ Lạng Giang và Tân An; nhà Lê, năm Thuận Thiên thuộc Đông Đạo; khoảng niên hiệu Diên Ninh chia làm 2 lộ: Nam Sách thượng và Nam Sách hạ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Nam Sách thừa tuyên: đến đây đổi làm Hải Dương thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; khoảng giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn; ngụy Mạc lấy Nghi Dương1 làm Dương Kinh, trích phủ Thuận An ở kinh Bắc và các phủ Khoái Châu, Tân Hưng2, Kiến Xương, Thái Bình ở Sơn Nam cho lệ thuộc vào Dương Kinh; nhà Lê, khoảng niên hiệu Quang Hưng lại đổi làm trấn theo nguyên như cũ: năm Cảnh Hưng thứ 2 chia làm 4 đạo: Thượng Hồng, Hạ Hồng, Đông Triều và An Lão; ngụy Tây đem phủ Kinh Môn đổi thuộc vào Yên Quảng; bản triều năm Gia Long nguyên niên lại đem Kinh Môn thuộc về trấn cũ và lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi Thượng Hồng làm phủ Bình Giang, Hạ Hồng làm phủ Ninh Giang, còn hai đạo Đông Triều và An Lão thì đặt làm hai huyện; năm thứ 12 chia đứng riêng thành một hạt và đổi làm tỉnh Hải Dương.

V. Sơn Nam: Đời Hùng Vương xưa, Sơn Nam thuộc bộ Giao Chỉ; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, lại thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Tấn đặt huyện Nam Định; nhà Lương và nhà Tùy thuộc quận Ninh Hải; nhà Đường, niên hiệu Vũ Đức đổi đặt làm Long Châu và Tống Châu; niên hiệu Trinh Quán chia đặt hai huyện Tống Bình và Nam Định; niên hiệu Trinh Nguyên hợp vào huyện Nam Định.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê đổi làm lộ; nhà Lý theo như nhà [Tiền] Lê; nhà Trần hồi đầu năm Thiên ứng chính bình gọi là lộ Thiên Trường; sau lại chia thành 2 lộ: Kiến Xương và An Tiêm, rồi lại đổi làm các lộ Hoàng Giang, Sơn Nam, Long Hưng và Khoái Châu; năm Quang Thái thứ 10 đổi các lộ làm trấn; thuộc Minh, là các phủ Trấn Nam, Phụng Hóa, Kiến Xương và Giao Châu; nhà Lê, năm Thuận Thiên, lệ thuộc vào Nam đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Thiên Trường thừa tuyên; đến đây, là Sơn Nam thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn; ngụy Mạc đem các lộ Thái Bình, Kiến Xương, Long Hưng và Khoái Châu lệ thuộc vào Hải Dương; nhà Lê, năm Cảnh Hưng thứ 2 chia làm 2 lộ Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ, trích lấy 2 phủ Tràng An và Thiên Quan đặt làm Thanh Hoa ngoại trấn: ngụy Tây đổi làm 2 trấn Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ: bản triều, năm Gia Long nguyên niên đem 2 trấn thượng và hạ lệ thuộc vào Bắc thành; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi thượng trấn làm Sơn Nam trấn, hạ trấn làm Nam Định trấn; năm thứ 12 tách 3 huyện Hưng Nhân, Duyên Hà và Thần Khê thuộc phủ Tiên Hưng, trấn Nam Định và 5 huyện Đông An, Kim Động, Thiên Thi, Tiên Lữ và Phù Dung thuộc phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam, đặt làm tỉnh Hưng Yên; còn 3 phủ Ứng Hòa, Lý Nhân và Thường Tín thuộc trấn Sơn Nam và huyện Từ Liêm thuộc phủ Quốc Oai và trấn Sơn Tây đổi thuộc vào phủ Hoài Đức, đặt làm tỉnh Hà Nội; lại đem bốn phủ Thiên Trường, Nghĩa Hưng, Kiến Xương và Thái Bình thuộc trấn Nam Định và huyện Thanh Quan thuộc phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam đổi thuộc vào phủ Kiến Xương, đặt làm tỉnh Nam Định.

VI. Sơn Tây: Đời Hùng Vương xưa, Sơn Tây thuộc bộ Châu Diên; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô đặt làm quận Tân Hưng thuộc Giao Châu; nhà Tấn đổi làm quận

---

[1] Tham khảo Chính biên quyển XXVII tờ 15 và Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn đều chép Mạc Đăng Dung lấy Hải Dương làm Dương Kinh; ngay trong quyển này tờ 26 ở dưới cũng chép nhà Mạc đem các lộ Thái Bình, Kiến Xương, Long Hưng và Khoái Châu lệ thuộc vào Hải Dương. Ở đây chép "Nghi Dương" là chép lầm chữ Hải Dương ra Nghi Dương.

[2] Ở đây chép Tân Hưng, đến tờ 26 ở dưới trình bày về vị trí Sơn Nam lại chép là Long Hưng. Tuy chép khác nhau nhưng vẫn là một, vì tên đất này nguyên trước là làng Đa Cương, nhà Trần đổi làm phủ Long Hưng, nhà Hồ đổi làm Tân Hưng, đến nhà Lê đổi làm Tiên Hưng xem thêm Chính biên quyển VI tờ 28. Nay gồm các huyện Hưng Hà, Tiên Hưng cũ (nay thuộc Đông Hưng), Thái Ninh cũ (nay thuộc Thái Thụy).

Tân Xương; nhà Tống và nhà Tề cũng theo như nhà Tấn; nhà Trần (Trung Quốc) đặt làm Hưng Châu; nhà Tùy đổi làm Phong Châu; nhà Đường lại đặt làm Giao Châu thuộc đạo Lĩnh Nam.

Nhà Đinh, nhà [Tiền] Lê và nhà Lý gọi là đạo Đà Giang; nhà Trần chia đặt làm các lộ Tam Giang, Tam Đái, Quảng Oai và Quốc Oai; năm Quang Thái thứ 10 đổi các lộ làm trấn; hồi đầu triều Lê, là các lộ Quốc Oai thượng, Quốc Oai trung và Quốc Oai hạ, thuộc về Tây Đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đổi làm Quốc Oai thừa tuyên đạo; đến đây đặt làm Sơn Tây thừa tuyên đạo; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn; bản triều Gia Long nguyên niên lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi làm tỉnh Sơn Tây, nhưng trích lấy huyện Từ Liêm cho lệ thuộc vào tỉnh Hà Nội và huyện Tam Nông cho lệ thuộc vào tỉnh Hưng Hóa.

VII. Kinh Bắc: Đời Hùng Vương xưa, Kinh Bắc thuộc bộ Vũ Ninh; nhà Tần, thuộc đất Tượng quận; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Tấn, nhà Tùy và nhà Đường cũng theo như nhà Ngô.

Nhà Đinh đổi làm Bắc Giang đạo; nhà [Tiền] Lê đổi làm lộ; nhà Lý theo như nhà [Tiền] Lê; nhà Trần gọi là Bắc Giang lộ, lại gọi là Kinh Bắc lộ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn; thuộc Minh đổi làm hai phủ Bắc Giang và Lạng Sơn; năm Thuận Thiên nguyên niên thuộc về Bắc đạo; khoảng năm Thiệu Bình gọi là hai lộ: Bắc Giang thượng và Bắc Giang hạ; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Bắc Giang thừa tuyên; đến đây đổi làm Kinh Bắc thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn; ngụy Mạc đem phủ Thuận An đổi thuộc vào Hải Dương; nhà Lê [trung hưng], năm Quang Hưng thứ 16 lại theo là trấn như cũ; bản triều, năm Gia Long nguyên niên, vẫn là Kinh Bắc trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi làm Bắc Ninh trấn; năm thứ 12 đổi làm Bắc Ninh tỉnh.

VIII. An Bang: Đời Hùng Vương xưa, An Bang thuộc bộ Ninh Hải; nhà Tần, thuộc quận Nam Hải; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Lương, là quận Hải Ninh thuộc Hoàng Châu; nhà Tùy gọi là quận Ninh Việt, nhà Đường gọi là quận Ngọc Sơn thuộc Lục Châu. Nhà Đinh và nhà [Tiền] Lê trở về trước gọi là trấn Triều Dương; Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 14 đổi Triều Dương trấn làm Vĩnh An châu; Anh Tông năm Đại Định thứ 10 lập Vân Đồn trang; Trần Thái Tông năm Thiên ứng chính bình thứ 11, là Hải Đông lộ; Dụ Tông năm Thiệu Phong thứ 5 đặt Vân Đồn trấn; thuộc Minh là châu Tĩnh An thuộc phủ Tân An; nhà Lê năm Thuận Thiên nguyên niên gọi là An Bang thuộc về Đông Đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đặt An Bang thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn; ngụy Mạc đem hai châu Thạch Tích, Niêm Lăng và bốn động Cổ Sâm, Ti Lẫm, Kim Lặc, Liễu Cát dâng cho nhà Minh; nhà Lê, sau khi trung hưng, vì tránh tên húy Lê Anh Tông, đổi làm An Quảng; ngụy Tây đem phủ Kinh Môn thuộc trấn Hải Dương cho lệ thuộc vào An Quảng; bản triều, năm Gia Long nguyên niên lại đem Kinh Môn lệ thuộc vào Hải Dương, nhưng lấy một phủ Hải Đông làm An Quảng trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi làm Quảng Yên trấn; năm thứ 12 chia quản hạt gọi là Quảng Yên tỉnh.

IX. Tuyên Quang: Đời Hùng Vương xưa, Tuyên Quang thuộc bộ Vũ Định; nhà Tần, thuộc quận Nam Hải; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Đường, là Dương Châu.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý theo như nhà Đinh; nhà Trần gọi là Tuyên Quang châu thuộc lộ Quốc Oai; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn; thuộc Minh, là Tuyên Quang phủ; hồi đầu triều Lê, thuộc Tây đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Tuyên Quang thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm Minh Thuận trấn; bản triều, năm Gia Long nguyên niên lại gọi là Tuyên Quang trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi làm Tuyên Quang tỉnh.

X. Hưng Hóa: Đời Hùng Vương xưa, Hưng Hóa thuộc bộ Tân Hưng; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Tùy và nhà Đường, là Chi Châu.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý chia làm hai châu: Lâm Tây và Đăng Châu; nhà Trần thuộc đạo Đà Giang; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn Thiên Hưng; thuộc Minh đặt làm hai châu: Gia Hưng và Quy Hóa; nhà Lê, năm Thuận Thiên đặt hai lộ: Gia Hưng và Quy Hóa, thuộc Tây đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đổi làm Hưng Hóa thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn; giữa năm Cảnh Hưng, các châu Tung Lăng, Lễ Tuyền, Hoàng Nham, Hợp Phì,

Tuy Phụ và Khiêm Châu bị nhà Thanh chiếm đem sáp nhập vào tỉnh Vân Nam; bản triều, năm Gia Long nguyên niên vẫn là trấn, lệ thuộc về Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 đem huyện Tam Nông thuộc Sơn Tây lệ thuộc về Hưng Hóa và đổi làm Hưng Hóa tỉnh.

XI. Lạng Sơn: Đời Hùng Vương xưa, Lạng Sơn thuộc bộ Lục Hải; nhà Tần, là quận Nam Hải; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Ngô, thuộc Giao Châu; nhà Tùy và nhà Đường vẫn theo như nhà Ngô.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý, là lộ; hồi đầu triều nhà Trần, là Lạng Giang lộ; năm Quang Thái thứ 10 đổi làm trấn; nhà nhuận Hồ cắt 59 thôn của châu Lộc Bình cho lệ thuộc vào châu Tư Minh nhà Minh; thuộc Minh, là Lạng Sơn phủ; hồi đầu triều Lê, thuộc Bắc đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Lạng Sơn thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; giữa năm Hồng Thuận đổi làm trấn; bản triều, năm Gia Long nguyên niên vẫn là trấn, thuộc về Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi làm Lạng Sơn tỉnh.

XII. Ninh Sóc: Đời Hùng Vương xưa, Ninh Sóc thuộc bộ Vũ Định; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Đường, là châu Vũ Nga.

Nhà Đinh chia làm đạo; nhà [Tiền] Lê và nhà Lý, là Thái Nguyên châu; nhà Trần, năm Quang Thái thứ 10 đổi làm Thái Nguyên trấn; thuộc Minh, là phủ; hồi đầu triều Lê, thuộc về Bắc đạo; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Thái Nguyên thừa tuyên; đến đây đổi làm Ninh Sóc thừa tuyên, đem phủ Bắc Bình lệ thuộc vào; giữa niên hiệu Hồng Đức đổi Bắc Bình phủ làm Cao Bằng phủ, vẫn lệ thuộc vào Ninh Sóc; năm Vĩnh Trị thứ 2 dẹp được nhà Mạc, bình định được cả bốn châu1 thuộc Cao Bằng, mới đặt riêng làm Cao Bằng trấn, chỉ để hai phủ Phú Bình và Thông Hóa lệ thuộc vào trấn Thái Nguyên; bản triều, năm Gia Long nguyên niên vẫn là trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 đổi Thái Nguyên trấn làm Thái Nguyên tỉnh, Cao Bằng trấn làm Cao Bằng tỉnh.

Phụng Thiên: Đời Hùng Vương xưa, Phụng Thiên thuộc bộ Giao Chỉ; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán đổi thuộc Long Biên; nhà Ngô, là lỵ sở Giao Châu; nhà Đường đặt làm An Nam Đô hộ phủ.

Nhà Đinh và nhà [Tiền] Lê, thuộc đạo Giao Châu; nhà Lý, năm Thuận Thiên (1010) đóng kinh đô ở đây, gọi là thành Thăng Long, lại gọi là Nam Kinh; nhà Trần, năm Thiệu Bảo, là Trung Kinh, sau đổi làm Đông Đô; thuộc Minh, là phủ trị Giao Châu, gọi là thành Đông Quan; nhà Lê lại đóng kinh đô gọi là Thăng Long; năm Quang Thuận thứ 7 đặt Trung Đô phủ, quản lĩnh hai huyện: Quảng Đức và Vĩnh Xương; đến đây đổi làm phủ Phụng Thiên; ngụy Tây gọi là Bắc Thành; bản triều, năm Gia Long nguyên niên đặt Bắt Thành tổng trấn, đem Phụng Thiên lệ thuộc vào Bắc Thành; năm thứ 4 đổi Thăng Long ____ làm Thăng Long ____, phủ Phụng Thiên làm phủ Hoài Đức; năm Minh Mệnh thứ 12 trích lấy huyện Từ Liêm thuộc phủ Quốc Oai trấn Sơn Tây cho thuộc vào phủ Hoài Đức, lệ thuộc tỉnh Hà Nội.

✵

Phủ Thiệu Thiên[2] nay là phủ Thiệu Hóa; huyện Vĩnh Phúc nay là huyện Vĩnh Lộc; huyện Quảng Bình nay là huyện Quảng Địa, lại đổi là Quảng Tế; huyện Thuần Lộc nay là huyện Hậu Lộc; phủ Thanh Đô nay chia làm hai phủ: Quảng Hóa và Thọ Xuân; còn các châu Quan Da, Tàm Châu và Sầm Châu nay đều lệ thuộc vào châu Quan Hóa. Những phủ, huyện và châu trên này đều thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Huyện Kỳ Hoa nay là huyện Kỳ Anh; phủ Hà Hoa nay là phủ Hà Thanh, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Phủ Trà Lân nay là phủ Tương Dương; Ngọc Ma nay là hai phủ: Trấn Biên và Trấn Định; Lâm An nay là phủ Trấn Tĩnh; huyện Chân Phúc nay là huyện Chân Lộc;

---

[1] Tức châu Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang.

[2] Từ đây trở xuống, sử gia chua sự thay đổi của từng phủ huyện từ ngày Lê Thánh Tông đặt 12 thừa tuyên (Xem Cương mục XXI, 16-19 ở trên) đến đời Tự Đức, tức là thời kỳ biên soạn bộ Cương mục này. Tên và vị trí các phủ huyện ấy, hiện nay (1998) đã có một số đổi khác, nếu chỗ nào biết được rõ, chúng tôi cũng chú thích ở dưới.

huyện Hội Ninh nay là huyện Hội Nguyên; phủ Anh Đô nay là phủ Anh Sơn; huyện Vĩnh Khang nay là huyện Vĩnh Hòa. Đều thuộc tỉnh Nghệ An.

Thuận Hóa nay là đất Thừa Thiên, Quảng Trị và Quảng Bình; huyện Đan Điền nay là hai huyện: Quảng Điền và Phong Điền; huyện Kim Trà nay là hai huyện Hương Trà và Hương Thủy; huyện Tư Vinh nay là hai huyện: Phú Vinh và Phú Lộc. Đều thuộc phủ Thừa Thiên.

Huyện Vũ Xương nay là huyện Đăng Xương; châu Minh Linh nay là hai huyện: Minh Linh và Do Linh. Đều thuộc tỉnh Quảng Trị.

Huyện Khanh Lộc nay là hai huyện: Phong Lộc và Phong Đăng; châu Bắc Bố chính nay là hai huyện: Bình Chính và Minh Chính; châu Nam Bố chính nay là huyện Bố Trạch. Đều thuộc tỉnh Quảng Bình.

Phủ Thượng Hồng nay là phủ Bình Giang; phủ Hạ Hồng nay là phủ Ninh Giang; huyện Gia Phúc nay là huyện Gia Lộc. Đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Phủ Ứng Thiên nay là phủ Ứng Hòa; phủ Lỵ Nhân nay là phủ Lý Nhân. Đều thuộc tỉnh Hà Nội[1].

Huyện Phù Dung nay là huyện Phù Cừ; phủ Tân Hưng nay là phủ Tiên Hưng; huyện Ngự Thiên nay là huyện Hưng Nhân. Đều thuộc tỉnh Hưng Yên[2].

Huyện Vọng Doanh nay là huyện Phong Doanh; huyện Thanh Lan nay là huyện Thanh Quan. Đều thuộc tỉnh Nam Định[3].

Phủ Trường Yên nay là phủ Yên Khánh; huyện Yên Khang nay là huyện Yên Khánh; huyện Lạc Thổ nay là huyện Lạc An. Đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

Phủ Tam Đái nay là phủ Vĩnh Tường; huyện Phù Khang nay là huyện Phù Ninh; huyện Hoa Khê nay là huyện Cẩm Khê; huyện Hạ Hoa nay là huyện Hạ Hòa; huyện Đông Lan nay là huyện Hùng Quan; huyện Tây Lan nay là huyện Tây Quan; huyện Minh Nghĩa nay là huyện Tùng Thiện. Đều thuộc tỉnh Sơn Tây[4].

Kinh Bắc nay là tỉnh Bắc Ninh; Bắc Hà nay là phủ Đa Phúc; huyện Gia Định nay là huyện Gia Bình; huyện Kim Hoa nay là huyện Kim Anh. Đều thuộc tỉnh Bắc Ninh[5].

An Bang nay là tỉnh Quảng Yên; huyện Hoa Phong nay là huyện Nghiêu Phong, thuộc tỉnh Quảng Yên.

Châu Bảo Lạc nay là hai huyện: Để Định và Vĩnh Điện, thuộc tỉnh Tuyên Quang.

Huyện Thanh Xuyên nay là huyện Thanh Sơn; châu Phù Hoa nay là châu Phù Yên. Đều thuộc tỉnh Hưng Hóa[6].

Chân Thất Tuyền nay là huyện Thất Khê; châu Văn Lan nay là huyện Văn Quan; châu An Bác nay là huyện An Bác. Đều thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Ninh Sóc nay là tỉnh Thái Nguyên; huyện Bình Tuyền nay là huyện Bình Xuyên, thuộc tỉnh Thái Nguyên[1].

---

[1] Ứng Hòa, tục gọi phủ Đình, nay thuộc tỉnh Hà Tây; Lý Nhân nay là huyện, thuộc tỉnh Hà Nam.

[2] Tiên Hưng và Hưng Nhân nay thuộc tỉnh Thái Bình.

[3] Phong Doanh nay thuộc tỉnh Nam Định. Thanh Quan thuộc tỉnh Thái Bình.

[4] Vĩnh Tường nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Phù Ninh, Cẩm Khê, Hạ Hòa, Hùng Quan, Tây Quan nay thuộc tỉnh Phú Thọ. Tùng Thiện nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[5] Đa Phúc và Kim Anh. Nay thuộc Thành phố Hà Nội.

[6] Huyện Thanh Sơn nay thuộc tỉnh Phú Thọ. Phù Yên nay thuộc tỉnh Sơn La.

Phủ Cao Bằng nay là tỉnh Cao Bằng; ba châu Thượng Lang, Hạ Lang và Quảng Uyên nay đều đổi làm huyện, thuộc tỉnh Cao Bằng.

Phủ Phụng Thiên nay đổi là phủ Hoài Đức; huyện Quảng Đức nay là huyện Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Xương nay là huyện Thọ Xương. Đều thuộc tỉnh Hà Nội[2].

Tháng 11, mùa đông. Đại xá.

Nhà vua hạ chiếu đại xá và đổi niên hiệu, lấy sang năm làm năm Hồng Đức nguyên niên.

Tháng 12. Hạ chiếu cho các phủ và huyện khuyên nhủ dân làm ruộng và trồng dâu.

Nhà vua chú ý về việc làm ruộng: trước đây đã hạ lệnh cho bộ Hộ tùy theo địa thế hoặc khơi hoặc lấp những đường nước ở ruộng nương, không để cho chỗ nào ngập lụt hoặc khô cạn; lại đưa công văn về thừa ti các xứ bắt phải khám xét kỹ đê điều ở các sông, nếu có chỗ nào lúa má bị ngập lụt hoặc ruộng đất bị bỏ hoang, thì tâu bày để nhà vua biết. Đến đây hạ chiếu cho phủ huyện phải xét ruộng nương đất cát, khuyên bảo đôn đốc dân làm ruộng trồng dâu.

Canh Dần, năm Hồng Đức nguyên niên (1470). (Minh, năm Thái Hòa thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhắc rõ lại lệnh cấm những người có việc tang và việc hôn nhân mà làm trái lễ phép.

Trước đây nhà vua ra sắc lệnh cho các hạng quan lại, nếu có người nào được cất nhắc thì trước hết bộ Lại phải xét hỏi xem người ấy quả có hạnh kiểm thực sự, việc hôn nhân giá thú theo đúng như nghi lễ đã định, mới chuẩn cho thực thụ thăng trật, nếu là người trái với nghi lễ, sẽ luận vào tội mặc[3] và tội đồ[4].

Đến đây lại ra sắc lệnh:

Tang ba năm, là lễ tang suốt mọi người phải theo, không ai được theo tình riêng làm trái lễ. Người con luôn để tang cha mẹ, mà vợ cả vợ lẽ có mang buông tuồng đi xem nơi chèo hát vua đùa, không kiêng kỹ, đều phải luận vào tội lưu.

Vợ để tang chồng mà tư thông với trai, hoặc làm việc hôn giá, và người nào lấy người đàn bà ấy làm vợ, đều phải luận vào tử hình[5].

Người lấy vợ hoặc con gái của bọn ác nghịch[6]; người Mán thông dâm với vợ cả vợ lẽ của anh em mình đã chết; nếu trong hạt nào có xảy ra những việc ấy, mà quan lại ăn của đút ẩn dấu đi, thì những người ấy cùng bọn quan lại đều phải tội.

Nhà vua nhận thấy tập tục lúc bấy giờ, việc cưới gả phần nhiều không theo nghi lễ, có khi lễ xin cưới đã xong xuôi rồi mà còn để đến ba, bốn năm mới cho rước dâu. Vì thế mới hạ lệnh cho bộ Lễ bàn định: phàm việc cưới gả, trước hết do người mối liệu định việc thân gia của hai nhà, sau đó thì làm lễ

---

[1] Huyện Bình Xuyên nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Hoài Đức nay là huyện, thuộc tỉnh Hà Tây. Huyện Vĩnh Thuận nay thuộc quận Ba Đình và quận Đống Đa, Hà Nội.

[3] Một tội trong ngũ hình đời cổ, cũng gọi là tội "kình", xem thêm chú thích số 3, Chính biên quyển XXI, tờ 12.

[4] Một tội trong ngũ hình (xuy, trượng, đồ, lưu, tử), đặt từ đời Tùy Đường, người bị luận vào tội này phải đồ đi một nơi để làm việc lao dịch và phải giam giữ mất tự do.

[5] Đoạn văn này, sử Cương mục chép không được rõ ràng, theo Toàn thư chép như thế này, có phần rõ hơn: "Vợ để tang chồng, mà buông tuồng dâm loạn, hoặc chưa hết tang chồng mà bỏ khăn áo tang đi lấy chồng khác cùng người nào tin đi mối lại để gả chồng cho người đàn bà đương để tang chồng và người lấy người đàn bà ấy làm vợ, đều phải luận vào tử hình".

[6] Những người lập mưu đánh đổ triều đình, bội bạn với vua chúa hoặc theo giặc... thời đại quân chủ chuyên chế đều liệt vào hạng ác nghịch.

nạp tệ[1], lễ xin cưới; lễ nghi đã đầy đủ rồi, thì chọn ngày rước dâu, ngày hôm sau nàng dâu làm lễ yết kiến cha mẹ chồng, ngày thứ ba làm lễ bái yết từ đường. Không ai được làm trái với lễ nghi đã định.

Lúc ấy, nhà vua lại hạ sắc lệnh cho quan viên và bách tính: từ nay trong nhà không có yến tiệc phải mời khách, thì không được bày ra chè chén thù tạc, vợ không phải là người phạm tội, thì không bỏ được. Nếu người nào trái lệnh sẽ có tội.

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh, bèn đến bái yết từ đường Thuần Mậu.

Lúc nhà vua mới lên ngôi, dựng nhà Thuần Mậu ở xã Động Bàng để làm từ đường thờ tiên tổ bên ngoại là họ Ngô, bên cạnh từ đường lại dựng nhà Phúc Quang để làm cung điện cho hoàng hậu thay áo. Đến đây, nhà vua tuần du đến Lam Kinh, nhân tiện rước hoàng thái hậu đến bái yết từ đường Thuần Mậu.

Lời chua - Nhà Phúc Quang: Ở xã Động Bàng, huyện An Định, Lê Thánh Tông dựng lên vào quãng năm Quang Thuận, sau người xã ấy lấy ngay nhà ấy làm từ đường thờ Quang Thục hoàng thái hậu.

Tháng 8, mùa thu. Chiêm Thành sang lấn cướp Hóa Châu.

Trước đây, Bàn La Trà Duyệt, người ở Thi Nại thuộc Chiêm Thành, giết chúa Chiêm là Ma Ha Quý Do mà tự lập làm chúa, truyền đến em là Trà Toàn. Trà Toàn hung hãn, hoang dâm, bạo ngược, khinh thường mọi người, tự phụ là giỏi, không sửa lễ cống theo chức phận của mình, lại thường gây sự hoạ hoạn ở nơi biên cảnh; rồi sai sứ thần sang cầu viện với nhà Minh, thân hành đem hơn mười vạn quân thủy, quân bộ cùng voi ngựa đến đánh úp Hóa Châu. Viên tướng giữ Hóa Châu là Phạm Văn Hiển đánh nhau với quân Chiêm, không địch nổi, phải đóng cửa thành chống giữ, cho người phi ngựa đem văn thư cáo cấp về triều đình.

Lời cẩn án - Theo Minh sử, truyện Ngoại quốc về mục Chiêm Thành, thì "năm Cảnh Thái thứ 3 (1452), Minh Cảnh đế sai sứ phong Ma Ha Quý Do làm chúa nước Chiêm Thành", thế mà Sử cũ lại chép "Trà Duyệt giết chúa nó là Bí Điền". Như thế là chép lầm chữ "Bí Do" ra chữ "Quý Điền", nay cải chính lại.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

Thi Nại: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chính biên X, 41).

Hóa Châu: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chính biên VIII, 44).

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Lúc ấy, nhà vua sai bọn Nguyễn Đình Mỹ và Quách Đình Bảo đem việc nước Chiêm Thành đánh úp biên giới sang báo cáo với nhà Minh.

Tháng 11. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành.

Nhà vua sắp đi đánh Chiêm Thành, bèn hạ lệnh tuyển hoàng nam từ 15 tuổi trở lên bổ sung vào quân ngũ, triệu tập lính tinh nhuệ 26 vạn người, một mặt ra sắc lệnh cho thừa chính sứ ở Sơn Nam thu thêm gạo của các hạng quân nhân, lại điển và sinh viên mỗi người 15 ống gạo, hạng hoàng đinh và người già mỗi người 12 ống gạo, để làm lương cho quân ăn. Bây giờ nhà vua hạ chiếu thân hành đi đánh, ban 24 điều quân lệnh cho các doanh các vệ, ra lệnh cho thái sư Đinh Liệt và thái bảo Lê Niệm làm Chinh Lỗ tướng quân, thống lĩnh quân thủy trong các vệ thuộc ba phủ Đông, Nam và Bắc xuất phát đi trước; Hữu đô đốc Lê Cảnh Huy ở nhà trấn thủ kinh thành. Ngày Tân Tị, nhà vua làm lễ tấu cáo ở nhà thái miếu, rồi thân hành đem đại quân kế tiếp tiến đi. Ngày hôm ấy, mưa nhỏ, có gió từ phương bắc thổi đến, nhà vua nhân cảnh ấy làm thơ, có câu rằng: "Bạch vạn sư đồ viễn khải hành, khao bồng vũ tác

---

[1] Sau khi người mối mưu tính công việc, đã được nhà gái nhận lời, thì nhà trai đưa lễ vật như vàng, lụa, cau, rượu, gạo, thịt,... đến nhà gái gọi là lễ nộp tệ, từ đây việc hôn nhân của hai bên trai gái mới là bắt đầu định đoạt.

nhuận quân thanh" (ý nói: trăm vạn binh lính mở đường đi xa, giọt mưa lách tách đập vào buồng thuyền làm tăng thêm thanh thế của binh sĩ). Câu thơ này cũng ghi sự thực lúc bấy giờ.

Trong khi đi đường, nhà vua thường cùng Đỗ Nhuận đàm luận đến hai chữ "đạo, lý". Nhà vua nói: "Đạo là sự việc đương nhiên[1], rõ ràng dễ biết; lý là cái lý do sở dĩ nhiên[2], huyền vi mầu nhiệm khó mà thấy được; trẫm thường làm hai bài thơ ấy[3] phải suy nghĩ nhiều ngày mới xong". Đỗ Nhuận thưa rằng: "Về phần lý học, hoàng thượng vừa sáng suốt vừa rộng khắp, ở trong lý lẽ phức tạp, có sự phân biệt rõ ràng, nghĩa lý tinh vi sâu sắc thổ lộ ra lời thơ, không phải bọn học giả dòm ngó ngửa trông có thể tới kịp được".

Nhà vua đến Thiết Sơn, lúc ấy thủy quân của bọn Đinh Liệt và Lê Niệm xuất phát từ trước, trong quân bị hỏa tai, quân sĩ vừa chết vừa bị thương hơn 30 người. Án sát là bọn Đinh Thúc Thông và Nguyễn Tài phơi bày tấu biểu đàn hặc việc này. Nhà vua ban tờ sắc dụ bảo hai người rằng: Sự được thua của sáu quân hệ trọng ở viên tướng, cơ mưu lợi hại trong một doanh trách nhiệm ở viên án sát. Bọn Đinh Liệt cầm quân không có kỷ luật, hầu như trẻ con, các khanh biết hặc tâu, thực đáng khen thưởng. Vậy đặc ân ban cho tiền, người nhiều người ít khác nhau.

Lời phê[4] - Lúc bấy giờ cương vực chưa mở rộng, số binh lính có đâu được nhiều đến như thế?

Lời phê [5]- Không hợp lý tức là không hợp đạo, quá phân tách với lý, e rằng chưa chắc đã là đúng.

Lời chua - Thiết Sơn: Ở phía bắc huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An có Thiết Cảng, chân núi Thiết Sơn có mỏ sắt, người Thổ trước đào lấy sắt sống ở đấy.

Đinh Thúc Thông: Người xã Quan Vinh, huyện Gia Viễn[6].

Nguyễn Tài: Người xã Hương Quất, huyện Tứ Kỳ[7]. Thông và Tài đều đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận thứ 4.

Sơn Nam: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 25, 27).

Tháng 12. Định phép xét công trạng các quan.

Phàm quan trong kinh sư và ngoài thừa tuyên, lúc bắt đầu bổ dụng hãy cho thí nghiệm về công việc làm, người nào trong 3 năm làm đầy đủ chức vụ không lầm lỗi mới được thực thụ; nếu người nào không làm đầy đủ chức vụ sẽ bị truất bãi.

Nhà vua hạ dụ rằng: phép xét công trạng là để phân biệt người hay người dở, chấn chỉnh công việc cai trị dân. Ngày trước, nhà Đường, nhà Ngu 3 năm một lần xét công, để thi hành việc truất bãi hay cất nhắc, nhà Thành Chu 3 năm tính công việc cai trị dân, để thi hành việc quở trách hay khen thưởng. Vậy từ nay các nha môn ở trong kinh sư và ngoài thừa tuyên người nào đã giữ chức được đủ 3 năm, đều xem sự trạng trình bày rõ để các viên quan cấp trên cứu xét, rồi tâu bày một cách đầy đủ, không được chậm trễ, nếu viên quan cấp trên mà theo tình riêng ẩn giấu sẽ bị tội.

---

[1] Công việc tiến hành theo trình tự nhất định.

[2] Lý do phát sinh ra sự vật.

[3] Tức hai bài thơ suy diễn lý và đạo.

[4] Chỉ việc triệu tập 26 vạn quân tinh nhuệ.

[5] Chỉ việc Lê Thánh Tông phân tích hai chữ đạo và lý.

[6] Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

[7] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XXII

Từ Tân Mão, Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (1471) đến Giáp Ngọ, Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 5 (1474), gồm 4 năm.

Tân Mão, năm thứ 2 (1471). (Minh, năm Thánh Hòa thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tiến quân vây thành Chà Bàn[1], phá tan thành ấy, bắt được chúa Chiêm Thành là Trà Toàn, rồi chỉnh đốn quân sĩ trở về kinh sư.

Trước đây, đại quân tiến đến Thuận Hóa, nhà vua nhận thấy quân sĩ đã tiến vào đất giặc, càng cần phải luyện tập cho thành thuộc, mới hạ chiếu: vệ quân Thuận Hóa ra biển, thi đánh trận bằng thuyền; lại hạ lệnh: Nguyễn Vũ, người Thuận Hóa, vẽ và dâng nộp đồ bản về núi sông hiểm trở, nơi bình dị của nước Chiêm Thành. Nhà vua thân hành soạn "sách lược bình Chiêm"[2] ban phát cho tướng sĩ các doanh. Lấy thóc ở kho Thuận Hóa đem xôi cho chín, gọi là "gạo đới xác"[3] vận chở đến hành tại của vua để cung cấp cho quân sĩ. Đến đây, xa giá nhà vua đến hai cửa biển Tân Áp và Cựu Tọa. Trà Toàn sai em (không rõ tên) đem sáu viên tướng và 50000 quân kéo lẽn đến sát doanh trại nhà vua. Nhà vua bí mật sai Tả du kích tướng quân là bọn Lê Hi Cát đem châu sư[4] đi 500 chhiếc thuyền vượt ngay ra biển, lẻn vào cửa biển Sa Kỳ, lập dinh lũy, đặt đồn ải, để chặn đường về của quân Chiêm. Nhà vua thân hành đem châu sư đi hơn 1000 chiếc thuyền và hơn 70 vạn quân tinh nhuệ tiến ra biển, kéo lá cờ "thiên tử", vừa đánh trống vừa hò reo tiến thẳng về đằng trước mặt, rồi bí mật sai viên tướng giữ quân bộ là Nguyễn Đức Trung đem quân đi lẻn vào chân núi. Quân giặc trông thấy, sợ quá, phải tan vỡ, chúng tan chạy đến thành Chà Bàn. Khi đến núi Mạc Nô, gặp toán quân của Hi Cát đón đường ngăn lại, chúng sợ hãi chạy trốn. Bọn Lê Niệm và Ngô Hồng tung quân ra đánh, chém được một đại tướng, bọn quân còn lại sợ chạy tán loạn. Nhà vua đến cửa biển Thái Cân, tung quân ra đánh mạnh, chém được hơn 300 thủ cấp và bắt sống được hơn 60 người.

Trà Toàn sợ quá, dâng tờ biểu xin hàng. Nhà vua đem đại quân đánh phá thành Thi Nại, rồi tiến quân xông thẳng đến thành Chà Bàn, bao vây nhiều trùng, lại sai các doanh chế tạo phi thê[5] chuẩn bị đánh thành. Tình thế Trà Toàn càng thêm cùng quẫn, hằng ngày đệ nộp tờ cam kết đầu hàng. Nhà vua triệu bọn Lê Viết Trung bảo rằng: "Chí khí chiến đấu của giặc đã rã rời, khí cụ đánh thành của ta đã đầy đủ, ngày nay quân sĩ trèo lên thành, chỉ thúc một hồi trống cũng có thể phá thành được". Rồi nhà vua bí mật hẹn cho các doanh phải tức tốc trèo thành mà vào; lại dụ bảo các tướng sĩ: "Trong lúc thành Chà Bàn đã bị hạ, các kho tàng đều phải niêm phong, canh giữ không được thiêu hủy, bắt sống chúa Chiêm là Trà Toàn giải đến hành doanh không được giết hại". Một lúc sau, đứng xa trông thấy toán quân đi trước đã trèo lên được chỗ tường thấp trên mặt thành, bèn bắn luôn ba tiếng pháo để tiếp ứng, lại hạ lệnh cho vệ quân thần võ phá cửa đông thành tiến vào. Thành Chà Bàn liền bị vỡ, bắt được hơn ba vạn

---

[1] Tây Sơn Nguyễn Huệ đổi gọi là Hoàng đế thành, khi Nguyễn Ánh phá được thành này, đổi tên là Bình Định. Tên thành Bình Định bắt đầu từ đây (Đại Nam nhất thống chí quyển IX, tờ 2-3).

[2] Nguyên văn chép "bình Chiêm sách". Theo toàn thư thì sách lược bình Chiêm, Lê Thánh Tông nói có người lý lẽ tất thắng và ba việc đáng sợ. Thánh Tông lại sai Nguyễn Thế Mỹ dịch sách lược ấy ra quốc ngữ (chữ Nôm) để cho tướng sĩ dể hiểu.

[3] Gạo còn đeo vỏ trấu.

[4] Quân lính đi thuyền đánh nhau với địch ở trên mặt nước.

[5] Một chiến cụ đánh thành, tức là cái thang dài 2,3 trượng, trên đầu có móc, khi đánh thành bên địch, thì móc cái móc vào mặt thành, quân sĩ trèo từng bậc thang để lên mặt thành.

tù binh và chém được hơn bốn vạn thủ cấp. Vệ quân Thuận Hóa bắt sống Trà Toàn dẫn đến trước mặt vua; nhà vua ban chỉ dụ hỏi han yên ủi, sai dẫn ra cho ở ngoài ti trấn điện. Bèn hạ chiếu đem quân về.

Lời phê[1]-Trước nói 26 vạn quân[2] đã sai sự thật, ở đây nói 500 chiếc thuyền đã là quá đáng huống hồ lại nói những hơn 1000 chiếc thuyền và 70 vạn quân, làm sao mà lại nói khoác không nghĩ đến như thế?

Lời phê[3]-Chỉ hiếu thắng mà thôi, không phải là quân nhân.

Lời phê[4]-Cũng chỉ nói hão.

Lời chua-Thành Chà Bàn: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chb. X, 41).

Thuận Hóa: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 23-24).

Vệ quân Thuận Hóa: Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 34).

Tân Áp: Cửa biển, nay ở huyện Hà Đông, tỉnh Quảng Nam, có một tên nữa là cửa biển Hợp Hòa. Ở đây là nơi chứa nước của sông Bản Giang và sông Tam Kỳ, tức là cửa biển Đại Áp ngày nay.

Cựu Tọa: Cửa biển, cách xa cửa biển Tân Áp chừng bảy dặm, tức là cửa biển Tiểu Áp ngày nay.

Sa Kỳ: Cửa biển này ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Nghĩa.

Núi Mạc Nô: Nay ở phía tây cửa biển Sa Kỳ.

Thái Cần: Cửa biển, nay ở phía Đông Bắc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Nghĩa.

Đem nước Chiêm Thành chia làm ba nước: Chiêm Thành, Hoa Anh, và Nam Bàn, phong vương cho mỗi người giữ một nước.

Sau khi Trà Toàn đã bị bắt, Bô Trì Trì, tướng nước Chiêm, chạy đến Phan Lung, chiếm giữ đất chiêm, xưng là chúa Chiêm Thành. Trì Trì chiếm giữ được hai phần năm đất đai trong nước, sai sứ sang xưng làm tôi và xin vào cống nạp. Nhà vua bèn phong cho Trì Trì làm vương, lại phong hai tước vương nữa ở Hoa Anh và Nam Bàn, gồm ba nước, để làm kế ràng buộc họ. Còn về phần đất Đại Chiêm và Cổ Lũy, thì dùng người đầu hàng là Ba Thái làm đồng tri phủ ở Đại Chiêm và dùng Đa Thủy làm thiêm tri châu. Nhà vua dụ bảo rằng: "Đại Chiêm và Cổ Lũy trước kia là đất của nước ta, ít lâu nay bị mất về nước chiêm, nay khôi phục lại được cả, nên đặc ân sai các ngươi trấn giữ đất ấy; nếu có người không tuân lệnh, thì được phép trước giết chết rồi sau mới tâu về triều". Lại hạ lệnh Đỗ Tử Quy làm đồng tri châu giữ việc quân và dân ở Đại Chiêm; Lê Ỷ Đà làm tri châu Cổ Lũy, giữ việc quân và dân ở Cổ Lũy, để đề phòng người Chiêm Thành bội bạn.

Cấm quan và dân không ai được riêng chứa chấp người Chiêm Thành.

Lời chua-Chiêm Thành-Tức Lâm Ấp, xem Thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

phan Lung: Đời cổ, Phan Lung là một nước ở ngoài cương vực Nhật Nam; qua các đời Đinh, [Tiền] Lê và Trần, nước này đều thuộc Chiêm Thành; nhà Lê, năm Hồng Đức thứ 2, Thánh Tông đem phong cho Bô Trì Trì. Phan Rang tức là chỗ đất Phan Lung này. Bản triều Hi Tông Hiếu Triết hoàng đế[5] đánh phá Chiêm Thành, lấy đất Phan Rang trở về phía Bắc đến núi Thạch Bi đặt làm doanh Thái Khang, còn từ Phan Rang trở về

[1] Chỉ việc Lê Thánh Tông đem châu sư đi hơn ngàn chiếc thuyền và hơn 70 vạn quân tinh nhuệ tiến ra biển.

[2] Xem thêm chính biên quyển XX, tờ 35.

[3] Chỉ việc Trà Toàn đã cam kết xin hàng, mà còn chuẩn bị chiến cụu để đánh thành.

[4] Chỉ việc bắt được hơn ba vạn tù binh và chém được hơn 4 vạn thủ cấp.

[5] Tên là Phúc Tần, tức chúa Hiền (1649-1687).

phía nam giáp với Phan Rí vẫn là nước Chiêm Thành. Hiển tông hiếu minh hoàng đế[1] hạ tên nước Chiêm Thành xuống làm trấn Thuận Thành, đem dòng dõi chúa Chiêm Thành trước làm trấn thủ, lại đặt doanh Bình Thuận đem trấn Thuận Thành lệ thuộc vào doanh này. Thế Tông hiếu vũ hoàng đế[2] đổi doanh Thái Khang làm doanh Bình Khang. Năm Gia Long thứ 2 (1803) đổi doanh Bình Khang làm doanh Bình Hòa; năm thứ 7 (1808) lại đổi doanh Bình Hòa làm trấn Bình Hòa, doanh Bình Thuận làm trấn Bình Thuận, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) đổi trấn Bình Hòa làm tỉnh Khách Hòa, trấn Bình Thuận làm tỉnh Bình Thuận.

Nam Bàn: Từ triều Lê trở về trước, Nam Bàn thuộc Chiêm Thành, đến khi Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành, mở đất đai đến núi Thạch Bi[3], phong dòng dõi chúa cũ Chiêm Thành là Nam Bàn quốc vương, và chia cho giữ đất đai từ núi Thạch Bi này trở về phía tây, từ phủ Hoài Nhân đi theo đường thượng đạo (?) thì phải đi 14 ngày mới đến được nước này, tức là đất của hai nước Thủy Xá và Hoài Xá bây giờ.

Đại Chiêm: Nay là tỉnh Quảng Nam.

Cổ Lũy: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chb. X, 5).

Hoa Anh: Theo sách Hậu Lê dã lục thì dòng dõi Hoa Anh về sau mòn mỏi suy yếu, nay không thể khảo cứu được.

Các tù trưởng ở phương Tây đều đến triều yết cống nạp.

Sau khi nhà vua đã bình định được Chiêm Thành, uy danh vang dội đến những địa vực xa xăm, các tù trưởng ở phương Tây không ai là không phục tùng: Ai Lao sai sứ thần là Lang Lệ đem phẩm vật địa phương đến dâng; thổ quan phủ Trấn Ninh là Cầm Công, thổ quan châu Thuận Bình là Đạo Nhị, em Đạo Nhị là Đạo Đông và tri châu động Du Phác là Đạo Lự đều đem voi đực cùng phẩm vật địa phương đến cống hiến.

Lời phê-Theo sử cũ, thì các nước đến triều cống có nước đến trước, nước đến sau[4], không phải vì việc đánh được Chiêm Thành này mà các nước mới đến triều cống. Đại để ở đây chép phần nhiều là lời khoa trương.

Lời chua-Ai Lao: Tên nước, xem Triệu Việt Vương, năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Trấn Ninh: Tên phủ, xem năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30-31).

Thuận Bình: Theo phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn, thì châu Thuận Bình thuộc nguyên[5] Cam Lộ, huyện Vũ Xương, phủ Triệu Phong nay là huyện Thành Hóa thuộc tỉnh Quảng Trị.

Cầm Đồng, Đạo Nhị, Đạo Đồng, Đạo Lư: Đều là danh hiệu thổ tù.

Động Du Phác: Nay không khảo cứu được.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua về đến cung điện, dâng tù binh ở thái miếu.

Nhà vua thân sáng chế bức thư thắng trận, sai quan đem về kinh sư báo cáo cho trong nước biết. Khi xa giá về đến sông Phi Lai, đổi đi bằng thuyền. Lúc ấy, chúa Chiêm Thành là Trà Toàn vì lo sợ,

---

[1] Tên là Phúc Chu, tức Tộ quận công (1692-1725). Năm 1693 Tộ quận công bắt giam chúa Chiêm Thành là Bà Tranh, đổi nước Chiêm Tành làm trấn Thuận Thành, phong cho kế Bà Tử (dòng dõi Bà Tranh) là Tả đô đốc để thống trị dân.

[2] Tên là Phúc Khoát, tức Hiển quận công (1739-1765).

[3] Ở địa phận tỉnh Phú Yên, theo Địa dư chí của Lê Quang Định, khi Lê Thánh Tông đánh được Chiêm Thành mở đất đến núi Thạch Bi, có khắc chữ vào vách đá trên đỉnh núi, chữ ấy nay vẫn còn, nhưng nét chữ lờ mờ sứt mẻ, không thể trông rõ được.

[4] Theo Đại Việt sử ký thực lục, thì sứ thần nước Ai Lao đến triều cống giữa lúc Lê Thánh Tông đã xuất quân đi đánh Chiêm Thành, còn các thổ tù khác đều đến triều cống sau khi thắng trận trở về.

[5] Một đơn vị hành chính, cũng như tổng ở ngoài Bắc.

phát bệnh rồi chết. Nhà vua sai chém lấy thủ cấp, dựng một lá cờ trắng ở đầu thuyền, đề chữ rằng: "Chiêm Thành nguyên ác Trà Toàn chi thủ" (Thủ cấp của tên ác nghịch đầu sỏ ở Chiêm Thành là Trà Toàn(. Khi về cung điện, dâng tù binh ở thái miếu. Bầy tôi dâng biểu chúc mừng.

Lời chua-Sông Phi Lai: Ở xã Phi Lai, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 6. Đặt đạo Quảng Nam.

Nhà vua đem đất Chiêm Thành đặt làm Quảng Nam thừa tuyên, quản lãnh 3 phủ, 9 huyện, đặt ba ty: Đô ty, Thừa ty, và Hiến ty và đặt vệ quân Thanh Hoa gồm 5 sở.

Nhà vua lấy cớ rằng ở Quảng Nam không có thuyền, mỗi khi quân và dân nộp thuế, thường có sự hao hụt mất mát, nên hạ lệnh: từ nay, mỗi khi đến kỳ nộp thuế, thì Thừa ty Quảng Nam tư dy công văn đến ba ty ở Thuận Hóa giao phó các hạng thuế, để Thuận Hóa sai người chuyển nộp về Kinh.

Nhà vua ra sắc lệnh dụ bảo Phạm Bá Tôn, tham chính Quảng Nam: dân sinh nào là con trai từ 15 tuổi trở lên, tư chất thông minh chăm học, thì đến ngày khảo, hai ty Thừa ty và Hiến ty bản đạo hội đồng kén chọn, tâu bày đầy đủ, sẽ cho sung vào sinh đồ bản phủ, để dạy bảo cho biết lễ nghĩa.

Lời chua-Quảng Nam: Theo Hồng Đức thiên nam dư hạ tập, thì Quảng Nam thừa tuyên quản lĩnh ba phủ, chín huyện:

Phủ Thăng Hoa quản lĩnh ba huyện: Lê Giang, Hà Đông và Hi Giang.

Phủ Tư Nghĩa quản lĩnh ba huyện: Bình Sơn, Mộ Hoa và Nghĩa Giang;

Phủ Hoài Nhân quản lĩnh ba huyện: Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn;

Quảng Nam: Đất Việt thường xưa; nhà Tần, thuộc Tượng quận; nhà Hán, thuộc Nhật Nam; nhà Đường, là Lâm Ấp; nhà Tống, là đất Lý Châu và Chiêm Động của Chiêm Thành; nhà Trần, thuộc đất Hóa Châu; nhuận Hồ lấy cả đất Đại Chiêm và Cổ Lũy của Chiêm Thành đặt làm bốn châu: Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa; thuộc Minh hợp lại làm phủ Thăng Hoa; hồi đầu triều Lê, là đất cơ mi[1] gọi tên là Nam giới, nhưng sổ sách chỉ chép tên suông, chứ thật ra thì đất đai chỗ ấy vẫn do người Chiêm Thành chiếm cứ. Đến năm Hồng Đức thứ 3 (1472) Thánh Tông thân đi đánh Chiêm Thành, lấy đất ấy đặt làm Quảng Nam thừa tuyên quản lĩnh ba phủ, chín huyện.

Bản triều, Thái tổ Gia Dụ hoàng đế năm 45[2] đổi đặt làm Quảng Nam doanh, sắp đặt các phủ huyện thuộc Quảng Nam doanh như sau này:

Tách huyện Điện Bàn thuộc phủ Triệu Phong xứ Thuận Hóa đổi đặt làm phủ, rồi đổi huyện Hi Giang làm huyện Duy Xuyên và đặt thêm hai huyện Hòa Vinh và Diên Phúc cho thuộc vào phủ Điện Bàn;

Đổi huyện Lê Giang làm huyện Lễ Dương cùng với huyện Hà Đông vẫn để thuộc phủ Thăng Hoa;

Đổi phủ Tư Nghĩa làm phủ Quảng Nghĩa, phủ Hoài Nhân làm phủ Quy Nhơn.

Lấy đất từ núi Cù Mông trở về phía nam đặt thêm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa, đặt hai phủ Phú Yên. Các phủ huyện trên đều lệ thuộc vào Quảng Nam;

Năm Gia Long thứ 2, trích hai phủ Thăng Hoa, và Điện Bàn đặt làm Quảng Nam doanh, phủ Quảng Nghĩa đặt làm Quảng Nghĩa doanh, phủ Quy Nhơn đặt làm Bình Định doanh, phủ Phú Yên đặt làm Phú Yên doanh; năm thứ 7, lại đổi bốn doanh Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định và Phú Yên là trấn.

---

[1] Xem chú thích số 3 tờ 25 Tiền biên quyển IV về chữ "cơ mi".

[2] Những năm thay đổi địa hạt trong tỉnh Quảng Nam, đem âm lịch đối chiếu với dương lịch, xem chú thích số 1, tờ 34. Chính biên quyển XXI.

Năm Minh Mệnh thứ 12, đổi trấn làm tỉnh; năm thứ 16, tách lấy đất huyện Duy Xuyên thuộc phủ Điện Bàn tỉnh Quảng Nam đặt thêm huyện Quế Sơn cùng với hai huyện Lễ Dương và Hà Đông đều thuộc phủ Thăng Hoa; lại đổi phủ Quảng Nghĩa làm phủ Tư Nghĩa, đổi phủ Quy Nhơn thuộc Bình Định làm phủ Hoài Nhân, tách huyện Phù Ly đổi đặt làm hai huyện Phù Mỹ và Phù Cát cùng với huyện Bồng Sơn cho lệ thuộc vào phủ Hoài Nhân; Tách huyện Tuy Viễn đặt thêm huyện Tuy Phúc lập làm phủ Yên Nhân; phủ Phú Yên đổi đặt làm phủ Tuy Yên và đem hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa lệ thuộc vào phủ ấy. Năm Thiệu Trị nguyên niên đổi phủ Thăng Hoa thuộc Quảng Nam làm phủ Thăng Bình, huyện Mộ Hoa thuộc tỉnh Quảng Nghĩa làm huyện Mộ Đức. Năm Tự Đức thứ 5, bỏ bớt phủ Yên Nhân, đem hai huyện Tuy Viễn và Tuy Phúc cho đổi thuộc vào phủ Hoài Nhân; năm thứ 18, lại đặt phủ Yên Nhân như cũ; tỉnh Phú Yên đổi đặt làm đạo, lệ thuộc tỉnh Bình Định; năm thứ 29, lại đặt tỉnh Phú Yên như cũ.

Đô, Thừa, Hiến ba ti: Theo quan chế triều Lê, Đô tổng binh sứ ti, đặt chức tổng binh sứ, tổng binh đồng tri và tổng binh thiêm sự. Tán trị thừa chính sứ ti, đặt chức thừa chính sứ, tham chính và tham nghị. Thanh hình hiến sát sứ ti, đặt chức hiến sát sứ, hiến sát phó sứ. Theo mục Chức quan chí trong lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, chức trách Đô tổng binh giữ về binh chính; chức trách thừa chính sứ ti giữ về sổ sách quân và dân chức trách hiến sát sứ giữ về việc tâu bày những lời nói phải, đàn hặc tội lỗi của quan lại và thẩm xét tra hỏi việc hình ngục.

Thăng Hoa vệ: Gồm 5 sở là: Trù Thắng, Hoàn Tì, Hiệp Sơn, Siêu Hải và Khống Huyền. Vệ này thuộc Đô ti Quảng Nam.

Bắt đầu đặt chức hiến sát[1] ở 12 đạo.

Trước đây chia trong nước làm 12 đạo, đều đặt Đô tổng binh sứ và Thừa chính sứ ti[2], còn Hiến sát sứ ti vẫn chưa đặt đủ. Đến đây đã đặt ba ti: Đô, Thừa, Hiến, ở Quảng Nam, bèn đặt thêm ti Thanh Hình hiến sát ở 12 đạo. Chức Hiến sát bắt đầu đặt từ đây.

Lời chua-Mười hai đạo thừa tuyên: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15-53).

Lập con là Tân làm Kiến Vương.

Nhà vua sai Thái bảo Lê Cảnh Huy đem kinh sách[3] phong cho con là Tân làm Kiến vương. Kiến vương, con thứ năm của nhà vua, là người có phong thái vững vàng cao cả, chăm học, hay chữ, mỗi khi nhà vua sách tác bài thơ, bài ca phần nhiều sai vương họa lại.

Tháng 8, mùa thu. Ra sắc lệnh cho viên Đề hình ngự sử kiểm tra việc hình ngục.

Nhà vua ra sắc lệnh cho viên Đề hình ngự sử: phàm viên chức trong bộ Hình, trong Đại Lý tự và quan giữ việc hình ngục, có ai tha tội người này buộc tội người khác, trái phép luật làm điều thảm khắc, hoặc làm cho người phạm tội có điều oan uổng, thì viên Đề hình ngự sử phải thân hành kiểm tra xét hỏi, tâu bày đàn hặc, để tỏ rõ nổi oan uổng cho phạm nhân.

Tháng 9. Xét định quan chế.

Quan chế ấn định như sau này:

Bắt đầu từ các tước những người trong hoàng tông[4]:

---

[1] Chức quan ở hàm lục phẩm gồm có Hiến sát sứ, Hiến sát phó sứ, Hiến sát phụ trách việc tâu trình việc phải trái, điều tra và đàn hặc những việc làm trái phép, tra cứu xét hỏi việc kiện tụng, xét thưởng công trạng của quan, quân trong một đạo.

[2] Xem thêm Chính biên quyền XX, tờ 38.

[3] Sắc mệnh của vua khắc vào một thứ bằng chất loài kim như vàng, bạc, đồng, thau... để được lâu bền gọi là kim sách.

[4] Tông phái trong họ nhà vua.

- Thân vương: Hoàng tử được phong là thân vương thì dùng tên một phủ làm tên hiệu.
- Tự thân vương: Thế tử của thân vương được phong là tự thân vương thì dùng tên một huyện làm tên hiệu.
- Tước công: Các con của hoàng thái tử và các con của thân vương đều được phong tước công.
- Tước hầu: Con trưởng của hoàng thái tôn, của tự thân vương và của tước công đều được phong tước hầu.
- Tước bá: Các con của hoàng thái tôn, của tự thân vương, của tước công và con trưởng của thân công chúa đều được phong tước bá.
- Tước tử: Các con của thân công chúa và con trưởng của tước hầu, tước bá đều được phong tước tử.
- Tước nam: Con trưởng của truy tặng thân công chúa[1] và các con[2] của tước hầu, tước bá đều được phong tước nam.

Những tước công, hầu, bá, tử, nam kể trên đều dùng những chữ đẽ làm tên hiệu.

Con các người trong hoàng tông mà được cất nhắc để trao cho phẩm trật theo thể lệ có 8 bậc: từ Tá quốc đến Tự ân sứ.

Thứ hai đến các tước của bầy tôi có công:

- Tước quốc công và quận công lấy tên một phủ hoặc một huyện làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ.
- Tước hầu và tước bá lấy tên một xã làm tên hiệu, dùng có hai chữ.

Về cấp bậc của bầy tôi có công:

- Văn huân có 5 bậc: từ Thượng trụ quốc đến Tu thận thiếu doãn.
- Võ huân có 5 bậc: Từ Thượng trụ quốc đến Thiết kỵ úy.

mỗi bậc đều có bậc chánh và bậc tùng.

- Văn giai có 9 bậc: từ chánh nhất phẩm đến tùng cửu phẩm.
- Võ giai có 6 bậc: Từ chánh nhất phẩm đến tùng lục phẩm.

Mỗi bậc đều có bậc chánh và bậc tùng.

- Nội quan và tản quan có bảy bậc: từ chánh tam phẩm đến tùng cửu phẩm, mỗi bậc cũng có chánh và phó.

Về thông tư[3] của các tước và các cấp bậc: từ trật cao nhất đến thấp nhất cộng 24 tư.

Về những chữ để vinh phong cho công thần: từ chữ "suy trung" đến chữ "tuyên lực" cộng 24 chữ. Đại để các quan văn, quan võ có công được sơ phong hoặc gia phong từ 2 chữ đến 8 chữ, nên dùng chữ nào để phong cho người nào, đến lúc vinh phúc, nhà vua sẽ đặc cách gia ân cho.

Về chức trọng yếu: Thì thái sư, thái úy, thái phó, thái bảo và thiếu sư, thiếu úy, thiếu phó, thiếu bảo là đại thần trọng chức; lục bộ, lục khoa, lục tự và ngự sử mười ba đạo làm yếu chức.

Về hàng quan võ:

---

[1] Con gài của vua, sau khi đã chết mới được phong là thân công chúa nên gọi là truy tặng thân công chúa.

[2] Cương mục chép "Con trưởng của tước hầu, tước bá" là lầm vì ở chỗ tước tử đã có hạng người này rồi, ở đây chúng tôi dịch "các con của tước hầu tước bá" là theo trong Đại Việt sử ký thực lục cho được đúng hơn.

[3] Xem chú thích số 1 Chính biên quyển VII tờ 5 và xem thêm lời chua của Cương mục chính biên quyển XIX tờ 6.

trong kinh thành: đặt Đô đốc phủ trong ngũ phủ quân vả đặt hai vệ Kim Ngô và Cẩm Y, 4 vệ Hiệu lực, 4 vệ Thần Võ, 6 vệ Điển tiền.

Ở các trấn bên ngoài cũng đặt phủ vệ Đô ti.

Ở các xứ ven sông và ven biển đều đặt chức tuần kiểm.

Về việc cai trị các trấn, thì 2 ti Thừa chính, Hiến sát và các nha môn ở phủ, huyện, châu đều đặt quan để cai trị.

Lời chua-Quan chế: Theo Hồng Đức thiên nam dư hạ tập thì điển lệ về quan chế đời Hồng Đức như sau:

Các tước trong hoàng tông:

Người được phong là thân vương dùng tên một phủ làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ. Ví dụ: "Kiến vương" tức là dùng chữ "Kiến" của phủ Kiến Hưng.

Người được phong thân vương dùng tên một huyện làm tên hiệu, mà dùng cả hai chữ. Ví dụ: "Hải lăng vương" tức là dùng tên gọi của huyện Hải Lăng.

Các con của hoàng thái tử và của thân vương được phong tước công; con trưởng của tự thân vương và của tước công được phong tước hầu; các con của hoàng thái tôn, của tự thân vương, của tước công và con trưởng của thân công chúa được phong tước bá, phò mã đô úy được ngang hàng với tước bá. Tước công, tước hầu, tước bá đều đứng trên hàng chánh nhất phẩm. Các con của thân công chúa và con trưởng của tước hầu, tước bá được phong tước tử, ngang hàng với chánh nhất phẩm; con trưởng của truy tặng thân công chúa và các con của tước hầu tước bá được phong tước nam, ngang hàng với tòng nhất phẩm. Năm bậc về tước công, tước hầu, tước bá, tước tử và tước nam, đều dùng chữ đẹp đẽ làm tên hiệu. Ví dụ: Thiệu Khang Công, Vĩnh kiến hầu, Tĩnh Cung bá, Diên Xương tử và Quảng Trạch Nam v.v...

Những người trong hàng tông mà được cất nhắc để trao cho phẩm trật:

Con của tước tử và tước nam được phong là Tá quốc sứ, ngang hàng chánh nhị phẩm.

Con của Tá quốc sứ được phong là Phụng quốc sứ, ngang hàng tùng nhị phẩm.

Con của Phụng quốc sứ được phong là Dực quốc sứ, ngang hàng chánh tam phẩm.

Con của Dực quốc sứ được phong là Lượng quốc sứ, ngang hàng tùng tam phẩm.

Cháu của thân công chúa và các con của truy tặng thân công chúa được phong là Sùng ân sứ.

Tằng tôn (chắt) của thân công chúa, cháu của truy tặng thân công chúa và con của quận thượng chúa được phong là Dụ ân sứ. Sùng ân sứ và Dụ ân sứ đều ngang hàng với tùng tam phẩm.[1].

Huyền tôn (chút) con của thân công chúa, tằng tôn (chắt) của truy tặng thân công chúa, cháu của quận thượng chúa và con của quận chúa được phong là Mậu ân sứ, ngang hàng tùng tứ phẩm.

Huyền tôn của truy tặng thân công chúa, cháu của quận chúa và con của quận công đều được phong là Tự ân sứ, ngang hàng tùng ngũ phẩm.

---

[1] Chữ "tùng tam phẩm" này có lẽ là "chánh tứ phẩm" mà sử Cương mục chép sai, vì Lượng quốc sứ ở trên đã ngang hàng tùng tam phẩm rồi, nếu Sùng ân sứ và Dụ ân sứ cũng ngang hàng như thế, thì sao không chép chung vào một chỗ?

Con rể của hoàng thái tử và của thân vương được phong là quận thượng chúa nghi tân, ngang hàng chánh tam phẩm.

Con rể của tự thân vương và của thân công chúa được phong là quận chúa nghi tân, ngang hàng tùng tam phẩm.

Các tước của bầy tôi có công: Tước quốc công dùng tên một phủ làm tên hiệu, nhưng chỉ dùng một chữ. Ví dụ: "Tuyên quốc công" tức là dùng chữ "Tuyên" của tên gọi phủ Tuyên Quang.

Tước quận công dùng tên một huyện làm tên hiệu, cũng chỉ dùng một chữ. Ví dụ: tước "Sùng quận công" tức ra dùng chữ "Sùng" của tên gọi huyện Sùng An.

Tước hầu và tước bá dùng tên một xã làm tên hiệu, dùng 2 chữ. Ví dụ: tước "Nam xang hầu" tức là dùng tên gọi của xã Nam Xang; "Duyên hà bá" tức là dùng tên gọi của xã Duyên Hà.

Người bầy tôi có công: về hàng văn huân thì thượng trụ quốc hàm chánh nhất phẩm; trụ quốc hàm tùng nhất phẩm; chánh trị thượng khanh hàm chánh nhị phẩm, chánh trị khanh hàm tùng nhị phẩm; tư chánh thượng khanh hàm chánh tam phẩm, tư chánh khanh hàm tùng tam phẩm; khuông mĩ doãn hàm chánh tứ phẩm, khuông mĩ thiếu doãn hàm tùng tứ phẩm, tu thận doãn hàm chánh ngũ phẩm, tu thận thiếu doãn hàm tùng ngũ phẩm.

Về hàng võ huân thì: thượng trụ quốc hàm chánh nhất phẩm, trụ quốc hàm tùng nhất phẩm; thượng hộ quân hàm chánh nhị phẩm, hộ quân hàm tùng nhị phẩm; thượng khinh xa úy hàm chánh tam phẩm, khinh xa úy hàm tùng tam phẩm; kiêu kỹ úy hàm chánh tứ phẩm, phi kỵ úy hàm tùng tứ phẩm; vân kỵ úy hàm chánh ngũ phẩm, thiết kỵ úy hàm tùng ngũ phẩm.

Quan tước về văn giai và võ giai:

Thái sư+Thái úy+Thái bảo đều hàm chánh nhất phẩm.

Những người giữ chức quan này về văn giai thì thăng thụ là đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, gia thụ là đặc tiến khai phủ kim tử vinh lộc đại phu; về võ giai thì thăng thụ là đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, gia thụ là khai quốc thượng tướng quân.

Thái tử thái sư+thái tử thái úy+thái tử thái phó+thái tử thái bảo+Tả đô đốc+Hữu đô đốc đều hàm tùng nhất phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì thăng thụ là sùng tiến tuyên lộc đại phu, gia thụ là ngân thanh tuyên lộc đại phu; về võ giai thì thăng thụ là sùng tiến phụ quốc đại tướng quân, gia thụ là sùng tiến trấn quốc thượng tướng quân.

Thiếu sư+Thiếu úy+Thiếu phó+Thiếu bảo+Đô điểm kiểm đề đốc+Đô đốc đồng tri+Đề lãnh đều hàm chánh nhị phẩm.

Những người giữ chức quan này về văn giai thì sơ thụ là quang tiến đại phu, thăng thụ là quang lượng đại phu, gia thụ là quang kiêm đại phu; về võ giai thì sơ thụ là chiêu nghị tướng quân, thăng thụ là chiêu hùng tướng quân, gia thụ là chiêu dũng tướng quân.

Thái tử thiếu sư+Thái tử thiếu úy+Thái tử thiếu phó+Thái tử thiếu bảo+Thượng thư+Đô đốc+Thiêm sự+Tả hữu điểm kiểm+Tham đốc+Phó đề lĩnh đều hàm tùng nhị phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sơ thụ là phụng trực đại phu, thăng thụ là phụng công đại phu, gia thụ là phụng huấn đại phu; về võ giai thì sơ thụ là võ huân tướng quân, thăng thụ là võ lược tướng quân, gai phụ là võ nghị tướng quân.

Tông nhân phủ tông nhân lệnh+Lăng chánh+Đô đài ngự sử+Tả hữu thứ tử+Đô chỉ huy sứ+Đô tổng binh sứ+Tuyên uý đại sứ đều hàm chánh tam phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sơ thụ là thông chương đại phu, thăng thụ là thông lễ đại phu, gia thụ là thông nghị đại phu; về võ giai, sơ thụ là anh liệt tướng quân, thăng thụ là anh túc tướng quân, gia thụ là anh vĩ tướng quân.

Tả hữu thị lang+Tông nhân phủ tả, hữu tông chính+Lăng phó+Tả hữu dụ đức+Thừa chính sứ+Đô chỉ huy đồng tri+Các viên chỉ huy sứ ở các vệ Thần Võ, Hiệu Lực, Điện Tiền+Các viên tổng tri, tổng binh đồng tri ở các vệ thuộc ngũ phủ và Tuyên úy sứ đều hàm tùng tam phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn gai thì sơ thụ là gia hạnh đại phu, thăng thụ là gia ích đại phu, gia thụ là gia thăng đại phu; võ giai thì sơ thụ là minh dực tướng quân, thăng thụ là minh quyết tướng quân, gia thụ là minh ý tướng quân.

Hàn lâm viện thừa chỉ+phó đô ngự sử+lăng thừa+Tả, hữu trung doãn+Tả, hữu xuân phường+đô chỉ huy thiêm sự+Các chỉ huy sứ các ti Cẩm Y, Thiên Ngô, Thần Oai, Thần Tí, Du Nỗ+Các viên tướng đồng tổng tri, tổng binh thiêm sự ở các vệ thuộc ngũ phủ và tuyên úy đồng tri đều hàm chánh tứ phẩm.

Những người giữ chức quan này, về văn giai thì sớ thụ là trung trinh đại phu, thăng thụ là trung huệ đại phu, gia thụ là trung thuận đại phu; về võ giai thì sơ thụ là hoài viễn tướng quân, thăng thụ là đình viễn tướng quân, gia thụ là an viễn tướng quân.

Đông các đại học sĩ+Quốc tử giám tế tửu+Thông chính sứ+Tham chính+các viên chỉ huy tả hữu tán thiện+các viên chỉ huy thiêm sự ở các vệ Hiệu Lực, Thần Võ, Điện Tiền+các viên thiêm tổng tri ở các vệ thuộc ngũ phủ và viên tuyên úy thiêm sự đều hàm tùng tứ phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là triều liệt đại phu, thăng thụ là triều đoan đại phu, gia thụ là triều tĩnh đại phu; về võ giai thì sơ thụ là trì oai tướng quân, thăng thụ là bỉnh oai tướng quân, gia thụ là quảng oai tướng quân.

Hàn lâm viện thị độc+Thiêm đô ngự sử+Lục tự khanh+Chiêm sự viện chiêm sự+Thái y viện đại sứ+phủ doãn phủ Phụng Thiên+các viên chỉ huy thiêm sự ở các ti thuộc vệ Cẩm Y, Kim Ngô+Trấn điện tướng quân+Lực sĩ hiệu úy+các viên thiện hộ ở các ti Thần Oai Du Nỗ+các viên phó đô tri ở các vệ Tuần Tượng, Mã Nhàn+các viên đô tri ở các vệ ngoại trấn+các viên thống chế ở các vệ Thần Võ, Điện Tiền+các viên chánh đô úy ở các ti Tượng Cứu, Mã Cứu+các viên quản lĩnh ngoại vệ thuộc ngũ phủ+viên cung chính ở cung Thiên Hòa và quân dân Chiêu Thảo sứ đều hàm chánh ngũ phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là hoằng tín đại phu, thăng thụ là hoằng tri đại phu, gia thụ là hoằng nghĩa đại phu; về võ giai thì sơ thụ là kiện trung tướng quân, thăng thụ là quán trung tướng quân, gia thụ là bảo trung tướng quân.

Hàn lâm viện thị giảng+Đông các học sĩ+Quốc tử giám tư nghiệp+Thái y viện viện sứ+Tả hữu thuyết thư+Chính truyến[1] phó thông chính+Chiêm sự viện thiếu thiêm sự+các viên đoán sự, tham nghị ở hai ti Cẩm Y, Kim Ngô+viên phó lực sĩ hiệu úy+các viên phó thiên hộ ở các ti thần oai, Du Nỗ+các viên trung úy ở vệ Thần Võ, Điện Tiền+viên lang tướng ở ti Trung thành binh mã+viên phó quản lãnh ở ngoại vệ thuộc

[1] Hai chữ này nguyên văn Cương mục in là "Vương phó" tham khảo Lịch triều hiến chương chép là "chính truyền". Ở đây chúng tôi phiên âm theo như Lịch triều hiến chương cho được rõ nghĩa, bởi vì chức thông chính là giữ việc chuyển đạt công văn dụ chỉ của triều đình về dân gian và chuyển đệ đơ từ của dân gian về triều đình "Chính truyền" nghĩa là nhà trạm chính ở kinh thành thì mới hợp nghĩa.

ngũ phủ+viên cung phó ở cung Thiên Hòa và quân dân Chiêu Thảo đồng tri đều hàm tùng ngũ phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là hiển cung đại phu, thăng thụ là hiển lượng đại phu, gia thụ là hiển huệ đại phu; về võ giai thì sơ thụ là tráng tiết tướng quân, thăng thụ là tận tiết tướng quân, gia thụ là kính tiết tướng quân.

Lang trung các ti ở lục bộ+Hàn lâm viện thị thư+Đông các hiệu thư+Trung thư giám trung thư xá nhân+Thái y viện ngự y chính+Tư thiên giám tư thiên lệnh+lục tự thiếu khanh+Phụng thiên phủ thiếu doãn+hiến sát sứ+các viên chánh đề hạt, phó đoán sự, bá hộ ở các viện Tuần tượng, Mã nhàn+các viên phó trung úy ở các vệ Thần Võ, Điện Tiền+viên phó lang tướng ở ti Trung thành binh mã+viên đô úy ở vệ Tượng cứu, Mã Cứu+viên chánh võ úy ở ngoại vệ thuộc ngũ phủ+viên cung thừa ở cung Thiên Hòa và quân dân chiêu thảo thiêm sự, kinh lược sứ đều hàm chánh lục phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là mậu lâm lang, thăng thụ là tuấn lâm lang, gia thụ là đức lâm lang; về võ giai thì sơ thụ là phấn lực tướng quân, thăng thụ là quả lực tướng quân, gia thụ là chấn lực tướng quân.

Viên ngoại lang+Hàn lâm viện đãi chế+Trung thư giám điển thư+Thái y viện ngự y phó+tả, hữu tư giảng+các viên đề hạt các vệ Tuần Tượng, Mã Nhàn+viên thừa ti ở ti Thông Chính+viên tri phủ+các viên phó lang tướng ở các vệ Tả, Hữu, Tiền, Hậu+viên võ úy ở ngoại vệ thuộc ngũ phủ+các viên kinh lược sứ, đồng tri, phòng ngự sứ ở vệ Thành Môn+viên chính chưởng ở cung Thiên Hòa+viên sở sứ ở sáu sở thuộc bộ Công+các viên cục sứ ở Thượng Y Giám, Ngự dụng giám và viên thự chính ở Thái Quan thự đều hàm tùng lục phẩm.

Những người giữ quan chức này, về văn giai thì sơ thụ là mậu lâm tá lang, thăng thụ là tuân lâm tá lang, gia thụ là đức lâm tá lang; về võ giai thì sơ thụ là quả cảm tướng quân, thăng thụ là hùng cảm tướng quân, gia thụ là cường cảm tướng quân.

Hàn lâm viện hiệu lý, đãi chiếu+Đề hình giám sát ngự sử+Trung thư giám chính tự+tự thừa ở sáu tự+Thái y viện biện kiểm+tư thiên giám giám phó+huyện úy ở hai huyện Vĩnh Xương, Quảng Đức+Đô cấp sự trung ở sáu khoa+trưởng sử ở ti Kinh Cục, Tẩy mã sở và các phủ+hiến sát phó sứ+đồng tri phủ+phó đề hạt ở các vệ Tuần Tượng, Mã Nhàn+phó đô úy ở Tượng Cứu, Mã Cứu+phó võ úy, phó vệ úy ở ngoại vệ thuộc ngũ phủ+Kinh Lược+Chiêm sự+Phòng ngữ đồng tri+phó chưởng cung Thiên Hòa+sở phó sứ ở sáu sở trong bộ Công và thự phó ở Thái quan thự, đều hàm chánh nhất phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là cần sự lang, thăng thụ là kính sự lang, gia thụ là thừa sự lang.

Hàn lâm viện kiêm thảo+thông phán hai huyện Vĩnh Xương, Quảng Đức+điên hàn cục Ti Kinh+giữ ngục ti Điện Tiền+tri huyện+tri châu+phòng ngữ thiêm sự+sở thừa sáu sở thuộc bộ Công và thự thừa ở thự Thái Quan, đều hàm tùng nhất phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là cân sự tá lang, thăng thụ là kinh sự tá lang, gia thụ là thừa sự tá lang.

Sử quán tu soạn+tư huấn Chiêu văn quán, Tú lâm cục+ngũ kinh giáo thụ ở Quốc tử giám+giám thừa ở Tư thiên giám cập sự trung ở sáu khoa+ngục thừa ở ti Điện Tiền+cục chính ở cục Thừa Dụ+phụ đạo chúnh ở ti Man Di phụ đạo+ti chính ở ti Giáo Phường+bào chính ở các thự Thần Trù, Thái Quan, Lam Kinh+cục chính ở các giám Tuyên Đạt, Thượng Y, Ngự Dụng và thự chính ở các thự, đều hàm chánh bát phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là tiến công lang, thăng thụ là hiệu công lang, gia thụ là địch công lang.

Lục bộ tư vụ, Sử quán biên lục, viên chiếu ma ở Ngự sử đài, viên điển nghĩa ở Sùng Văn Quán và Tú Lâm cục+viên sứ ti ở Cáp Môn và ti Lam Kinh+viên giám bạ ở Ngũ Kinh Học chính+viên bình sự ở Đại Lý tự+Khố sứ ở các kho Thiện Hội trung, Thiệu Hội đông, Thiệu Hội Tây, Thiện Hội nam, Thiện Hội bắc, và Trúc Mộc, Tang Phạt, Thiên Oai, Trừ Phong+Thông Sự chính+ngũ quan chính ở Tư Thiên giám+viên đường sứ ở Tế Sinh đường+viên trị trung ở phủ Phụng Thiên+viên điển sứ ở ti Thông Chính sứ+viên điển sứ ở viện Chiêm Sự+viên bạn độc ở các phủ thân vương công+Phủ úy, Vệ úy+Lương y chính ở các vệ Cẩm Y, Kim Ngô, Hiệu Lực, Thần Võ và Điện Tiền+lục sự ở các vệ Thần Võ, Hiệu Lực và Điện Tiền+Đô sự ở các ti Thần Oai, Du Nỗ và Trung Thành+kinh lịch trong ngũ phủ+điển bạ ở các vệ trong ngũ phủ+tri bạ ở các vệ Thần Võ, Hiệu Lực, Điện Tiền, Tượng Cứu, Mã Cứu, Tuần Tượng, Mã Nhàn+đô quan+chủ sự+suy quan+huyện thừa+đồng tri châu+cục phó trong cục thừa dụ+giữ ngục ở ngục sở Ngũ Hình+Phụ Đạo phó+Ti Phó trong ti giáo phường+Bào Phó ở các thự Thần Trù, Thái Quan, Lam Kinh+ti uấn ở ti Lương Uấn+Cục chính ở cục Ưng Sự+Sở sứ ở các sở Đồn Điền+sở sứ ở các sở Tàm Tang+Ti sứ ở ti Tinh Mễ+cục phó ở các giám, Tuyên Đạt, Thượng Y, Ngự Dụng+Tượng phó ở sáu sở trong bộ Công+Ti chính ở ti Điển Cứu+cục chính ở các cục Chưởng Liễn, Điển Tàng, Trân Tu, Công Tác, đều hàm tùng bát phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là tiến công thứ lang, thăng thụ là hiệu công thứ lang, gia thụ là địch công thứ lang.

Phó Sứ ở kho+Kiểm hiệu ở Tông Nhân phủ+Hồng Lô tự ban+Thông sự phó ở bộ phận Lão Qua, Bắc và Chiêm+khán chẩn ở Tế Sinh đường+khố sứ ở kho Sinh Dược+tư thần lang ởTư Thiên Giám+huấn đạo chủ bạ, Tư nghị ở phủ Phụng Thiên và các phủ khác+Thiện y chính giảng dụ, khổng mực lương y ở sở Thiện Y+phó sứ cáp môn+Tri sự ở sơn lăng Lam Kinh++Ngục thừa ở ngục sở trong ti ngũ hình+ngục thừa ở sở án ngục trong Ngự Sử đài+Điển Thiện trong sở Điển Thiện+tuần kiểm sứ+cục chính trong cục Thị Vệ+thự chính trong thự Đồng Văn nhã nhạc+cục phó ở cục Lương Uẩn+cục phó ở cục Ứng sự+phó sứ các sở đồn điền và tàm tang+sở sứ ở sở trồng rau+sở chính ở sở Bách Hí tả, hữu+tăng thống ở ti Tăng Lục+đạo thống ở ti Đạo Lục+sở sứ ở các sở Điền Mục+trưởng quan ở ti Man Di trưởng quan+cục phó ở các cục Chưởng Liễn, Điển Tàng, Trân Tu, Công Tác, đều hàm chánh cửu phẩm.

Những người giữ chức này, sơ thụ là tương sĩ lang, thăng thụ là đăng sĩ lang, gia thụ là lập sĩ lang.

Điên thụ+phó sứ các sở+ti sứ ở ti Thị Mãi+các viên thuê sứ+trưởng đò ở các ti bến đò+trưởng thị ở các chợ+xiển giáo giác nghĩa trong ti Tăng lục+điển pháp huy nghĩa trong ty Đạo lục+dịch thừa và phố chính ở quán sứ hội đồng+đàn sư ở các đàn+từ thừa ở các đền+huấn khoa ở y học+khuyến nông sứ ở các phủ+hà đê sứ các phủ+thự chính và tăng, đạo chính ở các chùa+quán sứ ở các quán+phó trưởng quan ở ti Man Di trưởng quan, đều hàm tùng cửu phẩm.

Các người giữ chức này, sơ thụ là tương sĩ thứ lang, thăng thụ là đăng sĩ thứ lang, gia thụ là lập sĩ thứ lang.

Chế độ về quan chức ở Nội điện:

Nội quan và tản quan:Thị trung lệnh hàm chánh tam phẩm, phó thị trung lệnh hàm tùng tam phẩm; bật trực lệnh lệnh hàm chánh tứ phẩm, phó bật trực lệnh hàm tùng tứ phẩm; hiệp vịnh lệnh hàm chánh ngũ phẩm, phó hiệp vịnh hàm tùng ngũ phẩm; sùng liêm chính hàm chánh lục phẩm, phó sùng liêm chính hàm tùng lục phẩm; thuần lương chính hàm chánh thất phẩm, phó thuần lương chính hàm tùng thất phẩm; sức tu chính hàm chánh bát phẩm, phó sức tu chính hàm tùng bát phẩm; lịch sử chính hàm chánh cửu phẩm, phó lịch sử chính hàm tùng cửu phẩm.

Về thông tư:

Các quan văn võ, người được dự phong quốc công là thượng trật 24 tư; quận công thượng giai 23 tư; hầu thượng liên 22 tư; bá thượng ban 21 tư; tử thượng tự 20 tư; nam thượng chế 19 tư; chánh nhất phẩm thượng tuyển 18 tư; tùng nhất phẩm thượng liệt 17 tư; chánh nhị phẩm trung trật 16 tư; tùng nhị phẩm trung giai 15 tư; chánh tam phẩm trung liên 14 tư, tùng tam phẩm trung ban 13 tư; chánh tứ phẩm trung tự 12 tư, tùng tứ phẩm trung chế 11 tư; chánh ngũ phẩm trung tuyển 10 tư, tùng ngũ phẩm trung liệt 9 tư; chánh lục phẩm hạ trật 8 tư, tùng lục phẩm hạ giai 7 tư; chánh thất phẩm hạ tự 4 tư, tùng bát phẩm hạ chế 3 tư; chánh cửu phẩm hạ tuyển 2 tư, tùng cửu phẩm hạ liệt 1 tư. Gồm 24 tư.

Bầy tôi có công được vinh phong, đặc ân gia phong chữ đẹp đẽ: Như những chữ: suy trung, dực vận, tá lý, cần lễ, tán trị, dương võ, kính thận, minh nghĩa, trinh ý, phụ quốc, hiệp mưu, đồng đức, khiêm cung, đoan nhã, kiệt tiết, tránh liệt, uy dũng, cương chính, bình văn, hiệu thuận, thuần tín, đôn hậu, tĩnh nạn, tuyên lực, gồm 24 bậc.

Lục Bộ, Lục Khoa: Đều xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chb. XIX, 30-31).

Mười ba đạo giám sát ngự sử: Xem năm Hồng Đức thứ 4 (Chb. XXII, 32-33).

Ngũ phủ, Lục tự: Đều xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chb. XX, 2, 6).

Hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô, bốn vệ Hiệu Lực, bốn vệ Thần Võ, sáu vệ Điện Tiền: Gọi là thủ vệ tam ti.

Các vệ quân ở Đô ti các trấn: Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 33-36).

Xét-Quan chế đời Hồng Đức: chánh nhất phẩm, tùng nhất phẩm về văn giai, võ giai đều không có sơ thụ, còn từ chánh nhị phẩm đến tùng cửu phẩm về văn giai và từ chánh nhị phẩm đến tùng lục phẩm về võ giai đều có sơ thụ, lúc bấy giờ nghị định về quan chế như thế nào, nay không rõ được, vậy hãy ghi lại để đề phòng khi khảo cứu.

Sai sứ thần sang nhà Minh.

Nhà vua sai bọn Bùi Viết Lương, Nguyễn Lãm và Lê Nhân sang nhà Minh nộp lễ cống hàng năm; bọn Nguyễn Đức Trinh và Phạm Mục sang báo cáo về việc Chiêm Thành đánh úp biên giới nước ta.

Sách Bang giao bị lãm của Giáp Trưng[1] chép: Tháng 10, mùa đông, năm thứ 2, Tân Mão[2], Lê Thánh Tông sai bọn Nguyễn Đức Trinh và Phạm Mục sang báo cáo với nhà Minh, đại lược trong lời tâu nói: "Tháng 8 năm ngoái, vua nước Chiêm Thành đem quân đánh úp đất Hóa Châu nước tôi, tôi thân hành đem người trong nước đi cứu viện Hóa Châu. Tháng 5 năm nay, vua Chiêm Thành lại bắt hơn 10 vạn quân vây hãm tôi mấy trùng; trong lúc nguy cấp, tôi phải phá vòng vây để đón đánh lại. Người nước Chiêm vẫn oán giận họ, không còn có chí chiến đấu, cùng nhau người thì phản lại, người thì bỏ trốn. Quân tuần tiễu của tôi kéo đến quốc đô nước ấy, thì dân chúng nước ấy không giúp rập vua, nên người bỏ binh khí chạy trốn, người quay giáo đầu hàng, vua Chiêm Thành đem quân đi về phương nam, tôi thấy thế, liền đem quân về nước giữ vững cảnh thổ cũ nước mình. Tôi trộm nghĩ: Chiêm Thành xưa nay vẫn thù địch với nước tôi, nay lại đem quân đến đánh úp cướp bóc, tôi bất đắc dĩ phải mạn phép tập hợp binh sĩ để ứng phó, trong lúc vội vàng chỉ muốn gỡ mối lo nhiễu nhương ở nơi biên quận. Làm như thế, cũng e rằng trái với lời ân cần răn bảo của bậc thánh minh[3], tôi rất lấy làm lo sợ. Bây giờ việc tiến lui của tôi chỉ xin theo mệnh lệnh thiên triều định đoạt".

Định phép đánh thuế.

Nhân đinh mỗi người nộp 8 tiền, về tiền thuế trồng dâu thì liệu lượng từng mẫu chia làm 3 bậc: bậc nhất, bậc nhì và bậc ba, mỗi bậc nộp tiền khác nhau.

---

[1] Tức Giáp Hải.

[2] Tức năm Hồng Đức thứ 2 (1471).

[3] Chỉ vua nhà Minh lúc bấy giờ. Một danh từ tôn kính vua của đời phong kiến.

Đặt sào thước về ruộng đất. Nhà vua hạ lệnh: ruộng hoặc đất cứ mỗi mẫu là 10 sào 6 thước 5 tấc[1].

Lời chua-Tiền thuế bãi trồng dâu: Nay không khảo cứu được.

Tháng 11, mùa đông. Trà Toại nước Chiêm Thành, làm phản. Nhà vua sai Lê Niệm, bình chương tướng quân, đi đánh, dẹp yên được.

Trước đây, chúa Chiêm Thành là Trà Toàn đã bị bắt, em hắn là Bàn La Trà Toại trốn vào trong núi, sai sứ đem việc trong nước bị hoạn nạn báo cáo với nhà Minh và xin nhà Minh phong vương cho, thống lĩnh ba vạn quân đi đánh, bắt Trà Toại và bộ lạc đưa về kinh sư.

Lời phê-Họ phục tùng ở chỗ nào[2]?

Lời cẩn án-Theo truyện An Nam chép trong Minh sử, thì "nhà Minh, năm Thành Hóa thứ 7[3], Lê Vương đánh phá nước Chiêm Thành, bắt chúa nước ấy là Bàn La Trà Toàn; hơn ba năm sau, lại đến đánh phá bắt chúa nước ấy là Bàn La Trà Duyệt, rồi đổi nước ấy là Nam Châu, đặt quân đóng đồn thú thủ". Về truyện Chiêm Thành, sách ấy chép: "Năm Thành Hóa thứ 5[4], An Nam đòi Chiêm Thành phải nộp tê, tượng và của báu, bắt Chiêm Thành phải phụng sự mình như lễ nghi phụng sự thiên triều. Chiêm Thành không theo, An Nam đem đại binh đánh dẹp, đến năm thứ 7[5] phá được nước Chiêm Thành, bắt vua nước ấy là Bàn La Trà Toàn, rồi chiếm cứ đất đai. Em vua nước ấy là Bàn La Trà Duyệt chạy vào trong núi, sai sứ sang [Trung Quốc] báo cáo về họa nạn trong nước. Năm thứ 10[6], An Nam lại sai quân bắt Bàn La Trà Duyệt, rồi lập người cháu của vua trước là Trai Á Phất Am làm vua, phong cho đất ở phía nam nước ấy". Việc chép ở hai truyện trên này cũng giống như việc chép ở đây. Duy về việc "Trà Duyệt chết bèn truyền ngôi cho em hắn là Trà Toàn", nay Minh sử lại chép "An Nam đã bắt Trà Toàn, hơn 3 năm sau lại bắt em nó là Trà Duyệt". Như thế thì chữ "Trà Duyệt" có lẽ là "Trà Toại" mà chép lầm đi. Vậy hãy phụ lục ở đây sẽ khảo cứu sau.

Bổ dụng thái bảo Lê Cảnh Huy giữ công việc ở lục khoa.

Nhà vua dụ bảo Lê Cảnh Huy rằng: "Nay nhận được tờ tấu của viên quan ở An Bang tâu: "Người nhà Minh sai nhiều binh lính từ Quảng Tây sang, nói phao là sang hội đồng khám địa giới". Việc này cần phải sai người dò thám ngay, nếu thấy có gì khác, phải lập tức đưa công văn đi các đạo tập hợp binh lính phòng giữ. Một thước núi, một tấc sông của ta có lẽ nào tự tiện vứt bỏ đi được? phải kiên quyết tranh luận, không để cho họ lấn dần. Nếu họ không theo, còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, biện bạch rõ lẽ phải trái. Nếu người nào dám đem một thước, một tấc đất đai của Thái Tổ để lại để làm mồi cho giặc, người ấy sẽ bị trừng trị nặng".

Lời chua-An Bang: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 15).

Nhâm Thìn, năm thứ 3 (1472). (Minh, năm Thành Hóa thứ 8).

Tháng 3, mùa xuân. Tây môn các bị hỏa tai.

Định rõ lại phép thi hội.

Phép thi hội như thế này:

---

[1] Theo Đại Việt sử ký thực lục chép: "Ruộng đất, mỗi mẫu 10 sào, mỗi sào 16 thước 5 tấc" (quyển XII, tờ 74). Như vậy không rõ sách nào chép đúng, sẽ khảo cứu sau.

[2] Trên kia chép "tù trưởng các nước phương tây, không ai là không phục tùng" (quyển XXII, tờ 5) nên lời phê này nhắc lại câu ấy và có ý mỉa mai.

[3] 1471 ngang với năm Hồng Đức thứ 2.

[4] 1469, ngang với năm Quang Thuận thứ 10.

[5] 1471, ngang với năm Hồng Đức thứ 2.

[6] 1474, ngang với năm Hồng Đức thứ 5.

- Kỳ đệ nhất: về Tứ thu, ra tám điều lệ: bốn đầu đề lấy trong sách Luận ngữ, bốn đầu đề lấy trong sách Mạnh Tử, cử tử[1], tự chọn lấy bốn đầu đề mà làm bài; về Ngũ kinh, mỗi kinh ra ba đầu đề, cử tử[2], tự chọn lấy một đầu đề mà làm bài, duy kinh Xuân thu ra hai đầu đề gồm vào làm một, cử tử cùng làm chung vào một bài.
- Kỳ đệ nhị: chiếu, chế và biểu mỗi thể đều ba đầu đề.
- Kỳ đệ tam: thơ và phú mỗi thể đều hai đầu đề, bài phú dùng thể phú Lý Bạch.
- Kỳ đệ tứ: Một bài văn sách hỏi về ý nghĩa dị đồng trong các sách Ngũ Kinh, Tứ Thư và chính sự hay dở của các triều đại.

Tháng 4, mùa hạ. Bắt đầu định tư cách[3] cho tiến sĩ.

Chế độ trước đây, tiến sĩ chia làm tam giáp, nhà vua đặc ân ban cho hạng cập đệ và hạng xuất thân, còn về tư cách thì chưa có định hạn. Đến đây thi hội[4], các cử nhân trong nước, lấy 27 người vào hạng trúng cách: khi điện thí[5], nhà vua cho bọn Vũ Kiệt, người đỗ vào hạng cập đệ, người đỗ vào hạng xuất thân có từng hạng khác nhau.

Bắt đầu từ khoa này mới nghị định về tư cách tiến sĩ: đệ nhất giáp, đệ nhất danh[6] được hàm chánh lục phẩm, 8 tư, đệ nhị danh[7] được hàm tùng lục phẩm, 7 tư, đệ tam danh[8] được hàm chánh thất phẩm, 6 tư,đệ nhị giáp[9] được hàm tùng thất phẩm, 5 tư, đệ tam giáp[10] được hàm chánh bát phẩm, 4 tư. Những người này lúc đầu bổ vào viện Hàn Lâm được gia một cấp, sau đó cứ lấy theo phẩm hàm của mình mà được đề bạt làm các chức giám sát ngự sử hoặc Tri huyện. Tiến Sĩ có tư cách bắt đầu từ đây.

Lời chua-Vũ Kiệt: Người làng Yên Việt, huyện Siêu Loại.

Tháng 8, mùa thu. Định lễ tế đinh ở các phủ.

Chế độ cũ, tế đinh ở Văn Miếu, thuộc các lộ chưa có thời kỳ nhất định. Đến đây, chuẩn định hàng năm các phủ làm lễ vào ngày thượng đinh trong 2 tháng trọng về mùa xuân và mùa thu[11].

Quý Tỵ, năm thứ 4 (1473). (Minh, năm Thanh Hóa thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua thân hành cày tịch điền[12].

Nhà vua thân hành đem quần thần cày tịch điền, để khuyến khích nhân dân trong nước.

Tháng 3. Nhà vua đi tuần di Tây Kinh, bèn vào bái yết từ đường Thuần Mậu.

---

[1] Tức những người dự thi, những người này đều đã đỗ ở trường thi hương tại các đạo, mới được vào thi hội, nên gọi là cử tử.

[2] Nt.

[3] Xem chú thích số 1, Chb. VII, 5 và lời chua của cương mục quyển XIX, tờ 6.

[4] Thi ở bộ Lễ, vua cử văn thần làm chủ khảo và các trường quan.

[5] Người đã trúng tuyển đủ các kỳ thi ở bộ Lễ, mới được vào thi ở điện đình, gọi là điện thí hoặc đình thí, phần nhiều do chính vua thân hành ra đầu bài.

[6] Trạng Nguyên.

[7] Bảng Nhãn.

[8] Thám Hoa.

[9] Hoàng Giáp.

[10] Tiến sĩ.

[11] Hàng tháng, từ mồng một đến mồng mười, gọi là thượng tuần, trong 10 ngày ấy ngày nào gặp hàng can có chữ đinh tức ngày thượng đinh; tháng 2 là trọng xuân, tháng 8 là trọng thu, vì hai tháng này là tháng 2 trong mỗi mùa. Văn Miếu tế Khổng Tử và các tiên hiền, tiên nho. Sở dĩ dùng ngày đinh, lấy nghĩa đinh thuộc hành hỏa, hỏa giữ về văn chương.

[12] Ruộng đứng riêng một thửa, để chính vua tự tay ra cày, hoa lợi dùng vào việc tế lễ ở nhà tông miếu, nhưng thực ra gặp vua chúa nào chú trọng về việc làm ruộng, thỉnh thoảng cũng đem quần thần đến cày một vài sá để cho đủ lệ. Còn thì phần nhiều là nhờ vào sức dân, nên tịch điền cũng có chỗ chép là tạ điền.

Nhà vua đi tuần du Tây Kinh, bái yết lăng miếu, bèn ngự thuyền nhỏ đến bái yết từ đường Thuần Mậu.

lời chua-Từ đường Thuần Mậu: Xem năm Hồng Đức thứ nhất (Chb. XXI, 37).

Tháng 3. Đại hạn, cầu đảo, ngày hôm sau mưa.

Lúc ấy trời đại hạn, nhà vua thân hành cầu đảo ở Thái Miếu, lại sai quan đi cầu đảo khắp các đền thờ thần. Ngày hôm sau mưa.

Tháng 4, mùa hạ. Mưa to luôn 3 ngày.

Xét định chức trách của Ngự sử đài và Hiến sát sứ ti.

Nhà vua xét định chức trách các ti Ngự sử đài trong kinh và Hiến sát sứ ngoài các đạo.

- Giám sát Ngự sử đạo Thanh Hóa-Nghệ An: giữ công việc lực sĩ các ti trong vệ Cẩm Y+ti canh ban Xá nhân+ti Ngũ Thành binh mã+ti Nghi Vệ+các quân vệ Cẩm Y+Trung quân phủ cùng việc quân và dân thuộc Thanh Hóa-Nghệ An.
- Giám sát Ngự sử đạo Hải Dương-An Bang: giữ công việc tráng sĩ ti Thần tí+các quân vệ Kim Ngô+bốn vệ Thần Sách+Đông Quân phủ cùng công việc quân và dân thuộc Hải Dương-An Bang.
- Giám sát Ngự sử đạo Sơn Nam-Thuận Hóa-Quảng Nam: giữ công việc sáu vệ ti Điện Tiền+Nam Quan phủ cùng công việc quân và dân thuộc Sơn Nam-Thuận Hóa-Quảng Nam.
- Giám sát Ngự sử đạo Sơn Tây-Hưng Hóa: giữ công việc bốn vệ Hiệu Lực+bốn vệ Tuần Tượng+bốn vệ Mã Nhàn+Tây Quân phủ cùng công việc quân và dân thuộc Sơn Tây-Hưng Hóa.
- Giám sát Ngự sử đạo Kinh Bắc-Lạng Sơn: giữ công việc ở giám Thượng Y+giám Ngự Dụng+các thợ trong bộ Công+cục Tuyên Đạt+các ti sở Đồn Điền, Tàm Tang, Tinh Mễ, Thực Thái, Điển Mục+Bắc quân phủ cùng việc quân và dân thuộc Kinh Bắc-Lạng Sơn.
- Giám sát Ngự sử đạo Thái Nguyên-Tuyên Quang: giữ công việc Tuyên Đạt trù+Thị vệ cục+Phụng Trực quân cùng việc quân và dân thuộc Thái Nguyên-Tuyên Quang.

Ngự sử đài trông coi cả công việc của Ngự sử 13 đạo.

Về chức trách Hiến sát sứ và Hiến sát phó sứ ở 13 đạo thì: chuyên giữ các việc trình bày lời nói phải trái+dò hỏi điều tra và đàn hặc những việc làm trái phép+thẩm cứu xét hỏi việc ngục tụng+xét duyệt công trạng của quan lại+đi tuần hành trong địa phương hạt mình.

Nhà vua dụ bao rằng: "Ai nấy đều phải kính cẩn công việc của mình"[1], đấy là lời bàn canh[2] dạy bảo các quan tại chức: "Kính cẩn công việc mình hiện giữ"[3], đây là lời Thành Vương[4] khuyên nhủ trăm quan. Những viên quan giữ về phong hóa trong nước, hiến pháp triều đình, chức trách là phải tham hặc, phải điều tra xem xét. Vậy phàm các nha môn ở trong kinh có những việc tham tang, việc trái phép cùng tất cả sự lợi hại về việc công, đều do viên quan giữ trách nhiệm xét hỏi thi hành; quan lại ba ti[5] ở ngoài các đạo, có việc tham ô, việc ngục tụng oan uổng và mọi việc công phát sinh ở phủ, huyện, châu, thì do các viên Hiến sát từng đạo chuẩn theo lý lẽ thi hành".

Tháng 9, mùa thu. Mưa to.

---

[1] Lấy điển ở thiên Bàn Canh trong kinh Thượng Thư, nguyên văn là "các cung nhĩ sự"

[2] Một ông vua hiền đời Ân Thương.

[3] Lấy điển ở thiên Chu Quan trong kinh Thượng Thư, nguyên văn là "khâm nãi du tì" (Cương mục in chữ "khâm" là "thận").

[4] Một ông vua hiền đời Thành Chu.

[5] Đô tổng binh sứ ti, Thừa chính sứ ti và Hiến sát sứ ti.

Giáp Ngọ, năm thứ 5 (1474). (Minh, năm Thanh Hóa thứ 10).

Tháng 4, mùa hạ. Định thể lệ về người thừa tự của con cháu các bầy tôi tử tiết.

Nhà vua hạ sắc lệnh: Những trung thần, nghĩa sĩ, như bọn Trần Khắc Chân triều trước và Đào Biểu triều này, đều do các quan thừa chính, hiến sát và phủ huyện tìm hỏi lấy con cháu họ mỗi hạng một người, tâu bày đủ chứng cứ xác đáng, triều đình sẽ ban cho chức nhàn tản; nếu người nào không có con cháu thì cho tìm lấy một người thân thuộc, triều đình sẽ miễn cho việc tuyển ra lính và phú dịch, để phụng sự hương hỏa.

Lời chua-Trần Khát Chân: Người làng Khả Lãng, huyện Vĩnh Lộc, làm đại tướng quân thời Trần Thuận Tông, bị Hồ Quý Ly giết, xem Trần Thiếu đế, năm Kiến Tân thứ 2 (Chb. XI, 34).

Đào Biểu: Xem Lê Nhân Tông, năm Diên Ninh thứ 6 (Chb. XVIII, 34, 35).

Lại Bộ thị lang Hà Nghiễm bị giao xuống ngục. Hà Nghiễm bị chết.

Lại Bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm và bọn thị lang Hà Nghiễm, Trần Tuân, phần nhiều đem viên quan giữ chức nơi biên viễn chuyển bổ về nơi cận tiện, đem viên quan ở nơi lam chướng chuyển bổ đến nơi màu mỡ tốt. Nhà vua hạ lệnh cho hình quan xét hỏi. Hà Nghiễm vì lo sợ mà chết. Nhà vua dụ bảo thái bảo Lê Niệm rằng: "Hà Nghiễm chết, có ba điều không may: theo pháp luật tội chưa đáng chết, mà hắn vội phải chết uổng, đây là một điều không may; ta không có lòng muốn giết hắn, mà phải mang tiếng lạm phép giết người, đấy là hai điều không may; việc này chưa kịp xét hỏi đến Nhân Thiêm mà Nghiễm đã chết ngay, đấy là ba điều không may".

Lời chua-Hà Nghiễm: Người xã Kim Hoa, huyện Kim Hoa[1], đỗ đồng tiến sĩ khoa Bính Tuất, năm Quang Thuận thứ 7 (1466).

Tháng 9, mùa thu. Mộ quân đi đánh Sơn Nam.

Trước đây, Sơn Nam ở châu Bằng Tường nhà Minh lấn cướp dọc biên giới Lạng Sơn, nhà vua định mệnh "chinh man" gồm 10 điều, sai quân đi đánh, đuổi ra ngoài quan ải. Đến đây, Sơn Nam lại quấy rối nơi biên cảnh, nhà vua cho chiêu mộ quân và dân, người nào tình nguyện tùng chinh, thì tháng 10 sẽ xuất phát.

Lời chua-Bằng Tường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ II (Chb. VI, 24).

Tháng 10, mùa đông. Sửa đắp thành ở kinh đô.

Tường thành ở kinh đô, nhiều chỗ vỡ lở sứt mẻ, cho nên sửa đắp lại.

Nước Ai Lao sang cống nạp.

Lời chua-Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9, 10).

---

[1] Nay thuộc xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XXIII

Từ Ất Mùi, năm Hồng Đức thứ 6 (1475) đến Giáp Thìn, năm Hồng Đức thứ 15 (1484) đời Lê Thánh Tông, gồm 10 năm.

Ất Mùi, năm Hồng Đức thứ 6 (1475) (Minh, năm Thành Hóa thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Quách Cảnh nhà Minh sang nước ta.

Tiền Năng, trấn thủ Vân Nam nhà Minh sai Quách Cảnh, Kim Ngô vệ chỉ huy sứ, theo đường sông Thao sang nước ta, nói phao là đuổi bắt người trốn tránh. Khi Quách Cảnh trở về, nhà vua sai bọn Lê Niệm, Hoàng Nhân Thiêm làm thơ, nhà vua tự mình làm bài tựa để tiễn hành. Bài tựa ấy nhà vua đứng tên tự xưng hiệu là "Thiên nam động chủ đạo am".

Lời cẩn án-Minh sử về truyện An Nam chép: "Năm Thành Hóa thứ 2 (1475), trung quan Tiền Năng, trấn thủ Vân Nam, là người tham lam càn giỡ, hắn sai chỉ huy Quách Cảnh đem sắc thư sang An Nam đòi lấy của báu. Lê Vương có ý muốn nhòm ngó Vân Nam, bèn mượn tiếng đưa giải những người phạm tội ở Long Châu thuộc Quảng Tây theo Quách Cảnh đi nhờ đường Vân Nam để vào kinh, đòi bắt hơn 600 phu, rồi lại cho quân kế tiếp đi theo sau, làm cho Vân Nam bị quấy rối nhiều quá. Quan chức bộ binh nói: "Vân Nam không phải là đường tiến cống, còn người Long Châu phạm tội thì phải giải giao cho Quảng Tây, không cần phải đưa vào kinh". Rồi bộ Binh bèn ra lệnh cho bầy tôi giữ biên cảnh, làm văn thư dụ bảo và phòng bị biên cảnh cho nghiêm ngặt. Việc chép trên này cùng với việc chép ở đây cũng ăn khớp với nhau, nhưng việc đưa giải người phạm tội và việc cho quân kế tiếp, thì Sử cũ bỏ sót không chép. Vậy hãy chép ra đây để phòng khi khảo cứu.

Lời chua-Vân Nam: Xem Bình Định Vương năm thứ 10.

Sông Thao: Xem Lý Nhân Tông, năm Hội Phong thứ 5 (Chb. IV, 2).

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn, vỡ đê Tô Lịch.

Lời chua-Đê Tô Lịch: Bây giờ ở huyện Vĩnh Thuận.

Đặt chức quan hà đê và quan khuyến nông.

Nhà vua ra sắc lệnh cho trong nước sửa đắp đê điều và đường sá, đặt chức quan hà đê trông coi công việc này; lại đặt chức quan khuyến nông để đôn đốc dân về việc cày cấy.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan thừc chính, hiến sát và phủ huyện: phàm ruộng cấy lúa mùa nào có thể giữ được nước lại để cấy lúa chiêm, thì sau mùa nước đã rút, các viên ấy trách cứ các quan hà đê và quan khuyến nông phải đi xem xét địa thế, đốc sức nhân dân bồi đắp bờ ruộng giữ lấy nước, để nhân dân có thể cày cấy được kịp thời vụ, không được tráo mắt ngồi nhìn sự đau đớn của dân để dân lâm vào cảnh khổ sở đói rét.

Bính Thân, năm thứ 7 (1476). (Minh, năm Thành Hóa thứ 12).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua ra nhà Thái Học, làm lễ thích điện đấng tiên sư.

Nhà vua tự mình làm lễ thích đấng tiên điện sư và sai văn thần chia nhau làm lễ tế ở hai bên bàn thờ đông vũ vả tây vũ[1].

---

[1] Bàn thờ tiên hiền, tiên nho theo đạo Khổng. Bàn thờ này đặt ở hai bên giải vũ, cũng có nơi gọi là tả vu, hữu vu.

Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh, tháng 3 trở về cung.

Đại xá cho trong nước.

Từ mùa đông năm trước đến tháng 4 mùa hạ năm nay, không mưa.

Nhà vua thấy qua mùa này đến mùa khác không mưa, thân hành cầu đảo đấng thượng đế.

Tháng 8, mùa thu. Cung vương Khắc Xương phải giao xuống hình ngục, Khắc Xương chết.

Cung vương, con thứ ba của Lê Thái Tông, và là thứ huynh nhà vua[1]. Vương tính tình nhã nhặn, đạm bạc, đồ mặc và đồ dùng đều sẻn nhặt, có tiết độ, giữ mình kính cẩn như học trò. Năm Đại Bảo thứ 2 (1441), bắt đầu được phong là Tân Bình vương, đến lúc Nghi Dân cướp ngôi, đổi phong là Cung vương. Cuối năm Diên Ninh (1454-1459), sau khi đã truất ngôi Nghi Dân, đại thần là bọn Lê Lăng muốn rước về lập làm vua, nhưng Cung vương cố ý từ chối, đại thần bèn rước lập nhà vua. Nhà vua nghe được việc này, có ý không bằng lòng[2]. Sau khi Lê Lăng đã bị giết, nhà vua đối với Cung vương vẫn đem lòng ngờ ghét. Đến nay, có người tố cáo Cung vương mưu làm việc phản nghịch, nhà vua hạ chiếu bắt để trị tội, Cung vương vì lo sợ rồi chết.

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, vua nhà Minh lập hoàng tử Hựu Xanh làm hoàng thái tử, sai Lễ bộ lang trung Trương Đình Cương đem sắc thư khuyên báo cáo và ban cho lụa hoa, lại khuyên nhà vua trả lại đất đai cho Chiêm Thành. Đến đây, nhà vua sai: Bùi Sơn, Vương Khắc Thuật và Chử Phong sang mừng việc lập hoàng thái tử; Lê Tấn, Ông Nghĩa Đạt sang tạ ơn việc ban cho lụa hoa; Nguyễn Tế sang nói về việc đất đai Chiêm Thành.

Lời cẩn án-Theo Minh Sử, Minh đế sai sứ sang khuyên Lê Vương trã lại đất đai cho Chiêm Thành. Lê Vương sai sứ thần sang tâu nói: "Chiêm Thành không phải là đất màu mở gì, lấy được đất nước ấy không thể ở được, bắt được dân nước ấy không thể sai khiến được. Nay vâng tờ mệnh chiếu bảo tôi trã lại đất đai cho nước ấy, vậy xin bệ hạ sai sứ thần của triều đình sang chia vạch rõ lại giới mốc đất đai, để cho dân ở biên cảnh hai nước được yên nghĩ, như thế tôi rất làm mãn nguyện". Việc chép trong Minh sử cùng việc chép về điều này có phần ăn khớp với nhau, cho nên phụ lục ở đây.

> **Lời chua**-Ông Nghĩa Đạt: Người xã Phú Gia, huyện Từ Liêm, đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi năm Hồng Đức thứ 6 (1475).
>
> Nguyễn Tế: Người xã Văn Thai, huyện Cẩm Giàng, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Dậu, Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 2 (1453).

Đinh Dậu, năm thứ 8 (1477). (Minh, năm Thành Hóa thứ 13).

Tháng 2 nhuận, mùa xuân. Đắp thành Đại La cho kiên cố thêm.

> **Lời chua**-Thành Đại La: Xem Thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb. V, 10).

Tháng 3. Định rõ lại thể lệ tuyển dụng con cháu của quan viên.

Theo chế độ cũ.

- Con trưởng và các con của quan văn, quan võ hàm nhất, nhị phẩm+con trưởng của viên quan hàm tam phẩm+cháu của tước công, tước hầu và tước bá, nếu người nào không thể theo học đường, cho sung vào tuấn sĩ vệ Cẩm Y, người nào có thể theo học được, cho sung vào nho sinh quán Chiêu Văn;

---

[1] Thánh Tông là con thứ tư của Thái Tông, nên gọi Cung vương là thứ huynh.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XIX, tờ 5, 20-21.

- Các con của viên quan văn, quan võ hàm tam phẩm+con trưởng và các con của viên quan hàm tứ, ngũ, lục, thất, bát phẩm+hai người con của viên quan hàm cửu phẩm+cháu của các viên quan hàm lục phẩm trở lên, nếu người nào không thể theo học được, cho sung vào quân vệ Vũ Lâm; người nào có thể theo học được, cho sung vào nho sinh cục Tú Lâm; người nào có tài làm lại điển, thì khảo hạch, rồi cho bổ sung lại điển các nha môn trong kinh và ngoài các đạo;
- Các con của viên quan hàm cửu phẩm+cháu của các viên quan hàm thất, bát phẩm, thì lựa chọn để bổ sung làm lính, cũng như con của bách tính.

Đến nay, vì có lời đề nghị của hàn lâm thừa chỉ là bọn Thân Nhân Trung, nên nhà vua chuẩn định: các con và cháu trưởng của tước công, tước hầu, tước bá[1] cùng con trưởng của viên quan văn, quan võ hàm nhị, tam phẩm trở xuống đến bát phẩm, người nào ít tuổi, chăm học, cho sung vào học sinh quán Chiêu Văn để học tập; bộ Lại lựa chọn làm chức tư huấn, điển nghĩa, để chuyên việc dạy dỗ; cứ ba năm một lần tâu bày một cách đầy đủ, đưa sang bộ Lễ thi khảo. Học sinh phải ám tả một bài kinh nghĩa, hai bài tứ thư nghĩa, ai trúng tuyển sẽ được bổ sung các chức về văn ban. Còn người nào tuổi đã lớn mà tư chất lỗ độn, muốn tập nghề võ thì do vệ Cẩm Y huấn luyện, mỗi ngày học sinh phải đến trường đua võ, tập các võ nghệ: bắn cung tên, phóng thủ tiễn[2] và đấu khiên[3] v.v... mỗi năm cứ đến tháng quý đông (tháng chạp âm lịch) vệ Cẩm Y phái quan đi khảo sát việc ganh đua võ nghệ của học sinh, đến năm thứ ba đưa sang bộ Binh thi khảo, ai trúng tuyển sẽ bổ vào các chức võ úy.

Nhà vua ra sắc lệnh: con các quan viên sung vào nho sinh cục Tú Lâm, mỗi ngày một nhiều. Vậy bộ Lại chọn trong viện Hàn Lâm, lấy ba người có học hạnh kiêm giữ chức tư huấn cục Tú Lâm để dạy bảo nho sinh học tập.

Nhà vua ra sắc lệnh định phép thi khảo cháu các quan viên: thí sinh phải làm một bài biểu, một bài toán, ai trúng tuyển sẽ được ấm bổ.

Lời chua-Chiêu văn quán, Tú lâm cục: Điển lệ quan chế triều Lê: Chiêu văn quán và Tú Lâm cục đều thuộc viện Hàn Lâm, quan chức đều đặt một viên tư huấn và một viên điển nghĩa.

Định rõ lại chế độ cấp lộc cho các quan trong kinh và ngoài các đạo.

Trước đây, định thể lệ quan bổng và chế độ quan lộc của trăm quan đều tùy theo chức viei65c phiền hay giản, chia ra từng hạng: giản, thái giản; nhàn tản. Bổng lộc từ cao đến thấp theo thể lệ bớt dần đều có nhiều ít khác nhau. Đến đây, nhà vua định rõ lại chế độ cấp lộc cho các quan trong kinh và ngoài các đạo.

Tờ chiếu nói: Lộc để khuyến người có công, tùy theo công việc nặng hay nhẹ, những hoàng tông và công thần tuy không có hạng định về phẩm tước, mà cấp lộc còn có từng bậc khác nhau, huống chi các quan văn, quan võ trong kinh và ngoài các đạo chức việc không giống nhau, thì việc cấp lộc nên làm cho tỏ rõ việc nặng nhọc, việc nhàn rỗi. Vậy hoặc có người nào kiêm giữ một chức quan ngang với phẩm trật của mình, thì được cấp lộc theo chức phiền kịch; người nào chức thấp mà kiêm giữ một chức cao; thì được tính theo chức sở kiêm, mà bớt dần đến phẩm trật chính của mình, rồi tùy theo chức việc phiền hay giản mà định số lộc cấp phát; người nào chức cao mà làm (nguyên văn chép chữ "hành") công việc chức thấp thì được tính theo chức sở hành, mà tiến dần đến phẩm trật của mình, rồi tùy theo chức phiền hay giản mà định số lộc cấp phát. Đại khái, quan trong kinh, nếu giữ chức phiền kịch thì cấp bổng lộc tiến lên hai bậc, chức phiền kịch vừa tiến lên một bậc; chức giản dị lùi xuống một bậc, chức giản dị lắm lùi xuống hai bậc. Quan ngoài các đạo, nếu giữ chức phiền kịch thì bổng lộc lùi xuống một bậc, chức phiền kịch

---

[1] Về tiêu chuẩn này, Việt Sử thực lục chép là cháu trưởng của các tước: công, hầu, bá, tử, nam, không chép các con (chúng tử) của các tước ấy.

[2] Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XV, tờ 14.

[3] Một thứ binh khí thời cổ. Hán văn chép là "thuẫn", ta thường gọi là khiên, mộc hoặc lá chắn. Cách chế: hoặc đan bằng tre, bằng mây hoặc làm bằng gỗ. Tác dụng: trong khi hai bên đánh nhau, bên nọ dùng để đỡ mũi tên hoặc giáo mác của bên kia.

vừa lùi xuống hai bậc; chức giản dị lắm lùi xuống ba bậc. Về phần thí quan[1] thì sau khi đã theo chức phiền hay giản để tính bổng lộc tiến hay lùi rồi, lại cấp lộc lùi xuống ba bậc nữa.

Lời cẩn án-Theo Chức quan chí trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì đời Hồng Đức định bổng lộc các quan có chế độ chức quan phiền hay giản, bổng lộc tiến hay lùi. Đại lược là bổng lộc bớt đi, phẩm trật thấp xuống, không để cho viên quan nào không có việc mà ăn không. Nhưng đấy chỉ là cấp tiền bổng lộc trong một năm mà thôi, ngoài bổng lộc ra lại cấp cho ruộng đất, bãi và thực tiền thay thế cho đầm nữa, chủ yếu cốt để cân nhắc người khó nhọc, người có tài năng, mà quyết định bổng lộc phẩm trật cho thích đáng. Phép tắc thể lệ thật là đầy đủ.

Lời chua-Chế độ quan lộc: Theo Hồng Đức Thiên nam dư hạ tập, thì chế độ cấp lộc cho các quan trong kinh và ngoài các đạo như thế này:

Hoàng thái tử riền 500 quan; thân vương tiền 200 quan, kém hoàng thái tử 300 quan; tự thân vương 140 quan, kém thân vương 60 quan; hoàng tôn được phong quốc công 127 quan, kém tự thân vương 13 quan.

Quận công 120 quan; tước hầu 13 quan, tước bá 106 quan, hoàng tằng tôn phong tước hầu 99 quan, phong tước bá cùng phò mã đô úy 92 quan (bớt dần mỗi bậc đều 7 quan).

Chánh nhất phẩm 80 quan; tòng nhất phẩm 74 quan; chánh nhị phẩm 68 quan; tòng nhị phẩm 62 quan; chánh tam phẩm 56 quan (bớt dần mỗi bậc đều 6 quan).

Tòng tam phẩm 52 quan; chánh tứ phẩm 48 quan; tòng tứ phẩm 44 quan; chánh ngũ phẩm 40 quan, tòng ngũ phẩm 36 quan (bớt dần mỗi bậc đều 4 quan).

Chánh lục phẩm 33 quan; tòng lục phẩm 30 quan; chánh thất phẩm 27 quan; tòng thất phẩm 24 quan; chánh bát phẩm 21 quan; tòng bát phẩm 18 quan (bớt dần mỗi bậc đều 3 quan).

Chánh cửu phẩm 16 quan; tòng cửu phẩm 14 quan; giản nha môn 12 quan; thái giản nha môn 10 quan, nhàn tản nha môn 8 quan; thái nhàn tản nha môn 6 quan (bớt dần mỗi bậc 2 quan).

Kiêm: Nghĩa là hiện làm chức này mà kiêm giữ một chức khác nữa: có người kiêm chức ngang với phẩm trật của mình; có người phẩm trật cao mà kiêm chức thấp; có người phẩm trật thấp mà kiêm chức cao.

Hành: Nghĩa là người phẩm hàm cao làm chức vụ thấp.

Thí: Nghĩa là người phẩm hàm thấp mà thí sai làm chức vụ cao.

Tiến cấp: Ví dụ: Người hàm chánh nhị phẩm được tiến lên một cấp tức là tòng nhất phẩm, được tiến lên hai cấp tức là chánh nhất phẩm.

Thoái cấp: Ví dụ: Người hàm chánh nhị phẩm thoái xuống một cấp tức là tòng nhị phẩm, thoái xuống hai cấp tức là chánh tam phẩm, thoái xuống ba cấp tức là tòng tam phẩm. Ngoài ra cứ theo thể lệ này mà suy ra.

Tháng 4, mùa hạ. Hạ sắc lệnh cho các quan thừa chính, hiến sát và phủ, huyện phải hết lòng về việc làm ruộng.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các quan thừa chính, hiến sát và phủ, huyện: nếu người nào khinh thường việc làm ruộng, như hạn hán mà không cầu đảo, nước lụt mà không khai thông, thấy việc có lợi cho việc nông mà không chấn hưng ngay, thấy việc có hại cho việc nông mà không trừ khử ngay, thấy tai biến mà không cầu cúng tống tiễn; những người ấy đều phải luận vào tội lưu.

[1] Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

Tháng 12, mùa đông. Cấm bầy tôi trong cung cùng các quan ở ngoài giao kết riêng với nhau.

Nhà vua ra sắc dụ: Bầy tôi trong cung và bầy tôi ở ngoài nếu giao kết riêng với nhau sẽ bị luận vào tội chết chém. Nếu viên quan cai quản không biết kiểm xét tâu hặc việc tư giao ấy sẽ bị luận vào tội lưu. Các ty vệ Cẩm Y, Kim Ngô, Thần Võ, Điện Tiền, Hiệu Lực, Tráng Sĩ cùng các quan văn quan võ, nếu không phải là người thân thuộc với nhau, mà mượn cớ dùng lễ vật biếu xén để hai bên giao kết với nhau, đều phải giao xuống đình úy trị tội.

Định tư cách của lại sử[1].

Lại sử ở các nha môn trong kinh và ngoài các đạo, lấy giám sinh, nho sinh, sinh đồ và những người trúng tuyển kỳ thi viết chữ và tính toán để sung bổ.

Trong kinh: lại sử ở các nha môn bổ dụng những người có xuất thân, thì người lại ấy bắt đầu sung làm thư lại, làm việc ba năm sung làm đạt lại, lại một năm sung làm điển lại, sau làm việc một năm nữa, không phạm lỗi, được thăng lên đô lại.

Niên hạn các lại sử định như sau này:

- Làm án lại ở trực Kim Quang điện+hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô+Ty Đình úy, phải 8 năm.
- Làm triều đường lại, phải 9 năm.
- Làm lại ở: bốn bộ Lại, Hộ, Binh, Hình+Đông các học sĩ+Ngự sử đài+ba khoa Hộ, Binh, Hình, đều phải 10 năm.
- Làm lại ở các nha môn: ty Thần võ+Hiệu lực+Điện tiền+Ngũ phủ+Đề lãnh+hai bộ Lễ và Công+viện Hàn Lâm+Sử quán+ba khoa Lại, Lễ và Công+lục tự+Kim quang môn đãi chiếu+ty Thông chính sứ+Nội vụ giám+Ngự dụng giám đều phải 11 năm.

Những người kể trên lại phải làm việc luôn ba năm trong một ban mà đều không phạm lỗi mới được sung vào hạng lại sử ở các nha môn bổ dụng người có xuất thân.

Còn như có người nào thi hội đã trúng được một, hai, ba kỳ thì viên quan có trách nhiệm liệu xét tài năng của họ mà tiến cử, sẽ chiếu theo thể lệ để cất nhắc, không câu nệ niên hạn.

Trong kinh: lại sử ở các nha môn bổ dụng người không có xuất thân, thì bắt đầu sung làm thông lại, làm việc 6 năm sung làm đề lại, làm việc 3 năm nữa thăng sung đô lại ở nha môn bổ dụng người có xuất thân.

Lệnh sử ở phủ thân vương, phủ công chúa và nha môn hoàng tử+quốc công+quận công+tước hầu+tước bá+tước tử+tước nam, thì bắt đầu sung làm á lệnh sử, làm việc ba năm mà không phạm lỗi, thăng sung thừa lệnh sử ở bản phủ hoặc bản nha, lại làm việc ba năm nữa thăng sung đô lại ở nha môn bổ dụng người có xuất thân.

Những lại sử nói trên, đều chuẩn theo niên hạn đã định liệt vào hạng xuất thân.

Những người lại ở nha môn các đạo bên ngoài, cũng như những người lại tại nha môn bổ dụng người không có xuất thân ở trong kinh.

Đến kỳ tuyển bổ quan chức, thì bộ Lại đưa công văn cho viên quan thượng ty từng nha, để viên quan ấy đề cử người thanh liêm, cần mẫn, lão luyện, thông thạo đáng được bổ dụng, rồi cho bộ Lại tâu bày đầy đủ dẫn vào triều đường để lựa chọn, sẽ cất nhắc bổ vào chức quan tá nhị ở châu, ở huyện; nếu có người thi hội đã được trúng một, hai, ba kỳ sẽ bổ làm quan chính thức ở châu, ở huyện cùng các chức kinh lịch, khố sứ, phó sứ.

Lời chua-Tư cách: Theo điển lệ quan chế trong cuốn Hồng Đức Thiên nam dư hạ tập.

[1] Lại sử: Như nhân viên hành chính, văn phòng ngày nay.

Trong kinh: Nha môn bổ dụng người lại sử có xuất thân.

Hạng án lại: trực Kim quang điện 8 người-vệ Cẩm Y 23 người-vệ Kim Ngô 17 người-ty Đình úy 8 người-ty Hải Thanh lực sĩ 2 người+Trung thư giám hoa văn học sinh 100 người.

Hạng án lại: Trực Kim quang điện 8 người-vệ Cẩm Y 23 người-vệ Kim Ngô 17 người-ty Đình úy 8 người-ty Hải Thanh lực sĩ 2 người-Trung thư giám hoa văn học sinh 100 người.

Hạng lại "Triều đường 6 người+Đô đốc năm phủ đều 6 người-ty Điện tiền đô kiểm điểm 13 người-quân vụ thuộc bốn vệ Hiệu lực và bốn vệ Thần võ đều 8 người-Bộ đường ở ba bộ Lại và Binh đều 21 người-Bộ đường bộ Lễ 13 người. Bộ đường bộ Hình 17 người-Bộ đường bộ Công 15 người-Đề lãnh tứ thành quân vụ+Đông các học sĩ 8 người-Hàn lâm viện 9 người-Sử quan 8 người-ba khoa Lại, Lễ và Công đều 21 người-hai khoa Hộ và Binh đều 51 người-Hình khoa 32 người-ty Thuyên khảo thuộc bộ Lại 59 người-ty Bản tịch thuộc bộ Hộ 80 người-ty Độ chi 29 người-ty Nghi chế thuộc bộ Lễ 18 người-ty Võ khố 47 người-ty Quân vụ thuộc bộ Binh 100 người-ty Ngũ hình mỗi ty đều 30 người-thuộc bộ Công: ty Doanh thiện 19 người+ty công trình 11 người-Đề hình giám sát ngự sử 6 người-Thanh Hóa đạo giám sát ngự sử 7 người, 11 đạo giám sát ngự sử mỗi đạo 5 người, Quảng Nam đạo giám sát ngự sử 4 người-Đại lý tự 29 người-Thái thường tự 7 người-Quang lộc tự 8 người-Hồng lô tự 8 người-Thái bộc tự 12 người-Thượng bảo tự 18 người-Thông chính sứ ty 24 người-Kim quang môn đãi chiếu 3 người-Nội phủ giám 6 người-Ngự dụng giám 4 người-Thượng y giám 3 người-Tương tác giám 3 người-Huy văn điện 12 người.

Trong kinh: Nha môn bổ dụng người không có xuất thân:

Hạng lại: Ba ty Thần võ tráng sĩ, Du nỗ tráng sĩ và Thân tý tráng sĩ, mỗi ty 3 người-bốn vệ Thần võ+ty Điện tiền+ty Binh mã lang tướng ở bốn cửa hoàng thành và trung thành+kho Hàm thông đều 2 người-kho Thiên mộc, kho Trúc mộc, kho Tang phạt đều 11 người-kho Thiên Oai 2 người-kho Phong Trừ 6 người-Thái y đường và Tề sinh đường đều 11 người-Sở lương y 10 người-Tông nhân phủ 3 người-ty Thông sự 10 người+điện Trường quang 10 người+sáu sở: Bảo nguyên, Trúc mộc, Khí giới, Chưng Thổ, Yên Bí và Doanh tạo thuộc bộ Công mỗi sở 2 người-phủ Phụng Thiên 13 người-tư thiên giám 23 người-Hội đồng quán 2 người, ,hai huyện Vĩnh Xương và Quảng Đức mỗi huyện 11 người-cục Thừa dụ 2 người-ty Thị mãi 5 người-Sở Lương y ở trực Kim Quang điện và các vệ Cẩm Y, Kim Ngô, Điện Tiền, Thần Võ, Hiệu Lực mỗi sở đều 3 người.

Hạng lệnh sử: phủ Thân vương 33 người-phủ thân công chúa 29 người-Hoàng tông công nha 25 người-Quốc công nha 23 người-Quận công nha 21 người-Hoàng tông hầu nha 19 người-Hầu nha 17 người-Hoàng tông bá nha 15 người-Phò mã đô úy nha 13 người-Hoàng tông tử và hoàng tông nam nha 11 người.

Hạng lại ở nha môn các đạo ngoài kinh thành:

12 xứ: Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Tuyên Quang, An Bang, Thái Nguyên, Hưng Hóa và Lạng Sơn. Về ty Đô tổng binh sứ mỗi ty 2 người[1]; ty Thừa chính sứ mỗi ty 52 người, ty Hiến sát sứ mỗi ty 17 người; xứ Quảng Nam: ty Thừa chính sứ 15 người, ty Hiến sát sứ 8 người. Sơn lăng giám 5 người; Lam sơn lăng 6 người. Sở thái bộc tự ở Thanh Hóa, Nghệ An và Thuận Hóa mỗi sở 2 người. Phủ, châu, huyện liệt vào hạng phiền kịch mỗi nha môn 8 người; phủ, châu, huyện liệt vào hạng giản việc mỗi nha môn 7 người; phủ, châu, huyện liệt vào hạng thái

[1] Đô tổng binh sứ là một ty trọng yếu trong một xứ, mà số lại sử chỉ có 2 người, kém xa với số lại sử ở ty Thừa chính sứ và Hiến sát sứ. Con số "2" này có lẽ nguyên văn chép sai.

giản mỗi nha môn 4 người. Các phủ: y học mỗi phủ 3 người; trường mậu dịch mỗi trường 4 người.

Định thể lệ truy phong và ấm phong.

Con trai, con gái trong hoàng tông đều được ấm phong; hoàng thái hậu, hoàng hậu, tam phi, cửu tần, lục chức và nữ quan trong cung đều được truy phong cho ông, bà, cha mẹ; các quan văn, quan võ từ hàng tòng phẩm trở lên được truy phong cho ông bà, cha mẹ và phong ấm cho con đều có cấp bậc khác nhau. Người được truy phong chỉ một bản thân người ấy được gia phong quan tước, không được trao cho quan chức, không được bổng lộc và không được viện lệ xin phong ấm.

Lời chua-Thể lệ truy phong và ấm phong: Theo mục Chức quan chí trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, hoàng trưởng tử tức là hoàng thái tử; hoàng tử đều phong là thân vương; hoàng nữ phong là công chúa.

Con trai trưởng của hoàng thái tử tức là hoàng thái tôn, con trưởng của thân vương tức là tự thân vương, các con trai thứ của hoàng thái tử và của thân vương đều phong tước công, con gái đều phong quận thượng chúa.

Con trai trưởng của hoàng thái tôn là hoàng tằng tôn, các con trai thứ đều phong tước bá, con gái phong quận chúa.

Con trai trưởng của tự thân vương và của công chúa đều phong tước hầu, các con trai thứ đều phong tước bá, con gái đều phong á quận chúa.

Con trai trưởng của tước hầu, tước bá đều phong tước tử, các con trai thứ đều phong tước nam, con gái phong quận quân.

Các con của tước tử, tước nam đều phong tá quốc sứ, con gái phong á quận quân.

Con trai của tá quốc sứ phong là phụng quốc sứ, con gái phong là huyện thượng quân.

Con trai của phụng quốc sứ phong là dực quốc sứ, con gái phong là huyện quân.

Con trai của dực quốc sứ phong là lượng quốc sứ, con gái phong là á huyện quân.

Hoàng thái hậu được truy phong tam đại: cha phong quốc công, mẹ phong quốc phu nhân, tổ phụ (ông) phong quận công, tổ mẫu (bà) phong quận phu nhân, tằng tổ phụ (cụ ông) phong tước hầu, tằng tổ mẫu (cụ bà) phong chính phu nhân.

Hoàng hậu được truy phong nhị đại: cha phong quận công, mẹ phong quận phu nhân, tổ phụ phong hầu, tổ mẫu phong chính phu nhân.

Tam phi tức là quý phi, minh phi và kính phi được truy phong nhị đại; cha phong tả đô đốc, mẹ phong đoan nhân, tổ phụ phong đô đốc đồng tri, tổ mẫu phong thuận nhân.

Cửu tần được truy phong nhất đại. Về hàng tam chiêu tức là chiêu nghi, chiêu dung, chiêu viên, cha phong đô đốc đồng tri, mẹ phong thuận nhân. Về hàng tam tu tức là tu nghi, tu dung và tu viên, cha phong đô đốc thiêm sự, mẹ phong thục nhân. Về hàng tam sung tức là sung nghi, sung dung và sung viên, cha phong đô đốc chỉ huy sứ, mẹ phong là trinh nhân.

Sáu chức cung giai và sáu cấp nữ quan đều được truy phong nhất đại. Sáu chức là tiệp dư, dung hoa, tuyên vinh, tài nhân, lương nhân, mỹ nhân và nữ quan cấp nhất, cha phong tổng tri, mẹ phong huy nhân; cấp hai, cha phong đồng tổng tri, mẹ phong thạc nhân; cấp ba, cha phong thiêm tổng tri, mẹ phong lệnh nhân; cấp bốn, cha phong

quản lãnh, mẹ phong cung nhân; cấp năm, cha phong phó quản lãnh, mẹ phong nghi nhân; cấp sáu, cha phong chánh võ úy, mẹ phong an nhân.

Tước công, tước hầu và tước bá được truy phong nhị đại; vợ, con và cháu trai đều được ấm phong:

- Quốc công: cha và ông đều phong quân công, mẹ và bà phong quận phu nhân, vợ phong quốc phu nhân, con trai trưởng phong trung trinh đại phu, các con thứ phong triều liệt đại phu, cháu trưởng phong hoằng tín đại phu.
- Quận công: Cha và ông đều phong tước hầu, mẹ và bà phong chánh phu nhân, vợ phong quận phu nhân, con trai trưởng phong triều liệt đại phu, các con trai thứ phong hoằng tín đại phu, cháu trưởng phong hiển cung đại phu.
- Tước hầu: cha và ông phong tước bá, mẹ và bà phong tự phu nhân, vợ phong chánh phu nhân, con trai trưởng phong hoằng tín đại phu, các con trai thứ phong hiển cung đại phu, cháu trai trưởng phong mậu lâm lang.
- Tước bá: cha và ông phong thái bảo, mẹ và bà phong liệt phu nhân, vợ phong tự phu nhân, con trai trưởng phong hiển cung đại phu, các con trai thứ phong mậu lâm lang, cháu trai trưởng phong mậu lâm tá lang.

Các quan văn, quan võ hàm nhất phẩm, nhị phẩm được truy phong nhất đại, vợ và con trai đều được ấm phong:

Võ giai-Hàm chánh nhất phẩm; cha phong tả đô đốc, mẹ phong đoan nhân, vợ phong huy nhân, con trai trưởng phong mậu lâm lang.

- Tòng nhất phẩm: cha phong đô đốc đồng tri, mẹ phong thuận nhân, vợ phong thạc nhân, con trai trưởng phong mậu lâm tá lang.
- Chánh nhị phẩm: cha phong đô đốc thiêm sự, mẹ phong thục nhân, vợ phong lệnh nhân, con trai trưởng phong cẩn sự lang.
- Tòng nhị phẩm: cha phong đô đốc chỉ huy sứ, mẹ phong trinh nhân, vợ phong cung nhân, con trai trưởng phong cẩn sự tá lang.

Quan võ hàm tam phẩm, tứ phẩm được truy phong nhất đại, vợ được dự phong, con không được dự.

- Chánh tam phẩm: cha phong tổng tri, mẹ phong huy nhân, vợ phong nghi nhân.
- Tòng tam phẩm: cha phong thiêm tổng tri, mẹ phong thạc nhân, vợ phong an nhân.
- Chánh tứ phẩm: cha phong đồng tổng tri, mẹ phong thạc nhân, vợ phong phụ nhân.
- Tòng tứ phẩm: cha phong quản lãnh, mẹ phong cung nhân, vợ phong tĩnh nhân.

Văn giai-Hàm chánh nhất phẩm: cha phong thiếu bảo, mẹ phong thuận nhân, vợ phong lệnh nhân, con trai trưởng phong mậu lâm tá lang.

- Tòng nhất phẩm: cha phong thái tử thiếu bảo, mẹ phong thục nhân, vợ phong cung nhân, con trai trưởng phong cẩn sự lang.
- Chánh nhị phẩm: cha phong đô ngự sử, mẹ phong trinh nhân, vợ phong an nhân, con trai trưởng phong cẩn sự tá lang.
- Tòng nhị phẩm: cha phong tả dụ đức, mẹ phong huy nhân, vợ phong tĩnh nhân, con trai trưởng phong tiến công lang.
- Chánh tam phẩm: cha phong tả trung doãn, mẹ phong thạc nhân, vợ phong túc nhân.
- Tòng tam phẩm: cha phong tham chính, mẹ phong lệnh nhân, vợ phong thân nhân.

- Chánh tứ phẩm: cha phong tự khanh, mẹ phong cung nhân, vợ phong phu nhân.
- Tòng tứ phẩm: cha phong tham nghị, mẹ phong nghi nhân, vợ phong cẩn nhân.

Định thể lệ cấp điền lộc.

Phàm những người hoàng tông, các quan văn, quan võ và tông phụ nữ quan đều được nhà vua định thể lệ cấp cho ruộng, đất, bãi trồng dâu, tiền mặt thay thế cho đầm (hồ hoặc đầm) và thổ trạch vườn ao, đều có đẳng cấp khác nhau. Những người được ban cấp sau khi chết phải chiêu số đã cấp trả lại quan. Nếu người nào có tài đức công nghiệp được vua đặc ân ban cho ruộng đất thế nghiệp để truyền cho con cháu, thì lúc bấy giờ sẽ xin chỉ chuẩn của nhà vua, không phải là thể lệ thường hành.

Lại nghị định chế độ quân cấp ruộng: Phàm công điền của dân đinh các xã, cứ 6 năm một lần, quan phủ, huyện hoặc châu phải kiểm điểm đo đạc, chia ruộng làm ba bậc: nhất đẳng, nhị đẳng và tam đẳng, rồi chiếu theo khoản thức kê khai số quan, quân, dân và số ruộng nhiều ít thế nào, chia từng hạng để quân cấp. Nếu ruộng nhiều thì lấy mẫu chia làm từng phần, ruộng ít thì lấy sào, thước chia làm từng phần. Quan viên từ nhị phẩm trở lên được cấp điền lộc ở nơi khác đã nhiều rồi thì không được cấp phần ruộng nữa; còn từ tam phẩm trở xuống người nào điền lộc ít, thì được quân cấp theo như thể lệ.

Lời chua-Điền lộc: Theo Hồng Đức, thiên nam dư hạ tập, thì:

Thân vương: thế nghiệp điền 600 mẫu, thế nghiệp thổ 40 mẫu, ruộng được vua ban cho 1.000 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 150 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 80 quan, ruộng tế tự 300 mẫu, thực phong 500 hộ.

Tự thân vương và thế tử của thân vương: thế nghiệp điền 450 mẫu. thế nghiệp thổ 36 mẫu, ruộng được vua ban cho 500 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 110 mẫu, đầm được trị giá thực tiền 70 quan, ruộng tế tự 250 mẫu, thực phong 200 hộ.

Quốc công trở xuống không được số hộ thực phong.

Quốc công: thế nghiệp điền 400 mẫu, thế nghiệp thổ 34 mẫu, ruộng được vua ban cho 400 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 100 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 60 quan, ruộng tế tự 200 mẫu.

Quận công: thế nghiệp điền 350 mẫu, thế nghiệp thổ 32 mẫu, ruộng được vua ban cho 300 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 90 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 50 quan, ruộng tế tự 180 mẫu.

Tước hầu: thế nghiệp điền 300 mẫu, thế nghiệp thổ 30 mẫu, ruộng được vua ban cho 260 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 80 mẫu, đầm được ban cho trị giá thực tiền 40 quan, ruộng tế tự 160 mẫu.

Tước bá: thế nghiệp điền 200 mẫu, thế nghiệp thổ 28 mẫu, ruộng được vua ban cho 230 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 70 mẫu, đầm ban cho trị giá thực tiền 30 quan, ruộng tế tự 140 mẫu.

Quan văn, quan võ được phong tước công, tước hầu, tước bá: không có ban cho thế nghiệp thổ, còn ruộng thế nghiệp+ruộng được vua ban cho+bãi trồng dâu+đầm trị giá bằng tiền+ruộng tế tự cũng như hoàng tông.

Hoàng tông được phong tước tử, hàm chánh nhất phẩm trở xuống đều không có thế nghiệp điền, chỉ cấp cho thế nghiệp thổ 18 mẫu, ruộng được vua ban cho 100 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 70 mẫu.

Tước nam, hàm tòng nhất phẩm: thế nghiệp thổ 16 mẫu, ruộng được ban cho 80 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 60 mẫu.

Chánh nhị phẩm: thế nghiệp thổ được cấp 14 mẫu, ruộng được vua ban cho 60 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 50 mẫu.

Tòng nhị phẩm: thế nghiệp thổ được cấp 12 mẫu, ruộng được vua ban cho 50 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 10 mẫu, ruộng tế tự 40 mẫu.

Quan văn, quan võ hàm tòng nhị phẩm trở lên đều không có thế nghiệp thổ ra ngoài, về ruộng được vua ban cho+bãi trồng dâu+ruộng tế tự cũng như hoàng tông.

Hoàng tông hàm chanh tam phẩm trở xuống không có bãi trồng dâu, duy cấp cho thế nghiệp thổ 10 mẫu, ruộng được vua ban cho 40 mẫu, ruộng tế tự 35 mẫu.

Tòng tam phẩm: thế nghiệp thổ được cấp 8 mẫu, ruộng được vua ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 20 mẫu.

Chánh tứ phẩm: thế nghiệp thổ được cấp 6 mẫu, ruộng được vua ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 15 mẫu.

Tòng tứ phẩm: thế nghiệp thổ được cấp 4 mẫu, ruộng được vua ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 10 mẫu.

Quan văn, quan võ từ chánh tam phẩm đến tòng tứ phẩm đều không có thế nghiệp thổ, còn ruộng được vua ban cho và ruộng tế tự cũng theo như hoàng tông.

Bầy tôi có công được phong tước ngủ đẳng cùng quan văn, quan võ từ nhất phẩm đến cửu phẩm, ở trong kinh đô, đều được cấp thổ trạch và vườn ao.

Quốc công: thổ trạch 4 mẫu, ao 3 mẫu; quận công: thổ trạch 3 mẫu, ao 2 mẫu; tước hầu: thổ trạch 2 mẫu 5 sào, ao 1 mẫu 5 sào; tước bá: thổ trạch 2 mẫu, ao 1 mẫu 2 sào; tước tử: thổ trạch 1 mẫu 5 sào, ao 9 sào; tước nam: thổ trạch 1 mẫu 2 sào, ao 7 sào; nhất phẩm: thổ trạch 1 mẫu; nhị phẩm thổ trạch 8 sào; tam phẩm: thổ trạch 7 sào; tứ phẩm và ngũ phẩm: thổ trạch 6 sào; lục phẩm và thất phẩm: thổ trạch 5 sào và cửu phẩm: thổ trạch 4 sào.

Phụ nữ trong hoàng tông:

Thân công chúa: thế nghiệp điền 450 mẫu, thế nghiệp thổ 36 mẫu, ruộng được vua ban cho 600 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 100 mẫu; đầm được ban cho trị giá thực tiền 70 quan, ruộng tế tự 200 mẫu, thực phong 300 hộ.

Quận thượng chúa: thế nghiệp thổ 18 mẫu, ruộng được vua ban cho 80 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 60 mẫu.

Quận chúa: thế nghiệp thổ 16 mẫu, ruộng được vua ban cho 50 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 16 mẫu, ruộng tế tự 50 mẫu.

Á quận chúa: thế nghiệp thổ 14 mẫu, ruộng được vua ban cho 40 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 12 mẫu, ruộng tế tự 40 mẫu.

Quận quân: thế nghiệp thổ 12 mẫu, ruộng được vua ban cho 35 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 8 mẫu, ruộng tế tự 35 mẫu.

Á quận quân: thế nghiệp thế nghiệp thổ 10 mẫu, ruộng được vua ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 30 mẫu.

huyện thượng quân: thế nghiệp thổ 8 mẫu, ruộng được vua ban cho 25 mẫu, ruộng tế tự 25 mẫu.

Huyện quân: thế nghiệp thổ 6 mẫu, ruộng được vua ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 20 mẫu.

Á huyện quân: thế nghiệp thổ 4 mẫu, ruộng được vua ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 15 mẫu.

Phụ nữ trong hậu cung:

Những người về hàng tam phi: thế nghiệp thổ 30 mẫu, ruộng được vua ban cho 300 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 60 mẫu, ruộng tế tự 150 mẫu.

Về hàng tam chiêu cùng vợ hoàng thái tử: thế nghiệp thổ 24 mẫu, ruộng được vua ban cho 200 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 50 mẫu, ruộng tế tự 100 mẫu.

Về hàng tam tu: thế nghiệp thổ 21 mẫu, ruộng được vua ban cho 150 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 45 mẫu, ruộng tế tự 90 mẫu.

Về hàng tam sung: thế nghiệp thổ 20 mẫu, ruộng được vua ban cho 100 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 80 mẫu.

Sáu chức trong hàng nữ quan:

Cấp nhất: thế nghiệp thổ 18 mẫu, ruộng được vua ban cho 70 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 70 mẫu.

Cấp nhì: thế nghiệp thổ 14 mẫu, ruộng được vua ban cho 40 mẫu, bãi trồng dâu được ban cho 10 mẫu, ruộng tế tự 40 mẫu.

Cấp ba: thế nghiệp thổ 8 mẫu, ruộng được vua ban cho 30 mẫu, ruộng tế tự 30 mẫu.

Cấp bốn: thế nghiệp thổ 7 mẫu, ruộng được vua ban cho 25 mẫu, ruộng tế tự 25 mẫu.

Cấp năm: thế nghiệp thổ 6 mẫu, ruộng được vua ban cho 20 mẫu, ruộng tế tự 20 mẫu.

Cấp sáu: thế nghiệp thổ 5 mẫu, ruộng được vua ban cho 15 mẫu, ruộng tế tự 15 mẫu.

Về việc quân cấp ruộng công:

Người nào hàm tam phẩm được 11 phần, tứ phẩm được 10 phần, ngũ phẩm được 9 phần rưỡi, lục phẩm được 9 phần, thất phẩm được 8 phần rưỡi, bát phẩm được 8 phần, cửu phẩm được 7 phần rưỡi; từ cửu phẩm tạp lưu[1] trở xuống và sinh viên, lại dịch, binh lính, dân đinh, các hạng thợ, cùng người già, người có bệnh tật, người mồ côi cha, đàn bà góa, đều được cấp ruộng từ 7 phần đến 3 phần nhiều ít khác nhau.

Lời phê-Bấy giờ cương vực chưa được rộng lớn, mà ruộng đất ban cho nhiều đến như vậy, thì thuế công của quốc gia còn được bao nhiêu. Việc này e rằng chưa đủ tin được.

Mậu Tuất, năm thứ 9 (14778). (Minh, năm Thành Hóa thứ 14).

Tháng 2, mùa xuân. Hạ chiếu cho ba ty Đô, Thừa, Hiến[2] xét người hay, người dở trong bộ thuộc mình rồi kê tên từng người tâu bày lên để vua rõ.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho ba ty Đô, Thừa, Hiến[3] các xứ phải xét kỷ các quan lại trong bộ thuộc của mình, hạng liêm khiết, hạng tham ô, hạng siêng năng, hạng lười biếng, và viên quan giữ việc học dạy bảo học trò, hàng năm có kén chọn để tiến cống hay không, tiến cống nhiều hay ít, đều phải kê tên những quan lại ấy tâu bày lên cho vua biết, để định sự truất bãi hoặc cất nhắc.

Nhà vua lại hạ lệnh cho trưởng quan các nha môn văn và võ trong kinh và các đạo ở ngoài phải xét bộ thuộc của mình, người nào hèn kém bỉ ổi không thể dùng được, thì đưa về bộ để xét thực, hoặc

---

[1] Những người làm quan không có xuất thân, chưa được liệt vào hạng chính ngạch cùng những người quyên tiền quyên thóc mà được phẩm hàm, gọi là cửu phẩm tạp lưu.

[2] Tức Đô Tổng binh sứ ty, Thừa chính sứ ty và Hiến sát sứ ty.

[3] Tức Đô Tổng binh sứ ty, Thừa chính sứ ty và Hiến sát sứ ty.

đổi bổ sung vào chức quan giản việc hoặc bắt về nghĩ, sẽ lựa chọn người từng trải công việc và lão luyện, thông thái để thay thế. Nếu viên quan nào xét trái sự thật, thì các quan trong Lục khoa, Ngự sử và ty Hiến sát sứ được phép kiểm soát hoặc tâu để trị tội.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các quan trong Lục khoa tra cứu từ năm Quang Thuận thứ 2 (1461) đến nay, viên quan nào phạm tội tham tang đã từng bị biếm chức hoặc giáng chức và các viên tướng hiệu nào vụng trộm thu tiền của quân sĩ từ 10 quan trở lên, đều bắt đầu phải thôi việc.

Tháng 8, mùa thu. Có thủy tai lớn .

Tháng 11, mùa đông. Hạ chiếu: chọn người có văn học, tài trí, kiến thức cất nhắc làm việc trong ty hình ngục.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho các ty trong bộ Hình: nếu viên chức trong bộ Hình có người nào tài cán kiến thức nông cạn quê mùa, không am hiểu danh lệ hình luật, thì viên quan thượng ty lựa chọn đưa sang bộ Lại để bổ giữ chức khác, sẽ chọn những tiến sĩ hoặc người dự thi hội đã trúng ba kỳ mà có tài cán kiến thức hoặc do lại viên xuất thân thông hiểu danh lệ hình luật, những người ấy đã làm việc ở trong kinh hoặc các đạo bên ngoài đủ 2 lần khảo công[1], để cất nhắc vào làm việc tại bộ Hình.

Nhà vua ra sắc lệnh: từ nay chức lang trung và viên ngoại trong bộ Hình có khuyết ngạch, thì Lục bộ, Ngự sử đài, Lục tự khanh và 2 ty Thừa chính, Hiến sát đều được đem viên chức trong nha môn mình đã từng 2 lần khảo công trở lên mà là người thanh liêm, lão luyện, thông thái am hiểu danh lệ hình luật thì đề cử, để bổ sung. Nếu đề cử không được người xứng đáng, thì Lục khoa và Ngự sử đài phải xét kỷ lưỡng rồi hặc tâu.

Tháng 12. Định thể lệ thưởng và phạt về kỳ thi "đô thí".

Phàm tước công, tước hầu, tước bá cùng các quan trong kinh, ngoài các đạo, viên quan nào có trách nhiệm quản lĩnh quân sĩ, thì hội hợp ở kinh sư để thi khảo về võ nghệ, gọi là "đô thí". Phép thi: mỗi lần thi bắn 5 phát tên bằng cung, 5 phát tên bằng tay[2] và đấu khiên[3] một đường. Ai được trúng từ 8 đến 10 lần là thượng cấp, trúng 6, 7 lần là trung cấp, trúng 4, 5 lần là hạ cấp, sẽ được theo cấp đã trúng mà định việc ban thưởng; nếu trúng 2, 3 lần sẽ không thưởng, không phạt; còn người trúng một lần cùng người không trúng lần nào, sẽ bị phạt tiền nhiều ít khác nhau.

Kỷ Hợi, năm thứ 10 (1479). (Minh, năm Thành Hóa thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Duyệt võ.

> **Lời chua**-Duyệt võ: Theo sách Bắc kỳ tạp biên của Nhữ Bá Sỹ, Lê Thánh Tông thường duyệt võ ở núi Khán Sơn. Núi này ở phía tây nam thành Thăng Long.

Hạ lệnh cho Ngô Sĩ Liên biên chép sách Đại Việt sử ký.

Sách chép gồm 15 quyển: từ Hồng bàng thị đến Ngô sứ quân 5 quyển gọi là Ngoại kỷ; từ Đinh Tiên Hoàng đến Lê Thái Tổ 10 quyển gọi là Bản kỷ.

> **Lời phê**-Lúc ấy gọi là văn minh, mà biên chép sách còn như thế. Như vậy có thật được như vậy không?[4].

Tháng 2. Nhà vua đi xem đánh cá ở Tây Hồ.

> **Lời chua**-Tây Hồ: Xưa gọi là hồ Lang Bạc. Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 12).

---

[1] Mỗi lần khảo công là 3 năm. Xem thêm chính biên quyển XXIV, tờ 8.

[2] Nguyên văn chép "thủ tiễn" xem chú thích số 1. Chính biên quyển XV, tờ 14.

[3] Xem chú thích số 2. Chính biên quyển XXIII, tờ 5.

[4] Nguyên văn bằng chữ Hán. Câu cuối cùng lấy nguyên câu của Khổng Tử trả lời Công Tôn Giả: "Kỳ nhiên khởi kỳ hồ" Nghĩa là: "Vậy à? có thật như vậy không?" Lời phê này dùng 6 chữ ấy làm câu thúc kết, có lẽ muốn nói một cách nghi ngờ rằng: "như thế mà gọi là văn minh à? Có thật văn minh là như thế không?

Tháng 8, mùa thu. Nước Lão Qua xâm phạm vào biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho các tướng đem quân đi đánh, phá tan được quân Lão Qua.

Cầm công, tù trưởng Bồn Man, ngầm mang lòng phản bội. Lão Qua liên kết và viện trợ cho Cầm Công, đem quân lấn cướp biên cảnh phía tây nước ta. Nhà vua sai các tướng đi đánh, hạ lệnh cho thái úy Lê Thọ Vực làm Chinh tây tướng quân, đi theo đường chính phủ Trà Lân; đô đốc Đông quân phủ Trịnh Công Lộ làm Chinh di tướng quân, đi theo đường An Tây; Trấn lỗ tướng quân Lê Đình Ngạn đi theo đường Ngọc Ma; Du Kỵ phó tướng quân Lê Lộng đi theo đường Thuận Châu và Mỗi Châu; Thảo tặc phó tướng quân Lê Nhân Hiếu đi theo đường phủ Thanh đô. Các tướng hội đồng quân 5 đạo cộng 18 vạn, đánh phá tan được. Nhân thế thắng, kéo vào thành Lão Qua, lấy được của báu. Vua Lão Qua phải chạy trốn. Các tướng bắt dân nước ấy và chiếm đất đai nước ấy đến sông Kim Sa giáp giới phía nam nước Miến Điện, rồi cho người đem tiệp thư về tâu nhà vua biết.

Lời phê-Thường hay khoa trương[1].

Lời chua-Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chb. XI, 13).

Trà Lân: Tức Trà Long: Xem Bình Định Vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 17).

Thanh Đô: Tên phủ xưa, nay đổi là Thọ Xuân, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

An Tây: Tên phủ xưa, nay phụ thuộc vào phủ Điện Biên, thuộc tỉnh Hưng Hóa[2].

Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ nhất (Chb. XIII, 10).

Thuận châu: Nay thuộc phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hóa[3].

Mỗi Châu: Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (Chb. XVII, 1).

Sông Kim sa: Theo mục Vân Nam chí trong sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư thì, sông Kim Sa phát nguyên từ lưu vực phía tây nước Thổ Phồn, chảy đến nước Miến Điện rồi đổ ra biển nam.

Miến Điện: Theo Đại Thanh nhất thống chí, Miến Điện, tên mộ Man quốc, năm Hồng Võ thứ 29 (1386) triều Minh, nước này mới quy phụ, triều Minh đặt Miến Điện quân dân tuyên úy sứ ty, phía đông đến Bát Bá tuyên sứ ty, phía nam đến biển, phía tây đến địa giới Mạnh Dưỡng, phía bắc đến địa giới Mạnh Mật tuyên phủ ty.

Tháng 10, mùa đông. Cầm Công ở Bồn Man làm phản, nhà vua tự làm tướng đi đánh, đi đến Thâu Bồ rồi trở về, tháng 12. Hạ lệnh cho tướng quân Lê Niệm đi đánh, dẹp yên được.

Họ Cầm nối đời làm phụ đạo Bồn Man. Nhà vua thấy rằng, đất ấy tiếp giáp với biên cảnh ngoại di, khó có người trấn thủ được, bèn chia đất ấy ra lập thành 7 huyện thuộc phủ Trấn Ninh, đặt quan phủ, quan huyện để giám sát cai trị. Đến đây, Lão Qua xâm phạm biên giới. Cầm Công nương dựa Lão Qua làm viện trợ cho mình, đánh đuổi các viên lưu quan[4], chiếm cứ riêng đất ấy để chống lại quan quân; đến lúc các tướng đánh phá được Lão Qua, cho người đưa thư báo tin thắng trận. Cầm Công lại ngăn chặn, làm cho tiệp thư thông báo về kinh được. Bởi thế, nhà vua hạ chiếu thân hành đi đánh, quân nhà vua tiến đóng tại Phù Liệt, bèn sai Trần Bảo, phó đoàn sư vệ Cẩm Y, và Phạm Nhân Kính, đô chỉ huy thiêm sự, điều động cung cấp quân lương, lại dụ bảo Lê Thọ Vực các tướng: "Công trạng đánh phá Lão Qua như thế nào thì giao cho Trần Bảo đệ về tâu nộp". Tháng 11, xa giá đến Thâu Bồ đóng ngự doanh 4 ngày rồi trở về, sai tướng quân Kỳ quận công Lê Niệm thống lãnh 30 vạn quân, tiến đánh, phá tan được. Cầm Công bỏ chạy, bị chết. Tướng sĩ đốt thành của Bồn Man và thiêu hủy kho tàng tích trữ. Bồn Man xin

---

[1] Chỉ việc 5 đạo quân cộng 18 vạn.

[2] Nay chỉ huyện thuận Châu, tỉnh Sơn La.

[3] Nay chỉ huyện thuận Châu, tỉnh Sơn La.

[4] Viên quan do triều đình bổ đi cai trị một địa phương nào đó, lúc cai trị địa phương này lúc cai trị địa phương khác, không có nhất định, khác với thổ quan. Xem thêm chú giải số 2 ở Chb, XVI, 23.

hàng. Nhà vua bèn phong người họ Cầm tên là Cầm Đông làm tuyên úy đại sứ, lại đặt các thổ quan để chia nhau cai trị.

Lời chua-Trấn Ninh: Đất Bồn Man xưa, hồi đầu triều Lê, họ Cầm nối nhau làm phụ đạo; đến Lê Thánh Tông chia đất này lập ra làm phủ Trấn Ninh, quản lãnh 7 huyện: Kim Sơn, Thanh Vị, Cảnh Thuần, Quang Minh, Minh Quảng, Quang Lang và Tư Thuận, cho họ Cầm nối đời làm tù trưởng. Cuối năm Vĩnh Hựu (niên hiệu Lê Ý Tông 1735-1739), Lê Duy Mật chiếm cứ, đến năm Cảnh Hưng thứ 31 (1770) mới dẹp yên được, lại cho họ Cầm được nối đời quản trị. Bản Triều, năm Gia Long thứ nhất (1802) đem đất ấy phong cho nước Vạn tượng; năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), nước Vạn tượng bị Tiêm La đánh phá, tù trưởng Chiêu Nội đem đất ấy quy phụ, mới chia đặt thành 8 huyện là: Khâm, Quảng, Liên, Cát, Khang, Xuy, Liêm, Mộc, phong cho Chiêu Nội làm Phòng Ngự sứ, quản trị công việc ở phủ, còn ở huyện thì đặt chức tri huyện người bản thổ để cai trị; đến năm Minh Mệnh thứ 9 (1826), Chiêu Nội phạm tội, bị giết, triều đình trao cho một viên tri huyện người bản thổ làm phòng ngự đồng trị, quản lý tất cả công việc trong phủ, năm thứ 15 (1838) mới đặt lưu quan làm tri phủ quản lĩnh 8 huyện.

Thâu Bồ: Nay không khảo cứu được.

Canh Tý, năm thứ 11 (1480). (Minh, năm Thành Hóa thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân, mưa đá.

Tháng 5, mùa hạ. Sao sa.

Tháng 6. Đại hạn.

Nhà vua ra dụ chỉ nói: Ít lâu nay bộ Hình cùng Thừa ty, Hiến ty, phủ huyện các xứ khám xét kiện tụng, phần nhiều theo bịng riêng của mình lấy tiền một cách nhảm nhí, hoặc văn án để đình trệ, hoặc kẻ trên người dưới suy tỵ lẫn nhau, gian trá trăm đường, không ai vì dân làm sáng tỏ lẽ phải trái; vì thế mà kẻ bị tội oan, người bị phạt lạm, để cho dân sầu khổ oán thán, đến nỗi trời làm hạn hán. Vậy từ nay đối với hình quan cùng các quan Thừa chính, Hiến sát, phủ, huyện, người nào nên tuyển dụng, người nào nên sa thải, các bầy tôi trong triều đều phải giữ lòng công bằng, cốt làm thế nào lựa chọn được người tốt để việc hình ngục đi đến chỗ công bằng thỏa đáng.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Trước đây có xảy ra mấy việc như thế này:

- Nhà vua lấy cớ rằng tiếp giáp nơi biên cảnh thường bị bọn Sơn Man quấy rối, mới sai Hoàng Thế Cung sang châu Bằng Tường để do thám, bị viên tri châu ấy là Lý Quảng Ninh bắt giữ.
- Trần Ao, tổng binh đồng tri ở Bắc Bình, lấy cớ rằng ruộng xứ Ban Động ở xen vào đất châu Tư Lăng, mới sai liệt hiệu[1] Đào Phu Hoán đem 600 quân, mở cửa ải Thông Quang, trồng tre gỗ làm giậu ngăn, để phân biệt giới hạn, bị La Truyền, thổ tù nhà Minh, đến đánh, đốt phá giậu tre gỗ đã trồng.
- Lưu Doãn Trực, trấn thủ Lạng Sơn, tâu nói: người châu Tư Lăng nhà Minh kéo tràn sang địa giới châu Lộc Bình, cướp lấy súc vật của cải; viên quan coi giữ đất đai là Lê Đình Hoán không sao chống cự được.

Vì có những việc xảy ra ở trên, Lê Niệm và Lê Thọ Vực bàn rằng: Bọn kia với cũ, lấn cướp dân biên giới nước đưa sang Tư Lăng, trách họ về việc không biết ngăn cấm nhân dân để vượt biên cảnh sang cướp bóc; một mặt làm công văn kể hết mọi tình trạng về việc cướp phá từ trước, đến sau như thế nào, nhân tiện kỳ sứ thần nước ta sang sứ, sẽ đem công văn ấy trình quan tổng đốc Lưỡng Quảng khám xét tra hỏi.

[1] Một danh từ để gọi các viên chức vào hàng võ tướng.

Gặp lúc ấy nhà Minh có sắc văn đưa sang nước ta nói, gần đây, được tin viên trấn thủ Vân Nam nói, quốc vương An Nam, không vì cớ gì mà tự tiện điều động binh mã đánh phá nước Lão Qua, rồi lại đánh nước Bát Bá tức phụ; nếu trước kia vương có trót lầm lỗi như thế , thì nên rút quân ngay.

Nhà vua đem sắc văn ấy bảo với bầy tôi trong triều. Bọn Lê Thọ Vực cho là bây giờ nên dùng lời quyền biến tâu lại rằng: Vì nay trong nước tôi có người ở Đông Quan chạy trốn sang Lão Qua, cho nên sự sai binh lính đến biên cảnh đuổi bắt, không có liên can gì đến việc Lão Qua và Bát Bá cả.

Nhà vua bèn sai Hàn lâm thị thư Lương Thế Vinh nghĩ soạn biểu văn phúc tấu và đem việc La Tuyền đốt phá giậu rào bằng tre gỗ; việc Lý Quảng Ninh bắt phái viên của triều đình nước ta nói hết vào trong tờ tư, rồi sai bọn Nguyễn Văn Chất, Doãn Hoành Tấn và Vũ Duy Giao sung làm chánh phó sứ đệ lễ cống nạp hàng năm; khi đi, đem theo cả biểu văn phúc tấu để tùy từng khoản mà ứng đối.

Lúc ấy, từ bàn về việc bang giao, trước hết vua sai viện Hàn lâm nghĩ soạn, thứ nhì giao xuống cho các cơ quan ở Đông Các và bầy tôi trong triều xét duyệt, nếu có chỗ nào không hợp thì sửa đổi lại ngay, vì thế người nhà Minh thường khen ngợi, cho là trong nước có nhân tài.

Truyện An Nam trong Minh sử chép: Nhà Minh, năm Thành Hóa thứ 15 (1479) mùa đông, Lê Vương sai hơn 800 binh lính vượt qua biên giới Mông Tự thuộc tỉnh Vân Nam, nói phao là bắt bọn trộm cướp, rồi thiện tiện lập dinh trại, dựng nhà cửa để ở. Viên quan giữ cảnh thổ ở đấy phải hết sức ngăn cản mới chịu rút lui. Sau khi Lê Vương đã phá được Chiêm Thành, chí tham vọng thêm to lớn, thân hành đốc suất chín vạn quân, mở hai đường núi; đánh phá Ai Lao; rồi xâm lấn Lão Qua lại phá tan được, giết chết ba bốn con viên tuyên úy Đèo Bản Nha Lan Chưởng, người con út của viên ấy là Phạ Nhã Trại phải chạy sang nước Bát Bá để thoát nạn. Lê vương lại chức lương thảo, luyện binh sĩ, ban sắc lệnh giả để lấy quân ở Xa Lý, bắt chúng đi đánh nước Bát Bá, tướng sĩ bị chết hại đến vài ba ngàn người, đều nói là bị sét đánh. Nước Bát Bá bèn ngăn cản đường về và đánh úp, giết chết được hơn vạn người, lúc ấy Lê vương mới dẫn quân về. Vua nhà Minh giao việc này xuống cho bầy tôi trong triều đình bàn luận, đình thần xin hạ lệnh cho ty Bố chính tỉnh Quảng Tây làm tờ hịch bảo Lê Vương thu quân về; còn về phần bầy tôi giữ đất đai ở tỉnh Vân Nam và hai tỉnh Quảng thì cứ việc giới nghiêm công việc phòng bị biên cảnh mà thôi. Sau đấy, Lê vương nói chưa từng xâm lấn nước Lão Qua bao giờ, và không biết bờ cõi nước Bát Bá ở chỗ nào. Lời nói của Lê vương rất trí trá, vua nhà Minh lại an ủi dụ bảo, Lê vương vẫn không chịu phụng mệnh.

Lời chua-Bằng Tường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 11 (Chb. VI, 24).

Châu Tư Lăng: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chb. II, 41).

Cửa Thông Quang: Ở xã Quang Lang, châu Ôn, nay đổi là đồn Quang Lang.

Châu Lộc Bình: Nay đổi là huyện Lộc Bình, Quang Lang và Lộc Bình đều thuộc tỉnh Lạng Sơn[1].

Bắc Bình: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 19).

Lạng Sơn: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19-20, 31).

Vân Nam: Xem Bình Định Vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 10).

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chb. XI, 13).

Bát Bá tức phụ: Theo sách thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư thì Bát Bá tức phụ là tên một bộ lạc man di. Tương truyền tù trưởng bộ lạc này có 800 vợ, mỗi vợ quản lãnh một trại, nhân đấy mới đặt tên là Bát Bá tức phụ. Hồi đầu triều Nguyên đặt Bát Bá Tuyên úy ty; nhà Minh, năm Hồng Vũ thứ 24 (1391), tù trưởng nước ấy sang tiến cống, bèn lập Bát Bá đại điện Tuyên úy sứ ty; Khoảng năm Gia Tĩnh (1522- 1566) nước này bị nước Miến Điện kiêm tính.

[1] Nay là huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Doãn Hoành Tấn: Người xã An Duyên, huyện Thượng Phúc[1], đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Tuất năm Hồng Đức thứ 9 (1478).

Ban động: Nay không rõ ở đâu.

Tân Sửu, năm thứ 12 (1481). (Minh, năm Thành Hóa thứ 17).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua ra bài sách thi cống sĩ, cho bọn Phạm Đôn Lễ đỗ cập đệ và xuất thân đều khác nhau.

Trước đây, các cử nhân trong nước thi hội, lấy bọn Phạm Đôn Lễ 40 người được trúng tuyển; đến nay nhà vua thân hành ra bài sách hỏi về lý số, cho bọn Phạm Đôn Lễ, Lưu Hưng Hiếu và Nguyễn Doãn Địch 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ[2]; bọn Ngô Văn Cảnh 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân[3]; bọn Nguyễn Minh Đạo 29 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Nhà vua ra ngự ở điện Kính Thiên, quan Hồng lô truyền chế chỉ xướng danh, bộ Lễ đam bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa, ty Mã Cứu dùng ngựa tốt đưa người đỗ trạng nguyên về nhà riêng. Thể lệ này từ sau vẫn được thi hành vĩnh viễn.

Lời chua-Phạm Đôn Lễ: Người xã Hải Triều, huyện Ngự Thiên[4].

Lưu Hưng Hiếu: Người xã Lương Hà, huyện Vĩnh Ninh.

Nguyễn Doãn Địch: Người xã Bạo Dương, huyện Thanh Oai.

Ngô Văn Cảnh: Người xã Yên Ninh, huyện Yên Dũng.

Nguyễn Minh Đạo: Người xã Xuân Canh, huyện Đông Ngàn.

Tháng 5. Lập đồn điền.

Nhà vua hạ chiếu nói: việc lập đồn điền là cốt để dồn hết sức vào việc làm ruộng, để cho sự tích trữ trong nước được dồi dào. Vậy hạ lệnh cho đồn điền các xứ định làm 3 bậc: thượng trung hạ.

Lời chua-Đồn điền: Theo Hồng Đức Thiên nam dư hạ tập, thì đồn điền có 43 sở.

Vĩnh Hưng, An Lộc, Thịnh Quang, Dịch Vọng, Quan La, Minh Tảo, Lạc Tràng, Bồng Hải, Phượng Vĩ, Liên Thúy, Đông Lạc, Thượng Liệt, Kim Quang, Hoa Mộc, Đan Nhiễm, Quy Mông, Lục (Liễu) Đàm, Đại Tảo, Phần Trì, Tư Mại, Nam Giản, Khám Lãng, An Trú, Phan Dương, Tây Tạ, Thiên Kiện, La Sơn, Vọng Doanh, Hoa Diệp, Cống Khê, Lương Sơn, Lôi Dương, Vĩnh Ninh, An Định, Tĩnh Ninh, Đức Quang, Anh Đô, Diễn Châu, Hà Hoa, Triệu Phong, Tân Bình, Thăng Hoa, Tư Nghĩa, mỗi sở đặt một viên chánh sứ và một viên phó sứ.

Tháng 6. Hạ chiếu: từ nay chức quan ở Đài, ở Hiến[5] phải do mọi người công cử.

Tờ chiếu nói: Bầy tôi trong kinh sư, ngoài các đạo, bắt chước thói xấu của nhau ăn tiền nhảm nhí, việc này tin chắc là vì chưa tìm được người xứng đáng giữ chức trách ngôn luận[6], hoặc người thì xoê xoa xong việc, cho thế là hay, hoặc người thì đả kích người khác, rước lấy sự ghen ghét vào mình. Lề lối người làm quan, thành ra tham ô nhũng lạm, làm cho dân phải oán thán, vì thế mà can phạm đến khí hòa, sinh ra tai biến, tệ tục cần phải thay đổi. Vậy từ nay, đối với các chức trong Lục Khoa, Ngự sử đài và

---

[1] Nay là thôn An Duyên, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[2] Xem chú thích ở Chb X, 36.

[3] Xem chú thích ở Chb. X, 36.

[4] Nay thuộc xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[5] Tức Ngự sử đài và Hiến sát sứ ty.

[6] Chỉ quan chức trong Ngự sử đài và Hiến sát sứ ty. Quan chức ở Ngự sử đài giữ việc tâu hặc các quan trong kinh và ngoài các đạo làm sự trái phép: quan chức trong Hiến sát sứ ty giữ việc tâu bày lời nóoi trung thực, đàn hặc sự phi pháp và xét hỏi kiện tụng trong đạo của mình. Vì thế nên gọi những quan chức này là giữ chức trách ngôn luận (ngôn trách).

Hiến sát sứ, người nào đáng phải thải đi, người nào đáng được cất nhắc lên để thay thế, các bầy tôi trong triều nên theo lẽ công bằng bàn luận việc lựa chọn, rồi làm bản tâu đầy đủ, sẽ cho thi hành, để bỏ hết tệ tục trước.

Tháng 10, mùa đông. Đào hồ Hải Trì.

Hồ này đào ở góc tây nam thành Thăng Long, giữa hồ có điện Thúy Ngọc, bên cạnh hồ dựng điện Giảng Võ, để thời thường luyện tập điểm duyệt binh.

Nhâm Dần, năm thứ 13 (1482). (Minh, năm Thành Hóa thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du đến Tây Kinh. Định thể lệ tuyển cử quan chức ở ty Thừa chính.

Trước đây, quan chức ở 3 ty: Đô, Thừa, Hiến các xứ có khuyết ngạch, nếu thuộc về quan chức ở Đô tổng binh sứ ty hoặc Hiến sát sứ ty, thì do bầy tôi trong triều đình công đồng tuyển cử, còn quan chức thuộc Thừa chính sứ ty thì do bộ Lại đề cử.

Nhà vua nhận thấy Thừa chính sứ ty chức trách cũng nặng, việc lựa chọn nên cẩn thận, bèn hạ sắc lệnh: từ nay, nếu viên chức ở Thừa chính sứ ty có khuyết, cũng giao cho bầy tôi trong triều đình tuyển cử theo như thể lệ tuyển cử quan chức ở Đô tổng binh sứ ty và Hiến sát sứ ty.

Nhà vua ra sắc dụ: Hai ty Thừa chính sứ ty và Hiến sát sứ ty, trách nhiệi trao cho đã cao cả, công việc và quyền hạn cũng nặng nề, trong lúc cất nhắc tuyển dụng cần phải được người xứng đáng. Vậy hễ quan chức trong hai ty ấy có khuyết: nếu là chức tham nghị thì bổ dụng viên quan hàm lục phẩm trở lên, mà là người có độ lượng, kiến thức, tài cán và đức vọng; nếu là viên quan hiến sát thì bổ dụng các thuộc quan ở Lục khoa, Ngự sử đài, Quốc tử giám và Lục tự, mà là những người vào hạng liêm khiết, sáng suốt, lịch duyệt, lão luyện. Những quan chức kể trên, đều là những nngười đã đủ bốn lần khảo công, mới được tuyển cử cất nhắc; nếu người nào đề cử càn bậy, thì Lại khoa hặc tâu để trị tội.

Nhà vua ra sắc dụ: Từ nay quan chức trong kinh sư và ngoài các đạo nếu có khuyết ngạch, thì do viên quan trưởng đều được đề cử người mà mình đã biết rõ là quả có tài cán, kiến thức, liêm khiết và khả năng, sẽ cất nhắc trao bổ cho quan chức. Về phần các quan ở Lục khoa và Ngự sử đài thì phải công đồng ghi rõ việc bổ dụng ấy. Nếu sau này xét thấy người ấy là người bỉ ổi tham nhũng, làm quan không có công trạng gì, thì Lục khoa và Ngự sử đài đều được chiếu theo tên người đứng bảo cử, tâu hặc, để trị tội.

Tháng 8. Hạ lệnh ân xá cho trong nước.

Quý Mão, năm thứ 14 (1483). (Minh, năm Thành Hóa thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Sửa nhà Thái Học.

Hồi đầu triều Lê, nhà Thái học vẫn theo nếp cũ của nhà Trần, quy chế phần nhiều còn thiếu thốn. Đến nay, nhà vua hạ lệnh cho sửa rộng thêm ra. Đằng trước nhà Thái học dựng Văn Miếu. Khu vũ của Văn Miếu có: Điện Đại Thành để thờ tiên thánh; đông vũ và tây vũ[1] chia ra thờ các tiên hiền và tiên nho; điện Canh phục để làm nơi túc yết[2]; một kho để chứa đồ tế khí và một phòng học để làm nhà bếp. Đằng sau nhà Thái học, dựng cửa Thái học, nhà Minh luân. Giảng đường phía đông và giảng đường phía tây thì để làm chổ giãng dạy các học sinh. Lại đặt thêm kho bí thư để chức ván gỗ đã khắc thành sách; bên đông, bên tây nhà Thái học làm nhà cho học sinh trong ba xá, mỗi bên ba dãy, mỗi dãy 25 gian, để làm chỗ nghĩ ngơi của học sinh; bên đông, bên tây mỗi bên đều có một nhà bia, quy mô có phần rộng lớn khang trang lắm.

Theo chế độ cũ, con cháu các quan viên, người nào thi hương dự trúng 3 kỳ, được sung vào hiệu sinh trong phủ mình, dự trúng bốn kỳ được sung vào giám sinh ở Quốc tử giám, còn quân hoặc dân nếu

---

[1] Xem chú thích số 1. Chính biên quyển XXIII, tờ 3.

[2] Trước ngày chính tế một ngày, các quan chức được tham dự vào hành lễ, đều tề tựu văn miếu túc trực, để sáng sớm hôm sau hành lễ gọi là túc yết.

có người nào ứng thí mà trúng tuyển cũng không được dự. Đến nay, nhà vua ra sắc lệnh: quân hoặc dân, nếu thi hương dự trúng 3 kỳ, được sung vào sinh đồ trong phủ mình, dự trúng 3 kỳ được sung vào học sinh trong Tăng quảng đường ở Quốc tử giám.

Phó đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm dâng sớ nói: "Giám sinh ở Quốc tử giám, nếu thi hội dự trúng 3 kỳ, được sung vào thượng xá sinh, dự trúng 2 kỳ, sung vào trung xá sinh, dự trúng một kỳ, sung vào hạ xá sinh; mỗi xá 100 người, mỗi người đều được cấp 9 tiền làm lương ăn học. Đến khi bổ dụng, do Quốc tử giám bảo cử và bộ Lại lựa chọn cất nhắc; học sinh trong 3 xá đều nhất luật như nhau, không có gì phân biệt. Xin từ nay, lương ăn học hàng tháng của các xá sinh, liệu lượng cấp phát theo từng cấp bậc: Thượng xá sinh, cấp thêm cho đủ một quan; trung xá sinh cấp cho 9 tiền; hạ xá sinh cấp rút xuống 8 tiền. Đến khi cất nhắc trao cho quan chức, thì: thượng xá sinh 3 phần; trung xá sinh 2 phần; hạ xá sinh một phần. Làm như thế, để cho cấp bậc các xá sinh có phân biệt khác nhau, mà nhân tài đều biết khuyến khích". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Lời phê-Lương ăn học có ít, mà chia cấp bậc từng xá khác nhau, như thế cũng chưa chắc đã đúng.

Lời chua-Quách Hữu Nghiêm: Người xã Phúc Khê, huyện Thanh Lan, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1466) năm Quang Thuận.

Tháng 6, mùa hạ. Mưa to, gió lớn, nước sông dấy lên.

Tháng 11, mùa đông. Hạ lệnh cho bọn Thân Nhân Trung biên chép tập Thiên Nam dư hạ và Thân Chinh ký sự.

Nhà vua hạ lệnh cho bọn đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, phó đô ngự sử Quách Đình Bảo, đông các hiệu thư Đỗ Nhuận và Đào Cử, Hàn lâm viện thị thư Đàm Văn Lễ biên tập chính sự Quốc triều (triều Lê) gồm 100 cuốn, khi biên tập xong, đề nhan sách là Thiên Nam dư hạ tập, nhà vua thân đề tựa; lại ghi rõ sự thực khi nhà vua thân đi đánh các mán Chiêm Thành và Lão Qua[1], đặt tên sách là Thân chinh ký sự.

Lời phê-Sách chép chính sự mà đặt tên là "Dự hạ"[2] không hợp thể.

Lời chua-Chiêm Thành; Tức Lâm Ấp, xem Thuộc tấn, Mục đế năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb, III, 20-21).

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chb. XI, 13).

Giáp Thìn, năm thứ 15 (1484). (Minh, năm Thành Hóa thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Ân xá.

Truy lập bia tiến sĩ.

Nhà vua nhận thấy từ năm Đại Bảo thứ 3 (1442) triều Thái Tông đến nay, về việc lập bia đá ghi tên những người đỗ tiến sĩ các khoa, thể lệ vẫn còn thiếu sót, mới hạ lệnh cho Lễ bộ thượng thư Quách Đình Bảo truy tìm biên soạn họ tên, khoa thứ những người đã thi đỗ tiến sĩ trong 9 khoa[3] để khắc vào trinh thạch[4], kể từ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông đến khoa Tân Sửu[5] (1481) năm Hồng Đức thứ 12.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXI, 1-4, 28-29, XXIII, 28-30.

[2] Hàng ngày, ngoài thì giờ công tác nhất định, còn có thì giờ nhàn rỗi nghĩ ngơi, thì giờ ấy Hán văn gọi là "dư hạ".

[3] Khoa Nhâm Tuất (1442), năm Đại Bảo thứ 2; khoa Mậu Thìn (1448) năm Thái Hòa thứ 6; khoa Quý Mùi (1463), năm Quang Thuận thứ 4; khoa Bính Tuất (1466); năm Quang Thuận thứ 7; khoa Kỷ Sửu (1469), năm Quang Thuận thứ 10; khoa Nhâm Thìn (1472), năm Hồng Đức thứ 9; khoa Ất Mùi (1475), năm Hồng Đức thứ 6; khoa Mậu Tuất (1478), năm Hồng Đức thứ 10; khoa Tân Sửu (1481), năm Hồng Đức thứ 12.

[4] Một danh từ để gọi chung các bia đá, vì bia đá thường dùng thứ đá rắn hơn hết, có thể để lâu đời được.

[5] Nguyên văn trong Cương mục in năm Tây Tỵ là sai, ở đây dịch là Tân Sửu cho đúng khoa thứ.

Nhân thể, Đình Bảo tâu xin đổi trạng nguyên, bãng nhãn, thám hoa làm tiến sĩ cập đệ; chính bản làm tiến sĩ xuất thân; phụ bảng làm đồng tiến sĩ xuất thân, để cho hợp với thể chế ngày nay. Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy. Hạ lệnh cho từ thần[1] là bọn: đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung; đông các học sĩ Đỗ Nhuận; đông các hiệu thư Đào Cử; Đàm Văn Lễ, Ngô Luân, Lê Tuấn Nghiên; Hàn lâm viện thị thư Nguyễn Đôn Hậu, Lương Thế Vinh; Hàn lâm viện thị độc Nguyễn trùng Xác chia nhau biên soạn văn bia.

Lời chua-Đàm Văn Lễ: Người xã Lam Sơn, huyện Quế Dương, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1469) năm Quang Thuận.

Ngô Luân: Người xã Tam Sơn, huyện Đông Ngàn, đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi (1475) năm Hồng Đức.

Nguyễn Trùng Xác: Người xã Kim Đôi, huyện Vũ Ninh, đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1469) năm Quang Thuận.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua hạ chiếu lục dụng con cháu những bầy tôi có công.

Thái phó Lê Niệm tâu xin: Khoảng niên hiệu Thuận Thiên (1428-1433), những công thần khai quốc, làm quan đến nhất nhị phẩm trở lên, nay con cháu của họ hoặc có người nào chìm đắm trong hàng quân ngũ, thì đều do hai ty Thừa chính và Hiến sát được phép tâu bày đầy đủ, bộ Binh xét thức, nếu người nào có sức vóc khỏe mạnh cho sung vào ty Tuấn sĩ trong vệ Cẩm Y, người nào yếu đuối không thể dùng được thì cho miễn đao dịch bản thân người ấy. Lời tâu này được nhà vua chuẩn y.

Nhà vua hạ sắc lệnh: Những công thần khai quốc, từ chức đô đốc đồng tri trở lên, chẳng may bị chết trận, mà chưa được trao cho quan chức, cùng những người có họ tên đã được dự ghi trong sổ Lũng Nhai công thần mà quan chức chưa đến nhất nhị phẩm, thì con cháu những người ấy do bộ Lại được phép đề tâu, sẽ đều trao cho chức tản quan[2] về võ giai.

Lời chua-Lũng nhai: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 3, 4).

Bắt đâu dựng đàn Tiên Nông[3] và đài Quan canh[4].

Trước đây, lúc nào nhà vua thân đi cày ruộng tịch điền[5], lúc ấy mới tạm thời dựng hành điện[6], quy mô thể chế chưa được đầy đủ. Đến nay, ở trên chỗ cao về bên hữu ruộng tịch điền, dựng đàn Tiên Nông cao 7 thước, rộng 36 thước, ở giữa hành điện làm nhà Quan canh, cao 5 thước, rộng 40 thước, đằng sai đài Quan canh lại dựng 5 gian hành điện và một dảy 3 gian nhà bếp.

Lời chua-Tịch điền: Ở xã Hồng Mai[7].

---

[1] Bầy tôi vào hạng nho học, có sở trường về văn từ.

[2] Xem chú thích số 3, Chính biên quyển VI, tờ 3.

[3] Đàn thờ Thần Nông, một ông vua truyền thuyết về thời thượng cổ Trung Quốc.

[4] Một ngôi nhà để nhà vua ra ngự ở đấy xem nông dân làm ruộng.

[5] Xem chú thích số 2, Chính biên quyển 1, tờ 23.

[6] Những cung điện dựng ở ngoài kinh thành, để bất thần vua chúa đi tuần hành đến địa phương nào, thì đã sẵn có chỗ để nghĩ, gọi là hành điện

[7] Nay thuộc phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XXIV

Từ Ất Tỵ, Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 16 (1485) đến Kỷ Mùi, Lê Hiến Tông năm Cảnh Thống thứ 2 (1499) gồm 15.

Ất Tỵ, năm (Hồng Đức) thứ 16. (Minh, năm Thành Hòa thứ 21).

Tháng 3, mùa xuân. Thái phó Tĩnh quốc công Lê Niệm mất.

Niệm là cháu Lê Lai, con Lê Lâm, đầu niên hiệu Thiệu Bình (1434-1439) lấy danh nghĩa ấm phong được trao giữ chức Cận thị cục chính chưởng, làm quan trải qua các chức lên đến thái phó, gia phong quốc công. Gia Đình Lê Niệm vào hàng bầy tôi hết đời này đến đời khác, có công đức lâu đời, Niệm làm tướng gần 30 năm, thường dựng được công lớn, uy danh đức vọng rất lừng lẫy, làm chỗ dựa vững chắc cho triều đình. Đến nay. Niệm mật, nhà vua tặng phong chức thái úy và đặt tên thụy là Trinh Ý.

Tháng 7, mùa thu. Định rõ lại sắc lệnh về việc thi khảo để miễn tuyển.

Nhà vua lấy cớ rằng, năm trước, thi khảo học trò, người nào dự trúng sẽ được miễn tuyển, lúc ấy có nhiều người mang vụng trộm văn bài cũ hoặc nhờ người khác đi thi thay mình, thành ra số người dự trúng có đến hàng vạn, việc thi cử như thế rất là nhũng lạm, bèn ra sắc lệnh cho hai ty Thừa chính và Hiến sát các xứ: từ nay thi khảo học trò cần phải được người văn hay chữ tốt, sau khi đã lấy cho dự trúng rồi, đến khi phúc hạch lại, nếu còn có người nào không làm được bài để quyển giấy trắng, hoặc người nào làm bài không thành văn lý, thì viên quan đề điệu[1] và giám thí[2] niêm phong quyển lại tâu hặc về triều đình. Nếu xét thấy xứ nào có từ một người đến bốn, năm người phạm trường quy như thế, thì viên quan thừa chính và hiến sát xứ ấy sẽ phải luận vào tội biếm chức hoặc bãi chức, còn bản thân người phạm tội trường quy ấy sẽ phải tội đồ.

Nhà vua hạ chiếu: phàm sĩ tử nào có học lực phẩm hạnh, thi khảo dự trúng mà được miễn tuyển, đều được miễn cho một nữa phần về phú thuế và sai dịch.

Lời chua-Miễn Tuyển: Theo Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn, thể lệ đời Hồng Đức định cứ sáu năm có một kỳ xét duyệt dân đinh để tuyển bổ vào quân ngũ. Trước kỳ xét duyệt dân đinh, thì hai ty Thừa chính và Hiến sát các đạo phải dự bị thi khảo học trò, người nào dự trúng kỳ thi khảo sẽ được miễn việc tuyển bổ vào quân ngũ.

Tháng 10, mùa đông. Định rõ lại sắc lệnh về việc con vợ cả, con vợ thứ được đứng làm thừa tự.

Nhà vua ra chỉ dụ: phàm các quan viên và bách tính, người con cháu nào được đứng làm thừa tự, thì không kể người ấy tuổi nhiều hay ít, quan chức lớn hay nhỏ, đều nhất thiết dùng con trai trưởng do người vợ cả sinh ra; nếu người con trai trưởng của vợ cả mất sớm, thì dùng người cháu trưởng; hoặc không có cháu trưởng mới dùng đến con trai thứ do người vợ cả sinh ra; nếu người vợ cả lại không có con trai thứ, lúc ấy mới chọn đến con trai do người vợ thiếp sinh ra; nếu con trưởng, cháu trưởng là

[1] Tức chánh chủ khảo sau này.

[2] Tức phó chủ khảo sau này. Xem thêm chính biên quyển XXXIV, tờ 8.

người bất hiếu hoặc là người có bệnh tật không thể kham nổi việc thừa kế, thì được phép báo cáo với quan sở tại chọn lập người thừa tự.

Tháng 11. Hạ sắc lệnh cho các quan khuyên nhủ nhân dân làm ruộng, trồng dâu, giữ gìn phong tục cho được thuần hậu.

Nhà vua hạ sắc dụ các quan thừa chính, hiến sát và phủ, huyện phải thời thường phải xem xét ruộng đất nơi bằng phẳng, đất nào có lợi mà còn bỏ sót thì mở mang cho hết nguồn lợi của đất, người dân nào có sức mà còn để thừa thì đốc thúc họ làm cho hết sức. Hàng năm, phải thời thường đi tuần hành trong hạt mình, khi đến làng xóm nào cần phải đem những lời dạy bảo về lễ nhạc của thánh vương ngày trước cùng những tờ sắc dụ mở đường dẫn lối của triều đình, hiểu bảo cặn kẽ kỷ càng cho dân hiểu rõ. Nếu thấy việc gì làm hại đến giáo hóa, làm nát cả phong tục, cần phải răn cấm ngay; nếu thấy người nào có lòng trung thành với vua, thành tín với người ngoài, hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, cần phải khen thưởng họ. Các viên quan làm thế nào cho dân có của thừa, phong tục đều trở nên thuần hậu, để đời được thịnh trị theo như lòng mong muốn của ta. Trong hàng các quan, nếu có người nào biết hết lòng làm đầy đủ chức phận, thì hai ty Thừa chính, Hiết sát đều đem tên người ấy tâu bày, trẫm sẽ khen thưởng; còn nếu có viên quan nào coi việc này như trò đùa mà khinh thường, sẽ phải bãi chức và bắt sung vào quân ngũ.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan phủ, huyện. Trong lúc nhân dân làm ruộng đã được nhàn rỗi, các viên phủ, huyện chiếu theo số điền xem chỗ nào hạng ruộng nọ giáp với hạng ruộng kia, thì bắt nhân dân họp tập chỉ dẫn đâu là ruộng công và đâu là ruộng thế nghiệp, rồi đắp giới mốc riêng ra, để làm tiêu chuẩn nhất định lâu dài.

Trần Nhữ Vi, tri huyện Thư Trì, tâu nói: "Các xứ trong nước, hình thế ruộng đất chỗ cao chỗ thấp không đều nhau, công việc làm ruộng cũng có nơi sớm nơi muộn khác khác nhau, nơi có ruộng mùa thì cày cấy vào tháng 2, tháng 3, nơi có ruộng chiêm thì cày cấy tháng 11, tháng 12. Nay viên hữu ty[1] cứ nhất luật đến mùa đông bắt dân đi làm việc công, như thế có ngăn trở cho công việc làm ruộng. Xin từ nay, về công việc sửa đê đắp đường, hai ty Thừa chính và Hiến sát nên khám xét rõ ràng, chỗ nào có ruộng cấy lúa mùa thì cho dân làm công việc ấy vào cuối mùa đông, chỗ nào có ruộng cấy lúa chiêm thì cho dân làm công việc vào các tháng mùa xuân, đều nhân lúc nhân dân đã được nhàn rỗi về công việc làm ruộng, để hợp với sự tiện lợi của dân". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các viên phủ, huyện: phàm chỗ ven núi ven biển, còn có ruộng bỏ hoang chưa khai khẩn hết, thì các viên phủ, huyện đều phải đi khám thực, đôn đốc nhân dân khai khẩn cày trồng.

Lời chua-Huyện Thư Trì: Nay thuộc tỉnh Nam Định[2].

Thái tử thiếu bảo Trần Phong phạm tội, giao xuống ngục hình; Trần Phong chết.

Phong tước thờ Lê Nhân Tông, vào chầu Kinh Diên[3], sau a dua phụ họa với Nghi Dân, đối với nhà vua thường không giữ lễ độ. Kịp lúc nhà vua lên ngôi, Phong làm thượng thư bộ Hình, vì phạm tội phải biếm chức ra làm thừa chính sứ ơ Sơn Tây, sau lại được triệu về triều bổ dụng, thăng dần đến thái tử thiếu bảo kiêm giữ chức đô ngự sử. Nhà vua thường ghét Phong là người gian tà xiểm nịnh[4]. Đến nay, có người cáo tố phong can tội phỉ báng, nhà vua bèn giao xuống ngục hình. Phong chết ở trong ngục. Nhà vua bảo với bọn Nguyễn Như Đỗ rằng: "Trần Phong lúc trước làm bầy tôi cũ Lệ Đức hầu[5], nay hắn thờ trẫm, nhưng vẫn chứa đựng cái lòng không hết đạo làm tôi, hắn thường phỉ báng trẫm là sắp xếp quan

---

[1] Một danh từ để gọi chung các viên quan giữ một nhiệm vụ nhất định.

[2] Nay huyện Thư Trì hợp với huyện Vũ Tiên thành huyện Vũ Thư thuộc tỉnh Thái Bình.

[3] Xem chú thích số 1. Chính biên quyển IV, tờ 19.

[4] Xem thêm Chính biên quyển XXI, tờ 12 về việc Lê Thánh Tông kể tội lỗi và nết xấu của Trần Phong.

[5] Tức Nghi Dân.

hiệu theo chế độ nhà Minh, mà không theo thông chế của quốc triều, hẳn thật là một bầy tôi bạn nghịch".

Lời chua-Sơn Tây: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 27-28).

Bính Ngọ, năm thứ 17 (1486). (Minh, năm Thành Hóa thứ 22).

Tháng 6, mùa hạ. Định rõ lại thể lệ quan viên vào thi hội.

Theo chế độ cũ, quan viên người nào chưa trúng tuyển khoa thi hương, đều cho phép được vào thi hội. Nay Hàn lâm viện thị thư Lương Thế Vinh tâu xin: "Từ nay về sau, quan viên nào chưa trúng tuyển quan khoa thi hương mà tình nguyện vào thi hội, nếu viên quan ấy giữ chức ở trong kinh thì do phủ Thừa Thiên; ở ngoài các đạo thì do ty Thừa chính phúc hạch theo như thể lệ thi hương, người nào trúng tuyển mới cho vào thi hội". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Đinh mùi, năm thứ 18 (1487). (Minh, năm Thành Hóa thứ 23).

Tháng 2, mùa xuân. Cấm xưng hô tiếm lạm càn giỡ.

Danh từ dùng để xưng hô định như thế này:

Thân vương xưng hô là điện hạ; tự thân vương xưng là phủ hạ; tước công, tước hầu, tước bá, phò mã và viên quan hàm nhất phẩm xưng là các hạ; viên quan hàm nhị tam phẩm xưng là môn hạ; viên quan hàm tứ, ngũ và lục phẩm xưng là đại phu; viên quan hàm thất, bát và cửu phẩm xưng là quan trưởng. Nếu người nào dám xưng hô tiếm lạm càn giỡ cùng người nhận lời xưng hô không chính đáng ấy, đều sẽ phải phạt 50 roi và 10 quan tiền.

Hạ sắc lệnh: tuyển người có tài năng, đức vọng, thanh liêm, cần mẫn, để cất nhắt lên giữ chức tổng binh.

Nhà vua hạ sắc dụ: chức tổng binh, do triều đình ký thác cho chức vụ nặng nề ở một địa phương, không thể tin dùng hạng người không xứng đáng được. Vậy các quan ở Lục khoa và Ngự sử đài phải chọn vệ quan ở các nha môn, người nào có thao lược, tư cách, đức vọng, tài năng, mẫn cán, liêm khiết, cần cù, thì cất nhắc lên để giữ chức ấy. Nếu ai dám vì tình riêng mà đề cử bậy, sẽ phải tội.

Tháng 11, mùa đông, đại xá cho trong nước.

Lời phê-Không biết có việc gì mà cứ ân xá luôn[1].

Hạ chiếu: Các quan ở trong triều đường theo thứ tự bàn luận việc công.

Nhà vua hạ chiếu các quan bàn luận việc công ở triều đường: Khi nào có sắc chỉ nhà vua truyền hỏi việc gì, thì trước hết các quan ở Lục Khoa và Ngự sử đài, thứ đến các quan trong Lục bộ, Lục tự, lại thứ nữa đến các quan được phong tước công, tước hầu, tước bá và đô đốc trong ngũ phủ. Các viên chức kể trên cứ theo thứ tự mà bàn luận, cốt làm thế nào cho lời bàn luận được rõ ràng, không ai được phụ họa theo đuôi ý nghĩa câu nói của người khác, hoặc ngậm miệng không bàn luận gì. Nếu người nào dám trái lệnh, thì giám sát ngự sử sẽ tâu hặc trị tội.

Mậu thân, năm thứ 19 (1488). (Minh, Hiến Tông, năm Hằng Trị thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Lam Kinh.

Tháng 7, mùa thu. Đại hạn. Hạ chiếu xét xử việc ngục tụng cho được dứt khoát xong xuôi.

Nhà vua thấy đại hạn đã lâu ngày, hạ chiếu cho các nha môn trong kinh và ngoài các đạo phải xét xử việc ngục tụng cho được dứt khoát xong xuôi: việc kiện nhỏ xét xử trong hạn 5 ngày, việc kiện lớn trong hạn 10 ngày, không được để bê trễ.

Tháng 8. Thải bớt những lại điển vào hạng thừa.

---

[1] Lời phê này có ý muốn nhắc đến việc ân xá tháng 8 năm Hồng Đức thứ 13, tháng 2 năm thứ 15 và lần này nữa.

Phàm lại điển ở các nha môn trong kinh và ngoài các đạo, người nào tuổi già mỏi mệt yếu đuối, đều bãi chức cho về.

Tháng 12, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Lúc ấy nước ta đối với nhà Minh có mấy việc như thế này:

- Trước đây, nước Chiêm Thành sau khi đã bị phá, dòng dõi vua nước ấy là Cổ Lai đem gia quyến sang nhà Minh báo cáo về nạn nước. Hiến Tông nhà Minh sai quân đưa Cổ Lai về nước lập làm quốc vương, rồi đưa tờ hịch sang dụ bảo vua nhà Lê.
- Hiến Tông nhà Minh mới lập làm vua, sai sứ sang báo cáo về việc lên ngôi vua và ban cho lụa hoa.

Đến nay, nhà vua sai Đàm Văn Lễ, Vương Khắc Thuật và Phạm Miễn Lân sang nhà Minh chúc mừng việc lên ngôi vua; Tống Phúc Lâm dâng hương; Hoàng Đức Lương tạ ơn việc ban cho lụa hoa; Hoàng Bá Dương báo cáo với nhà Minhv về việc Chiêm Thành quấy nhiễu ngoài biên giới nước ta.

Theo Minh sử, mục Ngoại quốc, về truyện Chiêm Thành, thì năm Thành Hoá thứ 17 (1481), Cổ Lai sai sứ sang nhà Minh triều cống nói: "Nước tôi bị tai nạn vì nước An Nam đánh phá, tôi cùng anh tôi là Trai Á Ma Phất Yêm phải lẫn trốn trong hang núi. Sau nước An Nam sợ oai trời[1], sai người dò hỏi tìm được anh tôi, trã lại cho đất cũ. Anh tôi quyền giữ việc nước chưa được bao lâu đã bị chết sớm. Kể theo thứ tự, tôi đáng được lập làm vương, nhưng tôi không dám tự chuyên, xin bệ hạ ban cho tôi sách thư ấn tín. Còn về, đất đai thì quyền sở hữu của nước tôi gồm có hơn 3.500 dặm, xin bệ hạ đặc dụ cho người Giao Châu phải trả lại hết đất đai đã xâm lấn cho nước tôi". Năm thứ 20 (1484), vua nhà Minh sai cấp sự trung Lý Mạnh Dương và hành nhân[2] Diệp Ứng đem sách thư phong Cổ Lai làm Chiêm Thành quốc vương. Bọn Mạnh Dương nói: "Nước Chiêm Thành hiểm trở xa xăm, mà nước An Nam vẫn gây việc binh đao chưa chịu thôi, hiện nay Đề Bà Đài lại vụng trộm chiếm cứ đất đai. Nếu việc đi sách phong mà có chút nào không thuận lợi, thì lại tổn thương đến uy danh nước ta; tưởng nên sai sứ thần đến dụ bảo Cổ Lai sang Quảng Đông nhận sách phong và ra sắc lệnh cho An Nam phải ăn năn tội lỗi". Vua nhà Minh theo lời tâu ấy. Cổ Lai bèn đem gia quyến sang sang Nhai Châu; Mạnh Dương làm xong công việc sách phong rồi trở về. Sau đó Cổ Lai lại muốn thân đến cửa khuyết để tâu bày về việc nước An Nam. Năm thứ 23 (1487), Tống Mân, tổng đốc Quảng Đông, đem việc này tâu bày. Đình thần bàn "nên sai một viên đại thần đến nơi an ủi Cổ Lai và hạ hịch văn dụ bảo nước An Nam nên theo nghĩa "tồn vong kế tuyệt"[3] đón Cổ Lai trở về Chiêm Thành" vua nhà Minh chuẩn y lời bàn của đình thần, bèn sai Nam kinh đô ngự sử là Đồ Dung sang Quảng Đông, lại đưa luôn tờ hịch sang An Nam hiểu bảo về việc họa phúc, rồi mộ 2000 quân mạnh khỏe, đi 20 chiếc thuyền vượt biển hộ vệ Cổ Lai về nước. An Nam không dám chống cự, lúc ấy Cổ Lai mới được vào trong nước.

Lời phê-Phàm việc gì có can thiệp đến nước ngoài, Sử của nước ta và Sử của Trung Quốc, mỗi bên đều chủ trì một thuyết, bên nào cũng không tránh khỏi bênh vực chỗ sở đoãn của nước mình. Chưa biết sử nước nào chép đúng?

Lời chua-Phạm Miễn Lân: Người xã Huê Cầu, huyện Thiên Tài, đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) năm Hồng Đức.

Tống Phúc Lâm: Người xã Nhất Trai, huyện Thiên Tài, đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1848) năm Hồng Đức.

Hoàng Đức Lương: Người xã Ngọ Cầu, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) năm Hồng Đức.

---

[1] Chỉ oai vua nhà Minh.

[2] Một chức quan giữ việc nghi lễ và đi sứ nước ngoài.

[3] Một nước đã bị xâm lấn mất đất đai, nay cho nước ấy lại được bảo tồn lấy đất đai cũ của mình; mà dòng giống của vua chúa đã bị diệt vong, nay cho dòng giống ấy lại được kế tiếp giữ lấy cơ nghiệp của tổ tông mình. Chế độ này đặt ra từ đời nhà Thương, nhà Chu ở Trung Quốc.

Hoàng Bá Dương: Người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) năm Hồng Đức.

Định rõ phép khảo xét công trạng.

Phép khảo xét công trạng các chức như thế này:

Làm việc quan được 3 năm thì sơ khảo[1]; 6 năm, tái khảo[2]; 9 năm, thông khảo[3].

- Người họ thân về bên nội bên ngoại của hoàng tông, con cháu của công thần khai quốc vá quan văn, quan võ có quân công, những người này đã đủ ba lần khảo công được xứng chức đáng thăng làm nhất nhị phẩm, thì bộ Lại tâu xin cho thăng chuyển lên theo thể lệ đã định.
- Con của bách tính được bổ dụng làm quan, hoặc quân nhân vì có công đánh giặc mà được làm quan, người nào đã đủ ba lần khảo công được xứng đáng với chức phận, cũng chỉ cho thăng tiến đến tam phẩm mà thôi; nếu trong vòng 9 năm vì có công trạng đặc biệt đã được thăng lên cấp trên, đến khi thông khảo lại được xứng chức đáng thăng đến nhị phẩm trở lên, thì bộ Lại tâu rõ, sẽ có chỉ thị nhà vua chuẩn định.
- Thuộc viên ở các nha môn, người nào tại chức đã đủ ba lần khảo công thì đem hết sự trạng trong chức vụ của mình đã làm mà không lầm lỗi, trình bày đầy đủ, để viên trưởng quan xét kỷ lại cho dự vào thí quan[4]; làm việc đủ ba năm được thực thụ chính thức, bấy giờ mới là sơ khảo. Người nào trong khi làm chức vụ phạm phải lầm lỗi và người nào được đặc cách thăng chức, thì tính suốt từ sau khi phạm lầm lỗi và sau khi được đặc cách thăng chức đã đủ hạn định ba năm, lúc ấy lại định làm sơ khảo; sáu năm làm tái khảo; đợi đủ 9 năm làm thông khảo. Viên trưởng quan đem sự trạng mỗi lần khảo công từ trước đến sau khi người thuộc viên làm chức vụ, có đủ lời lẽ nhận xét làm chứng thực; lại tùy theo chức quân của người ấy giữ nhiệm vụ nặng hay nhẹ mà tâu rõ. Bộ Lại sã chiếu theo các lần khảo công mà thuộc viên ấy từ trước đến sau đã làm ở phiền nha[5], giản nha[6] như thế nào, tâu bày đầy đủ để thi hành theo như lệ định.
- Việc khảo công này, nếu có người nào gian trá, thiện tiện thêm thắt công lao, hoặc ẩn giấu tội phạm của mình, cùng viên trưởng quan nào che đậy lẫn cho người gian trá, thì bộ Lại kiểm xét rõ ràng để trị tội. Nếu người nào có tài năng đặc sắc khác với người thường, sẽ có lệnh chỉ nhà vua đặc cách cất nhắc, không câu nệ vào thể lệ này.

Nhà vua ra sắc lệnh: trưởng quan các nha môn ở ngũ phủ và các vệ kén chọn tướng hiệu thuộc quyền mình cai quản, người nào có sự trạng xác thật về quận công, am tường lão luyện về võ nghệ và tài năng, kiến thức, thanh liêm, mẫn cán, thì được để giữ chức vụ như cũ, còn người nào bỉ ổi, tham nhũng, làm việc một cách cầu may, thì hặc tâu để cách bãi đi. Nếu viên quan trưởng nào vì tình riêng mà lựa chọn không đính xác, sẽ phải tội.

Kỷ Dậu, năm thứ 20 (1489). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Đại hạn, nhà vua hạ lệnh ân xá.

Canh Tuất, năm thứ 21 (1490). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 3).

---

[1] Xét công trạng lần thứ nhất.

[2] Xét công trạng lần thứ hai.

[3] Xét suốt cả công trạng trong 9 năm.

[4] Một viên quan chức dưới, được quyền giữ công việc chức trên, để thử thách về tài năng, vì chưa được chính thức bổ dụng, nên gọi là thí quan, cũng như danh từ "thí sai" sau này. Xem thêm lời chua của Cương Mục chính biên quyển XXIII, tờ 9.

[5] Nha môn có nhiều việc phiền kịch.

[6] Nha môn ít việc, công việc đơn giản.

Tháng 2, mùa xuân. Dân ở Đông đạo bị nạn đói, nhà vua sai sứ thần đi phát chẩn cho dân vay thóc.

Lúc ấy đại hạn đã lâu, các phủ huyện thuộc Đông đạo không thể cày cấy được, nhân dân phần nhiều bị chết đói. Nhà vua sai các quan ở Hàn lâm viện, Lục khoa, Ngự sử đài và hiệu úy vệ Cẩm Y chia nhau đến các phủ huyện, đem thóc trong kho phát chẩn cho dân vay.

Lời chua-Đông đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. XV, 5).

Tháng 4, mùa hạ. Chia trong nước làm 13 xứ.

Trước đây định bản đồ, chia trong nước làm 12 đạo thừa tuyên. Đến nay nhà vua đem đất cũ Chiêm Thành đặt ba ty Đô, Thừa và Hiến ở Quảng Nam, định số hộ khẩu và cương vực mới tăng chia làm 13 xứ là: Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, An Bang, Thuận Hóa, Quảng Nam và Trung đô phủ[1].

Trong 13 xứ có: 52 phủ, 178 huyện, 50 châu, 20 hương, 36 phường, 6.851 xã, 322 thôn, 637 trang, 40 sách, 40 động, 30 nguyên, 30 trường. Ở Nghệ An, Thuận Hóa, An Bang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Quảng Nam đều đặt sở Thủ ngữ kinh lược sứ.

Nhà vua ra sắc lệnh định thể lệ chia xã: Phàm xã nào tính đủ 500 hộ rồi, mà ngoài ra lại còn thừa đến 100 hộ trở lên, thì do viên quan sở tại trích từng xã một tâu bày, để chia tách ra làm xã khác, cho bản đồ được rộng thêm..

Lời chua-Thanh Hóa, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, An Bang, Thuận Hóa: Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16-35).

Quảng Nam: Xem Hồng Đức thứ 2 (Chb. XII, 7-10).

Nghệ An thủ ngữ: Gồm 7 sở: Luận Man, Trịnh Mãn, Trung Man, A bang động, Hoẳng Lễ, Bính Phát và Trừng Kích.

Thuận Hóa thủ ngữ: Gồm 6 sở: Yêu Dũ, Minh Linh, Hải Vân, Tư Khách, Bố Chính và Để Tích.

An Bang thủ ngữ: Gồm 9 sở: Kim Lặc, Vạn Ninh, Ty Lẫm, Trì Thanh, Vĩnh Yên, Bình Lãng, Da Khê, An Bần và Khê Động.

Tuyên Quang thủ ngữ: Gồm 5 sở: Độ Ma, Huyên Lang, Thế Tuy, Hùng Quan và Vọng Bác.

Hưng Hóa thủ ngữ: Gồm 8 sở: Hoàng Hoành, Hoa Quán, Thiên Binh, La Sá, Dũng Quát, Đà Lãng, Đăng Tỷ và Thạch Lũng.

Thái Nguyên thủ ngữ: Gồm 22 sở[2]: Lân Vĩ, Thanh Sơn, Na Man, Đã Hí, Cối Đà, Quả Thoát, Vũ Diền, Đương Châu, Bảng Ải, Nga Ổ, Na Động, Phiếu Khinh, Vĩnh Bồng, Kim Đẳng, Trạo Nhi, Na Thông, Giản Toái, Bác Nhẫm, La Nạn, Lộng Ải, Bình Nê, Hóa Long, Hoa Can, Thẩm Giáp, Sóc Hồng, Bà Hoan, Cao Đồn, Khư Động, Hố Đam, Bào Tuyền, Hoài Ninh và Ô Dược.

[1] Năm Quang Thuận thứ 10 đã đổi tên là phủ Phụng Thiên, quản lĩnh hai huyện: Thọ Xương và Quảng Đức. Vị trí phủ này ở liền kinh thành Thăng Long, nên lệ thuộc thẳng với kinh sư, không lệ thuộc vào một xứ nào trong 13 xứ cả.

[2] Nguyên văn chép 22 sở (nhị thập nhị sở), nhưng nếu cứ lấy hai chữ làm tên một sở như các sở ở Nghệ An, Thuận Hóa, An Bang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, và Quảng Nam, thì thủ ngữ của Thái Nguyên lại là 32 sở. Như vậy không biết có phải nguyên thư in nhầm chữ "tam" ra chữ "nhị" không? Hay là có tên sở nào ba chữ hoặc bốn chữ mà tách ra không được đúng chăng? Vì sách in đã không chấm ngắt ra, mà các sở ấy lại đều là những tên lạ, không biết tách ra từng sở thế nào cho chính xác được.

Lạng Sơn thủ ngữ: Gồm 18 sở: Gia Tĩnh, Lân Quan, Thôn Quan, Phạt Quan, Kết Quan, Nam Hiệu, Thất Nguyên, Chi Lăng, Luật Quan, Khiếu Vượng, Bình Lăng, Lạc Khư, Gia Bộc, Kiều Quan, Công Bình, Bác Lộc, Trĩ Hồ và Thiết Bình.

Quảng Nam thủ ngữ: Gồm 2 sở: Cổ Biên và Tiểu Áp.

Sở tại của các sở, nay không khảo cứu hết được.

Đại xá.

Năm bấy giờ, giá gạo cao, một tiền chỉ đong được 2 thăng gạo.

Tháng 11, mùa đông. Sửa đắp kinh thành thêm rộng ra.

Nhà vua răn sợ về việc loạn đời Diên Ninh[1], bắt sĩ tốt sửa đắp kinh thành dài rộng 8 dặm, đắp 8 tháng mới hoàn thành, bèn dựng điện Thạch Thất, lập vườn Thượng Lâm để nuôi bách thú.

Lời phê-Cần ở chỗ có đức chứ không cần ở chỗ hiểm trở, bắt dân phải khó nhọc làm gì?

Lời chua-Điện Thạch Thất, vườn Thượng Lâm: Nay không rõ ở chỗ nào.

Đặt thêm các quân ở các vệ thuộc ngũ phủ.

Trước đây đặt vệ Cẩm Y 22 ty, vệ Kim Ngô 14 ty, Hiệu Lực 4 vệ, Thần Võ 4 vệ, Điện Tiền 6 vệ, Tuần Tượng 4 vệ, Mã Nhàn 4 vệ, các quân thuộc ngũ phủ: Trung Đông, Tây Nam, Bắc, mỗi vệ 5 sở hoặc 6 sở, mỗi sở 20 đội, mỗi đội 20 người. Đến nay, mỗi sở ở các vệ thuộc ngũ phủ đều đặt thêm một phó quân, đều không câu nệ đội ngũ, chỉ có từ ban thứ nhất đến ban thứ tám, mỗi sở chiếu theo số quân nhiều hay ít, liệu lượng định thứ tự từng ban.

Lời chua-Cẩm Y, Kim Ngô, Hiệu Lực, Thần Võ, Tuần Tượng, Mã Nhàn và các quân trong ngũ phủ: Đều xem năm Quang Thuận thứ 8.

Tân Hợi, năm thứ 22 (1491). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 4). (Chb. XX, 2-5, 31-35).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Tháng 8, mùa thu. Mưa to.

Lúc ấy, mưa to suốt ngày đêm không ngớt. Nước dẫy lên dữ dội, điện Kính Thiên nước sâu hai thước hai tấc, ruộng bằng phẳng ở các huyện Thanh Oai và Thanh Đàm nước sâu đến 4 thước. Nhà vua hạ lệnh cho chỉ huy, hiệu úy hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô chia nhau đi khơi tháo những chỗ nước mưa làm hại thóc lúa.

Nhà vua dụ bảo bầy tôi rằng: Chính sự thiếu sót lầm lỗi, nên trời gia tai vạ. Đấy là do đức trạch của trẫm không thấm khắp đến dân, lòng thành chưa cảm động đến trời, cho nên đến nổi tai vạ như thế, chứ trăm họ có tội gì đâu! Không biết lúc ngày thường các khanh có thật bụng lo việc nước, giữ phép công, để sửa chữa những điều mà trẫm không nghĩ đến không? hay các khanh đi chơi bời cho thỏa thích, theo bụng riêng mưu điều lợi để giữ vững quyền vị đấy thôi? Trước kia, vì thời Thái Tông hoàng đế triều ta, vua tôi một lòng, vua sáng, tôi hiền, bầy tôi hăng hái, lòng vua phấn khởi, vì có hòa khí mà đem lại điềm lành, thói tốt ấy đến nay có thể tưởng tượng được. Đến quãng năm Thái Hòa-Diên Ninh[2], bầy tôi gian tà chuyên giữ quyền bính, gây ra tai biến ngay trong nhà[3]; lấy đấy làm gương mà răn sợ việc ấy rất là rõ ràng. Vậy từ nay về phần các khanh, nếu người nào còn chần chừ noi theo thói cũ, khi tiến khi thói chỉ theo đuôi người, không để bụng nghĩ đến việc nước, quyết nhiên trẫm không dung tha. Nếu người nào biết tự giữ vững điều trung tín, hết sức hết lòng, trẫm không ngần ngại ban cho trọng thưởng. Các khanh nên nghĩ kỷ lấy, đừng để có sự ăn năn về sau.

---

[1] Chỉ việc Nghi Dân giết Lê Nhân Tông cướp ngôi vua. Xem thêm Chính biên quyển XVIII, tờ 34.

[2] Niên hiệu Lê Nhân Tông (1443-1453).

[3] Chỉ việc Nghi Dân trèo thành vào cung điện giết mẹ con Lê Nhân Tông, xem thêm Chính biên quyển XVIII, tờ 34-35.

Lời chua-Điện Kính Thiên: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. XV, 13).

Thanh Oai: Xem Bình Định vương năm thứ 8 (Chb. XIII, 31).

Thanh Đàm: Tức Long Đàm. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

Tháng 10, mùa đông. Ruộng lúa được mùa lớn.

Dựng đình Quảng Văn.

Trước đây, khi nào có chiếu lệnh của nhà vua ban ra, lúc ấy mới do bộ đem treo bảng yết thị. Đến nay, dựng đình ở ngoài cửa Đại Hưng làm nơi treo những pháp lệnh về việc chính trị. Khi đình ấy đã lạc thành, nhà vua đặt tên cho là đình Quảng Văn.

Lời chua-Cửa Đại Hưng: Xem Lý Nhân Tông, năm Duệ Võ thứ hai (Chb. IV, 11).

Nhâm Tý, năm thứ 23 (1492). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 5).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua sai các quan trong Hàn lâm Lục khoa và Ngự sử đài chia nhau đi xét xử ngục tụng.

Lúc ấy, việc ngục tụng phần nhiều đình trệ, nhà vua hạ lệnh cho các quan trong Hàn lâm viện, Lục khoa và Ngự sử đài chia nhau đi 13 xứ thẩm xét phán đoán những hình ngục còn đọng lại.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho các quan trong viện hàn lâm giữ việc tuyển cử khoa thi hương.

Trước đây, viên quan giữ việc tuyển sĩ tử khoa thi hương, cứ đến lúc mở khoa thi, nhà vua mới hạ lệnh sai phái, không nhất định lấy viên quan ấy ở nha môn nào, cốt chọn người có khoa mục văn học giữ chức ấy. Đến nay, nhà vua hạ lệnh chuyên giao các quan trong viện Hàn lâm giữ việc sai phái này, mỗi trường thu 4 người. Viên Hàn lâm chuyên giữ chức khảo quan về khoa thi hương bắt đầu từ đây.

Tháng 12. Dân bị nạn đói lớn.

Quý Sửu, năm thứ 24 (1493). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Định ban thứ trong triều.

Phàm ban thứ trong triều: văn ban và võ ban, người nào cùng ngang phẩm hàm với nhau, thì viên quan cũ cùng viên quan nhiều tuổi đứng hàng trên, viên quan mới cùng viên quan ít tuổi đứng hàng dưới; người nào phẩm trật thấp mà giữ chức cao, nếu là hàng tam phẩm thì đứng ở ban nhị phẩm, nếu hàm thất, bát phẩm thì đứng ở ban lục phẩm; người nào phẩm trật cao mà giữ chức thấp, nếu là hàm nhị phẩm thì đứng ở ban tam phẩm, nếu là hàm tứ, ngũ phẩm thì đứng ở ban lục phẩm; ngoài ra cứ theo thể lệ này mà suy. Còn như quan trong Lục khoa hàm thất bát phẩm thì đứng ở hàng trên trong ban lục phẩm. Về phần quan văn, quan võ người nào là quan phụng triều yết[1], thì chiếu theo chức của mình mà đứng ở hàng cuối trong ban.

Giáp Dần, năm thứ 25 (1499). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Định thể lệ và niên hạn lựa chọn cất nhắc Hoa văn học sinh.

Trước đây, thể lệ định những lại điển ở các nha môn đều theo niên hạn để tuyển bổ cất nhắc. Viên quan tá nhị[2] ở châu, ở huyện, nếu người nào thi hội trúng được một, hai, ba kỳ thì được cất nhắc lên quan chính chức ở châu, ở huyện và các chức kinh lịch, khố sứ, duy Hoa văn học sinh ở Trung thư giám là không câu nệ niên hạn nhất định, khi nào đến kỳ tuyển bổ, mới chọn lấy một người trong bốn

---

[1] Không phải tên một chức quan, mà là danh từ để gọi chung các quan văn võ được phụng mạng vua vào chầu, vào yết kiến trong kinh đô.

[2] Một danh từ để gọi riêng những viên quan được giữ chính thức, còn thuộc quyền viên quan chính chức, giúp đỡ công việc trong một nha môn.

người, do viên trưởng quan bảo cử, bộ Lễ khảo xét lựa chọn làm danh sách tâu trình, đưa sang bộ Lại xét rồi tâu lên vua. người nào vào hạng thượng đẳng và trung đẳng sẽ được bổ vào chức chính tự trong giám ấy hoặc bổ làm thủ lĩnh ở các phủ tại kinh đô, thì đến lúc bấy giờ sẽ có chỉ dụ đặc biệt của vua ban ra. Đến nay nhà vua hạ chiếu: Hoa văn học sinh đủ niên hạn 8 năm trở lên, thì các trưởng quan chọn người liêm khiết, siêng năng, mẫn cán, thông thạo công việc, trong số ấy có người nào đã từng được sai phái đi công cán hoặc theo đi đánh giặc có công, thì bảo cử lên; những người ấy đều do bộ Lại lựa chọn cất nhắc, cũng như điển lại các nha môn.

Lời chua-Hoa văn học sinh: Theo điển lệ quan chế triều Lê, Hoa văn học sinh ở Trung thứ giám có 100 người.

Niên hạn các nha lại: Xem năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XIII, 10-11).

Ất Mão, năm thứ 26 (1495). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 8).

Tháng 11, mùa đông. Sáng tác chín bài hát quỳnh uyển.

Nhà vua lấy cớ là: thời tiết thuận, năm được mùa, nên nhân lúc mọi việc được thư nhàn, bèn sáng tác thành chín bài thơ, là: phong niên[1], quân đạo[2], thần tiết[3], minh lương[4], anh hiển[5], kỳ khí[6], thư thảo[7], văn nhân[8], mai hoa[9]. Chín bài thơ này được phép vào khúc hát, gọi tên là "quỳnh uyển cửu ca"[10]. Nhà vua thân hành soạn bài tựa, tự xưng là Tao đàn nguyên soái[11]. Hạ lệnh cho đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận làm phó nguyên soái; đông các hiệu thư Ngô Luân và Ngô Hoán, hàn lâm viện thị độc Nguyễn Trùng Xác và Lưu Hưng Hiếu, thị thư Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huấn, Võ Dương và Ngô Thầm; thị chế Ngô Văn Cảnh, Phạm Trí Kiêm, Lưu Thị Mậu; hiệu lý Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Quyền, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên và Chu Hãn, kiểm thảo Phạm Cẩn Trực, Nguyễn Ích Tốn, Đỗ Thuần Thứ, Phạm Như Huệ, Lưu Dịch, Đàm Thận Huy, Phạm Đạo Phú và Chu Huân gồm 28 người theo vần trong chín bài ca ấy để họa lại, gọi là tao đàn nhị thập bát tú (28 ngôi sao của Tao đàn).

Lời phê-Luôn luôn có hạn hán, nước to, đói dữ[12], mà đã nói như thế như thế...[13]; lại còn xưng hô với nhau một cách khoe khoang[14], thật đáng khinh bỉ. Ông vua này không phải chỉ những đạo đức chưa được thuần hậu, độ lượng chưa được rộng rãi mà thôi đâu!

---

[1] Năm được mùa.

[2] Đạo làm vua.

[3] Tiết thảo người làm tôi.

[4] Vua sáng, tôi hiền.

[5] Tưởng nhớ người anh tuấn, hiền tài (chú thích theo Việt sử mục lục).

[6] Khí vận tỏ vẻ đặc sắc.

[7] Những thư thảo trong lúc vui đùa đã thành văn (chú thích theo Việt sử mục lục).

[8] Người văn học.

[9] Hoa mai.

[10] Chữ "quỳnh" nghĩa đen là viên ngọc quý, người ta thường dùng chữ này để tượng trưng cho thứ gì tinh anh trong sáng. Chữ uyển có một nghĩa là tụ họp. Tống Thái Tổ thường ban yến cho các tiến sĩ ở quỳnh lâm uyển, vua tôi xướng họa thơ phú với nhau. Có lẽ Lê Thánh Tông cùng phỏng theo vận sự đời Tống, nên đặt tên chín khúc hát là "quỳnh uyển cửu ca".

[11] Tao đàn cũng như văn đàn, thi đàn. Chữ "tao" có nghĩa là văn chương thanh tao đến tuyệt diệu. Chữ "đàn" có nghĩa là một nơi quãng trường. Bốn chữ này có ý nói một viên tướng đứng đầu trong quảng trường của Thi Nhân, mặc khách.

[12] Lời phê này nhắc lại việc tai biến đã xảy ra đời Lê Thánh Tông: 11 lần hạn hán, 6 lần thủy tai và 4 lần dân bị kém đói.

[13] Chỉ vào đầu đề của chín khúc hát, như: phong niên, minh lương, kỳ khí v.v...

[14] Chỉ vào việc đặt tên khúc hát là "quỳnh uyển cửu ca" và vua tôi xưng hô là Tao đàn nguyên soái, phó nguyên soái và nhị thập bát tú.

Bính Thìn, năm thứ 27 (1496). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Khi nhà vua đến Tây Kinh, tưởng nhớ công nghiệp của ông cha bọn Lê Chí và Lê Vĩnh, bèn ban cho Lê Chí 30 lạng bạc, Lê Vĩnh 25 lạng bạc.

Lời chua-Lê Chí: Người xã Dựng Tú, huyện Lương Sơn, ông của Chí là Lê Lâm, theo Lê Thái tổ đánh giặc Ngô có công, sau theo đi đánh Ai Lao, bị tử trận, được truy tặng thái úy. Cha của Lê Chí là Lê Niệm, từng trải thờ Lê Thái Tông, Nhân Tông và Thánh Tông, là công thần đời trung hưng[1], được gia phong thái phó, tước Tĩnh quốc công khi mất, được truy tặng thái úy.

Lê Vĩnh: Ông của Vĩnh là Lê Sao, khai quốc[2] công thần, làm quan đến thiếu bảo; bố của Vĩnh là Lê Thọ Vực từng trải thờ Nhân Tông và Thánh Tông, làm công thần đời trung hưng, được gia phong thái úy, tước Phú quốc công.

Lúc ấy, Chí làm tả đô đốc phủ Nam quân, Vĩnh làm tả đô đốc phủ Bắc quân.

Trời không mưa, nhà vua thân hành cầu đảo: tối hôm ấy mưa to.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, nhà vua tự mình thành tâm cầu đảo và tự soạn bài thơ, sai Nguyễn Đôn đem treo vào tường đền thờ thần Hoằng Hựu. Tối hôm ấy mưa to.

Lời chua-Đền Hoằng Hựu: Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 12).

Tháng 2 nhuận. Ban yến cho quần thần ở bãi Thúy Ái.

Nhà vua từ Tây Kinh trở về, thuyền ngự đóng ở Thúy Ái, bầy tôi văn võ đến lạy mừng, nhân đấy nhà vua ban cho ăn yến.

Lời chua-Bãi Thúy Ái: ở bờ phía nam sông Nhị Hà, nay thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội[3].

Hoàng thái hậu mất.

Thái hậu bị bệnh, nhà vua cùng hoàng thái tử ngày đêm trông nom bệnh tật, không lúc nào rời một bên, phàm thuốc thang cùng đồ ăn, đồ uống đều thân hành nếm trước, hằng ngày cầu đảo với tôn miếu thần thánh. Đến nay, thái hậu mất ở điện Thừa Hoa, hưởng thọ 76 tuổi.

Lời chua-Điện Thừa Hoa: Nay không khảo cứu được.

Tháng 3. Nhà vua thân hành thi cống sĩ.

Theo chế độ cũ, cống sĩ thi hội đã được trúng cách, lúc vào thi đình đều không người nào bị đánh hỏng. Đến nay, cử nhân vào thi hội, quan trường lấy bọn Nguyễn Văn Huấn 43 người được trúng cách. Kịp khi nhà vua thân hành ra bài thi ở thềm rồng điện Kính thiên, hỏi về đạo cai trị, rồi triệu các cử nhân vào sân điện Kim Loan, nhà vua tự mình xét kỷ dung mạo từng người, chỉ lấy đỗ 30 người, cho Nghiêm Viên, Nguyễn Huân và Đinh Lưu ba tên đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Đinh Cường 8 tên đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Đạo Diễn 19 tên đỗ đồng tiến sĩ xuất thân, đánh hỏng 13 người.

Lời chua-Nghiêm Viên: Người làng Bồng Lai, huyện Quế Dương, sau khi đã đỗ, lấy công chúa, đến lúc về nhà, bị vợ đánh thuốc độc chết.

---

[1] Sử thần nhà Nguyễn cho việc Nghi Dân giết Nhân Tông cướp ngôi vua không phải là chính thống và coi như chính thống nhà Lê đến đây đã mất; đến khi thánh tông lên làm vua, họ cho là lại kế tiếp được chính thống, vì thế họ chép đời Lê Thánh Tông là trung hưng.

[2] Sử phong kiến lẫn lộn nước với vua là một, vì thế họ nhận Lê Thái Tổ sáng lập cơ nghiệp nhà Lê tức là mở nước, nên chép là khai quốc.

[3] Nay thuộc thôn Thúy Lĩnh, xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Nguyễn Huân: Người làng Kim Đôi, huyện Võ Ninh[1].

Đinh Lưu: Người làng An Dật, huyện Thanh Lâm.

Đinh Cường: Người làng Tiên Tảo, huyện Bình Hà, được nhà vua đặt tên lại cho là Cường. Sau này, Cường đổi tiết tháo, thờ nhà Mạc làm quan đến Lại bộ thượng thư.

Nguyễn Đạo Diễn: Người làng Kim Đôi, huyện Võ Ninh.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ chiếu tuyển chức quan ở Hiến sát sứ ty và chức quan ở phủ, ở huyện, ở châu.

Nhà vua hạ tờ chiếu nói: Chức hiến sát phó sứ nếu có khuyết ngạch, thì lựa chọn trong hàng tiến sĩ cùng thuộc quan ở các nha môn lấy người nào đã thi hội trúng một, hai, ba kỳ mà là người siêng năng, mẫn cán, cứng rắn, thẳng thắn để bổ sung làm lại điển ở các nha môn, đã thi hội thường trúng được một, hai, ba kỳ mà là người làm việc lâu năm, siêng năng, mẫn cán và người có quân công, thì sơ thụ cho chức tri huyện hoặc tri châu, giữ chức đủ ba năm không có lầm lỗi, sẽ cất nhắc lên viên ngoại lang, đồng tri phủ, lại giữ chức đủ sáu lần khảo công mà được xứng chức, sẽ cho thăng chức tri phủ.

Lời chua-Giám sinh: Tức là những người thi hương trúng được bốn kỳ.

Nho Sinh: Tức là con các viên quan thi hương trúng được ba kỳ. Đều xem năm Quang Thuận thứ 3 (Chb. XIX, 21-22).

Tháng 8, mùa thu. Mưa to, gió lớn, nước dấy lên dữ dội.

Ruộng lúa ở dân gian phần nhiều bị thối nát.

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua không được khỏe.

Đinh Tỵ, năm thứ 28 (1497). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua mất.

Nhà vua bị đau nặng, tự dựa lưng vào ghế ngọc, để lại tờ chiếu cho hoàng thái tử nối ngôi vua; ngày Nhâm Tý, nhà vua mất ở điện Bảo Quang.

Nhà vua ở ngôi 38 năm, hưởng thọ 56 tuổi, miếu hiệu Thánh Tông, có 14 người con.

Hoàng thái tử dụ bảo bầy tôi trong triều rằng: "Người con khi sinh ra được 3 năm, rồi sau cha mẹ mới khỏi phải bế ẵm. Cho nên phép đời cổ, con để tang cha mẹ ba năm. Văn đế nhà Hán không học theo phép đời cổ, khi mất, để lại mệnh lệnh cho đoản tang, đem ngày thay cho tháng[2], rồi sau này cứ làm theo phép ấy, như vậy là bỏ hết điển lễ, khinh bạc luân thường, không thể làm phép tắc được. Nay vua cha ta vội bỏ trăm họ lên chầu trời, lòng ta thương xót vô cùng, báo công đức không thể nào hết được. Vậy các khanh nên bàn định việc chịu tang ba năm, để xứng đáng với tâm linh ta thương yêu kính mến".

Đại thần va trăm quan đều lạy dập đầu xuống đất mà tâu rằng: "Điều hiếu là điều căn bản lớn để trị thiên hạ, nay điện hạ biết noi theo đạo hiếu, thì việc bàn định thi hành lễ cổ, chúng tôi đâu dám chẳng tuân theo mệnh lệnh". Bèn định làm lễ chịu tang ba năm: Phàm lễ tiểu liệm[3], đại liệm[4], lễ thấn[5] và lễ tế điện[6], nhất thiết theo đúng lễ phép đời cổ. Trăm quan văn võ để tang ba năm: hạng lại, sĩ, quan và dân để tang một trăm ngày; tang phục đều dùng vải trắng, thường phục thì cũng cho phép mặc lẫn màu

---

[1] Nay là xã Kim Chân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Văn đế nhà Hán lúc sắp mất, để tờ chiếu lại cho chịu tang 36 ngày, như thế là đem 36 ngày thay thế cho 36 tháng (3 năm).

[3] Mặc áo mới cho người chết, và bó thi thể lại.

[4] Bó thi thể vào áo quan.

[5] Chôn quàn. Theo nghi lễ cổ, thiên tử chết, bảy ngày làm lễ quàn, bảy tháng làm lễ táng; vua chư hầu chết, năm ngày làm lễ quàn, năm tháng làm lễ táng: đại phu sĩ và thứ nhân chết, ba ngày làm lễ quàn, ba tháng làm lễ táng.

[6] Khi linh cửu còn để trong nhà, mỗi ngày hai buổi, con cháu đặt cổ lên bàn thờ để cúng tế, gọi là triệu điện, tịch điện.

xanh, màu thâm; trong ba tháng đình chỉ việc cưới gả; trong khoảng ba năm đều cấm mặc màu hồng, màu tía.

Lời chua-14 người con của Thánh Tông: Thái tử Chanh, các con thứ là Lương Vương Tuyên, Tống Vương Tung, Đường Vương Cảo, Kiến Vương Tân, Phúc Vương Tranh, Diễn Vương Thông, Quảng Chiêu, Nghĩa Vương Cảnh, Trần Vương Hình, Triệu Vương Thoan, Kính Vương Kiện.

Tháng 2. Thái tử Chanh lên ngôi vua.

Ngày Mậu Dần, thái bảo Bình lương hầu Lê Chí. Binh bộ thượng thư Định công bá Trịnh Công Đán, Tây quân đô đốc phủ tả đô đốc Sùng khê bá Lê Vĩnh dẫn bầy tôi đến điện Hoằng Văn rước thái tử Chanh lên ngôi vua (tức Lê Hiến Tông), lấy sang năm làm năm thứ nhất niên hiệu Cảnh Thống.

Hạ chiếu: Lục khoa và Ngự sử đài xét quan lại kẻ hay người dở.

Nhà vua dụ bảo: Trẫm mới lên ngôi, việc dùng người làm chính trị, nghĩ sao tìm được người hiền tài tuấn kiệt để giúp công việc, còn e rằng người hay người dỡ lẫn lộn với nhau, người trung người nịnh không xác định được, nếu không phân biệt rõ ràng, thì lấy gì mà khuyên kẻ hay răn kẻ dở. Vậy từ nay, các nha môn trong kinh sư và ngoài các đạo, phàm có quan lại nào liêm khiết, tài năng, đáng nên khen thưởng cất nhắc, cùng quan lại nào tham lam nhũng nhiễu không xứng đáng với chức vụ, chuẩn cho phép Lục khoa và Ngự sử đài dò xét, tâu bày từng tên để trẫm biết.

Dân Nghệ An bị nạn đói, hạ chiếu phát thóc trong kho cho dân nghèo vay.

Lúc ấy. Nghệ An bị nạn kém đói, nhà vua ra sắc lệnh hai ty Thừa chính và Hiến sát phát thóc trong kho công cho dân nghèo vay, mỗi người được vay 100 thăng, đợi lúc lúa chín được mùa sẽ thu lại nộp trả vào kho công.

Lời chua-Nghệ An: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-22).

Tôn mẹ là quý phi Nguyễn thị làm hoàng thái hậu.

Hoàng thái hậu, người làng Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, là con gái thái úy Trinh Quốc công Nguyễn Đức Trung. Năm Quang Thuận thứ nhất (1460) được tuyển vào chầu trong cung, phong là sung nghi, ở cung Vĩnh Ninh, tháng 8, năm Quang Thuận thứ 2 (1461) sinh nhà vua; năm Hồng Đức thứ nhất (1470) sách lập làm quý phi. Đến nay tôn làm Hoàng thái hậu, ở cung Trường lạc.

Đại hạn.

Lúc ấy đại hạn, Đông các hiệu thư Dương Trực Nguyên dâng sớ nói nhà vua nên tu dưỡng đạo đức để tiêu án thiên tai.

Lời chua-Dương Trực Nguyên: Người làng Thượng Phúc, huyện Thượng Phúc[1], đỗ đồng tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức.

Hạ chiếu: Tuyển người tiến sĩ nào có thành tích về chính trị để bổ giữ chức ở Ngự sử đài.

Nhà vua ra sắc lệnh: Từ nay, cấp sự trung trong lục khoa và giám sát ngự sử, nếu có khuyết ngạch, thì bộ Lại chọn các quan trong kinh sư, ngoài các đạo người nào do tiến sĩ xuất thân mà là người liêm khiết, cần mẫn, cứng rắn, ngay thẳng, có thành tích về chính trị, thì cất nhắc lựa bổ. Người ấy giữ chức đủ một năm sẽ do Đô ngự sử đài xét nghiệm về sự trạng đã làm, rồi tâu bày đầy đủ. Nếu xét ra người nào có thể dùng được sẽ cho giữ chức như cũ, người nào không thể dùng được sẽ cho giữ chức như cũ, người nào không thể dùng được sẽ đổi sang giữ chức khác. Nếu Đô ngự sử đài xét nghiệm không công bằng, cho phép Lục khoa được đàn hặc để trị tội.

[1] Nay là thôn Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Nhà vua hạ chiếu: Từ nay, về quan chức tuần ty ở ven biên giới, thì bộ Lại chọn lấy người địa phương lân cận với biên giới đã quen thủy thổ, có công đánh giặc đáng được bổ dụng để cất nhắc lựa bổ; về quan thủ lĩnh các nha môn phủ, huyện, châu ngoài các đạo, có người nào đáng được thăng chức, thì bộ Lại đưa công văn cho viên quan cai quản khám xét kỷ càng, nếu quả là người liêm khiết, tài năng, chăm chỉ, mẫn cán, trong khi tại chức không để công việc bê trễ, mới được thăng chức.

Nhà vua hạ sắc lệnh: Nếu chức suy quan ở ty Thừa chính các xứ có khuyết ngạch, thì bộ Lại chọn quan viên ở các nha môn, người nào từng trải hai lần khảo công trở lên mà là người liêm khiết, tài năng, lão luyện, thông thạo và am hiểu danh lệ hình luật để cất nhắc bổ dụng.

Tháng 5, mùa hạ. Sửa điện Đãi Lậu.

Trước kia, Thái tổ dựng điện Đãi Lậu ở ngoài cửa Tây; Thánh Tông dựng thêm hai dãy nhà ở ngoài cửa Đại Hưng; đến nay nhà vua ra đặc lệnh cho quân ngũ phủ dựng hai dãy nhà ở ngoài cửa Đại Hưng làm viện Đãi Lậu, mỗi dãy ba gian, để làm chỗ các quan chờ đợi giờ khắc trước lúc sắp tiến vào triều đường.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Nhà vua sai Hộ khoa cấp sự trung Phạm Hưng Văn và Hàn lâm viện hiệu lý Nguyễn Đức Thận sang nhà Minh cáo phó; Hàn lâm viện hiệu lý Phan Tông, Phạm Khắc Thuận và Nguyễn Đình Tuấn sang xin phong tước.

Lời chua-Phạm Hưng Văn: Người làng Đông Hối, huyện Thanh Lan[1], đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1475) năm Hồng Đức.

Nguyễn Đức Thận: Người làng Trang Liệt, huyện Đông Ngàn[2], đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức.

Nguyễn Đình Tuấn: Người làng Quảng Bố, huyện Thiên Tài[3], đỗ đồng tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) năm Hồng Đức.

Định số binh sĩ ở những nơi biên giới.

Phàm các quân sĩ đóng ở ven biên giới, nếu có những người là bố con anh em với nhau hoặc là người cùng thôn cùng xã với nhau, mà hiện bổ phân tán ở các sở các vệ, thì đều được chiếu theo ngạch lính của từng sở, từng vệ đổi bổ những người ấy vào chung một đội ngũ để tiện việc cai quản đốc suất.

Mậu Ngọ, Hiến Tông Duệ hoàng đế năm Cảnh Thống thứ nhất (1498). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ sắc lệnh: bảo vệ hành cung[4] một cách nghiêm ngặt.

Nhà vua ra sắc dụ cho các ty hộ vệ: Lệnh cấm ở hành cung không thể không nghiêm ngặt được. Sách thượng thư nói: "Có phòng bị thì không sợ xảy ra hoạn nạn[5]; Sách Chu dịch nói:"Gõ hiệu canh từng trùng cửa để ngăn ngừa quân bạo nghịch"[6]. Đấy đều là để đề phòng sự bất trắc có thể xảy ra. Từ nay, khi xa giá đi bái yết sơn lăng, thì ba ty hộ vệ phải giữ lệnh cảnh giới cho nghiêm ngặt, chớ cậy là lúc thái bình mà coi thường việc phòng bị. Nếu có lệnh tuyên triệu viên quan nào, ban ngày thì dùng bài ngà, cờ lệnh, ban đêm dùng hổ phù, cờ lệnh, lúc ấy quân hộ vệ mới được mở cửa thành. Nếu người nào làm trái lệnh sẽ phải xử theo quân luật.

---

[1] Nay thuộc xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

[2] Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.

[3] Nay thuộc xã Quảng Phú, huyện Gia Lương, Bắc Ninh.

[4] Xem chú thích số 1, quyển VI, tờ 20.

[5] Nguyên văn: "Hữu bị vô hoạn" (thiên Duyệt mệnh trung), Thư kinh đại toàn quyển V, tờ 28).

[6] Nguyên văn: Trùng môn kích tích, dĩ dãi bạo khách". (Hệ từ hạ, Dịch kinh đại toàn quyển XIX, tờ 9).

Lời chua-Ba ty hộ vệ: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, năm đầu niên hiệu Quang Thuận (1460) đặt vệ quân Thần Võ, Hiệu Lực và Điện Tiền gọi là ba ty hộ vệ.

Giảm bớt thuộc quan ở vệ Lạng Sơn.

Theo chế độ cũ, vệ và sở thuộc phiên trấn bên ngoài ở các xứ, mỗi vệ đặt hai viên tổng tri và đổng tổng tri, mỗi sở đều có một viên quản lãnh và một viên phó quản lãnh, một viên chánh võ úy và một viên phó võ úy. Lúc ấy, sáu sở thuộc vệ Lạng Sơn số quân ít mà số quan lại thì nhiều, nhà vua bèn ra sắc lệnh cho ba ty Đô, Thừa, Hiến bàn định, liệu lượng để lại:mỗi sở, chức quản lãnh võ úy đều một người, mỗi vệ, chức giáo tập bác sĩ sáu người, ngoài ra đều giảm bớt. Những viên chức bị tinh giảm sẽ điều bổ đi vệ hoặc sở khác.

Lời chua-Sáu sở thuộc vệ Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 35).

Làm lễ táng Lê Thánh Tông ở Chiêu Lăng.

Nhà vua hạ lệnh cho bọn đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Lễ bộ thượng thư Đàm Văn Lễ và đông các học sĩ Lưu Hưng Hiếu soạn bài ký khắc vào bia.

Cho vài trăm người cung nữ ra khỏi cung cấm.

Sai sứ thần đi tuần hành các quận huyện.

Nhà vua sai sứ thần chia nhau đi đến các quận huyện trong nước. Khám xét: nếu thấy người nào nghèo túng, già yếu mà còn ở trong quân ngũ thì sa thải cho về; thuế khóa, tạp dịch việc gì quá nặng thì giảm nhẹ đi: buông tha cho người vì lầm lẫn vì vô ý mà phạm tội; làm tỏ rõ lý lẽ cho người gặp điều oan uổng; xá bỏ các thuế tích khiếm từ các năm trước; phát chẩn cho người côi cút, người cùng nghèo; thu dùng những người thất chức; khen thưởng người có công; biểu dương người tiết nghĩa; cất nhắc người liêm khiết; tiến cử người hiền tài. Thi hành chính sách trên, trong kinh sư, ngoài các đạo đều lấy làm vui vẻ.

Trộm cướp nổi lên ở Nghệ An và Thuận Hóa. Hạ lệnh chiêu an phủ dụ.

Lúc ấy, ở Nghệ An và Thuận Hóa bọn trộm cướp đều nổi dậy, quận huyện lân cận không thể dẹp yên được. Nhà vua ra sắc lệnh cho viên quan có trách nhiệm triệt bỏ hết toán lính đi tiễu bắt và chiêu an phủ dụ cho họ trở lại nghề nghiệp cũ.

Lời chua-Nghệ An, Thuận Hóa: đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-24).

Hạ sắc lệnh cho thừa chính, hiến sát và phủ, huyện khuyên bảo dân làm ruộng trồng dâu.

Nhà vua lưu ý về việc làm ruộng:

- Ra sắc lệnh cho quan thừa chính, hiến sát phủ, huyện đi tuần hành khuyên bảo nhân dân đắp đê ngăn nước, khơi thông những chỗ úng thủy, đắp bờ ruộng, để đề phòng hạn hán, thủy tai; mỗi xã đặt một chức xã trưởng, chuyên đôn đốc về việc làm ruộng, trồng dâu.
- Phàm quan chức ngoài các đạo có việc vào kinh sư hoặc quan trong triều từ ngoài các đạo trở về, tất nhiên nhà vua triệu đến hỏi han về việc lúa mạ năm ấy được mùa hay mất mùa, trăm họ vui vẻ hay sầu khổ.
- Hạng quân tượng[1] đến lượt phải lên làm việc công đều được chia phiên cho về làm ruộng.

Bọn Võ Hữu, thượng thư bộ Lễ, tâu nói: "Người làm việc bếp nước ở Thái quân thự, so với hàng quân tượng[1] công việc cũng giống nhau, nay các sắc quân tượng đến kỳ hạn đều được chia phiên nhau

---

[1] Những người thợ sung vào quân ngũ các vệ, giữ việc xây dựng kho tàng, đền quán và dinh thự... (Việt sử thực lục quyển XIV, tờ 17).

về làm ruộng, thế mà người giữ bếp nước vẫn phải ở lại làm việc, như vậy tưởng không được công bằng. Xin từ nay ty Thừa tuyên sứ ở bốn xứ Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc chọn lấy người phú nông trong hạt bổ thêm vào số người làm việc bếp nước, mỗi năm đến tháng 6, tháng 10, nhất luật chia ra từng ban cho về làm ruộng, để cho việc khó nhọc, việc nhàn rỗi được điều hòa". Nhà vua chuẩn y lời tâu này.

Nguyễn Quang Hiền, tả thị lang bộ Hình, tâu nói: "Tháng 5, tháng 11 năm nay, các sắc quân tượng[2] đều được phép chia phiên nhau về làm ruộng, mà người ngục tốt ở ngục sở trong ty Ngũ hình vẫn phải ở lại làm việc sai phái, như thế chưa được công bằng. Xin từ nay ngục tốt được chia nhau cho về làm ruộng theo như thể lệ quân tượng". Nhà vua chuẩn y lời tâu này.

Định thể lệ đánh thuế đất bãi, chia làm hai hạng: một nửa là hạng đất trồng dâu, một nửa là hạng đất trồng lạc, mỗi mẫu nộp thuế một quan hai tiền. Xã nào có trồng dâu, thì cho phép nộp một nửa bằng tơ sống: mỗi mẫu một cân tám lạng, mỗi cân giá tám tiền; xã nào không trồng dâu, thì nộp bằng tiền thay cho tơ sống.

Nhà vua hạ chiếu: Từ nay, năm nào thóc lúa được phong đăng, thì ty Thừa tuyên các xứ phải sức rõ cho phủ, huyện đốc thúc dân gian cố sức tích trữ cho nhiều để đi đến chỗ giàu đủ, không nên phung phí, tiêu dùng càn.

Lời chua-Võ Hữu: Người làng Mộ Trạch, huyện Đường An[3], đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận đời Lê Thánh Tông.

Nguyễn Quan Hiền: Người làng Vĩnh Kỳ, huyện Từ Liêm[4], đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi (1475) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Tháng 8, mùa thu. Hạ sắc lệnh xét xử ngục tụng cho được trôi chảy xong xuôi.

Nhà vua hạ sắc dụ cho các nha môn xét xử hình ngục: Việc hình ngục quan hệ đến tính mạng của dân, cho nên "việc hình ngục không được để chậm trễ, đã có lời răn ở Chu Dịch[5] hỏi hết những lời cốt yếu để xét đoán kiện tụng" đã chép ở Thượng thư[6]. Vậy từ nay, các việc ngục tụng nào tình lý còn nghi ngờ khó xét, đều phải y theo thời hạn xét xử cho xong. Nếu người nào còn dám để bê trễ, thì cứ đến cuối năm, viên quan cai quản, viên quan đề hình ở bộ Hình, quan giám sát ngự sử và Thanh hình hiến sát sứ ti phải kiểm tra hặc tâu để trị tội; nếu các quan viên nói trên không kiểm tra tâu hặc, thì viên thượng ty trong Ngự sử đài và viên xá nhân được giữ công việc thể sát hặc tâu. Các nha môn nào không xét xử đúng lẽ, thì người bị oan uổng được phép cứ sự thực tâu bày đầy đủ lên triều đình, viên quan ấy sẽ bị tội theo như luật định.

Lời chua-Xá nhân: Tức trung thư xá nhân, xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 19).

Đặt thêm vệ quân ở Đô ty đạo Quảng Nam.

Trước đây, Đô ty đạo Quảng Nam đặt vệ Thăng Hoa gồm 5 sở, đến nay đặt thêm sở Súng Nỏ, lại đặt vệ Tư Nghĩa và Hoài Nhân mỗi vệ sáu sở.

Lời chua-Vệ quân ở Đô ty Quảng Nam và năm sở thuộc vệ Thăng Oa: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7, 10).

---

[1] Những người thợ sung vào quân ngũ các vệ, giữ việc xây dựng kho tàng, đền quán và dinh thự... (Việt sử thực lục quyển XIV, tờ 17).

[2] Những người thợ sung vào quân ngũ các vệ, giữ việc xây dựng kho tàng, đền quán và dinh thự... (Việt sử thực lục quyển XIV, tờ 17).

[3] Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương.

[4] Nay thuộc xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Hà Tây.

[5] Nguyên văn: "bất lưu ngục" (Tượng từ quẻ Lữ, Chu dinh đại toàn quyển XV, tờ 32).

[6] Nguyên văn: "phí tế yếu từ" (thiên khang cáo, Thượng thư đại toàn quyển VII, tờ 39).

Vệ Tư Nghĩa: Gồm sáu sở: Dương Nỏ, Siêu Ách, Phủ Giang, Trừng Hải, Phi Duẩn, và Súng Nỏ.

Tháng 11, mùa đông. Hạ sắc lệnh cho Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc nộp thóc vào kinh sư.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho 4 xứ Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc sức cho phủ, huyện phái người đốc dân phu chuyên chở thóc công, mỗi xứ đều 12.500 hộc để nạp, chứa vào kho thóc ở kinh sư; còn thóc công ở Thừa chính ty các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hóa và Tuyên Quang, vẫn thu về chứa ở kho sở tại để việc biên phòng được đầy đủ.

Lời chua-Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hóa, Tuyên Quang: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 35).

Tháng 12. Định rõ phép khảo công.

Nhà vua hạ sắc lệnh cho thượng ty các nha môn ở trong kinh và ngoài các đạo đều phải xét thuộc quan dưới quyền mình cai quản, những người đã đủ ba lần khảo công, có người nào biết hết lòng vỗ về thương yêu, được quân và dân yêu mến, binh không trốn, thuế không thiếu, thì liệt vào hạng xứng chức, người nào tham lam nhũng nhiễu, kinh doanh lợi riêng, mà binh và thuế lại phần nhiều trốn thiếu, thì liệt vào hạng bất xứng chức, rồi đều kê tên từng người tâu lên triều đình, sẽ định việc cho thăng chức hoặc bãi truất bãi.

Nhà vua hạ chiếu: chức thủ lĩnh được ngang hàng với trưởng quan bàn luận việc phải trái, chứ không phải chỉ có việc việc tra xét kiểm duyệt sổ sách mà thôi, cần phải đem lòng công để giữ phép, tự mình ngay thẳng để dẫn đường cho người khác noi theo, như bọn Vũ Phục Long, Phạm Như Dụ và Vũ Thế Hảo triều đình đã cho biểu dương để khuyên những người sau này: thế mà xét ra người giữ chức ấy, có nhiều người vẫn nuôi lòng gian, làm việc xấu, không biết dùng lẽ phải để tự khuyên mình. Vậy từ này, lục khoa ở trong kinh, Hiến ty ở các đạo phải theo sự công bằng phân biệt cho rõ, ai là người liêm khiết, ai là người tham nhũng, đều phải kê tên tâu lên triều đình. Về phần viên giám sát ngự sử các đạo lại cứu xét kỷ lại, rồi tâu bày đầy đủ, sẽ có chỉ dụ định đoạt.

Nhà vua ra sắc dụ bọn Lại bộ thượng thư Trần Cận và Lại khoa cấp sự trung Lê Tung rằng: Bỏ kẻ xấu, dùng người hiền, vì thế mà Ngu Thuấn làm nên được mọi việc; xét về danh, khảo về sự việc, vì thế mà Hán Tuyên đế được nghiệp trung hưng. Quốc gia ta xét theo phép đời xưa mà đặt quan, dùng người hiền tài cùng giúp công việc, về phép tắc tuyển cử, khoa điều khảo công, đã rõ ràng lại đầy đủ, nhưng khốn nỗi, trăm quan coi việc ấy làm văn án chiếu lệ, không phân biệt kẻ dở người hay, vì thế mà con đường làm quan thành ra những lạm. Vậy từ nay quan viên văn võ trong kinh sư, ngoài các đạo, người nào đã làm quan đủ 9 năm, mà thật có tài năng mẫn cán, thì khi khảo công mới được liệt vào hạng xứng chức để thăng thưởng; nếu người nào không có tài năng, phải dựa vào người khác để làm nên công việc, thì không được viện vào lệ đã đủ niên hạn khảo công mà cho lạm thăng được.

Nhà vua lại hạ sắc lệnh cho bộ Lại: Trước đây, việc kén chọn bổ dụng không công bằng, bọn lại điển bổ thừa nhiều quá; hoặc người chỉ có một nghề, cũng được bổ dụng bằng cách cầu may; hoặc người tư túi đút lót, xuất thân vượt cả thứ tự. Đường lối tuyển dụng ấy chứa chất đã lâu, nên công việc cứ đi dần đến chỗ bê trệ. Như thế mà muốn cho chính lệnh được sáng tỏ, để bọn tiểu nhân mất đường len lỏi, thì làm thế nào được? Vậy từ nay, các nha môn trong kinh và ngoài các đạo phải kiểm xét bọn lại điển thuộc dưới quyền mình, người nào liêm khiết, ngay thẳng, công bằng, trong sạch thì được phép lưu dụng; người nào gian trá, nhũng lãm và già yếu kém cõi thì thải bớt cho về, rồi tuyển con em các lương gia đã từng dự thi để sung bổ.

Nhà vua hạ chiếu cho hai ty Thừa chính và Hiến sát các xứ xét kỷ các quan phủ, huyện trong hạt mình, cứ đến cuối năm, khảo công định làm ba hạng: thượng, trung và hạ: như người nào thanh kiêm, cần mẫn, có thành tích chính trị, là hạng thượng khảo; người nào việc quan không thiếu thốn, là hạng trung khảo; người nào không dự vào hai hạng trên, là hạ khảo. Về phần thuộc viên, người lại điển nào thanh liêm, mẫn cán, là trung đẳng; bỉ ổi, lười biếng là hạ đẳng. Sau khi hai ty Thừa chính, Hiến sát đã xét rồi, thì do bộ Lại thẩm tra về công lao hoặc tội lỗi; nếu các quan phủ, huyện đã đủ ba lần khảo công;

lại điển đả đủ niên hạn làm việc, sẽ định thi hành việc thưởng phạt. Còn như công lao hoặc tội lỗi của các quan thừa chính và hiến sát thì do viên quan ở Ngự sử đài xét kỷ, cứ đến cuối năm, định làm ba hạng khảo công: thượng, trung và hạ, rồi tâu bày hoặc đàn hặc.

Lời chua-Thủ Lĩnh: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 6 (Chb. XIX, 32).

Trần Cận: Người làng Thái Bạt, huyện Bất Bạt, đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Sửu năm Quang Thuận đời Lê Thánh Tông[1].

Niên hạn những thuộc lại: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 10-11).

Kỷ Mùi, năm thứ 2 (1499). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 12).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua cày tịch điền[2].

Tháng 4, mùa hạ. Định rõ thể lệ thi hội.

Nhà vua bảo với bọn Võ Hữu, thượng thư bộ lễ, rằng: "Nhân tài là tinh anh của quốc gia, khoa cử là đường rộng phẳng của sĩ tử. Phép chọn lấy sĩ tử của quốc gia ta làm theo phép đời cổ, đã đầy đủ lại rõ ràng; nhưng phép lập lâu ngày, sau sinh ra tệ: kẻ thường tài được lạm tuyển, người thực học còn bị bỏ rơi, việc thủ xả phần nhiều không làm hài lòng bọn sĩ tử. Nếu phép thi cử không nghiêm, thì không làm thế nào ngăn ngừa được thói cầu may mà tuyển lấy nhân tài chân chính được". Nhà vua bèn hạ lệnh định rõ lại cấm điều: Trường thi chia làm 4 vi, mỗi vi đều dựng một cái chòi cao; đến ngày sĩ tử vào trường thi, thì mỗi chòi đều có một viên hiệu úy đứng ở trên chòi, để tiện trông xa kiểm soát. Đầu bài thi, do bầy tôi thân cận viết cho thật đúng, rồi đều chiếu theo thứ tự từng phòng của sĩ tử mà phân phát; viên quan tuần xước thì hàng ngày luân chuyển đi tuần, các quan chấm thi nếu viên nào có bà con thân thích dự thi, đều được hồi tị[3].

Tháng 5. Hạn hán. Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan có trách nhiệm hoãn việc hình ngục.

Vì hạn hán, nhà vua cầu đảo ở Thái Miếu, lại hạ sắc lệnh cho bộ Hình hoãn việc quyết đoán những người phạm tội phạt trượng và kê khai tội trạng những người ấy tâu trình.

Tháng 7, mùa thu. Ban huấn điều cho trong kinh sư và ngoài các đạo.

Hồi đầu năm Hồng Đức, vua Thánh Tông định ra 24 huấn điều, đến nay nhà vua làm cho huấn điều ấy được thêm sáng tỏ, dụ bảo bọn quan, quân và dân rằng: Thế đạo thịnh hay suy quan hệ phong tục, phong tục tốt hay xấu quan hệ ở khí vận. Kinh Dịch nói: "Người quân tử theo nghĩa quẻ Tiệm Lâm cho đạo đức ngày một tiến, phong tục ngày thêm hay"[4]. Kinh Thư nói: "Ban bố rộng năm đạo thường, kính cẩn để hòa hợp với tính trời sẵn có của dân chúng"[5]. Kinh thi nói: "Giữ khuôn phép, không trái lẽ thường, mới uốn nắn cho người bốn phương được ngay thẳng"[6]. Kinh lễ nói: "Chỉnh tề tám chính sách để ngăn ngừa sự thiên lệch, thống nhất đạo đức để phong tục được hòa đồng"[7]. Sách thánh hiền dạy bảo

---

[1] Niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông chỉ có năm kỷ sửu (1469) không có năm Ất Sửu. Ất Sửu thuộc năm Thái Hòa thứ 3 (1445) đời Lê Thánh Tông. Ở đây, có lẽ Cương mục chép lầm, sẽ khảo cứu sau. Làng Thái Bạt nay thuộc xã Tòng Bạt, huyện Ba Vì, Hà Tây.

[2] Xem chú thích số 2. Chính biên, quyển 1, tờ 23.

[3] Xin miễn dự vào việc chấm thi, để tránh tai tiếng.

[4] Nguyên văn: "Quân tử dĩ cư hiền đức thiện tục" (Quẻ Tiệm sách Chu Dịch).

[5] Nguyên văn: "Hoằng phu ngũ điển, thức hỏa dân tắc" (Thiên Quân nha, sách Thượng thư). Năm đạo thường: vua, tôi, cha, con, vợ, chồng, anh em và bè bạn.

[6] Nguyên văn: "kỳ nghĩ bất thắc, chính thị tứ quốc". (thơ XI-cưu, sách Mao thi).

[7] Nguyên văn: "Tề bát chính dĩ phòng dâm, nhất đạo đức dĩ đồng tục (thiên vương chế, sách lễ kỷ). Tám chính sách; thức ăn+thức mặc+nghề nghiệp của từng người+đồ dùng của từng địa phương+trượng thước dùng để đo đạc+đấu hộc dùng để đong lường+số nhiều, số ít của từng đơn vị+bề rộng, bề hẹp của từng đồ dùng (tờ 66, sách đã dẫn trên).

chứng cớ đã rõ ràng. Các đế vương đời cổ chịu mệnh trời, giữ ngôi báu, ngự trị trên đời, ứng phó mọi việc, không ai là không tuân theo sự cần kíp ấy. Vua Thái Tổ Cao hoàng đế triều ta vỗ yên nước nhà, gây dựng cương kỷ; vua Thái Tông Văn hoàng đế làm cho phép trời được sáng tỏ, đạo thường của dân được phơi bày; vua Thánh Tông Thuần hoàng đế mở rộng công đức của đời trước; giáo hóa thấm đến nhân dân. Quốc triều ta, thánh thần nối dõi, khuông thước noi theo, nhân đức chan chứa cả trong ngoài, chính giáo thấm nhuần khắp trên dưới, triệu dân mừng hưởng phúc lành, muôn năm kế thừa lộc vị. Nay trẫm ngự ngôi trời, kính theo phép cũ, làm điều hiếu kính để dựng căn bản đạo trung dung, giữ vững cương thường để mở rộng những điều dạy bảo; người trên làm, người dưới bắt chước, đã đi đến chỗ yên vui, nhưng muốn cho việc trị an được lâu dài, công nghiệp tiến lên mãi mãi. Vì thế hạ dụ chỉ này, đặc biệt nêu rõ từng điều, để lần lượt nghi vào sổ sách.

Lời chua-Ban hành huấn điều gồm 24 điều: Theo Hồng Đức Thiên Nam dư tập, 24 điều như thế này:

1. Cha mẹ dạy con, phải dùng khuôn phép hợp với lẽ phải; con trai, con gái đều dạy cho có nghề nghiệp, không được để buông tuồng vào cờ bạc rượu chè, tập nghề xướng hát, để hại đến phong tục.
2. Người gia trưởng tự mình giữ lễ phép tiết độ, để uốn nắn người trong nhà mình; nếu con em trong nhà làm việc trái, thì người gia trưởng sẽ bị tội.
3. Vợ chồng siêng năng, sẻn nhặt, sửa sang công việc trong nhà; đối với nhau có ân có nghĩa không bao giờ thay đổi; chỉ lúc nào người vợ phạm vào tội "thất xuất"[1] bấy giờ phải dùng lý mà xử đoán, không được quá yêu quyến luyến dung túng xuê xoa, để hại đến phong hóa.
4. Con em trong nhà, nên thân yêu với anh em, hòa thuận với làng xóm, lấy lễ nghĩa tự giữ mình, nếu người nào làm trái thì tôn trưởng dạy bảo bằng cách roi vọt nhỏ để quở phạt, quá lắm thì cáo tố ở cửa công xét xử.
5. Ngoài làng xóm, trong họ hàng, người nào gặp hoạn nạn, thì nên chu cấp thương xót lẫn nhau. Nếu có người làm việc nghĩa nổi tiếng, thì các viên phủ huyện sở tại trình với hai ty Thừa chính và Hiến sát thực tâu bày đầy đủ, sẽ được triều đình biểu dương.
6. Người đàn bà có lỗi, nếu cha mẹ và chồng có trừng trị, thì phải bỏ hẳn lòng tà, sửa đổi tội lỗi, không được thiện tiện tự ý bỏ trốn, có điều trái với đạo người đàn bà.
7. Đàn bà góa chồng, không được tìm kiếm người trai trẻ, nói thác là con nuôi, làm việc gian dâm vụng trộm.
8. Đàn bà, sau khi chồng chết, hoặc chồng có các con của người vợ trước cũng như con vợ lẽ nàng hầu, thì mình phải mang lòng yêu thương, không được lập tâm tham chiếm tài sản, lo toan làm việc lợi riêng cho mình.
9. Đàn bà, khi chồng chết mà mình chưa có con, thì nên ở nhà chồng, theo việc tang việc tế đúng như nghi lễ; không được tư túi tài sản đem lén lút về nhà cha mẹ đẻ của mình.
10. Bổn phận chính của người đàn bà là phải thuận theo chồng, không được cậy là cha mẹ mình giàu sang, mà kêu ngạo với nhà chồng; người đàn bà nào trái lệnh, thì cả cha mẹ người ấy cũng phải tội.
11. Bọn sĩ phu phải đôn đốc học nghiệp, phẩm hạnh, giữ điển lễ chung; nếu có người nào thi thọt cửa quyền, dựa thế lực người trên, ra oai nạt nộ người khác, sẽ phải tước bỏ tên tuổi, suốt đời không được kể là hạng sĩ phu.

---

[1] Theo lễ giáo cổ, người đàn bà nào phạm bảy điều sau đây, sẽ bị chồng bỏ: - không có con;- dâm đảng;- không kính thờ cha mẹ chồng;-lắm lời nhiều điều; -ăn trộm, ăn cắp;-ghen tuông;-có chứng bệnh như hủi, điên, câm điếcv.v... Nhưng đối với vợ của bọn vua chúa thì dầu không có con cũng không phải bỏ, nên chỉ có "lục xuất".

12. Bổn phận người điển lại chỉ có việc giữ sổ sách văn thư, làm công việc theo chức phận của mình; nếu có người nào dùng trí thuật làm điên đảo giấy tờ, thì viên quan cai quản phải kiểm xét cho ra để trị tội.
13. Quân và dân nên hiếu với cha mẹ, thảo với anh em, hết sức làm ruộng; người ra ngoài, người ở nhà, phải giữ gìn lẫn cho nhau: đến kỳ thượng phiên[1] thì vui vẽ đi làm công việc, không được lười biếng trốn tránh. Nếu có ai nổi tiếng là người lương thiện, thì các viên phủ, huyện sở tại trình lên hai ty Thừa Chính và Hiến sát xét thực, rồi tâu bày đầy đủ, sẽ được khen thưởng.
14. Người buôn bán nên theo thời mà lưu thông phẩm vật, không được lừa thưng tráo đấu, không được nhân cơ hội tụ tập đồ đảng, lén lút làm trộm cướp, người nào phạm pháp, sẽ bị trị tội nặng.
15. Việc cưới gả, việc tế tự, phải dựa theo lễ pháp, không được tiếm vượt quá phận định của mình.
16. Khi chèo hát, lúc hội hè, trai gái đến chơi xem, không được đứng ngồi lẫn lộn để ngăn ngừa thói dâm ô.
17. Nhà cửa, hàng quán ở dọc đường, nếu có phụ nữ đi xa vào ngũ trọ, thì cửa ngõ phải đề phòng cẩn mật; nếu người nào dám lấy sức khỏe làm việc ô nhục, khi việc phát giác, thì người can phạm và chủ nhà đều phải trị tội.
18. Các viên phủ, huyện đều chiểu theo địa phận sở tại, cắm thẻ bài răn chặn trai gái không được tắm cùng một bến, để tỏ rõ sự phận biệt về lễ phép.
19. Xã thôn nên chọn một, hai người tuổi cao, đạo đức, học lực khá, phẩm hạnh tốt làm người đứng đầu, cứ những ngày nhàn rỗi, đưa nhân dân đến đình quán, công sở, hội họp giảng giải lời cáo dụ, để cùng nhau trông vào đấy mà làm điều lành, cùng tiến đến phong tục tốt đẹp.
20. Trong hạt các phủ huyện, nếu có kẻ nào cường xâm chiếm ruộng đất, ức hiếp người cô độc, xui nguyên giục bị kiện cáo lẫn nhau, thì cho phép xã thôn dò xét tố giác để nghĩ trị; nếu phủ huyện nào vì tình riêng mà ẩn giấu đi, sẽ bị luận vào tội giáng chức hoặc bãi chức.
21. Những nhà tước vương, tước công và đại thần chứa chấp người tư cách hèn hạ làm cò mồi đưa đồ đút lót, cùng nô tỳ những nhà ấy mua ức phẩm vật của dân, thì cho phép người đương sự đến cửa quan tố cáo, bọn can phạm sẽ bị trừng phạt nặng.
22. Viên quan giữ chức trách chăn dắt dân[2], nếu viên nào biết dạy bảo đốc sức nhân dân trong hạt hăng hái theo lễ nghĩa nhún nhường, thì ty hiến sát xét thực, ghi vào hạng nhất trong dịp khảo công; nếu viên nào không siêng năng dạy bảo nhân dân, khi khảo công, liệt vào hạng không làm đầy đủ chức phận.
23. Xã trưởng, thôn trưởng, và phường trưởng người nào biết siêng năng, năng dạy bảo đốc sức, làm cho phong tục làng xóm trở nên tốt lành, thì các viên phủ huyện trình bày rõ với hai ty Thừa chính và Hiến sát xét thực, tâu lên triều đình, sẽ ban thưởng.
24. Phàm những người Man, người Lạo ở ven biên giới, phải kinh giữ luân lý, không được làm rối loạn đạo thường, như sau khi cha, anh, chú bác đã mất rồi, người nào là con cháu, anh em với người đã chết ấy không được nhận lấy vợ cả hoặc vợ lẽ của họ làm vợ mình; nếu ai trái lệnh, sẽ phải trừng trị một cách nghiêm ngặt.

---

[1] Chế độ triều Lê, quân và dân tuy ở nhà làm ruộng, nhưng mỗi xã vẫn có một số người cắt phiên nhau đi làm việc cũng trong một thời gian nhất định.

[2] Nguyên văn chép "mục dân chi quan", tức chỉ các viên phủ, huyện vì phủ, huyện là người gần gủi vớt dân hơn cả, phải làm cho dân được cơm no, áo ấm, nên quan niệm cổ cho phủ huyện có nhiệm vụ chăn dắt dân.

Cấm lấy đàn bà, con gái nước Chiêm Thành.

Nhà vua hạ chiếu: "Từ nay, trên từ thân vương, dưới đến trăm họ, nhất luật không ai được lấy đàn bà, con gái nước Chiêm Thành làm vợ cả hoặc vợ lẽ, để cho phong tục được thuần hậu". Việc này là theo lời của Hộ khoa cấp sự trung Vũ Lộc tâu bày.

Nhà vua hạ chiếu: Từ nay nhân dân đạo Quảng nam không được thiện tiện cướp bóc dân Man, mua bán nô tỳ riêng; nếu ai trái lệnh, sẽ phải tội.

Định rõ lại lệnh nộp thóc sẽ trao cho quan chức.

Theo chế độ cũ, các sắc quân và dân, ai tình nguyện nộp thóc đều tùy theo số thóc nộp nhiều hay ít mà trao cho quan tước, không phân biệt gì người hay, kẻ dở. Đến nay, nhà vua hạ sắc lệnh: phàm ai là người lương thiện, mới chuẩn y cho nộp thóc và trao cho quan tước; nếu ai là những kẻ ác nghịch, trộm cướp, xui nguyên giục bị, hào cường ngỗ ngược và phường chèo con hát, thì bản thân họ và con cháu họ đều không được dự.

> **Lời chua**-Thể lệ nộp thóc được trao quan chức: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ nhất (Chb. XIX, 9).

Sửa chùa Thiên Phúc[1].

Trước đây, vào năm Quang Thuận thứ nhất (1460), hoàng thái hậu Nguyễn Thị[2] được tuyển vào chầu trong cung, phong làm sung nghi ở cung Vĩnh Ninh. Lúc ấy Thánh Tông chưa có con trai, Quang Thục hoàng thái hậu[3] thường vì Nguyên Thị cầu đảo, sai người cha Nguyễn Thị là Nguyễn Đức Trung cầu đảo ở am Từ Công trên núi Phật Tích, mới sinh ra nhà vua bây giờ. Đến nay, nhà vua hạ lệnh sửa lại chùa Thiên Phúc, ban hiệu cho am Từ Công là "Hiển Thụy", lập bia đá ghi lấy sự việc.

> **Lời chua**-Chùa Thiên Phúc: Theo mục "Địa lý chí" trong lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, núi Phật Tích ở xã Thụy Khê, huyện Yên Sơn, có một tên nữa là núi Thày. Tương truyền trên núi có động, thời nhà lý, chỗ này là nơi Từ Đạo Hạnh trút lốt. Viện Bố đà và am Hương Hải ở trên núi đều do Đạo Hạnh dựng lên. Chùa Thiên Phúc ở núi Phật Tích, hiện nay vẫn còn.

Tháng 11, mùa đông. Đặt ty Đình úy.

Theo chế độ cũ, ty Đình úy thuộc vệ Cẩm Y. Quan chức ty này có chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri và chỉ huy thiêm sự, mỗi chức một người, đều dùng quan võ sung bổ. Phàm việc ngục tụng nào còn nghi ngờ mà tình trạng nặng, thì các quan trong ty phụng mạng vua tra hỏi. Đến nay, đặt làm một ty riêng, về chức chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri và chỉ huy thiêm sự đều chọn người văn thân có chức vị trọng đại để quản lãnh.

Tháng 12. Lập con là Thuần là thái tử.

Trước đây, bọn thái bảo Lê Vĩnh và đô kiểm điểm Lê Năng Nhượng tâu xin dự bị lập thái tử, để cho căn bản trong nước được vững vàng, nhà vua nói: "Các ngươi lo xa đến việc lớn tông miếu xã tắc, thật là đáng khen".

Trẫm xét các hoàng tử, thì: Tuân, con cả, thích mặc áo phụ nữ, lại đầu độc cả mẹ; Tấn, con thứ hai, là người không có đức, e rằng không đương nổi ngôi báu; chỉ có Thuần, con thứ ba, rất ham thích Thi, Thư, dốc lòng hiếu kính, trẫm thân hành vỗ về dạy bảo, nay đã trưởng thành. Vậy quyết đoán từ lòng công bằng của trẫm, lập Thuần giữ ngôi hoàng trừ[4]. Việc này không phải là bỏ con trưởng mà lập

---

[1] Còn gọi là chùa Thầy, nay thuộc xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

[2] Tên là Huyên, tức Trường lạc hoàng hậu, vợ Thánh Tông, mẹ Hiến Tông, khi Hiến Tông lên ngôi vua, tôn hoàng thái hậu. Theo lời của sử thần Võ Quỳnh khi Thánh Tông còn sống, Nguyễn Thị bị giam lỏng ở một cung riêng, lúc Thánh Tông bị bệnh, mới được vào thăm. Nguyễn Thị liền giấu thuốc độc trong tay, sờ vào mụn nhọt, vì thế mà bệnh Thánh Tông thêm kịch rồi chết.

[3] Tên là Ngô Thị Dao, vợ Thái Tông, mẹ Thánh Tông.

[4] Một danh từ để gọi riêng con vua được lập làm hoàng thái tử, để trù bị nối ngôi sau này.

con thứ, mà chỉ là vì thiên hạ chọn vua hiền; nghĩ cho phép dựng cung mới ở bên cạnh điện đình và bàn luận về nghi lễ lập ngôi trừ nhị[1]. Công việc này, giao các viên quan có trách nhiệm chọn ngày thi hành". Đến nay, nhà vua sai Lê Vĩnh và Điện tiền đô kiểm điểm Lê Lan phụng đệ sách thư, bảo ấn, lập con là Thuần làm hoàng thái tử.

Lời chua-Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, An Vương Tuân, con trưởng của Hiến Tông, là người thông minh học rộng, sức lực hơn người, nhưng tính ngang bướng, thích mặc áo phụ nữ; lúc bé thương vì sự không được như ý, đem thuốc đầu độc mẹ, vì thế Hiến Tông ghét bỏ, đổi lập hoàng tử Thuần. Kịp khi Túc Tông[2] lên ngôi, An Vương không đem lòng oán giận, đổi hết nết cũ, thờ mẹ rất hiếu; lại chịu khó tự giữ mình kín đáo, làm cho Uy mục đế[3] không ngờ vực chút nào. Tháng 9, năm Hồng Thuận[4] thứ 4, An Vương mất, tặng phong Yên đại vương.

---

[1] Cũng như hoàng trừ, đã chú giải ở trên.

[2] Tức hoàng tử Thuần.

[3] Tên là Tấn, con thứ hai của Hiến Tông.

[4] Niên hiệu Tương Dực đế (1509-1516).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XXV

Từ Canh Thân, Lê Hiến Tông năm Cảnh Thống thứ 3 (1500) đến Kỷ Tỵ, Lê Uy Mục đế năm Đoan Khánh thứ 5 (1509) gồm 10 năm.

Canh Thân, năm [Cảnh Thống] thứ 3 (1500). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, nhà vua sai sứ thần sang nhà Minh báo cáo việc tang Lê Thánh Tông và xin nhà Minh phong tước. Nhà Minh sai Từ Ngọc, hành nhân trong ti Hành Nhân sang dụ bảo ban cho tế phẩm; Lương Trừ, tẩy mã trong cục Ti Kinh Kiêm Hàn lâm viện thị giảng và Vương Chẩn, Binh khoa đô cấp sự trung sang sách phong. Bọn Trừ và Ngọc đến trạm Thị Cầu, nhà vua sai bọn Đàm Văn Lễ, Đông các đại học sĩ, bàn định với bọn Lương Trừ về việc nghi lễ. Bọn Trừ đến trạm Lữ Côi, nhà vua ngự thuyền nhỏ đến tiếp. Sau khi đã làm xong lễ dụ ban tế phẩm và lễ sách phong rồi, bọn Ngọc và Trừ từ biệt ra về, nhà vua đem vàng bạc lụa hoa tiễn chân, bọn Trừ đều không nhận; nhà vua làm thơ để tiễn.

Đến đây, nhà vua sai bọn Nguyễn Duy Trinh, Hình bộ tả thị lang, Lê Han Hinh, Lễ khoa đô cấp sự trung và Nguyễn Nho Tôn [Tông], Thượng bảo tự khanh, sang nhà Minh tạ ơn về việc ban cho tế phẩm; Lưu Hưng Hiếu, Đông các học sĩ, Đỗ Nhân, Hàn lâm viện thị thư, và Bùi Đoan Giáo, Thông sự ti thừa, sang tạ về việc sách phong, nhân thể xin ban cho mũ áo.

Lời Chua - Trạm Thị Cầu: Ở huyện Võ Giàng[1].

Trạm Lữ Côi: Ở huyện Gia Lâm[2]. Cả hai đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Nguyễn Duy Trinh: Người xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm[3], đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Lê Han Hinh: Người xã Cổ Đô, huyện Tân Phong[4], đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) năm Hồng Đức; nguyên trước họ Nguyễn, tên là Sư Mạnh, được vua cho đổi họ và tên.

Nguyễn Nho Tôn [Tông]: Người xã Vực Đường, huyện Thiên Thi[5], đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức.

Đỗ Nhân: Người xã Lại Ốc, huyện Tế Giang sau đổi tên là Nhạc, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức.

Bùi Đoan Giáo: Người xã Đại Điền, huyện Bình Hà, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức.

---

[1] Nay thuộc thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[3] Nay thuộc xả Thượng Cát, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

[4] Nay thuộc xã Cổ Đô,huyện Ba Vì, Hà Tây.

[5] Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Tháng 2. Tuyển học sinh ở tam xá[1], người nào đã dự trúng kỳ thi hội mà có đức hạnh, sẽ cất nhắc giữ chức dạy học.

Nhà vua hạ chiếu: Nếu chức huấn đạo có khuyết ngạch, thì các quan ở Quốc Tử giám chọn học sinh ở tam xá, người nào thi hội đã vào tam trường và người nào thi nhiều khoa đã thường trúng một hia kỳ, mà có đức hạnh, đáng làm tiêu biểu để người khác bắt chước, thì đưa sang bộ Lại lựa chọn bổ dụng.

Nhà vua định thể lệ cất nhắc bổ dụng hạng nho và hạng lại: nho sinh, giám sinh, học sinh và đô lại ở các nha môn, trước kia đã từng lựa chọn được, nay bộ Lại tra cứu xem hàng năm người nào thi hội trúng được nhiều kỳ thì cất nhắc trước, người nào trúng ít kỳ thi cất nhắc sau; nếu không có người trúng kỳ thi hội, thì người nào làm việc lâu năm được cất nhắc trước, người ít năm sẽ cất nhắc sau, không được theo như lệ trước chỉ căn cứ vào thân thể khỏe mạnh và thứ tự tuổi sinh.

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Dương Trực Nguyên làm chỉ huy sứ trong ti Đình úy.

Trực Nguyên làm quan doãn phủ Phụng Thiên, áp chế những người hào cường, làm cho bọn quyền quý phải chùn tay lại. Lê Quảng Độ tiến cử Trực Nguyên là người có phương pháp về chính trị và cứng rắn quả quyết, vì thế nhà vua hạ lệnh bổ dụng.

Truy lục dụng người tướng hiệu có quân công.

Trước đây, Đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm dâng nói: "Việc thưởng và phạt là quyền lớn của đế vương dùng để khuyên đời: thưởng xứng đáng với công lao từng người, phạt xứng đáng với tội lỗi từng người, thì người ta ai cũng biết khuyên răn. Khoảng niên hiệu Hồng Đức[2], khi đi đánh Chiêm Thành và Lão Qua, quân sĩ trong vệ Hiệu lực, những người có quân công, cất nhắc bổ dùng chưa hết, kịp lúc bị lựa chọn sa thải thì cho tất cả lui về để sung vào quân Ngũ phủ, cũng như hàng sĩ tốt khác, không có gì phân biệt. Vậy những người ấy, xin do bộ Binh làm danh sách tâu bày, đặt riêng làm 4 vệ Hiệu lực để khuyến khích những binh sĩ có công lao". Nhà vua y lời tâu ấy.

Đến nay Hộ Bộ tả thị lang Nguyễn Đức Quảng dâng nói: "Lúc vua Thái Tổ bắt đầu mở nước, tướng sĩ cùng lòng hết sức, người việc lớn, người việc nhỏ khó nhọc đều nhau, thế mà những bầy tôi vào hàng tướng soái thì được chức tước cao, thụy hiệu tốt, con cháu của họ lại được tập ấm để cất nhắc bổ dụng. Còn về phần sĩ tốt, tuy có trao cho chức tướng quân ở các vệ, nhưng con cháu của họ, hoặc người thì không thoát khỏi hàng binh tốt, hoặc người thì bị co ro ở cảnh nghèo hèn; phép tắt khuyên người có công chưa thi hành được đầy đủ".

"Từ khi bệ hạ lên nối ngôi tới nay, phàm những người tòng quân xẻo được tai giặc[3] tâu nộp, đều được cất nhắc bổ dụng; còn sĩ tốt trong thời khai quốc lao đao hàng trăm trận hơn mười năm trời thì con cháu của họ không được đếm xỉa tới, như thế thì lấy gì để cổ vũ khuyến khích những người sau này.

Tôi xin: những hạng tướng sĩ khai quốc, mà đã từng được nhận sắc mệnh, nay cho phép con cháu họ được đến cửa công tự bày tỏ, rồi do bộ Binh xét thực rõ ràng, làm danh sách kê họ tên tâu nộp, để giao bộ Lại tặng thêm cho họ một bậc nữa, chuẩn cho con cháu họ thừa ấm theo như thể lệ bầy tôi có công, trước làm tỏ lời thề sông cạn đá mòn, sau là để gia ơn cho họ được cùng nước hưởng phúc".

Nhà vua chuẩn y lời tâu, bèn hạ sắc lệnh: Trong thời Thuận Thiên[4] khai quốc, tướng sĩ nào đã từng được nhận sắc mệnh từ hàm tam phẩm trở lên, mà con cháu đã xung vào các hạng quân ngũ, đều được phép đến cửa công bày tỏ, bộ Binh xét thực sẽ bổ sung vào tướng sĩ vệ Cẩm Y; nếu là người thông hiểu nghĩa sách sẽ cho sung vào nho sinh quán Chiêu Văn; con cháu viên quan dưới hàm tam phẩm trở đi, thì sung vào các vệ Vũ Lâm và Thần Tí.

---

[1] Xem thêm chình biên quyển XXIII tờ 39- 40 về tam xá sinh.

[2] Niên hiệu Lê Thánh Tông (1470- 1497).

[3] Xem chú thích số 4, chính biên quyển VII, tờ 31.

[4] Niên hiệu Lê Thái Tổ 1428- 1433.

Lời phê[1]- Đều không biết đại thể, vì tình thế không bổ dụng thế nào cho xiết được.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.III, 20- 21).

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3. (Chb. XI, 13).

Vệ Cẩm Y, Vũ Lâm và Thần Tí: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 4 (Chb. XXII, 32-33).

Quán Chiêu Văn: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8[2] (Chb.XXIII 6).

Lựa chọn hoàng đinh người nào am hiểu nghề nghiệp để sung vào ngạch thợ.

Theo chế độ cũ, khi nào thiếu thợ, thì sai người chia nhau đi các sứ chọn người am hiểu các nghề để bổ sung. Đến nay, nhà vua hạ chiếu phàm ngạch thợ có khuyết, thì sức cho các xã dân chọn lấy hoàng đinh người nào am hiểu các nghề để bổ sung vào.

Nhà vua ra sắc lệnh: Từ nay, các sắc quân và thợ phải họp tập đông đủ trong kỳ thượng phiên[3], hoặc có người nào làm việc chưa đủ kỳ hạn mà bỏ trốn về trước, thì các quan châu, quan huyện tâu hoặc để trị tội. Còn ở ti và sở thuộc các vệ, có người nào bỏ trốn mà lại về làm việc và dân đinh có người nào già ốm, thì mỗi khi đến kỳ thượng phiên, được phép sai phái họ làm việc nhẹ. Nếu là người mạnh khỏe, thì không được phép cho đội ngũ ấy nộp tiền thay thế và không được gian trá thoái thác là có bệnh.

Lời chua - Hoàng đinh: Theo Hội điển triều Lê, dân đinh 17 tuổi gọi là hoàng nam.

Tháng mười, mùa đông. Định chế độ mũ áo.

Nhà vua hạ chiếu: Tất cả quan lại, quân và dân đều phải tuân hành theo chế độ mũ áo mới định.

Lời chua - Chế độ mũ áo: Theo Hội điển triều Lê, các tướng công trong hoàng thân và quan văn, quan võ từ tam phẩm trở lên, khi vào triều, mũ dùng kiểu mũ phốc đầu[4]. Mũ: của hoàng thân trang sức bằng vàng, quan văn, quan võ trang sức bằng bạc; áo dùng màu tía; bổ tử: các tước công trong hoàng thân dùng hình con kỳ lân, quan nhất, nhị phẩm, về hàng văn dùng hình con tiên hạc, về hàng võ dùng hình con sư tử, tam phẩm về hàng văn dùng hình con cẩm kê, về hàng võ dùng hình con bạch thạch; đai lưng: dùng sừng con tê hoa, đai của hoàng thân trang sức bằng vàng, quan văn, hoặc võ hàm nhất, nhị phẩm trang sức bằng bạc, quan tam phẩm dùng đồi mồi trang sức bằng bạc; bao lưng: dùng lụa đỏ.

Các quan từ tứ phẩm đến ngũ phẩm, mũ: về hàng võ dùng nón sơn trắng, về hàng văn dùng kiểu phốc đầu[5], không có trang sức; áo; dùng màu lục; bổ tử: quan tứ phẩm, về hàng võ dùng hình con hổ, về hàng văn dùng hình con công, ngũ phẩm, về hàng võ dùng hình con báo, về hàng văn dùng hình con văn nhạn; đai lưng: quan văn, quan võ đều dùng đồi mồi, trang sức bằng thau; bao lưng: dùng lụa đỏ.

Lục phẩm trở xuống, mũ: về hàng võ dùng nón sơn đỏ, về hàng văn dùng kiểu phốc đầu[6], không có trang sức; áo: dùng màu xanh; bổ tử: về hàng võ dùng hình con

---

[1] Lời phê này chỉ vào việc trước để cho con cháu các người đã được trao cho chức tướng quân các vệ phải chìm đắm, phải bần cùng, nay lại muốn bổ dụng tất cả con cháu những người được dự có công đánh giặc.

[2] Nguyên văn chép lầm là năm thứ 2.

[3] Xem chú thích số 1, chính biên quyển XXIV, tờ 38.

[4] Xem chú thích 2, chính biên quyển III, tờ 23.

[5] Xem chú thích 2, chính biên quyển III, tờ 23.

[6] Xem chú thích 2, chính biên quyển III tờ 23.

voi, về hàng văn dùng hình con bạch nhàn; đai lưng: quan văn. quan võ đều dùng tốc hương, chung quanh viền thau; bao lưng: dùng đoạn thâm.

Áo mặc khi thượng triều: các quan hàm nhất, nhị phẩm trở lên dùng các hàng gấm vóc có dệt hoa lá sặc sỡ; tam phẩm đến ngũ phẩm dùng các hàng gấm vóc; lụa phẩm trở xuống dùng các hàng tơ lĩnh.

Mệnh phụ[1], đều theo với phẩm trật của chồng.

Giám sinh, nho sinh, học sinh, sinh đồ, lại điển và quan viên tử, quan viên tôn đều dùng các hàng lĩnh, là. Thứ dân đều dùng các hàng lĩnh là hoặc vãi, lụa.

Tân Dậu, năm thứ 4 (1501). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 14).Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Nhà vua đi tuần du Tây Kinh, cấm các quan theo hầu xa giá không được sai quân sĩ dùng hành trang chở vợ con hoặc nữ nhạc đi theo.

Tháng 5, mùa hạ. Định rõ thể lệ lựa chọn tráng đinh.

Theo chế độ cũ, nhân đinh, người nào mạnh khỏe, đều tuyển làm lính, không câu nệ người giàu, người nghèo. Đến đây, nhà vua hạ chiếu: Từ nay, gặp kỳ lựa chọn tráng đinh, dân xã nào có người nghèo thiếu, thì xã trưởng dự bị khai báo cam đoan ngay từ trước, quan phủ, quan huyện xét thực, đều cho những người ấy được miễn tuyển.

Nhà vua hạ chiếu: Đinh nam ở các xã, phường và sách từ 12 tuổi đến 16 tuổi và hoàng đinh sót sổ, mà sức vóc khỏe mạnh cao lớn trên bốn thước ta, thì xã trưởng kê khai họ tên, để nộp ba ti Đô, Thừa, Hiến và phủ Phụng Thiên, để đến lúc việc làm ruộng nhàn rỗi sẽ xét duyệt lựa chọn.

Tháng 9, mùa thu. Mưa to.

Ở kinh thành nước lên đầy rẫy.

Định thuế sai dịch.

Nhà vua hạ sắc lệnh định thuế sai dịch của nhân đinh: Mỗi suất đinh đồng niên nộp cổ tiền[2] 1 quan 2 tiền; hạng sinh đồ, hoàng đinh và hạng lão thì cứ hai người chuẩn làm một suất; người tàn tật bất cụ[3]: người nào không thể làm nghề gì sinh sống được đều được miễn; người nào có thể làm nghề nghiệp sinh sống sẽ thu nửa phần thuế thân.

Tháng 12, mùa đông. Định rõ điều lệ thi hương.

Nhà vua ra sắc lệnh: Từ nay gặp khoa thi hương, trừ số sinh đồ ở cục Tú Lâm ra, còn những quân và dân, người nào có học lực, có hạnh kiểm, có thể làm đủ thể văn 4 kỳ, về phần sĩ tử ở các xứ Hưng Hoá, An Bang, Tuyên Quang và Lạng Sơn, có thể làm đủ thể văn 3 kỳ, đều được phép vào thi. Số sĩ tử kể trên do xã trưởng kê khai cam kết, xã lớn 20 người, xã trung bình 15 người, xã nhỏ 10 người, xã nào số học trò ít ỏi, thì không bó buộc theo thể lệ này. Sau khi xã trưởng loại khai lấy danh sách họ tên sĩ tử rồi, thì phủ, huyện hoặc châu phúc hạch mộ kỳ ám tả, người nào được dự trúng thì do 2 ti Thừa Chính và Hiến Sát thi khảo kỷ lại. Nếu xã trưởng kê khai cam kết không đúng sự thật, các quan phủ, huyện hoặc châu khảo hạch không tinh tường, đến nổi sĩ tử vào thi còn xẩy ra trùng điệp hoặc văn bài không ra nghĩa lý gì, hoặc có người nào vì thân thích con em của mình mà gởi gắm quan chấm thi, thì Lục khoa, Ngự sử đài thân hành dò xét, hặc tấu để trị tội.

Khi sĩ tử vào trường thi, quan trường phải sức cho viên quan giữ việc thể sát lục soát kiểm điểm, nếu thấy có người nào mang giấu văn bài ở trong mình hoặc người nào đi thi thay cho người khác, sẽ bắt

[1] Xem chú thích 3 quyển XI, tờ 44 về nội mạng phục.

[2] Xem thêm lời chua chính biên quyển XXI, tờ 2 về cổ tiền.

[3] Những người mù, què, câm, điếc...

tội sung quân ở bản phủ; nếu viên quan giữ việc thể sát khám xét không chu đáo, sẽ phải luận vào tội biếm chức hoặc giáng chức. Hai ti Thừa chính và Hiến sát hội đồng kiểm xét, nếu thấy có hình tích gian trá thì phải hặc tâu; nếu quan hai ti dám thông đồng làm bậy, thì các quan ở Lục khoa và Ngự sử đài thân hành dò hỏi, rồi hặc tâu để trị tội.

Về phần lại điển làm việc ở trong kinh hoặc ở ngoài, người nào tình nguyện ứng thi, thì đệ đơn trình bày, sẽ do viên quan bản quản xét thực, rồi cho phép về ứng thí ở nguyên quán của mình, không được nhân tiện nộp quyển thi ở phủ Phụng Thiên hoặc phụ thí ở xứ khác.

Người lại điển nào đi thi hương được trúng tuyển, sẽ được sung vào học ở Quốc Tử giám.

Giám sinh hoặc sinh đồ, người nào ở nhà để tang bố mẹ, gặp khi thi hương, những người ấy đều phải đến điểm mục tại phủ nha của mình; ai thiếu mặt sẽ phải tội sung quân ở bản phủ. Người nào dám thiện tiện vào ngoài cửa trường thi, sẽ phải luận vào tội đồ, suốt đời không được ứng thí và cất nhắc bổ dụng; nếu xã trưởng nhận diện mà đồng tình dung túng, khi có người tố cáo phát giác, thì người can phạm và xã trưởng đều phải sung quân.

Nhâm Tuất, năm thứ 5 (1502). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân, nhà vua ra bài sách thi cống sĩ; cho bọn Lê Ích Mộc 61 người được cập đề và xuất thân cao thấp khác nhau.

Bảng vàng đề tên người đỗ tiến sĩ trước kia treo yết ở cửa Đông Hoa. Đến nay, nhà vua sai bộ Lễ cho phường nhạc đi trước cử nhạc, rước bảng vàng yết ở cửa nhà Thái Học. Việc này từ đây về sau dùng làm thể lệ lâu dài.

Lời chua - Lê Ích Mộc: người xã Thanh Lãng, huyện Thủy Đường[1].

Tháng 4, mùa hạ. Định lệnh tuyển dụng quan trong kinh và ngoài các đạo.

Các quan: thượng thư, thị lang trong lục bộ+ Ngự sử đài+ Đông các+ Hàn lâm+ Lục tự+ Lục khoa+ Thừa tuyên sứ+ Hiến sát sứ cùng ti và sở ở các vệ thuộc Ngũ phủ như các đô đốc+ đô kiểm điểm+ chỉ huy sứ+ đô tổng binh, v.v... Những quan chức kể trên nếu có khuyết ngạch, thì bộ Lại tâu bày đầy đủ để xin chỉ thị của vua.

Ở vệ và sở: nếu khuyết một viên tổng tri, theo thể lệ, dự lấy hai người trong hàng quản lãnh; khuyết một viên quản lãnh, theo thể lệ, dự lấy ba người trong hàng võ úy. Bộ Lại làm danh sách kê quan chức và họ tên những viên quan được dự lấy tâu bày đầy đủ. Nếu chức quan khuyết ngạch thuộc vào quan trong kinh, sẽ do trưởng quan trong Ngũ phủ dẫn vào chầu để lựa chọn; nếu thuộc vào quan ngoài các đạo, sẽ do Chỉ huy sứ và viện Hàn lâm hội đồng với 3 ti Đô, Thừa, Hiến lựa chọn, rồi tâu bày đầy đủ, sẽ có chỉ dụ cho thuyên chuyển cất nhắc.

Kiến vương là Tân mất.

Vương là con thứ năm của Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (1471) được tiến phong Kiến vương, mất năm 35 tuổi, nhà vua cho đặt tên thụy là Trinh Tĩnh.

Lại hạ lệnh cấm hoạn giả thiện tiện đến nhà người khác.

Năm Quang Thuận và Hồng Đức trước[2] định thể lệ: Nếu người hoạn quan nào thiện tiện đến nhà người khác sẽ bị xử trảm. Đến nay nhà vua nhắc lại lệnh cấm ấy.

Quý Hợi, năm thứ 6 (1503). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạn hán. Hạ sắc lệnh chuẩn bị xe lấy nước[3] để bảo vệ việc làm ruộng.

---

[1] Làng Thanh Lãng tức làng Ráng, nay thuộc xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

[2] Đều niên hiệu Lê Thánh Tông (1460- 1497).

[3] Nguyên văn chép "thủy xa", một thứ nông cụ, dùng để tát nước vào ruộng.

Nhà vua hạ sắc lệnh dụ bảo bọn Dưỡng Tĩnh, tham nghị trong ti Thừa Tuyên sứ ở Thanh Hóa: "Trẫm rất lưu tâm đến việc làm ruộng, bọn các ngươi phải hết lòng về việc làm ruộng của dân, nghĩ thi hành chính sách tốt đẹp. Việc hạn hán, thủy lạo là những việc bất thường, cần phải dự bị đề phòng, để việc cày cấy được kịp thời vụ. Trẫm thường cho người đi dò thám, thấy nơi thì ruộng nương trũng thấp, nơi thì đường sá rậm rạp, trời nắng chưa mấy ngày mà dân đã kêu ca là khô cạn quá đỗi. Những việc ấy đều bởi viên chức ở châu, ở huyện không được người tốt đấy. Vậy các người nên sức cho trong hạt mình phải cần làm ngay việc sửa đắp. Các người lại phải chính mình tự đi kiểm xét cửa sông, xe nước, khe nhỏ, đường to. Nếu thấy viên quan nào thừa hành hoàn hảo thì khi khảo công liệt vào hạng nhất; viên quan nào thừa hành một cách dối trá để có chỗ thẩm lậu, thì liệt vào hạng không làm đầy đủ chức phận; rồi đem hết sự thật tâu bày lên trẫm biết, để định việc truất bãi hoặc cho thăng chức".

Tháng 2. Đại hạn.

Tháng4, mùa hạ. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Đắp đê Tô Lịch, đào cừ Yên Phúc.

Dương Trực Nguyên, tả thị lang bộ Lễ, tâu xin: Đắp đê sông Tô Lịch trên từ cầu Trát xuống đến sông Cống để phòng bị thủy hoạn, lại xin khai cừ Yên Phúc xuống đến cừ Thượng Phúc để lấy nước tưới ruộng. Nhà vua chuẩn y.

Lời chua - Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Tràng Khánh thứ 4 (Tb.IV, 31-32).

Cầu Trát: nay ở xã Trát Kiều.

Sông Cống: Nay ở xã Cống Xuyên.

Cừ Yên Phúc: Ở thôn Yên Phúc[1].

Cừ Thượng Phúc: Ở xã Thượng Phúc[2].

Đều thuộc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội[3].

Tháng 5, mùa hạ. Có thủy tai lớn.

Núi Tản Viên và núi Tam Đảo bị sụt lở.

Lời chua - Núi Tản Viên: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (chb.I,34).

Núi Tam Đảo: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 7 (Chb.XVIII,18).

Giáp Tý, năm thứ 7 (1504). (Từ tháng 6 trở về sau, thuộc Lê Túc Tông Khâm hoàng đế năm Thái Trinh thứ nhất- Minh, năm Hoằng Trị thứ 17).

Lời cẩn án - Theo phàm lệ chép Cương mục của Chu Tử: năm nào gặp năm Giáp Tí, thì chữ "Giáp Tí" chép ngang ở trên bằng màu đỏ để cho phân biệt4, ngoài ra các năm khác đều chép bằng màu đen.

Lại môt lệ nữa:- Phàm thiên tử nối đời trước, lên ngôi vua, thì chỉ thụy hiệu, niên hiệu ở hàng dưới chép bằng màu đỏ, còn chữ "nguyên niên" chép bằng màu đen; từ năm thứ 2 trở đi, mới chép lớn niên thứ bằng màu đen ở hàng dưới.

Nếu chưa qua năm sau mà đổi niên hiệu thì chữ "nguyên niên" chua ở hai bên dòng, mà bắt đầu chép chữ lớn từ năm thứ 2.

---

[1] Nay thuộc xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] nay thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[3] Huyện Thượng Phúc nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây và một số xã của huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[4] Chữ "Giáp" đứng đầu 10 hàng can, "Tí" đứng đầu 12 hàng chi, Giáp Tí là năm đứng đầu lục thập hoa giáp. Vì thế nên trong bộ Cương mục này, gặp năm Giáp Tí, đều chép chữ màu đỏ.

Nay, tháng 6 mùa hạ, năm Cảnh Thống thứ 7, Túc Tông lên ngôi vua, chưa qua sang năm sau đã đổi niên hiệu, đến tháng 12 thì Túc Tông mất. Vậy thì năm Cảnh Thống thứ 7 này là năm cuối cùng đời Hiến Tông, đến năm sau lại là năm đầu đời Uy Mục đế, như thế thành ra thụy hiệu, niên hiệu của Túc Tông không có thể chép vào năm nào được.

Tra trong Đường Thư, thì thấy: "Thuận Tông lên ngôi nhằm tháng giêng mùa xuân năm Trinh Nguyên thứ 21 đời Đức Tông, đến tháng 8 truyền ngôi cho người khác". Về việc này, sách Cương mục chính biên của Chu tử chép phân biệt như thế này: ngay năm ấy chua nhỏ chữ "ất dậu" bằng màu đen; chép lớn chữ "nhị thập nhất niên" bằng màu đen; chua nhỏ chữ "Thuận tông hoàng đế [niên hiệu] Vĩnh Trinh" bằng màu đỏ, chua nhỏ chữ "nguyên niên" bằng màu đen.

Nay phỏng theo lệ ấy, chua nhỏ chữ "giáp tí" bằng màu đỏ; chép lớn chữ "thất niên" bằng màu đen; chua nhỏ chữ "Túc tông Khâm hoàng đế [niên hiệu] Thái Trinh " bằng màu đỏ và chua nhỏ chữ " nguyên niên " bằng màu đen. Đấy là thuộc về biền lệ.

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Tháng 5, mùa hạ. Nhà vua mất.

Trước đây, nhà vua từ Tây Kinh trở về cung, trong mình không được khỏe, lại vì sắc dục quá độ, nên mắc bệnh nặng. Lúc bệnh kịch quá, để mệnh lệnh lại cho Thái tử nối ngôi vua. Đến nay, mất ở điện Đồ Trì.

Nhà vua ở ngôi 7 năm; hưởng thọ 44 tuổi; miếu hiệu Hiến Tông, có 6 con trai.

Nhà vua là người thông minh, thánh trí, nhân từ, hoà nhã, ôn hậu, không làm ra dáng nghiêm khắc. Hằng ngày, mỗi khi lui chầu, thường tìm bọn sĩ đại phu vào cung hỏi han về những điều hay điều dở, trong khi hỏi, lời nói nét mặt tỏ ra dịu dáng, để khơi gợi cho người kia ứng đối lại; nếu có xếp đặt việc gì thì ung dung nhà nhã; lời nói nét mặt không bao giờ lộ ra vẻ khoe khoang. Nhà vua thường nói: Thánh Tổ ta[1] xây dựng khu vực rộng lớn; vua cha ta trong sửa chính sự, ngoài dẹp bọn xâm lăng, quy mô đã định sẵn ta không cần phải thay đổi việc gì, chỉ cốt noi theo phép tắt cũ, làm cho ngày một mở rộng mà tươi sáng hơn, để tỏ rõ công đức của ông cha ta mà thôi.

Lời chua- Sáu người con của Hiến Tông: Con trưởng: An Vương Tuân; con thứ hai: Uy Mục Đế; con thứ ba: Túc Tông; con thứ tư: Thông Vương Dong; con thứ năm: Minh Vương Trị; con thứ sáu: Tư Vương Dưỡng.

Tháng 6, thái tử Thuần lên ngôi vua.

Lê Quảng Độ. tả đô đốc phủ Trung Quân, Lê Đạt Chiêu, tả đô đốc phủ Nam Quân, cùng trăm quan văn võ, rước thái tử Thuần lên ngôi vua ở điện Hoàng Cực (tức là Túc Tông). Hạ lệnh đại xá, đổi niên hiệu lấy năm ấy là năm Thái Trinh thứ nhất (1504).

Tôn hoàng thái hậu làm thái hoàng thái hậu.

Sau khi nhà vua lên ngôi, tôn bà tổ mẫu Trường Lạc hoàng thái hậu Nguyễn Thị[2] làm thái hoàng thái hậu.

Sao Trường tinh[3] xuất hiện ở phương tây bắc.

Tháng 9, mùa thu. Truy tôn mẹ là quý phi Nguyễn Thị làm hoàng thái hậu.

Hoàng thái hậu Nguyễn Thị người xã Bình Lăng, huyện Thiên Thi. Lúc Hiến Tông làm thái tử. Nguyễn Thị được tuyển vào hầu trong cung, ngày mồng một tháng 8 năm Hồng Đức thứ 19 (1488) sinh

---

[1] Chỉ Lê Thái Tổ.

[2] Vợ Lê Thánh Tông xem thêm chú thích số 1, chính biên quyển XXIV, tờ 24.

[3] Thuộc loại sao Chổi. Theo quan niệm cổ, khi nào sao Trường Tinh xuất hiện, thì trong nước sẽ xảy ra việc can qua.

nhà vua; lúc Hiến Tông lên ngôi, gia phong là quý phi, hậu mất sớm. Đến nay tôn là Trang thuận minh ý hoàng thái hậu.

Lời chua- Thiên Thi: Tên huyện nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Đoàn Thế Nùng ở Cao Bằng nổi loạn, phải chịu tội giết chết.

Thế Nùng làm phản ở Cao Bằng, nhà vua sai quân sĩ bắt được. Thế Nùng cùng đồ đảng hơn 500 người đều phải giết chết.

Lời Chua- Cao Bằng: Tức Bắc Bình, thuộc xứ Ninh Sóc xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,20,32).

Tháng 11, mùa đông. Làm lễ táng Hiến Tông ở Dụ Lăng.

Nhà vua sai bọn Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh và Trình Chí Sâm biên soạn văn bia.

Lời Chua- Phạm Thịnh: Người xã Tam Nha (á), huyện Gia Định.

Trình Chí Sâm: Người xã Từ Hồ, huyện Đông Yên. Đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Tháng 12 nhà vua mất.

Nhà vua mất ở điện Hoàng Cực, ở ngôi một năm, hưởng thọ 17 tuổi, miếu hiệu Túc Tông, để tờ chiếu lại cho trăm quan về việc tang phục nhất thiết theo lễ cổ.

Đại thần rước người anh thứ[1] của nhà vua tên là Tấn vào cung điện lên ngôi vua.

Trước kia, Túc Tông bị yếu, hạ sắc lệnh dụ bảo bầy tôi trong triều là bọn Lê Quảng Độ và Lê Năng Nhượng rằng: "Bệnh trẫm không khỏi được, trẫm lo việc nước ký thác nặng nề, không thể gánh vác nổi. Người con thứ hai của tiên hoàng đế là Tấn, hiền hòa, sáng suốt, nhân từ, hiếu nghĩa, có thể nối giữ chính thống được, đại thần trăm quan đều phải hết lòng trung trinh, để giúp nên nghiệp lớn. Các thân vương, nếu có người nào sinh lòng càn dòm dỏ ngôi báu, thì người trong nước đều có quyền giết chết". Đến nay Lê Quảng Độ, tả đô đốc phủ Trung Quân, Lê Năng Nhượng, Tông Nhân Lệnh, cùng văn võ trăm quan đều đến điện Hưng Minh rước Tấn vào cung lên ngôi vua (tức Uy mục đế). Hạ chiếu đại xá, đổi niên hiệu, lấy sang năm làm năm Đoan Khánh thứ nhất.

Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước kia, Túc Tông lên ngôi vua, sai sứ sang nhà Minh:

Bọn Đặng Tán, tả thị lang bộ Lại; Khuất Quỳnh Cửu, Hàn Lâm viện kiểm thảo, và Lưu Quang Phụ, Hộ Khoa đô cấp sự trung, sang dâng cống phẩm hằng năm;

Bọn Nguyễn Bảo Khuê, hữu thị lang bộ Lễ, Trần Bá Lương, đông các hiệu thư, và Vũ Châu, hiệu lý, sang xin phong tước.

Các viên quan kể trên ra đi chưa kịp sang qua quan ải. Đến nay nhà vua lại đổi làm tờ biểu khác rồi sai bọn Bảo Khuê mang đi.

Lời chua- Đặng Tán: Người xã Mạo Bồ, huyện Sơn Vi, đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Khuất Quỳnh Cửu: Người xã Lội Trạch, huyện Thạch Thất.

Trần Bá Lương: Người xã Lê Xá, huyện Nghi Dương, Quỳnh Cửu và Bá Lương đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Nguyễn Bảo Khuê: Người xã Lý Hải, huyện An Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

---

[1] Xem thêm chính biên quyển XXIV, tờ 42 và quyển XXV, tờ 14 về thứ tự các con của Hiến Tông.

Vũ Châu: Người xã Dị Sử, huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống.

Ất Sửu, Uy Mục đế năm Đoan Khánh thứ nhất (1505). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 18).

ngày mồng một, tháng giêng,mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Truy tôn mẹ là Nguyễn Thị làm hoàng thái hậu.

Hoàng thái hậu Nguyễn Thị, người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, lúc bé, mồ côi và nghèo đói, phải tự bán mình cho nhà một người ở Phụng Thiên. Sau nhà người ấy phạm tội, Nguyễn Thị phải tịch thu làm nô tì trong cung, vì cớ ấy được vào hầu hoàng thái hậu ở cung Trường Lạc. Lúc Hiến Tông làm thái tử, vào cung chầu hoàng thái hậu, trông thấy Nguyễn Thị, lấy làm bằng lòng, mới lấy làm vợ; ngày mồng năm tháng năm năm Hồng Đức thứ 19 (1488) sinh nhà vua. Sau đó, Nguyễn Thị mất sớm. Nay nhà vua lên ngôi, truy tôn là Chiêu nhân hoằng ý hoàng thái hậu, rước bài vị lên thờ phụ ở nhà thái miếu.

Lời chua- Đông Ngàn, tên huyện, nay thuộc tỉnh Bắn Ninh[1].

Phụng Thiên: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20, 35).

Tháng 3.Làm lễ táng Túc Tông ở Kính Lăng.

Nhà vua sai bọn Đàm Văn Lễ, Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh và Trình Chí Sâm soạn văn bia.

Giết thái hoàng thái hậu ở điện Trường Lạc.

Trước kia, Túc Tông mất, hoạn giả là Nguyễn Nhữ Vi muốn lập nhà vua, nhưng thái hoàng thái hậu lấy cớ rằng, nhà vua, do mẹ người hèn hạ sinh ra, không thể phụng thừa chính thống được, và cố ý đòi lập Lã Côi Vương (?). Nhữ Vi liền khuyên thái hậu đi đón Lã Côi Vương (?), rồi bọn Nhữ Vi đóng cửa thành lại mà lập nhà vua. Thái hậu không bằng lòng. Đến nay, nhà vua bèn sai người thân cận giết thái hậu một cách bí mật, rồi hạ lệnh nghỉ thiết triều 7 ngày.

Tháng 4, mùa hạ. Truy dâng tôn hiệu thái hoàng thái hậu.

Nhà vua truy dâng tôn hiệu bà tổ mẫu Nguyễn Thị là Huy gia tĩnh mục ôn cung nhu thuận thái hoàng thái hậu, lại dựng điện Quang Mĩ ở phường Lệ Viên, huyện Quảng Đức, để thờ tiên tổ thái hoàng thái hậu.

Lời phê- Giấu giếm thế nào được tội ác ? Bọn gian giảo lừa dối người ta thường thường như thế, đáng chê cười!

Lời chua- Quảng Đức: tên huyện, thuộc phủ Phụng Thiên, nay là huyện Vĩnh Thuận[2].

Dựng điện Chân Nguyên ở làng Phù Chẩn.

Nhà vua tôn trọng yêu nuông ngoại thích, dựng điện Chân Nguyên và nhà Bảo Thụy ở làng Phù Chẩn để thờ tiên tổ nhà thái hậu Nguyễn Thị.

Lời chua- Làng Phù Chẩn: nay ở huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh[3].

Làm nhà Tuyên Dự ở Hoa Lăng.

Mẹ đẻ ra nhà vua là thái hậu Nguyễn Thị mất sớm, Kính phi Nguyễn Thị nuôi nhà vua làm con mình. Kịp khi Túc Tông mất, không có con, Kính phi cùng hoạn giả là Nguyễn Nhữ Vi định mưu kế lập nhà vua, nhà vua rất lấy làm ơn. Đến nay làm nhà Tuyên Dự ở Hoa Lăng để thờ tiên tổ Kính phi.

---

[1] Đất huyện Đông Ngàn cũ, nay thuộc vào các huyện: Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Đông Anh, Sóc Sơn, Gia Lâm (Hà Nội).

[2] Đất huyện Quảng Đức cũ, nay là vùng đất phía Bắc nội thành Hà Nội, gồm phần lớn thuộc quận Ba Đình và quận Đống Đa.

[3] Nay thuộc xã Phù Chẩn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Lời chua- Nguyễn Kính Phi: Người xã Hoa Lăng, huyện Thủy Đường[1].

Truất chức Đàm Văn Lễ, thượng thư bộ Lễ và Nguyễn Quang Bật, đô ngự sử, làm thừa chính sứ ở thừa tuyên Quảng Nam[2], rồi giết đi.

Trước kia, lúc Hiến Tông nằm giường bệnh, Kính phi có ý muốn lập nhà vua, nhưng sợ quan đại thần không theo, bèn đem vàng đút lót Đàm Văn Lễ, Văn Lễ không nhận. Kịp khi Hiến Tông bệnh kịch. Văn Lễ cùng Quang Bật nhận tờ di chiếu giúp hoàng thái tử nối ngôi vua. Lúc ấy các vương tranh nhau để được lập làm vua, Văn Lễ sợ việc biến xảy ra trong chốc lát, bèn vào nhà tẩm điện lấy quả ấn truyền quốc đem về nhà mình, rồi cùng các đại thần cùng lập Túc tông. Nhà vua rất lấy làm oán giận. Đến nay, nhà vua dùng mưu mô của Khương Trùng và Nguyễn Nhữ Vi, truất Văn Lễ và Quang Bật đi giữ chức thừa chính sứ đạo Quảng Nam; khi hai người đi đến sông Chân Phúc, nhà vua sai người đuổi kịp, bắt phải tự tử. Bầy tôi trong triều lấy cớ rằng hai người ấy không có tội mà bị chết, nên nhiều người can ngăn; nhà vua đổ lỗi ấy cho Nhữ Vi, rồi lại giết cả Nhữ Vi nữa.

Nhà vua tin dùng những người thân thích bên ngoại, bọn Khương Trùng cậy quyền, ngang ngược, không sợ hãi ai. Lúc ấy, Nguyễn Chí, lấy thân phận là người quê ngoại nhà vua, được cất nhắc làm thiếu doãn phủ Phụng Thiên sau được bổ làm tri phủ Phú Bình. Chí là người mạnh dạn cứng cổ, không chịu khuất phục ai. Nguyễn Trọng thân nhân của Khương Trùng, mang lòng oán Chí, bắt Chí đem đến ngục đình úy, đấm đá cho đến chết.

Lời chua- Quảng Nam: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7-9).

Nguyễn Quang Bật: Người xã Bình Ngô, huyện Gia Định, đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ nhị danh khoa Giáp Thìn (1484) năm Hồng Đức.

Khương Trùng: Người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, một người trong đảng với họ hàng của Nguyễn thái hậu.

Nguyễn Chí: Chí bị Nguyễn Trọng đấm đá chết, vất bỏ ở ngoài thành, con cháu đem xác về để chôn, nhưng rồi lại sống lại, vợ con của Chí phải dùng hài cốt người khác chôn thay và làm lễ để tang 3 năm, làng xóm không ai biết rõ việc ấy. Đến năm Hồng Thuận thứ nhất (1509) đời Tương Dực đế, Chí đến khuyết đình tự tâu bày, lại được trao giữ chức Bí thư giám xá nhân. Sau, Chí làm quan với nhà Mạc.

Sông Chân Phúc: Nay ở huyện Châu Lộc, thuộc tỉnh Nghệ An.

Gia Định: Nay là huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng6. Khởi phục[3] Ngô Hoán làm hiến sát sứ Thanh Hoá.

Hoán, đỗ tiến sĩ đời Hồng Đức, trải thờ Hiến Tông, làm quan Đông các hiệu thư, vì can tội đem việc trong triều nói cho người ngoài biết, nên phải bãi chức và phải sung làm quân ở bản phủ. Năm Cảnh Thống thứ 4 (1501), Hoán lại thi đỗ sinh đồ. Đến nay, lại được triệu ra bổ dụng.

Bính Dần năm thứ 2 (1506). (Minh Võ Tông, năm Chính Đức thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập Trần Thị làm Hoàng hậu.

Hậu, người xã Nhân Mục, tên là Tùng, con gái viên quản lãnh họ Trần (không rõ tên), là cháu ngoại một ông vua triều nhà Trần. Nhà vua nghe nói Trần Thị có sắc đẹp, cho tuyển vào cung, đến nay lập làm hoàng hậu. Sau, người em gái tên là Trúc cũng vào trong cung hầu vua.

---

[1] Nay là thôn Phương Lăng, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

[2] Ở phần này nguyên văn chép: "Vi Quảng Nam thừa tiên sứ", về phần mục ở dưới lại chép: "hành Quảng Nam thừa chính sứ". Chúng tôi nhận thấy thừa tuyên không phải là chức quan. Dưới triều Lê Thánh Tông mỗi thừa tuyên có các chức: đô tổng binh sứ, hiến sát sứ và thừa chính sứ. Vì thế dịch: "Làm thừa chính sứ ở thừa tuyên Quang Nam" cho được rõ nghĩa.

[3] Một danh từ của đời phong kiến dùng để nói về việc viên quan nào trước bị bãi chức, hoặc viên quan nào nghĩ việc về nhà, sau lại ra bổ dụng.

Lời chua - Xã Nhân Mục: Nay thuộc huyện Thanh Trì, Tỉnh Hà Nội[1].

Tháng 2. Tuyển hoàng đinh.

Lời chua - Hoàng đinh: Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Thống thứ 3 (Chb. XXV, 5).

Tháng 12, mùa đông. Thi khảo quân và dân về môn viết chữ và tính toán

Nhà vua sai bọn Nguyễn Quang Mĩ, Binh bộ thượng thư, Nguyễn Tinh, Lại khoa đô cấp sự trung, và Nguyễn Trọng Đạt, giám sát ngự sử, thi khảo quân và dân về môn viết chữ và tính toán ở sân điện Giảng Võ. Người ứng thi hơn ba vạn, lấy bọn Nguyễn Tử Kỳ 1519 người trúng tuyển; trong số này trích lấy những người trội hơn được 144 người, thi khảo lại một lần nữa, lấy 25 người trúng tuyển cho sung vào Hoa Văn học sinh, ngoài ra đều cho sung làm lại dịch các nha môn trong kinh và ngoài các đạo.

Lời chua - Nguyễn Tinh: Người xã Văn Xá, huyện Lang Tài, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Đinh Mão, năm thứ 3 (1507). (Minh, năm Chính Đức thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặt ti Cường Lực.

Theo chế độ cũ, dũng lực võ sĩ ở các ti thuộc hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô đều đặt chức phó quân và đều không câu nệ đội ngũ, chỉ có từ ban thứ nhất đến ban thứ tám, chiếu theo số binh lính nhiều hay ít, để liệu lượng định thứ tự từng ban. Đến nay định lại hiệu quân, bãi bỏ chức phó quân, đổi đặt làm ti Cường Lực.

Lời chua - Các ti trong hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô: Xem năm Hồng Đức thứ 4 đời Lê Thánh Tông (Chb. XXII, 32)[2].

Phó quân: Xem năm Hồng Đức thứ 22 (Chb. XXIV, 13).

Ti Cường Lực: Quân số của ti này không khảo cứu được.

Tháng 3. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh; khi trở về, bèn vào thăm điện Chân Nguyên.

Lời chua - Điện Chân Nguyên: Xem năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb, XXV, 19).

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, nhà Minh sai sứ thần sang nước ta.

Tăng Đạc, Hàn Lâm viện biên tu, và Trương Hoằng Chí, Lại khoa cấp sự trung, sang báo cáo việc Võ Tông [nhà Minh] lên ngôi và ban cho lụa hoa;

Hà Lộ, hành nhân trong ti Hành Nhân, sang dụ bảo việc ban lễ tế Hiến Tông [nhà Lê];

Thẩm Đào, Hàn Lâm viện biên tu, và Hứa Thiên Tích, Công Khoa cấp sự trung, sang sách phong nhà vua làm An nam quốc vương và ban cho mũ áo bì biền[3].

Lúc Thiên Tích trông thấy nhà vua, nhân làm câu thơ rằng: "An nam tứ bách vận vưu trường, thiên ý như hà giáng quỷ vương ? " Ý nói: Vận mệnh An nam bốn trăm năm rất dài lâu, không biết ý trời thế nào mà lại giáng sinh ông vua quỷ sứ ?

Đến đây, nhà vua sai sứ thần sang nhà Minh:

Bọn Dương Trực Nguyên, Hộ bộ tả thị lang, Chu Văn Đông các hiệuu thư, và Đinh Thuận, Hàn Lâm viện kiểm thảo, sang chúc mừng Minh Võ Tông lên ngôi vua;

---

[1] Tức làng Mọc, gồm 6 thôn. Nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội.

[2] Xem thêm chính biên quyển XX, tờ 31, 32.

[3] Mũ áo triều phục của vua chúa đời cổ: Mũ bì biền chế bằng da con hươu trắng. Những chỗ khâu giáp đều dát bằng ngọc; áo bì biền có nhiều thuyết khác nhau, nhưng tóm lại áo và xiêm đều làm bằng tơ màu trắng.

Nguyễn Thuyên, Hồng lô tự Thiếu khanh, sang dâng hương;

Bọn Nguyễn Thụ, Công Bộ hữu thị lang, Doãn Mậu khôi, Hàn Lâm viện kiểm thảo, và Lê Đinh Chi, Hộ khoa cấp sự trung, sang tạ ân việc ban cho tế phẩm;

Bọn Lê Tung, thừa chính sứ Thanh Hóa, Đinh Trinh, Hàn Lâm viện kiểm thảo, và Lê Hiếu Trung, giám sát ngự sử, sang tạ việc sách phong;

Bọn Lê Uyên tham chính Nghệ An, Ngô Tuy, Hàn Lâm viện hiệu lý, và Hoàng Nhạc, giám sát ngự sử, sang dâng lễ cống hàng năm.

Lời chua - Chu Văn: Người xã Đa Sĩ, huyện Đường Hào đỗ tiến sĩ khoa Kỹ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tống.

Đinh Thuận: Người xã An Dương, huyện Tây Lan.

Lê Đỉnh Chi: Người xã Lạc Sơn, huyện Lập Thành.

Ngô Tuy: Người xã Tông Tranh, huyện Đường Yên. Những người kể trên đều đỗ đồng tiến sĩ khoa kỷ Mùi (1499) năm cảnh thống.

Doãn Mậu Khôi: Người xã An Duyên, huyện Thượng Phúc.

Đinh Trinh: Người xã Vị Khê, huyện Thanh Lan. Khôi và Trinh đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống.

Lê Trung Hiếu: Người xã Chi Nê, huyện Chương Đức, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống, làm quan đến Quố Tử giám tư nghiệp. Khoảng năm Quang Thiệu, Trịnh Tuy bắt cóc Lê Chiêu Tông đem vào Thanh Hóa, Trung Hiếu không chịu khuất mà chết[1].

Hoàng Nhạc: Người xã Hoàng Xá, huyện Đông Thành, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống.

Mậu Thìn, năm thứ 4 (1508). (Minh, năm Chính Đức thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Bổ dụng Mạc Đăng Dung làm đô chỉ huy sứ ở ti Đô chỉ huy sứ thuộc vệ Thiên Võ.

Đăng Dung, người xã Cổ Trai, huyện Nghi Dương; ông tổ bảy đời của Đăng Dung là Đĩnh Chi ở làng Đông Cao, huyện Bình Hà, đỗ trạng nguyên triều nhà Trần, làm quan đến tả bộc xạ. Đĩnh Chi sinh con là Dao, Dao sinh con là Túy, Túy sinh con là Tung, dời đến xã Lang Khê, huyện Thanh Hà, Tung sinh con là Bình, lại dời về ở xã Cổ Trai huyện Nghi Dương, Bình sinh con là Hịch, Hịch lấy con gái Đặng Xuân, sinh 3 con trai: con trưởng là Đăng Dung, con thứ 2 là Đốc Tín, con thứ 3 là Quyết. Đăng Dung, lúc bé có sức mạnh, nhà nghèo làm nghề đánh chài. Lúc ấy nhà vua muốn tìm kiếp dũng sĩ, Đăng Dung thi khảo, trúng đô lực sĩ, được sung vào túc trực bảo vệ trong cung cấm. Đến nay nhà vua bổ cho chức này

Lời chua - Vệ Tuyên Võ: Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 4).

Làng Đông Cao, huyện Bình Hà: Nay là xã Long Động, huyện Chí Linh.

Xã Lan Khê huyện Thanh Hà: Nay đều thuộc phủ Nam Sách.

Xã Cổ Trai huyện Nghi Dương: Nay thuộc phủ Kiến Thụy. Đều lệ thuộc tỉnh Hải Dương.

Tháng 10, mùa đông. Bắt đô ngự sử Đỗ Nhân giao xuống ngục hình, ít lâu, Nhân lại được tha.

---

[1] Xem thêm chính biên quyển XXVII, tờ 8.

Trước kia. Nhân gặp tang mẹ nghĩ [việc quan, về nhà riêng] khi đoạn tang, được khởi phục làm hữu thị lang bộ Lễ, sau được thăng làm phó đô ngự sử trong Ngự sử đài. Đến nay, vì nói việc gì đó trái với ý vua, bị bắt giao xuống hình ngục, sau Nhân lại được tha.

Nước Hắc La La xâm lấn cửa ải Chu Quan. Nhà vua sai bọn Lê Quýnh đem quân đi đánh, chia lập giới mốc ở nơi quan ải, rồi dẫn quân về.

Nước Hắc La La xâm lấn vào cửa ải Chu Quan. Nhà vua sai Trần Thúc Mại, đô đốc Bắc quân, làm phó tướng doanh Hữu du kính, Phạm Nhất Ngạc làm ký lục, dẫn quân đi trước; một mặt hạ lệnh cho Mỹ quận công Lê Quýnh làm Chinh man tướng quân, Đan Khê bá Trịnh Hựu làm phó, thống lĩnh các vệ Thần Võ. Hiệu Lực, Điện Tiền và quân trong Ngũ phủ, tất cả 6 vạn người đi đánh. Quân kéo đến cửa ải Chu Quan, chia lập giới mốc; lại hạ lệnh cho bọn Lê Quýnh chỉnh lý đất đai ở Chu Quan thuộc châu Thủy Vĩ xứ Hưng Hóa, sửa sang xếp đặt công việc ở quan ải, rồi dẫn quân về.

Lời cẩn án **: - Sử cũ chép "Nhà vua hạ lệnh cho bọn Lê Quýnh kinh lý Thuận Hóa ". Nay tra chữ "Thuận Hóa " chính là chữ "Hưng Hóa " mà sử cũ chép lầm, nên cải chính lại.**

Lời chua - Hắc La La: Theo sách thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư, thì nước Hắc La La là giống man di ở Vân Nam thuộc tỉnh Vân Nam.

Chu Quan: Theo điển lệ quan chế triều Lê, thì ti Tuần kiểm sứ thuộc Đô tổng binh sứ ti ở Hưng Hóa có cửa Chu Quan, thuộc châu Thủy Vĩ.

Thần Võ, Hiệu Lực và Điện Tiền: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 4 (Chb. XXII, 23).

Quân Ngũ Phủ và doanh du kính: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 7 (Chb. XX, 2-7).

Hứng Hóa: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XX 16, 19).

Châu Thủy Vĩ: Nay thuộc tỉnh Hưng Hóa[1].

Kỷ Tỵ, năm thứ 5 (1509). (Từ tháng 12 trở về sau, thuộc năm Hồng Thuận thứ nhất đời Tương Dực đế. (Minh, năm Chính Đức thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua cày ruộng tịch điền, cái cày bị gãy.

Quả chuông ở điện Kính Thiên tự nhiên rơi xuống.

Cái bồ lao treo hai quả chuông lớn ở điện Kính Thiên thình lình bị đứt đoạn, quả chuông tự rơi xuống.

Lời chua - Điện Kính Thiên: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. XV, 13).

Đặt ti Phi võ lực sĩ.

Theo chế độ cũ, lực sĩ điện Kim Quang 10 ti, mỗi ti lực sĩ 100 người, bác sĩ 2 người thay ban nhau phụng mệnh túc trực ở điện Kim Quang. Đến nay, mới đặt Phi Võ ti lực sĩ 100 người, phụng mệnh túc trực cung Đoan Khang, cũng như thể lệ lực sĩ túc trực điện Kim Quang. Bổ dụng Nguyễn Tông làm đô phi võ lực sĩ nội sứ trong ti Phi Võ, Nguyễn Công Luận làm Phi Võ lực sĩ nội sứ.

Lời chua - Lực sĩ 10 ti túc trực điện Kim Quang: Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 31).

Đặt hai giám ti Ngự tượng và Ngự mã.

[1] Nay thuộc tỉnh Lào Cai.

Tính nhà vua thích dũng lực, nhân đi tế yết giao đàn trờ về, cỡi voi vào cửa Đông Hoa, sai quân các ti và quân các vệ trong Ngũ phủ, quản lãnh voi công dẫn đến trước mặt vua để ứng tuyển, đặt hai giám ti Ngự tượng và Ngự mã; quân sĩ ở ti Ngự tượng đội mũ màu thủy ngân, vẽ hoa kim quỳ, quân sĩ ti Ngự mã đội mũ màu thủy ngân, vẽ hoa hồng quy. Mỗi ngày, sai hai viên giám quân đấu sức với nhau; hai viên cầm gậy đánh nhau từ cửa Thanh Dương đến ngoài cửa Thái Miếu, nhà vua tới xem, lấy làm thích thưởng cho tiền và lụa.

Từ sau khi lên ngôi, nhà vua mỗi đêm cùng cung nhân vui đùa uống rượu quá độ. Khi rượu say, liền giết cung nhân đi. Lúc ấy quyền bính về tay ngoại thích: mặt đông thì ngoại thích ở Hoa Lăng, mặt nam thì ngoại thích ở Nhân Mục, mặt bắc thì ngoại thích ở Phù Chẩn, đều cậy quyền thế ức hiếp trăm quan, mượn mánh khóe để đòi của báu; lại còn giết hại sinh dân, của cải vật dụng ở dân gian cướp lấy đến hết. Muôn dân oán hờn mà nhà vua không biết. Nhà vua lại đem lòng nghi ngờ ghen ghét bầy tôi, người nào ngày trước không phụ họa với mình thì thường thường giết đi; mặt khác, lại bí mật sai người trong cung là Nguyễn Đình Khoa thân hành dò xét các chú và anh em: Kinh vương[1] sợ vạ lây, phải đi trốn tránh, không biết đi đâu; Giản tu công Oánh[2], là chỗ con chú con bác, cũng bị bắt giam vào ngục. Vì thế, ai cũng lo sẽ nguy hiểm đến tính mạng, càng nghĩ đến việc nổi loạn.

Lời chua - Hai giám ti Ngự tượng và Ngự mã: Số quân bao nhiêu, nay không khảo cứu được.

Hoa Lăng và Phù Chẩn: Xem năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb. XXV. 20).

Nhân Mục: Xem năm Đoan Khánh thứ 2 (Chb. XXV. 22).

Giản tu công Oánh: Con thứ 2 Kiến vương Tân, tức Tương Dực đế sau này.

Hạ lệnh cho bọn đô đốc Lê Tử Vân và Vũ Cảnh đi chinh lý xếp đặt công việc ở Quảng Nam.

Trước kia, Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, bắt được Trà Toại và vợ con hắn[3] mang về an trí ở ngoài cửa Bảo Khánh gần 30 năm; Trà Toại mất, đến khoảng niên hiệu Cảnh Thống[4], con Trà Toại là Trà Phúc lấy trộm hài cốt mang trốn về. Đến nay, những người Chiêm Thành làm nô lệ ở điền trang các nhà công thần thế gia cũng bỏ trốn về nước. Gặp lúc ấy, bọn Ma Mạt, người Chiêm Thành đi biển bị trôi giạt, quan quân nước ta bắt được, Ma Mạt cung xưng: "Năm trước Trà Phúc trốn về, sai con là Mạ La sang cầu viện với nhà Minh và đóng nhiều thuyền chứa lương thảo ". Vì cớ ấy, nhà vua hạ lệnh cho bọn Vũ Cảnh đi kinh lý xếp đặt công việc ở Quảng Nam. Nhà vua hạ chiếu bắt người Chiêm Thành nào còn bị giam giữ đem giết hết.

Lời chua - Quảng Nam: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7, 10).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb, III, 20,21).

Tháng 9, mùa thu. Định rõ lại niên hạn tư cách lựa chọn cất nhắc giám sinh và nho sinh.

Dương Đức Giản, Lại khoa đô cấp sự trung, dâng sớ nói: "Năm Hồng Đức thứ 7 (1476) có chiếu chỉ: Phàm Giám sinh ở Quốc Tử giám sung vào tam xá sinh mà tuổi từ 30 trở lên, mới được lựa chọn bổ dụng ". Đến năm Hồng Đức thứ 8 (1477) lại có sắc chỉ: "Nho sinh ở Chiêu văn quán, Tú Lâm cục đã lâu năm, mà có tài cán và thi hội trúng một, hai, ba kỳ, đều được cất nhắc bổ dụng, không câu nệ vào niên hạn ". Và xét giám sinh, nho sinh tuổi chưa đến 30, sung bổ chưa đầy 15 năm, mà chỉ dựa vào việc thi

[1] Tên là Kiện con út thánh Tông, em Hiến Tông và là chú Uy Mục đế.

[2] Con Kiến vương Tân, cháu Thánh Tông.

[3] Xem thêm chính biên quyển XXII, tờ 28.

[4] Niên hiệu Lê Hiến Tông (1498- 1504).

hội trúng một, hai, ba kỳ, thì thường có người cầu may để tiến thân, như thế, phần nhiều có điều không tiện. Xin từ nay, giám sinh, nho sinh tuổi từ 30 trở lên, mới được sung bổ, lại phải sung bổ đủ 15 năm trở lên, mới được lựa chọn cất nhắc

Đến nay, nhà vua hạ lệnh cho bọn Ninh quận công Lê Quảng Độ bàn định lại: giám sinh trong Quốc Tử giám, người nào thi hội nhiều lần trúng được ba kỳ, ở Giám được 15 năm trở lên mà sung vào thượng xá sinh, thì tiến dẫn lựa chọn, sẽ cất nhắc giữ các chức thủ lĩnh, bạn độc, trưởng sử và huấn đạo; còn người nào nhiều lần thi hội trúng ba kỳ, đã ở Giám đũ 15 năm mà chưa được sung vào thượng xá sinh, và người nào một lần thi hội trúng ba kỳ mà ở Giám đã được 18 năm trở lên, thì lựa chọn cất nhắc giữa các chức cáp môn, tự ban và giảng dụ.

"Quan viên tử, quan viên tôn sung vào nho sinh ở Chiêu văn quán, Tú lâm cục, mà thi hội trúng ba kỳ đã ở quán hoặc cục đủ 15 năm trở lên và người trúng một kỳ mà ở quán hoặc cục đã đủ 18 năm trở lên, thì lựa chọn bổ dụng các chức chăn dân[1] hoặc thủ lĩnh; người nào lâu năm mà có tài cán, dầu không trúng ba kỳ thi hội mà ở quán hoặc cục đã đủ 25 năm trở lên, thì lựa chọn cất nhắc giữ chức tá nhị[2] ở châu hoặc huyện.

Thân thuộc dòng dõi của Hoàng hậu và con cháu của bầy tôi có công khai quốc, thì sung vào nho sinh quán Chiêu văn theo như thể lệ cũ ".

Lời chua - Tam xá sinh: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 14 (Chb. XXIII, 39 - 40).

Chiêu văn quán, Tú Lâm cục: Xem năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 6).

Tháng 10, mùa đông. Sao chổi xuất hiện ở phương tây.

Sao chổi xuất hiện 10 ngày mới lặn.

Tháng 11, mùa đông. Có sắc trắng xuất hiện ở phương tây - nam.

Sắc trắng hình như cái kiếm, dài hơn một trượng.

Tôn thất Giản Tu công là Oánh làm phản.

Lúc ấy nhà vua đuổi các người tôn thất và công thần về Thanh Hóa. Uy quyền của bọn ngoại thích là Khương Trùng và Nguyễn Bá Thắng làm nghiêng lệnh cả trong triều đình và ngoài các địa phương, chúng tự tiện làm oai làm phúc; dân gian không có kế gì xoay sở được tay chân, thiên hạ mất hết hi vọng. Nguyễn Văn Lang lấy thân phận là họ thân của Nguyễn Thái hậu cũng bị đuổi. Người đại thần trong họ tôn thất là Nghi quận công Lê Năng Cẩn không được hài lòng, bèn gởi cho Văn Lang bài thơ bảo đem quân giết hết bè đảng bạo nghịch. Văn Lang bèn đem nô bọc người Chiêm Thành là Chế Mạn cùng Vũ Bá, Vũ Tiếp hiệu triệu nhân dân ba phủ thuộc Thanh Hóa hội hợp ở thành Tây Đô, rồi đem quân chấn giữ cửa biển Thần Phù. Gặp lúc ấy, Giản Tu Công tên là Oánh trước bị giam trong ngục, Oánh đem nhiều lễ vật đút lót cho người canh ngục, được thoát ra, trốn về Tây Đô. Khi Oánh đi đến cửa biển Thần Phù, Văn Lang đón rước lập làm minh chủ[3]. Nhân đấy, Oánh đem đại thần là bọn Nguyễn Diễn, Ngô Khế, Nguyễn Bá Cao, Lê Trạm cùng những viên quan ở Thanh Hóa là tổng binh thiêm sự Nguyễn Bá Tuấn, thừa tuyên sứ Lê Tung, tham chính Nguyễn [Thì] Ung cùng nhau khởi binh, sai Lương Đắc Bằng làm tờ hịch dụ bảo đại thần trăm quan, rồi giả xưng là Cẩm Giang vương, kéo lá cờ chiêu an, tiến quân đến sát Đông Kinh.

Lời chua - Nguyễn Văn Lang: Người xã Gia Miêu huyện Tống Sơn, là con Thái úy Nguyễn Đức Trung.

---

[1] Xem chú thích số 1 chính biên quyển XXIV, tờ 40.

[2] Xem chú thích số 2, chính biên quyển XXIV, tờ 16.

[3] Ngày trước, những người cùng một chí hướng với nhau, hội hợp để khởi binh chống lại bọn vua chúa lúc bấy giờ, trước hết, họ lập đàn tế lễ uống máu ăn thề, trong số những người ấy, người nào được mọi người kính mến thì được suy tôn lên làm chủ việc tế lễ thề nguyền gọi là minh chủ.

Nguyễn Bá Tuấn: Người xã Đại Lạc, huyện Vũ Ninh, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông, sau đổi tên là Bá Thuyên.

Nguyễn [Thì] Ung: Người xã Đa Ngưu, huyện Tế Giang, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Cẩm Giang vương: Tên Sùng, con trưởng của Kiến vương Tân. Sùng bị Uy Mục đế giết, lúc Tương Dực đế lên ngôi vua, truy phong là Trang Định đại vương, kịp lúc Chiêu Tông lên ngôi, truy tôn là Minh tông triết hoàng đế.

Lương Đắc Bằng: Người xã Hội Triều, huyện Hoằng Hóa, đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (tức bản nhản) khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Ba phủ thuộc Thanh Hóa: Hà Trung, Thiệu Hóa và Tĩnh Gia.

Cửa biển Thần Phù: Nay ở xã Thần Phù, huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình.

Oánh, tiến quân đến núi Thiên Kiện. Nhà vua sai lũ Lê Võ, Đông nham bá và Dương Trực Nguyên, đô ngự sử, đi đánh. Võ và Nguyên đánh không thắng, bị chết.

Giản Tu công Oánh đem quân thủy, quân bộ các dinh cùng tiến: quân thủy kéo đến núi Thiên Kiện. Nhà vua dùng 2 chiếc thuyền nhỏ Hà Thanh và Hải Thanh đi vội đến Thiên Kiện, bắt được một viên tướng trong hàng ngũ quân thủy và chém được 20 thủ cấp đem về ngoài cửa Đông Hoa. Rồi hạ lệnh cho Đông nham bá Lê Võ sung làm tán lý, Ngự sử đài đô Ngự sử Dương Trực Nguyên sung làm ký lục, cùng bọn hữu thị lang Phạm Thịnh và Trần Năng thống lĩnh quân cấm binh cùng các vệ quân Thần Võ, Hiệu Lực, Điện Tiền đi chống cự, nhưng không đánh thắng được.

Lúc ấy thân thích của Oánh có: mẹ là Trịnh Thị, anh là Cẩm Giang vương Sùng, em là bọn Tĩnh lượng công Doanh và Quyên đều ở Đông Đô, nhà vua hạ lệnh cho giết hết. Sau khi Sùng đã bị giết, Oánh còn đem cờ chiêu an của Cẩm Giang vương chiêu dụ bọn tên Võ đầu hàng. Võ đem đầu của Cẩm Giang vương bảo cho Oánh biết và nói rằng: "Nói dối nhau làm gì ? " Bọn Võ tiến đánh, bị chết trận. Bọn Dương Trực Nguyên, Phạm Thịnh và Trần Năng cũng bị chết ở Châu Cầu.

Lời chua - Núi Thiên Kiện: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb. X, 17).

Cửa Đông Hoa: Ở cửa Đông thành Thăng Long.

Châu Cầu: Nay là xã Châu Cầu, thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nội[1].

Trần Năng: Người xã Quan San, huyện Thanh Lâm, đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (tức thám hoa) khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Mẹ của Oánh: Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, thì mẹ của Oánh là Đặng Thị, người xã Thủy Chú, huyện Lôi Dương, con gái của đô đốc thiêm sự Trịnh Trọng Phong. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) được tuyển làm vợ Kiến vương Tân, sinh ra Tương Dực đế. Kịp lúc Tương Dực đế khởi binh. Trịnh Thị bị Uy Mục đế giết; sau Tương Dực đế lên ngôi, truy tôn là Từ Huy hoàng thái hậu.

Doanh và Quyên: Đều là con Kiến vương Tân và là em Tương Dực đế, đều bị Uy Mục đế giết.

Tháng 12, Giản Tu công Oánh giết nhà vua và hoàng hậu Trần Thị, tự lập làm vua.

Quân của Oánh tiến đến làng Bảo Đà và phường Hồng Mai. Nhà vua ra cửa Thanh Dương yên ủy tướng sĩ, lấy kiếm trao cho bọn Trịnh Chí Sâm và Lê Quảng Độ. Một mặt đem vàng bạc tiền lụa trong kho ban cho người phạm tội bị giam mỗi người ba quan và buông tha ra bắt phải đi đánh giặc. Các phạm nhân lạy tạ nhận xong thì họ đều về nhà. Một mặt khác hạ lệnh cho Trung sứ và Hoa văn học sinh đem

[1] Nay thuộc thị xã Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

sắc văn và phù hiệu đến các xứ Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang và An Bang đều động lấy mỗi xứ 5000 lính bản thổ đem vào bảo vệ kinh thành. Bọn Trung sứ và Hoa văn học sinh chưa đi đến Bồ Đề, thì quân của Oánh đã tiến đến sát kinh thành, dân chúng đều bỏ trốn; hoàng hậu Trần Thị chạy ẩn núp ở nhà một người dân Hồng Mai, tự thắt cổ chết.

Lê Quảng Độ cùng Oánh, người trong thành, người ngoài thành, ứng tiếp lẫn nhau, bắn pháo để báo hiệu. Quân sĩ thì hoặc lấy ngọn tre hoặc đẵn cây đánh lẫn nhau để cho các quân sĩ sợ hãi. Nhân đấy, Quảng Độ bắt cóc nhà vua chạy sang mặt bắc.

Khi Oánh vào Đông Kinh, nghe tin mẹ cùng em là bọn Doanh và Quyên, anh là Sùng đều bị giết, sai quan làm lễ táng, tế.

Nhà vua chạy đến phường Nhật Chiêu, vệ sĩ đuổi theo bắt được, đem trói ở cửa Lệ Cảnh. Oánh cho tên vệ sĩ ấy là người bất nghĩa, sai đem chém đi. Nhà vua uống thuốc độc tự tử. Oánh căm giận về việc nhà vua giết mẹ cùng anh em của mình, bèn sai người dùng cổ đại bác đem thây đặt ở hỏa khẩu, khi súng nổ, hài cốt bị tan tành, chỉ lấy tro tàn đem về táng ở An Lăng tại làng Phù Chẩn là nơi quê mẹ mà thôi. Oánh giáng tước nhà vua làm Mẫu Lệ Công, rồi lên ngôi hoàng đế, ân xá cho trong nước, đổi niên hiệu là Hồng Thuận.

Lời chua - Xã Bảo Đà: Nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Nội[1].

Phường Hồng Mai: Nay đổi Bạch Mai thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội[2].

Hoa văn học sinh: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 25[3] (Chb. XXIV, 16, 17).

Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, An Bang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 29, 30, 31).

Bồ Đề: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb, XIV, 4).

Phường Nhật Chiêu: Ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Hà Nội[4].

Phù Chẩn: Xem năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb. XXV, 19).

Truy tôn: cha là Kiến vương Tân làm Kiến hoàng đế, mẹ là Trịnh Thị làm hoàng thái hậu; tặng tước vương cho 3 người: anh và em.

Truy dâng: tôn thụy.

Kiến vương là Phối thiên dụ thánh ôn lương quang minh văn triết khoan hoằng chương tín tuy hưu mục hiếu Kiến hoàng đế, tôn hiệu Trịnh Thị là Huy Từ trang huệ gia lượng nhu thánh hòa mục tín khiêm minh chính ý thuần phúc khánh hoàng thái hậu; tặng phong: anh trưởng là Cẩm Giang Vương Sùng làm Trang Định đại vương, em thứ là Tĩnh Lượng công Doanh làm Mục ý vương, và em út là Quyên làm Dực Cung vương.

---

[1] Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[2] Xem chú thích số 6 chính biên quyển XXIII, tờ 43.

[3] Cương mục chép lầm là năm thứ 8.

[4] Nay là xã Nhật Tân, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 26

Từ Canh Ngọ, Lê Tương Dực đế, Năm Hồng Thuận thứ 2 (1510) đến Kỷ Mão, Lê Chiêu Tông, Năm Quang Thiệu thứ 4 (1519) gồm 10 năm.

Canh Ngọ, Tương Dực đế, Năm Hồng Thuận thứ 2 (1510). (Minh, năm Chính Đức thứ 5).

Tháng Giêng, mùa xuân. Phong quan tước cho bọn Nguyễn Văn Lang cấp bậc cao thấp khác nhau.

Nhà vua đã lên ngôi, bàn luận công trạng, những người bình định họa loạn, phong cho Nguyễn Văn Lang làm Nghĩa quốc công.

- Lê Quảng Độ làm Thiệu quốc công.
- Lê Phụ làm Lượng quốc công.
- Lê Bá Lân làm Uy quốc công.
- Trịnh Duy Đại làm Lại quận công[1].
- Trịnh Hựu làm Thọ quận công.
- Lê Mậu Chiêu làm Diên quận công.
- Nguyễn Hoằng Dụ làm An Hòa hầu.
- Trịnh Duy Sản làm Mỹ Huệ hầu.
- Nguyễn Bá Tuấn làm Lễ bộ thượng thư, Do Lễ bá.
- Lê Tung làm Lại bộ thượng thư, Đôn thư bá.
- Nguyễn [Thì] Ung làm Đô ngự sử ở Ngự sử đài, Lương Văn bá.
- Đàm Thận Huy làm Hình bộ thượng thư, Lâm Xuyên bá.
- Lương Đắc Bằng làm tả thị lang bộ Lại

Lại hạ chiếu cho các huyện Yên Ninh, Yên Mô, Phụng Hóa và Gia Viễn thuộc trấn Sơn Nam, phàm người nào có quân công trong khi theo hầu xa giá ở xã Tiêu Viên và Bảo Đà đều được ban thưởng tùy theo công trạng khác nhau.

Lời chua- Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17- 18, 25-28).

Phụng Hóa: Tên huyện, thuộc phủ Thiên Quan, tỉnh Ninh Bình.

Gia Viễn: Tên huyện, thuộc phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bảo Đà: Tên xã. Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb. XXV, 36).

Yên Ninh: Nay thuộc huyện Yên Khánh.

[1] Việt sử thực lục chép Văn quận công.

Yên Mô: Nay là huyện Yên Mô. Cả hai đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

Tiêu Viên: Tên xã, thuộc huyện Hoài An, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Nội[1].

Trịnh Hựu: người xã Kim Bôi huyện Vĩnh Lộc.

Trịnh Duy Đại: Người xã Thủy Chú, huyện Lôi Dương.

Trịnh Duy Sản: Em Duy Đại.

Nguyễn Hoằng Dụ: Con Nguyễn Văn Lang.

Nguyễn Bá Tuấn: Người xã Đại Lạc, huyện Vũ Ninh, Bá Tuấn, sau đổi tên là Bá Thuyên, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Lê Tung: Người xã Yên Cừ, huyện Thanh Liêm, nguyên họ Dương, tên là Bang Bản, sau được ban cho họ của vua, đổi tên là Tung, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Đàm Thận Huy: Người xã Ông Mặc, huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức..

Bắt đâu đặt chức đề lãnh ở 4 cửa thành.

Đặt chức chưởng đề lãnh, đồng đề lãnh và phó đề lãnh, đều dùng chức quan trong hàng võ hàm tòng nhất, nhị phẩm để quản lãnh việc quân ở 4 cửa thành: Phàm những việc tuần phòng nã bắt kẻ gian, tra hỏi kiện tụng và các việc ngăn cấm hỏa tai, việc cầu cống đường sá đều do viên đề lãnh chịu trách nhiệm.

Tháng 2. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Nhà vua sai bọn Đàm Thận Huy, Hình bộ thượng thư, Nguyễn Văn Thái, Đông các hiệu thư, và Lê Thừa Hưu, Binh khoa cấp sự trung, sang nhà Minh xin phong tước.

Lời chua - Nguyễn Văn Thái: Người xã Tiền Liệt, huyện Vĩnh Lại, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Lê Thừa Hưu: Người xã Đông Ninh, huyện Hưng Nhân, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống.

Tháng 4, mùa hạ. Bọn hoạn giả Nguyễn Khắc Hài nổi loạn, bị giết chết.

Nhà vua mới lên ngôi, lòng người chưa ổn định. nguyễn Khắc Hài, thái giám trong cung, ngầm có chí bạn nghịch. Một đêm, vào trống canh hai, nhà vua ra chơi cung Trùng Hoa, rồi lại đi chơi các điện Vạn Thọ, Kính Thiên và Cẩn Đức cùng bầy tôi theo hầu làm thơ xướng họa. Sau, Nguyễn Lĩnh, bầy tôi trong điện, lại rước nhà vua đến chơi ao sen. Lúc ấy bọn Khắc Hài ở trong cung lẻn ra, rước Hoa Khê vương tên là Tùng lập làm vua giả. Nhà vua được tin có biến động, bèn hạ lệnh cho bọn Thọ quận công Trịnh Hựu đem quân đánh dẹp, đuổi đến phường Đông Hà giết được Khắc Hài và quá nửa đồ đảng của hắn. những đồ đảng còn sót lại sang qua sông chạy lên núi Tam Đảo. Trịnh Hựu sai tì tướng đuổi đánh, giết hết bọn này.

Lời chua - Vạn Thọ và Kính Thiên: Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb, XV, 14).

Cẩn Đức: Xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chb, XIX, 33).

Núi Tam Đảo: Xem Lê Nhân Tông năm Thái Hòa thứ 7 (Chb, XVIII, 18).

Đông Hà: Tên phường, thuộc huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[2].

---

[1] Nay thuộc huyện Ứng Hòa tỉnh Hà Tây.

[2] Nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại xá.

Đặt vệ quân Thiên Võ và Thánh Oai.

Đặt hai vệ Thiên Võ và Thánh Oai, ban thứ ở trên vệ Cẩm Y và Kim Ngô. Đổi hiệu lệnh lực sĩ làm thể sát lực sĩ; các vệ quân này đều túc trực ở điện Kim Quang.

Đặt lại tu Thường Xuyên xá nhân. Hồi đầu năm Quang Thuận (1460- 1469) đặt ti Thường Xuyên xá nhân; Khoảng năm Cảnh Thống (1498- 1504) bãi bỏ; đến nay đặt lại ti này.

Lời chua - Vệ Thiên Võ: Có 8 ti sở thuộc là lực sĩ các ti., Thân tả, Khâm Võ, Hải giá, Khu điện, Thần Nhuệ, Phụng Nhật, Minh Oai và Hùng Tài.

Vệ Thánh Oai: Có 8 ti sở thuộc là lực sĩ các ti: Quyền Hựu, Bảo Oai, Thừa Hà, Chiết Điện, Hiệu Dũng, Quang Đao, Sắc Thiên, và Chính Lực. Chia ra tả và hữu túc trực điện Kim Quang.

Cẩm Y, Kim Ngô, Hiệu Lệnh lực sĩ và Thường Xuyên xá nhân: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb, XX, 31, 33).

Ai Lao xin phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua từ chối không nhận.

Cục Mông, người Ai Lao, sai sứ thần đến Nghệ An dâng thư xin nộp giấy cam kết để được phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua mới lên ngôi, e rằng họ có ỳ dòm ngó nước ta, nên hạ chiếu chỉ từ chối.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ hai (Tb. IV, 9, 10).

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 16, 21, 23).

Tháng 8, mùa thu. Sao Thái Bạch đi ngang trời.

Tháng 10, mùa đông. Khởi phục[1] Lương Đắc Bằng kiêm chức Đông các học sĩ vào chầu Kinh Diên[2]. Đắc Bằng từ chối không phụng mệnh.

Trước kia, Đắc Bằng giữ chức Lại bộ tả thị lang, vì có tang xin cáo quan về. Đến nay cho khởi phục. Đắc Bằng lấy cớ chưa đoạn tang, cố ý từ chối; nhân dâng 14 kế hoạch về việc trị bình. Đại lược nói: "Tôi nghe các vua thánh đời xưa không vì thiên hạ đã thái bình mà xao nhãng lòng răn sợ; bầy tôi hiền đời xưa không vì cớ vua mình đã là bậc thánh triết mà quên nhãng lòng khuyên can. Vì thế, nên đời Ngu Thuấn đã là thời đại thịnh trị yên vui, mà Bá Ích trình bày lời khuyên can thì nói: "Chớ ưa thích nhàn rỗi, chớ đắm đuối vui chơi, trong bụng chớ lúc nào trễ biếng công việc, chớ việc gì để bê trệ "[3]. Lời nói của Bá Ích tỏ ý lo lắng như việc nguy vong sắp xảy đến nơi. Đế Thuấn thu nhận lời nói nầy mà ngăn ngừa những việc đáng ngăn ngừa; do đấy mà Đế Thuấn thành một bậc đại thánh. Đời Hán Văn Đế, nhân dân đã giàu có lại đông đúc, mà Giả Nghị dâng bài sách, quả quyết nói: "Tình thế hiện nay không khác gì đốt lửa ở dưới đống củi (mà người nằm lên trên), thật đáng sa nước mắt, thật đáng đau lòng[4]. Lời nói của Giả Nghị sợ hãi như họa loạn đã nảy mầm ra. Văn Đế thu nhận lời nói ấy, mà lo lắng những việc đáng lo lắng; do đấy mà Văn Đế thành một ông vua hiền.

"Bởi vì, người bầy tôi dâng lời nói, nếu không ân cần, không thống thiết, thì không sao giúp được trí sáng suốt của ông vua thu dùng lời nói của mình, người làm vua nghe lời khuyên, nếu không vui nhận, không ôn hòa thì không sao mở được con đường dâng lời can ngăn của bầy tôi trung trực.

---

[1] Xem chú thích số 2, chính biên quyển XXV, tờ 21.

[2] Nơi vua chúa đọc sách.

[3] Nguyên Văn: "Võng du du vật, võng dâm vu lạc, vô đại vô hoang: (Thiên "Đại vũ mô" sách Thượng thư quyển 2, tờ 4).

[4] Nguyên văn: "Thổ hỏa tích tân, khả vị lưu thể, khả vị thống khóc ".

Nay bệ hạ là bậc đức nhân rộng rãi, độ lượng cao cả, không ưa việc giết hại người, cho nên khôi phục được sự nghiệp đức Cao Tổ[1] cứu sống được tính mạng muôn dân. Nhân dân trong nước, như đương bị treo ngược mà có người cởi dây cho mình, không ai là không vươn vổ lên kiễng chân lên, ngửa mặt để trông mong thành hiệu của chính thể mới, múa hát thịnh trị trong thời thái bình.

Nhưng, từ khi bệ hạ lên ngôi tới nay, khí hậu chưa được hòa thuận, can qua chưa được dẹp yên, kỷ cương trong triều chưa chấn chỉnh, chính lệnh về quân ngũ chưa sửa sang. Cứ xem ít lâu nay tai biến thường xảy ra, đá ở núi bị sụt lở, tôi e rằng như thế là khí hậu trời đất chưa được điều hòa; kẻ gian tà vụng trộm phát sinh, bọn phản nghịch ngấm ngầm trỗi dậy, tôi e rằng như thế thì dân sự chưa được an ninh. Thế mà bầy tôi trong triều biết mà không nói, họ tự cho kế của họ là hay lắm, nhưng đối với quốc kế thì sao ?

Là một bầy tôi cố cựu, tôi tự xét lấy làm hổ thẹn, vì đạo nghĩa người bầy tôi là phải cùng nước chung sự vui buồn. Nay dầu tôi đương ở trong lúc xô gai, tang ba năm chưa đoạn, mà bệ hạ vì nghĩa công, bỏ tình riêng, đặt tôi vào hàng quan hầu chực bên cạnh. Ý bệ hạ là muốn cho tôi có những bàn luận, những mưu mô, để bổ ích cho thiên hạ, giúp rập đời thái bình. Nếu tôi không nói, chỉ trơ trơ theo đuôi người khác, thấy người ta tiến cũng tiến, lui cũng lui, cẩu thả để dung thân, ăn phí hoài bổng lộc, thì tôi sẽ thiếu sót cả trung lẫn hiếu, còn lấy gì để báo đáp ơn huệ của bệ hạ mà hết chức phận người làm tôi được nửa ? Mỗi lần tôi nghĩ đến công việc trong lúc này, thì suốt đêm không ngủ, đến bửa không ăn, tấm lòng kẻ hèn hạ báo đáp ơn vua không thể nào nguôi đi được.

Tôi xin có 14 chính sách về việc trị bình, xin kính cẩn tâu bày dâng nộp:

- Hết lòng răn sợ, để dập tắt biến cố tai dị.
- Dốc làm điều hiếu thảo, để khuyến miễn lòng trung hậu.
- Xa bỏ hát hay sắc đẹp, để giữ vững căn bản lòng người.
- Trừ bỏ kẻ gian nịnh, để nguồn gốc phong hóa được trong sạch.
- Dè dặt ban quan tước, để kính cẩn về phép tắt khuyên răn.
- Lựa chọn bổ dụng công bằng, để con đường làm quan được trong sạch.
- Dùng tiền tài có tiết độ, để khuyến miễn phong tục sẻn nhặt, mộc mạc.
- Khen thưởng người tiết nghĩa, để trọng đạo cương thường.
- Cấm ăn của đút, để trừ bỏ thói tham ô.
- Sửa sang vũ bị, để vững vàng hình thế thành hào.
- Lựa chọn người can ngăn ở Ngự sử đài, để cổ vỗ chí khí người mạnh dạn dâng lời nói thẳng.
- Giảm nhẹ việc lực dịch, để hài lòng mong nuốn của dân.
- Hiệu lệnh đúng đắn, để thống nhất ý chí bốn phương.
- Cẩn thận phép tắc, để mở thịnh trị đời thái bình

"Bấy nhiêu chính sách tôi dâng tâu, dám mong bệ hạ soi xét.

Tôi lại nghe: cổ ngữ nói: "Sô nghiêu chi ngôn, thánh nhân trạch yên ", nghĩa là dầu lời nói của người tầm thường như người hái rau hái củi, nhưng người thánh trí cũng chọn lọc mà dùng; kinh Thư nói: "Tri chi phi gian, hành chi duy gian ", nghĩa là biết được điều phải không khó, thực hành được điều phải mới là khó. Xin bệ hạ chớ cho lời nói của tôi là viễn vông, mà lựa chọn thi hành, răn những điều nên răn, lo những điều nên lo, như thế thì may ra có thể thuận hòa được trời đất, có thể yên vui được lòng người và có thể tiến lên đời thái bình được ".

---

[1] Chỉ Lê Thái Tổ.

Nhà vua nhận lời.

Gia phong Lê Quảng Độ chức Bình chương quân quốc trọng sự, thái tể thái sư, giữ tất cả chính quyền trong nước.

Hồi đầu triều Lê, theo chế độ cũ nhà Trần, đặt chức tướng quốc, gia phong bình chương quân quốc trọng sự. Khoảng năm Hồng Đức (1470 - 1497) thánh Tông định lại tên quan, bãi bỏ chức ấy; đến nay lại đặt và gia phong thái tể thái sư.

lời cẩn án: - Theo mục "Chức quan chí " trong lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì chức tể tướng: về hồi triều nhà Đinh xếp đặt như thế nào không thể khảo cứu rõ được. Đến Lê Đại Hành mới đặt chức tổng quản giữ mọi công việc trong nước, có lẽ đây là chức tể tướng lúc bấy giờ. Triều Lý, Thái Tổ gọi là tướng công; Thái tông mới đặt chức phụ quốc thái úy nắm chính quyền trong nước, tức là tể tướng; Nhân Tông gia phong phẩm trật của tể tướng là bình chương quân quốc trọng sự, thì chức trách và danh phận càng thêm long trọng.

Triều nhà Trần, Thái Tông đổi làm tả hữu tướng quốc kiêm thụ kiểm hiệu đặc tiến khai phủ nghi đồng tam ti bình chương sự; từ năm Kiến Trung (1225 - 1231) trở đi, đều dùng thân vương trong họ tôn thất giữ chức này và gia phong quốc công; còn những người hiền tài ở họ khác, họ xa, dầu được cất nhắc vào địa vị giữ chính quyền cũng chưa từng bao giờ được dự vào hàng bình chương cả. Như thế là có ý chú trọng về việc thân yêu người thân thích của mình; sau đó, họ ngoại chuyên quyền, đi dần đến chỗ thay đổi ngôi vua[1].

Lê Thái Tổ lúc đầu cũng đặt chức bình chương, sau khi bình định cả nước mới đặt chức tướng quốc và gia phong phẩm trật là kiểm hiệu bình chương quân quốc trọng sự, chức trách và danh phận cũng theo như triều nhà Trần; Lê Thánh Tông định tên quan, mới bỏ chức bình chương tướng quốc, không xếp đặt thành tên quan nữa. Đến nay đặt lại chức bình chương phụ tướng, lại có danh xưng là thái tể thái sư. So với trước kia thì chức trách và danh phận của quan bình chương có phần thêm long trọng; nhưng do đấy mà kẻ cường thần chuyên giữ mệnh lệnh trong nước[2], con đường suy loạn bắt đầu từ đây.

Dựng điện Thiên Quang.

Tân Mùi, năm thứ 3 (1512). (Minh, năm Chính Đức thứ 6).

Ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Nhà vua hạ lệnh cho Thụy quận công Ngô Bính và Kim nguyên bá Trịnh Bá Quát ở lại Kinh thành, trấn giữ Đông Kinh. Lúc ấy có Thân Duy Nhạc, trước giữ chức đoán sự trong vệ Cẩm Y, cùng bọn Ngô Văn Tổng dấy quân làm loạn ở các huyện Yên Phú, Đông Ngàn, và Gia Lâm thuộc Kinh Bắc, bọn Ngô Bính và Trịnh Bá Quát sai quân đi đánh, bắt được bọn Duy Nhạc, đóng củi giải đến chỗ hành tại, giết chết.

Lời chua - Tây Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Kinh Bắc: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 18, 28).

Đông Ngàn: Tức Cổ Pháp, xem Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. VII, 6).

Gia Lâm: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Yên Phú: Huyện Yên Phong xưa, thuộc phủ Bắc Giang, khoảng niên hiệu Hồng Đức đổi làm Yên Phú, thuộc phủ Từ Sơn, đến đời Lê Chiêu Tông sau đây khoảng niên hiệu Quang Thiệu (1516 - 1522) lại đổi làm Yên Phong.

---

[1] Chỉ Hồ Quý Ly.

[2] Chỉ Mạc Đăng Dung.

Thân Duy Nhạc: Người xã Đại Liễn, huyện Vũ Ninh, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) năm Đoan Khánh đời Uy Mục đế.

Trong tháng ấy (tháng 2), nhà vua trở về cung.

Nhà vua về đến bến Thúy Ái, lúc ấy gió nổi lên mạnh quá, thuyền nhà vua bị tròng trành.

Tháng 4, mùa hạ. Sách Đại Việt thông giám đã biên soạn xong.

Trước đây, Vũ Quỳnh, Binh cộ thượng thư, Quốc Tủ giám tư nghiệp kiêm sự quan đô tổng tài, phụng chiếu biên tập sách Đại Việt thông giám, chép từ Hồng Bàng thị đến mười hai sứ quân làm Ngoại kỷ, từ Đinh Tiên Hoàng đến năm thứ nhất Lê Thái Tổ bình định được cả nước làm Bảnkỷ, trình bày rõ ràng theo sự biên niên các triều đại, gồm 26 quyển. Đến nay, biên tập xong, dâng nộp. Sau nhà vua hạ lệnh cho Lê Tung làm bài "Tổng luận ".

Lời chua - Vũ Quỳnh: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn[1] năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Phong Mạc Đăng Dung tước Vũ Xuyên bá.

Lúc ấy, người giữ việc xem xét khí tượng phần nhiều nói là ở phương đông có khí sắc thiên tử. Nhà vua sai nguyễn Văn Lang đi Đồ Sơn để trấn yểm. Đăng Dung cũng dự vào cuộc đi này mà chung quy không ai nhận biết cả.

Lời chua - Đồ Sơn: Tên xã, thuộc huyện Nghi Dương, phủ Kiến Thụy, tỉnh Hải Dương.

Ban phát Trị Bình bảo phạm (khuôn phép quý báu về việc trị bình) cho trong nước.

Sưu tầm điền lệ đời trước, trích lấy những điều gì có quan hệ đến chính trị, phong tục biên tập làm Trị bình bảo phạm:

- Người bầy tôi thờ vua nên giữ lòng trung thành lương thiện, không nên a dua để mong được vua dung nạp, cầu may tiến lên chức vị, ăn hại bổng lộc triều đình.

- Người trong hoàng tông và bầy tôi có công nên dạo bảo con cháu hiểu biết lễ phép, không nên cậy thế kiêu ngạo, lấn áp ngược đãi với dân thường, hoặc đón đường chặn lối, ăn cướp tài sản của dân.

- Các nha môn trong kinh và ngoài các đạo nên giữ mình đứng đắn để dẫn đầu cho liêu thuộc, kính cẩn chăm chỉ chức phận, không nên theo ý muốn của mình, buông thả tình riêng mà trễ bỏ việc công.

- Bộ Lại nên kính cẩn giữ lẽ công bằng, phải cân nhắc từng người trong khi bổ dụng, phải cẩn thận dè dặt trong việc cấp phát danh vị hoặc đồ dùng[2] để cho con đường làm quan được trong sạch.

- Giám sinh, nho sinh, và sinh đồ[3] phải noi theo khuôn phép nhà trường, luyện tập học hành, mong trở thành người tài giỏi, để bổ ích cho công việc trong nước.

- Các quan đề điệu, giám thí và giám khảo[4] nên thể theo ơn đức chí ý của triều đình, giữ lòng công bằng, cốt sao lấy được người có tài thực học, để nhà nước dùng.

Trị bình bảo phạm gồm 50 điều, ban hành trong cả nước.

---

[1] Vũ Quỳnh đỗ tiến sĩ năm Mậu Tuất (1478) Hồng Đức thứ 9. Cương mục chép lầm là Mậu Thìn.

[2] Tiêu chuẩn các viên quan được dùng xe, kiệu, võng lọng v.v...

[3] Xem lời chua Cương mục, quyển XIX, tờ 21, 22.

[4] Các viên chánh phó chủ khảo và các viên được cử đi chấm tuyển học trò trong các khoa thi. Xem thêm lời chua ở Cương mục quyển XXXIV tờ 8.

Tháng 5. Gia phong Lê Phụ chức tả bình chương quân quốc trọng sự, nhập nội kiểm hiệu thượng tướng[1]; Nguyễn Văn Lang chức khai phủ nghi đồng tam ti bình chương quân quốc trọng sự thừa tướng thượng tể[2].

Tháng 11, mùa đông. Trần Tuân ở Sơn Tây nổi loạn, nhà vua sai Trịnh Duy Sản đi đánh, giết được Trần Tuân.

Tuân, người xã Quang Bị, huyện Bất Bạt, là cháu Trần Cẩn, một viên Thượng thư đã mất, Tuân là người hung hãn chiếm cứ các động ở ven núi vùng Hưng Hóa, tụ tập quân vô lại[3] kể hàng vạn người, tung ra cướp bóc các nơi. Lúc ấy quân của Tuân di chuyển về mặt Sơn Tây, nhân dân ở kinh thành náo động, tranh nhau bồng con bế cái chạy đi nơi khác lánh loạn. Nhà vua sai Mỹ Huệ hầu Trịnh Duy Sản đem quân tiến đánh, bị thua, Duy Sản rút quân về giữ ở xã Đông Ngạc và phường Nhật Chiêu. Quân của Tuân nhân khí thế đương mạnh, muốn tiến sát vào kinh thành. Nguyễn Văn Lang sai quân thân tín ở 6 Vệ Điện Tiền chuẩn bị thuyền của vua, muốn rước vua lánh vào Thanh Hoa; một mặt điều động những người làm thợ tại các sở, bày hàng trận ở Đông Hà, để tỏ cho bên địch biết có quân phòng bị giữ kinh thành. Đến đêm, toán quân này tự nhiên sợ hãi tan vỡ.

Duy Sản thu thập toán quân tan vỡ lại còn được hơn 30 người, họ xé áo làm dấu hiệu, thề đánh nhau với giặc. Hôm ấy, trời đã gần tối, quân của Duy Sản chợt kéo đến trại lũy Trần Tuân. Tuân, mình mặc áo bào đỏ, ngồi trên giường. Duy Sản xông thẳng vào đâm chết. Quân trong trại bèn tan vỡ. Các toán quân nơi khác không biết là Tuân đã chết, cứ tụ hợp như cũ. Nhà vua được tin báo, bèn sai Nguyễn Văn Lang đốc thúc tướng sĩ các dinh hội hợp với toán quân của Duy Sản, nổi trống hò reo tiến đánh, phá tan được bọn này, đuổi đến địa phận xã Thụy Hương và Quả Động, chém giết không biết bao nhiêu mà kể.

Lời chua - Sơn Tây, Hưng Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 18, 19, 27, 30).

Bất Bạt: Tên huyện, thuộc phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

Đông Ngạc[4] Thụy Hương[5] Quả Động[6]: Đều tên xã, nay thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội.

Nhật Chiêu: Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb. XXV, 37).

Phong Trịnh Duy Sản tước Nguyên quận công.

Nhà vua xét công những người đánh được Trần Tuân, tiến phong Trịnh Duy Sản tước Nguyên quận công; những binh sĩ nào theo Duy Sản đánh giặc chém giết được nhiều người, đều giao cho chức đô chỉ huy đồng tri. Việc xét quân công, cứ người nào cắt được nhiều tai giặc thì trao cho chức trọng, bắt đầu từ đây.

Trước kia, quân của Trần Tuân tiến sát đến kinh thành, dân chúng phần nhiều bồng con bế cái chạy lánh nơi khác, duy có đại học sĩ là bọn Đỗ Nhạc 11 người vẫn ứng trực ở triều đường, nay nhà vua hạ sắc lệnh cho được dự vào việc nghị thưởng để biểu dương họ.

Lời chua - Đô chỉ huy đồng tri: Theo điển lệ quan chức triều Lê, thì đô chỉ huy đồng tri phẩm trật tòng tam phẩm về hàng quan võ.

Định thể lệ thuế vàng và bạc.

---

[1] Như tể tướng đứng đầu triều.

[2] Cũng như tể tướng đứng đầu triều.

[3] Người bơ vơ không nương nhờ vào đâu được, không có kế gì sinh sống.

[4] Tục gọi là làng Vẽ. Nay là xã Đông Ngạc

[5] Tục gọi làng Chèm. Nay thuộc xã Thụy Phương.

[6] Nay thuộc xã Xuân Đỉnh. Cả 3 xã đều thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Theo thể lệ cũ, đồng niên trong nước, thuế vàng: vàng mười hạng tốt (thập thành sắc Kiêm kim) 460 lạng; vàng nộp để thay thế voi công[1] 20 lạng, vàng 10 hạng thường (thập thành sắc kim) 2863 lạng; thuế bạc 4930 lạng. Đến nay định thể lệ; vàng mười hạng tốt 449 lạng 5 phân 4 hào 6 ly; vàng mười hạng thường 2901 lạng 6 đồng 9 phân 5 ly 1 ti; bạc mười (thập thành hoa ngân) 6125 lạng 9 đồng 8 phân 8 hào 4 ly.

Lời phê - Lúc ấy đất đai chưa mở rộng, làm gì có số vàng nhiều như thế ? chưa chắc đã đúng sự thật.

Lời chua - Kiêm kim: Thứ vàng tốt, giá vàng này cao gấp đôi giá vàng thường.

Nhâm Thân, năm thứ 4 (1512). (Minh, năm Chính Đức thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho bọn Đỗ Nhạc tuần hành địa phương Sơn Tây và Hưng Hóa đánh bọn Nguyễn Nghiêm, dư đảng của Trần Tuân, hết thẩy đều bình định được.

Tháng 3. Truy lục dụng con cháu những bầy tôi có công khai quốc.

Tờ chiếu nói: Con cháu những bầy tôi có công khai quốc, người nào càn chìm đắm trong hàng quân ngũ thì được phép đem cáo mệnh hoặc sắc văn của ông cha đệ trình để xét thực. Nếu xét thấy là người biết chữ sẽ cho sung vào học sinh quán Chiêu văn; người không biết chữ cho sung vào tuấn sĩ vệ Cẩm Y.

Người thân thích trong hoàng tộc, nhà vua còn phải để tang ti ma[2], nếu người nào chưa được thừa ấm, sẽ chiếu theo thể lệ sung vào tuấn sĩ vệ Cẩm Y, hoặc người nào trước đã sung vào các vệ, nay đều gọi về cho sung vào tuấn sĩ để tỏ lòng ưu đãi quyến chú.

Lời chua - Học sinh, tuấn sĩ: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 5).

Bọn Lê Hi, Trịnh Hưng và Lê Minh Triệt ở Nghệ An nổi loạn. Nhà vua sai tướng đi đánh, giết được bọn này.

Bọn Hi và Hưng dấy quân ở Nghệ An. Nhà vua hạ lệnh cho bọn Khang quận công Trần Nghi và Đông các hiệu thư Trần Dực đi đánh. Binh thuyền của bọn Trần Nghi tiến vào Nghệ An, Hi và Hưng chia quân ra các đạo đằng trước đằng sau đánh khép lại. Thế lực của bọn Trần Nghi không sao địch nổi, phải đi thuyền vượt ra biển, gặp sóng gió đổ thuyền, toàn quân bị chết, Trần Nghi và Trần Dực đều chết đuối ở biển. Bọn Lê Hi nhân thế thắng, tiến quân đến sát huyện Lôi Dương. Nhà vua lại hạ lệnh cho Nguyên quận công Trịnh Duy Sản thống lãnh quan quân, Đỗ Nhạc tán lý việc quân, đem binh sĩ đi đánh, chém được Minh Triệt,, bắt được bọn Lê Hi và Trịnh Hưng đóng cũi đưa về Kinh sư, rồi giết chết.

Trước kia được tin bọn Lê Hi xâm phạm sát đến huyện Lôi Dương, nhà vua vội vàng hạ lệnh cho trăm quan hội bàn, điều động họp tập dân tứ chiếng phân phối phụ thuộc vào sổ binh lính các xứ để phòng bị việc đánh dẹp. Đến nay đã đánh tan được giặc, nên buông thả cho bọn này trở về làng cũ.

Lời chua - Lôi Dương: Xem Bình Định vương năm thứ nhất (Chb. XIII, 2).

Trần Dực: Người xã Ngải Lăng, huyện La Sơn, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Tứ Chiếng: Xem Lê Thế Tông năm Quang Hưng thứ 20 (chb. XXX, 21).

Hạn hán; dân bị nạn đói to.

Khởi công dựng đại điện và cửu trùng đài.

---

[1] Nguyên văn "đại nạp công tượng có lẽ lúc bấy giờ triều đình hạ lệnh cho địa phương nào đó phải nộp voi, nếu không có voi thì phải nộp vàng để thay thế.

[2] Tang 3 tháng, một thứ tang nhẹ nhất trong hàng ngũ phục.

Trước đây, Vũ Như Tô một người thợ ở Cẩm Giàng, xếp cây mía làm thành kiểu mẫu cung điện lớn trăm nóc, dâng lên nhà vua; nhà vua bằng lòng phong cho Như Tô làm đô đốc đứng trông nom việc dựng hơn trăm nóc cung điện lớn có gác, lại khởi công làm cửu trùng đài. Mặt trước điện đào hồ thông với sông Tô Lịch, vòng quanh khuất khúc, mở thông cửa cống. Nhà vua bất thần ngự thuyền Thiên Quang đi chơi xem suốt ngày đêm. Quân sĩ trong Ngũ phủ làm việc xây đắp chưa được thành công, lại bắt quân sĩ các nha môn ở trong và ngoài kinh thành làm việc lấp hồ, san đất, khi nhà vua đi chơi, thấy người nào làm vừa ý thì thưởng cho thẻ bài vàng hoặc bạc. Có khi công việc đã làm xong rồi lại thay đổi làm lại; sửa sang xây dựng hết năm này sang năm khác. Quân và dân phải đi làm việc bị bệnh dịch, chết mất khá nhiều.

Lời chua - Vũ Như Tô: Người xã Minh Quyết, huyện Cẩm Giàng.

Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31).

Tháng 10, mùa đông. Truy trả lại quan chức Ngự sử đài đô ngự sử cho Dương Trực Nguyên.

Trước đây, nhà vua dấy quân từ Tây Đô tiến đến núi Thiên Kiện, Uy Mục đế sai Ngự sử đài đô Ngự sử Dương Trực Nguyên giữ chức tán lý việc quân đem quân đi chống cự, vì đánh không được, Trực Nguyên phải tử trận[1]. Đến nay, nhà vua khen Trực Nguyên là người trung, nên truy trả lại quan chức.

Lời chua - Núi Thiên Kiện: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 6 (Chb. X, 17).

Dương Trực Nguyên: Người xã Thượng Phúc, huyện Thượng Phúc, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Quý Dậu, năm thứ 5 (1513). (Minh, năm Chính Đức thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Thừa tướng thượng tể Nguyễn Văn Lang mất.

Nguyễn Văn Lang là em Trường Lạc hoàng thái hậu. Văn Lang thông hiểu thao lược, sành sỏi phép dụng binh, giỏi cả việc suy nghiệm thời trời, sức có thể đánh được hổ. Trước đây, nhà vua dấy quân ở Tây Kinh, Văn Lang sướng xuất việc nghĩa trước nhất, kéo quân về bình định được Đông Đô; vì có công lớn, được phong tước Nghĩa quốc công. Đến nay Văn Lang mất, được tặng phong tước Nghĩa Huân vương, việc táng, việc lễ đều được dùng lễ nghi của vua chúa và được đúc tượng bằng loại kim.

Sứ thần nhà Minh sang nước ta.

Nhà Minh sai Trạm Nhược Thủy, Hàn Lâm viện biên tu, làm chánh sứ và Phan Hi Tăng, Hình khoa cấp sự trung, làm phó sứ, mang sách thư phong nhà vua tước An Nam quốc vương và ban cho một cỗ mũ bì biền[2], một cặp áo thường phục. Sau khi Hi Tăng đã yết kiến nhà vua rồi, ra bảo với Nhược Thủy rằng: "Quốc vương dong mạo đẹp nhưng lệch mình, tính đa dâm, trông như tướng con lợn, chả bao lâu nữa sẽ bị loạn vong ". Khi sứ thần ra về, nhà vua tiễn đưa hành lý khá hậu, nhưng họ đều không nhận. Sau đó, nhà vua sai Nguyễn Trang, Lễ bộ hữu thị lang, Nguyễn Si, Hàn Lâm viện kiểm thảo, và Trương Phu Duyệt, Lễ khoa cấp sự trung, sang nhà Minh đáp lễ và tạ ơn.

Lời chua - Nguyễn Trang: Người làng Thượng Thanh Oai, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Nguyễn Si: Người làng Lý Hải, huyện Yên Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) năm Đoan Khánh đời Uy Mục đế.

Trương Phu Duyệt: Người làng Kim Đâu, huyện Thanh Miện, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) năm Đoan Khánh.

---

[1] Xem thêm chính biên quyển XXIV, tờ 34.

[2] Xem chú thích số 2, chính biên quyển XXIV, tờ 24 về mũ bì biền.

Tháng 2. Dựng điện Mục Thanh và làm hai nhà Giáp Đường ở phía đông và phía tây điện.

Trước kia, sắp đặt bài vị thờ tiên tổ như thế này:

Điện Phụng Tiên: ở giữa thờ Thái Tổ Cao Hoàng đế, bên tả thờ Tuyên Tổ hoàng đế, bên hữu thờ Hiển Tổ hoàng đế, phía đông bên tả chỗ đặt bài vị Tuyên Tổ thì thờ Thái Tông, Thánh Tông và Túc Tông, phía tây về bên hữu chỗ đặt bài vị Hiển Tổ thì thờ Nhân Tông, Hiến Tông và Đức Tông.

Nhà Hiếu Kính: về phía đông thờ Hiếu Chiêu đại vương và Quận Ai vương, về phía tây thờ Trung Dũng vương.

Đến nay, ở đằng trước điện Phụng Tiên dựng điện Mục Thanh và làm hai nhà Giáp Đường ở bên đông và bên tây điện ấy. Bên đông gọi là nhà Chương Đức, để thờ Phụ Chiêu Hiếu đại vương, Quận Ai Vương, Lương Vương, Đường Vương, Diễn Vương, Ứng Vương, và Triệu Vương; bên tây gọi là nhà Chiêu Huân, để thờ phụ Trung Dũng Vương, Cung Vương, Tống Vương, Phúc Vương, Quảng Vương, Trấn Vương, Nghĩa Vương và Kinh Vương.

Lời cẩn án - Thiên "Vương chế " trong sách Lễ Ký chép: "Thiên tử có bảy miếu thờ tiên tổ; ba miếu thờ hàng chiêu[1], ba miếu thờ hàng mục[2], cùng với miếu thờ ông thái tổ là bảy miếu ".

Giải thích lễ nghi chép ở trên, Chu tử dẫn lời bàn của Hán Nho[3] để giải nghĩa rằng: "Bảy miếu thờ tiên tổ của thiên tử: miếu ông thái tổ ở phương bắc, ông tổ nào là vị vua được phong trước nhất thì thờ ở miếu ấy; bên tả miếu ấy là miếu thờ hàng chiêu; bên hữu miếu ấy là miếu thờ hàng mục, theo thứ tự mà hướng mặt về phương nam. nói riêng về nhà Chu, họ lấy ông Hậu Tắc là vị vua được phong đầu tiên làm thái tổ. Bài vị của thái tổ dẫu trăm dời cũng không di dịch, còn về hàng chiêu, hàng mục nếu đã xa đời quá thì thay đổi bài vị đi. Về bên hàng chiêu, nếu bài vị ông vua đời thứ hai mà thay đổi đi, thì đem bài vị ông vua đời thứ sáu thờ phụ vào hàng ấy; về bên hàng mục, nếu bài vị ông vua đời thứ ba thay đổi đi, thì đem bài vị ông vua đời thứ bảy thờ phụ vào hàng ấy. Chỉ có Văn vương và Vũ vương bắt đầu chịu mệnh trời làm thiên tử, công lao đáng được tôn kính, thì dầu xa đời nhưng vẫn không thay đổi bài vị, bởi thế, nên về sau nhà Chu lại dựng thêm hai miếu thờ Văn vương và Vũ vương làm "miếu bất diêu "[4], mà những bài vị thờ ở miếu bên cạnh không được dự thờ ở miếu ấy. Từ đời nhà Hán, nhà Đường trở về sau, mỗi đời có một chế độ riêng, châm chước thêm bớt, theo thời để thay đổi cho thích hợp, nhưng ý nghĩa chính thì đều không vượt qua nghi lễ đã nói trên.

Nhà Lê, về miếu thờ tiên tổ không rõ ràng, thứ tự hàng chiêu, hàng mục không phân biệt. Trước kia dựng một điện Phụng Tiên, thờ Thái Tổ ở giữa; Tuyên Tổ ở phía tả, Hiển Tổ ở phía hữu; bên đông về phía tả chỗ thờ Tuyên Tổ thì thờ Thái Tông, Thánh Tông, và Túc Tông; bên tây về phía hữu chỗ thờ Hiển Tổ thì thờ Nhân Tông, Hiến Tông, và Đức Tông. Này, người con dầu thánh trí đến đâu cũng không bao giờ lại hưởng lễ trước cha. Nay một điện Phụng Tiên, ở giữa dùng để thờ Thái Tổ, mà hai bên tả và hữu thì thờ hai ông tổ, như thế chả phải thờ tự một cách trái ngược à ? Huống hồ Thánh Tông là con Thái Tông mà cũng đặt bài vị ở bàn thờ về phía đông; Hiến Tông đối với Nhân Tông là về hàng cháu[5] mà cùng đặt bài vị ở bàn thờ về phía tây. Thế là nghi lễ gì ? Miếu hiệu Đức Tông, mãi sau này mới được truy tôn, lúc còn sống chưa từng ở ngôi vua bao giờ, cũng đem thăng lên miếu điện, cùng tôn thờ ngang với các vua khác. như thế có hợp lễ không ? Lại còn một việc này nữa: đằng trước điện Phụng Tiên có một nhà Hiếu Kính, chia ra bên đông bên tây để thờ các vị được phong tước vương, thì việc này lại rất là lầm lẫn càn rỡ. Còn như việc Tương Dực đế dựng điện Mục Thanh ở đằng trước điện Phụng Tiên, làm nhà

---

[1] Hàng Chiêu thờ những vua đời thứ hai, thứ tư, và thứ sáu; hàng mục thờ những vua đời thứ ba, thứ năm và thứ bảy. Vì chia ra hàng chẵn hàng lẽ như thế, nên ở dưới đoạn văn này mới chép bài vị ông vua đời thứ hai thay đổi đi, thì đem bài vị vua đời thứ sáu thờ phụ vào nếu bài vị vua đời thứ ba thay đổi đi, thì đem bài vị vua đời thứ bảy thờ phụ vào.

[2] Nt.

[3] Tức Lưu Hâm, người đời Tây Hán.

[4] Ngôi miếu thờ bài vị không bao giờ di dịch. (Những chú thích trên, chúng tôi tham khảo sách Lễ Ký đại toàn quyển V, tờ 25, 26).

[5] Hiến Tông là con Thánh Tông; Thánh Tông và Nhân Tông đều là con của Thái Tông, nên Hiến Tông gọi Nhân Tông bằng chú ruột.

giáp đường ở bên đông, bên tây điện ấy, rồi lại đem thờ phụ các tước vương về ngành thứ, để cùng tế tự chung trong lễ tiết hàng năm, thì việc thất lễ này là do thất lễ từ trước để lại, không cần phải biện luận làm gì nữa!

Lời chua - "Đế hệ truyện " trong Thông Sử của Lê Quý Đôn chép:

Hiến Tổ tên húy là Thinh, sinh ra Tuyên Tổ, Tuyên Tổ tên húy là Khoáng, sinh ra Thái Tổ. Chiêu Hiếu đại vương tên là Học, con trưởng của Tuyên Tổ và là anh của Thái Tổ. Quận Ai Vương tên là Tư Tề, con trưởng của Thái Tổ. Cung Vương tên là Khắc Xương, trước phong là Tân Bình vương, Nghi Dân đổi phong là Cung vương. Trung Dũng vương tên là Thạch, con của Chiêu Hiếu đại vương. Lương Vương tên là Thuyên, Đường vương tên là Cảo, Diễn vương tên là Thông, Ứng vương tên là Chiêu, Triệu vương tên là Thoan, Tống vương tên là Tung, Phúc vương tên là Tranh, Quảng vương tên là Táo, Trấn vương tên là Hình, Nghĩa vương tên là Cảnh, Kinh vương tên là Kiện; đều con của Thánh Tông. Đức Tông tức Kiến vương Tông, năm Quang Thiệu thứ 2 (1517) đời Chiêu Tông, truy tôn làm Kiến hoàng đế, miếu hiệu Đức Tông[1].

Tháng 6, mùa hạ. Có thủy tai lớn.

Nước phá vỡ đê ở phường Yên Hoa và thông sang Tây Hồ.

Lời chua - Phường Yên Hoa: Nay là phường Yên Tĩnh, ở huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[2].

Tây Hồ: Tức Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Bổ dụng Nguyễn Mậu làm hiến sát Sứ ở Thanh Hoa.

Hàn lâm viện kiểm thảo Nguyễn Mậu là người nghiêm thẳng. Nhà vua thường sai người hái lấy hoa gạo, Mậu dâng sớ can, làm trái ý nhà vua, vua sai viên trung sứ đánh đòn. Đến nay cho thăng chức hiến sát sứ ở Thanh Hoa.

Lời chua - Nguyễn Mậu: Người làng Du La, huyện Thanh Hà, đổ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Giáp Tuất, năm thứ 6 (1514). (Minh, năm Chính Đức thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Nhà vua tự mình cày ruộng tịch điền, cái cày bị gãy.

Tháng 5, mùa hạ. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Có thủy tai lớn.

Mực nước tràn lên quá cao, hồ ao trong kinh thành có thứ rắn lớn xuất hiện đến 20 ngày, nhà vua phải cho đốt pháo, mở cờ, đánh trống để khu trừ, sau thứ rắn ấy mới đi.

Đắp thành chặn ngang sông Tô Lịch.

Nhà vua thích mở mang việc thổ mộc; đắp thành rộng hàng mấy ngàn trượng bao bọc cả điện Tường Quang, quán Chân Vũ và chùa Kim Cổ Thiên Hoa; thành đắp từ phía đông nam đến phía tây bắc, chặn ngang sông Tô Lịch, bên trên đắp hoàng thành, bên dưới mở cửa cống, xây bằng gạcg đá, dùng sắt chắn suốt bề ngang. Lại làm thuyền chiến để đi chơi hồ Tây, bắt phụ nữ cởi trần bơi chèo để vui chơi thỏa thích.

Lời chua - Điện Tường Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ nhất (Chb. XIX, 5).

---

[1] Hiến Tông là con Thánh Tông; Thánh Tông và Nhân Tông đều là con của Thái Tông, nên Hiến Tông gọi Nhân Tông bằng chú ruột.

[2] Nay là phường Yên Phụ thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội.

Quán Chân Vũ: Thuộc phường Thụy Chương, huyện Vĩnh Thuận tỉnh Hà Nội[1].

Chùa Thiên Hoa: Nay không rõ ở đâu.

Giết hơn 10 người trong họ tôn thất.

Vì nghe lời tâu bịa đặt của hiệu úy là Hữu Vĩnh (không rõ họ), nhà vua giết 15 người vào hàng tước vương, tước công trong họ tôn thất. Lại triệu cung nhân của Mẫn Lệ[2] và cung nhân triều trước để tư thông.

Ất Hợi, năm thứ 7 (1515). (Minh, năm Chính Đức thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Phùng Chương ở Sơn Tây nổi loạn. Nhà vua sai Tướng đi đánh, dẹp yên được.

Phùng Chương chiếm cứ núi Tam Đảo nổi loạn. Nhà vua hạ lệnh cho Thụy quận công Ngô Bính và Nguyên quận công Trịnh Duy Sản làm đô tướng, đô ngự sử Phạm Khiêm Bính giữ chứ tán lý quân vụ, đem quân đi đánh. Chương bị thua chạy trốn.

Lời chua - Phạm Khiêm Bính: Người làng Lãm Sơn, huyện Quế Dương, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Tháng 2. Nhà vua xem tập trận ở Định Công, rồi vào chơi nhà Lê thị là vợ Uy Mục đế.

Lời chua - Định Công: Tên xã, thuộc huyện Thanh trì, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội[3].

Tháng 8, mùa thu. Có thủy tai lớn đến mãi tháng 9.

Đặng Hân và Lê Hất ở Thanh Hoa nổi loạn. Nhà vua sai quân đi đánh, dẹp yên được.

Bọn Hân và Hất nổi loạn ở huyện Ngọc Sơn thuộc Thanh Hoa. Nhà vua hạ lệnh cho tướng thống lĩnh quân sĩ và dùng Đỗ Nhạc giữ chức tán lý quân vụ, đi đánh, dẹp yên được.

Lời chua - Ngọc Sơn: Tên huyện, thuộc phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Bính Tý, năm thứ 8 (1516). (Từ tháng 4 trở đi thuộc Lê Chiêu Tông năm Quang Thiệu thứ nhất - Minh, năm Chính Đức thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Trần Công Ninh ở Yên Lãng nổi loạn. Nhà vua tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được.

Công Ninh, vụng trộm chiếm cứ Yên Lãng. Nhân lúc ấy quân các vệ họp cả ở kinh thành, nhà vua bèn hạ lệnh cho Đỗ Nhạc ở lại giữ kinh thành, rồi thân hành đem văn võ đại thần và đô đốc trong năm phủ theo hầu, tiến quân đóng hành tại ở Nhị Hà, ra lệnh cho các tướng qua sông tiến đánh, quân giặc bị thua to. Sau, luận bàn công đánh giặc của tướng sĩ, đều trao cho quan chức cao thấp khác nhau.

Lời chua - Yên Lãng: Tên huyện, thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây[4].

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb, II, 13).

Tháng 3. Có thủy tai lớn.

Trần Cao, người Thủy Đường, nổi loạn.

---

[1] Nay là đền Trấn Vũ ở cạnh hồ Tây.

[2] Tức Uy Mục đế, sau khi Tương Dực đế đã giết Uy Mục đế, giáng phong làm Mẫn Lệ công.

[3] Nay là xã Định Công thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[4] Đất huyện Yên Lãng cũ, nay thuộc hai huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và Sóc Sơn (Hà Nội).

Cao làm Thuần Mĩ điện giám thấy lời sấm nói: "Phương đông có khí sắc thiên tử ", bèn ngầm lập mưu làm việc trái phép, dụ dỗ họp tập nhữnh người bỏ làng trốn tránh, giả mạo xưng mình là chắt huyền tôn của vua Thái Tông nhà Trần và là ngoại thích của Quang Thục hoàng hậu. Hắn cùng với con là Cung và đồ đảng của bọn Phan Ất dấy quân ở chùa Quỳnh Lâm, chiếm cứ các huyện Thủy Đường và Đông Triều thuộc Hải Dương. Cao mặc áo màu đen, quân sĩ đều trọc đầu, tự xưng là "Đế Thích giáng sinh "; nhân dân nhiều người đi theo, quân sĩ có đến hàng vạn.

Lời chua - Chùa Quỳnh Lâm: Ở xã Hà Lôi, huyện Đông Triều.

Thủy Đường: Xem Đế Duy Phường, năm Vĩnh Khánh thứ 2 (Chb. XXXVII, 16).

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Thuần Mĩ điện giám: Không khảo cứu được. Minh sử thông giám kỷ sự chép; Cao giữ chức xã đường thiêu hương quan, không biết có đúng không ?

Trần Cao: Người làng Dưỡng Chân, huyện Thủy Đường.

Quang Thục hoàng hậu[1]: Người làng Động Bàng, huyện An Định.

Phan Ất: Người Chiêm Thành, có một tên nữa là Đồng Lợi, nguyên là gia nô của Trịnh Duy Đại.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Trần Cao, Cao chạy đến Trâu Sơn. Nhà vua hạ lệnh cho bọn Phùng Trấn, Trịnh Khổng Chiêu và Trịnh Ngạc đem quân đi đánh; bọn này đánh không thắng được, bị tử trận.

Quân sĩ của Cao kéo từ các huyện Tiên Du, Quế Dương và Gia Lâm, xâm phạm đến bến Bồ Đề, vì mắc sông không qua sang được. Nhà vua thân ngự điện Tường Thọ chỉ huy các tướng là Lại Thúc Mậu Nguyễn Khắc Nhượng và Trịnh Hồng thống lĩnh quan quân, đi dò sang sông đánh ở làng Lâm Hạ. Trần Cao bị thua to, chạy đến Trâu Sơn. Nhà vua hạ lệnh cho Định quận công Phùng Trấn, Diên hưng bá Trịnh Khổng Chiêu và Phú Lộc bá Trịnh Ngạc đem quân đuổi đánh. Phùng Trấn và Khổng Chiêu mắc vào trong trận giặc đều chết. Trịnh Ngạc bị bắt, Trần Cao muốn đem quan chức trao cho Ngạc, nhưng Ngạc không chịu khuất phục, mắng chửi ầm ỹ, rồi bị chết. Nhà vua lại hạ lệnh cho An Hòa hầu Nguyễn Hoằng Dụ đi đánh, Hoằng Dụ đem quân đóng ở dinh Bồ Đề.

Lời chua - Điện Trường Thọ: Tức điện Quỳnh Vân, chưa rõ đích xác ở chỗ nào.

Tiên Du: Xem Thục An Dương Vương năm thứ 48 (Tb. I, 16).

Gia Lâm: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Huyện Quế Dương: Thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trâu Sơn: Sử cũ chép chữ "Trâu " là "Ngạc ", thuộc xã Trâu Cầu, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Lâm Hạ: Tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên quận công Trịnh Duy Sản giết nhà vua ở hồ Chu Tước; thừa chỉ Nguyễn Vũ cũng bị Duy Sản giết.

Duy Sản vì thường can ngăn, làm trái ý vua nhà vua tức giận, sai đánh bằng trượng. Duy Sản bèn cùng Lê Quảng Độ, Trình Chí Sâm bàn mưu bỏ vua này lập vua khác. Họ chuẩn bị sửa soạn binh thuyền khí giới, hội hợp ở bến Thái Cực, nói phao là đem đi đánh giặc; rồi nhân ban đêm họ đem quân Kim Ngô hộ vệ hơn ba ngàn người vào cửa Bắc Thần. Lúc lửa cháy, nhà vua ngờ là giặc kéo đến, đi lẻn ra ngoài cửa Bảo Khánh; lúc tờ mờ sáng, đi qua cửa Thái Học đến hồ Chu Tước ở phường Bích Câu, gặp Duy Sản, nhà vua hỏi "giặc ở đâu ". Duy Sản không trả lời, quay mặt đi đằng khác và cười ầm lên. Nhà vua quay ngựa chạy sang mặt tây, Duy Sản sai võ sĩ tên là Hạnh đâm nhà vua ngã ngựa rồi giết đi.

---

[1] Vợ Lê Thái Tông, mẹ Lê Thánh Tông.

Khâm Đức hoàng hậu cũng tự nhảy vào đống lửa để chết. Quân sĩ đai hai thi thể về táng ở lăng Ngự Thiên. Duy Sản truất nhà vua làm Linh Ẩn vương. Nhà vua ở ngôi 8 năm, hưởng thọ 24 tuổi.

Vũ, người làng Thiên Mỗ, huyện Từ Liêm, bắt đầu đi theo quân khởi nghĩa[1] của nhà vua, sau làm quan Binh Bộ tả thị lang, rất được nhà vua yêu quý. Thị hội khoa Giáp Tuất (1514), văn của Vũ không trúng cách, nhà vua cho phép thi lại, bèn cất nhắc cho đỗ nhị giáp tiến sĩ. Làm quan, thăng dần đến Hình bộ thượng thư Kiêm Bảo Thiên điện đông các đại học sĩ Hàn Lâm viện thừa chỉ vào chầu Kinh Diên, ngày đêm Vũ ở trong nội điện uống rượu, đánh bạc, bị người đời khinh rẽ. Đến lúc nghe có binh biến, hắn bảo con hắn rằng: "Ăn lộc của vua, phải chết với hoạn nạn của vua ", rồi vội vàng đi theo nhà vua, nên cũng bị Duy Sản giết.

Lời chua - Bến Thái Cực: Thuộc phường Thái Cực, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[2].

Phường Bích Câu: Thuộc huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[3].

Hồ Chu Tước: Thuộc phường Bích Câu.

Ngự Thiên: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 17 (Chb. V, 8).

Khâm Đức hoàng hậu: Truyện Hậu Phi [trong thông sử] của Lê Quý Đôn chép. Hậu họ Nguyễn, con gái viên quản lãnh ở làng Văn Giang. Về sau đặt tên thụy là Đôn Tiết.

Trình Chí Sâm: Người làng Khúc Phố, huyện Vĩnh Xương, đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Hạnh: Sử cũ không chép rõ họ.

Trịnh Duy Sản rước tên Y, con trưởng của Cẩm Giang vương, vào triều đường lên ngôi vua, rồi đem đi Tây Kinh.

Duy Sản họp tôn thất và đại thần bàn định lập Quang Trị, con Mục Ý vương, nhưng Vũ Tá hầu Phùng Mại tranh luận, nên lập tên Y là tằng tôn (chắt) của Thánh Tông và là con của Cẩm Giang vương Sùng. Tường quận công Phùng Dĩnh sai lực sĩ giết Phùng Mại ở nhà nghị sự, bèn lập Quang Trị mới 8 tuổi, lập làm vua được 3 ngày, chưa kịp đổi niên hiệu, thì Trịnh Duy Đại rước vào Tây Kinh.

Nguyễn Hoằng Dụ đóng quân ở Bồ Đề, được tin Duy Sản bạo nghịch giết vua, liền đem quân qua sông, đốt hết phố xá trong kinh thành, chém Vũ Như Tô ở ngoài cửa thành. Lúc ấy Như Tô đương coi làm mấy nóc nhà đại điện chưa xong thì bị giết, mọi người đều chỉ trích chê cười, có người nhổ nước bọt vào thây của hắn.

Bấy giờ Duy Sản lại cùng Lê Nghĩa Chiêu và tôn thất, đại thần những người vào hạng có công, hạng cố cựu rước tên Y lập làm vua. Y mới 14 tuổi. Bọn Duy Sản và Chiêu Nghĩa thấy kinh thành đã bị tàn phá, bèn cùng nhau rước vua về Tây Kinh. Quang Trị sau bị Duy Đại giết.

Lời chua - Mục Ý vương: Tên là Doanh, con của Kiến vương Tân, và là em của Cẩm Giang vương Sùng.

Trần Cao xâm phạm vào kinh thành. Đô lực sĩ Thiết Sơn bá Trần Chân dấy quân đánh Cao, nhưng không thắng được.

Nhà vua đã về Tây Kinh, Lê Quảng Độ bỏ chạy, đầu hàng Trần Cao. Nhân dân rối loạn, tranh nhau lấy vàng bạc của cải và đồ vật, vì thế cung điện kho tàng thành ra trống rỗng.

---

[1] Quân của Giản Tu Công Oánh (tức Tương Dực đế) nổi lên đánh giết Uy Mục đế.

[2] Nay là phố Hàng Đào, Hà Nội.

[3] Nay thuộc quận Đống Đa Hà Nội.

Nhân đấy Trần Cao sang qua sông, bèn vào chiếm cứ kinh thành, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Ứng, ngự triều xưng làm vua, dùng Lê Quảng Độ xếp đặt công việc trong nước. Trần Chân họp tập thống suất bọn dũng sĩ cũ cùng con em trong nhà, binh tráng trong làng được mấy ngàn người, đóng ở chợ Hoàng Hoa, để mưu tính công việc đánh giặc. Trần Cao được tin, sai đồ đảng là Phan Ất từ làng Bảo Đà huyện Thanh Oai tiến quân; Trần Chân từ làng Dư Dụ huyện Thanh Đàm đem quân đón đánh. Trần Chân tiến đến xạ đôi (mô đất để tập bắn) cố sức đánh nhau với Phan Ất, khí giới đều hết phải lấy mảnh cong mảnh lọ để ném. Răng và miệng Trần Chân bị thương nặng, Chân lại thấy rằng toán quân của mình chơ vơ khó có thể đánh lâu được, bèn nhân đêm rút quân đến chợ Hoàng Hoa.

Lời chua - Chợ Hoàng Hoa: Thuộc trại Ngọc Hà, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội.

Thanh Oai: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Thanh Đàm: Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chb. 6, 26).

Dư Dụ: Tên xã, thuộc huyện Thanh Đàm.

Xạ Đôi: Ở trại Giảng Võ, huyện Thuận Xương, tỉnh Hà Nội[1].

Trần Chân: Người xã La Khê, huyện Từ Liêm, là con nuôi Trịnh Duy Sản.

Nhà vua tự làm tướng đánh Trần Cao. Cao thua chạy. Nhà vua về Đông Kinh, đổi niên hiệu và đại xá cho trong nước.

Nhà vua từ Tây Kinh thống suất quân ứng nghĩa ở 3 phủ Thiệu Thiên, Hà Trung và Tĩnh Gia, phân phối sai: Nguyên quận công Trịnh Duy Sản do đường Thiên Quan và Ứng Thiên tiến quân; An Hòa hầu Nguyễn Hoằng Dụ do đường Trường Yên và Lỵ Nhân tiến quân; ở chính doanh thì Phú bình hầu Nguyễn Văn Lự và Vĩnh hưng hầu Trịnh Tuy thống lĩnh quân thủy, quân bộ đều tiến, kéo thẳng đến Đông Kinh, đưa tờ hịch đi các quận huyện. Nhà vua đến Tiêu Viên, trước hết có Trần Chân đến hành tại bái yết; ở Sơn Nam thì có bọn phó tướng An Tín bá Trịnh Hi, đề sát Lê Sạn, tán lý Lê Dực và ký lục Trương Huyền Linh cũng nổi dậy, đem quân tiếp tục tiến đến, vây ngoài cửa Đại Hưng. Trần Cao đem quân lên cái lầu ở trước cửa vẫy cờ bắn súng để chống cự quan quân. Một lúc thấy quân tam đóa[2] từ Mộng Kiều (cầu Muống) tiến vào cung Thụy Quang, Trịnh Hi lui dần quân đến xã Hồng Mai, gặp các quân thủy, quân bộ của bọn Hoằng Dụ và Duy Sản, Trịnh Hi lại cùng bọn này đều tiến, bốn mặt vây thành. Trần Cao đóng thành cố giữ, Duy Sản lại tiến đánh góc tây bắc thành. Lúc ấy Hà Công Chân, một đảng giặc ở Sơn Tây, cũng đem quân tiến sát đến chân thành, chợt gặp Duy Sản, Duy Sản ra sức cố đánh, Công Chân thua trận, bị chết, Lê Liễn tả kiểm điểm, đánh nhau với giặc bị chết ở Dịch Vọng. Trần Cao mở cửa thành chạy, qua sông Thiên Đức, lẩn lút ở Lạng Nguyên.

Lúc ấy, nhà vua đóng ở Thanh Đàm, bọn Nguyễn Ung và Đỗ Nhạc rước vua về Đông Kinh, hạ chiếu đại xá cho trong nước, đổi niên hiệu, lấy năm ấy là năm Quang Thiệu thứ nhất, quan quân lại bắt được đồ đảng Trần Cao là Phan Ất ở Đông Triều, đóng cũi đưa về Kinh sư, đem chém ở phường Đông Hà.

Lời chua - Thiệu Thiên, Hà Trung và Tỉnh Gia: Đều tên phủ thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Thiên Quan: Tên phủ, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Ứng Thiên: Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 18).

Trường Yên: Tên phủ. xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

---

[1] Ngày nay ở gần trại Giảng Võ vó trại Ba Gò, có lẽ là gò tập bắn (xạ đôi) xưa.

[2] Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

Lỵ Nhân: Tên phủ, xem Lý Nhân Tông, năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 6 (Chb. IV, 14).

Cửa Đại Hưng, sông Thiên Đức: Đều xem Lý thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 10, 11)

Mộng Kiều: Thuộc phường Kim Liên, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[1].

Cung Thụy Quang: không rõ ở đâu.

Hồng Mai: Tên xã, thuộc huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[2].

Dịch Vọng:Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[3].

Lạng Nguyên: Không rõ ở đâu, có thuyết nói Lạng Sơn, có lẽ là ở đây.

Nguyễn Văn Lự: Người Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, là em Nguyễn Văn Lang.

Trịnh Tuy: Người xã Thủy Chú, huyện Lôi Dương, em họ Trịnh Duy Sản.

Lê Sạn: Người xã Vạn Phúc, huyện Thanh trì.

Lê Dực: Người xã Đại Định, huyện Thanh Oai, Sạn và Dực đều đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Quân Tam Đóa: Tức hạng quân cắt tóc, nhưng vẫn để lại ba chỏm ở trên đầu.

Nhà vua hạ lệnh cho bọn Trịnh Duy Sản, Phạm Khiêm Bính và Trịnh Tuy đi tuần hành bình định xứ Hải Dương và Kinh Bắc.

Nhà vua hạ lệnh cho Trịnh Duy Sản chỉ huy quân thủy, quân bộ các dinh, và Khiêm Bính giữ chức tán lý việc quân, đi tuần hành bình định xứ Hải Dương; Trịnh Tuy, Lại Thúc Mậu và lực sĩ Đàm Cử đi tuần hành bình định xứ Kinh Bắc.

Lời chua - Đàm Cử: Người xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương.

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua lại hạ lệnh cho bọn Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoằng Dụ, Trịnh Hồng và Nguyễn Khắc Nhượng đem quân đi đánh Trần Cao. Vì bại trận, Trịnh Duy Sản bị Trần Cao giết.

Bọn Duy Sản và Hoằng Dụ tiến quân đóng ở Chí Linh. Duy Sản cùng Trần Cao chống cự với nhau ở chỗ giáp giới xã Nam Giãn. Thấy tên Hạnh, một tì tướng, bị chết ở mặt trận, Duy Sản nổi giận, tiến sát đến nơi, các tướng can ngăn, Duy Sản không nghe, bèn chia đường cùng tiến, tự mình dẫn đầu sĩ tốt. Bên giặc tung quân kỳ binh[4] ra đánh cướp. Duy Sản bị Trần Cao bắt được, đem giết đi, Trần Cao tiến quân thẳng đến Bồ Đề. Nhà vua sai Thiết Sơn bá Trần Chân ra đón đánh, phá tan được. Cao lại lẩn lút ở Lạng Nguyên không dám ra, truyền ngôi cho con là Cung tiếm niên hiệu là Tuyên Hòa. Sau Trần Cao cạo đầu làm sư, trốn tránh được thoát.

Lời chua - Chí Linh: Tên huyện, xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Nam Giản: Tên xã, thuộc huyện Chí Linh.

---

[1] Tức cầu Muống nay thuộc quận Đống Đa , Hà Nội.

[2] Nay là phường Bạch Mai thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

[3] Tục gọi làng Vòng, nay là phường Dịch Vọng, quận cầu giấy, Hà Nội.

[4] Danh từ gọi một binh chủng có những động tác khác với chính binh. Hạng binh lính này có nhiều mưu chước kỳ diệu để đánh quân địch, khi ẩn khi hiện bên địch không dò biết được.

Đinh Sửu, Lê Chiêu Tông Thần hoàng đế năm Quang Thiệu thứ 2 (1517). (Minh, năm Chính Đức thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn đế hiệu cho ông và cha.

Nhà vua truy tôn: ông là Kiến vương Tân làm Đức Tông Kiến hoàng đế, cha là Trang định đại vương Sùng làm Minh Tông Triết hoàng đế; rồi hạ lệnh cho Đàm Thận Huy, thượng thư bộ Lễ, định những chữ húy thờ ở miếu. Lại truy tôn Mẫn Lệ công làm Uy Mục đế, Linh Ẩn vương làm Tương Dực đế.

Lời chua - Chữ húy thờ ở miếu: gồm 20 chữ.

Tháng 7, mùa thu. Nguyễn Hoằng Dụ và Trịnh Tuy hai người sửa soạn binh lính đánh lẫn nhau.

Trước đây, Hoằng Dụ và Trịnh Tuy đều phụng mệnh vua đánh giặc, kịp lúc về kinh sư, vì nghe lời con em gièm pha, hai người thành ra hiềm khích, Hoằng Dụ thác là có bệnh không vào chầu, đóng quân ở phường Đông Hà, Trịnh Tuy đóng quân ở ngoài thành Đại La, hai người cùng nhau chống cự. Nguyễn Quán Chi, một viên quan trong Lục Khoa[1], đem việc ấy tâu bày. Nhà vua dùng sự tích Giả, Khấu, Liêm, Lạn[2] để dụ bảo, nhưng không giải hòa được.

Nguyễn Văn Lự cùng Trịnh Duy Đại hẹn nhau cùng vào chầu để tâu vua xin đứng hòa giải. Khi đến trước điện. Văn Lự lấy tờ sớ bí mật trong tay áo đưa ra, nói Trịnh Tuy cùng Trịnh Duy Đại bàn mưu với nhau lập Nguyễn Tùng là con Nguyễn Trinh, làm ngụy chúa, định làm việc bạo nghịch lớn. Bấy giờ nhà vua sai bắt Duy Đại cùng đồ đảng của hắn là bọn Trịnh Bá Quát đều đem chém.

Ngày hôm ấy, Hoằng Dụ cất quân đánh Trịnh Tuy ở quãng phường Khúc Phố - Phục Cổ ba lần đánh đều không thắng được. Nguyễn Thế Phó, đồ đảng của Tuy, trúng mũi tên phải rút lui. Tuy bèn bỏ chạy.

Trần Chân là người có nghĩa cũ với Tịnh Tuy, cất quân đánh Hoằng Dụ, lại mật hạ trát cho con em các doanh[3] ở Sơn Tây cùng đánh, Hoằng Dụ lánh chạy vào Thanh Hoa. Trước kia, khi Hoằng Dụ và Trần Chân đánh nhau đương hăng, gặp lúc trời đã xế chiều, trên không bỗng có đám mây năm sắc xuất hiện ở phương đông, mà mây vàng bay đầy trời, người ta đều lấy làm kỳ quái.

Lời chua - Phường Đông Hà: Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 4).

Thành Đại La: Xem thuộc Đường, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb. V, 10).

Vĩnh Xương: Tên huyện, nay đổi làm Thọ Xương, thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[4].

Khúc Phố, Phục Cổ: Đều tên phường, thuộc huyện Thọ Xương.

---

[1] Nguyên văn trong sử Cương mục này chép "khoa đài, Nguyễn Quán Chi ". Chúng tôi nhận thấy khoa là Lục Khoa; đài là Ngự Sử đài, nếu là khoa, đài thì ít nhất cũng phải có 2, 3 người, nay có một Nguyễn Quán Chi mà chép "khoa đài " thì cũng đáng ngờ, nên dịch "viên quan trong Lục Khoa " là theo Việt Sử thực lục chép "khoa quan Nguyễn Quán Chi ".

[2] Giả Phục - Khấu Tuân - Liêm Pha - Lạn Tương Như:

Giả Phục và Khấu Tuân đều là đại tướng của Quang Vũ nhà Đông Hán, vì Tuân giết một bộ tướng của Phục mà hai người sinh hiềm khích toan đánh chém lẫn nhau. Quang Vũ cho triệu hai người đến trước mặt dụ bảo rằng: "Nay thiên hạ chưa bình định, sao hai con hổ lại đấu chọi với nhau ". Từ đấy Phục và Tuân lại vui vẻ cùng nhau đi chung xe ra về, và kết bạn bè với nhau.

Liêm Pha và Lạn Tương Như người thời Chiến Quốc, đều làm quan nước Triệu; Liêm Pha làm tướng võ, Tương Như làm tướng Văn, chỉ vì ngôi thứ cao thấp mà Liêm Pha toan làm nhục Tương Như, người nhà Tương Như lấy làm hổ thẹn. Tương Như bảo người nhà rằng: "Sở dĩ nước Tần không dám đánh nước Triệu, là vì nước Triệu có hai chúng tôi. Nay nếu hai con hổ đánh nhau, tất nhiên không sống cả được, cho nên tôi cần phải trọng việc nước mà bỏ thù riêng đi ". Khi Liêm Pha nghe được lời nói ấy, thân hành đến nhà Tương Như tạ lỗi và xin kết bạn chí thân.

[3] Nguyên văn chép "các doanh tử đệ " tức là những tướng tá binh sĩ thân thiết của mình như ruột thịt, coi như con em trong nhà.

[4] Ngày nay chỗ ngõ huyện và ngõ Thọ Xương gần nhà thờ lớn, Hà Nội, tức là huyện Ly, của huyện Vĩnh Xương xưa.

Nguyễn Trinh: Người xã Trịnh Mỹ, huyện Lôi Dương là bố phò mã Điển quận công Nguyễn Mậu Tuyên.

Nhà vua sai các tướng đuổi đánh Nguyễn Hoằng Dụ.

Lúc ấy, tuổi vua thì thơ ấu, thế nước thì nguy ngập, các tướng nắm giữ binh quyền đánh chém lẫn nhau. Trần Chân đã đuổi được Nguyễn Hoằng Dụ, cầm quân bảo vệ kinh sư. Nhà vua sai viên tướng mới đầu hàng là bọn Nguyễn Công Độ đem quân bộ và Mạc Đăng Dung đem quân thủy đuổi Hoằng Dụ. Hoằng Dụ chạy vào Thuần Hựu. Quan quân bèn đào mả bố Hoằng Dụ là Nguyễn Văn Lang đem chém đầu. Hoằng Dụ đem quân chống lại và viết thư đưa cho Đăng Dung. Đăng Dung nhận được thư, đóng quân lại không đánh nữa, nhân đấy, Hoằng Dụ được toàn vẹn rút quân.

Lời chua - Thuần Hựu: Tên huyện. Theo Thanh Hoa sách, hồi đầu triều Lê, huyện này gọi là Thuần Hựu, sau đổi làm Thuần Lộc, rồi lại đổi làm Phong Lộc; bản triều, năm Minh mạng thứ 2 (1821) đổi làm Hậu Lộc, thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 12 nhuận, mùa đông. Lê Quảng Độ nhận tội, nhà vua sai đem giết đi.

Trước đây, Trần Cao đem quân xâm phạm vào cung khuyết, Quảng Độ lấy danh phận là thái sư Thiệu quốc công, đón Trần Cao, xin đầu hàng, được Cao ủy thác cho giữ công việc trong nước. Đến nay, bọn tướng trấn thủ là Hà Phi Chuẩn và Nguyễn Lỗ bắt được Quảng Độ đưa về kinh sư; bầy tôi trong triều ở các khoa các đạo thay đổi nhau làm sớ hặc tâu. Vì thế, bèn đem giết đi.

Dân bị đói lớn.

Năm ấy, trong nước bị đói to, nhân dân chết đói, thây nằm chồng chất lên nhau. Các huyện Đông Triều Giáp Sơn thuộc Hải Dương và huyện Yên Phong, Tiên Du, Đông Ngàn thuộc Kinh Bắc, nạn đói càng dữ hơn.

Lời chua - Tiên Du: Xem Thục An Dương Vương năm thứ 48 (Tb, I, 16).

Đông Ngàn: Tức châu Cổ Pháp, xem {Tiền} Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 6).

Yên Phong: Tức Yên Phú, xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 3 (Chb. XXVI, 10).

Giáp Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 37).

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Mậu Dần, năm thứ 3 (1518). (Minh, năm Chính Đức thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Mạc Đăng Dung làm Vũ Xuyên hầu.

Tháng 7, mùa thu. Mưa to, gió lớn, sét đánh, nhiều người bị chết.

Giết Thiết Sơn bá Trần Chân. Bọn Hoàng Duy Nhạc, đồ đảng của Trần Chân, nổi loạn, nhà vua đi Gia Lâm.

Trước đây, sau khi đã đuổi được Hoằng Dụ, Trần Chân nắm hết quyền binh trong tay, đến Mạc Đăng Dung cũng phải sợ, hỏi lấy con gái Trần Chân cho con trai mình là Đăng Doanh. Lúc ấy có người hiếu sự làm câu sấm rằng: "Trần hữu nhất nhân, vì thiên hạ quân, thỏ đầu hổ vĩ, tế thế an dân " (họ Trần có một người, làm vua thiên hạ, đầu thỏ đuôi hùm, giúp đời yên dân). Vì cớ ấy, quốc cữu[1] Chử Khải, cùng bọn Thọ quốc công Trịnh Hựu. Thụy quận công Ngô Bính mưu tính với nhau rằng: "Trần hữu nhất nhân " tức là Trần Chân, "thỏ đầu hổ vĩ " tức là cuối năm Dần, đầu năm Mão[2]. Bọn này sợ năm Mão sẽ có biến loạn, nên khuyên nhà vua toan tính sớm đi.

---

[1] Vua chúa đời cổ, gọi những người phụ huynh bên họ mẹ mình là quốc cữu.

[2] Theo sự suy tính của nhà thuật số: 12 hàng chi cầm tinh 12 con giống; năm Dần cầm tinh con hổ, năm Mão cầm tinh con thỏ.

Đến nay nhà vua cho triệu Trần Chân vào trong cung cấm, hạ lệnh đóng các cửa thành rồi sai lực sĩ bắt, Trần Chân chạy đến trên thành, người giữ cửa bắt được đem chém. Lúc ấy, bộ tướng của Chân là bọn Hoàng Duy Nhạc, Nguyễn Kính và Nguyễn Áng được tin Chân bị giết, liền đem quân xông vào cửa Đại Hưng, bị người giữ cửa chống cự, không vào được. Nhà vua thống suốt quân sĩ tuần hành trong thành, sai đem đầu Trần Chân giơ lên cho mọi người biết, bọn Kính và Áng rút lui tụ hợp ở Yên Lãng, rồi lại xâm phạm sát vào kinh thành. Đương đêm nhà vua phải chạy đi Gia Lâm lánh nạn, sáng hôm sau đến Dương Quang, vào nhà đô lực sĩ Đàm Cử, quá trưa chưa có cơm ăn, dân chúng tranh nhau đem dâng bánh khoai.

Lúc ấy, Trịnh Tuy đóng ở Sơn Nam, có hơn vạn quân, được tin nhà vua chạy ra ngoài thành, quân sĩ đều giải tán bỏ đi. Do đó, bọn Duy Nhạc đem đồ đảng cướp bóc thả cửa, trong kinh sư thành ra trống rỗng. Nhà vua cho triệu Hoằng Dụ đem quân đánh giặc, nhưng Hoằng Dụ chần chừ, không đem quân đến.

Lời phê - Công việc lúc bấy giờ như thế, không giết Trần Chân, cũng không ngăn ngừa được loạn lạc.

Lời chua - Dương Quang: Tên xã, thuộc huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh.

Gia Lâm: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Nguyễn Kính: Người xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất.

Tháng 8, sao Thái Bạch đi ngang trên không.

Nhà vua hạ lệnh cho Phạm Kiêm Bính trưng thu, cấp phát lương thực tiếp tế cho quân ăn.

Lúc ấy, Phạm Khiêm Bính, thừa tuyên sứ ở Kinh Bắc đến hành tại bái yết; nhà vua hạ lệnh cho Khiêm Bính trưng thu cấp phát lương thực để tiếp tế cho quân ăn.

Mạc Đăng Dung, xin nhà vua dời đến Bồ Đề; giết bọn Chử Khải và Trịnh Hựu 3 người.

Nhà vua ở Dương Quang, hạ lệnh triệu Đăng Dung ở Hải Dương. Khi Đăng Dung đến, vào bái yết nhà vua, rồi đóng quân thủy ở sông Nhị. Đăng Dung lấy cớ rằng vua ở Dương Quang hơi xa, xin dời đến Bồ Đề để quân thủy hộ vệ chầu chực cho được thuận tiện. Đăng Dung lại mật dụ Kính và Áng. Họ đều nói: "Việc giết chết Thiết Sơn bá[1], là do lời gièm pha của Chử Khải, Trịnh Hựu và Ngô Bính; nay nếu giết ba người ấy đi, thì vua tôi lại như cũ, không dám có mưu toan gì khác cả ". Đàm Cử cũng tán thành việc này. Vì thế nhà vua bèn giết bọn Chử Khải 3 người, mong lại có thể ngăn ngừa được hoạn nạn, nhưng bọn Kính và Áng lại càng kiêu ngạo hoành hành, nắm lấy binh quyền không chịu giải tán.

Tháng 9. Đăng Dung giết đô ngự sử Đỗ Nhạc và Thiêm đô ngự sử Nguyễn Dự, rồi xin nhà vua dời đến Bảo Châu.

Đăng Dung lại lấy cớ rằng nhà vua ở Bồ Đề gần địa phận của giặc, xin dời đến Bảo Châu. Nhạc và Dự đều can. Đăng Dung sai đồ đảng của mình là Đinh Mông bắt Nhạc và Dự đem giết ở ngoài cửa bắc chỗ hành doanh xã Xuân Đỗ, bầy tôi ai cũng run sợ. Đăng Dung bèn rước vua đi Bảo Châu. Từ đấy quyền binh trong triều đình, ngoài biên trấn, về hết trong tay Đăng Dung.

Lời chua - Bảo Châu: Thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[2].

Xuân Đỗ: Tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyễn Dự: Người xã Hải Triều, huyện Ngự Thiên, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) năm Đoan Khánh đời Uy Mục đế.

Bọn Trịnh Tuy và Nguyễn Si làm phản. Nhà vua hạ chiếu với Nguyễn Hoằng Dụ đem quân về cứu viện.

---

[1] Tước phong của Trần Chân.

[2] Nay là Tứ Tổng thuộc ngoại thành Hà Nội.

Sau khi nhà vua đã dời đến Bảo Châu, Trịnh Tuy và Nguyễn Si giao thông với giặc là bọn Nguyễn Kính, cùng nhau lập tên Bảng là con của Tĩnh Tu công Lộc, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Đức, dựng hành điện ở xã Miêu Nha, huyện Từ Liêm, chia đặt quan thuộc. Lúc ấy, nhà vua ở Bảo Châu, chỉ có Trình Chí Sâm và Nguyễn [Thì] Ung đi theo. Nhà vua sai người dụ bảo Hoằng Dụ đem quân cứu viện. Hoằng Dụ đem quân Thanh Hoa ra cứu nạn nước. Nhà vua hạ lệnh cho Hoằng Dụ cùng với Đăng Dung thống lĩnh quân các đạo Thanh Hoa và Sơn Nam tiến đánh bọn Kính và Áng ở Sơn Tây. Hoằng Dụ đem quân đánh trước, nhưng không thắng lợi, Hoằng Dụ suy tính rằng mình không thể đánh phá được bọn này, bèn dẫn quân về Thanh Hoa, ít lâu sau thì chết, chỉ còn một mình Đăng Dung cầm cự nhau với bọn Kính và Áng.

Lời chua - Tĩnh Tu công Lộc: Con Cung vương Khắc Xương.

Bảng: Cháu Cung vương.

Do: Em tên Bảng.

Miêu Nha: Tên xã, ở huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[1].

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho Đăng Dung thống lĩnh công việc các dinh quân thủy và quân bộ.

Nhà vua đi đến xã Xuân Đỗ, ban dụ tế Đỗ Nhạc, đô ngự sử đã bị chết.

Nhà vua từ Bảo Châu đi Gia Lâm, đến dinh Xuân Đỗ, tưởng nhớ đến Đỗ Nhạc và Nguyễn Dự dâng lời can trung thực, bị Mạc Đăng Dung giết chết, bèn hạ lệnh cho Lê Sạn, thượng thư bộ Lại, đem tờ dụ đến ban tế phẩm cho Đỗ Nhạc và cho 100 quan tiền để thăm viếng và an ủy; sau nhà vua tặng Đỗ Nhạc hàm thiếu bảo thượng thư Ngự sử đài đô ngự sử, tước Văn Trinh bá, tên thụy là Văn Tiết. Nhà vua cũng truy tặng hàm phó đô ngự sử cho Nguyễn Dự.

Kỷ Mão, năm thứ 4 (1519). (Minh, năm Chính Đức thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đến Bồ Đề, sai tướng đánh đuổi được bọn Trịnh Tuy.

Nhà vua lại đến Bồ Đề, Trịnh Tuy làm cầu phao tiến quân sang nửa phần cầu để khiêu chiến, quan quân phá đứt cầu phao, đánh tan được quân của Tuy. Tuy và Do rút quân về Yên Lãng, nhà vua sai các tướng đuổi đánh, nhân đêm, bọn Tuy chạy trốn.

Lời chua - Yên Lãng: Tên huyện, xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 8 (Chb. XXVI, 25).

Đại hạn từ tháng 3 đến tháng 4.

Tháng 5, mùa hạ. Mưa to.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua hạ lệnh cho Mạc Đăng Dung đánh bọn Lê Do và Nguyễn Si, bắt được đem giết đi.

Đăng Dung đốc suất các quân thủy, quân bộ vây Lê Do ở Từ Liêm, nhân gặp mưa to, Đăng Dung cho khơi nước vào trại quân của Do. Do cùng bọn Nguyễn Si, Nguyễn Áng chạy đến Ninh Sơn, quan quân bắt được đem giết đi. Trịnh Tuy chạy vào Thanh Hoa; bọn Nguyễn Kính và Hoàng Duy Nhạc đầu hàng, Đăng Dung xin tha tội cho bọn này và thu dùng họ làm người nanh vuốt cho mình.

Lời chua - Ninh Sơn: tức huyện Yên Sơn. Bây giờ, thuộc tỉnh Sơn Tây.

Từ Liêm: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 11. (Chb. XI, 31).

Tháng 9. Nhà vua trở về cung điện, đại xá cho trong nước, phong Mạc Đăng Dung làm Minh quận công.

---

[1] Nay là thôn Miêu Nha thuộc xã Tây Mỗ huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 27

Từ Canh Thìn, Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 5 (1520) đến Mậu Thân, Lê Trang Tông, năm Nguyên Hòa thứ 16 (1548), gồm 29 năm.

Canh Thìn, năm [Quang Thiệu] thứ 5 (1520). (Minh, năm Chính Đức thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua sai Mạc Đăng Dung (Dong) tiết chế các doanh quân thủy, quân bộ[1], và Phạm Gia Mô làm tán lý quân vụ[2].

Đăng Dung cầu xin cầm nắm tất cả binh quyền để càn quét mọi đám giặc giã. Lễ bộ thượng thư Phạm Gia Mô cho rằng nếu để binh quyền phân tán ở năm phủ[3] thì Đăng Dung không làm được hết đều mình cần phải làm. Gia Mô liền hiệp sức với các bạn đồng liêu, bảo cử Đăng Dung.

Nhà vua bèn dùng Đăng Dung tiết chế các quân doanh thủy và bộ trong mười ba đạo[4] và dùng Gia Mô làm tán lý quân vụ. Thế là quân đội tinh nhuệ và khí giới sắc bén trong nước từ đó về cả trong tay Đăng Dung.

Lời Chua - Phạm Gia Mô: Người Lê Xá, huyện Nghi Dương[5], đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục , Gia Mô là thông gia với Đăng Dung.

Vũ Nghiêm Uy ở Tuyên Quang làm loạn. Nhà vua sai Vũ Hộ đánh; Nghiêm Uy phải chạy.

Nghiêm Uy dấy quân khuấy nhiễu cướp bóc xã Trường Thân và xã Đại Đồng. Nhà vua sai Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ đi đánh. Quan quân tiến đến xã Đại Đồng thì Nghiêm Uy chạy trốn vào động núi.

Lời chua - Trường Thân, Đại Đồng: đều là tên xã, thuộc Thu Châu, phủ Yên Bình, Tuyên Quang.

Vũ Hộ: Người Thù Du, huyện Nghi Dương.

Tân Tỵ, năm thứ 6 (1521). (Minh, năm Chính Đức thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Mạc Đăng Dung tước Nhân quốc công.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đến chơi nhà Đăng Dung, gia phong Đăng Dung chức thái phó.

Nhà vua sai Đăng Dung đi đánh Trần Cung ở Lạng Nguyên: Trần Cung phải chạy.

Trước kia, Trần Cao[6] trốn lên Lạng Nguyên, triều đình vì bận nhiều việc, nên chưa rời kinh lý đến nơi xa. Cao lén lút chiếm cứ các huyện thuộc Lạng Nguyên và Kinh Bắc, qua 5 năm, truyền cho con là Cung. Cung tiếm hiệu là Tuyên Hòa. Còn Cao thì cắt tóc làm sư, lẩn trốn đâu, không ai biết. Đến đây,

---

[1] Tức là Tổng chỉ huy quân đội trong toàn quốc.

[2] Một chức như trợ lý trong quân đội, có nhiệm vụ xem xét giúp đỡ việc quân, không dặt thường xuyên.

[3] Xem Chb. XX, 2.

[4] Tức là 12 đạo năm 1466 (xem Chb. XX, 7, 8) và đạo Quảng Nam đặt năm 1471 (xem Chb. XXII, 6 - 8).

[5] Nay là thôn Lê Xá, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng.

[6] Xem Chb. XXVI, 25 - 26.

nhà vua sai Đăng Dung thống suất các doanh quân thủy quân bộ đi đến các địa phương Kinh Bắc và Thái Nguyên, lùng bắt được vợ và con gái của Cung, giết chết, còn Cung trốn vào Thất Nguyên.

Sử cũ chua rằng: Có thuyết nói Cung chạy sang nhà Minh, sau bị đóng củi giải về Kinh Đô, giết chết[1].

Lời chua - Thất Nguyên: Tên huyện, Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

Nhâm Ngọ, năm thứ 7 (1522). (Tháng 8 trở đi là Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Bọn Lê Khắc Cương và Lê Bá Hiếu ở Kinh Bắc nổi loạn. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được giết chết Khắc Cương và Bá Hiếu.

Khắc Cương và Bá Hiếu dấy quân ở địa phương Đông Ngàn[2] và Gia Lâm. Đăng Dung thống suốt các tướng đi đánh, không được; phó đề lãnh tứ thành quân vụ là Lê Thọ chết ở vòng quân. Sau đó, triều đình lại sai tướng khác đi đánh, bèn phá và bắt được bọn Khắc Cương và Bá Hiếu ở Lạng Nguyên, đóng củi đưa về kinh đô, giết chết.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi Mộng Sơn.

Bấy giờ Đăng Dung chuyên quyền chinh phạt, uy thế ngày một to, lòng mọi người hướng về Đăng Dung.

Bè đảng của Đăng Dung là Phạm Gia Mô[3] nắm giữ chính quyền trong triều; em rể[4] Đăng Dung là Hữu đô đốc Vũ Hộ làm tổng trấn Sơn Tây, cùng nhau ngầm thông tin tức. Bà con và bè đảng Đăng Dung chằng chịt khắp nơi, câu kết với nhau. Bọn thượng thư Trình Chí Sâm và Nguyễn Ung cũng đều hùa theo.

Đăng Dung tiến người con gái nuôi làm tần ngự trong cung để rình từng lúc động tĩnh của nhà vua. Đăng Dung lại sai em là Quyết giữ quân túc vệ và con trai là Đăng Doanh giữ điện Kim Quang. Chính Đăng Dung tiếm dùng thuyền rồng và lọng phượng, ra vào nơi cung cấm không hề kiêng nể chút nào.

Bọn thị vệ là Nguyễn Cấu, đô lực sĩ là Nguyễn Thọ và Đàm Cử đều là những người tâm phúc của nhà vua thì Đăng Dung giết chết cả.

Nhà vua bí mật bàn cùng bọn nội thần là Phạm Hiến và Phạm Thứ định vời binh sĩ (các địa phương) đến đánh.

Trước hết nhà vua sai người đến Tây Kinh[5] mật dụ Trịnh Tuy tiếp đón cứu viện. Đêm đến, hồi canh hai, nhà vua bèn cùng bọn Hiến và Thứ chạy đi Mộng Sơn. Hoàng thái hậu và hoàng đệ Xuân đều không kịp biết.

Ngày hôm sau, Đăng Dung biết chuyện, mới dùng binh lính đón chẹn những đường xung yếu, sai bè đảng là Hoàng Duy Nhạc đem quân đuổi kịp đến Thạch Thất. Nhà vua dùng binh lính Thạch Thất bắt được Duy Nhạc, giết chết.

Đăng Dung bèn mưu bàn với thái sư Lạng Quốc công Lê Phụ, Mỹ quận công Lê Điêu, Cẩm sơn hầu Lê Thúc Hựu cùng bọn Phạm Gia Mô và Dương Kim Biêu lập hoàng đệ Xuân lên làm vua. Nhưng Đăng Dung lại sợ nhà vua ở ngoài hiệu triệu quân sĩ trong nước, nên không dám đóng giữ kinh thành,

---

[1] Xem Toàn Thư quyển XV, tờ 54a.

[2] Đất huyện Đông Ngàn cũ nay thuộc các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Đông Anh, Sóc Sơn, Gia Lâm,(Hà Nội).

[3] Gia Mô thông gia với Đăng Dung.

[4] Chồng của em gái.

[5] Tức Thanh Hóa.

phải sai đồ đảng là Vũ Hộ đóng quân trấn giữ mạn Bắc Giang và dời Xuân đến huyện Gia Phúc thuộc Hải Dương, đắp lũy Cẩm Giàng để tự vệ.

Bọn Bắc Giang phó đô tướng là Hà Phi Chuẩn, Nghiêm Bá Ký, Nguyễn Xí và Phạm Tại cùng nhận lãnh lời mật dụ của nhà vua. Họ đem quân cần vương miền Bắc Giang đóng ở các huyện Đông Ngàn và Gia Lâm. Bọn văn thần là Đàm Thận Huy, Nguyễn Hữu Nghiêm đều ở trong quân, giúp việc bày mưu lập kế, cầm cự với Đăng Dung ở Tây Kiều Giang. Đăng Dung ngầm dụ Phạm Tại khiến Tại đưa đường kéo quân đến đánh: bọn Phi Chuẩn và Bá Ký đều thua chạy.

Lời chua - Mộng Sơn: Tên xã, thuộc huyện Minh Nghĩa, Sơn Tây.

Thạch Thất: Tên huyện, thuộc phủ Quốc Oai, Sơn Tây.

Gia Phúc: Tức huyện Gia Lộc ngày nay, thuộc tỉnh Hải Dương.

Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 28 - 29).

Cẩm Giàng: Tên huyện, thuộc phủ Bình Giang, Hải Dương.

Hoàng thái hậu: Họ Trịnh, người Phi Quan, thuộc huyện Thanh Chương[1], là vợ Cẩm Giang vương,

Nghiêm Bá Ký: người Lương Cầm thuộc huyện Yên Phong[2].

nguyễn Hữu Nghiêm: Người Phúc Khê, thuộc huyện Đông Ngàn[3], đỗ tiến sĩ cập đệ tam danh[4] khoa Mậu Thìn (1508) niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục.

Tháng 8, Đăng Dung lập hoàng đệ Xuân làm vua.

Đăng Dung lập hoàng đệ Xuân làm vua.

Đăng Dung đem quần thần rước hoàng đệ Xuân lên ngôi, đổi niên hiệu là Thống Nguyên, làm hành điện ở Gia Phúc, tải vàng bạc, tiền của ở kho tàng trong thành đến chứa tại đó.

Nhà vua[5] quay về đến hành điện Thụy Quang, chia sai các tướng đi đánh giặc: không thắng được. Nhà vua lại đi huyện Từ Liêm.

Nhà vua từ xã Mộng Sơn quay về, ngự ở hành điện Thụy Quang, cho trăm quan đến chầu. Bọn Đàm Thận Huy, Hà Phi Chuẩn, Lê Vĩnh, Lê Quảng và Lê Đình Tú đều đem quân đến hội. Nhà vua sai Đình Tú thúc đẩy đều động các quân doanh thuộc Sơn Nam chia ra đóng giữ các nơi xung yếu như Bộc Độ, Ninh Giang và Nghĩa Lễ, nhưng rồi đều bị Đăng Dung phá tan. Đăng Dung bắt được Đình Tú, đưa đến huyện Gia Phúc[6], giết chết.

Nhà vua lại sai bọn Nguyễn Kính, Lê Vĩnh, Nghiêm Bá Ký, Kiều Bá Khiêm và Nguyễn Xí chia đường chen đánh ở các huyện Gia Lâm[7], Văn Giang[8], Đường Hào[9], Cẩm Giàng[1] và Lang Tài[2], cầm cự với quân Đăng Dung đến hàng tháng.

---

[1] Thuộc tỉnh Nghệ An.

[2] Thuộc tỉnh Bắc Ninh.

[3] Nt.

[4] Tức thám hoa.

[5] Từ đây đến lúc Chiêu Tông bị giết, phàm tiếng "nhà vua " đều chỉ Chiêu Tông.

[6] Nay là huyện Gia Lộc thuộc tỉnh Hải Dương.

[7] Nay thuộc Hà Nội.

[8] Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[9] Nay là huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng yên.

Bấy giờ các xứ Tây, Nam, Bắc đều đã quay theo chính nghĩa, về với nhà vua. Nhưng nhà vua tin dùng bọn hoạn quan Phạm Điền, không nghe theo ý kiến của chư tướng. Nhà vua sai trung sứ đi triệu Trịnh Tuy ở Thanh Hoa; hết bọn này đến lũ khác đi lại hàng 3, 4 lần, Trịnh Tuy vẫn cứ trùng trình ngờ vực, không chịu đến vội. Đăng Dung chia quân thủy, quân bộ tiến phạm bến Đông Hà. Nhà vua sai bọn Lại Thúc Mậu, Nguyễn Dư Hoan, Nguyễn Định và Đàm Khắc Nhượng dàn thành doanh trại để đóng giữ, lại bị Đăng Dung đánh úp; quân của Thúc Mậu và Dư Hoan phải lùi. Đồ đảng của giặc là bọn Hưng Hiền bốn người, tay giữ lá chắn, tay cầm cây thương, từ phường Phục Cổ thẳng phạm vào hành điện là chỗ nhà vua đang ở. Các vệ sĩ chống cự lại. Trong khi gấp rút, trăm quan đều tan tác. Nhà vua bèn rút ra đóng ở Nhân Mục[3]. Dân sở tại đua nhau đem dâng cháo hoa.

Ngay ngày hôm ấy, nhà vua dời đi Từ Liêm[4], đóng tại chùa Trùng Quang làng Thiên Mỗ. Trăm quan dần dần tập hợp lại.

Lời chua - Bộc Độ, Ninh Giang, Nghĩa Lễ: Đều là tên xã, thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Gia Lâm: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Đường Hào[5]: Xem Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 4 (Chb. VI, 8).

Văn Giang, Lang Tài: Tên hai huyện, đều thuộc phủ Thuận An, Bắc Ninh.

Hành điện Thụy Quang: Không rõ ở đâu.

Nhân Mục: Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 2 (Chb. XXV, 22).

Từ Liêm: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 31).

Thiên Mỗ[6]: Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm.

Tháng 9. Nhà vua quay về, đóng ở làng Thượng Yên Quyết[7].

Nhà vua lại đốc thúc quân các đạo kéo về đến Thượng Yên Quyết ở phía tây kinh thành. Đăng Dung còn bị cản trở vì các tướng Bắc Giang, không dám ngấp nghé nom dòm trong đô thành. Nhà vua lập hành điện ở phía tây kinh đô để coi chầu và dựng nhà thái miếu ở phía đông.

Lời chua - Thượng Yên Quyết: Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Tháng 10, mùa đông. Trời mưa ra hoàng trùng.

Phương đông có khí đỏ vàng che cả góc trời.

Trịnh Tuy cướp lấy nhà vua đem về Thanh Hoa. Quốc Tử Giám tư nghiệp Lê Hiếu Trung tử tiết.

Trịnh Tuy thống suất các tướng sĩ ở ba phủ[8] và ở các xứ thuộc Thanh Hoa hàng hơn vạn người cùng với Trịnh Duy Thuân ta hộ giá. Thuộc tướng của Tuy là Nguyễn Bá Kỷ vào hầu bên vua. Nội thần là Phạm Điền sợ Bá Kỷ tranh giành quyền bính, bèn tâu vua đem chém, bêu đầu ở ngoài cửa quân doanh Trịnh Tuy. Trịnh Tuy vì thế sinh ra bất bình, bèn cùng bọn Duy Thuân nói phao lên rằng cần đi xem đất

---

[1] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[2] Nay là một phần huyện Gia Lương.

[3] Tức làng Mọc, nay là xã Nhân Chính thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội.

[4] Nay là huyện Từ Liêm Hà Nội.

[5] Đất huyện Đường Hào cũ, nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hưng yên.

[6] Nay là xã Tây Mỗ và Đại Mỗ thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

[7] Nay là phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

[8] Xem "lời chua " ở sau của Cương mục.

để lập doanh trại. Tối đến, Trịnh Tuy dời quân đến mai phục ở Dịch Vọng[1]; gần mờ sáng, đem quân hò la ầm ỹ, tiến sát đến chỗ nhà vua. Bấy giờ nhà vua bối rối, không biết xoay xở ra sao. Bọn Tuy bèn cướp lấy nhà vua đem về Thanh Hoa.

Tư nghiệp Lê Hiếu Trung tử tiết. Lại bộ thượng thư Đông các đạo học sĩ thị Kinh Diên[2] là Vũ Duệ và Lại bộ thượng thư là Ngô Hoán cùng với môn đồ là bọn Nguyễn Mẫn Đốc thống suất hương binh đi theo nhà vua, đến Thanh Hoa, đứt liên lạc, không biết nhà vua ở đâu. Họ đều hướng về Lăng Tẩm Lam Sơn, bái vọng, rồi tự vẫn cả. Đô ngự sử là Nguyễn Văn Vận đi theo ngự giá, bị Đăng Dung giết chết.

Lời cẩn án - về cái chết trung của bọn Vũ Duệ, Ngô Hoán, và Nguyễn Mẫn Đốc, Sử cũ không chép; nay khảo ở Trung Hưng tiết nghĩa lục và Đăng khoa lục bổ sung thêm.

Lời chua - Tam Phủ: Tức là ba phủ Hà Trung, Tỉnh Gia và Thiệu Hóa.

Lăng Tẩm Lam Sơn[3]: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. XV, 33).

Lê Hiếu Trung: Người Chi Nê[4], huyện Chương Đức[5] đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) niên hiệu Cảnh Thống.

Trịnh Duy Thuân: Người Thủy Chú, huyện Lôi Dương[6].

Vủ Duệ: Người Trình Xá, huyện Sơn Vi[7], đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh[8] khoa Canh Tuất[9] (1490) niên hiệu Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Ngô Hoán: Người Thượng Đáp[10] thuộc huyện Thanh Lâm, đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh[11] khoa Canh Tuất (1490), niên hiệu Hồng Đức.

Nguyễn Mẫn Đốc: Người Xuân Lũng thuộc huyện Sơn Vi, đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh khoa Mậu Dần (1518), niên hiệu Quang Thiệu.

Nguyễn Văn Vận: Người Ngọc Trục, thuộc huyện Cẩm Giàng[12], đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505), niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục.

Tháng 11. Đinh Sơn Hầu Giang Văn Dụ dấy quân đánh Đăng Dung: không thắng được.

Văn Dụ dấy quân ở Thanh Oai[13], các huyện Sơn Miêng, Hoài An, Chương Đức, Thanh Đàm, Thượng Phúc và Phú Nguyên đều hưởng ứng theo. Lê Văn Phúc vội báo tin gấp rút đến Đăng Dung.

Bấy giờ Đăng Dung đang đánh dẹp ở vùng Kinh Bắc, sai tì tướng là bọn Kiều Văn Côn, Lê Bá Ly và Mạc Quyết từ các lộ Phú Nguyên. Thanh Đàm và Thanh Oai đồng thời tiến quân, bốn mặt đánh khép lại: Văn Dụ tan vỡ chạy trốn.

---

[1] Tức làng Vòng nay là phường Dịch Vọng thuộc quận Cầu Giấy Hà Nội.

[2] Chức quan hầu nhà vua học tập ở tòa Kinh Diên.

[3] Thuộc Thanh Hóa.

[4] Nay là thôn Chi Nê thuộc xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

[5] Nay là huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

[6] Nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[7] Nay là huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

[8] Tức trạng nguyên.

[9] Nguyên văn Cương mục in lầm là Canh Thìn nay tra trong Toàn thư XIII 64 chép khoa Canh Tuất (1490) có Vũ Duệ và Ngô Hoán... đỗ tiến sĩ cập đệ ... vậy xin cải chính.

[10] Nay thuộc xã Nam Hồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

[11] Tức bảng nhãn.

[12] Nay thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

[13] Nay là huyện Thanh Oai thuộc tỉnh Hà Tây.

Lời chua - Thanh Oai: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Thanh Đàm: Tức Long Đàm. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

Sơn Miêng, Hoài An, Chương Đức: Tên ba huyện, đều thuộc phủ Ứng Hòa, Hà Nội[1].

Thượng Phúc, Phú Nguyên: Tên hai huyện, đều thuộc phủ Thường Tín[2]. Phú Nguyên nay là Phú Nguyên.

Tháng 12. Hoàng đệ Xuân từ Gia Phúc[3] quay về, đóng ở Bồ Đề.

Quý Mùi, năm thứ 8 (1523). (Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 2). (Minh, năm Gia Tĩnh thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở Thanh Hoa.

Đăng Dung sai bè đảng là bọn Mạc Quyết, Vũ Hộ và Vũ Như Quế đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hoa. Trịnh Tuy nhân đó, dời nhà vua đến châu Lang Chánh.

Lời Chua - Châu Lang Chánh: Thuộc phủ Thanh Đô, tỉnh Thanh Hoa.

Hoàng đệ Xuân phong Nguyễn Ung làm Lương văn hầu.

Trước kia, nhà vua thấy Ung bám theo Đăng Dung, nên giam Ung ở điện Quỳnh Văn, nhưng chưa kịp giết. Khi nhà vua đi xã Mộng Sơn, Đăng Dung thả Ung ra. Đến đây Ung đem con gái dâng cho Xuân, lại đem con gái khác gả cho Đăng Dung, do đó Ung được phong tước hầu.

Tháng 8, mùa thu. Có sâu cắn lúa.

Mạc Đăng Dung phế nhà vua làm Đà Dương vương.

Bấy giờ nhà vua đang ở châu Lang Chánh. Đăng Dung giả mạo chiếu chỉ của Xuân, phế truất vắng mặt nhà vua.

Lời chua - Đà Dương: Tên xã, thuộc châu Lục Yên, phủ Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Giáp Thân, năm thứ 9 (1524). (Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Đăng Dung tự làm bình chương quân quốc trọng sự, thái phó. Nhân quốc công.

Tháng 11, mùa đông. Xuân truy phong Trần Chân làm quận công, phong con Chân là Trần Thực làm Hoằng hưu bá.

Trước kia, Trần Chân bị gian thần gièm pha[4], nên cùng con em sáu người đều bị giết chết. Đến đây được truy phong.

Ất Dậu, năm thứ 10 (1525). (Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 4 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 4).

Tháng 6, mùa hạ. Đại hạn.

---

[1] Nay là huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức và Chương Mỹ thuộc tỉnh Hà Tây.

[2] Nay là các huyện Thường Tín, Phú Xuyên thuộc tỉnh Hà Tây.

[3] Nay là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

[4] Trần Chân, người La Khê. (Nay thuộc thị xã Hà Đông), tước Thiết sơn bá, sau khi đánh đuổi được Nguyễn Hoằng Dụ (đinh sửu, 1517), nắm nhiều quyền bính trong tray. Về sau có kẻ đặt bài vè để vu oan giá họa cho Trần Chân, nên bị Lê Chiêu Tông giết chết (xem Toàn thư XV, 43; Cương mục, Chb. XXVI, 38).

Tháng 10, mùa đông. Đăng Dung đánh bại Trịnh Tuy, bèn cướp lấy nhà vua, đem về phường Đông Hà.

Đăng Dung tự làm đô tướng, thống suất các doanh quân thủy quân bộ vào đánh Trịnh Tuy ở châu Lang Chánh thuộc Thanh Hoa[1]: đánh hãm được hết các quận huyện ở Tây Kinh[2]. Sau đó, Trịnh Tuy chết. Đăng Dung bèn cướp lấy nhà vua ở Lang Chánh, đem về để ở tại phường Đông Hà.

Lời chua - Đông Hà: Tên phường, thuộc huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức[3], Hà Nội.

Tháng 12. Đăng Dung giết Phúc lương hầu Hà Phi Chuẩn.

Phi Chuẩn đóng quân ở Bắc Giang. Nghe tin Đăng Dung đã bức hiếp đem nhà vua về rồi, quân của Phi Chuẩn đều giải tán. Phi Chuẩn bị môn đồ[4] bắt, đem đến kinh đô. Đăng Dung sai thắt cổ giết chết Phi Chuẩn.

Bấy giờ hàn lâm hiệu lý Nguyễn Thái Bạt bị Đăng Dung cưỡng ép vời đến, ông giả vờ thanh manh, được đến gần, nhân đó ông nhổ vào mặt Đăng Dung và mắng chửi ầm ỹ. Lễ bộ thượng thư Lê Tuấn Mậu bị Đăng Dung cưỡng ép vào chầu, ông xu xu hòn đá trong ống tay áo, ném Đăng Dung, không trúng. Cả hai đều bị Đăng Dung giết chết.

Lại bộ thượng thư Đàm Thận Huy, Kinh Bắc Tham chính sứ Nguyễn Duy Tường, Hiến sát sứ Nguyễn Tự Cường và Bình hồ bá Nghiêm Bá Ký đều thống suất hương binh[5] chống đánh với Đăng Dung; không thắng được đều tự tử chết.

Đô ngự sử Lai Kim Bảng lánh về quê làng, sau bị Đăng Dung cưỡng ép vời gọi. Khi qua giữa dòng sông Nhị, ông mũ áo chỉnh tề, bái vọng về Lam Sơn[6], lớn tiếng mắng chửi Đăng Dung, rồi gieo mình xuống sông chết.

Phó đô ngự sử Nguyễn Hữu Nghiêm và Lễ Bộ tả thị lang Lê Vô Cương bị bắt, không chịu khuất phục, đều bị Đăng Dung giết chết.

Nguyễn Thiệu Tri, trước kia, làm Hộ Bộ thượng thư, đã trí sĩ. Nay được tin con là Nguyên Sùng nhận lãnh ngụy chức[7] của Mạc Đăng Dung, ông bèn gọi em của Nguyên Sùng đến, trối trăng mọi việc sau khi mình chết: không cho Nguyên Sùng được làm con. Đêm đến, ông hướng về Lam Sơn bái vọng, rồi tự vẫn chết.

Bây giờ có đến hơn mười người tử tiết. Riêng Lễ Bộ thượng thư Phạm Khiêm Bính trước tiên đi yết kiến, bị Đăng Dung truất xuống làm Hộ Bộ hữu thị lang. Thái bộc tự khanh Nguyễn Mậu theo nhà vua đi Thanh Hoa, kịp khi nhà vua bị Đăng Dung bức hiếp đem về. Nguyễn Mậu về trước để đợi tội, bị Đăng Dung truất xuống làm Tuyên Quang thừa chính sứ.

Lời chua - Lam Sơn: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

---

[1] Từ đây trở xuống cũng như từ đây ngược lên đầu triều Lê Thái Tông, Cương mục thường chép Thanh Hóa là Thanh Hoa là theo sự thay đổi từ năm Quang Thuận thứ 10 (1469). Đến triều Nguyễn, năm Thiệu Trị thứ 1 (1841), vì kiêng tên mẹ Thiệu Trị, lại đổi là Thanh Hóa.

[2] Tức Thanh Hóa.

[3] Nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

[4] Người môn đồ này không rõ tên là gì, chỉ thấy Toàn thư XV, 64 chép tước là Tử Nhạc bá.

[5] Tức là dân quân.

[6] Chỗ lăng tẩm các vua nhà Lê.

[7] Vì nhà Mạc bị Cương mục liệt vào hạng triều đại tiếm nghịch, không được kể là chính thống, nên phàm quan chức nhà Mạc đều bị chép là "ngụy chức ", hay "ngụy quan ".

Đàm Thận Huy: Người Ông Mặc, thuộc huyện Đông Ngàn[1].

Lê Tuấn Mậu: Người Xuân Lôi, huyện Yên Phong[2]. Đàm Thận Huy và Lê Tuấn Mậu đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) niên hiệu Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Nguyễn Tự Cường: Người Tam Sơn, thuộc huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1514) niên hiệu Hồng Thuận, đời Lê Tương Dực.

Nguyễn Thiệu Tri: Người Xuân Lôi, huyện Lập Thạch[3], đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất[4], niên hiệu Hồng Đức.

Nguyễn Duy Tường: Người Lý Hải, thuộc huyện An Lãng[5], đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511), niên hiệu Hồng Thuận.

Nguyễn Thái Bạt: Người Bình Lãng, thuộc huyện Cẩm Giàng[6], đổ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1520), niên hiệu Quang Thiệu.

Lại Kim Bảng: Người Kim Lan, thuộc huyện Cẩm Giàng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Dần (1518), niên hiệu Quang Thiệu.

Lê Vô Cương: Người Thiên Biểu, thuộc huyện An Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511), niên hiệu Hồng Thuận.

Bính Tuất, năm thứ 11 (1526). (Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 5 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở phường Đông Hà.

Tháng 12, mùa đông. Đăng Dung giết nhà vua ở phường Đông Hà.

Đăng Dung mật sai đồ đảng là Lại Kim Bảng giết nhà vua ở phường Đông Hà, đem về táng tại lăng Vĩnh Hưng ở Thanh Đàm[7]. Nhà vua ở ngôi 11năm, thọ 26 tuổi.

Đinh Hợi (1527). (Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 6 - Từ tháng 6 trở đi, là Mạc Đăng Dung năm Minh Đức thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 6).

Tháng 4, mùa hạ. Đăng Dung tự làm An Hưng vương, tự cho mình được hưởng nghi lễ và đồ dùng "cửu tích "[8].

Đăng Dung từ sau vụ Đông Hà[9], giả vờ rút lui, sống cách nhàn tản, về ở Cổ Trai, nhưng vẫn từ xa cầm nắm quyền bính triều đình.

Xuân sai bọn Tùng Dương hầu Vũ Hữu và Lan Xuyên bá Phan Đình Tá cầm cờ tiết và đem kim sách đi Cổ Trai ban cho Đăng Dung: mũ áo thiêu rồng đen, đai ngọc, kiệu tía, quạt vẽ, tán tía; tiến phong Đăng Dung tước An Hưng Vương, và cho thêm "cửu tích ".

---

[1] Nay là thôn Ông Mặc, xã Hương Mạc, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.

[2] Nay là thôn Xuân Lôi, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, Bắc Ninh.

[3] Nay là thôn Xuân Lôi, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, Vĩnh phúc.

[4] Đây là lỗi in của Cương mục, thực ra suốt triều Hồng Đức (1470 - 1497) không có khoa nào là khoa "Mậu Tuất ". Vậy nếu là Mậu Thân thì là 1488; nếu là Canh Tuất thì là 1490.

[5] Nay là thôn Lý Hải, xã Phú Xuân, huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

[6] Nay thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

[7] Nay là Thanh Trì, thuộc Hà Nội.

[8] Theo chế độ phong kiến xưa, khi thiên tử muốn tỏ ý ưu đãi một đại thần nào thì ban cho đồ quý giá và cho hưởng nghi lễ đặc biệt để biểu dương khác với mọi người. Chính thứ ban cho ấy gọi là "cửu tích ". Muốn rõ từng thứ một, xin xem "lời chua " ở sau của Cương mục.

[9] Tức là việc giết Lê Chiêu Tông ở phường Đông Hà.

Xuân lại ban cho Đăng Dung bài thơ nói về việc Chu Công giúp rập Thành Vương.

Lời chua - Cửu tích: Theo sách Lê Vĩ thì Cửu tích gồm có:

1.Xe, ngựa.

2. Áo mặc.

3. Nhạc khí.

4. Cửa son.

5. Nạp bệ[1].

6. Hổ bôn[2].

7. Cung, tên.

8. Phủ việt[3].

9. Cự sưởng[4].

Chính thứ ban cho trên đây là cốt để khuyến khích người thiện đã nâng đỡ được kẻ không đủ tài năng.

Sách Bạch hổ thông chép: Biết vỗ về cho dân được yên vui thì ban cho xe và ngựa. Làm được cho dân giàu dân giàu có thì ban cho áo mặc. Làm cho dân được hòa vui, thì ban cho nhạc khí, làm cho số dân tăng nhiều thì ban cho được dùng cửa son. Biết khuyên nhà vua làm điều thiện thì cho được "nạp bệ ". Biết đẩy lùi được điều ác của nhà vua thì ban cho quân hổ bồn. Giết được kẻ có tội thì ban cho cây phủ việt. Đánh dẹp được kẻ phản nghịch thì ban cho cung và tên. Có lòng hiếu thảo đầy đủ thì ban cho rượu cúng tế.

Cổ Trai:Tên xã, xem Lê Uy Mục, năm Đoan Khánh thứ 4 (Chb. XXV, 26).

Vũ Hữu: Người làng Mộ Trạch[5], huyện Đường An[6], đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463), niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông.

Phan Đình Tá: Người Phù Lưu, huyện Thiên Lộc[7], đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499), niên hiệu Cảnh Thống, đời Lê Hiến Tông.

Tháng 6. Đăng Dung tự xưng là vua.

Đăng Dung từ Cổ Trai vào kinh đô, ép Xuân nhường ngôi cho mình.

Bấy giờ ban thứ trăm quan để yên chỗ, nhưng chưa có tờ chiếu nhường ngôi. Đăng Dung hạ lệnh cho Lại bộ thượng thư Trương Phu Duyệt[8] đứng thảo. Nhưng Phu Duyệt quắt mắt, mắng Đăng Dung: "Thế nghĩa là gì! ".

---

[1] Được phép xây ngay thềm bậc lên xuống ở trong nền nhà, chứ không phải xây lộ thiên ở ngoài.

[2] Những tay dũng sĩ.

[3] Phủ: cái búa, việt:: búa lớn.

[4] "cự sưởng " một thứ rượu dùng về việc cúng tế.

[5] Nay là thôn Mộ Trạch thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương.

[6] Thời Lê thuộc phủ Thượng Hồng. Thời Nguyên do phủ Bình Giang kiêm lý. Phủ Bình Giang sau là huyện Bình Giang.

[7] Sau đổi Can Lộc thuộc Hà Tĩnh (xem thêm Cương mục, Tb, IV, 23; Đại Nam nhất thống chí, XIII, 5, tỉnh Hà Tĩnh).

[8] Người xã Kim Đâu, huyện Thanh Miện nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Đăng Dung bèn sai Đông Các đại học sĩ Nguyễn Văn Thái phải làm cho xong tờ chiếu. Đăng Dung bèn sai tuyên đọc lời chiếu rồi xưng hoàng đế, đổi năm này (Đinh Hợi, 1527) làm năm Minh Đức thứ 1.

Đăng Dung giết hoàng đệ Xuân và hoàng thái hậu Trịnh Thị.

Đăng Dung phế truất Xuân xuống làm Cung Vương, giam luôn với hoàng thái hậu Trịnh Thị ở nội cung phía tây, vài tháng sau ép phải tự tử.

Đăng Dung vào đóng tại thành Thăng Long, lập miếu, dựng điện, truy tôn tổ khảo nhà mình.

Đăng Dung từ Cổ Trai vào ở thành Thăng Long, đặt Hải Dương làm Dương Kinh, lập miếu và cung điện ở xã Cổ Trai. Từ tổ là Mạc Đĩnh Chi đến cha là Hịch gồm 7 đời đều truy tôn làm đế và hậu. Lập con là Đăng Doanh làm thái tử, phong em trai là Quyết làm Tín vương, em trai là Đốc làm Từ vương, em gái là Ngọc Huệ làm công chúa... Lại phong em rể là Vũ Hộ làm Tĩnh quốc công, cho lấy theo họ Mạc; phong hoạn quan Nguyễn Thế Ân làm Lỵ quốc công.

Bấy giờ trong kinh đô và ngoài các lộ thẩy đều hoang mang. Đăng Dung sợ lòng người tưởng nhớ nhà Lê cũ, sinh ra biến cố, nên phàm việc đều noi theo chế độ triều Lê, vỗ về một cách giả tạo để trấn áp lòng người; nào sửa chữa đền miếu nhà Lê cũ, cúng tế theo tuần tiết bốn mùa, nào truy phong thêm cho các bầy tôi tiết nghĩa nhà Lê như bọn Vũ Duệ và Đàm Thận Huy... Đăng Dung lại cầu tìm con cháu các công thần, bề ngoài tỏ ý lục dụng để vỗ về họ.

Nhưng con cháu các nhà công thần ấy hoặc trốn tránh vào rừng núi, hoặc giấu tên ẩn họ, không ra làm quan, hoặc tụ họp làm giặc cướp, hoặc trốn đi ngoại quốc để lánh nạn.

Lời chua - Nguyễn Thế Ân: Người Mộ Trạch huyện Đường An[1].

Mậu Tý (1528). (Mạc, năm Minh Đức thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Đăng Dung đúc thứ tiền khác.

Đăng Dung muốn thay đổi, lập chính sự mới, nhưng khi cho đúc tiền theo phép cũ thì phần nhiều hỏng cả, bèn đúc thứ tiền mới pha lẫn cả chì và sắt, ban hành trong nước khiến cho thông dụng.

Tháng 2, Đăng Dung phong tước và phẩm trật cho bè đảng mình có hơn kém khác nhau.

phong:

Nguyễn Quốc Hiến làm phò mã đô úy, thái bảo, lâm quốc công, cho đổi theo họ Mạc;

Mạc Quốc Trinh làm thái sư, Lân quốc công;

Mạc Đình Khoa làm tả đô đốc, Khiêm quận công;

Nguyễn Ung làm thiếu bảo, Thông quốc công;

Trần Phỉ làm Lai quận công.

Ngoài ra, bọn Khuất Quỳnh Cửu, Nguyễn Bỉnh Đức, Phạm Gia Mô, Phan Đình Tá, Nguyễn Văn Thái, Nguyễn Mậu, Hà Cảnh Đạo, Mạc Ích Trưng, Nguyễn Tuệ, Nguyễn Địch, Phạm Chính Nghị, Nguyễn Chuyên Mỹ, Nguyễn Độ, Lê Quang Bí và Nguyễn Điển Kính 56 người đều được thăng trật và phong tước có cao thấp khác nhau.

Lời chua - Trần Phỉ: Người Chi Nê[2], huyện Chương Đức, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục.

---

[1] Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

[2] Nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

Khuất Quỳnh Cửu:Người Lôi Trạch, huyện Thạch Thất[1] đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) niên hiệu Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Phạm Chính Nghị: Người làng Hoa Kiều[2], huyện Lang Tài[3].

Hà Cảnh Đạo:Người làng Đạo Tú thuộc huyện Siêu Loại[4].

Nguyễn Chuyên Mỹ: Người làng Thạch Lưu, huyện An Lão[5].

Nguyễn Bỉnh Đức: Người Thịnh Quang, huyện Quảng Đức[6]. Từ Phạm Chính Nghị, Hà Cảnh Đạo đến Nguyễn Chuyên Mỹ và Nguyễn Bỉnh Đức đều đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1514), niên hiệu Hồng Thuận đời Lê Tương Dực.

Nguyễn Tuệ: Người Kim Bài, huyện Thanh Oai[7].

Nguyễn Địch: Người Lai Xá, huyện Lang Tài, Nguyễn Tuệ và Nguyễn Địch đều đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511), niên hiệu Hồng Thuận đời Lê Tương Dực.

Nguyễn Độ: Người Phù Vệ thuộc huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Dần (1518), niên hiệu Quang Thuận.

Lê Quang Bí: Người Mộ Trạch, huyện Đường An[8], đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1526), niên hiệu Thống Nguyên.

Bọn Lê Công Uyên, Nguyễn Ngã, Nguyễn Thọ Trường dấy quân đánh Đăng Dung: không thắng được.

Bấy giờ Đăng Dung sau khi làm việc thí nghịch và tiếm ngôi nhà Lê, mưu mô tìm kiếm con cháu các công thần để câu nhử bằng quan tước. Bích Khê hầu Lê Công Uyên là cháu nhà công thần, công phẫn vì chính nghĩa, không chịu khuất phục nhà Mạc, bèn mưu bàn với bọn Nguyễn Ngã và Nguyễn Thọ Trường cùng dấy quân. Họ tấn công vào cửa Chu Tước, nhưng không được; phải chạy vào Thanh Hóa, chiêu tập nhân dân, kéo cờ chư tướng. Đăng Dung sai quân đi đánh. Công Uyên bị Lê Thiệu, người châu Thúy Đả, giết chết, do đó các tướng đều tan vỡ.

Lời chua - Lê Công Uyên: Người huyện Lôi Dương[9], là cháu nội Lê Văn Linh, khai quốc công thần.

Thúy Đả: Tên châu, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10[10] (Chb. XXI, 20 - 21).

Đăng Dung quy định binh chế, điền chế là lộc chế[11].

---

[1] Nay là thôn Trạch Lôi, xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Tây.

[2] Tục gọi Huê kiều (cầu hoa).

[3] Nay là huyện Gia Lương, Bắc Ninh.

[4] Nay là huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

[5] Nay là thôn Thạch Lựu, xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng.

[6] Nay thuộc phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.

[7] Nay là thôn Kim Bài, xã Kim An, huyện Thanh Oai, Hà Tây.

[8] Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương.

[9] Nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[10] Nguyên văn Cương mục in lầm là Quang Thuận thứ 7.

[11] Tức là chế độ về quân đội, về ruộng đất và về bổng lộc.

Đăng Dung cho rằng bấy giờ sau lúc thừa hưởng thái bình, chế độ đã trễ tràng lỏng lẻo, nên muốn sửa sang và chấn chỉnh lại. Đăng Dung bèn sai bọn Nguyễn Quốc Hiến khảo cứu sắp xếp lại chế độ về quân đội, về ruộng đất về bổng lộc. Lại kiểm điểm danh hiệu các vệ, các sở. các ti, tên chức quan, số nhân viên và số quân lính ở trong kinh đô và ngoài các lộ thuộc 5 phủ[1]. Tất cả mọi quy chế trên đây đại khái đều phỏng theo điển lệ đời Hồng Đức (1470 - 1497). Đăng Dung lại đặt thêm vệ Hưng Quốc và vệ Chiêu Vũ, cộng với hai vệ Cẩm Y, Kim Ngô đã đặt từ trước, thành bốn vệ. Đặt quân Hải Dương thuộc vệ Hưng Quốc, quân Sơn Nam thuộc vệ Chiêu Vũ, quân Sơn Tây thuộc vệ Cẩm Y, quân kinh Bắc thuộc vệ Kim Ngô. Lại chia người bổ vào các ti ở trong các vệ. Mỗi ti đặt: một chỉ huy sứ, một chỉ huy đồng tri, một chỉ huy thiêm sự, mười trung hiệu, một thư ký, 1.100 trung sĩ, chia làm 22 ban. Ban chia làm 5 giáp. Mỗi giáp đặt một người làm giáp thủ, luân phiên nhau làm túc trực.

Lời chua - Binh chế, điền chế và lộc chế: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 5 - 25). Những phủ, vệ và ti do Mạc Đăng Dung đặt thêm, không rõ số mục là bao nhiêu.

kỷ Sửu (1529). (Mạc, năm Minh Đức thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 8). Bầy tôi cũ nhà Lê là Trịnh Ngung, Trịnh Ngang chạy đi tố cáo với nhà Minh.

Hai anh em Trịnh Ngung Trịnh Ngang chạy sang tố cáo với nhà Minh về việc Đăng Dung tiếm ngôi, và xin nhà Minh dấy quân hỏi tội. Đăng Dung hối lộ bầy tôi nơi biên giới nhà Minh để im chuyện đi. Do đấy công việc không xong, hai người đều chết ở nhà Minh.

Triệu tổ Tĩnh hoàng đế[2] ta[3] dấy quân ở Ai Lao.

trước kia làm Thanh Hoa hữu vệ Điện Tiền tướng quân, tước An Thanh hầu, bấy giờ đem con em sang Ai Lao, được quốc vương Ai Lao là Sạ Đẩu dâng cho đất Sầm Châu, bèn do nhân dân đấy và đất đai đấy (tổ chức làm căn cứ địa); gây nuôi quân lính, thu dùng hào kiệt, ngầm tìm con cháu họ Lê để toan tính công cuộc khôi phục.

Lời chua - Sầm Châu: Thuộc Thanh Hoa, phía tây nam giáp với Ai Lao, có man Mang Hổ cư trú. Khoảng niên hiệu Gia Long (1802 - 1819) triều ta[4], Sầm Châu là cống man[5] ở Thanh Hoa, lại chịu riêng phú thuế và sưu dịch với nước Vạn Tượng. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827), Vạn Tượng bị Tiêm La đánh phá. Sầm Châu cầu xin phụ thuộc về ta, liền đó ta đổi làm huyện Sầm Nưa, cho lệ thuộc vào phủ Trấn Biên, tỉnh Nghệ An, năm Minh Mạng thứ 9 (1828), ta thấy đất ấy gần tỉnh Thanh Hoa, nên theo sự thuận tiện của dân Man, lại đặt lệ thuộc phủ Trấn Man.

Đăng Dung mở khoa thi hội.

Từ phép thi đến cách thức ban ơn đều nhất nhất noi theo điển lệ của triều Lê, khoa này, bọn Đỗ Tổng, Nguyễn Hãng và Nguyễn Văn Huy 27 người trúng tuyển. Từ đó về sau, cứ ba năm một khoa thi, giữ làm lệ thường.

Lời chua - Đỗ Tổng: Người Lại Ốc, huyện Văn Giang[6].

Nguyễn Hãng: Người Vũ Lăng, huyện Thượng Phúc[1].

---

[1] Xem Chb. XX, 2.

[2] Tức là Nguyễn Kim, người Bái Trang, huyện Tống Sơn, thuộc Thanh Hóa, tổ của Triều Nguyễn. Vì Cương mục do sử thần triều Nguyễn chép nên khi nói về Nguyễn kim, chỉ tôn xưng miếu hiệu, không chép thẳng tên. Và từ đây trở đi, phàm chỗ nào chép về tổ tiên và vua chúa triều Nguyễn đều kèm theo chữ "ta " (ngã) cả.

[3] Nt.

[4] Nguyên văn là " bản triều ". Đó là do Quốc sử quán triều Nguyễn chép, nên gọi triều Nguyễn là "triều ta ". Các chỗ khác trong sách này cũng đều chung một lệ ấy.

[5] Dân thiểu số này, hằng năm, chỉ phải giữ lễ tiến cống, chứ không phải chịu phú thuế và sưu dịch với triều đình nhà Nguyễn.

[6] Nay là thôn Lại Ốc, xã Long Hưng,, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Nguyễn Văn Huy: Người Vịnh Cầu, huyện Đông Ngàn[2].

Canh Dần (1530). (Mạc Đăng Doanh, năm Đại Chính thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Đăng Dung truyền ngôi tiếm ngụy cho con là Đăng Doanh.

Đăng Dung cướp ngôi được ba năm, bèn truyền ngôi tiếm ngụy cho con trưởng là Đăng Doanh, tự cho mình là già cả, xưng thái thượng hoàng, lui về ở tại Cổ Trai để trấn giữ củng cố chỗ căn bản, nhưng vẫn nắm giữ tất cả quyền bính và định đoạt mọi việc quốc gia. Đăng Doanh tiếm đặt niên hiệu là Đại Chính (1530 - 1540).

Lê Ý người Thanh Hoa, dấy quân ở Da Châu.

Tháng 4, mùa hạ. Lê Ý đánh bại Đăng Dung ở sông Mã.

Lê Ý, con công chúa Thái An nhà Lê, căm phẫn họ Mạc tiếm nghịch, bèn tụ hợp quân chúng, chiếm giữ Da Châu, lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, báo cáo với gần xa, chiêu tập những người nghĩa dũng. Trong khoảng mười lăm hôm đến một tháng, được đến vài vạn quân, Lê Ý dàn doanh trại, dựng rào lũy chia quân đặt thành từng bộ, từng ngũ đóng đồn ở vùng sông Mã.

Hào kiệt ở các quận huyện đều cho rằng họ Lê lại trung hưng, bèn kéo nhau đến quy phụ. Thanh thế quân đội của Lê Ý rất lừng lẫy.

Nghe biết việc này, Đăng Dung chính mình đốc suất vài vạn quân thủy, quân bộ, đánh nhau với Lê Ý ở sông Mã, bị Lê Ý đánh bại. Đăng Dung bèn rút về, để đồ đảng là bọn Mạc Quốc Trinh ở lại đóng giữ Hoa Lâm. Lê Ý nhân đà thắng lợi, tiến đánh thành Tây Đô[3], lập đại doanh ở Nghĩa Lộ.

Lời chua - Da Châu: Tức châu Quan Da thuộc tỉnh Thanh Hoa.

Sông Mã: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 18).

Tây Đô: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XXI, 16).

Hoa Lâm: Tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoa.

Nghĩa Lộ: Không rõ ở đâu.

Tháng 8, mùa thu. Lê Ý đánh cho Đăng Doanh đại bại ở Động Bàng.

Khi Đăng Dung thua trận rút về thì Đăng Doanh kéo đại quân vào hội ở phận sông Hoằng Hóa. Hai đạo quân của Đăng Dung và Đăng Doanh đồng thời cùng tiến. Mạc Quốc Trinh được lệnh đem 200 chiến thuyền tiến lên trước. Họ hẹn nhau rằng, ngày hôm sau, tất cả cùng hội binh ở sông Đa Lộc thuộc huyện An Định[4].

Nghe biết tin này, Lê Ý đặt nghi binh ở Đa Lộc, còn chính mình thì đem toán quân tinh nhuệ, đêm đến lén đi đường tắt, mờ sáng, đến An Sơn[5].

Bấy giờ thuyền quân Quốc Trinh đang đi qua, Lê Ý nổi pháo hiệu ầm lên, rồi tự đốc suất quân lính đánh tiện ngang vào phía sau quân địch. Quốc Trinh kinh ngạc luống cuống, không biết xoay trở ra sao! Quân bên Mạc tranh nhau bỏ thuyền chạy. Lê Ý ruổi ngựa, dẫn đầu tướng sĩ, đuổi chém hơn 70 thủ cấp địch, quân Mạc đổ vỡ tan tành. Quân Lê Ý thừa thắng, đuổi kẻ thua chạy, chém và bắt được vô kể.

Buổi trưa hôm ấy. Đăng Doanh tiến đến Động Bàng, vì còn chưa biết Quốc Trinh đã bại trận.

---

[1] Nay thuộc xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[2] Nay thuộc xã Đồng Nguyên, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[3] Tức thành Thanh Hóa.

[4] Thuộc Thanh Hóa.

[5] Toàn thư XV, 75 chép là "An Sơn Giang " (cũng thuộc Thanh Hóa).

Lê Ý khẳng khái ra lệnh cho các tướng: "Bây giờ gặp quân địch to lớn như thế này, nếu ta không cố sức chiến đấu thì đến bao giờ cho khôi phục được ? " Các tướng đều hăng hái tiến lên trước, lại cả phá được địch: chém và bắt sống được hơn vạn người. Quân Mạc bị chết, chồng gối lên nhau ! Đăng Doanh phải chạy về, để Quốc Trinh đóng quân ở lại, cố thủ Tống Giang.

Lời chua - Đa Lộc, An Giang[1], Động Bàng: Đều là tên xã, thuộc huyện An Định, tỉnh Thanh Hoa.

Tống Giang: Sông này thuộc huyện Nga Sơn[2], tỉnh Thanh Hoa, chảy về phía đông đến bến Thanh Đán Quan thì đổ ra biển.

Tháng 12, mùa đông. Lê Ý đánh nhau với quân Mạc; không thắng được bị chết.

Lê Ý, vì lương thực không tiếp tế liền liền được, phải chuyển quân về Da Châu. Cậy mình đã thắng nhiều trận, Ý đâm kiêu căng, khinh địch, không phòng bị. Bấy giờ Ý sai tướng sĩ vào núi vận tải lương thực để doanh trại trống rỗng, sơ hở, đội ngũ không chỉnh tề.

Hay tin, Quốc Trinh lựa lấy toán quân nhanh nhẹn đem 50 chiếc thuyền chiến ngày đêm đi gấp đường, tiến sát đến trại Da Châu. Lê Ý không kịp nghênh chiến, bị quân Mạc bắt được, đóng củi đưa về Thăng Long, buộc chân tay vào xe mà xé xác[3].

Tân Mão (1531). (Mạc, năm Đại Chính thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 10).

Nhâm Thìn (1532). (Mạc, năm Đại Chính thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 11).

Tháng 11, mùa đông. Đăng Doanh sai bọn hoạn quan Dương Chấp Nhất và Tây An bá Lê Phi Thừa chia nhau coi quản Thanh Hoa.

Đăng Doanh sai trung nhân[4] Dương Chấp Nhất làm đại tướng lãnh binh thống quản Thanh Hoa tam phủ đồng tam ti, tổng trấn quân và dân một địa phương. Phi Thừa gièm pha rằng: "Ở Ái Châu[5], núi sông hiểm trở, đất đai màu mở, quân lính và lương thực đều đầy đủ. Vả lại, nên phân quyền chứ không nên dồn quyền vào cả một người. Nếu do một người chuyên nắm, một khi lỡ có sự biến thì Ái Châu e không phải là đất của triều đình nữa. Nguyện xin xét kỷ cho ". Đăng Doanh bèn đem bảy huyện thuộc Thanh Hoa là Thụy Nguyên, An Định, Vĩnh Lộc, Đông Sơn, Cẩm Thủy, Thạch Thành và Quảng Bình tách ra, giao cho Phi Thừa cai quản, cùng với Chấp Nhất cùng gìn giữ trông nom cho nhau.

Lời chua - Thụy Nguyên: Tức Lương Giang. Xem Bình Định vương năm thứ nhất (Chb. XIII, 2).

Vĩnh Lộc: Tên huyện, tên cũ là Vĩnh Phúc, thuộc Thanh Hóa.

Đông Sơn, An Định: Đều là tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hóa[6].

Thạch Thành, Cẩm Thủy: Đều là tên huyện, nay thuộc phủ Quảng Hóa[7].

Quảng Bình: Nay là huyện Quảng Địa, thuộc phủ Quảng Hóa.

Dương Chấp Nhất: Người huyện Hoằng Hóa[8].

---

[1] Chắn là "An Sơn " mà Cương mục in lầm.

[2] Theo Đại Nam nhất thống chí XVI, 42 (Thanh Hóa tỉnh, thượng) thì sông Tống Giang ở địa phận huyện Tống Sơn.

[3] Toàn thư XV, 76 chép sau khi Lê Ý bị bắt, quân gia tan rã, hoặc chạy sang Ai Lao, nhập vào dưới cờ Nguyễn Kim, hoặc tản về thôn quê, làm ăn sinh sống.

[4] Tức hoạn quan.

[5] Tức Thanh Hóa.

[6] Đều thuộc Thanh Hóa.

[7] Nt.

[8] Đều thuộc Thanh Hóa.

Lê Phi Thừa: Người Hương Thị, thuộc An Định[1].

Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Quý Tỵ. Lê Trang Tông Dụ hoàng đế, năm Nguyên Hòa thứ 1 (1533). (Mạc, năm Đại Chính thứ 4 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân, Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta[2] đón lập hoàng tử Ninh lên ngôi ở Ai Lao.

Trước kia, khi Đăng Dung thí nghịch và tiếm ngôi, Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta lánh nạn sang ở tại châu Sầm Nưa thuộc Ai Lao, chiêu tập những người trung dũng, đầu tiên dựng lá cờ nghĩa, quyết chí diệt Mạc để khôi phục nhà Lê, bèn tìm khắp mọi nơi kiếm lấy cho cháu họ Lê, thì được con nhỏ của Chiêu Tông là Ninh, lập làm vua, lên ngôi ở Ai Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hòa. Từ đó, hội gió mây lôi cuốn, tiếng chính nghĩa lẫy lừnh, quân trẩy đến đâu chẳng ai là không hưởng ứng. Công nghiệp trung hưng nhà Lê thực bắt đầu từ đấy.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9 - 10).

Châu Sầm Nưa: Xem Mạc, năm Minh Đức thứ 3 (Chb. XXVII, 20).

Bàn luận về công tôn phù giúp rập nhà vua[3], phong tước và ban thưởng có tầng bậc khác nhau.

Phong Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta làm thượng phụ, thái sư tước Hưng quốc công, giữ công việc trong và ngoài; phong Đinh Công làm thiếu úy, tước Hùng quốc công. Ngoài ra, các tướng tá khác đều được phong thưởng có tầng bậc khác nhau.

Nhà vua thông hiếu với chúa Ai Lao là Sạ Đẩu, trưng mộ quân lính, điều bát lương thực để tính việc tiến thủ.

Lời chua - Đinh Công: Người huyện Quảng Bình thuộc Thanh Hoa.

Sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, nhiều lần sai người đem thư sang nhà Minh báo cáo về nạn nước, đều bị đồ đảng của giặc đón đường giết chết. Đến đây, sai bọn Trịnh Duy Liểu hơn mười người vượt biển từ Chiêm Thành đi ghé thuyền buôn Quảng Đông, hàng hai năm trời mới đến Yên Kinh, trình bày đầu đuôi về việc Đăng Dung thí nghịch, lén lút chiếm cứ quốc đô, do đó đường sá sang cống mới bị ngăn trở đoạn tuyệt. Vậy xin nhà Minh dấy quân hỏi tội họ Mạc.

Người Minh ngờ rằng có sự dối trá. Duy Liểu bèn viết bức thư hàng vài nghìn lời, tự cho mình là người có nghĩa khí có thể sánh với Thân Bao Tư[4] và Trương Tử Phòng[5], lời lẽ trong thư trung nghĩa mà đầy giọng căm hờn, hăng hái mà sục sôi tức bực, khiến người đọc phải xót xa.

Nghiêm Tung, Lễ bộ thượng thư nhà Minh, tâu nói: "Những lời điều trần của Duy Liểu chưa chắc đả có căn cứ đích xác. Vậy xin cho lưu Duy Liểu ở lại sứ quán, rồi sai quan sang khám xét sự thực ". Vua Minh bèn sai bọn thiên hộ Đào Phượng Nghi và Trần Tỉ ra đi, cùng với tuần phủ Vân Nam là U ông Văn Thịnh hội khám, xét xem kẻ nào là tên tội nhân chủ phạm.

Lời chua - Trịnh Duy Liểu: Người Thủy Chú, huyện Lôi Dương[1].

---

[1] Nt.

[2] Xem chú giải số 1 và số 2 ở Chb XXVII, 19.

[3] Chỉ việc lập Lê Trang Tông.

[4] Người nước Sở đời Xuân Thu. Khi quân Ngô đánh phá nước Sở, Bao Tư sang Tần cầu cứu, khóc đến bảy ngày làm vua Tần cảm động, phải dấy quân cứu nước Sở.

[5] Tên tự của Trương Lương, trung với nước Hàn, mưu sát Tần Thủy Hoàng ở Bác Lãng Sa để báo thù cho nước. Sau giúp Hán Cao Tổ, thống nhất thiên hạ.

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20 - 21).

Giáp Ngọ, năm thứ 2 (1534). (Mạc, năm Đại Chính thứ 5. Minh, năm Gia Tĩnh thứ 13).

Ất Mùi, năm thứ 3 (1535). (Mạc, năm Đại Chính thứ 6 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 14).

Bính Thân, năm thứ 4 (1536). (Mạc, năm Đại Chính thứ 7 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 15). Lại sai sứ sang nhà Minh (không rõ tháng nào).

Sau chuyến Trịnh Duy Liểu đã đi, nhà vua thấy lâu không có tin tức tăm hơi gì, lại sai Trịnh Viên sang Minh. Viên đi đến Vân Nam thì quan hội khám nhà Minh là bọn Đào Phượng Nghi cũng vừa tới nơi, Viên bèn trình bày tất cả sự việc họ Mạc thí nghịch và tình hình vua Lê bôn ba long đong. Viên thỉnh cầu nhà Minh xuất quân đánh Mạc. Quan hội khám về triều báo cáo. Vua Minh giao việc này xuống để đình thần bàn xét. Mọi người trong bộ Lễ và bộ Binh đều nói: "Đăng Dung có mười tội to, không thể không đánh được ".

Đinh Dậu, năm thứ 5 (1537). (Mạc, năm Đại Chính thứ 8 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 16).

Tháng 2, mùa xuân. Minh dùng Cừu Loan làm tổng đốc, Mao Bá Ôn làm tán lý quân vụ, đi đánh Mạc Đăng Dung.

Vua Minh đã biết rõ tội trạng tiếm nghịch của Đăng Dung Tuần phủ Vân Nam là U ông Văn Thịnh lại tâu nói Đăng Dung ngầm sai bọn tri châu Nguyễn Cảnh đi sang rình dò hư thực, đến núi Nạp Canh bị thổ xá là Lý Mạnh Quang bắt được luôn với một bài Đại cáo do nguỵ Mạc soạn ra, rồi đem trình nộp. Vua Minh cả giận, bèn phong Hàm Ninh hầu Cừu Loan làm tổng đốc, thượng thư Mao Bá Ôn làm tán lý quân vụ, đem quân đi đánh U Ông Văn Thịnh truyền hịch mọi nơi, đem họa phúc dụ bảo.

Lời cẩn án: - Sử cũ, trong năm Nguyên Hòa thứ 1 (1533), chép vua Lê sai Trịnh Duy Liểu sang Minh xin quân [đánh Mạc]; đến năm thứ 2 (1534), chép vua Minh sai tướng sang đánh Đăng Dung. Nay tra trong Minh sử: tháng 2, mùa xuân, năm Gia Tĩnh thứ 16 (Đinh Dậu, 1537) chép vua Minh sai tướng sang đánh Đăng Dung thì chính đúng vào năm Nguyên Hòa thứ 5. Này, Duy Liểu sang Minh hàng hai năm mới đến được quốc đô [Trung Quốc]; kịp khi được U Ông Văn Thịnh tâu trình lên thì (triều đình nhà Minh) mới bàn đến việc ra quân. Vậy xét theo sự thực thì Minh sử đúng. Nay xin cải chính.

Lời chua - Núi Nạp Canh: Theo thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư thì núi Nạp Canh ở phủ Lâm An thuộc Vân Nam.

Tháng 4, mùa hạ. Gió bão lớn. Nước biển tràn ngập.

Gió bão lớn, cây đổ, nhà sụp. Nước biển tràn ngập. người và súc vật phần nhiều chết đuối.

Tước Mạc, Lê Phi Thừa, đầu hàng.

Tây An hầu Lê Phi Thừa nhà Mạc được phân phối cai quản 7 huyện[2] thuộc Thanh Hoa. Khi nghe biết nghĩa quân[3] trỗi dậy, bèn thu vén vơ vét chỗ đinh tam ti mà sang Ai Lao quy thuận nhà Lê. Nhà vua cho Phi Thừa vẫn giữ nguyên quan tước như cũ. Về sau, vì kêu ngạo, ngang ngược và hay oán trách, nên Phi Thừa bị giết chết.

Mậu Tuất, năm thứ 6 (1538). (Mạc, năm Đại Chính thứ 9 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 17).

Mùa xuân, Đăng Doanh tuyển mộ hoàng đinh[4] làm lính.

---

[1] Nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Xem Chb. XXVII, 24.

[3] Chỉ đám quân do Nguyễn Kim lãnh đạo, lập Lê Trang Tông ở Ai Lao để khôi phục nhà Lê.

[4] Dân đinh 17 tuổi.

Lời chua - Hoàng đinh: Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Thống thứ 3 (Chb. XXV, 5).

Mạc Đăng Doanh sai bầy tôi là bọn Nguyễn Văn Thái sang nhà Minh, xin hàng.

Đăng Doanh được tin quân Minh sang đánh, cả sợ, liền sai đồ đảng là bọn Nguyễn Văn Thái đem tờ biểu đầu hàng sang Minh nói dối trá rằng:

"Tương Dực đế bị nghịch tặc Trần Cao giết hại, Đăng Dung cùng người trong nước tôn lập vua Chiêu Tông. Không bao lâu, Chiêu Tông lại bị gian thần là bọn Đỗ Ôn Nhuận và Trịnh Tuy dụ dỗ dời vào Thanh Hoa, Đăng Dung lại tôn lập Cung đế làm vua. Liền đó Đăng Dung lại đón Chiêu Tông từ Thanh Hoa về. Rồi Chiêu Tông và Cung đế đều bị bệnh chết. Họ Lê không người kế tự. Cung đế, khi bệnh kịch, có bàn với quần thần, cho rằng cha con Đăng Dung có công với nước, bèn vời vào, trao cho ấn chương để nối coi việc nước. Đăng Dung bèn được người nước suy tôn.

Còn lý do chưa được dâng biểu và sai sứ sang cống, là trước vì Trần Cung chiếm giữ lạng Sơn làm nghẽn đường, sau vì quan giữ biên cương đóng cửa ải không tiếp nhận. Đến như người nhận là dòng dõi họ Lê bây giờ chỉ là con của kẻ khác, chứ không phải là con của Chiêu Tông ".

Vua Minh biết rõ những lời trong bài biểu đều là lừa dối bưng bịt. Vả lại, tuy xin hàng, nhưng lời lẽ vẫn không thành khẩn khuất phục, Đăng Dung lại không tự trói nộp mình để đợi tội. Vua Minh bèn quyết đánh, mới sai bọn Cừu Loan và Mao Bá Ôn mau đến Quảng Tây chiêu tập binh lính để tiến đánh nhà Mạc.

Kỷ Hợi, năm thứ 7 (1539). (Mạc, năm Đại Chính thứ 10 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 18). Nhà vua sai bọn đại tướng Trịnh Kiểm đi tuần Thanh Hoa, đánh cho quân Mạc đại bại ở Lôi Dương[1] (không rõ tháng nào).

Nhà vua dùng Trịnh Kiểm làm đại tướng quân, tước Dực quận công, lại phong bọn Trịnh Công Năng và Lại Thế Vinh làm quận công. Họ đều được ban ấn tướng quân, quản lĩnh quân bản bộ, đi lược định các địa phương thuộc Thanh Hoa, tiến đánh quân Mạc ở Lôi Dương: địch bị đại bại.

Lời chua - Lôi Dương: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 1).

Trịnh Kiểm: Người Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc[2]. Thuở trẻ nghèo hèn, Kiểm đến nương nhờ dưới trướng Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta; được thương yêu và tín cẩn lắm. Rồi Triệu Tổ đề bạt phong Dực Nghĩa hầu và gả cho trưởng nử là Ngọc Bảo. Cho cùng mưu tính công việc, Kiểm nhiều lần lập được chiến công.

Lại Thế Vinh: Người Quang Lãng, huyện Tống Sơn[3].

Đại hạn.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Canh Tý, năm thứ 8 (1540). (Mạc, năm Đại Chính thứ 11 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Đăng Doanh chết.

Con trưởng là Phúc Hải nối ngôi ngụy, tiếm xưng niên hiệu là Quảng Hòa.

Tháng 11, mùa đông. Mao Bá Ôn nhà Minh đóng quân ở ngoài cửa ải. Mạc Đăng Dung đến cửa quân tướng Minh, xin hàng, và đem đất năm động hối lộ nhà Minh.

---

[1] Thuộc Thanh Hoa.

[2] Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Trước kia, tướng Minh là bọn Cừu Loan và Mao Bá Ôn đã đến Quảng Tây, trưng tập các lang binh[1] của thổ quan ở các tỉnh Lưỡng Quảng[2], Phúc Kiến và Hồ Quảng[3]. Lại truyền hịch đi Vân Nam sai tập hợp binh lính để chờ đợi nhật kỳ xuất quân.

bọn Cừu Loan lại bàn:

Chia chính binh[4] làm ba đội tiểu binh, từ Quảng Tây đi các xứ Bằng Tường, Long Châu và Tư Minh;

Chia kỳ binh[5] làm hai toán tiểu binh; toán xuất phát từ châu Quy Thuận gọi là Sơn Tiểu, toán xuất phát từ núi Ô Lôi gọi là hải tiểu.

Kể cả chính binh và kỳ binh trên đây cộng 22 vạn người.

Lại chia quân Vân Nam ở ghềnh Liên Hoa làm ba toán tiểu binh, mỗi toán gồm 21.000 người. Tất cả đều lên đường, đồng thời xuất phát.

Lại truyền hịch sang ta dụ bảo về nghĩa phục hưng nước đã mất, nối lại dòng họ đã tuyệt, sự đánh dẹp chỉ nhằm một mình cha con Đăng Dung là kẻ có tội. Còn ai biết đem quận huyện nào ra hàng thì liền được trao cho chức quan ở quận huyện ấy để cai quản. Ai bắt hay chém cha con Đăng Dung mà ra hàng thì cứ tính theo từng tên tội nhân một, mỗi tên là được thưởng hai vạn nén vàng và được cho làm quan đến phẩm trật cao sang.

Tướng Minh lại dụ bảo cha con Đăng Dung nếu biết tự trói nộp mình đợi tội, thành khẩn dâng hết các sổ sách về đất đai và nhân dân thì được tha cho tội chết.

Bọn Bá Ôn đóng quân dựng đồn ở gần nơi biên giới.

Bấy giờ Đăng Doanh đã chết rồi. Đăng Dung được tin, cả sợ, sai sứ giả đến cửa quân của tướng Minh, trần tình, nguyện xin ra khỏi bờ cõi, đầu hàng, và kính cẩn vâng theo lệnh trên phân xử.

Lời lẽ của Đăng Dung rất là khiêm nhún thiết tha. Bọn Bá Ôn vâng theo lời chiếu của vua Minh, ưng thuận, hẹn đến mồng 3 tháng 11[6] cho Đăng Dung sang làm lễ đầu hàng.

Bọn Bá Ôn thiết lập mạc phủ và tướng đài ở Nam Quang để chờ đợi. Đến kỳ đã định, Đăng Dung để Phúc Hải ở lại coi giữ việc nước, còn mình cùng với người cháu là Văn Minh và bè đảng là bọn Vũ Như Quế hơn 40 người do đường Nam Quang đi sang: ai nấy buộc dây thao vào cổ[7], đi chân không, gieo mình vào nơi mạc phủ tướng Minh, khúm núm, phủ phục, khấu đầu lạy, dâng tờ biểu xin hàng, nộp trình sổ sách đất đai và nhân dân do mình cai quản.

Đăng Dung lại xin dâng đất các động Ti phù, Kim Lặc. Cổ Sâm, Liễu Cát, La Phù, An Lương thuộc châu Vĩnh An ở Yên Quảng để lệ thuộc vào Khâm Châu nhà Minh. Lại xin nhà Minh ban cho chính sóc[8] và ấn chương đã ban từ trước để Đăng Dung coi giữ việc nước trong khi chờ đợi mệnh lệnh có thay đổi hoặc quyết định ra sao..

---

[1] Binh lính của thổ ti ở các địa phương thuộc vùng Quảng Tây... dưới triều Minh. Quân này rất hung tợn, hành quân đến đâu thường hay hiếp dâm, và cướp bóc.

[2] Quảng Đông và Quảng Tây.

[3] Tức là đất lưỡng Hồ gồm Hồ Nam và Hồ Bắc.

[4] Xem chú giải số 2, ở Chb. XIII, 28.

[5] Xem chú giải số 1 ở Chb. XIII, 28.

[6] Năm Kỷ Hợi, 1539.

[7] Tỏ ý tự trói cổ mình đem nộp để chịu tội.

[8] Tức là mồng 1 tháng giêng. Ngày xưa, mỗi một triều đại lên vì đều có thay họ và đổi chính sóc, như: nhà Ân thì đặt tháng 12 của nhà Hạ làm tháng giêng, nhà Chu thì dùng tháng 11 của nhà Hạ làm tháng giêng. Vì thế, khi nói là phải theo chính sóc của một triều đại nào, tức là phải lệ thuộc vào triều đại ấy.

Bọn Bá Ôn vâng theo lời chiếu của vua Minh dụ bảo Đăng Dung hãy cho đái tội, về nước, đợi mệnh lệnh phân xử sau.

Đăng Dung lại sai Văn Minh và Nguyễn Văn Thái đem tờ hàng biểu sang Yên Kinh.

Lời cẩn án - Sử cũ chép Mạc Đăng Dung đầu hàng nhà Minh, xin nộp các động Ti Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, La phù và An Lương thuộc châu Vĩnh An ở Yên Quảng cho lệ thuộc vào Khâm Châu. Nay xét Khâm Châu chí của nhà Thanh, chỉ thấy chép đời Gia Tĩnh (1522 - 1566), Đăng Dung nộp trã năm động Ti Phù, La Phù, Cổ Sâm, Liễu Cát và Kim Lặc mà thôi, chứ không thấy nói đến động An Lương. Lại tra cứu đến Quảng Yên sách thì động An Lương hiện nay là phố An Lương thuộc châu Vạn Ninh nước ta. Có lẽ, về động An Lương, Đăng Dung chưa từng dâng nộp, mà chỉ là do sử cũ chép sai sự thực đó chăng?

Lại xét: Trong năm Mạc Minh Đức thứ 2, tức là năm Minh Gia Tĩnh thứ 7 (1528), Sử cũ chép Đăng Dung sợ nhà Minh hỏi tội, bèn tính chuyện cắt đất đem dâng hai châu Quy, Thuận; vua Minh thu nhận. Từ đó, Nam, Bắc lại cho sứ giả đi lại thông hiếu. Nhưng, nay tra cứu bản đồ nước ta thì có Quý Hóa châu và Thuận Châu. Hai châu này hiện nay thuộc tỉnh Hưng Hóa. Trong Đại Thanh nhất thống chí tuy có chép châu Quy Thuận nguyên thuộc phủ Trấn An tỉnh Quảng Tây nhà Thanh đấy thật, nhưng hai châu mà sử cũ gọi là Quy Thuận có lẽ tức là Quy Hóa và Thuận Châu đó thôi.

Lại xét Minh sử thông giám kỷ sự: hồi năm Mạc Đại Chính thứ 9 (1538), Mạc Đăng Dung được tin quân Minh sang đánh, cả sợ, sai sứ xin hàng, nói dối là họ Lê không có người kế tự, cha con Đăng Dung có công với nước, được mọi người suy tôn; còn Đăng Dung sở dĩ không dâng được biểu chương, cho sứ sang tiến cống, là chỉ vì trước kia bị Trần Cung chiếm cứ Lạng Sơn làm nghẽn đường, đến sau lại bị quan giữ biên cương đóng cửa ải, không tiếp nhận.

Này, từ năm Gia Tĩnh thứ 7 (1528) đến năm thứ 17 (1538), trải hàng 10 năm chưa từng có sứ đi thông hiếu, thế mà sử cũ, ở năm Gia Tĩnh thứ 7, đã vội chép rằng "Đăng Dung tính chuyện cắt đất dâng nộp hai châu Quy, Thuận, từ đó Nam, Bắc lại cho sứ giả đi lại thông hiếu ". Về việc này, những điểm sử cũ chép đó điều xa sự thực, nên nay rút bớt đi mà chép phụ vào đây để tham khảo.

Lời chua - Bằng Tường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 11 (Chb. VI, 24).

Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo phù thứ 4 (Chb. VII, 17).

Tự Minh: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 6 (Chb. VI, 40).

Núi Ô Lôi: Thuộc Khâm Châu, phủ Liêm Châu nhà Thanh.

Ghềnh Liên Hoa: Thuộc huyện Mông Tự, phủ Khai Hóa nhà Thanh.

Nam Quan[1]: Ở về phía tây nam châu Bằng tường, phủ Thái Bình thuộc tỉnh Quảng Tây nhà Thanh.

Quảng Yên: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 35).

Châu Vĩnh An: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb. II, 23 - 24).

An Lương: Theo Quảng Yên sách thì An Lương thuộc châu Vạn Ninh, phủ Hải Ninh, tỉnh Quảng Yên.

Ti Phù: theo Khâm Châu chí thì Ti Phù còn tên nữa là Ti Lẫm, ở thôn Ti Lẫm thuộc Thiêm Lãng đô.

Liểu Cát: Còn tên nữa là Hà Châu, ở thôn Liểu Cát thuộc Như Tích đô.

Kim Lặc: Còn tên nữa là Tư Lặc, ở thôn Tư Lặc thuộc Như Tích đô.

La Phù: Ở thôn La Phù thuộc Như Tích đô.

Cổ Sâm: Ở thôn Cổ Sâm thuộc Như Tích đô.

---

[1] Nay gọi Mục Nam Quan.

Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta đi tuần đất Nghệ An.

Triệu Tổ trẩy đến đâu, phần nhiều hào kiệt ở đấy điều theo, gần xa đều hàng phục.

Tân Sửu, năm thứ 9 (1541). (Mạc Phúc Hải, năm Quảng Hòa thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 20).

Tháng 8, mùa thu Đăng Dung chết.

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh đổi nước An Nam làm An Nam đô thống sứ ti, trao cho Đăng Dung chức đô thống sứ; đổi đặt toàn quốc làm mười ba tuyên phủ ti, cho lệ thuộc vào đất nhà Minh.

Mao Bá Ôn sai người gấp đem tờ tấu về nói với vua Minh rằng: "Đăng Dung phần sợ uy thế, phần mến đức độ, đã tự trói nộp mình đợi tội, dâng đất đai, theo chính sóc[1]. Còn Lê Ninh xưng là dòng dõi Lê kia, thế hệ trong gia phả không được rõ ràng, nay chưa thể bằng cứ vào đâu được. Nếu cho rằng Đăng Dung có tội, chưa nên khinh suất trao cho tước và phong đất đai, thì còn cháu nội hắn là Phúc Hải kia hiện đang chờ đợi mệnh lệnh, không dám noi theo thói cũ, tự tiện coi giữ đất nước. Vậy nếu Phúc Hải được nhờ ơn trên thương xót tha thứ, bóc bỏ tước cũ, liệu ban cho phẩm trật mới, hay là ban cho những chức sắc khác như đô hộ hoặc tổng quản giống việc nhà Hán, nhà Đường ngày trước đã làm, khiến hắn được coi quản vỗ về An Nam. Hằng năm bảo hắn lên tận Nam Quan đón lãnh bản lịch Đại thống do triều đình ban cho. Lễ cống năm trước, hắn còn thiếu, nay xin cứ kiểm tra, chiếu theo lệ ngạch, bắt năm sau phải bổ sung cho đầy đủ.

Còn Lê Ninh theo sự điều tra khám xét hiện nay của các ti, thì ngành ngọn thế nào khó biết được rõ ràng đích xác. Trịnh Duy Liểu, trong khi nhằm đường lén lút đi tới động châu Thạch Lâm giáp gần Quảng Tây, cũng không biết rõ mặt mũi Lê Ninh thế nào; cho nên có người gọi là Lê Ninh, có người gọi là Lê Hiến, có người gọi là Quang Chiếu, có người gọi Quang Hòa, có người lại cho là do họ Trịnh mạo xưng ra.

Còn Lê Ninh ở động Tất Mã Giang mà Trịnh Viên nói đó tuy có đấy thật, nhưng lai lịch của Lê Ninh này không được rõ lắm, mà từ sự trạng[2] đến tuổi và diện mạo như Trịnh Viên đã trình bày lại khác với người mà Trịnh Duy Liểu đã báo cáo trước. Những người và sự việc này thật đều khó phán đoán và quyết định.

Vậy đối với Trịnh Duy Liểu, nên tuỳ tiện an trí ngay ở một chỗ nào đó thuộc Quảng Đông, rồi liệu cấp cho ruộng đất và nhà ở, đừng để long đong đến nổi không được yên chỗ.

Xử trí như thế ngõ hầu mới được hết lẽ và ổn thỏa ".

Vua Minh giao việc này cho đình thần bàn xét. Mọi người đều đồng ý như lời Bá Ôn đã bàn.

Nhà Minh bèn đổi nước An Nam làm đô thống sứ ti, cho Đăng Dung làm đô thống sứ, phẩm trật và bậc tòng nhị[3], ban cho ấn chương khác và cho đời được cha truyền con nối. Còn các nghi thức và chế độ mà Đăng Dung tiếm dùng đều bắt tước bỏ hoặc cải chính lại. Trong mười ba lộ như Hải Dương, Sơn Nam vân vân đều đặt tuyên phủ ti, mỗi tuyên đặt một tuyên phủ đồng tri, một tuyên phủ phó sứ và một tuyên phủ thiêm sự, dưới quyền cai quản của đô thống sứ. Tất cả các ti trên đây đều lệ thuộc vào Quảng Tây phiên ti.

Hằng năm nhà Minh sẽ ban cho chính sóc, và đặt lệ là cứ ba năm một lần cống.

Còn về Lê Ninh thì cứ sai bầy tôi trấn thủ điều tra khám xét; nếu quả là con cháu họ Lê, sẽ trao cho cai quản bốn phủ thuộc Thanh Hoa, nếu là giả dối không thực, sẽ không cho.

---

[1] Xem chú thích ở Chb. XXVII, 33.

[2] Tiểu sử hoặc lược truyện của một nhân vật.

[3] Còn kém chánh nhị phẩm.

Lời chua - Châu Thạch Lâm: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 27).

Tất Mã Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 18)[1].

Bốn phủ thuộc Thanh Hoa: Tức là phủ Hà Trung, phủ Tĩnh Gia, phủ Thiệu Hóa và phủ Thọ Xuân.

Mười ba lộ: Không rõ là những lộ nào. Năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đời Lê Thánh Tông có đặt ra mười ba đạo thừa tuyên[2], có lẽ tức là mười ba lộ này chăng.

Nhâm Dần, năm thứ 10 (1542). (Mạc, năm Quảng Hòa thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng cầm quân đi tuần hành đất Thanh Hoa.

Bấy giờ nhà vua sửa soạn chính mình cầm quân đi trận, dùng Thụy quận công Hà Thọ Tường làm ngự doanh đề thống. Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta thân hành đôn đốc tướng sĩ các doanh đi trước, tấn công Thanh Hoa và Nghệ An. Quân trẩy đến đâu thì nhiều tướng cũ và hào kiệt ở đấy đều theo. Thanh thế quân đội rất lừng lẫy.

Lời chua - Hà Thọ Tường: Người Cổ Lũng, huyện Cẩm Thủy[3].

Tháng 8, mùa thu. Mạc Phúc Hải sai bầy tôi là Nguyễn Điển Kính sang nhà Minh.

Nhà Minh ban cho Đăng Dung sắc, ấn và lịch Đại Thống. Phúc Hải sai sứ đem sản vật địa phương sang đáp tạ.

Lời chua - Sản vật địa phương: Theo truyện Mạc Phúc Hải trong Thông sử của Lê Quý Đôn thì những sản vật địa phương mà nhà Mạc đem sang tạ ơn nhà Minh gồm có:

Đồ vật	Số lượng	Trọng lượng
Lư hương, bình hoa bằng vàng	4 bộ	190 lạng[4]
Rùa vàng	1 con	90 -
Hạc[5] bạc	1con	51 -
Đài[6] bạc	1 chiếc	51 -
Lư hương và bình hoa bằng bạc	2 bộ	150 -
Mâm bạc	12 chiếc	641 -
Trầm hương[7]	60 cân	
Tốc hương[8]	48 cân	
Giáng chân hương[1]	30 nén	

[1] Theo Chb. XX, 18 thì chỉ là "Mã Giang " chứ không chép là "Tất Mã Giang ".

[2] Theo Chb. XX, 7 - 8 thì đời Lê Thánh Tông có đặt 12 thừa tuyên, kể cả phủ Phụng Thiên thì là mười ba (xem thêm Chb. XXI, 16 - 21). Còn nếu là mười ba đạo thì xem chú giải số 2 ở Xhb. XXVII, 1.

[3] Thuộc Thanh Hóa.

[4] Lạng ta. mỗi lạng là một phần mười sáu trong một cân ta (mỗi cân ta bằng sáu lạng tây).

[5] Hạc, dùng cắm nến để thờ cúng.

[6] Đồ dùng để đựng chén rượu cúng.

[7] Xem chú thích số 4 ở Chb. XIV, 24.

[8] Xem chú thích số 4 ở Chb. XIV, 24.

Sừng tê	20 cái
Ngà voi	30 chiếc

Còn các sản vật trong lễ cống hàng năm cũng như vậy, đặt làm lệ thường.

Tháng 12, mùa đông. Nhà Minh cho Mạc Phúc Hải được nối chức An Nam đô thống sứ ti đô thống sứ.

Trước kia, nhà Minh trao cho Đăng Dung làm chức đô thống sứ. Mệnh lệnh vua Minh thoạt ban xuống thì vừa gặp lúc Đăng Dung chết. Bọn Bá Ôn xin cho cháu nội Đăng Dung là Phúc Hải được nối chức, vua Minh ưng thuận.

Quý Mão, năm thứ 11 (1543). (Mạc, năm Quảng Hòa thứ 3. Minh, năm Gia Tĩnh thứ 22). Nhà vua tiến quân đến Tây Đô. Hoạn quan nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đầu hàng.

Nhà vua tiến quân đến thành Tây Đô, đóng quân doanh ở Nghĩa Lộ, Trung hậu hầu Dương Chấp Nhất, hoạn quan nhà Mạc, làm tổng trấn ở đó, đem các con em của mình đến bái kiến ở cửa quân. Ba quân nhà Lê cả mừng. Nhà vua cho Dương Chấp Nhất cầm giữ binh quyền.

Lời chua - Tây Đô: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 16).

Nghĩa Lộ: Không rõ ở đâu.

Vua Lê gia phong cho Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta làm thái tể.

Thăng Triệu Tổ lên làm thái tể đô tướng, tiết chế[2] tướng sĩ các quân doanh.

lời cẩn án - Sử cũ chép bấy giờ Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta đang ở Ai Lao, vua Lê sai Trịnh Công Năng vời đến. Triệu Tổ, ngay hôm ấy, lên đường, vào yết vua Lê ở hành tại. Nhà vua cả mừng, gia phong lên chức này. Nay xét Công nghiệp diễn chí và bản thảo Tiền biên của Quốc sử quán, đều không thấy nói đến việc này. Bây giờ cứ theo sự việc mà xét thì năm trước đã chép Triệu Tổ tổng đốc các quân, tấn công Thanh Hoa; đến năm này lại chép Triệu Tổ còn ở Ai Lao; thế là trước sau trái nhau. E rằng sử cũ chép lầm, nay xin rút bỏ.

Giáp Thìn, năm thứ 12 (1544). (Mạc, năm Quảng Hòa thứ 4 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 23).

Ất Tị, năm thứ 13 (1545). (Mạc, năm Quảng Hòa thứ 5 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 24).

Tháng 4, mùa hạ. Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta rước vua Lê đi trận, tiến đánh Sơn Nam.

Tháng 5. Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta mất ở quân doanh. Vua Lê phong Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta[3] làm Hạ Khê hầu, quản lãnh quân đội đi đánh giặc.

Bấy giờ đại quân tiến đóng Yên Mô[4], hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đón mời Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta đến chơi quân doanh của hắn. Nhân đương nắng nóng, Chấp Nhất mời Triệu Tổ ăn dưa; trúng độc, khi trở về quân doanh, Triệu Tổ thấy người bải hoải khó chịu, rồi mất.

Vua Lê xuống chiếu tặng phong là Chiêu Huân Tĩnh Công, đặt tên thụy là Trung Hiến, đem về táng tại núi Thiên Tôn ở Bái Trang thuộc huyện Tống Sơn[5]. Lại phong con trưởng là Uông làm Lãng quận công, con thứ là Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế làm Hạ Khê hầu, lãnh quân đi đánh giặc.

---

[1] Xem chú giải ở Chb. XV, 29.

[2] Cầm quyền chỉ huy và chi phối.

[3] Tức chúa tiên, tên là Nguyễn Hoàng, con thứ của Triệu tổ (Nguyễn Kim), sau vào trấn trong thuận Hóa (1558), gây thành cục điện chia đôi đất nước và Bắc Nam phân tranh hàng mấy chục năm trời.

[4] Nay thuộc Ninh Bình.

[5] Thuộc Thanh Hóa.

Trước kia, Chấp Nhất theo Mạc Đăng Dung, làm quan đến chức chưởng bộ, rất được thân yêu. Kịp khi Chấp Nhất đi trấn thủ Thanh Hoa, được tin Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế dấy quân ở Ai Lao, tôn lập vua Lê, nhà Mạc bảo Chấp Nhất trá hàng, rình kẻ hở để làm hại. Vua Lê không ngờ rằng hắn trá hàng cứ giao cho cầm quân theo đi đánh dẹp; do đấy Triệu Tổ mới bị nó phản. Chấp Nhất lại trốn về nhà Mạc.

Lời chua - Tống Sơn: Tên huyện, thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoa.

Núi Thiên Tôn: Chính Lăng Triệu Tổ ở nơi này. Đến năm Minh Mạng thứ 2 (1821) triều ta phong cho núi Thiên Tôn này là núi Triệu Tường.

Tháng 8, mùa thu. Dùng Trịnh Kiểm làm đô tướng, tiết chế các doanh quân thủy quân bộ, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, gia phong thái sư, tước Lạng quốc công.

Bấy giờ trong quân mới mất chủ tướng[1], mọi người tinh thần dao động, bèn cùng nhau bàn tính rút lui về Tây Kinh[2] để củng cố lấy chỗ căn bản. Nhà vua gia phong Trịnh Kiểm chức này, giao cho chính quyền, từ quyền quân sự ở ngoài đến sự vụ quốc gia, công việc đánh dẹp và phong tước bổ chức đều được tùy tiện quyết định rồi tâu lên nhà vua biết.

Bính Ngọ, năm thứ 4 (1546). (Mạc, năm Quảng Hòa thứ 6 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 25). Lập hành điện ở sách Vạn Lại.

Thái sư Trịnh Kiểm cho rằng lập quốc tất phải căn cứ vào nơi hiểm trở. Sách Vạn Lại, núi đứng sững, nước uốn quanh, thực đáng gọi là nơi hình thế đẹp. Đó là do trời đất xếp đặt để làm chỗ dấy nghiệp đế vương. Trịnh Kiểm bèn sai đào hào, đắp lũy, xây dựng hành điện, mời nhà vua đến đóng tại đó.

Lời chua - Sách Vạn Lại: Thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoa.

Tháng 5, mùa hạ. Mạc Phúc Hải chết.

Con là Phúc Nguyên nối ngôi ngụy tiếm đặt niên hiệu Vĩnh Định (1547)[3].

Đinh mùi, năm thứ 15 (1547). (Mạc Phúc Nguyên, năm Vĩnh Định thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 26).

Mậu Thân, năm thứ 16 (1548). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 27).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua mất.

ngôi 16 năm, thọ 34 tuổi.

Thái tử Huyên lên ngôi (tức là Lê Trung Tông).

Đại xá, kể từ năm sau là niên hiệu Thuận Bình năm thứ 1.

Tháng 3. Táng [Lê Trang Tông] tại Cảnh Lăng.

Dâng tôn hiệu là Dụ hoàng đế, miếu hiệu là Trang Tông.

Lời chua - Cảnh Lăng: Ở phía nam Lam Sơn.

---

[1] Chỉ Nguyễn Kim.

[2] Tức Thanh Hóa.

[3] Sau đổi làm Cảnh Lịch (1548 - 1553), lại đổi Quang Bảo (1554 - 1561).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 28

Từ Kỷ Dậu, Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 1 (1549) đến Nhâm Thân, Lê Anh Tông năm Hồng Phúc thứ 1 (1572), gồm 24 năm.

Kỷ Dậu, Lê Trung Tông Vũ hoàng đế, năm Thuận Bình thứ 1 (1549). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 28). Mạc Phúc Nguyên di cư ra ngoại thành Thăng Long (không rõ tháng nào).

Trước kia, khi Phúc Hải chết, tước Tứ Dương hầu bên ngụy[1] là Phạm Tử Nghi định lập Ngụy Hoằng vương chính Trung làm chúa, nhưng không thực hiện được. Tử Nghi bèn đen Chính Trung đến làng Hoa Dương thuộc huyện Ngự Thiên.

Tướng ngụy là bọn Mạc Kính Điển và Nguyễn Kính xuất quân đi đánh. Tử Nghi xuất kỳ bất ý, đánh bại bọn Kính Điển rồi nói phao lên rằng sẽ tiến quân đánh lấy Đông Kinh. Người Mạc hoang mang sợ hãi. Phúc Nguyên bèn bỏ Thăng Long, di cư ra ngoại thành.

Về sau Tử Nghi đánh nhiều lần không được, bèn đem Chính Trung ra chiếm cứ Yên Quảng, lúc ẩn, lúc hiện, khuấy nhiễu cướp bóc miền Hải Dương: phần nhiều cư dân bị tai hại, số người phải xiêu giạt đến quá nửa. Quân gia Tử Nghi lại tràn sang cướp bóc ở bờ cõi nhà Minh. Người Minh trách móc chất vấn về việc này. Phúc Nguyên sợ, phải sai bọn Kính Điển dốc quân đi đánh: Tử Nghi bị chém. Chính Trung phải chạy rồi chết.

Lời chua - Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 9 - 10).

Ngự Thiên: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 17 (Chb. V, 8).

Hoa Dương: Nay là xã Trác Dương thuộc huyện Hưng Nhân, phủ Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên[2].

Yên Quảng, Hải Dương: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 24 - 25. 29 - 30).

Chính Trung: Con thứ Mạc Đăng Dung.

Phạm Tử Nghi: Người Trung Hành, huyện An Dương[3].

Kính Điển: Em của Phúc Hải.

Canh Tuất, năm thứ 2 (1550). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 29). tướng Mạc là bọn Lê Bá Ly và Nguyễn Thiến đầu hàng.

Thái Tể Lê Bá Ly, tướng Nam Đạo nhà Mạc, tước Phụng quốc công, cầm giữ binh quyền, tham nghị triều chính. Con là Khắc Thận, tước Phổ quận công, tiết chế Sơn Nam thượng lộ kiêm giữ công việc

---

[1] Vì theo quan niệm sử gia phong kiến, phàm triều đại nào thoán đoạt như Hồ và Mạc chẳng hạn đều không được coi là chính thống, nên từ vua chúa đến quan chức... của triều đại ấy đều bị liệt là "ngụy ", là "nghịch " hay là "nhuận " cả.

[2] Nay thuộc xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Nay thuộc xã Đằng Lâm, huyện An Hải. TP, Hải Phòng.

trong phủ Đô đốc Nam quân. Com rể là Văn Phái hầu, Nguyễn Quyện, giữ quân vệ Phù Nam. Thông gia là Thư quận công, Nguyễn Thiến, làm Lại bộ thượng thư. Thân thích và bè đảng của Bá Ly chằng chịt khắp nơi, câu kết với nhau, uy thế thật là hách dịch.

Khắc Thận ở Sơn Nam lại làm cửa cao nhà rộng, tiến dùng kiệu sơn son và lọng vàng.

Hạng bầy tôi được cưng chiều của nhà Mạc là bọn Vinh quốc công Phạm Quỳnh và con là Tung Xuyên hầu Phạm Dao, nhân đó, nói với Phúc Nguyên rằng cha con Bá Ly có ý mưu phản. Phúc Nguyên bèn sai bọn Quỳnh xuất quân để vây bắt Bá Ly.

Phúc Nguyên lại ngờ Nguyễn Thiến đồng mưu, nên định vây bắt luôn cả một thể.

Bọn Bá Ly cưỡng ép quân lính phải chống lại và cố thủ; lại gởi thư cầu cứu nơi Khắc Thận và bè đảng là Thụy quốc công Nguyễn Khải Khang.

Phúc Nguyên sợ, bèn sai sứ giả đi dụ Bá Ly. Bá Ly yêu cầu rằng hễ bắt cả cha con Quỳnh và Dao đưa đến cho Bá Ly, thì tức khắc bãi binh và xin chịu tội.

Phúc Nguyên không nghe. Bấy giờ bọn Bá Ly, Nguyễn Thiến cùng với con là Khắc Thận, Quyện, Miễn và bè đảng là Khải Khang đều đem quân bản bộ vài trăm người, nhân ban đêm, trốn vào Thanh Hoa, đầu hàng.

Nhà vua ban thưởng và yên ủi, cho ai nấy vẫn cứ giữ nguyên quan tước cũ. Về sau, Nguyễn Thiến chết, con là Quyện và Miễn lại trốn về với nhà Mạc. Nhà Mạc lại dùng một cách cưng chiều. Khải Khang theo Trịnh Kiểm đi đánh Sơn Nam.. Nhà Mạc sai người đi chiêu dụ được Khải Khang quay về với Mạc, rồi giết chết.

Lời chua - Bá Ly: Người làng Cổ Phạm, huyện Đông Sơn, thuộc Thanh Hoa, nhà ở tại làng Thịnh Liệt.

Quỳnh, Dao: Người Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì[1].

Nguyễn Thiến: Người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai[2], đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1532), năm Đại Chính nhà Mạc[3].

Tân Hợi, năm thứ 3 (1551). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 4. Minh, năm Gia Tĩnh thứ 30). Nhà vua sai quân ra đánh Đông Kinh. Mạc Phúc Nguyên chạy đi Kim Thành.

Thái sư Trịnh Kiểm sai bọn Lê Bá Ly, tướng Mạc đã hàng, và Vũ Văn Mật, tướng bản thổ Tuyên Quang, tấn công Đông Kinh. Phúc Nguyên chạy đi Kim Thành, để Kính Điển làm Đô tổng súy, ở lại cầm quân chống giữ Kinh Đô.

Lời chua - Đông Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Kim Thành: Tên huyện, xưa là Trà Hương. Xem thuộc Tấn[4], Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Vũ Văn Mật: Người Ba Đông, huyện Gia Lộc[5].

Nhâm Tý, năm thứ 4 (1552). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 5 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 31).

Quý Sửu, năm thứ 5 (1553). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 6 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 32). Dời hành tại[1] đến An Tràng (trường).

---

[1] Tục gọi làng Sét, nay thuộc xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Nay thuộc xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[3] Tức năm Đại Chính thứ 3 đời Mạc Đăng Doanh.

[4] Đáng phải chép là "dương Tấn " (ngang với Tấn) mới đúng.

[5] Thuộc tỉnh Hải Dương.

Lời chua - An Tràng: Tên xã, thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoa.

Giáp Dần, năm thứ 6 (1554). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 33). Thái sư Kiểm dời đồn đến đóng tại Biện Thượng.

Lời chua - Biện Thượng: Tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoa.

Bắt đâu mở chế khoa.

Ban cho bọn Đinh Bạt Tụy 5 người được đỗ đệ nhất giáp chế khoa xuất thân, bọn Chu Quang Trứ 8 người được đỗ đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân.

Lời chua - Chế khoa: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn thì thể lệ thi cử thời Lê quy định thế này: những năm tý, ngọ, mão, dậu, là khoa thi hương; những năm thìn, tuất, sửu, mùi, là khoa thi hội. Nhưng khi nào bất thần nhà vua có bài chế ban xuống đặc biệt cho mở khoa thi thì là chế khoa. Phép thi chế khoa cũng giống khoa thi hội (có kinh nghĩa, tứ lục[2], thơ, phú và văn sách).

Đinh Bạt Tụy: Người Bùi Khổng, huyện Hưng Nguyên[3].

Chu Quang Trứ: Người Nam Hoa thượng, huyện Thanh Chương[4].

Ất Mão, năm thứ 7 (1555). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 34).

Tháng 8, mùa thu. Mạc Kính Điển vào cướp Thanh Hoa. Thái sư Trịnh Kiểm đánh bại quân Mạc.

Phúc Nguyên sai Kính Điển đem quân vào cướp Thanh Hoa. Quận Thọ (không rõ tên) quản lãnh chu sư với hơn trăm chiếc thuyền chiến, làm tiên phong, tiến đóng ở cửa biển Thần Phù. Ngày hôm sau, Kính Điển đem quân đến hội ở Đại Lại giang, sai Quận Thọ tiến quân, đóng ở Kim Sơn.

Hay tin này, thái sư Kiểm bèn hội hợp các tướng để bàn mưu chước, rồi sau dụ bảo cư dân ở ven sông không được kinh hãi náo động. Đinh Công thì đốc xuất các hàng tướng là bọn Lê Bá Ly, Nguyễn Khải Khang, Nguyễn Thiến và Lê Khắc Thận ai nấy đem quân bản bộ mai phục ở phía nam sông; từ núi An Định đến núi Quân An. Còn Trịnh Kiểm thì chính mình đốc suất đại quân mai phục ở phía bắc sông; từ núi Bạch Thạch đến núi Kim Sơn.

Quận Quảng, Phạm Đốc, quản lãnh thủy quân, đốc suất bọn hàng tướng Nguyễn Quyện với hơn 10 chiếc chiến thuyền đóng giữ thượng lưu từ sông Hữu Chấp xuống đến sông Kim Bôi, đi đi lại lại để giúp thanh thế.

Ngày hôm sau, thuyền quân giặc trẩy qua chợ Ông Cung ở Kim Sơn: trong thuyền ca hát, thổi sáo nhộn nhịp tưng bừng, không tỏ ra có chút phòng bị gì cả. Trưa đến, quân địch tới núi Quân An, thì hỏa pháp hai bên bờ sông bắn ra liền liền. Trịnh Kiểm tung quân ra hăng hái đánh. Voi trận ở phía hạ lưu vượt được qua sông đánh chặn ở đằng sau. Binh thuyền của bọn Phạm Đốc và Nguyễn Quyện cũng đồng thời thuận dòng xuôi xuống. Quân và voi ở hai bên bờ hợp sức cùng đánh kẹp lại.

---

[1] Hành tại, chính nghĩa là chỗ ở của nhà vua khi đi tuần du. Đây Cương mục có ý cho rằng Thăng Long tuy chưa khôi phục được, nhưng vẫn có thể coi như của nhà Lê: cung điện ở Thăng Long vẫn là chỗ ở chính của vua Lê, còn những chỗ doanh trại hành quân như ở Vạn Lại hay ở An Tràng này chỉ là nơi ở tạm thời trong khi đi tuần hành hay du ngoạn của vua Lê đó thôi. Nhưng, thực ra, hành tại đây chỉ là chỗ nhà riêng để vua Lê và gia quyến nhà vua cư trú.

[2] tức thể văn biền ngẫu, hai vế đối nhau, mỗi vế thường thường là đặt từng cụm bốn chữ và sáu chữ, nên gọi là "tứ lục ".

[3] đều thuộc Nghệ An.

[4] đều thuộc Nghệ An.

Quân thủy và quân bộ của giặc không đợi đánh đã tự tan vỡ. Bắt được tướng giặc là quận Thọ vài mươi người. Giặc bị sa xuống nước mà chết đến nghẽn cả sông. Khí giới bị tước mất vô kể. Vài vạn quân giặc chết đến gần hết. Kính Điển thu lượm quân tàn, chạy trốn.

Lời chua - Cửa biển Thần Phù: Tức cửa biển Thần Đầu. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Đại Lại[1] giang: Xem Trần Nghệ Tông, năm Thiệu Khánh thứ 1 (Chb. X, 26).

Kim Sơn: Còn tên nữa là Biện Lĩnh, cũng gọi Bông Sơn.

Núi An Định, núi Quân An: Đều ở huyện An Định[2].

Núi Bạch Thạch: Ở phía tây bắc huyện Đông Sơn[3].

Sông Hữu Chấp: Ở xã Hữu Chấp.

Sông Kim Bôi: Ở xã Kim Bôi.

Chợ Ông Cung: Nay là chợ Ông, ở xã Biện Thượng. Mấy tên đất trên đây đều thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa[4].

Bính Thìn, năm thứ 8 (1556). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 35).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua mất.

Ở ngôi 8 năm, thọ 22 tuổi.

Thái sư Kiểm và các đại thần đón lập Duy Bang, chút[5] của Lam quốc công Trừ, lên nối ngôi.

Nhà vua mất, không con kế tự. Thái sư Trịnh Kiểm cùng các đại thần bàn kiếm con cháu họ Lê, thì được Duy Bang cháu bốn đời của Lam quốc công Lê Trừ, ở xã Bố Vệ, huyện Đông Sơn, đón lập làm vua.

Duy Bang vào [An Tràng] lên ngôi vua (tức là Lê Anh Tông) Đại xá. Kể từ năm sau là niên hiệu Thiên Hựu thứ 1 (1557).

Lời chua - Trừ: Anh của Lê Thái Tổ, Trừ sinh Khang, Khang sinh Thọ, Thọ sinh Duy Thiệu, Duy Thiệu sinh Duy Quang, Duy Quang sinh Duy Bang.

Đông Sơn: Tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoa.

Bố Vệ: Tên xã, thuộc huyện Đông Sơn.

Tháng 3. Táng [Lê Trung Tông] ở Diên Lăng.

Dâng tôn hiệu là Vũ hoàng đế, miếu hiệu là Trung Tông.

Lời chua - Diên Lăng: Ở phía nam Lam Sơn.

Đinh Tỵ, Lê Anh Tông, Tuấn hoàng đế, năm Thiên Hựu thứ 1 (1557). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 4 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 36).

---

[1] Chữ "lại " đây là ỷ lại, có chỗ chép chữ "lại " là quan lại (lời chua của cương mục).

[2] thuộc Thanh Hóa.

[3] thuộc Thanh Hóa.

[4] thuộc Thanh Hóa.

[5] Nguyên văn là "huyền tôn ", tức cháu bốn đời.

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Thái sư Kiểm đánh úp: phá được địch.

Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Quân Mạc kéo vào cửa Thần Phù, tràn đến Tống Sơn và Nga Sơn. Quận Thanh (không rõ tên họ) giữ Nga Sơn, quận Thụy Hà Thọ Tường giữ Tống Sơn. Quân Mạc không tiến lên được.

Trịnh Kiểm chính mình đốc suất quân và voi kéo đến mạn sơn cước Yên Mô, xuyên thẳng ra phía cửa biển, đánh úp đằng sau quân địch: hỏa pháo của quân Trịnh Kiểm bắn ra liền liền, phía trên và phía dưới đánh kẹp lại. Vũ Lăng hầu Phạm Đức Kỳ xông thuyền lên, xung kích, nhảy sang thuyền Kính Điển, chém người cầm lọng ngã lăng xuống sông. Kính Điển vội nhào xuống nước lặn trốn. Quân Mạc đại bại, bỏ thuyền chạy vào rừng núi. Kính Điển trốn vào hang núi, ẩn đến ba ngày rồi ôm cây chuối, bơi ngược dòng sông Yên Mô, gặp ông chài xã Trà Tu cứu thoát[1].

Lời chua - Tống Sơn: Xem Lê Trang Tông, năm nguyên Hòa thứ 13 (Chb. XXVII, 41).

Nga Sơn: Tên huyện, thuộc phủ Hà Trung, Thanh Hoa.

Sông Yên Mô, xã Trà Tu: Đều ở huyện Yên Mô, thuộc phủ Yên Khánh, Ninh Bình.

Phạm Đức Kỳ: Người Tài Xuyên, huyện Hoằng Hóa[2].

Tháng 8. Thái phó Phạm Đốc đánh bại tướng Mạc là Phạm Quỳnh và Phạm Dao ở Nghệ An.

Trước kia, Phúc Nguyên sai Kính Điển vào cướp Thanh Hoa và bọn Phạm Quỳnh, Phạm Dao vào cướp Nghệ An. Đến đây, Trịnh Kiểm đã phá quân Kính Điển ở cửa Thần Phù, tước lấy chiến thuyền của địch rồi ngụy trang bằng cách kéo cờ và hiệu quân giặc, cho Phạm Đốc thống suất đem đi, thẳng vượt cửa biển Đan Nhai. Bọn Phạm Quỳnh tưởng là quân hậu tiếp của bên Mạc, không phòng bị, nên bị Phạm Đốc đánh úp. Bọnh Quỳnh đại bại, phải bỏ thuyền chạy.

lời chua - Cửa biển Đan Nhai: Ở xã Cổ Đan, chỗ giáp giới hai huyện Nghi Xuân[3] và Chân Lộc[4].

Tháng 9. Thái sư Trịnh Kiểm đi lược định Sơn Nam, đánh nhau với quân Mạc ở sông Giao Thủy: bị thua trận.

Kiểm thống suất các quân thủy, quân bộ tất cả đến 5 vạn ra lược định Sơn Nam trung lộ. Đến sông Phượng Xí (Cánh Phượng), làm cầu phao cho quân sang sông: cả phá quân Mạc, bắt làm tù binh rất nhiều. Thừa thắng tiến quân đến sông Giao Thủy, sai bọn Phạm Đốc quản đốc quân thủy, dùng Phạm Đức Kỳ làm tiền đội, tung quân đánh mạnh.

Tướng Mạc, Nguyễn Quyện, chống cự lại, Đức Kỳ nhân đà, liền nhảy sang thuyền Nguyễn Quyện. Quyện tuốt gươm xông ra để chém thì Đức Kỳ nhảy lặn xuống nước. Quyện lại nhảy sang thuyền Đức Kỳ, chém người cầm lọng, xách thủ cấp giơ lên, la lớn: "đầu lâu Đức Kỳ đây rồi, chúng mày còn địch với tao thế nào được nữa? " Các quân bên Trịnh Kiểm nghe nói như vậy sợ quá, liền tan vỡ, bỏ thuyền chạy, Trịnh Kiểm vội vã rút quân tháo lui, bị quân Mạc đánh chặn lối về; quân lính Trịnh Kiểm phần nhiều bị chết và bị thương, số chiến tướng bị chết đến vài chục người; thuyền bè và khí giới phải bỏ lãi gần hết. Trịnh Kiểm rút quân về Thanh Hoa.

Lời chua - Sơn Nam: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18).

---

[1] Khi về, Kính Điển nói với vua Mạc phong cho ông chài này tước Phù Nghĩa hầu (theo toàn thư XVi, 14).

[2] Thuộc Thanh Hóa.

[3] Thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Sau đổi Nghi Lộc, thuộc tỉnh Nghệ An.

Sông Giao Thủy: Thuộc huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Sông Phượng Xí: Nam Định có sông Phượng Tường, ở huyện Chân Ninh, phủ Thiên Trường, chẳng hay có phải là sông Phượng Xí này không.

Mưa dầm. Thanh, Nghệ đói to.

bấy giờ trời hay mưa dầm, liên miên hàng tuần[1] không tạnh. Lúa miền Thanh, Nghệ phần nhiều bị ngập và hư hại. Nhà vua ban chiếu đổi niên hiệu kể từ năm sau là năm Chính Trị thứ 1.

Mậu Ngọ, năm Chính Trị thứ 1 (1558). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 5 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 37). Thái sư Trịnh Kiểm lại đi tuần vùng Sơn Nam.

Trịnh Kiểm lại chính mình đốc suất đại quân kéo ra Sơn Nam trung lộ, đánh chỗ không phòng bị của Mạc; bắt được tướng Mạc là Anh Nhuệ hầu (không rõ tên), đưa về hành tại[2], giết chết.

Tháng 8, mùa thu. Thái phó Phạm Đốc chết.

Tặng phong làm đặt tiến khai phủ thái úy Tĩnh quốc công, đặt tên thụy là Trung Nghị. Phạm Đốc là con nuôi thái sư Trịnh Kiểm, tập quen quân sự, lại có văn học, dùng lễ độ đối đãi sĩ phu. Khi hành quân thì kỷ luật nghiêm minh, hiệu lệnh nhất trí, không giết một cách càn bậy. Đời bấy giờ gọi Đốc là một lương tướng.

Tháng 10, mùa đông. Sai Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta[3] vào trấn đất Thuận Hóa.

Từ khi Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta mất đi, bỏ dở công to nghiệp lớn, quyền bính trọng yếu trong nước đều do Trịnh Kiểm chuyên chế cầm nắm. Lãng quận công Uông[4] làm tả tướng, Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta thì cầm quân đi đánh dẹp, lập được nhiều chiến công, được phong đến Đoan quận công. Cả hai đều bị Trịnh Kiểm nghi kỵ. Rồi Tả tướng[5] bị Kiểm làm hại. Còn Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta thì tự lẳng xuống, kín đáo giữ mình.

Bấy giờ đang có cuộc dụng binh luôn luôn với người Mạc, Thuận Hóa tuy là đất cũ nhà Lê, nhưng bè đảng nhà Mạc phần nhiều ra vào ẩn hiện ở đó, nhà Lê chưa rỗi kinh lý được. Gia Dụ bèn nhờ trưởng công chúa là Ngọc Bảo[6] cầu xin cho vào trấn giữ đất đó. Trịnh Kiểm cho rằng đó là chỗ đất hiểm trở xa khơi, bèn muốn lợi dụng, nên cũng ưng thuận. Kiểm dâng biểu nói với vua Lê rằng: "Thuận Hóa là nơi có hình thế đẹp. Để làm nên sự nghiệp lớn, bản triều lúc mới khai quốc, phải nhờ vào sự đóng góp quân lính và tiền tài của Thuận Hóa. Có điều là Thuận Hóa bị giặc Mạc chiếm cứ đã lâu, lòng người hãy còn phản trắc; phần nhiều vượt biển đi theo Mạc, hoặc nhân dịp đưa giặc đến quấy ở phía sau chúng ta. Đó là điều rất đáng lo ngại. Vậy nếu không được tay lương tướng vào đấy trấn giữ vỗ về thì không xong.

Đoan quận công[7] là con nhà tướng, có tài năng và mưu lược, nay nên ra lệnh cho hắn vào trấn áp đất ấy, gây thế ỷ dốc với Trấn quận công Bùi Tá Hán ở Quảng Nam, ngõ hầu không co cái lo phải đoái đến miền Nam ".

Nhà vua nghe theo, bèn trao cho Gia Dụ cờ tiết để đi trấn thủ, công việc trong cõi thảy đều cho phép được tùy tiện xử trí, hằng năm chỉ thu lễ công và phú thuế mà thôi.

Thế rồi nhiều người quê hương ở Tống Sơn[1] và nghĩa dũng ở Thanh Nghệ đều dắt díu gia quyến, vui vẽ đi theo Gia Dụ.

---

[1] Mỗi tuần mười ngày.

[2] Tức là hành tại An Tràng, xem thêm chú giải ở Chb. XXVIII, 4.

[3] Tức Nguyễn Hoàng con thứ Nguyễn Kim.

[4] Con trưởng Nguyễn Kim.

[5] Tước của Nguyễn Uông.

[6] Con gái cả của Nguyễn Kim (xem Chb. XXVII, 31), chị gái của Nguyễn Hoàng.

[7] Tước của Nguyễn Hoàng.

Ban đầu, Gia Dụ lập bản doanh ở Ái Tử, vỗ về chăn dắt quân và dân, thu dùng những người hào kiệt; giảm sưu, nhẹ thuế; lòng người mến phục. Thời bấy giờ gọi là chúa Tiên.

Lời chua - Thuận Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24).

Quảng Nam: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7, 8).

Ái Tử: Tên xã, nay là huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị.

Bùi Tá Hán: Người Thu Phố, huyện Chương Nghĩa.

Kỷ Mùi, năm thứ 2 (1559). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 6 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 38).

Tháng 3, mùa xuân. Quy định ngạch thuế ở Thanh, Nghệ.

Nhà vua sai Hộ Bộ độ chi là Lê Trọng Nguyên làm việc khám đạc ruộng đất công tư ở Thanh Hoa và Nghệ An để quy định số ngạch thuế khóa.

Tháng 8, mùa thu. Thanh Hoa và Nghệ An có thủy tai lớn.

Nước Tràn ngập, làm trôi đến vài trăm nhà. Kho tàng trong thành Tây Đô phần nhiều bị nước thấm ướt. Nhân dân bị đói kém.

Lời chua - Tây Đô: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 16).

Tháng 9, sai Thái sư Trịnh Kiểm kéo đại quân ra Bắc đánh dẹp.

Trịnh Kiểm dâng biểu xin cho viên tướng trong họ là Trịnh Quang là đề thống ngự doanh, đóng giữ hành tại An Tràng (Trường), Lê Trọng làm tổng trấn Thanh Hoa, bọn Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh quản lãnh toán quân tinh nhuệ, phòng giữ cửa biển.

Trịnh Kiểm chính mình thống đốc 6 vạn đại quân, nói lên là 12 vạn, dùng Hoàng Đình Ái làm tiên phong, từ Thiên Quan trẩy ra Sơn Tây thượng lộ. Quân trẩy qua đâu không hề xâm phạm ở đó cái tơ cái tóc. Nhân dân đều mến phục, đua nhau đem rượu, gạo, trâu bò, lương thực, đến cung cấp cho quân.

Bọn tướng trấn thủ Hưng Hóa là Định quận công Đặng Định và thổ tướng Tuyên Quang là Gia quận công Vũ Văn Mật đều đem quân đến hội. Trịnh Kiểm bèn tiến quân vượt qua sông, lược định các xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn và Kinh Bắc. Lại sai Vũ Văn Mật trấn giữ Đại Đồng[2], Đặng Định trấn giữ An Tây[3], mở mang sửa sang đường sá từ Thiên Quan thông suốt đến Hưng Hóa, Tuyên Quang và Kinh Bắc để tiện việc chuyên chở tiếp tế.

Lời chua - An Tràng (Trường): Xem Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Thiên Quan: Xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Kinh Bắc: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 28, 30, 31).

Vũ Sư Thước: Người Du Tràng huyện Hậu Lộc[4].

Trịnh Quang: Người Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc[5].

Lại Thế Khanh: Người Quang Lãng, huyện Tống Sơn[1].

---

[1] Huyện Tống Sơn thuộc Thanh Hóa là quê quán của Nguyễn Hoàng.

[2] Nay thuộc huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

[3] Đất phủ An Tây cũ, nay thuộc các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu.

[4] thuộc Thanh Hóa.

[5] Thuộc Thanh Hóa.

Hoàng Đình Ái: Người Vân Lũng, huyện Thạch Thành[2].

Đặng Định: Trước kia, theo Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta lánh nạn sang Ai Lao; kịp khi Trang Tông trung hưng, sai Định đi trấn giữ An Tây mười châu thuộc Hưng Hóa. Đến đây, Đặng Định đem quân đến hội.

Canh Thân, năm thứ 3 (1560). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 7 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 39).

Tháng 2, mùa xuân. Mạc Phúc Nguyên chạy đi Thanh Đàm.

Mạc Phúc Nguyên sai các tướng đi phòng thủ ngoài thành Thăng Long, đóng đồn ven sông ở phía tây, trên từ Bạch Hạc, dưới đến Nam Xang, dinh trại thuyền bè san sát liên tiếp. Ban ngày thì bóng cờ phấp phới, tiếng trống thùng thình, ban đêm thì đốt lửa làm hiệu, chúng cầm cự với quan quân.

Bấy giờ Trịnh Kiểm đang đánh dẹp các xứ Kinh Bắc, đóng quân doanh ở Thuận An, rồi lại dời đi đóng ở Tiên Du, chia sai các tướng đi đánh dẹp Khoái Châu, Hồng Châu, Nam Sách, Tiên Hưng, Siêu Loại và Văn Giang. Lại hướng về phía đông, đánh các huyện Đông Triều, Giáp[3] Sơn, Chí Linh và An Dương; đều được cả.

Phúc Nguyên chạy đi Thanh Đàm. Trịnh Kiểm bèn sai quận Vinh Hoàng Đình Ái giữ Lạng Sơn, quận Vị Lê Khắc Thận giữ Thái Nguyên, quân Gia Vũ Văn Mật lại về Tuyên Quang; thanh thế liên tiếp nhau, cứu giúp lẫn cho nhau. Quận Định Đặng Định trở về Hưng Hóa, chiêu tập vỗ về nhân dân ở An Tây mười châu, cung cấp lương thực cho quân đội. Từ Thiên Quan đến Kinh Bắc bấy giờ liên lạc được với nhau, không cách đứt.

Lời chua - Thanh Đàm: Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 10).

Bạch Hạc: Xem Trần Thánh Tông, năm Thiệu Long thứ 5 (Chb. VII, 4, 5).

Tiên Du, Siêu Loại: Đều xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 30).

Nam Sách (sách: sách lược): Tức Nam Sách (sách: sổ sách). Xem thuộc Tấn[4], Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Khoái Châu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Hồng Châu: Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên Đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Nam Xang:[5]: Tên huyện, thuộc phủ Lý Nhân, Hà Nội[6].

Thuận An: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb. X, 4).

Tiên Hưng: Tên phủ, thuộc tỉnh Hưng Yên[7].

---

[1] Thuộc Thanh Hóa.

[2] Thuộc Thanh Hóa.

[3] Giáp đây là theo tiếng nhân dân thường gọi, còn theo các từ thư thì âm là Hiệp.

[4] Đáng phải chép là "dương Tấn " (ngang với Tấn) mới đúng.

[5] Xang là theo tiếng Việt, còn Hán Văn là "Xương ".

[6] Ngày nay, Lý Nhân, tức Phủ Lý, thuộc tỉnh Hà Nam.

[7] Tiên Hưng này thuộc Thái Bình.

Văn Giang: Tên huyện, thuộc phủ Thuận An[1], tỉnh Bắc Ninh.

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 25).

An Dương: Tên huyện, thuộc phủ Kiến Thủy, Hải Dương.

Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30, 31, 32).

An tây mười châu: 1) Chiêu Tấn, 2) Quỳnh Nhai, 3) Lai Châu, 4) Tung Lăng, 5) Hoàng Nham, 6) Hợp Phì, 7) Lễ Tuyền, 8) Khiêm Châu, 9) Tuy Phụ, 10) Luân Châu.

Thiên Quan: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Giáp Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 37)[2].

Năm này được mùa to.

Hạ lệnh cho vùng Kinh Bắc gặt lúa để cung cấp cho quân đội.

Tân Dậu, năm thứ 4 (1561). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 8 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 40).

Tháng 3, mùa xuân. Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Bọn tổng trấn Lê Trọng cùng thủ tướng[3] Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh đánh nhau với Kính Điển: không lợi.

Phúc Nguyên sai tướng khác sang Kinh Bắc để cầm cự với Trịnh Kiểm, lén vời Kính Điển quay về, cho vào lấn cướp các cửa biển Thanh Hoa. Thủ tướng Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh cùng tổng trấn Lê Trọng đánh nhau với quân Mạc: không lợi, phải lui giữ An Tràng và sách Vạn Lại. Bấy giờ thế lực của giặc lại mạnh lên, phần đông nhân dân phải xiêu giạt tan tác. Hay tin này, Trịnh Kiểm bèn sai Đình Ái đem quân về trấn giữ Thanh Hoa.

Tháng 9, mùa thu. Kính Điển xâm phạm An Tràng, Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh đi đánh: Kính Điển phải chạy.

Quân Mạc xâm phạm đến sách Vạn Lại. Bọn Sư Thước và Thế Khanh họp sức lại, cùng chống cự. Quân phục (bên Lê) thình lình đánh úp, đắc thắng liền liền, chém hơn trăm thủ cấp. Quan quân nhân đà thắng lợi, rượt đuổi quân địch. Kính Điển lại nghe nói viện binh của Đình Ái sắp đến, bèn rút về., Trịnh Kiểm cũng kéo quân về Thanh Hoa, dâng tin thắng trận lên nhà vua ở hành tại An Tràng. Kiểm đóng quân doanh ở phía nam thành Tây Đô, thưởng to cho những người có chiến công.

Tháng 12, mùa đông. Mạc Phúc Nguyên chết.

Con trưởng là Mậu Hợp nối ngôi nguỵ tiếm đặt niên hiệu là Thuần Phúc (1562 - 1565)[4].

Nhâm Tuất, năm thứ 5 (1562). (Mạc Mậu Hợp, năm Thuần Phúc thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 41).

Tháng 8, mùa thu. Mở trường thi hương ở Tây Đô.

Tháng 9. Thái sư Trịnh Kiểm lại ra Sơn Nam.

Kiểm kéo quân ra dẹp Sơn Nam. Trẩy đến Thanh Trì[5] và Thượng Phúc[1], lập đại doanh ở Sơn Miêng[2], Kiểm sai thu lượm tích trữ thóc lúa lương thực để làm chước cầm cự lâu dài.

---

[1] Đất huyện Văn Giang cũ, nay thuộc các huyện Mỹ Văn và Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[2] Xem thêm Chb. XIII, 12, 13.

[3] Viên tướng trấn giữ một địa điểm (chỗ khác trong Cương mục quyển 28 này cũng vậy).

[4] Về sau, lại đổi niên hiệu mấy lần nữa: Sùng Khang (1566 - 1577), Diên Thành (1578 - 1585), Đoan Thái (1586 - 1587), Hưng Trị (1588 - 1590) và Hồng Ninh (1591 - 1592).

[5] Nay thuộc Hà Nội.

Lời chua - Thượng Phúc, Sơn Miêng: Tên hai huyện, đều xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Quý Hợi, năm thứ 6 (1563). Mạc, năm Thuần Phúc thứ 2 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 42).

Giáp Tý, năm thứ 7 (1564). (Mạc, năm Thuần Phúc thứ 3 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 43). Nước Ai Lao đến dâng lễ cống.

Chúa Ai Lao, Sạ Đẩu, sai bầy tôi đến cống bốn thớt voi đực. Nhà vua bảo Kiển đem con gái nuôi của Kiểm gả cho chúa Ai Lao.

Tháng 10, mùa đông. Mở đường sơn cước ở Thanh Hoa cho thông suốt ra Sơn Nam.

Sai dân Trường Yên và dân Thiên Quan mở rộng đường sá: từ xã Trường Cát thẳng đến xã Bình Lương suốt tới huyện Hoài An và huyện Sơn Miêng, để tiện việc đài tải chuyên chở. Bấy giờ sông Nam từ sông lớn trở về phía tây, đều là đất ở trong vùng kiểm soát của triều đình cả.

Lời chua - Trường Cát: Tên xã, nay thuộc huyện Quảng Địa[3], phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hoa.

Bình Lương: Tên xã, nay thuộc huyện An Hóa, phủ Thiên Quan, tỉnh Ninh Bình.

Hoài An, Sơn Miêng: Tên hai huyện, đều xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Tháng 12. Thái sư Kiểm rút quân về Thanh Hoa.

Ất Sửu, năm thứ 8 (1565). (Mạc, năm Thuần Phúc thứ 4 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 44).

Tháng 4, mùa hạ. Thái sư Kiểm đánh Trường Yên; hạ được.

Kiểm sai bọn Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh trấn giữ các cửa biển Thanh Hoa, còn mình thì tự đốc suất đại quân, lại ra lược định Sơn Nam trung lộ. Quân trẩy đến Trường Yên, đánh dẹp các huyện Gia Viễn, Yên Mô, và Yên Khang; đều hạ được cả.

Lời chua - Gia Viễn: Xem Lê Tương Dực, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 2).

Yên Khang: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 8 (Chb. VIII, 18).

Yên Mô: Xem Lê Tương Dực, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 2).

Tháng 9, mùa thu. Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Thủ tướng là bọn Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh đánh nhau với Kính Điển: không lợi.

Bấy giờ quan quân tấn công và đánh úp rất gấp. Mậu Hợp bèn hỏi bọn Kính Điển về mưu chước để đẩy lùi quân Trịnh Kiểm. Kính Điển nói: "Bây giờ Kiểm đương dốc hết binh lực để đánh Sơn Nam, thì Thanh Hoa phải yếu và trống rỗng. Nếu ta sai vài viên đại tướng đến giao chiến với Kiểm để kéo co cho lực lượng địch phải phân tán, còn thần xin đem vài vạn quân tinh nhuệ thẳng xông vào Thanh Hoa, thì tất thế nào cũng thắng to và co thể đẩy lùi quân của Kiểm ở Sơn Nam được ". Mậu Hợp nghe theo.

Kính Điển bèn đem chu sư vượt biển vào cửa Linh Tràng, đánh phá các huyện Thuần Hựu, Hoằng Hóa.

---

[1] Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[2] Nay là huyện Ứng Hòa tỉnh Hà Tây.

[3] Nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Bọn Sư Thước cho người đi báo tin gấp rút với Kiểm. Kiểm sai quận Lộc về cứu. Quận Lộc cùng bọn Sư Thước và Thế Khanh hội binh, tiến đánh Du Tràng. Kính Diển chẹn chỗ hiểm yếu, đặt quân phục, rồi khiêu chiến, giả vờ thua. Bọn Sư Thước và Thế Khanh dẫn quân và voi đuổi theo, đến chỗ hiểm yếu, quân phục bên địch đều nổi dậy, bốn mặt đánh khép lại, bao vây đến vài vòng. Sư Thước và Thế Khanh xông đột vòng vây, chạy thoát. Quận Lộc (không rõ tên) chiến đấu đến chết. Quan quân bị chết có đến vài ngàn người.

Giặc thừa thắng, tiến đánh. Khi hay tin quân của Trịnh Kiểm đã kéo về đến Thạch Thành, giặc bèn rút lui.

Quận Lộc được truy phong tước Nghiêm quốc công.

Lời chua - Cửa Linh Tràng: Nay là cửa biển Y Bích, thuộc huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung, Thanh Hoa.

Thuần Hựu: Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 2 (Chb. XXVI, 37).

Hoằng Hóa: Xưa là Cổ Đằng, nay là Hoằng Hóa thuộc phủ Hà Trung[1].

Du Tràng: Tên xã, thuộc huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung[2].

Thạch Thành: Tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hóa[3].

Bính Dần, năm thứ 9 (1566). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 1 - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 45).

Tháng 9, mùa thu. Thái sư Kiểm xuất quân ra Sơn Nam, đến Gia Viễn quay về.

Đinh Mão, năm thứ 10 (1567). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 2 - Minh, năm Long Khánh thứ 1).

Mậu Thìn, năm thứ 11 (1568). (Mạc, năm Sùng Khánh thứ 3 - Minh, năm Long Khánh thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Dùng Nguyễn Bá Quýnh làm tổng binh Quảng Nam.

Thổ tướng[4] Quảng Nam là Trấn quận công Bùi Tá Hán mất. Nhà vua sai quận Nguyên Nguyễn Bá Quýnh thay thế.

Lời chua - Bá Quýnh: Người Thượng Xá, huyện Chân Lộc (Chân phúc cũ)[5].

Kỷ Ty, năm thứ 12 (1569). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 4 - Minh, năm Long Khánh thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Gia phong thái sư Kiểm làm thượng tướng, tước Thái quốc công, tấn tôn thượng phụ.

Tháng 4, mùa hạ, Hoàng đệ Duy Hàn có tội, bị phế làm thứ nhân.

Duy Hàn ngầm có ý khác, lén vào trong cung, lấu trộm quả ấn bảo tỉ, bị bắt, nhưng được tha. Rồi Duy Hàn lại tự tiện giết người. Nhà vua nói: "Nhiều lần khuyên bảo, Duy Hàn vẫn không nghe theo. Thế là "kẻ hạ ngu mình tự làm mình, không sao thay đổi được! " Nhà nước đã có pháp luật thường hành

---

[1] Đều thuộc Hà Trung.

[2] Thuộc Thanh Hóa.

[3] Thuộc Thanh Hóa.

[4] Viên tướng người bản thổ.

[5] Chân Lộc là tên đặt từ đời Sơn Tây (1778 - 1801) đến năm 1889 đổi là Nghi Lộc, thuộc tỉnh Nghệ An (xem Đại Nam Nhất thống chí XIV, 5 - 6)T

trẫm còn tây vị bao che cho thế nào được ? " Nhà vua bèn giao xuống cho đình thần bàn xét. Duy Hàn bị thích sáu chữ vào mặt, phế làm thứ nhân.

Tháng 9, mùa thu. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta đi ra Tây Kinh, yết kiến nhà vua ở hành tại An Tràng.

Bái yết nhà vua xong, Gia Dụ đến phủ thượng tướng[1], anh em[2] tình tự, rất là hòa thuận thân yêu.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Thượng tướng Kiểm bị bệnh, xin nghỉ, không giữ binh quyền. Nhà vua ưng thuận.

Kiểm đau nặng, dâng biểu xin thôi giữ quyền bính quân sự. Nhà vua sai người con trưởng của Kiểm là Tuấn Đức hầu Cối thống lĩnh các doanh quân thủy và quân bộ. Từ Phúc Lương Hầu Tùng con thứ của Kiểm, đến các tướng tá khác đều thuộc dưới quyền Cối.

Tháng 11. Sao sa.

Có lưu tinh dài hơn trăm trượng sa xuống đất: ầm to như tiếng sấm sét lớn.

Canh Ngọ, năm thứ 13 (1570). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 5 - Minh, năm Long Khánh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta từ Tây Kinh trở về, kiêm việc cai quản cả các xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. Vua Lê với tổng binh Quảng Nam là Nguyễn Bá Quýnh[3] về giữ Nghệ An.

Tháng 2. Thái sư Thượng Phụ Trịnh Kiểm chết. Nhà vua dùng Trịnh Cối, con của Kiểm, lên thay, quản lĩnh quân đội.

Truy phong Trịnh Kiểm là Minh Khang vương, đặt tên thụy là Trung Huân. Hạ chiếu cho con trưởng là Cối lên thay, quản lãnh các quân doanh đánh giặc.

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Cối và Trịnh Tùng dấy quân đánh lẫn nhau.

Cối, sau khi lên thay Kiểm, cầm nắm quyền binh trong nước, tâm chí càng kiêu rông, ngày ngày chỉ buông mình trong tửu sắc, không lo thương gì đến quân sĩ ! Cối lại định tước đoạt quân sĩ của Tùng. Do đó, các tướng hiệu đều có lòng lìa bỏ Trịnh Cối.

Bọn Lê Cập Đệ, Trịnh Vĩnh Thiệu, Phan Công Tích và Trịnh Bách, đang đêm, đem đồ đảng tới chỗ Tùng để bàn mưu kế. Tùng cùng bọn Cập Đệ và Vĩnh Thiệu nèo cả viên hàng tướng là Đặng Huấn, cùng đi, đem luôn cả quân và voi, đang đêm, chạy đến bái yết nhà vua ở hành tại An Tràng. Tùng khóc lóc kể lể: "Anh của thần là Cối đam mê tửu sắc, làm nhiều việc mất lòng người, chẳng sớm thì chầy tất đến loạn mất ! Nay Cối lại định tước đoạt số quân của thần, nên bọn thần đang đêm phải chạy đến gieo mình ở cửa cung khuyết ".

Tùng và bọn Cập Đệ, nhân đó, lại mật tâu với nhà vua dời hành tại vào phía trong cửa ải Vạn Lại, chia người ra đóng giữ cửa lũy để phòng ngừa sự bất trắc.

Ngày hôm sau. Cối thân hành đem bọn Lại Thế Mỹ, Lại Thế Khanh, Nguyễn Sư Doãn, Vương Trân, Lê Khắc Thận, Nguyễn Hữu Liêu và Phạm Văn Khoái với hơn một vạn quân, đuổi theo bọn Tùng đến ngoài cửa ải.

Tùng sai đóng chặt cửa lũy, không ra. Cối sai đưa thư vào, nói nhiều lời không được từ tốn. Nhà vua cho người đi hòa giải, nhưng Cối không nghe, bèn sai tướng đi đánh Cối.

---

[1] Phủ của Trịnh Kiểm.

[2] Trịnh Kiểm là anh rể, Nguyễn Hoàng là em vợ, vì Trịnh Kiểm lấy Ngọc Bảo, con gái nguyễn Kim (xem chb. XXVII, 31), sau Ngọc Bảo sinh ra Trịnh Tùng (theo Toàn thư XVI, 25).

[3] Nguyễn Bá Quýnh được dùng làm tổng binh Quảng Nam từ tháng 3, năm Mậu Thìn, 1568 (xem Chb XXVIII, 21).

Cối đánh nhiều lần không được. Khi hay tin quân Mạc kéo đến. Cối rút quân về Biện Doanh, bảo đồ đảng mình rằng: "Trong cửa ải thì có quân giữ, ngoài bờ cõi thì giặc vào. Ta ở giữa nếu có sự biến xảy ra thì tình thế khó lòng chống nổi ! " Cối bèn chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu:

Sư Thước giữ cửa Linh Tràng và cửa Hội Triều, Thế Khanh giữ cửa Chi Long và cửa Thần Phù, Sư Doãn giữ cửa Du Xuyên và cửa Ngọc Giáp để phòng ngừa quân Mạc;

Bọn Thế Mỹ, Khắc Thận, Hữu Liêu và Văn Khoái thì bổ đồn đóng ở bờ sông để phòng ngừa quân trong ải.

Lời phê - Bấy giờ hai anh em Cối và Tùng lục đục đánh lẫn nhau, dường như trời kia có nâng đỡ nhà Lê đấy. Giá thử may mà có được người bầy tôi nào có đủ tài năng, nhân dịp đứng lên rút bớt binh quyền của họ Trịnh thì đỡ được biết bao nhiêu việc rắc rối sau này, đâu đến nỗi đuôi to khó quẫy, họ Trịnh với họ Lê cứ cùng nhau tồn tại từ trước tới sau mãi như thế ! Nhưng, đời xa, việc lâu, tình thế có thể sai khác, nay đem ý kiến của mình mà suy luận, e chưa chắc đã đúng thế chăng.

Lời chua - Trịnh[1] Vĩnh Thiệu: Người Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc[2].

Phan Công Tích: Người Thái Xá, huyện Đông Thành[3].

Lại Thế Mỹ: Người Quang Lãng, huyện Tống Sơn[4].

Nguyễn Hữu Liêu: Người Tây Tựu[5], huyện Từ Liêm.

Phạm Văn Khoái: Người Tiểu Phấn, huyện Thượng Nguyên[6].

Cửa biển Linh Tràng: Xem năm Chính Trị thứ 8 (Chb. XXVIII, 20).

Cửa biển Hội Triều: Ở xã Hội Triều, huyện Quảng Xương, phủ Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoa.

Cửa biển Chi Long: Ở huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, Thanh Hoa.

Cửa biển Du Xuyên: Nay là cửa Bạng, ở xã Du Xuyên, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, Thanh Hoa.

Cửa biển Ngọc Giáp: Nay là cửa Hãn, ở xã Ngọc Giáp, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, Thanh Hoa.

Tháng 8, mùa thu. Kính Điển vào cướp Thanh Hoa. Trịnh Cối đem đồ đảng đầu hàng nhà Mạc.

Lập quận công là Lập Bạo, người Bố Chính, được tin Trịnh Kiểm chết anh em dấy binh đánh lẫn nhau, bèn đem quân đầu hàng nhà Mạc.

Nhà Mạc cho Lập Bạo cầm quân, làm hướng đạo. Kính Điển chính mình đốc suất hơn mười vạn quân, 700 chiếc chiến thuyền, vào cướp Thanh Hoa. Nhà Mạc lại sai thân vương là Đôn Nhượng[7] và tướng tá là bọn Mạc Đình Khoa đem quân chặn giữ cửa biển Thần Phù, bọn Nguyễn Quyện và Mạc Ngọc Liễn chia làm sáu đội, ấn định nhật kỳ, đồng thời cùng tiến. Quân Mạc vượt vào các cửa biển Linh Tràng, Chi Long và Hội Triều đóng quân ở Hà Trung. Hai bên bờ sông khói lửa liên tiếp nhau.

---

[1] Cương mục in lầm là "Đặng ".

[2] Thuộc Thanh Hóa.

[3] Nay thuộc hai huyện Yên Thành và Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

[4] Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

[5] Tục gọi làng Đăm, nay là xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

[6] Nay thuộc TP Nam Định.

[7] Đôn Nhượng là con út của Đăng Doanh và là ông chú của Mậu Hợp (xem Chb. XXIX, 12).

Trịnh Cối liệu chừng không thể chống nổi, bèn đem bọn Lại Thế Mỹ, Nguyễn Sư Doãn, Trương Quốc Hoa, Vương Trân và Vũ Sư Thước đầu hàng nhà Mạc. Kính Điển cho ai nấy vẫn cứ giữ nguyên tước cũ.

Bọn Thế Khanh, Đình Ái, Khắc Thận, Hữu Liêu và Văn Khoái đều kéo quân lui vào An Tràng. Quận Hoành (sử không chép tên) tự rút quân bản bộ về Nghệ An, chia ra đóng giữ trên mặt đất với Nguyễn Bá Quýnh.

Lời chua - Lập Bạo: Một tên tướng nhà Mạc không rõ họ gì.

Dùng Trịnh Tùng làm tiết chế các quân doanh thủy và bộ, thống lĩnh quân đội để đánh Mạc.

Tùng, sau khi lãnh chức tiết chế, hội hợp các tướng Hoàng Đình Ái, Trịnh Mô, Lê Cập Đệ và Văn Thần là bọn Nguyễn Đĩnh[1], mở yến tiệc yên ủi nhau, chỉ trời mà thề: Chung lòng đấu cật, làm cho thành công. Rồi chia quân đóng giữ các cửa lũy, đào hào, dựng rào, đặt quân mai phục, giữ cỗ hiểm yếu để phòng ngừa quân Mạc.

Lời chua - Nguyễn Đĩnh: Người Hoàng xá, huyện Từ Liêm[2].

Trịnh Mô: Người Nông Sơn, huyện Nam Đường[3], trước là họ Nguyễn, tên gọi Cảnh Hoan sau nhà Trịnh cho lấy theo họ Trịnh, đổi tên là Mô.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Mạc Kính Điển: Kính Điển phải chạy.

Kính Điển chính mình thống suất quân sĩ các đạo, tiến đến Úng Quan ở sông Mã và Bổng Luật ở sông Lam: khói lửa lan man không ngớt. Nhân dân Thanh Hoa dắt díu nhau chạy loạn, kêu khóc đầy đường. Tiền của, gia súc và phụ nữ đều sa trong vòng giặc. Giặc nhân đà sắc bén, có cái khí thế muốn san phẳng cả Hoan, Ái, Quan quân tùy tình thế, liệu chống đỡ. Da Châu và Tàm Châu ở phía tả sông luôn với các đầu nguồn huyện Lôi Dương và huyện Nông Cống ở phía hữu sông đều là chiến trường cả.

Kính Điển tấn công lũy An Tràng, ngày đêm không ngớt.

Quan quân giao chiến với địch, không lợi, phải đóng chặt cửa lũy, dựa vào địa thế hiểm trở giữ thế thủ.

Bọn Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ bèn lựa theo hình thế phía ngoài lũy làm cái thành giả che kín bằng phên nứa và vách tre của cư dân, rồi ngoài trát đất bùn, trên cắm chông tre. Thành giả này dài đến hơn mười dặm: công việc chỉ làm trong một đêm xong.

Ngày hôm sau, Kính Điển trông thấy, cả sợ, bảo các tướng tá rằng: "Đó chắc là những quân cảm tử còn nhiều, nên mới nô nức làm công việc được mau chóng như vậy. Nếu ta không đánh nhau thì sau tất khó trị ". Kính Điển bèn chính mình đốc thúc quân sĩ đánh gấp, hẹn ngày phải thắng.

Quan quân theo sự lên xuống của thủy triều, cầm cự với quân Mạc ở khoảng Bảo Lạc và Long Sùng, gióng giả cổ võ quân lính, treo giải hậu thưởng. Ban ngày thì cố thủ, đêm đến thì đổ ra cướp trại của quân Mạc để làm cho địch nao núng.

Quân Mạc luôn bị kinh động, có nhiều người đào ngũ, đi trốn. Kính Điển đánh nhiều lần không thắng được, bèn lui giữ Hà Trung.

---

[1] Bấy giờ Nguyễn Đĩnh làm Lại Bộ thượng thư, tước Từ quận công.

[2] Nay là thôn Hoàng Xá, xã Liên Mạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

[3] Thuộc tỉnh Nghệ An, đến năm 1886 đổi làm Nam Đàn.

Vũ Sư Thước sai người lén vào trong lũy, dâng thư xin hàng, về triều đợi tội. Nhà vua nhóm hợp các tướng, bèn việc tiến quân. Gia phong Trịnh Tùng làm tả thừa tướng tiết chế các quân doanh thủy và bộ, chia quân làm ba đạo, đồng thời xuất phát.

Nhà vua chính mình quản đốc đại quân, từ trung lộ tiến ra, nhằm các huyện Thụy Nguyên, An Định kéo thẳng đến đóng tại huyện Đông Sơn;

Bọn Lại Thế Khanh, Lê Cập Đệ, Trịnh Vĩnh Thiệu và Trịnh Mô từ tả lộ kéo ra, nhằm huyện Vĩnh Phúc và huyệnn Tống Sơn;

Bọn Hoàng Đình Ái, Đặng Huấn, Phan Công Tích và Trịnh Bách từ hữu lộ kéo ra, nhằm các huyện Lôi Dương, Nông Cống và Quảng Xương.

Bấy giờ nhà vua đóng quân doanh ở Đông Sơn, Vũ Sư Thước đem 500 quân bản bộ thân đến ngự doanh xin chịu tội. Nhà vua yên ủi và cho vẫn giữ tước cũ. Từ đó thanh thế quân đội [bên Lê] rất lừng lẫy.

Quân Mạc hễ đánh là thua, phải lui giữ sông Bút Cương. Quan quân vượt sông An Liệt, qua Kim Bôi, Kim Tử, xuyên tắt ra Thuần Hựu.

Nhà sai Sư Thước chiêu tập cựu binh ở bản huyện[1] được bọn nghìn người, làm tiên phong, khiêu chiến với Mạc ở sông Lôi Tân. Bọn Lại Thế Khanh và Lê Cập Đệ đánh các huyện Tống Sơn và Nga Sơn, đều thắng cả.

Vì lương thực trong quân không tiếp tế được đều, Kính Điển, tháng 12, phải rút quân về.

Lời chua - Sông Mã: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 18).

Ứng Quan: Ở tổng Cổ Lũng, huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa,Thanh Hoa.

Sông Lam: Ở huyện Thụy Nguyên[2].

Bổng Luật: Không rõ ở đâu.

Hoan: Châu Hoan, tức Nghệ An.

Ái: Châu Ái, tức Thanh Hóa. Nghệ An và Thanh Hóa đều xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20 - 23).

Da Châu: Xem Mạc, năm Đại Chính thứ 1 (Chb. XXVII, 22).

Tàm Châu: Thuộc châu Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Lôi Dương: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

Nông Cống, Quảng Xương: Tên hai huyện, thuộc phủ Tĩnh Gia[3].

Bảo Lạc, Long Sùng: Đều là tên xã[4], thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa[5].

Hà Trung: Tên phủ, thuộc tỉnh Thanh Hoa.

An Định, Đông Sơn, Vĩnh Phúc: Tên ba huyện, thuộc phủ Thiệu Hóa.

Tống Sơn, Nga Sơn: Tên hai huyện, thuộc phủ Hà Trung.

---

[1] Vũ Sư Thước người huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa (xem Chb. XXVIII, 14).

[2] Thuộc Thanh Hóa.

[3] Thuộc Thanh Hóa.

[4] Hễ khúc sông chảy qua địa phận xã nào thì người ta đều gọi sông theo tên xã ấy. Thí dụ: xã Long Sùng, sông Long Sùng, xã Lôi Tân, sông Lôi Tân...

[5] Thuộc Thanh Hóa.

Bút Cương, An Liệt, Kim Bôi, Kim Tử, Lôi Tân: Đều là tên xã thuộc huyện Vĩnh Phúc, phủ Thiệu Hóa.

Tân Mùi, năm thứ 14 (1571). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 6. Minh, năm Long Khánh thứ 5).

Tháng 12, mùa xuân. Xét công đẩy lùi được giặc. Cho thăng quan và lên tước có tầng bậc khác nhau.

Gia phong Trịnh Tùng làm thái úy, Trường Quốc công; Lê Cập Đệ làm Thái phó; Trịnh Bách, Trịnh Vĩnh Thiệu, Trịnh Mô, Lại Thế Khanh và Đặng Huấn đều làm Thiếu phó. Lại phong cho các em của Tùng: Trịnh Đỗ làm Thiếu bảo, Trịnh Đồng làm Vĩnh Thọ hầu, Trịnh Ninh làm Quảng Diên hầu. Ai nấy đều cầm quân đánh giặc.

Sai Phùng Khắc Khoan chiêu tập những dân Thanh Hoa bị xiêu giạt.

Dân các huyện thuộc Thanh Hoa trước đây đã từng xiêu giạt tan tác; đến đây nhà vua sai Khắc Khoan đi chiêu an cho họ tụ tập lại.

Lời chua - Phùng Khắc Khoan: Người Phùng Xá[1], huyện Thạch Thất, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1580), năm Quang Hưng đời Lê Thánh Tông.

Bọn Mỹ Lương, người huyện Khang Lộc, nổi loạn, dẹp yên được.

Mỹ Lương cùng hai em là Văn Lan và Nghĩa Sơn đều vì dâng thóc cho họ Trịnh, được chuyên việc trưng thu tô thuế. Bởi có công lao, Mỹ Lương được làm tham đốc, Văn Lan và Nghĩa Sơn làm thự vệ. Kịp khi quân Mạc vào cướp Nghệ An, Thuận Hóa bị dao động, Mỹ Lương định mưu đánh úp Vũ Xương, thu lấy cả quân lính để đầu hàng nhà Mạc. Mỹ Lương bèn sai bọn Văn Lan và Nghĩa Sơn đem quân mai phục ở Minh Linh, còn mình thì đem quân lén do đường sơn cước đi đến Ngõa Kiều[2] ở huyện Hải Lăng, ấn định nhật kỳ để đánh kẹp lại.

Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta biết rõ mưu định của chúng, bèn sai phó tướng Trương Trà đi đánh Nghĩa Sơn, còn Gia Dụ thì chính mình thống đốc quân lính, lén đến Ngõa Kiều, đánh úp Mỹ Lương, đốt trại của hắn. Mỹ Lương chạy trốn. Gia Dụ đuổi theo, bắt được, đem chém.

Trương Trà tiến đến Phúc Thị, đánh nhau với giặc, bị Nghĩa Sơn bắn chết. Vợ Trương Trà, Trần Thị, sôi sục căm thù, cải trang giả làm đàn ông, ra trận đốc chiến, bắn giết được Nghĩa Sơn. Văn Lan trốn về với họ Trịnh.

Gia Dụ bèn kéo quân về, phong Trần Thị làm quận phu nhân. Bấy giờ thổ hào Quảng Nam cũng đánh giết cướp bóc lẫn nhau. Gia Dụ đều dẹp yên được hết cả, nhân đó sai thuộc tướng là Mai Đình Dũng ở lại trấn thủ Quảng Nam, thu lượm vỗ về những quân còn sót lại.

Lời chua - Khang Lộc: Tên huyện, thuộc phủ Tân Bình[3].

Vũ Xương, Minh Linh, Hải Lăng: Tên ba huyện, thuộc tỉnh Quảng Trị. Vũ Xương nay là huyện Đăng Xương.

Phúc Thị[4]: Tên xã, thuộc huyện Minh Linh phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Mỹ Lương (không rõ họ): Người Phổ Hành, huyện Khang Lộc.

Trương Trà: Người Hoành Vân, huyện Tống Sơn[5].

---

[1] Tục gọi làng Bùn, nay thuộc xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.

[2] Nghĩa là cầu Ngói.

[3] Đất phủ Tân Bình cũ, nay thuộc tỉnh Quảng Bình và hai huyện Vĩnh Linh, Do Linh (Quảng Trị).

[4] Chữ "thị " ở đây in lầm là chữ "táp ".

[5] Thuộc Thanh Hóa.

Trần Thị: Người Diêm Tràng, huyện Phú Vinh.

Tháng 10, mùa đông. Sai Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ đi tuần vùng Thiên Quan: Dẹp yên được tất cả.

Thanh Hoa đói to.

Nhâm Thân, năm Hồng Phúc thứ 1 (1572). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 7 - Minh, năm Long Khánh thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Làm lễ tế giao.

Nhà vua đốt hương, quỳ khấn; lư hương bổng nhào xuống đất biết là điềm chẳng lành, nhân đó mới ban chiếu đổi niên hiệu là Hồng Phúc thứ 1.

Lập Bạo, tướng Mạc vào cướp Thuận Hóa. Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta đánh úp, giết chết Lập Bạo.

Lập Bạo đem chu sư và hơn 60 chiếc thuyền vượt biển vào lấn cướp, theo đường Hồ Xá, đóng trại ở đường Thanh Tương, xã Lãng Uyển. Thế lực giặc rất lung lao.

Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta chính mình đem quân đi chống cự. Đóng ở bờ sông Ái Tử, ngài đêm nằm, nghe nơi sông nước có tiếng kêu oe oe, lấy làm lạ, bổng mộng thấy một người đàn bà, mặc áo xanh, đứng trước mặt, thưa rằng: "Muốn trừ diệt giặc nên dùng đến kế mỹ nhân ". Gia Dụ hiểu biết ý nói ấy, bèn sai Ngô Thị, một thị tì xinh đẹp, đem vàng lụa đến biếu Lập Bạo một cách phong hậu, thuyết phục Lập Bạo, hẹn ngày làm lễ hội minh. Lập Bạo hí hửng nghe theo. Gia Dụ liền sai dựng ngay tại chỗ có tiếng oe oe ấy ngôi đền và đàn thờ một cách lạo thảo để làm chỗ hội hợp ăn thề, nhưng dưới đó đào hầm, đặt quân mai phục. Đến kỳ đã hẹn, Lập Bạo, với mấy chiếc thuyền tùy tùng đi đến, trông lên trên bờ sông thấy bên phía Gia Dụ cũng chỉ có vài mươi người, bèn nhơn nhơn không ngờ vực gì cả. Lập Bạo cùng Ngô Thị đi chiếc thuyền nhỏ cũng chỉ có vài mươi người theo hầu. Lê bộ, đi thong thả. Lập Bạo đến chỗ hội minh thì phục binh đột nhiên nổi dậy. Lập Bạo sợ, chạy xuống thuyền thì thuyền đã lìa khỏi bờ rồi! Lao mình nhảy theo, Lập Bạo ngã xuống nước, bị quan quân bắn chết, quan quân thừa thắng, tiến đánh trại Thanh Tương: cả phá được địch. Còn các thuyền khác của địch ra khơi chạy trốn, gặp bão thình lình, bị đắm hết cả.

Gia Dụ bèn hậu thưởng cho Ngô Thị, vá phong thần sông Ái Tử làm Qua Qua linh thu phổ trạch tướng hựu phu nhân, lập đền để thờ.

Bấy giờ Thái Tổ Gia Dụ ta cai trị trong trấn mười năm, chính sự thì khoan hòa, quân lệnh thì nghiêm túc. Dân vùng Thuận Hóa và Quảng Nam đều được nhuần thấm ân đức và tắm gội giáo hóa. Dân buôn thì lạc nghiệp, chợ búa không bán hai giá, trong xứ không có trộm cướp. Nhiều người các nước đều xum vầy làm ăn. Trong trấn ngày một đông đúc thịnh vượng.

Lời chua - Hồ Xá, Lãng Uyển: Đều là tên xã thuộc huyện Minh Linh, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đền Thanh Tương: Ở địa phận xã Lãng Uyển.

Đền Qua Qua Linh Thu: Ở xã Ái Tử.

Ngô Thị: Tên là Ngọc Lâm, người Thế Lại, huyện Hương Trà[1].

Nghệ An đói và có bệnh dịch.

Nghệ An nhiều phen bị nạn binh lửa. Các huyện, đồng ruộng bỏ hoang nhân dân đói khổ. Dịch lệ lại phát sinh, người chết đến quá nửa. Nhân dân xiêu giạt, hoặc tan tác vào Nam, ra Bắc. Trong cõi Nghệ An đìu hiu vắng tanh.

[1] Thuộc Thừa Thiên.

Trịnh Tùng giả lệnh nhà vua, giết chết Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ. Nhà vua chạy đi Nghệ An.

Theo Sử cũ thì Cập Đệ ngầm có ý khác, muốn làm hại Trịnh Tùng để giựt lấy quyền binh. Tùng, bề ngoài làm như không biết, thường đem nhiều vàng bạc biếu Cập Đệ. Cập Đệ đến tạ ơn thì Tùng sai tay đao thủ phục sẵn ở nơi màn trướng mà giết chết. Rồi Tùng nói phao lên rằng Cập Đệ mưu phản, nên nhà vua sai giết đi.

Bấy giờ Cảnh Hấp và Đình Ngạn nói với nhà vua rằng: "Quyền thế của tả tướng[1] to quá! bệ hạ khó chung sống được ". Nhà vua hoang mang ngờ vực, đang đêm, cùng với bốn hoàng tử chạy đi Nghệ An.

Theo Lê triều trung hưng lục của Hồ Sĩ Dương, Lê Cập Đệ mật bàn với nhà vua, bố trí đâu vào đấy, hẹn nhau rằng, hễ đêm đến, nghe thấy tiếng pháo nổ một cái thì nhà vua liền qua sông để cử sự. Tùng biết rõ chuyện ấy rồi, nhưng bề ngoài vẫn cứ biếu Cập Đệ nhiều vàng bạc. Khi Cập Đệ đến tạ thì Tùng cho tên đao phủ mai phục sẵn, xông ra giết chết.

Nhà vua từ đó vẫn thường băn khoăn, không yên tâm. Khi nghe bọn Cảnh Hấp nói, bèn cùng bốn hoàng tử chạy đi Nghệ An.

Lời Phê - Sử cũ soạn hồi cuối Lê, đều ra từ những tay khuyển ưng của họ Trịnh, cố nhiên là có nhiều điều kiêng kỵ đối với họ Trịnh. Đó thật là những trang sử nhơ bẩn, không thể tin được. Nhưng vì nay không có bộ sử nào tốt hơn để có thể dựa vào mà sửa đổi lại, nên Cương mục cứ phải theo tài liệu đáng ngờ mà truyền lại đều đáng ngờ để đợi đời sau đính chính cho.

Lời cẩn án - Về việc Anh Tông phải chạy. Sử cũ cho rằng Cập Đệ ngầm có ý khác, định giết Trịnh Tùng, nên Tùng dụ Cập Đệ đến, nhân dịp giết đi rồi tuyên bố cho mọi người biết rằng: "Cập Đệ âm mưu làm phản, nhà vua sai giết chết ". Kịp khi nhà vua nghe bọn Cảnh Hấp nói lời gièm pha, bấy giờ mới đâm hoang mang ngờ vực, đang đêm chạy đi Nghệ An.

Nay, Cập Đệ nếu có ý khác, Trịnh Tùng vâng mạng nhà vua giết đi, thế là trị được tội nhân, nhà nước vững như núi Thái Sơn rồi, thì sao còn phải hoang mang ngờ vực mà chạy đi nữa.

Kịp khi khảo đến cuốn Trung Hưng lục của Hồ Sĩ Dương, thấy nói Cập Đệ mật mưu với nhà vua, hẹn đến ban đêm, hễ nghe tiếng pháo nổ thì nhà vua liền qua sông để cử sự. Tùng biết rõ cả rồi, nên mới bày mưu giết Cập Đệ. Nhà vua thấy bọn Cảnh Hấp nói, bấy giờ mới hoang mang ngờ vực, chạy đi, thế là, đã từ lâu, Anh Tông không sao chịu nổi những hành tích vô quân[2] của Tùng; còn về phần Cập Đệ cũng đã từ lâu không sao nén nổi cái khí căm phẫn trung nghĩa, nên đối với Tùng, chỉ muốn xé thịt mà ăn, lột da mà nằm thôi. Rủi thay, việc toan tính của Cập Đệ không được toại nguyện, làm liên lụy đến quân thân, nhưng tâm chí của Cập Đệ thực đáng đau xót!

Những kẻ quan tư đứng đầy triều đình bấy giờ được họ Trịnh chăn nuôi, nào chạy vạy ở cửa ngõ, nào đón ý vâng dạ chỉ e không rồi, còn ai là người nét mặt dám tỏ chính nghĩa, không sợ kẻ có thế lực mạnh nữa ?

Đến người làm sử[3] bấy giờ lại còn cầm bút chép quanh co, che đậy, nhằm buộc tội cho người trung thần! Hơn nữa họ còn đổ thừa cho nhà vua rằng đã nhờ bậc công thần[4] tôn lập làm vua, lại thiên lệch nghe lời gièm pha, lật đật bôn ba ra ngoài! Ôi, thế cũng quá lắm! Vậy không thể không có mấy lời này để biện luận lại.

Lời chua - Cảnh Hấp, Đình Ngạn: Tên hai người. Đình Ngạn không rõ họ là gì.

---

[1] Chức của Trịnh Tùng.

[2] Không đếm xỉa gì đến vua.

[3] Nguyên văn là "Nam, Đổng ", chính nghĩa là Nam Sử thị nước Tề và Đổng Hồ nước Tấn đều là những sử gia trung trực cao quý ở đời Xuân Thu (770 - 403 trước Công nguyên); sau dùng rộng, chỉ chung những người làm sử hoặc viết phả ký và bút lục. Đây Cương mục dùng thành chữ "Nam, Đổng " ấy chỉ những người làm sử ở hồi Lê Trung Hưng.

[4] Chỉ họ Trịnh.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 29

Từ Quý Dậu, Lê Anh Tông, năm Hồng Phúc thứ 2 (1573) đến Nhâm Thìn, Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 15 (1592), gồm hai mươi năm.

Quý Dậu, năm [Hồng Phúc] thứ 2 (1573). (Thế Tông, Lê Duy Đàm, năm Gia Thái thứ 1 - Mạc, năm Sùng Khang thứ 8 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở Nghệ An.

Trịnh Tùng đón lập Duy Đàm, con thứ nhà vua.

Trước kia, nhà vua chạy đi Nghệ An, Tùng bàn với các tướng rằng trước hãy lập trước hãy lập hoàng tử lên ngôi đã, rồi sau xuất quân đi đón nhà vua, cũng chưa muộn.

Bấy giờ ông hoàng năm, Duy Đàm mới lên bảy tuổi, đang được nuôi dưỡng ở xã Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên, Tùng sai người đón lập làm vua, đổi niên hiệu là Gia Thái (1573 - 1577)[1], ban chiếu đại xá gồm có sáu điều.

Lời phê - [Sở dĩ lập Lê Duy Đàm], là vì Trịnh Tùng chỉ cốt lợi rằng vua còn thơ ấu đó thôi. Trịnh Kiểm tuy chuyên quyền nhưng tội ác chưa có gì tỏ rõ cho lắm; đến Trịnh Tùng mới thật là gian thần như đồ Vương Mãng và Tào Tháo[2]!

Lời cẩn án - Theo thể lệ của Cương mục[3] chép về việc đổi niên hiệu, hễ đổi vào giữa năm mà là bình thường, không có ý nghĩa gì quan trọng thì lấy niên hiệu đặt sau làm chính; nếu là lúc có việc phế lập[4] quan hệ đến đạo nghĩa thì lấy niên hiệu trước làm chính, rồi chua niên hiệu mới đổi đó [bằng chữ nhỏ] ở dưới[5]. Nay xét: bấy giờ Lê Anh Tông ra ở Nghệ An, Trịnh Tùng tự tiện lập con của Anh Tông lên thay, Sử cũ vội chép ngay năm đó niên hiệu Gia Thái bằng chữ lớn. Thế là đối với đạo nghĩa vua tôi cha con, Sử cũ điều sau trái cả. Vậy, để đính chính lại, nay xin cứ theo niên hiệu cũ mà chép năm là Hồng Phúc, còn niên hiệu Gia Thái thì chua lưỡng cước ở dưới.

Lời chua - Quảng Thi: Tên xã, thuộc huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa.

Sáu điều:

1) Dân nào, trải sau binh lửa, không có hằng sản, đều khoan giảm lực dịch.

2) Dân nghèo xiêu giạt đều cho trở về bản quán, khoan giảm phú thuế và phu dịch.

3) Những tù phạm tội trộm cướp mà đang tại đào đều cho phép ra thú ở quan sở tại và sẽ được tha bổng.

---

[1] Về sau, lại đổi niên hiệu là Quang Hưng (1578 - 1599).

[2] Vương Mãng, tên tự là Cự Quân, người Đông Bình Lăng đời Hán, làm quan với Hán đến chức đại tư mã, sau giết Hán Bình đế, lập Nhụ Tử Anh, rồi cướp ngôi, tự lập làm vua, đổi quốc hiệu là Tân, được 15 năm thì bị diệt vong.

Tào Tháo, tên tự là Mạnh Đức, người đời Đông Hán, sau khi đón lập Hán Hiến đế, Tào Tháo tự làm thừa tướng, tước Ngụy công áp bức vua Hán, nắm hết quyền bính trong tay. Xem thêm chú giải số 5 ở Thb. 3 (tập 1 tr. 40).

[3] Bộ sử của Chu Hi đời Tống (Trung Quốc).

[4] Bỏ vua cũ, lập vua mới.

[5] Xem thêm điều thứ 28 ở Phàm lệ của Cương mục.

4) Các nha môn ở trong kinh đô và ngoài các lộ có những tù nhân hiện đang bị giam cầm, nếu là tội nhẹ thì tha bổng.

5) Trong các quan văn quan võ ai có công lao thì cho thăng tước một lần[1].

6) Con cháu quan viên nào bị chèn ép chìm đọng thì cho làm giấy khai trình, sẽ được lục dụng tùy theo tài năng.

Tả tướng Trường quốc công Trịnh Tùng giết nhà vua[2] ở Lôi Dương.

Tùng sai bọn Nguyễn Hữu Liêu đem quân đến Nghệ An, nhà vua lánh ra ruộng mía. Bọn Hữu Liêu đến lạy mời: "Xin bệ hạ mau mau vào cung! để cho tôi con trong nước được thỏa ý mong muốn. Chúng tôi chẳng ai dám có ý gì khác ". Họ bèn đón nhà vua quay về. Tùng sai quận Bảng Tống Đức Vị ngày đêm hầu ở bên nhà vua. Ngày 22 tháng giêng ấy, đi đến Lôi Dương. Đức Vị ngầm bức bách giết chết nhà vua, rồi giả vờ nói phao lên rằng nhà vua tự thắt cổ chết.

Bầy tôi dâng tôn hiệu là Anh Tông Tuấn hoàng đế. Nhà vua ở ngôi 16 năm, thọ 42 tuổi, táng ở lăng Bố Vệ.

Lời cẩn án - Theo thể lệ của Cương mục[3], vua bị giết chết mà đương thời không trị tội tên giặc thí nghịch thì sử không chép đến việc an táng vua bị giết ấy. Cho nên xin chép phụ việc táng Lê Anh Tông vào cuối phần "Mục ".

Lời chua - Tống Đức Vị: Người Khoái Lạc, huyện An Định[4].

Lôi Dương: Tên huyện, xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

Bố Vệ: Tên xã, thuộc huyện Đông Sơn, Thanh Hóa.

Trịnh Tùng tự gia phong cho mình làm đô tướng, tiết chế các quân doanh thủy và bộ, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự.

Trịnh Tùng tự phong thêm cho mình làm đô tướng tiết chế các doanh quân thủy quân bộ ở các xứ kiêm giữ việc quân việc nước quan trọng. Phàm các sự vụ cơ mật quốc gia đều tự Trịnh Tùng quyết định cả. Trịnh Tùng lại dùng Vũ Công Kỷ làm hữu tướng, bọn Hoàng Đình Ái, Vũ Sư Thước và Nguyễn Hữu Liêu làm thái phó, và phong tước quận công cho bọn Trịnh Đỗ, Phạm Văn Khoái và Hà Thọ Lộc.

Lời chua - Vũ Công Kỷ: Là con Gia quốc công Vũ Văn Mật, Công Kỷ người Ba Đông, huyện Gia Lộc[5].

Ra lệnh cho Thuận Hóa tích trữ thóc lúa để sự phòng thủ nơi biên giới được đầy đủ vững chắc.

Sai sứ giả đem sắc thư vào gia phong Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế[6] ta làm thái phó và hạ lệnh cho Gia Dụ phải tích trữ thóc lúa để việc phòng thủ nơi biên giới được đầy đủ, vững chắc. Hằng năm phải nộp tiền tiễn dư[7] là 400 cân bạc và 500 tấm lụa.

Lời chua - Thuận Hóa: Xem năm Quảng Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 23 - 24).

Tháng 7, mùa thu. Quân Mạc vào xâm lấn An Tràng.

---

[1] Dịch theo nguyên văn là chữ "thú " đáng phải chép là "tư " (xem chú giải số 2 ở Chb. X. 18) thì đúng hơn.

[2] Lê Anh Tông.

[3] Tức bộ sử của Chu Hi đời Tống (Trung Quốc).

[4] Nay thuộc huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

[5] Thuộc Hải Dương.

[6] Miếu hiệu của Nguyễn Hoàng.

[7] Số thừa thãi do dự thu phú thuế còn lại.

Nhà Mạc sai quân vào xâm lấn An Tràng. Quan quân [bên Lê] đều rút vào trong lũy để giả vờ tỏ ra mình yếu. giặc lại đắp thêm lũy đất. Khi giặc sắp qua chằm Đoàn Trạch, Trịnh Tùng chia chu sư ra đón đánh: cả phá được giặc. Quân Mạc chạy trốn.

Tháng 10, mùa đông. Cho Vũ Công Kỷ trở về trấn thủ Đại Đồng.

Trước kia, Công Kỷ từ Đại Đồng vào yết kiến, đi đánh Mạc, nhiều lần lập được chiến công. Đến đây, triều đình cho rằng dân ở địa phương chưa được yên tĩnh, nên lại sai Công Kỷ quản lãnh quân bản bộ trở về trấn thủ Đại Đồng.

Lời chua - Đại Đồng: Đời Lê, Đại Đồng là trấn lụy Tuyên Quang. Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 5 (Chb. XXVII, 2).

Mạc Mậu Hợp lại về Thăng Long.

Trước đây, quân Mạc thường thua, chúa Mạc là Mậu Hợp phát sợ, phải di cư sang Bồ Đề. Đến đây, bọn Mạc Kính Điển lại nâng đỡ cho Mậu Hợp về thành Thăng Long, đóng dinh ở phía ngoài cửa Nam thành Thăng Long.

Lời chua - Bồ Đề: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 4).

Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 10).

Giáp Tuất, Lê Thế Tông Nghị hoàng đế, năm Gia Thái thứ 2 (1574). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 9 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 2).

Tháng 6, mùa hạ. Tướng Mạc, Nguyễn Quyện, vào xâm Nghệ An. Triều đình sai bọn Trịnh Mô đem quân đi cứu.

Mạc sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện vào cướp Nghệ An. Các huyện Anh, Diễn[1] thuộc Nghệ An đều bị sa vào trong tay giặc. Trấn thủ Nguyễn Bá Quýnh sợ bóng gió, chạy trốn trước. Quận Hoành (không rõ tên) giao chiến với địch, thường bất lợi vì thấy quân lính hay đào ngũ, quận Hoành mới xích chân họ lại. Khi giặc kéo đến, họ không chiến đấu thuyền lên cạn, chạy đến châu Bố Chính, bị Quyện bắt được.

Trịnh Tùng, nhân đó sai Tấn quận công Trịnh Mô và Lai quận công Phan Công Tích đem quân đến cứu. Bọn Trịnh Mô cầm cự với Nguyễn Quyện đến vài tháng, thì Quyện rút lui, bọn Trịnh Mô cũng thu quân về Thanh Hoa.

Lời chua - Phan Công Tích: Người Thái Xá, huyện Đông Thành[2].

Bố Chính: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Anh: Tức Anh Đô, nay đổi là phủ Anh Sơn.

Diễn: Tức phủ Diễn Châu. Anh và Diễn đều thuộc Nghệ An.

Ất Hợi, năm thứ 3 (1575). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 10 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Mạc Kính Điển và Nguyễn Quyện đến xâm lấn.

Nhà Mạc sai Kính Điển khuấy nhiễu Thanh Hoa, và Nguyễn Quyện khuấy nhiễu Nghệ An. Quân Mạc kéo đến đâu, mọi người ở đấy đều bị ngả lướt, trốn biệt vào rừng núi để tránh khí thế sắc bén của địch.

Kính Điển chính mình thống suất đại binh, thẳng tiến đến huyện Thụy Nguyên và huyện An Định. Kính Điển lại chia quân đi xâm lấn khuấy nhiễu các huyện Lôi Dương và Đông Sơn.

---

[1] Xem "Lời chua " ở dưới của Cương mục.

[2] Đất huyện Đông Thành cũ, nay thuộc hai huyện Yên Thành và Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

Trịnh Tùng sai Hoàng Đình Ái đem quân cứu huyện Lôi Dương và huyện Nông Cống, đóng ở xã Tiên Mộc. Còn chính Trịnh Tùng thì thống suất các tướng, chia làm năm đội, đi chống cự. Tùng đánh nhau với Kính Điển ở xã Đông Lý. Vũ Sư Thước và Nguyễn Hữu Liêu dùng kỳ binh[1] đánh cho Kính Điển phải chạy.

Trịnh Tùng lại sai bọn Thế Khanh, Trịnh Mô và Phan Công Tích đến cứu Nghệ An, đánh nhau với Nguyễn Quyện, nhưng không thắng. Nguyễn Quyện đặt quân mai phục, bắt sông Công Tích đem về.

Lời chua - Tiên Mộc: Tên xã, thuộc huyện Nông Cống.

Đông Lý: Tênxã, thuộc huyện An Định.

Lôi Dương, Thụy Nguyên (tức Lương Giang): Tên hai huyện đều xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

Đông Sơn, An Định, Nông Cống: Đều xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 13 (Chb. XXVIII, 28).

Bính Tý, năm thứ 4 (1576). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 11 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 4). Nguyễn Quyện nhà Mạc lại vào cướp Nghệ An.

Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa, và chia quân cho Nguyễn Quyện vào cướp Nghệ An.

Cầm cự với Quyện hàng tháng, Trịnh Mô thường đánh không thắng nổi, phải rút lui. Khi đến Ngọc Sơn, Quyện bảo tướng hiệu dưới quyền mình rằng: "Trịnh Mô thua trận rút về, quân trẩy không có hàng ngũ. Thế nào ta cũng phải bắt được nó ". Quyện bèn chính mình đốc suất binh sĩ đuổi theo, bắt sống được Mô đem về.

Lời chua - Ngọc Sơn, tên huyện thuộc phủ Tĩnh Gia[2].

Đinh Sửu, năm thứ 5 (1577). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 12 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 5).

Tháng 8, mùa thu. Mạc Kính Điển xâm phạm sông Đồng Cổ. Trịnh Tùng đi đánh: Kính Điển phải chạy.

Trước đây, nhà Mạc thu nhặt quân lính các trấn, hạ lệnh cho đem lương đủ ba tháng, kéo vào lấn cướp.

Trịnh Tùng sai dân các huyện ở ven sông thuộc Thanh Hoa phải sửa soạn làm đồng không nhà trống để tránh sự cướp bóc của giặc. Những chỗ tuần phòng ở các cửa biển và các xứ ven đường đều đặt pháo hiệu. Hễ thấy giặc đến thì chỗ đầu tiên phải nổ một tiếng pháo, rồi suốt dọc đường cứ lần lượt nổ pháo truyền đi làm hiệu khiến cho dân chung biết tin để tản cư trước.

Đến đây, quân Kính Điển kéo đến sông Đồng Cổ, Trịnh Tùng đem chư tướng ra cửa lũy Khoái Lạc để chống cự. Quân Mạc đánh phá dinh Hội Thượng. Hoàng Đình Ái và Nguyễn Hữu Liêu đánh chẹn: phá được địch. Quân Mạc lại tiến đến ngoài lũy Khoái Lạc. Lại Thế Mỹ [bên Mạc] xung phong trèo lên lũy trước để khiêu chiến: bị quan quân bắn chết. Quân Mạc tan vỡ lung tung. Các quân [bên lê] đem thủ cấp Thế Mỹ đến dâng ở cửa quân Trịnh Tùng. Kính Điển liền chạy về Thăng Long.

Lời chua - Các huyện ven sông: Tức là địa phận các huyện Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc, và An Định[3].

Sông Đồng Cổ: Tức là sông Tất Mã, từ huyện Cẩm Thủy qua xã Đan Nê huyện An Định (vì tại đó có miếu Đồng Cổ, nên mới gọi tên như vậy) rồi chảy xuống Lương Giang, đổ ra biển.

---

[1] Xem chú giải số 1 ở Chb. XIII, 28 .

[2] Nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Đều thuộc Thanh Hóa.

Lũy Khoái Lạc: Ở xã Khoái Lạc, huyện An Định, tỉnh Thanh Hóa.

Thanh Hoa có nạn thủy tai lớn. Dân bị đói.

Năm này, Thanh Hoa hay mưa dầm, nước lụt đến bảy lần. Lúa đồng bị hư hại. Dân đói to.

Tháng 11, mùa đông. Sao chổi xuất hiện.

Sao Chổi xuất hiện, thẳng chỉ về phía Đông Nam, ánh sáng đỏ rực, dài đến 40 trượng, từ tháng 11 đến mồng 1 tháng 12 mới lặn. Nhà vua xuống chiếu kể từ năm sau (Mậu Dần 1578) đồi niên hiệu là Quang Hưng năm thứ 1.

Mậu Dần, năm Quang Hưng thứ 1 (1578). (Mạc, năm Diên Thành thứ 1 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Điển lại vào xâm lấn Thanh Hoa. Trịnh Tùng đón đánh ở xã Phụng Công: cả phá được địch.

Kính Điển lại xâm lấn các huyện ven sông thuộc Thanh Hoa, tiến đến xã Giang Biểu. Trịnh Tùng sai bọn Trịnh Bách kéo quân vượt qua sông, đặt mai phục ở núi Phụng Công, đánh mạnh và phá được địch. Quân Mạc bị chết không sao xiết kể. Kính Điển phải rút về.

Bấy giờ chúa Mạc là Mậu Hợp bị sét đánh trượt, thành ra bán thân bất toại, sau chữa thuốc được lành, bèn đổi năm này làm năm Diên Thành thứ 1 (1578).

Lời chua - Bách: Người cùng họ với Trịnh Tùng.

Giang Biểu, Phụng Công: Tên hai xã đều thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoa.

Lập đàn tế Nam Giao ở Vạn Lại.

Trước kia, dựng thành tại ở Vạn Lại; sau đó lập đàn tế Nam Giao ở phía ngoài cửa lũy.

Lời chua - Vạn Lại: Xem Lê Trang Tông, năm Nguyên Hòa thứ 14 (Chb. XXVII, 42)..

Tháng 10, mùa đông. Vũ Công Kỷ đánh cho Mạc Ngọc Liễn đại bại ở Thu Châu.

Ngọc Liễn, tướng tây đạo nhà Mạc, xâm lấn cướp bóc các châu huyện ở Tuyên Quang và Hưng Hóa, khi kéo quân đến châu Thu Vật, bị thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỷ tung quân đánh mạnh; quân Mạc thua to rút về.

Lời chua - Ngọc Liễn: Là con Nguyễn Kính, người Dị Nậu, huyện Thạch Thất[1], Ngọc Liễn được nhà Mạc cho lấy theo họ Mạc.

Tuyên Quang, Hưng Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30, 31).

Châu Thu Vật: Xem Lê Thánh Tông, năm Đại Bảo thứ 1 (Chb. XVII, 20).

Kỷ Mão, năm thứ 2 (1579). (Mạc, năm Diên Thành thứ 2 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 7).

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Điển vào cướp huyện Hà Trung, bị thái phó Đặng Huấn đánh phá tan.

Kính Điển lại vào lấn cướp các huyện ven sông[2] luôn với phủ Hà Trung và huyện Tống Sơn[3]. Trịnh Tùng sai Đặng Huấn đốc suất binh sĩ chống cự ở xã Thái Đường. Tùng lại sai Trịnh Văn Hải làm

---

[1] Thuộc tỉnh Hà Tây.

[2] Tức là các huyện Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc và An Định thuộc Thanh Hóa.

[3] Thuộc Thanh Hóa.

tiên phong, đại chiến với quân Mạc ở núi Kim Âu. Đặng Huấn lén kéo quân đếnTống Sơn, vọt ra Mục Sơn, đánh chẹn phía sau quân địch. Mạc Kính Điển bị đại bại, phải rút về; sau đó bị bệnh chết.

Lời chua - Đặng Huấn: Người Lương Xá, huyện Chương Đức[1].

Thái Đường, Kim Âu: Tên hai xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc.

Mục Sơn: Núi này ở xã Bình Hòa, huyện Tống Sơn, Vĩnh Lộc và Tống Sơn trên đây đều thuộc Thanh Hóa.

Canh Thìn, năm thứ 3 (1580). (Mạc, năm Diên Thành thứ 3 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 8).

Tháng 8, mùa thu. Lại mở khoa thi hội.

Từ niên hiệu Nguyên Hòa[2] trở đi, đã lâu không có khoa thi hội, đến đây mới lại mở. Nhà vua sai chia làm tam giáp[3], ban cho bọn Nguyễn Văn Giai và Phùng Khắc Khoan sáu người được đỗ tiến sĩ xuất thân và tiến sĩ đồng xuất thân[4] có khác nhau. Từ đó về sau, cứ ba năm một lần thi, đặt làm lệ thường; nhưng hãy còn chưa có thi đình.

Lời chua - Nguyễn Văn Giai: Người Phù Lưu Tràng, huyện Thiên Lộc[5].

Tháng 9. Sao sa có tiếng như sấm. Sao Chổi xuất hiện.

Tân Tỵ, năm thứ 4 (1581). (Mạc, năm Diên Thành thứ 4 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 9).

Mùa thu. Mạc Đôn Nhượng vào xâm lấn. Bọn Hoàng Đình Ái đánh bại được địch.

Mạc Kính Điển bấy giờ đã chết. Chúa Mạc là Mậu Hợp lại sai ông chú[6] là phụ chính Ứng Vương Đôn Nhượng làm tổng thống chư quân, trưng tập binh mã vào cướp Thanh Hoa.

Đôn Nhượng do đường biển tiến quân đến đóng tại núi Đường Nang huyện Quảng Xương. Nhà vua sai bọn Hoàng Đình Ái thống lãnh đại quân đi chống quân Mạc. Đình Ái hội hợp chư tướng, chia làm ba đạo đồng thời cùng tiến. Đánh nhau kịch liệt với quân Mạc, quan quân chém được hơn 600 thủ cấp địch. Quân giặc thua vỡ tan tành. Đôn Nhượng thu nhặt quân tàn, trốn về Thăng Long.

Quan quân đại thắng kéo về. Triều đình tưởng lục chiến công: dùng Hoàng Đình Ái làm thái úy, Nguyễn Hữu Liêu làm Tây quân đô đốc, Trịnh Bách làm Nam quân đô đốc, Trịnh Đỗ và Ngô Cảnh Hựu làm Nam Bắc quân tả hữu đô đốc. Còn thì phong thưởng có hơn kém khác nhau.

Những tù binh bắt được đến vài trăm người đều cấp cho cơm ăn áo mặc, thả về. Từ đó, uy thế quan quân rất lừng lẫy, quân Mạc không dám ngấp nghé nom dòm. Cư dân Thanh, Nghệ mới được yên nghiệp làm ăn một chút.

Lời chua - Đôn Nhượng: Là con út của Đăng Doanh và là ông chú của Mậu Hợp.

Trịnh Đỗ: Con Trịnh Kiểm.

Ngô Cảnh Hựu: Người Trảo Nha, huyện Thạch Hà[7].

Núi Đường Nang: Ở thôn Nang, xã Hưng Lễ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

---

[1] Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

[2] Niên hiệu Lê Trang Tông (1533- 1548) Cương mục in lầm là Vĩnh Hòa.

[3] Ba giáp: đệ nhất giáp, đệ nhị giáp, và đệ tam giáp (xem thêm chb. VI, 12).

[4] Xem chú giải số 5 ở Chb. VI, 30.

[5] Sau đổi Can Lộc thuộc Hà tĩnh.

[6] Nguyên văn là tổ thúc.

[7] Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Nhâm Ngọ, năm thứ 5 (1582). (Mạc, năm Diên Thành thứ 5 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 10).

Tháng 5, mùa hạ. Ở Thanh Hoa mưa đá lớn.

Ở Vạn Lại thuộc Thanh Hoa, mưa đá lớn bằng quả dưa. Lúa đồng đều bị hư hại.

Trong biển Quỳnh Lưu có hòn đá lớn bắn vọt lên mặt đất.

Cửa biển Đông Hồi có hòn đá trắng lớn từ trong nước vọt lên mặt đất cách chỗ nước 15 trượng mới sa xuống. Người bản thổ[1] cho là thiêng liêng kỳ dị, bèn lập đền thờ để thờ hòn đá ấy.

Lời chua - Đông Hồi: Tên thôn thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Quý Mùi, năm thứ 6 (1583). (Mạc, năm Diên Thành thứ 6 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 11).

Tháng 7, mùa thu. Nước Ai Lao sai sứ đến dâng phẩm vật địa phương.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9 - 10).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tùng xuất quân đánh Sơn Nam.

Tiết chế Trịnh Tùng kéo đại quân ra Sơn Nam, đánh các huyện Yên Mô, Yên Khang, gặt lấy lúa, rồi rút về. Nguyễn Viết Kính, tướng đông đạo nhà Mạc, đầu hàng, lại được phong tước quận công.

Lời chua - Nguyễn Viết Kính: Người huyện Tứ Kỳ thuộc Hải Dương.

Yên Mô: Tên huyện, hồi đầu Lê, thuộc Sơn Nam , nay thuộc Ninh Bình.

Yên Khang: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 8 (Chb. VIII, 18).

Giáp Thân, năm thứ 7 (1584). (Mạc, năm Diên Thành thứ 7 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Tùng xuất quân ra Trường Yên, rồi lại rút về.

Một lần nữa. Trịnh Tùng xuất quân ra đánh các huyện thuộc Trường Yên, rồi lại tiến quân đi tuần ở Thiên Quan. Vì Ngô Cảnh Hựu rút quân về trước, nên Trịnh Tùng liền đó rút quân quay về, dâng biểu xin giáng chức Cảnh Hựu xuống hai tư[2].

Lời chua - Trường Yên: Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 11).

Thiên Quan: Tên phủ, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Các huyện thuộc Trường Yên: Tức là các huyện Gia Viễn, Yên Mô và Yên Khánh đều thuộc phủ Trường Yên[3].

Tháng 10, mùa đông. Thanh Hoa động đất.

Động đất đến hơn 50 dặm ở các địa phương thuộc huyện Thụy Nguyên và huyện An Định.

Lời chua - Thụy Nguyên: Tức huyện Lương Giang. Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb. XIII, 2).

An Định: Xem năm Gia Thái thứ 3 (Chb. XXIX, 7).

Ất Dậu, năm thứ 8 (1585). (Mạc, năm Diên Thành thứ 8 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 13).

---

[1] Chữ "thổ " Cương mục in lầm là chữ "sĩ ".

[2] Xem chú giải số 2 ở Chb, 18.

[3] Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Tùng đánh các lộ Sơn Tây; thắng lợi. Rồi lại rút quân về.

Trịnh Tùng chính mình đốc suất đại quân, kéo ra Thiên Quan, đánh phá các huyện Mỹ Lương, Thạch Thất và An Sơn, lược định mặt Tây đạo. Đóng quân ở Sài Sơn[1], để tì tướng là quận Chiêu (không rõ tên họ) đóng đồn ở Hoàng Xá. Quân Mạc truy kích: quận Chiêu bị chết trận. Tùng thấy không lợi rút quân về.

Lời chua - Sài Sơn: Ở xã Thụy Khuê, huyện An Sơn[2].

Hoàng Xá: Tên xã, thuộc huyện An Sơn, tỉnh Sơn Tây.

Mỹ Lương, Thạch Thất, An Sơn: Ba huyện này đều thuộc Sơn Tây[3].

Tháng 6, mùa hạ. Vùng Đông Bắc nhà Mạc, nhân dân đói to.

Bấy giờ, từ tháng 2 đến tháng 6 này, không mưa. Ở Đông đạo và Bắc đạo, lúa má chết khô, nhân dân bị đói kém.

Lại Mẫn dâng sớ cực lực nói về việc hình phạt ngục tụng thì oan uổng hà lạm, phú thuế sưu dịch thì phiền nhiễu nặng nề; vậy xin sửa đổi chính sự tệ hại để cứu chữa đau khổ cho dân được sống lại. Mạc Mậu Hợp dẫu cho rằng Lại Mẫn nói phải, nhưng không nghe theo.

Lời chua - Lại Mẫn: Người Ô Mễ, huyện Vũ Tiên[4], đổ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1565) niên hiệu Thuần Phúc (1562 - 1565) đời Mạc Mậu Hợp.

Nhà Mạc tu sửa thành Thăng Long.

Mậu Hợp muốn vào ở thành Thăng Long, bèn tăng cường về việc sửa sang xây đắp: rầm rộ khởi công làm việc, đóng gạch, nung ngói, vừa đầy một năm mới xong. Mậu Hợp vào ở tòa Chính Điện, nhận lễ chầu mừng, kể từ năm sau đổi niên hiệu là Đoan Thái thứ 1 (1586).

Bính Tuất, năm thứ 9 (1586). (Mạc, năm Đoan Khánh thứ 1 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 14).

Tháng 6, mùa hạ. Nước sông Mã tràn ngập.

Bấy giờ, Thanh Hoa không mưa gió, thế mà nước sông Mã thình lình lên to[5], tràn ngập cả vào thành Tây Đô. Dòng sông chảy ngược, xiết mạnh như tên bắn, cây và gỗ ngổn ngang nghẽn cả sông. Nhiều nhà cửa của cư dân ven sông bị trôi giạt ra biển.

Lời chua - Thành Tây Đô: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 16).

Sông Mã: Tức là sông Lễ, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 17 (Chb. VI, 32).

Tháng 7, mùa thu. Mặt trăng có quầng đỏ.

Mặt trăng có quầng mông lung, màu đỏ như tiết.

Tháng 8. Quân doanh An Tràng bị hỏa tai.

---

[1] Tục gọi núi Thầy, nay thuộc xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai tỉnh Hà Tây.

[2] Nt.

[3] Đất huyện Mỹ Lương cũ, nay thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

[4] Nay thuộc xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[5] Có thể rằng bấy giờ ở Thanh Hóa tuy không mưa gió, nhưng trên nguồn có mưa, nước lũ đổ xuống. Nên nước sông Mã mới thình lình lên to như vậy.

Bấy giờ, gió lộng, lửa bốc mạnh, cháy lem lém tất cả trại quân, phòng, dinh, công đường và phố xá đến vài nghìn nóc nhà, khói lửa mù mịt. Cháy từ giờ ngọ đến giờ thân[1] mới dập tắt được. Mẹ Trịnh Tùng là Nguyễn Ngọc Bảo[2] chết cháy, Tùng phải lánh ở chỗ khác để cư tang, truy tôn Ngọc Bảo làm thái phi của Minh Khang đại vương[3].

Lời chua - An Tràng: Xem Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Tháng 9. Thanh Hoa có thủy tai lớn. Dân bị đói kém.

Trước đây, trong dinh trại An Tràng, gió bão dữ dội, nhà sụp, cây đổ. Từ tháng 9 này đến tháng 10 mưa dầm hàng tuần, nước lụt đến 7 lần. Suốt vùng Thanh Hoa, mùa mất. Nhân dân nhiều người bị chết đói.

Tháng 10, mùa đông. Núi ở Thanh Hoa sụt lở.

Núi ở các huyện [thuộc Thanh Hoa] đâu cũng có chỗ lở sụt.

Đinh Hợi, năm thứ 10 (1587). (Mạc, năm Đoan Khánh thứ 2 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Mạc đắp thêm lũy đất.

Nhà Mạc sửa sang đường xá ngoại thành Thăng Long. Lại hạ lệnh cho các xứ đắp lũy đất, trên từ sông Hát xuống đến sông Hoa Đình, kéo dài đến vài trăm dặm. Đâu đấy đều trồng tre và cây để phòng ngừa quan quân kéo ra.

Lời chua - Sông Hát: Xem Bình Định vương năm thứ 19 (Chb. XIII. 31).

Sông Hoa Đình: Ở huyện Sơn Miêng, Hà Nội[4].

Tháng 3. Trên trời tự nhiên ầm ầm có tiếng kêu.

Ngày Canh Tý, tháng 3 này, trong khoảng không bỗng dưng ầm ầm có tiếng kêu. Lại nữa, ở núi Trát Bút huyện Vĩnh Phúc[5] có hòn đá lớn, cao một trượng[6], vô cớ tự đổ xuống dời ra chỗ khác. Nước giếng xã Trừng Xá thuộc huyện An Định[7] tự nhiên sôi lên, đục đến ba ngày.

Lời chua - Vĩnh Phúc: Tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Núi Trát Bút: Ở xã Đa Bút, huyện Vĩnh Lộc[8].

Trừng Xá: Nay là xã Hà Xá, thuộc huyện An Định.

Tháng 5, mùa hạ, Trịnh Tùng giết thái phó Vệ Dương hầu Trịnh Bách.

Bách là người có họ với Trịnh Tùng [Trước kia] Bách ngầm mưu với Lê Cập Đệ, định giết Tùng, nhưng Tùng biết, nên giết Cập Đệ và giam Bách vào trong ngục. Vì có thái phi Nguyễn Thị[9] hết sức cứu chữa, nên Bách thoát khỏi lao tù. Đến đây, vì Bách lại nuôi kẻ đồng cốt làm thuật phép yêu quái và định táng mả cha vào nơi cấm địa, nên Tùng mới sai thắt cổ giết chết Bách.

---

[1] Khoảng từ 11 đến 17 giờ.

[2] Con gái Nguyễn Kim.

[3] Tức là Trịnh Kiểm.

[4] Nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

[5] Thuộc Thanh Hóa.

[6] Độ 4 mét.

[7] Cũng thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[8] Tên cũ là huyện Vĩnh Phúc, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[9] Tức Nguyễn Ngọc Bảo, mẹ Trịnh Tùng.

Mồng một, tháng 9, mùa thu. Nhật thực.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tùng tiến quân ra huyện Mỹ Lương, cả phá quân Mạc ở sông Do Lễ.

Trịnh Tùng đem quân đánh phá các huyện Trường Yên, Thiên Quan, bèn tiến quân ra vùng tây nam, đến huyện Mỹ Lương[1].

Nhà Mạc sai tướng Tây đạo là Mạc Ngọc Liễn xuất quân ra huyện An Sơn[2] để đánh vào phía tả quân Tùng, lại sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện xuất quân đến huyện Chương Đức[3], vượt qua sông Do Lễ, lại chia quân đặt mai phục ở miền sơn cước, chực cắt đứt đường vận tải lương thực của quân Tùng.

Do thám biết rõ, Tùng bèn trước sai đại tướng Hoàng Đình Ái cấp tốc đang đêm tiến lén về để giữ Thanh Hoa, lưu bọn Hà Thọ Lộc và Ngô Cảnh Hựu ở lại canh giữ binh lương ở phía sau. Tùng lại sai bọn Nguyễn Hữu Liêu và Trịnh Đỗ, từ đường phía tả, xuất quân đi cầm cự với Mạc Ngọc Liễn để phân tán thế lực của địch. Còn Tùng thì đốc quân do đường phía hữu kéo ra, tiến đánh Nguyễn Quyện: Quyện thua liểng xiểng. Quân của Nguyễn Quyện thua chạy, phục binh cũng tan vỡ chạy nốt: chúng tranh nhau qua sông, chết đuối vô kể. Quan quân chém và bắt sống hàng vài trăm địch, truy kích đến nửa ngày mới thôi. Ngọc Liễn cũng thu quân chạy trốn.

Từ đó. Quyện sợ oai, hễ gặp quan quân thì xa lánh, không dám tranh giành trước mũi nhọn sắc bén nữa.

Qua ngày hôm sau. Tùng đem đại quân tiến đóng Hoàng Sơn, lại tấn công các huyện An Sơn, Thạch Thất, đều phá được cả. Sau đó, vì bấy giờ đã là cuối năm, nên Tùng rút quân về Thanh Hóa.

Lời chua - Sông Do Lễ: Ở xã Do Lễ huyện Chương Đức.

Mậu Tý, năm thứ 11 (1588). (Mạc, năm Hưng Trị thứ 1 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Mạc đắp thêm lũy đất ở ngoài thành Đại La.

Nhà Mạc thấy quan quân ngày một mạnh, bèn ra lệnh cho quân và dân ở tứ trấn[4] đắp thêm ba lần lũy đất ở ngoài thành Đại La: bắt đầu từ Nhật Chiêu qua Tây Hồ, suốt Cầu Dừa đến Thanh Trì tới sát phía tây bắc Nhị Hà; thân lũy cao hơn thành Thăng Long đến vài trượng, rộng 25 trượng[5], đào ba lần hào. Lũy nào cũng trồng tre và cây, tất cả chiều dài của lũy có đến vài mươi dặm. Đó là mưu chước của nhà Mạc dùng để phòng thủ.

Lời chua - Nhật Chiêu: Xem Lê Tương Dực Đế, năm Hồng Thuận thứ 1[6] (Chb. XXV, 37).

Tây Hồ: còn tên nữa là Lãng Bạc, xem Thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 8 (Tb. II, 11).

Cầu Dừa[7]: Ở phường Thịnh Quang, huyện Vĩnh Thuận thuộc Hà Nội.

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

---

[1] Đất huyện Mỹ Lương cũ, nay thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

[2] Thuộc tỉnh Hà Tây.

[3] Sau đổi Chương Mỹ, thuộc huyện Hà Tây.

[4] Tứ trấn gồm có Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương và Sơn Tây.

[5] Mỗi trượng bằng 4 mét. Bề rộng đây có lẽ là kể gộp cả ba lần lũy.

[6] Cương mục chua là xem Lê Uy Mục, năm Đoan Khánh thứ 5.

[7] Tức là chỗ Ô Chợ Dừa ở phố Hàng Bột, Hà Nội, ngày nay.

Tháng 5, mùa hạ. Núi Trát Bút đổ.

Lời chua - Núi Trát Bút: Xem lời chua ở trên (Chb. XXIX, 17).

Tháng 6. Sao Thái Bạch xuất hiện, ánh sáng suốt qua bầu trời. Mặt trời, mặt trăng có hai lần quầng. Sương mù tỏa xuống.

Ngày Quý Hợi tháng ấy, sao Thái Bạch xuất hiện, ánh sách suốt trời. Mặt trời và mặt trăng có hai lần quầng kéo dài đến hàng tuần không thôi. Sương mù mờ mịt đầy trời. Lúa má chết khô. Nhân dân phần nhiều xiêu giạt tan tác.

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tùng đánh bại quân Mạc ở trại Dương Vũ.

Trịnh Tùng rầm rộ kéo quân ngoài cửa ải Trường Cát, đánh phá Trường Yên và Thiên Quan, qua đò sông Chính Đại. Đến trại Dương Vũ, Tùng đóng quân ở lại đến đến hơn một tuần. Quân Mạc cố thủ không ra đánh. Tùng đốt dinh trại, giả vờ rút quân về, nhưng đặt kỳ binh[1] và voi ngựa mai phục ở phía sau dinh trại. Giặc dốc hết quân ở trong lũy ra để chực giành lấy thắng lợi, quân phục của Tùng thình lình nổi dậy, đánh úp: chém được vài trăm thủ cấp. Tùng, nhân đó chuyển quân quay về, đến núi Tam Điệp[2], hạ lệnh cho các quân đẵn gỗ lim, chia nhau cắm kè ở cửa biển Linh Tràng để phòng ngừa thuyền giặc và chuẩn bị để khiêu chiến.

Lời chua - Cửa ải Trường Cát: Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 7 (Chb. XXVIII, 18).

Sông Chính Đại: Ở trang Chính Đại, huyện Tống Sơn[3].

Trại Dương Vũ: Ở xã Dương Vũ, huyện Yên Khánh[4].

Cửa biển Linh Tràng: Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 8.

Tháng 12. Nước sông Vãn đỏ như tiết.

Nước sông Vãn tự nhiên đỏ ngầu như máu đổ đến hàng một dặm.

Lời chua - Sông Vãn: Ở xã Văn Hà, huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa.

Kỷ Sửu, năm thứ 12 (1589). (Mạc, năm Hưng Trị thứ 2 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 17).

Ngày Nhâm Tuất, tháng giêng, mùa xuân, sao Huỳnh Hoặc xâm phạm vào giới phận sao Cang; ngày Quý Hợi, mặt trăng xâm vào giới phận sao Thái Tuế. Đại Hạn.

Bấy giờ những tai biến do tinh tú báo điềm đã nhiều lần xảy ra. Trời đại hạn. Gạo kém. Dân nhiều người xiêu giạt.

Lời chua - Trong Quản quy tập lãm, Thạch thì bàn rằng: Xuyên qua ngôi sao mà ánh sáng tỏa lấn thì gọi là "phạm ". Sách Tấn chí chép: "Ngày Tân Mùi tháng 4, năm Hàm Khang thứ 5 (339) đời Thành đế[5], mặt trăng xâm phạm vào giới phận sao Thái Tuế. Nhà chiêm tinh đoán rằng: Nước thì đói kém, nhân dân thì xiêu giạt ".

Tháng 7, mùa thu. Có hạn thủy tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tùng đánh bại quân Mạc ở núi Tam Điệp[6]. Mạc Đôn Nhượng chạy trốn.

---

[1] Xem chú giải số 1 ở Chb. XIII, 28.

[2] Tức đèo Ba Dội.

[3] Thuộc Thanh Hóa.

[4] Thuộc Ninh Bình.

[5] Hàm Khang (335 - 342) là niên hiệu thứ 2 của Tấn Thành Đế (326 - 342) Cương mục in lầm là Minh đế.

[6] Tức đèo Ba Dội.

Trước kia, Trịnh Tùng chính mình đốc suất đại quân đi đánh các huyện Trường Yên. Nhà Mạc sai Đôn Nhượng đem vệ sĩ và quân tứ trấn[1] ấn định nhật kỳ đồng thời cung tiến. Đôn Nhượng kéo đến Yên Mô[2], hẹn ngày hội chiến.

Trịnh Tùng bàn mưu với các tướng rằng: "Giặc Mạc dốc hết quân đến đây, định quyết một trận sống mái với ta đó.

Nay đã giữ một chỗ địa thế hiểm yếu rồi, quân giặc dẫu nhiều cũng không thể làm gì được. Binh pháp có nói: "Một người giữ được chỗ hiểm yếu thì hàng nghìn kẻ khác không địch nổi ". Chính là thế đó. Bây giờ ta nên giả vờ rút lui, nhử giặc vào sâu hiểm địa; giặc coi khinh ta, chắc sẽ lùa hết quân sĩ đuổi theo. Bấy giờ ta sẽ tung quân chủ lực ra đánh úp chúng thì tất thế nào cũng phá tan được giặc ".

Đêm hôm ấy, hồi canh ba, Tùng sai Nguyễn Hữu Liêu quản lãnh 15.000 quân tinh nhuệ, 200 quân khinh kỵ kéo đi trước, lén mai phục ở chân núi. Tùng cắt bọn Trịnh Đỗ và Trịnh Đồng quản lãnh quân lính ở lại đoạn hậu, nhử giặc vào chỗ mai phục; Ngô Cảnh Hựu thì thu lượm lương thực và quân lính rút lui trước để tỏ ý kéo quân về. Đại Doanh của trung quân cũng theo đó rút lui. Trịnh Tùng làm hậu đốc cũng rút vào núi Tam Điệp, đóng dinh trại.

Quân Mạc thấy thế, cho rằng quan quân khiếp sợ, tháo lui, trốn tránh, nên chúng đua nhau lên trước để đuổi theo đánh giết.

Bọn Đỗ và Đồng vừa đánh vừa lùi, nhử giặc đến sơn cước. Phục binh nghe tiếng pháo nổ, hàng loạt nổi dậy. Trịnh Tùng tung đại quân ra, bốn mặt cùng hăng hái đánh; chém hơn nghìn thủ cấp địch, bắt sống hơn 600 người. Giặc tan vỡ xiểng liểng thua chạy. Đôn Nhượng thu lượm quân tàn trốn về.

Quan quân đại thắng, bèn rút về. Các tướng ai nấy đều đem đến dâng nộp những tù binh mà mình đã bắt được. Tùng đều sai cởi trói và vỗ về yên ủi, rồi cấp cho cơm áo, thả về.

Lời chua - Đỗ, Đồng: Đều là con Trịnh Kiểm và là em Trịnh Tùng.

Núi Tam Điệp: Ở chỗ giáp giới hai tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình.

Canh Dần, năm thứ 13 (1590). (Mạc, năm Hưng Trị thứ 3 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 18).

Mồng 1, tháng 7, mùa thu. Nhật thực. Sao Thái Bạch xâm phạm vào giới phận mặt trăng.

Tân Mão, năm thứ 14 (1591). (Mạc, năm Hồng Ninh thứ 1 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 19).

Tháng 3, mùa xuân. Sao Chổi xuất hiện. Cầu vòng đỏ mọc xuống vòm trời. Mặt trời có quầng.

Sao Chổi hướng về tây bắc mà chuyển vần. Lại có cầu vòng đỏ mọc suốt vòm trời. Mặt trời có hai lần quầng, ngoài lần quầng ấy lại có vòng khí trắng bao xung quanh.

Ngày Nhâm Tý, tháng 12, mùa đông. Mặt trăng xâm phạm vào giới phận sao Thái Tuế.

Trịnh Tùng ra tuần hành vùng Sơn Tây cả phá quân Mạc ở xã Phấn Thượng, bèn sai quân tiến lên bức bách thành Thăng Long.

Trịnh Tùng lại bàn xuất quân, sai:

Quận Diễn Trịnh Văn Hải vá quận Thái Nguyễn Thất Lý, quản lãnh quân thủy, quân bộ, trấn thủ những nơi hiểm yếu ở các cửa biển.

Quận Thọ Lê Hòa kiêm coi võ sĩ trong ngoài thuộc bốn vệ theo hầu nhà vua và hộ vệ ngự doanh.

---

[1] Xem chú giải ở Chb. XXIX, 19 và "lời chua " của Cương mục ở Chb. XL, 2.

[2] Thuộc tỉnh Ninh Bình.

Đến nhật kỳ đã định, Tùng đều động hơn 5 vạn quân, chia làm 5 đội sai bọn thái phó Nguyễn Hữu Liêu, thái úy Hoàng Đình Ái, quận Lân Hà Thọ Lộc, quận thế Ngô Cảnh Hựu chia nhau quản lãnh. Còn Tùng thì chính mình đốc suất 2 vạn binh mã của trung quân kéo ra Tây Đô, theo đường huyện Quảng Bình qua huyện Thiên Quan, phá núi mở đường, đêm ngày đi gấp, hơn mười hôm thì đến núi Mã Yên, rồi tiến ra huyện Ma Nghĩa. Quân Tùng kéo đi đến đâu thì ở đấy giặc đều đổ lướt. Trong khoảng không đầy mười hôm, đã lượt định các lộ An Sơn, Thạch Thất, Phúc Lộc và Tân Phong, Tùng đóng quân ở Tốt Lâm.

Nhà Mạc đều động hết binh mã ở bốn trấn[1], bốn vệ, và năm phủ được hơn mười vạn, sai bọn Mạc Ngọc Liễn và Nguyễn Quyện chia ra quản lĩnh các đạo quân Tây, Nam, Đông, Bắc. Chúa Mạc là Mậu Hợp chính mình đốc suất binh mã ở chính doanh, đồng thời cùng tiến đến xã Phấn Thượng, đối trận với quan quân ở Tốt Lâm.

Tùng sai tướng Hữu doanh là Hoàng Đình Ái đi trước, khiêu chiến. Tùng lại tuyển 400 quân thiết kỵ xông lên trước giúp sức cho trận thế. Các quân đồng thời trổ sức, đánh giáp lá cà, từ giờ Mão đến giờ Tỵ[2]: chém được quận Khuông[3] và quận Tân (đều không rõ tên họ) là tướng trong quân bốn vệ của địch ở ngay vòng trận.

Giặc Mạc đóng quân ở yên một chỗ không nhúc nhích[4]. Tùng bèn chính mình đốc chiến, tướng sĩ phấn khởi đều thề quyết tâm diệt giặc để báo thù; ai nấy hăng hái đánh giặc, cả phá được địch. Quan quân thừa thắng ruổi dài, đuổi giặc đến Giang Cao chém được hơn vạn quắc[5], tước được ngựa trận và khí giới không biết bao nhiêu mà kể.

Mậu Hợp cả sợ, phải sang sông để chạy. Quân tàn của Mạc tranh nhau xuống thuyền, ngã xuống nước chết đến quá nửa. Riêng có cánh quân Nguyễn Quyện, tướng nam đạo vì lánh xa, nên không bại trận.

Tùng tiến đến Hoàng Xá, đóng dinh trại, sai quân vượt sông Cù, phá tan và san phẳng đồn lũy của giặc. Tùng nhân đó bày mưu với các tướng rằng: "Quân giặc nhiều lần thất bại, ta nên nhân đà thắng này mau mau đánh lấy thì dể dàng như cuối xuống nhặt lấy cái rác thôi ". Tùng bèn sai Hữu Liêu quản lãnh quân và voi thẳng tiến đến cầu Cau[6] ở góc tây nam[7] thành Thăng Long, phóng hỏa, đốt nhà cửa, khói lửa mù trời. Trong thành kinh hãi rối loạn. Dân chúng ở quanh Kinh Đô tranh nhau qua đò sang sông để chạy loạn. , chết đuối rất nhiều.

Gặp bấy giờ lá tết nguyên đán. Trịnh Tùng cho quân nghĩ ngơi, ăn mừng để úy lạo họ, hẹn phải thu phục lấy kinh thành. Các quân ai nấy đều xin sẵn sàng trổ sức. Giặc Mạc đều chưa bị bắt, nhưng thanh thế của quan quân từ đây đã lừng lẫy lắm rồi.

Lời chua - Trịnh Văn Hải: Người Ngân Bôi, huyện Vĩnh Lộc[8].

Nguyễn Thất Lý, Lê Hòa: Không rõ người đâu.

Bốn vệ quân Mạc: Vệ Hưng Quốc, vệ Chiêu Vũ, vệ Cẩm Y, và vệ Kim Ngô.

Năm Phủ: Phủ Trung Quân, phủ Đông Quân, phủ Tây Quân, phủ Nam Quân, phủ Bắc Quân.

---

[1] Xem chú giải ở Chb. XXIX, 19.

[2] khoảng từ 6 giờ đến 10 giờ sáng.

[3] Toàn thư XVII, 24 chép là Khuông Định Công.

[4] Nguyên văn là án binh bất động (theo toàn thư XVII, 24). Cương mục in lầm là tiến binh bất động.

[5] Cứ mỗi cái tai bên tả của một mạng địch mà kẻ chiến thắng đã cắt được là một "quắc " Xem thêm chú giải số 4 ở chb, XII, 31.

[6] Hán văn viết là Cao Kiều.

[7] Đây theo Toàn thư XVII, 25; còn Cương mục in lầm là Nam Bắc.

[8] Thuộc Thanh Hóa.

Huyện Quảng Bình: Thuộc phủ Thiệu Hóa; nay đổi làm huyện Quảng Địa[1] thuộc phủ Quảng Hóa[2].

Núi Mã Yên: (Yên Ngựa): Ở huyện An Sơn.

Tân Phong: Nay là huyện Tiên Phong.

Phúc Lộc: Nay là huyện Phúc Thọ.

Ma Nghĩa: Nay là huyện Tùng Thiện.

Phấn Thượng: Nay là xã Tảo Thượng. Từ Mã Yên đến Phấn Thượng trên đây đều thuộc tỉnh Sơn Tây.

Sông Cù: Cũng là Sông Hát, vì chảy qua xã Cù Sơn, nên gọi tên như vậy.

Tốt Lâm: Ở đâu không khảo được.

Nhâm Thìn, năm thứ 15 (1592). (Mạc, năm Hồng Ninh thứ 2 - Minh, năm Vạn Lịch thứ 20).

Tháng giêng, mùa thu. Trịnh Tùng tấn công thành Thăng Long; Chúa Mạc là Mậu Hợp chạy sang Gia Lâm. Quan quân bắt được tướng Mạc là Nguyễn Quyện.

Trịnh Tùng lập đàn, tế cáo trời đất và các vua. Thái Tổ Thái Tông [nhà Lê], thề xin diệt giặc để phục thù. Khi đại quân kéo đến bờ phía tây Ninh Giang, Tùng ra ba điều buộc quân lính phải tuân giữ:

1/ Không được tự tiện vào nhà nhân dân mà hái rau, kiếm củi;

2/ Không được cướp của cải, đồ vật và đẵn cây cối;

3/ Không được hiếp phụ nữ và giết người vì thù riêng. Kẻ nào vi phạm những điều cấm trên đây, sẽ trị theo quân luật.

Ba quân nghe theo lệnh, nghiêm chỉnh đội ngũ trẩy đi. Quân trẩy đến đâu, nhân dân vẫn an cư ở đó. Họ tranh nhau đem rượu và trâu bò đến đón quan quân. Tùng đốc suất quân lính sang sông. Khi Tùng trẩy đến chùa Thiên Xuân, chúa Mạc là Mậu Hợp cả sợ, bỏ thành Thăng Long, qua sông Nhị, đóng ở xã Thổ Khói, để các đại tướng ở lại chia nhau đóng giữ các cửa thành Thăng Long.

Quan quân qua sông Tô Lịch, đến cống Mọc[3], đóng quân ở Xạ Đôi[4]. Tùng chia sai các tướng là Hoàng Đình Ái và Nguyễn Hữu Liêu quản lãnh quân và voi, hẹn định ngày phá các cửa thành, còn Tùng thì tự đốc suất quân và voi ở đại doanh tiến đến phường Hồng Mai.

Bấy giờ Mậu Hợp tuy đã qua đò sang Bắc, nhưng vẫn cậy có sông dài hiểm trở, sai Mạc Ngọc Liễn, Bùi Văn Khuê, Nguyễn Quyện và Trần Bách Niên cố thủ thành Đại La, còn mình thì thống suất thủy quân, dàn hơn trăm chiếc thuyền thành thế trận, giữ sông Nhị Hà để làm thanh thế cứu viện cho quân trong thành.

Nguyễn Quyện đặt quân mai phục ở ngoài cửa cầu Giền[5], dàn súng bách tử đại pháo để phòng bị.

---

[1] Sau lại đổi làm huyện Quảng Tế, nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Thuộc Thanh Hóa.

[3] Nguyên Văn là Nhân Mục kiều, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

[4] Chỗ gò tập bắn.

[5] Nguyên văn là Trần Kiều môn ngoại. Tức là ô cầu Giền ở chỗ cuối phố Huế. đầu phố Bạch Mai, giáp đường Đại Cồ Việt, Hà Nội, ngày nay.

Các tướng chia đường tấn công từ giờ Tỵ đến giờ Mùi[1] chưa phân được thua. Tùng lại đốc suất quân sĩ cố sức chiến đấu. Quan quân xuyên qua luỹ, trèo lên thành, đua nhau xông lên trước, đánh phá được ba lần cửa lũy ở ngoài thành.

Quân Văn Khuê và Bách Niên rối loạn, tan chạy. Ngọc Liễn sợ hãi cũng trốn.

Thừa thắng, quan quân đồng thời cùng tiến, đốt cung điện và nhà cửa ở ngoài thành: khói lửa mù mịt cả khoảng không. Quan quân lại rầm rộ lùa quân và voi xông vào giày đạp đánh phá cầu Giền. Phục binh của Nguyễn Quyện không kịp nổi dậy, đều bị quan quân giết sạch. Con của Nguyễn Quyện là Bảo Trung và Nghĩa Trạch đều chiến đấu mà chết cả. Quyện bị quan quân bắt sống. Trịnh Tùng thân hành cởi trói cho Quyện, đối đãi bằng lễ tiếp khách và yên ủi cho đến điều. Quyện hổ thẹn, vội phục xuống đất.

Hôm đó, thây giặc ngổn ngang chồng gối lên nhau. Quan quân chém được hơn vài nghìn thủ cấp địch. Tướng giặc bị chết đến vài mươi người. Khí giới tước được chất cao như núi.

Mậu Hợp thu nhặt tàn quân, giữ dọc sông dài để phòng thủ.

Tùng nhân dịp đó, hỏi Nguyễn Quyện về mưu chước để diệt Mạc, Quyện nói: "Viên tướng đã thua trận, không thể còn nói đến mạnh được nữa. Trời đã làm mất nhà Mạc, thì dù anh hùng cũng không thể thi thố tài lược được ". Rồi nhân dịp Quyện nói với Tùng nên sang phẳng lũy đất thành Đại La khiến cho nhà Mạc dù có quay về cũng không còn gì để làm căn cứ được nữa. Tùng không ngờ lời Quyện nói đó là kế hoãn binh, bèn sai các quân san suốt vài nghìn trượng hào lũy của nhà Mạc làm cho trở thành đất phẳng.

Bấy giờ uy thế binh lực của quan quân vang dậy lẫy lừng. Nhân dân phía tây nam đều như làn cỏ lướt theo chiều gió. Hễ trẩy đến đâu là đấy hàng phục . Nhị Hà trở tây lại là đất của triều đình [nhà Lê].

Liền đó, Tùng bàn rút quân về, đến cửa cung khuyết tâu tin thắng trận. Nhà vua cả mừng, sai bàn định để thăng chức thưởng tước cho những người có công lao.

Về sau, Nguyễn Quyện và con là bọn Nguyễn Tín mưu phản, nên bị chết ở trong ngục.

Lời chua - Bùi Văn Khuê: Người Chi Phong, huyện Gia Viễn[2] , sau đầu hàng nhà Lê.

Chùa Thiên Xuân: Ở địa phận xã Thanh Xuân, huyện Thanh Oai[3] .

Ninh Giang: Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 6).

Cống Mọc (Nhân mục kiều): Xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 28).

Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông , năm Tường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31 - 32).

Hồng Mai: Nay đổi là phường Bạch Mai.

Cầu Giền: Ở địa phận Bạch Mai, thuộc huyện Thọ Xương. Hồng Mai và cầu Giền đều thuộc Hà Nội.

Xã Thổ Khối: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb. XII, 3 - 4).

Tháng 7, mùa thu. Thủy tai lớn.

Bấy giờ nước lũ thình lình đổ đến, tràn ngập cả gò đống. Lúa má ở Thanh Hoa bị mất mùa. Dân miền tây nam phần nhiều đói kém.

---

[1] Khoản từ 9 giờ đến 14 giờ.

[2] Thuộc tỉnh Ninh Bình.

[3] Nay thuộc thôn Phùng Khoang, xã Trung Văn huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Mồng 1, ngày Mậu Tý, tháng 8. Sao sa, có tiếng như sấm vang.

Sao sa, màu đỏ, ánh sáng dài đến 5 trượng, rơi xuống đất, nổ kêu như tiếng sấm lớn.

Tướng Mạc, Bùi Văn Khuê, đầu hàng. Tùng bèn tiếng đánh quân Mạc ở sông Thiên Phái: Mạc bị đại bại.

Chúa Mạc là Mậu Hợp ngày ngày say đắm tửu sắc. Nguyễn thị[1] là con gái của Nguyễn Quyện và là vợ Bùi Văn Khuê, nhân có em gái là vợ của Mạc Mậu Hợp, nên thường ra vào trong cấm cung. Mậu Hợp ưng ý Nguyễn thị vì nàng có nhan sắc, nên muốn giết Văn Khuê để chiếm lấy nàng. Văn Khuên biết chuyện, bèn đem quân bản bộ tự ý rút về Gia Viễn[2], đóng binh một chỗ, không chịu vào chầu. Mậu Hợp sai quân đến bức bách để bắt Văn Khuê sai con trai là Văn Nguyên chạy vào Thanh Hoa, dâng lễ đầu hàng và xin cứu viện. Trịnh Tùng ưng nhận cho hàng và mừng rỡ nói: "Văn Khuên đầu hàng, thế là trời giúp cho ta được chóng thành công. Đất đai bản triều[3] có thể hẹn ngày khôi phục được ".

Tùng bèn sai Hoàng Đình Ái lãnh quân tiến lên trước, đến làng Bái và làng Đình thì Văn Khuê đem quân bản bộ ra đón tiếp. Đình Ái sai Văn Khuê tiến quân đóng giữ bến đò Đàm Giang. Quân Mạc bèn lui giữ sông Thiên Phái. Tùng quản đốc đại quân kéo ra Trường Yên[4], Văn Khuê đến Yết Kiến, khóc lóc kể lể nỗi niềm. Tùng khen thưởng để vỗ về yên ủi, lại phong tước quận công[5] , cho Văn Khuê quản lãnh binh mã và thuyền chiến của bản bộ, sung làm toán quân tiền đội cầm cự với quân Mạc.

Quan quân tiến lên, qua đò sông Hoàng Xá đến núi Kẽm Trống[6] ở Yên Quyết thì đóng dinh trại. Nghĩa quốc công (không rõ tên họ), tướng Nam đạo bên Mạc, đóng quân ở sông Thiên Phái, giữ bến đò Đoan Vĩ, đắp lũy để chống giữ. Tùng sai Văn Khuê lén dời binh thuyền ra cửa sông, rồi trên và dưới cùng đánh kẹp lại: quân Mạc tan vỡ, chạy trốn. Quan quân tước được 70 chiếc thuyền và vô số khí giới. Tướng Mạc, Trần Bách Niên, đem quân bản bộ đầu hàng.

Lời chua - Đàm Giang: Xưa là bến đò Đàm Gia, ở xã Điềm Xá, huyện Gia Viễn thuộc huyện Ninh Bình.

Sông Thiên Phái: Ở chỗ giáp giới hai huyện Ý Yên và Phong Doanh thuộc Nam Định, chảy ra cửa Liêu.

Bến đò Đoan Vĩ: Thuộc xã Đoan Vĩ, huyện Thanh Liêm, Hà Nội[7].

Kẽm Trống (Kiềm Cố Sơn): Thuộc xã Nham Kênh, huyện Thanh Liêm[8] .

Bái, Đỉnh: Tên hai xã đều thuộc huyện Gia Viễn.

Sông Hoàng Xá: Cũng thuộc huyện Gia Viễn, giáp huyện Kim Bảng[9].

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tùng lại tiến quân ra Thăng Long. Chúa Mạc là Mậu Hợp chạy đi Kim Thành rồi trốn.

Trịnh Tùng đã phá quân Mạc , tiến đóng Bình Lục, rồi kéo đến bãi Tinh Thần thuộc Thanh Oai, đóng dinh trại. Tùng hiểu dụ nhân dân miền tây nam đâu đấy nên cứ yên nghiệp làm ăn. Rồi Tùng tiến quân ra cửa sông Hát.

---

[1] Tên là Niên.

[2] Thuộc tỉnh Ninh Bình.

[3] Tức triều Lê.

[4] Nay thuộc Ninh Bình.

[5] Khi ở Mạc, Bùi Văn Khuê tước Sơn quận công (Toàn thư XVII, 31).

[6] Nguyên văn chép là Kièm Cố Sơn.

[7] Nay thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

[8] Nay thuộc Ninh Bình.

[9] Thuộc tỉnh Hà Nam.

Tướng Mạc, Ngọc Liễn, dàn quân lính và thuyền chiến để chống cự. Quan quân tiến đánh: phá được địch. Ngọc Liễn bỏ thuyền chạy lên Tam Đảo. Quan quân thừa thắng, ruổi dài đến cửa Nam thành Thăng Long, đóng quân ở bến Cỏ[1] , bắt được chiến thuyền của Mạc đến hàng nghìn chiếc. Mậu Hợp chạy đi Kim Thành thuộc Hải Dương.

Tùng hạ lệnh răn cấm tướng sĩ [không được vi phạm quân lệnh], đồng thời lại chiêu an vỗ về cư dân. Các cửa huyện ở vùng phía Bắc sông Nhị, như Thuận An, Tam Đái và Thượng Hồng, đều đầu hàng cả. Tên Liêm (không rõ họ), đầu sỏ giặc Thái Nguyên, cũng đem 5.000 đồ đảng ra hàng.

Tùng lại đem quân đi truy tiểu quân Mạc. Đến huyện Phù Dung, Tùng sai bọn Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên quản lãnh 300 chiếc chiến thuyền, đánh phá huyện Kim Thành. Mậu Hợp bỏ quân doanh, chạy trốn. Quan quân thu được vàng bạc, của cải, đồ vật và phụ nữ không sao kể xiết. Và bắt được mẹ chúa Mạc đem về.

Lời chua - Kim Thành: Tức là Trà Hương. Xem thuộc Tấn[2] , Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Thanh Oai: Xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Bãi Tinh Thần: Nay đổi xã Thanh Thần, thuộc huyện Thanh Oai[3].

Núi Tam Đảo: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 7 (Chb. XVIII, 18).

Phù Dung: Tên huyện, nay là huyện Phù Cừ thuộc Hưng Yên.

Phủ Thuận An: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12[4] (Chb.X, 4).

Phủ Tam Đái: Ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb, V, 29).

Phủ Thượng Hồng: Xem Thuộc Đường, Chiêu Tuyên Đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb, V, 14).

Bồ Đề: Xem Bình Định Vương năm thứ 10 (Chb. XIX, 4).

Mạc Mậu Hợp cho con là Toàn coi giữ việc nước, tự mình đứng ra đốc suất quân đội.

Bấy giờ quân Mạc nhiều lần thua trận, Mậu Hợp bèn lập con là Toàn làm vua, coi quản việc nước, đổi năm này làm năm Vũ An thứ 1 (Nhâm Thìn, 1592). Mậu Hợp tự làm tướng, quản đốc binh mã để chống và giữ.

Tháng 12. Mặt trời có hai điểm đen như quạ.

Trịnh Tùng sai bọn Phạm Văn Khoái tấn công Kinh Bắc, bắt được Mạc Mậu Hợp, giết chết.

Tùng chia quân tấn công tướng Mạc, Kính Chỉ, ở Thanh Hà; cả phá được địch. Nhà cửa của nhân gian ở các phủ Thượng Hồng, Nam Sách và Kinh Môn đều bị thiêu hủy gần hết. Bầy tôi nhà Mạc là bọn Đỗ Uông, Đồng Hàng, Ngô Tháo và Đàm Văn Tiết 17 người đều đến cửa quân xin đầu hàng.

Sau đó Tùng tiến đóng quân doanh tại xã Tranh Giang thuộc Vĩnh Lại[5]. Lại sai bọn quận Lai Phạm Văn Khoái ai nấy quản lãnh quân và voi đánh dẹp các huyện Yên Dũng, Võ Ninh thuộc Kinh Bắc.

Mậu Hợp bỏ thuyền, lê bộ, lẩn trốn vào chùa thờ phật ở huyện Phượng Nhãn. Quan quân đuổi theo, được nhân dân thôn quê vùng đó chỉ dẫn, bắt sống được Mậu Hợp, cho chở lên voi đem về Thăng

---

[1] Nguyên văn là Sa Thảo tân.

[2] Đây dịch theo nguyên văn Cương mục. Đáng phải chép là "dương Tấn " (ngang với Tấn) mới đúng.

[3] Thuộc tỉnh Hà Tây.

[4] Cương mục in lầm năm Thiệu Phong thứ 11.

[5] Nay thuộc huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Long; bêu sống ba ngày, rồi chém ở bến Bồ Đề, chặt đầu đem về hành tại Thanh Hoa, dâng tin thắng trận. Thủ cấp Mạc Mậu Hợp bị đóng đinh vào hai mắt, bêu ở chợ.

Trịnh Tùng bèn ra lệnh cho các quân dời đại doanh ở bến Cỏ (Thảo Tân) đến đóng tại cửa Nam thành Thăng Long.

Lời chua - Đỗ Uông: Người Đoàn Lâm, huyện Gia Lộc[1], đỗ bản nhãn khoa Bính Thìn[2] đời Mạc.

Đồng Hàng: Người Triều Dương, huyện Chí Linh[3], đỗ hoàng giáp khoa Kỷ Mùi[4] đời Mạc.

Ngô Tháo: Người xã Đàn, huyện Thọ Xương[5], đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi[6] đời Mạc.

Đàm Văn Tiết:: Người Lãm Sơn, huyện Quế Dương[7], đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn[8] đời Mạc.

Tranh Giang: Tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lại.

Thượng Hồng: Tên phủ, xem Thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb, V, 14).

Phủ Nam Sách (sách: sách lược): Tức Nam Sách (sách: sổ sách). Xem thuộc Tấn, Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Phủ Kinh Môn: Thuộc Hải Dương.

Vũ Ninh (nay là Võ Giàng), Yên Dũng, Phượng Nhãn: Ba huyện này đều thuộc Bắc Ninh.

Bến Cỏ (Thảo Tân): Chắc là ở bờ phía Nam sông Nhị, Hà Nội; nay ở đâu, không rõ[9]

---

[1] Thuộc Hải Dương.

[2] Tức là năm Quang Bảo thứ 3 (1556) đời Mạc Phúc Nguyên.

[3] Thuộc Hải Dương.

[4] Tức là năm Quang Bảo thứ 6 (1559) đời Mạc Phúc Nguyên.

[5] Nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

[6] Tức là năm Sùng Khang thứ 6 (1571) đời Mạc Mậu Hợp.

[7] Nay thuộc xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

[8] Tức là năm Diên Thành thứ 3 (1580) đời Mạc Mậu Hợp.

[9] Thảo Tân (Chb. XXIX, 33), hoặc Sa Thảo Tân (Chb. XXIX, 31), dịch là bến Cỏ, có thể là ở vùng ga Hàng Cỏ (tức ga Hà Nội) và phố Hàng Cỏ (nay là đường Lê Duẩn) Hà Nội Ngày nay.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 30

Tứ Quý Ty, năm Quang Hưng thứ 16 (1593) đến Kỷ Hợi, năm Quang Hưng thứ 22 (1599) đời Lê Thế Tông, gồm bảy năm.

Quý Ty, năm [Quang Hưng] thứ 6 (1593). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 24 - Năm này nhà Mạc bị diệt).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Tùng tiến quân ra huyện Thanh Lâm, bắt được Mạc Kính Chỉ và họ hàng của Kính Chỉ, đều bị giết chết cả.

Trước kia, Kính Chỉ lẩn lút ở vùng Đông Triều, hay tin Mậu Hợp đã bị bắt làm tù binh, đóng giữ huyện Thanh Lâm, tiếm lên ngôi ngụy ở xã Nam Giản huyện Chí Linh, đổi niên hiệu là Bảo Định, rồi lại đổi là Khang Hựu. Bọn Kính Phu, Kính Thành và Kính Thận vài trăm người là chỗ họ thân với chúa Mạc cùng các bầy tôi văn võ cũ đều đem nhau về với Kính Chỉ. Nhà Mạc yết bản chiêu mộ, trong khoảng chốc lát, các huyện hưởng ứng được đến 6, 7 vạn quân.

Bấy giờ Mạc Toàn, con Mậu Hợp, thấy lòng người không phục mình, cũng theo về với Kính Chỉ. Về sau, Mạc Toàn lại trốn đi, bị quan quân bắt được.

Trịnh Tùng, nhân đó, sai bọn Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê và Ngô Đình Nga tiến đến huyện Thanh Lâm. Kính Chỉ tung quân đánh úp: Thất Lý chết trận, Đình Nga bị thương nặng, Văn Khuê và Bách Niên phải chạy, còn quân thì tan vỡ. Quân lương và khí giới của quan quân đều mất về tay giặc. Bấy giờ Hải Dương và Kinh Bắc nhiều phần quy phụ về với Mạc.

Trịnh Tùng lại sai thái úy Hoàng Đình Ái đốc suất các quân doanh thủy và bộ tiến đến Cẩm Giàng, Kính Chỉ dốc hết quân ra giữ Thanh Lâm, lấy một dãy Hàm Giang làm chỗ phân chia Nam, Bắc. Hai bên luôn luôn huy động quân đội để chống và giữ. Ban ngày, cờ xí tung bay, ban đêm, hỏa pháo ran nổ, trong khoảng hàng tuần, hàng tháng, quân hai bên cầm cự nhau, không lúc nào dám cởi bỏ áo giáp. Ở Thanh Lâm, Kính Chỉ lại đắp thêm hào lũy theo dọc ven sông để cho sự phòng thủ được bền vững.

Đến đây, Trịnh Tùng thân hành quản đốc đại quân qua sông Nhị, đêm ngày đi gấp đường, đến Cẩm Giàng, đại hội với các tướng, cả thủy lẫn bộ cùng tiến:

Hoàng Đình Ái thống lãnh tướng sĩ các dinh, tiến đến Thanh Lâm để đánh vào phía hạ lưu;

Trịnh Tùng thân đốc đại binh để đánh phía thượng lưu;

Nguyễn Hữu Liêu thống suất quân thủy để bao vây và đón chặn đường đi cửa của quân Mạc.

Quan quân bốn mặt đánh khép lại: quân Mạc đổ vỡ tan tành.

Kính Chỉ và thân thuộc của hắn đều lẫn trốn vào rừng núi. Quan quân đuổi đến Đông Triều, bắt được bọn An Sơn vương Mạc kính Thành và Hoàng Lượng công Mạc Lý Hựu, đều đem chém cả. Số giặc bị bắt làm tù binh và những thuyền bè khí giới của Mạc bị tước không sao xiết kể.

Khi đến Chí Linh, quan quân lại chia nhau đi càn quét, bắt được Kính Chỉ ở thôn Tân Manh luôn với bọn Kính Phu, Kính Thận, Kính Giản, Kính Tuân và quan liêu văn võ của Mạc đến hơn 60 người. Trịnh Tùng bèn quân về Thăng Long. Các tướng đưa đến những người trong họ hàng bè lũ nhà Mạc bị bắt làm tù binh, đều chém cả ở bến Cỏ. Riêng lấy đầu Kính Chỉ đem vào bêu ở Thanh Hoa. Họ Mạc bị diệt.

Lời phê - Dựa vào công lao trước của cha. Trịnh Tùng có công rất to, mà mang tội cũng nặng lắm. Không làm như vậy thì không đủ để diệt nhà Mạc mà phù Lê được. Mạc tuy bị diệt rồi, nhưng Trịnh lại lù lù ở đó thì cũng lại là một Mạc (thứ hai) nữa thôi!

Lời chua - Mạc Kính Chỉ: Con Mạc Kính Điển.

Kính Phu, Kính Thận, Kính Giản, Kính Tuân: Đều là em Kính Chỉ.

Nam Giản: Tên xã, thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 25).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Thanh Lâm, Cẩm Giàng: Đều là tên huyện, thuộc tỉnh Hải Dương.

Tân Manh: Tên thôn, thuộc huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Yên.

Hàm Giang (sông): Ở địa phận xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng.

Tháng 4, mùa hạ. Xa giá vua Lê trẩy ra Thăng Long, ngự ở tòa chính điện, nhận lễ triều hạ, đại xá cho cả nước.

Trịnh Tùng đã diệt nhà Mạc rồi, tu tạo cung điện [ở Thăng Long], một tháng hoàn thành, bèn sai các đại thần văn võ sắm sửa nghi trượng đi đón xa giá. Tháng 3, nhà vua khởi hành từ dinh Vạn Lại; đến tháng 4 này, trẩy tới kinh đô. Ngày Canh Tý, nhà vua ngự ở toà chính điện, nhận lễ bách quan chầu mừng, đại xá cả nước.

Bản xét công lao các bầy tôi trong cuộc trung hưng. Ban thưởng tước phong cho họ các tầng bậc khác nhau.

Gia phong:

Hoàng Đình Ái làm hữu tướng thái úy, Vinh quốc công;

Nguyễn Hữu Liêu làm thái úy, Dương quốc công;

Quận công Trịnh Đỗ làm thái phó;

Trịnh Đồng và Trịnh Nành làm thái bảo;

Lê Bách và Hà Thọ Lộc làm thiếu úy;

Ngô Cảnh Hựu và Trịnh Văn Hải làm thiếu bảo;

Lại bộ thượng thư Nguyễn Mậu Tuyên làm thiếu phó tước Quỳnh quận công.

Còn mọi người khác cũng đều được ban thưởng thêm tước trật có cao thấp khác nhau.

Lời chua - Thái úy, thái phó, thái bảo: Đều chánh nhất phẩm.

Thiếu úy, thiếu phó, thiếu bảo: Đều chánh nhị phẩm. Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 15 - 16).

Nguyễn Mậu Tuyên: Người Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương[1].

Tháng 5. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta từ Thuận Hóa vào chầu được tấn phong thái úy Đoan Quốc Công, cầm quân đi đánh giặc.

Trước kia, Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta ở Thuận Hóa hơn 20 mươi năm, từ nhân dân đến các man di thảy đều mến phục. Bờ cõi và biên giới đều phẳng lặng yên ổn. Đến đây ngài đem tướng sĩ và binh thuyền vào chầu, dâng nộp sổ sách về quân, dân và kho tàng ở hai xứ Thuận, Quảng. Nhà vua xuống chiếu gia phong cho Gia Dụ làm tả đô đốc ở Trung quân đô đốc phủ, giữ công việc trong phủ, hàm thái

[1] Đất huyện Lôi Dương cũ, nay thuộc hai huyện Thọ Xuân và Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

úy, tước Đoan quốc công, tổng đốc tướng sĩ bản doanh, thống lãnh quân thủy ở các xứ Nam đạo[1] và 300 chiếc thuyền cả lớn lẫn nhỏ, đi đánh bọn giặc ở vùng đông nam.

[1] Nay gồm các huyện Châu Giang, Kim Động, Ân Thi, Phù Tiên (Hưng Yên), Kim Bảng, Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân (Hà Nam), Hưng Hà, Tiên Hưng cũ (Thái Bình).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 31

Từ Canh Tý, Lê Kính Tông, năm Thận Đức thứ nhất (1600) đến Quý Mùi, Lê Thần Tông, năm Dương Hòa thứ 9 (1643), gồm bốn mươi tư năm.

Canh Tý, Kính Tông Huệ hoàng đế, năm Thận Đức thứ nhất (1600). (Từ tháng 11 trở về sau thuộc năm Hoằng Định thứ nhất - Minh, năm Vạn Lịch thứ 28).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Hàng năm, cứ đầu mùa xuân, làm lễ hợp tế trời đất ở điện Chiêu Sự đàn Nam giao, nhà vua thân hành đến làm lễ. Trịnh Tùng đem trăm quan theo hầu để dự lễ bồi tế. Việc này người ta cùng truyền tụng là một điển lễ long trọng.

Lời cẩn án - Việc tế giao hàng năm, người chép nối sử triều Lê đều không chép. Họ lấy cớ rằng việc này là theo thể lệ thường như thế. Này, nhà Lê từ lúc trung hưng trở về sau, gươm Thái A đã để người khác nắm đằng đuôi[1], người dưới lấn quyền, người trên thất thế, lai lịch dẫn đến như thế kể đã từ lâu, nói về lễ nghĩa vua tôi đã đổ nát hết, chỉ còn việc nam giao tế trời là còn giữ được thân phận tôn ti mà thôi. Nếu cho việc ấy là theo lệ thường mà không chép thì lễ nghĩa vua tôi hầu như mất sạch sành sanh. Nay truy nguyên ra, thì nhà Lê mất quyền bính thực tế lá bắt đầu từ lúc Trịnh Tùng xưng tước vương vào cuối đời Thế Tông vào đầu đời Kính Tông. Vì thế, nên ngay từ năm nay cũng như sau này khi các vua lúc bắt đầu lên ngôi nối nghiệp, đều cẩn thận mà chép việc tế nam giao. Chép như thế, là để nghi sự biến trong đời mà giữ lấy danh phận vua tôi vậy.

Lời chua - Điện Chiêu Sự: Ở phía nam kinh thành, xem Huyền Tông năm Cảnh Trị thứ 2 (Chb. XXXIII, 14, 15).

Theo Hội điển triều cố Lê, thì hàng năm, tháng giêng (hoặc mồng một, hoặc mồng hai) trước ngày lễ chính một ngày, bày đặt hương án lớn ở gian chính giữa điện Chiêu Sự. Đến ngày chính lễ, nhà vua mặc áo bào thâm, các viên chấp sự đem đủ cả lỗ bộ, pháp giá[2] và nhã nhạc, do cửa Đại Hưng (cửa nam kinh thành) đi ra. Khi đến điện Canh Y[3] ở ngoài đàn, nhà vua đội mmũ xung thiên, mặc áo bào vàng, thắt đai ngọc, rồi đến sân điện Chiêu Sự hành lễ, Chúa Trịnh và văn võ trăm quan theo hầu, dự lễ bồi tế theo như nghi thức.

Nghi lễ tế giao chép trong Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì hoàng đế tới sân điện Chiêu Sự, sau khi đã quán tẩy[4] rồi mới tiến lên điện làm lễ thượng hương[5]; người chấp sự đọc chúc văn ở trên điện, lúc ấy chỉ làm lễ quỵ và khấu đầu[6]; còn lạy trước khi

---

[1] Nguyên văn chép "Thái A đảo trì ". Ý nói giao quyền bính của mình cho người khác, do đấy mà mình bị hại, cũng như trao chuôi gươm Thái A cho người khác nắm, mà mình nắm đằng lưỡi, tất bị nguy, Thái A tên một thanh kiếm rất sắc bén.

[2] Tức là thừa dư, xe của vua ngự.

[3] Một ngôi nhà để vua vào thay mũ áo.

[4] Đều là danh từ dùng trong khi làm lễ tế tự. Quán tẩy: Trước khi châm hương, người chủ tế đến nơi đã để sẵn thau nước rất thanh khiết để rửa tay. Thượng hương; chính tay người chủ tế châm hương rồi đưa cho người chấp sự dâng lễ cắm vào bát hương. Quy khấu: Trước khi đọc chức văn, người chủ tế quỳ ở trước hương án, sau khi đọc chúc văn, người chủ tế cuối đầu làm lễ.

[5] Nt.

[6] Nt.

tuyên chúc và sau khi tuyên chúc thì đều lạy ở sân điện. Lễ này là một lễ rất tôn nghiêm, rất long trọng.

Tháng 5, mùa hạ. Có thủy tai lớn.

Bọn Kế quận công Phan Ngạn, Tráng quận công Ngô Đình Nga và Mỹ quận công Bùi Văn Khuê làm phản. Nhà vua đi Thanh Hoa.

Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta có công to, Trịnh Tùng thấy thế mang lòng nghen nghét, 8 năm không cho về trấn[1]. Gặp lúc ấy, bọn Ngạn, Đình Nga và Văn Khuê làm phản ở cửa biển Đại An, Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta nhân đem quân tiến đánh, bèn đem tướng sĩ thuyền chiến trong bộ thuộc mình, phóng ra biển về Thuận Hóa, bởi thế lòng người xao xuyến. Tùng bèn rước nhà vua về Thanh Hoa, để cho nơi căn bản được vững vàng. Sau đó, bọn Ngạn, Đình Nga và Văn Khuê dẫn quân phụ thuộc về với nhà Mạc.

Lời phê - Lúc ấy, Trịnh Tùng rất lấn quyền làm bậy, người nào cũng có thể kể tội hắn mà giết đi được. Về việc bọn Phan Ngạn. Sử cũ chép là làm phản, chép như thế chưa chắc đã không phải là a dua, đáng lẽ Sử mới[2] chỉ nên cứ theo sự thực mà chép thẳng. Còn như ngàn năm sau này khen hay chê đã có lời bàn luận công bằng. Người chép sử cũng không cần gì phải kiêng kỵ[3].

Lời chua - Thanh Hoa, Thuận Hóa:. Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 20 , 21, 23, 24, 33).

Đại An: Tức Đại Nha, Xem Lý hậu đế năm thứ nhất (Tb. IV, 13).

Phan Ngạn bắn chết Bùi Văn Khuê. Vợ Văn Khuê là Nguyễn Thị đánh giết được Ngạn. Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Cung vào chiếm cứ Đông Kinh, Ngô Đình Nga đem quân theo Kính Cung.

Được ít lâu, Phan Ngạn ngờ Văn Khuê có lòng phản bội, sai người bắn giết đi. Ngạn tự xưng tiết chế Sính quốc công, Đình Nga tự xưng là thái bảo Hoa quận công, ra bảng yết thị cấm chỉ dùng niên hiệu Kiền Thống nhà Mạc.

Nguyễn Thị, vợ Văn Khuê, muốn báo thù cho chồng, bèn khuyết khích sĩ tốt, rồi đóng quân ở Hoàng Giang, chiêu mộ người nào có thể lấy được đầu Phan Ngạn, sẽ trọng thưởng cho. Ngạn nghe tin giận lắm, hắn tự đốc suất thuyền chở binh lính, rồi đi một chiếc thuyền lớn tiến lên trước, trúng phải viên đạn lạc, chết ở giữa dòng sông.

Lúc ấy, nhà vua vào Thanh Hoa, kinh thành Thăng Long bị hiu quạnh, bỏ ngỏ. Dư đảng nhà Mạc thì: Nam quận công Nguyễn Dụng hô hào tụ hợp quần chúng ở Sơn Nam; Uy Vũ Hầu (không rõ họ tên) thúc giục nhiều người nhóm ngọn lửa binh đao ở Hải Dương. Nhân đấy, chúng cùng nhau rước Bùi Thị, mẹ thứ Mạc Mậu Hợp, vào chiếm cứ Đông Kinh, Bùi Thị ra coi chầuở triều đình, tiếm xưng là quốc mẫu, sai người đi rước Kính Cung ở Cao Bằng. Kính Cung là con Kính Điển. Khi Kính Cung đi đến Vũ Ninh, thì Đình Nga đem quân đi đón rước, Kính Cung cho Đình Nga cứ được giữ nguyên chức cũ.

Do đấy nhân dân ở vùng Đông Bắc, ngả theo để hưởng ứng họ cùng nhau ủng hộ Kính Cung về đến kinh sư, chỉ trong khoảng hàng tuần hàng ngày, quần chúng được đến hàng vạn người.

Lời chua - Nguyễn Thị: Tên tự là Niên, con gái thứ của Nguyễn Quyện, tướng nhà Mạc. Có một thuyết nói: Ngạn nghe biết Thị Niên sắc đẹp, sai người mối đi lại cùng thông tin tức ước hẹn kết duyên. Nguyễn Thị giả vờ nhận lời, bèn kén hơn mười người trẻ tuổi đẹp trai, ăn mặc giả làm con gái sung làm thị tỳ. Nguyễn Thị giao ước với bọn thị tỳ giả: Nếu ai giết được Phan Ngạn thì sẽ được trọng thưởng. Muốn để Ngạn khỏi nghi

[1] Tức Thuận Hóa, Nguyễn Hoảng ở Thuận Hóa ra yết kiến Lê Thế Tông từ năm Quang Hưng thứ 16 (1593).

[2] Chỉ bộ Sử Cương mục này.

[3] Tham khảo Việt sử tục biên thì lúc ấy Nguyễn Hoảng (Tức Gia Dụ hoàng đế sau này) ngầm xui giục bọn Phan Ngạn làm phản, để lấy cớ ấy xin đem quân đuổi đánh, rồi chuồn vào Thuận Hóa. Lời phê này có lẽ ám chỉ về việc ấy.

ngờ, Nguyễn Thị hẹn: Đêm hôm nào đó thị sẽ đi một chiếc thuyền lớn đến hội kiến. Ngạn hí hởn mừng. Đến kỳ hạn, Nguyễn Thị ăn mặc lộng lẫy, đi thuyền ngược dòng sông Hoàng Giang ra sông Nha Giang, Ngạn cho người thăm dò, thấy trong thuyền la liệt những gái đẹp, Ngạn yên tâm không nghi ngờ gì cả, bèn ra ám hiệu cho thuyền tuần tiễu nơi đi nhanh, khi thuyền tuần tiễu sắp đến gần chỗ thuyền Nguyễn Thị thì dừng chèo ở giữa dòng sông. Điều khiển đâu vào đấy rồi. Ngạn mừng rỡ cuống quýt, cũng dùng một chiếc thuyền lớn đến để cùng Nguyễn Thị hội hợp. Sau khi Ngạn đã sang thuyền Nguyễn Thị, liền vẫy cho thuyền mình rút lui. Lúc ấy thị tỳ đứng hai hàng rót rượu. Khi cuộc rượu đang nồng nàn, thị tỳ rút dao ở trong tay áo ra chặt lấy đầu Phan Ngạn, rồi nhân đêm nước thủy trào xuống, gió thổi mạnh quay chèo trở về như bay, quân lính của Ngạn vẫn chưa biết có chuyện ấy. Khi về, Nguyễn Thị đem đầu của Ngạn làm lễ tế ở bàn thờ chồng, rồi dặn hai con đến hành tại An Trường quy thuận với vua Lê. Còn thị thì tự gieo mình xuống sông.

Kiền Thống: Niên hiệu tiếm xưng của Mạc Kính Cung.

Đông Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Hoàng Giang: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb, VI, 44).

Nguyễn Dụng: Người xã Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, là con Nguyễn Miễn (chữ "Dụng " sử cũ chép là " Nhậm ").

Cao Bằng: Thuộc Ninh Sóc.

Vũ Ninh: Thuộc Kinh Bắc.

Cao Bằng, Vũ Ninh, Sơn Nam và Hải Dương: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 24, 28, 31, 32).

Nha Giang: Nay là Đại An, xem Lý Hậu Đế năm thứ nhất (Tb, IV, 13).

Tháng 8. Tùng thống lãnh binh sĩ từ hành tại An Trường kéo ra, tiến đánh quân Mạc, lấy lại Đông Kinh. Mạc Kính Cung chạy sang Kim Thành.

Hay tin Kính Cung vào chiếm cứ Đông Kinh, Tùng hợp các tướng bàn định. Một mặt sai Lê Nghĩa Trạch đem thư yên ủi Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta ở lại trấn thủ Thuận Hóa; một mặt đem cả quân thủy, quân bộ xuất phát ra Tràng An; Nguyễn Khải đem quân bộ đi tiền đạo, đến cửa sông Gián[1], gặp quân canh giữ của giặc, Khải đánh hăng phá tan được, rồi nhân thế thắng tiến thẳng lên; quân thủy thì đi theo sông Ninh Giang ra cửa sông Hát, thuận dòng nước mà xuôi xuống, xông thẳng vào Đông Kinh. Quân nhà Mạc tan vở bỏ chạy, quan quân bắt giết Bùi Thị là quốc mẫu của nguỵ Mạc. Kính Cung chạy sang Kim Thành. Em Phan Ngạn là Quỳnh quận công (Sử cũ chép sót tên) đầu hàng, được tha không trị tội. Do đấy đồ đảng của nguỵ Mạc cùng nhau xin phụ thuộc về triều đình. Tùng sai tướng đi tuần hành mặt sông Thiên Đức, bắt Ngô Đình Nga giải về kinh sư xử trảm.

Lời chua - Kim Thành: Làng Trà Hương xưa, xem Thuộc Tấn Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (TB, V, 21).

An Trường: Xem Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Lê Nghĩa Trạch: Người xã Cổ Đôi huyện Nông Cống.

Nguyễn Khải: Người xã Ngọc Bôi, huyện Đông Sơn.

Cửa sông Gián: Nay ở chỗ giáp với Ninh Bình và Hà Nội[2].

Ninh Giang: Xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb, XIII, 26).

---

[1] Nay thường gọi là bến Gián, khúc sông hai tỉnh Hà Nam và Nam Định tiếp giáp nhau.

[2] Nt.

Hát Môn: Tức cửa sông Hát, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Thiên Đức: Tên sông, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Tháng 10, mùa đông. Sai Nguyễn Đình Luân đánh Nguyễn Dụng ở Hoàng Giang. Luân bị bại trận.

Dụng là con Nguyễn Miễn, tước Phù quốc hầu nhà Mạc. Dụng mạnh tợn hơn cả mọi người. Trước kia, Mậu Hợp bại trận, bị bắt, Dụng đem anh em đầu hàng triều đình, sau trốn về Sơn Nam, hô hào tụ hợp dân chúng, xưng là Nam quận công, cùng nhau rước Kính Cung vào chiếm cứ Đông Kinh[1], Trịng Tùng tiến quân lấu lại được kinh thành. Dụng cùng đồ đảng là Uy Vũ hầu (Sử cũ chép sót họ tên) đem chu sư xâm phạm vào Thanh Trì, bị quan quân đánh phá. Uy Vũ hầu chạy giữ ở cửa biển; Dụng lui quân giữ ở Hoàng Giang. Vì thế, mới sai quận công Đình Luân đem quân đi đánh, Luân bại trận, hơn 40 chiếc thuyền công đều bị giặc bắt được. Trịnh Tùng giận, bèn bãi chức quan của Đình Luân.

Lời chua - Nguyễn Đình Luân: Người xã Đa Lộc, huyện An Định.

Thanh Trì: Tức Thanh Đàm xưa, xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb, XIII, 30).

Tháng 11. Đổi niên hiệu. Đại xá cho trong nước.

Lấy năm ấy làm năm Hoằng Định thứ nhất.

Lời cẩn án - Theo " Phàm Lệ " chép Cương mục của Chu Tử, về việc đổi niên hiệu: phàm ông vua nào đương giữa đời mà đổi niên hiệu khác, thì chỉ chép việc đổi niên hiệu lúc bắt đầu lên ngôi vua, ngoài ra đều nhân chép công việc gì đó mới lấy niên hiệu mới đổi ấy. Nay Kính Tông mới lên ngôi vua mà trong một năm hai lần đổi niên hiệu, thật là không kê cứu gì đến phép đời cổ, cho nên chép cả hai niên hiệu, để tỏ rõ sự sai lầm.

Tân Sửu, năm Hoằng Định thứ 2 (1601). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 29).

Tháng giêng, mùa xuân. Tùng đánh bại quân Nguyễn Dụng ở Lãnh Giang và chém được Nguyễn Dụng.

Kính Cung đến Kim Thành, hay tin Nguyễn Dụng chiếm cứ Hoàng Giang, hắn cho người phi ngựa báo tin sai Dụng tiến quân giữ lấy Nam Xang để ngăn giữ một đường Sơn Nam. Dụng bèn thiết lập doanh trại, canh phòng ngăn chặn nơi hiểm yếu, Dụng lại giết Uy Vũ Hầu (Sử cũ chép thiếu họ tên), một viên tướng giữ ở đạo khác, mà cướp lấy lương thực. Tướng ở tây đạo là Nha quận công và Cao quận công (Sử cũ đều chép thiếu họ tên) đều phải chạy đến Đại Đồng. Bấy giờ Trịnh Tùng thân hành đem đại quân xuống mặt nam. Quân tiến đến Lãnh Giang, Dụng chống cự, tiền quân của Tùng bị thiệt hại. Tùng bèn khuyến khích tướng sĩ, quân lính đều hết sức liều chết tiến đánh, phá tan được quân giặc, chém được Dụng và Nga quận công (Sử cũ chép sót họ tên) ở mặt trận, thu được thuyền bè, phụ nữ, trâu bò và tài vật kể đến hàng ngàn. Lại bắt giết được em của Dụng là Tào và Vị, đưa thủ cấp về kinh sư, hạ lệnh chiêu an dân chúng, lòng người rất vui mừng.

Lời chua - Lãnh Giang: Thuộc địa phận xã Lãnh Trì, huyện Nam Xang, tỉnh Hà Nội[2].

Tây Đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb, XV, 5).

Tháng 3. Sai Hoàng Đình Ái đi tuần hành vùng Hải Dương. Mạc Kính Cung chạy lên Lạng Sơn.

Kính Cung chiếm cứ kinh thành, hay tin Nguyễn Dụng đã bị hại, đại binh của triều đình sắp đến, hắn bèn bỏ cả quân lính, chạy lẻn lên Lạng Sơn. Khi quan quân kéo đến, bèn phá hũy đường lũy, chiêu tập vỗ về nhân dân, rồi đem quân trở về. Vùng Hải Dương hết thảy đều bình định.

---

[1] Xem thêm tờ 3, 4 trong cuốn này.

[2] Nay thuộc huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam khúc sông này có một bến đò, nhân dân gọi là bến Lãnh.

Lời chua - Lạng Sơn: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 35).

Tháng 5, mùa hạ. Mưa ra đá (vũ thạch).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua trở về Đông Kinh.

Tháng 12, mùa đông. Sai Nguyễn Khải đi tuần hành vùng Sơn Tây và Kinh Bắc, hết thẩy đều bình định được.

Lời chua - Sơn Tây, Kinh Bắc: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 27, 28, 35).

Nhâm Dần, năm thứ 3 (1602). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 30).

Tháng 3, mùa xuân. Mưa đá.

Quý Mão, năm thứ 4 (1603). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 31).

Mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực.

Đăng quận công Nguyễn Khải bị giao xuống hình ngục, sau lại được tha.

Tùng ngờ Nguyễn Khải có lòng bội bạn, bắt giao xuống hình ngục, hạ lệnh cho chưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm xét hỏi, không có tình trạng đáng ngờ, bèn thả ra.

Lời chua - Bùi Sĩ Lâm: Người xã Lưu Vệ, huyện Quảng Xương.

Giáp Thìn, năm thứ 5 (1604). (Minh, năm Vạn Lịch thư 32).

Ất Tỵ, năm thứ 6 (1605). Minh, năm Vạn Lịch thứ 33).

Bính Ngọ, năm thứ 7 (1606). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 34).

Đinh Mùi, năm thứ 8 (1607). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 35).

Mậu Thân, năm thứ 9 (1608). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 36).

Tháng 9, mùa thu. Đại hạn. Dân bị nạn đói to.

Kỷ Dậu, năm thứ 10 (1609). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 37).

Tháng 3, mùa xuân. Sai Trịnh Đỗ đi kinh lý vùng Thái Nguyên. Mạc Kính Cung chạy trốn.

Trước kia, Kính Cung chạy, chiếm cứ vùng Lạng Sơn, dần dần tụ họp lại được quân lính, bèn xâm lấn quấy rối vùng Thái Nguyên, Tùng hạ lênh cho thái tể Trịnh Đỗ làm thống lãnh, Nguyễn Danh Thế làm đốc thị, đem quân đi đánh. Giặc được tin chạy trốn tan vỡ, lẩn lút vào trong hang. Kinh lý vừa được một tháng. Trịnh Đỗ dẫn quân về.

Lời chua - Trịnh Đỗ: Em Trịnh Tùng.

Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 32, 33, 35).

Nguyễn Danh Thế: Người xã Vân Nội, huyện Chương Đức.

Canh Tuất, năm thứ 11 (1610). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 38).

Tháng 11, mùa đông. Lê Bật Tứ đề đạt kế sách với họ Trịnh.

Bất Tứ, tả thị lang Hộ Bộ, dâng tờ khải trình bày với Tùng: một là xin lập thế tử, dự bị giao phó cho binh quyền, để giữ vững lòng người; hai là xin xử trí đối với phiên trấn mạnh, để thống nhất chế độ. Bật Tứ lại trình bày rõ: " Này, người làm vua lấy thiên hạ làm của một nhà mình, bên cạnh giường nằm,

có lẽ nào lại để người khác nghe biết tiếng ngáy[1]. Nay Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Nam và Thuận Hóa hãy còn ở ngoài bản đồ, nếu không xử trí, tôi e rằng sẽ làm mối lo sau này. Ngày trước vua Hiến Tông nhà Đường nghe lời bàn của Hoàng Thường dùng phép xén bớt và hạn chế quyền của phiên trấn, sau thành được nghiệp trung hưng. Vậy những lời tôi trình bày, cúi xin xét đoán thi hành ".

Lời phê - Chim mồi chó săn của nhà Trịnh, tên này là tên tội ác đầu sỏ.

Lời chua - Lê Bất Tứ: Người xã Cổ Định, huyện Nông Cống đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1598) năm Quang Hưng.

Quảng Nam: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 2 - 10).

Tân Hợi, năm thứ 12 (1611). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 39).

Tháng 10, mùa đông. Núi Tản Viên bị sụt.

Lời chua - Núi Tản Viên: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chb. I, 34).

Ở Yên Việt Mưa ra máu (vũ huyết).

Mưa vừa vặn một ngày đêm.

Lời chua - Yên Việt: Tên huyện nay là Việt Yên, thuộc tỉnh Bắc Ninh[2].

Nhâm Tý, năm thứ 13 (1612). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 40).

Tháng 8, mùa thu. Thủy tai lớn.

Quý Sửu, năm thứ 14 (1613). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 41).

Tháng 6, mùa hạ. Hi Tông Hiếu Văn hoàng đế[3] ta lên nối nghiệp.

Nhà vua hạ chiếu Gia Phong [cho Hi Tông] chức Thái Bảo và được lưu trấn Thuận Hóa.

Tháng 8, mùa thu. Sai Trịnh Tráng kinh lý vùng Yên Quảng.

Lúc ấy mới dẹp bình được đảng giặc, nên hạ lệnh cho Tráng đi kinh lý địa phương này, chiêu tập vỗ về nhân dân. Tráng đi đến đâu ai cũng vui mừng. Sau đó Tráng để viên tướng thuộc dưới quyền mình ở lại trấn giữ, rồi trở về kinh sư.

Lời chua - Tráng: Con của Tùng.

Yên Quảng: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 29).

Tháng 11, mùa đông. Sai xứ thần đi tuần hành các địa phương trong nước.

Hạ lệnh cho quan trong kinh sư chia nhau đi các xứ, thăm hỏi sự đau khổ của dân; người nào phiêu tán được miễn lực dịch ba năm.

Giáp Dần, năm thứ 15 (1644). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 42).

Tháng 11, mùa đông. Sấm động.

Ất Mão, năm thứ 16 (1615). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 43).

Mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Đầm xã Hoằng Liệt và Thịnh Liệt bị khô cạn.

Không vì cớ gì, mà nước ở đầm bị cạn, 5 khắc sau lại trở lại như cũ.

---

[1] Nguyên văn " Thiên hạ nhất gia, ngọa tháp chi trắc, khởi dung tha nhân hãn thụy " Lời nói của Thái Tổ nhà Tống khi đi đánh Giang Nam.

[2] Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

[3] Tên là Phúc Nguyên, con thứ 6 Nguyễn Hoàng, cũng gọi là chúa Bụt.

Lời chua - Hoàng Liệt, Thịnh Liệt: Tên hai xã đều thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội.

Bính Thìn, năm thứ 17 (1616). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 44).

Tháng 8, mùa thu. Từ tháng 5 đến tháng này không mưa.

Tháng 9. Kén thêm quân ở Thanh Hoa.

Bọn thị lang Lê Bật Tứ và Lưu Đình Chất làm tờ khải trình bày với Tùng rằng: " Lòng trời thương yêu người làm vua, tất nhiên có lúc hiện ra điềm tai dị để mà cảnh cáo, nếu người làm vua không biết tự xét mình, thì lại xuất hiện tai dị để cho răn sợ. Tháng 5, tháng 6 năm nay đại hạn, người làm ruộng mất trông mong; tháng 8 vừa đây, lúa má đương xanh tốt thì lại gặp hạn hán dữ dội. Như thế chả phải là chính sự có thiếu thốn hay sao ? Nay không phải kỳ hạn xét duyệt dân đinh để tuyển lính, thế mà kén thêm ngoài ngạch lính đã định, thì dân chịu đựng thế nào nổi được ? Xin bỏ việc ấy đi, để tỏ lòng thành thực kính trời ".

Lời chua - Lưu Đình Chất: Người xã Quỳ Chử, huyện Hoằng Hóa, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1607) năm Hoằng Định.

Định Ty, năm thứ 18 (1617). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 45).

Tháng 7, mùa thu. Mưa to gió lớn.

Tháng 9. Gió lớn. Nước biển tràn ngập.

Lúc ấy, các giống lúa đương chín, gió bão nổi lên quá mạnh, nước mặn tràn ngập, dân ở gần biển, phần nhiều bị hại.

Xứ Sơn Tây, phát sinh nhiều sâu keo.

Mậu Ngọ, năm thứ 19 (1618). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 46).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai bọn Trịnh Tráng đi đánh Cao Bằng. Mạc Kính Khoan chạy trốn.

Kính Khoan, cháu Kính Cung, hô hào tụ hợp đồ đảng còn sót lại là bọn Trí Thủy, lấp ló ra vào ở quảng Vũ Nhai, Đại Từ, xưng ngụy tước là Khánh vương, tiếm niên hiệu là Long Thái. Trịnh Tùng sai thái phó thanh quận công Trịnh Tráng, thái bảo Trịnh Xuân đốc xuất tướng tá là bọn Nguyễn Cảnh Kiên, Nguyễn Văn Giai, Tạ Thế Phúc, Nguyễn Khải, Nguyễn Thực, Hoàng Đình Phùng, Trịnh Thức, Trịnh Trăn và Nguyễn Duy Thời [Thì] chia đường đi đánh. Đảng ngụy trốn xa, quan quân kéo về. Tháng 3, lại hạ lệnh cho bọn Trấn quận công Trịnh Lâm và Trịnh Bảng đi đánh Vũ Nhai, giặc đều tan vỡ.

Lời chua - Vũ Nhai: Tức Vạn Nhai, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb, II, 42, 43).

Đại Từ: Tên huyện, thuộc Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Trịnh Xuân: Con Trịnh Tùng.

Nguyễn Văn Giai: Người xã Phù Lưu, huyện Thiên Lộc, đỗ hội Nguyên Khoa Canh Thìn (1580) năm Quang Hưng, thi đình đỗ nhị giáp tiến sĩ.

Nguyễn Cảnh Kiên: Người xã Nam Đường thuộc Nghệ An, là con Nguyễn Cảnh Mô.

Nguyễn Thực: Người xã Vân Điềm, huyện Đông Ngàn, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Ất Mùi (1595) năm Quang Hưng.

Hoàng Đình Phùng: Người xã Vân Lung, huyện Thạch Thành.

Trịnh Trăn, Trịnh Thức: Đều là cháu của Tùng.

Nguyễn Duy Thời [Thì]: Người xã An Lãng, huyện An Lãng, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1598) năm Quang Hưng.

Tháng 4, mùa hạ. Núi Đồng Cổ bị sụt.

Sai quan đến tế.

Lời chua - Núi Đồng Cổ: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb. I, 20).

Sao chổi xuất hiện ở phương tây nam.

Sao Chổi xuất hiện, hình như tấm lụa đỏ.

Tháng 8, mùa thu. Trời mưa cát vàng, lại mưa than đen.

Lời cẩn án - Sử cũ chép: " Trời mưa ra vàng, hình như gạo vàng; trời mưa ra gạo, hình như gạo đen ". Nhưng xét tờ khải của Lưu Đình Chất nói: " Trời mưa cát vàng mà bảo là mưa ra vàng, trời mưa ra than đen mà bảo trời mưa ra gạo ". Nên nay cải chính lại.

Tháng 9. Có sắc trắng xuất hiện ở phương đông nam.

Phương đông nam có sắc trắng, đứng thẳng như hình cái búa lớn, mỗi đêm, thường xuất hiện trống canh năm, đến hơn một tháng mới tắt. Bầy tôi tâu rằng: " Chỗ quan hệ giữa trời và người rất đáng sợ. Tháng 9, năm nay, mỗi đêm cứ trống canh năm, có sắc trắng xuất hiện ở phương đông nam, hình như mũi nhọn, đầu đuôi nhọn hoắt, ai trông thấy cũng phải kinh sợ. Lại còn điềm mưa vàng như đất, mưa gạo như than và sấm động trái thời nữa. Cái cớ sở dĩ phát sinh ra tai biến ấy có lẽ vì bên trong trái đạo đức, ở bên ngoài trái chính lệnh, giường mối suy tàn, pháp lệnh không chấn chỉnh, quan lại hà khắc những nhiễu, ngôi sao tượng trưng cho lòng dân bị dao động, việc làm của người phần nhiều trái với khí hòa mà đến nỗi như thế chăng ? Chúng tôi kinh xét trong sách Chu thư chép: " Vương tỉnh duy tuế, khanh sĩ duy nguyệt, thứ dân duy tinh "[1]. Mấy câu này ý nói việc làm của người có việc hay việc dở, thì điềm lành điềm dữ hiện ra cũng đều theo từng loại mà ứng phó lại. Nay tai dị hiện ra luôn luôn, trời cao răn bảo, thì lúc này chính là lúc lo sợ siêng năng đấy. Xin bệ hạ nhân tai dị mà lo sợ, nghiêm khắc với bản thân mà sửa đức hạnh, lập đàn cầu trời, chay nghiêm răn sợ tha thiết cầu đảo, ngõ hầu lòng thành cảm động, hình tượng ở trời sẽ theo mà đáp ứng, ngôi sao tai dị lui theo độ số, khí hòa sẽ đưa đến điềm lành ". Nhà vua để tờ tâu ấy ở trong cung.

Lời phê - Việc cần kíp lúc bấy giờ, không việc gì cần hơn là làm cho danh phận vua tôi được đúng mức. Thế mà bầy tôi cứ trình bày viển vông cho xong việc, thật đáng khinh bỉ, đáng chê cười !

Tháng 11, mùa đông. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Kỷ Mùi, năm thứ 20 (1619). (Từ tháng 6 trở về sau là năm Vĩnh Tộ thứ nhất đời Thần Tông - Minh, năm Vạn Lịch thứ 47).

Tháng giêng, mùa xuân. Lầu Đoan Môn bị hỏa tai.

Lửa bốc lên từ trong thành, nhà cửa bị cháy thành tro than, cháy lan đến lầu Đoan Môn.

Lời chua - Lầu Đoan Môn: Ở trong thành Thăng Long.

Tháng 5, mùa hạ. Tùng giết nhà vua ở nội điện.

Tùng chuyên quyền lấn át mỗi ngày một quá, nhà vua không sao chịu được. Vì nghe biết việc Xuân, con Tùng, ngầm có lòng cướp ngôi của người con trưởng, nhân đấy nhà vua bàn mưu với Xuân giết Tùng, rồi quyền bính sau này sẽ trao cho Xuân.

---

[1] Lời của Cơ Tử trình bày với Chu Vũ vương chép trong Thiên Hồng phạm sách Thượng thư. Nghĩa là: Chức phận của vua bao quát hết mọi việc trong nước, cũng như một năm bao gồm cả bốn mùa; chức phận của khanh sĩ thì chia nhau mỗi người một việc, cũng như 12 tháng trong một năm, mỗi tháng có từng việc khác nhau; thứ dân cũng ví như các vì sao, có vì sao thích mưa, có vì sao thích gió, lòng sở thích của thứ dân cũng giống như thế.

Một hôm, Tùng đi đến bến Đông Tân xem bơi thuyền, Xuân mật sai đồ đảng của mình là Văn Đốc, mai phục súng ở ngã ba đường, khi Tùng trở về, súng nổ, trúng vào con voi mà Tùng đương cưỡi. Bắt được Văn Đốc, tra hỏi biết rõ mưu gian. Tùng bèn sai con là Tráng và trưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm vào nội điện tra hỏi tội phạm, rồi bắt ép vua phải tự thắt cổ. Còn Xuân đem giam ở nội phủ, sau lại tha ra.

Nhà vua ở ngôi 20 năm, hưởng thọ 32 tuổi. Bầy tôi bàn định: phàm lễ táng, lễ tế đều phải giảm bớt, bài vị phải thờ ở một nơi riêng, không được thờ phụ trong nhà thái miếu, bèn đặt tên thụy là Giản Huy đế, táng ở lăng Bố Vệ.

Lời phê - Người bầy tôi ngỗ ngược, tất nhiên có người con ngỗ ngược; đạo trời hay trả miếng, bao giờ cũng thế.

Tháng 6. Tùng lập hoàng tử Duy Kỳ làm vua (tức là Thần Tông).

Đại xá.

Lấy năm ấy làm năm Vĩnh Tộ thứ nhất, đại xá cho trong nước.

Canh Thân. Thần Tông Uyên hoàng đế, năm Vĩnh Tộ thứ 2 (1620). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 48).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tân Dậu, năm thứ 3 (1621). (Minh Hi Tông, năm Thiên Khải thứ nhất).

Tháng 8, mùa thu. Cầu vòng trắng xuất hiện ở phương đông.

Nhâm Tuất, năm thứ 4 (1622). (Minh, năm Thiên Khải thứ 2).

Tháng 8, mùa thu, mưa to.

Quý Hợi, năm thứ 5 (1623). (Minh, năm Thiên Khải thứ 3).

Mùa xuân (không rõ tháng). Thi đại tị.

Khoa ấy thi hội, bọn Phạm Phi Kiến 7 người được trúng cách. Kịp khi thi đình, Nguyễn Trật mượn người khác làm hộ bài, việc phát giác, nhà vua không bằng lòng, nên không bang cho bảng vàng.

Lời chua - Phạm Phi Kiến: Người xã Dương Liễu, huyện Đan Phượng.

Nguyễn Trật: Người xã Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hóa.

Tháng 6, mùa hạ. Xuân, con thứ của Tùng, nổi loạn. Tùng dụ Xuân đến, bắt giết đi.

Tùng mắc bệnh, họp trăm quan bàn chọn người lập làm thế tử, cho con trưởng là Thanh quận công Trịnh Tráng giữ binh quyền, Xuân giữ chức phó. Xuân ấm ức không hài lòng, định mưu nổi loạn, hắn bèn phóng lửa đốt phố xá trong kinh thành. Tùng hay tin có biến động, gượng bệnh lên xe ra khỏi kinh thành, đến làng Hoàng Mai huyện Thanh Trì, vào nhà riêng Trịnh Đỗ, rồi sai người giả vờ bảo Xuân vào hầu sẽ trao cho giữ binh quyền. Bấy giờ Xuân, miệng cắn cỏ, phủ phục ở sân. Tùng kể tội lỗi của Xuân. Trịnh Đỗ sai chưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm dùng giáp giết chết Xuân.

Lời chua - Thanh Trì: Trước là Thanh Đàm. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 30).

Hoàng Mai: Tên xã, thuộc huyện Thanh Trì.

Trịnh Tùng mất. Tráng rước nhà vua đi Thanh Hoa.

Vì cớ con là Xuân nổi loạn, Tùng phải chạy vạy ở bên ngoài, bệnh nặng, mất ở chùa Thanh Xuân. Con là Tráng kế tiếp nối binh quyền. Lúc ấy, đồ đảng của Xuân nhiều người trốn thoát, lòng người nôn nao. Nhân đấy, Tráng rước nhà vua đi Thanh Hoa, để lo toan việc yên ninh sum hợp. Nhà vua phong Tráng làm đô tướng tiết chế thủy bộ chư quân bình chương quân quốc trọng sự thái úy Thanh quốc công.

Lời phê - Có nhiều dịp tốt, mà chung quy không toan tính được việc gì, không biết lúc bấy giờ vì cớ gì mà lại như thế ?

Lời chua - Thanh Hoa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 20, 21, 33).

Thanh Xuân: Tên chùa, thuộc huyện Thanh Trì.

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Khoan xâm phạm Gia Lâm. Nhà vua sai Trịnh Tráng thống lãnh quân sĩ đi đánh.

Trước kia, Kính Khoan lẩn lút ở Cao Bằng, thấy mình thế lực nhỏ yếu, sợ không dám động binh. Đến nay, hay tin trong nước có biến loạn, hắn nhân lúc sơ hở, đem quân tiến thẳng đến Gia Lâm dàn quân đóng đồn trại, những bọn bất mãn ở xã Đông Dư và Thổ Khối hưởng ứng một cách ô hợp có đến vạn người. Nhà vua hạ lệnh cho Tráng thống lãnh quân thủy, quân bộ cùng tiến đánh. Đặng Thế Tài làm tiên phong, Nguyễn Danh Thế đốc hậu quân, xông thẳng đến Gia Lâm đánh nhau với Kính Khoan. Quan quân phá tan quân địch, chém và bắt được rất nhiều. Kính Khoan chạy về Cao Bằng.

Lời chua - Gia Lâm: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 39).

Cao Bằng: Thuộc Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31, 32).

Đông Dư, Thổ Khối: Tên hai xã, đều thuộc huyện Gia Lâm.

Đặng Thế Tài: Người xã Vân Nội, huyện Chương Đức.

Tháng 8. Nhà vua trở về Đông Kinh.

Trịnh Tráng lấy cớ rằng trong kinh kỳ đã được dẹp yên, bèn sai bọn thị lang Lê Bật Tứ và chưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm vào Thanh Hoa rước xa giá. Nhà vua bèn trở về. Bàn xét những người có công theo hầu, gia phong cho chức tước có cao thấp khác nhau.

Lời chua - Đông Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tráng tự tiến làm nguyên soái tổng quốc chính, Thanh đô vương.

Giáp Tý, năm thứ 6 (1624). (Minh, năm Thiên Khải thứ 4).

Ất Sửu, năm thứ 7 (1625). (Minh, năm Thiên Khải thứ 5).

Tháng 5, mùa hạ. Hạ lệnh cho quận công Trịnh Kiều đi đánh Cao Bằng, bắt được Mạc Kính Cung giải về kinh sư giết đi. Mạc Kính Khoan xin hàng.

Kính Cung tiếm xưng niên hiệu Kiền Thống, cùng với cháu là Kính Khoan chia nhau chiếm cứ Cao Bằng. Chúng lấp ló ở quãng Thái Nguyên, Yên Quảng và Lạng Sơn hơn 30 năm, hễ quan quân tiến đánh thì chạy, trốn, khi quân rút về, lại hô hào nhau tụ hợp như cũ. Đến nay, triều đình hạ lệnh cho Trịnh Kiền Thống lãnh các quân chia đường càn quét, bắt được Kính Cung và đồ đảng là bọn Sùng, Lễ, đóng cũi đưa về kinh sư giết đi, Kính Khoan thua chạy, sai người dâng tờ biểu đến kinh sư xin đầu hàng.

Triều đình y cho, phong cho Kính Khoan chức thái úy Thông quốc công, bắt bỏ hết ngụy hiệu, tuân theo chính sóc[1] triều đình, lại cho hết đời này đến đời khác trấn giữ một phương làm một nơi phiên trấn giúp sức triều đình mãi mãi. Kính Khoan xin tuân lệnh, triều đình tỏ ý khen ngợi.

---

[1] Chính: Tháng giêng, Sóc : Ngày mồng một. Chính Sóc: Nghĩa là ngày mồng một tháng giêng. Thời cổ Trung Quốc, triều đại nọ thay thế triều đại kia, thì thay đổi cả chính sóc. Ví dụ nhà Hạ Kiến dần, lấy mồng một tháng giêng làm chính sóc; nhà Thương thay nhà Hạ kiến sửu, lấy mồng một tháng 12 của nhà Hạ làm chính sóc; nhà Chu they nhà Thương kiến tí lấy mồng một tháng 11 của nhà Hạ làm chính sóc. Từ Hán Vũ đế trở đi theo kiến dần như nhà Hạ, lấy mồng một tháng giêng làm chính sóc (tức ngày nguyên đán nông lịch bây giờ).

Lời chua - Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc.

Yên Quảng: Tức Yên Bang.

Thái Nguyên, Yên Quảng và Lạng Sơn: Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 31, 35).

Trịnh Kiều: Con Trịnh Tráng.

Tháng 8, mùa thu. Bắt đầu đặt khoa sĩ vọng.

Triều đình nghĩ cất nhắc người có tài mà bị chìm đắm, nên ngoài khoa thi đại tị, lại đặt khoa sĩ vọng. Cống sĩ nào tài năng đức vọng được dự thi. Khoa này bọn Nguyễn Nghi 27 người trúng cách, được cất nhắc trao cho quan chức cao thấp khác nhau.

Lời chua - Khoa sĩ vọng: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn thì khoa sĩ vọng cũng gọi là khoa hoành từ, chỉ có cống sĩ mới được vào thi. Đầu bài thi: Hoặc thơ, phú, tụng, ca, châm không có thể lệ nhất định. Người được trúng cách, nếu là người bổ làm quan lần đầu thì được cất nhất chức tri huyện, nếu là người trước đã làm quan rồi, thì đều được theo với thông tư[1] của mình hiện có mà trao cho chức tự thừa, tri phủ, hiến sát phó sứ hoặc tham nghị.

Theo " khoa mục trí " trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì khoa hoành từ mới đặt từ hồi đầu triều Lê, khoa thi sĩ vọng mới đặt từ sau hồi trung hưng. Sở dĩ mở khoa thi này là để đãi ngộ những sĩ tử có danh tiếng mà bị chìm đắm không được cắt nhắc. Đầu bài thi thì hoặc thơ, phú, hoặc nhận sét sự việc, hoặc văn sách, không có thể văn nhất định. Vậy chép cả ra đây để phòng khi khảo cứu.

Nguyễn Nghi: Người xã Kim Thanh, huyện Vũ Tiên.

Bính Dần, năm thứ 8 (1626). (Minh, năm Thiên Khải thứ 6).

Đinh Mão, năm thứ 9 (1627). (Minh, năm Thiên Khải thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Trịnh Tráng kèm nhà vua đi Nhật Lệ.

Trước đây, Tráng sai Công Khoa cấp tư trung Nguyễn Hữu Bản phụng sắc chỉ nhà vua đi Thuận Hóa thu tô thuế từ năm Giáp Tý (1524) trở về trước, lại đón Hi Tông Hiếu văn hoàng đế ta đến Đông Kinh. Vương thượng (tức Hi Tông) cười bảo Hữu Bản rằng: " Việc này là phát xuất từ ý riêng họ Trịnh chứ hoàng đế là bậc nhân từ có lẽ nào lại ghét dòng dõi người công thần ? " Bèn khoản đãi Hữu Bản một cách trọng hậu rồi bảo trở về. Đến nay, Tráng muốn đem quân vào xâm lược Thuận Hóa, nhưng lại e rằng không lấy lẽ gì để kể tội được. Hắn bèn lập mưu sai Lê Đại Dụng phụng sắc mệnh nhà vua dụ bảo về việc cho con vào chầu, và đòi nộp 30 thớt voi, 30 chiếc thuyền đi biển, để cho đủ thể lệ cống nạp triều đình nhà Minh. Vương thượng lại cười nói: " Thể lệ cống nạp triều Minh chỉ có vàng tốt và kỳ nam mà thôi, nay họ Trịnh đòi hỏi ngoài lệ ngạch, nên tôi không dám nhận mệnh lệnh. Vả lại, hiện nay tôi đương sửa sang đồ binh khí, tu bổ việc phòng bị ngoài biên cảnh, vậy để cho vài năm nữa tôi sẽ đến triều vua, cũng chưa lấy gì làm muộn ". Đại Dụng đem lời nói ấy trở về báo cáo. Tráng bèn hạ lệnh cho bọn Nguyễn Khải, Nguyễn Danh Thế làm tiên phong đem 5000 quân đóng ở Hà Trung. Tráng tự thân đem đại binh kế tiếp xuất phát. Nhân đấy Tráng kèm nhà vua cùng đi, lấy cớ là đi tuần du để xem xét phong tục ở các địa phương; quân thủy, quân bộ cùng nhau đều tiến.

Ở Việt Nam từ hồi Bắc thuộc cho đến triều nhà Nguyễn không thấy thay đổi chính sóc mà chỉ thay đổi niên hiệu. Có những lúc, có người không phục tùng triều đình đương thời, họ tự chiếm cứ một địa phương, để chống với triều đình, họ tự đặt ra niên hiệu để thông dụng ở địa bàn mà họ hoạt động, chứ không theo niên hiệu của triều đình đương thời. Ví dụ, niên hiệu Cảnh Thụy, Khải Lịch của Nùng Trí Cao hoặc những niên hiệu Kiền Thống, Long Thái ... của con cháu nhà Mạc.

Chính sóc chép ở đây chỉ có nghĩa là theo niên hiệu của triều đình nhà Lê đã đặt ra mà thôi.

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXII tờ 12, 25 về thông tư.

Về bên ta, Vương thượng hạ lệnh cho Tôn Thất Vệ làm tiết chế, quan văn là Nguyễn Hữu Dật giữ nhiệm vụ xem xét tình hình chiến đấu, thống lãnh quân bộ đi chống cự; lại hạ lệnh cho hoàng tự Trung chỉ huy quân thủy để tiếp ứng. Quân hai bên đóng dinh lũy đối diện với nhau.

Lê Khuê, tướng bên Trịnh, đem kỵ binh (quân cưỡi ngựa) vào cướp trận địa, quân ta dùng đại bác bắn lại, quân Trịnh sợ hãi rút lui. Lúc ấy, Nguyễn Khải dàn doanh trại ở phía Bắc sông Nhật Lệ. Nhân đêm, nước thủy triều lên, lính thủy của ta bắn súng để uy hiếp, quân Trịnh sợ hãi rối loạn. Chợt lúc quân của Trịnh Tráng tiếp đến thế quân rất mạnh, quân của ta dùng voi chặn đánh, quân Trịnh tan vỡ, bị chết rất nhiều. Hữu Dật cùng Trương Phúc Gia bàn mưu với nhau: cho gián điệp nói phao lên là Trịnh Gia và Trịnh Nhạc sắp nổi loạn. Tráng nghe tin ấy trong bụng nghi ngờ, lại vì cớ bị thua luôn mấy trận, bèn dẫn quân về.

Lời chua - Cửa biển Nhật Lệ: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

Thuận Hóa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24, 33).

Hà Trung: Tên xã, thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Hữu Dật: Người xã Gia Miêu, ngoại trang, huyện Tống Sơn.

La Khuê: Người xã Nhân Lý, huyện Thanh Lâm.

Trương Phúc Gia: Người xã Hoàng Văn, huyện Tống Sơn.

Cũng tháng 2 ấy. Nhà vua trở về Đông Kinh.

Mậu Thìn, năm thứ 10 (1628). (Minh, Trang Liệt đế, năm Sùng Trinh thứ nhất).

Kỷ Tỵ, năm Đức Long thứ nhất (1629). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn, đại xá cho trong nước.

Vì hạn hán, đổi niên hiệu và đại xá.

Dân bị đói to.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tráng tự tiến phong là sư phụ Thanh Vương.

Canh Ngọ, năm thứ 2 (1630). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 3).

Tháng 5, mùa hạ. Đem Trịnh Thị, vợ người bác họ là Lê Trụ, vào trong cung, rồi sách lập làm hoàng hậu.

Trịnh Thị Ngọc Hành, con gái Trịnh Tráng, trước kia gả cho Cường quận công Lê Trụ là bác họ nhà vua, Trịnh Thị đã sinh được 4 con. Đến khi Trụ vì mưu làm việc bạn nghịch phải bắt giam trong ngục, Tráng bắt Ngọc Hành về, đem tiến vào cung, rồi lập làm hoàng hậu. Bọn Nguyễn Thực và Nguyễn Danh Thế thường dâng sớ can, nhà vua không nghe lời.

Tháng ấy. Mưa dầm.

Sau khi lập Trịnh Thị, trời mưa dầm, suốt ngày đêm không thôi.

Tháng 6. Thủy tai lớn, nước sông tràn lên làm vỡ đê.

Nước sông Nhị tràn ngập, cửa nam kinh thành nước chảy như trút, nhiều người chết đuối. Đê Thanh Trì vỡ, lúa thóc bị nước ngâm thối nát, nhân dân bị đói.

Lời chua - Nhị Hà: Tức sông Phú Lương, xem Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Tháng 9, mùa thu. Xây dựng nhiều cung điện.

Dựng 3 tòa cung điện và 16 gian hành lang.

Tân Mùi, năm thứ 3 (1631). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Gió Lớn.

Gió lớn nổi lên từ phương đông bắc, làm gãy cây, tốc mái nhà, thuyền ở sông phần nhiều bị đắm.

Tháng 3. Hải Dương mưa đá.

Hạt mưa rơi xuống to bằng viên đá lớn hoặc bằng đầu ngựa và súc vật phần nhiều bị thiệt hại.

Lời chua - Hải Dương: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 24, 25, 34).

Tháng 4, mùa hạ. Ở Tây Kinh đất nứt toạc ra.

Núi Mã Yên ở Tây Kinh bị sét đánh, đất nứt toạc đến 5 trượng.

Lời chua - Tây Kinh: Tức Lam Kinh, xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. XV, 33).

Núi Mã Yên: Ở phía tây nam Lam Kinh.

Giếng đá ở Thanh Trì có tiếng kêu.

Giếng đá làng Hoàng Mai, huyện Thanh Trì có tiếng kêu, nghe như tiếng trống.

Tháng 9, mùa thu. Mưa to gió lớn.

Gió lớn ba ngày, làm gãy gốc cây, tốc mái nhà, mưa như trút nước xuống, nước sông Nhị đầy dẫy lên.

Ngày mồng một, tháng 10, mùa đông. Nhật Thực.

Nhâm Thân, năm thứ 4 (1632). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn hoàng khảo (bố vua) là Giản Huy đế làm Kính Tông.

Trước kia, Giản Huy đế vì việc lập mưu giết Trịnh Tùng, bị Tùng giết chết và truất đi không được phụ thờ ở thái miếu[1]. Đến nay truy tôn là Hiển nhân dụ khánh tuy phúc Huệ hoàng đế, miếu hiệu Kính Tông, phụ thờ ở thái miếu.

Tháng 4, mùa hạ. Bọn Lại bộ tả thị lang[2] Nguyễn Tuấn và Hữu thị lang[3] Nguyễn Lại, có tội bị bãi chức.

Tuấn và Lại giữ việc kén chọn cất nhắc quan lại, hai người này ăn của đút công khai, bổ trao quan chức phần nhiều quá lạm. Thiếu úy Nguyễn Thực và Thái phó Nguyễn Khải hặc tâu hai người này đều bị bãi.

Lời chua - Nguyễn Tuấn: Người xã Nhân Mục, huyện Thanh Trì, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1613) năm Hoàng Định triều Lê Kính Tông.

Nguyễn Lại: Người xả Bột Thượng huyện Hoằng Hóa[4], đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619) năm Hoằng Định.

Tháng 6. Mưa to.

---

[1] Xem thêm Chính biên tờ 17 trong cuốn này.

[2] Tả hữu Thị lang phó của thượng thư hàm tam phẩm tương đương với thứ trưởng bây giờ.

[3] Hữu Thị lang phó của thượng thư hàm tam phẩm tương đương với thứ trưởng bây giờ.

[4] Nay là xã Hoàng Lộc, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa.

Mưa suốt ngày như trút nước xuống, nước sông nhị đầy dẫy. Trịnh Tráng đem bọn thái úy Trịnh Kiều đi hộ đê Thanh Trì.

Quý Dậu, năm thứ 5 (1633). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Núi Long Tuyền bị sụt.

Lời chua - Núi Long Tuyền: Ở huyện Đồng Hỉ, tỉnh Thái Nguyên.

Tháng 3. Nước sông Nhị bị cạn.

Vùng nước ở xã Yên Duyên thuộc chi lưu sông Nhị đương đêm bị cạn khô đến hơn một khắc, những nhà dân ở vùng ven sông giong đuốc bắt cá.

Lời chua - Yên Duyên: Tên xã, thuộc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội[1].

Đầm Thịnh Liệt bị khô cạn.

Lời chua - Đầm Thịnh Liệt: Xem Kính Tông, năm Hoằng Định thứ 16 (Chb. XXXI, 12).

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tráng xâm lấn cửa biển Nhật Lệ, quân ta đánh cho quân Trịnh bị hại.

Lúa ấy, con thứ ba của Vương thượng là anh trấn giữ Quảng Nam , ngầm mang lòng bội bạn, viết mật thư hẹn Trịnh Tráng đem quân vào xâm lấn, hễ nghe tiếng súng nổ, Anh tức khắc làm người ứng viện ở bên trong. Trịnh Tráng tin lời, thân hành thống lãnh đại binh tiến thẳng đến cửa biển Nhật Lệ. Hi Tông Hiếu văn hoàng đế ta hạ lệnh cho bọn Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Hữu Dật đem quân chống cự. Quân hai bên dàn doanh lũy đối diện để cầm cự với nhau. Quân Trịnh bắn súng ra hiệu, không thấy Anh đến, Tráng sinh nghi, lui quân đóng cách xa doanh lũy để đợi hơn một tuần, quân Trịnh sinh ra trễ biếng, quân ta xông ra đánh mạnh, quân Trịnh tan vỡ bỏ chạy, chết mất quá nữa. Tráng cho Nguyễn Khắc Loát giữ Bắc Bố chính, rồi tự mình dẫn quân về.

Lời chua - Quảng Nam: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2.

Bắc Bố Chính: Tên châu xưa, nay là hai huyện Minh Chính và Bình Chính, đều thuộc tỉnh Quảng Bình.

Cửa biển Nhật Lệ: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4.

Giáp Tuất, năm thứ 6 (1634). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 7).

Ngày mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Mùa hạ (không rõ tháng). Đại hạn.

Ất Hợi, năm Dương Hòa thứ nhất (1635). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 8).

Tháng 10, mùa đông. Thần Tông Hiếu chiêu hoàng đế ta nối nghiệp[2].

Bính Tý, năm thứ 2 (1636). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 9).

Đinh Sửu, năm thứ 3 (1637). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 10).

Ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Ngày 30, tháng 12, mùa đông. Nhật thực.

Mậu Dần, năm thứ 4 (1638). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 11).

---

[1] Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[2] Tên là Phúc Lan cũng gọi là chúa thượng, con thứ hai Phúc Nguyên.

Tháng 3, mùa xuân. Mạc Kính Khoan ở Cao Bằng mất, con là Kính Hoàng làm phản, Trịnh Tráng thống lãnh binh sĩ đi đánh.

Trước kia, Kính Khoan đầu hàng xin làm phiên trấn giúp sức triều đình, nhà vua y cho; đến nay Kính Khoan mất, con là Kính Hoàn (có bản chép là Kinh Vũ) không dâng lễ cống nạp theo như chức phận, lại dấy quân làm phản, tiếm xưng niên hiệu là Thuận Đức. Trịnh Tráng thống lãnh binh sĩ đi đánh; tiên phong là Hạ quận công (Sử cũ chép thiếu tên họ) bị giặc bắt; ngoài mặt trận Lâm quận công (Sử cũ chép thiếu tên họ) tỏ vẽ sợ hãi rụt rè, Tráng chém quận lâm, rồi ra hiệu lệnh nghiêm ngặt, đốc suất các quân sĩ bốn mặt bao vây. Gặp lúc ấy nóng bức, nhiều khí làm chướng bèn dẫn quân về.

Kỷ Mão, năm thứ 5 (1639). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 12).

Canh Thìn, năm thứ 6 (1640). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 13).

Tân Tỵ, năm thứ 7 (1641). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 14).

Nhâm Ngọ, năm thứ 8 (1642). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 15).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Tráng bổ dụng các con là bọn Tạc và Lực đi giữ quyền bính tiết chế ở tứ trấn.

Tráng lấy cớ rằng giường mối trong nước là ở chỗ xét xử việc kiện tụng cho được trôi chảy, nã bắt ngăn ngừa được bọn trộm cướp, vì thế Tráng bèn bổ dụng các con là:

- Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc trấn thủ Sơn Nam;
- Thái bảo Phù quận công Trịnh Lịch trấn thủ Sơn Tây;
- Quỳnh nham quận công Trịnh Lệ trấn thủ Kinh Bắc;
- Thiếu úy Hoa quận công Trịnh Sầm trấn thủ Hải Dương. Lại ra lệnh cho Thái thường tự khanh[1] Phạm Công Trứ, Binh bộ hữu thị lang Nguyễn trừng, Công bộ hữu thị lang Nguyễn Bình, Hộ khoa cấp sự trung Nguyễn Nhân Trừ đều xung chức tán lý ở tứ trấn. Nhiệm vụ các viên quan kể trên là sửa chữa thay đổi chính lệnh thối nát, vỗ về yên ủi nhân dân địa phương.

Lời chua - Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10.

Phạm Công Trứ: Người xã Liêu Xuyên, huyện Đường Hào.

Nguyễn Bình: Người xã Bồng Lai, huyện Đế Dương, cả hai đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1628) năm Vĩnh Tộ triều Lê Thần Tông.

Nguyễn Trừng: Người xã Cổ Điển, huyện Thanh Trì.

Nguyễn Nhân Trừ: Người xã Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hóa. Cả hai đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1634) năm Đức Long triều Lê Thần Tông.

Quý Mùi, năm thứ 9 (1643). (Tháng 10 trở về sau thuộc Chân Tông, năm Phúc Thái thứ nhất. - Minh, năm Sùng Trinh thứ 16).

Tháng 3, mùa xuân. Tráng kèm nhà vua đi An Bài.

Trước đây, Tráng sai bọn Trịnh Tạc và Trịnh Lệ làm tiên phong thống lãnh, Nguyễn Quang Minh, Phạm Công Trứ, và Nguyễn Danh Thọ giữ chức tham tán việc quân, kéo quân vào xâm lấn châu Nam bố chính. Viên tướng trấn thủ của ta là Bùi Công Thắng cố sức đánh lại, bị tử trận. Quân Trịnh bèn xâm phạm cửa biển Nhật Lệ. Đến nay, Tráng thống suất đại binh tiếp tục xuất phát, Tráng kèm nhà vua đến châu Bắc Bố chính, đóng tại An Bài, sai Trịnh Đảo đánh vào doanh lũy Trung Hòa, Binh sĩ ta phòng bị rất kiên cố. Quân Trịnh đánh không thắng được gặp lúc nóng nực lắm, quân Trịnh phần nhiều bị chết, bèn dẫn quân về.

---

[1] Chức quan đứng đầuThái thường tự, coi việc tế tự, Lễ nhạc hàm chánh ngũ phẩm.

Lời chua - Nguyễn Quang Minh: Người xã Văn Hà, huyện Thụy Nguyên, đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1628) năm Vĩnh Tộ.

Nguyễn Danh Thọ: Người xã Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì.

Nam Bố Chính: Tên Châu Xưa, nay là Bố Trạch, thuộc huyện Quảng Bình.

Bùi Công Thắng: Người huyện Vũ Tuyên, tỉnh Nam Định[1].

An Bài: Tên xã, thuộc huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình.

Trung Hòa: Tên xã, nay là Mỹ Hòa, thuộc tỉnh Quảng Bình.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua trở về kinh sư.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua truyền ngôi cho thái tử là Duy Hựu.

Thái tử lên ngôi (tức là Chân Tông), đổi niên hiệu, đại xá, tôn nhà vua làm thái thượng hoàng, hoàng hậu Trịnh Thị làm hoàng thái hậu.

Lấy năm ấy làm năm Phúc Thái thứ nhất (1643).

[1] Nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 32

Từ Canh Thân, Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 2 (1644), đến Nhâm Dần, Lê Thần Tông, năm Vạn Khánh thứ nhất (1662), gồm 19 năm.

Giáp Thân, Chân Tông Thuận hoàng đế năm Phúc Thái thứ 2 (1644). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 17 - Thanh, Thế tổ chương hoàng đế năm Thuận Trị thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tháng 4, mùa hạ. Sao Thái bạch đi ngang trời.

Tháng 12, mùa đông. Trịnh Tạc đi đánh Cao Bằng, được thắng trận.

Mạc Kính Hoàn lén lút chiếm cứ Cao Bằng. Triều đình cử Trịnh Tạc làm thống lãnh, Dương Trí Trạch làm đốc thị, Phạm Công Trứ giữ chức tán lý việc quân, tiến quân đi đánh, được thắng trận, chém một tỳ tướng, bắt được đồ đảng giặc làm tù binh rồi dẫn quân về.

Lời chua - Cao Bằng: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc đạo Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Dương Trí Trạch: Người xã Bạt Trạc, huyện Thiên Lộc, đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619) năm Hoằng Định thứ 20 triều Lê Kính Tông.

Ất Dậu, năm thứ 3 (1645). (Minh, Phúc vương Do Tung năm Hoằng Quang thứ nhất, từ tháng 6 mùa hạ trở về sau thuộc Đường vương Duật Kiện năm Long Vũ thứ nhất - Thanh, năm Thuận Trị thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Sao Huỳnh Hoặc phạm vào vị trí sao Dư Quỷ.

Trịnh Tráng phong cho con là là Tạc làm thái úy Tây quốc công.

Tạc lấy danh nghĩa là phó đô tướng Thái bảo tây quận công tiến phong thái úy tả tướng tiết chế các doanh quân thủy, quân bộ các xứ, giữ quyền bính trong nước, tước Tây quận công, mở phủ đệ Khiêm Định. Công việc nhà nước hết thảy đều ủy thác cho Tạc quyết đoán.

Tháng 5. Trịnh Lịch và Trịnh Sầm nổi loạn, bị giết chết.

Trước đây, Tráng phân phối sai các con của hắn là: Trịnh Tạc trấn thủ Sơn Nam, Trịnh Lịch trấn thủ Sơn Tây, Trịnh Sầm trấn thủ Hải Dương[1], đều gia phong tước quận công. Đến nay, Trịnh Tạc được tiến phong làm thái úy, giữ chính quyền trong nước. Lịch và Sầm mất hết hi vọng, bèn cất quân nổi loạn. Tráng sai Tạc đem quân đi đánh, bắt được Trịnh Lịch; còn Trịnh Sầm trốn vào Ninh Giang, Tráng sai thái bảo Trịnh Trượng đuổi đến Chúc sơn, bắt được, giải về kinh sư, Lịch và Sầm đều bị giết.

Lời phê - Nhà người bầy tôi bạn nghịch luôn luôn đẻ ra đứa con bạn nghịch. Họ Trịnh có thể nói là đời nọ thừa kế cái ác nghiệp của đời kia.

Lời chua - Ninh Giang, Chúc Sơn: Đều xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 26, 31).

Xá một nửa thuế năm nay cho nhân đinh trong nước.

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXI, tờ 30.

Năm Vĩnh Tộ (1619 - 1628) Trước đây, định thể lệ thuế đinh; hạng tráng đinh, người nào không đi đánh dẹp mỗi người phải nộp 3 quan 5 tiền; hạng quân mỗi người phải nộp 1 quan 5 tiền; hạng dân mỗi người phải nộp 1 quan 2 tiền 30 đồng; sinh đồ, ti lại, xã trưởng, lão hạng, tăng đạo, giáo phường nộp 1 quan; người tàn tật nộp 8 tiền. Số tiền thuế kể trên chia ra 10 phần, hàng năm nhà nước thu 7 phần, lưu lại cho dân 3 phần để tỏ lòng khoan hồng thương xót. Đến nay đặc ân tha cho một nửa, chỉ thu năm phần mười (5/10).

Bính Tuất, năm thứ 4 (1646). (Minh, Đường vương Duật Kiện năm Long Vũ thứ 2; từ tháng 11 mùa đông trở về sau, thuộc Quế vương Do Lang năm Vĩnh Lịch thứ nhất - Thanh, năm Thuận Trị thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Mưa đá.

Chim muôn phần nhiều bị chết.

Tháng 2. Ở Kinh sư mưa đá.

Năm này lúa thóc được mùa.

Đinh Hợi, năm thứ 5 (1647). (Minh, Quế vương Do Lang năm Vĩnh Lịch thứ 2 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 4).

Tháng 5, mùa hạ. Sứ nhà Minh sang nước ta.

Trước đây, Đường vương Duật Kiện nhà Minh lên ngôi vua ở Phúc Châu, đổi niên hiệu là Long Vũ. Nhà vua sai bọn Nguyễn Nhân Chính đi đường biển đến Phúc Châu, chúc mừng việc lên ngôi vua và xin phong tước. Khi bọn Nhân Chính đến Phúc Châu, thì Đường vương đã bị người nhà Thanh bắt, bầy tôi nhà Thanh cùng nhau lập Quế vương Do Lang lên ngôi vua, lấy đất Triệu Khánh làm nơi hành tại, đổi niên hiệu là Vĩnh Lịch. Vì thế, bọn Nhân Chính nhân tiện đường đem tờ biểu trở về bái yết Quế vương ở Triệu Khánh. Đến nay, nhà Minh sai bọn Phan Kỳ đệ tờ sắc cáo, cùng đi với bọn Nhân Chính do Trấn Nam Quan[1] sang nước ta, sách phong thái thượng hoàng làm An Nam quốc vương.

Triệu Hữu Đào, người Long Châu nhà Minh, giết em họ của nó là Triệu Hữu Kinh, thủ lĩnh Long Châu, rồi đem gia quyến sang lẩn lút ở Cao Bằng. Con Hữu Kinh là Khải xin nước ta cứu viện. Triều đình bèn hạ lệnh cho Trịnh Lệ tiến quân đến Cao Bằng, bắt được Hữu Đào, giải về kinh sư, dụ bảo hai bên hòa thuận với nhau, rồi cho về nước.

Lời chua - Nguyễn Nhân Chính: Người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì, đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1634) năm Đức Long triều Thần Tông.

Phúc Châu: Nay là tỉnh lỵ Phúc Kiến.

Triệu Khánh: Thuộc tỉnh Quảng Đông.

Trấn Nam Quan: Phía nam giáp tỉnh Lạng Sơn.

Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4.

Cao Bằng: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ thần đi tuyển lính.

Trước đây sai quan tuyển lính, ghi lấy những người mạnh khỏe để cho sung ngạch, người già yếu thì thải bớt đi. Đến nay, sai sứ thần chia nhau đi các xứ xét duyệt hạng dân đinh khỏe mạnh để bổ sung vào ngạch lính. Lại hạ lệnh: dân gian không ai được mạo xưng là người có chức tước để trốn tránh việc binh lính.

Mậu Tý, năm thứ 6 (1648). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 3 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 5).

[1] Nay là Mục Nam Quan.

Tháng 2, mùa xuân. Người họ Trịnh xâm lấn Quảng Bình. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta phụng mệnh đi đánh, đánh bại được quân họ Trịnh. Tháng 5, mùa hạ, Trịnh Tráng sai tướng là Lê Văn Hiểu chia quân giữ Hà Trung.

Trịnh Tráng sai đô đốc tiến quận công Lê Văn Hiểu đem các quân thủy, quân bộ chia đường vào Nam xâm lấn, đóng đồn ở châu Nam Bố Chính. Trước hết cho quân thủy xâm phạm cửa biển Nhật Lệ, rồi tiến quân xâm phạm dinh Quảng Bình. Viên trấn thủ dinh Quảng Bình là Trương Phúc Phấn cùng với con là Hùng cố giữ lũy Trường Dục, quân Trịnh cố sức đánh, không sao phá được, Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta lúc ấy còn làm thế tử[1], tước phong Dũng Lễ hầu, được lệnh của Thần Tông Hiếu Chiêu hoàng đế ta giao cho đốc suất các tướng đem quân đi đánh. Tiền quân tiến đến xã An Đại, gặp quân Trịnh, liền cấp tốc đánh luôn, phá tan được, thế quân rất phấn chấn. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta đến Quảng Bình, hội hợp các tướng bảo rằng: "Quân họ Trịnh tuy nhiều nhưng người đánh giỏi có ít. Nếu ta nhân lúc ban đêm dùng voi xông vào, tất nhiên bên kia mất hết khí phách mà bỏ chạy tan vỡ, bấy giờ ta đem đại binh tiến đánh, thì đánh một trận cũng có thể bắt được". Bèn sai Triều Phương (không rõ họ) thống lãnh quân thủy, phục sẵn ở sông Cẩm La: chưởng cơ Nguyễn Hữu Tiến đem hơn trăm thớt voi khỏe[2], nhân trống canh năm, xông thẳng vào doanh trại quân Trịnh, rồi các quân tiếp tục tiến theo đánh úp, phá được doanh trại của Trịnh, quân Trịnh thua to, tan vỡ bỏ chạy, gặp quân thủy của ta chặn ngang, quân Trịnh chết đuối không kể xiết được. Quân ta bắt được tướng bên Trịnh là Gia, Lý và Mỹ (đều không rõ họ) cùng 3ooo quân chúng nữa làm tù binh. Đại binh ta nhân thế thắng, đuổi quân thua, Lê Văn Hiểu chạy trốn, quân ta đuổi đến bờ sông Gianh thì trở về.

Trịnh Tráng bèn sai Lê Văn Hiểu làm tướng Tả quân, Hồng lô tự khanh Trần Ngọc Hậu làm đốc đồng, thống lãnh hơn một vạn quân đóng ở Hà Trung; Đông quận công Lê Hữu Đức làm tướng Hữu quân, Lễ khoa cấp sự trung Vũ Lương làm đốc đồng thống lãnh một ngàn quân đóng ở Hoành Sơn; thuộc tướng của Tả quân là Phạm Tất Toàn đóng ở châu Bắc Bố Chính. Các tướng kể trên chia quân phòng giữ.

Lời phê - Lúc bấy giờ vua nhà Lê chỉ ngồi ôm lấy cái ngai suông. Ở đây chép là "người họ Trịnh vào xâm lấn" (Trịnh nhân lai sâm), chép như thế đã được đúng sự thật đấy.

Lời chua - Dinh Quảng Bình: Lúc ấy ở xã Vũ Xá thuộc huyện Phong Lộc.

Sông Gianh: Nay ở chỗ tiếp giáp giới hai huyện Bình Chính và Bố Trạch, thuộc tỉnh Quảng Bình.

Nam Bố Chính: Xem Trần Tông, năm Dương Hòa thứ 9 (Chb. XXXI, 31).

Nhật Lệ: Cửa biển, xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

An Đại: Tên xã.

Lũy Trường Dục: Ở xã Trường Dục và Cẩm La nay đều thuộc huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.

Bắc Bố Chính: Xem Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXI, 29).

Hà Trung: Xem Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXXII, 7, Chb, XXI, 24).

Hoành Sơn: Tên núi, ở huyện Kỳ Anh, thuộc tỉnh Hà Tỉnh.

Nguyễn Phúc Phấn: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyễn Hữu Tiến: Người xã Vân Trai, huyện Ngọc Sơn.

Trần Ngọc Hậu: Người xã Lạc đạo, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

---

[1] Xem chú thích số 1. Chính biên quyển XXXII, tờ 7 ở dưới.

[2] Nguyên văn chép "hùng tượng", còn có nghĩa nữa là voi đực.

Vũ Lương: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái triều Lê Chân Tông.

Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta[1] nối nghiệp.

Kỷ Sửu, năm thứ 7 (1649). (Từ tháng 10 trở về sau thuộc năm Khánh Đức thứ nhất đời Lê Thần Tông - Minh, năm Vạn Lịch thứ 4 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 6).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua mất.

Nhà vua ở ngôi 7 năm, hưởng thọ 20 tuổi, miếu hiệu Chân Tông.

Tháng 10, mùa đông. Thái thượng hoàng lại lên ngôi vua.

Nhà vua mất, không có con nối ngôi. Trịnh Tráng sai con là Tạc đem các quan văn võ rước Thái Thượng hoàng lại lên ngôi vua, đổi niên hiệu, kể ngay năm ấy là năm Khánh Đức thứ nhất.

Làm lễ táng Chân Tông ở lăng Hoa Phố.

Canh Dần, Thần Tông Uyên hoàng đế năm Khánh Đức thứ 2 (1650). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 5 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tân Mão, năm thứ 3 (1651). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 6 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao chổi xuất hiện ở phương đông).

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh sai sứ sang phong Trịnh Tráng làm phó quốc vương.

Lúc ấy, Quế vương nhà Minh bị quân Thanh uy hiếp, chạy đến Nam Ninh, hạ sắc lệnh dụ bảo Trịnh Tráng cấp cho binh sĩ lương thực để giúp vào việc khôi phục. Đến nay, Quế vương sai quan đem sách thư phong Tráng làm An Nam phó Quốc vương.

Lời phê - Một nước không bao giờ có hai vua. Lúc ấy nhà Minh chỉ còn một tí tro tàn, giở trò ăn xin để làm vui lòng người khác, tiện việc cho mình, mà không biết rằng như thế là hết sức giúp chúa Kiệt[2] làm điều dữ. Đáng khinh bỉ!

Lời chua - Nam Ninh: Đại Thanh nhất thống chỉ chép; phủ Nam Ninh thuộc tỉnh Quảng Tây.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 (1652). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 7. Thanh, năm Thuận Trị thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Hoạn quan Hoàng Nhân Dũng mưu nổi loạn, bị giết chết.

Vì thân phận là hoạn quan, Nhân Dũng được Trịnh Tráng tin yêu, làm quan giữ chức ti lễ giám, thiếu bảo, tước quận công, lại được Trịnh Tráng cho đổi là họ Trịnh, lấy tên là Trịnh Lãm. Nhân Dũng ngày càng kiêu ngạo càng rỡ, ngầm cùng gia thuộc là Trần Nhân Liễn vụng trộm nuôi người có tà thuật, mưu nổi loạn. Việc ấy bị phát giác, bọn Nhân Dũng và Nhân Liễn đều bị giết.

Tháng 8, mùa thu. Trịnh Tráng gia phong cho con là Tạc làm nguyên soái, giữ chính quyền trong nước, tước Tây Định vương.

Việc này là theo lời xin của bầy tôi trong triều.

Lời phê - Lúc bấy giờ người làm tôi ai cũng chỉ biết có họ Trịnh, mà không biết có nhà Lê. Như thế, còn có thể coi họ là người làm tôi được nữa không?

---

[1] Tên là Phúc Tần, cũng gọi là chúa Hiền, con thứ hai của Phúc Lan.

[2] Tên một vua cuối cùng đời nhà Hạ ở Trung Quốc. Kiệt nổi tiếng là một ông vua bạo ngược trong các hàng vua bạo ngược. Nguyên văn chép "trợ Kiệt vì ngược" Ý nói Kiệt đã bạo ngược mà còn có người giúp hắn làm việc bạo ngược thêm.

Quý Tỵ, năm Thịnh Đức thứ nhất (1653). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 8 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 10).

Tháng 2, mùa xuân. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Đại xá.

Đại xá cho trong nước và đổi niên hiệu, kể từ năm ấy là năm Thịnh Đức thứ nhất.

Giáp Ngọ, năm thứ 2 (1654). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 9 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 11).

Ất Mùi, năm thứ 3 (1655). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 10 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 12).

Tháng 2, mùa xuân. Quân của họ Trịnh xâm lấn châu Nam Bố Chính.

Tháng 4, mùa hạ. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta hạ lệnh cho bọn Thuận Nghĩa hầu Nguyễn Hữu Tiến và Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật đem quân đánh châu Bắc Bố Chính, đánh phá được quân họ trịnh. Phạm Tất Toàn đem cả châu xin hàng. Bọn Tiến và Dật bèn tiến quân đánh doanh trại Hà Trung, tướng bên Trịnh là Lê Văn Hiểu và Lê Hữu Đức thua trận bỏ chạy.

Lê Văn Hiểu, tướng họ Trịnh, thường sai người tướng thuộc hạ là Phạm Tất Toàn cho quân sang qua sông Gianh, lấn cướp châu Nam Bố Chính. Nguyễn Hữu Dật đi tuần hành biên giới, đến dinh Bố Chính, đem sự trạng ấy trình bày. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta bèn hạ lệnh cho bọn Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật đem các quân qua sông Gianh đánh úp, phá tan được. Tất Toàn đem châu Bố Chính đầu hàng. Bọn Tiến và Dật bèn dẫn quân xông thẳng đến Hoành Sơn, gặp cánh quân của Hữu Đức, lại đánh đuổi được; nhân thế thắng, tiến quân đánh doanh trại Hà Trung. Văn Hiểu đốc quân sĩ cố đánh, nhưng không địch được, bèn cùng bọn Hữu Đức chạy về An Trường, Hữu Tiến tiến quân đánh Thạch Hà; Đặng Minh Tắc, tham đốc bên Trịnh, đến cửa quân đầu hàng. Bọn Văn Hiểu và Hữu Đức lại tiến quân đóng ở Đại Nại, chia quân ra chống cự phòng thủ.

Lời chua - Hà Trung: Xem Lê Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXXI, 24).

Hoành Sơn và sông Gianh: Đều xem Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXII, 6, 7).

Bắc Bố Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Nam Bố Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Dương Hòa thứ 9 (Chb. XXXI, 31, 32).

An Trường: Nay là tỉnh lỵ Nghệ An, ở địa phận huyện Chân Lộc[1].

Thạch Hà: Tên huyện, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Đại Nại: Tên xã, ở huyện Thạch Hà.

Tháng 6, mùa hạ. Trịnh Tráng sai Trịnh Tráng giữ chức thống lãnh đi kinh lý xứ Nghệ An. Tháng 8, mùa thu. Quân của Trịnh Trượng đóng ở Lạc Xuyên, đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến, Trịnh Trượng bị thua đau, chạy về An Trường.

Vì việc bị thua ở Hà Trung, Tráng cho triệu Lê Văn Hiểu và Lê Hữu Đức về triều. Văn Hiểu bị đạn lạc trúng vào chân, nên chết ở dọc đường. Tráng cho truy thu lấy cáo sắc của Văn Hiểu, rồi giáng chức Hữu Đức làm đô đốc thiêm sự, Trần Ngọc Hậu làm Thượng bảo tự khanh, Vũ Lương làm Công Khoa cấp tự trung, còn các tướng thuộc hạ là bọn Lê [Thì] Hiến, Trịnh Bính đều bị bãi chức.

Tráng bèn sai thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng giữ chức thống lãnh, Lại bộ tả thị lang Nguyễn Văn Trạc làm đốc thị, Lại khoa cấp tự trung Nguyễn Tính làm phó đốc thị, thống suất 18 viên tướng, đốc suất các binh sĩ đi kinh lý xứ Nghệ An. Tháng 8, bọn Trịnh Trượng tiến đến Kỳ Hoa, chia quân

[1] Nay là huyện Nghi Lộc (Nghệ An).

ra đóng đồn phòng thủ. Lũng quận công Vũ Văn Thiêm thống suất 50 chiếc thuyền chiến đóng ở cửa biển Kỳ La để chống cự với quân ta. Bọn Nguyễn Hữu Tiến hay tin này, rút quân về sông Gianh. Trịnh Trượng đến Hà Trung, nghi ngờ không dám tiến quân, rồi triệu các tướng lại hỏi mưu kế. Nguyễn Văn Trạc nói: "Bọn Hữu Tiến, Hữu Dật từ khi qua sông sang mặt Bắc đến nay, nhân thế thắng, đánh rộng ra, khí thế sắc bén càng thêm mạnh mẽ; nay không vì cớ gì mà rút quân về, đây là họ dụ ta đấy. Bây giờ không có gì hơn là đem quân đóng ở Lạc Xuyên, quân thủy, quân bộ liên tiếp với nhau, rồi theo thời cơ mà thay đổi cách đối phó. Đấy là binh pháp". Trượng theo kế của Trạc, lui quân đóng ở Lạc Xuyên, rồi sai 500 quân tuần tiễu đóng ở Hà Trung.

Hữu Tiến hạ lệnh cho các quân chia ra các đạo cùng tiến, khi gặp quân tuần tiễu bên Trịnh, đánh đuổi được bọn này, rồi tiến thẳng đến Lạc Xuyên. Quân bên Trịnh bị thua. Hữu Dật đem quân thủy đánh cửa biển Kỳ La. Vũ Văn Thiêm phải lui về cửa biển Đan Nhai. Hữu Dật bèn tiến vào cửa biển Nam Giới. Bọn Nguyễn Hữu Sắc và Lê Sĩ Hậu nghe biết phong thanh đều chạy trốn. Bọn Hữu Tiến nhân đà thế thắng, tiến đến Bân Xá. Do đấy, 7 huyện ở phía nam sông Lam (Hà Nam) đều phụ thuộc về với ta, cũng do đấy mà nhân dân ở phía bắc sông Lam (Hà Bắc) sợ hãi nôn nao. Trịnh Trượng cùng các tướng chạy về An Trường, chia quân ra phòng thủ. Bọn Hữu Tiến rút quân về đóng ở Lạc Xuyên.

Lời chua - Lê [Thì] Hiến: Người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương.

Nguyễn Văn Trạc: Người xã Mai Dịch, huyện Từ Liêm, đổ đồng tiến sĩ khoa Tân Mùi (1631) năm Đức Long thứ 3 triều Lê Thần Tông[1].

Nguyễn Tính: Người xã Huê Cầu, huyện Văn Giang, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa thứ 6 triều Lê Thần Tông.

Cửa biển Kỳ La: Nay thuộc huyện Kỳ Anh.

Cửa biển Đan Nhai: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất[2] (Chb. XII, 20).

Cửa biển Nam Giới: Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 10 (Chb. I, 12).

Bân Xá: Tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc.

Hà Nam, Hà Bắc: Ở phía nam sông Lam thuộc Nghệ An, gọi là Hà Nam, ở phía bắc sông Lam gọi là Hà Bắc.

Bảy huyện: Kỳ Hoa, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Sơn, và Thanh Chương.

Tháng 9. Trịnh Tráng sai con là tạc làm Thống lãnh, tiến quân vào Nghệ An, sau lại triệu về và sai bọn Đào Quang Nhiêu, Vũ Văn Thiêm đem quân trấn giữ.

Vì bị thua ở Lạc Xuyên, Trịnh Tráng giáng chức Trịnh Trượng làm đô đốc đồng tri, còn bọn Nguyễn Hữu Sắc đều bị bãi chức. Rồi sai Tạc giữ chức thống lãnh; tả đô đốc Đương quận công Đào Quang Nhiêu làm đốc suất; bồi tụng, Hộ khoa cấp sự trung Phan Hưng Tạo làm đốc thị, đem các quân tiến vào Nghệ An, đóng ở An Trường. Lại sai tả đô đốc Lũng quận công và Vũ Văn Thiêm giữ chức đốc suất quân thủy, Lại bộ hữu thị lang Dương Hổ làm đốc thị, tiến quân đến Kỳ Hoa, để chống cự với quân ta.

Bọn Nguyễn Hữu Tiến được tin, rút quân về đóng giữ ở Hà Trung.

Được ít lâu, vì trong nước xảy ra nhiều việc, Tráng cho triệu Trịnh Tạc về, để Đào Quang Nhiêu ở lại giữ Nghệ An, thống lãnh các tướng đóng ở An Trường; lại sai Thân Văn Quang và Mẫn Quang Liên đóng ở Tiếp Vũ, Lại Thế Thời [Thì] đóng ở Minh Lương, Hằng Khê đóng ở Bình Lãng, Vũ Văn Thiêm

---

[1] Lê Kính Tông làm vua từ Canh Tý đến Kỷ Mùi (1600-1619) không có năm Tân Mùi và cũng không có niên hiệu Long Đức. Nguyên văn chép "khoa Tân Mùi năm Long Đức thứ 3 đời Kính Tông" là lầm, năm này chính là năm Đức Long thứ 3 đời Lê Thần Tông.

[2] Địa danh này, ở đây chép "Đan Nhai" ở quyển XII, tờ 20 chép "Đan Nhai".

thống lãnh quân thủy đóng ở sông Khu Độc. Các tướng đều phòng giữ chiếu theo cảnh giới mà mình đóng quân.

Lời chua - Tiếp Vũ, Minh Lương, Bình Lãng: Đều tân xã, thuộc huyện Thiên Lộc, tỉnh Nghệ An[1].

Sông Khu Độc: Thuộc xã Tam Đăng, huyện Nghi Xuân[2].

Đào Quang Nhiêu: Người xã Tuyền Cam, huyện Thanh Oai.

Phan Hưng Tạo: Người xã Bình Lãng, huyện Thiên Lộc, đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1650) năm Khánh Đức triều Lê Thần Tông.

Hằng Khê: Không rõ tiểu sử thế nào.

Bính Thân, năm thứ 4 (1656) (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 11 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 13).

Tháng 12, mùa xuân. Vũ Văn Thiêm, Đào Văn Nhiêu đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến ở Mẫn Tường và Bình Lãng. Quân bên Trịnh bị thua to. Trịnh Tráng sai con là Tuyền làm thống lãnh, trấn giữ Nghệ An.

Bọn Hữu Tiến đem quân đánh úp Tiếp Vũ, bọn Thân Văn Quan và Mẫn Văn Liên bị thua, phải chạy, Hữu Tiến nhân thế thắng, tiến quân đến Tam Chế. Nguyễn Hữu Dật tiến quân đến Hồng Lĩnh, gặp quân tuần tiễu của bên Trịnh, bọn Hữu Tiến đánh phá được toán quân này, bèn tiến quân đến Mẫn Tường. Văn Thiêm đem quân thủy lên bờ sông[3], Diên Lược (sót họ), quân tiên phong [của ta] đánh luôn, Văn Thiêm lui quân giữ ở Đằng Để. Hữu Dật thúc quân đánh xông vào, bắn chết được tướng của Văn Thiêm là Tường Trung (sót họ) , Văn Thiêm thua chạy. Hữu Tiến đem quân chính đạo tiến đến Minh Lương, Tống Hữu Đại đem quân thượng đại tiến đến núi Bình Lãng, Quang Nhiêu chia quân ra chống cự, bị thua to, Quang Nhiêu bỏ doanh trại, lui về An Trường. Nguyễn Hữu Tiến bèn thu quân đóng ở Vân Cát.

Quang Nhiêu dâng biểu về triều nhận tội và xin quân cứu viện, Trịnh Tráng họp các tướng lại hỏi rằng: "Nay muốn tìm người để phó thác cho việc giữ cửa ngõ nơi phiên trấn, ai có thể đương nổi việc ấy?". Các tướng đều nói: "Thiếu bảo Ninh quận công Trịnh Tuyền đủ cả trí mưu và dũng cảm, có thể giao phó giữ binh quyền. Nếu bằng người khác hay không phải là một viên tướng trong thân thuộc thì không thể dùng được". Tráng nghe theo, bèn sai Tuyền thống lãnh các tướng, trấn giữ Nghệ An, Quang Nhiêu và Văn Thiêm đều thuộc dưới quyền của Tuyền.

Lời chua - Trịnh Tuyền: Con út Trịnh Tráng.

Tống Hữu Đại: Người xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Vân Cát: Tên xã, thuộc huyện Thạch Hà.[4]

Hồng Lĩnh: Tên núi, ở địa phận hai huyện Nghi Xuân và Thiên Lộc tiếp giáp nhau.

Mẫn Tường: Tên đất.

Đằng Đề: Tên xã, cả hai đều thuộc huyện Nghi Xuân.

Tháng 5, mùa hạ. Dương Trí đánh bại được quân họ Trịnh ở cửa biển Nam Giới. Trịnh Tuyền dẫn quân đánh nhau với Tống Phúc Khang ở Đại Nại. Nguyễn Hữu Tiến chia quân ra các đạo đón đánh, phá tan được quân họ Trịnh. Tuyền chạy về An Trường.

---

[1] Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Lúc ấy quân của Văn Thiêm đóng ở sông Khu Độc.

[4] Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi Trịnh Tuyền đã đến quân thứ, đốc suất các quân tiến đến Thạch Hà, phân phối sai bọn Đào Quang Nhiêu và Dương Hồ quản Lĩnh quân bộ đóng ở Hương Bộc và Đại Nại, bọn Xuân quận công Lê Sĩ Hậu và Bùi Sĩ Lương quản lĩnh quân thủy đóng ở cửa biển Nam Giới, Vũ Văn Thiêm làm đốc suất đóng ở Đan Nhai.

Nguyễn Hữu Tiến họp các tướng ở Na Khố, sai Dương Trí và Nguyễn Văn Kiều quản lĩnh quân thủy, bọn Tống Phúc Khang và Phù Dương (sót họ) quản lĩnh quân bộ, chia đường tiến đánh.

Dương Trí tiến đánh ở cửa biển Nam Giới, Hữu Dật đốc suất quân bộ đánh tiếp, bắt được Xuân quận công và 30 chiếc thuyền chiến. Bọn Sĩ Hậu và Sĩ Lương đều thua chạy. Dương Trí bèn tiến quân đến sông Lam, phó tướng Văn Kiều đem quân thủy thẳng đến Đan Nhai, lại đánh phá tan được quân thủy của họ Trịnh. Văn Thiêm bỏ thuyền chạy. Trịnh Tuyền hay tin, cả sợ, lui quân đóng ở Hoạt Độ[1]. Gặp lúc ấy bọn Phúc Khang và Phù Dương dẫn quân bộ bất thình lình kéo đến Hương Bộc bao vây toán quân của Đào Quang Nhiêu, Trịnh Tuyền đốc thúc các quân đến cứu viện, Dương Hổ chỉ huy quân tiến lên lên phía trước. Quang Nhiêu có được quân cứu viện, bèn mở cửa thành ra đón đánh, hai cánh quân đánh khép quân của Phúc Khang ở Đại Nại. Quân của bọn Phúc Khang bị thua, lui về Hà Trung, bọn Trịnh Tuyền và Quang Nhiêu đốc suất các quân đuổi đến Tam Lộng. Hữu Tiến hay tin, bèn phân phối sai quân thủy dàn trận ở các bến đò thuộc phố Phù Thạch và xã Triều Khẩu, xã Việt Yên, lại sai Hoằng Tín (sót họ) quản lĩnh chiến thuyền phục sẵn ở xã Nam Ngạn để ngăn đường về của quân Trịnh.

Trịnh Tuyền dẫn quân về, sai tướng là Tào Nham và Diễn Thọ (đều sót họ) tiến quân đến Nam Ngạn đánh nhau với bọn Hữu Dật, bị thua to, chết ở mặt trận. Khi quân của Tuyền đi quan Bình Hồ, Hoằng Tín đuổi đánh, quân họ Trịnh bị chết rất nhiều. Tuyền chạy về An Trường.

Lời chua - Hương Bộc, Đại Nại: Tên 2 xã, nay thuộc huyện Thạch Hà.

Na Khố: Nay là thôn Na Kênh, thuộc huyện Cẩm Xuyên[2].

Hoạt Độ: Tên là bến đò, nay không rõ ở đâu.

Sông Lam: Nay là tỉnh Nghệ An, nước sông này đổ ra cửa biển Đan Nhai.

Tam Lộng: Tên xã, nay thuộc huyện Cẩm Xuyên.

Triều Khẩu: Tên xã, nay thuộc huyện Hưng Nguyên[3].

Phù Thạch: Tên phố.

Việt Yên, Nam Ngạn, Bình Hồ (Bình Hồ nay đổi là Yên Hồ): 3 xã này đều thuộc huyện La Sơn[4].

Sông Minh Lương: Ở xã Minh Lương, thuộc huyện Thiên Lộc.

Tống Phúc Khang: Người xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đinh Dậu, năm thứ 5 (1657). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 12. Thanh, năm Thuận Trị thứ 14).

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Tráng mất.

Truy phong Nghị vương, đặt tên thụy là Long Tự, con là Tạc được lập phong tước.

Trịnh Tạc bắt em là Tuyền giam vào ngục, sai con của hắn là Căn giữ chức thống lãnh, để trấn thủ vỗ yên nhân dân Nghệ An.

---

[1] Đạn Nam thục lục tục biên chép: Điềm Độ.

[2] Nay thuộc tỉnh Hà Tỉnh.

[3] Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

[4] Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Trước đây, thái úy Ninh quốc công Trịnh Tuyền ở Nghệ An vỗ về tướng sĩ một cách tử tế, nên đều được tướng sĩ vui lòng. Vì thế Trịnh Tạc đem lòng ngờ vực nghen nghét. Tạc bèn sai con mình là thái bảo Phú quốc công Trịnh Căn đem các tướng vào Nghệ An, hiệp đồng với Trịnh Tuyền trông nom việc quân, làm như thế là để chia xẻ bớt quyền của Tuyền. Tạc lại sai con thứ là Thái bảo Thọ quận công Trịnh Lệ, thiếu phó Vũ quận công Trịnh Đống làm đốc suất, Thái bộc tự khanh Phan Hưng Tạo, Lễ khoa cấp sự trung Trần Văn Tuyển, Hộ khoa cấp sự trung Phùng Viết Thu làm đốc thị, đều đem quân thuộc quyền mình để tiếp ứng. Các quân đều tiến qua phía nam sông Lam. Trịnh Tuyền đóng đồn ở Quảng Khuyến, Trịnh Căn đóng đồn ở Bạt Trạc đều bắt quân đào hào đắp lũy, chia nhau phòng giữ nơi hiểm yếu. Trịnh Tuyền trong bụng băn khoăn, bèn dẫn quân về An Trường. Trịnh Căn cũng đem quân về Phù Long để rình mò nghe ngóng sự động tĩnh của Tuyền.

Tạc sai người trách Truyền về tội nghe tin bố chết không về chịu tang, rồi cho triệu về kinh. Bọn Trịnh Bàng, Trương Đắc Danh, những người dưới quyền chỉ huy của Tuyền, sợ vạ lây đến mình, đều đến cửa quân Hữu Tiến xin hàng. Tuyền sợ, bèn đem binh mã của bộ phận mình nộp cho Căn. Căn nói: "Việc đã đến thế, thì bây giờ nên về khuyết đình chầu chực mệnh lệnh". Tuyền về kinh, thì sau đó bị thêu dệt thành tội mưu làm việc bạn nghịch, rồi giam vào ngục, Tuyền bị chết. Tạc bèn cho Căn thay Tuyền thống lãnh quân sĩ để trấn thủ vỗ về dân Nghệ An; lại cho Hoàng Nghĩa Giao làm đô đốc đồng tri, Phan Kiêm Toàn làm đốc thị.

Lời chua - Phùng Viết Tu: Người xã Đình Hàn, huyện Gia Lâm[1], đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652) năm Khánh Đức thứ 4 triều Lê Thần Tông.

Phan Kiêm Toàn: Người xã Địa Linh[2], huyện Thụy Nguyên, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái thứ nhất triều Lê Chân Tông.

Hoàng Nghĩa Giao: Người xã Hoàng Văn[3], huyện Kim Động.

Quảng Khuyến, Bạt Trạc: Tên 2 xã, nay đều thuộc huyện Thiên Lộc[4].

Phù Long: Tên xã, nay thuộc huyện Hưng Yên.

Tháng 6. Trịnh Căn sai các tướng đánh nhau với quân của Tống Hữu Đại ở Nam Hoa. Quân Trịnh thua chạy, đóng ở An Trường.

Trịnh Căn sai: Lê [Thì] Hiến làm tướng Trung quân, Hoàng Nghĩa Giao làm tướng Tả quân, Trịnh Thế Công làm tướng Hữu quân, chia làm 3 đạo, qua đò sông Lam, tiến đến xã Nam Hoa, đánh úp toán quân Tống Hữu Đại. Gặp lúc ấy, Phan Lân (sót họ), người xã Phúc Châu, đầu hàng với Hữu Tiến, hắn nói hết tình hình quân lính của bên Trịnh cho Hữu Tiến biết. Hữu Tiến bèn sai Hữu Đại dàn trận để đợi, lại sai Phù Dương (sót họ) dẫn quân phục sẵn ở núi đất phía tây xã Nam Hoa. Khi quân bên Trịnh qua sông Lam, lên bờ, chưa đi được vài dặm thì gặp toán quân của Hữu Đại, hai bên đánh nhau. Hữu Đại giả vờ thua chạy, bọn Lê [Thì] Hiến đuổi theo, lúc đuổi đến núi đất phía tây, thì quân mai phục của Phù Dương thình lình nổi dậy. Rồi Hữu Đại quay quân trở lại, hai toán quân hợp sức đánh mạnh, quân bên Trịnh phải chạy tan vỡ, quân ta đuổi đến trên sông. Trịnh Căn tự đem đại binh đến cứu viện: Đặng Thế Công đốc suất cánh hữu quân đón đánh, Lê Sĩ Hậu cũng đốc suất quân thủy tiếp ứng. Vì thế, quân của Hữu Đại phải hơi lui một chút. Quân bên Trịnh bèn lui về An Trường.

Lời chua - Nam Hoa: Tên xã, nay đổi là Nam Kim, thuộc huyện Thanh Chương[5].

Phúc Châu: Tên xã, nay đổi là Lộc Châu, thuộc huyện Nghi Xuân[6].

---

[1] Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[2] Nay thuộc xã Thiệu Tâm, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[4] Nay là Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Nghệ An.

[6] Hà Tĩnh.

Tháng 9, mùa thu. Mưa to. gió lớn.

Lúa ở các huyện Thanh Hoa và Sơn Nam bị đổ hết.

Lời chua - Thanh Hoa, Sơn Nam: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 18, 20, 21, 25, 27, 33, 34).

Tạc gia phong cho con là Căn làm thái phó.

Mậu Tuất, năm Vĩnh Thọ thứ nhất (1658). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 13 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Đại xá cho trong nước.

Đổi niên hiệu, kể từ năm ấy là Vĩnh Thọ thứ nhất. Đại xá cho trong nước.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ chiếu cho trong nước, ai được thóc sẽ được bổ làm quan.

Lúc ấy, dùng quân đánh dẹp lâu ngày, tiêu pha hao phí. Triều đình bèn hạ lệnh cho trong nước: ai nộp thóc, sẽ tùy theo số thóc nhiều hay ít má cất nhắc làm quan cao hay thấp khác nhau.

Tháng 12, mùa đông. Bọn Đào Quang Nhiêu, tướng bên Trịnh đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến ở xã Tuần Lễ.

Trước đây. Hữu Tiến thống suất các quân chia ra đóng ở bờ phía nam sông Lam, đến chống nhau với quân Trịnh. Hữu Tiến sai quân qua sông, đánh vào Mỹ Dụ; Nguyễn Hữu Tá, viên tướng giữ đồn của họ Trịnh, bị thua chạy. Lê [Thì} Hiến từ An Trường dẫn quân đến cứu viện. Quân ta lui về đóng ở bờ phía nam, rồi lại qua sông tiến đến xã Bạch Đường, đánh nhau với Quang Nhiêu, nhưng không thắng lợi, phải dẫn quân về, chia quân ra để phòng thủ. Đến nay, Trịnh Căn sai bọn Đào Quang Nhiêu và Đặng Thế Công chia đường sang qua sông đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến ở Tuần Lễ, quân ta không thắng lợi.

[Sau trận này], Trịnh Tạc xét công lao người đánh thắng trận, bổ Quang Nhiêu làm phó tướng thiếu úy, mở doanh trại, lấy hiệu là Tả khuông quân, còn các tướng khác đều được thăng chức có người cao thấp khác nhau. Duy có đô đốc Thế công vì chần chừ ở lại sau, không biết cứu ứng đánh tiếp, nên phải giáng chức làm đô đốc thiêm sự.

Lời chua - Mỹ Dạ: Tên xã, ở huyện Hưng Nguyên[1].

Bạch Đường: Tên xã, nay ở huyện Hương Sơn[2].

Các địa danh trên đều thuộc tỉnh Nghệ An.

Kỷ Hợi, năm thứ 2 (1659). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 14 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 16).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Tạc tự tiến phong làm thượng sư Tây Vương.

Tạc giả thác mệnh lệnh nhà vua sai Công Bộ thượng thư Nguyễn Hậu cầm cờ tiết mao mang sách thư vàng đến phủ chúa tiến phong.

Tháng 10, mùa đông. Bắt đầu thi Đông Các.

Hồi đầu năm Hồng Đức, định phép thi Đông Các.

[Người được dự thi]: Bầy tôi trong triều từ thứ phẩm trở xuống đều được dự thi.

[Đầu bài thi]: Làm một bài thơ theo luật ngũ ngôn (mỗi câu 5 chữ) 30 vần hoặc 25 vần; bài ký, bài luận, mỗi thể đều một bài, hoặc bài ca, bài tụng, bài phú, bài châm mỗi thể đều một bài.

---

[1] Nghệ An.

[2] Nay là huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

[Quyền lợi người trúng tuyển]: Người trúng tuyển chia làm 3 bậc, về phần được vua thưởng, ban cho, gia âm và thông tư, cũng như người đỗ tam khôi, người đỗ bậc nhất được cất lên chức đại học sĩ, bậc nhì được cất lên chức học sĩ, bậc 3 được cất lên chức hiệu thư. Phép thi tuy đã định, nhưng chưa kịp cử hành.

Đến nay, nhà vua bèn triệu bầy tôi có văn học vào Đông các, thân hành ra bài thi, lấy Nguyễn Đăng Cảo đỗ bậc nhất, Hồ Sĩ Dương và Nguyễn Chiêm đỗ bậc nhì, Phạm Duy Chất và Bùi Đình Viên đỗ bậc ba. Những người trúng tuyển đều được cất nhắc giữ các chức: Đông các đại học sĩ, Đông các học sĩ và Đông các hiệu thư.

Lời chua - Nguyễn Đăng Cảo: Người xã Hoài Bảo, huyện Tiên Du, đỗ tiến sĩ cập đệ tam danh[1] khoa Bính Tuất (1646) năm Phúc Thái thứ 4 triều Lê Chân Tông.

Hồ Sĩ Dương: Người xã Hoàng Hậu, huyện Quỳnh Lưu, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652) năm Khánh Đức thứ 4 triều Lê Thần Tông.

Phạm Duy Chất: Người xã Ngọ Trạng, huyện Thiên Bản, đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ thứ 2 triều Lê Thần Tông.

Canh Tý, năm thứ 3 (1660). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 15 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 17).

Tháng 5, mùa hạ. Làm sổ hộ.

Hạ lệnh cho các xã trưởng khai hết các hạng dân đinh trong xã, từ 10 tuổi trở lên, tính từng hộ làm suất số.

Tháng 8, mùa thu. Trịnh sai tướng qua sông đánh nhau với quân Nguyễn Hữu Dật ở Lãng Khê. Tướng bên Trịnh bị thua, bỏ chạy.

Trước đây, tướng họ Trịnh là Văn Khả (sót họ) giữ lũy Đồng Hôn, bị quân Hữu Dật đánh bại. Trịnh Căn sai tướng khác là Miện (sót họ) thay Vân Khả cầm quân phòng thủ. Đến nay, Hữu Tiến đem đại binh qua sông Lam đánh tướng họ Trịnh là Lan (sót họ) ở Do Nha, Lan lui quân giữ lũy Hồng Hôn. Hữu Dật tiến quân đánh mạnh; Lan thua chạy, viên tướng phòng giữ là Miện dẫn quân quanh đằng sau núi đánh tiếp. Hữu Tiến đem đại binh tiếp đến, Miện không dám chống cự, chạy về An Trường. Hữu Tiến lui về bờ phía nam sông Lam, chia quân đóng đồn phòng giữ.

Đồn lũy Đồng Hôn bị thất thủ. Trịnh Căn lấy làm hổ thẹn muốn báo thù lại, bèn làm cầu phao để qua sông, sai đô đốc Diệu (sót họ) cầm quân, kéo qua sông Khu Độc và núi Hoành Lĩnh, tham đốc Hằng (sót họ) quản lĩnh quân thủy, theo sông Lãng Khê đánh úp toán quân của Hữu Tiến. Hữu Dật biết được mưu ấy , bèn sai tì tướng Trương Văn Vân đem quân mai phục ở Hoành Lĩnh, Tô Triều và Tú Minh (sót họ) đóng ở Hoành Cảng để rình đợi quân địch. Diệu dẫn quân đến Hoành Lĩnh, quân mai phục bổng nổi dậy, quân bên Trịnh sợ hãi tan vỡ, chết hại rất nhiều. Toán thủy quân của Hằng kéo ra Lãng Khê, bọn Tô Triều tung quân ra bắn lại, Hằng bị thua to, bỏ thuyền, chạy về An Trường.

Lời chua - Lãng Khê, Do Nha: Tên hai xã, đều thuộc huyện Nghi Xuân.

Đồng Hôn: Tên đất, thuộc huyện Hưng Nguyên.

Tháng 9. Nguyễn Hữu Tiến dẫn quân đóng ở Nghi Xuân.

Quân bên Trịnh và quân ta đóng đồn đối diện ở hai bên bờ sông cầm cự với nhau. Bọn Hữu Tiến tiến quân qua sông, lại đánh vào Mỹ Dụ, Trịnh Kiểm bị thua chạy, Trịnh Đường đánh nhau bị chết. Bọn Hoàng Nghĩa Giao dẫn quân đánh tiếp, quân ta phải hơi lui một chút, bèn lui quân giữ mặt nam sông Lam, đóng ở Hoa Viên.

Trịnh Căn họp các tướng hỏi mưu kế. Trần Công Bách nói: "Lận Sơn là chỗ tất phải tranh cho bằng được, trước hết chiếm được Lận Sơn, thì dể giữ được phần thắng lợi". Căn nói: "Tôi thường lên núi

---

[1] Tức Thám Hoa.

Dũng Quyết, nhìn nhận kỹ hình thế, vẫn lưu tâm chỗ ấy; nay lời nói của ông, chính hợp ý tôi". Nhân đấy Bách xin làm tiên phong Căn y cho, bèn chia quân làm hai đạo: một đạo sai Hoàng Nghĩa Giao và Phan Kim Toàn do đường Âm Công, qua sông để tiến quân. một đạo sai Lê [Thì] Hiến qua cửa biển Hội Thống do đường làng Tả Ao để tiến quân, đều hẹn nửa đêm xuất phát. Tờ mờ sáng hôm sau, Căn tự đem đại binh lên núi Dũng Quyết xem xét việc chiến đấu. Bọn Nghĩa Giao qua sông, tiến thẳng đến núi An Lạc; Trần Công Bách đi sâu vào để chiếm cứ Lận Sơn, gặp quân mai phục của Hữu Dật đánh bất thình lình. Công Bách cùng Đình Đức Nhuận cố sức đánh đều bị chết. Bọn Lê Văn Hi và Lưu Thế Canh nghe được phong thanh, rút lui bỏ chạy. Quân ta bốn mặt bao vây, thanh thế rất lừng lẫy. Căn sai bọn Trần Tiến Triều và Ngô Đình Xuân đều đem quân của mình quản lĩnh đến cứu viện, lại sai quân thủy tiến đến bờ sông để bắn. Toán quân của Hữu Tiến phải hơi lùi một chút. Bọn Lê [Thì] Hiến và Mẫn Văn Liên dẫn quân đến Tả Ao bị quân ta đánh gấp, bọn này phải thua, Văn Liên chết tại trận. Lê [Thì] Hiến lại đốc thúc quân cố đánh, tiến nhanh đến Hoa Viên. Quân ta không được thắng lợi, bèn đóng ở Nghi Xuân.

Lời chua - Nghi Xuân: Tên huyện.

Hoa Viên: Tên xã, nay là Xuân Viên[1].

Lận Sơn: Ở huyện Nghi Xuân.

Núi Dũng Quyết: Ở xã Dũng Quyết, huyện Chân Lộc[2].

Âm Công: Tên xã, ở huyện Hưng Nguyên.

Cửa biển Hội Thống: Ở xã Hội Thống.

Tả Ao[3]: Tên xã.

Núi An Lạc: Ở xã An Lạc.

Hội Thống, Tả Aovà An Lạc đều thuộc huyện Nghi Xuân.

Trịnh Khiêm, Trịnh Đường: Đều con thứ Trịnh Tráng.

Trần Công Bách: Người xã Thiêm Lộc, huyện Ý Yên[4].

Tháng 11, mùa đông. Nguyễn Hữu Tiến dẫn quân về Nhật Lệ.

Trước đây, quân ta nhân thế thắng, đánh phá quân họ Trịnh, Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta thân hành đem đại binh tiếp ứng, đóng hành doanh ở Phù Lộ. Nguyễn Hữu Dật từ nơi quân thứ đến yết kiến, Vương thượng hỏi về việc binh, Hữu Dật đem hết tình trạng trình bày, Vương thượng mừng lắm, đem vàng tốt và gươm quý ban cho Hữu Dật, rồi lại sai về nơi quân thứ. Hữu Tiến đem lòng nghen nghét Hữu Dật. Đến nay, đại binh của Hữu Tiến đóng ở Nghi Xuân, Hữu Dật chia quân ra đóng ở Khu Độc. Nhân lúc ấy quân sĩ đóng giữ đã lâu, nhớ nhà muốn trở về, mà những quân sĩ ở Nghệ An mới ra hàng cũng nhiều người bỏ trốn, Hữu Tiến họp các tướng hỏi mưu kế. Họ đều nói: "Nay sĩ tốt ra hàng đều hài lòng, mà thế lực của họ Trịnh đương vững vàng, không chi bằng rút quân về, đợi sau này sẽ lại toan tính công việc". Chỉ có một mình Hữu Dật hăng hái muốn tiến quân, các tướng đều không đồng ý. Gặp lúc ấy, Trịnh Căn sai Lê [Thì] Hiến, Lê Sĩ Triệt, theo bờ biển, tiến quân qua xã Cương Giản, Hoàng Nghĩa Giao, Nguyễn Năng Thiệu, theo đường bộ tiến quân qua xã Lũng Trâu và Mạn Trường. Quân ta nhiều lần đánh nhau với quân Trịnh ở quãng hai xã An Điềm và Phù Lưu, không được thắng lợi.

Bấy giờ Hữu Tiến bèn quả quyết đặt kế hoạch rút quân về. Bề ngoài thì hạ lệnh rõ cho các tướng đều đem quân thủy, quân bộ chia đường cùng tiến quân, lại báo cho Hữu Dật đem quân theo sau để tiếp ứng, hẹn đêm ngày 28, cùng một lúc tiến đến An Trường, xông thẳng vào doanh trại bên Trịnh trước hết chiếm lấy các huyện ở mặt bắc sông Lam rồi sau sẽ bàn việc tiến đánh; một mặt khác hắn dặn riêng các

---

[1] Nay là xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

[3] Nay thuộc xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Nam Định.

tướng ai nấy đều đem quân thuộc quyền cai quản của mình rút về Nam Bố Chính, chỉ không bảo cho Hữu Dật biết mà thôi. Bởi thế, các tướng nhân đêm lặng lẽ rút lui. Về phần Hữu Dật, hắn chỉnh bị quân lính sẵn sàng ngồi đợi, không thấy có tin tức động tĩnh gì. Kíp lúc dò thám biết được binh tình, thì quân bên Trịnh đã qua sông, tiến sát gần doanh trại Khu Độc. Hữu Dật nhân lúc bên địch chưa rõ tin Hữu Tiến rút quân, cũng mật hạ lệnh cho các tướng rút lui. Hắn chỉ để lại mấy chục quân nhanh nhẹn sắc bén theo hầu bên cạnh, rồi đem ra nơi rộng khoáng biểu diễn trò vui, tiếng trống nổi lên như sấm. Quân bên Trịnh nghi ngờ, không dám tiến. Bấy giờ Hữu Dật mới thư thả rút quân. Hữu Dật về thẳng Hoành Sơn mới hội hợp toán quân Hữu Tiến. Trịnh Căn đốc suất các quân đuổi kịp, quân hai bên giao chiến, chết hại rất nhiều. Trịnh Căn lui quân 20 mươi dặm, đóng doanh trại ở Kỳ Hoa. Còn về bên ta thì Hữu Tiến đem quân về đóng ở cửa biển Nhật Lệ, Hữu Dật đóng ở Đông Cao, chia nhau phòng giữ những nơi hiểm yếu để chống nhau với quân Trịnh. Từ đấy 7 huyện ở mặt nam sông Lam thuộc Nghệ An lại phụ thuộc về Hà Bắc[1].

Trịnh Căn thống lĩnh các quân tiến đến châu Bắc Bố Chính, rồi hội hợp các tướng bàn việc kê khai từng hạng chiến công tâu về triều đình. Trịnh Tạc giả thác mệnh lệnh nhà vua sai Phạm Công Trứ, Thượng thư bộ lễ, cầm cờ tiết mao, đệ sách thư bằng vàng, đến giữa nơi quân thứ, phong Trịnh Căn làm khâm sai tiết chế các dinh quân thủy quân bộ, kiêm giữ chính quyền, chức thái úy tước Nghi quận công, được mở phủ Lý quốc và ban cho ấn bạc; Trịnh Đống làm thái phó, Trịnh Kiền làm thiếu phó, Lê [Thì] Hiến làm phó tướng thiếu úy, Hoàng Nghĩa Giao làm phó tướng tả đô đốc, Trần Văn Tuyển làm đô ngự sử, Phan Kiêm Toàn làm Lại bộ hữu thị lang, những viên tướng kể trên đều được gia phong tước quận công; Lê Sĩ Triệt làm Hộ bộ hữu thị lang, được gia phong tước hầu. Còn bọn Lê Văn Long 26 người được thăng chức hoặc cao hoặc thấp có khác nhau.

Lời chua - Phù Lộ: Tên xã, nay là xã Phù Yên, thuộc huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình.

Cửa biển Nhật Lệ: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

Cương Giản: Tên xã, thuộc huyện Nghi Xuân.

Lũng Trâu, Mạn Trường, Yên Điềm, Phù Lưu: Tên 4 xã đều thuộc huyện Thiên Lộc.

Bảy huyện mặt nam sông Lam: Xem năm Thịnh Đức thứ 3 (Chb.XXXII, 12).

Nam Bố Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Dương Hòa thứ 9 (Chb. XXXI, 31,32).

Bắc Bố Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thư 5 (Chb. XXXI, 29).

Kỳ Hoa: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 7 (Chb. XXXVI, 27).

Nguyễn Năng Thiệu: Người phường Hà Khẩu[2], huyện Thọ Xương, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643), năm Phúc Thái thứ nhất triều Lê Chân Tông.

Lê Sĩ Triệt: Người xã Thổ Đôi, huyện Nông Cống, đỗ đồng tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa thứ 6 triều Lê Thần Tông[3].

Tân Sửu, năm thứ 4 (1661). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 16 - Thanh, năm Thuận Trị thứ 18).

Tháng 2, mùa xuân. Trịnh Căn dẫn quân về kinh đô, để Đào Quang Nhiêu ở lại làm trấn thủ Nghệ An.

Lúc ấy, bọn Nguyễn Hữu Tiến chia quân ra đóng giữ các nơi hiểm yếu, yên ủi vỗ về quân và dân, phòng bị nơi biên cảng càng thêm kiên cố. Trịnh Căn không dám hành động, bèn dẫn quân về, để Quang

---

[1] Vị trí ở phía bắc sông Lam, do chúa Trịnh cai trị.

[2] Nay là phố Hàng Buồm Hà Nội.

[3] Nguyên văn chép lầm là Kính Tông, đây dịch Thần Tông cho đúng niên thứ.

Nhiêu ở lại làm trấn thủ Nghệ An kiêm giữ công việc châu Bắc Bố Chính, Lê Sĩ Triệt, Hồ Sĩ Dương và Trịnh Tế làm đốc thị, quản lĩnh các tướng đóng ở Hà Trung.

Lời chua - Bắc Bố Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXX, 2).

Hà Trung: Xem Lê Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXX, 2).

Trịnh Tế: Người xã Nhật Tảo, huyện Lôi Dương, đỗ đồng tiến sĩ khoa Canh Thìn (1650) năm Khánh Đức thứ 2 triều Lê Thần Tông.

Tháng 6, mùa hạ. Định rõ lại nghi chế triều phục.

Đầu niên hiệu Cảnh Thống[1], định triều phục: Các tước công trong hoàng thân và các quan từ tam phẩm trở lên, mũ dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu tía; tứ, ngũ phẩm: về hàng võ, dùng nón sơn trắng, về hàng văn, dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu lục; từ lục phẩm trở xuống; về hàng võ, dùng nón sơn son, về hàng văn, dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu xanh[2].

Từ hồi trung hưng trở về sau, Trịnh Tùng chuyên giữ chính quyền, văn võ trăm quan vào hầu phủ chúa đều dùng khăn sa mỏng và áo thâm, còn mũ áo từng cấp bậc chưa có quy chế nhất định.

Đến nay định rõ:

Mũ áo của hoàng hậu, vương tử, văn võ trăm quan dùng khi vào triều vua Lê.

Mũ ô sa, áo thanh các của hoàng thân, vương tử, văn võ, trăm quan khi vào hầu phủ chúa.

Thường phục và hành nghi đều có cấp bậc khác nhau.

Lời chua - Theo Lê triều thiên chính điển lệ thì:

Hoàng tử, vương tử được phong quốc công:

Khi vào triều, mũ dùng mũ dương đường[3].

Áo dùng màu tía mùa xuân, mùa hạ dùng sa tàu, mùa thu, mùa đông dùng đoạn tàu, bổ từ dùng hình con kỳ lân, đai thắt dùng đá hoa bịt vàng;

Khi vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo.

Áo dùng thanh cát y[4], thắt thao kép, đeo 3 viên ngọc trang sức bằng vàng.

Khi vào triều, được 5 người theo hầu, hành nghi có: một lọng tía, một quạt vả, một cổ kiệu vuông, yên ngựa sơn son bịt vàng;

Áo thường phục dùng gấm thêu hình con kỳ lân, con phượng và sa, đoạn.

Hoàng tử, vương tử được phong thái sư, thái phó, thái bảo, thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo lại được gia phong quận công:

Khi vào triều mũ dùng mũ phốc đầu[5].

Áo dùng màu tía, đai thắt bịt vàng, bổ tử của thái sư, thái phó, thái bảo dùng hình con kỳ lân, của thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo dùng con bạch trạch;

---

[1] Niên hiệu Lê Hiến Tông (1498 - 1504).

[2] Xem thêm chính biên quyển XXV, tờ 6 về chế độ mũ áo.

[3] Xem thêm "Lời chua" của Cương mục ở dưới.

[4] Xem thêm "Lời chua" của Cương mục ở dưới.

[5] Xem thêm chú thích số 2 Chính biên quyển III, tờ 23.

Mũ áo dùng khi vào hầu phủ chúa, người theo hầu khi đi vào triều, áo thường phục, cũng như quốc công;

Hành nghi: một quạt vả, một lọng xanh, còn các thứ khác củng theo như quốc công.

Hoàng tử, vương tử được phong tả đô đốc, hữu đô đốc, lại được gia phong quận công;

Khi vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu[1],

Áo dùng màu hồng, bổ từ dùng hình con sư tử, đai dùng sừng tê bịt bạc;

Khi vào hầu phủ chúa, áo mặc thắt thao kép, đeo ngọc trang sức bằng bạc;

Khi vào triều được 4 người theo hầu;

Hành nghi: quạt, lọng, kiệu vuông, yên ngựa và thường phục cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong chức tam thái hoặc tam thiếu và gia phong quận công.

Hoàng tử, vương tử được phong đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự và gia phong quận công;

Mũ, áo, đai lưng dùng khi vào triều, áo, mũ, thao kép dùng khi vào triều hầu phủ chúa cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong tả, hữu đô đốc và gia phong quận công;

Khi đi vào triều, được ba người theo hầu;

Hành nghi: đi ở trong thành, được một quạt vả, không có lọng xanh, võng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía; đi ở ngoài thành, được thêm một lọng xanh;

Thường phục dùng gấm thêu hoặc sa, đoạn.

Hoàng tử, vương tử được phong đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, đề lãnh gia phong quận công:

Khi vào triều, mũ áo dùng nón sơn trắng cài lông đỏ.

Áo dùng màu hồng, bổ từ dùng hình con sư tử, thắt thao kép đeo ngọc, đeo kiếm;

Khi vào hầu phủ chúa, mũ dùng mũ ô sa, áo dùng thanh cát y, tay nâng kiếm;

Khi đi vào triều được 2 người theo hầu[2].

Hành nghi: đi ở trong thành, được một quạt vả, màu đỏ nhạt, không có lọng xanh, võng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía; đi ở ngoài thành, được thêm một dù hoặc một lọng che mưa.

Khi vào triều hoặc vào hầu được 2 người theo hầu;

Thường phục cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong đô đốc thiêm sự và gia phong quận công.

Hoàng tử, vương tử được gia phong quận công;

Vào triều, mũ dùng ô sa mạo,

---

[1] Xem chú thích số 2 Chính biên quyển III, tờ 23.

[2] Về tiêu chuẩn người theo hầu đối với quan chức khác, chỉ chép một lần, riêng đối với hiệu điểm, đề đốc... này lại chép hai lần: trên đã chép "nhập triều hậu nhị nhân" (khi vào triều được hai người theo hầu" . Không biết có phải nguyên văn chép trúng hay có thể lệ thế nào, chưa khảo cứu được. Về chữ "triều" và chữ "thị" , theo sự trình bày ở phần mục ở trên thì "triều" để nói vào triều Lê, "thị" để nói vào hầu phủ chúa Trịnh.

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con hổ, thắt thao kép đeo ngọc;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo.

Áo dùng thanh cát y;

Khi vào triều được hai người theo hầu.

Hành nghi: Võng 3 đòn khiêng, ngoài ra như dù hoặc lọng che mưa, yên ngựa và thường phục cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong đô hiệu kiểm và gia phong quận công.

Hoàng tử, vương tử chưa được dự phong:

Vào hầu, dùng khăn lượt áo thâm, áo sa thâm;

Hành nghi: Võng 3 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía, đi ở ngoài thành, thêm một dù hoặc lọng che mưa, màu đỏ nhạt;

Thường phục dùng gấm thêu hoặc sa, đoạn;

Võ ban, chánh nhất phẩm, được gia phong quận công:

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo màu tía dùng đoạn tàu, bổ tử dùng hình con bạch trạch, đai lưng dùng sừng tê bịt bạc;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo,

Áo dùng thanh cát y, thắt thao kép đeo ngọc trang sức bằng bạc;

Khi vào triều được 4 người theo hầu;

Hành nghi: một dù hoặc lọng che mưa, một quạt vả, đều dùng màu xanh, một cổ kiệu vuông, yên ngựa sơn tía;

Thường phục dung gấm thêu hoặc sa, đọan.

Tùng nhất phẩm:

Vào triều, dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con sư tử;

Khi vào triều, được ba người theo hầu;

Hành nghi: đi ngoài thành, được một dù hoặc lọng che mưa, võng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía; đi ngoài thành, thêm một quạt vả dùng màu xanh;

Áo mũ dùng khi vào hầu phủ chúa và thường phục cũng theo như chánh nhất phẩm.

Chánh nhị phẩm và tùng nhị phẩm được gia phong quận công:

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con sư tử, đai lưng dùng đồi mồi;

Khi vào triều, được hai người theo hầu.

Hành nghi: đi trong thành, được dùng một quạt vả màu xanh, võng 7 đòn khiêng, đi ngoài thành, được thêm một dù, hoặc lọng che mưa;

Áo mũ vào hầu phủ chúa và thường phục cũng theo như viên quan tùng nhất phẩm.

Chánh nhị phẩm và tùng nhị phẩm được gia phong tước hầu:

Vào triều, mũ dùng nón sơn màu trắng, cài lông đỏ,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con voi, lưng thắt thao đơn, đeo kiếm;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo, áo dùng thanh cát y, tay nâng kiếm;

Khi vào triều được một người theo hầu;

Hành nghi: Yên ngựa sơn màu tía, đi ngoài thành, được thêm một lọng hoặc dù che mưa, sắc hồng nhạt, võng 3 đòn khiêng, thường phục cũng theo như viên quan nhị phẩm được gia phong quận công.

Tam phẩm và tứ phẩm được phong tước hầu:

Vào triều, mũ dùng nón sơn son cài lông đỏ,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con voi, thắt thao đơn, đeo kiếm;

Khi vào triều, được một người theo hầu;

Hành nghi: Yên ngựa sơn màu đen;

Áo mũ dùng khi vào phủ chúa và thường phục, cũng theo như viên quan nhị phẩm được gia phong tước hầu.

Ngũ phẩm, lục phẩm và thất phẩm:

Vào triều, mũ dùng nón sơn son cài lông đỏ,

Áo dùng màu hồng, lưng đeo thao đơn, tay nâng kiếm;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo, áo dùng thanh cát y;

Hành nghi: đi ngoài thành, yên ngựa sơn màu đen;

Thường phục, dùng các thứ là lụa trở xuống.

Văn ban, nhất phẩm:

Vào triều, dùng mũ phốc đầu,

Áo màu tía dùng đoạn tàu, bổ tử dùng hình con tiên hạc, đai thắt dùng sừng tên bịt bạc;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo,

Áo dùng thanh cát y, thắt thao kép, đeo ngọc, trang sức bằng bạc;

Khi vào triều, được 4 người theo hầu;

Hành nghi: Một dù hoặc lọng che mưa, một quạt vả, dùng màu xanh, một cổ kiệu vuông, yên ngựa sơn màu tía;

Thường phục, dùng các thứ gấm thêu.

Nhị phẩm, và đô ngự sử hàm chánh tam phẩm:

Vào triều, mũ đều dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con tiên hạc, bổ tử của viên đô ngự sử đều dùng hình con giải trãi;

Khi vào triều được hai người theo hầu;

Hành nghi: một dù hoặc lọng che mưa, võng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía, đi ngoài thành, được thêm một quạt vả;

Áo, mũ khi vào hầu phủ chúa và thường triều phục cũng theo như viên quan nhất phẩm.

Tam phẩm:

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con cẩm kê, đai lưng dùng đồi mồi, thắt thao kép đeo ngọc, không trang sức bằng bạc;

Áo mũ dùng khi vào hầu phủ chúa, người theo hầu khi vào triều hành nghi, thường phục cũng theo như viên quan hàm nhị phẩm.

Tứ phẩm, và các viên thị đốc, thiêm đô ngự sử hàm ngũ phẩm:

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu đỏ, bổ tử dùng hình con khổng tước, bổ tử của thiêm đô ngự sử dùng hình con giải trải;

Mũ áo dùng khi vào hầu phủ chúa, người theo hầu khi vào triều, vào hầu và thường phục cũng theo như viên quan hàm tam phẩm.

Ngũ phẩm và các viên thị thư, thị chế hàm lục phẩm, viên đề hình ngự sử hàm thất phẩm:

Vào triều, mũ, áo, bổ tử và đai lưng cũng theo như viên quan hàm tứ phẩm;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo,

Áo dùng thanh cát y, thắt thao kép không đeo ngọc, mũ và bổ tử của viên đề hình ngự sử dùng hình con giải trải;

Hành nghi: võng 3 đòn khiêng, còn dù hoặc lọng che mưa và yên ngựa cũng như viên quan hàm tứ phẩm.

Lục phẩm và viên quan đô cấp sự trung ở Lục khoa hàm chánh thất phẩm;

Vào triều, mũ, áo cũng như viên quan hàm ngũ phẩm, mũ dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu xanh, bổ tử dùng hình con vân nhạn, đai lưng dùng gỗ kỳ lam hương, người theo hầu được một người, còn các thứ khác đều theo như viên quan hàm ngũ phẩm.

Thất phẩm:

Vào triều, mũ, áo cũng theo như viên quan hàm lục phẩm, bổ tử dùng hình con bạch hạc, đai lưng dùng gổ tốc hương,

Hành nghi: yên ngựa sơn đen, một dù hoặc lọng che mưa, còn thứ khác đều theo như viên quan hàm lục phẩm.

Bát phẩm + đồng tri phủ hàm thất phẩm + tri huyện, tri châu hàm tùng thất phẩm + tự ban, huấn đạo hàm cửu phẩm:

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu xám, bổ tử dùng hình con tiêu liêu, đai lưng dùng sừng trâu bịt thau;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo, áo dùng thanh cát y, thắt thao đơn;

Hành nghi: đi ngoài thành, dùng yên ngựa sơn đen, viên đồng tri phủ được dùng một dù hoặc lọng che mưa, màu xanh;

Thường phục dùng các hàng the lụa thường.

Cửu phẩm cũng theo như bát phẩm:

Vào hầu phủ chúa áo dùng thanh cát y; không thắt thao đơn

Nho sinh, giám sinh chầu chực làm việc:

Mũ dùng ô sa mạo, áo dùng thanh cát y;

Hành nghi: đi ngoài thành, được cưỡi ngựa, còn các thứ khác cũng theo như cửu phẩm.

Án lại, lênh sử, đề lại, thông lại:

Khi chầu chực làm việc, mũ dùng thanh cát mạo, áo dùng thanh cát y, thường phục dùng các hàng lượt, là, vãi, lụa.

Mục "Lễ nghi chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép:

Mũ dương đường: Hình dạng cũng như mũ phốc đầu, duy đằng sau hơi cao, hai cánh thếp vàng.

Thanh cát y: Tục xưa dùng vãi nhuộm chàm, sau nhuộm nâu, đem hồ qua đi, lấy chày nện, vò kỹ rồi phơi khô, gọi là thanh cát y.

Thanh cát mạo: Nay không khảo cứu được.

Tháng 10 nhuận, mùa đông. Trịnh Tạc kèm nhà vua đi Phù Lộ.

Vì thấy quân ta đã rút về, Trịnh Tạc bàn đem đại binh vào xâm lấn, bèn kèm nhà vua đi đến châu Bắc Bố Chính, đóng ở Phù Lộ. Trịnh Căn làm thống lãnh, Đào Quang Nhiêu làm thống suất, Lê [Thì] Hiến và Hoàng Nghĩa Giao làm đốc suất, Lê Sĩ Triệt, Trịnh Tế và Thân Tấn làm đốc thị, đem các quân sang qua sông Gianh đóng ở thôn Phúc Tư.

Nguyễn Hữu Dật, trấn thủ châu Bố Chính, đóng ở xã Phúc Lộc, đắp lũy từ xả An Nẻo đến phường Chu Thị. Hữu Dật sai tướng thuộc hạ là Trương Vân Văn và Vân Trạch (sót họ) chia quân ra để chống cự phòng thủ. Tướng của họ Trịnh là Hoan Trung (sót họ) dẫn quân đem đủ long đình, tàn, lọng quay mặt sang phía hàng trận của Vân Trạch, hô to: "Có sắc mệnh của thiên tử, mở ngay cửa thành để đón tiếp". Vân Trạch trả lời: "Năm trước, khi quân ta rút lui về Hoành Sơn, bọn bay đuổi đánh, lúc ấy có sắc mệnh thiên tử không? Bây giờ muốn đánh thì đánh, bọn chúng bây lừa dối người ta thế nào được?" Nhân đấy Vân Trạch bắn chết được Hoan Trung, quân họ Trịnh sợ chạy. Bọn Đào Quang Nhiêu và Lê [Thì] Hiến, tướng của họ Trịnh, vội tung quân ra đánh, nhưng đánh không được, lại lui về thôn Phúc Tự.

Lời chua - Phù Lộ[1]: Xem năm Vĩnh Thọ thứ 3 (Chb. XXXII, 28).

Bắc Bố Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Phúc Tự: Tên thôn.

Phúc Lộc, An Nẻo: Tên 2 xã, nay đều thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chu Thị: Tên phường, nay thuộc huyện Minh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Thân Tấn: Người Phương Đỗ, huyện Yên Dũng, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652) năm Khánh Đức thứ 4 triều Lê Thần Tông.

Nhâm Dần, năm Vạn Khánh thứ nhất (1662). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 17 - Thanh, năm Khang Hi thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Đầm Thịnh Liệt cạn hết nước.

Lời chua - Thịnh Liệt: Xem Kính Tông, năm Hoằng Định thứ 16 (Chb. XXXI, 12).

Tháng 3. Nhà vua trở về kinh sư.

---

[1] Nay thuộc huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Lúc ấy, quân họ Trịnh đặt liên doanh ở các xã Trấn Ninh, Chính Thủy, hàng ngày khiêu chiến với quân ta. Trấn thủ Nguyễn Hữu Dật đốc suất dân Nam Bố Chính vào cả trong lũy, cố sức phòng thủ không động binh. Được hơn một tháng, quân của họ Trịnh thiếu lương ăn. Nhân đêm, Trương Văn Vân lẻn ra khe Động Giản, bắn giết hơn trăm người. Trịnh Căn bỏ doanh lũy chạy. Quân ta đuổi đến sông Gianh. Trịnh Tạc bèn kèm nhà vua trở về kinh sư.

Lời chua - Sông Gianh: Xem Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXIII, 6).

Trấn Ninh, Chính Thủy, Động Giản: Tên 3 xã, nay đều ở huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.

Sai Trịnh Kiền và Phùng Viết Tu quản lĩnh binh lính đi đánh Cao Bằng.

Bọn Kính Hoàn, mầm móng nhà Mạc còn sót lại, lại tụ tập quân ở Thất Tuyền. Triều đình bèn hạ lệnh cho thái úy Trịnh Kiền làm thống lĩnh, thiêm đô ngự sử Phùng Viết Tu làm đốc thị đem quân đi đánh. Đồ đảng giặc nghe tin chạy trốn.

Lời chua - Cao Bằng: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Thất Tuyền: Tức Thất Nguyên, nay là huyện Thất Khê, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

Tháng 5, mùa hạ. Sửa nhà Thái học.

Lúc ấy, cung tường nhà Thái học, phần nhiều đổ nát, bèn hạ lệnh cho Lễ bộ thượng thư Phạm Công Trứ trông coi việc thờ tự ở Quốc Tử giám, gia công sửa chửa, quy mô rộng rãi khang trang; lại ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng hội hợp các học trò để tập văn bài. Từ đấy phong khí nhà nho có phần phấn khởi.

Tháng 9, mùa thu. Nhà vua có bệnh. Đại xá cho trong nước.

Nhà vua mắc bệnh ung thư, hạ chiếu đổi niên hiệu là năm Vạn Khánh thứ nhất, đại xá cho trong nước.

Lập con là Duy Củ làm Thái tử.

Lúc ấy bệnh ung thư nhà vua chưa khỏi, bèn dụ bảo Trịnh Tạc rằng : "Trước đây, trẫm thấy chưa có người thừa tự, nên đem Duy Tào, người họ khác, lập làm hoàng thái tử. Nay trẫm nghĩ đến tinh linh tổ tiên ở trên trời, nên không dám đem ngôi báu khinh thường phó thác cho người khác. Duy Củ con trưởng của trẫm, nay lên 9 tuổi, đã gần đến tuổi trưởng thành, đáng được nối nghiệp lớn". Trịnh Tạc bèn ra lệnh cho văn võ trăm quan đều vào đơn trì, đợi chờ mệnh lệnh; nhân đấy, ủy cho bọn Phạm Công Trứ, Lê Viết Đăng, và Lê Công Tiến vào nơi nhà vua nằm, nhận cố mệnh[1]. Nhà vua lại dặn bảo như trước hai ba lần nữa. Tạc bèn dẫn bầy tôi tôn Duy Củ làm hoàng thái tử, truất Duy Tào làm người dân thường.

Lời chua - Duy Tào người họ khác: Việc này không khảo cứu được.

Nhà vua mất.

Nhà vua ở ngôi lần trước 25 năm, sau lại ở ngôi 13 năm, hưởng thọ 56 tuổi, miếu hiệu Thần Tông.

Tháng 11, mùa đông. Thái tử Duy Củ lên ngôi vua (tức Lê Huyền Tông).

Kể từ năm sau là năm Cảnh Trị thứ nhất.

---

[1] Xem chú thích số 4, Chính biên quyển V, tờ 20.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 33

Từ Quý Mão, Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (1663) đến Ất Mão, Lê Gia Tông, năm Đức Nguyên thứ hai (1675), gồm 13 năm.

Quý Mão, Huyền Tông Mục hoàng đế năm Cảnh Trị thứ nhất (1663). (Thanh, năm Khang Hy thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế Nam Giao.

Sai bọn đô đốc Trịnh Khiêm vào kinh thành quản lãnh quân bốn vệ để chầu chực bảo vệ nhà vua.

Bấy giờ nhà vua mới lên ngôi, còn nhỏ tuổi. Trịnh Tạc sai: Trịnh Khiêm tả đô đốc, Trạc quận công; Hoàng Sĩ Khoa, hữu đô đốc, Phổ quận công; Nguyễn Thụ, đô đốc đồng tri, Cường quận công; Trịnh Doanh đô đốc thiêm sự, Giao quận công, bốn người này vào kinh thành quản lãnh quân bốn vệ, ngày đêm chầu chực bảo vệ nhà vua.

Lời chua - Bốn vệ: Đều là vệ binh trong cung điện.

Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì vệ binh trong cung điện là: ty Thị kiệu số quân 50 người, các đội trong Ty Thị cận hiệu lực, vệ Cẩm Y, ty Kim Ngô tả loan giá, ty Kim Ngô hữu loan giá, mỗi đội 40 người; các cung Cửu Tiên tả và Cửu Tiên hữu mỗi cung 36 người; các đội Tả trực và Hữu trực mỗi đội 40 người; đội Thiên Hùng số quân 30 người. Còn danh hiệu bốn vệ thế nào không rõ.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ sắc lệnh khuyên răn các quan trong Ngự sử đài; khảo xét các quan thú lệnh[1] siêng năng hoặc lười biếng.

Ra sắc lệnh cho Ngự sử đài và các viên giám sát ở 13 đạo; xét hỏi đơn từ kiện tụng, phải tuân theo luật lệnh, giữ được thanh liêm cần mẫn, không được để công việc ứ đọng, không được làm trái với pháp lệnh đã định.

Lại hạ lệnh cho hai ty Thừa chính, Hiến sát các xứ; khảo xét các viên phủ huyện thuộc dưới quyền mình, xem người nào biết hết lòng thương yêu nuôi dưỡng dân, thi hành chính sự được công bằng, xét xử kiện tụng được hợp lý; người nào hà khắc, tham ô, bỉ ổi, chính sự lười biếng bê trệ. Các quan hai ty đều kê tên các hạng phủ huyện ấy trình bày, để sẽ thi hành việc truất bãi hoặc cất nhắc.

Tháng 6. Bắt đầu sai sứ thần sang nhà Thanh.

Lúc ấy nhà Minh đã mất, nhà Thanh vào Yên Kinh xưng hoàng đế. Về phần nhà Lê chưa từng sai sứ thần sang thông hiếu với nhà Thanh. Năm trước, triều đình nhà Thanh cho người đem sắc thư dụ bảo và tặng cho bạc và lụa. Vì thế, mới bắt đầu sai chánh sứ Lê Hiệu, phó sứ Dương Hạo và Đồng Tồn Trạch sang nhà Thanh nộp lễ cống hàng năm, tạ ơn việc tặng bạc, lụa và cáo phó việc Lê Thần Tông mất.

Lời chua - Lê Hiệu: Người xã Quan Trung, huyện Đông Thành, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái triều Lê Chân Tông.

[1] Tức viên tri phủ tri huyện.

Tồn Trạch: Người xã Triều Dương, huyện Chí Linh, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1648) năm Phúc Thái.

Dương Hạo: Người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm[1], đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640), năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

Thủy Tai.

Nước sông Nhị tràn ngập, ruộng lúa phần nhiều bị lụt, nhất là hai phủ Khoái Châu và Thường Tín càng bị nước phá hại nhiều hơn.

Lời chua - Sông Nhị: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb, II, 13).

Khoái Châu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Thường Tín: Tên phủ, thuộc Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Hà Nội[2].

Cấm thi hành luật chuộc tội.

Theo chế độ cũ, 5 luật hình[3] đều được phép chuộc tội. Đến nay hạ lệnh cho các quan xét hình ngục ở trong kinh ngoài các đạo: những phạm nhân nào không được dự vào bát nghị[4], đều phải theo hình luật đã luận tội nặng hay nhẹ mà thi hành, không được phép chuộc.

Lời chua - Thể lệ chuộc tội: Theo "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì danh lệ tiền luật triều Tiền Lê[5] người phạm tội được nộp tiền chuộc như thế này:

Tội phạt đánh bằng trượng được phép nộp tiền chuộc: Nếu người phạm tội là quan tam phẩm thì cứ mỗi trượng nộp chuộc 5 tiền, tứ phẩm 4 tiền, ngũ và lục phẩm 3 tiền, thất và bát phẩm 2 tiền, cửu phẩm và thứ nhân 1 tiền.

Tội đồ được phép nộp tiền chuộc: Phải đồ làm lính chăn voi (tượng phường binh) nộp chuộc 60 quan, phải đồ làm lính đồn điền nộp chuộc 100 quan.

Tội lưu được phép nộp tiền chuộc: Lưu đi cận châu[6] nộp tiền chuộc 130 quan, Viễn Châu[7] 320 quan.

Tội tử hình nộp tiền chuộc 330 quan.

Bát nghị (8 tiêu chuẩn được viễn dẫn ra trong khi nghị tội):

1. Nghị thân (phạm nhân là người họ thân của vua chúa).
2. Nghị cố (phạm nhân trước kia giúp vua chúa đã lâu, được vua chúa tin yêu).
3. Nghị hiền (phạm nhân là người có đức hạnh đáng làm khuôn thước).

[1] Nay thuộc xã Lạc Đạo, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[2] Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[3] Xem lời chua của Cương mục ở dưới. Về ngũ hình, ở đây Cương mục chỉ nói tội phạt trượng, tội đồ, tội lưu và tội tử, còn tội phạt đánh bằng roi không thấy nói đến, có lẽ tội phạt đánh bằng roi không đặt thể lệ chuộc bằng tiền.

[4] nt.

[5] Sứ thần triều Nguyễn nhận từ Lê Thái Tổ đến Lê Chiêu Tông là Tiền Lê, từ Lê Trang Tông trở đi là Hậu Lê. Xem thêm lời chua của Cương mục chính biên quyển XXXIV, tờ 6.

[6] Thời Lê Thái Tổ: cận châu là Nghệ An, Viễn Châu là Bố Chính (xem thêm Chb. XV, 10). Còn thời Lê Trung Hưng có thay đổi thế nào, chưa rõ.

[7] Nt.

4. Nghị năng (phạm nhân có tài năng về quân sự hoặc chính trị vượt hơn mọi người).

5. Nghị công (phạm nhân có công đánh giặc hoặc mở mang bờ cõi trong nước).

6. Nghị quý (phạm nhân có chức tước cao).

7. Nghị cần (phạm nhân đã từng cần mẫn khó nhọc khi làm việc ở trong nước hoặc đi sứ ở nước ngoài).

8. Nghị tân (Phạm nhân là dòng dõi con cháu của vua các triều trước, giữ việc tế tự ở miếu thờ các vua triều trước. Người này được vua chúa đương thời coi như người khánh, không dám coi là bầy tôi, nên gọi là "Tân").

Tiêu chuẩn bát nghị kể ở trên, chép trong sách Chu Lễ.

Tháng 7, mùa thu. Ban bố rõ giáo điều cho trong nước.

Đại lược giáo điều nói: Làm bầy tôi phải hết lòng trung với vua; làm con phải giữ đạo hiếu; anh em hòa thuận với nhau; vợ chồng kính yêu lẫn nhau; bè bạn giữ lòng tin thực để giúp đỡ nhau làm điều hay; cha mẹ sửa mình để dạy bảo con; thầy trò dùng đạo nghĩa đối đãi với nhau; người gia trưởng trước hết tự mình giữ lễ nghĩa để dẫn đường cho người trong nhà; con em phải tôn kính cha anh; đàn bà không được trái đạo với chồng. Ở trong hương đảng thì người lớn người bé yêu kính nhau; cùng nhau mở mang việc lợi, trừ bỏ việc hại; không được cậy mình mạnh mà lấn áp người yếu, không được bầy ra kiện tụng để làm lợi riêng; chớ chiếm đường sá làm vườn tược, chớ lấn khe cừ làm hồ ao; cùng nhau hưởng chung mối lợi của núi, rừng, sông, chằm; chọn người đứng đắn ra làm người đứng đầu ở phường, trang, thôn, xã; nghề nghiệp sinh sống cần phải chăm chỉ siêng năng; lệ lượt hương ẩm cần phải sẻn nhặt, chớ dựa quyền thế người khác hoặc cậy quyền thế mình mà gởi gắp việc kiện tụng; chớ cố ý đem người già người yếu mà sinh sự để gieo vạ cho người lương thiện; cầu cống đường sá, chỗ nào hư hỏng thì tùy tiện sửa chữa bồi đắp; người giữ việc lại điển[1] không được điên đảo sổ sách giấy tờ; không người nào được xâm phạm phá hũy lăng miếu, đền thờ, mộ địa; con trai, con gái, chớ làm đồng cốt theo dị đoan; nhà có việc tang chớ nhân ngày trung nguyên[2] bày ra cúng phật; chớ ngạo mạn với quan trưởng; chớ dụ dỗ người đem bán, việc dựng vợ gả chồng nên phân biệt nòi giống, chớ tính toán tiền tài; lễ tang mà tùy theo cảnh nhà giàu hay nghèo, chớ sách nhiễu về việc ăn uống.

Giáo điều này tất cả 47 điều, ty Thừa chính, Hiến sát các xứ và phủ, huyện, châu, mỗi nha môn phải sao một bản treo ở công đường làm việc. Ở các làng, thì xã trưởng chép vào một tấm biển treo ở trong đình, cứ ngày hương ẩm[3] hội hợp già trẻ, trai gái trong làng, rồi đem giáo điều giảng đọc hiệu bảo, khiến mọi người biết mà khuyên răn để tiến lên phong tục tốt đẹp.

Lời phê - Giáo điều không gì trước hơn là "làm bầy tôi phải hết lòng trung với vua". Khi mở sách ra đã thấy nghĩa câu ấy đứng hàng thứ nhất. Nhưng thử hỏi lúc bấy giờ đã thi hành điều ấy hay chưa[4]. Còn các điều khác không cần gì phải kể đến.

Tháng 8. Hạ lệnh: phân biệt đối xử với những người nhà Thanh đến trú ngụ.

Bấy giờ người nhà Thanh phần nhiều đến trú ngụ ở dân gian, làm cho phong tục hỗn độn. Triều đình bèn hạ lệnh cho ty Thừa chính các xứ xét trong hạt mình, nếu có khách trú ngụ là người nhà Thanh thì phải tùy tiện đối xử, để phân biệt phong tục nước ngoài.

Tháng 10, mùa đông. Nhắc rõ lệnh cấm người theo tả đạo Gia tô.

---

[1] Người giữ sổ sách giấy tờ, nói chung, người giữ công việc ở văn phòng các nha môn, nói riêng. Ở đây, có lẽ chỉ những người giữ sổ sách giấy tờ trong thôn trong xã như thư ký, thủ bạ, lý trưởng sau này.

[2] Ngày rằm tháng 7 âm lịch, ta thường gọi là ngày vong nhân xá tội.

[3] Tế thần theo tiết lễ hàng năm, rồi già trẻ cùng nhau ăn uống, vị thứ chỗ ngồi phần nhiều theo tuổi.

[4] Chỉ việc Trịnh Tạc đối với vua Lê.

Trước đây, có người Tây Dương gọi là Hoa lang di, vào ở trong nước ta đem đạo dị đoan[1] của Gia tô lừa dối dụ dỗ làm ngu muội dân chúng, những người quê mùa nông nổi phần nhiều tin mộ đạo ấy, họ lập tòa giảng nghe giảng đạo, sự mê hoặc đắm đuối mỗi ngày càng sâu rộng. Trước đã hạ lệnh đuổi người truyền đạo ấy đi, nhưng còn bọn tiểu nhân thấm sâu vào tập tục ấy chưa thay đổi được, nên đến nay lại hạ lệnh cấm.

Lời chua - Tây Dương: Nhất thống chí nhà Thanh chép: Năm Vạn Lịch thứ 9 (1581) triều nhà Minh, Tây Dương có Lỵ Mã Đậu[2] mới vượt biển đến vùng Hương Sơn thuộc Quảng Châu; đến năm thứ 29 (1601) Lỵ Mã Đậu bèn vào Yên Kinh, đồ đệ của ông ta theo đến rất đông, đều tôn sùng đạo thiên chúa, họ rất có tài về việc chế tạo và sáng tác.

Hoa Lang: Theo "Truyện ngoại quốc" trong Minh sử. thì Hoa Lang tức là Hòa lan, cũng ở Tây Dương, tập tục đọc sai là Hoa lang. Sách kiên biểu bí lục của Chử học Giá nhà Thanh chép: cuối năm Gia Tĩnh (1522 - 1566) triều Minh, Mã Đậu họp tập người đồng bạn đi tàu vượt biển du lịch các nước gồm 6 năm, đến nước An Nam rồi vào địa giới Quảng Đông.

Gia - tô: Theo sách Dã Lục[3], thì ngày tháng 3 năm Nguyên Hòa thứ nhất (1533) đời Lê Trang Tông, người Tây Dương tên là Y-nê-xu[4] lén lút đến xã Ninh Cường, xã Quần Anh huyện Nam Chân[5] và xã Trà Lũ huyện Giao Thủy[6], ngấm ngầm truyền giáo về tả đạo Gia tô.

Bổ dụng Đinh Văn Tả giữ công việc đô tổng binh sứ ở xứ Yên Quảng.

Địa phận xứ Yên Quảng ở ven biển, giáp với châu Khâm nhà Thanh, thường có giặc biển quấy nhiễu, triều đình bèn sai Văn Tả trấn giữ đất này.

Lời chua - Yên Quảng: Tức xã Yên Bang xưa, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 25, 35).

Tổng binh: Hồi đầu triều Lê đặt chức tổng binh, niêu hiệu Hồng Đức (1470 - 1497) thêm vào là đô tổng binh sứ[7]. Chức này phẩm trật chánh tam, tức là trấn thủ trong một trấn.

Tháng 11. Miễu trừ hoặc giảm nhẹ tiền quý, tiền thuế cho dân, có chỗ nhiều chỗ ít khác nhau.

Vì cớ có nạn thủy tai.

Lời chua - Quý và thuế: Tính từng suất đinh mà đánh thuế gọi là "quý"; đo đạc ruộng công mà đánh thuế gọi là "thuế".

---

[1] Theo quan điểm của sử gia xưa, chỉ có đạo Khổng Mạnh là chính đạo, ngoài ra các đạo học khác đều là dị đoan, nên họ chép đạo Gia Tô là dị đạo.

[2] Matteo Bicci (1552 - 1610) một giáo sĩ truyền đạo Gia tô của Ý Đại Lỵ.

[3] Cũng như Dã sử, sách của tư gia ở dân gian nghi chép, khác với sách của sử quan, nên gọi là Dã Lục.

[4] Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim phiên âm "I nê khu", nhưng phải phiên là "I nê xu" mới đúng, vì chính tên là Ignatio.

[5] Nam Chân và Gia Thủy nay đều thuộc tỉnh Nam Định.

[6] Nt.

[7] Cương mục chua lầm. Hồi đầu triều Lê. Thái Tổ chia trong nước làm 5 đạo, ở đạo đặt vệ quân, ở vệ đặt chức tổng quản (Chb. XV, 5). Năm Quang Thuận thứ 7, Thánh Tông chia trong nước làm 12 đạo, ở đạo đặt Đô ty cùng với Thừa ty, chức tổng binh đứng đầu đô ty (Chb. XX, 8). Trong sử Cương mục có chỗ chép tắt là "tổng binh" , có chỗ chép đũ là "đô tổng binh sứ" (Chb. XX, 38). Còn chức đô tổng binh sứ đặt năm Hồng Đức thứ 2 là vì lúc ấy mới khai thác đạo Quảng Nam nên cũng theo như 12 đạo mà đặt đô tổng binh sứ ở Đô ty Quảng Nam, không phải đến năm Hồng Đức mới thêm vào là đô tổng binh sứ - chữ "sứ" trong câu đô tổng binh sứ chép ở đây Cương mục in lầm ra chữ "thuế".

Giáp Thìn, năm thứ 2 (1664). (Thanh, năm Khang Hy thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Định rõ lại điều lệ thi hội.

Từ năm Quang Hưng (1578 - 1579) trở về sau khôi phục lại chế độ cũ, cứ ba năm một lần thi đại tỵ, nhưng quy chế thể thức trường thi hãy còn sơ lược. Đến nay, mới sang định rõ lại từng điều, từng khoản. Việc ấn định này, từ đây trở về sau bèn giữ làm thể lệ tường hành.

Lời chua - Niên hiệu Quang Thuận thứ 4 (1463) đời Lê Thánh Tông bắt đầu định thể lệ 3 năm một lần thi đại tỵ, sau giữ làm lệ thường.

Niên hiệu Quang Hưng năm thứ 3 (1580) đời Lê Thế Tông khôi phục lại khoa thi hội.

Theo "Khoa mục chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, năm ấy định thể lệ thi hội như sau:

Trường thi hội đặt ở trước sân điện Giảng Võ, bốn chung quanh rào hai lần giậu kín, một lần giậu thưa, hào rãnh ở chung quanh trường đều bố trí một lượt chông chà.

Giữa trường thi làm 4 vì, có một ngôi nhà làm công đường của thí viện, còn viện Đồng Khảo. viện Giám khảo mỗi viện đều ở riêng một nơi.

Các cử nhân[1] chiếu theo tên mình đã viết vào thẻ cắm ở chỗ nào thì chia nhau ngồi ở chỗ ấy mà làm bài, mỗi chỗ ngồi đều che bằng lều tre.

Các viên quan tham dự công việc trong trường thi có: một viên Đề điệu, dùng bậc đại thần trong hàng quan võ; một viên Tri cống cử, dùng viên quan trong hàng Thượng thư hoặc Đô Ngự sử đài; hai viên Giám thí, dùng các viên quan trong hàng Thị lang hoặc phó Thiêm đô ngự sử; viên đóng ấn vào quyển thi dùng viên quan Thượng bảo tự khanh, viên quan này phụng lệnh ấn ngự bảo đóng vào quyển thi và niêm phong quyển.

Văn thể dùng giọng hồn hậu tao nhã, cấm dùng lời phù phiếm, đơn bạc, hiểm hóc, trúc trắc. Kỳ thi đối sách trình bày công việc hiện thời, cần phải châm chước cho đắc thể, thích ứng với sự thực, không được làm những lời quá khoe khoang.

Việc đằng lục[2], đối đọc[3], thì các kỳ đệ nhất, đệ nhị, đệ tam dùng nho sinh và sinh đồ các phủ, chiếu theo từng kỳ một mà thay đổi nhau; đến kỳ đệ tứ thì điều đem lại điển ở nha môn thay thế cho nho sinh, sinh đồ các phủ.

Còn như những việc kiểm xét sĩ tử khi mới vào trường, đi tuần chung quanh trường để phòng gian trá, niêm phong quyển thi, soạn số hiệu quyển thi, đưa quyển thi từ viện này đến viện khác, viết tên các sĩ tữ vào bảng để treo ở cửa trường và các vật dụng cung đốn, cũng đều có định thành điều khoản thứ mục.

Lời phê - Đối sách mà phải "châm chước cho đắc thể" , thế là mở ra thói a dua, chỉ vì e rằng sĩ tử làm văn lại nói động đến họ Trịnh đấy thôi. Học giỏi như Lưu Phần[4] mà thi khoa này tức nhiên cũng bị đánh hỏng. Còn đặt khoa cử cầu lấy nhân tài làm gì nữa?

---

[1] Tức những người đã đỗ kỳ thi hương nay được vào thi hội, đáng lẽ phải chép là "hương cống" mới đúng, ở đây Cương mục chép "cử nhân" là sai vì triều Lê, người đỗ thi hương gọi là hương cống, đến năm Minh Mạng thứ 6 (1825) mới đổi gọi là cử nhân.

[2] Sĩ tử làm bài xong, đem quyển đệ nộp, sau khi đó, giám sinh, sinh đồ, hoặc lại điền theo nguyên văn mà viết tinh tường lại, thành một quyển khác.

[3] Sau khi đã viết lại rồi, lại phải đọc quyển nguyên văn để đối chiếu với quyển viết lại cho được đúng.

[4] Một danh sĩ đời Đường, thời đại Văn Tông nhà Đường (127-840). Lưu Phần đi thi, cực lực vạch mặt bọn hoạn quan chuyên quyền hại nước, quan trường sợ bọn hoạn quan, không dám lấy đỗ. Một người trong bọn thi đỗ nói: "Lưu Phần hỏng mà chúng ta đỗ, chả đáng mặt dầy lắm sao?".

Tân Vương Tạc vào chầu vua không phải lạy, tờ chương tấu không phải xưng tên, đặt chỗ ngồi ở bên tả chỗ ngồi của vua.

Tạc, vượt đẳng cấp bầy tôi, lấn uy quyền nhà vua, không kiên nể gì. Muốn tự gia phong cho mình được điển lễ đặc biệt, trước hết Tạc yêu cầu nhà vua ban tờ chiếu cho được ưu đãi, để che tai mắt người ngoài. Từ đây trở đi, thanh kiếm thái a, họ Lê nắm đằng lưỡi, họ Trịnh nắm đằng chuôi[1], mất hết lễ nghi đường bệ[2].

Lời phê - Không phải từ đây, mà đã nảy mầm từ lâu rồi. Cũng như băng tuyết đã báo dấu hiệu ngay từ khi mới có sương.

Lời cẩn án - Theo lễ, thì bầy tôi không được vượt quá chế độ, người nào vượt chế độ là người ấy không còn biết đến người trên mình nữa, tội ấy không còn gì lớn hơn.

Nhà Lê suy yếu, chính quyền lọt vào tay Trịnh Tùng. Tùng tự gia phong cho mình lên tước vương, kể đã lấn quyền vượt phận quá đỗi. Đến như Tạc lại giã thác mệnh lệnh của vua mà tự gia cho mình điển lễ đặc biệt: vào chầu không lạy, chương tấu không xưng tên, đặt chỗ ngồi ở bên tả chỗ ngồi của vua. Những việc ấy, Đổng Trác, Tào Tháo nhà Hán[3], Lưu Dụ nhà Tấn[4] chưa từng làm mà Tạc dám làm, Đổng Trác, Tào Tháo, Lưu Dụ chẳng qua chỉ không xưng tên trong tờ chương tấu, không đi rảo bước lúc ở triều đường và được đeo kiếm, đi giầy lên trên điện, thế mà sách Cương mục (của Chu Tử) còn chép đủ các tội ấy để tỏ rõ việc tiếm quyền của bọn này. Huống hồ Tạc là người hung hãn trái ngược quá chừng, tội của hắn không thể nào tha thứ được, cho nên chép ra đây để răn những kẻ không giữ đạo làm tôi.

Tháng 4, mùa hạ. Thi khảo lại sinh đồ ở giữa bãi sa bồi sông Nhị.

Trrước đây, phép thi sơ lược rộng rãi, học trò phần nhiều mang theo bài cũ. Từ năm Canh Tý đến nay, đã nhiều lần có lệnh cấm ngăn, mà người được đỗ vẫn còn nhiều hạng người mượn tay người khác làm bài hộ, vì thế mà lời bàn tán của quần chúng xôn xao sôi nổi. Đến đây, triều đình sai quan thi khảo lại những sinh đồ đã lấy đỗ trong ba khoa: Đinh Dậu, Canh Tý và Quý Mão.

Đầu bài thi: Làm một bài thơ theo luật đường; ám tả một chương chính văn và đại chú trong tứ truyện. Người nào đỗ vẫn được giữ nguyên là sinh đồ; ngoài ra, những người không đỗ sẽ ở lại học tập ba năm và được miễn trừ tạp dịch; lại thi một lần nữa, nếu người nào không đỗ sẽ cho trở về hạng dân đinh để chịu tạp dịch. Lúc ấy, những người bị đánh hỏng đến quá một nữa.

Lời chua - Đinh Dậu: Tức năm Thịnh Đức[5] thứ 5 (1657) đời Lê Thần Tông, Canh Tý: Tức năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) đời Lê Thần Tông. Quý Mão: Tức năm Cảnh Trị thứ nhất (1663) đời Lê Huyền Tông.

Sinh đồ: Học trò thi hương lọt được 3 kỳ gọi là sinh đồ, cũng như tú tài bây giờ.

Tháng 5. Được mùa to.

Bắt đầu ấn định phép ngũ lượng[6].

Đầu niên hiệu Thịnh Đức, triều đình ban cái thăng công bằng đồng cho hai ti[1] ở các xứ, cái thăng ấy theo khuôn thước cũ đời Hồng Đức, mỗi thăng là 6 cáp gạo. Nay Phạm Công Trứ bàn theo trong kinh

---

[1] Nguyên văn chép "thái a đảo trì". Thái a là tên một thanh kiếm sắc bén; câu này ý nói người làm vua không biết giữ lấy quyền bính mà giao cho người khác, thì cũng như người có thanh kiếm sắt mà để người khác giữ đằng chuôi, mình giữ đằng lưỡi, tất nhiên bị hại.

[2] Đường: chỗ cao lớn tôn nghiêm, tượng trưng ngôi của vua chúa. Bệ: chỗ thấp bé, tượng trưng địa vị bầy tôi.

[3] Đổng Trác, Tào Tháo đều người cuối thời Đông Hán. Dưới triều Hán Hiến đế. Trác tự xưng là Thái sư, sau khi Trác bị Vương Doãn giết, Tháo tự xưng là Thừa tướng, Trác và Tháo đã lần lượt thay đổi nhau uy hiếp Hán Hiến đế, nắm hết quyền bính trong nước.

[4] Lưu Dụ một viên tướng quốc nhà Tấn, giết An Đế và truất Cung Đế nhà Tấn, cướp lấy ngôi vua, tức là Tống Vũ đế của Nam triều trong thời kỳ Trung Quốc chia ra Nam Bắc Triều.

[5] Cương mục chép lầm là Khánh Đức.

[6] Năm thứ dùng để đong lường.

sách, lấy trong ống hoàng chung chứa được 1.200 hạt thóc làm một thược, cứ 10 thược làm một cáp, 10 cáp làm một thăng, 10 thăng làm một đấu, 10 đấu làm 1 hộc. Còn như cái thăng công bằng đồng ban hành trước kia, không hợp với số lượng ấn định ấy, nghĩ xin dựa theo phép ngũ lượng cho đúc lại rồi ban hành.

Lời chua - Thịnh Đức (1653-1657): Niên hiệu Lê Thần Tông.

Ban hành thăng bằng đồng: Việc này sử cũ không chép.

Ngũ lượng: Tức thược, cáp, thăng, đấu, hộc.

Tháng 6. Định thể lệ tiền phạt, tiền bồi thường về những án nhân mạng.

Trong dân xã có người gian ác hung tợn gây ra án mạng, mà lúc ngày thường người cùng họ, cùng làng với hung thủ đã không biết răn bảo ngăn cấm, đến lúc xảy ra việc án mạng, lại không biết bắt hung thủ giải nộp lên quan, thì trong họ, trong xã đều phải phạt 50 quan tiền; còn tiền đền mạng thì thu ở người can phạm, nếu người can phạm không đủ sức nộp, thì lấy tiền phạt cấp cho bên có người bị hại làm tiền tống táng.

Lời chua - Tiền đền mạng: "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) đời Lê Thần Tông, lệ định: Người nào đánh chết người, thì gia tài người ấy đem niêm phong tịch ký để làm tiền đền mạng, còn người can phạm ấy thì chiểu luật luận vào tử hình.

Mồng một, tháng 11, mùa đông. Nhật thực.

Ngày Kỷ Sửu, sao Chổi xuất hiện ở phương đông nam vào vị trí sao Dực và sao Chẩn, đuôi sao chổi chỉ về phía sao Trương, dài đến 5 trượng.

Trịnh Tạc tâu nhà vua lánh ở điện khác, giảm bớt thức ăn, triệt bỏ âm nhạc; cho vời các quan văn quan võ thương lượng bàn bạc về chính trị điều hay, điều dở, triệt bỏ 13 sở tuần ti trái lệ ngạch ở đường thủy và đường bộ. Lòng người lấy làm vui mừng. Ít lâu sau, sao Chổi lặn.

Lời chua - Mười ba sở tuần ti: "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: năm ấy triệt bỏ mười ba sở tuần ti trái lệ ngạch là:

1. Tuần ti Chính Đại huyện Tống Sơn.
2. Tuần ti Liên Hinh huyện Quảng Xương.
3. Tuần ti Mộ Chu huyện Bạch Hạc.
4. Tuần ti Lục Đầu huyện Thanh Lâm.
5. Tuần ti Vạn Phái huyện Thanh Lâm.
6. Tuần ti Hoàng Giang huyện Thư Trì.
7. Tuần ti Thụ Mệnh huyện Thụy Nguyên.
8. Tuần ti Trù Hựu huyện Bảo Lộc.
9. Tuần ti Tứ Kỳ huyện Nga Sơn.
10. Tuần ti Vân Sàng huyện Yên Khang.
11. Tuần ti Am Sài huyện Đông Quan.
12. Tuần ti Lịch Giang phủ Gia Hưng.
13. Tuần ti Tam Kỳ huyện Phượng Nhỡn.

[1] Tức Thừa Chính sứ ti và Hiến Sát sứ ti.

Hạ lệnh cho phạm nhân nào trước kia trốn tránh nay tự ra thú, sẽ được giảm nhẹ hoặc tha bổng.

Lúc ấy, những tù phạm tội phần nhiều đi trốn, nên cho phép đều được tự ra thú, sẽ xét người phạm tội nặng cho giảm nhẹ, người phạm tội nhẹ được tha bổng.

Bắt đầu đặt chức quan Chưởng Phủ sự[1] và Thự Phủ sự[2] trong ngũ phủ.

Trong ngũ phủ đều đặt chức Đô đốc phủ Chưởng Phủ sự và Đô đốc phủ Thự phủ sự. Bổ dụng những người sau đây:

- Thái phó Khê quận công Trịnh Trượng giữ chức Trung quân Đô đốc phủ tả Đô đốc chưởng phủ sự;

- Lỵ quận công Trịnh Đống giữ chức Đông quân Đô đốc phủ tả Đô đốc Chưởng phủ sự;

- Thiếu úy Vân quận công Trịnh Kiền giữ chức Nam quân Đô đốc phủ tả Đô đốc thự phủ sự;

- Hào quận công Lê [Thì] Hiến giữ chức Tây quân Đô đốc phủ tả Đô đốc thự phủ sự;

- Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc giữ chức Bắc quân Đô đốc phủ tả Đô đốc thự phủ sự.

Lời chua -Ngũ phũ: "chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Đầu năm Quang Thuận (1460 -1469) đời Lê Thánh Tông, đặt chức tả đô đốc, hữu đô đốc trong ngũ phủ[3], chuyên giữ về binh chính. Hồi Lê Trung Hưng mới đặt thêm chưởng phủ sự và thự phủ sự, dùng quan đại thần có vị vọng long trọng giữ chức này. Chức này sau cùng với các chức tham tụng, bồi tụng và quyền phủ làm "ngũ phủ phủ liêu".

Đặt đủ chức Thượng thư trong sáu bộ.

Hồi đầu trung hưng sắp xếp quan chức, có tên sáu bộ, nhưng chức quan thượng thư chưa được đủ số. Đến nay bổ dụng:

Tham tụng Phạm Công Trứ làm thượng thư bộ Lại.

Bồi tụng Trần Đăng Tuyển làm thượng thư bộ Hộ,

Nguyễn Năng Thiệu làm thượng thư bộ Lễ,

Vũ Duy Chí làm thượng thư bộ Binh,

Phan Kim Toàn làm thượng thư bộ Hình,

Lê Hiệu làm thượng thư bộ Công. Lại bổ dụng Lê Sĩ Triệt làm đô ngự sử trong Ngự sử đài.

Lời cẩn án -Triều Tiền Lê[4] chưa đặt chức Tham tụng và Bồi tụng, sau khi trung hưng, chính quyền về tay họ Trịnh, mới đặt hai chức này để tham dự giúp đỡ chính phủ[5]. Thời đại Lê Thần Tông (1649 -1662), Trịnh Tạc bổ dụng Phạm Công Trứ, thượng thư bộ Lễ, và Dương Trí Trạch, thượng thư bộ Lại, đều giữ chức Tham tụng. Từ đấy, Tham tụng là chức đứng đầu giúp việc chính phủ mà bồi tụng là chức thứ hai.

Lời chua -Trần Đăng Tuyển: Người xã Hoàng Mai, huyện Yên Dũng, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

---

[1] Những chức quan trong ngũ phủ thời Lê -Trịnh có nhiệm vụ bàn định các công việc ở trong phủ, tra xét những tờ khải tâu lên.

[2] nt.

[3] Xem thêm Chính biên quyển XX, tờ 2.

[4] Xem chú thích số 3 Chb. XXXIII, 4.

[5] Từ đây đến hết triều Lê, phàm nói "chính phủ" đều dùng nghĩa chính quyền trong phủ chúa Trịnh.

Phan Kiêm Toàn: Người xã Địa Linh, huyện Thụy Nguyên, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái, triều Lê Chân Tông.

Vũ Duy Chí: Người xã Một Trạch, huyện Đường An.

Định kỳ hạn sửa đắp đê điều.

Cứ tháng 10 hàng năm, ti Thừa Chính các xứ sức cho các huyện thuộc hạt đi khám đê đường, xem chỗ nào cần phải sửa đắp: nếu là công trình nhỏ, thì chiếu theo xã nào mà thế nước có thể đến được sức cho dân các xã ấy tự làm công việc sửa đắp, việc sửa đắp này là do huyện trông coi thúc giục; nếu là công trình lớn thì hạ lệnh cho quan đôn đốc. Hàng năm cứ sơ tuần[1] tháng giêng khởi công, đến trung tuần tháng ba công việc đã phải làm xong. Thể lệ này đặt làm thể lệ lâu dài.

Tháng 12. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Bọn chánh sứ Ngô Quang và phó sứ Chu Chí Viễn sang dụ bảo việc tế Lê Thần Tông.

Khánh thành điện Chiêu Sự ở đàn Nam Giao.

Điện vũ ở đàn Nam Giao, trước kia quy mô nhỏ hẹp, nay sai quan gia công xây dựng thêm, đến đây công việc đã hoàn thành, lại hạ lệnh cho từ thần[2] là bọn Hồ Sĩ Dương soạn văn bia để ghi công việc ấy.

Lời cẩn án -Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép: Đời Hồng Đức định quy chế về đàn Nam Giao; điện Chiêu sự ba gian hai chái, đông vũ và tây vũ đều bảy gian, lại có điện canh ly[3], nhà trai cung[4] và nhà bếp, mở ba tầng cửa, bốn chung quanh xây tường.

Tùy bút lục của Phạm Hồ chép: nước ta có đàn Nam Giao bắt đầu từ đời nhà Lý, đến đời Lê Trung Hưng lại sửa sang xây dựng thêm.

Nay xét "Lý Anh Tông kỷ" chép: "nhà vua ngự ra cửa nam thành Đại La xem đắp đàn Viên Khưu"[5]. Thế thì từ triều nhà Lý, nước ta đã có đàn Nam Giao, mà điện vũ trong đàn thì bắt đầu xây dựng từ năm Hồng Đức (1470-1497).

Lời chua -Điện Chiêu sự: ở phía nam thành Thăng Long về địa phận thôn Thịnh An, huyện Thọ Xương, nay nền cũ vẫn còn.

Ất Tỵ, năm thứ 3 (1665). (Thanh, năm Khang Hy thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Định phép khảo công.

Hạ lệnh cho Ngự sử đài khảo xét hành trạng quan lại trong kinh và ngoài các trấn, người có công, người có tội phân biệt xếp thành từng hạng từng bậc.

Về hạng quan chia ra ba bậc: người nào cần mẫn, cẩn thận, công bằng, liêm khiết, thương yêu dân chúng, chính trị bằng phẳng, kiện tụng trôi chảy, liệt vào bậc thượng khảo, người nào không nhũng nhiễu dân về việc đòi hỏi bắt bớ, về việc khoa điều án từ, không khiếm khuyết việc công, liệt vào bậc trung khảo; người nào tham ô bỉ ổi, kiện tụng để ứ đọng, liệt vào bậc hạ khảo.

Về hạng lại chia ra hai bậc: Người nào thanh liêm, tài cán, siêng năng, nhanh nhẹn, liệt vào bậc trung khảo; người nào bỉ ổi, tham ô, nhũng nhiễu, liệt vào bậc hạ khảo.

Hàng năm, cứ đến cuối năm, Ngự sử đài làm danh sách tâu trình để bàn định thi hành việc truất bãi hoặc cất nhắc.

---

[1] Cũng như thượng tuần, hằng tháng từ mồng 1 đến mồng 10.

[2] Bầy tôi sở trường về văn từ.

[3] Ngôi nhà để vua thay áo.

[4] Ngôi nhà để vua ở đấy trai giới. Đời xưa, trong cung vua và ở đàn tế trời đất đều có trai cung, gặp năm nào làm lễ tế nam giao hoặc bắc giao, thì trước khi tế vua trai giới ở trai cung tại trong cung hai ngày và trai giới ở trai cung tại đàn một ngày.

[5] Xem Lý Anh Tông năm Đại Định thứ 15, Chính biên quyển V, tờ 6.

Tháng 4, mùa hạ. Gia phong tước Hoằng quận công cho Nguyễn Đình Kế, phiên thần[1] ở Lạng Sơn.

Thổ tù Lạng Sơn là Bế Công Lượng và Bế Công Tế trái mệnh lệnh triều đình đã từ lâu; Đình Kế đến trấn thủ Lạng Sơn dụ dỗ được bọn Công Lượng cam kết quy thuận, được triều đình ngợi khen. Vì thế nên có mệnh lệnh được gia phong này.

Lời chua -Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31).

Định rõ lại phép khám xét kiện tụng.

Hạ lệnh cho các ty khám xét kiện tụng ở trongkinh và ngoài các trấn, nếu có luận tội phạm nhân đều phải làm tờ khải trình bày. Tội nào luận vào tử hình phải đợi triều đình bàn định lại mới được thi hành; còn hình phạt luận vào tội cắt gót, tội phạt trượng thì các quan xét kiện được tự xử đoán, nhưng không được để ứ đọng.

Lại định: 1. Thể lệ phạt tiền viên quan xét đoán kiện tụng không đúng lý; 2. Nếu việc kiện đã xử đúng lý rồi mà người đương sự còn tự ý kiện đi kiện lại một cách càn rỡ, cũng đều tùy theo lý lẽ việc kiện lớn hay nhỏ, chức phẩm viên quan xử kiện cao hay thấp mà luận phạt người phúc khiếu càn dỡ ấy nặng nhẹ khác nhau.

Lời chua -Thể lệ phạt tiền: "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Năm ấy, định thể lệ phạt tiền viên quan xét đoán kiện tụng không đúng lý như thế này:

Phàm việc kiện lớn xét xử không đúng lý mà người đứng xét xử là viên quan nhất phẩm, thì viên quan ấy phải phạt 100 quan; nhị phẩm 75 quan; tam phẩm 50 quan; tứ phẩm 30 quan; ngũ phẩm 25 quan, lục phẩm và thất phẩm 20 quan; bát phẩm và cửu phẩm 15 quan.

Việc kiện nhỏ xét xử không đúng lý mà người đứng xét xử là xã trưởng hoặc quan phủ, quan huyện, về trách nhiệm người nào thì người ấy phải phạt 5 quan, nếu là thừa chính sứ, hiến sát sứ, đề lãnh, trấn thủ, về trách nhiệm người nào thì người ấy phải phạt 15 quan, ngự sử 20 quan.

Việc kiện đã xét xử được đúng lý mà người đương sự còn tự ý kiện đi kiện lại một cách càn dỡ, sẽ phải phạt tiền như thế này:

Việc kiện lớn, nếu người đứng xét xử là viên quan nhất phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 100 quan; là nhị phẩm thì ngườoi phúc khiếu bậy phải phạt 75 quan; là tam phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 50 quan; là tứ phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 30 quan; là ngũ phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 25 quan; là lục hoặc thất phẩm, thì người phúc khiếu bậy phải phạt 20 quan; là bát hoặc cửu phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 15 quan.

Việc kiện nhỏ, thì người phúc khiếu bậy phải nộp phạt giảm xuống bằng một nữa số tiền nộp về kiện lớn.

Việc kiện lớn: Như những việc lập mưu giết người, ăn trộm, ăn cướp, tranh nhau ruộng đất v.v...

Việc kiện nhỏ: Như những việc hộ[2], việc hôn[1], đánh nhau và các việc tạp tụng v.v...

---

[1] Một danh từ để gọi viên quan trấn giữ biên giới, vì biên giới cũng giống như cái phên cái giậu bảo vệ cho đất nước, nên gọi viên quan có bổn phận giữ biên giới là "phiên thần".

[2] Như những việc tranh nhau gia tài, tranh nhau đứng thừa tự, ẩn lậu dân đinh, trốn tránh phu đài tạp dịch, thuế khóa không công bằng v.v...

Tháng 8, mùa thu. Sách lập Trịnh Thị làm hoàng hậu.

Trịnh Thị tên là Ngọc Áng, con gái thứ của Tạc. Khi nhà vua lên ngôi đón vào trong cung, đến nay lập làm hoàng hậu.

Tôn mẹ là Phạm Thị làm hoàng thái hậu.

Lời chua -Thái hậu: Tên là Ngọc Hậu, người xã Quả Nhuệ, huyện Lôi Dương[2].

Tháng 11, mùa đông. Giáng chức các viên sau này:

- Thượng thư bộ Hộ Trần Đăng Tuyển làm tả Thị lang bộ Hộ;
- Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Năng Thiệu làm tả Thị lang bộ Lễ;
- Tả thị lang bộ Lại Nguyễn [Tông] Thông làm hữu Thị lang bộ Lễ;
- Đô Ngự sử Lê Sĩ Triệt làm tả thị Lang bộ Hình;
- Phó đô Ngự sử Vũ Vinh Tiến làm Thái bộc tự khanh[3];
- Thiêm đô Ngự sử Trịnh [Thì] Tế làm Hồng lô tự khanh[4];
- Thượng thư bộ Hình Phan Kiêm Toàn làm hữu Thị lang bộ Hộ.

Trước đây, Công Kiêm con viên Thượng thư bộ Lại Phạm Công Trứ, do chức tham nghị được thăng thụ lên tham chính, bầy tôi trong triều cho là không xứng đáng, cùng nhau ra sức can ngăn. Tạc không bằng lòng, bèn hạ lệnh cho Phạm Công Trứ cùng Lê Hiệu hội đồng kiểm xét những sự trạng các ti đã làm từ trước. Khi kiểm xét, trích ra những việc đăng tuyển, Năng Thiệu, Nguyễn Phong, Sĩ Triệt, Vinh Tiến và Trịnh Tế trước kia thay nhau làm Ngự sử, khám xét ngục tụng để quá kỳ hạn; còn Kiêm Toàn trước làm việc ở bộ Lại, cất nhắc viên tướng cấp dưới lên trên vượt cả thứ tự. Vì thế, những người này đều bị giáng chức.

Lời chua -Vinh Tiến: Người xã Phù Ủng, huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

Nguyễn Phong: Người xã Dương Trai, huyện Hương Sơn.

Trịnh Tế: Người xã Nhật Tảo, huyện Lôi Dương.

Phong và Tế đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1650) năm Khánh Đức triều Lê Thần Tông.

Tham chính và tham nghị: Theo quan chế triều Lê trước, thì Tham chính hàm tùng tứ phẩm, tham nghị hàm tùng ngũ phẩm.

Đề cử người hiếu liêm.

Hạ chiếu cho ti Thừa chính các xứ, lựa chọn kỷ trong hạt mình, người nào có đức hiếu thảo và liêm khiết thì kê tên tâu trình, triều đình sai quan xét duyệt, sẽ tùy tài năng từng người trao cho quan chức.

Bính Ngọ, năm thứ 4 (1666). (Thanh, năm Khang Hi thứ 5).

---

[1]Như những việc vợ chồng ly dị, đuổi người ở gửi rể để gả chồng cho con gái, vợ cả vợ lẽ tranh nhau ngôi thứ, đương có tang mà lấy vợ gã chồng, đã đi tu lại lấy vợ v.v...

[2] Thuộc Thanh Hóa, xã Quảng Nhuệ, Toàn thư in là Bạo Nhuệ. Đất huyện Lôi Dương cũ, nay thuộc hai huyện Thọ Xuân và Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

[3] Chức quan trông coi việc giữ xe ngựa, trông coi nuôi ngựa thời Lê -Trịnh.

[4] Chức quan trông coi việc triều hội tân khánh, cát hung nghi lễ ở thời Lê -Trịnh.

Tháng giêng, mùa xuân. Sai bọn Thái phó Trịnh Đống và Thiếu úy Lê [Thì] Hiến đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng.

Đồ đảng ác nghiệt nhà Mạc là Kính Vũ lén lút chiếm cứ Cao Bằng, làm cho dân địa phương phải cay đắng. Thông quận công Hà Sĩ Trí hiện giữ chức phiên thần ở Thái Nguyên đem quân bản thổ đi đánh, Sĩ Trí bị Kính Vũ bắt. Tin báo về triều, triều đình sai Đống giữ chức Thống lãnh, Hiến giữ chức phó Thống lãnh, Hồng lô tự khanh Trịnh[Thì] Tế và Cấp sự trung Đỗ Thiện Chính sung làm Đốc thị, đem quân tiến đánh. Kính Vũ giết Sĩ Trí để chạy trốn, quan quân bèn đốt chỗ ở của Kính Vũ, rồi dẫn quân về.

Lời chua - Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc.

Cao Bằng: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc. Cả hai nơi đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XX, 19, 31, 32, 35).

Tháng hai. Bổ dụng Nguyễn Văn Thực làm Hồng lô tự khanh.

Văn Thực với Giám sát Ngự sử Lê Liêu cùng đỗ khoa sĩ vọng, hai người vốn chơi thân với nhau. Lúc ấy, Văn Thực giữ chức tham chính Thanh Hoa. Lê Liêu, vì có tang, cáo quan ở nhà, làm nhiều việc trái phép. Văn Thực theo đúng pháp luật, tra hỏi xét đoán không chút tư vị. Tạc khen Văn Thực là người vô tư, thưởng cho 100 quan tiền và cất nhắc bổ dụng.

Lời chua -Văn Thực: Người xã Đại Bái, huyện Gia Định[1], đỗ thám hoa khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông.

Lê Liêu: Người xã Hữu Bộc, huyện Đông Sơn, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661) năm Vĩnh Thọ.

Mồng một, tháng 6, mùa hạ. Nhật thực.

Ngày Đinh Tỵ, tháng 8, mùa thu. Sao sa như mưa.

Tháng 11, mùa đông. Tuyên dương 13 người bầy tôi tử tiết là bọn Vũ Duệ.

Trước kia, họ Mạc tiếm quyền giết vua, Chiêu Tông nhà Lê phải bỏ kinh thành chạy ra ngoài, bấy giờ bầy tôi nhiều người tử tiết. Nay tham tụng Phạm Công Trứ kiến nghị xin tuyên dương những người ấy và lựa chọn bổ dụng con cháu của họ.

Lúc ấy những người sau này được sắc phong:

Sắc phong thượng đẳng thần: Vũ Duệ, Ngô Hoán, Nguyễn Mẫn Đốc, Nguyễn Thiệu Tri, Đàm Thận Huy, Lê Tuấn Mậu, Nguyễn Duy Tường và Nguyễn Tự Cường;

Sắc phong trung đẳng thần: Lê Vô Cương, Nguyễn Hữu Nghiêm, Lại Kim Bảng, Nguyễn Thái Bạt và Nghiêm Bá Kỳ.

Những người được phong làm thần, đều cho dựng từ đường ở trong làng theo thời tiết tế tự như thể lệ tế bách thần. Con cháu của họ thì lựa chọn bổ dụng những người có đức hạnh tốt; còn những người khác thì điều trừ dao dịch cho nhà họ.

Lời chua - Sự trạng các bầy tôi tự tiết: Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 và thứ 10 (Chb. XXVII, 8, 11, 12).

Đinh Mùi, năm thứ 5 (1667). (Thanh, năm Khang Hi thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Nhà Thanh sai thị độc Trình Phương Triều và Lễ bộ lang trung Trương Dịch Bôn sang sách phong nhà vua tước An Nam Quốc vương.

Tháng 5, mùa hạ. Tuyển thêm quân lính ở tứ trấn.

---

[1] Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Lúc ấy, bàn định đi đánh Cao Bằng, bèn hạ lệnh tuyển duyệt dân đinh ở tứ trấn, chọn lấy người mạnh khỏe bổ làm lính, để thời thường luyện tập, phòng bị việc đánh dẹp, khi đánh dẹp xong, lại cho về làm ruộng.

Lời chua -Tứ Trấn: Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây.

Tháng 6. Vỡ đê Thanh Hoa.

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Nhuận, phó sứ là bọn Trịnh [Thì] Tế và Lê Vinh sang nhà Thanh nộp lễ cống hàng năm. Lại sai chánh sứ Nguyễn Quốc Trinh, phó sứ Nguyễn Công Bích sung làm sứ bộ tạ ơn.

Lời chua -Nguyễn Nhuận: Người xã Chi Nê, huyện Chương Đức, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1637) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

Quốc Trịnh: Người xã Nguyệt Áng[1], huyện Thanh Trì, đỗ trạng nguyên khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông. Chữ "Trinh" sử cũ chép là "Khôi" Tham khảo đăng khoa lục chép "Quốc Trinh" . Nay chép theo Đăng khoa lục. Dưới đây cũng chép như thế.

Lê Vinh: Người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn[2], đỗ tiến sĩ khoa Bính Thân (1656) năm Thịnh Đức triều Lê Thần Tông.

Công Bích: Người xã Bất Quần, huyện Quảng Xương, đỗ bảng nhãn khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông. Đăng khoa lục chép Văn Bích.

Tháng 9. Trịnh Tạc thống lãnh binh sĩ bình định Cao Bằng, Mạc Kính Vũ chạy sang nhà Thanh.

Lúc ấy, Mạc Kính Vũ lại lẩn lút chiếm cứ Cao Bằng. Tạc thân hành thống suất đại binh đi đường Lạng Sơn, hạ lệnh cho tiết chế Trịnh Căn đốc suất các tướng đi đường Thái Nguyên, bọn thái phó Trịnh Đống, thiếu úy Trịnh Kiền, Lê [Thì] Hiến, thiếu phó Trịnh Ốc, đô đốc đồng tri Đinh Văn Tả và Lê Châu làm thống lãnh, bọn thị lang Nguyễn Năng Thiệu, Lê Sĩ Triệt, Dương Hạo, Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Văn Thực và Trương Luận Đạo làm đốc thị, chia đường cùng tiến thẳng đến Cao Bằng.

Hay tin đại binh tiến đến, Kính Vũ trốn sang châu Tiểu trấn yên nhà Thanh. Quan quân đuổi theo tróc nã, bắt được họ hàng, đồ đảng, ngựa và khí giới không sao kể xiết. Những người xin hàng phục cùng người trước kia bị Mạc Kính Vũ bắt hiếp phải theo đều được khoan hồng tha bổng. Tạc yên ủi chiêu tập dân trong châu để họ đều trở lại làm ăn như cũ.

Lời chua -Tiểu trấn yên: Tên châu. Theo Nhất thống chí nhà Thanh, thì Tiểu trấn yên tức đông Trấn yên cũ, nhà Minh chia làm Tiểu trấn yên và đặt thổ (tri) châu, cho thuộc vào phủ Tư Minh; nhà Thanh cho đổi thuộc vào phủ Trấn Yên.

Luận Đạo: Người xã Kim Hoạch, huyện Thụy Nguyên, tên cũ là Quan Tiền, sau đổi Luận Đạo, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

Mậu Thân, năm thứ 6 (1668). (Thanh, năm Khang Hy thứ 7).

Ngày Kỷ Sửu, tháng giêng, mùa xuân. Sao Thiên Bồi xuất hiện.

Sao Thiên Bồi xuất hiện ở phương Tây Bắc, dài nửa trượng, hình dáng giống sao Chổi.

Lời chua -Thiên Bồi: Tên một vì sao. Sách Sử ký chính nghĩa chép: Thiên Bồi có một tên nữa là sao Giác, phần chính sao này giống như sao khác, nhưng phần cuối tua nó thì nhọn dài 4 trượng. Sao này xuất hiện thì thiên hạ có binh tranh. Theo sách Hán thư thì sao Thiên Thương, Thiên Sàm, Thiên Bồi và sao Chổi hình trạng khác nhau,

---

[1] Nay là thôn Nguyệt Áng, xã Đại Áng huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Thanh Hóa.

nhưng nếu xuất hiện thì tai họa cũng như nhau. Khảo yếu nói: Tuế tinh biến động mà thành yêu quái, thì có tên bốn vì sao kể trên. Còn như sao Thiên Bồi ở ngoài vị trí sao Tử Vi thì lại khác với sao Thiên Bồi nói ở đây.

Đại hạn.

Tháng 2. Trịnh Tạc dẫn quân về, tâu việc thắng trận ở thái miếu.

Quân của Tạc đánh thắng trận kéo về. Tạc để Đinh Văn Tả ở lại trấn thủ châu Thất Tuyền, bổ dụng Hồng lô tự khanh Nguyễn Văn Thực làm đốc đồng. Tạc về đến kinh thành, cáo yết thái miếu dâng công thắng trận. Phàm bọn đầu sỏ họ Mạc đều xử theo pháp luật, ngoài ra, các người khác đều được tha.

Lời chua -Thất Tuyền: Tên châu, trước là Thất Nguyên, nay là Thất Khê, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

Tháng 4, mùa hạ, Trịnh Tạc tự gia phong là đại nguyên soái thượng sư thái phụ Tây vương.

Nhân có công đánh được nhà Mạc, Trịnh Tạc giả thác sắc mệnh của vua tiến phong cho, nhưng thực là Tạc tự gia phong lấy.

Tháng 6. Bàn định công đánh dẹp Cao Bằng, gia phong quan tước cho bọn Đinh Văn Tả người tước cao tước thấp khác nhau.

Gia phong: Đinh Văn Tả làm tả đô đốc, Trịnh Sâm, Đặng Tiến Thự đều làm đô đốc đồng tri, Dương Hạo làm tả thị lang bộ Lại, Trương Luận Đạo làm Đông các hiệu thư, Lê Châu làm đô dốc thiêm sự, Mai Thế Khang làm tham đốc, Đào Quang Quảng và Lưu Thế Canh đều phong tước quận công. Còn những người khác đều được thăng chức hoặc cao hoặc thấp khác nhau.

Lời chua -Tiến Thự: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức, dòng dõi Đặng Huấn, công thần trung hưng. Tiến Thự, sử cũ chép Trịnh Điềm, là theo họ tên mà chúa Trịnh ban cho. Nay cải chính, dưới đâu cũng chép như thế.

Quang Quảng: Người xã Thủy Cam, huyện Thanh Oai.

Tham đốc: Hàng võ giai, hàm tòng nhị phẩm.

Đông cát hiệu thư: Hàng Văn Giai, hàm tùng lục phẩm.

Kỷ Dậu, năm thứ 7 (1669). (Thanh, năm Khang Hy thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta, dụ bảo vua nhà Lê đem bốn châu thuộc Cao Bằng cho Mạc Kính Vũ.

Trước đây, Mạc Kính Diệu sang đầu hàng nhà Thanh, ,chưa kịp nhận tước phong, Diệu đã mất, con Diệu là Kính Vũ nối nghiệp cha, tiếm xưng niên hiệu Thuận Đức, đặt tên giả cho Nguyên Thanh. Nhà Thanh trao cho chức An Nam đố thống sứ, theo như hiệu cũ mà nhà Thanh đã phong cho Đăng Dung khi trước. Đến nay. Quan quân thu phục được Cao Bằng, sai Vũ Vinh Tiến làm đốc trấn để trấn trị. Kính Vũ chạy sang nhà Thanh kêu ca thảm thiết và xin cứu viện. Viên tổng đốc Lưỡng Quảng[1] đem việc này tâu bày, vua nhà Thanh nhận cho Kính Vũ đầu hàng, hạ lệnh cho dời Kính Vũ đến ở tạm tại Nam Ninh, rồi ra đặc chỉ cho nội viện thị độc Lý Tiên Căn và Binh bộ chủ sự Dương Doãn Kiệt sang nước ta dụ bảo, bắt trả lại đất Cao Bằng cho họ Mạc.

Tháng giêng, năm ấy (tức năm Kỷ Dậu 1669), sứ nhà Thanh đến Thăng Long, triều đình nhà Lê dùng lý lẽ biện bác bắt bẻ, kéo dài đến hơn 10 ngày mới tuyên bố sắc văn, rồi lại bàn cho họ Mạc được giữ một châu Thạch Lâm, nhưng Lý Tiên Căn cũng cố giữ lẽ, không nghe, thành ra giằng co đến hơn 40 ngày. Sau Tạc lấy cớ rằng "thờ nước lớn cần phải cung kính theo mệnh lệnh", mới tâu với vua gượng gạo

---

[1] Tức Quảng Đông, Quảng Tây.

theo lời. Triều đình bèn bỏ đất bốn châu thuộc Cao Bằng cho Kính Vũ, mà triệu Vinh Tiến về. Sau đó Vinh Tiến chết.

Lời chua - Bốn châu: Tức Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang.

Tháng 2. Sứ thần là bọn Nguyễn Quốc Trinh từ nhà Thanh trở về nước, lại định thể lệ cứ 6 năm cùng dâng cả hai lễ cống.

Trước đây, lễ tế cống cứ 3 năm dâng một lần, phải đưa đón phiền phí. Khoảng niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619), nhà Minh chuẩn cho cứ 6 năm cùng dâng cả hai lễ cống. Đến nay, triều đình lại muốn theo như việc cũ triều Minh, sai bọn Quốc Trinh nhân đệ lễ tuế cống, vào chầu tâu vua Thanh về việc này, vua Thanh chuẩn y, bèn làm thành thể lệ.

Sau bàn định công những người phụng mệnh đi sứ: Quốc Trinh thăng chức tả thị lang bộ Lễ, tước Ngọc Trì tử, Công Bích thăng hữu thị lang bộ Hình, tước Gia Xương nam; còn Nguyễn Nhuận và Trịnh (Thì) Tế đều chết ở dọc đường, triều đình tặng cho Nhượng hàm thượng thư bộ Công, tước bá, và tặng cho Tế hàm tả thị lang bộ Công, tước tử, cấp cho ruộng của dân để sung vào việc tế tự.

Mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực, đến hết.

Đại hạn.

Tháng 6. Bổ dụng Vũ Duy Chí làm thượng thư bộ Lễ, Trần Đăng Tuyển làm thượng thư bộ Binh, Lê Hiệu làm thượng thư bộ Hình. Ba người này đều được gia phong chức tham tụng.

Duy Chí là người cẩn thận kín đáo, làm việc có tính toán, thông hiểu về công việc cai trị dân, hơn nữa lại có văn học để tô điểm thêm vào. Trịnh Tạc từ khi làm thế tử, đã để bụng thân yêu tin cẩn, nên Duy Chí được thăng dần đến thượng thư, tước Phương quận công. Đến nay Duy Chí được cùng Đăng Tuyển, Duy Hiệu vào giữ công việc trong chính phủ. Có người nói về tư cách của Duy Chí. Muốn giải thích những mối nghi ngờ, Tạc bèn làm bài "luận giải nghi" bằng cách bày tỏ hết công việc của họ Tiêu, họ Tào, họ Phòng, họ Đỗ[1] ngày trước.

Sau khi Duy Chí đã vào giữ việc trong tướng phủ, gặp tiết nguyên đán[2], trăm quan vào chầu mừng vua Lê rồi, sau đến chầu mừng ở phủ chúa Trịnh. Theo lệ, thì khi vào phủ chúa, trước hết trăm quan thay triều phục rồi sau mới vào làm lễ lạy mừng. Trịnh Tạc bắt trăm quan cứ mặc nguyên áo triều bào. Duy Chí nói "Lễ mừng phủ chúa nên dùng áo thanh cát là đúng, không thể làm trái phép cũ được". Trịnh Tạc bèn thôi. Lúc bấy giờ người ta bảo Duy Chí có phong độ một người bầy tôi biết can ngăn.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng Lê Đình Kiên làm đề đốc[3].

Đình Kiên trấn thủ Sơn Nam, làm việc liêm khiết công bằng, dập tắt được mối trộm cướp, làm cho nhân dân yên ổn, nên được cất nhắc giữ chức này.

Lời chua -Đình Kiên: Người Bát Trại huyện An Định.

Đề đốc: Quan chế triều Lê, đề đốc về hàng quan võ, hàm chánh nhị phẩm.

Bọn trộm giết thổ tù Tuyên Quang là Vũ Công Đắc, triều đình bổ dụng Công Tuấn, con Công Đắc, làm đô đốc thiêm sự[4], tước Khoan quận công.

Trước kia, Gia quốc công Vũ Văn Mật đóng doanh ở An Bắc (có chỗ chép An Tây) trấn Tuyên Quang, lúc bắt đầu trung hưng, Văn Mật có công đánh nhà Mạc, được cha truyền con nối giữ trấn Tuyên

---

[1] Tiêu Hà và Tào Tham danh thần đời nhà Hán, Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối danh thần đời nhà Đường. Bốn người đều không do khoa mục xuất thân. Trịnh Tạc viện dẫn ra để giải thích cho những người nghi ngờ về tư cách Duy Chí, vì Duy Chí do lại điền xuất thân.

[2] Tức ngày mồng một tháng giêng âm lịch hàng năm.

[3] Chức quan võ ở hàm chánh nhị phẩm.

[4] Chức quan võ ở hàng tòng nhị phẩm.

Quang, đóng ở Đại Đồng; con Văn Mật là thái phó Vũ Công Kỷ và cháu là thái bảo Vũ Đức Cung đời đời sửa lễ cống theo chức phận; đến cháu tằng tôn (chắt) là thiếu phó Vũ Công Đắc cậy Tuyên Quang là nơi hiểm trở xa xăm, bèn bè đảng với họ Mạc, tiếm xưng tước vương, lập triều đường, nha môn giả hiệu. Triều đình cũng bao dung nhẫn nại không hỏi gì đến. Đến nay Công Đắc cùng bộ thuộc của hắn là Ma Phúc Trường có sự bất bình với nhau. Công Đắc trong bụng nghi ngờ lo sợ, vào kinh sư nộp tờ cam kết xin quy thuận. Khi đến tuần ti Đông Lan, đêm đến. Công Đắc bị bọn trộm giết. Người ta đều ngờ Phúc Trường lập mưu chủ sự việc này.

Được tin việc xảy ra, triều đình nghĩ tổ tiên Công Đắc là người có công, không nỡ tuyệt tình, bèn bổ dụng con hắn là Công Tuấn được nối phong tước Khoan quận công, để ở kinh sư, cấp cho dân lộc để phụng thờ tiên tổ, các con trai con gái của Công Đắc đều được triều đình vỗ về yên ủi. Triều đình lại nhận thấy Phúc Trường không trung thành với người mà hắn phải phụng sự, nên giam vào ngục.

Lời chua -Tuần ti Đông Lan: Ở huyện Đông Lan, hồi triều Lê, huyện Đông Lan thuộc trấn Sơn Tây, nay đổi tên là Hùng Quan[1]. Địa hạt này trước có đặt cơ sở tuần ty, nên gọi là Tuần Ty Đông Lan.

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 30, 35).

Bắt đâu thi hành thể lệ quân bình suất đinh trong sổ bộ.

Từ khi trung hưng đến nay, theo chế độ cũ, cứ 6 năm một lần lựa chọn xét duyệt dân đinh, số dân đinh thường có khi tăng, khi giảm, thuế khóa nơi nặng nơi nhẹ, không quân bình. Năm Cảnh Trị thứ 2 (1664), Phạm Công Trứ giữ việc trong chính phủ, bàn định: "Việc lựa chọn xét duyệt phiền nhiễu luôn luôn, sổ hộ khi tăng khi giảm, vì thế mà bọn lại điển, bọn tổng lý nhân vịnh vào đấy để làm sự gian xảo, xin thi hành thể lệ bình quân". Bèn sai quan chia nhau đi đến tứ trấn cùng hai phủ Thiên Quang và Trường Yên, xét theo hiện tại xem tài sản của dân nhiều hay ít, ruộng đất các nơi tốt hay xấu, rồi quân bình số thuế về đinh suất. Đến nay sổ hộ đã làm xong, gọi tên là "bình lệ" . Trong sổ ghi rõ số đinh số thuế để làm phép tắc nhất định. Sau này số đinh sinh ra cũng không tính, chết đi cũng không trừ.

Lời cẩn án -Về điều này, sử cũ chép: "Thể lệ bình bổ quý thuế ở tứ trấn đã làm xong". Nhưng tham khảo các sách đều nói: "Bình lệ là sinh ra không tính, chết đi không trừ". Như thế là chỉ nói riêng về thuế thân dung của nhân đinh mà thôi. Lúc bấy giờ, nhân đinh ở Thanh và Nghệ đã phải chịu việc xung bổ vào quân ngũ, ngoài số bổ sung quân ngũ ra, số đinh còn lại không được bao nhiêu. Còn như nhân đinh ở bốn trấn và hai phủ Thiên Quan, Trường Yên chưa từng phải chịu sự bổ sung quân ngũ, thì nhân đinh hoặc có nơi tăng nơi giảm không nhất định, vì thế mà thể lệ bình quân thuế đinh chỉ thi hành ở tứ trấn và hai phủ, mà không thi hành đến Thanh Hoa và Nghệ An.

Lại tham khảo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép: "Khoảng năm Cảnh Trị (1663-1671) thi hành thể lệ bình quân thuế đinh suất, bãi bỏ phép 6 năm một lần làm sổ hộ và tuyên duyệt quân ngũ".

"Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: "Tính dân đinh mà đánh thuế gọi là quý, đo ruộng đất công mà đánh thuế gọi là thuế".

Hai chữ "bình lệ" ở điều này. Sử cũ gọi chung là "quý thuế" như thế chưa phân biệt được quý và thuế, nên nay cải chính.

Lời chua -Thiên Quan: Tên phủ, xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Trường Yên: Tên phủ, Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 11).

Canh Tuất, năm thứ 8 (1670). (Thanh, năm Khang HY thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Sao Hỏa Tinh đi vào vị trí sao Nam Đẩu; sao Kim Tinh đi vào vị trí sao Thái Vi.

Lời chua -Hỏa Tinh: Tức sao Huỳnh Hoặc.

---

[1] Bây giờ là huyện Đoan Hùng thuộc Phú Thọ.

Kim Tinh: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 16 (Chb. V, 7).

Tháng 4, mùa hạ. Sai Nguyễn Quốc Trinh, tả thị lang bộ Lễ, chầu chực phụ ở Kinh Diên[1].

Tháng 5. Không mưa.

Tháng 6. Sai thiếu úy là bọn Lê [Thì] Hiến đi bình định Tuyên Quang.

Lúc ấy, con trai Ma Phúc Trường, thổ tù Tuyên Quang, là Phúc Lan và em Phúc Trường là Phúc Điện tụ hợp nhiều người đi cướp bóc, dân địa phương bị rối loạn. Triều đình bèn sai Lê [Thì] Hiến làm thống suất, Hồ Sĩ Dương làm đốc thị cùng bọn tham đốc Nguyễn Đức Triêm chia đường tiến đánh, bắt chém tên Phúc Lan, còn Phúc Điện chạy sang đất nhà Thanh. Bọn {Thì] Hiến yên ủi chiêu tập nhân dân trong châu, rồi kéo quân về.

Lời chua -Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30, 35).

Thống suất, đốc thị: Hai chức này chỉ đặc biệt đặc ra trong lúc hành quân đánh dẹp, khác với chức đốc suất và đốc thị đặt ở Nghệ An.

Thiếu úy: Theo quan chế triều Lê, thì thiếu úy về hàng quan võ, hàm tùng nhất phẩm.

Tân Hợi, năm thứ 9 (1671). (Thanh, năm Khang Hy thứ 10).

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho các quan trong triều đều đề cử người có thể làm nổi công việc thú, lệnh[2].

Phàm người nào có văn học, có đức hạnh, biết phương pháp về đường chính trị, có thể đảm đang được công việc thú, lệnh, thì quan nhất phẩm, nhị phẩm đề cử lấy bốn người: quan tam phẩm đến ngũ phẩm đề cử lấy ba người; quan lục phẩm đến bát phẩm đề cử lấy hai người; rồi đưa sang bộ Lại lựa chọn bổ dụng. Viên quan nào đề cử được người xứng đáng sẽ được ban thưởng; trong những người đã được đề cử ấy, hoặc có người nào tham ô trái phép, mà viên quan đứng đề cử biết tâu bày cáo tố ngay từ trước, thì được miễn tội, nếu che giấu không tâu bày, thì viên quan đứng đề cử sẽ cùng với người mình đề cử mà làm việc tham ô trái phép cùng phải tội.

Mồng một, tháng 8. Nhật thực.

Người nhà Thanh bắt tên Ma Phúc Điện giải giao sang nước ta, triều đình cho đem giết chết.

Tổng quản Vân Nam Bình Tây thân vương Ngô Tam Quế nhà Thanh giao cho trấn tiêu[3] du kích ở Khai Hóa là họ Tào và tri phủ là họ Lưu (đều không rõ tên) giải tên Phúc Điện cùng đồ đảng của hắn đến biên giới giao trả cho nước ta. Triều đình đem bọn này cùng với Ma Phúc Trường đều giết chết.

Lời chua -Vân Nam: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (chb. XIV, 10).

Khai Hóa: Xem Lê Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 9 (Chb. XXXIV, 21).

Ma Phúc Trường: Về việc Ma Phúc Trường giết Vũ Công Đắc, thổ tù Tuyên Quang, xem năm Cảnh Trị thứ 7 (Chb. XXXIII, 28).

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua mất.

---

[1] Nơi vua chúa đọc sách.

[2] Thú: do chữ "thái thú" nói tắt, một danh từ để gọi chức tri phủ. Lệnh: do chữ "lệnh doãn" nói tắt, một danh từ để gọi chức tri huyện. Ở đây chép "thú lệnh" là nói chung cả tri phủ và tri huyện.

[3] Chế độ nhà Thanh: Binh lính người Hán đều dùng cờ màu lục. Đơn vị của binh lính này ở các tỉnh gọi là trấn tiêu, do viên tổng binh quản lãnh.

Dâng tôn hiệu là Mục hoàng đế, miếu hiệu Huyền Tông. Nhà vua ở ngôi 9 năm, thọ 18 tuổi.

Tháng 11. Làm lễ táng ở lăng Quả Thịnh.

Lập điện Kiền Long, hằng năm theo thời tiết cúng tế.

Lời chua -Lăng Quả Thịnh: Ở xã Quả Nhuệ, huyện Lôi Dương, tức là quê thái hậu Phạm Thị.

Tạc lập hoàng đệ (em vua Huyền Tông) Duy Khoái lên ngôi vua, đại xá cho trong nước.

Trước kia, lúc Thần Tông mất, con thứ của Thần Tông là Duy Khoái mới 2 tuổi. Tạc nuôi dưỡng ở trong phủ. Nay Huyền Tông mất không có con nối ngôi. Tạc đem trăm quan tôn lập Duy Khoái (tức là Gia Tông). Kể từ năm sau là năm Dương Đức thứ nhất, hạ lệnh đại xá.

Nhâm Tý, Gia Tông Mỹ hoàng đế, năm Dương Đức thứ nhất (1672). (Thanh, năm Khang Hy thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Giảm bớt số lộc điền cấp cho các công thần, duy Lê Lai là người có công lớn, sô ruộng vẫn được cấp như cũ.

Trước kia, Lê Thái Tổ khởi nghĩa Lam Sơn, bị quân nhà Minh bức bách, Lê Lai khảng khái lăng xá vào nơi hoạn nạn. Sau khi dẹp được quân Minh, đã nhiều lần Lê Lai được tặng phong tước vương và ban cho ruộng tế tự. Đến nay, giảm bớt lộc điền của các công thần, triều đình lấy cớ rằng Lê Lai là người có công lớn, nên ruộng tế tự được cấp từ trước vẫn để nguyên như cũ, giao cho cháu chắt được đời đời phụng thủ để tế tự.

Lời chua -Việc Lê Lai chết vì nạn nước: Xem Bình Định Vương năm thứ nhất (Chb. XIII, 8).

Tháng 6, mùa hạ. Vũ Công Tuấn làm Phản.

Công Tuấn nhân lúc sơ hở, bỏ trốn về Tuyên Quang, quân lính trong kinh sư đuổi theo không kịp[1]. Công Tuấn bèn cướp bóc dân trong châu, làm cho địa phương này bị rối loạn.

Lời cẩn án: - Sau này Công Tuấn chạy sang đất nhà Thanh, người nhà Thanh bắt trả về nước ta. Việc này chép ở năm Chính Hòa thứ 10 đời Lê Hy Tông (Chb. XXXIV, 22). Thế mà sử cũ lại chép lầm vào năm Cảnh Trị thứ 7 Trịnh Ốc đuổi giết được Công Tuấn[2].

Trịnh Tạc kèm nhà vua đi châu Bắc Bố Chính. Tạc tiến quân xâm lấn đồn lũy Trấn Ninh, bị quân ta[3] đánh lui. Tháng 12. Tạc dẫn quân về Bắc.

Lúc ấy, họ Trịnh đem đại binh vào xâm lấn: Trịnh Căn giữ chức nguyên soái quân thủy, Lê {thì] Hiến giữ chức thống suất quân bộ, hai tướng này thống lãnh vài ba vạn quân chia đường cùng tiến, còn Tạc thì đi kèm xa giá nhà vua đến châu Bắc Bố Chính.

Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta hạ lệnh cho ông hoàng tư (hoàng tứ tử) tên là Hiệp làm nguyên soái; đem các tướng hiệu tiến đến Quảng Bình, bọn chưởng doanh Nguyễn Hữu Dật và trấn thủ Quảng Bình Nguyễn Mỹ Đức đóng hàng lượt đồn lũy chặn giữ ở nơi hiểm yếu. Quân họ Trịnh liền sang qua sông Gianh, lại bố trí một loạt thuyền chiến ở cửa biển Nhật Lệ. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta thân hành thống suất đại binh tiến đến tiếp ứng cho cánh quân thống soái Hiệp, thanh thế quân lính vang dội xa gần. Tháng 11, Lê {Thì] Hiến, tướng của họ Trịnh, dẫn quân tiến sát đến lũy Trấn Ninh, bọn Nguyễn Hữu Dật dựa vào nơi hiểm trở, chiến đấu rất hăng, luôn luôn thu được thắng lợi, quân họ Trịnh

[1] Xem thêm chính biên quyển XXXIII, tờ 28 trên.

[2] Việc Trịnh Ốc sai quân đuổi giết được Vũ Công Tuấn Sử cũ (tức Toàn thư) chép nhầm vào năm Dương Đức thứ nhất, chứ không phải chép nhầm vào năm Cảnh Trị thứ 7 như lời cẩn án của Cương mục.

[3] Tức quân của Nguyễn Phúc Tần.

không thể chống chọi được, rút về đóng ở châu Bắc Bố Chính. Tháng 12, nhân mùa đông giá rét, Trịnh Tạc dẫn quân về, để Lê [Thì] Hiến ở lại giữ chức trấn thủ Nghệ An và Lê Sĩ Triệt giữ chức đốc đồng, đóng ở doanh Hà Trung, chia nhau đóng đồn ở các đường hiểm yếu, vạch đôi sông Gianh làm giới hạn. Từ đây trở đi, phương Nam phương Bắc ngừng việc binh đao.

Lời chua -Lũy Trấn Ninh: Ở tỉnh Quảng Bình, xem Lê Thần Tông, năm Vạn Khánh thứ nhất (Chb. XXXII, 39).

Bắc Bố Chính: Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Sông Gianh: Xem Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXII, 6).

Cửa biển Nhật Lệ: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

Quý Sửu, năm thứ 2 (1673). (Thanh, năm Khang Hy thứ 12).

Tháng 3, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Mậu Tài và Hồ Sĩ Dương phó sứ Đào Công Chính, Vũ Công Đạo và Vũ Duy Hài. Hai sứ bộ này sang nhà Thanh nộp lễ tuế cống và cáo phó về việc tang Huyền Tông.

Lời chua -Mậu Tài: Người xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646) năm Phúc Thái triều Lê Chân Tông.

Cống Chính: Người xã Hội Am, huyện Vĩnh Lại, đỗ bản nhãn khoa Tân Sửu (1661) năm Vĩnh thọ triều Lê Chân Tông.

Công Đạo và Duy Hài: Đều người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đều đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông.

Tháng 7, mùa thu. Khởi phục[1] Phạm Công Trứ giữ công việc lục bộ và tham tán việc cơ mật.

Công Trứ làm việc ở chính phủ đã lâu, là một bậc lão thành thông suốt công việc chính trị, trước kia Công Trứ viện lẽ nhiều tuổi, cáo quan về nhà, nay triều đình nghĩ ông ta là người kỳ cựu, nên lại triệu ra làm quan, giao phó cho giữ công việc cơ mật. Công Trứ được triều đình ban ơn đãi ngộ hơn hẳn người khác.

Trịnh Tạc bắt đầu hạ lệnh cho văn thần vào ứng chực trong phủ để bàn luận công việc.

Văn thần vào hầu phủ chúa Trịnh gọi là "nhập cát" bắt đầu từ đây.

Giáp Dần, năm Đức Nguyên thứ nhất (1674). (Từ tháng 10 trở về sau đổi niên hiệu là Đức Nguyên -Thanh, năm Khang Hy thứ 13).

Tháng 5, mùa hạ. Quân lính nổi loạn, giết viên bồi tụng Nguyễn Quốc Trinh, cướp phá nhà viên tham tụng Phạm Công Trứ.

Bấy giờ ưu binh Thanh, Nghệ[2] cậy có công lao, sinh ra kiêu ngạo phóng túng. Quốc Trinh và Công Trứ bàn cách kềm hãm ức chế bớt đi, vì thế binh lính không bằng lòng. Lại gặp lúc ấy Phan Kiêm Toàn và Lê Hiệu vừa mới can tội phải giáng chức, có ý bất mãn. Hai người này nhân đà lại xúc xiểm thêm vào. Quân sĩ bèn rao hò ầm ĩ, đón đường giết Quốc Trinh, rồi đến cướp nhà Công Trứ. Công Trứ phải trốn ra ngoài mới được thoát nạn. Trịnh Tạc sợ quá, sai quan đi phủ dụ và cho tiền bạc, bấy giờ quân lính mới chịu yên tĩnh.

---

[1] Một viên quan đã về hưu trí, hoặc vì cớ gì đó mà phải về nghĩ nay lại triệu ra làm quan gọi là khởi phục.

[2] Binh chế và thời Lê trung hưng: quân lính lấy ở Thanh Nghệ gọi là ưu binh, lấy ở tứ trấn gọi là nhất binh ("binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú).

Tạc vời Công Trứ vào trong phủ ban cho vàng bạc để an ủi, sau bắt giết ba người đứng đầu nổi loạn để tế Quốc Trinh, lại truy tặng Quốc Trinh chức thượng thư bộ Binh, tước Trì quận công, cho tên thụy là Cương trung và lục dụng con cháu.

Quốc Trinh khi làm quan ở triều, khảng khái dám nói đều phải đều trái, nay chết ở trong tay loạn quân, nên người ta đều thương tiếc. Kiêm Toàn và Lê Hiệu sau cũng phải tội vì dự mưu với loạn quân.

Lời cẩn án -Sử cũ chép: "Bồi tụng tả thị lang Nguyễn Quốc Khôi mất, (Trịnh) vương được tin cáo phó, rất lấy làm thương xót". Quốc Khôi tức là Quốc Trinh.

Nay tham khảo các sách:

Đăng Khoa bị khảo của Phan Huy Ôn chép: Quân tam phủ[1] giết Quốc Trinh đốt và cướp nhà Phạm Công Trứ.

Lữ trung tạp thuyết của Bùi (Huy) Bích, tham tụng triều cố Lê, chép: Ưu binh đuổi Phạm Công Trứ, giết Nguyễn Quốc Trinh.

Như thế, rõ ràng là Quốc Trinh bị loạn quân giết chết.

Này, nhà Lê từ lúc trung hưng về sau, chuyên nương nhờ vào ưu binh Thanh Nghệ, tình thế đã thành ra quá lệch lạc, để đến nỗi binh sĩ kiêu ngạo phóng túng như thế. Đã thế, mà lại còn không biết buộc họ vào kỷ luật, chỉ cứ chần chừ cẩu thả, để cho tướng hiệu thì kiêu căng, binh lính thì hung hãn, rồi sau cũng phải đi đến diệt vong. Thế mà người cầm bút chép sử lại kiên kỵ việc xảy ra, mà chép là "Quốc Trinh mất"[2]. Chép như thế, thật đáng cho là quái gở!

Ngày Kỷ Hợi, tháng 6. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày, tranh ánh sáng với mặt trời.

Tháng 7, mùa thu, Trịnh Tạc tự tiến phong cho con là Trịnh Căn làm nguyên soái, giữ chính quyền trong nước, tước Định Nam Vương. Trịnh Căn tiếm xưng là phó vương.

Phàm văn thư ở phủ Trịnh Vương ban ra tiếm xưng là "lệnh dụ" thần dân dâng tờ khải lên phủ Trịnh vương thì nói "cẩn khải văn" (kính cẩn dâng tờ khải để vương soi xét). Văn thư ở phủ phó vương ban ra tiếm xưng là "lệnh chỉ"; thần dân dâng tờ khải thì nói: "cẩn khải" (kính cẩn dâng tờ khải".

Tôn mẹ là Lê Thị làm chiêu nghi.

Lê Thị, tên là Ngọc Hoàn, cung nhân của Thần Tông và là sinh mẫu của nhà vua.

Lời cẩn án -Từ đời cổ, vua chúa tôn xưng danh hiệu mẫu hậu, thì xưng là hoàng thái hậu hoặc hoàng thái phi. Còn như chiêu nghi là hiệu cung giai[3], nay đem danh hiệu ấy tôn xưng mẫu hậu thì thật không ra lễ nghi gì cả. Lúc ấy chính quyền ở trong tay họ Trịnh, vua nhà Lê có cử động việc gì, cũng đều bị ngăn cản ức chế. Như thế thì việc này cũng không có gì đáng lấy làm quái lạ.

Lời chua -Ngọc Hoàn: Người xã Phúc Lộc, huyện Thụy Nguyên[4].

Chiêu nghi: Cương mục tập lãm, về "truyện ngoại thích" trong Hán thư chép: Chiêu nghi, ngôi thứ ngang với thừa tướng, phẩm tước ví với vua chư hầu. Nhan Sư Cổ giải nghĩa hai chữ "chiêu nghi" rằng: "Làm sáng rõ uy nghi của mình, dùng danh từ này đặt tên hiệu để tỏ ra là bậc long trọng". Theo quan chế đời Hồng Đức chép về cung giai thì chiêu nghi là một cấp bậc trong hàng cửu tần.

Tháng 10, mùa đông. Đại xá.

Vì có tai biến sao Thái Bạch, nên đổi năm ấy làm năm Đức Nguyên thứ nhất. Đại xá cho trong nước.

Tháng 12. Bộ Lại bổ dụng viên chức trong kinh và ngoài các trấn 1.239 người.

---

[1] Ưu binh Thanh Nghệ, gọi chung là "tam phủ binh" , xem thêm chính biên quyển XLV, tờ 32.

[2] Chữ "Trinh" này đáng lẽ phải chép là "Khôi", mới đúng với nguyên văn của Sử cũ.

[3] Cấp bậc phi tần trong nội cung. Xem thêm Chính biên quyển XXIII, tờ 16, 17 về cấp bậc của tần.

[4] Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Bấy giờ chức quan nhũng lạm phức tạp, một lúc cất nhắc bổ dụng đến hơn ngàn người: làm quan cầu may, viên chức thừa thãi, không còn phân biệt gì cả.

Ất Mão, năm thứ 2 (1675). (Thanh, năm Khang Hy thứ 14).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua mất.

Dâng tôn hiệu là Mỹ hoàng đế, miếu hiệu Gia Tông. Nhà vua ở ngôi 4 năm, thọ 15 tuổi.

Tháng 6. Làm lễ táng ở lăng Phúc An.

Lập điện Thiên Ninh, hàng năm theo thời tiết cúng tế.

Lời chua -Lăng Phúc An: Ở xã Phúc Lộc, huyện Thụy Nguyên[1], quê của chiêu nghi Lê Thị. Phúc An có sách chép Phúc Lộc.

Tạc lập hoàng đệ Duy Hiệp lên ngôi. Đại xá.

Duy Hiệp, con thứ tư của Thần Tông, do Trịnh Thị Ngọc Tấn sinh ra. Lúc Thần Tông sắp mất, trối lại Trịnh Tạc rằng: "Cung nhân là Ngọc Tấn có mang mới được 4 tháng, chưa rõ gái hay trai, xin vương hết lòng trông nom giúp đỡ". Kịp khi sinh, thân thể trạng mạo đẹp đẽ khác người; Tạc nuôi dưỡng ở trong phủ. Nay Gia Tông mất không có con nối ngôi. Tạc bèn cùng các đại thần tôn lập Duy Hiệp làm vua (tức là Hy Tông), kể từ năm sau làm năm Vĩnh Trị thứ nhất, Đại xá cho trong nước.

Lời chua -Ngọc Tấn: Theo Ngọc phả triều Lê thì Trịnh Thị Ngọc Tấn có sách chép Ngọc Trúc, hiệu Từ Khánh, người xã Đông Khối, huyện Gia Định, không phải tộc thuộc của họ Trịnh ở Sóc Sơn. Gia Định nay là huyện Gia Bình.

Định rõ lại chế độ về chức việc của sáu bộ.

- Bộ Lại giữ sự vụ về quan tước, phong chức, ân ban, thuyên chuyển, lựa chọn, xét công trạng, truất bãi hoặc thăng thưởng, và giữ công việc bổ sung quan lại cho khỏi khuyết ngạch, cung cấp số người làm việc ở các nha môn.

- Bộ Hộ giữ sự vụ về ruộng đất, nhân dân, kho tàng, thu phát, và giữ công việc bổng lộc, đồ cống nạp, thuế khóa, muối và sắt.

- Bộ Lễ giữ sự vụ về lễ nghi, tế tự, khánh tiết, yến tiệc, trường học, thi cử và giữ tiết mục về áo mũ, ấn tín, phù hiệu, chương tấu, biểu văn, việc sứ thần đi cống nạp, việc các quan vào chầu mừng, lại kiêm cai quản các ngành tư thiên giám, thuốc thang, bói toán, tăng lục, đạo lục, giáo phường và đồng văn nhã nhạc.

- Bộ Binh giữ sự vụ về việc binh nhung, quân cấm vệ, xe ngựa, đồ nghi trượng, khí giới, và giữ công việc biên giới, lính thú, nhà trạm, phố xá, nơi hiểm yếu và việc khẩn cấp.

- Bộ Hình giữ sự vụ về luật lệnh, hình phạt án từ, ngục tụng và xét xử người phạm tội ngũ hình.

- Bộ Công giữ sự vụ về thanh hào, cầu cống, đường sá, việc thổ mộc, việc thợ thuyền, và giữ việc tu sửa xây dựng, thi hành lệnh cấm về núi rừng, vườn tược và sông chằm.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng hữu đô đốc Đặng Tiến Thự trấn thủ Nghệ An kiêm giữ chức đốc suất châu Bố Chính.

Lúc ấy, đốc suất Lê [Thì] Hiến mất, nên bổ Tiến Thự đến thay. Tiến Thự ở trấn, chính sự chuyên giữ giản dị, thanh tĩnh, nên trong hạt được yên vui.

Dùng Nguyễn Công Bích và Đào Công Chính vào chầu Kinh Diên.

Lúc ấy, nhà vua còn nhỏ tuổi lên nối ngôi, nên dùng Công Bích và Công Chính vào chầu Kinh Diên để giúp đỡ nhà vua học tập.

---

[1] Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 12, mùa đông. Đại hạn.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 34

Từ Bính Thìn, Lê Hy Tông, năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676) đến Ất Dậu, Lê Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 26 (1705), gồm ba mươi năm.

Bính Thìn, Hy Tông Chương hoàng đế, năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676). (Thanh, năm Khang Hy thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho Hồ Sĩ Dương, thượng thư bộ Công, trông coi việc sửa Quốc sử.

Bọn Thân Toàn phạm tội, bị giáng chức.

Lúc ấy xét công trạng các quan trong kinh, ngoài trấn, triều đình nhận thấy đô ngự sử Thân Toàn khảo xét công trạng không đúng sự thật, nên giáng chức Thân Toàn làm tả thị lang bộ Hộ; còn phó đô ngự sử Vũ Duy Hài và thiêm đô ngự sử Vũ Viết Thứ, triều đình nhận thấy hai người này giữ chức việc ở Ngự sử đài còn ít ngày[1], nên đều nghĩ phạt. Về việc này, các quan ngoài trấn vì khi khảo xét phải liệt vào hạng cuối cùng, nên hơn mười người bị giáng chức.

> **Lời chua -**Theo quan chế triều cố Lê thì đô ngự sử hàm tùng nhị phẩm, tả thị lang, hữu thị lang và phó đô ngự sử, thiêm đô ngự sử đều hàm tùng nhị phẩm.
>
> Nguyễn Viết Thứ: Người xã Sơn Đồng, huyện Đan Phượng[2], đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Nguyễn Sĩ Giáo và Trần Thế Vinh phạm tội, bị bãi chức.

Thiêm đô ngự sử Sĩ Giáo là người a dua phụ họa, kết bè đảng bênh vực riêng cho nhau, bị bầy tôi trong triều đàn hặc; giám sát ngự sử Thế Vinh do triều thần bảo cử (triều bảo) thăng chức đề hình ngự sử, Thế Vinh được tin người thân sinh (bố hoặc mẹ) mất, lại ẩn giấu đi không phát tang. Bọn hàn lâm hiệu thảo Nguyễn Đức Vọng thay đổi nhau làm sớ đàn hặc là Thế Vinh không phải người biết giữ đạo hiếu. Vì thế, Sĩ Giáo và Thế Vinh đều bị bãi chức.

> **Lời chua** -Đề hình: Theo quan chế triều cố Lê, thì đề hình ngự sử cùng giám sát ngự sử mười ba đạo đều hàm chánh thất phẩm, nhưng ban thứ thì đề hình đứng trên ngự sử mười ba đạo.
>
> Hiệu thảo: Quan chức trong viện Hàn lâm. Chức trách viện Hàn lâm là: phàm tờ chiếu, tờ chế đều do viện này đứng khởi thảo. Về việc các quan trong triều đường bảo cử, mà còn có điều gì chưa được thỏa đáng, thì viện này đều được phép hặc tâu để xét lại.
>
> Triều bảo: Tức là quan trong triều đường bảo cử.

---

[1] Duy Hài và Viết Thứ mới làm việc trong Ngự sử đài từ tháng 11 năm trước.

[2] Nay là xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Sĩ Giáo: Người xã Mi Sơn, huyện Thanh Chương[1], đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Thế Vinh: Người xã Phong Xuyên, huyện Tiên Phong[2], đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị.

Đức Vọng: Người xã Vịnh Cầu, huyện Đông Ngàn[3], đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673) năm Dương Đức triều Lê Gia Tông.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Binh bộ Thượng thư Nguyễn Mậu Tài và Công bộ Thượng thư Hồ Sĩ Dương đều giữ chức Tham tụng.

Trước đây, Mậu Tài từng làm quan phó Đô ngự sử, sau vì có công phụng mạng đi sứ, được thăng Thượng thư bộ Hình. Đến nay, tham tụng Vũ Duy Chí thôi làm quan, về nghỉ, nên Mậu Tài lại được thăng Thượng thư bộ Binh, rồi cùng Sĩ Dương đều vào phủ chúa Trịnh giữ chức Tham tụng.

Mồng một, tháng 12. Nhật thực.

Định rõ lại điều lệ khám xét kiện tụng.

Việc kiện về nhân mạng, trộm, cướp, và các việc tạp tụng như việc hộ, việc hôn[4], việc ruộng đất v.v... đều tùy theo thứ tự xét xử; về án nhân mạng thì trước hết do viên phủ, viên huyện khám nghiệm xét đoán, rồi hai ty Thừa chính và Hiến sát hội đồng khám lại. Về án trộm, cướp; nếu ở trong kinh thì do viên đề lãnh xét xử, nếu ở ngoài các trấn thì do viên trấn thủ xét xử.

Các việc kiện lớn, kiện nhỏ[5] đã qua các nha môn xét xử mà người đương sự chưa phục tình, nếu là việc xét xử ở huyện, ở phủ, ở ty Thừa chính hoặc ty Trấn thủ, thì việc kiện ấy phải phúc trình lên ty Hiến sát; nếu việc xét xử ở ty Hiến sát, thì phải phúc trình lên ty Giám sát; nếu việc xét xử ở viên đề lãnh hoặc viên Giám sát, thì phải phúc trình lên Ngự sử đài.

Thời hạn xét xử kiện: việc tạp tụng hạn trong 6 tháng, việc án nhân mạng hạn trong một năm.

Đinh Tỵ, năm thứ 2 (1677). (Thanh, năm Khang Hy thứ 16).

Mùa xuân. Sai Đinh Văn Tả đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng. Kính Vũ trốn sang đất nhà Thanh. Địa phương Cao Bằng hết thảy đều bình định được.

Trước đây, Kính Vũ dựa vào thanh thế triều đình nhà Thanh, lại chiếm cứ đất Cao Bằng[6]. Đến khi Ngô Tam Quế làm phản ở Vân Nam, Kính Vũ theo theo đế hiệu tiếm ngụy của Tam Quế và giúp binh lương. Tam Quế chết, quân nhà Thanh kéo vào Quảng Tây. Vì thế, triều đình bàn nhân cơ hội này tiến quân tiễu trừ bọn Kính Vũ. Trước hết đưa thư cho Lại Tháp Lị, tướng quân nhà Thanh, kể rõ tội trạng Kính Vũ; rồi sai Đinh Văn Tả, Nguyễn Hữu Đăng đem quân đi đánh, Thân Toàn giữ chức Thị sư, Đoàn Tuấn Hòa tham tán việc quân.

Tháng 8 năm này, bọn Đinh Văn Tả đánh phá được Kính Vũ ở Cao Bằng, Kính Vũ chạy sang Long Châu, đồ đảng con lại đều tan vỡ.

Dư đảng nhà Mạc chiếm cứ Cao Bằng, kể từ Kính Dụng đến Kính Vũ, trải 3 đời, 85 năm, đến nay mới dẹp tan, triều đình nhà Lê khôi phục được hết đất Cao Bằng. Sau triều đình cho triệu Văn Tả về, dùng Đặng Công Chất thay thế và để Tuấn Hòa ở lại giữ chức tham trấn.

---

[1] Nay là xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

[2] Nay thuộc xã Phú Châu, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

[3] Nay thuộc xã Đồng Nguyên, huyện Tuyên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[4] Xem chú thích ở Chính biên quyển XXXIII tờ 17 về việc hộ, việc hôn và lời chua của Cương mục về việc kiện lớn, kiện nhỏ.

[5] Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 25, 26.

[6] Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 2, 26.

Văn Tả là người mạnh khỏe, có thao lược, thường theo lệnh đi đánh dẹp, đánh đâu được đấy, là viên tướng có tiếng một thời. Con cháu sau này đời đời giữ việc binh nhung, người ta có câu ngạn ngữ: "Hàm giang thảo tặc[1]". Câu ấy có ý nói người ở Hàm Giang đánh giặc giỏi.

Lời chua -Vân Nam, Quảng Tây: Đều xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 10).

Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chb. VII, 17).

Ngô Tam Quế: Truyện nghịch thần nhà Thanh chép: Tam Quế người Liêu Đông, làm quan tổng binh nhà MInh. Khi lưu tặc[2] là Lý Tự Thành đánh phá Yên Kinh, Tam Quế đầu hàng nhà Thanh, nhà Thanh trao cho tước Bình tây vương. Năm Khang Hy thứ 6 (1667) chuyển đi trấn thủ Vân Nam; năm thứ 12 (1673), Tam Quế cùng Ngô Ứng Lân, Ngô Quốc Quý làm phản, tự xưng là thiên hạ đại nguyên soái; năm thứ 17 (1678), xưng hoàng đế, tiếm quốc hiệu là Đại Chu, sau bị bệnh chết, đồ đảng của giặc lập người cháu Tam quế là Thế Phồn, nối nghiệp; đến năm thứ 20 (1681) mới dẹp được.

Hữu Đăng: Người phường Đông Các huyện Thọ Xương, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1667) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông, phường Đông Các nay là thôn Dũng Thọ[3].

Tuấn Hòa: Sau đổi là Tuấn Khoa, người xã Cự Đồng, huyện Siêu Loại, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hi Tông.

Tháng 7, mùa thu. Định rõ thể lệ phong thế ấm cho công thần văn võ và thể lệ miễn giao dịch cho lại điển hoặc dân đinh.

Đầu niên hiệu Vĩnh Tộ[4], bầy tôi có quân công được dự phong "công thần" , phần nhiều được đời đời phong ấm.

Đến nay, tham tụng Nguyễn Mậu Tài và Hồ Sĩ Dương xin giảm bớt đi, bèn định rõ lại như thế này:

Công thần khai quốc: hàng võ từ đô đốc, hàng văn từ thị lang trở lên; công thần trung hưng: hàng võ từ đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự, hàng văn từ thị lang, ngự sử trở lên, thì con cháu đều được đời đời phong ấm.

Ngoài ra, những người nào ở trong hai ban văn, võ mà chưa được dự phong "công thần" , thì về hàng võ từ tam thái, tam thiếu[5] đến đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự; về hàng văn từ tam thái, tam thiếu, thượng thư đến thị lang, con cháu được 5 đời phong ấm.

Các chức dưới thì theo thứ tự giảm dần: hàng văn, từ tứ phẩm trở xuống có quận công; hàng văn, những người trúng trường đã từng được giao cho giữ chức tá nhị, thì các con những người này đều là quan viên tử; nhưng nếu người nào mới được trao chức lần đầu, thì chỉ một con trai được miễn dao dịch.

Tạp lưu cùng lại[6] thừa[7] các nha môn, chỉ được miễn dao dịch cho bản thân mình.

---

[1] Câu ngạn ngữ: "Đánh giặc đất Hàm, làm quan họ Đặng". Hàm tức Đinh Văn Tả ở Hàm Giang. Có thuyết nói: "Đánh giặc họ Đinh làm quan họ Đặng". Vì Đinh Văn Tả và Đặng Đình Tướng cùng làm quan trong một thời. Đinh Văn Tả thì đời đời giữ việc binh nhung. Đặng Đình Tướng thì bố là Yên quận công Đặng Tiến Thự và anh em 5 người đồng thời làm quan to.

[2] Toán người hợp nhau đi cướp phá, khi đóng ở vùng này, khi đóng ở vùng khác, gọi là "lưu tặc". Trong Minh sử có truyện lưu tặc.

[3] Nay là phố Hàng Bạc, Hà Nội.

[4] 1619-1628, niên hiệu Lê Thần Tông.

[5] Thái sư, thái phó, thái bảo, thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo.

[6] Người giữ văn thư giấy tờ trong một nha, như thông lại, đề lại, đạt lại v.v...

[7] Người có chức phận nhỏ, như cung thừa trong một cung, dịch thừa trong một trạm, tượng thừa trong một xưởng thợ v.v...

Sinh đồ nộp nửa suất thuế dung.

Dân đinh 50 tuổi là lão hạng, 60 tuổi là lão nhiêu, đều được miễn dao dịch.

Lời chua -Công thần: Triều Tiền Lê khi Thái Tổ dẹp được giặc Minh, phong 227 người công thần, đấy là công thần khai quốc[1]. Triều Hậu Lê từ Trang Tông đến Thế Tông diệt được nhà Mạc, những bầy tôi có công lao được phong là công thần, đấy là công thần trung hưng. Năm Vĩnh Tộ thứ 5 (1623), Trịnh Xuân nổi loạn, xa giá Thần Tông phải chạy về Thanh Hóa, Trịnh Tráng đem tướng sĩ đánh phá Trịnh Xuân, tiến lấy lại Đông Đô, phàm bầy tôi có công theo hầu xa giá và người có công đánh dẹp cũng được dự phong là công thần được đời đời phong ấm.

Trúng trường: Hương cống thi hội lọt được ba kỳ gọi là trúng trường.

Tá nhị: Như tự thừa, trưởng sử, bình sự, lục sự v.v... Tà nhị đều là thuộc viên ở các nha môn.

Tạp lưu: Tức các chức tăng chánh, tăng phó, đạo chánh đạo phó.

Mậu ngọ, năm thứ 3 (1678). (Thanh, năm Khang Hy thứ 17).

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Ngày Nhâm Tý, tháng 5. Sao Thái Bạch xuất hiện giữa ban ngày.

Tháng 7, mùa thu. Định rõ điều lệ thi hương.

Thi hương, thi hội, cứ ba năm mở một khoa. Khoảng niên hiệu Cảnh Trị (1663-1671), chỉ định rõ phép thi hội, còn phép thi hương vẫn còn sơ lược. Đến nay, triều đình sai bộ Lễ định lại cho được rõ ràng.

Lời chua -Điều lệ: Cố Lê thiện chính lục chép: Năm ấy bàn định điều lệ thi hương thế này:

Ngày học trò vào trường thi, đều bắt đầu từ ngày mồng 8 tháng 8. Số học trò ứng thi; xã lớn 20 người, xã vừa 15 người, xã nhỏ 10 người, xã nào ít học trò thì không bó buộc theo y số ấy.

Quan huyện, quan châu khảo xét học trò rồi chia ra hai hạng: toàn thông và thứ thông. Toàn thông là hạng học trò thi đủ được thể văn bốn kỳ, thứ thông là hạng học trò thi đủ được thể văn ba kỳ. Huyện lớn được 20 người , huyện vừa 15 người, huyện nhỏ 10 người[2].

Hiệu quan khảo hạch sinh đồ đã đỗ các khoa trước trong phủ mình, người nào thông hiểu văn lý là hạng hay chữ, người nào hơi kém là hạng thứ hai, người nào trễ biếng bỏ học sẽ không được thi.

Thể thức văn bài: Bài làm cần phải dùng ý nghĩa hồn hậu đầy đủ, nếu bài nào ý nghĩa phù bạc hoặc rập theo sáo cũ sẽ bị nhất luật đánh hỏng.

Các quan được cử sung vào công việc trong trường thi:

Trường thi ở tứ trấn và Thanh, Nghệ, chức đề điệu, chức giám thí mỗi chức đều cử một viên quan đại thần trong hàng văn ban.

Trường thi ở Phụng Thiên, chức giám thí dùng viên đô cấp sự.

[1] Xem thêm chính biên quyển XV, tờ 2.

[2] Đoạn văn này chép không được rõ lắm. Tham khảo Chính biên quyển XXXIX, tờ 3 và "khoa mục chí" trong Lịch triều hiến chương, thì học trò vào hạng thi đủ được thể văn bốn kỳ, sẽ được cùng với sinh đồ đỗ các khoa trước cùng đi thi hương. Như vậy thì số học trò của huyện lớn 20 người, huyện vừa 15 người, huyện nhỏ 10 người, là chỉ kể học trò vào hạng toàn thông mà thôi.

Chức giám khảo và đồng khảo ở các trường kể trên: giám khảo dùng viên chức trong viện Hàn lâm hoặc các khoa, các đạo; đồng khảo dùng các chức lang trung, viên ngoại và các viên huấn, giáo ở phủ huyện đã từng thi hội trúng được ba kỳ mà là người có văn chương, có danh dự, đức vọng sung vào.

Các trường thi ở Thái Nguyên, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn và Yên Quảng, chức đề điệu và giám thí dùng quan chức trong hai ty Thừa chính và Hiến sát.

Nhận diện và điểm mục: Ngày học trò vào trường thi, thì hiệu quan và xã trưởng phải đến cửa trường nhận diện học trò, đề phòng việc gian trá giả mạo. Ngày hôm ấy, phàm hương cống các khoa trước mà có quan chức phải hội hợp điểm mục ở cửa điện đình, sinh viên phải hội họp điểm mục ở Quốc Tử giám, để ngăn mối tệ đội quyển làm gà. Người nào vắng mặc ngày hôm ấy thì người có trách nhiệm sẽ hặc tâu để trị tội.

Trong điều lệ này, có nói cả đến chức trách các viên giữ việc tuần xước[1], thể sát[2], di phong[3], soạn hiệu[4], và mọi thứ cần dùng ở trong trường thi.

Lại tham khảo về đời cổ Lê, bốn trấn Sơn Nam, Kinh Bắc, , Hải Dương, Sơn Tây, hai xứ Thanh Hoa, Nghệ An, phủ Phụng Thiên phụ cận kinh kỳ, và Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Yên Quảng ở ngoại trấn, cứ đến khoa thi, mỗi xứ đều mở trường thi hương. Sau các xứ ở ngoài trấn thi phụ vào trường thi của bốn trấn.

Về việc cử các chức đề điệu và giám thị: Trường Phụng Thiên vì số học trò có ít, nên ngoại trường[5] chỉ đặt một viên giám thí; còn các trường khác đều đặt hai viên; đề điệu và giám thí; riêng các trường ở ngoại trấn thì dùng quan Thừa chính và Hiến sát giữ chức đề điệu và giám thí.

Hiệu quan: Một danh từ gọi các viên giáo dụ ở các phủ thời bấy giờ.

Đề điệu: Tức chánh chủ khảo ngày nay.

Giám thí: Tức phó chủ khảo ngày nay.

Kỷ Mùi, năm thứ 4 (1679). (Thanh, năm Khang Hy thứ 18).

Tháng 2, mùa xuân. Bàn định công tướng sĩ thu phục được Cao Bằng, thăng thưởng có từng hạng khác nhau.

Thăng thưởng cho Hoàng Nghĩa Hy tước Lãng quận công; những người có công được theo thứ tự thăng thưởng 160 người; ngoài ra đều tính số tai giặc xẻo được[6] nhiều hay ít mà ban thưởng bằng bạc.

Lời cẩn án - Sách Lê sử tục biên chép: "Bàn công đánh ở Giang Mãng" (luận Giang Mãng[1] công). Tạp kỷ của Cao Lãng[2] chép: "Bàn công đánh Mạc Nguyên Thanh" (luận thảo Mạc Nguyên Thanh công).

---

[1] Viên chức giữ việc tuần phòng chung quanh trường thi, để ngăn ngừa sự gian trá.

[2] Viên chức giữ việc khám xét lều chiếu, ống quyển, hộp tráp của học trò khi vào trường thi, để ngăn ngừa việc đem bài cũ hoặc sách vỡ vào trường; lại trông coi xem xét khi học trò làm bài để giữ trật tự.

[3] Viên chức thu quyển của thí sinh khi làm bài xong, để nộp, rồi đóng vào hòm niêm phong lại.

[4] Viên chức soạn số hiệu từng quyển văn của học trò, để khỏi xảy ra sự lầm lẫn tên người nọ dán vào quyển người kia.

[5] Trong trường thi có chia ra ngoại trường và nội trường, ngoại trường là đề điệu và giám thí, nội trường là giám khảo và đồng khảo.

[6] Xem chú thích số 1 Chính biên quyển XXIX, tờ 25.

Nay xét: Năm trước quan quân đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng, Kính Vũ tức Nguyên Thanh. Cao Bằng có Mãng Giang ở các tỉnh thành hiện nay 13 dặm về phía Bắc. Thế thì Mãng Giang là địa điểm mà quan quân đã đánh Mạc Nguyên Thanh, vì thế mà về sau bàn định công đánh Mạc mới dùng tên đất mà gọi tên mặt trận. Đến như việc đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng, thì Đinh Văn Tả làm đốc tướng, thì khi thưởng công lại cho Hoàng Nghĩa Hy đứng đầu. Có lẽ trận chiến thắng ở Mãng Giang, Nghĩa Hy là người lập công đầu chăng? sách Lê Sử tục biên là một bản sao, chưa phải là sách đã biên soạn xong hẳn. E rằng chỗ này còn có điều thiếu sót.

Lời chua - Hoàng Nghĩa Hy: Người xã Hoàng Vân, huyện Kim Động[3], là con Hoàng Nghĩa Giao.

Cao Bằng: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Tháng 10, mùa đông. Thanh Hoa bị nạn đói.

Thanh Hoa bị nước tràn ngập, hoàng trùng phá hại lúa, nhân dân phần nhiều phiêu tán. Triều đình hạ lệnh xá thuế dân đinh và các thuế tuần ty, thuế bến đò, giảm bớt các sự lệ cúng tế. Lại hạ lệnh cho hai ty Thừa chính, Hiến sát và phủ huyện đều phải trai giới cầu đảo.

Lời chua - Thanh Hoa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 20, 21, 33).

Canh Thân, năm thứ 5 (1680). (Thanh, Khang Hy thứ 19).

Ngày Canh Ngọ, tháng 10, mùa đông. Sao Chổi xuất hiện ở phương Tây. Hạ lệnh; ân xá; đổi niên hiệu.

Tân Dậu, năm Chính Hòa thứ 2 (1681). (Thanh, năm Khang Hy thứ 20).

Ngày Giáp Dần, tháng 2, mùa xuân. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Chẩn.

Đại hạn, dân bị nạn đói.

Từ mùa xuân đến mùa hạ, không mưa, lúa mạ khô héo, nhân dân khô đói.

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1682). (Thanh, năm Khang Hy thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thẳng sang nhà Thanh.

Sai bọn Thân Toàn và Đặng Công Chất sang nhà Thanh dâng lễ tuế cống, nhân tiện cáo phó về việc Huyền Tông mất và xin phong tước.

Tháng 5, mùa hạ. Truy tôn Nguyễn Thị, quý phi của Thần Tông, làm Minh Thục hoàng thái hậu.

Lời chua - Hậu: Tên là Ngọc Bạch, người xã Hoàng Đan, huyện Gia Viễn[4], là sinh mẫu Lê Chân Tông.

Ngày Mậu Dần, tháng 8, mùa thu. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Dực và sao Chẩn.

---

[1] Cùng một tên đất chép trong một đoạn văn mà trên chép "Giang Mãng", dưới chép "Mãng Giang", nên chưa hiểu địa danh này thế nào là đúng. Chúng tôi cứ dịch theo đúng với nguyên văn đã chép.

[2] Ở thư viện Sử học có một bộ bốn cuốn (sách chép tay) nhan đề (Lịch triều tạp kỷ) chép công việc từ Lê Gia Tông đến Lê Hiển Tông. Tác giả, Ái Châu, Cổ Đằng, Nổ Giang, Cao Tẩu, lược biên không rõ bộ sách này có đúng là Tạp kỷ của Cao Lãng mà Cương mục đã dẫn ra đây không? về việc đánh Mạc ở Cao Bằng, sách này (quyển thứ nhất) chép: "Luận Đinh Văn Tả, ,Nguyễn Hữu Tham (Sâm) đẳng thảo phá Mạc Nguyên Thanh công" (bàn công đánh phá Mạc Nguyên Thanh của bọn Đinh Văn Tả và Nguyễn Hữu Tham).

[3] Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

[4] Ninh Bình.

Tham Tụng Nguyễn Mậu Tài bị giáng chức. Nguyễn Văn Đương được thăng hữu thị lang bộ Binh và giữ chức bồi tụng trong phủ chúa.

Lúc ấy, Mậu Tài giữ chức tham tụng, Nguyễn Văn Đương tham chính Thanh Hoa, dâng tờ khải nói: "Chính lệnh trong một nước, phó thác ở tể tướng, chính lệnh bỏ bê trệ hay thi hành là quan hệ ở người thừa hành thiên tư hay ngay thẳng. Nay Mậu Tài ghen ghét người hiền tài, gây bè đảng riêng, kết dâu gia với viên tham tụng trước là Hồ Sĩ Dương, công việc trong triều kẻ xướng, người họa, lừa dối che lấp cả trí thông sách của bề trên, rất không xứng đáng với chức vụ. Mấy năm gần đây, nào động đất, nào thủy tai, nào sao Bột, sao Chổi, nào hạn hán, hoàng trùng, những việc tai dị luôn luôn sinh ra, mà bầy tôi trong triều không ai dám vạch rõ tội lỗi của họ. Vậy xin rộng lựa chọn những người hiện tại chức xem người nào có đạo đức, độ lượng, tài năng, trí tuệ cho giữ chức tể tướng. Có như thế, thì chức quan được người xứng đáng, nhân dân được vui vẽ làm ăn, mà có thể dần dần đem lại khí hòa của đất trời được".

Tạc biết Mậu Tài là người thuần cẩn, không có lỗi gì to. Nhưng thấy Văn Đương dám nói thẳng, Tạc có ý muốn khuyến khích mọi người, bèn giáng chức Mậu Tài làm tả thị lang bộ Hộ, cất nhắc Văn Đương làm hữu thị lang bộ Binh cho vào hầu trong phủ giữ chức bồi tụng.

Văn Đương thẳng thắng không a dua, tính tình ít hòa hợp được với người khác; ở trong triều, dám nói thẳng, không kiêng nể, sợ hãi, nên người ta khen Văn Đương là người ngay thẳng.

Lời chua - Văn Đương: Người xã Bồ Sao, huyện Bạch Hạc[1], đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông.

Trịnh Tạc mất. Con là Căn nối giữ tước vương.

Tạc chuyên nắm chính quyền 25 năm. Khi mất, truy xưng Dương Vương, tiếm hiệu là Hoàng tổ. Thế tử Căn nối nghiệp, xưng Định Vương.

Căn là con trưởng của Tạc, lúc còn ít tuổi, vì có tội phải giam trong ngục, sau dùng kế quỷ quyệt được khỏi tội. Liền đó, lại được làm phó đô tướng, trấn thủ Nghệ An, rồi dần dần phong đến tiết chế, tiến phong làm nguyên soái, giữ chính quyền trong nước, tước Định nam vương. Đến nay Tạc mất, Căn bèn nối ngôi chúa.

Tháng 10, mùa đông. Lê Hải, trấn thủ Cao Bằng, dụ được đồ đảng họ Mạc là Nguyễn Công Hồi đầu hàng. Hải được thăng chức đề đốc.

Trước đây, Đặng Công Chất trấn thủ Cao Bằng, bị nha lại và dân chúng tố cáo, phải triệu về triều, triều đình bổ Lê Hải lên thay. Hải đến trấn thủ, dụ được đồ đảng họ Mạc là Nguyễn Công Hồi đem hơn một ngàn bộ thuộc đến trấn đầu hàng.

Triều đình phong cho Hồi tước hiệu quận công và thăng thưởng cho Hải chức đề đốc.

Lời chua - Lê Hải: Có sách chép Lê Hối, người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương[2] là con Lê [Thì] Hiến.

Quý Hợi, năm thứ 4 (1683). (Thanh, năm Khang Hy thứ 22).

Mùa xuân. Người nhà Thanh giao trả tù binh họ Mạc cho nước ta, nhà vua ngự ở điện Kiền Nguyên để nhận.

Tháng 6 năm trước, vua nhà Thanh hạ lệnh cho quan chức Quảng Tây giao trả tù binh gồm những người nhà Mạc là bọn Kính Liêu. Thích Dục tuần phủ Quảng Tây, báo tin ấy cho nước ta biết. Triều đình sai phó đô ngự sử Vũ Duy Đoán và trấn thủ Lạng Sơn là hoạn quan Thân Đức Tài cùng nhau đến cửa ải nơi biên giới tiếp nhận tù binh. Lúc ấy công văn trao đổi, tên của Duy Đoán đứng dưới tên của Đức Tài. Đến nay triều đình sai Duy Đoán và Vũ Công Đạo lại đi tiếp nhận tù binh. Lúc này, Duy Đoán đã

---

[1] Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Đất huyện Lôi Dương cũ, nay thuộc hai huyện Thọ Xuân và Thường Xuân (Thanh Hóa).

thăng chức thượng thư và Công Đạo giữ chức đô ngự sử, nhưng Trịnh Căn muốn rằng trong công văn vẫn cứ đề tên theo thứ tự đã đề trước. Duy Đoán khẳng khái nói: "Tôi tự hổ là một người chỉ làm để cho đủ vị thượng thư thôi, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng vương thượng coi "nam nha"[1] là cao quý, không ngờ bây giờ "hoàng môn"[2] lại ở trên "nam nha". Việc này tôi không dám vâng theo mệnh lệnh". Vũ Công Đạo cũng cố tranh luận là không nên như thế. Căn giận lắm, bèn bãi chức hai người này, rồi hạ lệnh khác cho bồi tụng Nguyễn Quai và cấp sự trung Trần Thế Vinh, Đặng Đình Tướng cùng với Đức Tài cùng đi.

Vương Quốc Trinh, thông phán Nam Ninh, là viên quan do triều đình nhà Thanh phái ủy, muốn giao trả tù binh ở cửa ải Thủy Khẩu thuộc Cao Bằng, hắn đã dựng nhà từ trước để đợi phái bộ nước ta, nhưng bọn Nguyễn Quai lấy lẽ rằng, Cao Bằng không phải là nơi giao nhận, không chịu theo. Quốc Trinh trong bụng căm giận, nhưng cũng gượng gạo đến trấn Nam Quan; khi đến nơi, hắn buông xổng cho lính bản thổ đánh đấm lẫn nhau, đâm thủng cả hai lần áo cừu của Đình Tướng, rồi lại đòi nộp 5.500 lạng bạc hành lý.

Số tù binh họ Mạc mà nhà Thanh giao trả, vừa lớn vừa nhỏ là 350 mgười, Đức Tài kiểm điểm xét duyệt, rồi phân phối đưa đi cho được yên phận ở xen vào với dân Lạng Sơn, còn bọn Kính Liêu cả thảy 124 người thì dẫn giải về triều dâng ở dưới cửa cung khuyết. Nhà vua ngự điện Kiền Nguyên nhận tù binh, sau lại dẫn đến sân phủ chúa để chịu tội, bọn này đều được tha. Bọn Kính Liêu ba người được triều đình trao cho quan chức, ngoài ra đều phân phối đi các nơi để được yên phận ở xen vào với dân bản xứ, hằng năm giúp đỡ cho vãi và tiền.

Sau này, triều đình xét thấy Đình Tướng đưa số bạc cho Quốc Trinh nhà Thanh quá nhiều, nên Đình Tướng bị giáng chức một trật, còn Nguyễn Quai và Sĩ Vinh có bệnh không dự vào việc hội hợp giao bạc cho Quốc Trinh, nên phải phạt tiền nhiều ít khác nhau.

Triều đình lại đưa thư sang nhà Thanh nói về tình trạng Quốc Trinh yêu sách và không có lễ độ, viên tổng đốc Lưỡng Quảng là Ngô Hưng Tộ sau khi xét hỏi Quốc Trinh, liền đem bản án dâng lên triều, cuối cùng Quốc Trinh bị khép vào tội trảm hậu[3], còn số bạc mà Quốc Trinh đã tham tang thì thu lấy sung công.

Lời phê - Đã trái cả hình luật, lại quên cả sĩ nhục[4].

Lời cẩn án - Bang giao là lễ trọng đại mà hoạn quan được tham dự, thượng thư và ngự sử là chức quan cao quý trong triều mà hoạn quan được vượt lên trên. Thế là đem bọn sống sót sau khi bị cắt thiến đứng trên hàng quan vào bậc tấn thân[5]. Lời tranh luận của Duy Đoán và Công Đạo thật là hợp với lẽ phải, thế mà Trịnh Căn lài bênh vực Đức Tài mà bãi chức bọn Duy Đoán, thì Trịnh Căn tự ý làm càn, cũng đã quá lắm!

Lúc ấy, họ Trịnh lăn loàn lấn vượt, phàm công việc đã làm, thật khó đem lẽ phải mà đo đắn được. Sở dĩ họ Trịnh còn có thể cai trị nước được, là nhờ các sĩ phu vui lòng giúp đỡ đấy thôi. Thế mà lại khinh bỏ cả thể diện quốc gia, coi thường cả phẩm giá danh sĩ, để đến nỗi sau này bọn "điêu đang"[6] lộng quyền mà quan văn quan võ trong triều phải theo chúng sai khiến, rồi cuối cùng họ Trịnh cũng phải diệt vong. Thế thì việc này chả phải đáng làm gương răn một cách sâu sắc đó sau ?

Lời chua - Thủy khẩu quan: Theo sách Quảng Tây thông chí nhà Thanh, thì Thủy khẩu quan ở phía tây bắc Long Châu 95 dặm, giáp biên giới nước ta.

Trấn Nam quan: Có một tên nữa là Đại Nam quan, giáp với châu Văn Uyên tỉnh Lạng Sơn nước ta. Xem Lê Trang Tông, năm Nguyên Hòa thứ 8 (Chb. XXVII, 35).

---

[1] Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

[2] Nt.

[3] Một thứ hình phạt của chế độ phong kiến. Người can phạm đã bị xử vào tội đem chém, nhưng còn được đợi ít lâu để xét lại.

[4] Chỉ việc tha tội và trao quan chức cho bọn Kính Liêu.

[5] Một danh từ để gọi chung các quan vào hàng khoa mục, giữ quyền cao chức trọng trong triều.

[6] Một thứ mũ của hoạn quan đội. Mũ này đằng trước có hình con ve trang sức bằng vàng. Văn ngôn, thường dùng danh từ này, để nói riêng về bọn hoạn quan.

Nam Ninh: Theo nhất thống chí nhà Thanh, thì về đời Tây Hán và Đông Hán, Nam Ninh là đất Uất Lâm; từ nhà Tấn về sau, là quận Tấn Hưng; nhà Đường, là quận Lãng Ninh thuộc châu Ung; nhà Tống, là quận Vĩnh Ninh thuộc châu Ung; nhà Nguyên gọi là lộ Nam Ninh; nhà Minh đổi là châu Nam Ninh, thuộc ty Bố chánh sứ tỉnh Quảng Tây; nhà Thanh cũng theo như nhà Minh.

Nam Nha: Cương mục tập lãm chép: Nhà Đường chia tể tướng làm nam ty, hoạn quan làm bắc ty, vì thế mới có danh từ "nam nha, bắc nha".

Hoàng môn: Theo "Bách quan chí" trong Hậu hán thư, thì chức hoàng môn lệnh một người, ăn lộc 600 thạch, giữ việc trông nom các hoạn quan trong sảnh. Sách ấy lại chua rằng: Cửa cung cấm gọi là cửa vàng (hoàng thát) dùng hoạn quan trông coi, nên viên quan coi giữ cung cấm gọi là hoàng môn lệnh.

Vũ Duy Đoán: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Nguyễn Quai: Người xã Vân Điềm, huyện Đông Ngàn.

Đặng Đình Tướng: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức, Nguyễn Quai và Đình Tướng đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Thích Dục: Người Định Châu nhà Thanh. Nhất thống chí nhà Thanh liệt Thích Dục vào hàng quan lại có danh tiếng.

Hạ lệnh: Đề cử người có tài cán, thao lược, trí mưu, dũng cản.

Bầy tôi về hàng quan võ đều được xét những thuộc hạ của mình xem người nào có thao lược, trí mưu, dũng cảm thì đề cử để triều đình biết. Về phần con em nhà tướng, người nào có tài năng đức độ thì tự mình được tiến cử lấy.

Tháng 9, mùa thu. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Vua nhà Thanh sai Thị độc Minh Đồ và Biên tu Tôn Trác Vinh sang sách phong và ban cho quốc ấn.

Trước đây, Ngô Tam Quế, bầy tôi bạn nghịch nhà Thanh, chiếm cứ Vân Nam, xin nhà Lê cứu viện, triều đình nhà Lê cự tuyệt sứ thần của Tam Quế. Kịp khi nhà Thanh dẹp được Tam Quế, vua Thanh tự tay viết bốn chữ "trung hiếu thủ bang"[1] ban cho vua Lê, là có ý trọng vua Lê về việc không giúp Tam Quế. Rồi vua Thanh lại sai thị độc Ô Hắc[2] và lang trung Chu Xán sang dụ bảo việc ban lễ phẩm tế Huyền Tông và Gia Tông. Lúc ấy Trịnh Tạc đã mất rồi, nhưng chưa làm lễ táng. Trịnh Căn giả mạo quốc thư đưa đến mời sứ thần nhà Thanh viếng Trịnh Tạc, Minh Đồ bèn dùng lễ riêng phúng viếng.

Lời phê - Nước lớn cũng không có người giỏi[3].

Lời chua - Theo Nhất thống chí nhà Thanh, thì năm Khang Hy thứ 22 (1683), nhà Thanh sai quan sang nước ta sách phong, ban cho cáo mạng và đổi cho quả ấn mới đúc, quả ấn này bằng bạc mạ vàng núm ấn đúc hình con lạc đà. Lại ban cho bốn chữ "trung hiếu thủ bang" do chính tay vua Thanh viết.

Xét: Năm Quang Hưng thứ 21 (1598) triều Lê Thế Tông, nhà Minh hạ chiếu phong vua Lê chức An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ, và ban cho một quả ấn bằng bạc; năm Phúc Thái thứ 4 (1646) triều Lê Chân Tông, nhà Minh sai sứ sang phong Thần

[1] Bốn chữ này nghĩa là "có lòng trung thành hiếu kính để giữ nước".

[2] Chữ này nguyên văn chép và chua rằng: "đã tra tự điển cùng Bị khảo, Bổ di đều không có, không hiểu âm là gì". Ở đây chúng tôi thấy chữ này bên tả có chữ "hắc" nên tạm phiên là "Hắc" cho đủ tên một người để dễ đọc mà thôi. Tên này có sách chép là "Điều Sính".

[3] Chỉ việc Minh Đồ dùng lễ riêng phúng Trịnh Tạc.

Tông (lúc này Thần Tông đã xưng thái thượng hoàng) làm An Nam quốc vương và ban cho một quả ấn bằng bạc mạ vàng.

Giáp Tý, năm thứ 5 (1684). (Thanh, năm Khang Hy thứ 23).

Tháng 4, mùa hạ. Hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm thăm hỏi sự đau khổ ở dân gian.

Trịnh Căn hạ lệnh rằng: "Thương yêu nhân dân là công việc đứng đầu trong mọi việc chính trị. Nhân dân, có người vì quan sở tại hà khắc, bọn quyền quý ức hiếp, có người vì cớ gì đó mà phải phiêu tán đi nơi khác, những hạng người ấy cần được vỗ về thương yêu mới phải". Bèn hạ lệnh cho ty Hiến sát các xứ đi tuần hành dò hỏi, đến cuối năm sẽ theo tình thật từng loại người làm tờ khải trình bày, để tìm phương pháp giúp đỡ cho họ. Lệnh này được ghi vào lệnh chỉ để thi hành.

Tháng 8, mùa thu. Gió lớn; vỡ đê sông Nhị.

Gió lớn, nước tràn dẫy lên, đê sông Nhị bị vỡ, lúa ruộng ở các huyện vùng Tây Bắc phần nhiều tổn hại.

Lời chua - Nhị Hà: Có một tên nữa là sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Căn phong cho con thứ là Bách làm tiết chế.

Trước đây, con cả của Căn là Vĩnh đã chết, các con của Vĩnh còn bé, Bách là em Vĩnh, tuổi đả hơi lớn, nên Trịnh Căn tiến phong làm khâm sai tiết chế các doanh quân thủy, quân bộ, kiêm giữ quyền chính trong nước, chức thái úy, tước Kiêm quận công, mở phủ Lý Chính. Tiến phong như thế, là có ý dùng Trịnh Bách làm người nối nghiệp.

Trịnh Căn tự tiến phong là đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng thánh phụ sư thịnh công nhân minh uy đức Định vương.

Trước đây. Căn đã xưng nguyên soái Định quốc vương. Bầy tôi bàn tấn phong tước vương chỉ dùng một chữ[1]. Căn bề ngoài, giả vờ nhúng nhường không nhận thấy đã hàng mấy năm, đến nay mới nhận mệnh lệnh.

Lời phê - Càng ngày càng quá! Mũ và giày đảo ngược, không còn phân biệt được trên dưới nữa. Bầy tôi đều đã là tôi tớ nhà họ Trịnh cả rồi không kể làm gì. Đến như người làm vua còn cứ nhận lấy danh tiếng hão huyền ấy mà quên cả liêm sĩ, cũng đáng lấy làm quái gở! Như thế mà họ Trịnh vẫn không cướp ngôi vua, không hiểu vì lý do gì?

Ất Sửu, năm thứ 6 (1685). (Thanh, năm Khang Hy thứ 24).

Tháng 8, mùa thu. Định rõ lại phép khảo công.

Trước đây, các quan trong kinh ngoài trấn, mỗi năm một lần khảo công. Khi khảo xét xong, liền thi hành ngay việc truất bãi hoặc thăng trật, người ta khổ sở vì thời hạn quá ngặt. Nay bèn định mỗi năm một lần khảo công, nhưng để đủ ba lần khảo xét mới thi hành việc truất bãi hoặc thăng trật. Phép thưởng và phạt chia ra ba hạng thưởng, trung, hạ, khác nhau.

Lời chua - Phép khảo công: Theo Lê triều thiện chính thì điều lệ khảo công năm ấy như thế này:

Quan trong kinh, ngoài trấn, người nào ba lần khảo đều vào thượng hạng, được thăng chức một bậc và thưởng 50 quan tiền.

Người nào 2 lần vào thượng hạng, 1 lần vào trung hạng, được thăng chức một bậc và thưởng 20 quan tiền.

---

[1] Trước đây là Định quốc vương, sau là Định vương, có lẽ tước vương, dùng một chữ to hơn tước vương hai chữ.

Người nào 1 lần vào thượng hạng, 2 lần vào trung hạng, được thăng chức một bậc.

Người nào ba lần vào trung hạng, thì đợi khi đủ niên hạn giữ hiện chức, sẽ thuyên chuyển bổ dụng.

Người nào 3 lần khảo đều vào hạ hạng, phải giáng một bậc và phạt 50 quan tiền.

Người nào 2 lần vào hạ hạng, 1 lần vào trung hạng, phải giáng một bậc và phạt 20 quan tiền.

Người nào 1 lần vào hạ hạng, 2 lần vào trung hạng, phải giáng một bậc.

Tháng 12, mùa đông. Động đất.

Bính Dần, năm thứ 7 (1686). (Thanh, năm Khang Hy thứ 25).

Đinh Mão, năm thứ 8 (1687). (Thanh, năm Khang Hy thứ 26).

Tháng 3, mùa xuân. Anh Tông Hiếu Nghĩa hoàng đế[1] triều ta lên nối nghiệp.

Tháng 10, mùa đông. Không mưa.

Đã lâu không mưa, thóc lúa thu hoạch sút kém, giá gạo vọt cao, triều đình sai quan trong kinh đi đến các đạo xem xét hình thế ruộng đất, làm xe tát nước để tưới cho ruộng cấy lúa. Lại bàn thi hành việc ân xá.

Mậu Thìn, năm thứ 9 (1688), (Thanh, năm Khang Hy thứ 27).

Tháng 2, mùa xuân. Trịnh Căn bổ dụng cháu là Bính làm tiết chế[2].

Bính là con Trịnh Vĩnh, Vĩnh là con cả Trịnh Căn, Bính đã từng được tiến phong phó đô tướng, thái phó, Tấn quốc công. Trước đây, tiết chế Trịnh Bách mất, Căn muốn lập Bính làm người thừa tự, bèn tiến phong cho Bính tiết chế các doanh quân thủy, quân bộ các xứ, kiêm giữ cả chính quyền, chức thái úy, tước Tấn quốc công, mở phủ Dực quốc.

Tháng 3. Cấm cáo tố ruộng ẩn lậu.

Ở dân gian, những ruộng còn ẩn lậu chưa ghi vào thể lệ, nộp thuế, đều được gia ân miễn thuế. Dân xã không được tố cáo, quan tư không được nhận đơn khám xét, viên quan cai quản sở tại không được bớt việc để sách nhiễu. người nào trái lệnh sẽ bị tội.

Tháng 5, mùa hạ. Thổ ty Vân Nam nhà Thanh xâm chiếm đất biên giới ở ba châu thuộc Tuyên Quang và Hưng Hóa.

hai châu Vị Xuyên, Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang và châu Thủy Vĩ thuộc Hưng Hóa giáp liền với địa giới phủ Khai Hóa nhà Thanh. Lúc ấy, Vũ Công Tuấn chạy sang Vân Nam[3], muốn nhờ Vân Nam giúp sức. Nhân đấy thổ ty Khai Hóa bèn ăn hiếp dân, chiếm lấy đất ba châu, đặt tuần ty ở các động ven biên giới, sách nhiễu thu thuế người buôn bán.

Lê Huyến, trấn thủ Hải Dương, được lệnh đi trấn thủ Tuyên Hưng, Huyến bèn cùng đốc đồng Đặng Đức Nhuận và Trần Thọ đưa thư sang Vân Nam biện luận rõ về việc này, một mặt Huyến lại hiệu dụ dân các động trở về với nước ta như cũ, nhưng thổ ty Vân Nam không chịu giao trả lại. Thành ra từ đây trở đi đất ở biên giới ba châu nhiều chỗ bị mất về nhà Thanh, suốt đời nhà Lê vẫn không sao lấy lại được.

---

[1] Tên là Phúc Trăn, cũng gọi chúa Nghĩa, con Phúc Tần.

[2] Tiết chế: Tức tổng chỉ huy quân đội trong toàn quốc.

[3] Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 33, 34.

Lời chua - Vị Xuyên[1], Bảo Lạc: Tên 2 châu, đều thuộc phủ Tương An, tỉnh Tuyên Quang.

Thủy Vỉ: Tên châu, thuộc Hưng Hóa[2], xem Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 8 (Chb. XI, 1).

Các động 3 châu: Xem năm Chính Hòa thứ 2 (tờ 27 trong cuốn này).

Khai Hóa: Tên phủ, thuộc tỉnh Vân Nam nhà Thanh.

Đức Nhuận: Người xã Hoa Lâm, huyện Đông Ngàn[3], đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Trần Thọ: Người xã Điền (Trần) Trì, huyện Chí Linh[4], đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Kỷ Tỵ, năm thứ 10 (1689). (Thanh, năm Khang Hy thứ 28).

Tháng 6, mùa hạ. Người nhà Thanh bắt Vũ Công Tuấn trả lại, nước ta bắt đem giết đi.

Công Tuấn, sau khi đả lẫn lút sang Vân Nam, nương dựa vào thổ ty Nùng Tiên Lai, Công Tuấn tự xưng là tiểu Giao Cương vương, ngầm cùng dư đảng họ Mạc là bọn Kính Chửu, Kính Thọ hô hào tụ tập binh lính bản thổ và người Nùng cướp bóc ở biên giới Tuyên Quang, Hưng Hóa. Trấn thủ Nguyễn Công Triều đem quân tiến đánh, không thắng được. Tiếp đó, triều đình sai đốc suất Lê Hải, đốc thị Đặng Đình Tướng đem quân tiến lên, hội hợp với Công Triều để xếp đặt công việc ở địa phương này.

Bọn Lê Hải nhiều lần đưa văn thư sang viên tổng đốc Vân Nam, nhưng viên phủ Khai Hóa không đề đạt giúp; sau phải dùng phải, lụa và bạc thổ giao kết một cách hậu tình với thổ ty Mộng tự là Lý Thế Bình, Thế Bình mới chuyển đạt giúp cho. Viên tổng đốc Vân Nam bèn hạ lệnh cho 3 phủ Khai Hóa, Lâm An và Quảng Nam tra xét rõ ràng, giao trả lại gái trai lớn bé hơn 120 người. Bọn Lê Hải bèn ước hẹn với phiên thần[5] là Nông Văn Cương hội hợp ở trên biên cảnh, bắt Vũ Công Tuấn đem về giết đi, đồ đảng của hắc đều tan rã, bọn Lê Hải đều kéo quân về.

Lời chua - Mộng tự: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chb. XII, 14).

Lâm An: Tên phủ, thuộc tỉnh Vân Nam nhà Thanh, xem Lý Thần Tông, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. IV, 27).

Quảng Nam: Nhất thống chí nhà Thanh chép: Quảng Nam về triều nhà Hán, là đất quận Tường Kha; nhà Nguyên lập Quảng Nam tây lộ; nhà Minh đặt là phủ Quảng Nam, thuộc tỉnh Vân Nam; nhà Thanh theo như nhà Thanh.

Nông Văn Cương: Thổ tù châu Bảo Lạc.

Nguyễn Công Triều: Hoạn quan, người làng Đông Lao, huyện Từ Liêm[6].

Giao Cương: Theo Nguyên sử thì địa thế ở phía tây bắc Giao Chỉ là từ Giao Cương kéo sang. Vì thế Công Tuấn lấy tên đất ấy làm vương hiệu của hắn.

---

[1] Tên châu này về phần mục chép "Vị Xuyên" đến lời chua lại chép lầm là Vị Châu, vì "Xuyên" và "châu" theo hán văn, 2 chữ này gần giống nhau. Vị Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Giang, Bảo Lạc nay thuộc tỉnh Cao Bằng.

[2] Châu Thủy Vỉ nay thuộc tỉnh Lào Cai.

[3] Nay là xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.

[4] Nay thuộc xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

[5] Xem chú thích ở Chính biên quyển XXXIII, tờ 16.

[6] Nay là xã Đông La, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho bọn Đoàn Tuấn Khoa, hữu Thị lang bộ hình, hội đồng với nhà Thanh khám xét địa giới châu Lộc Bình thuộc Lạng Sơn.

Thôn Na Oa châu Lộc Bình thuộc Lạng Sơn là nơi đất đai màu mở rộng rãi, tiếp giáp với đất châu Tư Lăng nhà Thanh. Thổ tù Vi Đức Thắng đời đời ở đất này. Gần đây, vì biên giới phương bắc có việc, nhiều đất bỏ hoang. Nhân cơ hội ấy, Đức Thắng bèn chiếm 7 thôn thuộc châu Tư Lăng, chiêu tập dân biên giới lập thành thôn trại. Thổ tù châu Tư Lăng là Vi Vinh Diệu đem việc này cáo tố với tổng đốc Quảng Tây Ngô Hưng Tộ. Vả lại, Vinh Diệu tham đất Na Oa màu mở, muốn lấy luôn cả đất này. Việc này triều đình đưa công văn hội đồng khám xét, đã mấy mươi năm mà vẫn chưa giải quyết được.

Sau, triều đình sai Đoàn Tuấn Khoa cùng giám sát ngự sử Lê Chí Tuân sang phủ Tứ Thành nhà Thanh hội khám. Viên quan trong quân phủ nhà Thanh là Lân Sần hỏi Đức Thắng: bên tả, bên hữu độngnúi gọi tên là gì? Đức Thắng không thể trả lời được, thành ra cuộc hội khám này không được việc gì. Triều đình bèn đình chỉ chức bồi tụng của Tuấn Khoa.

Đến nay, lại sai Tuấn Khoa đi hội đồng khám xét, về bên quan phái ủy của nhà Thanh, thì phủ Tư Minh có viên quan trong quân phủ nhà Thanh là họ Trần và doanh Quỳ Đạo có viên quan trong quân phủ nhà Thanh là họ Trương (Trần và Trương đều không rõ tên). Lúc ấy Tuấn Khoa giấu Đức Thắng một nơi không cho được hội kiến, mỗi khi người nhà Thanh có đòi hỏi việc gì, Đức Thắng giả vờ điếc, phải dùng người phiên dịch trả lời thay.

Khi nhận giới mốc, thì Vi Vinh Diệu chỉ một dãy núi cao có con sư tử đá trắng là giới mốc của hai nước. Viên quan phái ủy của nhà Thanh nói: "Giới mốc ở núi này, tại sao lại tranh xuống đến Na Oa? Nhà ngươi cậy là người của thiên triều[1] muốn xâm chiếm đất đai của An Nam hay sao"? Bèn quyết đoán đất Na Oa trả về châu Lộc Bình. Vinh Diệu tự nghĩ rằng, đã không chiếm được Na Oa thì bỏ luôn cả bảy châu một thể. Tuấn Khoa bèn cùng người nhà Thanh lập mốc đá rồi trở về triều.

Nói về chỗ đất bảy thôn mà nước ta được nhận, đều là đất bỏ hoang rậm, không thấy bóng người, bóng khói, chỉ có thôn Na Oa là nơi đất rộng, người nhiều, thu được mối lợi khá lớn. Trịnh Căn khen về việc này, lại cho Tuấn Khoa được làm bồi tụng.

Sau, thổ tỵ châu Tư Lăng tranh kiện mãi, triều đình lại sai bồi tụng Nguyễn Đình Hoàn cùng với Đinh Phụ Ích, đốc trấn Lạng Sơn, hội đồng khám xét. Sau đó, vì thổ tù châu Tư Lăng là Vi Thế Hoa đem 4.ooo lạng bạc đến làm tin để ở đất Na Oa. Vi Phúc Kiêm tư tình ưng thuận; Thế Hoa bèn đào hào và dựng 3 bia đá ở xã An Khoái Châu Lộc Bình. Từ đấy đất Na Oa lại mất về nhà Thanh.

Lời chua - Lộc Bình: Tức Lộc Châu, xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 31).

Tư Lãng: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chb. II, 41)

Tư Minh: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 6 (Chb. VI, 40).

Tứ Thành: Tên phủ, thuộc tỉnh Quảng Tây.

Doanh Quỳ Đạo: Ở cách châu Ninh Minh thuộc tỉnh Quảng Tây 25 dặm về phía nam.

Bảy thôn: Na Hà, Na Đấu, Na Cừ. v.v...

Nguyễn Đình Hoàn: Người xã Bái Ân, huyện Quảng Đức[2], đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1688) năm Chính Hòa.

Đinh Phụ Ích: Người xã Bình Trù, huyện Siêu Loại, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1712)[3] năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

---

[1] Chỉ triều đình nhà Thanh.

[2] Nay thuộc thị trấn Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

[3] Khoa Nhâm Thìn, Đinh Phụ Ích do chân sĩ vọng thi đỗ tiến sĩ.

Ngày Canh Dần. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Dực, sao Chẩn.

Canh Ngọ, năm thứ 11 (1690). (Thanh, năm Khang Hy thứ 29).

Tháng 4, mùa hạ. Sai trấn thủ Tuyên Hưng là Lê Huyến đem quân hội đồng với người nhà Thanh đánh giặc biển ở Yên Quảng, dẹp tan được.

Giặc biển Yên Quảng là Phương Vân Long và Tân Ân Sủng chiếm cứ vùng biển Vạn Ninh, tụ tập nhiều người đi cướp bóc. Trấn tướng Long Môn nhà Thanh là Diệp Thắng đưa thư sang nước ta hẹn cùng hội quân tiễu trừ bọn này. Triều đình sai Lê Huyến đem quân đến hội, bắt được Ân Sủng và đồ đảng hơn 200 người giải giao cho Diệp Thắng ở Long Môn.

Sau khi Lê Huyến đã đem quân về, Diệp Thắng mượn tiếng là chia nhau đi bắt đảng giặc còn sót lại, rồi quân hắn vào Tiên Yên và Hoành Bồ sách nhiễu cung đốn, nhân dân không sao chịu được sự khổ sở. Triều đình bèn làm văn thư nghiêm khắc bóc trần việc này đưa sang nói với viên tổng đốc Quảng Đông, Diệp Thắng bị tội xử trảm.

Lời chua - Tuyên Hưng: Tức Tuyên Quang và Hưng Hóa.

Yên Quảng: Tức Yên Bang. Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 29, 35).

Tiên Yên: Tên châu, hồi đầu triều Lê gọi là Tân Yên, sau đổi làm Tiên Yên, thuộc phủ Hải Đông, nay thuộc phủ Hải Ninh.

Hoành Bồ: Tên huyện, nhà Lê gọi là Hoành Phố, sau đổi Hoành Bồ, thuộc phủ Hải Đông, nay đổi thuộc phủ Sơn Định.

Vạn Ninh: Tên châu, thuộc phủ Hải Ninh, xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4 (Chb. XI, 16).

Vùng biển Vạn Ninh: Ở giáp giới châu Vạn Ninh.

Các châu huyện kể trên đều thuộc tỉnh Quảng Yên.

Long môn: Nhất thống chí nhà Thanh chép: Long Môn ở phía Nam Khâm châu 60 dặm, hai ngọn núi đứng sừng đối nhau như luồng cửa, ở giữa có cột đá nhẵn như đá mào, bên trong có chỗ chứa nhiều nước gọi là biển nhỏ, phía tây suốt đến châu Vĩnh Yên giới phận nước ta[1]. Đây là một địa điểm sung yếu về đường biển.

Mưa đá.

Sai sứ thằng sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Quý Đức, phó sứ Nguyễn Tiến Sách, Trần Thọ sang nhà Thanh nộp lễ tuế cống. Nhân tiện tâu: 1. Dư đảng họ Mạc lẩn lút ở Vân Nam, họp bè đảng cướp bọc đất biên giới thuộc Tuyên Quang, Hưng Hóa và Cao Bằng; 2. Thổ ty ở Khai Hóa và Mông Tự xâm chiếm những thôn động ở các châu Bảo Lạc, Vị Xuyên, Thụy Vĩ và Quỳnh Nhai, xin tra xét rõ ràng cho. Nhưng triều đình nhà Thanh im việc này đi, không trả lời.

Lời chua - Theo An Nam kỷ yếu, thì năm Khang Hy thứ 30 (1691) sứ thần nước ta là bọn Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Quý Đức đem tờ tấu sang nhà Thanh nói: Bọn Mạc Kính Chửu, Mạc Kính Nghi xưng ngụy hiệu một cách càn rỡ, trước kia chúng cấu kết với Vũ Công Tuấn, người Tuyên Quang, cướp bóc các địa phương thuộc Cao Bằng, Tuyên Quang và Hưng Hóa. Lại nói về việc thổ ty nhà Thanh xâm chiếm đất nước ta là:

- Thổ ty thuộc phủ Khai Hóa thuộc Vân Nam xâm chiếm các xã thôn: Bách Đức, Mỹ (có sách chép: "chi") Phong, Túc Lẫm, Hữu Sào, Ngọc Tỷ (có sách chép: "bôi") ở

[1] Xem thêm lời chua Cương mục về Triều Dương, Chính biên quyển II, tờ 23.

châu Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang; xã thôn các động: Đông Mông, Vô Cữu, Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Viên ở châu Vị Xuyên thuộc Tuyên Quang; 28 thôn các động: Cam Đường, Hương Sơn, Sơn Yêu, Trình Lạn và Hoa Quán ở châu Thủy Vĩ thuộc Hưng Hóa.

- Thổ ty Mông Tự xâm chiếm 25 thôn của động Trình Hàm (có sách chép "u") ở châu Thủy Vĩ thuộc Hưng Hóa.

- Họ Nùng lấn: bốn động châu Quỳnh Nhai, ba động châu Chiêu Tấn và các châu Quảng Lãng, Hoàng Nham, Hợp Phì thuộc Hưng Hóa.

Nguyễn Danh Nho: Người xã Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng.

Nguyễn Tiến Sách: Người xã Văn Trưng, huyện Bạch Hạc. Danh Nho và Tiến Sách đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị, triều Lê Huyền Tông.

Tháng 5. Đê ở Sơn Nam bị vỡ.

Tha và giảm phú thuế cho dân có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Lời chua **- Sơn Nam: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 26, 27, 34).**

Tân Mùi, năm thứ 12 (1691). (Thanh, năm Khang Hy thứ 30).

Tháng giêng, mùa xuân. Hiển Tông Hiếu Minh hoàng đế[1], triều ta nối nghiệp.

Lại bổ dụng Vũ Công Đạo làm hữu thị lang bộ Hình.

Trước kia, Công Đạo làm đô ngự sử, vì có việc phải bãi chức về nhà[2]. Đến nay, Trịnh Căn nghĩ Công Đạo là người thẳng, nên lại bổ dụng.

Mồng một, tháng 2. Nhật thực.

Tháng 6, mùa hạ. Hoàng thái hậu Phạm Thị mất (không rõ ngày táng và lăng mộ ở đâu).

Lời chua - Thái hậu là sinh mẫu Huyền Tông.

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh cho ty trấn thủ Tuyên Hưng chiêu tập dân phiêu lưu.

Vì cớ hai châu Văn Bàn và Thủy Vĩ trước bị Vũ Công Tuấn xâm chiếm quấy rối.

Lời chua - Văn Bàn: Tên châu, thuộc phủ Quý Hóa, tỉnh Hưng Hóa[3].

Thủy Vĩ: Xem Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 8 (Chb. XI,1).

Khảo xét công trạng quan trong kinh, ngoài trấn, biếm chức bọn Tống Nho và Nguyễn Đăng Tuân nặng nhẹ khác nhau.

Lúc ấy, việc khảo xét công trạng rất nghiêm ngặt, người nào có thành tích về chính trị, được thăng lên trật tự cao và điều bổ đến nha môn phiền khuyết[4]; người nào công trạng liệt vào hạng thấp, phải giáng truất. Tham chính Sơn Nam Tống Nho, tham chính Thái Nguyên Nguyễn Trí Trung, phủ doãn[5] Nguyễn Đăng Tuân, giám sát Vũ Duy Dương và tư huấn Nguyễn Quang Thọ đều bị liệt vào hạng hạ khảo, nên những người này hoặc bị biếm truất, hoặc bị cách chức có khác nhau. Phạm Quang Trạch

---

[1] Tên Phúc Tu, hiệu Thiên Túng đạo nhân, con trưởng Phúc Trăn.

[2] Xem thêm tờ 13 trong cuốn này.

[3] Nay thuộc tỉnh Lào Cai.

[4] Nơi đất rộng người đông, việc binh việc lương gấp đôi nơi khác, phải bận rộn về việc bắt bớ đốc giục; thêm vào đấy việc kiện tụng nhiều, án từ phiền phức phải bận rộn về khám hỏi xét xử. Xem thêm chú thích ở tờ 19 Chính biên quyển XXXV.

[5] Tri phủ Phụng Thiên.

tham chính Kinh Bắc, vì khảo xét công trạng của liêu thuộc trong ty không đúng sự thật, nên bị biếm làm đô cấp sự.

Lời chua - Tư huấn: Theo quan chế đời cố Lê, tư huấn ở quán Chiêu Văn, tư huấn ở cục Tú Lâm, đều hàm bát phẩm, thuộc viện Hàn lâm.

Tống Nho: Người xã Tiên Mộc, huyện Nông Cống[1].

Nguyễn Trí Trung: Người xã Lực Điền[2], huyện Đông An. Tống Nho và Trí Trung đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Nguyễn Đăng Tuân: Người xã Hoài Bảo[3], huyện Tiên Du, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673) năm Dương Đức triều Lê Gia Tông.

Vũ Duy Dương: Người xã Thanh Thủy[4], huyện Nam Đường, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Phạm Quang Trạch: Người xã Đông Ngạc[5], huyện Từ Liêm, đỗ bảng nhãn khoa Quý Hợi (1683) năm Chính Hòa.

Nguyễn Quang Thọ: Người xã Quảng Bố[6], huyện Quảng Đức, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thân (1680) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông. Quảng Đức nay là Vĩnh Thuận.

Nhâm Thân, năm thứ 13 (1692). (Thanh, năm Khang Hy thứ 31).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 3. Ngô Sách Tuân, đốc trấn Cao Bằng, bắt được đảng giặc là bọn Mạc Kính Chư, giải về kinh, giết đi.

Trước đây, Sách Tuân, trấn thủ Cao Bằng, đánh giặc ở La thượng đàn, vì có công được thăng tham chính, sau triệu về triều, thăng thái thường tự khanh, rồi lại sai đi trấn Cao Bằng.

Lúc ấy, dư đảng họ Mạc chạy sang Long Châu, ngầm cấu kết với thổ ty nhà Thanh dòm dỏ biên giới. Sách Tuân sai thuộc hạ trong trấn là Bế Công Quỳnh giao kết thân mật với thổ quan Long Châu, bắt được Hán đường công của giặc là Mạc Kính Chư, đô đốc của giặc là Đinh Công Đĩnh cùng đồ đảng đưa về kinh sư giết đi. Triều đình bàn công: Sách Tuân được thăng hữu thị lang bộ Công, giám hộ là Lê Bật Huân và Nguyễn Công Ban đều được thăng giám sát ngự sử, Bế Công Quỳnh được thăng tước quận công.

Lời chua - Cao Bằng: Thuộc tỉnh Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

La thượng đàn: Tên đất, thuộc tỉnh Cao Bằng.

Ngô Sách Tuân: Người xã Tam Sơn[7], huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Bế Công Quỳnh: Thổ ty ở Cao Bằng.

Quý Dậu, năm thứ 14 (1693). (Thanh, năm Khang Hy thứ 32).

---

[1] Thanh Hóa.

[2] Xả Lực Điền nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[3] Nay là xã Liên Bảo, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[4] Nay là xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[5] Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

[6] Nay là phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội.

[7] Nay là xã Tam Sơn, huyện Tiên Sơn Bắc Ninh.

Tháng 6, mùa hạ. Thi khảo các quan văn về từ lệnh.

Những người trúng cách về môn thi này là: Nguyễn Công Đổng, Vũ Thạnh, Hà Tông Mục và Nguyễn Hành.

Lời chua - Nguyễn Công Đổng: Người xã Đồng Khê[1], huyện Thanh Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Vũ Thạnh: Người phường Báo Thiên, huyện Thọ Xương, nguyên quán xã Đan Loan[2], huyện Đường An, đỗ thám hoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hòa.

Hà Tông Mục: Người xã Tinh Thạch[3], huyện Thiên Lộc.

Nguyễn Hành: Người xã Huê Cầu (nay là Xuân Cầu)[4] huyện Văn Giang. Tông Mục và Nguyễn Hành đều đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1688) năm Chính Hòa.

Chấn chỉnh lại thể văn thi các khoa trường.

Đời Hồng Đức (1470-1497) trước, thể văn cốt trang nhã đầy đủ, lời văn trung hậu, hơi văn hùng hồn. Sau khi trung hưng, học trò câu nệ về lề lối saó cũ, thể văn ngày càng thấp kém. Đến nay mới gia công chấn chỉnh phép thi, nhất luật dùng theo thể văn đời Đồng Đức.

Lời chua - Thể Văn: Sử cũ chép: Nhà Lê từ trung hưng trở về sau, thể văn ngày càng quê mùa:

Thể văn chế nghĩa, chỉ làm một câu khai giảng, ngoài ra chép toàn lời tập chú trong sách, không phát minh được ý kiến gì;

Thể văn thơ, phú và tứ lục, đều cóp nhặt theo văn cũ, không ngại trùng kiến.

Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép: Thể phú về đời Hồng Đức, cách luật, âm điệu tề chỉnh, theo như thể chế đời nhà Tống.

Ngô [Thì] Sĩ nói: Thể văn đời Hồng Đức.

Kinh Nghĩa, tùy ý dùng chữ, cốt phát huy được ý nghĩa trong sách;

Tứ lục, vừa dùng sử cổ vừa dùng thời sự triều Lê;

Phú, hoặc dùng thể Ly tao, hoặc dùng thể Văn Tuyển;

Thơ không câu nệ ngụ ngôn hoặc thất ngôn, đều dùng xen cả điển trong sử, trong truyện hoặc sách ngoài cùng các cảnh vật khác.

Thể văn kể trên, không phải người học hỏi rộng rãi không thể làm được.

bắt đâu đặt chức quan kiêm bản lãnh công việc ở Quốc Tử giám.

Tham tụng Nguyễn Văn Thực làm tờ khải nói: "Nhân tài do ở trường học mà ra. Các đời trước sở dĩ được nhiều nhân tài là vì đã sẵn có công giáo dục bồi dưỡng từ trước. Nay Quốc Tử giám nên đặt chức quan kiêm nhiệm, để cho chức vụ được long trọng. Rồi lại chọn kỷ các viên tế tửu, tư nghiệp và các viên giáo thụ, học chính đã từng chuyên nghiên cứu năm kinh, ngày thường giảng tập, khiến học trò có thể thành người tài giỏi, để giúp công việc quốc gia". Trịnh Căn nghe theo lời khải ấy.

Lời chua - Quốc Tử giám: Xây dựng từ năm Thần Vũ thứ 2 (1070) đời Lý Thánh Tông[5], đến đời Hồng Đức nhà Lê sửa sang mở rộng ra[1]. Nhà Giám ở địa phận thôn Minh

[1] Nay thuộc xã An Lâm, huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương.

[2] Nay thuộc xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

[3] Nay là thôn Tỉnh Thạch, xã Tùng Lộc, huyện Hà Tĩnh.

[4] Nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[5] Xem thêm Chính biên quyển III, tờ 30.

Giám, huyện Thọ Xương về phía tây nam phủ Phụng Thiên trong kinh thành. Nay là Văn Miếu Hà Nội.

Chức quan ở Quốc Tử giám: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì triều Tiền Lê đặt chức tế tửu, tư nghiệp, trực giảng, bác sỉ và giáo thụ. Chức tế tửu tất phải dùng viên đại thần kiêm lãnh, rồi lại đặt thêm chức bác sỉ năm kinh[2]. Sau khi nhà Lê trung hưng, bãi bỏ các chức kể trên, chỉ đặt tế tửu và tư nghiệp.

Giáo thụ, học chính: Theo quan chế năm Bảo Thái (1720-1728), thì Quốc Tử giám có: giáo thụ, hàm chánh bát phẩm; học chính, hàm tùng bát phẩm.

Tháng 12, mùa đông. Định phép xét công trạng các lại điển.

Phép xét công trạng chia làm 4 hạng: 1. hạng liêm khiết, tài năng, 2. hạng lười biếng, 3. hạng bình thường, 4. hạng tham lam giảo quyệt. Phàm thuộc lại các nha môn trong kinh ngoài trấn, cứ 3 năm một lần khảo xét công trạng, để định việc truất bãi hoặc thăng thưởng. Phép khảo công này định làm thể lệ lâu dài.

Giáp Tuất, năm thứ 15 (1694). (Thanh, năm Khang Hy thứ 33).

Tháng giêng, mùa xuân, mưa đá.

Tháng 5, mùa hạ. Bắt giết 52 người dân hung ác xã Đa giá thượng.

Xã Đa giá thượng, đường núi hiểm trở hẹp hòi, lại nhiều hang hóc. Dân xã ấy lập riêng khoán ước với nhau, đặt điếm canh, hễ có người đi lại hoặc ngũ trọ, chúng nhân ban đêm đón đường giết chết, vứt xác vào trong hố mà cướp lấy của cải. Việc này đã trải hơn 20 năm, xương trắng chứa chất thành đống. Đến nay việc phát giác, triều đình sai Thạc quận công Lê Hải đi khám xét, bắt được đồ đảng 290 người, đem chém và bêu đầu 52 người hung ác đầu sỏ, còn những người khác đều đem chặt ngón tay rồi lưu đi viễn châu, xóa bỏ tên làng của xã này.

Lời chua - Đa giá thượng: Tên xã, thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, xứ Thanh Hoa, nay thuộc phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tháng 7, mùa thu. Bọn Nguyễn Danh Nho, tả thị lang bộ Lại và Ngô Sách Tuân, hữu thị lang bộ lại, can tội, đều bị giáng chức.

Tả thị lang bộ Lại là Nguyễn Danh Nho lựa chọn bổ dụng các quan chức, có người nói việc tuyển bổ ấy những lạm bừa bãi, phần nhiều không hợp thể lệ; hữu thị lang Ngô Sách Tuân tư túi tuyển bổ hai người học trò của mình. Việc này giao xuống cho người bầy tôi trong triều bàn định. Giáng chức Danh Nho làm hữu thị lang bộ Hình, Sách Tuân làm tham chính Lạng Sơn. Còn Lại khoa cấp sự là Nguyễn Đình Trụ không biết đàn hặc, biện bác việc tuyển bổ ấy, nên bị giáng làm hiệu thảo. Về việc này, 24 người bị truy tước mất giấy cáo thân[3].

Ngô Sách Tuân lại tố cáo: "Lê Hy lúc làm việc ở bộ Lại, tư túi với con là Lê Thuyên và học trò là Tô Hinh, lén lút làm việc cầu cạnh gửi gấp". Việc này cũng giao xuống bầy tôi trong triều xét bàn, nhưng lời nói của Sách Tuân đều không có gì là sự thật, nên Sách Tuân lại phải giáng làm đô cấp sự.

Nguyễn Đình Trụ sau khi bị giáng, nhân được rỗi việc, nên dạy bảo rèn luyện bọn hậu tiến, học trò có hàng ngàn người, nhiều người thành đạt, những người thi đỗ giáp bảng[4] trước sau hơn 70 người.

Làm sổ tu tri.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXIII, tờ 38.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XX, tờ 19.

[3] Bản giấy do viên quan giữ quyền tuyển bổ cấp cho người được tuyển bổ giữ làm bằng chứng cũng như văn bằng sau này.

[4] Nguyên văn chép "giáp đệ", tức những người thi đình đỗ tiến sĩ.

Bốn mặt địa phận ở các xã, phàm núi, sông, khe, cừ, ruộng, đất, chùa, miếu, chợ, bến đò, và đường sá, hết thẩy đều biên chép vào sổ gọi là sổ tu tri.

Dân ở Sơn Nam và Hải Dương bị đói.

Triều đình phân phối các quan đi khám xét, tha tô thuế dao dịch cho dân, nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Lời chua - Sơn Nam, Hải Dương: Xem Lê Thánh Tông, năm (Chb. XI, 17, 18, 25, 26, 34).

Ất Hợi, năm thứ 16 (1695). (Thanh, năm Khang Hy thứ 34).

Tháng giêng, mùa xuân. Thanh Hoa có hạn thủy tai, dân bị đói.

Thanh Hoa nước ngập, dân bị đói, triều đình cho trích một vạn quan tiền ở kho An Trường phát chẩn cho dân. Để cứu vớt dân, triều đình lại hạ lệnh cho các quan châm chước, bàn định chính sách cứu đói: giảm nhẹ, thuế hộ, hoãn việc xây dựng sửa chữa.

Lời chua - Kho An Trường: Ở xã An Trường, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên, nay thuộc phủ Thiệu Hóa, lúc bắt đầu trung hưng đặt hành tại ở đây[1] nên có kho công.

Tháng 6, mùa hạ. Không mưa.

Ngày Mậu Dần, tháng 7, mùa thu. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Gia chức đô đốc cho viên trấn thủ Sơn Tây là Lê [Thì] Liêu.

Lê [Thì] Liêu ở trấn Sơn Tây, dẹp yên được trộm cướp, dập bớt được kiện tụng. Triều đình cho là xứng đáng với chức vụ, nên đặt cách gia phong chức đô đốc để biểu dương công trạng của Liêu.

Lời chua - Lê [Thì] Liêu: Người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương, là con Lê [Thì] Hiến.

Bính Tý, năm thứ 17 (1696). (Thanh, năm Khang Hy thứ 35).

Tháng 3, mùa xuân. Thi khảo bầy tôi vào hạng kỳ cựu có tài đức ở nhà Quốc học[2].

Bọn Trần Xuân Vũ 10 người được dự trúng cách.

Tháng 7, mùa thu. Lại hạ lệnh nghiêm cấm tả đạo Gia Tô.

Đầu năm Cảnh Trị[3], đã nhiều lần ra lệnh cấm tả đạo Gia Tô, nhưng không sao cấm hẳn được. Đến nay, hạ lệnh dò la xét hỏi một cách nghiêm ngặt để trị tội, phàm nhà thờ đạo, kinh sách đạo, thảy đều phá hủy, để trừ hết đạo dị đoan.

Nghiêm sức cho người phương bắc sang trú ngụ, nhất luật phải tuân theo phong tục nước ta.

Từ khi người nhà Thanh vào làm vua Trung Quốc, gióc tóc, mặc áo vắn, giữ y nguyên tập tục cũ Mãn Châu, lễ giáo phong tục về áo mũ đời tống, đời Minh bị bỏ hết. Lái buôn phương bắc đi lại nước ta lâu ngày, trong nước cũng có người bắt chước. Triều đình bèn nghiêm sức:

Các người phương bắc, người nào đã biên tên vào sổ sách nước ta, thì từ ngôn ngữ đến đồ mặc nhất luật phải theo phong tục nước ta.

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXVIII, tờ 4.

[2] Đầu bài thi "Ngư thủy long vân luận".

[3] Tức năm Cảnh Trị thứ nhất (1663) đời Lê Huyền Tông. Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 6.

Các lái buôn phương bắc đến trú ngụ nước ta, nếu không có người quen biết hướng dẫn, không được tự tiện vào kinh thành.

Nhân dân ở ven biên giới không được bắt chước tiếng nói và đồ vật của người phương bắc.

Người nào trái sắc lệnh trên sẽ bị trị tội.

Tháng 8. Giáng chức tham tụng Nguyễn Quán Nho làm tả thị lang bộ Binh, liền đó lại cho làm đô ngự sử[1].

Quán Nho là người giản dị. Lúc ấy sắp thi khảo các quan trong kinh, ngoài trấn. Trịnh Căn triệu Quán Nho và Lê Hy vào phủ để nghĩ sẵn đầu bài thi và dặn: "Chớ tiết lộ cho ngoài biết. Quán Nho ngồi chơi nói chuyện với Đặng Đình Tướng, vô tình làm hơi lộ đầu bài thi. Thái giám Ngô Phan Lân vẫn không bằng lòng với Quán Nho, đem việc này tố cáo. Trịnh Căn giận, bèn biếm chức Quán Nho. Hôm sau, bổng đô ngự sử Nguyễn Quý Đức vì có việc giáng chức. Trịnh Căn lại cho Quán Nho làm đô ngự sử.

Lời phê - Việc làm của họ Trịnh, đều không đáng bàn luận làm gì. Việc này cũng như việc giáng chức Mậu Tài khi trước[2].

Nguyễn Quý Đức và Đoàn Tuấn Khoa có tội bị giáng chức.

Con em của đô ngự sử Nguyễn Quý Đức có người nhận lễ vật đút lót của người bị kiện. Quý Đức biết chuyện, đem tang vật giải nộp và tự trình bày. Bầy tôi triều đình bàn xét, lấy cớ rằng Quý Đức xử kiện trái lẽ, mà số tang vật đem trình bày không đúng sự thật, nên Quý Đức bị giáng làm tả thị lang bộ Binh. Con của Bồi Tụng Đoàn Tuấn Khoa cũng nhận của đút lót, việc phát giác, Tuấn Khoa bị giáng làm đô cấp sự.

Tháng 9. Lập Triều Phúc làm vua nước Ai Lao.

Triều Phúc, con cháu vua nước Ai Lao, cha hắn gặp hoạn nạn, trốn vào động Sơn Vị mấy năm, nay vua Ai Lao mất, người trong nước dò hỏi, biết được chỗ ở của Triều Phúc, họ bèn cùng bọn thổ tù Cầm Đang xin với triều đình rước Triều Phúc về lập làm vua. Đặng Tiến Thự trấn thủ Nghệ An, đem việc này tâu trình. Triều đình bèn hạ lệnh cho Tiến Thự đem quân hộ vệ đưa Triều Phúc về thành Mang Chan (Chăn) lập làm vua, bắt đời đời cống nạp theo với chức phận đã định.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 10). Nay ở Thượng Du phía tây, ven biên giới Thanh Nghệ, các phủ người thổ ở Lạc Biên, Trấn Ninh đều gọi là Lào[3].

Động Sơn Vị: Ở huyện Hội Nguyên, thuộc Nghệ An.

Thành Mang Chan (Chăn): Tức đất trấn Ninh. Còn như thành Viên Chăn nước Vạn tượng thì là kinh đô của nước Vạn Tượng[4]. Ở đây chép "Triều Phúc về Mang Chan (Chăn)", dưới đây lại chép "Trấn Ninh phụ thuộc làm tôi đã lâu"[5] và chép "quân thành Mang Chan (Chăn)", thì địa danh "mang Chan (Chăn)", đều chỉ vào trấn Ninh, mà không phải Viên Chăn của Vạn Tượng. Thế thì Trấn Ninh lại có một tên nữa là Mang Chan (Chăn). Địa danh này vì nghi chép không rõ ràng, sẽ khảo cứu sao.

Bắt đâu sai quan văn, quan võ chia nhau khám xét kiện tụng.

---

[1] Chức quan đứng đầu ở ngự sử đài, hàm chánh tam phẩm.

[2] Xem thêm tờ 11 trong cuốn này.

[3] Tiền biên quyển Iv, tờ 10 chép: "Các man ở trấn Man, trấn Ninh và Lạc Biên, tục đều gọi là Lào. Ở đây chỉ chép Lạc Biên và trấn Ninh không có trấn Man. Lạc Biên trước thuộc Nghệ An, năm Vĩnh Mệnh thứ 21 (1840) thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Trấn Ninh đặt năm Minh Mệnh thứ 8 (1827) thuộc Nghệ An.

[4] Tức thủ đô nước Lào bây giờ.

[5] Xem thêm tờ 47 trong cuốn này.

Trước đây, các kiện tụng đã qua các nha môn xét xử, mà còn có người nào chưa phục tình, được phép khiếu tố lại ở Ngự sử đài. Lúc ấy triều đình mới sai quan khám kỹ xét lại. Sau khi việc kiện xong, chức quan ấy lại bãi bỏ đi. Đến nay, vì kiện tụng giấy tờ càng ngày càng phiền phức, nên sai quan văn, quan võ chia nhau khám xét. Sau này, trong phủ liêu[1] có chức thiêm sai giữ việc khám xét kiện tụng bắt đầu từ đây.

Lời cẩn án - Việc kiện tụng mà không phân xử được xong xuôi, là do người xét kiện không công bằng chính trực. Nay vì kiện tụng nhiều, không biết tìm người công bằng chính trực để chuyên giao công việc xét xử, mà lại chia rộng trách nhiệm xét hỏi đến cả hạng vũ biền, như thế còn có thể gọi là biết thể thống cai trị được không?

Tháng mười mùa đông. Phúc hạch học trò thi hương.

Khoa thi hương năm ấy, các xứ khảo xét học trò phần nhiều bừa bãi. Triều đình bèn hạ lệnh cho các quan trong viện chấm thi, khi tiến trường rồi trước hết phúc hạch để loại bỏ bớt đi. Lúc ấy học trò ở Thanh Hoa, Nghệ An, Sơn Tây và phủ Phụng Thiên nhiều người bị loại. Các quan trong hai ty Thừa Chính, Hiến sát và viên phủ doãn Phụng Thiên cùng các huyện, các châu, người nào khảo hạch học trò không đúng sự thực đều bị truất bãi.

Tháng 12. Ngô Sách Tuân có tội, bị giết; Ngô Hải vì liên can, bị bãi chức; Phan Tự Cường được thăng chức thiêm đô.

Lúc ấy Sách Tuân giữ chức giám thí[2] trường thi Thanh Hoa. Trước khi đi Thanh Hoa, Sách Tuân đến yết kiến tham tụng Lê Hy, Lê Hy đem hình dáng giấy đóng quyển thi[3] của các con mình nói cho Sách Tuân biết. Sau đó quyển thi của con Lê Hy không được vào hạng trúng cách. Sách Tuân thấy trước kia có hiềm khích với Lê Hy[4], muốn nhân dịp này gây tình nghĩa, bèn bí mật đưa quyển thi của con Lê Hy cho khảo quan[5] phê lấy đỗ. Đề điệu[6] trường thi là phó đô ngự sử Ngô Hải biết chuyện, thề với Sách Tuân sẽ giấu kín đi cho. Việc này, bị Phan Tự Cường, tham chính Thanh Hoa, phát giác ra. Triều đình giao xuống cho các quan văn, quan võ hội bàn. Sách Tuân phải luận tội giảo[7], Ngô Hải vì không biết giữ lòng chính trực, bị bãi chức; các quan phúc khảo, giám khảo đều bị phạt, Tự Cường được thăng chức thiêm đô ngự sử[8].

Lời cẩn án - Lê Hy làm tể tướng trong nước, lại gửi gắm con với viên quan giữ việc chấm thi, Sách Tuân xu nịnh riêng với người đại thần mà nhận lời ký thác, buộc vào pháp luật, thì hai người này tội cũng như nhau. Thế mà chỉ một mình Sách Tuân phải chịu tội, còn bố con Lê Hy thì không xét hỏi gì đến, như thế, còn có thể gọi là hình pháp gì nữa? Phan Tự Cường biết hặc Sách Tuân mà không một lời nào đả động đến Lê Hy, thì cùng với người nịnh hót Lê Hy cũng chẳng hơn kém nhau mấy tý. Tự Cường cũng một loại như Sách Tuân mà thôi.

Lời chua - Ngô Hải: Người xã Đường Hào, huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Tự Cường: Người xã La Võng[9], huyện Yên Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị.

---

[1] Thời đại Lê - Trịnh, trong phủ chúa Trịnh có các chức: chưởng phủ sự, quyền phủ sư, thự phủ sự và tham tụng, bồi tụng gọi là "ngũ phủ phủ liêu". Xem thêm Chính biên quyển XLI, tờ 11.

[2] Tức phó chủ khảo.

[3] Giấy đóng quyển thi của con Lê Hy Tông, dùng dạng giấy Thanh Hoa (Lịch triều tập ký quyển I).

[4] Xem thêm tờ 33, 34 trong cuốn này.

[5] Tức các viên phúc khảo, giám khảo.

[6] Tức chánh chủ khảo.

[7] Bắt phạm nhân thắt cổ chết. Một tội nặng trong ngũ hình thời cổ.

[8] Một chức quan ở Ngự sử đài, hàm chánh ngũ phẩm.

[9] Nay là thôn võng, xã võng La, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đinh Sửu, năm thứ 18 (1697). (Thanh, năm Khang Hy thứ 36).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Đăng Đạo, Nguyễn Thế Bá, phó sứ Đặng Đình Tướng, Nhữ Tiến Hiền sung phái bộ nộp lễ tuế cống, nhân tiện tâu bày cả việc biên giới Tuyên Quang, Hưng Hóa nữa.

Lời chua - Đăng Đạo: Người xã Hoài Bảo, huyện Tiên Du, đỗ trạng nguyên[1] khoa Quý Hợi (1683) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Tiến Hiển: Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường Yên, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thân (1680) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Nguyễn Thế Bá: Tên cũ là Ngô Chung, sau đổi Nguyễn Thế Bá, người xã Cẩm Chương, huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị.

Việc biên giới Tuyên Quang, Hưng Hóa: Xem năm thứ 9 ở trên (tờ 20, 21, 26, 27 trong cuốn này).

Mồng một, tháng 3. Nhật thực.

Tháng 11, mùa đông. Sách Quốc sử thực lục[2] đã biên soạn xong.

Năm Cảnh Trị trước[3], tham tụng Phạm Công Trứ chép nối theo quốc sử từ Trang Tông đến Thần Tông, nhưng việc khắc ván gỗ chưa xong. Năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676), Hồ Sĩ Dương trông coi việc Quốc sử, Sĩ Dương mất, triều đình lại sai Lê Hy và Nguyễn Quý Đức biên soạn sự thực trong 13 năm từ Huyền Tông đến Gia Tông, cũng gọi là Tục biên. Đến nay sách đã biên soạn xong, dâng nộp. Triều đình bèn cho khắc cả hai bộ sách này ban hành trong nước.

Mậu Dần, năm thứ 19 (1698). (Thanh, năm Khang Hy thứ 37).

Tháng giêng, mùa xuân. Mưa đá.

Tháng 2. Bổ dụng Lê Huyến làm trấn thủ Nghệ An.

Trước kia, Yên quận công Đặng Tiến Thự trấn thủ Nghệ An 24 năm, nơi biển cảnh không xảy ra việc gì. Tiến Thự mất, nên bổ dụng Lê Huyến trấn thủ thay. Huyến, nguyên họ tôn thất nhà Lê, là người trầm tỉnh cương nghị, có mưu mô và dũng cảm, chỉ huy binh lính rất nghiêm chỉnh. Huyến từng giữ năm trấn, đều nổi tiếng là người có tài năng.

Lời chua - Năm Trấn: Huyến từng làm trấn thủ Hải Dương, Quảng Yên, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Nghệ An. Tên củ là Hán Trọng, Trịnh Huyến, là lấy theo họ do nhà Trịnh đổi cho. Nay cải chính họ Lê.

Cấm đánh bạc.

Lúc ấy, trong nước không xảy ra việc gì, quan và nhiều phần nhiều đánh bạc bằng lối "ý tiền", ở nơi đô hộ thành thị lại càng thịnh hành lắm. Triều đình bèn hạ lệnh cho viên đề lãnh dò xét. Người chứa gá và người đánh bạc đều bị phạt nặng; số tiền phạt nhiều hay ít tùy theo thứ bậc phẩm trật của từng người.

Lời chua - Ý tiền: Theo Hậu hán thư thì Lương Kỷ hay chơi ý tiền. Cách chơi ý tiền: Con bạc đặt tiền kín, rồi kiểm điểm bằng cách cứ 4 đồng là 1 vị[4].

---

[1] Tức trạng Bựu, vì xã Hoài Bão tục gọi là làng Bựu, nay là thôn Hoài Bão, xã Liên Bão, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Tức bộ đại việt sử ký bản kỷ tục biên.

[3] Tức năm Cảnh Trị thứ 3 (1665) triều Lê Huyền Tông.

[4] Lời chua của nguyên văn không được rõ lắm. Tham khảo Từ thư (Từ Hải, trang 537, 598) thì ý tiền, tục gọi "than tiền". Nguyên tắc đánh than tiền như thế này: Trong bản đánh bạc chia thành bốn cửa: 1,2,3,4 các người đương trường được tùy ý lấy một số hạt gì đó (không rõ số lượng) bỏ vào trong một cái hộp đã để sẵn ở giữa bàn. Trong 4 cửa, con bạc muốn đánh cửa nào thì đặt tiền vào cửa ấy. Xong rồi, người cầm cái đổ số tiền hoặc hạt đã đựng trong hộp ra kiểm điểm, cứ lấy số 4 làm một đơn vị mà trừ

Theo Thiện chính lục đời cố Lê, thì năm ấy hạ lệnh nghiêm cấm đánh bạc. Các quan: tam thái, tam thiếu[1], tả hữu đô đốc, thượng thư, đô đài, ngự sử, ai chứa gá phải phạt 500 quan tiền, ai đánh bạc phải phạt 500 quan tiền; ngoài ra cứ theo thứ tự và phẩm trật mà giảm dần số tiền phạt. Các hạng quân và dân: ai chứa gá phải phạt 30 quan; ai đánh bạc phải phạt 20 quan.

Tháng 4, mùa hạ. Bọn sứ thần Nguyễn Đăng Đạo từ nhà Thanh trở về nước.

Trước kia, 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viên thuộc châu Vị Xuyên xứ Tuyên Quang, bị thổ ty phủ Khai Hóa nhà Thanh xâm chiếm. Trấn thủ Lê Huyến thường đem quân vào đất này, rồi đem hết tình trạng xâm chiếm tâu bày về triều đình. Trịnh Căn bàn tính việc tranh luận để lấy lại 3 động.

Tham tụng Nguyễn Văn Thực xin đợi kỳ tuế cống sẽ làm một tờ phụ tấu về việc này. Năm Chính Hòa thứ 11 (1690), Nguyễn Danh Nho đã sang tâu bày, nhưng công việc không xong. Sau Nguyễn Đăng Đạo lại đem quốc thư sang xin nhà Thanh trả lại đất 3 động. Vua Thanh toan sai viên quan đại thần đi khám xét. Vương Kế Văn, tổng đốc Văn Quý, dâng sớ nói: "3 động ấy là đất cũ của thổ mục Nùng Vạn Chung, khoảng năm Thuận Trị (1644-1661), niên hiệu Thế Tổ nhà Thanh), ở Mông Tự vẫn thu lương của ba động ấy; năm Khang Hy thứ 5 (1666) đổi thuộc phủ Khai Hóa, trong sổ lấy tên là Đông An Lý, từ bấy đến nay, trải 30 năm đã có định ngạch". Ngay lúc ấy Thạch Văn Thạnh, tuần phủ Vân Nam, vào yết kiến vua nhà Thanh, dâng địa đồ nói: "3 động ấy từ đời nhà Minh đã thuộc về đất Trung Quốc, không phải đất của An Nam". Vua nhà Thanh dụ bảo bầy tôi nội các bàn luận xác đáng sẽ tâu bày. Lúc bàn luận, Đăng Đạo cố bẻ bác bàn cãi, nên việc này chưa giải quyết được. Vua nhà Thanh bèn theo lời tâu của bộ, sai làm tờ thư từ chối không nhận lời thỉnh cầu của nước ta".

Sau khi Đăng Đạo về nước, triều đình đã nhiều lần làm văn thư gửi sang biện luận đòi trã lại đất 3 động, nhưng viên tuần phủ tỉnh Quảng [Tây] không đề đạt lên cho, thành ra phải bỏ việc bàn cãi đòi lại đất 3 động.

Lời cẩn án - Năm ấy, Đăng Đạo phụng sự đi sứ, đem việc mất đất 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viên tâu bày biện luận, bị nội các nhà Thanh bác đi. Nay tham khảo sách An Nam kỷ yếu chép: "Năm Khang Hy thứ 30 (tức năm Chính Hòa thứ 12), (1691), Sứ thần nước ta tâu nói: Thổ ty phủ Khai Hóa xâm chiếm xã, thôn 60 động về đất biên giới thuộc 3 châu Vị Xuyên, Bão Lạc, Thủy Vĩ, và xâm chiếm 3 châu Quảng Lăng, Hoàng Nham và Hợp Phì". Như vậy thì số đất bị mất không phải chỉ có 3 động ở Vị Xuyên mà thôi đâu.

Sau này, đến năm Bảo Thái thứ 9 (1728), người nhà Thanh trã lại đất nước ta cũng chỉ trã có: núi xưởng chì ở Vị Xuyên, núi xưởng đồng ở Tụ Long, cộng 120 dặm[2]. Còn như những đất đã mất ở châu Bảo Lạc, châu Thủy Vĩ cùng 3 động Ngưu Dương. Hồ Điệp, Phổ Viên ở Vị Xuyên, vẫn không thấy trả lại. Xem như thế thì đất ở biên giới nước ta bị mất về nhà Thanh còn nhiều.

Đại để, nhà Lê từ trung hưng trở về sau, giường mối vua tôi không rõ rệt, thế nước ngày một suy yếu dần, một dãi đất ở thượng du phó mặc cho bọn phiên thần[3] nối đời coi giữ, hoặc chúng đem đất công bán riêng cho người nước ngoài, hoặc chúng cùng người nước ngoàixâm cướp lẫn nhau, triều đình chỉ ràng buộc lỏng lẻo mà thôi. Tình tệ này không phải mới xảy ra mà chứa chất đã từ lâu lắm. Đến lúc Vũ Công Tuấn bội bạn, chạy sang nhà Thanh[4], thổ ty nhà Thanh bèn nhân đấy chiếm đoạt bằng cách ăn hiếp. Thế thì việc mất 3 động này có lẽ vào khoảng năm Dương Đức-Vĩnh Trị (1672-1680). Còn như Vương Kế Văn và Thạch Văn Thạnh nói: "3 động Ngưu Dương thuộc vào Trung Quốc đã lâu", chẳng qua bọn này chỉ bịa đặt lời nói vu vơ để thỏa mãn được sự chiếm đoạt hàm hồ mà thôi. Lúc ấy triều đình nhà

đi. Khi cuối cùng, sẽ xem số lẽ còn lại bao nhiêu. Số lẽ này này trúng vào cửa nào, thì người đặt tiền ở cửa ấy được. Lối đánh bạc này có lẽ là đánh phán thán. Lối đánh lú của nước ta trước kia cũng gần giống như thế. Bốn cửa trong bàn đánh lú, người ta thường gọi "yêu, lượng, tam, túc".

[1] Tức thái sư, thái phó, thái bảo và thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XXXVII, tờ 3, 45.

[3] Xem chú thích ở Chính biên, quyển XXXIII, tờ 16.

[4] Xem thêm Chính biên XXXIII, tờ 33, 34 và tờ 20, 21 trong cuốn này.

Lê chỉ một chiều vâng theo, không biết bày tỏ cương giới hai bên để biện bạch cho được chính xác, thành ra suốt đời nhà Lê, cương giới nước ta phải chìm đắm vào nước khác, không sao lấy lại được, đáng tiếc biết chừng nào!

Lời chua - Khai Hóa: Thuộc tỉnh Vân Nam, xem năm Chính Hòa thứ 9 (tờ 21 trong cuốn này).

Mông Tự: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chb. XII, 14).

Thạch Văn Thạnh: Người ở Phụng Thiên, nhà Thanh, năm Khang Hy thứ 33 (1694) Thạnh giữ chức tuần phủ Vân Nam.

Quảng: Tức Quảng Tây, xem Bình Định Vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 10).

Tháng 7, mùa thu. Giáng chức Hoàng Công Chí làm hữu thị lang bộ Lễ, thăng chức cho Lê Hy làm thượng thư bộ Binh.

Công Chí làm việc ở bộ Lại. Lúc ấy có Hồ Lại, người Nghệ An, lấy tư cách là đã làm tự thừa mãn niên hạn, được thăng chuyển làm viên ngoại lang bộ Hình. Hồ Lại là con Hồ Sĩ Dương, nghiệp sư[1] của Công Chí. Có người nói Công Chí thiên tư với Hồ Lại, Lê Hy vẫn ghét Công Chí, liền đem việc ấy tâu bày. Công Chí bèn giáng chức mà thăng chức cho Lê Hy.

Lê Hy là người hay nghi ngờ và giảo quyệt, nhiều người không ưa, lúc ấy có câu ngạn ngữ: "Tham tụng Lê Hy, thiên hạ sầu bi".

Lời chua - Viên ngoại lang và tự thừa: Theo quan chế triều cố Lê, thì viên ngoại lang trong 6 bộ, hàm tùng lục phẩm; tự thừa trong 6 ty, hàm chánh thất phẩm.

Công Chí: Người xã Thổ Hoàng: huyện Thiên Thi[2], đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông).

Tháng 12, mùa đông. Vũ Thạnh, Hồng lô tự khanh, bị bãi chức.

Vũ Thạnh giữ chức nội tán (tư giảng)[3] trong phủ tiết chế Trịnh Bính. Bính thường hỏi Thạnh về việc công ở bên ngoài. Thạnh là người chất phác, ngay thẳng, liền đem việc người trong nội phủ xin xỏ gửi gắp về kiện tụng nói với Bính. Bính đem việc ấy nói với Căn. Căn giận, bầy tôi lại đưa đón cho hợp ý của Căn, rồi buộc Thạnh vào tội gièm pha nói xấu người trong nội phủ. Vũ Thạnh bị bãi chức.

Sau khi Vũ Thạnh đã về, dựng nhà học ở phường Hào Nam dạy học, suy tìm nghĩa lý trong kinh sách, học trò có người ở xa ngàn dặm cũng cắp tráp sách đến học tập. Đằng trước nhà học liền ngay với hồ Bảy Mẫu, mỗi khi đến ngày giảng tập, nhà học không đủ chỗ chứa hết, học trò thường mượn thuyền nan cặp vào bên hồ nghe lời giảng dạy.

Vũ Thạnh, tính tình khoan hòa, khéo dạy dỗ những người hậu tiến, văn chương phong nhã đầy đủ, làm khuôn thước trong một thời. Học trò của ông nhiều người đỗ cao, làm bầy tôi danh vọng. Khi ông mất, triều đình truy tặng hàm tham chính. Em là Vũ Huy, con là Vũ Huyên cùng đỗ tiến sĩ; Bá Sưởng, cháu đã xa, là một người tiết nghĩa.

Lời chua - Hào Nam: Tên phường.

Bảy Mẫu: Tên Hồ. Cả hai, nay đều thuộc huyện Vĩnh Thuận[4].

Kỷ Mão, năm thứ 20 (1699). (Thanh, năm Khang Hy thứ 38).

Tháng 4, mùa hạ. Sai Hà Tôn Mục và Nguyễn Hành kinh lý đất biên giới Tuyên Quang.

---

[1] Một danh từ cũ dùng để gọi về thầy dạy học. Công Chí là học trò Hồ Sĩ Dương và Hồ Lại là thế huynh Công Chí.

[2] Nay là xã Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

[3] Chức quan giữ việc giảng nghĩa sách.

[4] Đất huyện Vĩnh Thuận cũ, nay thuộc quận Ba Đình và quận Đống Đa, Hà Nội.

Sầm Trì Phượng, ở châu Tiểu Trấn Yên nhà Thanh, thường đem quân xâm lấn quấy rối biên giới châu Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang, lính phòng thủ biên giới không sao ngăn cản được. Triều đình sai bọn Tôn Mục và Nguyễn Hành đi kinh lý địa phương này. Tôn Mục bèn đưa thư cho Trì Phượng dụ bảo về lý lẽ mọi việc. Trì Phượng đưa thư trã lời lấy làm hổ thẹn, xin tạ lỗi và xin triệt hết quân đi, do đấy, dân ở biên giới được yên ở như cũ. Khi trở về triều, Trịnh Căn khen Tôn Mục và Nguyễn Hành là người có tài, cho Tôn Mục thăng tự khanh, Nguyễn Hành thăng đô cấp sự.

Sau Trì Phượng cho bộ thuộc là Diệp Chi đem ngựa đến dâng. Trịnh Căn tặng cho khá hậu rồi cho về.

Lời chua - Tiểu Trấn Yên: Tên châu, xem Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 5 (Chb, XXXIII, 23).

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30, 35).

Bảo Lạc: Xem Lê Huyền Tông, năm Chính Hòa thứ 9 (Chb. XXXIV; 21).

Canh Thìn, năm thứ 21 (1700). (Thanh, năm Khang Hy thứ 39).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 6, mùa hạ. Người Man Lạc Hòn xin vào dâng lễ cống, triều đình không nhận lời.

Lạc Hòn, một bộ lạc riêng của Ai Lao, dấy quân đánh Triều Phúc ở Ai Lao, không thắng được. Triều Phúc thường dựa vào thanh thế họ Trịnh, Lạc Hòn bèn đưa thư cho đốc suất Nghệ An là Lê Huyến xin vào dâng lễ cống và xin bắt Triều Phúc đem về, để người Lào được đặt tù trưởng khác và thu tô thuế để nộp[1]. Phủ Liêu[2] hội bàn, nhận rằng Trấn Ninh phụ thuộc làm tôi triều đình đã lâu, việc cống nạp và tô thuế không thiếu thốn. Vả lại, danh vị chức phận các tù trưởng ngang nhau, triều đình không nên có lòng bênh người này bỏ người nọ. Vì thế, triều đình hạ lệnh cho Lê Huyến lấy ý nghĩa dụ bảo mà từ chối lời thỉnh cầu của Lạc Hòn.

Quân của Lạc Hòn ước hơn ba ngàn người, không có đội ngũ, phân tán ra ở các nơi để cày cấy làm ăn. Họ thấy thành Mang Chan (Chăn) có quân áo đen, ngờ là Triều Phúc được quân viện trợ, sợ lắm, mùa thu năm ấy lại xin cùng Triều Phúc giải hòa và xin dâng thớt voi. Lê Huyến dịch bức thư của họ dâng về triều. Trịnh căn hạ lệnh an ủi. Sau Triều Phúc lại đánh Lạc Hòn, nhưng không thắng được, bèn rút về.

Lời chua - Lạc Hòn: Tức phủ Lạc Biên bây giờ. Vị trí ở thượng du phía tây nam tỉnh Nghệ An. Triều Lê trước, Lạc Hòn đời đời giữ lễ cống nạp theo như chức phận. Khi nhà Lê mất, Lạc Hòn phụ thuộc về nước Tiêm. Năm Gia Long (1802-1819) bản triều, Lạc Hòn đã mấy lần cống nạp; năm Minh Mệnh[3] đặt làm phủ Lạc Biên, thuộc Nghệ An; sau đó lại bội bạn, trở về với nước Tiêm.

Lại tham khảo Lê sử tục biên chép: "Xin bắt xà bồn đem về". Bởi vì tục người Man gọi tù trưởng là "xà". Xà bồn chép đây, tức chỉ Triều Phúc.

Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 10).

Mang Chan (Chăn): Xem năm Chính Hòa thứ 17 (tờ 37 trong cuốn này).

Tân Ty, năm thứ 22 (1701). (Thanh, năm Khang Hy thứ 40).

---

[1] Câu này nguyên văn chép: "Chỉnh tô thuế", nếu dịch đúng là "đánh tô thuế" sợ không rõ nghĩa. Chúng tôi thấy ở liền đấy có câu: "Việc cống nạp, việc tô thuế không thiếu thốn" là tham khảo Lịch triều tập kỷ chép: "Bổ quỹ thuế" nghĩa là bổ sung quỹ và thuế bỏ thiếu từ trước, vì thế dịch: "thu tô thuế để nộp" cho được rõ nghĩa.

[2] Xem chú thích ở tờ 38 trong cuốn này.

[3] Xem chú thích ở tờ 38 trong cuốn này.

Tháng 4, mùa hạ. Vi Vinh Diệu, thổ tù phủ Tư Lăng nhà Thanh, xâm lấn ruộng của dân châu Lộc Bình. Triều đình sai thổ ty Vi Phúc Vĩnh phòng bị.

Lúc ấy, lúa chiêm ở châu Lạc Bình thuộc Lạng Sơn đã chín, Vinh Diệu đem dân đấn lấn cướp. Được tin này, triều đình bèn sai Phúc Vĩnh đốc thúc dân chúng cày cấy ở ven biên giới, trong thời kỳ lúa chín phải phòng bị nghiêm cấm, cốt sao không để người nước ngoài vượt biên giới gặt tranh lúa của dân mà thôi. Không nên bạo động càn để gây hấn khích ở biên giới.

Lời chua - Lộc Bình[1]: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 31).

Tư Lăng: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chb.II, 41).

Ngày Giáp Dần. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Dực, sao Chẩn.

Nhâm Ngọ, năm thứ 23 (1702). (Thanh, năm Khang Hy thứ 41).

Tháng giêng, mùa xuân. Thanh Hoa có nạn thủy tai.

Nước sông lên cao, đê Thanh Hoa bị vỡ, dân đói. Triều đình cho trích một vạn quan tiền trong kho nội phủ, chia làm hai phần: một phần chẩn cấp cho nơi nào thóc lúa bị tổn hại; một phần chẩn cấp cho dân phu làm công việc hàn lấp khúc để vỡ. Lại mở kho ở trấn lấy thóc phát chẩn cho dân bị đói. Miễn các ngạch thuế đinh và hộ.

Tháng 7, mùa thu. Lại bổ dụng Nguyễn Quán Nho làm thượng thư bộ Binh, vào giữ chức tham tụng trong phủ chúa.

Trước kia, Quán Nho ở ngôi tể tướng, bị Lê Hy ghen ghét, phải chuyển xuống làm quan ở Ngự sử đài 7 năm[2]. Nay Lê Hy mất, Quán Nho lại được phục hồi chức cũ.

Lúc ấy, Thanh Hoa và Nghệ An mất mùa, dân đói, binh lính phần nhiều bỏ trốn và thiếu ngạch. Binh phiên[3] bắt bớ phiền nhiễu, làm cho dân phải khổ sở. Quán Nho kiến nghị nói: "Tránh việc nặng, tìm việc nhẹ, ăn hiếp người nghèo, che chở người giàu, nhân tình phần nhiều như thế. Nay nếu nhất luật giảm ngạch lính, chỉ làm lợi thêm cho chỗ khoan lương[4], nếu nhất luật triển hoãn kỳ hạn, bổ sung lính, thì họ đều kêu nài là nghèo khổ. Vậy xin từ nay, xã nào có lính trốn, thì trách cứ hương mục cùng lính kinh thành đi bắt dẫn nộp; nếu lại bỏ trốn thiếu ngạch, thì giao cho quan bản trấn đòi bắt. Nếu làng nào tình trạng thật nghèo khổ thì quan bản trấn làm công văn mật tâu bày. Còn Binh phiên cho người bắt bớ đốc thúc như trước thì nay nhất thiết cấm chỉ". Trịnh Căn nghe theo.

Quán Nho ở trong chính phủ, biết giữ đại thể, làm việc theo chính sách khoan hậu. Lúc ấy có câu ngạn ngữ: "Tham tụng Vãn Hà[5], bách tính âu ca".

Lời phê - Chưa thấy co gì là khoan hậu.

Lời chua - Khoan hương: Tức dân trù phú. "Thực hóa chí" trong Đường thư chép: làng nào ruộng nhiều có thể cấp đủ cho người làng gọi là khoan hương; làng nào ruộng ít gọi là hiệp hương. Dân ở hiệp hương được trao cho ruộng chỉ bằng một nửa số ruộng của dân ở khoan hương[6].

Quý Mùi, năm thứ 24 (1703). (Thanh, năm Khang Hy thứ 42).

---

[1] Nay là huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Xem thêm tờ 34 trong cuốn này.

[3] Trước đây chúa Trịnh có đặt Thủy sư phiên, Hộ Phiên và Binh phiên.

[4] Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

[5] Tên làng của Nguyễn Quán Nho.

[6] Tham khảo Từ Nguyên (Dần tập tờ 44): Thời đại nhà Đường, nơi nào ruộng nhiều, người ít, gọi là khoan hương, nơi nào ruộng ít người nhiều, gọi là hiệp hương.

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Căn phong tằng tôn (chắt) là Cương làm tiết chế, An quốc công.

Trước kia, con cả của Trịnh Căn là Vĩnh chết sớm, Căn dùng con thứ ba là Bách thừa tự, Bách chết, dùng con của Vĩnh là Bính thừa tự. Bính sinh con là Cương, năm ấy 18 tuổi.

Nay Bính chết, Căn thấy mình tuổi già mà người thừa kế chưa ổn định, bèn triệu bồi tụng Nguyễn Quý Đức vào hỏi. Quý Đức thưa: "Trọng trách trông coi việc nước, vỗ về quân lính, phải thuộc về người chắt chưởng (thế đích tằng tôn), xin định ngay danh phận, để cắt đứt sự dòm ngó". Căn lại hỏi Đặng Đình Tướng, Đình Tướng cũng thưa như lời Quý Đức. Lúc ấy Trịnh Căn mới cả quyết, bèn dùng Cương kế tự, làm tờ biểu tiến phong Cương làm khâm sai tiết chế các dinh quân thủy quân bộ kiêm giữ hết cơ quan chính quyền, chức thái úy, tước An quốc công, mở phủ Lý quốc.

Đại hạn, dân bị đói.

Triều đình sai quan chia nhau đi khám xét, xá thuế dung năm nay cho Thanh Hoa; lại trích tiền kho nội phủ chẩn cấp cho dân đói ở Kinh Kỳ.

Bắt đâu sai đề lãnh Nguyễn Đức Uyển kiêm trấn thủ Lạng Sơn.

Bắt đầu từ đây, quan trong kinh quản lĩnh ngoại trấn bằng cách không nhậm chức tại chỗ.

Giáp Thân, năm thứ 25 (1704). (Thanh, năm Khang Hy thứ 43).

Tháng 3, mùa xuân. Trịnh Luân và Trịnh Phất định mưu giết tiết chế cương. Trịnh Căn giết Luân và Phất; thăng chức cho hiệu thảo Nguyễn Công Cơ làm hữu thị lang bộ Công.

Trước đây, Trịnh Bính mất, Luân và Phất tự lấy mình là con Trịnh Bách, tiết chế đã quá cố, đáng được tập phong nối nghiệp. Đến nay, Trịnh Cương do vai chắt của Căn lại được mở phủ đệ, nên Luân và Phất cấu kết với với bọn Đào Quang Giai làm bè đảng giúp sức định mưu cướp ngôi của Trịnh Cương. Dò biết hiện trạng việc này, hiệu thảo Nguyễn Công Cơ đem báo cáo cho Trịnh Căn biết. Căn giao bọn này xuống ngục Đình úy tra hỏi, họ đều nhận tội, nên đều bị tội theo pháp luật. Nguyễn Công Cơ được thăng chức thị lang.

> Lời chua - Công Cơ: Người xã Minh Tào, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1697) năm Chính Hòa.
>
> Đào Quang Giai: Người xã Thủy Cam, huyện Thanh Oai.

Ất Dậu, năm thứ 26 (1705). (Từ tháng 4 trở về sau thuộc năm Vĩnh Thịnh thứ nhất triều Dụ Tông - Thanh, năm Khang Hy thứ 44).

Tháng 3, nhuận, mùa xuân. Bổ dụng Đặng Đình Tướng làm đô đốc, lĩnh chức trấn thủ Sơn Nam.

Chức Trấn thủ Sơn Nam, khuyết đã lâu[1], triều đình khó tìm được người xứng đáng để bổ thay. Đình Tướng lấy tư cách là người công lao, thân thích[2], có mưu cơ, tài lược, hiểu biết việc quân, nên đương làm tả thị lang giữ chức bồi tụng, đổi sang làm đô đốc ra trấn thủ Sơn Nam, tước phong Ứng quận công.

Đình Tướng, giản dị, khoan hòa, nhân thứ; nhân dân trong trấn cũng được yên vui.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua hạ chiếu truyền ngôi cho thái tử Duy Đường.

Thái tử lên ngôi (tức Dụ Tông), đổi niên hiệu, đại xá.

---

[1] Trấn thủ Sơn Nam là Lê Đình Kiên chết từ tháng 2 năm Chính Hòa thứ 25 (1704).

[2] Đình Tướng gọi Trịnh Căn bằng cậu ruột.

Tha hai phần mười (2/10) thuế vụ hạ năm nay cho dân, những thuế bỏ thiếu từ năm Quý Mùi trở về trước đều được ân xá; những dân phiêu lưu ở Thanh Nghệ và tứ trấn được phép đến cửa khuyết tâu bày tình trạng, sẽ liệu lượng cho giảm phú thuế giao dịch.

Lời chua - Quý Mùi: Tức năm Chính Hòa thứ 24 (1703).

Tôn nhà vua làm thái thượng hoàng.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 35

Từ Bính Tuất, Lê Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706) đến Tân Sửu, Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 2 (1721) gồm 16 năm.

Bính Tuất, Dụ Tông Hòa hoàng đế, năm Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706). (Thanh, năm Khang Hy thứ 45).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tháng 5, mùa hạ. Ai Lao sang dâng lễ cống chúa Trịnh.

Trước kia, nhân dân Man Chan (Chăn) thuộc Ai Lao thường khổ sở vì bộ lạc Lạc Hòn xâm lấn ngược đãi, cứ phải chạy lánh không được thường trú ở một nơi nào: triều đình (nhà Lê) vẫn phải che chở cho. Khi tù trưởng Triều Phúc trở về nước, thì thành quách hào lũy đổ nát, binh lính thuộc dưới quyền chỉ có hơn 700, khí giới dự trữ không được đầy đủ, lễ cống nạp bỏ khiếm khuyết đã lâu. Trịnh Căn sai người trách hỏi, Triều Phúc tỏ bày tình trạng, xin dâng cống nạp về lễ diên thọ và xin 3 năm dâng một lần, bỏ cho lễ cống nạp hàng năm.

Sau, Triều Phúc sai sứ đến dâng phẩm vật địa phương, xin giúp cho binh khí và xin cho kết nghĩa hơn nhân để được nương nhờ ơn nước lớn mà trấn áp sự khinh rẽ của nước ngoài. Trịnh Căn làm giấy yên ủi. Từ đấy, Triều Phúc cống hiến không bao giờ gián đoạn. Sau đem người tông nữ[1] họ Trịnh, lấy danh nghĩa là quận chúa họ Trịnh gả cho Triều Phúc.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 19).

Lê Thánh Tông lấy đất Lao Bồn[2] đặt phủ Trấn Ninh. Ở đây gọi là Ai Lao, có lẽ cũng là đất Trấn Ninh.

Mang Chan (Chăn): Xem Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 17 (Chb, XXXIV, 37).

Lạc Hòn: Xem năm Chính Hòa thứ 21 (Chb, XXXIV, 47, 48).

Lễ diên thọ: Tức lễ về đầu mùa xuân để cầu được sống lâu, lễ này cử hành trong phủ chúa Trịnh.

Việc đem Tông nữ gả cho Triều Phúc: Xem năm Vĩnh Thịnh thứ 14[3].

---

[1] Một danh từ để gọi chung con gái vua chúa.

[2] Nguyên văn chép: "Lao bồn địa", không rõ có phải tên đất Lao Bồn hay còn một nghĩa khác nữa. Theo sự nghiên cứu của chúng tôi, thì trong sử liệu chỉ có Bồn Man hoặc Tôn Bồn Man, không có chỗ nào là Lao Bồn cả. Bồn Man: Hồi đầu triều Lê, họ Cầm vẫn được nối đời làm tù trưởng. Dưới triều Lê Thánh Tông, Cầm Công cấu kết với Lão Qua chống Công, lấy đất Bồn Man đặt phủ Trấn Ninh (xem thêm Chính biên quyển XXIII tờ 28, 31).

[3] Từ đây cho hết niên kỷ Lê Dụ Tông, Sử Cương mục không chỗ nào chép việc này. Tham khảo Lịch triều tạp kỷ, thì năm Vĩnh Thịnh thứ 14, Trịnh Cương đem người con gái tôn thất gả cho triều phúc, thổ tù Ai Lao. Cương hạ lệnh cho bọn nội giám (hoạn quan) Kiều Hữu Luân đem quốc thư cùng đi với sứ thần Ai Lao hộ vệ đưa người con gái ấy đến nước Ai Lao. Khi đưa đến phủ Trấn Yên (tức Trấn Ninh) phải báo ngay Phì Xà (phong tục người Man gọi là tù trưởng Phì Xà), tức Triều Phúc đem dân phu đón rước. Khi đến đầu biên giới Ai Lao, phải đợi Triều Phúc thân đến đón tiếp, sẽ hộ vệ đưa đến kinh thành Ai Lao, rồi ban cho quốc thư và tuyên truyền dụ bảo ân tín của triều đình, để lễ hôn nhân được long lọng.

Quận chúa: Chế độ triều nhà Lê, con gái của hoàng tự gọi là quận chúa[1]. Lúc bấy giờ con gái của chúa Trịnh cũng tiếm xưng là quận chúa.

Đinh Hợi, năm thứ 3 (1707). (Thanh, năm Khang Hy thứ 46).

Tháng 2, mùa xuân. Định rõ lại phép khảo công.

Theo chế độ cũ: Về việc khảo công, thông tính ba lần khảo trong cả ba năm, rồi mới thi hành việc truất bãi hoặc thăng thưởng. Đến nay định rõ lại: Trong ba năm, quan chức đều phải đủ ba lần khảo theo thể lệ thưởng, trung, hạ, rồi sẽ cân nhắc với nhau: người nào ba lần khảo đều liệt vào thượng hạng sẽ được thăng chức hai bậc, người nào hai lần thượng hạng, một lần trung hạng, được thăng chức một bậc, những người này đều được thưởng thêm 50 quan tiền; người nào năm đầu vào thượng hạng, năm thứ nhì vào trung hạng, năm thứ ba vào hạ hạng, là loại trung bình, sẽ thuyên chuyển làm việc ở địa phương giản khuyết[2]; người nào hai lần trung hạng, một lần hạ hạng, sẽ phải giáng chức một bậc; người nào hai lần hạ hạng, một lần trung hạng, phải giáng chức hai bậc.

Lời chua - Chế độ cũ: Xem Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 6 (Chb, XXXIV, 19).

Định lệnh truy tặng và ân tuất cho tướng sĩ bị chết trận.

Từ lúc trung hưng đến nay, chưa định thể lệ truy tặng và ân tuất cho tướng sĩ bị chết trận. Đến nay bàn định: cai đội và đội trưởng chết trận. truy tặng cho hàm hiệu điểm và được cấp ruộng; binh đinh bị chết trận, chỉ được cấp ruộng và tha dao dịch cho con của họ.

Lời cẩn án - "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Lê Thần Tông, năm Thịnh Đức thứ 3 (1655), định lệnh truy tặng và ân tuất cho tướng sĩ trận vong như thế này:

Phàm chánh đội trưởng hoặc đội trưởng các doanh các cơ, đi đánh giặc bị chết trận, thì cai đội được gia tặng hàm tả hiệu điểm và cấp cho 20 mẫu ruộng công; chánh đội trưởng và đội trưởng được gia tặng hàm hữu hiệu điểm và cấp cho 15 mẫu ruộng công; binh đinh được cấp 5 mẫu và miễn dao dịch cho con họ; nếu người nào chưa có con thì cho một người cháu thân nhất được miễn dao dịch.

Nay xét quan chế đời Hồng Đức (1740-1497): tả hiệu điểm, hữu hiệu điểm hàm tòng nhị phẩm, cai đội hàm chánh tứ phẩm, đội trưởng hàm chánh ngũ phẩm. Bây giờ đem hàm tòng nhị phẩm mà tặng cho người tứ phẩm, ngũ phẩm, chả phải cũng là vượt bậc quý hay sao? Đại để nhà Lê từ trung hưng về sau, thứ tự quan chức phần nhiều đổi khác. Lại tham khảo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn nói: Tả hiệu điểm, hữu hiệu điểm cấp bậc ở dưới thự vệ được phong tước hầu. Hai chức này chưa được dự vào triều ban. Như vậy, thì lúc bấy giờ phẩm trật hiệu điểm thuộc vào hạng thấp, cho nên thể lệ truy tặng ân tuất năm ấy, mới đem hàm hiệu điểm mà truy tặng cho cai đội trưởng. Nhưng việc này không có văn kiện rõ ràng chép trong Sử, nên tham khảo mà chép ra đây để phòng thi khảo cứu đến.

Tháng 7, mùa thu. Định rộng niên hạn ân tuất cho dân phiêu lưu.

Tai họa hạn hán và kém đói xảy ra từ năm Quý Mùi (năm Chính Hòa thứ 24-1703) nhân dân phần nhiều phiêu tán, triều đình đã nhiều lần thi hành lệnh ân xá rộng rãi, nhưng nhân dân các làng xóm vẫn chưa trở về đông đủ. Nay định niên hạn: người phiêu tán sẽ được xá phú thuế và dao dịch trong năm năm; người trở về mà tình cảnh nghèo khổ sẽ được miễn thuế hộ trong ba năm.

Lại sai quan văn, quan võ chia nhau đi khám xét kiện tụng.

---

[1] Cương mục chua lầm. Theo thể lệ phong ấm triều Lê, thì con gái của hoàng tử phong quận thượng chúa, con gái của hoàng thái tôn mới phong là quận chúa.

[2] Nơi nào ruộng đất tốt, cày cấy thuận tiện, phong tục thuần hậu, ít kiện tụng, trong hạt ít xảy ra trộm cướp, nhân dân không bị phiêu lưu. Nói tóm lại: Công việc nhẹ nhàng không vất vã bận rộn như những nơi tối yếu khuyết, yếu khuyết, trung khuyết, gọi là giản khuyết. Xem thêm chú thích số 1 tờ 19 trong cuốn này.

Lúc ấy, Ngự sử đài xét hỏi kiện tụng, phần nhiều có những việc kiện còn kêu đi kêu lại. Triều đình bèn theo chế độ cũ năm Chính Hòa (năm thứ 17)[1], hạ lệnh cho quan văn, quan võ chia nhau đi xét hỏi. Việc này giao cho việc bồi tụng Hoàng Công Chí và đề đốc Đặng Đình Thuyên cả thảy tám ngư82i chịu trách nhiệm.

Lời chua - Đình Thuyên: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Căn hạ lệnh: hai ty Thừa chính và Hiến sát chọn trong số huyện lệnh thuộc dưới quyền hai ty ấy, đề cử viên nào có thể làm nổi công việc tri phủ.

Trịnh Căn nhận thấy chức trách phủ huyện là chỗ thân cận với dân, thế mà bộ Lại cất nhắc thuyên chuyển chỉ theo vào tư cách, thành ra người có tài năng kiến thức không tỏ rõ ra được; hai ty Thừa chính và Hiến sát đối với viên huyện thuộc dưới quyền mình ngày thường đã am hiểu rõ ràng, thì sự nhận định phân tích có phần dễ. Bởi thế, mới hạ lệnh hai ty ở các xứ chọn trong số các viên huyện lệnh thuộc dưới quyền, đề cử người nào có thể giữ nổi chính chức hoặc chức ta nhị trong một phủ, thì người đứng đề cử cùng người được đề cử đều về kinh sư xét thực, sẽ cho được thuyên chuyển cất nhắc.

Lời cẩn án - Người bàn thuật về chính trị cần phải tìm đến nguồn gốc chính trị. Ông Chu Tử nhà Tống nói: "Giám ty[2] là đầu mối của các viên thú, lệnh[3] mà triều đình là gốc rễ của giám ty". Mệnh lệnh này của Trịnh Căn hầu như biết thận trọng về việc lựa chọn chức thú, lệnh đấy. Nhưng không biết triều đình lúc bấy giờ có thật trong sạch sáng sủa không? Hai ty Thừa chính, Hiến sát có thật đều là người hiền tài lương thiện không? Lại còn việc bắt người đề cử cùng với người về kinh sư xét duyệt, như thế há chẳng phải phiền phức tế toái mà bỏ mất cả công việc à?

Mậu Tý, năm thứ 4 (1708). (Thanh, năm Khang Hy thứ 47).

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh sửa đắp đường đê sông Nhị.

Hàng năm, nước sông Nhị tràn ngập, đường đê nhiều chỗ khuyết liệt. Triều đình bèn hạ lệnh hai ty Trấn thủ và Thừa chính đốc sức dân phu, tùy theo địa thế bồi đắp sửa chữa, để lợi cho nông dân.

Lời cẩn án - Sông Nhị, tức sông Phú Lương, một con sông lớn ở Bắc Kỳ, ở phía đông bắc tỉnh thành Hà Nội. Con sông này phát nguyên từ sông Lô thuộc Tuyên Quang và sông Thao, sông Đà thuộc Hưng Hóa[4], nước các ngành sông này tụ họp ở phía đông nam huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây[5] chảy qua Hà Nội, Hưng Yên và Nam Định rồi đổ vào các cửa biển Ba Lạt[6], Thái Bình và Diêm Hộ. Lại có một chi lưu là sông Hát, con sông này tự huyện Phúc Thọ tỉnh Sơn Tây đi qua huyện Đan Phượng, chảy vào địa phận phủ Lý Nhân thuộc Hà Nội[7], qua địa phận tỉnh Ninh Bình, rồi đổ vào các cửa biển Đại Liêu và Chính Đại.

Nay tham khảo: "Địa lý chí" trong Minh Sử: "PhủLệ Giang thuộc Vân Nam có sông Lan Thương thông sang Giao Chỉ làm thành sông Phú Lương; phủ Lâm An có thác Liên Hoa tức hạ lưu sông Lan Thương và là thượng lưu sông Thao ở Giao Chỉ". Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, về "Tây Nhị Hà" chép: "Sông Diệp Du có một tên nữa là Tây Nhị Hà, phát nguyên từ núi Bãi Cốc huyện Lãng Khung, hạ lưu hợp với Dạng Thủy huyện Thái Hòa, lại hợp với dòng sông Lan Thương, rồi đổ vào biển Nam Hải. Nước ta gọi sông Phú

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXIV, tờ 38.

[2] Một danh từ để gọi quan chức có quyền trông coi các viên quan phủ huyện. Ở đây chỉ Hiến sát và Thừa chính.

[3] Thú: tức thái thú, một danh từ để gọi viên tri phủ, lệnh: tức lệnh doãn, một danh từ để gọi viên tri huyện.

[4] Nay sông theo thuộc địa phận tỉnh Phú Thọ, sông Đà thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình.

[5] Huyện Bạch Hạc nay là huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc.

[6] Ba Lạt: Viết theo Hán văn. Riêng về chữ "Lạt" nguyên văn trong cương mục chua như thế này: "Trong tự điển và Khảo dị, bổ đi đều không có chữ này, ngờ là chữ "lạt" vì là cửa biển nên chấm thủy ở bên cạnh.

[7] Địa phận phủ Lý Nhân nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Lương là Nhị Hà, có lẽ lấy cớ rằng nước sông ấy đầu bắt nguồn từ sông Lan Thương, nhưng vẫn là hạ lưu của Tây Nhị Hà".

Cứ các sách đã dẫn ở trên, thì sông Nhị bắt nguồn từ Tây Nhị Hà và sông Lan Thương thuộc Vân Nam chảy vào địa phận nước ta. Sông này nhiều ngọn nước giao nhau chảy vào, nên mỗi năm đến mùa hạ mùa thu thì đầy rẫy, nước chảy quá mạnh. Năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 17 (1248) dưới triều Thái Tông nhà Trần[1] đã có nạn vỡ đê. Đến thời nhà Lê, nạn vỡ đê lại càng nhiều hơn, triều đình chia cho dân phải nộp tiền thuế điệu để hàng năm sửa đắp, dân phải tốn của hao công, mà một khi xảy ra nạn nước xoáy vỡ đê, dân lại bị hại không sao kể xiết.

Tháng 9. Cấm thổ tù ở các phiên trấn không được giao thiệp riêng với người quyền quý trong triều đình.

Lúc ấy, phụ đạo các phiên trấn phần nhiều vào kinh sư chơi, giao thiệp liên kết với người có quyền lực hoặc người giữ địa vị trọng yếu, vì thế mới hạ lệnh cấm. Nếu triều đình có tiết lễ lớn, các phụ đạo vào kinh, không được đem quá 4 người đi theo, khi lưu ở kinh sư, không được quá 20 ngày. Từ đấy, sự phân biệt người Kinh, người Thổ mới nghiêm ngặt.

Kỷ Sửu, năm thứ 5 (1709). (Thanh, năm Khang Hy thứ 48).

Tháng 5, mùa hạ. Trịnh Căn mất. Tằng tôn (chắt) của Căn là Cương lên nối ngôi.

Căn, chuyên giữ chính quyền 28 năm. Khi mất, truy xưng là Khang Vương tiếm hiệu là Chiêu Tổ.

Tháng 9, mùa thu. Tiết chế Cương tự gia phong làm nguyên soái tổng quốc chính, An đô vương.

Cương, giả thác mệnh lệnh của nhà vua, tiến phong tước vương. Tha cho dân một nửa thuế tô năm ấy và các thuế còn thiếu lại đã lâu; lại thăng chức cho các quan văn võ, người chức cao, người chức thấp khác nhau.

Canh Dần, năm thứ 6 (1710). (Thanh, năm Khang Hy thứ 49).

Tháng giêng, mùa xuân. Lại ban hành tỏ rõ giáo điều.

Đầu năm Vĩnh Trị (1676-1680), triều đình đặt 6 giáo điều để khuyên răn bầy tôi và nhân dân trong kinh thành, ngoài phiên trấn: 1. Người đại thần không được cậy quyền thế; 2. Bầy tôi về hàng võ phải siêng năng thao luyện, các viên phủ huyện không được hà khắc bạo ngược; 3. Bầy tôi về hàng văn phải thanh liêm cần mẫn; 4. Bầy tôi trong nội điện phải giữ lòng trung thành lương thiện; 5. Quân sĩ phải tuân theo pháp lệnh; 6. Nhân dân phải dốc lòng phân biệt điều liêm, điều sỉ. Đến nay, lại ban hành sách tỏ 6 giáo điều kể trên.

Tân Mão, năm thứ 7 (1711). (Thanh, năm Khang Hy thứ 50).

Tháng giêng, mùa xuân. Bắt đầu sai quan trong kinh đi đôn đốc việc đắp đê.

Trước đây, việc đốc thúc dân đắp đê, giao quyền cho viên quan ở trấn, phần nhiều chỉ làm cẩu thả cho xong việc, nên mỗi năm đến mùa nước lũ, đê lại vỡ lở, dân vùng ven sông luôn luôn bị tai hại. Đến nay mới hạ lệnh cho quan trong kinh là bọn Lê Dị Tài và Trần Công Trụ chia nhau đi đôn đốc. Công việc sửa đắp đê sau đây thêm bận rộn hơn, nhưng cũng không sao ngăn ngừa được nạn nước lụt.

Lời chua - Dị Tài: Người xã An Hoạch huyện Đông An[2], đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Định rõ lại thể lệ quân cấp ruộng công.

Trước đây, ruộng công do các quan châu hoặc huyện quân cấp cho dân, phần nhiều sơ lược, không được công bằng, nay Trịnh Cương bàn với phủ liêu định lại:

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển VI, tờ 31.

[2] Nay là huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa.

Niên hạn quân cấp cứ sáu năm một lần, do viên quan trưng thu chịu trách nhiệm.

Thời hạn quân cấp; ruộng vụ mùa không được cấp sau tháng 3; ruộng vụ chiêm không được cấp sau tháng 9, để thích hợp với thời tiết làm ruộng của dân.

Cách thức chia khẩu phần: các xã có ruộng công, tính số người mà quân cấp, xã nào nhiều ruộng công thì phần cấp tính theo mẫu; xã nào ít ruộng công thì phần cấp tính theo sào, thước.

Người được hưởng phần ruộng: từ quan viên đến người quan, quả, cô, độc và phế tật[1] đều được tùy theo suất số mà liệu lượng cấp cho phần ruộng. Người nào đã có dân lộc, điền lộc hoặc ruộng của mình hoặc ruộng của vợ ngang với số khẩu phần quân cấp, thì không được dự phần cấp nữa.

Những ruộng ẩn lậu còn ở ngoài sổ điền vẫn được miễn thuế, cũng đem quân cấp cho dân. Ruộng công, đất bãi không được phép mua bán.

Lời chua - Quan trung thu: Thể lệ đời cố Lê, các phủ huyện đều đặt một viên quan trưng thu, trông coi việc thu thuế lệ và khuyên nhủ nhân dân làm ruộng, trồng dâu.

Cấm quan viên thiện tiện lập trang trại.

Ít lâu nay, những nhà quyền quý thế hào, phần nhiều nhận ruộng đất của mình ở đâu thiện tiện lập trang trại ở đấy, rồi chiêu tập người trốn tránh, cho họ nấp bóng để vơ vét mối lợi, vì thế mà dân xã nhiều người phiêu tán.

Đến nay nhiêm cấm, người nào trái lệnh sẽ phải luận vào tội nặng. Còn những người phiêu lưu trú ngụ ở xã khác, khai khẩn nhờ vào đất hoang xã ấy, hiện đã dựng thành cơ nghiệp, thì chỗ đất khai khẩn ấy xét định cho làm thổ, để họ được yên nghiệp sinh nhai.

Trịnh Cương tự tiến phong ông là Vĩnh tước Lương mục vương, cha là Bính tước Tấn quang vương.

Cương lấy địa vị là tằng tôn (chắt) của Căn lên nối ngôi, nay Cương truy tôn tước vương cho ông và cha. Khi bàn đến điển lễ miếu thờ, có người nói nên lập miếu riêng, tham tụng, Nguyễn Quý Đức nói: "Hai tước vương đều là chính tông đích trưởng[2], thờ ở cung miếu, thì thuận lý hơn". Cương theo lời bàn của Quý Đức.

Lời chua - Cung miếu: Miếu thờ tiên tổ họ Trịnh.

Hạ lệnh triệu Trương Công Khải, tham trấn Thanh Hoa vào triều, giữ chức phó đô ngự sử. Bổ dụng hoạn quan Đoàn Hữu Toán làm lưu thủ thay. Tên quan tham trấn đổi ra lưu thủ bắt đầu từ đấy.

Lời chua - Tham Trấn: Tức trấn thủ ở các trấn. Không rõ chức này đặt từ năm nào.

Tháng 10, mùa đông. Chỉnh đốn lại thể thức văn bài trong khoa thi hương.

Trước đây, các quan trường thi hương, nghĩ soạn đầu bài: và thể văn tứ lục chẳng qua chỉ soạn độ mười đầu bài; về thể phú chẳng qua độ bốn, năm đầu bài, không thay đổi gì, gọi là bản mẫu mực (sáo bản). Những người học giỏi phần nhiều làm sẵn thành văn, học trò đi thi đều đọc thuộc lòng từ trước, khi vào trường thi cứ chép theo nguyên văn ấy. Quan trường tùy ý phê duyệt lấy đỗ, không câu nệ gì về sự trùng kiến, cho nên những người trúng tuyển phần nhiều không phải người thực học. Vì thế khoa thi này mới hạ lệnh cho quan chấm thi tùy ý ra đầu đề, không được rập theo sáo cũ. Do đấy, tập tục hủ lậu về lối văn khoa cử dần dần thay đổi.

Nhâm Thìn, năm thứ 8 (1712). (Thanh, năm Khang Hy thứ 51).

Tháng 3, mùa xuân. Lại hạ lệnh cấm tả đạo gia tô.

---

[1] Quan: đàn ông không có vợ. Quả: đàn bà không có chồng. Cô: trẻ con mồ côi. Độc: người già không có con, không thể nương tựa vào đâu được. Phế tật: một mắt bị mù, một chi thể bị hỏng.

[2] Trịnh Vĩnh, con cả Trịnh Căn. Trịnh Bính con cả Trịnh Vĩnh, đều mất sớm, xem thêm Chính biên quyển XXXIV, tờ 50.

Triều đình đã nhiều lần ra điều lệnh cấm tả đạo Gia tô, nhưng quan và dân sở tại tham của đút lót của họ, che giấu lẫn cho nhau, nên đạo ấy lan ra làm người ta mê hoặc mỗi ngày một sâu rộng. Vì thế, triều đình lại định điều lệ ngăn cấm: người nào biết có người theo đạo Gia tô được phép tố cáo; người theo đạo ấy sẽ phải cắt tóc trên đỉnh đầu, thích vào mặt bốn chữ "học Hoa lang đạo" và phát 100 quan tiền để thưởng cho người tố cáo. Nhưng cũng không sao ngăn cấm được.

Lời chua - Hoa Lang: Xem Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb, XXXIII, 6).

Bắt đầu hạ lệnh cho các quan trấn thủ ở biên giới phải đến đóng tại trấn lỵ.

Tham tụng là bọn Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Thế Bá nói: "Chức quan trấn thủ bấy giờ, tức là chức quan trong Đô ty lúc đầu bản triều. Nơi các viên ấy đóng để làm việc cai trị đã có thành quách. Trước đây, các trấn Tuyên, Hưng, Thái, Lạng hoặc ủy thác cho viên quan ở trấn khác kiêm quản lĩnh, hoặc bổ dụng bầy tôi thân cận để quản lĩnh, nhưng viên quan kiêm lĩnh thì ở yên tại nơi trấn, viên quan chầu chực thân cận thì quyến luyến ở kinh sư, chỉ theo tiện nghi mà khống chế bằng cách vắng mặt, việc ấy từ trước đến nay vẫn làm theo thói quen. Tuy cũng có lúc thay đổi bổ dụng quan võ, thì viên quan võ thường lấy cớ là nơi biên viễn núi rừng lam chướng, đối với binh lính không được tiện lợi. Các viên ấy không biết rằng địa thế nội trấn và ngoại trấn xa cách nhau, mà công việc ở biên giới không thể nào dự định trước được. Nếu không đóng ở trấn, ngộ chợt có biến cố xảy ra thì làm thế nào xem xét quản cố được. Lại còn việc kiện tụng: nào đòi hỏi, nào dẫn người đương sự về nha hầu xét, bọn lại dịch tính hành trình bắt dân cung đốn, làm cho dân càng phải phí tổn nặng nề. Vậy xin từ nay các quan trấn thủ ở biên giới đều phải đến lỵ sở cũng như các viên trấn thủ ở tứ trấn[1]. Về phần trấn Yên Quảng nguyên trước thuộc viên trấn thủ Hải Dương kiêm quản lĩnh, nhưng xét đấy là nơi bãi biển xa xăm, xin phải riêng viên quan có tài năng chuyên giữ trách nhiệm phòng ngự. Các trấn thủ Tuyên Quang, Lạng Sơn cũng nên nhất luật phải theo chế độ cũ[2]. Trịnh Cương nghe theo lời trình bày ấy.

Lời chua - Đô ty[3]: Đầu niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông, đặt đô ty ở 12 thừa tuyên, trong đô ty có các chức tổng binh và phó tổng binh, tức là chức quan trấn thủ. Sau khi trung hưng, bãi bỏ đô ty đặt trấn thủ, lại có những tên quan: đốc trấn, lưu thủ, đốc thủ và tổng phủ, đều là chức quan giữ chức trách nhiệm ở trấn cả.

Tuyên: tức là Tuyên Quang-Hưng: tức Hưng Hóa-Thái: tức Thái Nguyên, xưa gọi là Ninh Sóc-Lạng: tức Lạng Sơn-Yên Quảng: xưa là Yên Bang-Hải Dương: xưa là Dương Tuyền. Các địa danh trên, đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,17,19,24,25,39,32,34,35).

Từ tháng 6 đến tháng 12, không mưa.

Dân bị đói to.

Hạ lệnh: Tha các tù tội nhẹ hiện đương bị giam; hoãn thu các thứ thuế bỏ thiếu đã lâu; giảm một nữa thuế tuần ty và bến đò, đình hoãn việc bắt phu làm việc; sửa lễ tế các nơi thờ tự mà ít lâu nay bỏ không tế.

Quý Tỵ, năm thứ 9 (1713). (Thanh, năm Khang Hy thứ 52).

Tháng giêng, mùa xuân. Bàn định thi hành việc phát chẩn và cấp đỡ cho dân.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, giá thóc gạo cao vọt, dân gian có người phải ăn vỏ cây, rễ, cỏ, chết đói đầy đường, làng xóm các nơi tiêu điều hiu quạnh. Vì thế, triều đình bàn thi hành chẩn cấp: hạ lệnh cho quan hoặc dân nộp thóc, sẽ lượng theo số thóc mà trao cho chức tước, hoặc phẩm hàm, rồi đem số

[1] Xem lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXIII, tờ 21.

[2] Câu này Sử Cương mục chép không được rõ ràng, vì chỉ nói "theo chế độ cũ" thì không hiểu chế độ cũ thế nào. Tham khảo Lịch triều tạp kỷ chép: "Các quan hai ty Thừa chính, Hiến sát ở Tuyên Quang và Lạng Sơn cũng nên bắt phải đến lỵ sở làm việc, nhất luật theo chế độ cũ". Chép như thế có phần rõ hơn.

[3] Tức đô tổng binh sứ ty, nói tắt.

thóc ấy phân phối phát chẩn cho dân nghèo. Lại trích tiền cho nội phủ phát chẩn cho dân kinh kỳ; trích một vạn quan tiền ở kho An Trường cấp đỡ cho dân Thanh Hoa; cân nhắc để xá tô thuế cho dân ở tứ trấn và ở Phụng Thiên, Trường Yên, nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Lời chua - An Trường: Xem Lê Trang Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb.XXVIII,4).

Trường Yên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb.II,11).

Phụng Thiên: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,20,32,33,35).

Tháng 7, mùa thu. Nước lớn, vỡ đê.

Lúc ấy mưa dầm không ngớt, nước các sông tràn ngập, vỡ đê các trấn Sơn Tây, Sơn Nam và Thanh Hoa, mấy vạn nhà bị nước cuốn đi mất, nhân dân bị đói. Triều đình hạ lệnh cho các xã dân đều chiếu theo mẫu ruộng và suất đinh trong hộ nộp tiền, để thuê người sửa đắp.

Lời chua - Theo Tập kỷ của Cao Lãng, thì năm ấy triều đình hạ lệnh cho các xã dân tùy theo các số mẫu ruộng công và tư nộp tiền để thuê người sửa đắp. Lại tính các xã dân nội vi tử và tạo lệ, tự sự, ân lộc, ngụ lộc, chế lộc, cộng 206.311 suất, liệu lượng thu mỗi suất một quan tiền, cấp phát cho dân phu, để làm việc đắp đê.

Nguyên văn trong Tập kỷ chua: các xã nội vi tử 64.267 suất rưỡi, các xã ân lộc và ngụ lộc 20.038 suất rưỡi, các xã chế lộc 86.851 suất, các xã tạo lệ 8.892 suất, các xã tự sự 26.262 suất.

Tạo lệ, tự sự, ân lộc, ngụ lộc, chế lộc: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì năm Hồng Đức, Thánh Tông ban cấp ân tứ và phong hộ cho bầy tôi: thân vương và các quan được phong tước công, hầu, bá, tử, nam đều có ruộng thế nghiệp và số người thế nghiệp và số người hầu hạ (tạo lệ); quan văn cấp cho hộ suất tùy hành làm ngụ lộc, quan võ cấp cho quan xã chế lộc, đều cho phép nộp tiền để làm lương bổng hàng năm của quan văn, quan võ. Các viên quan đã trí sĩ về nhà cấp cho huệ dưỡng dân lộc (ban ơn được hưởng lộc của dân để nuôi dưỡng) gọi là ân lộc. Lại theo "chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú: Ngự sử đài và hai ty Thừa chính, Hiến sát được cấp cho thủ lê dân, để làm ngụ lộc. Quan văn, quan võ được triều đình chiếu theo chức phẩm hiện có của từng người chuẩn cấp cho dân xã tự sự, người nhiều người ít, để cung phụng việc tế tự.

Nội vi tử: Tức dân nội tịch chính cung. Đại để, trừ những xã dân đã đem cấp làm lộc điền, lệ dịch đi rồi, còn những xã thuộc vào số hộ để phong vị việc kinh phí ở phủ thự công, gọi là nội vi tử.

Suất: Theo Khang Hy tự điển thì "suất" là danh từ để gọi con số đếm ra. Tự điển lại dẫn lời chua trong Chu lễ: suất là tính từng suất nhân khẩu mà nộp tiền.

Lại đặt chức lưu thủ ở Tuyên Quang.

Năm Quang Thuận, chia đặt thừa tuyên hai xứ Tuyên Quang và Hưng Hóa. Lúc bắt đầu trung hưng, Vũ Văn Mật được chuyên giữ quyền khống chế Tuyên Quang, cha truyền con nối, đến đời Vũ Công Đắc; sau con Công Đắc là Công Tuấn làm phản, triều đình dẹp yên được[1], mới sai quan đến giữ địa phương này mà thuộc quyền thống trị của trấn thủ Hưng Hóa.

Đến nay mới đặt chức lưu thủ riêng của từng trấn. Bổ dụng hoạn quan Trần Công Tôn trấn thủ Hưng Hóa, Phạm Gia Vương trấn thủ Tuyên Quang. Hưng Hóa và Tuyên Quang, lại chia ra hai trấn bắt đầu từ đây.

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXX,9,10,28; XXXIII,28; XXXIV,21,22.

Lời chua - Tuyên Quang, Hưng Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 16, 19, 30, 32, 35).

Giáp Ngọ, năm thứ 10 (1714). (Thanh, năm Khang Hy thứ 53).

Tháng giêng, mùa xuân. Văn Đinh Nhâm (Nhậm), lưu thủ Yên Quảng, đánh giặc biển, dẹp yên được.

Bọn giặc biển ở Yên Quảng nhiều lần cướp bóc dân ở biên giới một cách bạo ngược. Lưu thủ Văn Đình Nhâm và đốc đồng Đinh Phụ Ích đem quân lùng bắt, chiêu dụ được đảng này 300 người ra hàng, bắt sống và giết chết hơn 70 người,, hết thảy toán giặc này đều dẹp yên được.

Lời chua - Đình Nhâm (Nhậm) người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn[1].

Bồn Man đến cống nạp.

Lời chua - Bồn Man: Ở thượng du phía tây Nghệ An, xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII, 8). Nay xét: Lê Thánh Tông đã lấy đất Bồn Man đặt làm Trấn Ninh rồi[2], thế mà nay lại chép: "Bồn Man đến cống nạp". Sử cũ chép thiếu sót sơ lược, như thế rất nhiều, hãy chép ở đây, sẽ khảo cứu sau.

Tháng 6, mùa hạ. Không mưa.

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Cương tự tiến phong đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư, An vương.

Trịnh Cương bái yết nhà thái miếu, rồi vào chầu nhà vua ở điện Vạn Thọ.

Trước đây, những ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng chúa Trịnh và trăm quan chầu vua ở điện Vạn Thọ. Nhưng sau họ Trịnh vượt quyền lấn át, nên mồng một, ngày rằm hàng tháng chỉ có trăm quan triều yết mà thôi. Đến nay, vì vừa mới tấn phong, nhân đấy Cương đến bái yết nhà thái miếu, rồi vào chầu vua một lần đầu. Sau đấy lại bỏ.

Ất Mùi, năm thứ 11 (1715). (Thanh, năm Khang Hy thứ 54).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ: Hộ bộ tả thị lang Nguyễn Công Cơ và thái bốc tự khanh Lê Anh Tuấn; phó sứ Thượng bảo tự khanh Đình Nho Hoàn và Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Mậu Áng sang nhà Thanh dâng lễ tuế cống. Đến năm sau, bọn Công Cơ trở về nước, phụng chỉ dụ của vua nhà Thanh nói: Phẩm vật tuế cống, lư hương và bình hoa bằng vàng, chậu bằng bạc, từ sau được theo số lượng đã định mà thay thế làm thành vàng đĩnh, bạc đĩnh rồi giao quan chức tỉnh Quảng Tây thu nhận lưu trữ, còn ngà voi và tên giác đều được miễn, người tùy hành cũng liệu lượng giảm bớt.

Lời chua - Phẩm vật cống nạp: Theo lời trình bày trong sách Việt thuật của Hoàng Sơn Mẫn nhà Thanh chép: "Năm Quý Mão niên hiệu Khang Hy (1663), nước An Nam sai sứ thần sang cống nạp. Lễ cống có: 4 bộ lư hương và bình hoa bằng vàng, tất cả nặng 209 lạng; 12 chiếc chậu bằng bạc tất cả nặng 691 lạng; 20 bộ tê giác và 20 chiếc ngà voi". Nay đem đối chiếu niên thứ của hai nước, thì năm Quý Mão niên hiệu Khang Hy, ngang với năm Cảnh Trị thứ nhất triều Lê Huyền Tông.

Theo tập Bang giao triều cố Lê, thì năm Bính Thân, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 12, tức năm Khang Hy thứ 55 (1716) triều Thanh, quan chức tỉnh Quảng Tây tư sang nước ta nói: "Bộ Lễ tâu (vua nhà Thanh) rằng: Quốc vương An Nam sai bồi thần là bọn Nguyễn Công Cơ dâng lễ tuế cống hai lần. Sau được chỉ dụ (vua Thanh) nói: An Nam dâng lễ cống như lư hương bằng vàng, bình hoa bằng vàng, chậu bằng bạc và tê giác, ngà voi, xét ra đường sá xa xăm, vận tải khó nhọc. Vậy từ sau được thay thế làm thành

---

[1] Đất huyện Hương Sơn cũ, nay thuộc hai huyện Hương Sơn và Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Xem Chb. XXIII, tờ 29, 31.

vàng đĩnh, bạc đĩnh, rồi giao cho ty Bố chính tỉnh Quảng Tây lưu trữ vào kho. Lại vâng chỉ dụ cho miễn việc dâng tiến tê giác và ngà voi. Còn việc dâng biểu văn quan hệ về điển lễ lớn, nghĩ cho châm chước liệu lượng rút bớt số quan viên và chức dịch phải tới kinh đô[1]".

Lê Anh Tuấn: Người xã Thanh Mai[2], huyện Tiên Phong, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1694) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Nguyễn Mậu Áng: Tên cũ là Mậu Thịnh, người xã Kim Sơn[3], huyện Gia Lâm đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1691) năm Chính Hòa.

Đinh Nho Hoàn: Người An ấp[4], huyện Hương Sơn, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hòa.

Bổ dụng Nguyễn Mại làm trấn thủ Sơn Tây.

Lúc ấy, Đặng Đình Sở giữ trấn Sơn Tây, thi hành chính trị một cách lỏng lẻo trễ tràng, thành ra trộm giặc các nơi nổi dậy, dân bị tai hại. Đình Sở can tội, giáng chức. Triều đình mới bổ dụng phó đô ngự sử Nguyễn Mại lấy chức thấp làm nhiêm vụ trấn thủ Sơn Tây. Khi Mại đến trấn lỵ thi hành chánh lệnh nghiêm chỉnh, sách suốt, bèn được lãnh chức chánh trấn thủ.

Mại là người có sức mạnh, có trí lực, giỏi về việc cưỡi ngựa, bắn tên. Trước kia, Mại giữ công việc ở Lễ phiên, một hôm, đương bàn công việc ở phủ chúa, có con voi xổng chạy vào, mọi người đều sợ hãi bỏ chạy, duy chỉ có Mại tinh thần khí sắc không thay đổi, vẫn trình bày công việc như thường. Trịnh Cương nhận xét cho là có thể dùng Mại giữ chức quan to được, sai giữ quân thủy, sau được cất nhắc làm đốc trấn Cao Bằng. Đến nay lại bổ đi trấn thủ Sơn Tây. Mại ở trấn, hiệu lệnh gì đã ban bố là bắt phải tuân hành, điều cấm gì đã ấn định là bắt phải thôi hẳn, vì thế mà bọn trộm giặc phải ẩn nấp một nơi không dám hành động. Mại nổi tiếng là người có tài về chính trị.

Lời chua - Sơn Tây: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 27, 34).

Nguyễn Mại: Người xã Ninh Xá, huyện Chí Linh[5], đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1691) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Nghệ An phát sinh chứng dịch.

Triều đình hạ lệnh cho hai ty Thừa chính và Hiến sát lập đàn tràng ở nơi sạch sẽ, hội đồng bách thần trong hạt để cầu đảo.

Tháng 4, mùa hạ. Thái hậu Nguyễn Thị mất (không rõ lăng táng ở đâu).

Lời chua - Thái hậu: Tên húy là Ngọc Đệ, người xã Trùng (Xung) Quán[6], huyện Đông Ngàn[7] sinh ra Dụ Tông.

---

[1] Năm Cảnh Trị thứ nhất, triều đình nhà Lê mới bắt đầu sai sứ thần là bọn Lê Hiệu, Dương Hạo và Đồng Tôn Trạch sang giao hảo với triều đình nhà Thanh, việc này sử Cương mục và sách Việt thuật cũng chép như nhau. Còn lễ cống, thì ngoài phẩm vật đã chép trong sử Cương mục, sách Việt thuật còn cho ta biết những phẩm vật này: 60 cân trầm hương, 148 cân tốc hương, 30 cân giáng chân hương, 50 kiện bạch truật hương, 8000 nén hương đen và 200 tấm lụa thổ màu trắng. Nay trong chiếu chỉ của vua nhà Thanh chỉ nói miễn cho tê giác và ngà voi. Vậy thì còn những phẩm vật nói trên không rõ có được miễn hay không, mà trong chiếu chỉ không thấy nói đến. Sách Việt thuật lại còn cho ta biết; lúc ấy nhà Thanh vừa nhận lễ cống của vua Lê lại vừa nhận lễ cống của Mạc Kính Diệu ở Cao Bằng nữa.

[2] Nay thuộc xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

[3] Nay thuộc xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[4] Nay thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Tỉnh Hải Dương.

[6] Trùng Quán: nay thuộc xã Vân Đức, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[7] Đất huyện Đông Ngàn cũ, nay thuộc các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh), Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, (Hà Nội).

Tháng 5. Định phép khảo công bằng việc trưng thu.

Dùng việc trưng thu các khoản đủ hay thiếu, nhiều hay ít, công việc đối với dân có thương yêu hay hà khắc, cả hai việc ấy tính lẫn với nhau, chia ra hạng hơn hạng kém để định việc thưởng phạt. Lệ định cứ 3 năm một lần khảo công.

Tháng 12, mùa đông. Bổ dụng Nguyễn Công Hãng làm đốc trấn Cao Bằng.

Lúc ấy có tên Uyên Hợp, người ở một châu thuộc Cao Bằng, tự xưng là Mạc Trạch con cháu họ Mạc. Hắn buông lời để mê hoặc nhân dân trong châu, định mưu nổi loạn, nhưng việc bị lộ, không hành động được. Vì việc ấy, triều đình nhận ra rằng Lê Đốc Thuần, đốc trấn Cao Bằng, xử trí trái phương pháp, nên triệu Khắc Thuần về kinh. Phủ liêu chọn mấy người có thể bổ thay, nhưng đều không được chúa Trịnh chẩn y. Cao Bằng vốn là nơi yếu khuyết[1], Trịnh Cương muốn dành chỗ ấy để đãi Công Hãng. Công Hãng nói: Muốn được ở bên tả bên hữu nhà chúa. Công Hãng nhiều lần từ chối không được. Trịnh Cương ưng thuận bèn nhận mệnh lệnh. Cương cho phép Công Hãng được tùy tiện thi hành mọi việc ở Cao Bằng.

Lời phê - Lúc ấy chính quyền do họ Trịnh giữ, quan lại đã không biết có nhà Lê nữa, thì ở đấy nói rõ "phủ liêu", như thế là đúng.

Lời chua - Lê Khắc Thuần: Người xã Phù Minh, huyện Hoằng Hóa[2] đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Nguyễn Công Hãng: Người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn[3], đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Bính Thân, năm thứ 12 (1716). (Thanh, năm Khang Hy thứ 55).

Tháng 4, mùa hạ. Thái thượng hoàng mất.

Dâng tôn thụy là Chương hoàng đế, miếu hiệu Hy Tông. Thượng hoàng ở ngôi vua 30 năm, sau khi truyền ngôi, ở điện Kiền Thọ 12 năm, hưởng thọ 54 tuổi.

Làm lễ táng ở Phú Lăng.

Lời chua - Lăng: Ở xã Phú Lâm, huyện Đông Sơn, thuộc Thanh Hóa.

Tháng 6. Bắt đầu định phép chia đều thuế khóa và tạp dịch.

Từ lúc thi hành phép bình lệ[1], thuế khóa và tạp dịch chuyên trách cứ nhân đinh phải chịu, phần nhiều đem việc gánh vác đổ dồn về một bên. Nên nay bàn định: Dùng khoa điều để phân phối cho đinh

---

[1] Thời đại phong kiến chia địa phương nhiều việc hoặc ít việc để bổ quan, họ định 4 tiêu chuẩn là: xung, phiền, bì, nan.

a. Xung : Địa phương gần kinh kỳ, nhiều việc sai phái;- Thuyền bè, xe cộ tụ họp, nhân vật phức tạp, thường sinh sự đánh nhau và trộm cắp;- ven biển, ven rừng, nhiều chỗ hiểm trở, trộm giặc thường lẩn lút cướp bóc của dân;- Địa giới tiếp giáp trấn khác hoặc bộ lạc người Man, trộm cướp bất thần vượt qua biên cảnh để quấy rối;- Địa phận có đường cái, nhiều cầu cống, thường phải chuyển đệ giấy tờ và tài sản công;- Địa phận có đê công, phải khẩn cầu để phòng trong khi mưa nhiều, nước lũ.

b. Phiền: Đất rộng người nhiều, việc binh lượng nhiều hơn hạt khác; phải khó nhọc về việc bắt bớ thúc giục;- Kiện tụng nhiều, phải bận rộn về việc tra hỏi về án từ.

c. Bì: Đất nhiều sỏi đất hoặc chua mặn, cày cấy tốn công, hoa lợi được ít;- Đất nhiều nơi khô rắn hoặc trũng thấp, động có mưa, nắng, hoa mầu đã bị tổn hại, do đấy mà thuế khóa khó thu được đầy đủ.

d. Nan: Dân nhiều người du thủ du thực, thường sinh trộm cướp;- Dân nhiều người điêu toa, lại dịch nhiều người giảo quyệt, xui nguyên giục bị, chia thành bè đảng, làm hại lẫn nhau, để đến nổi sinh nhiều án mạng;- Bọn hào cường tạ sư đục khoét, để đến nổi binh trốn, thuế thiếu, phải bận rộn về sự bắt bớ mà vẫn không được đủ ngạch.

Địa phương nào có cả bốn tiêu chuẩn kể trên, gọi là tốt yếu khuyết: có ba trong bốn tiêu chuẩn ấy gọi là yếu khuyết; có hai trong bốn tiêu chuẩn ấy gọi là trung khuyết; có một hoặc không có tiêu chuẩn nào gọi là giản khuyết (Đại nam hội điển sự lệ quyển XIII, tờ 7, 8).

[2] Tỉnh Thanh Hóa.

[3] Nay thuộc xã Phù Chẩn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

và điền cùng chịu. Phàm có công việc hoặc đóng góp, thì nhân đinh và điền mẫu mỗi bên đều phải chịu một phần, để cho việc thuế khóa và lực dịch được đều nhau.

Đinh Dậu, năm thứ 13 (1717). (Thanh, năm Khang Hy thứ 56).

Tháng 10, mùa đông. Biểu dương người đàn bà tiết nghĩa là Phan Thị.

Phan Thị, vợ bé Đinh Nho Hoàn. Nho Hoàn sang sứ Trung Quốc, bị chết ở dọc đường. Sau khi đem quan tài về chôn, Phan Thị tự thắt cổ để chết theo. Việc này tâu lên, triều đình sai quan cấp cho ruộng thờ tự, tặng phong á thận phu nhân, lập từ đường để thờ và ban cho biển vàng[2] đề hai chữ "tiết phụ" treo ở cửa nhà Phan Thị để biểu dương.

Lời chua - Phan Thị: Tên là Viên, người xã Do Lễ, huyện Hưng Nguyên[3].

Tháng 12. Định thể lệ hạn chế số người làm ở trường khai mỏ tại các trấn.

Lúc ấy, các mỏ vàng, bạc, đồng, thiếc ở các trấn phần nhiều mộ người nhà Thanh khai quật để lấy, phu mỏ quần tụ mỗi ngày một nhiều. Triều đình e rằng sẽ sinh sự biến động, bèn định thể lệ: số phu mỗi mỏ, nhiều nhất 300 người, thứ đến 200 người và ít là 100 người, không mỏ nào được dùng quá số đã định. Từ đấy, số phu làm ở trường xưởng khai mỏ mới có hạn chế.

Lời chua - Trường xưởng khai mỏ: "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Mối lợi trường xưởng khai mỏ phần nhiều ở các hạt Tuyên, Hưng, Thái, Lạng.

Tuyên Quang: Xưởng đồng Tụ Long, xưởng bạc Nam Xương là Long Sinh.

Hưng Hóa: Xưởng đồng Trình Lạn và Ngọc Uyển.

Thái Nguyên: Xưởng đồng Sàng Mộc, Yên Hân, Liêm Tuyền, Tống Tinh và Vụ Nông, xưởng vàng Kim Mã và Tam Lộng, xưởng chì Côn Minh.

Lạng Sơn: Xưởng đồng Hoài Viễn.

Nay xét: Các xưởng, đều từ năm Cảnh Hưng (1740-1746) trở về sau, vì nhân có việc gì đó mới ghi chép thành văn, ngoài ra còn nhiều xưởng bỏ sót.

Vậy hãy chép ra đây, sẽ khảo cứu sau.

Mậu Tuất, năm thứ 14 (1718). (Thanh, năm Khang Hy thứ 57).

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Năm ấy, nhà vua mới xin nhà Thanh phong tước:

Sứ bộ có: chánh sách, Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Công Hãng; phó sứ, Phụng Thiên phủ doãn Nguyễn Bá Tôn (Tông). Các viên quan kể trên sang nhà Thanh báo cáo việc Hy Tông mất và xin phong tước. Khi các viên quan ấy trở về, vua nhà Thanh chuẩn định: Cứ 6 năm hai lễ cống cùng dâng một lúc theo như thể lệ; nhân viên đi sứ, được cử 3 sứ thần và 20 hành nhân. Việc này định làm thể lệ lâu dài.

Lời cẩn án - Cáo phó lễ để trọng việc lâm chung của ông vua trước; cầu phong là để trọng việc bắt đầu lên ngôi của ông vua sau. Nghi lễ ban giao không còn việc gì trọng đại hơn việc ấy. Hy Tông mất đã 3 năm mới cáo phó, Dụ Tông lên ngôi 14 năm mới xin phong. Sao lại khinh thường quá như thế?

Lúc ấy, chính quyền do họ Trịnh giữ. Dụ Tông đã lên ngôi vua hàng năm sai sứ sang Trung Quốc vẫn xưng tên húy là Hy Tông, thế thì Dụ Tông dầu được lập làm vua cũng như chưa lập. Đến nay, Hy Tông mất đã đoạn tang rồi, bấy giờ mới nhân việc tuế cống mà cáo phó, mà cầu phong. Việc lớn về

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 29.

[2] Xem chú thích ở Chính biên quyển XIX, tờ 12.

[3] Tỉnh Nghệ An.

vua trước mất đi và vua sau lên ngôi còn làm lạo thạo như thế, thì các việc khác không cần nói đến làm gì.

Lời chua - Thể lệ 6 năm hai lễ cống cùng dâng một lúc: Xem Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 7 (Chb. XXXIII, 26).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Cương tự tiện đặt lục phiên.

Nguyên trước, phủ chúa Trịnh đặt 3 phiên là: Binh phiên, Hộ phiên và Thủy sư phiên. Đến nay đặt thêm lại phiên, Lễ phiên, Hình phiên, Công phiên cùng với Binh phiên, Hộ phiên đã đặt từ trước gọi là Lục phiên. Lại xếp các hiệu trưng thu chia làm lục cung, phàm sổ sách về thuế tô, thuế dung thuộc cung nào, thì các quan trong lục phiên theo chức phận của mình chia nhau quản lĩnh; chính lệnh về tài sản, thuế khóa và binh lính, dân đinh ở các trấn đều thuộc về lục cung. Trịnh Cương hạ lệnh cho quan văn thuộc phủ Chúa quản trị từng phiên, nội giám về liêu thuộc về hàng văn sung làm chức phó thiêm, trong lục phiên có 60 người lại điển thuộc hạ. Từ đây, chính quyền trong nước về hết lục phiên, mà lục bộ[1] và lục tự[2] chỉ đặt cho đủ vị mà thôi.

Lời chua - Lục cung: Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718) đặt lục cung.

1. Tả trung cung: có các hiệu tả giáp, tả ất.
2. Hữu trung cung: có các hiệu hữu giáp, hữu ất.
3. Đông cung: có các hiệu đông giáp, đông ất.
4. Nam cung: có các hiệu nam giáp, nam ất.
5. Đoài cung: có các hiệu đoài giáp, đoài ất.
6. Bắc cung: có các hiệu bắc giáp, bắc ất.

Thuế khóa ở bốn phương nộp vào, tùy theo nhiệm vụ của từng hiệu mà trưng thu hoặc cấp phát, của cải và thuế khóa không có việc gì liên quan đến bộ Hộ như trước nữa. Tình tệ này, đến lúc hết đời nhà Lê cũng không thể nào thay đổi được.

Định rõ lại thể lệ trình bày công việc của Hiến ty và Ngự sử đài.

Ty Hiến sát có trình bày việc gì hoặc đàn hặc tội lỗi người nào thì làm giấy niêm phong cẩn thận nộp lên quan ngự sử. Quan ngự sử có dâng phong sự[3], thì đệ nộp cả văn thư mà Hiến ty đã nộp ở đài để triều đình biết. Việc đệ nộp văn thư này mỗi năm hai kỳ vào mùa đông và mùa hạ. Duy việc ác đảng, việc bạn nghịch đương phát giác, không bắt buộc theo kỳ hạn nào.

Lời phê - Trình bày công việc mà cũng có kỳ hạn, thật đáng khinh bỉ.

Tháng 10, mùa đông. Định rõ lệnh cấm uống rượu.

Lúc ấy phong tục ở dân gian đắm đuối về chè rượu, họ thường giả thác vào lệ làng, quần tụ nhau uống rượu thả cửa, liên miên không có hạn độ nào. Vì thế mới định điều lệ ngăn cấm: Ở nhà tư, nếu có việc tế tự, việc vui mừng, việc ma chay; ở dân xã, nếu có việc tế thần cầu phước, dùng rượu điều có hạn định. Ngoài ra, người nào không có duyên cớ gì mà tụ hợp, hoặc ở làng chợ hợp nhau uống rượu, sẽ bắt giải lên quan trị tội, người đứng cáo tố sẽ được thưởng. Quan địa phương nếu không xem xét cấm ngăn sẽ bị luận vào tội theo tình riêng dung túng.

Kỷ Hợi, năm thứ 15 (1719). (Thanh, năm Khang Hy thứ 58).

Tháng 3, mùa xuân. Bãi bỏ công việc sửa chùa Phúc Long.

---

[1] Lại bộ, Hộ bộ, Lễ bộ, Binh bộ, Hình bộ và Công bộ.

[2] Đại lý tự, Thái thường tự, Quan lộc tự, Thái bộc tự, Hồng lô tự và Thượng bảo tự.

[3] Một danh từ để gọi những văn thư tấu sớ dâng lên triều đình, vì e có sự tiết lộ, nên khi dâng nộp, bỏ văn thư tấu sớ vào một cái bao rồi gói kín lại, gọi là phong sự.

Trịnh Cương bắt dân 3 huyện Gia Định, Lang Tài và Quế Dương sửa chùa Phúc Long từ năm Giáp Ngọ (1714) đến nay gồm 6 năm. Có người nói việc ấy làm nhọc công sức dân. Cương bèn bãi bỏ.

Lời chua - Chùa Phúc Long: Ở xã Lãng Ngâm, huyện Gia Định[1] do Trịnh Tráng làm từ năm Phúc Thái thứ 6 (1648) đời Lê Chân Tông. Khoảng năm Vĩnh Thịnh sửa lại. Nay chùa ấy đã bỏ, nhưng nền cũ vẫn còn. Chữ "Phúc" (phúc đức) long" có sách chép "Phúc" (bụng) long".

Gia Định: [2] Nay là Gia Bình, xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb. XXV, 21).

Lang Tài[3]: Tên huyện, thuộc phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 6).

Quế Dương[4]: Tên huyện, đặt từ đời nhà Lê, nay thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Định phép khảo công đối với viên quan ở trấn ty.

Trịnh Cương lấy cớ rằng, viên quan ở Trấn ty được giữ độc quyền khống chế địa điện trong một phương, khó có người làm xứng đáng được chức vụ. Cương muốn khảo xét tra cứu kỹ càng để thi hành việc giáng truất hoặc cất nhắc, bèn định ra 5 điều: 1. Cấm phòng chế ngự giặc cướp; 2. Khám xét tra hỏi bọn gian phi; 3. Sửa đắp đê điều đường sá; 4. Dò hỏi xem xét nơi quang ải; 5. Bắt lính. Mỗi năm cứ đến cuối năm thi hành việc khảo công. Ngự sử đài chia công trạng của Trấn ty ra 3 bậc: thượng trung và hạ, để tỏ rõ người hơn người kém.

Việc khảo công đối với các viên đề lãnh bốn cửa thành trong kinh kỳ cũng theo như thế.

Cương lại nhận thấy Cao Bằng là ngoại trấn, việc khảo công nên giản lược một chút, bèn định ra bốn điều: 1. Cấm phong; 2. Trạm đệ công văn; 3. Khám xét tra hỏi bọn gian phi; 4. Trưng thu thuế khóa. Cứ cuối năm khảo công cũng theo thể lệ khảo công viên quan ở Trấn ty.

Lời chua - Trấn ty: Tức đô ty các xứ, xem năm Vĩnh Thịnh thứ 8, tờ 12 trong cuốn này.

Đề lãnh: Viên quản giữ chức tuần phòng cảnh sát trong kinh thành, nhiệm vụ cũng như Trấn ty.

Ngày Ất Ty, tháng 7, mùa thu. Mặt trăng phạm vào sao Thái Bạch.

Tháng 11, mùa đông. Đo đạc ruộng ở dân gian.

Trịnh Cương hạ lệnh nói: "Thương dân thì cần phải thi hành nhân chính, muốn thi hành nhân chính thì cần phải chia đều thuế khóa và dao dịch. Chế độ cũ làm phiền nhiễu dân đinh về việc duyệt tuyển, triều trước rất chán nghét, nên mới lập ra phép "bình lệ": Số người đến tuổi ghi tên vào sổ cũng không tính, số người hao hụt đi cũng không miễn trừ. Phép ấy thi hành đến nay đã hơn 50 năm rồi. Trong thời gian ấy, số hộ khẩu ở dân hoặc thêm ra hoặc hụt đi không nhất định, mà nguyên ngạch vẫn theo như cũ, vì thế mà dân đinh phải gánh vác quá nặng, rồi dần dà đi đến lưu tán.

"Nhân đấy, đã họp bầy tôi trong triều bàn luận, tính kỹ phương pháp cứu vớt lấy dân. Mọi người đều nói: nay ruộng trong nước không kể ruộng công hay tư, đều thi hành việc khám xét đo đạc, rồi liệu lượng chia bổ ngạch thuế, để cho người giàu người nghèo giúp đỡ lẫn nhau, nặng nhẹ gánh vác đều với nhau, định làm phép tắc thường hành mãi mãi. Đấy đều là theo thời mà cứu chữa sự tệ hại, không phải là sinh ý thay đổi đâu".

---

[1] Nay là xã Lãng Ngâm, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[3] Nay là một phần của huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[4] Nay là một phần của huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Vì thế, Trịnh Cương hạ lệnh cho các viên phủ, huyện và hai ty Thừa chính, Hiến sát chia nhau đi đo đạc ruộng ở dân gian.

Lời chua - Chế độ cũ: Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), Lê Thái tổ hạ lệnh cho các phủ huyện làm sổ hộ và tuyển đinh tráng[1].

Năm Hồng Đức thứ nhất (1470), Thánh Tông định phép: 3 năm một lần làm sổ hộ, gọi là tiểu điền, 6 năm một lần gọi là đại điền, xã sở tại dựng trường duyệt tuyển, triều đình sai quan đến duyệt dân đinh, chia ra hạng tráng, hạng binh, hạng quân, hạng dân, hạng lão, hạng cố và hạng cùng, chọn lấy người mạnh khỏe sung vào quân ngũ[2].

Năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660). Thần Tông hạ chiếu làm sổ hộ: Dân đinh từ 10 tuổi trở lên, tính theo từng hộ ghi tên vào sổ[3].

Năm Cảnh Trị thứ 2 (1664), triều Huyền Tông, tham tụng Phạm Công Trứ kiến nghị: Xin hạ lệnh làm sổ hộ, đến năm thứ 7, phép bình lệ hoàn thành[4].

Tháng 12. Sứ thần sang nước ta,

Nhà Thanh sai Nội các điển bạ Đặng Đình Triết và Hàn lâm viện biên tu Thành Văn sang sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương, ban cho phẩm phục nhất phẩm và dụ bảo việc ban phẩm vật tế Hy Tông.

Lúc bọn Đình Triết mới đến, yêu cầu khi nhận sách phong nhà vua làm lễ 3 lần quỳ 9 lần vái (tam quỳ, cửu khấu lễ), nhưng triều đình lấy lễ rằng theo lễ nghi trong nước, làm lễ 5 lạy 3 vái (ngũ bái, tam khấu). Việc này tranh luận ba bốn lần. Đình Triết mới miễn cưỡng nghe theo. Triều đình lại tiễn chân trọng hậu bằng bạc lạng, sứ bộ đều không nhận. Khi Đình Triết về Trung Quốc, nói nước ta cảnh thổ bình yên, lễ độ đáng để cho người ngoài quan chiêm. Vua nhà Thanh lấy làm khen ngợi. Đến khi bọn tả thị lang Hồ Phi Tích sang tạ ơn, vua nhà Thanh ban cho có phần hậu hơn lần trước.

Canh Tý, năm Bảo Thái thứ nhất (1720). (Thanh, năm Khang Hy thứ 59).

Tháng 4, mùa hạ. Khảo xét công trạng 10 năm của các quan văn, quan võ.

Bọn Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn, Lê [Thì] Liêu và Đặng Đình Lân gồm 14 người dự hạng thượng khảo, được thăng thưởng cao thấp khác nhau.

Lời chua - Đình Lân: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức.

Tháng 5. Trịnh Cương tự gia phong là đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư thượng phụ, Uy nhân minh công thánh đức An vương.

Trịnh Cương phong cho con là Giang làm thế tử.

Lời chua - Chữ "Giang": Lê sử tục biên chép "Khương". Nay tham khảo Ngọc phả triều cố Lê và các sách khác, đổi là "Giang". Từ đây trở xuống cũng chép là "Giang" cả.

Khôi phục quan chế đời Hồng Đức.

Quan chế đời Hồng Đức, cấp bậc rõ ràng, sau khi trung hưng phần nhiều có thay đổi. Đến nay, hạ lệnh: Phàm cất nhắc trao chức cho các quan, nhất luật theo quan chế đời Hồng Đức. Duy chức trọng yếu trong hàng đại thần được gia phong thì không câu nệ.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XV, tờ 13.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XIX, tờ 29.

[3] Xem thêm Chính biên quyển XXXII, tờ 23.

[4] Xem thêm Chính biên quyển XXXII, tờ 29.

Lời cẩn án - Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép: "Quan chế đời Hồng Đức: Đặt thái sư, thái úy, thái phó, thái bảo, và thiếu sư, thiếu úy, thiếu bảo làm chức trọng yếu trong hàng đại thần. Còn văn ban từ chánh nhất phẩm đến cửu phẩm, võ ban từ chánh nhất phẩm đến tùng lục phẩm, thì cứ theo thứ tự mà thăng dần.

Sau khi trung hưng, đặt đại tư đồ, đại tư mã, đại tư không, và tam thái, tam thiếu[1], làm chức trọng yếu trong hàng đại thần được gia phong. Còn văn ban: thì phó đô (ngự sử) đứng dưới tả thị lang; thừa chỉ, Đông các đại học sĩ, tế tửu, thiêm đô (ngự sử) và thị độc đứng dưới hữu thị lang; võ ban, thì đô chỉ huy sứ, đồng tri và thiêm sự là phẩm trật thấp nhất. Đại khái quan chế đời trung hưng không giống với quan chế đã xếp đặt từ đời Hồng Đức. Đến năm Bảo Thái thứ nhất (1720), khôi phục quan chế cũ, về cấp bậc, phẩm trật, cất nhắc, trao chức nhất luật theo quan chế đời Hồng Đức. Duy các chức trọng yếu trong hàng đại thần được gia phong thì theo thể lệ đời trung hưng".

Nay xét quan chế đời Hồng Đức[2]: Chánh nhất phẩm: Thái sư, thái úy, thái phó, thái bảo, đấy là các chức trọng yếu trong hàng đại thần, các chức ấy đều là hàng văn hay hàng võ cũng đều theo như thế. Các chức dưới sắp xết như thế này:

Về hàng văn: Tòng nhất phẩm, thái tử tam thái[3] và thái tử thái úy; Chánh nhị: tam thiếu và thiếu úy; tòng nhị: thượng thư sáu bộ; Chánh tam: đô ngự sử đài; Tòng tam: tả thị lang, hữu thị lang và thừa chính sứ; Chánh tứ: thừa chỉ và phó đô ngự sử; Tòng tứ: Đông các đại học sĩ, Quốc tử giám tế tửu; Chánh ngũ: thị độc, thiêm đô ngự sử, dưới nữa đến cửa phẩm; là các chức huấn đạo, chủ bạ và xiển giáo trong ty tăng lục hoặc đạo lục...

Về hàng võ: Tòng nhất phẩm: tả đô đốc, hữu đô đốc; chánh nhị: đô hiệu điểm, đô đốc đồng tri; Tòng nhị: tả hiệu điểm, hữu hiệu điểm và tham đốc; Chánh tam: đô chỉ huy sứ, đô tổng binh sứ; Tòng tam: chỉ huy đồng tri, chỉ huy sứ; dưới nữa đến nhất phẩm: là các chức phó đô úy, phó vệ úy...

Quan chế đời Hồng Đức như đã trình bày ở trên, phẩm trật cấp bậc rõ ràng, thuyên chuyển cất nhắc có thứ tự. Còn như quan chế đời Bảo Chế, đầu nói rằng nhất luật theo đời Hồng Đức, nhưng lúc ấy quyền bính về phủ chúa Trịnh, danh nghĩa chức phận đã không phân minh, thì cấp bậc trật tự còn làm thế nào mà nhất định được? ví dụ: Gia phong quan tước cho các chức trọng yếu đã không phù hợp với quan chế sắp xếp dưới đời Hồng Đức, trong quan chức đời Bảo Thái ấy, về văn giai có: tham tụng, bồi tụng và tri phiên, phó thiêm ở sáu phiên, về võ giai có: đô tướng, phó đô tướng, thự phủ, quyền phủ, quan ngoài các trấn có: đốc suất, đốc đồng, tổng phủ, lưu thủ, không thể nói hết được. Danh hiệu các chức đặt thêm ra hơn trước khá nhiều. Còn như nói rằng: "nhất luật theo quan chế đời Hồng Đức" chẳng qua chỉ nói đại khái về cấp bậc, phẩm trật thuyên chuyển cất nhắc mà thôi.

Bổ dụng: Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Công Cơ và Lê Anh Tuấn cùng giữ chức tham tụng.

Từ lúc trung hưng trở về sau, các công việc phần nhiều cẩu thả đơn giản. Công Hãng giữ chính quyền, bàn định muốn thay đổi hết thảy. Trịnh Cương càng đem lòng ủy thác tin dùng.

---

[1] Trên chép: Thái sư, thái úy, thái phó, thái bảo, và thiếu sư, thiếu úy, thiếu phó, thiếu bảo, thế là bốn chức "thái" và 4 chức "thiếu", ở đây lại chép "tam thái, tam thiếu". Vậy còn một chức nào đó trong các chức kể trên không liệt vào danh từ "tam thái, tam miếu". Theo sự nghiên cứu của chúng tôi, thì đời cổ Trung Quốc: Thái sư, thái phó, thái bảo gọi là "tam công", thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo gọi là "tam cô". Triều Lê không dùng danh từ "tam công, tam cô" mà gọi là "tam thái, tam thiếu". Lại phần dưới (tờ 29) trong lời cẩn án này chép: "thái tử tam thái, và thái tử thái úy, tam thiếu và thiếu úy". Như vậy, đủ rõ thái úy không đúng trong "tam thái" và thiếu úy không đúng trong "tam thiếu".

[2] Xem thêm Chính biên quyển XXII, tờ 15, 24 về quan chế đời Hồng Đức.

[3] Tức thái tử, thái sư thái phó, thái tử thái bảo.

Một đêm, giọt nước đồng hồ[1] mới bắt đầu trống canh năm[2], Cương sai nội giám[3] triệu Công Hãng và Anh Tuấn vào trong phủ bàn định công việc. Lúc ấy hai người này còn ngũ chưa dậy, Cương ngồi để đợi. Khi bọn Công Hãng vào, Cương cười nói: "Vừa rồi ta cảnh giác trong giấc ngũ, từ đời xưa có bao giờ như thế không". Bọn Công Hãng tạ lỗi nói: "Chúa thương lo nghĩ siêng năng mọi việc, tài trí chúng tôi kém cỏi tầm thường không có thể theo kịp được. Đến như việc giục giả răn bảo bầy tôi, cảnh giác trong lúc đêm khuya, thì việc này từ đời trước đến nay chưa bao giờ có". Cương bèn bảo hai người ngồi, cho uống nước trà, ung dung hỏi han mọi việc, ngày đã muộn hai người mới ra về.

Định nghi thức về áo mặc.

Trước đây, quan lại, quân và dân, đồ mặc thường thông dụng thanh cát y[4], đội khăn chữ đinh[5]. Đến nay, tham tụng Nguyễn Công Hãng bàn thay đổi lại: Phàm ngày thường vào triều vua, vào hầu chúa và người chấp sự thừa hành lễ nghi, áo mặc đều có thể thức, không ai được dùng vượt quá cấp bậc.

Nhân đấy, Công Hãng cùng chưởng phủ Trịnh Quán xin Cương khi tiếp kiến bầy tôi nên mặc áo sắc vàng. Cương bảo bọn này: "Ta nối giữ cơ nghiệp chúa, giúp rập nhà vua. Về sự tôn kính nhà vua, ta luôn luôn để trong bụng. Sắc vàng là đồ mặc của thiên tử, ta đâu dám dùng. Nay phủ liêu từ quan tứ phẩm trở lên dùng áo sa hoặc đoạn, thì về phần ta chỉ nên dùng sắc tía để phân biệt mà thôi.

> **Lời phê** - Gọi Trịnh Cương bằng "chúa thượng", xin Trịnh Cương mặc áo sắc vàng, thì Công Hãng là tên phạm tội đầu sỏ. Còn như Cương cũng theo thói cũ xưng là "sư phụ" mà còn nhúng nhường không mặc áo sắc vàng. Cái cách giả trá khéo léo của Cương cũng giống hết như Tào Tháo nhường trả ba huyện[6]. Cương toan lừa dối ai?
>
> **Lời chua** - Áo mặc: Lê sử tục biên chua: Hoàng thân và vương thân, áo mặc: mùa xuân, mùa hạ mặc sa tàu, mùa thu, mùa đông mặc đoạn tàu, đều màu trầm hương. Khăn, mùa xuân, mùa hạ dùng mã vĩ, mùa thu, mùa đông mặc đoạn huyền.
>
> Quan văn, quan võ từ nhất phẩm đến tam phẩm, áo mặc: mùa xuân, mùa hạ dùng sa tầu, mùa thu, mùa đông dùng đoạn tầu, đều màu huyền. Khăn: quan viên dùng khăn nhiều trao (trùng diệp), quan võ dùng khăn một trao (đơn diệp). Áo và khăn của quan tứ phẩm cũng như thế, duy dùng sa và đoạn nam.
>
> Nội giám, khăn: dùng bình đính, sau đổi làm lục lăng.
>
> Các quan văn, võ và nội giám, phàm viên nào chấp sự thì khi hành lễ và khi làm việc đều dùng áo thanh cát, mũ sa đen. Vào hầu phủ chúa Trịnh cũng thế.

Ân xá.

Lúc ấy có tai biến về các vì sao, Tư thiên giám xin đổi niên hiệu. Triều đình bèn lấy tháng 8 năm ấy làm năm Bảo Thái thứ nhất, xá hai phần mười thuế vụ hạ năm nay; quan viên nếu có ai vô ý sai lầm phạm lỗi hoặc bị oan uổng chìm đắm, đều được cất nhắc bổ dụng.

Mồng một, tháng 7, mùa thu. Nhật thực.

---

[1] Đời cổ chia một ngày một đêm ra 100 khắc. Muốn biết thì giờ, họ dùng một cái hồ bằng đồng, đáy hồ khoan một lỗ nhỏ, giữa hồ đựng một cái cây nhỏ có ghi 100 khắc để làm tiêu chí. Đem nước đổ đầy vào hồ, nước trong hồ sẽ theo lỗ nhỏ mà rỏ dần đi từng giọt, nước rỏ bớt dần đi, thì số ghi ở cái cây dựng giữa cái hồ cũng lộ dần ra. Trông vào số ghi đã lộ ra ấy sẽ biết lúc ấy là giờ gì (tý hay sửu...).

[2] Phỏng vào quãng cuối 3 giờ.

[3] Tức hoạn quan.

[4] Xem lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXII, tờ 37.

[5] Xem lời chua của Cương mục, Chính biên quyển VIII, tờ 38.

[6] Một nhân vật nổi tiếng thời Tam quốc. Tháo làm thừa tướng nhà Hán, nhưng choán hết quyền bính và uy hiếp Hán đế. Tháo được ăn lộc bốn vạn hộ của bốn huyện. Tháo nói: "Tôi không có tài đức gì xứng đáng với bổng lộc đã được phong, xin trả lại ba huyện". (Thông giám tập lãm quyển XXVII, tờ 8).

Định ân lộc cho các quan văn, quan võ nghĩ việc quan về nhà.

Bàn định: các quan văn, quan võ vào hạng triều ban và nội giám, người nào được nghĩ việc, quan về nhà, sẽ cấp cho dân lộc có người nhiều người ít khác nhau.

Lời chua - Ân lộc: Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép: "Thể lệ cấp ấn lộc cho các quan nghĩ việc về nhà. Sử cũ không chép. Đầu năm Bảo Thái mới định thể lệ huệ dưỡng: Nhất phẩm trở lên, dân lộc 4,5 xã, sử tiền 400 quan, nhị phẩm 2,3 xã, sử tiền 300 quan hoặc 250 quan; tam phẩm 1,2 xả, sử tiền 200 quan hoặc 150 quan; tứ phẩm 1 xã, sử tiền 150 quan, ngũ phẩm một xã, sử tiền 100 quan (quan văn quan võ cùng như nhau).

Sử tiền: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XXI,2).

Tháng 8. Ban bố giáo điều cho trong kinh và ngoài các trấn.

Đại lược giáo điều nói: "Học trò siêng năng về nghề nghiệp, học hành, trước hết giảng giải cho sáng tỏ những điều lễ, nghĩa, trung, tín. Làm người phải giữ vững luân thường, người đồng tông một họ hoặc người tình thân bên họ ngoại không được kết hôn lẫn lộn với nhau. Quan và dân lễ nghi cách biệt không được ngạo mạn khinh nhờn. Đồ mặc đồ dùng ở dân gian không nên lấn vượt. Chớ quen với tập tục xấu mà đua nhau phao phí về cỗ bàn. Chớ mê hoặc dị đoan mà theo nhau chơi bời trễ biếng. Việc lễ bái cầu đảo phải có tiết độ theo mức trung bình, để tỏ phong tục sẻn nhặt. Gặp nhà có tang phải thương xót lẫn nhau, làm cho phong hoá của dân ngày một thuần hậu". Giáo điều ban bố gồm 10 điều.

Lời phê - Vẫn làm văn từ hão huyền.

Tháng 10, mùa đông. Bắt đầu phát đầu bài thi hương cho bốn trấn. Thêm ngạch lấy đỗ cho trường thi Sơn Nam.

Theo chế độ cũ, trường thi hương ở các trấn đều do quan trường ra đầu bài. Nay Trịnh Cương lấy cớ rằng việc quyết định khoa danh của học trò là ở hai kỳ đệ tam và đệ tứ, bèn hạ lệnh cho bầy tôi có văn học nghĩa soạn đầu bài thi ở trong phủ, rồi cho chạy trạm phân phát cho các trường. Còn hai trường thi Thanh, và Nghệ vì địa thế xa, nên vẫn theo chế độ cũ. Cương lại nhận thấy trường Sơn Nam số học trò đi thi so với khoa trước bội hơn, nên cho thêm ngạch lấy đỗ: Hương cống trước 60 người nay thêm 20 người nữa, sinh đỗ trước 600 người, nay thêm 200 người nữa. Việc này định thành thể lệ.

Tháng 11. Bắt đầu đánh thuế đồng và vỏ quế.

Trước đây, các sản vật: vỏ quế, muối và đồng, dân gian không được phép bán riêng. Năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) đình hoãn lệnh cấm này, đến năm thứ 13 (1717) lại hạ lệnh: Đồng đỏ không được bán ra nước ngoài, nay bọn tham tụng Nguyễn Công Hãng kiến nghị: đồng và quế là sản vật của nhà nước, trước đây cho phép dân được mua bán riêng, như thế thì mối lợi về cả người buôn bán, mà không giúp ích cho việc tiêu dùng chung. Vì thế, mới định phép đánh thuế: Triều đình cử viên quan trông coi việc này, phàm người nào buôn đồng hoặc bóc vỏ quế, khi đi khi về đều phải có giấy tờ khám nghiệm để làm bằng chứng. Nếu trao đổi cho khách buôn nước ngoài, phải đợi lệnh chỉ của chúa mới được cấp phát giấy tờ; nếu mua bán ở trong nước, thì xin giấy viên giám đương[1] cấp phát để làm bằng chứng. Cấm vận chở lén lút hoặc làm sự vụng trộm.

Tân Sửu, năm thứ 2 (1721). (Thanh, năm Khang Hy thứ 60).

Tháng giêng, mùa xuân. Bãi bỏ hình luật chặt ngón tay.

Theo luật quốc triều (triều Lê), pháp luật thường hành có 5 hình danh. Gần đây hình phạt chặt ngón tay, dùng phép quá nặng. Bèn hạ lệnh: Những phạm nhân bị luận vào tội chặt ngón tay rồi đày (lưu) đi một nơi, nay đều giảm xuống làm tội đồ cư tác[2], niên hạn định theo tội phạm nặng hay nhẹ: phạm nhân phải luận vào tội chặt hai tay và lưu đi Viễn Châu, nay đổi làm tội đồ cư tác chung thân;

---

[1] Một danh từ để gọi chức quan đặt tạm thời. Ở đây chỉ viên quan giữ việc trông coi, về đồng và quế (Xem thêm lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXVII, tờ 27).

[2] Phạm nhân bị giữ ở chỗ bị đày theo thời hạn đã định trong án văn và phải làm mọi việc nặng nhọc.

phạm nhân phải luận vào tội chặt một tay và lưu đi ngoại châu, nay đổi làm tội đồ cư tác 12 năm; phạm nhân phải luận vào tội chặt 2 ngón tay và lưu đi cận châu, nay đổi làm tội đồ cư tác 6 năm. Những người phạm tội trộm, cướp không theo thể lệ này.

Lời chua - Năm hình danh (ngũ hình): "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép về danh lệ hình pháp triều cố Lê:

- Tội đánh bằng roi có 5 bậc: từ 10 roi đến 50 roi.

- Tội đánh bằng trượng có 5 bậc: từ 60 trượng đến 100 trượng.

- Tội đồ có 3 bậc: đồ làm người phục dịch công việc nặng nhọc (đồ dịch đinh), đồ làm lính chăn voi, đồ làm lính đồn điền.

- Tội lưu có 3 bậc: lưu đi cận châu, lưu đi ngoại châu, lưu đi viễn châu[1].

- Tội xử tử có 3 bậc: xử bằng thắt cổ hoặc chém đầu, xử bằng bêu đầu, xử bằng tùng xẻo (lăng, trì).

Năm hình danh đều dựa theo hình luật triều Minh, triều Thanh (Trung Quốc) rồi châm chước để thi hành.

Tháng 5, mùa hạ. Động đất.

Không mưa.

Đã lâu không mưa, giá gạo cao vọt, bèn hạ lệnh cho quan và dân: người nào nộp tiền hoặc thóc sẽ được thăng bổ quan chức, để lấy tiền thóc phát chẩn cho dân.

Lúc ấy dân trong kinh kỳ dùng lời đồn phao làm cho nhau ghi ngờ sợ hãi, họ tranh nhau vận chuyển của cải, dắt díu gia quyến về làng, người trước người sau lũ lượt kéo ra cửa thành. Triều đình phải hạ lệnh cho viên đề lãnh cấm tráp nghiêm ngặt, mãi sau mới yên được.

Tháng 8, mùa thu. Định phép học võ và thi võ.

Lúc ấy, nhân thái bình đã lâu, việc binh bị có phần biếng nhác. Triều đình bèn sắp xếp nơi học tập việc võ, đặt chức giáo thụ để dạy bảo. Con cháu công thần và con cháu bầy tôi đều cho vào nhà võ học, để học tập chiến lược trong Võ Kinh và các môn võ nghệ. Hàng tháng thi tiểu tập, bốn tháng trọng[2], thi đại tập; mùa xuân mùa thu tập môn võ nghệ, mùa đông, mùa hạ giảng bàn Võ Kinh. Viên giáo thụ đề cử người nào trúng tuyển sẽ được bổ dụng. Lại chuẩn định 3 năm một lần thi võ, phàm dân đinh ai có tài trí hơn người cũng được dự thi. Phép thi: trước hết hỏi sơ lược về đại nghĩa trong sách Tôn tử[3], người nào thông hiểu nghĩa sách sẽ được vào thi khảo về võ nghệ: 1. Cưỡi ngựa múa đâu mâu; 2. Đấu kiếm, lân khiên; 3. Múa siêu đao; kỳ trót thi về phương pháp mưu mẹo việc binh. Ai trúng cách sẽ được dẫn vào sân phủ chúa thi phúc hạch, rồi tùy tài cao thấp theo thứ tự bổ dụng.

Định rõ quy chế việc học và phép thi khảo.

Trường Quốc học: dùng tế tửu và tư nghiệp giữ chức quan giảng dạy. Con cháu các côn thần văn, võ đều được vào học cùng với các học trò khác. Mỗi tháng có một kỳ tiểu tập, thi khảo học trò đã được vào học, việc này do giáo thụ và học chính quản lĩnh; bốn tháng trọng có một kỳ đại tập, thi khảo có học sinh và hương cống, việc này do viên quan ở Quốc tử giám chịu trách nhiệm. Người nào thi bốn kỳ[4] đều trúng tuyển, thì viên quan ở Quốc tử giám đứng bảo cử, bộ Lại sẽ theo thứ tự cất nhắc bổ dụng.

---

[1] Xem thêm lời chua cận châu, viễn châu và ngoại châu, Chính biên quyển XV, tờ 10.

[2] Tháng 2: trọng xuân; tháng 5: trọng hạ; tháng 8: trọng thu; tháng 11: trọng đông.

[3] Một bộ sách gồm 13 thiên do Tôn Võ người thời Xuân Thu biên soạn.

[4] Chữ này Cương mục in lầm: "nội khóa" đúng ra phải là "tứ khóa" nghĩa là bốn kỳ thi: trọng xuân, trọng hạ, trọng thu và trọng đông.

Trường hương học: Viên hiệu quan[1] chuyên giữ việc dạy bảo sinh đồ và đồng sinh[2] có tài trí trong phủ mình. Mỗi năm, hai kỳ thi khảo. Người nào trúng 8 kỳ thi khảo, nếu người ấy là sinh đồ sẽ được miễn các kỳ thi khảo hằng năm, nếu là đồng sinh sẽ được đi thi hương: huyện lớn 200 người, huyện vừa 150 người, huyện nhỏ 100 người, trước hết do viên huyện phúc khảo, chọn lấy người trội nhất gọi là "toát vưu", sau do viên phủ và hai ty Thừa chính Hiến sát phúc khảo lại để định từng hạng: người nào nghĩa lý về văn bài có phần trội hơn gọi là hạng "sảo thông", người nào có phần kém một chút gọi là hạng "thứ thông". Sau khi đã chia từng hạng rồi, nếu có người nào chưa vừa ý, được phép tự mình khiếu tố so sánh, để ấn định người hơn, người kém.

Lời chua - Viên quan ở Quốc tử giám: Xem Lê Hi Tông năm Chính Hòa thứ 4 (Chb. XXXIV, 32).

Tháng 10, mùa đông. Bàn định phép thuế khóa và lực dịch.

Trịnh Cương hạ lệnh cho bọn chấp chính[3] bàn định về thuế khóa và lực dịch. Cương nói: "Ta thấy chế độ các đời trước thu lấy của cải của ở dân thường không giống nhau, nhưng chỉ có ba thứ thuế: tô dung và điệu[4] là đúng hơn cả. Nay về tô ruộng và sổ đinh hương bàn luận để định cách thay đổi, thì về phần thuế điệu dịch cũng nên thương lượng để thi hành một thể. Ngoài ba thứ thuế ấy ra, những dao dịch khác và thuế khóa vụng vặt, nhất luật đều ngừng lại hoặc bớt đi. Đời cổ, định sự chi dùng trong nước, thì cân nhắc số thu vào để trù tính số thi chi ra, nhưng bây giờ nên trước hết tính số chi ra, rồi sau sẽ định số cho dân phải nộp. Các ông đều nên suy xét cho chín rồi trình bày từng đều mục, để theo thứ tự thi hành".

Lời phê - Chỉ nghe thấy nói, chưa thấy thực hành.

Giảm bớt các quan trong hai ty Thừa chính, Hiến sát và phủ huyện ở các trấn ngoài biên giới.

Trịnh Cương hạ lệnh nói: Nhà Đường, Nhà Ngu, ngoài số quan ở chín châu[5], chỉ đặt 5 viên quan trưởng; nhà Thành Chu, viên quan giữ cương vực đều đặt một chức giám. Như vậy đủ biết, muốn cho công việc được chỉnh đốn, không phải ở chỗ đặt nhiều chức quan.

Nay dân ở biên giới bị phiêu tán, làng xóm tiêu điều, nếu không giảm bớt số viên chức đi, thì cung cấp về bổng lộc, sự phiền nhiễu về đưa đón làm thế nào cho đủ được? Vậy các quan trong hai ty Thừa chính, Hiến sát phủ huyện ở các trấn Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Lạng Sơn đều tạm bớt đi, công việc của các viên quan ấy giao cả cho ty Trấn thủ nhận giữ. Duy hai ty Thừa chính, Hiến sát và phủ Phú Bình cùng 7 huyện Tư Nông, Động Hỷ, Bình Tuyền, Phổ Yên, Phú Lương, Đại Từ, Văn Lãng thuộc Thái Nguyên, địa thế liền với trấn[6] không thể ví như nơi biên viễn khác được, viên chức ở các nơi ấy vẫn phải đến lỵ sở giữ chức phận như cũ. Ngoài ra, châu Vũ Nhai, huyện Đinh Hóa thuộc phủ Phú Bình, và phủ Thông Hóa, huyện Cảm Hóa, châu Bạch Thông đều là những địa điểm ở xa, khí hậu phần nhiều lam chướng, đều theo lệnh đình bãi.

Lời chua - Năm viên quan trưởng: Thiên "Ích tắc" trong sách Thượng thư chép: "Chín châu, mỗi châu có 12 viên quan đứng đầu các nước chư hầu[7], ngoài ra bốn mặt của chín châu liền với bốn biển, đều đặt 5 quan trưởng".

---

[1] Xem lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXIV, tờ 8.

[2] Người học trò nào được đi thi hương, mà chưa vào học ở trường hương học, gọi chung là đồng sinh.

[3] Một danh từ để gọi các viên quan quyền cao chức trọng, đời phong kiến như tể tướng, thừa tướng... viên quan này có nhiệm vụ bàn định thi hành mọi việc chính trị trong nước, nên gọi là chấp chính. Ở đây chỉ phủ liêu trong phủ chúa Trịnh.

[4] Xem thêm Chính biên quyển XXXVI, tờ 10, 11, về phần mục có giải nghĩa 3 thứ thuế tô, dung và điệu của Trịnh Cương.

[5] Theo truyền thuyết: Đường Nghiêu (2357 tr. CN), Ngu Thuấn (2255-2208 tr. CN) hai ông vua đời thượng cổ Trung Quốc, lúc ấy chia trong nước làm chín châu là: Ký, Duyện, Thanh, Từ, Ứng, Dự, Lương, Kính , Dương.

[6] Tức bốn trấn giáp kinh kỳ Thăng Long. Lúc này vị trí Thái Nguyên giáp trấn Kinh Bắc và Sơn Tây.

[7] Nguyên văn chép: "Châu thập hữu nhị sư". Câu này có 2 giải nghĩa:

Để làm sáng tỏ đoạn văn đã dẫn ở trên, "Tập truyên" họ Thái[1] giải nghĩa như thế này: "Bên ngoài chín châu liền với bốn biển, mỗi phương đều đặt năm người để làm chức quan trưởng".

Một chức giám: Sách Chu Lễ chép về chức phận quan đại tư mã: "Đặt quan mục, lập quan giám, để trông nom giữ gìn công việc trong nước".

Để làm sáng tỏ thế nào là chức quan giám, Lâm Thị Y[2] giải nghĩa: "Giám là viên quan trưởng trong một thuộc, hoặc viên quan súy trong một liên".

Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc.

Cao Bằng: Nguyên trước thuộc Ninh Sóc.

Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Lạng Sơn: đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30-32, 35).

Phủ Phú Bình:[3] đặt từ triều Lê.

Tư Nông, Đại Từ[4]: Nguyên đặt từ hồi thuộc Minh, triều Lê vẫn theo như thế.

Động Hỷ: [5] Hồi đầu triều Lê gọi là Đồng Hỷ, sau đổi là Động Hỷ.

Bình Tuyền: [6] Nhà Minh gọi Bình Nguyên; nhà Lê đổi Bình Tuyền; bây giờ là Bình Xuyên.

Phổ Yên:[7] Xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 17 (Chb. XXX, 6).

Phú Lương:[8] Nhà Lý gọi là phủ Phú Lương; thuộc Minh gọi là huyện; nhà Lê vẫn theo như thế.

Văn Lãng[9]: Đặt từ triều Lê.

Vũ Nhai[10]: Tức Vạn Nhai, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

- Theo Khổng Dĩnh Đạt, thì 2.500 người là một sư, mỗi châu 12 sư, tức 3 vạn người, số người này dùng vào việc trị thủy của vua Hạ Vũ.

- Theo Trịnh Huyền, thì cứ một năm nước có một chức sư. Sư là chức quan đứng đầu các nước chư hầu, để giúp vua Nghêu cai trị thiên hạ.

Ở đây Trịnh Cương hạ lệnh giảm bớt quan chức, mà lời chua của Cương mục dẫn câu này để giải nghĩa, thì Cương mục cũng theo như thuyết của Trịnh Huyền. Vì thế chúng tôi dịch là "mỗi câu có 12 chức sư đứng đầu các nước chư hầu" cho hợp với nghĩa của Cương mục.

[1] Tức Thái Trừng cũng gọi là Thái Trầm, học trò Chu Hy, Thái là một nhà đạo học đời Tống làm "tập truyện" sách Thượng thư.

[2] Chưa khảo cứu được tiểu sử.

[3] Nay gồm các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, phổ Yên (Thái Nguyên) và một phần huyện Tam Đảo (Vĩnh Phúc).

[4] Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

[5] Nt.

[6] Nay là một phần huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

[7] Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

[8] Nt.

[9] Nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

[10] Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Định Hóa:[1] Thuộc Minh là tỉnh Tuyên Hóa, hồi đầu triều Lê là châu Tuyên Hóa, sau đổi Đinh Hóa; bây giờ là Định Châu.

Phủ Thông Hóa:[2] đặt từ triều Lê.

Huyện Cảm Hóa:[3] Nguyên đặt từ hồi thuộc Minh; nhà Lê vẫn theo như thế.

Châu Bạch Thông:[4] tức Vĩnh Thông.

Định Hóa, Bạch Thông và Cảm Hóa: Đều xem Lý Thái Tông, năm Thiên cảm thánh vũ thứ nhất (Chb. III, 11).

Bắt đâu bổ dụng bồi tụng Đinh Phụ Ích giữ chức đốc trấn Lạng Sơn.

Trước đây, viên quan ở Trấn ty các xứ, chuyên bổ dụng quan võ. Đến nay bổ dụng Phu Ích làm đốc trấn. Quan văn giữ chức đốc trấn bắc đầu từ đây.

Tháng 12. Định rõ lại ngạch lính.

Trịnh Cương hạ lệnh nói: Triều ta lúc bắt đầu mở nước, sắp xếp ngạch lính, đặt từng vệ, từng sở, lựa chọn dân đinh để bổ sung vào quân ngũ. Từ lúc trung hưng, dùng binh lính Thanh Nghệ diệt hết giặc Mạc, khôi phục được đất nước, rồi giữ luôn binh lính ấy đóng ở kinh đô để đủ số lính chờ chực và bảo vệ hoàng thành; còn binh lính ở bốn trấn, chỉ giữ có ngạch không, lúc có việc mới bắt tụ hợp để phân phối, xong việc lại cho trở về làm ruộng. Mới đây, vì luôn mấy năm bị kém đói, số đinh giảm sút, quan trên phải hàng ngày truy tầm bắt lính, dân gian phải khổ sở về việc thay thế. Nay muốn khôi phục chế độ xưa, theo như quy chế đã sẵn có, châm chước thêm bớt cho được công bằng, cốt làm cho dân hai xứ được yên vui về việc đỡ phải gánh vác binh lính, mà dân bốn trấn cùng theo một sự điều khiển như thân người sai khiến cánh tay. Muốn như thế, thì ngay bây giờ phải định thể lệ, rồi theo thứ tự mà thi hành: ở hai xứ, nơi nào phải chịu lính quá nặng nay được giảm bớt đi; ở bốn trấn, nơi nào có ruộng công nay phải tuyển tráng đinh sung vào đội ngũ, cấp ruộng công cho họ để làm lương ăn, nơi nào không có ruộng công thì châm chước theo với ngạch cũ, mà liệu lượng cho về làm ruộng.

Trịnh Cương bèn rạ lệnh: Tuyển lính ở bốn trấn, cứ 5 suất đinh lấy một người, ghi tên lệ thuộc vào số quân. Cương lại nhận thấy trước kia tuyển lính ở Thanh Nghệ cứ 3 suất đinh lấy một tên lính, nay hạ lệnh cho quan địa phương tra xét số hộ, số khẩu nơi nào tăng lên, nơi nào sút kém, chia ra từng hạng, khi tuyển lính đều được theo điển lệ khoan hồng, định lệ 5 suất đinh lấy một người lính. Những lính được dẫn tuyển phải kén người mạnh khỏe và là nhà vật lực.

Lời cẩn án - Binh lính cần dùng để bảo vệ nước, trong nước, không thể một ngày mà không có binh lính được, chỉ cốt người trên xếp đặt cho có phương pháp, quản trị cho được đúng đường lối mà thôi. Chế độ "lương quân" triều nhà Hán[5], chế độ "phủ vệ" triều nhà Đường[6] đều là làm cho quân trong kinh sư, quân ngoài biên trấn liên hệ với nhau, người mạnh, người yếu chống đỡ lẫn cho nhau, mà không xảy ra mối lo nặng nhẹ thiên lệch. Triều Hậu Lê chuyên lấy lính ở Thanh Nghệ, nuôi dưỡng lính thì cấp cho ruộng công, ưu đãi lính thì thưởng cho chức sắc; lúc ấy tuy có kén lính ở bốn trấn, cũng chỉ có ngạch lính hão huyển mà thôi. Vì thế mà làm cho lính Thanh Nghệ sinh kêu căng, không thể nào ngăn cấm được. Sự thế đến như vậy, đấy là lẽ tất nhiên.

---

[1] Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

[2] Nay gồm các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (Cao Bằng) và Na Rì, Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

[3] Nay gồm các huyện Ngân Sơn (Cao Bằng) và Na Rì (Bắc Cạn).

[4] Nay gồm các huyện Ba Bể (Cao Bằng) và Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

[5] Hán Văn Đế theo kế của Triều Thổ chia quân ngũ làm 5 hạng: một hạng chuyên đánh giữ ở đường rừng núi hiểm trở một hạng chuyên đánh giữ ở nơi đồng bằng, hai hạng quân lính này thường phối hợp với nhau để ngăn cản rợ hung nô xâm lấn.

[6] Nhà Đường chia trong nước làm 634 phủ, quân lính ở phủ đều lệ thuộc vào các vệ: Tả vệ, và Hữu vệ, mỗi vệ quản lĩnh quân lính 60 phủ, còn các vệ khác quản lĩnh quân lính từ 50 đến 40 phủ.

Lời chua - Ngạch lính: "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Hồi đầu triều Lê, Thái Tổ chia quân Thiết đột làm trung,tiền, hậu, tả, hữu đều có chức hành quân tổng quản; lại đặt 14 vệ Thiết đột, số lính cộng 25 vạn. Sau khi bình định được cả nước, cho 15 vạn về làm ruộng[1] chỉ để lại 10 vạn, ghi tên lệ thuộc vào sổ binh lính. Lại đặt vệ quân ở 5 đạo là các đạo: Đông, Tây, Nam, Bắc và Hải Tây[2]. Đến hồi trung hưng đánh nhà Mạc, số lính chỉ có hơn 5 vạn 6 ngàn người.

Bắt đầu thi hành phép đánh thuế muối.

Thể lệ đánh thuế định như sau:

Đặt chức giám đương[3] trông coi. Phàm dân miền biển người nấu muối gọi là "táo đinh", người buôn muối gọi là "diêm hộ", đều thuộc miễn thuế khóa và dao dịch. Số muối đã nấu ra sẽ liệu lượng đánh thuế hai phần mười làm muối công. Người diêm hộ phải có chứng chỉ của viên giám đương mới được vào trường xưởng mua muối; trước mua muối công, sau mới đến muối của táo đinh. Việc mua hoặc bán đều phải có giấy tờ làm bằng cứ.

Lời cẩn án - Muối là thứ ăn cần thiết của dân, cũng như rau, đậu, lúa, gạo, không thể một ngày nào thiếu được. Dân vùng ven biển, một nửa ở vào nơi đồng chua nước mặn, ruộng đất có thể cày cấy không được bao nhiêu, hàng ngày chờ để sinh sống chỉ trông vào mối lợi muối mắm mà thôi. Nay lại đặt phép đánh thuế, nào là phân biệt ra hạng diêm hộ và táo đinh, nào là phiền nhiễu về chứng chỉ của giám đương và giấy tờ mua bán. Làm như thế, thì dân vùng ven biển còn trông nhờ vào đâu được nữa? Lúc ấy, đặt ra cửa ải bến đò, thuế đánh đã nặng, nay thi hành việc đánh thuế muối lại cướp mất mối lợi của dân. Chính sách này đều là theo trí thuật cũ rích của Tăng Hoằng Dương và Khổng Cận[4].

Hạ lệnh cho bầy tôi nho học sung chức giảng dụ hoàng tử.

---

[1] Theo Chính biên quyển XV, tờ 19, thì số quân trong lúc đánh giặc Minh tất cả 35 vạn, sau khi trong nước đã bình định, cho 25 vạn về làm ruộng; số quân ấy so với số quân chép ở đây có phần chênh lệch. Ở trên (quyển XV) chép theo số quân trong Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên; ở đây, chép theo số quân ghi trong "Binh chế chí" (Lịch triều hiến chương) của Phan Huy Chú, không rõ sách nào chép đúng.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XV, tờ 5.

[3] Xem thêm chú thích số 1, tờ 34 trong cuốn này.

[4] Hai người này đều giữ chức đại nông thừa, dưới triều Hán Vũ Đế (140-89Tr.C.N) đều trông coi việc muối và sắt ở trong nước.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 36

Từ Nhâm Dần, Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 3 (1722) đến Đinh Mùi, năm Bảo Thái thứ 8 (1727), gồm 6 năm.

Nhâm Dần, năm thứ 3 (1722). (Thanh, năm Khang Hy thứ 61).

Tháng giêng, mùa xuân. Định thể lệ phong ấm cho công thần và quan văn, quan võ.

Lúc ấy, việc phong thế ấm cho công thần đời khai quốc và đời trung hưng, phần nhiều người giả mạo hoặc lạm dụng; thể lệ phong ấm cho con cháu quan văn, quan võ, cấp bậc chưa rõ ràng. Tham tụng Nguyễn Công Hãng bàn xin chấn chỉnh lại. Triều đình bèn chuẩn định:

Công thần khai quốc, thế thứ quá xa, nay cho một người chi trưởng được đời đời thừa ấm.

Lúc trung hưng đánh nhà Mạc và khoảng năm Thận Đức, Hoằng Định (1600-1618) tiến quân khôi phục Đông Đô, các công thần được dự vào hạng có công lao xét theo đẳng đệ, thế thứ hơi gần, nay cho con cháu đời đời đều được thừa ấm.

Đến như các bầy tôi văn võ không ở vào đời khai quốc và đời trung hưng, mà người nào vì có công trạng được dự vào hạng công thần, nay đều theo phẩm tước cao thấp mà chuẩn cho con cháu được thừa ấm hoặc 5 đời, hoặc bốn đời, hoặc ba đời, cho có phân biệt.

Ngoài ra, các quan từ nhị phẩm trở lên, nghị cho con va cháu được làm quan viên tử, quan viên tô,, và cho một người chắt trưởng (trưởng tằng tôn) là quan viên tôn nữa; quan tam phẩm, tứ phẩm, nghị cho con và cháu làm quan viên tử, quan viên tôn; quan ngũ phẩm, lục phẩm, nghị cho các con được làm quan viên tử và một người cháu trưởng làm quan viên tôn, còn các người cháu khác chỉ được miễn trừ sai dịch; quan thất phẩm, bát phẩm, nghị cho các con được làm quan viên tử; người mới được trao cho quan chức cùng cửu phẩm và tạp lưu[1] chỉ cho một con trai được miễn trừ.

> **Lời chua -** Công thần đời khai quốc và đời trung hưng: Xem Lê Hy Tông, năm Vĩnh Trị thứ 2 (Chb. XXXIV, 6).
>
> Công thần năm Thận Đức-Hoằng Định: Sử cũ chép, Lê Kính Tông, năm Thận Đức thứ nhất (1600), Phan Văn Ngạn làm phản, xa giá nhà vua chạy về Thanh Hoa; năm Hoằng Định thứ 2 (1601), quan quân đánh lấy lại Đông Đô. Trong thời gian ấy người bầy tôi nào có hai công trạng: theo loan giá về Thanh Hoa và tiến quân đánh bọn phản nghịch, được ban cho danh hiệu "công thần", thì con cháu đều được phong tước và tập ấm.

Bắt đầu hạ lệnh cho các quân nhân người nào có học thức, được dự thi hương.

Hạ lệnh: Các hạng binh lính, người nào có học thức, khi gặp khoa thi hương được nộp đơn xin thi đợi xét, nếu xét quả là người thông hiểu nghĩa lý văn chương, sẽ được phép cùng với học trò ứng thí, nếu gặp khoa thi võ và kỳ thi viết chữ, tính toán, cũng được phép thi khảo ở ngay kinh đô.

Tháng 3. Sai bọn Nguyễn Thành Lý, lưu trú trấn Hưng Hóa, đi kinh lý châu Chiêu Tấn.

---

[1] Tức tăng chánh, tăng phó, đạo chánh, đạo phó.

Trước đây, Đèo Mỹ Lâm, thổ tù châu Chiêu Tấn thuộc Hưng Hóa, chiếm cứ Lai Châu, đánh phá châu Quỳnh Nhai, dân ở biên giới phần nhiều bị đốt phá cướp bóc. Triều đình sai Nguyễn Công Chính và Bùi Sĩ Tiêm đem quân tiến lên, được phép tùy tiện tiểu trừ hoặc yên ủi. Khi quân tiến đến Mai Châu, Công Chính mất, quân lính quay trở về. Đến đây, Đèo Mỹ Ngọc cùng bộ lạc của hắn đánh lẫn nhau. Triều đình sai Thành Lý tiến quân bình định bọn này. Người mẹ Mỹ Ngọc đem bạc và đoạn đến dâng xin cho Mỹ Ngọc đến trước cửa quân chịu tội; sau Mỹ Ngọc lại dựa vào sự viện trợ của huyện Kiến Thủy nhà Thanh, chần chừ không quả quyết. Quan quân tiến sát đến cảnh thổ. Mỹ Ngọc đem dân trong động trốn xa, quan quân đuổi theo không kịp. Thành Lý bèn dẫn quân về. Triều đình lấy cớ rằng Mỹ Ngọc là tù trưởng người Man ở ngoài cương vực, vì hiềm thù riêng[1] đánh lẫn nhau, nay sợ tội trốn tránh, bèn hạ lệnh chiêu tập vỗ về. Khi tập hợp được đảng này rồi, triều đình đều buông tha cho về.

Lời chua - Chiêu Tấn châu[2], Lai Châu[3] và Quỳnh Nhai Châu[4]: thuộc phủ An Tây.

Mai Châu[5]: thuộc phủ Gia Hưng.

Các châu kể trên, nay đều thuộc tỉnh Hưng Hóa[6].

Kiến Thủy: Tên huyện, thuộc tỉnh Vân Nam nhà Thanh.

Sĩ Tiêm: Người xã Kinh Lũ[7], huyện Đông Quan, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Tháng 7, mùa thu. Định phép bảo cử các quan văn, quan võ.

Các quan: từ tam phẩm trở lên do lệnh chỉ đặc biệt bổ dụng; từ tứ phẩm trở xuống nếu có khuyết ngạch, thì mỗi năm một kỳ giao cho các quan trong đô đường bảo cử, rồi xin lệnh chỉ xác định. Quan võ từ nhất phẩm đến tùng ngũ phẩm 91 người, quan văn từ nhất phẩm đến tùng ngũ phẩm 52 người, từ lục phẩm trở xuống, số viên chức không bó buộc theo hạn định.

Lời phê - Quá rộng rãi.

Định thể lệ tặng phong và ban tiền tuất cho quan văn, quan võ.

Phàm tặng phong, ban tiền tuất và tiền về việc thờ tự cho các quan, đều chuẩn cấp theo chức phẩm hiện có.

Lời chua - Tặng phong: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú: Phàm tặng phong, chiếu theo với chức phẩm hiện có, đều được tặng phong lên một bậc. Ví dụ: hàm tòng phẩm được tặng hàm chánh phẩm v.v...

Tiền tuất: Chánh nhất phẩm, sử tiền[8] 500 quan.

Tiền về việc thờ tự (tự sự tiền): Chánh nhất phẩm được 3 xã, sử tiền 200 quan. Các viên quan ở dưới, số tiền đều giảm dần, có nhiều ít khác nhau.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Cương hạ lệnh cho bọn Trịnh Quán giải tán binh quyền.

Lúc ấy các thân thuộc họ Trịnh nhiều người giữ binh quyền. Trịnh Cương ngại rằng giữ binh quyền trọng đại quá, e sẽ sinh biến cố khác chăng. Cương bèn hạ lệnh rằng: "Đấng vương giả sáng tỏ

---

[1] Nguyên văn chép "lợi hám" Tham khảo Lịch triều tạp kỷ chép "tư hảm" có phần đúng hơn. Ở đây dịch theo Lịch triều tạp kỷ.

[2] Nay gồm 2 huyện Phong Thổ và Sìn Hồ (Lai Châu).

[3] Nay tương đương với đất thị xã Lai Châu và huyện Mường Tè (Lai Châu).

[4] Nay thuộc tỉnh Sơn La.

[5] Nay thuộc tỉnh Hòa Bình.

[6] Chiêu Tấn châu là Lai Châu: nay thuộc tỉnh Lai Châu, Quỳnh Nhai Châu: nay thuộc tỉnh Sơn La, Mai Châu: nay thuộc tỉnh Hòa Bình.

[7] Nay thuộc xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[8] Mỗi tiền 36 đồng, xem thêm Chính biên quyển XXI, tờ 2.

đức mình, thân yêu người thân thuộc, là có ý muốn mở rộng lời giao ước của tông thống mà làm cho sổ sách tộc thuộc được nhiều người; nhưng nếu không nghĩ cách để vung trồng mà bảo toàn cho tộc thuộc cũng không phải là đạo thân yêu. Nhà ta tôn phò nhà hoàng đế, xây dựng cơ nghiệp tước vương, con cháu đều giữ binh quyền trọng đại, việc ấy đời sau noi theo đời trước, thành ra thói quen, cho nên thế lực ngang nhau, ngờ vực lẫn nhau mà sinh hấn khích, rồi đến nảy ra câu ca dao "đẩu túc"[1], làm thành bài thơ "đậu ky"[2], duyên cớ này ta đã biết được sâu sắc[3], nên chỉ nghĩ mưu kế làm cho được lâu dài. Vậy các ông nên thể theo ý ấy. đều giải tán binh quyền trọng đại, chơi bời thỏa thích ở nơi phủ đệ, giữ tước vị, hưởng bổng lộc, để cùng nhau vui sướng trong đời thái bình. Ta tưởng yêu đương thân thuộc, hòa thuận họ hàng không còn gì thu xếp khéo hơn thế cả!" Bọn Trịnh Quán lạy tạ, xin giải tán binh quyền.

Lời phê - Được đằng này thì hỏng đằng kia, về sau tất nhiên phải mòn mỏi yếu đuối.

Trịnh Cương bắt đầu đặt sáu quân doanh.

Lúc ấy bắt đầu trung hưng, quân doanh đại lược dựa theo chế độ cũ, đặt chức đô đốc ở ngũ phủ, chuyên dùng binh lính Thanh Nghệ chầu chực bảo vệ. Đến nay, lựa chọn đinh tráng ở bốn trấn và binh lính mới chọn ở Thanh Nghệ, phân phối cho lệ thuộc ngạch quân, bèn đặt sáu quân doanh là: Trung Dực, Trung Oai, Trung Thắng, Trung Khuông, Trung Nhuệ và Trung Tiệp, mỗi doanh 800 người, bổ dụng bọn Gia quận công Đặng Đình Lân và Thiêm quận công Trương Nhưng, cả thảy 6 người chia nhau thống lãnh.

Lời chua - Ngũ phủ quân: Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Quang Thuận thứ 7 (1466) Thánh Tông đặt Ngũ phủ quân.

Trung quân phủ quản lãnh Thanh Hoa và Nghệ An;

Đông quân phủ quản lãnh Hải Dương và An Bang;

Nam quân phủ quản lãnh Sơn Nam, Thuận Hóa và Quảng Nam[4];

Tây quân phủ quản lãnh Tam Giang và Hưng Hóa;

Bắc quân phủ quản lãnh Kinh Bắc và Lạng Sơn;

Trong quân đặt chức đô đốc, mỗi phủ đều có tả đô đốc và hữu đô đốc, phân phối binh lính các xứ cho lệ thuộc vào các phủ, còn hai xứ Thái Nguyên và Tuyên Quang thì lệ thuộc vào quận Phụng Trực.

Từ năm Thận Đức-Hoằng Định (1600-1618) về sau, đặt binh chế: các hiệu quân đóng ở kinh thành giữ việc chầu chực hộ vệ chuyên dùng quân ở ba phủ Thiệu Thiên, Hà Trung, Tĩnh Gia thuộc Thanh Hoa và quân bốn phủ Đức Quang, Diễn Châu, Anh Đô, Hà Hoa thuộc Nghệ An. Còn quân hai phủ Trường Yên, Thiên Quan và tứ trấn thì chỉ lấy người nào tình nguyện cùng người nào có thể đóng ở trại quân được mới cho lệ thuộc

---

[1] Hán Văn đế cùng Hoài Nam vương Trường đều là con Hán Cao Tổ, Văn Đế bắt tội Hoài Nam vương Trường đày đi nơi xa, Trường nhịn ăn rồi chết. Lúc ấy dân gian làm câu ca dao: "Nhất xích bố, thượng khả phùng, nhất đẩu tuất, thượng khả thung, huynh đệ nhị nhân bất tương dung". Ý nói, một thước vãi, một đấu thóc là số rất ít, còn có thể may thành áo, giã thành gạo để anh em cùng mặc, cùng ăn với nhau, thế mà người làm vua trong một nước, có hai anh em mà không bao dung được nhau.

[2] Tào Phi và Tào Thực đều là con Tào Tháo, khi Phi làm vua muốn giết Thực, bắt Thực đi bảy bước làm xong bài thơ, nếu không xong sẽ xử theo pháp luật. Thực liền ứng khẩu đọc bốn câu: "Chử đậu nhiên đậu ky, đậu tại phủ trung khấp, bản thị động căn sinh, tương tiên hà thái cấp!", nghĩa là: dùng dây đậu nấu hạt đậu, hạt đậu khóc ở trong nồi. Khóc rằng: vốn cùng một gốc sinh ra, sao lại nung nấu nhau cấp bách như thế?

[3] Câu này có ý ám chỉ Trịnh Cối, Trịnh Tùng đem quân đánh lẫn nhau, việc Trịnh Xuân lập mưu giết Trịnh Tùng, việc Trịnh Lịch, Trịnh Sầm nổi loạn; việc Trịnh Tạc giết Trịnh Toàn và việc Trịnh Luân Trịnh Phất lập mưu giết Trịnh Cương v.v...

[4] Ở đây Cương mục cũng như Lịch triều hiến chương đều chép lầm. Theo Chính biên quyển XX, tờ 2 chép: "Thiên Trường (tức Sơn Nam chép ở đây) và Thuận Hóa thuộc Nam quân phủ", không có Quảng Nam. Vì đến năm Hồng Đức thứ 2 (1471), Thánh Tông mới lấy đất Chiêm Thành đặt đạo Quảng Nam, thì năm Quang Thuận thứ 7 (1466) làm gì đã có đạo Quảng Nam mà bảo là thuộc Nam quân phủ.

vào đội ngũ. Ngoài ra chỉ để cho có ngạch lính, lúc có việc thì triệu tập, khi xong việc lại cho giải tán về làng.

Trương Nhưng: Người xã Như Kinh[1], huyện Gia Lâm.

Được mùa to.

Lúc ấy, lúa vụ mùa đã chín, Trịnh Cương đi ra phía tây kinh thành xem dân gặt lúa, rồi ban cho trâu và rượu, lại bàn một bài từ về "phong niên"[2] để nghi nhớ. Phủ liêu là bọn Trịnh Quán và Nguyễn Công Hãng chúc mừng về năm được mùa. Trong lúc chúc mừng bọn Quán và Hãng hết sức ca tụng công đức chúa Trịnh.

Lời phê - Chả khác gì bầy tôi nhà Hán tán tụng Vương Mãng[3].

Miễn thuế tô cho ruộng tư của quan viên người nhiều người ít khác nhau.

Lúc ấy, ruộng tư của dân gian đã có lệnh khám đạc để đánh thuế tô, quan viên nào có ruộng, cũng phải tính mẫu nộp tô không khác gì dân thường. Triều đình bèn hạ lệnh, tùy theo phẩm trật hiện có của các quan cao hay thấp mà miễn cho thuế tô ruộng; viên quan nhất phẩm, nhị phẩm được miễn 50 mẫu, từ tam phẩm đến cửu phẩm, thì số ruộng được miễn tô cứ theo phẩm trật mà bớt dần mỗi trật 5 mẫu, để cho phân biệt[4].

Bắt đâu cấp khẩu phần ruộng công cho binh lính tứ trấn.

Trước đây ruộng công ở tứ trấn chỉ cấp cho ưu binh Thanh Nghệ. Đến nay mới tuyển lính tứ trấn, nên dân xã nào có ruộng công, thì liệu lượng cấp khẩu phần cho lính có hạng nhiều hạng ít khác nhau.

Lời chua - Ruộng khẩu phần: Theo Tạp kỷ của Cao Lãng, năm ấy cấp khẩu phần ruộng công cho lính tứ trấn, liệu lượng cấp theo các cơ đội:

Lính theo chầu chực (tùy thị binh) và lính chèo thuyền lành nghề (thiện trạo binh) được cấp: Ruộng một mùa mỗi người 7 mẫu, ruộng hai mùa và ruộng màu mỡ mỗi người 6 mẫu.

Lính sử dụng thuyền để chiến đấu (thuyền binh) ở cơ đội các doanh, được cấp: Ruộng một mùa mỗi người 6 mẫu, ruộng hai mùa và ruộng màu mỡ mỗi người 5 mẫu.

Lính Theo hầu (tùy hậu binh) ở cơ đội các doanh được cấp: Ruộng một mùa mỗi người 5 mẫu, ruộng hai mùa và ruộng màu mỡ mỗi người 4 mẫu.

Còn các ruộng khác đều phải nộp theo ngạch thuế tô bằng tiền hoặc bằng thóc. Việc này đặt làm phép tắc nhất định.

Quý Mão, năm thứ 4 (1723). (Thanh, Thế Tông, năm Ung Chính thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Định lại giới mốc châu, huyện.

---

[1] Nay là xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[2] Theo Lịch triều tạp kỷ thì bài từ "phong niên", Trịnh Cương làm theo điệu "Kiều dương cách".

[3] Là một viên thừa tướng cuối đời Tây Hán, Vương Mãng uy hiếp vua, choán hết quyền bính trong nước. Lúc ấy, thị tộc Việt thường đem dâng vua Hán một chim trĩ trắng, hai chim trĩ đen, bầy tôi nhà Hán là bọn thái sư Khổng Quang, tư đồ Mã Cung ca tụng công đức Vương Mãng có thể sánh được với Chu Công Đán nhà Chu.

[4] Tham khảo Lịch triều tạp kỷ thì số ruộng tư của các quan được miễn tô, khác với số ruộng mà Cương mục đã chép ở trên:

Các quan nhất nhị phẩm được miễn 25 mẫu; tam, tứ phẩm 20 mẫu; ngũ, lục phẩm 15 mẫu; thất, bát phẩm 10 mẫu; cửu phẩm 5 mẫu. Viên quan nào số ruộng hiện có quá với số được miễn tô, thì số ruộng quá lệ định ấy phải nộp tô bằng tiền; viên quan nào số ruộng hiện có không kịp với số được miễn, thì được triều đình theo phẩm trật và số ruộng viên ấy hiện có mà miễn tô, còn lại bao nhiêu thì ban cho tiền; viên quan đã nghĩ việc về nhà và viên quan giữ công việc nhà tản, được miễn tô bằng nửa số ruộng đã trình bày ở trên.

Bản đồ cũ trong nước gồm 13 đạo, xét ra các xã dân thuộc về các phủ, huyện, cũng có nơi xa nơi gần không đều nhau. Năm ấy, làm sổ hộ, bèn hạ lệnh: tùy hình thế từng địa phương đổi lại cho lệ thuộc vào 13 thừa tuyên theo như chế độ cũ đời Hồng Đức.

Duy đổi lại: đem hai phủ Trường Yên và Thiên Quan trước thuộc Sơn Nam nay cho thuộc vào Thanh Hoa; về trấn Sơn Tây, thì đem phần huyện Bất Bạt trước thuộc phủ Đà Dương nay cho lệ thuộc vào phủ Quảng Oai; phần huyện Tam Nông nay cho lệ thuộc vào phủ Lâm Thao. Còn các xã, thôn khác phần nhiều thay đổi cho lệ thuộc vào các châu, huyện...

Lời chua-Mười ba thừa tuyên: Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 21 (Chb. XXIV, 10, 11).

Thanh Hoa: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 21, 22, 23).

Trường Yên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Thiên Quang: Xem Bình Định Vương, năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Quảng Oai, Lâm Thao: Tên hai phủ, nay đều thuộc tỉnh Sơn Tây[1].

Tam Nông: Nay thuộc tỉnh Hưng Hóa[2].

Thiệu Thiên: Nay là Thiệu Hóa.

Thanh Đô: Nay là Thọ Xuân. Cả hai đều thuộc tỉnh Thanh Hoa.

Bắt đầu cấp ruộng cho các trường học.

Trước đây, đã đặt trường học, nhưng chưa cấp học điền. Nay bàn định: Trường quốc học, cấp cho 60 mẫu; trường hương học: phủ lớn, cấp cho 20 mẫu, phủ vừa 18 mẫu, phủ nhỏ, 16 mẫu, để lấy hoa lợi ruộng ấy chỉ dùng vào dầu đèn.

Tháng 5, mùa hạ. Bắt đầu thi hành phép đánh thuế: tô, dung và điệu.

Trịnh Cương hạ lệnh rằng: "Đời Tam Đại[3] ngày trước, đặt chế độ thu lấy của cải của dân, hoặc theo phép cũ, hoặc đổi phép mới, không giống nhau, đấy là theo tình thế mà cứu chữa những điều tệ hại, nên phải như thế.

"Quốc triều (triều Lê) mở nước dựng nghiệp, định lệ ba năm một lần làm sổ hộ[4], ruộng công nộp tiền hoặc thóc có ruộng nhiều ruộng ít khác nhau, ruộng tư cũng có lúc đánh thuế. Đến lúc bắt đầu trung hưng vẫn noi theo phép cũ, sau mới đổi làm phép "bình lệ"[5]. Phép đặt lâu ngày, sinh ra tệ hại: thuế ngoại ngạch linh tinh và khoa điều sai phái nặng gấp hai thuế chính cung, thành ra dân chúng mỗi ngày càng cùng quẫn, người bỏ trốn, người thiếu thuế mỗi ngày một nhiều. Xét rộng đến điển lệ đời xưa, chỉ có phép tô, dung và điệu của nhà Đường là hay hơn cả. Việc này đem bàn luận đã được sự hợp ý của nhiều người. Vậy cho theo thứ tự thi hành. Đại để là theo thời đặt phép đúng, để thích hợp với phương pháp cai trị, mà cũng là kính mong học được tấm lòng của tổ tiên mà thôi".

Lúc ấy, Trịnh Cương đang hăng hái lo toan việc trị nước, tham tụng Nguyễn Công Hãng ngày đêm mưu tính, nên những chế độ về việc binh, việc dân, việc tài sản và thuế khóa, phần nhiều được xây dựng xếp đặt.

---

[1] Lâm Thao nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

[2] Tam Nông nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

[3] Tức nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu đời thượng cổ Trung Quốc.

[4] Xem thêm Chính biên quyển XV, tờ 13.

[5] Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 29.

Phép tô: Theo chế độ cũ thì ruộng công mỗi mẫu đồng niên nộp tiền có nhiều ít khác nhau: từ hạng nộp một quan đến hạng nộp tám tiền, 6 tiền. Nay ấn định: các ruộng công mỗi mẫu nộp 8 tiền. Số tiền này chia làm 3 phần, hạng ruộng hai mùa (nhị thục điền) nộp hai phần ba bằng thóc; hạng ruộng một mùa (nhất thục điền) nộp một phần ba bằng thóc. Đất bãi công theo chỗ hiện cày cấy được chia làm hai bậc, mỗi mẫu nộp một quan hai tiền. Bãi nào có trồng dâu thì thuế tô bãi ấy một nữa nộp bằng tơ, bãi nào không trồng dâu thì nộp thay bằng tiền.

Ruộng tư, trước không đánh thuế, nay định ruộng tư chia ra hạng hai mùa và hạng một mùa nộp thuế khác nhau; ruộng hai mùa mỗi mẫu nộp 3 tiền, ruộng một mùa mỗi mẫu nộp hai tiền.

Phép dung: Theo chế cũ, thuế thân mỗi suất đinh đồng niên tùy theo từng hạng để nộp tiền, từ 1 quan đến 1 quan 8 tiền. Nay định: mỗi suất đinh nộp 1 quan 2 tiền, sinh đồ, lão hạng và hoàng đinh nộp một nữa số tiền thuế ấy.

Phép điệu: Theo chế độ cũ, hàng năm các việc bài, biểu, từ tự, điện, miếu, đê đường, cầu cống, kho tàng và trường thi v.v... đều tính theo suất đinh, để tùy tiện chia nhau đóng góp để nộp, phần nhiều thu quá lệ ngạch, vả lại thắng thúc bắt bớ lung tung dân không sao chịu được sự phiền nhiễu. Nay định: Mỗi suất đinh mùa hạ và mùa đông nộp 6 tiền; quan trên dùng tiền ấy, đóng góp thay cho dân, gọi là tiền thuế điệu.

Lại định tiền thuế dung, thuế điệu ở cửa đình và giáo phường: tiền cửa đình lấy xã lớn, xã vừa và xã nhỏ làm định mức. Giáo phường ở tứ trấn chỉ nộp tiền thuế dung, giáo phường ở Thanh, Nghệ chỉ nộp tiền thuế điệu. Đem so sánh, thì thuế giáo phường ở Nghệ An bằng năm phần mười thuế giáo phường ở tứ trấn, Thanh Hoa lại càng nhẹ hơn.

Lời chua - Nhị thục: Hạng ruộng tốt, một năm cấy lúa được hai mùa.

Nhất thục: Hạng ruộng xấu, một năm cấy lúa được một mùa.

Nộp thóc một phần ba hoặc hai phần ba: Ý nói đem số 8 tiền thuế mà đồng niên mỗi mẫu ruộng công phải nộp chia làm ba phần đều nhau, ruộng hai mùa phải nộp hai phần bằng thóc, một phần bằng tiền, ruộng một mùa phải nộp một phần bằng thóc, hai phần bằng tiền.

Đất bãi công chia ra hai hạng: Ý nói bãi công nào có thể cày cấy được là bãi đã thành thổ, thì chia ra từng hạng để đánh thuế.

Bãi nào có trồng dâu thì một nữa nộp bằng tơ: Ý nói thuế tô đất bãi, mỗi mẫu một quan hai tiền, bãi nào có trồng dâu, thì 6 tiền nộp bằng tiền, còn 6 tiền nữa thì trị giá tơ mà nộp bằng tơ.

Lão hạng và hoàng đinh: Dân đinh đến 50 tuổi gọi là lão hạng, từ 17 đến 19 tuổi gọi là hoàng đinh.

Bài, biểu: Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì hàng năm, phàm gặp các lệ tiết chính đán[1], đoan dương[2], vạn thọ[3], khánh thọ, diên thọ[4] v. v... Ở nha môn các triều đều có bài, có biểu kính dâng lễ vật; ở các nha môn khác cũng có đặt yến tiệc, hát xướng.

Từ tự: Ý nói đàn tràng tế tự, như tế giao, tế xã tắc, tế đinh, tế tiên nông, tế gió mưa v.v...

Điện, miếu: Ý nói các lễ tiết giỗ ở thái miếu nhà Lê và cung miếu họ Trịnh.

---

[1] Mồng một tháng giêng âm lịch, hàng năm.

[2] Mồng 5 tháng 5 hàng năm.

[3] Sinh nhật của vua chúa.

[4] Đều là những lễ chúc mừng vua chúa sống lâu.

Trước kia hàng năm phàm gặp các lễ tiết kể trên cùng các công việc như sửa đắp đê đường, cầu cống, sửa sang hoặc xây dựng kho tàng hoặc trường thi v.v... đều ra lệnh cho quan ở trấn và nha môn các phủ huyện, tùy theo số đinh ở các xã nhiều hay ít, chia nhau thu nộp, để cung ứng vào các lễ tiết và công việc ấy. Đến nay đổi làm phép điệu.

Tiền cửa đình: Xã lớn[1] đồng niên nộp 6 quan sử tiền[2], xã vừa[3], nộp 4 quan, xã nhỏ[4] nộp 2 quan, để đủ dùng vào việc chi phát cho các nhạc công trong giáo phường.

Đặt thêm sở tuần ty ở các trấn.

Nội trấn và ngoại trấn đều đặt thêm một sở tuần ty, phàm người buôn bán qua lại tùy theo thuyền bè lớn hay nhỏ, chở hàng nặng hay nhẹ, để liệu lượng đánh thuế một phần bốn mươi (1/40) so với hàng đã chở.

Lời chua - Tuần ty: Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Bảo Thái thứ 4 triều Lê Dụ Tông, các sở tuần ty cũ và mới có: tuần ty Ngã Ngung ở Thanh Hoa, tuần ty Khả Lưu ở Nghệ An, tuần ty Trình Xá ở Sơn Tây, tuần ty Cân Dinh ở Kinh Bắc, tuần ty Quán Tuần ở Hưng Hóa, tuần ty Tam Kỳ ở Tuyên Quang, tuần ty Thành Tuần ở Lạng Sơn, tuần ty Suất Tuần ở Yên Quảng, và hai tuần ty ở Cao Bằng và Thái Nguyên. Còn tuần ty ở Sơn Nam và Hải Dương bỏ sót không chép. Tên xã và huyện ở chỗ đặt các tuần ty đều không được rõ. Vậy hãy ghi ra đây để phòng khi khảo cứu.

Tháng 8, mùa thu. Trịnh Cương hạ lệnh cho phủ liêu chia nhau khám xét kiện tụng.

Lúc ấy giấy tờ về việc kiện tụng mỗi ngày một nhiều, Trịnh Cương bèn sai phủ liêu chia nhau xét hỏi. Dựng nhà trạm lớn ở ngoài cửa phủ chúa để làm nơi hỏi kiện.

Ngày Giáp Ngọ, tháng 9. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Nữ.

Lời chua - Theo "Thiên văn chí" trong Tấn thư, thì sao Nữ có bốn chòm sao ở phía đông sao Thiên Kỷ.

Tháng 10, mùa đông. Phát sinh hoàng trùng.

Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ là Phạm Khiêm Ích sang mừng việc Thanh Thế Tông lên ngôi; phó sứ là bọn Nguyễn Huy Nhuận và Phạm Đình Kính sang dâng lễ tuế cống và tạ ơn việc nhà Thanh ban cho lụa hoa.

Lời chua - Phạm Khiêm Ích: Người xã Bảo Triện[5], huyện Gia Định, đỗ thám hoa khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông. Khiêm ích nguyên trước họ Nguyễn, cháu Nguyễn Mậu Tài, nay theo về họ bố nuôi là họ Phạm.

Nguyễn Huy Nhuận: Người xã Phú Thị[6], huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1703) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Phạm Đình Kính: Người xã Vĩnh Lại[7], huyện Thiên Bản, đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

---

[1] Xã nào trên 300 suất đinh là xã lớn, trên 100 suất đinh là xã vừa, dưới 100 suất đinh là xã nhỏ.

[2] Mỗi tiền 36 đồng, xem thêm Chính biên quyển XXI, tờ 2.

[3]Xã nào trên 300 suất đinh là xã lớn, trên 100 suất đinh là xã vừa, dưới 100 suất đinh là xã nhỏ.

[4] Xã nào trên 300 suất đinh là xã lớn, trên 100 suất đinh là xã vừa, dưới 100 suất đinh là xã nhỏ.

[5] Nay thuộc huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[6] Nay thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[7] Nay thuộc xã Vĩnh Hào, huyện Vũ Bản, tỉnh Nam Định.

Giáp Thìn, năm thứ 5 (1724). (Thanh, năm Ung Chính thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Cương tạm quyền thay nhà vua cử hành lễ tế nam giao.

Theo chế độ cũ, đầu mùa xuân tế trời, nhà vua thân hành đến đàn Nam Giao làm lễ; chúa Trịnh cùng trăm quan đều dự vào bồi tế. Năm này, vì nhà vua đau chân nên Trịnh Cương tạm quyền thay vua vào tế. Vì lòng mong muốn quá cao, phụ thần[1] xin Trịnh Cương theo như nghi lễ mà nhà vua thân vào tế, nhưng Cương không dám nhận, sai đặt vị đứng tế ở sân điện Chiêu Sư, rồi Cương thắp hương lạy thay nhà vua mà thôi.

Tháng 2. Lại sai binh lính Thái Nguyên đi thú thủ Cao Bằng.

Trước đây, lính thổ ở Thái Nguyên hàng năm luân chuyển nhau đi thú thủ Cao Bằng, đến năm Bảo Thái thứ 2 (1721) vì nơi biên cảnh không xảy ra việc gì, nên bãi bỏ việc lính thú. Đến nay theo lời xin của Nguyễn Trù, đốc trấn Cao Bằng, nên lại hạ lệnh cho phiên thần[2] Thái Nguyên đem quân bản thổ luân chuyển đi thú, định lệ cứ mỗi năm một lần thay đổi.

Lời chua - Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc.

Cao Bằng: Tức Bắc Bình, trước thuộc Ninh Sóc, Thái Nguyên và Cao Bằng, đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Nguyễn Trù: Người phường Đông Tác huyện Thọ Xương, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1697) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông. Trù là người học hỏi rộng rãi, thường sửa định, chú giải các sách Sách học đề cương và Quần hiền phú v.v... lưu hành ở đời.

Mở đường sông ở Thanh và Nghệ.

Hạ lệnh cho ty trấn thủ Thanh và Nghệ An đi khám xét các sông trong hạt, chỗ nào nông cạn, chỗ nào ủng tắc, thì tùy theo trượng thước nông hoặc sâu, trù tính định ra công việc phải làm, rồi lấy dân xã tiếp cận sung vào làm việc, để cho đường thủy được lưu thông, dân những xã này sẽ được trừ tiền thuế điệu.

Giảm tô và thuế cho dân Thanh Hoa., Nghệ An và dân trong kinh kỳ có nơi nhiều, nơi ít khác nhau.

Thanh Hoa là nơi "thang mộc"[3], Nghệ An là dân hưởng ứng theo việc nghĩa[4], kinh kỳ liền sát dưới xa giá của vua chúa. Những nơi này phàm tô và thuế đều được rộng cho giảm nhẹ: ở Thanh và Nghệ duy tiền thuế điệu là theo thể lệ tứ trấn, tô ruộng được giảm một nửa. Thuế thân dung được miễn hết; ở kinh kỳ thuế tô, thuế dung và thuế điệu đều liệu lượng giảm bớt có khác với tứ trấn.

Lời chua - Giảm tô và thuế: Theo Tạp kỷ của Cao Lãng, thì năm ấy, Trịnh Cương hạ lệnh: Hai xứ Thanh và Nghệ; về thân dung của đinh suất, nhất luật rộng cho được miễn hết; tô ruộng công và tư đều được giảm một nửa so với tô ruộng ở tứ trấn, ruộng công miễn nộp thóc; tiền thuế điệu theo thể lệ ở tứ trấn. Phàm các việc khởi công làm điện phủ, cung miếu, cầu cống và đào sông ngòi v.v... trước vẫn dùng dân hai xứ ấy để cung ứng vào công việc hai xứ, nay trừ dân tạo lệ[5] đã đem cấp cho các bầy tôi có công hoặc thân thích vua chúa, theo thể lệ được miễn đi rồi, ngoài ta thu mỗi suất đinh 6 tiền, để cung ứng vào việc chi dùng phí tổn. Đến như ruộng công trong kinh kỳ, mỗi mẫu chuẩn định cho nộp thuế tô 6 tiền, miễn phải nộp thóc, ruộng tư, mỗi mẫu chuẩn định cho nộp thuế tô 2 tiền, thuế thân dung, mỗi suất đinh 8 tiền; thuế điệu, mỗi suất đinh 4 tiền. Người đinh nào đã chịu thuế dung, thuế điệu, ở quê

---

[1] Một danh từ để gọi chung các viên quan to trong triều. Ở đây có ý chỉ bọn phủ liêu trong phủ chúa Trịnh.

[2] Bầy tôi ở phiên trấn, các viên quan này có trách nhiệm giữ biên giới để bảo vệ kinh kỳ.

[3] Xem chú thích số 1 quyển V tờ 41. Chữ "thang mộc" ở đây có ý dùng nghĩa bóng là nơi phát tích của nhà Lê.

[4] Lúc Lê Trang Tông khởi binh đánh Mạc Đăng Dung, dân đinh ở Nghệ An hưởng ứng theo việc khởi nghĩa trước tiên.

[5] Xem lời chua của Cương mục quyển XXXV, tờ 14 về dân tạo lệ.

quán mình rồi, đều được miễn; các hạng thổ ở phố, mỗi năm mỗi thước phải nộp tiền 10 đồng. Việc này giữ làm thể lệ thường hành.

Tháng 4 nhuận, mùa hạ. Giáng chức: Trương Công Khải, thượng thư bộ Hình, làm tả thị lang bộ Lại; Hồ Phi Tích, tả thị lang bộ Lại, làm hữu thị lang bộ Lễ.

Lúc ấy, người huyện Đường Hào[1] vì việc kiện phải luận vào tội đồ, người ấy mổ bụng để kêu oan. Việc này giao xuống cho bầy tôi được tham dự xét hỏi, thì quả nhiên người ấy lý thẳng. Xét ra, Trương Công Khải, thượng thư bộ Hình, và Hồ Phi Tích, tả thị lang bộ Lại, trước kia giữ chức ở Ngự sử đài không biết làm cho tỏ lẽ phải, nên hai người này đều bị tội, phải giáng chức.

Lời chua - Trương Công Khải: Người xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Hồ Phi Tích: Người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Đôi, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hòa.

Tháng 11, mùa đông. Bắt đầu thi bác cử, nhà vua đến xét duyệt.

Lúc ấy mới đặt khoa thi võ, lấy 4 năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thi ở bản trấn, gọi là "sở cử", 4 năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi hội ở kinh đô gọi là "bác cử". Năm này. Trịnh Cương rước nhà vua thân đến xét duyệt. Lấy đỗ bọn Nguyễn Công Tự 11 người. Từ đây về sau cứ 3 năm một lần thi, chúa Trịnh tự chuyên quyền Xét duyệt.

Lời chua - Sở cử và bác cử: Theo Lê sử tục biên thì phép thi "Sở cử" như thế này:

Trước hết hỏi sơ lược về Võ kinh, sau đó, kỳ đệ nhất, đệ nhịvà đệ tam, luôn 3 kỳ thi về võ nghệ. Người nào trúng cách, là viên sinh; quan viên tử, quan viên tôn trúng cách, là biền sinh. Lại thi về phương pháp mưu lược việc binh. Người nào trúng ngay được kỳ này, gọi là học sinh; quan viên tử, quan viên tôn trúng được, gọi là biền sinh hợp thức.

Phép thi "bác cử" như thế này:

Kỳ đệ nhất, hỏi sơ lược về ý nghĩa bảy bộ sách binh thư; kỳ đệ nhị, thi võ nghệ, kỳ đệ tam, hỏi sơ lược một bài văn sách. Người nào trúng tuyển được vào thi ở sân phủ Chúa, kỳ này người nào hợp cách được làm tạo sĩ. Nếu người nào trong hai kỳ đệ nhất, đệ nhị thi võ nghệ được tinh thông thành thạo, mà kỳ đệ tam bài văn sách không được hợp cách, thì chọn lấy người trội nhất gọi là tao toát, được cùng tạo sĩ bổ dụng như nhau.

Theo kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì năm Bảo Thái thứ 5 (1724) đặt trường thi bác cử ở sở Thịnh Quang. Kỳ đệ nhất, hỏi mười câu về ý nghĩa trong bảy bộ sách binh thư; kỳ đệ nhị, thi hai tao võ nghệ: trước hết thi cưỡi ngựa múa đầu mâu, sau thi đấu siêu đao, lăn lá chắn và múa gươm giáo, căn cứ vào sự so đọ được hay thua để định người hơn người kém, sau đó lại xét duyệt người nào có khí sắc hùng dũng được thăng lên một bậc, người nào kém phải trụt xuống một bậc; kỳ đệ tam, thi văn sách hỏi cách thao luyện và phương lược về phép bày trận để đánh kẻ địch, giữ thành trì. Lấy 11 người đỗ tạo sĩ xuất thân, trong số ấy có Vân Đình Dận và Hoàng Nghĩa Bá, sau này đều là viên tướng nổi tiếng. Khoa này định thứ tự cho tạo sĩ mới được trao quan chức lần đầu như thế này: người đỗ vào hạng ưu phân, chu trung được chánh lục phẩm, người đỗ trung hạng và thứ trung được tùng lục phẩm, người thứ thủ được chánh thất phẩm. Về điển lệ ban ân cho tạo sĩ cũng như tiến sĩ.

---

[1] Nay thuộc huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên.

Theo Lữ trung tạp thuyết của Bùi (Huy) Bích thì khoa thi võ đặt ra, tệ hại lại càng quá. Đầu năm Hồng Đức triều Lê Thánh Tông thường xét duyệt võ nghệ, người trúng cách được bổ sung làm tuấn sĩ. Sau khi trung hưng, định thời kỳ xét duyệt ở trong phủ chúa, chọn người có phương pháp mưu lược và người có quân công ở các cơ hiệu, rồi liệu lượng tài năng để bổ dụng. Đến giữa năm Bảo Thái mới đặt hai khoa sơ cử và bác cử, sau dần dà đi đến chỗ gian lận xảo trá, người ta nhân bám vào đấy mà làm thành cái "chợ buôn bán thi cử".

Viên sinh: Cũng như người đỗ sinh đồ khoa thi hương.

Biền sinh: Cũng như người đỗ nho sinh khoa thi hương.

Học sinh: Cũng như hương cống.

Biền sinh hợp thức: Cũng như nho sinh trúng thức khoa thi hội.

Bảy bộ sách: Tức Lục thao tam lược của Thái Công[1], Binh pháp của Hoàng Thạch Công[2], Tôn Tử[3], Ngô Tử[4], Tư Mã[5] và vấn đáp của Uất Liêu Tử[6], Lý Vệ Công[7].

Xét duyệt khí sắc hùng mạnh: Dùng một cái dùi đồng, ngoài bọc rạ, đánh vào đỉnh đầu 3 lần, nếu người nào mắt không chớp, thân không rung động, là người ấy được.

Nguyễn Công Tự: Có sách chép Phạm Công Tự, người xã Cự Khánh, huyện Đông Sơn.

Đình Dận: Người xã Lạc Phổ, huyện Hương Sơn.

Nghĩa Bá: Người xã Hoàng Vân, huyện Kim Động.

Tiếp tục việc làm sổ hộ.

Trước đây, lệ định 3 năm một lần làm sổ hộ, lần trước đã làm từ năm Nhâm Dần (1722) đến năm sắp tới là Ất Tỵ (1725) nhằm đúng vào năm phải kế tiếp sửa lại sổ hộ, do đấy ấn định quy chế: Phàm các hạng nhân đinh, có người nào mới đến tuổi hoặc người nào chết đi, thì lần lượt kê khai họ tên những người ấy, để căn cứ vào đấy mà truy xét đối chiếu. Phép này đến năm Vĩnh Khánh (1729-1731) lại bỏ.

Tháng 12. Không mưa.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, hạ lệnh đình chỉ công việc xây dựng, tha thuế bỏ thiếu cho các xứ: dân xã nào còn thiếu thuế vụ đông năm Tân Sửu (năm Bảo Thái thứ 2) và vụ hạ năm Nhâm Dần (năm Bảo Thái thứ 3), trước kia đã từng định kỳ hạn phải nộp mà chưa thể nộp được, nay nhất luật đều được tha.

Đo đất bãi ven sông, cấp cho dân sở tại.

---

[1] Tức Thái Công Vọng, tên chính là Khương Thượng, một viên tướng giúp Chu Vũ Vương đánh chúa Trụ nhà Thương Khương. Thượng làm 6 quyển binh thư nhan đề là Lục thao; văn thao, võ thao, long thao, hổ thao, báo thao và khuyển thao.

[2] Hoàng Thạch Công làm 3 quyển binh thư.

[3] Tức Tôn Vũ, người thời Xuân Thu, làm binh thư gồm 13 thiên nhan đề: Tôn tử thập tam thiên.

[4] Tức Ngô Khởi, người thời Chiến quốc, làm binh thư nhan đề: Ngô tử gồm 6 thiên.

[5] Tức Tư Mã Nhương Thư, người thời Xuân Thu. Sách binh thư nhan đề Tư mã pháp trước kia chép là do Tư Mã Nhương Thư biên soạn.

[6] Người thời Chiến quốc, là học trò Quy cốc tử, Sách của Uất Liêu Tử nói về việc dụng binh gồm 5 quyển, 24 thiên.

[7] Tức Lý Tĩnh, người thời nhà Đường, Lý Tĩnh cùng Đường Thái Tông bàn luận việc binh, sau người ta chép thành sách, gồm 3 quyển, nhan đề Lý Vệ Công vấn đối.

Đất bãi ven sông, khi bồi khi lỡ không nhất định. Chỗ nào được sa bồi thì dân chỗ ấy ăn may nhận làm của mình, chỗ nào bị sụt lỡ, thì dân chỗ ấy mất mối lợi, do đấy tranh nhau nhận đất, sinh ra khiếu khống liên miên. Bèn hạ lệnh cho quan sở tại theo số mẫu ruộng và đất bãi bị lỡ nhiều hay ít của từng dân xã, khám xét rõ ràng, rồi liệu lượng cấp đất cho.

Lời chua - Theo lời chua trong Tạp kỷ của Cao Lãng, thì lúc ấy hạ lệnh cho viên huyện theo thể lệ làm sổ hộ, cứ 3 năm một kỳ khám đo đất bãi. Phàm dân xã nào chỉ có đất bãi không có ruộng ở trong đê mà đất bãi bị sụt lở đến một phần ba, thì lấy đất phù sa ở đối ngạn bên kia sông, liệu lượng chiếu theo ngạch cũ và đinh suất xã ấy mà cấp. Chỗ đất bị sút lở được trừ cho ngạch thuế cũ, còn chỗ đất mới được cấp đợi khi cày cấy thành thổ sẽ bắt đầu đánh thuế.

Định thuế thổ sản.

Lúc ấy thuế tô và dung đã định xong, còn các thổ sản thì tùy theo thổ nghi của từng nơi, định giá để đánh thuế, sẽ chuẩn trừ cho thuế tô, thuế dung có thứ nhiều thứ ít khác nhau.

Lời chua-Thổ Sản: Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì thổ sản có các loại: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ và đồ ăn thức dùng, thập vật v.v... Sách ấy lại chua rằng: loài kim như bạc, đồng, sắt và chì; loài mộc như gỗ tứ thiết, gỗ hồng sắc; loài thủy như cá và nước mắm; loài hỏa như than gỗ, than đá; loài thổ nhu son và diêm tiêu. Đồ ăn thức dùng như rượu, mật, dầu và sơn. Thập vật như các hạng giầy và chiếu trơn v.v...

Ất Tỵ, năm thứ 6 (1725). (Thanh, năm Ung Chính thứ 3).

Tháng 4, mùa h5. Túc Tông Hiếu Ninh hoàng đế[1] ta nối nghiệp.

Tháng 6. Xá các thuế còn bỏ thiếu.

Lúc ấy dân gian điêu tàn xơ xác, thuế tô, dungvà điệu phần nhiều bỏ thiếu. Bèn phân biệt ra các hạng nghèo khổ và lưu tán, liệu lượng thi hành lệnh hoãn thu hoặc ân xá. Lại lấu cớ rằng thóc lúa các huyện ở Hải Dương bị hao tổn vì nước mặn tràn ngập, nên lượng tha thuế nộp bằng tiền hay bằng thóc về vụ hạ năm nay có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Tháng tám, mùa thu. Đổi tên sông Hát làm sông Vân Bảo: sông Tô Lịch làm sông Địa Bảo.

Hai con sông Hát và Tô Lịch là chi lưu của sông Nhị. Sở dĩ đổi tên làm Vân Bảo và Địa Bảo là lấy cớ rằng để cho đối với tên sông Thiên Đức và Nguyệt Đức.

Lời chua-Sông Hát: Tức cửa sông Hát, xem Bình Định Vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Sông Tô Lịch: Xem Thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb, IV, 31).

Sông Thiên Đức: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Sông Nguyệt Đức: Sông này có hai chi phái: một chi từ xã Ngọc Long, huyện Tư Nông thuộc Thái Nguyên, chảy qua hai huyện Hiệp Hòa và Đa Phúc; một chi từ xã Đam Xuyên, huyện Yên Lãng thuộc Sơn Tây[2], chảy qua hai huyện Kim Anh và Đa Phúc, rồi hợp dòng ở địa phận xã Hương La huyện Yên Phong làm thành ngã ba sông, chảy qua huyện Quế Dương, rồi đổ vào sông Lục Đầu.

Sông Nhị: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

---

[1] Túc Phúc Chú, con cả của Phúc Chu, tự xưng là Đình quốc công, hiệu Vân Tuyền đạo nhân.

[2] Nay thuộc huyện Mê Linh tĩnh Vĩnh Phúc.

Tháng 10, mùa đông. Sai bọn tham tụng Nguyễn Công Hãng làm khuyến nông sứ[1].

Lúc ấy, mới sửa định sổ điền, dân sở tại phần nhiều tranh nhau địa giới, đã lâu không giải quyết được. Bèn sai phủ liêu là Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn, Trương Nhiêu, Đặng Đình Gián và nội giám là bọn Đỗ Bá Phẩm, Nguyễn Khuê làm khuyến nông sứ, chia nhau đi tuần hành 4 đạo, xem xét địa thế rộng hay hẹp, xa hay gần, nhân dân nhiều hay ít, rồi tùy theo sự tiện nghi mà phân xử, để nhân dân các xã đều được yên ổn với nhau. Lại xem xét rõ địa thế bắt dân đắp đê đắp đập, để theo thời tiết lấy nước vào ruộng hoặc tháo nước ra sông, phòng bị việc hạn hán hoặc ngập lụt; xét kỷ chỗ tốt chỗ xấu, chia ruộng ra làm ba bậc để định ngạch thuế. Lại thăm hỏi sự đau khổ ở dân gian, bàn định thi hành chính sách hợp thời để cứu vớt dân.

Lời chua-Bốn đạo: Theo Tạp kỷ của Cao Lãng, thì quan khuyến nông chia ra đi 4 đạo như sau: Một đạo về địa phận 6 phủ thuộc xứ Sơn Nam, một đạo về địa phận xứ Sơn Tây và kiêm cả địa phận phủ Ứng Thiên; một đạo về địa phận xứ Kinh Bắc và kiêm cả địa phận phủ Thường Tín; một đạo về địa phận xứ Hải Dương và kiêm cả địa phận phủ Khoái Châu.

Trương Nhiêu: Người xã Như Kinh, huyện Gia Lâm.

Đình Gián: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức.

Kiểm soát dân đinh bỏ làng trốn tránh.

Lúc ấy, làm lại sổ đinh nhiều người trốn tránh. Bọn Công Hãng xin chiếu theo sổ đinh truy nã, rồi xét xem người nào mạnh khỏe cho sung vào quân ngũ, người nào gầy yếu cho sung vào phu dịch. Ai biết được người trốn tránh mà cáo tố với quan sẽ được ban thưởng. Nhân dân phần nhiều bị khổ sở.

Tháng 11. Định rõ lại phẩm phục quan văn, quan võ.

Trước đây đã định kích thước hình dạng áo khăn thường phục. Đến nay định rõ lại phẩm phục trăm quan: Phàm mũ đai dùng trong lúc đại triều ở cung điện vua Lê và chầu chực ở phủ chúa Trịnh, đến hành nghi, thường phục, đồ dùng đều có cấp bậc khác nhau.

Lời chua-Phẩm phục: Lê triều cố điển chép:

Triều phục: Từ quan nhất phẩm đến tam phẩm dùng màu hồng; tứ phẩm, ngũ phẩm dùng màu lục, lục phẩm trở xuống dùng màu xanh.

Mũ: Hoàng thân và vương thân mũ trang sức bằng vàng; quan nhất phẩm đến tam phẩm đội mũ phốc đầu[2] trang sức bằng bạc; tứ phẩm và ngũ phẩm, về hàng võ đội nón sơn trắng, về hàng văn, đội mũ phốc đầu trang sức bằng thau; từ lục phẩm trở xuống về hàng võ, đội nón sơn son, về hàng văn, đội mũ phốc đầu không trang sức; viên quan giữ việc hình pháp đội mũ giải trãi[3].

Đai lưng: Hoàng thân và vương thân đai lưng trang sức bằng vàng; quan nhất phẩm, nhị phẩm dùng sừng con hoa tê, trang sức bằng bạc, bọc lụa đỏ, quan tam phẩm dùng đồi mồi, trang sức bằng bạc; đai lưng của đô ngự sử cũng như đai của viên quan hàm nhị phẩm; viên quan tứ phẩm, ngũ phẩm về hàng võ, đai thắt dùng màu tía; về hàng văn, dùng đồi mồi viền thau, bọc đoạn thâm; từ lục phẩm trở xuống, về hàng võ đai thắt dùng màu xanh, về hàng văn dùng gỗ tốc hương viền thau, bọc đoạn thâm.

---

[1] Chức quan trông coi về nông nghiệp có nhiệm vụ động viên khuyến khích dân chúng chú trọng về nghề nông. Chức này ở hàm tòng cửu phẩm, được đặt từ thời Thánh Tông nhà Lê. Nhưng ở đây dùng toàn quan đại thần cấp tham tụng (như Thủ tướng) để làm khuyến nông sứ chắc là đi kinh lý địa phương.

[2] Xem chú thích số 2 Chính biên quyển III, tờ 23.

[3] Giải trãi. Tên một giống thú rừng, có một sừng thẳng ở giữa trán, theo truyện cổ thì giống thú này có đặc tính phân biệt được người tà người chính, đời cổ dùng giống thú này để húc đánh người gian tà, nham hiểm, nên đời Hán theo hình cái sừng giải trãi mà chế mũ của các viên quan giữ về hình pháp, gọi là mũ giải trãi. Có ý để tượng trưng cho sự ngay thẳng.

Bổ tử: Quan nhất phẩm, nhị phẩm, về hàng văn, dùng hình con tiên hạc; về hàng võ, dùng hình con bạch trạch; tam phẩm, về hàng võ, dùng hình con sư tử, về hàng văn, dùng hình con cẩm kê; tứ phẩm về hàng võ, dùng hình con hổ, về hàng văn, dùng hình con công; ngũ phẩm, về hàng võ, dùng hình con báo, về hàng văn, dùng hình con vân nhạn; từ lục phẩm trở xuống, về hàng võ, dùng hình con voi, về hàng văn, dùng hình con bạch nhàn; viên quan giữ việc hình pháp dùng hình con giải trãi.

Các quan vào hầu phủ chúa Trịnh: quan văn, quan võ dùng mũ sa màu thâm, mặc áo thanh cát y[1], thắt thao kép xâu hạt ngọc. Tùy theo phẩm trật cao hay thấp mà dùng phẩm phục khác nhau.

Thường phục: Quan nhất phẩm, nhị phẩm dùng các hàng gấm hoa; từ tam phẩm đến ngũ phẩm dùng các hàng gấm đoạn; từ lục phẩm trở xuống dùng các hàng là lượt; dân gian dùng the, là, vãi, lụa hàng tre.

Võng và kiệu: Quan nhất phẩm, nhị phẩm kiệu bảy đòn khiêng, từ tam phẩm đến ngũ phẩm, kiệu ba đòn khiêng; từ lục phẩm trở xuống, võng ba đòn khiêng, đòn khiêng dài dùng hình thẳng; thứ dân, đòn khiêng võng dùng bằng tre.

Đồ dùng: Từ nhất phẩm đến tam phẩm, mâm sơn son, bát và chén dùng đồ Trung Quốc bịt bạc; tứ phẩm, ngũ phẩm, bát và chén bịt thau; từ lục phẩm trở xuống, mâm sơn màu tía, bát và chén dùng đồ Trung Quốc không bịt; dân gian, bát và chén dùng đồ của ta.

Trịnh Cương hạ lệnh cho nhân dân được phép ca tụng hoặc chê bai việc tốt việc xấu của viên quan giữ việc cai trị dân.

Tham tụng Nguyễn Công Hãng làm tờ khải nói: "Các quan giữ việc cai trị dân, nhân phẩm không giống nhau, họ tự xử trong mình có người liêm khiết, người tham ô, thi hành chính sự có điều tốt điều xấu, nếu không phải phân biệt người hay người dở, thì làm thế nào nêu được sự khuyên răn? Mà nếu không căn cứ vào lòng dân thì làm thế nào biết được người hay người dở? Vậy nên cho phép dân sở tại yết bảng ghi chép những lời ca tụng hoặc chê bai, để xem cho biết viên quan nào tốt, viên quan nào xấu. Làm như thế, khiến người ta biết kiêng kỵ răn sợ, mài giũa cho thành người liêm khiết siêng năng. Nhưng những đều yết lên bảng tất phải suất phát từ lẽ công bằng, cả hạt đều cùng một giọng. Nếu người nào yêu ghét theo ý riêng của mình, sinh ra khen chê càng bậy, thì người ấy sẽ có tội".

Lời phê-Chưa chắc đã được như thế[2], chỉ sinh nhiều việc mà thôi.

Trịnh Cương dùng Nguyễn Công Hãng giữ chức bảo phó cho con hắn là Giang, lại cho Công Hãng được mở doanh Trung Nhuệ.

Bính Ngọ, năm thứ 7 (1724). (Thanh, năm Ung Chính thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Phạm Khiêm Ích từ bên nhà Thanh trở về nước.

Trước đây, bọn Khiêm Ích sang sứ bộ sang nhà Thanh, khi đến Yên Kinh, vua nhà Thanh cho triệu vào yết kiến ở điện Kiền Thanh, yên ủi thăm hỏi, rồi chính tay vua viết bốn chữ "Nhật nam thế tộ"[3] đặc ân ban cho. Năm ấy, viên quan thế sử[4] tâu lên vua nhà Thanh là mặt trời mặt trăng hợp bích, năm vì sao liên châu. Nhân đấy, bọn Khiêm Ích dâng thơ chúc mừng; vua nhà Thanh ngợi khen và dụ bảo, lấy cớ rằng quốc vương[5] yêu chuộng văn học, tôn trọng đạo Nho, nên thưởng cho ba bộ sách.

[1] Xem lời chua của Cương mục chính biên quyển XXXII, tờ 37.

[2] Ý nói chưa chức đã khiến người ta biết kiêng kỵ răn sợ, mài giũa thành người liêm khiết, siêng năng.

[3] Bốn chữ này ý nói: hết đời này qua đời khác giữ ngôi báu ở phương nam.

[4] Viên quan giữ việc suy tính thiên văn, làm lịch.

[5] Chỉ vua nhà Lê lúc bấy giờ.

Sau này bàn luận công trạng phụng mạng đi sứ, thăng Khiêm Ích chức tả thị lang bộ Hộ, tước Thuật quận công; Nguyễn Huy Nhuận chức tả thị lang bộ Hình, tước Triệu quận công; Phạm Đình Kính chức hữu thị lang bộ Binh, tước Lại khê hầu.

Lời chua-Ba bộ sách: I. Bội văn vận phủ, 2. Uyên giám loại hàm, 3. Cổ văn uyên giám.

Lại tham khảo "Lịch chí" trong Tân Đường thư chép: Căn bản làm lịch, phải suy tính năm thượng nguyên, vì năm nào nhằm đúng năm thượng nguyên thì mặt trời, mặt trăng hợp bích, năm vì sao như liên châu. Sách ngũ đại sử chép: viên quan giữ về thiên văn suy xét, nhằm tiết đông chí, lúc nửa đêm ngày mồng một thuộc năm Giáp Tý, hễ thấy mặt trời, mặt trăng và năm vì sao đều hội họp ở Tý, thì năm ấy là thượng nguyên.

Tháng 2. Cử hành lễ duyệt binh một cách trọng thể.

Trước đây, bọn Công Hãng bàn: Việc lựa chọn binh lính đã thành ngạch nhất định. Nên hạ lệnh cho các lính mới tuyển ở tứ trấn và phủ Trường Yên, định vào đầu tháng giêng năm nay đến kinh thành để luyện tập thao diễn. Đến nay cử hành lễ duyệt binh trọng thể, có tế cờ đạo, xong rồi lại cho về làm ruộng.

Lúc ấy, lính mới tuyển ở các trấn tập hợp đến hơn vạn người, chúa Trịnh thấy hàng ngũ binh lính tề chỉnh, nên ban thưởng cho có nhiều ít khác nhau. Từ đây về sau, mỗi năm cứ tháng trọng xuân cử hành lễ đại duyệt. Việc này đặt thành thể lệ nhất định.

Lời chua-Cờ đạo: Theo Hội điển nhà Minh, thì cờ đạo liệt vào hạng được thờ tự. Khi nào thiên tử thân hành đi đánh dẹp hoặc sai tướng đem quân đi đánh, thì trước tế cờ đạo rồi sau mới xuất hành.

Thể lệ triều cố Lê: Hàng năm, chọn ngày tốt trong tháng 2, chúa Trịnh thống suất quan quân các doanh, trang bị đầy đủ nhung phục và khí giới, đặt đàn tràng cáo tế ở lầu Ngũ Long, chiểu theo phương hướng, mở cờ, bắn súng, làm chấn động dung nghi quân lính, gọi là tế cờ.

Nghệ An bị nạn đói.

Nghệ An, giá gạo thình lình cao vọt. Bèn hạ lệnh cho Trấn ty phát thóc trong kho Vĩnh khố chẩn cấp cho dân; những lính đã tuyển ở hai huyện Kỳ Hoa và Thạch Hà hiện đóng ở trấn đồn, mỗi người lính được cấp thóc 40 bát quan.

Lời chua- Vĩnh khố: Ở địa phận hai xã Vĩnh Yên và An Trường thuộc huyện Chân Lộc.

Kỳ Hoa: Nay là huyện Kỳ Anh. Kỳ Hoa và Thạch Hà đều thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Đời cố Lê: ty trấn thủ xứ Nghệ An ở địa phận xã An Trường huyện Chân Lộc; hai ty Thừa chính và Hiến sát ở địa phận xã Triều Khẩu, huyện Hưng Nguyên; lưu đồn ở địa phận xã Hà Trung, huyện Hà Hoa.

Tháng 6, mùa hạ. Bổ dụng những người tiến triều[1] là bọn Nguyễn Công Đĩnh làm giám sát ngự sử.

Lúc đầu trung hưng, bổ dụng người làm quan, không theo tư cách, cũng không phân biệt môn phái và cấp bậc, như: Vũ Duy Chí lấy tư cách là duyện lại xuất thân mà làm đến thượng thư[2], Trần Đăng Doanh và Vũ Phương Trượng chưa được vào hạng tiến triều đã tăng ngay đến thị lang, hoặc tự khanh. Khoảng năm Vĩnh Trị-Chính Hòa (1676-1704) bầy tôi ở phủ đệ chúa Trịnh, trong đó cũng có người được vào hạng tiến triều, vì lúc ấy triều đình còn chưa căn cứ vào tư cách để phân biệt người làm quan đúng

---

[1] Đều xem lời chua của Cương mục ở dưới.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 27.

đường hoặc làm quan tắt, sự phân biệt cao thấp chỉ trông vào chức tước phẩm trật của người hiện được triều đình trao cho mà thôi. Đầu năm Bảo Thái, mới định thể lệ văn thuộc tốn phẩm[1] Đến nay, cất nhắc những người vào hạng tiến triều là Nguyễn Công Đĩnh, Nguyễn Khắc Trung và Vũ Doanh Quán đều thăng làm ngự sử. Những người này tuy vào bậc được mặc áo màu hồng, đeo ngọc, nhưng bọn sĩ phu cũng không cho là bậc danh dự quan vinh.

lời chua-Tiến triều: Theo quan chế triều cố Lê, phàm người nào vào hạng giám sinh trúng thức, chỉ được bổ tri huyện, sau thăng chức hữu tham nghị là cùng; nếu có người nào vào hạng trúng thường[2] mà có công trạng rõ rệt, lại được bầy tôi trong triều hiệp đồng bảo cử, thì cho được cất nhắc bổ dụng cũng như người đỗ tiến sĩ. Hạng người này được thăng đến chức tham chính hoặc thị lang trong 6 bộ trở lên. Những người ấy gọi là tiến triều.

Tốn phẩm: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, đầu năm Bảo Thái định thể lệ: Những văn thuộc tiến triều, thì đặc chỉ bắt phải tốn phẩm. Nghĩa là về việc phong ấm và cất nhắcđều kém người đỗ tiến sĩ hai bậc.

Văn thuộc: Một danh từ để gọi gia thần trong phủ chúa Trịnh.

Phương trượng: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, em Vũ Duy Chí.

Đăng Doanh: Người xã An Lạc, huyện Đông Thành.

Khắc Trung: Có sách chép. Khắc Dụng.

Tháng 8, mùa thu. Bắt đầu đặt chức tuần phủ ở các trấn.

Bổ dụng trung úy Nguyễn Khắc Xứng làm tuần phủ trấn Sơn Nam. Còn các trấn Sơn Tây, Kinh Bắc và Hải Dương thì đều chọn một viên quan võ, người nào có thể làm nổi công việc để bổ dụng. Chức tuần thủ lệ thuộc vào trấn ty, phân phối đi tuần địa điểm trọng yếu và kềm chế trộm cướp trong hạt. Chức tuần thủ được đặt ra bắt đầu từ đây.

Lời chua-Trung úy: Quan chế triều Lê, trung úy thuộc về võ giai, hàm chánh ngũ phẩm. Nguyên văn chép: "Diên xưởng".

Sai Vũ Đình Ân. Đông các hiệu thư hội đồng với người nhà Thanh lập giới mốc ở núi Xưởng Chì[3].

Trước đây, đất biên giới hai châu Vị Xuyên và Thủy Vĩ bị thổ ty phủ Khai Hóa nhà Thanh xâm chiếm gồm 120 dặm. Năm Ung Chính thứ 3 (1725), Cao Kỳ Trác, tổng đốc Vân Nam nhà Thanh, lại tâu với vua Thanh là cương giới An Nam có chỗ xâm lấn vào biên cảnh cũ của nội địa[4], xin thi hành việc tra xét rõ ràng. Việc này triều đình nhà Lê đưa thư sang biện bạch; Khổng Dục Tuân, tổng đốc Quảng Tây, tâu bày đề đạt giúp, được vua nhà Thanh y cho. Triều đình bèn hạ lệnh cho bọn Hồ Phi Tích và Vũ Công Tể hội đồng với viên quan phái ủy nhà Thanh là Phan Doãn Mẫn đi đến nơi khám xét, hai bên vẫn giằng co nhau không giải quyết được. Đến nay có tờ dụ của vua nhà Thanh đưa sang, triều đình bèn sai Đình Ân đi hội đồng lập giới mốc ở dưới núi Xưởng Chì. Đất nước ta được nhà Thanh trả lại 80 dặm, còn 40 dặm là chỗ có xưởng đồng[5], vẫn còn bị chìm đắm vào phủ Khai Hóa.

Lời chua-Việc phủ Khai Hóa xâm chiếm đất: Xem Lê Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 9 (Chb. XXXIV, 20-21).

---

[1] Xem thêm lời chua Chính Biên quyển XXXIV, tờ 6.

[2] Xem thêm lời chua Chính biên quyển XXXIV, tờ 6.

[3] Nguyên văn chép: "Diên xưởng".

[4] Vị trí cương giới của nhà Thanh lúc bấy giờ.

[5] Nguyên văn chép: "Đồng xưởng" . Có lẽ lúc bấy giờ những địa điểm này có trường xưởng khai mỏ chì, mỏ đồng.

Đình Ân: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1712) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Công tể: Người xã Hải Bối, huyện Yên Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1718) năm Vĩnh Thịnh.

Định rõ lại thể lệ phong tặng và phong ấm.

Phàm quan văn, quan võ, viên quan nào được triều đình phong tặng hoặc phong ấm cho cha mẹ, vợ con, nếu viên quan ấy có tước thì theo tước để phong, nếu không có tước thì theo chức quan. Việc này là theo lời xin của Trịnh Quán và Nguyễn Công Hãng.

Tháng 10, mùa đông. Thêm ngạch lấy đỗ ở trường thi Phụng Thiên.

Theo ngạch cũ, số lấy đỗ ở trường thi hương phủ Phụng Thiên, về hạng đỗ tam trường[1] trước lấy hơn một trăm người, nay tăng lên trong 150 người, về hạng đỗ tứ trường[2] trước lấy hơn 10 người, nay tăng lên trong 20 người. Số này định làm thể lệ lâu dài.

Giảm nhẹ phú thuế cho trấn Cao Bằng.

Đầu năm Vĩnh Thịnh, định thêm phép đánh thuế ở Cao Bằng, thuế khóa và dao dịch phiền phức nặng nề, đã nhiều lần bầy tôi phiên trấn về kinh bầy tỏ sự đau khổ chồng chất của dân. Do đấy, triều đình hạ lệnh, giảm bớt các sở tuần ty và các thuế phụ như các thuế đánh vào đầu trâu, thuế nộp hồng quả[3] và vãi thô v.v... Từ đấy, dân ở bốn châu[4], mới dần dần được yên nghĩ.

Lời chua-Thuế ở trấn Cao Bằng: Theo tạp kỷ của Cao Lãng, thì các tuần ty ở Cao Bằng như Na Lữ, Án Lại, Khê Lực và Thẩm Toán 4 sở, nay đều triệt bỏ.

Thể lệ cũ, các thuế phụ như thế này:

Thuế đánh vào đầu trâu, phàm người nào giết thịt trâu bò, thì tính từng đầu con vật mà nộp thuế.

Thuế hồng quả, trước kia hàng năm phải dâng nộp 65 gánh. Hai thứ thuế này, nay đều được miễn.

Thuế vãi hoa của người thổ, trước kia hàng năm phải dâng nộp 57 tấm, nay cũng giảm bớt, chỉ phải nộp ở trấn 20 tấm, còn thì chuẩn cho nộp bằng sử tiền, mỗi tấm 8 quan.

Tháng 11. Thi lại những người đã đỗ hương cống ở lầu Ngũ Long. Nguyễn Công Cơ được thăng chức thiếu bảo.

Lúc ấy, việc thi cử phần nhiều những lạm, con em nhà quyền thế được đỗ hương cống, ít người có tài thực học. Nguyễn Công Cơ nói về việc này, nên có lệnh phải thi lại, kết quả đánh hỏng 28 người, trong số ấy có: con trai tham tụng Lê Anh Tuấn, con trai Huân quận công Đặng Đình Gián, con nuôi Nội giám thiếu bảo Đỗ Bá Phẩm cùng cống sĩ ở các xứ. Những người này phải giao xuống pháp đình xét hỏi để trị tội nặng. Triều đình nhận thấy Công Cơ là người nói thẳng, nên cho thăng chức thiếu bảo.

Thanh Hoa bị nạn đói.

Triều đình bỏ ra 4 vạn quan tiền ở trong kho, giao cho bồi tụng Nguyễn Hiệu đi phát chẩn cho dân.

---

[1] Tức sinh đồ.

[2] Tức hương cống. Đến triều nhà Nguyễn, năm Minh Mạng thứ 6 (1825) đổi sinh đồ làm tú tài, hương cống làm cử nhân.

[3] Không rõ thứ quả gì, trong Hậu Lê tạp kỷ chỉ chép là quả, không có chữ "hồng". Có thuyết nói "tức quả hồng". Họ viện chứng là vùng Cao Lạng sản giống hồng rất ngon. Nhưng vì nguyên văn không chép "thị tỉ", mà chép "hồng quả", nên chúng tôi không dám dịch là "quả hồng", xin tồn nghi.

[4] Tức các châu Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm và Quảng Yên, nay đều thuộc tỉnh Cao Bằng.

Lời chua-Nguyễn Hiệu: Người xã Lan Khê, huyện Nông Cống, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hòa triều Lê Hy Tông.

Đinh Mùi, năm thứ 8 (1727). (Thanh, năm Ung Chính thứ 5).

Tháng 5, mùa hạ. Bổ dụng thiếu bảo Nguyễn Công Cơ giữ chức thự phủ sự.

Công Cơ là người thẳng thắn, sáng suốt, nói năng quả cảm. Công Hãng có ý ghét, ở trong chính phủ, Công Cơ thường bị đè nén, xin đổi sang Võ Giai, bèn đều bổ giữ chức thự phủ sự.

Tháng 7, mùa thu. Trịnh Cương lập Duy Phường, con thứ nhà vua (hoàng thứ tử) làm thái tử.

Trước kia, con trưởng nhà vua là Duy Tường 28 tuổi, ra ở ngôi Đông Cung[1] đã hơn 10 năm, Duy Phường là em 19 tuổi, do Trịnh Thị sinh ra. Trịnh Cương có ý muốn bỏ người này lập người khác nhưng khó tìm được lời lẽ gì để nói; Cương cùng bọn tham tụng Nguyễn Công Hãng bàn luận về việc phong chức ban tước cho các hoàng thân một cách phân biệt hơn, bèn trao cho Duy Tường tước quận công, hàm chức tứ phẩm, và lập Duy Phường làm thái tử.

Lời cẩn án-Duy Tường con trưởng của Dụ Tông, ra ở ngôi Đông Cung hơn 10 năm, danh vị thái tử đã ấn định rồi, thì nước là nước của thái tử Duy Tường, sao Trịnh Cương lại được phép bỏ Duy Tường mà lập Duy Phường? Về việc này, Sử cũ chép: "Duy Phường do chính cung sinh ra". Chính cung tức là con gái chúa Trịnh. Như thế chẳng qua họ Trịnh lập người con của con gái mình để cho người mẹ được quý hiển, lại mượn tiếng danh vị để thỏa mãn bụng riêng đấy thôi.

Trịnh Cương muốn chuyên quyền bỏ người này lập người khác, mới quanh co làm ra lời bàn phong quan, ban tước. Chưa bao lâu nữa Cương ép nhà vua truyền ngôi cho Duy Phường, bề ngoài giả thác ta tiếng truyền ngôi, mà bề trong thì làm kế kế ăn cướp ngôi vua cho cháu ngoại. Cương coi việc xếp đặt ngôi vua như người đánh cờ, cả đến bầy tôi bấy giờ cũng phụ họa với hắn, thế mà người làm sử lại chép quanh co để che tội lỗi cho hắn. Lòng người đắm đuối, nghĩa lớn diệt vong, đến thế là cùng cực, đáng than thở biết chừng nào!

Tháng 10, mùa đông. Bỏ thứ thuế ngoài lệ ngạch.

Lúc ấy tô, dung và điệu đã có ngạch thuế nhất định, mà người thừa hành vẫn sách nhiễu theo thói cũ, tệ hại không thể kể xiết! Bèn hạ lệnh: các hạng thuế ngoài lệ ngạch và các thổ sản đã đánh giá chuẩn cho nộp vào tiền thuế dung rồi, nay nhất luật tha cho; duy thuế tô, dung và điệu vẫn phải nộp tiền theo như thể lệ.

Lập phép chọn lựa và mộ lính nhất đinh.

Phép lựa chọn lính: Chiếu theo số đinh hiện tại, cứ mười người giữ lại một người làm việc, còn thì thải cho về làng, định rõ lệnh cấm về việc bắt bớ đòi hỏi phiền nhiễu. Phép mộ lính: phàm người nào thân thể sức vóc khỏe mạnh, tình nguyện đi lính, thì được phép nộp đơn, đợi lệnh xét duyệt, sẽ sung bổ vào đội ngũ, cấp cho ruộng công để làm lương ăn.

Lời chua-Nhất binh: Một danh hiệu để gọi lính tứ trấn lúc bấy giờ.

Trịnh Cương phong cho con là Giang làm tiết chế, tước Uy quận công, mở phủ Điện quốc.

Sai khi tiến phong cho con là tiết chế, Cương tự soạn bài văn, tiếm xưng là "bảo huấn" để ban cho Giang.

tháng 11. Trịnh Cương tự ý dựng phủ đệ mới ở Cổ Bi.

---

[1] Xem chú thích số 1. Chính biên quyển III, tờ 21.

Khi tuổi đã về già, Trịnh Cương đi tuần du không có tiết độ. Nhiều lần sai bọn hoạn quan chia nhau đi sửa dựng các chùa ở núi Độc Tôn và Tây Thiên để phòng bị khi đi du ngoạn. Cổ Bi là một địa điểm nổi tiếng ở vùng Kinh Bắc, tiếp giáp với xã Như Kinh, mà Như Kinh là quê hương Trương thái phi, mẹ đẻ Trịnh Cương, nên Cương thường tuần du đến xã ấy. Vì mê hoặc về thuyết phong thủy, Cương muốn dời phủ đệ đến ở đất này, bầy tôi hắn lại nhiều người a dua phụ họa. Hắn bèn sai xây dựng phủ đệ mới, công việc làm một tháng đã hoàn thành, đặt tên là phủ Kim Thành. Nhân đấy, bọn đại tư đồ Trịnh Quán và thiếu phó Nguyễn Công Hãng được thăng thưởng chức tước có người cao có người thấp khác nhau.

Lời chua-Phong thủy: Sách Táng Kinh của Quách Phát chép:

Chỗ đất nào được thủy khí là đất tốt nhất, chỗ nào giữ được phong khí là đất tốt thứ 2.

Cổ Bi và Như Kinh[1]: Tên 2 xã, đều thuộc huyện Gia Lâm, trấn Kinh Bắc.

Núi Độc Tôn: Ở địa phận xã Cát Nê, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Chùa Tây Thiên: Ở xã Sơn Đình, huyện Tam Dương. Cả hai nơi đều thuộc sơn phận Tam Đảo.

[1] Cổ Bi nay thuộc huyện Gi a Lâm, Hà Nội. Như Kinh nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hưng Yên.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 37

Từ Mậu Thân, Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (1728) đến Ất Mão, Lê Thuần Tông, năm Long Đức thứ 4 (1735), gồm 8 năm.

Mậu Thân, năm [Bảo Thái] thứ 9 (1728). (Thanh, năm Ung Chính thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Dân bị nạn đói.

Thanh, Nghệ và tứ trấn nhiều lần trải qua lụt lớn và gió bão, nhân dân bị đói. Triều đình bỏ ra 6 vạn quan tiền trong kho nội phủ, sai các quan trong tam ti chia nhau đi phát chẩn cho dân.

Lời chua-Tam ti: Tức ti trấn thủ, ti thừa chính sứ và ti Hiến sát sứ.

Bổ dụng: Tạ Đăng Huân, tả thị lang bộ Lễ, kiêm giữ chức tế tửu ở Quốc Tử giám, Nguyễn Trù, hữu thị lang bộ Hình, kiêm giữ chức Tư nghiệp.

Lúc ấy, đặt viên quan kiêm giữ công việc ở Quốc Tử giám[1] để cho chức trách được long trọng. Triều đình hạ lệnh các viên ấy giữ việc: mùa xuân, mùa hạ khảo xét phương pháp mưu lược về việc binh của quan võ; mùa thu, mùa đông khảo xét việc thảo thiện từ chương, mệnh lệnh của quan văn. Việc này dùng làm việc thường hành trong hàng năm.

Tham tụng Nguyễn Công Hãng nhận thấy thể văn kinh nghĩa chỉ rập theo khuôn sáo cũ, không có chút nào tinh túy anh hoa. Còn thể văn bát cổ của nhà Thanh, để suy nghĩ đẻ ra nghĩa mới, nếu dùng để thi học trò có thể thu hút được người có tài lỗi lạc. Công Hãng muốn biến đổi thể văn, nên thường dẫn quan văn vào Quốc Tử giám luyện tập thể văn ấy, để mài giũa lấy nhiều sĩ tử, học trò có ý oán trách. Sau bàn định kỳ thi kinh nghĩa trong khoa thi hương, thị hội sẽ đổi dùng thể văn bát cổ. Nhưng vì công Hãng bị mất ngôi tham tụng[2], nên việc này chưa kịp thi hành đã bãi bỏ.

Lời chua-Đăng Huân: Người xã Đại Bằng (Phùng) huyện Đan Phượng, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hòa triều Lê Hi Tông.

Tế tửu và Tư Nghiệp: Quan chế đời Bảo Thái, Quốc Tử giám tế tửu, hàm tùng tứ phẩm, Quốc Tử giám tư nghiệp, hàm tùng ngũ phẩm.

Tháng 4, mùa hạ. Ai Lao sai sứ thần sang thông hiếu với chúa Trịnh.

Họ Trịnh, cứ đến đầu mùa xuân làm lễ cầu đảo tuổi thọ, lễ ấy chúa Trịnh tiếm xưng là tiết diên thọ[3], sứ thần Ai Lao không đến chúc mừng. Trịnh Cương làm thư yên ủi dụ bảo, nay Ai Lao sai sứ thần đến dân lễ cống, ngoài thể lệ thường số voi và thổ nghi đều cống nộp gấp đôi lần trước. Khi sứ thần đến cống và khi trở về nước, việc cung đốn và thức ăn thức mặc đều ban cấp theo cách thức hậu đãi, để họ được vui lòng.

Lời chua-Ai lao: Xem Triệu Việt Vương, năm thứ 2 (Tb.IV, 9, 10). Nhận xét: Ai Lao chép ở đây, có lẽ là Bồn Man, nhưng vì biên chép không rõ, nên nay hãy nghi lại.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXIV, tờ 31.

[2] Sau đây 5 năm, Công Hãng bị truất ra làm Thừa chính sứ ở Tuyên Quang, rồi bị Trịnh Giang giết.

[3] Xem thêm Chính biên quyển XXXV, tờ 12.

Định rõ lại phép thu tô ruộng.

Trước đây, phép tô: về ruộng công nhất luật chuẩn cho thu mỗi mẫu 8 tiền, rồi căn cứ vào ruộng một mùa hoặc hai mùa mà định mấy phần nộp bằng thóc khác nhau; về ruộng tư và đất bãi thì chia ra hai bậc mà cho nộp bằng tiền. Đến nay sai quan thân hành đi khám, xét xem ruộng nào tốt, ruộng nào xấu, chia làm ba bậc để định bậc cao hạ về việc đánh thuế tô. Đại khái phép đánh thuế này nặng hơn phép cũ.

Lời phê-Sáng đổi tối thay, rất không hợp với chính thể. Pháp lệnh lúc bấy giờ phần nhiều giống như thế cả.

Lời chua-Phép tô: Xem năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 9, 10).

Ba bậc tô ruộng: Theo Tạp kỷ của Cao Lãng thì về phần ruộng công: hạng ruộng nhất đẳng mỗi mẫu thuế tô một quan cổ tiền[1], trong số này hai phần ba nộp bằng thóc; hạng ruộng nhị đẳng mỗi mẫu thuế tô 8 tiền cổ tiền, trong số này nộp một nữa bằng thóc; hạng ruộng tam đẳng mỗi mẫu nộp tô 6 tiền cổ tiền, trong số này một phần ba nộp bằng thóc. Về phần ruộng tư: hạng ruộng nhất đẳng mỗi mẫu thuế tô 3 tiền cổ tiền, hạng ruộng nhị đẳng và tam đẳng mỗi mẫu thuế tô 2 tiền cổ tiền.

Quân cấp ruộng và đất cho binh lính đã tuyển được.

Trước đây, binh lính tuyển ở tứ trấn, đã cấp cho khẩu phần ruộng công. Đến nay định rõ đẳng hạng về tô ruộng, nên lại hạ lệnh đem ruộng và đất bãi cùng cân nhắc để quân cấp cho binh lính tuyển được: đất bãi cùng ruộng vào hạng nhất đẳng thì mỗi người lính được 5 mẫu, nếu là ruộng vào hạng nhị đẳng, hoặc tam đẳng thì mỗi người được 6 mẫu hoặc 7 mẫu.

Nhà Thanh trả lại xưởng đồng Tụ Long.

Trước đây, nước ta cùng nhà Thanh lập giới mốc hai bên ở núi Xưởng Chì (Diên Xưởng), còn núi Tụ Long ở nước ta vẫn bị mất về nhà Thanh[2], thổ ti nhà Thanh đặt quan ải để đánh thuế. Đất ở biên giới nước ta bị mất 40 dặm, triều đình đã nhiều lần làm văn thư tâu bày biện bạch việc này, vua nhà Thanh hạ sắc văn dụ bảo quan địa phương bàn luận riêng về việc lập giới mốc, một mặt hạ lệnh cho Ngạc Nhĩ Thái, tổng đốc Vân-Quý (Vân Nam, Quý Châu), khám xét lại. Nhĩ Thái lại nghe theo lời viên quan phái ủy của nhà Thanh là Phan Doãn Mẫn, rồi hắn tâu với vua nhà Thanh là nước ta xâm chiếm đất của phủ Khai Hóa, không chịu giao trả, vua nhà Thanh hạ sắc văn dụ bảo nước ta phải theo lời trả lại. Nhĩ Thái làm tờ tư cho chạy trạm đến địa đầu biên giới Tuyên Quang, nhưng Hoàng Văn Phác (có sách chép: Văn Lâu), thổ mục giữ quan ải, dùng lời lẽ kháng cự, không chịu tiếp nhận tờ tư, kéo dài đến 5, 6 ngày. Nhĩ Thái ngờ nước ta có mưu kế gì khác chăng, hắn lập tức tư sang tỉnh Quảng Tây chia địa điểm phòng bị nơi biên giới. Một mặt hắn lại đem việc này tâu về triều đình nhà Thanh và xin điều động binh mã ba tỉnh để phòng bị biên giới, nhưng vua nhà Thanh không y cho. Liền đó, vua nhà Thanh sai bọn Hàng Dịch Lộc[3], tả đô ngự sử, và Nhậm Lan Chi, nội các học sĩ, đi thẳng sang nước ta tuyên bố chiếu chỉ để hiểu dụ, nhân đấy xem xét sự động tĩnh. Khi bọn Dịch Lộc ra đi chưa đến nước ta, thì ngay lúc ấy, quốc thư nước ta đưa sang nhà Thanh từ trước chợt đến Yên Kinh, trong quốc thư giải bày "lòng thành thờ nước lớn, sợ mệnh trời", vua nhà Thanh xem quốc thư, rất lấy làm vui lòng và khen ngợi, lập tức sai viết sắc văn khác, lại giao cho bọn Dịch Lộc đưa sang nước ta tuyên bố dụ bảo, trong sắc văn nói về việc tra ra đất xưởng đồng 40 dặm, nay giao trả lại.

Lúc ấy, biên giới phương bắc cảnh giới nghiêm ngặt, nên bên nước ta trong kinh ngoài trấn có ý nghi ngờ sợ hãi, nhưng Trịnh Cương quyết đoán, cho rằng, có lý nào không hấn khích gì mà lại sinh sự được, bèn nghiêm sức cho quan lại giữ biên giới, không được hành động càn rỡ.

---

[1] Mỗi tiền 60 đồng, xem lời chua của Cương mục chính biên quyển XXI, tờ 2.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XXXV, tờ 29, 30.

[3] Nguyên văn chép Hàng Dịch Lộc. Tham khảo chú thích số 1 và 6 ở Chính biên tờ 5 và 6 sau đây.

Tháng 6, Dịch Lộc đến Đông Đô, quả nhiên giao trả lại đất cũ nước ta, lại lập giới mốc ở sông Đổ Chú.

Về nghi lễ tiếp nhận sắc văn của vua nhà Thanh, Dịch Lộc lại yêu cầu cử hành nghi lễ ba lần quỳ chín lần vái[1], triều đình cũng miễn cưỡng nghe theo.

Sau đó, sai tả thị lang bộ Binh Nguyễn Huy Nhuận và tế tửu Nguyễn Công Thái đi lên Tuyên Quang nhận đất và lập giới mốc. Thổ ti phủ Khai Hóa muốn ăn chặn lấy các sách ở Bảo Sơn, nên chỉ láo chỗ khác là sông Đỗ Chú. Công Thái biết là gian trá, liền xông pha lăn lộn những nơi lam chướng hiểm trở, đi trải qua các xưởng bạc, xưởng đồng, nhận ra đúng chỗ sông Đỗ Chú, bèn dựng bia ở nơi giáp giới. Từ đấy việc cương giới hai bên mới được ấn định.

Lời phê-Đạo làm bầy tôi phải như thế[2].

Lời chua-Núi Tụ Long: Ở địa phận xã Tụ Long, châu Vị Xuyên[3], nay chia đặt lại, nên núi ấy thuộc huyện Vĩnh Tuy. Khoáng sản trong núi có đá nam châm và đồng đỏ, lại có chỗ lẫn ngân sa nữa, nên cũng gọi là xưởng bạc.

Sách Nhất thống chí của nhà Thanh chép: "Năm Ung Chính thứ 6 (1728), tổng đốc Vân Nam xin tra xét rõ địa giới nước An Nam, phụng chỉ dụ đặc ân cho nước An Nam 40 dặm đất. Bèn lấy sông Đỗ Chú ở vịnh Bạch Mã làm giới mốc".

Sách Đông hoa lục của Tưởng Lương Kỳ[4] chép: "Tháng 4, năm Ung Chính thứ 3 (1725), tổng đốc Cao Kỳ Trác tâu: Cương giới nước An Nam có 120 dặm thuộc cảnh thổ cũ của nội địa[5], nước ấy dâng sớ biện bạch, bèn hạ lệnh cho Ngạc Nhĩ Thái, là đốc thần tiếp nhậm[6] khám xét lại cho được chính xác, rồi giao trả lại 80 dặm ở dưới núi Xưởng Chì (Diên Xưởng). Quốc vương nước ấy lại dâng sớ biện bạch, nên tháng 9, năm thứ 5 (1727), triều đình sai Nhậm Lan Chi, nội các học sĩ, cùng với bọn Hàng Dịch Lộc[7], tả đô ngự sử, đi dụ bảo. Khi chưa đến nơi, thì quốc vương dâng tờ biểu tạ ơn, triều đình lại đem 40 dặm đất mà Nhĩ Thái tra ra được trã lại cho quốc vương, và làm sắc dụ giao bọn Hàng Dịch Lộc[8]đem sang tuyên đọc. Đại lược sắc văn nói: Trẫm thống trị thiên hạ, phàm những nước đã liệt vào phiên phong[9] thì dầu một thước đất không chỗ nào là không phải đất đai do trẫm chủ tể, can chi phải so đo 40 dặm đất nhỏ bé ấy làm gì? Mới đây, Ngạc Nhĩ Thái đem bản tâu của quốc vương[10] tiến trình, lời lẽ ý tưởng trong bản tâu tỏ lòng cung kính, trẫm rất vui lòng khen ngợi. Vả lại, 40 dặm đất ấy nếu thuộc vào Vân Nam thì là nội địa của trẫm, nếu thuộc vào An Nam thì vẫn là ngoại phiên của trẫm, không có một chút gì phân biệt cả. Vậy chuẩn cho đem đất ấy ban thưởng quốc vương được đời đời giữ lấy".

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXV, tờ 27.

[2] Lời phê này có ý khen Nguyễn Công Thái chịu khó lăn lộn tìm được đúng chỗ sông Đỗ Chú.

[3] Thuộc tỉnh Hà Giang.

[4] Tác giả sách Đông Hoa lục, chính tên là Tưởng Lương Ký (Từ Hải trang 678). Ở đây Cương mục chép lầm là Kỳ.

[5] Tức đất của nhà Thanh lúc bấy giờ.

[6] Danh từ gọi viên quan tổng đốc mới kế tiếp đến nhậm chức thay viên quan trước.

[7] Nguyên văn chép: Hãng Dịch Lục, tham khảo với chú thích số 1.

[8] Nguyên văn chép: Khảng Dịch Lộc, Chính biên tờ 5 ở trên.

Cùng một tên người chép trong một đoạn văn, mà 3 chỗ chép khác nhau, không rõ họ và tên viên này thế nào là đúng. Ở đây chúng tôi đều phiên "Hàng Dịch Lộc", theo như họ và tên chép trước tiên trong đoạn văn này cho được thống nhất.

[9] Một danh từ gọi chung các nước chư hầu do triều đình Trung Quốc lúc bấy giờ phong cho. Ý nói vua chư hầu có nhiệm vụ giữ đất đai do thiên tử Trung Quốc phong cho, để làm như phên giậu bảo vệ nước của thiên tử.

[10] Những chữ "quốc vương" chép ở đoạn này đều chỉ vua Lê lúc bấy giờ.

Bia đá: Nay ở địa phận xã Tụ Long, huyện Vĩnh Tuy. Hai bờ phía nam phía bắc sông Đỗ Chú đều có bia đá:

Văn bia ở bờ phía nam [do bọn Nguyễn Huy Nhuận dựng, lời văn như thế này]:

"Giới mốc châu Vị Xuyên, trấn Tuyên Quang, nước An Nam, lấy sông Đỗ Chú làm căn cứ.

"Ngày 18 tháng 9, năm Ung Chính thứ 6 (1728). Chúng ta là: Nguyễn Huy Nhuận, tả thị lang bộ binh, và Nguyễn Công Thái, tế tửu Quốc tử giám, được triều đình ủy sai, vâng theo chỉ dụ, lập bia đá này".

Văn bia ở bờ phía bắc [do bọn Ngô Sĩ Côn dựng, lời văn như thế này]:

"Khai Dương[1] ở xa tận một góc trời, tiếp giáp với đất đai Giao Chỉ. Tra trong sách vỡ ghi chép lại, thì giới mốc chỗ đất này phải ở vào sông Đỗ Chú cách phủ trị Khai Hóa 240 dặm về phía nam. Chỉ vì về sau giới mốc lẫn lộn, viên quan do triều đình phái ủy khám xét tâu xin lập giới mốc ở núi Xưởng Chì (Diên Xưởng sơn). Hoàng thượng ta[2] ân uy rộng khắp phương xa, nghĩ giao chỉ đời đời giữ đạo cung kính thuận theo, cả ban cho dụ chỉ, lại đem 40 dặm đất tra xét ra được, để trả lại cho.

"Bọn Sĩ Côn chúng tôi, tuân theo tờ hịch của bộ viện quan tổng đốc Vân Quý (Vân Nam, Quý Châu) ủy thác, nên ngày mồng 7 tháng 9, chúng tôi hội đồng với bọn Nguyễn Huy Nhuận, viên quan phái ủy của nước Giao Chỉ, công đồng bàn định, lấy con sông nhỏ ở phía nam vịnh Bạch Mã làm giới mốc. Chỗ này tức chỗ mà trong tờ tâu của quốc vương gọi là sông Đỗ Chú đấy.

"Vậy chúng tôi tuân theo dụ chỉ, lập nhà bia giới mốc ở phía bắc sông. Từ đây biên cương bền vững lâu dài, ức muôn năm được đội ơn không bao giờ mai một.

"Ngày 18 tháng 9, năm Ung Chính thứ 6.

"Chúng tôi là: Ngô Sĩ Côn, giữ chức tri phủ Khai Hóa và Vương Vô Đảng, giữ chức du kích trung doanh trấn Khai Hóa, kính dựng bia đá này".

Khai Dương: Vị xưởng đồng ở phía nam phủ Khai Hóa, nên gọi là Khai Dương.

Công Thái: Người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Thanh Hoa và Nghệ An không mưa.

Sai quan chia nhau đi tuần hành xem xét, rộng ra tiền thuế điệu cho dân.

Tháng 10, mùa đông. Được mùa lớn.

Lời phê-Vừa mới chép "không mưa", liền đấy lại chép "được mùa". Có lý nào như thế không?

Kỷ Dậu, năm thứ 10 (1729). (Từ tháng 4 trở về sau là năm Vĩnh Khánh thứ nhất đời Đế Duy Phường-Thanh, năm Ung Chính thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Cương bắt ép nhà vua truyền ngôi cho thái tử Duy Phường.

Duy Phường, cháu ngoại Trịnh Cương, lập làm thái tử[3], muốn để nối ngôi. Lúc ấy nhà vua lui ra ở điện Kiền Thọ, để truyền ngôi cho Duy Phường. Đấy là sợ chúa Trịnh bức bách.

Thái tử lên ngôi vua (tức Đế Duy Phường), đổi niên hiệu ân xá cho trong nước.

[1] Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

[2] Tức vua Thế Tông (Ung Chính) nhà Thanh.

[3] Xem thêm Chính biên quyển XXXVI, tờ 32.

Xá những thuế còn bỏ thiếu từ năm Đinh Mùi (1727) trở về trước và xá hai phần mười thuế vụ hạ năm này.

Tôn nhà vua làm thái thượng hoàng.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Nước sông Nhị tràn ngập, đường đê nhiều chỗ bị vỡ. Triều đình sai bọn Hồ Phi Tích đào sông Nghĩa Trụ để cho thủy thế lưu thông. Một mặt mở kho thóc Vị Hoàng chẩn cấp cho dân bị thủy tai. Những ruộng cấy lúa mùa, bị ngập lụt được cấp cho thóc giống. Lại sai quan khuyến nông chia ra từng đạo đi khám xét, chia dân lưu vong làm 4 hạng, bàn định thi hành việc cứu vớt.

Lời chua-Bốn hạng dân: Theo Lê sử tục biên, thì lúc ấy chia dân lưu vong làm 4 hạng: hạng thứ nhất: những dân phiêu lưu mất tích; hạng thứ hai: những dân nhiều người phiêu tán, chỉ còn một hai suất; hạng thứ ba: những dân nghèo khổ sắp phải phiêu tán; hạng thứ tư: những dân chưa phải phiêu tán, chưa phải nghèo khổ, nhưng đã có khe kẽ khác xảy ra tệ hại.

Nhị hà: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Sông Nghĩa Trụ: Ở địa phận các xã Lê Xá, Phú Thị, Nông Vụ và Cổ Bi thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, nước ở ruộng bốn xã trên đỗ ra, khi chảy đến địa phận xã Xuân Cầu thì hợp làm một dòng, rồi chia thành ba chi: một chi chảy qua địa giới huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương làm thành sông Đạo Khê chảy suốt ra cửa biển Thái Bình; một chi từ sông Đạo Khê chảy qua địa phận huyện Cẩm Giàng làm thành sông Vân Đậu chảy vào sông Hàm Giang rồi đổ vào biển; một chi về phía nam chảy vào địa giới huyện Đông An làm thành con sông nhỏ Đông Xá hợp vào với sông Nhị.

Vị Hoàng: Tên xã, thuộc huyện Mỹ Lộc. Lúc ấy đặt kho thóc ở đây, nay là tỉnh lỵ Nam Định.

Trịnh Cương lại sửa phủ đệ mới ở Cổ Bi.

Lúc ấy nước sông lên to, đê Cự Linh bị vỡ, nước tràn vào Cổ Bi, nhà cửa bị nước cuốn đi và đổ nát. Cương sai hoạn quan đốc suất quân và dân sửa chữa đường sá, để phòng bị lúc đi di ngoạn. Nông dân bị thủy tai, không sao kể xiết sự đau khổ.

Lời chua-Đê Cự Linh: Ở địa phận xã Cự Linh, huyện Gia Lâm.

Tháng 10, mùa đông. Tôn mẹ là Trịnh Thị làm hoàng thái hậu, sách phong chính phi Trịnh Thị làm hoàng hậu.

Mưa dầm từ tháng 9 đến tháng này không ngớt.

Trịnh Cương mất, con là Giang nối ngôi.

Sau khi ở Phật Tích trở về, Trịnh Cương lại đi Như Kinh, khi đi giữa đường, mắc bệnh rồi chết ngay, phải bí mật đưa về phủ, mới phát tang.

Cương chuyên quyền gồm 22 năm, khi mất, truy xưng Nhân Vương, tiếm hiệu là Hi Tổ.

Trịnh Giang, con cả của Cương. Trước kia, Giang làm thế tử, viên bảo phó của Giang là Nguyễn Công Hãng[1], mật khải với Cương rằng: Giang là người ngu tối ươn hèn, không thể gánh vác được công việc. Cương chần chừ chưa quyết định. Gặp lúc Cương mất. Giang bèn nối ngôi. Sau Công Hãng cũng vì việc ấy mà bị tai vạ[2].

Lời chua-Phật Tích: Tên núi ở địa phận huyện Tiên Du, trên núi có ngôi chùa.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXVI, tờ 25.

[2] Xem thêm tờ 27 trong cuốn này.

Tháng 11. Đình chỉ việc xây dựng cung điện.

Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Đinh Phụ Ích, phó sứ là bọn Đoàn Bá Dong và Quản Danh Dương sang dâng lễ tuế cống và tạ ơn vua nhà Thanh ban cho bức ngự thư[1] cùng việc trả lại xưởng đồng Tụ Long. Lại phụ tâu vua nhà Thanh chuẩn định nghi lễ tiếp nhận tờ chiếu chỉ, tờ sách phong và thể thức hai nước trao đổi văn thư với nhau.

Lời chua-Bá Dong: Người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm.

Danh Dương: Người xã Huê Cầu, huyện Văn Giang-Cả hai đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Canh Tuất. Đế Duy Phường năm Vĩnh Khánh thứ 2 (1730). (Thanh, năm Ung Chính thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế Nam giao.

Tháng 2. Bỏ bớt tuần ti ở cửa ải và bến đò.

Trước đây, trong kinh kỳ và tứ trấn đều đặt sở tuần sát để đề phòng bọn gian trá, nhưng việc tra hỏi sách nhiễu của sở tuần sát lại làm tai hại cho dân. Vì thế mới bàn định bỏ bớt hai sở tuần sát ở trong kinh kỳ và huyện Thanh Trì; ở tứ trấn chỉ đặt hai sở tuần sát, còn sở tuần sát ở Lãnh Trì thuộc Sơn Nam và sở tuần sát Thuần Mỹ thuộc Hải Dương cùng các sở mới đặt đều triệt bỏ đi.

Lời chua-Lãnh Trì: Tức ngã ba sông ở huyện Nam Xang, thuộc Sơn Nam, nay thuộc Hà Nội[2].

Tuần ti Thuần Mỹ: Ở xã Mi Động, huyện Thanh Miện, thuộc Hải Dương.

Giảm bớt thuế tô, thuế điệu ở tứ trấn và Thanh, Nghệ, có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Từ lúc trung hưng đến nay, ruộng công phải nộp thuế, ruộng tư được miễn trừ. Khoảng năm Bảo Thái (1720-1728), Nguyễn Công Hãng thay đổi chế độ, mới bắt ruộng phải theo từng hạng để nộp tô, lại thi hành phép đánh thuế điệu, nào làm sổ dân đinh, nào định ngạch thuế tô, kỳ cho không một hộ nào được thoát, không thước đất nào bỏ rơi, tìm bắt đinh trốn tránh, tra xét ruộng ẩn lậu, khắc nghiệt quá chừng, nhân dân phần nhiều cho là không tiện. Đến nay, Công Hãng bàn sửa đổi lại. Hãng nói: Thi hành phép điệu, chú ý muốn cho dân được tiện lợi, nhưng vì sự chi ra thu vào phiền phức, bọn lại điển nhân đấy làm gian. Vậy xin hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm ở tứ trấn và phủ Trường Yên chiếu theo đường đê cũ, liệu lượng tùy tiện bắt dân các hộ sửa đắp, sẽ miễn cho tiền thuế điệu. Lại giảm bớt thuế tô cho ruộng tư: hạng ruộng nhất đẳng và nhị đẳng nộp theo ngạch cũ, còn hạng tam đẳng được giảm nhẹ, chỉ thu mỗi mẫu một tiền. Thanh Hoa và Nghệ An không có đường đê cũng miễn cho tiền thuế điệu, hạng chính đinh được giảm bớt một nữa, hạng hoàng đinh và hạng lão thì nhất luật miễn trừ. Trịnh Giang y theo. Từ đây, phép thuế tô, thuế điệu đặt ra từ năm Bảo Thái mới thay đổi lại.

Lời chua-Ngạch cũ thuế điền: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (tờ 3 trong cuốn này).

Tiền thuế điệu: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 9-11).

Thanh Hoa: Tức Thanh Hóa bây giờ.

Nghệ An: Tức Hoan Châu xưa-Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15, 16, 20-23, 33).

Tháng 4, mùa hạ, Giang tự tiến phong là nguyên soái, thống quốc chính, Uy nam vương.

---

[1] Bức thư chính tay vua viết ra. Xem thêm chính biên quyển XXXVI, tờ 25.

[2] Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Sau khi đã tiến phong rồi, Giang tôn bà tổ mẫu của hắn là Trương Thị làm thái tôn thái phi, mẹ đẻ là Vũ Thị làm thái phi.

Lời chua-Trương Thị: Người xã Như Kinh[1], huyện Gia Lâm, là vợ Trịnh Bính, sinh ra Trịnh Cương.

Vũ Thị: Người xã Mi Thữ, huyện Đường Yên[2], là vợ Trịnh Cương.

Nước lớn. Vỡ đê Mạn Trù.

Về việc sửa đắp đê, trước đây ủy thác cho viên quan ở trấn, công việc làm phần nhiều không chu đáo, nên từ năm Bảo Thái thứ 7 (1726), triều đình tự xuất tiền công trong kho để làm, và giao cho quan võ và nội giám chia nhau đôn đốc công việc sửa đắp, nhưng bọn này lại đều làm những việc: phần thì đục khoét thợ thổ đấu làm thuê, phần thì mưu toan để lấy số tiền công còn thừa lại, thành ra công việc làm không được vững bền chắc chắn. Năm nay nước sông Nhị tràn ngập, đê ở Mạn Trù châu bị vỡ, lúa mạ của 8, 9 huyện đều bị tai hại.

Lời chua-Mạn Trù: Tên xã, có cái bãi ở phần sông Thiên Mạc, tức hạ lưu sông Nhị, địa phận xã này thuộc Sơn Nam, nay thuộc tổng Đông Kết, huyện Đông An[3], tỉnh Hưng Yên.

Định lại niên hạn làm sổ đinh.

Trước kia. Nguyễn Công Hãng bàn cứ ba năm một lần kế tiếp sửa lại sổ đinh. Đến nay định lại: Cứ 12 năm là một hạn, kể bắt đầu sửa lại sổ từ năm Giáp Thìn (1724), cấm hết việc hàm hồ tố cáo ẩn lậu. Thể thức làm sổ, nhất luật dựa theo thể thức làm sổ năm Canh Tí, chỉ cốt để phòng bị việc tra cứu số dân đinh tăng hay giảm mà thôi. Bỏ phép ba năm một lần kế tiếp sửa lại.

Lời chua-Thể thức sổ đinh: Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Canh Tý niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) triều Lê Thần Tông làm sổ hộ, các xã lần lượt kê khai dân đinh từ 10 tuổi trở lên, rồi chép thành 6 bản sổ: lưu ở xã một bản, nộp ở nha môn huyện một bản, nộp ở Thừa Ti, Hộ Bộ, Hộ Khoa và Khải Bản[4] đều một bản. Còn thuế thân dung vẫn theo như lệ ngạch cũ, không thêm, không bớt.

Kế tiếp làm sổ đinh: Xem năm Giáp Thìn, niên hiệu Bảo Thái thứ 5 triều Lê Dụ Tông (Chb. XXXVI, 19).

Mồng một, tháng 6. Nhật thực.

Bổ dụng Nguyễn Minh Châu trấn thủ Nghệ An, Đặng Đình Lân trấn thủ Sơn Nam.

Giang là người hay nghi kỵ, hắn lấy cớ rằng các viên trấn thủ trị nhậm ở trấn lâu ngày, được lòng quân và dân, e sẽ sinh ra việc biến động, bèn đổi Nguyễn Minh Châu, hiện trấn thủ Kinh Bắc, đi trấn thủ Nghệ An, đại tư mã Đặng Đình Lân đi trấn thủ Sơn Nam. Những viên trấn thủ khác ở các xứ, phần nhiều thay đổi.

Tăng tiền thuế dung, thuế điệu những hộ bỏ làng đi trú ngụ (khách hộ) và bọn tạp lưu.

Trịnh Giang muốn biết số tài chính, thuế khóa thu chi thừa thiếu thế nào, bèn sai Nguyễn Hiệu và Phạm Khiêm Ích hội đồng viên chức trong lục phiên để kiểm điểm tra xét việc chi dùng của lục cung. Phủ liêu nói: "Dân nghèo phiêu lưu, ngày càng khốn khổ tiều tụy. Vậy những thuế bỏ thiếu chồng chất từ các năm trước, nay nên liệu lượng cho giảm bớt. Vả lại, hiện nay: 1. Những hộ thực người trong làng thì

[1] Nay thuộc xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[2] Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

[3] Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[4] Tức quyển sổ có dính tờ khải dâng lên phủ chúa.

khốn đốn không có cách gì chống đỡ, mà những hộ trú ngụ thì nhà cửa vững vàng, họ lại được lấy cớ là người trú ngụ mà trốn tránh dao dịch; 2. Những hộ thực người trong làng số đinh rất ít, mà bọn tạp lưu thì của cải đầy đủ, họ lại được lấy của ấy quyên nộp cho nhà nước để được miễn trừ. Vậy xin nay không kể hộ nào là thực người trong làng, hộ nào là người trú ngụ, cứ tính từng hộ để thu thuế dung, về hạng tạp lưu thì cứ hai tên gánh chịu một hộ. Đợi khi dân phiêu lưu trở về, sẽ y theo ngạch thuế cũ mà miễn xá cho hai hạng kể trên". Trịnh Giang y theo, bèn hạ lệnh tăng thuế dung, thuế điệu hạng tạp lưu và hạng trú ngụ.

Lời chua-Lục phiên, lục cung: Xem Lê Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb. XXXV, 22, 23).

Tạp lưu: Xem Lê Hi Tông, năm Vĩnh Trị thứ 2 (Chb. XXXIV, 7).

Sai bọn Nguyễn Công Hãng đi chiêu tập dân phiêu tán.

Từ khi Nguyễn Công Hãng thay đổi phép tắc, chỉ chăm làm những việc phiền phức tê toái, nhân dân phần nhiều phiêu tán, có đến 527 làng. Phủ liêu lại bàn luận cách chiêu tập, dùng bọn Nguyễn Công Hãng và Lê Anh Tuấn 12 người làm chiêu tập sứ, đi tuần hành các quận ấp, xem xét sự lợi hại của dân và nghĩ cách xử trí giiúp dân. Lại ấn định niên hạn: làng nào dân lưu tán y kỳ hạn trở về được đông đủ, sẽ được hậu thưởng, làng nào đã hết kỳ hạn mà dân lưu tán chưa trở về yên nghiệp làm ăn, sẽ bị phạt nặng.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Giang sửa chữa xây dựng hai ngôi chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm.

Sửa chữa xây dựng hai ngôi chùa này, công việc phiền phức nặng nề, phải dỡ lấy gỗ ở phủ Cổ Bi thả xuống sông chở xuôi để cung cấp vào việc xây dựng. Lại hạ lệnh cho dân ba huyện Đông Triều, Thủy Đường và Chí Linh phải gánh vác công việc này, sẽ miễn cho một năm số tiền góp về đê đường và bưu đình.

Về sau, lại bắt dân khơi đường sông để việc vận tải được lưu thông, dân phải kéo gỗ, xe đá, thường có hàng vạn người làm, ngày đêm không được nghỉ ngơi.

Lời chua-Chùa Quỳnh Lâm: Ở dưới chân núi Quỳnh Lâm thuộc xã Hà Lôi, huyện Đông Triều[1], Hải Dương, do thầy chùa Minh Không thời nhà Lý dựng lên. Ở đây có viện Quỳnh Lâm, am Bích Động.

Chùa Sùng Nghiêm: Ở xã Nam Giản, huyện Chí Linh[2], Hải Dương.

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 28).

Huyện Thủy Đường: Nay thuộc Hải Dương[3].

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Bưu Đình: Tức nhà trạm. Nhan Sư Cổ nói: "Đó là chỗ nghỉ đỗ của người giữ việc chuyển đệ văn thư". Tức nhà trạm bây giờ. Thời cố Lê, về tiền nhà trạm, thì liệu lượng bổ cho dân các xã góp, để mượn phu làm việc chuyển đệ văn thư.

Tân Hợi, năm thứ 3 (1731). (Thanh, năm Ung Chính thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Thái thượng hoàng mất.

Dâng tôn hiệu là Hòa hoàng đế, miếu hiệu Dụ Tông.

---

[1] Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[2] Nay thuộc tình Hải Dương.

[3] Nay là huyện Thụy Nguyên, T.P Hải Phòng.

Từ khi lui ra ở điện Kiền Thọ, thượng hoàng thường uất ức không vui. Đến nay mất. Thượng hoàng ở ngôi 25 năm, nhường ngôi 2 năm, hưởng thọ 52 tuổi.

Làm lễ táng ở lăng Cổ Đô.

Lời chua-Lăng: Ở xã Cổ Đô, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, sau dời đi táng ở lăng Kim Thạch, huyện Lôi Dương[1].

Tháng 2. Triệt bỏ các trường xưởng mới đặt ở Thanh Hoa.

Lấy cớ rằng Thanh Hoa là đất sáng lập cơ nghiệp đế vương, không nên đào xẻ núi đồi, e hại đại mạch. Vì thế, phàm trường xưởng mới đặt đều triệt bỏ hết.

Mồng một, tháng 6, mùa hạ. Nhật thực.

Bùi Sĩ Tiêm, Thái thường tự khanh, bị bãi chức.

Vì có tai biến nhật thực. Trịnh Giang hạ lệnh cho bầy tôi bày tỏ những điều thiết thực cốt yếu. Sĩ Tiêm trình bày 10 điều: Đầu tiên nói về việc truyền ngôi vua, lời lẽ rất thống thiết chu chí.

Đại lược nói: "Nhà nước từ trung hưng đến nay, trong khoảng hai trăm năm, các chúa trước tôn phò nhà vua, sở dĩ làm cho anh hùng hào kiệt vui vẽ tới lui mà thống trị được đất đai trong nước, là chỉ nhờ ở truyền thống trung hiếu có thể giữ vững căn bản không thể nào lay chuyển được mà thôi. Vì thế nên nhà vua nhà chúa không khác gì bánh xe và thân xe nương dựa lẫn nhau, cột nhà và kèo nhà cùng nhau chống đỡ, chỉ có thể một lòng một dạ giúp đỡ nhau, mà không thể dửng dưng, mặc ai béo mặc ai gầy như người Tần người Việt coi nhau được.

"Gần đây, về việc truyền nhường ngôi báu, mặc dầu cũng noi theo khuôn phép cũ, nhưng không rõ có quả thật xuất phát từ tiên đế mỏi mệt về công việc mà thật lòng phó thác hay không? Tôi thường thấy lúc tiên đế trị vì, khí sắc bực tức bất bình thổ lộ ra trong câu văn hoặc lời nói. Những điều ấy tai mắt thần dân trong nước, có thể nào giấu giếm mãi được. Vì thế, mà từ đầu mùa hè năm Kỷ Dậu[2] đến nay, trời ra tay, đất biến động, nào nước lớn, nào nắng lâu, luôn luôn hiện ra điềm xấu, điềm dữ. Có lẽ anh linh trời đất tổ tông răn bảo một cách rõ ràng đấy.

"Tôi cúi xin vương thượng công cũ của tiền vương đã vun đắp, nối theo chí cũ của tiền vương vẫn tôn phò nhà vua, gặp việc phải cần quả quyết thi hành, chớ mê hoặc lời bọn tiểu nhân bảo thủ nghi kỵ, biết điều nghĩa, nên mạnh dạn quyết đoán, đừng câu nệ vào câu văn "ba năm không thay đổi việc làm của cha[3], làm việc lớn không đạt được quyền nghi, chấn chỉnh đạo thường muôn đời không thay đổi, để mà chặn được ngọn sóng muốn làm vỡ đê, để mà kéo lại mặt trời khi sắp lặn. Tóm lại, đấy là dốc lòng tôn phò nhà vua để làm cho tiêu tan tai biến".

Sĩ Tiêm lại nói: "Văn chương là một món để thu hút sĩ phu, là một thứ để tô điểm nhà nước. Văn thể triều ta, bắt đầu chấn chỉnh từ thời Thiệu Bình[4], phát huy đầy đủ từ thời Hồng Đức[5]; đến trung gian, một lần thay đổi mà thành ra thể văn rập theo các sách cũ, lại một lần thay đổi nữa mà thành ra thể văn tầm chương trích cú; hơn nữa, coi khinh sách của thánh nhân là dấu vết cũ rích, sử sách về cổ đại là cỏ rác vãi rơi. Sĩ từ trong một thời, bỏ sách kinh[6], sách truyện[7] mà nghiên cứu sách ngoài để cầu được đỗ

---

[1] Đất huyện Lôi Dương nay thuộc Thọ Xuân và huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

[2] Sĩ Tiêm nhắc lại năm tháng mà Trịnh Giang đã bắt ép Dụ Tông truyền ngôi cho thái tử Duy Phường.

[3] Lời nói của Khổng Tử, chép trong thiên Học Nhi sách Luận ngữ. Ý nói: Sau khi cha mất, mà trong 3 năm người con không thay đổi công việc của cha thì người ấy có thể gọi là người con có hiếu.

[4] Thiệu Bình (1434-1439) một niên hiệu của Lê Thái Tông.

[5] Hồng Đức (1470-1497), một niên hiệu của Lê Thánh Tông.

[6] Tức Ngũ kinh: Mao thi, Thượng thư, Chu dịch, Lễ ký và Xuân thu.

[7] Tức Tứ thư: Luận ngữ, Mạnh tử, Đại học và Trung dung.

cao, đến như những lời nói về việc cứu thời thế nguy nan, sửa chữa việc tệ hại, thì không một câu nào có thể dùng được cả.

"Tôi xin vương thượng dốc lòng tôn sùng đạo học chính thống, chấn hưng phong thái nhà nho. Phàm những tập văn do hậu nho viết ra như: các sách Ngốc trai, Đề cương và Trường sách, nhất thiết cấm chỉ. Đầu bài thi về kỳ văn sách, nên bỏ bớt điều mục, mà cần những điều thiết thực cốt yếu, văn cổ thì hỏi đại lược việc phải việc trái để biết sức học của học trò; văn kim thì hỏi những sự việc về chính trị, để xét trí mưu sáng tạo của học trò. Như thế thì không thể văn nào là không xuất phát từ lẽ chính đáng. Tóm lại, đấy là chấn chỉnh văn thể để mài giũa hiền tài".

Còn tám điều nữa, Sĩ Tiêm điều thiết tha chỉ trích những sự tệ hại lúc bấy giờ, vì thế bị bọn quyền quý trong triều ghét bỏ. Khi bức thư ấy đệ vào phủ, Trịnh Giang giận lắm, tước hết quan chức của Sĩ Tiêm và đuổi về quê hương.

Sĩ Tiêm là người khảng khái, trọng nghĩa khí, hay nói thẳng, vì việc trình bày mười điều xúc phạm vào những điều kiêng k, nên bị tước mất quan chức. Về nhà một thời gian lâu thì mất. Đầu năm Cảnh Hưng, triều đình nghĩ Sĩ Tiêm trung trực, nên truy tặng hàm tham chính, tước Trung tiết hầu, cấp cho ruộng cúng tế để biểu dương.

Lời phê[1]-Chim phượng hoàng hót lục mặt trời mới mọc.

Lời phê[2]-Đoạn văn này không rõ Bùi Sĩ Tiêm muốn nói gì. Phải chăng vì bó buộc về lời văn mà làm tối nghĩa sự việc định nói?

Lời chua-Ngốc trai thập khoa sách lược: Do Lưu Định Chi nhà Minh biên soạn.

Sách học đề cương: Do Chúc Nghêu nhà Nguyên biên soạn.

Tứ đạo trường sách: Không rõ họ tên tác giả.

Mồng một, tháng 12, mùa đông. Nhật thực.

Định lại phép thi bác cử.

Các viên giữ chính quyền trong phủ chúa bàn luận, nhận thấy việc lựa chọn tài can thành[3], trước hết phải căn cứ vào kỷ năng và sức mạnh. Khoa thi trước đây, kỳ đầu hỏi về nghĩa sách võ kinh để thải bớt người kém, thì người có kỷ năng và sức mạnh có khi bị bỏ rơi. Bèn định: kỳ đệ nhất thi bắn cung, múa siêu đao; kỳ đệ nhị thi múa siêu đao, múa kiếm, cưỡi ngựa bắn tên và chạy bộ bắn tên, mỗi người đều thi một tao; kỳ đệ tam thi văn sách, hỏi sơ lược về ý nghĩa 7 bộ sách binh thư, để xem sức học, rồi hỏi kỹ về phương pháp mưu lược việc binh, để xem tài cán. Điều lệ khảo thí đều ấn định rõ ràng. Sau đó lại nhận thấy rằng khoa thi bát cử lấy đỗ có hạn định, có khi còn bỏ sót nhân tài, bèn phỏng theo thể lệ khoa thi hoành từ về bên văn, đặt thêm khoa hoành tuyển, để khảo thí võ nghệ, người nào có tài năng sẽ được biểu dương và cắt nhắc bổ dung.

Lời chua-Phép thi: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì năm Vĩnh Khánh thứ 3 (1731). định lại phép thi võ:

Kỳ đệ nhất, thi giương cung, múa siêu đao, đều chia ra ba bậc.

kỳ đệ nhị, thi múa siêu đao, múa kiếm, cưỡi ngựa múa đâu mâu, và thi bắn cung, môn bắn cung lại chia ra cưỡi ngựa bắn tên và chạy bộ bắn tên. Các môn kể trên mỗi người đều thi một tao. Lần lượt thi như thế này: Về cưỡi ngựa bắn tên, thì dựng ba cái đích, mỗi cái đích cách nhau một trăm bộ, người ứng thí cưỡi ngựa buông cương cho ngựa phi, bắn ba phát tên, người nào được hai mũi tên trúng đích là hạng ưu, được một

---

[1] Chỉ câu Sĩ Tiêm nói: Có quả Dụ Tông bị mỏi mệt mà thực lòng phó thác ngôi vua cho Duy Phường hay không-Lời phê có ý nói trong thời vua Lê chúa Trịnh mà dám nói câu này thật hiếm có, không khác gì chim phượng hoàng hót lúc mặt trời mới mọc.

[2] Chỉ đoạn cuối của lời điều trần thứ nhất, từ câu tôi cuối xin vương thượng... đến câu kéo lại mặt trời sắp lặn.

[3] Can có nghĩa là chắn. Thành là một bức thành. Cổ nhân thường dùng danh từ "can thành" để tượng trưng người võ thần có sức mạnh, ví như lá chắn để ngăn lại mũi tên, như bực thành để bảo vệ dất nước.

mũi tên trúng đích là hạng thứ. Thể lệ chạy bộ bắn tên đại lược cũng giống như thế. Thi bắn cung rồi, thứ nhì thi múa siêu đao, lăn khiên, thứ ba thi múa kiếm, múa giáo, thứ tư đi bộ múa đâu mâu, sau cùng cưỡi ngựa múa đâu mâu. Người nào võ nghệ tinh thông lão luyện là hạng hơn nhất.

Kỳ đệ tam thi một bài văn sách.

Khoa hoành tuyển: Không rõ phép thi thế nào.

Nhâm Tý, năm thứ 4 (17332). (Từ tháng 8 trở về sau, thuộc niên hiệu Long Đức thứ nhất triều Lê Thuần Tông-Thanh, năm Ung Chính thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Mua và tìm kiếm sách cũ còn sót lại.

Phàm sách vỡ cổ, thơ văn cổ cùng văn bài về việc thi cử của nước ta, không câu nệ văn chương nông cạn, quê mùa, đều được phép đem dâng nộp, sẽ liệu giá mà thưởng cấp cho.

Đình bãi việc thu các thuế thổ sản.

Thuế thổ sản, lúc bấy giờ nhân dân phần nhiều bỏ thiếu. Trịnh Giang hạ lệnh trưng thu, giao cho phủ liêu bàn định; phủ liêu nhận thấy: Từ trước các loại có giúp ích vào đồ dùng nhà binh như diêm tiêu, thanh sắt, ván đóng thuyền và bơi chèo chưa đẽo thành khí (trạo phác), mới gọi là thổ sản. Ngoài ra cũng có một vài thứ như cá, muối là những vật nhỏ mọn sản sinh ở núi chằm, dân có thể dễ tìm kiếm để nộp được. Mới từ năm Giáp Thìn (1724) có lệnh xét khắp dân gian, hễ thấy ai có nghề nghiệp gì cũng căn cứ vào đấy mà đánh thuế, bèn đi đến chỗ: có người vì phải nộp thuế sơn sống mà đẵn cả cây sơn; vì phải nộp thuế vãi lụa mà hủy bỏ khung cửi; thu thuế gỗ, thuế nứa mà người ta vứt bỏ cả búa rùa; thu thuế cá, thuế tôm mà người ta cất giấu cả võ lưới, đánh thuế mật đỏ mà không ai trồng mía; đánh thuế bông, thuế chè mà vườn tược bỏ hoang. Thành ra làng xóm tiêu điều, thuế hàng năm bỏ thiếu chồng chất, do đấy mà tài dụng trong nước phải thiếu thốn. Nay nên chỉnh đốn thay đổi tệ trước, phàm các thuế thổ sản đều hạ lệnh đình bãi, duy người nào tình nguyện mới cho phép mà thôi. Trịnh Giang y theo. Từ đây, nhân dân cho là có phần tiện lợi.

Lời chua-Trạo Phác: Tức bơi chèo chưa đẽo thành khí.

Giáp Thìn: Dụ Tông năm Bảo Thái thứ 5 (1724) định thuế thổ sản.

Bàn định tôn sùng kinh học.

Phủ liêu bàn định rằng: Sách vỡ thánh hiền là ông tổ văn chương. Gần đây theo lối học thuộc lòng: Người đọc sách Kinh, sách Truyện chương sưu tầm tiểu chú mà phần nhiều bỏ sót chính văn; người đọc sách Sử thì thiệt liệt sách ngoài mà quên mất Cương mất. Học thuật thô sơ mỗ mãng. Cần phải gia công chấn chỉnh để thay đổi tập tục của sĩ phu. Bèn sức rõ cho các học trò: hết thảy phải học thuộc chính văn sách Kinh, sách truyện, ngoài ra, về phần tập chú, thiểu chú, thì chọn bài nào tinh túy sẽ đọc. Đến như sách Tả truyện và Thông giám Cương mục, cần phải thuộc kỹ. Chấn chỉnh lại như thế, để học trò biết phương hướng mà theo. Nhưng tập tục đã lâu, chung quy vẫn không thể thay đỗi được.

Tháng 3. Giang tự ý sách chế lễ nhạc dùng trong phủ đường.

Lúc ấy nhân lâu ngày được bình yên, nên Trịnh Giang muốn làm cho lễ nhạc được sáng tỏ để tô điểm đời thái bình. Bèn hạ lệnh cho bầy tôi giữ chính quyền trong phủ bàn định lễ nhạc: Xem xét trong sách Hội điển, tham khảo rộng đến sách Tam tài đồ hội và Lễ nhạc chí của triều nhà Minh, nhà Thanh, rồi châm chước để thi hành. Khi bàn định xong. Ngày chúa Trịnh ra coi chầu, phường nhạc sắp hàng ở phủ đường, cửa phủ đường bên tả và bên hữu đã mở, thì bắt đầu cử nhạc, các quan văn quan võ lạy xong, lúc ấy tiếng nhạc sẽ ngừng. Phàm khi chúa đi tuần du hoặc xuất phát quân lính, thì bắn ba tiếng súng, buổi trưa lúc đi nghỉ, ban đêm lúc đi nằm cũng theo quy tắc như thế; khi ra đi thì có cờ lệnh, phường nhạc chia nhau đi trước dẫn đường.

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Phạm Công Dong, phó sứ Ngô Đình Thạc sang để báo cáo việc Dụ Tông mất và xin nhà Thanh phong tước cho vua mới lên ngôi.

Lời chua-Công Dong: Người xã Đông Ngạc[1], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1706) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Tháng 5. Biếm chức Tô Thế Huy, tả thị lang bộ Lễ, làm thừa chính sứ ở Yên Quảng.

Giang cùng các đại thần ngầm bàn định bỏ vua này lập vua khác. Lúc ấy, Thế Huy giữ việc ở Kinh Diên, họ bèn vu cho Thế Huy là làm bầy tôi giảng dụ vua mà chỉ dựa dẫm phụ họa, không biết giúp đỡ vua về mặt đạo đức, nên biếm chức Thế Huy.

Tháng 8, mùa thu. Sao Hỏa Tinh phạm vào vị trí sao Nam Đẩu; sao Thái Bạch xuất hiện ở giữa ban ngày.

Lời chua-Hỏa tinh: Tức sao Huỳnh Hoặc ở phương nam.

Nam Đẩu: Theo "Thiên văn chí" trong Tấn Thư, thì 6 chòm sao Nam Đẩu, gọi là sao Thiên Miếu. Sao này tượng trưng ngôi của thừa tướng và thái tể, giữ việc khen thưởng người hiền tài, tiến dùng người sĩ phu, trao cho tước lộc. Lại giữ về việc binh nhung-Ánh sáng của hai vì sao tiếp giáp với nhau gọi là phạm.

Thái Bạch: Tức sao Kim Tinh ở phương tây. Tấn Chước nhận rằng sao Thái Bạch là hình tượng thượng công và tướng quân. Theo lẽ thường, hễ mặt trời mọc thì sao Thái Bạch lặn. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày là đi dọc bầu trời. "Thiên văn chí" trong Tiền Hán thư nói: Nếu trái thời tiết mùa hạ hại đến hỏa khí, thì sao Huỳnh Hoặc xuất hiện để tỏ việc trừng phạt. Sao Huỳnh Hoặc xuất hiện thì có việc binh nhung lớn; trái thời tiết mùa thu hại đến kim khí, thì sao Thái Bạch xuất hiện để tỏ việc trừng phạt. Sao Thái Bạch đi dọc bầu trời là giường mối rối loạn.

Trịnh Giang truất thái hậu Trịnh Thị làm quận quân.

Thái hậu tên là Ngọc Trang, sinh mẫu của nhà vua.

Trịnh Giang truất nhà vua làm Hôn Đức công; lập Duy Tường, con trưởng của Dụ Tông lên ngôi vua, đổi niên hiệu, đại xá cho trong nước.

Trước đây, Giang muốn thi hành việc bỏ vua này lập vua khác, để ra oai với thần hạ, bèn mượn việc khác vu cho nhà vua, rồi bắt ép nhà vua ra ở cung riêng. Những thứ cung đốn cho vua dùng thảy đều xén bớt đi; lại truất thái hậu là quận quân. Đến nay, Giang truất nhà vua làm Hôn Đức công, dời đến ở một ngôi nhà ở bên ngoài.

Lúc ấy, Giang bắt dẫn 12 người con của Dụ Tông vào phủ đường để xem mặt, Duy Tường là con trưởng, đáng được lập làm vua. Giang sai viên quan có trách nhiệm hộ vệ Duy Tường đến ở cung Thọ Phúc. Ngày Bính Tý, làm lễ cáo Thái Miếu, ngày Canh Thìn, lên ngôi vua (Tức Thuần Tông). Đổi niên hiệu là Long Đức, đại xá cho trong nước: tha những thuế bỏ thiếu; tha những tiền nộp để chuộc tội còn bỏ thiếu chồng chất; viên quan nào vì lầm lỡ mà bị truất bãi đã lâu, đều cho xét lại rồi bổ dụng.

Lời cẩn án-Trịnh Giang bạo nghịch giết vua, cũng như Vương Mãng, Đổng Trác nhà Hán[2]. Có người nói"Đế Duy Phường là con của người khác". Câu nói ấy chẳng qua kẻ bè đảng với họ Trịnh bịa ra để gỡ tội cho Giang mà thôi. Tra trong Ngọc Phả nhà Lê nói: "Duy Phường là con của Dụ Tông". Thế hệ nhà Lê nói: "Giang vu cho nhà vua thông gian với vợ Trịnh Cương mà phế truất đi". Ngọc Phả và Thế Hệ đều chép rành rành như thế, có thể dùng làm chứng cớ. Thế mà người tục biên Lê Sử lại nói rằng: "Nhà vua hoang dâm càn rỡ không kiêng kỵ gì", nhưng họ không nêu rõ được sự việc. Chép như thế là hồ đồ, họ theo ý riêng mình mà múa mép câu văn, toan đem việc ấy để buộc tội Duy Phường. Tội Trịnh Giang phải trừng trị không tha thứ được mà người tục biên Lê Sử chép như thế, thì còn có thể gọi được là bộ sử đáng tin không?

---

[1] Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

[2] Xem chú thích số 1. Chính biên quyển XXXIII, tờ 9.

Lại còn việc này nữa: Duy Tường là con trưởng, Cương phế truất đi mà lập Duy Phường; Duy Phường đã lên ngôi vua rồi, Giang lại phế truất đi mà lập Duy Tường. Sử cũ chép về việc truất bỏ Duy Phường thì nói: "Lễ số gia ân đều xén bớt"; về việc lập Duy Tường thì nói: "Dẫn hoàng tử vào trong phủ để xem mặt". Vua tôi là nghĩa lớn, bỏ vua này lập vua kia là việc lớn. Lúc ấy, mũ và giầy lộn ngược như thế, cũng có phải tội lỗi chỉ tại một mình họ Trịnh đâu!

Lời chua-Cố Lê thế hệ chép: Vĩnh Khánh đế[1] ở ngôi được ba năm, chúa Trịnh Giang vu cho là tư thông với vợ Trịnh Nhân vương[2], bèn truất ngôi vua mà giáng phong làm Hôn Đức công.

Giang tự tiến phong làm đại nguyên soái, thượng sư, Uy vương.

Bổ dụng Nguyễn Hiệu làm thượng thư bộ Lễ, gia phong hàm thiếu phó, vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trước đây, Hiệu giữ chức Tả tư giảng của Trịnh Giang, từng thăng đến thị lang và được cho tước Nông quận công, rồi được thăng chức Đô ngự sử. Đến lúa Giang nối giữ ngôi chúa, Hiệu lại được Giang tin dùng hơn trước, thăng chức thượng thư bộ Binh, gia phong hàm thiếu bảo, dựng doanh Trung tiếp. Sau đó, đổi sang bộ Lễ, gia phong hàm thiếu phó, vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Tháng 10, mùa đông. Giáng chức: tham tụng Lê Anh Tuấn làm đốc trấn Lạng Sơn. Nguyễn Công Hãng làm thừa chính sứ Tuyên Quang.

Tháng 11, Giang giết Nguyễn Công Hãng.

Công Hãng dùng tài biện bác, vào giữ công việc trong phủ chúa, quả quyết tự thi thố tài năng của mình, rất được Trịnh Cương tin yêu ủy nhiệm, nhưng bị nhiều người oán nghét.

Từ lúa Giang làm thế tử, Giang đã giận Công Hãng không muốn lập mình[3], người ở bên cạnh Giang lại thiêu dệt thêm những điều sở đoản của Công Hãng. Họ nói với Giang là: "Công Hãng và bọn Lê Anh Tuấn, Trương Nhưng, Đỗ Bá Phẩm cùng kết thành bè đảng. Vả lại, Công Hãng mưu tính việc chôn cất hài cốt tiên tổ ở một kiểu đất to, có ý hi vọng toan làm việc quá phận định". Giang bèn cho Công Hãng ra giữ chức ở Tuyên Quang. Sau đó bắt ép phải tự tử.

Lời phê-Tự mình làm điều ác nghiệt, thì không thể nào tránh khỏi tai vạ.

Lời chua-Trước đây, Công Hãng chôn cất mồ mã tiên tổ ở núi Mộc Hoàn. Vì thế, người nói với Trịnh Giang đem việc này vu vạ cho Công Hãng.

Mộc Hoàn: Tên núi, ở địa giới huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Bãi bỏ phép đánh thuế muối.

Trước kia. Nguyễn Công Hãng đặt phép, mỗi khi người diêm hộ nhận chứng chỉ để buôn muối, đều phải có lễ vật trọng hậu để nộp cho viên giám đương và tiến dâng phủ chúa, mà giá muối công lại cao. Muốn đền bồi vào sự phí tổn, người diêm hộ đều phải trông vào chợ búa, vì thế mà những hàng bán muối đều tăng giá muối lên, có khi một đấu muối trị giá đến một tiền. Việc muối ăn ở dân gian ngày thêm khó khăn. Đến nay bãi bỏ phép ấy.

Lời chua-Giám đương: Tên viên quan đặt tạm thời, để trông nom ở trường xưởng muối. Phàm diêm hộ buôn bán muối, đều phải lĩnh chứng chỉ ở viên giám đương, sau mới được đem muối đi bán, việc lĩnh chứng chỉ tất phải có tiền hoặc lễ vật nộp viên giám đương và tiến dâng phủ chúa Trịnh.

Lửa ở dưới đất bốc cháy tại bến Bát Tràng.

---

[1] Tức Duy Phường.

[2] Tức Trịnh Cương, bố Trịnh Giang.

[3] Xem thêm tờ 10 trong cuốn này.

Quán chứa khách trọ tại Bát Tràng có người khách chợt vớt cái que có lửa vào cái lỗ hổng ở dưới đất, lúc bắt đầu bốc lên ngọn lửa sắc xanh, rồi sau bốc lên lửa đỏ sáng rực, đến hơn một tháng mới tắt. Người kiến thức đoán là điềm binh lửa.

Lời chua-Bát Tràng[1]: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 2 (Chb. X, 3, 4).

Quý Sửu, Thuần Tông Giản hoàng đế năm Long Đức thứ 2 (1733). (Thanh, năm Ung Chính thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tháng 2. Miễn việc bắt lính trốn ở tứ trấn, bãi bỏ việc mộ lính.

Trước đây, vì cớ đinh tráng bị hao hụt, nên số lính ở tứ trấn được giảm bớt. Đến nay lại bàn tuyển bổ. Tham tụng Nguyễn Hiệu nói: "Binh lính, cốt ở chỗ giá ngự được đúng đường, không ở chỗ nhiều người, nếu chỉ tăng thêm số hão, thì việc nuôi lính phải phí tổn nhiều, chỉ làm cho dân đau khổ. Nay số ngạch nhất binh[2] đã gấp đôi ngày trước, trừ số giảm đi chỉ độ mấy ngàn người, trong sổ binh lính cũng không có gì là kém thiếu. Vả lại, số lính đã giảm, thì tô ruộng thu vào sẽ giúp ích việc chi dùng trong nước, mà dân nghèo nhờ đấy để sinh nhai. Vậy xin những nơi nào trước kia đã được giảm trừ nay vẫn cho xá miễn". Trịnh Giang theo lời. Giang lại lấy cớ việc mộ lính trong khoảng năm Bảo Thái (1720-1728) toàn là người bơ vơ nơi đầu đường quán chợ, mà số ruộng cấp cho lại nhiều, nên hết thảy bãi bỏ.

Lời chua-Tứ trấn: Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 5 (Chb. XXXIII, 21).

Tháng 3. Xá hai tháng thuế về quan ải và bến sông cho Thanh Hoa.

Lúc ấy, Thanh Hoa giá gạo lên cao. Trấn thủ Nguyễn Thọ Trường làm tờ khải xin: Phàm người vận chở thóc gạo được cho miễn hai tháng thuế, để việc buôn bán được lưu thông, đồ dùng của dân được tiện lợi. Trịnh Giang y theo.

Lời chua-Thanh Hoa: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15, 16, 20, 21, 23).

Tháng 8, mùa thu. Bãi chức tri Công phiên Vũ Công Trấn.

Công Trấn vốn là người cứng rắn, ngay thẳng; làm quan giữ đúng phép, không a dua bọn quyền quý. Nay vì khám xét kiện trái ý chúa Trịnh, bị bãi chức về nhà.

Bãi bỏ chức quan Hà đạo.

Trước kia đặt chức quan Hà Đạo, hội đồng đi khám xét đất bãi bồi ở các loại, để tăng hoặc giảm thuế tô. Nay lấy cớ rằng đất bãi ở sông khi bồi khi lở còn phải một thời gian lâu, mà người giữ việc khám xét hàng năm đi bắt bớ đốc thúc, lại thêm nhiễu dân, bèn bàn bỏ bớt đi. Phàm đất bãi ở hạt nào, giao cho viên phủ, viên huyện hạt ấy thân đi khám xét, rồi đem đủ sự thật dâng lên phủ chúa.

Giáp Dần, năm thứ 3 (1734). (Thanh, năm Ung Chính thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Ban phát Ngũ kinh đại toàn[3] cho học quan các xứ.

Trước đây, sai quan hiệu đính kiểm duyệt năm kinh theo bản khắc văn của Trung Quốc, rồi khắc thành sách; nay sách đã in xong, ban bố cho trong nước, để theo đấy mà dạy bảo học trò, cấm mua sách của Trung Quốc. Lại sai bọn Nguyễn Hiệu và Phạm Khiêm Ích chia nhau khắc các bản Tứ thư, Chư sử, Thi lâm và Tự vị ban hành trong nước.

Lời chua-Việc quan sai hiệu đính kiểm duyệt: Chép ở năm Vĩnh Khánh thứ 3 (?).

---

[1] Nay thuộc xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[2] Danh hiệu gọi lính tứ trấn, khác với "ưu binh", danh hiệu gọi lính Thanh Nghệ.

[3] Sách in toàn văn đã chép trong năm Kinh (Thi, Thư, Dịch, Lễ và Xuân Thu) gọi chung là "Ngũ kinh đại toàn". Khác với sách do Bùi Huy Bích chép rút đi, mà học trò sau này đây gọi là sách "Quan hành".

Quách Công Thi, thổ tù ở Thanh Hoa, làm phản. Hạ lệnh cho lưu thủ Nguyễn Thọ Trường nã bắt.

Quách Công Thi ở LạcThổ, hô hào tụ hợp nhiều người đi cướp bóc. Thọ Trường không thể khống chế được, bèn làm tờ khải bày tỏ việc này. Triều đình bàn định, lấy lẽ rằng chức phận của Thọ Trường là ở chỗ cầm phòng khống chế kẻ trái phép, nên hạ lệnh cho Thọ Trường nã bắt Công Thi.

Lời chua-Lạc Thổ[1]: Tên huyện, thuộc phủ Thiên Quan, thời nhà Lê, Lạc Thổ thuộc trấn Thanh Hoa; nay đổi tên Lạc Yên, thuộc tỉnh Ninh Bình.

Công Thi: Một phiên thần, được đời đời giữ chức tù trưởng ở Lạc Thổ.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ lệnh cấm dùng đồ vật hoa mĩ.

Lấy cớ rằng tập tục ở dân gian, mỗi ngày đi dần đến xa xỉ, bàn hạ lệnh: quan viên, quân lính và dân thứ, đồ đạc thường dùng không được chạm khắc hình chữ, trang sức hoa mĩ; người thợ không được đua nhau chế tạo thứ lạ, thứ khéo.

Tháng 7, mùa thu. Giáng chức tham tụng Nguyễn Hiệu làm thượng thư bộ Hình. Liền đó, lại cho phục chức.

Lúc ấy, phát sinh việc bè đảng. Trịnh Giang quả quyết trừng trị buộc tội. Giang ghét người hoạn quan là Vân quận công Đỗ Bá Phẩm, đã truất chức Bá Phẩm xuống làm tuần thủ ở Yên Quảng, lại muốn giết đi. Việc này Giang riêng cho Nguyễn Hiệu được định bàn. Hiệu để hoãn lại, Giang không nghe, bắt ép Bá Phẩm phải tự tử. Vì thế, Nguyễn Hiệu đương giữ chức thượng thư bộ Lễ, phải giáng chức làm thượng thư bộ Hình. Nhưng không bao lâu, Nguyễn Hiệu được thăng làm thượng thư bộ Lại và được vào phủ chúa giữ chức tham tụng như cũ.

Biên soạn sách Quốc triều hội điển.

Điển lễ cũ đời trung hưng chỉ chép ở tập Thiện chính, từ trước đến nay chưa làm thành sách. Bèn hạ lệnh biên soạn sách Quốc triều hội điển, nhưng cũng vẫn không làm xong.

Tháng 10, mùa đông. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Xuân Sơn, Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, và Lý Học Dụ. Binh khoa cấp sự trung, sang sách phong và dụ bảo việc ban lễ tế Dụ Tông.

Giang tự tiến phong làm đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư thái phụ, thông đức anh nghị thánh công Uy vương.

Giang giết Lê Anh Tuấn, đốc trấn Lạng Sơn.

Anh Tuấn là người nổi tiếng về văn học, tính trầm tiềm cẩn mật, cùng Nguyễn Công Hãng đều giữ việc trong phủ chúa. Đến tuổi già, Anh Tuấn có ý lộng quyền, Giang không bằng lòng đã lâu, giáng chức đi trấn thủ Lạng Sơn. Gặp lúc ấy có người nói, trước kia, Anh Tuấn giữ việc trong phủ, cùng Nguyễn Công Hãng định mưu bỏ người lập người khác. Giang bèn giết đi.

Ất Mão, năm thứ 4 (1735). (Từ tháng 5 trở về sau là năm Vĩnh Hựu thứ nhất triều Ý Tông-Thanh, năm Ung Chính thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Nguyễn Hiệu đi khám dân lưu tán ở Sơn Nam.

Sơn Nam từ khi trải qua nạn thủy tai, nhân dân nhiều người phiêu tán. Bèn sai Nguyễn Hiệu đi khám điểm số dân đinh từng nhà, tùy theo số dân nhiều hay ít, giảm bớt số hộ khẩu.

Tháng 4, mùa hạ. Sao Thái Bạch phạm vào vị trí sao Hỏa.

Nhà vua mất.

---

[1] Nay là huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Dâng tôn hiệu là Giản hoàng đế, miếu hiệu Thuần Tông. Nhà vua ở ngôi 4 năm hưởng thọ 37 tuổi.

Táng ở lăng Bình Ngô.

Lời chua-Lăng: Ở thôn Bình Ngô, huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hoá.

Giang lập Duy Thận, em nhà vua (hoàng đệ), lên ngôi, đổi niên hiệu, đại xá.

Duy Thận, con thứ mười một của Dụ Tông và là em Thuần Tông. Lúc ấy Duy Thận 17 tuổi, kém Duy Diêu, con cả nhà vua (hoàng trưởng tử) 2 tuổi. Nhưng Trịnh Giang e rằng Duy Diêu tuổi đã trưởng thành, và nhận thấy Duy Thận là cháu ngoại bà thái phi Vũ Thị[1], trước kia vẫn nuôi nấng ở trong phủ, thân cận yêu đương có phần dễ kiềm chế. Giang mới nói thác ra rằng diện mạo Duy Thận giống như tiên đế, nên quyết ý lập làm vua. Bầy tôi không ai dám nói gì cả. Ngày Giáp Ngọ, làm lễ cáo Thái miếu, ngày Bính Thân, lên ngôi vua (tức Ý Tông), đổi niên hiệu là Vĩnh Hựu, tha hai phần mười về thuế tô, thuế dung năm này cho dân.

Lời chua-Duy Thận: Ngọc phả nhà Lê chép là Duy Chấn.

Mồng một, tháng 9, mùa thu. Nhật thực.

Đại nguyên soái Uy vương là Giang giết Đế Duy Phường.

Giang đã truất ngôi Duy Phường, nay bắt thắt cổ chết đi, đến năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) mới làm lễ chiêu hồn, táng ở xã Kim Lũ[2], huyện Thanh Trì.

Lời cẩn án-Bạo nghịch giết vua là tội đại ác. Thế mà người tục biên Lê sử chép: "Hôn Đức công sau bị hại". Có lẽ họ chép lời văn nhẹ nhàng như thế, để ẩn giấu tội cho Trịnh Giang. Nay theo Ngọc phả nhà Lê, cải chính lại.

---

[1] Vợ Trịnh Cương và là bà của Trịnh Giang.

[2] Tục gọi là làng Lũ, nay thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 38

Từ Bính Thìn, Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) đến Canh Thân, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740), gồm 5 năm.

Bính Thìn, Ý Tông Huy hoàng đế năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736). (Thanh, Cao Tông, năm Càn Long thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Giang dựng chùa Hồ Thiên và Hương Hải.

Trịnh Giang thích chơi bời, cung quán chùa chiền xây dựng kế tiếp. Hắn dựng chùa Hồ Thiên, bắt dân các huyện Giáp Sơn, Thủy Đường, Đông Triều, Kim Thành và dân xứ Thanh Hoa làm công việc này. Từ đường, phủ đệ ở các làng ngoại thích như Tử Dương và Mi Thữ xây dựng cực kỳ nguy nga đẹp đẽ. Những người xưng là nội sứ (bầy tôi hầu hạ trong cung cấm) tỏa ra bốn phương bắt lấy vật liệu, vì bọn này ức hiếp hà khắc, nên người làm ruộng, người đi buôn mất hết nghề nghiệp. Nhân dân đi dần đến chỗ không thể chịu nổi.

Lời chua-Chùa Hồ Thiên: Ở huyện Bảo Lộc[1], trấn Kinh Bắc, đỉnh núi có am Hồ Thiên.

Chùa Hương Hải: Ở xã Phủ Vệ, huyện Chí Linh[2].

Giáp Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 27).

Kim Thành[3]: Tên huyện, xem Thuộc Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Thủy Đường[4]: Xem Đế Duy Phường, năm Vĩnh Khánh thứ 2 (Chb. XXXVII, 16).

Đông Triều[5]: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb, XXII, 25).

Thanh Hoa: Vì xứ Thanh Hoa có rừng lim và đá xanh, nên bắt cả xứ này phải phục dịch công việc xây dựng.

Tử Dương: Tên xã, thuộc huyện Đông Yên[6], tỉnh Hưng Yên.

Mi Thữ: Tên xã, thuộc huyện Đường Hào[7], tỉnh Hải Dương.

Làng ngoại thích (Thích lý): vợ Trịnh Cương là Vũ Thị, người xã Mi Thữ, nguyên quán xã Từ Dương.

---

[1] Nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

[2] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[3] nt.

[4] Nay là huyện Thủy Nguyên, T,P. Hải Phòng.

[5] Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[6] Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[7] Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Giang tự tiến phong cho em là Doanh tiết chế quân thủy, quân bộ các xứ, chức thái úy, tước ân quốc công, mở phủ Lượng quốc.

Doanh, con thứ Trịnh Cương, 17 tuổi. Giang tiến phong chức tước cho Doanh để tạm giữ chính quyền. Mỗi tháng 3 lần, Doanh tiếp kiến trăm quan ở trạch các, để nghe trình bày công việc.

Tháng 5, mùa hạ. Giang giết Trương Nhưng, đốc suất Nghệ An; bổ Nguyễn Minh Châu thay giữ công việc ở trấn.

Trương Nhưng, em ruột Trương thái phi[1]. Nhưng dầu là người có công và ngoại thích, mà lúc nào cũng ôn hòa và giản dị, giao du với ai không làm cho người ta trái ý. Trịnh Giang có tính hay nghi kỵ, Giang ngờ Trương Nhưng phụ họa bè đảng với đại thần, hoạn quan Hoàng Công Phụ lại gièm pha vào. Vì thế, Giang mật sai Dật trung hầu (hoạn quan, không rõ tên) giả nói là có lệnh chỉ bí mật, bắt Trương Nhưng thắt cổ chết đi, dùng Minh Châu thay giữ công việc trấn Nghệ An. Sau đó, Giang lại toan dùng kế để giết Minh Châu, nhưng Minh Châu biết chuyện, nên việc ấy mới thôi.

Giang tự thi tiến sĩ ở phủ đường, lấy Trịnh Tuệ đỗ trạng nguyên.

Theo chế độ cũ, cử nhân[2] thi hội ở bộ Lễ được trúng cách, lại vào thi đình. Thể lệ thi đình: Chính thiên tử thân hành ra bài văn sách, rồi lấy đỗ và cho truyền lô xướng danh từng người được đỗ, cứ 3 năm mở một khoa. Thi đình là điển lễ long trọng trong việc tân hưng[3].

Nhưng một hồi lâu, chiếu nhất của khoa thi nam cung vẫn còn trống chỗ[4]. Khoa này Trịnh Giang nghe lời nội giám Hoàng Công Phụ cho triệu sĩ tử vào thi ở phủ đường, cất nhắc Trịnh Tuệ đỗ cập đệ đệ nhất danh, còn các sĩ tử khác đỗ cập đệ và xuất thân có người cao người thấp khác nhau.

Tuệ, người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc, thuộc Thanh Hoa, là tộc thuộc họ Trịnh, Tuệ vẫn có tiếng hay chữ, nhưng vì việc thi này, nên người ta bàn tán chê bai.

Bãi bỏ binh lính mới tuyển.

Khoảng giữa năm Bảo Thái, kén thêm binh lính, lương thực cấp phát mỗi ngày một nhiều, Trịnh Giang bèn sai các quan tham khảo sổ sách binh lính, nếu ngạch cũ có lính, thì được lưu lại cho lệ thuộc vào vào các vệ; ngoài ra, đều cho trở về hàng ngũ của dân.

Tháng 6. Định bổng lộc hàng năm cho quan văn, quan võ.

Quan văn được cấp cho tùy hành dân hộ, quan võ được cấp cho chế lộc dân xã. Quan văn thì tùy theo khoa bảng đỗ cao hay thấp, quan võ thì tùy theo quản lãnh binh lính nhiều hay ít, để cấp phát. Các viên quan ấy được hàng năm thu tiền làm bổng lộc có người nhiều ít khác nhau.

> **Lời chua**-Bổng lộc hàng năm: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì chế độ ban cho bổng lộc như thế này:
>
> Đầu năm Hồng Đức, lấy phẩm trật cấp bậc cao hay thấp để định bổng lộc hàng năm nhiều hay ít.
>
> Sau khi trung hưng, về phần quan văn thì trông vào khoa thi bảng đỗ cao hay thấp mà cấp cho tùy hành dân hộ; về phần quan võ thì trông vào quản lãnh binh lính nhiều hay ít mà cấp cho chế lộc dân xã:

---

[1] Vợ Trịnh Bính, mẹ Trịnh Cương và là bà Trịnh Giang. Giang gọi Trương Nhưng bằng ông cậu.

[2] Chữ "cử nhân" này Cương mục chép không đúng, đáng lẽ phải chép là hương cống. Vì học trò đỗ khoa thi hương, triều nhà Lê gọi là hương cống, đến triều nhà Nguyễn mới đổi gọi là cử nhân.

[3] Đời cổ, học trò tập ở trường hương học 3 năm thành tài, quan địa phương sẽ xét về đức hạnh và văn nghệ, chọn lấy người hiền tài tiến lên triều đình. Trước khi sĩ tử vào triều, quan địa phương tiếp đãi như người khách quý. Vì thế gọi là "tân hưng". Sau người ta dùng danh từ "tân hưng" nói về khoa thi để chọn lấy nhân tài.

[4] Nguyên văn chép "nam cung đệ nhất danh hư tịch cửu hĩ". Đời cổ thi hội thi đình cũng gọi là "nam cung thí". Câu trên, ý nói. Lâu nay thi đình không có ai đỗ trạng.

Quan văn: Nếu xuất thân là tiến sĩ, được cấp tùy hành dân xã 35 người; hoàng giáp 40 người; thám hoa 45 người; bảng nhãn 50 người; trạng nguyên 55 người. Cho phép nộp tiền, mỗi người một năm nộp 3 quan, để làm ngụ lộc cho các quan văn; những người đã nộp tiền được miễn tiền thuế dung.

Quan võ: Nếu quản lãnh nội binh, như các đội thi hậu, nội nhưng, thì tiền chế lộc mỗi người nộp 3 quan 6 tiền; quản lãnh ngoại binh như cơ đội các doanh, thì mỗi người hoặc nộp 2 quan hoặc nộp 1 quan không giống nhau, cũng trông vào số binh lính mà các viên ấy quản lãnh nhiều hay ít để định số tiền nộp nhiều hay ít khác nhau.

Sử cũ lại chép: Khoa thi đông các, viên quan nào trúng cách thứ nhất được cấp 30 người; trúng cách thứ 2 được cấp 25 người; trúng cách thứ 3 được cấp 20 người.

"Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Sau khi trung hưng, trong sổ binh lính có các đội thi hậu, thủy binh, bộ binh và đội nội nhưng, đều là Thanh Nghệ ưu binh.

Phát sinh dịch tễ lớn.

Liệu lượng giảm bớt ngạch cũ về binh và hộ.

Giang hạ lệnh: Quan và dân ai nộp tiền sẽ được thăng chức hoặc bổ làm quan.

Quan và dân đều cho phép nộp tiền, sẽ được cất nhắc trao cho chức phẩm: Các viên quan trong triều ban từ lục phẩm trở xuống, ai nộp 600 quan tiền sẽ được thăng chức một bậc; nhân dân, ai nộp 2.800 quan được bổ thụ tri phủ, nộp 1.800 quan được bổ thụ tri huyện.

Lúc ấy, Giang chơi bời, xa xỉ phóng túng, của cải ngày một hao mòn, bán quan mua tước, không việc gì hắn không làm. Vì thế mà sau này sinh ra họa loạn.

Đinh Ty, năm thứ 3 (1737). (Thanh, năm Càn Long thứ 2).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Giang bổ dụng chỉ huy sứ Nguyễn Minh Kiên và Nguyễn Đình Lý làm thị lang.

Giang ngày càng tối tăm mê hoặc, xếp đặt công việc lẫn lộc sai lầm. Hắn bổ hai viên quan ở võ ban là: Minh Kiên làm tả thị lang bộ Hình; Đình Lý làm hữu thị lang bộ Lễ. Minh Kiên và Đình Lý đều không có học thức, lấy tư cách quan võ, nhảy vọt lên phẩm trật cao quý trong hàng văn giai, người ta ai cũng chê cười. Sau đó, Minh Kiên lại trở về võ ban.

Lời chua-Chỉ huy sứ: Theo quan chế triều cố Lê, thì chỉ huy sứ hàm tòng tam phẩm về võ ban.

Giang đúc tượng Phật lớn ở chùa Quỳnh Lâm, hạ lệnh cho trăm quan tính theo phẩm trật để nộp đồng.

Tháng 9, mùa thu. Ở Sơn Tây và Thái Nguyên trộm cướp nổi dậy. Sai bọn Nguyễn Bá Lân, đốc đồng Sơn Nam, đi đánh, phá tan được.

Nguyễn Đương Hưng, người thầy chùa, tụ họp đồ đảng trong núi Tam Đảo, lừa dối dụ dỗ những người ngu tối, quê mùa, xưng ngụy hiệu, đặt quan thuộc, bọn bất đắc chí nơi đồng nội phần nhiều núp bóng hắn, quân chúng của hắn có đến vài ngàn người. Bèn sai Bá Lân giữ chức giám quân cùng bọn Nguyễn Lịch, Nguyễn Trọng Côn chia đường tiến đánh, dẹp yên được.

Lúc ấy, nhân trong nước thái bình, dân không hiểu biết việc binh, chợt nghe có tin báo nguy cấp, thì người xa người gần đều nghi ngờ lo sợ, người trong kinh đô dắt díu nhau ra ngoài thành, dân sở tại thì đào hố chôn giấu của cải, sắp sẵn lương khô làm thức ăn. Nếu sớm tối mà giặc kéo đến, thì dân không có chí khí gì bền vững cả.

Vì bọn trộm cướp ở các xứ nổi lên như ong, trạm báo tin không được nhanh chóng, bèn hạ lệnh cho các lộ Sơn Tây và Thanh Hoa đều đặt đồn hỏa hiệu ở trên đỉnh núi, bắt dân sở tại ngày đêm canh giữ, nếu có nguy cấp thì đốt lửa để thông báo về triều.

Lời chua-Núi Tam Đảo: Ở địa giới huyện Tam Dương[1], thuộc Sơn Tây, xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 7 (Chb. XVIII, 18).

Bá Lân: Người xã Cổ Đô[2], huyện Tiên Phong, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Mậu Ngọ, năm thứ 4 (1738). (Thanh, năm Càn Long thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Thế tông Hiếu vũ hoàng đế[3] ta nối nghiệp.

Tháng 12, mùa đông. Họ tôn thất là bọn Duy Mật và Duy Chúc dấy quân ở Thanh Hoa.

Bọn Duy Mật, Duy Chúc và Duy Quy bực về nỗi họ Lê mất quyền bính, Trịnh Giang bạo nghịch giết vua, họ bèn cùng quan trong triều là bọn Phạm Công Thế, Vũ Thước và thuộc hiệu là Lại Thế Tế bàn mưu đốt kinh thành, nhưng không xong. Vì sợ công việc bị lộ, nên Duy Quy chạy đi Cẩm Thủy, Duy Mật và Duy Chúc chạy đi Nghi Dương, được thổ hào là bọn Ngô Hưng Tạo hộ tống vượt biển vào Thanh Hoa. Giang sai binh lính đuổi theo không kịp. Bọn Vũ Thước bị bắt, đem giam trong ngục rồi giết đi. Duy Chúc và Duy Quy sau bị bệnh chết, Duy Mật bèn chiếm cứ mặt thượng du vùng tây nam.

Lúc ấy Phạm Công Thế đương giữ chức Đông các hiệu thư, theo Duy Mật dấy quân, đánh nhau bị bại trận và bị bắt. Bầy tôi trong triều trách Công Thế rằng: "Nhà ngươi là người trong khoa giáp làm sao lại đi theo bọn phản nghịch?". Công Thế cười nói: "Danh phận không sáng tỏ đã lâu rồi, còn phân biệt thế nào là thuận với nghịch nữa?". Rồi, vươn cổ chịu chém, không một chút nào khuất phục nao núng.

Lời cẩn án-Nhà Lê không giữ được giường mối, họ Trịnh bạo nghịch giết vua, trong lúc ấy há không xuất hiện người trung thần nghĩa sĩ hiểu tỏ danh phận thuận nghịch hay sao? Chỉ vì chợt mới nổi lên lại bị dập tắt ngay, chung quy không làm nên việc gì cả. Thế mà người cầm bút chép sử đem ẩn giấu sự thực đi, chép ngay là "làm phản", bèn làm cho cái nghĩa đánh giặc bị lu mờ. Duy Mật là người chí thân của vua Lê, đau xót về nỗi nhà Lê không ngóc dậy được, nên đem thân ở xa mãi nơi núi rừng quyết chí đánh giặc. Việc Duy Mật làm có thể gọi là danh chánh ngôn thuận, không thể ví như bọn giặc cỏ được. Dầu rằng, lòng trời không giúp nhà Lê, việc của Duy Mật không được thành công, nhưng nói về nghĩa lớn vua tôi thì không bao giờ có thể mai một. Vì vậy, xin kính cẩn bắt chước lối chép Cương mục [của Chu Tử] mà chép đứng sửng lên là "dấy quân" (khởi binh) để đính chính lại.

Lời chua-Duy Mật, Duy Quy: Đều là con Dụ Tông.

Duy Chúc: Con Hi Tông.

Cẩm Thủy[4]: Tên huyện, nguyên trước là Cử Long man, xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb. I, 34, 35).

Nghi Dương[5]: Tên huyện, đặt từ năm Hồng Đức nhà Lê, thuộc phủ Kinh Môn, Hải Dương, nay thuộc phủ Kiến Thụy.

---

[1] Nay thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Nay là xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

[3] Tên là Phúc Khoát, con cả Phúc Chú.

[4] Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[5] Nay là huyện Kiến Thụy. T,P. Hải Phòng.

Lại Thế Tế: Người xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn[1], là dòng dõi công thần Thế Vinh.

Công Thế: Người xã Hoàng Xá, huyện Đông Quan[2], đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Kỷ Mùi, năm thứ 5 (1739). (Thanh, năm Càn Long thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Bắt đầu đặt đồn lũy ở châu Bạch Thông.

Lê Đình Tính, lưu thủ Thái Nguyên, làm tờ khải nói: "Châu Bạch Thông và huyện Cảm Hóa tiếp giáp với địa giới Lạng Sơn, Cao Bằng và bảo Lạc[3], trước kia không có đồn ải, những dân ngoài giáo hóa triều đình thường tự do đi lại. Tôi trộm e rằng, nếu việc phòng bị nơi biên cảnh không nghiêm, thì không thể khống chế được bọn giặc cướp táo bạo, rồi sẽ đi đến chỗ giặc cướp lann tràn. Vậy xin đặt đồn ải ở những đường hiểm yếu, bắt phiên thần phái lính canh giữ, để biên cảnh được vững vàng". Trịnh Giang theo lời.

Lời chua-Châu Bạch Thông, huyện Cảm Hóa[4]: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Cảm thánh vũ thứ nhất (Chb. III, 11).

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Giang bắt đầu đặt giám ban.

Theo chế độ cũ, các quan chỉ có hai ban văn và võ. Đến nay bọn hoạn quan lộng quyền, Giang mới đặt thêm giám ban. Hạ lệnh: ai thi khảo trúng cách sẽ được trao cho quan chức. Các quan lấy thế làm hổ thẹn, nhưng không ai dám nói. Đến đầu năm Cảnh Hưng mới bãi bỏ việc đặt giám ban.

Giang sai quan tính toán tài sản tiêu dùng.

Lúc ấy, điều động binh lính, việc chi dùng không được kế tiếp. Phủ liêu làm tờ khải nói: "Của cải là việc cần kíp của nhà nước. Đời cổ cân nhắc số thu vào mà tính số chi ra. Gần đây, chi thu vào không cân nhắc cho có tiết độ, đến hết năm cũng không kê cứu khám xét gì cả. Nay nên chọn kỷ lấy người bầy tôi tin cẩn[5], cùng với Hộ phiên tính toán số thu vào và chi ra, để xét xem thiếu đủ thế nào sẽ tùy tiện châm chước ứng cấp". Trịnh Giang theo lời.

Bàn luận thi hành 6 điều để xử trí phiên trấn ngoài biên giới.

Phủ liêu bàn luận: Các trấn Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Hưng Hóa, cũng như cái phên cái giậu của nhà nước, nên tùy tình thế mà xử trí, để nơi biên cảnh được yên.

1. Phụ đạo trong hàng phiên thần phần nhiều cầu cạnh để quản lãnh quân và dân. Nay nên giao cho viên quan ở trấn xét chọn, nếu người nào xứng đáng sẽ trao cho chức trách ấy.

2. Các trường mỏ, nên theo chế độ cũ, hạ lệnh cho phụ đạo quản cố trông coi, để lính mỏ[6] có thống thuộc.

3. Người Nùng áo xanh đều nên có phương pháp khu xử.

4. Gỗ lạt ở thượng lưu, có hạng người thường mua bằng lối đặt tiền trước, hoặc lối cho vay tiền, như thế có hại cho dân, tệ tục ấy nên trừ bỏ đi.

5. Các sở tuần ti thiện tiện đặt chi nhánh để thu thuế người buôn bán một cách ngang trái, cần phải nghiêm cấm để tỏ rõ lòng khoan hồng đối với lái buôn.

---

[1] Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[3] Châu Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang, xem thêm lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXI, tờ 35.

[4] Nay là huyện Ngân Sơn (Cao Bằng) và Na Rì (Bắc Cạn).

[5] Nguyên văn chép: "Tín thần", tức bọn hoạn quan. Xem thêm lời chua của Cương mục chính biên quyển XXXIX, tờ 14.

[6] Nguyên văn chép là "khoáng binh".

6. Các trấn bị điêu tàn, nên tha cho những thuế còn thiếu, để yên ủi dân ngoài biên giới.

Giang cho thi hành 4 điều, còn 2 điều phiên thần (điều 1) và trường mỏ (điều 2) vẫn để như cũ.

Lời chua-Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc.

Cao Bằng: Trước thuộc Ninh Sóc.

Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Hưng Hóa: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 19, 30, 31, 32, 35).

Người Nùng áo xanh: Có 7 họ, đều mặc áo chàm, nên gọi là người Nùng áo xanh, xem Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 13 (Chb. XLI, 16).

Tháng 6. Lại kén lính ở tứ trấn mà trước kia đã thải về.

Giang hạ lệnh kén thêm lính ở tứ trấn mà trước đã thải về cùng lính nhất binh ở Trường Yên, phân phối cho lệ thuộc vào đội ngũ, để sung vào việc canh phòng và nã bắt. Phủ liêu bàn luận: Núi rừng ở nơi biên viễn, đảng trộm tụ họp; tứ trấn ở trong nội địa cũng nhiều nơi phát sinh trộm cắp. Nhân dân sở tại tự giữ lấy làng xóm cũng không xong, hơi có biến động một chút, tất sinh ra sợ hãi rối loạn. Từ năm Nhâm Dần tuyển lính, số quân tuy tăng lên, nhưng cũng chẳng giúp ích gì cho công việc thiết thực, hơn nữa đem ruộng công cấp cho lính, thành ra nông dân không có gì để sinh nhai. Năm Bính Thìn, xá miễn binh lính, dân đã dần dà được yên ổn làm ăn. Nay nếu lại cứ chiểu theo số ruộng để tuyển lính, thì ruộng công đã đem quân cấp rồi, do đấy khẩu phần các quân lính sẽ giảm bớt đi, mà không khỏi sự phiền nhiễu về thay đổi phần ruộng. Vậy không gì bằng cứ theo như cũ cho thải về là tiện hơn cả. Giang không nghe, thành ra sau này tệ hại không sao kể xiết.

Lời chua-Nhâm Dần: Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 3 (1722) kén thêm lính ở tứ trấn và Thanh, Nghệ (Chb. XXXVI, 5).

Bính Thìn: Năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) thải lính mới tuyển cho về làm ruộng (tờ 3 trong cuốn này).

Bắt đâu đổi tên chức "trấn thủ" và "lưu thủ" ở trấn gọi là "đốc phủ".

Danh hiệu "đốc phủ" bắt đầu từ đây. Duy ở Lạng Sơn gọi là "tổng phủ", ở Nghệ An gọi là "đốc suất".

Tha tô thuế.

Lúc ấy, trộm cướp nổi lên một ngày một nhiều, dân gian náo động, mới bàn định thi hành ân xá rộng rãi để phủ dụ dân. Bèn hạ lệnh: Khắp trong nước, thuế vụ hạ năm nay, về phần thuế tô và dung đều được xá cho hai phần mười; Thanh và Nghệ về tiền nhà trạm và tiền cửa đình; tứ trấn và ngoại trấn về tiền nộp để chuộc tội còn bỏ thiếu chưa nộp; đều được miễn xá.

Mộ lính ở tứ trấn.

Hạ lệnh: dân đinh ở Thanh, Nghệ và tứ trấn, có người nào am tường lão luyện về nghề thủy thủ và người thân thể sức vóc khỏe mạnh, tình nguyện làm lính, đều được phép ứng tuyển để bổ sung vào đội ngũ. Lại hạ lệnh cho 5 huyện Thụy Nguyên, Vĩnh Phúc, An Định, Lôi Dương và Nông Cống thuộc Thanh Hoa, theo ngạch cũ, cứ 5 suất đinh lấy một người làm lính, nay đều kén thêm một người lính nữa.

Lời chua-Thanh Hoa: Tức Thanh Hóa, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15, 16, 20, 21, 33).

Bổ Trịnh Tuệ làm thượng thư bộ Hình, vào phủ đường giữ chức tham tụng.

Tuệ nóng sốt về đường làm quan, nhờ được Công Phụ tiến cử, thi đỗ không đầy vài năm, lấy địa vị thượng thư vào đứng các quan trong phủ chúa. Sau khi đã được giữ chính quyền, Tuệ cùng bọn hoạn quan, kẻ trong, người ngoài, xướng họa với nhau. Một lũ tiểu nhân không còn kiêng kỵ sợ hãi gì cả: chính lệnh phiền nhiễu tế toái, thưởng phạt lầm lẫn rối ren. Từ đấy trong nước mới sinh ra nhiều việc.

Tháng 8, mùa thu. Giáng chức: Phạm Khiêm Ích, thượng thư bộ Lại, hiện giữ chức tham tụng, làm đốc phủ Thanh Hoa; Cao Huy Trạc, thượng thư bộ Hộ, hiện giữ chức bồi tụng, làm đốc đồng.

Sau khi trung hưng, ở các trấn, dùng một viên quan võ làm trấn thủ để kiềm chế trộm cướp, và dùng một viên quan văn làm đốc đồng để khám hỏi các việc kiện về trộm cướp; hai chức quan này cũng thuộc về Trấn ti, đều dùng viên quan từ ngũ phẩm, lục phẩm trở xuống cùng quan trong triều mới được cất nhắc để bổ dụng.

Giữa niên hiệu Long Đức (1732-1735) các con chúa Trịnh ra giữ công việc ở trấn, cũng có khi dùng viên đại thần để bàn tán giúp công việc nơi biên khổn, nhưng sau lại bãi bỏ; duy Nghệ An là nơi biên trấn trọng yếu, nên về quan văn thì dùng chức tả thị lang hoặc hữu thị lang làm đốc thị, quyền ngang với đốc suất. Chức đốc thị và phó đốc thị, lúc nào cần đặt mới chọn người để bổ nhiệm, không câu nệ về quân chức phẩm trật. Đến nay dùng thượng thư giữ chức đốc phủ, đốc đồng, nên trong kinh, ngoài trấn, không ai không lấy làm hãi hùng kỳ dị.

Lời chua-Đốc đồng, đốc thị: Hai chức này bắt đầu đặt từ lúc nhà Lê trung hưng. Nghệ An là phiên trấn trọng yếu, nên đặc biệt đặt chức đốc thị.

Tháng 9. Giang giả thác mệnh lệnh xưng là AN Nam thượng vương.

Giang vượt phận tiếm quyền, không kiên kỵ sợ hãi gì, tự tiến xưng là Bác Đạt mậu hòa tuy du dụ nghĩa Trịnh vương.

Lúc ấy Giang đương chơi ở xã Quế Trạo[1] vùng Kinh Bắc, là quê hương hoạn quan Hoàng Công Phụ. Giang xây dựng phủ đệ để hắn ở, hắn bí mật sai Nguyễn Trác Luân và Trần Văn Hoán từ kinh sư chạy trạm lên, phụng đệ sắc văn và ấn tỉ, nói giả thác ra rừng sứ thần nhà Thanh sang nước ta, phong cho Giang làm An Nam thượng vương.

Lời phê-Không cướp ngôi vua thì thôi, còn muốn làm gì chả được, cần gì mà phải nói giả dối. Điên cuồng! Đáng chê cười!

Lời chua-Trịnh Giang: Sau đổi hiệu: Toàn vương, lại đổi: Thuận Vương.

Trác Luân: Người xã Bình Lao, huyện Cẩm Giàng, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Văn Hoán: Người xã Từ Ô[2], huyện Thanh Miện, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Quế Trạo: Tên xã, thuộc huyện Quế Dương, trấn Kinh Bắc.

Tháng 12, mùa đông. Lập phép đoàn kết.

Phép đoàn kết như thế này:

Mỗi xã, cứ 10 dân đinh thì lấy 2 người, bắt tự sắm lấy đồ binh khí, đặt điếm canh để canh giữ; cứ 4, 5 xã hoặc 6, 7 xã địa thế tiếp giáp nhau kết hợp làm một đoạn; chọn một người chức dịch ở trấn hoặc lại điển ở huyện làm trưởng đoàn. Gặp có sự nguy cấp thì người trưởng đoàn đốc suất dân đinh theo tình thế mà chống chọi đánh dẹp; nếu không đủ sức, thì cấp tốc báo ngay đoàn khác tiếp viện đối phó.

Vì lập phép này, nên ở dân gian đâu đâu cũng có binh khí. Bọn gian nhân sự sơ hở, tụ họp nhau đi cướp bóc ngày càng quá tệ. Sau thay đổi lại, chọn người có địa vị danh vọng sung vào việc quản lãnh trông coi, lại dùng quan chức trong triều đi phủ dụ. Nhưng không bao lâu, phép này lại bãi bỏ, những đồ binh khí đã chế ra đem nộp lên quan.

Xã Ninh Xá thuộc Hải Dương nghĩa binh nổi dậy[1].

---

[1] Nay thuộc huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

[2] Nay là thôn Từ Ô, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Từ ngày làm việc bạo nghịch giết vua, Trịnh Giang lấn quyền càn giỡ mỗi ngày một quá, dâm dục chơi bời không còn có mức độ nào cả, sau mắc chứng bệnh kinh quý[2], sợ sấm sét. Bọn hoạn quan Hoàng Công Phụ đánh lừa, chúng đào đất làm cung thưởng trì dưới hầm cho Giang ở, từ đấy Giang không bước chân ra ngoài, Công Phụ cùng đồ đảng của hắn chuyên chính lộng quyền, các quan đại thần kế tiếp nhau người bị giết, người bị phạt, người nào cũng nơm nớp lo sợ không tự bảo toàn được thân mình, chính sự trái ngược, thuế khóa nặng nề, lòng dân mong sao cho chóng nổi lên loạn lạc.

Lúc ấy, về mặt Hải Dương, có bọn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá, Vũ Trác Oánh ở Mộ Trạch; về mặt Sơn Nam, có Hoàng Công Chất; đảng lớn phe nhỏ, hết chỗ này đến chỗ khác, thúc giục nhau phiến động, chỗ nào cũng tự dấy quân, tự xưng danh hiệu: Nguyễn Tuyển xưng Minh Chủ, Trác Oánh xưng hiệu Minh Công, họ hội họp nhau ở xã Ninh Xá, đều mượn tiếng "phò Lê". Dân ở vùng đông vùng nam, người đeo bừa, người váv gậy đi theo, chỗ nhiều có đến hơn vạn, chỗ nhỏ cũng hàng ngàn hàng trăm, họ quấy rối cướp bóc làng xóm, vây đánh các ấp các thành, triều đình không thể nào ngăn cấm được.

Lời cẩn án-Theo "phàm lệ" chép sách Cương mục (của Chu Tử).

- Người nào vì việc nghĩa mà dấy quân thì chép "khởi binh" như các nước chư hầu thời nhà Tần và Lưu Sùng[3] thời nhà Hán v.v...

- Người nào dấy quân tuy không phải vì việc nghĩa, nhưng người mà cùng họ đối địch, lại không có phép được gọi là giặc cướp, thì chép là "binh khởi", như các châu huyện và Phàn Sùng[4] cuối thời Vương Mãng v.v...

Cuối thời nhà Lê, Trịnh Giang tự làm việc bạo nghịch giết vua, bọn Nguyễn Tuyển và Trác Oánh nhân lòng dân oán giận, mượn danh nghĩa, nhân kẽ hở mà nổi lên, tuy việc họ làm không thoát khỏi hành vi của giặc cướp, nhưng đều là để đối địch với Trịnh Giang. Thế mà người tục biên Lê sử lại chép họ là "giặc". Người ấy không biết rằng họa loạn do Giang gây ra, Giang chính là giặc nhà Lê, thì người đối địch với Giang có thể nào bị coi là "giặc" được? Tại sao người tục biên Lê sử lại đem chữ "giặc" mà Chu Tử không gán ghép cho bọn Lưu Sùng, Phàn Sùng để gán ghép cho bọn Tuyển, Cừ, Trác Oánh? Vì thế, nay đổi lại, chép là "binh khởi". Chép như thế, ngõ hầu hợp được nghĩa lệ chép Cương mục của Chu Tử.

Lời chua-Ninh Xá: Tên xã, sau đổi là Ngô Đồng, thuộc huyện Chí Linh[5], phủ Nam Sách, Hải Dương.

Mộ Trạch[6]: Tên xã, thuộc huyện Đường An, phủ Bình Giang.

Cung Thưởng Trì: Có sách chép: Tiên cung, ở xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, tức chỗ nền cũ cung Thưởng Xuân triều nhà Lý.

Theo Vũ trung tùy bút lục của Phạm [Đình] Hổ, thì Giang là người loạn dâm, thông gian với vợ lẽ của bố là Kỳ viên phi Đặng Thị, Vũ thái pho biết chuyện, bắt ép Đặng Thị phải tự tử.

Một hôm, bất thình lình Giang bị sét đánh, gần chết, nhân đấy mắc chứng bệnh kinh quý, hễ nghe có tiếng sấm là sợ hãi mất cả hồn vía. Bọn hoạn quan nói dối rằng:

---

[1] Nguyên văn chép: "Hải Dương, Ninh Xá binh khởi". Chữ "binh" chép ở đây, không phải binh lính, mà là nhân dân, nên chúng tôi dịch là "nghĩa binh" cho phân biệt với binh lính của vua chúa lúc bấy giờ, và hợp với lời cẩn án của Cương mục ở dưới.

[2] Chứng bệnh tâm thần bất định, hoảng hốt không thường, hay sinh sợ hãi.

[3] Cuối thời Tây Hán, Vương Mãng làm thừa tướng uy hiếp vua nhà Hán, choán hết quyền bính, bỏ vua này lập vua khác, lập mưu để cướp ngôi vua. Lưu Sùng, họ tôn thất nhà Hán, dấy quân đánh Vương Mãng, nhưng không thắng được.

[4] Sau khi Vương Mãng đã cướp ngôi vua nhà Hán, Phàn Sùng người đất Lang Da, họp dân chúng hơn vạn người, đánh Vương Mãng. Phàn Sùng sợ quân của mình lẫn lộn với quân của Mãng, bèn cho quân bôi lông mi bằng màu đỏ để dễ phân biệt. Lúc ấy người ta gọi là "quân xích mi".

[5] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[6] Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

đấy là vì dâm dục nên bị ác báo, bây giờ chỉ có cách đào lỗ xuống đất làm nhà mà ở để tránh sấm sét, họa ra có thể thoát khỏi tai nạn. Giang bèn dựng cung Thưởng Trì để ở, không dám ra ngoài nữa.

Đặng Thị: Người xã Trà Đổng, huyện Tiên Du, vợ lẽ yêu của Trịnh Cương, hiệu là Kỳ viên phi.

Canh Thân, năm thứ 6 (1740). (Từ tháng 5 trở về sau thuộc năm Cảnh Hưng thứ nhất đời Lê Hiển Tông-Thanh, năm Càn Long thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Doanh tự tiến phong nguyên soái, tổng quốc chính, Minh Đô vương. Tôn Giang làm thái thượng vương.

Doanh là người sáng suốt, quả quyết, có tài văn võ, từ khi mở phủ Lượng Quốc, tạm giữ chính quyền, được lòng người gắn bó đã lâu, nhưng bị Hoàng Công Phụ ghét, xén bớt mất quyền, nên mọi việc, Doanh không dám một mình tự quyết đoán.

Trịnh thái phi là Vũ Thị[1] cho triệu Nguyễn Quý Cảnh, bồi tụng giữ chức hữu tư giảng, vào phủ, bảo Quý Cảnh khuyên Trịnh Doanh đứng ra thay Trịnh Giang để trừ hoạn nạn trong cung phủ. Lúc ấy Quý Cảnh đương có trọng tang ở nhà, bèn ngầm biên tiên hương binh[2], dự chia thành từng bộ phận, rồi nhân lúc nhàn rỗi nói với Doanh, Doanh khóc và ngăn cản đi. Quý Cảnh đem việc ấy nói với bồi tụng Nguyễn Công Thái và thân thần là bọn Trịnh Đạc, Vũ Tất Thận, Nguyễn Đình Hoàn, cùng tán thành cả.

Trước đây, Nguyễn Tuyển vùng vẫy ở mặt đông nam, tin nguy cấp hàng ngày đưa về, Thực quận công (sót họ tên), đảng của Công Phụ, trước đã đem quân đóng ở Thanh Lâm để đánh phá tiễu trừ nhưng không sao thắng được. Công Phụ nhận thấy ngày trước Nguyễn Tuyển đã ở trong nhà hắn, nên hắn muốn thân hành đi phủ dụ, dẹp yên Nguyễn Tuyển, lập lấy công to, để hiếp chế triều đình. Nhân đấy Quý Cảnh hết sức khuyên. Công Phụ bèn đem binh lính trong bản bộ của mình sang đò qua sông, lúc ấy trong hoàng thành bỏ trống rỗng.

Bọn Quý Cảnh phân phối hương binh sung vào việc bảo vệ kinh thành, rồi bàn định dùng ngày khai bảo[3], hội hợp trăm quan, phò lập Trịnh Doanh lên nối ngôi giữ quốc chính. Doanh nhún nhường từ chối không dám đương. Quý Cảnh e rằng nếu để chậm sẽ sinh biến cố khác, bèn đem việc này tâu lên nhà vua. Nhà vua sai người dụ bảo hai ba lần, Trịnh Doanh không từ chối nữa.

Chiều hôm ấy, Quý Cảnh cùng Công Thái, Trương Khuông vào chầu nhà vua, nhưng hôm ấy chưa làm lễ mở bảo tỉ, bọn Quý Cảnh nhân mật hẹn với Tào Thái hầu (sót họ tên) giữ chức Tư Lễ giám rằng, sáng mai, xin chỉ dụ của vua để in bảo tỉ vào sắc văn.

Sáng hôm sau, Doanh đến phủ đường, bọn Quý Cảnh và Trương Khuông theo sau hộ vệ. Lúc ấy, chỉ có tướng sĩ thân quân ở trong vệ Tứ Nghiêm và Tứ Kính đều đeo gươm, cắp súng. Một lúc sau, Tào Thái hầu đưa sắc văn và dụ chỉ đến. Công Thái xướng lên rằng "có sắc mạng [của thiên tử]". Doanh quỳ xuống, tiếp nhận. Phan Lai hầu (sót họ tên), một tên nội giám, đứng bên cạnh, tức giận trách móc, bị Trương Khuông lôi ra giam vào ngục.

Công Thái lại khuyên, nhưng Trịnh Doanh còn chần chừ chưa quả quyết. Trương Khuông và Đình Hoàn liền phò Trịnh Doanh lên bảo tọa, bọn Quý Cảnh đứng hầu chung quanh, nội giám Giáp Nguyễn Khoa lên lầu nổi trống, tuyên triệu trăm quan. Các hoạn quan bảo vệ ở cung Thưởng Trì nghe tin biến động, đem binh lính đến. Hương binh của Quý Cảnh đánh nhau với bọn này đều giết hết. Trăm quan cùng đem nhau đến lạy mừng.

---

[1] Vợ Trịnh Cương và là mẹ Trịnh Giang và Trịnh Doanh.

[2] Trước đây, chúa Trịnh đặt phép hương binh đoàn kết, sau bãi bỏ đi, rồi hạ lệnh cho đốc phủ các trấn lựa chọn luyện tập hương binh, đề phòng khi có dùng vào việc đánh dẹp. Hương binh được cấp cho lương ăn và khí giới.

[3] Chế độ đời phong kiến, hàng năm cứ đến hạ tuần tháng chạp dùng một ngày nào đó làm lễ hạp tỉ của vua chúa, hoặc hạp ấn của các quan, nghĩa là bỏ ấn tín vào một cái hộp khóa lại và niêm phong cẩn thận, bắt đầu từ ngày ấy, mọi công việc quan đều nghỉ cả. Đến đầu tháng giêng năm sau sẽ dùng một ngày nào đó làm lễ khai bảo tỉ của vua chúa và ấn tín của các quan, lúc ấy mới vắt đầu làm việc.

Sau khi Doanh đã lên nối ngôi rồi, tôn Giang làm thái thượng vương. Sai tụng quan tuyên bố lời dụ ở phủ đường:

1. Khôi phục hai ban văn vũ theo chế độ cũ, để triều đình được nghiêm trọng;

2. Ba năm xét công trạng các quan một lần, để phân biệt người tốt, người xấu;

3. Lục dụng người không mắc tội mà phải giáng truất, để cất nhắc người có tài mà bị chìm đắm;

4. Nghiêm ngặt đối với những đơn xin chức tước hoặc bảo toàn tính mệnh, để con đường làm quan được trong sạch;

5. Tăng thêm khẩu phần ruộng, để binh lính đủ lương ăn;

6. Rộng xá thuế tô, thuế dung, để cứu chữa sự đau khổ cho dân;

7. Đình chỉ tất cả công việc xây dựng, để sức lực của dân được thư thả;

8. Triệt bỏ các sở tuần ti, bến đò đặt trái phép, để tỏ rõ chính thể khoan hồng;

9. Cấm chỉ sự ức hiếp và lối đặt tiền trước để mua hàng;

10. Định lệnh thưởng và phạt tướng sĩ có công hoặc có tội, ra ân rộng rãi cho quân sĩ đã chết vẫn được hưởng miễn trừ;

11. Định rõ việc khiếu tố các viên quan cai quản làm việc hà khắc nhũng lạm;

12. Đê đường, giao cho viên quan ở trấn đốc thúc sửa đắp, để việc làm ruộng được thuận tiện;

13. Tiền của cải giao về bộ Hộ giữ gìn quản trị, để việc chi dùng trong nước được đầy đủ;

14. Các việc kiện tụng, cấm dâng tờ khải khiếu tố càn rỡ;

15. Miễn tô ruộng cho hai xứ Thanh và Nghệ.

Lời dụ gồm 15 điều, trong kinh ngoài trấn rất lấy làm vui vẽ.

Bàn luận công bầy tôi giúp rập: cho Vũ Tất Thận được chữ hiệu "công thần", mũ và đai lưng được trang sức bằng vàng, theo thể lệ mũ và đai của vương thân; phong Nguyễn Công Thái, Nguyễn Quý Cảnh làm công thần suy trung và dực vận[1] còn những người khác đều được thăng thưởng người cao người thấp khác nhau.

Sau đó, hạ lệnh cho Nguyễn Đình Hoàn đem quân bảo vệ cung Thưởng Trì bắt giết đồ đảng thân tín của Hoàng Công Phụ. Công Phụ còn đóng quân ở Vân Giang, hay tin, hắn cùng hơn mười người thủ hạ bỏ trốn. Do đấy, cung cấm trong phủ đường được nghiêm chỉnh, yên tĩnh.

Lúc ấy, Trịnh Giang hoang dâm càn giỡ, bọn hoạn quan chuyên quyền, mọi việc đều ngang trái rối loạn, trộm giặc nổi dậy khắp nơi, trong kinh ngoài trấn nôn nao lo sợ, họ ngờ rằng sớm tối sẽ xảy ra sự bất trắc. Thế mà bọn Quý Cảnh, trong nhờ có Vũ Thị, trên giả thác sắc mệnh vua Lê, bèn phò Trịnh Doanh nắm lấy chính quyền, xoay xở xếp đặt trong khoảng chốc lát, mà lòng người được yên ổn. Sau khi công việc đã xong xuôi, Trịnh Doanh hạ lệnh cho Quý Cảnh vào túc trực trong phủ đường, sớm tối bàn định công việc. Lúc bấy giờ, sở dĩ cởi được mối rối loạn một cách thư nhàn, trấn áp họa loạn được yên ổn, Quý Cảnh thật là người có công.

Trịnh Doanh lại bàn định thi hành chính sách khoan hồng:

- Phàm quan hoặc quân để mất đồ vật công chưa đền, nếu là do sự bảo quản không cẩn thận (thất quản) thì nay được miễn tội; nếu nhân việc ấy mà luận tội phạt phải bồi thường thì nay cho được khất lại.

- Trả lại chức tước cho bầy tôi đã mất, là Lê Anh Tuấn,, Đỗ Bá Phẩm, và Nguyễn Thọ Trường.

[1] Quan chế triều Lê có 24 bậc để đặc ân vinh phong cho bầy tôi có công "Suy trung", và "dực vận" là hai bậc đứng đầu trong 24 bậc. Xem thêm lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXII, tờ 26.

- Bầy tôi can tội lây mà phải giáng truất, nay đều được tẩy rửa tội lội và lại được vào chầu chực, như bọn Đào Hoàng Thực, Vũ Công Trấn, Lê Trọng Thứ, Lê Vĩ, Trần Lê Lân, Đỗ Huy Kỳ và Trần Hiền.

- Con cháu bầy tôi có công đời trước, nay bị chìm đắm trong dân gian và hàng ngũ quân lính đều xét theo tài năng rồi bổ dụng. Do đấy, người có tài mà bị chìm đắm không ai là không có lòng phấn khởi.

Lời chua-Tứ Nghiêm, Tứ Kính: Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì các đội tả, hữu, tiền, hậu trong vệ Tứ Nghiêm mỗi đội 100 người; các đội tả, hữu, tiền, hậu trong vệ Tứ Kính mỗi đội 52 người, đều là binh lính trong Lượng Quốc phủ[1] họ Trịnh.

Quý Cảnh: Người xã Thiên Mỗ[2], huyện Từ Liêm, là cháu Quý Đức, con Quý Ân, do chân tiến triều[3] giữ chức hữu tư giảng, Quý Cảnh và Công Thái cùng giữ chức bồi tụng trong phủ chúa Trịnh.

Trương Khuông: Người xã Như Kinh[4], huyện Gia Lâm, là ngoại thích của chúa Trịnh.

Đình Hoàn: Người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Hoa[5], nối đời làm tướng võ.

Giáp Nguyễn Khoa: Nội giám (hoạn quan), người xã Thiết Thượng[6], huyện Yên Dũng.

Thực quận công: Gia phả họ Đặng chép "Thực trung hầu", tước hiệu hoạn quan.

Thất quản: Ý nói người có bổn phận bảo quản mà lơ là về việc coi giữ.

Đào Hoàng Thực: Người xã Thượng Trì[7], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1697) năm Chính Hòa triều Lê Hi Tông.

Vũ Công Trấn: Người xã Đôn Thư[8], huyện Thanh Oai.

Lê Trọng Thứ: Người xã Diên Hà[9], tỉnh Hưng Yên-Công Trấn và Trọng Thứ đều đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Lê Vĩ: Người xã Hòa Bình, huyện Văn Giang[10], đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Lê Lân: Người xã Tam Lộng, huyện Lôi Dương.

Huy Kỳ: Người xã Thử Cốc, huyện Thụy Nguyên[11]-Lê Lân và Huy Kỳ đều đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Trần Hiền: Người xã Vân Canh[1] huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

---

[1] Tên phủ đệ của Trịnh Doanh khi làm tiết chế.

[2] Nay là xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

[3] Xem lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXXVI, tờ 28.

[4] Nay thuộc xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[5] Nay là huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh.

[6] Nay là thôn Thiết Thượng, thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[7] Nay thuộc xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

[8] Nay thuộc xã Kim Thư, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[9] Nay là xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[10] Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[11] Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Chế thẻ bài "hỏa tốc"[2].

Lúc ấy dùng binh lính đi đánh dẹp, vũ hịch[3] phát ra tứ tung, bèn chế cái thẻ bài để phòng bị dùng trong khi khẩn cấp.

Tuyển thêm ưu binh.

Từ lúc trung hưng trở về sau, huyện lấy lính ở Thanh, Nghệ sung vào việc bảo vệ, gọi là "ưu binh". Về ngạch lính: cứ 3 suất đinh lấy một lính. Năm Bảo Thái thứ 2 (1721) định lại chế độ binh lính, cứ 5 suất đinh lấy một lính. Đến nay tuyển thêm lính, lại theo ngạch cũ 3 suất đinh lấy một lính. Người nào đã tuyển được thì phân phối đưa đi luyện tập, sau dẫn vào phủ đường thi khảo, rồi bổ thuộc vào các đội ngũ.

Lại hạ lệnh: cấm các quan ở trấn nã bắt quân lính trốn và sách nhiễu; cấm thu tiền vọng cũa binh lính ở trong kinh ngoài trấn vượt quá thể lệ; binh lính theo đi đánh giặc ở các đạo, người nào biết đem hết sức ra giết giặc, sẽ được ban thưởng. Việc này, cho ghi chép lại để làm mệnh lệnh nhất định.

Lời chua-Tiền vọng: Tức tiền khao vọng. Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) triều Ý Tông, định thể lệ tiền vọng như thế này:

Phàm binh lính ở Thanh, Nghệ mới tuyển được, phải nộp ở đội ngũ của mình mỗi tên lính cổ tiền[4] một quan năm tiền.

Binh lính ở ngoài các trấn tuyển vào đội thị hậu, phải nộp binh tiền[5] ở xã mình ba quan (nạp tại bản xã binh tiền tam quán). Ngoài ra các khoản khác đều đình bãi.

Hạ lệnh: Người nào dâng vật liệu dùng về việc binh, sẽ được ban thưởng.

Lúc ấy các đạo đánh dẹp, binh khí phần nhiều dùng thứ thuốc bắt lửa. Vì thế, mới hạ lệnh cho các phiên mục ở ngoại trấn[6], dâng nộp o diên, diêm tiêu, lưu hoàng, sẽ miễn cho việc đánh thuế mỏ và miễn tiền thuế dung, thuế điệu của dân đinh trong khi vực mà người phiên mục ấy cai quản. Nếu phiên mục nào muốn làm quan, sẽ cân nhắc số vật liệu đã dâng nhiều hay ít để trao cho quan chức. Những khách buôn ở các cửa hàng trong kinh kỳ và phố Lai Triều, nếu người nào tình nguyện dâng nộp để xin thưởng chức sắc, sẽ thưởng cho theo như thể lệ người nộp thóc hoặc nộp tiền; nếu người nào không muốn lấy chức sắc thì trã lại bằng tiền; người nào ẩn giấu sẽ phải tội.

Lời chua-Lai Triều: Tên phố, tức Phố Hiến, thuộc trấn Sơn Nam thời nhà Lê. Nay là tỉnh Lỵ Hưng Yên.

Sai bọn Trịnh Kính đi kinh lý vùng Sơn Nam.

Sơn Nam địa thế rộng rãi, bọn Hoàng Công Chất thường cướp phá luôn, chúng ra vào không nhất định, một mình đốc lãnh Hoàng Kim Trảo không thể chống cự được. Triều đình bèn sai quan quân chia làm ba đạo tiến đi càn quét: Cao quận công Trịnh Kính tiến theo thượng đạo ven núi; Trình quận

---

[1] Nay là xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

[2] Đời cổ khi có việc chinh chiến, giấy tờ về việc bắt nộp lương, nộp lính bắt đi khắp nơi. Vì thế, họ mới dùng một phiến gỗ nhỏ hình chữ nhật, chiều ngang, chiều dọc đã có kích thước nhất định, trên mặt phiến gỗ ấy sơn bằng phấn trắng, gọi là "thẻ bài". Thẻ bài nha môn nào có dấu hiệu riêng của nha môn ấy. Gặp việc cần cấp, thì viết công việc phải làm vào mặt thẻ bài (việc xong rồi, người có trách nhiệm thu lấy thẻ bài lau sạch chữ đi). Khi giao thẻ bài cho người nào đó nhận đi làm công việc thì trên đầu thẻ bài lại cắm thêm một cái lông cánh chim, để tỏ ra rằng, phải thi hành một cách nhanh như bay, nên gọi là "vũ hịch". Thẻ bài "hỏa tốc" chép ở đây, chắc cũng chế theo thể thức ấy. Đầu thế kỷ thứ XX, một số nha môn vẫn còn dùng thẻ bài ấy, nhưng không phải là "vũ hịch" hoặc "vũ thư".

[3] nt.

[4] Mỗi tiền 60 đồng, xem thêm lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXI, tờ 2.

[5] Tham khảo mục tiền vọng ở "binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương (sách chép tay) chép: "cổ tiền".

[6] Tức các trấn Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Hưng Hóa.

công Hoàng Công Kỳ tiến theo tả đạo ven sông; Nhạc Thọ hầu Phạm Trần Tông tiến theo hữu đạo ven sông, cho phép các tướng đều được tùy tiện thi hành mọi việc. Sau đó, triệu Trịnh Kính về, dùng Trần Tông quản lãnh thay quân của Trịnh Kính; ít lâu sau lại cho Khoản Trung hầu Nguyễn Trọng Cảnh thay Trần Tông, đóng đồn chống cự về mặt các huyện Thượng Nguyên; lại sai đốc trấn Vũ Tá Liễn và viên quan giữ việc phủ dụ là Đỗ Doãn Thành hội hợp quân lính đón đánh ở Đông An, nhưng không thắng được.

Lời chua-Thượng Nguyên: Tên huyện. Xưa gọi Thượng Hiền; sau khi nhà Lê trung hưng đổi là Thượng Nguyên, thuộc trấn Sơn Nam; nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Đông An: Tên huyện. Hồi thuộc Minh gọi là Đông Kết; nhà Lê đổi là Đông An, thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Công Kỳ: Hoạn quan, người xã Trình Xá, huyện Thần Khê[1].

Tá Liễn: Tạo sĩ, người xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà[2].

Sai bọn Trần Đình Miên và Nguyễn Bá Lân đi kinh lý trấn Sơn Tây.

Lúc ấy, quân của Duy Mật tràn ra Sơn Tây, các huyện Phúc Lộc, Tiên Phong đều bị cướp phá nhũng nhiễu. Bèn bổ dụng Đình Miên giữ chức đốc lãnh Sơn Tây, đem quân đi đánh. Sau đó, lại sai bồi tụng Nguyễn Bá Lân đem quân và voi tiến lên, vừa đánh dẹp vừa phủ dụ. Bá Lân chiêu tập hương binh ba huyện thượng du đi bình định, bắt được nhiều người. Quân của Duy Mật lui về thượng đạo.

Lời chua-Phúc Lộc: Tên huyện, nhà Lê gọi Phúc Lộc, nay đổi Phúc Thọ[3].

Tiên Phong: Tên huyện, hồi đầu triều Lê gọi Tân Phong; sau khi trung hưng đổi Tiên Phong-Hai huyện này nay đều thuộc phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây.

Biểu dương những người tiết nghĩa là bọn Hoàng Sĩ Châu và Nguyễn Hưng Vượng.

Lưu tặc[4] đánh phá châu Thu Vật. Hoàng Sĩ Châu, tường sinh xã Đại Đồng, bị bắt; giặc khảo đả, Sĩ Châu không khuất phục, dùng dao tự xử. Viên lưu thủ Văn Đình Dận đem sự trạng này tâu bày, bèn truy tặng cho hàm tri huyện và tha dao dịch cho nhà Sĩ Châu. Ở huyện Hoa Khê, tri huyện Nguyễn Hưng Vượng và huyện thừa Phạm Danh Linh đều chết về tay giặc. Ở Sơn Dương, một người dân là Dư Khắc Cung đánh nhau với giặc ở nơi đường ngõ, bị chết. Những người kể trên đều được tặng phong và ban cho tiền tuất. Vợ (sót họ tên) viên quan tiến triều Nguyễn Đình Kính bị khảo đả, không chịu khuất phục, cùng với con trai đều chết. Ban cho tấm biển đề ba chữ "trung tiết môn".

Lời chua-Thu Vật[5]: Nay đổi là Thu Châu. Xem Lê Thái Tông, năm Đại Bảo thứ nhất (Chb. XVII, 20).

Hoa Khê[6]: Tên huyện, nay đổi Cẩm Khê, thuộc phủ Lâm Thao.

Sơn Dương[1]: Tên huyện. Đời nhà Lê, huyện này thuộc phủ Đoan Hùng, sau bỏ; năm Gia Long thứ 6 (1807) bản triều mới đặt chức tri huyện-Hoa Khê và Sơn Dương nay đều thuộc tỉnh Sơn Tây.

---

[1] Nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[2] Tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Nay là huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

[4] Những người tụ tập nhau đi đánh phá các nơi, nay đánh nơi này, mai đánh nơi khác, không nhất định chỗ nào, quan niệm phong kiến gọi là "lưu tặc".

[5] Nay là huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

[6] Nay là huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

Đại Đồng: Tên xã, thuộc Thu Châu, tỉnh Tuyên Quang[2].

Đình Dận: Người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn[3], đỗ tạo sĩ.

Tường sinh: Chế độ nhà Lê trước kia, người thi hương trúng ba kỳ, gọi là tường sinh.

Bọn Vũ Đình Dung, giặc Ngân Già, uy hiếp Chân Ninh. Bọn đốc lãnh Hoàng Kim Trảo đánh nhau với giặc, thua trận, bị chết.

Bọn Vũ Đình Dung, Đoàn Danh Chấn và Tú Cao ở Ngân Già thuộc Sơn Nam, liên kết binh sĩ, uy hiếp phố Chân Ninh, thanh thế rất lừng lẫy. Đốc lãnh Hoàng Kim Trảo chống cự lại. Kim Trảo cùng tướng hiệu thuộc dưới quyền hắn là bọn Nguyễn Thế Siêu, Trần Danh Quán bại trấn, đều bị giết.

Lời chua-Ngân Già: Tên xã, thuộc huyện Nam Chân[4], trấn Sơn Nam.

Chân Ninh: Tên phố, ở huyện Nam Chân, nay chia đặt lại, thuộc huyện Chân Ninh[5].

Kim Trảo: Người xã Đan Dương Hạ, huyện Bạch Hạc[6], đỗ tạo sĩ.

Tú Cao: Tên một người giặc, sót họ.

Tháng 2. Toản Cơ, thổ tù ở phiên trấn Lạng Sơn, làm phản, đánh phá Đoàn Thành. Tổng phủ Ngô Đình Thạc bị chết.

Đình Thạc lấy tư cách thượng thư bộ Hộ, tham tụng, ra trấn thủ Lạng Sơn mới được vài tháng. Toản Cơ làm phản, vây Đoàn thành, trong thành không có binh lính. Có người khuyên Đình Thạc bỏ chạy, may ra được thoát. Đình Thạc nói: "Chức phận của ta là ở chỗ giữ lấy đất của triều đình, ta phải sống chết với thành này, toan chạy đi đâu?". Rồi bị sa vào tay giặc. Đình Thạc giữ tiết tháo, không khuất phục, để chết. Sau được truy tặng hàm thiếu bảo.

Lời chua-Toản Cơ (sót họ): Tên một thổ tù ở phiên trấn.

Đoàn Thành: Thành trấn Lạng Sơn.

Bổ dụng Vũ Công Tể, Nguyễn Quý Cảnh và Nguyễn Công Thái là tham tụng.

Công Tể từng làm quan bồi tụng, ra trấn thủ Cao Bằng, sau lại triệu về. Vì là người văn học, nên Công Tể được trọng đãi. Lúc ấy, Trịnh Doanh mới lập, mọi việc chính sự đổi mới nên hạ lệnh cho Công Tể cùng Quý Cảnh, Công Thái cùng vào phủ đường giữ công việc chính trị.

Nguyễn Trọng Uông, thống lãnh Bắc đạo, đánh nhau với Nguyễn Tuyển ở xã Bình Ngô, thua trận bị chết. Triều đình bổ dụng con hắn là Đức Thân lên thay cầm quân.

Trọng Uông là người khỏe mạnh, quả cảm, chiến đấu giỏi, thường một mình một ngựa xông pha trong trận giặc. Đến nay gặp Nguyễn Tuyển, Trọng Uông đem hết sức lực chiến đấu gay go. Nguyễn Hữu Nhuận, thuộc tướng của Uông, bỏ chạy trước, cả một đội quân phải kinh sợ, tan vỡ; hiệu quân theo sau của bọn Đặng Đình Sắt, Phạm Hữu Tá đều bỏ chạy. Giặc đem hết quân bao vây, Trọng Uông kiệt sức, bèn bị hại. Trịnh Doanh rất thương, truy tặng hàm thái bảo, tước quận công. Doanh nhận thấy Đức Thân, con Trọng Uông, là người có tài làm tướng, bèn hạ lệnh cho cầm quân thay. Lại giết bọn Hữu Nhuận và Đặng Đình Sắt, đày (tội lưu) Phạm Hữu Tá đi viễn châu.

---

[1] Nay là huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Nay thuộc tỉnh Yên Bái.

[3] Thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Nay là huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

[5] Nt.

[6] Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Lời chua-Trọng Uông: Người xã Quế Ổ, huyện Quế Dương, đỗ tạo sĩ.

Hữu Tá: Người xã An Thường, huyện Đông Ngàn, đỗ tạo sĩ.

Bình Ngô: Tên xã, thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 3. Bãi bỏ mọi việc xây dựng.

Việc xây dựng các chùa quán Quỳnh Lâm, Hồ Thiên, Hoa Long, Tử Trầm và Tây Phương đều bãi bỏ hết, những ruộng đất trước kia chiếm làm chùa quán, nay trả lại dân.

Lời chua-Chùa Quỳnh Lâm: Xem Tương Dực đế năm Hồng Thuận thứ 8 (Chb.XXVI, 26).

Chùa Hồ Thiên: Xem năm Vĩnh Hựu thứ 2 (Chb. XXXVIII, 1).

Chùa Hoa Long: Ở thôn Việt Trì, huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây[1].

Chùa Tử Trầm: Ở huyện Yên Sơn tỉnh Sơn Tây[2], có hang đá.

Chùa Tây Phương: Ở huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây[3].

Hạ lệnh: Đề cử người có tài cán mưu lược và lựa xét bổ dụng con cháu bầy tôi có công.

Phàm người nào có phương pháp, mưu lược, biết võ, khoẻ mạnh, có thể dùng vào việc cầm quân, cùng người nào có thuật đặc biệt, có mưu kỳ lạ, đều không phải câu nệ về tư cách phẩm trật, hết thảy được đề cử tên từng người để triều đình biết, sẽ tùy theo tài năng bổ dụng. Sau lại hạ lệnh: con cháu bầy tôi có công được vào kinh đô để lựa chọn, người nào có sức mạnh, chiến đấu khỏe, sẽ cấp cho lương bổng, rồi cho theo đi quân thứ chịu sự điều khiển.

Vũ Tá Lý, chinh tây đại tướng quân, đánh nhau với giặc Tế và Bồng ở An Lạc. Bắt được bọn giặc này.

Tên Tế, giặc ở Sơn Tây, và tên Bồng ở Bình Ngô, đều nổi tiếng là giặc tinh quái hung tợn. Thể quận công Tá Lý đón đánh ở An Lạc, bắt được bọn này. Trịnh Doanh ban cho Tá Lý cờ. kiếm và ấn, để tuyên dương công trạng.

Nguyễn Danh Phương, dư đảng của tên Tế, chiếm cứ núi Tam Đảo, nhân địa thế hiểm trở làm thành lũy, chiêu mộ binh lính, vơ vét lương ăn, chứa khí giới, họp đồ đảng, ẩn náu nơi núi rừng. Nhiều lần Danh Phương xin hàng để hoãn binh, Trịnh Doanh biết mưu giả trá, đem việc ấy bàn với bầy tôi. Doanh cho rằng "sự thế đánh dẹp cần phải biết việc hòa hoãn, việc khẩn cấp mà định kế đánh trước, đánh sau. Danh Phương chẳng qua chỉ là tên giặc tự giữ một xó một thôi. Còn như vùng đông nam là nơi đẻ ra của cải thuế khóa của quốc gia; nay vùng này bị Hữu Cầu và Công Chất liên kết với nhau, hàng ngày đốt phá cướp bóc thả cửa, vậy bây giờ trước hết phải quét sạch vùng đông nam, để gở mối lo nguy cấp cho dân. Sau khi đã bình định được hai tên giặc này rồi, lúc ấy sẽ quay cờ kéo lên mặt tây, thì Danh Phương dầu giảo quyệt đến đâu cũng không thể lọt lưới của ta được". Bèn hạ lệnh cho trấn thủ Sơn Tây nhận lời cho Phương hàng, liệu lượng lưu quan quân ở lại đóng đồn phòng ngự. Còn bao nhiêu binh sĩ đều đổ dồn hết về đạo đông nam, để góp sức đánh dẹp càn quét.

Lời chua-Tế, Bồng, Cầu, Chất: Tên bốn người giặc.

An Lạc[4]: Tên huyện, nay thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây.

Danh Phương: Tức Danh Ngũ, người huyện An Lạc.

---

[1] Nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

[2] Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[3] Nt.

[4] Nay là huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tá Lý: Người xã Hòa Hoàng, huyện Thạch Hà.

Bổ dụng hoạn quan Hoàng Công Kỳ làm Thống lãnh chinh tây đại tướng quân.

Lời phê-Trịnh Doanh cũng không phải là người có trí thức.

Tháng 4, mùa hạ. Thải bớt lính đã ứng mộ.

Trước đây các đạo đánh dẹp, số binh lính ít ỏi, bèn hạ lệnh chiêu mộ người mạnh khỏe, gọi là "chí nguyện binh". Sau đó, số ứng mộ khá nhiều, ở lẫn lộn cả trong kinh kỳ, rồi theo nhau làm việc gian tham, trộm cắp. Vì thế mới hạ lệnh sa thải, chọn lấy người có tên trong sổ cũ, sẽ do quan cấp lương cho; tướng hiệu không được dẫn họ vào trong thành trú ngụ lẫn ở nhà cửa của quân và dân, ai trái lệnh sẽ phải tội.

Hạ lệnh: Người nào nộp tiền hoặc thóc, sẽ được trao cho quan chức.

Bắt đâu bàn định quân cấp ruộng, sau chưa kịp thi hành đã bãi bỏ.

Trịnh Doanh say sưa phép tỉnh điền[1] đời cổ, muốn cho người nghèo người giàu đều nhau, để thuế khóa và lực dịch được quân bình. Các quan chấp chính trong phủ đường bàn rằng: "từ đời Tam Đại[2] trở về sau, chế độ ruộng đất bỏ đổ nát, không sổ sách nào có thể làm bằng chứng được. Các đời vua quốc triều [triều Lê] cũng chưa có đời nào thi hành. Vả lại, hiện nay sổ đinh, sổ điền ở các trấn cũng có chỗ tăng lên, chỗ hụt đi, trộm giặc ở quận huyện chưa dẹp yên được. Nếu phân phối người đo khám xét đo đạc, chỉ thêm phiền nhiễu cho dân, người nghèo chưa chắc đã trở về sum họp, mà người giàu sẽ sinh lòng nghi ngờ trở ngại. Vậy muốn thi hành phép này phải đợi khi thái bình rồi sẽ bàn định". Vì thế nên việc này nửa chừng lại thôi.

Tháng 5. Nguyễn Đăng Hiển, viên tướng chỉ huy đạo quân thủy, đón đánh bại được Nguyễn Tuyển ở huyện Phú Xuyên và Thượng Phúc.

Nguyễn Tuyển đem quân qua sông, xâm phạm các huyện Phú Xuyên và Thượng Phúc. Đăng Hiển đem quân tiến đánh, Tuyển bị thua, bỏ chạy. Bọn đốc lãnh Trương Khuông và Lê Công Chiêm đem quân đi đón đánh, nhưng không kịp.

Lời chua-Phú Xuyên: Tên huyện, năm Hồng Đức nhà Lê gọi Phù Vân; năm Quang Thiệu gọi Phú Nguyên; nhà Mạc đổi Phú Xuyên; Lê trung hưng vẫn theo như nhà Mạc, thuộc phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam; nay thuộc tỉnh Hà Nội[3].

Thượng Phúc: Tên huyện, xem Lê Chiêu Tông năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Kén thêm lính thủy.

Hạ lưu vùng đông nam, có nhiều giặc ở sông biển. Bèn hạ lệnh chọn thêm lính ở các huyện ven sông thuộc Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc, cứ 5 suất đinh lấy một người, phân phối cho lệ thuộc vào đội ngũ lính thủy và cấp cho thuyền công, mỗi thuyền 10 người, lại cho ưu binh Thanh, Nghệ xen lẫn vào, để thao diễn luyện tập, phòng bị khi điều khiển đến.

Doanh ép nhà vua truyền ngôi cho Duy Diêu (tức Hiển Tông), con trưởng của Thuần Tông. Tôn nhà vua làm thái thượng hoàng.

Duy Diêu, râu rồng, mắt phượng, là con trưởng Thuần Tông và là cháu nhà vua [Ý Tông Duy Thận][1]. Duy Diêu lấy địa vị người con trưởng, đáng được lập làm vua từ trước. Nhưng vì chú ruột là Duy

---

[1] Chế độ ruộng đất nhà Chu (1121-250 tr.c.n), lấy thửa đất 900 mẫu làm một dặm, vạch ra thành 9 khu, mỗi khu 100 mẫu. Khu giữa là ruộng công của vua, còn 8 khu chung quanh chỉ chia cho mỗi gia đình một khu làm ruộng tư, 8 gia đình được chia ruộng này phải góp sức lại để cày cấy ruộng công cho vua, mà ruộng tư của mình không phải nộp thuế. Cách chia ruộng ấy theo hình chữ "tỉnh" ( ), nên gọi "tỉnh điền".

[2] Tức nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu, đời thượng cổ Trung Quốc.

[3] Bây giờ thuộc tỉnh Hà Tây.

Mật[2] dấy quân, nên Trịnh Giang truất đi, đã lâu vẫn bị giam cấm. Trịnh Doanh mật sai người dời Duy Diêu đến ở nhà Bính quận công Vũ Tất Thận. Trước đây, Tất Thận chưa biết việc này. Một đêm, nằm mộng thấy một người "kẻ cả" đến nhà, cờ quạt âm nhạc, hệt như nghi trượng thái bình thiên tử. Sáng hôm sau, thấy Duy Diêu đến. Tất Thận bèn đem việc này nói với Doanh. Doanh muốn nhờ vào phúc đức Duy Diêu, mới cùng các đại thần bàn định tôn lập làm vua và xin nhà vua nhường ngôi cho Duy Diêu. Trong tờ chiếu nhường ngôi của Ý Tông có câu nói: "Nghĩ bọn ngoan ngu có quấy rối chốn biên cương, nên muốn cho kinh kỳ được yên, bốn biển được tĩnh; theo lẽ chính đáng nên suy tôn người đích trưởng, cốt là để kính trọng tông thống, thuận theo lòng dân". Tờ chiếu ban ra, lòng người rất vui vẽ.

Thượng hoàng sau khi nhường ngôi, ở điện Kiền Thọ, số dân xã cung phụng[3] chuẩn cho được lấy một phần ba trong số chính phần.

Lúc ấy, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ và Nguyễn Diên dấy quân lâu ngày, thanh thế trở nên lừng lẫy, cho thúc giục dân chúng quạt mạnh ngọn lửa chiến tranh ở quãng các phủ Từ, Thuận, Hồng, Sách, đi đến đâu dân ở đấy hưởng ứng theo. Cừ chiếm cứ Đỗ Lâm thuộc Gia Phúc, Tuyển chiếm cứ Phao Sơn thuộc Chí Linh, đồn lũy liên tiếp nhau, mỗi người đều có hàng vài vạn quân. Nhiều lần các tướng đánh phá càn quét, nhưng không thắng được.

Trịnh Doanh muốn mở cuộc hiểu dụ để chia rẽ đảng của họ. Doanh bèn hạ lệnh rằng: "Nhà nước dùng lễ độ đối đãi sĩ phu, dùng nhân nghĩa nuôi dưỡng dân chúng; mở rộng sự vui lòng giáo dục như lời ca tụng trong thơ Thanh nga[4], làm yên dịu sự kêu ca thảm thương như lời thổ lộ trong thơ Hồng nhạn[5].

Thế mà trước đây bọn giặc ở Chí Linh can phạm danh phận, thành ra dân một góc vùng đông bắc, riêng bị chúng ức hiếp dỗ dành. Là học trò, được triều đình giáo dục thành tài mà vì chúng phơi gan, dâng sức; là người dân, được triều đình cho vui chơi yên nghĩ mà vì chúng xông vào giáo mác, nước sôi. Trong những người ấy, cũng có người mong thoát được sự liên lụy đến gia đình; cũng có người muốn đỡ được sự xâm lăng ngay trước mắt. Tuy rằng cuối đầu mà theo gượng, nhưng há có phải trong bụng mê muội mà quên mất đường trở lại đâu? Vậy nay nếu biết bỏ đường nghịch, theo đường thuận, vứt kinh khí, về đầu hàng, sẽ nhất luật đều cho cùng nhau đổi mới, hoặc người nào có thể đái tội lập công cũng sẽ được tha tội lỗi, ban ân thưởng. Khuyên mọi người đều nên tính toán cho kỹ, nhận rõ cái lẽ hướng chỗ sáng, bỏ chỗ tối".

> **Lời cẩn án**-Nói về nhà Lê, từ khi Trịnh Tùng bạo nghịch giết vua[6] đến nay đã sáu đời[7], chúng rập theo hành động cũ, bắt chước thói xấu của nhau, đối với vua Lê, việc gì chúng cũng lấn vượt. Đem đại nghĩa kinh Xuân Thu (Khổng Tử) mà xét, tất nhiên phải choảng cho chúng những nhát búa rìu. Trịnh Doanh biết rước lập Hiển Tông, muốn nương nhờ vào phúc đức, thế mà lại tác phúc tác oai. tự nắm lấy quyền bính trong nước, rồi một lần truyền ngôi nữa, con là Trịnh Sâm bắt chước, lăng loàn áp bức vua Lê ngày càng tệ hơn. Câu sấm ngữ "Lê bại Trịnh vong"[8] chung quy không thuốc nào cứu chữa

---

[1] Duy Tường (Thuần Tông), Duy Thận (Ý Tông) và Duy Mật đều con Dụ Tông, Duy Diêu (Hiển Tông), con trưởng của Thuần Tông, nên gọi Duy Thận và Duy Mật bằng chú ruột.

[2] Xem chú thích số 2 trang 1728.

[3] Xem thêm Chính biên quyển XXX, tờ 27.

[4] Nguyên văn chép: "Hoằng lạc dục ư thanh nga; thiếp ai minh ư hồng nhạn". Thanh nga và Hồng nhạn, hai thi tập chép trong thiên Tiểu nhã sách Mao thi. Đại ý thơ Thanh nga được sinh ở nơi có nước (theo nghĩa trong đại tự của lời tựa sách Mao thi). Thơ Hồng nhạn nói: dân phải phiêu tán không khác gì tiếng kêu thảm thương của chim Hồng nhạn lạc đàn, nay được trở về yên nghiệp làm ăn, cũng như chim về tổ.

[5] Nt.

[6] Xem thêm Chính biên quyển XXXI, tờ 17.

[7] Bình An Vương Trịnh Tùng, Thanh Đô vương Trịnh Tráng, Tây Vương Trịnh Tạc, Định Nam vương Trịnh Căn, An Đô vương Trịnh Cương, Uy Nam vương Trịnh Giang.

[8] Tương truyền cuối đời Lê-Trịnh có câu sấm: "Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong". Nghĩa là nhà Lê còn thì nhà Trịnh còn, nhà Lê bại thì Trịnh cũng mất.

được. Thế thì những kẻ giả thác danh nghĩa chả đáng nên lấy đấy làm gương răn đó sau?

Lời chua-Điện Kiền Thọ: Theo Ngọc phả triều cố Lê thì điện Kiền Thọ ở phía tả hồ sen, đông cung.

Từ, Thuận: Tên hai phủ Từ Sơn và Thuận An, thuộc Kinh Bắc.

Sách: Tức Nam Sách. Xem ngang với Tấn, Tế vương, năm khai vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Hồng: Tức Hồng Châu. Xem thuộc Đường. Chiêu Tuyên Đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb, V, 14).

Sao Thái Bạch đi ngang trời.

Tháng 6 (sót ngày). Mặt trăng xuất hiện ban ngày, lộ ánh sáng (lậu minh).

Lời chua-Chữ "lậu" nghĩa là lộ rõ ra. Chữ "lậu minh" chép ở đây có lẽ nói mặt trăng xuất hiện ban ngày mà lộ rõ ánh sáng, tranh sức sáng với mặt trời.

Kén hương binh[1].

Lúc ấy, dùng quân đánh dẹp, không đủ lính để điều khiển. Bèn hạ lệnh kén hương binh, cứ năm đinh lấy một người, chia thành đội ngũ luyện tập, để sau này sẽ trưng dụng điều khiển.

Định thể lệ thờ tự ở Võ Miếu.

Vị chính giữa: thờ Võ Thành vương Thái công Vọng, còn từ Tôn Võ Tử, Quản Tử trở xuống 18 người phân phối thờ ở hai bên đông vũ và tây vũ. Trần Hưng Đạo đại vương Quốc Tuấn được thờ theo vào Võ Miếu. Lại dựng miếu riêng thờ Quan Công nhà Hán. Hàng năm, mùa xuân, mùa thu 2 kỳ tế, đều dùng ngày mậu vào thượng tuần. Cấp cho mỗi miếu một ấp dân hộ, để cung phụng việc thờ tự.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu cấm quân lính bắt bớ cướp bóc; nếu có bắt được sổ sách thư từ đều đem đốt hết.

Hạ lệnh cho các tướng: khi hành quân qua quận ấp, phải sẵn lòng vỗ về yên ủi trăm họ. Cấm hết: quân sĩ hà khắc, nhũng nhiễu dân địa phương; bọn hào cường ức hiếp người nghèo yếu.

Lúc ấy, bọn trộm cướp hoành hành, nhân dân nhiều người bị uy hiếp phải theo, chúng đem biên tên thành sổ sách. Bèn hạ lệnh các đạo đi dẹp giặc, nếu có bắt được giấy tờ sổ sách của giặc đều đốt đi hết, rồi tuyên truyền hiểu bảo cho mọi người biết, để người giáo giở được yên tâm.

Hạ lệnh thu nhặt hết chuông khánh ở các chùa thờ Phật.

Lúc ấy, dùng quân đánh dẹp, chi phí mất nhiều. Có người nói nên quyền nghi xếp đặt để giúp việc ccần dùng trong quân. Bèn hạ lệnh: biên thu lấy chuông khánh các chùa thờ Phật, đem nộp. Lại hạ lệnh cho phiên thần và thổ dân ở ngoại trấn nộp đồng hoặc chì, sẽ điều tùy theo số nộp được nhiều hay ít mà cất nhắc trao cho quan chức.

Định phép thông dụng tiền và bạc.

Khoảng năm Long Đức-Vĩnh Hựu (1732-1740), sự chi tiêu trong nước chuyên dùng bằng tiền, giá bạc hơi hạ. Đến lúc dùng quân đánh dẹp, phần nhiều đem bạc cấp lương cho lính, bọn nhà buôn lại càng giảm giá bạc xuống, thành ra sự ăn tiêu của binh lính gặp khó khăn. Bèn hạ lệnh viên quan giữ chức trách định giá chợ, cho phép tiền và bạc đều được thông dụng. Ở chợ đặt chức thị trưởng, phân biệt bạc thực bạc giả để mua bán. Do đấy giá cao hạ được thăng bằng, mà bọn phú thương không thể vơ vét mối lợi được.

[1] Xem thêm Chú thích số 2, tờ 17 trong cuốn này.

Nguyễn Tuyển đánh phá huyện Đường Yên, bọn Vũ Tất Thận chống cự lại, nhưng không thắng được.

Hai đại tướng Bính quận công Vũ Tất Thận và Trình quận công Hoàng Công Kỳ đem quân đến xã Yên Nhân, ngần ngại không dám tiến. Nguyễn Tuyển bèn đốt phủ đệ và từ đường Mi Thữ, rồi tung quân ra cướp phá ồ ạt, thành ra dân ở vùng này làng xóm bị tiêu điều, biến dần ra rừng rậm.

Lời chua-Đường Yên: Tên huyện, đời nhà Lê, huyện này thuộc phủ Thượng Hồng, Hải Dương; nay phủ Bình Giang kiêm lý.

Yên Nhân:[1] Tên xã, thuộc huyện Đường Hào.

Phủ đệ từ đường Mi Thữ: Xem Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 2 (tờ 1 và 2 trong cuốn này).

Tháng 7 nhuận, mùa thu. Bọn thống lãnh Hoàng Nghĩa Bá đánh bại được Nguyễn Tuyển ở Phao Sơn.

Ban thưởng cho Nghĩa Bá thẻ bài bằng vàng, để tuyên dương công trạng. Còn bọn tán lý Nguyễn Thế Khải, hiệp đồng Trần Cảnh và thuộc tướng Trịnh Khải đều được ban thưởng cao thấp khác nhau.

Lời chua-Phao Sơn: Tên núi, ở xã Phao Sơn, huyện Chí Linh, thuộc Hải Dương. Trước mặt xã này là sông Lục Đầu.

Nghĩa Bá: Người xã Hoàng Vân[2], huyện Kim Động, đỗ tạo sĩ.

Thế Khải: Người xã Nhân Lý, huyện Thanh Lâm[3], đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu.

Trần Cảnh: Người xã Điền Trì, huyện Chí Linh, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1718) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Doanh đem đại quân đánh giặc Ngân Già, bình định được.

Quân ở vùng đông nam nổi dậy, đốt phá cướp bóc châu huyện, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá thế lực đương hăng, mà bọn giặc Ngân Già Vũ Đình Dung lại càng tinh quái hung tợn: Chỗ ở của bọn này không có tường lũy gì, chỉ dựa vào nơi bùn lầy làm hiểm trở, đồ đảng thì nanh ác mạnh tợn, không sợ chết. Gặp quan quân, chúng liền vác dao xông vào chém bừa bãi, các tướng nhiều lần bị thua.

Bấy giờ Trịnh Doanh hạ lệnh: Bình định xong mặt nam, liền tiếp tục chuyển quân hướng về mặt đông. Bèn sai quan đi ngựa loan báo cho các huyện ấp biết trước: Quân trẩy đến đâu, nhân dân đấy cứ việc ở yên không phải sợ hãi; người bị giặc bắt hiếp phải theo nay nếu về đầu hàng sẽ không phải tội; quan lại vẫn được trở về giữ chức việc như cũ; nhân dân được phép chiểu nhận điền sản của mình. Lại đặt chức hành quân phỏng sát[4], cấm chỉ việc bắt người, cướp của. Vì thế, quan quân đến đâu, phụ lão ở đấy đón đường vui mừng nghinh tiếp, có người tình nguyện nộp của cải để giúp cho quân; có người xin hội họp quân theo đi đánh giặc. Trịnh Doanh đóng quân ở bến Mộc Hoàn, sắm sửa khí giới, tập trận thủy chiến, oai phong binh sĩ rất hăng hái, thanh thế lẫy lừng.

Trịnh Doanh bàn rằng: "Ninh Xá[5] chưa thể phá ngay được, bây giờ không gì bằng trước hết đánh tan được giặc Ngân Già để cắt đứt sự cứu viện của đảng giặc". Doanh bèn dẫn quân xuống mặt nam. Tháng 11, quân tiến đến đóng tại xã Vũ Điện, sau kéo đến Hiến Doanh, chia các tướng thành từng bộ phận, hẹn ngày đều tiến quân: Sáng sớm xuất phát từ Hiến Doanh, chiều đến sông Vị Hoàng sáng sớm

---

[1] Tục gọi làng Bần, nay thuộc thị trấn Bần Yên, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[2] Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[3] Nay thuộc huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

[4] Chức quan có nhiệm vụ dò la xem xét trong khi hành quân.

[5] Tức Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ.

hôm sau đến Lục Đạo. Bọn Đình Dung đem hết quân ra đánh để kháng cự. Doanh sai các tướng là bọn Đinh Văn Giai, Nguyễn Đình Hoàn, Vũ Tất Thận và Trương Khuông đốc suất quân các doanh ra đánh. Trương Khuông đem quân cánh tả tiến sát đến chỗ đồi cỏ rậm rạp, phục binh của giặc thình lình nổi dậy, giết một tì tướng của Khuông. Trịnh Doanh nổi giận, thúc voi tiến lên, chỉ huy các quân góp sức lại đánh một trận lớn. Địa điểm này, bốn mặt bùn lầy, ai cũng cho rằng đại binh không thể vào được. Ngày hôm ấy, ruộng bùn lầy tự nhiên khô ráo, chỉ hơi ướt chân ngựa, quân chúng đều lấy làm kinh dị, họ chạy nhảy tranh nhau phấn đấu. Đình Hoàn đem quân đánh tập hậu vào quân của giặc, nhân đấy buông lửa đốt ấp trại, khói bóc đầy trời, quân giặc bèn tan vỡ tứ tung, quan quân nhân đà thắng, cùng nhau đánh kẹp lại: thây giặc chết nằm chồng chất nhau. Bắt chém tướng súy cầm đầu của giặc, bình định được giặc Ngân Già, xóa bỏ xã hiệu cũ đổi gọi là Lai Cách. Trịnh Doanh ban cho bọn Đình Hoàn thẻ bài bằng vàng và 200 lạng bạc; sai Trịnh Tự Thành săn bắt đảng giặc còn sót lại; yên ủi vỗ về nhân dân, để cho họ đều trở về yên nghiệp làm ăn.

Trước kia, khi đại quân trẩy xuống mặt nam, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá cùng đồ đàng là Trần Diệu, nhân lúc sơ hở, tiến thẳng quân sát bến Bồ Đề, trong kinh thành không có quân, lòng người rất lo sợ. Lúc ấy. thái phi Vũ Thị ở trong cung điều khiển bọn Trịnh Đạc chiểu theo địa giới giữ bốn cửa thành; lại phân phối sai quan văn là bọn Phạm Kinh Vĩ, Nguyễn Bá Quýnh đem hết dân cư ngoài thành ra bến sông bố trí hàng ngũ, để làm nghi binh, đề lãnh Đặng Đình Mật đem quân trong cơ của mình sang qua sông, đánh Nguyễn Tuyển, Đình Mật bị bại, quay về.

Trước đây, Diệu quận công Trần Cảnh cùng thống lãnh Bằng Thọ hầu (sót họ tên) đóng quân ở Lang Tài, được tin nguy cấp, liền đem quân đi vội đến làng Phù Lưu và Đình Bảng, theo đánh mặt sau của giặc. Dận quận công Đặng Đình Miên, trấn thủ Sơn Tây, đem quân đi đêm vào hộ vệ kinh thành, trước hết hắn sai con là Đình Trí do đường xã Thụy Hương huyện Từ Liêm sang đò tắt ở bờ phía bắc Gia Lâm, tung quân đánh úp. Vì thế, giặc bèn mất hết nhuệ khí, phải dẫn quân đi.

Lúc Trịnh Doanh mới dẹp được giặc Ngân Già, chợt được tin báo ở kinh thành đưa đến, Doanh hạ lệnh cho các đạo quân phải tinh sương đi mau trở về để cứu nơi căn bản. Khi đạo quân kéo về đến xã Kim Lan, thì giặc đã trốn chạy xa rồi, kinh sư vẫn được yên ổn.

Lời phê-Vũ Thị cũng là một người anh kiệt trong phái phụ nữ, cho nên mới có thể mấy lần định được kế mưu lớn[1].

Lời chua-Bến Mộc Hoàn: Tức hạ lưu sông Nhị, thuộc địa phận xã Mộc Hoàn, huyện Phú Xuyên, trấn Sơn Nam, vì thế nên gọi tên bến Mộc Hoàn...

Vũ Điện: Tên xã, thuộc huyện Nam Xang, trấn Sơn Nam-cả hai, nay đều thuộc tỉnh Hà Nội[2].

Hiến Doanh: Vì là lỵ sở của ty Hiến Sát sứ Trấn Nam hồi cố Lê, nên gọi tên như vậy, nay thuộc xã Nễ Châu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên[3].

Sông Vị Hoàng: Ở xã Vị Hoàng, tỉnh Nam Định.

Lạc Đạo: Tên xã, thuộc huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Phù Lưu và Đình Bảng[4]: Tên 2 xã, đều thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Gia Lâm: Tên huyện, ở phía bắc sông Nhị, thuộc phủ Thuận An.

Kim Lan: Tên xã, nay đổi Kim Quan, thuộc huyện Gia Lâm.

---

[1] Vũ Thị: Vợ Trịnh Cương. mẹ Trịnh Giang và Trịnh Doanh. Lời phê này có ý khen Vũ Thị lần trước chủ trương việc lập Trịnh Doanh thay Trịnh Giang và lần này điều khiển các tướng bảo vệ kinh thành.

[2] Mộc Hoàn nay thuộc huyện Duy Tiên, Mộc Hoàn và Vũ Điện nay đều thuộc tỉnh Hà Nam.

[3] Tức phố Hiến.

[4] Nay đều thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Văn Giai: Người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng.

Trần Diệu: Người xã Vân Canh[1], huyện Từ Liêm.

Kinh Vĩ: Người xã Thượng Hào, huyện Thanh Chương, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Bá Quýnh: Người xã Hoa Lâm (nay đổi Xuân Lâm) huyện Nam Đường, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

Bổ dụng Trương Nghiêm giữ chức trung úy[2].

Trước kia, Trương Nghiêm thuộc cơ Hữu Nhuệ, lệ thuộc vào Tây Đạo, vì có công đánh giặc, nên từ hàng tiểu tốt được cất nhắc bổ dụng chức này.

Lúc này, cần dùng lấy nhân tài, nên Đinh Văn Thản, Đinh Văn Phục chiêu tập được ở trong hàng ngũ của giặc, Hoàng Phùng Cơ thu nhận được ở trong hàng ngũ kẻ cướp, đều được tẩy rửa tội lội, phân biệt bổ dụng; Trương Ngiêm và Nguyễn Phan đều xuất thân từ hàng ngũ tiểu tốt. Sau này, Nguyễn Phan và Hoàng Phùng Cơ đều thành viên tướng có danh tiếng.

Lời chua-Trương Nghiêm: Người xã Đồng Môn, huyện Thạch Hà.

Văn Thản và Văn Phục: Đều người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng, dòng dõi Đinh Văn Tả.

Phùng Cơ: Người xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc.

Nguyễn Phan: Người xã Hà Dương, huyện Hoằng Hóa.

Sao Thái Bạch đi vào khu vực sao Thái Vi.

Mặt trăng đi vào khu vực sao Thái Vi, gần Đế tinh.

Lời chua-Thái Vi: Bầu trời có ba khu vực, một là khu vực Thái Vi, trong khu vực này có sao Ngũ Đế. Cương mục tập lãm chép: Khu vực cung Thái Vi, có mười ngôi sao, ở địa phận sao Dực, sao Chẩn. Khu vực này là cung thiên tử, tòa ngũ đế.

Năm ấy, mặt trăng đi vào khu vực Thái Vi, cho nên gần với Đế Tinh. Sách Tục biên chép lầm là đi vào khi vực sao Thái Tuế. Nay đổi lại.

Mặt trăng xuất hiện ban ngày, lộ rõ ánh sáng.

Tháng 12. Trần Viêm, đốc đồng trấn Sơn Tây, đánh quân của Nguyễn Tuyển ở Khoái Châu, không thắng được, Viêm bị chết trận.

Lúc ấy, quân của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ cướp phá các lộ Hồng Châu, Khoái Châu. Viêm lấy chức phận là đốc đồng đi phủ dụ Khoái Châu, bèn đem hương binh đi tiểu bắt, chợt gặp giặc ở địa phận xã Đồng Lạc và Canh Hoạch, vì bên nhiều bên ít không địch nổi, Viêm bị chết tại trận. Đoàn Vinh Kiêm giám sinh, người đồng quận với Viêm cùng vài chục người làng đều bị chết theo. Triều đình biết việc này, bèn truy tặng Trần Viêm hàm Đông các đại học sĩ, tước Hải Thọ bá, cấp cho 15 mẫu ruộng để thờ tự.

Lời chua-Trần Viêm: Người xã Hải Thiên[3], huyện Tiên Lữ, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Đồng Lạc, Canh Hoạch: Tên 2 xã, thuộc huyện Tiên Lữ.

---

[1] Nay là xã Vân Canh, huyện Từ Liêm Hà Nội.

[2] Một chức quan võ nằm trong tam ty 12 vệ, hàm tòng ngũ phẩm.

[3] Bây giờ là Hải Yến, tục gọi là Hới, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Làng này nổi tiếng về nghề làm quạt và dệt chiếu.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 39

Từ Tân Dậu, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741) đến Quý Hợi, năm Cảnh Hưng thứ 4 (1743), gồm 3 năm.

Tân Dậu, Hiển Tông Vĩnh hoàng đế, năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741). (Thanh, năm Càn Long thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Lời chua-Nghi lễ tế nam giao: Xem Kính Tông, năm Thận Đức thứ nhất (Chb. XXXI, 2).

Bắt đâu chia Sơn Nam làm thượng lộ và hạ lộ. Sơn Nam cùng Sơn Tây và Kinh Bắc đều đặt chức chưởng đốc.

Trịnh Doanh nhận thấy trộm cướp vẫy vùng ở Hải Dương, lòng người lo sợ; muốn giữ vững phiên trấn bảo vệ kinh kỳ, lấy uy quyền để trấn áp giặc cướp, bèn chia Sơn Nam làm thượng lộ và hạ lộ, hạ lệnh cho Trịnh Trụ, Ngô Đình Oánh, Trương Nhiêu và Nguyễn Đức Huy chia nhau làm chưởng đốc; lại sai Nguyễn Quý Cảnh và Phạm Nguyễn Bảng chưởng đốc Sơn Tây; Nguyễn Huy Nhuận và Trần Đình Cẩm (có sách chép: Miên) chưởng đốc Kinh Bắc. Các viên quan kể trên đều giữ công việc quân và dân thuộc hạt mình. Nhân đấy, Doanh hạ lệnh cho các viên quan kể trên làm công việc:

- Tính theo số hộ, cứ 3 suất đinh lấy một người sung làm hương binh;

- Xem xét nơi hiểm trở đặt đồn lũy canh phòng, để ngăn ngừa trộm cướp;

- Cấm quan lại hà khắc, bạo hoạnh, tướng sĩ cướp bóc của dân;

- Dân chúng có người nào biết tập hợp nhau, đốc suất nhau để hết sức đánh giặc theo với chính nghĩa, thì các quan kê tên người ấy tâu bày.

Lời chua-Ngô Đình Oánh: tên cũ là Đình Chất, người xã Tả Thanh Oai[1], huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Trương Nhiêu: Người xã Như Kinh[2], huyện Gia Lâm, là em Trương Thị, tổ mẫu (bà) Trịnh Doanh.

Nguyễn Đức Huy: Tên cũ là Hoành, người xã Nguyên Xá, huyện Thụy Nguyên[3], đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái.

Chưởng Đốc: Tên quan, nhân có việc mới đặt, không phải tên quan nhất định.

Sơn Nam thượng lộ, Sơn Nam hạ lộ, Sơn Tây, Kinh Bắc: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 25, 28, 34, 35).

Khôi phục chế độ cũ về khoa thi hương.

---

[1] Nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Nay là thôn Như Kinh, xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[3] Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Lúc nhà Lê mới trung hưng, thể lệ thi hương thế này: Ở xã khảo hạch học trò, lấy số người trúng tuyển đệ lên huyện, xã lớn 20 người, xã vừa 15 người, xã nhỏ 10 người, căn cứ vào xã lớn, xã nhỏ làm định hạn. Ở huyện thi khảo lại, chọn lấy người nào thông hiểu nghĩa lý văn chương liệt vào hạng học trò thi đủ thể văn bốn kỳ, thứ hai là hạng thi đủ thể văn ba kỳ. Đến khi vào thi hương, thi kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam, chỉ cốt lấy những người làm được đủ quyển, không ai bị đánh hỏng; đến kỳ đệ tứ mới có sự lấy người giỏi, bỏ người kém. Vì thế, người có văn học ít khi bị bỏ rơi. Đến quảng giữa đời trung hưng, đổi làm hạng sảo thông, quyển văn thi ba kỳ trước[1], không kỳ hạng sảo thông hoặc thứ thông đều một loạt đưa quan trường xét duyệt, thành ra người có văn học phần nhiều bị sàng sẩy, đến kỳ đệ tứ không mấy người được dự thi. Đến nay bàn khôi phục lại chế độ cũ, tuy về phần con em nhà quyền thế, không khỏi không có sự lấy đỗ quá lạm, nhưng sĩ tử có thực học, người nào cũng được dự thi kỳ đối sách cả.

Lời cẩn án-Nhà Lê từ sau khi trung hưng, dưới triều Hi Tông năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677), định thể lệ thi hương: Hễ năm nào đến khoa thi, thì các xã trưởng (do người có văn học hoặc sinh đồ đứng làm) ở phủ, ở châu và huyện khảo hạch học trò trong xã mình, lấy số người có thông hiểu nghĩa lý văn chương đệ lên huyện, số học trò đều theo hạn định xã lớn, xã nhỏ xã vừa. Huyện khảo hạch lấy người nào thông hiểu nghĩa lý văn chương liệt vào hạng học trò thi đủ thể văn bốn kỳ, huyện lớn 20 người, huyện vừa 15 người, huyện nhỏ 10 người, còn người thông hiểu vừa thì liệt vào hạng học trò làm đủ thể văn ba kỳ. Đến ngày vào trường thi, thì hạng học trò làm đủ thể văn bốn được vào thi chung với nho sinh và sinh đồ đã đỗ các khoa trước (quan viên tử thi trúng được ba kỳ gọi là nho sinh, thường dân thì trúng được ba kỳ gọi là sinh đồ), những quyển thi xếp riêng để đưa quan trường xét duyệt; Vì thế, người có văn học ít bị bỏ rơi.

Đến năm Bảo Thái thứ 2 (1721) dưới triều Dụ Tông, bỏ thể lệ khảo hạch ở xã, hạ lệnh thay đổi, cho huyện khảo hạch hai lần: lần khảo thứ nhất, làm bài thơ và một vài câu văn sách, hoặc làm bài thơ, bài phú; lần sau, làm một bài văn sách. Thể lệ lấy người trúng tuyển: huyện lớn 200 người, huyện vừa 150 người, huyện nhỏ 100 người. Người nào thông hiểu luật làm thơ đều được sung tuyển, nhưng lộc lấy những người trội hơn, kê riêng ra một sổ, nộp ti Thừa chính ở trấn.

Ti Thừa chính cùng ti Hiến sát hội đồng thi khảo: Trước hết thi một bài thơ[2], hoặc bài thơ "Tuyệt cú"[3], ba bốn câu về thể phú[4] cùng một hai câu văn sách; sau thi một bài văn sách. Người nào trúng luôn được gọi là sảo thông, người nào chỉ trúng kỳ khảo ở huyện gọi là thứ thông. Số trúng tuyển có chia ra hạng sảo thông và thứ thông. Nếu người thứ thông nào chưa phục tình, được phép vạch rõ đích danh người sảo thông, và tình nguyện cùng người ấy so đọ, để định người hơn, người kém.

Đến khoa thi, thì ba kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam, không kể bài thi của sảo thông hay thứ thông, đều một loạt đưa quan trường xét duyệt. Người vào hạng sảo thông mà được dự trúng ba kỳ, gọi là "sảo thông sinh đồ", chỉ có "sảo thông sinh đồ" mới được vào thi kỳ đệ tứ. Nếu người "sảo thông" nào khi thi không trúng được ba kỳ, sẽ mất cả "sảo thông". Còn người vào hạng "thứ thông" mà dự trúng ba kỳ chỉ được là "sinh đồ", mà không được vào thi kỳ đệ tứ. Đến khoa sau, những sinh đồ này lại do hiệu quan ở phủ (tức viên quan giữ chức giáo dụ ở phủ). Khảo lại một lần nữa, đầu đề thi dùng một bài văn sách, gọi là "thi khảo người hay chữ". Người nào dự trúng mới được cùng hạng "sảo thông sinh đồ" vào thi đối sách kỳ đệ tứ. Vì thế, học trò tranh nhau nhận "sảo thông" là hạng hơn.

Đến nay, bàn định khôi phục chế độ "tứ trường" đời Vĩnh Trị mà bãi bỏ chế độ "sảo thông". Do đấy, con em nhà quyền thế nào cậy thế lực, nào dùng tiền tài, thành ra

---

[1] Tức kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam.

[2] Thông thường mỗi bài thơ 8 câu, bài nào chỉ có 4 câu gọi là tuyệt cú.

[3] Nt.

[4] Nguyên văn chép: "Phú tam tứ liên". Hai vế đối với nhau gọi là một "liên". Thông thường thể phú đầu đặt câu dài hay vắn, nhưng phải đối nhau.

số trúng tuyển những lạm có đến một nửa. Triều đình biết tai hại ấy, nên không bao lâu lại bãi bỏ chế độ "tứ trường", mà khôi phục chế độ "sảo thông" đời Bảo Thái. Đến năm thứ 11 (1750)[1], theo lời bàn của tể thần[2] Đỗ Thế Giai, thay đổi phép thi, ở huyện khảo hạch hai lần, lấy số người trúng tuyển, huyện lớn 70 người, huyện vừa 60 người, huyện nhỏ 30 người. Người nào được trúng tuyển gọi là "cử tri". Ngoài ra, con trai từ 10 tuổi trở lên, được phép nộp tiền "thông kinh" mỗi người 3 quan, rồi nộp đơn ứng thí, được miễn khảo hạch. Thi hành việc này, chỉ cốt thu được nhiều tiền, mà không điếm xỉa đến người có học hay không có học. Dầu bọn đồ tể, lái buôn cùng trẻ con 3, 4 tuổi, khi đi thi, không câu nệ mượn người làm gà hoặc đem sách vỡ vào trường, hễ ai có tên ở kỳ đệ tam tức là hạng "sinh đồ", chỉ có một điều là không được vào thi kỳ đệ tứ. Đến khoa sau, trong số người này, nếu người nào thực có học lực, cũng chiếu theo thể lệ "khảo thi người hay chữ" ở phủ, được vào trường thi đối sách. Tệ hại thi cử đến thế là cùng. Chép cả ra đây, để nghi lại sự thay đổi phép thi cử trong một thời đại.

Bọn Đặng Đình Luận, đốc lãnh trấn Hải Dương, đánh Nguyễn Tuyển ở Đông Triều, bọn này bị Nguyễn Tuyển bắt.

Thanh thế Nguyễn Tuyển rất lừng lẫy. Triều đình sai Đặng Đình Luận làm đốc lãnh thượng đạo Hải Dương, Trần Trọng Liêu và Nhữ Trọng Thai giữ chức hiệp đồng, đem quân đi đánh. Bọn này tiến quân đóng ở Đông Triều. Tuyển sai người xin hàng, Đình Luận tin lời, không phòng bị. Đêm đến, Tuyển đánh úp doanh trại. Đình Luận, Trọng Liêu và Trọng Thai đều bị bắt, Tuyển cho ở riêng một chỗ. Sau này Tuyển bị thua, bọn Đình Luận trốn về, đều bị lột hết quan chức và tước phẩm.

Lời chua-Đặng Đình Luận: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức[3], là con Gia quận công Đặng Đình Lân.

Trần Trọng Liêu: Người xã Văn Giáp, huyện Thượng Phúc[4], đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

Nhữ Trọng Thai: Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An[5], đỗ thám hoa khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức.

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Đong thóc ở Sơn Nam và Nghệ An.

Từ lúc dùng quân đánh dẹp đến nay, dân phải khổ sở về đói kém, chỉ có Sơn Nam và Nghệ An hàng năm được mùa, nhà giàu phần nhiều chứa thóc. Triều đình bèn hạ lệnh đong thóc ở Sơn Nam 150 vạn bát quan, ở Nghệ An 200 vạn bát quan, cứ 50 bát quan thóc trị giá một quan tiền, nhà giàu lấy làm đau đớn.

Lời chua-Bát quan: Bảy cáp là một bát, mỗi bát đếm được 84.000 hạt thóc.

Tháng 12. Hoàng Nghĩa Bá, thống lãnh trấn Hải Dương, đánh phá tan được Vũ Trác Oánh và Nguyễn Cừ. Nguyễn Tuyển chạy, rồi chết.

Hoàng Nghĩa Bá đem quân tiến đánh, phá tan được các đồn giặc ở Phao Sơn và Ninh Xá. Nguyễn Tuyển chạy, rồi chết. Nhân đấy, Nghĩa Bá tiến đánh bọn Vũ Trác Oánh và Nguyễn Cừ ở Gia Phúc, được thắng trận. Lại tập hợp quân thủy đuổi theo càn quét ở sông Bạch Đằng, đảng giặc bị tan tác. Trác Oánh không biết chết ở đâu, còn Nguyễn Cừ lẫn lút đến Lạng Sơn. Nhân đấy Nghĩa Bá xin kéo quân về.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XLI, tờ 2.

[2] Một danh từ đời phong kiến, dùng để gọi chung các viên quan quyền cao chức trọng. Ở đây chỉ phủ liêu trong phủ chúa Trịnh.

[3] Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

[4] Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[5] Nay thuộc Hải Dương.

Trương Khuông, đốc trấn Hải Dương, đánh nhau với giặc tên là Kình: Khuông bị bại trận; Nhữ Đình Toản, hiệp mưu, bị Kình bắt được. Nhân đấy, Đình Toản dụ Kình đầu hàng.

Trước kia Kình (sót họ) theo anh em Nguyễn Tuyển. Tuyển dùng làm tướng bộ thuộc. Đến khi Tuyển bị thua, Kình bèn tập tập hợp đồ đảng còn sót lại cướp bóc ở quãng Cẩm Giàng, Chí Linh, quân chúng có vài trăm người. Đốc trấn Trương Khuông cùng Đình Toản đem quân đuổi theo tróc nã. Bọn Khuông đánh nhau với Kình ở xã La Mát, bị bại trận. Nhữ Đình Toản, hiệp mưu, bị Kình bắt được. Kình vẫn kính trọng thanh danh Đình Toản, dùng lễ tân khánh để đối đãi. Nhân gặp cơ hội, Đình Toản đem sự họa phúc dụ dỗ. Kình bèn đến cửa quân đầu hàng.

Lời chua-Nhữ Đình Toản: Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Cẩm Giàng: Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 5).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

La Mát: Tên xã, thuộc huyện Đường Hào[1].

Ưu binh nổi loạn, phá hũy nhà tham tụng Nguyễn Quý Cảnh.

Là một bầy tôi cũ ở tiềm để[2] Trịnh Doanh, Quý Cảnh rất được Trịnh Doanh thân yêu tin dùng. Lúc ấy, trong nước nhiều việc nguy cấp, ưu binh phải đi đánh dẹp luôn; triều đình dùng quan tước để thưởng công, tử chức thập trưởng trở lên đều ban cho sắc mệnh. Vì thế, ưu binh càng kêu ngạo, những người không được dự vào hạng quân công, lại xin tính xã để liệu lượng trao cho chức phẩm. Quý Cảnh lấy cớ là trái thể lệ, bác bỏ lời xin của ưu binh. Bọn này, nổi giận, sĩ nhục Quý Cảnh rằng: "Hương cống lên đến địa vị thượng thư, thì thể lệ nào?". Rồi họ bèn cùng đem nhau đến phá nhà, lùng tìm Quý Cảnh để giết, nhưng Quý Cảnh đã đi vội vào hầu trong phủ từ trước, nên được thoát nạn. Trịnh Doanh giữ Quý Cảnh ở trong phủ, rồi tra hỏi bắt giết người cầm đầu việc nổi loạn. Còn những người khác, đều bắt buộc vào khuông phép cấm đoán nghiêm ngặt. Nhưng ưu binh kêu ngạo, hung hãn đã thành thói quen, chung quy không thể nào kiềm chế được.

Lời chua-Ưu binh: Lính tuyển ở Thanh, Nghệ gọi là ưu binh.

Tính xã để liệu lượng trao cho chức phẩm: Ý nói lương bổng của ưu binh, có lệ ban cấp cho xã dân, hoặc một xã, hoặc hai xã không đều nhau; nay xin chiếu theo số xã dân đã được cấp nhiều hay ít mà liệu lượng trao cho quan chức phẩm trật cao thấp khác nhau.

Tháng 3. Dân Hải Dương bị đói, trích thóc ra để phát chẩn.

Năm ấy, dân Hải Dương bị nạn đói. Triều đình hạ lệnh trích số thóc đong ở Sơn Nam lấy 10 vạn bát quan phát chẩn cho dân nghèo. Sau lại hạ lệnh ban bố 4 điều răn bảo trong kinh và ngoài các trấn.

Lời chua-Bốn điều:1. Các thuyền buôn thóc gạo được thông hành mua bán, miễn cho việc nộp thuế; 2. Miễn tiền lễ tạ, tiền khám xét cho dân nghèo bị kiện; 3. Tôi tớ những nhà quyền quý không được thiện tiện đến nhà dân; 4. Không có chỉ bài cấp phát không được trái phép bắt dân làm việc chuyển đệ văn thư.

Đặt chức Tuần thủ ở bốn đạo thuộc Hải Dương.

Vì Hải Dương đã được bình định, nên chia làm bốn đạo: Thượng Hồng, Hạ Hồng, An Lão, và Đông Triều, mỗi đạo đặt một chức tuần thủ để chiếu theo địa phận vỗ về dân chúng. Bổ dụng Nhữ Đình Toản, Vũ Khâm Lân, Phạm Đình Trọng và Vũ Phương Đề đều giữ chức hiệp đồng.

Lời chua-Vũ Khâm Lân: Người xã Ngọc Lặc, huyện Tứ Kỳ, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

---

[1] Sau đổi là Mỹ Hào. Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[2] Một danh từ để gọi chung phủ đệ của hoàng tử, vương tử, trong khi những người này chưa vào cung điện lên ngôi vua chúa.

Phạm Đình Trọng: Người xã Khinh Dao, huyện Giáp Sơn[1], đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Vũ Phương Đề: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu.

An Lão: Tên huyện, thuộc Hải Dương[2].

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Tháng 5, mùa hạ. Lê lệ, đốc lãnh Sơn Tây, và Nguyễn Quai, hiệp đồng Tuyên Quang, đánh phá được Nguyễn Diên.

Trước kia, Diên cùng với chú hắn là bọn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ nổi loạn. Khi Tuyển và Cừ bị hại. Diên tập hợp đồ đảng, quấy nhiễu cướp bóc vùng Sơn Tây. Trịnh Doanh hạ lệnh cho Lê Lệ đốc lãnh các đạo quân đi đánh, cả phá được Diên ở An Lạc. Diên lại sai đồ đảng đem binh thuyền theo thuận dòng sông xuôi xuống, hẹn đến ngày 13 tháng 6 qua bến đò Cốc. Nguyễn Quai. Hiệp đồng đạo Tuyên Quang, đánh úp, thuyền của Diên bị đắm hết.

Trước đây, Quai hỏi tù binh, biết được mưu kế của Diên, nhân đấy, Quai tuyển quân lính nhanh nhẹn, mang cờ đen, đội nón nan, giống như quân trang của Diên, rồi sai bọn này dùng thuyền đi trước. Quả nhiên Diên dẫn quân đến, trông thấy toán quân giả hiệu của Quai tưởng là quân mình kéo đến, thành ra không phòng bị gì cả. Lúc ấy, Quai thình lình đến đánh, Diên hoang mang sợ hãi bỏ chạy, quân nhu và khí giới vứt bỏ đi hầu hết.

Lời chua-Lê Lệ: Người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương, dòng dõi Lê [Thì] Hiến.

Nguyễn Quai: Người xã Phúc Khê, huyện Hưng Nhân, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

An Lạc: Tên huyện, thuộc tỉnh Sơn Tây[3].

Bến Cốc: Bến sông thuộc xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc, Sơn Tây[4].

Bắt đâu cấp liêm điền cho các quan về hàng văn.

Từ sau khi trung hưng, về phần quan văn, triều đình chiểu theo phẩm trật cấp cho tùy binh có người nhiều người ít khác nhau: viên quan nhất phẩm được cấp 24 người, từ viên quan nhị phẩm đến ngũ phẩm, cứ mỗi phẩm trật rút dần đi 4 người, các viên quan ấy được thu tiền cố dịch[5] để làm bổng lộc. Đến nay, vì số hộ khẩu hao hụt, nên đều cấp thay bằng lộc điền: viên quan nhất phẩm được cấp 50 mẫu, từ viên quan nhị phẩm đến bát phẩm mỗi phẩm trật rút dần đi 5 mẫu. Việc này giao cho Hộ phiên tùy theo sự thuận tiện của từng người mà cấp ruộng, gọi là "liêm điền".

Kén thêm binh lính ở Thanh Hoa.

Lấy thêm lính ở Thanh Hoa, đặt làm bốn đội trấn tiền, trấn hậu, trấn tả và trấn hữu, mỗi đội 300 người, để canh giữ phủ An Trường.

Lúc bắt đầu trung hưng, thể lệ lấy lính ở Thanh Hoa và Nghệ An, cứ 3 suất đinh lấy một người. Năm Nhâm Dần (1722). (năm Bảo Thái thứ 3 triều Dụ Tông), định lại, cứ 5 suất đinh lấy một người. Đến nay lại chọn 6 suất đinh lấy một người, mà không kể số lính đương tại ngũ. Như vậy, thực ra là 3 suất đinh lấy một người.

---

[1] Sau thuộc huyện Kinh Môn, Hải Dương.

[2] Nay thuộc T.P Hải Phòng.

[3] Nay là huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[4] Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

[5] Nguyên văn chép "cố tiền", có lẽ người tùy binh nộp tiền cho viên quan được phần cấp để thay thế công việc mà tùy binh phải phục dịch cho viên quan ấy.

Lời chua-An Trường: Tên xã, xem Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Hạ Lệnh: Nhân dân, người nào chuyển vận thóc đi bán hoặc nộp thóc, sẽ được bổ làm quan.

Lúc ấy, dân vùng đông bắc hàng năm bị đói, triều đình hạ lệnh trích gạo công nấu cơm, cháo để phát chẩn cho dân. Lại mộ dân ở xứ khác, người nào có thể chuyển vận thóc đến bán hoặc nộp thuế ở nơi sở tại của mình, những người ấy đều được triều đình cân nhắc để ban cho quan chức.

Tháng 6. Bọn (phụ) đạo là Thoan ở sách Đông Quang làm phản. Văn Đình Dận, lưu thủ trấn Tuyên Quang, tiến đánh, dẹp yên được.

Mùa xuân năm trước, bọn đạo Thoan và đạo Thiều ở sách Đông Quang nổi loạn, cướp bóc nhũng nhiễu, châu huyện không thể kháng cự được, giặc bèn đánh, phá xã Đại Đồng. Đến nay, lưu thủ là Văn Đình Dận tiến đánh, phá tan được, đồ đảng của giặc tan vỡ, đất nơi biên giới hết thảy đều được bình định.

Lời chua-Đông Quang: Tên sách, thuộc huyện Trấn Yên, Hưng Hóa.

Thoan và Thiều: Tên hai người.

Đạo: Tức phụ đạo, tên quan của thổ tù.

Đại Đồng: Trấn lỵ, Tuyên Quang, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 5 (Chb. XXVII, 2).

Tháng 7, mùa thu. Định điều lệ về quân chính.

Lúc ấy, binh lính phần nhiều bỏ trốn, thiếu ngạch, viên quan ở trấn thúc giục bắt bớ, làm phiền nhiễu dân. Triều đình bàn định: Cho phép chọn mỗi xã một người làm thủ dịch, xã nào hàng năm không khuyết ngạch lính, sẽ được thưởng; xã nào trong 10 năm hoàn toàn không có lính trốn, không thiếu ngạch lính, thì đều được tùy theo hạng định xã lớn hoặc nhỏ mà ban thương cho: xã lớn trao cho chức thiên hộ, xã vừa chức phó thiên hộ, xã nhỏ chức bá hộ.

Các binh lính đã đem phân phối vào đội ngũ rồi, mà bỏ trốn, thì do viên quan cai quản trách cứ tróc nã, người lính trốn sẽ phải phạt 60 trượng, nếu trốn lần thứ 2 sẽ phải luận vào tội đồ; nếu lại cố ý trốn mới giao viên quan ở trấn tróc nã đích thân và bắt cả những người chứa chấp lính trốn đều đem trị tội. Đến như khi theo đi đánh dẹp mà mướn người đi thay, hoặc bỏ trốn, hoặc khi ra trận mà ẩn núp trốn tránh ở một nơi, đều phải theo luật luận tội.

Bổ dụng tham tụng Nguyễn Quý Cảnh làm công việc bộ Lại.

Từ khi ưu binh nổi loạn[1], Quý Cảnh giả thác có bệnh, xin từ chức, về ở nhà riêng, nhưng trên văn thư của chính phủ, Quý Cảnh vẫn ký tên như cũ. Đến nay lại có sắc mệnh này.

Tha tội cho Trịnh Tuệ và dùng làm tế tửu ở Quốc Tử giám.

Trước kia, Tuệ giữ chức thượng thư và tham tụng. Khi Trịnh Doanh nối ngôi, nhận thấy Tuệ vào bè đảng với Công Phụ, nên bắt giam vào ngục. Đến nay triều đình bàn luận, cho rằng Tuệ ở trong sổ tộc thuộc họ Trịnh, có lẽ không dự biết mưu phản nghịch, nên phân biệt xét rõ để lục dụng. Vì thế, Tuệ lại được bổ dùng.

Lại hạ lệnh cho bộ Hộ trông nom tài chính và thuế khóa. Nhưng chưa được bao lâu lại bãi bỏ.

Khoảng niên hiệu Hồng Đức, chia đặt 6 bộ[1], việc chi thu về tài chính và thuế khóa đều quan hệ ở bộ Hộ. Sau khi trung hưng, phủ chúa Trịnh đặt 6 phiên, thu hết quyền bính của sáu bộ. Riêng về Hộ

[1] Xem thêm việc ưu binh nổi loạn, tờ 8 trong cuốn này.

phiên chuyên nắm giữ tài chính và thuế khóa. Kỳ hạn tính toán sổ sách, hoặc 10 năm, hoặc 50 năm, vì để lâu ngày, nên bọn lại điển giảo hoạt, nhân vin vào đấy để làm việc gian trá. Đến nay. Đến nay, bầy tôi bàn luận xin khôi phục chế độ cũ. Trịnh Doanh theo lời, bèn bổ dụng Lê Hữu Kiều giữ công việc bộ Hộ. Từ đấy tài chính mới có thống thuộc. Nhưng quyền lớn lọt vào tay bọn tín thần đã lâu, bộ Hộ cũng chỉ biết được con số hão mà thôi. Vì thế không bao lâu lại bãi bỏ.

Lời phê-Họ Trịnh gian ngoan lấn quyền, sợ người ngoài toan tính đến thân, cho nên phần nhiều dùng hoạn quan làm tai mắt, mà quên bẳng đi rằng cái tệ hoạn quan, cuối cùng sẽ đi đến chỗ nhiều việc, không thể ngăn cản được. Như thế là vì lòng riêng thì sinh ra mù quáng.

Lời chua-Lê Hữu Kiều: Người xã Liêu Xá, huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1718) năm Vĩnh Thịnh triều Dụ Tông.

Sáu phiên: Quan thuộc trong phủ chúa Trịnh, xem Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb. XXXV, 22, 23).

Tín thân: Tức nội giám (hoạn quan).

Trịnh Doanh phong cho chú là Trịnh Đạc tước Doãn Trung công.

Trước kia, Trịnh Doanh đi đánh giặc Ngân Già, người chú của Doanh là đại tư đồ quận công Trịnh Đạc ở nhà giữ kinh thành, đến nay bàn việc phong thưởng, bèn gia phong cho Đạc tước Doãn Trung công.

Đặt chức nông quan ở tứ trấn.

Mỗi trấn đặt một viên đại sứ và một viên phó sứ, chuyên giữ công việc đồng ruộng, thân hành đi khuyên bảo nông dân. Lại đặt khuyến nông lại, để khuyên dân hết sức làm ruộng, tùy theo sự tiện nghi mà giúp đỡ dân. Hàng năm, cứ tháng trọng đông[2], sai người đi xem xét dò hỏi, xem nơi nào ruộng nương bỏ hoang hoặc khai khẩn, thức ăn của dân đầy đủ hay thiếu thốn, để định việc cất nhắc hoặc truất bãi các quan chức địa phương. Lại bàn định việc đồn điền, có 3 sở đồn điền dùng lính kinh kỳ cày cấy, 7 sở dùng lính tứ trấn, 9 sở dùng lính binh trấn; ngoài ra, tùy theo sở tại nơi đồn ải chia làm 14 sở nữa, gồm 33 sở đồn điền. Những lính trước đóng ở đồn nào, nay đều giữ lại ở đồn ấy để tiện việc cày cấy. Từ đấy, binh lính đều biết làm ruộng, lương thực của quân không đến nổi quá cùng quẩn.

Hoàng Nghĩa Bá mất.

Nghĩa Bá vốn là người mạnh bạo, quả cảm, nhiều lần lập được chiến công, là một viên tướng nổi tiếng thời bấy giờ. Đến nay mất, đặt tên thụy là Trung Liệt, gia phong công thần.

Phạm Đình Trọng, hiệp đồng đạo Đông Triều, bắt được Nguyễn Cừ ở núi Ngọa Vân, đóng cũi đưa về kinh sư giết chết.

Trước đây, Cừ cùng Tuyển đứng đầu làm việc bạn nghịch, đồ đảng vây cánh rất nhiều. Cừ chiếm cứ Gia Phúc, Tuyển chiếm cứ Phao Sơn, hai bên làm thanh thế viện trợ lẫn nhau. Đến khi Tuyển bị bại, thế lực của Cừ mỗi ngày một cô đơn, từ lúc bị thua trận ở Gia Phúc và Bạch Đằng[3], bè đảng tan tác bỏ đi. Vì đến bước đường cùng, Cừ trốn lên Lạng Sơn, nương nhờ thổ phi là Toản Cơ (sót họ). Đến nay, lại định mưu trở về vùng Đông, khi đi đến Đông Triều, hết lương ăn, quân chúng tan tác. Cừ cùng con lẻn đến núp ở nhà dân dưới núi Ngọa Vân. Hiệp đồng Phạm Đình Trọng và tuần thủ Nguyễn Thự bí mật dò la biết được, đóng củi đưa về kinh sư giết đi. Vì có công Đình Trọng đương thăng chức tả thị lang bộ Công. Nguyễn Thự thăng chức tổng binh đồng tri.

---

[1] Thánh Tông chia đặt 6 bộ từ năm Quang Thuận thứ 7 (Chính biên quyển XX, tờ 6) không phải đặt vào năm Hồng Đức như lời dẫn của Cương Mục.

[2] Tức tháng 11 âm lịch.

[3] Xem thêm tờ 7 trong cuốn này.

Lời chua-Sông Bạch Đằng: Xem Thuộc Tấn, Cao Tổ, năm Thiên Phúc thứ 2 (Tb. V, 19).

Gia Phúc: Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 4).

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Lạng Sơn: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 35).

Núi Ngọa Vân: Có một tên nữa là núi Yên Tử, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Hạ lệnh: Từ quan tam phẩm trở lên đều đề cử một người có thể làm nổi công việc ở phủ, ở châu và ở huyện.

Tháng 8. Dân bị đói to. Triều đình bỏ thóc ra để phát chẩn.

Lúc ấy, luôn luôn xảy ra kém đói, nhân dân phần nhiều phiêu tán. Triều đình bèn hạ lệnh lấy thóc trong kho chia ra phát chẩn cho dân phiêu tán ở tứ trấn; trong kinh kỳ cũng cứ 10 ngày phát chẩn một lần.

Từ cuối năm Vĩnh Hựu, trộm giặc các nơi nổi dậy, vùng Hải Dương càng nhiều hơn, dân gian bỏ cả cấy cày, các thứ tích trữ ở làng xóm hầu như hết sạch; chỉ có vùng Sơn Nam còn hơi khá một chút. Dân phiêu tán dắt díu nhau đi kiếm ăn đầy đường. Giá gạo cao vọt, một trăm đồng tiền không được một bữa no, Nhân dân phần nhiều phải ăn rau, ăn củ, đến nổi ăn cả thịt rắn, thịt chuột, chết đói chồng chất lên nhau; số dân còn lại mười phần không được một. Làng nào vốn có tiếng trù mật cũng chỉ còn lại độ năm ba hộ mà thôi.

Tháng 9. Trịnh Doanh sai Đặng Đình Mật đánh úp và phá được Lê Duy Mật ở Sơn Tây. Duy Mật rút quân giữ ở Ngọc Lâu.

Trước kia, Duy Mật bỏ trốn ra ngoài, cùng với chú là Duy Chú ở đầu nguồn thuộc Thanh Hoa, quân chúng suy tôn Duy Chúc làm minh chủ[1]. Chưa bao lâu, Duy Chúc mất, Duy Mật bèn thống lãnh quân chúng, rồi do đường An Hóa, Phụng Hóa thuộc Thiên Quan, vượt qua Mĩ Lương và Minh Nghĩa, kéo ra quãng sông Đà, sông Thao. Trịnh Doanh sai Đặng Đình Mật thống lãnh đạo Thanh Hoa, đốc suất cả quân các đạo An Sơn, Mĩ Lương và Chương Đức tiến đánh. Đình Mật nhân lúc không ngờ, đương đêm tiến quân sát đến đồn lũy của Duy Mật, phá vỡ được ba trùng lũy cùng vài chục sở đóng quân. Duy Mật rút quân giữ huyện Văn Lãng thuộc Thái Nguyên, sau lại trở về Thanh Hoa dựng doanh lũy ở xã Ngọc Lâu, xưng hiệu là Thiên Nam đế tử.

Việc sai tướng đi đánh trận này, Trịnh Doanh thấy Đình Mật là con nhà thế trần, vừa thân thích, vừa có công. Muốn đãi ngộ Đình Mật hơn các tướng khác, bèn cho triệu đến trao cho thanh kiếm vàng và ban cho cờ tiết mao cùng phủ việt[2] của tướng quân. Một mặt khác, chọn ngày làm lễ bái yết cung miếu[3], rồi mới sai đi đánh. Từ trước đến nay, triều đình sai tướng đem quân đi đánh dẹp, chưa bao giờ cử hành lễ này, Đình Mật cũng lấy làm cảm động phấn khởi, tự hết sức cố gắng, nên mỗi lần đi đánh đều lập được chiến công.

Lời chua-Đặng Đình Mật: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức, con Huân quận công Đình Gián và là cháu Ứng quận công Đình Tướng.

Thiên Quan: Xem Bình Định Vương, năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

An Hóa: Tên huyện, thuộc Ninh Bình.

---

[1] Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXV, tờ 33.

[2] Xem chú thích số 1, quyển XXX, tờ 27.

[3] Xem lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXVI, tờ 11.

Phụng Hóa: Tên huyện xem Tương Dực Đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 1, 2).

An Sơn: Tức Ninh Sơn, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 4 (Chb. XXVI, 43).

Mĩ Lương: Xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 8 (Chb. XXIX, 14).

Minh Nghĩa: Tên huyện, thuộc Sơn Tây.

Văn Lãng: Tên huyện, thuộc Thái Nguyên.

Xã Ngọc Lâu: Thuộc huyện Thạch Thành, Thanh Hoa.

Đà va Thao: Hai con sông này ở địa phận hai tỉnh Hưng Hóa và Sơn Tây.

Tháng 10, mùa đông. Sai tham tụng Nguyễn Quý Cảnh và Vũ Công Tể làm chiêu phủ sứ các lộ.

Bọn Quý Cảnh chia nhau đi các lộ, khuyên dân làm ruộng trồng dâu, chiêu tập dân phiêu tán, mộ người làm ruộng, khai khẩn đất bỏ hoang, tìm bắt trộm cướp.

Lúc ấy, làng xóm tiêu điều tan tác, tính theo số xã thì nhân dân phiêu tán nhiều nhất có đến 1.730 làng, phiêu tán vừa có đến 1.961 làng.

Biểu dương dân trung nghĩa huyện Đại An và Nam Chân.

Trước kia, giặc Ngân Già nổi lên, đi đến đâu là ở đấy đổ vỡ, chỉ có các tổng An Giang, Hải Liêu thuộc huyện Đại An và Phương Để, Thần Lộ thuộc huyện Nam Chân hết sức đánh nhau và chống cự với địch, lại có công theo quan quân đi đánh giặc. Đến nay giặc đã dẹp yên, triều đình hạ lệnh ban cho biển ngạch "trung nghĩa" để biểu dương.

Lời chua-Đại An và Nam Chân: Tên hai huyện, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18).

Tháng 11. Khởi phục[1] Trần Danh Ninh làm công việc Lễ phiên, vào phủ chúa giữ chức bồi tụng.

Trước đây, Danh Ninh xuất thân khoa bảng, giữ chức Hàn Lâm thị độc. Lúc ấy, gặp có tang mẹ, về ở nhà, Trương Khuông tiến cử là có thể dùng Danh Ninh giữ công việc trọng đại, vì thế, Trịnh Doanh hạ lệnh cho bỏ tình riêng để ra làm quan.

Lời chua-Trần Danh Ninh: Người xã Bảo Triện, ,huyện Gia Bình, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu, năm Vĩnh Khánh[2].

Ân xá.

Lúc ấy, vì tai dị và mất mùa, kém đói, triều đình bèn hạ chiếu tha thuế tô, thuế dung cho các lộ; triệt bỏ những sở tuần ty trái lệ ngạch; cấm tố cáo xằng, bắt bớ bậy những người trước theo giặc mà nay đã theo lệnh trở về. Tờ chiếu ân xá gồm 5 điều.

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1724). (Thanh, năm Càn Long thứ 7). Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho chưởng phủ Vũ Tất Thận và tham tụng Nguyễn Quý Cảnh chia nhau quản lĩnh hương binh ở các huyện gần kinh kỳ.

Vì chưa dẹp yên được bọn giặc cướp, các quân lính phải phân phối đi đánh phá càn quét, trong kinh vắng bóng binh lính. Các quan giữ chính quyền trong phủ xin tạm kén dân các huyện gần kinh kỳ, cứ 5 suất đinh kén lấy một người làm hương binh, tha dao dịch cho họ, duyệt tập theo như phép lính

---

[1] Người đương làm quan, nhưng vì lí do gì đó về ở nhà, sau lại triệu ra cho làm quan, gọi là khởi phục.

[2] Vĩnh Khánh là niên hiệu Đế Duy Phường (1729-1731) chỉ có năm Tân Hợi, không có Tân Sửu, Tân Sửu thuộc niên hiệu Bảo Thái (1721) triều Dụ Tông. Vì Cương mục chép sai, nên không rõ Danh Ninh đỗ năm nào.

chính thức. Bèn hạ lệnh cho Tất Thận và Quý Cảnh chia nhau quản lãnh, phân phối hương binh đóng ở ngoài kinh thành, để phòng bị việc bất trắc xảy ra.

Nguyễn Đăng Hiển, tướng thủy đạo, đuổi bắt và giết được Toản Cơ ở Hoành Bồ.

Cuối năm Vĩnh Hựu, thổ tù Toản Cơ (sót họ) nổi loạn, đánh phá đoàn thành, đốc trấn Ngô Đình Thạc bị giết. Khi Trịnh Doanh nối ngôi, hạ lệnh cho Nguyễn Đăng Hiển, tướng thủy đạo, tiến quân đánh phá; Toản Cơ thua chạy ra Yên Quảng. Đến nay, đuổi bắt được ở Hoành Bồ, chém chết.

Lời chua-Hoành Bồ: Xem Hi Tông, năm Chính Hòa thứ 11 (Chb. XXXIV, 25).

Đoàn Thành: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 26).

Dân Thanh Hoa bị nạn đói. Triều đình bỏ thóc ra để phát chẩn.

Năm ấy, dân Thanh Hoa bị nạn đói, một uyển gạo trị giá một tiền. Triều đình hạ lệnh cho các quan trong tam ti[1] ở bản trấn, trích lấy 15 vạn bát quan thóc, chia nhau đi phát chẩn cho dân.

Tháng 3. Bổ dụng Nguyễn Ngọc Huyễn làm hữu thị lang bộ Hộ giữ chức bồi tụng.

Trước kia, Ngọc Huyễn làm đốc trấn Cao Bằng 7 năm, có tài về việc vỗ về dân chúng, chống cự giặc cướp, nên dân nơi biên giới được yên ổn làm ăn,, Trịnh Doanh rất trọng, phong cho tước hầu. Đến nay triệu về triều, bèn vào làm quan trong chính phủ.

Lời chua-Nguyễn Ngọc Huyễn: Người xã Bột Thái, huyện Hoẳng Hóa[2], đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Sai bọn Lê Hữu Kiều, bồi tụng, dò la tìm hỏi tình hình ở các đạo thuộc Thanh Hoa và Nghệ An.

Trịnh Doanh bổ dụng Hữu Kiều giữ chức lưu thủ ở Thanh Hoa. Sau hạ lệnh cho Hữu Kiều cùng Hà Luân xét hỏi công việc và tình trạng trong hạt: Quan lại người hay, kẻ dở; dân gian đau đớn khổ sở; quan quân các đạo đánh dẹp, chống cự; tuần ti ở đường thủy và đường bộ. Lại hạ lệnh cho Đỗ Huy Kỳ đi dò la tìm hỏi tình hình ở Nghệ An.

Lời chua-Hà Luân: Người xã Kim Vực, huyện An Định, đỗ bảng nhãn khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Tháng 3. Trịnh Doanh tự tiến phong đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư, Minh vương. Đặt cái ống để nhận đơn bí mật tố cáo, sau lại bãi bỏ.

Lúc mới được lập làm chúa. Trịnh Doanh phong là nguyên soái, Minh Đô vương. Đến nay giả thác mệnh lệnh nhà vua, tự tiến phong đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư, Minh vương.

Doanh hăng hái lưu ý xét hỏi công việc, đặt cái ống bằng đồng ở cửa phủ, hạ lệnh cho người có việc hoặc người bị oan ức làm tờ tố cáo bỏ vào trong ống, cứ 5 ngày người có trách nhiệm đem ống ấy tiến trình.

Lúc ấy, sĩ phu, dân chúng bí mật trình bày việc tham tàng và nhũng nhiễu của quan lại; nhưng khi xét nghiệm ra, phần nhiều không đúng sự thật.

Doanh dần dần sinh ra chán nản. Lê Trọng Thứ, tả chính ngôn, làm tờ khải nói: "Bây giờ lòng người không được như đời cổ, sự yêu ghét chưa chắc đã hết thảy được công bằng. Nếu muốn phân biệt rõ người hay kẻ dở thì nên cho các quan trình bày đầy đủ bằng lời nói, rồi thử thách công việc xem có đúng với lời nói không, xét sự thật, tìm công trạng, chứ không nên mở cửa cáo tố bí mật, chỉ làm thêm lòng gian trá về việc bới móc lẫn nhau, bè đảng với nhau mà thôi". Trịnh Doanh khen ngợi lời khải của Trọng Thứ, lập tức bãi bỏ cái ống đồng.

---

[1] Tức ti Trấn thủ, ti Thừa chính và ti Hiến sát.

[2] Nay là xã Hoẳng Lộc, huyện Hoẳng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 4, mùa hạ. bỏ bớt ti Hiến sát sứ ở các lộ Tuyên Quang, Hưng Hóa và Yên Quảng.

Lúc ấy lấy cớ rằng dân ở ngoại trấn xơ xác, ít kiện tụng, nên bỏ bớt ti Hiến sát đi. Đem quan chức và công việc ở ti ấy lệ thuộc vào ti trấn thủ.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho quan tam phẩm trở xuống lần lượt theo thứ tự vào phủ trình bày công việc.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho quan tam phẩm trở xuống, mỗi người lần lượt theo thứ tự triệu hai người vào phủ, để hỏi về chính sự và cơ nghi về việc quân, việc nước. Lại hạ lệnh khảo xét quan văn quan võ về thành hiệu của công việc đã làm, để phòng bị sự lựa chọn bổ dụng.

Tháng 5. Mặt trời có quầng.

Người xem thiên văn đoán là tượng trưng bầy tôi lấn quyền, được trăm họ thân yêu quy phụ. Trịnh Doanh kính lễ để tế.

Định rõ thể lệ cất nhắc quan trong kinh, ngoài trấn.

Phàm cất nhắc trao chức cho quan trong kinh, ngoài trấn, căn cứ vào những điều lệ sau nay đã phân biệt khác nhau: Trúng trường khoa thi hội; Khảo trúng đầu bài do vua nghĩ soạn;-Tư cách về lâu năm và khó nhọc;-Nơi làm quan là nơi nhiều việc (phiền) hay ít việc (giản). Vì thế, những người cầu may mà được quân công, không được cất nhắc trao cho quan chức thực thụ.

> **Lời chua**-Trúng trường: Ý nói người dự thi hội được trúng kỳ đệ tam đến ba, bốn, năm, sáu khoa.
>
> Trúng khảo: Ý nói người được trúng cách trong các khoa thi sĩ vọng, hoành từ vá ứng chế.
>
> Phiền giản: Ý nói phủ hoặc huyện có nơi thái phiền, nơi giản khuyết[1].

Tháng 6. Sai Nhữ Đình Toản xét hỏi sự trạng ở Sơn Nam hạ lộ.

Trước đây, ở Sơn Nam hạ lộ, mỗi huyện đều đặt một chức phủ dụ, bổ dụng bọn Phạm Hữu Du nhận lĩnh chức này, để hiệp đồng với viên đồn ngự sứ vỗ về chiêu tập dân địa phương, phòng bị ngăn cấm giặc cướp. Đến nay, triều đình được tin bọn này hà khắc, những nhiễu nhân dân, nhân đấy, sai Đình Toản đi dò xét.

> **Lời chua**-Phạm Hữu Du: Người xã Quán Các, huyện Giao Thủy, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Tháng 7, mùa thu. Đặt chức quan xét rõ hình ngục còn nghi ngờ.

Hạ lệnh cho tham tụng Nguyễn Ngọc Huyễn, đô ngự sử Ngô Đình Oánh, mỗi năm cứ bốn tháng quý[2] phân xử những hình ngục oan uổng cho được hợp lý.

Dân bị đói. Giảm bớt lễ cúng tế thường, đình hoãn việc xét hỏi tạp tụng.

Vì năm mất mùa, dân bị đói, sự chi dùng trong nước không đủ, nên hạ lệnh giảm bớt năm phần mười về các lễ tế ở điện và miếu tại Thanh Hoa. Lại lấy cớ rằng viên quan giữ trách nhiệm bắt bớ khám xét làm phiền nhiễu dân, bèn ra sắc lệnh: Các việc kiện, chỉ có án nhân mạng, án trộm cướp, hoặc ngang ngược ức hiếp về ruộng đất và đánh nhau, mới được nhận đơn khám xét, ngoài ra hết thảy các việc kiện khác đều đình hoãn.

Tháng 8. Sai Đỗ Huy Kỳ và Phạm Doãn Vĩ chia nhau kén lính Thanh và Nghệ.

---

[1] Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXXV, tờ 19.

[2] Quý xuân: tháng 3 âm lịch; quý hạ: tháng 6; quý thu: tháng 7; quý đông: tháng 12.

Lê Hữu Kiều, lưu thủ Thanh Hoa, dâng tờ khải nói: "Thanh Hoa và Nghệ An mất mùa dân bị đói, số binh lính bỏ trốn và khuyết ngạch nhiều đến hơn vạn người, bọn quản suất bắt bớ thúc giục rất là phiền nhiễu cho dân; nếu có tìm bắt được, không phải người gian dối cũng là người nghèo khổ, vì thế mà vừa đến doanh trại lại bỏ trốn ngay. Nay không gì bằng chọn lấy viên quan thổ trước, ủy thác cho thân đi thăm hỏi tình trạng dân, rồi tùy tiện nghi mà đốc thúc lựa chọn, như thế là tiện hơn cả". Trịnh Doanh theo lời. Vì thế, hạ lệnh cho Huy Kỳ đi Thanh Hoa, Doãn Vĩ đi Nghệ An, chia nhau tuyển lính.

Lời chua-Thanh và Nghệ: Tên hai trấn, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 20-23, 33).

Đỗ Huy Kỳ: Người Thanh Hoa.

Phạm Doãn Vĩ: Người xã Thổ Hào, huyện Thanh Chương, Nghệ An, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Vũ Công Tể mất.

Công Tể sở trường về văn học, có mưu mô, tài trí, gặp lúc việc quân việc nước bề bộn, biết tùy theo đường lối điều khiển xếp đặt. Trịnh Doanh rất làm trọng, bèn cất nhắc lên làm quan ở chính phủ, giao phó cho giữ việc then chốt trong nước. Công Tể lại hay tiến cử người, dầu người có một tài nghệ, cũng khen ngợi cất nhắc không bao giờ bỏ sót. Vì thế, người ta cũng vui lòng làm việc.

Trước kia, giặc Sơn Tây là Nguyễn Danh Phương, thanh thế ngày càng lừng lẫy, triều đình bàn muốn chiêu an, chỉ một Công Tể cho là không được, nhất quyết chủ trương đánh phá tiễu trừ. Về sau, quả như lời dự liệu của Công Tể. Đến nay mất, truy tặng hàm thiếu bảo.

Tháng 10, mùa đông. Đặt vệ binh ở tứ trấn.

Hồi đầu triều Lê, binh lính ở tứ trấn đều đặt các vệ, các sở. Đến lúc trung hưng, chuyên dùng lính Thanh, Nghệ làm ưu binh, còn lính ở tứ trấn chỉ giữ có ngạch hão mà thôi. Khoảng năm Bảo Thái (1720-1728), Nguyễn Công Hãng làm tướng lại tuyển lính tứ trấn, phân phối bổ vào đội ngũ, chưa bao lâu Công Hãng mất chức, phép ấy bèn bãi bỏ, đến nay, vì phải dùng lính đi đánh dẹp, không đủ lính để điều động sai phái, bèn tuyển dân tứ trấn, cứ 5 suất đinh lấy một người, được số lính 11.465 người, phỏng theo phép phủ vệ nhà Đường[1], chia làm 20 vệ, ở vệ đặt chức tuần phủ và tuần thủ, chọn viên quan có tài cán mưu mô về hàng văn và hàng võ mỗi hàng một người để giữ các chức ấy, còn thuộc viên về hàng văn, hàng võ thì giữ chức phó nhị. Mỗi vệ đều chia thành hai phiên, hàng tháng thay đổi nhau để thường trực. Bình thường cứ cho một nửa số lính về nhà làm ruộng, người nào ở trong quân ngũ, quan sẽ cấp cho lương ăn hàng tháng. Lúc có việc phải tập hợp để điều động, thì sự sai phái đều tùy theo viên quan mà binh lính thuộc quyền (các tùy sở lệ sai bát), xong việc lại trả về vệ cũ.

Trước đây, bọn Đào Hoàng Thực giữ chính quyền trong phủ chúa bàn thi hành 3 điều: 1.phép phủ binh; 2. thu thêm tô ruộng; 3. lại thu tiền thuế điệu. Trịnh Doanh lấy cớ rằng việc binh là cần cấp hơn cả, cho nên thi hành trước.

Lời chua-Sở lệ sai bát: Ý nói lúc có việc mà binh lính phải ra trận đánh dẹp, hoặc thuộc quyền viên thống lãnh, hoặc thuộc quyền viên đốc lãnh, tùy theo công việc mà viên quan ấy sai phái.

Đặng Đình Mật đánh bại được Lê Duy Mật ở xã Thịnh Mỹ.

Trước kia, Duy Mật nhiều lần bị Đình Mật đánh bại, phải chạy đến Nghệ An, chiếm cứ động Cổ Nam, sau lại vội vàng đi Thanh Hoa, ra huyện Lôi Dương, phá đồn Bái Thượng, định mưu qua đò Lương Giang để về An Trường. Đình Mật cùng bọn Hà Huân, Nguyễn Nghiễm tiến quân, gặp ở xã Thịnh Mĩ, đánh bại được Duy Mật, Duy Mật chạy đến châu Lang Chánh.

Sau này bàn thưởng công, Đình Mật được tăng làm tham đốc, vẫn giữ chức thống lãnh, mà sai Nguyễn Ngọc Huyễn hiệp lực, để cùng toan tính việc đánh Duy Mật.

---

[1] Xem chú thích số 2. Chính biên quyển XXXV, tờ 41.

Lời chua-Nguyễn Nghiêm: Người xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Thịnh Mĩ và Bái Thượng: Tên hai xã, đều thuộc huyện Lôi Dương.

Lang Chánh: Tên châu: Xem năm thứ 28 (Chb. XLIII, 14).

Động Cổ Nam: Thuộc châu Quang Hóa, ở chỗ giáp giới hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An.

Lương Giang: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 2 (Chb. XI, 9).

Tháng 12. Bắt đầu thu thêm tiền tô ruộng.

Từ năm Bảo Thái trở về trước, duy ruộng công phải chịu tô, còn ruộng tư không phải chịu. Đến lúc Nguyễn Công Hãng giữ chính quyền, mới bàn đánh thuế theo từng hạng ruộng, chia ra ba hạng: nhất đẳng, nhị đẳng và tam đẳng. Đến nay vì việc chi dùng trong nước không đủ, bầy tôi trong phủ chúa xin tạm thời bổ thêm "tiền gia tô", mỗi mẫu đều nộp 30 đồng, thu vào hai mùa đông và hạ. Về sau, việc này bèn thành thể lệ nhất định.

Lời chua-Đánh thuế theo từng hạng ruộng: Ruộng nhất đẳng, mỗi mẫu 3 tiền, ruộng nhị đẳng mỗi mẫu 2 tiền, ruộng tam đẳng mỗi mẫu 1 tiền.

Quý Hợi, năm thứ 4 (1743). (Thanh, năm Càn Long thứ 8). Tháng Giêng, mùa xuân, khôi phục phép đánh thuế điệu đời Bảo Thái (1720-1729).

Theo chế độ cũ, các việc chi phí về bài, biểu, tế, khoán, đều chiểu theo từng hộ thu tiền[1].

Bài là ngày sinh của vua chúa, ngày mồng một tháng giêng (âm lịch) hàng năm, các nha môn làm lễ bái vọng;

Biểu là phẩm vật nghi lễ dâng tờ biểu chúc mừng vua chúa. Phàm gặp những tiết lễ kể trên, các nha môn đều có hát xướng, yến tiệc.

Tế là tế ở cung miếu[2] vào các tiết tứ quý[3]; tế đinh[4] ở quốc học và quận học; tế bách thần vào tiết mùa xuân; tế ma quỷ không có người cúng tế[5].

Khoán là các việc đê, đường, cầu, cống, kho tàng, trường thi v.v...

Những lễ tiết và công việc về bài, biểu, tế, khoán đều chia bổ về đinh suất, mỗi năm hoặc 2 quan, hoặc 3 quan, không có ngạch nhất định, gọi là "tiền hộ phân".

Tiền bài và biểu thuộc về hai ty Thừa chính và Hiến sát; tiền tế thuộc về phủ huyện; tiền khoán thuộc về ti Trấn thủ. Còn việc thu nộp thì giao cho nha lại các huyện. Đến khoảng năm Bảo Thái, triều đình chán ghét về sự phiền phức vụn vặt, bèn đổi lại mà định làm phép điệu. Theo phép này, mỗi suất định hàng năm nộp 6 tiền, phỏng theo ý nghĩa "mướn người làm việc" của đời cổ. Khi gặp việc chi tiêu về bài, biểu, tế, khoán, đều lấy tiền ở người có trách nhiệm giữ tiền. Nhưng sau vì kho tàng không đủ tiền, thành ra cầu cống, đường sá phần nhiều bỏ hũy hoại, vì thế lại bàn thu "tiền hộ phân". Rồi sau đó, nào bắt bớ, thúc giục, nào thu tiền, nộp tiền, tệ hại nảy ra hàng trăm mánh khóe. Trịnh Doanh biết tình tệ

[1] Xem thêm lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXVI, tờ 11.

[2] Theo lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXV, tờ 9 và quyển XXXVI tờ 11, thì cung miếu lá miếu thờ tiên tổ họ Trịnh, Nhưng theo chú thích của cuốn Lê sử bổ (sách chép tay, không có tên tác giả, cuốn sách này chỉ chép công việc đời Lê Cảnh Hưng), thì cung miếu là miếu thờ Lê Thái Tổ, và đem các vị tiên tổ họ Trịnh cùng mấy người công thần nữa dự vào phối hưởng.

[3] Xem chú thích số 2 tờ 33 trong cuốn này.

[4] Tế khổng tử và tiên hiền, tiên nho. Vì tế vào ngày "đinh" trong tháng trọng xuân và trọng thu, nên gọi "tế đinh".

[5] Nguyên văn chép "lệ tế". Chữ "lệ" có nhiều nghĩa: Tật dịch ma quỷ, điềm dữ v.v... Ở đây chúng tôi dịch theo chú thích trong cuốn Lê sử bổ đã dẫn ở trên.

ấy, nên năm trước, hạ lệnh cho bầy tôi đem việc thu số tiền này cùng bàn luận chung với chính sách binh lính và phép đánh tô ruộng, đến nay mới thi hành.

Tháng 2. Bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc, hoạn quan, giữ chức đốc lãnh lính kỳ đạo.

Ngũ Phúc do hoạn quan xuất thân, là người có mưu kế. Trước kia hắn do chức tả thiếu giám, sung giữ chức nội sai trong Hình phiên. Vì thấy triều đình đương dùng quân đánh dẹp, bèn dâng 12 điều về binh pháp. Trịnh Doanh cho đem thi hành. Nhân đấy, sai thống lãnh kỳ binh đạo Hải Dương, cùng với viên thống tướng chánh đạo là Hoàng Công Kỳ hội đồng tiễu trừ Nguyễn Hữu Cầu ở Đồ Sơn.

Lúc Ngũ Phúc mới được nghe mệnh lệnh, rất lấy làm lo, vì từ trước chưa từng đi chiến trận bao giờ. Có người khách khuyên: "Nên vay một vạn quan tiền công, để mộ lấy những tay tráng sĩ". Ngũ Phúc nói: "Nay vay tiền công, một ngày kia bắt phải nộp trả, thì lấy tiền đâu mà trả được". Khách nói: "Tục ngữ có câu "Tướng vô tài, sĩ bất lai", nghĩa là người làm tướng mà không có của, thì không bao giờ dũng sĩ tìm đến. Nếu ông thật lòng theo kế của tôi, thì những tráng sĩ đều hết sức với ông, quyết chiến thắng được địch, từ đấy sẽ được vừa sang vừa giàu, có lo gì cái món tiền vạn quan? Nếu nhỡ ra vấp váp đến chỗ không thể nói được, thì còn ai trách cứ món nợ ấy vào đâu được nữa?". Ngũ Phúc cho là phải, bèn theo lời. Do đấy về sau, Ngũ Phúc nhờ vào sức sĩ tốt, lập được chiến công, là viên tướng nổi tiếng trong một đời.

Lời chua-Ngũ Phúc: Người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng.

Thổ phỉ ở Cần Dinh đánh phá Đoàn Thành, đốc trấn Vũ Tá Vĩnh và đốc đồng Trần Công Hân đánh nhau với thổ phỉ, bị chết. Phiên mục là Nguyễn Đình Sính khôi phục được Đoàn Thành.

Lạng Sơn giáp với Kinh Bắc, núi non thung lũng hiểm trở, thổ phỉ (sót họ tên) Cần Dinh hô hào nhau tụ tập trong hang núi, rồi đem đồ đảng bao vây Đoàn Thành. Tá Vịnh đem sự nguy cấp báo cáo về triều. Triều đình hạ lệnh cho Trần Đình Cẩm, trấn thủ Kinh Bắc, đến cứu viện. Đình Cẩm không chịu tiến quân, lấy cớ rằng còn phải hội hợp quân để tiễu trừ giặc biển. Vì thế, bọn Tá Vịnh kiệt sức, Đoàn Thành vỡ, bọn này đều bị hại. Phiên mục là Nguyễn Đình Sính đem thổ binh đánh giặc, giặc thua chạy, bèn khôi phục được Đoàn Thành.

Lời chua-Trần Công Hân: Người xã Cổ Am, huyện Vĩnh Lại[1], đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

Nguyễn Đình Sính: Phiên mục Lạng Sơn.

Xã Cần Dinh: Thuộc huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh[2].

Đoàn Thành: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 26).

Giặc biển: Hữu Cầu hô hào dân chúng tụ hợp ở Đồ Sơn, cướp phá miền ven biển, nên gọi "giặc biển".

Tháng 3. Tha thuế tuần ti ở các lộ.

Lúc ấy, các sở tuần ti đánh thuế phiền nhiễu nặng nề, việc buôn bán phải sút kém dần đi. Trịnh Doanh muốn bỏ việc đánh thuế, Các quan trong chính phủ nói: "Thuế tuần ti đã có ngạch nhất định, nay chỉ nên ngăn cấm việc hà lạm sách nhiễu mà thôi". Trịnh Doanh nói: "Chính sách của vương giả ngày trước, chỗ họp chợ ở nơi quan ải chỉ xét hỏi người lạ mặt mà không đánh thuế. Nay, sau khi binh lửa, đồ ăn thức dùng của dân thiếu thốn, muốn được đủ dùng, chỉ nhờ vào sự buôn bán vận chuyển nơi có đến nơi không mà thôi, nên thực sự gia ơn, không nên chỉ làm việc hạ lệnh răn bảo". Bèn bãi bỏ thuế tuần ti năm ấy cho các lộ.

Lời chua-Tuần ti các lộ: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 12).

---

[1] Nay là huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng) và huyện Ninh Giang (Hải Dương) xã Cổ Am thuộc huyện Vĩnh Bảo.

[2] Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Hạ lệnh cho quan trong kinh, ngoài trấn đều dâng tờ thực phong[1] trình bày công việc.

Hạ lệnh quan võ từ tam phẩm trở lên đều đề cử một người có tài trí, mưu mô, mạnh dạn, quả cảm.

Tháng 5, mùa hạ. Bãi bỏ chế độ bổ quan văn giữ chức tuần phủ ở các vệ.

Trước kia, tuyển lính tứ trấn, chia ra các vệ, mỗi vệ đặt quan văn giữ chức tuần phủ, quan võ giữ chức tuần thủ, mỗi chức một người, để thống suất binh lính. Đến nay, tham tụng Lê Hữu Kiều nói: "Vệ binh mới đặt, kỷ luật còn thô lỗ, xin chỉ đặt một quan võ giữ chức tuần thủ, để thời thường thao luyện diễn tập binh lính, mà bỏ việc bổ quan văn giữ chức tuần phủ đi". Trịnh Doanh theo lời.

Ánh sáng. Sao Hỏa phạm vào vị trí sao Thái Vi.

Bãi chức tham tụng của Nguyễn Công Thái, cho ra trấn thủ Sơn Nam.

Trước đây, Công Thái trấn thủ ở Thanh Hoa, được triệu về giữ chức trong chính phủ. Công Thái cùng bọn Đỗ Thế Giai, Đàm Xuân Vực không hợp ý nhau. Gặp lúc ấy bọn Hoàng Văn Chất, giặc cỏ ở Sơn Nam, thanh thế đương mạnh tợn, bọn Thế Giai muốn hãm hại Công Thái, bèn nói với Trịnh Doanh là Công Thái có thể đương nổi sứ mạng trấn thủ Sơn Nam. Vì thế, mới có lệnh này.

Lời chua-Đỗ Thế Giai: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, đỗ hương cống, vào hạng quan tiến triều[2].

Đàm Xuân Vực: Hoạn quan, người xã Tương Trúc, huyện Thanh Trì.

Hoàng Văn Chất: Có một tên nữa là Công Thư, người huyện Thư Trì, tỉnh Nam Định[3], có thuyết nói: người xã Vân Hoàng, huyện Phú Xuyên.

Tháng 6. Nguyễn Hữu Cầu, giặc vùng Hải Dương, cướp huyện Thanh Hà. Hoàng Công Kỳ cùng Hoàng Ngũ Phúc đánh phá được.

Trước đây, Nguyễn Cừ đã bị bại, đồ đảng của hắn là Nguyễn Hữu Cầu lại hô hào tụ hợp nhau lén lút chiếm cứ Đồ Sơn, rồi sai đồ đảng cướp bóc xã Lão Phong. Trịnh Bảng, đốc lãnh thủy đạo, đem quân và thuyền tiến đánh. Bên giặc đem ra hơn mười chiếc thuyền, khi thấy quan quân, giả vờ chạy trốn, Bảng đuổi theo đến cửa biển Giai Môn, giặc rút lui vào bến Cát Bạc. Gặp lúc ấy thủy triều cuồn cuộn giẫy lên, gió thổi mạnh, thuyền của quan quân cao lớn, chèo chở không thuận lợi, bèn đỗ ở bờ biển phía đông. Giặc nhân cơ hội ấy, đem hơn trăm chiếc thuyền nhanh nhẹn tiến ra đánh phá; quan quân tan vỡ. Trịnh Bảng trong mình trúng hơn mười vết thương, bị giặc bắt, Bảng chửi mắng không ngớt mồm, rồi chết.

Từ đấy, thanh thế Hữu Cầu ngày càng lừng lẫy, tự xưng là Đông Đạo tổng quốc bảo dân đại tướng quân, chiếm cứ ven biển Đồ Sơn và Vân Đồn làm nơi kiên cố.

Trịnh Doanh sai Hoàng Công Kỳ thống lãnh đạo bộ binh ở Hải Dương, Trần Cảnh thống lãnh đạo thủy binh, lúc ra đi, Trịnh Doanh thân hành trao cho mưu kế phương pháp. Sau đó, sai Công Kỳ thống suất số quân thuộc dưới quyền Trần Cảnh và các đạo quân của đốc lãnh Vũ Tá Liễn, gồm binh thuyền của 29 cơ, nghiêm hạn nhật kỳ tiến quân càn quét. Công Kỳ dâng tờ khải nói: "Giặc nương vào núi, dựa vào biển làm nơi kiên cố; vả lại nước biển khi lên khi xuống không nhất định, muốn phá Đồ Sơn, không tranh chiếm địa lợi trước là không được, mà muốn tranh chiếm địa lợi, cần phải dùng thủy binh. Vậy xin giữ quân thủy của đội Tứ Trạch lại để phòng bị việc điều khiển". Trịnh Doanh y cho. Công Kỳ cùng tướng thủy đạo là Nguyễn Công Hiển, góp sức nhau cùng càn quét, Hữu Cầu đánh nhau, bị bại trận, chạy trốn ra bãi biển, nhưng bọn Công Kỳ không lập tức đuổi bắt, Đăng Hiển lại tự dẫn đại binh về kinh sư.

---

[1] Xem chú thíchsố 1, Chính biên quyển XXXV, tờ 23.

[2] Xem lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXXVI, tờ 28.

[3] Nay huyện Thư Trì hợp với huyện Vũ Tiên thành huyện Vũ Thư thuộc tỉnh Thái Bình.

Hữu Cầu biết Yên Quảng sơ hở yếu ớt, lại trở về chiếm cứ Đồ Sơn, thường ra cướp phá vùng đông nam, thế lực mạnh dần, không ai có thể chống cự được. Đến nay đem quân cướp huyện Thanh Hà. Công Kỳ bị vây đã hàng tuần, bèn sai người vượt ra ngoài vòng vây, về triều cáo cấp. Quân cứu viện chưa kịp đến, thì Hoàng Ngũ Phúc, đốc lãnh lính kỳ đạo thúc quân đến cứu. Khi quân của Ngũ Phúc đến huyện Vĩnh Lại, bị giặc chẹn lại, không tiến lên được.

Về phía Công Kỳ thì tán lý Vũ Khâm Lân bày mưu rằng: "Quân ở kinh sư chưa thể đến ngay, nếu cứ ngồi để đợi viện binh, thì làm thể nào có thể kịp được? Nay giặc đánh nhau với binh lính kỳ đạo, chúng tất dồn quân về mặt trước, nếu ta tranh cướp lấy mặt sau mà đem quân ra, hai đạo quân hợp sức lại để đánh, thì thế nào cũng phá được quân địch". Công Kỳ nghe theo kế ấy, bèn nhân đêm kéo ra cửa sông Ngư Đại, gặp quân giặc có ít, đánh thắng được, rồi hợp sức phá nhổ kè, tiến ra sông Ngư Đại, kéo về đóng ở sông Tranh, hội hợp với Hoàng Ngũ Phúc tiến đánh, phá tan được địch.

Lời chua-Bảng: Người trong tộc thuốc họ Trịnh.

Đồ Sơn: Tên xã, xem Tương Dực Đế, năm Hồng Thuận thứ 3 (Chb, XXVI, 11).

Lão Phong: Tên xã.

Giai Môn: Tên cửa biển.

Cát Bạc: Tên bến. Cả ba đều thuộc huyện Nghi Dương[1], tỉnh Hải Dương.

Sông Ngư Đại: Ở xã Ngư Đại, huyện Thanh Hà[2].

Sông Tranh: Ở địa phận xã Tranh Xuyên, huyện Vĩnh Lại[3].

Vân Đồn: Tên châu.

Thanh Hà và Vĩnh Lại: Tên hai huyện, đều xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb, XXX, 14).

Tháng 8, mùa thu. Thêm ngạch lấy đỗ ở trường thi hương.

Từ đầu năm Cảnh Hưng, luôn mấy năm binh lửa và mất mùa, khoa thi hương phải hoãn, đến nay lại cử hành. Triều đình hạ lệnh thêm ngạch lấy đỗ cống sĩ.

Lúc ấy, sĩ tử vào thi trường Nghệ An, đến kỳ đệ tam, người bất đắc chí đốt phá vi trong trường thi. Sau tra ra người cầm đầu đem giết, rồi cho thi lại kỳ đệ tứ.

Tháng 11, mùa đông. Sao Chổi xuất hiện.

Sao Chổi xuất hiện, hình dài hơn một trượng, 2 tuần mới lặn.

Sai Đinh Văn Giai và Nguyễn Đình Hoàn hội quân tiễu trừ giặc cỏ.

Từ khi Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển nổi loạn, các huyện bị tàn phá luôn, bọn cường bạo tấp họp nhau đi theo giặc cướp bóc tứ tung. Một dãy phía bắc sông, làng xóm tan tác phiêu lưu, cỏ mọc ngập mắt. Đến khi Cừ và Tuyển bị bại, đồ đảng còn sót lại đều hô hào nhau tụ tập thành từng toán một, toán lớn vài ngàn người, toán nhỏ cũng không kém năm, sáu trăm người, đến đâu cướp bóc đấy, lấp ló ở nơi đồng nội sông chằm, không sao biết được tung tích. Lúc ấy người ta gọi là "giặc cỏ". Hoàng Văn Chất, một tay kiệt hiệt nhất.

Bọn thống lãnh là Trương Nhiêu và Lê Đoan Khải chia quân ra đuổi bắt, nhưng quân giặc chợt tan, chợt lại tụ họp, không thể dập tắt được. Vì nhiều lần bị quan quân đánh phá, chúng dâng thư xin hàng. Theo lời bàn luận của bầy tôi, thì đều không muốn chiêu an, chỉ có Nguyễn Đình Hoàn và Trần Huy Mật cố sức chủ trương cho chúng đầu hàng. Trịnh Doanh cũng chán nản việc dùng quân đánh dẹp, nhân

[1] Nay là huyện Kiến Thụy, T.P Hải Phòng.

[2] Nay là huyện Thanh Hà, thuộc tỉnh Hải Dương.

[3] Huyện Vĩnh Lại, nay là huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng) và huyện Ninh Giang (Hải Dương).

đấy trao cho chúng được quan tước và cho chiếu theo từng địa điểm mà cai quản lấy. Nhưng bọn Văn Chất nắm lấy quân chúng, không chịu giải tán. Bầy tôi trong chính phủ xin nghiêm hạn bắt chúng phải đến cửa khuyế đình. Bọn Văn Chất lại làm phản, chiếm cứ Khoái Châu, đến đâu đốt phá, cướp bóc đấy. Trịnh Doanh hạ lệnh giao trách nhiệm cho Đình Hoàn thống lãnh quân đạo đông nam, Trần Huy Mật làm tán lý, cùng trấn thủ Đinh Văn Giai, nghiêm hạn nhật kỳ hội đồng càn quét, sau đó, Văn Giai cùng Đình Hoàn phá tan được bọn Văn Chất ở Đỗ Xá. Gặp lúc ấy nước sông Nhị lên cao, Đình Hoàn xin khơi nước sông cho đổ giội vào quân của Văn Chất. Trịnh Doanh không y cho, vì lấy cớ rằng làm như thế sẽ hại lây đến huyện lân cận.

Đình Hoàn tự nhận mình có chuyện trách khống chế mặt nam, thiện tiện tự ý càn bắt dân phu theo đi đánh giặc, làm náo động cả dân địa phương. Nghe được tin này, Trịnh Doanh giận lắm, nghiêm ngặt trách phạt Đình Hoàn và bãi đi ngay. Sau cho triệu Văn Giai về trình bày công việc quân cơ ngay trước mặt, rồi lại sai đến quân thứ. Nhưng giặc cỏ tung hoành bạo ngược càng ngày càng dữ, dân vùng Hải Dương, Kinh Bắc không ngày nào được yên.

Lời chua-Nguyễn Đình Hoàn: Người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Anh, tỉnh Nghệ An.

Lê Đoan Khải: không rõ tiểu sử.

Khoái Châu: Tên phủ, xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Đỗ Xá: Tên xã, thuộc huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 40

Từ Giáp Tý, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744) đến Kỷ Tỵ, năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749) gồm 6 năm.

Giáp Tý, năm (Cảnh Hưng) thứ 5 (1744). (Thanh, năm Càn Long thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Có con cá lớn vào sông Cái.

Con cá, đầu như đầu voi, mình dài hơn 4 trượng, từ cửa biển Thần Phù vào cửa sông, rồi theo sông Châu Kiều ngược dòng bơi lên, đến miếu thờ tại khúc sông Thuần Lương, ở đấy 3 ngày, rồi lại bơi ra biển.

Lời chua-Cửa biển Thần Phù: Tức cửa biển Thần Đầu, xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Sông Châu Kiều: Ở địa phận xã Châu Cầu, huyện Kim Bảng.

Miếu Thuần Lương: Ở xã Hương Lâm, huyện Phú Xuyên. Cả hai đều thuộc Hà Nội[1].

Tháng 3. Bổ dụng hoạn quan Hoàng Công Kỳ giữ chức trấn thủ Sơn Nam, kiêm thống lãnh mặt đông nam; triệu Nguyễn Công Thái về, lại vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trước đây Công Thái ra trấn thủ Sơn Nam, có tài về việc vỗ về dân, chống giặc cướp, vì thế mà bọn giặc cỏ Hoàng Công Chất không dám quá hung ngược, dân địa phương tạm được yên ổn. Trịnh Doanh nghĩ công lao của Công Thái, cho triệu về kinh, bổ dụng Công Kỳ đến thay.

Bắt đầu cấp thái ấp cho bầy tôi trong chính phủ.

Cấp thái ấp cho tham tụng Đào Hoàng Thực và Nguyễn Công Thái, mỗi người 2 xã, gọi là ngụ lộc. Việc này sau thành thể lệ.

Lời chua-Ngụ lộc: Theo "Chức quan chí" trong lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì tham tụng được 2 xã, tiền 200 quan.

Sổ thuế tô, thuế dung ở lục cung đã làm xong.

Hồi đầu triều Lê, tài chính thuế khoá đều do bộ Hộ giữ, khoảng năm Vĩnh Thịnh (1705-1719) mới đặt chức quan lục cung, chia nhau thu các thuế lệ nội trấn và ngoại trấn. Sau vì lâu năm, sổ sách mục nát, Trịnh Doanh lại hạ lệnh cho sửa lại. Đến nay sổ ấy đã làm xong, dâng nộp. Phàm tiền tài, thóc gạo và thổ sản về thuế tô, thuế dung ở tứ trấn và phủ Trường Yên đều có số ngạch nhất định.

Lời chua-Lục cung: Xem Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb, XXXV, 22, 23).

Phủ Trường Yên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Nội trấn, ngoại trấn: Nội trấn là bốn trấn Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương và Sơn Tây. Ngoại trấn là Yên Quảng, Cao Bằng, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn.

---

[1] Xã Châu Cầu nay thuộc tỉnh lỵ Hà Nam, huyện Kim Bảng, nay thuộc tỉnh Hà Nam; huyện Phú Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Tây.

Tháng 5, mùa hạ. Bổ dụng Mai Thế Chuẩn làm đốc trấn Cao Bằng.

Trước kia, họ Mạc bị quan quân tiến đánh, dắt díu gia quyến chạy sang trú ngụ ở Quảng Tây. Đến nay, mầm móng còn sót lại, nhân thấy trong nước có việc nguy cấp, bèn tụ hợp quân chúng xâm phạm vào biên giới. Triều đình đã mấy lần sai quân đi đánh dẹp, bọn Đặng Công Diễn và Nguyễn Đình Bá cũng có phen đánh được, nhưng vì làm trái phương pháp vỗ yên dân, chống cự giặc, nên dân man sau lại hưởng ứng với giặc, thế giặc lại mạnh to lên. Chúng đi lại vùng Hưng Hóa, Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang làm lòng người náo động. Lê Hữu Kiều xin chọn bầy tôi nho học đi yên ủi vỗ về dân chúng. Vì thế, bèn cho Thế Chuẩn đi giữ chức này.

Lời chua-Mai Thế Chuẩn: Người xã Thạch Giản, huyện Nga Sơn[1], đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường. Sau đổi sang chức quan võ làm hữu hiệu điểm quyền phủ sự.

Đặng Công Diễn: Người xã Phù Đổng[2], huyện Tiên Du.

Nguyễn Đình Bá: Người xã Bình Dân[3], huyện Đông An. Cả hai đều đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Mầm móng sót của họ Mạc: Gọi là "Giặc răng vàng" (sót tên). Năm ấy cướp phá Cao Bằng, đốc trấn Nguyễn Đình Bá đem quân tiến đánh, cả phá được giặc.

Cao Bằng: Tức Bắc Bình, trước thuộc Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Hoàng Ngũ Phúc vây Nguyễn Hữu Cầu ở Đồ Sơn. Hữu Cầu đi gấp đến Kinh Bắc, đánh chiếm được trấn thành.

Trước kia, Ngũ Phúc đánh Hữu Cầu ở Đồ Sơn, không thắng nổi, tì tướng là Trịnh Bá Khâm bị chết tại trận. Đến nay Ngũ Phúc lại tiến quân bao vây, Hữu Cầu phá vòng vây để ra, đi gấp đường đến Kinh Bắc, chiếm cứ sông Thọ Xương, đắp lũy ở hai bên bờ sông để giữ, từ Quế Nam đến Khê Kiều đều cắm kè bằng gỗ, bày la liệt hơn vài trăm thuyền chiến, đồn lũy liên lạc. Trấn thủ Trần Đình Cẩm tiến quân từ Thiết Sơn đến Trai Thủy, bị giặc đánh bại, tất cả quân lính đầu tan vỡ. Đình Cẩm lưu giữ Thị Cầu, giặc nhân thế thắng đuổi đánh, Đình Cẩm lại bị thua, giặc đuổi theo, bèn chiếm được trấn thành Kinh Bắc, tung lửa đốt doanh trại, Đình Cẩm cùng đốc đồng Vũ Phương Đề bỏ ấn tín chạy. Nửa đêm tin báo đến kinh, trong kinh thành nhốn nháo kinh sợ. Triều đình sai vệ binh chia nhau đóng ở trường tập bắn (xạ trường) và xã Vân Canh, xã Nhân Mục, cầu Yên Quyết (Cầu Giấy cũ) để phòng bị). Ngũ Phúc được tin Kinh Bắc thất thủ, bèn dẫn quân tiến đến đóng ở Vũ Giàng.

Lời chua-Sông Thọ Xương: Ở xã Thọ Xương, huyện Bảo Lộc[4], hạ lưu thông với sông Lục Đầu.

Xã Quế Nham: Thuộc huyện Yên Thế[5].

Xã Thiết Sơn: Thuộc huyện Yên Dũng[6].

Trai Thị: Ở xã An Ninh, huyện Yên Dũng.

Xã Thị Cầu: Thuộc huyện Vũ Giàng[1].

---

[1] Nay là xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Nay là thôn Phù Đổng, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[3] Nay là thôn Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[4] Tên huyện xuất hiện từ thời Trần, thuộc lộ Bắc Giang. Thời Thành Thái huyện đổi thành Phất Lộc. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

[5] Tên huyện xuất hiện từ thời Lê, thuộc phủ Lạng Giang. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

[6] Tên huyện xuất hiện từ thời Lê (thời Trần là Cổ Dũng), thuộc phủ Lạng Giang. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Những địa điểm trên, nay đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Xã Vân Canh: Thuộc huyện Từ Liêm.

Xã Nhân Mục: Thuộc huyện Thanh Trì.

Trường tập bắn (xạ trường): Ở trại Giảng Võ, huyện Thọ Xương[2].

Cầu Yên Quyết: Ở địa phận xã Yên Quyết[3], huyện Từ Liêm. Các địa điểm trên, nay đều thuộc Hà Nội.

Tháng 7, mùa thu. Hoàng Ngũ Phúc và Trương Khuông thu phục được thành Kinh Bắc.

Ngũ Phúc tiến quân đến Võ Giàng, Trịnh Doanh sai người quở trách rằng: "Bọn ngươi đi đánh dẹp hơn một năm, tiến sát đến Đồ Sơn đã năm sáu tháng mà phòng bị sơ ngỏ, để đứa giặc hung hãn dời khỏi được sào huyệt; rồi lại đến 7, 8 ngày sau mới đuổi theo, để cho đồ đảng của giặc xâm phạm một cách đột ngột, làm kinh sợ náo động cả lòng người. Như thế có xứng đáng với phận sự người tướng giữ ngoài biên trấn không? Nhà ngươi phải cố nghĩ tự mình hết sức để chuộc tội lỗi trước". Ngũ Phúc dâng tờ khải nói: "Hữu Cầu sau khi bị thua, phải trốn tránh, quân đã ít mà lại phân tán, thì cái thế đánh phá được chúng tưởng cũng dễ dàng. Nếu được quân sử dụng bằng voi giúp uy thế, tôi sẽ ngầm lùa voi xông ra đánh trận, làm cho chúng mặt trước mặt sau không cứu ứng lẫn được nhau, thì có thể bảo đảm được tất thắng. Vả lại, ý định của chúng chẳng qua chỉ muốn liên kết với bọn giặc cỏ, tiến quân quấy rối sông Nhị mà thôi. Nay tôi đóng ở Võ Giàng, nếu chúng muốn đem hết quân tiến lên mặt trước, lại sợ tôi đánh chặn ở mặt sau, cho nên chẳng qua chỉ liều chết cố thủ, không làm gì được".

Trịnh Doanh nhận được báo cáo của Ngũ Phúc, mừng lắm, bấy giờ lòng người mới được yên. Doanh lập tức sai Cổn quận công Trương Khuông cùng Ngũ Phúc hợp quân tiến đánh, Hữu Cầu thua chạy, bèn thu phục được trấn thành. Nhân đấy, hạ lệnh cho các tướng chia làm 5 đạo đuổi đánh; Trương Khuông theo đường Yên Dũng đánh mặt trước, Nguyễn Trọng Thân đánh phía tả mặt trước, mà sau Vũ Tá Liễn đánh phía hữu mặt sau, Lê Lệ đánh phía tả mặt sau, Hoàng Ngũ Phúc chặn ngang dòng sông để phòng bị giặc chạy trốn. Những người giám quân thì đều dùng bọn đại thần thân tín của họ Trịnh.

Trận này, cả thảy năm đạo quân, có 10 đại tướng, 64 liệt hiệu, binh lính hơn 12.700 người. Trong số này chỉ có đạo quân của Lê Lệ đi đến đâu không đụng chạm tơ hào của dân. Dân Yên Thế xin dâng gạo một vạn[4] để làm lương cho lính. Trịnh Doanh đặc biệt khen ngợi, đem số gạo dâng ấy thưởng cho quân sĩ.

Lời chua-Nguyễn Trọng Thân: Sau đổi Trọng Điển, người xã Quế Ổ[5], là con Nguyễn Trọng Uông.

Tháng 8. Dân chúng ở Hải Dương đến cửa khuyết xin triều đình xuất quân tiễu trừ giặc. Nhưng không được trả lời.

Lúc ấy giặc cỏ ở Hải Dương thấy triều đình đương bận việc đánh dẹp mặt bắc, nhân cơ hội sơ hở, bèn quấy rối cướp bóc các lộ Hồng Châu, Khoái Châu, đi đến đâu vơ vét nhẵn nhụi đến đấy. Bắt được nhân dân, chúng đặt ra từng đẳng hạng để sách nhiễu phải chuộc, chúng treo người lên cần tre, đổ nước vào mũi, làm đủ mọi sự ác ngược, hoặc bỏ hạt thóc vào trong mắt rồi khâu lại, hoặc trong nhà giam có rắn, rết và đỉa để làm cho người ta phải khổ sở, thậm chí lấy giáo xiên trẻ con, dùng lửa thiêu phụ nữ, rất là thảm khóc. Dân sở tại kéo đến cửa khuyết kêu về việc nguy cấp, xin triều đình sai tướng đem quân đến để cứu vớt lấy dân. Các quan trong chính phủ lấy cớ rằng giặc ở mặt bắc đương kịch liệt, chưa có thì giờ ngó tới mặt đông được, rồi bỏ ỉm tờ sớ ấy đi, không trả lời cho dân biết.

---

[1]Nguyên là đất Vũ Ninh. Từ Lê trung hưng gọi là Vũ Giàng. Nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

[2] Nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội.

[3] Xã Yên Quyết nay là phường Yên Hòa thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội. Cầu Yên Quyết sau gọi là Cầu Giấy.

[4] Nguyên văn chép "hiến mễ nhất vạn", không rõ là một vạn bát hay hộc, chưa khảo cứu được.

[5] Nay thuộc xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Lời phê-Như thế, sao gọi là cha mẹ dân được?

Tháng 10, mùa đông. Nước sông Bồ Đề trở màu đỏ; nước sông Lễ chảy ngược dòng ba ngày.

Sông Bồ Đề và sông Ninh Giang, nước đỏ như son; nước sông Lễ chảy ngược dòng 3 ngày.

Lời chua-Sông Bồ Đề: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Sông Lễ: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 17 (Chb. VI, 32).

Tên Tương, tướng giặc, cướp huyện Yên Sơn. Thống lãnh Đặng Đình Quỳnh bỏ binh lính, chạy trốn. Triều đình sai Trịnh Đạc tiến đánh, phá được giặc Tương.

Trước đây, tên Tương chiếm cứ xã Vĩnh Đồng, huyện Mĩ Lương, thường lấp ló ở quãng huyện Yên Sơn và Thạch Thất, triều đình không để ý đến. Đến nay Trịnh Doanh sai tổng binh đồng tri Đặng Đình Quỳnh làm thống lãnh, hiệu thư Phạm Gia Ninh làm tán lý, đem quân đi đánh. Đình Quỳnh xuất thân là con nhà chỉ biết ăn trắng mặt trơn, không biết mưu mô làm tướng, vì lấy quận chúa (con gái chúa Trịnh gọi là quận chúa), bổng trở nên sang. Khi phụng mạng đi đánh giặc, Quỳnh dắt cả quận chúa và tì thiếp cùng đi, đóng ở xã Sơn Lộ huyện Yên Sơn, dùng chợ làm đồn đóng quân, không xếp đặt điểm canh phòng gì cả. Gia Ninh cũng vào trú ở nhà dân. Khi giặc kéo đến xã Tiên Lữ, Gia Ninh được tin, đến chỗ Đình Quỳnh, thì Quỳnh đã dắt quận chúa và tì thiếp trốn đi từ trước rồi. Giặc ập đến bao vậy, Gia Ninh sa vào tay giặc, bị chết. Trịnh Doanh lại sai đại tư đồ Doãn trung công Trịnh Đạc làm thống lãnh đi đánh. Tương bỏ trốn.

Vì cớ lấy quận chúa, nên Đình Quỳnh chỉ phải luận vào tội bãi chức. Việc này tướng sĩ không ai không bực tức.

Lời chua-Đặng Đình Quỳnh: Người xã Lương Xá[1], huyện Chương Đức.

Phạm Gia Ninh: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm[2], đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Xã Vĩnh Đồng: Thuộc huyện Mĩ Lương[3], tỉnh Sơn Tây.

Tiên Lữ và Sơn Lộ: Tên 2 xã, thuộc huyện Yên Sơn[4], tỉnh Sơn Tây.

Thạch Thất: Tên huyện, thuộc Sơn Tây.

Tháng 11. Trương Khuông đánh nhau với Nguyễn Hữu Cầu ở Ngọc Lâm, bị bại trận. Đinh Văn Giai lại bị bại trận ở Xương Giang, đều cho triệu về; bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc làm thống lãnh Bắc Đạo, trấn thủ Kinh Bắc, kiêm trấn thủ Hải Dương.

Trương Khuông cùng Ngũ Phúc, Vũ Tá Liễn hẹn nhau cùng đánh khép Hữu Cầu lại. Khuông tự đem quân bản bộ đánh mặt trước, dùng tướng bộ thuộc là Trịnh Phương, làm tiên phong. Hữu Cầu giữ nơi hiểm trở, đặt quân mai phục, bề ngoài phô trương quân gầy còm để làm ra sức yếu. Trương Khuông nhân thế sắc bén liều lĩnh tiến quân. Hữu Cầu giả vờ thua, bỏ đồn chạy, dử quân Trương Khuông vào trong chỗ hiểm trở. Tướng sĩ của Khuông bám nhau như xâu cá để tiến quân. Thình lình quân mai phục nổi dậy, Hữu Cầu thống suất hạng sĩ tốt liều chết ùa ra đánh, quân của Khuông thua to. Quan quân ở bốn đạo không phải đánh mà tự vỡ, thế giặc lại lớn lên, đài phong hỏa[5] báo thông về đến sông Nhị. Trịnh Doanh viết thư nghiêm khắc quở trách Trương Khuông và triệu về, bèn bổ dụng Đinh Văn Giai làm

---

[1] Nay là Chi Lăng, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

[2] Thuộc Hà Nội.

[3] Nay thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và Lương Sơn (Hòa Bình).

[4] Đất huyện Yên Sơn, nay thuộc huyện Phúc Thọ và huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

[5] Trước đây, chúa Trịnh cho đặt đài phong hỏa ở trên các đỉnh núi, để báo tin nguy cấp. Xem thêm Chính biên quyển XXXVIII, tờ 6.

thống lãnh thượng tướng quân, kiêm đốc suất quân bốn đạo, bồi tụng Ngô Đình Oánh làm tán lý, đem quân đi đánh.

Lúc ấy thế lực Hữu Cầu lừng lẫy, những giặc cướp khác nhân lúc sơ hở đều nổi dậy, bọn Hòa Dưỡng, Đàn Kiệt, Đoan Nhật (sót họ) tụ tập ở xã Bình Ngô, giao ước cùng dấy quân để đón Hữu Cầu, làm náo động cả nhân dân ở mặt bắc sông Cái.

Khi Văn Gia đã đến nơi, đóng quân lại, không tiến lên, nhiều người lấy làm nghi ngờ. Nhân đấy Hữu Cầu đặt mưu kế, đêm đến sai người khiêng một cái kiệu không về, một lát lại đi ra, Hữu Cầu bèn giả vờ mừng rỡ, nói dối bọn thủ hạ rằng: "Văn Gia đã ước hẹn xin hàng, nhưng nếu đến đầu hàng một cách rõ ràng, sợ liên lụy đến gia quyến, nên bí mật hẹn khi ra trận bị bắt, để che lấp miệng người ngoài. Nay mai giao chiến, các ngươi cứ theo hướng chỉ huy của ta mà bắt lấy hắn, thì lo gì không bình định được thiên hạ". Đồ đảng của Hữu Cầu tin lời. Kịp khi giao chiến, binh lính đã sắp thành hàng, quân của giặc tranh nhau nhằm chỗ voi có hiệu cờ của Văn Giai mà xông pha tiến vào không ai là không một mình địch nổi trăm người. Toán quân của Văn Giai đỗ ngã linh tinh. Giặc xúm quanh chân voi leo lên như đàn kiến. Văn Giai khí sắc không thay đổi, dùng phi thương chém bên tả, chém bên hữu, giết được giặc rất nhiều. Hai con hắn ở mặt trận sau la thét to mà tiến lên, quân giặc hơi lùi, bèn thu thập sĩ tốt còn sót lại kéo về doanh trại. Được tin báo, Trịnh Doanh giận lắm, nghiêm khắc quở trách.

Sau đó, giặc vây doanh trại Thi Cầu. Ngũ Phúc chia ra ba cách để tiến quân: Ngũ Phúc tự mình đem quân bản bộ đánh mặt trước, Đàm Xuân Vực đánh mặt tả, Nguyễn Danh Lệ đánh mặt hữu. Hữu Cầu bị thua, qua sông để chạy, bèn giải được vây. Trịnh Doanh lại triệu văn Giai về, bổ dụng Ngũ Phúc làm thống lãnh đạo Kinh Bắc, sau lại kiêm trấn thủ Hải Dương và cho Phạm Đình Trọng làm hiệp trấn Hải Dương. Còn Đinh Văn Giai và Ngô Đình Oánh khi về đến triều, đều bị giáng chức ba trật.

Lời chua-Ngọc Lâm: Tên xã, thuộc huyện Yên Dũng[1].

Bình Ngô: Tên xã, thuộc huyện Gia Bình[2]. Cả hai đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Xương Giang: Thuộc huyện Bảo Lộc[3], tỉnh Bắc Ninh.

Nguyễn Danh Phương, giặc vùng Sơn Tây, cướp phá Bạch Hạc. Văn Đình Ức đem quân bao vây, sau ra đóng ở xã Nghĩa Yên. Danh Phương vượt vòng vây ra, chạy về xã Thanh Lãnh.

Trước kia, Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển xướng xuất việc nổi loạn, Danh Phương cũng thúc giục dân chúng nổi bùng lên, số quân có hơn vạn, lẻn lút chiếm cứ Việt Trì, đến nay lấn cướp Bạch Hạc. Văn Đình Ức, đốc suất Sơn Tây, đem vệ binh ở kinh đến bao vây, bọn hào mục bản thổ đem quân đến họp hàng vài vạn người, thanh thế quân lính rất hùng mạnh. Sau đó, Đình Ức lại ra đóng ở xã Nghĩa Yên, Danh Phương bèn nhân ban đêm vượt vòng vây ra, lui về xã Thanh Lãnh.

Lúc ấy, các huyện vùng Sơn Tây phần nhiều khổ sở vì Danh Phương quấy nhiễu cướp bóc, đều muốn góp sức tiễn trừ, mà Đình Ức không chịu đánh gấp, để cho tên giặc Phương được vượt vây thoát thân. Từ đấy hắn bố trí đồn lũy, chiếm cứ nơi hiểm yếu, để kháng cự triều đình. Đó, đều do sự lầm lẫn ở trận này cả.

Lời chua-Văn Đình Ức: Người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn, đỗ tạo sĩ.

Nghĩa Yên: Tên xã, thuộc huyện Bạch Hạc[4], tỉnh Sơn Tây.

Thanh Lãnh: Tên xã, thuộc huyện Bình Xuyên[5], tỉnh Thái Nguyên.

---

[1] Nay đều thuộc tỉnh Bắc Giang.

[2] Tên huyện xuất hiện từ năm 1820 (thời Lê là Gia Định), nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

[3] Nay đều thuộc tỉnh Bắc Giang.

[4] Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

[5] Nay thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Việt Trì: Tên thôn, thuộc xã Bạch Hạc, huyện Bạch Hạc.

Nguyễn Danh Phương: Người xã Tiên Sơn[1], huyện An Lạc.

Ất Sửu, năm thứ 6 (1745). (Thanh, năm Càn Long thứ 10). Tháng giêng, mùa xuân. Giặc họ Mạc đánh chiếm Thái Nguyên. Lưu thủ Văn Đình Ức cùng thống lãnh Hoàng Ngũ Phúc đem quân tiến đánh, phá được giặc, thu phục lại trấn thành.

Trước kia, mầm móng học Mạc (sót tên) nhân trong nước xảy ra việc nguy cấp, chúng tự Long Châu lẻn về, họp tập bè đảng, quấy rối cướp bóc. Lê Hữu Kiều trấn thủ Vũ Nhai, vì có bệnh, xin về, Thái Nguyên bèn bị giặc Mạc đánh chiếm.

Trịnh Doanh bổ Đình Ức làm trấn thủ để thay Hữu Kiều. Đình Ức sang đò Dã Giang hội hợp với quân của Hoàng Ngũ Phúc, rồi theo đường xã Úc Kỳ đến thẳng Thái Nguyên, đánh phá, mầm móng họ Mạc bỏ trốn, bèn khôi phục được trấn thành.

Đình Ức là con Đình Dận, một người trẻ tuổi nhất trong các hàng tướng tá, đã có sức mạnh, lại nhiều trí mưu, cho nên đi đánh giặc nhiều lần lập được chiến công, danh tiếng ngang với Nguyễn Phan.

Lời phê-Cũng chỉ có danh tiếng hão[2].

Lời chua-Vũ Nhai: Châu Vạn Nhai xưa, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 42, 43).

Ức Kỳ: Tên xã, thuộc huyện Tư Nông[3], tỉnh Thái Nguyên.

Dã Giang: Ở xã Trung Dã, huyện Thiên Phúc.

Giặc Mạc vây Cao Bằng. Đốc đồng Trần Danh Lâm dẹp yên được. Phong cho Danh Lâm tước Tụ nhạc hầu.

Trước đây, mầm móng họ Mạc vây Cao Bằng hơn hai tháng. Trong thành hết lương, đốc đồng Trần Danh Lâm vỗ về sĩ tốt, hết sức chống giữ, lại tùy tiện trích bạc công mộ người đưa thư đến các thổ quan ở phủ Trấn Yên, Long Châu và Bằng Tường nhà Thanh, dùng đồ thưởng trọng hậu đút cho bọn này, hẹn ứng phó giúp về mặt ngoài. Vì thế, ai cũng vui vẽ giúp sức: Họ bắt giữ vợ con giặc, chặn đường hái củi, lấy nước và tải lương. Giặc thấy thế, sợ hãi, phải rút lui. Danh Lâm lại đuổi đánh, phá tan được. Bốn châu thảy đều bình định. Lại chiêu tập an ủi dân phiêu tán, cho họ trở về yên nghiệp làm ăn. Tin thắng trận tâu về triều, Danh Lâm được thăng chức hai bậc, phong tước hầu.

Lời chua-Trần Danh Lâm: Người xã Bảo Triệu, huyện Gia Định[4], đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Trấn Yên: Xem Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 21).

Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chb. VII, 17).

Bằng Tường: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chb. XII, 14).

Bốn châu: Tức Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang.

Tháng 2. Phong cho Ma Thế Lộc, bầy tôi phiên trấn Thái Nguyên, được tước quận công.

Từ khi nơi biên giới bùng nổ việc binh nhung, bầy tôi ở phiên trấn nhiều người hết sức đánh dẹp. Thế Lộc là người có công lao nhất. Lưu thủ Văn Đình Ức xin gia ân khen thưởng để khuyến khích, cho nên có mệnh lệnh này.

---

[1] Nay thuộc xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Chỉ Văn Đình Ức.

[3] Nay thuộc huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[4] Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Khởi phục Hà Huân và Nhữ Đình Toản cùng vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trước kia, Hà Huân làm đốc đồng trấn Sơn Nam, vì tội uống rượu, bị bãi chức; Nhữ Đình Toản giữ chức tán lý việc quân, không có công trạng gì, khi thua trận. Toản bị giặc bắt[1]. Hai người này bị truất bỏ đã lâu. Đến nay, Trịnh Doanh muốn cất nhắc những người bị chìm đắm, lấy cớ rằng hai người này vốn có danh vọng được nhiều người mến phục, nhân đấy mới cất nhắc bổ dụng, cho cùng Trịnh Ngô Dụng, tả thị lang bộ Lại, cùng được tham dự công việc chính phủ. Trịnh Doanh thường triệu hai người vào phủ hỏi chính sách lớn về việc quân việc nước, họ trình bày phần nhiều hợp ý Trịnh Doanh.

Lời chua-Trịnh Ngô Dụng: Người xã Vân Trùy, huyện Hiệp Hòa[2], đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Doanh bổ dụng Dương Công Chú và Nguyễn Hoàn giữ chức tả hữu tư giảng cho con là Trịnh Sâm.

Năm ấy, Trịnh Doanh cho con trưởng là Sâm ra ở ngôi thế tử, bèn bổ dụng phủ doãn Dương Công Chú và cấp sự trung Nguyễn Hoàn giữ chức tả hữu tư giảng.

Lời chua-Dương Công Chú: Người xã Lạc Đạo[3], huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Nguyễn Hoàn: Người xã Hương Khê, huyện Nông Cống[4], đỗ tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743) năm Cảnh Hưng.

Ban hiệu quốc lão cho Đào Hoàng Thực.

Hoàng Thực thi đỗ từ khoảng năm Chính Hòa (1681-1704), trước vì có lỗi bị khiển trách sau lại được khởi phục. Hoàng Thực nhiều lần giúp công việc nơi biên giới, bèn được tham dự chính sự lớn, những lời đã trình bày góp lại có đến vài trăm, đều là thiết thực và hợp ý chúa. Trịnh Doanh thường khen Hoàng Thực là hạng Ngụy Trưng, Lý Giáng[5]. Đến nay vì tuổi già xin từ chức, chỉ lấy địa vị quốc lão giữ việc chầu chực. Doanh y cho.

Lời cẩn án-Hoàng Thực ra làm quan từ năm Chính Hòa, trải thờ bốn đời vua, lúc ấy họ Trịnh chuyên quyền, vua Lê như người phụ thuộc, mà không thấy có bức thư nào khuyên can, không có kế sách nào để sửa chửa cho được đúng đắn, chỉ sau khi vào giữ việc trong chính phủ, những lời kiến nghị tâu bày của Hoàng Thực đại để đều là việc bắt thêm lính, tăng thêm thuế, chẳng những không ích lợi, mà hại cũng theo sau. Sách cũ nói: "Những lời trình bày góp lại có đến vài trăm". Chẳng qua cũng giống như thế cả. Còn như tìm ở Hoàng Thực lấy tờ sớ "xin tôn phò nhà vua" như Bùi Sĩ Tiêm[6], lời nói "mặc triều phục trái lệ" như Vũ Duy Chí[7], thì e rằng hai người kia mười phần, Hoàng Thực không được lấy một, Ngụy Trưng, Lý Giáng có phải hạng người như thế đâu? Trịnh Doanh khen Hoàng Thực là hạng Ngụy Trưng, Lý Giáng cũng không khác gì Tào Tháo khen Tuân Úc là Tử Phòng[8].

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 7.

[2] Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

[3] Nay là xã Lạc Đạo, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[4] Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[5] Ngụy trưng, một tể tướng triều Đường Thế Tông; Lý Giáng, một tể tướng triều Đường Hiến Tông. Hai người này đều hay can ngăn thẳng thắn, nổi tiếng là danh tướng đời nhà Đường.

[6] Xem thêm Chính biên quyển XXXVII, tờ 18, 19.

[7] Xem thêm Chính biên quyển XXXII, tờ 27.

[8] Tuân Úc là người có tài, khi mới đến yết kiến Tào Tháo, Úc cùng Tháo bàn luận, Tháo thích lắm, nói "người này là Tử Phòng của ta". Ở chỗ này. Cương mục có in hai chữ "ngự điểm".

Lời chua-Vũ Duy Chí: Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, làm thượng thư bộ Lại, gặp tiết nguyên đán, Trịnh Tạc sai trăm quan mặc triều phục vào phủ lạy mừng. Duy Chí can là làm như thế không hợp lệ.

Tháng 7, mùa thu. Trịnh Doanh gia phong cho cậu là Vũ Tất Thận làm đại tư đồ, cho đổi họ tên là Trịnh Áo.

Doanh nhận thấy Tất Thận, một người cậu ruột rất thân[1], nên ban cho họ và tên, để tỏ ra yêu quý khác thường. Sau lại sai quản lãnh chức hữu tông chánh trong Tông Nhân Phủ, để xét duyệt con cháu công thần trong các chi phái họ Trịnh, xem người nào đáng dùng được thì xin lệnh chỉ của chúa Trịnh rồi phân biệt cất nhắc.

Tháng 8. Hoàng Ngũ Phúc và phạm Đình Trọng đánh phá được Nguyễn Hữu Cầu ở thành Xương Giang. Bổ dụng Phạm Đình Trọng làm hiệp thống lãnh đạo đông bắc.

Hữu Cầu bị bọn Ngũ Phúc đánh bại, nhân đêm chạy trốn, sai đồ đảng là tên Thông (sót họ) đem hạng thuyền nhanh nhẹ chở các đồ quý trọng, thuận theo dòng nước để về vùng đông. Quan quân lại đón đánh, bắt được rất nhiều. Tên Thông bỏ thuyền chạy. Hữu Cầu lại ra Yên Quảng, chiếm cứ Hạc Động, nhờ vào biển để làm kiên cố, thường dùng hạng thuyền nhanh nhẹ cướp bóc vùng đông nam. Đình Trọng cùng Ngũ Phúc đem các tướng đi đánh, chém được bọn tên Thông hơn 10 người, quân nhu và ngựa chiến hết thảy đều bị quan quân bắt được.

Thông là người nhanh nhẹn, mạnh khỏe, có trí mưu, Hũu Cầu dựa vào Thông là người ruột thịt, nay Thông bị chết, thế lực Hữu Cầu thành ra cô đơn, chạy trốn lẫn lút, chỗ ở không nhất định, những người phục tòng cũng tan tác dần, sau cùng đều bị bắt. Như thế là phần nhiều nhờ ở công của Đình Trọng và Ngũ Phúc.

Lời chua-Hạc Động: Ở huyện Nghiêu Phong, tỉnh Quảng Yên.

Thành Xương Giang: Xem Bình Định Vương, năm thứ 2 (Chb. XIII, 12).

Tháng 12, mùa đông. Khôi phục lại chế độ phong tặng và phong ấm đời Hồng Đức.

Hồi đầu niên hiệu Hồng Đức, các quan về văn giai và võ giai, người nào được tước công, tước hầu, tước bá thì được triều đình phong cho ông bà, cha mẹ và con cháu; người nào chưa có tước thì theo phẩm trật để phong, từ nhất phẩm đến tứ phẩm, có đẳng cấp khác nhau. Sau khi trung hưng, bầy tôi về hàng võ cùng nội giám (hoạn quan), người nào làm quan đến nhất phẩm, nhị phẩm đều được dự phong tước, nên mới định lại: nhất phẩm, nhị phẩm thì theo tước để phong; tam phẩm, tứ phẩm thì theo chức để phong. Đến nay, bầy tôi trong chính phủ bàn luận xin: tước công, tước hầu, tước bá, người nào do đặc ân trao cho, sẽ được phép theo tước để phong tặng và phong ấm, ngoài ra điều theo như chế độ cũ. Trịnh Doanh theo lời.

Lời chua-Thể lệ tặng ấm: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8[2] (Chb. XXII, 17, 19).

Nhất phẩm, nhị phẩm theo tước: Như bản thân viên quan là tước công hoặc tước hầu, tước bá thì phong tặng và phong ấm cho ông bà, cha mẹ, vợ con, và cháu đích tôn của viên quan ấy, vẫn theo thể lệ dùng tước như đời Hồng Đức.

Tam phẩm, tứ phẩm theo chức: Như bản thân viên quan là tam phẩm hoặc tứ phẩm thì phong tặng cho cha mẹ, nếu viên quan ấy về hàng võ thì phẩm trật của cha mẹ kém phẩm trật của viên quan ấy một bậc, về hàng văn thì kém hai bậc, còn như con cháu, thì chỉ cho làm hạng quan viên tử, quan viên tôn.

Hoàng Công Kỳ, trấn thủ Sơn Nam, bị giặc bắt.

---

[1] Vũ Tất Thận, em ruột Vũ Thị, vợ Trịnh Cương.

[2] Nguyên văn chép lầm: "Hồng Đức nhị niên" (năm Hồng Đức thứ 2).

Công Kỳ do hoạn quan xuất thân, nhưng cũng có chút tài cán mưu mô, đã mấy lần lập được chiến công, các quân sĩ đều nương dựa làm vững chắc. Khi trấn thủ Sơn Nam, Công Kỳ tiễu trừ được giặc cỏ, nên dân nhờ đấy được yên ổn. Nhưng Kỳ vốn có tính khinh địch. Lúc ấy vì doanh lũy mới xây đắp, Kỳ cưỡi voi đi xem xét, trù tính, lính theo hầu có độ vài mươi người. Quân mai phục của bọn Hoàng Công Chất, giặc ở Khoái Châu kéo đến đánh úp, bắt được. Công Kỳ không chịu khuất phục, bị chết.

Bính Dần, năm thứ 7 (1746). (Thanh, năm Càn Long thứ 11).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân, nhật thực.

Tháng 3. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Định rõ thể lệ tra hỏi khám xét kiện tụng.

Lúc ấy, người làm quan không có lương bổng thường xuyên, bổng lộc phải trông vào việc kiện tụng. Những việc tra khám, luận tội, hoặc giam giữ người can phạm, hoặc quan dưới đệ án văn lên quan trên, quan trên bác bỏ lời xét án của quan dưới, phần nhiều làm không hợp lý. Văn thư trong triều đường chính phủ, việc kiện tụng chiếm đến một nửa. Viên quan có trách nhiệm phải ứng phó luôn ngày không lúc nào rỗi, rất là đáng chán. Đến nay, hạ rõ cấm lệnh, việc gì cấp bách không tổn hại thì không được tố cáo, phát giác. Lệnh cấm này cốt mong để ngăn bớt kiện tụng, nhưng tập tục đã thành thói quen, chung quy không thể thay đổi được. Rồi thậm chí có việc giết người, làm hại người, nếu sự chủ không phát giác, thì quan đầu có biết cũng không bắt tội vào đâu được.

Vũ Khâm Lân, hữu thị lang bộ Lại, giữ chấm thi, nhân đấy, ra đầu bài hỏi: "Người làm quan, thấy có kẻ giết người giữa ban ngày, nhưng khổ chủ được của đút rồi, ỉm đi không tố cáo, nếu xét theo luật để trị tội hung thủ thì trái thể lệ, nếu ngồi nhìn không tra xét thì bỏ phép luật. Như vậy thì nên làm thế nào cho hợp lệ?". Câu hỏi này có ý chỉ trích lúc bấy giờ uốn nắn công việc sai lầm có phần thái quá. Nhưng sau đấy. Khâm Lân được giữ công việc trong chính phủ cũng không thể nào thay đổi được.

Phong Nguyễn Hữu Cầu tước Hương Nghĩa hầu, rồi cho triệu về triều, nhưng Hữu Cầu không đến.

Hữu Cầu bị Đình Trọng đánh dồn, vì thua luôn, nên thế lực mòn mỏi. Nhân sai đồ đảng tên là Hựu đem nhiều bạc đút lót cho người quyền thần là Đỗ Thế Giai và nội giám Nguyễn Phương Đĩnh, để xin đầu hàng. Trịnh Doanh y cho, hạ lệnh cho Hữu Cầu cùng đảng giặc là bọn Hoàng Phùng Cơ đều được phép rửa hết tội trước, ban cho hiệu là Ninh Đông tướng quân và phong tước Hương Nghĩa hầu, còn tướng hiệu của Cầu đều được thăng làm quan, lại ban thưởng rất hậu, rồi hạ lệnh triệu về kinh sư. Nhưng thực ra Hữu Cầu không có ý đầu hàng, hắn thường lấy cớ bị Đình Trọng ngăn đón để tố cáo về triều. Trịnh Doanh sai thiêm tri Nguyễn Phi Sảng đem lệnh chỉ đến phủ dụ và triệu về, mặt khác dụ bảo Đình Trọng hoãn lại đừng đánh Hữu Cầu vội.

Trước kia, Hữu Cầu nhiều lần bị Đình Trọng đánh bại, bèn đào mã mẹ Đình Trọng quẳng xuống sông, Đình Trọng khóc lóc tố cáo với Trịnh Doanh, thề quyết chí giết Hữu Cầu, Doanh rất khen chí khí Đình Trọng. Nay Phi Sảng đem dụ chỉ đến, Đình Trọng nói: "Người làm tướng ở ngoài chiến trường, có khi không chịu nhận mệnh lệnh của vua. Tôi với Hữu Cầu không cùng đội trời chung, tôi đã từng nói ở trước chúa thượng. Nay ông tự nhận mệnh lệnh đi chiêu hàng, tôi tự nhận mệnh lệnh đi giết giặc, nếu gặp thế có thể đánh được giặc, thì tôi cũng không vì cớ ông đến chiêu hàng mà ngần ngại". Phi Sảng cùng bạn bè nghe câu nói ấy đều sợ thất sắc, nhân từ giả ra đi. Phi Sảng đến quân doanh Hữu Cầu, bày tỏ dụ chỉ của chúa Trịnh, lại đem câu nói của Đình Trọng bảo cho Hữu Cầu biết. Câu chuyện chưa nói dứt lời thì Đình Trọng ập đến đánh úp. Hữu Cầu sai người dẫn Phi Sảng theo đường tắt trở về, rồi ra đánh nhau, Đình Trọng đánh cho Hữu Cầu đại bại, Cầu phải bỏ trốn.

Trước kia, Đình Trọng nhận mệnh lệnh đi đánh giặc, chiêu mộ các người mạnh khỏe ở Thanh Hà, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại và Thượng Hồng làm nghĩa binh, đặt hiệu riêng là bốn cơ Thanh, Kỳ, Hồng, Vĩnh, mà dùng hai người thủ hạ để quản lãnh. Đến nay, Thế Giai gièm pha nói: "Đình Trọng cầm quân ở ngoài, đặt bộ ngũ riêng, chẳng khỏi không có ý khác", Trịnh Doanh biết Đình Trọng là người tự nguyện một lòng trung thành, nên bỏ lời Thế Giai đi, không hỏi, lại đặc chỉ ban cho bài thơ để yên ủi Đình Trọng.

Lời chua-Hoàng Phùng Cơ: Người xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc[1].

Thanh Hà, Vĩnh Lại và Tứ Kỳ: Đều xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb. XXX, 14).

Thượng Hồng: Tức Hồng Châu xưa, xem Thuộc Đường, Chiêu Tuyên Đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Tháng 6, mùa hạ. Định thuế muối, đặt quan Giám tri diêm đạo.

Phép đánh thuế muối như thế này:

Mỗi bếp nộp thuế 40 hộc muối, mỗi hộc nộp tiền 180 đồng (tức 3 tiền bây giờ), thu về mùa đông và mùa hạ, trữ vào kho công sở tại. Lại đặt chức quan Giám tri diêm đạo, dùng bọn Phạm Doãn Vĩ và Vũ Khâm Lân chia nhau trông nom các đạo Thanh Hoa và Nghệ An, duy Sơn Nam thuộc về Hộ phiên trông nom. Sau đó, Lê Trọng Thứ, tả chính ngôn nói: "Đã có thuế ruộng, lại bổ thuế gia tô, nay lại đánh thuế cả bếp nấu muối, một hạng ruộng chịu ba thứ thuế, thì dân sẽ gánh vác thế nào nổi được?" Trịnh Doanh theo lời, hạ lệnh miễn thuế ruộng muối.

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh cho các quan trong chính phủ bảo cử người giữ chức Thừa chính ti ở các trấn.

Trịnh Doanh bảo các quan trong chính phủ rằng: "Thừa chính sứ ti là giường mối của phủ huyện, quan hệ đến sự vui mừng đau khổ của dân. Vậy từ nay nếu chức quan trong ti Thừa chính sứ có khuyết ngạch, thì cho phép các ngươi bảo cử, cần chọn người xứng đáng".

Tháng 10, mùa đông. Định lại thuế điền trang ở Thanh Hoa.

Từ khi dụng binh đánh dẹp đến nay, đồng ruộng ở Thanh Hoa bỏ hoang rậm, thuế tô nộp vào kho phần nhiều kém ngạch cũ. Bèn hạ lệnh cho viên quan cai trị ở An Trường, khám xét sự thực, bổ thuế có từng hạng khác nhau.

Bổ dụng Vũ Khâm Lân làm công việc tham tụng.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho các quan trong chính phủ rằng: "Điều tín là của quý trong nước, ta ngày đêm kính cẩn lo sợ, mong sao được đến trị an, thế mà chưa quét sạch bụi cát nơi tiên cảnh, chưa chữa khỏi bệnh đau khổ của dân, chỉ vì không giữ được điều tín mà thôi. Vậy từ nay, phàm những việc thăng quan, phong tước, thưởng công, phạt tội các việc quân cơ, dân chính, đều cho phép bầy tôi tham dự cơ mật bàn luận xác đáng, kỹ lưỡng chính chắn, rồi sẽ thi hành. Nếu người nào còn dám quen thói cũ giữ lòng riêng, thì dẫu là người thân hay người quý, hết thảy đều luận tội theo như pháp luật. Lại đem bảy điều sức rõ cho viên quan đề lãnh thi hành, để trong kinh kỳ được trang nghiêm sáng sủa".

Lời chua-Bảy điều: Cấm trong nhà dung túng cho bọn gian tế trú ngụ; cấm lính tuần hành trong thành làm sự càn bậy nhốn nháo; khánh buôn bán không được ngũ đêm ở trong thành; tám cửa thành khi mở khi đóng phải có giờ giấc. Còn các điều khác không khảo cứu được.

Đề lãnh: Tên quan.

Thi người tinh thông thuật số, bổ làm quan.

Phàm người nào có thể tinh thạo thuật số về thiên văn, tin gió, lục nhâm, thái ất, bói toán, bấm độn, nếu thi khảo được trúng sẽ bổ làm quan.

Đinh Mão, năm thứ 8 (1747). (Thanh, năm Càn Long thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Cấm dùng thủ đoạn ngang ngược bắt dân phu theo đi đánh giặc.

---

[1] Huyện Bạch Hạc, nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Lúc ấy, tướng sĩ đi đánh giặc, có nhiều người tạ sự, dùng thủ đoạn ngang ngược, để bắt dân phu, gọi là đánh giặc theo nghĩa vụ (nghĩa chiến), sự nhũng nhiễu không kể xiết, cho nên hạ lệnh cấm.

Tháng 6, mùa hạ. Lạc Hòn lại đến cống nạp.

Năm trước, Lạc Hòn cùng Cao Châu đến cống, nay lại sai sứ thần đến cống, và xin định 3 năm một lần cống voi khỏe[1] theo thể lệ trấn ninh và Cao Châu. Ngoài ra, thổ sản như sừng tê, vải hoa, chiêng đồng, sáp đồng, tùy theo có thứ gì cống thứ ấy, không phải lễ cống thường xuyên. Sau đó, lại dâng voi trắng, nhưng triều đình không nhận.

Lời chua-Trấn Ninh: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30, 31).

Lạc Hòn: Xem Hi Tông, năm Chính Hòa thứ 21 (Chb. XXXIV, 48).

Cao Châu: Tức Trịnh Cao, xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 9).

Tháng 7, mùa thu. Ánh sáng sao Thái Bạch phạm vào sao Nam Đẩu.

Tháng 9. Định phép khảo công bằng việc trưng thu.

Viên quan có trách nhiệm trông nom việc thu thuế tuần ti, thuế bến đò, thuế muối, thuế quế và thuế tô của dân, triều đình hạ lệnh cứ cuối năm thi hành việc khảo công. Thể lệ khảo công nhằm vào sự thế khó hay dễ, tài lực đầy đủ hay hao hụt định ra 3 bậc: Trong mười phần người nào đạt được chín phần là thượng khóa, được sáu phần trở lên là trung khóa, năm phần trở xuống là hạ khóa. Thượng khóa được thăng một trật, hạ khóa phải giáng một trật, còn trung khóa thì miễn xét.

Trịnh Doanh cho đặt chuông và mõ ở cái điếm cửa phủ đường.

Trịnh Doanh đương hăng hái về công việc chính trị, hạ lệnh đặt chuông và mõ ở cái điếm về cửa phía tả phủ đường. Có người nào trình bày công việc hiện thời và người nào có tài nghệ mà tự mình tiến cử, thì đánh chuông; người nào bị bọn quyền quý ức hiếp và người nào có sự oan uổng chưa được bày tỏ, thì đánh mõ. Những người này đều phải làm đủ giấy tờ niêm phong kín. Lại phiên lập tức dâng lên để chúa biết.

Tháng 10, mùa đông. Khôi phục phép thi hương đời Bảo Thái (1720-1728).

Từ năm Tân Dậu (năm Cảnh Hưng thứ 2) (1741), khôi phục lại phép thi "tứ trường, thành ra người cậy thần thế, người dùng tiền tài, số người trúng tuyển những lạm đến một nữa. Đến nay, bầy tôi trong chính phủ bàn luận, cho rằng từ khi mở ra lối thi "tứ trường" nhà quyền thế lấn át, áp bức học trò nghèo. Đem so sánh các phép thi, thì phép thi "sảo thông" còn tốt hơn phép thi "tứ trường" này. Xin bỏ phép thi "tứ trường", phục lại phép thi "sảo thông". Bèn hạ lệnh theo phép thi đời Bảo Thái[2].

Thi phúc khảo cống sĩ.

Lúc ấy phép thi buông xổng, trễ tràng, người ít học mà là họ ngoại của nhà quyền thế, phần nhiều trúng tuyển những lạm. Trịnh Doanh biết chuyện, hạ lệnh cho thi khảo lại ở Trung Sa. Các quan bàn luận, lấy cớ rằng, gặp lúc binh lửa, học trò bị thất học, nên lựa chọn một cách khoan hồng. Trịnh Doanh theo lời, mười phần chỉ thải đi hai ba phần thôi. Nguyễn Kỳ được đỗ đầu.

Lời chua-Nguyễn Kỳ: Người xã An Lão[3], huyện Bình Lục, đến khoa Mậu Thìn năm Cảnh Hưng thứ 9 (1748) sau đây, Kỳ đỗ tiến sĩ.

Trung Sa: Ở bờ phía nam sông Nhị, Hà Nội.

Mậu Thìn, năm thứ 9 (1748). (Thanh, năm Càn Long thứ 13).

---

[1] Nguyên văn chép: hùng tượng, còn nghĩa nữa là voi đực.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 3, 4 về thể lệ thi hương, triều Lê trung hưng và lối thi "sảo thông".

[3] Nay thuộc xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Xếp đặt lại vệ binh đổi làm cơ, đội.

Trước đây, phân phối vệ binh lệ thuộc vào các vệ, người đứng cai quản phần nhiều đem binh lính sung làm việc riêng, hoặc tha cho về mà bắt nộp tiền cỏ ngựa; về phần binh lính thì thường mướn người nghèo yếu đi thay. Kỷ luật lỏng lẻo, nói về thực dụng không có ích gì. Triều đình bèn hạ lệnh cho vệ binh đều lệ thuộc vào trấn, chia đặt từng cơ, từng đội, cứ 200 người làm một cơ, cho phép một nửa ở quân ngũ, một nửa về làm ruộng, thay đổi lẫn nhau. Người nào ở quân ngũ thì hàng tháng cấp cho 6 tiền làm lương ăn, chọn lấy người khỏe cho thao luyện diễn tập; sau lại cấp bội cho số lương, lúc có việc phải đi đánh dẹp thì cấp thêm cho cùng một hạng với ưu binh. Do đấy phép vệ binh bèn bãi bỏ.

Hạ lệnh: Trăm quan quyên nộp tiền thóc, sẽ trao cho chức phẩm cao thấp khác nhau.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng, dùng quân đánh dẹp phải tiêu phí nhiều, bèn hạ lệnh quan văn, quan võ và những nội giám, tạp lưu, ai nộp tiền hoặc thóc sẽ trao cho chức phẩm cao thấp khác nhau.

Tháng 8, mùa thu. Sai đại thần là bọn Lê Hữu Kiều chia nhau giữ nơi xung yếu ở kinh thành.

Lúc ấy, giặc cỏ Sơn Nam chưa dẹp yên, mà bất thần giặc ở Sơn Tây tràn xuống. Nhân đấy, hạ lệnh cho bọn Lê Hữu Kiều, Hà Huân, Vũ Khâm Lân và Ngô Đình Oánh chia nhau giữ nơi xung yếu, ngày đêm tuần hành xem xét, dự định mưu kế ngăn ngừa chống chọi. Bầy tôi trong chính phủ lại dâng kế phòng thủ, đại lược xin trồng tre, trồng cây để hàng rào doanh trại được vững bền; đặt tám cửa thành để xét hỏi người ra vào; chọn đinh tráng ở phường, ở trại và vệ binh gần kinh kỳ để sung vào việc tuần cảnh; thượng lưu và hạ lưu phường Nhật Chiêu đều đặt đồn canh giữ; trong thành thì chia đặt các phòng cho quân sĩ. Trịnh Doanh theo lời, vì thế chia trong kinh kỳ làm 36 khu, gồm làm 9 điện, mỗi điện 4 khu, đặt một người làm điện chánh. Sau đó, sai bọn nội giám Nguyễn Phương Đĩnh và Nguyễn Đình Huấn, chia nhau đi các huyện chung quanh kinh kỳ chọn đinh tráng, đặt đồn lũy, để phòng bị giặc cướp bao vây.

Lời chua-Nguyễn Đình Huấn: Người xã Yên Thường[1], huyện Đông Ngàn.

Nhật Chiêu: Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb. XXV, 36).

Đặt tả pháp ti và hữu pháp ti.

Bắt đầu đặt tả pháp ti và hữu pháp ti, bổ dụng tham tụng Hà Huân và phó đô ngự sử Vũ Công Trấn nhận giữ, để được tùy việc chống cãi, đàn hặc tội lỗi, phát hiện sai lầm, uốn nắn việc lệch lạc cho được ngay thẳng.

Trần Cảnh xin nghĩ việc quan. Trịnh Doanh y cho.

Cảnh giữ chức tham tụng, vì tuổi già, xin thôi làm quan, được thăng chức thượng thư bộ Hình. Con cả của Trần Cảnh là tiến mới thi đỗ, cũng vinh quy ngày hôm ấy. Đời bấy giờ khen là vinh hiển.

Tháng 9, mưa to, nước sông tràn ngập, thóc lúa bị thối nát.

Tháng 9 nhuận. Nguyễn Cầu xâm phạm Sơn Nam. Sai Phạm Đình Trọng đi đánh.

Hữu Cầu đã xin hàng, nhưng vẫn cướp bóc không thôi. Trịnh Doanh sai hiệu lý Nguyễn Thế Khải vào trại quân Hữu Cầu dụ bảo triệt bỏ quân lính đi, Hữu Cầu không nhận mệnh lệnh. Sau đó, Hữu Cầu giao thông với giặc là tên Lân (sót họ), lẻn lút đến Duyên Hà đánh úp Sơn Nam, nhưng không thắng được. Đến nay, lại hợp sức với bọn giặc cỏ, tiến quân sát đến Sơn Nam. Trấn tướng Vũ Tá Sắt đánh nhau với bọn Hữu Cầu, không được thắng lợi. Trịnh Doanh nhận thấy Hữu Cầu vốn sợ Đình Trọng, nên sai Đình Trọng đi đánh.

---

[1] Nay là thôn Yên Thường, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Doanh lại dụ bảo Ngũ Phúc rằng: Hạ lộ Sơn Nam, nhân dân đông đúc, sản vật phong phú, tức là đất Quan Trung[1] Hà Nội[2] của nước nhà đấy. Nay đảng giặc đóng đầy ở cả đấy, thế đương nguy cấp. Nếu Sơn Đông tạm được bình định, thì nhà ngươi nên cùng Đình Trọng hợp sức tiến quân càn quét, để giữ lấy đất Quan Trung, Hà Nội ấy.

Lời chua-Vũ Tá Sát: Người xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà[3].

Duyên Hà: Xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 6 (Chb. XXX, 6).

Nguyễn Hữu Cầu xâm phạm sông Bồ Đề. Phạm Đình Trọng đuổi đánh, Hữu Cầu thua chạy.

Hữu Cầu bị Đình Trọng đánh bại ở Cẩm Giàng, nhân đấy, hắn bàn với đồ đảng rằng: "Ta mới bị thua, tin thắng trận đưa về, tất nhiên ở kinh sư không phòng bị, ta đem quân đánh úp thế nào cũng thắng được". Hắn bèn nhân ban đêm đi gấp đường, hẹn trống canh năm đến bến Bồ Đề, lén cho quân sang sông, nhưng khi đến bến, thì trời đã sáng rồi. Trịnh Doanh tự làm tướng, chống cự ở bến sông phía Nam. Đình Trọng được tin, đem hết quân lính đuổi theo, lại đánh thắng được, Hữu Cầu bỏ trốn.

Trước kia, năm Canh Thân và Tân Dậu (1740-1741) liền hai năm mất mùa, kém đói, vùng Hải Dương lại kém đói hơn cả. Hữu Cầu cướp thuyền buôn lấy được thóc gạo, bèn đem chia cho dân; nhờ đấy nhiều người được cứu sống. Hữu Cầu lại đưa đẩy bằng mưu mô xảo quyệt, sai khiến bằng uy quyền võ lực, nhân dân người bị uy hiếp, người bị dụ dỗ, thành ra lâu ngày tự nhiên tín phục, cho nên Hữu Cầu tuy thường bị thua đau, chỉ một thân thoát nạn, nhưng hễ giơ tay hô một tiếng, thì chốc lát lại sum hợp như mây, vì thế mà có thể tung hoành ở mặt đông bắc, làm tên giặc kiệt hiệt trong một đời.

Sai hoạn quan Đàm Xuân Vực trấn thủ Kinh Bắc.

Trấn Kinh Bắc thế giặc lan tràn, phó tướng Nguyễn Trọng Thân xin cho thêm quân. Các quan trong chính phủ lấy cớ rằng Kinh Bắc là thành lũy của Kinh Sư, thế mà mặt đông có giặc Hoàng Công Chất, mặt tây có giặc Nguyễn Danh Phương, hơn nữa ở Phương Nhãn và Bảo Lộc dân tình nhốn nháo nổi dậy, ba mặt có giặc xông pha như thế, cần phải phòng bị ngay. Nay vùng đông nam sự thế đã được tạm thư, nên chuyên giao cho Đình Trọng liệu lý vùng này, mà rút Ngũ Phúc và Xuân Vực về, để chuyển lên đánh vùng bắc. Trịnh Doanh bèn sai Xuân Vực trấn thủ Kinh Bắc, để làm thanh thế rộng ra đến Tây Bắc. Lại hạ lệnh cho Xuân Vực cùng bọn đô đốc Bùi Thế Đạt ứng tiếp lẫn nhau.

Lời chua-Bùi Thế Đạt: Người xã Tiên Lý, huyện Đông Thành[4].

Phương Nhãn: Tức Long Nhãn, xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 32, 33).

Bảo Lộc[5]: Tên huyện thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Sai Đinh Văn Giai trấn thủ Sơn Tây.

Trước đây, giặc ở Sơn Tây, đánh cướp Sơn Đông, Trịnh Doanh sai Hoàng Ngũ Phúc đem quân tuần hành Sơn Tây. Đến nay triệu về, bổ dụng Văn Giai thay làm trấn thủ. Dụ bảo rằng: "Sơn Tây là phên giậu của nước nhà, thế mà mặt bắc gần Danh Phương, mặt nam liền với Tương và Mật, thế giặc tràn lan, lòng người lo sợ. Vậy cho phép nhà ngươi ở đấy được tùy tiện làm việc, để ta đỡ lo nghĩ về mặt tây". Tuy thế, nhưng Văn Giai tự giữ uy danh vọng của mình, gặp giặc nhiều khi cứ chểnh mảng không đánh. Vì thế, Danh Phương càng quấy rối cướp bóc dữ dội, dân vùng Sơn Tây phần nhiều bị cay đắng.

---

[1] Đất tỉnh Thiểm Tây bây giờ, có tên riêng gọi là Quang Trung.

[2] Những đất ở phía bắc sông Hoàng Hà trước kia gọi chung là Hà Nội. Quan Trung và Hà Nội của Trung Quốc là hai nơi đất rộng, người nhiều, sản vật phong phú, nên Trịnh Doanh đem ví với Sơn Nam hạ nước ta.

[3] Nay thuộc xã Thạch Hà, tỉnh Hà Tỉnh.

[4] Đất huyện Đông Thành, nay thuộc huyện Yên Thành và huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

[5] Nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Hoãn tô ruộng tư cho Thanh Hoa và Nghệ An.

Kỷ Tỵ, năm thứ 10 (1749). (Thanh, năm Càn Long thứ 14).

Tháng giêng, mùa xuân. Miễn tiền thuế điệu và thuế thiếu các năm trước cho dân ở gần kinh kỳ.

Lúc ấy, triều đình thu lương, bắt lính làm phiền nhiễu luôn, các lộ Thường Tín, Ứng Thiên, Quốc Oai và Thuận An ở gần kinh kỳ, dân rất khổ về sự cung đốn, nên đặc ân miễn xá cho.

Lời chua-Thường Tín: Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb. XXXIII, 3).

Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb. X, 16).

Ứng Thiên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chb. II, 18).

Thuận An: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb. X, 4).

Tháng 3. Có thủy tai lớn.

Nước tràn ngập, đê bị vỡ. Triều đình hạ lệnh tạm bắt dân phu bồi đắp, hoãn thu tiền gia tô.

Lê Duy Mật đem quân ra Sơn Nam, triều đình sai Văn Đình Ức và Mai Thế Chuẩn chống cự.

Duy Mật đem quân ra xã Kính Lão, đến huyện Hoài An, giặc Tương (sót họ) cũng đem hết quân tụ họp ở Kiệt Sơn, làm thanh thế xa rộng. Trịnh Doanh thấy Sơn Nam gần với khu vực kinh kỳ, bèn sai bọn đô đốc Văn Đình Ức và hiệu điểm Mai Thế Chuẩn chia quân chiếu theo địa thế phòng ngự, mà sai Lân trung hầu (tên là Lân sót họ), nhân đồn lũy của Duy Mật để sơ hở, đem quân xông lên đánh phá làm cho Ngọc Lân bị rối loạn.

Lời chua-Kính Lão và Kiệt Sơn: Đều tên xã, thuộc huyện Mĩ Lương[1], tỉnh Sơn Tây.

Hoài An: Tên huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Ngọc Lâu: Tên xã, xem năm Cảnh Hưng thứ 2 (Chb. XXXIX, 18).

Tháng 5, mùa hạ. Định rõ cách thức thưởng công.

Theo chế độ cũ về việc thưởng công: người có công nhỏ thưởng cho vàng lụa, công lớn phong cho tước hoặc ruộng đất. Gần đây, chuyên dùng quan tước thưởng công, rồi đi dần đến chỗ quá lạm. Lại theo chế độ cũ: hai ban văn và võ từ tam phẩm đến nhất phẩm, thứ tự xếp đặt cho thăng chức, đều gần giống nhau. Đến quãng năm Bảo Thái triều Dụ Tông, mới đem thứ tự về cấp bậc của ban võ rút bớt đi, thành ra so với ban văn (văn ban 27 bậc, võ ban 17 bậc) thì bên thăng chậm, bên thăng chóng khác nhau, cho nên bầy tôi về võ ban đều nhảy vọt lên phẩm trật cao, những viên quan quản lãnh binh lính phần nhiều được phong tước hầu, tước bá. Đến nay bàn định cách thức thưởng công, dùng kim bài hoặc ngân bài làm hạn định thăng chức. Về võ giai từ quan tam phẩm trở lên, thứ tự về cấp bậc cũng như văn ban, còn việc trao tước thì do đặc ân của chúa ban cho. Từ đây, đổi dần được tệ cũ.

Lời chua-Kim bài và ngân bài: Điều lệ định cách thức thưởng công triều Cảnh Hưng đời cố Lê, mỗi một chiếc kim bài chuẩn cho thăng chức ba bậc; ngân bài hạng lớn và hạng trung đều chuẩn cho thăng chức một bậc.

Tháng 6. Tuyển đinh tráng Sơn Nam.

Lúc ấy, vì có việc đánh dẹp, nên các quan trong chính phủ bàn định bắt thêm lính để tăng thêm thế lực quân đội. Bèn hạ lệnh cho bọn Vũ Tá Quán tuyển lấy tráng đinh ở các huyện Nam Xang, Phú

[1] Đất huyện Mĩ Lương, nay thuộc huyện Chương Mĩ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

Xuyên và Thượng Phúc sung vào quân ngũ, miễn cho thuế đinh suất, bắt phải tự sắm lấy khí giới để thao luyện diễn tập, hẹn khi nào dẹp yên được giặc sẽ tha cho về.

Lời chua-Vũ Tá Quán: Người xã Hà Hoàng[1], huyện Thạch Hà, đỗ tạo sĩ.

Nam Xang: Xem Anh Tông, năm Chính Trị thứ 3 (Chb. XXVIII, 15).

Phú Xuyên: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 30).

Thượng Phúc: Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Tháng 7, mùa thu. Sửa đắp, thành bằng đất ở thành Đại Độ.

Lúc ấy, trong nước nhiều nơi nguy cấp, Trịnh Doanh có chí luôn luôn mặc áo giáp, sẵn sàng ra mặt trận. Nhân bảo với tả hữu rằng: "Kinh sư là cỗi gốc cả nước, cung miếu của triều đình, dinh thự của trăm quan đều ở đấy, thế mà đường ngõ bốn mặt đi lại thông đồng, thành lũy không thể trông cậy được. Nay nơi biên cảnh có giặc, nếu một ngày kia lục sư[2] xuất phát, thì không thể không liệu lượng để lại một số binh lính để chống giặc và giữ kinh thành, mà nếu số quân giữ thành chống giặc để lại nhiều thì số quân đánh dẹp ở mặt trận ít đi, cho nên việc xếp đặt nơi hiểm để giữ quốc đô, từ đờicổ đến nay, bao giờ cũng thế. Nước Việt ta từ triều nhà Lý dựng kinh đô ở đây, đã từng đắp thành Đại La, nay có thể nhân vào thành ấy mà sửa đắp lại, để sau này, nếu có việc ở mặt ngoài, thì không phải lo nghĩ đến mặt trong nữa, như thế chả phải là kế mưu rất tốt: chỉ khó nhọc một lần mà được yên nghĩ mãi mãi đó ru?". Doanh bèn hạ lệnh: Xem xét địa thế trong kinh kỳ, liệu lượng công trình đắp đất, số dân phu phải làm; rồi bắt dân các huyện chung quanh kinh kỳ góp sức sửa đắp. Khi đắp xong, mở tám cửa, mỗi cửa đặt hai ô tả và hữu, phân phối binh lính canh giữ để phòng bị lúc yên ổn, lúc nguy cấp.

Lời chua-Đại Độ: Tức thành Đại La, nay ngoài tỉnh thành Hà Nội, bốn chung quanh vẫn còn lũy đất.

Khởi phục Trần Cảnh vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trần Cảnh nói: "Nay bắt đinh tráng đắp thành đất, dùng sức dân đã nặng, mà người thừa hành lại làm phiền nhiễu thêm mất lòng dân, triều đình tuy có lòng thương yêu, nhưng đối với dân như thế, tôi e rằng không giữ được điều tín nghĩa. Vậy xin sức rõ cho viên quan có trách nhiệm nghiêm cấm bọn sai dịch và thời thường xét hỏi, để thi hành việc thưởng phạt". Trịnh Doanh theo lời.

Tháng 10, mùa đông. Hội hợp các đạo quân ở Bồ Đề.

Lúc ấy bọn Nguyễn Hữu Cầu, giặc vùng đông nam, cướp bóc không thôi, các đạo quân cầm cự với giặc đã lâu ngày mà chưa sao dẹp yên ngay được. Trịnh Doanh muốn tự đi thân chinh, bầy tôi đều có can ngăn. Doanh bèn hội hợp quan quân ba đạo ở bờ phía bắc sông Bồ Đề, hạ lệnh cho Hoàng Ngũ Phúc vẫn kiêm chức thống lãnh, Phạm Đình Trọng vẫn giữ chức hiệp thống lãnh đem quân đi đánh. Bọn Ngũ Phúc đã từng nhiều năm đi đánh dẹp, biết rõ được địa thế, địch tình, đến nay họ xem xét thời cơ chặn đánh, nhiều lần thắng trận, đồ đảng của giặc phần nhiều đến cửa quân đầu hàng, nên dần dần có cái thế làm cỏ được giặc.

Nguyễn Danh Phương cướp huyện Tiên Phong. Triều đình sai Nguyễn Phan đem quân đi đánh.

Danh Phương từ Bạch Hạc đến cướp xã Cổ Đô huyện Tiên Phong, thanh thế rất lừng lẫy. Hiệp trấn Sơn Tây và Hà Huân dâng thư cáo cấp. Trịnh Doanh hạ lệnh cho cai cơ Nguyễn Phan và phó đốc thị Bùi Trọng Huyến đi đánh, trấn thủ Đinh Văn Giai thì xem xét thời cơ, tìm phương pháp ứng tiếp.

---

[1] Nay thuộc xã Thạch Hạ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tỉnh.

[2] Lục sư cũng như lục quân. Binh chế đời cổ mỗi quân là 12.500 người, thiên tử có lục quân, vua chư hầu thì có tam quân hoặc nhị quân. Ở đây, Trịnh Doanh dùng chữ "lục sư" để tỏ ra mình cũng là thiên tử, nên có số quân như vậy.

Lời chua-Bùi Trọng Huyến: Người xã Tiên Mộc, huyện Nông Cống[1], đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Cổ Đô[2]: Tên xã, thuộc huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây.

[1] Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

[2] Nay là thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 41

Từ Canh Ngọ, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750) đến Bính Tý, năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756), gồm 7 năm.

Canh Ngọ, năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750). (Thanh, năm Càn Long thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh: Ban bố 12 điều hiểu thị trong kinh, ngoài trấn.

Trịnh Doanh hạ lệnh, đại lược nói: Thưởng người làm lình, phạt người làm dữ, là quyền lớn của vua chúa ngự trị trên đời. Ít lâu nay, vì chốn biên cương xảy ra nhiều việc, phải đánh dẹp mấy năm liền, nên dùng quan chức để thưởng người có công, dùng tài năng mà tha cho tội lỗi, thành ra chức tước và đồ khí dụng dần đến tiếm lạm, tệ tục ấy mỗi ngày một tăng lên. Nay cần phải chấn chỉnh lại, để cùng với sự việc đổi mới. Vậy ban bố 12 điều hiển thị trong kinh, ngoài trấn.

Lời chua-12 điều:

1. Viên đại thần vào hạng thân thích, hạng có công, tâu bày công việc, làm tờ niêm phong kín dâng nộp.

2. Viên chưởng phủ và tham tụng tùy từng việc mà dâng điều hay, ngăn điều dở.

3. Viên thống lãnh các đạo quân phải xếp đặt công việc kỷ càng cho hợp lẽ phải.

4. Viên ngự sử khi đàn hặc đứng đối diện với hàng nghi trượng.

5. Cấm nhà quyền thế ức hiếp người khác.

6. Viên thiêm sai khám xét kiện tụng phải theo lẽ công bằng.

7. Viên nội sai chi ra thu vào[1] phải rõ ràng cẩn thận.

8. Trăm quan phải kính cẩn làm đầy đủ chức phận.

9. Binh lính phải có kỷ luật, không được sinh lòng kiêu căng, lười biếng.

10. Dân phải theo lệnh trên, các hào mục trong làng không được quấy nhiễu dân.

11. Cấm sở tuần ti đánh thuế trái pháp.

12. Răn cấm lại dịch tiết lậu việc quan hoặc lười biếng bỏ việc.

Tháng 8, mùa thu. Lại thi hành phép ấm từ đời Bảo Thái.

Hồi đầu niên hiệu Bảo Thái[2], chuẩn định: Con quan văn, quan võ vào học Quốc Tử Giám, nếu là con quan nhị phẩm, sẽ trao cho chức tự thừa, nếu là con quan tam phẩm sẽ trao cho chức tư vụ; khi mãn niên hạn sẽ được thăng chức viên ngoại hoặc tri phủ, nhưng sau, người được trao cho chức tư vụ đã mãn niên hạn, chỉ được thăng chức tự thừa. Đến nay lại thi hành phép cũ.

---

[1] Nguyên văn chép: "xuất nạp tường thận". Riêng hai chữ "xuất nạp" còn có nghĩa là ban bố mệnh lệnh của vua ra ngoài hoặc đệ tấu sớ ở ngoài dâng nộp lên vua.

[2] Tức năm Bảo Thái thứ 3 (1722), một niên hiệu triều Dụ Tông, xem thêm Chính biên quyển XLI, tờ 23.

Tháng 11, mùa đông. Bắt đầu thu "tiền thông kinh".

Lúc bắt đầu trung hưng, số tiền do sinh đồ nộp đều cấp làm món tiền chi phí của hiệu quan trong huyện. Năm Bảo Thái thi hành việc đánh thuế điệu, khoản trường khoán trông vào tiền công, nên tiền minh kinh cũng nộp vào quan, để chi cấp cho sự cung đốn, sự cần dùng về công việc trường thi. Đến nay, vì dùng quân đánh dẹp, chi phí mất nhiều, tài dụng trong nước không đủ. Năm nào gặp khoa thi hương, thì hạ lệnh cho mỗi người nộp ba quan tiền, sẽ miễn phải khảo hạch và đều cho đi thi, gọi là "tiền thông kinh"" (đổi chữ "minh" làm chữ "thông", có lẽ tránh hiệu Minh Vương của Trịnh Doanh). Đấy là theo lời bàn của Đỗ Thế Giai, một viên quan giữ chính quyền trong phủ chúa Trịnh.

Do đấy, người làm ruộng, người buôn bán, người đồ tể đều hớn hở nộp quyển đi thi. Ngày vào trường thi, học trò giày xéo lẫn lên nhau đến nỗi có người chết. Trong trường thi thì kẻ mang sách, kẻ mướn người làm gà, hành động thả cửa, quan trường cùng người gian trá làm như họp chợ. Phép thi như thế, thối nát quá chừng.

Lời phê-Chính sự đổ nát không còn gì hơn nữa.
Lời chua-Hiệu quan: Viên giáo dụ ở phủ hoặc huyện.

Tháng 12. Trịnh Doanh tự đốc suất đại quân đi đánh Nguyễn Danh Phương.

Danh Phương hiệu là Canh Ngọ, lại một niên hiệu nữa là Ngũ Thập, làm giặc ở vùng Sơn Tây. Khoảng đầu năm Vĩnh Hựu, giặc ở Sơn Tây là Tế và Bồng nổi loạn, khi Tế và Bồng bị bại, Danh Phương tập hợp quân chúng còn sót lại được vài vạn người, chiếm cứ xã Thanh Lãnh và thôn Việt Trì, lại chiếm cứ núi Độc Tôn thuộc huyện Tam Dương. Sau khi thua trận ở Bạch Hạc, Danh Phương chỉ dựa vào nơi hiểm trở để cướp bóc vặt, không dám khinh thường đem quân ra. Đến lúc Hoàng Phùng Cơ đầu hàng, được triều đình sẵn lòng vỗ về yên ủi, Danh Phương thấy thế, cũng có ý muốn xin hàng. Hắn bèn dùng lễ vật rất hậu bí mật đút lót cho vợ chúa Trịnh là Nguyễn Thị (người xã Thịnh Mĩ huyện Lôi Dương) và hoạn quan Đàm Xuân Vực, Xuân Vực giúp hắn dâng tờ hiểu đầu hàng, Trịnh Doanh y cho. Nhưng khi triệu vào triều thì Danh Phương không nhận mệnh lệnh, lại làm phản, chiếm cứ núi Ngọc Bội làm sào huyệt, tự xưng là Thuận Thiên Khải Vận đại nhân, lập cung điện, đặt quan thuộc, cờ quạt, xe cộ và đồ dùng, tiếm lạm sánh với nghi vệ thiên tử. Nơi hắn ở gọi là đại đồn, sau đến đồn Hương Canh gọi là trung đồn, Úc Kỳ gọi là ngoại đồn, còn các đồn lẽ, lũy riêng lại nhiều gấp hai. Quân đóng ở đâu đều làm ruộng, chứa thóc, làm kế cố giữ. Lại tự tiện giữ mối lợi về chè, sơn, tre, gỗ ở miền thượng du và xưởng mỏ ở Tuyên Quang, do đó mà thóc gạo của báu chứa cao như núi. Hắn chia quân chặn giữ nơi hiểm yếu, để kháng cự với quan quân. Triều đình nhiều lần sai quân đi đánh, thì hắn chở của để đút lót cho quan quân. Các tướng của hám lợi, cứ dung túng cho giặc để bảo toàn lấy thân. Vì thế nên thế giặc ngày càng vững vàng, hơn 10 năm trời, Danh Phương nghiễm nhên là một nước đối địch với triều đình.

Lúc ấy, quan quân các đạo hội họp càn quét, bắt được em hắn là Văn Bì và Văn Quảng, thình lình hắn đem quân ập đến bao vây xã Thanh Lãnh, quan quân hầu bị nguy khốn, liền thả Văn Bì và Văn Quảng để trã lại, hắn mới giải vây kéo quân đi. Ấy hắn kiệt hiệt đến như thế. Các huyện thuộc phủ Tam Đái, Lâm Thao và Đà Dương đều bị Danh Phương chiếm cứ, đi đến đâu cướp bóc, chém giết nhẫn nhụi, dân vùng phía tây bị kiệt hại rất tàn khóc.

Đến nay Trịnh Doanh tự đốc suất đại binh đi đánh, bèn hạ lệnh cho Hoàng Ngũ Phúc và Đỗ Thế Giai định 37 điều quân lệnh, chia binh sĩ làm bốn đạo quân, bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc tạm trông coi việc quân. Nguyễn Nghiễm làm tán lý, Đoàn Chú làm hiệp đồng, hẹn ngày xuất phát.

Lời chua-Đoàn Chú: Người xã Phù Lỗ, huyện Kim Anh, đỗ hoàng giáo khoa Bính Thìn[1], năm Cảnh Hưng.

Núi Ngọc Bội: Ở địa giới hai huyện Tam Dương thuộc Sơn Tây và Bình Xuyên thuộc Thái Nguyên[1].

---

[1] Về niên kỷ Lê Hiển Tông, Cương mục chép đến đây mới là Canh Ngọ năm thứ 11. Thế mà lại chia Đoàn Chú đỗ hoàng giáp khoa Bính Thìn, tính từ Canh Thân năm Cảnh Hưng thứ nhất (1740) đến năm Canh Ngọ (1750) trong vòng 11 năm ấy chỉ có năm Mậu Thìn (1748), còn Bính Thìn là năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736). Tham khảo Lê sử bổ (sách chép tay không có tên tác giả), thì Đoàn Chú đỗ khoa Bính Dần năm Cảnh Hưng thứ 7 (1746). Vì sự sai nhau như thế, nên chưa rõ Đoàn Chú đỗ khoa nào.

Thanh Lãnh: Tên xã.

Việt Trì: Tên thôn. Đều xem năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL. 11).

Núi Độc Tôn: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 8 (Chb. XXXVI, 34).

Ức Kỳ: Tên xã, năm Cảnh Hưng thứ 6 (Chb. XL, 12).

Hương Canh: Tên xã, thuộc huyện Yên Lãng.[2] Tỉnh Sơn Tây.

Tam Đái: Xem ngang với Tống Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Lâm Thao: Xem An Dương Vương, năm thứ 37 (Tb. I, 13)[3].

Phủ Đà Dương: Tức Đà Giang, thuộc Sơn Tây, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18).

Tân Mùi, năm thứ 12 (1751). (Thanh, năm Càn Long thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Phạm Đình Trọng bắt được Nguyễn Hữu Cầu ở Nghệ An.

Hữu Cầu lúc còn nhỏ là hạng đầu trộm, sau theo Nguyễn Cừ, tướng giặc Ninh Xá, Cừ gã con gái cho. Khi Cừ bị bại, Hữu Cầu lại hô hào tụ họp đồ đảng cướp bóc. Lúc ấy, Nguyễn Danh Phương chiếm cứ Sơn Tây, Nguyễn Diên chiếm cứ Nghệ An, Hoàng Công Chất chiếm cứ Khoái Châu, Lê Duy Mật chiếm cứ Ngọc Lâu, người nào cũng nắm trong tay vài ba vạn quân, riêng Hữu Cầu là kiệt hiệt hơn cả. Hữu Cầu lại là người mạnh khỏe, nhanh nhẹn, chiến đấu hăng, trí mưu quỷ quyệt trăm đường, nhiều lần bị mấy vòng vây, chỉ một mình một ngựa vượt vây xông ra, rồi vài hôm sau lại có quân chúng hàng vạn. Khi ra trận, một mình cưỡi ngựa, cầm siêu đao, đi lại như bay, quân sĩ không ai là không sợ hãi chạy giạt, đến các tướng cũng phải tránh uy phong của hắn, chỉ một mình Đình Trọng thề quyết chí giết cho bằng được, nên triều đình vững lòng dựa vào Đình Trọng. Đình Trọng cầm quân có kỷ luật, hễ trận nào Hữu Cầu gặp Đình Trọng liền bị thua. Các tướng lúc bấy giờ, Hữu Cầu chỉ sợ có Đình Trọng mà thôi.

Từ khi bị thua trận Bồ Đề, Hữu Cầu hợp lực với Hoàng Công Chất, đánh phá cướp bóc các huyện Thần Khê, Thanh Quan. Đình Trọng cùng Ngũ Phúc đốc suất binh sĩ đi đánh, sang đò Hoàng Giang qua huyện Nam Xang, đến huyện Bình Lục, đánh nhau với Hữu Cầu ở các sông Mã Não và Hương Nhi, quân giặc bị thua. Lại đuổi đến xã Quang Dực và Lộng Khê, đánh luôn mấy trận đều phá tan được, đảng giặc bị tan tác. Công Chất chạy vào Thanh Hoa, Hữu Cầu cũng trốn vào Nghệ An nương nhờ Nguyễn Diên. Diên giúp cho binh lính, lương thực, Hữu Cầu nương thân ở Nguyên Lãm.

Ít lâu sau, Đình Trọng đem đại binh đuổi theo đến nơi, quân của Hữu Cầu bèn tan vỡ. Hữu Cầu bị khốn quẫn bức bách, liền vượt ra biển, toan quayvề vùng đống. Vì gặp gió bão thình lình nổi lên, Hữu Cầu bèn cùng mấy chục thủ hạ lên bộ, tranh cướp lấy đường mà chạy, ẩn trốn trong núi Hoàng Mai, bị Phạm Đình Sĩ, thuộc tướng của Đình Trọng, bắt được, liền đóng cũi đưa về quân thứ Trịnh Doanh.

Lời chua-Phạm Đình Sĩ: Người xã Bắc Trạch huyện Chân Định[4].

Hoàng Giang: Ở địa phận xã Vị Hoàng, huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định.

Nam Xang: Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 3 (Chb. XXVIII, 15).

Bình Lục: Tên huyện, thuộc Hà Nội[5].

Mã Não và Hương Nhi: Tên hai xã, thuộc huyện Bình Lục.

---

[1] Hai huyện Tam Dương và Bình Xuyên nay hợp nhất thành huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

[2] Huyện Yên Lãng nay thuộc Vĩnh Phúc.

[3] Cương mục chua lầm. Phủ Lâm Thao mà cương mục chua ở Tiền biên quyển I tờ 13 là Lâm Thao thuộc tỉnh Thiểm Tây. Trung Quốc. Còn Lâm Thao chép ở đây là Lâm Thao nước ta, hiện nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

[4] Nay là xã Vân Trường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

[5] Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Quang Dực: Tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương.

Lộng Khê: Tên xã, thuộc huyện Phụ Dực tỉnh Nam Định[1].

Hương Lãm: Tên xã, thuộc huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ An[2].

Hoàng Mai: Tên xã, thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Tháng 2, Nguyễn Phan đánh Nguyễn Danh Phương ở núi Ngọc Bội, Danh Phương bị thua to và bị bắt. Bình định được vùng Sơn Tây.

Trước đây, Danh Phương dựa vào hiểm trở, cố giữ để ngăn trở quan quân, lại coi thường các tướng, tưởng đại binh không thể nào đến được. Trịnh Doanh đi đường Thái Nguyên, lừa lúc không ngờ, đương đêm, đánh úp đồn Ức Kỳ, phá vỡ được, lại tiến quân sát đến đồn Hương Canh. Giặc đem hết quân ra chống cự, đạn bay như mưa. Quan quân không sao tiến lên được. Lúc ấy trong hàng các tướng, chỉ có Nguyễn Phan, vốn gọi là một viên tướng vô địch. Trịnh Doanh đem thanh kiếm trao cho Phan nói: "Nếu không phá được đồn này, lập tức phải xử theo quân pháp". Phan đem quân tiến lên, cỡi chiến bào, nhảy xuống ngựa, đánh nhau dưới đất. Phan ngoảnh lại bảo thủ hạ rằng: "Các quân sĩ đã nghi tên trong sổ quân lệnh, tự phải giữ phép quân. Bọn người đều là tôi tớ của ta, nay chính là lúc ta bỏ mình đền ơn nước, mà cũng chính là ngày các ngươi đền ơn ta. Vậy những ai có cha mẹ già, con bé, không nở dứt mối tình riêng, thì đều cho lui ra, còn thì đều nên cùng ta quyết liều chết để báo ơn nước, không nên sống uổng cái thân mày râu!". Mọi người nghe lời Phan nói, không ai chịu lùi. Phan tự xông lên trước quân sĩ, cố sức đánh, phá tan được. Danh Phương thu nhặt số quân còn sót lại giữ đại đồn Ngọc Bội. Đồn Ngọc Bội là sào huyệt của giặc, thế núi cao vót hiểm trở, giặc đã lấp cửa ngõ các đường tắt từ trước, bố trí một loạt súng ở trên núi để cố thủ. Trịnh Doanh lại sai Phan tiến đánh. Phan sai mọi người đều cầm gươm mác, người nào cũng được phép tự ý đánh chiếm, lại hẹn, hễ nghe tiếng súng thì nằm phục xuống, bằng không thì trèo đá mà vượt lên. Phan đem mọi người tiến lên trước, tam quân kế tiếp theo sau, quân sĩ tiến lên núi trông như đàn kiến. Quân giặc đổ vỡ tan tành, Danh Phương lủi vào núi Độc Tôn. Quan quân lại đuổi theo đánh phá tan vỡ. Danh Phương cùng đồ đảng đốt doanh lũy, rồi nhân đêm chạy trốn. Quan quân đuổi theo, bắt được Danh Phương ở xã Tĩnh Luyện, huyện Lập Thạch.

Sau khi Danh Phương bị bắt, thì cái cũi nhốt Nguyễn Hữu Cầu chợt giải đến quân thứ. Trịnh Doanh bèn mở tiệc lớn ở quân thứ Xuân Hi để khao tướng sĩ. Trong khi yến ẩm, Trịnh Doanh sai Hữu Cầu thổi sáo, Danh Phương rót rượu, tam quân xúm quanh lại xem, tiếng vui mừng nổi lên như sấm, bèn kéo quân về kinh sư.

Trận này, từ lúc đem quân sang qua sông đến lúc thắng trận kéo về, chỉ có 43 ngày. Khi về kinh sư, đến cửa khuyết dâng công thắng trận, bèn làm lễ dâng tù binh ở Thái Miếu. Hữu Cầu lập mưu vượt ngục, bị lộ chuyện, liền đem giết cả với Danh Phương.

Lời phê[3]-Lời nói đáng kính đáng sợ như lúc còn sống, ngàn đời sau này còn có thể làm cho người ta cảm động phấn khởi. Thế mà trong sử bảo Nguyễn Phan cùng Văn Đình Ức danh tiếng ngang nhau[4], nói như thế khác nào đem viên ngọc giả trộn lẫn với viên ngọc thật.

Lời phê[5]-Một việc vui sướng ngàn đời. Nếu không có Trịnh Doanh, thì việc này cũng rất khó khăn.

Lời chua-Núi Độc Tôn: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 8 (Chb. XXXVI, 34).

---

[1] Nay thuộc xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

[2] Đất huyện Nam Đường, nay thuộc huyện Anh Sơn và huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[3] Chỉ lời Nguyễn Phan bảo thủ hạ.

[4] Xem thêm chính biên quyển XL, tờ 12.

[5] Chỉ việc Trịnh Doanh sai Hữu Cầu thổi sáo, Danh Phương rót rượu trong bửa tiệc khao quân.

Xuân Hi: Tên xã, thuộc huyện Kim Anh[1], tỉnh Bắc Ninh.

Tĩnh Luyện: Tên xã, thuộc huyện Lập Thạch[2], tỉnh Sơn Tây.

Sai Nguyễn Quai và Dương Công Chú đi dụ bảo, yên ủi dân các lộ Tây Bắc và Thái Nguyên.

Bọn Nguyễn Quai bái từ ra đi, Trịnh Doanh bảo: "Dân gặp giặc cướp làm cay đắng đã lâu, nay nên để ý hỏi han yên ủi, các ngươi đi đến đâu cần tuyên truyền đức ý triều đình và đề đạt tình hình người dưới; những việc ăn uống đưa đón, nhất thiết chớ làm phiền đến dân". Bèn ban cho 300 quan tiền hành lý.

Lời chua-Tây: Tức Sơn Tây, Bắc: Tức Bắc Ninh, Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc. Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 27, 28, 31, 32, 34, 35).

Hạ lệnh cho Trịnh Tuệ và Lê Sĩ Bàng khám hỏi kiện tụng.

Lúc ấy, Trịnh Tuệ giữ chức thừa chính trấn Sơn Nam, Sĩ Bàng giữ chức tham chính trấn Kinh Bắc. Trịnh Doanh hạ đặc chỉ triệu về kinh, rồi sai chầu chực ở điếm cửa tả, khám xét mọi việc kiện tụng.

Lời chua-Lê Sĩ Bàng: Người xã Nội Thiên Lộc, huyện Thiên Lộc[3], đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu triều Lê Ý Tông.

Tháng 3. Thi lại cống sĩ mới đỗ ở lầu Ngũ Long.

Từ lúc có thể nộp tiền để đi thi, học trò quen thói đua nhau chạy chọt, quan trường lại coi thường kỷ luật, làm sự gửi gấp công khai, người thi đỗ phần nhiều không phải thực học, vì thế lời bàn tán bên ngoài rất là xôn xao. Trịnh Doanh nổi giận, bèn bắt thi lại, đánh hỏng hơn 200 người; quan trường đều bị biếm chức hoặc bãi chức, duy Vũ Công Trấn, giữ chức đề điệu trường thi Kinh Bắc, được miễn nghị.

Lúc thi lại, Trần Danh Ninh giữ chức chủ khảo, Ngô Đình Oánh và Trần Huy Mật vào hầu chúa Trịnh để ra đầu bài.

Nói về thi cử thời đầu triều Lê, văn chương quý mạnh mẽ, hồn hậu, đầu bài cũng cần những điều đại thể và cốt yếu. Đến khoảng năm Thiệu Bình (1434-1439), Hồng Đức (1470-1497), về đầu bài kinh nghĩa không bó buộc phải ra ở chương nào, thiên nào; về đầu bài tứ lục và thơ, phú không cần hết thảy phải ra ở sách Kinh hoặc sách Sử; về đầu bài văn sách không dùng những điển hiểm bí lờ mờ. Ví dụ như những đầu bài sau đây:

Bài kinh nghĩa"doanh doanh thanh dăng chỉ vu phàn"[4];

Bài chế "mệnh Lê Niệm vi bình chương"[5];

Bài biểu "Chiêm Thành cống tự".

Thơ phú thì có khi dùng điển sách ngoài để ra đầu bài như: bài "độ nghĩ kiều"[1], bài "nghiễn trì ngư"[2], bài "ngư phủ nhập đào nguyên"[3], v.v... Những bài này không phải người có sức học dồi dào phong phú, sâu rộng, thông hoạt, không thể làm được; văn sách cũng thế.

---

[1] Trước là huyện Kim Hoa, sau đổi là Kim Anh, nay là huyện Sóc Sơn (Hà Nội) và một số xã thuộc huyện Mê LInh (Vĩnh Phúc).

[2] Nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

[3] Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Một câu trong thơ "thanh dáng", thiên tiểu nhã, sách Mao Thi. Nghĩa đen câu nàylà "con nhặng xanh kêu vo ve đỗ ở cái phên". Ý nói giống nhặng xanh thường làm cho thứ trinh sạch thành bẩn thỉu, để ví với bọn tiểu nhân hay gièm pha người, làm cho người tốt hóa ra xấu.

[5] Lê Niệm là một viên quan triều nhà Lê, từng làm quan triều Thái Tông, Nhân Tông và Thánh Tông, Thánh Tông phong Lê Niệm giữ chức bình chương quân quốc trọng sự.

Từ lúc trung hưng trở về sau, ,thay đổi thế văn, một lần thay đổi thì dùng lối rập theo sáo cũ là quý, lại một lần thay đổi nữa thì dùng lối lựa từng lời, gọt từng câu là hay, thành ra thể văn ngày đi đến bạc nhược. Khoảng năm Chính Hòa (1680-1704) bàn khôi phục lại thể văn đời Hồng Đức, Vũ Thạnh và Ngô Vi Thực kế tiếp nhau đứng ra chấn chỉnh, nhưng chung quy cũng không sao bỏ được lối văn trước.

Đến nay, thi lại, bọn Ngô Đình Oánh ra đầu bài văn sách, lại chia ra hỏi về nhiều mục, Nhữ Đình Toản không ưa, bèn xin chỉ chuẩn ấn định: Văn sách về cổ văn thì hỏi đại lược việc phải việc trái; về kim văn thì hỏi công việc hiện thời. Thi hương, thi hội và thi đình đều theo thể văn đời Hồng Đức. Trịnh Doanh y theo.

Lời chua-Ngô Vi Thực: Người xã Tả Thanh Oai[4], huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1691) năm Chính Hòa triều Hi Tông.

Mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 6. Chấn chỉnh chức trách các quan giữ việc chính trị.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng trong nước gần được được bình định, cần phải chấn chỉnh chức trách các viên quan giữ việc chính trịm bèn hạ lệnh cho tham tụng Nhữ Đình Toản châm chước điển lệ các triều, xếp đặt quan chức phẩm trật thành từng loại, gọi là "Tấn thân thực lục". Lại ban hành 9 điều nói rõ chức trách công việc các quan trong kinh, ngoài trấn:

1. Giúp đỡ vua làm cho bụng nghĩ của vua được ngay thẳng.

2. Phân biệt, kèn chọn quan lại.

3. Bàn định chính sách đối với dân.

4.Định kỷ luật quân ngũ.

5. Xếp đặt việc chi dùng trong nước.

6. Sách tỏ về thể lệ kiện tụng.

7. Bàn định việc tính toán chi thu.

8. Việc thưởng, việc phạt phải cho đúng lẽ.

9. Hiệu lệnh phải tin thật.

Chín điều trên này răn bảo các quan giữ việc trong chính phủ, để tuỳ tài từng người mà trao cho chức việc, phân biệt bổ dụng các chức quan.

Nói về quan chế triều nhà Lê, từ lúc trung hưng thay đổi phép tắc:

Các quan đại thần trong chính phủ, thì xếp đặc chức chưởng phủ và thự phủ đứng đầu về võ giai, gọi là "ngũ phủ" tham tụng đứng đầu về văn giai, gọi là "phủ liêu". Các chức này đều là chức vị tể tướng, dưới đến bồi tụng và quyền phủ cùng được dự bàn chính sự. Còn liêu thuộc là thiêm sai, tùy sai theo làm công việc thăm hỏi, thì bổ dụng cả quan văn lẫn quan võ, duy quan văn giữ chức trong lục phiên, phụng lệnh làm việc văn thư;

---

[1] "Bắc cầu cho kiến bò qua". Đầu đề này dùng điển trong Tống sử. Nhà Tống Giao có tổ kiến, một hôm mưa to, kiến trong tổ bò ra, bị nước ngập, không có lối đi, Tống Giao dùng cành tra bắc cầu cho kiến bò qua.

[2] "Hình con trâu trong cái nghiên mài mực". Đầu đề này chưa rõ dùng điển ở sách nào. Tham khảo Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi , có bài "nghiễn trung ngưu", không rõ có phải đầu đề này dùng điển ấy hay điển nào?

[3] "Ông thuyền chài vào nguồn đào". Đầu đề này dùng điển của Đào Tiềm đời Tấn. Đào Tiềm có làm bài "đào hoa nguyên ký", nói về việc người thuyền chài ở Vũ Lăng vào rừng hoa đào, được gặp người đi lánh loạn từ đời nhà Tần. Lần sau người thuyền chài ấy lại tìm vào, thì không nhận được đường nữa.

[4] Nay là xã Tả Thanh Oai, thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bầy tôi thân cận là nội sai tiểu ti, giữ công việc truyền đạt mệnh lệnh vua ra ngoài và nhận tờ sớ biểu của bên ngoài dâng nộp lên vua;

Các quan trong lục bộ nắm giữ đại cương của lục phiên;

Các quan trong lục khoa đàn hặc sự sai trái của lục bộ;

Các quan khanh trong lục tự đều giữ chức vụ của mình.

Ngự sử đài làm giường mối cho 13 đạo và các ti Đề Lãnh, Phủ Doãn trong kinh kỳ. Chức đề hành giám sát thuộc vào Ngự sử đài.

Quan ngoài các trấn thì đặt ba ti trấn thủ, Thừa chính và Hiến sát: ti Trấn thủ giữ việc cầm phòng trộm cướp; ti thừa chính làm tiêu biểu cho các quan phủ, châu và huyện noi theo; ti Hiến sát giữ việc đàn hặc quan lại trái phép từ Trấn Ti trở xuống và bọn quyền quý, cường hào, lại giữ việc xét hỏi các kiện tụng. Ba ti này đều thống thuộc vào Ngự sử đài.

Lại có Tông nhân phủ, Quốc Tử Giám, Kinh Diên, Sử Quán, Hàn Lâm, Đông Các, Tư Lễ, Tư Thiên Giám và Lệnh Sử, các nha môn đều có quan giữ từng công việc.

Từ lúc dùng quân đánh dẹp trở đi, phép tắc kỷ cương dần dần buông lỏng, trăm quan phần nhiều trễ tràng, đến nay đều chấn chỉnh lại, làm cho chế độ cũ được sáng tỏ, để các quan trong kinh ngoài trấn đều răm rắp tuân theo giữ chức phận của mình. Tuy thế, nhưng tham tụng bồi tụng là gia thần của phủ chúa, thượng thư, thị lang là vị hão của triều đình; lục phiên nắm hết quyền của lục bộ, lục khoa không có trách nhiệm phong bác[1]. Còn lục tự, thông chính, dụ đức và thứ tử thì đều là chức quan nhàn tản, không giữ công việc theo với chức phận. Tên quan và sự thực lầm lẫn rối loạn, người có kiến thức lấy làm chê cười.

Lời chua-Ngũ phủ và phủ liêu: Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 2 (Chb. XXXIII, 13).

Lục bộ và lục khoa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 6 và thứ 7 (Chb. XIX, 31; XX, 6)[2].

Lục tự: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 7[3] đặt lục tự, là Thượng Bảo, Quang Lộc, Hồng Lô, Thái Thường, Thái Bộc và Đại Lý, mỗi tự có đặt quan khanh (trật chánh ngũ phẩm) và thiếu khanh (trật chánh lục phẩm), là chức cơ vụ về hàng quan trong kinh (giữ chức việc gì nay không khảo cứu được).

Ty thông chính sứ (trật tòng tứ phẩm): Giữ việc tuyên truyền ơn đức của người trên mà đề đạt tình hình của người dưới.

Dụ đức: Chức quan ở đông cung, có Tả Dụ đức và Hữu Dụ đức (trật tòng tam phẩm) giữ việc hầu thái tử để bàn tán dẫn dụ nghĩa sách.

Thứ tử: Cũng là chức quan ở đông cung (trật tòng tam phẩm). Chức này mới đặt thêm từ năm Bảo Thái thứ 2 (1721) triều Dụ Tông, để giữ các việc tán lý và lễ nghi. Lúc ấy chính quyền thuộc về phủ chúa Trịnh, công việc then chốt trong triều đình đều về tay gia thần ở lục phiên, mà danh vị quan ở đông cung thường dùng "các thần[4] để kiêm lãnh, còn chức quan đều đặt có ngạch suông cho đủ vị mà thôi.

[1] Theo chế độ xưa, chiếu chỉ của vua ban ra, có điều gì không hợp lý, thì viên quan có trách nhiệm được niêm phong đệ hoàn mà xin cải chính lại.

[2] Nguyên văn chép lầm là "Hồng Đức nhị niên".

[3] Xem Chính biên quyển XX, tờ 6, ở đây chép lầm là "Hồng Đức nhị niên".

[4] Danh từ "các thần", triều nhà Nguyễn thường dùng để chỉ những viên quan trong nội các. Thời đại Lê Trịnh chưa đặt nội các, chữ "các thần" chép ở đây là chỉ những viên quan trong phủ liêu. Các thần kiêm giữ chức quan ở đông cung, như tham tụng Nguyễn Công Hãng làm sư phó Trịnh Giang, tham tụng Nguyễn Công Thái là phó sư Trịnh Sâm, v.v...

Mười ba đạo: Thanh Hoa, Nghệ An, Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Yên Quảng và Cao Bằng.

Bắt đâu đặt hiệu Bình Đông và Bình Tây.

Theo chế độ cũ, việc tô thuế giao cho viên quan có trách nhiệm đốc thu, phần nhiều sách nhiễu thu quá lệ ngạch, dân có phần bị khổ sở. Đến nay, vì các lộ Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam nhiều năm bị binh lửa, dân phiêu tán mới trở về, nên chưa đặt quan thu thuế ở các lộ ấy, bèn đặt hai hiệu Bình Đông và Bình Tây ở kinh sư, sai quan thu thuế, mà dân được tự đem thuế đến nộp. Sau lại lấy cớ rằng dân lưu tán ở Thái Nguyên mới trở về tụ tập, viên quan có trách nhiệm đốc thu một cách hà khắc nhũng nhiễu, nên cũng hạ lệnh đặt hiệu theo thể lệ chung. Cho phép dân được tự đem thuế đến nộp. Các viên quan thuộc về lục cung, phải chiểu theo hàng ngày mà biên thu, ai để chậm trễ sẽ phải tội.

Lời chua-Hiệu Bình Đông: Sơn Nam và Hải Dương thuộc về hiệu này.

Hiệu Bình Tây: Sơn Tây và Kinh Bắc thuộc về hiệu này.

Quan chức trong lục cung: Xem Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb. XXXV, 22, 23).

Lại ban bố rõ giáo điều đời Cảnh Trị[1].

Năm Cảnh Trị thứ nhất (1663), Phạm Công Trứ giữ công việc trong chính phủ, phụng mệnh làm giáo điều gồm 47 mục, mỗi xã đặt một viên quan, cứ ngày đầu năm và ngày xã điền đem giáo điều đọc cho dân nghe. Từ khi trong nước nhiều việc, bỏ trễ nãi không nhắc đến. Đến nay hạ lệnh cho sức rõ lại, nhưng nhân dân có ý lơ là, coi như việc không đáng để ý đến.

Lời chua-Ngày xã điền: Tiết lập xuân, ngày "mậu" thứ năm là ngày xuân xã; tiết lập thu, ngày "mậu" thứ năm là ngày thu xã. Ngày xã, tế ông tổ sinh ra việc làm ruộng.

Nhâm Thân, năm thứ 13 (1752). (Thanh, năm Càn Long thứ 17).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Doanh triệu tham tụng đại thần hàng ngày vào phủ bàn luận công việc.

Sai bọn Vũ Công Trấn và Đỗ Duy Kỳ chiêu tập phủ dụ dân các lộ Tây và Nam.

Lúc nổi ra binh lửa, dân ở các nơi bị điêu tàn, các huyện Chương Đức, Mĩ Lương, Yên Sơn và Thạch Thất bị phiêu tán nhiều hơn cả. Triều đình bèn sai sứ thần chia nhau đi yên ủi chiêu tập nhân dân.

Lời chua-Chương Đức và Thạch Thất: Tên hai huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 4, 9).

Yên Sơn: Tức Ninh Sóc, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 4 (Chb. XXVI, 43).

Mĩ Lương: Tên huyện, xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 8 (Chb. XXIX, 14).

Bọn Đàm Xuân Vực đánh giặc là tên Tương ở Sơn Tây, phá tan được.

Trước đây, Tương cùng Lê Duy Mật chiếm cứ xã Ngọc Lâu và Vĩnh Đồng, khi nào quan quân kéo đến thì chúng tan tác chạy ngay, khi quan quân đi rồi, chúng lại cướp bóc tứ tung. Đến nay, bọn Xuân Vực và Nguyễn Nghiễm đánh phá được. Tương thua trận, rồi chết, Duy Mật trốn biệt. Trịnh Doanh rất khen ngợi bọn Xuân Vực, sai Nguyễn Hoàn đến quân thứ, tuyên dương yên ủi tướng sĩ, thưởng cho 20 lạng bạc và 2000 quan tiền.

Lời chua-Ngọc Lâu: Tên xã, xem năm Cảnh Hưng thứ 2 (Chb. XXXIX, 18).

Vĩnh Đồng: Tên xã, xem năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL, 8).

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 4, 5.

Tháng 5, mùa hạ. Núi Tản Viên sụt.

Núi sụt, chiều dài hơn 300 trượng.

Lời chua-Núi Tản Viên: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chb. I, 34).

Tháng 7, mùa thu. Định thể lệ đánh thuế bảy tộc người Nùng ở Tuyên Quang.

Người Nùng đồng niên mỗi suất nộp 6 tiền, bảy tộc, mỗi nhà 7 quan. Lại bảy tộc có lệ đánh thuế nóc nhà hiện tại (kiến ốc chính thuế) cứ 3 năm nộp một kỳ, mỗi nhà hai lạng bạc.

Lời chua-Bảy tộc người Nùng: Sơn Trang bạch tộc, Sơn Trang hắc tộc, Sơn Tử bạch tộc, Sơn Tử hắc tộc, Đại Tiểu bản tộc, Bát Tiên tộc và Cao Lan tộc.

Mồng một, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.

Quý Dậu, năm thứ 14 (1753). (Thanh, năm Càn Long thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Giảm số đinh cho phủ Kinh Môn và Nam Sách thuộc Hải Dương.

Số đinh ở hai phủ Kinh Môn và Nam Sách cứ 5 phần được giảm một phần. Sau đấy, vì Xuân Vực về kinh nói dân ở Thanh Hoa đau khổ, lại hạ lệnh cho ti Thừa chính khám xét số hộ, sẽ tùy nghi cho giảm.

Lời chua-Kinh môn: Tên phủ, thuộc Hải Dương.

Nam Sách (chính sách): Tức Nam Sách (sổ sách), xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (T.b, V, 21).

Tháng 3, địa phận huyện Gia Viễn và Yên Mô trời mưa nước đen.

Lời chua-Gia Viễn và Yên Mô: Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 2).

Bàn định về việc đồn điền.

Các lộ vùng Đông, Nam từng bị binh lửa, ruộng đất phần nhiều bỏ hoang. Trước đây, đã hạ lệnh cho quan sở tại đặt thêm lính đồn điền để khai khẩn[1]. Đến nay bàn định lấy quân lính đi đánh giặc đã được rút về, phân phối đi cày cấy ở các lộ, tích trữ thóc lúa, để việc phòng bị nơi biên giới được đầy đủ.

Bổ dụng Mai Thế Chuẩn làm đốc trấn Lạng Sơn.

Thế Chuẩn đắp ruộng thêm thành Lạng Sơn, chu vi 577 trượng.

Khởi phục Nguyễn Công Thái giữ chức tham tụng.

Trước đây, Công Thái lại về kinh giữ chức trong chính phủ[2], bọn Đỗ Thế Giai lại càng nghét. Công Thái nhân lấy cớ tuổi già xin thôi việc. Đến nay Trần Cảnh bị bãi, Trịnh Doanh lại khởi phục Công Thái để bổ dụng. Công Thái xin bỏ thể lệ nộp "tiền thông kinh" khoa thi hương, Trịnh Doanh y theo. Sau lại hạ lệnh kiêm giữ công việc ở Quốc Tử giám.

Tháng 4, mùa hạ. Mưa đá ở địa phận huyện Yên Sơn và Thạch Thất.

Mưa đá dữ dội ở địa phận huyện Yên Sơn và Thạch Thất thuộc Sơn Tây, thóc lúa bị tổn hại mất nhiều. Triều đình hạ lệnh liệu lượng giảm thuế điền.

Lời chua-Yên Sơn: Tên huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 4 (Chb. XXVI, 43).

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 14, 15.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 31, và XL tờ 1.

Thạch Thất: Tên huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 4).

Tháng 6, hạn hán. Hạ lệnh bầy tôi văn võ đều dâng tờ khải niêm phong trình bày mọi việc.

Cho lính tứ trấn về nhà làm ruộng.

Trước đây, dùng quân đánh dẹp, triều đình chọn lấy dân tứ trấn sung làm vệ binh, sau lại phân phối cho lệ thuộc về bản trấn[1]. Đến nay, triều đình lấy cớ rằng trong nước đã gần được bình định, nên đều cho về làm ruộng, duy hàng năm làm lễ tế cờ, thì các binh lính ấy đến trấn để thao luyện diễn tập trong hạn 5 ngày, rồi lại cho về. Sau lại vì mấy năm bị mất mùa luôn, nên cũng bãi bỏ cả.

Miễn thuế thủy sản ở các đạo.

Thuế thủy sản ở các đạo phần nhiều không phải ngạch cũ, hoặc có hạng thuế chỉ đặt lạm trong nhất thời, sau bèn thành lệ, hoặc có nơi sản vật không phải là hạng có thường xuyên, mà quan sở tại nhất khái đốc thúc thu thuế, làm cho dân đau khổ không sao kể xiết! Triều đình biết tình tệ ấy, nên hạ lệnh tha cho.

Tháng 7, mùa thu. Trấn Ninh đến dâng sản vật địa phương.

Lời chua-Trấn Ninh: Xưa gọi là Bồn Man, xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30, 31).

Định phép đánh thuế vỏ quế.

Hạ lệnh cho Đô ti[2] hai trấn Thanh Hoa và Nghệ An trông coi, lấy tiền công chia cấp cho thổ tù, thuê người đi tìm bóc quế, số võ quế bóc được, đem nộp viên giám đương[3] cân và thu nhận.

Bãi bỏ trường đúc tiền ở các trấn.

Triều đình lấy cớ rằng các trấn đúc tiền phần nhiều quá lạm, lại mỏng mảnh, nên hạ lệnh bãi bỏ, duy trong kinh kỳ vẫn để hai trường đúc ở Nhật Chiêu và Cầu Giền, giao cho viên đại thần trông coi việc này.

Lời chua-Cầu Giền: Ở địa phận phường Bạch Mai, huyện Thọ Xương[4].

Nhật Chiêu: Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb. XXV, 37).

Tháng 10, mùa đông. Gió to, nước dẫy lên.

Ba xứ Đông, Nam và Bắc gió thổi mạnh, nước dẫy lên, thóc lúa bị mất, nhân dân bị đói. Triều đình hạ lệnh miễn tiền gia tô, còn đồn điền do lính các cơ các đội cày cấy, bàn định rộng ơn miễn cho.

Lời chua-Tiền gia tô: Xem năm Cảnh Hưng thứ 3 (Chb. XXXIX, 27).

Ba xứ: Tức Hải Dương, Sơn Nam và Kinh Bắc.

Hạ lệnh cho Ngự sử đài và ti Hiến sát các đạo làm tờ khải niêm phong trình bày công việc.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho Ngự sử đài và ti Hiến sát các đạo rằng: "Gần đây những người trình bày công việc phần nhiều chỉ trích ra những việc nhỏ nhặt, còn đến việc quan lại tham nhũng, chính sự thiếu

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 25, 26 và XL, tờ 25.

[2] Tức Đô tổng binh sứ ti, nói tắt, trong Đô ti có các chức tổng binh và phó tổng binh đặt từ năm Quang Thuận triều Lê Thánh Tông. Đến đời Lê trung hưng đã bỏ đi mà đặt là trấn thủ, lưu thủ v.v... (Xem lời chua của Cương mục Chính biên quyển XXXV, tờ 12). Vậy Đô ti chép ở đây có những chức quan gì và giữ nhiệm vụ gì, chưa khảo cứu được.

[3] Xem lời chua của Cương mục. Chính biên quyển XXXVII, tờ 27.

[4] Nay thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (ở cuối phố Huế đầu phố Bạch Mai).

sót cùng tình trạng u ẩn ở dân gian thì đều bỏ qua không nói đến. Như thế sao gọi là xứng chức được? Nay trong nước mới bình yên, dân lưu tán mới họp tập lại, ở dân gian tất có nhiều nỗi oan uổng uất ức, các viên quan đều nên dâng phong thư cẩn mật, trong thư cần phải nói thiết thực đúng lẽ, để có thể thi hành". Doanh lại hạ lệnh cho Phạm Đình Trọng, đốc suất Nghệ An, trình bày việc cốt yếu về thay đổi điều tệ hại, để cứu dân ở trong hạt. Nhân đấy, Đình Trọng trình bày bốn việc, Doanh đều y theo.

> **Lời chua-**Bốn việc: 1. Đốc thúc bắt lính trốn làm phiền phí cho dân; 2. Thu tiền phạt chuộc tội thêm làm nhiễu dân; 3. Con cháu công thần đã được miễn cả mọi khoản mà dân vẫn phải chịu khống; 4. Thợ đóng thuyền ở các xã, để cho ở lại doanh lũy bản trấn, miễn cho việc về kinh sư hoặc phái đi trấn khác.
>
> Miễn cả các khoản, dân phải chịu khống: Nhà Lê từ năm Cảnh Trị (1663-1671) trở về sau, định lại phép tuyển duyệt dân đinh, người sinh ra không tính, chết đi không trừ, cho nên con cháu nhà công thần đều được trừ cả các khoản, mà số hộ thì dân vẫn phải khống thụ.

Tháng 12. Trịnh Doanh phong cho con là Sâm làm thái tử.

Các viên quan giữ chính quyền trong phủ nhiều lần xin dự bị lập thế tử, Trịnh Doanh theo lời, bèn tâu nhà vua xin làm đủ nghi lễ sách lập, bổ dụng Nguyễn Công Thái giữ chức sư phó để dạy Trịnh Sâm.

Giáp Tuất, năm thứ 15 (1754). (Thanh, năm Càn Long thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Ân tuất những tù bị giam.

Hạ lệnh cho bọn Vũ Công Trấn và Nguyễn Quai xem xét trong nhà ngục, phát chẩn cho tù bị đói, bị thiếu, người nào can tội nhẹ thì xét xử ngay và phân phối đi các nơi.

Phạm Đình Trọng, thượng thư bộ Binh, thái tử thái bảo, tước Hải quận công, giữ chức đốc suất xứ Nghệ An, mất.

Đình Trọng có tài cán trí mưu, sau khi thi đỗ, liền tham dự vào cơ mưu việc binh, vì có công đánh dẹp, nên từ chức hiệu thảo (chánh thất phẩm) thăng lên chức thị lang (chánh tam phẩm). Đến nay, lấy địa vị là thượng thư bộ Binh. Hải quân công, sung là đốc suất xứ Nghệ An. Khi mất, thọ 40 tuổi, truy tặng hàm thái bảo.

Đình Trọng cầm quân đánh giặc, từng thống lãnh quân các đạo, đi đến đâu giặc đều tan vỡ. Nói về công đánh dẹp, Đình Trọng là người chiếm giải nhất. Trịnh Doanh viết lối "phi bạch"[1] bốn chữ "văn võ toàn tài" ban cho, lại cho biển ngạch khắc chữ "đồng hưu công thần"[2], phong cho thái ấo vài ngàn hộ.

Đình Trọng là một viên tướng có nho học, giữ vị vọng quan trọng, dầu ở nơi biên trấn mà sĩ phu không ai là không tưởng mến nghi phong thái độ.

Khảo xét công trạng các quan.

Hạ lệnh cho bọn Hoàng Ngũ Phúc, Trịnh Tân và Nguyễn Đình Thạch khảo xét hàng quan võ; bọn Nguyễn Huy Nhuận, Nguyễn Vĩ và Vũ Công Trấn khảo xét hàng quan văn: phân biệt rõ ràng theo thứ tự đẳng cấp, thay đổi nhau xét đi xét lại, bàn luận cho hợp lý, rồi sẽ xin chúa quyết định.

> **Lời chua**-Nguyễn Đình Thạch: Con Nguyễn Đình Đống, em Nguyễn Đình Hoàn, người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Anh, đỗ tạo sĩ.

Đặt quan khuyến nông ở các lộ.

Trước đây, triều đình lấy cớ rằng ruộng ở các lộ phần nhiều bỏ hoang, nên hạ lệnh quan sở tại cùng người đầu hàng chia nhau cày cấy. Có nhiều người lính canh khai khẩn, về sau, nào nhận tranh,

---

[1] Một lối viết khác lối viết thường, lấy bút kẻ từng đường nhỏ ở cạnh các nét chữ, còn trong nên từng nét thì vẫn để trắng.

[2] Bốn chữ này ý nói: người công thần được cùng nước cùng hưởng phúc lành.

nào xâm chiếm, không thể nào xét rõ được. Đến nay trong nước gần được bình định, dân phiêu tán lần lượt trở về, bèn đem hết ruộng ấy trả lại cho dân, hạ lệnh cho quan đại thần giữ chức khuyến nông, chia nhau đi đốc suất, định lại cõi mốc, xét xử kiện tụng, quân bình mua bán. Duy ruộng công cùng ruộng người phạm tội, ruộng thừa đã tịch thu sung công thì tự quan cày cấy; những người đầu hàng cũng chuẩn cho trở về quê quán, giao trả lại điền sản. Lại tô thuế ở các đạo còn bỏ thiếu chồng chất từ năm Nhâm Tuất (1742) đến năm nay gồm 13 năm, đều được miễn.

Dân Cao Bằng bị đói. Triều đình xuất bạc trong kho để phát chẩn.

Dân Cao Bằng bị đói, hạ lệnh xuất 300 lạng bạc trong kho nội phủ phát chẩn cho dân. Nhân đấy, hạ lệnh cho ti Trấn thủ xét đúng sự thật về số dân trong hạt mà thổ tù hiện cai quản và số hộ khẩu bị lưu tán.

Tháng 3. Định phép tuyển bổ cất nhắc ở bộ Lại.

Các quan trong bộ Lại là bọn Nguyễn Vĩ và Dương Công Chú nói: "Từ trước đến nay phép tuyển bổ quan lại, khi theo cũ, khi đổi mới, không giống nhau. Vậy xin từ nay, những ấm tử của quan văn quan võ vào hạng nhất, nhị phẩm, lúc mới trao cho quan chức và lúc được thăng, nhất luật theo lệ định năm Nhâm Dần (1722) đời Bảo Thái. Các chức chánh hoặc tòng, đều xét thực chiểu theo tư cách và quân công, rồi trao cho giữ chức quan văn ở nội điện nhà vua hoặc phủ chúa; người nào thi hội dự trúng ba kỳ thì chuẩn thực trao cho chức tri huyện. Việc khảo xét công trạng các quan trong kinh, ngoài trấn đều định hạn 6 năm". Trịnh Doanh y theo.

Lời chua-Lệ định năm Bảo Thái: Con quan văn, quan võ vào học ở Quốc Tử Giám, người nào được viên quan trong giám bảo cử, nếu là con viên quan nhị phẩm sẽ được trao cho chức tự thừa (chánh thất phẩm), nếu là con viên quan tam phẩm sẽ được trao cho chức tư vụ (tòng thất phẩm), làm việc đủ niên hạn, sẽ được thăng chức viên ngoại hoặc tri phủ.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà vua ra sông Nhị duyệt binh.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng trong nước mới bình yên, bắt các quân lính phô trương sức mạnh, mời nhà vua ngự ra xét duyệt, trăm quan làm lễ chầu mừng. Bèn hạ lệnh cho thủy binh bày hàng chiến thuyền ở giữa sông, dung nghi quân sĩ rất tề chỉnh, bơi chèo ngược dòng nước, thuyền phóng đi như bay. Nhà vua rất bằng lòng, gần tối, xa giá trở về cung.

Lời chua-Nhị Hà: Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Nước sông dẫy lên, đê xã Bộ Đầu và Võng Xuyên bị vỡ.

Đê xã Bộ Đầu và Võng Xuyên bị vỡ, dân cư và ruộng lúa phần nhiều bị ngập lụt. Triều đình hạ lệnh cho ti Hiến sát khám xét thực trạng dâng tâu, bàn định thi hành phát chẩn cứu đói.

Lời chua-Bộ Đầu[1]: Tên xã, thuộc huyện Thượng Phúc, Hà Nội.

Võng Xuyên: Tên xã, thuộc huyện Phúc Thọ, Sơn Tây.

Tháng 9, mùa thu. Lại cấm tả đạo Hòa Lan.

Trước kia, vào khoảng năm Nguyên Hòa (1633-1548) đời Lê Trang Tông, Y-Nê-Xu, người Tây Dương, mới đem đạo ấy vào vùng ven biển, thuộc huyện Giao Thủy, huyện Nam Chân, lén lút truyền giáo, gọi là "đạo thiên chúa" cũng gọi là "Thập tự giáo". Giáo lý này dùng thiên đường địa ngục để phân biệt báo ứng về điều thiện, điều ác, cũng gần giống đạo Phật, có thêm vào thuyết xưng tội, rửa tội nữa. Họ ngày đêm dụ dỗ, lừa dối, những người ngu xuẩn quê mùa bị họ làm mê hoặc đắm đuối, dầu có lệnh cấm, chết cũng không bỏ. Khoảng năm Cảnh Trị (1663-1671) và Chính Hòa (1680-1704), triều đình đã

[1] Nay là thôn Bộ Đầu, xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

nhiều lần ra cấm lệnh rõ ràng, nhưng vì lòng dân bị che lấp đã lâu, rút cuộc không thay đổi được. Đến nay lại bàn cấm đoán nghiêm ngặt hơn, nhưng cũng không thể nào ngăn cấm được.

Lời chua-Tả đạo Hòa Lan: Tức tả đạo Hoa Lang, xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb. XXXIII, 5, 6).

Tháng 12, mùa đông. Lại thu thuế tô, dung và điệu ở các trấn vùng biên giới.

Trước đây các trấn vùng biên giới, vì dân bị điêu tàn, nên được miễn đánh thuế. Đến nay, lại bàn định trưng thu, thuế lệ kém một nữa phần thuế ở tứ trấn.

Lời chua-Phép đánh thuế tô, dung và điệu: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 9, 12).

Tứ Trấn: Xem năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL, 2).

Ất Hợi, năm thứ 15 (1755). (Thanh, năm Càn Long thứ 20).

Tháng 3, mùa xuân. Trịnh Doanh tự gia phong là thượng sư thượng phụ Anh Đoán văn trị võ công Minh Vương.

Trước đây, Doanh phong là đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư Minh Vương, nay vì công danh ngày càng lừng lẫy, muốn nhà vua gia phong vương hiệu đặc biệt. Bề ngoài Doanh làm ra nhún nhường, những bầy tôi vẫn cố xin mãi. Đến nay, nhà vua sai tham tụng Nguyễn Công Thái đem bảo sách phong Doanh làm thượng sư thượng phụ anh đoán văn trị võ công Minh Vương.

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Hạ chiếu cho trăm quan nói thẳng những điều thiếu sót lầm lỗi.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, Trịnh Doanh xin nhà vua đặt đàn tràng cầu đảo ở trong cung. Nhân đấy, cho hoãn: Tiền thuế còn bỏ thiếu do hiệu Bình Đông, Bình Tây nhận thu; việc kiện tụng ở các nha môn thuộc trong kinh, ngoài trấn; lính trốn ở hai xứ Thanh và Nghệ. Lại hạ lệnh giảm thuế tô ruộng công, ruộng tư cho Nghệ An; ở tứ trấn, nơi nào còn thiếu tiền gia tô đều được miễn. Sau đó, hạ lệnh cho trăm quan nói thẳng những điều thiếu xót lầm lẫn.

Lời chua-Hiệu Bình Đông và Bình Tây: Xem năm Cảnh Hưng thứ 12 (tờ 14 trong cuốn này).

Tháng 5. Trấn Ninh đến dâng lễ cống.

Bức thư dâng lễ cống của man Trấn Ninh không xưng họ tên gì cả. Trong thư xin cho 6 năm một lần dâng lễ cống, và xin cấm chỉ sứ thần Ai Lao không được đi qua cảnh thổ của Trấn Ninh. Triều thần bàn luận, cho rằng phong tục người Man như thế, không nên quở trách quá, vì thế chỉ hỏi vặn sứ thần Trấn Ninh ngay trước mặt, dặn về bảo cho Bồn Xà biết: Từ sau cứ ba năm một lần dâng lễ cống, trong thư dâng lễ cống phải viết đủ họ tên người tù trưởng của Man; còn đường sứ thần đi nhất định y theo việc cũ.

Lời chua-Ai Lao: Tên nước, xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb, IV, 9, 10).

Bồn Xà: Danh hiệu của tù trưởng người Man.

Tháng 10, mùa đông. Lại định rõ lệnh đắp đê.

Phàm việc đê đường: nếu là công trình nhỏ thì bắt dân bồi đắp khi việc làm ruộng đã được thư nhàn; nếu là công trình lớn thì trừ cho dân tiền thuế điệu.

Tháng 11. Đặt ti thưởng công, sau lại bãi bỏ.

Từ năm Vĩnh Hựu (niên hiệu Lê Ý Tông) (1735-1739), giặc cướp nổi lên như ong, những người theo đi đánh dẹp phần nhiều trao cho quân công một cách quá lạm, và ban thưởng một cách cầu may, danh phận và khí dụng rối ren lẫn lộn, bèn đặt ti thưởng công để tra xét lại. Sau vì Hoàng Ngũ Phúc và Đỗ Thế Giai cố sức ngăn trở, nên việc này lại bãi bỏ.

Tháng 12. Trịnh Doanh tự dựng cung miếu ở Cổ Bi.

Trịnh Doanh có ý muốn thiên đô, bèn hạ lệnh sửa sang xây dựng cung miếu ở Cổ Bi, nhân đấy Doanh đến xem.

Lời chua-Cổ Bi[1]: Tên xã, xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 8 (Chb. XXXVI, 34).

Bắt đâu chế áo cổn, mũ miện thờ ở Văn Miếu.

Nguyễn Huy Nhuận, viên quan giữ việc trong chính phủ, dâng lời nói: "Đấng thánh nhân là ông thầy của đế vương muôn đời, thế mà từ trước đến nay phẩm phục thờ ở Văn Miếu vẫn dùng mũ áo quan tư khấu[2], như thế không phải tỏ lòng tôn sùng". Bèn hạ lệnh đổi dùng phẩm phục áo cổn, mũ miện. Dùng phẩm phục đế vương thờ ở Văn Miếu, bắt đầu từ đây.

Bính Tý, năm thứ 17 (1756). (Thanh, năm Càn Long thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Ai Lao đến cống nạp.

Trước kia, đường đi cống của Ai Lao, do đường Trấn Ninh đi suốt đến Nghệ An, dân Trấn Ninh thường bị xứ thần Ai Lao hà hiếp quấy nhiễu, bọn Bồn Xà lấy làm khổ sở. Đến nay, Bồn Xà sai người cáo tố với triều đình, xin phái quan quân hộ tống, kiềm chế xứ thần Ai Lao, để khỏi bị họ làm khổ. Trịnh Doanh chuẩn y, cho rút bớt số phu trạm đệ, và sức răn bảo sứ thần Ai Lao không được quấy rối Trấn Ninh.

Tháng 3. Hạ lệnh cho Giáp Nguyễn Khoa, hoạn quan, trông nom việc thu tô của dân.

Trước đây, tiền gia tô, tiền thuế điệu ở các trấn, giao cho quan trong lục phiên trông coi thu nhận. Sau phần nhiều theo nhau ăn xén, ăn bớt, kịp lúc tính toán sổ sách, lại che giấu cho nhau để làm gian. Về phần dân, cũng lợi được tự mình đem thuế đến nộp, không bị người nào đốc thúc, nên bỏ thiếu rất nhiều. Trịnh Doanh lấy làm chán nghét, bèn thay đổi lại, sai hoạn quan Giáp Nguyễn Khoa đứng trông nom việc thu thuế.

Tháng 4, mùa hạ. Sai bọn Lê Quý Đôn đi dò la xét hỏi quan lại các lộ miền tây-nam.

Quý Đôn dâng nói: các quan ở phủ huyện, có bọn Nguyễn Duy Thuần thanh liêm, cần mẫn, bọn Trịnh Thụ tham nhũng, thối nát, gồm 13 người, hoặc thăng hoặc truất khác nhau.

Lời chua-Lê Quý Đôn: Người xã Duyên Hà[3], huyện Duyên Hà, là con Lê Trọng Thứ. Quý Đôn lúc còn bé có tiếng là thần đồng, đỗ bảng nhãn khoa Nhâm Thân (1752) năm Cảnh Hưng.

Bãi chức tham tụng Nguyễn Công Thái.

Công Thái tính tình thẳng thắn, chân phương, đối với đồng liêu thường có điều hợp ý, có điều trái ý nhau, nhưng không bao giờ chịu uốn mình theo bạn. Sau khi lại vào phủ chúa giữ chức tham tụng, Trịnh Doanh đãi ngộ Công Thái bằng lễ độ đối với bậc cố lão, nên bị Đỗ Thế Giai không ưa. Công Thái để công việc chính trị đọng lại bề bộn, thường bị Trịnh Doanh vặn hỏi quở trách, bèn tự tỏ bày là già yếu, cố xin từ chức. Trịnh Doanh miễn cưỡng theo lời.

Trịnh Doanh bắt đâu hạ lệnh dẫn người được tuyển bổ vào yết kiến trong phủ.

Hạ lệnh cho bộ Lại, khi tuyển bổ cất nhắc người nào phải dẫn người được tuyển ấy vào phủ đường yết kiến, để đương đường hỏi về công việc chính trị, người nào có tài năng mới trao cho quan chức. Việc này định làm pháp thường hành. Doanh lại thân hành thi cống sĩ ở phủ đình, lấy đỗ bọn Ngô

---

[1] Nay là xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[2] Quan chế nhà Chu, tư khấu là một chức quan trong hàng lục khanh, giữ việc hình ngục. Thời Xuân Thu, nhiều nước có đặt chức quan này. Khổng tử từng giữ chức tư khấu dưới triều Định Công nước Lỗ.

[3] Nay thuộc xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[Thì] Sĩ 48 người. Trong số ấy, sau này có 12 người đỗ tiến sĩ và 3 người đỗ khoa thi hoành từ. Người ta khen khoa ấy tuyển được nhân tài xứng đáng.

Lời chua-Ngô [Thì] Sĩ: Người làng Tả Thanh Oai[1], huyện Thanh Oai, khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng thứ 27 sau đây Thì Sĩ đỗ tiến sĩ.

Tháng 5. Bổ dụng tham tụng Nguyễn Huy Nhuận kiêm trông coi công việc Quốc Tử Giám.

Thăng chức cho Nguyễn Bá Lân làm thiêm đô ngự sử, vào chầu phủ chúa, giữ chức bồi tụng, kiêm giữ chức tế tửu ở Quốc Tử Giám.

Bá Lân là người có văn học, chất phát, thẳng thắn, mạnh dạn dám nói. Trịnh Doanh thường hỏi về chính sách dẹp giặc yên dân, lời nói của Bá Lân phần nhiều hợp ý, bèn thăng làm thiêm đô, vào chầu giữ chức bồi tụng. Doanh bảo Bá Lân rằng: "Nhà ngươi nên cố hết lòng hết sức, không điều gì biết mà không nói, cho xứng đáng với chức trách". Rồi lại cho cùng Nhữ Đình Toản kiêm giữ chức tế tửu ở Quốc Tử Giám.

Tháng 7, mùa thu. Định kỳ hạn thu tiền gia tô và tiền thuế điệu.

Tiền gia tô và thuế điệu ở các trấn, do viên quan ở lục cung đứng thu. Thuế mùa xuân nộp vào tháng hai, thuế mùa thu nộp vào tháng bảy, đều theo thể lệ đã chuẩn định của hiệu Bình Đông và Bình Tây, nếu để quá hạn sẽ giao viên quan ở trấn trách cứ trưng thu.

Tháng 10, mùa đông. Ở Nghệ An mưa to, nước dẫy lên.

Nghệ An nước ngập, lúa bị mất. Viên quan trong ti Hiến sát không đem việc này tâu bày, Trịnh Doanh ra lệnh vặn hỏi quở trách. Nhân đấy hạ lệnh: từ nay phàm trong hạt có tai biến hoặc giặc cướp, đều phải tâu bày để triều đình biết, không được giấu giếm.

Tháng 12 nhuận. Ai Lao xin hội binh đánh Trấn Ninh. Hạ chiếu dụ bảo hòa giải.

Ai Lao dâng tờ biểu nói: Trấn Ninh ngăn trở đường đi dâng lễ cống, nếu triều đình cho quân đến, thì họ sẽ xin đem quân hội đồng đánh phá. Vả lại, trong nước có hai thớt voi trắng, xin phái quan đến chọn lấy một và xin đem đồ quý báu trong nước dâng nộp một thể. Trịnh Doanh cùng bầy tôi bàn luận, cho rằng, tính tình người Man tráo trở, không thể tin được, trong bụng họ chỉ muốn làm cho hả giận với Trấn Ninh đấy thôi, có lẽ nào ta lại nhân mối lợi mà động lòng tham, bèn làm văn thư dụ bảo hòa giải. Lại dụ bảo thêm rằng: "Lễ cống hàng năm đã có lệ thường; còn như đồ quý báu xin dâng thì cho phép giữ lấy làm của báu trong nước; voi trắng thì được tự chọn để dâng nộp, không cần phái người đến làm gì". Một mặt khác, triều đình lại sai người đến dụ bảo Trấn Ninh nên hòa hiệp với Ai Lao, không nên gây hấn khích.

Cho phép bầy tôi về hàng võ người nào có quân công vẫn được cấp dân lộc.

Trịnh Doanh bảo thị thần rằng: Trước đây trong nước có việc nguy cấp, bầy tôi nhiều người phải khó nhọc, nhân đấy mà được thái ấp về quân công; nay dầu được thái bình, những người có quân công cũng nên được lưu ý nghĩ đến. Gần đây, nghe nói bộ Lại bổ dụng, phần nhiều lựa lọc bỏ đi, rồi lại bàn xén bớt cả dân lộc. Như thế không phải đạo đối đãi bầy tôi có công. Vậy từ nay bổ dụng, cất nhắc, không được hạn chế và bỏ đi, bầy tôi về hàng võ người nào có quân công vẫn cấp cho dân lộc.

[1] Nay là xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 42

Từ Đinh Sửu, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757) đến Bính Tuất, năm Cảnh Hưng thứ 27 (1766), gồm mười năm.

Đinh Sửu, năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757). (Thanh, năm Càn Long thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Cấm chơi bời và cờ bạc.

Trịnh Doanh hạ lệnh rằng: Dân có nghề nghiệp nhất định, thì sự vật lạ không thể cám dỗ thay đổi được ý chí; trong nước không có người dân phóng túng chơi bời, thì phong tục tự nhiên thuần hậu. Vậy nếu xét thấy có người nào không theo về nghề nghiệp tứ dân[1], tính tình hung hãn, chơi bời cờ bạc, thì quan sở tại trình bày đàn hặc để trị tội.

Tháng 2. Thi hội các cống sĩ, cho bọn Bùi Đình Dự đỗ tiến sĩ xuất thân và đồng tiến sĩ xuất thân, cao thấp khác nhau.

Từ khoa Quý Hợi (1623) năm Vĩnh Tộ (niên hiệu Lê Kính Tông) trở về sau, cống sĩ vào thi đình không ai bị đánh hỏng. Khoa này thi hội, có Nguyễn Khiêm Hanh, người thôn Nhân Nội, được dự hạng trúng cách, đến khi thi đình, can tội mang sách vào trường thi nên bị đánh hỏng.

Lời chua-Bùi Đình Dự: Người xã Nãi Sơn, huyện Nghi Dương[2].

Nhân Nội: Tên thôn, thuộc huyện Thọ Xương[3], Hà Nội.

Tháng 3. Bãi bỏ việc binh lính làm đồn điền.

Hạ lệnh cho quan trong kinh chia chau đi khám đồn điền, tùy theo ruộng tốt, ruộng xấu địch ngạch thuế, rồi giao cho sở tại cày cấy nộp thuế, còn binh lính trước kia làm đồn điền nay đều cho rút về.

Tháng 6, mùa hạ. Hạ lệnh đề cử người có văn học, đức hạnh và thành tích chính trị mà hiện bị chìm đắm, thì các quan kể trên tâu lên để triều đình biết.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Tháng 8. Lại mở khoa Hoành từ.

Lấy bọn Ngô Tưởng Đạo 8 người trúng cách, đều được cất nhắc giữ chức quan trong kinh, ngoài trấn.

Lời chua-Ngô Tưởng Đạo: Người Tả Thanh Oai[4], huyện Thanh Oai, là em Ngô Thì Sĩ.

Khoa Hoành từ: Phép thi khoa này, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XXI, 8, 9).

---

[1] Tức sĩ, nông, công, thương.

[2] Nay là huyện Kiến Thụy, T.P. Hải Phòng.

[3] Đất huyện Thọ Xương cũ, nay thuộc các quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa (Hà Nội).

[4] Nay là thôn Tả Thanh Oai, thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tháng 10, mùa đông. Vùng Sơn Tây bị đói to, phát sinh chứng dịch.

Các huyện thuộc Sơn Tây bị đói to, phát sinh chứng dịch, dân cư mười phần chỉ còn một hai phần.

Lời chua-Sơn Tây: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 27, 34).

Tháng 12. Quả núi ở Thái Nguyên bị lở, nước mưa dẫy lên.

Quả núi ở châu Bạch Thông thuộc Thái Nguyên bị lở hơn 20 chỗ, nước dẫy lên làm ngập lụt, người, súc vật, và thóc lúa phần nhiều tổn hại.

Lời chua-Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Bạch Thông: Tên châu, nay thuộc Thái Nguyên[1].

Mậu Dần, năm thứ 19 (1758). (Thanh, năm Càn Long thứ 23).

Tháng 2, mùa xuân. Nghiêm định rõ thể lệ phúc khiếu về việc kiện tụng.

Theo thể lệ cũ, các việc kiện tụng lên đến lục bộ và Ngự sử đài xét sử là kết liễu, nếu người nào còn có sự oan uổng, mới được làm tờ khải trình bày đầy đủ kêu xin xét lại, nhưng sau nhiều người trái thể lệ, tố cáo vượt cả thứ tự, nên nay hạ lệnh cấm rõ. Tuy thế, nhưng nhân dân quen thói khinh thường khinh thường lệ luật, mà bổng lộc quan văn lại trông nhờ vào kiện tụng, nên chung quy không thể nào cấm chỉ được.

Cấm sở tuần ti hà khắc những nhiễu người buôn bán.

Trước kia, thuế sở tuần ti đã có ngạch nhất định, gần đây, các tuần ti đặt thêm chi nhánh, thu lạm trái thể lệ. Đến nay hạ sức lệnh: mỗi tuần ti chỉ được một chi chính và một chi nhánh, không được đặt chi sở bừa bãi sách nhiễu thuyền buôn. Về phần sở tuần sát ở từng trấn, cũng chỉ được phép đặt ở bốn phía giáp giới của trấn mình mỗi nơi một sở, để xét hỏi những thứ đã có lệnh cấm và người nói tiếng nước khác mặc y phục nước khác; không được mượn cớ để quấy nhiễu người buôn bán qua lại.

Tháng 6, mùa hạ. Trịnh Doanh phong cho người ngoại thích là Vũ Tất Thận làm đại tư đồ, Bính trung công; Nguyễn Mậu Du làm đại tư đồ, Luân trung công.

Lời chua-Nguyễn Mậu Du: Người xã Thịnh Mĩ, huyện Lôi Dương[2], là bố của Trịnh Phi Nguyễn Thị.

Hạ lệnh cho viên quan khám xét hình ngục, không được để đọng việc ngục tụng.

Hạ lệnh: việc xét lại người tù phạm trọng tội, viên quan giữ việc khám xét không được để chậm trễ.

Tháng 8, mùa thu. Từ mùa hạ đến tháng này không mưa. Triều đình hạ lệnh miễn tiền gia tô.

Năm ấy, từ mùa hạ đến mùa thu không mưa, lúa mạ khô héo, giá gạo vượt cao. Triều đình hạ lệnh: miễn tiền gia tô và tiền chuộc tội còn bỏ thiếu từ lâu; triệt bỏ sở tuần ti nhánh ở các lộ, bắt tuần ti thu thuế chiếu theo thể lệ, ti Hiến sát thời thường xét hỏi. Lệnh này thi hành chưa được bao lâu, thì Đỗ Thế Giai lấy cớ rằng số thuế thu vào thiếu đi mất nhiều, xin vẫn theo như cũ, do đấy chi nhánh tuần ti nhất luật lại theo cũ.

Tháng 10, mùa đông, Trịnh Doanh phong cho con là Sâm làm tiết chế thủy bộ chư quân, chức thái úy, tước Tĩnh quốc công.

---

[1] Nay thuộc Bắc Cạn.

[2] Đất huyện Lôi Dương, nay thuộc huyện Thọ Xuân và huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi Sâm được tiến phong, mở phủ Lượng Quốc, hết thảy công việc nhà nước đều giao cho Sâm quyết định. Nguyễn Hoàn, viên quan giữ việc giảng nghĩa sách cho Sâm, làm 10 bài châm dâng lên, Sâm đều thu nạp: 1. Bụng nghĩ phải ngay thẳng; 2. Học hỏi phải rộng khắp; 3. Tề chỉnh việc chính trị trong nước; 4. Phòng ngừa việc đối với người thân cận; 5. Thống nhất căn bản chính sự; 6. Cẩn thận việc sai phái, cất nhắc; 7. Mở rộng việc thu nhận những lời khuyên can; 8. Giữ phép tắc đã sẵn có; 9. Hiệu lệnh phải cho tin thực; 10. Việc nào đáng rộng rãi hay đáng nghiêm ngặt, nên suy xét kỷ càng.

Bãi bỏ vệ binh ở Trường An.

Hồi đầu quốc triều (triều Lê), ở Trường An cứ 5 suất đinh kén lấy một người làm lính, đến cuối năm Vĩnh Hựu (niên hiệu Lê Ý Tông) kén thêm, cứ ba suất đinh lấy một người, theo như thể lệ lấy lính ở Thanh, Nghệ; sau lại lấy riêng vệ binh đặt làm các đội Trung và Hùng[1]. Đến nay nhận thấy có phần quá nặng, nên hạ lệnh hết thảy đều cho về.

Lời chua-Trường An[2]: Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Kỷ Mão, năm thứ 20 (1759). (Thanh, năm Càn Long thứ 24).

Tháng 2, mùa xuân. Thanh Hoa và Nghệ An bị nạn đói.

Thanh Hoa và huyện Đông Thành, huyện Quỳnh Lưu thuộc Nghệ An bị đói to. Hạ lệnh cho Hà Huân đi ngay đến nơi thăm hỏi xem xét, hiệp đồng với viên quan ở trấn, tạm lấy tiền thông kinh và mộ nhà giàu nộp của, sẽ tùy phương tiện phát chẩn cho dân. Còn dân phiêu lưu ở hai xứ này nếu có người nào đến kiếm ăn ở tứ trấn, sẽ đem tiền gạo chẩn cấp cho.

Lời chua-Thanh Hoa và Nghệ An: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 20, 23, 33).

Đông Thành và Quỳnh Lưu: Tên hai huyện, thuộc tỉnh Nghệ An.

Tháng 5, mùa hạ. Sao đổi ngôi, đường đi từ phía tây bắc, ở khoảng không trung có tiếng vang.

Tháng 6. Hạn hán.

Ban bố cách thức chế xe nước, bắt dân y theo cách thức ấy chế tạo để lấy nước tưới vào ruộng. Lại phát thóc công chẩn cấp cho dân. Hạ lệnh cho nội trấn và ngoại trấn đều đình hoãn khám xét ngục tụng.

Tháng 6 nhuận. Thượng hoàng mất, táng ở lăng Phù Lê.

Sau khi đã truyền ngôi, thượng hoàng ở điện Kiền Thọ, đến nay mất, dâng tôn thụy là Huy hoàng đế, miếu hiệu Ý Tông. Thượng hoàng ở ngôi 6 năm, nhường ngôi 20 năm, hưởng thọ 41 tuổi. Bầy tôi giữ việc bàn nghi lễ tâu xin nhà vua, cử hành lễ tang 3 năm, nhà vua nói: "Trẫm là con trưởng của tiên đế lên nối ngôi, không phải làm con người khác, khi nào trẫm dám nhận hai tông thống (nhị bản)?". Sau bèn cử hành lễ để tang một năm.

Lời chua-Lăng Phù Lê: Ở xã Phù Lê, huyện Thụy Nguyên, Thanh Hóa. Xã Phù Lê nay đổi Phù Nguyên[3].

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh hoàng trùng.

Các lộ có hoàng trùng. Triều đình hạ lệnh cho quan trong ba ti[4] lập đàn lễ bái để tống tiễn.

---

[1] Tham khảo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú: "Các doanh đội Trung Hùng và Hùng Trung")Trung Hùng, Hùng Trung đẳng doanh đội). Ở đây có lẽ Cương mục chép tắt: Trung, tức Trung Hùng; Hùng, tức Hùng Trung.

[2] Nay là huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

[3] Nay là thôn Phù Nguyên, xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

[4] Tức Trấn ti, Thừa ti và Hiến ti.

Canh Thìn, năm thứ 21 (1760). (Thanh, năm Càn Long thứ 25).

Tháng hai, mùa xuân. Miễn thuế diêm tiêu cho hai trấn Tuyên và Hưng.

Lời chua-Tuyên: Tức trấn Tuyên Quang. Hưng: Tức trấn Hưng Hóa. Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30, 31).

Tháng 3. Khởi phục Lê Trọng Thứ giữ chức tả chính ngôn.

Trọng Thứ là người chất phát, bộc trực, dám nói thẳng thắn, là một chỗ dựa vững chắc trong triều đình. Mùa thu năm trước, Trọng Thứ lấy cớ là tuổi già xin nghỉ. Triều đình hạ chiếu cho thăng chức tả thị lang bộ Hộ, về hưu trí, nhưng Trịnh Doanh vẫn chú ý quyến luyến mãi, nên lại có lệnh triệu vào chầu giữ chức bồi tụng kiêm tả chính ngôn. Nhữ Đình Toản nói: "Phủ liêu giữ việc chính trị, Ngự sử đài giữ việc can ngăn, mỗi người đều có nhiệm vụ phải làm, nếu nay đem Trọng Thứ đặt vào công việc chính phủ, thì sự lầm lỗi ở triều đình lấy ai sửa chữa cho đúng đắn được?". Vì thế mới không bổ vào giữ việc ở phủ liêu mà phong cho chức này.

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Doanh đi Sơn Nam, tế vọng thần núi sông, khảo xét quan lại.

Trịnh Doanh muốn khảo xét quan lại, để cho chính trị đổi mới. Nhân đi đến trấn Sơn Nam, tế vọng thần núi sông, sai dẫn các quan trong hai ti Thừa chính và Hiến sát vào yết kiến, xét hặc phủ huyện và hiệu quan[1] trong hạt, xem người hay người dở để định việc truất bãi hoặc cất nhắc. Lại hạ lệnh cho phủ huyện xét hỏi trong hạt mình: người nào có văn học, đức hạnh, tài năng, nghệ thuật đáng nơi bổ dụng; người nào là hạng kỳ cựu, lão thành, hiếu hạnh, tiết nghĩa, đáng được tuyên dương, cùng những việc mở mang mối lợi, trừ bỏ mối hại cho dân, đều cho phép phủ huyện được trình bày sự thực. Trịnh Doanh thấy Hoàng Ngũ Phúc ở trấn Sơn Nam, biết cách yên dân, dẹp giặc, bèn cho 4 chữ "phiên tuyên lương hàn"[2] để khen thưởng một cách đặc biệt.

Lời chua-Sơn Nam: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18,25, 27, 34).

Mồng một, tháng 5. Nhật thực.

Bổ dụng Đinh Văn Thản giữ chức lưu thủ trấn Hưng Hóa.

Lúc ấy, tên thành (sót họ), giặc rừng núi ở Hưng Hóa, tụ họp quần chúng cướp bóc, tràn vào biên cảnh phương bắc, thổ quan nhà Thanh không thể khống chế nổi. Viên tổng đốc. Vân Nam đưa công văn sang ta hội quân để săn bắt. Triều đình bèn hạ lệnh cho Văn Thản đi trấn thủ Hưng Hóa, hẹn ngày hội đồng với quân nhà Thanh đi tiễu bắt.

Lời chua-Vân Nam: Xem Bình Định Vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 10).

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho dân nộp thóc sẽ trao cho quan chức.

Năm ấy hơi được mùa, triều đình hạ lệnh: người nào có thể nộp thóc được 6 vạn bát quan, sẽ trao cho chức tri phủ ở phủ thái phiền[3], người nào nộp được 4 vạn bát quan, sẽ trao cho chức tri huyện ở huyện trái phiền, ngoài ra đều trao chức cao thấp khác nhau.

Lời phê-Phủ huyện là người tiêu biểu của dân, triều đình giao phó cho cai trị hàng trăm dặm đất, trách nhiệm không nhỏ. Thế mà lại cho người nộp của để làm quan ở phủ huyện, vậy thì coi việc vui mừng việc đau khổ của dân, chẳng phải cũng quá khinh thường lắm ru?.

Tháng 8 mưa dầm.

Tháng 9. Thanh Hoa bị thủy tai.

---

[1] Viên quan giữ việc dạy học ở phủ huyện. Xem thêm lời chua của Cương mục, Chính biên quyển XXXIV, tờ 8.

[2] Bốn chữ này dùng điển ở thơ "Tung cao" thiên Đại Nhã trong sách Mao Thi. Ý nói: một viên quan đại thần rất tốt: về võ công thì là cột trụ của nhà nước; về chính trị thì tuyên dương ơn đức của triều đình.

[3] Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXXV, tờ 19.

Vì dân Thanh Hoa phải khổ sở vì nước lụt, triều đình hạ lệnh cho tam ti: để ý thăm hỏi vỗ về nhân dân; hoãn việc nã bắt, đốc thúc, đưa đón. Nguyễn Phương Đĩnh, lưu thủ, dâng tờ biểu giảy bày công việc cứu đói. Trịnh Doanh đều chuẩn y.

Lời chua-Thanh Hoa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 20, 21, 33).

Tân Tỵ, năm thứ 22 (1761). (Thanh, năm Càn Long thứ 26).

Tháng 2, mùa xuân. Đặt sở Tuy Viễn.

Lúc ấy, dân Man (không rõ tên người Man) xin phụ thuộc vào nước ta, triều đình hạ lệnh đặt sở Tuy Viễn ở Sơn Nam, lấy đất bãi xã Yên Lệnh và Nễ Độ trích cấp cho người Man cày cấy, cư trú; giao viên quan ở trấn thu nhận và vỗ về họ.

Lời chua-Yên Lệnh: Tên xã, thuộc huyện Phú Xuyên[1].

Nễ Độ: Tên xã, thuộc huyện Nam Xang[2].

Tháng 3. Không mưa.

Hạ lệnh các nha môn giữ việc khám kiện, phải theo đúng kỳ hạn xét xử kết án. Người tù bị tội lưu hiện giam ở nhà ngục cửa Đông, nay cho giảm nhẹ và phát vãng đến chỗ bị đày (đồ), để việc ngục tụng không ứ đọng.

Lời chua-Nhà ngục cửa Đông: Ý nói người bị tù đồ hiện giam cầm ở nhà ngục cửa Đông.

Phong thêm thái ấp cho bầy tôi có công.

Trịnh Doanh nghĩ đến công lao bầy tôi giúp đỡ phò lập lên ngôi chúa, bèn phong thêm thái ấp cho họ, có người nhiều người ít khác nhau. Những người được phong là bọn Trịnh Đạc, Vũ Tất Thận, Nguyễn Quý Cảnh, Nguyễn Đình Hoàn, Giáp Nguyễn Khoa, Vũ Đình Trác, Trương Khuông, Trịnh Trụ, Đinh Văn Giai và Nguyễn Công Thái, gồm 10 người.

Lời chua-Đạc và Trụ: Đều là thân thuộc họ Trịnh.

Giáp Nguyễn Khoa: Hoạn quan, người xã Thiết Thượng[3], huyện Yên Dũng.

Vũ Đình Trác: Hoạn quan, người xã Tiên Cầu[4], huyện Kim Động.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ lệnh cho Lê Đình Châu, hoạn quan, hội đồng đánh Hoàng Công Chất ở Hưng Hóa, được thắng trận.

Trước đây, giặc cỏ là Hoàng Công Chất chạy vào Thanh Hoa, sau lẫn lút ở Thanh Hóa, liên kết với giặc núi là tên Thành. Trấn thủ Đinh Văn Thản đem quân tiến đánh, nhưng Thản nuông giặc không đánh, lại giam hãm quân sĩ ở nơi nước độc, nhiều người nhiễm chướng khí, sốt rét rồi chết. Thản bị triều đình vặn hỏi quở trách nhiều lần, vì thế hắn lo sợ mà chết. Để làm cho nhục nhã sau khi đã chết, triều đình hạ chiếu truy lột hết quan tước và đánh vào áo quan. Rồi hạ lệnh cho đốc chiến Lê Đình Châu và tham mưu Nguyễn Quốc Khê hội đồng với Phan Cảnh, đốc đồng Tuyên Quang, đi đánh phá. Nhân lúc ấy nước to, tên Thành xông ra vòng vây để chạy, bị bắt đưa về kinh sư chém chết. Còn Văn Chất chạy đến động Mãnh Thiên. Từ đấy trấn Hưng Hóa được bình định. Sau Phan Cảnh mắc bệnh chết, triều đình truy tặng hàm hữu thị lang bộ Hình, tước bá.

---

[1] Tỉnh Hà Tây.

[2] Nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

[3] Nay là thôn Thiết Thượng, xã Nghĩa Trang, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[4] Nay là thôn Tiên Cầu, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Lời chua-Nguyễn Quốc Khê: Người xã Hoẳng Liệt[1], huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748) năm Cảnh Hưng.

Phan Cảnh: Người xã Lai Thạch, huyện La Sơn[2], đỗ thám hoa khoa Quý Hợi (1743) năm Cảnh Hưng.

Lê Đình Châu: Người xã Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn[3].

Động Mãnh Thiên: Ở giáp giới phía bắc châu Ninh Biên, Hưng Hóa.

Tháng 7, mùa thu. Hạn Hán.

Hạ lệnh cho ti Thừa chính và ti Hiến sát các nơi xét hỏi công việc nên làm để mở mang điều lợi, trừ bỏ điều hại ở dân, rồi làm tờ tâu niêm phong dâng lên để triều đình biết.

Cho Lê Lai, công thần khai quốc, được thờ theo ở miếu Quan Công.

Trước kia, Lê Lai theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, đem thân để chết theo vua. Sau khi bình định được đất nước, Thái Tổ truy tặng Lê Lai là khai quốc công thần[4]. Năm Dương Đức thứ nhất (1672) triều Gia Tông, ban cho 100 mẫu tự điền và cho người cháu lâu đời giữ việc thờ tự[5]. Đến nay bàn định, cho thờ theo ở miếu Quan Công, để biểu dương tấm lòng trinh trung.

Tháng 10, mùa đông. Khí trời ấm áp.

Sau tiết lập đông, mà khí trời nóng ấm khác thường. Triều đình hạ lệnh cho bọn Nhữ Đình Toản giữ việc trong chính phủ khảo xét quan lại, việc thưởng việc phạt phải nghiêm minh, để được lòng trời nghĩ lại.

Tháng 11. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Trước kia, nhà vua sai bọn Trần Huy Mật và Lê Quý Đôn sang nhà Thanh dâng lễ tuế cống và báo cáo việc Ý Tông mất. Đến nay nhà Thanh sai bọn Đức Bảo, hàn lâm thị độc, và Cố Nhữ Tu, đại lý thiếu khanh, đệ sách văn sang phong nhà vua làm An Nam quốc vương và dụ bảo việc ban lễ tế Ý Tông.

Lúc ấy, nhân trong nước thái bình, Trịnh Doanh muốn phô trương nhân tài nước ta đông đúc, phần nhiều sai bầy tôi văn học như bọn Ngô Thì Sĩ giao thiệp ứng đối về việc giấy tờ. Bọn Thì Sĩ là người học hỏi sâu rộng, nên sứ thần nhà Thanh rất ngợi khen kính trọng.

Tháng 12. Trịnh Giang mất.

Giang (trước tên là Khương) nhường chính quyền cho Doanh. Đến nay mất, hưởng thọ 51 tuổi, truy tôn là Thuận Vương, tiếm xưng hiệu là Dụ Tổ.

Nhâm Ngọ, năm thứ 23 (1762). (Thanh, năm Càn Long thứ 27).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặt chức giám đốc trường đúc tiền.

Bắt đầu đặt quan trông coi đôn đốc trường đúc tiền ở Nhật Chiêu, Cầu Giền và các trường đúc ở Sơn Tây, Thái Nguyên, bắt các trường đúc đều có ghi dấu khác nhau, để đề phòng việc đúc tiền quá lạm hoặc mỏng mảnh.

Tháng 4, mùa hạ. Nhữ Đình Toản, thượng thư bộ Hộ, đổi sang giữ chức hữu hiệu điểm.

---

[1] Nay là xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Nay là huyện Tĩnh gia, tỉnh Thanh Hóa.

[4] Xem thêm Chính biên quyển XV, tờ 25, 26.

[5] Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 33.

Đình Toản nhiều lần xin đổi sang võ ban. Đến nay, đổi bổ giữ chức hiệu điểm, hạ lệnh cho cai quản đội Nghiêm Hữu trong Nội Hầu.

Lời chua-Hữu hiệu điểm: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, hồi đầu triều Lê đặt chức điện tiền đô kiểm điểm, trật chánh nhị phẩm; khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470-1497) dưới triều Thánh Tông, đặt thêm chức tả, hữu điểm kiểm; sau khi trung hưng, vì tránh tên húy Trịnh Kiểm, nên đổi làm tả, hữu hiệu điểm. Chức này cùng các chức thượng thư ở lục bộ, đều trật tòng nhị phẩm, giữ việc quản lãnh quân cấm vệ.

Đội Nghiêm Hữu: Là thân quân chầu chực.

Phát sinh nhiều bệnh dịch.

Năm ấy, khí trời nóng nực dữ dội, nhân dân nhiều người bị bệnh dịch. Triều đình hạ lệnh cho quan các lộ lập đàn cầu đảo.

Tháng 5. Thi viết chữ và tính toán.

Chế độ cũ, khoa viết chữ và tính toán không quyết định, hoặc 10 năm hoặc 15 năm một lần mở khoa thi. Ai viết chữ tốt thì thi 3 lối chữ: lối viết chữ lớn, lối viết chữ nhỏ và lối viết chữ lệch (ý nói lối chữ viết tờ chiếu, tờ sắc); người ứng thí phải viết một bài thơ Đường luật. Ai tính toán thạo thì hỏi các phép bình thân và sai phân. Khoảng niên hiệu Chính Hòa[1], bàn định 12 năm một lần thi; khoảng niên hiệu Long Đức[2] định lại 6 năm một lần thi, nhưng sau vì nhiều việc, nên chưa mở khoa thi lần nào. Đến nay bàn định cứ 12 năm thi một lần, việc này giữ làm thể thức thường hành.

Khoa thi này, về thi viết chữ, lấy 978 người trúng cách, về thi tính toán lấy 120 người trúng cách. Lại hạ lệnh thải bớt hạng lại điển thừa ở các nha môn trong kinh, ngoài trấn, để nha môn nhiều việc và nha môn ít việc được quân bình.

Tháng 6. Liệu lượng kén lính Thanh Hoa và Nghệ An.

Binh lính hai xứ Thanh, Nghệ phần nhiều bỏ trốn và thiếu ngạch lính. Trịnh Doanh lấy cớ rằng số dân nơi nhiều nơi ít không đều nhau, bèn hạ lệnh tùy theo số suất đinh mà kén chọn lấy lính, sai quan khám xét lựa chọn; người nào thân thể sức vóc cao lớn thì tuyển vào làm lính thị hậu, ngoài ra điền sung vào các cơ, các đội. Lại hạ lệnh cho lính ở kinh thành chọn trong hàng ngũ bầy ra mỗi tổng một người cán đương, nếu có lính tổng nào khuyết, thì người cán đương tổng ấy nhận giấy tờ quan trên cấp cho đem về dân chọn người sung bổ. Còn việc viên quan bản trấn thúc giục nã bắt và việc viên quan cai quản sai người bắt bớ thì nay đều nhất thiết cấm chỉ.

Định rõ thuế muối ở Sơn Nam.

Hạ lệnh cho ti Trấn thủ xét thực số ruộng muối ở bãi biển để đánh thuế, cứ 50 mẫu làm một bếp, thuế đồng niên mỗi bếp 30 quan tiền.

Khởi phục Hà Huân giữ công việc ở Quốc Tử Giám.

Hà Huân là người học hỏi rộng khắp, mùa xuân năm trước, lấy tư cách là thượng thư bộ binh, viện thể lệ, thôi làm việc, về nhà. Đến nay, vì chấn chỉnh thể văn, nên khởi phục bổ dụng. Triều đình hạ lệnh cho Hà Huân sức rõ mẫu mực thể văn cho học quan dạy bảo học trò, để đào tạo lấy nhân tài.

Tháng 7, mùa thu. Khai mỏ đồng, mỏ bạc, mỏ gang và diêm tiêu ở các lộ.

Hạ lệnh cho các trấn Sơn Tây, Thái Nguyên và Hưng Hóa khai lấy các mỏ bạc, mỏ đồng, mõ gang và mõ diêm tiêu ở xã Thượng Dã, xã Tiên Nông và động Trình Lạn, đều định hạn ba năm sẽ đánh thuế.

[1] 1680-1704. Một niên hiệu triều Lê Y Tông.

[2] 1732-1734. Một niên hiệu triều Đế Duy Phường.

Lời chua-Trình Lạn: Tên động, thuộc châu Thủy Vĩ[1], trấn Hưng Hóa.

Thượng Dã: Tên xã, trấn lỵ Thái Nguyên.

Tiên Nông: Tên xã, thuộc huyện Tam Nông, Sơn Tây[2].

Tháng 8. Định rõ lại điều lệ khám xét kiện tụng.

Hạ lệnh cho Ngự sử đài chuyển sức các nha môn khám xét kiện tụng ở trong kinh, ngoài trấn, đại ý cốt để cấm kiện giang, cấm kiện việc này dắt dây đến việc khác, răn thói kéo dài để việc hình ngục ứ đọng, tiền tạ và tiền phạt phải được công bằng. Ngự sử đài tham khảo châm chước thể lệ cũ để thi hành.

Lời chua-Tiền tạ, tiền phạt: Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 2 (Chb. XXXII, 11).

Tháng 9. Sửa nhà Quốc Tử Giám.

Tháng 10, mùa đông. Đặt bí thư các.

Bổ dụng Nguyễn Bá Lân và Lê Quý Đôn sung làm học sĩ trong Bí thư các, để duyệt kỷ sách vỡ, chọn người có văn học là bọn Ngô Thì Sĩ sung giữ chức chính tự trong các.

Quý Mùi, năm thứ 24 (1763). (Thanh, năm Càn Long thứ 28).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Doanh về trấn Thanh Hoa.

Trịnh Doanh từ kinh thành về Thanh Hoa, để sửa sang tô điểm các thắng cảnh non nước ở núi Dục Thúy và động Bích Đào. Dân phải phục dịch phiền phí khó nhọc. Hạ lệnh tha một năm thuế cho 6 huyện sở tại là Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang, Tống Sơn, Nga Sơn và Thuần Lộc.

Lời chua-Gia Viễn: Xem Tương Dực Đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 2)[3].

Yên Mô: Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb, XXVI. 2).

Yên Khang[4]: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 8 (Chb. VIII, 2).

Tống Sơn[5] và Nga Sơn: Tên hai huyện, xem Anh Tông, năm Chính Trị thứ 14 (Chb. XXVII, 28).

Thuần Lộc: Tức Hậu Lộc, tên huyện, thuộc Thanh Hóa.

Núi Dục Thúy: Ở phía tây bắc tỉnh thành Ninh Bình, nay đổi tên là núi Hộ Thành.

Động Bích Đào: Ở xã Đam Khê, huyện Yên Mô, trong núi có động, nên gọi tên là động Bích Đào. Có một tên nữa là hang Từ Thức.

Tháng 5, mùa hạ. Văn Đình Ức, đốc suất trấn Nghệ An, can tội, bị bãi chức. Bổ dụng Bùi Thế Đạt tạm giữ công việc trấn Nghệ An.

Đình Ức ở trong trấn, bòn rút của dân, chính lệnh hà khắc, những nhiễu, bị dân thuộc hạ cáo tố. Lúc Lê Duy Mật đánh úp phủ Trấn Ninh và Cao Châu, Lư Cầm (tù trưởng Trấn Ninh) cho người báo cáo tình hình nguy cấp, Đình Ức bắt giữ sứ giả của Lưu Cầm, mà không đem việc ấy tâu ngay cho triều đình biết. Đến lúc Duy Mật chia đường cướp phủ Quỳ và phủ Trà, lòng dân xôn xao lo sợ. Viên án trấn là Vũ Tá Đoan nhiều lần xin triều đình chọn viên tướng khác giữ nơi biên khổn. Vì thế, Đình Ức phạm tội dối

---

[1] Thủy Vĩ nay thuộc Lào Cai.

[2] Huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[3] Nguyên văn in lầm là Thánh Tông "Hồng Đức nhị niên".

[4] Nay là huyện Yên Khánh. Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khánh, đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

[5] Nay là huyện Hà Trung, Nga Sơn, Hậu Lộc, Hà Trung đều thuộc tỉnh Thanh Hóa.

trên lừa dưới, phải luận vào tử hình, nhưng Trịnh Doanh lấy cớ rằng Đình Ức là người có công, nên chỉ lột hết quan chức, cho về làm dân. Rồi bổ dụng Bùi Thế Đạt tạm giữ công việc trong trấn, sau hạ lệnh cho kiêm giữ chức đốc suất, được tùy tiện xếp đặt công việc. Thế Đạt giải bày 5 điều về công việc mấu chốt, Trịnh Doanh đều chuẩn y cho thi hành. Doanh lại lấy cớ rằng đất Nghệ An là nơi xa xăm, bèn hạ lệnh cho Thế Đạt dò xét quan lại trong hạt, người nào những nhiễu tàn tệ thì hặc tâu, sẽ thi hành cách trừng phạt, làm cho trong sạch chính trị trong hàng quan lại.

Lời chua-Năm điều: 1. Xin phái thêm binh lính kinh thành để tiện việc điều khiển; 2. Xin chọn kỷ viên quan cai quản binh lính; 3. Xin định kế hoạch của triều đình, rồi trao cho phương pháp mưu mô đánh và giữ; 4. Xin tải thóc công chứa sẵn ở kho, để lương thực ở biên giới được đầy đủ; 5. Đúc súng.

Vũ Tá Đoan: Người xã Hà Hoàng[1], huyện Thạch Hà, đỗ tạo sĩ.

Trấn Ninh: Tên phủ, xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30, 31).

Cao Châu: Tức Trịnh Cao, xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 9).

Quỳ: Tức Quỳ Châu. Trà: Tức Trà Long. Đều xem Bình Định Vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 20).

Tháng 6. Khởi phục Đỗ Thế Giai giữ chức thự phủ sự.

Thế Giai do hương cống xuất thân, thờ Trịnh Doanh từ khi ở Lượng Phủ, rất thân với bọn nội giám Hoàng Ngũ Phúc và Đàm Xuân Vực, nên Nguyễn Công Thái nghét lắm. Thế Giai nhiều lần xin nghỉ việc để giữ vững lòng yêu đương của chúa. Hắn ở nhà riêng tại làng Đông Ngạc, nếu trong triều có việc gì, Trịnh Doanh liền cho sứ thần đến thăm hỏi. Đến nay, Ngũ Phúc xin lại dùng Thế Giai, nên Trịnh Doanh cho khởi phục.

Thế Giai xin: Lấp hẵn con đường xin xỏ cầu may, để căn bản chính trị được trong sạch; việc thưởng việc phạt phải nghiêm minh, để kỷ cương trong triều được chỉnh đốn; nghiêm sức cho trăm quan, để mọi người làm hết chức trách; cẩn thận lựa chọn trăm quan, để phép tắt quan lại được ngay thẳng: cân nhắc việc ban phát, để tài dụng trong nước được đầy đủ. Phàm những việc Thế Giai tâu bày, bọn Hoàng Ngũ Phúc lại cùng tán thành, nên không việc gì Trịnh Doanh không tin theo.

Lúc ấy, nội giám Lê Đình Viên và Nguyễn Đình Xuân đều là con nuôi Xuân Vực, rất được Trịnh Doanh thân yêu, phàm có ai nhờ cậy gởi gắm không việc gì không được như ý. Thế Giai muốn ức chế bọn quyền thần để lập lấy uy thế, bèn tra ra việc ghi chép và truyền lệnh trái lệ[2], xử bọn Đình Viên vào tử hình, nhưng Trịnh Doanh tha cho và bắt trở về làm dân. Nguyễn Phan, Nguyễn Đình Khoan tư túi thiếu hơn một vạn quan tiền công, rồi thậm thụt cầu cạnh bọn Đình Viên nũng nụu cầu xin cho được tha, nay đều bị giáng chức. Từ đây, quyền bính lớn trong nước lại lọt vào tay Thế Giai.

Lời chua-Nguyễn Đình Khoan: Người huyện Văn Giang, đỗ tạo sĩ.

Đông Ngạc:[3] Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Hạ lệnh cho trăm quan đều được đề cử người mà mình biết là xứng đáng.

---

[1] Nay là thôn Hạ Hoàng, xã Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Nguyên văn chép "biên truyền phi lệ". Theo chế độ phong kiến, bổn phận bọn nội giám, ngoài việc hầu hạ vua chúa hàng ngày, còn có mấy việc nữa: một là ghi chép ngày giờ mà vua chúa đến với phi tần, đề phòng khi có phi tần nào sinh đẻ, thì đối chiếu vào sổ nội giám đã ghi chép mà kê cứu; hai là theo lệnh vua chúa truyền cho phi tần đến hầu. Theo Lê sử bổ, trong phủ Trịnh Sâm (con trưởng Trịnh Doanh) bấy giờ có hai người phi tần tên giống nhau; một là Ngọc Khoan và một là Ngọc Hoan. Một hôm, Sâm sai nội giám truyền lệnh triệu Ngọc Khoan, nhưng nội giám cố ý làm sai lạc đi mà truyền lệnh cho Ngọc Hoan. Khi Sâm thấy Ngọc Hoan, có ý không bằng lòng, nhưng đã triệu đến cũng gượng chung chăn gối, sau Ngọc Hoan sinh con là Trịnh Tông, tức Đoan Nam Vương sau này. Có lẽ bọn nội giám Lê Đình Viên đã ghi chép và truyền lệnh về việc trong cung cấm trái thể lệ như thế, nên Thế Giai mới tra ra mà luận vào tội tử hình.

[3] Tục gọi làng Vẽ, nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Hạ lệnh: quan nhị phẩm trở lên đề cử 2 người, quan tam phẩm trở xuống đề cử một người, rồi kê đệ tên những người được đề cử để triều đình biết. Những người ấy phải là người có thể giữ được chức việc trong kinh, ngoài trấn và người có thể cai quản được binh lính.

Tháng 7, mùa thu. Bùi Trọng Huyến, hàn lâm thừa chỉ, vì phạm tội, bị bãi chức.

Trọng Huyến giữ chức đề điệu trường thi Nghệ An, ẩn giấu hơn một ngàn quan tiền thông kinh do học trò tục nạp. Bị viên quan củ sát phát giác, Trọng Huyến phải bãi bỏ chức và thu gấp đôi số tiền mà hắn đã tham tang nộp vào kho công.

Tháng 9. Bỏ bớt số viên thuộc trong sáu bộ.

Lúc ấy, thuộc viên ở các bộ thừa nhiều người. Triều đình bèn chuẩn định: các chức lang trung, viên ngoại, tư vụ trong mỗi bộ và chức chiếu khám trong. Ngự sử đài đều đặt một người, còn ra, đổi bổ giữ chức khác. Lại hạ lệnh cho bộ Lại chiếu theo thể lệ cũ: Lang trung và viên ngoại thì dùng văn thuộc, tư vụ thì dùng ấm tử, người nào không hợp thể lệ này đều bổ sang chức khác.

Lời chua-Văn Thuộc: Quan chế triều cố Lê, văn thuộc là chức quan văn thuộc phủ chúa Trịnh, chức này có phẩm trật từ chánh lục phẩm đến tòng cửu phẩm.

Tháng 10, mùa đông. Giảm bớt ti Thừa chính và số quan phủ huyện ở trấn Yên Quảng.

Bầy tôi trong triều đình bàn luận cho rằng trấn Yên Quảng số đinh ít, công việc ít, nên bỏ bớt ti Thừa chính và số quan ở phủ huyện, việc binh việc dân và kiện tụng cho lệ thuộc vào ti trấn thủ.

Lời chua-Yên Quảng: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI 19, 29, 35).

Giáp Thân, năm thứ 25 (1764). (Thanh, năm Càn Long thứ 29).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Duy Vĩ làm hoàng thái tử.

Duy Vĩ, con trưởng của nhà vua, sáng suốt, chăm học, Trịnh Doanh rất kính trọng. Đến nay lập làm thái tử.

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán, cầu đảo, mưa.

Hạ lệnh cho ba ti ở các trấn hết lòng cầu đảo, qua ngày hôm sau, mưa to.

Cấm những người gièm pha bới xấu người khác.

Lúc ấy, bọn Hoàng Ngũ Phúc và Đàm Xuân Vực bè đảng nâng đỡ lẫn nhau, vì thế, người ngoài bàn tán xôn xao. Ngũ Phúc xin Trịnh Doanh đặt lệnh cấm nghiêm ngặt để khóa miệng mọi người, nhưng cũng không sao cấm chỉ được.

Lời phê-Dùng nhiều hoạn quan, không thể không suy yếu. Tài của Doanh không đền bồi được lỗi của Doanh.

Tháng 7, mùa thu. Sơn Tây và Hưng Hóa đánh giặc tên là Thai, bắt được, giết chết.

Giặc tên là Thai (sót họ) tụ họp nhiều người nổi loạn. Triều đình sai các quan trấn Sơn Tây và Hưng Hóa hội đồng tiễu nã, bắt được tên Thai và đồ đảng 159 người, đều luận tội tử hình. Trịnh Doanh thương tình, sai xét lại, nhiều người được khoan hồng tha cho.

Lại hạ lệnh cấm khách buôn phương Bắc không được ở lẫn với dân.

Trước đây, khách buôn phương Bắc đến buôn bán, chỉ cho trú ngụ ở châu Vân Đồn, châu Vạn Ninh thuộc Yên Quảng và xã Cần Hải, Hội Thống, Triều Khẩu thuộc Nghệ An, không được ở lẫn với dân. Lúc ấy, dân ở châu Vạn Ninh nhiều người phiêu tán, nên cũng có khách buôn nhân tiện chiếm ở trú ngụ ngay chỗ đất bỏ không, lại có nhiều người mở phố xá ở Vĩnh Đại và Triều Khẩu. Vì thế, mới hạ lệnh cho quan ở trấn sức sở tại dẫn đưa ra ngoài cảnh thổ, xếp đặt cho họ ở riêng ra như trước.

Lời chua-Châu Vân Đồn[1]: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

Châu Vạn Ninh[2]: Xem Trần Thuận Tông năm Quang Thái thứ 4 (Chb. XI, 16).

Xã Cần Hải: Thuộc huyện Quỳnh Lưu[3].

Hội Thống: Tên xã, thuộc huyện Nghi Xuân[4].

Vĩnh Đại: Tên xã, thuộc huyện La Sơn[5].

Triều Khẩu: Tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên. Đều thuộc Nghệ An.

Đặt chức quan trưng phủ ở các phủ.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng tiền thuế điệu, tiền vệ suất, tiền đất bãi, tiền cửa đình, tiền giáo phường và tiền nộp chuộc tội còn thiếu lại, chia nhau thu nhận làm phiền nhiễu dân, bèn hạ lệnh mỗi phủ đều đặt chức quan trưng phủ, dùng quan trong kinh và người hào mục ở trấn sung bổ vào chức này, giữ cả các việc trưng thu và chiêu tập yên ủi dân; lại sai viên quan trong ti Hiến sát thời thường xét hỏi.

Lời chua-Tiền thuế điệu, đất bãi, cửa đình và giáo phường: Đều xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 10-12).

Tiền vệ suất: Nghĩa là lính các vệ lúc không có việc về nhà làm ruộng, theo thể lệ nộp một quan hai tiền thuế dung, lúc có việc gọi ra lính mới được miễn.

Bổ dụng hoạn quan Đàm Xuân Vực giữ chức thống suất Thanh và Nghệ.

Trước đây, Duy Mật chạy trốn ra ngoài, mạo xưng mệnh lệnh vua Ý Tông, chế tạo riêng bảo tỉ và cờ, kiếm, dụ dỗ khắp các tù mục ở Thanh Hoa giúp cho lính thổ, lún lút chiếm cứ miền thượng du, làm tờ hịch kể tội ác họ Trịnh. Trịnh Doanh sai quân đi đánh, mấy năm chưa dẹp yên được. Đến nay, Duy Mật đánh úp Trấn Ninh, bắt giam Bồn Xà là Lư Cầm Hương, rồi ngay ở động Trình Quang, Duy Mật đặt làm nội phủ và ngoại phủ, bốn mặt ngoài phủ chia ra đặt 16 đồn ải, có lũy vững, hào sâu, có nơi đứng cao để nhòm ngó, có điếm canh ở đường xa, phòng bị cẩn thận, chặt chẽ. Duy Mật đem quân đánh chiếm những kẻ không thần phục, khống chế các người Lào, cả đến các động ven biên giới Hưng Hóa, phía đông từ Lạc Hòn, Cao Châu, phía bắc đến 7 tổng phủ Quỳ, phủ Trà, đều bị Duy Mật thống thuộc sai khiến. Nhân đấy, Duy Mật chia quân tràn xuống địa đầu Thanh Hoa, vì thế, dân nơi biên giới náo động. Triều đình bèn hạ lệnh cho Đàm Xuân Vực làm thống suất hai xứ, phàm cơ mưu đánh dẹp, tiễu nã, và việc thưởng công, phạt tội, phong quan, bãi chức. Xuân Vực đều được tùy tiện xử trí.

Lời chua-Động Trình Quang: Thuộc phủ Trấn Ninh.

Lạc Hòn: Tên đất của người Man, Xem Hi Tông, năm Chính Hòa thứ 21 (Chb. XXXIV, 48).

Cao Châu: Tức Trịnh Cao, xem Bình Định Vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 9).

Quỳ và Trà: Xem Bình Định Vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 20).

Định rõ thể lệ thuyên chuyển, cất nhắc và bảo cử.

Chuẩn định thể lệ thuyên chuyển cất nhắc và bảo cử những ấm tử của quan tam phẩm trở lên: Con quan nhất phẩm ngang với người thi hội bốn khoa đều lọt được kỳ đệ tam (hội thí tam trường tứ trường); con quan nhị phẩm ngang với người lọt được ba kỳ đệ tam; con quan tam phẩm ngang với

---

[1] Nay là huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Nay là huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.

[3] Tỉnh Nghệ An.

[4] Tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

người lọt được hai kỳ đệ tam; người trúng cách khoa thi hoành từ ngang với người lọt ba kỳ; người được thượng khảo ngang với người lọt hai kỳ; người trúng cách về ngự đề ngang với người trúng cách một kỳ. Nếu có những người lý lịch và sự trạng giống nhau, thì phải trông vào khoa trường đỗ trước hay đỗ sau và giữ chức quan nơi nhiều việc hay ít việc, rồi châm chước hiệu lượng xét cho thỏa đáng. Còn về lý Lịch, thưởng phạt và công tội, đều phải theo sự thật khai rõ; người nào ẩn giấu, khi việc phát giác sẽ phải luận tội nặng. Ngoài ra đều tham khảo châm chước với thể lệ cũ để thi hành.

Lời chua-Hội thi tam trường tứ trúng: Nghĩa là Hương cống đi thi hội đến bốn khoa, đều lọt được kỳ đệ tam, nên gọi là "tam trường tứ trúng".

Tam trúng, nhị trúng: Cũng phỏng theo ý nghĩa trên đây. Những hương cống thi hội được tứ trúng, tam trúng hoặc nhị trúng, nếu khi nào có khuyết chức quan ở phủ, ở huyện ở châu và chức quan dạy học ở phủ, thì xét xem người nào đã thi lọt được kỳ đệ tam nhiều hay ít mà cất nhắc trao chức khác nhau. Còn như thể lệ về ấm tử của quan nhất phẩm, nếu có tuyển bổ thì ngang hàng với hương cống thi hội bốn khoa đều lọt được kỳ đệ tam, ngoài ra cứ theo thể lệ ấy mà suy ra.

Hoành từ: Nghĩa là người thi khoa hoành từ được trúng cách.

Thượng khảo: Người được dự hạng nhất trong khi xét công trạng.

Ngự đề: Người được trúng cách trong khi thi bài chế do vua ra đầu đề.

Tháng 12, mùa đông. Lại thu nửa tiền thuế gia tô.

Lúc ấy vì Duy Mật chiếm cứ Trấn Ninh lâu ngày, có việc dùng quân đánh dẹp, bèn hạ lệnh thu một nửa thuế gia tô theo ngạch cũ. Lệnh chỉ nói: "có ruộng thì có tô, là lẽ thường xưa nay. Nhà nước thu lấy của dân, đều có ngạch thuế nhất định. Trước kia, nơi biên giới, nên ngoài số thuế chính ngạch, quyền tạm bổ riêng thuế gia tô[1], để giúp chi dùng vào việc binh. Từ khi việc binh tạm thư, đã nhiều lần rộng tha cho[2]; nay có việc điều khiển lính đi đánh dẹp, chi dùng khá nhiều, cần phải liệu lượng thu một nửa và nộp cả vào mùa xuân để tiện cho việc thu nộp".

Ất Dậu, năm thứ 26 (1765). (Thanh, năm Càn Long thứ 30).

Ngày Ất Tỵ, tháng giêng, mùa xuân. Sét đánh cột cửa tả.

Tháng 2. Thay đổi phép thi hương, lại thu tiền thông kinh.

Trước đây, Thế Giai giữ công việc trong chính phủ, lấy cớ rằng dùng quân đánh dẹp, chi phí mất nhiều, phàm gặp khoa thi hương, hạ lệnh cho nộp tiền thông kinh, sẽ được miễn khảo hạch; kịp lúc Công Thái giữ việc trong chính phủ xin bãi bỏ thể lệ này. Đến nay, Thế Giai lại được khởi phục bổ dụng, bèn thay đổi phép thi: huyện lớn lấy 70 người, huyện vừa 50 người, huyện nhỏ 40 người, người nào khảo hạch không trúng, theo thể lệ nộp tiền thông kinh, cũng được vào thi.

Tháng 3. Hạn hán, phát sinh chứng dịch.

Lại hạ lệnh cấm binh đinh không được thay thế riêng cho nhau.

Theo chế độ cũ, binh đinh ở Thanh, Nghệ và tứ trấn, khi đến tuổi thành đinh (18 tuổi là thành đinh) thì tòng quân, 60 tuổi được miễn. Ít lâu nay, ở dân gian hoặc người bốn, năm mươi tuổi, hoặc người năm, sáu mươi tuổi, thường thay thế riêng cho nhau, viên cai quản binh lính và cơ đội phần nhiều cẩu thả theo tình riêng, thành ra quá nửa số quân không am hiểu kỷ luật. Đàm Xuân Vực, đốc suất Thanh Hoa, dâng tờ khải nói xin theo thể lệ cũ, Trịnh Doanh chuẩn y, bèn lại hạ lệnh cấm rõ: từ nay người binh đinh nào chưa đến 60 tuổi, không được thay thế riêng.

Trịnh Doanh tự ý dâng hữu miếu.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXIX, tờ 27.

[2] Xem thêm Chính biên XLII, tờ 4.

Trước kia, Trịnh Doanh giữ chính quyền trong nước, lấy cớ rằng tiên tổ và tiên khảo truy xưng Lương Mục vương là Vĩnh và Tấn Quang vương là Bính, đều chưa từng chính thức nối ngôi chúa, có ý muốn lập hữu miếu để thờ, sau vì Nguyễn Quý Đức nói mà thôi đi[1], đến nay lại lập hữu miếu, công việc xây dựng suốt 8 tháng chưa xong. Tham tụng Nguyễn Nghiễm và bồi tụng Trần Danh Lâm cho rằng lễ nghi là theo lẽ phải, trước kia, chúa Nhân Vương (tức Trịnh Cương) là thế đích thừa trọng, cho nên không lẽ lại suy tôn người sinh ra mình một cách long trọng, mà tạm thời thờ riêng. Sau bầy tôi trong triều bàn luận, lấy cớ rằng ông cháu cha con một huyết mạch nối tiếp nhau, cùng thờ cả ở miếu ông thủy tổ, là hợp lẽ phải. Vả lại, việc thờ tự này, đến nay đã trải qua vài mươi năm, tinh thần tiên tổ tụ hợp cả trong một nhà không bao giờ gián cách, nay một lúc lại lập miếu riêng, thì không những mắt thấy tai nghe có phần nghi ngại, mà đối với tình và lễ đều chưa được thỏa đáng, xin bãi bỏ công việc xây dựng hữu miếu. Trịnh Doanh không theo lời.

Lời chua-Lương Mục Vương là Vĩnh: Con trưởng của Trịnh Căn.

Tấn Quang Vương là Bính: Con trưởng của Lương Mục Vương Vĩnh và là cha Trịnh Cương-Vĩnh và Bính đều mất sớm chưa chính thức nối ngôi chúa.

Tháng 6, mùa hạ. Lê Quý Đôn, tham chính Hải Dương bị bãi.

Từ khi sang sứ nhà Thanh trở về nước, rồi bổ làm tham chính Hải Dương, Quý Đôn tự giải bày chín tội, nhưng thực ra là tự kể công lao của mình. Trong lời giải bày lại nói: "Tôi đem cái thân sống sót ở muôn dặm trở về nước, mà nay xiêu giạt nơi giang hồ, xin cho tôi được về quê quán". Trịnh Doanh không bằng lòng, nhưng vẫn y cho.

Quý Đôn nổi tiếng về văn học, vì phải bổ ra làm quan ở ngoài, nên bất đắc chí, lời nói có giọng oán hờn, đại để cũng như tờ biểu tự trách mình của Bộc Cố Hoài Ân, nên người có kiến thức lấy làm chê cười.

Lời phê-Học rộng thì có làm gì, chỉ đủ để giúp cho lòng tư của mình, như hạng Vương An Thạch[2]. Sở dĩ đến như thế, cũng do kiến thức lệch lạc mà ra.

Lời chua-Quý Đôn tự giải bày chín tội: Như nói, tôi không đoái thương đến mẹ già , đem thên theo tiên vương ở nơi hành tại để mộ quân đánh giặc. Đấy là tôi phạm một tội không trung với nước. Dấn mình vào nơi hàng trận, là vì trong chí muốn cho nước nhà được yên. Đấy là tôi phạm hai tội không trung với nước. Còn ra không khảo cứu được.

Bài biểu tự trách mình của Bộc Cố Hoài Ân: Đời vua Đại Tông nhà Đường, Hoài Ân tự nghĩ mình có công to, mà bị người ta gây sự hãm hại, có ý bực tức oán hờn, bèn dâng tờ biểu tự trách mình có sáu tội: 1. Trước kia, bộ lạc Đồng La làm phản loạn, tôi vì tiên đế mà quét sạch giặc giã ở Hà Khúc; 2. Con trai tôi là Phân sa vào tay giặc, khi trốn ra trở về, tôi bắt đem chém, để hiệu lệnh quân sĩ; 3. Con gái tôi vì trong nước hòa thân với Hồi Hột mà đem gả ở nơi xa; 4. Tô cùng con trai là Dương dốc hết tính mạng vào việc nước; 5. Đất Hà Bắc mới quy thuận triều đình, tôi vỗ về yên ủi để cho người giáo giở được yên lòng; 6. Tôi dụ dỗ Hồi Hột, để chúng đem quân đến cứu nạn nước. Tôi chịu sáu tội kể trên, thật đáng muôn vàn tội chết.

Tháng 7, mùa thu. Duệ Tông Hiếu Định hoàng đế[3] ta nối nghiệp.

Tháng 7. Bổ dụng Nguyễn Đình Huấn, hoạn quan, giữ chức tham đốc.

---

[1] Đoạn văn này có lẽ Cương mục chép lầm, chữ "Trịnh Doanh" chép ở câu đầu đoạn này, phải chép là "Trịnh Cương" mới đúng. Vì việc này Nguyễn Quý Đức trình bày với Trịnh Cương (Chb. XXXV, 9). Còn Trịnh Doanh mới lên ngôi chúa năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) mà Nguyễn Quý Đức đã chết từ năm Vĩnh Thịnh thứ 16 (1720) rồi, còn đâu mà nói với Trịnh Doanh nửa.

[2] Một viên tể tướng dưới triều Tống Thần Tông.

[3] Tên là Phúc Thuần, hiệu là Khánh Húc đạo nhân, con thứ 16 của Phúc Khoát.

Đình Huấn làm đề lãnh bốn cửa thành, trong kinh kỳ được nghiêm chỉnh yên tĩnh. Trịnh Doanh nhận thấy là người có tài, nên trao cho giữ chức này.

Lời chua-Tham đốc: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì tham đốc thuộc về hàng võ, trật chánh nhị phẩm.

Tháng 10, mùa đông. Cấm người quý thích ngang ngược nhiễu dân.

Lúc ấy, bọn quý thích phần nhiều trái thể lệ, thiện tiện đánh thuế tuần ti, thuế xưởng mỏ và thuế thổ sản ở ngoại trấn, đi đến đâu cũng nhũng nhiễu, làm khổ cho dân. Triều đình nghe biết việc này, hạ lệnh cho ti Trấn thủ tra xét bắt giải, người nào không có giấy tờ quan cấp sẽ trị tội.

Tháng 12. Phạm Huy Cơ phạm tội, bắt giam vào ngục.

Huy Cơ giữ chức Hiến sát sứ trấn Sơn Nam, vì ăn hối lộ, việc phát giác, triều đình hạ lệnh bắt giam vào ngục.

Bính Tuất, năm thứ 27 (1766). (Thanh, năm Càn Long thứ 31).

Tháng 5, mùa hạ. Sao Thái Bạch đi ngang bầu trời.

Đêm, sao đổi ngôi suốt bầu trời.

Tháng 6. Mưa dầm. Hạt Kinh Bắc nước sông dẫy lên, vỡ đê.

Các huyện hạt Kinh Bắc vỡ đê, ruộng nương nhà cửa bị ngập lụt. Triều đình hạ lệnh cho quan trong kinh thành đi hộ đê. Lại đình hoãn khám xét kiện tụng. Nơi bị đê vỡ làm tổn hại đều được liệu lượng phát chẩn.

Lúc ấy. Trịnh Doanh giữ chính quyền trong nước đã lâu, bầy tôi xin gia phong tôn hiệu. Doanh nhún nhường không nhận, và bảo bọn này rằng: "Mới đây trời mưa quá nhiều, làm cho dân tai hại, như thế, phải chăng chính lệnh triều đình có điểm khiếm khuyết? Ta chưa nghe thấy các ngươi có lời dâng điều hay, bỏ điều dở, mà chỉ vội vàng xin tiến tôn hiệu. Việc ấy bây giờ có hợp thời đâu? Các ngươi không nên nói lại nữa".

Tháng 9, mùa thu. Ánh sáng mặt trăng phạm vào sao Tâm.

Lời chua-Theo "Thiên văn chí" trong Tấn thư, thì sao Tâm có ba chòm sao, là chính vị sao Thiên Vương: chòm sao giữa gọi là minh đường, tượng trưng vị thiên tử, chòm sao đằng trước là thái tử, chòm sao đằng sau là thứ tử-bóng sang hai vì sao giao nhau hoặc lấn vào nhau gọi là Phạm. Tiền Hán thư chép: Năm Dương sóc[1] thứ nhất, ánh sáng mặt trăng phạm vào sao Tâm. Người xem thiên văn đoán rằng: "Trong nước có sự lo buồn như có đại tang".

Bãi bỏ việc cấp thêm ruộng khẩu phần cho lính tứ trấn.

Lúc ấy, triều đình bàn định, lấy cớ rằng, thái bình lâu ngày, nhất binh ở tứ trấn không phải sai phái tạp dịch, không nên rộng cho cấp ruộng vượt qua ngoài lệ ngạch. Vì thế hết thẩy khẩu phần của lính đều hạ lệnh cho viên trưng phủ thu thuế.

Tháng 10, mùa đông. Có vì sao lớn hình như cái đấu, bay ngang suốt trời.

Tháng 12. Phạm Gia Huệ phạm tội, bị bãi chức.

Gia Huệ là người bẻm mép, a dua phụ họa với bọn quyền thế, được dắt díu nhau lên làm quan, thăng đến chức tri Công Phiên, phụng mạng đi thu thuế phủ Bắc Hà, thu lạm của dân hơn hai ngàn quan tiền. Viên quan thái phỏng là Nguyễn Phùng Thời đem việc này tâu bày, gặp lúc ấy dân phủ Bắc Hà họp nhau ở cửa khuyết để tố cáo. Triều đình lập tức hạ lệnh lấy tiền trong kho công trả lại cho dân và giao

---

[1] Một niên hiệu của Hán Thành Đế (24-20 Tr.C.Ng).

việc này cho viên quan có trách nhiệm bàn định, Gia Huệ phải luận tội đồ. Nhưng Trịnh Doanh còn có lòng thương, chỉ bắt phải bãi chức.

Lời chua-Nguyễn Phùng thời: Người xã Hoa Lâm, huyện Nam Đường[1], đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Phạm Gia Huệ: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm.

Bắc Hà: Tên phủ, thuộc Kinh Bắc.

Ở Kinh Bắc động đất.

Giặc nổi lên ở Sơn Tây, Hưng Hóa. Bọn trấn tướng Nguyễn Địch Bàn đi đánh, dẹp yên được.

Giặc (sót họ tên) ở thượng du vùng Sơn Tây tự xưng hiệu là Thuận Nghĩa, tụ hợp quân chúng đi cướp bóc. Triều đình hạ lệnh cho bọn trấn tướng là Nguyễn Địch Bàn và Hoàng Phùng Cơ hội đồng với nhau đi tiễu nã, phá tan được bọn giặc này.

Lời chua-Nguyễn Địch Bàn: Người xã Vụ Cầu, huyện Thanh Ba[2], đỗ tạo sĩ.

Sơn Tây và Hưng Hóa: Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 27, 30, 34, 35).

[1] Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

[2] Tỉnh Phú Thọ.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 43

Từ Đinh Hợi, Lê Hiển Tông năm Cảnh Hưng thứ 28 (1767) đến Tân Mão, năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771), gồm 5 năm.

Đinh Hợi, năm [Cảnh Hưng] thứ 28 (1767). (Thanh, năm Càn Long thứ 32).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Núi ở Thanh Hoa bị lở. Huyện Đông Thành và Quỳnh Lưu động đất.

Lời chua-Thanh Hoa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 20, 21, 33).

Đông Thành và Quỳnh Lưu[1]: Tên hai huyện, xem năm Cảnh Hưng thứ 20 (Chb. XLII, 5).

Sai bọn Nguyễn Đình Huấn và Ngô [Thì] Sĩ đi xếp đặt công việc ở Thái Nguyên. Bọn này chưa đi đến nơi, mà trở về.

Trước đây, các xưởng mỏ ở thượng du và vỏ quế ở núi rừng đều giao cho người Nùng ở Hóa Vi nước ta khai khẩn và bóc lấy. Từ khi trường xưởng mở ra nhiều, viên quan giám đương phần nhiều tập hợp người nhà Thanh khai lấy. Do đấy, người làm thuê trong mỗi xưởng kể đến hàng vạn, phu mỏ, nhà lò tụ tập thành từng đàn, trong số ấy phần nhiều là người Triều Châu và Thiều Châu, tính tình hung hãn, hay đánh nhau; mỗi khi tranh nhau cửa lò, liền nổi quân để đánh lẫn nhau, người nào chết thì vứt xuống hố. Triều đình coi họ là hạng người ngoài giáo hóa, nên chỉ cốt thu đủ thuế mà thôi, ngoài ra không hỏi gì đến cả.

Lúc ấy, [Thì] Sĩ giữ chức đốc đồng ở Thái Nguyên, bèn viện dẫn lời trình bày của Bùi Sĩ Tiêm, và nói: "Thổ sản ở núi rừng, để giúp cho việc cần dùng trong nước, thế mà nộp vào thuế khóa nhà nước, mười phần không được một phần. Vả lại, những nơi hiểm yếu ở hang động, núi khe trong nước, hết thảy bị người nước ngoài thông tỏ và nương náu. Đấy là một điều không nên. Địa mạch nước ta, Thái Nguyên ở về mạn thượng du, bọn kia cứ thấy chỗ nào có khí sắc loài kim là họ khai quật, chở đất ra ngoài cửa lò, chứa thành trăm ngàn đống ở nơi đất bằng, trong lò có thể chứa được hàng trăm người, như thế thì thương tổn địa mạch biết là chừng nào! Đấy là hai đều không nên. Người nhà Thanh lấy được bạc, liền đem về nước họ, thì của ấy không phải là của nước ta nữa. Đấy là ba điều không nên.

"Tôi thấy nhà Thanh có định thể lệ: "Nhân dân ở nội địa Trung Quốc, nếu người nào không có giấy "thân chiếu" do quan cấp, không được đi ra nước ngoài". Vậy xin đưa công văn sang cho quan chức hai tỉnh Quảng, tra xét xem người nào không có giấy cấp "thân chiếu" thì nhất luật bắt phải về nước. Còn những hộ chịu thuế ở trường xưởng thì vẫn lấy người Nùng Hóa Vi nước ta sung vào. Nếu người nhà Thanh người nào không có giấy cấp "thân chiếu" mà tình nguyện ở lại, thì cho phép để tóc và thay đổi y phục, biên tên vào sổ hộ nước ta, để cắt đứt mối tranh giành". Trịnh Doanh theo lời.

Sau tiếp được công văn của hai tỉnh Quảng trả lời, cũng không nhận là có cấp giấy cho người nào cả. Vì thế, triều đình hạ lệnh cho [Thì] Sĩ và Đình Huấn đem binh lính 17 cơ đội đến ngay xưởng

[1] Đông Thành và Quỳnh Lưu, nay đều thuộc Nghệ An.

Tống Tinh, tùy tiện yên ủi hoặc tiểu nã. Bọn [Thì} Sĩ đi đến Dã Giang, gặp lúc Trịnh Doanh mất, nên trở về, thành ra việc này bèn thôi.

Lời chua-Xưởng Tống Tinh: Ở châu Bạch Thông, tỉnh Thái Nguyên.

Dã Giang: Ở địa phận các xã Thượng Dã, Trung Dã và Hạ Dã thuộc phủ Thiên Phúc, tỉnh Bắc Ninh.

Triều Châu và Thiều Châu: Đều thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc).

Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Hóa Vi (có sách chép là Hóa Thường): Nay không khảo cứu được.

Trịnh Doanh mất, con là Sâm tự lập làm nguyên soái Tĩnh Đô Vương.

Lúc mất Doanh 48 Doanh 48 tuổi, truy tôn là Ân vương, tiếm hiệu là Nghị Tổ. Sau khi Sâm đã nối ngôi, giả xưng mệnh lệnh của nhà vua, tiến phong làm nguyên soái, tổng quốc chính, Tĩnh Đô vương. Lại phong mẹ đẻ là Hoa Dung Nguyễn thị làm thái phi.

Lời chua-Nguyễn Thị: Người xã Linh Đường[1], huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội là con gái Nguyễn Đình Tư và là vợ Trịnh Doanh.

Tháng 2. Ở kinh sư động đất.

Giặc cướp nổi dậy ở Kinh Bắc. Dẹp yên được.

Bọn giặc cướp ở Kinh Bắc đều nổi dậy. Nguyễn Gia Kiên, trấn thủ, tâu về triều. Triều đình sai Điển Vũ hầu Nguyễn Trọng Điển đem quân đi đánh, dẹp yên được. Bèn để Trọng Điển ở lại đóng đồn phòng thủ, ngăn chặn đường hiểm yếu mặt đông bắc.

Lời chua-Nguyễn Gia Kiên: Người xã Liễu Ngạn, huyện Siêu Loại[2].

Kinh Bắc: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 28, 35).

Tháng 4, mùa hạ. Ánh sáng sao Thái Bạch và sao Huỳnh Hoặc giao tiếp với nhau ở dã phận sao Tỉnh.

Hai vì sao Thái Bạch và Huỳnh Hoặc ánh sáng giao tiếp với nhau ở dã phận sao Tỉnh.

Quân của Lê Duy Mật tràn ra Hương Sơn. Trịnh Sâm sai bọn Bùi Thế Đạt đi đánh, Duy Mật rút quân chạy.

Duy Mật chiếm cứ Trấn Ninh, hay tin Trịnh Doanh mất, nhân đấy bèn sai đồ đảng đem lính và voi tràn xuống địa phận huyện Hương Sơn và Thanh Chương; dân ở biên giới nôn nao rối loạn. Viên đồn thủ là Hà Lãm đem quân đi đánh, bị thua chạy. Tin báo về triều, Trịnh Sâm sai Nguyễn Nghiễm làm hiệp đốc suất cùng Bùi Thế Đạt đem quân đi đánh. Duy Mật rút quân chạy. .Sau Trịnh Sâm sai bọn Nguyễn Nghiễm về triều.

Trịnh Sâm nhận thấy rằng, nếu không diệt trừ được Duy Mật, chung quy vẫn làm ngăn trở cho vùng Hoan, Ái[3], bèn dụ hỏi Thế Đạt về hình thế đóng quân của Duy Mật và kế hoạch tiến quân, tải lương. Thế Đặt đem hết tình trạng Duy Mật bày tỏ ở triều đường, và nói: "Có 2 con đường có thể tiến quân vào Trấn Ninh được; đường chính là con đường Trà Lân, có đường thủy, có thể vận lương, quân đi được yên ổn thuận tiện". Trịnh Sâm bèn hạ lệnh bắt lấy thuyền đi biển của Thanh và Nghệ, dự tải thóc công chứa ở kho Vĩnh Doanh và Sa Nam, để phòng bị cấp phát cho quân. Một mặt, sai thêm Lê Đình

---

[1] Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

[3] Tức Thanh và Nghệ.

Châu thống suất bọn Trịnh Phương. Nguyễn Trọng Điển và Nguyễn Đình Đống đem 5 ngàn quân, lệ thuộc sự chỉ huy của Thế Đạt, theo đi đánh giặc. Trịnh Sâm lại lấy cớ là xứ Thanh Hoa gần liền phủ Trấn Ninh, bèn hạ lệnh cho lưu thủ Nguyễn Đình Diễn chia quân đóng đồn phòng ngự, chặn giữ nơi xung yếu.

Lời chua-Nguyễn Đình Diễn: Hoạn quan, người xã Nội Duệ[1], huyện Tiên Du.

Nguyễn Đình Thống: Người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Anh[2].

Vĩnh Doanh: Trấn Ly, Nghệ An.

Sa Nam[3]: Tên xã, thuộc huyện Nam Đường.

Hương Sơn: Tức Đỗ Gia, xem Bình Định Vương, năm thứ 7 (Chb, XIII, 21).

Thanh Chương: Tức Thổ Du, xem Bình Định Vương năm thứ 8 (Chb, XIII, 22).

Trịnh Sâm phong chức tươóc cho bầy tôi văn, võ, có từng cấp bậc cao thấp khác nhau.

Phong cho Hoàng Ngũ Phúc tước nhất tự công[4], gia phong dực vận đồng đức công thần; Nguyễn Nghiễm làm thiếu phó, phong tước quận công; Nguyễn Hoàn làm tả thị lang bộ Công, phong tước hầu; ngoài ra, trăm quan đều được thăng một bậc. Lại nhận thấy tư giảng Dương Công Chú có công hầu giảng nghĩa sách, nên tặng chức thiếu bảo, gia phong tước quận công.

Ân xá.

Trịnh Sâm mới nối ngôi, muốn ra ơn cho trong nước để nhân dân vui lòng. Lúc ấy, mưa dầm mãi không tạnh, bèn hạ lệnh; miễn thuế tô, thuế dung năm nay cho hai xứ Thanh và Nghệ; miễn năm phần mười (5/10) thuế tô, dung và điệu cho ngoại trấn; lại tha tiền thuế thiếu từ các năm trước và tiền chuộc tội.

Sâm tặng phong tước Triệu Khánh Công cho ông ngoại là Nguyễn Đình Tư.

Đình Tư, người xã Linh Đường[5], huyện Thanh Trì, trước đây, giữ chức thị giảng trong phủ Trịnh Doanh. Đình Tư là bố Nguyễn Thái Phi, mẹ đẻ Trịnh Sâm. Đến nay truy tặng. Sâm hạ lệnh lập từ đường để thờ ở kinh sư.

Lời chua-Thanh Trì: Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 14 (Chb, VI, 26).

Ngày Quý Mùi, tháng 6. Sao Thái Bạch xuất hiện giữa ban ngày.

Định lại ngạch thuế 4 châu ở Cao Bằng.

Trước đây, Mai Danh Tông, giữ chức đốc đồng ở trấn Cao Bằng, thuế dung tăng lên nhiều hơn ngạch cũ, dân không thể nộp được. Đến nay thu những thuế còn thiếu lại, nhân dân đem nhau đến trấn khiếu tố. Đốc trấn Nguyễn Trọng Hoành đem việc này tâu về triều đình. Triều đình bèn hạ lệnh theo sổ thuế năm Nhâm Dần (1722) đời Bảo Thái cải chính lại.

Lời chua-Mai Danh Tông: Người xã Cao Lãm, huyện Sơn Minh[6], đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

---

[1] Nay là xã nội Duệ, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Nay là thị trấn Nam Đàn, thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[4] Quan chế triều Lê, phong tước công cho bầy tôi có công, dùng tên phủ hoặc tên huyện làm hiệu để phong , nhưng chỉ dùng một chữ. Ví dụ: Tuyên quốc công, tức là dùng chữ "Tuyên", tên gọi của phủ Tuyên Quang; Sùng quận công, tức là dùng chữ "Sùng", tên gọi của huyện Sùng An (Chính biên quyển XXII, tờ 14).

[5] Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội

[6] Nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

Nguyễn Trọng Hoành: Người xã Bột Thái[1], huyện Hoằng Hóa, con Nguyễn Ngọc Huyễn, đỗ hương cống, là hạng tiến triều[2].

Cao Bằng: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 20, 32, 35).

Phong tước trật cho bọn Hà Công Ứng, thổ tù trấn Hưng Hóa.

Giặc cỏ Hoàng Công Chất lén lút chiếm cứ động Mãnh Thiên thường những nhiễu cướp bóc vùng thượng du trấn Hưng Hóa, nhiều người phụ theo, chỉ có bọn Công Ứng, nhiều người phụ theo, chỉ có bọn Công Ứng họp tập thống suất dân chúng chống giặc, bảo toàn được các sách[3] trong châu. Hoàng Phùng Cơ, lưu thủ Sơn Tây, tâu bày công của họ về triều. Triều đình bàn định ban thưởng để biểu dương công trạng, bèn phong cho Công Ứng tước Mai ngạn hầu, Đinh Công Hồ tước Sùng nham bá, lại sai quan đến tuyên dương và yên ủi, các người phiên mục đều được thăng trật.

Lời chua-Động Mãnh Thiên: Xem năm Cảnh Hưng thứ 22 (Chb. XLII, 11).

Hưng Hóa và Sơn Tây: Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 27, 30, 31, 34, 35).

Định rõ thể lệ kiện tụng, về việc người đương sự kêu xin xét lại.

Phàm các việc kiện, nếu lần trước xét xử mà người đương sự chưa phục tình, cho phép đến ngày chúa ra coi chầu được đệ đơn kêu lại. Nếu tình trạng quả tai hại, thì cho phép xét lại; nếu xét lại còn vẫn chưa tỏ rõ được lý lẽ, thì cho phép người đương sự đánh mõ[4] tâu bày. Đơn kiện nào khiếu tố vượt thứ tự, sẽ bị bác bỏ.

Tháng 7, mùa thu. Không mưa.

Tháng này, mấy tuần không có mưa, Trịnh Sâm thân hành cầu đảo ở lầu Kính Thiên, hạ lệnh các quan trong kinh ngoài trấn dâng tờ khải niêm phong trình bày công việc. Nguyễn Bá Lân dâng tờ khải nói: "Chính sự vua chúa, thông cảm với trời. Nay vương thượng mới cầm quyền, nên chuộng đều khoan hậu, vậy xin: Lục dụng Lê Quý Đôn và Phan Cẩn để nâng đỡ người bị oan ức lâu ngày; rộng gia ơn về việc, chuộc tội, cứu vớt dân xiêu lưu, để dân khỏi đau khổ. Như thế, may ra có thể thu phục được lòng người, và báo đáp được tội lỗi mà trời quở trách". Trịnh Sâm cho là phải, bèn khởi phục Lê Quý Đôn giữ chức Thị thư (Chánh lục phẩm, Phan Cẩn giữ chức Cấp sự trung (Tòng bát phẩm). Sau lại hạ lệnh: Viên trưng phủ ở các phủ đều tâu bày tình trạng nghèo đói phiêu tán và đau khổ của dân trong hạt; viên quan trong Ty Hiến sát sứ đi khám xét ruộng bỏ hoang không cày cấy ở dân gian và dò hỏi sự tệ hại uất ức của dân sở tại, rồi tâu bày để triều đình biết. Một mặt liệu lượng tha thuế tô cho những nơi bị thiệt hại từ bốn phần trở lên. Lúc ấy, về chính tô và gia tô được tha tiền hơn một vạn bốn ngàn quan, thóc hơn ba ngàn sọt. Những thuế bỏ thiếu từ năm Kỷ Mão (1759) trở về trước, đều được tha cả.

Tháng 8. Mưa.

Có sao đổi ngôi dài hơn một trượng, ánh sáng mặt trời, tiếng vang như sấm.

Tháng 9. Định lại thể lệ khám đê điều.

Đường đê và cửa cống ở các lộ, mỗi năm cứ đến tháng trọng thu (tháng 8 âm lịch) viên quan ở huyện đi khám lần đầu, rồi đem tình hình trình lên ti Thừa chính ở trấn; tháng quý thu (tháng 9 âm lịch)

---

[1] Nay là xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Viên quan không do tiến sĩ xuất thân, nhưng được bầy tôi trong triều bảo cử, cũng được bổ dụng như hàng tiến sĩ, gọi là tiến triều. Xem thêm chính biên, quyển XXXVI, tờ 28.

[3] Một đơn vị hành chánh nhỏ ở miền thượng du, cũng như trại, xóm ở miền xuôi.

[4] Năm Cảnh Hưng thứ 8 (1747), Trịnh Doanh đặt cái chuông và cái mõ ở ngoài cửa phủ đường, để cho ai muốn bày tỏ công việc hiện thời thì đánh chuông; ai có đều oan ức chưa được xét rõ lý lẽ thì đánh mõ tâu bày.

ti Thừa chính ở trấn đi khám, trình lên quan chính đường; tháng trọng đông (tháng 11 âm lịch) các quan chia nhau đi khám lại, rồi sẽ khởi công.

Ánh sáng mặt trăng lấn vào chòm trung tinh ở sao tâm.

Viên quan trong Tư Thiên giám nói: Trung tinh là đế tinh, ánh sáng mặt trăng lấn vào chòm trung tinh là triệu chứng người bầy tôi lăng loàn lấn quyền.

Tháng 9 nhuận. Em của Sâm là Lệ định mưu giết Sâm. Việc bại lộ, Lệ bị bắt giam vào ngục. Giết đồ đảng của hắn là Phạm Huy Cơ.

Lệ là người sáng suốt, có cơ mưu và trí khôn. Lúc Trịnh Doanh còn sống. Lệ thường có chí ăn cướp ngôi con trưởng. Trước kia hắn theo học Huy Cơ. Huy Cơ vì có tội phải giam mang lòng oán hận, bèn ngầm xui Lệ làm sự trái phép, dựng bè đảng vây cánh, dắt Dương Trọng Khiêm và Nguyễn Huy Bá làm gia khách, bí mật hẹn nhau, định đến ngày 24 tháng này sẽ khởi sự. Nhưng bọn Trọng Khiêm lại sợ rằng việc không thành, sẽ bị vạ lây, bèn lẻn lút đem công việc đến cáo tố với nội giám Phạm Huy Đĩnh, Huy Đĩnh đem báo cáo với Sâm. Sâm lập tức hạ lệnh cho bầy tôi hội hợp tra tấn. Huy Cơ tự biết không thể nào thoát nạn, tự ra nhận tội, phải luận vào tội xử trảm, còn Lệ thì bị bắt giam vào ngục.

Trọng Khiêm, trước kia, bị khiển trách và bãi chức, đến nay khen thưởng là người có công, nên trả lại cho chức cũ và được thăng hai bậc; Huy Bá được thăng năm bậc. Đoàn Nguyễn Thục, thiêm đô ngự sử dâng nói: "Bọn Huy Cơ âm mưu làm sự trái phép, may mà việc ấy bại lộ, làm cho kẻ có tội mất hết mưu gian và phải phục tội, đấy thật là phúc của nước nhà. Nhưng Trọng Khiêm bị truất bãi đã lâu, nếu biết đóng cửa nghĩ tội lỗi mình đừng giao du với tân khánh, thì mưu làm việc không lành từ đâu mà đến tai hắn được? Thế mà lại giao thông với Huy Cơ là người bị giam cấm, ra vào nhà Trịnh Lệ là nơi đáng phải nghi ngờ; hắn quanh quẩn ở giữa hai người này, giúp mưu mô của Huy Cơ, làm thêm tội ác của Trịnh Lệ, rồi bấy giờ mới phát giác, để lập lấy công mình. Nếu đứng về mặt tư tưởng mà nghiêm khắc buộc tội, thì Trọng Khiêm cũng dính líu vào tội cùng giúp đỡ kẻ ác nghịch. Vả lại, Huy Bá vốn là bọn hào hiệp, mới dự biết được việc này, liền theo đấy mà tố cáo phát giác, thì Huy Bá được nhận phần thưởng là hợp lý. Còn như Trọng Khiêm là người có tội phải bãi truất, thế mà lại tham giàu sang trước mắt, coi Trịnh Lệ như của quý để buôn bán, coi Huy Cơ như đồ vật để đánh bạc, làm lan thêm cái ác nghịch của chúng để may ra mình vớ lấy một chức quan, dụng tâm của Trọng Khiêm kể ra cũng quá nham hiểm! Đem công và tội mà nhân trừ lẫn với nhau, thì Trọng Khiêm không đáng thưởng cho thăng cấp". Trịnh Sâm khen và nhận tờ khải của Nguyễn Thục, bèn hạ lệnh tước bỏ cấp bậc đã cho Trọng Khiêm được thăng, chỉ cho được khôi phục chức cũ; thưởng cho Nguyễn Thục 30 lạng bạc.

Lời phê-Họ Trịnh không giữ đạo làm tôi, cho nên trong nhà, bố con anh em thông thường mưu hại lẫn nhau như thế. Bản thân mình không ngay thẳng, mà muốn bắt người khác phải ngay thẳng, có lẽ cũng khó khăn đấy.

Lời chua-Dương Trọng Khiêm: Có một tên nữa là Trọng Tề, người xã Lạc Đạo[1], huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754) năm Cảnh Hưng.

Nguyễn Huy Bá: Người xã Phú Thị[2], huyện Gia Lâm, đỗ hương cống.

Phạm Huy Đĩnh: Người xã Cao Mỗ[3], huyện Thần Khê.

Trịnh Sâm định phép xét dùng người trong họ tôn thất.

Hạ lệnh cho viên quan giữ công việc phủ tôn nhân, xét kỷ xem người nào có thể cai trị nhân dân, xử trí công việc, thì đưa sang bộ Lại cất nhắc, nhưng mỗi năm không được quá năm người. Bầy tôi có công hiện được trao cho thực chức, nếu người nào trái thể lệ đều cách bỏ đi hết. Từ đấy, tệ tập cầu may mà được làm quan và mạo nhận công trạng, dần dần được thay đổi.

[1] Nay là xã Lạc Đạo, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[2] Nay là xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội

[3] Nay là thôn Cao Mỗ, xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Hợp lại hoặc bỏ bớt một số phủ huyện.

Trịnh Sâm lấy cớ rằng nhân dân trong nước điêu tàn hao hụt, nếu đặt nhiều quan chức chỉ phiền nhiễu cho dân, nghĩ thay đổi tệ tập ấy, bèn bàn định thi hành việc hợp lại hoặc bỏ bớt gồm 4 phủ, 29 châu huyện. Những phủ và châu huyện này đều cho phủ huyện tiếp cận tùy tiện kiêm lý.

Lời chua-Số phủ huyện hợp lại hoặc bỏ bớt.

- Thanh Hoá 2 phủ, 4 huyện: Phủ Tĩnh Gia kiêm lý phủ Thanh Đô (nay đổi Thọ Xuân); phủ Hà Trung kiêm lý phủ Thiên Quan (nay đổi nho quan, thuộc tỉnh Ninh Bình); huyện Vĩnh Phúc (nay đổi Vĩnh Lộc) kiêm lý huyện Thạch Thành; huyện Cẩm Thủy kiêm lý huyện Quảng Bình (nay đổi Quảng Tế); huyện Phụng Hóa kiêm lý huyện Lạc Thổ (nay đổi Lạc Hóa) và An Hóa.

- Nghệ An một phủ, một huyện: Phủ Anh Đô (nay đổi Anh Sơn) kiêm lý phủ Diễn Châu; huyện Nghi Xuân kiêm lý huyện Châu Phúc, (nay đổi Chân Lộc).

- Sơn Tây một phủ 6 huyện: Phủ Lâm Thao kiêm lý phủ Đoan Hùng; huyện Đông Lan (nay đổi Hùng Quan) kiêm lý huyện Tây Lan (nay đổi Tây Quan)[1], huyện Bất Bạc kiêm lý huyện Minh Nghĩa (nay đổi Tùng Thiên); huyện Thạch Thất kiêm lý huyện Mỹ Lương[2]; huyện Hạ Hoa (nay đổi Hạ Hòa) kiêm lý huyện Hoa Khê (nay đổi Cẩm Khê[3], huyện Tam Dương[4] kiêm lý huyện Sơn Dương[5] và Đương Đạo (nay đổi Đăng Đạo).

- Sơn Nam 7 huyện: Huyện Sơn Minh kiêm lý huyện Hoài An; huyện Kim Động kiêm lý huyện Thiên Thi[6]; huyện Phù Dung (nay đổi Phù Cừ) kiêm lý huyện Tiên Lữ[7]; huyện Thanh Liêm kiêm lý huyện Kim Bảng, huyện Duy Tiên kiêm lý huyện Bình Lục[8]; huyện Vọng Doanh (nay đổi Phong Doanh) kiêm lý huyện Ý Yên; huyện Mỹ Lộc kiêm lý huyện Thượng Nguyên.

- Kinh Bắc 4 huyện: Huyện Hữu Lũng kiêm lý huyện Yên Thế[9], huyện Gia Định (nay đổi Gia Bình) kiêm llý huyện Lang Tài, huyện Bảo Lộc kiêm lý huyện Lục Ngạn[10]; huyện Võ Giàng kiêm lý huyện Quế Dương.

- Hải Dương 3 huyện: Huyện Gia Phúc (nay đổi Gia Lộc) kiêm lý huyện Thanh Miện; huyện Thanh Lâm kiêm lý huyện Chí Linh; huyện Thùy Đường kiêm lý huyện An Lão.

- Thái Nguyên 4 huyện, châu: Huyện Đại Từ kiêm lý huyện Phú Lương; huyện Phổ Yên kiêm lý huyện Bình Tuyền (nay đổi Bình Xuyên)[11]; huyện Đồng Hỉ kiêm lý châu Vũ Nhai (Lê gọi là châu, nay đổi làm huyện); châu Định Bắc (nay đổi Định Châu) kiêm lý châu Văn Lãng (Lê gọi là châu, nay đổi là huyện).

---

[1] Các huyện Lâm Thao, Đoan Hùng, Hạ Hòa, Cẩm Khê, nay đều thuộc tỉnh Phú Thọ.

[2] Nay gồm huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

[3] Nt (1).

[4] Huyện Tam Dương nay hợp với huyện Bình Xuyên thành huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

[5] Huyện Sơn Dương nay thuộc tỉnh Tuyên Quang.

[6] Thiên Thi nay Ân Thi. Các huyện Kim Động, Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ, nay đều thuộc tỉnh Hưng Yên.

[7] Nt.

[8] Các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, Duy Tiên, Bình Lục, nay đều thuộc tỉnh Hà Nam.

[9] Hữu Lũng, Yên Thế và Lục Ngạn, nay đều thuộc tỉnh Bắc Giang.

[10] Nt.

[11] Bình Xuyên nay hợp nhất với huyện Tam Dương thành huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hạ lệnh cho Nguyễn Nghiễm giữ công việc ở Quốc Tử giám, Vũ Miên kiêm giữ chức Tế tửu. Lê Quý Đôn và Phan Lê Phiên giữ chức tư nghiệp.

Trịnh Sâm bảo bầy tôi rằng: "Trường học là nơi giáo dục nhân tài. Đế vương đời xưa không ai không cho việc học là việc trước nhất. Nước nhà ta, các bậc thánh vương nối tiếp trị vì, phép giáo dục rất đầu đủ, chọn người hiền, dùng người đức hạnh, thu được khá nhiều nhân tài. Ít lâu nay, thể văn dần dần biến đổi, học trò đục gọt tô điểm câu văn đã thành thói quen. Nay cần nghĩ cách thay đổi tệ cũ, khen thưởng bồi dưỡng cho học trò trở thành người giỏi, để thu lấy công hiệu được nhiều người có tài". Sâm bèn hạ lệnh cho tế tửu và tư nghiệp, hàng ngày đến nhà Thái Học, hội hợp học trò giảng bàn sách Kinh, sách Sử; mỗi tháng cứ ngày mồng một và ngày rằm tập văn; mỗi năm cứ 4 tháng trọng[1] thi khảo xét duyệt, nhất thiết theo như phép thi. Trong số học trò có người nào học hỏi trội hơn, văn chương sâu rộng quán xuyến, thì kê tên tâu lên triều đình biết để cất nhắc trao cho quan chức. Ở ngoài các trấn thì do viên đề đốc học chính trong ti Thừa chính và hiệu quan (viên quan giữ chức dạy học ở phủ) cứ 4 tháng trọng, thi khảo học trò, theo như phép thi khảo ở trường Quốc Học. Về phần hiệu quan, thì xét theo sự chăm chỉ hoặc trễ biếng để cho thăng chức hoặc truất bãi. Do đấy phong thái học trò được phấn chấn dần.

Lời chua-Vũ Miên: Người xã Xuân Quan, huyện Lang Tài[2], đỗ tiến sĩ khoa Mậu thìn (1748) năm Cảnh Hưng.

Phan Lê Phiên: Người xã Đông Ngạc[3], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757) năm Cảnh Hưng.

Tháng 10, mùa đông. Hoàng Văn Chất cướp Hưng Hóa, sau lại cướp Thanh Hoa. Triều đình sai bọn Trịnh Phương, Nguyễn Trọng Điển hội đồng với Nguyễn Đình Diễn đem quân ra đánh.

Hoàng Văn Chất quấy nhiễu cướp bóc các châu Mai, Châu Mộc thuộc Hưng Hóa; sau đấy chia quân đi cướp các động, các sách Quan Gia, Cổ Lũng, Thiết Ứng, Ái Chữ và Bất Mộc thuộc Thanh Hoa; rồi lại lập mưu đánh úp huyện Phụng Hóa, định nhân đấy chiếm cứ châu Lang Chính để nhòm ngó An Trường. Quân chúng của hắn gồm hai vạn người. Văn thư cáo cấp ở hai trấn cùng một lúc về đến triều đình. Trịnh Sâm bèn hạ lệnh cho thiếu phó Phương Nghĩa hầu Trịnh Phương đem binh lính bản bộ đến Hưng Hóa, Điển Vũ hầu Nguyễn Trọng Điển đem binh lính bản bộ đến Thanh Hoa, theo quyền viên trấn thủ Nguyễn Đình Diễn, hội hợp quân sĩ tiến hành. Văn Chất liền chạy trốn.

Lời chua-Trịnh Phương: Tộc thuộc của họ Trịnh.

Hưng Hóa và Thanh Hoa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 20, 21, 30, 31, 33, 35).

Mai Châu: xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 3 (Chb. XXXVI, 3).

Mộc Châu: Xem Bình Định Vương, năm thứ 10 (Chb. XIV, 15).

Quan Gia: Tên châu, thuộc phủ Thọ Xuân.

Cổ Lũng và Thiết Ứng: Đều tên sách, thuộc huyện Cẩm Thủy,

Ái Chử: Tên động, thuộc châu Quan Gia.

Bất Một: Tên động, thuộc châu Lang Chánh.

Phụng Hóa: Tên huyện, xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 1, 2).

---

[1] Tức là trọng xuân (tháng 2) trọng hạ (tháng 5), trọng thu (tháng 8) và trọng đông (tháng 11).

[2] Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[3] Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Lang Chánh: Tên châu, thuộc phủ Thọ Xuân, Thanh Hóa.

An Trường: Tên xã, xem Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVI, 1, 2).

Trịnh Sâm đổi bổ Nguyễn Gia Dung làm tả thị lang bộ công.

Vợ Gia Dung, là Nguyễn Thị, làm nhũ mẫu Trịnh Sâm, vì Nguyễn Thị có công nuôi nấng, nên lúc Trịnh Sâm mới nối ngôi, Gia Dung đương giữ chức trông coi hình phiên được thăng ngay lên thái tử thiếu bảo, tước quận công. Đến nay, Gia Dung xin nhận chức kém xuống hai trật mà cho đổi sung văn ban. Trịnh Sâm chuẩn y.

Lời chua-Thái tử thiếu bảo: Theo quan chức chí triều cố Lê, thái tử thái bảo hàm tòng nhị phẩm, thị lang hàm tòng tam phẩm.

Mấy Tý, năm thứ 29 (1768). (Thanh, năm Càn Long thứ 33).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai hoạn quan Nguyễn Đình Huấn làm thống lãnh các đạo Thanh Hoa, Sơn Tây và Hưng Hóa, đem quân đi đánh Thanh Châu.

Hoàng Văn Chất lén lút chiếm cứ động Mãnh Thiên, nhân địa thế hiểm trở để cướp bóc, chiếm lấy đất 10 châu. Lúc ấy triều đình cũng chán về việc dụng binh, không để ý đến. Văn Chất bèn cướp Hưng Hóa, sau lại cướp Thanh Hoa. Quan quân chia đường tiến đánh, không sao thắng được. Đến nay, Hoàng Phùng Cơ, lưu thủ Sơn Tây, xin cùng với quân các đạo hội đồng càn quét, Trịnh Sâm chuyển y, bèn bổ dụng Phạm Ngô Cầu, trấn thủ Hải Dương, sung làm hiệp thống lãnh, Phan Lê Phiên làm tán lý, Nguyễn Xuân Huyên làm hiệp đồng, cùng với chánh thống lãnh Nguyễn Đình Huấn hội hợp quân các đạo để tiến đánh.

Lời chua-Thanh Châu: Xưa gọi Mường Thanh, nay là đất châu Ninh Biên, thuộc Hưng Hóa[1].

Mười Châu: Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu, Ninh Biên, Quảng Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phì, Lễ Tuyền, Khiêm Châu và Tuy Phụ. Nay 4 châu Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu và Ninh Biên thuộc Hưng Hóa; 2 châu Quảng Lăng và Hoàng Nham thuộc Vân Nam [Trung Quốc]; còn 4 châu Hợp Phì, Lễ Tuyền, Tuy Phụ và Khiêm Châu không khảo cứu được.

Tháng 3. Sâm phong hiệu quốc sư cho thầy học là Nguyễn Hoàn.

Trước kia, Trịnh Sâm ở Lượng Phủ, Hoàn chầu chực giảng nghĩa sách, vẫn được Sâm tri ngộ. Đến nay, Hoàn dâng bộ sách Tiềm long thực lục[2], Sâm càng có lòng kính yêu. Theo chế độ cũ, viên quan giảng nghĩa sách trong phủ chúa, chưa có hiệu là quốc sư, nay Sâm hạ lệnh dùng hiệu quốc sư để gọi Nguyễn Hoàn.

Hạ chiếu tìm bộ Thiên Nam dư hạ lục.

Trước kia, về niên hiệu Hồng Đức[3] Thánh Tông hạ lệnh cho bầy tôi nho học là bọn Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận soạn định tập sách Chức quan chế bản triều (triều Lê) và điều lệ và điển chương, gồm 100 quyển, đặt tên sách là Thiên Nam dư hạ lục[4]. Đến nay, sách ấy tan tác mất nhiều, nên hạ chiếu tìm kiếm. Lúc ấy Ngô [Thì] Sĩ, hiến sát sứ Thanh Hoa, đem dâng sách ấy, triều đình hạ lệnh thưởng cho 30 lạng bạc.

Tháng 5, mùa hạ. Cấm thiện tiện bắt dân sở tại chạy trạm chuyển đệ văn thư.

---

[1] Nay thuộc tỉnh Lai Châu.

[2] Sách chép sự việc khi Trịnh Sâm chưa lên ngôi.

[3] Sách Thiên nam dư hạ lục biên soạn năm Hồng Đức thứ 14. Xem thêm Chính biên quyển XXIII, tờ 40.

[4] Nt.

Lúc ấy, những nơoi trạm đệ văn thư, phần nhiều có sự thiện tiện bắt dân phu phải phục dịch, làm náo động cả nhân dân ở ven đường. Bèn hạ lệnh từ sau phải theo phép trạm đệ. Nếu văn thư trong kinh phát ra thì dùng lính trong kinh chuyển đệ, văn thư ngoài trấn phát ra thì dùng lính ở trấn chuyển đệ, không được bắt dân sở tại một cách ngang trái.

Lời chua-Phép trạm đệ: Mỗi trạm có 10 lính trạm, một phó hiệu và hai đôi ngựa, phàm công văn đi lại chuyển đệ, từ Nghệ An qua Thanh Hoa, Sơn Nam đến kinh sư, từ kinh sư chuyển sang Kinh Bắc đến Lạng Sơn.

Hạn hán. Dân bị đói to.

Nghệ An và các trấn Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam giá gạo cao vọt, nhân dân đói khổ, một trăm đồng tiền không đủ một bữa ăn no. Trịnh Sâm lấy làm lo, triệu bầy tôi bàn định chính sách cứu đói: hạ lệnh cho quan trấn Nghệ An hiểu bảo dân trong hạt, ai nộp thóc sẽ được trao cho quan chức, để lấy số thóc ấy phát chẩn cho dân nghèo; ti Hiến sát các trấn dò hỏi sự đau khổ ở dân gian, cấm các tuần ti và bến đò đánh thuế ngang trái. Do đấy, việc buôn bán trao đổi không đình trệ, giá gạo dần dần giảm xuống. Lại hạ lệnh cho nhà giàu Thanh Hoa nộp thóc, đem chứa ở kho Nghệ An, sẽ liệu lượng phong cho quan chức có từng cấp bậc.

Tháng 6. Đem ruộng bỏ hoang ở Hương Sơn cấp cho dân Cao Châu bị phiêu tán.

Các động ở Cao Châu bị Duy Mật khống chế, dân bản thổ phiêu tán đi nơi khác, cùng đem nhau quy phụ với triều đình.

Bèn hạ chiếu đem ruộng bỏ hoang ở Hương Sơn cấp cho họ cày cấy.

Lời chua-Hương Sơn: Tức Đỗ Gia, xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 21).

Cao Châu: Tức Trịnh Cao, xem Bình Định Vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 9).

Tháng 7, mùa thu. Bên mặt trời có quầng như hình mặt trời.

Bổ dụng Phan Lê Phiên làm đốc trấn Cao Bằng.

Trước đây, bàn hội hợp quân sĩ đi đánh mặt tây[1], dùng Lê Phiên làm tán lý. Gặp lúc ấy, Nguyễn Trọng Hoành, đốc trấn Cao Bằng, vì bòn rút của dân làm của riêng mình, bị dân trong châu cáo tố, bèn hạ lệnh bổ Lê Phiên làm đốc trấn. Trọng Hoành không được yên tâm, việc cớ có bệnh, xin từ chức. Nhân đấy, bổ Trọng Hoành giữ chức tán lý mà dùng Lê Phiên thay làm đốc trấn Cao Bằng.

Đặt vệ binh ở Cao Bằng.

Mỗi châu đặt một vệ binh, mỗi vệ hai hiệu, châm chước theo phép vệ sở đặt ở ngoại trấn[2] từ năm Quang Thuận trước. Việc này là theo lời nói của Phan Lê Phiên.

Lời chua-Phép vệ sở: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 2).

Sửa quán Trấn Võ.

Lời chua-Quán Trấn Võ[3]: Nay ở xã Thụy Chương, huyện Vĩnh Thuận ngoài cửa Tây Bắc tỉnh Thành Hà Nội.

Tháng 8. Ánh sáng mặt trăng giao tiếp với ánh sáng Tuế Tinh.

Khởi phục Đoàn Nguyễn Thục giữ chức giám quân các đạo Thanh Hoa, Sơn Tây và Hưng Hóa.

---

[1] Tức Hoàng Công Chất, xem thêm tờ 15 trong cuốn này.

[2] Tức Yên Quảng, Cao Bằng, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn.

[3] Ở góc phố Quan Thánh và đường Thanh Niên, nhìn ra Hồ Tây, thuộc quận Ba Đình, Hà Nội.

Nguyễn Thục vì có tang mẹ về nhà, triều đình đã hai lần khởi phục làm thiêm đô ngự sử, đều cố từ chối. Gặp lúc ấy triều đình sai quân đi đánh Thanh Châu, nhân đấy, Nguyễn Thục xin tòng quân, vì thế mới có lệnh khởi phục ấy.

Tháng 10, mùa đông. Khôi phục lại số lấy đỗ ở Trường Thi Sơn Nam.

Theo thể lệ cũ, số lấy đỗ ở trường thi Sơn Nam: kỳ đệ tam lấy đỗ 1. 000 người kỳ đệ tứ lấy 100 người. Khoảng niên hiệu Chính Hòa[1], vì học trò làm náo động trong trường thi, nên số lấy đỗ theo ngạch cũ bị rút bớt đi. Đến nay, học trò, trong trấn lại nhờ nội giám Phạm Huy Đĩnh trình bày xin giúp, Trịnh Sâm chuẩn y, hạ lệnh cho khôi phục lại ngạch cũ.

Lời chua-Rút bớt ngạch cũ: Số lấy đỗ kỳ đệ tam, kém ngạch cũ 200 người, kỳ đệ tứ kém ngạch cũ 20 người.

Bọn Dương Sử, quan chấm trường thi Nghệ An, vì có tội bị giáng chức.

Khoa thi Hương năm ấy, vì có người nói trường thi Nghệ An lấy tên Nguyễn Ky đỗ là quá lạm. Triều đình hạ lệnh thi lại, quả nhiên tên Ky không làm nổi bài, bỏ quyển giấy trắng. Bọn Dương Sử và Nguyễn Duy Thức giữ chức chấm thi tring thi viện, đều vì cớ lấy đỗ hoặc đánh hỏng không tinh tường, phải tội giáng chức.

Lời chua-Dương Sử: Người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754) năm Cảnh Hưng.

Nguyễn Duy Thức: Người xã Vọng Nguyệt, huyện Yên Phong, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1763) năm Cảnh Hưng.

Kỷ Sửu, năm thứ 30 (1769). (Thanh, năm Càn Long thứ 34).

Tháng giêng, mùa xuân. Thống lãnh đoàn Nguyễn Thục kéo quân vào Thanh Châu, bình định được động Mãnh Thiên.

Trước đây, Nguyễn Đình Huấn vâng lệnh đi đánh giặc Hoàng Công Chất, khi kéo quân đến Cổ Pháp, chần chừ không tiến quân, nhiều lần Trịnh Sâm sai người thúc giục, Đình Huấn bèn tiến quân đóng ở Việt Sơn, bắt dân cung cấp lương thực, dân đều trốn tránh, lùng bắt không được người nào, ngờ có quân mai phục, trong bụng càng sợ hãi, bèn bàn kế rút quân về. Bọn Phạm Ngô Cầu cũng phụ họa với lời bàn của Đình Huấn, tán lý Vũ Huy Đĩnh không sao quyết đoán được, chỉ có giám quân Đoàn Nguyễn Thục cố tranh cải, cho là không nên rút quân.

Bọn Đình Huấn liền cho người phi ngựa đệ tờ khải nói: "Trong quân lương ăn không được kế tiếp, tiến thoái đều khó. Vả lại quân sĩ nhiều người mắc bệnh, xin cho thuốc thang cứu chữa". Lúc ấy, Nguyễn Thục cũng làm tờ khải trình bày theo, nói rõ là Đình Huấn hiệu lệnh không thống nhất; khinh rẽ lấn át tướng hiệu: buông lỏng cho quân lính đi cướp bóc; chần chừ không chịu tiến quân; tất cả mười việc.

Đương đêm, Trịnh Sâm nhận được tờ khải của Đình Huấn, đã có ý không bằng lòng, cho trệu các quan trong chính phủ vào bàn định, nghiêm khắc quở trách Đình Huấn. Tiếp đó lại thấy tờ khải của Nguyễn Thục, Trịnh Sâm nổi giận nói: "Ta vẫn biết Đình Huấn không thể dùng được, nay quả nhiên như thế". Lập tức hạ lệnh triệu Đình Huấn về, mà bổ Nguyễn Thục kiêm giữ chức thống lãnh các đạo Sơn Tây, cầm quân thay Đình Huấn, lại đổi bổ Vũ Huy Đĩnh giữ chức giám quân, Nguyễn Trọng Hoành giữ chức tán lý.

Lúc ấy, nghịch Chất đã mất, con là Công Toản tự xưng là quốc công, thống suất đồ đảng vẫn chiếm cứ khu đất này. Nguyễn Thục sau khi đã thay làm tướng, quyết kế tiến đánh, cầm gươm ra lệnh cho tướng sĩ rằng: "Nếu người nào không theo mệnh lệnh, sẽ trông vào thanh kiếm này". Tướng sĩ không ai là không run sợ. Nguyễn Thục bèn tiến quân vào Thanh Châu, quân trẩy đến đâu không xâm phạm tơ hào gì của dân cả. Công Toản giữ ở Thẩm Cô để kháng cự lại, các nơi xung yếu đều có đặt quân mai

[1] Chính Hòa (1680-1704) một niên hiệu triều Lê Hi Tông.

phục. Nguyễn Phục sai toán quân nhanh nhẹn sắc bén tiến lên trước đánh úp, tiếp đó sai toán quân mạnh khỏe theo đường tắt hợp sức cùng đánh, phá tan được quân địch. Công Toản lỏn chạy sang Vân Nam. Nguyễn Thục vào chiếm lấy thành, sai quan quân chia đường truy nã, bắt được quân nhu, khí giới và thóc lúa tích trữ không sao kể xiết, bèn sang phẳng cả thành, rồi kéo quân trở về.

Sau bàn công đánh dẹp: Nguyễn Thục tuy có công tiến đánh, nhưng sau khi hạ được thành, không lập tức đuổi theo, để nghịch Toản chạy thoát được, nên chỉ được thăng hai bậc, trao cho chức tự khanh; Đình Huấn vì nhút nhát rút lui nên phải giáng chức và tước mất lộc binh dân. Còn các người khác đều căn cứ vào công hoặc tội, mà cho thăng chức hoặc truất giáng có từng bậc khác nhau.

Định thuế đất bãi.

Hạ lệnh cho quan trong ba ty ở các trấn đi khám thực, xem đất bãi nào hiện trồng được lúa, dâu, khoai, đậu, để định ngạch thuế.

Tháng 2. Miễn tô thuế năm nay cho trấn Hưng Hóa..

Nguyễn Thục lấy cớ rằng động Mãnh Thiên mới được bình định, nhân trình bày cách khu xử hơn mười việc. Đại lược nói: "Dân trong châu sau khi qua loạn lạc, số người xơ xác hao hụt, thị tộc người Man, người Nùng áo xanh phần nhiều nay đây mai đó theo tục di cư của họ, tù trưởng ở phiên trấn buông lỏng kỷ luật, lúc phụ thuộc vào nhà Thanh, lúc theo về nước Lào, không nhất định thuộc về nước nào cả. Vậy xin bàn luận rộng ơn thương dân, định lại điều lệ, để cho dân mười châu được biên tên vào sổ hộ khẩu nước ta mãi mãi". Trịnh Sâm hạ lệnh hết thảy các việc đều cho thi hành. Vì thế, hạ chiếu tha thuế tô năm nay cho các châu thuộc Hưng Hóa cùng người Nùng, các người Man ở Sơn Trạng; lại tha những thuế còn thiếu; cấm hẳn việc thiện tiện mua phẩm vật, tha tội cho các tù trưởng và vẫn được làm thổ tù; binh lính bản thổ ở các châu thì liệu lượng suất số chia thành từng hiệu để điều tự giữ lấy đất đai. Một mặt, hạ lệnh cho viên quan ở trấn nghiêm cấm thổ tù không được theo thói cũ đánh cướp lẫn nhau, không được theo ý riêng nối ngôi tù trưởng, không được thiện tiện giết hại thổ dân trong hạt. Lại cấm dân các châu châu Lai Châu, Luân Châu, Chiêu Tấn và Quỳnh Nhai không được bắt chước mặc kiểu áo người nhà Thanh và nộp tô thuế riêng biệt.

Tháng 3. Sâm truất ngôi hoàng thái tử Duy Vĩ, rồi bắt giam vào ngục.

Thái tử lúc còn nhỏ, thông minh, nhanh nhẹn, xem rộng sách Kinh, sách Sử, đối với sĩ phu rất lễ độ; thần dân không ai là không mến yêu thái độ, dung nghi. Trịnh Doanh rất trọng tài của thái tử, nên đem con gái trưởng là Tiên Dung quận chúa gã cho. Thái tử vẫn bực tức về nỗi nhà Lê mất quyền bính, khẳng khái có chí thu nắm lấy quyền cương. Trịnh Sâm lúc lớn lên làm thế tử, đối với thái tử, hắn vẫn ghen ghét về địa vị tài năng. Một hôm, thái tử và Sâm cùng ở phủ đường được chúa Trịnh ban cho ăn cơm và bảo cùng ngồi một mâm, lúc ấy vợ Trịnh Doanh là Nguyễn Thị ngăn đi và nói: "Thế tử, với thái tử có danh phận vua tôi, lẽ nào được ngồi cùng mâm? Nên phân biệt ngồi làm hai chiếu". Sâm đổi nét mặt, bước ra về, nói với người ngoài rằng: "Ta với Duy Vĩ hai người, phải một chết một sống, quyết không song song cùng đứng với nhau được".

Kịp khi Sâm nối ngôi, bàn vụng với hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đĩnh định mưu truất bãi thái tử, nhưng không có lẽ gì buộc tội, bèn vu cho thái tử tư thông với người phủ thiếp của Trịnh Doanh, rồi đem tội trạng ấy tâu bày với nhà vua bắt thái tử giam vào ngục.

Trước đây, trong giếng Tam Sơn ở sau cung điện, bổng nhiên có tiếng như sấm, thái tử e rằng tất xảy ra tai nạn, nói để nhà vua biết; nhà vua thường cầu đảo cho thái tử được thoát nạn. Đến nay, thái tử biết tin tai nạn phát sinh, vào ở tiểm điện của nhà vua. Huy Đĩnh trước hết vào tìm khắp trong đông cung, nhưng không thấy, bèn vào thẳng điện đình kể tội trạng thái tử và nói với nhà vua rằng: "Tôi nghe biết thái tử ẩn nấp trong tiểm điện của bệ hạ, xin bắt giao cho tôi". Nhà vua ôm mãi lấy thái tử, không nỡ ly biệt. Huy Đĩnh cứ quỳ mãi ở dưới sân. Thái tử tự nghĩ không thể nào thoát nạn được, vừa khóc vừa lạy trước mặt nhà vua, rồi rảo chân bước ra chịu trói. Khi đưa về phủ chúa Trịnh, Huy Đĩnh bắt thái tử trút mũ ra để nhận tội, thái tử không chịu, nói: "Bỏ vua này, lập vua khác, bạo nghịch giết vua, là việc làm đã quen của nhà bay, chứ ta có tội gì đâu? Việc này đã có sử xanh chép để ngàn đời!" Trịnh Sâm giả thác mệnh lệnh của nhà vua, truất thái tử làm thứ nhân, rồi giam vào ngục.

Lời phê-Một việc vô cùng thê thảm, đau đớn đến ngàn đời. Đọc Sử đến đây làm cho lỗ mũi người ta phải chua xót! Việc này cùng với việc phá tường để bắt Phục Hậu[1] cùng một cảnh đáng đau lòng. Lại đáng giận lúc ấy khanh tướng đầy triều đình, mà không một người nào dám nói, chỉ có Nguyễn Lệ vì liên can mới phải tự tiết[2] mà thôi, như thế có thể trong triều lúc bấy giờ không có người nào ra gì cả. Đến cả Nguyễn Thị là mẹ Trịnh Sâm cũng không nói một lời để giải cứu, thế thì bụng dạ Nguyễn Thị ra thế nào? Thà rằng trước kia đừng phân biệt chỗ ngồi lại còn hơn[3]. Đem so sánh với Vũ Thị[4] thì Nguyễn Thị còn kém nhiều lắm.

Lời chua-Giếng Tam Sơn: Nay ở sau điện Long Thiên thuộc tỉnh thành Hà Nội.

Nguyễn Thị, vợ Trịnh Doanh: Người xã Thịnh Mĩ, huyện Lôi Dương, mẹ đẻ của Tiên Dung quận chúa.

Tháng 4, mùa hạ. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Tháng 5. Sao Thiên Cẩu xuất hiện, ánh sáng suốt bầu trời, có tiếng như sấm.

Lời chua-Mục "Thiên văn chí" trong Tiền Hán thư chép rằng: Sao Thiên cẩu hình dáng giống sao lớn đổi ngôi. Mạnh Khanh nói: Sao Thiên Cẩu có đuôi, bên cạnh có hình cái chổi, bên dưới có hình con chó, sao này cũng là tinh khí của sao Thái Bạch. Người xem thiên văn nói là triệu chứng phá quân, giết tướng. Chó là giống vật biết giữ nhà và chống kẻ gian.

Kén vệ binh ở bốn trấn.

Vì sắp dụng binh đánh Trấn Ninh, bèn hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm chiểu theo số ngạch lính năm Canh Thân (năm Cảnh Hưng thứ nhất, 1740) kén chọn lính để bổ sung, sẽ phân phối cho lệ thuộc vào đội ngũ, để phòng bị khi trưng dụng xuất quân).

Tháng 7, mùa thu. Sao Chổi xuất hiện.

Sao Chổi xuất hiện dài suốt bầu trời, đường đi chỉ về phương tây nam, 42 ngày mới lặn.

Tháng 8. Trịnh Sâm tự tiến phong làm thượng sư Tĩnh vương.

Sâm giả thác mệnh lệnh nhà vua, tự tiến phong làm đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư Tĩnh vương.

Lập Duy Cận làm hoàng thái tử.

Duy Cận là con thứ tư của nhà vua. Sau khi Duy Vĩ đã bị truất, Duy Cận ra vào phủ chúa Trịnh, tôn thờ mẹ Trịnh Sâm là thái phi Nguyễn Thị rất kính cẩn, Sâm tâu nhà vua xin lập làm hoàng thái tử.

Thanh Hoa có thủy tai lớn, đê Tây Hồ ở Lam Kinh bị vỡ.

Sâm sai tướng là bọn Bùi Thế Đạt đi đánh Trấn Ninh.

Trước kia, Duy Mật thì thọt ra vào vùng Sơn Tây và Thanh Hoa, sau vào Trấn Ninh, chiếm cứ thành Trình Quang, dần dần số người đông, của cải nhiều, kiêm tính các người Lào ở châu Quỳ, châu Trà, châu Cao, châu Hợp bắt họ phải phục dịch lệ thuộc vào mình, thế lực có phần cường thịnh. Trịnh Doanh nhiều lần sai quân đi đánh, nhưng vì chỗ ấy vừa hiểm trở vừa xa xăm, không thể nào đánh được. Lúc Trịnh Sâm mới lên ngôi, sai Nguyễn Mậu Dĩnh, tham nghị Nghệ An, đem sắc thư đi, nhưng không

---

[1] Cuối đời Tây Hán, Tào Tháo làm thừa tướng, uy quyền át cả vua. Phục hoàng hậu, vợ Hán Hiến đế, lập mưu giết Tháo, việc bại lộ, Tháo sai Hoa Hâm đem quân vào cung để bắt. Phục hậu đóng cửa lại rồi núp ở bức tường trong cung, Hoa Hâm phá cửa, đạp đổ tường lôi ra. Phục hậu bảo Hiến Đế rằng: "Chả thể sống được để trông thấy nhau đâu!". Hiến Đế nói: "Tính mạng của tôi cũng chưa biết sống chết lúc nào đây!" (Tư trị thông giám quyển LXVII, tờ 2134).

[2] Xem thêm tờ 37 trong cuốn này.

[3] Chỉ việc Nguyễn Thị không cho Trịnh Sâm được ngồi chung chiếu với Duy Vĩ.

[4] Xem thêm chú thích số 1, Chính biên quyển XXXVIII, tờ 38.

được vào thành, phải trở về. Đến nay quyết kế dùng mưu đánh dẹp. Trước hết đem việc ấy bảo rõ cho binh lính biết, rồi sai Bùi Thế Đạt làm thống lãnh Nghệ An, Nguyễn Phan làm chánh đốc lãnh Thanh Hoa, Hoàng Đình Thể làm đốc lãnh Hưng Hóa, điều động binh mã ba đạo đi đánh Trấn Ninh.

Lời chua-Hoàng Đình Thể: Người xã Hà Thượng, huyện Hậu Lộc[1], đỗ tạo sĩ.

Sơn Tây, Thanh Hoa, Nghệ An, Hưng Hóa: Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 16, 18, 19 20-23, 27, 28, 30, 33, 35).

Quỳ Châu và Trà Châu: Đều xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 17, 20, 21).

Cao Châu: Tức Trịnh Cao, xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 9).

Quy Hợp: Xem Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Phủ Trấn Ninh: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30, 31).

Thành Trình Quang: Thuộc phủ Trấn Ninh.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Sâm bổ dụng Nguyễn Lệ và Lý Trần Thản giữ chức tả, hữu tư giảng, để dạy con là Khải (có một tên nữa là Tông).

Lời chua-Lý Trần Thản: Người xã Lê Xá, huyện Duy Tiên[2], đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1769) năm Cảnh Hưng.

Tháng 12. Xã An Lệnh mưa ra máu.

Lời chua-An Lệnh: Tên xã, xem năm thứ 22 ở trên (Chb. XLII,9).

Sét đánh núi Bia đá thuộc Phú Yên, sắc đá thay đổi hết.

Quãng núi Bia đá thuộc Phú Yên bị sét đánh, đá sắc đen đổi hết thành sắc trắng, đứng xa trông bia đá đứng sững hình như vôi trắng. Duệ Tông Hiếu Định hoàng đế ta sai quan cầu đảo.

Lời chua-Núi Bia đá: Ở phía đông huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Thế núi tròn và nhọn, đá đỉnh núi đứng sững, sắc đen. Tương truyền Thánh Tông nhà Lê vào Nam đánh Chiêm Thành, mở đất đến đây. Trên vách đá cheo leo ở đỉnh núi, nhà vua sai mài sườn núi khắc chữ vào đá để làm chổ chia giới mốc với Chiêm Thành, cho nên gọi tên là núi Bia đá.

Canh Dần, năm thứ 31 (1770). (Thanh, năm Càn Long thứ 35).

Tháng giêng, mùa xuân. Bùi Thế Đạt và Nguyễn Phan tiến quân đánh phá được Lê Duy Mật ở gò cao thành Trình Quang. Duy Mật tự gieo mình vào đống lửa chết. Hạt Trấn Ninh được bình định.

Duy Mật giữ lấy chỗ gò cao thành Trình Quang, dựa vào hang hốc núi non làm kiên cố. Được tin quân ba đạo kéo vào, hắn muốn cố chết giữ vững lấy thành, rồi cho toán quân lưu động lẻn ra đón đường chặn đánh làm cho quan quân mỏi mệt. Thế Đạt và Nguyễn Phan đốc suất quân hai đạo Thanh, Nghệ, bám sát sườn núi tiến vào, đánh phá ở các xứ Trình Ban và Bạn Xung, nhiều lần được thắng trận, nhân đấy tiến sát đến ngoài gò cao thành Trình Quang, chia ra đặt doanh trại. Duy Mật cho quân đóng yên một nơi không hành động, hai viên tướng chưa biết thực hư thế nào không dám cho quân tiến thẳng vào. Gặp lúc ấy, Hoàng Ngũ Phúc chiêu dụ được mẹ tên Lại Thế Thiều là viên tướng của Duy Mật, Ngũ Phúc sai mụ này viết thư dụ dỗ Thế Thiều để làm nội ứng. Thế Thiều là con rể Duy Mật, khi nhận được thư của mẹ, bèn nhị tâm với Duy Mật, hắn ngầm khuyên đồ đảng là Lê Văn Bản mở cửa thành ngoài cho quan quân tiến vào. Khi quan quân đã vào, bèn bắc thang trèo lên bắn vào trong thành, tiếng súng suốt

---

[1] Tỉnh Thanh Hóa.

[2] Tỉnh Hà Nam.

ngày đêm không ngớt. Duy Mật tự biết rằng đã vỡ lỡ ngay từ trong nhà rồi, liền tụ tập vợ con, rồi tung lửa đốt để tự chết cháy.

Bọn Thế Đạt vào thành, thu thập được khí giới, ngựa, voi, và vàng lụa kể cả hàng vạn. Dùng thổ tù là Lư Cầm Uẩn, Lư Cầm Khâm làm chánh xà và phó xà[1] để giữ đất ấy. Trấn Ninh hết thảy đều bình được.

Sau bàn luận công đánh dẹp, gia phong Bùi Thế Đạt làm đại tư đồ, Nguyễn Phan làm thái tể, Hoàng Đình Thể làm thiếu bảo; còn tán lý, tham mưu, giám quân và tướng hiệu đều thăng thưởng có từng cấp bậc khác nhau.

Trước đây bàn định việc dùng quân đánh Trấn Ninh, các quan trong ngoài đều cho là khó, vì chỗ ấy vừa hiểm trở vừa xa xăm, chỉ một mình Trịnh Sâm đoán trước là tất thắng, cho nên mưu mô đánh dẹp đều do Sâm vạch ra, thành thử cuối cùng mới có thể thu được toàn thắng. Nhưng cũng về việc thắng trận này mà mới sinh ra lòng thích đánh dẹp, khinh thường việc dùng binh lính.

Lời chua-Lại Thế Thiều: Người xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn, con cháu công thần Lại Thế Cường.

Lê Văn Bản: Người xã Xuân Dương, huyện Yên Khánh.

Động Trình Ban: Thuộc châu Mai Sơn, Hưng Hóa.

Động Bạn Xung: Thuộc phủ Trấn Ninh, Nghệ An.

Tháng 3. Bãi binh lính tứ trấn về làm ruộng.

Vì cớ đã bình định được Trấn Ninh.

Mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Kén lính Thanh, Nghệ.

Lúc bắt đầu trung hưng, ngạch lính hai xứ Thanh, Nghệ, cứ ba suất đinh lấy một người, khoảng năm Bảo Thái giảm nhẹ đi, cứ năm suất đinh lấy một người[2], sau lại cứ ba suất đinh lấy một[3]. Tiếp đó hàng năm số hộ khẩu nơi tăng nơi giảm không nhất định, viên quan có trách nhiệm cứ theo định ngạch để bắt lính sung bổ, nặng nhẹ không đều, rồi sinh ra sự đòi lính bỏ trốn, bắt lính còn thiếu số, không ngày nào yên. Dân gia bị điêu tàn, không có người để điền thế, số quân trong sổ mỗi ngày mỗi hao hụt. Các quan giữ công việc trong chính phủ xin phái quan đi khám xét tình thực để lấy lính sung bổ một cách công bình. Triều đình bèn sai Bùi Thế Đạt, trấn thủ Nghệ An, khám xét bổ sung binh lính trong hạt mình cai quản; quan trong kinh là Lê Quý Đôn, Đoàn Nguyễn Thục đi khám xét để bổ sung lính Thanh Hoa.

Tháng 10, mùa đông, Trịnh Sâm tự gia phong làm thượng sư thượng phụ, duệ đoán văn công võ đức Tĩnh vương.

Sâm tự nhận là công đức ngày càng lừng lẫy, bèn giả thác mệnh lệnh nhà vua tự tiến phong là đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư thượng phụ, duệ đoán văn công võ đức Tĩnh vương.

Tháng 12. Định phép đánh thuế tơ và muối.

Theo chế độ cũ, hiệu tả giáp, tả ất (thuộc tả trung cung) giữ về việc tơ, thu thuế tơ để cung cấp vào việc may nhung phục, mà không đánh thuế đất bãi; thuế muối thì không căn cứ vào số ruộng, chỉ thu thuế những bếp hiệu nấu muối. Sau, tơ sống để tích lũy lâu ngày, mục nát không sao dùng được, mà dân gian bỏ thiếu cũng nhiều; về các hộ nấu muối thì nhà giàu nhà nghèo không đều, họ đem tình tệ riêng tố khổ lẫn nhau; lại có khi một thửa ruộng mà hai lần thu thuế muối, táo đinh không sao chịu nổi

---

[1] Xà tức xà bồn xà nói tắt, tục dân Man gọi người tù trưởng là xà. Xem thêm lời chua của Cương Mục Chính biên quyển XXXIV, tờ 48.

[2] Thi hành năm Bảo Thái thứ 2 (1721) xem thêm Chính biên quyển XXXV, tờ 40.

[3] Thi hành năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) xem thêm Chính biên quyển XXXVIII, tờ 22.

sự nặng nề, viên trưng phủ (tên quan) sớm tối thúc giục mà mười phần không thu được một phần. Đến nay, bàn xá hết số còn bỏ thiếu lâu ngày của hai hạng thuế ấy. Từ nay, về thuế tơ thì cho thì cho chiết nạp theo số dật, diêm hộ thì căn cứ vào số ruộng hiện làm muối để thu thuế. Hộ phiên không đánh thuế thổ sản nữa.

Lời chua-Số dật: Sách Mạnh Tử tập chú chép mỗi dật 24 lạng. Trinh Khang Thành nói mỗi dật 30 lạng. Lại Sử ký chép từ nhà Hán trở về trước dùng dật để định bản vị loài kim. từ nhà Hán trở về sau dùng cân để định bản vị loài kim, mỗi dật 24 lạng, mỗi cân 16 lạng.

Thuế tơ: Tơ trắng mỗi dật nộp thuế 5 tiền; tơ vàng mỗi dật nộp thuế 3 tiền 20 đồng.

Thuế muối: Ruộng muối công mỗi mẫu nộp thuế 8 tiền; ruộng muối ở ngoại đê mỗi mẫu nộp kém đi 2 tiền; ruộng muối tư mỗi mẫu nộp 3 tiền.

Tân Mão, năm thứ 32 (1771). (Thanh, năm Càn Long thứ 36).

Tháng giêng, mùa xuân. Định Phép thay đổi cho các viên phủ, huyện đã mãn hạn khảo công.

Định phép: Các viên phủ, huyện tại chức đủ 6 năm là một kỳ hạn.

Lại hạ lệnh: Những phủ hoặc huyện trước kia cho kiêm lý, nay lại chia ra cai trị như cũ.

Trước đây, các phủ, huyện hoặc hợp lại hoặc giảm bớt đi, mà cho các phủ huyện tiếp cận kiêm lý[1]. Dân gian cho đó là việc mới đặt ra có ý không thích. Các quan trong chính phủ bàn định, lấy cớ rằng gần đến khoa thi hương, nên chiếu theo vị trí các phủ huyện đã chia đặt từ trước để tiện việc khảo hạch học trò. Trịnh Sâm y cho; duy các châu, huyện ven núi thuộc ngoại trấn vẫn cho kiêm lý.

Tháng 3. Thổ quan châu Tư Lăng nhà Thanh trã lại đất châu Lộc Bình.

Lúc ấy, dân thổ châu Tư Lăng, tranh chiếm địa giới xã Tĩnh Gia thuộc châu Lộc Bình. Triều đình hạ lệnh cho Phạm Đồng Viện, đốc đồng Lạng Sơn, sai người đi phân giải. Quan châu Lộc Bình bèn trả lại đất ấy, sau đó lại đem dâng ngựa để tạ lỗi.

Lời chua-Phạm Đồng Viện: Người xã La Đôi, huyện Thanh Lâm[2], đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Tĩnh Gia: Tên xã, thuộc châu Lộc Bình, Lạng Sơn.

Châu Tư Lăng: Thuộc tỉnh Quảng Tây, nhà Thanh.

Trịnh Sâm cho dời trấn lỵ Thanh Hoa đến xã An Lãng.

Sâm lấy cớ rằng phủ An Trường là nơi cỗi gốc, mà địa phận An Lãng tiếp giáp với An Trường, nên hạ lệnh dựng lỵ sở của trấn Thanh Hoa ở đây để cai trị.

Lời chua-Phủ An Trường: Xem Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

An Lãng: Tên xã, thuộc huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hoa.

Các huyện Kim Động, Nam Xang và Hoài An mưa ra đất.

Lời chua-Kim Động: Tên huyện, thuộc tỉnh Hưng Yên.

Nam Xang: Xem Anh Tông, năm Chính trị thứ 3 (Chb. XXVIII, 15).

---

[1] Xem thêm tờ 11, 12 trong cuốn này.

[2] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Hoài An: Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Tháng 4, mùa hạ. Nước Nam Chưởng sang cống nạp.

Nam Chưởng là một bộ lạc của Nam Chiếu xưa, từ nhà Minh trở về trước gọi là Đại Man, đến nhà Thanh mới phong làm một nước. Đất nước này phía đông nam giáp Hưng Hóa, phía tây qua tây qua Nam Giang đến Tiêm La, phía bắc qua Mường Lự thông sang Vân Nam. Từ trước, nước này chưa cống nạp nước ta, đến nay mới thông hiếu.

Lời chua-Nam Chưởng: Theo Thông giám tập lãm thì Nam Chưởng tức Man Lão Qua xưa, phía đông nam tiếp giáp địa giới nước ta.

Khảo duyệt các quan phủ và huyện.

Bọn Nguyễn Nghiễm, giữ chính quyền trong phủ chúa Trịnh, dâng tờ khải nói: "Chức trách thú lệnh rất là gần dân, nếu không dùng được người tốt, thì dân sẽ bị tai hại. Ít lâu nay bộ Lại cất nhắc bổ dụng, chỉ dựa vào tư cách, vào năm tháng làm việc và công lao, không xem xét người ấy tốt hay xấu; đến việc trao chức cho các viên tá nhị nhị lại càng bừa bãi rối ren, do đấy mà quan lại làm việc chưa được trong sạch. Vậy từ nay xin khảo duyệt kỹ lưỡng hơn, chỉ cốt chọn lấy người nào tư cách và đường xuất thân cùng xứng đáng, lời nói và việc làm đều có thể thu dụng được, rồi định rõ kỳ hạn nhất tề hợp tập để xét thực, bấy giờ sẽ cho đi nhận chức". Trịnh Sâm y cho. Từ đấy phàm có cất nhắc bổ dụng các viên phủ, huyện, trước hết bộ Lại sát hạch, rồi đệ lên quan chính đường xét duyệt lại, mới cho đi nhận chức. Việc cất nhắc bổ dụng có phần cẩn thận được đôi chút.

Tháng 6. Dựng chùa Tiên Tích ở ngoài cửa Đại Hưng.

Lời chua-Chùa Tiên Tích: Nay ở thôn Nam Ngư, tổng Vĩnh Xương, huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội[1].

Mồng một, tháng 9, mùa thu. Nhật thực.

Bổ dụng. Lê Quý Đông làm tả thị lang bộ Công, quyền giữ chức đô ngự sử.

Trước kia, Quý Đôn làm phó đô ngự sử, thường dùng số bạc đút lót trong khi xét kiện để dâng chúa Trịnh, bèn được thăng chức Hữu thị lang bộ Hộ. Đến nay, nhân khi khám xét hạt Thanh Hoa trở về, lại dâng hơn một ngàn lạng bạc đã ăn của đút, nên do chức Hữu thị lang bộ Hộ thăng lên chức này.

Quý Đôn lại trình bày bốn việc: 1. Cống sĩ thi hội trúng được kỳ đệ tam phần nhiều xin lạm sắc nội hoàng gia ơn, nhảy qua tư cách trao chức vượt bậc. Xin xét thực, bắt trở về bậc cũ; 2. Hiến sát phó sứ và tham nghị là người có chuyên trách ở một địa phương, thế mà ít lâu nay những bọn cầu may để làm quan phần nhiều không do các quan trong triều đường bảo cử, chỉ lén lút cầu cạnh để được dự vào sự bổ dụng. Xin thu hồi lệnh trước, mà cho các quan trong triều đường bảo cử theo như lệ cũ; 3. Đất bãi ở các lộ xin phái các quan chia nhau đi khám lại; 4. Những dân xã ở các lộ, trước đây phụng mệnh được miễn trừ, gần đây vì chép lại sổ sách, rồi sinh ra sự thay đổi thêm bớt gian trá. Xin sai tín thần[2] xét thực để chỉnh đốn lại cho được đúng". Trịnh Sâm cho là phải lẽ cả, lập tức hạ lệnh thi hành.

Lời phê-Chỉ có tiếng mà không có thực, thì trước kia tự trình bày tội lỗi của mình, chẳng qua cũng chỉ vì nóng ruột muốn nhảy lên quan to mà thôi[3].

Lời chua-Nội hoàng: Ý nói sắc mệnh của trăm quan, nếu do nội điện vua Lê cấp phát thì giấy viết sắc dùng giấy màu vàng, nếu do phủ chúa Trịnh cấp phát thì dùng giấy lệnh trắng, cho nên sắc ở nội điện gọi là nội hoàng.

Thể lệ triều đường bảo cử: Trước đây các chức Hiến sát phó sứ và tham nghị có thể lệ phải do các quan triều đường bảo cử. Từ khi Phạm Bá Ưng, Hiến sát sứ Nghệ An,

---

[1] Hiện nay chùa Tiên Tích hãy còn, ở gần ga Hàng Cỏ, đường Lê Duẩn Hà Nội.

[2] Tức hoạn quan.

[3] Chỉ việc Lê Quý Đôn có tiếng là người thông minh, đỗ đến bảng nhãn, mà lấy bạc đút lót của dân dâng chúa Trịnh. Xem thêm Chính biên quyển XLII, tờ 27.

vì hà khắc những nhiễu bị bãi chức. Trịnh Sâm bèn hạ lệnh từ đấy các quan triều đường không được bảo cử.

Dân xã được miễn trừ: Dân ở các xã, hoặc có người vì trung nghĩa, hoặc có người am hiểu công việc làm thợ ở các cục, được miễn trừ đi lính và dao dịch.

Tháng 11, mùa đông. Ngô [Thì] Sĩ, tham chính Nghệ An, vì có tội, bị bãi chức.

Trước đây, Trịnh Sâm nối ngôi, người ta phao truyền câu sấm, nói Hoàng Ngũ Phúc có ý mưu toan làm sự trái phép. Sâm lấy làm ngờ.

Lúc ấy, Nguyễn Lệnh Tân nhà ở Tây Hồ, một hôm, triều sĩ hội hợp rồi bơi thuyền cùng vịnh thơ với nhau. Bài thơ của Ngô [Thì] Sĩ có câu "Tình vũ cánh nghi chu"[1], câu này ý nói về phong cảnh trong hồ, sau có người đổi ra là "Thảo mộc khủng phi Chu"[2], rồi đề đạt bài thơ ấy lên Trịnh Sâm. Trong phủ Trịnh Sâm lại thường nhận được thư nặc danh, xưng là triều sĩ dâng biểu, nói cần phải đề phòng Ngũ Phúc, bên ngoài người ta nói sai đi rằng "triều sĩ" tức là "Ngô Sĩ". Do đấy, Ngũ Phúc để tâm căm giận. Gặp lúc ấy, học trò trường Nghệ An khiếu tố về việc hai ti [Thừa chính và Hiến sát] khảo hạch không công bằng, vì thế triều đình bàn luận bãi chức Ngô Sĩ. Nhân đấy Ngũ Phúc luận tội thêm vào bốn chữ "hoàn dân thụ dịch"[3]. Từ trước đến nay, hạng văn thần phạm tội công, chưa có ai đến phải bãi chức [nay Thì Sĩ phải bãi chức], nên người ta đều ghét Ngũ Phúc là người nham hiểm độc ác.

Lời chua-Nguyễn Lệnh Tân: Người xã Phù Nguyên[4], huyện Thụy Nguyên, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1763) năm Cảnh Hưng.

Tây Hồ: Có một tên nữa là Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Tháng 12. Sâm giết thái tử cũ là Duy Vĩ và điện tiền hiệu điểm Nguyễn Lệ.

Sau khi thái tử đã bị giam, Sâm muốn giết đi, nhưng chưa tìm được chỗ sơ hở. Đến nay, Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đĩnh nhờ người khác tố cáo vu ra rằng "bọn Trần Trọng Lâm và Nguyễn Hữu Kỳ cùng với bọn gia khách của thái tử là cống sĩ Vũ Bá Xưởng và tự thừa Lương Giản định mưu dấy quân, để cướp lấy thái tử ra khỏi ngục". Rồi Huy Đĩnh đem việc ấy nói cho Sâm biết. Sâm hạ lệnh bắt đem trị tội. Lương Giản trốn. Bá Xưởng bị bắt, tra tấn nghiêm ngặt, lời cung của Bá Xưởng liên can cả đến Nguyễn Lệ. Lệ nói: "Thái tử là người sẽ nối ngôi vua sau này của một nước, nay không có tội gì mà bị giam cầm nhục nhã, thì định mưu cướp lấy thái tử đem ra là một việc nghĩa, nhưng thực tình tôi không được dự biết việc ấy. Nay nếu bức bách về sự khảo tả mà thú phục xằng, thì không phải là người có dũng khí, việc không mà nói có, thì không phải là người có nghĩa. Vả lại, việc này bảo là Lệ này tự định mưu, họa chăng còn có lý, chứ thái tử ở trong nhà giam, đến vợ con cũng không được ra vào, thì Lệ này từ đâu để yết kiến thái tử mà cùng nhau mưu tính được? Bây giờ chỉ có việc chết mà thôi, chứ Lệ này chả biết nói gì cả!" Nguyễn Lệ bị khảo đả, nát hết da thịt mà vẫn không thay đổi lời khai. Huy Đĩnh tự dựng thành bản án dâng lên. Sâm sai Huy Đĩnh thắt cổ giết thái tử, lại giết cả bọn Nguyễn Lệ và Bá Xưởng nữa. Sau lạ lệnh thu lấy sắc mệnh của Trần thụ là hoàng hậu đã mất và là mẹ đẻ thái tử; các con thái tử là Khiêm, Trù và Chi đều bắt đem giam cấm ở ngục Đề Lãnh.

Lời chua-Duy Khiêm: Sau đổi là Duy Kỳ, tức Mẫn đế [Chiêu Tông].

Duy Trù và Duy Chi: Sau đều bị giặc Tây Sơn giết.

Nguyễn Lệ: Người xã Thận Vi[1], huyện Thượng Nguyên.

---

[1] Câu này ý nói phong cảnh Hồ Tây, dù trời nắng hay mưa, lúc nào cũng đáng bơi thuyền để thưởng ngoạn.

[2] Câu này nghĩa đen: e rằng cỏ cây không phải của nhà Chu nữa. Chữ "thảo mộc" dùng nghĩa rộng là giang sơn đất nước, là nhân dân. Chữ Chu câu trên là "cái thuyền", cùng một âm với chữ Chu câu dưới là "nhà Chu" (một triều đại cổ Trung Quốc). Vì trong câu thơ có chữ "Chu", nên người hiếu sự mới xuyên tạc ra chữ "chu" là "nhà Chu" để nói bóng về nhà Trịnh.

[3] Trở về dân chịu dao dịch.

[4] Nay thuộc tỉnh Thanh Hoa.

Vũ Bá Xưởng: Người ở Đan Luân, huyện Đường An[2].

Lương Giản: Người xã Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn[3].

Điện tiền hiệu điểm: Giữ việc quản lãnh cấm quân trong cung Thái tử.

[1] Thận Vi: nay là xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[2] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[3] Nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 44

Từ Nhâm Thìn, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 33 (1772) đến Bính Thân, năm Cảnh Hưng thứ 37 (1776), gồm 5 năm.

Nhâm Thìn, năm [Cảnh Hưng] thứ 33 (1772). (Thanh, năm Càn Long thứ 37.

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Ai Lao đến cống nạp.

Lời chua-Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9, 10).

Mồng một, tháng 3. Nhật thực.

Khởi phục Nguyễn Nghiễm lại vào chầu giữ chức tham tụng.

Mùa đông năm trước, Nguyễn Nghiễm lấy địa vị thượng thư bộ Hộ, giữ chức tham tụng, viện lệ thôi làm quan. Triều đình hạ chiếu cho thăng chức đại tư đồ, sai quan hộ vệ đưa về tận làng. Nay Trịnh Sâm nhận thấy Nghiễm là người có tài, bèn khởi phục bổ dụng.

Sai Lê Quý Đôn đi dò hỏi tình trạng dân Lạng Sơn.

Vũ Trần Thiệu đến cửa Nam Quan chờ nhận mệnh lệnh [nhà Thanh], khi trở về triều, nói hạt Lạng Sơn dân gian bị đau khổ. Triều đình bèn hạ lệnh cho Lê Quý Đôn đi xét hỏi. Nhân đấy, Quý Đôn trình bày tình trạng hà khắc nhũng nhiễu của viên đốc trấn Lê Doãn Thân. Doãn Thân phạm tội, bị bãi chức.

Lời chua-Trần Thiệu: Nguyên tên là Trần Tự, người phường Đại Lợi, huyện Thọ Xương[1], đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Doãn Thân: Người xã Đại Mão, huyện Siêu Loại[2], đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748) năm Cảnh Hưng.

Lạng Sơn: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 35).

Tháng 5, mùa hạ. Bãi bỏ lệnh cấm nhân dân biên trấn tàng trữ binh khí.

Chế độ cũ, cấm dân gian tàng trữ binh khí riêng. Đến nay, Hoàng Đình Thể, lưu thủ trấn Hưng Hóa dâng nói: "Đất nơi biên viễn, binh lính do ở nông dân mà ra. Vả lại, binh khí do dân chế tạo, họ đều tự dùng để chống giữ, nay nhất luật cấm chỉ, e rằng bọn giặc cướp sẽ nhân chỗ sơ hở mà cướp bóc, thì không có gì phòng bị được". Vì thế, các ngoại trấn nơi biên viễn, đều bãi bỏ lệnh cấm trước. Duy trấn Yên Quảng vẫn theo lệnh cấm như các nội trấn.

Lời chua-Lệnh cấm tàng trữ binh khí: Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10, cấm nhân dân trong nước tàng trữ binh khí (Chb. XXI, 14).

Tháng 6. Trần Huy Mật, thượng thư bộ Lại, bị giáng chức làm thượng thư bộ Công.

Huy Mật chầu chực ở Kinh Diên, được nhà vua quý trọng, đem công chúa gả cho hắn tên là Hựu, nhưng Trịnh Sâm có ý ghét.

---

[1] Tỉnh Thanh Hóa.

[2] Nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Trước đây sắc mệnh nội hoàng ban ơn nhiều đến hơn ngàn người. Lê Quý Đôn nhân nói về việc này. Sâm bèn sai Quý Đôn cùng Nguyễn Đình Huấn tra xét, rồi lấy cớ là Huy Mật không biết sửa chữa công việc cho đúng đắn, nên Huy Mật can tội bị giáng chức.

Lời cẩn án-Quan chế triều cố Lê, các quan trong kinh, về hàng đô ngự sử và tả thị lang, nếu người nào tại chức lâu năm mà có tư cách, đức vọng và chính trị, thì được thăng chức thượng thư trong ba bộ: bộ Binh, bộ Hình hoặc bộ Công, rồi chuyển lên thượng thư ba bộ: bộ Lại, Bộ Hộ hoặc bộ Lễ. Phẩm trật thượng thư trong sáu bộ đều tòng nhị phẩm, nhưng về chế độ bổng lộc thì thượng thư bộ Công lại kém một bậc, bổng lộc được cấp theo trật chánh tam phẩm (tòng nhị phẩm bổng lộc cả năm 62 quan, chánh tam phẩm bổng lộc cả năm 56 quan). Vì thế, từ bộ Lại chuyển sang bộ Công gọi là giáng chức.

Lời chua-Nội Hoàng: Xem năm thứ 32 ở trên (Chb. XLIII, 35).

Tháng 7, mùa thu. Mặt trời có quầng hiện ra ba vòng, sắc xanh, trắng và đỏ.

Tháng 9. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Quý Tỵ, năm thứ 34 (1773). (Thanh, năm Càn Long thứ 38).

Tháng 3, mùa xuân. Bổ dụng Nguyễn Lệ, phó đô ngự sử, sung làm đồn điền sứ ở phủ Trường An.

Phủ Trường An, ruộng biển mỗi ngày một mở mang, chất đất màu mỡ ưa cấy lúa. Triều đình hạ lệnh cho Nguyễn Lệ xem xét địa thế, đắp đê ngăn nước mặn, mộ dân làm đồn điền nộp thóc. Nhân đấy, dựng kho ở Dục Thúy để chứa.

Lời chua-Trường An: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Núi Dục Thúy: Xem năm thứ 24 ở trên (Chb. XLII, 16).

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán, có người bị chết nắng.

Tháng này hạn hán dữ dội, đầm hồ điều khô cạn, người đi đường có người bị chết nắng. Sâm hạ lệnh cho bầy tôi bàn luận tìm xét những chính trị thiếu sót; miễn cho dân tiền thuế gia tô, xá những thuế còn để thiếu lâu ngày, bãi việc xây dựng, xét hình ngục; lại hạ lệnh cho các trấn ti trình bày sự đau khổ của dân. Qua ngày hôm sau mưa to như dội nước xuống. Sau đó ban bố bảy điều nghiêm cấm trong kinh và ngoài trấn: 1. Lính đồn không được đánh thuế người buôn bán; 2. Nhân dân không được tố cáo ruộng ẩn lậu;3. Người cai quản không được đòi hỏi khám xét kiện tụng; 4. Nhà quyền thế không được chiếm bậy ruộng của dân; 5. Án nhân mạng không được hòa giải riêng với nhau; 6. Đê đường không khuyết liệt, đất bãi không bồi ra hoặc lở đi thì không được nhất luật khám xét đo đạc; 7. Chợ và bến đò, nếu chỗ nào trước kia không có thể lệ thu thuế, không được đánh thuế trái phép. Bảy điều trên này là theo lời tâu bày của các trấn ti.

Bổ dụng hoạn quan Phạm Huy Đĩnh giữ chức thự phủ sự, Lê Quý Đôn vào chầu giữa chức bồi tụng.

Trước kia, Trịnh Sâm ở Lượng Phủ, Huy Đĩnh rất được Sâm yêu, Quý Đôn lén lút giao kết chặt chẽ, Huy Đĩnh dắt díu Quý Đôn cùng làm việc, Quý Đôn lại càng thân mật với Huy Đĩnh. Phàm những việc dùng để xén bớt ức chế nội điện[1], không việc gì không làm, nên người ta đều sợ khí thế quyền lực của Quý Đôn.

Chế độ hồi đầu triều Lê: hàng tháng, ngày mồng một và ngày rằm, cử hành lễ thường triều, trăm quan chiếu theo ban thứ vào chầu bái yết. Từ khi Trịnh Sâm chuyên giữ quyền chính trong nước, hạ lệnh cho phủ liêu và Ngự sử đài, cứ ngày mồng một hàng tháng vào phủ chúa bàn định công việc, gọi là "nhập các". Đến lúc Quý Đôn được vào giữ chính quyền trong phủ chúa, hễ đến ngày mồng một, ngày

[1] Chỉ triều đình Vua Lê lúc bấy giờ.

rằm, các quan văn, võ thường thoái thác có bệnh cáo nghỉ, nên lễ thường triều chỉ có hoàng tử cùng bầy tôi nội điện vào chầu bái yết mà thôi, còn các quan không ai đến cả.

Hạ lệnh xét những người giả mạo nhận lạm quân công.

Từ năm Vĩnh Hựu (1735-1739) dùng quân đánh dẹp đến nay, nhân dân nhiều người mạo nhận quân công, được vượt bậc trao cho chức quan cao quý, thành ra ở dân gian số chức sắc ngang với số bạch đinh, người thật người giả rối loạn không phân biệt được, tệ tập gian trá dần dần lan rộng. Triều đình nhiều lần bàn định hạn chế bớt đi, nhưng chưa thể thi hành được. Đến nay, hạ lệnh tra xét kỹ càng để chỉnh lý lại, những người có quân công thì căn cứ vào quan tịch cấp trả lại văn bằng, ngoài ra, người nhân sự cầu may mạo nhận cáo sắc đều thu lại tiêu hũy. Trong số người được cấp văn bằng, mười phần chỉ còn lại hai ba phần.

Tháng 5. Khởi phục Nguyễn Bá Lân giữ công việc bộ Lễ.

Trước kia, Bá Lân vì già yếu, xin từ chức, Trịnh Sâm nhận thấy Bá Lân là bầy tôi cũ triều trước, am hiểu tinh tường về điển lệ cũ, nên cho vẫn ở nhà tận kinh thành để phòng khi hỏi han đến. Nay lại khởi phục bổ dụng.

Định rõ lệnh cấm đúc tiền vụng trộm.

Người nào tố cáo người đúc tiền trộm, mà xét ra là sự thực sẽ được thưởng chức hai tư.

Làm lại sổ hộ tịch.

Trịnh Sâm nhận thấy trong nước đã đi đến thái bình, số hộ khẩu ngày thêm nảy nở, muốn xét thực số đinh để sửa đổi lại ngạch đinh trong sổ, Quý Đôn lại ra sức tán thành. Sâm bèn hạ lệnh các đại thần bàn định phép làm dổ. Sâm nói: "Nhà nước lúc bắt đầu trung hưng, chiếu theo phép cũ, ba năm một lần làm sổ hộ; năm Cảnh Trị, mới lập ra phép bình lệ[1] không tính số đinh tăng lên hay sút đi, phép ấy thi hành hơn 50 năm, phần nhiều sai suyễn; năm Bảo Thái tiếp tục làm sổ[2] cũng chỉ dựa theo ngạch cũ, rồi sau không kế tiếp sửa lại, đến nay lại đã hơn 50 năm rồi. Bây giờ nên cân nhắc phép đời trước, châm chước việc ngày nay, tham khảo mọi mặt định thành điều lệ, xét thực số nhân đinh, sửa đổi lại sổ hộ, cho phép dân được tự liệu lượng nhân khẩu mà chịu số hộ, để cho đủ ngạch trong sổ". Vì thế hạ lệnh cho Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Phương Đĩnh và Lê Quý Đôn giữ công việc này. Nhưng Nguyễn Nghiễm và Phương Đĩnh chỉ làm cho đủ chức vị mà thôi, mọi công việc đều do Quý Đôn chủ trương hết. Quý Đôn kê cứu tra xét quá nghiêm khắc, nhân dân đều nghiến răng căm hờn, họ làm thư nặc danh dán ở cửa phủ chúa Trịnh xin bãi bỏ Quý Đôn đi mà dùng Ngũ Phúc, lời lẽ trong thư rất là khích thiết. Nhân đân, Trịnh Sâm thay đổi mệnh lệnh, cho Ngũ Phúc cùng Quý Đôn đều giữ công việc đôn đốc làm sổ. Ngũ Phúc xin thi hành theo điều lệ đời Cảnh Trị, đại để có nơi tăng, có nơi giảm, có nơi bình bổ vẫn như cũ. Số dân đinh hơi kém với ngạch đinh năm Bảo Thái, dân cũng cho là thuận tiện.

Quý Đôn lại cùng Phạm Huy Đĩnh tra xét vùng ven biển thuộc lộ Sơn Nam hạ, trích ra được hơn chín ngàn mẫu ruộng lậu thuế, đều đăng ký vào ngạch thuế bắt phải chịu tô. Nhân dân phần nhiều ta oán.

Lời chua-Sổ hộ: Phép tuyển duyệt đời cố Lê, từ khoảng năm Hồng Đức (Lê Thánh Tông) đến Vĩnh Thọ (Lê Thần Tông) kế tiếp làm sổ hộ, ba năm một lần tiểu tạo, sáu năm một lần đại tu, triều đình phái quan đi duyệt tuyển dân đinh, hạ lệnh cho các xã thôn kê khai hộ chính đinh và hộ trú ngụ, chia ra các hạng tráng, hạng quân, hạng lão, hạng cố (người không có sản nghiệp, phải đi làm thuê), hạng cùng (đàn ông không có vợ, đàn bà góa chồng, trẻ mồ côi, người trơ trọi một mình, những người này không nương tựa vào đâu được); còn hạng lão nhiêu, đốc tật, biệt tinh (người được miễn trừ dao dịch) và phiêu lưu thì để ngoài sổ; dân đinh đến tuổi trưởng thành thì biên tên vào sổ; người ngụ cư thì biên vào sổ phụ. Mỗi xã làm bốn bản sổ; một bản dâng lên triều đình, một bản nộp bộ Hộ, một bản đệ ti Thừa chính ở trấn và một bản để nộp ở huyện. Phàm những việc đánh thuế, tuyển lính đều kê cứu vào sổ này. Đến

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXIII, tờ 29.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XXXVI, tờ 19.

khoảng năm Cảnh Trị (Lê Huyền Tông) triều đình thấy việc duyệt tuyển phiền phức, có ý chán nản, mới sai các quan chia nhau đi khám thực, thông tính nhân đinh điền sản các xã rồi liệu lượng quân bổ suất số, lập làm phép "bình lệ", từ sau người sinh ra không tính, người chết đi không trừ.

Nghiêm định rõ điều luật lính trốn.

Binh lính hai xứ Thanh Nghệ phần nhiều bỏ trốn, thiếu ngạch, bèn sai quan đi tra xét nã bắt. Trịnh Sâm hạ lệnh cho quân và dân hai xứ, đại lược nói: "Triều trước rộng tha dao dịch thuế khóa cho hai xứ, để nộp lính sung vào việc binh nhung, làm nanh vuốt của nước. Thế mà ít lâu nay, những người đã có tên thuộc vào sổ lính phần nhiều bỏ trốn, những xã còn thiếu ngạch lính trong sổ ít có xã chịu bổ sung, dân ngang ngạch trốn tránh cẩu thả, tập thành thói quen! Nay ủy cho viên đại thần giữ việc đốc thúc các quan ở trấn tra xét nã bắt, xã nào có lính trốn thiếu ngạch, đều phải chọn dân đinh để ứng tuyển. Nếu người nào dám gian trá, quyết không dung tha". Vì thế hạ lệnh cho viên quan giữ việc binh khai rõ thực số lính trong bộ thuộc của mình, nghiêm định rõ điều luật lính trốn, người nào che giấu sẽ xử theo tội nặng.

Tháng 7, mùa thu. Thủy tai lớn, vỡ đê Đông Trạch.

Nước lớn, vỡ đê Đông Trạch, các lộ Thường Tín, Ứng Thiên và Lỵ Nhân, hơn một ngàn nhà bị nước cuốn tan nát, thóc lúa bị ngập lụt.

Lời chua-Đông Trạch[1]: Tên xã, thuộc huyện Thanh Trì.

Ứng Thiên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chb. II, 18).

Thường Tín: Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb. XXXIII, 3).

Lỵ Nhân: Tức Lợi Nhân, xem Lý Nhân Tông, năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 6 (Chb. IV, 14).

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh cho dân nộp của sẽ trao cho quan chức.

Lúc ấy, đê điều vỡ lở, việc sửa đắp đều khó nhọc, vừa phí tổn. Bầy tôi bàn định, cho rằng: "Công việc phiền phức trọng đại, tất phải lấy của lấy sức ở dân, nhưng muốn lấy, cần phải có đạo lý. Vậy nay nên dùng chức tước để chiêu mộ lấy của ở người giàu thì người giàu không tiếc của, dùng tiền của để chiêu mộ lấy sức ở người nghèo, thì người nghèo không tiếc sức, của cải sức lực đều đầy đủ, mới có thể hoàn thành công việc được". Trịnh Sâm theo lời, bèn hạ lệnh lấy của nhà giàu nộp vào để mộ dân đắp đê.

Tháng 9. Miễn một nữa thuế gia tô sang năm cho các lộ vùng Tây, vùng Nam và vùng Bắc.

Lời chua-Thuế gia tô: Xem năm Cảnh Hưng thứ 3 (Chb. XXXIX, 27).

Tháng 10, mùa đông. Lại hạ lệnh cấm tả đạo Hòa Lan.

Hạn định trong hai tháng người theo đạo Hòa Lan phải thay đổi hết tập tục cũ, người nào trái lệnh sẽ có tội. Về phần xã dân, nếu người nào cố ý dung túng sẽ bị tội lây, người nào cáo tố được sự thực sẽ tha dao dịch cho con cháu.

Lời chua-Tả đạo Hòa Lan: Tức Hoa Lang. Xem Huyền Tông năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb. XXXIII, 5, 6).

Giáp Ngọ, năm thứ 35 (1774). (Thanh, năm Càn Long thứ 39).

Tháng giêng, mùa xuân. Ở kinh sư động đất.

Tháng 2. Nghệ An bị đói to.

---

[1] Nay là thôn Đông Trạch, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Dân Nghệ An nhiều người chết đói. Triều đình hạ lệnh cho các quan giữ chính quyền bàn định thi hành việc phát chẩn, việc cứu giúp; giữ lại số tiền do nhà giàu trong trấn ấy đệ nộp để phát chẩn cho dân; tha các thuế tuần ti trong hạt để việc buôn bán được lưu thông; khoan dung việc đốc thúc lính bắt trốn; đình hoãn việc bắt xét các kiện tụng. Lại hạ lệnh cho ti Hiến sát dò hỏi tỉ mỉ về sự đau khổ của dân, rồi trình bày để triều đình rõ. Nhưng những việc ấy cũng chỉ là giấy má hão mà thôi.

Tháng 5, mùa hạ. Trịnh Sâm sai tướng là Hoàng Ngũ Phúc làm thống tướng, đem quân các đạo vào xâm lấn trong Nam.

Từ khi đã bình định được Hưng Hóa[1] và Trấn Ninh[2], Trịnh Sâm quen mùi thắng trận, thích lập chiến công, mong làm việc trái với bổn phận. Hắn được tin Thuận Hóa ta có quyền thần là Trương Phúa Loan chuyên quyền, càn rỡ, hà khắc, bạo ngược, bị dân oán ghét; lại có bọn Nguyễn Văn Nhạc ở Tây Sơn nổi loạn tại Quy Nhơn, hắn muốn nhân sự sơ hở để thu lấy lợi lớn. Gặp lúc ấy. Bùi Thế Đạt, trấn thủ Nghệ An, cho trạm chạy văn thư về triều nói hiện trạng Thuận Hóa có thể đánh lấy được. Hoàng Ngũ Phúc và Nguyễn Nghiễm đều tán thành việc này. Trịnh Sâm bèn quyết chí đánh.

Bấy giờ Hoàng Ngũ Phúc vì tuổi già nghĩ việc về nhà, Sâm liền khởi phục ra làm đại tướng, mà bổ dụng Phan Lê Phiên và Uông Sĩ Điển giữ chức tùy quân tham biện, Đoàn Nguyễn Thục giữ chức đốc thị Nghệ An, thống lãnh tướng sĩ 33 doanh cùng quân thủy, quân bộ các đạo Thanh, Nghệ, vùng đông nam, số quân gồm ba vạn, tiến thẳng vào Nghệ An. Bọn Hoàng Phùng Cơ và Hoàng Đình Thể đều thuộc quyền chỉ huy của Ngũ Phúc. Một mặt hạ lệnh cho Nguyễn Lệ và Hoàng Đình Bảo lệ thuộc theo sự điều khiển. Sâm lại nhận thấy vùng Thuận Hóa luôn mấy năm mất mùa đói kém, lương ăn của lính không thể dựa vào dân được, bè trù tính phải tải lương, chia đặt ba trường sở lương thực: Trường sở Sơn Nam đặt ở Mỹ Lộc, dùng bọn Nguyễn Đình Diễn quản lãnh việc chi tiền, bắt tứ trấn đong thóc trong hạt giã thành gạo, hợp với số lương chứa trong kho, rồi do đường thủy tải vào Nghệ An; trường sở Nghệ An đặt ở Hà Trung, dùng bọn Đoàn Nguyễn Thục quản lãnh, bắt mua thóc gạo nhà giàu trong hạt, hợp với số lương của trường sở Sơn Nam, rồi tùy tiện hoặc theo đường thủy hoặc theo đường bộ tải vào Quảng Bình; trường sở Quảng Bình đặt ở Động Hải, sai bọn Ngô Dao giữ việc vận tải tất cả số lương, dự bị xếp đặt điều khiển để cung cấp lương thực cho binh lính.

Khi Ngũ Phúc đã hành quân, Sâm lại tự tay viết thư đưa cho, trong thư nói: "Ông đến Nghệ An, nên tùy cơ mà trù tính định liệu, trước hết đưa thư cho các tướng giữ biên giới, nói thác ra rằng: "Việc hành quân này chỉ cốt phòng bị giặc Tây Sơn chạy trốn". Nói như thế để thăm dò tình hình của họ. Nếu họ đã bình định được giặc Tây Sơn, thì lại đưa thư đề đạt ý chí rồi dẫn quân về, đừng làm cho họ sinh nghi, lại gây hấn khích ở nơi biên giới".

Lời chua-Sĩ Điển: Có một tên nữa là Sĩ Lãng, người xã Vũ Nghị, huyện Thanh Quan[3], đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Đình Bảo: Có một tên nữa là Tố Lý, cháu Hoàng Ngũ Phúc, người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh[4].

Ba mươi ba doanh: Nay không khảo cứu được.

Thuận Hóa, Sơn Nam, Mỹ Lộc, Nghệ An và Hà Trung: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17-18, 21-24, 33).

Quảng Bình: Xem Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXII, 6).

Động Hải: Xem năm thứ 39 ở dưới (Chb. XLV, 10).

Tháng 6. Định thuế mỏ đồng Tụ Long.

---

[1] Địa bàn hoạt động của Hoàng Văn Chất.

[2] Địa bàn hoạt động của Lê Duy Mật.

[3] Nay là một phần của huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

[4] Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Trước đây, mỏ đồn Tụ Long bị người phủ Khai Hóa xâm chiếm, khoảng năm Bảo Thái (1720-1728) người nhà Thanh mới trã lại đất ấy. Đến nay định ngạch thuế, mỗi năm thu một đồng đỏ một vạn cân.

Lời chua-Việc người nhà Thanh trả đất: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (chb. XXXVII, 3, 4).

Tụ Long (Thịnh): Tức Tụ Long (rồng), xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (Chb. XXXVII, 5).

Phủ Khai Hóa: Thuộc địa giới tỉnh Vân Nam nhà Thanh, tiếp giáp với châu Vị Xuyên nước ta.

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho bọn Nguyễn Đình Huấn châm chước định thể lệ cấp tiền thóc cho các quân trong kinh, ngoài trấn.

Binh chế lúc bắt đầu trung hưng, vì lính thị hậu, thì nhưng nhất, kiệu nhất là hơn cả; thứ đến nội nhưng, nội kiệu; lại thứ nữa đến tứ nhưng, tứ kiện, tứ nội bộ, tứ nội thủy, các đội: Khuông, dực, chấn, thắng và các thuyền siêu, tuyển, ưu trạch, đều là thân quân.

Vì chế độ nuôi quân, thì nhưng nhất và kiệu nhất hàng năm mỗi người được tiền khẩu phần 15 quan; từ nội nhưng trở xuống sẽ bớt dần từ một quan đến tám quan là cùng. Ngoài ra, thuyền đội các doanh các cơ và lính tứ trấn là ngoại binh, mỗi người được 7 quan, cấp bằng thóc thì lấy tiền làm tiêu chuẩn. Cứ sáu tiền lấy một sọt thóc, mỗi sọt thóc định lệ là 70 bát quan đồng, đều chuẩn theo số phải chịu mà liệu lượng cấp cho lính lấy ở dân.

Về việc chia cấp, thì khẩu phần của thân binh được cấp đều là dân xã trù phú, họ bắt ức dân đong nặng, mỗi sọt thường đến hơn 100 bát, còn ngoại binh thì lệ định cấp tiền đã ít, lại phần nhiều được cấp vào dân xơ xác bần cùng, hoặc có xã không thể nào nộp được. Vì thế nên thân binh thường thừa ăn, mà ngoại binh thì khổ sở thiếu thốn.

Đến nay, hạ lệnh cho Nguyễn Đình Huấn và Phạm Huy Đĩnh chiếu theo ngạch lính và số đinh, bớt chỗ nhiều, thêm cho chỗ ít, châm chước cân nhắc, san sẽ lại, cốt làm cho được quân bình, nhưng cũng không thể nào thay đổi hết tệ cũ.

Lời cẩn án-Binh chế đời cố Lê như thế này:

- Vệ sĩ binh ở nội điện (có ti thị kiệu, vệ cẩm y, các đội kim ngô và tả hữu loan giá ti, các đội tả hữu trực và đội thiên hùng).

- Các đội bộ binh thị hậu (có đội nhưng nhất, đội nội nhưng, các đội tứ nhưng, các đội tứ nội bộ, các đội tứ nội khuông, tứ nội dực, tứ chấn và tứ thắng, các cơ tứ thị trung, tứ thị nội, cơ thiên hùng, cơ trung hùng, đội thiện bảo, các đội tứ trung mã, tứ nội mã).

- Các đội thuyền thủy binh thị hậu (có thuyền kiệu nhất, thuyền nội kiệu, các thuyền tứ kiệu, các thuyền tứ nội thủy, các thuyền siêu nhất, tuyển nhất ưu nhất, trạch nhất, các thuyền tứ siêu, tứ tuyển, tứ ưu, tứ trạch, tuyền trung hậu, thuyền cận hậu, các cơ vệ tả và vệ hữu).

Trên đây đều là thân quân thị hậu.

- Các doanh cơ, đội, ngoại binh (có các cơ tả tượng, hữu tượng, tiền tượng, hậu tượng, các đội tứ trung tượng, tứ nội tượng, các doanh trung khuông, trung tiệp, trung thắng, trung dũng, trung hùng, trung nhuệ và trung dực, các cơ tả khuông, hữu khuông, tiền khuông và hậu khuông, các cơ tả dực, hữu dực, tiền dực và hậu dực, các cơ tả nhuệ hữu nhuệ, tiền nhuệ, hậu nhuệ, tả thắng, hữu thắng, tiền thắng, hậu thắng, tả tiệp, hữu tiệp, tiền tiệp, hậu tiệp, tả hùng, hữu hùng, tiền hùng, hậu hùng, các đội khuông tả, thắng tả, hữu tả, dũng tả, khuông hậu, các đội nhuệ tả, nhuệ hữu, các cơ thiện tả, thiện hữu và tiền hòa quân doanh, tả hòa quân doanh).

- Thuyền đội ngoại binh (có các đội tiền nhất, hậu nhất, tiền trung, hậu trung, tiền nội, hậu nội thủy, các đội phấn trung, thiện trung, tương trung, đằng trung, các đội

phấn tiểu, thiên tiểu, tương tiểu, đẳng tiểu, các thuyền tả, hữu tiền, hậu và thập hàng, các đội tả dũng, hữu dũng, tiền dũng, hậu dũng).

Các cơ đội Thanh Hoa (có cơ nội trấn, cơ trấn nội, cơ nhất hùng, các đội tả trấn, hữu trấn, tiền trấn, hậu trấn các đội tứ hùng, cơ hùng trung).

- Các đội phủ An Trường (có các đội kiên nhất, kiên nhì, kiên tam, kiên tứ và kiên ngũ).

- Các cơ đội xứ Nghệ An (có quân doanh ninh trấn, các cơ tả trấn, hữu trấn, tả ninh, hữu ninh, tiền ninh, hậu ninh, các đội ninh tả, ninh hữu, ninh tiền, ninh hậu, các đội tứ hãn, các đội nhuệ tả, nhuệ hữu).

- Các cơ đội châu Bố Chính (có cơ trung kiên, cơ trung chính, cơ trung bố, các đội tả chính, hữu chính, tiền kiên, hậu kiên, tả bố, hữu bố, đội tuần hải, các đội ninh nhất, ninh nhì, các đội nội tả, nội hữu, cơ trung trấn, cơ nhất tượng).

Trên đây đều là ngoại binh.

Tổng cộng 413 doanh, cơ, đội, thuyền.

Chế lộc nuôi lính. Nhưng nhất, kiệu nhất, hàng năm khẩu phần tiền mỗi người 15 quan, thêm 6 tiền; nội nhưng, nội kiệu mỗi người 14 quan, thêm 6 tiền; tứ kiệu, tứ nội thủy, tứ nội bộ mỗi người 13 quan, thêm 6 tiền. Còn về khuông, dực, chấn, thắng, siêu, tuyển, ưu, trạch thì đều theo thứ tự bớt dần đến 8 quan là cùng. Ngoài ra, các doanh cơ, đội ngoại binh cùng các cơ đội châu Bố Chính hàng năm mỗi người được khẩu phần tiền 7 quan[1]. Số tiền này do Hộ phiên thống kê, rồi chia về dân xã cấp khẩu phần cho lính. Đội nhưng nhất và thuyền kiệu nhất được 5 xã, đội tứ nhưng được 4 xã, đội tứ nội bộ được 3 xã, khuông và dực được 6 xã, chấn và thắng được 4 xã, cơ thiên hùng được 9 xã, cơ trung hùng được 10 xã, thuyền tứ kiệu được 4 xã, thuyền tứ nội thủy được 4 xã, các thuyền siêu, tuyển, trạch, ưu đều được 4 xã, thuyền trung hậu được một xã, thuyền cận hậu được 4 xã, vệ tả và vệ hữu được 10 xã. Ngoài ra các đội thuộc các doanh, cơ ngoại binh được từ 10 xã, 9 xã đến 2 xã, 1xã không đều nhau.

Trên đây là binh chế sau khi trung hưng, chép ở Lịch triều hiến chương đại lược như thế, còn mỗi dân xã phải chịu tiền hoặc thóc bao nhiêu, chia cấp cho thực số binh đinh bao nhiêu và lần này sửa định lại để châm chước cấp phát thế nào, không khảo cứu được, vậy hãy chép ở đây để phòng lúc tham khảo đến.

Mồng một, tháng 8. Nhật thực.

Định thể lệ thuế phủ Trà Lân.

Ngạch thuế cũ của bốn huyện thuộc phủ Trà Lân mỗi năm phải nộp 190 lạng vàng và 500 cân diêm tiêu. Từ lúc Lê Duy Mật chiếm cứ Trấn Ninh, thuế khóa đã lâu không nộp; khi dẹp được Duy Mật rồi, chiêu tập được nhân dân trở về, đến nay liệu lượng ấn định thể lệ thuế khóa, mười phần chỉ thu hai phần.

Lời chua-Trà Lân: Tức Trà Long, xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 17).

Bốn huyện: Tức Kỳ Sơn, Hội Ninh (nay đổi Hội Nguyên), Vĩnh Khang (nay đổi Vĩnh Hòa) và Tương Dương.

Trong sông Kỳ Hoa có hòn đá lớn tự nhiên dời đi nơi khác.

Hòn đá lớn từ trong sông dời lên núi Cấp Dẫn, đi qua đến đâu đều có dấu vết đến đấy.

Lời chua-Kỳ Hoa: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 7 (Chb. XXXVI, 27).

[1] Nguyên văn chép (tiền thất đăng). Chữ "đăng" có lẽ in lầm, vì chữ này không có nghĩa dùng làm đơn vị về tiền được. Chúng tôi thấy ở trên số tiền cấp cho thân binh nhiều nhất là 15 quan, rồi rút dần đến 8 quan là cùng, thì số tiền cấp cho ngoại binh phải là 7 quan, nên dịch là "tiền 7 quan".

Cấp Dẫn: Tên xã, thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Nghệ An[1].

Nay xét trên núi Cấp Dẫn, có một hòn đá trắng lớn, nằm đè lên trên đá đen, có thể chứa được vài mươi người ngồi. Tương truyền hòn đá này từ trong sông dời lên. Lúc bấy giờ có viên tự thừa (sót họ tên) người trong xã làm ký rằng: "Cấp Dẫn chi thạch, chúng hắc độc bạch, tự ti đăng cao, thư từ bất bách, thụy gia? dị gia? ký chi vi tích (Đá trên núi Cấp Dẫn, các hòn khác đều sắc đen, chỉ có một hòn sắc trắng, hòn đá trắng này từ chỗ thấp dờ lên cao, dời đi thư thả không cấp bách, thế là điềm lành hay điềm dữ? vậy chép lại để làm ghi tích).

Tháng 10, mùa đông. Quân lính Hoàng Ngũ Phúc qua sông Gianh, tiến sát đến doanh lũy Trấn Ninh.

Quân lính của Ngũ Phúc đóng ở xã Hà Trung, bề ngoài mượn tiếng là đem quân giúp [Đường Trong], giết giặc, mà bề trong thì sai người lẻn lút liên kết với người biền lại[2] giữ biên giới của ta, rồi nhân đêm đem quân lẻn qua đò sông Gianh, sáng sớm hôm sau quân sĩ đều lên bờ, đóng ở xã Cao Lao, Tôn Thất Tiệp, trấn thủ doanh Bố Chính, sai cai đội là Quý Lộc (sót họ) và câu kê là Kiêm Long (sót họ) đến khao quân để làm cách hoãn binh. Ngũ Phúc sai người bí mật giao thiệp với hai người này. Kiêm Long nói: "Đường không đi thì không đến, chuông không đánh thì không kêu". Ngũ Phúc hiểu ý, bèn tiến quân, sai bọn Hoàng Đình Thể, tướng cầm quân ở một đạo khác, lẻn đem quân tiến sát đến doanh lũy Trấn Ninh. Do đấy cai đội mã quân là bọn Hoàng Văn Bật và Lê Thập Thí, tự làm người ứng tiếp bên trong, mở cửa đồn ra hàng. Quân sĩ của Ngũ Phúc vừa đánh trống vừa reo hò tiến vào. Tướng giữ đồn là Tống Hữu Trường bỏ chạy. Đồn lũy Trấn Ninh có tiếng là hiểm trở thiên nhiên, sau khi Ngũ Phúc đã kéo quân vào, bèn sang phẳng lũy ấy.

Trịnh Sâm thấy Ngũ Phúc đem đạo quân trơ trọi một mình đi vào quá sâu, e sẽ xảy ra sự bất trắc, bèn quyết kế thân đi tuần hành nơi biên giới để làm thanh thế viện trợ cho Ngũ Phúc; dùng bọn Nguyễn Đình Thạch, Nguyễn Hoàn, Nguyễn Đình Huấn và Lê Quý Đôn ở lại trấn thủ kinh thành, rồi chia binh sĩ làm bốn đạo quân: bổ dụng Phạm Huy Đĩnh làm tiền tướng quân, Trương Khuông làm hậu tướng quân, Nguyễn Nghiễm và Lê Đình Châu làm tả tướng quân và hữu tướng quân, còn Trịnh Sâm tự thống suất đại binh ở giữa để tiếp ứng. Tháng 11, Sâm tiến quân đến Nghệ An, đóng ở Hà Trung.

Tháng 12, sau khi đã vào Trấn Ninh, nhân đấy Ngũ Phúc tiến quân đóng ở xã Hồ Xá, làm tờ hịch kể tội trạng Phúc Loan lấn quyền, bưng bít người trên, và nói: việc hành quân này chỉ cốt trước hết trừ khử một Phúc Loan, sau nữa tiễu trừ bọn giặc kiệt hiệt, thực không có ý gì khác cả. Các tướng [Đường Trong] là bọn Nguyễn Cửu Pháp cùng nhau lập mưu bắt Phúc Loan đưa nộp quân doanh Ngũ Phúc. Ngũ Phúc bắt được Phúc Loan, mừng lắm, bèn hạ lệnh cho quân cuốn cờ, im trống, kéo lên đến huyện Đăng Xương, lại đưa thư nói: Giặc Tây Sơn chưa tiễu trừ xong, xin hội quân ở Phú Xuân để ứng tiếp.

[Đường Trong] lúc ấy Tôn Thất Tiệp làm thống binh, quản lãnh thuộc hà là bọn cai đội Đặng (sót họ) đem quân chống cự, chưởng cơ Nguyễn Văn Chính đem các quân thủy, quân bộ hội ở sông Bái Đáp. Ngũ Phúc mật sai bọn Hoàng Đình Thể và Hoàng Nghĩa Phát do đường núi sang qua ghềnh Trầm và nghềnh Ma, rồi mặt trước mặt sau đánh khép lại. Văn Chính cố sức đánh, bị chết trận, các quân đều tan vỡ.

Lời phê[3]-Bên trong, nếu không có bầy tôi lộng quyền, quan lại gian trá, thì bên địch dầu hiểm giảo ngàn phần cũng không làm gì được. Việc này đáng đau đớn tức giận đến ngàn đời!

Lời chua-Cửu Pháp: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là con Công Thần Nguyễn Cửu Thế.

---

[1] Nay Kỳ Anh thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Một danh từ thời phong kiến dùng để gọi quan lại bậc thấp về hàng võ.

[3] Chỉ việc Kiêm Long bí mật giao thiệp với người của Ngũ Phúc và ngỏ ý bảo họ tiến quân.

Văn Chính: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nhập tịch ở Thừa Thiên, là con quận công Nguyễn Công Phú. Đầu năm Gia Long, truy tặng tả quân Đô đốc quận công, được xếp vào hàng thờ ở miếu Hiển trung trung tiết công thần.

Nghĩa Phác: Người xã Hoàng Vân[1], huyện Kim Động.

Trấn Ninh: Nay là Trường Thành Nhật Lệ, ở huyện Phong Lộc[2], trên từ núi Đâu Mâu, dưới đến cửa biển Nhật Lệ.

Sông Gianh (Linh Giang): Xem Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXII, 6).

Xã Cao Lao: Thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Hà Trung: Xem Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXXI, 24).

Xã Hồ Xá: Thuộc huyện Minh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Huyện Đăng Xương: Thuộc tỉnh Quảng Trị.

Hai ghềnh Trầm và Ma: Ở địa phận xã Cổ Bi, huyện Quảng Điền.

Sông Bái Đáp: Nay là sông Phú Lễ, ở địa phận xã Phú Lễ, huyện Quảng Điền.

Ất Mùi, năm thứ 36 (1775). (Thanh, năm Càn Long thứ 40).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho bồi tụng Nguyễn Hoàn quyền tạm làm lễ tế nam giao.

Hàng năm tế nam giao, nhà vua thân hành đến lễ. Đến nay, vì Trịnh Sâm đi quân thứ chưa về, nên hạ lệnh cho Nguyễn Hoàn quyền tạm tế thay.

Sâm bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc lãnh chức Đại Trấn phủ.

Sâm ở Hà Trung, sai Nguyễn Quỳnh đem cho Ngũ Phúc 100 lạng vàng và viết thư dặn bảo rằng: "Nay đã bình được Thuận Hóa rồi, còn Quảng Nam cũng nên lần lượt bình định nốt. Việc này, nếu không phải tay nguyên lão, không ai có thể đương nổi trách nhiệm. Vậy phàm điều khiển các việc, vỗ về hay đánh dẹp, đều cho phép được tùy tiện thi hành". Lại ban cho tướng sĩ 5 ngàn lạng bạc. Bèn để Ngũ phúc ở lại giữ chức Đại Trấn phủ. Sâm dẫn quân về.

Lời chua-Nguyễn Quỳnh: Người xã Lai Thạch, huyện La Sơn[3], đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772) năm Cảnh Hưng.

Thuận Hóa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24, 33, 34).

Tha tô thuế cho trấn Thuận Hóa.

Trịnh Sâm sai sứ thần dụ bảo nhân dân Thuận Hóa; Tha cho tô thuế; đình hoãn việc bắt phu tráng vào nộp quân phu; cho phép kỳ lão hào mục ở dân gian đều được giải bày đều lợi hại về tình trạng của dân cùng đem cơ mưu về quân sự nên đánh nên giữ thế nào tâu lên để triều đình rõ.

Bổ dụng Nguyễn Lệ giữ chức tham lãnh chức Nghệ An.

Lệ là người có văn học, thêm vào đấy lại biết mánh khóe khôn khéo. Lúc Trịnh Sâm ở Lượng phủ, Lệ rất được Sâm yêu, lúc Sâm đã được lên nối ngôi, cất nhắc Lệ cùng với cha là Nghiễm cũng giữ công việc trong chính phủ. Lệ thường sắp xếp cảnh giả ở vườn, ở sân của họ Trịnh, lại trang điểm cho

[1] Nay là thôn Hoàng Vân, xã Đồng Tiến, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[2] Nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

[3] Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

hầu gái vào chầu để chúa Trịnh vui thích. Đến nay giữ chức Tham lãnh, bèn hạ lệnh cho mua vét hết thóc nhà giàu để cung cấp lương quân lính. Theo chế độ cũ, người đã giữ chức Tham lãnh, thì không bao lâu sẽ thăng lên giữ chức Đốc suất. Sau khi Lệ đã được mệnh lên giữ chức, thủ hạ của hắn cậy thế làm càn, nhân dân nhiều người ta oán. Trịnh Sâm nghe biết tình tệ ấy, cho triệu về triều, giáng chức ba bậc.

Tháng 2. Nguyễn Văn Nhạc, giặc Tây Sơn, cướp xứ Quảng Nam.

Tiên tổ Văn Nhạc, người huyện Hưng Nguyên, xứ Nghệ An, khoảng năm Thịnh Đức (niên hiệu Lê Thần Tông) (1653-1657) bị quân ta[1] bắt được đem về, cho ở tại huyện Tuy Viễn thuộc phủ Hoài Nhân, kế tiếp vài đời, đến Nguyễn Nhạc được giữ chức Biện lại ở tuần Vân Đồn. Vì đánh bạc tiêu mất tiền công. Nhạc bèn trốn vào Tây Sơn làm trộm cướp, những người vô lại và người nghèo đói phần nhiều phụ theo, vì thế thủ hạ có đến vài ngàn người. Nhạc cùng em là Văn Huệ, Văn Lữ chia nhau quản lãnh, rồi đi đánh cướp đồn ấp, viên tướng giữ trấn không sao kiềm chế được.

Văn Nhạc là người nhiều cơ mưu trí tuệ. Một hôm, tự ngồi vào trong cũi, rồi sai đồ đảng luân chuyển báo đi rằng: "Bắt được Văn Nhạc đem giải nộp trấn doanh". Viên tướng giữ trấn không ngờ là sự trí trá, bèn mở cửa doanh thu nhận. Đếm hôm ấy, đồ đảng của Nhạc lén đến ngoài thành, Nhạc liền phá cũi mà ra, mở toang cửa thành, đốt doanh trại, giết tướng giữ trấn, bèn chiếm cứ thành Quy Nhơn. Hào mục bản thổ đua nhau nổi dậy hưởng ứng với Nhạc, thế giặc càng ngày càng bùng lên. Đến nay, Nhạc sai đồ đảng là Tập Đình (tên người nhà Thanh) đem quân theo đường biển vào cửa biển Đại Chiêm, Nhạc đem quân đi tắt ra nguồn[2] Thu Bồn, đến cướp Quảng Nam. Bọn Nguyễn Cửu Du, tướng giữ Quảng Nam, bị thua trận. Lúc ấy, xa giá Huệ Tông Hiếu Định hoàng đế ta chạy vào Gia Định, lập Mục Vương làm thái tử xưng là đông cung[3] ở lại trấn phủ Quảng Nam, đóng ở xã Câu Đê, để chống cự lại. Văn Nhạc định mưu dựa vào danh nghĩa để lừa dối dân chúng, bèn sai bọn Lý Tài (người nhà Thanh) rước đông cung về Hội An.

Hoàng Ngũ Phúc bèn vượt núi Hải Vân, từ đồn Trung Sơn và xã Câu Đê tiến quân. Văn Nhạc phân phối sai Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, đón đánh quân của Ngũ Phúc ở Cẩm Sa. Quân của Tập Đình đều người Quảng Đông, đầu đội vải đỏ, cổ đeo giấy vàng, giấy bạc, tay cầm lá chắn bằng mây và siêu đao lớn, cởi trần xông pha đánh chém, thế rất mạnh tợn. Đội tiền quân của Ngũ Phúc không thể địch được, tước Quế Vũ bá (sót họ tên), nha hiệu của Ngũ Phúc, bị chết tại trận. Bấy giờ thuộc tướng là Hoàng Đình Thể, Hoàng Phùng Cơ đem kỵ binh nhanh nhẹn vào phá trận, Ngũ Phúc lùa quân ồ ạt tiến đánh. Tập Đình thua chạy. Văn Nhạc và Lý Tài lui quân giữ ở Bản Tân.

Lời chua-Cửu Du: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là con Nguyễn Cửu Phá. Khoảng năm Minh Mệnh (1820-1840) truy tặng: Kiệt tiết công thần tả quân đô thống chưởng phủ sự, Thăng Bình (trước là Thăng Hoa) quận công, được liệt vào hàng thờ ở miếu Trung Tiết.

Đồn Trung Sơn, xã Câu Đê, xã Cẩm Sa: Đều thuộc huyện Hoà Vinh.

Nguồn Thu Bồn: Nay thuộc huyện Quế Sơn[4].

Cửa biển Đại Chiêm, Phố Hội An: Thuộc huyện Diên Phước[5]. Các huyện kể trên, đều thuộc tỉnh Quảng Nam.

Núi Hải Vân: Ở chỗ giáp giới hai huyện Phú Lộc và Hòa Vinh, phía nam gọi là Hải Vân quan, lại gọi là "thiên hạ đệ nhất hùng quan", phía bắc gọi là Hải Sơn quan, đấy là chỗ giáp giới Thừa Thiên và Quảng Nam.

---

[1] Tức chúa Nguyễn, Đường Trong.

[2] Nguyên văn chép là "Nguyên". Theo phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn thì trên thượng du gọi "nguyên" cũng như hạ nguyên gọi "tổng".

[3] Tên là Dương, cháu Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần.

[4] Nay thuộc tỉnh Quảng Nam.

[5] Huyện này sau sát nhập vào phủ Điện Bàn. Nay là huyện Điện Bàn thuộc tỉnh Quảng Nam.

Bản Tân: Ở chỗ giáp giới hai huyện Hà Đông thuộc tỉnh Quảng Nam và Bình Sơn thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Thành Quy Nhơn: Tức thành Đỗ Bàn xưa, ở huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định, nên cũ vẫn còn.

Tháng 5, mùa hạ. Hoàng thái hậu Đào thị mất.

Thái hậu người xã Bảo Vực, huyện Văn Giang, tên thụy là Nhu Thận.

Đặt hiệu quân tứ trấn.

Từ lúc Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển đứng đầu nổi loạn, rồi bọn Hữu Cầu , Danh Phương kế tiếp nổi lên, triều đình bắt kén lính ở tứ trấn, cứ năm suất đinh lấy một lính đặt làm vệ binh. Sau khi đã dẹp được bọn giặc cướp, đều bãi đi, cho về làm ruộng; lúc đi đánh Trấn Ninh lại bắt ra lính, đánh dẹp xong lại cho về. Đến lúc Trịnh Sâm đem quân vào Hà Trung, lại chiểu theo ngạch cũ bắt lính để bảo vệ kinh thành. Đến nay, vì ít công việc, nên bãi cho về, rồi bàn định thi hành phép kén chọn, chiểu theo trong sổ hộ, cứ mười suất đinh lấy một người, phân phối đặt thành hiệu quân: Sơn Nam hiệu thấp phấn, Kinh Bắc hiệu ngũ uy, Sơn Tây hiệu Ngũ Chấn, Hải Dương hiệu nhất dũng và nhị kiên, tất cả 23 cơ. Lúc trong nước có việc sẽ bắt ra lính, miễn cho tiền thuế dung, lúc không có việc sẽ cho về, lại thu tiền dao dịch theo từng hạng. Phép này, có lẽ phỏng theo phép phủ binh đời nhà Đường[1].

Sâm phong cho Nguyễn Hoàn tước Hoàn quận công.

Lúc Trịnh Sâm làm thế tử, Nguyễn Hoàn sung chức Tư giảng. Sâm thường viết bởn mấy chữ "Thượng thư, quốc sư, Hoàn quận công" đưa cho Hoàn. Đến nay Hoàn đem những chữ ấy dâng lên, Sâm bèn ban cho tước này.

Khởi phục Ngô [Thì] Sĩ giữ chức hiệu lý trong[2] viện Hàn Lâm.

Sĩ nổi tiếng về văn học. Lúc Trịnh Sâm ở Lượng Phủ, tư giảng Nguyễn Hoàn tiến cử Sĩ giữ công việc tùy giảng. Một hôm, Sâm sai làm bài phú lấy đầu đề là "Phượng hoàng danh", rồi Sâm thân hành phê duyệt. Sâm yêu văn từ rộng rãi. Khi Sâm đã nối ngôi, Sĩ được bổ giữ chức Hiến sát sứ Thanh Hoa, sau lại thăng chức Tham chính Nghệ An. Vì thiên tư về việc khảo hạch học trò, nên bị bãi chức[3]. Lúc Sĩ làm quan ở Thanh Nghệ, đi đến đâu đều có thơ đề vịnh. Khi hành quân vào Nam. Sâm thấy thơ, rất trọng tài của Sĩ. Cho nên nay từ chỗ bị bãi về nhà được khởi phục ra làm quan.

Lời chua-Phượng hoàng danh: Chép ở "Hán tuyên đế kỷ" trong sách Thiếu Vì.

Hạ lệnh cho bọn Nguyễn Hoàn trông coi việc biên soạn Quốc sử.

Quốc sử, từ Hi Tông năm Vĩnh Trị trở về sau chưa biên chép thành sách. Đến nay, triều đình hạ lệnh cho bọn Ngô [Thì] Sĩ, Phạm Nguyễn Du, Ninh Tốn và Nguyễn Sá cùng biên soạn, mà bổ dụng bọn bồi tụng Nguyễn Hoàn, Lê Quý Đôn và phó đô ngự sử Vũ Miên quản lãnh công việc.

Lời chua-Phạm Nguyễn Du: Còn một tên nữa là Vi Khiêm, người xã Đăng Điền, huyện Chân Lộc, sau đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1779) năm Cảnh Hưng thứ 40.

Ninh Tốn: Người xã Côi Trì, huyện Yên Mô, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) năm Cảnh Hưng thứ 39. Sau này, Ninh Tốn thờ nhà Tây Sơn, làm quan Thị trung đãi chiếu, Binh bộ thượng thư.

Nguyễn Sá: Con Nguyễn Hoàn, người xã Hương Khê, huyện Nông Cống.

Nguyễn Văn Nhạc xin hàng, Hoàng Ngũ Phúc dâng biểu xin cho Văn Nhạc làm tiền phong tướng quân, giữ chức hiệu trưởng Tây Sơn.

---

[1] Xem chú thích số 2, Chính biên quyển XXXV, tờ 41.

[2] Một chức quan nhỏ ở Hàn Lâm viện, hàm chánh thất phẩm. Có nhiệm vụ kiểm soát chỉnh lý lại những văn từ trong chiếu chỉ.

[3] Xem thêm Chính biên quyển XLIII, tờ 36.

Từ sau khi thua trận ở Cẩm Sa, đồ đảng của Văn Nhạc phần nhiều ly tán. Lại được tin Kinh quận công Tổng Phúc Hợp, lưu thủ doanh Long Hồ, từ trong Nam thống lãnh binh sĩ tiến ra càn quét Phú Yên, Nhạc sợ lắm. Lúc ấy, quân của Ngũ Phúc tiến đén đóng ở Châu Ổ. Nhạc bèn sai thuộc hạ là bọn Phan Văn Tuế đem vàng lụa đến xin hàng và xin làm tiền khu. Ngũ Phúc tin lời, nhân dâng biểu xin cho Văn Nhạc làm tiền phong tướng quân, giữ chức hiệu trưởng Tây Sơn. Rồi sai người gia khách giữ công việc thư ký là Nguyễn Hữu Chỉnh đem sắc, ấn, cờ và kiếm ban cho Văn Nhạc.

Lời chua-Phúc Hợp: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá, là dòng dõi công thần Tống Phúc Trị. Đầu năm Gia Long, được liệt vào hàng thờ ở miếu Trung tiết công thần; năm Minh Mệnh truy phong trung đẳng thần, thờ ở miếu Hội Đồng.

Hữu Chỉnh: Người xã Đông Hải, huyện Chân lộc[1].

Châu Ổ[2]: Ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi...

Tháng 8, mùa thu. Gió lớn, nước sông dấy lên.

Sâm tự tôn phong mẹ là Nguyễn thị làm quốc mẫu.

Từ khi ở Hà Trung về kinh, Trịnh Sâm lăng loàn áp bức vua Lê càng quá. Đến nay yêu cầu nhà vua sách phong cho mẹ hắn là Nguyễn thị làm quốc mẫu.

Tháng 10, mùa đông. Mở khoa thi hội các cống sĩ. Cho bọn Ngô Thế Trị và Phan Huy Ích 18 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân; xử tội Đinh [Thì] Trung đày đi Viễn Châu; giam Lê Quý Kiệt vào ngục.

Quý Kiệt con Quý Đôn. Kỳ đệ tứ khoa thi này, Quý Kiệt cùng Đinh [Thì] Trung đổi quyển cho nhau để làm bài. Việc bị lộ, Đinh [Thì] Trung phải tội lưu đi Yên Quảng, Quý Kiệt phải trở về làm dân. Đinh [Thì] Trung nhân phát giác bức thư riêng của Quý Kiệt và cáo tố là do Quý Đôn chủ sự. Trịnh Sâm lấy cớ Quý Đôn là bậc đại thần, bỏ đi không xét, mà luận thêm tội Quý Kiệt, bắt giam cấm ở ngục ở cửa Đông.

Lời phê-Hai người cùng một tội mà xử phạt khác nhau, sao gọi là công bằng thỏa đáng được? Xét hành trạng của Quý Đôn, không có một điều gì đáng khen.

Lời chua-Thế Trị: Người xã Hội Phụ, huyện Đông Ngàn.

Phan Huy Ích: Con Phan Cận, người xã Thu Hoạch[3], huyện Thiên Lộc, sau thờ Tây Sơn, làm quan đến Thượng thư bộ Lễ.

Đinh [Thì] Trung: Người xã Ngọc Bôi, huyện Đông Sơn[4].

Tháng 12. Trịnh Sâm triệu Hoàng Ngũ Phúc về Kinh, bổ dụng bọn Bùi Thế Đạt vào thay.

Ngũ Phúc đóng quân ở Châu Ổ lâu ngày, lúc ấy phát sinh bệnh dịch, quân sĩ nhiều người chết, bèn bí mật trù tính rút quân về. Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Lệnh Tân đều muốn lui quân ở Quảng Nam, đặt quan trấn giữ. Ngũ Phúc không theo lời cho người chạy thư về triều xin về Thuận Hóa, để Quảng Nam đấy rồi sẽ tính sau. Trịnh Sâm y cho. Do đấy, hai phủ Thăng Bình và Điện Bàn lại bị Văn Nhạc chiếm cứ. Sau, vì Ngũ Phúc có bệnh phải triệu về triều, bèn sai Bùi Thế Đạt và Nguyễn Đình Đống trấn giữ thay, mà dùng bọn Phan Lê Phiên, Uông Sĩ Điển và Nguyễn Lệnh Tân giúp việc. Sau đó, bổ dụng Lê Quý Đôn và Nguyễn Mậu Dĩnh giữ chức Hiệp đồng, xếp đặt công việc trong quân, cho phép cứ 10 ngày một lần đề đạt tình hình về triều. Lại bổ dụng Ngô Phúc Oánh giữ chức lưu thủ đồn Động Hải, Phan Cận giữ chức Hiệp đồng.

---

[1] Nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

[2] Nay là thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

[3] Nay là xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Tỉnh Thanh Hóa.

Lời chua-Ngô Phúc Oánh:: Người xã Trảo Nha[1], huyện Thạch Hà.

Phan Cận: Có một tên nữa là Huy Áng.

Châu Ổ[2]: Xem trên (tờ số 27 ở trên).

Thăng Bình và Điện Bàn: Tên hai phủ, thuộc tỉnh Quảng Nam.

Bính Thân, năm thứ 37 (1776). (Thanh, năm Càn Long thứ 41).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Sâm quyền tạm cử hành lễ tế nam giao.

Vì nhà vua chưa hết tang thái hậu, nên Trịnh Sâm thay nhà vua cử hành lễ tế nam giao. Ngày hôm ấy, các quan văn võ lạy mừng ở phủ đường, Sâm ban cho 300 quan tiền.

Xá tô cho ruộng ở ven biển.

Vì mùa thu năm trước, gió bão quá mạnh, nước biển lên cao, các ven biển về vùng Sơn Nam, Hải Dương và Yên Quảng, ruộng lúa bị ngập nát. Ty Hiến sát đem tình trạng ấy tâu bày, bèn hạ lệnh xá tô ruộng năm nay có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Mở trường đúc tiền ở Thuận Hóa.

Triều đình hạ lệnh mở trường ở phía hữu trấn doanh, đem súng đồng, khí dụng và tiền tệ đã bắt được mà không thể dùng được đúc hơn ba vạn quan tiền "Cảnh Hưng thuận bảo". Lại mộ người khai mỏ vàng ở núi đất xã Nam Khố, công việc làm vài tháng, không lấy được vàng bèn thôi.

Lời chua-Xã Nam Phố: Thuộc huyện Phú Vinh phủ Thừa Thiên.

Thuận Hóa: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24, 33, 34).

Rút bớt điền lộc.

Hồi đầu quốc triều (triều Lê), thế nghiệp điền lộc đều có quy chế nhất định. Sau khi trung hưng, bổng lộc hoặc thưởng cấp đều lấy ở kho công, ít khi dùng ruộng công để cấp. Từ năm Bảo Thái (niên hiệu Dụ Tông), Long Đức (niên hiệu Thần Tông) đến nay, việc ban cho mỗi ngày một nhiều, còn như tự sự, huệ lộc, sứ lộc, ngụ lộc và bách công ngụ lộc đều cấp bằng ruộng, có khi cấp phát quá lạm, cho nên một nửa thuế ruộng thuộc về tư gia, mà kho công không có của thừa để tích trữ. Bầy tôi trong triều bàn định, cho rằng việc điều động quân lính chi phí khá nhiều, cần nên giảm bớt việc cấp phát. Bởi thế, những điền lộc nào không hợp với quy chế đều bớt hết đi, còn điền lộc nào vẫn được cấp thì cấp thay bằng tiền công, mỗi mẫu mỗi năm cấp cho hai quan.

Lời chua-Thế nghiệp điền lộc: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 20-25).

Tự sự: Phàm bầy tôi trong họ tôn thất và quan văn quan võ từ tam phẩm trở lên, có công tham dự vào việc bàn định mưu kế, giữ yên biên giới, và các chức thị giảng, thị nhũ[3], phụng sứ, trấn thủ, thống lãnh cùng người chẳng may bị chết khi chiến trận, những người này được đặc ân ban cho tự điền: nhất phẩm ba xã, tiền 120 quan; tòng nhất phẩm 3 xã, tiền 108 quan; chánh và tòng nhị phẩm 2 xã; chánh và tòng tam phẩm 1 xã, mỗi trật đều bớt dần đi 12 quan. Các quan văn quan võ và nội giám từ ngũ phẩm trở lên, không có công lao như đã kể trên, mà được dự vào ngũ ngũ phủ phủ liêu cùng nội sai phủ liêu, tri phiên và phó thiêm cũng ban cho tự điền có từng bậc khác nhau; nhất phẩm 60 quan; nhị phẩm 50 quan; xuống đến ngũ phẩm, mỗi trật đều bớt dần đi 10 quan.

[1] Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Nay là thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

[3] Hầu hạ và cho con vua chúa bú.

Huệ Lộc: Các hoàng thân và hàng nhất, nhị phẩm đều được cấp một xã, tiền 60 quan, gạo 150 bát; tam phẩm một xã, tiền 40 quan, gạo 100 bát. Quan viên thôi việc về, từ nhất phẩm trở lên (chánh và tòng nhất phẩm cũng thế) được cấp dân lộc 4, 5 xã, sử tiền 400 quan (mỗi quan 6 tiền, gọi là sử tiền, 400 quan sử tiền, tứ 240 quan thực tiền bây giờ, dưới đây cũng thế); nhị phẩm, dân lộc 2, 3 xã, sử tiền 300 quan hoặc 250 quan; tam phẩm, dân lộc 1, 2 xã, sử tiền 200 quan hoặc 150 quan; tứ phẩm 1 xã, sử tiền 150 quan; ngũ phẩm 1 xã, sử tiền 100 quan. Còn gạo không có số nhất định.

Sứ Lộc: Chánh sứ một xã, tiền 120 quan, gạo 300 bát; phó sứ một xã, tiền 100 quan, gạo 250 bát.

Ngụ Lộc: Tham tụng 2 xã, tiền 200 quan, gạo 350 bát; bồi tụng 1 xã, tiền 100 quan, gạo 300 bát; tả tư giảng một xã, tiền 60 quan, gạo 300 bát; hữu tư giảng một xã, tiền 40 quan, gạo 250 bát.

Việc cấp phát kể trên đều chuẩn theo số tiền, số gạo mà cấp thay cho điền lộc như thế nào cùng bách công ngụ lộc, chưa khảo cứu được.

Lời phê-Cấp phát rất rối ren những lạm, mà chung quy thực số bổng lộc rất ít, cho nên lấy tiền kiện tụng rất nhiều. Xếp đặt chính trị, không hợp thể thống.

Lạc Hòn đến cống nạp.

Man Lạc Hòn đã lâu bỏ việc cống nạp. Đến nay sai bầy tôi là bọn Thiêu (Thiều) Mang Khoa đem voi đực và sản vật địa phương nhờ viên quan châu Quy Hợp xin cho vào chầu ở kinh sư. Triều đình y cho.

Lời chua-Lạc Hòn: Tên Man, xem Hi Tông, năm Chính Hòa thứ 21 (Chb. XXXIV, 48).

Châu Quy Hợp: Xem Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Hạ lệnh cho lục bộ tiếp tục biên soạn Hội điển.

Đầu niên hiệu Long Đức[1], hạ lệnh chia cho các bộ thuộc tập hợp các tài liệu về chính sự lịch triều, rồi chia ra từng môn loại, biên soạn thành sách, nhan đề là Quốc triều hội điển[2]. Đến nay lại hạ lệnh chiểu theo niên thứ tiếp tục biên soạn.

Tháng 3. Mộ dân khai khẩn ruộng bỏ hoang.

Hạ lệnh cho các trấn mộ dân khai khẩn ruộng bỏ hoang, mỗi người được nhận 5 mẫu ruộng, nhà nước cấp cho ngưu canh, điền khí và 15 quan tiền[3], mỗi năm thu thóc 250...[4], dựng kho ở sở tại để chứa số thóc ấy.

Tháng 6, mùa hạ. Bãi bỏ thể lệ ti Hiến sát các lộ hàng năm đi dò hỏi tình trạng ở dân gian.

Theo thể lệ cũ, ti Hiến sát các trấn cứ đến cuối năm, đi khắp trong hạt, xét hỏi tình trạng đau khổ của dân, rồi đem sự thực mật tâu để triều đình biết. Nhưng, về sau, quan không thân hành đi, chỉ phái nha lại đến từng làng, sinh sự hạch sách làm phiền nhiễu dân, mà những lời tâu bày đều là việc tầm thường cả, thành ra chưa đề đạt được tình trạng của dân mà lại tăng thêm cái tệ nha lại những nhiễu. Đến nay, hạ lệnh: ty Hiến sát vẫn ở lỵ sở, cho phép dân đem tình trạng giãi bày, không được phái lại dịch về làng như trước nữa.

---

[1] Niên hiệu Lê Thuần Tông (1732-1734).

[2] Xem thêm Chính biên quyển XXXVII, tờ 31.

[3] Nguyên văn chép "cấp canh ngưu, điền khí tiền thập ngũ quan" cũng có nghĩa nữa là ngưu canh, điền khí trị giá tiền 15 quan.

[4] Nguyên văn chép: "Nhị bách ngũ thập thiên", nếu dịch đúng là hai trăm năm mươi ngàn thì không có nghĩa gì cả. Chữ "thiên" chắc là chữ "đấu" hoặc chữ "lộc" mà in lầm, chưa khảo cứu được.

Tháng 7, mùa thu. Hạn hán. Dân bị nạn đói.

Lúc ấy, mất mùa, dân bị đói, giá gạo cao, mà ruộng chiêm thì khô nẻ, công việc làm ruộng không được tiện lợi. Người sang trọng phải nhòm từng cửa để xin làm thuê hoặc vay mượn mà cũng không đắt, họ hợp nhau ăn cắp, ăn trộm[1], nhân dân không được yên nghiệp làm ăn.

Tháng 8. Sâm bổ dụng Phạm Ngô Cầu giữ chức trấn phủ.

Trịnh Sâm lấy cớ rằng Quảng Nam chưa bình định được, mà lòng dân Thuận Hóa lại chưa thỏa thuận phục tùng, hơn nữa Bùi Thế Đạt ở trấn không thi thố được việc gì cả, bèn triệu bọn Thế Đạt, Quý Đôn và Lê Phiên về, còn các cơ, các đội trong 13 quân hiệu hiện đóng ở đấy cũng nhất luật triệu về, mà sai Tạo quận công Phạm Ngô Cầu, trấn thủ Sơn Nam, lãnh chức trấn phủ Thuận Hóa thay Bùi Thế Đạt, cho phép Ngô Cầu được tùy tiện thi hành mọi công việc, để bọn Nguyễn Mậu Dĩnh và Nguyễn Lệnh Tân ở lại giúp việc, đổi sai binh lính 10 doanh, cơ, đội đến thú thủ. Lại sai Vũ Trần Thiệu, tả thị lang bộ Lại, đi dụ bảo và ban tiền bạc cho tướng sĩ có từng đẳng hạng khác nhau.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh: nếu ai có giấy tờ niêm phong tâu bày việc mất, viên quan có trách nhiệm phải lập tức đề đạt, theo như thể lệ cũ.

Thể lệ cũ ở công đường chính phủ treo một quả chuông, phàm người nào có tình trạng u ẩn hoặc có điều oan ức mà muốn giãi bày, thì được phép làm giấy tờ niêm phong cẩn mật, rồi đánh chuông dâng nộp, viên quan trong Lại phiên nhận phong thư ấy lập tức dâng nộp để chúa rõ. Gần đây, công việc trình bày phần nhiều phù phiếm càn rỡ, không thiết thực, mà viên quan có trách nhiệm cũng để chậm trễ hoặc nhãng quên đi, nên dầu có người bị oan uổng uất ức cũng ít khi được tự đề đạt lên trên được. Vì thế, nay bàn định đổi hẳn tình tệ ấy, nếu người nào để chậm trễ sẽ có tội.

Bỏ bớt ti Thừa chính sứ và quan châu, quan huyện ở trấn Thái Nguyên.

Trước kia, các trấn đều đặt ba ti (ti Trấn thủ), ti Thừa chính, và ti Hiến sát), chia nhau làm các công việc. Nay Trịnh Sâm nhận thấy trấn Thái Nguyên nhân dân ít, công việc đơn giản, vả lại đất ấy ở nơi biên viễn, nhiều rừng núi, bèn hạ lệnh bỏ bớt ti Thừa chính, công việc ti này giao về ti trấn thủ nhận giữ. Sau đó, đô ngự sử Lê Quý Đôn lại xin đem sáu huyện châu thuộc trấn này là Thông Hóa, Cảm Hóa, Bạch Thông, Văn Lãng, Vũ Nhai và Đại Từ cũng bỏ bớt đi. Trịnh Sâm theo lời.

Lời chua-Thông Hóa: Tên phủ, thuộc trấn Thái Nguyên[2].

Cảm Hóa[3]: Tên huyện, xem Lý Thái Tông, năm Thiên Cảm Thánh Võ thứ nhất (Chb. III, 11).

Văn Lãng: Xem năm Cảnh Hưng thứ 2 (Chb. XXXIX, 18).

Vũ Nhai và Đại Từ: Đều xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 17 (Chb. XXX, 7).

Châu Bạch Thông[4]: Xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 22 (Chb. XXX, 29).

Tháng 11. Không mưa. Hạ chiếu trưng cầu lời nói trung trực.

Tháng 12. Vì hạn hán, hạ chiếu tha các tiền thuế còn bỏ thiếu và tiền thuế điệu; đình hoãn mọi công việc thổ mộc.

---

[1] Nguyên văn chép: "Quý giả vọng môn dung tá vô sở thụ, tương tư thất thiết". Chúng tôi ngờ chữ "quý" là chữ "bần" mà in sai đi, vì theo Hán văn, thì chữ "quý" và chữ "bần" tự dạng gần giống nhau, nếu là chữ "bần" thì nghĩa cả đoạn văn này có phần xuôi hơn. Nhưng vì không có tài liệu khác để tham khảo, nên vẫn dịch theo nguyên văn.

[2] Đất phủ Thông Hóa, nay gồm các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (Cao Bằng và Na Rì, Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

[3] Đất huyện Cảm Hóa, nay gồm các huyện Ngân Sơn (Cao Bằng) và Na Rì (Bắc Cạn).

[4] Thuộc phủ Thông Hóa. Nay gồm huyện Ba Bể (Cao Bằng) và huyện Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

Lúc ấy, đã lâu không mưa. Sâm cầu đảo ở chùa Báo Thiên, nhân đấy tha cho các lộ những tiền thuế còn bỏ thiếu từ năm Mậu Tý (1767) đến năm Nhâm Thìn (1771); lại tha tiền thuế điệu sang năm cho dân ở ven đường, đình hoãn mọi công việc đắp đê và đào sông.

Lời chua-Chùa Báo Thiên: Xem Lý Thần Tông, năm Thiên chương bảo tự thứ 5 (Chb. IV, 32).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 45

Từ Đinh Dậu, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 38 (1771) đến Nhâm Dần, năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782) gồm 6 năm.

Đinh Dậu, năm [Cảnh Hưng] thứ 38 (1777). (Thanh, năm Càn Long thứ 42).

Tháng giêng, mùa xuân. hạ lệnh cho bọn Lê Quý Đôn xét định ngạch tô thuế của binh và dân ở Thuận Hóa.

Các quan trong chính phủ nói: "Triều đình lấy được Thuận Hóa đã ba năm nay rồi, nay nên liệu lượng bổ tô thuế cho binh và dân, chép thành sổ sách ngạch thuế". Trịnh Sâm nhận thấy bọn Lê Quý Đôn, Phan Lê Phiên và Uông Sĩ Điển đều ở Thuận Hóa về kinh, biết rõ được tình thế đất đai và tình trạng dân gian ở đấy, bèn hạ lệnh cho bọn này chiếu theo ngạch ruộng đất và binh, dân mà tra cứu, rồi xét định chia bổ. Đại lược việc xét định này, về số tô giảm hai phần mười, về số binh giảm một phần ba. Nhân đây, giao cho trấn phủ Phạm Ngô Cầu châm chước thi hành.

Lời chua-Thuận Hóa: Có hai phủ, tám huyện và một châu, chia ra lệ thuộc như sau: 5 huyện Hương Trà, Phú Vinh, Quảng Điền, Hải Lăng và Đăng Xương thuộc phủ Triệu Phong; 3 huyện Phong Lộc (trước là Khang Lộc), Lệ Thủy Minh Linh và châu Nam Bố Chính thuộc phủ Quảng Bình; nhân số các hạng có 126.857 người, ruộng đất công và tư có 265.507 mẫu, trong số này có trừ rừng núi, tha ma, vườn tược, nhà ở, đầm ao, đất công, đất chùa và những đất khô rắn phải bỏ hoang, còn thực số cày cấy 153. 181 mẫu.

Trịnh Sâm bổ dụng Nguyễn Văn Nhạc giữ chức trấn thủ tuyên úy đại sứ ở Quảng Nam.

Sau khi đã chiếm cứ Quảng Nam, Văn Nhạc sai bộ thuộc là Đỗ Phú Tuấn xin với Trịnh Sâm để được trấn thủ địa phương này. Lúc ấy, Trịnh Sâm ngại về việc dụng binh, nhân đấy, chuẩn y cho. Văn Nhạc bèn sắm sửa binh khí, tích trữ lương thực, chặn lấp nơi hiểm yếu, phòng giữ nơi quan ải, tiến dần lên thế thịnh vượng hùng cường. Nguyễn Lệnh Tân, phó đốc thị, muốn trừ diệt sớm đi, nhưng bị Phạm Ngô Cầu ngăn cản. Lệnh Tân bèn làm tờ khải mật trình bày với Sâm rằng: "Ngô Cầu là người nhút nhát, không có kế mưu, nếu giao phó trong tay Ngô Cầu, tất nhiên Thuận Quảng sẽ bị mất. Xin bãi Ngô Cầu đi mà phái ủy viên tướng khác, ngõ hầu mới có thể giữ được Thuận Quảng". Trịnh Sâm cho Ngô Cầu là người trầm tỉnh cẩn trọng, không cho lời Lệnh Tân nói là đúng. Sau đó, Sâm cho triệu Lệnh Tân về, bổ đi quyền chức tham chính trấn Sơn Tây. Từ đấy, Văn Nhạc được thể vùng vẫy, cướp phá các địa phương Phú Yên và Bình Thuận, thế lực của Văn Nhạc không ai có thể kìm chế được.

Lời chua-Quảng Nam[1]: Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7-10).

Phú Yên[2]: Địa vực của thị tộc Việt Thường xưa; đời nhà Tần là huyện Lâm Ấp; đời nhà Hán, thuộc đất huyện Tượng Lâm; nhà Tùy đổi làm quận; nhà Đường đổi làm châu; sau là đất Chiêm Thành; nhà Lê đặt là huyện Tuy Viễn; khoảng năm Gia Long đổi là trấn; nay là tỉnh Phú Yên.

[1] Nay là tỉnh Quảng Nam.

[2] Nay là tỉnh Phú Yên.

Bình Thuận[1]: Xưa là một nước ở ngoài biên giới về phía nam; sau là đất Chiêm Thành; đời nhà Lê vẫn là nước Chiêm Thành; khoảng năm Gia Long đặt làm trấn; nay là tỉnh Bình Thuận.

Tháng 4, mùa hạ. Nghệ An bị nạn đói; triều đình phát chẩn cho dân.

Luôn mấy năm, trấn Nghệ An mất mùa đói kém, thây chết đói nối liền với nhau. Ti Hiến sát đem tình trạng ấy tâu bày. Triều đình bèn hạ lệnh cho bọn Nguyễn Đình Diễn và Ngô Phúc Lâm trích 15.000 quan tiền và 15 vạn bát quan thóc trong kho, chia ra phát chẩn. Nguyễn Lệ lại trình bày bốn điều về chính sách cứu đói: 1. Dời dân đói đến Thanh Hoa khai khẩn ruộng đất; 2. Mở cửa biển cho các thuyền buôn vận tải; 3. Mở đường châu Quy Hợp cho phép dân được thông hành buôn bán; 4. Cho phép thuyền buôn chở gạo đến trao đổi và được miễn thuế. Trịnh Sâm đều thu nhận.

Lời chua-Ngô Phúc Lâm: Người xã Trảo Nha[2], huyện Thạch Hà, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Châu Quy Hợp[3]: Xem Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Hợp hai châu Nam Bố Chính và Bắc Bố Chính làm một, cho lệ thuộc vào Nghệ An.

Trước kia, Bắc Bố Chính thuộc Nghệ An, Nam Bố Chính thuộc Thuận Hóa. Đến nay bầy tôi bàn hợp lại làm một, đều cho lệ thuộc vào Hà Hoa, trấn Nghệ An. Trịnh Sâm y cho.

Lời chua-Nam Bố Chính[4]: Xem Thần Tông, năm Dương Hòa thứ 9 (Chb. XXXI, 31).

Bắc Bố Chính[5]: Xem Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Phủ Hà Hoa[6]: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 3 (Chb. X, 37).

Tháng 5. Tha thuế còn thiếu và tiền thuế điệu năm nay cho các lộ.

Trịnh Sâm nhận thấy Thuận Hóa đã được yên, Quảng Nam lại quy thuận, bèn hạ lệnh miễn các thuế thổ sản còn bỏ thiếu từ năm Ất Mùi (1775) trở về trước cho Thanh Hoa và Nghệ An; miễn tiền thuế điệu năm nay cho tứ trấn. Nếu người nào đã nộp rồi, sẽ được phép tính trừ vào thuế vụ xuân sang năm. Lại thưởng tiền cho các quân lính trong kinh, ngoài trấn có nhiều ít khác nhau.

Lời chua-Thưởng tiền cho các quân lính: Thân binh, mỗi người được thưởng một quan hai tiền; ngoài ra, phàm binh lính nào có cầm binh khí được thưởng một quan, binh lính không cầm binh khí đều được thưởng sáu tiền.

Tiền thuế điệu: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 10).

Tháng 6. Bổ dụng Hoàng Đình Bảo giữ chức trấn thủ Nghệ An, Bùi Huy Bích giữ chức đốc đồng.

Đình Bảo là cháu Hoàng Ngũ Phúc, đỗ hương tiến[7], lại đỗ tạo sĩ, Trịnh Doanh gả con gái cho, uy quyền ngày càng to lớn. Người hiếu sự lúc bấy giờ làm con dao, có chữ "thảo nhất điền bát"[8]. Lại một

---

[1] Nay là tỉnh Bình Thuận.

[2] Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Nay là huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

[5] Nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

[6] Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

[7] Tức hương cống triều Lê và sau này triều Nguyễn đổi là cử nhân.

[8] Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

việc nữa: Tên cũ của Đình Bảo là Đăng Bảo, người ta phần nhiều bàn tán về chữ đặt tên này[1], vì thế, đổi là Tố Lý, sau mới đổi là Đình Bảo.

Lúc Hoàng Ngũ Phúc vào xâm lấn trong Nam, xin cho Đình Bảo được lệ thuộc quyền mình để đi theo. Đình Bảo thông hiểu chút ít binh pháp, đánh trận nhiều lần lập được chiến công, nên được các tướng sợ phục. Sau khi Ngũ Phúc mất, Trịnh Sâm bổ dụng Đình Bảo giữ chức quyền phủ sự, thay Ngũ Phúc quản lĩnh binh lính bản bộ. Đến nay, vì Nghệ An hàng năm bị đói, giặc cướp có nơi hô hào tụ hợp, Trịnh Sâm toan thử dùng tài Đình Bảo. Gặp lũ ấy Phạm Ngô Cầu, trấn thủ Thuận Hóa, cho trạm chạy thư về triều nói: "Nguyễn Văn Nhạc, giặc Tây Sơn, cướp bóc quấy rối mặt Nam, cần phải phòng bị". Sâm bèn hạ lệnh cho Đình Bảo thay Hoàng Đình Thể làm trấn thủ và Bùi Huy Bích giúp việc, mà sai Đình Thể đốc suất binh lính 5 cơ, đội đóng ở Bố Chính, để làm thanh thế viện trợ cho Ngô Cầu.

Lời chua-Bùi Huy Bích: Người xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) năm Cảnh Hưng.

Thảo nhất điền bát: Lúc ấy có thư nặc danh nói "Thảo nhất điền bát[2] giả sấm thuyết dĩ nhiễm nguyên[3]; thỉ nhất dương quần[4], phiến đồng dao nhi lộng xuẩn[5]". Thảo nhất điền bát là chữ "hoàng". Thỉ nhất: ý nói Đình Bảo tuổi Hợi; dương quần; ý nói Sâm và con là Khải đều tuổi Mùi.

Mở trường thi hương ở Thuận Hóa.

Trước đây, triều đình hạ lệnh dò tìm những người hiền tài ẩn dật còn sót lại ở Thuận Hóa, để cân nhắc tài năng bổ dụng. Đến nay hạ lệnh cho viên quan trấn phủ chiếu theo điều lệ thi hương, trước hết khảo hạch học trò, kê thành sổ sách dâng nộp, triều đình lại chọn quan trong kinh phụng mệnh sung vào giữ công việc trường thi. Sau đó, Ngô Cầu dâng nói: "Thuận Quảng trãi qua binh lửa lâu ngày, việc học tập của học trò bỏ qua gián đoạn, nên chưa thấy có người nào xin thi hạch. Vậy xin làm phép quyền nghi, đều tùy theo sức học của học trò, hễ ai có thể thông được bài thơ, bài phú và hiểu biết công việc hiện thời, thì được tham dự tập hợp để thi khảo, sẽ cân nhắc lấy người trúng cách, để cổ vũ chí khí của sĩ phu". Trịnh Sâm theo lời, bèn hạ lệnh cho Trấn ti thi khảo một lần, đầu đề dùng thơ phú và văn sách, rồi chọn lấy người trội hơn làm hương cống, người thứ nhì là sinh đồ, để thu dùng những sĩ tử văn học.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng Hoàng Đình Thể giữ chức đốc lãnh ở Thuận Hóa.

Trước đây, Đình Thể đóng đồn ở Bố Chính, gặp lúc ấy giặc cướp ở huyện Khang Lộc và Lệ Thủy nổi dậy, đường sá đi lại bị ngăn trở. Ngô Phúc Oánh, lưu thủ ở Động Hải, đem việc nguy cấp ấy báo về triều. Triều đình hạ lệnh cho Đình Thể đi đánh, hai huyện này được bình định. Vì thế nên bổ dụng Đình Thể giữ chức này, rồi sai Hoàng Thúc Nhị đem cờ tiết, sắc văn và ấn tín đến quân thứ ban cho Đình Thể.

Lời chua-Hoàng Thúc Nhị: Người xã An Đồng, huyện La Sơn[6], đỗ hương cống.

Khang Lộc[7]: Xem Anh Tông, năm Chính Trị thứ 14 (Chb. XXVIII, 30).

Lệ Thủy[1]: Tên huyện, thuộc huyện Quảng Bình.

---

[1] Có lẽ họ cho rằng tên "Đăng Bảo" tức là đăng bảo vị (lên ngôi báu), nên họ mới bàn tán.

[2] Bốn chữ "Thảo nhất điền bát" đem chắp liền với nhau, thành một chữ "hoàng" tức là họ của Đình Bảo.

[3] Ý nói: mượn lời sấm để mong làm việc trái với bổn phận. Trong câu này có hai chữ "nhiễm nguyên", tác giả dùng điển trong sách Tả truyện. Thời Xuân Thu, Trịnh Linh Công sai nhà bếp nấu thịt ba ba, cho triệu đại phu là Tử Công vào, nhưng không cho ăn. Tử Công giận lắm, thò tay vào vạc lấy thịt ba ba ăn rồi hầm hầm đi ra, sau Trịnh Linh Công bị Tử Công giết. Vì thế người ta dùng danh từ "nhiễm chi" hoặc "nhiễm nguyên", để nói về người muốn chấm mút thứ gì mà bổn phận mình không được hưởng thụ.

[4] Câu này có chữ "thỉ" là con lợn và "dương" là con dê. Theo thuyết nhà thuật số thì 12 hàng chi đều có cầm tinh một con vật, ví dụ người đẻ năm tý tức cầm tinh con chuột, đẻ năm sửu tức cầm tinh con trâu v.v... Ở đây vì Đình Bảo tuổi Hợi nên tác giả dùng chữ "thỉ nhất"; hai bố con Sâm và Khải đều tuổi Mùi nên dùng chữ "dương quần".

[5] Ý nói: Thổi phồng lời đồng dao mà làm việc xuẩn động.

[6] Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

[7] Nay là huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Tháng 12, mùa đông. Sai bọn Vũ Trần Thiệu, tả thị lang bộ Lại, sang nhà Thanh.

Trịnh Sâm có chí toan cướp ngôi vua. Năm ấy nhân gặp kỳ tuế cống, Sâm làm tờ biểu mật tâu với triều đình nhà Thanh nói: "Nhà Lê không có người con cháu nào hiền tài", rồi căn dặn Trần Thiệu đem việc ấy vào tâu với vua nhà Thanh. Lại sai nội giám (sót họ tên) cùng đi để dâng của đút và xin phong tước. Khi đi đến hồ Động Đình, Trần Thiệu giả vờ có bệnh, đương đêm đem tờ biểu đốt trước mặt sứ bộ, rồi uống thuốc tự tử. Sau đây, truy tặng cho Trần Thiệu hàm tượng thư.

Lời phê-Chim hạc đứng giữa đàn gà, thực là hiếm có[2].

Mậu Tuất, năm thứ 39 (1778). (Thanh, năm Càn Long thứ 43).

Tháng 2, mùa xuân. Phong cho Hoàng Đình Bảo tước Huy quận công.

Trước đây, Hoàng Đình Bảo vâng lệnh đến trấn thủ Nghệ An, gặp lúc ấy giặc cướp (sót họ tên) ở hai huyện Đông Thành và Quỳnh Lưu nổi dậy, quấy nhiễu cướp bóc huyện bên cạnh. Ngô Đình Hoành, trấn thủ Thanh Hoa, muốn hội hợp binh lính hai xứ để đánh phá tiễu trừ. Đình Bảo sai người ngăn lại và bảo chớ có động binh. Nhân đấy, Đình Bảo lập mưu săn bắt được, đồ đảng của giặc còn sót lại bị tan tác, vì thế trong hạt được yên. Đến nay bàn định thưởng cho tước quận công. Đình Bảo lại xin quyền tạm lấy thóc công, tính hạ giá để bán cho dân nghèo, đợi đến mùa lúa chín, sẽ nộp trã lại. Trịnh Sâm y cho.

Lời chua-Đông Thành và Quỳnh Lưu[3]: Tên hai huyện, xem năm Cảnh Hưng thứ 20 (Chb. XLII, 5).

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Hạ chiếu cầu người trình bày lời trung thực.

Lúc ấy, luôn mấy năm hạn hán, kém đói, Trịnh Sâm hạ lệnh cho bầy tôi và sĩ thứ nói thẳng những điều thiếu sót, sai lầm. Lê Thế Toại, tham nghị cũ ở xứ Thanh Hoa dâng tờ khải, đại lược nói: "Dĩnh Thành hầu Lê Quý Đôn dụng tâm quanh co, bỉ ổi, mong muốn càn rỡ những điều quá hạn định của mình: nào lập mưu cho con ăn cắp bài văn thi ở trong trường, nào vụng trộm chiếm nơi cấm địa. Ông Mạnh Tử nói: "Quan sát con ngươi của từng người, thì người gian người ngay, không thể nào giấu giếm được". Con ngươi của Lê Quý Đôn lúc nào cũng đưa đẩy lia lịa, nếu dùng người này giữ chức cao cả tất nhiên làm tai hại cho nhân dân. Kiều Nhạc Hầu Nguyễn Lệ từ khi được dự vào chính phủ đến nay, chưa nghe mở mang được điều gì có lợi, trừ bỏ được việc gì có hại, chỉ chuyên dùng mánh khoé khéo léo để mê hoặc lòng vua chúa; vừa mới bổ ra giữ chức tham đốc xứ Nghệ, mà quá nửa số nhân dân bị phiêu lưu[4]. Vậy xin: Nghiêm ngặt trị tội Quý Đôn và Nguyễn Lệ, để tạ tội với mọi người trong nước, thì tự nhiên được trời mưa". Tờ khảo này không được Trịnh Sâm trả lời.

Lời chua-Lập mưu cho con ăn ắp văn thi ở trong trường: Kỳ đệ tứ khoa thi Hội năm Ất Mùi (1775), Quý Đôn nhờ Đinh [Thì] Trung làm bài cho con mình là Quý Kiệt[5].

Vụng trộm chiếm nơi cấm địa: Quý Đôn táng trộm mả tổ ở cấm địa tại sơn phận Tản Viên.

Làm lễ an táng Nhu thận hoàng thái hậu.

Trước kia, thái hậu mất[6], vì Trịnh Sâm đang mắc bận về việc dụng binh, nên việc an táng bị ngăn trở; lúc đoạn tang cũng chưa táng được. Đến nay, mới làm lễ an táng ở xã Dịch Vọng gần kinh kỳ.

Lời chua-Xã Dịch Vọng: Thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội[1].

---

[1] Nay là huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

[2] Ý nói, lúc ấy bầy tôi nhà Lê đều là hạng tầm thường, không khác gì đàn gà, chỉ Vũ Trần Thiệu là người có khí tiết khác thường. Ví như chim hạc.

[3] Nay đều thuộc tỉnh Nghệ An.

[4] Xem thêm Chính biên cuốn XLIV, tờ 21.

[5] Xem thêm Chính biên cuốn XLIV, tờ 27, 28.

[6] Xem Thêm Chính biên quyển XLIV, tờ 24.

Tháng 6 nhuận. Dân bị đói to.

Từ lúc dùng quân đánh dẹp trở đi, triều đình mua vét thóc gạo ở tứ trấn và Thanh Nghệ, vận tải vào đồn Động Hải. Thóc gạo khô ướt không đều, thành ra mục nát không thể ăn được, vứt bỏ đi đến quá nửa. Những thứ tích trữ ở dân gian hầu như nhẵn nhụi. Thêm vào đấy luôn mấy năm hạn hán mất mùa, giá gạo cao vọt, một chén nhỏ gạo trị giá một tiền, đầy đường những thây chết đói. Triều đình bèn lập đàn tràng cầu đảo ở kinh thành; dựng quán tế sinh ở thôn Ái Mộ: nấu cơm cháo chia ra phát chẩn; người có bệnh thì cấp cho thuốc thang. Lại hạ lệnh cho các trấn khuyên nhũ dân sở tại người giàu, người nghèo giúp đỡ lẫn nhau; cấm nhân dân đóng cửa không bán thóc gạo. Tuy thế, những kẻ trên người dưới che đậy lẫn nhau, mệnh lệnh của triều đình cũng chỉ thi hành một cách cẩu thả trên giấy tờ suông thôi. Chỉ có Hoàng Đình Bảo, trấn thủ Nghệ An, hạ lệnh kê tên những người nghèo trong hạt thành một danh sách, bắt người có quyền thế vật lực nhận lĩnh về, ủy thác sự chu cấp cho họ, hoặc chiếu theo nhân khẩu để cấp phát thực tiễn. Nhờ thế mà nhiều người được toàn hoạt.

Lời chua-Đồn Động Hải: Thuộc huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Thôn Ái Mộ[2]: Thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 7, mùa thu. Giặc biển vùng đông nam nổi dậy. Triều đình sai bọn Nguyễn Phan, Hoàng Phùng Cơ và Hoàng Đình Bảo chia quân ra từng đạo đi tiễu bắt.

Lúc ấy, luôn mấy năm bị mất mùa kém đói, nhân dân hợp nhau làm giặc cướp: bọn Thục Toại (sót họ), người Yên Quảng, Nguyễn Kim Phẩm và Trần Xuân Trạch, người Sơn Nam, hô hào tụ hợp có hàng vạn người, đánh phá Yên Quảng, viên án trấn là Đặng Đình Viện bị giặc bắt. Nguyễn Địch Bàn, trấn thủ Hải Dương, chần chừ không dám tiến quân. Trịnh Sâm bổ dụng Nguyễn Đăng Đàn giữ chức án trấn Yên Quảng thay cho Đình Viện. Đăng Đàn đóng quân cố sức giữ thành, giặc không thể nào cướp phá được, chúng bèn vượt ra biển cướp vùng Sơn Nam, do cửa Lác đến Giao Thủy. Trấn thủ Ngô Đình Hoành đánh bại được bọn này, chúng bèn lui quân đóng ở sông Ngô Đồng. Đình Hoành đem hết quân ra đuổi theo, khi quân sĩ mới đến được một nửa, giặc bèn quay lại đánh, Đình Hoành bị thua to, chỉ chạy thoát được một mình. Giặc nhân thế thắng, kéo đến xã Thận Vi, chia quân cướp phá. Vì thế dân sở tại bị rối loạn.

Trịnh Sâm hỏi bầy tôi, ai có thể làm tướng đi đánh giặc được. Nội giám Thân Xuân Thự xin đi. Sâm bèn bổ Xuân Thự giữ chức đốc lãnh quân thủy đạo, cho tri Lại phiên Mai Thế Uông làm giám quân kiêm chức tán lý; lại hạ lệnh thái tể Nguyễn Phan và đại tư không Hoàng Phùng Cơ giữ chức đốc lãnh tả hữu bộ quân, được phép tùy cơ hội hoặc càn quét hoặc chiêu dụ.

Trước đây, Xuân Thự bắt được tên quân của giặc đầu hàng, nói giặc có thể chiêu hàng được, vì thế Xuân Thự mới hăng hái xin đi. Khi đến quân thứ, thấy giặc không có chí xin hàng, mà lại cướp phá hơn trước, Xuân Thự bèn thu quân lại, không dám tiến. Giặc đánh úp Hiến doanh. Trịnh Sâm được tin, liền hạ lệnh cho Trịnh Tự Quyền làm hiệp đốc lãnh thủy đạo, đem quân dốc sức đánh giặc. Tự Quyền cùng bọn Nguyễn Phan tiến quân đến xã Thận Vi, đánh giặc phá tan được. Giặc lui ra ngoài biển, đóng đồn liên kết với nhau, đón cướp các nơi, khi ẩn khi hiện không nhất định.

Lúc ấy, tuy đầu sỏ trong đám giặc có nhiều người là thuộc tướng của Hoàng Ngũ Phúc, chúng cho rằng Hoàng Đình Bảo cùng Nguyễn Khắc Tuân ở Kinh Bắc và Nguyễn Lệ ở Sơn Tây đều chia bè phái, chúng ngờ Đình Bảo ở Nghệ An tất có mưu toan làm việc trái phép, bèn sai người lén lút tới nơi, suy tôn Đình Bảo làm minh chủ[3]. Đình Bảo viết thư trả lời chúng, rồi liền đem bức thư của giặc kèm với thư của mình làm tờ khải trình bày đầy đủ về triều. Trịnh Sâm cho là người trung thành, bèn bổ Đình Bảo làm thống lãnh, đem châu sư[4] trấn Nghệ An tiến ra càn quét. Giặc nghe tin Đình Bảo kéo quân, đều tự chạy

---

[1] Tục gọi làng Vòng. Nay là phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

[2] Nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[3] Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXXV, tờ 33.

[4] Binh lính sử dụng thuyền, đánh nhau ở sông biển.

trốn. Lê Quý Đôn lại sai người chiêu dụ, đảng giặc là Thục Toại xin hàng. Giặc biển hết thảy đều bình định được.

Sau trị tội, những người thua trận nhút nhát rút lui: Ngô Đình Hoành phải tội lưu đi viễn châu, Nguyễn Đình Bàn phải lột chức tước, Thân Xuân Thự phải giáng xuống năm bậc. Còn bọn Nguyễn Phan, Phùng Cơ và tướng tá khác đều được thăng thưởng có đẳng hạng khác nhau.

Lời chua-Mai Thế Uông: Do chân hương cống được tiến triều, là con Thế Chuẩn, người xã Thạch Giản, huyện Nga Sơn[1].

Đặng Đình Viện: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức[2].

Trịnh Tự Quyền: Người xã Phù Lỗ[3], huyện Kim Anh.

Nguyễn Kim Phẩm: Người huyện Thượng Nguyên.

Trần Xuân Trạch: Người huyện Nam Chân. Kim Phẩm và Xuân Trạch sau này đều vào Gia Định, theo việc nghĩa, được trao chức tả chi chưởng cơ và hữu chi chưởng cơ, bị chết tại trận, khoảng năm Gia Long đều truy tặng chưởng doanh quận công, liệt vào hàng thờ ở miếu Công thần.

Hiến Doanh: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 39).

Cửa biển Lác Hải: Ở giáp giới địa phận hai huyện Giao Thủy và Chân Định[4].

Thận Vi[5]: Tên xã, thuộc huyện Thượng Nguyên.

Sông Ngô Đồng: Ở địa giới huyện Giao Thủy. Các địa điểm trên đều thuộc tỉnh Nam Định.

Trịnh Sâm tự ý thi những người đã được đề cử.

Sâm tự cậy tài cán, cho rằng trong thiên hạ không việc gì không thể làm được, trăm quan không người nào không thể giá ngự được. Trước kia, Sâm định điều lệ văn tuyển, võ tuyển: Ở ngoài các trấn thì do Thừa chính và Hiến sát dò hỏi những người có đức hạnh, học thuật, không câu nệ người ấy đã làm quan hay chưa, đều được đề cử những người mà mình biết là xứng đáng, mỗi năm cứ tháng trọng thu[6] dâng danh sách lên chính phủ; ở trong kinh thì các quan về văn ban đều có quyền bảo cử. Triều đình hạ lệnh cho các quan trong chính phủ xét duyệt, chọn lấy người trội hơn vào phủ đường yết kiến, nếu người nào ở trước mặt chúa mà ứng đối được hợp ý, lập tức thăng bổ giữ chức phó thiêm ở lục phiên và các chức tham nghị, hiến phó, không bó buộc về tư cách. Còn người trội vừa sẽ đưa sang bộ Lại kén chọn, bổ giữ các chức ở lục bộ, lục tự hoặc phủ, huyện, gọi là văn tuyển.

Các quan về võ ban đề cử người có phương pháp, mưu mô, tài năng, nghệ thuật đã từng theo đi đánh trận. Những người này cũng do các quan trong chính phủ xét tài năng, phẩm hạnh, xếp thành thứ tự, rồi dẫn vào phủ đường để so đọ, võ nghệ người nào trội hơn thì được thăng chức bổ dụng, người trội vừa sẽ bổ dụng sau, gọi là vọ tuyển.

Đến nay, Sâm hạ lệnh triệu những người được đề cử về văn tuyển là bọn Nguyễn Danh Hiến 14 người vào phủ đường thi khảo ngay trước mặt, rồi bổ giữ chức ngoài các trấn.

---

[1] Nay là xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

[3] Nay là xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

[4] Nay Giao Thủy thuộc Nam Định. Chân Định thuộc Thái Bình.

[5] Nay là xã Bách Thuận thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[6] Tháng 8 âm lịch.

Lời chua-Nguyễn Danh Hiến: Người xã Xuân Cầu[1], huyện Văn Giang.

Tháng 11, mùa đông. Bổ dụng Hoàng Đình Bảo làm thự phủ sự, lãnh chức trấn thủ Sơn Nam bằng cách vắng mặt.

Trước kia, Đình Bảo trấn thủ Nghệ An, dẹp giặc cướp, ngăn kiện tụng, rất được lòng dân. Liêu thuộc ở dưới trướng hắn có các hạng tả, hữu tham quân và tòng sự. Vì thế, trong kinh ngoài trấn phao đồn ầm lên rằng "Đình Bảo có ý mưu toan làm việc trái phép". Trịnh Sâm bí mật bàn mưu với tín thần[2] là Nguyễn Phương Đĩnh và Nguyễn Lệ để giết Đình Bảo. Vợ Đình Bảo là quận chúa[3], vẫn a dua Đặng Thị, vợ Trịnh Sâm, ngày đêm ra vào trong phủ, Đặng Thị đem việc ấy nói cho biết. Đình Bảo không được yên tâm, bèn làm tờ khải xin về triều, Sâm y cho.

Đình Bảo cho rằng Đặng Thị tuy được chúa cưng yêu, nhưng Cán (Con Đặng Thị) còn bé, mà Khải đã trưởng thành, nếu phụ họa Đặng Thị e rằng không phải kế vững vàng lâu dài. Sau khi đã vào phủ yết kiến rồi, Đình Bảo sắm đủ 100 lạng vàng, 10 cây đoạn gấm, làm lễ trình diện, đến yết kiến Trịnh Khải. Khải từ chối, không cho vào yết kiến, lại nói riêng với người hầu hạ rằng: "Thằng giặc ấy sao không ở trấn Nghệ An để làm phản, lại vội vàng về triều? Một ngày kia ta sẽ tịch thu gia sản nó, ta thèm dùng lễ chí kiến của nó làm gì?". Đình Bảo nghe được câu ấy, sợ lắm, tự suy nghĩ là mình không được Trịnh Khải bao dung, bèn quả quyết phụ họa với Đặng Thị, ngầm chủ trương mưu kế bỏ người này lập người khác, Đặng Thị cũng hết sức giúp đỡ Đình Bảo, và biện bạch là Đình Bảo bị vi oan, lại cho Đình Bảo có thể dùng giữ việc trọng đại được. Trịnh Sâm tin lời. Do đấy, Đình Bảo được vào giữ chức trong chính phủ, mở quân doanh Trung Nhuệ, lãnh chức trấn thủ Sơn Nam bằng cách vắng mặt. Quyền thế Đình Bảo làm nghiêng lệch cả trong kinh, ngoài trấn. Bọn quản binh và trấn thủ đều là môn hạ, chỉ có Nguyễn Lệ ở Sơn Tây và Nguyễn Khắc Tuân ở Kinh Bắc cùng Đình Bảo vẫn ngầm có ý đánh đổ nhau, đè bẹp nhau, gây ra tình thế bè đảng.

Lời phê-Họ Trịnh dùng nhiều quan thị, hơn cả nhà Hán, nhà Đường; bầy tôi lại đều giữ lòng riêng, gây bè đảng, thế mà Trịnh Sâm tin dùng. Như thế, không bại vong sao được?

Lời chua-Sơn Nam, Nghệ An, Sơn Tây, Kinh Bắc: Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16-18, 21-23, 26-28).

Kỷ Hợi, năm thứ 40 (1779). (Thanh, năm Càn Long thứ 44).

Tháng 3, mùa xuân. Trịnh Sâm hạ lệnh cho Phủ doãn và Hiến sát sứ đi tuần hành xét hỏi các nha môn và những người quyền thế về việc ức hiếp những nhiễu nhân dân.

Sâm lấy cớ rằng, trong nước được thái bình lâu ngày, lệnh cấm có phần lỏng lẻom các nha môn hoặc có người trái phép làm càn, bèn hạ lệnh cho viên Phủ doãn ở Phụng Thiên đi tuần hành trong kinh kỳ, viên quan trong ti Hiến sát các trấn đi tuần hành trong địa hạt mình, để tra xét xem có việc giả lệnh, sai phái, dùng mạo ấn tín và các tình hình về việc sai bắt, nhũng nhiễu, lăng loàn ức hiếp hay không. Nếu có, thì không đợi người cáo tố, lập tức bắt để trị tội. Nếu viên quan nào vì sợ hãi, vì tránh tiếng mà yểm lưu đi, khi việc phát giác, sẽ đều tùy theo tội nặng hay nhẹ mà giáng chức hoặc bãi chức. Tuy thế, nhưng bên trong thì Đặng Thị, bên ngoài thì Hoàng Đình Bảo, trong ngoài cấu kết với nhau. Phàm nhà quyền thế phần nhiều dính dáng là môn hạ của hai nhà kia, nếu họ có việc gì đến cửa quan, thì viên quan giữ trách nhiệm chỉ nhìn nhau rồi ngậm miệng đùn đẩy lẫn cho nhau mà thôi.

Lời chua-Đặng Thị Huệ: Người xã Phù Đổng[4], huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

Tháng 6, mùa hạ. Định rõ lại quy chế việc dạy học.

---

[1] Nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

[2] Tức hoạn quan.

[3] Con gái Trịnh Doanh.

[4] Nay là thôn Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Hạ lệnh cho Quốc Tử giám và Đề đốc Học chính các xứ dạy bảo học trò, trước hết cần có sự thật về việc làm rồi sau mới đến văn chương. Chia học trò ra làm hai hạng ghi vào sổ nhà trường, hàng ngày đến trường nghe giảng dạy. Viên quan giữ việc dạy học lại bất thần hỏi han, để khuyến khích sự siêng năng của họ. Các học trò đã ghi tên trong sổ, mà thật là người có học lực, đức hạnh, tài năng, phẩm giá, thì các quan đệ danh sách lên triều đình biết, để phòng sự phân biệt bổ dụng.

Lời chua-Đề đốc Học chính: Viên quan tham chính ở các xứ kiêm giữ chức Đề đốc Học chính.

Chia học trò làm hai hạng: Nho sinh trung thức và giám sinh là một hạng; nho sinh và sinh đồ là một hạng.

Tháng 7, mùa thu. Thổ tù Hoàng Văn Đồng lại làm phản, xưng hiệu là Tân vương. Triều đình sai bọn Nguyễn Lệ và Nguyễn Phan đi đánh, Văn Đồng lại xin hàng.

Văn Đồng lấy danh nghĩa là thổ tù được cha truyền con nối quản thụ mỏ Tụ Long, thu nộp thuế đồng. Lúc ấy, viên quan coi Hộ phiên là Lê Quý Đôn và viên xuất nạp là Chu Xuân Hán xét Văn Đồng về tội thiếu thuế, tống giam khổ sở không cho về, bắt phải nộp bạc hối lộ đến 3.000 lạng. Văn Đồng đút lót cho người giữ ngục được thoát ra; về nhà, dấy quân làm phản, nhân lúc sơ hở, kéo quân xông thẳng vào phố Tam Kỳ. Trấn thủ là Nghi Trung hầu (sót họ tên) đóng cửa thành, chống giữ. Triều đình hạ lệnh cho Nguyễn Lệ đem quân cứu viện Tuyên Quang. Khi quân Nguyễn Lệ kéo đến, Văn Đồng rút lui, chạy trốn. Lại sai người dụ bảo Văn Đồng đầu hàng. Nhân đấy, Văn Đồng cáo tố rõ tình trạng sách nhiễu của Quý Đôn và Xuân Hán. Lệ đem việc này tâu về triều, bọn Quý Đôn đều can tội, phải giáng chức.

Văn Đồng lại trở về chiếm cứ Tụ Long, lén lút tụ tập đồ đảng còn sót lại làm kế cố thủ. Gặp lúc giặc biển vùng Đông Nam nhao nhao nổi dậy, Văn Đồng lại càng vùng vẫy mạnh hơn, tự xưng hiệu là Tân Vương. Đến nay, triều đình hạ lệnh cho Nguyễn Lệ, trấn thủ Sơn Tây, giữ chức thống lãnh các đạo quân Tuyên-Cao-Lạng và thái tể Nguyễn Phan giữ chức hiệp thống lãnh, chia đường tiến đánh. Văn Đồng đem hết quân giữ nơi hiểm yếu. Lệ sai em là Điền Nhạc hầu Nguyễn Điều đi nhờ đường phủ Khai Hóa, xông thẳng đến sào huyệt Văn Đồng, đánh phá tan được. Văn Đồng trốn biệt, quan quân đuổi theo không kịp, san phẳng hết thành lũy rồi kéo quân về. Sau này, Văn Đồng lại xin đầu hàng, được triều đình tha tội cho.

Lời chua-Chu Xuân Hán: Hoạn quan, người huyện Chương Đức[1], Hà Nội.

Phố Tam Kỳ: Ở huyện Hàm Yên, Tuyên Quang.

Xã Tụ Long: Thuộc huyện Vị Xuyên[2], Tuyên Quang, xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (Chb. XXXVII, 5).

Phủ Khai Hóa: Thuộc tỉnh Vân Nam, xem năm Cảnh Hưng thứ 35 (Chb. XLIV, 11).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Sâm tự ý mở thịnh khoa[3] thi hương, thi hội.

Sâm tự nhận công đức ngày càng lừng lẫy, hạ lệnh mở thịnh khoa thi hương, thi hội; thi hương vào tháng 10, thi hội vào tháng 11.

Theo chế độ cũ, về việc thi đình, nhà vua thân hành ra sách văn thi cống sĩ ở sân rồng, người nào trúng cách thì cho truyền lô và yết tên vào bảng vàng. Khoa này, Trịnh Sâm cho người trúng cách cũng theo chế độ cũ, trước hết vào thi đình, nhưng văn bài không đưa nhà vua phê duyệt. Đến hôm sau,

---

[1] Nay là Chương Mỹ, thuộc tỉnh Hà Tây.

[2] Nay thuộc tỉnh Hà Giang.

[3] Tham khảo Lê sử bổ (sách chép tay, không có tên tác giả) thì thịnh khoa tức là ân khoa (chế độ thi cử thời phong kiến, khoa thi hương, thi hội đã có từng năm nhất định, nhưng năm nào vua chúa có sự vui mừng gì đó, thì gia ân mở thêm một khoa gọi là ân khoa). Trước kia chúa Trịnh định mở ân khoa, nhưng chưa quả quyết cử hành, nay Trịnh Sâm tự mở khoa thi gọi là thịnh khoa; như thế là Trịnh Sâm có ý xâm lấn cả ân điển và thi cử của vua nhà Lê.

lại hạ lệnh đến thi ở phủ đường, rồi căn cứ vào bài đối sách tại phủ đường để định sự đỗ cao, đỗ thấp. Ban cho Lê Huy Trâm và Phạm Nguyễn Du hai người đỗ đồng xuất thân, bọn Phạm Quý Thích 13 người đỗ đồng xuất thân, cao thấp khác nhau. Rồi tâu xin nhà vua ra sắc lệnh cho đem bảng vàng treo ở ngoài cửa nhà Thái Học. Việc này sau thành thể lệ thường hành.

Lời chua-Lê Huy Trâm: Người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai[1].

Phạm Quý Thích: Người xã Lương Đường, huyện Đường An[2], làm quan đến chức thiêm tri Công phiên. Đến khoảng năm Gia Long, được trao cho hàm thị trung học sĩ lãnh chức Đốc học phủ Hoài Đức.

Canh Tý, năm thứ 41 (1780). (Thanh, năm Càn Long thứ 45).

Tháng giêng, mùa xuân. Bắt đầu đánh thuế tô ruộng tư ở Thanh Nghệ.

Trước kia, hai xứ Thanh Nghệ không có thuế ruộng tư. Đến nay bàn định: ruộng hai mùa mỗi mẫu nộp 1 tiền, ruộng một mùa mỗi mẫu nộp 36 đồng, giao xã trưởng sở tại chiếu theo từng hạng ruộng thu tiền tô, cấp làm lương ăn cho binh đinh trong xã. Còn ruộng tư của binh đinh vẫn được miễn thuế.

Tháng 4, mùa hạ. Định lại phép thi võ cử.

Khoa thi võ cử mới đặt từ năm Bảo Thái (1720-1728), lấy bốn năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu làm khoa thi sở cử, bốn năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi làm khoa thi bát cử. Cứ ba năm mở một khoa, đại lược dựa theo thể lệ thi hương, thi hội về bên văn. Đến năm Vĩnh Khánh (1729-1731) đổi ra thi ba kỳ: trước hết thi giương cung, múa siêu đao, sau thi bắn cung, múa kiếm và cưỡi ngựa múa đâu mâu, sau nữa thì văn sách hỏi bảy bộ sách trong Võ Kinh và một bài về phương pháp mưu mẹo việc binh. Người nào ba kỳ đều trúng cách, là tạo sĩ. Nếu có người nào kỳ đệ tam không trúng cách, mà kỷ thuật và sức lực được liệt vào hạng trội hơn, thì mỗi khoa chọn lấy hơn mười người, cho được bổ dụng cũng như tạo sĩ. Về phép thi sở cử cũng giống như bác cử[3].

Đến nay, định lại, phép thi chia làm bốn kỳ: kỳ đệ nhất, thi giương cung, múa siêu đao; kỳ đệ nhị, khảo xét việc so đọ về môn đi bộ bắn cung, bắn súng; kỳ đệ tam , trước hết thi vừa phi ngựa vừa bắn, sau khảo các môn đi bộ đấu siêu đao, lăn khiên, cưỡi ngựa múa đâu mâu và kiếm trường. Viên quan giữ việc khảo sát phải xét kỹ về các phép đánh, đâm, tiến, lui, che đỡ cùng khí sắc và sức vóc hăng hái hay suy kém, mạnh hay yếu, để định người hơn, người kém; kỳ đệ tứ, làm một bài văn sách. Phép thi võ sữa lại như thế, lại càng kỹ lưỡng hơn trước.

Lời chua-Phép thi sở cử và bác cử:Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 5 (Chb. XXXVI, 18).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Sâm truất bỏ ngôi của con trưởng là Khải và bắt giam giữ.

Khải, là con Dương thị, một phi tần trong phủ chúa. Theo thể lệ cũ, con chúa cứ đến 7 tuổi, cho ra ở nhà riêng để học, nếu là con trưởng thì đến 13 tuổi cho mở phủ đệ và được phong làm thế tử. Nhưng Sâm cho rằng Khải (tên cũ là Tông) không phải do vợ cả sinh ra, nên không yêu quý, dùng Nguyễn Phương Đĩnh, hoạn quan, làm bảo phó của Khải. Lúc Khải đã 9 tuổi mới cho đi học, dùng Nguyễn Lệ và Lý Trần Thản làm tả tư giảng và hữu tư giảng. Chưa được bao lâu, Trần Thản mất, Nguyễn Lệ cũng ra trấn thủ Sơn Tây, chỉ sai Khải đến ở nhà riêng Nguyễn Phương Đĩnh, theo thời tiết vào phủ đường triều yết mà thôi. Viên quan trong Ngự sử là Nguyễn Thưởng và Vũ Huy Đĩnh trước sau nhiều lần xin với Sâm về việc lập thế tử, đều bị giáng chức. Sau vì Đặng Thị Huệ, một thị nữ được yêu nuông, sinh con là Cán, Sâm rất yếu quý, sách phong Đặng Thị là Tuyên Phi. Đặng Thị tự gây dựng lấy bè đảng cho vây cách được dầy dặn, bên ngoài nương nhờ Hoàng Đình Bảo làm viện trợ, ngầm có ý cướp ngôi thế tử

---

[1] Tỉnh Hà Tây.

[2] Nay là thôn Lương Ngọc, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

[3] Xem thêm Chính biên, quyển XXVII, tờ 20, 21.

cho Cán. Khải không được yên tâm. Lúc Sâm có bệnh, nhiều lần Khải đến cửa tẩm thất để vào chầu thăm hỏi, thường bị quân giữ cửa ngăn cản, không được vào.

Ngoài phủ đường có lời phao đồn là Sâm bị bệnh nặng. Khải bàn mưu với gia thần là Đàm Xuân Thụ và bọn đầy tớ nhỏ là Thế và Thẩm (hai người đều sót họ) rằng: "Vương thượng mắc mệnh mà ta không được vào chầu, nếu xảy ra biến cố như việc tên Cao, tên Tư đã làm ngày trước[1], thì toan tính thế nào?". Bọn Xuân Thụ xin bí mật chứa sẵn binh khí, chiêu mộ dũng sĩ, nếu một ngày kia trong phủ đường có sự không lành, thì đóng cửa thành lại, giết Đình Bảo, bắt giam Đặng Thị, rồi phi báo cho quan hai trấn[2], đem quân vào hộ vệ, thì ngôi chúa có thể vững vàng được. Khải cho lời bàn ấy là đúng, bèn vay ngầm của nội thị Chu Xuân Hán 1.000 lạng bạc, để nuôi dũng sĩ và sắm khí giới. Nguyễn Lệ trấn thủ Sơn Tây, từng giữ chức tư giảng cho Khải, Nguyễn Khắc Tuân trấn thủ Kinh Bắc, là con nuôi Nguyễn Phương Đĩnh, cùng Khải vốn có tình thân mật, nay đều cho mật báo, để họ sẵn sàng dự bị.

Ngô [Thì] Nhậm[3], đốc đồng Kinh Bắc, trước kia, giữ việc hàng ngày giảng nghĩa sách cho Khải, rất được Khải thân yêu kính trọng. Hà Như Sơn, một tên đầy tớ nhỏ, là học trò [Thì] Nhậm, hiện làm người giữ sách cho Khải. Như Sơn biết được việc này, đem nói với Nhậm, Nguyễn Huy Bá, cấp sự trung là người giảo hoạt thâm hiểm, vì tội tham tang, bị bãi chức. Bá cho con dâu vào làm thị tỳ hầu hạ Đặng Thị, lại sai người thân tín cầu cạnh làm hầu hạ Nguyễn Khắc Tuân, nên dò biết việc này, bèn vào phủ tố cáo với Đặng Thị. [Thì] Nhậm định tự mình phụ hoạ với Đặng Thị, bèn cùng Huy Bá hợp mưu cáo tố là Khải lén lút cấu kết với hai viên trấn thủ, mưu toan làm việc trái phép. Sâm giận lắm, cho triệu Đình Bảovào phủ bảo về việc này, ý Sâm muốn phê phó giao xuống để trị tội ngay. Đình Bảo can rằng: "Khải dám làm việc to lớn này, chính do viên quan hai trấn ở Tây và Bắc chủ mưu, nay họ đều cầm quân ở ngoài nếu trị tội một cách vội vàng, e sẽ xảy ra biến cố khác. Vậy chi bằng trước hết triệu hai viên trấn thủ ấy về triều, rồi sau sẽ dần dà phát giác sự trạng để trị tội". Sâm nhận là phải, bèn hạ lệnh triệu Nguyễn Lệ trấn thủ Sơn Tây. Khi Lệ về đến nơi, Sâm yên ủi có phần hơn trước. Cách mấy hôm sau, mật bắt được bè đảng của Lệ; nhân đấy lại cho triệu Nguyễn Khắc Tuân, trấn thủ Kinh Bắc. Khi Tuân đã về, bắt giam lại cùng với Nguyễn Lệ và Nguyễn Phương Đĩnh, rồi sai Ngô [Thì] Nhậm cùng với hoạn quan là Phạm Huy Thức tham dự việc tra hỏi. Gặp lúc ấy, [Thì] Nhậm vì cha mất, từ chức về, nên đổi sai Lê Quý Đôn tra hỏi lại, bọn Xuân Thụ, Thế và Thẩm nhận hết tội lỗi. Sâm bèn truất Khải xuống làm con út (quý tử), giam ở nội phủ. Bọn Xuân Thụ đều bị giết. Nguyễn Lệ và Nguyễn Khắc Tuân bị giam vào ngục. Phương Đĩnh vì nuôi dưỡng Trịnh Khải không thành công trạng gì, nên bị lột hết chức tước đuổi về làng. Khắc Tuân và Chu Xuân Hán đều uống thuốc độc chết.

Trịnh Khải đã bị phế, ở ngôi nhà ba gian, ăn uống ra vào không được tự do, người ta đều lo ngại cho Khải, nhưng không người nào dám nói. Lúc ấy có viên tri châu cũ là Lê Vĩ, dâng thư biện bạch cho Khải là bị tội oan, nhưng không được Trịnh Sâm xét đến.

Trước kia, Ngô [Thì] Nhậm sắp phát giác tội của Khải, đem việc ấy bàn với cha Ngô [Thì] Sĩ, Sĩ cố sức can ngăn, đến nổi phải đem cái chết để thề bồi với con, nhưng chung quy Nhậm vẫn không theo. Kịp khi nghe tin Nhậm đã phát giác việc ấy, Sĩ buồn bực, bèn uống thuốc độc tự tử. Về phần Nhậm, vì có công phát giác, được thăng hữu thị lang bộ Công. Lúc ấy người ta có công rằng: "Sát tứ phụ nhi nhị lang", nghĩa là giết 4 người cha để mà làm thị lang. Câu ấy là có ý khinh bỉ Thì Nhậm đó.

Lời chua-Ngô [Thì] Nhậm: người làng Tả Thanh Oai[4], huyện Thanh Oai, là con Ngô [Thì] Sĩ, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) năm Cảnh Hưng. Sau thờ nhà Tây Sơn, làm quan thượng thư bộ Binh; đến năm Gia Long thứ nhất, bị đánh bằng trượng cho đến chết.

---

[1] Thời đại Tần Thủy Hoàng, Triệu Cao giữ chức lang trung lệnh, Lý Tư giữ chức tả thừa tướng. Khi Thủy Hoàng đi tuần du, đem người con nhỏ được cưng chiều là Hồ Hợi đi theo, rồi Thủy Hoàng bị bệnh mất ở Sa Khâu, Triệu Cao bàn với Lý Tư lập Hồ Hợi làm vua mà phế truất thế tử là Phù Tô (Tăng Bình lịch sử cương mục bổ, quyển IV, tờ 5).

[2] Tức trấn Sơn Tây và Kinh Bắc.

[3] Nguyên văn chép là "Ngô Nhâm" vì sử thần triều Nguyễn tránh tên húy Tự Đức, nên bỏ chữ "Thì" đi và đổi chữ "Nhậm" làm chữ "Nhâm". Ở đây chúng tôi dịch đúng tên là "Ngô Thì Nhậm".

[4] Nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tứ Phụ: Ý nói Ngô [Thì] Sĩ là thân phụ, thế tử Khải là quân phụ; Khắc Tuân và Xuân Hán là phụ chấp (bạn của bố). (Xuất xứ ở sách cố Lê nhất thống chí). Có thuyết nói: Nguyễn Lệ, Phương Đĩnh và Khắc Tuân đều là phụ chấp của Nhậm, nên gọi là tứ phụ.

Lê Vĩ: Người xã Nhân Mục[1], huyện Thanh Trì, đỗ hương cống.

Tháng 11, mùa đông. Người thổ nhà Thanh chiếm đất sáu châu ở phủ An Tây.

Mười châu ở phủ An Tây thuộc Hưng Hóa, tiếp giáp với đất đai Vân Nam. Từ khi Hoàng Văn Chất lẻn lút chiếm cứ Thanh Châu, thổ tù sợ khí thế ác ngược của Chất, nên có khi họ xin phụ thuộc ngang tắt sang phương bắc. Không những thế, mà thổ dân nhà Thanh cũng phần nhiều vượt tràn sang chiếm đất ở các châu ấy để ở, thành ra Quảng Lăng và Khiêm Châu bị huyện Kiến Thủy thuộc phủ Khai Hóa chiếm cứ. Triều đình nhiều lần tư giấy biện bạch, chưa được nhà Thanh trả lời. Đến nay, bầy tôi giữ trấn Hưng Hóa lại báo cáo về triều là "Bốn châu Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì và Lễ Tuyền đều bị huyện Kiến Thủy xâm chiếm. Họ cứ thu thuế theo nóc nhà hiện có". Sâm hợp bầy tôi trong triều làm văn thư gởi sang viên quan ở Vân Quý (Vân Nam-Quý Châu) biện bạch để cương giới hai bên được đúng. Nhưng sau đó, vì Sâm bị bệnh mất, việc ấy bèn thôi. Từ đấy, đất đai sáu châu, suốt thời nhà Lê không sao khôi phục lại được.

Lời chua-Phủ An Tây[2]: Thuộc Hưng Hóa.

Thanh Châu[3]: Nay là châu Ninh Biên.

Mười châu: Đều xem năm Cảnh Hưng thứ 29 (Chb. XLIII, 16).

Phủ Khai Hóa: Thuộc tỉnh Vân Nam, xem năm Cảnh Hưng thứ 35 (Chb. XLIV, 11).

Sáu châu: Tức Quảng Lăng, Khiêm Châu, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì và Lễ Tuyền.

Tân Sửu, năm thứ 42 (1781). (Thanh, năm Càn Long thứ 46).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Sâm lập người con bé là Cán làm thế tử.

Cán mắc bệnh từ khi còn phải bế ẵm, chân tay và thân thể gầy mòn, thuốc thang đều trị mấy năm vẫn không khỏi. Từ khi Khải bị tội, bệnh của Cán ngày một bớt dần, chẩn đậu lại thuận, Sâm lấy làm vui vẽ. Bầy tôi trong kinh, ngoài trấn chúa mừng, đều khuyên Sâm nên sớm lập làm người nối nghiệp, để thống nhất lòng người, Sâm theo lời. Mẹ Sâm là Trịnh Thái Phi Nguyễn Thị nói với Sâm rằng: "Khải với Cán đều là cháu của già này, nhưng già nghĩ cháu Khải đã trưởng thành, mà cháu Cán còn nhỏ tuổi lại quặt quẹo luôn, già mong vương thượng coi tôn miếu xã tắc làm trọng hơn, hãy để trống ngôi kế tự, ngõ hầu Khải có lòng răn chừa; nếu không thế thì đợi khi Cán đến tuổi trưởng thành cũng chưa có gì là muộn". Sâm nói: "Việc lớn nhà nước, chỉ cốt phó thác được người xứng đáng, nếu bệnh của Cán vẫn không khỏi, thì thà rằng lập Bồng, để trã lại cơ nghiệp cho ngành cà của nhà bác, chứ không đành lòng phó thác cho đứa con bất hiếu làm gì!". Vì thế thái phi không nói lại nữa. Sâm bèn tâu nhà vua xin lập Cán làm thế tử, lúc ấy Cán mới 5 tuổi. Sâm dùng Huy quận công Hoàng Đình Bảo làm a bảo để nuôi dưỡng giúp đỡ Cán. Sâm mắc bệnh trĩ, ở nhà Kín không ra ngoài. Đặng Thị ở trong cung xếp đặt công việc, bè đảng đều giữ địa vị trọng yếu, mà Cán lại là người thơ ấu nối nghiệp, nên người ta đều có lòng lo ngại.

Lời chua-Ngành cả của nhà bác: Xét Trịnh Giang là con trưởng Trịnh Cương, khoảng năm Vĩnh Hựu (1735-1739) Giang có bệnh, em là Trịnh Doanh tạm giữ chính

[1] Tức làng Mọc, nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội.

[2] Nay thuộc tỉnh Lai Châu.

[3] Nay là huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu.

quyền, rồi Trịnh Doanh tự lập làm chúa[1], nhân đấy truyền ngôi cho con là Sâm. Trịnh Bồng, con Trịnh Giang, tức là người anh con nhà bác của Trịnh Sâm, nên gọi là ngành cả nhà bác (bá thị chính hệ).

Nhâm Dần, năm thứ 43 (1782). (Thanh, năm Càn Long thứ 47).

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Lúc ấy, động đất ở kinh sư vùng Tây Nam. Trịnh Sâm hạ lệnh cho phủ liêu nói thẳng những điều thiếu sót lầm lỗi. Bồi tụng Bùi Huy Bích dâng tờ khải có đoạn nói: "Tôi cuối mong vương thượng đem lòng sáng suốt tự xét trong mình, tìm rộng đến lời dạy bảo của đời cổ, như trong sách Luận ngữ đã dạy" quan quân, thần thần, phụ phụ, tử tử[2]". Vương thượng nên thung dung bồi dưỡng trong lòng rộng xa mà thân mật, để đón rước lấy khí trung hòa của đất trời, làm cho trời đất có triệu chứng hiện ra mà không có tai biến phản ứng lại, thì hay lắm". Sâm đọc đi đọc lại hai, ba lần, rồi tủm tỉm cười, nói: "câu nói"quân thần phụ tử" của Huy Bích là có ý khuyên can ta đây". Sâm trù trừ suy nghĩ hồi lâu, nhưng cũng không thể thay thay đổi được.

Tháng 6. Vũ Miên mất.

Miên bị bệnh nặng, Trịnh Sâm sai trung sứ đến nhà riêng, hỏi những điều mà Miên muốn nói. Miên tự tay viết tờ khải nói: "Quý tử[3] vì huyết khí chưa vững vàng, bị bọn tiểu nhân làm mê hoặc, đến nỗi phạm tội nặng nề; thế tử[4] khi trưởng thành lên nối ngôi trị vì, đấy là phúc muôn năm của tôn miếu xã tắc; vạn nhất mà biến cố xảy ra bất thường, thì họa hoạn sẽ không thể lường được. Việc này tôi vẫn ái náy lo thầm, đến chết cũng không nhắm mắt được. Lại xin vương thượng cắt đứt tình yêu nơi chăn gối, mà định thứ tự con lớn con trẻ cho được đứng đắn, thì may mắn cho thiên hạ lắm". Đến đây, Vũ Miêu đương làm tả thị lang bộ Binh giữ chức bồi tụng thì mất, được truy tặng hàm thượng thư, đặt tên thụy là Ôn Cẩn.

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Sâm mất.

Từ mấy năm trở lại đây, bệnh cũ của Sâm luôn luôn phát sinh, rất sợ nắng gió, thường ở trong cung sâu kín, ban ngày cũng phải đốt nến, nếu không phải ngày đại triều hội, không bao giờ ra ngoài. Đến nay bệnh thêm nguy kịch, Đặng Thị ngày đêm ở bênh cạnh; về hàng đại thần, chỉ có Đình Bảo, Danh Thùy và Đình Châu mấy người được ra vào mà thôi. Đặng Thị nói với Sâm rằng: "Thiếp nhờ ơn vương thượng yêu đương quyến luyến bội phần, nay trăm tội đổ lên đầu thiếp, không biết một ngày kia mẹ con thiếp sẽ gửi thân vào nơi nào?". Sâm an ủi nói: "Danh vị thái tử đã ấn định rồi, sau này nước là nước của thế tử, còn phải lo lắng gì nữa?". Sâm lại quay bảo Đình Bảo rằng: "Nhà ngươi cố sức bảo hộ thế tử để yên lòng ta". Đình Bảo thưa rằng: "Tôi đâu dám chẳng hết lòng, cùng lắm thì đem cái chết để báo ơn chúa. Nhưng xin ngay bây giờ cho thế tử nối ngôi và sách phong chính cung Tuyên Phi cùng tham dự xét đoán công việc chính trị, để có mệnh lệnh sẵn sàng". Sâm nói: "Nhà ngươi nói đúng, nhà ngươi cần phải giúp sức". Đình Bảo nói rằng: "Nhận lời trối trăn lại để giúp việc chính trị, tôi không dám đảm đang một mình, Trịnh Kiều, người rất thân trong họ nhà chúa; Nguyễn Hoàn, bậc sư bảo đại thần; Lê Đình Châu và Phan Lê Phiên đều ở trong chính phủ vẫn có danh dự đức vọng; Trần Xuân Huy và Tạ Danh Thùy đều là a bảo tín thần. Xin cho các viên ấy cùng tôi vâng chịu cố mệnh"[5]. Sâm y cho, bèn sai Lê Phiên viết tờ cố mệnh, Nhữ Công Điền viết chế sách về Tuyên Phi Đặng Thị. Khi viết xong, Đình Bảo để trong tay áo, vào phủ đường, xin Sâm phê chữ. Lúc ấy bệnh Sâm đã gần tắt thở, bèn cho triệu bọn

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XXXVIII, tờ 17-19.

[2] Ý nói: ông vua giữ hết đạo làm vua, bầy tôi giữ hết đạo làm tôi, cha giữ hết đạo làm cha, con giữ hết đạo làm con. Câu của Khổng Tử trả lời Tề Cảnh Công, chép trong thiên "nhan uyên" sách Luận ngữ.

[3] Chỉ Trịnh Khải bị truất làm con út (quý tử).

[4] Chỉ Trịnh Cán-Đoạn văn này Cương mục chép không rõ, tham khảo Lê sử bổ chép: "Thế tử tuổi thơ ấu, lại mắc bệnh. Vậy xin vương thượng giữ gìn tôn thể. Khi trăm tuổi về già, trưởng tử đả trưởng thành lên nối nghiệp, đấy là một sự may mắn cho xã tắc tôn miếu". Chép như thế có phần rõ hơn.

[5] Xem chú thích số 4. Chính biên quyển V, tờ 20.

Trịnh Kiều và Nguyễn Hoàn vào nhận cố mệnh. Khi bọn Kiều vào, Sâm vừa khóc vừa nói: "Tiểu tử này mắc bệnh không sống được nữa. Nay thế tử Cán nối ngôi, rất mong thúc phụ và sư thần[1] cùng lòng giúp rập, vượt qua trong buổi khó khăn". Đình Bảo nhân lấy tờ thư trong tay áo ra dâng trình, Sâm xua tay gạt đi. Đình Bảo nói: "Thư cố mệnh còn chưa ghi tên (tức tên của thế tử), xin cho vương thân là Trịnh Kiều ghi tên thay". Sâm gật đầu. Kiều nghi tên [thế tử] xong, liền dâng trình, thì Sâm đã nhắm mắt rồi, không biết gì nữa. Lúc mất, Sâm 41 tuổi.

Đình Bảo đem thư cố mệnh và chế sách của Tuyên Phi giao cho Danh Thùy truyền đi các nơi và đệ ra chính phủ, rồi tâu xin nhà vua: lập Cán làm Điện Đô vương; Tuyên Phi Đặng Thị cùng tham dự xét đoán công viei65c chính trị; truy tôn Sâm làm Thịnh vương. Lúc ấy, Cán còn nhỏ, tuổi lại có bệnh, lòng người nôn nao lo sợ, trong triều đình, nơi thôn dã ai cũng biết họa loạn xảy ra chỉ trong khoảng sớm tối. Đình Bảo một mình chuyên nắm chính quyền trong nước, hắn vẫn giữ thái độ thản nhiên không để ý gì cả. Còn bọn Trịnh Kiều và Nguyễn Hoàn sáu người chỉ làm cho đủ ngạch viên chức mà thôi.

Lời phê-Sở dĩ đến nỗi thế, đều do ác báo!
Lời chua-Trịnh Kiều: Con thứ năm Trịnh Cương, tức là chú ruột Trịnh Sâm.

Nhữ Công Điền: Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường Yên[2], con Nhữ Đình Toản, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772) năm Cảnh Hưng.

Trần Xuân Huy: Hoạn quan, người xã Khoái Lạc, huyện Thiên Bản[3].

Tạ Danh Thùy: Hoạn quan, người xã Khương Thượng, huyện Yên Mô[4].

Tháng 10, mùa đông. Binh lính tam phủ nổi loạn, truất Trịnh Cán, lập Trịnh Khải.

Sau khi Cán đã lập làm chúa, Đặng Thị bắt Khải ra ở nhà tả xuyên, giam giữ cấm đoán rất nghiêm ngặt. Dương Thị, mẹ Khải, e rằng Khải không không tự bảo toàn được tính mạng, bèn sai người đến kêu xin Đình Bảo thương tình. Đình Bảo khóc nói: "Đình Bảo này thờ tiên vương, rất được đội ơn yêu dấu. Quý tử[5] là con của tiên vương ta, nếu ta dám có lòng nào, sẽ bị trời tru đất diệt". Từ đấy, việc giam giữ áp chế được nới rộng một chút, nhân đấy, gia thần của Khải dần dần được ra vào chỗ Khải bị giam.

Cán tuy được lập làm chúa, nhưng lòng người không ủng hộ, lại vì Đình Bảo bè đảng phụ họa với Đặng Thị, nên ai cũng ghét. Họ quần tụ ở đầu đường xó chợ bàn tán: có người nói Đình Bảo mưu toan làm việc trái phép; có người nói tân vương bị bệnh nặng, Đình Bảo tư thông với Đặng Thị, lập mưu để giết quý tử[6]. Lời ngoa truyền phao đi khắp nọi nơi, không sao ngăn cấm được.

Dự Vũ, bầy tôi của Khải, lẻn vào chỗ các quân sĩ uống rượu, nói vụng với quân sĩ rằng: "Thế tử của tiên vương không tội trạng gì, chỉ vì Đặng Thị là người đàn bà ác nghiệt, làm mê hoặc tiên vương để cướp ngôi cho con; Đình Bảo vốn có chí làm phản, hắn lợi dụng tân vương còn thơ ấu để áp chế, nên phụ hoạ với Đặng Thị để thành cái kế cướp ngôi. Nay tân vương bị bệnh nguy kịch, tất nhiên xảy ra họa loạn. Các quân sĩ đều là người cũ ở nơi thang mộc[7], làm nanh vuốt của nước, vốn giữ lòng trung nghĩa, nếu một bụng tôn phò, yên định được nhà chúa, thì tên tuổi sẽ chép trong thư đỏ, khoán sắt[8], công ấy

---

[1] Nguyễn Hoàn đối với Sâm, nói về tình thầy trò, thì Hoàn là thầy dạy Sâm học, đã phong cho Hoàn là quốc sư; nói về nghĩa vua tôi, thì Hoàn là bầy tôi của Sâm. Vì thế nên gọi là sư thần.

[2] Nay thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

[3] Nay là Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

[4] Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

[5] Chỉ Trịnh Khải.

[6] Chỉ Trịnh Khải.

[7] Xem chú thích số 1. Chính biên quyển XXXVI, tờ 15.

[8] Nguyên văn chép "đan thư thiết khoán": Văn thư viết bằng son, khoán ước chế bằng sắt, đời cổ dùng ban cho bầy tôi có công, để truyền cho con cháu được miễn tội.

còn gì lớn hơn?". Quân sĩ đều tức bực cảm khích, họ ước hẹn nhau hội hợp riêng ở chùa Khán Sơn, bí mật mưu tính thi hành công việc, nhưng chỉ ngại về uy quyền thế lực của Đình Bảo, bàn tính chưa nghĩ ra mưu mẹo gì. Lúc ấy, trong chỗ các quân ngồi, có Nguyễn Bằng, quân lại trong đội Tiệp Bảo, một mình mạnh dạn nói: "Các quân sĩ nếu định một lòng làm việc này, thì chẳng qua cứ đợi xong lễ tế điện buổi sáng, trong phủ đường nổi hiệu ba hồi trống, chúng mình sấn đến lôi nó ra quật cho ngã xuống, thế là xong việc, có gì là khó khăn?". Mọi người đều mừng, bèn cử Nguyễn Bằng làm người đứng đầu, cùng nhau uống máu ăn thề, bàn tính không dự định nhật kỳ, chỉ hẹn nhau hễ nghe tiếng trống trong phủ đường, thì nhất tề khởi sự.

Mưu mô bí mật đã định xong. Lúc ấy có viên ngoại lang Bùi Bật Trực biết chuyện, bèn đem việc này bảo cho Nguyễn Trọng Chiểu, là con Nguyễn Trọng Viêm biết, để Trọng Chiểu dự vào cuộc hợp, mà hắn tự đứng giới thiệu, để mong lập công. Nhân đấy, Bật Trực bảo các quân sĩ rằng: "Việc này quan hệ rất to, cần phải nhờ quốc cữu (tức Nguyễn Trọng Viêm, em Trịnh Thái Phi) tâu lên thái phi rõ. Vạn Nhất mà Đình Bảo biết chuyện, thì cứ nói là có mệnh lệnh bí mật của thái phi, rồi cử sự một cách minh bạch, như thế là hơn". Quân sĩ theo lời, bọ bèn sai Bật Trực đem việc này đến nói kính với Trọng Viêm, Trọng Viêm lại đem nói với Nguyễn Hoàn. Hoàn muốn theo như việc cũ của Trịnh Doanh, xin hạ lệnh cho Khải tạm giữ chính quyền, để yên lòng quân sĩ. Trọng Viêm vào tâu thái phi Nguyễn Thị, thái phi sai người nói với Đình Bảo. Đình Bảo nói: "Tiên vương có hai người con, nếu tân vương vì bệnh không khỏi, thì ngôi báu tự nhiên thuộc quyền quý tử. Còn như việc cho quý tử tạm giữ chính quyền tức là đi dần đến chỗ cướp ngôi đấy. Tôi vâng nhận lời phó thác của tiên vương trối lại, việc ấy tôi không dám vâng theo mệnh lệnh". Trọng Viêm e rằng việc này mà tiết lộ, mình sẽ bị vạ lây, bàn mưu với Nguyễn Hoàn. Nguyễn Hoàn nói: "Việc đã như thế, để mặc các quân sĩ muốn làm thế nào thì làm". Trong kinh thành huyên truyền ầm lên rằng: "Tất nhiên quân sĩ gây ra sự biến loạn". Duy Đình Bảo vẫn yên nhiên, không biết gì cả.

Sáng ngày 24 tháng ấy, Nguyễn Bằng đi tắt lên trên lầu phủ đường, đánh trống, các quân sĩ họp tập đông đủ, tuốt trần mũi gươm, ồ ạt xông tràn vào. Đình Bảo tay cầm kiếm, ngồi trên lưng voi, ngăn giữ cửa phủ để đánh chặn lại, quân sĩ tranh nhau dùng gạch đá ném chết, em Đình Bảo là Vũ Khanh hầu Hoàn Lương cũng bị loạn quân giết. Quân sĩ bèn đem nhau đến sở giam, phò Trịnh Khải ra ngồi phủ đường, rồi lấy chỉ dụ của Nguyễn Thái Phi tâu xin mệnh lệnh nhà vua lập Khải làm nguyên soái Đoan Nam Vương, truất Cán làm Cung quốc công. Sau đó, Cán bị bệnh chết.

Quân sĩ hoành hành cướp bóc, phàm tộc thuộc hai nhà họ Đặng, họ Hoàng và những nhà trước kia phát giác việc Trịnh Khải, họ cướp phá hầu hết. Kinh thành rối loạn, mấy hôm sau mới được yên ổn.

Quân sĩ cậy công cứ đòi ban thưởng mãi, bèn bàn định phong Nguyễn Bằng làm suy trung dực vận công thần phong cho tước hầu; 30 người nhóm cuộc hội bàn đầu tiên là bọn quân lại Nguyễn Trù được đặc biệt thăng thưởng; còn các quân thủy, quân bộ trong kinh ngoài trấn đều được thăng chức một bậc, và đều được ban thưởng tiền bạc có người nhiều người ít khác nhau. Lại rộng cấp cho mỗi người một đạo "không đầu sắc", cho phép họ được nhường cho thân thuộc, để tỏ ra việc đền công một cách phi thường. Từ đấy, kiêu binh ngày càng càn rỡ, viên quan cai quản không thể nào thống trị khống chế được, chỉ ràng buộc lỏng lẻo mà thôi.

Lời phê-Cuối đời Lê Trịnh, cái tệ kiêu binh lại hơn đời Ngũ Đại[1], sở dĩ đến như thế đều là do danh nghĩa chức phận không rõ ràng. Thế mới biết xây dựng một nước mà không dùng lễ nghĩa, thì làm thế nào mà không loạn vong!

Lời chua-Nguyễn Trọng Viêm: Người xã Linh Đường[2], huyện Thanh Trì.

Bùi Bật Trực: Người xã An Đồng, huyện La Sơn[3], đỗ hương cống.

Nguyễn Bằng: Người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường[4].

---

[1] Tức 5 triều: Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu ở Trung Quốc (907-960).

[2] Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[3] Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

[4] Nay là huyện Nam Đàn, tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Trù: Người xã Phật Kệ, huyện Nam Đường.

Quân Lại: Cũng như người thư lại trong các đội quân bây giờ.

Binh lính tam phủ: Theo "Binh chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì từ năm Thận Đức, Hoằng Định (1600-1618) trở về sau, định chế độ quân lính: Các quân lính đóng ở kinh thành để chầu chực bảo vệ chuyên dùng lính ba phủ thuộc Thanh Hoa[1] và 12 huyện thuộc Nghệ An[2]. Có lẽ vì thế nên Thanh Nghệ ưu binh gọi chung là Tam phủ.

Đội Tiệp Bảo: Tức thân binh hầu hạ.

Không đầu sắc lệnh: Như các chức Tri sự, Phó sở, Thiên hộ, Bá hộ, chỉ viết có sắc lệnh, còn họ tên người được sắc lệnh ấy vẫn để trống.

Chùa Khán Sơn: Ở trên núi Khán Sơn, trong thành Thăng Long, chùa ấy nay đã bỏ.

Tháng 1. Trên không trung có tiếng vang như sấm.

Ngày rằm tháng ấy, không có mây mưa, mà trên không trung có tiếng vang lớn kinh thiên động địa, hơn một khắc mới thôi.

Nguyễn Hữu Chỉnh. Quản lãnh cơ Tiên ninh trấn Nghệ An, trốn đi đầu hàng Tây Sơn.

Hữu Chỉnh, lúc trẻ tuổi đỗ Hương tiến, là người hào phóng không bó buộc vào khuôn phép. Du lịch kinh sư, Hữu Chỉnh vào yết kiến Hoàng Ngũ Phúc. Ngũ Phúc khen là có tài khác thường, dùng làm gia khách. Khi Ngũ Phúc vào xâm lấn trong Nam, cho Hữu Chỉnh đi theo quân thứ, giữ công việc thư ký, rồi sai đến Tây Sơn khuyên Văn Nhạc quy thuận với triều đình, được Văn Nhạc kính trọng. Sau theo Hoàng Đình Bảo đánh giặc biển có công, đổi bổ sang quản lãnh đội Tuần hải, rồi chuyển bổ quản lãnh cơ Tiền ninh thuộc trấn Nghệ An.

Đến nay, binh lính trong kinh thành nổi loạn, môn hạ của Hữu Chỉnh là Hoàng Viết Tuyển từ Sơn Nam vượt biển vào báo cho Hữu Chỉnh biết việc ấy. Hữu Chỉnh bàn với trấn thủ Vũ Tá Dao. Tá Dao là em rể Đình Bảo, hỏi Chỉnh: "Bây giờ bàn tính thế nào?" Hữu Chỉnh nói: "Trấn Nghệ An này giáp giới Thanh Thuận Hóa, mà Hoàng Đình Thể, phó tướng Phú Xuân, Khôi Thọ đồn tướng Động Hải, đều là thuộc tướng của tiên công[3] ta, cùng ta có tình nghĩa đồng châu[4]. Nay tướng công nên viết mật thư bảo Đình Thể, để Đình Thể dùng kế giết viên đại tướng đi mà chiếm lấy thành, thì tất nhiên Khôi Thọ sẽ đem Động Hải hưởng ứng về ta. Về phần ta, thì tướng công chiếm lấy trấn Nghệ An này, cùng họ gắn bó như môi với răng, rồi chặn lấp con đường Hoàng Mai, đóng trọng binh ở Quỳnh Lưu, làm kế cố thủ. Còn việc phòng thủ mặt biển, tôi tự xin đảm đang. Nếu tướng công làm được như thế, không những thoát khỏi họa hoạn mà tất có công lao phi thường".Tá Dao nói: "Ta không thể làm việc ấy được, xin nghĩ kế thứ hai". Hữu Chỉnh nói: "Trừ kế ấy ra, chỉ còn cách bỏ trấn này mà đi thôi". Tá Dao nói: "Đi đâu bây giờ?" Hữu Chỉnh lại nói: "Thiên hạ có hàng vạn nước, lo gì không có chỗ nương thân? Nếu còn trù trừ một chút, thì đạo quân phái đi bắt, sẽ kéo đến ngay bây giờ đấy". Tá Dao còn ngẫm nghĩ chưa quả quyết đường nào. Hữu Chỉnh bèn về nhà, cùng Hoàng Viết Tuyển dắt díu gia quyến vượt biển chạy vào Quy Nhơn, đầu hàng Văn Nhạc. Văn Nhạc được Hữu Chỉnh mừng lắm, đãi làm bậc thượng khách. Hữu Chỉnh đem tình hình trong nước báo cáo cho giặc biết, rồi hắn chuyên tâm rình chỗ sơ hỡ để toan tính việc báo

---

[1] Tức ba phủ Thiệu Thiên, Hà Trung và Tĩnh Gia.

[2] Tức sáu huyện: Thiên Lộc, La Phúc, Chân Phúc, Thanh Chương, Hương Sơn, Nghi Xuân thuộc phủ Đức Quang, hai huyện Đông Thành, Quỳnh Lưu thuộc phủ Diễn Châu, hai huyện Hưng Nguyên, Nam Đường thuộc phủ Anh Đô, hai huyện Thạch Hà, Kỳ Hoa thuộc phủ Hà Hoa.

[3] Chỉ Hoàng Ngũ Phúc.

[4] Ý nói tình nghĩa bạn bè tâm đầu ý hợp, thời đại Tam Quốc. Lý Ứng và Quách Thái nổi tiếng ở kinh sư, hai người kết bạn thân với nhau. Khi Lý Ứng thôi làm quan về nhà, bạn bè ra sông tiễn biệt có hàng ngàn người. Lý Ứng chỉ cùng Quách Thái đi chung một con thuyền mà về. Vì thế, sau này người ta dùng chữ "đồng châu" để nói về tình bạn bè chí thiết.

thù cũ. Hắn khuyên Văn Nhạc chứa lương thực, sắm khí giới, kén chọn khuyến khích tướng súy, giáo dục luyện tập sĩ tốt, để mưu tính việc lấy Thuận Hóa.

Lời chua-Vũ Tá Dao: Người xã Hà Hoàng[1], huyện Thạch Hà, đỗ tạo sĩ.

Hoàng Viết Tuyển: Người xã Vạn Phân, huyện Đông Thành[2].

Quy Nhơn: Nay là tỉnh Bình Định, xem năm thứ 36 ở trên (Chb. XLIV, 24).

Tháng 12. Quận công Trịnh Kiều, tham tụng Phan Lê Phiên và tri Lại phiên Nhữ Công Điền đều bị bãi chức.

Trước kia, Trịnh Sâm bị bệnh nặng, cho con là Cán nối ngôi, sai bọn Phan Lê Phiên viết thư cố mệnh của Trịnh Sâm và chế sách về Tuyên Phi Đặng Thị. Khi thư cố mệnh đã viết xong, Sâm không thể phê chữ ["Cán"] vào thư được nữa, sai Trịnh Kiều viết thay. Đến nay, Trịnh Khải đưa thư cố mệnh ấy ra, trong thư có chữ thái phi Nguyễn Thị phê rằng: "Không phải chữ chính tay tiên vương viết, không lấy gì làm bằng cứ, giao xuống cho chính phủ bàn luận". Thiêm sai Phạm Nguyễn Du làm lời luận "quốc thị"[3] đại lược nói: "Việc lập Điện đô vương và hạ lệnh cho Tuyên Phi cùng xét đoán việc nước, đều là lời trối trăn lầm lẫn trong lúc Thịnh vương sắp mất, không thể coi là chính đáng được. Nay thái phi lấy địa vị người mẹ thay đổi việc làm của con, rất hợp sự lý đúng đắn. Xin truy xét tội bầy tôi phụ họa, làm sáng tỏ nghiêm chỉnh điển hình trong nước". Vì thế, bọn Trịnh Kiều đều can tội thiên tiện ra mệnh lệnh, bị bãi chức. Lại truất Đặng Thị làm thứ nhân, sau Đặng Thị uống thuốc chết.

---

[1] Nay là thôn Hạ Hoàng, xã Thạch Hà, huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tỉnh.

[2] Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

[3] Cũng như quốc kế.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ 46

Từ Quý Mão, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783), đến Bính Ngọ, năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786) gồm 4 năm.

Quý Mão, năm thứ 44 (1783). (Thanh, năm Càn Long thứ 48).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập cháu trưởng là Duy Khiêm làm hoàng thái tôn, truất Duy Cận làm Sùng nhượng công.

Thái Tôn (cháu trưởng), con trưởng của Duy Vĩ, thái tử đã mất. Lúc thái tử bị nạn, thái tôn mới 6 tuổi, cùng với em là Duy Trù và Duy Chi đều bị bắt giam. Đến lúc binh lính tam phủ nổi loạn, họ đem nhau rước thái tôn về nội điện, lòng người đều chú ý trông mong.

Trước đây, Duy Cận được lập làm hoàng thái tử, chính là do Trịnh thái phi Nguyễn Thị tán thành[1]. Đến nay thấy thái tôn trở về, Nguyễn Thị sợ Duy Cận mất ngôi thái tử, bèn sai hoạn quan là Liêm Tăng (sót họ) đến bắt ép thái tôn sang chầu, để toan bí mật giết đi. Thái Tôn từ chối không được, sa nước mặt khóc mà ra đi; khi đi đường bị quân tuần sát ngăn lại. Vì thế các quân lính dức lác ầm ĩ, yêu cầu tra cứu người lập mưu làm hại Thái tôn, họ lùng tìm Liêm Tăng không được, ngờ là Duy Cận chủ mưu. Lúc ấy, Duy Cận đương chầu Trịnh thái phi, nghi trượng để ngoài cửa phủ đường, quân sĩ đều đập phá tan nát. Duy Cận sợ, phải thay đổi quần áo đi lẻn về cung.

Trịnh Khải biết việc này là do thái phi gây ra, nhân dụ dỗ quân sĩ chớ làm huyên náo, rồi lập tức hạ lệnh cho bầy tôi trong triều xin nhà vua lập Duy Khiêm làm hoàng thái tôn. Lúc ấy Duy Khiêm 18 tuổi. Lại bắt Duy Cận làm tờ biểu nhường ngôi thái tử. Duy Cận bị truất làm Sùng nhượng công.

Tháng 2. Núi Tản Viên nứt toạc ra.

Chỗ nứt, sâu hơn 20 trượng.

Lời chua-Núi Tản Viên: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chb. I, 34).

Tháng 6, mùa hạ. Sông Thiên Đức cạn hết nước.

Lời chua-Sông Thiên Đức: Ở giáp giới địa phận hai huyện Đông Ngàn và Gia Lâm, thuộc Bắc Ninh, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Tháng 7, mùa thu, Trịnh Khải khởi phục Nguyễn Lệ giữ chức thượng thư bộ Lại làm công việc tham tụng, bổ dụng câu là Dương Khuông giữ chức quyền phủ sự.

Nguyễn Lệ, trước làm tư giảng của Khải, sau ra trấn thủ Sơn Tây; Dương Khuông là em thái phi Dương Thị. Trước kia, Lệ bị Ngô [Thì] Nhậm cáo tố, cũng bị bắt giam[2]. Sau khi Khải đã nối ngôi, hạ lệnh cho khôi phục triều ban. Đến nay, Lệ cùng Khuông cùng vào giữ công việc trong chính phủ, hai người này đều không có tài cán đức vọng, mà lại hay tự cậy mình là người có tài năng, nên người có kiến thức đều lấy làm lo ngại.

---

[1] Xem thêm Chính biên quyển XLIII, tờ 25.

[2] Xem thêm Chính biên quyển XLV, tờ 21, 22.

Lời chua-Dương Khuông: Người xã Phong Phú[1], huyện Thạch Hà,

Tháng 12, mùa đông. Đổi trao cho Hồ Sĩ Đống giữ chức tham đốc quyền phủ sự.

Trước kia, Sĩ Đống vì có tang cha cáo quan về nhà. Trịnh Khải cho được khởi phục, sai đi xem xét công việc biên giới vùng Thuận Hoá, Quảng Nam. Sau đó triệu về triều, cho đổi bổ sang võ giai, giữ chức quyền phủ sự.

Lời chua-Tham đốc: Thuộc về võ ban, hàm tòng nhị phẩm.

Giáp Thìn, năm thứ 45 (1784). (Thanh, năm Càn Long thứ 49).

Tháng giêng nhuận, mùa xuân. Binh lính tam phủ lại nổi loạn giết Nguyễn Triêm.

Từ khi bọn Nguyễn Lệ được giữ công việc trong chính phủ, ngày đêm mưu tính, chú ý về việc ức chế kiêu binh. Lúc ấy bổng có 4 quân sĩ giã xưng đồng đội, vay ức tiền của hiệu buôn ở phố Đông Hà, bị anh em trong bản đội phát giác. Bọn Nguyễn Lệ hạ lệnh lập tức xử trảm. Quân sĩ đều tức giận là giết người một cách quá đáng, nhưng đã trót phát giác rồi, chỉ phải cúi đầu nghe lệnh. Bọn Nguyễn Lệ thấy thế, cho là uy quyền của mình đã được vững vàng, bảo với nhau rằng: "Từ đây ta có thể cứ giữ pháp luật mà thi hành". Bấy giờ có tri huyện Mai Doãn Khuê muốn cầu công với họ Trịnh, bèn bão kín với Nguyễn Lệ rằng: "Bọn các công nghĩ kiêu binh có thể dẹp yên, nhưng không biết rằng họa hoạn xảy ra sẽ không thể nào nói xiết được. Tôi nghe họ nói xôn xao là: hoàng tự tôn do bọn họ rước về, nay hoàng thượng đương trong lúc mỏi mệt về sự siêng năng, mà tự tôn thì tuổi và đức đều đã trưởng thành, họ đương dự định tâu xin thi hành việc truyền ngôi, làm cho ngôi vua, ngôi chúa đều do tay quân sĩ quyết định, để tạo thêm công lao phi thường của họ. Trong bọn quân sĩ có người không được như ý sinh ra trách oán, lại muốn tôn phò nhà vua giữ quyền nhất thống, để giành lấy quyền bính nhà chúa. Nếu kế ấy mà họ thi hành được, tôi sợ rằng các công sẽ không có đất để nương thân!". Nguyễn Lệ lập tức đem lời nói ấy báo cáo về Trịnh Khải. Khải sai Doãn Khuê trích từng người trong quân sĩ mà phát giác, nhân đấy, Doãn Khuê cáo tố vu cho Nguyễn Siêu là cháu ngoại của Tứ xuyên hầu là Phan Lê Phiên có dự vào mưu ấy, khi giao xuống tra cứu thì không có tang chứng gì, nhưng Khải vẫn cho là tố cáo đúng, rồi phong cho Doãn Khuê tước bá, quản lãnh đội quân thị hậu và là giảng quan của hoàng tự tôn, cho ở nội điện để tiện dò xét.

Đến nay, quân sĩ có người cậy công rước hoàng tự tôn về, xin ban phong cho cha mẹ, họ đem nhau vào sân điện tâu bày để xin phong, nhà vua sai triệu vào nội điện, tuyên bố chỉ dụ yên ủi. Lúc ấy có người chạy đến báo cho Trịnh Khải biết, Khải lập tức triệu Nguyễn Lệ và Dương Khuông vào bảo rằng: "Mưu kế của kiêu binh tôn phò nhà vua không thể dập tắt được, nay chúng đương tụ họp ở nội điện, làm thế nào bây giờ?" Nguyễn Lệ xin phái quân đến bắt và giết đi. Khải lập tức hạ lệnh cho Nguyễn Triêm, thủ hiệu đội Nhưng Nhất, đi bắt, Nguyễn Triêm bước ra cửa phủ đường rút thanh kiếm, liếc lưỡi kiếm, và nói: "Sắc bén thay lưỡi kiếm! chém đầu kiêu binh thì ngọt xoét đây". Triêm bèn dẫn quân đến bao vây trên nội điện, bắt được 7 người, giao xuống tra hỏi. Bầy tôi bàn luận, cho rằng, nếu giết hết thì gây ra biến loạn, mà nếu không giết thì không thể nào răn cấm được. Ý họ muốn giết một vài người đầu sỏ đảng ác, để ức chế bớt lòng kiêu ngạo của quân sĩ đi. Duy có Dương Khuông quả quyết nói: "Không cần phải hỏi sự trạng làm gì, chỉ một việc quen mui tụ hội không chừa là phải chém đầu. Chúng cậy nhiều người mà sinh kêu ngạo không thể giết hết được, nhưng hễ có tên nào phạm tội thì không tha. Ví như một nắm đũa cứng không thể nào bẻ cả được, cứ rút tỉa lấy một vài cái mà bẻ, lâu ngày tự khắc phải hết". Bèn chiểu theo điều luật "vượt vào hoàng thành", đem chém tất cả.

Vì thế, quân sĩ tức giận, cùng tụ họp bàn định rằng: "Ngày nay mà có được triều đình này đều do công sức chúng ta, thế mà họ không lấy làm ơn, lại lấy làm oán. Nếu cái kế "bẻ đũa" của họ mà thi hành được, thì chúng ta sẽ không còn mống nào sống sót!". Họ hẹn nhau, ngày hôm sau sẽ khởi sự. Ngày rằm tháng ấy, quân sĩ đem nhau vây nhà bọn Nguyễn Lệ và Dương Khuông cốt bắt giết hai người này. Khuông và Triêm đều trốn vào phủ chúa Trịnh, Lệ ăn mặc giả dạng theo đường tắt chạy lên Sơn Tây. Quân sĩ tranh nhau phá hũy nhà cửa bọn này, rồi reo hò ầm ĩ vác siêu đao đi thẳng vào trong phủ lùng

[1] Nay thuộc xã Thạch Phú, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

xét bọn Khuông và Triêm. Trịnh Khải cùng Dương Thị đem tiền bạc ra để chuộc tính mạng cho Khuông. Quân sĩ lại lùng bắt Triêm, Trịnh Khải bất đắc dĩ bảo Triêm ra, quân sĩ lấy gạch đá đánh chết.

Sau đó bãi chức bọn Nguyễn Lệ và Dương Khuông.

Từ đấy, quyền bính về tay quân sĩ, chúng uy hiếp áp bức bọn quan lại, động một tý là dọa sẽ phá nhà, giết chết. Thậm chí đến việc thay đổi tướng tá văn ban, võ ban cũng đều do miệng quân sĩ nói ra mới xong, công việc trong nước không thể xoay xở thế nào được.

Lời phê-Lúc này là thế giới nào, ngàn đời chưa từng nghe có việc như thế! Câu nói "chính danh"[1] của thánh nhân thật đáng tin là không phải lời nói vu khoát.

Lời chua-Mai Doãn Khuê: Người xã An Đồng, huyện La Sơn[2], Nghệ An, làm tri huyện Đông Thành.

Nguyễn Triêm: Người xã Phú Đa[3], huyện Tiên Phong, đỗ tạo sĩ.

Tháng 2. Các trấn định mưu giết kiêu binh, nhưng không hành động được.

Nguyễn Lệ đến Sơn Tây, cùng em là trấn thủ Nguyễn Điều bàn mưu kế để giết kiêu binh. Điều bảo Lệ rằng: "Nay dân ở tứ trấn oán kiêu binh đến tận xương tủy, nếu nay lấy danh nghĩa là dấy quân giết kiêu binh, thì chỉ hô lên một tiếng, không chỗ nào là không hưởng ứng. Địa phận trấn này ở miền thượng du, trước kia anh trấn giữ ở đây lại kiêm trấn thủ Hưng Hóa, thổ tù đều là thuộc hạ cũ của anh; hơn nữa Hoàng Văn Đồng, phiên mục Tuyên Quang, giàu mạnh nhất nước, năm trước anh đã đi chiêu dụ, vốn được lòng hắn, nay đưa một lá thư hiệu triệu, có lẽ hắn theo lệnh ngay; Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Nam là viên tướng bách chiến; Trương Tuân ở Kinh Bắc và Trịnh Tự Quyền ở Hải Dương đều là tướng có mưu trí, nay lấy mệnh lệnh của chúa bí mật truyền bảo để họ chiêu mộ nghĩa sĩ, cố giữ doanh trại trong trấn, theo sự điều khiển của anh. Địa vị của anh là một viên tể tướng kiêm chức sư phó, nay chỉ huy các trấn để gỡ hoạn nạn cho nước, ai dám là người không theo? ta sẽ giao ước với họ cùng nhau khởi sự trong một ngày, kéo quân vào thành giết tên đầu sỏ của đảng kiêu binh mà buộc chúng vào kỷ luật, việc ấy tưởng chẳng khó khăn gì". Lệ nói: "Chú nói đúng, nhưng hiện nay chúa ở trong tay kiêu binh, ném chuột, có lẽ nào không ngại va chạm đến đồ vật hay sao?"[4]. Điều nói: "Việc ấy rất dễ, bây giờ nên sai người trình bày với chúa, mật báo cho Hoàng Phùng Cơ đem châu sư đến Thanh Trì, nói phao là đi tuần tiễu mặt sông, rồi ngầm dùng chiếc thuyền nhỏ để đón chúa, chúa ăn mặc giả dạng xuống thuyền, thuận dòng xuôi về Hiến doanh hành tại ở đấy. Bấy giờ các doanh trấn sẽ khởi sự, thì không quản ngại gì cả". Lệ lập tức làm tờ mật khải báo cáo với Trịnh Khải. Khải theo lời, mật hẹn Hoàng Phùng Cơ đến ngày 28 tháng giêng nhuận đem thuyền đón tiếp; ngày mồng một tháng 2, các trấn sẽ đem đại binh vào kinh thành, giết kiêu binh. Trong bọn quân sĩ có người biết được mưu ấy, họ bèn chia nhau ngày đêm canh giữ phủ chúa Trịnh rất nghiêm ngặt, Trịnh Khải không sao đi được. Vì thế, các trấn cũng bãi binh.

Từ đấy, quân sĩ mỗi khi ra ngoài kéo từng đàn hàng trăm hàng ngàn người, tung hoành nơi thôn xóm, tự ý cướp bóc thả cửa. Quân sĩ nào đi đường một mình, thường bị dân quê đón đường giết chết. Quân và dân coi nhau không khác gì giặc cướp thù hằn.

Lời chua-Nguyễn Điều: Em Nguyễn Lệ, con Nguyễn Nghiễm.

Trương Tuân: Người xã Như Kinh[5], huyện Gia Lâm.

Thanh Trì: Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

---

[1] Câu nói của Khổng Tử, chép trong thiên "Tử Lộ", sách Luận Ngữ ý nói danh phận của từng người phải cho đúng mức.

[2] Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Nay là thôn Phú Đa, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

[4] Câu này lẩy điển trong Hán thư, ý nói: Chuột đến gần đồ vật quý, muốn ném chuột lại ngại vỡ đồ vật. Ở đây đem chuột ví với kiêu binh và đem đồ vật ví với Trịnh Khải.

[5] Nay là xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Hiến doanh: Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 39).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Bùi Huy Bích quyền làm công việc tham tụng (hành tham tụng); bọn Trương Đăng Quỹ và Trần Công Xán cùng giữ chức bồi tụng.

Quân sĩ tam phủ kiêu ngạo ngang ngược ngày một quá, mỗi khi chính phủ có xếp đặt việc gì, họ hợp nhau chê bai bàn tán, quan văn, tướng võ chỉ chịu bó tay. Huy Bích diều chỉnh thu xếp một cách thư thả, êm dịu, nên tình hình quân sĩ được tạm ổn định. Nhưng tình thế vỡ lỡ, chung quy không thể nào hàn gắn được.

Lời chua-Trương Đăng Quỹ: Người xã Thanh Nê[1], huyện Chân Định, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Trần Công Xán (Tên cũ là Công Thước): Người xã Yên Vĩ[2], huyện Đông An, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1722) năm Cảnh Hưng.

Tháng 10, mùa đông. Nước ở Hồ Tây sục sôi.

Đêm mồng một tháng ấy, nước ở Hồ Tây sục sôi, tiếng kêu như sấm, sáng hôm sau cá tôm chết hết, mùi tanh kinh người.

Lúc ấy, tai biến hiện ra luôn: cây cối trong phủ chúa Trịnh, ngày đêm đàn quạ vừa bay, vừa kêu; trước cửa phủ thành tự biết là điều không hay.

Lời chua-Tây Hồ: Có một tên nữa là Lãng Bạc, xem Thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Ất Tỵ, năm thứ 46 (1785). (Thanh, năm Càn Long thứ 50).

Tháng 3, mùa xuân. Bầy tôi dâng tôn hiệu.

Dâng tôn hiệu nhà vua là: Uyên úy khâm cung nhân từ đức thọ hoàng đế.

Từ ngày Trịnh Sâm chuyên giữ chính quyền trong nước, nghi lễ sóc vọng bỏ đã lâu ngày. Nay Huy Bích mới vào giữ việc trong chính phủ, bàn định tôn phò nhà vua để thu phục lòng người, bèn dâng tờ khải xin với chúa Trịnh: 1. Trăm quan dâng huy hiệu lên nhà vua; 2. Ngày mồng một và ngày rằm, các quan vào chầu mừng theo chế độ cũ.

Lời phê-Than ôi, cũng đã muộn rồi, còn làm gì được nữa! Thế mà còn nhận danh hiệu hão, thật là tối thời cơ.

Đầm Thịnh Liệt nước đỏ.

Lời chua-Thịnh Liệt[3]: Tên xã, thuộc huyện Thanh Trì.

Tháng 4, mùa hạ. Mưa dầm. Hạ lệnh cho bầy tôi và thứ dân nói thẳng những điều thiếu sót lầm lỗi.

Lúc ấy, mưa mãi không thôi. Trịnh Khải hạ lệnh cho bầy tôi và thứ dân nói thẳng những điều hay, điều dở. Phạm Nguyễn Du Đông các đại học sĩ dâng tờ khải, đại lược nói: "Tôi trộm nghĩ việc cần kíp hiện nay có 4 tiết mục, mà chủ chốt thì căn bản chỉ ở trong lòng:

1. Đối với quân sĩ: Ít lâu nay chính lệnh về quân ngũ đổ nát, lỏng lẻo. Vậy xin kê cứu điển lệ các triều trước tham khảo với việc tiện lợi ngày nay, chép thành một tập quân chính. Đại yếu như lúc ngày thường theo hầu xa giá, lúc có việc sai phái đi làm, lúc ở quân ngũ thao luyện diễn tập, lúc đến dân gian đốc thúc việc quân, đều có điều lệ, rồi dịch ra quốc âm, thời thường gia công dạy bảo, dùng phép tắt đề

---

[1] Nay là thôn Thanh Lê, xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

[2] Nay là xã An Vĩ, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[3] Nay là xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

tề chỉnh quân sĩ. Như thế ngõ hầu chính lệnh trong quân ngũ mới có thể nghiêm trang, mà tai hại ở dân mới có thể trừ được.

2. Đối với quan chức: Nhà nước đặt quan, trong kinh có Ngự sử đài, bên ngoài có ty Trấn thủ, ty Thừa chính, ty Hiến sát cho đến phủ và huyện, đều có chức phận phải làm: Ba ty chia nhau xét việc kiện tụng của quân và dân, gần đây điều lệ ngày một thêm nhiều, bọn điêu toa dựa vào điều lệ mà xét xử một cách gượng ép, có khi một việc kiện mà chia ra cáo tố ở hai ty, dân bất đắc dĩ kêu cả lên ngự sử, ngự sử lại không có lý thu đạo[1], chỉ dung túng người dưới theo ý riêng làm việc thiên tư, tiếng gọi là chiếu theo điều lệ, mà thực là trái với điều lệ. Vậy xin tập hợp rộng rãi huấn lệnh đã có sẵn của các triều, chép thành một cuốn sách quan phương[2], ban bố cho các nha môn. Đại để việc kiện tụng trong một đạo từ huyện đến ty Thừa chính thuộc về Ngự sử, còn ty Trấn thủ chỉ cai trị bọn trộm cướp, ty Hiến sát chỉ cai trị bọn quyền quý và chỉ đàn hặc bọn quan lại. Mỗi năm tra khám bao nhiêu việc kiện tụng, làm thành danh sách trình Ngự sử đài chuyển đệ lên chính phủ. Ngoài ra, những phép tắc về sửa chữa bản thân, điều khiển lại dịch, cai trị nhân dân, tôn thờ người trên, việc nào cũng rõ ràng đầy đủ, để người thừa hành chức vụ nghi nhớ không quên, mà thi thố ra công việc chính trị. Về việc khảo xét công trạng, thì mỗi năm xét một lần gọi là tiểu khảo, để đôn đốc thúc giục; ba năm xét một lần gọi là đại khảo, để thi hành việc thăng thưởng hoặc truất bãi. Có như thế thì phép trong quan trường mới có thể ngay thẳng được.

3. Đối với dân: Hiện nay tập tục bạc bẽo, nói càn nói gỡ, xâm phạm đến người trên, tuyên truyền lời vu vơ, làm mê hoặc dân chúng. Vậy xin tham khảo điển lệ đời trước và các triều, chép thành một tập dân chính, từ phép tắc hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, kính mến người trên, yêu thương người dưới, cho đến nghi tiết cư xử, động tác, mỗi việc cần làm đầy đủ thành từng điều mục, rồi ban xuống cho ty Thừa chính, cho các dân xã sở tại được tùy tiện chọn bầu mỗi xã một hai người hương trưởng, hàng năm cứ lấy những ngày kỳ phước[3], ngày xã điền[4], họp dân lại đem phép ấy ra đọc mà dạy bảo khuyên răn. Nếu có người nào không theo lời dạy, thì kê tội lỗi trình bày lên quan, tội nhẹ thì xét xử ngay, tội nặng thì xét nghĩ rồi đệ hồ sơ lên quan trên. Nếu có người hiếu thảo, đức hạnh, tiết nghĩa, nghĩa phụ, thì phải đem sự việc đề đạt rõ ràng để biểu dương họ, làm cho dân biết mà khuyên làm điều lành. Có như thế, thì pháp lệnh mới có thể thi hành được.

4. Đối với sĩ tử: Nhà nước có trường quốc học để dạy hương cống, có trường phủ học để dạy sinh đồ. Đến trung gian mở nhiều đường ngang tắt cầu may, đặt ra phép "tam quán sinh đồ"[5], lấy đỗ những lạm, đến nỗi có người hương cống mà chưa thông nghĩa lý câu văn; vừa đỗ hương cống xong, liền ngấp nghé để chực làm quan, không được làm quan thì lui về làm đơn từ hoặc làm nha lại, hạng hương cống như thế, chiếm đến gần một nữa sĩ số trong cả nước; hạng sinh đồ lại còn kém hơn. Đến như hạng học trò mới học cũng không có người tiêu biểu để làm thầy. Vậy xin bớt số học quan ở các phủ huyện hợp lại làm một đạo, ở đạo có điện đại thành, có nhà giảng học, có nhà đôn đốc học nghiệp và có nhà chứa sách; các viên quan đề cử thì dùng quan văn vào hạng đại khoa mà có học lực, phẩm hạnh, đạo nghĩa để bổ ở mỗi đạo một người; viên quan này chuyên dạy hương cống, sinh đồ trong bản đạo và người mới học mà tình nguyện ở nhà trường học tập. Còn các viên trực giảng, trợ giáo trong nhà quốc học thì nên chọn kỹ bậc văn thần, cấp cho bổng lộc hậu thêm. Phàm hương cống, sinh đồ các đạo, người nào có thể về kinh học tập đều cho phép được vào học ở Quốc tử giám. Do đấy, hạ đặc lệnh ban bố khoa điều, dạy cho biết lễ nghĩa, mà phân biệt ra từng hạng. Phép này trước hết ở nhà Quốc học, rồi thi hành đến các đạo. Nếu có viên quan nào không làm tròn chức vụ, thì ngự sử cùng ty Hiến sát bản đạo

---

[1] Nguyên văn chép: "Ngự sử hựu bất cứ lý thu đạo, dung tuận hành tư". Trong câu này có chữ "thu đạo", nghĩa rất khó hiểu. Một thuyết nói "thu đơn giao cho đạo xét", một thuyết cắt nghĩa cả năm chữ là "không theo đạo lý". Hai thuyết này chúng tôi thấy đều chưa ổn, nên phiên âm theo nguyên văn, xin độc giả chỉ giáo.

[2] Cuốn sách chép về lễ phép mà người làm quan phải tuân theo.

[3] Ngày tế thần để cầu cho dân làng được phúc lành. Lễ này, xưa kia thường cử hành về mùa xuân.

[4] Xem lời chua của Cương mục Chính biên quyển XLI tờ 15.

[5] Người nào nộp 3 quan tiền sẽ được gọi là sinh đồ. Xem thêm chính biên quyển XXXIX tờ 5 và XLI tờ 2.

đàn hặc. Có như thế, ngõ hầu xây dựng được nền giáo dục, mà mới có hạng sĩ tử cao quý để đáp ứng với sự cầu hiền của triều đình.

Nhưng, mọi việc trong thiên hạ cỗi gốc là ở tâm tư, chưa có bao giờ tâm tư không ngay thẳng, mà lại có thể thi thố mọi việc được. Thế thì việc sửa chữa tâm tư lại là cỗi gốc của mọi người. Tôi trộm thấy vương thượng từ khi thân giữ chính quyền đến nay, một lòng tôn phò nhà vua, nào là kính thượng hoàng, nào là dâng tôn hiệu, đứng về mặt danh phận, vẫn biết rằng đã được chấn chỉnh mà nâng cao lên. Tôi càng mong từ nay lễ thường triều ngày sóc, ngày vọng[1], vương thượng thân hành dẫn đại thần thân cận và có công cùng trăm quan văn võ chiểu theo điển lệ triều trước, thân ngồi giường ngự ở phía tả ngai rồng của hoàng thượng để nhận lễ thường triều của bách quan, làm cho sáu quân trông thấy, bốn biển biết tin, đều hiểu rõ đức tốt về việc tôn phò nhà vua của vương thượng, thì tự nhiên mọi người phát sinh lòng lành và kính cẩn, đối với danh phận run sợ mà không dám xâm phạm, tiêu tan được lòng lấn vượt áp bức, sum hợp lại tình chia rẽ lìa tan. Đấy là ý nghĩa thứ nhất đem một tâm tư để quan sát mọi tâm tư vậy".

Tờ khải của Phạm Nguyễn Du không được chúa Trịnh trả lời. Ít lâu sau, cho ra giữ chức đốc đồng ở Nghệ An.

Lời phê-[2] Đều là văn từ chiếu lệ mà thôi. Chứ một nước lại có hai vua à?
Lời chua-Đông các đại học sĩ: Phẩm trật chánh tứ.

Sửa nhà thái học.

Lúc ấy, trong nước nhiều biến cố, nhà học bỏ đổ nát. Bùi Huy Bích muốn xây dựng nền văn học để giữ vững lòng người, bèn xin cố sức sữa sang tu bổ. Huy Bích lại thường đến nhà Giảm giảng bàn sách vỡ, luyện tập văn bài, khen thưởng khuyến khích người nho học hiền tài, ức chế người cầu may thi đỗ. Vì thế, lúc ấy nhiều người ngợi khen.

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh hoàng trùng.

Hoàng trùng đầy cả đồng nội, lúa mạ bị tổn hại hết.

Yên Quảng, giặc biển nổi dậy.

Thiêm Liên (sót họ), người Yên Quảng, hô hào tụ tập dân chúng ở ngoài biển, có vài trăm chiếc thuyền; tên Sơn (sót họ) người huyện Thần Khê, đem đồ đảng theo về với Thiêm Liên, thanh thế của giặc bùng dần mãi lên. Vì thế, dân ven biển vùng đông nam bị rối loạn.

Lời chua-Huyện Thần Khê: Đời Lê, thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Hưng Yên[3].

Yên Quảng[4]: Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, 16, 19, 29, 30, 35).

Bính Ngọ, năm thứ 47 (1876). (thanh, năm Càn Long thứ 51).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 3. Dân bị nạn đói.

Thàng này, giá gạo cao vọt, dân trong kinh kỳ và tứ trấn bị đói to, thây chết nằm liền nhau. Trịnh Khải hạ lệnh chiêu mộ nhân dân, ai nộp của sẽ trao cho quan chức, nhưng không ai hưởng ứng. Bèn dùng sắc lệnh bắt ức nhà giàu để lấy tiền chia ra phát chẩn.

---

[1] Ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng theo âm lịch.

[2] Chỉ việc xin chúa Trịnh ngồi giường ngự ở phía tả ngai rồng để nhận lễ thường triều.

[3] Sau là huyện Tiên Hưng, nay Tiên Hưng hợp nhất với huyện Đông Quan thành huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[4] Tương đương với tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Tháng 5, mùa hạ. Nguyễn Văn Huệ đem quân vào cướp phá. Đồn tướng Hoàng Nghĩa Hồ, phó tướng Hoàng Đình Thể, tỳ tướng Vũ Tá Kiên và đốc thị Nguyễn Trọng Đang đều bị chết trong chiến trận; Phạm Ngô Cầu mở cửa thành ra hàng.

Trước đây, Văn Nhạc chiếm cứ Quảng Nam, sai người xin hàng và xin trấn thủ đất ấy. Trịnh Sâm thấy chỗ ấy vừa hiểm trở, vừa xa xăm, vả lại cũng ngại về việc dụng binh, nhân đấy mới trao cho Văn Nhạc trấn giữ. Sau đó, Văn Nhạc xưng là Thiên vương đặt ngụy hiệu là Thái Đức, triều đình nghe biết việc này cũng bỏ qua không hỏi đến. Trấn thủ Phạm Ngô Cầu là người tham lam nhút nhát, tham tụng Hồ Sĩ Đống từ Thuận Hoá về kinh, đã nhiều lần xin bổ viên tướng khác thay cho Ngô Cầu, nhưng việc này sau cũng im đi.

Ngô Cầu chuyên làm việc buôn bán, không sắm sửa khí giới phòng bị lương thực, quân và dân đều chán nản khinh thường. Nhân đấy, Văn Nhạc phong cho em là Văn Huệ làm Long nhương tướng quân, chỉ huy các quân thủy, quân bộ, Vũ Văn Nhậm[1] đem tả quân, Nguyễn Hữu Chỉnh đem hữu quân, chia đường cùng tiến, qua đèo Hải Vân. Tướng giữ đồn là Hoàng Nghĩa Hồ ra đánh, bị chết. Nhân thế thắng, quân của Nguyễn Huệ xông thẳng đến Thuận Hóa. Lúc ấy, Ngô Cầu đương đặt đàn chay lớn, chợt nghe tin giặc kéo đến, lúng túng, không biết thi thố cách nào. Trước đây, vì bức thư ly gián của Hữu Chỉnh, nên Ngô Cầu và phó tướng Hoàng Đình Thể vẫn nhị tâm với nhau, sĩ tốt sinh ra nghi ngờ lười biếng, không ai có lòng chiến đấu. Gặp lúc ấy nước thủy triều lên mạnh, giặc bèn cho châu sư[2] ồ ạt tiến sát đến dưới thành. Hoàng Đình Thể, một mình đem quân bản bộ đón đánh, thuốc súng và đạn đều hết. Ngô Cầu đóng cửa thành không cứu viện. Đình Thể cùng hai người con (một người là Đình Vị, còn một không rõ tên) và tì tướng là Vũ Tá Kiên dựa vào thành lũy để bày trận, đem hết sức lực chiến đấu hăng hái; hai người con phóng ngựa ra trận giết giặc, ngựa bị què, bèn đánh lối bộ chiến, bị trọng thương, chết tại mặt trận. Đình Thể cùng Tá Kiên đều chết, Văn Huệ lùa quân ồ ạt tiến lên. Ngô Cầu mở cửa thành xe quan tài[3] ra hàng, đốc thị Nguyễn Trọng Đang chết ở trong đám loạn quan. Giặc tung quân vào thành, chém giết thả cửa, hơn vài vạn tướng sĩ đóng ở đồn, chỉ còn được vài trăm người qua sông trở về Bắc Hà mà thôi. Do đấy tướng đóng ở các đồn Cát Doanh và Động Hải nghe được phong thanh đều chạy trốn.

Lời chua-Hoàng Nghĩa Hồ: Người thôn Hoàng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên[4], tỉnh Nghệ An, đỗ tạo sĩ.

Vũ Tá Kiên: Người xã Hà Hoàng[5], huyện Thạch Hà, đỗ tạo sĩ.

Nguyễn Trọng Đang: Người xã Trung Cần[6], huyện Thanh Chương, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) năm Cảnh Hưng.

Cát Doanh: Ở địa phận xã Ái Tử[7], huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị.

Động Hải: Xem năm Cảnh Hưng thứ 39 (Chb. XLV, 10).

Tháng 6. Nguyễn Văn Huệ cướp phá Vị Hoàng. Bọn Trịnh Tự Quyền và Đinh Tích Nhưỡng bị thua, bỏ chạy.

Văn Huệ hội hợp các tướng, bàn định lại cho quân tu sửa trường lũy Động Hải, vẫn giữ địa giới cũ ở La Hà. Nguyễn Hữu Chỉnh dâng lời nói: "Tướng công đánh một trận được đại thắng, uy danh chấn

---

[1] Nguyên văn chép "Sĩ" và chua rằng: "vì tránh tên húy nên đổi đi. Ở đây chúng tôi phiên âm rõ là "Nhậm. Dưới đây cũng đều phiên âm như thế.

[2] Tên một binh chủng, sử dụng bằng thuyền.

[3] Có ý xin ra để chịu chết.

[4] Nay là huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

[5] Nay là thôn Hạ Hoàng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[6] Nay là thôn Trung Cần, xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[7] Nay thuộc huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

động cả thiên hạ. Đường lối dụng binh, một là thời, hai là thế, ba là cơ hội, nếu có thể dựa vào ba điều ấy, thì đánh đâu mà không được. Nay ở Bắc Hà, quân lính thì kiêu ngạo, tướng súy thì lười biếng, triều đình lại không có kỷ cương gì. Tướng công mang uy thanh ấy, nhân lúc bên kia đã đổ nát, nếu thực biết dùng danh nghĩa "phò Lê, diệt Trịnh" thì thiên hạ ai mà không hưởng ứng? Đấy là cơ hội và thời, thế đều không thể để nhỡ được". Văn Huệ cho là phải, bèn nói giả thác là mệnh lệnh của Văn Nhạc, rồi dùng Hữu Chỉnh làm tiền phong thủy quân, trước hết kéo quân ra cửa biển Việt Hải, vào cửa biển Đại An, kéo thẳng đến Vị Hoàng chiếm lấy kho lương. Văn Huệ tự thống suất đại binh, theo đường thủy, đường bộ tiếp tục xuất phát. Tướng giữ trấn Nghệ An và Thanh Hóa là bọn Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thùy nghe được phong thanh, đều bỏ thành trốn. Hữu Chỉnh kéo quân đến Vị Hoàng, binh lính trong đồn trông thấy, sợ hãi, tan vỡ. Thóc lúa trong kho có hàng trăm vạn đều vào tay giặc. Văn Huệ tiếp tục kéo quân đến chiếm cứ lấy đất này.

Trước đây, được tin báo về tình hình của giặc, bầy tôi bàn định, đều nói: "Thuận Hóa vốn không phải đất đai của triều đình, trước kia tốn bao nhiêu công của mới lấy được, chung quy cũng chẳng ích lợi gì? Bây giờ chỉ nên bàn luận tìm cách đóng quân ở Nghệ An theo như việc cũ mà thôi". Vì thế, Trịnh Khải hạ lệnh cho Trịnh Tự Quyền làm thống tướng, đem hiệu quan và quân lính 27 cơ tiến ngay vào giữ lấy đầu địa giới Nghệ An để chống cự. Tự Quyền nhận được mệnh lệnh đã hơn mười ngày mà vẫn chưa thu xếp hành trang xong, còn quân sĩ thì chần chừ không có ý muốn đi, lại muốn thay đổi thống tướng khác. Kịp lúc Tự Quyền đem quân dời khỏi thành mới được 30 dặm, thì quân giặc đã đến Vị Hoàng rồi. Trịnh Khải lại hạ lệnh khác cho Tự Quyền vẫn đem các quân bản bộ tiến đến chống cự ở Kim Động, một mặt phi sức cho Đỗ Thế Dận, trấn thủ Sơn Nam, lập tức đem quân bộ tiến đến đóng ở bờ sông Phù Sa, rồi sai Đinh Tích Nhưỡng đốc lãnh các quân thủy đạo tiến thẳng đến giữ ở cửa Luộc. Các tướng hội hợp binh lính đón đánh.

Chợt có thuyền của giặc đương đêm từ hạ lưu nhân chiều gió tiến thẳng lên, thế rất sắc bén. Tích Nhưỡng liền sai các quân bày "trận chữ nhất" (-) chắn ngang sông, đạn súng và tên nỏ cùng một lúc bắn ra, trông xa thấy một chiếc thuyền giặc tan vỡ rồi bị đắm, còn các thuyền khác cứ nối nhau tiến lên không ngừng, mà trong thuyền vẫn im lặng không có tiếng người. Trong lúc hoảng hốt sợ hãi thì trời đã sáng rõ, mới biết những người chân sào đều người bù nhìn cả. Lúc ấy, thuốc súng và đạn của quan quân đều hết, đại đội châu sư của giặc vừa đánh trống vừa reo hò tiến lên, thanh thế kinh thiên động địa. Giặc lại dùng toán quân nhanh nhẹn sắc bén xông thẳng vào hàng ngũ quân Thế Dận, đem ống phun lửa loạn xạ, quân của Thế Dận kinh sợ tan vỡ. Toán quân của Đinh Tích Nhưỡng la ó om sòm, tranh nhau bỏ thuyền chạy. Toán quân của Trịnh Tự Quyền nghe tin, cũng sợ hãi rối loạn rồi tự tan vỡ. Giặc bèn đánh phá được trấn Sơn Nam, rồi đưa tờ hịch đi các lộ, bày tỏ danh nghĩa "diệt Trịnh, phò Lê".

Lời phê-Lúc ấy triều đình đã hết sức rối ren đổ nát, giặc đã nhòm biết kẽ tóc chân tơ rồi, tiến thẳng quân mà đánh lấy có khó khăn gì.

Lời chua-Đinh Tích Nhưỡng: Người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng[1], dòng dõi Đinh Văn Tả.

Bùi Thế Toại: Người xã Tiên Lý, huyện Đông Thành[2], con Bùi Thế Đạt, đỗ tạo sĩ.

Đỗ Thế Dận: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm[3]. (Chb. XLVI, 19).

Cửa Việt Hải: Xem Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ nhất (Chb. XVI, 8).

Cửa sông Luộc: Thuộc huyện Nam Xang, chỗ giáp giới hai huyện Tiên Lữ và Hưng Nhân tỉnh Hưng Yên[4].

---

[1] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[2] Nay là huyện Yên Thành và Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

[3] Hà Nội.

[4] Huyện Hưng Nhân nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Vị Hoàng: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 10 (Chb. XXXVII, 9). Nay là tỉnh thành Nam Định.

Sông Phù Sa: Thuộc địa phận xã Phù Sa, huyện Đông An[1], tỉnh Hưng Yên. Khúc sông này là hạ lưu sông Nhị.

Nguyễn Văn Huệ xâm phạm đến Thăng Long. Hai viên Thiên tướng[2], quân thủy là: Nguyễn Trọng Yên, quản lãnh đội Tiền ưu, Ngô Cảnh Hoàn, quản lãnh đội Tiền trạch cùng Mai Thế Pháp, thuộc tướng bộ binh, ra đánh đều bị chết tại trận. Trịnh Khải đánh nhau với giặc ở bến Tây Luông (Long), thua, chạy, bị bắt, Khải tự sát. Lý Trần Quán, Thiêm tri lại phiên, chết theo.

Sau khi trấn Sơn Nam đã bị phá, kinh thành Thăng Long rất sợ hãi, quan và quân đều lo toan việc chạy trốn, không có chí chiến đấu, mọi người bàn luận phân vân, không định được kế mưu đánh hay giữ. Nguyễn Lệ từ Nghệ An về kinh, khuyên Trịnh Khải: "Sai tướng giữ kinh thành, mà rước nhà vua chạy lên Sơn Tây, để lo tính công việc sau này. Nếu đánh nhau với giặc, thì kiêu binh không thể dùng được, việc nước thành ra hỏng mất". Khải toan theo lời Nguyễn Lệ. Kiêu binh hợp nhau lại dức lác ầm ĩ, cho là Nguyễn Lệ dắt giặc vào kinh thành, toan giết Lệ, Lệ chạy lên Sơn Tây.

Khải cho là tham tụng Bùi Huy Bích giữ công việc trong chính phủ không có công trạng gì; đến nay lại không có mưu mô gì cứu chữa được tình thế, trong bụng có ý chán ghét, bèn cho Huy Bích ra đốc chiến, mà triệu Trần Công Xán (tên cũ là Công Thước) vào phủ, bí mật bàn định mưu kế đánh giặc hoặc tránh giặc. Công Xán nói: "Giặc đem đại quân trơ trọi đi sâu vào đất ta, điều ấy binh gia lấy làm kiêng kỵ. Nay nên dữ chúng vào gần, rồi đánh một trận giết cho nhẵn nhụi. Còn như kinh sư là nơi cỗi rễ, không thể lìa bỏ mà đi xa được. Nếu tình thế quá ngặt nghèo, không thể làm thế nào được, thì cũng nên đánh một trận quyết liệt cuối cùng". Khải nhận là phải, bèn triệu Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây về, sai làm tiền bộ.

Phùng Cơ cùng 8 người con (4 người là Thụ, Bồi, Truyền và Tình, còn không rõ tên) dẫn quân lính bản bộ đóng ở hồ Vạn Xuân; đội quân Tứ thị thủy dàn thuyền ở sông Thúy Ái. Khải đem hết quân trong thành, bày trận ở bến Tây Luông (Long). Lúc ấy, gió đông nam thổi mạnh, thuyền của giặc nhân chiều gió, kéo ập đến. Về phía chúa Trịnh, thì quân thủy tan vỡ trước. Hai viên thiên tướng là Nguyễn Trọng Yên, quản lãnh đội Tiền Ưu và Ngô Cảnh Hoàn, quản lãnh đội Tiền Trạch, cầm ngang siêu đao, đứng ở mũi thuyền, chống cự, bị chết. Giặc bèn kéo lên bộ. Toán quân của Phùng Cơ không kịp dàn thành hàng ngũ, bỏ chạy tan vỡ tứ tung. Thuộc tướng là Mai Thế Pháp phi ngựa lên đón đánh, giết được hơn 10 tên giặc. Bị giặc vây sát. Thế Pháp tự nhảy xuống sông; chỉ còn một mình Phùng Cơ cùng 8 người con dẫn vài chục thủ hạ cố sức chiến đấu. Thủ hạ và 6 người con đều bị giặc giết. Phùng Cơ cùng 2 người con cướp lấy đường mà chạy. Quân lính của giặc tiến đến bến Tây Luông (Long). Khải mặc nhung phục, ngồi trên bành voi, cầm cờ lệnh chỉ huy, nhưng quân sĩ nhìn nhau, không ai chịu tiến lên. Giặc tung quân ra chém giết, quan quân tan vỡ lung tung. Khải quay voi trở về thành, đến cửa Tuyên Võ, trông thấy ngoài phủ đã cắm hàng loạt cờ của giặc, bèn dẫn hơn trăm tượng binh[3], hướng theo đường Sơn Tây chạy trốn. Bầy tôi, người thì bỏ trốn, người thì tan chạy, cũng không một người nào biết đến chúa cả.

Khi Trịnh Khải chạy đến xã Hạ Lôi, huyện Yên Lãng, quân sĩ tan tác hết. Lý Trần Quán, thiêm sai giữ công việc Lại phiên, trước đây vâng đem tờ hịch đi chiêu mộ nghĩa binh, chợt ở đấy, Trịnh Khải cùng Trần Quán gặp nhau. Trần Quán nói dối người học trò của mình là Nguyễn Trang rằng: "Đây là quan tham tụng họ Bùi đi lánh nạn đến đây, anh khá hộ vệ đưa ngài đi qua địa giới huyện này". Trong bụng Trang biết đấy là chúa Trịnh, bèn cùng đồ đảng là Nguyễn Ba bắt giải nộp doanh trại giặc. Trần Quán được tin, vội vàng chạy đến, vừa lạy vừa khóc, nói: "Làm lầm lỗi chúa đến thế này là tội ở tôi". Nhân đem nghĩa lớn dụ bảo Trang, Trang nói: "Sợ thầy không bằng sợ giặc, yêu chúa không bằng yêu mình",

---

[1] Nay là huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[2] Danh hiệu để gọi viên tướng giữ một bộ phận nhỏ, cũng như tì tướng, khác với đại tướng, thống tướng.

[3] Tên một binh chủng lúc bấy giờ, sử dụng bằng voi.

bèn giải Trịnh Khải đi. Khải dùng dao cắt cổ tự tử. Trang đem thi thể Khải nộp cho giặc. Văn Huệ sai sắm đủ áo quan khâm liệm tống táng; bổ dụng Trang làm trấn thủ Sơn Tây, phong là Tráng liệt hầu.

Trần Quán về nhà bảo với học trò rằng: "Ta là bầy tôi mà làm lầm lỡ chúa, tội ta đáng chết. Nếu không chết thì không giãi tỏ lòng này với trời đất được". Bèn sai người đào huyệt, đặt sẵn áo quan, Trần Quán mặc đũ mũ áo, tự nằm vào áo quan, cho vùi đất đi để chết.

Trước đây, Văn Huệ từ Vị Hoàng ngược dòng sông, kéo quân ra Bắc, quân thủy đạo của Đinh Tích Nhưỡng tan vỡ, Trịnh Khải được tin, hạ lệnh hết thẩy thủy quân ra đóng ở sông Thúy Ái để chống cự. Cảnh Hoàn là vì con nhà tướng, được giữ chức thiên tướng, lúc sắp ra đi, người em họ là Cảnh Trường hỏi về cái cớ đánh giặc, Hoàn nói: "Nhà ta đời đời đội ơn nước, nay giặc kéo đến, ta chỉ có đánh giặc mà thôi, ngoài ra không biết gì hết". Hoàn bèn ra đi, bày thế trận để đợi giặc. Một lát, thuyền của giặc tiến sát đến nơi, sĩ tốt tan vỡ bỏ chạy, Cảnh Hoàn cùng hai con cố sức đánh giặc, đều bị chết, được tin Cảnh Hoàn chết, cả nhà thương xót kêu gào, chỉ có Phan Thị Thuấn, vợ lẽ cưng yêu của Cảnh Hoàn, là người có nhan sắc, ngoài 20 tuổi, chưa sinh nỡ gì, vẫn nói cười tự nhiên, hàng ngày kiểm điểm tư trang và may áo cưới, có người chê cười, Phan Thị cũng không biện bạch gì cả. Gần bách nhật, thị nói với người trong họ để mời nhà sư làm chay cho Hoàn. Khi tan đàn chay, thị bèn ăn mặc lộng lẫy bước xuống thuyền, rồi quay lại bảo người trong họ rằng: "Công việc của thiếp xong rồi, từ đây thiếp xin chết theo tướng quân, hài cốt tướng quân không được mai táng, xin các ông hiểu thấu lòng thiếp, đừng mai táng cho thiếp làm gì". Thị bèn sai người chèo thuyền đến chỗ Cảnh Hoàn chết, rồi tự gieo mình xuống sông. Người đứng xem ở hai bên bờ sông không ai là không hãi hùng kinh dị. Sau con Cảnh Hoàn đem hài cốt thị về táng ở đồng làng. Khoảng năm Chiêu Thống truy xét đến những người tiết nghĩa, để cho phong tặng và tên thụy Cảnh Hoàn và Phan Thị đều được dự phong. Triều đình hạ lệnh cho dân sở tại lập đền thờ. Đến bản triều năm Tự Đức thứ 12 (1859) vâng sắc lệnh ban cho chữ: "Lê triều tiết liệt phu nhân Phan thị chi từ". (Đền thờ Phan Thị, người đàn bà tiết liệt triều nhà Lê), dựng bia ở phía đông đền ấy.

Lời phê-Lúc này, sao kiêu binh không lo tính để lập công[1].

Lời phê-Từ trước đến nay, trong nước mà có quyền thần chuyên chính, thì không đầy vài đời liền cướp lấy ngôi, chưa từng có bao giờ lại như nhà Lê, nhà Trịnh hai bên sứ song song từ trước đến sau như thế. Việc này cũng là việc lạ ngàn đời!, có lẽ kẻ kia[2] hiện trông thấy nhà Mạc không thể giữ ngôi vua được dài lâu, nên rất lấy làm răn sợ. Tuy chưa xưng tôn hiệu là vua, mà quyền bính hiệu lệnh trong nước đều thu hết vào trong tay mình, như thế cũng đã mãn nguyện rồi, lại còn mong muốn gì nữa? Đây là trí mưu khôn khéo, nghĩ ngợi sâu xa không thể nào giấu giếm được. Đến như thế tục thường truyền câu "Thờ phật ăn oản" cũng không ngoài sự xét đoán về thâm tâm họ Trịnh như thế.

Lời phê-Người trước để lại ác nghiệt quá nhiều, làm cho Khải phải chịu sự liên lụy mà thôi, nhưng Khải cũng là người khảng khái không có gì đáng hổ thẹn[3].

Lời chua-Lý Trần Quán: Người xã Vân Canh[4], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Nguyễn Trọng Yên: Có sách chép là Trọng Diệu, người xã Linh Đường[5], huyện Thanh Trì.

---

[1] Chỉ việc Nguyễn Lệ nói kiêu binh không thể dùng được.

[2] Chỉ họ Trịnh.

[3] Chỉ việc Trịnh Khải lấy dao cắt cổ, tự tử sau khi bị bắt.

[4] Nay là xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

[5] Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ngô Cảnh Hoàn: Có sách chép là Phúc Hoàn, người xã Trảo Nha[1], huyện Thạch Hà.

Mai Thế Pháp: Có sách chép là Thế Dương, người xã Thạch Giản, huyện Nga Sơn[2].

Nguyễn Trang: Người xã Hạ Lôi[3], huyện Yên Lãng.

Nguyễn Ba: Có một tên nữa là Na, người xã Vân Điềm, huyện Đông Ngàn[4].

Bến đò Thúy Ái: Ở địa phận bãi Thúy Ái[5], huyện Thanh Trì.

Bến Tây Luông: Ở địa phận thôn Hậu Lâu, huyện Thọ Xương[6].

Hồ Vạn Xuân: Có một tên nữa là đầm Vạn Phúc, ở địa phận xã Vạn Phúc[7], huyện Thanh Trì.

Đền thờ Phan phu nhân: Nay ở xã Thúy Ái[8], huyện Thanh Trì.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua ngự điện Kinh Thiên, nhận sổ sách quân và dân.

Trước đây, Văn Huệ đánh được Vị Hoàng, liền làm tờ mật tấu tỏ ý tôn phò. Lại sai tỳ tướng đem một cánh quân đi trước, đợi khi nào đại quân kéo đến Thăng Long, thì viên tỳ tướng ấy đem quân vào bảo vệ cung điện nhà vua.

Bấy giờ vua đương có bệnh, các hoàng tử hầu hạ nâng giấc ở trong nội điện, thấy ngoài cung điện có lính và voi, ngờ là giặc kéo đến uy hiếp, liền vực nhà vua dậy toan lánh đi chỗ khác. Chợt lúc ấy, viên tỳ tướng đệ dâng bản tâu, trước hết bày tỏ lễ ý xin thăm hỏi sức khỏe nhà vua, sau nữa xin định ngày sẽ vào triều bái yết. Nhà vua nhận được tờ tấu, mới yên tâm.

Hôm sau, Văn Huệ triều yết ở điện Vạn Thọ, nhà vua sai người mời vào, đặt một giường khác ở bên cạnh giường vua ngự để Văn Huệ ngồi. Văn Huệ rụt rè không dám ngồi, nhà vua ép mãi, Văn Huệ mới ngồi ghé vào cạnh chiếu. Huệ tâu nói: "Tôi vốn người dân áo vãi ở Tây Sơn, nhân thời cơ nổi dậy, tuy cơm áo triều đình không được bệ hạ ban cho, nhưng tôi ở nơi rừng rậm xa xăm, lâu nay vẫn kính mến thánh đức, ngày nay được thấy thiên nhan, mới đủ giãi bày tấm lòng thành thực. Vì họ Trịnh lăng loàn áp bức, không giữ đạo làm tôi, cho nên hoàng thiên mượn tay tôi đánh diệt họ Trịnh, để tỏ rõ uy quyền của bệ hạ, may mà được đến thành công đều do ở phúc đức của bệ hạ cả. Tôi chỉ mong thánh thể yên lành mạnh khỏe, ngự ngôi vua, trị thiên hạ, để kẻ bầy tôi nơi xa xăm đội phúc đức". Nhân đấy, Văn Huệ bày tỏ ý nghĩa tôn phò. Nhà vua bội phần an ủi.

Lúc ấy bầy tôi đều đã trốn tránh, chỉ còn vài người chầu chực trong nội điện ra ứng tiếp mà thôi. Nhân đấy, Nguyễn Hữu Chỉnh xin nhà vua hạ chiếu truyên triệu bọn Phan Lê Phiên, Uông Sĩ Điển, Trần Công Xán và bầy tôi hơn mười người, sau họ lục tục trở về, còn thì đều trốn tránh không chịu ra cả.

Trước đây, họ Trịnh chuyên giữ chính quyền trong nước, một người dân, một tấc đất, đều không do quyền triều đình. Nay Văn Huệ đã vào triều yết, bèn xin ngày cử hành nghi lễ đại triều, dâng sổ sách binh và dân để tỏ rõ ý nghĩa nhà vua nhất thống và Nguyễn Huệ tôn phò. Đến nay, nhà vua cố gượng dậy, ra ngự điện Kính Thiên nhận lễ, rồi ban hành chiếu thư về việc nhất thống để bá cáo cho trong kinh,

---

[1] Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Nay thuộc xã Nga Thạch huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Nay là thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

[4] Đất huyện Đông Ngàn, gồm các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn (Hà Nội).

[5] Nay là thôn Thúy Lĩnh, xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[6] Nay phố Nguyễn Trung Trực, có đình Tây Luông.

[7] Nay là xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[8] Nay là thôn Thúy Lĩnh, xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

ngoài trấn biết. Lại sách phong Văn Huệ làm nguyên soái phù chính dực vận Uy quốc công. Sau khi Văn Huệ nhận sách phong, bèn nói riêng với Hữu Chỉnh rằng: "Ta cầm vài vạn quân, đánh một trận mà bình định được Bắc Hà, một tấc đất, một người dân, đều là của ta, nếu muốn xưng đế hay xưng vương việc gì mà ta không làm được? Còn như sắc mệnh nguyên soái quốc công đối với ta có hơn kém gì? Bầy tôi Bắc Hà lại muốn dùng danh vị hão để lung lạc ta hay sao? Đừng tưởng ta là người mọi rợ được chức tước ấy bèn lấy làm vinh dự đâu!". Hữu Chỉnh biết ý Văn Huệ không mãn nguyện, bèn bí mật khuyên nhà vua đem công chúa Ngọc Hân gã cha, Văn Huệ rất bằng lòng.

Lời phê-: "Chống hùm cửa trước, rước soái cửa sau"[1], ôi cũng nguy hiểm lắm! Trịnh Doanh lập Hiển Tông để nương nhờ vào phúc đức, mà Hiển Tông từ trước đến sau, nhất thiết việc gì cũng do ở người khác. Nhiều lần gặp tai họa bất trắc xảy ra, chỉ vì không vướng vít với thất tình, mà được trọn đời an toàn, cũng là may mà thôi.

Ngày Mậu Ngọ. Nhà vua mất. Hoàng thái tôn (cháu trưởng của nhà vua) Duy Khiêm lên ngôi, đổi tên là Duy Kỳ.

Trước đây, nhà vua bị bệnh. Văn Huệ xin dùng ngày rằm tháng 7 này, nhà vua ra ngự chính điện để nhận lễ chầu mừng về việc nhất thống, nhà vua cố gượng dậy ra coi chầu. Hôm sau, bệnh quá nguy kịch, sai triệu Văn Huệ, Văn Huệ nói: "Nay mai tôi sẽ trở về Nam, không dám can dự vào công việc nhà nước. Vả lại, trong quãng vua trước vua sau kế tiếp, tôi e sẽ bị người đời nghi ngờ". Văn Huệ bèn từ chối không vào. Ngày 17, Mậu Ngọ, nhà vua mất tại điện Vạn Thọ, ở ngôi 47 năm, hưởng thọ 70 tuổi.

Nhà vua là người nhân từ, trầm tĩnh. Lúc về già, gặp Trịnh Sâm áp bức, cũng chỉ ngậm miệng mà nhịn. Đến nay Tây Sơn tôn phò, nhà vua ngoài mặt tuy mừng mà trong bụng vẫn lấy làm lo. Khi bệnh nguy kịch, cho triệu Hoàng thái tôn đến bảo rằng: "Ta chỉ sớm tối sẽ trút bỏ gánh nặnng, bây giờ lo lắng việc nước là ở mình cháu, cháu phải nghĩ lấy". Thái tôn vừa lạy vừa khóc xin nhận mệnh lệnh. Nhà vua nói: "Binh lính xứ khác còn đóng ở đây, về việc truyền nối ngôi vua là việc trọng đại, cần phải thượng lượng bàn bạc với nguyên soái[2], chớ nên làm tắt". Nói xong thì mất. Văn Huệ nhân hỏi công chúa về việc các hoàng tử, công chúa rất khen Duy Cận là người tốt. Văn Huệ muốn bàn luận lại về việc lập người nối ngôi, triều đình lo sợ, không biết làm thế nào được, các người trong họ tôn thất đều trách móc công chúa làm hại mưu kế lớn của xã tắc. Công chúa sợ, trở về xin với Văn Huệ, Văn Huệ nhận lời, bèn phò thái tôn lên ngôi hoàng đế, đổi tên là Duy Kỳ, kể từ sang năm là năm Chiêu Thống thứ nhất.

Tháng 8. Làm lễ an táng ở lăng Bàn Thạch.

Ngày 25 tháng trước, rước tử cung[3] (vua Hiển Tông) do đường thủy về táng tại Thanh Hoa. Văn Huệ mặc áo tang, thân hành đến nơi đình tạm ở bến sông để lạy đưa, lại sai bầy tôi là nội tán Trần Văn Kỷ và hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh mặc áo trắng hộ vệ chầu chực. Đến nay an táng ở lăng Bàn Thạnh.

Lời chua-Trần Văn Kỷ: Người xã Văn Trình, huyện Phong Điền[4].

Lăng Bàn Thạch: Ở huyện Lôi Dương, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyễn Văn Nhạc đến Thăng Long, đem Văn Huệ về Nam. Nguyễn Hữu Chỉnh chạy theo về Nghệ An.

Trước kia, Nguyễn Văn Nhạc sai Văn Huệ đánh Thuận Hóa, chưa có ý định tiến ra Bắc Hà. Sau khi Văn Huệ đã lấy được Thuận Hóa, đưa thư về nói tiến thẳng quân ra để lấy Thăng Long. Văn Nhạc được nhận thư, không bằng lòng, sai người ngăn lại, nhưng không kịp. Đến lúc Văn Huệ đã lấy được Thăng Long. Văn Nhạc biết tin sợ lắm. Nhạc cho là vội vàng đem quân vào sâu như thế tất nhiên khó giữ được lâu. Hơn nữa Văn Nhạc nhận thấy Văn Huệ vốn là người giảo hoạt, hung tợn, nếu đắc chí, tất nhiên sẽ giữ lấy một nước để tự lo toan, rồi dần dà khó mà kiềm chế được. Vì thế, Văn Nhạc lập tức đem 500

---

[1] Ý nói đuổi được họ Trịnh đi, thì Tây Sơn lại tiến đến.

[2] Chỉ Nguyễn Văn Huệ.

[3] Tức quan tài của vua chúa. Xem thêm chú thích số 1. Chính biên quyển VII tờ 9.

[4] Tỉnh Thừa Thiên Huế.

tên lính thân cận đi vội ra thẳng Thuận Hóa, kén thêm binh tráng, rồi đi gấp đường ra Bắc, để làm đạo quân tiếp ứng, mà thực ra lại là để kiềm chế xem xét Văn Huệ.

Khi Văn Nhạc đã đến Thăng Long, nhà vua[1] đem trăm quan thân hành đón tiếp ở ngoài cửa Nam Giao. Văn Nhạc thúc quân rảo bước đi nhanh, mà sai người xin nhà vua về cung và đính ước ngày hôm khác sẽ cùng nhau hội kiến.

Lúc ấy, tướng sĩ Tây Sơn đóng lâu ở ngoài Bắc, nghĩ muốn trở về; tả quân Vũ Văn Nhậm cũng ghét Hữu Chỉnh lộng quyền khua múa, nhân đấy, Văn Nhạc bới xấu Hữu Chỉnh với Văn Huệ rằng: "Kẻ kia[2] lấy thân phận người tôi trốn tránh mà về đầu hàng với ta, trong bụng chỉ muốn được hả lòng với nước cũ, nên nhờ uy lực của ta để thành công. Nay nếu ta lại giam hãm mấy vạn người ở đây, để làm vây cánh cho nó, thì thật là dại dột quá chừng! Vả lại hắn thường nói: "Nhân tài Bắc Hà chỉ có một mình hắn". Thế thì không chi bằng ta bỏ hắn ở đây mà về Nam. Hiện nay người Bắc Hà oán ghét hắn ghi sâu vào xương tủy, ta mượn tay họ để giết hắn đi, khi hắn chết rồi, thì ta lấy Bắc Hà lại minh bạch chính đáng". Văn Huệ cho là phải, bèn có ý bỏ Hữu Chỉnh. Chợt lúc ấy, Văn Nhạc đến Thăng Long, ngày đêm bí mật bèn tính để rút quân về. Hữu Chỉnh không biết gì về việc ấy cả.

Sau đó vài ngày, Văn Nhạc sai người xin với nhà vua cùng nhau hội kiến. Nhà vua xin cắt đất để khao quân. Văn Nhạc nói: "Tôi tức giận về nỗi họ Trịnh uy hiếp ức chế, nên đứng ra làm việc tôn phò. Nếu đất đai không phải của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không để, nhưng nếu là đất đai của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không lấy". Lại ước hẹn đời đời làm láng giềng giao hiếu với nhau. Nhà vua tin là phải, xin Văn Nhạc ở lại ít lâu để giúp đỡ, Văn Nhạc giả vờ nhận lời, sai Hữu Chỉnh chọn ngày lành cử hành đủ nghi lễ bái yết Thái Miếu. Hữu Chỉnh cũng nghĩ là Văn Nhạc chưa trở về Nam. Đêm 17 tháng này, giọt nước đồng hồ[3] xuống đến trống canh ba, Văn Nhạc, Văn Huệ sai người vào từ biệt với nhà vua, rồi bí mật ban phát ám hiệu, ngay đêm hôm ấy quân thủy, quân bộ nhất luật rút đi, của cải trong kho tàng đều bị vơ vét nhẵn. Đến sáng, Hữu Chỉnh mới biết, vội vàng, không biết thi thố thế nào, bèn cùng vài chục thủ hạ cướp lấy một chiếc thuyền buôn đi theo đuôi giặc. Người đô thành tranh nhau dùng gạch ngói để ném, Hữu Chỉnh tự tay đâm vài người mới được thoát thân. Khi theo đến Nghệ An, Hữu Chỉnh vào yết kiến Văn Nhạc. Văn Nhạc dùng lời khéo léo yên ủi dụ dỗ, rồi sai cùng với viên thủ tướng đóng giữ ở đấy là Nguyễn Duệ cùng nhau giữ châu thành này, tích trữ lương thực, luyện tập binh lính để đợi một ngày khác sẽ dùng đến, mà Văn Nhạc tự dẫn quân về Quy Nhơn.

Sau khi quân giặc đã rút đi, nhà vua lập tức triệu bầy tôi trong triều bàn luận rằng: "Giặc để lại cho ta một nước trống rỗng, nếu có sự nguy cấp, thì chống đỡ bằng cách nào?". Bèn viết thư triệu hết những người thế gia và bầy tôi cũ dấy quân vào bảo vệ hoàng thành. Vì thế, hào mục các nơi chiếm giữ châu quận, chiêu tập binh mã, đều mượn danh nghĩa "bảo vệ". Những hạng vô lại đánh giết lẫn nhau, trong nước thành ra rối loạn.

Lời chua-Thăng Long: Tức thành Đại La xưa, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 10).

Quy Nhơn: Xem năm Cảnh Hưng thứ 36 (Chb. XLIV, 24).

Nghệ An: Xem Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 21, 22, 23).

Bọn Lê Hân, Lê Đình Hoán ở Nghệ An, hợp dân chúng đón đánh Nguyễn Văn Nhạc, nhưng không thắng được.

Quân của Nguyễn Văn Nhạc về đến Nghệ An, lúc ấy có Lê Hân, trước kia quản lãnh cơ Hậu Thắng, và Lê Đình Hoan trước kia quản lãnh cơ Hữu Oai, chiêu mộ hợp tập binh phu xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường, đón đường chẹn nơi hiểm yếu, đánh chặn ngang ở núi Đại Huệ. Giặc tung quân tràn lên núi

---

[1] Tức Lê Chiêu Tông.

[2] Chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh.

[3] Xem chú thích số 1, Chính biên quyển XXXV, tờ 30.

để đi qua, dân binh thua to, bị giặc giết hết, mười phần chết đến tám chín phần, lại có Nguyễn Nhu Tiến, người xã Gia Hộ, huyện Đông Thành, tụ hợp dân chúng đón đánh ở cầu Tiên Lý, không thắng được, Như Tiến bị chết, Nguyễn Tài người xã Hà Hoàng, tự cắp dao găm, phục trong bụi ở đường núi Kỳ Hoa, định mưu giết giặc; toán quân đi trước của giặc thoáng trông thấy, liền tụm giáo đâm xỉa vào, Tài giấu mình chạy vượt ra, giặc đuổi theo không kịp. Tài lại cùng người anh là Tần ra vào địa phận huyện Kỳ Hoa, huyện Thạch Hà, gặp quân canh giữ của giặc mà đi lẻ loi, họ liền giết chết, trước sau giết được hơn mươi người, giặc cùng răn bảo nhau xa tránh. Sau Tài đánh nhau với giặc ở đồn Quy Hợp, bị trúng đạn chết; Tần cũng bị chết tại trận.

Lời chua-Lê Hân: Người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường sau theo Mẫn Đế (Chiêu Thống) chạy sang phương Bắc.

Lê Đình Hoán: Người xã Lâm Thịnh, huyện Nam Đường, sau Tây Sơn nhiều lần cho triệu, nhưng không ra, rồi chết ở nhà.

Nguyễn Tài và Nguyễn Tần: Người xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà. Sau đây, đến năm Gia Long thứ nhất (1802) được biểu dương và xét đến con của hai người nếu đều cho làm hai đội miễn trừ thân thuế.

Xã Nộn Liễu: Thuộc huyện Nam Đường.

Xã Hà Hoàng: Thuộc huyện Thạch Hà.

Xã Gia Hộ: Nay thuộc huyện An Thành.

Núi Đại Huệ: Ở địa phận xã Sa Nam, huyện Nam Đường.

Đồn Quy Hợp: Xem Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII, 8).

Nam Đường: Tên huyện, thuộc tỉnh Nghệ An.

Đông Thành: Xem năm Cảnh Hưng thứ 20 (Chb. XLII, 5).

Kỳ Hoa: Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 7 (Chb. XXXVI, 27).

Thạch Hà: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 38).

Tháng 9. Trịnh Bồng tự lập làm nguyên soái yến đô vương.

Trước đây, Trịnh Khải bị thất bại rồi, thân thuộc là Trịnh Bồng lánh đến huyện Chương Đức, Trịnh Lệ lánh đến ở huyện Văn Giang, đều tự ý lén lút chiêu tập binh mã, để đợi cơ hội sơ hở (sẽ nổi lên). Gặp lúc quân Tây Sơn rút về, Trịnh Lệ bèn cùng người ngoại thích là Trương Tuân đem quân qua đò Thanh Trì, đến cung Tây Luông, Dương Trọng Khiêm, thiêm đô ngự sử, cũng đem hương binh đến họp, cùng nhau ủng hộ Trịnh Lệ vào phủ đường họ Trịnh, đương đêm, đánh trống trên lầu hội hợp trăm quan để lập Trịnh Lệ lên nối ngôi chúa, nhưng vì vội vàng, nên các quan không ai đến cả. Nhà vua được tin, hạ chiếu vặn hỏi Trọng Khiêm về cớ không xin mệnh lệnh, Trọng Khiêm xé tờ chiếu trước mặt sứ giả, rồi cùng Trịnh Lệ định mưu muốn hợp tập quân chúng để làm sự biến động. Gặp lúc ấy, Trịnh Bồng dâng tờ biểu xin về chầu, lời lẽ rất nhũn nhặn uyển chuyển, nhà vua bèn hạ chiếu triệu Trịnh Bồng. Bầy tôi trong triều thấy công việc của bọn Trọng Khiêm làm không thuận theo lẽ phải, nên đều bỏ Trịnh Lệ mà về với Trịnh Bồng. Khi Trịnh Bồng về đến cầu Nhân Mục, Trịnh Lệ sai Trương Tuân và Trọng Khiêm đem quân chống cự.

Lúc còn sinh thời Trịnh Sâm, Trọng Khiêm đã phát giác việc Trịnh Lệ mưu làm phản[1], nay sợ bị Trịnh Lệ quở trách, bèn ngầm sai gia tướng là Nguyễn Mậu Nễ đón đường xin đầu hàng về với Bồng. Việc này, Trương Tuân không biết gì cả. Khi Trịnh Bồng đi gần đến Kinh Thành, Trương Tuân thấy đường đằng trước đều là quân của Trọng Khiêm, nên quân của Trương Tuân bèn đổ vỡ lung tung. Tuân liền ủng hộ Trịnh Lệ chạy lên vùng Bắc. Còn Trịnh Khiêm lại e rằng không được nhà vua bao dung, nên không dám cùng Trịnh Bồng đều vào hoàng thành, cũng chạy lên Kinh Bắc.

[1] Xem thêm Chính biên quyển XLIII, tờ 9, 10.

Sau khi Bồng đã vào yết kiến, nhà vua yên ủi bội phần, muốn ban phong tước công và hậu cấp bổng lộc, mà không cho tham dự chính quyền. Bồng bèn họp quân đóng ở phủ đường họ Trịnh, dần dần chống lại với nhà vua. Triều thần e rằng khó có thể ức chế được, bèn bàn luận tâu xin nhà vua dựa theo tước vị lúc mới phong Trịnh Tráng (mà phong cho Bồng). Ý nhà vua không muốn phong như thế. Bồng lại vịn vào việc tần phong cũ. Nhà vua bèn sắc phong Bồng làm tiết chế thủy bộ chư quân, bình chương quân quốc trọng sự, thái úy. Côn quốc công, cấp cho 3.000 tên lính, 5.000 mẫu ruộng và 200 xã dân lộc, để phụng giữ việc tế tự nhà họ Trịnh. Hạ lệnh đem sắc thư ấy ban bố cho cả nước.

Lúc ấy, Đinh Tích Nhưỡng từ Hải Dương về kinh, muốn viện lệ phong tước vương cho Trịnh Bồng để tâng công với họ Trịnh. Triều đình cũng sợ thanh thế Tích Nhưỡng, nhân đấy, họ lại cùng nhau xin phong vương cho Trịnh Bồng. Nhà vua không chuẩn y, dụ bảo hai ba lần ở ngay trước mặt. Tích Nhưỡng cố xin mãi. Nhà vua nói: "Trước kia cơ nghiệp nhà ta giữa chừng đổ nát, chính quyền do trong tay họ Trịnh, việc tế tự thì về quả nhân[1]. Đấy là một thời kỳ. Nhưng nay lòng trời oán ghét họa loạn, phó thác quyền bính cho một mình ta. Một nước hai vua, có lẽ nào cứ giữ làm thể lệ được?". Cách mấy hôm sau, Tích Nhưỡng dàn quân ở cửa điện, rồi tự vào sân điện Vạn Thọ, lạy phục xuống đất cố xin, nhà vua cũng không y cho. Hoàng thân và các đại thần sợ sinh ra biến loạn, vừa khóc vừa kêu xin. Tích Nhưỡng lại cùng triều thần làm tờ biểu xin phong tước vương cho Trịnh Bồng mà chính quyền thì do nhà vua giữ. Nhà vua bất đắc dĩ y theo, bèn sai Nguyễn Du đem tờ sắc phong cho Bồng làm nguyên soái, tổng quốc chính, Yến đô vương.

Trịnh Bồng nhu nhược, lười biếng, không biết tự lập, chính sự đều xuất phát từ tay Tích Nhưỡng, bọn tiểu nhân đua nhau ton hót phụ họa. Ngay giữa ban ngày, thủ hạ ra sức cướp bóc dân cư gần kinh thành, không có hiệu lệnh ngăn cấm. Mọi người đều cho là không còn hy vọng gì cả. Về phần nhà vua cũng phòng bị nghiêm ngặt, rồi bí mật hạ tờ chiếu cho trong nước làm việc cần vương. Được tin Hữu Chỉnh chiếm cứ Nghệ An, nhà vua bèn sai viên quan văn chức là Bùi Dương Lịch làm chiêu dụ sứ các phủ Đức Quang và Hà Hoa, lẻn đi chiêu dụ và dò xét tình hình.

Lời phê-Sự thế đã cùng quẫn quá chừng, mà còn a dua phụ họa. Thái độ của tiểu nhân gớm thật! rất đáng sợ mà lại rất đáng ghét[2]!.

Lời chua-Nguyễn Du: Người xã Vân Xá, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785) năm Cảnh Hưng.

Bùi Dương Lịch: Người xã An Đồng, huyện La Sơn, khoa Đinh Mùi (1787) năm Chiêu Thống thứ nhất sau đây, Dương Lịch đỗ tiến sĩ.

Xã Nhân Mục: Thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội[3].

Đức Quang: Nay là phủ Đức Thọ, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Hà Hoa: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 2 (Chb. X, 35).

Trịnh Tráng: Lúc mới được phong là tiết chế thủy bộ chư doanh, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, thái úy, Thanh quốc công.

Truy tặng quan tước cho bọn Lý Trần Quán có đẳng cấp khác nhau.

Nhà vua hạ lệnh truy tặng Lý Trần Quán hàm thượng thư bộ Binh, cho tên thụy là Toàn Trung. Hoàng Đình Thể hàm thái tể, cho tên thụy là Hoàn Nghĩa, gia phong làm phúc thần. Còn bọn Nguyễn Trọng Đang, Vũ Tá Kiên và Ngô Cảnh Hoàn đều phong tặng có đẳng cấp khác nhau. Lại giết người dân bạo nghịch là Nguyễn Trang, bắt đem phanh thây để tế ở trước mồ Trịnh Khải.

Đổi định lại tên quan.

---

[1] Nghĩa đen chữ "quả nhân" là người ít đức. Vua chúa đời cổ dùng danh từ này để nói khiêm tốn.

[2] Chỉ việc Đinh Tích Nhưỡng viện lệ để xin phong vương cho Trịnh Bồng.

[3] Tục gọi làng Mọc. Nay là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Nhà vua muốn cải cách tệ cũ: Đổi tham tụng làm bình chương sự; bồi tụng làm tham tri chính sự; thiêm sai làm thiêm thư Su mật viện sự; chưởng phủ, thự phủ, quyền phủ làm sư đường. Thay đổi như thế để thu lấy quyền bính họ Trịnh. Mọi người bàn luận, chưa sao quyết định được. Còn Tích Nhưỡng thì đã trót xin nhà vua nắm chính quyền, nên không dám đem việc chính quyền thuộc về phủ họ Trịnh để thỉnh thác nữa.

Gặp lúc ấy, Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây vào bảo vệ kinh thành, Tích Nhưỡng bí mật cấu kết với Phùng Cơ, rồi tâu nói: "Nhà vua cùng phủ chúa gắn bó với nhau như thân thể con người. Nay mới định tên quan, cũng nên giữ lại một ít danh hiệu cũ. Vậy xin: bình chương kiêm tham tụng; tham tri kiêm bồi tụng; thiêm thư kiêm thiêm sai; chưởng phủ, thự phủ, quyền phủ kiêm gia ngũ quân đô đốc; nghị sư đường vẫn đặt ở ngoài cửa phủ đường. Sắp xếp như vậy để cho quen thuộc với tai mắt thần dân trong nước. Về chính trị, phàm có bàn luận việc gì, thì trước hết làm tờ khải trình chúa Trịnh, rồi sau tâu bày đầy đủ để xin nghị định quyết đoán. Như thế sẽ không trái với điển chương cũ". Nhà vua xem tờ biểu, giận lắm, nói: "Các người dùng văn từ hão huyền để lừa dối trẫm, cần gì còn phải xin lại nữa?". Phùng Cơ đem trăm quan phục mãi ở sân điện đình, không đứng dậy. Nhà vua biết rằng bọn Phùng Cơ đều không thể trông cậy được, bèn nhận lời tâu. Do đấy, Trịnh Bồng mới thân giữ chính quyền, bổ dụng Hoàng Phùng Cơ làm trung quân tả đô đốc chưởng phủ sự, Đinh Tích Nhưỡng làm đông quân hữu đô đốc thự phủ sự. Phan Lê Phiên làm bình chương sự. Bùi Huy Bích và Phan Cận làm đồng bình chương sự kiêm giữ chức tham tụng, bọn Ngô Trọng Khuê và Ninh Tốn làm tham tri chính sự kiêm giữ chức bồi tụng. Phàm liêu thuộc trong phủ chúa hết thảy vẫn giữ như cũ. Phan Lê Phiên và Bùi Huy Bích cố từ chối không nhận chức.

Trịnh Bồng lại sai người triệu Dương Trọng Khiêm ở Gia Lâm, Bồng bảo Trọng Khiêm rằng: "Nhà ngươi lúc mới vào kinh thành, liền lấy việc phò lập nhà chúa làm điều trước nhất, dầu việc ấy không thành công, mà khí thế nhà chúa lại phấn khởi lên được, đấy là công sức nhà ngươi. Nay việc nước rối ren, nhà ngươi nên về ngay để cùng giúp sức". Ngay ngày hôm ấy. Trọng Khiêm về đến kinh thành, Trịnh Bồng cho Trọng Khiêm giữ bộ Hộ coi công việc tài chính, thuế khóa.

Từ đấy, chính quyền trong nước lại về tay họ Trịnh, nhà vua rất tức giận, mọi việc đều giằng co hạn chế, trong triều rối beng, không biết thế nào là chuẩn định.

> **Lời chua**-Tả, hữu điếm: Trước kia Trịnh Cương đặt tả điếm và hữu điếm ở ngoài cửa phủ đường, để làm chỗ trăm quan tra khám kiện tụng. Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 12, 13).

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Bồng làm phản, đem quân vây hoàng thành. nhà vua triệu Nguyễn Hữu Chỉnh vào bảo vệ. Trịnh Bồng chạy sang Kinh Bắc.

Dương Trọng Khiêm sợ rằng nhà vua sẽ báo lại sự tức giận trước kia, bèn khuyên Trịnh Bồng đem quân vây chặt lấy hoàng thành, bắt giết người triều thần nào theo về với nhà vua, rồi bàn định lập vua khác. Trịnh Bồng theo lời, liền bí mật sai Nguyễn Mậu Nễ và Bùi Nhuận nhân đêm đem quân xâm phạm vào cung khuyết. Được tin biến động, nhà vua lập tức cho triệu hoàng thân đem quân lính đã mộ được, phân phối bố trí để phòng bị chống cự. Đề lĩnh Hoàng Phùng Cơ vốn không ăn cánh với Nguyễn Trọng Khiêm, vã lại nhà riêng ở trong hoàng thành, Phùng Cơ sợ rằng, nếu trong nội điện có xảy ra tai biến, sẽ đều phải mang tiếng xấu, liền đem quân bản bộ đuổi đánh. Mậu Nễ không dám tiến, vẫy quân rút lui. Nhà vua giận lắm, được tin Nguyễn Hữu Chỉnh mộ lính để bảo vệ, bèn ngầm thân viết thư để triệu Hữu Chỉnh.

Trước kia, Hữu Chỉnh theo Văn Nhạc trở về, rồi lưu lại ở Nghệ An, bèn nói thác ra rằng nhận được chỉ dụ bí mật của nhà vua, chiêu mộ binh dõng, ngày đêm luyện tập. Những hào mục sở tại nhiều người ghét Hữu Chỉnh, nhân đấy, họ ngầm suy tôn viên trấn thủ cũ là Bùi Thế Toại làm người đứng đầu, tụ tập quần chúng, rình lúc sơ hở, sẽ toan tính việc đánh Hữu Chỉnh.

Đến nay, Hữu Chỉnh nhận được mật chỉ, lập tức tung tờ hịch truyền ra các nơi, lấy danh nghĩa là tôn phò nhà Lê. Vì thế xa gần đều hưởng ứng, trong khoảng mười ngày, mộ được hơn vạn lính, đặt hiệu quân là Tứ đột và Tứ thành, bèn hội hợp đông đủ tướng sĩ, hẹn ngày xuất phát.

Bùi Thế Toại đón đánh Hữu Chỉnh ở Hoa Lâm, Thế Toại bị thua, bỏ chạy. Trịnh Bồng lại sai Lê Trung Nghĩa, đốc trấn Thanh Hoa, và Phan Huy Ích đốc thị, đem quân ra đánh. Quân hai bên gặp nhau ở xã Ngọc Giáp, huyện Ngọc Sơn, Trung Nghĩa đánh nhau, bị chết. Huy Ích bị bắt. Hữu Chỉnh vẫn coi thường Huy Ích, nên không thèm giết, mà mang đi theo, rồi thúc quân ồ ạt tiến lên.

Tin báo đến kinh thành. Đinh Tích Nhưỡng sợ lắm, từ biệt Trịnh Bồng đề về Hải Dương mộ quân, Bồng bèn cho Dương Trọng Khiêm giữ chức lưu thủ Thanh Hoa, đem quân chống cự. Khi Trọng Khiêm đi đến Bình Vọng, được tin Hữu Chỉnh đã sang qua sông Thanh Quyết, sợ hãi, vội chạy lên Vùng Bắc. Sau khi Tích Nhưỡng đã ra đi, nhà vua bí mật dụ bảo hào mục bản thổ đánh bắt. Tích Nhưỡng bị thua, rút về Hàm Giang để tự thủ. Hoàng Phùng Cơ lâm vào thế trơ trọi một mình, nên bỏ Trịnh Bồng mà chạy về Sơn Tây. Quân của Hữu Chỉnh kéo đến Thăng Long, Trịnh Bồng qua sông sang KInh Bắc, chạy đến xã Dương Xá, sau lại dời đến xã Quế Ổ.

Trước đây Trịnh Bồng cùng nhà vua tranh nắm chính quyền, có người nói với Bồn rằng: "Hữu Chỉnh ở Nghệ An, thế lực dần dà trở thành to mạnh, nên nhân ngay lúc này lòng người đương phấn khởi, thân cầm đại quân đi đánh, hễ diệt được Hữu Chỉnh, lấy lại Nghệ An thì có thể lập được công nghiệp trung hưng. Lúc ấy thành công trở về, quyền lớn quốc gia còn lọt vào tay ai được? Nay trong bụng không nghĩ đến giặc, mà hàng ngày chỉ nghĩ việc tranh quyền, vạn nhất Hữu Chỉnh lại kéo đến, sẽ lấy gì để mà chống cự? Trịnh Bồng không nghe lời, thành ra cuối cùng phải bại vong.

Hữu Chỉnh đến kinh thành, tướng của hắn là Hoàng Việt Tuyển cũng đem thủy quân đến, thanh thế binh lính rất lừng lẫy. Nhà vua ngự ra cung Tây Luông, thân hành duyệt binh, nhân đấy, hạ lệnh dẫn vào trong thành, phân phối bố trí nơi đóng quân.

Lời chua-Lê Trung Nghĩa: Hoạn quan, có một tên nữa là Mãn, người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn[1].

Phan Huy Ích: Người xã Thu Hoạch[2], huyện Thiên Lộc, là con Phan Cận, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) năm Cảnh Hưng. Sau này, Huy Ích thờ nhà Tây Sơn, làm quan thượng thư bộ Lễ.

Nguyễn Mậu Nễ: Người xã Kim Sơn[3], huyện Gia Lâm, đỗ hương cống.

Hoa Lâm: Tên xã, nay đổi là Nho Lâm, thuộc huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngọc Giáp: Tên xã, thuộc huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Dương Xá: Tên xã[4], thuộc huyện Siêu Loại.

Quế Ổ: Tên xã, thuộc huyện Quế Dương[5]-Dương Xá và Quế Ổ đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Sông Thanh Quyết: Thuộc địa phận xã Thanh Quyết, huyện Gia Viễn.

Tháng 12. Bổ dụng Nguyễn Hữu Chỉnh là Đại tư đồ, phong tước Bằng trung công.

Hữu Chỉnh vào chầu, nhà vua dụ bảo rằng: "Hiện nay giúp trẫm dẹp loạn, để đi đến thái bình, chỉ trông cậy vào nhà ngươi". Bèn bổ giữ chức Bình chương quân quốc trọng sự, Đại tư đồ, phong tước Bằng trung công; con là Nguyễn Hữu Du và thân thuộc là Nguyễn Khuê đều cầm quân, được phong tước hầu; tướng bộ thuộc là bọn Hoàng Viết Tuyển đều được thăng chức có từng đẳng cấp khác nhau.

---

[1] Tỉnh Thanh Hóa.

[2] Nay xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Nay là thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[4] Nay là xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[5] Nay là huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Lời chua-Nguyễn Khuê: Người xã Đặng Xá, huyện Chân Lộc[1]; là anh rể Hữu Chỉnh, khoa Đinh Mùi (1787) năm Chiêu Thống thứ nhất, sau đấy, Nguyễn Khuê đỗ tiến sĩ.

[1] Nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Chính Biên

Quyển thứ XLVII

Từ Đinh Mùi, năm Chiêu Thống thứ nhất (1787) đến Kỷ Dậu, năm Chiêu Thống thứ 3 (1789) đời Lê Mẫn Đế, gồm ba năm.

Đinh Mùi, Lê Mẫn Đế, năm Chiêu Thống thứ nhất (1787). (Thanh, năm Càn Long thứ 52).

Tháng giêng, mùa xuân. Làm lễ tế giao.

Theo thể lệ cũ, khi tế giao, xa giá nhà vua từ cửa Đại Hưng đi ra. Mở, đóng cửa này, do viên phủ doãn Phụng Thiên giữ chìa khóa.

Bấy giờ Nguyễn Bá Lan làm phủ doãn, theo ngự giá, nhưng đi sau. Kịp khi nhà vua về cung [phải chờ chìa khóa] hồi lâu không vào được. Triều thần muốn trị tội Bá Lan, nhưng nhà vua đặc cách tha cho.

Lời chua-Nguyễn Bá Lan: Người Cổ Linh[1], huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785) niên hiệu Cảnh Hưng.

Truy tôn hoàng khảo là cố thái tử[2] làm Hựu Tông hoàng đế, tôn mẹ là Nguyễn Thị làm hoàng thái hậu.

Tháng 2. Dùng Phan Lê Phiên làm bình chương sự; Trương Đăng Quỹ, Uông Sĩ Điển và Trần Công Xán làm đồng bình chương sự; Phạm Đình Dữ và Nguyễn Huy Trạc làm tham tri chính sự; Nguyễn Đình Giản làm phó đô ngự sử.

Nguyễn Hữu Chỉnh, sau khi đắc chí, dần dần tự mãn và kiêu căng. Nhà vua cho rằng vận nước đang gặp bước gian nan, nên đối với những việc bổ nhiệm quan chức và sắp đặt chính sự, phần nhiều cũng chiều theo ý cầu xin của Chỉnh.

Bọn Lê Phiên vì là chỗ ngày thường vốn thân thiết với Chỉnh, còn Sĩ Điển thì, trước kia, đầu hàng, nộp cho Chỉnh quả ấn binh bộ mà mình quản lãnh, vì vậy cũng được Chỉnh tin. Bấy giờ những người trên đây đều được tham dự chính quyền quan trọng là do ý muốn cắt đặt của Chỉnh cả.

Trước kia, Nguyễn Đình Giản nói với Trịnh Bồng, cực lực vạch trần Hữu Chỉnh về tội rước ngoại binh đến lật đổ nước nhà. Rồi Đình Giản thề rằng không chịu cùng sống với Chỉnh, xin trở về Thanh Hoa mộ quân để diệt thù cho nước. Dư luận tỏ ý khen lòng hăng hái của Đình Giản, nhưng Trịnh Bồng không cho phép. Đến đây, Chỉnh sợ không được người nước dung thứ, nên muốn dùng Đình Giản để thu phục lòng người, bèn sai mời Đình Giản bằng những lời lẽ rất khiêm tốn nhũn nhặn. Đình Giản nhận lời mời, vào kinh, được trao cho chức này.

Từ đây, uy quyền quá lừng lẫy, Chỉnh kéo bà con bè đảng, cắt đặt chia giữ các chức ở trong kinh đô và ngoài các trấn, việc gì cũng tự Chỉnh chuyên quyền quyết định cả. Chỉnh lại mở phủ cho co là Hữu Du ở tại phía đông dinh mình, bắt chước như lối chúa Trịnh xưa cho thế tử ra ở phủ riêng. Chỉnh kiêu ngạo lấn lướt, làm cho nhà vua dần dần phát chán.

---

[1] Nay là xã Long Biên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[2] Tức thái tử Lê Duy Vĩ.

Nhà vua bí mật bàn với bọn nội hàn Ngô Vi Quý: định vời Chỉnh vào hầu nơi tiện điện[1], bàn việc, rồi nhân dịp, đánh thuốc độc để giết đi. Một hôm, Vũ Trinh vào ra mắt, được nhà vua cho biết về việc này. Trinh cả sợ, nói: "Ai bày chước này cho bệ hạ thế? Tôi trộm lấy làm nguy đấy! Vì nay cường địch đang bức bách lăng loàn, những tin báo động ở nơi biên cương còn đang dồn dập gấp rút, triều đình chưa được hòa thuận, lòng người chưa được yên. Đáng lý ra bệ hạ nên dựa vào Chỉnh, dùng làm nanh vuốt, chứ sao lại bắt bóng dè chừng, chưa thấy hành tích lộ liễu, đã chực vội giết cường thần. Muôn một những kẻ dưới quyền của Chỉnh nổi lên gây biến thì xã tắc sẽ ra sao?". Nhà vua bừng tỉnh và thôi làm việc đã định.

Chỉnh mong manh biết chuyện, từ đó, luôn bỏ cả lễ triều yết nhà vua, buông thả cho những kẻ môn hạ muốn làm gì thì làm. Hào kiệt bốn phương do đó thất vọng. Đâu cũng nhộn nhạo nổi dậy, chẳng ai là không nêu cao danh nghĩa giết Nguyễn Hữu Chỉnh, nối lại dòng họ chúa Trịnh.

Lời phê-Tình thế đã đến như thế này, còn cứ nương tựa vào Chỉnh là thằng giặc tráo trở, lật lọng, khác nào chất củi lên giàn lửa thì còn phút nào được yên! Nhưng, các bầy tôi nhà Lê bây giờ không còn một ai là đáng nương cậy, ấy cũng đáng thẹn lắm lắm.

Lời chua-Nguyễn Huy Trạc: Người Đan Nhiễm[2], huyện Văn Giang.

Nguyễn Đình Giản: Người Vĩnh Trị[3], huyện Hoằng Hóa. Cả hai đều đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) niên hiệu Cảnh Hưng.

Phạm Đình Dữ: Người Kim Đôi[4], huyện Vũ Giàng, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) niên hiệu Cảnh Hưng.

Ngô Vi Quý: Người Tả Thanh Oai[5], huyện Thanh Oai.

Vũ Trinh: Người Xuân Quan[6], huyện Lang Tài, Quý và Trinh đều đỗ hương cống.

Tháng 3. Lại mở chế khoa.

Nguyễn Hữu Chỉnh tâu xin nhà vua phỏng theo lối thi sĩ tử bằng mười khoa do Tư Mã Quang đời Tống đã đặt, đặc cách mở chế khoa, sai triều thần từ tam phẩm trở lên ai nấy được đề cử người mình biết rõ, rồi cho vào cả sân rồng, làm bài đối sách. Bấy giờ có đến vài trăm người ứng thí. Nhà vua ban cho Trần Bá Lãm và Nguyễn Gia Cát được đỗ chế khoa xuất thân, ân điển cũng ngang như tiến sĩ. Lại cất nhắc Nguyễn Huy Túc và Nhữ Công Vũ lên bậc tiến triều, còn thì bổ chức viên ngoại lang, tri châu hay tri huyện. Thế là những người có tài học đều được cất dùng.

Bấy giờ nhà vua rất yêu chuộng văn học: cứ sáu ngày một lần cho giảng sách ở tòa Kinh Diên và một ngày một lần cho làm giảng sách ở viện Nội Hàn. Cung phụng Bùi Dương Lịch lại càng được vua yêu, ưu đãi hơn cả. Nhà vua thường vời Dương Lịch vào trong nội, giảng giải nghĩa sách và bàn luận văn chương không hề trễ nải.

Lời chua-Trần Bá Lãm: Người Vân Canh[7], huyện Từ Liêm.

Nguyễn Gia Cát: Người Xuân Cầu[8], huyện Văn Giang.

Nguyễn Huy Túc: Người Kim Lũ[1], huyện Thanh Trì.

---

[1] Chỗ điện riêng dành cho nhà vua cư trú và nghỉ ngơi trong lúc thường.

[2] Nay thuộc xã Văn Phúc, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

[3] Nay là thôn Vĩnh Trị, xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hoa.

[4] Nay là thôn Kim Đôi, xã Kim Chân, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

[5] Nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[6] Nay thuộc xã Lâm Thao, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[7] Nay là xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

[8] Nay là thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Nhữ Công Vũ: Người Hoạch Trạch, huyện Đường An[2].

Lối thi sĩ tử bằng mười khoa: Theo Cương mụa tục biên [Trung Quốc] thì năm Nguyên Hựu thứ 1 (1086) đời Tống Triết Tông, Tư Mã Quang xin đặt mười khoa để kén nho sĩ.

1. Có nết, có nghĩa một cách thuần tý và vững vàng, đáng làm thầy, nêu gương mẫu.

2. Có tiết tháo, chân phương, ngay thẳng, có thể giữ việc dâng lời can ngăn.

3. Có mưu trí và sức khỏe hơn người, có thể dùng làm tướng soái.

4. Thông minh, công bằng, ngay thẳng, có thể làm việc giám ty[3].

5. Tinh thông học thuật kinh sử, có thể dùng vào việc hầu vua giảng sách, đọc văn.

6. Học nhiều, biết rộng, có thể dùng làm cố vấn.

7. Văn chương vừa điển nhã, vừa đẹp đẽ, có thể làm việc trứ thuật.

8. Khéo xét xử hình ngục và kiện tụng, hết sức công bằng. tìm được sự thật.

9. Có tài về việc làm tài chính và phú thuế, khiến cho công và tư đều được tiện lợi.

10.Có kinh nghiệm, lão luyện về luật lệ và pháp lệnh, có thể xét đoán việc luận tội.

Mười điều trên đây điều được vua Tống ban chiếu nghe lời.

Lời phê-Người Tống phần nhiều háo danh, không có sự thật. Sao lại bắt chước?

Thu vét đồ đồng ở đền chùa các lộ để đúc tiền.

Kho tàng rỗng tuếch, không đủ tiếp tế đều đều mọi sự cần dùng cho việc quân. Các mỏ đồng ở thượng du lại bị thổ ty cản trở, thành thử không thu nộp được như trước. Hữu Chỉnh tâu xin thu vét hết tượng đồng ở đền chùa các lộ đem về kinh đô để đúc tiền "Chiêu Thống thông bảo".

Tháng 4, mùa hạ. Nguyễn Văn Nhạc xưng đế[4] ở Quy Nhơn.

Nguyễn Văn Nhạc, sau khi từ Thăng Long về[5], tự xưng là hoàng đế, đóng ở Quy Nhơn, phong em là Văn Huệ làm Bắc bình vương, đóng ở Thuận Hóa, giữ từ Quãng Nam trở ra Bắc; Văn Lữ làm Đông định vương, giữ Gia Định.

Lời chua-Quy Nhơn: Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 36 (Chb. XLIV, 24).

Thuận Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24).

Gia Định: Đất Thủy Chân Lạp xưa.

Nguyễn Văn Huệ sai tướng là Vũ Văn Nhậm đóng giữ Nghệ An.

---

[1] Tục gọi làng Lủ, nay thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Nay thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hưng Yên.

[3] Một chức quan ở các lộ đời Tống: làm chuyển vận sứ kiêm giữ cả việc giám sát về tư pháp.

[4] Nguyễn Văn Nhạc xưng vương, đặt niên hiệu là Thái Đức từ năm 1778, đến năm 1787 này mới xưng là hoàng đế.

[5] Văn Nhạc ra Thăng Long năm Bính Ngọ (1786) đem Văn Huệ cùng về Nam (Xem Chb. XLV, 27, 29).

Trước kia, Văn Nhạc về Nam, để tướng là Nguyễn Duệ ở lại trấn giữ Nghệ An. Kịp khi Văn Huệ có hiềm khích với Văn Nhạc, dùng binh lực đánh lẫn nhau, Duệ tự cho mình là tướng cũ của Văn Nhạc, e bị Văn Huệ làm hại, nên ngầm cấu kết với cựu tham nghị Nguyễn Đình Viện, sai lén tư thông với Hữu Chỉnh, hẹn cùng nhau chung sức để đánh Văn Huệ, sau khi công việc xong xuôi, sẽ giao trả Nghệ An (cho Hữu Chỉnh), mãi mãi kết tình láng giềng thân thiện với nhau.

Đình Viện đến cửa cung khuyết, nói ý đó với Hữu Chỉnh. Hữu Chỉnh chần chừ không trả lời.

Duệ sợ mưu ấy tiết lộ, bèn dặn Đình Viện đóng giữ Nghệ An, còn mình thì đi đường tắt trốn về với Văn Nhạc.

Nguyễn Thuyên bộ tướng của Duệ, ở Sa Nam, không theo Duệ, trở đánh Đình Viện. Viện cô thế, cùng các con là Ngọc Liễn, Ngọc Triệu, Ngọc Chấn và rể là Thiều Tôn Hiệp đều chiến đấu mà chết.

Văn Huệ thôi vây Văn Nhạc, rồi từ Quy Nhơn kéo quân về, sai người vời Hữu Chỉnh, nhưng Chỉnh từ chối không đến, lấy cớ rằng bốn trấn chưa yên. Văn Huệ cả giận, sai Vũ Văn Nhậm tiết chế các quân thủy và bộ, kéo ra đóng giữ Nghệ An; mộ binh lính, thu lương thực để tính việc lấy Bắc Hà.

Lời chua-Nguyễn Đình Viện: Người Mỹ Dụ, huyện Hưng Nguyên[1] đỗ hương cống.

Nguyễn Ngọc Liên: Đỗ hương cống, con Nguyễn Đình Viện.

Sa Nam: Tên xã, thuộc huyện Nam Đường[2], tỉnh Nghệ An.

Sai bọn hoàng thân đại tông chánh Duy Hiên, đồng bình chương sự Trần Công Xán và Hộ khoa cấp sự trung Ngô Nho đi sứ Tây Sơn.

Trước kia, Văn Huệ và Văn Nhạc dấy quân đánh nhau, nhà vua muốn nhân kẻ hở đó, thu phục lấy Nghệ An. Hữu Chỉnh vì cớ vợ con đều bị Văn Huệ giữ lại, nên chuyển ý chủ hòa. Nhà vua bèn sai sứ đem thư vào nói với Văn Huệ: Nghệ An là đất căn bản của sự nghiệp trung hưng, phần nhiều tướng mạnh binh rồng đều ra từ đó. Nếu một sớm bỗng gạt ra ngoài mà bỏ đi thì cố nhiên là điều không nỡ làm. Vậy nên yêu cầu Văn Huệ trả lại đất Nghệ An ấy. Triều đình bàn việc lựa người làm sứ giả, nhưng khó có ai.

Trần Công Xán, trước kia, là thầy học của Chỉnh. Khi Văn Huệ đến Thăng Long, Chỉnh đã dẫn Công Xán đến yết kiến, khi nói chuyện, được Văn Huệ rất vừa ý. Đến đây, Công Xán kiên quyết xin đi. Ngô Nho được cử đi cùng. Khi đến nơi, Văn Huệ xem thư, cả giận, hỏi đi vặn lại mãi, cuối cùng Công Xán vẫn không chịu khuất. Văn Huệ bèn giam bọn Duy Hiên và Công Xán vào ngục, sau đó ra lệnh cho trầm hà rồi báo cáo là khi sứ bộ quay về, thuyền đắm, chết đuối.

Lời chua-Duy Hiên: Con thứ sáu của Lê Ý Tông và là ông chú (tụng tổ thúc) của nhà vua.

Ngô Nho: Người Tri Chỉ, huyện Phú Xuyên[3], đỗ tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785) niên hiệu Cảnh Hưng.

Mồng 1, tháng 5. Nhật thực. Ban ngày sầm tối lại.

Chiều hôm ấy có nhật thực, đang ban ngày mà sầm tối lại, tinh tú xuất hiện.

Dương Trọng Khiêm bị giết.

Trước kia, Trọng Khiêm từ Bình Vọng chạy đi Lạc Đạo, cùng với cháu là Dương Vân và môn sinh là Nguyễn Mậu Nễ mộ quân ở Gia Lâm, đắp lũy từ Như Kinh đến Phú Thị, chia quân đóng giữ. Trọng Khiêm lại truyền hịch đi các huyện hẹn nhau cùng khôi phục cơ nghiệp chúa Trịnh. Hữu Chỉnh sai tướng

---

[1] Thuộc tỉnh Nghệ An.

[2] Nam Đường sau đổi Nam Đàn.

[3] Nay thuộc Hà Tây.

là bọn Hoàng Viết Tuyển đi đánh. Viết Tuyển lùa quân rầm rộ tiến lên, bốn mặt cùng bắn vào quân Trọng Khiêm. Bị bại trận, Trọng Khiêm đang đêm lẫn trốn, bị dân xã Ngọc Xá ở ấp bên cạnh bắt được, giải đến kinh đô. Nhà vua hạ chiếu kể tội Trọng Khiêm, đại lược nói: "Làm tôi mà phản vua, thì suốt vòng trời đất không đâu dong tha được; tội danh nó là giặc, thì người trong nước ai cũng có quyền giết đi". Rồi sai bắt Trọng Khiêm làm tù binh đem dâng ở nhà thái học, giết chết.

Lời chua-Lạc Đạo, Như Kinh, Phú Thị: Đều là tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh[1].

Ngọc Xá: Tên xã, nay đổi Yên Xá, thuộc huyện Cẩm Giàng[2].

Tháng 7, mùa thu. Tôn miếu hiệu vua Hiển Tông.

Tôn đặt tên thụy hoàng tổ khảo[3] là Vĩnh hoàng đế, miếu hiệu là Hiển Tông. Có người nói: nên đợi đến lúc đem thờ vào thái miếu, bấy giờ hãy đặt miếu hiệu. Phan Lê Phiên nói: "Việc nước bấy giờ chưa biết còn sẽ chuyển biến ra sao. Chính nhằm lúc này nên hãy cứ đặt miếu hiệu tiên đế cho được ổn định đi thôi". Do đấy sự bàn đặt miếu hiệu mới được quyết định, tâu xin nhà vua đứng làm.

Lời phê-Lời (của Phan Lê Phiên) rất đau đớn tha thiết!

Tháng tám. Nguyễn Hữu Chỉnh đánh nhau với Hoàng Phùng Cơ ở xã Đại Phùng: bắt được Phùng Cơ, giết chết.

Phùng Cơ ở Sơn Tây, mưu toan cất quân vào bảo vệ kinh thành, bèn truyền hịch đi các lộ Quảng, Quốc, nêu rõ danh nghĩa dấy quân để giết Hữu Chỉnh.

Hữu Chỉnh sai tướng là Nguyễn Duật đón đánh ở xã Đại Phùng, còn mình thì quản đốc đại quân đi tiếp chiến. Phùng Cơ giao phong với Nguyễn Duật. Duật kéo quân rút lui. Con Phùng Cơ là Gia, khuyên Phùng Cơ nên nhân đà thắng lợi, ruổi thẳng đến kinh thành; nhưng Phùng Cơ không nghe, nói: "Việc bắt Hữu Chỉnh, ta coi cũng như bắt một con nít thôi. Hãy tạm nghỉ, rồi đuổi cũng chưa muộn nào". Duật chạy được nửa đường, ngoái nhìn không thấy quân Phùng Cơ đuổi theo, liền thu quân, dàn thành trận thế mà tiến lên trước. Quân Phùng Cơ đương ăn, không kịp trở tay, đã tan chạy. Phùng Cơ cùng với con trai, trơ trọi trên mình voi, cố sức chiến đấu, bị quân của Duật bao vây khắp bốn mặt. Hữu Chỉnh lại ập đến, phất cờ thúc quân Thiết đột bắn tập trung vào Phùng Cơ. Từ trên bành voi nhào xuống, Phùng Cơ bị bắt và điệu về kinh đô. Khi sắp đem chém, nhà vua cho rằng Phùng Cơ, trước kia, có công đánh lui Mậu Nễ, nên cho Phùng Cơ được uống thuốc độc chết.

Lời phê-Hoàng Phùng Cơ cũng là đồ tráo trở đó thôi, sao gọi là danh tướng[4] được?.

Lời chua-Nguyễn Duật: Người Nộn Liễu[5], huyện Nam Đường.

Đại Phùng[6]: Tên xã, thuộc huyện Đan Phượng.

Quảng: Tức phủ Quảng Oai, xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chb. V, 38, 39).

Quốc: Tức phủ Quốc Oai. Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb. X, 16).

---

[1] Lạc Đạo, Như Kinh: Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Phú Thị: Nay thuộc xã phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[2] Thuộc tỉnh Hải Dương.

[3] Hiển Tông là ông nội đã qua đời của Lê Chiêu Tông, nên gọi là "hoàng tổ khảo".

[4] Tự Đức có ý nhắc lại để mỉa mai ở chỗ trên chép Hoàng Phùng Cơ là "danh tướng" (Xem Chb. XXXVIII, 40).

[5] Nay thuộc xã Nam Anh và xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[6] Nay là thôn Đại Phùng, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

Sai hoàng đệ là Duy Trù đánh Trịnh Bồng ở Đông Quan: Bồng chạu trốn.

Trước đây, Bồng chạy đi Quế Ổ, cùng với bọ cựu tướng Nguyễn Trọng Mại là chỗ ngoại thích, chia đồn cố giữ. Lại sai thuộc tướng là Đắc Vũ (không rõ họ) giữ lũy Đông Hồ để làm bình phong che đỡ.

Hữu Chỉnh sai bọn Nguyễn Như Thái đi đánh: Bồng bị thua, chạy đi Hải Dương. Đinh Tích Nhưỡng đưa Bồng lên làm bung xung, lại mộ quân ở miền ven biển như Hoa Phong, Vân Đồn, và Đồ Sơn, được đến vài vạn người và hơn trăm chiếc thuyền, tiến đóng ở Bắc Trạch thuộc Sơn Nam.

Trước kia, tình thế Trịnh Bồng ngày một cùng quẫn, có gởi thư cho bình chương Trương Đăng Quỹ: xin đến cửa cung khuyết để tạ tội. Đăng Quỹ đưa ý đó tâu nhà vua biết. Nhà vua sai Đăng Quỹ đạo nghinh sứ để đi đón Bồng. Bấy giờ Lân Dương hầu Phạm Đình Thiện cũng mưu tính đón Bồng để hiệu triệu hào mục, dấy quân đánh Hữu Chỉnh: thuyền bè san sát, ngược dòng sông tiến lên. Đăng Quỹ không đi đón được, phải quay về, Bồng lại sai người bí mật đem thư vào kinh đô, dặn bầy tôi cũ là Bùi Nhuận làm nội ứng. Việc này lộ liễu. Hữu Chỉnh tâu xin nhà vua cho giết Nhuận và sai Hoàng Viết Tuyển, trấn thủ Sơn Nam, đem nhiều quân và thuyền chiến đi đánh.

Khi Viết Tuyển kéo đến sông Ngô Đồng, thì Đình Thiện và Tích Nhưỡng đem các thuyền biển ra nghinh chiến. Gặp bấy giờ có gió đông nam thổi lộng, bọn Đình Thiện đỗ bộ, muốn nhân chiều gió xuôi để giao chiến, nhưng quân lính đều ô hợp, không có tinh thần chiến đấu. Khi đã lên cạn, quân lính tranh cướp lấy đường mà chạy, do đó quân đều tan vỡ. Viết Tuyển nhân đó đánh bại được địch; Tích Nhưỡng chỉ chạy được thoát thân.

Đình Thiện đem Bồng chạy đi Đông Quan. Hào mục ở đó là Trần Mạnh Khuông họp quân lại để tiếp ứng Bồng, rồi đem Bồng vào đóng đồn ở Bái Hạ, đắp lũy, đào hào, làm kế liều chết cố giữ. Bọn Viết Tuyển đi đánh vài tháng không hạ được. Tình thế trong quân Viết Tuyển hơi nao núng.

Đến đây, nhà vua bàn với Hữu Chỉnh: "Nay ta diệt trừ nạn lớn, dẹp yên được cả những bọn tiếm loạn, riêng còn Mạnh Khuông chiếm giữ thành lũy trơ trọi để làm ngang ngạnh. Các trấn tướng khác đều nhìn vào đó mà cân nhắc hơn kém đấy. Nếu chưa phá được huyện Đông Quan thì không lấy gì để khống chế và thu phục được thiên hạ".

Nhà vua bèn sai hoàng đệ Duy Trù đem thân quân cấm vệ đi đốc chiến và dùng nội hàn Bùi Dương Lịch làm tham tán việc quân.

Bọn Viết Tuyển hay tin Duy Trù sắp đến, e công lao sẽ không về mình, bèn cùng Nguyễn Như Thái hợp quân đánh kẹp lại. Bọn Viết Tuyển trèo lũy kéo lên: Mạnh Khuông phải chạy đi Tứ Kỳ. Viết Tuyển tung quân ra đốt và cướp, làm cho một dãy ven sông huyện Đông Quan trở thành đất trọc.

Bồng chạy đi Yên Quảng, rồi nhờ đậu ở Lạng Sơn. Bị thổ dân xua đuổi, Bồng trốn về Hữu Lũng, sau không rõ chung cục ra sao.

Lời chua-Nguyễn Trọng Mại: Người Quế Ổ, huyện Quế Dương[1], là dòng dõi Nguyễn Trọng Thân.

Phạm Đình Thiện: Người Bắc Trạch, huyện Chân Định, là dòng dõi Phạm Đình Sĩ; về sau, theo nhà vua chạy sang Thanh, ở lại Yên Kinh[2] 18 năm mới về, rồi bị bệnh, chết ở nhà.

Mạnh Khuông: Người Đông Quan, huyện Đông Quan[3].

Nguyễn Như Thái: Người Thượng Xá, huyện Chân Lộc[4], là con cháu sau của Cương quốc công Nguyễn Xí.

[1] Nay huyện Quế Dương hợp nhất huyện Võ Giàng thành huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Nay là Bắc Kinh, Trung Quốc.

[3] Nay là xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[4] Nay là xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Quế Ổ[1]: Tên xã, thuộc huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Đông Hồ[2]: Tên xã, thuộc huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh.

Sông Ngô Đồng: Ở xã Ngô Đồng, huyện Đông Quan.

Tổng Vân Đồn: Thuộc huyện Nghiêu Phong[3].

Ấp Bái Hạ: Thuộc huyện Thanh Quan[4].

Hoa Phong: Tức Nghiêu Phong[5], tên huyện, thuộc phủ Sơn Định.

Đông Quan[6]: Tên huyện, thuộc phủ Thái Bình.

Hữu Lũng[7]: Tức Cổ Lũng, tên huyện. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 31).

Tứ Kỳ: Tên huyện, xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb. XXX, 14).

Tháng 10, mùa đông. Lưu Tiệp, đốc trấn Cao Bằng, giết đốc đồng Nguyễn Hàn và tiêu diệt cả nhà Nguyễn Hàn.

Trước kia, Nguyễn Hàn nhận lãnh mật chỉ của nhà vua, chiêu dụ những người phiên mục ở trấn Cao Bằng. Lưu Tiệp lại vâng mệnh lệnh Trịnh Bồng, mộ sẵn quân lính, đợi để cử sự. Do đấy, trong một trấn chia làm hai đảng, coi nhau như thù địch. Tiệp ngầm sai kẻ phiên thuộc giả vờ làm phản, về bè với Nguyễn Hàn, còn mình thì đem binh chúng vây đánh doanh trại của Hàn. Hàn sai chạy ngựa trạm đưa thư cấp báo với triều đình về những biến cố đã xảy. Tiệp cũng tâu trình rằng Nguyễn Hàn làm phản. Triều đình bàn xin nhà vua dùng xu viện[8] Nguyễn Đình Tố và Nguyễn Huy Túc lên thay quản lãnh sự vụ trong trấn, và gọi bọn Tiệp về triều. Nhưng khi Tố chưa đến trấn Cao Bằng thì Hàn đã bị Tiệp giết chết, cả nhà Hàn đều bị hại. Sau đó, Tiệp đến kinh đô, gặp lúc đang loạn, nên việc này bỏ qua, không xét hỏi đến.

Lời chua-Lưu Tiệp: Người Nguyệt Áng[9], huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772) niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Hàn: Người Phú Thị, thuộc Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1779) niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Đình Tố: Là con Đình Bá, người xã Bình Dân[10], huyện Đông Yên. Đình Tố đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) niên hiệu Cảnh Hưng.

Tháng 11. Vũ Văn Nhậm cướp Thanh Hoa. Nhà vua sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân đi chống cự ở sông Thanh Quyết. Quân Hữu Chỉnh tan vỡ, chạy.

---

[1] Nay là thôn Quế Ổ, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

[2] Nay là thôn Đông Hồ, xã Sông Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

[3] Nay thuộc huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

[4] Nay là một phần huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

[5] Nay là huyện Cát Hải, T.P. Hải Phòng.

[6] Nay là một phần huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[7] Nay là Hữu Lũng, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

[8] Chức quan ở viện Xu mật.

[9] Nay là thôn Nguyệt Áng, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[10] Nay là thôn Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

Khi Văn Nhậm mới đến Nghệ An, mọi người bàn luận, cho rằng Văn Nhậm đem cánh cô quân vụt đến, ta nên gấp rút điều động số quân quan trọng, quyết đánh với Nhậm. Vả lại, cuộc thành hay bại là quan hệ ở một chuyến này. Ta đừng để cho địch lấy được Nghệ An rồi địch dựa vào đó mà mộ lấy quân lính, thu lấy lương thực, gây nuôi thế lực cho địch. Nguyễn Như Thái cũng cương quyết xin đi. Hữu Chỉnh lòng riêng vẫn sợ Văn Nhậm, lại vì vợ con hãy còn ở lại bên địch, nên muốn xuê xoa liệu chiều để đi đến chỗ nghị hòa, nhưng còn do dự, chưa quyết định.

Bấy giờ Văn Huệ lại sai tướng là bọn Ngô Văn Sở hiệp sức với Vũ Văn Nhậm cùng ra cướp Bắc Hà. Văn Nhậm khi qua Thổ Sơn, Nguyễn Duật, trấn thủ Thanh Hoa, không dám chiến đấu chống cự, phải lui giữ sông Trinh Sơn. Văn Nhậm tiến quân đóng ở bờ phía nam: trước hết hãy sai Văn Sở do đường Sơn Cước, lén qua sông Tất Mã, đánh úp phía sau quân của Duật: Duật bại trận, bị chết. Văn Nhậm thừa thắng, qua đèo Ba Dội, thẳng tiến đến bến đò Gián[1].

Hữu Chỉnh bèn ra hết quân tinh nhuệ ở bản đạo, lại điều bát hơn hai vạn quân ở các đạo khác, sai Nguyễn Như Thái làm tướng cai quản. Như Thái sai tướng khác giữ bến đò Gián, còn chính mình thì tự kéo đại quân đo đường tắt, đỗ ra bến Nghệ, đánh úp vào phía sau giặc. Bấy giờ Như Thái gặp tướng giặc là Quỳnh (không rõ họ) ở Điểm Xá, cùng nhau giao chiến, Như Thái bị đại bại, phải chạy đi Sơn Miêng, sau bị giặc bắt được, giết chết. Giặc bèn tiến đến sông Thanh Quyết.

Tin quân báo đến, kinh thành sợ hãi quá. Hữu Chỉnh vội vàng, bối rối, xin xuất quân để chống cự. Nhà vua ngự ở trong điện, trao cờ tiết mao và cây phủ việt cho Chỉnh và dụ bảo Chỉnh rằng: "Khanh đi chuyến này là quan hệ đến sự an nguy của xã tắc. Khanh gắng sớm lập được công lớn để yên ủi lòng trẫm". Hữu Chỉnh thưa: "Văn Nhậm không phải là tay địch thủ với thần. Thần chỉ xin đứng đốc chiến, sai một tì tướng đi hạ Văn Nhậm cũng đủ rồi".

Bấy giờ mới điều bát hết quân lính Thăng Long và tướng các đạo khác đều đặt thuộc quyền Nguyễn Hữu Chỉnh, tất cả hơn 30.000 người, đóng ở bờ bến sông Thanh Quyết, đắp lũy ven sông để làm kế cố thủ. Lại sai Hữu Du đem hơn 50 chiếc chiến thuyền chở hết các chiến cụ như đại pháo và hỏa khí đỗ ở cửa sông đối diện với giặc chỉ cách một con sông. Hữu Du dựa vào ven bờ, đỗ thuyền, không hề phòng bị một chút nào cả. Quân giặc, ban đêm, ngầm bơi sang, dùng thừng chão dài buộc thuyền (của quân Hữu Du) kéo qua bờ phía nam: mọi người trong thuyền sợ hãi chực trốn, nhưng không biết xoay xở ra sao. Họ tranh nhau nhảy xuống nước để chạy trốn. Bao nhiêu đại pháo trong thuyền đều bị giặc tước được cả.

Hữu Chỉnh bàn với các tướng, lui giữ Châu Cầu (kiều). Nửa đêm, nổi trống thu quân. Các quân hoảng sợ một cách vô cớ, do đấy đỗ vỡ tan tành, tranh nhau chạy trốn, giày đạp lẫn nhau. Khí giới nghi trượng quăng bỏ đầy đường. Hữu Chỉnh và Hữu Du chỉ kịp đem vài trăm quân chạy về Thăng Long.

Lời chua-Sông Thanh Quyết: Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 47 (Chb. XLVI, 39).

Thổ Sơn: Thuộc xã Vân Trai, huyện Ngọc Sơn.

Sông Trinh Sơn: Ở địa phận xã Trinh Sơn, huyện Mỹ Hóa.

Sông Tất Mã: Phần sông tiếp giáp ba huyện Thụy Nguyên, An Định và Vĩnh Lộc. Những huyện trên đây đều thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Đèo Ba Dội (Tam Điệp Sơn): Ở chỗ giáp giới Thanh Hóa và Ninh Bình.

Bến Gián (gián khẩu độ): ở địa phận xã Gián Khẩu.

Xã Điềm Xá: Thuộc huyện Gia Viễn.

Bến Nghệ: Ở trại Nghệ, xã Đại Hữu, huyện Gia Viễn. Những địa điểm trên đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

---

[1] Hán văn và Gián khẩu độ. Nay, thuộc Ninh Bình.

Châu Cầu (kiều): Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL.1).

Tháng 12. Nhà vua chạy đi Kinh Bắc. Vũ Văn Nhậm vào giữ thành Thăng Long.

Tin quân Hữu Chỉnh tan vỡ vừa báo đến, thì nhà vua bàn muốn đi về phía tây: do đường thượng đạo rút vào Thanh Hoa, giữ lấy chỗ hiểm yếu để toan tính việc khôi phục.

Nửa đêm, Hữu Chỉnh từ Thanh Quyết về. Nhà vua sai vời đến mấy lần, nhưng Hữu Chỉnh không đến, chỉ bí mật ủy thác cho tham tri chính sự Nguyễn Khuê vào tâu mời nhà vua đi sang Kinh Bắc và nói: "Nguyễn Cảnh Thước ở Kinh Bắc là người hùng mạnh và có mưu lược, đáng tin cậy, ta hãy giữ lấy Kinh Bắc làm thế thủ, vì tại đó có thành bền vững, có sông Cái ngăn cách. Rồi kịp kêu gọi lấy quân Cần Vương thì có thể bắt thông khí mạch với các xứ: trên từ Thái Nguyên, Sơn Tây, dưới đến Hải Dương và Sơn Nam, chẳng bao lâu đại binh có thể tập hợp lại, rồi sau ta sẽ liệu thời cơ mà hành động, bấy giờ mới có thời kỳ hưng phục được". Nhà vua nghe theo.

Sáng hôm sau, nhà vua sai hoàng đệ Duy Trù hộ tống hoàng thái hậu, hoàng phi, nguyên tử[1] và cung tần đi trước. Khi sắp ra đi, nhà vua có đến nhà tẩm miếu, khóc, lạy. Bấy giờ các bầy tôi thị vệ đều lén tản đi. Nhà vua lo sợ, không biết tính chước ra sao. Thị thần Bùi Dương Lịch rảo bước đến trước, tâu rằng: "Hữu Chỉnh dẫu thua trận, vỡ quân, nhưng thủ hạ còn nhiều, người ta còn biết sợ, vậy xin nhà vua truyền chỉ dụ, sang bên nhà Chỉnh, ép Chỉnh đi theo hộ giá, rồi lâm thời sẽ kêu gọi mọi người, chắc rằng còn chưa đến nỗi đơn chiếc trơ trọi". Nhà vua cho là phải. Dương Lịch lại sai người đứng ở sân rồng, lớn tiếng tuyên lời chỉ dụ; thị vệ bấy giờ mới lại dần dần nhóm lại.

Nhà vua cùng bọn nội thần là Nguyễn Quốc Đống và Nguyễn Khải đi đến nhà Hữu Chỉnh. Chỉnh vội vàng khóc lạy, đón ngự giá, đặt chiếc giao ỷ ở chính gian giữa trong nhà. Nhà vua vào, dụ bảo Chỉnh đi theo hộ giá. Chỉnh nhân đó sai Hữu Du đi trước hầu xa giá. Giây lát, Chỉnh thu lượm được vài nghìn quân đã tan tác, hộ vệ nhà vua qua sông, sang Bắc.

Lúc chiều tà, giặc vào chiếm cứ thành (Thăng Long), tung quân cướp bóc thả cửa: thành thị phố xá hết sạch sành sanh.

Lời chua-Nguyễn Quốc Đống: Người xã Tỳ Bà, huyện Lang Tài[2], là anh của hoàng phi[3].

Nguyễn Khải: Người xã Hương Mặc, huyện Kỳ Anh[4].

Nguyễn Cảnh Thước, trấn thủ Kinh Bắc, làm phản. Nhà vua chạy đi Yên Dũng. Tri huyện Nguyễn Thảng và thổ hào Dương Đình Tuấn đem quân và dân đến hộ giá. Nhà vua bèn đi Yên Thế[5].

Nhà vua đến Kinh Bắc. Trấn thủ, Nguyễn Cảnh Thước, trước đó, đã bí mật đầu hàng giặc; đến nay, đóng cửa thành, cáo bệnh, không ra đón tiếp. Nhà vua và Hữu Chỉnh bối rối, vội qua đò sông Nguyệt Đức[6]. Đi theo nhà vua chỉ còn 6, 7 người văn thần là bọn Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dữ, Chu Doãn Lệ, Trương Đăng Quỹ và Vũ Trinh mà thôi. Cảnh thước tung thủ hạ ra chặn đường, cướp bóc những kẻ đi theo ngự giá. Chúng lại đuổi theo để cướp áo bào nhà vua. Nhà vua rớt nước mắt, phải cởi ra, trao áo cho chúng. Khi nhà vua qua huyện Yên Dũng, Nguyễn Thảng, tri huyện huyện ấy, tuổi đã 60, đem binh chúng hộ giá, xin giữ sông Xương Giang làm căn cứ bền vững, lại xin giết Cảnh Thước và giữ lấy Kinh Bắc để toan tính công cuộc khôi phục. Nhà vua khen là hăng hái, phong Thảng là lại khoa cấp sự trung. Liền đó, sai hoàng đệ Duy Chi đem thị thần Lê Quýnh và tôn thất tất cả hơn 30 người rước thái

[1] Con cả của Lê Chiêu Thống.

[2] Nay là thôn Tỳ Bà, xã Phú Hòa, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[3] Tên là Nguyễn Thị Kiêm.

[4] Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

[5] Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

[6] Tức sông Cà Lồ.

hậu và nguyên tử đi Cao Bằng, vẫn cứ nắm quyền thống trị hai trấn Cao Bằng và Thái Nguyên, tụ tập vỗ về các phiên thần để thúc đẩy họ cố gắng trổ sức làm việc cần vương.

Nhà vua tiến phong Yên Thế. Dương Đình Tiấn, thổ hào Mục Sơn, đem quân và dân đi lạy đón nhà vua ở bên đường. Trước kia, Đình Tuấn là tay hào phú, nổi lên làm trùm sỏ một lộ Lạng Giang; những kẻ trốn tránh đều dựa vào Đình Tuấn và lấy đó làm tổ ẩn núp. Triều đình bỏ qua, không xét hỏi. Đến đây, có chiếu chỉ cần vương. Đình Tuấn lấy làm cảm kích, vâng mệnh lệnh đến trước để bảo vệ, được nhà vua đặc cách phong là Bình khấu tướng quân để khen thưởng.

Lời chua-Chu Doãn Lệ: Người làng Dục Tú[1], huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Thảng: Người làng Gia Thụy[2], huyện Gia Lâm, đỗ hương cống.

Lê Quýnh: Người làng Đại Mão[3], huyện Siêu Loại, là con Lê Doãn Giản, sau theo Mãn Đế chạy sang nhà Thanh 18 năm, Quýnh giữ được nguyên vẹn đầu tóc mà về nước, rồi chết ở nhà.

Dương Đình Tuấn: Người làng Dương Lâm[4], huyện Yên Thế, nhiều lần cự chiến với giặc Tây Sơn, sau nhân bị bệnh, chết.

Nguyễn Cảnh Thước: Người Đô Lương, huyện Nam Đường[5], là dòng dõi Tấn Quốc công Nguyễn Cảnh Mô.

Sông Nguyệt Đức[6] : ở giữa hai huyện Vũ Giàng và Việt Yên. Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 6 (Chb. XXXVI, 21, 22).

Xương Giang: Có tên nữa là sông Thọ Xương hoặc sông Nhật Đức, ở giữa hai huyện Yên Dũng và Bảo Lộc, dưới thông với sông Bạch Đằng rồi đổ ra biển.

Lạng Giang: Tức châu Lạng Giang xưa. Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Yên Dũng, Yên Thế: Tên hai huyện, đều thuộc tỉnh Bắc[7].

Mục Sơn[8]: Tên xã, thuộc huyện Yên Thế.

Giặc xâm phạm xã Mục Sơn. Nhà vua tự cầm quân để chống cự lại, nhưng bị thua. Nguyễn Hữu Chỉnh bị giặc bắt và giết chết.

Nhà vua đóng ở Mục Sơn. Nguyễn Văn Hòa, bộ tướng của giặc, đuổi kịp. Nhà vua, để cổ võ các tướng sĩ, thân chinh cầm quân, ra cự chiến. Nhưng rồi theo lời các bầy tôi can ngăn, nhà vua kìm ngựa đứng ở sau mặt trận, sai Bùi Dương Lịch và Nguyễn Thảng tiến lên trước để đốc chiến. Dương Đình Tuấn giữ ở bên tả núi, Nguyễn Hữu Chỉnh giữ ở bên hữu núi, quân giặc dàn trận tại cánh đồng ở giữa. Đình Tuấn xuống núi để xung kích. Văn Hòa bí mật chia một toán quân cho đi vòng ra phía sau núi, đánh úp: quân Hữu Chỉnh rối loạn, tự tan vỡ; Đình Tuấn thua chạy, hai con (không rõ tên) của Đình Tuấn đều chết ở trận. Hữu Du cố sức chiến đấu, giết được hơn mười người rồi chết tại trận. Thị sư[9] Nguyễn Khuê cũng

[1] Nay là thôn Dục Tú, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội.

[2] Nay là thôn Gia Thụy, xã Gia Thụy, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[3] Nay là thôn Đại Mão, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

[4] Nay là thôn Dương Lâm, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

[5] Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

[6] Sông Cà Lồ.

[7] Nay hai huyện này đều thuộc tỉnh Bắc Giang.

[8] Nay là thôn Mục Sơn, xã Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

[9] Một chức quan có nhiệm vụ trông coi quân lính đánh trận.

chết ở trong vòng loạn quân. Hữu Chỉnh thua chạy, bị giặc bắt được vì ngựa què. Đình Tuấn thu lượm các quân còn sót lại, hộ vệ nhà vua chạy đi sơn trại Bảo Lộc. Các bầy tôi khác đều tan tác, không biết nhà vua ở đâu.

Văn Hòa điệu Hữu Chỉnh về Thăng Long. Văn Nhậm kể tội Hữu Chỉnh là kẻ bất trung, sai xé xác Hữu Chỉnh ở cửa thành để rao cho mọi người biết.

Lời phê-Hữu Chỉnh chết theo nạn nước, còn hơn các người họ Trịnh nhiều lắm.

Nguyễn Viết Khang đánh bại quân giặc ở Lục Giang, rồi tiến vây tướng giặc tên là Quỳnh ở Hiến Doanh, nhưng không hạ được. Sau đó, Viết Khang rút quân về Vị Hoàng.

Sau khi Hữu Chỉnh đã thua, thuộc tướng là Hoàng Viết Tuyển vì có vợ con đều để làm con tin ở nơi giặc, nên cứ đóng quân yên một chỗ, không nhúc nhích, định tâm đợi Văn Huệ đến, sẽ xin đầu hàng.

Nguyễn Viết Khang, trấn thủ Yên Quảng, được tin Thăng Long thất thủ, bèn đem chu sư đến Sơn Nam hội với Viết Tuyển, tôn viết Tuyển làm thống soái, họp quân lại để đánh giặc. Viết Tuyển chần chừ, không quả quyết. Viết Khang rút gươm, gào khóc, nói: "Kinh thành thì thất thủ, vua cha thì lặn lội trong đám bụi trần: ấy là lỗi ai? Hiện nay, dưới quyền tướng quân, những người bộ hạ đều có lòng hăng hái, vậy không đánh còn đợi gì?" Tướng tá của Viết Tuyển cũng hầm hầm trừng mắt nhìn. Bất đắc dĩ, Viết Tuyển bèn cùng Viết Khang kéo quân từ Vị Hoàng đến cửa Luộc (Lục Giang).

Bấy giờ, tướng của giặc, tên là Quỳnh, đóng giữ Hiến Doanh, được tin bọn Viết Tuyển sắp kéo đến, bèn đem cả hơn 200 chiếc vừa chiến thuyền vừa thương thuyền vừa tước được, lùa hết bộ binh xuống thuyền để nghênh chiến. Bọn Viết Tuyển chia thuyền biển làm mười hàng, đầu thuyền đặt khẩu pháo lớn luân chuyển lần lượt cùng bắn ra, phá hoại luôn được hơn mười chiếc thuyền địch. Giặc cố sức đánh, không chịu lui. Viết Khang nhân chiều gió thuận, buồm giương căng, thẳng xông sang phía thuyền địch. Thuyền địch nhỏ, đều chìm đắm, quân địch đổ vỡ tan tành, bỏ hết thuyền bè và khí giới, nhào xuống nước lẫn trốn. Quỳnh chỉ kịp chạy được thoát thân, chạy về Hiến Doanh, đóng cửa lũy, cố thủ.

Bọn Viết Tuyển chia quân ra đánh. Thanh thế quân sĩ rất lừng lẫy. Ở Sơn Nam nhiều hào kiệt đều hưởng ứng và dân chúng đều cung đốn tiền của, lương thực để giúp vào việc quân.

Văn Nhậm được tin Quỳnh thua, kéo đại binh ở Thăng Long đến cứu viện, đắp thêm lũy ở đê sông Nhị, hồ Bán Nguyệt, vạn[1] Xích đằng để phòng thủ. Viết Tuyển vây đánh mãi không hạ được.

Có người khuyên Viết Tuyển: "Giặc từ sau khi thua trận ở sông Luộc (Lục Giang), thuyền bè mất sạch; chúng ta riêng nắm được thế thuận lợi ở trong sông lớn. Bây giờ, chia bằng ta để một tướng ở lại đây để kìm chân giặc Quỳnh khiến chính hắn phải tự lo lấy việc phòng thủ. Còn tướng quân thì thân hành đem đại đội chu sư, tiến lên chiếm giữ bờ phía Bắc bên thành Thăng Long, cắt lấy nửa đất trung nguyên, Như thế thì các hào kiệt vùng đông bắc tự nhiên đều hưởng ứng, đất đai trong mấy trấn có thể không đánh mà bình định được. Bấy giờ mới đón rước thiên tử[2], kiến lập triều đình, có thể làm xong việc lớn. Nếu tướng quân chỉ ngồi giữ Sơn Nam, đánh vào chỗ chắc của địch, uổng phí ngày giờ, làm hao sức quân, tốn kém tiền của: thế là tự mình thắt bó sức mình lại, chứ không phải là kế hay đâu".

Viết Tuyển không cho những lời nói đó là phải, lại tăng thêm quân để đánh Quỳnh. Quỳnh đóng cửa lũy, cố thủ. Đánh đến vài tháng. Viết Tuyển không hạ được.

Gặp bấy giờ Văn Nhậm sai một tướng khác từ Thăng Long, do đường bộ Châu Cầu đi tắt xuống Vị Hoàng để vây vòng lấy phía sau Viết Tuyển. Lại sai Chiêu viễn tướng quân Nguyễn Dũng đem quân từ Hải Dương đánh chiếm lấy các phủ Thái Bình, Tiên Hưng. Viết Tuyển sợ rằng một khi đường bộ nếu mất vào tay địch, thì thủy quân khó lòng giữ vững một mình. Viết Tuyển bèn rút quân về Vị Hoàn, cầm cự với địch.

---

[1] Làng dân chài ở nơi sông nước.

[2] Chỉ Lê Chiêu Thống.

Lời chua-Nguyễn Viết Khang: Người Phúc Thọ[1], huyện Chân Lộc.

Nguyễn Dũng: Người Đan Giáp, huyện Thanh Miện[2].

Sông Luộc (Lục Giang): Xem năm Cảnh Hưng thứ 47 (Chb. XLVI, 19).

Hiến Doanh: Xem Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu[3], thứ 6 (Chb. XXXLVIII, 39).

Đê sông Nhị, hồ Bán Nguyệt, vạn Xích Đằng: Đều ở huyện Kim Động thuộc tỉnh Hưng Yên.

Vị Hoàng: Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 10 (Chb. XXXVII, 9).

Mậu Thân, năm thứ 2 (1788). (Thanh, năm Càn Long thứ 53).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở huyện Gia Định.

Nhà vua từ sau trận thua ở Mục Sơn, lẩn quất đóng ở sơn trại Bảo Lộc. Dương Đình Tuấn đem binh chúng đi theo hộ giá, lại lùa dân phu Yên Dũng giữ sông Nguyệt Đức[4]. Vũ Văn Nhậm tiến quân đi đánh và phá tan được, bắt được em Đình Tuấn, là Lung, nhưng không giết, sai đem thư đi chiêu dụ Đình Tuấn. "Tự hoàng[5] là do nhà ta[6] lập lên, nay bị Hữu Chỉnh đem đi cùng chạy. Tự Hoàng bèn sinh lòng ngờ vực mê man mà không biết quay lại. Nếu bây giờ Tự hoàng biết ăn năn, quay lại trước, thì còn có thể chữa lại lối cũ; bằng thẳng thế, ta sẽ kiếm một người khác làm giám quốc, đứng chủ việc thờ cúng, thì Tự hoàng không còn có ngày quay xa giá về được nữa và các người cũng sẽ như cây rừng mắc vạ lây[7] đấy". Văn Nhậm lại trách cứ Đình Tuấn phải đem nhà vua nộp cho mình.

Biết được việc này, nhà vua sợ Đình Tuấn nhị tâm, bèn sai bọn Phạm Đình Dữ và Trương Đăng Quỹ ai nấy trở về quê mình chiêu mộ binh lính còn nhà vua thì cùng Nguyễn Đình Giản lén đi huyện Gia Định. Bấy giờ chỉ có Nội hàn viện là bọn Vũ Trinh, Ngô Chí và Trần Danh Án mấy người đi theo ngự giá mà thôi.

Lời chua-Ngô Chỉ: Con Ngô (Thì) Sĩ, người Tả Thanh Oai[8], huyện Thanh Oai.

Trần Danh Án: Người Bảo Triện[9], huyện Gia Bình, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1787) niên hiệu Chiêu Thống.

Gia Định[10]: Tên huyện, tức Gia Bình. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chb. III, 34).

Bảo Lộc[11]: Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 9[1] (Chb. XL. 29).

---

[1] Nay là xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

[2] Nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

[3] Cương mục in lầm là Vĩnh Trị.

[4] Sông Cà Lồ.

[5] Chỉ Lê Chiêu Tông.

[6] Chỉ nhà Tây Sơn.

[7] Nguyên văn là "diên lâm chi họa", do chữ trong sử Nam Bắc Triều: "Sở quốc vong viên, họa diên lâm mọc", nghĩa là nước Sở mất vượn, vạ lây đến cây trong rừng. Đây ý nói nếu Đình Tuấn để Chiêu Thống trốn mất thì sẽ bị tai vạ hình phạt nguy đến thân!

[8] Nay là xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[9] Nay thuộc xã Nhân Thắng, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[10] Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Giang.

[11] Nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Yên Dũng: Xem Lê Chiêu Thống, năm thứ 1 (Chb. XLVII, 19).

Tháng 2. Nhà vua đi Chí Linh. Thổ hào các xứ đông bắc là bọn Trần Quang Châu và Hoàng Xuân Tú dấy quân cần vương.

Bấy giờ, nhà vua ở huyện Gia Định, rồi lại dời xa giá đi Chí Linh. Các thổ hào ở các đạo đông bắc, như bọn Trần Quang Châu ở Gia Định, Trần Đĩnh và Hoàng Xuân Tú ở Chí Linh, Vũ Dung ở Tứ Kỳ, Nguyễn Thế Hiến và Nguyễn Hữu Tế ở Thanh Hà cùng với Vũ Trí Hanh ở Phượng Nhãn đều đem nghĩa binh đón tiếp ngự giá đóng ở Thanh Hà, chia đồn đóng quân để phòng thủ. Nhà vua sai Vũ Chiêu làm tuyên dụ sứ đi vỗ về, yên ủi họ.

Giặc đánh Thanh Hà, lại chia quân đánh Gia Định và Phượng Nhãn để cắt đứt đường viện trợ của Quang Châu và Trí Hanh. Thế Hiến và Trí Hanh cố sức chiến đấu, đều chết trận.

Giặc vây huyện Gia Định, Quang Châu đem quân cảm tử xông ra đánh, cả phá được địch. Giặc sợ, phải rút, nhưng còn chia quân đóng giữ ở Phao Sơn; mặt khác lại điều động quân thủy từ sông Lục Đầu đỗ xuống, nương tựa lẫn nhau với quân trên bộ để làm cái chước quyết định đánh được. Xuân Tú nhân ban đêm, đem vài chục chiếc thuyền chài chở đồ dẫn hỏa, lén đến gần quân giặc, vừa đánh trống vừa hò reo, phóng hỏa; quân giặc hoảng sợ, chạy tán loạn.

Các đạo nghĩa binh bấy giờ chỉ có Quang Châu được kể là đánh khỏe hơn cả. Nhà vua thường khen Quang Châu rằng: "Hăng hái thay, thực xứng đáng là ông tướng". Nhân đó, ban tước cho Quang Châu là Định vũ hầu.

Lời chua-Trần Quang Châu: Người Phù Than[2], huyện Gia Bình, sau đánh nhau với giặc Tây Sơn, bị bắt, không chịu khuất phục, chết. Năm Gia Long thứ 1 (1802) lục dụng con của Quang Châu làm hạng viên tử.

Hoàng Xuân Tú: Người Kiệt Đặc, huyện Chí Linh[3], đỗ hương cống, khoảng niên Gia Long (1802-1819) làm đến tham hiệp Kinh Bắc.

Trần Đỉnh: Người Điền Trì, huyện Chí Linh, là con Trần Tiến.

Nguyễn Thế Hiển: Người Cập Thượng, huyện Thanh Hà[4].

Nguyễn Hữu Tế: Người Tiền Liệt, huyện Thanh Hà.

Vũ Trí Hanh: Người Đan Hội[5], huyện Phượng Nhãn.

Vũ Chiêu: Con Vũ Miên.

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Tứ Kỳ, Thanh Hà: Đều xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb. XXX, 14).

Gia Định: Tên huyện, tức Gia Bình. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chb. III, 34).

Phượng Nhãn: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 32, 33).

Phao Sơn: Tên xã, thuộc Chí Linh. Xem Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 36).

---

[1] Cương mục in lầm là năm thứ 10.

[2] Nay là thôn Phù Than, xã Cao Đức, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

[3] Tỉnh Hải Dương.

[4] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[5] Nay là thôn Đan Hội, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Sông Lục Đầu: Có tên nữa là sông Bình Than, ở huyện Chí Linh thuộc Hải Dương chỗ giáp giới với các huyện Phượng Nhãn, Yên Dũng[1], Quế Dương và Gia Bình thuộc Bắc Ninh.

Hoàng thân Duy Trọng và Duy Phác dấy quân ở Thanh Hoa.

Bọn Duy Trọng về Thanh Hoa, dấy binh, được phiên tù[2] là quận Bằng (không rõ tên, họ) và thổ hào là Nhâm Vũ (không rõ họ) đều hưởng ứng. Tên Khương (không rõ họ), đô đốc giặc, đem quân đến bao vây và bức bách. Trọng giao chiến và chém được Tương, rồi sai sứ giả đi đường tắt đến chỗ hành tại[3] để báo nhà vua biết tin thắng trận.

Lời chua-Duy Trọng và Duy Phác: Đều là con Lê Ý Tông, sau không biết chung cục ra sao.

Đinh Tích Nhưỡng làm phản, đem quân bức bách ngự giá. Nghĩa dân là bọn Trần Đĩnh và Hoàng Xuân Tú đánh phá được Tích Nhưỡng.

Trước kia, Tích Nhưỡng theo Trịnh Bồng nổi loạn, từ sau trận thua ở Ngô Đồng, trốn về Đông Triều. Đến đây, được tin nhà vua ở Chí Linh, Tích Nhưỡng bèn sai đồ đảng là Trần Liên đầu hàng giặc, đưa giặc đến bao vây và bức bách nhà vua ở hành tại, định mưu bắt cóc ngự giá. Nhà vua xuống chiếu ôn tồn dụ bảo, nhưng chúng không chịu lui, cứ vây và đánh đến hơn một tháng. Nghĩa dân Hải Dương là Trần Đĩnh và Hoàng Xuân Tú đốc suất hương binh[4] nhân kẻ sơ hở, ập đến đánh úp, chém được các em Đinh Tích Nhưỡng là bọn Đinh Vũ Sầm, Đinh Vũ Kính; Tích Nhưỡng chỉ kịp chạy được thoát thân.

Do đấy, vòng vây mới phá được.

Lời phê-Tấm lòng trung nghĩa là gốc từ tính trời mà ra, chứ không cứ là người đó có làm quan, hưởng lộc hay không. Lắm kẻ quyền cao chức trọng, lúc thường thì gian tham hà lạm, lúc có biến cố thì tráo trở phản trắc: thế là không bằng loài chim muông, còn đếm xỉa làm gì nữa.

Lời chua-Ngô Đồng: Tên xã. Xem Lê Mẫn Đế, năm Chiêu Thống thứ 1[5] (Chb. XLVII, 12).

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 25).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Nhà vua đi Thủy Đường.

Quân giặc ngày càng bức bách. Bọn Trần Quang Châu và Hoàng Xuân Tú ngày đêm chống cự và chiến đấu. Trí Hanh và Hữu Tế đều chiến đấu mà chết. Nhà vua bèn dời xa giá đi Thủy Đường.

Nhà vua đi Vị Hoàng để úy lạo quân sĩ.

Bấy giờ nhà vua long đong, hết xuống Đông lại sang Bắc, đến đâu cũng được hào kiệt và nghĩa binh ở đó theo như về chợ, nhưng những người theo đó đều là các con em nơi hương thôn, không quen chiến đấu trận mạc, hễ gặp giặc thì liền thua. Được tin Viết Tuyển ở Sơn Nam, thanh thế lừng lẫy, nhà vua muốn đi đến để nương nhờ Viết Tuyển. Gặp lúc ấy Viết Tuyển cho người ruổi ngựa đến tâu xin nhà vua để úy lạo quân sĩ để tác động tinh thần của họ, nhà vua bèn từ Thủy Đường vượt biển đi Chân Định. Viết Tuyển thân hành đi đón và yết kiến. Nhà vua vỗ về yên ủi càng hơn, rồi tiến đóng ở Vị Hoàng.

---

[1] Phượng Nhãn và Yên Dũng nay thuộc Bắc Giang.

[2] Tù trưởng ở biên giới.

[3] Nơi nhà vua ở khi đi tuần du (theo ý nghĩa trang trọng lúc bình thì). Thực tế ở đây thì là ở chỗ lánh nạn của Lê Chiêu Thống.

[4] Như dân quân.

[5] Cương mục in lầm là Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 39.

Bấy giờ Đinh Nhạn Hành cũng đem quân đến hội. Viết Tuyển mời nhà vua ở lại trong quân. Nhà vua hạ chiếu khen ngợi và úy lạo các quân sĩ, cho những nghĩa binh đã đi hộ tống ngự giá đều trở về chỗ cũ của họ, tiếp ứng với bọn Trần Đĩnh để toan tính đánh lấy Hải Dương.

Lời chua-Đinh Nhạ Hành: Người Hàm Giang, thuộc huyện Cẩm Giàng, là dòng dõi thái phó Đinh Văn Phục; sau theo nhà vua chạy sang nhà Thanh, bị bệnh, chết ở Yên Kinh[1].

Thủy Đường[2]: Xem Đế Duy Phường, năm Vĩnh Khánh thứ 2 (Chb. XXXVII, 16).

Chân Định[3]: Xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 16 (Chb. XXX, 6).

Hoàng đệ Duy Chi dấy quân ở Định Châu: Thái Nguyên và Tuyên Quang đều hưởng ứng.

Khi giặc Tây Sơn đánh phá Thăng Long, Duy Chi chạy đi Định Châu, cùng với phiên thần là Ma Thế Cố thu lượm và tụ tập dân chúng trong châu, đắp lũy để phòng thủ. Duy Chi lại ước hẹn kết hợp với các phiên mục ở Tuyên Quang và Bảo Lạc, dần dần chiêu mộ quân lính thượng du vùng Thái Nguyên để tăng cường thêm thế lực. Tướng giặc là Uyển (không rõ họ) đến đánh nhưng không hạ được, rồi phải rút quân về.

Hoàng thân là quận Hải (không rõ tên) trước kia, trấn giữ Thái Nguyên, kịp khi Thăng Long thất thủ, lén ẩn ở vùng Tư Nông và Đồng Hỷ, bí mật chiêu dụ các thổ hào dấy quân, đánh nhau với giặc. Thua trận, bị bắt, quận Hải tử tiết.

Lời chua-Tư Nông: Tức Tây Nông. Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (Chb. II, 14).

Đồng Hỷ: Tên huyện, thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Châu Bảo Lạc: Xem Lý Nhân Tông, năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 9 (Chb. III, 45).

Tháng 4, mùa hạ. Nguyễn Văn Huệ vào thành Thăng Long, giết Vũ Văn Nhậm, dùng Ngô Văn Sở lên thay quản lãnh binh chúng.

Trước kia, Văn Huệ sai Văn Nhậm ra cướp Bắc Hà, nhưng trong lòng vẫn rất ngờ vực, nên sai Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân làm tham tán để chia xẻ quyền bính. Văn Huệ bí mật dặn Văn Sở: "Văn Nhậm là con rể của vua anh[4]. Ta với vua anh có hiềm khích nhau. Văn Nhậm tất không yên lòng. Chuyến đi này, Văn Nhậm cầm nắm trong tay binh quyền quan trọng, vào sâu trong nước người ta, thì sự biến sau này không thể liệu trước được. Điều ta lo lắng không phải nhằm ở Bắc Hà, mà chỉ nhằm ở Văn Nhậm thôi. Ngươi nên dò xét từ chỗ kín nhiệm, có gì thì mau mau báo cho ta biết". Kịp khi Văn Nhậm nhân đà thắng lợi, ruổi dài ra Bắc, vào Thăng Long, bắt được Hữu Chỉnh, tự cho rằng oai vũ đủ khuất phục được người ta, không còn kiêng nể sợ hãi gì cả. Văn Nhậm làm nhiều việc trái phép: tự đúc ấn chương, chuyên quyền trong việc cất đặt sắp xếp. Văn Sở vốn có hiềm khích với Văn Nhậm, liền viết thư bí mật vu cáo Văn Nhậm về tội làm phản.

Văn Huệ bèn chính mình đốx suất thân binh ruổi ra Thăng Long. Văn Nhậm ra đón. Văn Huệ vỗ về yên ủi bằng lời ôn tồn, rồi sai đem ngựa đang cưỡi và lọng đang che nhường cho Văn Nhậm. Khi đã vào đến trong thành, Văn Huệ sai người trói Văn Nhậm ngay ở trước sân. Tra khảo, xét hỏi tuy không có chứng cứ thật sự nhưng Văn Huệ vẫn nói một cách quyết đoán rằng: "Không cần nói nhiều. Mày có tài trội hơn ta thì không phải là người mà ta dùng được". Văn Huệ liền sai đem chém, rồi dùng Văn Sở làm đại tư mã, thay thế quản lãnh binh chúng, kiêm trấn thủ thành Thăng Long.

---

[1] Nay là Bắc Kinh, Trung Quốc.

[2] Nay là huyện Thủy Nguyên. T.p. Hải Phòng.

[3] Nay là huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

[4] Chỉ vua Thái Đức Nguyễn Văn Nhạc.

Nhà vua lại đi Kinh Bắc.

Trước kia, nhà vua đi Vị Hoàng, là dựa vào Viết Tuyển. Đến đây, tướng giặc, Ngô Văn Sở, đem binh từ Thăng Long xuôi dòng sông, xuống đánh. Viết Tuyển đem chu sư đón đánh ở cửa sông Hoàng Giang. Khi quân hai bên đương giao chiến, thì Văn Sở trói cha và vợ của Viết Tuyển bêu ra đầu thuyền cho biết. Viết Tuyển trông thấy, vật vã kêu khóc, không dám chiến đấu với Văn Sở nữa, rồi rút quân về sông Vị Hoàng.

Nhà vua được tin Viết Tuyển thua trận, hối hả dời thuyền lui đóng ở Quần Anh. Chiều tối, Viết Tuyển cũng đem chu sư tiếp đến. Đêm đó, gió to, bão lớn, trời tối mịt mờ, thuyền bè lênh đênh xiêu giạt, lạc lõng lẫn nhau. Thuyền ngự trôi vào Thiết Giáp cảng ở Thanh Hoa. Viết Khang, không rõ chung cục ra sao. Viết Tuyển cũng giạt vào cửa Cần Hải, sau ra Thăng Long, đầu hàng giặc bị giặc giết chết.

Bấy giờ quân sĩ tan tác bốn ngã. Thanh Hoa đã bị giặc chiếm cứ rồi. Nhà vua bất đắc dĩ lại từ Thanh Hoa do đường bộ quay ra huyện Kim Bảng thuộc Sơn Nam[1], rồi đi Kinh Bắc, đóng ở Lạng Giang.

Lời chua-Hoàng Giang: Nay thuộc huyện Nam Xang.

Quần Anh: Tên xã, thuộc huyện Nam Chân[2], tỉnh Nam Định.

Thiết Giáp: Tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoa.

Cần Hải: Tên xã, thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Phủ Lạng Giang: Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Tháng 5. Nguyễn Văn Huệ triệu tập các cựu thần văn võ nhà Lê, ép bảo họ khuyên mời Văn Huệ lên ngôi vua. Tham tri chính sự Nguyễn Huy Trạc tử tiết. Văn Huệ liền sai Sùng Nhượng công Lê Duy Cận đứng giám quốc, rồi kéo quân về Nam.

Văn Huệ sai người lùng hết các bầy tôi văn võ, cưỡng ép họ đến cửa cung khuyết để cùng đứng tên vào tờ biểu khuyên mời Văn Huệ lên ngôi vua. Huy Trạc bị bắt đến Ngự sử đài, không chịu ký tên vào tờ biểu ấy, đêm đến, uống thuốc độc tự tử. Việc này do đó cũng đình chỉ.

Văn Huệ ở lại vài ngày, bèn sai Duy Cận đứng giám quốc, giữ việc thờ cúng [tôn miếu nhà Lê] còn mình thì rút quân về Nam.

Văn Huệ dùng Ngô [Thì] Nhậm[3] làm Lại bộ tả thị lang, Phan Huy Ích làm hình bộ tả thị lang; lại dùng Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tốn, Nguyễn Du[4] và Nguyễn Bá Lan làm Hàn lâm trực học sĩ, để ở lại cùng làm việc với Ngô Văn Sở.

Bọn Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên ra thú, được Văn Huệ cho giữ nguyên quan hàm đã có mà về điền viên.

Chỉ có mấy người này đi ẩn không chịu ra:

- Phạm Trọng Huyến, đồng Xu mật viện sự.
- Phạm Quý Thích, thiêm sai tri Công phiên.
- Nguyễn Đình Tứ, đô cấp sự trung.
- Nguyễn Đăng Vận, giám sát ngự sử.
- Lê Trọng Dĩnh, cấp sự trung.
- Đỗ Lệnh Thiện, tiến sĩ.

---

[1] Nay Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam.

[2] Nay là huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

[3] Cương mục vì kiêng tên Tự Đức, chép là Ngô Nhâm.

[4] Nguyễn Du này là người Văn Xá, huyện Thanh Oai (Hà Đông), khác với Nguyễn Du tác giả truyện Kiều.

- Lê Huy Thân và Nguyễn Huy Đào, tự thừa.

Lời chua-Phạm Trọng Huyến: Người Dũng Quyết[1], huyện Ý Yên, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Đình Tứ: Người Bảo Từ, huyện Chương Đức[2], đỗ tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785) niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Đăng Vận: Người Hoài Bão[3], huyện Tiên Du.

Lê Trọng Đĩnh: Người Đa Sĩ, huyện Thanh Oai[4].

Đỗ Lệnh Thiện: Người Nhân Mục[5] huyện Thanh trì-Đăng Vận Trọng Dĩnh và Lệnh Thiện đều đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1787) niên hiệu Chiêu Thống.

Lê Huy Thân: Người Bối Khê[6], huyện Thanh Oai.

Nguyễn Huy Đào: Người Gia Thụy[7], huyện Gia Lâm-Huy Thân và Huy Đào đều đỗ hương cống.

Nguyễn Thế Lịch: Người Yên Lũng[8], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775), niên hiệu Cảnh Hưng, sau theo ngụy Tây (Tây Sơn) làm quan đến lại Bộ thượng thư.

Tháng 7, mùa thu. Hoàng thái hậu sang nhà Thanh xin quân cứu viện.

Trước kia, thái hậu đến Cao Bằng, các phiên tù đều đem quân đi phòng thủ, chẹn đánh. Phiên mục Bế Nguyễn Trù dẫn tướng giặc là bọn Cúc, Hoán đến đánh úp trấn doanh. Bọn đốc đồng Nguyễn Huy Túc, phiên thần Địch quận công Hoàng Ích Hiểu, tụng thần Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống bảo vệ thái hậu và nguyên tử do cửa ải Thủy khẩu chạy sang Long Châu nhà Thanh. Quan châu là Trần Tốt đem việc này đề đạt lên tổng đốc và tuần phủ.

Lưỡng Quảng[9] tổng đốc Tôn Sĩ Nghị và Quảng Tây tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh hội hợp ở Nam Ninh. Thái hậu đưa nguyên tử đến yết kiến ở trong sân, gào khóc xin cứu viện. Bọn Sĩ Nghị tâu với vua Thanh rằng Tự hoàng nhà Lê đương phải bôn ba, đối với đại nghĩa, ta nên cứu viện. Vả lại, An Nam là đất cũ của Trung Quốc, sau khi khôi phục nhà Lê, ta nhân đó, đặt lính thú để đóng giữ. Thế là vừa làm cho nhà Lê được tồn tại, vừa chiếm lấy được An Nam: thật là làm một chuyến mà được hai lợi.

Vua Thanh nghe theo ý kiến của bọn Sĩ Nghị, bèn chính tay viết tờ chiếu, trong có nói: Trẫm sẽ giải tỏ nghĩa cả với thiên hạ, nâng đỡ cương thường ở thuộc quốc. Mọi việc về Nam Giao đều phó thác cho khanh cả đấy".

Sĩ Nghị nhận được tờ chiếu ấy, bèn mưu tính làm một chuyến to: điều động quân lính bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam và Quý Châu, ấn định nhật kỳ kéo sang cứu viện. Trước hết tung ra vài trăm tờ hịch để tuyên bố cho gần xa đều biết; lại Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống đem tờ trát bí mật, đi đường tắt, về tâu với nhà vua.

---

[1] Nay là thôn Dũng Quyết, xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[2] Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

[3] Nay là thôn Hoài Bão, xã Liên Bảo, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[4] Tỉnh Hà Tây.

[5] Tức làng Mọc, nay là đất cát phường Thượng Đình, Thanh Xuân Bắc và Nhân Chính, quận Thanh Xuân. T.P Hà Nội.

[6] Nay là thôn Bối Khê, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[7] Nay là thôn Gia Thụy, xã Gia Thụy, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

[8] Nay là thôn Yên Lũng, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

[9] Quảng Đông và Quảng Tây.

Lời phê-[1]Chính mình đã có lòng không ngay thẳng thì giúp cho người ta ngay thẳng thế nào được!

Sai bọn Lê Duy Đản và Trần Danh Án sang nhà Thanh.

Bọn Lê Quýnh chưa về tới Lạng Sơn thì các thổ mục ở Yên Quảng đã bắt được tờ hịch (của Tôn Sĩ Nghị), nên trước đã sai người ruổi ngựa đến tâu nhà vua biết. Nhà vua sai Nguyễn Đĩnh đi lên để thăm hỏi dò la. Khi bọn Quýnh về đến Kinh Bắc, vào yết kiến, dâng tờ trát bí mật lên nhà vua. Bấy giờ nhà vua mới biết rõ việc này, bèn sai tham tri chính sự Lê Duy Đản và Hàn lâm hiệu thảo Trần Danh Án vâng mệnh lệnh đem tờ bẩm, đi đường tắt, lên đón quân nhà Thanh.

Tháng 10, mùa đông. Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc Lưỡng Quảng nhà Thanh, đem quân sang cứu viện. Tướng giặc, Ngô Văn Sở, bỏ thành Thăng Long, chạy. Nhà vua lại vào kinh thành.

Khi Sĩ Nghị vâng mạng vua Thanh, sắp ra quân, thì bọn Duy Đản vừa sang đến nơi, Sĩ Nghị mời vào hội kiến, rất mừng, bèn truyền cho các đạo quân đồng thời cùng tiến.

- Đề tổng Vân, Quý[2], họ, Ô, từ Tuyên Quang tràn vào;
- Tri phủ Điền Châu, Sầm Nghi Đống từ Cao Bằng kéo xuống.
- Sĩ Nghị và đề đốc Hứa Thế Hanh do đường lớn từ trấn Nam quan[3] xuất phát.

Tướng giặc, Phan Khải Đức, trấn thủ Lạng Sơn, đem cả trấn thành đầu hàng quân Thanh. Sĩ Nghị tiến đến Kinh Bắc[4].

Văn Sở sai tướng chẹn giữ bến đò Xương Giang[5]. Lại sai nội hầu Phan Văn Lân đem hơn một vạn quân tinh nhuệ ở Thăng Long lên đóng ở Thị Cầu.

Sau khi phá vỡ luôn được mấy cánh quân của Tây Sơn, quân Thanh tiến lên chiếm đóng núi Tam Tằng. Văn Lân, nhân đang đêm, xông pha rét lạnh, lén vượt sông Nguyệt Đức[6], vây doanh trại tôn Sĩ Nghị. Nhưng trận thế của Sĩ Nghị vững chắc, không lay chuyển, đồng thời súng hỏa sang của quân Thanh lại cùng bắn ra: giặc không đến gần được. Trương Sĩ Long, tiên phong quân Thanh, xung phong giết giặc. Cung tên của hai cánh quân tả dực và hữu dực nhà Thanh lại bắn châu vào: quân giặc bị chết vô kể. Trước đó, Sĩ Nghị ra quân kỳ[7], do phía thượng lưu, vượt qua sông, đánh úp doanh trại Thị Cầu. Trông thấy trong trại bốc lửa, giặc cả sợ, phải vượt lũy mà chạy. Quân Thanh thừa thắng, ruổi dài, cả phá được giặc.

Văn Lân chạy về Thăng Long. Sĩ Nghị tiến đến bờ phía Bắc sông Nhị.

Văn Sở và Ngô [Thì] Nhậm bàn nhau, cho rằng Thăng Long quyết không thể giữ được, bèn thu thập số quân còn lại, chạy vào Thanh Hoa, đóng đồn thủy ở hải phận Biện Sơn, còn quân bộ thì chẹn ở đèo Ba Dội (Tam Điệp Sơn) để phòng thủ cho vững chắc, rồi cho người phi ngựa đem thư về cáo cấp với Văn Huệ.

Bấy giờ nhà vua từ Phượng Nhãn đi Gia Lâm, sắm đủ trâu bò và rượu để khao quân Thanh. Ngày hôm sau, nhà vua vào kinh đô.

---

[1] Chỉ việc vua nhà Thanh định tâm lợi dụng danh nghĩa cứu Lê để mưu chiếm lấy Việt Nam.

[2] Vân Nam và Quý Châu.

[3] Nay đổi là Mục Nam quan.

[4] Gồm cả Bắc Giang và Bắc Ninh ngày nay.

[5] Tức sông Thương.

[6] Sông Cà Lồ.

[7] Lối đánh bất ngờ, cho quân xuất kỳ bất ý, đột kích vào đối phương.

Sĩ Nghị làm cầu phao ở bến Bồ Đề để chuyển quân sang sông, đặt màn tướng[1] ở cung Tây Long[2] bên bờ sông, bổ đồn, đóng trại: thế lực rất vững mạnh.

Lời chua-Phan Khải Đức: Người An Ấp, huyện Hương Sơn.

Trấn Nam Quan: Xem Lê Trang Tông, năm Nguyên Hòa thứ 8 (Chb. XXVII, 35).

Xương Giang, Thị Cầu: Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL, 4, 10).

Nhị Hà: Tức Phú Lương Giang. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 15).

Núi Tam Tầng: Ở huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh[3].

Phượng Nhãn[4]: Tức Long Nhãn. Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 32, 33).

Gia Lâm: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chb. VII, 34).

Tháng 11. Nhà Thanh sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

Trước kia, Sĩ Nghị xuất quân, vua Thanh giao cho sách văn và ấn chương, rồi dụ bảo Nghị khi đã khôi phục được kinh đô thì phong ngay cho Lê Tự Tôn làm An Nam quốc vương để giàng buộc lấy lòng người. Đến đây, Nghị tuyên bố mệnh lệnh, chọn ngày làm lễ sách phong. Nhà vua khóc lóc cho rằng lăng tẩm[5] còn sa vào trong phạm vi của giặc, chính mình chưa được đến tận nơi bái yết, vậy xin hãy tạm hoãn lại ít lâu. Nghị trả lời: "Những lời tự quân nói đó thực ra là từ chỗ chí tình, nhưng hoàng đế[6] đã có mệnh lệnh rồi, không thể chần chừ để lâu được. Vậy há nên vì tình riêng mà nhàm lời xin hoãn lại?". Nhà vua bất đắc dĩ phải nhận làm lễ chịu phong. Trong bài sách phong có câu: "Phi thập hữu nhất đạo chí đề phong, nguyên phi lợi phù thổ địa-Tố bách ngũ thập niên chi chức cống, năng bất niệm kỳ tổ tông?" Nghĩa là "đối với sự mở bờ cõi gồm mười một đạo, vốn không phải vì ta có lợi tâm muốn chiếm lấy đất đai; suốt từ một trăm năm mươi năm lại đây, (nhà Lê) lúc nào cũng giữ chức phận, làm lễ tuế cống, thì sao lại không nghĩ đến tổ tông của tự tôn được". Nhà vua cảm động và tin tưởng một cách sâu sắc vào những lời đó.

Luận công những người đi theo hộ giá, cho thăng chức có cao thấp khác nhau. Trị tội những kẻ đầu hàng giặc.

Nhà vua đã khôi phục được nước, bèn hạ lệnh thăng chức cho bầy tôi đi hộ giá:

- Phạm Đình Dữ lên bình chương sự, thượng thư bộ Lại.
- Lê Duy Đản và Vũ Trinh lên tham tri chính sự.
- Nguyễn Đình Giản lên thượng thư bộ Binh, tri Xu mật viện sự.
- Nguyễn Duy Hiệp và Chu Doãn Lệ lên đồng tri Xu mật viện sự.
- Trần Danh Án, lên phó đô ngự sử.
- Lê Quýnh lên Trung quân đô đốc, tước Trường phái hầu. Ngoài ra đều được thăng chức có cao thấp khác nhau.

---

[1] Chỗ viên tướng đóng, có màn vây trướng che, ở doanh trại tạm trú trong khi hành quân, theo lối xưa. Đây chỉ nơi Sĩ Nghị đóng.

[2] Tục gọi Tây Luông.

[3] Yên Dũng nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

[4] Đất Phượng Nhãn đời Trần là Long Nhãn, Phượng Sơn. Đầu đời Lê nhập thành Phưỡng Nhỡn. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

[5] Chỉ các lăng miếu của các nhà vua Lê ở Thanh Hóa.

[6] Chỉ Càn Long, vua nhà Thanh.

Liền đó nhà vua sai trị tội những người hàng giặc:

- Ngô [Thì] Nhậm và Phan Huy Ích đều truất về làm dân.
- Nguyễn Hoãn bị bãi mất tước quận công.
- Phan Lê Phiên bị giáng xuống Đông Các học sĩ.
- Mai Thế Uông bị giáng xuống Tư huấn.

Phạm Như Tụy, trấn thủ Tuyên Quang, và Dương Bành, phò mã, đều bị bắt và giết chết, vì trước kia, khi giặc kéo đến, Tụy đầu hàng trước tiên, lại bắt hoàng đệ Duy Trù đưa cho giặc để giặc làm hại; còn Bành thì đưa quân giặc đuổi theo bức bách ngự giá.

Bấy giờ Ngô Tưởng Đào, Hiến sát phó sứ Kinh Bắc, vì có công giúp rập nhà vua, cũng được bổ dụng, nhưng tưởng đào lấy cớ mình già, từ chối, không nhận chức, có dâng sớ nói: "Vận trời đang gian truân, không ngờ bây giờ lại được trông thấy ánh sáng của mặt trời và mặt trời đó thực là phúc vô cùng của xã tắc. Nhưng việc binh cốt phải lanh lẹ chớp nhoáng, nếu cơ hội có thể nắm lấy để làm thì cần gì cứ phải một mực đưa vào ngoại binh, động một tý thì chậm trễ đến hàng tuần. Hiện nay, quân cần vương các lộ, ai chẳng muốn sẵn sàng liều chết để chiến đấu? Bây giờ quân giặc đã rút lui thì ta nên đem đại quân đuổi theo ngay khiến cho quân giặc điên cuồng không rãnh để tính toán mưu đồ gì cả. Thế là làm như sấm vang không kịp bịt tai. Hai xứ Thanh Nghệ nghe biết tin ấy, chắc cũng sẽ hưởng ứng cả. Văn Huệ xa cách ở phía nam Hoành Sơn, bọn Văn Sở lâm vào thế cô, không có cứu viện, tình thế bị ngăn cách, đường đất không thông đồng. Như vậy không quá mười ngày chúng sẽ có thể bị bắt đấy. Một khi vây cách của Văn Huệ bị cắt rồi thì có thể lần lượt quét sạch sào huyệt của hắn nữa. Cái cơ dấy nghiệp trung hưng chính là ở đó, ta không nên bỏ lỡ".

Nhà vua cùng bọn Đình Giản trao đổi bàn luận, ai nấy đều cho là phải. Nhà vua sai Lê Quýnh đến nói với Sĩ Nghị, nhưng Sĩ Nghị cho là không nên.

Bấy giờ hào kiệt bốn phương đua nhau trổ sức để làm việc, nhưng nhà vua chủ yếu chỉ dựa vào người Thanh. Khi chia ban quan chức, nhà vua chỉ trao cho các bầy tôi đi theo hộ giá và theo hầu ở hành tại, còn cựu thần và hào kiệt đều không được bổ dùng. Các bầy tôi cũng không ai nói đến việc ra quân để phục thù. Trong kinh và ngoài các trấn thảy đều chán nản và rời rạc. Cái cơ thành hay bại chỉ một mục tùy theo người Thanh mà thôi. Thế là việc nước không thể xoay sở được nữa.

Lời phê-Không dựa vào sức quân Thanh, e cũng chưa dể dàng đâu. "Nói thì dễ, làm thì khó": xưa nay cùng chung một bệnh ấy.

Lời chua-Phạm Như Tụy: Người Phúc Dương, huyện Hương Sơn, đỗ tạo sĩ.

Dương Bành: Người Phong Phú, huyện Thạch Hà.

Hoành Sơn: Phía nam giáp giới với huyện Bình Chánh thuộc Quảng Bình, phía Bắc giáp giới với huyện Kỳ Anh thuộc Nghệ An.

Phong hoàng đệ Duy Chi làm Dực vũ công.

Duy Chi từ Định Châu đem các phiên thần ở Cao Bằng và Thái Nguyên vào chầu. Nhà vua ban khen, nên có mệnh lệnh phong cho tước công ấy.

Sai các quan văn võ chia nhau liệu lý việc lương thực.

Bấy giờ luôn năm mất mùa, đói kém, nhất là năm này lại càng quá lắm. Quân lính nhà Thanh đóng ở kinh thành rông rỡ cướp bóc; dân chúng lại càng chán nghét. Triều đình đốc thúc lương quân, các châu và huyện đều không cung ứng. Nhà vua bèn sai các quan chia nhau làm việc này. Dân chúng có người đến nỗi phải khóc lóc mà dâng nộp. Đường tiếp tế lương thực cho quân Thanh thì xa, nên bao nhiêu lương và tiền mà triều đình thu được của dân đều đem cung đốn cho họ hết sạch. Còn vài vạn người vừa nghĩa binh các đạo vừa ưu binh Thanh Nghệ thì đều lòng không dạ trống đi theo việc binh nhung. Lòng người do đấy lại càng chia rẽ tan tác.

Lời phê-Ý trời đã bỏ qua, lòng người đã ly tán, sự thế đã hỏng từ lâu rồi. Có gì đáng trách?

Hoàng thái hậu từ nhà Thanh về đến nước nhà.

Nhà vua có tính hẹp hòi, khắc nghiệt. Trong họ tôn thất có người phụ nữ lấy tướng giặc, đang có mang, cũng bị nhà vua sai mổ bụng chết. Lại sai chặt chân ba người hoàng thúc, quăng ra chợ cung (chợ ở trong cung)[1]. Lòng người dần dần ngờ vực, không nhất trí.

Khi về đến Thăng Long, thái hậu nghe biết những việc làm ngang ngược của nhà vua, chỉ thưởng hay phạt theo một chiều bằng tình cảm riêng mình yêu hay ghét, bà nổi giận nói: "Trải bao cay đắng, ta mới cầu xin được quân cứu viện sang đây, nước nhà phỏng chừng chịu được bao phen phá hoại bằng cách đền ơn báo oán thế này! Thôi diệt vong đến nơi rồi!" Rồi bà gào khóc, không chịu vào cung. Bầy tôi theo hầu là Nguyễn Huy Túc, phải khuyên giải mãi, thái hậu mới thôi.

Lời phê-Hiền thay, bà mẹ này! Thật không thẹn với Thân Bao Tư xưa[2].

Dùng Nguyễn Huy Túc làm Binh bộ thị lang, đồng bình chương sự.

Nhà vua cho rằng Huy Túc có công đi theo hộ giá thái hậu, nên cất nhắc lên làm chức này.

Nguyễn Văn Huệ tự xưng là hoàng đế, lại rầm rộ đem quân ra cướp Bắc Hà.

Tin báo của Văn Sở đưa đến, nói quá nghê gớm về thanh thế của quân nhà Thanh. Văn Huệ cười mà rằng: "Việc già mà cuống quýt lên vậy? Chúng nó chỉ tự đến để đi tới chỗ chết thôi. Ta hãy lên ngôi, làm cho danh nghĩa được quang minh chính đại để giàng buộc lấy lòng người trong Nam và ngoài Bắc trước đã, rồi sẽ ra bắt sống chúng nó cũng chưa muộn nào!" Văn Huệ bèn chọn ngày tốt, tiến làm lễ tế trời ở Bân Sơn, rồi xưng hoàng đế, đổi niên hiệu Thái Đức[3] năm thứ 11 làm niên hiệu Quang Trung năm thứ nhất (1788).

Ngay ngày hôm ấy, Văn Huệ lùa hết quân sĩ ở tế đàn vượt sông ra Bắc. Khi qua Nghệ An và Thanh Hoa, lấy thêm quân lính đến 8 vạn người, bèn tạm đóng quân ở Thọ Hạc, trước hãy sai người ruổi ngựa đưa thư đến Sĩ Nghị để xin đầu hàng. Lời lẽ trong thư rất là nhũn nhặn, khiêm tốn.

Lời chua-Bân Sơn: Ở địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà.

Thọ Hạc: Thuộc huyện Đông Sơn, nay là địa phận tỉnh Thanh Hoa.

Kỷ Dậu, năm thứ 3 (1789). (Thanh, năm Càn Long thứ 54).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Hai mặt trời cùng đấu nhau.

Quân nhà Thanh đấu nhau với Nguyễn Văn Huệ ở địa phận hai huyện Thượng Phúc và Thanh Trì, bị thua: bọn đề đốc Hức Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long, tả dực Thượng Duy Thăng và tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống đều chết trận; Tôn Sĩ Nghị phải chạy về Quảng Tây.

Sĩ Nghị từ khi qua cửa ải, đến đâu được đấy, có ý khinh địch, lấy được Thăng Long rồi, Sĩ Nghị tự cho rằng thế là xong việc. Những hào kiệt ở các trấn đi ứng nghĩa đều đua nhau đến cửa quân xin Sĩ Nghị tiến binh, nhưng đều bị bỏ qua, không được hỏi đến. Kịp khi được thủ chiếu của vua Thanh ra lệnh cho Sĩ Nghị phải khôi phục hết đất đai cho Lê vương, mới được rút quân về, Sĩ Nghị bây giờ mới tính đến mưu kế tiến hành.

Đến đây, quân Văn Huệ kéo đến đèo Ba Dội (Tam Điệp Sơn), nhà vua được tin, lấy làm lo sợ, hỏi Sĩ Nghị về mưu kế, Sĩ Nghị nói: "Ta cứ lấy thế thong thả để chờ đợi ứng phó với kẻ đang nhọc nhằn, cần chi phải hấp tấp đánh vội". Thế rồi Sĩ Nghị dương dương tự đắc, không để ý đến nữa.

---

[1] Lời chua của sử Cương mục.

[2] Người nước Sở đời Xuân Thu, Bao Tư khóc suốt bảy ngày ở sân nhà Tần để xin quân cứu viện, được người Tần giúp đánh giặc Ngô cho Sở khôi phục được nước.

[3] Thái Đức (1778-1788), niên hiệu của Nguyễn Văn Nhạc, vua đầu triều Tây Sơn.

Giặc ruổi dài ra Bắc, không có lấy một người hay một quân kỵ nào chống lại cả. Khi giặc đã đến Sơn Nam, Sĩ Nghị sai đề đốc Hứa Thế Hanh đem quân tứ dực đi trước, chia đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi để chống cự lại.

Ngày 4, tháng giêng ấy, quân lưu động của giặc đến trước, hễ đánh trận nào thì thua luôn trận ấy. Sĩ Nghị rất coi khinh.

Hồi trống canh năm sớm hôm sau. Văn Huệ xắn tay áo đứng dậy, đốc thúc bản bộ lùa quân rầm rộ tiến lên. Chính Văn Huệ tự mình đốc chiến, cho hơn trăm voi khỏe đi trước. Tờ mờ sáng, quân Thanh lùa toán quân kỵ tinh nhuệ ồ ạt tiến. Chợt thấy bầy voi, ngựa quân Thanh đều sợ hãi, hí lên, té chạy, lồng lộn quay về, chà đạp lẫn nhau. Giặc lại lùa voi xông đến: quân Thanh, trong cơn gấp rút, không cứu nhau được, ai nấy rút vào trong lũy cố thủ. Bốn mặt đồn lũy quân Thanh đều cắm chông sắt, súng và tên bắn ra như mưa. Giặc dùng những bó rơm to lớn để che đỡ mà lăn xã vào, rồi quân tinh nhuệ tiến theo sau. Kẻ trước ngã, người sau nối, thảy đều trổ sức liều chết mà chiến đấu. Các lũy quân Thanh đồng thời tan vỡ và quân Thanh đều chạy. Giặc đuổi đến đồn Nam Đồng, thừa thắng, ập lại giết chết. Quân Thanh bị chết và bị thương đến quá nửa. Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long và tả dực Thượng Duy Thăng đều chết trận. Sầm Nghi Đống đóng đồn ở Loa Sơn (tục gọi Đống Đa), bị một tướng khác của giặc đánh. Quân cứu không có, Nghi Đống phải tự thắt cổ chết. Toán thân binh của Nghi Đống cũng tự ải chết theo đến vài trăm người.

Bấy giờ, đương ở nơi màn tướng, thình lình được tin quân giặc đã bức bách gần Thăng Long. Sĩ Nghị không biết xoay sở ra sau, bèn nhổ đồn lũy, vượt qua sông chạy. Cầu gãy, người bị chết vô kể.

Lời phê-Triều vua Càn Long là thời rất cường thịnh, thế mà ủy nhiệm không được người tài giỏi (nên mới hỏng việc). "Quân đã kêu rông thì tất bại trận". Lời cổ ngữ nói thật không sai. Nhưng cũng vì vận nhà Lê đã hết, cổ ngữ nói thật không sai. Nhưng cũng vì vận nhà Lê đã hết, khó cứu vớt được, âu cũng bởi trời.

Lời chua-Xã Hà Hồi[1]: Thuộc huyện Thượng Phúc.

Xã Ngọc Hồi[2]: Thuộc huyện Thanh Trì.

Trại Nam Đồng: Thuộc huyện Vĩnh Thuận. Các đất trên đây đều thuộc Hà Nội.[3]

Nhà vua chạy sang nhà Thanh. Bầy tôi là bọn Nguyễn Viết Triệu 25 người đi theo. Nhà Lê mất.

Bấy giờ nhà vua đang hội kiến với Sĩ Nghị ở nơi màn tướng[4], có tám người theo hầu là Hoàng Ích Hiểu, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Phạm Như Tùng, Nguyễn Viết Triệu, Phàm Đình Thiện, Lê Văn Trương và Lê Quý Thích[5], thì chợt được tin bại trận đưa đến. Sĩ Nghị rút chạy. Nhà vua cũng cưỡi ngựa cùng đi với Sĩ Nghị lên phía Bắc. Riêng Viết Triệu cầm cương ngựa đi theo nhà vua. Nhà vua sai bọn Hoàng Ích Hiểu gấp về nội điện, hộ vệ thái hậu và nguyên tử vượt qua sông. Hoàng đệ Duy Chi hộ vệ bọn hoàng phi và cung tần đến bến sông, thì cầu gãy, không qua sông được, phải hướng về phía tây mà chạy trốn.

Nhà vua đến trấn Nam Quan. Các bầy tôi đi theo cũng lục tục đến. Nhà vua từ tạ với Sĩ Nghị rằng: "Tôi không giữ nổi xã tắc, tự biết sĩ nhục là phải phiền ngài đem quân sang cứu. Tôi lấy làm cảm kích vô cùng. Nay ngài lại bỏ tôi mà đi, tôi không dám lại nhàm làm phiền ngài nữa. Tôi xin trở về nước, lặt lượm quân và dân để toan tính cử sự sau này". Sĩ Nghị nói: "Đã tâu xin thêm quân rồi. Chẳng bao lâu, đại quân sẽ đến". Nhân đó Sĩ Nghị mời nhà vua vào yên nghĩ trong thành Quế Lâm. Nhà vua theo lời.

---

[1] Nay thuộc xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[2] Nay là thôn Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[3] Nam Đồng hiện nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

[4] Xem chú giải số 3 ở Chb. XLVII, 35.

[5] Đừng lẫn với Pham Quý Thích, hiệu là Lập Trai.

Rồi đó, vua Thanh sai các thần[1] Phúc Khang An làm tổng đốc Lưỡng Quảng, đề đốc binh mã chín tỉnh. liệu lý công việc An Nam.

Tháng 2, Khang An đến mạc phủ Thái Bình thuộc Quảng Tây. Văn Huệ sai bầy tôi là Ngô [Thì] Nhậm lén sang nhà Thanh để xin đầu hàng và tạ tội. Lại đem nhiều vàng lót cho Khang An, nài xin Khang An dàn xếp cho. Khang An đã được nhiều của lót, lại lấy làm mai rằng nếu thôi việc dấy quân thì được ung dung vô sự, bèn tâu xin vua Thanh nên nhân đó cho Văn Huệ được thông hiếu, đừng gây hấn ở ngoài biên giới nữa. Vua Thanh y theo.

Bấy giờ các bầy tôi tòng vong đã lần lượt kéo đến:

- Hoàng thúc Lê Duy Án từ cửa ải Đồng Du đi sang;
- Bọn Đinh Nhạ Hành và Đinh Lệnh Dận hơn mười người từ trấn Long Môn thuộc Khâm Châu đi sang;
- Trần Huy Lâm, Lê Doãn, Lê Hạo và Phan Khải Đức[2] từ trấn Nam Quan đi sang;
- Bọn Bế Nguyễn Cung và Bế Nguyễn Doãn từ ải Cao Bằng đi sang.

Khang An bèn dùng Đinh Nhạ Hành làm thủ bị ở Toàn Châu, Phan Khải Đức làm đô ty ở Liễu Châu, còn mọi người đều tùy chỗ mà cho đi cư trú yên phận. Riêng bọn Lê Duy Án, Trần Huy Lâm, Lê Doãn và Lê Hạo thì bị đưa vào Thành Quế Lâm theo ở tại chỗ nhà vua.

Tháng 4, Khang An về đến Quế Lâm, nói thác ra rằng trời hè đang nắng nóng, hãy tạm nghĩ việc quân, đợi sang mùa thu, sẽ lại điều khiển. Khang An lại lừa gạt nhà vua rằng: "Thời kỳ xuất quân không xa đâu. Tự vương[3] sẽ phải chính mình thống suất các thuộc tướng đi trước dẫn đường. Có điều là đồ mặc của An Nam vốn bị Tây Sơn coi khinh. Việc hành binh cốt phải trí trá. Chi bằng Tự vương hãy tạm gióc tóc, thay đổi đồ mặc để đánh lạc tai mắt quân giặc trong khi hành binh. Đợi khi đã khôi phục được nước rồi, bấy giờ sẽ lại giữ theo lề thói bản quốc như cũ". Nhà vua không dè bị gạt, cũng gắng gượng làm theo. Phàm người nước ta trước hay sau đã sang bên Thanh bấy giờ đều bị Khang An bắt gióc tóc và thay đổi đồ mặc. Rồi Khang An liền mật tâu với vua Thanh rằng Lê Tự vương tình nguyện ở yên bên Trung Quốc, không có ý muốn xin quân cứu viện nữa. Vậy xin tiếp nhận sứ giả Tây Sơn.

Các thần Hoà Thân ngấm ngầm ở trong ủng hộ cho kiến nghị ấy của Khang An, cố sức khuyên vua Thanh nên bãi binh. Vua Thanh cho lời tâu ấy là phải, bèn ra sắc mệnh phong Văn Huệ làm An Nam quốc vương, rồi triệu nhà vua và các bầy tôi trước sau theo sang tòng vong đều cho phép lục tục vào cả Yên Kinh[4]. Khang An lại gọi bọn Lê Quýnh, Lê Doãn Trị, Trịnh Hiến và Lý Gia Du vài mươi người đến Quảng Tây dụ bảo gióc tóc và thay đổi đồ mặc. Bọn Lê Quýnh đáp lại rằng: "Được ơn vời đến đây, chúng tôi chưa được nghe ngài dạy bảo rõ ràng gì cả, thế mà nay chỉ bắt chúng tôi gióc tóc thì há phải là ý muốn ban đầu của bọn Quýnh này chạy vạy hàng hai, ba ngàn dặm sang đây để nhận lãnh lệnh truyền ấy đâu? Đầu chúng tôi có thể chặt được, chứ tóc chúng tôi không thể gióc được". Khang An giận, cho đưa luôn cả bọn Quýnh lên Yên Kinh.

Bọn Quýnh đi đến Sơn Đông thì vừa gặp vua Thanh đi tuần du ở phía Đông. Vua Thanh triệu bọn Quýnh vào yết kiến, dụ bảo rằng: "Chúa nhà các ngươi đã tình nguyện yên phận ở lại Trung Quốc rồi, các ngươi đã một niềm theo vua thì khá lập tức gióc tóc và thay đổi lối ăn mặc để đợi lựa chọn bổ dùng". Lê Quýnh từ tạ mà rằng: "Muôn dặm đi tòng vong, chúng tôi xin được giữ theo quốc tục để vào yết kiến quốc vương một chút đã, rồi sau sẽ xin vâng theo chỉ dụ gióc tóc cũng chưa muộn". Vua Thanh khen nói: "Thật là trung thần của họ Lê". Nhưng vẫn cho đưa bọn Quýnh vào Yên Kinh. Về sau, vì không chịu gióc tóc, Lê Quýnh bị khép vào tội chống mệnh lệnh vua Thanh, bị giam ở ngục Bắc Sở thuộc tu Thận Hình.

---

[1] Bầy tôi trong nội các phong kiến.

[2] Phan Khải Đức trước làm trấn thủ Lạng Sơn, đầu hàng giặc Thanh ngay từ lúc bọn Tôn Sĩ Nghị và Hức Thế Hanh kéo sang xâm lược (xem Chb. XLVII, 34).

[3] Chỉ Lê Chiêu Tông.

[4] Nay là Bắc Kinh.

Tháng giêng, mùa xuân, năm Canh Tuất (Thanh, năm Càn Long thứ 55)[1] nhà vua từ Quảng Tây lên Yên Kinh. Đinh Nhạ Hành và các bầy tôi khác liền đó cũng đều được vời đến. Ở lại Yên Kinh được vài ngày, thì thấy Kim Giản, đô thống Nhương Hoàng Kỳ, vâng chiếu chỉ vua Thanh, ban cho nhà vua bộ mũ áo tam phẩm và được cha truyền con nối chức tá lãnh. Nhà vua biết sự đã rồi, không làm sao được, đành phải gắng gượng nhận lãnh. Kịp khi vua Thanh đi tuần du phía đông đã quay về, lại dùng Phan Khải Đức làm kiêu kỵ hiệu, Đinh Nhạ Hành và Phạm Đình Thiện làm lãnh thôi; còn mọi người khác đều được cấp cho lương tháng 3 lạng bạc và một thạch gạo.

Nhà vua căm giận vì bị người Thanh lừa gạt, bèn cùng các bầy tôi là bọn Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Quý Thích, Nguyễn Đình Miên, Lê Văn Trương, Lê Tùng và Lê Thức mười người uống máu ăn thề, làm bài biểu định đưa lên vua Thanh để xin quân cứu viện, nếu không được thì xin được đất hai châu Tuyên Quang và Thái Nguyên để quay về giữ việc thờ cúng tổ tiên hay là cùng nhau lén về Gia Định, nương nhờ triều ta[2] để dần dà toan tính việc khôi phục, chứ quyết không chịu sống thừa ở đất Bắc.

Vua tôi bàn nhau cứ phủ phục ở sân rồng mà khẩn khoản yêu cầu; nếu có xảy ra sự gì bất trắc thì sống chết cùng liều.

Trước hết, các bầy tôi đến chỗ ở của Kim Giản báo cho Kim Giản biết. Kim Giản mời họ vào để yên ủi và nói: "Hãy tạm lui về quán trọ, đợi sẽ thương lượng sau". Kim Giản bèn mưu bàn với Hòa Thân; phân tán vua tôi mỗi người một ngả.

Tháng 4, mùa hạ, năm Tân Hợi (Thanh, năm Càn Long thứ 56)[3], nhà Thanh cho đem:

- Hoàng Ích Hiểu đi Y-Lê[4].
- Lê Hân đi Phụng Thiên[5].
- Phạm Như Tùng đi Hắc Long Giang[6];
- Nguyễn Quốc Đống đi Các Lâm[7];
- Bọn Nguyễn Viết Triệu, Lê Quý Thích, Nguyễn Đình Miên, Nguyễn Hùng Trung, Đàm Thận Xưởng và Lê Văn Trương đi Nhiệt Hà[8] và Trương Gia Khẩu[9].

Riêng Phạm Đình Thiện và Đinh Nhạ Hành vẫn cho ở lại Yên Kinh để hầu hạ hộ vệ nhà vua.

Do sự lo buồn căm phẫn nung nấu trong lòng, nhà vua từ lúc hãy còn mờ sáng, đã vội ruổi ngựa vào nhà Kim Giản, muốn vì các bầy tôi mà kể khổ. Bấy giờ Kim Giản đang hầu vua Thanh ở vườn Viên Minh. Nhà vua kịp phi ngựa vào cổng vườn. Tên canh vườn sợ[10] [động đến tai vua Thanh], bèn giằng lấy ngựa, dìu nhà vua lên xe. Người hầu ngựa (mã đồng) là Nguyễn Văn Quyên níu lấy cương ngựa, kêu lên rằng: "Chúng bay vô lễ! Dám làm nhục quốc vương ta". Văn Quyên liền lấy gạch ở trong sân ném tên canh vườn. Tên này bèn kéo đàn kéo lũ đến đánh. Văn Quyên bị đánh đến gần chết, rồi lại phải đưa đến

---

[1] Tức là năm 1790.

[2] Chỉ triều Nguyễn.

[3] Tức là năm 1791.

[4] Một trọng trấn ở phía Tây Trung Quốc.

[5] Tức tỉnh Liêu Ninh ở Đông Bắc Trung Quốc.

[6] Một tỉnh ở Đông Bắc Trung Quốc.

[7] Một tỉnh ở Đông Bắc Trung Quốc.

[8] Một tỉnh ở phía Đông Bắc Bộ Trung Quốc.

[9] Trương Gia Khẩu nay là đất huyện Vạn Toàn thuộc tỉnh Sát Cáp Nhĩ, Trung Quốc.

[10] Cương mục chỉ chép là "thủ viên giả khủng", nhưng không nói rõ "tên canh vườn sợ" gì... đây chúng tôi dựa vào Lê quý dật sử mà chua thêm trong hai ngoặc đơn cho sáng nghĩa, vì theo sách đó, thì Chiêu Thống đến vườn, phục xuống đất, kêu lớn...

ty Thận Hình. Hơn một tháng sau, Văn Quyên mới được phép trở về doanh trại, rồi vì những thương tật ấy, bị bệnh mà chết.

Tháng 5, mùa hạ, năm Nhâm Tý (Thanh, năm Càn Long thứ 57)[1], nguyên tử qua đời[2]. Nhà vua, do đó, se mình. Ngày Ất Tỵ (ngày 16) tháng 10, mùa đông, năm Quý Sửu (Thanh, năm Càn Long thứ 58)[3], nhà vua bệnh kịch, cho vời bọn Duy Khang, Đình Thiện và Nhạ Hành đến, trối trăng: "gặp lúc vận nhà không may, ta không biết liều chết giữ lấy xã tắc, phải nhờ đậu quê người đất khách để mưu tính việc khôi phục, chẳng dè bị người lừa gạt đến nổi phải uất hận đến thế này, thật là ở vào tình thế không biết xoay sở ra sao được! Một ngày kia, bọn các ngươi nếu có ai về được nước nhà thì nên đem nắm xương tàn của ta về táng để tỏ ý nghĩa quay đầu về núi". Các bầy tôi khóc lạy, xin vâng theo mệnh lệnh. Đoạn, nhà vua tắt nghỉ[4].

Vua Thanh sai táng vua Lê bằng nghi lễ công tước ở chỗ Tướng đài oa ngoài cửa Đông trực môn, cho con nuôi vua Lê là Lê Duy Khang được thế lập chức tá lãnh.

Các bầy tôi đều để trở theo lễ đã quy định, thay phiên nhau đến thủ hộ tại nơi phần mộ nhà vua.

Viết Triệu ở Nhiệt Hà được tin cáo phó, bèn đặt bài vị nhà vua tại chỗ mình ở, lạy, khóc rất thảm thiết. Nhân đó, Viết Triệu bị bệnh mà chết.

Tháng 11, mùa đông, năm Kỷ Mùi (Thanh, năm Gia Khánh thứ 4)[5], thái hậu cũng vì lo buồn mà chết.

Năm ấy[6], vua Thanh sai thả bọn Lê Quýnh ra khỏi ngục, từ đầu tóc đến ăn mặc đều được để cho tùy tiện[7].

Năm Nhâm Tuất (1802), niên hiệu Gia Long thứ 1 triều ta[8]. (Thanh, năm Gia Khánh thứ 7). Thế tổ Cao hoàng đế ta[9] diệt được Tây Sơn, thống nhất bờ cõi, sai sứ sang thông hiếu với nhà Thanh. Nhân đó các bầy tôi nhà Lê dâng biểu xin trở về nước nhà.

Năm Giáp Tý (1804), niên hiệu Gia Long thứ 3 (Thanh, năm Gia Khánh thứ 9), vua Thanh cho phép đưa linh cửu vua Lê, thái hậu và nguyên tử về nước. Tháng 2, mở quan ván ra, thì thấy: vua Lê, da thịt đều tiêu cả, chỉ riêng có quả tim vẫn không nát, hãy còn rướm máu tươi đỏ như lúc sống. Ai trông thấy cũng phải xót xa, kinh ngạc.

Tháng 8, đến trấn Nam Quan. Tháng 9, về đến thành Thăng Long (hoàng phi Nguyễn Thị, trước đây lánh loạn, ngầm ẩn náu ở vùng Kinh Bắc; đến bây giờ, đi đón quan tài vua Lê, hộ tống chầu hầu cho về đến Thăng Long thì uống thuốc độc tự tử).

Tháng 11. Táng nhà vua ở lăng Bàn Thạch (cho Viết Triệu và Văn Quyên phụ táng).

Tháng 2, năm Giáp Thân (1884), niên hiệu Kiến Phúc thứ 1 (Thanh, năm Quang Tự thứ 10), truy đặt tên thụy cho nhà vua là Mẫn hoàng đế. (Trước đây, nhà vua chạy sang nhà Thanh, người nước ta gọi

[1] Tức năm 1792.

[2] Chết vì bệnh đậu mùa.

[3] Tức năm 1793.

[4] Thọ 28 tuổi.

[5] Tức là năm 1799.

[6] Kỷ Mùi 1799.

[7] Nghĩa là bọn Lê Quýnh cứ việc để tóc và mặc quốc phục, không bị cưỡng ép theo kiểu người Mãn Thanh.

[8] Triều Nguyễn.

[9] Tức là Gia Long mà sử thần triều Nguyễn tôn xưng.

nhà vua là Xuất đế, hay là Chiêu Thống đế, còn bài vị thờ trong miếu nhà Lê ở thôn Kiều Đại thuộc tỉnh Thanh thì đề là Nghị hoàng đế. Tên thụy này có lẽ là do bầy tôi tòng vong đặt riêng cho chăng. Dực Tông Anh hoàng đế (Tự Đức) ta có lời phê [về Lê Mẫn Đế] để bảo cho mọi người biết, đại lược nói: "Nhà vua bị người ta lừa gạt, bị giám buộc ở quê người đất khách, đến nỗi lo buồn phẫn uất, ôm hận mà chết, thân dẫu chết, nhưng tâm không chết, kể cũng đáng thương! Vậy nên truy đặt tên thụy là Mẫn Đế". Việc này đã được giao xuống cho đình thần bàn luận; đến đây truy đặt tên thụy như thế, là tuân theo mệnh lệnh đã ra sẵn từ trước. Trong bài sách văn đặt tên thụy có câu: "Cơ đích nhị tam thần bộc, Phú trung lộ hề hồ vi! Thê trì nhất thập dư niên, khống đại bang nhi thùy cực!" Và "Mỹ thường giả mệnh, nan vi phục hạ chỉ Thiếu Khang; Bất tử kỳ tâm, vô quý tuận Minh chi Trang liệt"[1].

Nhà Lê trên đây từ Thái Tổ, Mậu Tuất, năm thứ 1 (1418)[2] đến Chiêu Tông, năm Bính Tuất. Quang Thiệu thứ 11 (1626) cộng 9 đời vua gồm 109 năm. Phụ vào đó. Mạc Đăng Dung 3 năm, Đăng Doanh 3 năm, Hậu Lê từ Trang Tông, năm Quý Tỵ. Nguyên Hòa thứ 1 (1533), đến Mẫn Đế năm Kỷ Dậu, Chiêu Thống thứ 3 (1789), cộng 16 đời vua, gồm 257 năm, tổng cộng tất cả là 372 năm.

Lời phê I: Nhà Lê từ Thái Tổ sáng lập cơ nghiệp, truyền nối chưa được mấy đời, chỉ có Thánh Tông được kể là rất thịnh trị, còn các vua khác đều mờ tối, ươn hèn, không đáng đếm xỉa. Từ khi trung hưng về sau, chính quyền về cả trong tay họ Trịnh, nhà Lê chỉ có suông. Lúc khai sáng thì chính đại và gian nan như vậy, đến sau truyền ngôi thì rối ren còi cõm như kia, không biết việc báo ứng ra thế nào nhỉ? Hay là quy mô lập quốc còn có chỗ chưa được tốt chăng? Nhưng nhà Lê truyền đời được lâu dài, vượt hẳn nhà Lý, nhà Trần trước thì do công đức của Thái Tổ mà được thế chăng?

Lời phê II[3]-Nào đâu là "giãi tỏ nghĩa cả" như lời đã nói nữa! Hoặc giả vua Càn Long vì già nua lẫn cẩn, bị bọn gian thần phỉnh gạt[4] hay là chỉ vì háo danh mà không có sự thật chăng?

Lời phê III[5]-Nghìn năm hãy còn chua xót.

Lời cẩn án-Nhà Lê từ Thái Tổ (1428-1433) khởi nghĩa Lam Sơn, phá giặc Minh, kiết thiết đất nước, cảm hóa được kẻ hung tàn, bãi bỏ được hình phạt giết chóc[6], rộng cứu sinh dân, công đức cao dầy như trời đất, sánh với những triều đại từ Lý, Trần về trước, thật chưa đời nào có được như vậy. Truyền vài đời đến Thánh Tông (1460-1497): ở trong nước thì sửa sang văn trị, đối với ngoài thì lừng lẫy võ công; rực rỡ hiển hách làm cho sự nghiệp đời trước được sáng tỏ thêm. Kể cũng gọi là thịnh trị đấy.

Từ đời Uy Mục (1505-1509) trở về sau diễn mãi những trò tranh cướp giết hại lẫn nhau, vận nhà Lê, do đó, giữa vời suy đồi. Họ Mạc nhân dịp, tiến lấn bề trên. Mà nhờ được ý trời chưa thay đổi, Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế[7] ta đứng đầu xướng xuất khởi nghĩa, đón Trang Tông (1533-1548) mà lập làm vua: chính thống lại được tỏ sáng, kỷ cương lại được đứng đắn, công nghiệp trung hưng lừng lẫy rực rỡ hàng ngàn đời. Họ Trịnh dựa vào cơ đồ đã gần thành tựu, chuyên nắm quyền bính trong nước, vua Lê chỉ giữ

---

[1] ý nói: Về phần vài ba người bầy tôi tòng vong theo hầu cương ngựa cho Chiêu Thống, họ có cái đau buồn như thơ "thức vị" trong bội phong Kinh Thi đả tả cái cảnh quá đỗi suy vi của Lê hầu trong cơn mất nước, phải kiểu ngụ ở nước Vệ, làm cho bầy tôi phải khổ sở nhục nhã trong cảnh giãi móc dầm sương. Về phần Chiêu Thống, nhà vua nhờ đậu ở bên nhà Thanh đã hơn mười năm, kêu cầu với nước lớn, nhưng nào có đi đến đâu. Thật đúng như thơ "Tái trì" (Dung phong, Kinh Thi) đã than phiền, và: "mệnh trời xoay vần bất thường, Lê Chiêu Thống khó làm như Thiếu Khang mà khôi phục được nhà Hạ. Nhưng trái tim không chết, thật chẳng thẹn với Trang Liệt đã chết theo nhà Minh.

[2] Đây là tính từ năm Lê Lợi bắt đầu khởi nghĩa, xưng bình định vương; nếu kể từ năm lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thuận Thiên thì từ năm 1428.

[3] Chỉ việc Thanh Càn Long tuyên bố trong lời thủ chiếu là sẽ "dãi tỏ nghĩa cả với thiên hạ" (Xem Chb. XLVII, 33). Nhưng thực tế theo Tự Đức, thì là bất chính: vì một mặt lừa gạt Lê Chiêu Thống bằng cách bảo đổi trang phục theo người Mãn Thanh, rồi giữ chịt ở lại Trung Quốc; một mặt khác, tiếp nạp sứ giả và thừa nhận nhà Tây Sơn.

[4] Chỉ bọn Khang An và Hòa Thân.

[5] Chỉ việc Chiêu Thống chết còn ôm hận đến nỗi trái tim còn đỏ, không tiêu tan.

[6] Nguyên văn là "thắng tàn, khử sát" (chữ trong thiên "Tử Lộ" sách "Luận ngữ") ý nói Lê Thái Tổ khéo trị nước, có chính sự tốt để giáo dục kẻ tàn bạo khiến cho bỏ được điều ác và đưa dân đến chỗ lương thiện, không phải dùng đến hình phạt giết người.

[7] Nguyễn Kim, tổ triều Nguyễn.

có chiếc ngai suông, không ai dám nói sao cả. May thay danh phận hãy còn, cả nước cùng tôn vua Lê làm cộng chủ[1]. Khoảng niên hiệu Chính Hòa (1680-1705), Vĩnh Thịnh (1705-1719), bốn phương vô sự, trong nước hơi yên; thế cũng là cuộc thịnh vượng trong một thời như đời vua Thiếu Khang nhà Hạ.

Hiển Tông (1740-1786), sau khi bị giam cầm, vào nối nghiệp lớn, biết kín đáo giữ mình, thuận lựa theo chiều biến cố, ung dung lặng lẽ, không thi thố gì, làm cho Trịnh Sâm dẫu ngạo nghễ, càn bậy rông rỡ, lấn ép đến đâu cũng không dám giở hết mọi ngón độc ác, nên Hiển Tông mới ở ngôi được hơn 40 năm.

Họ Trịnh vô đạo, bị trời tước đoạt mất quyền soi xét: hấn khích nỗi ở trong nhà, quân sĩ sinh ra kêu rông ngang ngược. Giặc Chỉnh nhân dịp, dẫn quân ngoài đến phá hoại nước nhà. Thế là Trịnh mất rồi Lê cũng đổ theo.

Kể từ khi nhà Lê suy yếu, tự mình không phấn chấn lên được, họ Trịnh đời này qua đời khác làm mãi những sự hung bạo, nhiều lần rông rỡ lấn hiếp, nhưng cuối cùng cũng không dám chiếm lấy [ngôi vua] mà vơ làm của mình, để nhà Lê còn được truyền đời lâu dài đến hơn 200 năm, có lẽ cũng vì ở trong Nam, các thánh vương triều ta[2] gây dựng cơ sở, nêu cao nhân nghĩa, tiếng tăm thiêng liêng thấm khắp mọi nơi, có đủ cớ để làm tiêu tan tấm lòng ngấp nghé của họ Trịnh, nên Trịnh mới sợ mà không dám làm đó thôi.

Mẫn đế (1787-1789) gặp lúc thời vận không may, mà bọn người giúp rập lại không có tài như những tay phò tá ở những đời trung hưng xưa, cho nên dẫu muốn không bị diệt vong phỏng có được chăng? Nhưng, trong một thời bôn ba, vua thì nêu được nghĩa cả, tôi thì giữ được trung trinh, lòng thành khẩn làm cho người Thanh phải cảm động, rạng rỡ sử sách, nếu không phải là do tổ tông nhân hậu lập quốc, ơn đức lưu truyền sao được đến thế?

Lời chua-Hoàng Ích Hiểu: Người Phong Nẫm, châu Thượng Lang[3].

Phạm Như Tùng: Người An Lão[4], huyện Thư Trì.

Nguyễn Viết Triệu: Người Thanh Thủy[5], huyện Nam Đường.

Lê Văn Trương: Người Nghĩa Động[6], huyện Nam Đường.

Lê Hạo: Người An Ấp, huyện Hương Sơn[7].

Lê Quy Thích: Người Động Bàng, huyện An Định[8].

Đinh Lệnh Dận: Người Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng[9].

Trần Huy Lâm: Người Nam Trực, huyện Nam Chân[10].

Lê Doãn: Người Đồng Trạch[11], huyện Quỳnh Côi.

Bế Nguyễn Cung, Bế Nguyễn Doãn: Bầy tôi biên giới ở Cao Bằng.

---

[1] Ý nói chúa Trịnh ngoài Bắc, chúa Nguyễn trong Nam tuy cát cứ đất nước, nhưng cả hai đều theo niên hiệu nhà Lê, coi vua nhà Lê như vua chung cả nước.

[2] Chỉ các chúa Nguyễn cát cừ ở Nam Hà.

[3] Nay là huyện Trừng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[4] Nay là thôn An Lão, xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[5] Nay là xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[6] Nay là thôn Nghĩa Động, xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[7] Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

[8] Nay là phần lới huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

[9] Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

[10] Nay thuộc huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

[11] Nay thuộc xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Lê Doãn Trị: Người Đại Mão[1], huyện Siêu Loại, là em Lê Quýnh.

Trịnh Hiến: Người Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc[2], khoảng năm Gia Long (1802-1819), làm quan đến tham tri bộ Binh.

Nguyễn Đình Miên: Người Hương Ngạnh, huyện Từ Liêm.

Lê Tùng: Người Tây Tựu[3], huyện Từ Liêm.

Lê Thức: Người Đáp Cầu, huyện Hoằng Hóa[4].

Nguyễn Hùng Trung: Người Bình An[5], huyện Thư Trì.

Đàm Thận Xưởng: Người Hương Mặc[6], huyện Đông Ngàn.

Lý Gia Du: Người Thụy Lôi[7], huyện Kim Bảng, khoảng năm Gia Long, làm quan đến thị trung học sĩ, rồi được trao chức cai bạ ở Quảng Đức doanh.

Nguyễn Văn Quyên: Người Bố Vệ, huyện Đông Sơn[8].

Hoàng phi Nguyễn Thị: Tên là Kim, người Tì Bà[9], huyện Lang Tài.

Lăng Bàn Thạch: Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 47 (Chb. XLVI, 27).

Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 11).

Dịch xong ngày 28 tháng 3 năm 1960.

---

[1] Nay thuộc xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Tục gọi làng Đăm.

[4] Nay là huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[5] Nay thuộc xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[6] Nay là thôn Hương Mạc, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[7] Nay là xã Thúy Ái, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[8] Nay là huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[9] Nay là thôn Tì Bà, xã Phúc Hòa, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.